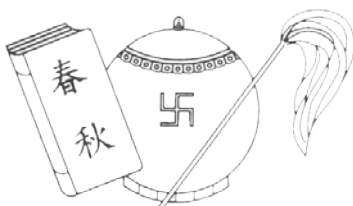


ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

TÒA THÁNH TÂY NINH



CAO ĐÀI TỪ ĐIỂN

QUYỂN 2

SOẠN GIẢ : ĐỨC NGUYỄN

ĐẠO LỊCH 74 – Canh Thìn - 2000

CAO ĐÀI
TỪ ĐIỂN



高
臺
詞
典

ĐỨC NGUYỄN

高臺詞典三功三立願回元

解義新經一智一心求達德

- Giải nghĩa Tân Kinh nhưt trí nhưt tâm cầu đạt Đức,
- Cao Đài Từ Điển tam công tam lập nguyện hồi Nguyên.

ĐẠO LỊCH 74 – Canh Thìn - 2000

Cẩn Từ của Thánh Thất New South Wales

Cao Đài Từ Điển là một bộ sách mà tác giả đã tốn nhiều năm trường gom góp biên soạn và chú thích một cách rất tỉ mỉ công phu tất cả các từ ngữ, thành ngữ, điển tích, và danh nhân của Đạo kể từ lúc Đạo còn sơ khai cho đến thời kỳ cận đại ngày nay.

Cũng như các bộ sách khác mà TT/NSW đã giới thiệu trước đây, Cao Đài Từ Điển đã và đang được nhiều đồng đạo khắp nơi trong cũng như ngoài nước lưu dùng, để tham khảo nghiên cứu về triết lý, giáo lý và tổ chức của nền Tân Giáo Cao Đài hay còn gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Hiện toàn bộ Từ Điển cũng vẫn còn đang trên đường tu chỉnh, và chờ Hội Thánh phục quyền để kiểm duyệt và phê chuẩn, TT/NSW xin được phép miễn nghị bàn về giá trị tác phẩm, xin nhường lại cho Hội Thánh và Nhơn Sanh sau này thẩm định. TT/NSW sẵn sàng đón nhận mọi ý kiến và chuyển đến tác giả mọi ý kiến đóng góp xây dựng.

Trân trọng giới thiệu cùng toàn thể chư Đạo Hữu, Đạo Tâm, và các bạn mộ đạo gần xa khắp nơi trên thế giới.

Noel 2003 (12 năm Quý Mùi),
Thánh Thất NSW thành thật kính cáo.
Email: thanhthatnsw@yahoo.com.au

HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG

Bút hiệu Đức Nguyên
(1940- 2005)

ĐỨC

DÀY

ĐỨC

HÓA

THI

ÂN

ĐỨC



NGUYỄN

TÁNH

NGUYỄN

LAI

PHỤC

BỒN

NGUYỄN

*Mến tiếc Hiền Tài hoa bút rụng...
Thương sâu Văn Uyển hạt châu rơi!...*

VÀI NÉT SƠ LƯỢC VỀ HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG

Ông sinh ngày 8.7.1940 tại Tân Thuận Tây, Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp.

Thân phụ là Hành Thiện Nguyễn Văn Trương.

Thân mẫu là bà Trần Thị Bình.

Ngày nhập môn: 15. 5. Kỷ Hợi.

Thời là học sinh, ông học tại trường Đạo Đức Học Đường, trường Lê Văn Trung ở Tây Ninh và trường Chu Văn An ở Sài Gòn.

Ông tốt nghiệp Đại học Sư Phạm Sài Gòn và làm Hiệu trưởng trường Trung học Kiến Phong vào những năm 1966 đến 1970.

Về Sài Gòn, ông là Giáo sư giảng dạy môn Lý Hóa tại các trường trung học Bồ Đề, Quốc Việt, Dân Việt, Nguyễn Công Trứ...

Ông dạy giỏi, viết sách giáo khoa rõ ràng, dễ hiểu, tánh lại hay giúp người nên được đồng nghiệp mến và học trò kính trọng, theo học rất đông.

Ông kết hôn với bạn đồng học tên Phạm Thị Kim Hương (1965).

Ông được phong Hiền Tài khóa IV.

Sau năm 1976, ông nghỉ dạy và xoay sang kinh doanh. Công việc kinh doanh đang tốt đẹp, ông quyết định nghỉ để lo lập công quả với ý nghĩ: cõi đời là cõi tạm, cõi Thiêng liêng Hằng sống mới là vĩnh cửu.

Với sự giúp đỡ, khuyến khích của những người đi trước, của bằng hữu, ông bắt đầu sưu tập tư liệu để biên soạn sách Đạo. Ông viết khá nhiều nhưng nổi bật nhất là bộ Cao Đài Tự Điển, bộ sách mà tác giả và cộng sự đã cực nhọc ròng rã hơn 10 năm để hoàn thành (1981- 1995). Đây là một công trình đồ sộ đầu tiên của tủ sách Đại Đạo. Tuy còn nhiều điều cần được góp ý nhưng tác giả đã hoàn thành được ý nguyện chung của toàn thể tín đồ mong mỏi từ lâu.

Tác giả còn dự định viết thêm vài đề tài nữa thì đột ngột bị xuất huyết não và mất vào lúc 21 giờ ngày 29.5. Ất Dậu (5.7.2005).

Nguồn: <http://daocaodai.info/>

CAO ĐÀI TỪ ĐIỂN

高臺詞典

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Giáo lý - Triết lý - Danh nhân
Thành ngữ - Điển tích



Quyển 2

Soạn giả: **ĐỨC NGUYỄN**
Ấn hành do theo
hiệu đính 03-2003



Tòa Thánh Tây Ninh
Đền thờ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

CẢM TẠ

*Cao Đài Từ Điển đã làm xong,
Nhờ bởi Chí Tôn phủ phước hồng.
Tân Dậu khởi biên trong cảnh khó, (1981)
Canh Thìn tận lực mới thành công. (2000)
Ân cần Chức sắc nêu sai sót,
Thẳng thắn thân bằng chỉnh lý thông.
Cảm tạ Ôn Trên cùng Hội Thánh,
Nghĩa tình bạn đạo, khắc ghi lòng.*

Ước mong Quý Chức sắc, Quý bạn đạo và thân hữu tiếp tục góp ý kiến giúp soạn giả sửa chữa bộ sách Cao Đài Từ Điển cho được hoàn hảo, hầu phụng sự nhơn sanh một cách hữu ích.

Soạn giả có tâm nguyện là khi bộ sách này được hoàn hảo, sẽ hiến dâng bản quyền cho Hội Thánh xuất bản.

Nay kính.

Soạn giả: *Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng*



Báo Ân Từ
Đền thờ (tạm) Đức Phật Mẫu.

TỰA

Bộ sách CAO ĐÀI TỪ ĐIỂN được biên soạn nhằm mục đích:

- *Thứ nhất*: Giải thích các từ ngữ đặc biệt về Giáo lý và Triết lý của Đạo Cao Đài.

- *Thứ nhì*: Giải thích các từ ngữ khác rất thông dụng trong các kinh sách hay trong thuyết đạo của Đạo Cao Đài.

* Để sự giải thích các từ ngữ được minh bạch, soạn giả có viết kèm thêm phần chữ Hán cho các từ ngữ Hán Việt. Nhờ phần chữ Hán này, chúng ta xác định được ý nghĩa và cách viết đúng chánh tả của các từ ngữ Hán Việt.

* Phần dịch ra Anh văn và Pháp văn các từ ngữ Giáo lý, Triết lý đặc biệt của Đạo Cao Đài, soạn giả căn cứ và đối chiếu trên các sách Anh văn và Pháp văn kể ra sau đây:

1. LA CONSTITUTION RELIGIEUSE DU CAODAISME (Bản dịch Pháp Chánh Truyền ra Pháp văn) của Ngài Phối Sư Thượng Vinh Thanh (Trần Quang Vinh) có sự tu chính của Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng và sự phê duyệt của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, nhà xuất bản Dervy Paris, năm 1953.

2. THE RELIGIOUS CONSTITUTION OF CAODAIM (Bản dịch Pháp Chánh Truyền ra Anh văn) của Cô Lucy Davey, Giáo sư Đại học Sydney (Australia) xuất bản tại Úc năm 1992.

3. HISTOIRE ET PHILOSOPHIE DU CAODAISME của Ngài Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron, nhà xuất bản Dervy Paris (Pháp) năm 1949.

4. HISTORY AND PHILOSOPHY OF CAODAIM, bản dịch cuốn sách trên của Gabriel Gobron ra Anh văn, người dịch là Ông Phạm Xuân Thái, xuất bản năm 1950 tại Sài Gòn.

5. LE GRAND CYCLE DE L'ÉSOTÉRISME, bản dịch Đại Thừa Chơn Giáo ra Pháp văn của nhóm tín đồ phái Chiếu Minh, xuất bản năm 1950.

6. LE CAODAISME AU CAMBODGE, luận án thi Tiến sĩ
Đệ tam cấp của Ông Pierre Bernardini tại trường Đại học Paris
VII năm 1974.

Ngoài việc giải thích các từ ngữ, soạn giả còn viết thêm
phần Tiểu sử của các danh nhân của Đạo Cao Đài.

Đạo Cao Đài hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là một nền Tân
Tôn giáo được Đấng Thượng Đế dùng huyền diệu cơ bút khai
sáng tại tỉnh Tây Ninh, miền Nam Việt Nam, vào năm Bính
Dần (1926), với tôn chỉ: Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục
nhất, để cứu độ Nhơn loại trước ngày Tận Thế và Đại Hội
Long Hoa. Do đó, Giáo lý và Triết lý của Đạo Cao Đài có tính
cách bao quát và dung hợp được các Giáo lý và Triết lý của
Tam giáo và Ngũ chi.

Tri thức Đạo học của Đạo Cao Đài thật mênh mông như
biển cả, và tri thức này còn được chia thành nhiều bậc cao
thấp khác nhau, mà sự hiểu biết của soạn giả chỉ giới hạn
trong cái học Hạ thừa, nên khi biên soạn bộ sách CAO ĐÀI TỪ
ĐIỂN này, chắc không tránh khỏi nhiều khuyết điểm.

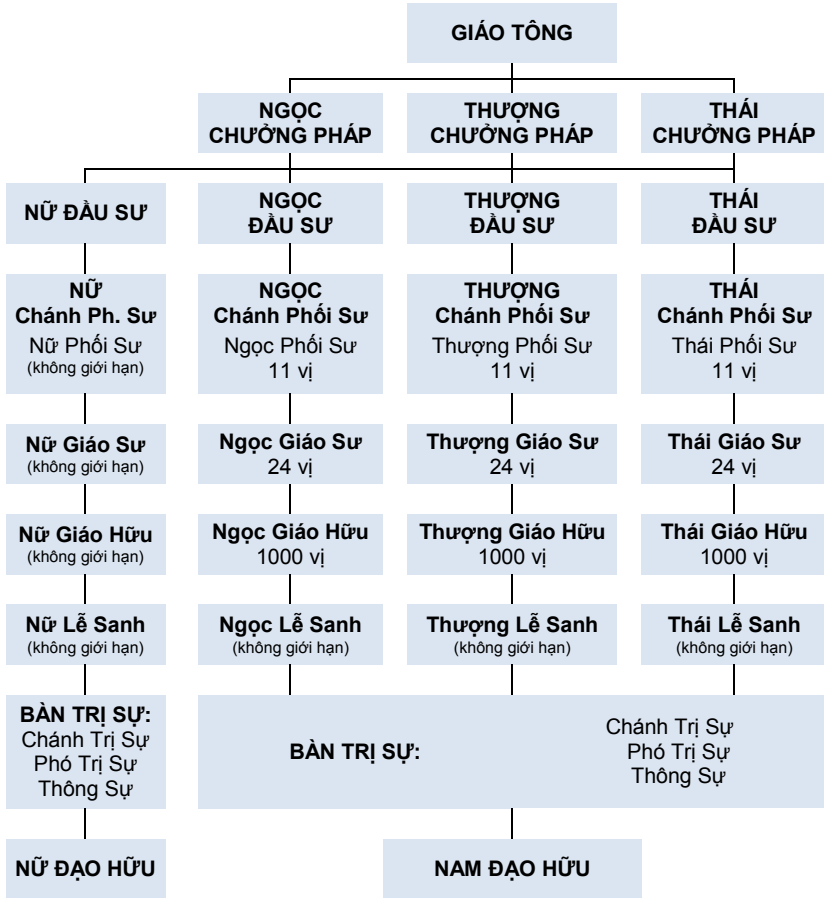
Nhưng vì nguyện vọng tha thiết muốn bảo tồn và phát huy
nền văn hóa Cao Đài, nên soạn giả đem tất cả sức lực của
mình để gia công sưu tầm nghiên cứu trong suốt nhiều năm
liên tục, đồng thời hết sức cầu khẩn Đức Chí Tôn, Đức Phật
Mẫu và các Đấng Thiêng liêng ban bố cho trí não thông minh,
tinh thần mẫn huệ, sức khỏe đầy đủ để thực hiện bộ sách Cao
Đài Từ Điển này.

Ước mong Quý Chức sắc, Quý Bạn đạo và Quý bậc cao
minh vui lòng chỉ giáo những điều thiếu sót hay sai lầm để
soạn giả sửa chữa cho bộ sách được hoàn hảo.

Xin chân thành cảm tạ.

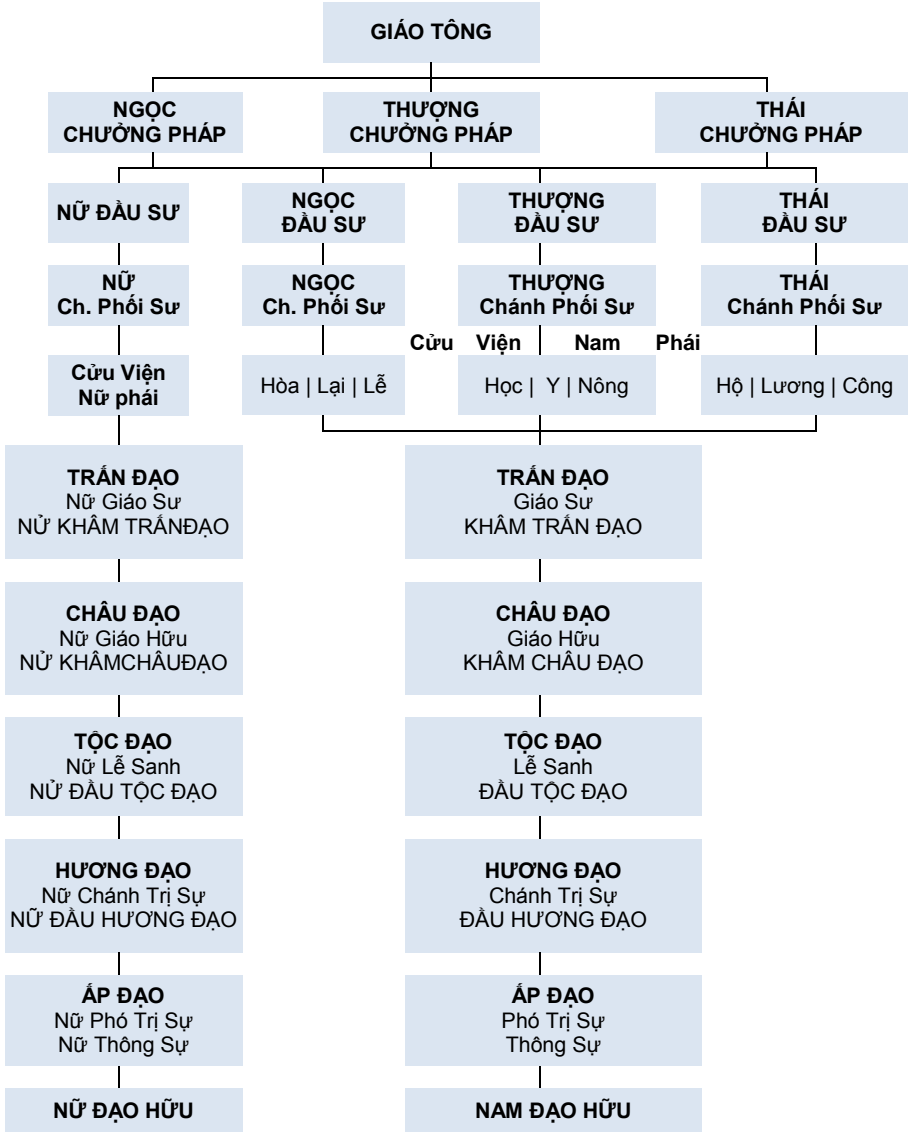
*Soạn giả: **Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng**
bút hiệu ĐỨC NGUYÊN*

**HỆ THỐNG CHỨC SẮC
CỬU TRÙNG ĐÀI**



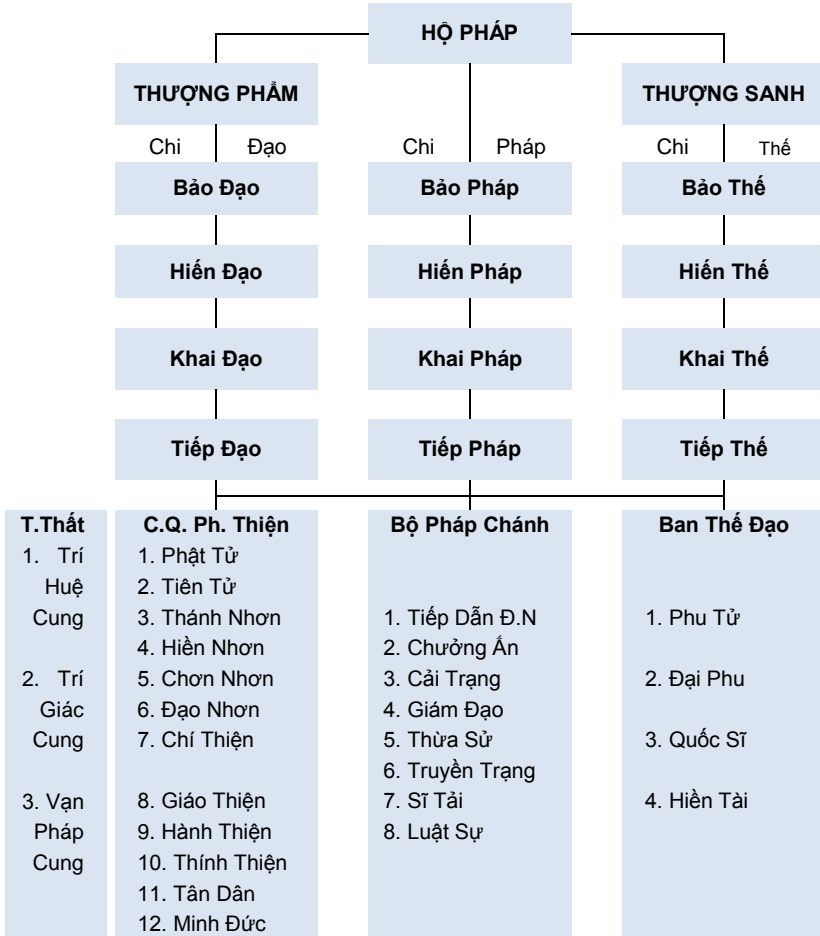
(*) Chánh Ph. Sự: Chánh Phối Sự

TỔ CHỨC HÀNH CHÁNH ĐẠO CỬU TRÙNG ĐÀI



(*) Chánh Ph. Sự: Chánh Phối Sự

**HỆ THỐNG CHỨC SẮC
HIỆP THIÊN ĐÀI**



(*) T.Thất: Tịnh Thất

(*) C.Q. Ph. Thiện: Cơ Quan Phước Thiện

(*) Tiếp Dẫn Đ.N: Tiếp Dẫn Đạo Nhơn

TỔ CHỨC CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN



BẢNG ĐỐI PHẪM CHỨC SẮC CÁC CƠ QUAN

BÁT QUÁI ĐÀI	CỬU TRÙNG ĐÀI	HIỆP THIÊN ĐÀI	CƠ QUAN P. THIỆN	BỘ NHẠC	BAN THẾ ĐẠO	CƠ QUAN KHÁC
Thiên Tiên	Giáo Tông	Hộ Pháp	Phật Tử			
Nhơn Tiên	Chương Pháp	Thượng Phẩm Thượng Sanh				
Địa Tiên	Đầu Sư	Thập nhị TQ	Tiên Tử			
Thiên Thánh	Chánh Phối Sư Phối Sư	Tiếp Dẫn ĐN Chương Ấn	Thánh Nhơn Hiền Nhơn	Tiếp Lễ NQ	Phu Tử	Thập nhị BQ
Nhơn Thánh	Giáo Sư	Cải Trang Giám Đạo	Chơn Nhơn Đạo Nhơn	Nhạc Sư Đốc Nhạc Đề Nhạc	Đại Phu	Hộ Đoàn PQ. Hữu Phan Q. Tả Phan Q.
Địa Thánh	Giáo Hữu	Thừa Sứ Truyền Trang	Chí Thiện	Lãnh Nhạc Quản Nhạc Đội Nhạc	Quốc Sĩ	Tổng Giám
Thiên Thần	Lễ Sanh	Sĩ Tài	Giáo Thiện	Cải Nhạc Bếp Nhạc	Hiền Tài	Phó T. Giám
Nhơn Thần	Chánh Trị Sự Phó Trị Sự Thông Sự	Luật Sự	Hành Thiện Thỉnh Thiện	Nhạc Sĩ Lễ Sĩ Giáo Nhi		Tả Lý Đ. Phòng Văn
Địa Thần	Đạo Hữu		Tân Dân Minh Đức			Thơ Ký

Tiếp Dẫn ĐN. : Tiếp Dẫn Đạo Nhơn
 Tiếp Lễ NQ. : Tiếp Lễ Nhạc Quân
 Thập nhị BQ. : Thập nhị Bảo Quân

Hộ Đoàn Pháp Q. : Hộ Đoàn Pháp Quân
 Hữu Phan Q. : Hữu Phan Quân
 Tả Phan Q. : Tả Phan Quân
 Đ. Phòng Văn : Đầu Phòng Văn

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

(Sắp theo thứ tự A B C)

A

- A: Anh văn. P: Pháp văn.

B

- BDH Bài Dâng Hoa.
- BDR Bài Dâng Rượu.
- BDT Bài Dâng Trà.
- BĐNĐ Bát Đạo Nghị Định.
- BKNKSH Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối.
- BXTCĐPTTT Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần.
- BQĐ Bát Quái Đài.

C

- CG PCT Chú Giải Pháp Chánh Truyền.
- CKTG Càn Khôn Thế giới.
- CKVT Càn Khôn Vũ Trụ.
- CKVV Càn Khôn Vạn vật.
- CLTG Cực Lạc Thế giới.
- CTĐ Cửu Trùng Đài.
- CQPT Cơ Quan Phước Thiện.

D

- DLCK Di Lạc Chơn Kinh.
- DTC Diêu Trì Cung.

Đ

- ĐĐTKPD Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

- ĐS. I. 25 Đạo Sử quyển I trang 25 của NĐS Hương Hiếu.
- ĐLMD Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).
- ĐTCG Đại Thừa Chơn Giáo.

G

- GTK Giới Tâm Kinh.

H

- HTĐ Hiệp Thiên Đài.

K

- KCBCTBCHĐQL Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cổ Hữu Đã Qui Liễu.
- KCHKHH Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.
- KCK Kinh Cứu Khổ.
- KCS Kinh Cầu Siêu.
- KCTPĐQL Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu.
- KĐLC Kinh Đưa Linh Cử.
- KĐ1C Kinh Đệ Nhất cử.
- KĐ2C Kinh Đệ Nhị cử.
- KĐ3C Kinh Đệ Tam cử.
- KĐ4C Kinh Đệ Tứ cử.
- KĐ5C Kinh Đệ Ngũ cử.
- KĐ6C Kinh Đệ Lục cử.
- KĐ7C Kinh Đệ Thất cử.
- KĐ8C Kinh Đệ Bát cử.
- KĐ9C Kinh Đệ Cửu cử.
- KĐRĐ Kinh Đi Ra Đường.
- KĐT Kinh Đại Tường.
- KGO Kinh Giải Oan.

- KHH Kinh Hạ Huyệt.
- KHP Kinh Hôn Phối.
- KK Khai Kinh.
- KKĂCR Kinh Khi Ăn Cơm Rồi.
- KKĐTTTT Kinh Khai Cửa Đại Tường Tiểu Tường.
- KKĐCR Kinh Khi Đã Chết Rồi.
- KKĐN Kinh Khi Đi Ngủ.
- KKTD Kinh Khi Thức Dậy.
- KKV Kinh Khi Về.
- KNH Kinh Nhập Hội.
- KNHTĐ Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- KSH Kinh Sám Hối.
- KTCMĐQL Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu.
- KTĐTĐ Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo.
- KTHĐMP Kinh Tụng Huynh Đệ Mãn Phần.
- KTKCQV Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị.
- KTKTQV Kinh Tụng Khi Thầy Qui Vị.
- KTKVQL Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.
- KTKVTH Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.
- KTL Kinh Tẩn Liệm.
- KTP Kinh Thuyết Pháp.
- KTT Kinh Tắm Thánh.
- KTTg Kinh Tiểu Tường.
- KVĂC Kinh Vào Ăn Cơm.
- KVH Kinh Vào Học.
- KXH Kinh Xuất Hội.

N

- NG Nho Giáo, Kinh Nho Giáo.
- NH Niệm Hương.

- NN Ngũ Nguyên.
- NTTTP Nữ Trung Tòng Phận.

P

- PCT Pháp Chánh Truyền.
- PG Phật Giáo (Kinh Phật Giáo).
- PMCK Phật Mẫu Chơn Kinh.

T

- Td Thí dụ.
- TĐ.ĐPHP Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.
- TG Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.
- TKPĐ Tam Kỳ Phổ Độ.
- TL Thiêng liêng.
- TLHS Thiêng Liêng Hằng Sống.
- TNHT Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
- TNHT.I.45 Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển I, trang 45.
- TTCĐDTKM Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu.
- tr. TL trước Tây lịch kỷ nguyên.
- TTTN Tòa Thánh Tây Ninh.

V

- VSTC Vãng Sanh Thần Chú.

Cao Đài Từ Điển

高 臺 詞 典

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Giáo lý - Triết lý - Danh nhân
Thành ngữ - Điển tích

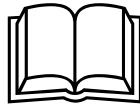


K L M N O P Q R S

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



天

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục văn K

KẾ

- Kế
- Kế chí quân tử
- Kế mẫu - Kế phụ - Kế thất
- Kế sanh nhai
- Kế thừa
- Kế tự
- Kế vị

KỆ

- Kệ
- Kệ chuông
- Kệ sám
- Kệ trống
- Kệ U Minh chung

KẾT

- Kết
- Kết chặt dải đồng tâm
- Kết liễu
- Kết tập
- Kết thảo hàm hoàn
- Kết thúc

KÍCH

- Kích
- Kích bác
- Kích cổ
- Kích trực dương thanh

KIÊM

- Kiêm
- Kiêm ái
- Kiêm nhiệm

KIỂM

- Kiểm
- Kiểm duyệt - Ban Kiểm Duyệt
- Kiểm đàn
- Kiểm cơ nhi tác
- Kiểm Dần - Kiểm Tý - Kiểm Sửu
- Kiểm giá

KIỀM

- Kiềm (Xem: Càn)
- Kiềm nghĩa bất vi vô dũng dã

KIẾN

- Kiến
- Kiến công lập vị
- Kiến trúc - Ban Kiến Trúc
- Kiến tánh thành Phật

KIẾNG

- Kiếng

KIỆP

- Kiếp
- Kiếp căn
- Kiếp duyên - Kiếp quả
- Kiếp hòa căn
- Kiếp khiên
- Kiếp phù sinh
- Kiếp số nan đào
- Kiếp trái
- Kiếp trần

KIỆT

- Kiệt
- Kiệt chứng công nghiệp
- Kiệt già (Kết già)
- Kiệt hung (Cát hung)
- Kiệt nhật lương thần
- Kiệt tường (Cát tường)

KIÊU

- Kiêu
- Kiêu căng
- Kiêu hãnh

KIẾU

- Kiếu từ (Cáo từ)

KIM

- Kim
- Kim Bàn (Kim Bồn)
- Kim bảng
- Kim câu
- Kim cô
- Kim đơn
- Kim Biên Tông Đạo
- Kim khô
- Kim khuyết
- Kim lan
- Kim mã Ngọc đàn
- Kim Mao Hẩu - Kim Hẩu
- Kim Mẫu
- Kim ngân phá luật lệ
- Kim ngưng, cổ ngưng
- Kim quang
- Kim Quang Sứ
- Kim sa
- Kim thân - Kim thể
- Kim thời
- Kim Tiên
- Kim tiền
- Kim tuyến
- Kim tự tháp
- Kim viết

KINH

- Kinh
- Kinh bang tế thể
- Kinh cung chi điều
- Kinh cúng tứ thời
- Kinh dinh (Kinh doanh)
- Kinh điển

- Kinh kệ
- Kinh luân
- Kinh luật
- Kinh lý
- Kinh quyền

KÍNH

- Kính
- Kính cáo
- Kính lão đặc thọ
- Kính lễ (Kính lễ)

KỶ

- Kỳ
- Kỳ an (Kỳ yên)
- Kỳ dư
- Kỳ đảo
- Kỳ hào
- Kỳ Hiên
- Kỳ hy
- Kỳ ký
- Kỳ lão
- Kỳ lân

KÝ

- Ký
- Ký qui tam xích thỏ
- Ký sinh
- Ký sự

KỶ

- Kỷ
- Kỷ cương
- Kỷ luật - Ban Kỷ Luật

KỶ

- Kỳ
- Kỳ hỏ nan hạ
- Kỳ húy
- Kỳ kim quang

- Kinh sử
- Kinh Thánh
- Kinh Thiên vĩ địa
- Kinh thoa bổ quần
- Kinh Vô Tự

- Kính nhi viễn chi
- Kính thành (Kính thành)
- Kính tuân

- Kỳ mục
- Kỳ ngộ
- Kỳ phùng địch thủ
- Kỳ thị
- Kỳ thực
- Kỳ trung
- Kỳ truyền
- Kỳ vọng
- Kỳ xí

- Ký tế
- Ký thác
- Ký thành

- Kỷ nguyên
- Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân

- Kỳ nhựt
- Kỳ sen
- Kỳ vật

KHẢ

- Khả
- Khả dĩ
- Khả năng
- Khả xạ khả điều

KHÁCH

- Khách
- Khách đình
- Khách thiện đường
- Khách quan
- Khách trần
- Khách tục

KHAI

- Khai
- Khai cứu thập nhị tào chi mê muội
- Khai dẫn
- Khai đàn
- Khai Đạo - Tờ Khai Đạo
- Đại Lễ Khai Đạo
- Khai Đạo (Thời Quân HTĐ)
- Khai Đạo Phạm Tấn Đãi (1901-1976)
- Khai giải
- Khai hóa
- Khai huân
- Khai khiếu
- Khai Kinh
- Khai Kinh Kệ
- Khai mạc
- Khai minh Đại Đạo
- Khai Nguơn
- Khai nhơn tâm tất bổn ư đốc thân chi hiếu
- Khai Pháp (HTĐ)
- Khai Pháp Trần Duy Nghĩa (1888 - 1954)
- Khai quang điểm nhãn
- Khai sáng
- Khai sơn phá thạch
- Khai tạo
- Khai Thế (HTĐ)
- Khai Thế Thái Văn Thâu (1899 - 1981)
- Khai thị ngộ nhập
- Khai Thiên tịch địa
- Khai tông định Đạo

KHẢI

- Khải
- Khải ca
- Khải chiết đặc mai chi
- Khải huyền
- Khải ngộ

KHAM

- Kham nhãn

KHÁN

- Khán
- Khán đài
- Khán phá hồng trần
- Khán phong sử phàm

KHANG

- Khang (Xem: Khương)

KHÁNG

- Kháng
- Kháng cáo
- Kháng trần tẩy tục

KHANH

- Khanh nho
- Khanh tử

KHÁNH

- Khánh
- Khánh đàn
- Khánh hạ - Khánh hỷ
- Khánh kiệt
- Khánh tiết
- Khánh thọ
- Khánh vân

KHẢO

- Khảo
- Khảo cứu vụ
- Khảo duyệt
- Khảo đảo
- Khảo luận
- Khảo tội

KHẮC

- Khắc chế tư dục
- Khắc cốt minh tâm
- Khắc kỷ phục lễ

KHÂM

- Khâm
- Khâm Châu Đạo - Khâm Trấn Đạo
- Khâm định
- Khâm liệm
- Khâm tai
- Khâm Thành Thánh Địa
- Khâm tử
- Khâm tứ

KHẪN

- Khẩn nguyên

KHẮT

- Khắt thực

KHẤU

- Khẩu
- Khẩu bái
- Khẩu cung

KHẪU

- Khẩu
- Khẩu mật phúc kiếm
- Khẩu nghiệp
- Khẩu Phật tâm xà
- Khẩu quyết
- Khẩu tâm như nhút
- Khẩu thị tâm phi
- Khẩu thọ tương truyền

KHẼ

- Khễ thủ

KHI

- Khi
- Khi bạc
- Khi lịnh
- Khi nhờn tức khi tâm
- Khi thị

KHÍ

- Khí
- Khí chất
- Khí chất hỗn độn sơ khai
- Khí Hư Vô
- Khí phách
- Khí phân tử tượng
- Khí sắc
- Khí số
- Khí tà qui chánh
- Khí tiết
- Khí tịnh Thần an
- Khí vũ hiên ngang

KHIÊM

- Khiêm
- Khiêm cung
- Khiêm nhượng
- Khiêm từ
- Khiêm xưng

KHIỂN

- Khiển điện

KHIẾT

- Khiết kỷ

KHIẾU

- Khiếu lương tri lương năng

KHINH

- Kinh
- Kinh kinh
- Kinh ngạo
- Kinh tài háo nghĩa
- Kinh ư hồng mao

KHOA

- Khoa
- Khoa môn
- Khoa mục
- Khoa võ môn

KHOÁN

- Khoán thủ

KHOÁNG

- Khoáng đạt

KHOÁT

- Khoát nhiên đại ngộ

KHÔ

- Khô mộc phùng xuân

KHỔ

- Khổ
- Khổ ách
- Khổ hải
- Khổ hạnh
- Khổ Hiền Trang
- Khổ hình
- Khổ tâm
- Khổ tận cam lai

KHÔI

- Khôi giáp
- Khôi khoa mạo
- Khôi khôi
- Khôi trần

KHỐI

- Khối
- Khối tình
- Khối vật chất vô hồn viết tử

KHÔN

- Khôn đức
- Khôn soi

KHỐN

- Khốn đốn

KHỖN

- Khỗn trần

KHÔNG

- Không
- Không gian - Thời gian
- Không hữu
- Không môn
- Không tức thị sắc

KHỔNG

- Khổng
- Khổng Mạnh
- Khổng Tử (551 - 479 t.TL)
- Khổng Tử tác Xuân Thu
- Khổng Tử ở Minh Vương

KHỞI

- Khởi
- Khởi chế
- Khởi động
- Khởi nguyện
- Khởi nhạc

KHUA

- Khua động đồng tiền
- Khua môi

KHÚC

- Khúc nôi (Khúc nhôi)

KHUÊ

- Khuê bài
- Khuê môn

KHỦNG

- Khủng
- Khủng bách
- Khủng hoảng
- Khủng kinh ma chướng

KHUÔN

- Khuôn
- Khuôn hồng
- Khuôn khổ
- Khuôn linh - Khuôn thiêng
- Khuôn vàng thước ngọc
- Khuôn viên luật pháp

KHUYẾN

- Khuyến giáo

KHUYẾT

- Khuyết
- Khuyết nghi
- Khuyết tịch

KHUYNH

- Khuynh gia bại sản

KHỬ

- Khử
- Khử hồi
- Khử niên

KHỬ

- Khử
- Khử ám hồi minh
- Khử loạn
- Khử quỷ trừ ma
- Khử tội

KHƯƠNG

- Khương ninh (Khang ninh)
- Khương Thượng Tử Nha

KẾ

KẾ

1. **KẾ:** 繼 Nói theo, tiếp theo.
Td: Kế chí, Kế mẫu, Kế vị.
2. **KẾ:** 計 Mưu mẹo.
Td: Kế sanh nhai.

Kế chí quân tử

繼志君子

A: To continue the thought of the wise.

P: Continuer la pensée du sage.

Kế: Nói theo, tiếp theo. **Chí:** cái ý muốn mạnh mẽ làm nên việc lớn. **Quân tử:** người có tài đức hơn người.

Kế chí quân tử là nói theo cái chí khí của người quân tử.

TNHT: Nhưng chưa nghèo phải học nghèo, chưa khổ phải học khổ, *kế chí quân tử*, cư bất cầu an, thực bất cầu bảo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Kế mẫu - Kế phụ - Kế thất

繼母 - 繼父 - 繼室

A: Stepmother - Stepfather - Second wife.

P: Marâtre - Beau père - Seconde femme.

Kế: Nói theo, tiếp theo. **Mẫu:** mẹ. **Phụ:** cha. **Thất:** vợ.

Kế mẫu là mẹ kế, tức là người mẹ nối sau mẹ ruột vì mẹ ruột đã chết, tục gọi mẹ kế là mẹ ghê.

Kế phụ là cha kế, tức là người cha nối sau cha ruột vì cha ruột đã chết, tục gọi cha kế là cha ghê.

Kế thất là người vợ kế, tức là người vợ nối sau vợ chánh vì vợ chánh đã chết.

Kế sanh nhai

計生涯

A: The means of subsistence.

P: *Moyen d'existence.*

Kế: Mưu mẹo. **Sanh:** sống. **Nhai:** cái bờ nước.

Kế sanh nhai là phương cách làm việc cho có tiền bạc để mua sắm lương thực nuôi sống gia đình.

KKTD: Nhặng đua chen kiếm kế sanh nhai.

KKTD: Kinh khi thức dậy.

Kế thừa

繼承

A: To inherit.

P: *Hériter.*

Kế: Nói theo, tiếp theo. **Thừa:** vâng theo.

Kế thừa là thừa hưởng tài sản và sự nghiệp của người trước đã qua đời để lại.

Kế tự

繼祀

A: To succeed to worship ancestors.

P: *Succéder à honorer les ancêtres.*

Kế: Nói theo, tiếp theo. **Tự:** thờ phụng.

Kế tự là nối tiếp sự thờ phụng tổ tiên.

Kế vị

繼位

A: To succeed to the throne.

P: *Succéder au trône.*

Kế: Nói theo, tiếp theo. **Vị:** ngôi vị.

Kế vị là nối ngôi.

CG PCT: Tỷ như có Tân Giáo Tông sẽ lên *kế vị* cho Đức Lý Giáo Tông thì cả tín đồ nam nữ mới nhập môn đều phải lấy tịch ĐẠO TÂM.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

KỆ

KỆ

KỆ: 偈 Những bài thi ngắn hay dài: hoặc để tóm tắt đại ý một bài thuyết pháp hay một bài kinh, hoặc để răn dạy đệ tử, hoặc để cầu nguyện.

Td: Kệ chuông, Kệ trống, Kệ U Minh chung.

Kệ chuông

A: The short prayer of the great bell.

P: La courte prière de la grande cloche.

Kệ: Những bài thi ngắn hay dài: hoặc để tóm tắt đại ý một bài thuyết pháp hay một bài kinh, hoặc để răn dạy đệ tử, hoặc để cầu nguyện. **Chuông:** cái chuông lớn (Hồng chung) treo nơi lầu chuông của Thánh Thất hay nơi Điện Thờ.

Kệ chuông là bài kệ để ngâm lớn lên, khi ngâm được một câu thì động một tiếng chuông lớn.

Trước khi cúng đàn và sau khi cúng đàn hay cúng tứ thời tại Thánh Thất, Điện Thờ đều có Kệ chuông.

Sau đây chúng ta giải thích ý nghĩa các bài kệ chuông:

- Kệ chuông Đại đàn và Tiểu đàn.
- Kệ chuông cúng Tứ thời:
Kệ chuông 1 và Kệ chuông 2.
- Kệ chuông bái đàn.

I. Kệ chuông Đại đàn và Tiểu đàn:

Khi Lễ sĩ xướng Bạch Ngọc Chung minh thì người hầu chuông trên Bạch Ngọc Chung Đài (Lầu chuông) khởi sự động

3 tiếng chuông, rồi ngâm bài kệ 4 câu, dứt mỗi câu thì đồng một tiếng chuông lớn.

Bài kệ chuông cúng Đại đàn hay Tiểu đàn:

1. Thần chung thình hướng phóng Phong Đô,
2. Địa Tạng khai môn phóng xá cô.
3. Tam Kỳ vận chuyển kim quang hiện,
4. Sám hối âm hồn xuất u đồ.

Viết ra Hán văn:

神鍾聲向放豐都
地藏開門放赦辜
三期運轉金光現
懺悔陰魂出幽途

Giải nghĩa:

C.1: Tiếng chuông thiêng liêng phát ra hướng đến cõi Phong Đô. (**Thần:** thiêng liêng. **Thình:** tiếng. **Phóng:** phát ra)

C.2: Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát mở cửa phóng thích các tội hồn. (**Xá:** tha tội. **Cô:** tội lỗi).

C.3: ĐĐTKPĐ vận chuyển làm hiện ra một lần ánh sáng vàng (tạo thành một chiếc cầu bắc đến cõi Phong Đô).

C.4: Các chơn hồn ở Phong Đô sám hối tội tình thì đi ra khỏi nơi tối tăm ấy bằng con đường là lần kim quang nói trên. (**Âm hồn:** chơn hồn nơi cõi Âm. **U:** tối tăm. **Đồ:** con đường).

KHẢO DỊ:

Trong Quyển Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh của hai vị Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt in năm 1928, nơi trang 42, bài Kệ trên gọi là: Chung Xướng, chép ra như sau:

Chung thình khấu hướng triệt Phong Đô,

Địa Tạng khai **ân** phóng xá cô.

Tam Kỳ vận chuyển kim quang hiện,

Sám hối âm hồn xuất u đồ.

(**Khấu:** cúi đầu. **Triệt:** thấu tới. **Ân:** ơn).

II. Kệ chuông cúng Tứ thời:

Trước khi vào cúng Tứ thời nơi Thánh Thất hay Điện Thờ, thì kệ chuông hai lần. Khi nghe dứt 3 tiếng chuông kệ lần nhứt thì lo mặc Đạo phục chỉnh tề, đi vào đại điện đứng theo vị trí của mỗi người, chờ kệ chuông nhì.

Khi nghe 3 tiếng chuông kệ lần thứ nhì thì xá đàn, bước vào đại điện, bắt đầu thời cúng.

1. Kệ chuông nhứt:

1. Văn chung khẩu hướng huệ trường Càn Khôn,
2. Pháp giới chúng sanh đồng đẳng bỉ ngạn.
3. Ấn Đà Ra Đế Dạ Ta Bà Ha.

Viết ra Hán văn:

聞鍾叩向慧長乾坤
法界眾生同登彼岸

(Câu mật chú bằng tiếng Phạn phiên âm ra)

Giải nghĩa:

Câu 1. Nghe tiếng chuông, cúi mình xuống hướng về cái trí huệ lớn của Trời Đất. (**Văn:** nghe. **Khẩu:** cúi xuống. **Trí:** trí huệ. **Trường:** lớn).

Câu 2: Nhơn sanh nơi các cõi trần cùng lên bờ giải thoát. (**Pháp giới:** các cõi trần. **Chúng sanh:** chỉ nhơn sanh. **Bỉ ngạn:** bờ bên kia. Bên này là Bến mê, bờ bên kia là giác ngộ, từ đây đi vào cõi TLHS, giải thoát khỏi luân hồi).

Câu 3: Câu mật chú bằng tiếng Phạn phiên âm ra, có ý nghĩa là: Cầu nguyện cho chúng sanh tiêu tai tăng phước, thành tựu Phật đạo, cầu chư Phật chứng minh

KHẢO DỊ:

Theo Tờ Phúc trình của Chí Thiện Huỳnh Văn Phương gửi lên Đức Phạm Hộ Pháp 3 Bài Kệ chuông thì Câu 1 là: Văn chung khẩu hướng huệ **chường** Càn Khôn. (**Chường** là nắm giữ.)

2. Kệ chuông nhì:

1. Nhứt vi u ám tất giai văn,
2. Nhứt thiết chúng sanh thành Chánh giác.
3. Ấn Đà Ra Đế Dạ Ta Bà Ha.

Viết ra Hán văn:

一圍幽暗必皆聞
一切眾生成正覺

Giải nghĩa:

Câu 1: Nhứt vi u ám tất giai văn: Tất cả trong phạm vi cõi Phong Đô ắt hẳn đều nghe biết. (**Nhứt:** tất cả. **Vi:** chu vi. **U ám:** tối tăm, chỉ cõi Phong Đô. **Tất:** ắt hẳn. **Giai:** đều. **Văn:** nghe.)

Câu 2: Nhứt thiết chúng sanh thành Chánh giác: Tất cả nhơn sanh đều thành Phật. (**Nhứt thiết:** tất cả. **Chúng sanh:** chỉ nhơn sanh. **Chánh giác:** bậc giác ngộ chơn chánh, đó là Phật).

Câu 3: Mật chú, ý nghĩa giống như đã giải ở trên.

KHẢO DỊ:

Trong Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn, trang 616 có bài kệ Nguyệt Chung, xin chép ra sau đây:

“Nguyệt thử chung tinh siêu pháp giới,
Thiết vi u ám tất giai văn,
Văn trần thanh tịnh chứng viên thông,
Nhứt thiết chúng sanh thành Chánh giác.”

Nghĩa là:

Nguyệt cho tiếng chuông này vượt qua toàn cõi pháp giới, Cho đến nơi u ám là cõi Địa ngục sắt cũng được nghe, Nghe được thì thanh tịnh, chứng được cảnh trí viên thông, Tất cả chúng sanh đều thành Phật.”

(**Thiết:** sắt. **Vi:** vây quanh. **Thiết Vi** là núi Thiết Vi tức là Thiết Vi sơn, núi có tường sắt vây quanh, trong đó có nhiều cõi Địa ngục, giam cầm và trừng phạt các tội hồn. **Nhứt thiết:** tất cả). Có gì lầm lộn không khi chúng ta viết Nhứt vi mà bên Phật giáo viết là Thiết vi?

3. Kệ chuông bãi đàn:

Sau khi cúng xong, chờ kệ 3 câu này rồi mới bãi đàn.

Trước khi kệ, động 3 tiếng chuông, rồi bắt đầu kệ, dứt một câu kệ thì dõng một tiếng chuông, 3 câu kệ động 3 tiếng chuông. Dứt kệ chuông thì xá đàn một xá rồi bãi đàn, mọi người đi ra khỏi đàn cúng.

1. Đàn tràng viên mãn, Chức sắc qui nguyên,
vĩnh mộc từ ân, phong điều vũ thuận.
2. Thiên phong hải chúng, quốc thái dân an,
hồi hướng đàn trường, tận thâm pháp giới.
3. Án Đà Ra Đế Dạ Ta Bà Ha.

Viết ra Hán văn:

壇場圓滿，職色歸源，
永沐慈恩，風調雨順，
天封海眾，國泰民安，
回向壇場，盡收法界。

Giải nghĩa:

Câu 1: Đàn cúng tế đã đầy đủ trọn vẹn, Chức sắc trở lại chỗ cũ, gọi nhàn lâu dài ơn huệ của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, được mưa thuận gió hòa.

(**Đàn tràng** tức là Đàn trường: chỉ đàn cúng tế. **Qui nguyên:** trở về chỗ khởi đầu. **Vĩnh:** lâu dài. **Mộc:** gọi, gọi nhàn. **Từ:** Từ bi, chỉ Đức Chí Tôn hay Đức Phật Mẫu.)

Câu 2: Trời ban cho dân chúng, nước thanh dân yên, hồi hướng công đức nơi đàn cúng, thâm hết các cõi của pháp.

(**Hải chúng:** biển người, chỉ dân chúng. **Hồi hướng:** ý nói hồi hướng công đức, chuyển công đức này hướng về một chỗ nào đã định. **Tận:** hết. **Thâm:** thu vào. **Tận thâm:** thu hết vào. **Pháp giới:** có rất nhiều nghĩa, nên xem chữ này trong văn P).

Câu 3: Câu mật chú bằng tiếng Phạn phiên âm ra, xem ý nghĩa đã giải ở trên

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Kệ sám

偈懺

A: The prayers of confession.

P: Les prières de confession.

Kệ: Những bài thi ngắn hay dài: hoặc để tóm tắt đại ý một bài thuyết pháp hay một bài kinh, hoặc để răn dạy đệ tử, hoặc để cầu nguyện. **Sám:** sám hối, ăn năn vì biết được điều làm lỗi của mình và quyết tâm sửa lỗi.

Kệ sám là bài kệ sám hối. Đó là bài Kinh Sám Hối, cũng gọi là Kinh Nhơn Quả.

KSH: Lời kệ sám duy truyền khuyến thiện.

KSH: Kinh Sám Hối.

Kệ trống

A: The short prayer of drum.

P: La courte prière de tambour.

Kệ: Những bài thi ngắn hay dài: hoặc để tóm tắt đại ý một bài thuyết pháp hay một bài kinh, hoặc để răn dạy đệ tử, hoặc để cầu nguyện. **Trống:** cái trống lớn treo nơi Lôi Âm Cổ Đài (Lầu trống) của Thánh Thất, nên cái trống đó được gọi là Lôi Âm Cổ. (Cổ là cái trống)

Kệ trống, tiếng Hán gọi là Cổ xướng, là bài kệ ngắn để ngâm lên khi bắt đầu đánh trống.

Khi Lễ sĩ xướng Lôi Âm Cổ khởi, vị hầu trống cầm dùi đánh 3 tiếng trống, rồi khởi ngâm bài kệ trống, dứt mỗi câu kệ thì đánh một tiếng trống.

Bài kệ trống Lôi Âm:

1. Lôi Âm Thánh cổ triệt hư không,
2. Truyền tấu Càn Khôn thế giới thông.
3. Đạo pháp dương kim dương chánh giáo,
4. Linh quang chiếu diệu Ngọc Kinh Cung.

Viết ra Hán văn:

雷音聖鼓徹虛空

傳奏乾坤世界通
道法當今揚正教
靈光照耀玉京宮

Giải nghĩa:

Câu 1: Tiếng trống Lô Âm thiêng liêng thấu suốt các cõi Hư không. (**Thánh:** thiêng liêng. **Cổ:** cái trống. **Triệt:** thấu suốt.

Hư không: cõi Hư Vô thiêng liêng).

Câu 2: Tiếng trống truyền đi để tỏ bày cho cả CKTG rõ. (**Tấu:** tỏ bày. **Thông:** biết rõ).

Câu 3: Giáo lý của Đạo Cao Đài hiện nay nêu cao cho mọi người biết đây là một nền tôn giáo chơn chánh. (**Đạo pháp:** giáo lý của Đạo. **Đương kim:** hiện nay. **Đương:** nêu cao).

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

Kệ U Minh chung

偈幽冥鍾

Kệ: Những bài thi ngắn hay dài: hoặc để tóm tắt đại ý một bài thuyết pháp hay một bài kinh, hoặc để răn dạy đệ tử, hoặc để cầu nguyện. **U:** tối tăm. **Minh:** mờ. **Chung:** tiếng chuông.

Cõi U Minh là cõi tối tăm mờ mịt, khi xưa thường nói là U Minh Địa phủ, Âm phủ, Địa ngục, Phong Đô, là cõi của linh hồn người chết; ngày nay Đạo Cao Đài gọi là cõi Âm Quang, là nơi để các tội hồn đến đó để tự xét mình, xem xét các tội lỗi trong kiếp sanh vừa qua để ăn năn sám hối, cầu xin Đức Chí Tôn cứu vớt. (Xem chi tiết nơi chữ: Âm quang, vàn Â).

Kệ U Minh chung là bài kệ ngâm lên kèm theo tiếng chuông thấu đến cõi Âm Quang để thức tỉnh các chơn hồn tội lỗi, biết ăn năn sám hối tội tình, cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, và các Đấng thiêng liêng cứu vớt.

Hằng năm, suốt trong 3 tháng của 3 nguơn: Tháng giêng (Thượng nguơn), tháng 7 (Trung nguơn) và tháng 10 (Hạ nguơn), nơi các Thánh Thất và Điện Thờ từ trung ương đến các địa phương đều cử người thường trực luân phiên ngâm kệ

và động chuông U Minh suốt ngày đêm từ ngày mùng 1 cho đến ngày 30 cuối tháng mới chấm dứt.

Bài Kệ U Minh Chung gồm cả thảy 34 câu cầu nguyện, xin chép ra và giải thích từng câu sau đây:

1. Hồng chung sơ khấu, bảo kệ cao ngâm.

Bắt đầu động vào cái chuông lớn và cao giọng ngâm bài kệ quý báu.

Hồng chung: cái chuông lớn. **Sơ:** bắt đầu. **Khấu:** gõ chuông. **Bảo kệ:** bài kệ quý. **Cao ngâm:** cất cao giọng ngâm bài kệ.

2. Thượng thông Thiên đàng, hạ triệt Địa phủ.

Ở trên thì thông suốt đến các cõi Trời, ở dưới thì thấu suốt đến cõi Âm Quang.

Thiên đàng: Thiên đường, các cõi Trời. **Triệt:** thấu triệt, thông suốt. **Địa phủ:** chỉ cõi Âm Quang.

3. Khánh chúc Tam Kỳ hồng khai Đại Đạo.

Chúc mừng ĐĐTKPĐ mở rộng cửa truyền bá khắp nơi.

Khánh chúc: chúc mừng. **Hồng khai:** mở rộng ra.

4. Càn Khôn đại thống, phổ cập Ngũ Châu.

Thống quản toàn cả CKTG, phổ cập khắp cả Năm Châu.

Càn Khôn: Trời Đất, tức là CKVT hay CKTG. **Đại thống:** thống quản tất cả. **Phổ cập:** đều khắp mọi nơi. **Ngũ Châu:** 5 Châu, chỉ toàn thế giới.

5. Ân đức hóa thâm cao thăng đạo vị.

Ơn đức giáo hóa sâu đậm làm tăng cao phẩm vị trong Đạo.

Hóa: giáo hóa. **Thâm:** sâu. **Cao thăng:** tiến vượt lên cao. **Đạo vị:** phẩm vị trong Đạo.

6. Tam thế tứ sanh chi nội các miễn luân hồi.

Thời gian ba đời, tất cả các loài sanh vật nội trong Tứ sanh đều khỏi phải luân hồi chuyển kiếp.

Tam thế: 3 đời: quá khứ, hiện tại, tương lai. **Tứ sanh:** 4 loài sanh vật, chia theo cách sanh: Thấp sanh, Hóa sanh, Noãn sanh, Thai sanh. Thấp sanh là sanh ra ở nơi ẩm thấp như trùng, dế. Hóa sanh là sanh ra do sự biến hóa như ruồi,

muối. Noãn sanh là sanh ra bằng trứng như gà, vịt, chim. Thai sanh là sanh ra bằng thai như bò, trâu, chó, mèo, người. **Chi nộ:** ở trong. **Các:** tất cả. **Miễn:** khỏi.

7. Cửu U thập loại chi trung tất ly khổ hải.

Mười loại chơn hồn trong chín cửa Địa ngục ắt hẳn lìa khỏi biển khổ.

Cửu U: 9 cõi tối tăm. Đó là 9 cửa Địa ngục giam giữ và trừng trị các tội hồn, còn cửa Địa ngục thứ 10 do Chuyển Luân Vương cai quản xem xét việc cho các hồn đi đầu thai. (Xem chữ: **Cửu U**, **văn C**; **Địa ngục**, **văn Đ**). **Thập loại:** 10 loài. Đây là 10 loại chơn hồn nơi cõi Địa ngục, do những cách chết khác nhau nơi cõi trần. Thi hào Nguyễn Du có làm bài văn tế Thập loại chúng sinh là để cúng tế và cầu siêu cho 10 loại vong hồn này, kể ra: - Trận bại (chết vì bại trận), - Thương vong (bị thương chết), - Tự vận (tự đâm cổ chết), - Tự ải (tự thắt cổ chết), - Tự tử (tự giết mình chết), - Tự trầm (tự mình nhảy xuống sông chết), - Hỏa thiêu (chết cháy), - Xà thương (chết vì rắn độc cắn), - Hồ giảo (chết vì cạp ăn thịt), - Trầm nịch (chết vì bị chìm tàu, ghe).

Chi trung: ở trong. **Tất:** ắt hẳn. **Ly:** lìa xa. **Khổ hải:** biển khổ. Ý nói những nỗi đau đớn khổ sở nhiều như nước biển.

8. Ngũ phong thập vũ miễn tạo cơ cần chi tai.

Năm gió mười mưa xin miễn tạo ra tai nạn mất mùa.

Ngũ phong: 5 gió, ý nói các thứ gió ở các hướng. **Thập vũ:** 10 thứ mưa, ý nói các thứ mưa lớn nhỏ. **Miễn tạo:** khỏi phải tạo ra. **Cơ:** mất mùa lúa. **Cần:** mất mùa rau. **Cơ cần chi tai:** tai nạn mất mùa.

9. Nam mẩu Đông giao cu triêm Nghiêu Thuấn chi nhựt.

Đất đai trong nước đều thấm nhuận thời thái bình an lạc.

Mẫu: một mẫu đất. **Nam mẩu:** chỉ đất ở phía Nam. **Giao:** đất ngoại thành. **Đông giao:** đất ngoại thành phía Đông. Nam mẩu Đông giao là ý nói đất đai trong nước. **Cu:** còn đọc là Câu: toàn, đều. **Triêm:** thấm ướt. **Nghiêu Thuấn chi nhựt:** ngày Nghiêu Thuấn. Dưới triều vua Nghiêu và Thuấn, dân chúng sống trong thái bình, hạnh phúc, thanh vượng. Ngày Nghiêu Thuấn là thời thái bình an lạc.

10. Can qua vĩ tức, giáp mã hưu chinh.

Việc chiến tranh ngưng lại lâu dài.

Can qua: cái khiên và cây giáo, chỉ việc chiến tranh. **Vĩnh:** lâu dài. **Tức:** ngưng lại. **Giáp mã:** áo giáp và ngựa, chỉ việc chiến tranh. **Hưu:** nghỉ. **Chinh:** đánh nhau, chinh chiến.

11. Trận bại thương vong cụ sanh tịnh độ.

Những người chết vì bại trận bị thương tích đều được sanh về cõi CLTG.

Trận bại: thua trận. **Thương vong:** chết vì bị thương tích. **Cụ:** đầy đủ. **Tịnh độ:** cõi đất tinh sạch của Phật. **Cõi tịnh độ** là cõi CLTG do Đức Phật A-Di-Đà làm Giáo chủ.

12. Phi cầm tẩu thú la võng bắt phùng.

Chim bay thú chạy không gặp lưới rập đánh bắt.

Phi cầm: loài chim bay. **Tẩu thú:** loài thú chạy. **La:** lưới. **Võng:** lưới. **La võng:** chỉ chung các loại lưới của thợ săn giăng ra để bắt chim muông hay thú vật. **Bắt phùng:** không gặp.

13. Lãng tử cô nhi tảo hồi hương lý.

Kẻ lang thang, trẻ mồ côi sớm trở về quê hương xứ sở.

Lãng tử: kẻ sống lang thang rày đây mai đó. **Cô nhi:** trẻ mồ côi. **Tảo:** sớm. **Hồi:** đi trở về. **Hương:** làng. **Lý:** nơi ở. Hương lý là quê hương.

14. Vô biên thế giới Địa cửu Thiên trường.

CKTG rộng rãi vô biên, Trời Đất trường cửu.

Vô biên: không biên giới. **Địa cửu Thiên trường:** Thiên Địa trường cửu, Trời Đất bền vững lâu dài.

15. Viễn cận đàn na tăng viên phước thọ.

Những người bố thí ở xa cũng như ở gần đều được gia tăng hạnh phúc và sống lâu.

Viễn: xa. **Cận:** gần. **Đàn-na:** đây là tiếng phiên âm từ tiếng Phạn có nghĩa là: thí chủ, người bố thí. **Tăng:** thêm. **Viên:** tròn, đầy. **Phước:** may mắn tốt lành. **Thọ:** sống lâu.

16. Thánh tòa trấn tịnh, đạo pháp trường hưng.

Tòa Thánh được gìn giữ yên tịnh, đạo pháp hưng thịnh lâu dài.

Trần: gìn giữ. **Tịnh:** yên tịnh. **Trường:** lâu. **Hưng:** thịnh.

17. Thổ Địa Long Thần an tăng hộ pháp.

Các vị Thần Thổ Địa, các vị Long Thần giúp yên cho người tu hành và hộ trì Đạo pháp.

Thổ Địa: các vị Thần đất, cai quản đất đai. **Long Thần:** các vị Thần Rồng. **An:** làm cho an ổn. **Tăng:** người xuất gia tu hành. **Hộ:** gìn giữ. **Pháp:** pháp luật của Đạo.

18. Phụ mẫu, sư trưởng, lục thân quyến thuộc, lịch đại tiên vong đồng đăng giác ngộ.

Cha mẹ, bậc thầy và người trên trước, sáu người thân yêu trong thân tộc, Tổ Tiên đã chết qua nhiều đời, cùng đi lên bờ giác ngộ, giải thoát khỏi luân hồi.

Phụ mẫu: cha mẹ. **Sư:** thầy. **Trưởng:** người trên trước. **Lục thân:** 6 người thân yêu: cha, mẹ, vợ, con, anh, em. **Quyến thuộc:** người thân yêu trong nhà. **Lịch:** trải qua. **Đại:** đời. **Tiên vong:** Tổ tiên đã chết. **Đồng:** cùng. **Đăng:** đi lên. **Giác ngộ:** bờ giác ngộ.

19. Nam mô Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.

20. Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

21. Nam mô Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

22. Nam mô Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.

23. Nam mô Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thịnh Thế Thiên Tôn.

24. Nam mô Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai.

25. Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

26. Nam mô Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

27. Nam mô Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn.

28. Nam mô Thái Công Tướng Phụ Quảng Pháp Thiên Tôn

29. Nam mô Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.

30. Nam mô Thập phương chư Phật, vạn chưởng chư Tiên, liên đài chi hạ.

Thập phương chư Phật: chư Phật ở 10 phương. 10 phương đó là: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Đông Bắc, Tây Nam, Tây Bắc, phương trên và phương dưới. **Vạn chưởng:** Vạn chưởng, nghĩa là muôn loài. **Vạn chưởng chư Tiên:** các vị Tiên bao gồm nhiều cấp bậc, ở khắp các nơi. **Liên đài:** tòa sen. **Liên đài chi hạ:** phía dưới tòa sen. Tòa sen là đài ngự cho Bồ Tát và Phật. Đứng dưới tòa sen là chỉ các vị Thánh và Thần, ở cấp bậc thấp hơn Phật và Bồ Tát.

Câu 30: Cầu nguyện chư Thần, Thánh, Tiên, Phật ở khắp các nơi trong CKVT.

Các câu cầu nguyện từ câu 19 đến câu 30 giống như trong Sớ Văn thượng tấu. Trước hết là cầu nguyện Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, kế đó cầu nguyện Tam Tông Chơn Giáo, Tam Trấn Oai Nghiêm, rồi cầu nguyện với Giáo Chủ Thánh đạo và Thần đạo, cầu nguyện với Đức Hộ Pháp và cuối cùng cầu nguyện chung với tất cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

31. Nam mô Sơ Hội Long Hoa Thanh Vương Đại Hội, Nhiên Đăng Cổ Phật Chưởng Giáo Thiên Tôn.

32. Nam mô Nhị Hội Long Hoa Hồng Vương Đại Hội, Di-Đà Cổ Phật Chưởng Giáo Thiên Tôn.

33. Nam mô Tam Hội Long Hoa Bạch Vương Đại Hội, Di-Lạc Cổ Phật Chưởng Giáo Thiên Tôn.

Ba câu kệ: 31, 32, 33 cho chúng ta biết được từ trước tới nay có 3 thời kỳ phổ độ, ứng với 3 lần Đại Hội Long Hoa.

* **Nhứt Kỳ Phổ Độ** với Sơ Hội Long Hoa gọi là Thanh Vương Đại Hội, có Đức Nhiên Đăng Cổ Phật làm Giáo Chủ.

* **Nhị Kỳ Phổ Độ** với Nhị Hội Long Hoa gọi là Hồng Vương Đại Hội, có Đức A-Di-Đà Phật làm Giáo Chủ.

* **Tam Kỳ Phổ Độ** với Tam Hội Long Hoa gọi là Bạch Vương Đại Hội, có Đức Di-Lạc Vương Phật làm Giáo Chủ.

Sơ Hội: Hội kỳ đầu, tức là lần thứ nhứt. **Nhị Hội:** Hội lần thứ nhì. **Tam Hội:** Hội lần thứ ba.

Dùng 3 màu: Thanh, Hồng, Bạch để chỉ thứ tự 3 thời kỳ Đại Hội là căn cứ theo sự sanh trưởng của vạn vật trong 4

mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông, với màu sắc tương ứng theo Ngũ Hành.

- Nhứt Kỳ Phổ Độ, vào thời vua Phục Hy bên Tàu, ví như cây cỏ đang lớn lên tươi tốt trong mùa Xuân. Xuân chủ về Mộc, sắc của Mộc trong Ngũ Hành là màu xanh (Thanh), nên thời kỳ này mở ra THANH VƯƠNG Đại Hội. Đức Phật ứng vận làm Chánh Chủ Khảo hội này là Đức Nhiên Đăng Cổ Phật.

- Nhị Kỳ Phổ Độ, vào thời nhà Châu bên Tàu, ví như cây cỏ đang vào mùa Hạ, đang trở hoa đặng bắt đầu kết trái. Hạ chủ về Hỏa, sắc của Hỏa là màu đỏ (Hồng), nên thời kỳ này mở ra HỒNG VƯƠNG Đại Hội. Đức Phật ứng vận làm Chánh Chủ Khảo hội này là Đức A-Di-Đà Phật.

- Tam Kỳ Phổ Độ, vào thời hiện nay, ví như cây cỏ kết trái vào mùa Thu. Mùa Thu chủ về Kim, sắc của Kim theo Ngũ Hành là màu trắng (Bạch), nên thời kỳ này mở ra BẠCH VƯƠNG Đại Hội. Đức Phật ứng vận làm Chánh Chủ Khảo là Đức Di-Lạc Vương Phật.

Vạn vật chỉ có sanh khí vào 3 mùa đầu trong năm: Xuân, Hạ, Thu. Qua mùa Đông thì vạn vật điêu tàn vì không có sanh khí. Do đó, sách xưa viết: Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu thu, Đông tàn. (Mùa Đông chủ về Thủy, sắc của Thủy là màu đen).

Cho nên chỉ có 3 thời kỳ: Thanh Vương, Hồng Vương, Bạch Vương, không có Hắc Vương vì Hắc Vương là tử kỳ (thời kỳ điêu tàn: chết).

Trong hai thời kỳ: Thanh Vương và Hồng Vương, người tu phải xuất gia, tu hành khổ hạnh.

Qua thời kỳ Bạch Vương, Đức Chí Tôn Thượng Đế mở Đạo phổ truyền Tâm pháp tu hành, lại ban cho Đại Ân Xá, nên dầu tại gia hay xuất gia đều tu hành được cả, và người tu đều có thể đắc đạo tùy theo công quả Phụng Sự nhơn sanh. Chẳng những thế, những người tu trong 2 thời kỳ trước mà chưa đắc quả, kể cả quỷ nhân, nếu trong thời Bạch Vương này mà lập được nhiều công quả thì sẽ đắc đạo. Nên Thầy cho một quyền rộng rãi cho cả nhơn loại CKTG, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng. (TNHT)

34. Nam mô liệt Thánh đàn tràng hòa nam khể thủ.

Cầu nguyện với chư vị Thánh nơi đàn cúng tế này chứng minh, xin cúi mình lạy xuống.

Liệt Thánh: đồng nghĩa chư Thánh. **Đàn tràng:** đàn cúng tế có đông người tham dự. **Hòa nam:** tiếng phiên âm từ chữ Phạn, Hán văn dịch là: Khể thủ, nghĩa là chấp tay cúi đầu đánh lễ.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KẾT

KẾT

KẾT: 結 Buộc lại, cuối cùng.

Td: Kết tập, Kết thảo, Kết liễu.

Kết chặt dải đồng tâm

Kết: Buộc lại, cuối cùng. **Chặt:** chặt chẽ. **Dải đồng tâm:** cái dải lụa dùng để tặng nhau biểu thị tình cảm thương mến khẩn khít. (Xem điển tích nơi chữ: Dải đồng tâm, văn D)

Kết chặt dải đồng tâm là gắn bó chặt chẽ với nhau trong tình cảm thương yêu khẩn khít, một lòng một dạ với nhau.

ĐLMD: Muốn cho toàn đạo *kết chặt dải đồng tâm*, tương thân hòa ái, thì cần năng hội hiệp nhau cho thường...

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Kết liễu

結了

A: To finish.

P: Terminer.

Kết: Buộc lại, cuối cùng. **Liễu:** xong.

Kết liễu là xong việc rồi.

Kết tập

結集

A: To form.

P: Former.

Kết: Buộc lại, cuối cùng. **Tập:** tụ họp lại, văn tự kết thành trọn bộ.

Kết tập là nhiều người tụ họp lại để cùng nhau kết thành kinh điển.

Đây là nói về Phật giáo, sau khi Đức Phật Thích Ca tịch diệt, Nhứt Tổ Ma Ha Ca Diếp tập hợp 500 vị La Hán (Đại đệ tử của Phật) tụ họp tại thành Vương Xá, để kết tập các lời Phật dạy thành Kinh điển. Ngài A-Nan đọc lại Kinh, Ngài Ưu-Pa-Ly đọc Luật, Ngài Ca Diếp đọc Luận. Giáo Hội chép lại bằng chữ Phạn trên lá buông, tạo thành Tam Tạng Kinh.

Đó là Kết tập kinh điển lần đầu tiên. Sau đó, Giáo Hội Phật giáo còn kết tập kinh điển thêm 3 kỳ nữa, nhưng các lần sau là để duyệt lại và công nhận các Kinh đúng là lời Phật dạy.

Kết thảo hàm hoàn

結草銜環

A: To knot grass and fetch jade ring: To be eternally thankful.

P: Lier l'herbe et tenir un anneau à la bouche: Se montrer éternellement reconnaissant.

Kết: Buộc lại, cuối cùng. **Thảo:** cỏ. **Hàm:** ngậm. **Hoàn:** cái vòng ngọc.

Kết thảo hàm hoàn, dịch nôm là: Kết cỏ ngậm vành, chỉ sự nhớ ơn và báo đáp công ơn.

Diễn tích: Có 2 diễn tích: **Kết cỏ** và **Ngậm vành**.

1. Kết thảo (Kết cỏ): Theo Tả Truyện, Ngụy Thù là người nước Tần, có một người vợ lẽ rất đẹp. Tục lệ nước Tần, hễ chồng chết thì chôn người thiếp chết theo. Ngụy Thù lúc bình

thường, dặn con trưởng Ngụy Khỏa là khi ông chết thì đừng chôn người thiếp đó theo, mà hãy tìm chỗ tử tế gả nàng. Nhưng sau đó, khi Ngụy Thù đau gần chết thì lại dặn con là chôn người thiếp ấy theo.

Đến khi Ngụy Thù chết, Ngụy Khỏa không chôn người thiếp của cha, sau đó lại tìm người tử tế gả nàng để nương nhờ tấm thân. Có người thắc mắc thì Ngụy Khỏa đáp:

- Người con hiếu nên theo tri mệnh (lời dặn bảo lúc tỉnh táo hiểu biết) của cha, chớ không nên theo loạn mệnh (lời dặn bảo lúc mê loạn).

Về sau, Ngụy Khỏa lên làm tướng nước Tần, đánh nhau với tướng của nước Tấn là Đổ Hồi rất vũ dũng, ít ai thắng nổi, Ngụy Khỏa thường thua. Có một hôm, Ngụy Khỏa và Đổ Hồi ra trận, đánh nhau trên một bãi cỏ, Ngụy Khỏa thấy mừng tượng như có một ông già đang cúi xuống kết cỏ thành từng vòng dưới chân ngựa của Đổ Hồi, khiến cho ngựa của Đổ Hồi vướng cỏ ngã lăn ra, Đổ Hồi cũng ngã theo, bị Ngụy Khỏa thừa cơ giết chết, thắng trận về vang.

Đêm hôm ấy, Ngụy Khỏa mộng thấy ông già kết cỏ nói:

- Tôi là cha của người thiếp mà tướng quân đã gả chồng đó. Tướng quân biết theo lời dặn sáng suốt của tiên nghiêm mà gả chồng cho con gái tôi, khiến tôi mang ơn, nên tôi đã kết cỏ làm vướng chân ngựa của Đổ Hồi để đền ơn tướng quân đó.

Nói xong ông già đi mất. Ngụy Khỏa giật mình thức dậy.

Do điển tích này, từ ngữ "Kết thảo: Kết cỏ" dùng để chỉ việc đền ơn đáp nghĩa.

2. Hàm hoàn (Ngậm vành): Câu chữ Hán là: Hoàng tước hàm hoàn: Con chim sẻ vàng ngậm vòng ngọc.

Theo sách Hậu Hán Thư dẫn Tục Tề Phả Ký kể rằng: Dương Bảo, đời nhà Hán, lúc 9 tuổi, đi chơi đến núi Hoa Âm, thấy một con chim sẻ vàng bị con chim cú đánh rơi xuống gốc cây, lại bị kiến lửa bu đốt. Dương Bảo lấy làm thương hại, bắt đem về nhà chăm sóc, nuôi cho đến khi chim sẻ khỏe mạnh, lông mọc đầy đủ mới thả cho bay đi. Đêm hôm ấy, Dương Bảo

bỗng thấy một đứa bé mặc áo vàng ngậm một vòng ngọc, chạy vào trước, đến trước mặt Dương Bảo nói:

- Tôi là sứ giả của Tây Vương Mẫu, ông là người nhân ái cứu sống tôi, thực cảm ơn ấy nên tôi mang đến cái vòng ngọc này để tạ ơn, và mong cho con cháu của nhà họ Dương sau này hiển đạt cao sang như vòng ngọc này.

Nói rồi cậu bé áo vàng để lại vòng ngọc, từ tạ bay mất.

Do điển tích này, từ ngữ "Hàm hoàn: Ngậm vành ngọc" dùng để chỉ việc báo đáp ơn sâu.

Kết thúc

結束

A: To conclude.

P: Conclure.

Kết: Buộc lại, cuối cùng. **Thúc:** gom lại.

Kết thúc, nghĩa đen là buộc lại thành bó, nghĩa thường dùng là: công việc đã xong, tóm tắt lại.

KÍCH

KÍCH

1. **KÍCH:** 擊 Đánh, gõ, tấn công, bài xích.
Td: Kích cổ, Kích bác.
2. **KÍCH:** 激 Chận dòng nước lại.
Td: Kích dương.

Kích bác

擊駁

A: To criticize.

P: Critiquer.

Kích: Đánh, gõ, tấn công, bài xích. **Bác:** phản đối.

Kích bác là phản đối và bài xích.

TNHT: Lại thấy kẻ dốt ấy *kích bác*, trở lại chịu thiệt rằng, Đạo mình lầm lạc.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Kích cổ

擊鼓

A: To beat the drum.

P: Frapper le tambour.

Kích: Đánh, gõ, tấn công, bài xích. **Cổ:** cái trống.

Kích cổ là đánh trống.

Kích trực dương thanh

激濁揚清

Kích: Chận dòng nước lại. **Trực:** đục, dơ bẩn. **Dương:** khơi lên. **Thanh:** trong sạch.

Kích trực dương thanh là ngăn dòng nước đục, khơi dòng nước trong.

Ý nói: Ngăn điều ác, khuyến khích điều thiện.

KIÊM

KIÊM

KIÊM: 兼 Gồm cả.

Td: Kiêm ái, Kiêm nhiệm.

Kiêm ái

兼愛

A: The universal love.

P: L'amour universel.

Kiên: Gồm cả. **Ái:** thương yêu.

Kiên ái là thương yêu tất cả mọi người một cách bình đẳng, thân cũng như sơ đều như nhau.

Từ ngữ Kiên ái có nghĩa gần như là Bác ái.

Học thuyết Kiên ái do Mặc Tử chủ trương.

MẶC TỬ (479-381 tr. TL) tên là Mặc Địch, sống trong giai đoạn cuối thời Xuân Thu, đầu thời Chiến Quốc, sanh sau Đức Khổng Tử chừng chục năm và chết trước khi Mạnh Tử sanh ra. Mặc Tử nêu ra học thuyết Kiên ái để chống lại học thuyết của Đức Khổng Tử.

Trong sách Mặc Tử có 3 thiên nói về Kiên ái. Theo Mặc Tử, Kiên là gồm hết thảy coi như nhau, trái với Biệt là sự chia rẽ phân biệt nhau; Ái là lòng thương yêu, trái với Ố là sự thù ghét nhau. Kiên ái là thương yêu hết thảy mọi người như nhau. Yêu mình như yêu người, yêu người ngoài cũng như yêu người thân, không có người làng mình làng người, không có người nước mình nước người. Đó chính là ý chí của Trời: Gồm yêu hết thảy những người mà ta yêu.

Vì thế, Kiên ái cũng có nghĩa là Nhân nghĩa. Người Nhân nghĩa là người thực hiện Kiên ái, là cái thực của Nhân, là nội dung của Nghĩa.

Kiên ái hay Nhân nghĩa bao giờ cũng đem lại lợi ích cho mọi người. Vì vậy, khi nói tới Kiên ái hay Nhân nghĩa, Mặc Tử thường nói đến cái lợi của thiên hạ: Lợi là Nghĩa vậy. Nghĩa là danh, lợi là thực, nghĩa là cái tên đẹp của lợi, lợi là cái thực của nghĩa. Như thế, Kiên ái còn có nghĩa là làm lợi cho tất cả mọi người như nhau. Đó là ý chí của Trời.

Người nhân sở dĩ làm việc tốt là để hưng cái lợi của thiên hạ, trừ khử cái hại của thiên hạ.

Trong xã hội, Kiên và Biệt, Ái và Ố là hai nguyên tắc, hai thái độ sống hoàn toàn đối lập nhau.

Kiên và Biệt, lấy gì để xác định cái nào đúng, cái nào sai? Mặc Tử đưa ra phép Tam Biểu làm qui tắc chuẩn mực xác định đúng sai. Tam Biểu là: - Có cái gì để làm gốc, - Có cái gì để làm nguyên, - Có cái gì để dùng.

Gốc là ở chí của Trời và việc của Thánh nhân đời xưa.

Nguyên là ở chỗ nào? Dưới thì dò xét trước sự thật tai mắt của trăm họ.

Dụng là ở chỗ nào? Đưa ra làm việc hành chánh xem có lợi cho nhà nước và trăm họ hay không.

Như thế, Tam Biểu là qui tắc hướng dẫn nhận thức và hành động của con người, để nhận thức phân biệt phải trái, lợi hại, người ta trước tiên phải lấy ý chí Trời và việc làm của Thánh vương xưa làm gốc. Trong quá trình nhận thức, việc tổng kết khái quát và kế thừa những kinh nghiệm của các thế hệ đã qua là điều rất quan trọng.

Trong Biểu thứ hai và ba, khi quan niệm sự đúng đắn của tri thức và hành động của con người thì phải cứ vào chuẩn mực "*tai mắt trăm họ*" và "*việc làm hành chánh xem có lợi cho nhà nước và trăm họ không.*" Lợi cho nhà nước và cho trăm họ là tiêu chuẩn để Mặc Tử qui định mọi giá trị. Tiêu chuẩn ấy, Mặc Tử dùng để chứng tỏ sự cần thiết phải thực hành Kiêm ái.

Người nhân làm việc ắt vụ cầu phát huy điều lợi, trừ điều hại cho thiên hạ. Những điều hại của thiên hạ thời nay, điều nào lớn hơn cả? Như nước lớn đánh nước nhỏ, nhà lớn cướp nhà nhỏ, mạnh lấn yếu, đông lấn ít, khôn lừa ngu, sang khinh hèn, đó là những điều hại lớn cho thiên hạ.

Cái điều hại lớn đó bởi đâu mà ra? Có phải bởi yêu người và làm lợi cho người mà ra hay không? Ất là không phải, tất nhiên là do sự ghét người và muốn làm hại người mà ra. Đó là Biệt Ái (chỉ biết thương mình). Thế thì Biệt Ái là cái hại lớn cho thiên hạ.

Hễ cho là sai, tất nhiên phải có gì để thay vào, cho nên ta nói Kiêm ái thay cho Biệt ái. Nếu coi nước người như nước mình thì làm sao đem quân đánh nước người được?

Chúng ta đã thấy, dựa vào công lợi, Mặc Tử đã chứng minh sự hợp lý tuyệt đối của thuyết Kiêm ái.

Người có đức nhân và có nhiệm vụ phát huy điều lợi, trừ điều hại cho thiên hạ, phải đem thuyết Kiêm ái ra làm tiêu chuẩn hành động cho mình và cho mọi người. Khi mọi người đều hành động theo tiêu chuẩn ấy thì đó là đem cái tai rõ, cái mắt sáng để nghe trông cho nhau; đem cái chân tay khỏe

mạnh để làm việc giúp đỡ cho nhau. Cho nên, người già cô độc có kẻ nuôi dưỡng cho trọn tuổi thọ, những trẻ mồ côi có chỗ nương tựa cho được lớn khôn. Nếu thực hiện được Kiêm ái thì lợi cho trăm họ như thế đó. Đó là thế giới lý tưởng mà Mặc Tử chủ trương xây dựng bởi thuyết Kiêm ái. Đó cũng gọi là Đại Đồng.

Như vậy, tư tưởng Kiêm ái của Mặc Tử là sự thể hiện tinh thần dân chủ bình đẳng sơ khai và chủ nghĩa vị tha trong triết học của ông. Nó phản ánh sâu sắc ước mơ của đại đa số nhân dân lao động nước Tàu thời bấy giờ. Chính vì thế mà Triết học Mặc Tử không được coi là công cụ tinh thần đặc lực của kẻ thống trị, không được giới thống trị ủng hộ, nên dần dần chìm vào quên lãng.

Kiêm nhiệm

兼任

A: To hold several charges.

P: Cumuler plusieurs charges.

Kiêm: Gồm cả. **Nhiệm:** nhiệm vụ, chức vụ.

Kiêm nhiệm là một người đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng trong cùng một lúc.

Đức Lý Thái Bạch Đại Tiên Trưởng là Nhứt Trấn Oai Nghiêm của Đạo Cao Đài, cầm quyền Tiên giáo thời ĐĐTKPĐ. Đức Chí Tôn lại giao thêm cho Đức Lý kiêm nhiệm chức Giáo Tông, nên khi cúng, chúng ta niệm: Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông ĐĐTKPĐ.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

KIỂM

KIỂM

KIỂM: 檢 Xem xét kỹ lưỡng có đúng không.

Td: Kiểm duyệt, Kiểm đàn.

Kiểm duyệt - Ban Kiểm Duyệt

檢閱 - 班檢閱

A: To censure - The censor 's office.

P: Censurer - Office de censeur.

Kiểm: Xem xét kỹ lưỡng có đúng không. **Duyệt:** xem xét.

Kiểm duyệt là tra xét kỹ lưỡng.

Kiểm duyệt kinh sách là xem xét kỹ lưỡng về nội dung và hình thức các loại kinh sách, báo chí phổ biến có đúng theo luật pháp và giáo lý của Đạo không, để cho phép ấn hành.

Ban Kiểm Duyệt là một Ban được Hội Thánh bổ nhiệm, giao phó cho nhiệm vụ kiểm duyệt các kinh sách của Đạo.

Theo PCT qui định, quyền kiểm duyệt kinh sách là của 3 vị Chưởng Pháp CTĐ.

PCT: Vậy chúng nó (Đức Chí Tôn nói 3 vị Chưởng Pháp) có quyền xem xét kinh điển trước lúc phổ thông, như thảng có kinh luật làm cho hại phong hóa thì chúng nó phải trừ bỏ, chẳng cho xuất bản.

CG: Nói rằng có quyền xem xét kinh điển trước lúc phổ thông, thì tức phải kiểm duyệt các kinh điển ấy trước khi xuất bản. Ấy vậy, tuy kiểm duyệt thì tự quyền Chưởng Pháp định đoạt, bất câu kinh sách nào mà làm cho hại phong hóa cùng là sái Đạo luật thì Ngài có quyền trừ bỏ, không cho xuất bản, song trước khi thị nhận cho xuất bản hay là không cho, thì buộc Chưởng Pháp phải đệ lên HTĐ cầu xin phê chuẩn mới đăng. Chẳng phải nói kinh điển của người trong Đạo làm ra mà thôi, dầu cho người ngoại giáo làm ra đi nữa, nếu có thương phong bại tục thì buộc Hội Thánh phải vừa giúp Chưởng Pháp mà lo trừ diệt cho đăng.

Trong thời gian CTĐ chưa có Chưởng Pháp thì quyền kiểm duyệt các kinh sách Đạo được giao về cho HTĐ.

Do đó, Đức Thượng Sanh, khi cầm quyền Chưởng Quản HTĐ, có ra Đạo Lệnh thành lập Ban Kiểm Duyệt Hỗn Hợp gồm các Chức sắc đại diện HTĐ, CTĐ và CQPT, để kiểm duyệt các kinh sách của Đạo.

Nguyên văn Đạo Linh này xin chép ra sau đây:

HIỆP THIÊN ĐÀI

Văn Phòng
Thượng Sanh

Số: 017/ĐL

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Tam thập bát niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

THƯỢNG SANH và THẬP NHỊ THỜI QUÂN

Chiếu Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,

Chiếu Vi Bằng ngày 10 tháng 3 Đinh Dậu (dl 9-4-1957) của Hội Thánh CTĐ và CQPT nam nữ yêu cầu Ngài Thượng Sanh và chư vị Thời Quân về Tòa Thánh cầm giềng mối Đạo.

Nghĩ vì cần lập Ban kiểm duyệt những kinh, Thánh giáo và sách vở của Đạo trước khi ban hành để tránh điều sơ sót.

Chiếu Vi Bằng số 10/VB buổi nhóm ngày 8 tháng 4 nhuận Quý Mão (dl 30-5-1963), Hội Thánh HTĐ quyết định thành lập Ban Kiểm Duyệt để thi hành mục chiếu thượng, nên:

ĐẠO LỊNH

Điều thứ nhất: Kể từ đây, Hội Thánh HTĐ đảm nhiệm sự kiểm duyệt những kinh, Thánh ngôn của Đạo trước khi đem ra ban hành. Những kinh hay Thánh ngôn nào không có sự kiểm duyệt của Hội Thánh HTĐ thì kể như bất hợp pháp, Chức sắc và Đạo hữu không nên tin dùng.

Điều thứ nhì: Thành lập một Ủy Ban Hỗn Hợp đảm đương sự kiểm duyệt có tánh cách thường xuyên các sách vở của Đạo trước khi cho phép ấn tống. Ủy Ban Hỗn Hợp này có:

- **Hiệp Thiên Đài:** Ông Hiến Pháp, Trưởng Ban.
- **Cửu Trưng Đài:** 3 vị Chánh Phối Sư hay đại diện của mỗi vị, Hội viên.
- **Phước Thiện:** Vị Chưởng quản CQPT hay đại diện của Ông, Hội viên.

Điều thứ ba: Mặc dầu 3 vị Chánh Phối Sư hay vị Chưởng quản CQPT, trong thành phần Ủy Ban Hỗn Hợp kể nơi điều thứ hai trên đây, có thể đề cử người đại diện cho mình, song

sau khi kiểm duyệt xong xuôi, 3 vị Chánh Phối Sư và vị Chưởng quản PT cũng phải đứng ký tên chịu trách nhiệm.

Điều thứ tư: Nếu trong quyển sách dự thảo đem ra kiểm duyệt mà có khoản nào hoặc câu nào không được xác nghĩa, cần thêm hay bớt, thì Ủy Ban ghi chú sẵn và mời tác giả đến giải thích cho minh xác. Khi kiểm duyệt hoàn tất, Ủy Ban sẽ đệ trình lên Hội Thánh HTĐ kiểm xét lại mới cho ấn tống.

Điều thứ năm: Ông Hiến Pháp HTĐ, 3 vị Chánh Phối Sư CTĐ và vị Chưởng quản CQPT thi hành; Ông Quyền Đầu Sư và Ông Khai Đạo điều khiển Phước Thiện tùy nhiệm vụ ra lệnh ban hành Đạo Lịnh này.

Tòa Thánh, ngày 10 tháng 4 nhuận Quý Mão.
(dl 01-06-1963)

THƯỢNG SANH

(ấn ký)

KHAI ĐẠO
(ấn ký)

TIẾP PHÁP
(ấn ký)

BẢO THỂ
(ấn ký)

PCT: Pháp Chánh Truyền.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Kiểm đàn

檢壇

Kiểm: Xem xét kỹ lưỡng có đúng không. **Đàn:** đàn cúng tại Tòa Thánh hay Điện Thờ.

Kiểm đàn là người có phận sự sắp đặt và giữ gìn trật tự trang nghiêm trong một đàn cúng tại Tòa Thánh, Thánh Thất hay Điện Thờ.

Tất cả những vị kiểm đàn nam nữ ở trong một Ban do Hội Thánh lập ra gọi là Ban Kiểm Đàn, có một vị Chức sắc đứng đầu. Ban Kiểm Đàn đặt dưới quyền của Hộ Đàn Pháp Quân.

KIỀN**KIỀN**

(Xem: Càn)

KIẾN**KIẾN**

1. **KIẾN:** 建 Dựng nên, gây dựng.
Td: Kiến công, Kiến trúc.
2. **KIẾN:** 見 Thấy, ý thức.
Td: Kiến tánh.

Kiến công lập vị**建功立位**

Kiến: Dựng nên, gây dựng. **Công:** công quả. **Lập vị:** tạo nên phẩm vị.

Kiến công lập vị là gây dựng công quả để tạo nên phẩm vị cao trọng trong cửa Đạo.

TNHT: Đường đời khúc mắc chông gai là lẽ Thiên cơ đã định vậy, cái nơi để cho cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đến *kiến công lập vị*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Kiến cơ nhi tác**見機而作**

Kiến: Thấy, ý thức. **Cơ:** cái máy, cơ hội. **Nhi:** mà. **Tác:** làm.

Kiến cơ nhi tác là thấy có cơ hội mới làm.

Sách Nho có câu: *Xúc mục bất phân giai tiểu xuân; kiến cơ nhi tác hựu ngôn gian*. Nghĩa là: Thấy qua mà không phân biệt rõ ràng thì bị người ta cười là ngu xuẩn; biết thời cơ mà làm thì bị người ta bảo là gian hùng.

Còn trong Kinh Dịch thì nói: *Quân tử kiến cơ nhi tác*. Người quân tử cần phải quan sát thấy được điềm báo trước cơ hội tốt mới hành động thì mới đạt được thành công chắc chắn.

Kiến Dần - Kiến Tý - Kiến Sửu

建寅 - 建子 - 建丑

Kiến: Dựng nên, gây dựng. **Dần, Tý, Sửu:** 3 Chi trong Thập nhị Địa Chi.

Kiến Dần là xây dựng âm lịch trên chính sóc là Dần, nghĩa là đặt tên tháng Giêng là tháng Dần.

Kiến Tý là xây dựng âm lịch trên chính sóc là Tý, nghĩa là đặt tên tháng Giêng là tháng Tý.

Kiến Sửu là xây dựng âm lịch trên chính sóc là Sửu, nghĩa là đặt tên tháng Giêng là tháng Sửu.

Việc đặt tên tháng Giêng đầu năm âm lịch theo Thập nhị Địa chi thay đổi nhiều lần qua nhiều vị vua.

Trong Chú giải Kinh Thi có ghi chép như sau:

- Đời vua Huỳnh Đế, và đời nhà Hạ, gọi tháng Giêng là tháng Dần (Kiến Dần). Theo đó thì tháng 12 là tháng Sửu.
- Nhà Thương gọi tháng Giêng là tháng Sửu (Kiến Sửu).
- Nhà Châu, gọi tháng Giêng là tháng Tý (Kiến Tý).
- Nhà Tần, gọi tháng Giêng là tháng Hợi (Kiến Hợi).
- Đến đời nhà Hán thì gọi tháng Giêng là tháng Dần, tức là theo lịch nhà Hạ (Kiến Dần).

Từ đây trở về sau, không còn thay đổi nữa. Các vua đời sau đều áp dụng Kiến Dần theo lịch nhà Hạ.

Âm lịch của nước ta theo âm lịch của Tàu, nên dùng tháng Giêng (Chính sóc) là tháng Dần. Có lẽ điều này thích hợp với quan niệm về vũ trụ và nhân sinh của người phương Đông

theo Nho giáo: Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần. Nghĩa là: Trời mở ra ở Hội Tý, Đất mở rộng ở Hội Sửu, Người sanh ra ở Hội Dần.

Làm lịch là để nhơn sanh dùng, nên lấy tháng Giêng là tháng Dần là đúng theo: Nhơn sanh ư Dần.

Nếu lấy Kiến Dần, các tháng âm lịch trong năm là:

- | | | | |
|----------------|------------|-------------|-------|
| - Tháng giêng: | DẦN. | - Tháng 7: | Thân. |
| - Tháng 2: | Mẹo (Mão). | - Tháng 8: | Dậu. |
| - Tháng 3: | Thìn. | - Tháng 9: | Tuất. |
| - Tháng 4: | Tỵ. | - Tháng 10: | Hợi. |
| - Tháng 5: | Ngọ. | - Tháng 11: | Tý. |
| - Tháng 6: | Mùi. | - Tháng 12: | Sửu. |

Kiến giá

見駕

Kiến: Thấy, ý thức. **Giá:** xe của vua đi.

Kiến giá là ra mắt Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

TNHT: Chư hiền hữu chính tề đọi *kiến giá* Chí Tôn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã

見義不為無勇也

Kiến: Thấy, ý thức. **Nghĩa:** điều nghĩa, việc nghĩa. **Bất vi:** không làm. **Vô dũng:** không dũng cảm. **Dã:** vậy.

Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã: Thấy việc nghĩa mà không làm thì người ấy không có dũng khí vậy.

Đức Khổng Tử có viết rằng:

Kính quỷ thần nhi viễn chi khả vị trí hĩ.

Phi kỳ quỷ nhi tế chi siểm dã.

Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã.

Nghĩa là:

Kính quỷ thần mà lánh xa, là khá khôn ngoan vậy.

Chẳng phải quỷ thần mà cúng tế là dua nịnh vậy.

Thấy việc nghĩa không làm là không có khí dừng vậy.

Kiến tánh thành Phật

見性成佛

Kiến: Thấy, ý thức. **Tánh:** cái bản tánh của con người, cái bản tánh này vốn lành nên được gọi là Thiên tánh hay Phật tánh.

Kiến tánh là thấy được tánh, tức là thấy được cái bản tánh vốn lành và trong sạch của mình. Khi kiến tánh tức nhiên đắc thành Phật vị.

Thấy được tánh là thấy rõ cái mặt mũi xưa nay của mình, tức là là thấy cái "Bổn lai diện mục", cái không sinh không diệt, không thiện không ác, vượt ra ngoài những đối đãi mà Thiên tông gọi là "Chủ nhân ông" nơi mỗi người.

Tương truyền, Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma có làm bài kệ nổi tiếng sau đây:

Bất lập văn tự,	不立文字
Giáo ngoại biệt truyền,	教外別傳
Trực chỉ nhơn tâm,	直指人心
Kiến tánh thành Phật.	見性成佛

Nghĩa là:

Chẳng lập văn tự,
Dạy ngoài truyền riêng,
Chỉ thẳng tâm người,
Thấy tánh thành Phật.

Đạo truyền riêng ngoài kinh điển, trực tiếp, không qua chữ nghĩa, nhắm thẳng vào nội tâm, kiến chiếu vào tự tánh để thành Phật.

Hai câu đầu định cơ bản lập tông, hai câu sau định phương pháp thể nghiệm. Vì giáo ngoại biệt truyền nên không y cứ theo kinh điển; vì bất lập văn tự nên không cấu tạo tư tưởng lý luận; chỉ có kiến tánh là thành Phật nên không có gì để nói được. Đó là phép trực chỉ và tâm truyền vật."

Đây là một thông điệp đặc trưng thù thắng mở đầu dòng Thiền Trung hoa. Bài kệ 16 chữ ở trên nêu lên cơ bản lập giáo của Đạo Thiền khác hẳn với các môn phái Phật giáo khác đương có tại Trung hoa.

Kiến trúc - Ban Kiến Trúc

建築 - 班建築

A: The construction - Committee of construction.

P: La construction - Comité de construction.

Kiến: Dựng nên, gây dựng. **Trúc:** xây dựng nhà cửa.

Kiến trúc là nói chung về việc xây dựng nhà cửa, đền đài.

Ban Kiến Trúc là một bộ phận của Cơ quan Công thợ có nhiệm vụ chuyên môn, thiết kế, xây dựng, trang trí các Thánh Thất, các Điện Thờ Phật Mẫu, cùng các dinh thự khác của Đạo từ trung ương đến địa phương.

Cơ quan Công thợ được thành lập chánh thức do Thánh Lệnh của Đức Phạm Hộ Pháp số 231 ngày mùng 9-7-Canh Dần (dl 22-8-1950). Cơ quan Công thợ bao gồm các Ban: Ban Kiến Trúc, Ban Nhà Thuyền, Ban Mỹ Thuật, v.v...

Đứng đầu Ban Kiến Trúc là một vị Tổng Giám, có các vị Phó Tổng Giám và Tá Lý giúp việc.

Nguyên văn Thánh Lệnh 231 của Đức Phạm Hộ Pháp thành lập Cơ quan Công thợ, xin chép ra sau đây:

HỘ PHÁP ĐƯỜNG

Văn Phòng

Số: 231/TL

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(*Nhị thập ngũ niên*)

TÒA THÁNH TÂY NINH

HỘ PHÁP

**Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng.**

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,

Chiếu y Đạo Luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (dl 15-2-1938) giao quyền thống nhất Chánh Trị Đạo cho Hộ

Pháp nắm giữ cho đến ngày có Đầu Sư chánh vị,

Nghĩ vì Cơ quan Công thợ trong châu vi Tòa Thánh chưa có hàng phẩm tương đối với các cơ quan khác đặng mở đường lập vị cho họ, nên:

THÁNH LỆNH:

Điều thứ nhất: Đặt riêng CƠ QUAN CÔNG THỢ trong châu vi Tòa Thánh những danh từ và trách vụ như dưới đây:

- a. Tá Lý coi về một Sở.
- b. Phó Tổng Giám làm đầu một hay nhiều Sở, dưới quyền Tổng Giám.
- c. Tổng Giám kiểm soát toàn thể các Cơ Sở.

Điều thứ nhì: Những chức vụ kể trên đối hàm như vầy:

- a. Tá Lý đối hàm Chánh Trị Sự hay Hành Thiện.
- b. Phó Tổng Giám đối hàm Lễ Sanh.
- c. Tổng Giám đối hàm Giáo Hữu.

Điều thứ ba: Mỗi bậc kể trên cũng phải hành sự đủ 5 năm mới được thăng lên và tới bậc Tổng Giám thì được Hội Thánh đem ra Quyền Vạn Linh công nhận vào hàng Giáo Sư sau khi đầy đủ công nghiệp.

Điều thứ tư: Chư vị Bảo Thế, vị Khai Pháp chưởng quản Bộ Pháp Chánh, vị Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư, các tư kỳ phận, lãnh thi hành Thánh Lệnh này.

Lập tại Tòa Thánh, ngày 9 tháng 7 Canh Dần.

(22-Août-1950)

HỘ PHÁP

(ấn ký)

Theo Thánh Lệnh này:

- Cơ quan Công thợ không trực thuộc riêng một Đài nào cả mà chịu dưới quyền của Hội Thánh ĐĐTKPĐ. Khi Ngọc Hư Cung giao cho HTĐ cầm quyền nền Đạo thì Cơ quan Công thợ đương nhiên chịu dưới hệ thống của HTĐ.

- Các phẩm: Tổng Giám, Phó Tổng Giám, Tá Lý không có

Đạo phục riêng khi châu lễ Đức Chí Tôn, nên các vị này phải mặc Đạo phục của Đạo hữu và đứng ở hàng Đạo hữu để châu lễ Chí Tôn. Nhưng khi các vị trong 3 phẩm này qui liễu thì được hành lễ tang theo các phẩm cấp tương đương, nghĩa là:

- Tổng Giám được hành lễ tang theo hàng Giáo Hữu.
- Phó Tổng Giám được hành lễ tang theo hàng Lễ Sanh.
- Tá Lý được hành lễ tang theo hàng Chánh Trị Sự.

Có một sự kiện xảy ra giữa Ban Kiến Trúc và Hội Thánh PT, xin nêu ra để chúng ta thấy pháp lý về Ban Kiến Trúc.

Trong việc xây dựng cửa Chánh Môn, Ngài Bảo Thế quyết định xây theo kiểu vở do Ty Kiến Thiết Tây Ninh vẽ, không dùng họa đồ của Ban Kiến Trúc vẽ theo sự chỉ dạy của Đức Phạm Hộ Pháp khi xưa. Tổng Giám Ban Kiến Trúc lúc đó là ông Lê Văn Thế phản đối việc này và tuyên bố: Nếu Ngài Bảo Thế quyết định xây dựng theo họa đồ của Đờ thì ông không dám bỏ công thợ đến xây dựng.

Để tiến hành xây cất Chánh môn, Ngài Bảo Thế ra lệnh cho ông Chưởng quản CQPT ra văn thơ thảo hồi quyền chức Tổng Giám của ông Lê Văn Thế. Lúc đó Ngài Bảo Thế làm Quyền Chưởng quản HTĐ kiêm Thống quản CQPT.

Ông Tổng Giám thấy việc làm của Ngài Bảo Thế có tính cách áp bức, nên đem tất cả nội vụ trình lên Đức Thượng Sanh. Đức Thượng Sanh yêu cầu Bộ Pháp Chánh minh tra và phúc trình cho Ngài rõ, rồi Ngài ra văn bản giải quyết như sau:

HIỆP THIÊN ĐÀI

Văn Phòng
Thượng Sanh

Số: 072/TS

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(Tứ thập niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

**THƯỢNG SANH
CHƯƠNG QUẢN HIỆP THIÊN ĐÀI**

Kính gởi: - Hiền huynh Bảo Thế,
- Hiền huynh Đầu Sự.

Tham chiếu: *V/v Chương quản Phước Thiện ra Huấn Lệnh đầu hồi nhiệm vụ của vị Tổng Giám Ban Kiến Trúc Lê Văn Thế.*

Kính Quý Hiền huynh,

Theo Phúc Trình minh tra số 157/PC của Hiền huynh Hiến Pháp Chương quản Bộ Pháp Chánh thì vị Chương quản Phước Thiện không có thẩm quyền đầu hồi nhiệm vụ của vị Tổng Giám Ban Kiến Trúc Lê Văn Thế vì chức vụ Tổng Giám ngang hàng với Giáo Hữu CTĐ.

Ngoài ra, chiếu theo Thánh Lệnh số 231/TL ngày 20-8-1950 của Đức Hộ Pháp, Ban Kiến Trúc là một Cơ quan Công thợ biệt lập chịu dưới quyền điều khiển của vị Tổng Giám và đặt dưới hệ thống của CTĐ và Phước Thiện đặng tạo tác hoặc tu bổ các cơ sở trong châu vị Tòa Thánh.

Nếu Tổng Giám Cơ quan này không làm tròn phận sự hoặc không tuân lệnh thượng cấp, thì tùy trường hợp, bên Hành Chánh hay bên Phước Thiện phúc báo lên Hội Thánh HTĐ để nội vụ được giao qua Bộ Pháp Chánh minh tra đủ lẽ rồi Hội Thánh HTĐ mới quyết định sau.

Vậy xin quý Hiền huynh ra lệnh cho các cơ quan dưới quyền trực thuộc của mình thì hành theo đề nghị của Bộ Pháp Chánh gồm 2 khoản sau đây:

1. *Quyền chức của vị Tổng Giám Lê Văn Thế vẫn giữ như cũ.*

2. *Ngưng công cuộc tạo tác những Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu trong các Phận Đạo chiếu theo lời phê của Đức Hộ Pháp và quyết nghị của Hội Nhơn Sanh năm Giáp Thìn. Những Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu cất lờ rồi, Hội Thánh sẽ tùy nghi sửa đổi cho hợp thời và hợp lệ.*

Nay kính.

Tòa Thánh, ngày 25-8-năm Ất Ty (dl 20-9-1965).

THƯỢNG SANH

(ấn ký)

SỐ 221/SL: Sao y Bản chánh

Tư cho Q. Ngọc Chánh Phối Sư, lệnh cho Khâm
Thành thi hành khoản 2 trong Chỉ thị này.
Tòa Thánh, ngày 28-8-Ất Ty.

ĐÀU SƯ
Thượng Sáng Thanh
(ấn ký)

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

KIẾNG

KIẾNG

Cùng một chữ: KÍNH, người miền Bắc đọc là Kính, người miền Nam đọc là Kiếng. Vậy: Kiếng là Kính.

Kính có 2 nghĩa: - tấm gương soi, - kính trọng.

Td: Mắt kính: Mắt kiếng.

Kính soi mặt: Kiếng soi mặt.

Cúng kính: Cúng kiếng.

TNHT: Các em phải cúng *kiếng* thường....

GTK: Nghĩa hữu bằng phải *kiếng* phải tin.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GTK: Giới Tâm Kính.

KIẾP

KIẾP

KIẾP: 劫 Một đời sống kể từ lúc sanh ra cho đến lúc chết.

Td: Kiếp căn, Kiếp khiên.

Kiếp căn

劫根

A: Sort, destiny.

P: Sort, destinée.

Kiếp: Một đời sống kể từ lúc sanh ra cho đến lúc chết.
Căn: gốc rễ.

Kiếp căn là chỉ đời sống hiện tại và những buồn vui trong cuộc sống do gốc rễ từ kiếp trước, tức là do những điều phước đức hay những oan nghiệt mà mình đã gây tạo trong kiếp trước. Nếu kiếp trước làm điều phước thiện thì kiếp này hưởng được giàu sang sung sướng.

KTKCQV: Gởi kiếp căn chàng mở dây oan.

KTKCQV: Kinh tụng Khi Chồng Qui Vị.

Kiếp duyên - Kiếp quả

劫緣 - 劫果

Kiếp: Một đời sống kể từ lúc sanh ra cho đến lúc chết.
Duyên: mỗi dây ràng buộc đã gây ra từ kiếp trước. Duyên cũng là cái sức hỗ trợ cho cái Nhân thành Quả.

Quả: cái trái, kết quả.

- *Kiếp duyên là kiếp sống hiện tại có được là do những mối dây ràng buộc mà mình đã tạo ra từ kiếp trước.*

- *Kiếp quả là kiếp sống hiện tại là kết quả của những việc làm thiện ác đã gây ra trong kiếp sống trước.*

TĐ ĐPHP: Đêm nay, Bàn đạo giảng *kiếp duyên, kiếp quả* của chúng ta. Chúng ta phải hiểu nghĩa kiếp duyên là gì? và kiếp quả là gì? Chúng ta biết đương nhiên kiếp sanh của chúng ta bây giờ ở trong cái tình trạng nào?

Kiếp quả, theo chơn lý của Phật, đã nói rằng: Cái nợ quả của chúng ta nó làm cho chúng ta sanh nơi cõi trần này. Chúng ta có xác thịt thì hài làm người nơi mặt địa cầu này, do nơi nợ quả của chúng ta mà ra, đã mang căn kiếp số đương nhiên do nơi nợ quả của tiền kiếp, rồi cái kiếp tương lai do

nơi nhơn quả của kiếp bây giờ. Bởi chúng ta đã đào tạo ra nhân nên mới sanh ra quả. Mà có quả, tức nhiên chúng ta phải tái kiếp đặng đền cái quả ấy, gọi là Kiếp quả.

Bây giờ Kiếp duyên, là chúng ta đã làm đủ phận sự trong kiếp sanh trước: Trọn vẹn nhơn đạo, và chúng ta đã gieo cái tình ái vô biên trong tâm thần của các bạn đồng sanh của chúng ta, ta đã thi ân cho họ, ngày giờ này chúng ta phải có mặt tại thế này để cho họ trả cái quả kiếp của họ, gọi là Kiếp duyên; hay là cái căn tu của chúng ta đã đoạt ngôi vị nơi thiêng liêng, thì ta cũng phải tái kiếp đặng đoạt cái phẩm vị nơi cõi trần này, đó là chúng ta đã đào tạo cái nhơn duyên của chúng ta đó vậy. Trong kiếp duyên của chúng ta, kiếp ngộ đạo là hạnh phúc hơn hết, trọn hệ hơn hết, mà chính cái ngộ đạo ấy, chúng ta có thể may duyên hội hiệp cùng Đại Từ Phụ, ngồi trong lòng Đức Chí Tôn. Cái kiếp duyên cao trọng hơn hết là đây.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Kiếp hòa căn

劫和根

Kiếp: Một đời sống kể từ lúc sanh ra cho đến lúc chết.

Hòa: trộn lẫn vào nhau. **Căn:** gốc rễ.

Kiếp hòa căn là cái kiếp sống hiện tại với những thăng trầm khổ vui lẫn lộn là do sự pha trộn ảnh hưởng của các việc thiện và ác đã gây tạo ra nơi kiếp trước.

PMCK: Lập Tam Tài định kiếp hòa căn.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Kiếp khiên

劫愆

A: The sins in the life.

P: Les péchés dans la vie.

Kiếp: Một đời sống kể từ lúc sanh ra cho đến lúc chết.

Khiên: tội lỗi.

Kiếp khiên là những tội lỗi đã tạo ra trong kiếp sống.

KĐT: Trường thi Tiên, Phật, dượt *kiếp khiên*.

KĐT: Kinh Đại Tường.

Kiếp phù sinh

劫浮生

A: Ephemeral destiny.

P: La destinée éphémère.

Kiếp: Một đời sống kể từ lúc sanh ra cho đến lúc chết.

Phù: nổi. **Sinh:** sống.

Kiếp phù sinh là cái kiếp sống của con người ngắn ngủi như cái bọt nổi trên mặt nước.

TNHT: Chung đỉnh mắng tranh giành, lợi danh thường chác buộc, *kiếp phù sinh* không mấy lát, đời giả dối chẳng là bao.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Kiếp số nan đào

劫數難逃

Kiếp: Một đời sống kể từ lúc sanh ra cho đến lúc chết. **Số:** vận mạng. **Nan:** khó. **Đào:** chạy trốn.

Kiếp số hay Số kiếp là cái vận mạng của kiếp sống đã được định sẵn do những việc làm thiện ác trong kiếp trước.

Kiếp số nan đào là cái vận mạng của kiếp sống đã định rồi thì không thể trốn chạy đi đâu cho thoát khỏi được.

Muốn thay đổi kiếp sống cho được tốt đẹp hơn thì chỉ có một con đường duy nhất là chí tâm hành thiện, bổ thí, để dùng phước đức ấy trừ bớt nghiệp ác mà mình đã gây tạo.

Kiếp trái

劫債

A: The debt of past life.

P: La dette de la vie antérieure.

Kiếp: Một đời sống kể từ lúc sanh ra cho đến lúc chết.

Trái: món nợ.

Kiếp trái là món nợ mà mình đã gây ra trong kiếp trước.

Theo luật Công bình thiêng liêng, hễ thiếu nợ thì phải trả, trả đầy đủ chớ không thể trốn nợ được, kiếp này không trả hết thì kiếp sau phải tiếp tục trả nữa, trả đến khi nào dứt nợ mới thôi. Nợ tình, nợ tiền, nợ oan nghiệt, nợ ơn nghĩa, tất cả đều phải đền trả một cách đầy đủ, công bằng.

TNHT: Nước mắt chưa lau cơn *kiếp trái*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Kiếp trần

劫塵

A: The life in the world.

P: La vie dans le monde.

Kiếp: Một đời sống kể từ lúc sanh ra cho đến lúc chết.

Trần: cõi trần, cõi của nhơn loại đang sống.

Kiếp trần là kiếp sống nơi cõi trần.

Cõi trần là cõi đọa, tức là cõi để trả quả; cõi này có nhiều ác trước, nhưng nếu ai tu hành được thì rất mau đắc đạo, chỉ một kiếp giác ngộ tu hành đủ trở về cùng Đức Chí Tôn.

TNHT: Cái *kiếp trần* này trẻ chớ ham.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KIẾT

KIẾT

1. **KIẾT:** 結 cũng đọc Két: Buộc lại, cuối cùng.
Td: Kiết chứng, Kiết già.
2. **KIẾT:** 吉 cũng đọc là Cát: Tốt lành.
Td: Kiết hung, Kiết tường.

Kiết chứng công nghiệp

結證功業

Kiết: Buộc lại, cuối cùng. **Chứng:** nhận thực. **Công nghiệp:** công lao và sự nghiệp đối với Đạo.

Tờ Kiết chứng là tờ giấy nhận thực sự việc xảy ra đúng như tờ giấy đã ghi.

Kiết chứng công nghiệp là tờ giấy chứng nhận công nghiệp hành đạo của người ghi trong giấy này là đúng sự thật.

ĐLMD: Chiếu Thánh giáo của Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn thì Chánh Trị Sự phải có 5 năm công nghiệp đầy đủ với chức trách của mình, sau nữa phải có tờ *kiết chứng công nghiệp*, tờ tánh hạnh, trường trai, đạo đức. đủ tư cách và phải độ đặng 300 người nhập môn mới đặng đem vào sổ cầu phong.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Kiết già (Két già)

結跏

Kiết già hay Két già, nói đầy đủ là **Kiết già phu tọa**, là cách ngồi xếp bằng hai chân gác chéo nhau tạo thành thế ngồi rất vững của các tăng ni Phật giáo khi ngồi Thiền định.

Có hai cách ngồi Kiết già: Kiết tường và Hàng ma.

1. Cách ngồi Hàng ma: Trước đem mấy ngón chơn mặt mà ép vào bắp vế trái, kế đem mấy ngón chơn trái ép vào bắp vế mặt. Còn bàn tay trái thì lật ngửa để lên bàn tay mặt, gọi là ấn Hàng ma. Trong Thiền Tông thường áp dụng kiểu ngồi này.

2. Cách ngồi Kiết tường: Trước đem bàn chân trái đề lên vế đùi phải, sau đem bàn chân phải đề lên vế đùi trái, khiến cho 2 lòng bàn chân ngửa lên 2 vế đùi. Còn bàn tay phải lật ngửa đề lên bàn tay trái. Cách ngồi này được gọi là ngồi Hoa sen. Đức Phật Thích Ca khi ngồi thiền định dưới cội cây bồ đề thì ngồi theo cách Kiết tường (Hoa sen), nhưng hai bàn tay lại bắt ấn Hàng ma.

Người ngồi Kiết già không được thì ngồi theo thể **Bán già:** Chỉ cần gác một chân trái lên vế phải hay là chân phải lên vế trái là được.

Khi ngồi Thiền định, chỉ có cách ngồi Kiết già là cách ngồi yên ổn nhất, vững vàng nhất, và không mỏi mệt. Cách ngồi này có thủ pháp, Ma vương thấy thì sanh lòng sợ hãi, không dám khuấy phá.

Khi ngồi kiết già, tăng sĩ thường đọc bài kệ:

Kiết già phu tọa, Đương nguyện chúng sanh, Tọa bồ đề tọa, Tâm vô sở trước.

Nghĩa là:

Ngồi thể kiết già, Nên nguyện chúng sanh, Ngồi trên tòa trí tuệ, Tâm không vướng mắc.

Kiết hung (Cát hung)

吉凶

A: Lucky and unlucky.

P: Faste et néfaste.

Kiết: cũng đọc là Cát: Tốt lành. **Hung:** hung dữ, xấu.

Kiết hung hay Cát hung là tốt xấu, lành dữ.

BXTCĐPTTT: Thông rõ đời nhơn sự *kiết hung*.

BXTCĐPTTT: Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần.

Kiết nhật lương thần

吉日良辰

Kiết: cũng đọc là Cát: Tốt lành. **Nhật:** ngày. **Lương:** tốt.
Thần: giờ.

Kiết nhật lương thần là ngày lành giờ tốt.

4 chữ này thường dùng trong Sớ Văn.

Kiết tường (Cát tường)

吉祥

A: Good presage.

P: Présage heureux.

Kiết: cũng đọc là Cát: Tốt lành. **Tường:** điều tốt lành.

Kiết tường hay Cát tường là điều tốt lành, điềm lành.

Chữ VẠN 𠄎 vẽ nơi ngực của Đức Phật tiêu biểu cho sự kiết tường, nên chữ ấy được gọi là chữ Kiết tường. Khi gặp chữ ấy, như là gặp một điềm lành. (Xem chi tiết: Vạn, vắn V)

KIÊU

KIÊU

KIÊU: 驕 Khoe mình, tự cho mình là tài giỏi nên có ý khinh người.

Td: Kiêu căng, Kiêu hãnh.

Kiêu căng

驕矜

A: Proud.

P: Orgueilleux.

Kiêu: Khoe mình, tự cho mình là tài giỏi nên có ý khinh người. **Căng:** khoe khoang.

Kiêu căng là lên mặt tài giỏi, khinh người.

Kiêu căng trẻ nhún: Tự cho mình hay giỏi mà tỏ ra khinh rẻ chê bai mọi người.

TNHT: Hòn ngọc đẹp để quý báu dường này, Thầy đến cho các con, các con lại học *kiêu căng trẻ nhún*.

Kiêu căng tự đại: Tự cho mình tài giỏi hơn hết nên khinh thường mọi người.

TNHT: Tánh *kiêu căng tự đại* là hang thẳm chôn lấp trọn thân hình hồn phách đó.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Kiêu hãnh

驕倖

A: Vainglorious. P: Vaniteux.

Kiêu: Khoe mình, tự cho mình là tài giỏi nên có ý khinh người. **Hãnh:** sung sướng lộ ra ngoài nét mặt.

Kiêu hãnh là kiêu căng và hãnh diện.

TNHT: Đừng lòng *kiêu hãnh* cậy mình tài,
Nên nhớ chữ tài cận chữ tai.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KIẾU

Kiểu từ (Cáo từ)

告辭

A: To excuse oneself to retire.

P: S'excuser pour se retirer.

Kiểu: do chữ Cáo nói trại ra, nghĩa là lấy một cơ nào đó để xin ra về. **Từ:** xin lui, từ giã.

Kiểu từ tức Cáo từ là nêu ra một lý do nào đó để từ giã.

KIM

KIM

1. **KIM:** 金 - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc.
Td: Kim Bàn, Kim bảng, Kim câu.
2. **KIM:** 今 Ngày nay, thời nay.
Td: Kim ngưng.

Kim Bàn (Kim Bồn)

金盤

A: The golden basin of Buddha-Mother.

P: Le bassin en or de Bouddha-Mère.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Bàn:** Bồn: cái chậu, cái thau có hình tròn dẹt.

Kim Bàn hay Kim Bồn là cái chậu bằng vàng của Đức Phật Mẫu đặt nơi DTC dùng chứa các nguyên chất (nguồn chất) để tạo chơn thần cho các nguyên nhân giáng trần.

KĐ9C: Nơi Kim Bồn vàn vàn nguồn chất.

DTC: Diêu Trì Cung.

KĐ9C: Kinh Đệ Cửu cửu.

Kim bảng

金榜

A: Golden board.

P: Le tableau en or.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Bảng:** tấm bảng.

Kim bảng, dịch là Bảng vàng, là tấm bảng sơn son thếp vàng để biên tên những người thi đậu Trạng Nguyên hay Tiến sĩ thời xưa, được đặt nơi Văn Miếu (Miếu thờ Đức Khổng Tử).

Được ghi tên trên Kim bảng là cái vinh dự cao quý nhất của nho sĩ thời xưa. Trong tôn giáo, Kim bảng là chỉ sự đắc đạo.

TNHT: Ôi ! Thầy vì mấy chục ức nguyên nhân, không nở để ngôi phẩm tan tành, chớ lấy luật Thiên thơ thì không ai dự vào *kim bảng*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Kim câu

金鉤

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Câu:** cái móc, dẫn dắt.

Kim câu là cái Câu Tiên Bài của Đức Thái Thượng Lão Quân, Giáo chủ Tiên giáo, dùng làm lệnh điều khiển các Tiên.

Vị nào cầm Câu Tiên Bài là đại diện của Giáo chủ, ra lệnh thì các vị Tiên phải tuân hành, vì đó là lệnh của Giáo chủ.

KĐ4C: Vịn *Kim câu* đến chực Thiên môn.

KĐ4C: Kinh Đệ Tứ cửu.

Kim cô

金箍

A: The golden circle.

P: Le cercle en or.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Cô:** cái vòng đặt trên đầu.

Kim cô là cái vòng bằng vàng đặt trên đầu.

KĐ7C: Dỡ *kim cô* đưa tiếp linh quang.

KĐ7C: Kinh Đệ Thất cửu.

Kim đơn

金丹

A: The drug of immortality.

P: Drogue d'immortalité.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Đơn:** Thuốc.

Kim đơn hay Kim đan thường dịch là thuốc tiên, tức là thuốc uống vào thì thành Tiên.

Từ ngữ Kim đan hay Kim đơn dùng nói về cách luyện đạo để thành Tiên, chứ thật ra không có thuốc nào uống vào bụng mà được thành Tiên. Nếu thuốc Tiên có thật thì các vị vua chúa xưa nay đều thành Tiên hết, vì các vua chúa này có đủ oai quyền và tiền bạc để phái người đi tìm thuốc Tiên.

Phép luyện đạo của Tiên giáo là luyện Tam Bửu (Tinh, Khí, Thần) hiệp nhứt, tạo thành Kim đơn, đấc đạo tại thế. Kim đơn ấy còn được gọi bằng nhiều danh từ khác như: Thánh thai, Xá lợi, Bỏn lai diện mục, mà Đạo Cao Đài gọi là Chơn thần.

"Trời có Ngũ Khí, Đất có Ngũ phương, người có ngũ tạng. Người luyện đạo phải lấy Ngũ Hành ấy chế tạo mà luyện Kim đơn cho thành Xá lợi. Muốn thành xá lợi, cần vận chuyển pháp luân cho Ngũ Khí triều nguồn, Tam huê tụ đảnh.

Làm sao Ngũ Khí triều nguồn, Tam huê tụ đảnh?

Muốn Tam huê tụ đảnh phải bảo Tinh, dưỡng Khí, tòn Thần, luyện chơn chường Thánh đô cho Tinh hóa Khí, Khí hóa Thần, Thần huồn Hư, ba báu qui về tại kim đảnh là thành đạo.

Còn muốn cho Ngũ Khí triều nguồn, phải dụng công phu định cái Tâm, gìn cái Ý, bế Ngũ quan thì Ngũ Tạng hiệp về, Tam hồn thanh tịnh vô vi, thì: Nam phương Xích đế triều nguồn, Bắc phương Hắc đế triều nguồn, Đông phương Thanh đế triều nguồn, Tây phương Bạch đế triều nguồn, ấy là Tứ Tổ qui gia, hiệp với Huỳnh Lão trung ương, tức là Ngũ Khí triều nguồn." (Trích ĐTCG).

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

Kim Biên Tông Đạo

金邊宗道

Nước Cao Miên (Campuchia) có thủ đô là Phnom-Penh, phiên âm ra tiếng Việt là Nam Vang, nhưng trong Đạo Cao Đài thường gọi Nam Vang là **Kim Biên** và nước Cao Miên là **Tần quốc** (nước Tần) và người Cao Miên là **Tần nhơn**.

Hội Thánh Ngoại Giáo đặt văn phòng tại Nam Vang.

Khi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn từ bỏ chức vụ Chủ Đương Đạo Hội Thánh Ngoại Giáo, Đức Phạm Hộ Pháp giải tán *Hội Thánh Ngoại Giáo* và thành lập *Tông Đạo Kim Biên* tại Nam Vang.

Tông Đạo Kim Biên có xây dựng một Văn phòng thường trực trong Nội Ô TTTN, ngày khởi công xây dựng là 4-7-Tân Hợi (dl 24-8-1971) và ngày Khánh Thành là 2-4-Nhâm Tý (dl 14-5-1972). Ngài Hiến Pháp Quyền Chủ Đương Quản HTĐ đến dự và đọc bài Huấn Từ, trích ra sau đây:

"Nhơn danh Hội Thánh TTTN, tôi rất hài lòng nhận thấy sự thành quả tốt đẹp của ông Khâm Trấn (*Giáo Sư Thái Cử Thanh*) về việc kiến tạo Văn phòng cho Tông Đạo Kim Biên rất mau chóng và mỹ mãn trong lúc thời cuộc hết sức khó khăn này. Ông chỉ nhứt thân nhứt mã, tạm rời nhiệm sở tại Kim Biên để về Tổ đình tự vận động xây cất ngôi biệt thự này chỉ với sự ủng hộ tinh thần của Hội Thánh mà thôi.

Công nghiệp của ông Khâm Trấn Kim Biên rất đáng khen và đáng khích lệ. Từ đây, Tần nhơn và người VN thuộc Tông Đạo Kim Biên nói chung sẽ có nơi tạm trú khi về Tòa Thánh châu lễ Đức Chí Tôn hoặc khi có đạo sự khác.

Nói đến bốn đạo Tần nhơn, tôi hồi tưởng lại lúc đầu mấy năm khai đạo, đa số người Miên qui tụ về Tòa Thánh để hiến dâng công quả, phá rừng khai thác vùng Thánh địa này có chỗ trống để xây dựng ngôi Đền Thánh trước hết, vì trước kia vùng này là rừng già rậm rạp.

Toàn đạo đều tưởng niệm công lao đáng kể ấy, mặc dù sau khi bị chánh quyền Khơ-me cầm di chuyển, họ phải chịu vắng bóng nơi này, rất đáng thương và đáng kính thay lòng tín

ngưỡng chơn thật của người đồng đạo Tàn nhơn. Tôi tin chắc rằng: Đức Chí Tôn không bao giờ nỡ bỏ rơi đám con cái đáng thương này. Rồi đây, thế nào họ cũng sẽ tìm phương thế trở về với Đạo gốc mà họ đã thâm nhiễm từ lâu.

Ngôi Văn phòng Tông Đạo Kim Biên kiến tạo lúc này rất hợp thời đó vậy."

Nơi cổng Văn phòng Kim Biên Tông Đạo có khắc đôi liễn:

秦國鄰邦普度眾生歸善教

金邊宗道外交民族正人心

*Tàn quốc lân bang phổ độ chúng sanh qui thiện giáo,
Kim Biên Tông Đạo ngoại giao dân tộc*

chánh nhơn tâm.

Nghĩa là:

Nước Cao Miên láng giềng, cứu giúp nhơn sanh khắp nơi trở về nền tôn giáo tốt lành,

Tông Đạo Kim Biên, giáo hóa dân ngoại quốc làm cho chơn chánh lòng người.

LƯU Ý: Theo đôi liễn nơi cổng Văn phòng Kim Biên Tông Đạo thì chúng ta lưu ý chữ Kim Biên 金邊 nếu viết là Kiêm Biên thì sai chánh tả.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

TTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

Kim khôì

金盔

A: Gold helmet.

P: Casque d'or.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Khôì:** cái mũ trụ của vị tướng khi ra trận.

Kim khôì cái mũ trụ bằng vàng trong bộ Đại phục của Đức Hộ Pháp.

Trên Kim khôì có thể Tam sơn, giống như cái chĩa ba ngành, tượng trưng chường quân Tam Thiên bên CLTG.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

Kim khuyết

金闕

A: The golden great door.

P: La grande porte en or.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Khuyết:** cái cổng vào đền vua.

Kim Khuyết tức Huỳnh Kim Khuyết là cái cổng lớn làm bằng vàng rỗng đi vào Linh Tiêu Điện cõi thiên liêng, là nơi họp Thiên triều của Đức Chí Tôn. (Xem: Huỳnh Kim Khuyết)

GTK: Trường Canh chói rạng lòa *Kim Khuyết*.

GTK: Giới Tâm Kinh.

Kim lan

金蘭

A: Good friends.

P: Bons amis.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Lan:** hoa lan, mùi rất thơm.

Kim lan là vàng và hoa lan, chỉ bạn đồng tâm với nhau.

Kinh Dịch có câu: "*Nhị nhân đồng tâm kỳ lợi đoạ kim, đồng tâm chi ngôn kỳ xú như lan.*" Nghĩa là: Hai người đồng tâm với nhau lợi có thể chặt đứt được vàng, lời nói đồng tâm thì mùi thơm như hoa lan.

Do câu này, người ta dùng 2 chữ cuối của mỗi phần câu là **kim lan** để chỉ người bạn tốt, đồng tâm đồng chí với nhau.

Kim mã Ngọc đàng

金馬玉堂

A: Gold horse and jade palace: Noble people.

P: Cheval d'or et palais de jade: Gens nobles.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Mã:** ngựa. **Kim mã:** con ngựa màu vàng. **Ngọc đàng** tức là Ngọc đường: nhà ngọc.

■ Đòi Hán Võ Đế, trước cửa Cung Vị Ương có đặt một con ngựa lớn bằng đồng màu vàng, nên cửa ấy được gọi là Kim Mã môn. Sử Ký chép: "*Hán Võ Đế sử Học Sĩ đãi chiếu Kim Mã môn.*" Nghĩa là: Vua Hán Võ Đế bảo các quan Học Sĩ chờ lệnh sẵn tại cửa Kim Mã.

Do đó, dùng chữ Kim Mã để chỉ những quan Đại Học Sĩ, tức là những vị có tài học lỗi lạc được vua trọng dụng để cùng với vua lo bàn việc nước.

■ Đòi nhà Tống, vua Tống Thái Tổ rất tin dùng quan Hàn Lâm Học Sĩ Tô Dịch Gian, nên chính tay nhà vua viết 4 chữ: "*Ngọc đường chi thụ*" (Dinh thự là nhà ngọc) ban cho Tô Dịch Gian, để ông làm khuôn treo trước dinh.

Từ đó, người ta dùng chữ Ngọc đường để chỉ các quan Hàn Lâm Học Sĩ.

Ghép lại: *Kim Mã Ngọc Đường là để chỉ người có tài học lỗi lạc, được vua trọng dụng, làm quan về vang rục rở, hay những người thuộc lớp trí thức thượng lưu, giàu sang danh vọng.*

TNHT: Hiếm chi bậc Thánh bị đày vào chốn trần ai khổ nhọc, chìm đắm nơi biển khổ sông mê, dan díu lấy sự vui say mùi thế tục, bước đến cảnh *kim mã ngọc đường*, mà phải hết lòng đạo đức, khiến cho ngôi cựa vị phải chịu trôi phũ dòng sông.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Kim Mao Hẩu - Kim Hẩu

金毛獄

A: The yellow holy lion.

P: Le lion sacré jaune.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiên bạc. **Mao:** lông. **Hẩu:** thú cùng loài với sư tử.

Kim Mao Hẩu là con sư tử lông vàng nơi cõi thiên liêng.

Kim Mao Hẩu, nói tắt là Kim Hẩu, là con vật nơi cõi thiên liêng, không có nơi cõi trần.

KĐ8C: Cõi *Kim Hẩu* đến Tịch san.

- Phật giáo gọi Kim Mao Hẩu là Kim Mao Sư Tử. Kinh Phật nói: "Chỉ thấy trong áng mây ngũ sắc, Ngài Văn Thủ Bồ Tát cỡi con sư tử lông vàng bay tới."

- Đức Từ Hàng Bồ Tát cũng cỡi Kim Mao Hẩu. Con Kim Mao Hẩu của Ngài là học trò của Thông Thiên Giáo chủ đã tu luyện thành người, xưng hiệu là Kim Hoa Tiên, bị Đức Từ Hàng thâm phục trong trận Vạn Tiên, cho hiện lại nguyên hình.

Nơi Tòa Thánh Tây Ninh, nơi CTĐ và BQĐ, mỗi bên có hai cầu thang đi lên, mỗi cầu thang có đắp hình hai con Kim Mao Hẩu đứng day đầu ra trong tư thế giữ cửa.

Khi Đức Phạm Hộ Pháp trấn thần 8 con Kim Mao Hẩu này, Đức Ngài có nói: "Con Kim Mao Hẩu rất mạnh khỏe, tượng trưng cái năng lực tinh thần của người tu, nhờ nó mà qua các tầng Trời và trở về cùng Đức Chí Tôn."

Nếu có ai tò mò rờ dưới bụng của Kim Mao Hẩu để xem con đực hay cái thì:

- 4 con nơi hai cầu thang lên BQĐ đều đực.
- 2 con nơi cầu thang lên CTĐ phía nữ phái cũng là 2 con đực.
- 2 con nơi cầu thang lên CTĐ nam phái là 2 con cái.

Thuở nhỏ, Đức Phạm Hộ Pháp có xuất chơn thần đi lên Bạch Ngọc Kinh thấy 8 con Kim Mao Hẩu giữ cửa Bạch Ngọc Kinh, có hỏi xin Đức Chí Tôn cho đem về giữ nhà. Đức Chí Tôn hứa sẽ cho.

Do đó, sau này khi cất Tòa Thánh xong, Đức Phạm Hộ Pháp cho làm hình 8 con Kim Mao Hẩu trấn giữ bốn cửa nơi CTĐ và BQĐ, để không cho ai có thể dùng bạo quyền mà phá hại Tòa Thánh, bởi vì Tòa Thánh là Bạch Ngọc Kinh tại thế.

(Xem chi tiết nơi chữ: Hộ Pháp Phạm Công Tắc, phần 20: Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp. CĐTĐ, Q.1 văn H)

KĐ8C: Kinh Đệ Bát cửu.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

BQĐ: Bát Quái Đài.

Kim Mẫu

金母

A: Buddha-Mother.

P: Bouddha-Mère.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Mẫu:** Mẹ.

Kim Mẫu là nói tắt danh hiệu: Kim Bàn Phật Mẫu, là Đức Đại Từ Mẫu nơi cõi thiên liêng. (Xem: Diêu Trì Kim Mẫu)

TTCĐDTKM: Riêng thương *Kim Mẫu* khóc thầm.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Kim ngân phá luật lệ

金銀破律例

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. Ngân: bạc. **Kim ngân:** vàng bạc. **Phá:** làm hư. **Luật:** pháp luật. **Lệ:** lẽ lối qui định từ trước.

Kim ngân phá luật lệ: Vàng bạc làm hư hỏng luật lệ.

Ý nói: Người thi hành luật pháp, vì có tánh tham những, nên bị đồng tiền hay vàng bạc mua chuộc, bẻ cong luật pháp, làm cho người nào đút lót nhiều thì phần phải về người đó.

Kim ngưỡng, cổ ngưỡng

A: To be respectfully worshiped at present and in past.

P: Être admiré dans le présent et dans le passé.

Kim: Ngày nay, thời nay. **Ngưỡng:** kính trọng với lòng yêu mến.

Kim ngưỡng cổ ngưỡng là thời nay cũng như thời xưa, đều được kính trọng và yêu mến.

Đây là một câu Kinh trong bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, ý nói: Đấng Thượng Đế từ xưa cho đến nay đều được nhưn loại tôn kính và yêu mến. Nhưn loại tùy theo ngôn ngữ của mỗi chủng tộc mà gọi Đấng Thượng Đế bằng nhiều danh

từ khác nhau, nhưng họ đều hiểu rằng đó là Đấng Tạo Hóa sáng tạo ra CKVT và vạn vật.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Kim quang

金光

A: The band of yellow light.

P: Une bande de la lumière jaune.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Quang:** ánh sáng.

Kim quang là một dãy ánh sáng vàng.

KĐ5C: Kỵ kim quang kiến Lão Quân.

KĐ5C: Kinh Đệ Ngũ cửu.

Kim Quang Sứ

金光使

A: Satan, Lucifer.

P: Satan, Lucifer.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Quang:** ánh sáng. **Sứ:** sứ quân, nổi lên chiếm cứ đất đai làm vua một cõi.

Kim Quang Sứ là Quỷ vương, Chúa quỷ, mà Thiên Chúa giáo gọi là Satan, Lucifer phản nghịch.

(Điều lưu ý là chúng ta nên viết chữ QUANG có G, nghĩa là ánh sáng, vì Đức Phạm Hộ Pháp có nói: Kim Quang Sứ là một vị Đại Tiên có quyền đem ánh sáng thiêng liêng của Đức Chí Tôn chiếu diệu trong CKVT. Thánh Kinh Thiên Chúa giáo cũng nói:

Satan là quỷ khủng khiếp vì mưu mô, cạm bẫy, lừa dối và thủ đoạn của nó, thích ngụy trang thành *Thiên Thần ánh sáng*.)

TNHT: "Từ khai Thiên, Thầy đã sanh ra các con, sự yêu mến của một ông cha nhân từ thế quá lẽ, làm cho đến đời con

cái khinh khi, phản nghịch lại, cũng như Kim Quang Sứ là A-Tu-La, Thánh giáo gọi là Lucifer phản nghịch, náo động Thiên cung. Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật còn phàn nàn trách cứ Thầy thay! Các con ôi! Đã gọi là Đấng cầm cân, lẽ công bình thiêng liêng đâu mà Thầy đặt phép tư vị. Thầy lấy lẽ công bình thì tức nhiên phải chiếu theo Thiên điều, mà chiếu theo Thiên điều thì là con cái của Thầy, tức là các con, phải đọa trầm luân đời đời kiếp kiếp. Các con phải ngồi nơi địa vị Thầy thì các con thế nào?

Mỗi phen Thầy đau thảm khóc lóc các con, phải lên hạ trần, quyết bỏ ngôi Chí Tôn xuống lập Đạo, lại bị các con bạc đãi, biếm nhẽ, xua đuổi, bắt buộc đến nỗi phải chịu cho các con giết chết! Ôi! Thảm thay! Các mối Đạo Thầy đã liều thân lập thành đều vào tay Chúa Quỷ hết, nó mê hoặc các con. Nhiều bậc Thiên Tiên còn đọa, hưởng lựa là các chơn thần khác của Thầy đang nấn đúc thế nào thoát khỏi.

Thầy đã chẳng trách phạt Kim Quang Sứ, lẽ nào lại trách phạt các con, song hình phạt của Thiên điều, dầu chính mình Thầy cũng khó tránh..."

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo Con đường TLHS, Ngài có giải rõ căn cội của Kim Quang Sứ, xin chép ra sau đây:

"Khi ở Ngọc Hư Cung, Linh Tiêu Điện, Bàn đạo đặt Thánh lệnh của Đức Chí Tôn sai qua mở cửa CLTG. Buổi ban sơ ấy, tinh thần của Bàn đạo còn hoang mang, không biết sao lại còn có bốn phận đi mở CLTG nữa. CLTG là gì? Sao lại phải đi mở? Bàn đạo tự hỏi. Tới chừng đi rồi mới biết tình trạng của các đẳng chơn linh đã đoạt vị trong CKVT chịu nạn khảo thí do nơi Kim Quang Sứ. Kim Quang Sứ đã đặt Đức Chí Tôn cho làm Giám khảo kỳ thi Hạ nguơn Tam chuyển, qua Thượng nguơn Tứ chuyển này.

Kim Quang Sứ là ai?

Bên Thánh giáo Gia Tô gọi là Quỷ vương đó vậy.

Kim Quang Sứ là một vị Đại Tiên có quyền hành đem ánh sáng thiêng liêng Đức Chí Tôn chiếu diệu trong CKVT. Vị Đại Tiên ấy đã gấm ghé bước vào Phật vị. Cái quyền năng của ông ta đã đoạt mạng không thua kém Đức Chí Tôn là

bao nhiêu, do cái tự kiêu, còn một bước đường nữa mà đoạt không được. Nếu người nhường là nhường Đức Chí Tôn mà thôi. Vì người háms vọng, tự tôn tự đại, muốn cầm một quyền lực để điều khiển CKVT, chưa đoạt được, mà Ngọc Hư Cung đã biết tinh thần Kim Quang Sứ muốn phản phúc, phản phúc dám đổi diện cùng Đức Chí Tôn, mà Ngọc Hư Cung đã biết, cho làm Thống Đốc một thế giới của chúng ta đương thời bây giờ. Thế giới địa hoàn này, nếu như người không có tự kiêu tự đại, cái chức tước làm Thống Đốc một thế giới cũng không phải là hèn gì, nhưng người không vừa lòng, phản lại, mới bị đọa vào Quỷ vị.

Ngày giờ này, Đại Tiên Kim Quang Sứ đã đặng ân xá, cũng như các đấng chơn linh được ân xá, trong Quỷ vị cũng được hưởng hồng ân của Đức Chí Tôn ân xá cũng như toàn thể các chơn hồn trong CKVT. Vì có cho nên người Quỷ Chúa ấy lãnh một phận sự tối trọng tối yếu là làm giám khảo, duyệt chư Tiên đoạt phẩm vị Phật.

Vì có cho nên, người có giáng cơ buổi Đạo đương bình tịnh, cả Thánh Thể Đức Chí Tôn đương hòa ái với nhau, không có tâm tánh gì phản động, chưa có một mây may gì gọi là loạn, họ còn giữ theo nề nếp chơn truyền của Đức Chí Tôn, mà thỉnh không Kim Quang Sứ giáng cơ cho một bài thi, chẳng khác nào như tìm đến Thánh Thể của Chí Tôn mà liệng một tối hậu thơ.

Bài thơ ấy như vậy:

*Cửu phẩm Thần Tiên nể mặt Ta,
Thích Ca dầu trọng khó giao hòa.
Cửa Kinh Bạch Ngọc năng lui tới,
Đường Đạo Tây phương thử chánh tà.
Chỉ đá hóa vàng đơn miệng thế,
Treo gương trí huệ giục phấn hoa.
Lấy chơn thay giả tô Thiên vị,
Thắng bại phạm tâm liệu thế à!*

(Đức Phạm Hộ Pháp chỉ nhắc có 4 câu đầu của bài thi, chúng tôi sưu tầm chép thêm 4 câu sau cho trọn bài thi).

Ngó thấy quyền của người ta như thế đó.

Hại thay, đường đi từ Ngọc Hư Cung qua CLTG buổi nọ bị Kim Quang Sứ ngăn đường không cho đi qua....

Đáng mà dám đưa tay cho kẻ thù định phạt, quyền năng dường ấy, để khảo duyệt toàn con cái của Người, tức nhiên khảo duyệt Người, mà Người không có nao không có sợ, thì chúng ta đủ biết quyền phép của Đức Chí Tôn hơn quyền phép của Kim Quang Sứ nhiều lắm. Đối với tinh thần hơn loại đương nhiên bây giờ, đáng lẽ Đức Chí Tôn gìn giữ kỹ càng lắm, nhưng Người không cần để tâm gìn giữ cho kỹ lưỡng điều đó mà chớ.

Bởi cơ cho nên khi mở Đạo tại Từ Lâm Tự, Ngài đến, cầm cơ viết tên của Ngài, rồi Ngài liền thăng. Ngài cho Quỷ đến đặng phá, phá cho tiêu nền chơn giáo của Ngài. Ngài đã cho phép nó làm, nó vẫn thi hành chớ không sợ sệt e lệ gì cả. Kim Quang Sứ đã thi hành trong hai mươi mấy năm, cả Thánh Thể Đức Chí Tôn và toàn con cái của Ngài nam nữ đang bị tay Kim Quang Sứ tàn hại, đủ mưu chước, đặng hại cho thất đạo, không có một điều gì, một mưu chước gì mà nó không dùng, đặng tàn phá Thánh Thể Đức Chí Tôn, nhưng không phải dễ, dầu quyền lực của Kim Quang Sứ bao nhiêu đi nữa cũng chưa qua khỏi cái mức mà Đức Chí Tôn đã gạch sẵn cho con cái của Ngài đi, thì chúng ta ngó thấy đủ bằng cơ đoạt đặng.

Ngộ nghĩnh thay, tuy biết hay là không biết, Đức Chí Tôn cho Kim Quang Sứ thử con cái của Ngài đặng bỏ cái phàm lấy cái Thánh.

Đức Chí Tôn có thể định được cho mình, mà chính mình phải lập quyền do tài đức của mình; Đức Chí Tôn có thể định vị cho mình, mà mình phải lấy đạo đức của mình mà lập phẩm vị, tức nhiên mình phải chịu khảo duyệt, phải thi thố cho đặng mới đoạt phẩm vị cao siêu của mình, rốt phải chịu đọa lạc, không thể chối cãi được. Giám khảo ấy rất khó. Huống chi Kim Quang Sứ tự tôn tự đại, không có một chơn hồn nào tới lo lót Kim Quang Sứ đặng cho tôi đoạt được đâu!

Bởi cơ cho nên, Bàn đạo phải thuật lại buổi mà Bàn đạo vâng Thánh lệnh của Đức Chí Tôn đi mở cửa CLTG.

Buổi ấy, Bàn đạo đi với pháp bửu là vân xa, đi ngang từ Ngọc Hư Cung đến CLTG. Khi vân xa đi ngang qua đó, bị Kim

Quang Sứ đón đường, không cho đi. Bàn đạo đương bối rối, không biết tính làm sao, liền khi ấy ngó thấy Đức Lý Ngưng Dương trong pháp thân Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt, cầm cây gậy cà thọt nhảy ra chiến đấu với Kim Qg Sứ.

Bàn đạo ngồi trên vân xa suy nghĩ, Đức Lý Ngưng Dương có một mình làm sao đánh lại người ta, thấy ban đầu có một mình Đức Quyền Giáo Tông, bên kia Kim Quang Sứ, hai đảng đánh với nhau không phân thắng bại, bửu bối không biết bao nhiêu, mà bất phân thắng bại, hồi lâu ngó thấy Đức Lý Ngưng Dương đập Kim Quang Sứ một gậy, đập văng hào quang ra đen như lọ nôi, như đập bình mực văng tủa xua ra vậy, đập thấy biến ra người thứ nhì nữa. Đảng này, cả trong Thánh Thể của Đức Chí Tôn có một Chức sắc Thiên phong mà Bàn đạo không nói tên, ra cản đánh với người thứ nhì đó.

Kim Quang Sứ biến ra bao nhiêu thì bên này cũng hiện ra bấy nhiêu để đánh nhau. Một trận đại chiến náo nhiệt. Bàn đạo ngồi trên vân xa cũng như người ngồi trên máy bay mà khán trận vậy.

Dòm riết mỗi mòn buồn ngủ, ngủ đã rồi thức dậy thấy cũng còn đánh. Ngồi lâu lắm, gục xuống ngủ nữa, làm ba lần như vậy, tới chừng lần thứ ba tỉnh lại thì thấy mặt trận đầy CKVT, lớn quá, bên mình không biết làm thế nào chiến đấu cho lại, không lẽ ngồi trên vân xa này hoài, phải có phương pháp gì giúp tay mới được.

Bàn đạo vừa nghĩ như vậy thì pháp thân của Bàn đạo hiện ra một người nữa, hồi Bàn đạo ngồi trên vân xa mặc áo trắng y như đạo phục của Bàn đạo đi cúng thường ngày, làm bằng gì không biết mà khi mặc vào mình thì nghe trong mình nhẹ nhàng sung sướng làm sao đâu. Tới chừng xuất pháp thân của Bàn đạo ra, Bàn đạo ngó thấy mặc đồ đại phục mà Bàn đạo đương nhái theo, làm theo kiểu đó mà chưa thiết trúng. Mặc đồ đại phục rồi, tay cầm Giáng Ma Xử với cây Kim Tiên, bay lên giữa không trung ở trên đầu, có người ngồi dưới vân xa. Có một điều là người ngồi dưới, người ở trên mà biết hiểu như một người vậy.

Dòm thấy mặt trận lớn quá, mới cầm cây Kim Tiên (còn Giáng Ma Xử thì không có hình tướng, pháp bửu ấy vô vi).

Cây Kim Tiên của Cửu Thiên Cảm Ứng Lôi Thịnh Phổ Hóa Thiên Tôn, tức là của Thái Sư Văn Trọng giao cho Bàn đạo một cây pháp giới, pháp giới ấy để triệt quỷ đưng cho nó lộng trong Đền Thánh của Đức Chí Tôn và đưng cho nó phá con cái của Ngài.

Đến chừng bay giữa không trung, thấy mình mông không biết làm sao gom lại được, để vậy khó đánh lằm, ai ngờ Bàn đạo cầm cây Kim Tiên định vẽ vòng gom lại chẳng khác nào vãi cái chài vậy, Bàn đạo cầm cây Kim Tiên định thần gom lại, vừa gom thì nó thúc nhặt mặt trận ấy lại, nhỏ lần lần, thấy bên ta đã thắng Kim Quang Sứ.

Bên Đạo của ta là Đức Lý Ngưng Dương đã diệt được bên Kim Quang Sứ, tới chừng rớt cuộc chỉ còn Đức Lý Ngưng Dương đánh với Kim Quang Sứ mà thôi. Đánh nhau một hồi, Đức Lý Ngưng Vương đập Kim Quang Sứ một gậy thì Kim Quang Sứ hóa hào quang đăng vân bay mất.

Đi qua CLTG, phải chăng vì lẽ ấy mà trong đạo giáo nói là Đạo bị bế .

Khi tới cửa CLTG môn ngoại, khi gần tới ngó thấy có hai cái chong chóng quay tròn luôn. Nếu chúng ta lấy trí tưởng tượng chong chóng quay thì mặt dưới lên tới mặt trên ít nữa cũng năm, mười ngàn thước, đặng ngăn CLTG môn ngoại, như vạn lý trường thành, không một người nào qua lọt.

Hai cửa ấy, một cửa hóa hào quang trắng, một cửa hóa hào quang đỏ hồng hồng. Mới ngó thấy hai cửa ấy, Bàn đạo không biết gì hết, tới chừng Bàn đạo dùng cây Giáng Ma Xử trong thân Bàn đạo định thần chỉ ngay vào, bảo ngừng thì nó liền ngừng lại, coi kỹ thì vòng tròn trắng ấy là chữ VAN. Bàn đạo vừa biểu ngừng thì mấy người ở Cực Lạc môn ngoại chạy ùa vào, chừng vô được một mớ, Bàn đạo chỉ bên kia biểu ngừng thì cũng chạy vô được một mớ nữa. Vô rồi, thấy có một vị Phật đứng ở trên, hai tay bắt ấn liệng xuống chữ VAN thì chữ VAN quay nữa, thành thử họ vô được một mớ.

Khi Bàn đạo bắt hai chữ VAN đứng lại, phải chăng vì nơi Cực Lạc môn ngoại có các đặng chơn hồn đã đoạt vị mà bị pháp giới đã bế, khiến cho Bàn đạo đi đến đó đặng bắt hai chữ VAN ngừng lại cho họ vào, tới chừng vị Phật kia cho hai chữ

VẠN quay trở lại. Bàn đạo dám chắc, các đảng chơn hồn đã vô cửa CLTG đã hết. Đó là do Thánh ý của Đức Chí Tôn chớ không phải theo con mắt của chúng ta tưởng đó là sự tình cờ.

Ấy vậy, Đức Chí Tôn sai qua mở cửa CLTG vì đường từ Linh Tiêu Điện Ngọc Hư Cung qua CLTG buổi nọ bị Kim Quang Sứ đón đường, các vị tăng đồ từ trước có tu mà thành thì không thành vì bị thất bửu pháp nên bị đồ lưu nơi Cực Lạc môn ngoại. Đức Chí Tôn biểu qua đó dẫn các chơn hồn vào cho có ngôi vị nơi CLTG."

Trên đây là lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp cho biết lai lịch của Kim Quang Sứ, và vì sao Kim Quang Sứ bị đọa vào Quỷ vị để làm Chúa Quỷ.

Theo Thiên Chúa Giáo thì Quỷ vương được gọi là Satan.

Satan xuất hiện ngay sau khi Thiên Chúa tạo ra Adam và Ève, mà hình ảnh của nó là con Rắn rất khôn ngoan quỷ quyệt, nhiều mưu chước, nói dối, cám dỗ con người làm điều tội lỗi, chống lại Thiên Chúa. Bà Ève đã bị Satan cám dỗ, bẻ trái cấm ăn, rồi chia cho Adam cùng ăn, nên bị tội đối với Thiên Chúa. Đó là tội Tổ tông.

Đức Jésus, sau khi chịu phép Giải oan với Thánh Jean rồi, Thiên Chúa khiến Ngài đến nơi đồng vắng đặng chịu cho Ma quỷ cám dỗ. Ngài đã kiêng ăn 40 ngày đêm.

Quỷ cám dỗ đến gần Ngài, nói: Nếu ngươi phải là con của Thiên Chúa thì hãy khiến đá này trở nên bánh đi. Đức Jésus đáp: Có lời chép rằng, người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, song nhờ mọi lời nói ra từ miệng Thiên Chúa.

Ma quỷ bèn đem Ngài vào nơi Đền Thánh, đặt Ngài trên nóc đền thờ rồi nói: Nếu ngươi phải là con của Thiên Chúa thì gieo mình xuống đi, vì Chúa sẽ truyền các Thiên sứ đến gìn giữ ngươi và đỡ ngươi trên tay. Đức Jésus nói: Ngươi đừng thử Chúa là Đức Chúa Trời ngươi.

Ma quỷ lại đem Ngài lên núi cao, chỉ cho Ngài thấy các nước thế gian cùng sự vinh hiển của các nước ấy và nói: Nếu ngươi quì xuống trước mặt ta mà thờ lạy ta thì ta sẽ cho ngươi hết thảy mọi sự này. Ngài liền nói với Ma quỷ: Hỡi Quỷ Satan, ngươi hãy lui ra, vì có lời chép rằng, ngươi phải thờ phượng

Thiên Chúa là Đức Chúa Trời của người và chỉ hầu việc một mình Thiên Chúa mà thôi.

Ma quỷ bèn bỏ đi. Thế là Đức Jésus đã thắng mọi cám dỗ của Satan. Liền đó có các Thiên Thần đến hầu việc Ngài.

Sau đó, Đức Jésus khởi làm nhiệm vụ của Ngài là đi rao truyền Đạo Thánh và phổ độ thâu nhận 12 Thánh Tông Đồ, giảng dạy giáo lý của Đạo Thánh.

Thật ra, Kim Quang Sứ, Satan hay Quỷ vương cũng do nguơn linh của Đức Chí Tôn mà xuất hiện ra, nhưng vì phần phúc, tự tôn tự đại và ác hành mà bị đọa sa vào Quỷ vị. Tài phép của Kim Quang Sứ cao cường lắm, chỉ kém hơn chút ít quyền năng của các Đấng Tiên, Phật mà thôi. Đức Chí Tôn có Tam thập lục Thiên thì Quỷ vương cũng lập thành Tam thập lục Động, rồi nó biến Tam thập lục Động giả làm Tam thập lục Thiên để dối gạt người tu, các danh hiệu Thần, Thánh, Tiên, Phật, cả đến danh hiệu của Đức Chí Tôn, Quỷ vương đều mạo nhận hết, duy chỉ có cái ngai của Đức Chí Tôn là nó không dám lên ngồi mà thôi. Sở dĩ Quỷ vương được như thế là vì Đức Chí Tôn ban cho nó cái quyền to tát ấy để nó làm Giám khảo, khảo duyệt và thử thách tất cả chơn linh đang đi trên con đường tu hành tiến hóa, để chấm thi đậu rớt. Như vậy người thi đậu mới về vãng, xứng đáng được ban thưởng cho các phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật, còn nếu rớt thì phải tái kiếp luân hồi, học lại các bài học ấy, tới chừng nào thi đậu mới thôi.

Quỷ vương thuộc khối ác trược, còn Tiên Phật thuộc khối thiện thanh, cả hai khối đối nghịch nhau, cũng như Âm với Dương, một bên có khuynh hướng tri xuống, một bên có khuynh hướng kéo lên, cả hai bên tạo thành hai lực đối kháng rất cần thiết để thúc đẩy sự tiến hóa của CKVT. Hai khối đó sẽ hiện hữu mãi mãi, miên viễn bất tận với Định luật Tiến hóa của Càn Khôn, vì nếu một trong hai khối mất đi, sự cân bằng lực không còn nữa thì Luật Tiến hóa không thể hoạt động được, thì đó là sự sụp đổ và hủy diệt của CKVT.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Kim sa

金砂

A: The golden sand.

P: Le sabre d'or.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Sa:** cát.

Kim sa là cát vàng, là loại hạt cát bằng vàng do phép Phật tạo ra.

Đức Phật Thích Ca hiện đang ngự tại Kim Sa Đại Điện trong Lô Âm Tự, kinh đô của cõi CLTG.

KĐ6C: Lãnh kim sa đặng dự Như Lai.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

KĐ6C: Kinh Đệ Lục cửu.

Kim thân - Kim thể

金身 - 金體

A: The astral body.

P: Le corps astral.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Thân:** thân thể. **Thể:** thân thể, hình thể.

Kim thân, đồng nghĩa Kim thể, là hình thể thiêng liêng của Đức Phật, tức là chơn thân của Đức Phật.

Bởi vì theo truyền thuyết thì thân thể của Đức Phật Thích Ca có màu da vàng sáng chói, nên gọi là Kim thân.

Nói chung, Kim thân hay Kim thể là chỉ chơn thân quý báu hay xác thân thiêng liêng quý báu của bậc đắc đạo.

TNHT: Tác thành kim thể đắc trường sanh.

BXTCĐTTTT: Hiện kim thân Bồ Tát hóa duyên.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BXTCĐTTTT: Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần.

Kim thời

今時

A: Modern time.

P: Temps moderne.

Kim: Ngày nay, thời nay. **Thời:** thời kỳ.

Kim thời là thời buổi ngày nay, thời kỳ mà tiền bạc được coi trọng hơn hết, đạo đức chỉ là thứ yếu.

Đó là thời kỳ cuối cùng của Hạ nguơn, nên gọi là Hạ nguơn mặt kiếp.

Lời tựa TNHT: Bậu bạn lỗi câu tín nghĩa, vợ chồng quên đạo tào khương, máng vụ chữ *kim thời* mà phong đời tục đổi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Kim Tiên

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Kim Tiên

金仙

A: Archangel.

P: Archange.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Tiên:** bực Tiên.

Kim Tiên là phẩm vị Tiên rất cao quý, đối phẩm Phật vị.

Đức Chí Tôn cho biết, Ông Đạo Nhỏ tu trên núi Điện Bà đấc quả Kim Tiên, gọi là Huệ Mạng Kim Tiên. (Xem chữ: Huệ Mạng Kim Tiên, vần H).

* Trường hợp 2: Kim Tiên

金鞭

A: Golden whip.

P: Verge d'or.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Tiên:** cây roi.

Kim tiên là cây roi vàng. Đây là một bửu pháp của Đức Hộ Pháp dùng để triệt quỷ trừ ma, không cho chúng lộng hành phá khuấy trong Tòa Thánh và trong bốn đạo.

Cây Kim tiên này vốn của Thái Sư Văn Trọng thời Phong Thần. Ngài luyện pháp bửu tạo ra một cặp Kim tiên, Ngài giao cho Đức Phạm Hộ Pháp một cây, Ngài còn giữ một cây. Thái Sư Văn Trọng đắc Thần vị, làm chức Cửu Thiên Cầm Ưng Lôi Thịnh Phổ Hóa Thiên Tôn, cầm đầu Bộ Lôi Công.

Đức Phạm Hộ Pháp đem cây Kim tiên này và cây Long Tu Phiến của Đức Cao Thượng Phẩm trấn pháp tại Trí Huệ Cung Thiên Hỷ Động.

Đức Phạm Hộ Pháp giải thích:

Kim tiên của Bàn đạo hiệp với ba Vòng vô vi tức là Diệu quang Tam giáo hay là hình trạng của CKVT, mà đó cũng là tượng ảnh Huệ Quan Khiếu của chúng ta đó vậy.

Kim tiên là gì? là tượng hình ảnh của điển lực điều khiển CKVT, mà chính nơi đó là điển lực, tức nhiên là sanh lực của vạn vật đó vậy. Với nó mới có thể mở đệ bát khiếu. Trong thân người có thất khiếu và còn một khiếu vô hình là Huệ Quan Khiếu, vì nó là điển lực nên nó mở khiếu ấy mới được.

Nói rõ, con người có ngũ quan hữu tướng và lục quan vô tướng, mà phải nhờ cây Kim tiên ấy mới đủ quyền năng mở lục quan của mình đặng.

Ấy là bí pháp trấn tại Thiên Hỷ Động, Trí Huệ Cung. Toàn thể ngó thấy không có gì hết mà trong đó huyền pháp vô biên vô giới, giải thoát đặng cùng chẳng là do bao nhiêu đó mà thôi.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Kim tiên

金錢

A: Money

P: Monnaie.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Tiền:** tiền bạc để trao đổi mua bán.

Kim tiên là vàng và tiền, chỉ chung về tiền bạc.

Thời kim tiền là thời kỳ hiện nay, tiền bạc được mọi người quý trọng hơn đạo đức.

TĐ ĐPHP: Hiện nay là buổi *kim tiền*, ưu thắng liệt bại.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Kim tuyến

金線

A: Metal thread.

P: Fil de metal.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Tuyến:** sợi dây.

Kim tuyến là sợi dây có màu sáng bóng như kim loại.

Kim tuyến có nhiều màu: vàng, trắng, xanh, hồng.

Các Đạo phục thường sử dụng hai loại kim tuyến: vàng và bạc. Đạo phục của Chánh Trị Sự có viền chỉ kim tuyến vàng; Đạo phục của Phó Trị Sự thì viền chỉ kim tuyến bạc.

Kim tự tháp

金字塔

A: Pyramid.

P: Pyramide.

Kim: - Vàng, vua loài kim. - Màu vàng. - Quý báu như vàng. - Tiền bạc. **Tự:** chữ. **Kim tự:** chữ Kim. **Tháp:** cái tháp cất cao lên.

Kim tự tháp là cái tháp nhọn có hình giống chữ 金 Kim.

Các Kim tự tháp ở nước Ai Cập nổi tiếng là kỳ quan của thế giới. Các vua Pharaon Ai Cập thời thượng cổ xây dựng những ngôi tháp khổng lồ gồm nhiều tầng chồng lên nhau thành hình chữ Kim làm nơi an nghỉ vĩnh viễn cho thể xác, mà thể xác này được ướp để không hư hoại với thời gian.

Nổi tiếng nhất là quần thể 3 Kim tự tháp (KTT) ở cao nguyên Giza, cách thủ đô Cairo của Ai Cập chừng 8 dặm về hướng Tây, được xây dựng khoảng năm 2600 trước Tây Lịch.

1. Kim tự tháp lớn nhất Khéops: Khéops là Pharaon Ai Cập khoảng năm 2650 trước TL. Kim tự tháp Khéops cao 148 mét, đáy hình vuông mỗi cạnh đo được 233 mét. Người ta phải dùng 2 311 000 tảng đá để xây dựng kim tự tháp này, mỗi tảng đá nặng từ 2 tấn đến 16 tấn.

2. Kim tự tháp Khéphren: Ông này là Pharaon kế vị Khéops. Kim tự tháp Khephren nhỏ hơn KTT Khéops một chút, cao 136 mét, kết cấu giống như KTT Khéops.

3. Kim tự tháp Mykérinos: Mykérinos là Pharaon kế vị Khéphren. KTT này nhỏ hơn 2 KTT trên, chỉ cao 66 mét.

Ngoài ra nơi đây còn có một pho tượng Nhân Sư (Sphinx) vĩ đại. Đó là một con vật huyền thoại, mình sư tử, đầu người, tượng trưng sự dũng mãnh và trí thông minh. Tượng Nhân sư dài 57 mét, cao 20 mét, được tạc bằng đá nguyên khối, biểu tượng cho Khéphren, canh giữ phần mộ của mình.

Đó là các Kim tự tháp hữu hình làm mồ chôn các vua Pharaon ở Ai Cập.

Nơi cõi thiêng liêng, theo lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp trong con đường TLHS, kinh đô của CLTG gọi là Niết Bàn Cảnh có một Kim tự tháp rất giống Kim tự tháp Ai Cập.

"Có một điều chúng ta nên để ý hơn hết là tại cửa Kim tự tháp ấy có một cây dương lớn lắm, chúng ta không thể gì tả được, hình tượng cái lá của nó nhỏ như sợi chỉ, nó bao trùm lên Kim tự tháp ấy, nếu lấy con mắt phàm của chúng ta quan sát bề mặt của nó, chúng ta tưởng tượng lối chùng vài trăm kilô mét vậy, nó không có cù, thấy mút con mắt. Trong cái bí pháp của Niết Bàn Cảnh là cây dương ấy, mỗi lá dương đều có giọt nước cam lồ, mỗi giọt nước là một căn mạng trong CKVT.

Kim tự tháp có từng có nấc, hằng hà sa số chư Phật, chúng ta không thể đếm được, mỗi từng ngồi trên liên đài của họ, mà thấy hằng hà sa số, đủ hết."

Tại cửa Kim tự tháp ấy có một liên đài rực rỡ quý báu vô cùng, là đài ngự của Đức Di-Lạc Vương Phật. Buổi trước đài ấy của Đức Phật A-Di-Đà, nhưng khi Đức Chí Tôn mở

ĐĐTKPĐ, liên đài ấy giao lại cho Đức Phật Di-Lạc, còn Đức A-Di-Đà vào ngục nơi Lô Âm Tự cùng với Đức Phật Thích Ca.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Kim viết

今日

Kim: Ngày nay, thời nay. **Viết:** nói rằng, gọi rằng.

Kim viết là ngày nay nói rằng, ngày nay gọi rằng.

TNHT: Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã, Thích Ca Mâu Ni thị Ngã, Thái Thượng Nguyên Thỉ thị Ngã, *kim viết* Cao Đài.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KINH

KINH

KINH: 經 có mấy nghĩa sau đây:

1. **KINH:** Kinh sách.
Td: Kinh cúng tứ thời.
2. **KINH:** Sửa trị, hoạch định.
Td: Kinh dinh, Kinh luân.
3. **KINH:** Đạo thường không biến đổi.
Td: Kinh quyền.
4. **KINH:** Đường dọc, trải qua.
Td: Kinh Thiên vĩ địa.

Kinh bang tế thế

經邦濟世

A: To govern the state and to help the humanity.

P: Gouverner l'état et secourir le monde.

Kinh: Sửa trị, hoạch định. **Bang:** một nước. **Tế:** cứu giúp. **Thế:** đời.

Kinh bang tế thế là trị nước cứu đời.

Người có tài kinh bang tế thế là người tài đức cao siêu, giúp nước giúp dân được yên ổn thịnh vượng, an cư lạc nghiệp.

Kinh cung chi điều

驚弓之鳥

Kinh: sợ hãi. **Cung:** cây cung. **Chi:** hư tự. **Điều:** con chim.

Kinh cung chi điều là con chim sợ cây cung.

Khi một con chim đã bị cây cung bắn cho một lần bị thương tích rồi, sau đó gặp lại cây cung hay gặp một cành cây cong cong giống hình cây cung thì nó hoảng sợ, liền bay tránh xa chỗ khác.

Kinh cúng tứ thời

經供四時

A: The daily four hours prayers.

P: Les prières quotidiennes à quatre temps.

Kinh: Kinh sách. **Cúng:** dâng lễ vật lên các Đấng thiêng liêng và lạy để tỏ lòng kính trọng. **Tứ thời:** 4 thời điểm.

Tứ thời là 4 thời điểm trong một ngày đêm mà hai khí Âm Dương có sự biến đổi đặc biệt:

- Thời Tý: lúc 0 giờ, khí Dương khởi sanh.
- Thời Ngọ: lúc 12 giờ trưa, khí Âm khởi sanh.
- Thời Mẹo: lúc 6 giờ sáng, 2 khí Âm Dương giao hòa.
- Thời Dậu: lúc 18 giờ tối, 2 khí Âm Dương giao hoà.

Kinh cúng tứ thời là những bài kinh dùng để tụng trong bốn thời cúng kể trên tại Thánh Thất hay Điện thờ Phật Mẫu.

■ **Tại Thánh Thất hay tại tư gia:** Kinh cúng tứ thời gồm các bài kinh cúng Đức Chí Tôn và ba Đấng Giáo chủ Tam giáo, kể ra sau đây:

- Niệm Hương.
- Khai Kinh.
- Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- Kinh Phật giáo.
- Kinh Tiên giáo.
- Kinh Nho giáo.
- Bài Dâng rượu (nếu cúng vào thời Tý và Ngọ).
- Bài Dâng trà (nếu cúng vào thời Mẹo và Dậu).
- Ngũ Nguyện.

■ **Tại Điện Thờ Phật Mẫu:** Các bài kinh cúng tứ thời tại Điện Thờ Phật Mẫu là:

- Niệm Hương.
- Khai Kinh.
- Phật Mẫu Chơn Kinh.
- Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu.
- Bài Dâng rượu (nếu cúng vào thời Tý và Ngọ).
- Bài Dâng trà (nếu cúng vào thời Mẹo và Dậu).
- Ngũ Nguyện.

Trong trường hợp có dâng số cầu nguyện thì thái đủ ba bài Dâng Tam bửu: Bông, Rượu, Trà.

Kinh dinh (Kinh doanh)

經營

A: To organise business.

P: Organiser des affaires.

Kinh: Sửa trị, hoạch định. **Dinh:** Doanh, chỉ việc làm ăn mua bán.

Kinh dinh hay Kinh doanh là sắp đặt việc làm ăn mua bán hay sản xuất để sinh ra lợi lộc.

KĐRĐ: Dòm thấy cuộc *kinh dinh* dưới mắt.
E trở tâm, tánh bất đổi thay.

KĐRĐ: Kinh đi ra đường.

Kinh điển

經典

A: The canonical books.

P: Les livres canoniques.

Kinh: Kinh sách. **Điển:** chuyện xưa tích cũ.

Kinh điển là những kinh sách ghi chép các sự việc xưa và các phép tắc đời xưa, để làm khuôn mẫu cho đời sau học tập và bắt chước noi theo.

PCT: Vậy chúng nó có quyền xem xét *kinh điển* trước lúc phổ thông. (**Chúng nó:** Đức Chí Tôn gọi 3 vị Chưởng Pháp).

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Kinh kệ

經偈

A: The prayers.

P: Les prières.

Kinh: Kinh sách. **Kệ:** bài thi để ngâm mà nội dung tóm tắt ý nghĩa của một bài kinh, hay để cầu nguyện.

Kinh kệ là chỉ chung các bài kinh và các bài kệ thường dùng để tụng đọc và ngâm trong nghi thức cúng tế của tôn giáo.

Kinh luân

經綸

A: Administrative cleverness.

P: Habileté administrative.

Kinh: Đường dọc, trải qua. **Luân:** trong công việc của người thợ dệt, chia các mối tơ theo chiều dọc gọi là Kinh, so những mối tơ lại cho bằng đầu gọi là Luân.

Kinh luân là sắp đặt các mối tơ cho đúng chỗ để dệt ra tấm lụa đẹp. Nghĩa bóng, Kinh luân là sự khéo léo sắp đặt và sửa sang các việc chánh trị trong nước được trật tự, ổn định và phát triển tốt đẹp.

TNHT: *Kinh luân* nặng túi ấy nguồn nhân.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Kinh luật

經律

A: The canonical books and laws.

P: Les livres canoniques et lois.

Kinh: Kinh sách. **Luật:** luật pháp.

Kinh luật là kinh sách và luật pháp.

PCT: Như thảng có *kinh luật* nào làm cho hại phong hóa thì chúng nó phải trừ bỏ, chẳng cho xuất bản. (**Chung nó:** Đức Chí Tôn gọi 3 vị Chưởng Pháp).

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Kinh lý

經理

Kinh: Đường dọc, trải qua. **Lý:** sắp đặt, sửa sang.

- Kinh lý là cấp lớn của chánh quyền đi xem xét công việc của các cấp nhỏ hành sự ở địa phương.
- Khi xưa, Kinh lý có nghĩa là đo đạc.

Phòng Kinh lý họa đồ là một cơ quan do Đức Phạm Hộ Pháp lập ra, có nhiệm vụ đo đạc đất đai, phóng đường, phân lô đất để xây dựng cơ quan Đạo, cất nhà, nền phố, khu vực chợ búa và vẽ họa đồ Châu thành Thánh địa.

Kinh quyền

經權

Kinh: Đạo thường không biến đổi. **Quyền:** nghĩa đen là quả cân, nghĩa bóng là đạo dùng khi biến, không nhất định, cũng như quả cân, phải thêm bớt tùy theo muốn cân vật nặng hay nhẹ.

Quyền thì trái với Kinh. Quyền thì tùy trường hợp mà biến đổi, nên gọi là quyền biến; còn Kinh thì giống như luật, không thay đổi được.

Kinh quyền là nói về cách xử lý công việc hay cách xử thế, trong Đạo cũng như ngoài Đời, có khi phải cứng rắn theo đúng qui luật (Kinh), có lúc phải gia giảm cho hợp hoàn cảnh (Quyền) để thi hành cho đạt kết quả, miễn là không trái đạo lý.

Cổ nhơn có nói: *Xử thường chấp kinh, ngộ biến tùng quyền.* Nghĩa là: Lúc bình thường thì xử sự theo đúng đạo thường, khi gặp biến thì phải tùy tình thế mà đối xử, không nên quá câu nệ phép tắc mà hư việc, miễn là không trái đạo lý để đạt được thành công.

Kinh sử

經史

A: The classics and history.

P: Les classiques et histoire.

Kinh: Kinh sách. **Sử:** lịch sử.

Kinh sử là các sách kinh điển và sách lịch sử.

Cái học của Nho giáo thời xưa là học Ngũ Kinh và học lịch sử. Ngũ Kinh gồm: Thi, Thư, Lễ Nhạc, Dịch và Xuân Thu.

Thành ngữ: *Nấu Sử xôi Kinh* cũng nằm trong nghĩa ấy.

Kinh Thánh

經聖

A: Bible, Saint book.

P: Bible, Livre saint.

Kinh: Kinh sách. **Thánh:** bực Thánh.

Kinh Thánh hay Thánh kinh là quyển sách chép các lời dạy bảo của các bực Thánh, Tiên, Phật và Thượng Đế, làm căn bản cho Giáo lý, Triết lý và Nghi lễ của một tôn giáo.

■ Đạo Do Thái có Kinh Thánh Cựu Ước, còn gọi là Sám Truyền Cũ. Đây chính là Đệ nhứt Thiên Nhơn Hòa Ước giữa Trời và Người, mà Thánh Moõse công bố cho nhơn loại biết vào thời Nhứt Kỳ Phổ Độ.

■ Đạo Thiên Chúa có Kinh Thánh Tân Ước. Đây chính là Đệ nhị Thiên Nhơn Hòa Ước giữa Trời và Người mà Đức Chúa Jêsus công bố cho nhơn loại biết vào thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

■ Đạo Hồi (Hồi giáo) có Thánh Kinh Coran, chép lại các lời giảng dạy của Giáo chủ Mahomet.

■ Đạo Cao Đài ngày nay có Thánh Kinh là quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển. Đây cũng chính là Thiên Nhơn Hòa Ước giữa Trời và Người vào thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Kinh Thiên vĩ địa

經天緯地

Kinh: Đường dọc, trải qua. **Thiên:** Trời. **Vĩ:** đường ngang.
Địa: đất.

Kinh vĩ tức kinh tuyến và vĩ tuyến, đường dọc và ngang.

Kinh vĩ là ý nói dọc ngang, ngang dọc, chí khí của kẻ làm trai tung hoành bốn biển.

Kinh Thiên vĩ địa là dọc ngang Trời Đất, chỉ người có tài năng và khí phách anh hùng.

Kinh thoa bố quần

荊釵布裙

Kinh: cây gai mọc ở thôn quê bên Tàu. **Thoa:** cái trâm cài tóc của phụ nữ. **Bố:** vải bố. **Quần:** ý nói quần áo.

Kinh thoa bố quần là dùng cây gai làm trâm, dùng vải bố may áo quần, ý nói người phụ nữ tiết kiệm, không se sua xa xỉ, để dành tiền bạc lo cho gia đình.

Kinh Vô Tự

經無字

A: The divine book without characters.

P: Le livre divin sans caractères.

Kinh: Kinh sách. **Vô Tự:** không chữ, giấy trắng không có chữ.

Kinh Vô Tự là quyển kinh không chữ.

Đây là một quyển sách rất huyền diệu nơi cõi thiêng liêng, mà khi một chơn hồn đến đứng trước quyển kinh này, dở sách ra xem thì chữ mới bắt đầu hiện ra, ghi rõ tên họ của chơn hồn, rồi kể rõ ra tất cả hành tàng thiện ác của chơn hồn trong suốt một kiếp sống nơi cõi trần, không có điều gì ẩn giấu được. (Xem chi tiết nơi chữ: Vô Tự Kinh, văn V)

KĐ5C: Lăn vào Cung Ngọc Diệt Hình,
Khai Kinh Vô Tự đặng nhìn quả duyên.

KĐ5C: Kinh Đệ Ngũ cửu.

KÍNH

KÍNH

KÍNH: 敬 Tôn trọng, cung kính.

Chữ này còn đọc một âm nữa là Kính.

Td: Kính lão đắc thọ, Kính lễ, Kính tuân.

Kính cáo

敬告

A: Respectful notice.

P: Avis respectueux.

Kính: Tôn trọng, cung kính. **Cáo:** báo cho biết.

Kính cáo là báo cáo một cách kính cẩn.

Kính lão đắc thọ

敬老得壽

A: If you respect the olds, you will enjoy a long life.

P: Respectez les vieillards, vous jouirez d'une longue vie.

Kính: Tôn trọng, cung kính. **Lão:** người già. **Đắc:** được. **Thọ:** sống lâu.

Kính lão đắc thọ là biết kính trọng người già thì sẽ được sống lâu.

Đây là câu nói thường dùng để khuyên nhủ các thanh thiếu niên phải kính trọng người lớn tuổi, nhường nhịn người già thì hưởng được phước và sẽ được sống lâu.

Kính lễ (Kính lễ)

敬禮

A: To offer respectfully.

P: Offrir respectueusement.

Kính: Tôn trọng, cung kính. **Lễ:** phẩm vật dâng cúng.

Kính lễ hay Kính lễ là dâng lên phẩm vật để bày tỏ lòng kính trọng.

BDH: Năm sắc hoa tươi xin kính lễ.

BDH: Bài Dâng Hoa.

Kính nhi viễn chi

敬而遠之

Kính: Tôn trọng, cung kính. **Nhi:** mà. **Viễn:** xa. **Chi:** tiếng đệm (hư tự).

Kính nhi viễn chi là kính trọng mà phải xa ra, không nên gần gũi.

Đức Khổng Tử có nói rằng: *Kính quỷ thần nhi viễn chi, khả vị trí hỉ. Phi kỳ quỷ nhi tế chi siểm dã.*

Nghĩa là: Kính trọng các quỷ thần mà lánh ra xa là khá khôn ngoan vậy. Chẳng phải quỷ mà cúng tế là dua bợ vậy.

Kính thành (Kính thành)

敬誠

A: Respectful and sincere.

P: Respectueux et sincère.

Kính: Tôn trọng, cung kính. Chữ này còn đọc một âm nữa là Kính. **Thành:** thành thật.

Kính thành hay Kính thành là cung kính và thành thật.

NH: *Kính thành* cầu nguyện Tiên gia chứng lòng.

NH: Niệm Hương.

Kính tuân

敬遵

A: Respectful admiration.

P: Admiration respectueuse.

Kính: Tôn trọng, cung kính. **Tuân:** làm đúng theo lời dạy bảo của bề trên.

Kính tuân là tôn kính và làm đúng theo lời dạy bảo.

TNHT: Chưa đặng bao lâu mà lời dạy bảo chẳng còn chút nét *kính tuân*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KỶ

KỶ

1. **KỶ:** 其 Cái kia, cái ấy.
Td: Kỳ dư, Kỳ trung.
2. **KỶ:** 期 Hạn định, trông mong.
Td: Kỳ vọng.
3. **KỶ:** 祈 Cầu xin.
Td: Kỳ an (Kỳ yên), Kỳ đảo.

4. **KỶ:** 奇 Lạ lùng, ít thấy.
Td: Kỳ cùng.
5. **KỶ:** 耆 Người già trên 60 tuổi.
Td: Kỳ lão, Kỳ mục.
6. **KỶ:** 騏 Tên loại ngựa hay.
Td: Kỳ ký.
7. **KỶ:** 麒 Tên loài thú linh.
Td: Kỳ lân.
8. **KỶ:** 旗 Lá cờ.
Td: Kỳ xí.

Kỳ an (Kỳ yên)

祈安

A: To pray for peace.

P: Prier pour la paix.

Kỳ: Cầu xin. **An:** yên ổn.

Kỳ an hay Kỳ yên là cầu an, cầu xin cho được bình yên.

Lễ Kỳ an là cuộc lễ cúng tế Thần linh để cầu nguyện cho dân cư trong vùng được bình an.

Kỳ dư

其餘

A: The rest.

P: Le reste.

Kỳ: cái kia. **Dư:** thừa ra.

Kỳ dư là ngoài ra, còn những cái khác nữa.

PCT: Như đặt hàng Lễ Sanh mới mong bước qua đặt hàng Chức sắc. *Kỳ dư* Thầy phong thường riêng mới qua khỏi ngã ấy mà thôi.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Kỳ đảo

祈禱

A: To pray.

P: Prier.

Kỳ: cầu xin. **Đảo:** cúng tế xin Thần ban phước.

Kỳ đảo là cúng tế cầu xin Thần linh ban phước.

Kỳ hào

耆豪

A: Notables.

P: Notables.

Kỳ: người già. **Hào:** người tài giỏi đáng kể.

Kỳ hào là người già cả có tài năng và uy tín.

Kỳ Hiên

岐軒

Kỳ: ông Kỳ Bá. **Hiên:** vua Hiên Viên Huỳnh Đế.

Theo cổ sử Trung Hoa, vua Hiên Viên Huỳnh Đế sai Ông Kỳ Bá viết sách thuốc dạy nghề y dược, trị bệnh cho dân.

Hiên Kỳ là Ông Kỳ Bá đời vua Hiên Viên Huỳnh Đế, là Ông Tổ của ngành y dược.

Do đó, đôi liễn của Y Viện là:

Y nghiệp thuật Kỳ Hiên diệu dược hạnh lâm trừ vạn bệnh,
Viện đường thâm võ lộ tế nhơn công đức phục hồi xuân.

(Xem giải nghĩa đôi liễn nơi chữ Y Viện, văn Y)

Kỳ hy

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Kỳ hy

期頤

A: Hundred years. P: Cent ans.

Kỳ: hạn định. **Hy:** cũng đọc là **Di:** nuôi dưỡng.

Kỳ hy, cũng đọc Kỳ di, là 100 tuổi.

Sách Ấu Học Quỳnh Lâm viết rằng: *Bá tuế viết Thượng thọ, Bát thập viết Trung thọ, Lục thập viết Hạ thọ. Bát thập viết Diệt, cửu thập viết Mạo, bá tuế viết Kỳ hy.*

Nghĩa là: 100 tuổi gọi là Thượng thọ, 80 tuổi gọi là Trung thọ, 60 tuổi gọi là Hạ thọ. 80 tuổi gọi là Diệt, 90 tuổi gọi là Mạo, 100 tuổi gọi là Kỳ hy (Kỳ di).

* Trường hợp 2: Kỳ hy

奇希

A: Rare.

P: Rare.

Kỳ: lạ lùng. **Hy:** hiếm có.

Kỳ hy là lạ lùng hiếm có.

Kỳ ký

騏驎

Kỳ: tên một loài ngựa hay. **Ký:** tên một loại ngựa hay, mỗi ngày chạy được ngàn dặm (thiên lý mã).

Kỳ ký là hai giống ngựa chạy rất giỏi, chỉ người tài giỏi vượt bực.

Chiến Quốc sách viết: *Kỳ ký thịnh tráng chi thời, nhất nhật nhi tri thiên lý.* Nghĩa là: Ngựa Kỳ ngựa Ký lúc đang mạnh khỏe, mỗi ngày chạy được ngàn dặm.

TNHT: Quanh đường chớ cạy chơn Kỳ ký.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Kỳ lão

耆老

A: The old people.

P: Les vieillards.

Kỳ: Người già trên 60 tuổi. **Lão:** ông già.

Kỳ lão là những người già trên 60 tuổi.

TĐ ĐPHP: Niên cao kỷ trưởng thì vào hàng kỳ lão.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Kỳ lân

麒麟

A: Unicorn. P: Licorne.

Kỳ: loài thú linh thời xưa, rất hiền lành, thuộc loài nai, ngày nay đã tuyệt chủng. Kỳ là con đực, Lân là con cái, nên gọi chung là Kỳ lân.

Tương truyền, Kỳ lân có hình dáng giống như con nai, mình vằn, đuôi trâu, vú ngựa, có một sừng trên đầu, rất hiền lành, không ăn sanh vật, nên được gọi là Nhân thú 仁獸.

Kỳ lân có tánh linh, khi nào có chúa Thánh ra cứu đời thì Kỳ lân xuất hiện báo trước điềm lành.

Trong cuộc đời của Đức Khổng Tử, Kỳ lân xuất hiện hai lần: Lần thứ nhất, báo tin có Thánh nhân ra đời. Lần thứ nhì xuất hiện con Kỳ lân què, báo tin Thánh nhân qui Thiên.

- Lần thứ nhất: Kỳ lân đến trước mặt Bà Nhan thị (Trung Tại) đang mang thai Đức Khổng Tử, nằm phục ngay xuống, nhả ra một cái ngọc xích có chữ viết rằng: Con nhà Thủy Tinh nối đời suy Châu mà làm vua không ngôi. Sau đó Bà Nhan thị sanh ra Đức Khổng Tử.

- Lần thứ nhì: Mùa xuân năm Lỗ Ai Công thứ 14, người nước Lỗ đi săn, bắt được con Kỳ lân què một chân. Đức Khổng hay được đến xem, rồi bưng mặt khóc. Về nhà Ngài than với học trò: Đạo ta đến lúc cùng. (Xem chi tiết: Đức Khổng Tử, văn Kh)

Ba năm sau, Đức Khổng Tử mất, thọ 73 tuổi.

Kỳ mục

耆目

A: Notables of the village. P: Notable du village.

Kỳ: người già. **Mục:** mắt, chỉ người nhiều hiểu biết.

Kỳ mục là những người già có nhiều hiểu biết và uy tín trong làng.

Kỳ ngộ

奇遇

A: Happy meeting.

P: Heureuse rencontre.

Kỳ: lạ lùng. **Ngộ:** gặp.

Kỳ ngộ là gặp gỡ bất ngờ một cách lạ lùng.

Kỳ phùng địch thủ

棋逢敵手

A: Redoubtable adversary at chess.

P: Adversaire redoutable en jeu d'échecs.

Kỳ: cờ tướng. **Phùng:** gặp. **Địch:** kẻ địch ngang tài. **Thủ:** tay. **Địch thủ:** kẻ địch đồng tài đồng sức.

Kỳ phùng địch thủ là cuộc đánh cờ mà gặp kẻ địch tài sức ngang nhau.

Kỳ thị

歧視

A: To distinguish.

P: Distinguer.

Kỳ: khác nhau. **Thị:** xem.

Kỳ thị là xem khác nhau, tức là đối đãi phân biệt.

Kỳ thị chủng tộc là đối đãi với người da trắng thì tôn trọng, đối với người da đen thì khinh rẻ.

Kỳ thực

其實

A: In reality. P: En réalité.

Kỳ: cái ấy. **Thực:** thật.
Kỳ thực: Thật ra là, thực tế là.

Kỳ trung

其中

A: Inside.

P: En dedans.

Kỳ: cái ấy. **Trung:** trong, ở trong.

Kỳ trung là ở trong ấy, những cái trong ấy.

TNHT: Chớ kỳ trung nơi bỗn thân vốn một khối chất chứa
 vắn vắn muôn muôn sanh vật.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Kỳ truyền

其傳

A: True doctrine.

P: Vraie doctrine.

Kỳ: cái ấy. **Truyền:** trao lại, ý nói cái Giáo lý chơn thật
 truyền lại.

Kỳ truyền là cái giáo lý chơn thật ấy được truyền lại.

Kỳ trung thọ đắc kỳ truyền: Ở trong ấy nhận được cái
 chơn truyền ấy.

TNHT: "Kỳ truyền đã thất, chơn sơn chưa hề biết cái sai ấy
 do tại nơi nào."

"Nguyên từ buổi bé đạo, tuy chánh pháp ra cũ mặc dầu,
 chớ kỳ trung thọ đắc kỳ truyền. Luật lệ tuy cũ chớ đạo vẫn như
 nhiên, do công đức mà đắc đạo cùng chẳng."

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Kỳ vọng

期望

A: To hope. P: Espérer.

Kỳ: mong mỗi. **Vọng:** trông ngóng.

Kỳ vọng là mong mỗi trông chờ.

Kỳ xí

旗幟

A: The flags.

P: Les drapeaux.

Kỳ: lá cờ. **Xí:** một loại cờ dùng trong quân đội.

Kỳ xí là nói chung các loại cờ.

KÝ

KÝ

1. **KÝ:** 寄 Gởi.
Td: Ký sinh, Ký thác.
2. **KÝ:** 既 Đã qua, xong việc.
Td: Ký tể.
3. **KÝ:** 記 Ghi chép, ghi nhớ.
Td: Ký sự.

Ký qui tam xích thổ

既歸三尺土

Ký: Đã qua, xong việc. **Qui:** trở về. **Tam xích:** ba thước.
Thổ: đất.

Ký qui tam xích thổ: Đã về ba thước đất, ý nói thể xác của con người đã chết, đem chôn xuống 3 thước đất (thước Tàu).

Trong Minh Tâm Bửu Giám, sách Cảnh Hành lục viết:

Vị qui tam xích thổ, nan bảo nhất sinh thân;

Ký qui tam xích thổ, nan bảo bách niên phần.

Nghĩa là:

Chưa về ba thước đất, khó giữ một thân sống của mình,
Đã về ba thước đất, khó giữ năm mộ được trăm năm.

Ký sinh

寄生

A: Parasite.

P: Parasite.

Ký: Gởi. **Sinh:** sống.

Ký sinh là sống gởi, tức là sống nhờ vào người khác.

Sinh ký tử qui: Sống gởi thác về.

Ký sự

記事

A: To take note of an event.

P: Noter un événement.

Ký: Ghi chép, ghi nhớ. **Sự:** việc.

Ký sự là ghi chép các việc.

Văn ký sự là lối văn chép lại các việc mắt thấy tai nghe.

Ký tế

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Ký tế

既濟

Ký: Đã qua, xong việc. **Tế:** vượt qua sông, nên, thành.

Ký tế là đã vượt qua sông, đã nên, đã thành.

Trong Kinh Dịch, quẻ thứ 63 là là quẻ Thủy Hỏa Ký tế, và quẻ 64 chót là quẻ Hỏa Thủy Vị tế.

Quẻ 63: Thủy Hỏa Ký tế gồm bên trên là Khảm (Thủy), bên dưới là Ly (Hỏa). Hoả (lửa) ở dưới đun Thủy (nước) bên trên làm cho nước sôi, tạo thành áp suất, gây ra năng lực hữu ích dùng để chạy máy hơi nước. Lửa giúp nước tạo thành năng lực, tức là thành công kết quả.

Cho nên, Thoán Từ của quẻ này viết:

Ký tế: Hanh tiểu, lợi trinh. Sơ cát, chung loạn.

Nghĩa là: Đã xong: Hanh thông, nếu làm nốt các việc nhỏ, cố giữ được những việc đã thành rồi thì mới lợi. Mới đầu thì tốt, cuối cùng thì loạn (hư hết).

Quẻ 64: Hỏa Thủy Vị tế, ngược với quẻ 63: Ly (Hỏa) trên Khảm (Thủy) dưới, nên Hỏa không giúp gì được Thủy.

Vị tế là chưa qua sông, tức là chưa xong, chưa thành.

* Trường hợp 2: Ký tế

既際

Ký: Đã qua, xong việc. **Tế:** giao tiếp, khoảng hai bên vừa gặp nhau.

Ký tế là hai bên vừa giao tiếp xong với nhau.

Lấy hai chung nước Âm Dương (chung nước trà và chung nước trắng) cúng trên Thiên Bàn, đặt kề nhau, nghiêng từ từ hai chung nước cho hai mặt nước (nước trà và nước trắng) giao tiếp nhau, gọi là Âm Dương ký tế. Đó là cách luyện Cam lồ thủy dùng trong Phép Độ thẳng. (Xem chữ: **Độ Thẳng, văn Đ**)

Ký thác

寄托

A: To confide.

P: Confier.

Ký: Gởi. **Thác:** giao phó cho.

Ký thác giao phó cho người khác trông nom giúp.

Ký thành

既成

A: To achieve.

P: Achever.

Ký: Đã qua, xong việc. **Thành:** xong, thành công.

Ký thành là đã làm xong, đã thành công.

TNHT: *Ký thành* một cuốn gọi Thiên thư,
Khai Đạo muôn năm trước định giờ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KỶ

KỶ

1. **KỶ:** 己 Minh, chính mình.
Td: Kỷ sở bất dục.
2. **KỶ:** 紀 Giềng mối, phép tắc, biên chép.
Td: Kỷ cương, Kỷ nguyên.

Kỷ cương

紀綱

A: The rules.

P: Les règles.

Kỷ: Giềng mối, phép tắc, biên chép. **Cương:** giềng mối.

Kỷ cương là phép tắc chánh yếu làm giềng mối cho mọi hoạt động, phép tắc từ các đời trước để lại.

TĐ ĐPHP: Ngài còn sắp đặt một kỷ cương để cho tinh thần nó vi chủ hình hài nó.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Kỷ luật - Ban Kỷ Luật

紀律 - 班紀律

A: The discipline.

P: La discipline.

Kỷ: Giềng mối, phép tắc, biên chép. **Luật:** pháp luật.

Kỷ luật là toàn thể những điều qui định cần phải theo để giữ gìn trật tự trong một cơ quan.

Ban Kỷ luật hay Hội Đồng Kỷ luật là một bộ phận đặt ra để xử trị những người vi phạm kỷ luật.

Tân Luật của Đạo qui định Cửu Trùng Đài có Hội Công Đồng, xem như đây là Hội Đồng Kỷ Luật của CTĐ, để xử trị Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu vi phạm kỷ luật của CTĐ.

Đối với các Chức sắc HTĐ và Cơ Quan Phước Thiện, hai vị Thời Quân Tiếp Pháp và Hiến Pháp lập quyền nội trị trong Đạo thành lập Ban Kỷ Luật cho HTĐ và cho CQPT, để xử trị những trường hợp vi phạm kỷ luật ở mức độ nhẹ.

Sau đây, xin trích ra Chương ba và Chương bốn trong tập tài liệu QUYỀN TƯ PHÁP và NỘI TRỊ ĐẠO, thành lập **Ban Kỷ Luật CQPT** và **Ban Kỷ Luật HTĐ**:

Chương ba: BAN KỶ LUẬT.

Nghĩ vì Đạo Luật Mậu Dần (1938) lập thành Cơ Quan Phước Thiện có Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng, đối phẩm Chức sắc CTĐ, phân ra từ Chí Thiện trở lên là hàng Thánh Thể, còn từ Giáo Thiện sắp xuống là hàng Nhơn sanh, nhưng từ trước CQPT hoàn toàn chịu dưới quyền của Đức Hộ Pháp, về thăng thưởng cũng như về răn phạt. Hôn nay, Đức Hộ Pháp đã về thiêng liêng vị, nên những việc tranh tụng hay vi phạm luật pháp của Đạo từ phẩm Giáo Thiện sắp xuống Đạo sỡ, không có Hội Công Đồng xét xử y như bên CTĐ.

Chiếu Vi Bằng số 6/VB phiên nhóm ngày 19-3-Bính Ngọ (dl 9-4-1966), Hội Thánh HTĐ quyết định thành lập Ban Kỷ Luật cho CQPT để xét xử từ phẩm Giáo Thiện sắp xuống, nên Đức Thượng Sanh ban hành Thánh Lịnh số 61/TL ngày 24-3-Bính Ngọ (dl 14-4-1966) thành lập Ban Kỷ Luật cho CQPT.

Điều thứ 11: Thành phần Ban Kỷ Luật này gồm có:

- Chủ Tọa: 1 vị Chơn Nhơn.
- Nghị án: 2 vị Đạo Nhơn.
- Buộc án: 1 vị Chí Thiện.
- Biện hộ: 1 vị Chí Thiện.
- Chép án: 1 vị Giáo Thiện.

Điều thứ 12: Ban Kỷ Luật này được quyền xét xử những vụ tranh tụng hay phạm luật pháp từ phẩm Giáo Thiện sắp xuống Đạo sở nam nữ Phước Thiện. Hồ sơ do Bộ Pháp Chánh điều tra chuyển qua.

Điều thứ 13: Ban Kỷ Luật sẽ chiếu theo các luật lệ đã qui định ở điều thứ 8 để xét xử và định hình phạt bị can.

Điều thứ 14: Ban Kỷ Luật này xử chung thẩm và có quyền xử đến trục xuất y như Hội Công Đồng CTĐ nhưng bản án phải có sự duyệt y của Chưởng quản Bộ Pháp Chánh.

Điều thứ 15: Phá án thuộc quyền quyết định của vị Thời Quân Thống quản CQPT nam nữ.

Việc phá án phải nêu rõ lý do xác thực và phải có sự đồng ý của vị Thời Quân Chưởng quản Bộ Pháp Chánh, rồi mới giao phó cho một Ban Kỷ Luật với thành phần khác xét xử lại.

Điều thứ 16: Quyền ân xá thuộc quyền tối cao của Đức Thượng Sanh Chưởng quản HTĐ.

Chương bốn: Tòa HTĐ và Ban Kỷ Luật HTĐ.

Chiếu Vi Bằng số 8/VB phiên nhóm ngày 2-4-Bính Ngọ (dl 21-5-1966), Hội Thánh HTĐ quyết định thành lập Tòa HTĐ xét xử Chức sắc HTĐ từ phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn sắp xuống phẩm Sĩ Tải nếu phạm tội nặng; còn phạm tội nhẹ thì đưa ra Ban Kỷ Luật HTĐ xét xử.

Riêng phẩm Luật Sự chưa vào hàng Chức sắc, nên bất luận phạm tội nặng hay nhẹ đều do Ban Kỷ Luật phân xử.

Điều thứ 17: Chức sắc HTĐ từ phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn xuống phẩm Sĩ Tải, có vi phạm luật pháp của Đạo, nếu trọng tội thì sẽ đưa ra Tòa HTĐ phân xử do thành phần và các điều khoản đã ấn định trong Thánh Lệnh số 60/TL ngày 24-3-Bính Ngọ (dl 21-5-1966) và ghi rõ ở điều thứ 6 kể trên.

Là Chức sắc dầu ở cơ quan nào, HTĐ, CTĐ hay Phước Thiện, cũng đồng chịu dưới quyền phán đoán của Tòa HTĐ, dĩ hà nhưt thể.

Điều thứ 18: Trong trường hợp vị Chức sắc phạm tội mà trước đã được đề cử vào thành phần Tòa HTĐ thì Hội Thánh

sẽ đề cử Chức sắc khác thay thế trước khi đưa đương sự ra xét xử.

Điều thứ 19: Về phạm Luật Sự, bất luận phạm tội nặng hay nhẹ cũng đều đưa ra Ban Kỷ Luật phân xử. Ban Kỷ Luật này có quyền hạn y như Hội Công Đồng CTĐ.

Điều thứ 20: Ban Kỷ Luật HTĐ không có tánh cách thường trực, chỉ thành lập mỗi khi hữu cần và tùy theo đẳng cấp của kẻ phạm tội mà chọn cử thành phần có đủ thẩm quyền do lệnh của Chương quản HTĐ.

Điều thứ 21: Tội trạng của Chức sắc bị can sẽ được liệt vào tội nặng hay nhẹ do quyền của Chương quản Bộ Pháp Chánh phân tách tội trạng trọng khinh, chiếu theo Thập Hình của Đức Lý Giáo Tông, đã qui định rõ ràng Đạo Luật năm Mậu Dần (1938) và các luật lệ hiện hành.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Kỷ nguyên

紀元

A: The year of a new era.

P: L'année d'une nouvelle ère.

Kỷ: ghi chép. **Nguyên:** bắt đầu.

Kỷ nguyên là ghi chép thời điểm khởi đầu để tính năm từ đó trở về sau.

■ Đối với Tây lịch, người ta dùng kỷ nguyên của Công giáo (nên gọi tắt là Công nguyên) là năm giáng sanh của Đức Chúa Jésus. Năm giáng sanh của Đức Chúa Jésus khởi tính là 1, bắt đầu từ đó đếm dần đến năm nay (năm Canh Thìn) là 2000, tức là Đức Chúa Jésus giáng sanh trước đây 2000 năm.

■ Đối với Phật lịch, Phật giáo dùng kỷ nguyên là năm Đức Phật Thích Ca tịch diệt, tức là năm tử của Đức Thích Ca. Năm đó khởi tính là 1, đếm dần đến năm nay (năm Canh Thìn) là 2544, tức là Đức Thích Ca tử cách nay là 2544 năm, nên ghi: Phật lịch 2544.

■ Đối với Đạo Cao Đài, kỷ nguyên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là năm Bính Dần, là năm Đức Chí Tôn khai đạo, ứng với Tây lịch năm 1926. Vậy năm Bính Dần khởi tính là 1, năm Đinh Mão tính là 2, năm Mậu Thìn tính là 3, v.v... đếm dần đến nay năm Canh Thìn tính là 75. Vậy là Đạo lịch 75.

Đó là nói chung, nhưng thực tế, Hội Thánh lấy ngày làm Đại Lễ Khai Đạo tại chùa Gò Kén 15-10-Bính Dần để khởi đầu tính năm. Mỗi năm đến ngày này thì Đạo lịch tăng thêm 1.

Như thế thì:

- Từ ngày 15-10-Bính Dần đến 14-10-Đinh Mão là Năm Đạo thứ nhất: Đệ nhất niên.
- Từ ngày 15-10-Đinh Mão đến 14-10-Mậu Thìn là Năm Đạo thứ hai: Đệ nhị niên.
- v.v... ..
- Từ ngày 15-10-Kỷ Mão đến 14-10-Canh Thìn là Năm Đạo 74: Thất thập tứ niên.
- Từ ngày 15-10-Canh Thìn đến 14-10-Tân Tỵ là Năm Đạo 75: Thất thập ngũ niên.
- Từ ngày 15-10-Tân Tỵ đến 14-10-Nhâm Ngọ là Năm Đạo 76: Thất thập lục niên. v.v...

Chúng ta thấy việc tính năm như vậy có phần rắc rối, bởi vì trong cùng một năm âm lịch mà có tới hai Năm Đạo, đầu năm thì Năm Đạo khác, cuối năm thì Năm Đạo khác.

Thí dụ như năm Canh Thìn:

- Đầu năm Canh Thìn thì Năm Đạo là 74,
- Cuối năm Canh Thìn thì Năm Đạo là 75.

Cho nên chúng tôi xin đề nghị lấy năm Khai Đạo (Bính Dần) làm năm kỷ nguyên Đạo lịch, tức là lấy ngày 1-1-Bính Dần làm ngày kỷ nguyên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Như thế, trọn năm Bính Dần là năm Đạo thứ nhất.

Trọn năm Đinh Mão là Năm Đạo thứ hai.

Trọn năm Mậu Thìn là Năm Đạo thứ ba. v.v...

Việc chọn ngày 1-1-Bính Dần làm kỷ nguyên Đạo lịch rất hợp lý, vì hai lý do sau đây:

Lý do thứ nhất: Ngày 1-1-Bính Dần, Đức Chí Tôn đã chánh thức thân được 12 môn đệ, và trước giờ Giao thừa, Đức Chí Tôn đi thăm các môn đệ nơi tư gia, khi đến nhà mỗi môn đệ Đức Chí Tôn cho một bài thi 4 câu. Đến giờ Giao thừa, Đức Chí Tôn giảng cơ cho bài Thánh giáo đầu tiên dạy các môn đệ khởi đi truyền Đạo cứu độ nhơn sanh.

Trong quyển Đại Đạo Căn Nguyên của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, trang 17, có chép như sau:

"Tái cầu lại, nhằm 11 giờ khuya, giờ Tý năm Bính Dần, Thượng Đế dạy rằng:

Chư đệ tử nghe: CHIẾU buổi trước hứa lời truyền Đạo, cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ, diu dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó thành công, chẳng nên tháo rút. Phải thay mặt cho Ta mà dạy dỗ chúng nó.

TRUNG, Kỳ, HOÀI, ba con phải lo thay mặt cho CHIẾU mà đi độ người. Nghe và tuân theo.

BẢN, SANG, GIẢNG, QUÍ lo dọn mình đạo đức đặng truyền bá cho chúng sanh. Nghe và tuân theo.

ĐỨC tập cơ, HẬU tập cơ, sau theo mấy anh đặng độ người. Nghe và tuân theo.

Ấy là lời Thánh giáo đầu tiên. Ấy là kỷ niệm ngày Khai Đạo mồng 1 giờ Tý năm Bính Dần vậy."

Qua đến ngày mùng 9 tháng giêng năm Bính Dần, Đức Chí Tôn mới ban cho bài thi bốn câu có tên của 12 môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn mà chúng ta đã biết.

Tên 12 môn đệ trong bài thi đó là: CHIẾU, KỶ, TRUNG, HOÀI, BẢN, SANG, QUÍ, GIẢNG, HẬU, ĐỨC, TẮC, CƯ.

Lý do thứ hai: Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, ngày mùng 1 Tết năm Đinh Mão, Đức Chí Tôn giảng cơ kiểm điểm một năm truyền Đạo, độ được hơn 40 000 người theo Đạo.

Như thế, chúng ta mặc nhiên thấy rằng, ngày thực tế Đức Chí Tôn mở Đạo và truyền Đạo là ngày mùng 1 Tết năm Bính Dần.

Còn ngày 15-10-Bính Dần chỉ là ngày làm lễ chính thức ra mắt quốc dân và quốc tế, sự hiện hữu của Đạo Cao Đài.

Sau đây, chúng tôi xin chép lại bài Thánh ngôn đêm giao thừa, rạng ngày mừng 1 Tết Đinh Mão:

"Các con . . . Mừng các con.

TRUNG, CU, TẮC, mấy con nhớ đêm nay năm rồi thế nào? Còn nay thế nào chẳng? TRỊNH THỊ ÁI NỮ, HIẾU, hai con đã thấy Thầy giữ lời hứa thế nào chẳng?

Thầy lập Đạo năm rồi ngày nầy thì môn đệ của Thầy chỉ có 12 đứa, mà 4 đứa đã rơi vào tay Chúa Quỷ, chỉ còn lại 8. Trong 8 đứa thì lại còn một đôi đứa biếng nhác mà không hành đạo.

Thầy hỏi nếu chẳng phải quyền hành Thầy, dầu cho một vị Phật thiết lớn giáng thế đi nữa, cũng chưa có phương chi độ hơn bốn muôn sanh linh nhờ tay có 6 đứa môn đệ trong một năm cho đặng bao giờ.

Thầy vui mừng, Thầy khen tặng hết thầy bốn muôn môn đệ của Thầy.

THƠ, con đã ngoan Đạo, mà sự ngoan Đạo của con đó còn độ lắm kẻ. Thầy khen con.

BÍNH, Thầy thưởng công con, cho lên chức Phó Sư. Thầy cảm cảnh lòng yếu mến của con, Thầy cảm ơn lòng đạo đức của con. Sanh linh còn nhờ công con mà thoát qua khổ hải.

BẢN, Thầy thăng chức Giáo Sư.

TRÒ, Thầy cho lên chức Giáo Hữu.

Nhiều đứa khác nữa, ngày mừng 9, Thầy biểu đòi về cho Thái Bạch phong thưởng.

Thầy ban ơn trọn cả các con, dầu không có mặt tại đây cũng vậy. Thầy giờ cơ lên, các con đều chun ngang qua cho Thầy ban Phép lành. Thầy cầu cho các con đặng ngoan đạo như THƠ vậy, sửa mình cho nên chí Thánh, vì Đạo năm nay sẽ rõ thấu hoàn cầu, môn đệ tăng thêm hằng hà sa số, phận sự các con lại càng nặng nề hơn nữa, nhưng các con nhớ biết thương Thầy, mà hễ thương Thầy thì ắt thương Đạo, mà hễ thương Đạo thì thương hết chúng sanh. Các con biết Thầy là trọng thì biết trọng Đạo, mà hễ trọng Đạo thì cũng phải trọng cả chúng sanh."

Qua bài Thánh ngôn nầy, chúng ta thấy gì?

Đức Chí Tôn tổng kết một năm khai Đạo, phong thưởng và khen ngợi những Chức sắc có công, ban Phép lành cho toàn cả môn đệ. Đây là ngày kỷ niệm đệ nhứt chu niên Khai Đạo.

Chúng ta thấy rõ năm Bính Dần chính là Năm Đạo thứ 1 của Đạo Cao Đài, tức của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Kết luận:

Kỷ nguyên của Đạo Cao Đài thực sự là ngày 1-1-Bính Dần. Ngày này tương ứng với ngày dương lịch là: 13-2-1926.

Với ngày kỷ nguyên này, việc tính năm trong Đạo Lịch của ĐĐTKPD rất đơn giản: **Mỗi năm âm lịch là một Năm Đạo.**

Khi đến mừng 1 Tết âm lịch, Năm Đạo tăng thêm 1.

Năm Bính Dần,	1926,	Đạo lịch 1	(Đệ nhứt niên)
Đinh Mão,	1927,	Đạo lịch 2	(Đệ nhị niên)
Mậu Thìn,	1928,	Đạo lịch 3	(Đệ tam niên)
... ..			
Kỷ Mão,	1999,	Đạo lịch 74	(Thất thập tứ niên)
Canh Thìn,	2000,	Đạo lịch 75	(Thất thập ngũ niên)
Tân Ty,	2001,	Đạo lịch 76	(Thất thập lục niên)
Nhâm Ngọ,	2002,	Đạo lịch 77	(Thất thập thất niên)

Muốn tính Năm Đạo tương ứng với năm dương lịch, chúng ta lấy năm dương lịch, trừ số 1925.

Năm dương lịch - 1925 = Năm Đạo.

Thí dụ: Năm 1955 Khánh Thành Tòa Thánh Tây Ninh tương ứng với Năm Đạo thứ mấy?

Đáp: 1955 - 1925 = 30. Năm Đạo 30 (Đệ tam thập niên)

ĐĐTKPD: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân

己所不欲勿施於人

A: Let us do unto others as we would be done by.

P: Ne fais pas à autrui ce que tu ne voudrais pas qu'on te fit.

Kỷ: Mình, chính mình. **Sở:** việc đó, cái đó. **Bất dục:** không muốn.

Vật: chẳng. **Thi:** làm, thi hành. **Ư:** ở tại. **Nhân:** người.

Câu Hán văn trên có nghĩa là: Điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người.

Đây là câu nói rất nổi tiếng của Đức Khổng Tử, vì nó là chân lý muôn đời, làm căn bản cho lý công bình của nhơn loại.

Một hôm, Tử Cống hỏi Đức Khổng Tử:

- Có lời nào khả dĩ thi hành được chung thân không?

Đức Khổng Tử đáp: - Kỳ sở bất dục, vật thi ư nhân.

Lời nói này biểu lộ rõ cái Đạo Nhân Ái của Thánh nhân đã trải qua mấy ngàn năm, và mãi mãi về sau, vẫn là khuôn vàng thước ngọc cho đạo xử thế, là nguyên tắc bất di bất dịch cho sự công bình và bình đẳng giữa nhơn loại.

Đức Chúa Jésus cũng có dạy môn đồ rằng: "Ne faites pas à autrui ce que vous ne voudriez pas qu'on vous fit."

TĐ ĐPHP: Tóm lại, cái sở hành chơn pháp công bình chỉ dùng một câu "Kỳ sở bất dục vật thi ư nhân", nghĩa là: những điều nào mình chẳng muốn ai làm cho mình phải buồn than đau đớn thì tức nhiên mình không nên làm mấy điều ấy cho người khác.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

KỶ

KỶ

1. **KỶ:** 騎 Cỡi lên trên.
Td: Kỵ sen, Kỵ vật.
2. **KỶ:** 忌 Ghen ghét, sợ, cấm, ngày giỗ.
Td: Kỵ húy, Kỵ nhục.

Kỵ hổ nan hạ

騎虎難下

Kỵ: Cỡi lên trên. **Hổ:** cọp. **Nan:** khó. **Hạ:** xuống.

Kỵ hổ nan hạ là cõi cạp khó xuống, vì khi xuống thì bị cạp ăn thịt.

Ý nói: Tình thế tấn thối lưỡng nan.

Kỵ húy

忌諱

A: To abstain.

P: S'abstenir.

Kỵ: Ghen ghét, sợ, cấm, ngày giỗ. **Húy:** vì kiêng mà tránh, tên người đã chết.

Kỵ húy là kiêng tránh, hay là kiêng tên người chết.

Kỵ kim quang

騎金光

A: To ride on band of the yellow light.

P: Monter sur la bande de lumière jaune.

Kỵ: Cỡi lên trên. **Kim:** vàng. **Quang:** ánh sáng.

Kỵ kim quang là cỡi lên lần ánh sáng vàng để nó đưa đi.

KĐ5C: Kỵ kim quang kiến Lão Quân.

KĐ5C: Kinh Đệ Ngũ cửu.

Kỵ nhật

忌日

A: Anniversary of a death.

P: Jour anniversaire du mort.

Kỵ: Ghen ghét, sợ, cấm, ngày giỗ. **Nhật:** ngày.

Kỵ nhật là ngày giỗ, ngày kỷ niệm người chết.

Ngày xưa, người ta coi ngày chết của cha mẹ là ngày kiêng kỵ, không được làm việc gì khác hơn là tụ họp nhau để lo cúng giỗ cha hay mẹ.

Kỵ sen

A: To ride on the lotus.

P: Monter sur le lotus.

Kỵ: Cỡi lên trên. **Sen:** hoa sen, đây là hoa sen thần: liên thần.

Kỵ sen là đứng lên bông sen thần để bông sen thần đưa chơn hồn đi lên các tầng Trời.

KKĐCR có câu: "Dưới chín lớp liên thần đưa bước."

KĐ7C: Kim chung mở lối kịp kỳ kỵ sen.

KKĐCR: Kinh Khi Đã Chết Rồi.

KĐ7C: Kinh Đệ Thất cửu.

Kỵ vật

騎物

Kỵ: Cỡi lên trên. **Vật:** con vật.

Kỵ vật là con vật dùng để cỡi, như con ngựa, con lừa.

Trong Tam thể xác thân của con người, thể xác ví như con ngựa, sợi dây cương ví như chơn thần, và linh hồn ví như người cỡi ngựa. Linh hồn điều khiển chơn thần, rồi chơn thần điều khiển thể xác, giống như người cỡi ngựa điều khiển sợi dây cương để ra lệnh cho ngựa qua phải, qua trái hay dừng lại.

Do đó, nhà đạo thường nói ví: Thể xác là con kỵ vật của linh hồn.

KHẢ

KHẢ

KHẢ: 可 Khá, đáng, nên.

Td: Khả dĩ, Khả năng.

Khả dĩ

可以

A: Possible.

P: Possible.

Khả: Khá, đáng, nên. **Dĩ:** lấy, dùng.

Khả dĩ là có thể.

Khả năng

可能

A: Capacity.

P: Capacité.

Khả: Khá, đáng, nên. **Năng:** năng lực, cái sức để làm được việc.

Khả năng là cái sức có thể làm nổi công việc.

TNHT: Phải có một giáo lý mới mẻ đủ *khả năng* kèm chế nhơn loại trong sự thương xót chúng sanh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khả xạ khả điều

可射可釣

Khả: Khá, đáng, nên. **Xạ:** bắn. **Điều:** câu.

Khả xạ là có thể bắn được, Khả điều là có thể câu được.

Trong sách Minh Tâm Bửu Giám có viết rằng:

Thủy để ngư, Thiên biên nhạn,

Cao khả xạ hề đề khả điều.

Duy hữu nhân tâm chỉ xích gian,

Chỉ xích nhân tâm bất khả liệu.

Nghĩa là:

Cá đáy nước, nhạn biên Trời,

Cao có thể bắn được, thấp có thể câu được.

Duy có lòng người trong khoảng gang thước,

Gang thước lòng người không thể liệu lường được.

(**Đề**: cái đáy. **Đê**: thấp. **Chỉ xích**: gang thước, ý nói gần gũi lắm. **Gian**: khoảng. **Bất khả**: không thể)

TNHT:

Đạo cao thâm, Đạo cao thâm,
Cao bất cao, thâm bất thâm.
Cao khả xạ hề thâm khả điều,
Cao thâm vạn sự tại nhân tâm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KHÁCH**KHÁCH**

KHÁCH: 客 Người khách, người ở nơi khác tới.

Td: Khách đình, Khách trần.

Khách đình

客亭

A: The house of funeral ceremony.

P: La maison des funérailles.

Khách: Người khách, người ở nơi khác tới. **Đình:** cái nhà trạm dựng dọc đường để làm chỗ tạm nghỉ chân cho khách bộ hành.

■ **Nghĩa ngoài Đời:** Khách đình là cái nhà trạm dùng làm chỗ dừng chân trong một lúc ngắn cho các khách lữ hành đang đi trên các nẻo đường trần.

■ **Nghĩa trong Đạo:** Khách đình là cái nhà dùng làm tang lễ cho các tín đồ khi qui liễu.

Đạo Cao Đài quan niệm con người sống nơi cõi trần là khách trần, khách của cõi trần. Nói như thế để chỉ rằng, cõi trần không phải là nơi ở vĩnh viễn, không phải là quê hương thực sự của con người, mà quê hương thực sự của con người

là cõi Trời, cõi TLHS. Con người đến cõi trần như là một chuyến đi công tác, hay một chuyến đi du học, khi thực hiện xong bổn phận thì trở về, mà Khách đình là cái nhà để khách trần tạm dừng chân trước khi trở về quê xưa cảnh cũ.

Con người là khách của cõi trần, đến khi chết tức là lúc dừng chân lại để nghỉ ngơi, trước khi trở về cõi TLHS. Vì vậy, thân nhân đưa xác người chết vào nơi Khách đình để làm tang lễ, rồi đưa lên thuyền Bát Nhã đưa đi an táng nơi đất Cực Lạc (nghĩa địa của Đạo).

Tại Khách đình, linh hồn người chết sẽ được nghe lời kinh tiếng kệ, âm nhạc trầm bổng để sớm thức tỉnh, biết rõ nơi căn cội thực sự của mình, không còn quyến luyến cõi trần, sớm đi lên cõi thiêng liêng, trở về ngôi nhà chơn thật xa xưa của mình. Cho nên, nơi mặt tiền của Khách đình có hai đôi liễn:

客館慈悲除債主
亭船般若渡迷津

*Khách quán từ bi trừ trái chủ,
Đình thuyền Bát Nhã độ mê tân.*

Nghĩa là:

Quán trọ của khách trần, lòng từ bi, trừ hết các món nợ oan nghiệt,

Cái nhà trạm có thuyền Bát Nhã giúp qua khỏi bến mê.

生也造得善緣
死也脫離果劫

*Sanh dã tạo đắc thiện duyên,
Tử dã thoát ly quả kiếp.*

Nghĩa là:

Sống thì tạo được duyên lành,

Chết thì thoát khỏi nghiệp quả của kiếp sống.

Nơi Khách đình, khuất ở phía sau, Đức Phạm Hộ Pháp có lập một bàn thờ để thờ Thiên Nhân, tức là thờ Đức Chí Tôn.

Nhiều người hỏi rằng:

- Khách đĩnh là nơi để quản các quan tài nên có nhiều âm khí ô trược, mà tại sao lại lập bàn thờ Đức Chí Tôn?

- Tại sao chỉ thờ Thiên Nhân của Đức Chí Tôn mà không có thờ Ba Đấng Giáo chủ và Tam Trấn Oai Nghiêm?

Có vị giải đáp rằng: Thờ Thiên Nhân nơi đây là để Chức sắc thuận tiện trong việc hành pháp, thỉnh nước Âm Dương luyện thành Cam Lô thủy để làm phép xác.

Nói như thế cũng có lý về phương diện làm phép xác, nhưng chưa rõ chơn lý, vì cái Thễ pháp ấy ẩn tàng một ý nghĩa thâm thúy và bí mật.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo tại Tòa Thánh ngày rằm tháng 7 năm Nhâm Thân (1932) có giải rõ rằng: Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ, vì quá thương yêu con cái của Ngài, nên Ngài lên Thiên đĩnh (Tam Giáo chủ và Tam Trấn không hay biết) đi xuống Khách đĩnh để cứu độ con cái của Ngài trở về. Bấy lâu nay, con cái của Ngài say đắm thế trần, lao vào các dục vọng thế xác, không còn nhớ đến ông Cha thiêng liêng đang ngày đêm trông đợi, cũng có khi con cái có nhớ tới, nhưng vì thân mang nhiều tội lỗi nên không dám đến gần ông Cha thiêng liêng, cứ chạy trốn hoài. Ngày giờ này, xác thân đã được đưa đến Khách đĩnh thì hết còn trốn tránh, và Đại Từ Phụ lên xuống đây để cứu độ con cái của Ngài trở về, thể hiện một tấm lòng thương yêu vô bờ bến của một ông Cha quá khổ cực vì các con.

"Nghĩ đến phận sự ông Cha vô hình của chúng sanh,

biết bao nhiêu khổ cực,
lo cho nó nên phận, nó cứ muốn làm ma,
lo cho nó thành Trời, nó cứ ham làm quỷ.
Mỗi buồn tình ấy tả sao cho nổi?... ..
Gần hung ác tập rèn quen tánh,
Chấn lấy thân yếu mạnh so đời,
Không lương tâm nào biết ngó Trời,
Theo thân thể, trọn đời thờ Quỷ.
Thấy như thế giờ tuôn giọt lụy,
Lại hiểu con chẳng nghĩ đến mình,

Gạt lụy rơi về tạm Khách đình,
 Chẳng cho trẻ biết hình biết dạng"... ..

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Khách thiện đường

客善堂

Khách: Người khách, người ở nơi khác tới. **Thiện:** lành.
Đường: nhà.

Khách thiện đường là ngôi nhà lành dùng để tiếp khách.

Khách quan

客觀

A: Objective.

P: Objectif.

Khách: Người khách, người ở nơi khác tới. **Quan:** xem xét.

Khách quan là tự đặt mình ra ngoài ý thức và tình cảm của mình để quan sát và nhận định sự vật cho được vô tư.

Trái với Khách quan là Chủ quan.

Khách trần

客塵

A: The guest of the world.

P: L'hôte du monde.

Khách: Người khách, người ở nơi khác tới. **Trần:** cõi trần, cõi của nhơn loại đang sống.

Khách trần là người khách của cõi trần, tức là những người ở cõi khác đến viếng cõi trần hay đến cõi trần để thực hiện một công tác, một nhiệm vụ, hay để học hỏi; khi công việc xong thì từ giã cõi trần để trở về chốn cũ.

Khách trần có nhiều hạng. Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo có phân ra 6 hạng Khách trần:

1. Hạng thứ nhất: Các bậc Thánh, Tiên làm lỗi bị đọa trần để chuộc tội.

TNHT: Trần là cõi khổ để đọa bậc Thánh, Tiên có làm lỗi. Ấy là cảnh sầu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả phải mất cả chơn linh là luân hồi, nên kẻ bị đọa trần gọi là Khách trần.

2. Hạng thứ nhì: Hạng tác trái, tức là hạng gây nợ, hạng thiếu nợ, là hạng người gây ra nhiều oan nghiệt nên họ cầu mong trả cho dứt nghiệp quả để trở về cõi thiêng liêng.

3. Hạng thứ ba: Hạng trái chủ, tức là hạng chủ nợ, hạng đã cho người khác vay nhiều món nợ nên họ phải đầu kiếp xuống trần để đòi nợ. Họ không biết lo cho ai, cũng không làm hại ai, ngày tối chờ người khác đến trả nợ. Kể ra họ cũng uổng phí một kiếp sanh, không làm được việc gì để tạo thêm công đức hầu làm cho gia tăng phẩm vị nơi cõi thiêng liêng.

4. Hạng thứ tư: Hạng du học, tức là hạng hay tìm tòi kiếm hiểu tất cả mọi vấn đề, mọi lãnh vực. Họ say mê nghiên cứu, học hỏi các chơn lý để tiến hóa tâm linh. Ngoài việc nghiên cứu học hỏi, họ không để ý đến việc gì khác.

5. Hạng thứ năm: Hạng ta bà, là hạng đi du hý, làm một chuyến du lịch đến cõi trần, xong rồi thì về. Họ không động tới ai, không nói tới ai. Cái sống hay cái chết của họ cũng không cần biết. Họ theo ở các chùa, hay trong núi để được thanh tịnh. Hạng này rất ít, thường hay chết yểu vì khi họ sống không vừa ý thì họ liền thối lui, trở về cõi thiêng liêng.

6. Hạng thứ sáu: Hạng Thiên mạng, tức là hạng có chơn linh cao trọng, là Phật, Thánh, Tiên, lãnh lệnh nơi Ngọc Hư Cung hoặc nơi Lôi Âm Tự, để xuống trần thi hành nhiệm vụ. Họ chỉ biết lo cho thiên hạ mà không nghĩ đến mình. Khi nhiệm vụ của họ chưa tới thì họ sống dửng dưng như ngây dại. Khi đã đến thời điểm thực hành Thiên mạng thì họ trở nên sáng suốt, tài trí lạ thường, đem tài sức ra để cứu thế độ nhơn.

Trong 6 hạng Khách trần vừa nêu trên thì hạng tác trái nhiều hơn hết thảy, chiếm đại đa số nhơn loại. Chẳng những họ trả chưa xong nợ cũ mà họ còn gây thêm nhiều nợ mới,

khuyến cho cảnh đời Hạ nguơn trở nên hỗn loạn cũng do nơi họ.

- TNHT:**
- Bể khổ mệnh mang vớt *khách trần*.
 - Kêu *khách phàm trần* đã huyệt hơi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khách tục

客俗

Khách: Người khách, người ở nơi khác tới. **Tục:** thấp kém, chỉ cõi trần.

Khách tục là *Khách trần*. (Xem: **Khách trần**)

TNHT: Phần công quả trả cho rồi thì cảnh u nhân là nơi rước *khách tục* trong lúc chung qui đó.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KHAI

KHAI

KHAI: 開 Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu.

Td: Khai đàn, Khai đạo, Khai hóa.

Khai cửu thập nhị tào chi mê muội

開九十二曹之迷昧

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Cửu thập nhị:** chín mươi hai (92). **Tào:** bọn. **Chi:** hư tự. **Mê muội:** tối tăm, mê lầm.

Cửu thập nhị tào: bọn 92, ý nói nhóm 92 ức nguyên nhân đang còn trầm luân nơi cõi trần.

Đây là một câu kinh trong Kinh Phật giáo có nghĩa là: *Khai mở 92 ức nguyên nhân đang còn mê muội nơi cõi trần.*

Khai dẫn

開引

A: To open and to guide.

P: Ouvrir et guider.

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Dẫn:** dẫn dắt.

Khai dẫn là mở đường dẫn lối.

TNHT: Để bước khỏi lối nhọc nhằn ban sơ *khai dẫn*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khai đàn

開壇

A: The open a worship.

P: Ouvrir un culte.

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Đàn:** đàn cúng Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng.

Khai đàn là mở ra một đàn cúng Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng với đầy đủ nghi lễ.

Khai đàn thượng tượng: Những Đạo hữu mới nhập môn cầu Đạo, cần phải dọn một chỗ trang nghiêm tinh khiết trong tư gia của mình để thiết lập Thiên bàn thờ Đức Chí Tôn, rồi đến Thánh Thất sở tại thỉnh một tấm Thánh Tượng Thiên Nhân, lồng vào khung kính, đặt lên bàn thờ. (Thượng tượng là đặt Thánh tượng Thiên Nhân lên trên bàn thờ). Sau đó, mời Bàn Trị Sự trong Hương đạo của mình và mời vị Lễ Sanh Đầu Tộc Đạo đến thiết lễ cúng Đức Chí Tôn, có dâng sớ cầu nguyện Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng bảo hộ gia chủ diên niên hạnh phúc. Sau lễ Khai đàn thượng tượng này rồi, gia chủ tiếp tục cúng Đức Chí Tôn trong tứ thời mỗi ngày.

TNHT: Đ. Q. , con cứ *khai đàn* cho chúng nó và chỉ cách thờ Thầy theo Tân Luật.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khai Đạo - Tờ Khai Đạo

開道

A: The official declaration of the foundation of Caodaism.

P: La déclaration officielle de la fondation du Caodaïsme.

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Đạo:** tôn giáo.

Khai Đạo là mở ra một tôn giáo mới để cứu giúp nhơn sanh, tức là mở ra một con đường tu hướng dẫn nhơn sanh tu hành, đạt được sự an vui, hết phiền não và linh hồn sẽ được giải thoát khỏi luân hồi, lên sống an lạc nơi cõi TLHS.

Năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế dùng cơ bút mở ra tại miền Nam Việt Nam một nền tôn giáo mới gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hay Đạo Cao Đài, để cứu vớt nhơn sanh trong thời Hạ Nguơn mặt kiếp, trước khi có cuộc Tận Thế và Hội Long Hoa.

Tờ Khai Đạo (Đạo Cao Đài) là một bản văn gửi cho nhà cầm quyền Pháp đương thời là Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol để thông báo chánh thức với nhà cầm quyền Pháp biết là một số người có tên trong văn bản, đứng ra thành lập một nền Tân Tôn giáo gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nói tắt là Đạo Cao Đài, và bắt đầu hoạt động tại miền Nam Việt Nam.

Tờ Khai Đạo này không phải là Đơn Xin Khai Đạo, mà là một bản Tuyên Ngôn chánh thức mở Đạo, chiếu theo luật lệ nước Pháp áp dụng cho Nam Kỳ, thuộc địa của Pháp, dân chúng được hưởng quyền tự do tín ngưỡng, sùng bái cúng kiếng Trời Phật, miễn là không làm rối loạn trật tự và an ninh trong xứ.

Những người đứng tên trong Tờ Khai Đạo cử Ngài Lê Văn Trung, cựu Thượng Nghị Viện Đông Dương, đích thân cầm Tờ Khai Đạo đem lên giao tận tay Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol, được ông Le Fol tiếp nhận vui vẻ.

Tờ Khai Đạo không phải là Đơn Xin, nên không có sự chờ đợi nhà cầm quyền Pháp chấp thuận cho phép. Do đó, sau khi gửi Tờ Khai Đạo lên Thống Đốc Le Fol rồi, những vị đứng tên Khai Đạo lo gấp rút truyền Đạo, thu nhận tín đồ, xúc tiến xây

dựng cơ sở, chuẩn bị tổ chức Đại Lễ Khai Đạo ra mắt quốc dân và quốc tế.

Về việc lập Tờ Khai Đạo, diễn tiến thứ tự như sau:

- Đoàn cơ ngày 16-8-Bính Dần (dl 22-9-1926), Đức Chí Tôn dạy: *"Các con xin chánh phủ Lang Sa đặng khai Đạo thì cực chẳng đã Thầy ép lòng mà chịu vậy cho từng nơi Thiên cơ. Thầy rất đau lòng mà chịu vậy, chớ biết sao!"*

Đức Chí Tôn dạy hai Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt: *"Trung, Lịch, hai con phải hội chư Thánh mà xin khai Đạo. Phải làm đơn mà dâng cho Thầy xem xét sửa trước nghe!"* (TNHT, Bài 36, ngày 16-8-Bính Dần).

- Đúng một tuần lễ sau, ngày 23-8-Bính Dần (dl 29-9-1926), các môn đệ gồm cả thầy 247 tín đồ nam nữ họp đại hội tại nhà Ông Nguyễn Văn Tường, Thông Ngôn Sở Tuần Cảnh Sài Gòn, ở đường Galliéni (nay là đường Trần Hưng Đạo, Quận I Sài Gòn) trong một đêm mưa to gió lớn, nước ngập hết các đường sá, xe hơi không chạy được, nhờ vậy nên buổi đại hội không bị mật thám Pháp ngăn trở. Tất cả môn đệ đều đồng ý ký tên vào Tờ Khai Đạo do Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt dự thảo bằng tiếng Pháp.

- Sau đó, quý Ngài lập đàn cơ tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để dâng Tờ Khai Đạo lên cho Đức Chí Tôn duyệt xét.

Đức Chí Tôn giảng phê:

"Mấy con không nói một điều gì đến Thầy hết, nhưng thôi kệ, cứ gởi đi." "Thầy dặn con, Trung, nội thứ năm tuần tới, phải đến Le Fol mà khai cho kịp nghe!"

Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt tuân lệnh Đức Chí Tôn, chờ đến thứ năm tuần tới là ngày 7-10-1926 (âl 1-9-Bính Dần), Ngài đến dinh Thống Đốc Nam Kỳ nạp Tờ Khai Đạo cho Ông Le Fol và được Ông Le Fol tiếp nhận.

Bản lưu của Tờ Khai Đạo ấy đã thất lạc từ lâu, nay được thấy trong Luận văn thi Tiến Sĩ Đệ Tam Cấp của một sinh viên Pháp tên là Pierre Bernardini nhan đề: *Le Caodaïsme au Cambodge*, Université de Paris VII, 1974, page 282, 283, 284.

Chúng tôi xin chép ra sau đây để rộng đường tham khảo:

DÉCLARATION OFFICIELLE ADRESSÉE PAR LES
FONDATEURS DU CAODAISME À M. LE FOL,
GOUVERNEUR DE LA COHINCHINE.

Saigon, le 7 Octobre 1926.

Monsieur le Gouverneur,

Les soussignés, ont l'honneur de venir respectueusement vous faire connaître ce qui suit:

Il existait en Indochine Trois Religions (Bouddhisme, Taoisme, Confucianisme). Nos ancêtres pratiquaient religieusement ces trois doctrines et vivaient heureux en suivant strictement les beaux préceptes dictés par les Créateurs de ces religions.

On était, pendant cet ancien temps, tellement insoucieux qu'on pouvait dormir sans fermer les portes et qu'on dédaignait même de ramasser les objets tombés dans la rue (Gia vô bé hộ, lộ bất thập di), tel est l'adage inscrit dans nos annales.

Hélas! Ce beau temps n'existe plus pour les raisons suivantes:

1. Les pratiquants de ces religions ont cherché à se diviser, tandis que le but de toutes les religions est le même: Faire le bien et éviter le mal, adorer pieusement le Créateur.

2. Ils ont dénaturé complètement la signification de ces saintes et précieuses doctrines.

3. La course au confort, à l'honneur, l'ambition des gens, sont aussi des causes principales des divergences d'opinions actuelles. Les Annamites de nos jours ont complètement abandonné les bonnes moeurs et traditions de l'ancien temps.

Ecoeurés de cet état de choses, un groupe d'Annamites, fervents traditionalistes et religieux, ont étudié la refonte de toutes ces religions, pour n'en former qu'une seule et unique appelée CAODAISME ou ĐÀI ĐẠO.

Le nom "ĐÀI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ", qui signifie la Troisième Amnistie Générale, est donné par l'Esprit Suprême qui est venu aider les soussignés à fonder cette Nouvelle Religion.

L'Esprit Suprême est venu sous le nom de NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ dit CAO ĐÀI ou "LE TRÈS HAUT, DIEU TOUT PUISSANT".

Par l'intermédiaire de médiums écrivains, Ngọc Hoàng Thượng Đế transmet au soussignés des enseignements divins ayant pour but de concentrer et d'enseigner les beaux préceptes de ces Trois Anciennes Religions.

La Nouvelle Doctrine enseignera aux peuples:

1. La haute morale de Confucius.
2. Les vertus dictées dans les religions bouddhique et taoïque.

Ces vertus consistant à faire le bien et éviter le mal, aimer l'humanité, pratiquer la concorde, éviter totalement la dissension et la guerre.

Les soussignés ont l'honneur de vous soumettre:

1. Quelques extraits du recueil des "Saintes Paroles" de Ngọc Hoàng Thượng Đế, paroles estimées plus précieuses que tout ce qui existe ici-bas.

2. La traduction de quelques passages du livre de prières que Ngọc Hoàng Thượng Đế nous a enseignées.

Le but poursuivi par les soussignés est de ramener les peuples à l'ancien temps de paix et de concorde. On sera ainsi dirigé vers une époque nouvelle tellement heureuse qu'il est difficile de la décrire.

Au nom de très nombreux Annamites qui ont entièrement approuvé ces études et dont la liste est ci-jointe, les soussignés ont l'honneur de venir respectueusement vous déclarer qu'ils vont propager à l'humanité entière cette Sainte Doctrine.

Persuadés d'avance de cette Nouvelle Religion apportera à nous tous la paix et la concorde, les soussignés vous prient de recevoir officiellement leur déclaration.

Les soussignés vous prient d'agréer, Monsieur le Gouverneur, l'assurance de leurs sentiments respectueux et dévoués.

Ont signé:

Mme LÂM NGỌC THANH,
M. LÊ VĂN TRUNG,

.....

Bản dịch Từ Khai Đạo ra tiếng Việt:

TUYÊN NGÔN CHÁNH THỨC ĐƯỢC NHỮNG NGƯỜI
SÁNG LẬP ĐẠO CAO ĐÀI GỞI TỚI ÔNG LE FOL, THỐNG
ĐỐC NAM KỲ.

Sài Gòn, ngày 7 tháng 10 năm 1926.

Kính Ông Thống Đốc,

Những người ký tên dưới đây hân hạnh kính báo cho Ông
biết những điều dưới đây:

Tại Đông Dương đã có ba nền tôn giáo (Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo). Tổ Tiên của chúng tôi tu hành theo ba giáo lý ấy và đã sống hạnh phúc nhờ nghiêm chỉnh tuân theo những lời giáo huấn tốt đẹp của các vị Tổ Sư Tam giáo truyền dạy.

Vào thời xưa, người ta sống không lo âu, đến nỗi người ta có thể ngủ không đóng cửa và cũng không thềm lượm của rơi ngoài đường. (Gia vô bế hộ, lộ bất thập di), ấy là câu ngạn ngữ ghi chép trong sử sách của chúng tôi.

Than ôi! Thời đại tốt đẹp đó không còn nữa vì những lý do sau đây:

1. Những người hành đạo của các tôn giáo ấy đã tìm cách phân chia, trong lúc đó, mục đích của tất cả tôn giáo đều giống nhau: Làm điều thiện, tránh điều ác, và thành kính thờ phượng Đấng Tạo Hóa.

2. Họ đã làm sai lạc hoàn toàn bản chất, ý nghĩa của các giáo lý thiêng liêng quý báu ấy.

3. Sự tranh đua về lợi danh, lòng tham vọng của con người, đều là những lý do chánh của sự bất đồng tư tưởng hiện nay. Những người VN ngày nay đã hoàn toàn từ bỏ những phong tục và truyền thống tốt đẹp của thời xưa.

Ngao ngán trước tình trạng các sự việc nêu trên, một nhóm người VN có nhiệt tâm với truyền thống và tôn giáo, đã nghiên cứu cải cách các tôn giáo nói trên, để nắn đúc thành một tôn giáo duy nhất gọi là Đạo Cao Đài hay Đại Đạo.

Danh từ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có nghĩa là Đại Ân Xá Kỳ Ba, được Đấng Chí Linh ban cho và Ngài đã đến giúp đỡ những người ký tên dưới đây thành lập nền Tân Tôn giáo ấy.

Đấng Chí Linh đã đến dưới danh xưng Ngọc Hoàng Thượng Đế, gọi là Cao Đài hay Đấng Tối Cao, Thượng Đế Toàn Năng.

Qua trung gian của các đồng tử phò cơ, Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế truyền cho những người ký tên dưới đây những bài Thánh giáo có mục đích cô đọng và giảng dạy các giáo huấn tốt đẹp của ba nền tôn giáo xưa.

Tân Giáo lý sẽ dạy cho dân chúng:

1. Luân lý cao thượng của Đức Khổng Tử.

2. Đạo đức ghi trong Phật giáo và Lão giáo. Đạo đức ấy bao gồm làm điều thiện, tránh điều ác, yêu thương nhơn loại, thực hành sự hòa hợp, hoàn toàn tránh chia rẽ và chiến tranh.

Những người ký tên dưới đây hân hạnh trình bày với ông:

1. Vài đoạn trích lục của tập Thánh Ngôn của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, những lời nói được đánh giá là quý báu hơn hết tất cả những gì hiện có nơi cõi phàm trần.

2. Bản dịch vài đoạn trong quyển Kinh Cầu Nguyện mà Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã dạy chúng tôi.

Mục đích theo đuổi của những người ký tên dưới đây là đem dân chúng trở lại thời thái bình và hòa hợp của thời xưa. Như thế, con người sẽ hướng về một thời đại mới rất hạnh phúc, khó tả ra được.

Nhân danh đồng đảo dân chúng VN mà họ đã hoàn toàn tán thành những điều nghiên cứu này, có danh sách đính kèm theo đây, những người ký tên dưới đây hân hạnh và kính cẩn bày tỏ với Ông là những người ấy sẽ đi phổ thông cho toàn thể nhơn loại Giáo lý thiêng liêng này.

Tin tưởng trước rằng, nền Tân Tôn giáo này sẽ đem lại cho tất cả chúng ta hoà bình và hòa hợp, những người ký tên dưới đây yêu cầu Ông tiếp nhận chánh thức Bản Tuyên Ngôn của họ.

Những người ký tên dưới đây xin Ông Thống Đốc vui lòng chấp nhận sự chắc chắn của những tình cảm tôn kính và chân thành của họ.

KÝ TÊN:

- Bà Lâm Ngọc Thanh, Nghiệp chủ ở Vũng Liêm.
- Ông Lê Văn Trung, Cựu Thượng Nghị Viện thọ Ngũ đẳng bửu tinh, Chợ Lớn.
- Lê Văn Lịch, thầy tu làng Long An, Chợ Lớn.
- Trần Đạo Quang, thầy tu làng Hạnh Thông Tây Gia Định.
- Nguyễn Ngọc Tương, Tri Phủ, Chủ Quận Cần Giuộc.
- Nguyễn Ngọc Thơ, Nghiệp chủ Sài Gòn.
- Lê Bá Trang, Đốc Phủ Sứ, Chợ Lớn.
- Vương Quan Kỳ, Tri Phủ, Sở Thuế Thân, Sài Gòn.
- Nguyễn Văn Kinh, thầy tu, Bình Lý Thôn, Gia Định.
- Ngô Tường Vân, Thông Phán, Sở Tào Tác Sài Gòn.
- Nguyễn Văn Đạt, Nghiệp chủ Sài Gòn.
- Ngô Văn Kim, Điền chủ, Đại Hương Cả Cần Giuộc.
- Đoàn Văn Bản, Đốc học trường Cầu Kho.
- Lê Văn Giảng, Thơ ký kế toán hãng Ippolito Sài Gòn.
- Huỳnh Văn Giỏi, Thông Phán Sở Tân Đáo Sài Gòn.
- Nguyễn Văn Tường, Thông ngôn Sở Tuần Cảnh Sài Gòn.
- Cao Quỳnh Cư, Thơ ký Sở Hỏa Xa Sài Gòn.
- Phạm Công Tắc, Thơ Ký Sở Thương Chánh Sài Gòn.
- Cao Hoài Sang, Thơ Ký Sở Thương Chánh Sài Gòn.
- Nguyễn Trung Hậu, Đốc học trường Tư thực Dakao.
- Trương Hữu Đức, Thơ ký Sở Hỏa Xa Sài Gòn.
- Huỳnh Trung Tuất, Nghiệp chủ Chợ Đũi Sài Gòn.
- Nguyễn Văn Chức, Cai Tổng Chợ Lớn.
- Lại Văn Hành, Hương Cả Chợ Lớn.
- Nguyễn Văn Trò, Giáo viên Sài Gòn.
- Nguyễn Văn Hương, Giáo viên Dakao.
- Võ Văn Kính, Giáo tập Cần giuộc.

- Phạm Văn Tĩ, Giáo tập Cần Giuộc.

Nhận xét về TỜ KHAI ĐẠO:

Chúng ta nên lưu ý rằng: **Tờ Khai Đạo** không phải là **Đơn Xin Khai Đạo**, mà là Bản Tuyên Ngôn chánh thức của một số tín đồ Cao Đài, khai báo cho nhà cầm quyền Pháp lúc bấy giờ biết: một số người đứng ra thành lập một nền Tân Tôn Giáo với một Tân Giáo lý, sẽ truyền bá trong nước VN và cho toàn nhơn loại trên thế giới.

Ông Gustave Meillon, Giám Đốc Viện Pháp Việt, có viết: Le 7 Octobre 1926, le Gouverneur de la Cochinchine recoit la Déclaration Officielle de la fondation du Caodaisme. Prudent il se contente d'en prendre acte, sans toute fois s'engager formellement à le reconnaître.

(Ngày 7-10-1926, Thống Đốc Nam Kỳ nhận được Bản Tuyên Ngôn chánh thức về sự thành lập Đạo Cao Đài. Ông khôn khéo tiếp nhận văn kiện, tuy nhiên không cam kết công nhận chánh thức mỗi Đạo.)

Ngày 23-8-Bính Dần là ngày Đại Hội đầu tiên của các tín đồ Cao Đài để soạn thảo Bản Tuyên Ngôn Khai Đạo, tại nhà ông Nguyễn Văn Tường, Sài Gòn. Đây là một ngày lịch sử quan trọng của Đạo Cao Đài.

Cho nên, hằng năm, khi đến ngày 23 tháng 8 âm lịch, bản đạo làm Lễ Kỷ Niệm ngày Lập Tờ Khai Đạo. Khi ông Nguyễn Văn Tường còn sinh tiền thì Lễ này tổ chức tại nhà của ông. Sau khi ông Tường qui vị, lễ này được tổ chức tại Thánh Thất Cầu Kho, nhà của ông Đốc học Đoàn Văn Bản.

Khi xây dựng Thánh Thất Nam Thành thay thế Thánh Thất Cầu Kho, thì cuộc Lễ Kỷ Niệm lập Tờ Khai Đạo tổ chức tại Thánh Thất Nam Thành, địa chỉ ngày nay là: 124 -126 đường Nguyễn Cư Trinh, Quận I, Sài Gòn.

Ngày 23-8-Mậu Thìn (1928), tức là đúng 2 năm sau ngày Lập Tờ Khai Đạo, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật tổ chức Lễ Kỷ Niệm tại nhà ông Nguyễn Văn Tường.

Trong dịp này, Ngài Thượng Trung Nhật đọc một bài Thuyết đạo nhắc lại gốc tích ngày Lễ Kỷ Niệm này, như sau:

Chư Đạo hữu rất yêu dấu,
Chư Đạo tỷ, chư Đạo muội.

Tôi rất hữu hạnh vì ngày nay được thay mặt trong ĐĐTKPĐ đặng thố lộ ít lời nhắc tích ngày Kỷ Niệm hôm nay.

Máy Âm Dương chuyển vận, cơ Tạo Hóa vẫn xoay, ngày tháng như thoi đưa, ngừng lại ngày Đấng Chí Tôn hiệp chúng ta nơi đây đặng lo **LẬP TỜ KHAI ĐẠO** tới nay là 2 năm chẵn. Tôi xin nhắc lại cho chư Hiền hữu, chư Hiền muội lắm tường:

Đấng Chí Tôn có dạy:

Bản Cổ sơ khai, nhưn sanh ư Dàn, cho nên ngày **Đấng Chí Tôn mở Đạo là ngày mừng 1 Tết năm Bính Dần**. Ngày ấy, Thầy sắp đặt 12 người lo khai ĐĐTKPĐ, mỗi người lãnh phận sự lo đi truyền bá.

Bước qua tháng 8 năm Bính Dần, gần lúc Trung Thu trăng thanh gió mát, tôi cùng hai em: Cư, Tắc, cầu nguyện cùng Đấng Từ Bi xin phép đến bữa Nguyệt đán cho phép sắm lễ cúng Diêu Trì Cung và cầu Cửu Thiên Huyền Nữ Nương Nương và Chín vị Tiên Nữ hầu bà xin dạy Đạo.

Đấng Chí Tôn rộng lượng cho cầu Diêu Trì Cung bữa rằm Trung Thu. Khi cầu cơ thì Đấng Chí Tôn giáng, kêu tôi, dạy phải cho môn đệ của Thầy, tối 23 tháng 8, tựu tại nhà Đạo hữu Tường đây.

Tôi không biết rõ Thánh ý, điều tôi vâng mạng cho chư Đạo hữu hay lời Thánh truyền, tới bữa 23 tháng 8 năm Bính Dần, là ngày 29 Septembre 1926, chư Đạo hữu tựu tại đây, rồi cầu Đấng Chí Tôn giáng dạy tôi phải biên tên hết các nam nữ lưỡng phái đặng đứng **TỜ KHAI ĐẠO** cho Chánh phủ. Khi ấy có mặt nơi đàn hết thầy là **240 vị Đạo hữu nam nữ**.

Tôi có nạp tên mấy vị ấy tại Chánh phủ khi tôi dâng **Tờ Khai Đạo**, là ngày **7 Octobre 1926**.

Khi ấy, tôi có bạch với Đấng Chí Tôn rằng, tôi không có giờ đủ mà đệ Tờ Khai Đạo cho ông Thái Lão Trần Đạo Quang ký tên.

Đấng Chí Tôn có phán dạy tôi cứ việc đem tên Trần Đạo Quang vô Tờ Khai Đạo. Đấng Chí Tôn có phán rằng: "Con cứ

đem tên nó vô Tờ Khai Đạo, Đạo Quang không chối cãi đâu mà con phòng ngại."

Thiệt, từ ngày ấy, anh cả chúng ta là Trần Đạo Quang hết lòng sốt sắng vì Đạo nên Đấng Chí Tôn phong cho chức Chưởng Pháp trong ĐĐTKPĐ.

Ấy là sự tích ngày Kỷ Niệm hôm nay.

Nhìn mặt nhau đây thì chúng ta thấy chúng ta phản lão hoàn đồng, chúng ta trẻ lại hai tuổi, vì chúng ta trở lại thấy việc hai năm trước.

Vậy là ngày vui, ngày quý báu của chúng ta.

Biết vui biết quý báu chừng nào thì phải biết cái ân huệ của Đấng Chí Tôn ban thưởng cho chúng ta chừng nấy. Muốn đền ơn quý trọng ấy, phải làm sao? Phải hết lòng vì Đạo, hết lòng tín ngưỡng Đấng Chí Tôn và chư Phật, chư Tiên, vì háo sanh, vì cuộc tuần hoàn mà gieo mối Đạo Trời TKPĐ, ngõ hầu độ rỗi sanh linh khỏi hết trả vay nơi trầm luân khổ hải này. . . .

(Trích Tiểu sử Đức Q. Giáo Tông, trang 33, do Hội Thánh in 1973)

Vấn đề đặt tên 2 ngày Lễ Kỷ Niệm: 23 tháng 8 và 15 tháng 10:

1. Một số vị đặt tên ngày 23-8-Bính Dần là ngày KHAI TỊCH ĐẠO. Từ ngữ Tịch Đạo dùng ở đây có nghĩa là Bộ sổ ghi chép tên họ những người theo Đạo. Nhưng đối với Đạo Cao Đài chúng ta, từ ngữ Tịch Đạo mà Đức Chí Tôn ban cho trong bài Thánh Ngôn ngày 1-7-Bính Dần có một ý nghĩa đặc biệt hơn, nó là Thánh danh của Chức sắc trong một đời Giáo Tông, qua đời Giáo Tông khác thì Tịch Đạo cũng thay đổi theo. Như đời Giáo Tông thứ 1, Tịch Đạo của Chức sắc là Thanh Hương, Thánh danh Chức sắc nam phái lấy chữ Thanh và Chức sắc nữ phái lấy chữ Hương.

Chúng ta thấy danh sách của 28 vị đứng dưới Tờ Khai Đạo, hay 247 vị trong danh sách kèm theo điều biên thể danh và chức vụ ở ngoài Đời, không ai biên Thánh danh cả, mặc dầu lúc đó, chư Chức sắc đã có Thánh danh rồi.

Cho nên chúng tôi xin đề nghị không gọi ngày đó là ngày **Khai Tịch Đạo**, mà gọi chính danh là ngày **LẬP TỜ KHAI ĐẠO**.

2. Ngày 15-10-Bính Dần là ngày Hội Thánh làm Đại Lễ Khai Đạo tại Chùa Gò Kén, tức là ngày mà Đạo Cao Đài chính thức ra mắt quốc dân đồng bào và các dân tộc trên thế giới.

Đây là một ngày rất trọng đại, vì nó mở ra một kỷ nguyên mới là kỷ nguyên ĐĐTKPĐ.

Chúng ta không nên gọi ngày này là ngày **Khai Minh Đại Đạo** mà nên gọi chính danh là ngày **ĐẠI LỄ KHAI ĐẠO**.

Mỗi năm, khi đến ngày 23 tháng 8 âm lịch, Nam Thành Thánh Thất tại Sài Gòn, tiếp nối các bậc tiền bối làm Lễ Kỷ Niệm ngày Lập Tờ Khai Đạo; và khi đến ngày 15 tháng 10 âm lịch, tại Tòa Thánh Tây Ninh đều có tổ chức Lễ Kỷ Niệm Đại Lễ Khai Đạo.

Đại Lễ Khai Đạo

A: Great Festival of the Advent of Caodaism.

P: Grande Fête de l'Avènement du Caodaïsme.

Ngày tổ chức Đại Lễ Khai Đạo được Đức Chí Tôn ấn định là ngày rằm Hạ nguơn năm Bính Dần (15-10-Bính Dần), tại Thánh Thất tạm đặt tại chùa Gò Kén, Tây Ninh.

Đức Chí Tôn ra lệnh cho các Chức sắc tạm ngưng công cuộc truyền Đạo ở Lục tỉnh, để về chung lo cho ngày Đại Lễ, để Đạo Cao Đài chính thức ra mắt trước các cấp Chánh quyền thuộc địa Pháp, ra mắt quốc dân và các dân tộc trên thế giới.

Chúng ta đọc bài Thánh Ngôn sau đây trích trong TNHT:

Ngày thứ bảy 12-8-Bính Dần (dl 18-9-1926).

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết
Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát
Giáo Đạo Nam Phương.

"Các con! Thầy đã lập thành Thánh Thất, nơi ấy là nhà chung của các con, biết à!

Thầy lại qui Tam giáo lập Tân Luật, trong rằm tháng 10 có Đại Hội cả Tam giáo nơi Thánh Thất. Các con hay à!

Sự tế tự sửa theo Tam Kỳ Phổ Độ, cũng nơi ấy mà xuất hiện ra, rõ à!

Thầy nhập ba Chi làm một là chủ ý qui tụ các con trong Đạo Thầy lại một nhà, Thầy làm Cha chường quản, hiểu à!

Từ đây trong nước Nam duy có một đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con, gọi là Quốc Đạo, hiểu à!

Thầy buộc các con phải hiệp chung trí mà lo vào đó, nghe à! Từ đây các con sẽ cực nhọc hơn, vì Thầy phân phát phận sự cho mỗi đứa, vì chẳng vậy, các con sanh nạnh nhau, tựa hồ chia phe phân phái là điều đại tội trước mắt Thầy, nghe à!

Các con phải ngưng mọi việc mà chung lo trong Đại Hội."

Ngày Đại Lễ Khai Đạo là một sự kiện vô cùng quan trọng trong lịch sử tiến hóa của Nhơn loại trên quả Địa cầu này, vì nó báo cho Nhơn loại biết một thời kỳ tiến hóa mới bắt đầu.

* Cho nên, ngày Khai ĐĐTKPĐ đã được Thiên Thơ tiền định, đó là ngày rằm Hạ Nguơn năm Bính Dần.

- Tại sao ngày Khai Đạo phải là rằm Hạ Nguơn mà không là một ngày nào khác? Bởi vì Đạo Cao Đài mở ra để cứu độ Nhơn sanh thời Hạ Nguơn mạt kiếp.

- Tại sao phải là năm Bính Dần mà không là một năm nào khác? Bởi vì khởi đầu một Nguơn là năm Giáp Tý tức là năm Khai Nguơn (2 chữ Giáp và Tý là khởi đầu của Thập Thiên Can và Thập nhị Địa chi), kế đó là Ất Sửu, rồi Bính Dần, tương hợp với câu: Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần. Khai Đạo là để phổ độ Nhơn sanh nên phải khai vào năm Bính Dần, sau năm Khai Nguơn.

Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn đã có nói:

*Ký thành một cuốn gọi Thiên Thơ,
Khai Đạo muôn năm trước định giờ.*

* Việc lựa chọn nước VN, một nước nhỏ nhoi trong vạn quốc, để Đức Chí Tôn khai Đạo, rồi từ đó, nền Đại Đạo truyên

bá ra khắp hoàn cầu, cũng đã được chư Tiên, Phật nơi Ngọc Hư Cung quyết định từ trước.

Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn có dạy rõ:

"Vi TKPD, Thiên Địa hoàng khai, nơi Tây phương Cực Lạc và Ngọc Hư Cung mật chiếu đã truyền siêu rỗi chúng sanh. Trong Phật Tông Nguyên Lý đã cho hiểu trước đến buổi hôm nay rồi, tại tầng đồ không kiểm chơn lý mà hiểu." (TNHT)

"Vốn Thầy tạo lập nền Chánh giáo cho dân Nam Việt chẳng phải là việc nhỏ đâu. Các con ví biết Đạo là quý thì phải ân cần thận trọng, đợi đến ngày thành tựu, các con mới thấy rõ Thiên cơ thì chừng ấy các con muốn lập công bằng buổi này sao đặng? vì mỗi việc khó khăn trắc trở là lúc sơ khai." (TNHT)

"Thầy có hội chư Tiên, Phật lại mà thương nghị về sự lập Đạo tại Đại Nam Việt quốc." (TNHT)

"Thầy vì đức háo sanh, nên chẳng kể bực Chí Tôn cảm quyền thế giới, đến lập Đại Đạo Tam Kỳ trong lúc Hạ Nguơn này mà vượt sanh linh khỏi vòng khổ hải." (TNHT)

"ĐĐTKPD chiếu theo luật Thiên đình, Hội Tam Giáo, mở rộng mỗi Đạo Trời, ấy cốt để dìu dắt nhơn sanh bước lên con đường Cực Lạc, tránh khỏi đọa luân hồi." (TNHT)

"Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này là cốt để ban thưởng một nước từ thử đến giờ hằng bị lăm cơn thạnh nộ của Thầy, Thầy lại tha thứ, lại còn đến ban thưởng một cách vinh diệu. Từ tạo Thiên lập Địa, chưa nước nào dưới quả Địa cầu 68 này đặng vậy." (TNHT)

Trong Đại Lễ Khai Đạo ngày 15-10-Bính Dần, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt thay mặt Hội Thánh mời đủ các quan chức cao cấp của nhà cầm quyền Pháp tại Nam Kỳ, các Chủ nhiệm và ký giả các báo chí ở Sài Gòn, đồng đảo nhân sĩ trí thức, đến tham dự Đại Lễ Khai Đạo tổ chức rất long trọng tại Thánh Thất tạm là chùa Gò Kén Tây Ninh.

Tại Thánh Thất, Hội Thánh được Đức Chí Tôn dạy bảo, sắp đặt, phân trách nhiệm, nên tổ chức tiếp đãi các quan khách rất ân cần và nồng hậu. Bồn đạo và chư thiện nam tín

nữ từ khắp các nơi trong nước đổ dồn về dự lễ rất đông, ngoài sức tưởng tượng của chánh quyền Đời.

Đặc biệt trong ngày Đại Lễ này, Hội Thánh không thu nhận tiền bạc hỷ cúng của nhơn sanh, chỉ thu nhận những cúng phẩm như trái cây, bông, trà, nhang đèn.

Đại Lễ Khai Đạo đã gây được một tiếng vang rất lớn đối với toàn cả Nam Kỳ, đối với nước Pháp và đối với quốc tế nữa. Nhiều tờ báo ở Sài Gòn, chữ Việt và chữ Pháp, đều có bài tường thuật tỉ mỉ Đại Lễ Khai Đạo, với nhiều hình ảnh kèm theo, rồi báo chí bên nước Pháp cũng đăng tiếp theo, gây được sự chú ý trên trường quốc tế.

Tuy Đại Lễ Khai Đạo tổ chức trong 3 ngày đã chấm dứt, nhưng thiện nam tín nữ từ khắp các tỉnh vẫn tiếp tục kéo về Thánh Thất Gò Kén nhập môn và lễ bái không ngớt, đồng thời, người Cao Miên từ tỉnh Soài Riêng cũng lũ lượt đi xuống nhập môn và làm công quả, kéo dài ngót 3 tháng như vậy.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khai Đạo (Thời Quân HTĐ)

開道

A: Religious Reformer.

P: Réformateur Religieux.

Khai Đạo là một phẩm Chức sắc của Thập nhị Thời Quân HTĐ thuộc chi Đạo, dưới quyền trực tiếp của Đức Thượng Phẩm.

CG PCT: Khai Đạo, khi đăng tờ kêu nài cầu rỗi thì liệu như đáng rỗi, phải nhứt diện tư tờ cho Tòa Tam Giáo CTĐ xin đình án bao lâu tùy ý, song chẳng đăng phép quá 15 ngày, nhứt diện dâng sớ cho Hộ Pháp cầu nhóm Đại Hội HTĐ đăng định liệu, như phải đáng bào chữa thì Khai Đạo phân giải giữa Hội cho ra lẽ oan ưng, HTĐ cho lệnh thì mới dâng nội vụ lên cho Hiến Đạo.

Theo Hiệp pháp của HTĐ năm Nhâm Thân (1932) thì:

Trách nhiệm của Khai Đạo là lo nghiên cứu những điều cần ích cho chúng sanh trong đường Đạo và tìm phương giúp cho những điều cần ích ấy thành ra Luật Đạo, tức là mở rộng đường Đạo ra cho chúng sanh hưởng.

Đạo phục của Khai Đạo gồm hai bộ Đại phục và Tiểu phục, giống hết Đạo phục của Bảo Đạo. (Xem: **Bảo Đạo**).

Khi Đức Chí Tôn lập pháp HTĐ ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn phong Ngài Phạm Tấn Đãi vào chức Khai Đạo.

Sau đây là **Tiểu sử của Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi**.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Khai Đạo Phạm Tấn Đãi (1901-1976)

Tiểu sử của Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi được Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa viết rất rõ trong Bản Tuyên Dương Công Nghiệp, đọc trong dịp lễ an táng Ngài Khai Đạo, liên đài nhập bửu tháp ngày 22-3-1976, xin chép nguyên văn ra sau đây:

BẢN TUYÊN DƯƠNG CÔNG NGHIỆP

**Hiền Huynh KHAI ĐẠO, Quyền Chưởng quản HTĐ,
Tòa Thánh Tây Ninh**

Kính Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Ph. Thiện,
Kính Chư Chức sắc Thiên phong, Chức việc
và toàn Đạo Nam Nữ,

Kính Quý vị,

Hiền huynh KHAI ĐẠO CHƠN QUÂN PHẠM TẤN ĐÃI,
Quyền Chưởng quản HTĐ đã qui Thiên lúc 21 giờ 10 ngày 19-
2-Bính Thìn (dl 19-3-1976), hưởng thọ 76 tuổi.

Tin đột ngột này làm sững sờ toàn thể Hội Thánh và bôn đạo vì buổi sáng cùng ngày, Người vẫn còn ngồi trong thành phần Chủ Tọa Đoàn phiên họp Hội Thánh Lương Đài tại Giáo Tông Đường, và sau buổi họp, Người chỉ mệt xoàng, rồi đến

chiều là trút hơi thở cuối cùng, nhẹ tách ra đi về châu Ngọc Hư phục lệnh.

Nhơn danh Hội Thánh HTĐ, tôi xin trân trọng tuyên dương công nghiệp của Hiền huynh Thời Quân Khai Đạo về hai mặt Đạo lẫn Đời như sau:

Hiền huynh Phạm Tấn Đãi, tộc danh là Thuộc, và Đạo hiệu là Trí Thanh, sanh ngày 28-7-Tân Sửu (dl 10-9-1901) tại làng Mỹ Lệ, quận Cần Đức, tỉnh Chợ Lớn.

Thân phụ của Người là Ông Phạm Thành Thiệt, được Thiên phong Giáo Hữu, sau khi nhập môn cầu Đạo, thăng lần đến phẩm Phối Sư Phái Thượng.

Thân mẫu là Bà Nguyễn Thị Ruộng, cũng được thọ Thiên ân Giáo Hữu, quê quán ở Chợ Trạm làng Mỹ Lệ.

Thuở thiếu thời, Người đã theo học các trường: Chợ Trạm, Trường Cần Giuộc, Trường Richaud, Trường Xã Tây Chợ Lớn, Trường Trung học Chasseloup Laubat, và Trường Trung học Nguyễn Xích Hồng.

Vì lẽ nội tổ không khứng cho con cháu mình làm việc cho Chánh phủ Pháp, nên sau khi ra trường, Người chỉ giúp việc cho người chú bà con có nhà máy xay lúa ở Bình Đông Chợ lớn.

Năm 1920, ông chú qua đời, Người nghỉ việc và xin phép nội tổ đi dạy học. Được chấp thuận, Người mới xin vào ngạch Giáo viên, được bổ dạy ở trường Phú Lâm (Chợ Lớn).

Năm 1921, đổi về dạy tại Cần Giuộc.

Năm 1923, sang dạy ở Rạch Kiến. Lúc ấy nhằm năm bắt thăm đi lính, Người bị trúng thăm số 1. Để muốn khỏi đi lính, Người phải làm tờ giao kèo tình nguyện hành nghề Giáo viên trong 10 năm mới đăng miễn dịch.

Thời gian dạy học, vì tánh cương trực, không sợ dờ, nên bị nhà cầm quyền đổi đi nhiều chỗ, không ở nơi nào dạy được trên 3 năm, và rốt cuộc bị đưa về dạy ở vùng xa xôi Đức Hoà.

Trong lúc ấy, Người thường có đi dự nhiều cuộc hội họp diễn thuyết của các đoàn thể xã hội, đăng quen biết với các ông Phạm Văn Tươi Đốc học, ông Nguyễn Ngọc Tương Chủ Quận Cần Giuộc, v.v...

Vào ngày thứ bảy, 19-12-1925 (âl 4-11-Ất Sửu), Người được ông Phủ Nguyễn Ngọc Tương mời đến dự Lễ Khai đàn, có rất đông viên chức đến dự. Đêm ấy, Đức Chí Tôn giảng dạy, ban cho mỗi người một bài thi bốn câu, và riêng Người thì Đức Chí Tôn cho bốn câu thi như sau:

THI:

*Dần lòng len lõi hãy qui y,
Nay gặp Ta đây đã đến kỳ.
Oanh liệt hồng trần e phải khổ,
Tâm đường đạo đức tránh đường nguy.*

Và đúng một tuần sau, thứ bảy, ngày 26-12-1925 (âl 11-11-Ất Sửu), các ông ấy đến tư gia của Người để Khai đàn thượng tượng cầu các Đấng.

Đêm ấy, Đức Chí Tôn giảng cơ dạy Đạo và thâu nhận nhập môn, có cho Người một bài thi:

THI:

*Nên gầy đạo đức đặng hồi nguyên,
Un đức trẻ thơ sửa tánh hiền.
Nương bút Thiên cơ lo độ chúng,
Diu người gắng sức đến rừng thiền.*

Và ngày ấy là ngày Người nhập môn cầu Đạo.

Sau ngày nhập môn, Người cùng ông Đốc học Tươi tập cầm cơ hằng tháng mới viết ra chữ và thi phú.

Ngày Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ, 12-Giêng-Đinh Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn phong Ngài Phạm Tấn Đãi chức Khai Đạo HTĐ.

Từ ngày ấy, Người cùng ông Đốc học Phạm Văn Tươi đặc phong Hiến Đạo HTĐ, cầm cơ cho các Đấng thâu nhận như sanh nhập môn vào Đạo, trong những ngày nghỉ làm việc ở nhà trường: Thứ năm, Chúa nhật và dịp bãi trường, có sự chứng đàn của ông Thượng Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh, Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, cùng nhiều Chức sắc khác.

Ngày 11-2-1933 (âl 17-Giêng-Quý Dậu), Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp đồng ký tên ra Thông Tri thăng phẩm Quyền Đầu Sư cho 3 vị Chánh Phối Sư: Thái Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh.

Như vậy ba phẩm Chánh Phối Sư bị khuyết, nên tạm cử ba vị Thời Quân HTĐ vào hàng Khai qua CTĐ nắm quyền ba Chánh Phối Sư (viết tắt CPS):

"Việc giao quyền hành Chánh Phối Sư cho ba Chức sắc HTĐ là việc mà Hội Thánh mới định hôm kỳ nhóm ngày mừng 9 tháng Giêng, nhằm 4-3-1933. Ba Chức sắc ấy là:

- Khai Thế Thái Văn Thâu, lãnh phận sự Thượng CPS.
- Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, lãnh phận sự Ngọc CPS.
- Khai Đạo Phạm Tấn Đãi, lãnh phận sự Thái CPS."

Thời gian ấy, nhà cầm quyền Pháp làm khó khăn đối với Đạo, nhưng Người vẫn vừa dạy học theo kế ước, vừa lặn lội về Tòa Thánh hành đạo trong những ngày nghỉ lễ, đến năm 1936.

Ngày 5-4-1945, sau khi Pháp bị Nhật bắn đảo chánh, Người về ở luôn Tòa Thánh hành đạo, qui tụ chư Chức sắc lo sửa chữa các dinh thự bị hư sập.

Cuối năm 1945, Nhật bắn đầu hàng Đồng Minh, Pháp trở lại VN, đem quân chiếm Tây Ninh. Ngài Khai Đạo hiệp cùng Ông Phối Sư Thái Khý Thanh, người gốc Đường nhơn, lo bảo thủ Tòa Thánh khỏi sự chiếm đóng của Pháp.

Tháng 8 năm Bính Tuất (1946), Đức Phạm Hộ Pháp hồi loan. Đức Ngài liền ra Thánh lệnh số 3/TL ngày 17-9-1946 (âl 22-8-Bính Tuất), giao trách vụ Quyền Ngọc Chánh Phối Sư cho Người và kiêm luôn Thống Quản Cơ Quan Phục Thiện.

- Thánh lệnh số 10/TL ngày 4-10-1946 (âl 10-9-Bính Tuất) giao nhiệm vụ giao tiếp với nhà cầm quyền Pháp.

- Năm 1949, Thánh lệnh số 17/TL ngày 11-11-1949 (âl 21-9-Kỷ Sửu), giao trả quyền Ngọc Chánh Phối Sư lại cho CTĐ và trở về HTĐ lãnh nhiệm vụ Giám Đốc Hạnh Đường, hiệp cùng 4 vị Thời Quân khác lo phần đào luyện Chức sắc.

- Năm 1952, Thánh Lệnh số 37/TL ngày 11-4-Nhâm Thìn (dl 4-5-1952), một lần nữa qua CTĐ lãnh trách vụ Quyền Ngọc Chánh Phối Sư.

- Năm 1955, Thánh lệnh số 54/TL ngày 27-3-1955 (âl 4-3-Ất Mùi), giao quyền Tam Đầu Chế HTĐ và cuối năm 1955, sau

khi xin nghỉ dưỡng bệnh 6 tháng, trở lại hành sự. Người giao trả quyền Ngọc Chánh Phối Sư lại cho CTĐ.

- Đầu năm 1956, Đức Phạm Hộ Pháp rời Tòa Thánh đi Kim Biên, và tháng 3 năm 1957, Hội Thánh CTĐ và Phước Thiện hiệp nhau làm Tờ yêu cầu Đại huynh Thượng Sanh và chức vị Thời Quân về Tòa Thánh cầm giềng mối Đạo.

- Năm 1957, Đạo lệnh số 1/ĐL ngày 19-4-Đinh Dậu (dl 18-5-1957), phân công mỗi vị Thời Quân lãnh phận sự HTĐ cùng chức vị Thượng Thống Cửu Viện trao đổi ý kiến giúp hay cho Hội Thánh CTĐ.

- Đạo lệnh số 4/ĐL ngày 6-5-Đinh Dậu (dl 3-6-1957), tạm cầm quyền Ngọc Chánh Phối Sư, thay thế Ông Ngọc Non Thanh. Đây là lần thứ ba mà Người qua cầm quyền Ngọc Chánh Phối Sư bên CTĐ.

- Đạo lệnh số 30/ĐL ngày 27-6-Đinh Dậu (dl 24-7-1957), Hội Thánh HTĐ và CTĐ lập Tờ Ủy quyền cho Ngài Khai Đạo thay mặt Hội Thánh đứng bộ những bất động sản của Đạo mua.

- Vi Bằng số 28/VB ngày 21-8-1957 (âl 26-7-Đinh Dậu), đề cử Người làm Trưởng Phái Đoàn viếng các địa phương Nam và Trung Tông Đạo.

- Năm 1958, Đạo lệnh số 29/ĐL ngày 9-6-Mậu Tuất (dl 25-7-1958), giao cho Ngài Khai Đạo điều khiển CQPT.

- Đạo lệnh số 30/ĐL ngày 9-6-Mậu Tuất (dl 25-7-1958), giao quyền Đại diện HTĐ giao thiệp với Chánh phủ.

- Năm 1961, Đạo lệnh số 1/ĐL ngày 22-10-Tân Sửu (dl 29-11-1961), giao quyền Thống quản 4 vụ: Hộ, Lương, Nông (Kinh tế và Kỹ Nghệ) và Chấn Tế vụ.

- Năm 1962, Đạo lệnh số 29/ĐL ngày 12-8-Nhâm Dần (dl 10-9-1962), giao cho Ngài Khai Đạo chăm lo về mặt Đạo với quyền hành như sau:

- Ngoài phận sự điều khiển CQPT, Ông lãnh nhiệm vụ chăm lo về Tịnh Thất và Thánh Thất.
- Người có quyền biện hộ cho những Chức sắc nào lỡ làm phạm tội bị đưa ra Tòa Tam Giáo. Ông cũng có phận sự khuyên lơn, ngăn ngừa những người Đạo vô tình hay cố ý sa ngã vi phạm pháp luật Đạo.

- Nếu có sự lộn xộn ở địa phương nào làm tổn thương đến nền Đạo thì Ông sẽ hiệp với Thượng Chánh Phối Sư thân hành đến đó trấn an nhơn tâm.
- Được thay mặt cho HTĐ kiểm soát các cơ quan Giáo Huấn Chức sắc CTĐ và PT, vì Giáo Huấn là thuộc quyền của HTĐ. (Đạo Luật Mậu Dần trang 18, Điều 7: Về Hạnh đường).
- Đạo lệnh số 30/ĐL ngày 12-8-Nhâm Dần (dl 10-9-1962), giao trọn quyền điều khiển CQPT kiêm luôn các Cơ quan Lễ, Nhạc, Đồng Nhi và Ban Thuyền Bát Nhã.
 - Năm 1963, Đạo lệnh số 11/ĐL, ngày 18-3-Quý Mão (dl 11-4-1963), giao nhiệm vụ Kiểm soát Chương trình và Bài giảng nơi Hạnh đường.
 - Năm 1965, Đạo lệnh số 42/ĐL ngày 12-9-Ất Ty (dl 6-10-1965), làm Trưởng ban Kiểm soát Hỗn hợp tài sản Đạo.
 - Năm 1967, Thánh Lệnh số 14/TL, ngày 19-Giêng-Đinh Mùi (dl 27-2-1967), giao nhiệm vụ Thống Quản Hội Thánh Phước Thiện Nam Nữ, kiêm nhiệm Trưởng ban Kiểm soát Hỗn hợp tài sản của Đạo.
 - Thánh Lệnh số 3/TL ngày 28-11-Đinh Mùi (dl 29-12-1967), làm Giám Đốc Cơ quan Phát Thanh Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.
 - Năm 1969, Thánh Lệnh số 13/TL ngày 28-11-Mậu Thân (dl 16-1-1969), Chủ Tọa Tòa HTĐ thay thế cho vị Thời Quân Bảo Thế.
 - Năm 1971, Thánh Lệnh số 6/TL ngày 6-12-Canh Tuất (dl 2-1-1971), làm Trưởng Ban Nghiên cứu kế hoạch xây cất Đạo Đức Đại Học Đường.
 - Thánh Lệnh số 3/TL ngày 26-5-Tân Hợi (dl 18-6-1971):
 - Chương quản Bộ Pháp Chánh.
 - Thống quản Vạn Pháp Cung.
 - Trưởng ban Đạo Sử và Thư Viện.
 - Thánh Lệnh số 19/TL ngày 10-10-Tân Hợi (dl 27-11-1971), Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Viện Đại Học Cao Đài.
 - Năm 1972, Thánh Lệnh số 33/TL ngày 4-12-Tân Hợi (dl

19-1-1972), Quyền Viện Trưởng Viện Đại Học Cao Đài.

- Năm 1973, Thánh Lệnh số 61/TL, ngày 19-6-Quý Sửu (dl 18-7-1973), làm Chủ Tọa Hội Đồng Kiểm Ân HTĐ.

- Đầu năm 1976, sau khi Đại huynh Hiến Pháp Chưởng quản HTĐ đăng Tiên, trong phiên họp khoáng đại Hội Thánh HTĐ ngày 21-12-Ất Mão (dl 21-1-1976), toàn thể Chức sắc HTĐ đồng ý với nhệ vị Thời Quân Hiến Đạo và Bảo Đạo, giao nhiệm vụ Quyền Chưởng quản HTĐ cho Thời Quân Khai Đạo; và do Thánh giáo tại Cung Đạo Đền Thánh đêm 23-12-Ất Mão (dl 23-1-1976), Đức Phạm Hộ Pháp đã chấp nhận cho Người lãnh trọng trách này. Lễ Tấn phong Quyền Chưởng Quản HTĐ cho Người đã cử hành long trọng tại Đền Thánh ngày 19-1-Bính Thìn (dl 18-2-1976), và chỉ trong thời gian ngắn ngủi, tròn một tháng hành quyền Chưởng quản, Người đã trở lại ngôi Thiên, để cả cơ đồ HTĐ lại cho bao người đang bờ ngỡ.

Kính thưa Quý vị,

Từ ngày Khai Đạo và suốt hơn 50 năm liên tục hành đạo, Người đã có mặt hầu hết trong mọi biến chuyển thăng trầm của cơ Đạo. Với rất nhiều nhiệm vụ khá nặng nhọc kể trên, Người đã gồng gánh và cố gắng làm tròn sứ mạng đã được phú giao, và những thành quả tốt đẹp như Viện Đại Học Cao Đài, Cơ quan Phát Thanh Phổ Thông Giáo Lý, Ban Đạo Sử, đã nói lên thực tiễn việc làm của Người.

Nhìn sự việc, chúng ta vô cùng mến tiếc và nguyện dốc sức tiếp tục chung trí hiệp tâm lo xây dựng và bảo tồn nghiệp Đạo đến ngày thành công rực rỡ, để khỏi phụ lòng các bậc tiền nhân đã khổ công xây dựng.

Trước khi dứt lời, tôi xin thành khẩn cầu nguyện Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng ban hồng ân cho Hiền huynh Khai Đạo được cao thăng Thiên vị và mong Hiền huynh niệm tình đồng đạo, vừa trợ chúng tôi trên bước đường hành đạo.

Tòa Thánh, ngày 22 tháng 2 năm Bính Thìn.

(dl 22-3-1976)

TM. HỘI THÁNH

BẢO ĐẠO Hồ Tấn Khoa (ấn ký)

Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi đăng Tiên lúc 9 giờ 10 phút tối ngày 19-2-Bính Thìn (dl 19-3-1976), thì ngay chiều hôm sau, ngày 20-2-Bính Thìn, Ngài giáng cơ tại Giáo Tông Đường, cho bài Thánh giáo sau đây:

THÁNH GIÁO của NGÀI KHAI ĐẠO
giáng tại Giáo Tông Đường ngày 20-2-Bính Thìn.

KHAI ĐẠO

Xin chào Bảo Đạo, Đầu Sư, chư Chức sắc Nam Nữ có mặt nơi đây.

Bản tăng được lệnh về gấp, các bạn chớ thắc mắc về sự qui Tiên gấp của Bản tăng, bởi có lệnh Ngọc Hư. Một điều đáng tiếc là Bản tăng lãnh lệnh của Ngự Mã Quân Hộ Pháp Chưởng quản HTĐ mà chưa thực hành gì cả.

Như vậy, Hiền huynh Bảo Đạo và Hiến Đạo tiếp tục chung tâm hiệp trí lãnh đạo HTĐ y theo lời dạy của Đức Hộ Pháp. Nếu Hiến Đạo vì bệnh không thể thường trực tại Tòa Thánh thì Hiền huynh Bảo Đạo nhận Quyền Chưởng quản HTĐ thế cho Bản tăng và cứ thực hành y theo lời chỉ giáo của Đức Ngài tại Cung Đạo.

Đức Hộ Pháp căn dặn chư Thời Quân còn tại thế cố bảo thủ Chơn truyền và Đạo pháp vì chư Chức sắc Lương Đài hành đạo ngoài lời dạy của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng từ ngày Khai Đạo, vi phạm Thiên điều, bị Thần Thánh lánh xa không ủng hộ, bằng cơ cho Kim Quang Sứ ra lệnh Quí Vương cầm dỡ và thù làm môn đệ là khác. Chừng ấy công nghiệp khổ hạnh của chư Chức sắc đều bị phế bỏ hết.

Vậy Bảo Đạo Hiền huynh cần mạnh dạn nhắc nhở Chức sắc HTĐ cố gìn giữ luật pháp, đó là đặc ân đối với Chức sắc Nam Nữ chớ có gì e ngại!

Đức Hộ Pháp dặn Bảo Đạo và Hiến Đạo cố dìu dẫn Hội Thánh Phước Thiện và bắt buộc họ phải thi hành Phước Thiện theo Đạo luật đã ấn định. Nếu sai lạc chủ nghĩa phước thiện là chư Chức sắc Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng phé vong trách nhiệm, bị Thiên điều trừng trị mà còn bị án bất tuân lệnh của Đức Hộ Pháp mà chớ.

Bản tăng bảo rằng, chúng cố thực hành cho chính chắn, sau này sẽ thấy thành công mỹ mãn mà cũng chính Đức Hộ Pháp tuyên dương công nghiệp tại Ngọc Hư Cung đó.

Về bài tài, đợi Bản tăng thương lượng rồi sẽ gởi.

Xin kiếu. Thăng.

Tái cầu: THÁNH HIỀN

Xin chào chư Hiền huynh Bảo Đạo, Ngọc Đầu Sư, chư Chức sắc Nam Nữ Lưỡng Đài.

Tệ Thánh vâng lệnh Hiền huynh Khai Đạo đem bốn câu tài sau đây:

KHAI mở Cao Đài độ chúng sanh,
ĐẠO màu giải thoát giống dân lành.
CHƠN truyền cổ vẹn, Đạo nhà vững,
QUÂN chủ dân quyền dứt chiến tranh.

Thăng.

THI VĂN của Ngài KHAI ĐẠO:

Thuở sinh tiền, Ngài Khai Đạo ít làm thơ. Sau đây xin chép vài bài thi của Ngài mà chúng tôi sưu tầm được:

Họa vận bài thi "CHỮ BẦN" của Ngài Bảo Pháp:

Chịu tiếng thế gian gọi Đạo bần,
Mang bầu quấy gậy đẩy đưa chân.
Ly gia thường thức mùi Đạo sự,
Giải thoát dây oan phủ nợ nần.
Gắng chí dời mài thành Đạo sĩ,
Bền gan luyện tập đặng hiền nhân.
Khai đường giác thế mong đời tỉnh,
Độ dẫn quần sinh lánh bợn trần.

Khai Đạo Phạm Tấn Đãi.

Sau đây là bức thơ của Ngài Khai Đạo gởi Giám Đạo Nguyễn Huọt Hải (qui vị ngày 26-12-Canh Dần, dl 2-2-1951).

Tòa Thánh, ngày 22-Giêng-Tân Mão (dl 27-2-1951)
(*Năm Đạo thứ 26*)

Kính gởi: **Giám Đạo Nguyễn Huọt Hải.**

Cầu xin cho biết rành tiền căn huynh đệ nơi cảnh thiêng liêng, tên mỗi người, coi còn ai nữa trong kiến họ Brahma Vichnou và cầu xin Hiền hữu họa nguyên vận bài thi của Bản sĩ làm để khóc Hiền hữu trong khi ly biệt Âm Dương hai ngã. Có lẽ phải chịu vắng hình vắng bóng, chớ lời lẽ qua lại hãy còn hoài.

THI:

Hiền đệ qui Thiên để mối sầu,
 Tiền căn dan díu khóc canh sầu.
 Nhớ lời mấy lúc cùng vui hứng,
 Nhấn gọi bao lần chỗ thăm sầu.
 Khuất bóng thông truyền vì cảnh giới,
 Xót xa tiếng luận phải đương đầu.
 Lòng ai đoái tưởng xin phò hộ,
 Giám Đạo họa cùng mấy giọt châu.

KHAI ĐẠO Phạm Tấn Đãi.

Bài giáng cơ trả lời của Giám Đạo Nguyễn Huệ Hải:

Phò loan: Nhung- Ngày 22-1-Tân Mão.
 Nguyễn.

GIÁM ĐẠO NGUYỄN HUỆ HẢI

Cười ... Lúc nãy Ngài Khai Đạo trông tin trả lời mà mấy "toi" không nói giùm....

Còn việc Ngài Khai Đạo hỏi thì tên của ông KHÝ và của "moi" ông đã biết.

Tên của ông LỢI là Brahma Vhrinich, cô NHÂM là Brahma Prech, con của vua Brahma Itichnon vào lúc năm 752, đệ tử của dòng Brahma Darma. Trong kiến họ tại đây không còn ai nữa. Nhưng! Tịnh thêm chút nữa để họa thi:

HỌA:

Cảnh đọa tay chia lũng nhớ sầu,
 Tình huynh nghĩa đệ mấy trắng sầu.
 Canh khuya nhìn ngọn hoa đặng cạn,
 Trống nhật nhỏ hình nhận bút sầu.
 Một thuở tương rau nên hiệp mặt,
 Đồi khi muối tuyết đã chung đầu.

Hữu vô hai ngã đành ly biệt,
Đệ trở Thiên Cung bởi lệnh châu.

Xin nhờ mấy toi biên rõ rồi chuyển cho Ngài Khai Đạo
giùm. (Tài liệu của Sĩ Tải Huỳnh Văn Hưởng).

Ngài Khai Đạo có họa vận bài Thi của Đức Thượng Sanh,
ngày 12-6-Đinh Dậu (dl 29-6-1957):

Đạo Trời thử thách lúc chinh nghiêng,
Quyết chí tầm phương giữ vững thuyền.
Ráng sức trở đay theo máy tạo,
Tận tâm chèo chống đáp ân Thiên.
Từ bi nhẫn nại gương Tiên Phật,
Trung thứ khoan dung chí Thánh Hiền.
Mừng thấy thời cơ nhiều thuận tiện,
Muôn năm nghiệp Đạo để lưu truyền.

KHAI ĐẠO

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Khai giải

開解

A: To open and to liberate.

P: Ouvrir et libérer.

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Giải:** cởi ra, giải
thoát.

Khai giải là mở ra và giải thoát khỏi chỗ đó.

KCS: Miền Âm cảnh ngục môn *khai giải*.

KCS: Kinh Cầu Siêu.

Khai hóa

開化

A: To develop.

P: Développer.

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Hóa:** dạy dỗ cho biến đổi xấu thành tốt.

Khai hóa là mở ra một học thuyết hay một tôn giáo để dạy dân chúng bỏ dữ theo lành.

NG: Nho tông khai hóa, Văn Tuyên tư lộc.

NG: Nho Giáo, Kinh Nho Giáo.

Khai huân

開葷

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Huân:** thức ăn cay như: tỏi, hành, hẹ, kiệu, nén, gọi là Ngũ huân. Tục gọi ăn mặn là Huân, ăn chay là Tố.

Khai huân là từ ngữ dùng bên Phật giáo.

Theo Từ Điển Phật Học Hán Việt, quyển I trang 636:

Khai huân là cho phép ăn gia vị và thịt.

Phật tuy ngăn cấm dùng thịt rượu và năm vị cay, nhưng khi có bệnh hoạn hoặc dùng vào việc có ích thì được phép ăn.

Luật Tứ phạm: Tì kheo mắc bệnh, cho phép được ăn mọi loại thịt, mọi loại nước chấm.

Thập tụng luật, Tăng kỳ luật, Tì ni mẫu luận,..... đều nói cho phép ăn loại thịt thanh tịnh không gắn với ba điều: thấy, nghe, nghi ngờ.

Ngũ sự Báo ứng kinh, nói rằng có bệnh thì được dùng các gia vị ở nhà dân thường bên ngoài chùa.

Phân biệt công đức luận, nói Đức Phật cho phép Tì kheo bị bệnh được uống rượu thuốc.

Văn Thủ vấn kinh, nói Phật cho phép ăn thịt và ăn tỏi.

Khai khiếu

開竅

A: To open the intellectual faculty.

P: Ouvrir la faculté intellectuelle.

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Khiếu:** nghĩa đen là cái lỗ hổng trong cơ thể con người; nghĩa bóng là cái khả năng đặc biệt của mỗi người do Trời phú cho, nhưng nó ẩn tàng bên trong.

Khai khiếu là mở ra cái khả năng thông minh sáng suốt của con người.

KVH: Đại Từ Phụ xin thương *khai khiếu*.

KVH: Kinh vào học.

Khai Kinh

開經

A: The opening of prayers.

P: L'ouverture des prières.

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Kinh:** bài kinh để tụng khi cúng đàn.

Khai Kinh là bài kinh để tụng mở đầu trước khi tụng các bài kinh khác.

Trước khi tụng 4 bài kinh: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, và ba bài Kinh Tam giáo (PG, TG, NG), thì phải tụng bài Khai Kinh: "Biển trần khổ với trời nước.... .."

Bài Khai Kinh này do Đức Lữ Tổ (Đại Tiên Lữ Đồng Tân) giảng cơ ban cho Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu). Đây chỉ là bài diễn nôm của bài Khai Kinh Kệ Hán văn trong Kinh Huyền Môn Nhật Tụng, từ bên Tàu truyền sang nước Ta.

Hội Thánh vâng lệnh Đức Chí Tôn đến Minh Lý Đạo thỉnh bài Khai Kinh này về làm Kinh ĐĐTKPĐ.

Sau đây xin chép lại bài Khai Kinh Kệ Hán văn:

*Trần hải mang mang thủy nhật đông,
Vãn hồi toàn tượng Chủ Nhân Công.
Yếu tri Tam giáo tâm nguyên hiệp,
Trung Thứ, Từ Bi, Cảm Ứng, đồng.*

Viết ra Hán văn:

塵海茫茫水日東
挽回全仗主人公
要知三教心源合
忠恕慈悲感應同

Giải nghĩa:**Câu 1: Trần hải mang mang thủy nhật đông:**

Trần hải: biển trần, cũng là biển khổ. **Mang mang:** mênh mông. **Mang mang:** mênh mông bát ngát. **Thủy:** nước. **Nhật:** mặt trời. **Đông:** phương đông.

Biển trần bát ngát mênh mông toàn là nước, mặt trời ở phương đông.

Câu 2: Vãn hồi toàn trượng Chủ Nhân Công:

Vãn hồi: kéo trở lại. **Toàn:** hoàn toàn. **Trượng:** nhờ vào. **Chủ Nhân:** người làm chủ. **Công:** tiếng gọi Ông với ý tôn xưng. **Chủ Nhân Công:** trong Tiên giáo, Chủ Nhân Công là chỉ Đức Thái Thượng Lão Quân.

Vãn hồi được là hoàn toàn nhờ vào Đức Thái Thượng Lão Quân.

Câu 3: Yếu tri Tam giáo tâm nguyên hiệp:

Yếu: quan trọng. **Tri:** biết. **Tam giáo:** 3 nền tôn giáo lớn ở Á **Đông:** Phật giáo, Lão giáo và Khổng giáo. **Tâm:** cái tâm của con người. **Nguyên:** nguồn gốc. **Hiệp:** hợp lại.

Điều quan trọng cần biết của Tam giáo là do cái tâm làm gốc cho sự hòa hợp.

Câu 4: Trung thứ, Từ bi, Cảm ứng, đồng:

Trung thứ: hết lòng thật của mình là Trung, đem lòng mình suy đến lòng người là Thứ. Trung thứ chính là đạo Nhân Nghĩa của Đức Khổng Tử. **Từ bi:** lòng thương người thương vật, thương khắp chúng sanh và muốn giúp chúng sanh thoát khổ. Từ bi là hạnh đặc trưng của Phật. **Cảm ứng:** lấy tinh thần mà cảm động Thần linh. Cảm là nhân, ứng là quả; cảm là

nguyên động lực, ứng là bị động lực; tử như thiện cảm thì phước báo ứng, ác cảm thì họa báo ứng.

Đức Khổng Tử dạy Trung thứ, Đức Phật dạy Từ bi, Đức Lão Tử dạy Cảm ứng (Kinh Cảm Ứng), tất cả đều đồng như nhau.

Bốn câu Hán văn trên được Đức Lữ Tổ giảng cơ diễn nôm thành bài Khai Kinh mà chúng ta thường tụng:

KHAI KINH

Biển trần khổ voi voi trời nước,
 Ánh thái dương gội trước phương đông.
 Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông,
 Ra tay dẫn độ dày công giúp đời.
 Trong Tam giáo có lời khuyến dạy,
 Gốc bởi lòng làm phải làm lành.
 Trung dung Khổng Thánh chỉ rành,
 Từ bi Phật dạy lòng thành lòng nhơn.
 Phép Tiên đạo tu chơn dưỡng tánh,
 Một cội sanh ba nhánh in nhau.
 Làm người rõ thấu lý sâu,
 Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh kinh.

PG: Phật Giáo (Kinh Phật Giáo).

TG: Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.

NG: Nho Giáo, Kinh Nho Giáo.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Khai Kinh Kệ

開經偈

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Kinh:** bài kinh để tụng. **Kệ:** bài kệ.

Khai Kinh Kệ là bài kệ Khai Kinh, tức là bài kệ ngắn để tụng mở đầu trước khi tụng một bài Kinh dài.

Kinh Di-Lạc có bài Khai Kinh Kệ mở đầu:

Khai Kinh Kệ

*Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
 Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ,
 Ngã kim thính văn đắc thọ trì,*

*Nguyện giải Tân Kinh chơn thiệt nghĩa.
Thích Ca Mâu Ni Văn Phật thuyết Di-Lạc Chơn Kinh.*

Viết ra Hán văn:

開經偈
無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇
我今聽聞得受持
願解新經真實義
釋迦牟尼文佛說彌勒真經。

Giải nghĩa:

KỆ MỞ ĐẦU BÀI KINH

Giáo lý của Phật rất cao siêu, sâu xa, huyền vi mâu nhiệm, Trăm, ngàn, muôn kiếp khó gặp đặng, Ta nay nghe biết được nhận lấy và gìn giữ, Nguyện giải thích bài Tân Kinh với ý nghĩa chơn thật. Đức Phật Thích Ca thuyết giảng Kinh Di-Lạc chơn thật.

KHẢO DỊ:

Câu Kinh số 3: *Ngã kim thính văn đắc thọ tri.*

Bên Phật giáo, câu này là: **Ngã kim kiến văn đắc thọ tri.**

(**Thính** là nghe. **Văn** là nghe biết. **Kiến** là thấy).

Ngã kim kiến văn đắc thọ tri: Ta nay thấy nghe được thọ tri.

Khai mạc

開幕

A: The raising of the curtain. P: La levée du rideau.

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Mạc:** cái màn che ở trên sân khấu.

Khai mạc là mở màn trên sân khấu, ý nói cuộc hội nghị bắt đầu, hay bắt đầu một cuộc lễ, một cuộc triển lãm.

Diễn văn Khai mạc: Bài Diễn văn của Ban Tổ chức đọc trước khi hội nghị bắt đầu làm việc.

Khai minh Đại Đạo

開明大道

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Minh:** sáng. **Đại Đạo:** nền Đạo lớn của Đức Chí Tôn, tức là ĐĐTKPĐ.

Khai minh Đại Đạo là mở ra cho sáng để mọi người nhìn thấy nền Đạo của Đức Chí Tôn.

BDT: Khai minh Đại Đạo hộ thanh bường.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

BDT: Bài Dâng Trà.

Khai Nguyên

開元

A: To open a new era.

P: Ouvrir une nouvelle ère.

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Nguyên:** còn đọc là Nguyên: mối khởi đầu.

Khai nguyên (Khai nguyên) là mở ra một kỷ nguyên mới.

Năm giáng sanh của Đức Chúa Jésus là năm khai nguyên của Công giáo và được chọn làm kỷ nguyên của Tây lịch.

Năm Đức Phật Thích Ca tịch diệt là năm khai nguyên của Phật giáo, và được chọn làm kỷ nguyên của Phật lịch.

Đối với Đạo Cao Đài, năm Bính Dần (1926) là năm khai nguyên của ĐĐTKPĐ, và được chọn làm kỷ nguyên Đạo lịch.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Khai nhơn tâm tất bản ư đốc thân chi hiếu

開人心必本於篤親之孝

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Nhơn tâm:** lòng người. **Tất:** ắt hẳn. **Bổn:** gốc. **Ư:** ở tại. **Đốc:** rất. **Thân:** gần gũi thương yêu, cha mẹ.

Đây là một câu kinh trong bài Kinh Nho giáo, có nghĩa là: *Khai mở cái tâm của con người ắt hẳn cái gốc ở tại sự hết lòng hiếu thảo với cha mẹ.*

Ý của Đức Khổng Tử nói: Muốn khai mở tâm tánh của con người cho được sáng thì phải lấy sự hiếu thảo làm gốc, bởi vì: Bá hạnh hiếu vi tiên: Trăm nét tốt thì hiếu đứng đầu.

Hiếu là gốc của đạo làm người. Người không hiếu thảo với cha mẹ thì không làm chi nên việc và người ấy là mối nguy cho xã hội.

Ngoài cha mẹ nơi cõi phàm trần, mỗi người chúng ta còn có hai Đấng Cha Mẹ chung thiêng liêng là Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, gọi là Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu. Chúng ta cần phải hiếu kính với hai Đấng ấy bằng cách tôn kính thờ phượng và mở lòng thương người thương vật, thương khắp chúng sanh, xem nhau như anh em một nhà, dìu dẫn nhau, anh trước em sau, đi trọn vẹn trên con đường đạo đức, để buổi chung qui, linh hồn được trở về Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Khai Pháp (HTĐ)

開法

A: Juridical Reformer.

P: Réformateur Juridique.

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Pháp:** pháp luật.

Khai Pháp là một phẩm Chức sắc Thập nhị Thời Quân HTĐ thuộc chi Pháp, dưới quyền trực tiếp của Đức Hộ Pháp.

CG PCT: Khai Pháp, khi tiếp đặng luật lệ, đơn trạng kiện thưa của CTĐ định xử hay là đã xử nơi Tiếp Pháp dâng lên, thì quan sát coi nên cho cả Chức sắc HTĐ biết cùng chẳng, như đáng việc thì tức cấp nhứt diện tư tờ cho CTĐ xin đình đãi nội vụ lại bao lâu tùy ý, song chẳng đặng phép quá 15 ngày, nhứt diện trình cho Hộ Pháp hay đặng Hộ Pháp mời nhóm HTĐ. Khi hội HTĐ thì Khai Pháp phải khai rõ nội vụ ra cho

HTĐ quyết định, như quyết định phải sửa cải luật lệ hay là buộc án thì Khai Pháp phải dâng lên cho Hiến Pháp.

Theo Hiệp pháp của HTĐ năm Nhâm Thân (1932) thì:

Trách nhiệm của Khai Pháp là lo nghiên cứu những điều cần ích cho chúng sanh mà thêm vào pháp luật, tức là mở lần pháp luật ra thế nào cho chúng sanh có thể tuân theo mà tu hành cho khỏi điều hà khắc.

Đạo phục của Khai Pháp gồm hai bộ: Đại phục và Tiểu phục, giống hệt Đạo phục của Bảo Pháp. (Xem: **Bảo Pháp**).

Khi Đức Chí Tôn lập pháp HTĐ ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn phong Ngài Trần Duy Nghĩa vào chức Khai Pháp.

Sau đây là **Tiểu sử chi tiết của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa**.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Khai Pháp Trần Duy Nghĩa (1888 - 1954)

Ngài Trần Duy Nghĩa, sanh năm Mậu Tý (1888) tại làng Thành Phố, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Thân phụ là ông Trần Duy Quyền và thân mẫu là bà Đặng Thị Lâu, đều ở Gò Công.

Hiền nội của Ngài Trần Duy Nghĩa là bà Hồng Thị Đổ (cô ruột của Cựu Đại Tá Hồng Sơn Đông). Hai ông bà chỉ sanh được một người con trai, đặt tên là Tháp, nhưng chẳng may mất sớm lúc mười mấy tuổi. Hai ông bà không sanh con thêm, nên xin hai người con gái để làm con nuôi:

Một người tên Nguyễn Thị Lụa, là cháu ruột kêu bà Hồng Thị Đổ bằng dì.

- Một người tên là Trần Thị Huê, là cháu ruột của Ngài Trần Duy Nghĩa.
- Ngài Trần Duy Nghĩa làm công chức Sở Hỏa Xa thời Pháp thuộc.

Năm Bính Dần (1926), Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn đi xuống Gò Công gọi Ngài Trần Duy Nghĩa. Vì Ngài là một nguyên nhân giáng phạm có nhiệm vụ tiền định, nên Ngài liền vâng chịu đi theo Đức Phạm Hộ Pháp, nhập môn làm môn đệ của Đức Chí Tôn, và kể từ đó, Ngài luôn luôn theo sát Đức Phạm Hộ Pháp để hành đạo.

Ngài Trần Duy Nghĩa được Thiên phong Khai Pháp, cùng một lượt với chư vị Thời Quân khác khi Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927).

Ngài hợp cùng Ngài Tiếp Pháp Trương Văn Trảng thành cặp Phò loan truyền đạo lúc ban sơ, và sau đó trở thành cặp Phò loan chuyên về Bí Pháp.

Ngày 11-2-1933 (âl 17-Giêng-Quý Dậu), Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp đồng ký tên ra một Thông Tri thăng phẩm Quyền Đầu Sư cho ba vị Chánh Phối Sư là: Thái Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh, Ngọc Trang Thanh.

Như vậy, ba phẩm Chánh Phối Sư bị khuyết, nên tạm cử ba vị Thời Quân HTĐ qua CTĐ đảm nhiệm ba chức vụ kể trên.

Thông Tri ấy có đoạn như sau:

"Việc giao quyền hành Chánh Phối Sư cho ba Chức sắc HTĐ là việc của Hội Thánh mới định hôm kỳ nhóm ngày mừng 9 tháng Giêng rồi đây, nhằm bữa 4-3-1933. Ba Chức sắc ấy là:

- Khai Thế Thái Văn Thâu, lãnh phận sự Thượng Chánh Phối Sư.
- Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, lãnh phận sự Ngọc Chánh Phối Sư.
- Khai Đạo Phạm Tấn Đãi, lãnh phận sự Thái Chánh Phối Sư."

Đạo Nghị Định của Đức Hộ Pháp số 56 ngày 23-9-Ất Hợi (dl 20-10-1935), Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa trở về HTĐ.

Đạo Nghị Định của Đức Phạm Hộ Pháp số 46 ngày 21-8-Bính Tý (dl 6-10-1936), Ngài Khai Pháp được giao nhiệm vụ

Thẩm Án Tòa Đạo, và tạm quyền Chương quản CQPT cho tới ngày có một vị Thời Quân Chi Đạo thay thế.

Ngày 17-6-Tân Ty (dl 11-7-1941), lính Mật Thám Pháp vào Tòa Thánh bắt 4 vị Chức sắc: Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Sư Thái Gấm Thanh, Giáo Sư Thái Phấn Thanh, và Sĩ Tải Đỗ Quang Hiển, đồng thời ở Sài Gòn, chúng đến bắt Ngài Khai Pháp tại tư gia. Lúc đó, Đức Phạm Hộ Pháp đã bị chúng bắt trước đó gần nửa tháng, tức là ngày 4-6-Tân Ty (dl 28-6-1941).

Ngày 4-6-nhuần-Tân Ty (dl 27-7-1941), Chánh quyền Pháp đưa Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Khai Pháp và 4 vị Chức sắc lưu đày ở hải đảo Madagascar (Mã đảo) bên Phi Châu, trên chiếc tàu Compiègne.

Trong thời gian bị lưu đày nơi Mã đảo, Ngài Khai Pháp và Sĩ Tải Đỗ Quang Hiển luôn luôn kề cận bên Đức Phạm Hộ Pháp để giúp đỡ và cùng chia sẻ những nỗi đau buồn khổ cực. Sĩ Tải Đỗ Quang Hiển và Giáo Sư Thái Gấm Thanh đã chết tại đảo, và Sĩ Tải Đỗ Quang Hiển đắc Thánh vị.

Ngày 25-7-Bính Tuất (dl 21-8-1946), Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Khai Pháp và hai vị Chức sắc còn lại là Phối Sư Ngọc Trọng Thanh và Giáo Sư Thái Phấn Thanh, sau hơn 5 năm bị lưu đày, được Chánh quyền Pháp đưa trở về VN trả tự do, đi trên chiếc tàu Ile de France, cập bến Vũng Tàu.

Ngày mừng 4-8-Bính Tuất (dl 30-8-1946), Chánh quyền Pháp đưa Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Khai Pháp, Phối Sư Ngọc Trọng Thanh và Giáo Sư Thái Phấn Thanh từ Sài Gòn về Tòa Thánh. Hội Thánh và rất đông đảo tín đồ tổ chức Lễ Nghinh Tiếp vô cùng long trọng và cảm động.

Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa tiếp tục hành đạo sát cánh Đức Phạm Hộ Pháp, được Đức Phạm Hộ Pháp giao cho nhiệm vụ Chương quản Bộ Pháp Chánh, và Ngài ở nhiệm vụ này cho đến lúc đăng Tiên.

Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa đăng Tiên lúc 3 giờ rưỡi sáng ngày 22-giêng-Giáp Ngọ (dl 24-2-1954) tại Văn phòng HTĐ Tòa Thánh, hưởng thọ 67 tuổi.

Tối hôm sau, Ngài Khai Pháp giáng cơ tại Bộ Pháp Chánh.

Phò loan: Đêm 23-giêng-Giáp Ngọ, lúc 8 giờ tối.
Giám Đạo Hội,
Luật Sự Nhung.

KHAI PHÁP TRẦN DUY NGHĨA

Tệ tăng xin chào quý bạn, Qua chào mấy em.

Chẳng phải lẽ sống là hạnh phúc cõi trần gian, nếu biết thì quý bạn cũng đã mừng cho tệ tăng rồi. Cái phàm thể chẳng qua là đồ mục, đâu đáng gì. Chính lúc sanh tiền, tệ tăng cũng làm lẫn đó. Vậy xin cảm bái lòng tri ngộ của Đức Hộ Pháp và cảm tạ quý bạn cùng Hội Thánh.

Các em cũng vui mà lo tròn trọng trách nghe.

Xin để lời chào mừng bốn quuyến.

Tiếp Pháp bạch:

THI:

Sáu mươi sáu tuổi có bao lâu,
Ngành lại trần gian chữa mẫn sầu.
Tiếc lúc về già đời mỗi mắt,
Dầu an Tiên cảnh vẫn đeo sầu.

Tệ tăng xin hẹn lúc khác.

Xin kiếu. THĂNG.

Ba ngày sau, Ngài Khai Pháp giảng cơ nói về cái chết của Ngài:

Phò loan: Đêm 26-giêng-Giáp Ngọ (dl 28-2-1954).
Sĩ Tài Ảnh -
Luật Sự Nhung.

KHAI PHÁP

Qua chào mấy em.

Thấy mấy em nhọc nhằn, Qua không vui chút nào. Sự sanh ly tử biệt là thường của thế gian. May duyên, Qua được điểm phúc thọ hồng ân của Đức Chí Tôn và Đức Từ Mẫu mà

Qua được biệt đãi, chớ thật ra Qua với mấy em đâu có khác gì.

Nhớ lại lúc anh em chúng ta chung trí để làm việc, mặc dầu có nhiều sơ sót vì chúng ta không phải là chuyên môn, nhưng có nhiều đặc sắc.

Ngày về, Qua được Đức Chí Tôn ban ân khen thưởng, đó là công nghiệp của mấy em. Vậy Qua xin thành thật cảm tạ ơn trứu mến đã làm nên sợi dây thân ái giữa chúng ta thêm bền chặt. Qua xin mấy em vui lòng với Qua nghe.

Thừa Sứ bạch: - Đức Hộ Pháp muốn rõ lúc Ngài qui vị.

- Cười ... Đức Ngài muốn biết rõ để răn phạt em Bảo thể có phận sự bữa đó. Cười ...

Thừa Sứ bạch: - Phải lúc 4 giờ Ngài đi tiểu trở vô mới té phải không ?

- Không phải, lúc ấy vào lối 3 giờ hơn, Qua thấy chột dạ và không muốn làm phiền mấy em Bảo thể nên Qua tự mở cửa định vòng ra ngã sau, vừa đến tam cấp, có luồng gió lạnh đập mạnh vào nên té luôn mà rời xác. Đó là Anh Cao Thượng Phẩm đến đem Qua về.

Thừa Sứ bạch: - Có lẽ khi té, Ngài trần trở một lúc rồi mới đi ?

- Đi liền. Qua bị còn một chút nợ nên phải trả bằng cách ấy cho trọn đầy thôi, chớ chẳng phải rủi ro chi cả. Mấy em an tâm, nếu Đức Hộ Pháp có hỏi thì bạch giùm Qua, chớ để em Bảo thể bị phạt thì oan cho nó lắm.

Thôi khi khác, Qua sẽ đàm đạo nhiều.

Qua kiếu mấy em. THĂNG.

Bốn hôm sau, Đức Cao Thượng Phẩm giáng cơ cho biết Ngài Khai Pháp có đủ công nghiệp nên trở về cựu vị, tiếp theo là Ngài Khai Pháp giáng cơ:

Phò loan:

Giám Đạo Hối -
Luật Sự Nhung.

Bộ Pháp Chánh, 30-1-Giáp Ngọ
(dl 4-3-1954).

Chứng đàn:

Tiếp Pháp,
Bảo Đạo.

CAO THƯỢNG PHẨM

Chào Tiếp Pháp, Bảo Đạo, mấy em và Chị ba.

Hôm nay, toàn thể Ngọc Hư Cung đều vui mừng tiếp rước vị Khai Pháp Chơn Quân trở về cựu vị với công nghiệp rõ ràng. Vậy, Bản đạo đến cho hay trong cửa Hiệp Thiên Đài thêm phần vinh hiển.

Thôi, Bản đạo nhượng cơ cho Trần Khai Pháp. Thăng.

TÁI CẦU:**Khai Pháp TRẦN DUY NGHĨA**

Xin chào mấy bạn, chào mấy em.

Từ buổi rảnh nợ trần, tề tăng vẫn luyện tiếc đến những công nghiệp mà mấy bạn sẽ tiếp tục làm hằng ngày gần đây. Ngày giờ đã định, Chí Tôn không thể để tề tăng còn ở tại trần nữa và phải giao phận sự lại cho bạn Tiếp Pháp.

Vậy tề tăng không thể cùng mấy bạn chung vui sót nhọc lúc sau này mà phải trở về lo mặt huyền linh, hầu giúp cơ xây chuyển được chóng kịp ngày giờ.

Mấy bạn, tuy mất tề tăng về mặt hữu hình, song ở vô vi thì tề tăng luôn luôn ở bên mấy bạn.

Bạn Tiếp Pháp, kể từ giờ này, bạn là vị Chơn Quân lãnh phần tiếp pháp lịnh mà hành nên Chánh truyền cho cơ định thể. Phần Khai Pháp đã qua, giờ đến lượt bạn, ấy Thiên cơ tiền định. Bạn suy gẫm sẽ hiểu thêm.

Tiếp Pháp bạch: - . . . (về sự bất tài của mình)

- Việc làm trước dở sau hay là lẽ thường, nghề dạy nghề chớ không ai dạy ai giỏi. Vậy bạn cứ nung chí và tận lực thì kết quả không xa đâu.

Từ đây là cơ hành pháp chớ không còn là cơ thọ pháp nữa. Vậy bạn là người tiếp nhận pháp giới của chúng ta và tòng Hộ Pháp đặng ban hành chánh pháp cho Thánh thể và cả con cái Chí Tôn. Như vậy thì trách nhiệm rất nặng nề, bạn khá thận trọng, còn về mặt vô vi, tề tăng luôn luôn giúp sức, nếu có điều chi thắc mắc thì cứ kêu tề tăng sẽ đến giải giúp cho.

Bạn Bảo Đạo,

Bạn đã thọ Thiên ân trong hàng Thời Quân với trọng trách Bảo Đạo tức là thay thế cho Thượng Phẩm tại thế vậy, bạn hiểu trách nhiệm nặng là dường nào rồi, chỉ còn chờ ngày Đức Hộ Pháp và Anh Thượng Phẩm ban pháp thì bắt tay vào việc. Bạn ráng lên vì sẽ mệt nhọc lắm đó.

Anh Quyền Thượng Chánh Phối Sư,

Tề tăng xin gửi lời chào mừng hết các bạn Cửu Trùng Đài và để lời cảm tạ. Tề tăng hứa sẽ giúp tay anh Quyền Giáo Tông đặng Cửu Trùng Đài ra giá trọng.

Bây giờ tề tăng xin nói chuyện với người bạn một chút.

Bà Hương Đỏ, xin bà dẹp hết sầu bi mà mừng cho tề tăng. Nói như thế thì tề tăng đã quá lục tuần rồi, cảnh biệt ly không còn chi đáng thương xót nữa. Còn về việc Đạo thì ngày công tròn quả mãn đặng về Chí Tôn và Phật Mẫu là ngày vinh diệu hơn hết. Vậy thay vì buồn thương, bà mừng vui mới phải.

Tề tăng chỉ muốn biết một điều là bà xin Quyền Chí Tôn tái thủ phận sự đặng tiếp tục công nghiệp lúc về già. Được chừng ấy thì tề tăng vui mừng lắm. Còn việc nhà, khéo thu xếp là được, tề tăng khỏi bận nhắc.

Như vậy là đủ rồi, tề tăng xin kiếu.

THĂNG.

(Bà Hương Đỏ, thế danh là Hồng Thị Đỏ, vợ của Ngài Trần Duy Nghĩa).

Tại Báo Ân Đường Kim Biên (Nam Vang), đêm 15-8-Bính Thân (dl 19-9-1956), Phò loan: Hộ Pháp - Bảo Đạo, Ngài Khai Pháp giảng cơ cho bài Thái khác thay bài Thái cũ:

TÁI CẦU: TRẦN KHAI PHÁP

Cười.... Bị kêu ngạo mắc cỡ quá! Đã biết người ta thi phú văn chương dở mà còn kêu ngạo là điều thất đức. Biết chưa các quan? Ở đây rắng hết gân hết cốt một lần đặng chuộc danh giá của một vị Chơn Quân coi! để người ta kêu ngạo chịu không nổi. Thi nè:

Đã chán công danh dưới phép người,
 Đem thân cửa Phạm để nên nơi.
 Lóng chuông Bạch Ngọc hồi hồn tục,
 Nghe trống Lôi Âm tỉnh mộng đời.
 Năm pháp thiêng liêng dìu Thánh vị,
 Cầm cân công lý giữ ngôi Trời.
 Dầu chưa trọn nghĩa Thiên Thơ định,
 Giác ngộ vui theo cũng kịp thời.

Cười... Chớ để bị hoài sao các quan! Chào. THẮNG.

Ngày 28-Giêng-Giáp Ngọ (dl 2-3-1954), trong buổi Lễ Di Liên đài của Ngài Khai Pháp nhập bửu tháp. Đức Hộ Pháp có phát biểu để tưởng niệm và cũng để tuyên dương công nghiệp của Ngài Khai Pháp, xin trích ra một đoạn sau đây:

Đức Khai Pháp Chơn Quân, cả toàn Thánh Thể và con cái Đức Chí Tôn đều hiểu là ai?

Trong 12 vị Chơn Quân của 12 con Giáp là cơ huyền bí tạo CKVT thế nào, có lẽ cả tinh thần của toàn thể con cái Đức Chí Tôn hiểu thấu.

Bản đạo lại thêm một điều trọng hệ hơn hết, người không phải xa lạ với hơn loại nơi mặt Địa cầu này, người đã cùng làm bạn với hơn loại và chịu khổ cùng hơn loại. Ngài là một bậc yếu nhân đã giúp Đức Chí Tôn tạo dựng nền văn minh hiện tại.

Bản đạo nói quả quyết rằng: Ngài là một vị yếu nhân đã cảm quyền về tinh thần của nền văn minh.

Ngài tái kiếp, sứ mạng của Ngài không chi khác hơn là làm thế nào cho nền văn minh ấy chung hiệp các nền văn minh tối cổ trên mặt Địa cầu này, làm cho thiên hạ thống nhất về tâm hồn, thống nhất về đạo đức....

Thật sự hôm nay, Đức Khai Pháp Chơn Quân đã hưởng trọn hạnh phúc mà Bàn đạo đã tỏ ra khi nãy đó, cái hạnh phúc chơn thật của Ngài hôm nay được hưởng, trái lụng lại, chúng ta buồn thảm chia ly về phần xác, mà Bàn đạo lấy làm hân hạnh vui hứng thấy Ngài đã đoạt Đạo. Đức Khai Pháp Chơn Quân đã đoạt đạo tại thế này đó vậy.

Bàn đạo làm chứng cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn điều ấy.

Theo lời Đức Phạm Hộ Pháp, chúng ta hiểu rằng, Ngài Trần Duy Nghĩa là Thánh Pierre (Phê-rô) của Thiên Chúa giáo chiết chơn linh giáng phàm để giúp Đức Phạm Hộ Pháp và làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo.

Thánh Pierre là một trong số 12 môn đồ của Đức Chúa Jêsus, là người mà Đức Chúa Jêsus tin cậy, đặt nền tảng của Hội Thánh truyền giáo của Ngài.

Ông Chơn Nhơn Phạm Duy Hoai có thuật chuyện Ngài Khai Pháp như sau:

Một hôm nọ, Đức Phạm Hộ Pháp lập đàn, có các vị Chức sắc Thiên phong dự chứng. Đức Phạm Hộ Pháp cầm cây Kim Tiên đưa ra bên trên và trước mặt Ngài Khai Pháp đang quì. Đức Phạm Hộ Pháp nói: Này Pierre, ngày trước ngươi đã chối ta ba lần, lần này ta tha cho đó. Đoạn Ngài Khai Pháp lạy. Đàn mãn.

Theo Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, quyển I trang 35, Thánh Pierre có giáng cơ cho 4 câu thi:

SAINT PIERRE

Thiên Đàng giữ cửa góc Trời Tây,
Truyền đạo cho dân biết mặt Thầy.
Cứu chuộc đã gần đôi ngàn tuổi,
Cao Đài phú thác dặt diu bây.

(31 Décembre 1925)

Trong dịp Lễ Đại Tường của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, tại Bửu tháp, Đức Phạm Hộ Pháp nhắc lại công nghiệp khổ hạnh của Ngài Trần Khai Pháp như sau:

Thưa cùng chư Viên quan, chư Chức sắc, cùng mấy em Nam Nữ,

Hôm nay là ngày Lễ Đại Tường của Đức Khai Pháp Chơn Quân, Bản đạo không cần minh tá, tường toàn thể con cái Đức Chí Tôn mến tiếc Ngài là một vị Chơn linh nguyên nhân của Đức Chí Tôn đã định.

Nhắc lại công nghiệp của Ngài, Bản đạo cảm giác vô cùng. Sự cảm giác của Bản đạo đối với Ngài, không giờ phút nào Bản đạo quên được cái công cực khổ đáo để của Ngài đối với Bản đạo. Bản đạo chắc chắn rằng, trong Chức sắc HTĐ, Bản đạo chỉ nhờ Đức Khai Pháp nhiều hơn hết. Đó là bằng chứng hiển nhiên.

Ngày nay, Ngài đã qui Thiên, thì nền Đạo đã bớt hết một cánh tay gánh vác sự nghiệp thiêng liêng vĩ đại của Đức Chí Tôn tại mặt thế này.

Bản đạo thấy cái sống ở đời của Đức Trần Khai Pháp trong buổi sanh tiền chưa có hưởng hạnh phúc hay thú vị gì cả. Sự nghiệp giàu sang, vinh hiển cũng không màng, chỉ nguyện đem cái xác thân này hiến trọn vẹn nơi cửa Đạo.

Đức Chí Tôn đã lựa sắm hồi nào mà chính mình Đức Chí Tôn lựa sắm thật là xứng đáng.

Trong buổi đầu, Đức Chí Tôn dạy:

Con muốn ra gánh vác sự nghiệp thiêng liêng, lập nền Quốc Đạo, trước hết con phải lập Pháp cho xong thì Đạo mới vững bền được.

Buổi nọ, Bản đạo để trọn vẹn cho Đức Chí Tôn lựa, chớ không phải phàm lựa.

Khi được cơ bút dạy đi tìm Khai Pháp tại tỉnh Gò Công, Bản đạo chưa từng đến, mà cũng không làm bạn với một người nào nơi tỉnh ấy, nhưng cũng vâng lệnh đến tìm, hỏi thăm, thì đã trúng ngay nhà Ông Trần Duy Nghĩa.

Vừa gặp người đứng trước thêm nhà, hỏi thăm thì người nói: Tôi là Trần Duy Nghĩa. Nói rồi, mời Bản đạo vào nhà.

Bản đạo không ngần ngại và để đức tin nơi quyền thiêng liêng, bèn tả hết công việc, thì Ngài hứa tình nguyện. Một điều là hủy cái đời giàu sang vinh hiển để nạp mình vào cửa Đạo.

Bần đạo chưa tin, còn hồ nghi bị chúng gạt. Khi về đến Sài Gòn, Ngài chỉ xách theo một gói đồ trên tay và không trở về gia đình lần nào.

Bần đạo đưa bài Thánh giáo của Đức Chí Tôn bảo đi tìm Ngài, thì Ngài nói với Bần đạo hai câu làm Bần đạo kính phục và cảm tưởng mãi nơi tâm, biết rằng ông này có thể chung sức với mình gánh vác nỗi sự nghiệp của Đức Chí Tôn giao phó.

Ngài nói: Tôi tưởng dòng dõi dân tộc VN bốn ngàn năm đã chết, nào dè ngày nay Đức Chí Tôn định lập Quốc Đạo, thì chắc chắn rằng, đất nước VN sẽ sống lại được mà cứu Tổ quốc và giống nòi VN khỏi ách nô lệ giữa thời Pháp thuộc bạo hành.

Kể từ đó, Ngài vẫn cương quyết lo giúp Bần đạo với một sự kính nể đáo đẽ, không giờ phút nào Ngài xa Bần đạo. Không nhắc đến thì thôi, mà nhắc đến làm cho giọt lệ của Bần đạo tuôn chảy không ngừng.

Chẳng phải riêng Bần đạo mất một người ân trọng nghĩa thâm, mà toàn đạo Nam Nữ thấy đều mất một người bạn yêu mến thiêng liêng đó vậy.

Nhớ lại lúc chánh quyền Pháp đày ra hải đảo Madagascar, trong đó có nhiều Chức sắc Thiên phong cùng chung chịu ảnh hưởng, Bần đạo chỉ thấy một Đức Ngài và em Thánh Hiến hết lòng phụng sự Bần đạo, còn bao nhiêu vì quyền lợi mà xua đuổi hành phạt Bần đạo đáo đẽ. Có người dựa quyền lợi theo thuyết Cộng sản, dùng sức mạnh trở lại khổ khắc Bần đạo mà chưa vừa lòng. Họ còn xúi giục chánh quyền đày Bần đạo lên nguồn cao nước độc để giết Bần đạo một cách gián tiếp. Nếu chẳng nhờ quyền năng thiêng liêng giúp sức, Bần đạo không thể trở về Tổ quốc Thánh địa nước VN ngày nay.

Tội nghiệp em Thánh Hiến với Ngài Khai Pháp, thấy vậy cũng xin đi theo, đã bị chúng đuổi đánh, cũng tính kế đi theo nuôi dưỡng Bần đạo cho được.

Thánh Hiến, vì đi theo Bần đạo uống nước độc mà bỏ mình nơi rừng sâu núi thẳm, chỉ còn Bần đạo và Ngài.

Ngài ôm Bàn đạo mà khóc, chỉ van vái một điều là cầu xin Đức Chí Tôn đem về đất Thánh cốt xác mà thôi. Thật quả nhiên như lời nguyện không sai.

Khi trở về Thánh địa, Bàn đạo gương làm vui, chớ kỳ thật riêng Ngài Khai Pháp và Bàn đạo, không giờ phút nào quên cảnh tù đày lao khổ. Bàn đạo thấy con cái Đức Chí Tôn rất chú ý về việc đó, nhưng Bàn đạo ôm lòng nín chịu, cản dận Ngài không thốt ra lời nói gì cả. Bàn đạo sợ nói ra đây, gây oán chuốt hờn thêm cho Đạo. Nếu Bàn đạo nói ra, chắc không bút mực nào tả hết, lại gây thêm xung đột.

Kể từ ngày về Thánh địa, Ngài Khai Pháp thường than thở với Bàn đạo, vì sợ e gây cảnh nổi da xáo thịt, bên ngoài thì Pháp, bên trong thì VN, ở giữa thì Quân đội Cao Đài. Ai vui hưởng, chớ riêng Ngài không có ngày nào không lo sợ, sợ đổ máu giết chóc lẫn nhau, lần đến tương tàn cốt nhục của nòi giống VN ta nữa mà chớ.

Sau ngày Trung Tá Trần (Truyện Trạng Phạm Ngọc Trần) Thánh Vệ Trưởng bị quân đội Thành ám sát, Ngài thường đến Trí Huệ Cung ôm Bàn đạo vào lòng, khóc và than rằng: Thầy ôi! Cái sợ của tôi ngày nay đã đến rồi. Tôi hằng than thở với Thầy từ nơi hải đảo, là nơi chúng đày khổ thân, Thầy trò mình tưởng về đất Thánh địa được yên vui, nào dè có quân đội, cho nên mới ra nổi này,

Than rồi khóc, rồi Ngài vịn núu lấy Bàn đạo mà nói:

Thầy ôi! Vì lời khuyên xưa kia, Thầy trò mình mới về dìu dắt con cái Đức Chí Tôn mà họ đâu thấu đáo tâm trạng, nay Trần đã chết rồi thì tôi thấy còn nhiều thảm họa dầy dầy, tự gây phản bội mà làm ly tán, thì bây con đại của Đức Chí Tôn phải sống nơi nào cho an phận.

Thưa Thầy! Thà Thầy trò mình ở lại vùi thân nơi chốn tù đày hải đảo rừng xanh nước độc, còn thú vị hơn về đây thấy cảnh đổ máu không lịch sử, dòng dõi chủng tộc VN phải ly tán, tiền đồ Tổ quốc không dựng lại, mà hơn loại phải chịu cảnh sắp điếu tàn, nền Đạo chình nghiêng bởi cảnh đó.

Nghe qua những tiếng nói thảm thiết, làm cho giọt lệ Bàn đạo đã chảy theo không ngừng, nhưng Bàn đạo cố gương cho

khuây khỏa. Hồi nghĩ lại, Bàn đạo gương làm vui, mượn có cho Ngài bớt buồn râu đầu thắm.

Không anh à! Mấy em nó vì đầu óc thanh niên, không phải như mấy anh lão thành vậy đâu. Vì máu nóng còn đưa tài, chác lợi, quyền trọng tham danh, chớ buộc cả thầy như quý anh sao được.

Bàn đạo thấy Ngài buồn, kiếm chước cho vui đỡ, và lần lượt kiến tạo Trí Giác Cung, khuyên Ngài vào ở đó cho yên tĩnh, bớt thấy cảnh thảm họa trên diễn trước mắt hằng ngày.

Trong thời gian Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa cầm quyền Chưởng quản Bộ Pháp Chánh, Ngài có biên soạn những bài giảng về Chánh Trị Đạo để dạy Hạnh đường, sau cùng Ngài tập hợp các bài giảng ấy, lập thành quyển sách tựa đề:

CHÁNH TRỊ ĐẠO, giải thích rõ ràng nền Chánh Trị Đạo của Đạo Cao Đài, để người đời khởi làm tường Đạo Cao Đài là một tổ chức chánh trị, như các đảng phái chánh trị ngoài đời.

Danh từ PHÁP CHÁNH cũng do Ngài Khai Pháp đặt ra để thay thế danh từ Tòa Đạo đã dùng khi trước.

Quyển sách này gồm 5 Phần chính:

* **Phần I** nói về nền tảng Chánh Trị Đạo của Đạo Cao Đài gồm 4 cơ quan:

- Hành Chánh, thuộc CTĐ.
- Phổ Tế, thuộc CTĐ.
- Pháp Chánh, thuộc HTĐ.
- Phước Thiện, thuộc HTĐ.

* **Phần II** nói về Quyền Lập Pháp của Đạo thuộc về Ba Hội: - Hội Nhơn Sanh, - Hội Thánh, - Thượng Hội.

* **Phần III** nói về Quyền Hành Pháp, thuộc về CTĐ.

* **Phần IV** nói về Quyền Tư Pháp, thuộc về HTĐ.

* **Phần V**, so sánh Chánh Trị Đạo và Chánh Trị Đời.

Sau đây, xin chép lại một bài giảng cơ của Ngài Trần Khai Pháp, nói chuyện cùng Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước.

Phò loan:

Giám Đạo

Nguyễn Văn Hợi

Thừa Sứ

Nguyễn Văn Kiệt.

Hầu đàn:

Chư Chức sắc HTĐ.

Đàn cơ đêm mừng 2-12-Giáp Thìn, tại Giáo
Tông Đường, hồi 8 giờ 40.

KHAI PHÁP

Chào Hiền huynh Bảo Thế và các em.

Tiện đây, Bàn tăng đàm đạo cùng Bảo Thế.

Ngày Bàn tăng về Chí Tôn mới rõ quyền năng Thiên Triều vô biên. Chính Bàn tăng rón rén bước vào Bạch Ngọc Kinh, phải nhờ Chơn Linh VI HỘ dẫn tấn. Từ đây mới biết Chí Tôn phần nào và được thấu đáo nhiệm vụ của Thời Quân, chẳng những nơi thế gian này mà còn nơi cõi Thiên nữa. Như thế mới khiếp sợ với trách vụ mình.

Nếu quý bạn được thấy thì tưởng không còn muốn ở cõi trần nữa làm gì. Vậy Bàn tăng ước mong quý bạn Thời Quân tìm cách dòm về hướng Chí Tôn để rộng quyền làm tròn Thiên Soái mạng.

Hôm rày, Đức Phạm Hộ Pháp Chưởng quản HTĐ có nhóm Hội Thánh HTĐ nhiều lần để quyết định tương lai của nền Chánh giáo. Vì thế mà Bàn tăng được chỉ định gần gũi Hiền huynh để ủng hộ và trao lời của Đức Phạm Hộ Pháp dạy.

Hiền huynh nhớ Đạo Cao Đài có Chánh Trị Đạo, thì tưởng cũng không đụng chạm ai. Đòi họ lo lấy, Đạo mình mình trị, trong vòng tự do tín ngưỡng, miễn đừng lấn quyền Đòi thì thôi.

Hộ Pháp có than lúc này không người kế chí, nhưng Đức Ngài còn tin nơi Hiền huynh, nên chính Đức Ngài dục tấn Hiền huynh về. Khi còn ở đô thành, có lẽ Hiền huynh còn nhớ Ngài kêu hôm nào đó. Hiền huynh cứ tiến tới nhiệm vụ của Đức Phạm Hộ Pháp đã giao, tức bên cạnh có Đức Ngài và chư Thời Quân ám trợ, đừng lo ma hồn quỷ xác gì nữa, bất quá chúng nó thêm công quả để Hiền huynh đạt đạo cho mau vậy thôi. Hiền huynh vững đức tin, cuộc thế đã đến kỳ kết thúc,

nên Thần Tiên đã lâm phạm, đồng ngưỡng về Cao Đài Thánh địa, là Tòa Bạch Ngọc Kinh tại thế.

Buổi Phật Di-Lạc Vương trị vì thiên hạ, cứ tiến tới có ngày vui sắp đến.

Bần tăng tưởng Hiền huynh đã từng gần Đức Hộ Pháp thì cũng còn nhớ cách phục nhơn tâm và thâm thiên hạ là đường nào rồi. Nhờ tâm đức ấy mà Ngài lập đại công, thì Hiền huynh nên đồ theo đường lối ấy thì ắt thành công trong sứ mạng đó.

À! Chính giùm chỗ luyện Tam Bửu: Tay trái bắt Ấn Tý cầm chén bông, còn tay mặt bắt Ấn Hộ Pháp để lên trên chén. Hôm nọ viết sai.

Xin chào Hiền huynh. Để kỳ tới sẽ tái ngộ. THĂNG.

Bài thi của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa khoán thủ: Trần Duy Nghĩa (trích trong Thuyết đạo của Ngài Bảo Thế):

Trần hoàn khỏa lấp bụi phù sanh,
Duy lý uyên thâm tại Đạo thành.
Nghĩa đồng tài cao còn thiếu đức,
 Năm cơ trị thế khó nên danh.

Bài thi của Ngài Khai Pháp làm, khoán thủ: KHAI PHÁP CHƠN QUÂN:

KHAI khiêu huyền linh diệt tánh phạm,
PHÁP điều khử mị dẹp tà tâm.
CHƠN truyền màu nhiệm Tam Kỳ xuất,
QUÂN tướng đưa giành nước Việt Nam.
 (4-3-Ất Ty, dl 5-4-1965)

Bài thi của Ngài Khai Pháp làm, nhân lễ kỷ niệm Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương:

Phỉ bầy hiền huynh đặng thành thoi,
 Vui vầy đồng đạo chén khuyên mời.
 Ân hồng cõi thọ hương đầm ấm,
 Phước huệ đài mây chí rạng ngời.
 Muôn kiếp anh linh trang tuần kiệt,

Ngàn thu hiển hích bậc cao ngời.
 Hiệp Thiên vẹn giữ lòng chung thĩ,
 Tạc dấu anh phong để quán đời.

KHAI PHÁP

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Khai quang điểm nhãn

開光點眼

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Quang:** sáng.
Điểm nhãn: vẽ con mắt.

Khi một tượng Phật được đắp và tô vẽ xong, đem tượng Phật đặt đúng vị trí rồi lựa ngày tổ chức lễ Khai quang điểm nhãn cho tượng Phật, sau đó mới bắt đầu thờ cúng tượng Phật.

Điểm nhãn là lễ vẽ con mắt Phật.

Khai quang là lễ dâng cúng Đức Phật.

Khai sáng

開創

A: To found.

P: Fonder.

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Sáng:** làm việc gì đầu tiên.

Khai sáng là mở ra và bắt đầu dựng lên.

TNHT: Từ nền Đạo khai sáng đặng gieo truyền mối Chánh giáo đến nay,....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khai sơn phá thạch

開山破石

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Sơn:** núi. **Phá:** bỏ ra. **Thạch:** đá.

Khai sơn phá thạch là mở núi bỏ đá.

Ý nói: Ra sức mở mang xây dựng một công trình lớn lao đòi hỏi nhiều khó khăn vất vả.

Từ ngữ "*Khai sơn*" bên Phật giáo chỉ việc cất chùa. Nói đầy đủ là *Khai sơn lập tự*, bởi vì các vị sư thường chọn nơi núi non để cất chùa. Do đó cần phải mở đường thông lên núi, phá thạch để có nơi bằng phẳng làm nền chùa.

Vị sư đứng ra lập một ngôi chùa như thế được gọi là: *Khai sơn Tổ Sư*.

Khai tạo

開造

A: To found.

P: Fonder.

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Tạo:** làm ra.

Khai tạo là mở ra và xây dựng lên.

CG PCT: Có quyền diu dắt cả các con của Thầy trên đường đạo đức của chính mình Thầy *khai tạo*.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Khai Thế (HTĐ)

開世

A: Temporal Reformer.

P: Réformateur Temporel.

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Thế:** đời.

Khai Thế là một phẩm Chức sắc trong Thập nhị Thời Quân Hiệp Thiên Đài thuộc Chi Thế, dưới quyền trực tiếp của Đức Thượng Sanh.

CG PCT: Khai Thế, khi tiếp đặng đơn trạng chi chi của Tiếp Thế dâng lên thì phải kiểm hiểu các nguyên do coi có đáng buộc án cùng chẳng, như đáng thì nhứt diện tư tờ qua CTĐ cho biết nội vụ, nhứt diện dâng sớ cho Hộ Pháp cầu người mời hội HTĐ đặng định đoạt. Khi đặng lệnh của HTĐ thì Khai Thế phải dâng nội vụ lên cho Hiến Thế.

Theo Hiến pháp HTĐ năm Nhâm Thân (1932), Khai Thế còn có trách nhiệm lo nghiên cứu những điều cần ích cho chúng sanh trong đường Đời và tìm phương giúp cho những điều cần ích ấy thành ra luật Đời, tức là mở rộng đường Đời ra cho chúng sanh hưởng.

Đạo phục của Khai Thế gồm hai bộ: Đại phục và Tiểu phục, giống hệt Đạo phục của Bảo Thế. (Xem: **Bảo Thế**)

Khi Đức Chí Tôn lập pháp HTĐ ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn phong Ngài Thái Văn Thâu vào chức Khai Thế.

Sau đây là **Tiểu sử của Ngài Khai Thế Thái Văn Thâu**.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.
HTĐ: Hiệp Thiên Đài.
CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Khai Thế Thái Văn Thâu (1899 - 1981)

Ngài Thái Văn Thâu, sanh năm Kỷ Hợi (1899) (theo Thẻ Căn Cước thì sanh năm 1900) tại làng Qui Đức, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn.

Thân phụ của Ngài là ông Thái Văn Vá, và thân mẫu là bà Ngô Thị Mai.

Hiền nội của Ngài là bà Đỗ Thị Thoại, sanh năm 1906 tại làng Long Đức Đông tỉnh Chợ Lớn, và mất ngày 12-3-Quý Hợi (dl 24-4-1983) tại xã Qui Đức.

Ngài Thái Văn Thâu ở cùng quê với Ngài Hiến Đạo Phạm Văn Tươi, thuở nhỏ hai người là bạn học với nhau.

Ngài Thái Văn Thâu theo Tây học, đậu bằng Tiểu học Pháp, lên Trung học, đậu bằng Thành Chung (Diplôme). Ngài

xin đi dạy học, và làm Giáo Sư tại trường Trung học Pétrus Trương Vĩnh Ký Sài Gòn, sau đổi xuống dạy tại Collège Mỹ Tho, nay là trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho.

Đầu năm Bính Dần (1926), một đàn cơ phổ độ tổ chức ở Tân Kim (Cần Giuộc) tại nhà ông Cựu Hội Đồng Địa Hạt Nguyễn Văn Lai, Phò loan là hai ông Phạm Văn Tươi và Ca Minh Chương, Ngài Thái Văn Thâu đến hầu đàn và được Đức Chí Tôn thâu làm môn đệ.

Khi Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ, Đức Chí Tôn phong Ngài Thái Văn Thâu vào phẩm Khai Thế HTĐ.

Kể từ đó, Ngài Khai Thế Thái Văn Thâu, ngoài các giờ bận việc dạy học, Ngài cùng các vị Thời Quân khác phò cơ cho Đức Chí Tôn phổ độ nhơn sanh.

Ngày 11-2-1933, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp đồng ký tên, ra một Thông Tri thăng phẩm Quyền Đầu Sư cho ba vị Chánh Phối Sư: Thái Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh, Ngọc Trang Thanh. Như vậy ba phẩm Chánh Phối Sư bị khuyết, nên tạm cử ba vị Thời Quân HTĐ vào hàng Khai qua CTĐ đảm nhận ba nhiệm vụ kể trên. Thông tri ấy có đoạn như sau:

"Việc giao quyền Chánh Phối Sư cho ba vị Chức sắc HTĐ là việc của Hội Thánh mới định hôm kỳ nhóm ngày mùng 9 tháng Giêng rồi đây, nhằm bữa 4-3-1933.

Ba Chức sắc ấy là:

- Khai Thế Thái Văn Thâu, lãnh phận sự Thượng Chánh Phối Sư.
- Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, lãnh phận sự Ngọc Chánh Phối Sư.
- Khai Đạo Phạm Tấn Đãi, lãnh phận sự Thái Chánh Phối Sư."

Năm 1941, Đức Phạm Hộ Pháp và 5 vị Chức sắc cao cấp của HTĐ và CTĐ bị nhà cầm quyền Pháp bắt lưu đày ở hải đảo Madagascar Phi Châu, quân đội Pháp chiếm đóng Tòa Thánh và các cơ quan khác của Đạo, đuổi các Chức sắc và công quả về quê, Ngài Khai Thế Thái Văn Thâu rút về quê nhà ở xã Qui Đức và trở lại nghề dạy học.

Sau đó, Ngài bị bệnh tâm thần, phải nghỉ dạy học, an dưỡng tại tư gia. Bệnh tâm thần của Ngài kéo dài, có lúc gần như hết bệnh, nhưng có lúc lại tái phát, nên Ngài không thể trở về Tòa Thánh tiếp tục phận sự của một Thờ Quân HTĐ.

Ngài Khai Thế Thái Văn Thâu qui liễu tại tư gia ở xã Qui Đức vào ngày mùng 2-6-Tân Dậu (dl 3-7-1981), lúc 5 giờ 30 phút chiều, hưởng thọ 83 tuổi.

Đại diện của Hội Thánh và Ban Cai Quản Thánh Thất Cần Giuộc hay tin, liền đến nơi lo tổ chức Lễ An táng cho Ngài rất trọng thể tại Xã Qui Đức.

Vì hoàn cảnh của Đạo lúc bấy giờ đang hồi biến chuyển rất khó khăn, Hội Thánh và các cơ Đạo bị giải thể, nên không thể liệm thi hài của Ngài vào liên đài và đưa về Tòa Thánh làm Lễ Đạo Táng, đành phải mai táng theo nghi lễ bình thường tại phần đất riêng của gia đình Ngài ở xã Qui Đức, quận Cần Giuộc.

Ngài Khai Thế Thái Văn Thâu là vị Thờ Quân đăng Tiên sau chót trong số Thập nhị Thờ Quân HTĐ kỳ đầu tiên của Đạo Cao Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Khai thị ngộ nhập

開示悟入

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Thị:** chỉ bảo. **Ngộ:** tỉnh ngộ. **Nhập:** vào.

Khai có nghĩa như là bắt đầu mở cửa kho, Thị có nghĩa là chỉ bảo cho biết của quý báu trong kho, Ngộ có nghĩa là thấy được của báu trong kho, Nhập là vào kho lấy được của báu.

Hoặc là: Khai là mở ra cái Tri kiến Phật, Thị là chỉ bảo cái Tri kiến Phật, Ngộ là tỉnh ngộ cái Tri kiến Phật, Nhập là được vào cái Tri kiến Phật. (Tri kiến Phật là cái biết và cái thấy viên mãn của Phật, hay là cái trí huệ của Phật).

Khai Thiên tịch địa

開天闢地

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Thiên:** Trời.
Tịch: mở mang. **Địa:** đất.

Khai Thiên tịch địa là khai Trời mở đất.

Ý nói: Lúc Đức Chí Tôn tạo dựng CKVT.

Khai Thiên tịch địa đồng nghĩa với: Khai Thiên lập địa.

TNHT: *Khai Thiên lập địa ai là chủ?*
Thánh, Phật là ai dám đón ngăn?

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
CKVT: Căn Khôn Vũ Trụ.

Khai tông định Đạo

開宗定道

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Tông:** còn đọc là Tôn: tôn giáo. **Định:** sắp đặt. **Đạo:** tôn giáo.

Khai tông định Đạo là mở ra và sắp đặt một nền tôn giáo.

PMCK: Lịnh Mẫu Hậu khai tông định đạo.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

KHẢI

KHẢI

- KHẢI:** 凱 Vui vẻ, vui hòa.
Td: Khải ca.
- KHẢI:** 啟 Mở ra, bày tỏ ý mình.
Td: Khải ngộ

Khải ca

凱歌

A: Song of victory.

P: Chant de victoire.

Khải: Vui vẻ, vui hòa. **Ca:** hát.

Khải ca là hát mừng chiến thắng, thành công vẻ vang.

Bài thi tiên tri của Đức Lý Giáo Tông:

THI:

Việt Thường hữu phúc xuất Thiên Quân,
Chuyển thế Chí Tôn dĩ định tuần.
Trị loạn Nam Thiên trừ mãnh hổ,
Thừa bình Bắc địa kiến kỳ lân.
Hoàng triều hậu nhật nghi từng cổ,
Văn hiến tương lai khả hoá tân.
Thánh chúa hiền thần phò tổ nghiệp,
Khải ca định phận tại thu phân.

Lý Giáo Tông

(1-3-Mậu Tý, dl 9-4-1948)

Khải chiết đắc mai chi

凱折得梅枝

Khải: Vui vẻ, vui hòa. **Chiết:** bẻ gãy. **Đắc:** được. **Mai chi:** cành cây mai.

Khải chiết đắc mai chi: Vui bẻ được cành mai.

Ý nói: Thành công tốt đẹp.

TNHT: Chờ Xuân *khải chiết đắc mai chi.*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khải huyền

啟玄

A: Apocalypse.

P: Apocalypse.

Khải: Mở ra, bày tỏ ý mình. **Huyền:** điều huyền diệu.

Khải huyền là mở ra cho thấy điều huyền diệu.

Khải Huyền là tên một tập sách cuối cùng trong pho Kinh Thánh của Thiên Chúa giáo, do Thánh Jean viết vào cuối thế kỷ thứ I hay là đầu thế kỷ thứ II, nói về tương lai siêu nhiên của nơnh loại.

Đây là những điều tiên tri mà Đức Chúa Jésus dùng huyền diệu hiện ra nói cho môn đệ của Ngài là Thánh Jean biết để chép lại thành sách, truyền bá cho các tín đồ.

Sách Khải Huyền thường được gọi là sách Tiên Tri hay Sấm Truyền của Thiên Chúa giáo.

Khải ngộ

啟悟

A: To develop the mind.

P: Developper l'esprit.

Khải: Mở ra, bày tỏ ý mình. **Ngộ:** biết rõ.

Khải ngộ là mở mang trí não cho thông sáng để biết rõ những điều màu nhiệm nơi cõi thiêng liêng.

KHAM

Kham nhẫn

堪忍

A: To bear patiently.

P: Supporter avec patience.

Kham: gánh chịu nổi. **Nhẫn:** nhịn nhục.

Kham nhẫn là chịu đựng sự thua thiệt mà không tỏ ra tức giận hay phiền não để gìn giữ sự tu tiến của bản thân mình.

KHÁN

KHÁN

KHÁN: 看 Xem, coi.

Td: Khán đài, Khán phá.

Khán đài

看臺

A: The tribune.

P: La tribune.

Khán: Xem, coi. **Đài:** cái nền đất đắp cao.

Khán đài là cái đài xây cao lên, có từng có nóc từ thấp lên cao, để nhiều người lên đó xem lễ hay xem một cuộc biểu diễn thể thao hay văn nghệ.

Trước Tòa Thánh, hai bên Đại Đồng Xã, Hội Thánh cho xây hai khán đài lớn, có mái che, để Hội Thánh mời đông đảo các quan khách đến xem các buổi lễ lớn của Đạo.

Khán phá hồng trần

看破紅塵

Khán: Xem, coi. **Phá:** tìm ra điều bí mật. **Hồng trần:** bụi đồ, chỉ cõi trần, cõi của nhơn loại.

Khán phá hồng trần là thấy rõ cuộc đời (không có gì là bền vững, không có gì là hạnh phúc lâu dài, toàn là những đau khổ và phiền não).

Khán phong sử phàm

看風使帆

Khán: Xem, coi. **Phong:** gió. **Sử:** đem dùng. **Phàm:** buồm.

Khán phong sử phàm là xem gió mà dụng buồm.

Ý nói: Nhìn thời cơ mà hành động.

KHANG

KHANG

(Xem: Khương)

KHÁNG

KHÁNG

KHÁNG: 抗 Chống lại.

Td: Kháng cáo.

Kháng cáo

抗告

A: To appeal to.

P: Faire appel.

Kháng: Chống lại. **Cáo:** thưa kiện, buộc tội.

Kháng cáo là chống án lên tòa trên, yêu cầu xét xử lại.

Kháng trần tẩy tặc

抗塵洗俗

Kháng: Chống lại. **Trần:** bụi bặm. **Tẩy:** rửa sạch. **Tặc:** tầm thường thấp kém.

Kháng trần tẩy tặc là chống lại bụi trần, tẩy sạch bọn tặc. Ý nói: Đời sống cao khiết

KHANH

Khanh nho

坑儒

A: To burry the scholars.

P: Enfouir les lettrés.

Khanh: giết bằng cách xô xuống hố mà chôn. **Nho:** người trí thức nho học.

Khanh nho là chôn sống người trí thức nho học.

Thường nói: **Phản thụ khanh nho**, nghĩa là: Đốt sách chôn học trò. Dưới thời Tần Thủy Hoàng, những người nho học thường kích bác chánh sách của Tần Thủy Hoàng nên bị ông vua tàn ác này bắt chôn sống và gom đốt hết tất cả các sách của Nho giáo.

Khanh tể

卿宰

A: The high dignitaries of the Court.

P: Les grands dignitaires de la Cour.

Khanh: chức quan Khanh trong triều đình thời xưa. **Tể:** chức quan Tể trong triều đình thời xưa, Tể Tướng.

Khanh Tể là chỉ chung các quan đại thần trong triều đình thời xưa, giống như Thủ Tướng và các Bộ Trưởng ngày nay.

TNHT: *Khanh tể* chưa hay bằng hiếu thân.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KHÁNH

KHÁNH

1. **KHÁNH:** 慶 Chúc mừng, chúc thọ, điều phước.
Td: Khánh đản, Khánh hỷ.
2. **KHÁNH:** 罄 Hết sạch, trống rỗng.
Td: Khánh kiệt.

Khánh đản

慶誕

A: The birthday.

P: Anniversaire de la naissance.

Khánh: Chúc mừng, chúc thọ, điều phước. **Đản:** ngày sanh.

Khánh đản là lễ mừng sinh nhật.

Khánh hạ - Khánh hỷ

慶賀 - 慶喜

A: Rejoicing.

P: Réjouissances.

Khánh: Chúc mừng, chúc thọ, điều phước. **Hạ:** chúc mừng. **Hỷ:** việc vui mừng.

Khánh hạ, đồng nghĩa Khánh Hỷ, là làm lễ ăn mừng việc vui.

TNHT: *Khánh hỷ!* Hội đắc Tam Kỳ Phổ độ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khánh kiệt

罄竭

A: Exhausted.

P: Épuisé.

Khánh: Hết sạch, trống rỗng. **Kiệt:** hết.

Khánh kiệt, đồng nghĩa Khánh tận, là hết sạch, của cải hết sạch, không còn gì.

Khánh tiết

慶節

A: Festivals

P: Fêtes.

Khánh: Chúc mừng, chúc thọ, điều phước. **Tiết:** có phép tắc trật tự, ngày lễ.

Khánh tiết là lễ mừng.

Ban Khánh tiết là ban tổ chức những cuộc lễ.

Khánh thọ

慶壽

A: The feast of longevity.

P: La fête de longévité.

Khánh: Chúc mừng, chúc thọ, điều phước. **Thọ:** sống lâu.

Khánh thọ là lễ chúc thọ, mừng tuổi thọ. (Xem: Chúc thọ)

Khánh vân

慶雲

A: The lucky cloud.

P: Le nuage heureux.

Khánh: Chúc mừng, chúc thọ, điều phước. **Vân:** mây.

Từ ngữ "Khánh vân" do thành ngữ: **Vân ngũ sắc vi**

khánh: Mây năm sắc là điềm vui mừng. Khi có mây ngũ sắc xuất hiện là báo điềm đời thái bình.

Do đó, *Khánh vân là chỉ đời thái bình hạnh phúc.*

KHẢO

KHẢO

1. **KHẢO:** 考 Tra xét, thử thách, thi.
Td: Khảo cứu, Khảo duợt, Khảo đảo.
2. **KHẢO:** 拷 Đánh, tra tấn.
Td: Khảo tội.

Khảo cứu vụ

考究務

A: The Research Institute.

P: Institut de Recherche.

Khảo: Tra xét, thử thách, thi. **Cứu:** tìm biết. **Vụ:** cơ quan làm việc.

Khảo cứu là tra xét, đối chứng để tìm hiểu cho rõ ràng.

Khảo cứu vụ là một cơ quan của Đạo Cao Đài do Hội Thánh lập ra, có nhiệm vụ nghiên cứu giáo lý, văn hóa và lịch sử của Đạo, để phát huy và truyền bá cho mọi người đều biết.

Cơ quan Khảo cứu này được Đức Phạm Hộ Pháp thành lập từ năm 1948 (Đình Hội), nhưng chỉ hoạt động một thời gian thì phải ngưng lại vì thời cuộc chiến tranh.

Đến năm 1972, Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức, Quyền Chủởng quản HTĐ ký Thánh Lệnh số 53/TL ngày 4-5-Nhâm Tý (dl 14-6-1972) tái lập Khảo Cứu Vụ.

Nguyên văn Thánh Lệnh này, xin chép ra sau đây:

Văn Phòng
CHƯƠNG QUẢN
 Hiệp Thiên Đài

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
(Tứ thập thất niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

Số: 53/TL

CHƯƠNG QUẢN HIỆP THIÊN ĐÀI

Chiếu Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,

Chiếu Hiến pháp và Nội luật HTĐ ngày rằm tháng 2 Nhâm Thân (dl 21-3-1932).

Chiếu Hiến pháp HTĐ ngày 8-1-G. Thìn (dl 20-2-1964) và Hiến pháp HTĐ bổ túc ngày 27-2-Ất Ty (dl 29-3-1965),

Chiếu Thánh giáo tại Cung Đạo Đền Thánh đêm mừng 6-5-Tân Hợi (dl 29-5-1971) Đức Hộ Pháp chấp nhận việc công cử Thời Quân Hiến Pháp cầm quyền Chương quản HTĐ,

Chiếu Vi Bằng số 3/VB ngày 3 tháng chạp Tân Hợi (dl 18-1-1972), Hội Thánh Lương Đài Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện đồng quyết nghị tái lập **KHẢO CỨU VỤ** theo Thánh Lệnh số 114 ngày 15 tháng chạp Đ. Hợi (dl 25-1-1948).

Vì sự khảo cứu là việc cần ích chung cho Đạo, nên:

THÁNH LỆNH

Điều thứ nhất: Nay tái lập Khảo Cứu Vụ tại Tòa Thánh Tây Ninh để sưu tập Thánh Ngôn, Thánh giáo, Kinh điển, và tìm hiểu nguyên lý của các tôn giáo đặng nghiên cứu phổ thông triết lý Đại Đạo ra khắp ngũ châu hầu cứu rỗi nhơn loại.

Điều thứ nhì: Giao cho vị Thời Quân Bảo Đạo HTĐ lãnh nhiệm vụ tổ chức và điều hành Ban Khảo Cứu Vụ do theo tinh thần Thánh Lệnh dẫn thượng.

Ban Khảo Cứu Vụ đặt Văn phòng làm việc chung với Ban Đạo Sử.

Điều thứ ba: Vị Thời Quân Bảo Đạo HTĐ, các cơ quan Chánh Trị Đạo tùy nhiệm vụ thi hành và ban hành Thánh Lệnh này.

Tòa Thánh, ngày 4 tháng 5 Nhâm Tý.
 (dl 14-6-1972)

Hiển Pháp Quyền Chương quản HTĐ
TRƯỜNG HỮU ĐỨC
(ấn ký)

VÀI CẢM NGHĨ về sự tái lập KHẢO CỨU VỤ.

(Bài của T.T. trong bán nguyệt san Thông Tin số 59)

Cách đây 24 năm, ngày rằm tháng chạp năm Đinh Hợi (dl 25-1-1948), Đức Hộ Pháp đã ký Thánh lệnh thành lập Khảo Cứu Vụ để khảo cứu và soạn thành sách Triết lý Đạo Cao Đài cũng như của các tôn giáo khác.

Ngoài Khảo Cứu Vụ nói trên, Hội Thánh và các cơ quan Chánh Trị Đạo lúc ấy còn phải thi hành các điều sau đây (theo Thánh lệnh):

- Tổ chức các cuộc giảng đạo tại Tòa Thánh và các Châu Đạo để phổ thông Triết lý ĐĐTKPĐ và Tứ giáo.
- Tổ chức các lớp Huấn luyện Chức sắc và Chức việc để đủ tài liệu truyền giáo.
- Xuất bản báo chí để phổ thông Chơn đạo.

Với các điểm này, Thánh Lệnh có chỉ rõ phương pháp làm việc, lề lối tổ chức, chương trình thực hiện, v.v...

Riêng về phép Tu luyện và Tham thiền nhập định thuộc về Bí pháp, tuy có ghi rõ trong Thánh Lệnh nhưng ngoài HTĐ ra, thiết tưởng không ai đảm trách huấn luyện được.

Sau khi ban hành Thánh Lệnh được 75 ngày, đúng đêm mùng 5 tháng 2 năm Mậu Tý (1948), Đức Hộ Pháp đã than như sau:

Tội nghiệp thay Thánh thể của Đức Chí Tôn, mấy anh lớn chị lớn già yếu, một phần được giải thể về thiêng liêng vị, không được hưởng một đặc ân gì hết. Ngoài ra thiết thời phần ấy chẳng nói chi, hiện thời cái Bí pháp có ảnh hưởng đến tương lai của nền Đạo, ta đã có việc nào trong trăm việc chưa? Thí dụ: Nơi HTĐ, phải lấy Bí pháp tạo Huyền Linh Đài để dùng cho Chức sắc HTĐ tương liên với quyền năng vô hình của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và Chí Tôn. Ngoài ra còn

quan sát giáo lý của các tôn giáo khác đặng tạo Tân Sấm Truyền của Đại Đạo.

Qua Thánh Lịnh và lời than trên đây của Đức Hộ Pháp, 24 năm đã trôi qua lặng lẽ cho đến đối người ta tưởng rằng sẽ không bao giờ được ai nhắc đến nữa.

Nhưng rồi việc gì đến phải đến, việc gì còn dở dang cần phải làm, người đời sau nối tiếp việc làm của người xưa. Nếu có ai cho rằng đó là công việc muộn màng bê trễ, nhưng thiết tưởng có làm còn hơn không.

Giờ đây sự tái lập Khảo Cứu Vụ do Thánh Lịnh số 53/TL của Ngài Hiến Pháp, Quyền Chưởng quản HTĐ đề ngày mùng 4 tháng 5 Nhâm Tý (dl 14-6-1972) đã đáp ứng đúng yêu cầu đòi hỏi từ lâu của bốn đạo. Cơ sở này đặt dưới quyền điều khiển của vị Thời Quân Bảo Đạo HTĐ.

Trước sự kiện đó, người Đạo ai ai cũng ước mong công cuộc khảo cứu sớm đem lại kết quả khả quan hầu tạo Tân Sấm Truyền của Đại Đạo.

Tại sao người Đạo lại mong ước như vậy? Điều đó chẳng có gì lạ. Chúng ta, nếu ai có đọc được các quyển sách sưu khảo về đạo giáo Cao Đài đã in từ trước đến giờ, hoặc các bài sưu khảo đang đăng tải trên các nhật báo Sài Gòn, sẽ thấy được những khuyết điểm về triết lý, cũng như Tân Sấm Truyền của Cao Đài giáo mà các nhà sưu khảo đã nêu ra. Đọc được các sách báo ấy, rồi cộng với lời than năm xưa của Đức Hộ Pháp, mới biết rằng tại sao người Đạo Cao Đài thiết tha hay chú trọng đến vấn đề sưu khảo ấy.

Đạo Cao Đài trong tương lai gần đây, có vạch ra được một nền triết lý cao siêu hay có tạo được Tân Sấm Truyền cho Đại Đạo hay không, điều đó còn tùy thuộc vào việc làm, vào thiện chí và khả năng của nhiều người đóng góp lại.

Theo lời thuyết đạo của Đức Hộ Pháp, Thập nhị Bảo Quân thuộc thành phần Hàn Lâm Viện, nhưng Thập nhị Bảo Quân hiện nay chưa đủ số, cũng như phẩm Hiền Nhơn bên Phước Thiện chưa có để tăng cường thì Hàn Lâm Viện Đạo vẫn chưa thành hình sớm được.

Như vậy, công cuộc khảo cứu đòi hỏi nhiều ở khả năng chuyên môn và sự hiểu biết sâu rộng của nhiều người về mặt Đạo mà trong đó, nhiệm vụ của những vị Hàn Lâm không phải là nhỏ vậy.

Gánh nặng mà Ngài Bảo Đạo hiện đang đảm nhận có lẽ phải thực hiện từng giai đoạn một, và giai đoạn trước tiên là phải làm cách nào thu thập đủ tài liệu sách vở của toàn thể các tôn giáo đã có, bằng tiếng Việt hay bằng ngoại ngữ.

Trên đây chỉ là một vài cảm nghĩ với tinh thần xây dựng, và cũng chỉ để đóng góp phần nào ý kiến trong sự tái lập và sự hoạt động của Khảo Cứu Vụ mà thôi.

Hơn nữa, người Đạo Cao Đài, bất luận Chức sắc hay Đạo hữu, đã thờ Tam Giáo, Ngũ Chi, đều không có quyền nói rằng mình không am tường triết lý Tam Giáo, Ngũ Chi, và điều nên nhớ là tôn giáo Cao Đài là một tôn giáo đại đồng.

Hiểu được như vậy mới thấy sự ích lợi trong việc tái lập Khảo Cứu Vụ, và bổn phận của người Đạo là phải giúp đỡ, cung ứng các tài liệu đạo giáo cho Khảo Cứu Vụ./.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Khảo duyệt

考閱

A: To examine.

P: Examiner.

Khảo: Tra xét, thử thách, thi. **Duyệt:** tức là Duyệt, thử thách bằng thực tế để đánh giá trị cho đúng.

Khảo duyệt, tức là Khảo duyệt, là tra xét và thử thách để đánh giá đúng mức.

ĐLMD: (Hạnh đường) Mỗi năm mở khoa mục *khảo duyệt* một lần đặng ban Cấp bằng hay giấy Chứng nhận cho những vị thi đỗ.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Khảo đảo

考倒

A: To try.

P: Éprouver.

Khảo: Tra xét, thử thách, thi. **Đảo:** lộn lên lộn xuống.

Khảo đảo là thử thách bằng đủ cách để phân loại cho hiện ra rõ ràng, ai là phàm, ai là Thánh.

Đề tài thử thách là: Danh, Lợi, Quyền, TỬu, Sắc, Tài, Khí, v.v...

Khảo luận

考論

A: The treatise.

P: La traité.

Khảo: Tra xét, thử thách, thi. **Luận:** suy xét và phê bình.

Khảo luận là khảo cứu rồi suy xét và phê bình.

Khảo tội

拷罪

A: To punish.

P: Punir.

Khảo: Đánh, tra tấn. **Tội:** tội lỗi.

Khảo tội là dùng hình phạt, trừng trị kẻ có tội.

CG PCT: Cái giá trị của Tân Luật dường đó, mà cả Hội Thánh coi rẻ rúng chẳng kể, làm cho Lão phải từ ngôi Giáo Tông, đặng lấy Thiên điều *khảo tội*.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

KHẮC

Khắc chế tư dục

克制私欲

Khắc: đánh đổ. **Chế:** kèm chế. **Tư dục:** lòng ham muốn ích kỷ riêng cho mình.

Khắc chế tư dục là đánh đổ và kèm chế lòng ham muốn xấu xa riêng cho mình.

Khắc cốt minh tâm

刻骨銘心

Khắc: chạm khắc vào. **Cốt:** xương. **Minh:** ghi vào, ghi nhớ. **Tâm:** lòng dạ.

Khắc cốt minh tâm là chạm vào xương, ghi vào dạ.

Ý nói: Ghi nhớ mãi, không bao giờ quên.

Khắc cốt ghi xương: Chữ khắc cốt có nghĩa là ghi xương.

KTKCQV: Nghĩa sơ giao *khắc cốt ghi xương*.

KTKCQV: Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị.

Khắc kỷ phục lễ

克己復禮

Khắc: đánh đổ. **Kỷ:** mình. **Phục:** lấy lại được. **Lễ:** nghi lễ để bày tỏ kính ý. **Khắc kỷ:** Đánh đổ lòng ham muốn ích kỷ. **Khắc phục:** Đánh đổ để khôi phục lại như trước.

Khắc kỷ phục lễ là kèm chế lòng ham muốn riêng để phục hồi phép tắc lễ nghi.

KHÂM

KHÂM

1. **KHÂM:** 欽
 - Kính, tôn kính việc làm của vua.
 - Chức sắc vâng lệnh Hội Thánh đi cai quản một Châu Đạo hay một Trấn Đạo.
 - Td: Khâm định, Khâm tai, Khâm Châu Đạo.
2. **KHÂM:** 衾 Tắm vải lớn bọc xác người chết.
- Td: Khâm liệm.

Khâm Châu Đạo - Khâm Trấn Đạo

欽州道 - 欽鎮道

A: Chief of Religious Province (or Religious Region).

P: Chef de Province Religieuse (ou Région Religieuse).

Khâm: Chức sắc vâng lệnh Hội Thánh đi cai quản một Châu Đạo hay một Trấn Đạo. **Châu Đạo:** một Tỉnh Đạo gồm các tín đồ cư ngụ trong một Tỉnh. Một Châu Đạo có nhiều Tộc Đạo. **Trấn Đạo:** gồm nhiều Tỉnh Đạo hợp lại.

■ **Khâm Châu Đạo** là vị Chức sắc cai quản một Châu Đạo, phẩm Giáo Hữu, do Hội Thánh bổ nhiệm. Bên nam phái có Khâm Châu Đạo nam phái và bên nữ phái có Nữ Khâm Châu Đạo, phẩm Nữ Giáo Hữu.

■ **Khâm Trấn Đạo** là vị Chức sắc cai quản một Trấn Đạo, phẩm Giáo Sư, được Hội Thánh bổ nhiệm. Bên nam phái có Khâm Trấn Đạo nam phái, và bên Nữ phái có Nữ Khâm Trấn Đạo, phẩm Nữ Giáo Sư.

Khâm Châu Đạo phải chịu dưới quyền trực tiếp của Khâm Trấn Đạo. Nam Nữ đồng quyền nhưng riêng biệt, và chỉ cai quản các tín đồ của phái mình mà thôi.

Khâm định

欽定

Khâm: Kính, tôn kính việc làm của vua. **Định:** sắp đặt ra.

Khâm định là vua sắp đặt ra.

Khâm liệm

衾殮

A: To wrap a corpse in a shroud.

P: Couvrir un cadavre dans un linceul.

Khâm: Tắm vải lớn bọc xác người chết. **Liệm:** mặc quần áo và bọc kín xác chết vào một tấm vải, rồi đem đặt vào áo quan.

Khâm liệm là chỉ chung việc dùng tấm vải lớn để bọc kín xác người chết rồi đặt vào áo quan. (Xem: Tẩm liệm, vắn T)

Khâm tai

欽哉

Khâm: Kính, tôn kính việc làm của vua. **Tai:** tiếng trợ ngữ có nghĩa: Vây thay!

Khâm tai là kính vây thay!

Ý nói: Lệnh vua ban xuống thì bề tôi phải kính trọng và vâng theo.

TNHT: Nhữ đẳng tu thọ pháp, tu thọ pháp. *Khâm tai.*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khâm Thành Thánh Địa

欽城聖地

A: Chief of the City of Holyland.

P: Chef de la ville de Terre Sainte.

Khâm: Chức sắc vâng lệnh Hội Thánh đi cai quản một Châu Đạo hay một Trấn Đạo. **Thành:** Châu thành, nơi dân cư

đồng đúc, có phổ xá chợ búa, mua bán tấp nập. **Thánh Địa:** Đất Thánh.

Khâm Thành Thánh Địa là vị Chức sắc phẩm Giáo Sư, được Hội Thánh bổ nhiệm cai quản Châu Thành Thánh Địa.

(Xem chi tiết nơi chữ: Châu Thành Thánh Địa, văn Ch)

Khâm thử

欽此

Khâm: Kính, tôn kính việc làm của vua. **Thử:** cái ấy, bên này.

Khâm thử là kính vâng lời ấy.

Từ ngữ này thường đặt ở cuối cùng lời sắc chỉ của vua.

Khâm tứ

欽賜

Khâm: Kính, tôn kính việc làm của vua. **Tứ:** ban cho.

Khâm tứ là vua ban cho.

KHẨN

Khẩn nguyện

懇願

A: To pray earnestly.

P: Prier instamment.

Khẩn: thành thật cầu xin. **Nguyện:** Nguyện, cầu xin điều mà mình hằng mong ước.

Khẩn nguyện hay Khẩn nguyện, là thành thật cầu xin điều mà mình hằng mong ước.

NH: Ngày nay đệ tử *khẩn nguyện*.

NH: Niệm Hương.

KHẮT

Khất thực

乞食

A: To beg for food.

P: Mendier la nourriture.

Khất: xin, cầu xin. **Thực:** ăn, thức ăn, thực phẩm.

Khất thực là xin ăn.

Phật giáo ở miền Nam VN có phái Khất Sĩ, do sư Minh Đăng Quang thành lập, gồm các tu sĩ Phật giáo theo chế độ khất thực hằng ngày vì hai phương diện:

- Về Tâm, xin pháp của Phật để tu hành.
- Về Thân, xin vật thực của người đời để nuôi sống xác thân.

Ý nghĩa của việc Khất thực là cốt gọi lên tánh cách vô ngã (không có cái gì là Ta hay của Ta từ vật chất đến tinh thần) để phá trừ Ngã chấp, nguồn gốc đau khổ của con người.

Khất thực là cách nuôi xác thân một cách chân chính do Đức Phật dạy khi xưa, và chính Đức Phật cũng là một Khất sĩ. Sự khất thực phù hợp với lối tu Trung đạo, tránh xa được hai thái quá:

- Sung sướng thái quá.
- Khổ hạnh thái quá.

Việc khất thực của các tu sĩ Phật giáo có mục đích và lợi ích như sau:

a. Lợi mình:

1. Tâm trí rảnh rang, không bận rộn vì sanh kế, mau tiến bộ trên đường tu.
2. Trừ được cái tâm kiêu căng ngã mạn.
3. Không thể tham ăn ngon, vì ai cho gì ăn nấy, không thể chọn lựa hay tìm kiếm.
4. Có nhiều thời giờ để hành đạo.

b. Lợi người:

1. Tạo cơ hội cho người bố thí đoạn trừ lòng keo kiệt.
2. Tạo cơ hội tương giao để giáo hóa người đời.
3. Nêu gương sống giản dị (ít ham muốn, biết vừa đủ) làm cho người đời bớt tham đắm của cải vật chất.

Nhờ Khất thực, tu sĩ sống khiêm tốn, ít phiền não, tạo cơ hội cho người tại gia có công đức, vì tu sĩ sống thanh tịnh là một phước điền, người nào cúng dường thì được phước báo.

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải biết rằng, ăn của nhơn sanh thì phải mắc nợ nhơn sanh, mà mắc nợ thì phải trả. Cho nên, người tu sĩ khất thực cũng phải dành một phần công đức để trả món nợ miệng này thì mới có thể giải thoát được.

KHẤU**KHẤU**

KHẤU: 叩 Cúi rạp mình xuống.

Td: Khấu bái, Khấu cung.

Khấu bái

叩拜

A: To bow down, to prostrate oneself.

P: Saluer bas, se prosterner.

Khấu: Cúi rạp mình xuống. **Bái:** lạy.

Khấu bái là cúi mình lạy xuống.

TTCĐDTKM: Đề đầu *khấu bái* Nương Nương.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Khấu cung

叩恭

A: To bow low.

P: Se courber.

Khẩu: Cúi rạp mình xuống. **Cung:** kính cẩn.

Khẩu cung là kính cẩn cúi đầu.

BDR: Lạc hứng *khẩu cung* giai miễn lễ.

BDR: Bài Dâng Rượu.

KHẨU

KHẨU

KHẨU: 口 Miệng, lời nói.

Td: Khẩu nghiệp, Khẩu quyết.

Khẩu mật phúc kiếm

口蜜腹劍

A: The mouth of honey and abdomen of sword.

P: La bouche-miel et le ventre-épée.

Khẩu: Miệng, lời nói. **Mật:** mật ong, chất ngọt. **Phúc:** bụng.

Khẩu mật phúc kiếm là miệng nói lời đường mật mà bụng thì chứa gươm. Ý nói: người hiểm độc.

Khẩu nghiệp

口業

A: The sins by speeches. P: Les péchés par les paroles.

Khẩu: Miệng, lời nói. **Nghiệp:** cái hậu quả của việc làm thiện hay ác trong kiếp trước thể hiện ra trong kiếp hiện tại bằng sự hạnh phúc hay đau khổ. (Xem chữ: Nghiệp)

Khẩu nghiệp là cái nghiệp do lời nói từ miệng mình gây ra, nên Khẩu nghiệp cũng được gọi là Ngữ nghiệp.

Khi nói Khẩu nghiệp là có ý nói: Khẩu ác nghiệp.

Khẩu ác nghiệp có 4 tội: - Vọng ngữ (nói láo), - Ỡ ngữ (nói thù dết), - Lưỡng thiệt (đâm thọc), - Ác khẩu (chửi rủa).

Khẩu Phật tâm xà

口佛心蛇

A: The mouth of Buddha and heart of snake.

P: La bouche de Bouddha et le coeur de serpent.

Khẩu: Miệng, lời nói. **Khẩu Phật:** miệng nói lời hiền lành như Phật. **Tâm xà:** lòng dạ độc ác như rắn độc.

Khẩu Phật tâm xà là chỉ loại người nham hiểm, miệng giả bộ nói lời hiền từ mà lòng dạ ác độc như rắn rít.

Khẩu Phật tâm xà đồng nghĩa Khẩu mật phúc kiếm, chỉ người nham hiểm, miệng nói ngon ngọt là lòng dạ rất ác độc.

Khẩu quyết

口訣

A: The oral tradition.

P: La tradition orale.

Khẩu: Miệng, lời nói. **Quyết:** phép thuật bí truyền.

Khẩu quyết là truyền phép thuật bí mật bằng miệng.

Khẩu tâm như nhưt

口心如一

Khẩu: Miệng, lời nói. **Tâm:** lòng dạ. **Như nhưt:** giống như một.

Khẩu tâm như nhưt là lời nói và lòng dạ như một, nghĩa là lòng suy nghĩ thế nào thì nói ra thế ấy.

Ý nói: Người thành thật, không biết dối trá.

Khẩu thị tâm phi

口是心非

Khẩu: Miệng, lời nói. **Thị:** phải. **Tâm:** lòng dạ. **Phi:** trái.

Khẩu thị tâm phi là miệng nói phải mà lòng dạ nghĩ điều sái quấy.

Khẩu thọ tương truyền

口授相傳

A: To teach verbally.

P: Enseigner verbalement.

Khẩu: Miệng, lời nói. **Thọ:** dạy (giáo thọ). **Tương:** lẫn nhau. **Truyền:** trao lại. **Khẩu thọ** là dạy bằng lời nói.

Khẩu thọ tương truyền là dạy và truyền cho nhau bằng lời nói.

Giữa thầy trò, thầy dùng lời nói dạy cho trò, truyền cho trò những bí pháp tu luyện và chỉ có hai thầy trò nghe và biết mà thôi. Cách truyền này giữ được bí mật, không có người thứ ba biết được. Nếu lời dạy viết ra bằng văn tự thì e cho văn tự lọt ra ngoài và nếu lọt vào tay người xấu thì rất nguy hiểm.

Thành ngữ: Khẩu thọ tương truyền, còn nói là: *Khẩu khẩu tương truyền, tâm tâm tương thọ.*

"Tam giáo khi xưa lập đạo, lúc ban sơ truyền bá cơ diệu lý quang minh, bắt từ chỗ vô vi *khẩu thọ tương truyền*, lần lần xuống thì trở ra hữu hình mà đạo màu thất chánh, tâm pháp lạc sai. Ấy là cơ đạo đến thời kỳ cuối cùng của Tam giáo, thất chơn truyền diệu pháp.

Còn Đạo Thầy lại trái hẳn với Tam giáo, là bắt đầu truyền Đạo thì dùng hữu hình sắc tướng âm thanh mà độ đời một cách lạ lùng mau chóng. Vả lại, Đạo Thầy bắt đầu do chỗ hữu hình mà truyền bá, rồi lần lần mới dẹp hết chỗ hữu hình mà đi đến chỗ vô vi, là cơ siêu phàm nhập Thánh....

Hễ bí pháp thì khẩu khẩu tương truyền, tâm tâm tương thọ, không được thấu lậu ra cho ai hay biết đặng, hoặc tả vẽ, giải phân trên giấy mực, hay là dùng cơ bút mà truyền bí pháp đặng. (ĐTCG)

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

KHẺ**Khẻ thủ**

稽首

A: To hold down.

P: Baisser la tête.

*Khẻ thủ là cúi đầu. (Xem chi tiết nơi chữ: Hoà nam, vần H)***KHI****KHI****KHI:** 欺 Coi rẻ, lừa dối, hiếp người.

Td: Khi bạc, Khi lịnh, Khi thị.

Khi bạc

欺薄

A: To scorn and ill-treat.

P: Mépriser et maltraiter.

Khi: Coi rẻ, lừa dối, hiếp người. **Bạc:** mỏng, dối đãi sơ sài.*Khi bạc là khinh rẻ và đối xử tệ bạc.***TNHT:** Con nhìn xuống thấy đồng chủng thấp hèn thì con lại đem lòng *khi bạc*.**TNHT:** Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.**Khi lịnh**

欺令

A: To scorn an order.

P: Mépriser un ordre.

Khi: Coi rẻ, lừa dối, hiếp người. **Lịnh:** mệnh lệnh của cấp trên truyền xuống.

Khi lịnh là coi rẻ lịnh của cấp trên, không chịu thi hành.

TNHT: Thái Bạch hằng giận các con rằng: Mọi điều chi nó đã hiệp đồng cùng Hộ Pháp mà ban hành thì các con lại còn *khi lịnh* mà xem rẻ rúng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khi nhờn tức khi tâm

欺人即欺心

Khi: Coi rẻ, lừa dối, hiếp người. **Nhơn:** người. **Tâm:** lòng dạ.

Khi nhờn tức khi tâm là dối người tức là dối lòng mình.

TNHT: Bởi vậy, chư Hiền, chư Thánh nho nói rằng: "*Khi nhờn tức khi tâm.*"

Sách Trung Hiếu Lược có viết rằng:

Khi nhờn tất tự khi kỳ tâm,

Khi kỳ tâm tất tự khi kỳ Thiên. Thiên kỳ khi hồ?

Nhơn khả khi, Thiên bất khả khi,

Nhân khả man, Thiên bất khả man.

Thế nhờn yếu man nhờn, phân minh bả tâm khi.

Khi tâm tức khi Thiên, mạc đạo Thiên bất khả tri.

Nghĩa là:

Mình dối người là tự dối lòng mình,

Dối lòng mình là tự dối Trời. Có thể dối Trời được ư?

Dối người được, không thể dối Trời được,

Lừa người được, không thể lừa Trời được.

Người đời muốn lừa người, rõ ràng đem lòng dối.

Dối lòng tức dối Trời, chớ nói Trời không thể biết.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khi thị

欺視

A: To scorn.

P: Mépriser.

Khi: Coi rẻ, lừa dối, hiếp người. **Thị:** xem. Khi thị là xem rẻ, coi thường.

TNHT: *Khi thị* các con tức là *khi thị* Thầy, mà khi Thầy chưa phải dễ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KHÍ

KHÍ

KHÍ: 氣 có nhiều nghĩa sau đây:

1. **KHÍ:** chất hơi.
Td: Khí Hạo nhiên, Khí Hư Vô.
2. **KHÍ:** hơi thở, sức mạnh thể chất hay tinh thần.
Td: Khí sắc, Khí phách.
3. **KHÍ:** vận mạng.
Td: Khí số.
4. **KHÍ:** linh hồn.
Td: Khí thiêng sông núi.
5. **KHÍ:** một trong Tam bửu: Tinh, Khí Thần.
6. **KHÍ:** giận.
Td: Tửu sắc tài khí.

Khí chất

氣質

Khí: hơi thở, sức mạnh thể chất hay tinh thần. **Chất:** phẩm chất.

Khí chất là cái khuynh hướng của tâm tánh con người, tạo cho mỗi người một bản sắc riêng.

Theo Triết học, "Khí chất là toàn bộ những đặc điểm cá nhân của con người, tiêu biểu cho tính năng động của hoạt động tinh thần của con người. Nó biểu hiện trong sức mạnh của các tình cảm, trong trình độ sâu sắc hay hời hợt của chúng, trong sự diễn ra nhanh hay chậm của chúng, trong tính vững chắc hay trong sự thay đổi nhanh chóng của chúng.

Khí chất cũng biểu hiện tương tự trong những đặc điểm của những cử động cá nhân.

Nền tảng của khí chất là các kiểu hoạt động thần kinh cao cấp. - *Kiểu mạnh, điềm tĩnh, linh hoạt* tương ứng với khí chất sôi nổi mà tiêu biểu là những cảm xúc nảy sinh nhanh, nhưng dễ dàng thay thế nhau, bằng những cử động nhanh nhẹn. - *Kiểu mạnh điềm tĩnh ít linh hoạt* tương ứng với khí chất lãnh đạm mà tiêu biểu là những tâm trạng bền vững, những cử động bình thản. - *Kiểu mạnh không điềm tĩnh* tương ứng với khí chất nóng nảy được thể hiện bằng sự thay đổi đột ngột của tâm trạng, bằng tính dễ xúc cảm, bằng những cử động bùng bột. - *Kiểu yếu* tương ứng với khí chất trầm tư, kèm theo những tình cảm nảy sinh chậm chạp, nhưng sâu xa và kéo dài, ít thể hiện bề ngoài.

Cần phải lưu ý rằng, khí chất bị qui định không những bởi những đặc tính bẩm sinh của hệ thần kinh, mà còn bởi những điều kiện sống và hoạt động.

Khí chất không phải là bất biến trong cuộc đời của một cá nhân. Bất kỳ khí chất nào cũng đều không cản trở sự phát triển của tất cả các đặc tính xã hội cần thiết của cá nhân, song mỗi khí chất lại đòi hỏi những con đường và những phương thức hình thành riêng.

Khí chất là một trong những tiền đề của tính độc đáo của tính cách con người." (Trích trong Từ Điển Triết Học)

Khí chất hỗn độn sơ khai

氣質混沌初開

Khí: chất hơi. **Khí chất:** chất ở thể khí. **Hỗn độn:** lộn lạo vào nhau không phân biệt. **Sơ khai:** lúc mới bắt đầu.

Khí chất hỗn độn sơ khai là các chất khí còn lộn lạo với nhau, chưa phân biệt thành trước, lúc mới bắt đầu của CKVT.

TNHT: Âm quang là *khí chất hỗn độn sơ khai*, khi Chí Tôn chưa tạo hóa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
CKVT: Căn Khôn Vũ Trụ.

Khí Hư Vô

氣虛無

Khí: chất hơi. **Hư:** trống không. **Vô:** không.

Khí Hư Vô là chất khí nguyên thủy sanh ra Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. (Xem chi tiết: Hư Vô chi Khí, văn H)

TTCĐDTKM: Lưỡng nghi phân *khí Hư Vô*.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Khí phách

氣魄

A: The strong mind.

P: Le moral puissant.

Khí: hơi thở, sức mạnh thể chất hay tinh thần. **Phách:** chỉ cái tinh thần của con người.

Khí phách là cái tinh thần mạnh mẽ của con người.

TNHT: Anh tuấn đất gìn nung *khí phách*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khí phân tứ tượng

氣分四象

Khí: chất hơi. **Phân:** chia ra. **Tứ tượng:** bốn tượng gồm: Thái dương, Thiếu dương, Thái âm, Thiếu âm.

Theo vũ trụ quan của Đạo Cao Đài, khí Hư Vô sanh ra Đức Chí Tôn và ngôi của Ngài là Thái cực. Đức Chí Tôn phân Thái cực ra Lưỡng nghi: Âm quang và Dương quang. Lưỡng nghi sau đó phân ra thành Tứ tượng, rồi Tứ tượng biến hóa thành Bát Quái, và Bát quái biến hóa thành CKVT và vạn vật.

Khí phân tứ tượng là khí Hư Vô biến hóa sanh ra Tứ tượng.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Khí sắc

氣色

A: Complexion.

P: Complexion.

Khí: hơi thở, sức mạnh thể chất hay tinh thần. **Sắc:** dung mạo bên ngoài.

Khí sắc là cái vẻ bên ngoài biểu thị sức mạnh bên trong.

Khí số

氣數

A: Destiny.

P: Destinée.

Khí: vận mạng. **Số:** số phận, số mạng.

Khí số là vận mạng của mỗi người.

Vận mạng này được định bởi cái nghiệp của mỗi người.

TNHT: Con cũng đồng thương, nhưng *khí số* phải mang lấy về buổi sau này.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khí tà qui chánh

棄邪歸正

Khí: bỏ, lìa xa. **Tà:** cong queo. **Qui:** trở về. **Chánh:** ngay thẳng. **Khí tà:** bỏ đường tà.

Khí tà qui chánh là bỏ đường tà, trở về đường chánh.

Thành ngữ này đồng nghĩa: Cải tà qui chánh.

Khí tiết

氣節

Khí: hơi thở, sức mạnh thể chất hay tinh thần. **Tiết:** tiết tháo, lòng trong sạch trung thực.

Khí tiết là chí khí và tiết tháo của con người.

Khí tịnh Thần an

氣淨神安

Khí: một trong Tam bửu: Tinh, Khí Thần. **Tịnh:** trong sạch. **Thần:** linh hồn. **An:** yên ổn.

Tam bửu của con người gồm: Tinh là thể xác, Khí là chơn thần, Thần là linh hồn.

Khí tịnh Thần an là chơn thần trong sạch, linh hồn an ổn.

KTP: Nguyên cho *Khí tịnh Thần an*.

KTP: Kinh Thuyết Pháp.

Khí vũ hiên ngang

氣宇軒昂

Khí: hơi thở, sức mạnh thể chất hay tinh thần. **Vũ:** bốn phương và trên dưới. **Hiên ngang:** có thái độ tự tin tự cường, bất khuất.

Khí vũ hiên ngang là người có chí khí lớn, hiên ngang vùng vẫy trong Trời Đất.

KHIÊM

KHIÊM

KHIÊM: 謙 Kính, nhúng nhường.

Td: Khiêm cung, Khiêm xưng.

Khiêm cung

謙恭

A: Modest and respectable.

P: Modeste et respectueux.

Khiêm: Kính, nhúng nhường. **Cung:** kính cẩn.

Khiêm cung là nhúng nhường và kính trọng.

Tứ Đại Điều Qui: Dưới giân trên đừng thất *khiêm cung*.

Khiêm nhượng

謙讓

A: Modest.

P: Modeste.

Khiêm: Kính, nhúng nhường. **Nhượng:** nhường nhịn.

Khiêm nhượng, cũng nói là Khiêm nhường, là nhún mình nhường nhịn.

Tánh Khiêm nhường trái với tánh Tự tôn tự đại.

Nhờ khiêm nhường tự hạ mình, mình mới có thể học được cái hay của người, lại được người thương yêu, đặt mình lên địa vị cao thượng. Cái đó mới quý báu, mới đúng giá trị.

TNHT: Hạnh *khiêm nhường* là hạnh của mỗi đứa con, phải noi theo gương Thầy mới độ rỗi thiên hạ đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khiêm từ

謙詞

A: The modest speech.

P: La parole modeste.

Khiêm: Kính, nhúng nhường. **Từ:** lời nói.

Khiêm từ là lời nói khiêm nhường.

TNHT: Chẳng biết dùng *khiêm từ* mà đãi khách.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khiêm xưng

謙稱

A: To name oneself modestly.

P: Se nommer modestement.

Khiêm: Kính, nhúng nhường. **Xưng:** xưng hô.

Khiêm xưng là tự xưng mình một cách khiêm tốn.

Trong Đạo Cao Đài, Đức Phạm Hộ Pháp thường khuyên nhủ các Chức sắc đi hành đạo ở các địa phương, không nên dùng các danh xưng như các quan chức ngoài đời, thí dụ như: Bồn chức, Bồn quan,... vì như thế có tánh cách tự tôn tự đại, mất vẻ đạo đức, mà nên dùng các danh xưng khác có tánh cách nhúng nhường, tỏ ra là người đạo đức tu hành.

Vấn đề Khiêm xưng trong Đạo, Đức Phạm Hộ Pháp có gởi văn thư cho ba Chánh Phối Sư, chép ra sau đây:

Tiếng **Bồn chức** là xưng hô của quan viên triều chánh, nó chỉ là tiếng tự tôn của phẩm vị quan viên trường đời đối với dân. Ta không thể dùng đối với Đạo, mất vẻ tự khiêm.

Đức Giáo Hoàng xưng mình là "**Servitus**" tức là **Serviteur**, nghĩa là tớ của Chí Tôn.

"Muốn cho có vẻ Đạo, ta nên tránh những ngôn ngữ của quyền đời. Ta nên dùng, tỷ như:

- Hàng Lễ Sanh, xưng mình là **Thiếu Phẩm**.
- Hàng Giáo Hữu, xưng mình là **Thiếu Vị**.
- Hàng Giáo Sư, xưng mình là **Thiếu Đức**.

- Phối Sư, xưng mình là **Tiện Minh** hay **Khiêm Minh**.
- Đầu Sư hay Chưởng Pháp, xưng mình là **Tế Tinh**.
- Giáo Tông và Hộ Pháp, xưng mình là **Bản Đạo**.

Chung trí nghĩ thế nào rồi cho Bản Đạo hiểu."

(Xem tiếp **Huấn Lịnh của Hội Thánh** nơi chữ: Xưng hô, văn X)

KHIỂN

Khiển điện

遺奠

Khiển: điều khiển. **Điện:** tiến cúng, đặt lễ.

Khiển điện là lễ khiêng linh cữu đem lên xe đưa đi chôn.

Phần Tiểu Dẫn trong Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, mục Đưa Linh cữu:

*Cúng Thầy trước, rồi làm lễ Cáo Từ Tổ. Khi làm lễ Cáo Từ Tổ thì tụng "Kinh Cầu Tổ Phụ" (3 lần) và tụng tiếp "Kinh Cứu Khổ" (3 lần), hễ dứt thì niệm Câu Chú của Thầy (3 lần). Kế làm **Lễ Khiển điện**, làm lễ nho. Xong rồi, Đạo tỳ nhập bái quan. Hễ phát hành thì Đông nhi tụng bài Kinh Đưa linh cữu ra tới huyệt.*

Về phần Lễ xướng và Nhạc trong Lễ Khiển điện thực hành theo thứ tự sau đây:

1. Đạo giả tựu vị. 道者就位

Đạo là Đạo tỳ, giả là người, tựu là đến, vị là vị trí.

Đạo giả tựu vị là các Đạo tỳ đến đứng vào vị trí của mình.

Nhạc trỗi trống chiên, có chiên bạc tum.

Đạo tỳ sắp hàng kéo vô trước Bàn vong, đi theo Tứ tượng Bát Quái. (Phần này Hội Thánh có dặn: Giảm bớt cách tập đi lộn hàng, móc ruột, chỉ sắp hàng đôi, ở ngoài đi vô cho có hàng ngũ. Khi vào bái quan, lạy 3 hay 4 lạy tùy phẩm vị của người chết).

2. Nhơn quan giả bái quan. 堊棺者拜棺

Nhơn hay Nhân là chôn vùi, quan là cái quan tài, giả là người, bái quan là lạy quan tài. Nhơn quan giả hay Nhân quan giả là người lãnh nhiệm vụ chôn quan tài xuống đất.

Nhơn quan giả bái quan là những người lãnh chôn quan tài vào lạy quan tài.

Nhạc trở trống lập ban, có kèn chiên tum bạc cho Nhơn quan giả, tức là các Đạo tỳ, vào bái quan.

3. Đạo giả nhập cửu. 道者入柩

Đạo giả là các Đạo tỳ, nhập là vào, cửu là linh cửu.

Đạo giả nhập cửu là Đạo tỳ đi vào đứng hai bên linh cửu.

Nhạc trở trống chiên có tum bạc chiên cho Đạo tỳ kéo vô đứng hai bên quan tài.

4. Chấp sự giả triệt linh tòa. 執事者撤靈座

Chấp sự giả là người chấp sự (giữ công việc), triệt là trừ bỏ đi, linh tòa là cái bàn vong trên đó có đặt linh vị.

Chấp sự giả triệt linh tòa là người chấp sự đem bàn vong dẹp đi nơi khác (cho trống chỗ để Đạo tỳ khiêng quan tài đem ra).

Nhạc trở trống tán thích, chư vị có trách nhiệm khiêng bàn vong tránh chỗ khác.

5. Đạo giả cử cửu thăng xa phát hành.

道者舉柩升車發行

Đạo giả là các người Đạo tỳ, cử là nâng lên, cửu là linh cửu, thăng là lên, xa là xe tang mà trong Đạo gọi là thuyền Bát nhã, phát hành là khởi đầu đi.

Đạo giả cử cửu thăng xa phát hành là các Đạo tỳ khiêng linh cửu lên xe và khởi hành.

Nhạc trở đàn vọi giúp mãnh lực cho Đạo tỳ khiêng quan tài từ từ đi ra thuyền Bát nhã.

- Như vong đối phẩm Thiên Thần thì nhạc trở Đàn Nam sau thuyền đưa đi và đờn nam ai cho đồng nhi tụng kinh trước thuyền Bát nhã.

- Như vong không đối phẩm Thiên Thần thì nhạc trở đờn nam cho đồng nhi tụng kinh trước thuyền Bát nhã mà thôi.

■ Khi sắp hạ huyết, nhạc trở đờn nam cho đồng nhi tụng Kinh Hạ Huyết 3 lần, và tiếp tụng Vãng Sanh Thần Chú 3 lần. Nhạc cũng nên đờn xuân ủng hộ, cuối cùng được thêm phần linh động cho hay mà chấm dứt.

KHIẾT

Khiết kỷ

潔己

A: To purify oneself.

P: Se purifier.

Khiết: trong sạch. **Kỷ:** mình.

Khiết kỷ là giữ mình cho trong sạch.

TNHT: Hạng Trọng Sơn *khiết kỷ* âm mã đầu tiên.

KHIẾU

Khiếu lương tri lương năng

竅良知良能

Khiếu: cái lỗ hổng trong não bộ của con người, chỉ cái khả năng hiểu biết đặc biệt do Trời ban cho. **Lương:** tốt lành. **Năng:** tài giỏi. **Tri:** biết.

Lương tri: Cái trí thức tốt lành vốn có, không cần phải học tập mới biết.

Lương năng: Cái khả năng làm điều tốt vốn có, không cần phải luyện tập.

Khiếu lương tri lương năng là cái năng lực hiểu biết và làm điều tốt lành vốn có nơi mỗi người do Trời ban cho.

Cái khiếu lương tri lương năng ấy chính là lương tâm của con người.

TNHT: Bồn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhưt là *khiếu lương tri lương năng* của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mẫn huệ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KHINH

KHINH

KHINH: 輕 Nhẹ nhàng, coi rẻ, khinh thường.

Td: Khinh khinh, Khinh ngạo.

Khinh khinh

輕輕

A: Very light.

P: Très léger.

Khinh: Nhẹ nhàng, coi rẻ, khinh thường. **Khinh:** nhẹ.

Khinh khinh là rất nhẹ nhàng.

KKĐCR: Năng lai năng khứ *khinh khinh*.

KKĐCR: Kinh Khi Đã Chết Rồi.

Khinh ngạo

輕傲

A: To scorn.

P: Mépriser.

Khinh: Nhẹ nhàng, coi rẻ, khinh thường. **Ngạo:** hỗn xược.

Khinh ngạo là khi dễ hỗn xược.

GTK: Chớ tự phụ, cũng đừng *khinh ngạo*.

GTK: Giới Tâm Kinh.

Khinh tài háo nghĩa

輕財好義

A: To disdain riches and to like the good.

P: Mépriser les richesses et préférer le bien.

Khinh: Nhẹ nhàng, coi rẻ, khinh thường. **Tài:** tiền bạc.
Háo: ưa thích. **Nghĩa:** việc phải, hợp đạo lý.

Khinh tài háo nghĩa là coi thường tiền bạc của cải và ham thích điều nghĩa.

Thành ngữ này đồng nghĩa: Trọng nghĩa khinh tài.

Khinh ư hồng mao

輕於鴻毛

Khinh: Nhẹ nhàng, coi rẻ, khinh thường. **Ư:** ở tại. **Hồng:** chim hồng. **Mao:** lông.

Khinh ư hồng mao là nhẹ tựa lông chim hồng.

Ý nói: Người nghĩa hiệp, khi gặp việc nghĩa cần phải làm thì dù gặp hiểm nguy cũng xem nhẹ mạng sống của mình.

Sử Ký Tư Mã Thiên có câu: *Nhơn cố hữu tử, hoặc trọng như Thái sơn, hoặc khinh ư hồng mao.* Nghĩa là: Người ta vốn có cái chết, hoặc xem trọng như núi Thái sơn, hoặc xem nhẹ như lông chim hồng.

Thơ của Lý Bạch đời Đường:

*Yên Nam tráng sĩ Ngô môn hào,
Thái sơn nhưt trịch khinh hồng mao.*

Nghĩa là: Đất Yên Nam có người tráng sĩ của nhà hào kiệt họ Ngô (ý nói Ngô Khởi), Ném núi Thái sơn một phát nhẹ như lông chim hồng.

KHOA

KHOA

KHOA: 科 Môn học, kỳ thi tuyển chọn nhơn tài.
Td: Khoa mục, Khoa võ môn.

Khoa môn

科門

A: Examination, competition.

P: Examen, concours.

Khoa: Môn học, kỳ thi tuyển chọn nhơn tài. **Môn:** cái cửa.
Khoa môn là trường thi để tuyển chọn người tài đức.

PMCK: Khoa môn Tiên vị ngộ kỳ Phật duyên.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Khoa mục

科目

A: List of laureates.

P: Liste des lauréats.

Khoa: Môn học, kỳ thi tuyển chọn nhơn tài. **Mục:** thấy, gọi tên, điều mục.

Khoa mục là các danh mục thuộc về khoa cử, tức là danh sách các người thi đậu trong một kỳ thi tuyển.

CG PCT: Chức Giáo Hữu phải có *khoa mục* mới đăng.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Khoa võ môn

科禹門

Khoa: Môn học, kỳ thi tuyển chọn nhơn tài. **Võ:** vua Hạ Võ hay Hạ Vũ. **Môn:** cái cửa.

Võ môn: Cái cửa sông do vua Hạ Võ làm ra ở thượng lưu sông Hoàng Hà, giữa huyện Hà Tân tỉnh Sơn Tây và huyện Hàn Thành tỉnh Thiểm Tây, Trung quốc. Tại đây có một mồm đá nhô ra như hình cái cửa. Tương truyền, vua Hạ Võ khi trị thủy tại đây, đã đục phá mồm đá này cho rộng ra thêm làm thành như một cái cửa để cho nước thoát mạnh ra. Do đó, chỗ này được gọi là Võ môn hay Vũ môn.

Theo sách Tam Tàn Ký và Thủy Kinh Chú, Võ môn thường có sóng dữ và nước rất sâu. Hằng năm vào tiết tháng ba, các thứ cá chép tụ về đây để thi vượt qua Võ môn, con nào nhảy qua khỏi Võ môn thì hóa thành rồng.

Theo sách Đại Nam Nhất Thống Chí, Võ môn có ở nước ta tại núi Khai Trương (núi Giăng màn) thuộc huyện Hương Khê tỉnh Hà Tĩnh. Đây là dòng suối lớn có ba bậc, phía dưới là vực sâu. Tương truyền, hằng năm đến tháng 4 âm lịch thường có mưa to, nước nguồn chảy xiết, vào ngày mùng 7 cá chép tụ hội về đây rất đông để thi nhảy vượt Võ môn, con cá chép nào nhảy khỏi ba bậc thì hóa thành rồng. Nơi đây có câu ca dao:

Mùng 4 cá đi ăn thề,

Mùng 7 cá về cá vượt Võ môn.

Do đó, Võ môn được các nhà văn dùng để chỉ trường thi. Vượt được Võ môn là cá hóa rồng, giống như hàn sĩ thi đậu Trạng nguyên, được vua trọng dụng, bổ làm quan vinh hiển.

Khoa Võ môn là kỳ thi tuyển lựa người tài đức để vua trọng dụng, giúp dân giúp nước.

KTKTQV: *Khoa Võ môn* dầu nào qua khỏi,
Trương vi rồng, học hỏi nơi ai?

KTKTQV: Kinh Tụng Khi Thầy Qui Vị.

KHOÁN

Khoán thủ

券首

Khoán: giao ước. **Thủ:** đầu.

Khoán thủ là nói về một bài thơ với giao ước là lấy chữ đầu của mỗi câu thơ ghép lại làm thành ý chính.

1. Bài thơ Đường luật sau đây của Đức Chí Tôn giảng cơ ban cho, chép trong TNHT, khoán thủ 8 chữ là: NGỌC HOÀNG GIÁNG THẾ GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG.

Ngọc ẩn thạch kỳ ngọc tự cao,
Hoàng Thiên bất phụ chí anh hào.
Giáng ban phúc hạnh nhưn đồng lạc,
Thế tạo lương phương thế cộng giao.
Giáo hóa nhưn sanh cầu triết lý,
Đạo truyền thiên hạ ái đồng bào.
Nam nhưn tỉnh cảm sanh cao khí,
Phương tiện tu tâm kế diệt lao.

2. Bài thơ tứ tuyệt sau đây của Đức Lý Thái Bạch giảng cơ, chép trong TNHT, khoán thủ là: THÁI BẠCH KIM TINH.

Thái hòa dương thanh Đạo Nam khai,
Bạch tú Thiên đặng đắc cảm hoài.
Kim tác liên tâm cơ hậu thế,
Tinh thành lộ dẫn chiếu Vân đài.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KHOÁNG

Khoáng đạt

曠達

A: Generous. P: Généreux.

Khoáng: rộng rãi, minh mông. **Đạt:** tới, thông suốt.

Khoáng đạt là lòng dạ rộng rãi.

Khoáng đạt là nơi rộng rãi thông thoáng.

KHOÁT

Khoát nhiên đại ngộ

闢然大悟

A: The great illumination.

P: La grande illumination.

Khoát: rộng rãi. **Nhiên:** bỗng nhiên. **Ngộ:** biết rõ.

Khoát nhiên: bỗng nhiên mở ra rộng rãi.

Khoát nhiên đại ngộ là tỉnh rõ thông suốt tất cả.

Thành ngữ này dùng để nói về Đức Phật Thích Ca ngồi thiền định dưới cội bồ đề, bỗng nhiên Ngài thấu suốt lẽ Đạo, thấy rõ tất cả vừa người vừa mình, từ quá khứ đến hiện tại và cả vị lai, thông suốt lẽ nhân duyên, quả báo, luân hồi, thấy được các cõi giới của chư Phật và chư Bồ Tát.

Sau cơn Khoát nhiên đại ngộ ấy, Ngài đắc đạo thành bậc Chánh đẳng Chánh giác.

Khoát nhiên đại ngộ đồng nghĩa: **Hoát nhiên đại ngộ.** (**Hoát:**豁 mở mang. **Hoát nhiên:** Thông suốt).

KHÔ

Khô mộc phùng xuân

枯木逢春

Khô: khô héo. **Mộc:** cây. **Phùng:** gặp.

Khô mộc phùng Xuân là cây héo gặp mùa Xuân.

Ý nói: Đang khổ sở tàn tạ thì gặp may, thời vận tốt đến.

KHỔ

KHỔ

KHỔ: 苦 Đấng, chỉ sự vất vả, cực nhọc về thể xác hay về tinh thần.

Td: Khổ ách, khổ hạnh.

Khổ ách

苦厄

A: The unhappy calamity.

P: La calamité malheureuse.

Khổ: Đấng, chỉ sự vất vả, cực nhọc về thể xác hay về tinh thần. **Ách:** tai nạn.

Khổ ách là tai nạn khổ sở.

DLCK: Năng cứu *khổ ách*, năng cứu tam tai,....

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Khổ hải

苦海

A: Ocean of pains.

P: Océan de douleurs.

Khổ: Đấng, chỉ sự vất vả, cực nhọc về thể xác hay về tinh thần. **Hải:** biển.

Khổ hải là biển khổ, chỉ cõi trần. (Xem: Biển khổ, văn B).

TNHT: Tuông pha *khổ hải* độ nhơn duyên.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khổ hạnh

苦行

A: Ascetic.

P: Ascétique.

Khổ: Đắng, chỉ sự vất vả, cực nhọc về thể xác hay về tinh thần. **Hạnh:** nét.

Khổ hạnh là nỗi khổ cực trong việc gìn giữ sự tu hành.

Người tu hành phải gìn giữ giới luật, ăn chay trường, tứ thời công phu, mặc đồ bộ vải, cử chỉ đoan trang, lời nói thận trọng, kèm chế lục dục thất tình không cho dấy động. Có vượt qua được các nỗi khổ này thì mới cảm thấy an vui.

TNHT: *Khổ hạnh* dầu ai thìn mọt kiếp.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khổ Hiền Trang

苦賢莊

Khổ: Đắng, chỉ sự vất vả, cực nhọc về thể xác hay về tinh thần. **Hiền:** lành, có đức tốt và tài năng. **Trang:** nhà trại.

Khổ Hiền Trang là cái trại lập ra để những người hiền đến ở tu hành.

Khổ Hiền Trang là một trang trại do Đạo Cao Đài lập ra ở làng Phú Mỹ, tỉnh Mỹ Tho. Nơi đây có cất lên một Thánh Thất gọi là Thánh Thất Khổ Hiền Trang.

Vào năm 1927, Đức Phạm Hộ Pháp cùng với Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu, vâng lệnh Đức Phật Mẫu, đến làng Phú Mỹ, tìm mua đất lập nên một trang trại và một Thánh Thất, đặt tên là Khổ Hiền Trang.

Thánh Thất Khổ Hiền Trang lúc đó giao cho Giáo Hữu Thượng Minh Thanh làm chủ. (Sau này, Giáo Hữu Thượng Minh Thanh được thăng lên Giáo Sư).

Đức Lý Giáo Tông có giáng cơ tại Khổ Hiền Trang, cho một bài thi tứ tuyệt, khoán thủ ba chữ KHỔ HIỀN TRANG:

Khổ thà cam chịu chớ đờng than,

Hiền thảo cùng nhau mới vẹn toàn.

Trang điểm ngọc lành cho đáng giá,

Giời mài chí thiện Thượng Minh Thanh.

Đức Phật Mẫu lại dạy các vị nơi đây đi khẩn một lô đất hoang tại làng Phú Mỹ rộng chừng 60 mẫu và khai một con kinh, tại đây dựng lên một ngôi Thảo Đường.

Đức Phật Mẫu giáng cơ cho bài thi kỳ niệm:

Thảo Đường phước địa ngộ tùng hoa,
Lục ức dự niên võ trụ hòa.
Cộng hưởng phạm gian an lạc nghiệp,
Thể đăng Bồng Đảo định âu ca.

Cũng nơi Thảo Đường này, Bát Nương mách cho Đức Phạm Hộ Pháp biết người Tàu có ếm Long Tuyền Kiếm không cho VN sản xuất nhân tài. Lỗ Ban Sư chỉ chỗ cho Đức Hộ Pháp đến lấy Long Tuyền Kiếm, phá tiêu phép ếm của người Tàu.

Khổ hình

苦刑

A: The torture.

P: Le supplice.

Khổ: Đắng, chỉ sự vất vả, cực nhọc về thể xác hay về tinh thần. **Hình:** hình phạt.

Khổ hình là hình phạt khổ sở.

PMCK: Vô *khổ hình* nhưn kiếp lưu oan.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Khổ tâm

苦心

A: Moral pain.

P: Douleur morale.

Khổ: Đắng, chỉ sự vất vả, cực nhọc về thể xác hay về tinh thần. **Tâm:** lòng dạ.

Khổ tâm là đau khổ trong lòng, hay sự đau khổ tinh thần.

TNHT: Có *khổ tâm* mới rõ tuồng đời ấm lạnh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khổ tận cam lai

苦盡甘來

Khổ: Đắng, chỉ sự vất vả, cực nhọc về thể xác hay về tinh thần. **Tận:** hết. **Cam:** ngọt. **Lai:** tới.

Khổ tận cam lai là hết đắng tới ngọt.

Ý nói: Hết khổ tới sướng, hết cơn bĩ cực tới hồi thái lai.

KHÔI

Khôi giáp

盔甲

A: Helmet and cuirass.

P: Casque et cuirasse.

Khôi: cái mũ sắt của vị tướng ra trận. **Giáp:** áo bằng kim loại mặc khi ra trận.

Khôi giáp ở đây chỉ cái mũ và cái áo trong bộ đại phục của Đức Hộ Pháp.

TNHT: Đáng lẽ nó phải sắm *khôi giáp* như hát bội....

(Nó: Đức Chí Tôn gọi Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khôi khoa mạo

魁科帽

A: The headress of confucian bachelor.

P: Coiffure du bachelier confucéen.

Khôi: đứng đầu. **Khoa:** kỳ thi. **Mạo:** cái mũ.

Khôi khoa là người thi đậu đứng đầu trong một kỳ thi.

Khôi khoa mạo, ở đây là cái mũ của Lễ Sanh, làm toàn bằng hàng trắng, ngay trước trán có thêu Thiên Nhân, bao quanh một vòng minh khí.

Pháp Chánh Truyền cho Lễ Sanh đội mũ Khôi khoa là vì muốn cho Lễ Sanh phải đậu qua khoa mục do Hội Thánh tổ chức để có đủ tài đức làm đầu nhọn sanh.

Khôi khôi

恢恢

A: Immense.

P: Immense.

Khôi: to lớn.

Khôi khôi là mệnh môn bao trùm tất cả.

Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu: Lưới Trời lộng lộng, thưa mà không lọt.

Khôi trần

灰塵

A: Cinder and dust.

P: Cendre et poussière.

Khôi: tro, cũng đọc là Hôi. **Trần:** bụi.

Khôi trần là tro và bụi.

KHỐI

KHỐI

KHỐI: 塊 Một tảng, một khối.

Td: Khối tình, Khối vật chất.

Khối tình

塊情

Khối: Một tảng, một khối. **Tình:** tình yêu giữa nam nữ.

Khối tình là tình yêu tương tự giữa nam và nữ bị thất vọng nên tụ lại thành một khối không tan.

Diễn tích: Có hai diễn tích về Khối tình:

1. Một người con gái thất tình mà chết vì người yêu không trở về đúng hẹn. Người ta đem xác nàng hỏa táng thì thấy trong đống tro tàn còn lại một khối cứng mà lửa không làm cho tiêu hủy được, thử lấy búa đập cũng không bể, nên người ta gọi khối ấy là Khối tình của nàng.

Khi người tình của nàng trở về, nghe người lối xóm thuật lại về cái chết của nàng, chàng quá cảm động, úp mặt vào khối tình khóc nức nở. Nước mắt của chàng rơi xuống, thấm vào khối tình, làm cho khối tình vỡ tan ra từng mảnh.

2. Chuyện Trương Chi và My Nương.

Trương Chi là một thanh niên thuyền chài, có giọng hát rất hay, nhưng gương mặt chàng lại quá xấu xí. My Nương là con gái của quan Tể Tướng, nàng rất đẹp. Hằng ngày My Nương nghe tiếng hát của anh thuyền chài Trương Chi, lần lần nàng phải lòng chàng.

Bệnh tương tư của My Nương càng ngày càng trầm trọng, thuốc thang không chữa được, duy mỗi khi nghe tiếng hát của Trương Chi thì bệnh thuyên giảm, tỉnh táo lại đôi chút.

Quan Tể Tướng dò hỏi biết được, liền đòi Trương Chi đến cho con gái gặp mặt. My Nương thấy Trương Chi quá xấu xí thì tình mộng và bệnh tương tư dần dần tiêu tan.

Nhưng về phần chàng trai Trương Chi, từ khi trông thấy My Nương thì chàng đâm ra say mê nàng, về nhà ấp ủ mối tình tuyệt vọng. Bệnh tương tư của chàng càng lúc càng nặng, cuối cùng chàng đành ôm mối tình tuyệt vọng đem xuống tuyền đài.

Xóm giềng chôn cất thi thể chàng. Sau một thời gian, có việc cần cải táng, người ta đào hòm lên, mở ra thì thấy thi thể của Trương Chi tan mất hết, chỉ còn lại trong hòm một khối tròn lớn trắng như ngọc, gọi là Khối tình.

Người ta lấy khối ấy tạc thành một cái chén, mỗi khi đổ nước vào chén, rồi nhìn đáy nước trong chén, người ta thấy hình ảnh của Trương Chi đang ngồi buồn rầu câu cá.

Nhớ lại mỗi tình kỳ lạ giữa Trương Chi và My Nương, người ta đem chén này gởi đến cho My Nương xem, nàng đổ nước vào chén thì nhìn thấy hình ảnh buồn rầu của Trương Chi.

My Nương rất cảm động, nàng nhớ đến Trương Chi, nên úp mặt vào chén khóc nức nở. Nước mắt nàng rơi vào chén, làm chén vỡ tan ra từng mảnh.

KTKVQL: *Khối tình* còn có một lần đấy thôi.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vọng Qui Liễu.

Khối vật chất vô hồn viết tử

塊物質無魂曰死

Khối: Một tảng, một khối. **Vật chất:** những vật và những chất có hình thể và màu sắc thấy được. **Vô:** không. **Hồn:** linh hồn. **Viết:** gọi rằng. **Tử:** chết. **Viết tử:** gọi là chết.

Khối vật chất: chỉ thể xác của con người, vì đó là một khối thịt, xương, máu huyết, bọc trong một lớp da,

Đây là một câu kinh trong bài Kinh Tấn Liêm, có nghĩa là: *Thể xác của con người chỉ là một khối vật chất, nếu không có linh hồn ngự trị thì gọi là chết.*

Linh hồn ngự trong thể xác, tạo cho thể xác sự sống. Nếu linh hồn xuất ra khỏi thể xác thì thể xác chết.

KHÔN

Khôn đức

坤德

A: The virtue of woman.

P: La vertu de femme.

Khôn: Quẻ Khôn trong Bát quái, chỉ về tính Âm như: đất, đàn bà. **Đức:** hạnh nét.

Khôn đức là đức hạnh của đàn bà.

Khôn soi

A: Do not see.

P: Ne voir pas.

Khôn: không. Trong thơ văn, các thi sĩ thường dùng chữ KHÔN có nghĩa là KHÔNG. **Soi:** Nhìn thấy, như soi gương là thấy hình của mình trong gương.

Khôn soi là không thấy.

KĐRĐ: Vật hữu linh phàm nhân *khôn soi*.

KĐRĐ: Kinh đi ra đường.

KHỐN

Khốn đốn

困頓

A: Very unhappy.

P: Très malheureux.

Khốn: cùng khổ. **Đốn:** sa sút.

Khốn đốn là sa sút đến cùng khổ, quá vất vả.

TNHT: Về bực nhơn phẩm ở cõi trần ai *khốn đốn* này.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KHỐN

Khổn trần

捆塵

A: To bind to the world.

P: Attacher au monde.

Khổn: trói buộc. **Trần:** cõi trần.

Khổn trần là bị trói buộc vào cõi trần.

Cái gì đã trói buộc con người vào cõi trần, không cho thoát ra được. Đó là cái nghiệp của mỗi người. Muốn linh hồn thoát ra khỏi cõi trần thì phải trả cho dứt nghiệp, và khi muốn trở thành Thần, Thánh, Tiên, Phật thì phải có công quả.

KHÔNG

KHÔNG

KHÔNG: 空 Trống không, thấy không có gì cả.

Td: Không gian, Không sắc.

Không gian - Thời gian

空間 - 時間

A: The space and time.

P: L'espace et temps.

Không: Trống không, thấy không có gì cả. **Gian:** khoảng rộng. **Thời:** giờ.

■ Không gian dùng để chỉ sự cùng tồn tại và tính cách biệt của các sự vật với nhau, quảng tính, tính có cấu trúc và trật tự phân bố chung.

■ Thời gian thì đặc trưng cho trình tự diễn tiến của các quá trình vật chất, tính cách biệt giữa các giai đoạn với nhau của các quá trình này, độ dài diễn biến của chúng và sự phát triển của chúng.

Điều mà Triết học quan tâm trước tiên là không gian và thời gian có hiện thực không, hay đó là những trừu tượng đơn thuần chỉ tồn tại trong ý thức của con người.

Triết gia Newton và phái Duy Vật siêu hình coi không gian và thời gian là những thực thể đặc biệt, không gắn bó gì với nhau và tồn tại độc lập bên cạnh vật chất, cũng tương tự như các vật tồn tại độc lập bên cạnh nhau vậy.

Ngược lại, chủ nghĩa Duy Vật biện chứng cho rằng không gian và thời gian gắn bó hết sức chặt chẽ với nhau và gắn liền

với vật chất, là phương thức tồn tại của vật chất. Điều đó có nghĩa là không có một dạng vật chất nào tồn tại bên ngoài không gian và thời gian. Ngược lại cũng không thể có không gian và thời gian nào ở ngoài vật chất.

Triết gia Engels viết: "Các hình thức cơ bản của mọi tồn tại là không gian và thời gian, và sự tồn tại ngoài không gian và thời gian là hoàn toàn vô lý."

Luận điểm đó của Engels đã được nhiều tài liệu của khoa học tự nhiên xác nhận, đặc biệt là Thuyết Tương đối của Einstein phát minh vào đầu thế kỷ 20.

Không gian và thời gian có các thuộc tính cơ bản sau đây:

1. Tính khách quan, nghĩa là không gian và thời gian tồn tại ở bên ngoài và độc lập với ý thức của con người.

2. Tính vĩnh cửu và tính vô tận, nghĩa là không có tận cùng về một phía nào cả, cả về quá khứ lẫn tương lai, cả về đằng trước lẫn đằng sau, cả về bên phải lẫn bên trái, cả về phía trên lẫn phía dưới.

3. Không gian luôn luôn có 3 chiều: chiều dài, chiều rộng và chiều cao, như chúng ta thường nói trong cuộc sống hằng ngày. Còn thời gian chỉ có một chiều từ quá khứ đến vị lai.

Khái niệm không gian nhiều chiều mà ta thường thấy trong các tài liệu khoa học hiện nay là một trù tượng khoa học dùng để chỉ tập hợp một số lớn đại lượng đặc trưng cho các thuộc tính khác nhau của khách thể nghiên cứu và tuân theo những qui tắc biến đổi nhất định. Đó là một công cụ toán học hỗ trợ dùng trong quá trình nghiên cứu, chứ không phải để chỉ không gian thực. Không gian thực chỉ có 3 chiều mà thôi.
(Trích Từ Điển Triết Học Giản Yếu)

Theo các tài liệu cổ của Ai Cập, người Atlantide (của châu Atlantide đã bị chìm xuống đáy Đại Tây Dương), cách đây khoảng 8000 năm, đã tìm ra được chiều thứ 4 của không gian.

Sự khai mở chiều thứ 4 của không gian giúp con người đi vào cõi vô hình và giải thích các hiện tượng vô hình một cách dễ dàng.

Người Ai Cập cổ đã học biết được chiều đo thứ 4 này nên đã xây dựng được các Kim Tự Tháp một cách dễ dàng mà khoa học ngày nay không thể nào hiểu nổi.

Khi vén được tấm màn đi vào chiều đo thứ 4 của không gian thì những phát minh khoa học hiện nay chỉ là mảnh vụn, không đáng kể. Con người sẽ có thể du lịch khắp không gian và có các quyền năng ngoài tầm hiểu biết của con người hiện nay.

Luận về không gian và thời gian, Bát Nương DTC có giảng cơ cho một bài tại Bộ Pháp Chánh, đêm 12-2-Nhâm Thìn (dl 9-3-1952), phò loan: Hai Luật Sự: Phạm Duy Nhung và Huỳnh Văn Hưởng. Xin chép nguyên văn ra sau đây:

"Trong CKVT, ngẩng mặt lên là Trời, cúi mặt xuống là Đất, muôn ngàn hình tướng luôn luôn xoay chuyển. Cả thế giới hữu vi cho đến mọi hành tàng bí ẩn, thủy thủy đều xuôi chiều thuận nẻo, thường phạt công minh. Xem như vậy, quyền Tạo Hóa chí công chí chánh.

Ngược lại dòng văn sử của cơ tạo hình đặt tướng, cả thời gian đi lại trong cõi không gian, thử hỏi bóng hình bao nả?

Kể từ Hỗn Độn chưa khai cho đến khi Càn Khôn hiện thể, Khí Hư Vô phân lọc Lưỡng Nghi, tỏa ra Tứ Tượng, định hình Bát Quái, tạo khí Ngũ Hành, mà nên Nhật, Nguyệt, Tinh cầu và các tầng Thiên, đặng giữ lấy mức điều hòa âm thanh sắc tướng, trong cõi bao la trùng điệp của khí vĩnh sanh, rồi từ đó nét công bình phải giữ lẽ.

Bóng thiếu quang, làn sanh khí, nhật du dạ hành, chẳng một mảy lông không bầm thọ Âm Dương đào tạo. Công thưởng, tội trừng, chuyển chuyển luân luân, vận hội tấn hóa, để tạo nên bầu bác ái công minh. Đó là thời gian chuyển vận trong không gian đó vậy.

Không gian nâng đỡ thời gian, thời gian điều độ không gian. Không gian nhờ thời gian mà biến thể điều hòa, thời gian nhờ không gian mà giữ mực công bình.

Cả cơ thể tạo đoạn dĩ trong khuôn viên Bác ái, lấy điều hòa giữ lẽ thương yêu, gìn công chánh, đưa đường tấn hóa.

Nơi không trung bao la Thiên tượng, tại thế gian đầy dẫy địa hình, có có không không, đi đi lại lại, mất còn còn mất, thấy thấy uy linh, nhìn lại quyền năng Tạo hóa đã đáng công phu.

Vậy thì, Vũ trụ Càn khôn đứng trong điều hòa, giữ lẽ hằng sanh, tấn hóa mãi mãi không ngừng. Ấy là Đạo hướng về nẻo Vũ trụ quan mà tạo nên chơn lý.

Cả cơ thể hữu vi biến chuyển không ngừng, tạo thành cơ tấn hóa. Ấy là Thế định trong lẽ Nhơn sanh quan mà đi cùng chơn lý.

Định lại rõ hơn, Đạo là điều hòa, tức không gian nâng đỡ, Thế là công bình tức thời gian chuyển vận. Thời gian nhờ không gian mới an vững, không gian do thời gian tạo bình hòa.

Nói chung, thời gian và không gian là bốn phương trên dưới. Không gian vô hình ở dưới, đi từ trong chuyển ra ngoài. Thời gian hữu tướng đứng trên, hiện từ ngoài đến trong.

Không gian chuyển từ Không ra Sắc, thời gian biến từ Sắc đến Không. Ấy là huyền vi của Đấng Chí Tôn đã để đó vậy." (Tài liệu của Sĩ Tải Huỳnh Văn Hưởng)

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Không hữu

空有

A: Naught and appearance

P: Néant et apparence.

Không: Trống không, thấy không có gì cả. **Hữu:** có.

Không hữu là không và có. Đây là hai mặt luôn luôn đối lập nhau., cũng như Âm với Dương.

Ngăn chặn và phủ nhận gọi là Không; xây dựng và thừa nhận gọi là Hữu. Chỉ nghiêng về một trong hai mặt đối lập này gọi là thiên kiến. Trung đạo mới là chơn lý: *phi Không phi Hữu.*

Không môn

空門

A: The pagoda.

P: La pagode.

Không: Trống không, thấy không có gì cả. **Môn:** cửa.

Không môn là cửa Không, chỉ cửa Phật, tức là chỉ các ngôi chùa Phật.

Giáo lý của Phật chủ trương tất cả đều Không: Ngã không, pháp không, hữu vi không, vô vi không, hay sắc tức thị không, không tức thị sắc.

Do đó, khi nói tới cái học về Không, chúng ta nghĩ ngay đến Phật giáo.

KTBCBTBCHĐQL: Tâm *không môn* đặng đợi Như Lai.

KCBCTBCHĐQL: Kinh cầu bà con thân bằng cố hữu đã qui liễu.

Không tức thị sắc

空即是色

(Xem chi tiết nơi chữ: Sắc không, văn S)

KHÔNG

KHÔNG

KHÔNG: 孔 Họ Khổng, chỉ Đức Khổng Tử.

Td: Khổng miếu, Khổng môn.

Khổng Mạnh

孔孟

A: Confucius and Mencius.

P: Confucius et Mencius.

Khổng: Họ Khổng, chỉ Đức Khổng Tử. **Mạnh:** Mạnh Tử.

Khổng Mạnh là Đức Khổng Tử và Mạnh Tử.

Khổng Tử được xem là người lập ra Nho giáo, và Mạnh Tử, sanh sau Đức Khổng Tử 179 năm, là người phát huy Nho giáo lên đỉnh cao rực rỡ. Sau đời Mạnh Tử thì Nho giáo bắt đầu suy tàn dần vì không có người thừa kế siêu việt.

(Xem tiểu sử của Đức Khổng Tử ngay bên dưới.
Xem tiểu sử của Mạnh Tử nơi chữ: Mạnh Tử, văn M)

Khổng Tử (551 - 479 t.TL)

孔子

A: Confucius.

P: Confucius.

Khổng: Họ Khổng, chỉ Đức Khổng Tử. **Tử:** thầy.
Khổng Tử là Thầy Khổng.

Tiểu sử của Đức Khổng Tử.

- Tiểu sử
- Đức tánh của Đức Khổng Tử
- Thời kỳ tham chánh và dạy học
- Thời kỳ chu du các nước chư Hầu
- Đức Khổng Tử gặp Thần đồng Hạng Thác
- Thời kỳ soạn sách và dạy học trò
- Đức Khổng Tử tạ thế
- Các triều đại phong tặng Đức Khổng Tử
- Văn miếu
- Đức Khổng Tử trong Đạo Cao Đài

Tiểu sử

Sau đây là phần: Tiểu sử của Đức Khổng Tử.

Đức Khổng Tử tên là Khâu, tự là Trọng Ni, sanh ngày 27 tháng 8 âm lịch năm Canh Tuất (551 trước Tây lịch), đời vua Châu Linh Vương năm thứ 21 nhà Châu, tương ứng với đời vua Lỗ Tương Công năm thứ 22, tại làng Xương Bình, huyện Khúc Phụ, nước Lỗ, bây giờ là Tỉnh Sơn Đông nước Trung Hoa.

Đức Khổng Tử là dòng dõi của Vi Tử Khải và Vi Tử Diễn, hai người này là anh ruột của vua Trụ, con của vua Đế Ất nhà Thương (cũng còn gọi là nhà Ân).

Sau khi Châu Võ Vương diệt vua Trụ, mở ra nhà Châu, Ông Châu Công Đán cho Vi Tử Khải làm vua nước Tống, gọi

là Tổng Công, để trông nom việc tế tự các vua nhà Thương. Vi Tử Khải mất, em là Vi Tử Diễn lên thay.

Cháu 13 đời của Vi Tử Diễn là Thúc Lương Ngột, làm quan Đại phu nước Lỗ, là thân phụ của Đức Khổng Tử.

Ngài lấy họ Khổng, bởi vì Thúc Lương Ngột là dòng dõi của Khổng Phùng Thúc, biệt lập ra họ Khổng kể từ Khổng Phụ Gia, sau 5 đời Công Khanh thế tập ở nước Tống.

Thúc Lương Ngột có người vợ cả họ Thi, sanh được 9 người con gái, một người vợ lẽ sanh được một con trai nhưng bị què một chân, tên là Mạnh Bì, tự là Bá Ni.

Năm Thúc Lương Ngột 70 tuổi, sợ không có người kế tự, mới sai người đến nhà họ Nhan để cầu hôn. Họ Nhan có năm người con gái đều chưa gả chồng, có ý chê Thúc Lương Ngột quá già, mới bảo với các con gái rằng:

- Các con có đứa nào thuận kết duyên với quan Đại phu ở Châu Ấp đó không?

Bốn người con gái lớn đều làm thình, người con gái út là Trưng Tị đứng dậy thưa rằng:

- Phép làm con gái, khi còn ở nhà thì theo lời cha, cha đặt đâu con xin ngồi đó.

Họ Nhan nghe con gái út nói thế thì lấy làm lạ, liền gả Trưng Tị cho Thúc Lương Ngột.

Trưng Tị đã kết duyên với Thúc Lương Ngột rồi, vợ chồng lo về sự hiếm hoi không có con trai nối dõi, nên cùng nhau vào núi Ni Sơn cầu tự. Khi Trưng Tị trèo lên núi Ni Sơn, bao nhiêu lá cây đều rung động lên cả. Khi làm lễ cầu tự xong, đi trở xuống thì lá cây lại rủ xuống như cũ.

Đêm hôm ấy, Trưng Tị nằm mộng thấy Thần Hắc Đế triệu đến mà bảo rằng:

- Sau này, nàng sẽ sanh con Thánh, nhưng khi nào lâm sản thì nên vào ở trong hang núi Không Tang.

Đến khi nàng thức giấc tỉnh dậy thì biết mình có thai.

Một hôm khác, Trưng Tị mơ mơ màng màng như người chiêm bao, chợt thấy một Ông già đến đứng ở sân, tự xưng là Ngũ Tinh, dắt theo một con thú giống như con trâu con mà lại

có một sừng, mình có vằn. Con thú ấy trông thấy Trưng Tại thì nằm phục xuống và nhả ra một cái ngọc xích, trên đó có đề chữ "*Con nhà Thủy Tinh, nối đời suy Châu mà làm vua không ngôi.*"

Trưng Tại biết là diêm la, liền lấy dải lụa buộc vào sừng con thú ấy. Khi tỉnh dậy, Trưng Tại thuật diêm chiêm bao ấy cho chồng nghe. Thúc Lương Ngột nói:

- Con thú ấy là con kỳ lân.

Gần đến sản kỳ, Trưng Tại hỏi hang núi Không Tang ở đâu? Thúc Lương Ngột nói:

- Núi Nam sơn có một cái hang đá, tục gọi là hang Không Tang.

Trưng Tại liền sửa soạn đến đó ở và sanh đẻ trong hang Không Tang đúng theo lời Thần nhân mách bảo. Đêm hôm sanh ra Khổng Tử, có hai con rồng xanh từ trên Trời bay xuống nằm phục ở hai bên sườn núi và có hai vị Thần Nữ đem nước hương lộ đến gội đầu cho Trưng Tại. Gội xong thì biến đi. Khi Trưng Tại lâm sản, bỗng thấy trong hang đá có một suối nước nóng chảy ra để Trưng Tại tắm. Tắm xong thì suối cạn ngay.

Thúc Lương Ngột nói:

- Vì ta cầu tự nơi núi Ni Sơn mà được đứa bé này, nên ta đặt tên cho nó là Khâu, tự là Trọng Ni.

Trưng Tại biết đứa con này sẽ làm nên việc lớn, nên hết sức nuôi nấng và chăm sóc con.

Ông Khổng Tử có tướng lạ lắm: Môi như môi trâu, tay như tay hổ, vai như vai chim uyên, lưng rùa, miệng rộng, hầu lộ, trán phẳng và cao, khi lớn, mình cao 9 thước 6 tấc (thước Tàu), có tánh ham học.

Năm Khổng Tử lên 3 tuổi thì cha mất. Ngài sống với mẹ trong cảnh nhà nghèo. Khi lớn lên, mẹ cho đi học, Ngài chơi với trẻ hàng xóm, thích bày trò cúng tế.

Năm 15 tuổi, lập chí học tập.

Năm 19 tuổi, Ngài cưới vợ, vợ của Ngài là con của họ Thượng Quan nước Tống.

Năm 20 tuổi, vợ Ngài sanh đặng một con trai. Hôm đó, Lỗ Chiêu Công sai đem đến ban cho Ngài một con cá chép (Lý ngư), nên nhân đó, Ngài đặt tên con là Lý tự là Bá Ngư, để tỏ lòng tôn trọng vật của vua ban tặng. Về sau, Bá Ngư chết lúc 50 tuổi, chết trước Đức Khổng Tử. Con của Bá Ngư tên là Khổng Cấp, tự là Tử Tư, sau theo học với Tăng Sâm, rồi làm ra sách Trung Dung.

1. Đức tánh của Đức Khổng Tử:

Đức Khổng Tử là người rất thông minh, luôn luôn ham học. Bất cứ việc gì, Ngài cũng để ý xem xét rất kỹ lưỡng để biết cho cùng tận mới thôi. Tánh Ngài ôn hòa, nghiêm trang, khiêm tốn, làm việc gì cũng hết sức cẩn thận, đề cao lễ nhạc, luôn luôn tin vào Thiên mệnh.

2. Thời kỳ tham chánh và dạy học:

Năm 21 tuổi, Đức Khổng Tử được cử làm chức Ủy Lại, một chức quan nhỏ coi việc sổ sách của kho lúa, cùng là cân đo và gặt lúa. Sau đó, qua làm chức Tư Chức Lại, coi việc nuôi bò, dê, súc vật dùng trong việc tế tự.

Năm Ngài 25 tuổi thì chịu tang mẹ.

Năm 29 tuổi, Ngài học đàn với Sư Tương, ở nước Lỗ.

Tuy làm chức quan nhỏ, nhưng Đức Khổng Tử đã nổi tiếng là người học rộng, biết nhiều, nên quan Đại phu nước Lỗ là Trọng Tôn Cồ, cho hai người con trai là Hà Kỵ và Nam Cung Quát theo Ngài học Lễ.

Đức Khổng Tử muốn đến Lạc Dương, kinh đô nhà Châu, để nghiên cứu về nghi lễ, chế độ miếu đường, nhưng vì nhà nghèo, không đủ tiền lộ phí, đành than thở mà thôi. Học trò Ngài là Nam Cung Quát nghe vậy, liền về tâu với Lỗ Chiêu Công. Vua liền ban cho Ngài một cỗ xe song mã và vài tên quân hầu cận để đưa Ngài và Nam Cung Quát đi Lạc Dương. Đến nơi, Đức Khổng Tử quan sát nhà Tôn miếu, nhà Minh đường, khảo cứu luật lệ và thư tịch đời cổ, đi xem Giao đàn là nơi nhà vua tế Thiên Địa và Tinh tú, rồi đến Xã đàn là nơi vua tế Thần Nông và Thần Hậu Thổ.

Nơi nào có quan hệ đến việc tế lễ thì Ngài đến quan sát và hỏi han cho tường tận.

Ngài đến gặp Trình Hoành để hỏi về Nhạc.

Khi ở Lạc Dương, Đức Khổng Tử còn tìm đến gặp Đức Lão Tử để hỏi về Lễ. (Xem Tiểu sử của Đức Lão Tử để biết việc đối đáp của 2 vị Thánh nhân, nơi chữ Lão Tử, văn L).

Đức Khổng Tử ở Lạc Dương khảo sát các việc xong thì trở về nước Lỗ.

Từ đó, sự học của Ngài càng rộng hơn nhiều nên học trò xin theo học càng lúc càng đông. Nhưng vua Lỗ vẫn chưa dùng Ngài vào việc nước.

Được mấy năm, trong nước Lỗ, Quý Bình Tử khởi loạn. Ngài theo Lỗ Chiêu Công tạm lánh sang nước Tề. Ở đây Ngài học được Nhạc thiều. Tề Cảnh Công mời Ngài tới để hỏi việc Chánh trị. Vua Tề rất khâm phục, muốn đem đất Ni Khê phong cho Ngài, nhưng quan Tướng Quốc nước Tề là Yển Anh ngăn cản không cho.

Năm sau, Ngài trở về nước Lỗ, thấy họ Quý dùng Dương Hồ để chuyên quyền, ý muốn tiếm đoạt. Ngài quay về quê lo việc dạy học, và nghiên cứu cho tường tận Đạo học của Thánh hiền. Lúc đó Ngài được 36 tuổi.

Đến năm thứ 9 đời vua Lỗ Định Công, Ngài được 51 tuổi, được vua Lỗ mời ra làm quan, phong cho chức Trung Đô Tể lo việc cai trị ở Ấp Trung Đô, tức là đất Kinh thành. Một năm sau, bốn phương lấy chính sự của Ngài làm khuôn mẫu.

Năm Lỗ Định Công thứ 10 (500 năm trước Tây lịch), Ngài phò vua Lỗ đi phó hội với Tề Cảnh Công ở Giáp Cốc. Nhờ tài ngôn luận và ứng đáp kịp thời, vua Tề rất khâm phục và trả lại cho nước Lỗ ba khoảnh đất ở Quy Âm mà Tề đã chiếm của Lỗ từ mấy năm trước.

Qua năm sau, Đức Khổng Tử giữ chức Tư Không, rồi thăng lên Đại Tư Khẩu (Hình Bộ Thượng Thư) coi việc hình án. Ngài đặt ra luật lệ để cứu giúp kẻ nghèo khổ, lập ra phép tắc, định việc tổng táng, lớn nhỏ có trật tự, trai gái không lẫn lộn, gian phi trộm cắp không còn nữa, xã hội được an bình thịnh trị.

Sau 4 năm, Lỗ Định Công phong Ngài lên làm Nhiếp Tướng Sự (Tướng Quốc), coi việc Chánh trị trong nước.

Ngài cầm quyền được 7 ngày thì tâu với vua Lỗ xin giết gian thần Thiệu Chính Mão để chỉnh đốn quốc chính.

Đức Khổng Tử giết Thiệu Chính Mão:

Thiệu Chính Mão là một nịnh thần rất nguy hiểm dưới trào Lỗ Định Công. Bấy giờ, Đức Khổng Tử đang làm quan Tướng Quốc nước Lỗ. Quý Tôn Tư, một vị Đại Thần quyền thế trong triều, nhưng luôn luôn hỏi ý kiến của Đức Khổng Tử mỗi khi có một quyết định trong công việc trị nước. Nhưng phần Thiệu Chính Mão, khi Đức Khổng Tử nói ra câu gì thì liền gièm pha khiến người nghe phân vân và đôi khi bị mê hoặc.

Đức Khổng Tử mật tâu với Lỗ Định Công:

- Nước Lỗ không cường thịnh lên được là vì trung nịnh không phân biệt, thường phạt không nghiêm minh. Thí dụ như muốn trồng lúa tốt tất phải trừ bỏ cỏ xấu. Xin Chúa công cho đem các đồ phủ việt (dùng vào việc hình) trong nhà Thái miếu bày ra ở dưới Lưỡng quán để dùng vào việc hình.

Lỗ Định Công thuận cho.

Sáng hôm sau, Lỗ Định Công truyền cho các quan triều đình hội nghị để bàn việc phá thành ấp xem lợi hại thế nào. Các quan người nói nên phá, người nói không nên phá.

Thiệu Chính Mão đón ý Đức Khổng Tử, nói rằng:

- Phá thành có 6 điều tiện:

1. Để tôn trọng quyền vua không ai bằng.
2. Để tôn trọng cái quyền thế Đô thành.
3. Để ức quyền tư môn.
4. Để khiến cho kẻ gia thần lộng quyền không chỗ nương cậy.
5. Để yên lòng ba nhà: Mạnh, Thúc, Quý.
6. Để khiến cho các nước nghe việc nước Lỗ ta làm mà phải kính phục.

Đức Khổng Tử tâu với Lỗ Định Công:

- Thành ấp nay đã thế cô còn làm gì được, huống chi Công Liêm Dương vẫn có lòng trung với vua, sao dám bảo là lộng

quyền. Thiệu Chính Mão dùng lời nói khéo để làm loạn chánh trị, khiến vua tôi ly gián, cứ theo phép thì nên giết.

Các quan trong triều tâu:

- Thiệu Chính Mão là người danh giá ở nước Lỗ ta, dầu có nói làm đi nữa cũng chưa đến tội chết.

Đức Khổng Tử lại tâu với Lỗ Định Công:

- Thiệu Chính Mão là người dối trá mà lại biện bác, làm người ta mê hoặc. Nếu không giết đi thì việc chánh trị không thi hành nổi. Xin Chúa Công cho đem phủ việt ra để trị tội.

Đức Khổng Tử truyền cho lực sĩ trói Thiệu Chính Mão đem đến Lưỡng quán mà giết đi.

Các quan trong triều đều sợ hãi, xám xanh cả mặt. Ba nhà: Mạnh, Thúc Quý, trông thấy cũng đều kinh sợ.

Từ khi giết xong Thiệu Chính Mão, Lỗ Định Công và ba nhà Mạnh, Thúc, Quý mới một lòng nghe theo lời của Đức Khổng Tử. Nhờ vậy, Đức Khổng Tử chính đốn kỷ cương trong nước, dạy dân những điều lễ, nghĩa, liêm, sĩ, nên dân không còn nhiều loạn mà chánh trị mỗi ngày một hay.

Ba tháng sau, phong tục biến cải cả: Các nhà buôn gà và heo không dám nhồi cám để dối người mua, trong khi ra đường, trai gái đi phân biệt nhau, không hỗn loạn, thấy của rơi ngoài đường thì không ai lượm, người nước khác du lịch đến nước Lỗ được tiếp đãi tử tế, không để cho thiếu thốn.

Dân nước Lỗ có làm một bài ca để tán tụng công đức của Khổng Tử. Bài ca ấy được truyền tụng sang nước Tề.

Tề Cảnh Công lo ngại nói rằng:

- Nước Lỗ biết dùng Khổng Khâu ắt nên nghiệp Bá, tất họa đến nước Tề, ta biết làm thế nào?

Quan Đại Phu Lê Di tâu rằng:

- Chúa Công lo nước Lỗ biết dùng Khổng Khâu, sao không lập cách ngăn đi.

Tề Cảnh Công nói:

- Nước Lỗ giao quyền chánh trị cho Khổng Khâu, ta dùng cách gì mà ngăn trở được?

Lê Di tâu:

- Tính con người ta, hễ được cường thịnh tất sanh lòng kiêu mạn. Xin Chúa Công lập một Bộ Nữ Nhạc mà đem dâng vua Lỗ. Vua Lỗ mà nhận Bộ Nữ Nhạc tất sanh lòng biếng mà chán Khổng Khâu. Bấy giờ tất Khổng Khâu phải bỏ nước Lỗ mà đi, Chúa Công mới có thể ngồi yên được.

Quả vậy, Lỗ Định Công, không nghe lời can gián của Đức Khổng Tử, nhận Bộ Nữ Nhạc thì mê say theo, bỏ bê việc triều chính, có khi luôn 3 ngày không ra coi triều, mọi việc đều giao cả cho Họ Quý. Đức Khổng Tử can gián vua Lỗ nhiều lần nhưng không được, lại có thể bị hại vì lời gièm siểm của bọn gian thần.

Do đó, trong ngày Lễ Tế Giao, vua Lỗ không nhìn đến, cũng không đem phần thịt tế biếu cho các quan Đại Phu. Đức Khổng Tử nhân việc lỗi nhỏ của vua Lỗ mà xin từ chức, bỏ nước Lỗ đi chu du các nước chư hầu.

3. Thời kỳ chu du các nước chư Hầu:

Đức Khổng Tử cùng các học trò đi qua các nước: Vệ, Khuông, Trần, Tống, Thái, Sở, để mong thuyết phục các vua chư Hầu chịu đem cái Đạo của Ngài ra ứng dụng để đem lại thái bình thịnh trị cho dân chúng. Nhưng cái Đạo của Ngài là Vương Đạo nên đi ngược ý đồ Bá Đạo của các vua chư Hầu và quyền lợi của các quan Đại phu nên các vua chư Hầu đều không dám dùng Ngài.

Rất cuộc, sau 14 năm đi chu du các nước không thành công, Ngài phải trở về nước Lỗ, có quan Đại Phu Quý Khang Tử sai Công Hoa ra đón Ngài.

Phu nhân của Đức Khổng Tử là bà Thượng Quan đã mất trước đó một năm, nhằm năm Lỗ Ai Công thứ 10.

4. Đức Khổng Tử gặp Thần đồng Hạng Thác.

Đức Khổng Tử cùng một số học trò, trên đường qua nước Trần, gặp một đám trẻ nhỏ chơi đùa giữa đường. Ngài ngồi trên xe nhìn đám trẻ, thấy một cậu bé cặm cụi lấy cát đắp một cái thành nhỏ mà không đùa giỡn. Ngài hỏi cậu bé:

- Sao cậu không chơi đùa với mấy đứa trẻ kia?

Cậu bé đáp: - Đùa giỡn thì vô ích, vì có thể bị rách áo quần, nhọc công mẹ vá, lại buồn lòng cha, nên tôi không giỡn.

Nói xong, cậu tiếp tục lo đắp thành. Đức Khổng lại hỏi:

- Cậu không tránh cho xe của tôi đi sao?

Cậu bé thân nhiên đáp: - Từ xưa đến giờ, xe phải tránh thành, chớ có bao giờ thành tránh xe.

Đức Khổng Tử nghe cậu bé trả lời một câu bất ngờ và hay quá, liền xuống xe lại gần cậu hỏi nhiều điều khó khăn, được cậu trả lời thông suốt, sau đó cậu hỏi lại Đức Khổng Tử mấy câu mà Ngài không trả lời được, khiến Ngài rất phục cậu bé, tôn cậu bé làm thầy. Cậu bé ấy là Thần đồng Hạng Thác.

"Lúc Khổng Tử dạy về Nhơn đạo thời chưa thông Thiên đạo, còn dùng từu nhục. Đến khi ngộ đạo cùng Hạng Thác thì tri trai thủ giới, nên mới có câu: Thiên sanh Khổng Tử chọn kỳ trí, tánh mạng công phu thí bất minh, vãng Trần lộ ngộ Hạng Thác vi sư, lão tác đồ ty thiếu vi tôn, cùng câu: Trai minh thanh phục, yết dục dưỡng tinh."

Sau người Châu Tử chẳng thông thời vụ, học Trung Dung chưa rồi mà luận đến Thiên đạo, lại chê Khổng Tử, Lão Tử rằng luận thuyết hư vô tịch diệt là dị đoan. Có phải ấy là ếch nằm đáy giếng xem trời nhỏ chẳng?" (Đại Thừa Chơn Giáo)

Đức Khổng Tử ở Nhơn đạo, nhờ Thần đồng Hạng Thác mà Ngài giác ngộ, tu theo Thiên đạo nên trường trai, tuyệt dục, dưỡng Tinh luyện đạo, đắc phẩm Chí Thánh.

5. Thời kỳ soạn sách và dạy học trò:

Khi trở về nước Lỗ, Đức Khổng Tử đã 68 tuổi. Ngài trở lại quê nhà để mở mang việc dạy học và soạn sách.

Tổng số môn đệ của Đức Khổng Tử có lúc lên tới 3000 người (Tam thiên đồ đệ), trong đó có 72 người được liệt vào hạng tài giỏi, nên gọi là Thất thập nhị Hiền.

Đức Khổng Tử san định lại các kinh sách của Thánh Hiền đời trước như: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Dịch.

Ngài ghi chú các lời nói của Thánh Hiền đời trước, xếp đặt lại cho có thứ tự, chú thích những chỗ khó hiểu, nhất là với Kinh Dịch, Ngài chú giải rất kỹ.

Sau đó, Đức Khổng Tử viết ra sách Xuân Thu, chép những việc của nước Lỗ và của nhà Châu (Chu) liên hệ với các nước chư hầu từ đời Lỗ Ẩn Công nguyên niên (721 trước Tây lịch) đến đời Lỗ Ai Công thứ 14 (481 trước Tây lịch), tổng cộng là 242 năm. (Xem chi tiết nơi phần sau: **Khổng Tử tác Xuân Thu**)

Đức Khổng Tử là bậc Chí Nhân Chí Thánh, nhưng Ngài vẫn khiêm tốn không dám nhận mình là Thánh nhân.

Đối với các môn đệ, Ngài rất dễ dãi. Hễ ai theo đúng lễ đến xin học thì Ngài không bao giờ từ chối. Ngài thu nhận học trò, không kể giàu nghèo, con quan hay con dân. Ngài mở ra một nền giáo dục bình dân đại chúng, đào tạo được một lớp người trí thức mới, tài giỏi và có đức hạnh trong giới bình dân.

Sự giáo hóa của Ngài chủ yếu là làm sao cho sáng tỏ cái đức sáng của người, chớ không gom vào trong sự truyền thụ kiến thức. Đây là một phương pháp giáo dục rất hay để khai mở cái Tâm của con người vậy.

6. Đức Khổng Tử tạ thế:

Mùa Xuân năm Lỗ Ai Công thứ 14 (481 trước Tây lịch), người nước Lỗ đi săn bắt được một con kỳ lân què chân trái phía trước. Đức Khổng Tử đến xem rồi bưng mặt khóc. Khi trở về, Ngài than rằng: Ngô đạo cùng hỹ! (Đạo của ta đến lúc cùng)

Sách Xuân Thu chép đến chuyện này thì hết, nên đời sau còn gọi sách Xuân Thu là Lân Kinh.

Năm Nhâm Tuất đời Lỗ Ai Công thứ 17 (479 trước Tây lịch), một hôm Đức Khổng Tử chống gậy đi tản bộ trước nhà, vừa đi vừa hát: *Thái sơn kỳ đồi hồ! Lương mộc kỳ hoại hồ! Triết nhân kỳ nuy hồ!* (Núi Thái sơn đổ ư! Cây gỗ tốt hư hoại ư! Triết nhân mòn mỏi ư!)

Học trò của Ngài là Tử Cống liền đến hỏi thăm Ngài. Ngài nói: Ta biết mình sắp chết.

Đến ngày Kỷ Sửu, tức là ngày 18 tháng 2 năm Nhâm Tuất, Đức Khổng Tử tạ thế, hưởng thọ 73 tuổi. Mộ của Ngài ở bên bờ sông Tứ Thủy, phía Bắc thành nước Lỗ, nay gọi là Khổng Lâm, thuộc huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông.

Ba ngàn đồ đệ của Ngài đều thương tiếc và than khóc, nguyện để tang Thầy 3 năm. Có hơn 100 môn đệ làm nhà chung quanh phần mộ để lo phụng tự trong 3 năm, riêng Tử Cống ở đó hết 6 năm mới thôi.

Chu vi đất quanh mộ của Đức Khổng Tử rộng chừng 100 mẫu mà không hề có cây gai và cỏ may mọc. Học trò bảo nhau đi tìm các thứ hoa thơm cỏ lạ ở các nơi đem về trồng khắp chung quanh.

7. Các triều đại phong tặng Đức Khổng Tử:

- Năm 739, vua Đường Huyền Tôn phong tặng Đức Khổng Tử là **Văn Tuyên Vương**, mặc phẩm phục Hoàng đế, tặng cho các đệ tử các tước: Công, Hầu, Bá.

- Năm 1008, vua Tống Chân Tông phong Ngài là: **Đại Thánh Văn Tuyên Vương**, phong cho thân phụ Ngài là Lỗ Công, thân mẫu Ngài là Lỗ Phu Nhân, vợ là Bà Thượng Quan Thị làm Văn Phu Nhân, và ra lệnh cho các tỉnh lập miếu thờ Ngài.

- Năm 1306, vua Minh Thế Tông phong tặng Ngài là **Chí Thánh Tiên Sư**.

- Năm 1645, vua Thanh Thế Tổ phong Ngài là **Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương Thánh Sư Khổng Phu Tử**.

8. Văn miếu:

Văn miếu hay Văn Thánh miếu là tòa nhà dựng lên để làm Đền thờ Đức Khổng Tử và các môn đệ của Ngài cùng với các Tiên hiền, Tiên nho qua các thời đại gồm:

a. Tứ Phối: Bốn vị Thánh cùng được phối hưởng cúng tế với Đức Khổng Tử. Tứ Phối gồm:

- Phục Thánh Nhan Tử (Nhan Hồi)
- Tông Thánh Tăng Tử (Tăng Sâm)
- Thuật Thánh Tử Tư (Khổng Cấp)

- Á Thánh Mạnh Tử (Mạnh Kha)

b. Thập Triết: Mười vị Hiền triết, học trò tài giỏi nhất của Đức Khổng Tử. Thập Triết gồm:

- Mẫn Tử (Mẫn Tử Khiên)
- Bá Ngưu (Nhiễm Canh)
- Trọng Cung (Nhiễm Ung)
- Tể Dư (Tử Ngã)
- Đoan Mộc Tứ (Tử Cống)
- Nhiễm Cầu (Tử Hữu)
- Trọng Do (Tử Lộ)
- Ngôn Yển (Tử Du)
- Bốc Thương (Tử Hạ)
- Chuyên Tôn Sư (Tử Trương).

c. Thất thập nhị Hiền: 72 vị học trò giỏi của Đức Khổng Tử, nhưng ở dưới Thập Triết một bậc.

Nói là Thất thập nhị Hiền, chứ thật ra chỉ có 62 vị, vì trong Thất thập nhị Hiền có Thập Triết, nên phải trừ ra 10 vị.

d. Tiên Hiền, Tiên Nho: gồm 120 vị, qua các triều đại từ xưa đến nay.

9. Đức Khổng Tử trong Đạo Cao Đài:

Đức Khổng Tử là một Đấng Giáo chủ trong Tam giáo thuộc thời Nhị Kỳ Phổ Độ. Nhờ Đức Khổng Tử mà Nho giáo mới được hưng hạnh, và trở thành một học thuyết triết học nhân sinh có hệ thống chặt chẽ và hoàn hảo, chủ yếu dạy về Nhơn Đạo (Đạo làm Người). Không có một giáo thuyết nào dạy Nhơn Đạo hoàn hảo bằng Nho giáo.

Trong Kinh Cúng Tứ Thời của Đạo Cao Đài có bài Kinh Nho giáo để xưng tụng công đức của Đức Khổng Tử.

Ngày Đại Lễ Vía Đức Khổng Tử được chọn là ngày giáng sanh của Đức Khổng Tử, đó là ngày 27 tháng 8 âm lịch. Hằng năm, khi đến ngày này, tại Tòa Thánh và các Thánh Thất địa phương đều có thiết lễ Đại Đàn cúng Vía Đức Khổng Tử, có Chức sắc thuyết đạo nhắc lại Tiểu sử của Ngài, và nói về sự ích lợi của Nho giáo đối với sự ổn định trật tự trong gia đình và ngoài xã hội.

Do đó, Đức Chí Tôn mới có chủ trương **NHO TÔNG CHUYỂN THỂ**, tức là dùng tinh hoa của Giáo lý Nho giáo để dạy dỗ người đời, tái lập trật tự và đạo đức trong xã hội.

Trong Kinh Tam Nguơn Giác Thể, Đức Khổng Tử có giảng cơ dạy Đạo.

Sau đây, xin chép lại bài Thánh giáo này của Ngài:

Ngày 17 tháng Giêng năm Nhâm Thân (1932).

THI:

NGÃ dĩ từ chương giáo nghĩa phương,
KHỔNG văn hoằng hóa sự luân thường.
PHU thê, phụ tử, quân thần đạo,
TỬ đệ phùng thời độ thiện lương.

DIỄN DỤ:

Các sĩ cùng chư khanh nghe rõ: việc Tam giáo hiệp nhưt.

Từ mới mở mang Trời Đất đã có Đại Đạo. Tam giáo vốn một nhà, đời sau chia làm ba, chớ kỳ trung một bản, kẻ thế không thông hiểu nên tranh luận giành điều chơn giả với nhau hoài. Những người xưng mình là Minh Sư, thọ truyền cho đồ đệ, thì mỗi người cũng muốn khoe tài mình mà truyền khẩu với chúng sanh rằng, đạo mình chánh, đạo khác thì tà: Té ra, mình là manh sự gạt chúng.

Nếu Đạo Tiên, Đạo Phật mà không dùng văn chương thì lầy chi mà tả kinh điển kệ. Còn học Nho mà không học Đạo thì ra người cuồng sĩ kiêu căng.

Vậy khuyên mấy sĩ Ba Đạo cũng đồng tìm kiếm gốc cho mình chơn lý, đặt trước độ mình, sau độ chúng. Vậy mới gọi là Chánh kỹ hóa nhơn.

Thi rằng:

Tam giáo từ xưa vốn một nhà,
Người sau lầm tưởng, vọng chia ba.
Minh tâm may hiểu đường chơn giả,
Mẫn tánh mới thông nẻo chánh tà.
Thích, Đạo tử như hành bộ khách,
Nền Nho ví tựa chiếc đò qua.

Muôn ngàn kinh kệ do nơi chữ,
 Tam giáo từ xưa vốn một nhà.
KHỔNG PHU TỬ

Khổng Tử tác Xuân Thu

孔子作春秋

Khổng Tử tác Xuân Thu là Đức Khổng Tử làm ra sách Xuân Thu để bày tỏ cái đạo của Ngài.

"Kinh Xuân Thu là bộ sách của Khổng Tử làm ra. Ngài theo lối văn làm sử mà chép truyện nước Lỗ, kể từ Lỗ Ẩn Công đến Lỗ Ai Công. Trong sách ấy chép cả việc nhà Chu (Châu) và việc các nước chư Hầu.

Xem hình thể bề ngoài thì là một bộ sử biên niên, lời lẽ vắn tắt, lấm chõ hình như không có ý nghĩa gì cả, nhưng xét rõ đến tinh thần thì thật là bộ sách triết lý về việc chánh trị.

Mạnh Tử là người đã hiểu rõ nghĩa Kinh Xuân Thu, nói: "Kinh Thi hết, nhiên hậu Kinh Xuân Thu mới làm ra. Việc ở trong sách Xuân Thu là việc Hoàn Công nước Tề, Văn Công nước Tấn, văn trong sách là văn sử. Nghĩa thì Khổng Tử nói rằng: Khâu này trộm lấy đó vậy. Nghĩa là Ngài lấy truyện ở trong các sách nước Tấn, nước Sở, nước Lỗ mà biểu thị cái ý nghĩa của Ngài muốn bày tỏ ra. Thời Xuân Thu bấy giờ xã hội Tàu loạn lạc, vua các nước chư Hầu làm nhiều điều bạo ngược và ai cũng muốn lấn quyền Thiên tử nhà Châu. Ngài không muốn để sự phê bình phán đoán của Ngài đụng chạm đến quyền thế của những người đương thời, vả lại cái học sâu xa của Ngài là cái học Tâm truyền, cho nên Ngài mượn lối văn làm sử, nói việc đã qua để ngụ cái vi ý của Ngài."

Sách Trang Tử (Nam Hoa Kinh) ở thiên Thiên Hạ viết rằng: Xuân Thu dĩ đạo danh phận (Sách Xuân Thu là để nói cái đạo danh và phận).

Vậy cứ theo ý kiến của những nhà đại hiền triết đời Chiến quốc thì sách Xuân Thu thật là cuốn sách để tâm truyền cái đại

nghĩa Danh và Phận về đường luân lý và chánh trị, chớ không phải là sách chép sử như người ta thường vẫn hiểu lầm.

Sách Xuân Thu có 3 chủ nghĩa là:

- * Chính danh tỵ.
- * Định danh phận.
- * Ngụ bao biếm. (Bao biếm là khen chê)

Chủ ý của Khổng Tử là tôn vua nhà Châu. Dẫu đời bấy giờ các nước chư Hầu có nhiều người không biết đến vua nhà Châu đi nữa, nhưng Ngài chép ngay đầu sách là: XUÂN VƯƠNG CHÁNH NGUYỆT, nghĩa là: Mùa Xuân, tháng Giêng, vua nhà Châu, để tỏ cái ý vẫn nhận nhà Châu làm chủ thiên hạ...

Xem Kinh Xuân Thu thì phải biết ý nghĩa và vị trí từng chữ. Mỗi chữ là để định rõ người tà người chánh, như Thiên tử chết thì chép chữ **băng**, vua chư Hầu chết thì chép chữ **hoăng**, ông vua đã cướp ngôi làm sự tiếm đoạt mà chết thì chép chữ **tổ**, người làm quan ngay chánh chết thì chép chữ **tốt**, người làm quan gian nịnh chết thì chép chữ **tử**.

Người nào có danh phận chánh đáng thì chép rõ chức phẩm và tên tỵ, người nào mà danh phận không chánh đáng thì dẫu có chức phẩm gì, cũng chỉ chép có một tên tỵ mà thôi.

Sự khen chê của Ngài cốt ở những chữ Ngài dùng. Có khi chỉ vì một chữ chê mà thành ra tiếng xấu muôn đời, một chữ khen mà được tiếng thơm thiên cổ.

Bởi thế, người đời sau bàn Kinh Xuân Thu nói rằng: **Nhứt tỵ chi bao, vinh ư hoa cốn; nhứt tỵ chi biếm, nhục ư phủ việt.** (Một chữ khen thì vinh hơn cái áo hoa cốn của vua ban cho, một chữ chê thì nhục hơn phải tội riu búa.)

Vì Khổng Tử thấy đời suy, đạo mờ, các tà thuyết dấy lên, những sự hung bạo rất nhiều, con giết cha, tôi giết vua, cho nên Ngài lấy làm lo sợ mà làm ra sách Xuân Thu, để định cái Chánh thể, chủ ở sự Chánh danh, Định phận cho hợp đạo lý và cho rõ sự thường phạt.

Sách Xuân Thu là sách định chế độ của quân chủ. Khổng Tử biết rằng trong một nước không thể không có quyền quân chủ, song Ngài lại sợ rằng những người giữ quyền quân chủ

thường hay lạm dụng thế lực của mình mà làm những điều tàn bạo. Vậy nên Ngài mới đem cái nghĩa, lấy cái nguyên của dương khí mà thống trị việc Trời, lấy Trời mà thống trị các vua chúa, và bày tỏ ra một cách đặc biệt ở sách Xuân Thu để hạn chế cái quyền của vị nhân quân. Nhưng vì những người làm vua làm chúa đã dễ mấy người hiểu được rõ cái lẽ thâm viển siêu việt ấy, cho nên Ngài mới lấy những điều tai dị như: Nhật thực, Nguyệt thực, Sao chổi và việc Động đất, v.v... là những điều hiển nhiên ai cũng có thể trông thấy được, để cảnh giới những bậc nhân quân. Ngài muốn những bậc ấy phải lấy những điềm lạ ấy mà kính sợ, tự mình tu tỉnh và làm những điều nhơn nghĩa. Đó là cái vi ý trong sách Xuân Thu.

Khổng Tử còn sợ người ta không hiểu rõ cái ý ấy, cho nên Ngài nói: ***Tri ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ, tội ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ!*** (Người biết ta cũng chỉ ở Kinh Xuân Thu, người trách tội ta cũng chỉ ở Kinh Xuân Thu).

Biết Ngài là biết cái bụng của Ngài sợ những tà thuyết, những bạo hành càng ngày càng nhiều ra, cho nên Ngài bày tỏ cái phương pháp chánh trị để đổi loạn ra trị, và để trừng trị những kẻ tàn bạo gian ác.

Trách tội Ngài là vì không hiểu cái ý của Ngài mà cho Ngài là tiếm làm cái việc của Thiên tử, hoặc là ngờ Ngài dùng những điều tai dị để làm mê hoặc người đời.

Học giả nên chú ý và hiểu cái thâm ý và cái khổ tâm của Ngài trong sách Xuân Thu. Về sau Hán Nho thường không hiểu rõ cái phần uyên thâm ấy, chú trọng ở cái thuyết Âm Dương, Ngũ Hành, gây thành mối mê tín, thật là sai cái ý nghĩa trong sách Xuân Thu vậy.

Người thường không biết, lấy con mắt xem sử mà xem thì không hiểu bộ sách ấy ích lợi về điều gì. Song người nào biết, lấy cái tinh thần mà lãnh hội cái thâm ý trong sách ấy, thì thấy có nhiều ý nghĩa rất sâu xa." (Trích Nho Giáo Trần Trọng Kim)

Mặc dầu Kinh Xuân Thu là một cuốn sách lịch sử, nhưng khi ghi chép, Đức Khổng Tử đã vận dụng bút pháp để khen chê, để phân biệt kẻ thiện người ác hết sức minh bạch và đanh thép, nên người đời sau đã phải công nhận đó là những búa rìu trong Kinh Xuân Thu (Xuân Thu phủ việt), cũng như

nói: Khổng Tử làm Kinh Xuân Thu mà bọn loạn thần tặc tử sợ (Khổng Tử tác Xuân Thu nhi loạn thần tặc tử cụ).

Vì thế, Kinh Xuân Thu có tác dụng về Đạo lý, giữ địa vị quan trọng trong nền văn hóa Nho giáo, trong sự biểu dương học thuyết "Chánh danh, Nhất quán, Trung dung, Đại đồng" của vị Vạn Thế Sư Biểu mà dân tộc VN đã chịu ảnh hưởng hơn 2000 năm nay.

Kinh Xuân Thu còn có tính cách điển hình gương mẫu cho người đời sau phải tôn trọng danh dự và nhiệm vụ trong khi viết sử, nên Kinh Xuân Thu được liệt vào năm bộ kinh quan trọng của Nho giáo, gọi là Ngũ Kinh: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ Nhạc, Kinh Dịch và Kinh Xuân Thu.

Văn chép sử trong Kinh Xuân Thu rất tóm tắt, hàm súc, ít người hiểu thấu, nên về sau có ba học giả làm thêm Tam Truyện để giải thích ý nghĩa của Kinh Xuân Thu.

Ba học giả ấy là:

1. TẢ KHUÛU MINH, làm Thái Sử nước Lỗ, đồng thời với Khổng Tử. Khi Khổng Tử trứ tác Kinh Xuân Thu, ông làm Tả Truyện để chú giải Kinh Xuân Thu và khai triển, nên người ta gọi là **Tả Thị Xuân Thu**, hay vắn tắt là **Tả Truyện**.

2. CÔNG DƯƠNG CAO, một vị văn thần cuối đời nhà Châu, khâm phục tác giả và tác phẩm Xuân Thu, nên soạn ra một bộ sách bổ túc và phát huy thêm Kinh Xuân Thu, gọi là **Công Dương Truyện**.

3. CỐC LƯƠNG XÍCH, người nước Tần, trong thời Chiến Quốc (478-221 trước TL) biên khảo thêm một bộ truyện để bình giải Kinh Xuân Thu gọi là **Cốc Lương Truyện**. (Theo Lê Phục Thiện, chuyên viên Hán Học TTHL)

Trình Tử nói: "Một câu trong Kinh Xuân Thu là chỉ một việc, trái phải thấy ngay. Cứ xét cho đến cùng lý thì học giả chỉ học Kinh Xuân Thu thì đủ biết hết Đạo. Các kinh khác, không phải là không có thể xét được đến cùng lý, nhưng chỉ cần luận đến nghĩa thôi. Kinh Xuân Thu căn cứ vào việc, việc phải trái cần được so sánh cho rõ, cho nên các yếu tố là phải xét đến cùng lý. Đọc Kinh Xuân Thu không phải như đọc Trung Dung. Muốn biết Trung Dung thì phải hiểu Quyền. Quyền là gì? Là việc nên

làm vào thời nên làm. Còn Kinh Xuân Thu, lấy gì làm chuẩn đích? Từ Xuân Thu về trước có lập lệ. Về đời sau, các sách đều khác nhau. Cùng một việc mà chép khác nhau về ý tứ. Nếu lấy lệ cũ mà coi thì rất lầm. Kinh Xuân Thu chép việc, nếu việc giống nhau thì lời giống nhau. Người sau cho là lệ. Tuy nhiên, có việc giống nhau mà lời chép lại khác. Vậy câu nào có nghĩa câu nấy, thấy thế không nên buộc vào một lệ mới."

Thiệu Tử nói: "Chưa biết phân biện danh với thực, chưa định rõ công với tội của Ngũ Bá thì chưa đọc được Kinh Xuân Thu. Hãy định công với tội của Ngũ Bá đã, rồi mới đọc thì đại ý rõ ngay. Nếu cứ lần từng việc mà tìm thì không tìm được đầu mối."

"Phép của Kinh Xuân Thu là trị kẻ gian ác, dù còn sống hay chết rồi, trị ngay đến bản thân, cốt để răn kẻ ác, khuyến khích kẻ trung nghĩa, còn đến con cháu xa thì thôi, là để khuyến thiện."

Vấn trong Kinh Xuân Thu có chỗ cùng việc thì cùng lời, người sau đọc cho đó là lệ. Có chỗ cùng việc mà lời khác, người sau cho đó là biến lệ. Thế nên đã là chính lệ, nếu không phải là Thánh nhân thì không đặt được, mà đã là biến lệ, nếu không phải là Thánh nhân thì cũng không tìm được. Chính lệ là việc làm thường của Trời Đất, mà biến lệ là việc nên làm của cổ kim. Chỉ có xét lý cho cùng, nghĩa cho tinh, thấy phép trong lệ, biết việc ở ngoại lệ, chỉ có thế mới hiểu Kinh Xuân Thu."

Dương Thời nói: "Đọc Kinh Xuân Thu là việc sau cùng. Học giả phải học Ngũ Kinh đã, rồi sau mới học Kinh Xuân Thu thì mới có lợi. Nhiều người nói Kinh Xuân Thu khó biết được thực. Trong Ngũ Kinh, Khổng Tử nói về lý, trong Xuân Thu, Khổng Tử chép các việc. Học giả nếu đã rõ cái lý ở Ngũ Kinh thì việc trong Xuân Thu không có gì là khó hiểu."

Lục Thâm nói: "Kinh Xuân Thu so với các Kinh khác thì thật là khó đọc. Giản, nghiêm, mà rộng lớn. Giản nghiêm thì lập luận ít, rộng lớn thì luận bàn nào cũng thông. Bút tự của Thánh nhân ý tứ sâu xa. Vì vậy, việc thì xem Tả Thị mới đúng, còn nghĩa thì xem Cốc Thị, Công Thị mới tinh. Hai lời đó là phép cốt yếu để đọc Kinh Xuân Thu."

Xem như thế thì Kinh Xuân Thu là một bộ sách rất quan trọng, tiêu biểu cho Đức Khổng Tử, mà cũng tiêu biểu cho cả Nho giáo nữa. Đức Quan Thánh hồi sanh tiền đã dùng Kinh Xuân Thu làm sách gối đầu.

Do đó, Đạo Cao Đài ngày nay dùng Kinh Xuân Thu làm cổ pháp của Nho giáo, tượng trưng Nho giáo.

TNHT: *Xuân Thu* định vững ngôi lương tử,
Phật Chủ quét tan lũ nịnh thần.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khổng Tước Minh Vương

孔雀明王

Khổng tước: con công. **Minh:** sáng. **Vương:** vua.

Minh Vương: Theo Phật Học Từ Điển, Minh Vương là chỉ những vị Tôn giả hầu cận Đức Phật Thích Ca, thọ giáo lệnh của Đức Phật, hiện thân hàng phục bọn ác ma. Các Tôn giả ấy có trí huệ và oai đức, đánh phá hết thảy các ma chướng, ủng hộ các nhà tu hành chơn thật. Tuy là người hầu cận, nhưng các Tôn giả cầm giữ giáo lệnh thì quyền uy cũng tựa như một vị Minh Vương.

Khổng Tước Minh Vương là vị Tôn giả hầu cận Đức Phật mà nguyên căn là một con công, sanh vào thời Khai Thiên lập Địa, tu thành, vâng mệnh Đức Phật cầm giữ giáo lệnh, hiện thân hàng phục bọn ác ma, ủng hộ các nhà tu hành.

Nguyên có một con công được sanh ra từ thời Khai Thiên lập Địa, tu hành nhiều kiếp, đạt được thần thông. Vào thời Phong Thần, chim công này hiện thân xuống cõi trần là Khổng Tuyên, làm tướng cho vua Trụ, trấn giữ ải Tam Sơn, được vua Trụ sai đem binh đi đánh Khương Thượng.

Khổng Tuyên có năm đạo hào quang ngũ sắc rất mạnh mẽ, có thể thấu được các bửu bối Tiên gia và bắt các tướng dễ dàng. Các tướng của Khương Thượng không ai đánh lại Khổng Tuyên, vì không có cách nào khắc chế đạo hào quang

ngũ sắc của Khổng Tuyên. Phải chờ Đức Chuẩn Đề Bồ Tát ở Tây phương đến mới thân phục được Khổng Tuyên.

Khổng Tuyên ngâm kệ tỏ tài phép của mình:

Có đất có Trời đã có ta,
Thần thông luyện tập sức bao la.
Thuở nay đủ biết trong mùi Đạo,
Từ giã non Tiên giúp nước nhà.

Đức Chuẩn Đề Bồ Tát nói với Khổng Tuyên:

- Người cùng Bàn đạo có duyên phần, nên Bàn đạo đến đây rước người về Cực Lạc. Người là kẻ có phước, tu hành lâu năm, đáng được hưởng cảnh thanh nhàn. Ở đây là cõi trần, không phải chỗ để người cạnh tranh đường sanh tử.

Khổng Tuyên cười đáp:

- Lời ấy gạt ta sao được.

Chuẩn Đề Bồ Tát nói:

- Người nghe ta đọc bài kệ này thì rõ:

Tây phương vui vẻ gọi Thiên đường,
Tích đức tu nhân mới được nương.
Giới cấm năm điều nêu sáng rõ,
Từ bi hai chữ giữ hiền lương.
Khá theo thanh tịnh nơi am tự,
Chớ mến công danh giữa chiến trường.
Đổi cánh rụng lông thành chánh quả,
Múa men chi lắm chốn biên cương.

Khổng Tuyên nghe bài kệ, không thức tỉnh, lại nổi giận vung đao chém Chuẩn Đề. Chuẩn Đề Bồ Tát cầm nhánh cây thất bửu gạt một cái thì đao rơi xuống đất. Khổng Tuyên lấy roi vàng đánh tiếp, cũng bị nhánh cây thất bửu gạt rơi xuống.

Khổng Tuyên chỉ còn hai tay không, liền vận hào quang ngũ sắc chụp xuống Chuẩn Đề. Chuẩn Đề Bồ Tát đứng giữa hào quang, hiện ra 18 tay đều có cầm bửu bối. Rồi nghe trong hào quang nổ lên một tiếng lớn, chẳng biết Chuẩn Đề Bồ Tát làm phép chi mà áo mào của Khổng Tuyên nát bầy, rơi xuống đầy chân ngựa, còn Khổng Tuyên đứng sững bất động.

Chuẩn Đề Bồ Tát hiện pháp thân lại bình thường, đến trước mặt Khổng Tuyên nói:

- Khuyên chớ mê sa đường thế tục, hãy cùng ta trở lại Tây phương.

Nói dứt lời thì Bồ Tát mở dây lưng ra cột vào cổ Khổng Tuyên, lấy thiết tiên gác lên vai bảo:

- Xin Đạo hữu hãy hiện nguyên hình, cùng ta trở về Tây phương cho tiêu diêu khoái lạc.

Tức thì Khổng Tuyên hiện hình ra là một con công một mắt, mình mẩy đồ tươi cao lớn phi thường, gọi là Châu Khổng Tước. (Châu hay Chu là màu đỏ).

Chuẩn Đề Bồ Tát cỡi lên mình Châu Khổng Tước, từ giả mọi người, rồi vỗ lên đầu Khổng Tước một cái, chim công liền xòe hai cánh lớn chiếu hào quang sáng chói, bay đi về hướng Tây mất dạng.

Kể từ đó về sau, Đức Chuẩn Đề Bồ Tát xuất du đều cỡi lên chim Khổng Tước này.

Thuở sinh thời, Ngài Đạo Nhơn Trần Thạnh Mậu đọc Truyện Phong Thần, rất thích đoạn nói về chim Khổng Tước, nên có làm bài thi vịnh chim Khổng Tước. Ngài thường ngâm nga bài thi vịnh này:

THI:

Thượng cầm vui thú chốn lâm tòng,
 Năm sắc tường quang có giống công.
 Vỗ cánh Đầu Ngưu che nắng hạ,
 Xòe đuôi Nhựt Nguyệt đỡ mưa đông.
 Mỏ son gáy ỏi vang đây đó,
 Móng bạc cào tung động giáp vòng.
 Khổng Tước lừng danh non Thửu lãnh,
 Chờ che bá điều khỏi lo phòng.

ĐẠO NHƠN Trần Thạnh Mậu.

(Tài liệu của Tử Trình)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KHỞI

KHỞI

KHỞI: 起 Bắt đầu, dấy lên.

Td: Khởi chế, Khởi nhạc.

Khởi chế

起制

A: To begin the establishment

P: Commencer l'établissement.

Khởi: Bắt đầu, dấy lên. **Chế:** tạo ra, đặt ra.

Khởi chế là bắt đầu đặt ra.

TNHT: Tại đây là một nơi Ta khởi chế sự tế lễ và thờ phượng lại.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khởi động

起動

A: To start.

P: Commencer.

Khởi: Bắt đầu, dấy lên. **Động:** hoạt động, cử động.

Khởi động là bắt đầu hoạt động.

TNHT: Từ Nam chí Bắc, khắp Đông qua Tây, thịnh thoảng trường não nhiệt khởi động diệt tàn kẻ vô đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khởi nguyện

起願

A: To begin the prayer.

P: Commencer la prière.

Khởi: Bắt đầu, dấy lên. **Nguyện:** cầu nguyện.

Khởi nguyện là khởi sự cầu nguyện.

CG PCT: Ấy vậy, chư Hiền hữu cũng phải cầu khẩn với Lão, nội hạ tuần thánh này thì *khởi nguyện*.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Khởi nhạc

起樂

A: To begin the music.

P: Commencer la musique.

Khởi: Bắt đầu, dấy lên. **Nhạc:** âm nhạc.

Khởi nhạc là bắt đầu hòa tấu các bản nhạc.

TNHT: Khi nhập lễ xướng: *Khởi nhạc* thì phải đánh trống và đờn 7 bài cho đủ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KHUA

Khua động đồng tiền

A: To make noise with the coin.

P: Faire du bruit avec la sapèque.

Khua động: làm các vật chuyển động va chạm nhau phát ra tiếng. **Đồng tiền:** tiền bạc thời xưa làm bằng kim loại.

Khua động đồng tiền là chỉ người có nhiều tiền, giàu có.

KSH: Hễ nghe *khua động đồng tiền*,

Sửa ngay làm vậy, không kiêng chửi nào.

KSH: Kinh Sám Hối.

Khua môi

A: To speak with grandiloquence.

P: Parler avec grandiloquence.

Khua môi, nghĩa đen là làm hai cái môi cử động phát ra tiếng, nghĩa bóng là nói ba hoa, khoát lác, khoe khoang quá đáng, có ý đồ dối gạt người.

Thành ngữ đồng nghĩa: Khua môi múa mép.

Từ ngữ này thường được dùng với ý khinh bỉ.

KSH: Tình chung đặng cậy thể người sang,
Mượn tiếng *khua môi* với xóm làng.

GTK: Giới Tâm Kinh.

KHÚC

Khúc nôi (Khúc nhôi)

A: The intimate feelings.

P: Les sentiments intimes.

Khúc nôi, hay Khúc nhôi, là nỗi lòng thầm kín, nỗi niềm tâm sự khó bày tỏ ra đặng.

TTCĐDTKM: Trẻ nào có biết *khúc nôi* đoạn trường.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

KHUÊ

Khuê bài

珪牌

A: The religious insignia.

P: L'insigne religieux.

Khuê: vật để làm tin. **Bài:** cái thẻ trên đó có khắc chữ.

Khuê bài là cái thẻ để làm tin, trên mặt có khắc chữ cho biết phẩm vị Chức sắc, gắn trên Dây Sắc Lịnh trong bộ Đạo phục của Chức sắc CQPT.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Khuê môn

閨門

A: Woman 's apartment.

P: *Chambre de femme.*

Khuê: chỗ ở của đàn bà con gái. **Môn:** cửa.

Khuê môn là chỗ ở của phụ nữ trong nhà.

KHỦNG

KHỦNG

KHỦNG: 恐 Sự hãi, dọa nạt, rối loạn.

Td: Khủng bách, Khủng hoảng.

Khủng bách

恐迫

A: Afraid.

P: *Effrayé.*

Khủng: Sự hãi, dọa nạt, rối loạn. **Bách:** ép buộc, bức bách.

Khủng bách là tình trạng lo sợ vì bị ép buộc.

TĐ ĐPHP: Bàn đạo giảng về cái *khủng bách* tinh thần của nhơn loại đương giờ sẽ đưa nhơn loại đến đâu?

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Khủng hoảng

恐慌

A: The crisis.

P: *La crise.*

Khủng: Sự hãi, dọa nạt, rối loạn. **Hoảng:** vì gấp nên trong lòng rối loạn.

Khủng hoảng là tình trạng rối loạn trong quá trình chuyển biến của sự việc.

Khủng kinh ma chướng

恐驚魔障

Khủng: Sợ hãi, dọa nạt, rối loạn. **Kinh:** sợ. **Ma:** ma quỷ. **Chướng:** ngăn trở.

Khủng kinh ma chướng là sợ hãi vì bị ma quỷ ngăn trở bước đường tu tiến.

DLCK: Nhược hữu nhơn thọ trì *khủng kinh ma chướng*, nhưt tâm thiện niệm: Nam mô Di-Lạc Vương Bồ Tát,...

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

KHUÔN

KHUÔN

KHUÔN: Dụng cụ dùng để đúc ra các vật, chỉ cái mẫu mực phải tuân theo.

Td: Khuôn hồng, Khuôn linh.

Khuôn hồng

A: Creator.

P: Créateur.

Khuôn: Dụng cụ dùng để đúc ra các vật, chỉ cái mẫu mực phải tuân theo. **Hồng:** to lớn.

Khuôn hồng là dịch chữ: Hồng Quân, chỉ Đấng Tạo Hóa, mà chúng ta thường gọi là Đức Chí Tôn. (Xem: Hồng quân)

KVH: Tùng *khuôn hồng* nhỏ đại lớn khôn.

KVH: Kinh vào học.

Khuôn khổ

A: Form and dimensions.

P: *Forme et dimensions.*

Khuôn: Dụng cụ dùng để đúc ra các vật, chỉ cái mẫu mực phải tuân theo. **Khổ:** kích thước.

Khuôn khổ là phạm vi giới hạn chặt chẽ, là mẫu mực đã được qui định sẵn.

ĐLMD: Nam là chánh, nữ là phó, đặng thi hành Luật Đạo theo một *khuôn khổ* và luật lệnh.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Khuôn linh - Khuôn thiêng

A: The Creator.

P: *Le Créateur.*

Khuôn: Dụng cụ dùng để đúc ra các vật, chỉ cái mẫu mực phải tuân theo. **Linh:** thiêng liêng.

Khuôn linh là Khuôn thiêng, cái khuôn thiêng liêng của Đấng Tạo Hóa để sản xuất ra vạn vật.

Khuôn linh, Khuôn thiêng, đồng nghĩa Khuôn hồng, chỉ Đấng Tạo Hóa.

KKV: Con nguyện xin *khuôn linh* giúp sức.

KKV: Kinh khi về.

Khuôn vàng thước ngọc

A: The precious rules.

P: *Les règles précieuses.*

Khuôn: Dụng cụ dùng để đúc ra các vật, chỉ cái mẫu mực phải tuân theo. **Khuôn thước:** chỉ mẫu mực phải tuân theo.

Vàng ngọc: chỉ sự quý báu.

Khuôn vàng thước ngọc là chỉ những cái được xem là mẫu mực hoàn hảo nhất để mọi người noi theo.

Khuôn viên luật pháp

A: The domain of the law.

P: La domaine de la loi.

Khuôn: Dụng cụ dùng để đúc ra các vật, chỉ cái mẫu mực phải tuân theo. **Viên:** cái vòng.

Khuôn viên luật pháp là cái phạm vi qui định của luật pháp mà mọi người không được phạm vào.

ĐLMD: Quyền Thống nhất của Đức Hộ Pháp và quyền Hội Thánh nam nữ đã cầm giềng mối nền chánh trị của Đạo y theo *khuôn viên luật pháp*, nên buộc toàn đạo phải tùng quyền, không đặng một việc chi nghịch mạng.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

KHUYẾN

Khuyến giáo

勸教

A: To advise and teach.

P: Conseiller et enseigner.

Khuyến: khuyên nhủ. **Giáo:** dạy.

Khuyến giáo là khuyên nhủ và dạy dỗ.

TNHT: Ngài là Phật nên khó gần gũi các hồn nữ phái mà *khuyến giáo* cơ giải thoát mê đồ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KHUYẾT

KHUYẾT

KHUYẾT: 缺 Thiếu, thiếu sót.

Td: Khuyết nghi, Khuyết tịch.

Khuyết nghi

缺疑

A: Doubtful.

P: Douteux.

Khuyết: Thiếu, thiếu sót. **Nghi:** nghi ngờ.

Khuyết nghi là đáng ngờ, tức là điều còn nghi ngờ để trông đợi sau sẽ khảo sát lại, hoặc nhờ độc giả bổ chính.

Khuyết tịch

缺席

A: Default.

P: Défaüt.

Khuyết: Thiếu, thiếu sót. **Tịch:** chiếc chiếu, chỉ chỗ ngồi.

Khuyết tịch là vắng mặt tại một phiên xử nơi tòa án hay tại một hội nghị.

KHUYNH

Khuyh gia bại sản

傾家敗產

A: To ruin one's family.

P: Ruiner sa famille.

Khuyh: nghiêng đổ. **Gia:** nhà. **Bại:** tiêu tan, đổ nát. **Sản:** của cải làm ra.

Khuyh gia bại sản là nhà cửa đổ nát, tài sản tiêu tan.

Thành ngữ này đồng nghĩa với: Tán gia bại sản, Khuyh gia đảng sản.

KHỨ

KHỨ

KHỨ: 去 Đi, đã qua, bỏ mất.

Td: Khứ hồi, Khứ niên.

Khứ hồi

去回

A: To go and to come back.

P: Aller et revenir.

Khứ: Đi, đã qua, bỏ mất. **Hồi:** trở về.

Khứ hồi là đi và về.

Khứ niên

去年

A: Last year.

P: Année passée.

Khứ: Đi, đã qua, bỏ mất. **Niên:** năm.

Khứ niên là năm qua, tức là năm ngoái.

KHỬ

KHỬ

KHỬ: 去 Trừ bỏ, làm cho tiêu mất.

Td: Khử loạn, Khử tội.

Khử ám hồi minh

去暗回明

Khử: Trừ bỏ, làm cho tiêu mất. **Ám:** tối tăm. **Hồi:** trở về.

Minh: sáng.

Khử ám hồi minh là trừ bỏ tối tăm để trở về nẻo sáng.

Ý nói: Bỏ con đường tà, trở lại đường chánh.

KSH: Ăn năn *khử ám hồi minh*.

Khử loạn

去亂

A: To eliminate the rebels.

P: Éliminer les rebelles.

Khử: Trừ bỏ, làm cho tiêu mất. **Loạn:** phản loạn.

Khử loạn là trừ bỏ kẻ phản loạn gây rối trong Đạo.

TNHT: Phải hiệp đồng cùng cả Chức sắc Đại Thiên phong mà *khử loạn*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Khử quỷ trừ ma

去鬼除魔

A: To eliminate the demons.

P: Éliminer les démons.

Khử: Trừ bỏ, làm cho tiêu mất. **Trừ:** loại bỏ, tiêu diệt. **Quỷ ma:** tà ma, quỷ mị, yêu quái, thuộc khối ác trược của Quỷ Vương, làm hại người.

Khử quỷ trừ ma là diệt trừ lũ ma quỷ làm hại người.

Thành ngữ này đồng nghĩa: **Khử trừ quỷ mị.**

KGO: Noi chơn truyền *khử quỷ trừ ma*.

TNHT: Ấy vậy, đạo đức các con là phương pháp *khử trừ quỷ mị*, lại cũng là phương diu dắt các con trở lại cùng Thầy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KGO: Kinh Giải Oan.

Khử tội

去罪

A: To eliminate the sin.

P: Éliminer le péché.

Khử: Trừ bỏ, làm cho tiêu mất. **Tội:** tội lỗi.

Khử tội là tiêu trừ tội lỗi, tức là làm cho hết tội.

TNHT: Các con nên lấy lời răn của Thầy đây làm vị thuốc *khử tội* của các con.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KHƯƠNG

Khương ninh (Khang ninh)

康寧

A: Health and peace.

P: Santé et paix.

Khương: **Khang:** thanh, mạnh khỏe. **Ninh:** bình an.

Khương ninh hay Khang ninh là mạnh khỏe và bình an.

KCS: Hộ thương sanh u hiển *khương ninh*.

KCS: Kinh Cầu Siêu.

Khương Thượng Tử Nha

姜尚子牙

Ngài có họ Khương, tên Thượng, tên chữ là Tử Nha.

Khương Thượng Tử Nha là học trò của Đức Nguơn Thủy Thiên Tôn, Giáo chủ Xiển giáo.

Ông Khương Thượng không có số thành Tiên, nên Đức Giáo chủ Nguơn Thủy truyền cho Khương Thượng trở về trần lập Bảng Phong Thần và thay mặt cho Giáo chủ đọc Sắc

Phong Thần. Do đó, Đức Khương Thượng Tử Nha là vị đứng đầu các Thần, tượng trưng Thần đạo Trung Hoa, và cũng có thể xem Ngài là Giáo chủ Thần đạo Trung Hoa.

Đức Khương Thượng lại được vua Châu Võ Vương phong chức Thái Công, và được vua gọi là Thượng phụ hay Tướng Phụ. Do đó, trong Đạo Cao Đài gọi Ngài là: **Thái Công Tướng Phụ Quảng Pháp Thiên Tôn**.

Trên Thánh tượng Ngũ Chi thờ tại Thiên bàn, Đức Khương Thượng Tử Nha là Đấng ngồi dưới chót hết ở hàng giữa, tượng trưng Thần đạo. Ngài mặc áo vàng có thêu Bát Quái, tay mặt cầm cây roi gọi là Đả Thần tiên, tay trái cầm một cây cờ vàng gọi là Hạnh Huỳnh Kỳ.

- Đả Thần tiên (Đả là đánh, Thần là các vị Thần, tiên là cây roi) do Đức Nguơn Thủy ban cho, dài 3 thước 5 tấc 6 phân (thước Tàu), gồm có 26 mắc, mỗi mắc có 4 điệu bùa.

- Hạnh Huỳnh Kỳ là cây cờ vàng do Đức Nguơn Thủy ban cho, trong lá cờ có thể mà không có chữ. Khi gặp việc nguy biến, chữ sẽ hiện ra trên thẻ, chỉ cho cách đối phó và giải quyết. Khi xô cờ ra che thân thì có hàng ngàn bông sen vàng rủ xuống bảo vệ khắp thân thể không cho bất cứ vật gì xâm phạm vào thân thể.

Ngày Kỷ niệm Thánh đản của Đức Khương Thượng Tử Nha là ngày 18 tháng 4 âm lịch hằng năm.

Nguyên thuở trước, Ông Tổ của Khương Thượng là cháu của vua Thần Nông, tên Bá Ích, được phong làm Lữ Hầu, nên kể từ đó lấy họ Lữ (hay Lã), sau lại có công trị thủy nên theo họ Khương. Bởi vậy có hai họ: Lữ và Khương.

Đức Khương Thượng, tên tộc là Vọng, nên gọi là Lữ Vọng hay Lã Vọng, tên chữ là Tử Nha, hiệu là Phi Hùng (gấu bay), quê quán ở Hứa Châu.

Năm Khương Thượng 32 tuổi, lòng mộ đạo nên đi lên núi Côn Lôn xin học Đạo với Đức Nguơn Thủy Thiên Tôn, Giáo chủ Xiển giáo. Ở núi tu 40 năm, Khương Thượng được 72 tuổi, thì Đức Nguơn Thủy gọi lên bảo:

- Số người chưa thành Tiên đặng, hưởng lộc có dư. Nay Thành Thang hết vận có Tây Châu ra đời. Người phải thay

mặt Ta mà xuống thế, ra công giúp nhà Châu, cầm Bàng Phong Thần, sống làm tướng, thác làm Thần, công tu 40 năm, danh để muôn thuở.

Khương Thượng nói:

- Nay vâng lời thầy trở lại chốn phàm trần, chẳng hay việc tới thế nào, xin thầy cho biết.

- Ta có 8 câu kệ chỉ rõ trọn đời của ngươi, giống như lời sấm, rán mà nhớ lấy:

*Mười năm chịu túng áo còn bầu,
Gượng gạo mua vui chớ chác sầu.
Ngồi đá Bàn Khê câu đọi vận,
Chờ xe vương giả rước về lầu.
Tám mươi lẻ nửa mang đai ngọc,
Chín chục dư ba buộc ấn hầu.
Mậu Ngũ chư Hầu trăm trấn phụng,
Phong Thần chín tám bốn Xuân Thu.*

Đức Nguơn Thủy ngâm kệ xong, nói:

- Bây giờ ngươi xuống trần, ngày sau cũng trở về núi.

Tử Nha lay thầy, giã bạn, ra khỏi Cung Ngọc Hư, trở về trần. Nhớ lại không còn bà con, chỉ có người bạn là Tống Dị Nhon đang ở đất Triều ca, Tử Nha liền đến đó để nương nhờ.

Tống Dị Nhon gặp Tử Nha mừng rỡ hỏi:

- Chú bây giờ ăn chay hay mặn để bày trẻ lo cơm nước?

- Cũng tiếng là kẻ tu hành, đâu dám dùng rượu thịt.

Tống Dị Nhon nhận Tử Nha làm em kết nghĩa, thấy Tử Nha đã già mà không có con nối hậu, nên tính cưới vợ cho Tử Nha. Dị Nhon hỏi cưới Mã thị, con gái lẽ thời của Mã Viên Ngoại cho Tử Nha. Mã thị năm đó đã 68 tuổi.

Có bài thơ ghi lại việc này:

*Tu chẳng thành Tiên, tiếc Tử Nha,
Về trần cưới vợ lạ thay là!
Sáu mươi tám tuổi nhàh dâu xé,
Bảy chục dư hai cái rế già.
Xem đuốc hàm râu e lửa tấp,
Soi gương mái tóc tợ sương sa.*

*Lá lay Nguyệt Lão xe tơ muộn,
Đấu đến trăm năm nhắm chẳng xa.*

Mã thị nói với Từ Nha phải tìm cách làm ăn sinh sống, chớ nên nhờ vả Tống Dị Nhon hoài. Từ Nha nói biết đan gàu giai, nên đi chẻ tre, đan một gánh gàu giai đem xuống chợ bán. Ngồi từ sáng đến chiều mà chẳng có ai hỏi mua gàu, đành gánh trở về, bụng đói lã, lại khát nước mà chẳng có một đồng trong túi để mua.

Mã thị lại bày ra việc xay bột lúa mì. Xay xong, bảo Từ Nha gánh bột xuống chợ Triều ca để bán, cũng vẫn không có ai mua, lại bị ngựa của quan chạy qua làm đổ hết gánh bột.

Tống Dị Nhon thấy Mã thị luôn luôn đốc thúc Từ Nha kiếm việc làm ăn, nên Dị Nhon đề nghị, mỗi ngày Từ Nha đến một quán rượu của ông nơi chợ Triều ca, đứng làm chủ bán hàng và sẽ cho Từ Nha tất cả số tiền lời của ngày hôm đó. Ngày mai khởi sự để Từ Nha đứng bán tại quán họ Trương là chỗ đông khách nhất. Họ Trương truyền cho bọn giúp việc trong quán làm thịt heo, dê, dọn bày đặc biệt hơn ngày thường để Từ Nha có cơ hội bán đắc hàng. Nào ngờ hôm đó, Trời mưa xối xả từ sáng đến chiều, ngoài đường vắng tanh, không khách vào quán, đồ ăn chờ đến chiều sắp thiu, nên Từ Nha đành cho các người làm công dọn ra ăn hết, còn dư thì đem cho các người làm công ở các quán khác. Thế là hôm đó, Từ Nha bị lỗ nặng.

Tống Dị Nhon an ủi:

- Hiền đệ chớ lo, bởi chưa đến thời nên mới xui như vậy. Ngày mai tôi sẽ sai bọn gia đình đi mua cho Hiền đệ một số heo, dê, để Hiền đệ đem ra chợ bán lấy lời, nếu bán không hết thì đem trở về, không sợ lỗ.

Hôm ấy, Từ Nha đem heo dê ra chợ bán, rui nhằm ngày Trụ Vương đảo võ, vì Trời hạn hán đã nửa năm, yết thị dán khắp nơi kêu gọi dân chúng không được làm thịt súc vật trong ngày ấy. Từ Nha không biết, cứ lùa heo dê ra chợ, bị bọn lính rượt bắt. Từ Nha đành bỏ heo, dê, chạy thoát lấy thân về nhà.

Tống Dị Nhon sai người nhà dọn rượu ra nơi vườn hoa để cùng Từ Nha vừa uống rượu vừa ngắm cảnh cho tiêu sầu. Từ

Nha đạo vườn hoa, ngắm nhìn một lát rồi nói:

- Theo khoa địa lý thì nơi đây có linh khí tụ rất nhiều. Nếu anh cất nơi đây 5 căn nhà lớn thì sau này trong nhà anh sẽ có 36 người làm quan.

Dị Nhơn nói:

- Hiền đệ thạo về địa lý thì đó cũng là một nghề sanh sống đó. Chỗ này, đã nhiều lần ngu huynh dựng lên mấy gian nhà, nhưng sau đó liền bị đốt cháy, tôi chắc đó là lửa ma, không thể làm nhà được, đành chừa đất trống vậy.

- Để em chọn ngày tốt cho anh xây cất. Anh cứ lo chuẩn bị cây ván và công thợ, còn vụ lửa ma để em lo cho, có em đây, nhứt định nó không làm gì được đâu.

Hôm cất nhà, Tử Nha ngồi ẩn trong nhà mát theo dõi sự tình. Nửa đêm hôm ấy, có 5 con yêu nổi gió bay đến, cát bụi bay mù mịt. Tử Nha vội bỏ tóc xỏa, cầm gương chỉ mặt 5 con yêu rồi hét lớn:

- Năm con yêu không sa xuống còn đợi chừng nào?

Nói vừa dứt tiếng thì Tử Nha bắt ẩn, tức thì tiếng sấm nổ vang, 5 con yêu sa xuống qui trước mặt Tử Nha năn nỉ:

- Chúng tôi không ngờ có Tiên Ông tại đây, xin lấy lượng khoan hồng tha cho chúng tôi khỏi chết.

- Chúng bây quen thói hung hăng làm càn, vô cớ đốt nhà của người ta mấy lượt, tội chúng bây đáng chết.

Tử Nha nói rồi cầm gương toan chém, 5 con yêu khóc lóc van xin:

- Chúng tôi ra công tu luyện nên mới được như ngày nay, xin Tiên Ông tha mạng chúng tôi làm phước, chúng tôi hứa từ đây về sau chẳng dám làm càn nữa.

- Thôi ta cũng dung tha cho chúng bây một lần làm phước, nhưng chúng bây không được ở đây nữa, phải đến núi Kỳ Sơn tạm trú, chờ lúc chiến chinh ra cho ta sai khiến rồi ta sẽ phong Thần cho.

Dị Nhơn cất nhà được bình an, nên mừng rỡ nói:

- Hiền đệ có tài phép như vậy thật không uổng công tu luyện 40 năm. Hiền đệ lại có tài coi bói, nên tôi dành cho Hiền

đệ một căn phố nơi chợ Triều ca để Hiền đệ mở tiệm coi bói, ngày đêm ở đó luôn.

Ngọc Mỹ Nhơn thử quẻ Khương Thượng:

Tử Nha nghe lời Tống Dị Nhơn mở tiệm coi bói, bói đâu trúng đó, nổi tiếng là vị Thánh nhân, dân chúng tấp nập đến xem bói, trâu được rất nhiều tiền giao cho Mã thị. Mã thị vui mừng và trọng chồng hết sức, không còn chê bai hay đay nghiến chồng như trước nữa.

Bói được nửa năm thì xảy ra vụ Tỳ Bà Tinh.

Tỳ Bà Tinh là một con yêu do cây đàn Tỳ Bà bằng đá hấp thụ khí Âm Dương của Trời Đất qua hàng ngàn năm biến thành. Hôm đó, Tỳ Bà Tinh đi thăm Đắc Kỷ trở về, lúc bay ngang qua căn phố của Tử Nha thấy thiên hạ tấp nập vào xem bói, ai cũng nói thầy bói linh lắm. Tỳ Bà Tinh không tin, cho là chuyện lừa bịp, nên biến hình thành một người đàn bà đẹp gọi là Ngọc Mỹ Nhơn, vào tiệm để thử quẻ Khương Thượng.

Thần nhãn của Khương Thượng thấy rõ người đàn bà này là một con yêu quái hiện hình, nên định giết đi để trừ hại cho dân, liền bảo Ngọc Mỹ Nhơn đưa bàn tay ra để xem bói.

Tử Nha nắm lấy cổ tay, ấn chặt vào mạch môn, dùng phép âm, không cho yêu quái biến hình. Dân chúng thấy vậy tưởng Tử Nha nắm tay con gái làm chuyện dâm dăng nên la lối.

Tử Nha đáp:

- Đây là con yêu tinh nguy hiểm chớ không phải là người đàn bà bình thường, cần phải giết nó để trừ hại cho dân.

Nói rồi lấy nghiên mực đập vào đầu Ngọc Mỹ Nhơn, máu chảy đỏ ối. Ngọc Mỹ Nhơn giãy giụa lung tung nhưng không biến đi được. Dân chúng thấy vậy rất phẫn nộ, đi báo quan. Lúc ấy Thừa Tướng Tỳ Can cỡi ngựa đi qua. Dân chúng kéo cổ Tử Nha ra cho Thừa Tướng xét xử. Dân chúng nói:

- Có lão thầy bói tên là Khương Thượng Tử Nha làm chuyện phạm pháp, lợi dụng nghề coi bói nắm tay đàn bà con gái. Cô ả không chịu, lão thầy bói làm ngang, lấy nghiên mực đánh nàng đổ máu.

Tỳ Can nghe nói vậy thì nổi xung mắng Tử Nha:

- Trên đầu người đã hai thứ tóc, sao không biết xét mình mà làm chi chuyện xấu xa như vậy?

Tử Nha thưa rằng:

- Tôi là người có học, lẽ đâu không biết phép vua. Dầu có lì lợm đến đâu cũng không thể đối xử với đàn bà như vậy. Nhưng quả thật, người đàn bà này là yêu quái trá hình. Tôi thấy tại Triều ca có khí yêu quá lộng, e không trừ sớm thì nước nhà không yên. Xin Thừa Tướng xét lại cho.

Tỷ Can thấy người đàn bà nằm mê man như chết, nói:

- Người đàn bà này bị người đánh chết rồi, người tiếc gì mà còn nắm tay?

Tử Nha đáp:

- Nó làm bộ yêu đó. Nếu tôi thả tay ra, nó liền biến mất thì còn đâu bằng cớ. Dầu Thừa Tướng không xét, chém đầu tôi, tôi cũng không dám thả tay ra.

Tỷ Can bảo quan địa phương giải Tử Nha và người đàn bà đến trước đền vua, rồi vào tâu với vua Trụ. Vua Trụ truyền dẫn Tử Nha vào. Tử Nha vẫn nắm tay kéo thầy Ngọc Mỹ Nhon theo, quì trước bệ rồng tâu rằng:

- Tôi là Khương Thượng, quê ở Hứa Châu, trước đây có học phép Tiên nên biết rõ được yêu quái. Nay tôi đang xem bói, gặp con yêu này giả hình vào quấy rối, nên bắt nó dâng cho Bệ hạ trừ họa cho dân.

Trụ Vương hỏi: - Nó là người đàn bà rõ ràng, sao người nói nó là yêu quái?

Lúc ấy, Đắc Kỷ ở trong cung biết chuyện, than thầm: Khổ quá! Sao em không chịu về thẳng vào động mà lại ghé thử quẻ Khương Thượng làm gì cho phiền. Để chị báo thù cho.

Khương Thượng tâu với Trụ Vương:

- Con mắt người thường không thể phân biệt được yêu quái hay người thường. Xin Bệ hạ cho tôi dùng lửa đốt nó thì nó sẽ hiện nguyên hình cho Bệ hạ thấy.

Trụ Vương bằng lòng. Tử Nha họa bùa trên xoáy của Ngọc Mỹ Nhon để nó không biến đi được, rồi ném vào lửa. Lửa đốt 2 giờ mà xác con yêu vẫn còn nguyên, không hề bị cháy. Mọi

người lấy làm lạ, có phần tin lời Khương Thượng nó là yêu quái, vì xác người thường thì đã cháy thành tro rồi.

Trụ Vương sai Tỳ Can hỏi xem nó là yêu quái gì?

Tử Nha nói:

- Để tôi bắt nó hiện hình cho mọi người thấy.

Nói xong, Tử Nha dùng lửa Tam Muội trong con mắt và lỗ mũi phun ra. Tỳ Bà Tinh thất kinh, lồm cồm ngồi dậy nói:

- Ta không cừ oán chi với ngươi, sao ngươi dùng lửa Thần đốt ta?

- Ngươi là yêu quái tác hại mọi người, ta giết ngươi để cứu dân chớ đâu phải thù oán.

Vua Trụ và triều thần thấy người đàn bà đã chết, lửa củi đốt không cháy, lại ngồi dậy trong lửa nói được thì thất kinh hồn vía, hoảng sợ thối lui. Tử Nha tâu:

- Xin Bệ hạ lui vào trong cho mau kéo sấm nổ.

Đợi cho vua Trụ vào khuất bên trong, Tử Nha vỗ hai tay, tức thì sấm nổ vang, yêu tinh liền hiện nguyên hình là cây đàn Tỳ Bà bằng ngọc thạch rất đẹp nằm giữa sân châu.

Hoạn quan vào cung báo cho vua Trụ biết.

Vua Trụ hỏi Đắc Kỷ:

- Đàn Tỳ Bà bằng ngọc thạch làm sao thành tinh được?

Đắc Kỷ rất đau xót, nhưng cố cứu Tỳ Bà Tinh, nói:

- Xin Bệ hạ cho thần thiếp cây đàn Tỳ Bà ấy để thần thiếp đờn cho Bê hạ nghe.

Trụ Vương sợ đàn Tỳ Bà thành tinh trở lại nên không muốn đem vào cung. Đắc Kỷ nói:

- Yêu tinh đã chết thành cây đàn vô tri, làm sao thành tinh trở lại được, Bệ hạ chớ lo.

Vua Trụ nghe theo, truyền lấy cây đàn Tỳ Bà giao cho Đắc Kỷ. Đắc Kỷ đem đàn Tỳ Bà đặt trên lầu Trích Tinh để cho hấp thụ khí Âm Dương của Nhật Nguyệt trong 6 năm, Tỳ Bà Tinh sẽ hiện hình trở lại thành người.

Đắc Kỷ lập kế trả oán Khương Thượng, nên tâu:

- Khương Thượng có tài giỏi trừ được yêu quái, đáng

được trọng dụng, xin Bệ hạ phong tước cho Khương Thượng

Trụ Vương truyền đòi Khương Thượng vào triều, phong cho chức Tư Thiên, coi việc Thiên văn. Từ Nha vâng mạng lãnh chức và lãnh áo mào làm quan.

Từ Nha trở về nhà, Dị Nhon thấy áo mào xuê xang thì mừng lắm, nhứt là Mã thị, nay thấy chồng làm quan vinh hiển thì trọng chồng hết sức, mở tiệc ăn mừng.

Đắc Kỷ luôn luôn tìm cách hãm hại Khương Thượng để trả thù cho Tỳ Bà Tinh. Ngày kia, Đắc Kỷ vẽ một họa đồ rất công phu xây cất Lộc đài theo kiểu cảnh Tiên ở Bồng Lai, để vui thú cùng Trụ Vương, lại có thể trả thù được Khương Thượng. Đắc Kỷ tiến cử Khương Thượng làm chức Đốc Công xây cất Lộc đài. Vua Trụ nghe theo, đòi Khương Thượng vào dạy việc. Khương Thượng được lệnh liền bói một quẻ thì biết rõ tai họa sắp đến với mình.

Khương Thượng rất có cảm tình với Thừa Tướng Tỳ Can, nên viết mấy lời tiên tri bỏ vào bao thơ niêm kín lại, đem đến trao cho Tỳ Can và nói:

- Nếu sau này Ngài có điều nguy hiểm, Ngài nên theo lời dặn trong thơ này mà làm thì may ra tránh khỏi tai vạ. Đó là tôi đền ơn Ngài vậy.

Từ Nha vâng chiếu vào triều yết kiến Trụ Vương, thấy Trụ Vương đang ngồi uống rượu với Đắc Kỷ. Vua phán:

- Nay Trẫm muốn cất Lộc đài, nhưng trong triều xem ra không ai đủ tài giúp Trẫm. Khanh thay mặt Trẫm hoàn thành Lộc đài thì công của Khanh chẳng nhỏ.

Từ Nha tiếp lấy họa đồ Lộc đài xem thì thấy công trình này rất xa xỉ, dùng rất nhiều châu ngọc để trang trí, chạm trở tinh vi, bèn nghĩ thầm: Triều ca là chỗ ở tạm của ta, lẽ đâu ta hùa theo hôn quân để hại dân hại nước. Chi bằng ta tìm lời thoái thác, không được thì bỏn tẩu, chẳng để lụy thân.

Từ Nha tâu:

- Lộc đài cao 49 thước, dùng rất nhiều châu ngọc gắn khắp nơi, đâu đâu cũng đều chạm trở tinh vi. Muốn hoàn thành đài này, ít nhất phải làm trong 35 năm.

Đắc Kỷ bắt bẻ:

- Lão thầy bói này quen tánh nổi dối, cất một cái đài, dầu lâu đến đâu cũng không quá 3 năm. Tử Nha có ý khi quân, không muốn làm tội Bệ hạ, xin đem xử bào lạc cho rồi.

Trụ Vương còn đang lưỡng lự thì Tử Nha tâu tiếp:

- Tôi xin Bệ hạ chớ nghĩ đến việc hưởng hết lạc thú ở đời mà quên cái khổ của muôn dân. Trong lúc kho tàng trống rỗng, dân gặp hạn hán, lúa không đủ ăn, tôi trung chán nản triều chánh, lữ nhĩ lợi dụng tình thế gièm pha, cái nguy vong của nước nhà thấy rõ. Xưa vua Kiệt lập cung Quỳnh Dao mà mất nước, nay Bệ hạ lập Lộc đài là đi theo con đường ấy, e cơ nghiệp sẽ về tay một chư Hầu khác. Tuy đã muộn, nhưng cũng còn có thể cứu nguy được nếu Bệ hạ biết sửa mình, chinh phục nhơn tâm, lo cho xã tắc. Tôi tri ân Bệ hạ, nên có lời tâm huyết, không nở lấy mắt nhìn.

Vua Trụ nổi giận mắng:

- Đứa già miệng dám mắng vua, nếu không trừng phạt thì còn ai kính nể Trẫm nữa. Quân này, hãy đem bào lạc đốt lão già này để làm gương cho kẻ khác.

Võ sĩ áp tới bắt Tử Nha, Tử Nha lẹ chân nhảy xuống lầu, chạy một mạch đến cầu Cửu Long, quân ngự lâm của vua Trụ cũng đuổi theo gần tới. Tử Nha nói lớn:

- Vua Trụ truyền đem bào lạc đốt ta, tánh ta không ưa lửa, nên thả chết dưới nước cho được mát thân.

Nói rồi nhảy ùm xuống nước mất dạng.

Quân ngự lâm trở về báo với vua Trụ là Tử Nha đã nhảy xuống sông tự vận, chết mất xác.

Tử Nha là học trò Tiên, có phép thần thông, nên khi nhảy xuống nước thì độn thủy trở về nhà, đi vào trang viện của Tống Dị Nhơn. Mã thị nghe chồng về, tưởng Tử Nha còn làm quan, nên vội vã đón tiếp.

Tử Nha thuật rõ đầu đuôi công việc xảy ra, rồi nói với vợ là Mã thị nên cùng trốn qua Tây Kỳ lánh nạn. Mã thị thấy Tử Nha không còn làm quan nữa, lại là kẻ đang có tội với vua, nên tức giận nói:

- Tôi là dân triều ca, không phải kẻ trôi sông lạc chợ mà

quên tổ tông, bỏ quê bỏ xứ. Nay đã ra có sự như vậy, ông không thể ở đây được nữa, còn tôi không thể theo ông qua xứ khác, vậy từ đây, mạnh ai nấy lo, ông làm từ ly dị cho tôi.

Tử Nha khuyên can vợ mấy lần mà không được, buộc phải viết tờ ly dị giao cho Mã thị, buồn bã ngâm 4 câu thơ:

Miệng con rắn hà nàm,
Nọc con ong vò vẽ,
Hai món độc còn vừa,
Bụng đàn bà quá lẽ.

Tử Nha vội sửa soạn hành lý, vào từ giã Dị Nhơn:

- Nhờ anh chị đùm bọc bấy lâu nay, tôi chưa trả được ơn sâu, lại phải tìm đường trốn tránh. Nay tôi qua lánh nạn nơi Tây Kỳ, ở đó có sanh chúa Thánh, chờ đợi ít lâu để tiến thân.

Dị Nhơn hết sức an ủi, làm tiệc tiễn hành, dặn Tử Nha sớm gửi thơ cho biết tin tức. Tử Nha tạ ơn rồi từ biệt lên đường.

Tử Nha qua khỏi sông Mạnh Tân và sông Hoàng Hà, đến ải Đồng quan là ải địa đầu của triều ca, thấy một số người rất đông vừa đi vừa than thở. Nhìn lối ăn mặc, Tử Nha biết họ là dân ở Triều ca, vội hỏi:

- Các người ở Triều ca, sao lại đến đây than khóc?

Trong đám ấy, có người biết Tử Nha nên đáp:

- Chúng tôi thật là dân Triều ca, nhưng vì vua Trụ cất Lộc đài, khiến Sùng Hầu Hổ làm Đốc Công, nó ăn của nhà giàu, bắt dân nghèo làm thực mạng, một số đã chết vì đói khát, chúng tôi phải bỏ trốn, vì chịu không nổi.

- Các ông trốn đến đây thoát nạn rồi, sao còn than thở?

- Chúng tôi bị Tổng Binh trấn ải không cho qua ải ty nạn, lại đuổi chúng tôi trở lại Triều ca, chắc phải chết.

Tử Nha bảo dân chúng hãy yên tâm, để ông làm phép đưa dân qua ải, vào canh ba, khi nghe có gió lớn thì nhắm mắt lại, kẻ nào mở mắt ra thì mang họa đó, xin báo trước.

Đến canh ba, Tử Nha hướng về núi Côn Lôn quỳ lạy một hồi rồi niệm chú. Tức thì giông gió nổi lên, Tử Nha bảo dân chúng nhắm mắt lại, chừng gió hết thổi mới mở mắt ra.

Trận gió thần thổi đám dân chúng bay qua các ải Xuyên

Vân, Ty Thủy, Giới Bài, đến núi Kim Kê xứ Tây Kỳ thì Tử Nha thân phép lại, giông gió lặng yên. Tử Nha bảo dân chúng hãy mở mắt ra rồi nói:

- Đây là núi Kim Kê thuộc xứ Tây Kỳ, đọi sáng, chúng ta sẽ đi vào Tây Kỳ.

Sáng sớm, dân chúng dắt díu nhau vào Tây Kỳ xin tỵ nạn. Còn Tử Nha đến ẩn mặt tại Bàn Khê, gieo câu sông Vy chờ thời, đói ăn trái cây, khát uống nước suối, vui thì xem kinh luyện phép, buồn thì câu cá giải khuây, ngâm thơ:

Về thế tám thu chầy,
Trần ai chịu đọa đây,
Nửa năm nương đất Trụ,
Một khắc đến non Tây.
Sợ nợ kinh luân đó,
Miếng mồi thao lược đây.
Trước là câu cá nước,
Sau đọi hội rồng mây.

Có một chú tiêu tên Võ Kiết nghe Tử Nha ngâm thơ thì đến hỏi, Tử Nha đáp:

- Tôi ở Hứa Châu, họ Khương tên Thượng, tên chữ là Tử Nha, biệt hiệu là Phi Hùng,

Võ Kiết cười lớn nói:

- Ông xưng hiệu là con khỉ ốm thì khỏi ai bắt bẻ.

Võ Kiết lại nắm cần câu dở lên thấy lưỡi câu ngay đơ thì vỗ tay cười ngất rồi chặc lưỡi than:

- Hễ có trí thì tuổi thơ cũng có trí, hễ không mưu thì đầu bạc cũng không mưu. Muốn câu cá mà để lưỡi câu ngay đơ thì đời nào bắt được cá, để tôi dạy ông uốn lưỡi câu.

Tử Nha nói:

- Người biết một mà chẳng biết hai. Ta không dùng lưỡi câu cong để câu cá câu tôm, chỉ dùng lưỡi câu ngay để câu thời câu vận.

Ngày chờ thời giờ quý,
Vây được của không cầu,
Chẳng kiếm tôm kiếm cá,

Mà kiếm công kiếm hầu.

Rồi Từ Nha nhìn ngay mặt Võ Kiết nói:

- Khí sắc của ngươi xấu lắm!

Nói rồi ngâm bài thơ:

Mắt nọ đỏ bầm bầm,
Tròng kia xanh dạng sạn,
Ra phố đánh chết người,
Chúng bắt thường nhưn mạng.

Võ Kiết nạt lớn:

- Nãy giờ tôi nói giỡn với ông một chút không hại gì, sao ông lại độc miệng rửa tôi như vậy?

Dứt lời, Võ Kiết hậm hực gánh củi lên vai đi thẳng xuống chợ Tây Kỳ, không thèm quay đầu lại.

Hôm ấy, vua Văn Vương ngồi xe qua Linh đài bói quẻ, quan quân theo hầu rất đông. Võ Kiết quay gánh củi tránh đường, rủi đụng vào màng tang của một tên lính làm tên lính chết tươi. Võ Kiết bị bắt phải thường nhưn mạng. Văn Vương vẽ một vòng tròn dưới đất làm trại giam, cắm một cái cây trước cửa Nam làm tên quân canh, bắt Võ Kiết đứng trong vòng tròn. Xong rồi ai nấy đi hết.

Võ Kiết ngồi trong vòng 3 ngày, nhớ tới mẹ, khóc lớn. quan Đại phu Táng Nghi Sanh đi ngang qua thấy vậy hỏi:

- Hôm trước ngươi đụng chết tên lính, mạng thể mạng là lẽ thường, oan ức gì mà khóc dữ vậy?

- Tôi rủi làm chết người nên đâu dám than thở, ngặt tôi còn mẹ già, không ai nuôi dưỡng, không có tôi chắc mẹ tôi phải chết đói. Tôi nghĩ tôi bất hiếu nên tử phạt khóc than.

Táng Nghi Sanh thương tình nên tâu với vua Văn Vương cho Võ Kiết trở về lo châu cấp cho mẹ nó rồi đến mùa thu năm tới sẽ trở lại nạp mạng. Văn Vương bằng lòng.

Võ Kiết trở về gặp mẹ than khóc, rồi thuật lại hết các việc xảy ra cho mẹ nghe. Bà mẹ nói:

- Ông già câu cá ở Bàn Khê có tài coi tướng rất hay, con đến cầu khẩn may ra ông già ấy cứu được con.

Võ Kiết nghe lời mẹ, lật đật chạy đến Bàn Khê, xin Từ Nha

cứu mạng. Tử Nha thương Võ Kiết là con hiếu thảo, nên chịu cứu, nhận Võ Kiết làm đồ đệ, dặn Võ Kiết về nhà đào một cái huyệt dưới gầm giường, sâu 4 thước (thước Tàu), tối xuống nằm dưới huyệt ấy mà ngủ, dặn bà mẹ thắp 2 ngọn đèn chong: một đặt dưới chân, một đặt trên đầu, rồi hốt 3 nắm gạo rắc lên mình, tử một mớ cỏ xanh trên miệng huyệt. Còn ta ở đây, sẽ làm phép cứu người. Sáng dậy, người cứ leo lên đi đống củi như thường, người sẽ bình an vô sự, không cần phải đi nạp mạng.

Võ Kiết mừng rỡ, lạy thầy rồi thoát chạy về nhà lo làm các việc đúng như lời thầy dạy.

Sau đó, Tử Nha dạy võ nghệ cho Võ Kiết luyện tập thuần thục chờ ngày sau xông pha trận mạc để lập công danh.

Mùa thu năm sau, Táng Nghi Sanh không thấy Võ Kiết đến nạp mạng nên tâu cho vua Văn Vương rõ. Văn Vương xử quẻ thấy Võ Kiết đã chết nên bỏ qua.

Mùa Xuân năm sau, Văn Vương cùng triều thần cỡi ngựa du Xuân ngoài thành Tây Kỳ, chợt Táng Nghi Sanh trông thấy Võ Kiết, truyền lính bắt lại, đem trình Văn Vương. Táng Nghi Sanh hỏi:

- Người hứa với Chúa công là người trở về lo châu cấp cho mẹ già xong thì trở lại chịu tội, sao không giữ lời hứa.

- Bẩm Chúa Công, tôi đâu dám bỏ phép. Bởi có ông già câu cá ở Bàn Khê tên Khương Thượng, tự là Tử Nha, biệt hiệu là Phi Hùng, bảo tôi làm học trò thì cứu tôi khỏi chết. Tôi còn mẹ già, không nỡ chịu chết bỏ mẹ, nên nghe lời để cho thầy tôi làm phép cứu tôi trốn pháp luật, xin Chúa Công nghĩ lại.

Táng Nghi Sanh nghe nói thì mừng rỡ tâu rằng:

- Võ Kiết nói có ông già câu cá ở Bàn Khê biệt hiệu là Phi Hùng thì quả là người mà Chúa Công ứng mộng. Xưa, vua Thương Cao thấy gấu bay mà được ông Phó Duyệt ra phò, nay Chúa Công thấy cọp có cánh chắc là ứng với Khương Thượng. Xin Chúa Công tha tội cho Võ Kiết, khiến nó dẫn đến Bàn Khê rước Khương Thượng về triều.

Văn Vương ra lệnh cho triều thần cùng ăn chay 3 ngày, tắm

gọi cho tinh khiết, sắm sửa lễ vật đến Bàn Khê rước người hiền về triều. Văn Vương rước được Tử Nha thì trọng dụng ngay, phong Tử Nha làm Thừa Tướng, cầm quyền trị nước.

Vua Văn Vương hay tin Sùng Hầu Hồ cùng con là Sùng Ứng Bưu a dua theo vua Trụ, nhập bọn với hai tên nịnh thần là Vụ Hồn và Bí Trọng, hà khắc dân chúng, tiếng oán than thấu đến Trời xanh. Vua Văn Vương cùng với Khương Thượng, đem búa Việt cờ Mao, kéo quân Tây Kỳ chinh phạt Sùng Hầu Hồ, bắt được Sùng Hầu Hồ và Sùng Ứng Bưu, truyền đem giết chết rồi bêu đầu trước cửa thành mà răn chúng. Dân chúng nghe tin thấy đều hả dạ, còn các chư Hầu khác đều thán phục. Văn Vương kéo binh trở về Tây Kỳ.

Sau đó, Văn Vương lâm trọng bệnh, gọi Thái tử Cơ Phát đến bảo làm lễ gọi Khương Thượng là Thượng phụ, rồi gởi gắm con cho Khương Thượng. Văn Vương từ trần, hưởng thọ 97 tuổi. Thái tử Cơ Phát lên nối ngôi xưng hiệu là Võ Vương.

Thái Sư Văn Trọng tại triều đình vua Trụ, thấy thế lực của Tây Kỳ càng ngày càng lớn mạnh, e nguy hiểm cho Trụ Vương, nên cử Trương Quế Phương, Tổng Trấn ải Thanh Long đem 10 muôn binh chinh phạt Tây Kỳ.

Trương Quế Phương có tà thuật, binh của Tử Nha đánh không lại. Tử Nha bế cửa thành, dặn Na Tra và Võ Kiệt giữ thành, Tử Nha độn thổ lên núi Côn Lôn cầu cứu với thầy là Đức Ngươn Thủy. Tử Nha được thầy trao cho BẢNG PHONG THẦN, và dặn nếu đi ra mà có ai kêu thì đừng dừng lại và đừng nói chuyện với người ấy. Nếu không làm y lời thì sẽ bị người ấy kêu 36 đạo binh đến đánh. Tử Nha ôm Bảng Phong Thần đi ra, gặp Thân Công Báo là sư đệ, cũng ở Cung Ngọc Hư kêu lại nói chuyện, nên sau này bị Thân Công Báo kêu 36 đạo binh Triệt giáo đến đánh Tử Nha. Nhưng số oan nghiệt của Tử Nha phải trả, làm sao tránh khỏi.

Thái Sư Văn Trọng mời được 4 vị đạo sĩ ở Cửu Long đảo đến giúp Trương Quế Phương. Bốn vị này là: *Vương Ma, Dương Sum, Cao Hữu Càng và Lý Hưng Bá*, cỡi những con thú lạ, làm cho các ngựa chiến của Tử Nha sợ hãi ngã lăn xuống đất. Tử Nha cự không lại nên phải độn thổ lên núi Côn Lôn lần nữa để cầu cứu thầy.

Lần này, Đức Ngươn Thủy Thiên Tôn ban cho Tử Nha một con thú linh để cỡi tên là Tứ Bất Tướng và hai bửu bối là cây Đả Thần tiên, và Hạnh Huỳnh kỳ. Nhờ các sư huynh của Tử Nha cho các học trò Tiên có phép báu xuống núi giúp Tử Nha nên Tử Nha đánh thắng và giết chết được 4 đạo sĩ ở Cửu Long Đảo.

Thái Sư Văn Trọng lại sai Lỗ Hùng cùng với Vụ Hồn và Bí Trọng đem quân tiếp chiến với Trương Quế Phương.

Tử Nha làm phép tuyết sa, bắt sống được cả ba người, chém lấy ba thủ cấp để tế đài Phong Thần tại núi Kỳ Sơn.

Thái Sư Văn Trọng lại mời được 10 vị Địa Tiên ở Kim Ngao đảo đến lập trận Thập Tuyệt đánh Khương Thượng. Trận này rất dữ, Đức Nhiên Đẳng Đạo Nhơn ở núi Linh Tụ động Kim Giáp chỉ huy 12 vị Đại Tiên ở Cung Ngọc Hư, học trò của Đức Ngươn Thủy Chưởng giáo, mới phá được trận.

Thập nhị Đại Tiên ở Cung Ngọc Hư, học trò Xiển Giáo, kể ra như dưới đây:

1. **Thái Ất Chơn Nhơn**, núi Càn Ngươn, động Kim Quang, có học trò là Na Tra.
2. **Ngọc Đảnh Chơn Nhơn**, núi Ngọc Tuyền, động Kim Hà, có học trò là Dương Tiễn.
3. **Xích Tinh Tử**, núi Cửu Tiên động Đào nguyên, có học trò là Ân Hồng.
4. **Quảng Thành Tử**, núi Thái Hòa động Vân Tiêu, có học trò là Ân Giao.
5. **Vân Trung Tử**, núi Chung Nam động Ngọc Trụ, có học trò là Lôi Chấn Tử.
6. **Đạo Hạnh Thiên Tôn**, núi Kim Đình động Ngọc Ốc, có học trò là Vi Hộ.
7. **Cù Lưu Tôn**, núi Giáp Long động Phi Vân, có học trò là Thổ Hành Tôn.
8. **Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân**, núi Thanh Phong động Tử Dương, có học trò là Dương Nhậm.
9. **Vân Thủ Quảng Pháp Thiên Tôn**, núi Ngũ Long động Vân Tiêu, có học trò là Kim Tra.
10. **Phổ Hiền Chơn nhơn**, núi Phổ Đà động Lạc Đà, có học trò là Mộc Tra.

11. **Tử Hàng Chơn Nhơn**, núi Cửu Cung động Bạch Hạc.
 12. **Huỳnh Long Chơn Nhơn**, núi Nhị Tiên động Ma Cô.

Trận Thập Tuyệt đã bị phá tan. Lần này Thái Sư Văn Trọng thân chinh đánh Khương Thượng, bị các Tiên Xiển Giáo vây đánh. Thái Sư Văn Trọng bại trận, chết nơi núi Tuyệt Long, hồn bay lên đài Phong Thần. Về sau, Đức Khương Thượng đọc sắc phong cho Thái Sư Văn Trọng làm *Cửu Thiên Cảm Ứng Lôì Thinh Phổ Hóa Thiên Tôn*, đứng đầu Lôì Bộ.

Trụ Vương sai thêm nhiều tướng tài khác chinh phạt Tây Kỳ, nhưng tất cả đều thất bại.

Ngày 15 tháng 3 năm thứ 13 đời Châu Võ Vương, nhà vua lập đàn bái tướng, phong Tử Nha làm Đại Nguyên Soái Chinh Đông, họp binh với 800 chư Hầu tại sông Mạnh Tân, cùng đi phạt Trụ. Đức Ngươn Thủy Thiên Tôn giáng hạ ban lời huấn dụ Tử Nha, rồi sai Bạch Hạc Đồng tử rót 3 chung rượu đem đến tiến hành Tử Nha:

- Chung này khuyên người gắng công phò Chúa.

Tử Nha tiếp lấy chung rượu uống cạn.

- Chung này khuyên người trị nước công minh.

Tử Nha cũng lãnh lấy uống cạn.

- Chung này khuyên người sớm họp mặt chư Hầu.

Tử Nha cũng lãnh lấy chung rượu uống cạn.

Tử Nha bạch thầy:

- Nhờ thầy dạy dỗ, đệ tử mới dám lãnh ấn chinh Đông, song không biết đường đi hung kiết thế nào, xin thầy chỉ dạy.

- Người đừng ngại chi cả, hãy nhớ bài kệ này:

*Âi Giải Bài, Tru Tiên lập trận,
 Xuyên Vân sao khỏi gặp Ôn Hoàng.
 Giữ gìn Đạ, Triệu, Quang, Tiên, Đức,
 Qua trận Vạn Tiên thân mới an.*

Sau đó, Đức Ngươn Thủy trở về Cung. Các vị Tiên, sư huynh của Tử Nha, cũng rót rượu mừng và tiến hành Tử Nha chinh Đông.

Tử Nha chuẩn bị đầy đủ 60 muôn binh, vào thỉnh Võ Vương ngự giá thân chinh.

Hai nghĩa sĩ ở núi Thú Dương là Bá Di và Thúc Tề ra cản đầu ngựa, không cho Võ Vương đi đánh Trụ. Tử Nha cố gắng giải thích nhưng hai người như đinh đóng cột không chịu nghe. Quân sĩ phải gỡ tay hai người ra, Võ Vương mới đi khỏi được.

Đi vừa tới núi Kim Kê thì gặp đạo binh của Khổng Tuyền, tướng của vua Trụ cản đường. Nhờ Chuẩn Đề Bồ Tát ở Tây phương đến thấu phục Khổng Tuyền, bắt Khổng Tuyền hiện nguyên hình là một con công đỏ (Châu Khổng Tước), được Đức Chuẩn Đề thấu làm đệ tử, cỡi bay về Tây phương.

Tử Nha kéo binh đến ải Giải Bài thì gặp trận Tru Tiên, trận này rất dữ, do Thông Thiên Giáo chủ lập ra để đánh các Tiên Xiển giáo.

Đức Lão Tử, Đức Ngươn Thủy cùng 12 vị Tiên giáng phàm phá trận Tru Tiên này, có Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Tiếp Dẫn Đạo Nhơn ở Tây phương đến giúp sức. Đức Lão Tử dùng nguyên khí hoá Tam Thanh, đồng đánh vào bốn cửa trận, làm rối trí Thông Thiên Giáo chủ. Hôm sau, Đức Lão Tử, Ngươn Thủy, Đức Chuẩn Đề và Tiếp Dẫn Đạo Nhơn dẫn các đệ tử đến đánh tan trận Tru Tiên, Thông Thiên giáo chủ đại bại hóa hào quang bay trốn mất.

Tử Nha thấu được ải Giải Bài, rồi kéo quân đến ải Xuyên Vân, gặp trận Ôn Hoàng của Lữ Nhạc và Trần Canh. Tại đây, Khương Thượng bị nạn 100 ngày trong trận Ôn Hoàng. Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân sai học trò là Dương Nhậm đem cây quạt Ngũ Hỏa Thần Diệm xuống quạt tiêu trận Ôn Hoàng, cứu được Tử Nha.

Bình Châu đoạt ải Xuyên Vân, liền kéo binh đến ải Đồng Quan. Tướng giữ ải là Dư Hóa Long có 5 người con trai là: Dư Đạt, Dư Triệu, Dư Đức, Dư Quang, Dư Tiên, đều có học phép Triệt giáo, luyện được 5 sắc đậu, rải xuống dinh Châu làm cho tướng sĩ đều bị bệnh đậu đau đớn không dậy nổi. Nếu không có thuốc cứu chữa, thì trong 5 ngày, bệnh phát ra phải chết. Ngọc Đảnh Chơn Nhơn sai Dương Tiên lên Hỏa Vân Động, vào lạy 3 vị Hoàng Đế: Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế, để xin thuốc cứu bệnh. Thần Nông ban cho 3 hoàn thuốc và cây Thăng ma để trị bệnh đậu.

Nhờ uống được thuốc, Tử Nha và tướng sĩ đều lành bệnh,

đồng kéo quân đến đánh ải, giết cha con họ Dư, lấy được ải Đồng Quan.

Thông Thiên Giáo chủ bị bại mấy trận, tức mình lập trận Vạn Tiên, vô cùng lợi hại để đánh các Tiên Xiển giáo trả thù. Đức Lão Tử, Đức Ngươn Thủy và hai vị Phật ở Tây phương phải xuống phàm một lần nữa để phá trận Vạn Tiên. Thông Thiên Giáo chủ phải thua chạy, đến một chân núi kia mới dừng lại ngồi nghỉ, trong lòng rất tức giận, định lập thêm một trận nữa gọi là trận Địa Thủy Hỏa Phong để giết chết hai vị Giáo chủ Xiển giáo thì mới hả dạ.

Giữa lúc đó, nơi hướng Nam có một vùng mây Ngũ sắc hiện ra, hào quang sáng lòa, mùi hương thơm nức, rồi có một Ông Lão đi đến ngâm lời:

*Từ đời Bàn Cổ ẩn trong rừng,
Dạy được ba trò, dạy rất uring,
Xiển giáo chia ra cùng Triệt giáo,
Cho hay cũng một gốc Hồng Quân.*

Thông Thiên Giáo chủ giật mình, biết Thầy mình là Hồng Quân Lão Tổ đi đến, liền quì mọp xuống nghinh tiếp. Hồng Quân Lão Tổ phán:

- Các người, hai bên đều có lỗi lầm cả. Nay phải bỏ lỗi lầm để hòa thuận cùng nhau. Nếu đứa nào không nghe lời, Ta không nhìn là đệ tử của Ta nữa.

Hồng Quân Lão Tổ dắt Thông Thiên đến Lư Bồng để gặp Lão Tử và Ngươn Thủy. Hai vị này lật đật chạy ra khỏi Lư Bồng, quì mọp xuống đất nghinh tiếp Lão Tổ.

Hồng Quân Lão Tổ nói:

- Bởi các người dạy đệ tử không nghiêm, nên sanh ra sát kiếp, Xiển giáo và Triệt giáo giao tranh nhau. Nay Ta xuống đây lo việc giải hòa. Tại Ta không muốn nghe cãi lý, từ nay phải ăn năn chữa lỗi.

Lão Tử và Ngươn Thủy đồng cúi đầu thưa rằng:

- Chúng con không dám cãi lịnh.

Hồng Quân Lão Tổ nói: - Ba đệ tử hãy lại đây Ta bảo.

Lão Tử, Ngươn Thủy và Thông Thiên đến quì trước mặt

Đức Hồng Quân Lão Tổ. Lão Tổ phán:

- Trên bước đường hành đạo, vì giáo lý của hai bên khiếm khuyết nên mới có cuộc tranh hành. Nhưng cũng do mệnh Trời định, gắp rút cho đủ số phong Thần. Song về lỗi lầm thì Thông Thiên lỗi nhiều hơn, không phải Ta thiên vị. Tuy vậy, Ta đến đây không phải để luận phải quấy mà chỉ muốn giảng hòa, vì phải quấy không ích gì, chỉ có thuận hòa mới quý. Mỗi bên phải nhin nhau một chút, rồi bỏ những tánh khí của mình, trở về núi tu hành, đừng sanh sự lôi thôi nữa.

Hồng Quân Lão Tổ lấy trong bầu thuốc ra 3 viên chia cho 3 đệ tử, rồi nói:

- Chúng bây nuốt mỗi đũa 1 viên rồi Ta nói cho nghe.

Ba vị đệ tử uống thuốc xong, Lão Tổ nói:

- Thuốc này không phải thuốc bổ mà là thuốc bệnh, bệnh ấy là bệnh nóng giận. Hãy nghe bài kệ:

Bởi vì ba gã khiến đua tranh,
Lỗi đạo làm em, lỗi phận anh.
Từ ấy còn mong lòng cự địch,
Thuốc linh khắc phạt, mạng tan lành.

Ba vị đệ tử đồng tạ ơn Thầy. Hồng Quân Lão Tổ bảo Thông Thiên theo về Cung Tử Tiêu, không cho dạy học trò nữa.

Lão Tử, Ngươn Thủy và các học trò Tiên đồng lại đưa Hồng Quân Lão Tổ. Xong, Ngươn Thủy nói:

- Nay hai ta và 12 vị đệ tử trở về động tu hành. Còn Từ Nha lo việc phạt Trụ, hoàn thành Bảng Phong Thần rồi mới trở về núi tu luyện.

Khi Ngươn Thủy Thiên Tôn đi được một lúc, Bạch Hạc Đồng tử thấy Thân Công Báo cỡi cọp chạy trốn. Ngươn Thủy liền trao Ngọc Như Ý và truyền Huỳnh Cân Lực sĩ bắt Thân Công Báo trị tội. Huỳnh Cân Lực sĩ đem nạp Thân Công Báo. Ngươn Thủy nói:

- Khi trước ngươi thề làm sao thì bây giờ chịu vậy.

Thân Công Báo cúi mặt làm thỉnh chịu tội. Ngươn Thủy lấy tám nệm quăng ra, Huỳnh Cân Lực sĩ bó Thân Công Báo lại

rồi đem nhận đầu xuồng biển Bắc cho chết đuối.

Tử Nha vào chiếm ải Lâm Đồng, chiêu an bá tánh.

Sau đó, Tử Nha tiến quân đến huyện Dẫn Trì, nhờ lá bùa của Cù Lưu Tôn, Vi Hộ mới giết được tướng thủ thành Dẫn Trì là Trương Khuê.

Tử Nha thỉnh Võ Vương qua sông Hoàng Hà, rồi kéo quân đến Mạnh Tân đóng trại để hội các chư Hầu.

Lúc bấy giờ, Trụ Vương phong Viên Hồng làm Đại Nguyên Soái, đem binh đến Mạnh Tân đánh Khương Thượng.

Viên Hồng là con vợ non bạch tu lâu năm, có Thất thập nhị Huyền Công giống như Dương Tiễn, nên Dương Tiễn đánh nó không thắng nổi, may nhờ bà Nữ Oa cho mượn phép báu là Sơn Hà Xả Tắc Đồ, mới lập kế bắt Viên Hồng giết đi.

Chư Hầu đã họp tại Mạnh Tân đủ mặt, Tử Nha nói:

- Trời định ngày Mậu Ngũ, chư Hầu nhóm đủ mặt để kéo quân đến Triều ca, nay quả thật như vậy.

Các tướng xin Tử Nha cho đánh gấp thành Triều ca, Tử Nha không chịu, sợ chết dân chúng. Tử Nha bèn thảo Tờ Hịch kể tội vua Trụ, nêu cao ơn đức của Võ Vương, khuyên dân trong thành sớm hàng đầu dâng thành, hoặc tìm phương trốn lánh để bảo vệ tánh mạng và tài sản khi quân lính đánh thành.

Tờ Hịch này được chép ra nhiều bản, rồi kẹp vào tên, bắn vào thành Triều ca. Dân chúng trong thành lượm được, xem xong thì hưởng ứng, nửa đêm mở cửa thành rước Tử Nha và các trấn chư Hầu nhập thành.

Trụ Vương hay tin, biết không còn cách nào thoát chết nên lên lầu Trích Tinh tự thiêu mình. Hồn vua Trụ bay lên đài Phong Thần.

Còn ba con yêu: Đắc Kỷ, Hồ Hỷ My, Tỳ Bà Tinh, bị Bà Nữ Oa dùng dây Phược yêu bắt trời giao cho Tử Nha. Ba con yên đồng kêu oan:

- Năm xưa, Nương Nương dùng cây phước chiếu yêu gọi chị em tôi đến, sai vào cung phá trí khôn của Trụ Vương, phá tan cơ nghiệp Thành Thang. Chúng tôi vâng lệnh làm cho Trụ Vương hết vây cánh, nước nhà nghiêng ngửa. Nay chúng tôi

đến định tâm cùng Nương Nương thì bị Dương Tiễn và hai tướng đuổi theo. Nếu Nương Nương bắt chị em tôi giao cho Khương Thượng thì Nương Nương xuất hồ phản hồ sao?

Nữ Oa Nương Nương nói:

- Ta sai chúng bầy phá cơ nghiệp vua Trụ là hợp ý Trời. Ta dặn các người đừng giết hại kẻ vô tội, song chúng bầy không nghe, làm nhiều điều đại ác, tội đáng chết. Sao chúng bầy bảo ta xuất hồ phản hồ?

Ba con yêu cúi mặt làm thỉnh chịu tội. Dương Tiễn, Lôi Chấn Tử và Vi Hộ đem ba con yêu nạp Tử Nha.

Nhờ bầu gương báu của Lục Yểm, Tử Nha mới chém đầu được ba con yêu, rồi cho đem bêu đầu ngoài cửa thành.

Võ Vương bảo Tử Nha phá Lộc đài, lấy châu báu chia cho dân nghèo, mở kho lúa tại Cự Kiêu phát chẩn cho dân bớt đói khổ.

Các trấn chư Hầu đồng tôn Võ Vương lên ngôi Thiên Tử, chấm dứt nhà Ân, mở ra nhà Châu, đại xá thiên hạ.

Tử Nha và Châu Công Đán sắp đặt các việc xong xuôi thì phò Võ Vương trở lại Tây Kỳ. Tử Nha tâu rằng:

- Tôi phạt Trụ đã xong, Bệ hạ dựng nghiệp nhà Châu đã yên, song còn mấy trăm người tử trận chưa được phong Thần, xin Bệ hạ cho tôi lên núi Côn Lôn ít bữa để lãnh sắc nơi Tôn Sư thi hành cho xong việc.

Võ Vương y tấu. Xảy có quân vào báo:

- Có Phi Liêm và Ác Lai là tôi của vua Trụ, trước đây bỏ trốn, nay đem Ngọc Tỷ đến dâng Bệ hạ.

Tử Nha tâu:

- Có Phi Liêm và Ác Lai là hai đứa nịnh của vua Trụ, trong loạn lạc ắt mình, nay thái bình đến đây nhờ tước lộc. Loài gian hùng như vậy còn để làm chi, song tôi có việc dùng, xin Bệ hạ cứ đòi vào phong chức.

Sau đó, Tử Nha độn thổ lên Cung Ngọc Hư, vào ra mắt Đức Ngươn Thủy Thiên Tôn. Ngài nói:

- Ta đã định rồi, Tử Nha hãy trở về đài Phong Thần, sẽ có sắc chỉ đến đó,

Tử Nha lạy thầy rồi độn thổ trở về tâu lại cho Võ Vương rõ, xong đến đài Phong Thần chờ sắc chỉ tới.

Bỗng nghe tiếng nhạc inh ỏi, mùi hương sực nức, ngó thấy Huỳnh Cân Lực sĩ cầm phướn che tàn, Bạch Hạc Đồng tử bưng Sắc ấn từ trên mây hạ xuống. Tử Nha đón nhận sắc chỉ để lên bàn Hương án rồi lạy tạ. Bạch Hạc và Huỳnh Cân Lực sĩ đồng từ giả trở về.

Tử Nha sửa soạn đệ Sắc ấn lên núi Kỳ sơn. Bá Giám hay tin, vội ra nghinh tiếp. Tử Nha vào trong đài, để Sắc ấn trên hương án, truyền cho Võ Kiệt và Nam Cung Hoát làm phướn Bát Quái bằng giấy trắng 8 hướng, làm 10 cây cờ Thiên Can và 12 cây cờ Địa Chi, dẫn binh mã ba ngàn, lập trận Ngũ phương chung quanh đài.

Khương Thượng tắm gội sạch sẽ, truyền đặt bàn Hương án, bên tả dựng Hạnh Huỳnh kỳ, bên hữu dựng Đả Thần tiên, mặc áo giáp, mở Sắc ra tuyên đọc cho các hồn nghe cho rõ:

"Hồn Ngươn Giáo Chủ Ngươn Thủy Thiên Tôn ban sắc:

Hỡi ôi! Tiên phạm khác bậc, người không đạo đức khó thành, quỷ riêng phần, kẻ ở gian tà phải đạo.

Địa Tiên dầu rõ điều biến hóa, không lòng lạnh cũng mất lễ trường sanh. Thiên Tiên tuy thông hiểu huyền quan, ra trận dữ cũng khó thành Chánh quả.

Các người, tuy thông đạo cả, một điều không dập được lửa lòng, ra trận giao phong, sa trường bạc mạng; kiếm kẻ tội ngay con thảo, vì trung này hiếu nọ bỏ mình; có người đức hạnh tiết trinh, bởi lẽ ấy tiết trinh hủy hoại; bị luân hồi báo oán, mắc nhân quả trả oan; nên ta chẳng an, động lòng phải thưởng.

Nay ban sắc cho Khương Thượng, thay mặt ta đứng phong Thần, từ 3 bậc 3 phần, phong vào 8 Bộ. Các người khỏi luân hồi chịu khổ, một lòng cố báo bổ giúp đời, nếu có công được hưởng lộc Trời, bằng có lỗi sẽ bị oai sấm sét."

Tử Nha đọc sắc rồi đem để trên bàn Hương án. Tay tả cầm Hạnh Huỳnh kỳ, tay hữu cầm Đả Thần tiên, gọi lớn:

- Bá Giám, hãy treo Bảng Phong Thần trước đài cho các hồn xem rõ, lúc nào kêu tên, các hồn mới được lên đài.

Bá Giám tuân lệnh, mở Bảng Phong Thần thấy tên mình

đứng trên hết. Các hồn đồng đến xem.

Bổng Tử Nha gọi: Bá Giám nghe sắc.

Bá Giám cầm phước đi lên đài quì xuống. Tử Nha đọc:

- *Thái Thượng Nguyên Thủy truyền sắc: Bá Giám xưa là Nguyên soái của Huỳnh Đế, vâng lệnh đánh Xi Vụ, trước cũng lập công nhiều phen, sau bị chết nơi biển Bắc, hồn trung lạnh lẽo, cũng khá thương, chùng gặp Khương Thượng đem về giữ đài Phong Thần, đứng đầu 8 Bộ, gồm 365 vị.*

Bá Giám lạy tạ ơn rồi xuống đài.

Rồi lần lượt Tử Nha đọc sắc Phong Thần cho các hồn khác đủ trong 8 Bộ. Các vị Thần được phong đều rời khỏi đài, bay đi đến các nơi nhận lãnh phận sự.

Tử Nha xuống đài, truyền cho Nam Cung Hoát về triều ra lệnh cho bá quan văn võ, ngày mai phải đến Kỳ sơn đủ mặt.

Ngày hôm sau, Tử Nha truyền lệnh trói Phi Liêm và Ác Lai đem xử trảm. Hai người kêu oan. Tử Nha nói:

- Hai đứa bây là lũ nịnh gian hùng, bày cho vua Trụ nhiều điều hại dân hại nước, lại trộm ngọc ấn đi đầu Châu, thật không chút lương tâm, sao hai người bảo là vô tội.

Võ sĩ chém xong hai người, Tử Nha lên đài Phong Thần đọc sắc:

- *Thái Thượng Nguyên Thủy truyền sắc: Phi Liêm và Ác Lai là hai tên gian nịnh, ngở trộm ngọc ấn cầu vinh, không dè đem thân đi nạp. Bởi có tên trong Bảng Phong Thần nên khó trốn. Nay phong cho Phi Liêm làm Bạng Tiêu, Ác Lai làm Ngõa Giải, tuy là chức xấu, không được làm hung.*

Phi Liêm và Ác Lai quì nghe đọc sắc xong thì lạy tạ rồi bay đi lãnh chức.

Việc Phong Thần chấm dứt, bá quan lui trở về triều.

Hôm sau, Võ Vương lâm triều. Bầy vị Thánh (Thất Thánh) gồm: Lý Tịnh, Mộc Tra, Kim Tra, Na Tra, Dương Tiễn, Lôị Chấn Tử và Vi Hộ, đồng quì tâu:

- Chúng tôi là người ở núi non, vâng lệnh thầy xuống giúp Bệ hạ. Nay đã thành công, chúng tôi xin trở về núi tu hành, còn việc phú quý, chúng tôi không muốn.

Võ Vương rất buồn rầu, nhưng biết không thể cầm giữ Thất Thánh được, nên truyền làm tiệc tiễn hành tại Trường đình. Võ Vương và Tử Nha gặt lệ chia tay cùng Thất Thánh.

Hôm sau, Võ Vương lâm triều phán:

- Hôm qua 7 vị về non, Trẫm buồn quá sức. Nay đến việc phong các tướng có công trận, Trẫm giao cho Thượng phụ và Ngự đệ Châu Công Đán thay mặt Trẫm làm cho công bằng.

Hai vị liền trở về dinh, bàn tính với nhau, rồi làm sớ tâu trình. Trong sớ xin truy phong cho ba vị Vương tở: Thái Vương, Vương Quý, Văn Vương, đồng làm Thiên Tử. Châu Công Đán làm Lỗ Hầu cai trị nước Lỗ, Khương Thượng làm Tề Hầu cai trị nước Tề, v

Võ Vương truyền dời đô về phủ Tây An, huyện Hàm Dương. Sau đó, ban búa Việt cờ Mao cho Khương Thái Công về nước Tề an dưỡng tuổi già, được quyền chinh phạt các nơi. Khương Thái Công đến nước Tề, nhớ đến người anh kết nghĩa Tống Dị Nhon là ân nhân của mình, nên tìm đến rước về chung hưởng giàu sang, nhưng vợ chồng Dị Nhon đều đã qua đời, con cháu đều rất giàu sang.

Khương Thái Công cai trị nước Tề được 5 tháng thì dân chúng nghiêm trang, thái bình thịnh trị.

Thái Công có vợ, sanh được hai người con trai, con trưởng tên là Cáp. Thái Công nhớ lời thầy dạy, truyền ngôi cho con là Cáp, rồi Thái Công trở về non tu luyện. Còn con trai kế được Võ Vương phong làm Kỷ Hầu, cai trị nước Kỷ.

Trong Kinh Tam Nguơn Giác Thế, có bài Thánh giáo của Khương Thái Công giảng cơ ban cho, xin chép ra dưới đây:

Đêm 16 tháng Giêng năm Nhâm Thân (1932)

THI:

NGÃ ý tẩn giao kết thiện nhon,
KHƯƠNG ninh duy hữu đức tài chơn.
THÁI dương nhứt xuất giang sơn hiện,
CÔNG trực phò trì hữu thiện dươn. (duyên)

DIỄN DỤ:

Con người ở thế gian là chỗ ân oán trả vay, đền bồi đòi kéo, ấy là nợ tiền khiên oan trái. Còn một điều khổ nhứt là:

Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Người làm quan, dầu đeo ấn soái, đề binh khiển tướng, chinh Nam phạt Bắc, quản suất vạn binh, sức mạnh như hùm, vạn phu nan địch, rủi cảm sương phong, nhuộm trâm kha chi bệnh, thì gió thổi cũng xiêu, có lấy chi làm võ nghệ, còn rủi bị sâm thần vu tấu, gặp lúc hôn quân mà bị hình thì vinh hiển như huỳnh lương chi mệnh.

Làm giàu chịu chữ bất nhơn, cả nhà quyền thuộc chung hưởng, tội bất nhơn gánh vác một mình. Khi giàu sang, thiếu chi thân bằng cố hữu, thê thê thiếp thiếp; gặp lúc nghèo, vợ ở lảng, thiếp làm ngơ, bà con biếng ngó, lời ngạn ngữ cũng chẳng thông, tôi tớ đều lờn mặt.

Vậy, người ở thế gian, dầu giàu sang danh lợi, có ích chi mà lại buộc điều oan gia trái chủ, xét lại chẳng hơn một chữ nhân, tu hành khỏi lo ràng buộc.

Khuyên thế trước lo xử nợ tiền khiên và đừng gây thêm mối nợ rồi bị luân hồi mà vay trả

Ta khi ở thế, xét đủ việc đời bĩ thối, nên ngã lòng việc thế gian, tầm thầy học đạo, đặng mối chơn truyền. Học đạo Tiên gia đã 40 năm, cũng vì kiếp trước gây nợ với Thân Công Báo 36 khoản, cho nên lúc phạt Trụ hưng Châu, thầy ta sai trở lại dương trần mà phụ tá Võ Vương cho thành đế nghiệp, và trả việc cừu hận của Thân Công Báo cho rồi rảnh.

Ta khuyên thiện nam tín nữ lo tu và xử cho hết nợ hồng trần thì ngày sau khỏi tái sanh mà trả nợ.

THI RẰNG:

Trần gian là chỗ kết oan gia,
 Nợ nước ơn vua với đạo nhà.
 Trái chủ khi cho ra có một,
 Người vay lúc trả phải hườn ba.
 Bưng vinh thẳng bước niên còn trẻ,
 Gánh nhục dừng chơn tuổi đã già.
 Thuyền lữ chơi vui dòng khổ hải,
 Nhắm chừng bể ngạn rán lần qua.

KHƯƠNG THÁI CÔNG

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục vần L

LA

- La võng

LẠC

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Lạc • Lạc cực bi sanh • Lạc dĩ vong ưu • Lạc đạo vong bản • Lạc hậu • Lạc Hồng | <ul style="list-style-type: none"> • Lạc hứng khẩu cung
giai miễn lễ • Lạc quốc • Lạc quyền • Lạc thành • Lạc thư |
|---|--|

LAI

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Lai • Lai nhựt - Lai niên | <ul style="list-style-type: none"> • Lai sinh |
|--|--|

LẠI

- Lại viện

LẠM

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> • Lạm • Lạm dự | <ul style="list-style-type: none"> • Lạm quyền |
|---|---|

LAN

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> • Lan • Lan tàn ngọc chiết | <ul style="list-style-type: none"> • Lan tư huệ chất |
|---|---|

LANG

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> • Lang độc | <ul style="list-style-type: none"> • Lang sa |
|--|---|

LÃNG

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> • Lãng • Lãng phí | <ul style="list-style-type: none"> • Lãng tử |
|--|---|

LÃNH

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Lãnh • Lãnh hội | <ul style="list-style-type: none"> • Lãnh mệnh • Lãnh tụ |
|--|--|

LAO

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> • Lao • Lao công hạn mã • Lao lung | <ul style="list-style-type: none"> • Lao lý • Lao tâm tiêu tử |
|--|---|

LÃO

- Lão
- Lão bạng sinh châu
- Lão Đam
- Lão giáo
- Lão hủ
- Lão mã thức đồ
- Lão Quân
- Lão thành
- Lão Tô: Tô Đông Pha
- Lão Trang
- Lão Tử

LẠY

- Lạy là gì?

LÂM

- Lâm chung
- Lâm tuyền khoáng dã

LÂN

- Lân
- Lân bang Nam quốc
- Lân mẫn ân cần
- Lân tuất thương sanh

LẤP

- Lấp ngõ tài hiền

LẬP

- Lập
- Lập công chiết quả
- Lập công chiết tội
- Lập đức
- Lập lệ
- Lập luận
- Lập ngôn
- Lập pháp
- Lập thân hành đạo
- Lập thệ
- Lập trường
- Lập vị

LÊ

- Lê
- Lê dân
- Lê hoắc
- Lê nguyên - Lê thứ

LỄ

- Lễ
- Lễ bạc tâm thành
- Lễ bái
- Lễ giáo
- Lễ nghi phong hóa
- Lễ nghĩa
- Lễ Nhạc
- Lễ Phật khán kinh
- Lễ Sanh
- Lễ sĩ
- Lễ sính
- Lễ thành
- Lễ triều Chí Linh
- Lễ vật
- Lễ Viện

LỆ

- Lệ châu
- Lệ thuộc

LI, LÍ

- Li, Lí

LỊCH

- Lịch
- Lịch sự
- Lịch đại tiên vong
- Lịch thư
- Lịch lãm - Lịch duyệt
- Lịch triều

LIÊM

- Liêm sĩ
- Liêm sĩ

LIÊN

- Liên
- Liên đới
- Liên bản tuất khổ
- Liên hoa
- Liên đài
- Liên thần
- Liên đối (Liễn đối)
- Liên tòa

LIỆT

- Liệt
- Liệt Thánh
- Liệt cường
- Liệt truyện
- Liệt nhược
- Liệt vị
- Liệt nữ bất giá nhị phu

LIỄU

- Liễu
- Liễu ngộ
- Liễu đạo
- Liễu yếu

LIỆU

- Liệu
- Liệu lượng
- Liệu biện

LINH

- Linh
- Linh oai
- Linh cảm
- Linh phan
- Linh chinh
- Linh quang
- Linh cứu
- Linh sàng - Linh tọa
- Linh diệu
- Linh tánh
- Linh dục
- Linh tâm
- Linh đài
- Linh Tiêu Điện
- Linh hiển
- Linh vị
- Linh hồn
- Linh xa

LỊNH

- Lịnh bài (Lệnh bài)

LOAN

- Loan phụng hòa minh

LOÁN

- Loán vào

LOẠN

- Loạn
- Loạn hàng thất thứ
- Loạn luân
- Loạn ngôn
- Loạn thần tặc tử

LONG

- Long
- Long cung
- Long đong
- Long đầu xà vĩ
- Long Hoa (Hội Long Hoa)
- Long Hoa Thị
- Long hưng
- Long mã phụ Hà đồ
- Long mạch
- Long phụng
- Long trời lở đất
- Long trọng
- Long Tu Phiến
- Long Tuyền Kiếm
- Long vân
- Long vị

LÒNG

- Lòng đơn
- Lòng trần - Lòng tục

LỔ

- Lổ Ban
- Lổ Bộ

LỘ

- Lộ
- Lộ bát thập di
- Lộ dao tri mã lục
- Lộ điện
- Lộ trình
- Lộ vĩ tàng đầu

LÔI

- Lôi
- Lôi Âm Cổ đài
- Lôi Âm Cổ khởi
- Lôi Âm Tự
- Lôi Âm Tự phá cổ
- Lôi Công - Bộ Lôi Công

LỖI

- Lỗi lạc kỳ tài
- Lỗi thệ

LỘNG

- Lộng
- Lộng chương - Lộng ngĩa
- Lộng giả thành chơn
- Lộng ngôn
- Lộng quyền

LỢI

- Lợi
- Lợi bất cập hại
- Lợi danh - Lợi quyền
- Lợi dục huân tâm
- Lợi khí
- Lợi linh trí hôn
- Lợi sanh
- Lợi tha - Lợi kỷ

LŨ

- Lũ
- Lũ giáo bất cải
- Lũ tiến
- Lũ truyền bửu kinh dĩ giác thể

LUÂN

- Luân
- Luân chuyển
- Luân hồi
- Luân lạc
- Luân lý học
- Luân thường

LUẬN

- Luận
- Luận biện
- Luận lý học
- Luận ý

LUẬT

- Luật
- Luật định thiên nhiên
- Luật lệ Cao Đài
- Luật hình
- Luật lệnh
- Luật pháp chơn truyền
- Luật Sự

LỤC

- Lục
- Lục bát - Song thất Lục bát
- Lục cá nguyệt
- Lục căn - Lục thức - Lục trần - Lục dục
- Lục đạo luân hồi
- Lục lễ danh nghi
- Lục long
- Lục long phò ấn
- Lục ngoạt kỳ
- Lục Nương
- Tiểu sử Nữ Thánh JEANNE D'ARC (1412-1431)
- Lục phủ
- Lục tặc
- Lục thân

- Lục thập thất Địa cầu
- Lục thông
- Lục Tổ Huệ Năng - Thần Tú
- Lục trai
- Lục tự Di-Đà

LUNG

- Lung

LUỐNG

- Luống
- Luống công
- Luống tuổi
- Luống ước cầu may
- Luống ưu sầu

LUY

- Luy tiết

LỤY

- Lụy mình
- Lụy sa

LUYẾN

- Luyến trần

LUYỆN

- Luyện
- Luyện đơn
- Luyện đạo
- Luyện kỹ tu thân
- Luyện Tam bửu (Tinh Khí Thần) hiệp nhất
- Luyện thạch bổ Thiên
- Luyện tội

LƯ

- Lư ngọc

LỰC

- Lực bắt tông tâm

LỰỢC

- Lựợc khảo

LƯƠNG

- Lương
- Lương điền - Công nghệ - Thương mại
- Lương sanh
- Lương tâm
- Lương tể
- Lương thần
- Lương tri - Lương năng
- Lương vật
- Lương viện
- Lương vụ
- Lương vương (Lương Võ Đế)
- Lương y

LƯỠNG

- Lưỡng
- Lưỡng long tranh châu
- Lưỡng long triều nguyệt
- Lưỡng nghi
- Lưỡng thiệt
- Lưỡng toàn

LƯU

- Lưu
- Lưu chiêu
- Lưu danh
- Lưu hại
- Lưu lạc
- Lưu luyện
- Lưu nhiệm
- Lưu oan
- Lưu phương bách thế
- Lưu sa tây độ
- Lưu tồn vạn đại
- Lưu truyền
- Lưu trữ
- Lưu vong
- Lưu xú vạn niên

LY

- Ly
- Ly bôi
- Ly cung
- Ly gia cất á
- Ly hận
- Ly hương
- Ly kinh phản đạo
- Ly loạn
- Ly tán
- Ly tiết
- Ly tình
- Ly trần

LÝ

- Lý
- Lý - Khí
- Lý Đại Tiên Trưởng - Lý Giáo Tông
- Lý đoan
- Lý đoán
- Lý giải
- Lý hạ bất chỉnh quan
- Lý học
- Lý Lão Quân
- Lý sâu
- Lý tài
- Lý Thái Bạch

LA

La võng

羅網

A: The trapping net.

P: Le fillet pour la chasse.

La: cái lưới để bắt chim. **Võng:** cái lưới để đánh cá.

La võng là chỉ chung các loại lưới để đánh bắt thú vật.

Thiên la Địa võng: Giăng lưới trên Trời, giăng lưới dưới đất, không thể bay lên Trời hay chun xuống đất mà trốn thoát.

Kệ U Minh Chung: Phi cảm tẩu thú *la võng* bắt phùng.

LẠC

LẠC

1. **LẠC:** 樂 Vui.
Td: Lạc đạo, Lạc hứng.
2. **LẠC:** 落 Rơi rụng.
Td: Lạc hậu, Lạc hoa.
3. **LẠC:** 貉 Lạc Long Quân, Lạc Hồng.
4. **LẠC:** 洛 Sông Lạc bên Tàu.
Td: Lạc thư.

Lạc cực bi sanh

樂極悲生

Lạc: Vui. **Cực:** rất, quá. **Sanh:** tạo ra. **Bi:** buồn.

Lạc cực bi sanh là quá vui thì sanh ra buồn.

Bởi vì khi quá vui thì không kèm chế được mình nên thường sanh ra làm lỗi.

Lạc dĩ vong ưu

樂以忘憂

Lạc: Vui. **Dĩ:** cho đến. **Vong:** quên. **Ưu:** lo âu.

Lạc dĩ vong ưu là vui sướng cho đến quên lo âu.

Diệp Công hỏi Tử Lộ về con người của Đức Khổng Tử.

Tử Lộ làm thình. Tử Lộ về thuật lại, thì Đức Khổng Tử nói: Sao trò không đáp thế này: *Kỳ vi nhơn giả, phát phần vong thực, lạc dĩ vong ưu, bất tri lão chi tướng chí.* Nghĩa là: Ông ta là người, suy nghĩ chưa ra thì bực tức quên ăn, nghĩ ra được thì vui sướng quên lo âu, không biết cái già đang tới.

Lạc đạo vong bản

樂道忘貧

Lạc: Vui. **Đạo:** Đạo lý. **Vong:** quên. **Bản:** nghèo.

Lạc Đạo vong bản là vui say mùi Đạo mà quên sự nghèo.

Lạc hậu

落後

A: To be behind.

P: Être en arrière.

Lạc: Rơi rụng. **Hậu:** sau.

Lạc hậu là rút lại phía sau, ý nói: chậm tiến hóa, kém văn minh.

TĐ ĐPHP: Chúng sanh chỉ là anh em còn *lạc hậu* đó vậy.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Lạc Hồng

貉鴻

Lạc: Lạc Long Quân, Lạc Hồng. **Hồng:** họ Hồng Bàng.

Lạc Hồng là Lạc Long Quân họ Hồng Bàng.

Họ Hồng Bàng khởi đầu từ vua Kinh Dương Vương.

Con của Kinh Dương Vương là Sùng Lãm, nối ngôi làm vua, xưng hiệu là Lạc Long Quân.

Lạc Long Quân lấy Bà Âu Cơ sinh ra 100 người con.

Bà Âu Cơ đem 50 đứa con lên núi, Lạc Long Quân đem 50 đứa con đi xuống miền Nam Hải.

Lạc Long Quân phong cho con trưởng làm vua nước Văn Lang, xưng hiệu là Hùng Vương thứ 1, truyền được 18 đời, đến đời vua Hùng Vương thứ 18 thì bị nhà Thục lấy mất nước.

Vậy Họ Hồng Bàng có 20 đời vua: đầu tiên là Kinh Dương Vương, kế là Lạc Long Quân, và nối tiếp là 18 đời Hùng Vương, kể từ năm 2879 trước TL đến năm 258 trước TL, tổng cộng được 2622 năm.

TNHT: Chiu chít đưng quen giống *Lạc Hồng*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lạc húng khấu cung giai miễn lễ

樂興叩恭皆勉禮

Lạc: Vui. **Húng:** phần chấn trong lòng. **Khấu:** cúi đầu. **Cung:** cung kính. **Giai:** đều. **Miễn:** cố gắng. **Lễ:** lạy.

Đây là một câu trong bài Thái Dương Rượu, có nghĩa là: *Chúng con vui mừng và cảm thấy phần chấn trong lòng, cúi đầu cung kính, đều cố gắng làm lễ.*

Lạc quốc

樂國

A: The paradise.

P: Le paradis.

Lạc: Vui. **Quốc:** nước, cõi.

Lạc quốc, tức là Cực Lạc quốc, là cõi CLTG, cũng gọi là Thiên đường, Thiên đàng, là cõi hoàn toàn an vui và hạnh phúc.

Người tu Phật giáo theo Tịnh Độ Tông thì được vãng sanh về cõi CLTG, do Đức Phật A-Di-Đà làm Giáo chủ.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

Lạc quyền

樂捐

A: The voluntary cotisation.

P: La cotisation volontaire.

Lạc: Vui. **Quyên:** vận động nhiều người đóng góp tiền bạc hay của cải để làm việc từ thiện.

Lạc quyền là tổ chức vận động để mọi người vui vẻ đóng góp tiền bạc hay của cải, tùy khả năng, để dùng vào việc từ thiện hay công ích.

ĐLMD: Ty Giáo Huấn nên lập một cuốn sổ *lạc quyền* dưới quyền Thượng Chánh Phối Sư để nhờ nơi lòng từ thiện của nhơn sanh trợ giúp cho các trẻ em mồ côi ăn học.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Lạc thành

落成

A: Inauguration.

P: Inauguration.

Lạc: mới, làm cái mới. **Thành:** thành công, kết quả.

Lạc thành là nói về việc kiến trúc đền đài, dinh thự đã làm xong, rồi mở tiệc ăn mừng.

Lễ Lạc Thành, đồng nghĩa Lễ Khánh Thành.

Lạc thư

洛書

A: The book of the Lạc river.

P: Le livre du fleuve Lạc.

Lạc: Sông Lạc bên Tàu. **Thư:** sách.

Lạc thư hay Lạc thơ là cuốn sách ghi lại những dấu đốm trên lưng con linh qui nổi lên ở sông Lạc do vua Hạ Võ phát hiện khi trị thủy tại sông này. (Xem chi tiết: **Bát Quái, vần B**)

LAI

LAI

LAI: 來 Tới, đến.

Td: Lai nhật, Lai sinh.

Lai nhật - Lai niên

來日 - 來年

A: To morrow - Next year.

P: Demain - Année prochaine.

Lai: Tới, đến. **Nhật:** ngày. **Niên:** năm.

Lai nhật là ngày mai. Lai niên là năm tới.

Lai sinh

來生

A: Future life.

P: La vie future.

Lai: Tới, đến. **Sinh:** kiếp sống.

Lai sinh là kiếp sau.

LẠI

Lại viện

吏院

A: The Institute of Interior.

P: Institut de l'Intérieur.

Lại: quan lại, làm việc quan. **Viện:** tòa sở lớn.

Lại viện là một trong Cửu viện CTĐ, có nhiệm vụ đề nghị tuyên bố Chức sắc đi hành đạo ở các địa phương, lưu trữ và ban hành các luật lệnh của Hội Thánh, quản lý hồ sơ hành chánh của Chức sắc, tiếp nhận các văn thư của các Chức sắc ở các địa phương gửi về.

Đứng đầu Lại viện CTĐ nam phái là một vị Thượng Thống, phẩm Phối Sư phái Ngọc, có các vị Phụ Thống, Quản Văn phòng, các ban chuyên môn và thư ký giúp việc.

Lại viện chịu dưới hệ thống trực tiếp của Ngọc Chánh Phối Sư.

CTĐ nữ phái cũng có tổ chức Lại viện nữ phái, dưới quyền của Nữ Chánh Phối Sư, chỉ điều hành nữ phái mà thôi.

Cơ Quan Phước Thiện cũng có tổ chức Cửu Viện Phước Thiện nam nữ, và chỉ điều hành bên Phước Thiện mà thôi.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

LẠM

LẠM

LẠM: 濫 Lấn vào, làm quá giới hạn.

Td: Lạm dự, Lạm quyền.

Lạm dự

濫預

A: To abuse.

P: Abuser.

Lạm: Lấn vào, làm quá giới hạn. **Dự:** tham dự vào.

Lạm dự là không đủ tư cách mà lại tham dự vào.

TĐ ĐPHP: Vì phần nhiều người *lạm dự* vào bậc Thiên phong, lấy tà tâm bề bai biếm nhẹ, chớ chẳng chịu truyền bá....

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Lạm quyền

濫權

A: To abuse one's power.

P: Abuser de son pouvoir.

Lạm: Lấn vào, làm quá giới hạn. **Quyền:** quyền hành.

Lạm quyền là dùng quyền hành một cách quá đáng, vượt ra ngoài giới hạn.

LAN

LAN

LAN: 蘭 Hoa lan, loại hoa quý, đẹp và có mùi rất thơm.

Lan tàn ngọc chiết

蘭殘玉折

Lan: Hoa lan, loại hoa quý, đẹp và có mùi rất thơm. **Tàn:** héo rụng. **Ngọc:** viên ngọc. **Chiết:** gãy.

Lan tàn ngọc chiết là hoa lan héo tàn, ngọc bị gãy.

Ý nói: Người tài đức chết.

Thành ngữ này thường dùng trong các bài ai điều để tỏ lòng thương tiếc người tài hoa bạc mệnh.

Lan tư huệ chất

蘭資蕙質

Lan: Hoa lan, loại hoa quý, đẹp và có mùi rất thơm. **Tư:** cái bẩm sinh do Trời ban cho. **Huệ:** bông huệ màu trắng và có mùi thơm. **Chất:** tánh chất.

Lan tư huệ chất là tư chất cao quý như hoa lan hoa huệ.

Thành ngữ này thường dùng để chỉ người con gái nét na đoan chính, quý phái, cao thượng.

LANG

Lang độc

狼毒

A: Cruel like a wolf.

P: Méchant comme le loup.

Lang: con chó sói. **Độc:** hung dữ, ác độc.

Lang độc là độc ác như chó sói.

KSH: Lòng lang độc vui cười hơn hổ,

KSH: Kinh Sám Hối.

Lang sa

A: The French.

P: Le Français.

Lang-sa: tiếng phiên âm từ tiếng Pháp: Français, có nghĩa là: người Pháp, nước Pháp.

Thước Lang-sa là thước tây, dài đúng 1 mét, để phân biệt với: thước ta, thước tàu, có bề dài ngắn hơn.

Hiện nay, thước ta và thước tàu đều không dùng nữa, chỉ dùng thước tây dài 1 mét, và đó cũng là thước quốc tế.

TNHT: Lão lại dặn, từ cây nọc bên phía miếng đất phải đo vô Bàu Cà Na 27 thước *Lang-sa*, nghe à!

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

LÃNG

LÃNG

LÃNG: 浪 Buông thả, phóng túng.

Td: Lãng phí, Lãng tử.

Lãng phí

浪費

A: To dissipate.

P: Dissiper.

Lãng: Buông thả, phóng túng. **Phí:** tiêu dùng, xài phí.

Lãng phí là tiêu xài một cách quá mức về những việc không cần thiết.

TNHT: Như sự *lãng phí* se sua ở đời này, Thầy cũng cho là một việc tổn đức vậy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lãng tử

浪子

A: Vagabond.

P: Vagabond.

Lãng: Buông thả, phóng túng. **Tử:** người.

Lãng tử là người sống lang bạt, rày đây mai đó, không ở chỗ nào nhất định.

Lãng tử đồng nghĩa: Lãng nhân, Lãng sĩ.

Kệ U Minh Chung: *Lãng tử, cô nhi tảo hồi hương lý.*

LÃNH

LÃNH

LÃNH: 領 Nhận lấy, quản lý, hiểu rõ, cổ áo.

Td: Lãnh hội, Lãnh mệnh, Lãnh tụ.

Lãnh hội

領會

A: To understand.

P: Comprendre.

Lãnh: Nhận lấy, quản lý, hiểu rõ, cổ áo. **Hội:** hiểu biết.

Lãnh hội là hiểu biết rõ.

Lãnh mệnh

領命

A: To receive an order.

P: Recevoir un ordre.

Lãnh: Nhận lấy, quản lý, hiểu rõ, cổ áo. **Mệnh: Mạng:** lệnh của cấp trên.

Lãnh mệnh hay Lãnh mạng là nhận lãnh mệnh lệnh của cấp trên truyền xuống.

TNHT: Lão mang nặng tình nghĩa cùng một bạn thiêng liêng vì đời *lãnh mạng*, tạo Đạo cứu chúng sanh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lãnh tụ

領袖

A: Leader.

P: Leader.

Lãnh: Nhận lấy, quản lý, hiểu rõ, cổ áo. **Tụ:** cái tay áo.

Lãnh tụ, nghĩa đen là cổ áo và tay áo, ý nói người cầm đầu hướng dẫn quần chúng.

LAO

LAO

1. **LAO:** 勞 Cực khổ, khó nhọc.
Td: Lao công, Lao tâm.
2. **LAO:** 牢 Nhà tù.
Td: Lao lung, Lao lý.

Lao công hạn mã

勞工汗馬

A: The merit at the battlefield.

P: Le mérite au champ de bataille.

Lao: Cực khổ, khó nhọc. **Công:** công khó nhọc. **Hạn:** còn đọc là Hãn: mồ hôi. **Mã:** ngựa. **Hạn mã:** ngựa đổ mồ hôi, ý nói đánh giặc nơi chiến trường.

Lao công hạn mã là công lao đánh giặc nơi chiến trường.

TNHT: (Hơn Bái Công) Nào tạt đổ hiện tài, hữu thi vô chung, nghe lời sàm tấu, giết người *lao công hạn mã*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lao lung

牢籠

A: The prison.

P: La prison.

Lao: Nhà tù. **Lung:** cái chuồng để nhốt gà.

Lao lung là nhà tù, bị giam vào nhà tù, mất tự do.

KTKVTH: Mặc phò lê thứ khỏi vòng *lao lung*.

KTKVTH: Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.

Lao lý

牢慳

A: To imprison.

P: Emprisonner.

Lao: Nhà tù. **Lý:** lo buồn.

Lao lý là bị giam cầm và lo buồn.

TNHT: Máy lần *lao lý*, mấy lúc vắng mây, nuôi nắng các con hầu lập nên nền Đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lao tâm tiêu tứ

勞心消思

A: To tire oneself the heart and thought.

P: Se fatiguer le coeur et la pensée.

Lao: Cực khổ, khó nhọc. **Tâm:** lòng dạ. **Tiêu:** mòn dần. **Tứ:** ý nghĩ.

Lao tâm tiêu tứ là lòng lo lắng vất vả, trí não hao mòn.

Thành ngữ này đồng nghĩa: Lao tâm khổ trí.

TNHT: Thầy mừng cho các con đã chịu *lao tâm tiêu tứ* mà vun đắp nền Đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

LÃO

LÃO

LÃO: 老 Già, ông già.

Td: Lão bạng, Lão Tô.

Lão bạng sinh châu

老蚌生珠

Lão: Già, ông già. **Bạng:** con trai ở dưới biển. **Châu:** ngọc quý.

Lão bạng sinh châu là con bạng già sinh ra ngọc quý.

Ý nói: Người già mà còn sanh được con quý.

Lão Đam

老耽

A: Lao-Tze.

P: Lao-Tseu.

Lão: Già, ông già. **Đam:** vành tai lớn thông xuống như tai Phật.

Lão Đam là một biệt hiệu của Đức Lão Tử, vì tai của Ngài thông xuống như tai Phật.

KGO: Lão Đam cũng biết, Thích Già cũng quen.

KGO: Kinh Giải Oan.

Lão giáo

老教

A: Taoism.

P: Taoisme.

Lão: Già, ông già, chỉ Đức Lão Tử. **Giáo:** tôn giáo.

Lão giáo là tôn giáo do Đức Lão Tử lập nên và Đức Lão Tử làm Giáo chủ.

Lão giáo còn được gọi là: Tiên giáo. Giáo lý của Lão giáo được Đức Lão Tử viết ra trong quyển Đạo Đức Kinh.

Lão hủ

老腐

A: Corrupted old man.

P: Vétuste.

Lão: Già, ông già. **Hủ:** hư hoại.

Lão hủ là ông già vô dụng.

Đây là tiếng khiêm xưng của người già khi nói chuyện với khách.

Lão mã thức đồ

老馬識途

Lão: Già, ông già. **Mã:** ngựa. **Thức:** biết. **Đồ:** đường đi.

Lão mã thức đồ là ngựa già thuộc đường.

Ý nói: Người lão luyện trong nghề nghiệp.

Lão Quân

老君

A: Lao-Tze.

P: Lao-Tseu.

Lão: Già, ông già. **Quân:** người tài đức đáng kính.

Lão Quân là Đức Lão Tử.

KĐ3C: Cung Như Ý Lão Quân tiếp khách.

KĐ3C: Kinh Độ Tam cửu.

Lão thành

老成

A: The experienced man.

P: L'homme expérimenté.

Lão: Già, ông già. **Thành:** nên, trọn vẹn.

Lão thành là người già từng trải có nhiều kinh nghiệm.

Lão Tô: Tô Đông Pha

老蘇:蘇東坡

Lão: Già, ông già. **Tô:** họ Tô.

Lão Tô là ông già họ Tô. Đó là ông Tô Đông Pha, một Nho gia lỗi lạc vào thời nhà Tống bên Tàu.

Ông là người nổi nhất trong số Bát Đại gia thời đó, vì văn thơ của ông rất hay, rất phong phú, khoáng đạt, còn tư tưởng và tánh tình thì cũng phức tạp nhất.

Bát Đại gia là 8 văn hào lớn mà trong đó có ba người là thuộc gia đình họ Tô, gồm:

Tô Tuân (1009-1066)

Tô Thức (1037-1101) (Tô Đông Pha)

Tô Triệt (1039-1112) (Tử Do).

Tô Tuân là cha của Tô Thức và Tô Triệt.

Số năm Đại gia còn lại là: Hàn Dũ, Liễu Tôn Nguyên, Âu Dương Tu, Vương An Thạch, Tăng Củng.

Tiểu sử của Tô Đông Pha:

Tô Thức, tự là Tử Chiêm, hiệu là Đông Pha, sanh ngày 19-12-Bính Tý (1037) tại huyện Mi Sơn, quận Mi Châu, tỉnh Tứ Xuyên. Thuở nhỏ, hai anh em Tô Thức và Tô Triệt học rất thông minh, có tài ngang nhau, mỗi người một vẻ, anh Tô Thức thì vui vẻ khoáng đạt, em Tô Triệt thì nghiêm cẩn, ít nói.

Khi hai anh em có đủ sức học để lên kinh đô dự thi Tiến Sĩ thì gia đình lo cưới vợ cho họ trước ở quê nhà, để khi thi đậu thì khỏi lo các nhà thế phiệt ở kinh đô kêu gả con bắt rế.

Sau hai tháng vất vả đi qua miền núi non Tứ Xuyên đất Thục, đến tháng 5 năm 1056, ba cha con họ Tô mới tới kinh đô, ở trọ trong chùa Hưng Quốc.

Kỳ thi Tiến Sĩ năm 1057, Âu Dương Tu làm Chánh Chủ khảo, hai anh em Tô Thức và Tô Triệt đều đậu cao. Năm đó, Tô Thức được 22 tuổi và Tô Triệt được 20 tuổi. Hai anh em được vua Tống Nhân Tôn khen ngợi: "Hôm nay, Trẫm đã tìm được hai vị Tể Tướng sau này cho con cháu của Trẫm."

Vua Nhân Tôn băng, Anh Tôn lên nối ngôi, rất trọng văn tài của Tô Thức, muốn đặc cách thăng chức Hàn Lâm để thảo các tờ chiếu, dụ, nhưng Tể Tướng Hàn Kỳ ngăn cản, nói rằng, Tô Thức còn quá trẻ, chờ lúc tài năng già dặn rồi sẽ giao, nên bổ Tô Thức vào làm trong Sử Quán.

Vợ của Tô Thức mất, sau đó Tô Tuân cũng đau bệnh và mất. Tô Thức (Đông Pha) và Tô Triệt (Tử Do) tạm xin nghỉ việc quan để đưa hai quan tài về quê là Mi Sơn an táng.

Khi mãn tang, Tô Thức tục huyền với cô em họ của vợ là nàng Vương Nhuận Chi.

Lúc đó, vua Tống Anh Tôn bổ Vương An Thạch làm Tể Tướng, chủ trương Tân Pháp, lập ra Tân Đảng, áp dụng chính sách mới để làm quốc gia hưng thịnh. Tô Thức (Tô Đông Pha) và Tô Triệt (Tử Do) thì theo Cựu Đảng, đối lập với Tân Đảng.

Giữa Tô Đông Pha và Vương An Thạch có một giai thoại lý thú sau đây:

Đông Pha đọc thơ của Vương An Thạch, thấy 2 câu:

*Minh nguyệt sơn đầu khiếu,
Hoàng khuyến ngọc hoa tâm.*

Đông Pha chê là vô lý, bởi vì: trăng sáng mà sao lại hót ở đầu núi, còn con chó vàng sao lại nằm trong lòng hoa được?

Do nghĩ như vậy nên Đông Pha lấy bút sửa chữ KHIẾU ra chữ CHIẾU, sửa chữ TÂM thành chữ ÂM, thành ra:

*Minh nguyệt sơn đầu chiếu,
Hoàng khuyến ngọc hoa âm.*

Nghĩa là:

Trăng sáng chiếu ở đầu núi,
Chó vàng nằm dưới bóng hoa,

Sau đó, Tô Đông Pha bị đày tới một miền ở phía Nam nước Tàu, nơi đó, Đông Pha thấy một loài chim tên là Minh Nguyệt, và một loài sâu tên là Hoàng khuyến. Lúc đó, Đông Pha nhớ trực lại hai câu thơ của Vương An Thạch, có nghĩa là:

Con chim Minh Nguyệt kêu ở đầu núi,
Con sâu Hoàng khuyến nằm giữa đóa hoa.

Đông Pha hối hận là mình đã sửa bậy, và tự biết kiến thức của mình còn kém họ Vương rất nhiều.

Trong triều đình lúc đó, phe Cựu Đảng có Tư Mã Quang cầm đầu, chống lại phe Tân Đảng của Vương An Thạch. Tô

Đông Pha thường chỉ trích Tân pháp nên bị phe Tân Đảng đẩy ra khỏi kinh đô, đến xứ Hàng Châu.

Hết hạn 3 năm ở Hàng Châu, Tô Đông Pha xin đổi lên tỉnh Sơn Đông để sống gần gũi với em là Tử Do (Tô Triệt).

Sau đó, Tô Đông Pha lại xin đổi sang Từ Châu, ở phía đông kinh đô. Danh tiếng của Tô Đông Pha ở Từ châu mỗi ngày một nổi. Khi Âu Dương Tu mất, Tô Đông Pha được xem là sao Bắc đẩu trên văn đàn.

Tô Đông Pha bị phe Tân Đảng ghen ghét, gièm siểm, trích ra vài câu thơ của Tô để kết tội khi quân. Vua Anh Tôn nghe theo, biếm Đông Pha làm một chức quan nhỏ ở Hoàng Châu, không được hưởng bổng lộc. Quan địa phương cấp cho ông một khu đất hoang ở dốc phía đông của thị trấn, gọi là Đông Pha, cách thị trấn chừng hai dặm. Tô cất nhà ở nơi sườn dốc, nên mới lấy hiệu là Đông Pha, rồi phải tự lo làm ruộng nuôi sống gia đình.

Tháng 3 năm 1084, Tô Đông Pha được vua cho phép về ở nơi Nhữ Châu, gần kinh đô.

Lúc đó, nhà vua nhận thấy Tân Pháp không đem lại khả quan cho đất nước, nên nhà vua trở lại dùng Cựu Đảng, đưa Tư Mã Quang lên làm Tể Tướng.

Vua Thần Tôn băng, Triết Tôn lên nối ngôi mới có 9 tuổi, nên Thái Hậu phải ra nhiếp chính, gọi Tô Đông Pha về triều, phong chức Hàn Lâm Đại Học Sĩ, năm sau lãnh chức Thị Độc, giảng sách cho vua Triết Tôn nghe.

Tháng 3 năm 1089, Đông Pha được phong chức Long Đồ Các Học Sĩ, làm Thái Thú Hàng Châu, cai trị 6 tỉnh miền đó.

Cuối năm 1092, Tô Đông Pha được vời về kinh đô lãnh chức Binh Bộ Thượng Thư, rồi sau đó là Lễ Bộ Thượng Thư.

Vua Triết Tôn lại bỏ Tư Mã Quang, dùng Chương Đôn làm Tể Tướng. Chương Đôn theo Tân Đảng, lại là tên gian thần, tìm cách tiêu diệt Cựu Đảng.

Tô Đông Pha biết tai họa sắp rơi xuống mình nên xin đổi ra Định Châu, một nơi nghèo khổ ở phương Bắc, nhưng vẫn không tránh khỏi tai họa. Chương Đôn tâu vua Triết Tôn là Đông Pha khi xưa làm thơ có ý phỉ báng Tiên đế, Triết Tôn

nghe theo và đày Tô Đông Pha xuống đảo Hải Nam. Năm đó, họ Tô được 57 tuổi. Còn Tử Do thì bị đày xuống Lô Châu, một bán đảo đối diện với đảo Hải Nam.

Tháng giêng năm 1100, vua Triết Tôn băng, em là Huy Tôn lên nối ngôi. Thái Hậu, vợ của vua Thần Tôn, thính chánh.

Bà ra lệnh ân xá hết các quan thuộc Cựu Đảng.

Tô Đông Pha được trở về Nam Kinh, muốn mua nhà ở tại Thường Châu vì phong cảnh nơi đó thích hợp với ông, nhưng em ruột là Tử Do mời Ông đến ở chung tại Dĩnh Châu.

Ngày 14-7 âm lịch, năm 1101, Tô Đông Pha bị bệnh và mất, hưởng thọ 64 tuổi.

Về sau, vua Hiến Tông thời Nam Tống phong tặng cho Tô Đông Pha là Văn Trung Công.

Sự nghiệp Văn chương:

Tô Đông Pha sáng tác rất nhiều thơ văn: 4000 bài thơ, 300 bài từ, còn tản văn thì có nhiều bài hay.

Tác phẩm của ông lưu lại có:

- Đông Pha Văn Tập 60 quyển,
- Đông Pha Thi Tập 25 quyển,
- Đông Pha Từ 1 quyển,
- Cửu Trì Bút Ký 2 quyển,
- Đông Pha Chí Lâm 5 quyển.

Ngoài ra, Tô Đông Pha nhớ lời dặn của cha là Tô Tuân lúc lâm chung, ông viết tiếp cuốn Dịch Truyện mà Tô Tuân đã viết còn dang dở, rồi ông viết thêm những cuốn như: Luận Ngữ Thuyết, Thư Truyện để truyền bá đạo Nho.

Tô Đông Pha hoàn toàn theo học thuyết của Đức Khổng Tử, nhưng nghệ thuật của ông lại chịu ảnh hưởng của Lão Trang. Do đó, văn của ông như hành vân lưu thủy, hùng vĩ mà khoáng đạt, không chịu sự trói buộc nào cả.

Tô Đông Pha chẳng những giỏi về thơ văn, từ, phú mà tài vẽ của ông cũng rất nổi tiếng, lại thông cả âm nhạc. Thật là một Thiên tài trác tuyệt.

Tô Đông Pha cũng rất hâm mộ Đạo Phật và ông cũng tự xem mình như một Phật tử. Ông thường đàm luận thân mật

với các thiên sư. Sách Thiên tông lục có chép một câu chuyện về tánh Ngã mạn của Tô Đông Pha:

Đông Pha có một thiên sư thân tình là Phật Ấn, ông này rất lỗi lạc. Chùa của Phật Ấn ở bờ tây sông Dương Tử, trong khi nhà của Đông Pha ở bờ phía đông. Một hôm, Đông Pha đi thuyền sang thăm Phật Ấn, nhưng không có thiên sư ở nhà. Đông Pha bèn viết lên một miếng giấy mấy chữ có ý bông đùa: *Tô Đông Pha là một Phật tử vĩ đại mà dù có 8 ngọn gió thổi cũng chẳng động được.*

Phật Ấn về, thấy tờ giấy của Đông Pha viết như thế, sư mỉm cười và viết thêm: *Nhảm nhí ! Những gì mà ông vừa viết chẳng hơn một phát rắm.*

Sư Phật Ấn sai đệ tử đem tờ giấy đó qua trả cho Đông Pha. Tô Đông Pha thấy thiên sư Phật Ấn lăng mạ mình thì nổi giận, tức tốc đi thuyền qua sông để hỏi Phật Ấn. Khi Đông Pha qua tới, thấy Phật Ấn liền la lên:

- Ông có quyền gì mà thóa mạ tôi bằng lời lẽ như vậy? Quen biết tôi lâu ngày mà chẳng lẽ ông mù quáng đến thế sao?

Phật Ấn lặng lẽ quan sát họ Tô rồi mỉm cười nói:

- Tô Đông Pha, một Phật Tử vĩ đại mà 8 ngọn gió không lay động được, thế mà giờ đây chỉ một phát rắm cũng đủ thổi ông ta bay qua sông đến tận bờ bên này.

Tô Đông Pha nghe lời nói đó xong thì bất ngờ, đứng sững khá lâu và tỉnh ngộ.

Đó là thiên sư Phật Ấn dùng cái mưu chước ấy để thức tỉnh Tô Đông Pha về cái tánh Ngã mạn của mình, để họ Tô đến gần với giáo lý của Phật.

TNHT: : Phong Thần đừng tưởng chuyện mờ hồ,
Giữa biển ai từng gặp Lão Tổ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lão Trang

老莊

A: Lao-Tze and Tchuang-Tze.

P: Lao-Tseu et Tchuang-Tseu.

Lão: Lão Tử. **Trang:** Trang Tử, học trò của Lão Tử.

Lão Trang là Đức Lão Tử và Trang Tử, hai nhân vật điển hình của Lão giáo.

Cũng như khi nói tới Khổng giáo thì hai nhân vật điển hình là Khổng Tử và Mạnh Tử, nói tắt là Khổng Mạnh.

Trang Tử viết quyển sách Nam Hoa Kinh để xiển dương giáo lý của Lão giáo làm cho Lão giáo thêm rực rỡ.

Lão Tử

老子

A: Lao-Tze.

P: Lao-Tseu.

Lão: Già, ông già. **Tử:** thầy.

Đức Lão Tử là Giáo chủ của Lão giáo (Tiên giáo).

Đức Lão Tử là chơn linh của Đức Thái Thượng Đạo Tổ giáng trần vào thời nhà Thương bên Tàu.

Đức Thái Thượng Đạo Tổ, còn gọi là Đức Thái Thượng Đạo Quân, là Đấng do khí Tiên Thiên hóa sanh thuở chưa tạo Thiên lập Địa.

Tiên Thiên Khí hóa,

Thái Thượng Đạo Quân. (Kinh Tiên giáo)

Đức Thái Thượng Đạo Tổ là Ông Thủy Tổ của Đạo Tiên. Ngài có pháp lực vô biên, biến hóa vô cùng, khi hiện xuống cõi trần để độ những người có duyên phần, khi trở về cõi Thượng Thiên.

Theo sách Tam Hoàng Thiên Kinh, Đức Thái Thượng hiện xuống cõi trần rất nhiều lần, kể ra sau đây:

■ Vào thời Thái cổ nước Tàu:

- Đời Thiên Hoàng Thị, Ngài là Bàn Cổ.

- Đời Địa Hoàng Thị, Ngài là Vạn Pháp Thiên Sư.
- Đời Nhơn Hoàng Thị, Ngài là Đại Thanh Tử.

■ **Vào thời Thương cổ, cũng ở nước Tàu:**

- Đời vua Phục Hy, Ngài là Huất Hoa Tử.
- Đời vua Thần Nông, Ngài là Xích Tùng Tử.
- Đời vua Huỳnh Đế, Ngài là Quảng Thành Tử.
- Đời vua Thiệu Hạo, Ngài là Tỳ Ưng Tử.
- Đời vua Chuyên Húc, Ngài là Xích Tinh Tử.
- Đời vua Nghiêu, Ngài là Vụ Thành Tử.
- Đời vua Thuấn, Ngài là Y Thọ Tử.
- Đời vua Hạ Võ, Ngài là Chân Hành Tử.
- Đời vua Thành Thang, Ngài là Tích Tắc Tử.

Đến đời vua Võ Đinh nhà Thương (1324 trước Tây lịch), Đức Thái Thượng Đạo Tổ mới giáng sanh xuống trần là Lão Tử. Việc giáng sanh của Ngài rất huyền diệu phi thường.

Theo truyền thuyết kể lại, vào đời vua Bàn Canh nhà Thương (1461 trước Tây lịch), có một nàng con gái gọi là Ngọc Nữ vừa được 8 tuổi, con của một gia đình đạo đức, ra chơi sau vườn, thấy trên cây lý có một trái chín thật ngon, cô liền hái ăn. Ăn xong, cô cảm thấy mệt mệ và có thai.

Cha của Ngọc Nữ thấy sự lạ kỳ, liền toán quẻ Âm Dương, đoán biết có một vị Đại Tiên giáng trần trong bụng con gái của mình, nên mừng rỡ và nuôi con gái rất kỹ.

Nàng Ngọc Nữ chịu mang thai như vậy mãi cho đến già mà không đẻ. Đến năm Ngọc Nữ 80 tuổi, tức là đã mang thai ngót 72 năm, lúc đó đã qua 3 đời vua nhà Thương là: Vua Bàn Canh, vua Tiểu Tân, vua Tiểu Ất, và bắt đầu đời vua Võ Đinh (1324 trước TL), Bà Ngọc Nữ thấy trắng tò, bèn đi dạo chơi nơi vườn. Khi đi ngang cội cây lý ngày xưa thì đưa con từ trong bụng theo nách mẹ nhảy ra ngoài. Bà giựt mình kinh hãi, coi lại nách mình liền lại như thường. Đưa con nhảy ra, đã ở trong bụng mẹ 72 năm nên đầu tóc bạc trắng, mới gọi là Lão Tử (con già). Lúc đó là giờ Sửu ngày 15 tháng 2 âm lịch năm Canh Thìn.

Lão Tử chỉ cây Lý bảo rằng đó là họ của Ngài. Ngài xưng hiệu là Lão Đam, tự là Bá Đương, lại mỗi bên tai có 3 lỗ nên còn gọi Ngài là Lý Nhĩ.

Ngài có miệng rộng, răng thưa, thiên đình cao, râu tốt, mắt vẫn, tai dài, sống mũi cao lớn như chẻ hai, trên trán có đường nhăn như 3 chữ Tam Thiên.

Cội cây Lý, nơi giáng sanh của Đức Lão Tử, ở tại xóm Khúc Nhơn, làng Lại, huyện Khổ, nước Sở, ngày nay thuộc tỉnh An Huy và tỉnh Hồ Nam.

Do đó, trong Kinh Tiên giáo có câu:

*Nhị ngoạt thập ngũ,
Phân tánh giáng sanh.*

Nghĩa là:

Ngày 15 tháng 2,
Chiết chơn linh giáng sanh xuống cõi trần.

Đức Lão Tử có giáng cơ cho biết năm giáng sanh của Ngài trong 4 câu thơ sau đây:

*LÝ đào mầm tọc tượng long lân,
LÃO luyện đơn thành nhị xác thân.
TỬ phủ ngòì tu lo nấu thuốc,
GIÁNG sanh Thương đợì Võ Đình quân.*

Khoán thủ 4 chữ: Lý Lão Tử giáng, và câu thơ chót có nghĩa là: Giáng sanh vào thời nhà Thương, đợì đến vua Võ Đình mới chào đờì.

Hết thời nhà Thương, qua đến thời nhà Châu, đờì vua Thành Vương (1115 trước TL), Lão Tử có ra làm quan Trụ Hạ Sử tại Tàng Thư Việñ nhà Châu để có cơ hội nghiên cứu Thái Cực Đồ. Ngài độ đợc Từ Giáp là người giữ Tàng Thư Việñ, và sau đó, hai thầy trò từ chức để đi dạo các nước Thiên Trúc và Tây phương. Đến đờì vua Châu Khương Vương, nối tiếp vua Thành Vương, Lão Tử trở về, đặng 3 năm thì Ngài lại đi giáo đạo miền Tây vức. Ngài ngòì xe trắng trâu xanh do Từ Giáp đánh xe, khi đến ảì Hàm Cốc, quan Doãn giữ ảì tên là Hỷ (nên thường gọi là Doãn Hỷ) coi Thiên văn biết có một vị Đại Thánh sắp đi qua ảì, nên chuẩn bị mặc triều phục nghinh tiếp.

Khi thấy Đức Lão Tử tới, biết Ngài là Thánh nhân nên tôn Đức Lão Tử làm thầy, xin theo học đạo.

Nguyên Ông quan Doãn Hỷ này là chơn linh của Nguơn Thủy Thiên Tôn giáng trần. Khi Bà mẹ có nghén Ông thì chiêm bao thấy một đoạn lụa đỏ từ Trời sa xuống vắn quanh mình, sau sanh ra Doãn Hỷ thì thấy sen mọc quanh nhà trở bông. Ngài lớn lên, con mắt sáng như sao, râu dài, tướng tốt, có tài xem Thiên văn. Khi làm quan Doãn giữ ải Hàm Cốc, Doãn Hỷ nhìn lên bầu Trời thấy một vàng mây tím bay ngang từ hướng Đông qua hướng Tây, Ngài biết đó là điềm có Thánh nhân sắp qua ải đi về hướng Tây, nên chuẩn bị chu đáo để nghinh tiếp.

Do đó, trong Kinh Tiên giáo có câu:

*Tử khí đông lai,
Quảng truyền Đạo Đức.*

Nghĩa là:

Vàng khí mây màu tím từ hướng Đông bay tới,
Rộng truyền Kinh Đạo Đức.

Nhắc lại, khi Lão Tử đến ải Hàm Cốc, thấy Doãn Hỷ có lòng thành nên bằng lòng ở lại Hàm Cốc ngót ba tháng để dạy đạo cho Doãn Hỷ.

Khi thấy Đức Lão Tử chuẩn bị ra đi thì Doãn Hỷ bạch thầy xin cho biết danh tánh và tình nguyện đi theo thầy.

Đức Lão Tử đáp:

- Ta sanh ra đã nhiều đời, tên họ có biết bao nhiêu mà kể. Hiện thời, người đời gọi Ta là Lão Tử. Người có lòng muốn theo Ta, song người mới tu luyện còn non, chưa từng biến hóa thần thông, thì theo Ta saoặng. Người cứ tu hành theo phép đã dạy cho lâu thì sau này cũng được như Ta, đi đâu cũng đặng.

Nói rồi, Đức Lão Tử truyền cho Doãn Hỷ quyển sách Đạo Đức Kinh gồm 5363 chữ, dặn rằng:

- Người cứ theo sách này mà học, tu đúng phép 1000 ngày, rồi đi qua nước Thục, tìm Ta tại chợ Thanh Dương.

Nói xong, Đức Lão Tử lên xe trắng trâu xanh, Từ Giáp đánh xe, hiện hào quang đi về hướng Tây mất dạng.

Doãn Hỷ ngó theo thầy, lạy tạ.

Sau đó, Doãn Hỷ cứ học theo Đạo Đức Kinh mà tu, lâu ngày trở nên thông huệ, tự viết ra được một cuốn sách gồm 36 bài gọi là Kinh Tây Thăng.

Gần đến kỳ ước hẹn với thầy, Doãn Hỷ sửa soạn đi tìm thầy y như lời thầy đã dặn. Khi đến nước Thục, Doãn Hỷ hỏi thăm chợ Thanh Dương ở đâu thì không một ai biết cả.

Lúc ấy, Đức Lão Tử đã trở lại Thiên Cung, rồi lại xuống trần đầu kiếp vào nhà họ Lý ở nước Thục, là nhà đạo đức hiền lương. Khi vợ họ Lý sanh được bé trai ít tháng thì có một con dê xanh (Thanh dương) đến chơi giỡn với bé. Đó là Đức Lão Tử dặn con Thanh dương ở Thiên cung hiện xuống.

Ngày kia con dê xanh chạy đâu mất, cậu bé khóc hoài. Họ Lý phải sai đầy tớ đi khắp nơi tìm kiếm, bắt gặp dê xanh dẫn về, đi ngang qua một cái chợ.

Doãn Hỷ đang lúc hỏi thăm để tìm chợ Thanh dương, bỗng thấy có người dắt con dê xanh đi qua chợ, liền chợt nghĩ rằng chắc thầy mình đang ở chỗ này. Nghĩ vậy, Doãn Hỷ liền chạy theo người dắt dê xanh hỏi:

- Chú dắt con dê này đi đâu vậy?

Người ấy đáp:

- Chủ tôi có sanh một cậu trai, cách ít tháng có con dê này tới chơi với cậu nhỏ. Bữa kia nó đi mất, cậu nhỏ cứ khóc hoài. Chủ tôi sai tôi đi tìm kiếm mà dắt về.

Doãn Hỷ đi theo người đầy tớ ấy đến nhà thì bảo người đầy tớ:

- Chú vào thưa với cậu nhỏ là có Doãn Hỷ đến tìm.

Anh đầy tớ cười thầm: Cậu nhỏ chưa giáp thôi nôi, biết chi mà thưa với gởi, nhưng anh ta cũng vào nói:

- Có Doãn Hỷ đến tìm cậu.

Cậu bé nghe nói thế liền ngồi dậy đáp:

- Doãn Hỷ y lời, không đến trễ.

Kế đó Doãn Hỷ bước vào. Bỗng thấy cậu bé vùng lớn lên như người thường, ngồi trên tòa sen, hào quang sáng lòa. Cả

nhà điều kinh hãi. Người ấy nói:

- Ta là Lão Tử đầu thai một lần nữa.

Doãn Hỷ mừng rỡ, đến lạy thầy. Lão Tử nói:

- Khi trước, Ta chẳng dắt người theo vì sợ người tu không bền chí. Nay người đã tu luyện kỹ lưỡng, hào quang ần ần muốn lò.

Nói rồi, Đức Lão Tử niệm chú, truyền cho Thần Tiên xuống hầu, phong Doãn Hỷ phục chức Nguơn Thủy Chương giáo, cai trị 8 vạn Thần Tiên, lại truyền phép cho cả nhà họ Lý tu thành Tiên hết thầy.

Về sau, đến đời vua Châu Kính Vương, Đức Khổng Tử qua kinh đô nhà Châu học Lễ, nghe nói có Đức Lão Tử tại đó, liền đến xin ra mắt và hỏi Đức Lão Tử về Lễ. (Chuyện gặp gỡ này có chép trong sách Sử Ký của Tư Mã Thiên).

Đức Khổng Tử chủ trương theo các nghi lễ của các vua đời trước, nhưng Đức Lão Tử bác bỏ ý kiến đó, nói rằng:

- Những người mà Ông nói đó đều tan xương nát thịt cả rồi, chỉ còn lời nói của họ mà thôi. Và lại, người quân tử gặp thời thì xe ngựa nghênh ngang, không gặp thời thì tay vịn nón lá mà đi chơn không. Tôi nghe nói: Người buôn giỏi thì biết giấu của báu, khiến người ta thấy dường như không có hàng; người quân tử có đức tốt thì diện mạo thường như ngu si. Ông nên bỏ cái khí kiêu ngạo cùng cái lòng ham muốn nhiều, cái vẻ hăm hở cùng cái khí tham lam đi, những thứ ấy đều không ích chi cho Ông. Tôi chỉ nói với Ông có thể thôi.

Đến khi Đức Khổng Tử cáo từ, Đức Lão Tử tiễn Đức Khổng Tử ra cửa và nói:

- Tôi nghe nói: Người giàu sang lấy tiền bạc để tiễn nhau, người nhân đức dùng lời nói để tiễn nhau. Tôi không thể làm người giàu sang, nhưng trộm lấy tiếng là người nhân đức, xin có lời này tiễn Ông: Kẻ thông minh và sâu sắc là gần cái chết vì họ khen chê người ta một cách đúng đắn; kẻ giỏi biện luận, đầu óc sâu rộng làm nguy hiểm đến thân mình vì họ nêu lên cái xấu của người khác. Kẻ làm con không có cách nào để giữ mình, kẻ làm tôi cũng không có cách gì để giữ mình.

Ý của Đức Lão Tử, khi nói ra các lời trên với Đức Khổng

Tử, là Ngài chống lại sự thông minh, sự Trung và sự Hiếu, là những nguyên lý mà Đức Khổng Tử đang chủ trương, bởi vì: Có trí khôn thì dễ nguy, nếu cứ theo Trung và Hiếu thì cứ hoàn toàn bị lệ thuộc vào vua và vào cha mẹ, khó lòng được sống tự do tự tại, ung dung thơ thới.

Đức Khổng Tử ra về, nói với các học trò:

- Con chim, ta biết nó bay; con cá ta biết nó lội, con thú ta biết nó chạy. Đối với loài chạy thì ta có thể dùng lưới để săn, đối với loài lội thì ta có thể dùng câu để bắt, đối với loài bay thì ta có thể dùng cung tên mà bắn, đến như con rồng cỡi mây cỡi gió lên Trời, ta không sao biết được. Hôm nay, gặp được Lão Tử, Ông ta có lẽ là con rồng chăng?

Kể từ đó về sau, Đức Lão Tử không đầu thai xuống trần nữa. Khi biết người nào có duyên phần thì Ngài dùng thần thông hiện xuống cõi trần để dạy đạo cho người ấy tu luyện, rồi Ngài trở lại Cung Tiên.

Đến đời nhà Tấn, Đức Lão Tử có hiện xuống xưng là Hà Thượng Công dạy An Kỳ học đạo.

Đến đời vua Hán Văn Đế, Đức Lão Tử hiện xuống trần, xưng là Quảng Thành Tử. Hán Văn Đế rất mộ đạo, sai sứ đến rước về triều. Quảng Thành Tử nói:

- Lẽ nào không đích thân tới rước mà lại sai sứ đến?

Sứ giả về tâu lại, Hán Văn Đế đến gặp Quảng Thành Tử, nhà vua nói:

- Ở trong nước là bề tôi của vua, thầy tuy có đạo mặc dầu, song cũng là dân của Trẫm, sao không chịu sụ lại một chút mà làm kiêu như vậy? Hay là Trẫm không làm được họa phước cho thầy chăng?

Quảng Thành Tử nghe vua nói như vậy, liền cất mình bay lên cao độ 100 thước, ngồi trên tinh không, ngó xuống nói với vua Hán Văn Đế rằng:

- Nay, trên chẳng tới Trời, dưới chẳng tới Đất, Bệ hạ làm họa phước cho ta sao đặng.

Vua Hán Văn Đế biết lỗi, liền bước xuống xe làm lễ, xin thọ giáo. Quảng Thành Tử đưa cho nhà vua một cuốn kinh bảo cứ

học theo đó mà tu luyện.

Qua đến đời vua Hán Thành Đế, Đức Lão Tử lại hiện xuống tại suối Khúc Dương, truyền đạo cho Vu Kiết.

Đời vua Hán An Đế, Đức Lão Tử truyền Kinh Tội Phước Tân Khoa cho Lưu Tiên.

Đời vua Hán Trinh Đế, Đức Lão Tử hiện xuống truyền Kinh Bắc Đẩu cho Trương thiên Sư.

Đời vua Hán Hoàn Đế, Đức Lão Tử hiện xuống núi Thiên Thai truyền Kinh Bác Động cho Vạn Niên Tiên sinh.

Đời vua Hán Linh Đế, Đức Lão Tử hiện xuống truyền kinh cho Trương Thiên Sư một lần nữa.

Qua đời nhà Đường, Đức Lão Tử hiện xuống tại núi Dương Giác, truyền đạo cho Đường Công.

Đời vua Đường Cao Tổ, có người ở Phổ Châu, tên là Thiện Hành, đi ngang qua núi Dương Giác, gặp một Ông già mặc áo trắng, gọi đến nói rằng:

- Người về tâu lại với Đường Thiên tử: Thái Thượng Lão Quân là Ông nội.

Đường Cao Tổ hay tin, liền lập miếu thờ tại núi Dương Giác, và tôn Đức Lão Tử là "Huyền Nguơn Hoàng Đế".

Hồi thời nhà Châu, Đức Lão Tử có hiện xuống truyền đạo cho Ông Lý Ngưng Dương, tu hành đắc đạo thành Tiên, hiệu là Lý Thiết Quả (thường gọi là Lý Thiết Quả), đứng đầu Bát Tiên. (Xem sự tích nơi chữ: **Bát Tiên, văn B**).

Đức Thái Thượng Đạo Tổ có một kiếp giáng sanh xuống trần là Lão Tử, nên Ngài được gọi là Thái Thượng Lão Quân.

Tóm lại, từ thời tạo dựng Trời Đất và có nhơn loại đến nay, không có thời nào mà Đức Thái Thượng Đạo Tổ không giáng trần để độ những người có căn lành tu hành đắc đạo.

Ngài do Khí Tiên Thiên hóa sanh, nên Ngài có pháp thuật vô biên, biến hóa vô cùng, khi hiện xuống cõi trần, khi trở về cõi Thượng Thiên, khi đầu thai xuống trần mang xác phàm để truyền đạo và giáo hóa nhơn sanh.

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thái Thượng Đạo Tổ không giáng sanh nữa, mà Ngài chỉ dùng huyền diệu cơ bút để

giảng cơ dạy đạo. Ngài giao cho Đức Đại Tiên Trưởng Lý Thái Bạch thay mặt Ngài cầm quyền Tiên giáo.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, có một bài Thánh giáo rất hay của Ngài dạy Ông Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu, Đạo hiệu Mỹ Ngọc, xin trích ra vài đoạn:

Cơ Trời mầu nhiệm đối với Đòi mà máy Thiên cơ đối với Đạo, lại còn huyền vi thậm trọng hơn nữa, có lẽ tâm phàm đầu cao kiến đến đâu cũng chưa đạt thấu được. Những vai tuồng của Chí Tôn sắp đặt trên sân khấu Đạo, nếu so sánh lại chẳng khác chi những bậc nguyên nhân lãnh phận sự diu đời từ xưa đến nay mà thôi.

Muốn an tâm tĩnh trí và đê nén lửa lòng, cần phải có một nghị lực vô biên, một tâm trung quảng đại, thì mới khỏi bực tức với những trò đã vì mạng lệnh thiêng liêng phô diễn nơi thâm hiểm nặng nề này....

Cười . . . Trách nhậm là trách nhậm, muốn làm thì dầu bao nhiêu cũng gọi là thiếu, dầu ngày nào cũng gọi là chẳng sớm, sớm là sớm nơi cái tâm bất định mà thôi.

Chí Tôn đã vì nỗi con cái của Ngài mà sửa chỉnh bước đường, thì Hiền hữu lại há không vì sự yếu đương quý hóa ấy mà sửa đổi tâm trí cho quảng đại sao?

Tà Chánh, Cười . . . Bản đạo nói thiệt, cũng chưa dám định đoạt. Trong cái rủi thường có sự may, trong cái may vẫn khép cam sự rủi, khó lường được. Điều cần là nên làm mà thôi.

Nếu luận Tà Chánh thì chưa một ai dám, còn mang xác phàm, xưng tụng mình là Chánh. Cái Tà, vì Thiên thơ xử dụng, Tà vì cơ thử thách của Tam Giáo Tòa, Tà vì những quỷ xác ma hồn lẫn lộn của Quỷ vương để làm cho công phu lỡ dở. Mỗi cái Tà có duyên cố ấy, ngày sau đều có sự biến đổi thiêng liêng, hoặc có một kết quả.

Ngày chung qui chỉ đem về Thấy một chữ TÂM và những công nghiệp đã gây thành cho sanh chúng. (TNHT. II. 94)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

LẠY

Lạy là gì?

A: What is the prostration?

P: Qu'est-ce que la prosternation?

Lạy là chắp hai bàn tay lại, quì gối, cúi đầu xuống thật thấp để tỏ lòng thành kính.

Trong TNHT, Đức Chí Tôn dạy cách lạy như sau:

"Lạy là gì? là tỏ ra bề ngoài lễ kính trong lòng.

Chắp hai tay lại là sao? Tả là Nhựt, hữu là Nguyệt, vị chi Âm Dương. Âm Dương hiệp nhứt phát khởi Càn Khôn, sanh sanh hóa hóa, tức là Đạo.

** Lạy kẻ sống thì 2 lạy là tại sao? là nguồn cội của non sanh lưỡng hiệp Âm Dương mà ra. Ấy là Đạo.*

** Vong phạm lạy 4 lạy là tại sao? là vì 2 lạy của phần người, còn 1 lạy Thiên, 1 lạy Địa.*

** Lạy Thần, lạy Thánh thì 3 lạy là tại sao? là lạy Đấng vào hàng thứ ba của Trời, và cũng chỉ rằng lạy Tinh, Khí, Thần hiệp nhứt. Ấy là Đạo.*

** Lạy Tiên, lạy Phật 9 lạy là tại sao? là tại 9 Đấng Cửu Thiên Khai Hóa.*

** Còn lạy Thầy 12 lạy là tại sao?*

Các con không biết đâu ! Thập nhị Khai Thiên là Thầy, Chúa cả CKTG, nắm trọn Thập nhị Thời Thần vào tay. Số 12 là số riêng của Thầy."

Lạy Đức Chí Tôn 12 lạy, nhưng thực tế chỉ lạy 3 lạy, mỗi lạy 4 gật, tổng cộng 3 lần lạy là 12 gật, thay thế 12 lạy. Mỗi gật đều niệm Câu Chú của Thầy.

Đáng lẽ chúng ta phải lạy Đức Chí Tôn 12 lạy, nhưng vì tình yêu của Đấng Cha Lành đối với các con, sợ con cái mỗi mệt, nên chỉ buộc lạy có 3 lạy, mỗi lạy 4 gật thay thế 12 lạy.

Trong thời ĐĐTKPĐ, Đức Chí Tôn dạy, khi lạy, hai bàn tay phải bắt Ấn Tý.

Cái Ấn Tý này là biểu tượng của ĐĐTKPĐ.

■ **Hồi Nhứt Kỳ Phổ Độ**, Đức Thái Thượng Đạo Tổ mở đạo Tiên, dạy hai bàn tay nắm co lại và ốp vào, nhìn giống như cái hoa búp. Ấy là thời kỳ đầu tiên giống như cái hoa còn búp, chưa nở.

■ **Sang Nhị Kỳ Phổ Độ**, Đức Phật Thích Ca mở đạo Phật, dạy hai bàn tay xòe thẳng ra và úp sát lại, khi lạy xuống, hai bàn tay mở ra để ngửa, giống như cái hoa nở.

■ Nay đến thời **Tam Kỳ Phổ Độ**, Đức Chí Tôn lập Đạo Cao Đài, dạy chấp tay bắt Ấn Tý, giống như trái cây có cái hạt bên trong, bởi vì qua hai thời kỳ trước: bông búp, bông nở, rồi nay kết thành trái có hạt bên trong. Khi lạy xuống, hai bàn tay xòe ra và úp xuống, tượng trưng việc gieo giống xuống đất, để cái hạt hấp thụ hơi đất ẩm nảy mầm mọc lên một cây mới.

Như vậy, TKPĐ là thời kỳ chót trong một chu trình sanh hóa: trở hoa, hoa nở, kết trái rồi gieo hạt xuống đất, để sau đó là một chu trình sanh hóa mới nối tiếp.

Vậy, Ấn Tý là cái ấn đặc biệt của thời ĐĐTKPĐ.

Khi chúng ta lạy Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, lạy chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, hay lạy người sống, lạy người chết, vong phàm hay lạy Tổ Tiên, chúng ta đều bắt Ấn Tý.

Điều lưu ý là khi lạy vong phàm: 2 lạy quì và 2 lạy đứng, hai lạy quì là lạy Thiên Địa, hai lạy đứng là lạy Âm Dương, dù lạy quì hay lạy đứng, hai bàn tay đều bắt Ấn Tý.

- Vong phàm là vong hồn của người phàm, tức là người bình thường, chưa có đạo, chưa biết tu hành.

Nếu một người phàm mà ý thức được việc đời là giả tạm, công danh phú quý là phiền não khổ đau, muốn trở bước vào đường tu hành, nhập môn cầu đạo, lập Minh Thệ với Đức Chí Tôn, trở thành một môn đệ của Đức Chí Tôn, nguyện giữ gìn luật Đạo đúng theo Tân Luật của ĐĐTKPĐ, ăn chay mỗi tháng được 10 ngày, giữ gìn Ngũ Giới Cấm, thì như vậy, người đó đã vượt qua bực phàm, bước vào bực Địa Thần.

Đó là hồng ân đặc biệt của Đức Chí Tôn ban cho các môn đệ của Ngài trong thời Đại Ấn Xá của ĐĐTKPĐ. Hễ vào làm

môn đệ của Đức Chí Tôn, giữ tròn đạo hạnh và luật đạo thì Đức Chí Tôn ban ơn cho được vào phẩm Địa Thần.

Nếu được tín nhiệm, đưa lên làm Chức Việc trong Bàn Trị Sự nơi Hương Đạo thì bước vào bực Nhơn Thần. Khi cầu phong và đắc phong lên hàng Lễ Sanh thì được đối phẩm với Thiên Thần.

Do đó, khi một tín đồ Cao Đài qui liễu, nếu vị đó ăn chay đủ 10 ngày trong một tháng và giữ tròn luật đạo, thì được Chức sắc làm Phép Xác và Phép Đoạn Căn. Vị ấy được đứng vào bực **Địa Thần**, chứ không còn là **Vong phàm**, nên khi chúng ta lạy vong, chúng ta phải lạy theo hàng Thần, tức là 3 lạy không gặt, tay bắt Ấn Tý.

Trong Pháp Chánh Truyền Chú Giải có nói rõ: "*Lễ Sanh đối phẩm Thiên Thần, Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự đối phẩm Nhơn Thần, chư tín đồ đối phẩm Địa Thần.*"

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

LÂM

Lâm chung

臨終

A: At the death 's door.

P: Sur le point de mourir.

Lâm: tới, sắp sửa. **Chung:** dứt, hết, chết.

Lâm chung là sắp chết, đồng nghĩa: Hấp hối.

Lâm tuyền khoáng dã

泉曠野

A: Forest, stream and field.

P: Forêt, source et champ.

Lâm: rừng. **Tuyền:** suối. **Khoáng:** trống rỗng. **Dã:** đồng cỏ.

Lâm tuyền khoáng dã là cảnh rừng, suối, đồng trống mênh mông, chỉ cảnh thiên nhiên vắng vẻ, thích hợp với các ẩn sĩ hay những vị tu hành thoát tục.

LÂN

Lân

麒麟

A: The unicorn.

P: La licorne.

Lân là một giống thú linh trong hàng Tứ Linh (Long, Lân, Qui, Phụng).

Lân là con cái, còn con đực gọi là Kỳ, gọi chung là Kỳ Lân. Kỳ Lân thuộc loài nai, hình dáng giống như con hưu, mình vắn, đuôi giống như đuôi trâu, vú giống như vú ngựa, có một sừng trên đầu, tánh rất hiền lành, không ăn thịt con vật khác, chỉ ăn cỏ, nên gọi nó là Nhân thú (con thú có lòng nhân từ).

Mỗi khi nơi nào có Kỳ Lân xuất hiện thì có Thánh nhân ra đời cứu giúp dân chúng. Do đó, Kỳ Lân báo hiệu điềm lành, sắp có thái bình thịnh vượng.

Tương truyền, khi Bà Trưng Tị mang thai Đức Khổng Tử, bà mơ màng thấy một con Kỳ Lân xuất hiện, đi đến trước mặt bà thì nó phục xuống, nhả ra một cái ngọc xích trên đó có đề chữ: Con nhà Thủy Tinh, nối đời suy Châu mà làm vua không ngôi.

TNHT: Ai ngữ Việt Thường đã thấy lân.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyền.

Lân bang Nam quốc

鄰邦南國

A: The neighbouring countries of Việt-Nam.

P: Les pays voisins de Việt-Nam.

Lân: gần, chỗ láng giềng. **Bang:** một nước. **Nam quốc:** nước Nam, tức là nước Việt Nam.

Lân bang Nam quốc là những nước láng giềng của Việt Nam. Đó là: Miên, Lào, Trung quốc.

TĐ ĐPHP: Bản đạo xin nghiêng mình chào các nước *lân bang* đã có tinh thần hữu cho các vị lãnh sự sứ thần đến tham dự cuộc lễ này.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Lân mẫn ân cần

憐憫殷勤

A: Compassion and accommodation.

P: Compassion et complaisance.

Lân: còn đọc là Liên: thương xót. **Mẫn:** có lòng lành thương người. **Ân cần:** chăm nom săn sóc.

Lân mẫn ân cần là có lòng thương xót và chăm nom săn sóc.

KCS: Quan Thế Âm *lân mẫn ân cần*.

KCS: Kinh Cầu Siêu.

Lân tuất thương sanh

憐恤蒼生

Lân: **Liên:** thương xót. **Tuất:** thương xót. **Thương sanh:** dân chúng nghèo khổ.

Lân tuất thương sanh là thương xót dân chúng nghèo khổ.

TĐ ĐPHP: Cũng bởi *lân tuất thương sanh* mà phải phế hủy kiếp duyên, chịu đọa đầy nơi trần tục.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

LẤP

Lấp ngỗ tài hiền

A: To hide the talented men.

P: Cacher les hommes de talent.

Lấp: Bít lại, che khuất. **Ngỗ:** nẻo, đường. **Tài:** có tài. **Hiền:** người vừa có tài năng vừa có đạo đức.

Lấp ngỗ tài hiền là bít đường chặn lối, không cho người hiền tài có đường tiến thân để đem tài năng ra giúp đời giúp đạo.

KSH: Chớ đem lòng lấp ngỗ tài hiền.

KSH: Kinh Sâm Hối.

LẬP

LẬP

LẬP: 立 Tạo ra, dựng nên, đứng thẳng.

Td: Lập công, Lập đức, Lập vị.

Lập công chiết quả

立功折果

Lập: Tạo ra, dựng nên, đứng thẳng. **Công:** công trạng, công đức. **Chiết:** trừ bớt. **Quả:** cái nghiệp quả do kiếp trước để lại.

Lập công chiết quả là tạo lập công đức trong kiếp này để trừ bớt nghiệp quả của kiếp trước còn lưu lại.

TNHT: Ai mau bước đặng gặp mỗi chánh dẫn truyền mà lằn lằn lập công chiết quả, để lánh cả muôn điều phiền não.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lập công chiết tội

立功折罪

Lập: Tạo ra, dựng nên, đứng thẳng. **Công:** công trạng, công đức. **Chiết:** trừ bớt. **Tội:** tội lỗi.

Lập công chiết tội là tạo lập công đức để trừ bớt tội lỗi.

Thành ngữ này đồng nghĩa: Đái công chuộc tội.

TNHT: Nếu Thầy chẳng vì thương tâm thì các Tiên Phật đã ghi lỗi rất trọng hệ của các con mà chẳng khứng cho *lập công chiết tội*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lập đức

立德

A: The establishment of the virtue.

P: L'établissement de la vertu.

Lập: Tạo ra, dựng nên, đứng thẳng. **Đức:** kết quả của những việc làm từ thiện.

Lập đức là tạo lập công đức.

KTKCMQL: Thông dong cõi thọ nương hồn,
Chờ con *lập đức* giúp huờn ngôi xưa.

Câu kinh trên cho chúng ta biết rằng: một người dù nam hay nữ, nếu quyết chí tu hành, phé bỏ việc đời, hiến thân hành đạo, miệt mài lập đức bồi công thì nhứt định sẽ cứu được Cửu Huyền Thất Tổ và cứu được linh hồn của cha mẹ, thoát khỏi cảnh đọa đày và được siêu thăng lên cõi TLHS.

Có ba chứng minh sau đây của ba vị tiền bối: - Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu. - Đức Quyền Giáo Tông. - Ngài Bảo Pháp.

1. Bài Thánh ngôn Đức Chí Tôn dạy Bà Hương Hiếu đi hành đạo, ngày 7-Giêng-Bính Dần (1926):

"Đức Chí Tôn dạy Bà Hương Hiếu đi hành đạo, phổ độ nhơn sanh. Bà Cư (Hương Hiếu) bạch với Thầy rằng:

- Má con mắc ở xa, làm sao con đi độ được?

Thầy: - Hiếu! Con biết một lòng tu niệm đạo đức của con đủ cứu Cửu Huyền Thất Tổ rồi, huống là mẹ con, để Thầy định đoạt, con đừng lo buồn." (Trích ĐS. I. 36)

2. Trong một đàn cơ, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung hỏi Bát Nương:

- Thân phụ và thân mẫu của Qua có được siêu thăng không? Giờ đây ở đâu?

Bát Nương đáp:

- Em chỉ nói bằng thơ, nếu anh giảng trúng thì nói nữa, còn trật thì lui.

Đức Quyền Giáo Tông năn nỉ:

- Nếu Qua nói trật thì Em thương tình mà chỉ dẫn để cho Qua học thêm với.

Bát Nương nói:

- Bạch Y Quan nay sanh Cực Lạc,

Bá phụ cùng bá mẫu đặng an.

Đức Quyền Giáo Tông nói:

- Như vậy là thân phụ và thân mẫu của Qua trước ở cõi Bạch Y Quan, nay đã sang ở yên nơi Cực Lạc Thế Giới?

- Đúng đó, ấy là nhờ công tu luyện của anh nên bá phụ và bá mẫu siêu thăng nơi Cực Lạc.

3. Thân mẫu của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu xin phép Đức Chí Tôn giáng cơ để tỏ cho Ngài Hậu biết, nhờ công quả của Ngài Hậu mà Bà được siêu thăng lên Đông Đại Bộ Châu. Phò loan: Bảo Pháp - Hiến Pháp.

Ngày 19-2-1929 (âi 10-1-Kỷ Ty).

Mẹ mừng con, Mẹ cảm ơn con đó.

Con đâu rõ đặng, ngày nay Mẹ nhờ công con mà đặng thăng cấp. Nay Mẹ đặng vào Đông Đại Bộ Châu. Ấy cũng nhờ ơn của Chí Tôn rất thương mà cho Mẹ vào phẩm ấy. Mẹ chẳng biết lấy chi mà thông công cho hai con và các cháu, nên mới dụng huyền diệu mà Mẹ đã cầu xin Chí Tôn ban cho Mẹ đặng cho con cùng cháu hay rằng, Đức Chí Tôn đã giữ lời hứa cùng con. Nay Mẹ đến khuyên hai con khá lo sao cho tròn

phận sự, ngày thêm vun đắp nền Đạo đặng báo đápƠn Trên đã hết lòng vì cả nhà ta. Nếu con có lòng ấy thì Mẹ rất vui lòng đó, con hiểu...

Mẹ rất vui thấy lòng con nên Mẹ mới xin phép Chí Tôn đến đây tỏ ít lời cho con hiểu. Vậy con khá an lòng mà lo Đạo, chớ nên vì việc nhỏ mà nao chí nghe!

Tôi chào nhị vị Thánh (nói với Nghĩa và bác vật Lang). Tôi chẳng biết lấy chi cám cảnh cho bằng dùng vài lời nhắc đây: Xin nhị vị khá hết lòng lo hiệp tác mà nâng cao địa vị mình càng ngày cho tốt phẩm.

Tôi đây chẳng chi xứng phận mà cũng nhờ ơn Chí Tôn thương tưởng thay! Ấy cũng nhờ sức con mới đặng vậy, không thì biết sao mà kể xiết.

Ấy đó, công của nhị vị càng dày thì Chí Tôn càng yêu dấu. Xin khá để hết tâm chí mà hành phận sự. Ấy là lời tôi xin nhị vị khá để ý.

{Hỏi về việc Ông thân tôi. (Ngài Bảo Pháp hỏi.) }

- Mẹ không dám nói. Thôi Mẹ lui. (Trích trong tập Thánh ngôn chép tay của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu).

"Có học mới biết phương lập đức. Có học thì tâm mới hướng về đức. Đức có Đại Đức và Tiểu Đức.

Đại Đức như nước biển cả, tầm thẳm khắp cả muôn vật.

Tiểu Đức ví như nước trong ao, tầm thẳm có giới hạn. Tiểu Đức chỉ cảm hóa ít người; Đại Đức bao trùm cả thiên hạ.

Lập đức lấy bố thí làm phương tiện.

Bố thí gồm: Thí tài, Thí công, Thí ngôn, Thí pháp.

Thí tài là đem tiền của ra giúp khó trợ nghèo.

Thí công là đem sức lực làm những côngviệc giúp người

Thí ngôn là đem lời nói mà giúp ý kiến hay cho người để giải quyết những khó khăn của người.

Thí pháp là đem lẽ Đạo để cảm hóa giáo dục người trở nên lành. Những cách bố thí trên, chỉ có Thí pháp là có nhiều công đức hơn cả.

Giúp người đói, giúp người hết khổ hay thoát khỏi tai nạn, cũng chỉ qua một thuở mà thôi, duy chỉ có đem Pháp ra hóa độ người dữ ra hiền, người mê muội ra giác ngộ, lo tu hành để thoát vòng sinh tử luân hồi thì công đức ấy đời đời chẳng mất.

Lập đức phải đứng trên quan điểm VÔ NGÃ, tức là quên mình mà lo cho người, chẳng cầu người trả, chẳng nghĩ đó là công do ta làm.

Muốn lập đức trên phương diện Thí pháp, cần phải có quyết tâm lớn trên đường tu học. Phải học cho thông, phải hiểu cho rành, quán thông từ Nhơn đạo đến Thiên đạo. Phải cầu bậc cao minh mà thọ giáo. Chớ nên tự mãn, mới học nhom nhem nửa câu mà tự cho rằng mình biết hết, rồi đem cái biết thô thiển đó truyền thụ cho người thì tai hại vô cùng, không lập đức được mà lại còn tổn đức.

Ngày nào học thông chánh lý, lòng thông suốt, trí hiểu rành, nói rành, chẳng còn gì trái với chơn ý của Thánh nhân, ấy là thể theo Thánh nhân mà nói lại lời của Thánh nhân.

Nếu là kẻ mê tín thì ta lấy Chánh tín mà độ họ; nếu là kẻ tư dục thì ta đem công lý giải bày; nếu là kẻ tham lam thì ta đem việc Thí tài mà giảng giải; nếu là kẻ sân hận thì ta đem pháp nhẫn nhục mà độ; nếu gặp kẻ chẳng may lạc vào Tả đạo Bàng môn thì ta đem Chánh đạo mà khai hóa; nếu là người si mê thì ta đem Chánh lý mà mở mang trí tuệ cho họ.

Giáo dục có nhiều phương pháp, phải tùy duyên mà hóa độ, tùy bệnh mà lập phương trị liệu, bệnh nào thuốc nấy.

Chữa bệnh về thân xác thì có lương y; chữa bệnh về Tâm thì chỉ có Thánh nhân. Thánh nhân chữa cả Tâm lẫn thân, thân tâm hiệp trị. Nếu thân chưa trị thì Tâm khó trị. Vì vậy nên thân Tâm phải hiệp trị, ấy cũng là Tánh Mạng Song Tu.

Khi lập đức thì phải lập từ đức nhỏ đến đức lớn.

Đức nhỏ là hóa độ người trong nhà. Đức lớn là cảm hóa nhiều người trong thiên hạ. Đức lớn là đức của bậc Thánh nhân, Đức nhỏ là đức của bậc Sĩ, bậc Hiền.

Đức lớn sáng soi khắp Trời Đất, chói lọi như ánh Thái dương, nên gọi là Minh Minh Đức. Có Minh Minh Đức mới xây dựng được một thể hệ tươi đẹp, mới đào tạo được giống dân

mới gọi là Tân Dân. Tân Dân còn gọi là Thân Dân, là thương mọi người như thương mình hay như thương người thân của mình. Vua Nghiêu hằng nói với quần thần: "Các Khanh hãy thương yêu dân như thương yêu Trẫm, dân đói là Trẫm đói, dân rét là Trẫm rét."

Như vậy, đời sao không thịnh trị? Quần thần khi nghe lời nói của Đấng Minh quân như thế thì ai mà chẳng xúc động. Toàn thể quốc dân nghe được lời nói của vua như thế thì ai mà chẳng động lòng. Động lòng vì Đức cả, Nhân lớn, nên cả thấy đều lo tích Đức tu Nhân, mọi người đều no cơm ấm áo. Chẳng còn nghèo, chẳng còn đói, thì đâu còn cảnh trộm cướp, mà chỉ đua nhau làm Nhân, làm Nghĩa, nên nhà nhà không đóng cửa, ngoài đường không ai lượm của rơi, người người thành thời mà an hưởng cảnh thanh bình trời Nghiêu đất Thuấn.

Trên Đức là Đạo. Nhưng chỉ vì đời mất Đạo nên mới đem Đức ra mà nói mà dạy người, nhưng rồi Đức cũng chẳng còn nên mới đem Nhân đem Nghĩa ra mà nói.

Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín gọi là Ngũ Thường, người người đều phải giữ vẹn năm đức ấy thì mới trọn được Nhơn phẩm. Nếu thiếu một thì Nhơn phẩm không tròn.

Nên Mạnh Tử có nói: "Ngũ giả khuyết nhất bất thành vi nhân." (5 cái mà thiếu 1 thì không thành đạo làm người).

Giữ tròn năm Đức ấy là người có phẩm hạnh cao tốt.

Nhưng còn Ngũ luân nữa cũng không thể thiếu.

Ngũ thường, Ngũ luân, ấy là Nhơn đạo.

Ở phần Nhơn đạo, việc lập đức đương nhiên dễ hơn ở phần Thiên đạo. Khó ở Thiên đạo là việc Thí pháp. Ở Nhơn đạo cũng có Thí pháp, nhưng chỉ nói pháp của Nhơn đạo mà thôi.

Thực tế trong phương lập đức ở Nhơn đạo, thì Ngũ thường gồm đủ Tánh Mạng Song Tu. Nói là gồm đủ Ngũ thường, chớ đức Nhân bao gồm cả năm đức, nên chỉ cần tu Nhân là bao gồm đủ năm đức.

Nhân là lòng thương yêu. Nhờ lòng thương yêu ấy mà Thần Khí được sung mãn, sáng suốt. Bởi lẽ, hễ làm được một

điều lành thì tăng thêm được một phần Dương khí, vì Dương là thiện, mà thiện cũng là Dương.

Trái lại, nếu bỏ Nhân thì rơi vào Ác hành. Làm một việc bất nhân tức là làm ác, mà làm ác thì giảm đi một phần Dương, tức nhiên tăng thêm một phần Âm, Âm là ác đó vậy.

Chừng nào loại bỏ hết được phần Âm. Chỉ còn lại phần Dương, gọi là Thuần Dương, thì đắc đạo vậy." (Theo Chơn Truyền Đạo Học)

Trong Đạo Cao Đài, muốn lập đức cho được trọn vẹn thì phải theo con đường Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của Cơ Quan Phước Thiện.

Trong Con Đường thiêng liêng hằng sống, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giảng giải như sau:

"Lập vị mình theo Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng, tức là theo Hội Thánh Phước Thiện. Nơi đây, ngoài việc ăn chay, giữ gìn luật đạo, tùng theo chơn pháp của Đức Chí Tôn, còn phải dùng đức để lập vị mình.

Muốn lập đức, phải đi từ Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chí Thiện, v.v...

Lập đức là gì? là dùng sự thương yêu để cứu độ chúng sanh, mà Đức Chí Tôn đã có nó: "Sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh" là vậy đó.

Các đẳng chơn hồn tái kiếp đang chơi vui trong Tứ Khổ. Muốn thoát khổ, họ phải thọ khổ, có thọ khổ mới thắng khổ.

Người tu đi theo Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng là dạy người ta thọ khổ để thắng khổ. Muốn dạy người ta thọ khổ, trước hết mình phải thọ khổ đã. Muốn thọ khổ thì không gì hay bằng dùng đức thương yêu. Cho nên bậc thứ nhứt của Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng là Minh Đức đó vậy.

Có thương yêu mới thọ khổ được. Ta thương cha mẹ ta, ta mới chịu khổ mà bảo dưỡng cha mẹ lúc tuổi già, ta thương con ta, ta mới lo tảo lo tần nuôi nó khôn lớn, ta thương những người cô thế tật nguyền, ta mới tầm phương giúp đỡ họ, mà tầm phương giúp đỡ họ là ta thọ khổ đó vậy.

Thọ khổ rồi mới thắng khổ. Thọ khổ không phải một ngày một bữa, mà phải thọ đến nơi đến chốn, nghĩa là nuôi cha mẹ cho đến tuổi già, lo cho con từ bé cho tới lúc nó tự lo cho nó được. Hai điều đó còn dễ, đến lo cho thiên hạ hết khổ mới khó, vì khi lo cho người này thì lại đến người khác, và cứ như vậy, trọn kiếp sanh mới gọi là thắng khổ.

Có thắng khổ mới về được với Đức Chí Tôn bằng con đường Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng."

KTCMĐQL: Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Lập lệ

立例

A: To establish the rule.

P: Établir la règle.

Lập: Tạo ra, dựng nên, đứng thẳng. **Lệ:** là lối qui định để mọi người noi theo.

Lập lệ là lập ra lệ lối để mọi người noi theo.

CG PCT: Cũng chính mình Ngài đến lập lệ nam nữ phải phân biệt nhau.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Lập luận

立論

A: To reason.

P: Raisonner.

Lập: Tạo ra, dựng nên, đứng thẳng. **Luận:** bàn luận.

Lập luận là sắp đặt ý tứ và lý lẽ lập thành lời nghị luận để người nghe nhận thấy vấn đề đưa ra là hợp lý.

Lập ngôn

立言

Lập: Tạo ra, dựng nên, đứng thẳng. **Ngôn:** lời nói.

Lập ngôn là nói lời chơn thật, chánh đáng, đạo đức, có tính thuyết phục để mọi người nghe theo.

Lập ngôn là một trong Tam Lập. (Xem: Tam Lập, văn T)

Lập pháp

立法

A: To legislate.

P: Légiférer.

Lập: Tạo ra, dựng nên, đứng thẳng. **Pháp:** pháp luật.

Lập pháp là thiết lập một hệ thống luật pháp để tổ chức và điều hành một nền tôn giáo cho được trật tự tốt đẹp, để việc tu hành đạt được kết quả tối đa, đắc thành các phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật nơi cõi TLHS.

Trong Đạo Cao Đài, quyền Lập Pháp ở cơ quan nào?

Chúng ta đã biết, Đức Chí Tôn lập Đạo Cao Đài với hình thể ba Đài: CTĐ, HTĐ và BQĐ.

- Cửu Trùng Đài giữ nhiệm vụ Hành pháp.
- Hiệp Thiên Đài giữ nhiệm vụ Tư pháp.
- Bát Quái Đài giữ nhiệm vụ Lập pháp.

Đức Chí Tôn làm chủ BQĐ, nên khi lập Đạo, Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền làm Hiến pháp tổ chức nền Đạo với các phẩm cấp Chức sắc của CTĐ và HTĐ.

Còn Luật pháp tu hành của nhơn sanh thì Đức Chí Tôn giao cho Quyền Vạn Linh lập ra các luật ấy để vừa với trình độ tu hành của nhơn sanh. Quyền Vạn Linh lập thành do Ba Hội: - Hội Nhơn Sanh, - Hội Thánh, - Thượng Hội.

Quyền Vạn Linh đối quyền Đức Chí Tôn.

TNHT: "Thầy tưởng chẳng cần nói, nếu ai là đạo đức, đọc đến cách lập pháp của Thầy mà chẳng mừng giùm cho nhơn loại."

■ Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền CTĐ Nam phái ngay sau Đại Lễ Khai Đạo, tức là ngày 16-10-Bính Dần (dl 20-11-1926).

■ Đức Lý Thái Bạch thay mặt Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền CTĐ Nữ phái ngày 1-1-Đinh Mão (dl 2-2-1927).

■ Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927).

■ Ngày 13-12-Bính Dần (dl 16-1-1927) Hội Thánh dâng Tân Luật lên Đức Lý Giáo Tông.

Tân Luật là luật tu hành của nhơn sanh thời ĐĐTKPD nên Đức Chí Tôn giao cho Quyền Vạn Linh lập, cho vừa trình độ của nhơn sanh, và nhứt là để sau này trình độ tiến hóa của nhơn sanh có cao hơn thì Quyền Vạn Linh sửa chữa, bởi vì hễ có quyền lập luật thì cũng có quyền phá luật hay sửa luật. (Chỗ này, xem chi tiết nơi chữ: Hội Lập Quyền Vạn Linh, văn H)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

BQĐ: Bát Quái Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

ĐĐTKPD: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Lập thân hành đạo

立身行道

Lập: Tạo ra, dựng nên, đứng thẳng. **Thân:** thân mình.
Hành: làm. **Đạo:** đạo đức.

Lập thân hành đạo là xây dựng tấm thân của mình để đi làm việc đạo đức.

Sách Minh Tâm Bửu Giám có trích lời Đức Khổng Tử nói trong Hiếu Kinh:

*Thân thể phát phu thọ chi phụ mẫu,
Bất cảm hủy thương, hiếu chi thủy dã.
Lập thân hành đạo dương danh ư hậu thế,
Dĩ hiển phụ mẫu, hiếu chi chung dã.*

Nghĩa là:

Thân thể, tóc, da, nhận nơi cha mẹ,
Chẳng dám hủy hại, là hiếu trước tiên vậy.

Lập thân hành đạo nức tiếng với đời sau,
Làm vẻ vang cha mẹ, là hiếu sau cùng vậy.

Cái hiếu sau cùng là cái hiếu trọn vẹn, tốt bậc. Tại sao? Bởi vì chính cái việc lập thân hành đạo này mới cứu được Cửu Huyền Thất Tổ và cả cha mẹ được siêu thăng. Nhứt nhưn đắc đạo Cửu Huyền thăng.

Như vậy, chúng ta thấy rõ, việc lập thân hành đạo là đưa chữ Hiếu lên tốt bậc vậy.

"Lập thân là lập đức, hành đạo là thực hành Tâm đạo.

Đức do tâm gây dựng, tâm nhờ đức thuần lương. Tâm không đức, tâm không chỗ đứng, đức không tâm, đức chẳng thể hành. Lập đức trước phải kiến lập tâm, lập tâm lại phải quý trọng đức.

Cái tâm, người người đều có, còn đức chẳng tâm nào không. Đại Đạo không riêng, chí công hóa dục, hằng giữ lấy tâm và đức, nên Thiên tánh như như. Chẳng vì hiền mà tăng, chẳng vì ngu mà giảm.

Người giữ vẹn tâm đức đó gọi là Hiền.

Bậc thị hiện tâm đức đó ra hóa dục gọi là Thánh.

Kẻ mê muội, tâm đức đó gọi là Ngu.

Kẻ làm tán mất tâm đức đó gọi là Xuẩn.

Đức có chia ra Âm Dương. Âm đức là làm lành mà không ai biết, lập công mà không ai thấy, nhẫn nhục không giận dữ, gò mình trong gian khổ mà chẳng hờn.

Dương đức là học không nhàm, dạy người không chán, tu thân, tề gia, giúp người lợi vật, tuyên dương Chánh pháp.

Lại có người phân biệt Đại đức và Tiểu đức. Đại đức thì thuần hậu mà cảm hóa, Tiểu đức tự như dòng nước trôi sông. Đại đức không có gì không vượt qua được, Tiểu đức thì lại có ra có vào. Đại đức thì lành với người đồng, Tiểu đức thì độc thiện kỳ thân. Chúng ta lập thân hành đạo, Âm đức Dương đức cần phải tu chứa, đại thiện tiểu thiện đều phải phụng hành." (**Theo Chơn Truyền Đạo học**)

Lập thệ

立誓

A: To take one's oath of faithfulness.

P: Faire son serment de fidélité.

Lập: Tạo ra, dựng nên, đứng thẳng. **Thệ:** thề, lời thề.

Lập thệ là nói ra lời thề nguyện trong lễ nhập môn cầu Đạo, trên có các Đấng thiêng liêng chứng minh, dưới có Chức sắc và Bàn Trị Sự làm chứng. (Xem chi tiết: Minh thệ, vần M)

Lập trường

立場

A: The standpoint.

P: Le point de vue.

Lập: Tạo ra, dựng nên, đứng thẳng. **Trường:** Chỗ đứng.

Lập trường là lập nên chỗ đứng, ý nói: chủ trương đường lối mà mình đang theo đuổi.

Lập vị

立位

A: To establish the situation.

P: Établir la situation.

Lập: Tạo ra, dựng nên, đứng thẳng. **Vị:** địa vị, phẩm vị.

■ *Lập vị là lập nên phẩm vị cho mình.*

TNHT: Lão vì Chí Tôn đã hứa mà lo *lập vị* cho đáng giá.

■ *Lập vị còn có nghĩa là đến đứng tại vị trí của mình.*

Đây là câu xướng của Lễ sĩ trong nghi tiết cúng tế.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

LÊ

LÊ

1. **LÊ:** 黎 Đen, dân chúng, đồng người, họ Lê.
Td: Lê dân, Lê nguyên, Lê thứ.
2. **LÊ:** 藜 Một loại rau để ăn.
Td: Lê hoắc.

Lê dân

黎民

A: The people.

P: Le people.

Lê: Đen, dân chúng, đồng người, họ Lê. **Dân:** người dân trong một nước.

Lê dân là dân chúng.

Lê hoắc

藜藿

Lê: Một loại rau để ăn. **Hoắc:** một thứ rau.

Lê hoắc là hai loại cỏ mọc dùng làm rau để ăn.

Lê hoắc là chỉ sự ăn chay kham khổ của người tu hành.

Lê nguyên - Lê thứ

黎元 - 黎庶

A: The population, people.

P: La population, le peuple.

Lê: Đen, dân chúng, đồng người, họ Lê. **Nguyên:** thiện, lành. **Thứ:** nhiều.

Lê nguyên là dân chúng, vì khi xưa gọi dân chúng là thiện nhân, mà thiện là nguyên, nên sau này gọi là Lê nguyên.

Lễ thứ là đông đảo dân chúng, thường chỉ dân chúng nghèo khổ.

KCS: Vớt lễ thứ khổ trần đọa lạc.

LỄ

LỄ

LỄ: 禮 -Cách bày tỏ kính ý bằng cử chỉ hay bằng cúng tế, -cuộc lễ có nghi tiết.

Td: Lễ bái, Lễ nghĩa, Lễ sính.

Lễ bạc tâm thành

禮薄心誠

Lễ: -Cách bày tỏ kính ý bằng cử chỉ hay bằng cúng tế, -cuộc lễ có nghi tiết. **Bạc:** mỏng, đơn sơ. **Tâm:** lòng. **Thành:** thật.

Lễ bạc tâm thành là lễ vật đơn sơ nhưng lòng thành thật tín ngưỡng.

Lễ bái

禮拜

A: The cult.

P: Le culte.

Lễ: -Cách bày tỏ kính ý bằng cử chỉ hay bằng cúng tế, -cuộc lễ có nghi tiết. **Bái:** lạy.

Lễ bái là cúng lạy, chỉ chung về sự cúng tế.

Bài Thái hiến lễ Thất Nương DTC:

Lễ bái thường hành tâm đạo khởi.

Tôn giáo thường xem trọng sự lễ bái các Đấng thiêng liêng, nhất là trong Đạo Cao Đài, sự bái lễ Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu được xem là quan trọng hàng đầu.

Đức Quan Âm Bồ Tát có dạy rằng:

TNHT: Các em phải lo cúng kiếng thường.

1. Một là tập cho chơn thần được gần gũi các Đấng thiêng liêng cho đặng sáng lạn.

2. Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

3. Ba là có tế lễ thì tâm phải có cảm, cảm rồi mới ứng, ứng là lẽ tự nhiên.

4. Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương tri lương năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mẫu huệ. Các em nhớ à!

Mỗi khi Đại lễ cúng Đại đàn tại Thánh Thất thường kéo dài khoảng 2 giờ 45 phút, còn Tiểu lễ cúng Tiểu đàn thì kéo dài khoảng 1 giờ 30 phút, các ngày thường cúng tứ thời (Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu) mỗi thời mất khoảng 30 phút, người tín đồ phải mặc Đạo phục, khép mình trong nghi lễ lâu như thế nên rất mệt mỏi, nhiều người yếu sức bị xỉu ngay giữa thời cúng.

Hỏi vậy chớ Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng thiêng liêng có cần tín đồ quì mọp bái lạy lâu như thế không?

Câu trả lời: Nhứt định là không, mà sự bái lễ ấy chỉ nhằm lợi ích cho người tín đồ.

Ngoài các lợi ích do Đức Quan Âm Bồ Tát đã dạy ở trên, còn có hai lợi ích khác rất quan trọng, kể ra như sau:

■ **Thứ nhứt:** Theo lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, việc Dâng Tam Bửu lên Đức Chí Tôn là một bí pháp giải thoát, bởi vì khi chúng ta dâng trọn thể xác, chơn thần và linh hồn lên cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu dùng phương nào thì dùng, tức là chúng ta đã giao tất cả nghiệp quả từ nhiều kiếp trước và kiếp hiện tại lên cho Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, miễn là từ đây đến khi chết, chúng ta không gây tội lỗi nào nữa, thì như thế, chúng ta không còn nghiệp quả nào nữa, tức nhiên chúng ta sẽ được giải thoát, vì không còn ai kéo níu đòi nợ chúng ta được nữa.

■ **Thứ nhì:** Tư thế ngồi cúng tại Tòa Thánh, tư thế quì cúng tại Thánh Thất hay Điện thờ, hay tư thế đứng hầu đàn,

ba tư thế ấy là ba tư thế thiền định luyện Tam Bửu Tinh Khí Thần hiệp nhứt, nếu như trong ba tư thế ấy chúng ta giữ xương sống luôn luôn thẳng đứng và hai chân khép lại chạm vào nhau.

Tư thế ngồi cúng là Tọa thiền, tư thế quỳ cúng là Quỳ thiền, tư thế đứng hầu đàn là Trụ thiền. Chúng ta giữ cho đừng phóng tâm, tập trung tư tưởng ngưỡng vọng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, đưa tư tưởng lần theo các lời kinh, dần dần trong cơ thể của chúng ta sẽ có sự chuyển biến làm cho Tinh hóa Khí, Khí hiệp Thần, và sau cùng cho Thần hườn Hư.

Nhưng muốn đạt được kết quả ấy, không phải chúng ta chỉ cúng trong một vài tháng hay một vài năm, mà chúng ta phải bền chí tu tập trong một thời gian lâu dài, có khi đến mãn đời, nhứt định chúng ta sẽ đạt được kết quả tốt đẹp chắc chắn, nhứt định chúng ta sẽ được giải thoát, tức là được siêu thăng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lễ giáo

禮教

A: Educated.

P: Éduqué.

Lễ: -Cách bày tỏ kính ý bằng cử chỉ hay bằng cúng tế, - cuộc lễ có nghi tiết. **Giáo:** dạy, có giáo dục.

Lễ giáo là có giáo dục về lễ nghi.

Lễ nghi phong hóa

禮儀風化

A: Ceremonies and manners.

P: Cérémonies et moeurs.

Lễ: -Cách bày tỏ kính ý bằng cử chỉ hay bằng cúng tế, - cuộc lễ có nghi tiết. **Nghi:** cách thức bày ra. **Phong:** thói, nếp có từ lâu đời. **Hóa:** thay đổi, giáo hóa. **Lễ nghi** là những nghi thức làm lễ. **Phong hóa** là phong tục và giáo hóa.

Lễ nghi phong hóa là cách thức bày ra trong sự cúng tế cho được trật tự, trang nghiêm, kính cẩn và các phong tục tập quán của một dân tộc.

CG PCT: Tuy vẫn đã biết, lúc Thầy lập Pháp Chánh Truyền thì Thầy dạy hành lễ dường ấy mặc dầu, là bởi *lễ nghi phong hóa* nhà Nam ta buộc phải vậy.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Lễ nghĩa

禮義

A: The politeness.

P: La politesse.

Lễ: -Cách bày tỏ kính ý bằng cử chỉ hay bằng cúng tế, - cuộc lễ có nghi tiết. **Nghĩa:** việc làm đúng theo lẽ phải và đạo lý.

Lễ nghĩa là những phép tắc phải theo để cho việc cư xử tỏ ra được sự tôn kính và đúng theo lẽ phải.

CG PCT: Còn hỏi về *lễ nghĩa* giao thiệp về phần đời thì Ngài dạy Giáo Hữu nam phái cũng phải chịu dưới quyền của Giáo Sư nữ phái.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Lễ Nhạc

禮樂

A: The rites and music.

P: Les rites et la musique.

Lễ: -Cách bày tỏ kính ý bằng cử chỉ hay bằng cúng tế, - cuộc lễ có nghi tiết. **Nhạc:** âm nhạc.

Lễ Nhạc là Lễ nghi và Âm nhạc.

Lễ và Nhạc trong Đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn xem rất quan trọng, cho nên ngay từ khi mở Đạo, Đức Chí Tôn đã nhiều lần giảng cơ dạy về Lễ và Nhạc.

Sau đây chúng ta sẽ nghiên cứu từng phần một.

LỄ và NHẠC

I. LỄ

1. Dùng Lễ để hàm dưỡng tánh tình
2. Dùng Lễ để giữ tinh cảm thích hợp đạo Trung dung
3. Dùng Lễ để định rõ lẽ phải trái, tình thân sơ và trật tự trên dưới phân minh
4. Dùng Lễ để tiết chế lòng dục

II. NHẠC

III. SỰ PHỐI HỢP NHẠC và LỄ

- Lời Điều Trần của Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu
- Huấn Dụ của Đức Thượng Sanh

I. LỄ:

Chữ Lễ, trước tiên dùng với ý nghĩa là các hình thức cúng tế, cầu Thần linh ban phước và cúng tế Tổ Tiên. Sau đó, chữ Lễ được dùng rộng ra bao gồm những phép tắc phù hợp với phong tục và tập quán của dân chúng trong việc quan, hôn, tang, tế. Sau nữa, chữ Lễ có nghĩa thật rộng, gồm cả quyền bính của vua và cách tiết chế các hành vi của dân chúng cho thích hợp lẽ tự nhiên của Trời Đất.

Cho nên, Kinh Lễ của Nho giáo viết rằng: "*Lễ giả, Thiên chi tự.*" Nghĩa là: Lễ là cái trật tự của Trời. Do đó, Nho giáo rất chú trọng về Lễ và dùng Lễ vào 4 mục đích sau đây:

1. Dùng Lễ để hàm dưỡng tánh tình.

Dùng Lễ để tạo thành một không khí đạo đức trang nghiêm, dần dần biến thành một tập quán tốt, khiến người ta làm điều phải một cách tự nhiên mà không cần suy nghĩ.

Vào nơi đền chùa, thấy khung cảnh cúng bái trang nghiêm, tự nhiên sanh lòng tôn kính. Vào chỗ đám tang, thấy cái không khí ảm đạm thể lượng, tự nhiên sanh lòng bi ai.

Vậy nhờ Lễ mà con người được khơi dậy những tình cảm tốt đẹp cao thượng.

2. Dùng Lễ để giữ tình cảm thích hợp đạo Trung dung.

Dùng Lễ để giữ tình cảm của mình không cho thái quá mà cũng không cho bất cập, theo đúng đạo Trung Dung. Nhờ vậy, thể xác và tinh thần của con người được quân bình, hành động lúc nào cũng được sáng suốt và chừng mực.

Đức Khổng Tử bảo Nhan Uyên là người đã hiểu rõ đạo Nhân hơn người là do Lễ: "*Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động.*" Nghĩa là: không phải lễ chớ nhìn, không phải lễ chớ nghe, không phải lễ chớ nói, không phải lễ chớ làm.

3. Dùng Lễ để định rõ lẽ phải trái, tình thân sơ và trật tự trên dưới phân minh.

Nhờ Lễ mà ta phân biệt được kẻ thân người sơ, kẻ nhỏ người lớn, vì Lễ qui định sự đối xử khác nhau rõ rệt. Do đó không còn chỗ hiềm nghi, định rõ lẽ phải trái.

Nhờ Lễ mà định được Chính danh, có Chánh danh mới định phận cho thích hợp. Do đó có tôn ti trật tự, phép tắc luân lý từ gia đình đến xã hội, tạo nên một xã hội trật tự thái bình.

4. Dùng Lễ để tiết chế lòng dục.

Dục vọng của con người thì không cùng và lúc nào nó cũng đòi hỏi phải làm cho nó thỏa mãn. Nếu không dùng Lễ để chế giảm, tất dục vọng sẽ làm con người hư hỏng. Dùng Lễ để chế giảm mà còn hướng dẫn dục vọng vào chỗ cao thượng nữa.

Lễ và Pháp luật đều có mục đích ngăn chặn sự hư hỏng và tội lỗi của con người. Nhưng Lễ có ưu điểm là nó có thể ngăn cản những việc làm lỗi chưa xảy ra, còn dùng pháp luật là để trừng trị những việc tội lỗi đã xảy ra rồi. Do đó, Thánh nhân trọng Lễ hơn trọng hình phạt. Pháp luật tuy phải đặt ra, nhưng dùng sự giáo hóa về Lễ mà ngăn chặn trước sự phạm tội mới là ưu việt.

Tóm lại, chữ Lễ trong nghĩa rộng có bao hàm tính chất pháp luật. Nhưng Lễ chú trọng về mặt giáo hóa và ngăn ngừa sự hư hỏng, phạm tội; còn Luật pháp thì chú trọng trừng phạt những điều hư hỏng và phạm tội đã xảy ra.

Lễ thì dạy người ta nên làm điều gì, không nên làm điều gì, và tại sao như thế. Còn Luật pháp thì cấm không cho làm việc này làm việc nọ, hễ vi phạm thì bị trừng phạt.

Người làm trái Lễ thì bị chê cười, có tính cách trừng phạt về mặt tinh thần, người làm trái pháp luật thì bị trừng phạt về thể xác.

Thánh giáo:

*"Lễ là hạnh nét của Thần Tiên,
Phải giữ lễ nghi thật vững bền.
Trước mắt phạm tuy trông chẳng thấy,
Chín từng lòng lộng Đáng bề trên."*

II. NHẠC:

Nhạc là sự hòa hợp của các thứ âm thanh mà tạo thành, thể hiện sự rung cảm của lòng người đứng trước ngoại vật, hay nói khác đi, chính sự rung cảm trong lòng người mới tạo thành tiếng Nhạc.

Khi người buồn thì tiếng nhạc có âm điệu bi ai; khi người vui vẻ phấn chấn trong lòng thì tiếng nhạc nhanh, rộn rập, vui tươi; khi ngoại cảnh sanh lòng yêu mến thì tiếng nhạc hòa nhã dịu dàng. Ngược lại, tiếng nhạc có thể cảm hóa lòng người, khiến người nghe rung động theo nó, như khi nghe nhạc réo rắt thanh tao thì người nghe có ý nghĩ cao thượng, khi nghe nhạc giựt gân dâm ô thì người nghe có ý nghĩ thấp hèn.

Nhạc có thể lực rất quan trọng như thế nên bực đế vương thời xưa như vua Thuấn dùng nhạc để hóa dân, khiến dân trở nên lương thiện.

Sách Nhạc Ký có viết: Nhạc là cái vui của Thánh nhân, mà có thể khiến cho lòng dân trở nên tốt lành, có thể cảm lòng người rất sâu và làm cho phong tục dời đổi được.

Cho nên Tiên Vương mới đặt ra việc dạy Nhạc.

Nhạc cũng phải giữ lấy đạo Trung dung, dẫu vui cách mấy cũng không làm mất cái chánh, dẫu buồn cách mấy cũng không làm mất cái hòa. Như thế Nhạc mới điều hòa tánh tình của con người.

III. SỰ PHỐI HỢP NHẠC và LỄ:

Nhạc và Lễ đều có cái chủ đích chung là sửa đổi tâm tánh con người cho ngay chánh, bồi dưỡng tình cảm cho thuần hậu. Nhưng mỗi bên có cách thức riêng biệt.

Lễ cốt ở sự cung kính để giữ cho trật tự phân minh, Nhạc cốt ở sự điều hòa khiến cho tâm tánh được tao nhã.

Do đó, Lễ và Nhạc cần phải phối hợp với nhau thì mới thành tựu mục đích tốt đẹp. Nếu có Lễ mà không có Nhạc, tức là có Kính mà không có Hòa, thì hơn quần ở với nhau có sự phân biệt thái quá, nên chia rẽ xa cách. Nếu có Nhạc mà không có Lễ, tức là có Hòa mà không có Kính, thì thành ra dễ dãi khinh lờn.

Vậy nên, có Lễ phải có Nhạc, có Nhạc phải có Lễ, để cho cái này bổ khuyết cái kia thì mới tạo được sự điều hòa tốt đẹp và một trật tự ổn định trong xã hội.

Lễ và Nhạc có ý nghĩa rất sâu xa và có tác dụng mạnh mẽ về đường đạo đức, vì một đàng khiến cho tâm tánh ở bên trong và một đàng khiến cho sự hành động ở bên ngoài, cốt cho trong ngoài hòa thuận. Trong hòa là làm cho tâm tánh được điều hòa, ngoài thuận là làm cho hành vi cử chỉ thuận theo đạo lý, hợp lòng người. Trong và ngoài được như thế thì cái tà tâm và dục vọng không có cơ hội phát triển và dần dần sẽ biến mất, nhường chỗ cho Thánh tâm và những dục vọng thanh cao.

Nhưng Đức Khổng Tử lại nói: *"Nhơn nhi bất nhơn như lễ hà? Nhơn như bất nhơn như nhạc hà?"* nghĩa là:

Người mà không nhơn đức thì làm sao dùng Lễ được?

Người mà không nhơn đức thì làm sao dùng Nhạc được?

Ý của Đức Khổng Tử nói rằng: Dầu Lễ và Nhạc có hay đến bậc nào đi nữa mà người dùng Lễ và Nhạc không có lòng nhơn đức thì cũng không có hiệu quả gì. Có nhơn đức tức là có tình cảm dồi dào, có trực giác mẫn huệ, rồi lấy Lễ Nhạc mà khiến thì công dụng của Lễ Nhạc rất hay; còn nếu không có nhơn đức mà đem dùng Lễ Nhạc thì chỉ là cái hư văn kiểu cách trống rỗng mà thôi, không có tác dụng gì.

Đức Khổng Tử chủ trương Lễ Nhạc cũng phải trung dung, không nghiêng hẳn về bên Lễ, cũng không nghiêng hẳn về bên Nhạc, vì: "Nhạc thắng hóa bừa bãi, Lễ thắng hóa chia lìa. Khiến thích hợp tánh tình, phục sức và dung mạo là công việc của Lễ Nhạc."

Lễ Nhạc còn có địa vị trọng yếu trong phép trị nước, và được đặt ngang hàng với Hành chánh và Hình pháp.

"Lễ để chỉ đạo ý chí, Nhạc để điều hòa thanh âm, Hành chánh để thống nhất hành động, Hình pháp để ngăn ngừa tội ác. Lễ Nhạc, Hành chánh, Hình pháp có mục đích cuối cùng là một, tức là thống nhất lòng dân để thực hiện nền thanh trị."

Ý của Đức Khổng Tử và các bậc Thánh xưa dùng Lễ Nhạc cao siêu như thế, nhưng lần lần, từ đời nọ qua đời kia, Nhạc và Lễ biến đổi theo tình đời và trở nên sai hết cả.

Lễ thì biến ra thêm phiền toái mà không giữ được sự Kính làm gốc, Nhạc thì biến ra đủ thứ đủ loại mà không giữ được sự Hòa làm gốc. Con người không được Nhạc Lễ hướng dẫn và kèm chế nên đã bị dục vọng vật chất lôi cuốn đến chỗ thấp hèn, đang tiến vào hố sâu vực thẳm.

May mắn thay cho nơnon loại! Nhứt là hữu hạnh cho dân tộc Việt Nam, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế khai sáng ĐĐTKPĐ tại nước VN, Đức Chí Tôn rất chú trọng về Lễ Nhạc, nên Đức Chí Tôn đến để chỉnh đốn Lễ Nhạc lại cho hoàn toàn.

Trong TNHT, Đức Chí Tôn dạy về Lễ Nhạc rất kỹ, đôi khi Đức Chí Tôn phải nhập xác vào Cao Thượng Phẩm để biểu diễn về Lễ cho các môn đệ nhìn thấy tận mắt rõ ràng mà học tập làm theo.

Lễ và Nhạc do Đức Chí Tôn lập ra, trên nền tảng cái cũ là Cổ lễ và Cổ nhạc của Nho giáo, để làm ra cái mới, khiến cho cũ và mới hoàn toàn dung hợp nhau, làm cho Lễ Nhạc trong Đạo Cao Đài có những nét độc đáo, sử dụng có hiệu quả nhứt, để đưa nơnon loại trở về con đường đạo đức chơn chánh.

Nơi Văn Phòng Lễ Nhạc Đường trong Nội Ô Tòa Thánh có đôi liễn Lễ Nhạc:

禮以地陳明定人間尊秩序
樂由天作宣通世界主調和

*LỄ dĩ địa trần minh định nhân gian tôn trật tự,
NHẠC do Thiên tác tuyên thông thế giới chủ điều hòa.*

Nghĩa là:

Lễ lấy sự bày ra trên mặt đất mà chế thành, định rõ phẩm bậc con người nơi thế gian, kính trọng sự trật tự,

Nhạc do Trời làm ra, bày tỏ cho thế giới thông hiểu nhau, chủ yếu là sự điều hòa.

Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu có viết bài LỜI ĐIỀU TRẦN để dạy các học sinh học Nhạc Lễ nơi Lễ Nhạc Đường vào năm Nhâm Thìn (1952), xin chép ra sau đây:

LỜI ĐIỀU TRẦN

Yếu lý thuộc về Giáo khoa Lễ Nhạc hầu thành lập Chương trình để un đúc tinh thần cho học sinh, tượng trưng phép điều hòa nơi cửa Đại Đạo.

NHẠC: vốn là một đạo pháp rất thâm u, đã có trước buổi Khai Thiên, vẫn là một từ khí thông công với luồng điện thoại truyền tấu khắp căn khôn chiêu tụ chơn hồn cả vạn vật.

Khi thành lập các địa giới, biến sanh đủ muôn loài, rồi thì vạn linh hấp thụ lấy năm âm của thức nhạc mà tỏ vẻ hỷ, nộ, ái, ố, ai, dục riêng của mỗi loại. Nhưng do theo luật công bình thiêng liêng thì buổi sơ sanh của vạn loại, cả thầy đều tự khởi với cái giọng đót đát thô bỉ. Chừng tìm hiểu được cái lẽ nhiệm màu của Trời Đất, hơn loại mới lần hồi trau luyện sửa đổi cho ra thanh tao trong giọng nói, giúp thêm tinh vi cho khuôn lễ, tiến hóa cho đến khi phù hợp tánh cách thiên nhiên với nhau mới có cộng hưởng phép điều hòa, mà xây dựng nền phong hóa riêng của mỗi quốc dân; hơn nước do nơi đó mà phân định cao thấp. Ấy là đạo pháp để gây nên cơ hiệp chủng y theo triết lý của Lễ Nhạc đã cạn giải.

Nguồn cội của phép điều hòa đã tìm được mà tin dùng vẫn từ buổi cổ thời do nơi Đức Hiên Viên Huỳnh Đế.

Khi Ngài ngự chế ra Lễ Nhạc, Ngài để ý nghe thấy sự hỗn hợp của Bát hồn: Bào, Thổ, Cách, Mộc, Thạch, Kim, Ty, Trúc, tuy là khác giống nhau mà có thể tỏ ra vẻ hòa âm. Từ ấy, Ngài cứ bình tâm định trí để tìm hiểu lẽ nhiệm mầu của luật thiên nhiên. Chừng rõ thấu cơ mầu của Trời Đất, Ngài mới tùy nơi hình thể của thức hồ cầm (tục gọi là đàn tỳ bà) có vẻ trạng thái Thiên triều: đôi bên tả hữu có dây văn dây võ, trên có Tứ Thiên Vương, dưới có Thập Điện Quân. Ngài nương theo kiểu mẫu ấy gây nên quốc vận, như Ngài đã thành lập một quốc gia.

Về nội dung, nơi triều đình có văn biên để bình chánh, nơi biên cương có võ bị để ngừa loạn, xây dựng nên một quốc thể đủ vẻ nghiêm trang, thuần túy.

Về ngoại dung, Ngài đào tạo nên tông, làng, hương đảng có đủ tánh tình ôn hậu để giáo hóa lê dân với tư cách điều hòa. Toàn trong nước, cả quan dân đều cộng hưởng thái bình, thành thử trong buổi nọ, nhờ nơi đó mà Kinh Lễ và Kinh Nhạc xuất hiện, mà hể hai bộ Kinh Lễ và Kinh Nhạc được ra mặt diu đời tức là Nho tông đã sáng lập.

Tiếp theo là phép an dân của Đức Hiền Viên Huỳnh Đế, về sau có vua Nghiêu vua Thuấn là hai bậc Thánh đế đều noi theo gương ấy mà làm cho cuộc thế rất nên điều hòa, cả lê thứ thầy đều được an cư lạc nghiệp. Từ ấy đến nay, thời gian đã trải qua trên bốn ngàn năm mà nhơn vật trong thế kỷ 20 này vẫn còn để tâm hoài vọng cho thời cơ điều hòa của phép Lễ Nhạc buổi nọ được tái vãn.

Như thế thì buổi hiện thời, trong hàng trí giả còn có ai là chẳng biết rằng Lễ Nhạc vốn là hai quan điểm đặc sắc để khởi dẫn bước đầu tiên cho nhơn loại, lần hồi gây mối cảm tình nhau mà đoạt được phép điều hòa, nhứt là trong buổi loạn lạc này, cả nhơn loại toàn cầu đều chịu thống khổ nguy nan, còn có chi hay để cải sửa cơ đời cho bằng phép ấy. Các Đấng thiêng liêng hay gọi nhắc chúng ta nên dùng pháp mầu của Nho tông để chuyển thế là bởi đó.

Lượn giải đường ấy thì chúng ta đủ rõ thấy rằng: nét hưng vong của một quốc vận, nhục vinh của một chủng tộc, suy thịnh của một gia đình, nên hư của một cá nhân, cuộc cờ đời

biến đổi trở day đều do nơi đó cả thầy. Hà tất chúng ta nơi cửa Đạo Trời, vẫn có nhiệm vụ thật hành phép điều hòa trong cửa Đại Đạo để làm khuôn mẫu trước hết cho nòi giống Việt Thường theo bước, hầu gây nên Quốc Đạo theo mấy câu văn của Đức Chí Tôn đã dạy:

Quốc Đạo kim triều thành Đại Đạo,
Nam phong thử nhật biến Nhơn phong.
An dân liệt Thánh tưng Nghiêu Thuấn,
Văn hóa tương lai lập Đại đồng.

Vậy thì hai quan điểm của Lễ Nhạc, chúng ta cần phải giới traу cho có vẻ thuần túy, để tượng trưng phép điều hòa thế nào cho xứng đáng một gương trong để soi sáng về Đạo hạnh cho toàn cả Việt dân dõi chước, làm cho vạn bang nhìn nhận thì Quốc Đạo chúng ta tự gây nên rồi Đại Đạo tùy đó mà hồng khai trong các nước.

Muốn giải rõ hơn nữa thì thức nhạc của hiền xưa đã gây nên vốn đề trạng thái về thanh âm của phép điều hòa cho hơn loại làm gương soi mình, hầu giới mài trong lời lẽ cho có âm giọng thuần hòa thanh tao âm điệu. Vậy thì trước nhưt mấy em Lễ sĩ, Nhạc sĩ cần phải sẵn có học biết nhiều ít về văn chương, ngôn ngữ mới có đủ hầu sắp đặt theo thứ tự khép và lâm giọng của nhạc pháp, ngôn từ mới âm điệu, lời lẽ mới thanh tao, mà nói năng cho vừa lổ tai người trong khi giao tiếp với hơn quần xã hội để tượng trưng phép điều hòa y theo nguyên pháp của Đại Đạo.

Vì Lễ Nhạc là đạo pháp điều hòa của Đấng Hóa công đã gây nên để un đúc tinh thần cho hơn loại hầu khêu gợi gieo rắc sự cảm hóa với nhau mà lập thành cơ hiệp chủng, cũng vì đó quốcdân Pháp thường nói: *La musique adoucit les moeurs*. nghĩa là: âm nhạc để giúp đời được thuần phong mỹ tục.

Đường ấy thì những Chức sắc có trọng trách dìu dẫn Nhạc sĩ và Lễ sĩ, chúng vẫn là đoàn em sẽ có nhiệm vụ thể hình Lễ Nhạc, chư vị cần phải do theo trình độ cao thấp của chúng mà gây nên, cần nhưt là tùy phương châm mà tạo lập lấy chương trình Nhạc Lễ cho có mục văn chương, trạch cử một vị giáo sư để dạy về văn từ, nhưng phải liệu lượng thế nào cho vừa với trí não của đoàn em mà dẫn lối, chúng nó mới có đủ tinh thần

mẫn đạt mà tập rèn hầu lần hồi tiến bước vào nghệ thuật cho có vẻ thanh cao.

VỀ NHẠC PHÁP:

Vậy thì cứ thể hình Nhạc pháp hai phương văn võ khác nhau: các thức đờn đều thuộc về văn ban, vì có sẵn bản của hiền xưa đã sắp đặt. Trong mỗi bản đều có lớp có lang từng theo nhịp nhàng nội ngoại ứng biến mà diễn tả bài nhạc của nghệ sĩ thể nào cho có đủ câu Âm câu Dương đúng với niêm thức của bản, mới có thể hòa âm với các giống đờn khác, chẳng khác nào như các nhà văn sĩ cần chủ tâm, tùy nơi âm vận, niêm, luật, phá, thừa, trặng, luận, chuyển, kết, cho đúng mà hành văn mới tác thành những áng thi phú văn từ đáng giá.

Hơn nữa, Nhạc sĩ cần phải thấu hiểu rằng: tuy nhà văn sĩ đã chung họa thi văn với nhau trong một đề chủ, nhưng tinh thần trong bài văn đều do nơi khí phách riêng của mỗi người, tùy nơi tâm chí cao thấp mà biến tướng, nhờ đó mà ngoại nhân rõ thấy tài hay dở của văn sĩ. Nghệ thuật của Nhạc sĩ cũng vẫn dường ấy, vì cũng do nơi giọng đờn thanh cao tao nhã hay là thô bỉ sượng sùng mà người nghe hiểu được trình độ tiến hóa của Nhạc sĩ là thể nào.

Khó hơn nữa là dầu cho thức đờn hay dở thể nào cũng đều phải khế vào khoảng mau chậm của nhịp do nơi lá phách của ban võ lược, tức là cặp trống, và đồ ngang đã ra ni, mới có vẻ rập ràng của các giống đờn.

Cặp trống nhạc và các món như: mõ, bạc, trống cơm, bồng, kèn, v.v..., tục gọi là đồ ngang, đều đứng vào ban võ lược vì cả thấy đối chọi với nhau mà xây dựng nên nhịp, mỗi món vẫn có phận sự riêng, khi thì minh, lúc lại ẩn, phải tùy cơ ứng biến cho đúng phép mà làm cho rập ràng nhau mới vững đặt nhịp nhàng.

Nói tóm tắt là cả hai bên Văn ban, Võ bị đều phải tương đắc với nhau, giọng hòa âm của thức nhạc mới có thể trợ giúp vẻ trang nghiêm cho cuộc lễ.

VỀ LỄ PHÁP:

Theo Lễ pháp thì Lễ sĩ phải thấu hiểu rằng: Lễ đã dạy kỹ,

bước bằng chữ tâm 心 tức là giữ trọn tấm lòng thành, đi đứng có mực thước, tùy theo nhạc châu 7 lá phách mới bước vào một bước, ấy là trạng thái bước lễ đi đứng có vẻ tề chỉnh, còn hiển dâng Tam bửu: Bông, Rượu, Trà, tức là tạm dùng ba món để thể hình: Tinh, Khí, Thần, nghĩa là chúng ta hiển lễ cho Đấng Chí Tôn với tấm lòng chí thành thường chứa ba tôn chỉ của Tam giáo là: Bác ái, Công bình, và Điều hòa, tương tự như nơi cơ bí truyền có thể hình tam giác đóng khuôn bao quanh lương tâm (huệ nhãn).

Tóm tắt cả ý nghĩa là trong mỗi cuộc lễ hiến cho Đức Chí Tôn hoặc các Đấng thiêng liêng hay là các bậc Tiên Hiền đã quá vãng, cả hành vi của mấy em Lễ sĩ và Nhạc sĩ biểu diễn vốn để tượng trưng cái phép cư xử theo lễ cho nhơn loại đối chước.

Nếu muốn yên vui với nhau nơi cõi tạm này, nhơn loại cần phải cộng sự với nhau bằng tấm lòng thành thật, tâm hằng giữ vững ba món báu là: yêu đương với nhau, đoan chánh với nhau, hòa nhã với nhau, hầu được tránh khỏi mọi nỗi sai lầm với nhau trong bước đường đời. Ấy là đúng theo Thánh ý của Đức Chí Tôn, vì Chí Tôn đã có dạy chúng ta nhiều lần với câu Thánh giáo này: *"Chẳng cần chi hơn là Thấy thấy các con để tâm hòa nhã với nhau. Đó mới thật là Lễ long trọng các con hiến cho Thầy."* Mà đó cũng là ba tôn chỉ của Nho, Thích, Đạo, do nơi thi văn Đức Kim Mẫu đã dạy rằng:

Gắng sức trau dồi một chữ Tâm,
Đạo đời muôn việc khỏi sai lầm.
Tâm thành ắt đạt đường tu vững,
Tâm chánh mới mong mỗi đạo cầm.
Tâm ái nhơn sanh an bốn biển,
Tâm hòa thiên hạ trị muôn năm.
Đường Tâm cửa Thánh dầu chưa vẹn,
Có buổi hoài công bước Đạo tâm.

Những yếu điểm này, chẳng những để cho Nhạc sĩ, Lễ sĩ tìm hiểu dạng trau luyện nghệ thuật, mà toàn người trong Đại Đạo cũng cần phải chú tâm về đó, hầu giới mình cho đặc pháp mới đáng gọi là môn đệ của Đức Cao Đài Thượng Đế.

KẾT LUẬN:

Lời lẽ Tiểu Dẫn này, tuy sơ lược, song cũng có nhiều ít ý nghĩa nhiệm màu của phép Lễ Nhạc. Vẫn có thể được dễ hiểu cho các Chức sắc và mấy em học sinh nơi Lễ Nhạc Đường.

Vậy xin chư vị nên ký tâm về mấy lời vấn tắt này. Nếu muốn cho đoàn hậu tấn học tập Lễ Nhạc cho rập ràng thì rất dễ, còn trau luyện nghệ thuật cho ra vẻ thanh cao (nghĩa là được thanh tao và cao thượng) để dẫn lối thuần phong mỹ tục cho Việt chúng là việc rất khó, ta cần phải un đúc đoàn em về văn từ cho nhuần thấm thì nghệ thuật của chúng mới trở nên thuần túy mà biểu diễn trong các cuộc lễ, mà cũng vẫn có đủ tánh cách nho nhã cho mấy em, trong khi ra ngoài tương tiếp với nhơn quần xã hội, đáng mặt một học sinh nơi Lễ Nhạc Đường của Đại Đạo, vì Lễ Nhạc là hai quan điểm đặc sắc của Nho tông để đoạt phép điều hòa nâng cao hồn nước.

Chư vị phải để ý cẩn thận về đó cho lắm mới khỏi hổ lòng với lời Thánh giáo của các Đấng thiêng liêng đã dạy câu: Nho tông chuyển thế nơi cửa Đại Đạo.

Làm tại Trung Tông Đạo Tòa Thánh Tây Ninh.

Ngày 1 tháng 8 Nhâm Thìn (dl 19-9-1952).

BẢO VĂN PHÁP QUÂN

Cao Quỳnh Diêu (ấn ký)

(Tài liệu của Nhạc sĩ Lê Minh Dương)

Sau đây chúng tôi xin chép lại bài Huấn Dụ của Đức Thượng Sanh, trong đó Ngài có giảng giải rất kỹ về Lễ Nhạc:

BÀI HUẤN DỤ
của Đức Thượng Sanh

đọc trong buổi Lễ Bổ nhiệm Chức sắc và nhơn viên

Bộ Nhạc Trung Ương Tòa Thánh Tây Ninh,

Ngày 29-6-Canh Tý (dl 24-5-1960).

Kính thưa chư Chức sắc Hiệp Thiên và Cửu Trùng, chư Đạo hữu.

Hôm nay, Hội Thánh HTĐ lấy làm hài lòng đến chứng kiến Ban Cai Quản Bộ Nhạc Trung ương nhơn dịp ông Tiếp Lễ

Nhạc Quân ban hành Huấn Lệnh của Hội Thánh giao phó trách nhiệm cho mỗi chức phẩm và nhơn viên của Ban này.

Riêng tôi, tôi lấy làm vui và mãn nguyện được thấy một sự tiến bộ khả quan và tôi hy vọng vị Tiếp Lễ Nhạc Quân và Chức sắc cùng nhơn viên của Bộ Nhạc, cũng như Bộ Lễ, sẽ tận tâm chung sức nhau để trau dồi và nâng cao nền Lễ Nhạc của Hội Thánh về hình thức cũng như về tinh thần.

Mỗi Chức sắc và mỗi vị đều rõ biết, Lễ Nhạc là rất quan hệ và trọng yếu cho đời và cho con người, cũng chẳng khác chi món ăn và thức mặc vậy. Các Đấng Thánh nhân thời cổ tìm cái căn nguyên cao xa và tôn quý của Lễ Nhạc ở trong đạo tự nhiên của Trời Đất và cho rằng: Lễ là cái trật tự của Trời Đất, Nhạc là cái điều hòa của Trời Đất.

Vỡ trụ nhờ có Lễ Nhạc mà tồn tại, vạn vật trong Trời Đất nhờ có Lễ Nhạc mới có trật tự phân minh, thời tiết thuận lợi, Âm Dương luân chuyển, khí tính điều hòa mà giúp cho cơ sanh hóa.

Nói cách khác, Lễ Nhạc của Trời Đất tức là cách sắp đặt của Đấng Tạo hóa, làm cho vạn vật được có vị trí phân minh không sai đường, không đổi hướng, hết xuân qua hạ, thu mãn kể đông về, mưa nắng tùy theo mùa, gió sương tùy theo tiết, hết ngày tới đêm, hết tối tới sáng, nhật nguyệt tuần tự chuyển luân, phân phối Âm Dương điều hòa, ấm lạnh thế nào cho cỏ cây được sỡ sỡ, mùa màng được kết quả.

Cơ quan sanh hóa của người và vật nhờ đó mà tồn tại và tiếp diễn mãi. Cái trật tự và cái điều hòa làm cho vạn vật sanh tồn. Đó tức là Lễ Nhạc của Trời Đất vậy.

Thánh nhơn mới nhơn đó chế ra Lễ Nhạc để làm căn bản trong sự dạy người và trị thiên hạ, khiến người ta cư xử hành động sao cho hợp Nhơn đạo, tức là hợp với Thiên lý.

Vì lẽ đó, đối với các bậc đế vương đời trước, Lễ và Nhạc có cái địa vị rất là trọng yếu về đường chánh trị. Lễ tiết dân tâm, Nhạc hòa dân thanh, là dùng Lễ để tiết chế lòng dân, dùng Nhạc để hòa thanh âm của dân.

Cái hay của Lễ là làm cho có sự cung kính, giữ trật tự phân minh. Cái hay của Nhạc là tạo sự điều hòa khiến cho tâm

tánh tao nhã. Nhạc và Lễ phải dung hòa với nhau thì mới được hoàn toàn, vì nếu có Lễ mà không có Nhạc thì người ta đối xử với nhau phân biệt, mất tình thân ái; còn có Nhạc mà không có Lễ thì thành ra thiếu trật tự, khinh lờn nhau.

Vậy có Lễ tức phải có Nhạc để kèm chế nhau cho có điều hòa và phân biệt.

Đức Khổng Tử tin sự dùng Lễ Nhạc có công hiệu rất lớn, nên Ngài nói rằng: "*Quân tử minh ư Lễ Nhạc, cử nhi thổ chi nhi dĩ.*" có nghĩa là: người quân tử biết rõ Lễ Nhạc, chỉ đem thi thổ ra là đủ. Vì Lễ thì khiến sự hành vi bên ngoài, Nhạc thì khiến tâm tình bên trong. Cái cực điểm của Nhạc là hòa, cái cực điểm của Lễ là thuận. Nếu bên trong mà tính tình điều hòa, bên ngoài sự hành vi thuận hợp nghĩa lý, thì cái tà tâm vọng niệm thế nào còn chen vào được lòng người ta nữa.

Trái lại, nếu Lễ mà không kính, Nhạc mà không hòa, thì dầu bề ngoài có giữ đủ các lễ lối thì cũng không có ích lợi cho sự tiến hóa của con người.

Lập nền ĐĐTKPĐ lúc ban sơ, Đức Chí Tôn lấy Lễ Nhạc làm gốc. Đức Chí Tôn chỉ dạy từ bước chơn đi lễ phải thế nào, cho tới hòa tấu những bản nhạc nào mà thường nhắc nhở, Chúc sắc nếu cúng đàn mà Lễ Nhạc không nghiêm thì chỉ để cho tà quái xung nhập, chứ các Đấng thiêng liêng không chứng.

Vậy các Chúc sắc và nhơn viên trong Bộ Nhạc cũng như Bộ Lễ, nên hết lòng sốt sắng với nhiệm vụ, gắng lo trau giồi nghệ thuật cho tới chỗ tận thiện tận mỹ, để nâng cao tinh thần của nền Đạo.

Nơi một đàn cúng mà Lễ Nhạc được trang nghiêm thì đàn cúng được bao trùm, có thể nói là một bầu quang tuyến thiêng liêng huyền diệu, khiến cho chúng ta tưởng tượng là có Đức Chí Tôn và các Đấng Tiên Phật giáng đàn để chứng kiến lòng thành của chúng ta và ban ơn cho chúng ta.

Trái lại, nếu Lễ không nghiêm, Nhạc không hòa, thì đàn cúng dường như có cái tâm trạng hỗn loạn, nô đùa, khiến người qui cúng có cái tâm trạng xao xuyến, bần thần, bất mãn.

Lập đàn cúng như vậy, chúng ta chẳng những thất lễ mà còn đắc tội với Đức Chí Tôn.

Ngoài ra, có người ngoài hay người của các tôn giáo khác dự kiến, chúng ta lại làm hạ phẩm giá nền Đại Đạo, đó là chúng ta chất thêm tội lỗi nữa.

Thành thử, nhiệm vụ của Chức sắc và nhơn viên Bộ Nhạc cũng như Bộ Lễ lấy làm quan trọng, và công quả của mấy vị đối với Đức Chí Tôn là một công quả cao quý, chẳng phải tầm thường.

Đức Chí Tôn có nói, và tôi cũng thường nhắc nhở chư Đạo hữu, về mặt Đạo, không có công quả nào cao, công quả nào thấp. Kể chịu lao tâm, người chịu lao lực, lao tâm hay lao lực đều hướng về một mục tiêu là giúp ích cho Đạo, làm nên cho Đạo. Thế thì sự phục vụ dầu về phương diện nào, và dưới hình thức nào, đều có cái giá trị thiêng liêng duy nhất của nó. Cao hay là thấp là do nơi cái tâm của ta, do nơi có sự thành thật hay không mà thôi.

Ấy vậy, hướng về tiền đồ đại nghiệp của Đạo, tôi xin toàn thể Chức sắc và nhơn viên Bộ Nhạc và Bộ Lễ lấy hết chí thành thi hành phận sự đặc lực để phục vụ Đức Chí Tôn và phụng sự cho nền Chánh giáo, hầu ngày sau để tên tuổi nơi sử Đạo, và lập vị xứng đáng ngày công viên quả mãn.

Tòa Thánh, ngày 29 tháng 4 Canh Tý (dl 24-5-1960).

THƯỢNG SANH
CAO HOÀI SANG

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
HTĐ: Hiệp Thiên Đài.
ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Lễ Phật khán kinh

禮佛看經

Lễ: -Cách bày tỏ kính ý bằng cử chỉ hay bằng cúng tế, - cuộc lễ có nghi tiết. **Phật:** Đức Phật. **Khán:** xem. **Kinh:** kinh tụng.

Lễ Phật khán kinh là lạy Phật xem kinh.

Trong sách Minh Tâm Bửu Giám:

*Lễ Phật giả kính Phật chi đức,
Niệm Phật giả cảm Phật chi ân.
Khán kinh giả minh Phật chi lý,
Tọa thiền giả đặng Phật chi cảnh,
Đắc ngộ giả chứng Phật chi đạo.*

Nghĩa là:

Lạy Phật là kính Đức Phật,
Niệm Phật là cảm ơn Phật.
Xem kinh là rõ lẽ Phật,
Ngồi thiền là lên cõi Phật,
Được ngộ là chứng Phật đạo.

Lễ Sanh

禮生

A: Student-Priest.

P: Élève-Prêtre.

Lễ Sanh là một phẩm Chức sắc CTĐ, đứng trên Chánh Trị Sự, dưới Giáo Hữu, đối phẩm Thiên Thần.

Theo Đạo Nghị Định của Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp thì Lễ Sanh được làm đầu một Tộc Đạo, gọi là Đầu Tộc Đạo.

Quyền hành, nhiệm vụ, và Đạo phục của Lễ Sanh nam và nữ phái được qui định rõ trong PhápChánhTruyền Chú Giải.

Số lượng Lễ Sanh nam phái không bị giới hạn như số lượng Giáo Hữu, nghĩa là nhiều bao nhiêu cũng được.

Lễ Sanh nam được phân ra theo Tam Thanh: Thái, Thượng, Ngọc. Đạo phục có màu vàng, xanh, đỏ tùy theo phái, nhưng mào đều màu trắng, đầu phái nào cũng vậy. Đội Khôi khoa mạo để chỉ rằng muốn vào hàng Lễ Sanh thì phải có khoa mục, tức là phải qua một kỳ thi tuyển do Hội Thánh tổ chức.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Lễ sĩ

(Xem chi tiết nơi chữ: Giáo nhi, văn G)

Lễ sính

禮聘

A: Wedding ceremony.

P: Cérémonie de mariage

Lễ: -Cách bày tỏ kính ý bằng cử chỉ hay bằng cúng tế, - cuộc lễ có nghi tiết. **Sính:** đem lễ vật đi cưới vợ.

Lễ sính là lễ cưới vợ, nhà trai đem phẩm vật đến nhà gái để làm lễ cưới và rước dâu về.

TL: Thệ luật, điều 7: Tám ngày trước **Lễ sính**, chủ hôn trai phải dán bố cáo nơi Thánh Thất sở tại cho trong bốn đạo hay, sau khỏi điều trắc trở.

TL: Tân Luật.

Lễ thành

禮成

Lễ: -Cách bày tỏ kính ý bằng cử chỉ hay bằng cúng tế, - cuộc lễ có nghi tiết. **Thành:** nên, xong.

Lễ thành là cuộc lễ cúng tế đã xong.

Đây là câu xướng của Lễ sĩ khi lễ cúng đàn đã xong. Khi Lễ sĩ xướng câu này, người hầu chuông đánh ba tiếng chuông bãi đàn, mọi người xá đàn một xá rồi từ từ bước ra.

Lễ triều Chí Linh

禮朝至靈

Lễ: -Cách bày tỏ kính ý bằng cử chỉ hay bằng cúng tế, - cuộc lễ có nghi tiết. **Triều:** châu vua. **Chí Linh:** Đức Chí Tôn.

Lễ triều Chí Linh là vào châu và lạy Đức Chí Tôn.

KKĐCR: Vào Kinh Bạch Ngọc lễ triều Chí Linh.

KKĐCR: Kinh Khi Đã Chết Rồi.

Lễ vật

禮物

A: The offering.

P: L'offrande.

Lễ: -Cách bày tỏ kính ý bằng cử chỉ hay bằng cúng tế, - cuộc lễ có nghi tiết. **Vật:** phẩm vật.

Lễ vật là các phẩm vật dâng cúng.

Trong Đạo Cao Đài, lễ vật dâng cúng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng thiêng liêng là Hoa, Rượu, Trà. Ba món này tượng trưng Tam bửu của con người là: Tinh, Khí, Thần. Tinh là thể xác, Khí là chơn thần, Thần là chơn linh.

Ở ngoài đời, lễ vật là những phẩm vật có giá trị lớn đem biếu người trên để xin ra mắt hay cầu cạnh một điều gì.

Lễ Viện

禮院

A: Institute of rites.

P: Institut des rites.

Lễ: -Cách bày tỏ kính ý bằng cử chỉ hay bằng cúng tế, - cuộc lễ có nghi tiết. **Viện:** tòa sở lớn.

Lễ Viện là một trong Cửu Viện, có nhiệm vụ hướng dẫn thực hành các nghi thức cúng tế, việc thờ phượng theo đúng luật đạo, thống nhất từ trung ương xuống địa phương.

Lễ Viện CTĐ phụ trách nghi lễ tại Tòa Thánh và các Thánh Thất, tổ chức các kỳ lễ trong Đạo.

Lễ Viện Phước Thiện phụ trách nghi lễ nơi Báo Ân Từ và các Điện Thờ Phật Mẫu.

Đứng đầu Lễ Viện CTĐ là một Thượng Thống, phẩm Ngọc Phối Sư, có các Phụ Thống, Quản Văn phòng và Thư ký giúp việc. Lễ Viện chịu hệ thống trực tiếp của Ngọc Chánh Phối Sư.

Đôi liễn nơi Văn phòng Lễ Viện CTĐ:

禮教法條博愛大同和善心能度眾
院從天道慈悲萬類合一智護人生

*LỄ giáo pháp điều bác ái đại đồng hòa thiện tâm
năng độ chúng,
VIỆN tòng Thiên đạo từ bi vạn loại hiệp nhất trí
hộ nhơn sanh.*

Nghĩa là:

Lễ giáo, pháp luật, bác ái, đại đồng, cùng với tấm lòng lành có khả năng cứu độ nhơn sanh.

Viện tòng đạo Trời, lòng từ bi thương muôn loài, hợp chung trí, che chở và giúp đỡ nhơn sanh.

CTĐ: Cứu Trùng Đài.

LỆ

Lệ châu

淚珠

A: The tears. P: Les larmes.

Lệ: nước mắt. **Châu:** hạt châu, ngọc trai.

Lệ châu là nước mắt rơi xuống long lanh như hạt châu.

KTCMĐQL: Tâm tang kính gởi một bầu lệ châu.

KTCMĐQL: Kính Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu.

Lệ thuộc

隸屬

A: Dependent.

P: Dépendant.

Lệ: phụ thuộc. **Thuộc:** phụ thuộc.

Lệ thuộc là phụ thuộc hoàn toàn, mất quyền tự chủ, chịu sự sai khiến của người khác.

TNHT: Mặc dầu xú áy chỉ biết chịu ở dưới quyền *lệ thuộc* từ ngày tạo lập đến giờ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

LI, LÍ

Li, Lí

LI (Xem: Ly)

LÍ (Xem: Lý)

LỊCH

LỊCH

1. **LỊCH:** 歷 Trải qua, từng trải.
Td: Lịch đại, Lịch sự.
2. **LỊCH:** 曆 Cách tính ngày tháng năm.
Td: Lịch thư.

Lịch đại tiên vong

歷代先亡

A: The ancestors of the past generations.

P: Les ancêtres des générations passées.

Lịch: Trãi qua, từng trải. **Đại:** đời. **Tiên:** trước, tổ tiên.
Vong: chết.

Lịch đại tiên vong là tổ tiên trãi qua nhiều đời.

Kệ U Minh Chung: *Lịch đại tiên vong* đồng đăng giác ngộ.

Lịch lãm - Lịch duyệt

歷覽 - 歷閱

A: Experienced.

P: Expérimenté.

Lịch: Trải qua, từng trải. **Lãm:** nhìn xem. **Duyệt:** xem.

Lịch lãm, đồng nghĩa Lịch duyệt, là trải qua nhiều nơi, xem thấy nhiều việc, ý nói có nhiều kinh nghiệm sống.

TĐ ĐPHP: Cái *lịch lãm* của vị thượng sĩ quan ấy là quan sát tình thế, định hướng cho mình và định cái chơn thật ấy.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Lịch sự

歷事

A: Polite, beautiful.

P: Politesse, beau.

Lịch: Trải qua, từng trải. **Sự:** việc.

Lịch sự, nghĩa đen là trải qua nhiều việc, từng trải việc đời; nghĩa thường dùng là: cách giao thiệp tốt đẹp làm vừa lòng mọi người; đẹp và sang trọng.

Lịch thư

曆書

A: Almanac.

P: Almanach.

Lịch: Cách tính ngày tháng năm. **Thư:** sách.

Lịch thư là sách lịch, niên giám.

Lịch triều

歷朝

A: The past dynasties.

P: Les dynasties passées.

Lịch: Trải qua, từng trải. **Triều:** thời đại của một vị vua ở ngôi.

Lịch triều là trải qua các đời vua.

LIÊM

Liêm sĩ

廉恥

A: Honest and ashamed.

P: Intègre et honteux.

Liêm: trong sạch, ngay thẳng. **Sĩ:** biết hổ thẹn.

Liêm sĩ là liêm khiết và biết hổ thẹn khi làm việc quấy.

TL: Thệ luật, điều 3: Phải giữ Tam cương Ngũ thường là nguồn cội của Nhơn đạo. Nam thì hiếu đễ, trung tín, lễ nghĩa, *liêm sĩ*; Nữ thì tòng phụ, tòng phu, tòng tử và công dung....

TL: Tân Luật.

Liêm sĩ

廉士

A: Honest man.

P: Homme intègre.

Liêm: liêm khiết, trong sạch. **Sĩ:** người.

Liêm sĩ là người thanh liêm.

LIÊN

LIÊN

1. **LIÊN:** 蓮 Hoa sen.

Td: Liên đài, Liên thần.

2. **LIÊN:** 連 Liên nhau, liên tiếp.
Td: Liên đới.
3. **LIÊN:** 聯 Liễn, câu đối.
Td: Liên đới.
4. **LIÊN:** **LÂN:** 憐 thương xót.
Td: Liên tuất.

Liên bản tuất khổ

憐貧恤苦

Liên: thương xót. **Bản:** nghèo. **Tuất:** thương xót. **Khổ:** khổ.

Liên tuất hay Lân tuất là thương xót.

Liên bản tuất khổ là thương xót người nghèo khổ.

Liên đài

蓮臺

A: The throne of lotus.

P: Le trône de lotus.

Liên: Hoa sen. **Đài:** cái giá đỡ.

Liên đài là cái giá đỡ bằng bông sen, hay hình bông sen.

Có hai trường hợp sau đây:

- Liên đài là tòa sen, nơi ngự của Phật và Bồ Tát.
- Liên đài là cái áo quan có hình bát giác đặt trên tòa sen, để liệm thi hài của chư Chức sắc Đại Thiên phong từ hàng Tiên vị đỡ lên.

1. Liên đài là tòa sen, nơi ngự của Phật và Bồ Tát.

Đức Phật chọn hoa sen làm tòa ngự vì hoa sen có đặc tính mọc trong bùn dơ mà không nhiễm chất dơ của bùn, lại tỏa hương thơm ngát; cũng như Phật, sanh trong cõi trần mà không nhiễm trược trần.

Hoa sen có 4 loại tùy theo màu:

- Hoa sen trắng gọi là Bạch liên hoa.

- Hoa sen đỏ gọi là Hồng liên hoa.
- Hoa sen xanh gọi là Thanh liên hoa.
- Hoa sen vàng gọi là Huỳnh liên hoa.

Trong Ao Thất bửu nơi cõi CLTG có đủ 4 thứ hoa sen kể trên, hoa màu nào thì tỏa hào quang màu đó, đồng thời tỏa ra mùi thơm rất tinh khiết.

Trong Kinh Tăng Nhứt A Hàm, Đức Phật Thích Ca trả lời người Bà La Môn tên Dona:

Như hoa sen đẹp dễ thương,
 Không ô nhiễm bùn dơ nước đục.
 Giữa đám bụi trần,
 Ta không vướng chút bợn nhơ.
 Như vậy, Ta là Phật.

KGO: *Liên đài* may nở thêm hoa,
 Lão Đam cũng biết, Thích Già cũng quen.

2. Liên đài là cái áo quan đặt trên tòa sen:

Trong Đạo Cao Đài, các Chức sắc cao cấp hàng Tiên vị đồ lên, tức là từ phẩm Đầu Sư, Thập nhị Thời Quân và tương đương đồ lên, khi đăng Tiên, thể xác được liệm vào liên đài hình bát giác, đặt trên tòa sen và đưa vào bửu tháp.

Liên đài được Ban Nhà Thuyền đóng bằng loại gỗ quý, hình trụ bát giác, tám cạnh đều nhau, bề ngang chừng 9 tấc, bề cao của thân liên đài chừng 1,20 mét, nóc nhọn bát giác, phía dưới có làm những cánh hoa sen và lá sen, thoát nhìn vào giống như đặt trên một cái hoa sen lớn.

Khi một Chức sắc hàng Tiên vị đăng Tiên, ban tẩn liệm đến mặc đại phục cho người chết, sửa bộ ngòì theo kiểu kiết già, hai tay bắt Ấn Tý, dùng vải quấn lại để giữ tư thế ấy cho đến khi đặt xác vào trong liên đài.

Ban Nhà Thuyền tạo hình một con Long mã lớn bằng các thứ cành lá bông hoa của cây kiểng, trên một sườn xe hơi, dùng để chở liên đài, di chuyển đến các nơi tế lễ và đến bửu tháp, gọi là Liên đài kỵ Long mã. (Kỵ là cõi lên)

Kịch thước của Liên đài:

- ***Liên đài của Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang:***

Khi Đức Thượng Sanh dâng Tiên, Liên đài của Ngài do Ban Nhà Thuyền đóng có kích thước như sau:

- Chiều cao từ chân lên chỗ đáy là: 1, 36 mét.
- Chiều cao của nắp đáy là: 0, 20 mét.
- Đóa hoa sen nở nên đỉnh cao: 0, 56 mét.
- **Chiều cao tổng cộng của Liên đài: 2, 12 mét.**
- Đường kính lọt lòng là: 0, 77 mét.
- Đường kính phủ bì là: 0, 89 mét.

Bên trong Liên đài có cần một lớp thiếc dày, cò chì thật kín, dưới đáy có đổ một lớp nhựa thông (tòng chỉ) dày.

■ **Liên đài của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu:**

Liên đài bằng gỗ vên vên, tuy không quý nhưng chắc chắn và bền bỉ lại ít tốn tiền.

- Bề cao cái tợ (chân liên đài): 0, 245 mét.
- Bề cao thân Liên đài: 1, 18 mét.
- Bề cao hoa sen nơi đỉnh: 0, 40 mét.
- Bề cao cái nắp liên đài: 0, 34 mét.
- **Bề cao tổng cộng của liên đài: 2, 165 mét.**
- Đường kính lọt lòng là: 0, 785 mét.
- Đường kính phủ bì là: 0, 92 mét.

Đáy liên đài được đổ một lớp nhựa thông (tòng chỉ) dày.

Dưới chân liên đài, xung quanh có 8 lá sen lớn, 8 lá sen nhỏ, 8 lá sen búp, gồm chung 24 lá. Tám cạnh trên nắp liên đài có 8 hoa sen nhỏ để gắn 8 ngọn đèn nền, bông sen lớn ở chính giữa có gắn một ngọn nền, tất cả có 9 ngọn nền.

TNHT: Tại chính giữa tháp phải có một lỗ cho Nhựt quang rọi tới *liên đài*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

Liên đối (Liễn đối)

聯對

A: Two parallel sentences.

P: Deux phrases parallèles.

Liên: Liễn, câu đối. **Đối:** dùng chữ nọ đối chọi chữ kia theo nghệ thuật chơi chữ trong thi văn VN.

Liên đối hay Liễn đối là hai câu đối, chữ đối chữ, nghĩa đối nghĩa, thường được treo nơi hai vị trí đối xứng trong nhà, trong các đền thờ, hay nơi cổng tam quan.

Hai câu đối thường thấy nơi các cổng lớn đi vào nội ô Tòa Thánh, hay nơi cổng tam quan của các Thánh Thất, viết bằng Hán văn, do Đức Lý Giáo Tông ban cho là:

高上至尊大道和平民主目
臺前崇拜三期共享自由權

*CAO thượng Chí Tôn Đại Đạo hòa bình dân chủ mục,
ĐÀI tiền sùng bái Tam Kỳ cộng hưởng tự do quyền.*

Liên đới

連帶

A: Solidary.

P: Solidaire.

Liên: Liên nhau, liên tiếp. **Đới: Đái:** đeo mang, dắt theo.

Liên đới (Liên đái) là dính liền và ảnh hưởng lên nhau.

Ý nói: Cùng gánh, cùng chịu chung một trách nhiệm.

Liên hoa

蓮花

A: Lotus flower.

P: Fleur de lotus.

Liên: Hoa sen. **Hoa:** bông.

Liên hoa là bông sen.

Đạo phục của Nữ Giáo Hữu và Nữ Lễ Sanh, trên đầu tóc đều có dắt một cái hoa sen, nhưng phải chú ý rằng: Nữ Giáo Hữu thì hoa sen có thêu Thiên Nhân ở chính giữa, còn của Nữ Lễ Sanh thì không có thêu Thiên Nhân.

CG PCT: Phải sửa y phục của Lễ Sanh như vậy, chớ phần nhiều người sai về *liên hoa* ấy lắm.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Liên thần

蓮神

A: The divine lotus flower.

P: La fleur divine de lotus.

Liên: Hoa sen. **Thần:** thiêng liêng, màu nhiệm.

Liên thần là cái hoa sen huyền diệu nơi cõi thiêng liêng, vì khi một chơn hồn lên đứng trên liên thần này thì nó bay lên, đưa chơn hồn lên các tầng Trời.

KKĐCR: Dưới chín lớp *liên thần* đưa bước.

KKĐCR: Kinh Khi Đã Chết Rồi.

Liên tòa

蓮座

A: The throne of lotus.

P: Le trône de lotus.

Liên: Hoa sen. **Tòa:** **Tọa:** chỗ ngồi.

Liên tòa là tòa sen, nơi ngự của Phật và Bồ Tát.

TNHT: Tranh xua thêm rõ cảnh *liên tòa*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

LIỆT

LIỆT

1. **LIỆT:** 列 Số nhiều.

Td: Liệt cường, Liệt Thánh, Liệt vị.

2. **LIỆT:** 烈 Mạnh mẽ, cứng cỏi, không chịu khuất.
Td: Liệt nữ, Liệt truyện.
3. **LIỆT:** 劣 Yếu, kém, hèn.
Td: Liệt nhược.

Liệt cường

列強

A: The great powers.

P: Les grandes puissances.

Liệt: Số nhiều. **Cường:** mạnh.

Liệt cường là những thế lực mạnh mẽ, ý nói các nước có binh lực hùng mạnh trên thế giới.

Liệt nhược

劣弱

A: Weak.

P: Faible.

Liệt: Yếu, kém, hèn. **Nhược:** yếu.

Liệt nhược là yếu hèn.

Liệt nữ bất giá nhị phu

烈女不嫁二夫

Liệt: Mạnh mẽ, cứng cỏi, không chịu khuất. **Nữ:** con gái hay đàn bà. **Giá:** lấy chồng. **Nhị phu:** hai chồng.

Liệt nữ là người phụ nữ có khí tiết, coi trọng nghĩa cả.

Liệt nữ bất giá nhị phu là người phụ nữ khí tiết thì không lấy hai đời chồng.

Ông Vương Súc nói: "Trung thần bất sự nhị quân, liệt nữ bất giá nhị phu." Nghĩa là: Tôi trung không thờ hai chúa, gái tiết không lấy hai chồng.

Liệt Thánh

列聖

A: The Saints.

P: Les Saints.

Liệt: Số nhiều. **Thánh:** vị Thánh.

Liệt Thánh là chư Thánh, các vị Thánh.

TNHT: *Liệt Thánh* kinh tâm phép vẫn cao.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Liệt truyện

烈傳

A: Biographies of the celebrated men.

P: Biographies des hommes célèbres.

Liệt: Mạnh mẽ, cứng cỏi, không chịu khuất. **Truyện:** tác phẩm văn chương.

Liệt truyện là truyện chép về lịch sử các danh nhân.

Liệt vị

列位

A: Ladies and Gentlemen.

P: Mesdames et Messieurs.

Liệt: Số nhiều. **Vị:** chỗ đứng, chỉ người.

Liệt vị là chư vị, quý vị, quý ông quý bà.

LIỄU

LIỄU

1. **LIỄU:** 了 Xong, rồi, hiểu rõ.

Td: Liễu đạo, Liễu ngộ.

2. **LIỄU:** 柳 Cây liễu cành mềm, lá dài tha thướt, dùng để ví con gái.
Td: Liễu yếu.

Liễu đạo

了道

A: To die.

P: Mourir.

Liễu: Xong, rồi, hiểu rõ. **Đạo:** tôn giáo, việc Đạo.

Liễu đạo là sự chết của một Chức sắc trong thời gian còn đang hành đạo.

ĐLMD: Những vị Hàm phong mà còn lập nên công nghiệp vĩ đại nhưng *liễu đạo* trước ngày cầu thăng thưởng, cũng đặng Hội Thánh xét công nghiệp cầu truy phong thăng thưởng.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Liễu ngộ

了悟

A: To comprehend.

P: Comprendre.

Liễu: Xong, rồi, hiểu rõ. **Ngộ:** suy nghĩ lâu ngày mà thành linh bật sáng hiểu được rõ ràng.

Liễu ngộ là sự giác ngộ đầy đủ.

Liễu yếu

A: The weak willow.

P: Le saule faible.

Liễu: Cây liễu cành mềm, lá dài tha thướt, dùng để ví con gái. **Yếu:** mềm yếu.

Liễu yếu là cây liễu mềm yếu, chỉ người phụ nữ yếu ớt như cây liễu.

TNHT: Liễu yếu đem đường diu liễu yếu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

LIỆU

LIỆU

LIỆU: 料 Tính toán sắp đặt.

Td: Liệu biện, Liệu lường.

Liệu biện

料辦

A: To arrange.

P: Arranger.

Liệu: Tính toán sắp đặt. **Biện:** làm việc, biện pháp.

Liệu biện là tính toán trước cách thức làm việc.

TNHT: Các đường nẻo mà các con sẽ đi đến, Thầy đã *liệu biện*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Liệu lường

料量

A: To prepare.

P: Se préparer à.

Liệu: Tính toán sắp đặt. **Lường:** lường, suy tính.

Liệu lường tức là liệu lường, là suy tính sắp đặt.

TNHT: Hai chữ hơn thua chớ *liệu lường*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

LINH

LINH

LINH: 靈 Thiêng liêng, huyền diệu.

Td: Linh cứu, Linh đài, Linh hồn.

Linh cảm

靈感

A: To have a presentiment of.

P: Presentir.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Cảm:** Cảm động nhận thấy.

Linh cảm là cảm thấy trước một việc gì.

Người tu giữ được trường chay, cúng kiếng thường, chí tâm làm công quả, tin tưởng mạnh mẽ Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, thì luôn luôn được chư Thần chư Thánh hộ trì, báo trước cho biết những việc nguy hiểm xảy ra bằng linh cảm.

Linh chinh

A: Inclined.

P: Incliné.

Linh chinh là nghiêng ngửa, gặp ghềnh khó đi.

TNHT: Vì vậy mà con đường của các con bị *linh chinh* vì nơi hành động của một hai kẻ có trách nhiệm xứng đáng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Linh cứu

靈柩

A: The coffin with the body of death.

P: Le cercueil renfermant le corps du mort.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Cứu:** cái áo quan bằng gỗ.

Linh cữu là cái áo quan mà trong đó có liệm xác người chết trong lúc đưa đi chôn.

Kinh Đưa Linh Cữu là bài kinh để đồng nhi tụng trên suốt quãng đường đưa linh cữu từ nhà ra tới huyệt để an táng. Bài kinh này được tụng nhiều lần cho đến khi nào ra tới huyệt mới thôi.

Trong ngôn ngữ VN, có nhiều danh từ để gọi cái áo quan, tùy trường hợp:

1. Cái hàng hay cái **hòm**: là cái áo quan bằng gỗ được đóng sẵn để bán cho nhà nào có người chết đến mua. Trại hàng hay Trại hòm là cơ sở sản xuất áo quan để bán.

2. Dưỡng thọ: gọi tắt là cái Thọ. Những gia đình khá giả mà trong nhà có người già yếu bệnh hoạn, không biết chết lúc nào, nên đến Trại hòm hay Trại hàng đặt mua một cái áo quan bằng gỗ tốt, đúng kích thước, đem về nhà dự bị sẵn, gọi đó là cái Dưỡng thọ, hay cái Thọ.

3. Quan tài: Khi có người chết thì liệm xác người chết vào trong áo quan, đặt giữa nhà để tế lễ và cầu siêu, lúc đó gọi là Quan tài.

4. Linh cữu: là cái quan tài trên đường đưa đi chôn. Các người thân theo đưa linh cữu được gọi là: phò linh cữu. Trong suốt quãng đường đưa linh cữu, đồng nhi tụng Kinh Đưa Linh Cữu. (Trong trường hợp này không gọi là Quan tài).

5. Những ngôi mộ cần phải cải táng, hay lấy cốt dời đi nơi khác, khi đào lên, cái áo quan lúc đó được gọi là cái **hòm**. Tương truyền, lấy ván hòm này làm cơ ma thì xây cơ ma lên mau lắm vì nó đã nhiễm nhiều âm khí.

6. Quách: là cái áo quan đóng kích thước nhỏ, có hai công dụng: - liệm xác con nít chết. - đựng hài cốt của người chết lâu năm (lấy cốt) đem cải táng nơi khác hay đem đi thiêu.

Linh diệu

靈妙

A: Miraculous.

P: Miraculeux.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Diệu:** khéo léo, huyền diệu.

Linh diệu là thiêng liêng huyền diệu.

TNHT: Thầy sanh ra mỗi chủng tộc đều có đặc biệt một phần *linh diệu* riêng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Linh dược

A: Marvelous drug.

P: Drogue merveilleuse.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Dược:** thuốc.

Linh dược là thuốc trị bệnh rất hay, như thuốc Tiên.

TNHT: *Linh dược* đầy bầu là cội ái.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Linh đài

靈臺

A: The heart, the soul.

P: Le coeur, l'âme.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Đài:** nơi trang trọng.

Linh đài có 2 nghĩa sau đây:

1. *Linh đài là chỗ ngự của linh hồn, nên linh đài chỉ linh hồn hay chỉ cái Tâm, cái lương tâm của con người.*

Thơ của Bùi Độ đời Đường: "*Nhất điểm linh đài, đan thanh mạc trạng.*" Nghĩa là: một điểm linh hồn, đỏ xanh không tỏ ra đặng. Ý nói: không thể biết được hình trạng của linh hồn.

Trang Tử cũng có viết: "*Bất khả nội ư linh đài.*" Nghĩa là: không thể ở trong cái Tâm của người ta được, tức là không thể biết được lòng dạ của con người.

2. *Linh đài chỉ đức tin mà mỗi người tu cần phải có.*

Nếu không có đức tin thì không thể tu hành được, bởi vì những việc bên thế giới vô hình tức là nơi cõi thiêng liêng, mắt phàm không thể nhìn thấy và hiểu biết rõ được. Chúng ta biết

được là do lời dạy bảo của Đức Chí Tôn hay của các Đấng thiêng liêng, và chúng ta tin tưởng những điều dạy bảo đó là chơn thật.

PMCK: Kỳ khai tạo nhứt *linh đài*,
Diệt hình tà pháp cường khai đại đồng.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Linh hiển

靈顯

A: Miraculous.

P: Miraculeux.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Hiển:** hiện ra rõ ràng.

Linh hiển là hiện ra một cách huyền diệu.

KCHKHH: Nguyễn Chí Tôn *linh hiển* độ sanh.

KCHKHH: Kinh cầu hồn khi hấp hối.

Linh hồn

靈魂

A: The soul.

P: L'âme.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Hồn:** cái phần vô hình của con người, mà khi nó rời bỏ thể xác thì thể xác ấy chết.

Linh hồn là một điểm sáng thiêng liêng (điểm linh quang) do Đức Thượng Đế chiết ra từ khối Đại Linh Quang của Ngài ban cho mỗi người để tạo nên sự sống và làm chủ sự sống ấy.

Khối Đại Linh Quang là Đại hồn của vũ trụ.

Linh hồn con người là điểm linh quang, cũng gọi là Tiểu linh quang, Tiểu hồn, Chơn linh.

Linh hồn là điểm linh quang, nó không phải là vật chất, nên tồn tại vĩnh viễn, bất tiêu bất diệt. Khi con người sống, linh hồn ngự trong thể xác, tại trái tim, làm chủ thể xác, tạo sự sống cho thể xác. Khi linh hồn xuất ra khỏi thể xác thì thể xác chết.

Thời Nhị Kỳ Phổ Độ, người ta chỉ biết con người có hai thể: - một thể xác hữu hình, và - một linh hồn vô hình.

Ngày nay là thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn dạy cho chúng ta biết, con người có 3 thể:

- Thể thứ nhất là thể xác hữu hình,
- Thể thứ nhì là chơn thần bán hữu hình,
- Thể thứ ba là linh hồn vô hình.

Chơn thần là thể trung gian giữa Thể xác và Linh hồn, nó thuộc bán hữu hình, nghĩa có thể thấy được và cũng có thể không thấy được. (Xem chi tiết nơi chữ: Chơn linh, Chơn thần)

Mất phàm không thể thấy được linh hồn, nên những người có xu hướng về phái Triết học Duy Vật cho rằng con người không có linh hồn, khi con người chết là hết, không còn gì nữa cả. Họ chỉ biết tôn trọng thể xác, và cố gắng thỏa mãn những đòi hỏi của thể xác, cho đó là hạnh phúc của họ.

Đứng về mặt khoa học, chúng ta có bao giờ thấy được nguyên tử hay điện tử, nhưng chúng ta biết chắc chắn rằng nó có thật, bởi vì nhiều nhà khoa học đã tìm thấy nó, chứng minh sự hiện hữu của nó và chúng ta tin những nhà khoa học không nói gạt chúng ta.

Đối với các hiện tượng siêu hình, có những nhà Thần Linh học chuyên nghiên cứu về thế giới vô hình, họ được mở huệ nhãn và thấy được những con người ở bên kia cửa tử, họ nói chuyện được với những người vô hình đó, và nhờ vả những người vô hình ấy giúp cho một số công việc. Họ viết sách công bố các khám phá của họ. Chúng ta phải tin những khám phá của các nhà Thần Linh học là sự thật, cũng như tin tưởng các khám phá của các nhà khoa học vậy. (Yêu cầu xem quyển sách: Hành Trình về Phương Đông).

Nếu ai đó còn cượng lý không tin có linh hồn thì thử nghiệm việc xây cơ ma. Nhờ cơ ma, quý vị có thể hỏi chuyện những người thân đã chết, họ sẽ trả lời chi tiết cho quý vị rõ, và quý vị kiểm chứng sự đúng sai, chơn giả. Hiện tượng cơ ma sẽ phá mê cho quý vị hiểu một phần nhỏ về thế giới vô hình.

Nhưng chúng ta nên nhớ, ma chỉ là những linh hồn hạ đẳng, họ hiểu biết không hơn gì chúng ta, đừng để họ dẫn dắt chúng ta vào đường tà đạo.

KSH: Thi hài như gỗ biết gì,
Linh hồn là chủ thông tri việc đời.

KSH: Kinh Sám Hối.

Linh oai

靈威

A: Divine majesty.

P: Majesté divine.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Oai:** vẻ oai nghiêm đáng nể sợ.

Linh oai là cái vẻ oai nghiêm thiêng liêng.

Linh oai mạc trắc: cái oai quyền thiêng liêng không thể đo lường được. (**Mạc** là không, **trắc** là đo lường).

TNHT: *Linh oai* vẻ ngọc là gương sắc.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Linh phan

靈幡

A: The divine oriflamme.

P: L'oriflamme divine.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Phan:** lá phướn để dẫn đường.

Linh phan là cây phướn thiêng liêng để dẫn đường cho các chơn hồn đi theo nơi cõi thiêng liêng.

KĐ5C: Thiên Quân diêu động *linh phan*.

KĐ5C: Kinh Đệ Ngũ cửu.

Linh quang

靈光

A: Divine light.

P: Lumière divine.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Quang:** ánh sáng.

1. *Linh quang là ánh sáng thiêng liêng của Đức Chí Tôn. Ánh sáng này phát ra từ Thái Cực mang theo sự sống và sự sanh hóa, nên cũng gọi là Sanh quang.*

TNHT: Nơi nào ánh *linh quang* của Chí Tôn chưa chiếu giám đến thì phải tối tăm mờ mịt, chẳng sanh chẳng hóa.

2. *Điểm linh quang là linh hồn của con người.*

TNHT: Vậy Thầy khuyên các con, đũa nào có trí lực bao nhiêu khá đem ra thi thố, chớ đừng sụt sè theo thói nữ nhi, vậy cũng uống điểm *linh quang* của Thầy ban cho các con lắm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Linh sàng - Linh tọa

靈床

A: The table of the death.

P: La table de mort.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Sàng:** cái giường. **Tọa:** chỗ ngồi.

Linh sàng là cái bàn đặt trước quan tài của người chết, trên đó có bài vị, nhang đèn, bông trái, trà rượu để linh hồn người chết ngự nơi đó mà chứng lễ cho con cháu.

Linh tọa là chỗ ngồi của linh hồn, đồng nghĩa Linh sàng.

Linh tánh

靈性

A: The divine character.

P: Le caractère divin.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Tánh:** cái bản chất của mỗi người.

Linh tánh là cái tánh thiêng liêng của mỗi người do Trời phú cho.

Cái linh tánh này giúp cho con người biết trước được những gì sắp nguy hiểm đến tánh mạng để mà tìm cách tránh đi, bảo vệ mạng sống.

Con người nơi cõi trần, ai ai cũng đều có linh tánh như nhau, nhưng cái linh tánh đó thường bị vật dục và những ô trược nơi cõi trần che lấp đi, khiến nó không thể phát lộ ra được. Phật giáo gọi cái linh tánh ấy là Phật tánh.

Nếu con người biết chế ngự dục vọng thấp kém, ẩm thực tinh khiết, tạo một cuộc sống trong sạch, tư tưởng thanh cao, thì cái linh tánh ấy sẽ hiển lộ sáng tỏ. Lúc đó, con người giao tiếp được với Trời, và chúng ta gọi là đắc đạo đó vậy.

GTK: Phú cho người *tánh rất linh thông*.

GTK: Giới Tâm Kinh.

Linh tâm

靈心

A: The soul.

P: L'âme.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Tâm:** cái tâm của con người.

Linh tâm chính là linh hồn, chơn linh, điểm linh quang.

Linh Tiêu Điện

靈霄殿

A: The Court of God.

P: La Cour de Dieu.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Tiêu:** khoảng Trời không. **Điện:** đền vua ngự.

Linh Tiêu Điện ở trong Ngọc Hư Cung nơi cõi thiêng liêng, là nơi Đức Chí Tôn họp Thiên triều. (Xem: Đài Linh Tiêu)

KKĐCR: *Linh Tiêu Điện* bằng danh nêu,
Nguyên căn đẹp vẽ mỹ miều cao thẳng.

KKĐCR: Kinh Khi Đã Chết Rồi.

Linh vị

靈位

A: The tablet of the death.

P: La tablette du mort.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Vị:** chỗ đứng.

Linh vị là một tấm thẻ viết tên họ người chết, tuổi, phẩm tước, ngày và nơi sanh, ngày và nơi tử, ngày và nơi nhập môn.

Linh vị này đặt trên Linh sàng (Bàn vong), để linh hồn người chết an vị nơi đó mà chửng lễ.

Linh vị còn được gọi là Bài vị.

Linh xa

靈車

A: The hearse.

P: Le corbillard.

Linh: Thiêng liêng, huyền diệu. **Xa:** chiếc xe.

Linh xa là xe chiếc xe chở linh cữu đem đi chôn.

Tiếng thông thường người đời gọi linh xa là xe tang.

Trong Đạo Cao Đài, linh xa là **Thuyền Bát Nhã**.

LỊNH

Lịnh bài (Lệnh bài)

令牌

A: Insignia of command.

P: Insigne de commandement.

Lịnh: lệnh, mệnh lệnh. **Bài:** cái thẻ nhỏ.

Lịnh bài là cái thẻ nhỏ dùng làm hiệu lệnh của vua hay của một vị tướng soái, trao cho cấp dưới để thi hành một việc quan trọng.

KĐ3C: Đệ lịnh bài cánh hạc đưa linh.

KĐ3C: Kinh Đệ Tam cứu.

LOAN

Loan phụng hòa minh

鸞鳳和鳴

A: A pair of phoenix singing in unison: Marriage harmony.

P: Un couple des phénix chantant à l'unisson: Époux unis.

Loan: con chim phụng mái. **Phụng:** con chim phụng trống. Chữ Phụng đôi khi cũng đọc là Phượng. **Hòa:** hòa hợp nhau. **Minh:** gáy, tiếng gáy của chim.

Loan phụng hay Loan phượng là loài chim quý hiếm, sống từng đôi không bao giờ rời nhau. Do đó, Loan phụng là chỉ đôi vợ chồng xứng đôi đẹp lứa.

Loài chim thường thì con trống mới hót, chim mái thì không, nhưng con chim loan trái lại nó hót theo khi con phụng cất tiếng hót trước. Khi hai con loan phụng đồng cất tiếng hót thì các con chim khác nghe được liền bay đến nhảy múa như biểu lộ sự vui mừng.

Có một Điển tích: Diêm Tân Vương có nuôi một con chim loan, đã 3 năm rồi mà không hót tiếng nào. Phu nhân mới bảo với chồng là nên cho nó soi gương thì có lẽ nó hót. Khi đem gương đến, chim loan nhìn vào gương, tưởng là có chim phụng bay đến, nó liền cất tiếng hót, và hót cả đêm rồi chết.

Loan phụng hòa minh là chim loan và chim phụng hòa nhau tiếng hót, ý nói đôi vợ chồng hòa hợp vui vẻ.

Đây là câu thường dùng để quan khách chúc tụng đôi vợ chồng mới cưới.

LOÁN

Loán vào

A: To spread.

P: Se répandre.

Loán: lan rộng ra.

Loán vào là lan rộng ra và tràn vào.

TNHT: Ma hồn quỷ xác *loán vào*, kẻ thiếu đức nín....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

LOẠN

LOẠN

LOẠN: 亂 Làm rối trật tự, làm giặc.

Td: Loạn hàng thất thứ, Loạn luân.

Loạn hàng thất thứ

亂行失次

Loạn: Làm rối trật tự, làm giặc. **Hàng:** sắp đặt có thứ tự hàng lối. **Thất:** mất. **Thứ:** thứ tự trên dưới.

Loạn hàng thất thứ là làm rối loạn trật tự, không còn biết thứ tự trên dưới nữa.

TĐ ĐPHP: Pháp Chánh cốt yếu lập quyền cho con cái Đức Chí Tôn, có hàng phẩm quyền hành, thứ tự đẳng cấp, giao cho HTĐ sắp đặt, không cho *loạn hàng thất thứ*. Nếu loạn hàng thất thứ thì Đạo bị tiêu diệt.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Loạn luân

亂倫

A: Incestuous.

P: Incestueux.

Loạn: Làm rối trật tự, làm giặc. **Luân:** luân lý, trật tự đạo đức.

Loạn luân là làm rối loạn trật tự đạo đức gia đình.

Loạn luân thường được dùng với nghĩa hẹp là người trong cùng một gia tộc mà gian dâm với nhau.

Loạn ngôn

亂言

A: Incoherent talks.

P: Propos incohérents.

Loạn: Làm rối trật tự, làm giặc. **Ngôn:** lời nói.

Loạn ngôn là lời nói bừa bãi bậy bạ.

Loạn thần tặc tử

亂臣賊子

A: The rebels and pirates.

P: Les rebelles et pirates.

Loạn: Làm rối trật tự, làm giặc. **Thần:** bề tôi của vua. **Tặc:** hại, trộm cướp. **Tử:** con. **Tặc tử:** đứa con hư hại, phá hoại gia đình.

Loạn thần tặc tử là kẻ bề tôi phản lại vua, kẻ làm con phá hại gia đình.

LONG

LONG

1. **LONG:** 龍 Rồng, mạch nước, chỉ vua.
Td: Long hoa, Long phụng.
2. **LONG:** 隆 Thịnh, tốt, lớn.
Td: Long hưng, Long trọng.

Long cung

龍宮

A: Palace of Genius of the ocean.

P: Palais du Génie de l'océan.

Long: Rồng, mạch nước, chỉ vua. **Cung:** cung điện.

Long cung là cung điện của vua rồng ở dưới đáy biển.

Tương truyền có Tứ Hải Long Vương cai trị 4 biển lớn.

Long đong

A: Unstable, hard.

P: Instable, pénible.

Long đong là lưu lạc vất vả, cuộc sống không ổn định.

KSH: Làm người nhờn nghĩa trả xong,
Rủi cho gặp lúc long đong chẳng sòn

KSH: Kinh Sám Hối.

Long đầu xà vĩ

龍頭蛇尾

A: Head of dragon and tail of snake.

P: Tête de dragon et queue de serpent.

Long: Rồng, mạch nước, chỉ vua. **Đầu:** cái đầu. **Xà:** con rắn. **Vĩ:** cái đuôi.

Long đầu xà vĩ là đầu rồng đuôi rắn, ý nói: trước thịnh sau suy.

Long Hoa (Hội Long Hoa)

會龍花

A: The Universal (General) Judgement.

P: Le Jugement Universel (Général).

Long: Rồng, mạch nước, chỉ vua. **Hoa:** bông. Long Hoa là một cái cây có hình giống như con rồng đơm hoa rực rỡ.

Đức Phật Di-Lạc sẽ đắc đạo dưới cội cây Long Hoa này, cũng như Đức Phật Thích Ca đắc đạo dưới cội cây Bồ Đề.

Đức Phật Di-Lạc sẽ làm Giáo chủ một Đại hội thi tuyển chung kết để chọn người hiền đức dưới cội cây Long Hoa, nên Đại hội này được gọi là Đại Hội Long Hoa.

Vậy Đại Hội Long Hoa là hội thi chung kết sau một giai đoạn tiến hóa dài của Nhơn loại, để tuyển lựa những người hiền lương đạo đức, loại bỏ những kẻ hung bạo gian tà, thực hiện sự công bình thiêng liêng, để rồi sau đó sẽ chuyển qua một giai đoạn tiến hoá mới.

- Những người hiền lương đạo đức là những người thi đậu, sẽ được ban thưởng bằng những phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật tùy theo công đức nhiều ít.

- Những người gian tà hung bạo là những người thi rớt nên họ phải chờ đợi và sẽ nhập vào một vận hội mới để học tập và tiến hóa, chuẩn bị một cuộc thi mới sau này.

TNHT: Công nghiệp dồi dào, âm chất đủ,
Long Hoa đợi *Hội* hưởng Thiên ân.

KĐT: *Hội Long Hoa* tuyển phong Phật vị.

Đạo Cao Đài quan niệm Đại Hội Long Hoa như thế nào?

Càn Khôn Vũ trụ đang tiến hóa, vạn vật đang tiến hóa, và sự tiến hóa sẽ mãi mãi tiếp diễn không ngừng.

Con đường tiến hóa thì vô tận, nhưng được chia ra làm nhiều chặng đường, nhiều giai đoạn, tương ứng với những thời kỳ mở Đạo để dạy dỗ nhơn sanh tiến hóa. Sau một giai đoạn tiến hóa thì Đức Chí Tôn mở ra một cuộc thi để đánh giá (hay phán xét) trình độ đạo đức của nhơn sanh mà ban thưởng cho các phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Từ trước tới nay, Đức Chí Tôn đã mở ra ba thời kỳ phổ độ nhơn sanh: Nhứt Kỳ Phổ Độ, Nhị Kỳ Phổ Độ và hiện nay là Tam Kỳ Phổ Độ. Sau mỗi thời kỳ phổ độ, Đức Chí Tôn mở ra một cuộc thi, gọi là Hội Long Hoa.

1. Nhứt Kỳ Phổ Độ có SƠ HỘI LONG HOA THANH VƯƠNG ĐẠI HỘI, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật làm Chánh Chủ khảo.

2. Nhị Kỳ Phổ Độ có NHỊ HỘI LONG HOA HỒNG VƯƠNG ĐẠI HỘI, Đức Phật A-Di-Đà làm Chánh Chủ khảo.

3. Tam Kỳ Phổ Độ có TAM HỘI LONG HOA BẠCH VƯƠNG ĐẠI HỘI, Đức Di-Lạc Vương Phật làm Chánh Chủ khảo.

Đạo ví Đời là một học đường vĩ đại, có đủ tất cả bài học từ thấp đến cao, từ ác đến thiện, từ trược đến thanh, để nhơn sanh học hỏi, chứng nghiệm, trau luyện tâm tánh để tiến hóa, mà Hội Long Hoa là Hội thi tuyển và đề thi là đạo đức.

Đại Hội Long Hoa Kỳ Ba này rất quan trọng, vì là kỳ thi chung kết, chấm dứt Đệ Tam Chuyển, bắt qua Đệ Tứ Chuyển mà khởi đầu của Đệ Tứ Chuyển là Thượng Ngươn Thánh Đức.

Cho nên Đại Hội Long Hoa Kỳ Ba này có một cuộc biến động dữ dội, để sàng sảy lọc lựa, tuyển chọn những người có trình độ đạo đức tối thiểu mà lập đời Thượng Ngươn Thánh Đức, loại bỏ những phần tử thiếu đạo đức, tức là những phần tử thi rớt. Hội Long Hoa loại bỏ họ bằng cách nào?

Loại bỏ bằng nhiều cuộc chiến tranh tương tàn tương sát dữ dội, rồi đến tai Tròi ách nước như: gió bão, hồng thủy, núi lửa, động đất, rồi tới binh chương sát hại.

Số người bị loại bỏ chiếm đến 9 phần 10 hơn loại, chỉ chừa lại có 1 phần 10 là số người thi đậu để lập đời Thánh Đức.

Do đó, ngay trước khi mở Đại Hội Long Hoa, một cuộc tang thương vĩ đại, biến đổi ghê gớm cục diện thế giới để loại bỏ số 9 phần 10 hơn loại thiếu đạo đức đó, và cuộc biến đổi vĩ đại này được các tôn giáo tiên tri gọi là cuộc Tận Thế.

TNHT: *"Kỳ Hạ Nguơn hầu mãn, hơn vật vì tai nạn mà phải tiêu tan, mười phần chỉ còn lại một mà thôi."*

Than ôi ! Buồn thôi ! Nghĩ vì Thiên cơ đã định như vậy, thế nào mà cải cho đặng, duy có mở tấm lòng từ thiện, ăn năn sám hối, lo việc tu hành, đồng với nhau, cả quốc dân mà qui lụy khẩn cầu coi Tròi có đoái tưởng đến chăng?

Bởi thế nên Đức Ngọc Đế và chư Phật chư Tiên chư Thánh mới lập Hội Tam Kỳ Phổ Độ đặng cứu vớt chúng sanh đương linh đinh nơi bể khổ. Nếu gặp thuyền Bát Nhã mà không xuống không theo thì chắc thế nào cũng chơi vui mé biển."

Đợt khảo thí chung kết này là kỳ Phán xét cuối cùng, xảy ra vô cùng dữ dội, vì người thi đậu mới được tồn tại, còn người thi rớt phải bị tiêu diệt, để tuyển chọn người đủ bác ái và công bình, thiết lập một xã hội Đại Đồng của thời Thượng Nguơn Thánh Đức.

Đại Hội Long Hoa Kỳ Ba này cũng là Đại Hội Điểm Đạo lần ba của Địa cầu 68, là cuộc Điểm Đạo vĩ đại và quan trọng mà tất cả chư Phật, Tiên, Thánh, Thần và những người tiến hóa đủ tiêu chuẩn đạo đức đều phải tham dự.

Sau cuộc biến động dữ dội gọi là Tận Thế đó, địa cầu 68 trở lại yên tĩnh, thời tiết trở lại điều hòa tốt đẹp, trước khi tiêu tan, hơn loại còn lại là những tân dân hiền lương đạo đức, với hình dung tốt đẹp, mạnh khỏe, sống lâu, tạo lập một xã hội Đại Đồng, cùng sống hòa bình với nhau trong tình bác ái và sự công bình. Chư Thánh Tiên Phật sẽ giáng trần tiếp tục hướng dẫn hơn sanh tu hành tiến hóa cao thêm nữa.

TNHT: Chùng nào đất dậy Trời thay xác,
Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo về Đại Hội Long Hoa, đêm 14-1-Kỷ Sửu (1949) tại Đền Thánh, xin chép ra sau đây:

"Long Hoa Hội là gì? Long Hoa Hội là một ngày, một buổi khảo lựa của toàn thể các chơn hồn dầu quý vị hay Thần vị cũng vậy, định khoa mục của mình đăng lập vị thiêng liêng.

Chúng ta hiểu rằng, mỗi Chuyển tức nhiên là mỗi khoa mục. Hết cuối một Chuyển, tức nhiên Hạ Nguồn, là ngày định vị của các đẳng linh hồn. Thánh giáo Gia Tô đã nói rằng: Ngày Xét Đoán cuối cùng (Jugement Général) mà kỳ thật là ngày định vị cho các chư Phật đó vậy.

Có một điều trọng hệ đương buổi này là buổi nào nhiệt. Tại sao? Tại mãi Hạ Nguồn Tam Chuyển, Thiên thơ đã định Long Hoa Hội.

Thánh giáo Đức Chí Tôn nói: Các con phải chung cùng nhau, tức nhiên lập Long Hoa Hội, định vị cho các chơn linh trong kỳ Hạ Nguồn Tam Chuyển này, định vị cho họ đăng mở Thượng Nguồn Tứ Chuyển cho các chơn linh.

Ngài mở Hội Long Hoa ấy, tức nhiên là Ngài định chấm đậu rớt cho các chơn linh vậy. Vì cơ cho nên chúng ta ngó thấy có huyền vi bí mật nơi mặt thế này: Đức Chí Tôn đến mở Đạo ngày nay, chúng ta có thấy oan gia nghiệt chướng phải trả liền buổi này, không cho thiếu, trả mãi mới thôi."

Mặt khác, chúng ta quan sát TTTN, thấy bao lơn nơi mặt tiền Tòa Thánh có 4 cây cột chống đỡ, phân làm 2 cặp. Mỗi cặp có một cây đắp hình rồng (Long) quán cột, một cây đắp hình bông sen (Hoa) quán cột, nên mỗi cặp cột tượng trưng hai chữ LONG HOA. Còn trên nóc HTĐ, giữa 2 lầu chuông trống là tượng Đức Phật Di-Lạc ngự tòa sen đặt trên mình cạp.

Đức Hộ Pháp thuyết đạo về Đại Hội Long Hoa tại Hộ Pháp Đường, ngày 16-9-Ất Mùi (dl 31-10-1955), giảng giải bài Kinh Đại Tường, có đoạn kết, chép ra sau đây:

"Tôi năm Tý sẽ mở Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị tại Tòa Thánh Tây Ninh này. Máy em phải cố gắng làm cho kịp. Qua nói quả quyết nếu máy em làm không kịp, qua có qui liễu

trước đi nữa thì cái tội ấy về mấy em chớ không phải về Qua, nhớ điều đó. Qua cố gắng tận trung cùng Đạo, tận hiếu cùng Chí Tôn và Phật Mẫu, Qua chỉ ước cho thiêng liêng của mấy em đây nè, nó sẽ hưởng được một điều trọng yếu không biết ngày nào giờ nào, Qua không có thể vì quyền vi định trước được. Qua mơ ước làm thế nào cho dòng máu thiêng liêng của mấy em đây nó gặp mặt Đức Chí Tôn đến tại thế này, lấy một quyền năng thiêng liêng của Ông, như Ông đã đến Đền Thờ Tây Tạng kia vậy. Hễ nói đến Đền Thờ Tây Tạng thờ Đức Chí Tôn, thì đều nghe hiểu.

Có lẽ Đền Thánh này Đức Chí Tôn thế nào cũng đến, lại chưa đến là vì lẽ gì? Lý do vì chưa có trọn sao đây, mấy em cố gắng đi, từ đây tới sau, cho tới ngày Long Hoa Đại Hội, hoặc nên hư đừng thất điều gì, Qua lập Long Hoa Đại Hội được hay chẳng, Qua phú thác nơi tay mấy em đó vậy."

TÓM LẠI:

1. Đại Hội Long Hoa là một cuộc thi cần thiết để tuyển chọn người đủ đạo đức trong thời kỳ cuối Hạ Nguyên Tam Chuyển để bước qua Thượng Nguyên Tứ Chuyển, tạo lập đời Thượng Nguyên Thánh Đức với một xã hội Đại Đồng.

2. Những người bị loại khỏi Đại Hội Long Hoa là những người thiếu đạo đức, không đủ Bác ái và Công bình. Họ phải bị chậm trễ một kỳ tiến hóa, chờ đợi để học lại các bài học và nhập vào một giai đoạn tiến hóa sau.

3. Tỷ lệ tuyển chọn trong Đại Hội Long Hoa Kỳ Ba này là 1 phần 10, nghĩa là 10 phần hơn loại chỉ đầu 1, rút 9 phần.

4. Đại Hội Long Hoa Kỳ Ba này sẽ mở ra tại Tòa Thánh Tây Ninh và Đức Di-Lạc Vương Phật làm Chủ Đại Hội.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Long Hoa Thị

龍花市

A: Long-Hoa market.

P: Le marché Long Hoa.

Long: Rồng, mạch nước, chỉ vua. **Hoa:** cái bông. **Thị:** chợ.
Long Hoa Thị là chợ Long Hoa.

Đây là một cái chợ của Đạo Cao Đài do Đức Phạm Hộ Pháp lập ra, ở phía Nam và cách Tòa Thánh chừng 2 cây số.

Vào năm Nhâm Thìn (1952), Đức Phạm Hộ Pháp nhận thấy số tín đồ Cao Đài từ khắp các tỉnh đổ dồn về vùng Thánh Địa lập nghiệp càng ngày càng đông, do tình hình giặc giã ở khắp các nơi, dân chúng làm ăn sanh sống không được, sanh mạng luôn luôn bị đe dọa, nên về vùng Thánh Địa Tây Ninh cư ngụ thì được Đạo bảo vệ và đời sống được yên ổn.

Trước đây, Hội Thánh có lập một cái chợ Long Hoa nhỏ (sau này gọi là chợ Long Hoa cũ) vì số tín đồ về đây cư ngụ còn ít. Nay Đức Hộ Pháp cho xây dựng một cái chợ Long Hoa mới, bề thế qui mô trên khu đất 47 mẫu, để dời chợ cũ về đó.

Đức Phạm Hộ Pháp tự đi chọn cuộc đất và tự vẽ kiểu chợ, rồi giao Ban Kiến Trúc xây cất dưới sự đôn đốc của Ngài.

Chợ Long Hoa có nhà lồng hình chữ thập trên một lô đất hình vuông, chung quanh có 8 cửa, hướng ra 8 con đường, với ý nghĩa là: Lương Nghi sanh Tứ Tượng, biến Bát Quái. Từ trên phi cơ nhìn xuống khu chợ Long Hoa, quan khách thấy giống như một cái Bát Quái Đồ.

Công cuộc mà Đức Phạm Hộ Pháp chọn đất và kiểu vở xây cất, bày trí chợ Long Hoa, được Thừa Sứ Phan Hữu Phước ghi lại như sau:

"Khởi đào móng nền chợ mới ngày 12-11-Nhâm Thìn (dl 28-12-1952). Cũng trong dịp này, Đức Phạm Hộ Pháp dẫn khách đến xem địa cuộc Long Hoa Thị, lúc 7 giờ sáng.

Cùng đi với Ngài có:

- Bác vật Lưu Văn Lang.
- Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa.
- Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng.
- Chơn Nhơn Trịnh Phong Cương.
- Thừa Sứ Phan Hữu Phước.
- Tổng Giám Ban Kiến Trúc Võ Văn Khuê.
- Trưởng Tộc Phạm Môn Phạm Văn Út.

- Ban Nhiếp Ảnh.

Ngài nói: Bàn đạo định dời chợ cũ lại chỗ này để cất Long Hoa Thị, nhờ Bác vật xem địa cuộc sanh khí như thế nào?

Bác vật Lang đáp: Ngài định chỗ thật tốt, có thể Ngài biết trước nên mới định chỗ đúng ngay mạch nước Bát Long Dẫn Thủy, lại có Tứ Hồ Phục Triều, địa cuộc này có nhiều sanh khí, sau này Long Hoa Thị sung túc, trở nên kỳ quan (Merveille) ở đất Thánh. Nếu giữa lòng chợ được lấy nước fontaine thì đủ sức xài, vì mạch nước lớn và tốt.

Đức Hộ Pháp nói: Nếu là Bát Long Dẫn Thủy thì mở thêm 8 con lộ Bát Quái, còn ở trong nhà lòng thì xây một bồn nước thật cao, lấy nước giếng giữa chợ cho các tiệm phố đủ sức xài. Nhà lòng cất 4 cánh, có hai tầng lầu: Tầng dưới cho bán thực phẩm, tầng trên bán đồ mỹ trang, hàng lụa, vải bô, các món chơi tiêu khiển. Trên bồn nước giữa chợ, cất nhà nóc bằng để cho Thánh Vệ ở luân phiên gìn giữ chu vi chợ và ăn ở luôn trên đó. Còn 4 phía chợ, đúc cột làm hàng rào sắt bóng thật đẹp, để trồng 4 bên vào thấy thông dong mát mẽ, mỗi phía rào có cổng, 4 mặt y nhau, nhưng mỗi cổng để theo hướng như: Đông môn, Tây môn, Nam môn, Bắc môn. Đựng cho mấy cái quán cốc ảm thắm che lấp vẻ đẹp của chợ. Còn mấy cái xép theo góc Bát Quái, cho Ban Kiến Trúc cất, cũng đúc cột lên mấy tầng lầu như phố vậy, để làm nhà hàng hay bán các loại máy móc Radio, nhưng tầng dưới chừa chừng 2 thước vuông cho Trạm Y Tế, Trạm Cứu Thương, ai bệnh hoạn sẵn có thuốc.

Đức Ngài nói công cuộc từng câu chuyện xong, Đức Ngài trở lại cầm thước dây đo ngang 40 mét từ mặt phố bên phải qua trái, khoảng trống con lộ 40 mét có hai lề, bên trong sát mặt phố có 2 con lộ nhỏ, xe hơi chạy được dài trên lộ. Biểu Trường Tộc Phạm môn và Chợ Nhỏ Chường quản Phước Thiện lo xây cất 20 cái Bar, cất trọn trên, đưng vi phạm choán lộ chật hẹp. Bar cất hai tầng, 4 mét một cái, xa xa để chừa đường ra mặt phố, nếu cất choán mặt phố, người ta rầy mà coi không đẹp, cho bán đồ bazar hoặc các thứ vật chơi, hoặc bông hoa trái cây Đà Lạt. Mỗi Bar đều có 4 mặt kiếng xinh đẹp,

cắm nấu nướng, chỉ đến giờ mở cửa bán, cũng như các Bar giữa lộ ở Đô Thành, giống như Đại lộ Charner Sài Gòn vậy.

Trong 20 cái Bar dành cho người nghèo không phương sanh sống, hoặc đám nội trợ của Chức sắc nghèo, nên tìm phương giúp đỡ cho nó có phương sanh sống. Khi bớt khổ phải dời đi, giao lại Hội Thánh cho người khác, cứ kế tiếp nhau, không ai có quyền làm chủ vĩnh viễn (cho ở không).

Cắm nhật những người có phần đất cất nhà ở mà còn tham, xin cất Bar, một là Chức sắc, hai là quân đội đã có đường sanh sống, lại còn chen vào ăn bám, Hội Thánh biết kẻ nghèo cho ở, chớ không thu nạp đơn xin (bị lợi dụng).

Còn nền Nhà Hình, Bàn đạo định cất tại đầu lộ, hai bên cất y một kiểu, có hai tầng, bên Xuân Dung thì làm nghề ảnh, đặc biệt không riêng cho Bàn đạo, dành lại số huê lợi đặng cho đám Cô nhi có phương sanh sống, và mấy con nhiếp ảnh nên cố gắng truyền nghề cho chúng nó thành tài về nghệ thuật, phim ảnh chiếu bóng. Trong Nhà Hình, tầng dưới chung triển lãm các kiểu hình cổ kim hoặc hình các cuộc Lễ Kỷ niệm, mấy con chỉ làm tùy thuộc vào hình ảnh, Bàn đạo giữ lại phim kỷ niệm, mỗi khi Bàn đạo cần dùng thì có sẵn, còn tầng trên thì để làm nghề. Sau này, ngoại quốc vô xem, trước Báo Quốc Tử, thì nó phải vào đây lấy ảnh, mấy con đủ làm giàu đặng nuôi đám Cô nhi. Còn bên kia giao cho mấy đứa thủ trình, công nghiệp của chúng nó mà Bàn đạo chưa ban cho đặc ân, vậy để cho chúng nó làm Nhà Hàng Cơm Chay.

Bàn đạo làm là ăn mót trên lộ mà có nghĩa giúp cho đám Cô nhi và những người nghèo khổ, mà cũng làm cho Long Hoa Thị ngày kia sung túc. Long Hoa Thị sung túc rồi thì nó là chén cơm bát nước của Hội Thánh, của Chức sắc, của nhơn sanh chung hưởng đặc ân. Vậy nên cố gắng tạo cho thành hình.

Sau đó, Đức Ngài liền đặt viên gạch đầu tiên làm kiểu mẫu, và trao cho Trần Phong Lưu (thợ ảnh) 50.000 đồng để mua sắm máy móc dụng cụ, nếu thiếu cho Ngài hay để giúp thêm. Còn phần Trường Tộc Phạm Môn, Bàn đạo đưa cho 200.000 đồng để lo mua gạch và xi măng xây cất, giao cho Tá

Lý Lãnh phải lo chu đáo, xây cất cho đẹp, mỗi ngày Bàn đạo đến chỉ cho làm.

Đức Ngài dạy Trần Phong Lưu đáp hai câu liền trước Nhà Hình Xuân Dung cho mỗi người thấy tức cười:

DUNG nghi ví muốn còn XUÂN mãi,
Đừng để rụng răng mới chụp hình.

Đức Ngài nói chơi cho vui, chứ không phải liền.

Hễ cất xong, Bàn đạo nói Hội Thánh bỏ ra một Chức sắc cai quản, gìn giữ và tính việc làm của Ban Nhiếp Ảnh, nếu có huê lợi thì tu tạo thêm Nhà Hình và un đúc đám Cô nhi.

Số bạc Bàn đạo giao cho mấy con đây là số bạc của Đạo chúc thọ Bàn đạo. Bàn đạo không xài, để tạo Nhà Hình nuôi đám Cô nhi."

Nhắc lại, ngày 5-6-Tân Mão (dl 8-7-1951), Đức Phạm Hộ Pháp đến Khánh Thành Chợ Long Hoa cũ (còn Chợ Long Hoa hiện nay rất bề thế lớn lao là Chợ Long Hoa mới). Trong buổi lễ Khánh Thành, Đức Ngài ban Phép Lãnh và Trấn Thần Chợ Long Hoa, Đức Ngài có nói rằng:

"Cái cơ chuyển thế đã đến ngày hiệp nhứt đạo giáo khiến cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn lo quay về một mối, sống dưới lá cờ Nhân Nghĩa của Đạo Cao Đài, ngoài thì được sự bảo vệ của quân đội, trong thì được sự dìu dắt của Hội Thánh, càng ngày nhơn sanh qui tụ càng đông, vì thế nguồn sanh sống càng bị bóp nghẹt, nên Bàn đạo cho lập gấp cái chợ này để tạo lại một nguồn sanh sống dễ dàng cho nhơn sanh.

Ngày giờ này, tuy là nhìn thấy cái chợ thô sơ, nhưng rồi đây nó sẽ bành trướng rộng rãi hơn, long trọng hơn, mà chắc chắn con cái Đức Chí Tôn không bao giờ ngờ như thế, nhưng Bàn đạo dám quả quyết nó phải có và nhứt định có, vì cái chợ Chuyển thế và huyền diệu thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã định vậy." (Trích Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Q.4 trang 41)

Lời thỉnh giáo của một Đạo hữu hỏi Đức Hộ Pháp:

"- Kính bạch Sư Phụ, con xin thỉnh giáo về cái chợ Long Hoa, Sư Phụ gọi là cái chợ Chuyển thế, con muốn biết cái chợ Long Hoa sau này nó sẽ biến chuyển ra sao?

Đức Phạm Hộ Pháp đáp: - Thầy nói đến đó Thầy không nói nữa là ý Thầy muốn để cho nhơn sanh, con cái của Đức Chí Tôn tìm mà hiểu biết, rồi tùy theo ý muốn của nhơn sanh muốn cái gì thì nó sẽ biến ra cái ấy.

Nhơn sanh còn tồn tại hay chẳng hay là đi đến chỗ diệt vong thì cũng do nơi ý nhơn sanh, chớ chính nó là cái Bát Quái Đồ Thiên của Thầy tạo lập, nếu không rồi Bát Quái, Đạo đầu dựng thành, mà không dựng thành thì cơ tận diệt của nhơn sanh không bao giờ tránh được.

Vì cái chánh và cái tà, với sự sanh tồn và cơ tận diệt, nó cũng đồng ở trong tâm của nhơn sanh cả, rồi nó biến chuyển ra, thì cái Long Hoa Thị biến chuyển, muốn chánh thì nó chánh, muốn tà thì nó tà, muốn tiêu diệt thì nó cũng đi đến tiêu diệt, muốn sanh tồn thì nó cũng đem lại sự sanh tồn.

Bốn sự muốn ấy là do nhơn sanh muốn tạo thế nó, còn sự biến chuyển là do cái Long Hoa Thị biến chuyển. Các con lưu ý nhìn cái Long Hoa Thị biến chuyển ra sao thì các con biết trước những việc đó là gì. Thôi, việc Thiên cơ Thầy không nói nữa, các con tìm hiểu."

Chợ Long Hoa do Đạo lập nên, đáng lý phải bán toàn đồ ăn chay, nhưng trong giai đoạn đầu, Hội Thánh cho phép bán thêm đồ mặn ngoài 10 ngày chay trong tháng, chờ khi nào chợ Trường Lưu hoàn thành, lúc đó chợ Long Hoa chỉ bán toàn đồ chay, còn đồ ăn mặn thì dời xuống bán nơi chợ Trường Lưu.

Đức Phạm Hộ Pháp nói rõ như sau:

"Còn nơi Long Hoa Thị thì tuyệt đồ mặn, phải bán toàn đồ chay. Bây giờ lửa chiến tranh vẫn còn, nên nhơn sanh chen nhau sống không sự thương mãi. Tại Long Hoa, ngày kia Đạo ra thiết tướng, Quyền Vạn Linh có quyền chấn chỉnh lại, vì cái chợ Long Hoa ở trong vùng Thánh địa mà còn bán đồ mặn thì trái lẽ Đạo.

Ngày nào, người ở Thánh địa biết nhận đây là Thánh địa của Đức Chí Tôn lập thì tự xét mình, trau dồi cho nên Thánh thì làm sao Long Hoa Thị mà bán đồ mặn?

Rồi các chợ chung quanh Tòa Thánh hay Trí Huệ Cung thuộc trong vòng Thánh địa, thì ngày kia phải bán toàn đồ

chay, chẳng phải một chợ Long Hoa mà thôi, khi lập xong chợ Thiên Vương rồi, Hội Thánh sẽ chấn chỉnh Long Hoa Thị trước."

Ngày 16-7-Quý Ty (dl 24-8-1953), trong cuộc Lễ Khánh Thành Văn Phòng Ban Quản Trị Long Hoa Thị, Đức Phạm Hộ Pháp để lời phủ dụ, trích ra sau đây:

"Hôm nay, sau chỉ có hai năm, Qua còn nhớ lại, khi Qua ra khỏi Nhà Tĩnh Trí Huệ Cung, về nơi đây, Qua ban Phép Lành nơi chợ Long Hoa là ngày 2-5-Tân Mão khởi sự làm chợ Long Hoa thì tháng 7 năm Tân Mão cho tới tháng 7 này, thật ra chỉ có 2 năm mà thôi. Mấy em coi cái đức tin của con người, nếu mà nhờn loại trụ cả đức tin lại làm một khối thì không có gì mấy em làm không đặng. Qua vẫn biết cả cái sự nghiệp kinh dinh do tinh thần hoạt bát của mấy em, làm cho Qua được hưởng hạnh phúc trước mắt, cái đền ơn rất trọng hậu của mấy em đối với Qua đó vậy.

Thử nghĩ, mấy em ban thưởng cho Qua có hơn điều ấy chẳng? Không, Qua chỉ ước một điều là mỗi nhà của mấy em đều đủ sống hạnh phúc nuôi sắp nhỏ, nuôi cho ăn học, làm thể nào cho cả gia đình của mấy em được vinh hiển, sang trọng, Qua sở vọng hơn hết là điều đó.

Chợ Ngã Năm, mấy em đừng tưởng có phép tắc huyền bí, Qua chỉ thấy chợ Ngã Năm rất sung túc, mà lại ảm thảm chật chội, Qua chỉ biết rằng: Cái tinh thần của mấy em đi cao, tiến triển mạnh, hơn nữa, mấy em do vị tổ chức của mấy em mà thôi, đủ thấy chợ Ngã Năm thế nào? đủ địa thế phương tiện hoạt động vĩ đại hơn nữa.

Vì cơ cho nên Qua lấy khu rừng 47 mẫu, từ thử chưa có chợ nào có đặng 47 mẫu, mấy em ngó thấy chừng vài năm nữa, nơi đây sẽ chật hết. Qua đã ngó thấy chen chúc với nhau rồi đó. Qua liệu phương làm sao mở mang rộng ra nữa cho mấy em. Nếu Qua nói một điều trọng yếu của Qua hơn hết, trong năm tới đây, mấy em giúp Ban Quản Trị, cả toàn thể con cái Đức Chí Tôn nơi chợ Long Hoa, giúp thuê cho Hội Thánh làm thành tựu cái chợ thiệt, mấy em sẽ ngó thấy một cái hoạt động vĩ đại mà mấy em làm thành chợ Long Hoa thiệt, thiệt thọ rồi, cái sự sống của mấy em, Qua dám bảo kê rằng: nó sẽ

tăng thêm không biết bao nhiêu nữa mà chớ! mà hể cái sống của mấy em mạnh mẽ chừng nào thì tương lai của đoàn hậu tấn Qua giao phó sẽ được bảo đảm chừng nấy. Qua mơ ước sao mọi nhà Tông đường, mấy em trẻ thơ sinh sau kia là con cái của mấy em đào tạo nên, đặng một ngày kia nối cho chúng Qua tiếp tục làm Thánh Thể của Đức Chí Tôn, thừa chí đem hết năng lực tâm tình của nó, đặng cứu khổ thiên hạ. Ấy là điều mơ ước của Qua. Điều Qua mong ước là mấy em giúp nó đặng định tương lai cho Đạo. Mấy em nhớ rằng cái vinh quang Tổ Phụ của mấy em đó vậy."

Long hưng

隆興

A: Prosperous.

P: Prospère.

Long: Thịnh, tốt, lớn. **Hưng:** thịnh vượng.

Long hưng là nổi lên thịnh đạt.

Long mã phụ Hà đồ

龍馬負河圖

Long: Rồng, mạch nước, chỉ vua. **Mã:** ngựa. **Long mã:** con thú linh, đầu rồng mình ngựa, mình có vảy rồng, cao 8 thước 5 tấc (thước Tàu), xương cổ dài, mình không thấm nước. **Phụ:** mang, đeo. **Hà:** sông Hoàng Hà. **Đồ:** bức vẽ. **Hà Đồ** là bức vẽ có nguồn gốc là sông Hoàng Hà bên Tàu.

Long mã phụ Hà đồ là con long mã có mang trên lưng một bức đồ xuất hiện ở sông Hoàng Hà.

Truyện xưa chép lại sự xuất hiện của Long mã như sau:

Vào thời thượng cổ bên Tàu, đời vua Phục Hy (2852-2737 trước TL), trên sông Hoàng Hà, thành linh một trận giông lớn nổi lên, nước sông dâng cao, có nổi lên một con quái đầu rồng mình ngựa, đứng khời khời trên mặt nước, trên lưng có nhiều đốm đen trắng xếp theo một trật tự đặc biệt và có mang một

cây bửu kiếm. Dân chúng thấy chuyện lạ, vội cấp báo cho vua Phục Hy biết. Nhà vua liền đến nơi, đứng trên bờ sông quan sát. Vua Phục Hy là vị Thánh Đế nên biết con quái ấy là con Long mã, một loại thú linh hiếm có, ít khi xuất hiện. Ngài phán rằng: "Nếu phải nhà người đem báu vật đến dâng cho Ta thì hãy lại đây, đến trước mặt Ta."

Long mã như biết nghe tiếng người, từ từ đi vào bờ, đến trước mặt vua Phục Hy thì quì xuống.

Vua Phục Hy thấy trên lưng Long mã có một bức đồ gồm 55 đốm, nhà vua ghi nhớ vị trí các đốm rồi gỡ lấy bửu kiếm. Xong, Long mã liền trở ra khơi và đi mất. Mực nước sông Hoàng Hà sụt xuống như cũ.

Vua Phục Hy vẽ lại những đốm trên lưng Long mã, tạo thành một bức đồ, đặt tên là Hà đồ.

Nhà vua quan sát các chấm này, kết hợp với sự quan sát các hiện tượng thiên nhiên trong Trời Đất, nghĩ ra cách tượng trưng Âm Dương, Ngài vẽ ra được Bát Quái Đồ, gọi là Tiên Thiên Bát Quái Đồ. (Xem chi tiết nơi chữ: **Bát Quái, văn B**).

Trên nóc Tòa Thánh Tây Ninh, chỗ Nghinh Phong Đài, Đức Phạm Hộ Pháp cho làm một bán cầu tượng trưng Địa cầu 68 cửa nhưn loại, trên có có đắp hình Long Mã phụ Hà đồ.

Long mã, mình hướng theo chiều Tòa Thánh, bộ điệu đang chạy từ hướng Đông sang hướng Tây, nhưng đầu Long mã ngoái nhìn lại hướng Đông.

Ý nghĩa: Long mã tượng trưng Âm Dương (Rồng tượng trưng Dương vì rồng bay trên Trời, ngựa tượng trưng Âm, vì ngựa chạy trên mặt Đất), Âm Dương phối hiệp là Đạo, nên Long mã tượng trưng Đạo. Long mã chạy từ Đông sang Tây, ý nói Đạo xuất ư Đông và truyền qua hướng Tây. Nhưng đầu Long mã ngoái lại phương Đông, ý nghĩa là Đạo sẽ lại trở về hướng Đông, vì đây là gốc của Đạo.

Đạo Cao Đài mở ra tại nước VN là nước mà Âu Châu gọi là Viễn Đông, rồi Đạo Cao Đài sẽ truyền qua hướng Tây để cứu độ các sắc dân ở đó, rồi sau cùng Đạo Cao Đài cũng trở lại gốc là nước VN, vì Đức Chí Tôn đã chọn VN là Thánh địa.

Long cũng tượng trưng không gian vì rỗng vùng vẫy trong không trung, mã tượng trưng thời gian vì ngựa chạy trên mặt đất lúc mau lúc chậm, cho nên Long mã tượng trưng không gian và thời gian, tức là tượng trưng Càn khôn Vũ trụ, luôn luôn xoay chuyển không bao giờ ngừng nghỉ.

Trong nghi thức tiếp rước của Đạo Cao Đài có nghi thức múa Long mã. Đây là một nét văn hóa nổi bật, độc nhất vô nhị, vì không nơi nào có. Trước đây, người ta chỉ biết múa lân, múa rồng, múa sư tử, ngày nay Đạo Cao Đài có nghi thức múa Long mã rất đẹp và oai nghiêm để tiếp rước Hội Thánh, hoặc các Chức sắc Đại Thiên phong lãnh đạo Hội Thánh, tiếp rước các vị lãnh đạo các quốc gia và tôn giáo.

Điệu múa Long mã không giống múa Lân, điệu múa có lúc rất hùng dũng, có lúc rất uyển chuyển, tập luyện rất công phu. Hình Long mã đẹp và lạ mắt, làm nguyên hình, chỉ có 4 chân được thay bằng 4 chân của hai người múa mà lớp vải quần vẽ giống như chân Long mã.

Hình Long mã còn được bông bằng các thứ cành cây hoa kiểng, trên một sườn xe hơi bốn bánh, trên lưng có làm chỗ để chở liên đài của chư Chức sắc cao cấp hàng Tiên vị đồ lên khi qui liễu, di chuyển đến các nơi tế lễ và đến bửu tháp, gọi là Liên đài kỵ Long mã.

Cho nên, Long mã là một trong những nét đặc trưng của Đạo Cao Đài.

Ngoài điệu múa Long mã, Đạo Cao Đài còn sáng chế ra điệu múa của Tứ Linh, gồm: múa Rồng, múa Ngọc Kỳ Lân, múa Qui, múa Phụng. Các điệu múa này được biểu diễn trong các kỳ Đại lễ của Đạo, khiến cho khách thập phương đến tham quan rất thích thú và tán thưởng.

Long mạch

龍脈

Long: Rồng, mạch nước, chỉ vua. **Mạch:** đường nước chảy.

Long mạch là mạch nước ngầm ở dưới đất có ảnh hưởng đến linh khí của vùng đất đó.

Các thầy địa lý gọi khí thể của núi sông là Long mạch.

Long phụng

龍鳳

A: Dragon and phoenix.

P: Dragon et phénix.

Long: Rồng, mạch nước, chỉ vua. **Phụng:** con chim phụng hay chim phượng.

Long phụng là con rồng và con phụng.

Trong các đám hỏi hay đám cưới Việt Nam, luôn luôn có một đôi đèn sập lớn, trên đó một cây có bông hình con rồng và một cây bông hình con phụng, gọi là đôi đèn Long Phụng.

Long là rồng tượng trưng chủ rể nên cây đèn này phải đặt bên nam phái, tức là đặt bên trái của Bàn thờ; chim phụng tượng trưng cô dâu nên cây đèn này phải đặt bên nữ phái, tức là đặt bên mặt của Bàn thờ.

Đôi đèn Long Phụng đốt lên đặt trên bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ để cho rể dâu làm lễ và cầu nguyện Cửu Huyền Thất Tổ chứng minh và phò hộ đôi vợ chồng mới cưới được bền duyên tở tở.

Long Phụng tượng trưng đôi vợ chồng, được lấy từ điển tích chàng Tiêu Sứ và nàng Lộng Ngọc của nước Tần thời Xuân Thu bên Tàu.

Điển tích: Vua Tần Mục Công có nàng con gái út đặt tên là Lộng Ngọc. Khi lớn lên, nhan sắc của Công chúa út này rất xinh đẹp, lại rất thông minh, có tài thổi ống sinh rất hay.

Tần Mục Công sai thợ khéo làm cho nàng một ống sinh bằng ngọc. Khi Lộng Ngọc thổi ống ngọc sinh này thì âm thanh phát ra trong như tiếng hót của chim phụng. Tần Mục Công yêu lắm, sai cắt một cái lều đặt tên Phụng lâu, để Lộng Ngọc ở, và cất phía trước một Phụng đài để Lộng Ngọc ngồi thổi ngọc sinh. Năm Lộng Ngọc 15 tuổi, Tần Mục Công có ý kén rể.

Lộng Ngọc thưa rằng: Xin Phụ vương cho tìm người nào thổi ống sinh thật hay thì con mới chịu kết duyên.

Một đêm, nàng Lộng Ngọc nằm chiêm bao, thấy ở phía Tây Nam, trên Trời mở cửa rộng ra, hào quang ngũ sắc, có một chàng trẻ tuổi mũ lông áo bạc, cỡi con chim phụng bay xuống đứng trước Phụng đài, nói với Lộng Ngọc:

- Tôi là người coi giữ núi Họa Sơn, Ngọc Hoàng Thượng Đế cho tôi được kết duyên với nàng, đến tiết Trung Thu này thì đổi ta gặp nhau.

Nói xong, chàng rút ra một cái ống tiêu, đứng dựa lan can mà thổi, âm thanh réo rắt, Lộng Ngọc càng nghe càng say mê. Con chim phụng đứng kề bên cũng vươn cánh ra vừa nhảy múa vừa hát theo.

Lộng Ngọc nghe hay quá, chờ dứt hỏi rằng:

- Khúc này tên gọi là gì mà hay quá!

Chàng trẻ tuổi trả lời:

- Đây là khúc Họa Sơn Ngâm, khi ta đã kết duyên với nàng thì ta sẽ dạy cho nàng.

Nói rồi, chàng tuổi trẻ đến gần cầm tay nàng. Nàng liền giật mình thức dậy, hóa ra là một giấc chiêm bao.

Sáng hôm sau, Lộng Ngọc đem chuyện chiêm bao kể lại cho vua cha nghe. Tàn Mộc Công không biết hư thực thế nào, liền sai một viên cận thần tên là Mạnh Minh (con của Thừa Tướng Bá Lý Hề) đi lên núi Họa Sơn dò xét thử.

Mạnh Minh đến núi Họa Sơn, hỏi một nông phu dưới chân núi thì nông phu ấy đáp:

- Từ hôm rằm tháng 7 rồi, có một thanh niên không biết từ đâu đến, làm nhà ở trên đỉnh núi này, ngày nào cũng xuống núi mua rượu uống, đến chiều thường thổi ống tiêu nghe hay lắm, làm ai cũng thích.

Mạnh Minh liền đi lên núi, quả thật gặp một thanh niên đội mũ lông, mặc áo bạc, cốt cách Thần Tiên, liền đến vái chào và xin hỏi họ tên. Thanh niên ấy đáp:

- Tôi họ Tiêu tên Sử, chẳng hay Ngài là ai, hỏi tôi có việc gì?

Mạnh Minh đáp: - Tôi là Mạnh Minh, đang làm quan tại triều. Chúa Công tôi có một nàng con gái yêu tên là Lộng Ngọc, có tài thổi ống sinh rất hay, muốn tìm một người như thế để kết duyên. Nay nghe nơi đây có người thổi sáo rất hay nên Chúa Công sai tôi đến rước.

Tiêu Sử nói: - Tôi đâu có tài cán gì nhiều, chẳng qua chỉ biết dùng ống tiêu thổi qua vài khúc giải trí mà thôi.

Mạnh Minh nói:

- Xin Ngài cùng tôi đi về triều yết kiến Chúa Công.

Mạnh Minh cùng Tiêu Sử đi xuống núi, trở về triều. Tàn Mục Công đang ngồi trên Phụng đài, Tiêu Sử đến đó sụp lạy và tâu rằng:

- Tôi ở nơi thảo dã, chưa biết lễ phép, có điều chi sơ suất xin Chúa Công miễn thứ cho.

Tàn Mục Công thấy Tiêu Sử hình dung thanh nhã, không phải tầm thường, liền miễn lễ, cho ngồi bên cạnh, rồi nói:

- Ta nghe nhà ngươi có tài thổi ống tiêu, nhưng không biết có tài thổi ống sinh không? Ta định tìm một người có tài thổi ống sinh thật hay, nay nhà ngươi chỉ biết thổi ống tiêu, nên ta không kén ngươi làm rể được.

Lộng Ngọc bước ra vái chào và thưa rằng: - Thưa Phụ vương, tiêu và sinh cùng một loại, xin bảo dạy lên một khúc.

Tàn Mục Công nói phải, bảo Tiêu Sử dạy lên vài khúc.

Tiêu Sử vâng lời, lấy ống ngọc tiêu ra bắt đầu thổi.

Thổi được một khúc thì thấy gió mát thoang thoảng, thổi qua khúc thứ hai thì có mây che bốn phía, thổi khúc thứ ba thì có một đôi bạch hạc bay đến nhảy múa trên không, lại có thêm mấy đôi khổng tước bay đến và các giống chim hót ríu rít một lúc mới tan.

Tàn Mục Công rất đẹp dạ, hỏi:

- Nhà ngươi biết ống tiêu và ống sinh được chế ra từ đời nào không?

Tiêu Sử đáp:

- Ống tiêu làm ra từ đời vua Phục Hy và ống sinh làm ra từ

đời Bà Nữ Oa. Ngày xưa, vua Phục Hy ghép trúc làm ống tiêu, chế theo hình chim phụng, tiếng thổi phát ra giống tiếng chim phụng, thứ lớn gọi là Nhã tiêu, ghép liền 23 ống, dài 1 thước 4 tấc; thứ nhỏ gọi là Tung tiêu ghép liền 16 ống dài 2 thước 1 tấc. Cả hai thứ ấy gọi là Tiêu quản, còn có thứ không đáy gọi là Đồng tiêu. Về sau, vua Huỳnh Đế sai Linh Xuân đi lấy trúc ở Côn Khê, chế làm ống địch, có 7 lỗ, cầm ngang mà thổi, trông giản tiện lắm. Người đời sau thấy Tiêu quản bất tiện, mới chỉ dùng ống địch, thứ dài gọi là Tiêu, thứ ngắn gọi Địch, bởi vậy, ống tiêu ngày nay không giống ống tiêu thời xưa.

Tần Mục Công lại hỏi: - Khi nhà người thổi ống tiêu, tại sao có các giống chim bay đến?

Tiêu Sử đáp:

- Ống tiêu dẫu mỗi đời một khác, nhưng tiếng thổi bao giờ cũng giống tiếng chim phụng. Chim phụng đứng đầu các giống chim, bởi vậy khi các giống chim nghe tiếng phụng hót ở đâu, liền kéo đến. Ngày xưa, vua Thuấn chế ra khúc Tiêu thiều, chim phụng bay đến, hướng chi là các giống chim khác.

Tần Mục Công bằng lòng lắm, nên gả Lộng Ngọc cho Tiêu Sử. Tần Mục Công sai quan Thái Sử chọn ngày làm lễ cưới. Quan Thái Sử đáp:

- Hôm nay là ngày Trung Thu, trăng vừa tròn, xin Chúa Công cho làm Lễ cưới để hợp với cái nghĩa đoàn viên.

Sau Lễ cưới, Tần Mục Công phong Tiêu Sử làm quan Trung Đại Phu, nhưng không khi nào Tiêu Sử dự trào, chỉ ở nơi Phụng lâu vui chơi cùng Lộng Ngọc. Tiêu Sử lại không ăn cơm, chỉ thỉnh thoảng uống vài chung rượu.

Lộng Ngọc cũng học được phép Tiên của Tiêu Sử, nên lần lần cũng không ăn cơm. Tiêu Sử dạy Lộng Ngọc thổi tiêu. Vợ chồng ở với nhau được nửa năm.

Bỗng một đêm trăng sáng vàng vạc, vợ chồng đem ống tiêu ra thổi, có một con chim phụng lớn bay xuống đậu kế bên Lộng Ngọc, và một con rỗng bay xuống phục bên Tiêu Sử.

Tiêu Sử nói với Lộng Ngọc:

- Ta vốn là Tiên trên Trời, Ngọc Hoàng Thượng Đế thấy sử sách ở trần gian có nhiều chỗ tán loạn, nên sai ta giáng trần

xuống nhà họ Tiêu nhà Châu để sửa sang lại. Người nhà Châu thấy ta có công về sử sách nên gọi ta là Tiêu Sử, đến nay đã được hơn 100 năm. Thượng Đế cho ta làm chủ núi Họa Sơn. Ta với nàng vốn có tiền duyên, nhưng cũng không nên ở mãi chốn trần gian này. Nay có Rồng và Phụng đến đón, chúng ta cùng nhau trở về Trời.

Lộng Ngọc xin vào từ giã phụ vương, Tiêu Sử can rằng:

- Không nên, đã là Thần Tiên thì chẳng nên vì chút tình riêng mà còn quyến luyến hồng trần.

Tiêu Sử liền cỡi lên con Rồng, Lộng Ngọc thì cỡi lên chim Phụng, hai người cùng bay lên Trời.

Sáng hôm sau, nội thị vào tâu cho vua Tần Mục Công rõ. Nhà vua nói rằng:

- Thế mới biết chuyện Thần Tiên là có thật. Nếu bây giờ mà có Rồng hay Phụng đến rước ta về Trời thì ta cũng chẳng thiết tha gì cái gai vàng này.

Long trời lở đất

P: *Le ciel s'ébranle, la terre s'effondre.*

Long: lung lay. **Lở đất:** đất nứt ra rơi xuống từng mảng.

Long Trời lở đất là làm rung chuyển cả Trời Đất.

Ý nói: Việc xảy ra rất lớn lao dữ dội, có thể làm rung chuyển cả Trời Đất.

Long trọng

隆重

A: Solemn.

P: Solennel.

Long: Thịnh, tốt, lớn. **Trọng:** nặng.

Long trọng là to lớn, trang nghiêm, tổ chức nghi lễ đầy đủ nghi thức.

Long Tu Phiến

龍鬚扇

A: Fan by the beard of dragon: Fan of exteriorisation.

P: Éventail en barbe de dragon: Éventail d'extériorisation.

Long: Ròng, mạch nước, chỉ vua. **Tu:** râu. **Phiến:** cây quạt.

Long Tu Phiến là cây quạt làm bằng râu rồng.

Đây là một bửu pháp của Đức Thượng Phẩm. Ở cõi trần không có râu rồng, nên về thể pháp, Long Tu Phiến được làm bằng 36 lông cò trắng kết thành.

Về Bí pháp, Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ dạy:

"Long Tu Phiến là cây quạt đo điển khí của Tam thập lục Thiên kết thành, quạt ấy tiết ra một điển lực có ảnh hưởng đến cuộc tiến hóa của quần linh. Chơn thần nào trong sạch thì nương theo đó mà siêu nhập Cực Lạc Thế Giới. Trái lại, chơn thần nào luyện ái tà mị thì lánh xa mà đi lần đến U Minh cảnh giới. Cả cơ thu và xuất của Long Tu Phiến với chơn thần đều do luật "Đồng khí tương cầu" mà thành tựu, nghĩa là nếu chơn thần đạo đức thì Long Tu Phiến hấp dẫn đến gần và đưa vào CLTG, còn nếu chơn thần nào trọng trược thì Long Tu Phiến đẩy ra xa và lần hồi đi đến cảnh U Minh đen tối."

Đức Phạm Hộ Pháp khi trấn pháp nơi Trí Huệ Cung thì Đức Ngài dùng hai bửu pháp:

- Một là Long Tu Phiến của Đức Cao Thượng Phẩm,
- Hai là cây Kim Tiên của Đức Hộ Pháp do Thái Sư Văn Trọng trao cho.

Đức Phạm Hộ Pháp nói về Long Tu Phiến như sau:

"Long Tu Phiến có thể vận chuyển CKVT do nguơn khí đào độn sanh ra đó vậy. Nó có quyền đào độn nguơn khí, thâu hoạch nguơn khí để trong sanh lực.

Con người nắm được điều ấy là người đắc Pháp. Nhờ nó mới có thể luyện Tinh hoá Khí, luyện Khí hoá Thần được."

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

Long Tuyền Kiếm

龍泉劍

Long: Rồng, mạch nước, chỉ vua. **Tuyền:** suối. **Kiểm:** cây kiếm.

Long Tuyền Kiếm là một thanh kiếm rất quý báu của thời xưa, tương truyền rất bén, chém sắt như chém bùn.

Lại lịch của thanh kiếm ấy như sau:

Theo sách Thông Chí: Lúc nhà Tấn chưa diệt được nước Ngô, có quan Thiệu Phó Trương Hoa biết xem Thiên văn, thường thấy giữa sao Đẩu và sao Ngưu có luồng khí màu đỏ tía. Các đạo gia đều nói đó là điềm báo nước Ngô đang buổi cường thịnh, chưa đánh được. Riêng Trương Hoa thì cho lời nói ấy không đúng, nhưng cũng không cãi, cứ làm thình để ý. Đến khi nước Tấn đánh lấy nước Ngô rồi, ông thấy luồng khí ấy lại có vẻ mạnh và sáng hơn trước.

Trương Hoa đem việc này hỏi Lôi Hoán, một ông quan rất giỏi về Thiên văn thuật số. Lôi Hoán cùng Trương Hoa lên lầu cao quan sát một hồi lâu. Lôi Hoán nói:

- Chỉ giữa hai sao Đẩu và Ngưu mới có luồng khí lạ đó, ấy là cái tinh của bảo kiếm ở Phong Thành xông lên đấy.

Trương Hoa nói:

- Quả vậy, nay tôi muốn phiên anh ra làm quan lệnh ở đất ấy rồi ra công tìm kiếm gươm báu.

Lôi Hoán nhận lời. Trương Hoa vận động cho Lôi Hoán đến Phong Thành làm quan lệnh, ban đêm quan sát thấy luồng khí sáng đỏ phát ra từ nền nhà ngục, nên cho đào xuống, tìm thấy một cái hòm bằng đá màu nâu nằm sâu dưới lòng đất hơn bốn trượng. Mở ra, khí sáng lóe lên, bên trong có hai thanh bảo kiếm: một thanh khắc chữ Long Tuyền, một thanh khắc chữ Thái A nơi cán kiếm.

Đêm hôm ấy, luồng khí sáng không còn hiện ra ở giữa sao Đẩu và sao Ngưu nữa.

Long Tuyền và Thái A là một cặp Âm Dương kiếm, Long Tuyền là cây gươm trống và Thái A là cây gươm mái. Lôi

Hoán giữ cây Long Tuyền Kiếm, luôn luôn đeo bên mình, còn cây Thái A Kiếm thì Lôi Hoán dâng lên vua Tấn.

Trong Đạo Cao Đài có một việc hết sức huyền diệu là Đức Phạm Hộ Pháp được Bát Nương mách bảo cho biết, người Tàu dùng Long Tuyền Kiếm ếm vào huyết kết phát nhân tài của VN, để khi VN có sản xuất nhân tài thì kiếm báu này giết chết lúc còn trẻ tuổi. Bát Nương cũng chỉ cho biết, kiếm ấy ếm ở tại làng Phú Mỹ, tỉnh Mỹ Tho, và kêu Đức Hộ Pháp nên đến lấy kiếm và giải phép ếm thì VN mới sản xuất được hơn tài.

Ngài Hiền Nhơn Lê Văn Trung và Ngài Đình Công Trứ (Giám Đốc Trường Qui Thiện) có tham dự vào việc tổ chức phái đoàn do Đức Phạm Hộ Pháp hướng dẫn, đi ghe vào Láng Cát ở làng Phú Mỹ để lấy phép ếm Long Tuyền Kiếm.

Ngài Hiền Nhơn Lê Văn Trung, sau này có thuật rõ lại trong Bài Phủ Dụ, đọc trong dịp Lễ An Vị Phật Mẫu tại Đền Thờ Phật Mẫu nơi Trí Giác Cung (Địa Linh Động) ngày 19-12-Bính Ngọ (dl 29-1-1967).

Sau đây xin chép lại một đoạn trong Bài Phủ Dụ trên của Ngài Hiền Nhơn Lê Văn Trung nói về việc đi lấy phép ếm Long Tuyền Kiếm của Đức Phạm Hộ Pháp:

"Nhưng đến ngày 28-3-1930, Đức Ngài đến có hai vị nữ phái (vì lâu nên không nhớ tên) và bốn vị nam phái là ông Tri, Chiêu, Lư, với Lễ Sanh Thái Chia Thanh, hiện nay là Giáo Sư Tàn Nhơn. Đức Ngài đến lần này là để đi tìm Long Tuyền Kiếm, do Bát Nương mách bảo với Đức Ngài khi trước.

Đức Ngài chấp bút, được Đức Lão Ban giảng nói phải đến Thảo Đường. Thảo Đường này là chỗ do Đức Phật Mẫu chỉ dạy, khẩn một lô đất hoang 60 mẫu và khai một con kinh, về các năm trước là năm 1928, theo bài thi của Đức Phật Mẫu, nguyên văn như sau:

*Thảo Đường phước địa ngộ tùng hoa,
Lục ức dư niên võ trụ hòa.
Cộng hưởng phàm gian an lạc nghiệp,
Thế đăng Bồng đảo định âu ca.*

Khi đến con kinh mà ông Đình Công Trứ và tôi với bốn đạo khai thác, có tạo một ngôi nhà tạm bằng cây lá để thờ Đức Chí

Tôn, Đức Lỗ Ban dạy: bước về phía Tây Nam 280 bước thì lấy cái ếm. Lấy xong, Đức Ngài giải nghĩa liền rằng: Long Tuyền Kiếm này là do đời Tàu cai trị VN, ếm để sát hại nhơn tài, dầu có trạng ra đời cũng bị vớt đứt (là yếu mạng). Đức Lỗ Ban cho Bàn đạo biết, có hai vị Thần ở đây giữ, chỉ dành riêng cho kẻ mạng Trời đến lấy món ếm này mà thôi.

Em này vào năm 1849, khi Pháp chiếm VN. Đến năm 1914, giặc Âu Châu bùng nổ, Tàu có sai một người Triều Châu độ 65 tuổi qua ếm một lần nữa.

(Chuyện trên đây ở địa phương này, hàng lão thành nhiều người hiểu biết)."

Một tài liệu khác tựa đề: Một Kỷ niệm thiêng liêng cứu quốc do ông Hà Văn Biện, Cai Quản Ban Tổng Trạo Trung Ương, sao y nguyên văn, ngày 20-9-Nhâm Tý (dl 26-10-1972), xin chép ra sau đây, để độc giả có thêm tài liệu khảo xét.

"Đêm 18-10-Mậu Thìn (1928), Đức Hộ Pháp chấp bút, Bát Nương về mách rằng: Nơi làng Phú Mỹ có Long Tuyền Kiếm, phải đến đó lấy cho được thì sau này dân VN được phát triển và đất đó sẽ thành Thánh địa.

Qua đến ngày 29-2-Kỷ Tỵ (1929) [ngày này còn tồn nghi?], Đức Hộ Pháp mới khởi sự đi lấy Long Tuyền Kiếm do cơ bút chỉ ở giữa đồng, nơi hiện giờ là Sở Thảo Đường, có dạng hình núi, núp ở mé bên kia sông, hướng mặt Trời mọc, cánh đồng bắc, trước Thánh Thất Khổ Hiền Trang.

Thánh Thất ở tây nam, phải đi theo rạch chợ Thầy Yến vô Láng Cát tràm sập độ chừng 5 cây số mới đến.

Khi đến địa điểm, đậu ghe lên bờ, đi bộ chừng 70 thước, thấy nước nơi rạch ao hồ phèn trong vắt, còn đồng thì toàn là nắng. Xa hơn nữa là đưng, bàng, đất đen như mực, cả đồng ruộng mà không thấy lúa và trồng cây chi cả. Dân bản xứ sống về nghề đưng, bàng, tranh, còn dài theo rạch thì lò gốm sản xuất chén, đĩa, tô, v.v...

Khi tìm thấy khoảnh đất màu vàng nơi gò, bề ngang độ chừng 70 thước, chiều dài từ Bắc chí Nam chừng 50 thước.

Đoạn Đức Ngài chấp bút, có Đấng vô hình nhập vào xưng là Lỗ Ban, chỉ chỗ đào ngay chót núi sâu xuống chừng 3 tấc

tây thì dựng đá, vì núi sắp nổi lên chưa khỏi mặt đất. Đức Lỗ Ban cho biết đây là phép ếm của Trạng Tầu khi xưa vì Trạng Tầu biết chỗ này là núi vàng có linh huyết, sợ sau này núi nổi lên thành hình thì nước VN có Trạng ra đời sẽ phục nghiệp. Khi có vua rồi, Việt Nam sẽ cường thịnh, làm bá chủ mà Tầu phải bị lệ thuộc, nên Tầu quyết định đưa người lên sang ếm Long Tuyền Kiếm, vì phép ếm này lạ lắm, nếu có nhơn tài hay Trạng ra đời, đều bị lưỡi kiếm này vót chết hết.

Đến năm 1914, giặc Âu Châu bùng nổ, có người Tầu Triều châu độ 65 tuổi, len lỏi qua ếm ngay nơi đó, đứng như lờ mảy ông lão nhắc cho con cháu nghe.

Đức Lỗ Ban cho biết, nơi đây có một vị Thần vâng sứ mạng Ngọc Đế ở đây gìn giữ vật báu, không cho ai biết mà lấy được, chỉ dành riêng cho Trạng Trời lấy vật báu này mà thôi.

Đức Hộ Pháp, khi tìm được, đào lên, thấy phép Tầu ếm có: 1 ông nghè, 1 lưỡi dao cùn, 6 con cờ tướng, 6 đồng tiền kẽm đời vua Minh Mạng. Đào xuống nữa thấy một hộp bao chì vuông, chiều dài 9 tấc. Đức Ngài cho biết trong đó là Long Tuyền Kiếm, nhưng cấm không cho coi và gói kín lại.

Đức Hộ Pháp nói: Ngày kỷ niệm giồng Lạc Hồng được hưởng Đạo Trời khai, sẽ gỡ ách nhơn loại và sẽ cởi ách nô lệ, và dòng dõi tổ phụ sẽ phục nghiệp, có thể dân tộc xuất hiện nhiều nhơn tài, phá tan xiềng xích, chẳng còn lệ thuộc với sắc dân nào. Nếu chậm trễ là do dân tộc VN không tôn thờ chủ nghĩa của Đức Chí Tôn, không đủ yêu mến nhau, cứ tranh giành phúc lộc mãi, và vì tổ phụ vay nợ máu Chúa Trịnh, chúa Nguyễn, còn dính dòng máu ấy nên dân tộc phải trả, nên chưa hưởng sớm. Vì tội Chúa mà tôi mang, cha làm mà con phải trả, ai có mang dòng máu ấy thì phải trả mới mong vãn hồi độc lập.

Đức Ngài dạy đào một con kinh từ ngọn tràm sập (chỗ đậu ghe) đào băng ngang chót lưỡi Long Tuyền Kiếm cho bút, ấy là phép để trừ tuyệt cái ếm sát nhơn tài. (Sau khi cả anh em Minh Thiện Đàn cố đào ngày đêm cho xong con kinh ấy. Gần ngoài vòm, phần đất tư, chủ họ nằm ngang đường cản trở, mà anh em cố đào cho xong).

Đúng 1 giờ chiều cùng ngày đó về dùng cơm tại nhà ông Lê Văn Trung và về đến Khổ Hiền Trang là 4 giờ./."

Một tài liệu khác kể lại khá chi tiết phép ếm của người Tàu bằng Long Tuyền Kiếm như sau:

"Sau khi Đức Phạm Hộ Pháp xác định được chỗ ếm Long Tuyền Kiếm, do Sư Trưởng Lỗ Ban chỉ dẫn, Ngài liền cho đào xuống. Đào xuống được 1 thước 3 tấc thì gặp một phiến đá lớn, nghiêng miếng đá ấy lên rồi tiếp tục đào xuống nữa, đào thêm 3 tấc thì gặp một phiến đá lớn nữa, trên miếng đá này có một hình nhân bằng đồng đen cao 1 tấc 8 (ông Nghè), 1 lưỡi dao gậy cán đặt trên 6 con cờ tướng bằng ngà gồm: 1 con Tướng, 2 con Sĩ, 2 con Xe, 1 con chốt, và 6 đồng tiền kẽm đời vua Minh Mạng. Khiêng khối đá ấy lên thì gặp một cái hộp bọc chì dài 9 tấc, ngang 3 tấc, dày 1 tấc 8.

Đức Phạm Hộ Pháp cho biết đó là cái hộp đựng Long Tuyền Kiếm và bên trong có một đạo linh phù.

Vừa lấy hộp Long Tuyền Kiếm lên khỏi chỗ ấy thì ở dưới có một mạch nước phun thẳng lên. Đó là long mạch.

Đức Hộ Pháp hành pháp giải khai long mạch và chỉ cho các tín đồ tùy tùng thấy đây là long mạch rất quan trọng, cần phải đào một con kinh bằng ngang qua long mạch này để dẫn nước trong long mạch đi theo các sông rạch mà châu lưu khắp miền Nam VN để mọi người VN đều được hưởng nhờ."

Ông Chơn Nhơn Phạm Duy Hoai, hồi làm việc chung với Ngài Hiền Nhơn Lê Văn Trung, được Ngài Trung thuật lại cho nghe những việc liên quan đến Long Tuyền Kiếm. Nay Ông Chơn Nhơn Hoai (Ông Tám Hoai) kể lại, ghi được như sau:

"Thuở nhỏ, lúc ông Trung còn ôm cặp đi học, ông đi bằng xuồng đến trường học ở chợ Phú Mỹ, ông có biết một đám xác đem chôn nơi Láng Cát. Sau đó, lúc ở quán bên đường, ông có nghe một ông lão chuyên môn làm mướn trong vùng, ai mướn chi, ông cũng làm để kiếm sống, ở làng Phú Mỹ, mọi người đều biết ông. Ông lão cần nhân công là bữa hôm có đi chôn một bà, phải đào huyết tới bốn lần mới chôn được.

Nghe vậy, một người Tàu, đã có mặt tại Phú Mỹ và quanh quần nơi đây cả tháng rồi, ông Tàu nói là đi tìm bà con nhưng chưa gặp. Người Tàu này từ bàn kế bên bước qua hỏi ông lão

là đám xác chôn ở đâu? Ông lão đáp là chôn ở Láng Cát. Người Tàu hỏi vì sao lại đào tới bốn huyết vậy?

Ông lão đáp: Bởi vì đào xuống gặp đá, đá cứng quá, mới bỏ chỗ đó, qua đào chỗ khác, cứ thế mà đào đến cái thứ tư là ra bìa gần kinh thì mới đào xuống được để chôn, nhưng chôn cũng không sâu vì đá, hơn nữa trời cũng quá khuya, phải về.

Người Tàu liền mượn ông lão chèo ghe đưa ông ta đến chỗ đó để ông coi, giá là 2 cắc.

Ông lão kể câu chuyện tại quán.

Sau khi người Tàu đó đi xem xong thì trở về. Người Tàu ấy lại hẹn với ông lão là ngày mai nhờ ông lão chèo đưa đi một chuyến nữa. Ông Lão nói rằng: không hiểu ông Tàu đi lên bờ vào trong Láng Cát kiếm cái gì không biết, chỉ thấy ông cầm trên tay một cái bọc gói kín và bụng một hủ cải bắc thảo.

Thế rồi thời gian trôi qua, ông lão làm mượn cũng không còn, và người Tàu cũng vắng đi từ dạo đó.

Cho đến một hôm, gần 14 hay 15 năm sau, sau khi Đạo Cao Đài khai mở, Đức Phạm Hộ Pháp được quyền thiêng liêng chỉ bảo đến ngay tại Láng Cát làng Phú Mỹ lấy phép ếm là Long Tuyền Kiếm của người Tàu.

Lúc bấy giờ, một sự trùng hợp như có sắp xếp, khiến vùng ký ức của ông Trung chợt được đánh thức, khiến ông nhớ lại tất cả. Nếu không có Đức Phạm Hộ Pháp xuất hiện đi lấy Long Tuyền Kiếm thì câu chuyện của thời quá khứ đã nằm yên trong dĩ vãng.

Cho nên, lần lượt tất cả những gì ông Trung ghi nhớ được lúc thiếu thời, giờ đây thuật lại cho Đức Hộ Pháp nghe.

Tiếp đến là đoàn người được Đức Hộ Pháp chỉ định, không quên mang theo những vật dụng cần thiết cho công cuộc đào bới, lên đường vào buổi sáng sớm hôm đó.

Xuống đến Láng Cát, dừng lại cặm sào. Đức Hộ Pháp bảo đặt một cái bàn ở một nơi cao nhất, đoạn Ngài ngồi vào bàn, định thần chấp bút.

Lỗ Ban Sư giảng, tường thuật lại gốc tích từ giai đoạn và chỉ cách tháo gỡ.

Đức Ngài hỏi: Họ ém nơi nào, nhờ Lỗ Ban Sư chỉ giùm.

Lỗ Ban đáp: Lấy bàn này làm trung tâm, đi về hướng mặt Trời lặn 30 bước, đào xuống sẽ gặp.

Đức Hộ Pháp chọn một người cao bước dài và một người thấp bước ngắn hơn, cùng bước một lượt, đúng 30 bước thì dừng lại. Ngài mới lấy trung bình, rồi sắp người bày đứng hàng ngang, mỗi người một cái cuốc, đồng đào xuống.

Cả một hàng cuốc, cuốc mỗi lúc một sâu thành đường rãnh, thế mà vẫn không thấy chi cả. Đã mệt mà chưa phát hiện được gì, nên tinh thần họ có vẻ hồ nghi. Trong lúc mọi người đang chống cuốc nghỉ xả hơi, đột nhiên có một vị nói: còn bụi cỏ chác trước mặt này để làm gì! Vừa nói thì vị nọ vừa cuốc bụi cỏ lật ngang, thấy có dấu lạ, vị nọ moi lên thì thấy đó là một cái dao lớn dài gãy cán, đầy sét và một hủ bịt kín. Trút hủ ra thì có: một cái hột gà đen thui, 6 con cờ tướng bằng ngà, mấy đồng tiền kẽm đời Minh Mạng. Mọi người mừng rỡ thỉnh Đức Hộ Pháp đến xem.

Đức Ngài biểu ông Trung đem đi rửa. Ông Trung nói là sau khi rửa sạch liền đem dâng cho Đức Hộ Pháp, ông quên xem là con cờ gì, và lại ông không dám hỏi....

Tại cái gò đất vàng, Đức Ngài nói: đây là một cái núi chưa nổi. Sau này, nếu núi nổi lên thì tại đây có một thứ đá rất đẹp, nằm từng lớp, cứ lấy lên mà bán rất nhiều tiền vì nơi khác không có.

Tại Báo Ân Từ Tòa Thánh, Ông Tám Hoai cùng các vị Phạm Môn có nghe Đức Phạm Hộ Pháp thuật lại về cây Long Tuyền Kiếm ém tại Láng Cát Phú Mỹ như sau:

Ở sâu dưới đất 300 thước, có một long mạch (mạch nước ngầm) chạy từ núi Bà Đen, qua nội ô Tòa Thánh, xuống tới làng Phú Mỹ, trở lên tại Láng Cát ở Phú Mỹ tỉnh Mỹ Tho. Cho nên Láng Cát là một linh huyết, và vùng Phú Mỹ sẽ sản xuất nhiều hơn tài cho nước VN.

Các nhà chiêm tinh và phong thủy Tàu biết được điều đó, nên sai người đem Long Tuyền Kiếm sang ém ngay linh huyết ấy, để khi có hơn tài xuất hiện thì kiếm đó giết chết lúc còn trẻ, để nước VN không người tài giỏi chống lại người Tàu.

Nhưng nghiệp quả của nước VN đã hết, Bát Nương DTC giáng cơ nói với Đức Phạm Hộ Pháp đi lấy cái ếm Long Tuyền Kiếm.

Sau khi lấy xong, Đức Ngài dạy ông Trung đào một con kinh nhỏ bằng ngang linh huyết cho nước trong long mạch tràn lên, châu lưu khắp sông ngòi, phá tuyệt cái ếm của Tàu.

Hôm nay, nhân hay tin Thiếu Tá Tòng, con trưởng của ông Trung tử trận, Đức Phạm Hộ Pháp nói: Bàn đạo biểu đào con kinh bằng qua linh huyết mà làm không xong sao vậy?

Ông Trung bước đến gần Đức Hộ Pháp nói nhỏ nhỏ gì đó, Đức Ngài mới nói tiếp: Nhạc Vân bao giờ cũng chết yểu."

DTC: Diêu Trì Cung.

Long vân

龍雲

A: Dragon in the clouds.

P: Dragon dans les nuages.

Long: Rỗng, mạch nước, chỉ vua. **Vân:** mây.

Long vân là rỗng mây.

Hội Long Vân có 2 nghĩa:

1. Hội Long Vân là hội thi tuyển người tài giỏi ra giúp dân giúp nước.

KVH: May duyên gặp hội long vân.

Kinh Dịch có câu: Vân tòng long, phong tòng hổ, Thánh nhân tác nhi vạn vật dĩ. Nghĩa là: Mây theo rồng, gió theo cọp, bậc Thánh nhân dấy lên mà vạn vật được thấy.

Long vân cũng có ý nghĩa là nói người bề tôi tài giỏi gặp được vua hiền đức, thành ra tôi hiền chúa Thánh mặc sức vẫy vùng đem hết tài năng an bang tế thế, cũng như rồng gặp mây.

Long vân cũng có nghĩa là cơ hội may mắn cho người tài giỏi lập công danh sự nghiệp.

2. Hội Long vân là hội dự bị trước khi tới Hội Long Hoa.

Có thể nói rằng: Hội Long Vân là hội thi bán kết, và Hội Long Hoa là hội thi chung kết. Vì là Hội thi bán kết nên sự đào

thải rất dữ dội để lựa những phần tử có trình độ đạo đức khá, đưa vào dự kỳ chung kết.

Hiện nay trên thế giới, khối Quỷ Vương đang hoành hành dữ dội, khiến hơn loại phải chịu nhiều tai họa như: chiến tranh giết hại lẫn nhau, nghèo đói, cướp bóc,.... Đó là cơ khảo thí Tiền Long Hoa, để lọc lựa sàng sảy, loại bỏ một số người có nghiệp ác quá nặng.

Đó cũng gọi là Hội Long Vân, hội thi bán kết.

Qua Hội Long Vân, hơn loại còn lại mang nghiệp quả nhẹ hơn, nên có điều kiện tu tiến để sau cùng dự tuyển Hội Long Hoa.

Những điều này, sám giảng trong dân gian VN đã có tiên tri trước hàng trăm năm nay rồi:

*Mười phần mất bảy còn ba,
Mất hai còn một mới ra thái bình.*

Vậy thì, mất 7 còn 3 là thời kỳ đầu, tức Hội Long Vân.

Mất 2 còn 1 là thời kỳ sau, tức Hội Long Hoa.

KVH: Kinh vào học.

Long vị

龍位

Long: Rồng, mạch nước, chỉ vua. **Vị:** chỗ đứng, bài vị.

Long vị là tám linh vị có chạm hình rồng quấn xung quanh, được sơn son thếp vàng để tặng phần cao quý và đẹp đẽ.

Chúng ta thường thấy các long vị này đặt trên bàn thờ Đức Chí Tôn, dưới Thiên Nhãn nơi Tòa Thánh hay Thánh Thất.

Nơi Thánh Thất, có 8 long vị đặt dưới Thiên Nhãn, tất cả long vị đều viết bằng Hán tự, kể ra:

■ Hàng trên có 3 long vị của 3 Đấng Giáo chủ Tam giáo

Tây Phương Giáo Chủ	西方教主
Thái Thượng Đạo Tổ	太上道祖
Khổng Thánh Tiên Sư	孔聖先師

■ **Hàng dưới kế là 3 long vị của Tam Trấn Oai Nghiêm:**

Thái Bạch Kim Tinh	太白金星
Quan Âm Như Lai	觀音如來
Quan Thánh Đế Quân	關聖帝君

■ **Hàng giữa kế dưới là long vị của Giáo chủ Thánh đạo:**

Gia Tô Giáo Chủ	耶蘇教主
-----------------	------

■ **Hàng giữa dưới nữa là long vị của Giáo chủ Thần đạo:**

Khương Thượng Tử Nha	姜尚子牙
----------------------	------

■ **Hàng chót là long vị của Giáo Tông ĐĐTKPĐ** mà sau này Hội Thánh mới ra lệnh thêm vào cho đủ Ngũ Chi Đại Đạo nơi hàng giữa từ trên xuống dưới.

Các long vị thường được làm bằng loại gỗ tốt đặc biệt, như mít nài, giáng hương, v.v... được thợ của Hội Thánh làm theo một kiểu giống nhau, và trước khi đặt lên bàn thờ thì được một Chức sắc HTĐ trấn thần các long vị.

Đối với các Chức sắc Thiên phong qui liễu, để có tính cách tôn kính, các linh vị của Chức sắc cũng được gọi là long vị.

ĐLMD: Phương Pháp thực hành: Khi dựng truy phong rồi, con cháu hoặc anh em phải đem *long vị* về Tòa Thánh với một vài vị Chức sắc sở tại đưa lên. Khi về đến Tòa Thánh có Đức Hộ Pháp ban quyền và làm lễ long trọng.

Sau khi hành lễ, đưa *long vị* trở về địa phương. Hội Thánh đưa đến cửa ngõ Tòa Thánh, rồi phái vài vị Chức sắc đưa đi tùy theo phẩm tước, đến tận Thánh Thất sở tại. Đầu Tỉnh, Đầu Họ, Đầu Quận Đạo phải thiết lễ và dựng mộ bia cho long trọng.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

LÒNG

Lòng đơn

A: The sincere heart.

P: Le coeur sincère.

Lòng: lòng dạ, cái tâm của con người. **Đơn:** tức là Đan, là màu đỏ như son.

Lòng đơn là dịch từ chữ Hán: Đơn tâm hay Đan tâm, tiếng Việt là Lòng đơn hay Lòng son, là tấm lòng trong sạch, tốt đẹp như màu đỏ của son, không phai.

TTCĐDTKM:

Mẫu Nghi hằng giữ lòng đơn,
Mảng lo cho trẻ đặng toàn mảnh thân.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Lòng trần - Lòng tục

A: The vulgar heart.

P: Le coeur vulgaire.

Lòng: lòng dạ. **Trần:** bụi, chỉ cõi trần. **Tục:** tầm thường thấp kém, chỉ cõi trần.

Lòng trần, đồng nghĩa Lòng tục, là lòng dạ còn có tính cách phàm tục, tức là lòng dạ còn ham mê mùi trần tục.

TNHT: - Lòng trần dầu muốn phong ba dứt.

- Trau gương hạnh đức pha lòng tục.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

LỖ

Lỗ Ban

魯班

A: Ancestor of carpenters.

P: Ancêtre des charpentiers.

Lỗ: nước Lỗ bên Tàu thời Xuân Thu. **Ban:** tên người.

Lỗ Ban là người nước Lỗ bên Tàu, tên là Ban, tự là Công Du, làm nghề thợ mộc nổi tiếng là tài giỏi và khéo ở nước Lỗ và khắp các nước chư hầu vào thời Xuân Thu.

Lỗ Ban còn nổi tiếng về bùa, chú, ếm đối, nên thường nói là Bùa Lỗ Ban.

Về sau, Lỗ Ban được tôn là Tổ Sư của nghề thợ mộc.

Lỗ Ban Sư có giáng bút chỉ Đức Phạm Hộ Pháp tìm ra chỗ ếm Long Tuyền Kiếm ở làng Phú Mỹ và chỉ cách cho Đức Phạm Hộ Pháp lấy phép ếm và giải trừ phép ếm.

Thành ngữ: Ban môn lộng phủ: Múa búa trước cửa Lỗ Ban, hay múa rìu qua mắt thợ, là để chỉ người không biết liệu tài sức của mình, dám khoe tài trước mặt bậc thầy, nên chỉ làm trò cười cho thiên hạ.

Lỗ Bộ

鹵簿

A: The insignia of the ancient arms for cortege.

P: Les insignes des armes anciennes pour cortèges.

Lỗ Bộ là một nhóm đồ binh khí thời xưa cắm vào giá để trần thiết nơi cửa quan, hay ở các đền miếu, chùa đình, làm đồ nghi trượng, tăng vẻ uy nghiêm và long trọng.

Đồ Lỗ Bộ thường gồm các món sau đây:

- 2 thanh mác trường,
- 2 ngọn cờ tiết mao,
- 2 dùi đồng,

- 2 phủ việt,
- 2 biển Tĩnh túc và Hồi tị.

Đồ Lễ Bộ đôi khi cũng gồm có:

- 1 tay văn, 1 tay võ,
- 2 phủ việt,
- 4 gương trướng,
- 2 biển Tĩnh túc và Hồi tị.

Hoặc:

- 2 cờ tiết mao,
- 1 bán nguyệt và 1 xà mâu
- 2 long đao,
- 1 tứ nhĩ và 1 đỉnh ba.

Đồ Lễ Bộ không thống nhất nhau, thay đổi tùy theo địa phương làng, xã hay đình miếu.

Trong Báo Ân Từ, hai bên Nội Nghi thờ Đức Phật Mẫu, có hai dàn Lễ Bộ (không phải Dàn Bát Bửu như ở Tòa Thánh), mỗi dàn Lễ Bộ có 8 món đặt giữa hai cây lọng.

Giải thích mấy món trong Dàn Lễ Bộ:

Cờ tiết mao: là hai lá cờ tượng trưng chức sắc của vị Tôn Thần. Tiết là cờ của vua trao cho làm tin, mao là cờ kết bằng lông mao, biểu hiện ân điển của vua. Những xã thờ Thần có sắc phong của các triều đại, trong đồ Lễ Bộ, dùng 2 lá cờ tiết mao để nêu lên uy đức của vị Thần ở xã mình.

Biển Tĩnh túc và Hồi tị: Tám bản có viết 2 chữ Tĩnh túc 靜肅 hay 2 chữ Hồi tị 迴避. Tĩnh túc là yên lặng cung kính. Hồi tị là tránh ra xa. Theo tục lệ thời xưa, khi ra quân, những người có tang, hoặc tàn tật, đều phải tránh xa. Đám rước là biểu tượng sự hành quân, nên có biển Hồi tị, để những người ấy tránh ra xa.

Tay văn: nắm tay cầm bút. **Tay võ:** nắm tay nắm chặt.

Hai tay văn võ là ý nói vị Thần linh và các bộ hạ của Thần linh đều có tài kiêm văn võ.

Các thứ khí giới khác là những binh khí đi hành quân.

LỘ

LỘ

1. **LỘ:** 路 Đường đi.
Td: Lộ bất thập di, Lộ trình.
2. **LỘ:** 露 - Giọt sương, - lộ ra ngoài.
Td: Lộ điện, Lộ vĩ tàng đầu.

Lộ bất thập di

路不拾遺

Lộ: Đường đi. **Bất:** không. **Thập:** nhặt, lượm. **Di:** sót mất.
Lộ bất thập di là ngoài đường không nhặt của rơi.

Câu nói đầy đủ là: **Gia vô bế hộ, lộ bất thập di.** Nghĩa là: nhà không đóng cửa, đường không lượm của rơi.

Đây là câu nói mô tả đời thái bình thịnh vượng thời vua Nghiêu vua Thuấn. Ban đêm khi đi ngủ, nhà không cần đóng cửa vì không có ăn trộm; của rơi ngoài đường không ai thềm nhặt vì không cần thiết, và tách lại không tham.

Lộ dao tri mã lực

路遙知馬力

Lộ: Đường đi. **Dao:** Diêu: xa. **Tri:** biết. **Mã lực:** sức ngựa.
Lộ dao tri mã lực là đường xa mới biết sức ngựa.

Đồng nghĩa: Trường đồ tri mã lực.

Thường nói: *Lộ dao tri mã lực, sự cửu kiến nhơn tâm.*
(Đường dài mới biết sức ngựa, việc lâu mới thấy lòng người.)

Lộ điện

露電

Lộ: - Giọt sương, - lộ ra ngoài. **Điện:** lặn điện chớp.

Lộ điện là giọt sương và lằn chớp, ý nói đời người qua mau như giọt sương buổi sáng, như lằn sấm chớp lúc mưa giông.

Lộ trình

路程

A: The journey.

P: L'itinéraire.

Lộ: Đường đi. **Trình:** quãng đường đi.

Lộ trình là quãng đường đi qua.

TNHT: Một dặm xa xuôi nhọc *lộ trình*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển

Lộ vĩ tàng đầu

露尾藏頭

Lộ: - Giọt sương, - lộ ra ngoài. **Vĩ:** cái đuôi. **Tàng:** giấu cất.
Đầu: cái đầu.

Lộ vĩ tàng đầu là giấu đầu lòi đuôi.

LÔI

LÔI

LÔI: 雷 Sấm, sấm sét.

Td: Lôi Âm Cổ. Lôi công.

Lôi Âm Cổ đài

雷音鼓臺

A: The tower of the drum of thunder.

P: Le tour du tambour de tonnerre.

Lôi: Sấm, sấm sét. **Âm:** tiếng. **Cổ:** cái trống. **Đài:** cái đài cao. **Lôi Âm** là tiếng sấm.

Lôi Âm Cổ là cái trống Lôi Âm, bởi vì cái trống này rất lớn, phát ra tiếng trống lớn như tiếng sấm.

Lôi Âm Cổ đài là cái đài cao trên đó đặt trống Lôi Âm.

Khi nhìn vào mặt tiền Tòa Thánh Tây Ninh, chúng ta thấy hai cái đài song song cao vút như hai cái tháp: bên mặt của Tòa Thánh tức là bên nữ phái là Lôi Âm Cổ đài, bên nam phái là Bạch Ngọc Chung đài.

Thuở xưa, khi vua làm lễ tế Trời, thì đánh trống Lôi Cổ. Trống này rất lớn, có 8 mặt, khi đánh lên tiếng trống vang rền truyền đi rất xa giống như tiếng sấm.

TNHT: Hai bên HTĐ, bên mặt thì có *Lôi Âm Cổ đài*, bên tả thì có Bạch Ngọc Chung đài.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Lôi Âm Cổ khởi

雷音鼓起

Lôi Âm Cổ: cái trống Lôi Âm. **Khởi:** bắt đầu.

Lôi Âm Cổ khởi là bắt đầu đánh trống Lôi Âm.

Đây là một câu xướng của Lễ sĩ trong nghi tiết cúng Đại đàn hay Tiểu đàn tại Thánh Thất. Khi Lễ sĩ xướng câu này xong thì vị chấp sự bắt đầu đánh trống Lôi Âm.

Khởi đầu đánh trước 3 tiếng trống.

Kế đó, ngâm 4 câu Kệ Trống, dứt mỗi câu thì đánh một tiếng trống lớn. (4 câu kệ thì đánh 4 dùi trống).

Tiếp theo đánh 12 dùi trống nữa.

Sau đó đánh tiếp 3 hồi, mỗi hồi 12 chập, mỗi chập 12 dùi, lúc đầu đánh chậm, sau đánh liên dùi thúc cho mau, tổng số dùi trống trong 3 hồi này là 432 dùi trống.

Cuối cùng đánh chậm rãi 3 dùi thì chấm dứt.

Vậy, kể từ lúc khởi đánh trống cho đến khi chấm dứt, tổng cộng số dùi trống là: $3 + 4 + 12 + 432 + 3 = 454$

Kệ Trống Lôi Âm:

Lôi Âm Thánh cổ triệt hư không,

Truyền tấu Càn Khôn thể giới thông.
Đạo pháp đương kim dương chánh giáo,
Linh quang chiếu diệu Ngọc Kinh Cung.

(Phần giải nghĩa bài Kệ này, xem chữ: Kệ trống, vần K)

Lôi Âm Tự

雷音寺

A: The Temple of Thunder.

P: Le Temple de Tonnerre.

Lôi: Sấm, sấm sét. **Âm:** tiếng. **Tự:** chùa.

Lôi Âm Tự là chùa Lôi Âm, ở tại kinh đô của CLTG nơi cõi thiên liêng.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo Con đường TLHS:

"Đêm nay, Bàn đạo rủ cả thầy vô Lôi Âm Tự, cũng như Bàn đạo đã đến trình diện với Đức Di-Đà.

Bởi Đức Di-Đà đã giao quyền lại cho Đức Di-Lạc, giao quyền Chưởng quản CKVT, Đức Di-Lạc ngồi ngự nơi Kim Tự Tháp, còn Đức Di-Đà vào ngự nơi Lôi Âm Tự. Khi đến đó, chỉ học các triết lý Phật giáo từ tạo Thiên lập Địa tới giờ."

KTTg: Vào *Lôi Âm* kiến A-Di,
Bộ Công Di-Lạc Tam Kỳ độ sanh

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

TLHS: Thiên Liêng Hằng Sống.

Lôi Âm Tự phá cỗ

雷音寺破罍

Lôi Âm Tự: chùa Lôi Âm ở kinh đô của CLTG. **Phá:** làm cho tiêu mất. **Cỗ:** pháp luật, hình pháp.

Lôi Âm Tự phá cỗ là chư Phật nơi chùa Lôi Âm phá bỏ pháp luật tu hành cũ thuở trước, vì pháp luật này đã lỗi thời, bị sửa cải nên bị qui phạm.

Nay là thời ĐĐTKPĐ, Đức Chí Tôn lập luật tu mới, thích hợp trình độ tiến hóa của nhơn sanh.

TNHT: Luật lệ tuy cũ chớ Đạo vẫn như nhiên, do công đức mà đắc đạo cùng chẳng. Nhưng mà có một điều là Ngọc Hư Cung bác luật, *Lôi Âm Tự phá cổ*, nên tu nhiều mà thành ít.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Lôi Công - Bộ Lôi Công

雷公 - 部雷公

A: The Genius of Thunder.

P: Les Génies de Tonnerre.

Lôi: Sấm, sấm sét. **Công:** ông. **Bộ:** cơ quan cao cấp chuyên môn.

Lôi Công là Thần làm ra sấm sét, cũng gọi là: Thiên Lôi, Lôi Thần.

Bộ Lôi Công hay Lôi Bộ là cơ quan chưởng quản các vị Thiên Thần Sấm Sét.

Chưởng quản Lôi Bộ là 5 vị Thiên Thần gọi là Ngũ Lôi Thần, mà vị cầm đầu có phẩm tước là: "*Cửu Thiên Cảm Ứng Lôi Thinh Phổ Hóa Thiên Tôn.*"

Theo truyện Phong Thần thì Đức Nguơn Thi Chưởng Giáo sắc phong 5 vị sau đây làm Ngũ Lôi Thần:

1. **Thái Sư Văn Trọng**, chức: Cửu Thiên Cảm Ứng Lôi Thinh Phổ Hóa Thiên Tôn, đứng đầu Lôi Bộ.
2. **Kim Quang Thánh Mẫu**, chức: Thiểm Điện Thần, coi việc sấm chớp.
3. **Thê Vân Tiên Cô**, chức: Hưng Vân Thần, coi việc kéo mây.
4. **Hạ Chi Tiên Cô**, chức: Trạ Phong Thần, coi việc làm gió.
5. **Kim Tô**, chức: Bồ Võ Thần, coi việc làm mưa.

Dưới có 20 vị Thiên Thần phụ tá cho Ngũ Lôi Thần.

KĐ4C: Bộ LôI Công giải tán trước quang.

KĐ4C: Kinh Đệ Tứ cửu.

LỖI

Lỗi lạc kỳ tài

磊落奇才

A: Remarkably talented.

P: Remarquablement talentueux.

Lỗi: nghĩa đen là nhiều đá. **Lỗi lạc:** tài giỏi hơn người. **Kỳ:** lạ lùng, ít có. **Tài:** tài năng.

Lỗi lạc kỳ tài là người tài giỏi lạ lùng hiếm có, vượt trội hơn mọi người.

Lỗi thệ

A: To perjure oneself.

P: Se parjurer.

Lỗi: sai lầm, không làm đúng. **Thệ:** thề, lời thề.

Lỗi thệ là không giữ đúng lời thề, tức là thất thệ.

ĐLMD: Đối với các Chi phái do Đại Đạo lập thành mà phản loạn chơn truyền, ngày nay đã *lỗi thệ* cùng Thầy, thì xin Hội Thánh thể lòng đại từ đại bi của Chí Tôn, mở kỳ ân xá cho họ đăng nhập môn tái thệ.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

LỘNG

LỘNG

LỘNG: 弄 Làm điều càn rỡ, chơi giỡn.

Td: Lộng ngôn, Lộng ngỗ, Lộng quyền.

Lộng chương - Lộng ngổa

弄璋 - 弄瓦

A: Boy - Girl.

P: Garçon - Fille.

Lộng: Làm điều càn rỡ, chơi giỡn. **Chương:** ngọc chương. **Ngổa:** miếng ngói.

Lộng chương là chơi với ngọc chương, ý nói sanh con trai.

Lộng ngổa là chơi với tấm ngói, ý nói sanh con gái.

Thơ Tư Can trong Kinh Thi nói vua mở tiệc lạc thành nhân dịp xây xong cung điện. Thơ có đoạn chúc vua nhiều may mắn, sanh nhiều con trai con gái khi ở cung điện này.

Nãi sinh nam tử, tái tẩm chi sàng, tái ý chi thường, tái lộng chi chương.

Nãi sinh nữ tử, tái tẩm chi địa, tái ý chi tích, tái lộng chi ngổa.

Nghĩa là:

Rồi sanh con trai, cho nằm trên giường, cho mặc áo đẹp, cho chơi ngọc chương.

Rồi sinh con gái, cho nằm dưới đất, cho mặc áo hở tay, cho chơi tấm ngói.

Lộng giả thành chơn

弄假成真

Lộng: Làm điều càn rỡ, chơi giỡn. **Giả:** không thực. **Thành:** nên. **Chơn:** thật.

Lộng giả thành chơn là làm chơi cái giả mà thành ra thật.

Lộng ngôn

弄言

A: To blaspheme. P: Blasphémer.

Lộng: Làm điều càn rỡ, chơi giỡn. **Ngôn:** lời nói.

Lộng ngôn là nói càn.

Lộng quyền

弄權

A: To abuse power.

P: Abuser de son autorité.

Lộng: Làm điều càn rỡ, chơi giỡn. **Quyền:** quyền hành.

Lộng quyền là làm vượt quá quyền hạn của mình, lấn sang quyền hạn của người khác một cách càn rỡ, sai trái.

LỢI

LỢI

LỢI: 利 Có ích, sắc bén, tiện lợi, của cải đem đến.

Td: Lợi danh, Lợi khí, Lợi tha.

Lợi bất cập hại

利不及害

A: The advantages cannot make up for disadvantages.

P: Les avantages ne compensent pas les inconvénients.

Lợi: Có ích, sắc bén, tiện lợi, của cải đem đến. **Bất:** không.
Cập: kịp. **Hại:** hư hại, hao tổn.

Lợi bất cập hại là cái lợi không theo kịp cái hại.

Ý nói: Việc làm tưởng đâu có nhiều lợi lộc nhưng rốt cuộc cái lợi không nhiều bằng cái hại.

Lợi danh - Lợi quyền

利名 - 利權

A: The profit - The honour - The power.

P: Le profit - L'honneur - Le pouvoir.

Lợi: Có ích, sắc bén, tiện lợi, của cải đem đến. **Danh:** tiếng tăm. **Quyền:** quyền hành.

Lợi danh là lợi lộc và tiếng tăm.

Lợi quyền là lợi lộc và quyền hành.

Danh, lợi, quyền là ba thứ mà con người rất ham thích, muốn thu đoạt về cho mình càng nhiều càng tốt, dù phải làm những điều trái đạo đức.

Cái lợi để thỏa mãn lòng tham, cái danh và cái quyền để thỏa mãn lòng tự ái. Người lấy danh lợi quyền làm mục đích cho cuộc sống thì người ấy không bao giờ theo đạo đức.

TNHT:

- *Lợi danh* cao bởi mượn và xin.
- Đem thân vùi dập trong chốn *lợi quyền*, tranh tranh cạnh cạnh, biết ngày nào rồi?

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lợi dục huân tâm

利欲熏心

Lợi: Có ích, sắc bén, tiện lợi, của cải đem đến. **Dục:** muốn. **Huân:** nung nấu. **Tâm:** lòng dạ.

Lợi dục huân tâm là sự ham muốn điều lợi nung nấu lòng dạ mình.

Lòng càng bị nung nấu thì hỏa vọng lên làm mờ tối lương tri, chỉ còn biết lợi mà không biết cái chi khác, nên dễ đi vào hố sâu tội lỗi.

Lợi khí

利器

A: Good instrument.

P: Bon instrument.

Lợi: Có ích, sắc bén, tiện lợi, của cải đem đến. **Khí:** đồ dùng, dụng cụ.

Lợi khí là dụng cụ sắc bén, dụng cụ hữu ích.

CGPCT: Trên không biết Trời, dưới không kính Đất, lấy người làm *lợi khí* đặng vụ tất công danh, quyền quyền thế thế.

Lợi linh trí hôn

利令智昏

Lợi: Có ích, sắc bén, tiện lợi, của cải đem đến. **Linh:** khiến. **Trí:** sự hiểu biết. **Hôn:** tối tăm.

Lợi linh trí hôn là điều lợi khiến cho trí khôn tối tăm.

Ý nói: Thấy lợi tối mắt, vì lợi mất khôn.

Lợi sanh

利生

A: To benefit all living beings.

P: Être utile à tout le monde.

Lợi: Có ích, sắc bén, tiện lợi, của cải đem đến. **Sanh:** nhơn sanh.

Lợi sanh là làm lợi ích cho nhơn sanh.

KKĂCR: Nên người, con nguyện ra tài lợi sanh.

KKĂCR: Kính khi ăn cơm rồi.

Lợi tha - Lợi kỷ

利他 - 利己

A: To benefit others - To profit oneself.

P: Être utile aux autres - Chercher les intérêts personnels.

Lợi: Có ích, sắc bén, tiện lợi, của cải đem đến. **Tha:** người khác. **Kỷ:** mình.

Lợi tha là làm lợi ích cho người khác (vị tha).

Lợi kỷ là làm lợi ích cho mình (vị kỷ).

LỮ

LỮ

LỮ: 屢 Nhiều lần, luôn luôn.

Td: Lữ tiến, Lữ truyền.

Lữ giáo bất cải

屢教不改

Lữ: Nhiều lần, luôn luôn. **Giáo:** dạy. **Bất:** không. **Cải:** sửa đổi.

Lữ giáo bất cải là nhiều lần dạy bảo mà không sửa đổi.

Lữ tiến

屢進

A: To advance unceasingly.

P: Avancer sans cesse.

Lữ: Nhiều lần, luôn luôn. **Tiến:** tiến tới.

Lữ tiến là tiến tới mãi.

Lữ truyền bửu kinh dĩ giác thế

屢傳寶經以覺世

Lữ: Nhiều lần, luôn luôn. **Truyền:** trao lại. **Bửu kinh:** kinh quý báu. **Dĩ:** để mà. **Giác thế:** giác ngộ người đời.

Đây là một câu kinh trong bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, có nghĩa là: *Nhiều lần truyền bá kinh sách quý báu để giác ngộ người đời.*

Đức Chí Tôn Thượng Đế, từ xưa tới nay, đã nhiều lần cho các Đấng Tiên Phật giảng trần, thay mặt Đức Chí Tôn, mở đạo, giảng dạy các giáo lý cao siêu, viết thành nhiều kinh sách quý báu, truyền bá trong nhơn loại khắp nơi, hầu thức tỉnh

người đời, trở lại con đường đạo đức, lo tu hành thoát vòng trần khổ.

Như thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn cho các Đấng giáng trần mở Đạo như:

- Đức Phật Thích Ca mở đạo Phật ở Ấn Độ, giáo lý của Phật chép lại thành Tam Tạng Kinh, truyền lại cho đời sau.

- Đức Lão Tử mở đạo Tiên, truyền lại Đạo Đức Kinh.

- Đức Khổng Tử phục hưng Nho giáo, san định Ngũ Kinh, viết Kinh Xuân Thu, giáo hóa người đời phần Nhơn đạo.

- Đức Chúa Jêsus mở đạo Thánh ở Do Thái, giáo lý của Ngài ghi chép lại thành Thánh Kinh Tân Ước.

Thời nào cũng có các Đấng giáng trần mở Đạo, truyền bá kinh sách, khuyên nhủ người đời giác ngộ tu hành.

LUÂN

LUÂN

1. **LUÂN:** 輪 Cái bánh xe, xoay vần.
Td: Luân chuyển, Luân hồi.
2. **LUÂN:** 倫 Đạo thường, cái lẽ phải ở đời.
Td: Luân thường.
3. **LUÂN:** 淪 Chìm mất, mất.
Td: Luân lạc.

Luân chuyển

輪轉

A: To turn round.

P: Tourner.

Luân: Cái bánh xe, xoay vần. **Chuyển:** dời đổi.

Luân chuyển là dời đổi, xoay vòng như cái bánh xe.

TNHT: Vì vậy, thế cuộc phải tuần hườn, bầu nhơn sự phải *luân chuyển* vắn xây, phiêu linh cho đến buổi nhơn loại đợc vẹn toàn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Luân hồi

輪迴

A: The wheel of reincarnation; Metempsychosis.

P: La roue de réincarnation; Métempsychose.

Luân: Cái bánh xe, xoay vắn. **Hồi:** quay trở lại.

Luân hồi, nghĩa đen là xoay tròn như cái bánh xe, quay đi rồi trở lại, mãi mãi như thế.

Luân hồi là một tín thuyết đã có từ thời thái cổ của nước Ấn Độ, với đạo Bà-La-Môn, cho rằng linh hồn của một sinh vật, sau khi sinh vật chết, linh hồn trở lại đầu thai vào một sinh vật khác, và cứ thế tiếp diễn mãi.

Khi Đức Phật Thích Ca mở đạo Phật vào thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Phật lấy thuyết Luân hồi làm giáo lý căn bản. Đức Phật nói: Kiếp sống của con người sanh ra rồi chết, chết rồi lại đầu thai trở lại, tức là sanh sanh tử tử cứ thế nối tiếp nhau, như cái bánh xe quay tròn không bao giờ ngừng nghỉ.

Đạo Cao Đài quan niệm về Luân Hồi như thế nào?

Con người sống nơi cõi trần có ba thể gọi là Tam thể:

- Xác thân phàm bằng vật chất: Giả thân.
- Xác thân thiêng liêng: Chơn thần hay Chơn thân.
- Một điểm linh quang do Đức Chí Tôn ban cho gọi là Linh hồn để điều khiển chơn thần và thể xác.

Khi một con người nơi cõi trần chết đi, thể xác sẽ tan rã biến trở lại thành đất, còn chơn thần và linh hồn thoát ra khỏi thể xác, trở về cõi thiêng liêng, mang theo:

- Những điều học hỏi và kinh nghiệm trong kiếp sống.
- Những công đức và tội lỗi đã gây ra trong kiếp sống.

Nơi cõi thiêng liêng, chơn thần và linh hồn đợc đưa đến trước Minh Cảnh Đài xem lại khúc phim của cuộc đời mình, từ

lúc mới sanh cho đến lúc chết, các hành vi thiện ác cùng lời nói đều hiện lên đủ cả, không sót một thứ gì, để nơi đây, cây Càn Công bình thiêng liêng cân tội phước và định phận:

- Nếu công đức nhiều hơn tội lỗi thì sẽ được ban thưởng bằng những phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật tương xứng.

- Nếu công đức ít mà tội lỗi nhiều thì bị luân hồi trở lại cõi trần để trả quả, và cũng để lập công chuộc tội.

Những công đức, tội lỗi và kinh nghiệm học hỏi được trong kiếp sống tạo thành hạt giống luân hồi rút vào trong chơn thần, để làm cái Nhân, quyết định kiếp tái sinh có đời sống sang hèn, hạnh phúc hay khổ đau, làm quan hay dân, v.v... ấy là Quả. Từ Nhân đi đến Quả là sự thể hiện của Nghiệp.

Linh hồn và chơn thần cứ mãi luân chuyển như thế, lên lên xuống xuống, không bao giờ dứt. Đó là Luân hồi.

Muốn thoát khỏi Luân hồi thì phải làm sao ?

- Phải tu, tu để dứt Nhân xấu, tạo Nhân lành: Nhân xấu thì Quả xấu tức là Luân hồi, Nhân lành thì hưởng Quả lành tức là đạt được phẩm vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng, ấy là thoát khỏi Luân hồi.

KGO: Cửa *luân hồi* nhắc bực cao siêu.

KGO: Kinh Giải Oan.

Luân lạc

淪落

Luân: Chìm mất, mất. **Lạc:** rơi rụng.

Luân lạc là chìm đắm rơi rụng.

Luân lạc có nghĩa thường dùng là cuộc đời chìm nổi, rày đây mai đó.

Luân lý học

倫理學

A: The moral philosophy.

P: La morale.

Luân: Đạo thường, cái lẽ phải ở đời. **Lý:** lẽ, nguyên lý.
Học: môn học.

Luân lý là nguyên lý về đạo đức của con người.

Luân lý học là môn học nghiên cứu nguyên lý về đạo đức và sự phát triển đạo đức của con người.

Luân thường

倫常

A: The constant and natural law.

P: La loi constante et naturelle.

Luân: Đạo thường, cái lẽ phải ở đời. **Thường:** hằng có, luôn luôn.

Luân thường là những phép tắc đạo đức trong cư xử ở đời được qui định không thay đổi mà mọi người có bổn phận phải gìn giữ và tuân theo.

Luân thường gồm: Ngũ luân và Ngũ thường.

■ **Ngũ luân** là năm cách cư xử theo lẽ phải là: Cách cư xử giữa vua và bề tôi, giữa cha và con, giữa chồng và vợ, giữa anh và em, giữa bè bạn với nhau. (Quân thần, Phụ tử, Phu thê, Huynh đệ, Bằng hữu).

■ **Ngũ thường** là năm đức tánh căn bản phải gìn giữ luôn luôn là: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

TNHT: Đưa ngu nghịch cha, phản loạn, làm rối *luân thường*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

LUẬN

LUẬN

LUẬN: 論 Bàn về một vấn đề có phân tách lý lẽ.

Td: Luận biện, Luận ý.

Luận biện

論辯

A: To discuss.

P: Discuter.

Luận: Bàn về một vấn đề có phân tách lý lẽ. **Biện:** bàn cãi lẽ phải trái.

Luận biện là đưa ra nhiều lý lẽ để tranh cãi phải trái.

KSH: Câu văn từ *luận biện* thật thà.

KSH: Kinh Sám Hối.

Luận lý học

論理學

A: Logic.

P: Logique.

Luận: Bàn về một vấn đề có phân tách lý lẽ. **Lý:** lẽ. **Học:** môn học.

Luận lý là suy xét cho đúng lý lẽ.

Luận lý học là môn học nghiên cứu những phương pháp suy luận cho đúng, lấy tư tưởng làm đối tượng.

Luận ý

論意

A: To reason.

P: Raisonner.

Luận: Bàn về một vấn đề có phân tách lý lẽ. **Ý:** ý kiến.

Luận ý là bàn luận và góp ý kiến thêm vào.

CG PCT: Như quyết định mà hai đảng không thuận thì người phải dâng cho Hộ Pháp đến HTĐ cầu Thầy sửa lại, hay là Hộ Pháp *luận ý* đôi bên mà lập lại.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

LUẬT

LUẬT

LUẬT: 律 Pháp luật, phép tắc đặt ra để mọi người tuân theo cho được trật tự tốt đẹp.

Td: Luật định, Luật lệnh, Luật Sự.

Luật định thiên nhiên

律定天然

A: The natural laws.

P: Les lois naturelles.

Luật: Pháp luật, phép tắc đặt ra để mọi người tuân theo cho được trật tự tốt đẹp. **Định:** đặt ra. **Thiên nhiên:** Trời làm ra như thế

Luật định thiên nhiên là các định luật của tự nhiên, do Trời làm ra như thế chứ không phải do nơi người đặt để ra.

Lời Tựa PCT: Nếu cứ chiếu luật thi hành thì toàn đạo được điều hòa êm ái và guồng máy Hành Chánh Đạo cứ tiến hành theo *luật định thiên nhiên*, không bao giờ trở ngại.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Luật lệ Cao Đài

律例高臺

A: Law and rule of God.

P: Loi et règle de Dieu.

Luật: Pháp luật, phép tắc đặt ra để mọi người tuân theo cho được trật tự tốt đẹp. **Lệ:** lấy cái trước làm mẫu cho cái sau. **Cao Đài:** Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Luật lệ là chỉ chung các luật pháp và các lễ lối đã quen từ trước với mọi người.

Luật lệ Cao Đài là các luật pháp và các lễ lối của Đức Chí Tôn đặt ra cho các tín đồ của Đạo Cao Đài.

Luật lệ Cao Đài gồm có: Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, Đạo Nghị Định, Đạo Luật, các Thông Tri và các lệnh của Hội Thánh.

Lời Minh Thệ khi Nhập môn vào Đạo Cao Đài:

"Thề rằng: Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đé, chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục."

Luật hình

律刑

A: The penal code.

P: La code pénale.

Luật: Pháp luật, phép tắc đặt ra để mọi người tuân theo cho được trật tự tốt đẹp. **Hình:** trừng phạt người có tội.

Luật hình là luật pháp qui định hình phạt cho người có tội.

KSH: Dầu qua dương pháp, *luật hình* Diêm vương.

KSH: Kinh Sâm Hối.

Luật lệnh

律令

A: Law and order.

P: Loi et ordre.

Luật: Pháp luật, phép tắc đặt ra để mọi người tuân theo cho được trật tự tốt đẹp. **Lệnh:** mệnh lệnh của cấp trên ban xuống.

Luật lệnh là luật pháp và mệnh lệnh của Hội Thánh.

ĐLMD: Hành Chánh là cơ quan để thi hành các *luật lệnh* của Hội Thánh hoặc của chúng sanh dâng lên mà đã có Quyền Chí Tôn phê chuẩn.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Luật pháp chơn truyền

律法真傳

A: The law and the true doctrine.

P: La loi et la vraie doctrine.

Luật: Pháp luật, phép tắc đặt ra để mọi người tuân theo cho được trật tự tốt đẹp. **Chơn:** thật. **Truyền:** trao lại.

Luật pháp là những điều khoản do cơ quan lập pháp đặt ra để qui định các hoạt động của mọi người trong xã hội.

Chơn truyền là truyền lại một cách đúng đắn và chơn thật, y như lúc đầu.

Luật pháp chơn truyền là chỉ tất cả luật pháp và giáo lý của một nền tôn giáo được truyền lại một cách chơn thật, nguyên vẹn đúng y như buổi ban đầu.

Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang có làm bài thi:

LUẬT PHÁP CHƠN TRUYỀN

Thánh giáo bảo tồn thất ức niên,
 Nhờ nơi luật pháp hiệp chơn truyền.
 Tuân hành đúng mức đường tu vững,
 Tự tác sai chiều bước đạo nghiêng.
 Lướt khổ đã mong hồi cựu vị,
 Gieo nhân há để vương tà quyền.
 Thiên điều tại thế nên tôn trọng,
 Vẹn phận ngàn thu hưởng phúc duyên.

CAO THƯỢNG SANH

Luật Sự

律事

A: Judicial agent.

P: Agent judiciaire.

Luật: Pháp luật, phép tắc đặt ra để mọi người tuân theo cho được trật tự tốt đẹp. **Sự:** việc.

Luật Sự, nghĩa đen là người tập sự về pháp luật.

Luật Sự là một phẩm Chức sắc thấp nhất của HTĐ, do Đức Phạm Hộ Pháp lập ra theo Sắc Lệnh số 34/SL ngày 23-5-Bính Tý (dl 11-7-1936). Phẩm này do khoa mục tuyển chọn.

Luật Sự đối phẩm với Đầu Phòng Văn hay Chánh Trị Sự bên CTĐ.

Nhiệm vụ, quyền hành, Đạo phục và thặng thưởng của Luật Sự được qui định trong Hiến Pháp Chức sắc HTĐ. (Xem chữ: Hiệp Thiên Đài, phần Hiến Pháp).

Cần lưu ý: Vài quyển sách pháp văn viết về Đạo Cao Đài, phần Chức sắc cấp dưới của HTĐ, thay vì viết LUẬT SỰ thì viết là LUẬT SƯ. Cho nên cần phân biệt các từ ngữ:

Luật Sự 律事 Agent judiciaire, là nhân viên về pháp luật. Sự là việc, Luật là pháp luật.

Luật Sư 律師 Avocat, Licence en droit, là người đậu bằng Cử Nhân Luật, làm Trạng sư tại tòa án. Sư là thầy.

Lục Sự 錄事 Greffier, là thư ký tại tòa án. Lục là biên chép.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

LỤC

LỤC

LỤC: 六 Sáu, thứ sáu.

Td: Lục căn, Lục lễ, Lục Tổ, Lục tự.

Lục bát - Song thất Lục bát

雙七六八

Lục: Sáu, thứ sáu. **Bát:** tám. **Song:** một đôi. **Thất:** bảy.

1). Lục bát: là một thể thơ mà câu trên có 6 chữ và câu dưới có 8 chữ. Cách gieo vần, xem thí dụ sau đây:

Trăm năm trong cõi người ta,

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Lạ gì bỉ sắc tư phong,.... (Kiều)

Trong câu 8, hai chữ thứ 6 và thứ 8 phải là Bằng, nhưng một chữ là Bằng thượng, một chữ là Bằng hạ.

2). Song thất Lục bát: là thể thơ mỗi đoạn có 4 câu: hai câu trên là song thất, tức là hai câu mà mỗi câu 7 chữ, và hai câu dưới là lục bát: một câu 6 chữ và một câu 8 chữ.

Song thất lục bát cũng được gọi là Lục bát gián thất. (gián là ngắt cách). Cách gieo vần, xem thí dụ sau đây:

Nữ Trung Tòng Phận của Bà Đoàn Thị Điểm:

Dụng văn hóa trau tía nữ phách

Lấy kinh luân thúc thách quần hồng

Gươm thư giúp sức gươm hùng

Điểm tô nghiệp cả con rồng cháu Tiên.

Bởi rẻ rúng thuyền duyên thiếu học

Dầu chí thân tở tóc cũng khi.

Tinh thần cao thấp nhờ thi,

Dục tài nữ sĩ sánh bì cùng nam.... ..

Lục bát và Song thất lục bát là hai thể thơ hoàn toàn thuần túy Việt Nam, không do ảnh hưởng thi văn của Tàu.

Bà Đoàn Thị Điểm giáng cơ viết Nữ Trung Tòng Phận theo thể thơ Song thất lục bát, một thể thơ quen thuộc của Bà, mà lúc Bà còn sanh tiền, Bà đã dùng thể thơ này diễn nôm: Chinh Phụ Ngâm Khúc.

Lục cá nguyệt

六箇月

A: Semester.

P: Semestre.

Lục: Sáu, thứ sáu. **Cá:** cái, từng cái một. **Nguyệt:** tháng.

Lục cá nguyệt là sáu tháng mỗi kỳ.

Mỗi năm chia ra làm hai Lục cá nguyệt: Đệ nhứt Lục cá nguyệt (Đệ nhứt bán niên) là 6 tháng đầu năm và Đệ nhị Lục cá nguyệt (Đệ nhị bán niên) là 6 tháng cuối năm.

Tam cá nguyệt là ba tháng mỗi kỳ.

Lục căn - Lục thức - Lục trần - Lục dục

Lục căn:

六根

A: Six organs.

P: Six organes.

Lục thức:

六識

A: Six knowledges.

P: Six connaissances.

Lục trần:

六塵

A: Six objects of sense.

P: Six objets de sens.

Lục dục:

六欲

A: Six passions.

P: Six passions.

a) LỤC CĂN:

Sáu gốc rễ có sức nảy sanh.

Lục căn chính là sáu giác quan của con người để nhận biết sự vật:

1. *Nhãn* (mắt)
2. *Nhĩ* (tai)
3. *Tỷ* (mũi)
4. *Thiệt* (lưỡi)
5. *Thân* (da thịt)
6. *Ý* (tư tưởng).

b) LỤC THỨC:

Sáu điều hiểu biết của con người.

Lục thức có được là do Lục căn. Lục thức gồm:

1. *Nhãn thức*: cái biết của mắt do nhìn thấy.
2. *Nhĩ thức*: cái biết của tai do sự nghe.

3. *Tỷ thức*: cái biết của mũi do sự ngửi.
 4. *Thiệt*: cái biết của lưỡi do sự nếm.
 5. *Thân thức*: cái biết của da thịt do đụng chạm.
 6. *Ý thức*: cái biết của tư tưởng do trí não.

c) LỤC TRẦN:

Trần là bụi, chỉ cõi trần. Lục trần là sáu cảnh nơi cõi trần diễn ra trước Lục căn, làm cho Lục căn sanh ra Lục thức. Lục trần gồm:

1. *Sắc*: cảnh vật có màu sắc xinh đẹp.
 2. *Thính*: âm thanh êm ái, lời nói ngọt ngào.
 3. *Hương*: mùi thơm của hoa, của món ăn.
 4. *Vị*: thức ăn ngon béo bở.
 5. *Xúc*: trang sức lụa là, da thịt mát mẻ.
 6. *Pháp*: tư tưởng mưu tính thực hiện cho thỏa ý.

d) LỤC DỤC:

Sáu điều ham muốn.

Lục trần khêu gọi Lục căn, Lục căn sanh ra Lục thức, Lục thức sanh ra Lục dục. Lục dục gồm:

1. *Sắc dục*: ham muốn nhìn thấy sắc đẹp.
 2. *Thính dục*: ham muốn nghe âm thanh êm tai.
 3. *Hương dục*: ham muốn ngửi mùi thơm dễ chịu.
 4. *Vị dục*: ham muốn món ăn ngon miệng.
 5. *Xúc dục*: ham muốn xác thân sung sướng.
 6. *Pháp dục*: ham muốn ý nghĩ được thỏa mãn.

Con người có Lục căn nên mới có Lục thức. Lục thức bị Lục trần cảm dỗ mới sanh ra Lục dục. Bốn thứ ấy liên hệ mật thiết nhau, tương tác nhau, theo bảng sau đây:

LỤC CĂN	→ LỤC THỨC	<=> LỤC TRẦN	→ LỤC DỤC
Nhãn (mắt)	Nhãn thức	Sắc	Sắc dục
Nhĩ (tai)	Nhĩ thức	Thính	Thính dục
Tỷ (mũi)	Tỷ thức	Hương	Hương dục
Thiệt (lưỡi)	Thiệt thức	Vị	Vị dục
Thân (da thịt)	Thân thức	Xúc	Xúc dục
Ý (tư tưởng)	Ý thức	Pháp	Pháp dục

"Thất tình Lục dục là mối loạn hằng ngày trong tâm trí, không phương trừ khử. Một đám giặc liệt cường tài trí đánh phá ruộng trong núi cao rừng thẳm còn dễ trừ dẹp đặng, chớ mối loạn nơi tâm khó mà diệt đặng cho yên, nhứt là Lục dục: Nhãn, Nhĩ, Tỹ, Thiệt, Thân, và Ý dục, chúng nó phá hại hằng ngày.

Nhãn thì ưa màu sắc tốt đẹp.

Nhĩ thì thích nghe những giọng nói tao nhã thanh bai.

Tỹ thì ưa mùi thơm hơi ngọt.

Thiệt thì ưa nếm vật lạ món ngon.

Thân thì mến vợ đẹp hầu xinh, cả dục tình dâm niệm.

Ý lại tư tưởng vất vơ quấy phá. Nhứt là Ý là mối đại hại cho con người. Nó tư tưởng sự này sang sự nọ. Chuyện nọ hết đến chuyện kia. Nó xẹt vô, nhảy ra lạ làng không chi ngăn đón đặng, nên mới cho nó là đũa ăn trộm tài nghệ, xách món này, lấy vật nọ trước mắt muôn người mà chẳng ai thấy.

Còn thân, cái thân thể muốn sự dâm dục quá độ, mới hao tán nguơn Tinh, nguơn Khí, nguơn Thần.

Thiệt là lưỡi, miệng ham ăn món ngon vật lạ, đồ mỹ vị cao lương, nên phạm tội sát sanh, bị sa đọa vào Lục đạo.

Tỹ là mũi, mũi ưa thơm tho mới khiến lòng ham muốn.

Nhĩ là tai, tai nghe điều phi lễ.

Nhãn là mắt, mắt ngó thấy sắc đẹp thì lòng dục dấy lên.

Vậy thì, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, thân ham, đều xúm làm cho thân xao động, sanh lòng quấy quá.

Vả lại, Lục dục là sáu con quỷ, tức là sáu đũa du côn, nhưng biết cách thâm phục chúng nó đặng thì sáu con quỷ ấy trở nên Lục thông là đắc đạo.

Muốn thâm phục sáu con quỷ ấy thì phải làm cách nào?

Cần phải chủ cái Tâm, tâm cho thanh tịnh, định cái trí, trí phải tự nhiên. Lục dục được an, Lục thần đầy đủ.

Hễ có Lục dục thì có Lục trần, mà hễ có Lục trần thì mới sanh Lục tặc. Có Lục tặc thì hại Lục căn, Lục thức, Lục thần, nên sa vào Lục đạo.

Ấy là kiếp con người không có Nguơn Thần chấp chánh, để cho Thức Thần đương quyền, thì dầu có sống, sống một cách vất vả như bò nhìn trơ trơ để gió lay người đẩy." (ĐTCG)

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

Lục đạo luân hồi

六道輪迴

A: Six ways of Karma.

P: Six voies de Karma.

Lục: Sáu, thứ sáu. **Đạo:** đường. **Luân hồi:** Sự đầu thai chuyển kiếp lên lên xuống xuống như bánh xe xoay vòng.

Lục đạo luân hồi là sáu đường luân hồi của chúng sanh.

Theo Phật giáo, chúng sanh tùy theo căn quả thiện hay ác mà chuyển vào trong Lục đạo luân hồi.

Lục đạo luân hồi gồm:

1. Thiên (Tiên)
2. A-Tu-La (Thần)
3. Nhơn (người)
4. Địa ngục.
5. Ngạ quỷ (ma đói).
6. Súc sanh (thú vật).

[**Chúng ta lưu ý:** Chữ Thiên (Tiên) ở đây, Phật giáo dùng có ý nghĩa là bậc chúng sanh thọ những quả báo lành, tức là những phước đức đã tạo ở thế gian; cũng là tiếng gọi hàng *quĩ thần* biết kính điều thiện. Chữ A-Tu-La là hạng chúng sanh tuy có thần lực, có cung điện, song hình thể không đoan chánh như chư Thiên (Tiên) ở các cõi Trời. Hai chữ: Thiên (Tiên) và A-Tu-La mà Phật giáo dùng trong Lục đạo luân hồi, có ý nghĩa hoàn toàn khác hẳn với ý nghĩa dùng trong Đạo Cao Đài.]

Ba đường trên từ 1 đến 3 thì vui sướng dễ chịu, nên gọi là Tam thiện đạo (Ba đường lành).

Ba đường dưới từ 4 đến 6 thì khổ khổ, nguy nan, nên gọi là Tam ác đạo (Ba đường dữ).

Người ta bao giờ cũng không lọt khỏi Lục đạo ấy. Khi thì đầu thai làm người, khi có công đức thì được làm Thần, rồi khi

phạm tội thì sa vào Địa ngục hay Ngạ quỷ, súc sanh. Sáu hạng ấy cứ luân chuyển trong sáu cảnh, gặp vui sướng thì ít, gặp đau khổ thì nhiều, vì họ còn vô minh, chưa tỉnh ngộ, nên mới gọi sáu hạng ấy là Lục phàm.

Muốn thoát khỏi Lục đạo luân hồi thì chỉ có một cách duy nhất là TU. TU để giác ngộ, để phá màn vô minh, để đủ công quả mà thoát khỏi Lục đạo luân hồi, lên cõi TLHS.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Lục lễ danh nghi

六禮名儀

A: The six ceremony of marriage.

P: Les six cérémonies de mariage.

Lục: Sáu, thứ sáu. **Lễ:** lễ. **Danh:** tên. **Nghi:** hình thức tốt đẹp.

Lục lễ danh nghi là tên gọi sáu lễ trong việc cưới gả.

Do đó, Lục lễ danh nghi còn gọi là: **Lục thành hôn sự:** nghĩa là có sáu lễ mới thành sự hôn nhân.

Lục lễ được đặt ra bởi ông Chu Hi (1130-1200) đời nhà Tống khi biên soạn quyển sách: Văn Công Gia Lễ.

Chữ Văn Công là tước truy phong của Chu Hi. Sau khi ông Chu Hi chết, vua Tống truy phong là Chu Văn Công, được đem thờ trong Khổng Miếu, đặt dưới Thập Triết.

Lục lễ đối với người Tàu thuở xưa rất quan trọng, nên có câu: *Lục lễ bất bị, trinh nữ bất xuất.* Nghĩa là: Sáu lễ mà không hoàn bị thì người con gái trinh không ra khỏi nhà tức là là không về nhà chồng.

Tuy ngày nay, Lục lễ không còn được áp dụng trong việc gả cưới, nhưng chúng ta cũng nên biết qua, để xem người xưa coi trọng việc gả cưới là dường nào.

Lục lễ danh nghi gồm:

1. Nạp thái 納采
2. Vấn danh 問名
3. Nạp cát 納吉

4. Nạp trưng 納徵
5. Thỉnh kỳ 請期
6. Thân nghinh 親迎

1. NẠP THÁI: (Nạp là đưa vào, thái là chọn lựa).

Nạp thái là nạp lễ vật vào nhà gái để cho biết ý định nhà trai đã chọn một đứa con gái trong gia đình này để cưới cho con trai. Người xưa dùng lễ vật là một con chim nhận, biểu hiệu sự thông tin tức qua lại.

2. VẤN DANH: (Vấn là hỏi, danh là tên).

Nhà trai nhờ người mai mối đem tràu rượu đến nhà gái để hỏi tên, tuổi, ngày sanh của đứa con gái.

3. NẠP CÁT: (Nạp là đưa vào, cát là tốt lành).

Nhà trai đi coi tuổi thấy cung mạng của đôi trai gái rất tốt, tương hợp tương sanh. Nhà trai đưa lễ vật tượng trưng để trình cho nhà gái biết hai đứa trai gái hợp tuổi, hôn nhân tốt.

4. NẠP TRƯNG: (Trưng là chứng cứ, thành, nên)

Nạp trưng là đem nữ trang, tiền bạc, hàng vải, và vài lễ vật khác đến nhà gái làm lễ chứng chắc cho hai đứa trai gái kết hôn với nhau. Do đó lễ này còn gọi là: Nạp tài hay Nạp tộ.

5. THỈNH KỲ: (Thỉnh là hỏi ý kiến; kỳ là kỳ hẹn, tức là ngày giờ tháng năm).

Đây là lễ nhà trai đến trình cho nhà gái biết ngày, giờ, tháng, năm, nhà trai đến làm lễ Thân nghinh (rước dâu).

6. THÂN NGHINH: (Thân là chính mình, nghinh: rước)

Đến ngày giờ đã hẹn trước, nhà trai đem lễ vật đến nhà gái làm lễ rước dâu. Dùng chữ Thân là tự mình để chỉ rằng lễ này buộc phải có chú rể, chú rể là vai chính đi rước dâu.

Hôn lễ của người VN thời xưa hoàn toàn chịu ảnh hưởng của Tàu, tức là theo Chu Hi Văn Công Gia Lễ, với Lục lễ nên rất phiền phức khó khăn, không phù hợp với phong tục và tạp quán của dân tộc ta.

Ngày nay, hôn lễ trong đời sống của dân tộc VN rất đơn giản và cởi mở hơn nhiều. (Xem chi tiết nơi chữ: Hôn lễ, văn H)

Lục long

六龍

A: Six dragons.

P: Six dragons.

Lục: Sáu, thứ sáu. **Long:** rồng.

Lục long là sáu con rồng.

Quẻ Càn trong 64 quẻ của Kinh Dịch gồm 6 hào dương nên biểu thị bằng 6 vạch liền song song nhau. Càn là Trời, có tánh cách thuần dương, mạnh mẽ, cương kiện, nên 6 vạch này được ví 6 con rồng, hán văn gọi là Lục long.

Người xưa xem rồng là con vật linh thiêng, biến hóa luôn luôn, ẩn hiện trong mây nên thuộc dương tính.

Vương Bật đời Tam Quốc chú giải Kinh Dịch, nơi quẻ Càn (Kiền) viết như sau: "*Thời thừa lục long dĩ ngự Thiên, Kiền đạo biến hóa các chính tính mệnh.*" nghĩa là: luôn luôn cỡi sáu rồng để ngự trị Trời, đạo Càn biến hóa, mỗi vật giữ ngay ngắn mạng vận của bản tánh.

KNHTĐ: Thời thừa *lục long*, du hành bất tức.

KNHTĐ: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Lục long phò ấn

六龍扶印

Lục: Sáu, thứ sáu. **Long:** rồng. **Phò:** Phù: giữ gìn. **Ấn:** cái ấn.

Lục long phò ấn, nghĩa đen là sáu rồng giữ cái ấn.

Chữ Long ở đây chỉ Long mạch tức là mạch nước ngầm dưới đất. Lục long là sáu mạch nước ngầm, phò ấn là giữ cái ấn, ý nói cùng giáp vào một chỗ với nhau.

Lục long phò ấn là 6 mạch nước ngầm giáp nhau một chỗ.

Cuộc đất được chọn làm Thánh địa để xây cất Tòa Thánh của Đạo Cao Đài được Đức Lý Giáo Tông giáng cơ cho biết cuộc đất đó có Lục long phò ấn.

"*Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh địa: Sâu hơn 300 thước, như con sông, giữa trung tim đất giáp lại trùng giữa sáu nguồn làm như sáu con rồng doanh nhau, nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi, gọi là Lục long phò ấn, ngay miếng đất đó dựng ba đầu: một đầu ra giếng mạch Ao Hồ, hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia.*"

Lục nguyệt kỳ

六月期

A: Semester.

P: Semestre.

Lục: Sáu, thứ sáu. **Ngoạ:** **Nguyệt:** tháng. **Kỳ:** thời hạn.

Lục nguyệt kỳ là thời hạn sáu tháng.

Phúc trình Lục nguyệt kỳ: Báo cáo trình bày những vấn đề đạo sự xảy ra trong 6 tháng để cấp trên biết rõ.

Lục Nương

六娘

A: Sixth Muse.

P: Sixième Muse.

Lục: Sáu, thứ sáu. **Nương:** tiếng gọi người phụ nữ quý phái.

Lục Nương là một vị Nữ Tiên đứng hàng thứ sáu trong Cửu Vị Tiên Nương DTC.

Trong một kiếp giáng trần ở nước Pháp bên Âu Châu, Lục Nương là Cô Jeanne d'Arc, một vị Nữ Thánh và cũng là một vị Nữ anh hùng của dân tộc Pháp.

Tiểu sử Nữ Thánh JEANNE D'ARC (1412-1431)

Cô Jeanne d'Arc sanh năm 1412 tại Domrémy nước Pháp, trong một gia đình nông dân bình thường. Cô là một cô gái rất ngoan hiền và rất sùng tín Đạo Thánh (Đạo Thiên Chúa).

Ngoài thì giờ phụ việc gia đình, Cô thường đi lễ ở nhà thờ. Sau khi dự Thánh lễ xong, Cô thường ra chiêm ngưỡng tượng Thánh Mẫu Maria, đứng hàng giờ như thế và Cô cảm thấy tâm hồn thơ thới nhẹ nhàng.

Những lúc không đi nhà thờ, Cô thường ngồi một mình trầm ngâm, nhớ lại khung cảnh nhà thờ, nhớ đến những nét dịu hiền thanh thoát của Đức Mẹ Maria, tâm hồn Cô như hòa vào Hư không.

Một hôm Cô đang ngồi yên lặng một mình như thế, bỗng có một tiếng nói từ trên không trung đưa đến như một nghiêm lệnh, bảo Cô phải đi giải cứu nước Pháp, vì lúc đó nước Pháp đang bị nước Anh đem quân xâm lấn. Nghe xong, Cô chợt bàng hoàng sực tỉnh, mở mắt nhìn ra bốn bên, cảnh vật vẫn im lìm, không một bóng người lai vãng.

Cứ như thế, đã mấy lần rồi, khi thì Cô thấy Thánh Michel đến nói, khi thì Cô thấy Thánh Nữ Catechel đến bảo, cũng một âm điệu như một nghiêm lệnh như thế.

Cô tự nghĩ: Mình là một cô gái quê, có tài cán chi mà giải cứu nước Pháp. Cô đâu có quyền lực gì, có nói cũng chẳng ai nghe. Thế là Cô bỏ qua, không nghĩ tới vấn đề ấy nữa.

Nhưng ít hôm sau, trong lúc ngủ mơ màng, Cô lại nghe tiếng nói ấy nữa, nhưng lần này lại có ý gần giọng thúc giục. Đến khi sực tỉnh, Cô cảm thấy bồi hồi, nhất là mấy hôm nay có tin quân đội Anh đánh chiếm được nhiều nơi của nước Pháp, gây cảnh nhà cháy, người chết, bao nhiêu người phải tản cư chạy giặc.

Cô cảm thấy lòng mình ray rứt, như thấy chính mình trong cảnh khói lửa binh đao. Cô tự thấy mình như có bổn phận phải bảo vệ đất nước, góp một công sức gì vào việc giải cứu dân tộc mình.

Tiếng nói thình không lại tiếp tục thúc giục Cô. Cuối cùng, Cô đánh bạo đến gặp Đại Úy Robert de Baudricourt đang đóng quân tại Vaucouleurs, để tỏ bày hết mọi việc, và nhờ Đại Úy dẫn đến yết kiến vua nước Pháp là Charles VII.

Đại Úy Baudricourt không tin là Cô có thể đánh đuổi được quân Anh để cứu nước Pháp, nên không chịu hướng dẫn Cô

đến yết kiến vua Pháp. Ông ta cho rằng Cô quá mê tín hoặc bị bệnh tâm thần.

Cô buồn bã ra về, tâm tư bị xao động mạnh vì Cô cảm thấy vừa làm một việc hầu như không suy tính trước, chỉ nghe theo một động lực vô hình thúc đẩy. Chừng mấy hôm sau, người ta được tin thành phố Orléans sắp thất thủ trước quân đội hùng mạnh của nước Anh.

Khi Cô hay tin, Cô bỗng đứng bật dậy như cái lò xo. Với vẻ cương quyết, Cô vội vàng đến gặp Đại Úy Baudricourt lần nữa. Lần này, Cô cũng trình bày như trước, nhưng có vẻ tự tin hơn, tha thiết hơn. Đại Úy hỏi Cô:

- Cô xin yết kiến vua Charles để xin đi giải cứu nước Pháp, nhưng Cô định giải cứu bằng cách nào?

Cô nhìn viên Đại Úy và trả lời ngay:

- O ! Thì đánh với quân Anh.

Đại Úy Baudricourt gật đầu nói tiếp:

- Điều đó chúng tôi đang cố gắng và đang nỗ lực, như trước mắt Cô đã thấy.

Cô vẫn cương quyết nói:

- Nhưng dù sao, tôi cũng giúp thêm được một tay, đâu có hại gì cho nước Pháp?

Còn đang nói chuyện thì Đại Úy Baudricourt nhận được tin thành Orléans sắp rơi vào tay quân Anh, Đại Úy bất đắc dĩ phải tiễn dẫn Cô đến gặp vua Charles VII đang đóng quân ở tại Chinon. Cô đến thật bất ngờ, trong khi có đủ mặt các quan đang bàn định về chiến cuộc. Vua Charles vui vẻ cho Cô vào. Cô tỏ bày với vua Charles và với các quan đại thần tại triều, Cô xin đi giải cứu nước Pháp. Mọi người đều lấy làm lạ. Cô vẫn cương quyết trình bày:

- Thưa Bệ hạ và Quý Ngài, sự cầu xin của tôi dù sao cũng thêm một cánh tay chớ không bớt. Tôi không ước mong gì hơn được sự chuẩn y của Bệ hạ, chỉ xin đi một mình tôi cũng đủ, ngoài ra tôi không dám làm phiền đến các việc khác. Nếu kết quả thắng lợi về vang thì đó là một vinh hạnh, còn như thất bại thì chỉ một mình tôi cam chịu. Xin Bệ hạ ban ơn cho tôi.

Vua Charles ngẫm nghĩ một lúc rồi gật đầu, truyền giao cho Cô một đội binh nhỏ để Cô chỉ huy và tức tốc đi đến thành Orléans giao chiến với quân Anh.

Cô tuy rất băn khoăn bối rối, không biết phải dẫn quân đánh như thế nào, nhưng việc cứu binh như cứu lửa, Cô tức tốc lên xe dẫn toán quân ra mặt trận. Cô chỉ huy đội quân của Cô đánh thẳng vào quân Anh đang bao vây Orléans. Lúc đầu thì chưa thấy có tác dụng gì để làm cho quân Anh phải lo ngại, nhưng sau đó mấy tiếng đồng hồ, đội quân của Cô lại tiến như vũ bão. Không biết vì lý do gì, quân đội Anh thấy quân của Cô tiến tới đâu thì quân Anh bỏ chạy đến đó, rút lui ồ ạt. Họ thấy quân Pháp dưới quyền chỉ huy của Cô rất đông đảo, trùng trùng điệp điệp, hùng hổ tiến lên, bất chấp tên đạn do quân Anh bắn trả lại. Quân Pháp càng đánh càng đông. Vị chỉ huy quân đội Anh phải ra lệnh lui binh gấp, quân lính quăng bỏ vũ khí, đập bừa lên nhau mà chạy thoát thân, nên quân Anh chết vô số.

Thành Orléans nhanh chóng được giải cứu hoàn toàn. Tin này được tức tốc đưa về Chinon . Vua Charles VII và các quan hết sức vui mừng. Dân thành Orléans hoan hô Cô Jeanne d'Arc nhiệt liệt. Lúc đó là năm 1429.

Kể đó, Cô được lệnh đem quân đến đánh quân Anh đang bao vây thành Patay. Cũng như trận đánh ở Orléans, toán quân nhỏ của Cô tiến đến đâu thì quân Anh thấy quân Pháp trùng trùng điệp điệp, biết tiến chớ không biết dừng, quân Anh phải chịu thảm bại rút lui.

Vua Charles liền nhận được tin chiến thắng. Cánh quân của Cô Jeanne d'Arc lập được chiến công hàng đầu.

Vua và các quan, nhứt là Đại Úy Baudricourt đều ngạc nhiên, không thể nào ngờ rằng một cô gái yếu đuối quê mùa như Jeanne d'Arc lại có thể đánh lui được quân Anh một cách dễ dàng và phi thường đến thế.

Thắng suốt hai trận đánh một cách nhanh chóng như thế, tên tuổi Cô Jeanne d'Arc nổi như sóng cồn, mọi người dân Pháp đều biết tiếng vị Nữ anh hùng này, còn quân Anh thì khi nghe tiếng của Cô đều vỡ mặt kinh hồn.

Vua Charles VII liền quyết định tổ chức Thánh Lễ Tôn Vương cho Ngài tại Nhà Thờ Reims và chính Cô Jeanne d'Arc đứng ra chứng lễ. Đây là một Thánh lễ rất quan trọng đối với một vị vua mà theo truyền thống từ trước, phải có một vị Giáo phẩm cao cấp Đại diện Giáo Hoàng La Mã ban cho mới đúng. Nhưng đằng này, vua Charles lại muốn được sự thừa nhận của chính Jeanne d'Arc mà thôi.

Sau cuộc lễ Tôn Vương đó, Cô lại ra mặt trận, nhưng chẳng may Cô bị thương, và được đưa về hậu cứ điều trị.

Cách mấy hôm sau, Cô hay tin quân Anh tiến về thủ đô Paris. Cô vội vàng xin ra trận, nhưng vua Charles VII thấy Cô còn yếu nên không cho Cô đi.

Nhân việc bị thương của Cô Jeanne d'Arc, phe Bảo Cựu Bourguignons chống vua Charles, thân với nước Anh, tuyên truyền rằng sự chiến thắng của quân Pháp tại hai mặt trận Orléans và Patay vừa qua chỉ là một dịp tình cờ trong chiến lược rút lui của quân Anh, chứ không phải do hiện tượng lạ lùng mà quân Anh thấy quân Pháp dày đặc trên chiến trường mà khiếp sợ. Không nên dựa vào đó mà tạo ra thần quyền tà mị, bởi vì hiện nay, Jeanne d'Arc cũng đã bị thương như bao nhiêu người khác và quân Anh đang tiến vào Paris. Nếu Cô có phép lạ, sao không đi giải cứu Paris?

Chiến lược tuyên truyền đó rất có lợi cho quân Anh. Quân Anh lên tinh thần trở lại và nhân đó cũng xác nhận chiến lược rút lui của quân Anh. Quân Pháp thắng là biết lợi dụng sự rút lui của quân Anh và họ cũng xác nhận rằng Jeanne d'Arc chỉ là một người tầm thường như bao nhiêu người tầm thường khác. Phe Bảo Cựu Bourguignons tuyên truyền đánh đúng vào tâm lý của nhân dân Pháp, làm cho đức tin của họ đối với Jeanne d'Arc bị lung lay.

Thừa lúc bất ngờ, phe Bảo Cựu tổ chức bắt cóc Jeanne d'Arc và họ đem Cô nạp cho quân đội Anh là đồng minh của họ. Quân Anh giải giao Cô cho Tòa Án của Giáo Hội Thiên Chúa Giáo tại Pháp xét xử.

Vị Giám Mục tỉnh Beauvais tên là Pierre Cauchon đứng ra làm Chủ tọa Tòa Án Tôn giáo, kết tội Jeanne d'Arc theo Tà

giáo, mê hoặc nhân dân, vi phạm quyền Thánh của Giáo Hội. (Xem Biên bản hỏi cung phía sau).

Cô Jeanne d'Arc bị Tòa Án của Giáo Hội Thiên Chúa Giáo tại Pháp kết án tử hình, thiêu sống trên dàn hỏa tại Rouen năm 1431, lúc đó Cô được 19 tuổi.

Cô Jeanne d'Arc biết rằng việc làm của Cô không thể thanh minh được trước một Giáo Hội độc tài vô minh. Cô chỉ biết cầu nguyện và can đảm chờ đợi số phận mà Đấng Thượng Đế dành cho Cô.

Những người Anh khi nhìn thấy đồng lửa thiêu đã phải thốt lên lời kính phục: *"Chúng ta đã thiêu một vị Thánh."*

Dân tộc Pháp biết ơn Cô, tôn Cô là: *"Trinh nữ thành Orléans", vị "Nữ Anh hùng của dân tộc Pháp"*.

Năm 1909, Cô được làm Lễ Tuyên Phúc (cho linh hồn Cô được vào Thiên Đường).

Đến năm 1920, Cô được phong Thánh. Ngày Lễ này trở thành ngày Quốc lễ của nước Pháp, được tổ chức vào ngày Chúa Nhật thứ nhì của tháng 5 hằng năm.

Tiểu sử của Nữ Thánh Jeanne d'Arc đã gây nhiều cảm hứng cho giới Văn nghệ sĩ Pháp, nên họ đã viết nhiều tác phẩm thơ văn, bi kịch và nhạc kịch ca ngợi Nữ Thánh Jeanne d'Arc sau đây:

- Bi kịch của Schiller (1801): Jungfrau von Orleans.
- La Sainte Jeanne của G.B. Shaw (1923).
- Jeanne au bucher, nhạc kịch của P. Claudel (1937).

BIÊN BẢN về vụ án của Cô Jeanne d'Arc do ông Thomas de Courcelles lập, được dịch ra sau đây:

"Vị Giám Mục hỏi: Tên và biệt danh của Cô?"

Jeanne đáp: Ở làng tôi, người ta gọi tôi là Jeannette và sau này gọi tôi là Jeanne. Tôi không biết gì cả về biệt danh.

Vị Giám Mục hỏi: Cô sanh quán ở đâu?"

Jeanne đáp: Tôi sanh ở làng Domrémy, sáp nhập với làng Greux. Ở làng Greux có Giáo đường chánh.

Vị Giám Mục hỏi: Tên của cha mẹ Cô?"

Jeanne đáp: Cha tôi tên là Jacques d'Arc, mẹ tôi là Isabelle Romée.

Vị Giám mục: Cô được rửa tội ở đâu?

Jeanne: Ở Giáo đường làng Domrémy.

Jean Beaupère: Thuở nhỏ, Cô có học nghề gì không?

Jeanne: Có, học may những tấm bằng bằng vải gai và học đan. Tôi không thua một phụ nữ nào ở thành phố Rouen về đan và may.

Jean Beaupère: Đã có một lần Cô rời khỏi nhà cha Cô phải không?

Jeanne: Vì sợ phe Bourguignons, tôi có lia nhà cha tôi và đến Neufchâteau ở Lorraine cư ngụ nơi nhà một phụ nữ có biệt danh là Chị Tóc hoe khoảng 15 ngày.

Jean Beaupère: Cô làm gì thuở Cô ở nhà cha Cô?

Jeanne: Khi tôi ở nhà cha tôi, tôi làm công việc nhà và không ra đồng với bầy trừu cái và thú vật khác.

Jean Beaupère: Mỗi năm Cô có xưng tội không?

Jeanne: Có, xưng tội với Cha Cố và khi Cha Cố bận việc, tôi xưng tội với một tu sĩ khác, được sự chấp thuận của Cha Cố. Đôi khi dường như hai, ba lần gì đó, tôi xưng tội với các tu sĩ hành khất trong thành phố Neufchâteau nói trên và tôi được ban phép làm Minh Thánh Chúa vào Lễ Phục Sinh.

Jean Beaupère: Lúc nào Cô đã khởi nghe những gì mà Cô gọi là những tiếng nói?

Jeanne: Lúc tôi 13 tuổi, tôi có nghe tiếng nói của Đức Chúa Trời giúp tôi tự sửa mình. Đó là lần thứ nhất, tôi sợ quá! Và khoảng 12 giờ trưa, tiếng nói đó đến, vào mùa hè, trong khu vườn của cha tôi. Bữa trước, tôi đã không kiêng cử ăn. Tôi nghe tiếng nói phía tay mặt, hướng Giáo đường, và thường thường tôi nghe rất rõ ràng. Thật ra có ánh sáng từ phía đó. Từ thuở ấy, thông thường có một ánh sáng rực rỡ. Khi tôi đến gặp nhà vua để tôi trình bày sứ mạng của tôi và chiến đấu, tôi thường nghe tiếng nói ấy.

Cô Jeanne d'Arc bị bắt ngày 23-5-1430, bị bán cho người Anh ngày 21-11-1430.

Cô bị đưa lên dàn hỏa ngày 30-5-1431 lúc Cô 19 tuổi.

Vua nước Pháp thời này là Charles VII (1422-1461).

(Tài liệu dịch ra Việt văn của ông Nguyễn Lộc Thọ).

Sau đây, xin chép ra một bài Thánh giáo bằng Pháp văn của Cô Jeanne d'Arc, Lục Nương DTC, có dịch ra Việt văn:

Phnom-Pênh, nuit du 16/17 Février 1933, 2 h 15.

Médium: Hộ Pháp et Tiếp Đạo.

Présents à la séance: Giáo Sư LATAPIE et quelques dignitaires.

JEANNE D'ARC

J'y suis en effet, chère frère Latapie,
 A qui puis-je donner une nouvelle vie.
 Assoiffé de toute tendresse
 Vous vous trouviez dans une réelle faiblesse.
 Avec votre infidèle SÁU, vous l'encouragiez à vous trahir,
 Elle est maintenant condamnée avec sévérité,
 A des souffrances morales parmi les pires.
 Elle n'obtiendra son salut que par vous.
 Aidez-moi donc dans vos prières et je pourrai tout.
 Soyez fidèle à notre Maître Divin,
 Faites avec dévouement votre devoir de Saint.
 Nous sommes là pour vous aider
 Et faciliter votre tâche, il faut y penser.
 Un corps d'Esprits européens est à ce jour constitué,
 Ils travailleront avec vous en communauté.
 Soyez donc vaillant,
 La grandeur d'âme française en dépend.
 Au revoir.

Nam Vang, đêm 16/17 tháng 2 năm 1933, 2 giờ 15.

Phò loan: Hộ Pháp và Tiếp Đạo.

Hầu đàn: Giáo Sư Latapie và vài chức sắc.

JEANNE D'ARC

Quả thật, Em đến đây, Hiền huynh Latapie thân mến,
 Đề cho Hiền huynh một nếp sống mới.

Khao khát tình triu mến

Hiền huynh lâm vào một nhược điểm thật sự.

Đối với nàng Sáu thất tiết của Hiền huynh,

Hiền huynh đã khuyến khích nàng phản bội,

Nay thì nàng bị kết án nghiêm khắc,

Với những đau khổ tinh thần tệt hại nhứt.

Nàng sẽ được cứu rỗi bởi Hiền huynh mà thôi.

Vậy Hiền huynh hãy giúp Em trong lời cầu nguyện và Em sẽ làm được tất cả.

Hiền huynh hãy trung thành với THẦY của chúng ta,

Hãy thi hành tận tụy nhiệm vụ của một vị Thánh.

Chúng tôi ở đây để giúp đỡ Hiền huynh,

Và để làm tròn bổn phận, hãy ghi nhớ.

Một cơ quan Thần Linh Âu châu hôm nay được thành lập,
 Họ sẽ làm việc cùng với Hiền huynh trong cộng đồng.

Vậy Hiền huynh hãy dũng cảm,

Tâm hồn cao thượng của người Pháp tùy thuộc vào đây.
 Tạm biệt.

Lục Nương có một kiếp giáng trần ở VN, tên là HUỆ, nên bài thái hiến lễ Lục Nương trong Hội Yến DTC khởi đầu chữ HUỆ:

HUỆ ngào ngạt đưa hơi vò dụn,

Đứng tài ba chẳng thiếu tư phong.

Nương mây như thả cánh hồng,

Tiêu Diêu phát phước cõi tòng đưa Tiên.

Lục Nương cầm bửu pháp là cây Phước Tiêu Diêu hay Phước Truy hồn, có phận sự hướng dẫn các chơn hồn qui liễu lên tầng Trời thứ sáu là Kim Thiên:

TTCĐDTKM:

Lục Nương phát phước Truy hồn,
Tang thương nay lúc bảo tồn chúng sanh.

Lục Nương giảng cơ cho rất nhiều thi văn dạy Đạo. Nơi Hội Thánh Ngoại Giáo, Lục Nương giảng cơ với tên Jeanne d'Arc, nơi Tòa Thánh Tây Ninh thì Lục Nương giảng cơ xưng là HUỆ hay Lục Nương DTC.

Sau đây xin chép một vài bài thi của Lục Nương:

HUỆ phong nguyệt nhập vào nhung thắm,
Điệu phong ba đã lậm màu trần.
Xưa từng làm tướng cầm quân,
Nay quen thói khách hồng quần phấn son.

Bài thi điệu Động đình:

Đầm ảm cảnh trời mai ác lố,
Thơ thới đưa thuyền khổ khách chèo.
Nhấp nhò lượn sóng khóa lèo,
Luồng đông gió tạt cánh bèo ngưng sông.

Một chiếc quạnh bóng hồng nháng ngọn,
Mây đoanh non tuyết đóng nhành thông.

Về nam đổ cánh rừng tòng,
Ngút xem tựa án cây đồng khóa rèm.

Đường xúm xít chị em ruỗi bước,
Dắt dìu nhau kẻ trước người sau.

Tìm nơi hứng giọt mưa rào,
Để cơn khao khát khoe màu phủ dung.

Đờn nhẩn khách năm cung nhật trời,
Vệt mây đen gió thổi chiều hôm.

Quang âm ngày tháng dập dồn,
Ngừa khi trở bước hoàng hôn trở đường.

Đường dài muôn dặm khách đơn thân,
Mượn bóng trắng lau bước vẹn chân.

Khóa kín song thu trau hạnh đức,
Chờ khi Đạo trọn đến non Thần.

Non Thần tiếng hạc châu vang đảnh,
Chờ rước người ngay chánh dẫn đường.

Mơ màng chưa tỉnh huỳnh lương,
Sóng xao biển khổ nên thương khách trần.

LỤC NƯƠNG

(Trích trong Thánh Ngôn Sư Tập, Q.I)

DTC: Diêu Trì Cung.

Lục phủ

(Xem chữ: Ngũ tạng Lục phủ, vần Ng)

Lục tặc

六賊

A: Six robbers.

P: Six brigands.

Lục: Sáu, thứ sáu. **Tặc:** Kẻ trộm, kẻ giặc cướp.

Lục tặc là sáu tên trộm cướp, luôn luôn rình mò cướp mất công đức của người tu hành.

Đây là cách nói ví để chỉ rằng: Lục tặc chính là Lục trần. Lục trần gồm: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Chúng ở bên ngoài, luôn luôn rình rập để xâm nhập vào Lục căn của con người, để sanh ra Lục dục, khiến con người gây ra tội lỗi, tức là làm mất hết công đức.

Đức Phật dạy người tu cần phải gìn giữ cẩn thận Lục căn, để khi Lục căn đối với Lục trần mà không ham nhiễm, thì dù có Lục tặc cũng không trộm cướp chi được. Ai giữ được như vậy thì dứt phiền não, thoát luân hồi, tức là đắc đạo vậy.

Lục thân

六親

A: The six closed relations.

P: Les six degrés de parenté.

Lục: Sáu, thứ sáu. **Thân:** gần gũi thương yêu.

Lục thân là sáu hạng người gần gũi thương yêu nhất của mình: Cha, mẹ, vợ, con, anh chị, em.

Kế Lục thân là Quyển thuộc, là những người bà con dòng họ bên nội và bên ngoại, bên vợ, bên chồng.

Kệ U Minh Chung:

Phụ mẫu, sư trưởng, *lục thân*, quyển thuộc,
Lịch đại Tiên vong đồng đẳng giác ngộ.

Lục thập thất Địa cầu

六十七地球

Lục: Sáu, thứ sáu. **Thập:** mười. **Thất:** bảy. **Địa cầu:** trái đất.

Lục thập thất Địa cầu là 67 quả Địa cầu.

Theo Vũ trụ quan của Đạo Cao Đài thì phần thấp nhất của vũ trụ là Thất thập nhị Địa, tức 72 Địa cầu, được đánh số từ 1 đến 72. Quả Địa cầu của nhơn loại chúng ta đang ở là Địa cầu 68. Như vậy, bên trên Địa cầu của chúng ta là 67 Địa cầu, có đặc tính là thanh nhẹ hơn Địa cầu 68, có trình độ tiến hóa cao hơn. Còn 4 Địa cầu bên dưới Địa cầu 68 của chúng ta thì nặng trược, u tối, nên chìm xuống đáy vũ trụ, là nơi để đầy đọa các linh hồn tội lỗi, mà Phật giáo gọi nơi đó là Địa Ngục, có Thập Điện Diêm Vương cai quản.

PCT: Nóặng phép thông công cùng Tam thập lục Thiên, Tam thiên thế giới, *Lục thập thất Địa cầu*, và Thập Điện Diêm Cung, đặng cầu rỗi cho các con. (**Nó:** Đức Chí Tôn gọi Đức Giáo Tông).

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Lục thông

六通

A: Six supernatural powers.

P: Six pouvoirs surnaturels.

Lục: Sáu, thứ sáu. **Thông:** sáng suốt biết rõ.

Lục thông là sáu phép Thần thông của bực tu chứng quả A-La-Hán theo Phật giáo.

Trong đạo Phật, nhà tu hành xuất gia đắc quả A-La-Hán, được giải thoát, dứt phiền não, được 6 phép Thần thông:

1. **Thiên nhãn thông:** thấy mọi vật trong vũ trụ.
2. **Thiên nhĩ thông:** nghe mọi tiếng nói khắp nơi.
3. **Túc mạng thông:** biết chuyện đời trước của mình và của người, biết luôn cả đời này với đời sau.
4. **Tha tâm thông:** đoán biết trong tâm của người khác.
5. **Thần túc thông:** phép đi khắp nơi trong nháy mắt, phép biến hóa chi tùy ý.
6. **Lậu tận thông:** phép trong sạch hoàn toàn, nhà đạo dứt hết các trứu mến, chấp trước, không còn chấp pháp, không còn chấp ngã.

Chưa chứng quả A-La-Hán, nhà tu hành có thể đắc Ngũ thông, tức là thiếu cái thứ sáu là Lậu tận thông. Cho nên Ngũ thông được gọi là Hữu Lậu thông, tức là phép thần thông của nhà tu hành còn trứu, chưa thoát ra ngoài Tam giới, còn luân chuyển trong Lục đạo.

Còn phép thứ sáu là Lậu tận thông hay Vô Lậu thông là phép thần thông của nhà tu hành đã đoạn hết các phiền não, dứt luân hồi, nhập Niết Bàn. Ấy là phép thần thông của chư La-Hán, Duyên Giác, Phật. (Trích Phật Học TĐ của Đoàn T.Còn)

Lục Tổ Huệ Năng - Thần Tú

六祖慧能 - 神秀

Lục: Sáu, thứ sáu. **Tổ:** người đứng đầu. **Lục Tổ:** Tổ Sư thứ sáu.

Lục Tổ Huệ Năng là vị Tổ Sư đời thứ sáu của Phật giáo Trung Hoa.

Thần Tú là vị Đại Sư cùng thời với Lục Tổ Huệ Năng.

Cả hai vị đều là học trò của Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn, Tổ Sư đời thứ năm của Phật giáo Trung hoa. Nhưng Đại Sư Thần Tú không được thọ truyền y bát.

Ngũ Tổ Hoàng Nhãn (601-174) truyền y bát cho Huệ Năng, nối tiếp làm Lục Tổ của Phật giáo Trung hoa, phát huy Phật giáo ở miền Nam nước Trung hoa.

Còn Đại Sư Thần Tú thì đem Phật giáo truyền bá lên phương Bắc Trung Hoa.

Do đó, Phật giáo Trung hoa chia làm hai: Nam Tông và Bắc Tông. Bắc Tông do Đại Sư Thần Tú lãnh đạo với pháp môn Tiệm Ngộ, Nam Tông do Lục Tổ Huệ Năng lãnh đạo với pháp môn Đốn Ngộ. Nam Tông của Lục Tổ mới là chánh tông.

Bắc tông không phải là chánh tông, nên Phật giáo thất chơn truyền kể từ thời Đại Sư Thần Tú.

TNHT: "Vốn từ **Lục Tổ** thì Phật giáo đã bị bế lại, cho nên tu hữu công mà thành thì bất thành, Chánh pháp bị nơi **Thần Tú** làm cho ra mất Chánh giáo, lập riêng pháp luật, buộc mỗi Đạo Thiên.

Phép hành đạo của Phật giáo dường như ra sái hết, tương tự như gần biến Tả Đạo Bàn Môn. Kỳ truyền đã thất, chư sơn chưa hề biết cái sai ấy do tại nơi nào, cứ ôm theo luật **Thần Tú**, thì đương mong mỗi về Tây phương mà cửa Tây phương vẫn cứ bị đóng, thì cơ thành chánh quả do nơi nào mà biết chắc vậy? Ta đã đến với huyền diệu này, thì từ đây ta cũng cho chư tăng dùng huyền diệu này mà học hỏi, ngày sau đừng đổ tội rằng vì thất học mà chịu thất kỳ truyền. Chư tăng từ đây chẳng đừng nói: *Phật giả vô ngôn nữa.*"

1. LỤC TỔ HUỆ NĂNG (638-713)

"Ngài tên là Huệ Năng, thân phụ Ngài họ Lư, húy Hạnh Thao, thân mẫu của Ngài là Lý thị.

Ngài sanh vào đời nhà Đường, niên hiệu Trinh Quán thứ 12 nhằm năm Mậu Tuất, tháng 2, ngày mùng 8, giờ Tý.

Lúc sanh Ngài có một đạo hào quang chiếu lên hư không, lại có mùi thơm xông lên khắp căn nhà.

Trời vừa rạng sáng, có hai vị tăng lạ mặt đến xin viếng và gọi thân phụ Ngài nói rằng: Nhơn có đứa nhỏ sanh hồi đêm qua, nên chúng tôi đến đặt tên dùm. Nên đặt trên là chữ HUỆ, dưới là chữ NĂNG.

Thân phụ Ngài hỏi: Sao gọi là Huệ Năng?

Một thầy tăng đáp: Huệ nghĩa là đem pháp huệ mà thí cho chúng sanh, Năng nghĩa là làm được việc Phật.

Nói rồi, hai vị tăng liền đi ra, chẳng biết đến xứ nào.

Khi lọt lòng mẹ, Ngài không bú sữa, ban đêm có Thần nhân rưới nước cam lồ cho Ngài." (Trích Pháp Bảo Đàn Kinh)

Sau đó, thân phụ của Ngài qua đời, Ngài ở với mẹ, lớn lên đi bán củi kiếm tiền nuôi mẹ. Ngài không biết chữ, vì nhà nghèo, không có tiền để đi học.

Năm Ngài 24 tuổi, vẫn đi bán củi như thường lệ.

Lúc ấy có một người mua củi, bảo Huệ Năng đem đến tiệm. Khách thuê củi, Huệ Năng lãnh tiền rồi bước ra ngoài cửa, thấy một người khách tụng kinh. Huệ Năng nghe qua, tâm liền mở mang tỏ sáng, mới hỏi khách tụng kinh gì?

Khách đáp: Kinh Kim Cang.

Huệ Năng lại hỏi: Ở đâu đến mà trì tụng kinh ấy?

Khách rằng: Tôi ở chùa Đông Thiên, huyện Huỳnh Mai, xứ Kỳ Châu lại đây. Chùa ấy do Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn Đại Sư chủ trì giáo hóa tại đó. Môn nhơn của Ngài có trên một ngàn người. Tôi đã đến chùa lễ bái, nghe giảng và lãnh kinh ấy. Đại Sư thường khuyên các vị tăng, người tục, nếu ai trì tụng Kinh Kim Cang thì liền thấy tánh và chắc thành Phật.

Huệ Năng nghe nói thế, rồi bởi có nhơn duyên kiếp trước nên nhờ một người khách giúp Huệ Năng 10 lạng bạc, bảo sung vào việc y thực cho lão mẫu (mẹ của Huệ Năng) và dạy qua huyện Huỳnh Mai làm lễ Ngũ Tổ.

Huệ Năng an trí lão mẫu xong, liền từ giã ra đi, chẳng đầy 30 ngày thì tới huyện Huỳnh Mai, vào làm lễ Ngũ Tổ.

Ngũ Tổ hỏi: Ngươi là người phương nào, muốn cầu việc chi?

Huệ Năng đáp: Đệ tử là dân huyện Tân Châu, xứ Lãnh Nam, thiết ở phương xa đến đây lạy Tổ Sư chỉ cầu thành Phật chớ chẳng cầu chi khác.

Tổ Sư nói: Ngươi là người Lãnh Nam, lại là giống dã man, thế nào thành Phật được.

Huệ Năng nói: Con người tuy có phân Nam Bắc, chớ Phật tánh vốn không Nam Bắc. Cái thân dã man này đối với Hòa Thượng, tuy chẳng giống nhau chớ tánh Phật nào có khác.

Ngũ Tổ còn muốn nói chuyện nữa, nhưng thấy chúng môn đồ đứng vây hai bên tả hữu, nên bảo Huệ Năng theo đồ chúng mà làm công việc.

Huệ Năng nói: Kính bạch Hòa Thượng, tự tâm của đệ tử thường sanh trí huệ, chẳng lìa tự tánh, tức là phước điền, chẳng hay Hòa Thượng còn dạy làm công việc gì nữa?

Tổ Sư nói: Cái căn tánh của người dã man này thiệt là sáng suốt. Người chớ nói nữa, hãy đi ra nhà sau.

Huệ Năng đi ra nhà sau thì có một hành giả sai Huệ Năng bừa củi giã gạo (giã bằng chày đập).

Trải qua 8 tháng dư, một ngày kia, Tổ Sư xảy thấy Huệ Năng, Ngài nói rằng: Ta nghĩ chỗ tri kiến của người dùng được, song sợ có kẻ ác hại người, nên chẳng nói chuyện với người, người có biết chẳng?

Huệ Năng đáp: Đệ tử cũng hiểu ý của Tổ Sư, nên chẳng dám đến trước nhà, khiến cho người ta không biết.

Một ngày kia, Ngũ Tổ bảo các môn nhân đều tựu lại mà dạy rằng:

- Ta nói cho chúng đệ tử rõ, sự sống thác của người đời là việc lớn. Các người trọn ngày chỉ cầu phước điền chớ chẳng cầu ra khỏi biển khổ sống thác. Nếu tánh mình mê muội thì phước nào cứu được. Các người lui về, mỗi người đem trí huệ của mình, lấy tánh Bát Nhã của bản tâm mình mà làm một Bài Kệ, đem trình cho ta xem. Nếu ai hiểu rõ đại ý, ta sẽ truyền y pháp cho làm Tổ thứ sáu. Hãy đi cho mau, chẳng đặng chậm trễ. Nếu để tâm suy nghĩ độ lượng ắt chẳng hợp dùng. Phàm người thấy tánh, khi nghe pháp rồi thì phải thấy liền. Nếu được như thế thì dầu quơ đao ra trận, cũng thấy tánh. (Người lợi căn, dầu gặp cảnh nguy nan gấp rút, bao giờ cũng thấy tánh mình.)

Các môn nhân khi được lệnh sắp phân rồi, liền lui ra, lần lượt kêu nhau mà truyền rằng: Bọn chúng ta chẳng nên lóng tâm dùng ý mà làm kệ để trình Hòa Thượng, vì có ích chi đâu!

Thượng Tọa Thần Tú hiện làm Giáo Thọ, chắc người làm kệ được. Chúng ta đừng làm kệ chi cho hao tổn tâm lực rất uổng.

Chúng môn nhưn nghe nói thì yên lòng, đồng bảo nhau từ đây sắp sau, chúng ta nương cậy Đại Sư Thần Tú, cần gì phải làm kệ cho phiền lòng.

Còn Đại Sư Thần Tú suy nghĩ: Các người ấy không trình kệ, là vì nể ta là Giáo Thọ, thầy của bọn chúng. Ta phải làm kệ trình Hòa Thượng. Nếu không trình kệ thì Hòa Thượng đâu biết chỗ thấy hiểu trong tâm ta sâu cạn thế nào. Bồn ý ta trình kệ mà cầu pháp thì tốt, còn mong vào ngôi Tổ thì xấu, cũng giống như người phạm, lòng mong đoạt ngôi Thánh. Bằng chẳng trình kệ, rốt không đắc pháp. Thiết rất khó! Rất khó!

Nguyên trước nhà Ngũ Tổ có ba gian nhà cầu. Ngài tính rước quan Cung Phụng là Lữ Trân vẽ các biến tướng thuật trong Kinh Lăng Già (Quang cảnh lúc Phật thuyết pháp tại Hội Lăng Già) và cái bản đồ chỉ sự truyền kế của 5 vị Tổ Sư gọi là Ngũ Tổ huyết mạch đồ, để lưu truyền cho đời cúng dường.

Đại Sư Thần Tú làm kệ xong, muốn đem trình mấy phen, nhưng mỗi khi đến trước nhà Tổ thì lòng hoảng hốt, mồ hôi ra ướt cả mình, nghĩ rằng trình kệ chẳng đặng.

Trước sau trải qua 4 ngày 13 phen mà trình kệ chẳng đặng. Sư Thần Tú mới suy nghĩ, chi bằng biên bài kệ nơi vách nhà cầu, nếu thành linh Hòa Thượng xem thấy mà khen hay thì ta ra làm lễ, nói rằng bài kệ ấy của Thần Tú làm, bằng Ngài nói rằng bài kệ ấy chẳng đặng dùng, thiết uổng công ta vào núi theo thầy học đạo tu hành đã bao nhiêu năm nay.

Đêm ấy, đến canh ba, Thần Tú chẳng cho ai biết, tự mình cầm đèn, biên bài kệ nơi vách nhà cầu phía Nam, bày rõ chỗ thấy của tâm mình.

Kệ rằng:

Thân thị bồ đề thọ,	身是菩提樹
Tâm như minh cảnh đài,	心如明鏡臺
Thời thời cần phát thức,	時時勤拂拭
Vật sử nhạ trần ai.	勿使惹塵埃

GIẢI NGHĨA:

Thân: thân mình. **Thị:** là. **Thọ:** **Thụ:** cây. **Minh:** sáng.

Cảnh: còn đọc là **Kính:** tấm gương soi mặt. **Đài:** cái giá đỡ.

Thời thời: luôn luôn. **Phất:** quét. **Thức:** lau chùi.

Vật: chớ. **Sử:** khiến cho. **Nhạ:** rước lấy. **Trần:** bụi, cổi trần.

Ai: bụi bặm. **Nhạ trần ai:** dánh bụi trần.

- C. 1: Thân thị bồ đề thọ: Thân là cây bồ đề,
 C. 2: Tâm như minh cảnh đài: Tâm như đài gương sáng,
 C. 3: Thời thời cần phất thức: Luôn luôn cần quét lau.
 C. 4: Vật sử nhạ trần ai: Chớ để dính bụi trần

KHẢO DỊ:

Câu 4 có bản khác chép là:

- Mạc khiển hữu trần ai.
- Mạc sử nhạ trần ai.

Lời giải của Hòa Thượng Thích Minh Trực trong bản dịch Pháp Bảo Đàn Kinh:

"Đại ý bài kệ này chứng tỏ Sư Thần Tú khi ấy thân căn chưa trong sạch, tâm thể chưa tỏ sáng, nên cầu cho thân trong sạch như cây bồ đề, tâm tỏ sáng như đài gương, giờ giờ còn công phu dẹp dục dứt tình, nên chưa giải thoát."

Sư Thần Tú thật là thông minh, nhưng bởi duyên nghiệp còn nhiễm vương, nên chưa hạp thời đắc pháp."

Bài kệ của Sư Thần Tú có ý nghĩa hay, nhưng chỉ hạp dùng cho hàng trung hạ, tu từ thấp lên cao, tức theo Tiệm giáo."

Đây là bài giải cho hiểu ý nghĩa, chớ chẳng phải phân biệt chỗ cao thấp hơn thua. Người xem kinh chẳng nên tỏ ý khinh để mà phải mê, thất đạo tâm."

Sư Thần Tú ví thân mình giống cây bồ đề, tâm mình như đài gương sáng. Đài gương sáng mà để cho bụi bám thì mất sáng, bị mờ đi, nên cần phải quét chùi cho hết bụi bặm, thì nó sẽ sáng mãi.

Bài kệ này rất hay, vì nó gần gũi với phần đông người tu hành, vì tâm chúng ta hiện giờ mù mịt u tối vì bị các thứ bụi dơ

như phiền não, vọng tưởng che phủ, nên chúng ta cần phải lau chùi luôn thì mới là đài gương sáng.

Sư Thần Tú biên bài kệ rồi bèn trở xuống phòng, chẳng ai hay biết. Thần Tú lại suy nghĩ: Nếu ngày mai, Ngũ Tổ thấy bài kệ mà vui mừng tức là ta có duyên với pháp, bằng Ngài nói chẳng đặng dùng, ấy bởi tâm ta muội mê, nghiệp chướng kiếp trước còn nặng, nên chẳng hợp thời đắc pháp. Thánh ý thật khó dò!

Ở trong phòng, Thần Tú cứ lo nghĩ mãi, suốt cả năm canh nằm ngồi chẳng yên.

Ngũ Tổ đã biết trước Sư Thần Tú chưa vào đặng cửa Đạo, vì người chưa thấy tự tánh.

Trời sáng, Ngũ Tổ vờ lư Trân đến bảo vẽ cảnh biển tượng và cái bản đồ nói trên nơi vách nhà cầu phía Nam, xảy thấy bài kệ ấy. Ngũ Tổ bảo rằng:

- Này quan Cung Phụng, thôi chẳng cần vẽ, thiệt nhọc công ông ở phương xa đến đây. Kinh có nói rằng: Phạm vật có hình tướng đều là giả dối. Vậy cứ để bài kệ ấy cho người trì tụng. Cứ y theo bài kệ ấy mà tu hành thì khỏi đọa vào đường ác, y theo bài kệ ấy tu hành thì ích lợi lớn.

Ngũ Tổ dạy các môn nhân đốt nhang lễ kính, bảo cả thầy tụng bài kệ ấy thì lần lần thấy tánh. Các môn nhưn tụng kệ đều khen thật hay.

Đến canh ba, Ngũ Tổ kêu Thần Tú vào nhà, hỏi rằng:

- Bài kệ ấy phải của người làm ra chăng?

Thần Tú đáp:

- Thiệt Thần Tú này làm, nhưng kẻ đệ tử chẳng dám vọng cầu ngôi Tổ, chỉ mong Hòa Thượng từ bi xem coi đệ tử có chút trí huệ chăng?

- Người làm bài kệ ấy tỏ ra chưa thấy bản tánh. Người mới tới ngoài thềm cửa, chưa vào trong nhà. Cứ như chỗ thấy hiểu ấy mà tìm đạo Vô thượng Bồ Đề thì rõ ràng chưa thể đượ. Theo đạo Vô thượng Bồ Đề, hễ khi nghe nói pháp rồi, liền phải biết bản tâm và thấy bản tánh của mình. Tâm mình chẳng sanh chẳng diệt, trong cả thầy thời gian, niệm niệm liền thấy tánh. Đối với muôn pháp, tâm mình suốt thông, không ngưng

trệ. Một pháp, mình thấy hiểu thấu chơn tướng, cả thầy các pháp, mình đều hiểu thấu chơn tướng. Đối với muôn cảnh, tâm mình như như, tâm như như tức là tâm chơn thật. Thấy như thế, ấy là thấy tánh Vô thượng Bồ Đề của mình.

Người hãy lui ra, suy nghĩ trong hai ngày, rồi làm bài kệ khác đem lại cho ta xem. Nếu bài kệ của người vào đặng cửa Đạo. Ta sẽ truyền y pháp cho.

Sư Thần Tú làm lễ rồi lui ra. Trải qua mấy ngày, Thần Tú làm kệ chẳng xong thì trong lòng hoảng hốt, thần ý bồi hồi dường như mê mộng, đi ngồi chẳng an vui.

Cách hai ngày, có một tên đồng tử đi ngang qua phòng giả gạo, xướng tụng bài kệ ấy cho Huệ Năng nghe qua, biết bài kệ ấy chưa thấy bốn tánh. Tuy ta (Huệ Năng tự xưng) chưa được Ngũ Tổ chỉ dạy, chớ đã sớm biết đại ý, mới hỏi đồng tử rằng:

- Tụng bài kệ gì vậy?

Đồng tử đáp: - Người dã man này không hay biết chi hết. Đại Sư nói sự sống thác của người thế gian là việc lớn. Vì muốn truyền y pháp, nên Ngài dạy các môn nhơn mỗi người làm một bài kệ đem trình cho Ngài xem. Nếu ai hiểu đại ý, Ngài sẽ truyền y pháp cho, đặng làm Tổ thứ sáu. Thượng Tọa Thần Tú có biên một bài kệ vô tướng nơi vách nhà cầu phía Nam. Đại Sư dạy mỗi người đều phải tụng. Nếu y theo bài kệ ấy mà tu hành thì khỏi đọa vào đường ác, y theo bài kệ ấy mà tu hành thì có ích lợi lớn.

Huệ Năng nói: - Tôi cũng muốn tụng bài kệ ấy để kết nhơn duyên về đời sau. Nay, thượng nhơn, tôi ở đây giả gạo đã trên 8 tháng mà chưa từng ra trước nhà Tổ, mong thượng nhơn dẫn tôi ra đến trước bài kệ ấy đặng lễ bái.

Đồng tử dẫn ta đến trước bài kệ ấy. Ta nói:

- Huệ Năng không biết chữ, xin thượng nhơn đọc dùm.

Khi ấy có quan Biệt Giá ở Giang Châu, họ Trương tên Nhựt Dụng, cất tiếng đọc lớn. Huệ Năng nghe rồi bèn nói:

- Tôi cũng có một bài kệ, mong ơn Biệt Giá biên dùm.

Biệt Giá nói:

- Người cũng biết làm kệ nữa sao? Việc này ít có.

Huệ Năng ngó quan Biệt Giá mà nói:

- Muốn học đạo Vô thượng Bồ Đề thì chẳng nên khinh dễ hàng sơ học. Có kẻ bực thấp mà thường thường phát sanh trí huệ rất cao, có người bực cao mà thường thường chôn lấp ý trí của mình, nếu khinh dễ người ắt có tội vô lượng vô biên.

Biệt Giá nói: - Người hãy ngâm bài kệ đi, ta biên dùm cho. Nếu người đắc pháp thì phải độ ta trước, chớ quên.

Huệ Năng ngâm bài kệ rằng:

Bồ đề bốn vô thọ,	菩提本無樹
Minh cảnh diệc phi đài,	明鏡亦非臺
Bổn lai vô nhất vật,	本來無一物
Hà xứ nhạ trần ai?	何處惹塵埃

GIẢI NGHĨA:

Bồn: vốn là. **Vô:** không. **Thọ:** Thọ: cây.

Minh cảnh: Minh kính: cái gương sáng. **Diệc:** cũng.

Phi: không phải, chẳng phải. **Đài:** cái giá đỡ.

Bổn lai: từ trước tới sau. **Nhất vật:** một vật.

Hà xứ: xứ nào, chỗ nào? **Nhạ trần ai:** dính bụi trần.

C.1: Bồ đề bốn vô thọ:	Bồ đề vốn không cây,
C.2: Minh cảnh diệc phi đài:	Gương sáng cũng chẳng đài,
C.3: Bổn lai vô nhất vật:	Xưa nay không một vật,
C.4: Hà xứ nhạ trần ai?	Chỗ nào dính bụi trần?

KHẢO DỊ:

Câu 4 có bản chép: Hà giả phát trần ai.

Lời giải của Hòa Thượng Thích Minh Trực trong bản dịch Pháp Bảo Đàn Kinh:

"Đại ý bài kệ này nói: Bồ đề là tánh giác ngộ, không hình, trống không, chẳng có chi gọi là thọ (cội cây). Minh cảnh là tâm viên minh, thông triệt, phổ biến, cũng trống không, có gì mà gọi là đài? Bổn lai tự tánh của ta tức là Bổn lai Diệu giác Chơn tâm, từ vô thủy vốn trong sạch, trống không, không có một vật gì tìm được trong đó. Thế thì có chi gọi là vương bụi?"

Bài kệ này chứng tỏ Huệ Năng khi ấy đã minh tâm kiến tánh, thân căn thanh tịnh, nên các lời nói ra đều siêu phàm thoát tục, vô ngã vô pháp, vô tướng vô hình. Ngài chẳng luận cái thân tứ đại giả hiệp, chỉ nói ngay cái Bản lai diện mục mà thôi."

Qua bốn câu kệ của Huệ Năng, chúng ta nhận thấy Ngài phủi sạch hết những gì của Thần Tú nêu ra.

Thần Tú nói thân là cây bồ đề, là hình thức, thì Huệ Năng nói: Bồ đề không có cây, tức là không có hình thức.

Thần Tú nói tâm là đài gương sáng, cũng là hình thức. Huệ Năng bác bỏ, nói gương sáng không cần đài, vì gương sáng là tự nó sáng chớ đâu phải đặt nó lên đài nó mới sáng.

Huệ Năng không chấp nhận hình thức, Ngài chỉ rõ Bồ đề là tánh giác, tánh giác không có hình thức. Gương sáng là ví với tâm, tâm không cần đài, nó không có hình thức. Thần Tú còn bị mắc kẹt trong hình thức, tức là mắc kẹt trong sắc tướng.

Thần Tú nói: Thời thời cần phát thức, vật sử nhạ trần ai, nghĩa là có hình thể mới cần lau chùi quét dọn, để cho đừng dính bụi dơ, cũng là hình thức. Huệ Năng bác bỏ hình thức ấy, nói: Bỏ lại vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai? nghĩa là xưa nay không một vật thì chỗ nào dính bụi dơ? Tâm của mình xưa nay là trống không, không một vật nào trong đó, thì chỗ nào dính bụi bặm được?

Huệ Năng đã biết rõ cái tâm thanh tịnh, không sanh diệt nên nói: Nó không một vật, không dính bụi bặm. Sư Thần Tú còn mắc kẹt trong cái tâm có hình tướng nên bị dính bụi, cần phải lau chùi.

Biên bài kệ của Huệ Năng rồi, cả thầy đồ chúng đều kinh hãi, lấy làm lạ và khen hay. Mỗi người kêu nhau mà nói: Lạ thay! Chẳng đặng xét người bằng diện mạo, bấy lâu chúng ta đã phạm sai lầm khi sai khiến vị Bồ Tát xác phàm này.

Ngũ Tổ thấy chúng như kinh hãi và lấy làm lạ, e có kẻ hại Huệ Năng nên Ngũ Tổ lấy giày chà hết bài kệ và nói: "Bài kệ này cũng chưa thấy tánh." Đồ chúng đều cho là phải.

Ngày kế, Ngũ Tổ lên đến chỗ phòng già gạo, thấy Huệ Năng mang đá nơi lưng mà già gạo (bởi mình gầy ốm nên

phải mang đá cho đủ nặng mới đập nổi cái chày). Ngũ Tổ nói:

- Người cầu Đạo vì pháp quên thân, phải như thế sao?

Rồi Ngũ Tổ hỏi: - Gạo trắng chưa?

Huệ Năng đáp: - Gạo trắng đã lâu, chỉ còn thiếu sàng. (Ý nói đã thấy tánh, chỉ còn đợi truyền pháp).

Ngũ Tổ lấy cây gậy gõ lên cối 3 tiếng, rồi bỏ đi.

Huệ Năng liền hiểu ý Tổ Sư, đến canh ba vào thất. Ngũ Tổ lấy y pháp đắp cho ta (Huệ Năng), chẳng cho ai thấy, rồi nói Kinh Kim Cang cho ta nghe, đến câu: "*Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*" (Không nên trụ vào chỗ nào mà sanh ra tâm ấy, để cái tâm trống không, chẳng trụ vào đâu cả).

Huệ Năng nghe nói rồi liền tỏ sáng, biết rằng cả thầy muôn pháp chẳng lia tánh mình, mới bạch với Tổ Sư rằng:

Nào dè tánh mình vốn tự nhiên trong sạch,

Nào dè tánh mình chứa đầy đủ muôn pháp,

Nào dè tánh mình vốn không lay động,

Nào dè tánh mình có thể sanh ra muôn pháp.

Tổ Sư biết ta đã tỏ sáng bản tánh, bảo Huệ Năng rằng:

- Nếu chẳng biết bản tâm thì học pháp vô ích; bằng biết bản tâm và thấy bản tánh mình, tức gọi trượng phu, là Phật, Thầy cõi Trời và cõi người vậy.

Đến canh ba, Huệ Năng thọ pháp, chẳng có ai hay.

Tổ Sư truyền phép Đốn giáo và y bát cho ta, dạy rằng:

- Người làm Tổ thứ sáu, hãy gìn giữ và nhớ lấy Đạo tâm của mình (hộ niệm), phải quảng độ chúng hữu tình và lưu truyền cái chánh pháp cho đời sau, đừng để đoạn tuyệt.

Hãy nghe bài kệ của ta đây:

KỆ:

Hữu tình lai hạ chủng,

有情來下種

Nhơn địa quả hườn sanh,

因地果還生

Vô tình ký vô chủng,

無情既無種

Vô tánh diệt vô sanh.

無性亦無生

GIẢI NGHĨA:

Hữu tình đến gieo giống,
 Nhờ đất quả lại sanh.
 Vô tình đã không giống,
 Không tánh cũng không sanh.

LỜI GIẢI:

Đại ý bài kệ này, Ngũ Tổ dạy Ngài Huệ Năng về việc truyền pháp.

Hai câu trên bảo: Phàm những người hữu tình, nghĩa là có tánh giác ngộ thì nên truyền Phật pháp cho họ, vì họ có sẵn tánh giác ngộ, nghe pháp rồi ắt đặng chứng quả.

Hai câu dưới lại dạy: Còn những người vô tình, không có giống Phật tánh, tức là chưa phát sanh tánh giác ngộ, thì chẳng nên truyền Phật pháp, vì họ không có tánh giác ngộ ắt không sanh quả Phật được.

Hoàng Nhẫn Tổ Sư lại nói:

- Ngày xưa, Đạt Ma Tổ Sư mới tới xứ này, người ta chưa tin Phật pháp, nên phải truyền cái áo ấy để làm tín thể (vật để làm tin), nói truyền cho nhau từ đời này đến đời khác. Còn pháp thì lấy tâm truyền tâm, khiến cho người tự mình tỏ sáng, tự mình hiểu biết. Từ xưa, chư Phật chỉ truyền cái bản thể (tức bản tánh) là cội rễ của các pháp, và chỉ trao kín cái bản tâm mà thôi. Áo là cái mối tranh giành, tới đời người đừng truyền nữa. Nếu truyền cái áo ấy thì tánh mạng rất nguy. Hãy đi cho chóng kẻo có kẻ hại người.

Huệ Năng bạch Tổ: - Đi xứ nào?

Tổ Sư nói: - Gặp Hoài (huyện Hoài Tập) thì ở lại, gặp Hội (huyện Tứ Hội) thì ẩn nương nơi đó.

Canh ba, khi Huệ Năng lãnh y bát rồi thì bạch rằng:

- Huệ Năng vốn là người ở Lãnh Nam, chẳng biết một con đường nào nơi núi này, làm sao ra đặng sông Cửu Giang?

Ngũ Tổ nói: - Người chẳng cần lo, để ta đưa người đi.

Tổ đưa Huệ Năng thẳng tới trạm Cửu Giang, bảo ta lên chiếc thuyền nhỏ, rồi Ngũ Tổ cầm chèo mà đưa.

Huệ Năng nói:

- Xin Hòa Thượng ngồi, để đệ tử chèo mới phải.

- Ta độ, đưa người mới phải. (chữ độ là đưa, cũng có nghĩa là cứu độ).

- Lúc mê thì Tổ Sư độ, ngộ rồi thì tự độ lấy mình. Huệ Năng này sanh tại xứ dã man, giọng nói bất chánh, nhờ Tổ Sư truyền pháp, nay đã được tỏ sáng, thì chỉ nên lấy tánh mình mà độ mình mới phải.

- Phải vậy! Phải vậy! Từ đây sắp sau, Phật pháp sẽ do người truyền bá thanh hành. Người đi rồi, ba năm sau ta sẽ qua đời. Nay người hãy đi, gắng sức qua hướng Nam, nhưng chớ nên vội thuyết pháp, vì Phật pháp khó mở.

Huệ Năng từ biệt Tổ Sư, đi qua hướng Nam, trong 2 tháng tới núi Đại Du Lãn. (Huệ Năng đã được Ngũ Tổ truyền y bát để làm Lục Tổ, nhưng lúc đó Huệ Năng chỉ là một cư sĩ, chưa thọ pháp qui y nên vẫn chưa cạo tóc).

Khi Ngũ Tổ trở về, cách mấy ngày chặng ra giảng đường. Các môn đồ có lòng nghi, bèn đến hỏi thăm:

- Hòa Thượng có chút bệnh hay buồn chi chăng?

Tổ nói: - Ta không có bệnh chi, nhưng y pháp đã về hướng Nam rồi.

Đồ chúng hỏi: - Ai được truyền thọ?

Tổ nói: - Huệ Năng được truyền thọ.

Khi đó đồ chúng mới hay.

Mấy trăm đồ chúng liền đuổi theo Huệ Năng muốn đoạt lại y bát. Có một tăng tên là Trần Huệ Minh, ngày trước làm chức Tứ phẩm Tướng Quân, tánh tình thô bạo, làm đầu chúng nhơn, đuổi kịp Huệ Năng. Huệ Năng ném y pháp lên tăng đá mà nói rằng: Cái áo này là vật làm tin, há dùng sức mà tranh được sao? Đoạn Huệ Năng ẩn mình trong đám cỏ tranh.

Huệ Minh chạy đến, nắm áo dờ lên mà không nhúc nhích, liền kêu lên rằng:

- Hành giả, tôi vì pháp mà đến đây chớ chẳng vì áo.

Huệ Năng bước ra, ngồi xếp bằng trên tảng đá. Huệ Minh làm lễ nói rằng:

- Mong ơn Hành giả nói pháp cho tôi nghe.

Huệ Năng nói:

- Ông vì pháp mà đến đây, khá dứt hết trần duyên, chớ sanh niệm tưởng, tôi sẽ nói Phật pháp cho ông nghe.

Lặng lạng một hồi lâu, Huệ Năng nói: - *Chẳng nghĩ việc lành, chẳng nghĩ điều dữ, chính trong thời gian đó, hãy đưa cho tôi xem cái bản lai diện mục của Thượng Tọa Minh trước khi cha mẹ chưa sanh ra ông.*

(Hán văn: 不思善不思惡正當興廢時還我明上座父母未生時面目來.)

Bất tư thiện, bất tư ác, chánh đương hưng ma thời hoàn ngã Minh Thượng Tọa phụ mẫu vị sanh thời diện mục lai.

Huệ Minh nghe nói rồi, bỗng sáng tỏ ngay cái pháp căn bản bấy lâu nay tìm kiếm khắp bên ngoài muôn vật. Cái hiểu của ông bây giờ là cái hiểu của người uống nước nóng lạnh tự biết. Huệ Minh cảm động quá đến nỗi toát mồ hôi, trào nước mắt, rồi cung kính chấp tay làm lễ, bạch tiếp rằng:

- Ngoài lời nói và ý chỉ mật nhiệm như trên, còn có ý chỉ nào mật nhiệm khác nữa không?

Huệ Năng nói: - Điều tôi nói với ông chẳng phải là mật nhiệm, nếu ông hồi quang nội chiếu thì sẽ thấy chỗ mật nhiệm là ở nơi ông.

Huệ Minh nói: - Tôi tuy ở tại Huỳnh Mai nhưng chưa xét biết cái bản lai diện mục của mình, nay nhờ hành giả chỉ dạy cho biết, thì hành giả là thầy của Huệ Minh vậy.

Huệ Minh làm lễ rồi trở xuống chơn núi, kêu bọn đồ chúng đuổi theo mà nói rằng: - Kiểm khắp các đường núi mà không thấy dấu vết gì cả, chúng ta phải đi đường khác.

Bọn đồ chúng đều tin vậy và kéo đi nơi khác.

*Lục Tổ Huệ Năng đã nói một câu bất hủ: **Thấy cái bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra.***

Đó là một thông điệp hết sức mới mẻ, được công bố lần đầu tiên để khai diễn ra dòng sử Thiền vô tận. Ngài đã mở ra một chơn Trời mới cho pháp môn Thiền cổ truyền của Ấn Độ.

Huệ Năng, sau đến Tào Khê, lại bị bọn ác tìm theo, nên phải lánh nạn, ở chung với bọn thợ săn tại huyện Tứ Hội. Bọn

thọ sẵn bảo ta giữ lưới, mỗi khi thấy có con vật nào vào lưới thì ta thả ra hết; mỗi khi tới bữa ăn thì ta lấy rau gỏi luộc trong nồi thịt. Có người hỏi, ta bảo chỉ ăn rau luộc bên thịt mà thôi.

Mười lăm năm sau, một ngày kia, ta suy nghĩ đã biết hết thời kỳ ẩn dật, đến thời kỳ hoằng pháp, ta bèn đi tới chùa Pháp Tánh tại Quảng Châu, gặp Ấn Tông Pháp sư đang giảng Kinh Niết Bàn. Lúc ấy có luồng gió thổi động lá phướn, một tăng nói: Gió động. Một tăng khác nói: Phướn động. Hai đảng tranh luận hoài chẳng ai chịu thua ai.

Huệ Năng bước tới nói: Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, ấy là tâm của nhơn giả động.

Chúng nhơn nghe ta nói thế đều kinh hãi. Ấn Tông liền mời ta vào chùa, ngồi vào chỗ cao hơn hết, và cầu hỏi những nghĩa lý uyên áo.

Huệ Năng trả lời với ngôn ngữ rất giản dị, nghĩa lý thích đương, mà chẳng do văn tự. Ấn Tông nói rằng:

- Hành giả hẳn chẳng phải người thường. Đã lâu, tôi có nghe nói pháp y của Huỳnh Mai Ngũ Tổ đã về phương Nam, có phải về tay Hành giả chăng?

Huệ Năng đáp: - Tôi đâu dám. (Lời nói khiêm nhượng)

Nhơn đó, Ấn Tông làm lễ, xin ta đem y bát cho đại chúng xem. Sau đó Ấn Tông hỏi:

- Đức Ngũ Tổ khi phú chúc, Ngài truyền thọ thế nào?

Huệ Năng nói:

- Ngài không có truyền thọ chi, chỉ luận môn Kiến Tánh. Ngài chẳng luận phép Thiên định và phép Giải thoát.

Ấn Tông nói:

- Sao chẳng luận phép Thiên định và phép Giải thoát?

Huệ Năng đáp: - Vì hai phép ấy chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp chẳng hai.

Huệ Năng giảng giải cho Ấn Tông Pháp sư nghe tại sao Pháp chẳng hai, tánh chẳng hai, ấy là Phật tánh đó.

Ấn Tông nghe giảng xong thì vui mừng chấp tay nói:

- Sự giảng kinh của tôi tử như ngói gạch, chỗ luận nghĩa của hơn giả như vàng ròng.

Nhơn đó, Ấn Tông Pháp sư xuống tóc cho Huệ Năng, nguyện thờ ta làm thầy.

Ngày 15-Giêng-Bính Tý, đời vua Đường Cao Tông nguyên niên, Ấn Tông Pháp sư nhóm hết tứ chúng để làm lễ xuống tóc cho Huệ Năng.

Ngày 8-2-Bính Tý năm đó, Ấn Tông Pháp sư lại nhóm hết các vị danh đức mà truyền thọ Cụ Túc giới cho Huệ Năng.

- Trí Quang Luật Sư ở Tây Kinh làm Thọ Giới Sư.
- Huệ Tịnh Luật Sư ở Tô Châu làm Yết Ma.
- Thông Ứng Luật Sư ở Kinh Châu làm Giáo Thọ.
- Kỳ Đà La Luật Sư ở Trung Thiên Trước thuyết giới.
- Mật Đa Tam Tạng ở Tây Thiên Trước chứng giới.

Nguyên cái Giới đàn này do Sư Câu-Na-Bạt-Đà-La Tam Tạng ở triều nhà Tùy đứng ra sáng lập và có dựng bia ghi lời sấm truyền rằng: "Sau này có một vị Bồ Tát xác phạm thọ giới tại chỗ này."

Qua năm sau, Lục Tổ Huệ Năng từ giả đồ chúng, đến chùa Bửu Lâm tại Tào Khê. Khi ấy, Ấn Tông và đồ chúng có trên ngàn người, đưa Lục Tổ đến thẳng xứ Tào Khê. Lúc đó, Thông Ứng Luật Sư ở Kinh Châu và các học giả, kể có 100 người, đều theo ở với Lục Tổ.

Chùa Bửu Lâm ở Tào Khê chật hẹp, không đủ chỗ cho tăng chúng. Lục Tổ muốn mở rộng ra, nên đến viếng một người giàu có trong vùng là Trần Á Tiên, nói rằng:

- Bàn tăng đến đây cầu thí chủ cho một khoảnh đất vừa trải tám tọa cụ này được chăng?

Trần Á Tiên nói:

- Tám tọa cụ của Hòa Thượng bao lớn?

Lục Tổ lấy tám tọa cụ ra cho Trần Á Tiên xem.

Trần Á Tiên đáp: - Được.

Lục Tổ lấy tám tọa cụ phóng ra, bao trùm hết 4 cảnh Tào Khê, lại có 4 vị Thiên Vương hiện thân ngồi trấn 4 hướng.

Trần Á Tiên nói:

- Tôi biết pháp lực của Hòa Thượng thật quảng đại, nhưng vì phần mộ của Cao Tổ tôi đều nằm trong khoảnh đất này, ngày sau nếu có cất tháp, xin giữ lại các phần mộ, còn giai dư, tôi hỷ hiến hết để làm ngôi Tam Bảo. Lại chỗ đất này có mạch núi Sanh Long và non Bạch Tượng, vậy chỉ nên bình Thiên, chẳng nên bình địa. (Chỗ thấp cất cao, chỗ cao cất thấp, chẳng nên đục đá, e hư mạch núi).

Về sau, chùa kinh dinh kiến trúc, nhứt nhứt đều làm y theo lời thỉnh cầu của Trần Á Tiên.

Từ khi hai vị Tông chủ Huệ Năng và Thần Tú phân rẽ hai đường Nam, Bắc, để hóa độ, hai Ngài vẫn không phân biệt nhơn ngã, nhưng các môn đồ của Đại Sư Thần Tú lúc nào cũng muốn tiêu diệt Huệ Năng để tôn Thần Tú lên ngôi Lục Tổ. Đương nhiên Đại Sư Thần Tú phải biết việc đó, nhưng sử sách không thấy nói Đại Sư Thần Tú ngăn cấm việc đó.

Bởi vậy, các đại đệ tử của Đại Sư Thần Tú bí mật mượn tên Hạnh Xương đến Tào Khê hành thích Huệ Năng.

Lục Tổ Huệ Năng có thần thông nên biết rõ việc ấy.

Đêm ấy, Tổ Sư lấy 10 lượng vàng để sẵn bên chỗ ngồi. Lúc khuya, Hạnh Xương lén vào phòng của Lục Tổ, Tổ Sư để Hạnh Xương chém ba lần mà không sao cả. Tổ sư nói:

- Gươm chánh không dùng vào việc tà, gươm tà không dùng vào việc chánh. Ta chỉ thiếu người vàng chứ không thiếu nợ mạng.

Hạnh Xương hoảng kinh ngã ra bất tỉnh hồi lâu mới tỉnh lại, cầu khẩn Tổ Sư tha mạng và nguyện xin xuất gia.

Tổ sư bảo:

- Người hãy lấy vàng đi đi. Một ngày kia, người thay hình đổi dạng rồi đến đây ta sẽ độ người.

Một thời gian khá lâu về sau, Hạnh Xương đã đi tu rồi, nhớ lại lời của Tổ Sư, trở lại Tào Khê vái sư, tu hành tinh tấn, được Tổ Sư đặt pháp danh là Chí Triệt.

.....

Tổ Sư cho biết gần đến ngày Tổ Sư nhập diệt. Thượng Tọa Pháp Hải bạch hỏi rằng:

- Sau khi Tổ Sư nhập diệt thì y pháp truyền lại cho ai?

Tổ Sư đáp: - Các lời thuyết pháp của ta từ lúc ở chùa Đại Phạm đến nay đều phải biên chép mà lưu hành, đề tên là **Pháp Bửu Đàn Kinh**. Các người hãy gìn giữ, thay thế nhau mà truyền thọ độ chúng sanh. Hãy y theo lời kinh này mà nói, ấy là Chánh pháp. Nay ta nói pháp cho các người nghe mà chẳng giao y pháp là bởi tín căn của các người đã thuần thực, chắc chắn không nghi, có thể kham nổi việc lớn. Lại cứ y theo bài kệ của Đạt Ma Tổ Sư để lại thì y pháp chẳng nên truyền nữa.

Bài kệ ấy như vậy:

Ngô bản lai tư độ,	吾本來斯土
Truyền pháp cứu mê tình,	傳法救迷情
Nhứt hoa khai ngũ diệp,	一花開五葉
Kết quả tự nhiên thành.	結果自然成

GIẢI NGHĨA:

Ngô: ta. **Bản:** vốn. **Lai:** đến. **Tư:** cái này. **Độ:** Thỏ: đất.

Pháp: giáo lý. **Mê tình:** chúng sanh mê muội.

Khai: nở. **Ngũ:** năm. **Diệp:** lá, tờ giấy.

Tự nhiên: Trời làm như thế, không do nơi người.

C.1: Ngô bản lai tư độ:	Ta vốn tới đất này,
C.2: Truyền pháp cứu mê tình:	Truyền pháp cứu người mê
C.3: Nhứt hoa khai ngũ diệp:	Một bông nở năm cánh,
C.4: Kết quả tự nhiên thành:	Kết quả tự nhiên thành.

Ngày 3-8-Quý Sửu (713) vào đời vua Đường Huyền Tông, tại chùa Quốc Ân, sau khi thọ trai rồi, Lục Tổ kêu các môn đệ đến bảo rằng: - Các người hãy theo ngôi thứ mà ngồi, ta sắp từ biệt chúng người.

Tổ Sư nói bài kệ: Tự Tánh Chơn Phật, rồi dặn rằng:

- Chúng người ở lại, chẳng nên theo thể tình mà buồn khóc ủ ê, hoặc thọ sự điều vấn của người, hoặc mình mặc hiểu phục. Nếu như thế thì chúng người chẳng phải là đệ tử của ta, vì đó chẳng phải là chánh pháp. Người biết bản tâm và thấy bản tánh mình thì tánh không động không tịnh, không sanh không diệt, không đi không lại, không phải không quấy, không ở chỗ nào, cũng không dời đổi. Ta sợ e chúng người còn mê muội, không hiểu ý ta, nên nay ta dặn lại chúng người, đừng cho chúng người thấy tánh.

Sau khi ta diệt độ, phải y theo pháp ấy mà tu hành như lúc ta còn tại thế. Nếu làm trái lời ta dạy, dầu ta ở tại thế cũng không ích gì.

Sau đó, Tổ Sư ngồi thiền định, đến canh ba thì diệt hóa, thọ 76 tuổi.

Các môn nhơn làm tháp cho Lục Tổ ở Tào Khê, làm bia ghi lại đạo hạnh của Tổ Sư để làm kỷ niệm như vậy:

"Tổ Sư xuân thu bảy mươi sáu. Hai mươi bốn tuổi đã được truyền y, ba mươi chín tuổi xuống tóc, Tổ Sư thuyết pháp 37 năm. Trong các môn nhơn của Ngài có 43 người đạt đặng tôn chỉ và nói truyền chánh pháp, còn những người ngộ đạo siêu phàm chẳng biết bao nhiêu mà kể."

Còn cái tín y của Đạt Ma Tổ Sư truyền lại, cái áo Bá Nạp và cái bửu bát (của vua Trung Tông tặng), cùng cái chơn tượng của Tổ Sư do Phương Biện nắn, và cả thầy các món đạo cụ, đều giao cho người coi tháp xem sóc và giữ gìn vĩnh viễn nơi đạo tràng tại chùa Bửu Lâm xứ Tào Khê. Các món này cất giữ để lưu truyền với quyền Pháp Bảo Đàn Kinh đặng tỏ bày cái tôn chỉ của Tổ Sư cùng mở mang Tam Bảo mà phổ độ quần sanh. (Viết theo bản dịch Pháp Bảo Đàn Kinh của Hòa Thượng Thích Minh Trực)

2. ĐÀI SƯ THẦN TÚ (600-706)

Ngài Thần Tú, trước khi qui y theo Phật giáo, là một bực thâm Nho, thông hiểu các kinh sách của Tam giáo: Nho, Lão, Thích. Chính cái kiến thức ban đầu này làm cho Thần Tú khác hẳn với Huệ Năng là một ông tiều dốt, không biết chữ.

Cái kiến thức ban đầu ấy giúp cho Ngài Thần Tú đi vào đường Đạo rất nhanh, mau vượt lên trên các tầng chúng, nhưng nó cũng gây trở ngại cho Ngài Thần Tú là nó làm cho Ngài câu chấp về văn tự, tư tưởng bị thu hẹp trong văn tự, nên không thể vượt trội hơn Huệ Năng về sự khoáng đạt trong tư tưởng.

Thần Tú là đại đệ tử của Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn tại chùa Đông Thiên huyện Huỳnh Mai. Ngài có tài văn học, thông hiểu các kinh sách Phật giáo, nên được cử lên làm Giáo Thọ, thay mặt Ngũ Tổ dạy tăng chúng trong chùa.

Trong lúc Đại Sư Thần Tú làm Giáo Thọ nơi chùa Đông Thiên thì Huệ Năng, một cư sĩ từ phương Nam đi lên tìm Ngũ Tổ để xin học đạo, được Ngũ Tổ cho xuống nhà bếp làm phận sự giã gạo cho chùa.

Đến thời kỳ Ngũ Tổ tuyển chọn người đủ trình độ đạo đức để truyền thọ y bát nối ngôi Tổ Sư, Ngũ Tổ bảo các môn như làm kệ dâng lên, người nào đắc pháp kiến tánh thì Ngũ Tổ sẽ truyền y bát cho.

Đại Sư Thần Tú có làm một bài kệ dâng lên, nhưng tỏ ra chưa thấy tánh. Sau đó Huệ Năng cũng làm kệ dâng lên, tỏ ra đã thấy tánh. Do đó, Ngũ Tổ truyền y bát cho Huệ Năng và dạy Huệ Năng xuống phương Nam hoằng pháp.

Ba năm sau, Ngũ Tổ nhập diệt, Đại Sư Thần Tú lên phương Bắc ở chùa Độ Môn, núi Đương Dương, Kinh Châu hoằng pháp nơi đó.

Thế là Phật giáo Trung Hoa phân làm hai tông phái: Bắc tông và Nam tông.

Bắc tông do Đại Sư Thần Tú lãnh đạo, chuyên về pháp môn Tiệm giáo, tức là dạy người tu tiến dần từ thấp lên cao, lần lần nhờ công phu tu hành mà tỏ ngộ. Nên còn gọi là Tiệm ngộ. (Tiệm là dần dần, từ từ). Lối Thiền của Bắc tông là phép hành thiền, níu chặt vào hình tướng.

Nam tông do Lục Tổ Huệ Năng lãnh đạo, sở trường về pháp môn Đốn giáo, dạy người tu bỗng nhiên Đại ngộ, nên cũng gọi là Đốn ngộ. (Đốn là thành linh, lập tức).

Đại Sư Thần Tú rất nổi tiếng ở phương Bắc, Võ Hậu tức Võ Tắc Thiên nghe tiếng, vời Ngài đến Kinh đô, kính trọng Ngài là bực thầy, cùng sánh vai đi lên Điện, rồi thân qùy xuống xin thọ pháp qui y. Đến đời vua Đường Huyền Tông, vua cũng rất kính trọng Đại Sư Thần Tú và xin qui y. Các quan đại thần trong triều theo đó mà qui y Phật giáo rất đông.

Đại Sư Thần Tú viên tịch vào năm 706, tức là năm Thần Long thứ hai, mất trước Huệ Năng 7 năm, được vua Đường ban cho thụy hiệu là Đại Thông Thiên Sư.

Một vị quan Đại phu thời ấy là Chang Shuo (?) viết tiểu sử và tụng văn khắc vào bia kỷ niệm nơi tháp của Đại Sư Thần Tú, trong đó có bài pháp kệ:

Lời dạy của chư Phật,
Trong tâm bỗng lai đủ,
Cầu tâm mà bỏ tánh,
Khác nào lạc mất cha.

(Theo sách *Thiền Luận của Suzuki*)

Đệ tử của Đại Sư Thần Tú không có người nào tài giỏi kế thừa Đại Sư Thần Tú, nên Bắc tông suy tàn và dần dần không còn ai nhắc tới nữa. (Yêu cầu xem tiếp: **Nhứt Tổ chí Lục Tổ, văn Nh**)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lục trai

六齋

A: The vegetarian died of six days.

P: Le régime végétarien de six jours.

Lục: Sáu, thứ sáu. **Trai:** ăn chay.

Lục trai là ăn chay sáu ngày trong một tháng âm lịch.

Lục trai gồm: mùng1, 8, ngày 14, 15, 23, 30. Nếu tháng thiếu không có ngày 30 thì ăn chay ngày 29 thế vào cho đủ số.

Người mới nhập môn vào Đạo, ăn chay chưa quen, nên tập ăn chay mỗi tháng 6 ngày, ráng vượt qua hai ngày ăn chay liên tiếp, như 14 và 15; ngày 30 và mùng 1 tháng sau, dần dần rồi sẽ quen đi.

Khi đã ăn chay quen với 6 ngày rồi thì tiến lên một bước là ăn Thập trai, tức là ăn chay mỗi tháng 10 ngày. Đến đây thì có thể tạm dừng lại, chờ khi lớn tuổi thì sẽ ăn chay trường luôn.

Giữa hai bậc tín đồ: tín đồ ăn chay 6 ngày và tín đồ ăn chay 10 ngày trong một tháng, quyền lợi rất khác nhau, nhất là khi qui liễu, nghi thức đám tang có nhiều điểm khác biệt rõ rệt.

■ Người ăn chay 6 ngày qui liễu thì xem là vong phạm, chỉ làm lễ Bạt tiến.

■ Người ăn chay 10 ngày và giữ tròn luật Đạo mới được đứng vào hàng Địa Thần, hưởng đủ kinh kệ, được làm phép xác và phép đoan căn. (Xem chi tiết nơi chữ: Ăn chay, văn Ấ)

Lục tự Di-Đà

六字彌陀

A: Six words of Amitabha.

P: Six mots d'Amitabha.

Lục: Sáu, thứ sáu. **Tự:** chữ. **Di-Đà:** Đức Phật A-Di-Đà.

Lục tự Di-Đà là sáu chữ: Nam mô A-Di-Đà Phật,
hay **Nam mô A-Mi-Ta-Ba.**

(A-Mi-Ta-Ba là phiên âm của chữ Phạn, Trung hoa và Việt Nam dịch là: A-Di-Đà Phật).

Lục tự Di-Đà là sáu chữ niệm danh Đức Phật A-Di-Đà mà người tín đồ Phật giáo Tịnh Độ Tông luôn luôn trì niệm, để cầu sự hộ trì của Đức Phật A-Di-Đà ở cõi CLTG.

Nam mô A-Di-Đà Phật có nghĩa là: đầu cúi lạy Đức Phật A-Di-Đà, hay đầu cúi lạy Vô Lượng Quang Phật.

Phái tu Pháp Lý Vô Vi do Cụ Đổ Thuần Hậu sáng lập dạy tu thiền định, cũng niệm Lục tự Di-Đà, để khai mở sáu Luân xa trong cơ thể con người.

Khi niệm thì niệm trong tâm, chớ không niệm thành tiếng vì hao Khí, niệm một cách sốt sắng, không bị chi phối lo ra, giữ tâm thanh tịnh, thì sáu chữ này sẽ làm rung động bản thể, phát ra các luồng sóng điện chạy quanh sáu luân xa, nhờ đó, sáu

luân xa từ từ khai mở, sau cùng sẽ giúp hành giả đạt được Lục thông.

Khi niệm thì phải niệm trong tâm, miệng thì ngậm lại, răng kề răng, lưỡi co lên, để cho hai mạch Nhâm Đốc giao nhau, làm cho luồng điện trong cơ thể chuyển động liên tục, không bị thoát ra ngoài theo cửa miệng.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

LUNG

LUNG

A: Much, many. **P:** Beaucoup.

Lung: nhiều, dồi dào, quá mức.

Ca dao:

Có gió *lung* mới biết từng bá cứng,
Có ngọn lửa hừng mới biết thức vàng thau.

TĐ ĐPHP: Đến đổi trong ý muốn làm có của cho *lung*.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

LUỔNG

LUỔNG

1. **LUỔNG:** uổng phí.
Td: Luống công.
2. **LUỔNG:** nhiều, hoài hoài.
Td: Luống tuổi.

Luống công

A: Vain effort. **P:** Peine perdue.

Luống: uổng phí. **Công:** sự vất vả làm việc.

Luống công là uổng công, tốn công sức làm việc mà không thu hoạch được gì.

TNHT: Nếu các con chẳng ra khỏi vòng trần tục thì các con chẳng là *luống công* theo Thầy kể đã đầy năm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Luống tuổi

A: Aged.

P: Agé.

Luống: nhiều, hoài hoài.

Luống tuổi là khá nhiều tuổi, lớn tuổi.

Luống ước cầu may

Luống: nhiều, hoài hoài. **Ước:** mong ước. **Cầu may:** cầu sự may mắn.

Luống ước cầu may là mong ước nhiều để cầu xin sự may mắn.

KSH: Kẻ không phần luống ước cầu may.

KSH: Kinh Sám Hối.

Luống ưu sầu

A: Very sad.

P: Très triste.

Luống: nhiều, hoài hoài. **Ưu:** lo lắng. **Sầu:** buồn rầu.

Luống ưu sầu là nhiều lo lắng và buồn rầu.

TTCĐDTKM: Đòi phen Mẹ *luống ưu sầu*.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

LUY

Luy tiết

縲紲

A: To bind closely, Imprisonment.

P: Entourer de liens, Emprisonnement.

Luy: sợi dây để trói. **Tiết:** sợi dây dùng để buộc lại.

Luy tiết là trói buộc, chỉ sự giam cầm kẻ có tội.

Tại luy tiết chi trung: ở tại trong tù, người đang bị ở tù.

Trong sách Minh Tâm Bửu Giám: Hoàn Phạm viết:

"Hiên miện dĩ trọng quân tử, luy tiết dĩ phạt tiểu nhân."

(Xe, mũ để trọng người quân tử, tù ngục để phạt kẻ tiểu nhân)

KCS: Giảm hình phạt, bớt đường *luy tiết*.

KSH: Kinh Sâm Hối.

LỤY

Lụy mình

A: To embarrass.

P: Embarasser.

Lụy: làm phiền, làm cho rắc rối lồi thối.

Lụy mình là làm cho mình bị phiền phức, rắc rối.

TNHT: Giành giật mà chi phải *lụy mình*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lụy sa

A: The tears fell.

P: Les larmes tombent.

Lụy: nước mắt. **Sa:** rơi.

Lụy sa là nước mắt rơi, khóc, chỉ sự đau khổ.

KTKCQV: Rót chung ly biệt đôi hàng lụy sa.

KTKCQV: Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị.

LUYẾN

Luyến trần

戀塵

A: To be attached to the world.

P: Être attaché au monde.

Luyến: thương mến khẩn khát. **Trần:** cõi trần.

Luyến trần là thương mến quán quít cõi trần, không muốn lìa bỏ cõi trần.

TNHT: Ai luyến trần cam chịu khổ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

LUYỆN

LUYỆN

- LUYỆN:** 煉 Rèn đúc, làm cho đến chỗ tinh túy sắc sảo.
Td: Luyện đơn.
- LUYỆN:** 練 Tập tành nhiều lần cho thuần thục.
Td: Luyện đạo, Luyện kỹ tu thân.

Luyện đơn

煉丹

A: To make an elixir of immortality.

P: Préparer un élixir d'immortalité.

Luyện: Rèn đúc, làm cho đến chỗ tinh túy sắc sảo. **Đơn:** Đơn: thuốc.

Luyện đơn hay Luyện đan là nấu chế thuốc Tiên.

Đây là từ ngữ đặc biệt của Tiên giáo nói bóng về phép luyện đạo thành Tiên.

Phép luyện đạo của Tiên giáo là luyện Tinh, Khí, Thần hiệp nhứt, kết thành Kim đơn, tức là Thánh Thai, tạo thành chơn thần huyền diệu, đắc đạo tại thế.

Tiên giáo ví Tinh, Khí, Thần như là ba vị thuốc, đem lên lò nấu, luyện thuốc cho kỹ để chúng hoà vào nhau, tạo thành Kim đơn (thuốc Tiên), tức là tạo thành chơn thần huyền diệu, đắc đạo thành Tiên tại thế.

Luyện đạo

練道

A: The spiritual exercises. P: Les exercices spirituelles.

Luyện: Tập tành nhiều lần cho thuần thục. **Đạo:** tôn giáo.

Luyện đạo là phép tập luyện trong tôn giáo, theo bí pháp tâm truyền do minh sư truyền dạy để được đắc đạo.

Việc luyện đạo rất khó, phải có minh sư truyền dạy và hướng dẫn. Minh sư là vị đã luyện đạo và đắc đạo rồi, nay truyền pháp môn luyện đạo cho đệ tử. Nếu luyện đạo sai, hành giả bị những hậu quả rất tai hại, như tê bại toàn thân, điên khùng hay chết.

TNHT: Trong các con, có nhiều đứa làm tưởng, hễ vào đạo thì phải phé hết nhơn sự, nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng có một điều rất thấp thôi là vào một chỗ u nhàn mà ẩn thân *luyện đạo*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Luyện kỹ tu thân

練己修身

A: To regenerate oneself body and soul.

P: Se régénérer corps et âme.

Luyện: Tập tành nhiều lần cho thuần thục. **Kỷ:** bản thân.
Tu: sửa. **Thân:** thân mình.

Luyện kỹ tu thân là luyện tập và sửa đổi tâm tánh và thân mình cho được thanh tịnh, tốt đẹp, chơn chánh.

Đức Phạm Hộ Pháp dạy về phương Luyện kỹ, trị tâm và luyện thân luyện trí như sau:

*** Phương Luyện Kỹ đặt vào con đường thứ ba Đại Đạo:**

(Con đường thứ ba Đại Đạo là Luyện đạo trong Tịnh Thất)

Phải biết thân thích cùng cả nhơn vật, tức là tìm nguyên do của Vạn linh cùng Chí Linh.

Phải ân hậu và khoan hồng.

Phải thanh nhàn, đừng vị kỷ.

Phải bình tĩnh, nghĩa là đừng chịu ảnh hưởng của họa phước, buồn vui (tập tánh không không đừng nhiễm, vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc buồn vui thấm vào chơn tánh).

Phải độ lượng, khoan dung, tha thứ.

Phải vui vẻ điều hòa, tự chủ và quyết đoán.

Giữ linh tâm làm căn bản.

Hiếu hạnh với Chí Tôn và Phật Mẫu.

*** Phương pháp trị tâm vì tâm là hình ảnh thiên lương.**

Đức tin và khôn ngoan là kho chí bửu, ngoài ra là của bỏ là đồ vô giá.

Ai đã cố oán kẻ thù của mình thì khó giữ thanh tâm công chánh cho đặng.

Ai chẳng oán hận mới thắng đặng kẻ thù nghịch cùng mình.

Sự cừu hận là khối thảm khổ đê nhứt của nhơn sanh, nên người hiền thì không biết đến hay là từ bỏ cừu hận oán ghét.

Thắng đặng khí nộ mình thì không chọc ai giận dữ.

Lấy thiện mà trừ ác.

Lấy nhơn nghĩa trừ bạo tàn.

Lấy lòng quảng đại đặng mở tâm lý hẹp hòi.

Lấy chánh trừ tà.

Ấy là đường thương huệ kiếm.

*** Luyện thân Luyện trí:**

Ấm thực tinh khiết,

Tư tưởng tinh khiết.

Tín ngưỡng mạnh mẽ nơi Chí Tôn và Phật Mẫu.

Thương yêu vô tận.

Ấy là chìa khóa mở cửa Bát Quái Đài tại thế này.

GIẢI VÊ: Luyện Kỳ Tu Thân:

"Luyện kỹ là lập cái tâm làm cho dứt sự thương yêu trứu mến thế thiếp tử tôn cùng ham muốn mọi sự ở thế gian.

Hễ tập đặng như thế thì cái nhờn tâm dứt rồi, Đạo tâm mới sanh. Người có chí thành chí kính tầm sư học đạo, một lòng cung kính, chẳng vong mộc bản thủy nguyên, thực hành Thiên đạo thì sẽ đến bực huồn hư.

Huồn hư là yên tịnh thân tâm. Tĩnh cho thuần thực, tức là luyện cho cái khí Hậu Thiên tiếp Tiên Thiên hiệp với tánh Phật Tiên cùng Hư vô chi khí. Hễ huồn hư là tự nhiên Đạo chuyển (chớ huồn hư rồi còn chi mà luyện).

Bởi nên có câu: Đạo bất khả tu du lý dã.

Mà tu luyện để cái tâm không mà tưởng Thầy, chẳng nhớ việc qua rồi, không lo sự hiện tại, đừng tưởng sự sắp đến.

Tai nghe giọng phù trầm lãnh lót thanh tao mà lòng không vọng động. Mắt thấy việc lạ lùng xinh đẹp tốt tươi mà ý chẳng say mê.

Đối với cảnh, chỉ tâm không, cũng như con hát lên hý trường làm vua, làm quan, trải qua cảnh khổ, hưởng đến hồi vui, lúc phải hỷ nộ, khi thì ái ó, song chẳng động lòng mê đắm, vì vẫn biết rằng: bao nhiêu sự làm ấy toàn là chẳng thiệt, chỉ giả dối pha trò trong một thời gian ngắn ngủi đó thôi.

Tại sao phải qui Tam bửu Ngũ hành?

Như con người lo lắng vọng tưởng điều này sự nọ thì lao Thần, còn ham muốn mơ mộng phú quý vinh hoa thì tản Khí, bằng say đắm mê sa tình trường dục hải thì tổn Tinh.

Hễ Tam bửu hao mòn thì khác chi ngọn đèn tàn, dầu hao tim lụn, leo lét canh khuya, khi mờ khi tỏ, tất nhiên một hồi phải tắt ngay. Vả như Tam bửu hư hoại thì tự nhiên Ngũ hành Ngũ tạng cũng phải xiêu bề suy nhược theo nhau.

Nguyên con người trong bước thiếu thời còn giữ tánh thiên nhiên thì đâu biết lo rầu buồn giận. Mãi đến lớn lên, lần lần nhiễm lấy mùi trần, rồi ham giàu ham sang, mới rập ranh trừ nghĩ kế nọ mưu kia, phương này chước khác, báo hại phải hao cái chơn tâm (tâm ấy thuộc hỏa). Đến khi mưu kế định rồi, lại còn phấn đấu tranh đua, để đạt sao cho kỳ được mục đích mới nghe, thì báo hại phải lao can (can ấy thuộc mộc).

Bây giờ mục đích đạt xong, đã sang đã giàu, thì lại đâm ra muốn vui xác thịt, nên bề dục sóng tình tha hồ đắm đuối ngày đêm, báo hại thêm ra hao thận (thận ấy thuộc thủy).

Đã vui sắc dục thì phải khoái ngọt bùi, nên lại kiếm tầm hải vị sơn trân, sát mạng thượng cầm hạ thú để làm cho khoái đã sự thèm ngon của miệng lưỡi, mà lắm khi chất độc món khác cũng chẳng hề từ, thành ra bệnh tủng khẩu nhập, mà báo hại phải hao tỳ (tỳ ấy thuộc thổ).

Lại khi ăn uống no say ngon khoái rồi thì bị những vật thực bằng huyết nhục kia, nó mới phát sanh ra tánh người táo bạo, hung hăng ganh gổ, độc ác háo thắng, tự phụ, máu nóng ham sân, mà báo hại thêm hao phế (phế thuộc kim).

Đó là Ngũ hành đã suy mà Ngũ tạng đã nhược.

Vậy nên người tu phải: không ham giàu, không ham sang, không ham ngon, không ham dục, không không, không hết ráo, thế mới thành công. (ĐTCG)

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

Luyện Tam bửu (Tinh Khí Thần) hiệp nhất

煉三寶精氣神合一

Luyện: Rèn đúc, làm cho đến chỗ tinh túy sắc sảo. **Tam bửu:** ba món quý báu của con người, gồm: Tinh, Khí, Thần. Ở đây, chúng ta chú ý: Tinh Khí Thần trong phép Luyện đạo có nghĩa khác với Tinh Khí Thần khi dâng Tam bửu cúng Đức Chí Tôn trong Đại đàn và Tiểu đàn tại Tòa Thánh hay Thánh Thất. (Khi dâng Tam bửu, Tinh là thể xác, được tượng trưng bằng Hoa; Khí là chơn thần được tượng trưng bằng Rượu, Thần là chơn linh tượng trưng bằng Trà).

Hiệp nhất là hợp lại làm một.

Luyện Tam bửu (Tinh Khí Thần) hiệp nhất là phép luyện đạo dụng công phu để: **Luyện Tinh hóa Khí, Luyện Khí hiệp Thần, Luyện Thần huồn Hư.** Luyện được như thế là hợp nhất Tam bửu, tạo được chơn thần huyền diệu, đắc đạo tại thế.

Phép luyện đạo này chỉ được thực hiện trong Tịnh Thất, có Tịnh chủ truyền cho tâm pháp luyện đạo thực hành.

1. Luyện Tinh hóa Khí:

A: To convert the sexual energy into the vital energy.

P: Convertir l'énergie sexuelle en l'énergie vitale.

TINH là chất tinh túy nhất trong cơ thể con người, do một cơ quan lấy chất bổ dưỡng trong máu tạo thành. Nó tích tụ trong cơ quan sinh dục và nhờ nó mà con người tạo thành thai nhi để lưu truyền nòi giống.

Đối với người Nam, Tinh là các Tinh trùng, đối với người Nữ thì Tinh là noãn châu hay noãn bào tạo thành trong buồng trứng. Các chất Tinh này theo đường âm dục mà thoát ra ngoài. Nếu hai chất Tinh: Tinh trùng và noãn châu kết hợp lại thì tạo thành bào thai. Đó là phàm thai.

Nhờ có Tinh mà con người có được sức lực mạnh mẽ, sức khỏe dồi dào. Nếu âm dục quá độ thì bị tổn Tinh, sức khỏe hao mòn, thân thể gây ốm bạc nhược. Cho nên, Tinh có được gọi là Chơn Tinh.

KHÍ là chất để tạo thành sức mạnh trong xác thân con người, nên được gọi là Khí chất hay Khí lực. Khí này là các

chất bổ dưỡng do thức ăn đem vào trong bao tử biến hoá ra. Cho nên khi đói thì cơ thể bải hoải như không còn hơi sức nào hết. Người mà ăn uống không đầy đủ chất bổ dưỡng hay lao động quá sức thì bị tản Khí.

Luyện Tinh hóa Khí là thay vì để cho Tinh chảy ra ngoài theo đường dâm dục thì phải súc tích nó lại gọi là Bảo tinh, rồi dụng công phu luyện cho nó biến trở lại thành chất khí bổ dưỡng (đó là loại chất bổ cao cấp nhất) để nó theo máu vận động lên bổ dưỡng não bộ, khiến cho não bộ được tươi nhuận làm cho sự thông minh sáng suốt của con người tăng thêm.

2. Luyện Khí hiệp Thần:

A: To convert the vital energy into the mental energy.

P: Convertir l'énergie vitale en l'énergie mentale.

Thần là chơn thần. Sự khôn ngoan hiểu biết của con người là do não bộ nhưng thuộc về chơn thần. Não bộ là vật chất, nên khi con người chết đi thì não bộ cũng chết, nhưng sự hiểu biết của con người không mất đi, vì nó thuộc chơn thần.

Trí não càng được sáng suốt thì chơn thần càng được mẫn huệ, trong sáng. Ngược lại, nếu trí não mờ tối, thể xác bệnh hoạn thì chơn thần cũng yếu đuối tối tăm.

Luyện Khí hiệp Thần là phải dụng công phu thúc đẩy chất khí bổ dưỡng đem lên nuôi não bộ, nuôi hoài thì đến một lúc nào đó, trí não phát sáng, khiến cho chơn thần được mẫn huệ tinh anh.

Cái chơn thần ấy tuy đã được mẫn huệ tinh anh rồi, nhưng nó chưa huyền diệu, cần phải đến bước thứ ba là Luyện Thần hườn Hư.

3. Luyện Thần hườn Hư:

A: To convert the mental energy into the spiritual force.

P: Convertir l'énergie mentale en la force spirituelle.

Hư là trống không, nhưng rất mầu nhiệm thiêng liêng.

Luyện Thần hườn Hư là luyện cho chơn thần được huyền diệu, dụng công phu thúc đẩy chơn thần khai phá khiếu Huyền quan nơi đỉnh đầu, vì khiếu này là cái cửa xuất nhập của chơn thần. Khi khiếu Huyền quan đã được khai thông thì chơn thần

có thể xuất ra khỏi thể xác để đi lên giao tiếp với các Đấng thiêng liêng, và sau đó, chơn thần cũng theo cửa này mà trở lại nhập vào thể xác.

Muốn được như vậy thì hành giả luyện đạo phải trường chay để thể xác được tinh khiết thì chơn thần mới được trong sáng nhẹ nhàng. Cái thân được tinh khiết rồi, còn phải định cái Tâm, gìn cái ý. Tâm thì phải thanh tịnh, không không như như, không ham, không muốn, không cầu. Ý thì không vọng động, không mơ tưởng, giữ chặt cái ý trong chỗ cao thượng.

Còn Thất Tình Lục dục là mối loạn động hằng ngày, cần phải chế ngự chúng nó, điều khiển chúng nó, hướng chúng nó vào đường cao thượng.

Luyện được như thế thì chơn thần trong sáng nhẹ nhàng, hào quang sáng lòa, trở nên huyền diệu, làm cho khiếu Huyền quan mở ra để chơn thần xuất nhập tùy ý. Hành giả đạt tới mức này thì đắc đạo tại thể và có được Thần thông.

Phép luyện đạo như vừa trình bày sơ lược ở trên, nói thì dễ chớ khi thực hành rất khó, vì đòi hỏi hai phương diện:

- Phải có minh sư truyền cho tâm pháp luyện đạo, và minh sư ấy phải theo dõi đệ tử rất sát trong suốt thời gian luyện đạo, để khi luyện sai thì chỉnh lại liền, nếu không thì rất nguy hiểm cho đệ tử, có thể làm đệ tử điên khùng hay bại liệt.

- Hành giả trước khi luyện đạo phải trải qua một thời kỳ công quả dạn dày, đạt cho đủ Tam lập (Lập đức, Lập công, Lập ngôn), để giảm thiểu các tiền khiên nghiệp chướng, vì những thứ đó là những chướng ngại trên bước đường luyện đạo.

Nhiều người trí thức nghĩ rằng, họ có bằng cấp cao, trình độ giỏi, hiểu biết rộng, họ có thể tìm mua các quyển sách dạy luyện đạo để nghiên cứu và theo đó thực hành trong vài ba năm thì có thể đắc đạo, thành bực Thánh nhơn, làm hướng đạo đứng đầu thiên hạ. Chính cái tự tưởng hám vọng ấy làm cho họ mê lầm, tối tăm. Chưa tự giác thì làm sao làm người giác ngộ, mong chi làm bực Thánh nhân?

Tóm lại, việc luyện đạo vô cùng khó khăn, đòi hỏi hành giả phải có nhiều ý chí phấn đấu cương quyết hy sinh, chịu sống

khổ hạnh trong một kỷ luật sắt, bền bỉ lâu dài, lại phải có người đã đắc đạo hướng dẫn.

Cho nên, trong thời kỳ chuyển Ngũơn gấp rút này, trước khi mở Đại Hội Long Hoa, lập đời Thượng Ngũơn Thánh đức, Đức Chí Tôn mở ĐĐTKPĐ, đại khai ân xá cho nhơn loại, Đức Chí Tôn miễn cho môn Luyện đạo, bằng cách lập ra một Trường Công đức cho nhơn sanh đắc đạo. Người tu ngày nay, chỉ cần ra sức lập công bồi đức, phụng sự nhơn sanh, quyết tâm quyết chí thực hiện công quả trong suốt kiếp sanh của mình, thì khi qui liễu, các Đấng nơi Ngọc Hư Cung sẽ xét nét công quả mà ban thưởng cho những phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật tương xứng.

Chúng ta đã thấy, trong khoảng thời gian vừa qua từ khi Đức Chí Tôn mở ĐĐTKPĐ đến ngày nay, các bậc tiền bối đã đắc đạo là do công quả phụng sự nhơn sanh, chớ đâu phải do công phu luyện đạo.

TNHT: *"Một Trường thi công quả, các con muốn đến đặng nơi Cực Lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi."*

Người dưới thế này muốn giàu thì phải kiếm phương thế mà làm ra của. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc đạo phải có công quả. Thấy đến độ rồi các con là thành lập một Trường công đức cho các con nên đạo. Vậy đắc đạo cùng chẳng là tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn."

Nếu chẳng đi đến trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ."

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Luyện thạch bổ Thiên

煉石補天

Luyện: Rèn đúc, làm cho đến chỗ tinh túy sắc sảo. **Thạch:** đá. **Bổ:** vá lại, bù vào. **Thiên:** Trời.

Luyện thạch bổ Thiên là rèn đá vá Trời.

Theo truyện Thần thoại Trung quốc, thuở xưa, Trời có chỗ thiếu lủng, bà Nữ Oa rèn đá năm sắc để vá Trời.

Luyện tội

練罪

A: To punish several times.

P: Punir plusieurs fois.

Luyện: Tập tành nhiều lần cho thuần thục. **Tội:** tội lỗi.

Luyện tội là hành tội nhiều lần để trừng trị các tội nặng.

TNHT: Bối cố, nơi cõi Âm quang, nữ hồn bị *luyện tội* nhiều hơn nam phái bội phần.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

LƯ

Lư ngọc

爐玉

A: Perfume-brazier.

P: Bruâle-parfum.

Lư: cái lò để đốt, chỉ cái Lư hương để đốt nhang cắm vào đó, đặt trên bàn thờ. Lư hương để đốt nhang, Lư trầm để đốt trầm. **Ngọc:** loại đá quý, chỉ sự quý báu.

Lư ngọc là cái lư hương quý báu.

Lư ngọc chỉ cái tâm quý báu của mình, cần phải trau giồi luôn luôn cho nó được trong sạch, thơm tho.

NH: Mùi hương *lư ngọc* bay xa.

NH: Niệm Hương.

LỰC

Lực bất tòng tâm

力不從心

Lực: sức. **Bất:** không. **Tòng:** theo. **Tâm:** lòng dạ.

Lực bất tòng tâm là sức lực không theo lòng dạ mình.

Lòng hăng hái mà sức già yếu không làm được việc.

Ý nói: Người già, sức lực đã suy kém, muốn làm gì cũng không có đủ sức lực để làm cho được việc.

LƯỢC

Lược khảo

略考

A: To examine summarily.

P: Examiner sommairement.

Lược: qua loa, sơ sài. **Khảo:** xem xét.

Lược khảo là khảo sát một cách sơ lược, chỉ nêu ra những điểm chánh mà không đi sâu vào chi tiết.

LƯƠNG

LƯƠNG

1. **LƯƠNG:** 糧 Lúa gạo và thức ăn, lương thực.
Tđ: Lương điền, Lương viện.
2. **LƯƠNG:** 良 Tốt, lành, hay, khéo, giỏi.
Tđ: Lương sanh, Lương tri.

Lương điền - Công nghệ - Thương mại

糧田 - 工藝 - 商賣

A: Agriculture - Industry - Commerce.

P: Agriculture - Industrie - Commerce.

Lương: Lúa gạo và thức ăn, lương thực. **Điền:** ruộng.
Công: thợ. **Nghệ:** kỹ nghệ. **Thương:** buôn bán. **Mãi:** bán.

Lương điền là làm ruộng sản xuất lúa gạo.

Công nghệ là chỉ chung việc dùng thợ và máy móc sản xuất hàng hóa tiêu dùng.

Thương mại là chỉ việc mua bán, trao đổi hàng hóa.

ĐLMD: (CQPT) Một làng đạo cần phải khai mở nhiều sở lương điền, công nghệ, thương mại.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Lương sanh

良生

A: Good man.

P: Bon homme.

Lương: Tốt, lành, hay, khéo, giỏi. **Sanh:** người, nhưn sanh.

Lương sanh là người lành và tốt.

Đó là những chơn linh cao trọng lãnh lệnh Ngọc Hư Cung giáng phàm, để làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo, rồi lập thành Hội Thánh thay thế hình thể của Đức Chí Tôn tại thế. Cho nên Đức Chí Tôn có nói: "*Thầy dùng lương sanh để cứu vớt quần sanh.*"

CG PCT: Thầy đến qui các *lương sanh* của Thầy đã sai đến trước lại làm một, dựng lập Hội Thánh, mà làm hình thể của Thầy, hầu tránh khỏi hạ trần trong lúc TKPD này.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

TKPD: Tam Kỳ Phổ Độ.

Lương tâm

良心

A: The conscience.

P: La conscience.

Lương: Tốt, lành, hay, khéo, giỏi. **Tâm:** cái tâm của mỗi người.

- Theo Triết lý học, *Lương tâm* là cái năng lực cá nhân tự giám sát mình về mặt đạo đức, tự đề ra cho mình những yêu

cầu về đạo đức, đòi hỏi mình phải hoàn thành những nhu cầu ấy và tự đánh giá hành động của mình.

- Tôn giáo định nghĩa Lương tâm là cái tâm tốt đẹp sẵn có của con người do Trời ban cho để khuyên bảo con người phải ăn ở hiền lành, hành động cho công bằng và hợp đạo lý.

Thường khi chúng ta làm điều gì sai quấy thì bị lương tâm cắn rứt hay bị đau khổ vì lương tâm vò xé.

Đức Chí Tôn dạy về Lương tâm như sau:

TNHT: "Lương tâm của các con là một khiếu thiêng liêng của Thầy ban để sửa trị riêng các con trong đường tội lỗi và ban thưởng trong việc nhơn đức; làm một việc phải tức là do nơi ý Trời, phạm một nét vạ tà là cãi nơi Thiên luật; phải quấy Thần Thánh chỉ chép biên, thường phạt duy đợi ngày chung cuộc. Khá biết lấy!

Thầy đã nói, nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sanh tồn. Thầy tưởng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng: Đấng chơn linh ấy vốn vô tư, mà đặng phép giao thông cùng cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và các Đấng trọn lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt điều lành việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào Tòa Phán xét, bởi vậy nên một mảy không qua, dữ lành đều có trả; lại nữa, các chơn linh ấy tánh Thánh nơi mình, đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi lộn: Lương tâm là đó.

Như các con nói dối, trước chưa dối với người, thì các con đã nói dối với lương tâm, tức là chơn linh."

KGO: Mảnh hình hài biếng hiểu lương tâm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KGO: Kinh Giải Oan.

Lương tử

良宰

A: Good mandarine.

P: Bon mandarin.

Lương: Tốt, lành, hay, khéo, giỏi. **Tể:** chức quan đứng đầu. **Tể tướng** là chức quan đứng đầu triều đình, như Thủ Tướng ngày nay.

Lương tể là vị quan đứng đầu tài giỏi.

TNHT: Xuân Thu định vững ngôi *lương tể*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lương thần

良辰

A: The lucky day.

P: Le jour faste.

Lương: Tốt, lành, hay, khéo, giỏi. **Thần:** ngày.

Lương thần là ngày tốt.

Số Văn: Kim vì sóc nhựt *lương thần*, chư Thiên phong....

Lương tri - Lương năng

良知 - 良能

A: Psychological conscience - Instinct.

P: Conscience psychologique - Instinct.

Lương: Tốt, lành, hay, khéo, giỏi. **Tri:** sự hiểu biết. **Năng:** khả năng.

- *Lương tri là sự hiểu biết sẵn có do Trời phú cho, chứ không phải do học tập mới biết được.*

- *Lương năng là sự tài giỏi vốn có do Trời phú cho để làm được điều lành điều tốt.*

Con người có lương tâm thì mới biết điều nhân điều nghĩa, lẽ phải lẽ trái. Có lương tâm là có Lương tri, Lương năng, tức là có cái giỏi cái biết tự nhiên, rất sẵn tiện.

Sách Nho có câu: "*Nhân chi sở bất học nhi năng giả, kỳ lương năng dã; sở bất lự nhi tri giả, kỳ lương tri dã.*" Nghĩa là: Người không học mà giỏi là lương năng vậy; không suy nghĩ mà biết là lương tri vậy.

TNHT: Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu *lượng tri lượng năng* của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lương vật

糧物

A: Food. P: Aliment.

Lương: Lúa gạo và thức ăn, lương thực. **Vật:** vật, những thứ có hình dạng cụ thể.

Lương vật là những vật dùng làm lương thực như: Lúa, đậu, khoai, trái cây, rau cải, v.v....

TNHT: Mọi *lượng vật* đều có chất sanh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lương viện

糧院

A: The institute of supply. P: Institut de l'intendance.

Lương: Lúa gạo và thức ăn, lương thực. **Viện:** tòa sở lớn.

Lương Viện là một trong Cửu Viện CTĐ, có nhiệm vụ quản lý và phân phối lương thực để nuôi các Chức sắc và các nhơn viên công quả của các cơ quan trung ương tại Tòa Thánh.

Đứng đầu Lương Viện là một vị Thượng Thống, phẩm Phối Sư, có các vị Phụ Thống, Quản Văn phòng, và nhiều thư ký giúp việc. Lương Viện chịu hệ thống trực tiếp của Thái Chánh Phối Sư. (Thái Chánh Phối Sư trông coi 3 Viện: Hộ Viện, Lương Viện và Công Viện).

Nữ Phái CTĐ cũng có tổ chức Cửu Viện nên cũng có Lương Viện Nữ phái CTĐ.

Bên CQPT cũng có tổ chức Cửu Viện, nên cũng có Lương Viện Nam phái và Nữ phái Phước Thiện.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Lương vụ

糧務

A: Affair of food.

P: Affaire de vivre.

Lương: Lúa gạo và thức ăn, lương thực. **Vụ:** việc.

Lương Vụ là một trong Tứ Vụ của Thánh Thất, có nhiệm vụ lo về lương thực để nuôi Chức sắc và các nhơn viên công quả phục vụ nơi Thánh Thất.

Ban Tứ Vụ gồm: Lễ Vụ, Hộ Vụ, Công Vụ, Lương Vụ.

Lương vương (Lương Võ Đế)

梁王

Lương: nước Lương, nhà Lương bên Tàu. **Vương:** vua.

Lương vương là vua nước Lương, hiệu là Võ Đế, nên thường gọi là Lương Võ Đế (502-549).

Theo Trung quốc sử lược, vua nhà Tề là Phế Đế Bảo Quyên chơi bời vô độ, bỏ bê triều chánh, ngược đãi đại thần. Tôn thất nhà Tề tên Tiêu Diễn đang làm Thứ Sử Ung Châu, hợp binh với em của vua Tề là Bảo Dung, dấy lên ở Giang Lăng, chống lại Phế Đế Bảo Quyên. Bảo Dung tự lập làm vua, hiệu là Hòa Đế. Tiêu Diễn đánh lấy Quách Thành, phá Tầm Dương, vây Kiến Nghiệp, Hòa Đế bị giết. Tiêu Diễn vào kinh đô, buộc vua Tề nhường ngôi cho. Tiêu Diễn lên làm vua, đổi quốc hiệu là Lương, xưng là Lương Võ Đế, năm 502.

Lương Võ Đế giết hại tôn thất nhà Tề. Tôn thất nhà Tề cầu cứu nước Ngụy. Hai nước Lương và Ngụy đánh nhau, tướng của Ngụy là Hầu Cảnh chạy sang đầu Lương Võ Đế, được Lương Võ Đế trọng dụng, phong làm Hà Nam Vương.

Lương Võ Đế có tài kiêm văn võ, nên đã làm nước Lương một thời hùng mạnh. Nhưng nhà vua rất hâm mộ Đạo Phật, và qui y Phật pháp vào năm 517.

Năm 527, Lương Võ Đế vào chùa làm sư tu hành. Các quan yêu cầu dứt lăm, vua mới trở lại ngôi.

Năm 529, vua lại vào chùa tu hành lần nữa.

Năm 538, có sứ đưa về nước xá lợi của Phật. Vua Lương Võ Đế dạy lập đền thờ. Trong dịp này, vua bố thí cho dân chúng và ra lệnh ân xá các tội nhân bị cầm ngục.

Nhà vua lấy của kho cho xây dựng rất nhiều chùa chiền ở khắp nơi trong nước, ủng hộ Tam bảo, được các tín đồ Phật giáo tôn nhà vua là Phật Tâm Thiên Tử.

Năm 547, Lương Võ Đế lại vào chùa tu nữa.

Lương Võ Đế có người vợ tên là Hy Thị, tánh tình rất ác độc, ghen tương, hành hạ các cung phi. Một hôm bà tức giận quá, đâm đầu xuống giếng chết, bị đọa làm một con rắn mãng xà. Rắn ấy thường vào cung tác quái, có báo mộng cho Lương Võ Đế biết, xin vua làm phép giải cứu. Nhà vua thỉnh một vị Thánh tăng là Thích Bảo Chí làm sám chủ, nhờ Ngài cùng chư tăng soạn ra bộ kinh *Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp*, rồi nhờ chư tăng trì tụng kinh Sám Hồi ấy mà cầu siêu cho Bà Hy Thị. Con mãng xà nhờ nghe Kinh Sám Hồi ấy mà được siêu thăng, thoát xác hiện hình ra là Bà Hy Thị, mặc Thiên y, bái tạ vua và chư tăng, rồi bay lên Trời. Phép sám hồi đó, còn truyền tụng đến ngày nay, gọi tắt là *Lương Hoàng Sám*.

Tên Hầu Cảnh, trước đây đầu Lương Võ Đế, được phong làm Hà Nam Vương, thấy Lương Võ Đế mê theo việc tu hành, bỏ bê triều chánh, thế lực suy yếu, nên cất binh làm phản, chiếm Kiến Nghiệp, Đài thành, vây Lương Võ Đế trong cung, tuyệt hết lương thực, khiến Lương Võ Đế phải bị chết đói. Năm đó là 549. Lương Võ Đế làm vua 48 năm, từ năm 502 đến 549, hưởng thọ 86 tuổi.

Đạt Ma Tổ Sư của Phật giáo Ấn Độ, vâng lệnh Tổ Sư đời trước, đi thuyền từ Ấn Độ qua nước Trung Hoa để hoàng dương Phật pháp tại đây. Ngài đến Quảng Đông nước Trung Hoa vào năm 520 dưới thời vua Lương Võ Đế. Thứ Sứ tại Quảng Châu là Tiêu Ngang nghinh tiếp Đạt Ma Tổ Sư và làm biểu tâu cho Lương Võ Đế rõ. Nhà vua sai sứ xuống thỉnh Đạt Ma Tổ Sư về Kim Lăng.

Đạt Ma Tổ Sư vào yết kiến Lương Võ Đế.

Nhà vua hỏi Tổ Sư: - Từ ngày tức vị đến nay, trăm cát chùa, đúc tượng, chép kinh, độ tăng không biết bao nhiêu mà kể, có công đức gì không?

Đạt Ma Tổ Sư khẳng khái đáp:

- Điều không công đức.
- Sao không có công đức?
- Đó chỉ là nhân hữu lậu, chỉ đem đến quả nhỏ trong cõi Trời, Người, như bóng theo hình, tuy có nhưng không thực.
- Vậy công đức chơn thật là gì?
- Trí phải thanh tịnh, thể phải lắng không, đó là chân công đức. Công đức ấy không phải lấy việc thế gian mà cầu được.
- Chân lý cùng tột của Đạo Thánh là gì?
- Trống rỗng, hồn nhiên, không gì là Thánh.
- Trước mặt trăm là ai?
- Không biết.

Vua Lương Võ Đế nghe mấy câu trả lời của Đạt Ma Tổ Sư, nhà vua không lãnh ngộ được chỗ huyền diệu của Phật pháp, nên có ý không thích.

Tổ Sư nhận thấy không độ được nhà vua, nên lén bỏ nước Lương, đi qua nước Ngụy, ẩn vào chùa Thiếu Lâm trong núi Tung sơn, ngồi tu Cửu niên diện bích, chờ người đại căn có duyên phần.

TNHT: Đường tu ví bằng không lo trước,
Đền điện *Lương Vương* phải cháy tiêu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lương y

良醫

A: Good doctor.

P: Bon médecin.

Lương: Tốt, lành, hay, khéo, giỏi. **Y:** thầy thuốc chữa bệnh.

Lương y là thầy thuốc giỏi, chữa bệnh hay.

TNHT: Đạo hiện giờ cũng chẳng khác chi người bệnh mà *lượng* y coi chưa ra chứng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

LƯỠNG

LƯỠNG

LƯỠNG: 兩 Hai.

Td: Lưỡng long, Lưỡng thiết.

Lưỡng long tranh châu

兩龍爭珠

Lưỡng: Hai. **Long:** rồng. **Tranh:** tranh đấu. **Châu:** vật sáng hình tròn như viên ngọc.

Lưỡng long tranh châu là hai con rồng tranh đấu với một hạt minh châu huyền diệu.

Hình ảnh này rất đẹp và rất cân xứng, nên được các họa sĩ dùng để trang trí trong các đền, miếu, chùa.

Diễn tích: Trong truyện Phong Kiếm Xuân Thu, Kim Tử Lăng và Vương Tiễn là học trò của ông Hải Triều Thánh Nhân ở động Vân Quang nước Áo Ly, vâng lệnh Ngọc Hư Cung giáng trần làm tướng phò vua Tần Thủy Hoàng gồm thâu lục quốc (6 nước). Khi binh Tần kéo đến đánh thành Dịch Châu, thủ đô của nước Yên, bị Liễu Nhứt Chơn Nhơn là Tôn Tẫn đang phò tá nước Yên, đánh cho bại trận thảm nặng nề.

Hải Triều Thánh Nhân tức giận, bay xuống tiếp cứu học trò, đánh với Tôn Tẫn.

Ngày kia, Hải Triều Thánh Nhơn ra binh đánh với Tôn Tẫn, hai bên gặp nhau, Hải Triều múa gươm hai tay xông tới, Tôn Tẫn cử gậy trầm hương rước đánh. Hải Triều dùng gươm

không thắng nổi Tôn Tẫn nên liền dùng phép, lấy ra một hột minh châu liệng lên không trung.

Tôn Tẫn thấy cả Trời hào quang chiếu sáng, hột minh châu biến ra to lớn, bay nhấp nháng nhằm đánh lên đầu Tôn Tẫn. Nguyên hột minh châu này, Lão Tổ Hải Triều luyện hồi thuở Trời Đất mới phân, nên nó rất huyền diệu, có đủ năm sắc hào quang, nếu ném ra giữa biển đang có sóng to thì biển lặng, nên còn có tên là Định Hải châu, còn nếu ném lên không rớt xuống đánh người nào thì chẳng khác núi đè, dẫu người tục hay Tiên cũng đều tiêu tan hồn phách.

Tôn Tẫn thấy minh châu bay tới liền vọt một cây gậy trầm hương lên không. Nguyên cây gậy trầm hương này của Tôn Tẫn là con cù long biến thân. Gậy ném lên liền biến thành con rồng, trương nanh múa vuốt đón đỡ hột minh châu. Nhưng hột minh châu là vật tiên thiên rất huyền diệu nên rồng cự không lại. Tôn Tẫn liền ném thêm cây gậy trầm hương thứ hai, liền hóa thành rồng, cả hai rồng cùng kháng cự minh châu thì mới đặng cầm đồng, làm cho minh châu không đánh xuống được, cứ lơ lửng trên không trung, tạo thành một hình ảnh rất đẹp, gọi là Lưỡng long tranh châu.

Rốt cuộc Hải Triều phải thu hột minh châu và Tôn Tẫn thu hai con rồng thành hai gậy trầm hương trở lại.

Lưỡng long triều nguyệt

兩龍朝月

Lưỡng: Hai. **Long:** rồng. **Triều:** châu. **Nguyệt:** mặt trăng
Lưỡng long triều nguyệt là hai rồng châu mặt trăng.

Đây cũng là một đề tài mà các họa sĩ trang trí rất ưa chuộng. Nhưng đề tài Lưỡng long triều nguyệt có lẽ dựa vào đề tài Lưỡng long tranh châu. Hai rồng ở tư thế tranh đấu thì phải uốn khúc vẩy vùng, giương nanh múa vuốt; còn hai rồng châu nguyệt thì ở tư thế phục tùng, nằm thẳng mình.

Ai thích sự tranh đấu thì trang trí Lưỡng long tranh châu, ai thích sự hòa hảo tốt đẹp thì trang trí Lưỡng long triều nguyệt.

Lưỡng nghi

兩儀

A: Two principles: Yin and Yang.

P: Deux principes: Yin et Yang.

Lưỡng: Hai. **Nghi:** nghi.

Lưỡng nghi là hai nghi: Nghi Âm và Nghi Dương.

Nghi Âm được gọi là Âm quang, Nghi Dương là Dương quang. Lưỡng Nghi do Thái Cực phân ra. (Xem: Vũ trụ quan)

TNHT: Thầy phân Thái Cực ra *Lưỡng Nghi*, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng,...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lưỡng thiệt

兩舌

A: Calumny.

P: Calomnie.

Lưỡng: Hai. **Thiệt:** lưỡi.

Lưỡng thiệt, nghĩa đen là hai lưỡi, ý nói: lời nói đâm thọc, tráo trở, gây chia rẽ và hiểm thù, nên cũng được gọi là: Ly gián ngữ. Đây là một nghiệp ác trong khẩu nghiệp.

Lưỡng toàn

兩全

A: Both perfect.

P: Parfait sous les deux rapports.

Lưỡng: Hai. **Toàn:** hoàn toàn.

Lưỡng toàn là hai bên đều toàn vẹn cả.

LƯU

LƯU

1. **LƯU:** 留 Giữ lại, để lại cho đời sau.
Tđ: Lưu danh, Lưu truyền.
2. **LƯU:** 流 Chảy, trôi nổi.
Tđ: Lưu lạc, Lưu sa.

Lưu chiếu

留照

A: To conserve the copies.

P: Conserver les copies.

Lưu: Giữ lại, để lại cho đời sau. **Chiếu:** căn cứ vào đó để so sánh.

Lưu chiếu là giữ lại để đối chiếu.

Các thứ giấy tờ trong văn phòng, làm nhiều bản để gửi đi các cơ quan nhưng phải lưu lại hồ sơ một bản để theo dõi, kiểm tra công việc và đối chiếu về sau khi cần.

ĐLMD: Phải lập cho đủ các hồ sơ dạng để *lưu chiếu* giấy tờ của Đạo.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Lưu danh

留名

A: To hand down a renown.

P: Laisser un renom.

Lưu: Giữ lại, để lại cho đời sau. **Danh:** tiếng tăm.

Lưu danh là để lại cái tiếng tăm tốt cho đời sau.

Lưu danh ư hậu thế: Để lại cái tiếng tăm tốt cho đời sau.

Lưu danh thiên cổ: Để lại cái tiếng tăm tốt từ ngàn xưa.

Lưu danh truyền nghiệp: Để lại cái tiếng tăm tốt và trao lại sự nghiệp cho đời sau.

TNHT: Trông cho nó mau trưởng thành, hầu *lưu danh* truyền nghiệp cho nó có tên tuổi với đời.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lưu hại

留害

A: To stay the damage.

P: Laisser la dommage.

Lưu: Giữ lại, để lại cho đời sau. **Hại:** hao tổn, thiệt hại.

Lưu hại là để lại cái hại cho người sau hay đời sau.

Lưu lạc

流落

A: To go at random.

P: Aller à l'aventure.

Lưu: Chảy, trôi nổi. **Lạc:** rơi rụng.

Lưu lạc là trôi nổi từ nơi này đến nơi khác.

Lưu luyến

留戀

A: To have affection for.

P: Avoir des attachements.

Lưu: Giữ lại, để lại cho đời sau. **Luyến:** thương mến không rời ra được.

Lưu luyến là giữ lại sự thương mến không rời ra được.

TNHT: Đường trần *lưu luyến* nhọc tranh đua.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Lưu nhiệm

留任

A: To keep in office.

P: Garder en fonction.

Lưu: Giữ lại, để lại cho đời sau. **Nhiệm:** nhiệm vụ.

Lưu nhiệm là giữ lại để làm nhiệm vụ một thời gian nữa.

Đây là nói về trường hợp một Chức sắc được Hội Thánh cử giữ một nhiệm vụ quan trọng, nhưng đã mãn nhiệm rồi, mà chưa có người xứng đáng thay thế, cần phải lưu nhiệm vị Chức sắc ấy một thời gian nữa.

Lưu oan

留冤

A: To detain the animosity.

P: Laisser l'animosité.

Lưu: Giữ lại, để lại cho đời sau. **Oan:** thù giận, oan nghiệt.

Lưu oan là để lại cái mối oan nghiệt.

PMCK: Vô khổ hình nhưn kiếp *lưu oan*.

PMCK: Phạt Mẫu Chơn Kinh.

Lưu phương bách thế

留芳百世

Lưu: Giữ lại, để lại cho đời sau. **Phương:** tiếng thơm, đức hạnh. **Bách thế:** trăm đời. **Thế:** đời.

Lưu phương bách thế là để lại tiếng thơm trăm đời sau.

Lưu sa tây độ

流沙西度

Lưu: Chảy, trôi nổi. **Sa:** cát. **Tây:** hướng Tây. **Độ:** cứu giúp. **Lưu sa:** Cát chảy, chỉ vùng sa mạc rộng lớn ở phía tây

nước Tàu, vì nơi đó gió thổi mạnh đưa cát chạy thành dòng giống như nước chảy (Sa lưu như thủy).

Lưu sa Tây độ là cứu độ chúng sanh nơi vùng sa mạc phía Tây nước Tàu.

Đây là một câu trong kinh Tiên giáo, nói về Đức Lão Tử đi qua sa mạc hướng Tây nước Tàu cứu độ nhơn sanh nơi đó.

Lưu tồn vạn đại

留存萬代

Lưu: Giữ lại, để lại cho đời sau. **Tồn:** còn. **Vạn đại:** muôn đời. **Đại:** đời.

Lưu tồn vạn đại là lưu lại cho còn mãi muôn đời.

Lưu truyền

留傳

A: To hand down.

P: Transmettre.

Lưu: Giữ lại, để lại cho đời sau. **Truyền:** trao lại.

Lưu truyền là lưu lại truyền cho đời sau.

KCTPĐQL: Giọt máu mủ *lưu truyền* tại thế.

KCTPĐQL: Kinh cầu Tổ Phụ đã qui liễu.

Lưu trữ

留貯

A: To conserve.

P: Conserver.

Lưu: Giữ lại, để lại cho đời sau. **Trữ:** cất chứa.

Lưu trữ là giữ lại và cất chứa.

Lưu trữ công văn: Cất chứa các văn kiện giấy tờ của Đạo để làm tài liệu đối chiếu về sau.

Lưu vong

流亡

A: In exile.

P: En exil.

Lưu: Chảy, trôi nổi. **Vong:** trốn.

Lưu vong là chạy trốn tới vùng đất xa xôi, không còn nguy hiểm nữa. Lưu vong thường có ý nghĩa là trốn ra ngoại quốc để xin tỵ nạn.

Lưu xú vạn niên

留臭萬年

Lưu: Giữ lại, để lại cho đời sau. **Xú:** hôi thúi, tiếng xấu.
Vạn niên: muôn năm.

Lưu xú vạn niên là để lại tiếng xấu muôn năm.

LY

LY

LY: 離 Chia lìa, lìa tan.

Td: Ly bôi, Ly trần.

Ly bôi

離杯

A: The parting cup.

P: La coupe de départ.

Ly: Chia lìa, lìa tan. **Bôi:** cái chung để uống rượu.

Ly bôi là cái chung rượu để uống tiễn nhau khi ly biệt.

Ly cung

離宮

A: To leave the royal palace.

P: Quitter le palais royal.

Ly: Chia lìa, lìa tan. **Cung:** cung điện của vua.

Ly cung là rời bỏ cung điện.

Đây là nói về Thái Tử Sĩ Đạt Ta rời hoàng cung, đi vào rừng núi yên tĩnh để tầm Đạo tu hành.

KKV: Ra thành Phật Tổ gặp kỳ *ly cung*.

KKV: Kinh khi về.

Ly gia cắt ái

離家

A: To leave the house and to cut the familiar love.

P: Quitter la maison et couper l'amour familial.

Ly: Chia lìa, lìa tan. **Gia:** nhà. **Cắt:** chặt đứt. **Ái:** thương yêu.

Ly gia cắt ái là rời khỏi gia đình, cắt đứt tình thương yêu.

TNHT: Vào nơi đạo đức rời, dầu cho phải *cắt ái ly gia*, chia tình xẻ nghĩa, máu thịt đoạn ly, mà làm cho tròn trách nhiệm xứng đáng của mình,....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ly hận

離恨

A: Separation and regret.

P: Séparation et regret.

Ly: Chia lìa, lìa tan. **Hận:** oán giận vì thương tiếc.

Ly hận là biệt ly và thương tiếc.

KTKTQV: Rót chung *ly hận* gặt mình đưa thương.

KTKTQV: Kinh Tụng Khi Thầy Qui Vị.

Ly hương

離鄉

A: To leave one's country.

P: Quitter son pays.

Ly: Chia lìa, lìa tan. **Hương:** quê hương.

Ly hương là xa lìa quê hương xứ sở.

TNHT: Kể phàm dầu *ly hương* thuở ấu xuân đi nữa, lòng hằng hoài vọng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ly kinh phản đạo

離經反道

Ly: Chia lìa, lìa tan. **Kinh:** đạo thường, những phép tắc qui định cần phải gìn giữ và tuân theo. **Phản:** làm trái lại. **Đạo:** đạo lý.

Ly kinh phản đạo là lìa xa đạo thường, làm trái đạo lý.

Ly loạn

離亂

A: Separated by trouble.

P: Séparé par trouble.

Ly: Chia lìa, lìa tan. **Loạn:** rối loạn, giặc giã.

Ly loạn là chia lìa vì loạn lạc xảy ra.

TNHT: Còn trong luân lý chẳng hòa thì dân cư bất mục, nước chẳng hòa thì sanh *ly loạn*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ly tán

離散

A: To disperse.

P: Se disperser.

Ly: Chia lìa, lìa tan. **Tán:** tan ra.

Ly tán là lìa tan, chia lìa tan vỡ.

TNHT: Còn gia đình chẳng hòa thì cha con méch nhau, chồng vợ lìa tan, anh em *ly tán*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ly tiết

嫠節

A: The chastity of a widow.

P: La chasteté d'une veuve.

Ly: đàn bà góa chồng. **Tiết:** tiết tháo, lòng cứng cỏi không chịu khuất.

Ly tiết là tiết hạnh của người đàn bà góa.

Ly tình

離情

A: The separation of love **P:** La séparation de l'amour.

Ly: Chia lìa, lìa tan. **Tình:** tình yêu.

Ly tình là sự chia ly tình yêu giữa vợ chồng.

KTKVQL: Chén *ly tình* là lệ ái ân.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

Ly trần

離塵

A: To leave the world. **P:** Quitter le monde.

Ly: Chia lìa, lìa tan. **Trần:** cõi trần, cõi của nhơn loại đang sống.

Ly trần là lìa trần, lìa đời, ý nói chết, linh hồn rời bỏ cõi trần để trở về cõi thiêng liêng.

TNHT: *Ly trần* tuổi đã quá năm mươi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

LÝ

LÝ

1. **LÝ:** 理 Đường lối, lý lẽ.
Td: Lý đoán, Lý học.
2. **LÝ:** 李 Cây lý, họ Lý.
Td: Lý hạ bất chính quan.

Lý - Khí

理 - 氣

A: The eternal reason and vital fluid.

P: La raison éternelle et fluide vitale.

Lý và Khí là hai quan niệm triết học cơ bản của các Nho gia thời nhà Tống, khởi đầu là Chu Đôn Di, sau được Chu Hi phát huy và hệ thống lại.

Chu Hi (Chu Hối Am) nói về thuyết Lý và Khí như sau:

"Trong khoảng Trời Đất có Lý có Khí. Lý là cái đạo thuộc về hình nhi thượng, cái gốc sự sinh ra vật. Khí là cái khí cụ thuộc về hình nhi hạ, cái đồ để sinh ra vật. Bởi thế, người với vật sinh ra, ắt là bẩm cái Lý ấy rồi mới có Tính; ắt là bẩm cái Khí ấy rồi mới có hình.

Trong thiên hạ chưa có Khí nào không có Lý, cũng chưa có Lý nào không có Khí."

Vậy Lý là phần thuộc về hình nhi thượng, mà Khí là phần thuộc về hình nhi hạ, nghĩa là: Lý thì vô hình, mà Khí thì có hình, nhưng cái nọ lẫn cái kia, chứ không bao giờ có cái nọ mà không có cái kia được.

Bởi vậy ông nói thêm rằng:

"Lý với Khí vốn không nói được có cái trước cái sau. Song Lý không phải là một vật đứng riêng một mình, tức là ở trong Khí."

Lý với Khí lúc nào cũng đi với nhau, nhưng xem câu vấn đáp sau đây thì ông vẫn cho Lý là gốc.

Hỏi rằng: - Trước khi chưa có Trời Đất, hết thảy chỉ có Lý, có phải không?

Rằng: - Trước khi chưa có Trời Đất, hết thảy chỉ có Lý. Có Lý ấy mới có Trời Đất ấy. Nếu không có Lý ấy thì cũng không có Trời Đất, không có nhân vật gì cả. Có Lý là có Khí, hai cái cùng lưu hành và phát dục vạn vật.

- Thái cực không phải là cái đã có trước khi có Trời Đất, không phải là cái vật hỗn thành ra, chỉ là cái tổng danh để gọi cái Lý của Trời Đất và vạn vật, có phải không?

Rằng: - Thái cực chỉ là cái Lý của Trời Đất và vạn vật. Nói ở Trời Đất thì trong Trời Đất có cái Thái cực; nói ở vạn vật thì trong vạn vật, mỗi vật có một cái Thái cực.

Thái cực là Lý. Trong vạn vật, mỗi vật có một Thái cực, nhưng tóm cả lại là chỉ có một Thái cực, cũng như là nói trong vạn vật, mỗi vật có một Lý, nhưng tóm cả lại chỉ có một Lý mà thôi. Cái thuyết ấy cũng tương tự cái thuyết của Trương Tái (Trương Hoàn Cừ) nói về Thái Hư.

Lý thì không phân biệt ra khác nhau được, dẫu có chia ra làm nghìn làm vạn mỗi cũng chỉ là một gốc mà thôi. Khí thì chia ra làm nhiều loài, mà mỗi loài một khác. Sự khác nhau ấy bởi tại Khí có thanh, trọc, hậu, bạc, cho nên mới thành ra có sai biệt. (Trích trong sách Nho Giáo của Trần Trọng Kim)

Quan niệm Lý và Khí của các Nho gia đời Tống chỉ là giải thích thêm thuyết Âm Dương đã có từ trước. Lý học đã thánh hóa đạo đức của Khổng học, đưa Khổng học lên thành một tôn giáo gọi là Khổng giáo hay Nho giáo, đứng ngang hàng với Lão giáo và Phật giáo, mà Đức Khổng Tử là Giáo chủ.

Quan niệm về Lý và Khí của Đạo Cao Đài:

"Trời sanh ra loài người thì đã phú cho một cái Tánh thiện lương để người nương đó mà trau giồi cho sáng tỏ thêm lên, hầu tấn hóa lần lần cho đến bậc cao siêu thuần túy.

Nào dè người bị nhiễm thói đời vật chất, cứ mãi dần thân vào vòng tục lụy mà Thiên Tánh biến dời, đến phải dang xa nẻo Đạo.

Tánh ấy là gì? Tánh là nguyên lý sở dĩ sanh ra nhơn loại. Thế nên cái bản nguyên về tinh thần của con người là Lý.

Lý ấy linh diệu thiêng liêng của Trời đã phân ra mà ban cấp cho mỗi người, nên Lý ấy tức là Tánh vậy.

Của Trời là Lý, về người là Tánh. Lý Tánh khác nhau, nhưng đồng bản chất, vì thế Trời với người mới có thể ứng tiếp liên lạc nhau rất là mật thiết. Bởi vậy, người, hễ muốn tính sự gì, tuy chưa làm ra mà Trời đã biết trước.

Trời với người cũng đồng một Lý, một Khí mà ra, thì không cảm ứng nhau sao được?

Vậy, người nếu biết trau dồi Linh tánh cho thật sáng suốt anh minh thì tự nhiên giao tiếp với Trời thiệt là chẳng khó. Thế mà người đã linh hơn vạn vật, đã có cái bản Tánh thiêng liêng rất quý báu vô giá như vậy, cứ sao người chẳng trau dồi, mà cứ để lu lờ như bản ngày một chồng lấp thêm lên mãi mãi." (Trích ĐTCG)

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

Lý Đại Tiên Trường - Lý Giáo Tông

李大仙長 - 李教宗

A: Spiritual Pope Li-Tai-Pei.

P: Pape Spirituel Li-Tai-Pei.

Lý: Cây lý, họ Lý. **Đại:** lớn. **Tiên Trường:** vị Tiên đứng đầu các Tiên.

Lý Đại Tiên Trường là Đức Lý Thái Bạch, một vị Đại Tiên đứng đầu các vị Tiên trong thời ĐĐTKPĐ.

Ngài còn được Đức Chí Tôn giao cho kiêm nhiệm chức Giáo Tông ĐĐTKPĐ, nên gọi Ngài là Lý Giáo Tông.

Do đó, khi chúng ta cúng, niệm: "Nam mô Lý Đại Tiên Trường kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ."

Ngài là Nhứt Trấn Oai Nghiêm, thay mặt Đức Thái Thượng Đạo Tổ cảm quyền Tiên giáo trong thời TKPĐ.

Ngài có một kiếp giáng trần là Lý Thái Bạch, một đại thi hào đời nhà Đường. (Xem **Tiểu sử nơi chữ: Lý Thái Bạch**)

ĐĐTКPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Lý đoan

履端

A: New year day.

P: Premier jour de l'an.

Lý đoan là mừng một Tết, tức là mừng 1 tháng Giêng.

SỐ VĂN: RƯỚC CHƯ THÁNH: LÒNG SỚ CÓ CÂU:

Kim vì Tân Xuân Nguơn đán, phong khí ôn hòa, Thiên Địa giao thừa, *lý đoan* du thi, vạn vật giai đắc hữu sanh.

Lý đoán

理斷

A: Conclusions for.

P: Conclusions pour.

Lý: Đường lối, lý lẽ. **Đoán:** phán đoán, căn cứ vào những điều đã biết để suy xét và đánh giá trị.

Lý đoán là căn cứ vào những lý lẽ để phán đoán binh vực một người nào.

CG PCT: Bảo Đạo phải gìn giữ bí mật ấy cho kín nhiệm, làm tờ *lý đoán* binh vực chiếu y luật Đạo, rồi dâng lên cho Thượng Phẩm.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Lý giải

理解

A: To interpret.

P: Interpréter.

Lý: Đường lối, lý lẽ. **Giải:** giải thích ra cho rõ.

Lý giải là suy lường sự lý mà giải dịch ra.

Lý hạ bất chỉnh quan

李下不整冠

Lý: Cây lý, họ Lý. **Hạ:** dưới. **Lý hạ:** dưới cây lý. **Bất:** không. **Chỉnh:** sửa. **Quan:** cái nón.

Lý hạ bất chỉnh quan là đứng dưới cây lý thì không nên sửa nón, vì người ta có thể nghi ngờ mình hái trộm trái cây lý.

Cũng như khi đi ngang qua ruộng dưa, không nên cúi xuống sửa dép.

Đó là ý của cổ nhân dặn dò người quân tử phải cẩn thận giữ mình, đừng để người ta ngờ vực mình làm điều sai quấy.

Thành ngữ trên bắt nguồn từ bài cổ nhạc phủ Quân tử hành. Thơ viết:

*Quân tử phòng vị nhiên,
Bất xử hiềm nghi gian.
Qua điền bất nạp lý,
Lý hạ bất chỉnh quan.
Thúc tẩu bất thân thọ,
Trường ấu bất tỷ kiên.*

Nghĩa là:

Người quân tử phòng khi chưa xảy ra,
Không ở trong khoảng hiềm nghi.
Ở ruộng dưa không cúi sửa giày,
Ở dưới cây lý không sửa nón.
Em trai của chồng và chị dâu không thân cận,
Già trẻ không sánh vai đi.

Lý học

理學

Lý: (giải trong chữ Lý - Khí). **Học:** môn học.

Lý học là một ngành của Nho giáo, nghiên cứu về cái lẽ biến hóa của Trời Đất, để có thể đoán biết vận mệnh tương lai.

"Nho giáo đòi Tống sở dĩ đột nhiên vượt lên đến chỗ cao siêu, ấy là bởi có cái ảnh hưởng Lão học và Phật học, mới lập ra phái Lý học để cùng nhau tương đối mà sinh tồn. Và những người sáng lập phái Lý học là những người đã học qua Lão học và Phật học.

Đại cương về đường học vấn, Tống Nho thật đã đạt tới cái phần uyên thâm của Nho giáo, và đã có công làm cho sáng rõ phần ấy ra. Như thế thì nói rằng Tống Nho nổi được đạo thống của Khổng Mạnh, tưởng cũng không phải lầm vậy.

Phái Lý học đòi nhà Tống theo cái tôn chỉ của Nho giáo, lấy cái tính bản nhiên của Trời Đất làm cái thể của vạn vật, tức là theo thuyết "**Thiên Địa vạn vật đồng nhứt thể**" làm cái đạo nhứt quán. Phái ấy đem Lý Thái Cực vào trong lòng người ta mà mở rộng ra, để bao quát được cả vũ trụ.

Cái thuyết ấy, tuy **Dương Hùng** trước đã nói ở sách Thái Huyền, nhưng đến Tống Nho mới phát minh ra rõ ràng, và lại giải thích được cái ý nghĩa "**dữ Thiên Địa tham**" nói ở sách Trung Dung.

Người là một giống nhỏ mọn, nhưng vì cùng bẩm thụ một cái Lý Thái Cực như Trời Đất, hễ ai biết lấy sự thành (thật) mà theo cái đạo trung hòa của Trời Đất thì có thể ngang với Trời Đất được. Đó là phần trọng yếu trong học thuyết của phái Lý học mà thật không sai với tôn chỉ của Nho giáo.

Đã nói rằng phái Lý học có chịu ảnh hưởng của Lão học, mà thật thế, người gây thành cái tiên thanh cho phái ấy chính là một nhà Lão học trừu danh về thuật số học, người ấy là **Trần Đoàn** tự là Đồ Nam, hiệu là Hi Di, ở vào lúc Tống sơ, khoảng thế kỷ thứ 10. Trần Đoàn rất tinh thâm Dịch Lý, thường lấy cái học ấy mà xét vận mệnh của Trời Đất. Từ đó có nhiều người chú ý về Dịch học. Đến thế kỷ 11, đời vua Nhân Tông nhà Tống mới có Thiệu Ung và Chu Đôn Di theo lý thuyết trong Kinh Dịch mà xướng lên thuyết Lý học.

Thoạt kỳ thủy, phái Lý học có hai thuyết:

1. Một thuyết thì lấy Tượng Số học mà xét vận mệnh của Trời Đất, rồi suy diễn ra sự hành động của vạn vật.

2. Một thuyết thì lấy thuần túy triết học mà bàn về Đạo lý và tâm linh.

Thuyết này sau lại phân ra thành một thuyết nữa, lấy Tâm học làm yếu lĩnh.

Gồm cả lại mà nói, phái Lý học đời nhà Tống có tất cả ba thuyết, cùng một gốc mà khác ngọn.

* Thuyết thứ nhứt (Tượng Số học) có Thiệu Ung làm đại biểu, nhưng về sau không thịnh hành được là vì học theo thuyết ấy cần phải là người tinh thâm thuật số học mới được.

* Thuyết thứ hai (Đạo học) có Chu Đôn Di làm đại biểu, rồi có Trương Tải, Trình Hạo, Trình Di, mở rộng thêm ra. Sau đến đời Nam Tống có Chu Hi tập đại thành mà lập ra học thuyết nói về sự học vấn. Cái học của Chu Hi chuyên trị về mặt công truyền, rất thịnh hành ở đời Minh và đời Thanh.

* Thuyết thứ ba (Tâm học) có Lục Cửu Uyên, đồng thời với Chu Hi, theo cái Tâm học của Mạnh Tử, chuyên trị về sự tôn đức tính. Thuyết này đến đời nhà Minh có Vương Thủ Nhân (Vương Dương Minh) mở rộng thêm ra và lập thành một phái Tâm học có tinh thần rất mạnh." (Nho giáo - Trần Trọng Kim)

Như đã nói ở trên, phái Lý học chia làm ba nhóm là: Tượng Số học, Đạo học và Tâm học, nhưng thông thường, khi nói đến Lý học người ta cho rằng đó là Tượng Số Học.

Tượng Số học bắt đầu từ **Dương Hùng**, đời Tây Hán, với quyển sách của ông tên là Thái Huyền, diễn ra cái hình nhi thượng học của Nho giáo. Nhưng cách lập ngôn của ông rất cầu kỳ khó hiểu, nên ít người hiểu nổi, nhưng sách ấy rất uyên thâm, trong thời nhà Hán không có sách nào hơn.

Kinh Dịch thì lấy Âm Dương làm gốc, còn sách Thái Huyền thì lấy ba số: 1, 2, 3 làm gốc, do ảnh hưởng của Đạo Đức Kinh của Lão Tử: "*Đạo sanh nhứt, nhứt sanh nhị, nhị sanh tam, tam sanh vạn vật.*"

Kinh Dịch có 64 quẻ, mỗi quẻ có 6 hào, tất cả 384 hào.

Thái Huyền có 81 thủ, mỗi thủ có 9 tán, tất cả 729 tán.

Cái học về Tượng Số sau đó đến Ông **Trần Đoàn** thời Tống sơ, rồi đến Thiệu Ung tức là **Thiệu Khang Tiết** (1011-1077). Thiệu Khang Tiết là người có đức hậu tài cao, học rất

rộng, hiểu rõ cái bí quyết của Hà đồ và Tiên Thiên Tượng Số, làm ra sách Hoàng Cực Kinh Thế.

Hoàng Cực Kinh Thế làm theo lý thuyết của Kinh Dịch và sách Thái Huyền của Dương Hùng, gồm 60 thiên nói về Tượng Số của Trời Đất, sự biến hóa của Lý Thái Cực và Đạo của Thánh Hiền. Ông lấy những quẻ của vua Phục Hy vạch ra mà định tượng số, lập thành học thuyết.

Cái học của Thiệu Khang Tiết rất cao siêu, người theo được phải có thiên tư đặc biệt, cho nên về sau, không có người mở rộng học thuyết này.

Ở Việt Nam, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, được thầy học là Cụ Lương Đắc Bằng truyền cho cuốn sách Thái Ất Thần Kinh tức là sách Thái Huyền của Dương Hùng.

Nguyễn Bình Khiêm là bực Thánh nên có thiên tư đặc biệt, học sách Thái Ất Thần Kinh, lãnh hội được những điều cao siêu về lẽ biến hóa của Trời Đất. Nhờ vậy, Trạng Trình viết ra một cuốn Sấm Ký gọi là Sấm Trạng Trình, nói về vận mệnh của nước Việt Nam từ thời đó trở về sau.

Người Tàu lúc đó nói rằng: "*An Nam lý học hữu Trình Tuyền.*" Nghĩa là: nước Việt Nam về Lý học thì có Ông Trình Tuyền. Trình Tuyền tức là Trình Tuyền Hầu, là tước phong của Nguyễn Bình Khiêm.

Lý Lão Quân

李老君

Lý: Cây lý, họ Lý. **Lão Quân:** Đức Lão Tử.

Lý Lão Quân là Đức Lão Tử họ Lý, là một hóa thân của Đức Thái Thượng Đạo Tổ hay Thái Thượng Đạo Quân, nên cũng gọi Ngài là Thái Thượng Lão Quân.

KKV: Dãy xe trâu Côn Lôn trôi bánh,
Lý Lão Quân mong lánh phong trần.

KKV: Kinh khi về.

Lý sâu

A: Profound reason.

P: Raison profonde.

Lý: Đường lối, lý lẽ. Sâu: sâu xa, huyền diệu.

Lý sâu là cái lẽ sâu xa huyền diệu của Trời Đất (Đạo).

KK: Làm người rõ thấu lý sâu,
Sửa lòng trong sạch tưng cầu Thánh Kinh.

KK: Khai Kinh.

Lý tài

理財

A: To administer the finances.

P: Gérer les finances.

Lý: Đường lối, lý lẽ; còn có nghĩa là sắp đặt, sửa trị. **Tài:** tiền bạc.

Lý tài là tài chánh, là sắp đặt và quản trị tiền bạc.

Kinh tế Lý tài là ngành hoạt động kinh tế và tài chánh.

TĐ ĐPHP: Nền kinh tế của mỗi nước có tương liên với quốc tế. Nền Kinh tế Lý tài vững thì quốc gia mới vững.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Lý Thái Bạch

李太白

A: Li-Tai-Pei.

P: Li-Tai-Pei.

Đức Lý Thái Bạch là một vị Đại Tiên Trưởng (Phật vị), thọ lệnh Đức Chí Tôn làm Đệ Nhứt Trấn Oai Nghiêm cầm quyền Tiên giáo thời Tam Kỳ Phổ Độ, kiêm nhiệm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là Giáo Tông của Đạo Cao Đài.

Trong một kiếp giáng trần ở nước Trung Hoa, Ngài sanh năm 701 đời vua Võ Tắc Thiên (Võ Hoàng Hậu của vua Đường Cao Tông), tại huyện Xương Minh đất Tây Thục. Bà

mẹ của Ngài nằm mộng thấy sao Thái Bạch (tức sao Trường Canh hay Kim Tinh) rơi vào lòng Bà mà sanh ra Lý, nên đặt tên là Lý Thái Bạch, gọi tắt là Lý Bạch.

Lý Bạch có dung nhan đẹp đẽ, cốt cách thanh kỳ, 10 tuổi đọc được sách của Bách gia chư tử, nhiều người khen là kỳ tài.

Năm 15 tuổi, vừa học kiếm thuật vừa luyện văn chương, mở miệng thành thơ, ai nấy đều cho là Tiên tại thế, nên gọi là Lý Trích Tiên.

Ngài thường đến Trúc Khê cùng với 5 vị là: *Khổng Sào Phủ, Hàn Chuẩn, Bùi Chính, Trương thúc Minh, Đào Miện*, tối ngày uống rượu ngâm thơ, gọi là nhóm Trúc Khê Lục Dật.

Lý Thái Bạch lấy hiệu là Thanh Liên Cư sĩ.

Bản tánh thích thơ và rượu, chẳng thiết tha đến danh lợi quyền, chỉ mong du ngoạn khắp danh lam thắng cảnh.

Năm 30 tuổi thành gia thất nhưng vẫn ôm mộng hải hồ. Nghe đồn quận Ô Trình đất Hồ Châu có thứ rượu tuyệt ngon, Ngài chẳng quản đường xa ngàn dặm, lần đến nơi, lên lầu gọi rượu uống tràn.

Khi đó, Tư Mã Hồ Châu là Giả Diệp đi qua, nghe tiếng Lý Bạch ngâm thơ vang trên lầu, sai người hỏi xem ai?

Lý Bạch liền đáp bằng bốn câu thơ:

*Thanh Liên Cư sĩ, Tiên trần giới,
Quán rượu ba mươi tuổi chẳng cầu.
Tư Mã Hồ Châu sao khéo hỏi,
Như Lai Kim túc ấy thân sau.*

Giả Diệp nghe, giật mình hỏi:

- Có phải Lý Trích Tiên ở đất Thục đó chăng?

Rồi Giả Diệp ân cần mời Lý Bạch về tư dinh đàm đạo, thơ rượu suốt 10 ngày và thành thật khuyên:

- Lấy tài cao của túc hạ thì đoạt bào tía đai xanh dễ như nhặt cọng cỏ, tại sao không đến Trường An dự khoathi sắp tới?

Nét mặt chán chường, Lý Bạch đáp:

- Triều chánh thổi nát, kẻ khéo nịnh thì được chức lớn, người đút lót nhiều thì được đậu cao. Vì vậy, Bạch này lang thang bầu rượu túi thơ, tránh bực mình trước bọn khảo quan dốt nát mà cứ làm ra ta đây là Thần Thánh, nhai đi nhai lại mấy chữ sáo của cổ nhân, đóng khung tư tưởng và tình cảm, trong đấy giồng nông cạn mà cứ tưởng là mệnh môn biển cả.

Tiếc cho một tài năng quán thế mà chưa có chỗ dùng, Giả Diệp cũng rán khuyên:

- Tuy thế, cái danh chói lọi của túc hạ ai mà không biết, cứ đến Trường An, lo gì không có người biết mình mà tiến cử.

Lý Bạch rất cảm động với tấm chơn tình của Giả Diệp, bèn từ giả đi Trường An, Lý Bạch đến Cung Tử Cực du ngoạn thì gặp Hạ Tri Chương, quan Hàn Lâm Học Sĩ trong triều. Khi xưng tên họ thì cả hai đều mộ danh nhau. Hạ Tri Chương rước Lý Bạch về nhà kết làm anh em, thù tạc tương đắc.

Khoa thi sắp mở, Hạ Tri Chương bảo Lý Bạch:

- Mùa Xuân năm nay mở khoa thi, quan Chủ Khảo Nam Tĩnh là Thái Sư Dương Quốc Trung, anh ruột của Dương Quý Phi, Giám Sát là quan Thái Úy Cao Lực Sĩ. Đó là một bọn tham ô điển hình của thời đại. Hiền đệ không có vàng bạc đút lót, lại không chịu cúi lòn bọn tiểu nhân thì làm thế nào đạt được mục đích, mặc dầu văn tài của Hiền đệ xuất chúng. Tôi có quen biết hai người ấy, để tôi viết một bức thơ tiến cử Hiền đệ, may ra họ nể tình tôi mà để cho Hiền đệ có dịp thi thố sở học bình sanh của mình.

Dương Quốc Trung xem thơ của Hạ Tri Chương liền nói với Cao Lực Sĩ:

- Không biết Hạ Tri Chương nợ Lý Bạch bao nhiêu vàng bạc mà lại viết thơ suông cho bọn mình. Thực cái bọn thi nhân mơ mộng ấy không hiểu gì về nhơn tình thế sự. Đến ngày nhập trường thi, cứ thấy quyển nào đề tên Lý Bạch là đánh hỏng, chẳng cần biết văn hay văn dở.

Đến ngày thi, quan Chủ Khảo ra đề. Lý Bạch xem qua, liền vẩy bút là xong bài, đem lên nộp. Dương Quốc Trung tiếp lấy xem, thấy đề tên là Lý Thái Bạch, liền loạn bút son ngang dọc, đánh rớt ngay không thương tiếc, lại còn bĩ mặt Lý Bạch:

- Hạng thí sinh này chỉ đáng mài mực hầu người.

Cao Lực Sĩ lại a dua thêm:

- Thứ văn chương bã mía ấy chỉ đáng tháo giày xỏ tất cho người.

Hai người nói xong truyền lính tổng cổ Lý Bạch ra khỏi trường thi.

Lý Bạch rất phẫn uất, về nhà phàn nàn với Hạ Tri Chương và thề rằng: Nếu sau này đắc chí sẽ bắt Thái Sư Dương Quốc Trung mài mực, Thái Úy Cao Lực Sĩ tháo giày mới hả dạ.

Hạ Tri Chương rất ân hận, vì chẳng những không giúp được Lý Bạch mà còn làm cho hai tên tham quan nghi ngờ mà xử nhục Lý Bạch, nên hết lời an ủi khuyên lơn.

Từ đó, Hạ Tri Chương không đá động gì tới việc thi cử, sợ khơi dậy nỗi phẫn uất của Lý Bạch. Hai người cứ uống rượu ngâm thi làm vui.

Thời gian thấm thoát trôi qua, bỗng một hôm có Sứ Thần Phiên quốc đưa thư đến triều đình. Vua Đường Huyền Tôn (thường gọi là Đường Minh Hoàng) sai Hạ Tri Chương nhận quốc thư và tiếp đãi sứ giả. Khi mở quốc thư ra đọc thì không một ai biết đọc một chữ nào cả. Vua Đường triệu tập toàn thể các Đại Học Sĩ và triều thần để xem ai biết được thứ chữ Phiên đó. Cả triều thần đều nín lặng.

Vua Đường Huyền Tôn nổi giận phán:

- Trong triều có bao nhiêu người bằng vàng bia đá, mang lộc nước ơn vua, mà không ai biết tỏ lòng trung khi lâm đại sự. Chẳng lẽ bằng này cầm bào hoa hốt mà không có một người học rộng biết nhiều để gánh vác việc khó cùng Trẫm hay sao? Lá thư này không đọc được thì biết phúc đáp ra sao? Đến nỗi bị Phiên bang chê cười sỉ nhục thì Trẫm còn dùng các khanh làm gì! Hạn cho 6 ngày, nếu không tìm người nào đọc được Phiên thư thì Trẫm sẽ cách chức tất cả, đuổi tuốt về vườn.

Thánh chỉ ban ra, các quan đứng lặng như phỗng đá, mặt mày tái mét, nhìn nhau ngơ ngác.

Hạ Tri Chương làm quan Hàn Lâm Học Sĩ trở về dinh, mặt mày buồn bã, kể lại cho Lý Bạch nghe mọi việc vừa mới xảy ra ở triều đình. Lý Bạch nghe xong, thủng thỉnh nói:

- Nếu khoa thi trước, Bạch này không bị bọn Dương Quốc Trung và Cao Lực Sĩ làm nhục đánh hỏng thì triều đình hôm nay đâu bị cái nhục này.

Nghe vậy, Hạ Tri Chương mừng quýnh hỏi lại:

- Hiền đệ đọc được chữ Phiên đó hả?

Lý Bạch hững hờ đáp:

- Đâu có gì khó, đệ đã biết thứ chữ Phiên ấy từ nhỏ.

Hôm sau, Hạ Tri Chương đi châu thật sớm, đợi ba hồi chuông Cảnh Dương và trống Long Phụng xong, Đường Minh Hoàng ra ngự điện, Hàn Lâm Học Sĩ Hạ Tri Chương liền tâu:

- Muôn tâu Thánh Thượng, hiện ở nhà thần có một người bạn tên là Lý Thái Bạch, học rộng biết nhiều, có thể đọc được Phiên thư, xin Bệ hạ triệu đến.

Minh Hoàng chuẩn tấu, sai sứ đến phủ triệu Lý Bạch.

Lý Bạch gửi lời sứ giả về tâu: Thần là kẻ áo vải phương xa, kém tài kém đức, đâu dám phụng chiếu.

Sứ về triều tâu lại, nhà vua hỏi Hạ Tri Chương:

- Lý Bạch không phụng chiếu, không hiểu ý tứ ra sao?

Hạ Tri Chương tâu bày:

- Tâu Bệ hạ, chắc Lý Bạch nhớ cái nhục năm trước trong trường thi, bị khảo quan không xem bài mà đánh hỏng, đuổi ra khỏi trường. Nay áo vải vào triều, cái hận năm xưa vẫn còn đè nặng trong lòng con người tài hoa tuyệt thế ấy, xin Bệ hạ rộng ban cho y tất y sẽ phụng chiếu.

Đường Minh Hoàng liền khâm tứ cho Lý Thái Bạch là Tiến Sĩ Cập Đệ, ban cho bào tía đai vàng, hốt ngà, mào gấm để Lý Bạch vào châu cho vẽ vang, rồi sai Hạ Tri Chương mang chiếu chỉ và đồ gia ban về cho Lý Bạch. Lý Bạch vâng lời, mặc triều phục vào, đi cùng Hạ Tri Chương vào châu vua Đường và tạ ơn Thiên tử.

Minh Hoàng thấy Lý Bạch có phong độ khác phàm, như Thần Tiên giáng thế, nên có lòng yêu trọng, dụ rằng:

- Nay có thư nước Phiên gửi đến, quần thần không ai hiểu được nên đặc biệt triệu khanh vào để đọc thư và trả lời cùng Phiên quốc.

Nói rồi sai Thị thần đem thư giao cho Lý Bạch. Lý Bạch mở thư ra, cao giọng đọc trước triều đình thật lưu loát. Đại ý vua Bột Hải đòi vua Đường cống nạp cho nước Cao Ly, nếu không thì chúng khởi binh đánh chiếm.

Minh Hoàng nghe xong cả sợ, hỏi văn võ triều thần:

- Các quan có kế chi để chế ngự Phiên quốc?

Hạ Tri Chương liền tâu, xin hỏi Lý Bạch, may ra có diệu kế đối phó với Phiên bang.

Lý Bạch liền tâu:

- Việc này có đáng gì để Thánh Thượng lo âu. Ngày mai, xin triệu sứ Phiên vào triều, thần sẽ đối Phiên sứ mà viết thư phúc đáp theo tự tích của người Phiên, trong thư tỏ rõ sức mạnh của Thiên triều, đồng thời sỉ nhục chúng, rồi phủ dụ chúng, để bắt chúng phải phục tùng.

Đường Minh Hoàng nghe vậy rất hài lòng, thấy rõ tài năng của Lý Bạch, liền phong Lý Bạch làm Hàn Lâm Học Sĩ, lại ban yến tại điện Kim Loan, truyền Lý Bạch được tự do chèn chén, không cần bó buộc lễ nghi.

Lý Bạch vui say thả cửa, say túy lúy, nhà vua phải bảo nội thị đỡ Lý Bạch vào nằm ở Thiên điện.

Đầu canh năm hôm sau, Lý Bạch vẫn còn say, ngủ li bì. Minh Hoàng thăng điện, truyền nội thị bắt ngự trù nấu canh cá chua đã rượu, đem đến để ban cho Lý Bạch. Minh Hoàng chính tay trao đến cho Lý Bạch dùng. Bạch tạ ơn vua, dùng xong cảm thấy hết say, tinh thần sáng khoái.

Lát sau, Sứ Thần vào chầu. Lý Bạch tay cầm Phiên thư, đứng cạnh ngự tọa, cao giọng đọc hết lá thư, không nhằm một chữ. Phiên sứ thất kinh. Lý Bạch thay lời vua, dụ rằng:

- Nhà ngươi là sứ của một nước nhỏ, dám vô lễ với Thiên triều, Thánh Thượng lượng bể bao dung, không nở hỏi tội, sẽ có chiếu xuống phúc đáp cho vua nước ngươi biết đâu là phải, biết đâu là quấy, nhà ngươi cứ ở đó mà đợi lệnh.

Minh Hoàng truyền đặt văn kỹ thất bảo cạnh ngự tọa, ban cho Lý Bạch cầm đôn ngồi cạnh vua để thảo chiếu.

Lý Bạch tâu:

- Thần có một lời tâu, xin Bê hạ xá tội cuồng vọng.

Đường Minh Hoàng liền chuẩn hứa:

- Khanh cứ tâu bày, dù có lầm lỗi, Trẫm cũng không bắt tội.

Lý Bạch phấn khởi tâu xin:

- Trước thần vào thi bị Thái Sư Dương Quốc Trung và Thái Úy Cao Lực Sĩ xua đuổi. Nay thấy hai người ấy tại triều, văn khí của thần bị bế tắc. Vậy cúi xin Bê hạ sai Dương Thái Sư mài mực, Cao Thái Úy tháo giày để thần được hùng tâm phấn khởi mà thảo chiếu thư làm cho Phiên vương phải bội phục mà triều cống.

Minh Hoàng đã lỡ hứa, không làm sao được, đành phải chiều ý Lý Bạch. Thế là Lý Bạch trả được cái hận năm xưa, trong lòng rất hả hê khoái chí nhưt đời, ngạo nghễ ngồi trên cầm đôn, nhìn Dương Thái Sư mài mực, Cao Thái Úy cởi giày, vênh mặt múa bút, loáng một chốc đã xong tờ chiếu, dâng lên long án.

Minh Hoàng thấy chữ viết trong tờ chiếu không khác chi Phiên thư, tuy không nói ra, nhưng bụng rất bằng lòng nghĩ rằng: Con người tài hoa uyên bác đến bậc này, dù bắt Dương Thái Sư mài mực, Cao Thái Úy tháo giày, cũng không trách Trẫm được, rồi truyền Lý Bạch đọc chiếu cho Phiên sứ nghe.

Minh Hoàng nghe đọc, văn chương trác tuyệt, ý tứ tân kỳ, tô điểm Thiên triều, hạ thị Phiên quốc, hùng tâm đởm lược, lấy làm vui sướng, truyền nội thị giao chiếu cho Phiên sứ. Phiên sứ nhận chiếu rất kính sợ, không dám hó hé một lời, cúi đầu lạy tạ, lặng lẽ rút lui.

Hàn Lâm Hạ Tri Chương đưa tiễn sứ Phiên ra khỏi triều. Phiên sứ hỏi:

- Quan thảo chiếu là hạng người nào mà khiến Dương Thái Sư mài mực, Cao Thái Úy tháo giày?

Hạ Tri Chương liền đáp:

- Người ấy họ Lý, tên là Thái Bạch, làm quan Hàn Lâm Đại Học Sĩ, là một vị Tiên Thượng giới giáng trần để giúp Thánh triều. Thái Sư và Thái Úy bắt quá chỉ là kẻ hiền ở thế gian, tất phải phụng sự bậc Thần Tiên ở Thượng giới.

Phiên sứ ghi nhớ mọi điều, trở về Phiên bang mà tâu trình các việc.

Phiên Vương nghe sứ trở về tâu rõ các việc, rồi mở thư ra xem thì càng thêm sợ hãi. Thiên triều có Thần Tiên xuống giúp thì bao nhiêu vọng tưởng đều tiêu tan hết, bèn truyền viết biểu xưng thần, năm năm xin triều cống.

Nhờ đó mà Minh Hoàng rất quý trọng Lý Bạch, ban cho Lý Bạch nhiều bạc vàng châu báu, nhưng Lý Bạch đều dừng từ chối.

- Bạc vàng châu báu không phải là sở nguyện của hạ thần, xin Thánh Thượng cho làm Vô Ưu Học Sĩ, du ngoạn, thi từ một bầu, ngênh ngang vui thú.

Đường Minh Hoàng biết Lý Bạch là người thanh cao, không dám cưỡng ép. Từ đó, vua thường ban yến, giữ Lý Bạch ngủ lại Long điện để bàn việc chính sự trong nước.

Một ngày kia, Lý Bạch cỡi ngựa dạo chơi nơi đường phố Trường An, bỗng thấy một bọn đao phủ dẫn chiếc tù xa, hỏi ra mới biết viên tướng chịu tội là Quách Tử Nghi ở Tinh Châu. Lý Bạch biết họ Quách là một vị tướng tài ba, cần phải cứu nạn, liền chạy đến dặn bọn đao phủ tạm dừng xử quyết, chờ Lý Bạch vào triều trần tấu.

Lý Bạch liền bay ngựa vào triều, yết kiến Minh Hoàng, cầu xin một đạo chỉ ân xá, rồi lại bay ngựa trở lại pháp trường, tuyên đọc chiếu ân xá Quách Tử Nghi và khuyến nhủ nên ráng sức đái công chuộc tội.

Quách Tử Nghi lạ tạ ơn cứu mạng, rồi hỏi họ tên, được biết người vừa cứu mình là Lý Bạch.

Dương Quý Phi là em ruột của Dương Thái Sư, thấy Minh Hoàng quá yêu Lý Bạch, thì đem lòng ghen ghét, thường tâu chê bai Lý Bạch kiêu ngạo, không giữ đúng lễ quân thần.

Nghe Dương Quý Phi nói vậy, Đường Minh Hoàng không triệu Lý Bạch vào cung yến tiệc, mà cũng không giữ lại trong

cung để bàn việc nước. Lý Bạch thấy vậy biết ngay rằng bọn Dương Quốc Trung và Cao Lực Sĩ hiệp cùng Dương Quý Phi gièm pha với vua để tìm cách báo thù Lý Bạch.

Mấy lần Lý Bạch tâu vua xin đi du ngoạn, nhưng vua Đường vẫn giữ lại không cho đi. Lý Bạch chỉ biết cùng bảy người bạn thân cùng nhau thơ rượu, chén tạc chén thù, ngâm thơ đàn hát, vui thú thán ngày, nổi danh là **ẨM TRUNG BÁT TIÊN**, gồm: *Lý Bạch, Hạ Tri Chương, Lý Thích Chi, Nhữ Vương Dương Tiến, Thôi Tông Chi, Tô Tấn, Trương Húc, và Tiêu Toại.*

Một ngày kia, Đường Minh Hoàng triệu Lý Bạch vào cung để phóng thích con phượng hoàng về nơi cỏ nội mây ngàn, non xanh nước biếc.

- Trẫm thấy khanh tánh tình cao khiết, không thích ràng buộc chốn quan trường, nên Trẫm tạm cho khanh về quê vui thú, khanh có cần thứ gì, Trẫm sẽ ban cấp.

Lý Bạch liền quì tâu:

- Tâu Bệ hạ, thần cảm ơn đức của Bệ hạ, thần không cần gì ngoài một ít tiền để mua rượu, thơ rượu là nguyện vọng.

Đường Minh Hoàng liền ban cho Lý Bạch một tấm Kim Bài, trên đó khắc chữ ngự phê vào một mặt: *"Lý Bạch là Thiên hạ Vô Ưu Học Sĩ, đến đâu uống rượu thì công khó phải chi tiền, Phủ cấp ngàn quan, Huyện cấp năm trăm. Văn Võ quân dân ai thất kính sẽ bị khép tội không tuân chiếu."*

Nhà vua lại ban cho ngàn lạng vàng, bảo gấm đai ngọc, yên vàng ngựa quý, và 12 người tùy tùng theo hầu Lý Bạch. Lý Bạch tạ ơn ông vua tri kỷ, rồi từ tạ. Minh Hoàng thân cầm hai đóa hoa vàng lên mũ của Lý Bạch, thân tiễn ba chung ngự tửu, truyền nội thị đỡ Lý Bạch lên ngựa ngay trước ngai vàng để đi ra khỏi triều môn. Đó là một ân huệ chưa từng có của thời phong kiến. Đường Minh Hoàng bù ngùi trông theo bóng của Lý Bạch đến khuất mới lui vào trong nội điện.

Trẫm quan đưa rượu tiễn hành đến ngoài mười dặm. Hạ Tri Chương và sáu bạn nữa đưa tiễn rượu thơ đến ngoài trăm dặm, viết mấy trăm bài thi, đưa tiễn suốt ba ngày mà vẫn chưa

nữ dứt tình tri kỷ. Hạ Tri Chương là người buồn nhứt vì yêu Lý Bạch nhứt.

Lý Bạch về đến đất Thục, bạn bè quan viên hay tin đều đến thăm, thơ rượu xướng họa vui say. Hứa Phu nhân đón Lý Bạch, hân hoan nói lại khúc cầm đài của giai nhân và danh sĩ.

Sau nửa năm sống ở quê nhà, Lý Bạch lại động lòng bốn phương, liền nói với vợ là muốn đi du ngoạn sơn thủy. Hứa Phu nhân rất buồn thảm, đau đớn nỗi chia ly, nhưng phải cố làm vui để tiễn chàng thi sĩ.

Lần này, Lý Bạch không xênh xang trào phục, mà giả trang theo hàng Nho sĩ nghèo, dắt theo một đứa tiểu đồng, cỡi một con lừa tai vênh để nghe thơ rượu ngâm vịnh dọc đường.

Ngày kia đi đến huyện Hoa Âm, dân chúng than thở quan Huyện hà khắc những lạm thói nát. Lý Bạch có ý cảnh tỉnh quan Huyện, liền cho lừa nghênh ngang thẳng vào Huyện đường, vói tay đánh 3 hồi trống, làm như không biết có Huyện quan đang xét việc trên công đường. Huyện quan nghe trống, nhìn ra thấy một người đang cỡi lừa thì giận lắm, sai lính lệ ra lôi cổ tống giam vào ngục và bắt khai cung. Ngục quan sai quăng giấy bút vào cho Lý Bạch khai, nếu không khai sẽ đánh cho một trận.

Lý Bạch cười, lượm giấy bút viết luôn: *"Người khai cung là Lý Bạch, quê ở Cẩm Châu, Hàn Lâm Học Sĩ, say rượu thảo hồi thơ, sứ Phiên sợ thất phách, Dương Thái Sư mài mực, Cao Thái Úy cởi giày, Kim Loan làm điện ngữ, thanh danh khét bốn phương, trước sân rồng lên ngựa, giữa huyện Hoa Âm, các người là thứ gì mà không cho ta cỡi lừa?"*

Ngục quan xem xong, hồn bay phách rụng, khấu đầu lạy Lý Bạch như tể sao, cầu xin tha tội. Lý Bạch cười bảo:

- Việc này không can hệ gì đến người, hãy gọi quan Huyện tới đây nói rằng ta phụng chỉ tra xét tội tham những của bọn người.

Ngục quan vội vàng mang tờ cung lên quan Huyện, thuật lại lời Lý Bạch. Tri Huyện hoảng sợ hết vía, chạy bay vào ngục, lạy van Lý Bạch, thỉnh Lý Bạch lên công đường để được nghe lời giáo huấn.

Chờ các quan hành lễ xong, Lý Bạch móc Kim Bài của vua ban, đặt lên bàn, cho các quan trong huyện xem rồi phủ dụ:

- Lũ các người ăn lộc nước, chịu ơn vua, tại sao còn vợ vét tài sản của dân, nếu không hối cải, ta theo Kim Bài mà xử đoán, các người sẽ bị xử trảm cả lũ.

Quan Huyện lạy như tể sao, nhận tội và xin khoan dung, hứa trở thành một vị quan thanh liêm gương mẫu.

Tin này đồn đại ra khắp nơi, các quan địa phương khác đều tin là vua Huyền Tôn sai Lý Bạch đi các nơi tuần sát các quan, thăm hỏi dân tình, nên đều lo sợ, không dám làm điều bạo ngược với dân chúng.

Nói về giặc An Lộc Sơn nổi lên đánh vào kinh đô làm vua Đường Huyền Tôn phải bỏ chạy vào đất Thục; còn Thái Tử Lý Hanh được quần thần thuyết phục ở lại chiêu tập binh mã đánh lại An Lộc Sơn.

Thái Tử đến Linh Vũ rồi đưa hịch đi khắp nơi, thu thập những người trung nghĩa, tích thảo đồn lương, chuẩn bị phản công An Lộc Sơn. Các quan đồng tâu xin Thái Tử lên ngôi Hoàng Đế. Thái Tử bằng lòng, lên ngôi tại Linh Vũ, lấy hiệu là Túc Tôn, niên hiệu Chí Đức, tôn vua Huyền Tôn làm Thái Thượng Hoàng, tất cả các quan đều được thăng trật.

Túc Tôn định dâng biểu cho Huyền Tôn thì chiếu của vua Huyền Tôn vừa tới, phong Thái Tử làm Đại Nguyên Soái, cầm binh đánh dẹp giặc An Lộc Sơn.

Cuộc lên ngôi của Túc Tôn khi chưa có chiếu chỉ của vua cha bị nhiều người cho là bất hợp pháp, có nhà Nho lại nói: Nhân lúc khốn đốn, con cướp ngôi cha.

Lúc đó, Vĩnh Vương Lý Lâm (em của Thái tử Lý Hanh) đang trấn ở Giang Lăng thấy vậy không phục, nói rằng: Thái Tử tự ý lên ngôi khi chưa có chiếu chỉ của Phụ Hoàng, thì ta đây cũng có quyền lên ngôi. Cả vùng Giang Lăng rộng lớn và trù phú thế này, sao ta không mưu lấy nghiệp riêng?

Nói rồi, Lý Lâm lên ngôi làm vua ở Giang Lăng, lập triều đình riêng, mở cửa chiêu hiền đãi sĩ.

Nghe tin Lý Bạch là danh sĩ đang ẩn cư tại Lư Sơn, Lý Lâm cho sứ giả đến mời. Lý Bạch nói:

- Ta đã được vua Huyền Tôn phong làm Hàn Lâm Học Sĩ, Dương Thái Sư mài mực, Cao Thái Uy cõ giày cho ta, say rượu ngủ tại Kim Loan điện, lên ngựa trước ngai vàng, đi uống rượu thì quan Phủ, Huyện phải trả tiền, danh vọng đến thế mà ta còn không màng, hưởng chỉ ra làm mưu thần cho một tên phản loạn triều đình.

Nói xong, Lý Bạch đuổi sứ giả về.

Lý Lân liền cho quân lính đến bắt cóc Lý Bạch đưa về Giang Lăng, chiêu dụ nhiều lần nhưng Lý Bạch nhứt định thà chịu chết chứ không nhận làm quan cho Lý Lân. Lý Lân tức giận, đem Lý Bạch giam vào ngục Tần Dương.

Vua Túc Tôn, dẹp yên được giặc An Lộc Sơn, liền sai Hoài Nam Tiết Độ Sứ Cao Thích và Phó Sứ Lý Thành Vũ kéo quân đi hỏi tội Lý Lân ở Giang Lăng. Vĩnh Vương Lý Lân đại bại nên phải tự tử, còn Lý Bạch ở trong nhà ngục Tần Dương bị bắt giải về triều. Vua Túc Tôn định xử tội Lý Bạch, thì Phó soái Quách Tử Nghi vội viết biểu tâu rằng:

"Lý Bạch là đại tài tử, lại là người có phẩm cách tuyệt vời. Xưa Thượng Hoàng từng ban yến mời Lý Học Sĩ ra làm quan, mấy lần Lý Bạch đều từ chối. Nay Lý Lân tiếm xưng, cho người đi bắt Lý Học Sĩ ép buộc làm quan, nhưng Lý Học Sĩ cương quyết từ chối, nên bị Lý Lân bắt giam tại ngục Tần Dương. Thần nguyện đem tánh mạng của dòng họ nhà thần trên 100 người ra để bảo đảm việc này. Xin Bệ hạ đừng giết oan một người tài giỏi và trung hậu như Lý Học Sĩ."

Vua Túc Tôn cho pháp ty tra xét thì quả đúng như lời tâu của Quách Tử Nghi, nên Túc Tôn tha cho Lý Bạch.

Sau đó, vua Túc Tôn đi rước Thái Thượng Hoàng Đường Huyền Tôn nơi đất Thục trở về kinh đô Tràng An.

Thượng Hoàng nói với Túc Tôn:

- Hai tướng Quách Tử Nghi và Lý Quang Bất đều có công lớn, nhưng công của Quách thì lớn hơn Lý nhiều. Việc thất bại vừa rồi không phải lỗi của Quách Tử Nghi mà bởi Quách Tử Nghi không được trọn quyền quyết định.

Túc Tôn vâng mệnh, nên về sau phong thưởng cho Lý Quang Bật làm Thái Úy Trung Thư Lệnh, còn Quách Tử Nghi làm Phàn Dương Vương. Nhân đó, Thượng Hoàng nói:

- Bây giờ, mới biết Lý Bạch có con mắt tinh đời: Chỉ có anh hùng mới biết anh hùng! Nếu Lý Bạch không cứu Quách Tử Nghi lúc đó thì ai cứu được nhà Đường buổi nay? Nói đúng hơn là Lý Bạch đã cứu nhà Đường ta đó.

Vua Túc Tôn nghe Thượng Hoàng nói thế thì lấy làm ân hận vì đã đối xử không tốt với Lý Bạch.

Sau vụ Lý Lân, Lý Bạch càng chán nản sự đời. Từ đó, Lý Bạch thả một lá thuyền cùng bầu rượu túi thơ, du ngoạn Động Đình Hồ.

Một đêm trăng sáng tuyệt vời, thuyền đến ven sông Thái Trạch, khung cảnh huyền ảo, Lý Bạch ngồi lặng đầu thuyền, nhấp chén men say, hồn lâng lâng như bay bổng. Từ không trung có tiếng nhạc đưa đến, một con cá kinh lớn nổi lên, Tiên đồng hiện ra giữa Trời, cầm phước đến trước Lý Bạch, thưa: "*Phụng lệnh Thượng Đế, xin rước Tinh Quân trở về ngôi cũ.*"

Quan địa phương dâng biểu về triều, báo cáo sự việc Lý Thái Bạch thoát trần về Tiên.

Năm đó là năm 762, Lý Thái Bạch thọ 61 tuổi. Vua Đường Túc Tôn dạy lập đền thờ tại bờ sông đề là "Lý Trích Tiên Từ", ghi ngày kỷ niệm thoát trần, hằng năm cúng tế.

Đức Lý Thái Bạch có giáng cơ cho một bài thi tóm tắt cuộc đời của Ngài như sau:

LÝ BẠCH (Noel 1925)

*Đường trào hạ thế hưởng Tam quan,
Chẳng vị công danh, chỉ hưởng nhàn.
Ly rượu trăm thi, lời vẫn nhắc,
Tánh Tiên muôn kiếp, vốn chưa tàn.
Một bầu phong nguyệt say ngơ ngáo,
Đầy túi thi văn đồ chứa chan.
Bồng đảo còn mơ khi bút múa,
Tả lòng thế sự vẽ giang san.*

(TNHT)

Đức Lý Thái Bạch giảng cơ cho biết quyền hành của Ngài mà Đức Chí Tôn đã giao trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ qua bài thơ sau đây:

Ánh Thái Cực biến sanh Thái Bạch,
Hiện Kim Tinh trọng trách Linh Tiêu.
Quyền năng vưng thuở Thiên triều,
Càn Khôn Thế giới dất dìu Tinh Quân.

Tinh Quân thọ sắc thuở Phong Thần,
Cho đến Đường triều mới biến thân.
Thái Bạch Kim Tinh đang trị thế,
Trường Canh Trích Tử đến thăm trần.
Động Đình thi rượu đong muôn đấu,
Bồng Đảo câu Tiên nắm một cần.
Vâng lệnh Ngọc Hư nay xuống thế,
Tam Kỳ độ rỗi các nguyên nhân.

LÝ THÁI BẠCH

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



M

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục văn M

MA

- Ma
- Ma chướng quỷ tai
- Ma chữ thành châm
- Ma Ha Tát
- Ma Ha thủy
- Ma hồn quỷ xác
- Ma khảo
- Ma kheo
- Ma vương quái
- Ma xử

MẠC

- Mạc trác
- Mạc thiên tịch địa

MAI

- Mai
- Mai cốt bất mai tu
- Mai danh ẩn tích
- Mai gầy sen nở
- Mai một
- Mai tàn tuyết xử
- Mai táng
- Mai thê hạc tử
- Mai xuân nguyệt cúc vị trà hương

MẠI

- Mại quốc cầu vinh

MAN

- Man trá

MÃN

- Mãn
- Mãn đường cát khánh
- Mãn kiếp
- Mãn kỳ
- Mãn phần
- Mãn phục - Mãn tang

MANG

- Mang sao đội nguyệt

MĂNG

- Măng bào

MẠNG (MỆNH)

- Mạng
- Mạng căn
- Mạng chung
- Mạng danh (Mệnh danh)
- Mạng pháp
- Mạng Trời

MANH

- Manh sư

MẠNH

- Mạnh
- Mạnh nguyện
- Mạnh Thường Quân
- Mạnh - Trọng - Quý
- Mạnh Tử (372-289 trước TL)

MÃO

- Mão - Các loại mão

MẠO

- Mạo
- Mạo hợp tâm ly
- Mạo muội
- Mạo nhận
- Mạo vi cung kính
- Mạo xưng

MẠT

- Mạt
- Mạt diệt
- Mạt hậu Thiên khai
Huỳnh đạo
- Mạt học
- Mạt kiếp
- Mạt lộ
- Mạt pháp
- Mạt thể
- Mạt vận

MÀU

- Màu thiền

MÁY

- Máy
- Máy Càn khôn - Máy
huyền vi
- Máy hành tàng
- Máy linh cơ tạo
- Máy sâu họa kín

MẪY

- Mẫy hào
- Mẫy mún

MẮC

- Mắc mỏ

MẶC

- Mặc
- Mặc khách
- Mặc khải - Mặc khải
- Mặc niệm
- Mặc phò lê thứ
- Mặc tuyên đại hóa

MẶT

- Mặt thành càn khôn

MẪN

- Mẫn huệ
- Mẫn khổ

MẬT

- Mật
- Mật nghĩa
- Mật chỉ
- Mật niệm
- Mật chiếu
- Mật yếu
- Mật chú - Mật ngữ

MÂU

- Mâu thuẫn

MÀU

- Màu nhiệm

MẪU

- Mẫu
- Mẫu Nghi
- Mẫu Hậu
- Mẫu tử tình thâm

MÈO

- Mèo mả gà đồng

MÊ

- Mê
- Mê muội
- Mê đồ
- Mê ngộ
- Mê hoặc
- Mê tân
- Mê luyến hồng trần
- Mê tín - Chánh tín

MỆNH

- Mệnh (Xem: Mạng)

MI

- Mi thanh mục tú

MỊ

- Mị dân

MĨ

- Mĩ (Xem: Mỹ)

MIÊN

- Miên miên thái bình

MIỄN

- Miễn lễ

MIẾU

- Miếu đường

MINH

- Minh
- Minh cảnh đài
- Minh chánh
- Minh định
- Minh đoan
- Minh đức - Tân dân - Chí Thiện
- Minh Đường
- Minh huệ
- Minh khí
- Minh Lý Đạo
- Minh minh như dạ hành
- Minh oan
- Minh quang
- Minh quân
- Minh sát (Minh xét)
- Minh sơn thệ hải
- Minh sư
- Minh tâm khắc cốt
- Minh tâm kiến tánh
- Minh thệ - Lập Minh thệ
- Minh Thiện Đàn
- Minh tra
- Minh triết

MỠN

- Mỗn lòng

MỘ

- Mộ
- Mộ bi (mộ bia)
- Mộ chí
- Mộ cổ thần chung
- Mộ đạo
- Mộ khang
- Mộ phần
- Mộ xuân

MỘC

- Mộc
- Mộc ân
- Mộc bản thủy nguyên
- Mộc dĩ thành chu
- Mộc dục

MÔI

- Môi giới

MÔN

- Môn
- Môn đệ - Môn đồ
- Môn đươg hợ đối
- Môn ngoại
- Môn phái
- Môn sinh (Môn sanh)
- Môn thiền

MÔNG

- Mông trần

MỘNG

- Mộng
- Mộng ảo bào ảnh
- Mộng điệp
- Mộng hồn
- Mộng huyễn
- Mộng mị
- Mộng trần
- Mộng triệu

MỤC

- Mục
- Mục bất quan phi lễ chi sắc
- Mục dân
- Mục hạ vô nhân - Mục trung vô nhân
- Mục kiến
- Mục Sư
- Mục vịnh tiêu ca

MUỘI

- Muội tâm

MƯA

- Mưa móc

MỰA

- Mựa

MƯU

- Mưu
- Mưu chước
- Mưu đồ
- Mưu phản
- Mưu sinh
- Mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên
- Mưu thâm họa diệt thâm
- Mưu trí

MỸ

- Mỹ
- Mỹ miều
- Mỹ cảnh lương thân
- Mỹ tục
- Mỹ vị

MA

MA

MA: 魔 Những linh hồn và chơn thần người chết chưa siêu thăng hay chưa định phận, còn ở lại cõi trần, thường quanh quẩn bên cạnh người sống hay ở bãi tha ma để phá khuấy người sống.

Td: Ma chướng quỷ tai, Ma hồn quỷ xác.

Ma chướng quỷ tai

魔障鬼災

Ma: Những linh hồn và chơn thần người chết chưa siêu thăng hay chưa định phận, còn ở lại cõi trần, thường quanh quẩn bên cạnh người sống hay ở bãi tha ma để phá khuấy người sống. **Chướng:** ngăn trở. **Quỷ:** ma. **Tai:** tai nạn.

Ma chướng quỷ tai là những sự ngăn trở và những tai nạn do đám quỷ ma gây ra để phá hại người tu.

Người tu thường bị bọn quỷ ma tìm cách ngăn trở bước đường tu hành, bằng cách dụ dỗ người tu vào đường tà vạy với những miếng mồi hấp dẫn như: tiền, sắc, tài, khí, hay danh, lợi, quyền, v.v... hoặc bằng cách gây ra những tai nạn như: bệnh hoạn ốm đau, bị chửi bới, bị oan ức,...

Nếu người tu thắng nổi những cám dỗ đó, vượt qua được những khó khăn đó, thì trình độ đạo đức mới tăng tiến, mới có thể siêu phàm nhập Thánh, còn không qua nổi thì phàm vẫn hườn phàm.

DLCK: Nam mô Chuẩn Đề Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, năng trừ *ma chướng quỷ tai*, năng cứu khổ ách,...

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Ma chữ thành châm

磨杵成針

Ma: mài, mài cho mòn bớt. **Chữ:** còn đọc là Xử: cái chày.
Thành: nên. **Châm:** cây kim.

Ma chữ thành châm là mài cái chày thành cây kim, ý nói: có chí thì nên.

Ma Ha Tát

摩訶薩

Do phiên âm từ tiếng Phạn: Mahasattva. Phiên âm đầy đủ là: **Ma Ha Tát Đóa**. **Ma Ha:** lớn, đại. **Tát Đóa:** chúng sanh.

Ma Ha Tát, nói tắt của Ma Ha Tát Đóa, là bậc chúng sanh lớn, có lòng quảng đại cứu độ chúng sanh.

Bồ Tát Ma Ha Tát là bậc Đại Bồ Tát, ngang hàng với Phật, nhưng còn mang danh Bồ Tát để cứu độ chúng sanh. Như Đức Quan Thế Âm là Bồ Tát Ma Ha Tát, nên chúng ta niệm là: "*Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.*"

Ma Ha thủy

摩訶水

A: The Holy water.

P: L'Eau bénite.

Ma Ha: do tiếng Phạn phiên âm: lớn, đại. **Thủy:** nước.

Ma Ha thủy, nghĩa đen là nước của con sông lớn linh thiêng ở Ấn Độ, đó là sông Gange, tức là Hằng hà. Đây là con sông mà Đức Phật Thích Ca xuống tắm, tẩy trần và đạt đạo.

Trong Đạo Cao Đài, Ma Ha thủy là nước đã được làm phép, dùng trong hai bí tích: Tắm Thánh và Giải Oan.

Trong quyển sách Bí Truyền Chơn Pháp của Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh, Ngài dẫn giải về Ma Ha thủy và cách luyện Ma Ha thủy để dùng trong Phép Tắm Thánh và Giải Oan, xin chép nguyên văn ra sau đây:

"Khi Đức Phật Tổ từ ngôi tâm đạo thì người gặp phải manh sư truyền giáo, cố lấy phương ép xác đặng đạt huyền diệu thiêng liêng. Người tập tuyệt thực, ngồi tại hòn núi chịu khổ hạnh 6 năm, thân hình yếu ớt, sức lực hao mòn, đến đổi ngày cùng tận của Ngài duy có ăn một hạt cơm mà thôi (theo lời kinh nói). Buổi ấy cái thảm tượng sắp chết của Ngài hầu đến, thoát nhiên có một người tiểu phu đến nơi núi của người đang trì định, lần đến bên người, ôm đờn đờn một điệu rất nên hòa nhã thâm thúy không cùng, nhưng có một điều là lên dây đờn quá thẳng, làm cho đến khúc hay thì đứt dây loan. Đứt rồi cột, cột rồi lên thẳng, lên thẳng rồi đờn, đờn rồi đứt, chẳng biết mấy lần, làm cho Phật đang nhập thiền trì định phải bực tức tỉnh hồn, day qua mà than với ông ấy rằng: Ông đờn thì hay mà lên dây chỉ cho cao quá, mỗi lần hay phải đứt dây, thì cái hay ấy phải hết mùi, tôi rất nên thương tiếc.

Ông tiểu ấy liền trả lời rằng: Đờn của tôi cũng giống như cái tu của Phật. Dây đờn của tôi lên cao quá nó phải đứt thì cái hay của nó chẳng hữu ích chút nào, còn cái tu của Phật, nếu cái cao siêu huyền bí của nó mà đạt cơ bất diệt, cái cao của nó cũng phải chết theo Phật, còn chi cứu thế độ đời.

Thốt như thế rồi liền đứng dậy xách đờn mà đi (kinh cho ông ấy là Bồ Tát đến kiến tánh cho Phật).

Mấy lời ấy làm cho Phật tỉnh giác, biết mình lầm theo Tà pháp Bàn môn, liền đứng dậy, vội vàng xuống núi, làm cho bốn vị đệ tử ở hầu hạ bên người, mong cho thấy người đạt pháp, khi thấy Phật xuống núi mong phàm thì ngã lòng thối chí, bỏ Phật không làm môn đệ nữa.

Trước khi Phật xuống núi, nơi xứ của Phật tu có một vị thiện nữ giàu có sang trọng, nuôi thú vật rất nhiều. Ban đêm nằm mộng thấy một vị Bồ Tát dặn rằng: Ngày ấy, giờ ấy, sẽ có Phật tại rừng bồ đề, nàng phải bắt 72 con bò cho ăn bông mai mà thôi, nặn sữa 72 con bò ấy, cho 12 con uống, rồi nặn sữa 12 con cho một con uống, lấy sữa của con ấy đựng vào bình bát vàng đem dâng cho Phật.

Khi Phật bộ hành đến rừng bồ đề vừa chí thì mệt mỗi quá chừng, thân hình rũ rượi, thần kinh lờ mờ, sa vào một cội bồ đề mà chết giấc, nhờ chết giấc ấy mới xuất thần đặng hội diện

cùng chư Phật, thấy rõ trước mắt Địa ngục, Niết Bàn. Ấy là giờ của người đạt pháp, duy lạ một điều cả cảnh tượng ấy mịt mịt mờ mờ, người không gần đặng.

Thoạt thấy một vị Bồ Tát dặn ra: Thân phàm xác tục của người và chơn thần của người đã chịu nhiều quả kiếp cho nên ô trược nhớp nhơ, khi tái nhập thế trần, phải đến sông Ma Ha tẩy trược. Trong cơn ấy, người đàn bà bưng bình bát sữa vừa đến rừng bồ đề, tìm chẳng thấy ai khác hơn là một thầy tu nằm dựa gốc cây mà chết, chỉ rờ nơi ngực còn nghe hơi ấm của trái tim, vội vàng biểu tỷ nhi và mình ra tay hô hấp.

Phật vừa tỉnh dậy thì nàng dâng bình bát sữa cho người. Phật uống đặng bình bát sữa ấy rồi trụ Thần, định Khí, mạnh lại như xưa.

Ấy là cơ hiệp Tam bửu: Tinh Khí Thần hiệp nhưt. Tinh là hình hài, Khí là chơn thần, Thần là chơn linh. Nhờ Tam bửu phối tế, người định giác lần lần, thấy đặng cõi hư linh và cảnh phàm trần xa nhau không đầy một sợi tóc.

Thăng thì đến cõi hư linh, đọa thì sa vào phàm tục.

Khi đã định tâm đạt pháp rồi, Phật liền nhớ lời Bồ Tát dặn, nên lần hồi tới bãi sông Gange, nhưng có một điều lạ là chơn thần và xác thịt của Ngài chưa trọn tương liên hòa hiệp, nên người mờ hồ chưa biết chắc mình đã quả nhiên đạt pháp.

Xuống tắm sông Gange rồi lên khỏi bờ, cầm bình bát vu nơi tay mà vái rằng: Nếu quả nhiên tôi đã đặng đạt pháp, xin chư Phật cho cái bình bát vu này trôi ngược dòng nước.

Nói rồi, người liệng bình bát vu giữa dòng thì bình bát vu từ từ trôi ngược dòng nước.

Phật mừng quá, ngoắt nó vô bờ, cầm bình bát vu mà nói rằng: Nước sông Gange sẽ rửa sạch oan nghiệt tội tình của kiếp sống (*Ma Ha thủy năng hủy oan nghiệt tội chướng chi đọa*).

Kể từ ngày tắm nơi sông Gange rồi thì mỗi phen trì định xuất thần, Phật mới đến đặng gần chư Phật, nhập vào đặng Tây Phương Cực Lạc. Ấy là nhờ Phép Giải Oan mà đạt vị."

Cách luyện Ma Ha thủy dùng trong Phép Giải Oan và Tắm Thánh:

"Múc một tô nước lạnh để tại Thiên bàn. Người hành pháp làm như cách hành pháp thường, nghĩa là đến trước Thiên bàn xông hương tay và mặt. Đứng ngay trước Thiên bàn, định thần vẽ bằng con mắt chữ (.) trong con người Thiên nhãn, chơn trái vẽ dưới đất chữ (.), hai chơn đứng trên chữ (.) ấy, ký chữ (.) gọi là đạp Đinh Giáp.

Tay trái bắt ấn Hộ Pháp để ngay ngực, tay mặt cũng bắt ấn Hộ Pháp để trên tô nước, niệm danh hiệu Hộ Pháp, buông ấn ra, con ngón tay giữa vẽ bùa (.) trên tô nước, xòe tay ra úp trên mặt tô, nhắm con mắt truyền thần xuống nước, và niệm câu chú: Ma Ha thủy năng hủy oan nghiệt tội chướng chi đọa.

Định thần, khi thấy Thiên nhãn giáng trên mặt nước thì rút tay ra liền. Ma Ha thủy đã luyện thành."

TNHT: Hứng giọt *Ma Ha* lau tục lụy.

KGO: Gọi mê đồ, tắm nước *Ma Ha*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KGO: Kinh Giải Oan.

Ma hồn quỷ xác

魔魂鬼殼

Ma: Những linh hồn và chơn thần người chết chưa siêu thăng hay chưa định phận, còn ở lại cõi trần, thường quanh quẩn bên cạnh người sống hay ở bãi tha ma để phá khuấy người sống. **Hồn:** linh hồn. **Quỷ:** ma quỷ. **Xác:** thể xác.

Ma hồn quỷ xác là chỉ những người sống mà linh hồn là của ma, thể xác là của quỷ, chuyên đi phá hại người tu, gây hiểm khích chia rẽ trong cửa Đạo.

TNHT: Lũ *ma hồn quỷ xác* nó cứ theo phá khuấy các con là nó muốn phá Đạo đó.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ma khảo

魔考

A: The trial of the demons.

P: L'épreuve des démons.

Ma: Những linh hồn và chơn thần người chết chưa siêu thăng hay chưa định phận, còn ở lại cõi trần, thường quanh quẩn bên cạnh người sống hay ở bãi tha ma để phá khuấy người sống. **Khảo:** thử thách khả năng để xem đậu rớt.

Ma khảo là ma quỷ thử thách phẩm hạnh của người tu để xem có xứng đáng đắc đạo cùng chăng.

Sau đây xin chép lại bài Giáo Lý Huấn Luyện Giáo Hữu nói về sự Ma khảo:

"Có trường thi công quả tất có cơ khảo thí theo phép công bình Thiên đạo. Phạm muốn đoạt thủ địa vị nơi trường thi ấy, người hành đạo phải có công lao xứng đáng và phẩm hạnh hoàn toàn. Chịu thử thách mà không sa ngã mới đáng đăng tên vào Tiên tịch.

Vi lễ công bình, Đức Chí Tôn phải để cho Ma vương cám dỗ. Kẻ nào kém đạo hạnh phải sa vào cạm bẫy.

Thường thường Chánh Tà tương khắc. Hễ Đạo khai thì Tà khởi. Đạo không ma khảo, Đạo khó thành; ma không Đạo khai, ma không được dịp mở cơ thành vượng.

Ma khảo có nhiều cách, đại khái như:

1. Mạo danh Tiên, Phật, dối ban huyền diệu cốt mê hoặc người phải xa chánh giáo.
2. Giục người thấy sắc đẹp mê sa, thấy tài vật ham muốn.
3. Hóa việc lạ lùng quái gở cho người sợ bỏ dở công phu.
4. Chiếu theo sở dục của con người mà cám dỗ, tức là đánh ngay chỗ yếu của người.
5. Bày bố những khó khăn gay gắt cho người thối chí ngã lòng.

Đức Chí Tôn đã báo cho biết trước:

Chung quanh các con, dầu xa dầu gần, Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn với các con. Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp

mà cần xé các con, song trước Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp mà chúng nó chẳng hề thấy đặng là đạo đức của các con. Ấy vậy, ráng gìn giữ bộ thiết giáp ấy hoài cho đến ngày các con hội hiệp cùng Thầy. Nghe và ráng tuân theo.

Đường đã trải qua, chúng ta thấy rõ tu hành gặp không biết bao nhiêu trở lực. Nào là người hữu ý hay vô tình kích bác, cho đến bà con cật ruột cùng bạn thân yêu buổi trước mà nay thấy chúng ta tu hành, họ cũng đem lòng nhạo báng. Nào là kẻ gây điều khó dễ mong phá hoại việc tu.

Trong khi lập công bồi đức, chúng ta lại gặp nhiều nghịch cảnh: tiền tài thiếu thốn, tật bệnh triền miên, hoặc những nỗi bất bình, những điều thống khổ, để khiến chúng ta ngã lòng thối bước, nếu không nhẫn nại và vững đức tin.

Những chướng ngại trên là sự trạng của cơ Nghịch khảo.

Lại cũng có khi chúng ta sa ngã vì sắc đẹp, vì danh vọng, và lợi quyền, là những chạm bẫy để quyến rũ con người vào đường tội lỗi mà thất đạo. Đó là cơ Thuận khảo.

Tóm lại, cơ Đạo có Nghịch khảo và Thuận khảo, là hai phương pháp trui rèn lòng người tu hành cho ra cao thượng. Vàng không trui lửa, ai biết vàng cao; ngọc chẳng giồi mài, ai hay ngọc quý.

Chúng ta tin chắc rằng, mỗi lần bị khảo mà không ngã là mỗi lần chúng ta được lên một nấc thang tấn hóa đó.

Vậy người tu hành phải chịu luật khảo thí và phải kiên tâm trì chí lướt qua mọi thử thách. Tự tin và bền chí là bí quyết thành công."

"Đạo với Ma là hai con đường đi đôi với nhau. Có Đạo thì phải có Ma. Từ cổ chí kim, chư Phật, Tiên, Thánh đều phải trải qua con đường Ma khảo mới chứng được Đạo. Người tu mà không biết Ma khảo thì chưa phải là người tu hành.

Ma khảo có những tác dụng sau đây:

- Phân chân ngộ.
- Tiêu oan khiên.
- Hóa bầm tính.
- Định quả vị.

1. Phân chân ngục:

Thời TKPĐ, cửa Đạo mở rộng, nhưng chân giả khó phân. Có người chơn tu, có người mượn danh Đạo tạo danh đời, làm cho những người chơn tu bị mắc oan. Cho nên các Đấng thiêng liêng mới cho Ma khảo để lựa chọn người chơn tu, loại ra những kẻ giả tu. Kẻ giả tu, sau cơn thử thách thì họ đều hiện rõ cái hình giả tạo của họ. Đức Chí Tôn cũng đã có nói trước rằng: "Thầy làm ra mặt các con coi." Cho nên, nếu không có Ma khảo thì làm sao phân biệt được chơn giả?

2. Tiêu oan khiên:

Người tu hành ít nhiều đều có mang theo oan nghiệt của các kiếp trước. Trong thời TKPĐ, Đức Chí Tôn đại khai ân xá, nên đem Nhân Quả của các kiếp trước dồn vào kiếp này để người tu trả dứt các món nợ oan nghiệt mà trở về cùng Chí Tôn.

3. Hóa bầm tính:

Con người nơi cõi trần tiêm nhiễm vật chất qua nhiều kiếp, nên lục đục thất tinh luôn luôn dấy động. Nhờ có Ma khảo mà biết được chỗ yếu kém của mình để cố gắng sửa đổi, dần dần bản tánh hóa thuần mà hợp với Thiên tánh. Mỗi khi bị khảo, không nên sanh lòng oán hận, mà phải thuận tùng tiếp nhận, nhẫn nại vượt qua, vì mỗi lần khảo là mỗi lần bớt được một số nợ của kiếp trước. Một khi đã vượt qua một cơn khảo đảo thì đường Đạo dễ đi hơn.

4. Định quả vị:

Các Đấng Tiên, Phật đều nói trước rằng:

"Vô ma khảo bất thành Đại Đạo, Đạo bất khảo bất thành Phật."

Xưa, Đức Chúa Jésus, Đức Phật Thích Ca, trước khi thành đạo, phải chịu cho Satan, Quỷ vương khảo đảo đủ cách, khi không lay chuyển được thì Quỷ vương mới chịu phục và mới thành đạo. Đức Khổng Tử cũng bị khảo đảo 7 ngày nơi biên giới nước Trần và nước Thái, Đường Tam Tạng và ba đồ đệ cũng bị 81 tai nạn khảo đảo mới được thành Phật.

Vượt qua được một lần khảo đảo là trình độ tâm linh tiến hóa lên một bậc. Cho nên, nhờ Ma khảo mà các Đấng định phẩm vị cho người tu hành.

Về MA KHẢO, có 8 cách khảo:

- Nội khảo, - Ngoại khảo, - Khí khảo,
- Kỳ khảo, - Thuận khảo, - Nghịch khảo,
- Điền đảo khảo, - Đạo khảo.

1. Nội khảo: Khi cầu đạo rồi thì thường hay bị tai nạn, hay bệnh hoạn,... Do đó, nhiều người rất sợ, không muốn vào Đạo và lại còn biếm nhẽ rằng, người tu hành đạo đức mà sao bị tai nạn liên liền. Đức Chí Tôn cũng có dạy trước rằng:

*Ức lòng để tỏ đặng cùng ai,
Hiền đức mà sao chịu khổ hoài.
Lão nói tỏ tường cho đó hiểu,
Cũng là vay trả luật xưa nay. (TNHT)*

Chúng ta tự hỏi tại sao có chuyện kỳ như vậy? Bởi vì các chủ nợ oan nghiệt thấy vị này tu rồi, e sau này rất khó đòi nợ, nên xúm nhau đến đòi nợ liền liền.

Người tu cần phải lập chí nhẫn nại, cam lòng chịu đựng, trụ vững đức tin nơi Đức Chí Tôn, ráng lo lập đức lập công để tiêu trừ bớt oan khiên nghiệp chướng, vượt qua các cơn khảo đảo. Dần dần, các oan nghiệt sẽ bớt đi, và con đường đạo sẽ được êm chơn tiến bước.

2. Ngoại khảo: Thân nhân phản đối, bạn bè hủ bại, hàng xóm chê cười, quan binh bắt bớ,... đều thuộc ngoại khảo. Người tu phải ráng giữ vững đức tin, ôn hòa và tận tụy giúp đỡ mọi người, nhất là những người chỉ trích mình, cầu xin Ông Trên hộ trì giúp sức cho sớm vượt qua cơn Ngoại khảo.

3. Khí khảo: Khí là giận. Bị người lấy oán báo ơn, bị xuyên tạc, bị hàm oan, bị vu khống,... khiến người tu không nhận được, nổi giận chống đối quyết liệt. Như thế là người tu bị Khí khảo mà không hay. Khi gặp Khí khảo, phải lấy lòng khoan dung đại lượng để ứng phó.

Như Đức Chúa đã nói: Kẻ nào đánh vào má bên trái của ta, ta đưa má bên phải cho nó đánh chung một lượt.

Đức Phật Di-Lạc cũng có nói: Có người chửi vào Lão chuyết, Lão chuyết cười hì hì; nếu nhỏ nước miếng vào mặt ta, cứ để vậy cho nó khô, khỏi cần phí công lau chùi, làm cho kẻ nhỏ cũng được vui.

4. Kỳ khảo: Sau khi cầu đạo rồi thì làm ăn thất bại, vợ chồng gây gỗ, con cái chia lìa,... đều thuộc về Kỳ khảo. Ứng phó với Kỳ khảo, người tu phải hiểu thấu suốt lý nhơn quả. Vợ chồng hay con cái đều là duyên nợ, duyên tốt hay xấu, dài hay ngắn, đều là nhân đã kết tập từ kiếp trước. Tiền tài, nhà cửa, ruộng đất, chỉ là thân ngoại vật, sinh ra không mang đến, chết rồi cũng không mang theo được. Hiểu rõ như thế, thì sự vinh hoa, đắc thất như một giấc chiêm bao. Trong lòng cứ thản nhiên như đám mây bay trên trời, hay như dòng nước chảy.

5. Thuận khảo: Có hai mặt: Thánh và phàm.

- **Mặt Thánh:** Được bậc bề trên khen thưởng, được kẻ hậu học ủng hộ, dần dần trở nên đắc ý hợm mình, rơi vào con đường Danh của đạo mà trở thành ngạo mạn, bỏ quên phần đạo tâm ở sau ót. Khi được bậc trên thương yêu, hậu học xem trọng, thì càng phải tự cảnh tỉnh lấy mình. Tài bao nhiêu, đức bao nhiêu mà được ân sủng như vậy? Trong lòng phải luôn luôn cảm tạ ơn đức của các bậc huynh tỷ bề trên, thương yêu đoái hoài đến đàn hậu học, khiêm tốn nhường, làm gương mẫu cho đàn em noi bước. Đó là cách biến Thuận khảo thành bậc thang tiến hóa của tâm hồn.

- **Mặt phàm:** Buôn bán phát đạt, thăng quan tiến chức, thành công mọi mặt, vợ chồng nặng tình ân ái khó lìa. Trong hoàn cảnh hân hoan đắc ý như thế, người tu dần dần trọng phàm khinh Thánh, biến tu đạo thành tu đời, mà quên đi lời Minh thị lúc ban đầu.

Muốn thoát vòng tục lụy này, người tu phải biết rằng, những cái thành công đắc ý đó là do cái nhân tốt mà mình đã gây ra trong kiếp trước. Nếu không lo vun trồng cái nhân tốt ấy, thì chỉ hưởng một thời gian rồi hết. Cho nên càng đắc thế càng giàu sang thì càng phải lo lập công đức, tôn kính Thần Thánh, giúp đỡ mọi người về vật chất hay về tinh thần trong một tinh thương yêu chơn thật.

6. Nghịch khạo: có hai mặt: Thánh và phàm.

- **Mặt Thánh:** Người tu gặp các bậc bề trên vô tình, có công không được thưởng, vô cớ bị chỉ trích, đối với cấp dưới thì không được hậu học kính trọng. Bao lâu khổ công hy sinh lo cho Đạo nghiệp, nay bị nghịch cảnh khạo duợt, làm người tu nãn lòng thối chí. Khi gặp Nghịch khạo như thế, chớ nên sanh lòng căm hờn, mà nên luôn luôn xét lấy mình, vì Đạo thuộc vô vi, tấm lòng son sắt có Trời cao soi xét, việc khen thưởng hay chê bai nơi cõi trần này là không đáng kể. Luôn luôn giữ lòng son sắt, càng bị hàm oan, càng chịu đựng trong quyết tâm tu hành thì càng được cao thăng phẩm vị nơi cõi thiêng liêng.

Gương xưa như nàng Thị Kính, rồi Sãi Kinh Tâm, chịu hàm oan khổ nhục biết bao nhiêu mà kể, nhưng vẫn quyết lòng tu niệm, mới đắc thành Phật vị.

- **Mặt phàm:** Khi phát tâm hành đạo, cha mẹ không thích, vợ con ngăn cản,..., việc làm không thuận, cấp trên khinh khi, cấp dưới lờn mặt, đó là Nghịch khạo. Gặp cảnh này, ta phải an phận, lấy đức cảm hóa mọi người, rồi dần dần hoàn cảnh cũng thay đổi, trở nên thuận bề vui vẻ.

7. Điên đảo khạo: Căn cơ duyên phận, căn quả tiền khiên của mỗi người đều không giống nhau, cho nên có người gặp Thuận khạo trước rồi Nghịch khạo sau, hay gặp ngược lại, hay có người bị Nội, Ngoại, Khí, Kỳ, khạo luân phiên liên tiếp, làm người tu thất điên bát đảo đến sờn lòng thối chí.

Dù trong hoàn cảnh nào, người tu cần phải giữ vững đức tin, mặc cho mưa gió tơi bời, nhưng rồi đến một lúc nào đó thì cũng gió lặng sóng êm, đường Đạo bớt chông gai, người tu lo tiến bước.

8. Đạo khạo: Có hai loại: Nội và Ngoại.

- **Nội khạo:** Nội Đạo khạo phát xuất từ trong nội bộ nền Đạo, nhỏ thì tranh chấp về quan niệm tu hành, nghiêm trọng thì tách ra lập chi phái mà lia gốc Đạo, làm cho các tín đồ không biết phải trái mà theo.

Khi gặp phải Nội Đạo khạo này, người tu cần phải thận trọng, đem hết lương năng lương tri của mình ra phán xét, ai

là người tôn sùng mà không trọng Đạo, ai là người trọng Đạo mà không tôn sùng?

Nếu chỉ biết tôn sùng, tức là chỉ biết đi theo người thầy lãnh đạo mình mà không trọng Đạo thì đó là tu nhơn tình, không hợp lòng Trời. Nếu chỉ biết trọng Đạo mà không tôn sùng, tức là chỉ biết lấy Đạo làm trọng nhưng không nghe lời thầy thì dễ trở nên khi sùng mà có thể biệt lập thành chi phái.

- **Ngoại khảo:** Ngoại Đạo khảo là do Bàn môn Tả đạo đến khảo. Phật độ người có duyên phần, Ma tìm người hám vọng và thích thấy sự huyền diệu. Quỷ Vương mượn danh Tiên Phật, dùng Thần thông biến hóa mà mê hoặc lòng người, nó biết rõ người ham thứ gì thì nó cho thứ đó, khảo thứ đó, để dẫn vào con đường tà, xa rời chánh đạo.

Đạo khảo phần trí của người tu hành nên gọi là Trí tuệ khảo, khảo sự phán xét chánh tà, khảo lòng trung, hiếu, tiết, nghĩa, tức là khảo phần đức hạnh. Đối với người tu chưa được khai huệ thì nên giữ lòng không tham không vọng là cách tốt nhất để đối phó với phần Đạo khảo.

Phần trên vừa trình bày chi tiết tất cả hình thức Ma khảo người tu, nhưng không phải người tu nào cũng bị khảo qua các trường hợp trên, Ma chỉ khảo chỗ nào yếu kém mà thôi.

Trong các đề tài: Danh, lợi, quyền, nộ, ó, ai, dục, tửu, sắc, tài, khí, người tu yếu về chữ nào thì nó biết nó khảo ngay thứ đó. Người tu nào còn ham tiền thì nó dùng tiền vàng để thử, người tu nào còn ham sắc thì nó dùng sắc đẹp để thử, người tu nào còn háo danh thì nó dùng chức này tước nọ để thử, vv .

..

Ma không hình tướng, tùy theo lòng ham muốn của người mà nó hiện ra, nếu thấy sắc dục lòng tà thì bị con ma sắc thừa cơ làm hại. Nếu chưa làm chủ được tánh nộ thì mỗi khi phát nộ, nghiến răng trợn mắt, đỏ mặt tía tai, nói năng bầu lầu,... thì đó là hiện thân của con ma nộ vậy.

Do đó, người tu cần phải giữ hai điều cốt yếu sau đây:

- Giữ vững đức tin, tin tưởng mạnh mẽ nơi Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, là hai Đấng Cha Mẹ chung thiêng liêng.

- Giữ chặt cái tâm, không cho vọng động, giữ cho an nhiên thanh tịnh, không ham không muốn, không gì hết ráo, thì mọi sự thử thách của quỷ ma chỉ như luồng gió thoảng.

Mỗi lần bị Ma khảo, mỗi lần vượt qua là mỗi lần đạo tâm tiến lên một bậc cao hơn, và lần lần tiến hóa lên những bậc cao dần, cuối cùng thì được trở về ngôi vị cũ nơi cõi TLHS."

TKPĐ: Tam Kỳ Phổ Độ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Ma kheo

摩丘

A: Superior monk.

P: Le moine supérieur.

Ma kheo là từ ngữ nói tắt của: **Ma Ha Tỳ Kheo**.

Ma Ha là lớn, đại. **Tỳ Kheo** là tiếng phiên âm chữ Phạn: BHIKSU. Chữ này còn được phiên âm là: Bật Sô, Tỳ Khuru, nghĩa là người xuất gia qui y theo Phật giáo, thọ giới cụ túc.

Tỳ Kheo còn được gọi là Khất Sĩ, trên thì Khất pháp (xin cái pháp) của Phật Như Lai để luyện thân, dưới thì khất thực (xin cái ăn) nơi các nhà thế tục để nuôi cái thân.

Còn người hành khất (ăn xin, ăn mày) bình thường thì họ chỉ xin cơm áo mà sống chứ không xin pháp, nên không thể gọi họ là Tỳ Kheo được.

Do đó, từ ngữ Tỳ Kheo gồm 4 nghĩa: - Tịnh khất thực. - Phá phiền não. - Tịnh trì giới. - Năng bố ma (có sức làm cho quỷ ma sợ sệt).

Ma Kheo là Ma Ha Tỳ Kheo, là Đại Tỳ Kheo, bậc Tỳ Kheo lớn, tu hành nhiều năm, đức cao, đáng kính.

KCK: Ma Kheo Ma Kheo, Thanh tịnh Tỳ Kheo.

KCK: Kinh Cứu Khổ.

Ma vương quái

魔王怪

A: Prince of demons.

P: Prince des démons.

Ma: Những linh hồn và chơn thần người chết chưa siêu thăng hay chưa định phận, còn ở lại cõi trần, thường quanh quẩn bên cạnh người sống hay ở bãi tha ma để phá khuấy người sống. **Vương:** vua. **Quái:** quái gỡ, kỳ quái.

Ma vương quái là vua loài ma quái gỡ.

TNHT: Thần thông trói chặt *Ma vương quái*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ma xử

魔杵

Ma: Những linh hồn và chơn thần người chết chưa siêu thăng hay chưa định phận, còn ở lại cõi trần, thường quanh quẩn bên cạnh người sống hay ở bãi tha ma để phá khuấy người sống. **Xử:** còn đọc là Chử: cái chày.

Ma xử là nói tắt của: Giáng Ma xử, nghĩa là cái chày để hàng phục quỷ ma. Đây là bửu pháp đặc biệt của Đức Hộ Pháp.

(Xem: *Giáng ma xử, văn G*)

KĐT: Chuyển cây *Ma xử* đuổi tà trục tinh.

KĐT: Kinh Đại Tường.

MẠC

Mạc trắc

莫測

A: Immeasurable.

P: Immesurable.

Mạc: chẳng, không, đừng. **Trắc:** đo lường.

Mạc trắc là không đo lường để biết được.

KNHTĐ: Linh oai *mạc trắc*.

KNHTĐ: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Mạc thiên tịch địa

幕天席地

Mạc: cái màn che, cái mùng. **Thiên:** trời. **Tịch:** chiếc chiếu. **Địa:** đất.

Mạc thiên tịch địa là màn trời chiếu đất.

Nghĩa theo Hán văn là: cao rộng mênh mông.

Nghĩa theo tiếng việt, màn trời chiếu đất là chỉ cảnh sống ở ngoài trời, không nhà cửa, dãi dầu sương nắng.

MAI

MAI

1. **MAI:** 埋 Chôn xuống đất, giấu kín.
Td: Mai danh, Mai một, Mai táng.
2. **MAI:** 梅 Cây mai, hoa mai.
Td: Mai gầy, Mai tàn, Mai xuân.

Mai cốt bất mai tu

埋骨不埋羞

Mai: Chôn xuống đất, giấu kín. **Cốt:** xương. **Bất:** không. **Tu:** việc xấu hổ.

Mai cốt bất mai tu là chôn xương chớ không chôn được tiếng xấu. Ý nói: người chết rồi, thể xác chôn xuống đất nhưng tiếng xấu vẫn còn hoài.

Mai danh ẩn tích

埋名隱跡

A: To conceal one's name and to keep out of sight.

P: Se cacher son nom et se dissimuler.

Mai: Chôn xuống đất, giấu kín. **Danh:** tên. **Ẩn:** che giấu.
Tích: dấu vết.

Mai danh ẩn tích là chôn giấu tên tuổi, che giấu vết tích, chỉ người lánh đời, không muốn cho ai biết đến mình.

Đó là ẩn sĩ lánh đời.

Mai gầy sen nở

Mai: Cây mai, hoa mai. **Gầy:** tàn, héo úa. **Sen nở:** sen nở hoa.

Hoa mai nở vào mùa Xuân, mà hoa mai tàn là ý nói mùa Xuân đã đi qua. Hoa sen nở vào mùa Hạ, nên sen nở là chỉ đang lúc mùa Hạ.

Mai gầy sen nở là ý nói: mùa Xuân đã qua, mùa Hạ lại tới. Thời gian thấm thoát trôi qua.

TNHT: Lần lượt cúc xù sương tan, mai gầy sen nở, ngày tháng qua chẳng là bao,....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mai một

埋沒

A: To disappear.

P: Faire disparaiître.

Mai: Chôn xuống đất, giấu kín. **Một:** mất hẳn, không có.

Mai một là chôn vùi mất hẳn.

Mai tàn tuyết xù

Mai: Cây mai, hoa mai. **Tàn:** héo úa. **Tuyết xù:** tuyết lạnh rơi xuống.

Mai tàn tuyết xử là hoa mai đã héo tàn, tuyết lạnh rơi xuống. Ý nói: Cảnh vật tàn tạ, lạnh lẽo.

TNHT: Mai tàn tuyết xử đời thay đổi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mai táng

埋葬

A: To bury.

P: Enterrer.

Mai: Chôn xuống đất, giấu kín. **Táng:** chôn xác người chết.

Mai táng là chôn xác người chết xuống đất.

Mai thê hạc tử

梅妻鶴子

Mai: Cây mai, hoa mai. **Thê:** vợ. **Hạc:** chim hạc. **Tử:** con.

Mai thê hạc tử nghĩa đen là lấy cây mai làm vợ, lấy chim hạc làm con. Ý nói: Người ở ẩn, cao khiết thoát tục.

Diễn tích: Lâm Bô, người đời Tống, tự Quân Phục, mồ côi từ nhỏ, rất chăm học, tánh không thích danh lợi, ở ẩn trong núi Cô Sơn vùng Tây Hồ, 20 năm không bước chân ra thị thành. Ông làm thơ rất hay, có tài vẽ đẹp, nhưng làm thơ xong hay vẽ xong thì bỏ đi, không muốn truyền lại. Ông không lấy vợ, sống một mình, trồng mai và nuôi hạc làm bạn.

Mai xuân nguyệt cúc vị trà hương

梅春月菊味茶香

Mai: Cây mai, hoa mai. **Xuân:** mùa Xuân. **Nguyệt:** tháng. **Cúc:** hoa cúc. **Vị:** mùi vị. **Trà hương:** mùi thơm của trà. **Mai Xuân:** hoa mai vào mùa Xuân. **Nguyệt cúc:** Hoa cúc vào mùa Thu. Do chữ: Cúc nguyệt là tháng có hoa cúc nở, mà hoa cúc nở rộ vào tháng tám trung Thu, nên người ta dùng hoa cúc tượng trưng mùa Thu.

Đây là câu đầu trong bài thài Dâng Trà, có nghĩa là: *Mùi vị của trà thơm như hoa mai mùa Xuân, hoa cúc mùa Thu.*

Mỗi mùa trong năm có một thứ hoa đặc trưng: mùa Xuân có hoa mai, mùa Hạ có hoa sen, mùa Thu có hoa cúc, mùa Đông có hoa đào.

MẠI

Mại quốc cầu vinh

賣國求榮

A: To sell one's country and to pursue honours.

P: Vendre sa patrie et chercher des honneurs.

Mại: bán. **Quốc:** nước. **Cầu vinh:** mong mỗi vinh hiển. **Mại quốc** là bán nước. (thường đọc sai là Mãi quốc).

Mại quốc cầu vinh là bán nước để cầu mong vinh hiển.

Chỉ kẻ phản quốc, theo giặc, đem nước nhà bán cho giặc để mong giặc ban cho phẩm tước lớn và trở nên giàu có.

MAN

Man trá

瞞詐

A: Dishonest.

P: Malhonnête.

Man: lừa dối. **Trá:** dối gạt.

Man trá là dối trá, lừa dối.

MÃN

MÃN

MÃN: 滿 Đầy đủ, đầy tràn, xong, hết.
Td: Mãn kiếp, Mãn lễ, Mãn tang.

Mãn đường cát khánh

滿堂吉慶

Mãn: Đầy đủ, đầy tràn, xong, hết. **Đường:** nhà. **Cát:** tốt.
Khánh: chúc mừng.

*Mãn đường cát khánh là chúc mừng phước tốt đầy nhà.
Đây là câu cầu chúc.*

Mãn kiếp

滿劫

A: To die.
P: Mourir

Mãn: Đầy đủ, đầy tràn, xong, hết. **Kiếp:** một kiếp sống.
Mãn kiếp là hết một kiếp sống nơi cõi trần, ý nói: chết.
GTK: *Mãn kiếp* lại còn bị xẻ thây.

GTK: Giới Tâm Kinh.

Mãn kỳ

滿期

A: Expiry.
P: Délai expiré.

Mãn: Đầy đủ, đầy tràn, xong, hết. **Kỳ:** thời hạn.
Mãn kỳ là hết hạn.

TNHT: *Đã mãn kỳ*, phải giao quyền lại cho Tòa Tam giáo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mãn phần

滿分

A: To die.

P: Mourir.

Mãn: Đầy đủ, đầy tràn, xong, hết. **Phần:** vận mạng mà Trời dành cho mỗi người.

Mãn phần là vận mạng đã hết, tức là chết.

TNHT: Tương *mãn phần* cũng nơi số mạng tiền định.

(**Tương:** Nguyễn Văn Tương, thế danh của Ngài Thượng Chương Pháp đầu tiên của Đạo Cao Đài.)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mãn phục - Mãn tang

滿服 - 滿喪

A: The end of mourning.

P: La fin de deuil.

Mãn: Đầy đủ, đầy tràn, xong, hết. **Phục:** quần áo tang. **Tang:** để tang tỏ lòng thương nhớ người chết.

Mãn phục, đồng nghĩa Mãn tang, là hết thời kỳ để tang.

Đạo Cao Đài qui định ngày làm Lễ Đại tường là mãn tang, nên sau khi làm Đại tường xong thì làm Lễ Trừ phục, tức là đốt hết quần áo tang, và khăn tang.

MANG

Mang sao đội nguyệt

Mang: đeo vào mình. **Sao:** tinh tú. **Đội:** đặt trên đầu. **Nguyệt:** mặt trăng.

Mang sao đội nguyệt là nói cảnh sống vất vả, dãi gió dầm mưa, không nhà cửa, đồng nghĩa: Màn trời chiếu đất.

TNHT: Bàn đạo hỏi bốn Hiền hữu: Có ai đã *mang sao đội nguyệt*, ăn mật nằm gai, chịu muôn sự khổ hạnh cõi đời để tạo hạnh phúc cho nhơn sanh chưa?

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

MĂNG

Măng bào

蟒袍

A: Cloak adorned with dragon.

P: Manteau orné de dragon.

Măng: loại rắn lớn giống hình con rồng. **Bào:** áo dài.

Măng bào là áo bào có thêu hình con măng.

Trong triều đình, Măng bào là áo bào của vua; Măng y là áo lễ của các quan có thêu hình con măng.

Bộ Đại phục của Đức Hộ Pháp, bên trong mặc giáp, ngoài giáp thì choàng măng bào màu vàng, thể nào bên tả thì giáp, bên hữu thì măng.

MẠNG (MỆNH)

MẠNG

MẠNG: 命 còn đọc là **MỆNH**.

1. **MẠNG:** cái mạng sống, cái vận mạng mà Trời định cho mỗi người theo cái nghiệp.
Td: Mạng căn, Mạng chung.
2. **MẠNG:** mệnh lệnh của cấp trên.
Td: Mạng pháp, Mạng Trời
3. **MẠNG:** đặt tên, gọi tên.
Td: Mạng danh.

Mạng căn

命根

Mạng: cái mạng sống, cái vận mạng mà Trời định cho mỗi người theo cái nghiệp. **Căn:** gốc rễ.

Mạng căn là cái mạng sống của con người có gốc rễ từ kiếp trước.

Những việc làm thiện ác của kiếp trước tạo thành cái Nghiệp, quyết định cái mạng sống cho kiếp hiện tại.

Vì mạng căn của mỗi người khác nhau, nên địa vị, hoàn cảnh và trình độ của mỗi người cũng khác nhau.

KTT: Trăm năm là tuổi đủ đầy *mạng căn*.

KTT: Kinh Tắm Thánh.

Mạng chung

命終

A: To die.

P: Mourir.

Mạng: cái mạng sống, cái vận mạng mà Trời định cho mỗi người theo cái nghiệp. **Chung:** hết, cuối.

Mạng chung là cái mạng sống đã hết: chết.

KSH: Lúc *chung mạng* dứt hơi hồn xuất.

KSH: Kinh Sám Hối.

Mạng danh (Mệnh danh)

命名

A: To name.

P: Nommer.

Mạng: đặt tên, gọi tên. **Danh:** tên.

Mạng danh (Mệnh danh) là gọi tên, đặt tên.

Thầy giáo dạy học được mệnh danh là Kỹ sư tâm hồn.

Mạng pháp

命法

A: The order and law.

P: L'ordre et la loi.

Mạng: mệnh lệnh của cấp trên. **Pháp:** pháp luật.

Mạng pháp là mệnh lệnh và pháp luật.

TNHT: Nếu mình trọn tin *mạng pháp* thì các Đấng cũng ghi công cho.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mạng Trời

A: The order of God.

P: L'ordre de Dieu.

Mạng: mệnh lệnh của cấp trên. **Trời:** Ông Trời, Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Mạng Trời là mệnh lệnh của Trời ban ra, hán văn gọi là Thiên mệnh.

TNHT: *Mạng Trời* đã định, nhưng có sức của các con mới đặng kết quả hoàn toàn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

MANH

Manh sư

盲師

A: Blind master.

P: Maître aveugle.

Manh: mù, tối tăm. **Sư:** thầy dạy học.

Manh sư là từ ngữ dùng để đối lại với Minh sư.

Minh sư là là người tu đã đắc đạo, đạt được trí huệ, trở lại dạy cho học trò đắc đạo như mình.

Manh sự là người tu chưa đắc đạo, trí não còn mờ tối mê lầm, mà lại làm bộ tài giỏi, thâm nhận đệ tử và dẫn dắt đệ tử vào đường lầm lạc như mình, chẳng khác chi người đui dẫn đám mù. (Quản manh dẫn quản manh).

MẠNH

MẠNH

MẠNH: 孟 Lớn, bắt đầu, họ Mạnh.
Td: Mạnh nguyệt, Mạnh Tử.

Mạnh nguyệt

孟月

A: The first month of every season.

P: Le premier mois de chaque saison.

Mạnh: Lớn, bắt đầu, họ Mạnh. **Nguyệt:** tháng âm lịch.

Mạnh nguyệt là tháng đầu của mỗi mùa.

Đó là những tháng âm lịch: tháng Giêng đầu mùa Xuân, tháng tư đầu mùa Hạ, tháng bảy đầu mùa Thu và tháng mười đầu mùa Đông.

Mạnh Thường Quân

孟常君

Mạnh Thường Quân là một vị Tướng Quốc của nước Tề thời Xuân Thu bên Tàu.

Ông là một nhà giàu có, lại có lòng nghĩa hiệp, luôn luôn chiêu mộ các anh tài khắp nơi, miễn có tài thì được trọng đãi để theo giúp mình trong công việc an bang tế thế. Tiếng tốt đồn vang khắp các nước chư Hầu thời bấy giờ.

Hiện nay, trong ngôn ngữ Việt Nam, danh từ Mạnh Thường Quân dùng để chỉ những vị giàu có, đầy lòng nghĩa

hiệp, ủng hộ tài chánh tích cực đối với các hoạt động xã hội, từ thiện hay các phong trào thanh niên, thể dục thể thao.

Diễn tích: Mạnh Thường Quân, người nước Tề, tên thật là Điền Văn, con của quan Tướng Quốc Điền Anh.

Dưới thời vua Tề Mân Vương, quan Tướng Quốc Điền Anh có hơn 40 người con trai, mà Điền Văn là con của một người tiện thiếp, lại sanh nhằm ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch, nên khi mới sanh, Điền Anh bảo người thiếp bỏ đi đừng nuôi. Nhưng người tiện thiếp thương con nên không nỡ bỏ, lén giấu nuôi riêng một chỗ kín. Khi Điền Văn được 5 tuổi, thì người thiếp dốt đến ra mắt Điền Anh, Điền Anh nổi giận vì người thiếp trái mệnh. Điền Văn liền dập đầu thưa rằng:

- Vì cớ nào mà cha nỡ bỏ con?

Điền Anh đáp: - Người đời thường nói ngày mùng 5 tháng 5 là ngày hung, sanh con nhằm ngày ấy lớn lên nó cao bằng cái cổng, sẽ bất lợi cho cha mẹ.

Điền Văn thưa rằng: - Người ta sanh ra thọ mệnh ở Trời, lẽ nào thọ mệnh ở cái cổng. Nếu quả thọ mệnh ở cái cổng thì sao cha không xây cái cổng cho cao lên.

Điền Anh nghe con trẻ nói thế thì không biết trả lời ra sao, nhưng nghĩ rằng đứa bé này rất khác thường, nên bắt đầu để ý chăm nom dạy dỗ nó.

Đến khi Điền Văn được 10 tuổi thì đã biết tiếp ứng tân khách. Tân khách rất thích chơi với Văn vì cậu bé rất thông minh và có nhiều tư tưởng lạ. Sứ giả các nước đến Tề đều yêu cầu tiếp xúc Điền Văn. Điền Anh cho Điền Văn là người hiền, nên rất thương yêu, lập làm đích tử, nối dòng Tiết Công, gọi là Mạnh Thường Quân.

Mạnh Thường Quân nối ngôi cha, xây nhà quán xá lớn thêm để chứa những kẻ sĩ trong thiên hạ. Tất cả kẻ sĩ đến đều được thu dụng, không phân biệt sang hèn, giới dõ.

Mạnh Thường Quân dẫu làm quan lớn hiển hách nhưng vẫn ăn uống giống như tân khách. Có một hôm đãi khách ăn đêm, đèn soi không rõ, có một khách ngờ rằng cơm có hai hạng bèn ném đĩa xin đi. Điền Văn tự đứng dậy, đến nơi rọi

đền vào cơm để so sánh, quả nhiên cơm đều như nhau. Vị tân khách ấy than rằng:

- Mạnh Thường Quân đều đãi khách đồng một bực mà ta đem lòng ngờ vực, thật là tiểu nhân, còn mặt mũi nào nhìn ông ấy nữa.

Nói xong thì lấy dao tự đâm cổ chết, không ai ngăn kịp. Mạnh Thường Quân thương khóc thảm thiết. Các tân khách đều cảm động, theo về càng lúc càng đông.

Các nước chư Hầu nghe tiếng Mạnh Thường Quân là người hiền, có nhiều tân khách tài giỏi, nên đều tôn trọng nước Tề, không dám xâm phạm bờ cõi nước Tề.

Bấy giờ, vua nước Tần là Tần Chiêu Vương nghe tiếng Mạnh Thường Quân là người hiền, muốn triệu họ Mạnh sang Tần nhưng biết họ Mạnh đang làm Tướng Quốc nước Tề thì làm sao cầu được. Một vị cận thần tâu:

- Bệ hạ nên đem con em thân tín sang Tề làm con tin rồi dùng lễ vật mời Mạnh Thường Quân. Vua Tề tin Tần, ắt phải cho Mạnh Thường Quân đi. Bệ hạ được Mạnh rồi thì liền phong chức Tướng Quốc, hai nước Tần và Tề giao hảo, rồi cùng bàn mưu thôn tính chư Hầu, chẳng còn khó chi nữa.

Vua Tần nghe theo, cử Kinh Dương Quân qua Tề làm con tin, đổi Mạnh Thường Quân sang Tần. Các tân khách đều khuyên Mạnh Thường Quân không nên đi vì Tần là nước hổ lang trí trá, qua Tần rồi ắt Tần không cho về.

Khuông Chương bèn tâu với Tề Mân Vương:

- Nước Tần đưa con tin sang mà cầu được tiếp kiến Mạnh Thường Quân là ý muốn thân thiện với Tề. Nếu Mạnh Thường Quân không đi thì mất lòng Tần, mà nếu giữ con tin của Tần thì ắt không tin Tần. Chi bằng cứ lấy lễ đãi Kinh Dương Quân rồi cho trở về Tần, sau đó sai Mạnh Thường Quân đi sứ sang Tần đáp lễ. Như vậy ắt vua Tần tin nghe Mạnh Thường Quân mà hậu với Tề.

Tề Mân Vương cho là phải, làm y theo kế hoạch.

Mạnh Thường Quân vâng mệnh đi sứ, đem theo hơn ngàn tân khách sang Tần. Khi đến Hàm Dương, vào yết kiến vua

Tần. Vua Tần xuống tận thềm để đón Mạnh Thường Quân và kể cái lòng yêu mến bấy lâu.

Mạnh Thường Quân có cái áo hồ cừu rất quý, dùng làm lễ vật dâng lên vua Tần. Vua giao áo cho quan giữ kho cất.

Vua Tần định phong Mạnh Thường Quân làm Tể Tướng. Vu Lý Tật sợ vua dùng họ Mạnh thì mình mất quyền, bèn cùng Công Tôn Thích tâu với vua Tần:

- Mạnh Thường Quân là người nước Tề, nay làm tướng nước Tần tất hẳn phải lo cho Tề trước rồi sau mới lo cho Tần. Mạnh Thường Quân là người hiền tài, chung quanh lại có nhiều bộ hạ tài giỏi, như vậy thì nguy cho Tần lắm.

Vua Tần hỏi: - Nếu vậy thì cho Mạnh Thường Quân trở về nước Tề hay sao?

Vu Lý Tật tâu: - Mạnh Thường Quân đã ở nước Tần hơn một tháng, khách theo hơn ngàn người, nên đã biết tất cả việc nhỏ việc lớn của nước Tần, nếu nay cho họ về thì ắt hại cho Tần, chi bằng nên giết đi.

Vua Tần còn đang lưỡng lự, bèn tạm cho Mạnh Thường Quân ra ở quán xá chờ đợi. Kinh Dương Quân cảm mến Mạnh Thường Quân nên lén cho hay mưu kế của Vu Lý Tật. Mạnh Thường Quân lo sợ, hỏi Kinh Dương Quân có kế chi giúp mình không. Kinh Dương Quân nói:

- Vua Tần chưa quyết định. Trong cung có nàng Yên Cơ được vua Tần rất yêu, nói gì vua cũng nghe, nếu Ngài có vật chi quý báu, tôi sẽ vì Ngài đem dâng cho Yên Cơ để cầu nàng nói giúp một lời, tất Ngài có thể thoát họa mà trở về Tề.

Mạnh Thường đem dâng đôi bạch bích. Yên Cơ nói:

- Thiếp rất thích thứ áo hồ cừu trắng của Tề, nếu cho thiếp một cái thiếp sẽ nói giúp cho, chớ cái thứ ngọc bích này thiếp không thích.

Mạnh Thường Quân thở dài, không biết tính sao, vì chỉ có một cái áo hồ cừu mà đã đem dâng cho vua Tần rồi. Họ Mạnh bèn hỏi ý kiến của các tân khách. Một vị nói:

- Để tôi vào cung vua, giả làm chó đến kho trộm áo hồ cừu đó đem về.

Mạnh Thường Quân túng thể cũng phải cười rồi cho đi. Vị tân khách ấy giả làm chó rất giống, đang đêm chui qua cổng nhỏ, lén vào trong kho, rình lúc người giữ kho ngủ say, lấy chìa khóa mở cửa kho, lấy áo hồ cừu, khóa cửa lại như cũ, rồi đem áo hồ cừu trở về mà không ai hay biết.

Mạnh Thường Quân mừng rỡ, đem áo giao cho Kinh Dương Quân, dâng cho nàng Yên Cơ. Yên Cơ thỏ thẻ nói với vua Tần cho Mạnh Thường Quân trở về Tề để giữ tình giao hiếu với Tề, được vua Tần bằng lòng và cấp giấy qua các ải cho phái đoàn của Mạnh Thường Quân trở về nước Tề.

Mạnh Thường Quân nói với đám tân khách của mình:

- Ta may nhờ một lời nói của Yên Cơ mà thoát được miệng hùm, nhưng vạn nhất nửa chừng vua Tần đổi ý, có Vu Lý Tật tâu vào thì mạng bọn ta còn gì?

Trong đám tân khách có người giỏi làm giấy giả, bèn theo giấy vua Tần cấp cho Mạnh Thường Quân, làm giả một tờ giấy khác, đổi tên họ khác, rồi ngay đêm đó, cấp tốc lên đường trở về, đến ải Hàm Cốc vào lúc nửa đêm. Cửa ải đóng chặt, nếu đợi đến sáng thì e không kịp. Một tân khách giả tiếng gà gáy giống y như thật, bao nhiêu con gà khác trong ải đều gáy theo, quan giữ ải tưởng Trời gần sáng, thức dậy cho lính mở cửa ải, khám xét giấy tờ qua trạm rồi cho phái đoàn của Mạnh Thường Quân đi qua.

Vu Lý Tật hay tin vua Tần cho Mạnh Thường Quân trở về Tề thì lật đật vào triều tâu với vua Tần:

- Nếu Bệ hạ tha không giết họ Mạnh thì cũng giữ lại làm tin, chớ sao lại thả cho về Tề?

Vua Tần hối quá, sai quan quân đuổi gấp theo, đến Hàm Cốc quan đòi xem sổ tên các người qua lại thì không có ai tên là Điền Văn. Viên quan tự hỏi: Hay là họ Mạnh đi ngã khác?

Đợi đến nửa ngày không có tin tức gì thêm, mới hỏi quan giữ ải, rồi mô tả hình dáng của Mạnh Thường Quân và số tân khách đi theo, cùng là xe ngựa, thì quan giữ ải nói:

- Như vậy bọn ấy đã qua ải từ sáng hôm kia rồi, chúng đi nhanh lắm, có lẽ đã đi trăm dặm rồi, đuổi theo không kịp nữa.

Toán quan quân trở về tâu lại vua Tần mọi việc.

Vua Tần than rằng: - Mạnh Thường Quân có cái cơ mưu quỷ thần bất trắc, thật là một bậc hiền sĩ hiếm có trên đời.

Nói về Mạnh Thường Quân trở về Tề được bình yên, tiếng tăm lừng lẫy, tân khách đến càng đông. Số hoa lợi nơi Ấp Tiết không đủ chi dùng nuôi tân khách. Mạnh Thường Quân cho dân Ấp Tiết vay tiền để có thêm lợi tức, đến kỳ hạn thì cho người đến thu tiền lãi. Có một tân khách tên Phùng Hoan xin đi thu các số tiền này. Họ Mạnh xét thấy người này chơn thực nên bằng lòng cho đi.

Dân Ấp Tiết nghe Mạnh Thường Quân sai Phùng Hoan đến thu nợ thì đem nộp trả khá nhiều. Phùng Hoan liền dùng số tiền này mua rượu thịt rồi yết thị dân chúng: Phàm nhà nào có vay tiền của Mạnh Thường Quân, trả được hay không trả được, đều phải đem giấy nợ đến xem xét, đồng thời được chiêu đãi rượu thịt vui vẻ. Trăm họ nghe cho ăn uống và không làm khó dễ người thiếu nợ nên tựu đến đầy đủ. Phùng Hoan nhơn đó dò xét, người giàu thì trả nợ không nói chi, còn người khá mà nhất thời không tiền trả được thì bắt làm tờ hện trả, còn người nghèo quá không thể trả nợ được thì Phùng Hoan thu hết giấy nợ đốt bỏ, xóa nợ luôn, rồi phủ dụ:

- Mạnh Thường Quân sở dĩ cho các người vay tiền là sợ các người không có vốn làm ăn, chứ không phải vì lợi. Nhưng Mạnh có mấy ngàn tân khách, bổng lộc không đủ chi dùng nên phải đòi số lãi để phụ vào. Nay người khá có thể trả thì có giấy hện trả, người quá nghèo không thể trả thì giấy nợ đã đốt rồi. Mạnh Thường làm ơn cho dân Ấp Tiết như vậy là hậu lắm.

Trăm họ đều tạ ơn và hoan hô Mạnh Thường Quân.

Phùng Hoan trở về báo cáo với Mạnh Thường Quân:

- Tôi đi chuyến này, không những vì Ngài thu nợ mà còn vì Ngài thu đức nữa.

Mạnh Thường Quân trách rằng:

- Tôi vì khách những 3000 người, bổng lộc không đủ chi dùng nên phải cho dân Ấp Tiết vay tiền lấy lãi phụ vào, tôi nghe ông đem hết tiền lãi mua rượu thịt đãi họ ăn uống và còn đem đốt bỏ một số giấy nợ nói là thu đức là nghĩa làm sao?

Phùng Hoan thưa rằng:

- Người mắc nợ nhiều, nếu không bày ra ăn uống thì chúng nó không đến đủ mặt, không thể dò xét được ai cùng khổ. Kẻ có khả năng trả nợ thì bắt họ làm giấy khất nợ, còn kẻ cùng khổ thì dầu có đánh chúng cũng không có tiền để trả. Ấp Tiết là Ấp thế phong của Ngài, dân ở đấy là những người cùng chung với Ngài lúc yên nguy, nay đốt giấy nợ kia là tỏ cái đức yêu dân của Ngài, vì thế mà tôi nói thu đức cho Ngài là vậy.

Mạnh Thường Quân nghe nói vậy thì đành bỏ qua.

Lại nói Tần Chiêu Vương, sau khi để Mạnh Thường Quân trở về nước Tề thì hối hận, sợ họ Mạnh làm Tề thịnh lên, bèn dùng tiền bạc sai người qua Tề làm kế ly gián giữa vua và tôi. Tề Mân Vương làm kế, nghi ngờ Mạnh Thường Quân, nên thân tướng án và đuổi họ Mạnh về Ấp Tiết. Các tân khách cũng lần lượt bỏ đi, chỉ có Phùng Hoan là theo bên cạnh.

Khi Mạnh Thường Quân trở về Ấp Tiết, Phùng Hoan cầm cương xe, dân Ấp Tiết hay tin kéo ra đón rất đông, tranh nhau dâng cơm rượu và hỏi thăm Mạnh Thường Quân. Lúc đó, Mạnh nói với Phùng Hoan:

- Thế này tôi mới biết Tiên sinh vì tôi mà thu đức vậy.

Phùng Hoan nói:

- Nay tôi có thể giúp Ngài trở lại làm Tướng Quốc nước Tề, vua Tề càng trọng Ngài hơn, và sẽ cấp đất phong nhiều hơn. Xin Ngài cho tôi một cỗ xe và ít lộ phí để tôi sang Tần.

Mạnh Thường Quân bằng lòng và Phùng Hoan qua Tần.

Phùng Hoan xin vào yết kiến vua Tần, nói rằng:

- Kẻ sĩ đến ở Tần thì muốn cho Tần mạnh và làm sao cho Tề yếu đi. Nước nào mạnh thì được thiên hạ .

Vua Tần hỏi:

- Tiên sinh có kế gì làm cho Tần hùng mạnh không?

- Nước Tề lâu nay được trọng là vì có Mạnh Thường Quân là người hiền. Nay vua Tề nghe lời gièm, thu lại tướng án, đuổi Mạnh Thường Quân về Ấp Tiết. Nay nhân lúc Mạnh đang oán Tề, Tần bí mật rước Mạnh về Tần thì Tần trở nên mạnh mà Tề thì yếu đi. Đại vương gấp sai sứ sang Tề, ngầm đem lễ vật đến đón Mạnh Thường Quân đang ở Ấp Tiết. Cơ hội này chớ

nên bỏ lỡ, vạn nhất vua Tề biết hối, dùng trở lại Mạnh Thường Quân thì Mạnh Thường Quân cũng đã có cái tình cảm tốt đối với Tần rồi.

Bấy giờ nước Tần, tướng Vu Lý Tật mới chết, vua Tần đang thiếu một hiền tướng, nên khi nghe Phùng Hoan nói thế thì vua Tần cả mừng, bèn sai lấy 10 cỗ xe tốt, trăm dật hoàng kim, sai sứ giả đem nghi trượng Thừa Tướng đến Ấp Tiết đón Mạnh Thường Quân về Tần.

Phùng Hoan nói: - Xin Bệ hạ cho tôi về trước báo tin, bảo Mạnh Thường Quân chuẩn bị đi ngay theo sứ.

Phùng Hoan đi luôn một mạch trở về nước Tề, vào yết kiến vua Tề là Tề Mân Vương, tâu rằng:

- Hai nước Tần và Tề mạnh yếu thế nào, Bệ hạ đã biết, được người hiền thì mạnh, mất người hiền thì yếu. Nay tôi nghe vua Tần may gặp lúc Mạnh Thường bị đuổi, liền sai sứ sang đón Mạnh về Tần làm Thừa Tướng. Nếu Mạnh Thường Quân làm tướng cho Tần thì Tần sẽ rất mạnh mà Tề thì rất yếu.

Vua Tề giật mình, hỏi rằng: - Như vậy thì biết làm sao?

Phùng Hoan đáp: - Nhân lúc sứ Tần chưa đến kịp, xin Đại vương mau triệu Mạnh Thường Quân về triều, giao lại cho tướng án, gia tăng bổng lộc, thì chắc Mạnh Thường Quân vui lòng nhận, chừng đó đầu sứ Tần có đến thì cũng không làm được việc gì.

Phùng Hoan tâu xong liền trở về Ấp Tiết, tỏ bày hết các việc cho Mạnh Thường Quân rõ.

Mạnh Thường Quân hoan hỷ nói:

- Văn này đối với tân khách không dám có điều gì thất lễ, tự nhiên bị bãi chức, tân khách đều bỏ đi, nay nhờ Tiên sinh mà được phục chức, tưởng các tân khách không còn mặt mũi nào trở lại trông thấy Văn này nữa.

Phùng Hoan đáp:

- Vinh nhục, thịnh suy là lẽ thường ở đời. Nếu giàu sang thì lắm kẻ cầu thân, mà nghèo hèn thì chẳng ai nhìn tới. Ấy là thói đời, Ngài không nên phiền muộn điều đó.

Mạnh Thường Quân nghe lời Phùng Hoan, nên khi trở lại làm Tướng Quốc nước Tề thì qui tỵ tân khách trở lại, đối đãi như xưa.

Sau đó khá lâu, Mạnh Thường Quân can gián Tề Mân Vương không nên đem quân đánh nhà Châu mà mất lòng các chư Hầu, Tề Mân Vương không nghe, thu lại tướng ấn của Mạnh Thường. Họ Mạnh sợ bị vua Tề giết, liền chạy sang Đại Lương, nhờ Công tử Vô Kỵ, tức Tín Lăng Quân, giúp đỡ.

Về sau nữa, Mạnh Thường Quân trở về Ấp Tiết, vẫn cùng Tín Lăng Quân và Bình Nguyên Quân đi lại rất thân.

Tề Mân Vương mất, Tề Tuyên Vương lên nối ngôi, sai sứ đến đón Mạnh Thường Quân về triều làm Tướng Quốc, nhưng Mạnh Thường Quân xin cáo lão, ở Ấp Tiết dưỡng già và mất tại đó.

Mạnh - Trọng - Quý

孟 - 仲 - 季

A: First, Second, Third of a group of three.

P: Premier, Second, Troisième du groupe de trois.

Mạnh: Lớn, bắt đầu, họ Mạnh. Thứ nhất, khởi đầu.

Trọng: Thứ nhì, ở giữa.

Quý: Thứ ba, ở cuối, út chót.

■ Chỉ về thứ tự 3 tháng trong một mùa, thì: Mạnh là tháng đầu, Trọng là tháng giữa, Quý là tháng cuối.

Thí dụ: Mùa Xuân:

- Tháng đầu mùa Xuân: Mạnh Xuân, tức là tháng giêng.
- Tháng giữa mùa Xuân: Trọng Xuân, tức là tháng hai.
- Tháng cuối mùa Xuân: Quý Xuân, tức là tháng ba.

Tương tự, mùa Hạ, Thu hay Đông cũng gọi y như thế.

■ Chỉ về con cái trong gia đình thì dùng:

- Quý nam là con trai út.
- Quý nữ là con gái út.

Mạnh Tử (372-289 trước TL)

孟子

A: Mencius.

P: Mencius.

Mạnh: họ Mạnh. **Tử:** thầy. Mạnh Tử là thầy Mạnh.

Mạnh Tử, tên là Mạnh Kha, tự là Tử Dư, là dòng dõi họ Công Tộc Mạnh Tôn ở nước Lỗ.

Mạnh Tử người gốc ở đất Trâu đời Xuân Thu, thuộc nước Lỗ, nay là huyện Trâu tỉnh Sơn Đông, Trung quốc.

Theo sách Mạnh Tử phải, Mạnh Tử sanh ngày mùng 2 tháng 4 năm thứ 4 đời vua Chu Liệt Vương (372 trước TL) và mất vào ngày 15 tháng 11 năm thứ 26 đời vua Chu Noãn Vương (289 trước TL), thọ 83 tuổi.

Mạnh Tử

- Thời ấu trĩ (Mạnh mẫu trách lân).
- Thời kỳ niên thiếu
- Thời kỳ đi chu du các nước chư Hầu
- Thời kỳ tuổi già: Dạy học và làm sách Mạnh Tử

1. Thời ấu trĩ: (Mạnh mẫu trách lân).

Theo Liệt Nữ Truyện, năm Mạnh Kha lên 3 tuổi, đã mồ côi cha, nhà nghèo, ở gần nghĩa địa tại chân núi, thấy người ta đào chôn xác chết, lăn khóc, về nhà cậu bé Mạnh Kha cũng bắt chước đào chôn, lăn khóc.

Bà mẹ của Mạnh Kha là Chương thị (về sau gọi là Mạnh mẫu) thấy thế thì nói:

- Chỗ này không phải là chỗ cho con ta ở được.

Nói rồi, Bà dọn nhà ra ở gần chợ. Mạnh Kha thấy người ta buôn bán đảo điên, thêm bớt tiền nong, thì cậu bé Mạnh Kha về nhà cũng bắt chước nô nghịch một cách đảo điên như người ở chợ. Mạnh mẫu thấy thế lại nói:

- Chỗ này cũng không phải là chỗ cho con ta ở được.

Bà liền dọn nhà đến ở cạnh một trường học. Cậu bé Kha thấy trẻ nhỏ đua nhau học tập lễ phép, cấp sách vở, tập đọc tập viết. Về nhà cậu bé Kha cũng bắt chước tập lễ phép và cấp sách vở. Bấy giờ Mạnh mẫu mới vui lòng nói:

- Chỗ này con ta ở được.

Một hôm, cậu Kha thấy nhà hàng xóm giết heo làm thịt, về hỏi mẹ: - Ngươi ta giết heo làm gì thế?

Mạnh mẫu nói đùa: - Để cho con ăn thịt đấy.

Nói xong Bà lại hỏi rằng: Ta nói lỡ lời rồi. Con ta còn thơ ấu, trí thức mới mở mang, mà ta nói dối với nó thì chẳng hóa ra ta dạy nó nói dối hay sao? Rồi Mạnh mẫu ra chợ mua thịt heo đem về làm cho con ăn thật.

Lại một hôm, Mạnh Kha đi học, bỗng bỏ về nhà chơi. Mạnh mẫu đang ngồi dệt vải trông thấy bèn đứng dậy, kêu con lại rồi cầm dao cắt đứt tấm vải đang dệt trên khung, nói rằng:

- Con đang đi học mà bỏ học thì cũng như mẹ đang dệt tấm vải này mà cắt đứt bỏ đi.

Từ hôm đó, cậu bé Mạnh Kha không dám bỏ học, lại học tập rất chuyên cần, học mỗi ngày một tiến, lại hay tập việc tế lễ.

2. Thời kỳ niên thiếu:

Khi lớn lên, Mạnh Tử theo học với thầy Tử Tư, tức là Khổng Cấp, cháu nội của Đức Khổng Tử.

Mạnh Tử học với Tử Tư hiểu được cái đạo của Đức Khổng Tử, lại có tài hùng biện và sở trường về khoa nói thí dụ. Lời nói của ông chắc chắn và mạnh mẽ, có sức thuyết phục. Mạnh Tử làm điều gì cũng lấy Đức Khổng Tử làm tiêu chuẩn.

Mạnh Tử nói Đức Khổng Tử là bậc Thánh về thời, nghĩa là Đức Khổng Tử có gồm hết các đức tốt của các bậc Thánh khác và ở vào thời nào cũng đều ứng dụng được cả.

Mạnh Tử ở vào thời Chiến Quốc, loạn lạc khắp nơi. Mạnh Tử cũng muốn đem tài học ra cứu đời. Ông muốn bắt chước Đức Khổng Tử định đi chu du các nước chư Hầu để đem cái đạo của Thánh nhân ra ứng dụng.

3. Thời kỳ đi chu du các nước chư Hầu:

Thời Chiến Quốc, thiên tử nhà Chu quá nhu nhược, không thể điều khiển được các vua chư Hầu. Mạnh Tử đành phải giúp vua chư Hầu, những nước nhỏ bé quá thì không thể làm gì được, nên Ông lưu ý đến hai nước lớn là Tề và Lương.

Những nước lớn này lại không chịu theo Vương đạo, mà chỉ muốn theo Bá đạo để làm Bá chủ thôn tính các nước khác, nên họ cho lời nói của Mạnh Tử là viễn vông, không thiết thực. Cho nên, khi Mạnh Tử đến nước Lương, vua Lương Huệ Vương hỏi Mạnh Tử:

- Ông có thuật gì làm lợi cho nước tôi không?

Mạnh Tử đáp:

- Nhà vua hà tất nói đến lợi, chỉ nên nói Nhân Nghĩa mà thôi. Nếu vua xưng lên nói rằng làm thế nào lợi cho nước ta, thì quan Đại phu cũng bắt chưốc nói rằng làm thế nào lợi cho nhà ta, kẻ sĩ và thứ dân cũng nói rằng làm thế nào lợi cho thân ta, kẻ trên người dưới tranh nhau điều lợi thì nước nguy mất.

Còn lấy Nhân Nghĩa mà nói, thì người bề tôi đem lòng nhân nghĩa thờ vua, người làm con đem lòng nhân nghĩa thờ cha, người làm em đem lòng nhân nghĩa mà thờ anh. Vua tôi, cha con, anh em, đều bỏ lợi, chỉ đem lòng nhân nghĩa mà tiếp đãi nhau, như thế mà không trị được thiên hạ là chưa có vậy. Vậy hà tất phải nói lợi.

Ý của Mạnh Tử là nếu người ta ai cũng nghĩ đến điều lợi mà quên nhân nghĩa, thành ra người ở đời cứ say đắm vào chỗ lợi lộc riêng thì sẽ tìm cách phá hại lẫn nhau, bởi đó sanh ra biến loạn và chiến tranh. Rốt lại, lợi ấy chính là điều hại.

Còn nói Nhân Nghĩa, tuy không nói đến lợi, nhưng kỳ thực là cái lợi rất lớn, vì mọi người ở với nhau trong xã hội, ai cũng đem lòng lo lợi chung trước mà lợi riêng sau thì trên dưới hòa thuận, thiên hạ hưởng phước thái bình.

Mạnh Tử đem thuyết Nhân chính nói với Huệ Vương:

- Bắt dân làm việc công, đừng bắt vào mùa cấy gặt thì dân trong nước dư lúa ăn. Khuyến dân không được đánh cá ở đầm, ao sâu bằng lưới dày thì trong nước sẽ thừa tôm cá. Chặt cây trong rừng phải có mùa thì củi gỗ dùng không hết,

khuyến cho dân trong nước nuôi người sống, táng người chết, không phải phàn nàn thiếu thốn, là bắt dân làm Vương đạo đó. Rồi cấp ruộng đất cho dân, bắt họ chăm cày bừa, làm cỏ, trồng dâu nuôi tằm, khuyến họ nuôi các loài gia súc, lập nhà học ở làng, ở quận, để dạy dân biết hiếu đễ, trung tín, hình phạt thì giảm bớt, thuế má thu nhẹ. Dân đã ám no lại biết lễ nghĩa thì chỉ cầm gậy mà có thể đánh bại được đạo binh hùng mạnh với giáp dầy giáo nhọn của hai nước Tần và Sở.

Đó là Nhân chính rất hay, nhưng tiếc rằng Lương Huệ Vương không chịu theo.

Mạnh Tử bỏ nước Lương đi qua nước Tề, được vua Tề đãi vào bực khách khanh.

Vua Tề cũng muốn mở mang đất đai, bắt nước Tần và nước Sở phải châu phục, ngự trị cả Trung nguyên.

Mạnh Tử bảo vua không làm Nhân chính mà lại muốn được như thế kia, chẳng khác gì leo cây mà tìm cá.

Mạnh Tử ở vào thời quân chủ nhưng lại có một quan niệm rất mới, cho rằng thiên hạ là của chung, ông vua không có quyền lấy thiên hạ làm của riêng. Cái quyền cai trị dân là do Trời trao cho, tức là do lòng dân ưng thuận cho ai thì người ấy được. Cho nên Mạnh Tử nói:

- *Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh.* Nghĩa là có dân mới có nước, có nước mới có vua. Cái chức vụ của người làm vua là phải bảo dân nghĩa là phải gìn giữ cái hạnh phúc của dân. Làm vua mà không hiểu rõ cái nghĩa vụ ấy là trái lòng dân, tức là trái mệnh Trời.

Vua phải quý trọng kẻ có đức, tôn trọng người có học thức, kẻ hiền ở ngôi, kẻ giỏi ở chức, nước nhà nhàn hạ.

Bởi cái tư tưởng ấy nên trong cái triết lý về chánh trị của Mạnh Tử có tinh thần Duy dân và Bảo dân.

Mạnh Tử là học trò của Khổng Cấp (Tử Tư) nên lấy đạo Trung Dung của Đức Khổng Tử làm căn bản. Lúc bấy giờ có nhiều học thuyết của nhiều nhà xung đột nhau kịch liệt lắm.

- Học thuyết của Dương Chu lấy Vị Ngã làm chủ nghĩa, nhỏ một sợi lông của mình mà lợi cho cả thiên hạ thì cũng không làm.

- Học thuyết của Mặc Dịch lấy Kiêm Ái làm chủ nghĩa, dấu nhấn tránh mòn gót mà làm lợi cho thiên hạ thì cũng làm.

Mạnh Tử cực lực bài xích các học thuyết cực đoan này để làm sáng tỏ Đạo của Khổng Tử. Mạnh Tử học rộng, lý luận rất chặt chẽ, muốn đem cái sở đắc ra hành đạo nhưng không gặp thời. Ông có công rất lớn trong việc làm sáng tỏ Đạo Nho.

4. Thời kỳ tuổi già: Dạy học và làm sách Mạnh Tử.

Mạnh Tử đi chu du qua nhiều nước chư Hầu, muốn giúp vua chư Hầu thi hành Đạo của Thánh nhân, nhưng không vua nào chịu theo. Đến khi tuổi già, sức đã mỏi, ông xin từ chức quan khanh ở nước Tề trở về quê nhà dạy học trò, và cùng với các môn đệ như: Nhạc Chính Khắc, Vạn Chương, Công Tôn Sửu, sáng lập ra Thuyết Tánh Thiện, đồng thời ghi chép lại những điều mà Mạnh Tử đối đáp với các vua chư Hầu hoặc với bọn môn đệ, cùng những lời Mạnh Tử phê bình các chệnh lệch của các học thuyết khác mà làm thành sách, đặt tên là sách Mạnh Tử, gồm 7 thiên, được liệt vào Tứ Thư của Nho giáo. (Tứ Thư gồm: Đại học, Luận Ngữ, Trung Dung, Mạnh Tử).

Đây là chỗ rất giống nhau giữa cuộc đời của Khổng Tử và Mạnh Tử. Đức Khổng Tử cũng ôm tài học bình sanh, đi chu du các nước chư Hầu, thuyết phục các vua chư Hầu chịu áp dụng cái đạo của Ngài để giúp dân giúp nước. Ngài chủ trương Vương đạo mà các vua chư Hầu lại muốn Bá đạo, Ngài thất bại và trở về nhà lo dạy học và làm sách lúc tuổi già. Cuộc đời của Mạnh Tử thì cũng rập khuôn y như vậy. Nhưng nhờ làm sách, dạy học trò, xiển dương cái đạo của Thánh hiền mà đạo Thánh được trường tồn mãi đến ngày nay.

Cái học của Mạnh Tử là chân truyền của cửa Khổng.

Mạnh Tử lãnh hội lời của Đức Khổng Tử nói trong sách Luận Ngữ: Tánh Trời phú cho người ta, ai cũng thiện cả, vì tập nhiễm nên mới có khác nhau. Nếu có thành ra bất thiện là vì người ta không biết giữ cái bản tâm, chứ cái nguồn gốc của tánh là không thể không thiện được.

Mạnh Tử theo ý ấy mà lập nên thuyết Tánh Thiện, sở dĩ nói cái Tánh Thiện là vì tin có cái Thiên lý chí thiện, mà tánh

người là một phần của Thiên lý ấy, tất phải thiện. Sự giáo dục phải lấy cái thiện căn ấy làm căn bản, rồi giữ cho nó không mờ tối và trau dồi phát triển lên để thành người lành người tốt.

Nếu nói rằng người có tánh ác, hay không thiện không ác thì không hợp với cái Thiên lý chí thiện.

Tánh là bản nguyên của Trời phú cho con người. Tánh bản thiện thì Tâm cũng bản thiện. Tâm với Tánh có cùng một gốc, hề hiểu rõ cái Tâm thì biết rõ cái Tánh, mà khi đã biết rõ cái Tánh thì biết rõ Trời Đất và vạn vật.

Tâm là cái thần minh chủ tể có đủ mọi lý để ứng với vạn sự, Tánh là cái lý hoàn toàn của Tâm, và Trời là nguồn gốc của cái lý ấy. Biết rõ Tánh là biết Nhân và Lễ của cái đức *Nguyên* và đức *Hanh* của Trời, Nghĩa và Trí là cái đức *Lợi* và đức *Trinh* của Trời. Biết rõ bốn đức *Nguyên Hanh Lợi Trinh* ấy là đạt được cái diệu dụng của Trời.

Trời cho ta cái Tâm ấy để làm chủ con người của ta, thì Tâm ấy với Trời cùng một thể. Đó chính là cái đạo nhất quán của Đức Khổng Tử.

Mạnh Tử đại biểu cho khuynh hướng lý tưởng của Nho giáo, chủ trương Duy Tâm, nên đã đạt được cái Tâm học cao thâm huyền diệu của Nho giáo, trở thành một vị thầy đứng sau Khổng Tử. Do đó, người ta tôn Mạnh Tử là bực Á Thánh, tức là bực Thánh đứng hàng thứ nhì dưới Khổng Tử, và được truy phong là Trâu Quốc Công (Trâu là đất Trâu, sanh quán của Mạnh Tử), được phối hưởng nơi miếu thờ Đức Khổng Tử.

MÃO

Mão - Các loại mao

A: The head-dress - The kinds of head-dress.

P: La coiffure - Les sortes de coiffures.

Mão: chữ Hán là Mạo 帽 là cái mao dùng để đội lên đầu trong bộ Đạo phục của Chức sắc CTĐ và HTĐ.

Có rất nhiều loại mao tùy theo phẩm tước Chức sắc.

I. Các loại Mão của Chức sắc CTĐ

1. Mão của Đức Giáo Tông
2. Mão của Thái Chưởng Pháp
3. Mão của Thượng Chưởng Pháp
4. Mão của Ngọc Chưởng Pháp
5. Mão của Đầu Sư, Chánh Phối Sư, Phối Sư ba phái
6. Mão của Giáo Sư phái Thái
7. Mão của Giáo Sư phái Thượng và Ngọc
8. Mão của Giáo Hữu ba phái
9. Mão của Lễ Sanh ba phái

II. Mão của Chức sắc nữ phái CTĐ

1. Mão của Nữ Đầu Sư
2. Nữ Chánh Phối Sư, Nữ Phối Sư, Nữ Giáo Sư
3. Nữ Giáo Hữu
4. Nữ Lễ Sanh

III. Mão của Chức sắc HTĐ

1. Mão của Đức Hộ Pháp
2. Mão của Thượng Phẩm
3. Mão của Thượng Sanh
4. Mão của Thập nhị Thời Quân
5. Mão của Chức sắc HTĐ dưới Thời Quân

IV. Mão của Thập nhị Bảo Quân**V. Mão của Chức sắc Bộ Nhạc****VI. Chức sắc CQPT****VII. Mão của các Chức sắc khác**

1. Hộ Đoàn Pháp Quân và Tả, Hữu Phan Quân
2. Mão của Lễ Sĩ và Giáo Nhi
3. Mão của Đầu Phòng Văn và Bảo Thể
4. Chức sắc Ban Thế Đạo

I. Các loại Mão của Chức sắc CTĐ:**1. Mão của Đức Giáo Tông:**

- Mão Đại phục: là **mão Bát quái 5 tầng** (thể cho Ngũ Chi Đại Đạo), toàn màu vàng, ráp tròn lại, bít chính giữa, trên chót mão có để chữ Vạn, giữa chữ Vạn có Thiên nhân Thầy bao quanh một vòng minh khí. Nơi ngạch mão phải chạm 3 cổ pháp (Long Tu phiến, Phát chủ, Thư Hùng kiếm) cho rõ ràng y như hai bên cổ áo.

- Mão Tiểu phục: là **Hiệp Chương mạo**, làm toàn bằng hàng trắng, bề cao 3 tấc 3 phân 3 ly (0,333 mét), may giáp mỗi lại cho có trước một ngạnh, sau một ngạnh, hiệp lại có một đường xếp (ấy là Âm Dương tương hiệp), cột dây xếp hai lại. Nơi bên tay trái có để hai dải thông xuống, một mí dài, một mí vắn (mí dài bề ngang 3 phân, dài 3 tấc). Trên mão, ngay trước trán có thêu 3 vạch liền song song là cung Càn.

2. Mão của Thái Chương Pháp:

- Đại phục thì đội **mão Hiệp Chương** của Hòa Thượng.
- Tiểu phục, không đội mão mà bịt **khăn đóng vàng 9 lớp chữ Nhứt**.

3. Mão của Thượng Chương Pháp:

- Đại phục thì đội **mão Hiệp Chương trắng**, y như mão Hiệp Chương của Đức Giáo Tông.
- Tiểu phục, không đội mão mà bịt **khăn đóng trắng 9 lớp chữ Nhứt**.

4. Mão của Ngọc Chương Pháp:

- Đại phục thì đội **mão Văn Đẳng** màu hồng, trên mão ngay trán có thêu Thiên nhân Thầy bao quanh một vòng Minh khí và trên có sao Bắc Đẩu Tinh Quân.
- Tiểu phục, không đội mão mà bịt **khăn đóng hồng 9 lớp chữ Nhứt**.

5. Mão của Đầu Sư, Chánh Phối Sư, Phối Sư ba phái:

Mão Đại phục là **Bát Quái mạo**, có thêu 8 cung Bát quái xung quanh bằng hán tự: 乾坎艮震巽離坤兌

Mão có màu vàng, xanh hay đỏ tùy theo sắc phái: Thái, Thượng hay Ngọc. Phái Thái thì áo mão đều màu vàng, phái Thượng thì áo mão đều màu xanh da trời, và phái Ngọc áo mão đều màu đỏ hồng.

- Tiểu phục, không đội mão, mà bịt **khăn đóng 9 lớp chữ nhứt**, có màu tùy theo sắc phái.

6. Mão của Giáo Sư phái Thái:

- Đại phục thì đội **mão Hiệp Chương** nhà thiền, hai bên có thêu Thiên nhân Thầy và 8 cung Bát quái bằng hán tự.

- Tiểu phục, không đội mào mà bịt **khăn đóng màu vàng 7 lớp chữ Nhon**.

7. Mào của Giáo Sư phái Thượng và Ngọc:

- Đại phục đội **Thiên Ngươn Mạo Bát quái**, chung quanh có thêu đủ 8 cung Bát quái, trên chót mào có một hột Minh Châu Lý, màu của mào tùy theo phái Thượng hay Ngọc.

- Tiểu phục, không đội mào mà bịt **khăn đóng 7 lớp chữ Nhon** có màu theo sắc phái.

8. Mào của Giáo Hữu ba phái:

Giáo Hữu chỉ có một bộ Đạo phục, đều đội **Ngưỡng Thiên Mạo**, có màu: vàng, xanh hay đỏ tùy theo sắc phái. Mào ấy có bề cao 15 phân, ngay trước trán có thêu Thiên nhân Thầy bao quanh ba vòng vô vi.

9. Mào của Lễ Sanh ba phái:

Lễ Sanh chỉ có một bộ Đạo phục, đều đội **Khôi Khoa Mạo** màu trắng, phái nào cũng vậy, trên mào giữa trán có thêu Thiên nhân Thầy bao quanh một vòng minh khí.

II. Mào của Chức sắc nữ phái CTĐ:

Chức sắc nữ phái CTĐ không phân chia ra Thái Thượng Ngọc, và chỉ có một bộ Đạo phục, nên Đạo phục và mào của nữ phái đều toàn màu trắng.

1. Mào của Nữ Đầu Sư:

Đầu đội **Ni Kim Cô** bằng hàng trắng, y như các vãi chùa, có thêu bông sen, bao quanh đầu một cái Kim Cô bằng vàng, trên Ni Kim Cô ấy phải choàng một cái **mào Phương Thiên**, nghĩa là cái choàng bằng hàng cho thiệt mỏng, trên chót thêm một cái mũ bằng vàng chụp trọn đầu tóc, chính giữa ngay trước mặt có chạm Thiên nhân Thầy, bao quanh một vòng minh khí. Cái choàng của mào Phương Thiên phải cho thiệt dài, 3 thước 3 tấc 3 phân, vì mỗi khi lên ngự trên ngai phải có hai vị Lễ Sanh nữ phái theo sau, nâng đỡ chằng cho phết dưới đất.

2. Nữ Chánh Phối Sư, Nữ Phối Sư, Nữ Giáo Sư:

Ba phẩm này đều đội **Ni Kim Cô** bằng hàng trắng, phải

cho dài từ đầu cho tới gót.

3. Nữ Giáo Hữu:

Đầu để trần, trên đầu tóc có giắt một cái bông sen trắng, giữa bông sen có thêu Thiên nhãn Thầy.

4. Nữ Lễ Sanh:

Trên đầu thì choàng ngang một đoạn vải mỏng cột ra sau ót, thả một mí dài và một mí vắn, xuống cho khỏi trôn, ngay đầu tóc có giắt một cái bông sen trắng trơn chớ không có thêu Thiên nhãn như của Nữ Giáo Hữu.

III. Mão của Chức sắc HTĐ:

1. Mão của Đức Hộ Pháp:

- Mão Đại phục gọi là **mão Kim Khôi**, làm bằng vàng, trên Kim Khôi có thể Tam sơn tượng trưng Chưởng quản Tam Thiên bên Tây Phương Cực Lạc.

- Mão Tiểu phục gọi là **Hỗn Nguơn Mạo** màu vàng, bề cao một tấc, ngay trước trán chính giữa có thêu Cổ pháp Hộ pháp: gồm 3 cổ pháp của Tam Giáo là: Bát vu, Phát chủ, Xuân thu, ngay trên ba cổ pháp có đề chữ Pháp 法 (chi Pháp).

2. Mão của Thượng Phẩm:

- Khi Đức Thượng Phẩm mặc Đại phục thì không đội mão, đầu để trần.

- Mão Tiểu phục là **Hỗn Nguơn Mạo** màu trắng, ngay giữa trán có thêu Cổ pháp Thượng Phẩm: gồm Long Tu phiến và Phát chủ, nhưng Phát chủ nằm trên đầu và ngay giữa Long Tu phiến, trên Cổ pháp có đề chữ Đạo 道 (chi Đạo).

3. Mão của Thượng Sanh:

- Khi Đức Thượng Sanh mặc Đại phục, đầu không đội mão mà bịt một **Thanh Cân**, tức là một bao dành màu xanh.

- Mão Tiểu phục là **Hỗn Nguơn Mạo** màu trắng, y như mão Tiểu phục của Thượng Phẩm, nhưng ngay trước trán có thêu Cổ pháp Thượng Sanh: gồm Thư Hùng kiếm và Phát chủ, ngay trên Cổ pháp đề chữ Thế 世 (chi Thế).

4. Mão của Thập nhị Thời Quân:

- Mão Đại phục là **Nhật Nguyệt Mạo**, thường gọi là Mão Quạ, làm bằng hàng trắng. Cái vòng tròn úp lên đầu là thể Nhật hình, hình bán nguyệt bên trên là thể Nguyệt tượng.

- Mão Tiểu phục là **Hỗn Nguơn Mạo** màu trắng, y như Hỗn Nguơn Mạo của Thượng Phẩm và Thượng Sanh, tùy theo chi của mình mà để Cổ pháp.

Về sau, Đức Phạm Hộ Pháp có cho thêm một kiểu Mão Tiểu phục nữa gọi là **Tam Quang Mạo** (Tam quang là Nhật, Nguyệt, Tinh). Mão Tam Quang là kiểu Mão của Đức Khổng Tử trị thế ngày xưa, màu trắng, có thêu chỉ kim tuyến vàng, trước Mão thêu Nhật ở giữa, Nguyệt bên hữu, Tinh bên tả, trong vòng minh khí, mặt Nhật có cổ pháp của mỗi chi, mỗi bên hông Mão có thêu 6 đường linh khí và 6 ngôi sao tám góc.

5. Mão của Chức sắc HTĐ dưới Thời Quân:

Các phẩm: Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, Chưởng Ấn, Cải Trạng, Giám Đạo, Thừa Sứ, Truyền Trạng, Sĩ Tài, Luật Sự:

- Mão Đại phục là **Nhật Nguyệt Mạo** màu trắng, hai bên Mão có dấu hiệu Tam giáo (tức là Tam sắc đạo: vàng xanh đỏ) và Cổ pháp Hộ Pháp (tức là Cổ pháp Tam giáo), trên Cổ pháp có Cân công bình. Riêng phẩm Luật Sự thì gắn dấu hiệu Tam giáo và Cổ pháp ở hai bên vai áo.

- Mão Tiểu phục là **Khôi Nguyên Mạo**, trước Mão có thêu Thiên nhãn, dấu hiệu Cổ pháp Hộ Pháp, trên Cổ pháp có Cân Công bình, và hai chữ Phẩm cấp của mình bằng quốc tự.

Riêng hai phẩm Chưởng Ấn và Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, thì không đội Khôi Nguyên Mạo, mà đội **Hỗn Nguơn Mạo** màu trắng, trước Mão có thêu Cổ Pháp Hộ Pháp và chữ chỉ phẩm cấp của mình bằng quốc tự.

IV. Mão của Thập nhị Bảo Quân:

Thập nhị Bảo Quân đều đội Nhật Nguyệt Mạo màu trắng, giống như Mão của Thập nhị Thời Quân, nhưng các chi tiết có phần khác hơn tùy theo chức vụ:

- Nhật Nguyệt Mạo của Bảo Văn Pháp Quân có kết mỗi bên hông Mão một bông sen năm cánh ở chính giữa, trên

bông sen có thêu Thiên nhãn. Ngay đường giữa mào cũng có kết một bông sen nhưng không thêu Thiên nhãn, cả thảy là 3 bông sen trên mào.

- Nhựt Nguyệt Mạo của Bảo Sanh Quân, ngay giữa mào, từ bìa lên 4 phân thêu một Thiên nhãn, hai bên mào thêu hai Thiên nhãn nữa, cả thảy là ba. Vòng theo vành mào cột một sợi dây Tiên thẳng (bề ngang 8 phân, bề dài 2 thước) buộc thế nào chừa Thiên nhãn ngay giữa mào ra, cho hai mối thông xuống hai bên vai.

- Đạo phục của những vị Bảo Quân khác, các Đấng sẽ giáng cơ chỉ dạy sau.

V. Mào của Chức sắc Bộ Nhạ:

- Mào Đại phục: giống như Ngưỡng Thiên Mạo của Giáo Hữu, nhưng thấp hơn, cao chừng 12 phân, toàn màu đỏ, ngay trước trán có Tam sắc đạo (vàng xanh đỏ), ngay trên Tam sắc đạo thêu hình một cây đàn Tỳ bà gác chéo.

- Mào Tiểu phục: gọi là Bán Nguyệt Mạo, giống như cái calot, màu trắng, ngay giữa trán có Tam sắc đạo (vàng xanh đỏ), ngay trên Tam sắc đạo thêu hình cây đàn Tỳ bà gác chéo.

VI. Chức sắc CQPT:

Chức sắc CQPT chỉ có một bộ Đạo phục, đầu không đội mào, chỉ đội khăn đóng có số lớp và màu tùy theo phẩm cấp:

- Hiền Nhơn đội khăn đóng vàng, 9 lớp chữ Nhứt.
- Chơn Nhơn và Đạo Nhơn đội khăn đóng màu trắng 7 lớp chữ Nhơn.
- Chí Thiện, Giáo Thiện sắp xuống, đội khăn đóng đen 7 lớp chữ Nhơn.

Chức sắc nữ phái PT khi mặc Đạo phục thì đầu để trần.

VII. Mào của các Chức sắc khác:

1. Hộ Đoàn Pháp Quân và Tả, Hữu Phan Quân.

- Mào Đại phục: là Nhựt Nguyệt Mạo, giống như các Chức sắc HTĐ.

- Mão Tiểu phục: giống như Hồn Nguơn Mạo của Tiếp Dẫn Đạo Nhơn và Chưởng Ấn, nhưng trước mão có thêu Thiên nhãn trong vòng minh khí.

2. Mão của Lễ Sĩ và Giáo Nhi:

- Mão của Lễ Sĩ giống như Khôi Khoa Mạo màu trắng của Lễ Sanh, nhưng không có Thiên nhãn ngay trán, mà chỗ đó gắn một bông mai năm cánh.

- Giáo Nhi, trên đầu choàng ngang một đoạn vải mỏng màu trắng cột ra sau ót, giống hệt như Nữ Lễ Sanh, nhưng không có giắt bông sen.

3. Mão của Đầu Phòng Văn và Bảo Thể:

- Mão của Bảo Thể là cái calot màu trắng.

- Mão của Đầu Phòng Văn giống cái calot trắng của Bảo Thể, nhưng trước mão có huy hiệu tròn, nền xanh, trên có 2 cây bút bó lại, một cây chỉ lên, một cây chỉ xuống.

4. Chức sắc Ban Thế Đạo:

- Hiền tài, Quốc Sĩ: đội khăn đóng đen 7 lớp chữ Nhơn.

- Đại Phu, Phu Tử: đội khăn đóng đen 9 lớp chữ Nhứt.

Chức sắc nữ phái của Ban Thế Đạo đều để đầu trần.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

MẠO

MẠO

1. **MẠO:** 貌 Dáng mặt, ngoài mặt.

Td: Mạo hợp tâm lý.

2. **MẠO:** 冒 Làm giả, giả mạo.

Td: Mạo nhận.

Mạo hợp tâm ly

貌合心離

Mạo: Dáng mặt, ngoài mặt. **Hợp:** hòa hợp nhau. **Tâm:** lòng. **Ly:** xa cách.

Mạo hợp tâm ly là ngoài mặt thì hòa hợp nhau, còn trong lòng thì xa cách nhau.

Mạo muội

冒昧

A: Rash.

P: Téméraire.

Mạo: Làm giả, giả mạo. **Muội:** tối tăm, không hiểu việc.

Mạo muội là không hiểu việc mà làm càn, nên sơ suất và lầm lẫn. Mạo muội cũng có nghĩa là liều lĩnh mà làm.

Mạo nhận

冒認

A: To assume falsely.

P: Reconnaître fausement.

Mạo: Làm giả, giả mạo. **Nhận:** lãnh, chịu.

Mạo nhận là nhận càn là người khác để đánh lừa.

TNHT: Các tên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật bị *mạo nhận* mà lập nên Tả đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mạo vi cung kính

貌為恭敬

Mạo: Dáng mặt, ngoài mặt. **Vi:** làm. **Cung kính:** kính trọng.

Mạo vi cung kính là ngoài mặt làm ra vẻ cung kính.

Mạo xưng

冒稱

A: False declaration.

P: Fausse déclaration.

Mạo: Làm giả, giả mạo. **Xưng:** xưng hô.

Mạo xưng là giả mạo danh hiệu của người khác mà xưng hô.

MẠT

MẠT

MẠT: 末 Cái ngọn, cuối, hết, hèn mọn.

Td: Mạt kiếp, Mạt pháp.

Mạt diệp

末葉

A: The last period.

P: La dernière période.

Mạt: Cái ngọn, cuối, hết, hèn mọn. **Diệp:** đời, thời kỳ.

Mạt diệp là thời kỳ cuối cùng.

Mạt hậu Thiên khai Huỳnh đạo

末後天開黃道

Mạt: Cái ngọn, cuối, hết, hèn mọn. **Hậu:** sau. **Thiên:** Trời, Đấng Thượng Đế. **Khai:** mở. **Huỳnh đạo:** đạo vàng, chỉ Đạo Cao Đài.

Mạt hậu Thiên khai Huỳnh đạo là sau này, vào thời kỳ cuối cùng, Thượng Đế mở Đạo Cao Đài.

Đây là câu sấm tiên tri rất lâu đời, từ bên Tàu truyền qua VN, tiên đoán sự khai mở Đạo Cao Đài vào thời Mạt hậu.

Mạt học

末學

Mạt: Cái ngọn, cuối, hết, hèn mọn. **Học:** học thức.

Mạt học là người học thức kém cỏi. (Lời nói tự khiêm).

Mạt kiếp

末劫

A: The last existence.

P: La dernière existence.

Mạt: Cái ngọn, cuối, hết, hèn mọn. **Kiếp:** một đời từ lúc sinh ra đến lúc tiêu diệt.

Mạt kiếp là thời kỳ cuối cùng của một kiếp.

Kiếp ở đây là cái kiếp của quả địa cầu 68, hay cái kiếp chung của Nhơn loại trên quả địa cầu này, tức là kể từ lúc Nhơn loại được sanh ra cho đến lúc Nhơn loại bị tiêu diệt.

Như vậy, *Mạt kiếp là thời kỳ cuối cùng của Nhơn loại, trước khi Nhơn loại bị tiêu diệt, tức Tận Thế.*

Trong thời Mạt kiếp, trước khi Tận Thế có Đại Hội Long Hoa, tuyển phong những người có trình độ đạo đức cao để lập đời Thượng Nguơn Thánh đức.

TNHT: Dương thành thì hay đời *mạt kiếp*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mạt lộ

末路

A: To be on one's last legs. P: Être aux abois.

Mạt: Cái ngọn, cuối, hết, hèn mọn. **Lộ:** đường.

Mạt lộ là cùng đường, hết lối thoát, không còn cách nào để tiến lên.

TNHT: Thiên cơ *mạt lộ* chờ đôi lúc.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mạt pháp

末法

A: The last age of Buddhism.

P: Le dernier âge du Bouddhisme.

Mạt: Cái ngọn, cuối, hết, hèn mọn. **Pháp:** giáo lý của một nền tôn giáo.

Mạt pháp là thời kỳ cuối cùng của một nền tôn giáo mà lúc đó, giáo lý bị sửa cải sai lạc, thất chơn truyền, làm cho người tu lầm lạc và không thể đắc đạo.

Theo Phật giáo, Giáo pháp của Đức Phật Thích Ca sẽ trải qua ba thời kỳ: Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp.

1. Thời kỳ Chánh pháp: kể từ lúc Đức Phật nhập diệt cho đến 500 năm sau. Giáo pháp của Phật được các đệ tử giữ gìn nguyên vẹn, nên số người tu đắc đạo rất nhiều.

Trong Luật Tạng có ghi mấy lời của Đức Phật Thích Ca như vậy: Nền Chánh pháp của ta đáng lẽ trụ thế 1000 năm hoặc lâu hơn nữa, nhưng trót vì ta đã cho hàng phụ nữ xuất gia, nên nền Chánh pháp bị giảm bớt, chỉ trụ thế 500 năm mà thôi. (Trích Phật Học Từ Điển I của Đoàn Trung Còn, trang 375)

2. Thời kỳ Tượng pháp: (Tượng là giống)

Trong khoảng 1000 năm tiếp theo sau thời kỳ Chánh pháp là thời kỳ Tượng pháp, giáo lý của Phật có bị sửa đổi nhưng vẫn còn giống với giáo pháp ban đầu, nên số người tu đắc đạo khá nhiều, nhưng ít hơn thời kỳ Chánh pháp.

3. Thời kỳ Mạt pháp:

Trong khoảng 1000 năm tiếp theo sau thời kỳ Tượng pháp là thời kỳ Mạt pháp, giáo lý của Phật lần lần bị sửa cải nên sai lạc gần hết, không còn giống với Chánh pháp ban đầu. Người tu không biết sai lạc chỗ nào, cứ theo đó mà tu nên đi vào chỗ lầm lạc, tu nhiều mà đắc đạo rất ít.

"Trong Kinh Luật có ghi ba thời kỳ: Chánh pháp, Tượng pháp, và Mạt pháp, đặng cho biết rằng:

- Trong thời kỳ Chánh pháp, dễ tu chứng và rất nhiều người tu chứng vì Chánh pháp đương thịnh hành.

- Trong thời kỳ Tượng pháp, hơi khó tu chứng và số người tu chứng ít hơn vì đạopháp mờng tượng với Chánh pháp.

- Đến thời Mạt pháp, rất khó tu chứng và rất ít người tu chứng, vì là lúc cuối cùng của nền Đạo."

Sau thời kỳ Mạt pháp là thời kỳ diệt vong.

Hiện nay đang là thời kỳ Mạt pháp của Tam giáo: Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo.

Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong thời kỳ Mạt pháp của Tam giáo là để chấn hưng Tam giáo trở lại cho hoàn toàn.

TNHT: Thời kỳ *Mạt pháp* này, khiến mới có Tam Kỳ Phổ Độ, các sự hữu hình phải hủy phá tiêu diệt.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mạt thế

末世

A: The last time.

P: Le dernier temps.

Mạt: Cái ngọn, cuối, hết, hèn mọn. **Thế:** đời, thời đại.

Mạt thế là thời đại cuối cùng, đời cuối.

Mạt vận

末運

A: Misfortune.

P: Adversité.

Mạt: Cái ngọn, cuối, hết, hèn mọn. **Vận:** số mạng.

Mạt vận là lúc xui xẻo, khốn đốn.

MÀU

Màu thiên

A: The colour of Buddhism.

P: La couleur de Bouddhisme.

Màu: màu sắc. **Thiên:** chỉ Phật giáo. (Xem chữ: Thiên)

Màu thiên là màu áo của các tăng ni Phật giáo. Nhuộm màu thiên là ý nói qui y vào cửa Phật để lo tu hành.

TNHT: *Màu thiên* ấy buổi nhuộm cân đai.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

MÁY

MÁY

MÁY: Chữ Hán là Cơ: bộ máy, chỉ tất cả hoạt động nào có tính cách tuần hoàn và liên tục.

Td: Máy Càn khôn, Máy hành tàng.

Máy Càn khôn - Máy huyền vi

A: The mysterious mechanism of the nature.

P: Le mécanisme mystérieux de la nature.

Máy: Chữ Hán là Cơ: bộ máy, chỉ tất cả hoạt động nào có tính cách tuần hoàn và liên tục. **Càn khôn:** Trời Đất, Âm Dương. **Huyền vi:** mầu nhiệm.

Máy Càn khôn là máy Âm Dương, bộ máy của Trời Đất, chỉ toàn thể bầu vũ trụ, trong đó các quả tinh cầu và địa cầu luôn luôn chuyển động quay tròn điều hòa liên tục, không bao giờ ngừng nghỉ.

Máy huyền vi là bộ máy mầu nhiệm của Thượng Đế.

Máy Càn khôn hay Máy huyền vi là chỉ Càn Khôn Vũ Trụ của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

TNHT: Thầy nắm *máy huyền vi*, hằng lấy cân thiêng liêng mà day trở *máy Càn khôn*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Máy hành tàng

Máy: Chữ Hán là Cơ: bộ máy, chỉ tất cả hoạt động nào có tính cách tuần hoàn và liên tục. **Hành:** làm, hiện rõ ra thấy được. **Tàng:** việc làm ẩn kín, không thấy được.

Máy hành tàng là máy Trời, bởi vì trong bộ máy này, có những cái mắt phàm thấy được và có những cái mắt phàm không thấy được.

TNHT: Hư thiệt, thiệt hư, đầu qua *máy hành tàng* của Tạo hóa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Máy linh cơ tạo

A: The divine mechanism of God.

P: Le mécanisme divin de Dieu.

Máy: Chữ Hán là Cơ: bộ máy, chỉ tất cả hoạt động nào có tính cách tuần hoàn và liên tục. **Linh:** thiêng liêng, huyền diệu. **Cơ tạo:** bộ máy của Tạo hóa.

Máy linh cơ tạo là bộ máy thiêng liêng của Đấng Tạo hóa, tức là của Đấng Thượng Đế.

KXH: Cứ nương dưới *máy linh cơ tạo*.

KXH: Kinh Xuất Hội.

Máy sâu họa kín

Máy: Chữ Hán là Cơ: bộ máy, chỉ tất cả hoạt động nào có tính cách tuần hoàn và liên tục. **Sâu:** sâu xa huyền diệu. **Họa:** tai họa. **Kín:** không để lộ ra cho người thấy được.

Máy sâu là bộ máy huyền diệu của Trời.

Họa kín là cái tai họa không để lộ ra cho thấy, tới chừng tai họa đến thì mới thấy, mới biết.

Ý nói máy Trời huyền diệu, con người không thể thấy biết hết được.

KSH: Phải hiểu biết *máy sâu họa kín*,
Thánh Thần đâu tư lệnh bỏ qua.

KSH: Kinh Sám Hối.

MẢY

Mảy hào

A: A tiny bit. **P:** Un tantinet.

Mảy: một chút xíu, một phần rất nhỏ. **Hào:** sợi lông nhỏ.

Mảy hào là một phần nhỏ xíu.

KSH: Xét xem công quả chẳng ly *mảy hào*.

KSH: Kinh Sám Hối.

Mảy mún

A: A very small quantity. **P:** Un petit peu.

Mảy: một chút xíu. **Mún:** vụn nhỏ.

Mảy mún là một phần vụn vặt rất nhỏ.

TNHT: Các con đặng hạnh phúc ấy là do học đặng *mảy mún* nơi Thầy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

MẮC

Mắc mớ

A: Complicated.

P: Compliqué.

Mắc mớ là rất phức tạp, rất hiểm hóc, không thể phân giải hay hiểu biết mau chóng được.

TNHT: Lão đã lảm phen thấy điều khó khăn *mắc mớ* của phần ấy,...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

MẶC

MẶC

1. **MẶC:** 默 Lặng lẽ, nín lặng, không nói.
Td: Mặc khái, Mặc niệm.
2. **MẶC:** 墨 Mực, màu đen, họ.
Td: Mặc khách.

Mặc khách

墨客

A: Literary man.

P: Homme de lettres.

Mặc: Mực, màu đen, họ. **Khách:** người.

Mặc khách là người thường sử dụng bút mực, chỉ khách văn chương, nhà văn.

Thường nói: **Tao nhân mặc khách**, chỉ những người có tài về văn chương.

Mặc khải - Mặc khải

默啟 - 漠啟

A: The revelation.

P: La révélation.

Mặc: Lặng lẽ, nín lặng, không nói. nín lặng, không nói.
Khải: mở ra. **Mặc:** yên lặng, thanh tịnh.

- **Mặc khải** là mở ra cho biết một điều thiêng liêng mầu

nhệm trong sự tĩnh lặng mà lý trí con người không thể giải thích được. Td: Sự mặc khải của Thượng Đế.

■ **Mặc khải** là sự tác động trong yên lặng của Thượng Đế bộc lộ những điều vượt tầm hiểu biết của con người.

Hai từ ngữ: Mặc khải và Mặc khải đồng nghĩa, nhưng Thiên Chúa Giáo chỉ sử dụng từ ngữ "*Mặc khải*".

"Vì sao phải Mặc khải? Chính vì Thiên Chúa trỗi vượt vô cùng trên tư tưởng và ngôn ngữ loài người. Ngài là Thiên Chúa giấu ẩn, không thể nào đến gần được, hướng chỉ một khi tội lỗi đã làm con người không còn thân mật với Ngài nữa. Ý định của Ngài là một mầu nhiệm. Ngài hướng dẫn bước đi của con người mà chính họ lại không hiểu đường lối. Trong cuộc sống, con người gặp phải những bí nhiệm về cuộc đời không thể tự tìm thấy ánh sáng cần thiết. Con người phải quay về với Đấng làm chủ các điều bí ẩn, để Ngài tỏ bày những bí mật không thể hiểu thấu, để Ngài cho thấy vinh quang Ngài.

Nhưng trước khi con người quay về với Ngài, Thiên Chúa đã khởi xướng mà nói với họ rồi." (*Điển Ngữ Thần Học Thánh Kinh*)

Chỉ có những Đấng Giáo Chủ hay những Nguyên căn lớn có nhiệm vụ cứu đời mới có thể nhận được những Mặc khải của Thượng Đế.

Mặc niệm

默念

A: *The silent meditation.*

P: *La méditation silencieuse.*

Mặc: Lặng lẽ, nín lặng, không nói. nín lặng, không nói.

Niệm: tư tưởng nghĩ tới.

Mặc niệm là lời cầu nguyện bằng tư tưởng trong im lặng.

TĐ ĐPHP: Khi Bàn đạo thấy nín hết, buổi đó, đem hết tinh thần trụ lại, dâng lời *mặc niệm* ấy vào BQĐ.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

BQĐ: Bát Quái Đài.

Mặc phò lê thứ

默扶黎庶

Mặc: Lặng lẽ, nín lặng, không nói. nín lặng, không nói.

Phò: Phù: giúp đỡ. **Lê thứ:** dân chúng.

Mặc phò lê thứ là giúp đỡ dân chúng trong im lặng.

KTKVTH: *Mặc phò lê thứ* khỏi vòng lao lung.

KTKVTH: Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.

Mặc tuyên đại hóa

默宣大化

Mặc: Lặng lẽ, nín lặng, không nói. nín lặng, không nói.

Tuyên: bày tỏ. **Đại:** lớn. **Hóa:** biến đổi.

Mặc tuyên đại hóa là yên lặng tỏ bày cuộc biến đổi rộng lớn.

KNHTĐ: Bất ngôn nhi *mặc tuyên đại hóa*.

KNHTĐ: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

MẶT

Mặt thành càn khôn

Mặt thành: trên mặt của bức tường thành. **Càn khôn** là Trời Đất, là Âm Dương, chỉ Đạo. *Nhứt Âm nhứt Dương chi vị Đạo*, nghĩa là một Âm một Dương gọi là Đạo.

Mặt thành càn khôn là ý nói nền Đạo Đạo của Đức Chí Tôn, tức là nền Đạo Cao Đài.

KKTD: Nắm tâm đắp vững *mặt thành càn khôn*.

KKTD: Kinh khi thức dậy.

MÃN

Mẫn huệ

敏慧

A: Intelligent and diligent.

P: Intelligent et diligent.

Mẫn: lanh lợi, thông minh sáng suốt. **Huệ:** trí não phát sáng rõ thông đạo lý.

Mẫn huệ là sáng suốt và thông hiểu sự lý.

TNHT: Khiếu lượng tri lượng năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra *mẫn huệ*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mẫn khổ

憫苦

A: To pity the unhappy men.

P: Avoir pitié des malheureux.

Mẫn: thương xót. **Khổ:** khổ sở vì nghèo hay gặp nạn.

Mẫn khổ là thương xót người khổ nạn.

NG: Thù từ *mẫn khổ*.

(Rủ lòng nhờn từ, thương người khổ nạn).

NG: Nho Giáo, Kinh Nho Giáo.

MẬT

MẬT

MẬT: 密 Giữ kín, bí mật.

Td: Mật chỉ, Mật yếu.

Mật chỉ

密旨

A: The secret order of God.

P: L'ordre secret de Dieu.

Mật: Giữ kín, bí mật. **Chỉ:** lệnh của vua.

Mật chỉ là mệnh lệnh bí mật của Đức Chí Tôn.

ĐND: Chiếu y *mật chỉ* của Đức Chí Tôn.

ĐND: Bát Đạo Nghị Định.

Mật chiếu

密詔

A: A secret decree.

P: Le décret secret.

Mật: Giữ kín, bí mật. **Chiếu:** tờ giấy viết lệnh của vua ban ra.

Mật chiếu là tờ giấy viết lệnh bí mật của Đức Chí Tôn.

TNHT: Nơi Tây Phương Cực Lạc và Ngọc Hư Cung *mật chiếu* đã truyền siêu rỗi chúng sanh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mật chú - Mật ngữ

密咒 - 密語

A: Incantation - Mystical speeches.

P: Incantation - Paroles mystiques.

Mật: Giữ kín, bí mật. **Chú:** chúc nguyện, thần chú. **Ngữ:** câu nói.

■ **Mật chú** là câu chúc nguyện huyền bí, có nghĩa bí mật, do chư Phật truyền lại. Khi niệm câu mật chú này thì được chư Phật hộ trì, thoát khỏi sự khảo đảo hay tai nạn.

Mật chú, tiếng Phạn là: Dhârani, phiên âm: Đà-la-ni.

■ **Mật ngữ** là câu nói huyền bí, có nghĩa bí mật.

Mật ngữ đồng nghĩa: Mật chú, Thần chú, Chơn ngôn.

Mật nghĩa

密義

A: Hidden sense.

P: Sens caché.

Mật: Giữ kín, bí mật. **Nghĩa:** ý nghĩa.

Mật nghĩa là ý nghĩa kín đáo chứa đựng bên trong lời nói hay câu văn. Phải suy nghĩ tìm tòi mới thấu đáo được.

Những bài thuyết pháp của Tiên, Phật thường thì có hai nghĩa: Hiển nghĩa và Mật nghĩa.

Hiển nghĩa là ý nghĩa theo văn từ, căn cứ trên chữ nghĩa.

Mật nghĩa là ý nghĩa vượt trên văn tự dành cho bậc tu thượng thừa, trình độ tâm linh cao.

Mật niệm

密念

A: Secret petition.

P: Pétition secrète.

Mật: Giữ kín, bí mật. **Niệm:** tưởng nghĩ tới.

Mật niệm là cầu nguyện bí mật trong lòng.

TNHT: Khi Đức Chí Tôn giáng, chẳng nên *mật niệm* điều chi và chẳng nên chạy qua chạy lại.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mật yếu

密要

A: Secret and important affair.

P: Affaire secrète et importante.

Mật: Giữ kín, bí mật. **Yếu:** quan trọng, cốt yếu.

Mật yếu là điều bí mật quan trọng.

TNHT: Chí Tôn đã sờ cậy Bàn đạo thố lộ chút ít điều *mật yếu* để diu bước chư Đạo hữu trong buổi loạn lạc....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

MÂU

Mâu thuẫn

矛盾

A: Contradiction.

P: Contradiction.

Mâu: cây giáo, khí giới có cán dài, mũi nhọn, để đâm.

Thuẫn: cái khiên, cái mộc để che đỡ.

Mâu thuẫn là hai thứ khí giới của người lính đời xưa.

Sách Hàn Phi Tử viết: Nước Sở có người đem ra chợ bán hai thứ: mâu và thuẫn. Anh ta đưa cái mâu ra và khoe rằng: Cái mâu của tôi làm rất nhọn, nó có thể đâm thủng bất cứ vật gì. Rồi anh ta đưa ra cái thuẫn và quảng cáo rằng: Còn đây là cái thuẫn do tôi làm rất chắc chắn, có thể ngăn cản mọi thứ khí giới đâm vào.

Có người đứng nghe anh ta nói vậy thì hỏi: Nay nếu dùng cái mâu của anh mà đâm cái thuẫn của anh thì thế nào?

Người bán mâu và thuẫn không đáp lại được, bèn bỏ đi.

Do đó, *mâu thuẫn là chỉ những điều trái ngược nhau.*

TĐ ĐPHP: Phương pháp giáo hóa nhưn sanh nơi mặt địa cầu này còn có nhiều điều *mâu thuẫn*.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

MẦU

Mầu nhiệm

A: Mysterious, Miraculous.

P: Mystérieux, Miraculeux.

Mầu: cao siêu, ngoài sự hiểu biết của con người. **Nhiệm:** sâu, kín.

Mẫu nhiệm là huyền diệu, ngoài sự hiểu biết của con người, không thể dùng lý trí để giải lý được.

KĐ9C: Huờn hư *mẫu nhiệm* thoát trần đăng Tiên.

KĐ9C: Kinh Đệ Cửu cừu.

MẪU

MẪU

MẪU: 母 Mẹ.

Td: Mẫu Hậu, Mẫu Nghi.

Mẫu Hậu

母后

A: Buddha-Mother.

P: Bouddha-Mère.

Mẫu: Mẹ. **Hậu:** vua.

Nơi cõi thiêng liêng, các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật gọi Đức Diêu Trì Kim Mẫu là Mẫu Hậu hay Thiên Hậu.

Mẫu Hậu là Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Đức Phật Mẫu, Đại Từ Mẫu, bà Mẹ thiêngliêng của toàn cả Vạn linh và chúng sanh.

PMCK: Lịnh *Mẫu Hậu* khai tông định đạo.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Mẫu Nghi

母儀

Mẫu: Mẹ. **Nghi:** khuôn mẫu, hình thức tốt đẹp.

Mẫu Nghi là Đức Phật Mẫu.

TTCĐDTKM: *Mẫu Nghi* hằng giữ lòng đơn.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Mẫu tử tình thâm

母子情深

Mẫu: Mẹ. **Tử:** con. **Tình:** tình thương yêu. **Thâm:** sâu.

Mẫu tử tình thâm là tình thương yêu giữa mẹ và con thật là sâu đậm.

MÈO

Mèo mả gà đồng

Mèo mả là con mèo ở ngoài mả, loại mèo hoang sống nơi mồ mả ở nghĩa địa. Gà đồng là con gà ở ngoài đồng, tức là loại gà rừng, sống trong đồng nội.

Mèo mả gà đồng là chỉ hạng người vô lại, đi hoang, du thủ du thực, không có giá trị chi hết.

Đương nhiên hạng người vô lại ấy bị đặt ra ngoài luân lý đạo đức, tình ái của họ lằng nhằng bậy bạ, là một tấm gương xấu để cho các bậc cha mẹ dạy con phải tránh xa.

KSH: Gái tiết hạnh giữ tròn danh giá,
Đừng học đòi *mèo mả gà đồng*.

KSH: Kinh Sám Hối.

MÊ

MÊ

MÊ: 迷

- Lầm lạc.
- Mơ hồ, lơ mờ.
- Tâm say mê về một sự gì.
- Mê trái với Ngộ.

Td: Mê đồ, Mê tân, Mê tín.

Mê đồ

迷途

A: The way of error.

P: La voie de l'erreur.

Mê: Làm lạc. **Đồ:** con đường.

Mê đồ là con đường làm lạc.

KGO: Gọi mê đồ, tắm nước Ma Ha.

KGO: Kinh Giải Oan.

Mê hoặc

迷惑

A: To fascinate.

P: Fasciner.

Mê: Mơ hồ, lờ mờ. **Hoặc:** mờ hồ, không rõ sự lý.

Mê hoặc là làm cho mù quáng, mất sáng suốt mà nghe theo lời dỗ dành của nó.

TNHT: Nó mê hoặc các con.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mê luyện hồng trần

迷戀紅塵

A: To be passionately found of the world.

P: Être passionné pour le monde.

Mê: Tâm say mê về một sự gì. **Luyện:** yêu mến quán quít không rời. **Hồng trần:** bụi đời, chỉ cõi trần.

Mê luyện hồng trần là ham thích cõi trần, say đắm cõi trần, ý nói còn mê say những thú vui vật chất nơi cõi trần.

TNHT: Mê luyện hồng trần mang ách khổ,
Cơn vui qua khỏi, lệ sầu tuôn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mê muội

迷昧

A: Obscure.

P: Obscur.

Mê: Mơ hồ, lờ mờ. **Muội:** tối tăm.

Mê muội, đồng nghĩa Mê ám, là trí não tối tăm, mất sáng suốt, lờ mờ.

TNHT: Trời cao minh soi xét mà người vẫn *mê muội* ám mờ, đem mảnh trí còn con kia chống kình với khuôn linh Tạo hóa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mê ngộ

迷悟

A: Blindness - Knowledge.

P: Aveuglement - Connaissance.

Mê: Lờ mờ. **Ngộ:** giác ngộ, hiểu biết rõ.

Mê và Ngộ là hai trạng thái đối ngược nhau: Mê là tối tăm, lờ mờ; Ngộ là sáng suốt, hiểu biết rõ.

Do đó, trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng có nói: "Cái Phật tánh của người ngu hay kẻ trí đều như nhau, chỉ khác nhau là người mê, kẻ ngộ, bởi vậy nên mới có người ngu, kẻ trí."

Kẻ mê thì đồ theo văn tự mà cầu lý, người ngộ thì do theo tâm mà biết ra. Kẻ mê thì tu tập như chuyên mà chờ phước quả, người ngộ thì thấy rõ tâm không tướng. Kẻ mê thì chấp sự vật, giữ lấy cái bỗng ngã; người ngộ thì có đủ trí huệ ứng dụng, thấy ra từ trước. Kẻ ngu chấp không chấp có mà sanh ra bất thông; người trí thấy tánh, hiểu tướng mà linh thông.

Bài kệ của Lục Tổ Huệ Năng:

"Mê, Phật là chúng sanh; Ngộ, chúng sanh là Phật.

Ngu, Phật là chúng sanh; Trí, chúng sanh là Phật.

Tâm lệch, Phật chúng sanh; Bình đẳng, chúng sanh Phật.

Một đời tâm mà lệch, Phật lập trong chúng sanh.
 Một niệm ngộ bình đẳng thì chúng sanh là Phật.
 Tâm mình tự có Phật, Tự Phật là Chơn Phật.
 Nếu mình không Phật tâm, biết cầu Phật ở đâu?"

Mê tân

迷津

A: The port of blindness.

P: Le port de l'aveuglement.

Mê: Mê trái với Ngộ. **Tân:** cái bến sông.

Mê tân là bến mê, nơi chúng sanh còn mê muội.

Trái với Mê tân là Giác ngộ (bờ giác).

Ở bến mê thì còn bị luân hồi, qua bờ giác thì được giải thoát. Người phước đức khi tới bến mê thì được thuyền Bát Nhã đưa qua bờ giác.

Thể xác con người do vật chất tạo thành, lại được cấu thành do cái lòng dục của nam nữ, do đó con người lớn lên rất ham thích vật chất. Sự vô minh và dục vọng khiến con người lầm lạc, gây ra nhiều phiền não khổ đau.

Do đó, Đức Phật ví cõi trần là sông mê bể khổ. Sông mê thì có bến mê. Nếu con người biết giác ngộ, lo tu hành, tự giác giác tha, phụng sự chúng sanh, thì khi thoát xác, linh hồn và chơn thần được chiếc thuyền Bát Nhã đưa từ bến mê rước sang bờ giác, nơi đây hoàn toàn an vui hạnh phúc, không còn phiền não, thoát khỏi luân hồi.

TNHT: Thuyền kẻ gió lướt thoát *mê tân*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mê tín - Chánh tín

迷信 - 正信

A: The superstition - The true belief.

P: La superstition - La vraie croyance.

Mê: Lầm lạc. **Tín:** tin, tin tưởng, đức tin. **Chánh:** đúng đắn.

Mê tín là tin tưởng một cách mù quáng, sai lầm.

Trái với Mê tín là Chánh tín.

Chánh tín là sự tin tưởng đúng đắn, chọn chánh.

Do đó, người có Chánh tín thì giữ đức tin được bền vững, còn người mê tín thì dễ mất đức tin.

Làm thế nào biết được đâu là chánh tín, đâu là mê tín?

Chánh tín là tin tưởng mạnh mẽ vào những giáo huấn của Đức Chí Tôn và các Đấng Tiên Phật trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Pháp Chánh Truyền, các Đạo Nghị Định, tin tưởng Tân Luật là Thiên điều tại thế, người tín đồ cứ do theo đó mà tu hành, nhứt định sẽ đạt được cứu cánh mong muốn.

Những điều giáo huấn và luật pháp ấy đều chọn thật và đúng đắn, mà chúng ta với trí não còn vô minh, chưa thể nhận biết rõ ràng, nên cần phải có lòng tin tưởng mạnh mẽ để noi theo và thực hành. Đó là Chánh tín.

Chánh niệm thuộc Chánh tín, vọng niệm thuộc Mê tín.

Những sự mê tín thường có tính cách vụ lợi cho cá nhân mình hay cho người đưa ra điều đó.

Thí dụ như việc cầu nguyện: "Cầu nguyện với Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, và các Đấng thiêng liêng ban cho mình phước lành để mình thoát khỏi tai nạn hay để làm ăn phát đạt, mau thăng quan tiến chức." Cầu nguyện như vậy là vọng niệm, là mê tín, bởi vì Đức Chí Tôn hay các Đấng đều phải giữ luật Công bình thiêng liêng, để cho luật Nhơn Quả tự nó thể hiện, chớ không thể tự ý muốn ban phước hay gieo họa ngoài luật Nhơn Quả được. Mọi việc đều gắn liền với luật Nhơn Quả, không bao giờ sai chạy.

Muốn là Chánh niệm hay Chánh tín thì chúng ta cầu nguyện: "Cầu nguyện Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu ban ơn lành cho nhơn sanh sớm giác ngộ tu hành."

Về việc cúng tế Thần linh, chúng ta nhớ câu trong sách Nho: "*Thiên địa vô tư, Thần minh ám sát, bất vị tế hưởng nhi giáng phúc, bất vị thất lễ nhi giáng họa.*" Nghĩa là: Trời Đất không tư vị riêng ai, Thần linh sáng suốt ngấm ngấm xem xét,

không vì hưởng sự cúng tế mà giáng ban cho phước lộc, không vì sự không cúng tế mà gieo cho tai họa.

Sự may rủi, tốt xấu, họa phước, đến với mỗi người đều là do luật Nhơn Quả thị hiện, tức là có nguyên do rõ rệt là những việc làm đạo đức hay hung ác của mình trước đây hay trong kiếp trước, nay nó báo đáp lại và thể hiện ra.

*Luật Nhơn Quả không sai một mảy,
Gieo giống nào, giống ấy nảy lên.
Trồng dưa thì hái dưa liền,
Tạo điều thất đức báo đền họa tai.*

Trong dân chúng, thường thấy các việc mê tín như: Đồng bóng, xin xăm bói quẻ, vay tiền Thần Thánh để mua bán, đốt giấy tiền vàng bạc, bùa phép cầu duyên, cầu tài, v.v...

Sự mê tín có muôn ngàn hình thức, biến hóa tùy theo thị hiếu của dân chúng. Trong mỗi người chúng ta hình như đều có sẵn một chút mê tín, vì mỗi người đều có dục vọng và lòng tham lam ích kỷ.

Muốn dẹp bỏ sự mê tín, chúng ta cần phải học đạo để rõ thông đạo lý, đem cái sáng suốt của lương tri lương năng ra phán đoán, phân biệt Chánh tín và Mê tín, trừ bỏ mê tín, nuôi dưỡng và phát huy chánh tín.

Các tín đồ theo Đạo phần lớn đều do Mê tín. Do đó, một khi quyền lợi bị sút mẻ, hay tự ái bị va chạm thì liền bỏ Đạo.

Theo Đạo do mê tín, bao gồm nhiều nguyên do:

- Theo Đạo để được giúp đỡ về tài vật, ổn định đời sống.
- Theo Đạo để dựa thế lực làm ăn mua bán.
- Theo Đạo để có hậu thuẫn tôn giáo, mưu đồ làm chánh trị tạo địa vị ngoài đời.
- Theo Đạo vì thấy Đạo có nghi thức tổ chức Tang lễ rất long trọng, người chết được tế lễ, tụng kinh, đi thuyền rồng, có người đạo công quả phục vụ, không tốn tiền như ngoài đời.
- Theo Đạo để được cưới vợ hay được lấy chồng.
- Theo Đạo vì thấy Chức sắc của Đạo hành pháp giải bệnh rất linh hiển, làm cho tà ma sợ hãi không dám khuấy phá.

- V.V

Theo Đạo như thế là mê tín, kết luận như thế có phần khắt khe nhưng đúng nghĩa, bởi vì họ theo Đạo mà không hiểu hay chưa hiểu được giáo lý của Đạo, mục đích của Đạo là gì.

Nhưng chúng ta nên nghĩ rằng, đó là bước đầu, là cái cơ duyên rất cần thiết để họ đến với Đạo, kết duyên lành với Đạo. Họ chưa có thời giờ hay chưa đủ bình tâm để xem xét suy nghĩ việc họ theo Đạo như thế là mê tín hay chánh tín.

Các vị Chức sắc là những người hướng đạo, đã được giác ngộ, cần phải có đường hướng giáo hóa tín đồ một cách thiết thực sau khi tín đồ nhập môn cầu Đạo, để người tín đồ hiểu Đạo, chuyển dần từ mê tín sang chánh tín, thì như vậy mới trọn câu phổ độ. Đó là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Chức sắc. Bởi vì nếu không chuyển được tín đồ từ mê tín sang chánh tín, thì khi có một sự việc nào đó làm sụp đổ sự mê tín của họ thì họ sẽ bỏ Đạo. Thí dụ như trường hợp một người theo Đạo vì quá tôn sùng một vị Chức sắc vì vị Chức sắc này đã giải bệnh cứu được người thân của họ một cách rất huyền diệu, mà các thầy thuốc Đông y và Tây y đều chịu thua. Giả thiết sau này khi thấy vị Chức sắc ấy phạm vào trọng tội ghi trong Ngũ Giới Cấm thì Thần tượng của họ sụp đổ, họ bị mất đức tin, và họ có thể bỏ Đạo. Nếu họ hiểu Đạo và có chánh tín thì họ sẽ cho rằng: Nhưn hư chớ Đạo bất hư, theo Đạo là tin tưởng vào hai Đấng Chí Tôn và Phật Mẫu, là để tu hành, trước là tự giác, sau là giác tha, cầu mong sự giải thoát khỏi luân hồi, thì họ không bao giờ bỏ Đạo.

Bao nhiêu năm qua rồi, trước mắt chúng ta, sờ sờ ra đó, bao nhiêu người đã bỏ Đạo, và bao nhiêu người mới nhập môn cầu Đạo, phần lớn đều vì mê tín cả.

Chuyển sự mê tín thành chánh tín cho người tín đồ là một việc rất khó khăn, đòi hỏi Chức sắc là người hướng đạo của nhưn sanh phải có đủ đức, đủ tài, đủ bền chí và quyết tâm.

Với đức tin mạnh mẽ nơi Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, chúng ta nghĩ rằng tuy việc làm rất khó khăn, nhưng không phải không làm được. Có khó khăn thì sự thành công mới về vang và công quả mới vượt trội.

MỆNH

MỆNH

(Xem: Mạng)

MI

Mi thanh mục tú

眉清目秀

Mi: lông mày, chân mày. **Thanh:** sáng sủa. **Mục:** con mắt.
Tú: đẹp tốt.

Mi thanh mục tú là mày thanh mắt đẹp, ý nói: Mặt mày đẹp đẽ, sáng sủa, thông minh.

MỊ

Mị dân

媚民

A: Demagogic.

P: Démagogie.

Mị: nịnh hót. **Dân:** dân chúng.

Mị dân là nịnh hót dân chúng để đạt được mục đích về chính trị của mình (thường dùng với nghĩa xấu).

MĨ

Mĩ

(Xem: Mỹ)

MIÊN

Miên miên thái bình

綿綿太平

Miên: lâu dài, kéo dài. **Miên miên:** mãi mãi không dứt.
Thái bình: rất bình an.

Miên miên thái bình là mãi mãi được thái bình an lạc.

BKNKSH: Trong nhà già trẻ *miên miên thái bình*.

BKNKSH: Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối.

MIỄN

Miễn lễ

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Miễn lễ

免禮

A: To dispense with formality.

P: Dispenser d'une formalité.

Miễn: khỏi, tha cho khỏi. **Lễ:** lễ nghi.

Miễn lễ là cho phép khỏi phải giữ lễ nghi phép tắc.

TNHT: Lão đến tư đường của Hộ Pháp, nên cho *miễn lễ*, đứng hết.

*** Trường hợp 2: Miễn lễ**

勉禮

A: To exert oneself to bow down.

P: S'efforcer de se prosterner.

Miễn: gắng sức. **Lễ:** làm lễ.*Miễn lễ là gắng sức làm lễ.***BDR:** Lạc húng khấu cung giai *miễn lễ*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BDR: Bài Dâng Rượu.

MIẾU**Miếu đường**

廟堂

Miếu: nơi thờ cúng tổ tiên của vua. **Đường:** nhà.*Miếu đường là nhà thờ cúng tổ tiên của vua.*

Có hai trường hợp sau đây:

1. Miếu đường là triều đình của vua.

Miếu đường được xây dựng trong Hoàng Thành, bên cạnh triều đình, nên Miếu đường chỉ triều đình của vua, đó là cơ quan tối cao lãnh đạo quốc gia.

GTK: Mây râu đứng giữa cõi trần gian,
Gắng sức chống cho vững *miếu đường*.**2. Miếu đường là hồn nước, tinh thần của một dân tộc.**

Miếu đường là nơi ngự của linh hồn các vị vua quá vãng, mà vua thì tượng trưng cho nước, cho dân tộc. Do đó, miếu đường tượng trưng hồn nước, cái tinh thần của một dân tộc.

KTKVTH: Qui Thiên dựng lại *miếu đường* thuở xưa.**GTK:** Giới Tâm Kinh.**KTKVTH:** Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.

MINH

MINH

1. **MINH:** 明 Sáng, rõ ràng, sáng suốt, ban ngày.
Td: Minh cảnh, Minh đức. Minh lý.
2. **MINH:** 冥 Tối, tối tăm, ban đêm.
Td: Minh minh như dạ hành.
3. **MINH:** 盟 Thề, thề ước.
Td: Minh thệ.
4. **MINH:** 銘 Ghi khắc, ghi tạc.
Td: Minh tâm khắc cốt.
5. **MINH:** 鳴 Tiếng chim hót, kêu.
Td: Minh oan.

Minh cảnh đài

明鏡臺

Minh: Sáng, rõ ràng, sáng suốt, ban ngày. **Cảnh:** còn đọc là Kính: cái gương soi. **Đài:** cái đài cất cao lên.

Minh Cảnh Đài tức là Minh Kính Đài là đài gương sáng nơi cõi thiên liêng, nơi đó có đặt một tấm kiếng huyền diệu, mỗi chơn hồn khi đến đứng trước tấm kiếng này thì sẽ thấy hiện ra trong tấm kiếng tất cả hành vi và lời nói của chơn hồn trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần, để cây cân Công bình thiên liêng định phân tội phước, thăng hay đọa.

KĐ5C: Đài Chiếu Giám Cảnh Minh nhẹ bước,
Xem rõ ràng tội phước căn sinh.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo Con đường TLHS, có nói về Minh Cảnh Đài như sau:

"Đài ấy là Tòa Tam Giáo, chúng ta không thấy cái trạng thái hình thể nó ra sao. Khi chúng ta đến, hào quang chiếu diệu xông lên làm như ngọn lửa vậy.

Lửa ấy chẳng phải lửa thật, nó là hào quang, cho ta thấy trước rồi nó biến mất đi, kể thấy một cây cân Công bình hiện ra trước mắt chúng ta rồi cũng từ từ biến mất.

Chúng ta thấy mình chẳng khác nào như khán giả đứng trước đài kia coi lại cả kiếp sanh của chúng ta, từ trước nó sẽ có trước mắt chúng ta, không điều gì sót, phải chăng nơi ấy kinh Phật nói là Minh Cảnh Đài?

Trước mặt chúng ta, chúng ta thấy khi trước chúng ta làm những việc gì, nay nó sẽ chiếu lại cho xem chẳng khác gì mình xem tuồng hát bóng vậy. Mỗi khi mình hành động gì trong kiếp sanh khi xưa, hôm nay đều ngó thấy trước mặt, và cây cân Công bình ấy tùy theo nên hư, tội phước mà hiện tượng ra hết thảy, quyết đoán một cách công bình, không sai chút nào hết. Phải chăng đó là huyền bí của Tòa thiêng liêng ấy.

Vậy, hành tàng đã có trước mắt, luật Tam Giáo chẳng hề sai chạy. Kiếp sanh đã làm gì, đời hay đạo, mặt luật thiêng liêng không sót một điều."

KĐ5C: Kinh Đệ Ngũ cửu.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Minh chánh

明正

A: Clear and straight.

P: Clair et droit.

Minh: Sáng, rõ ràng, sáng suốt, ban ngày. **Chánh:** ngay thẳng.

Minh chánh là sáng tỏ và ngay thẳng.

KSH: Gìn lòng ngay thẳng thật thà,
Nói năng *minh chánh*, lời ra phải nhìn.

KSH: Kinh Sám Hối.

Minh định

明定

A: To decide clearly.

P: Décider clairement.

Minh: Sáng, rõ ràng, sáng suốt, ban ngày. **Định:** xác định, sắp đặt.

Minh định là xác định rõ ràng.

Minh định lập trường tôn giáo là thuần túy tu hành, không tham gia hay hoạt động chính trị.

Minh đoán

明斷

A: To judge clearly.

P: Juger clairement.

Minh: Sáng, rõ ràng, sáng suốt, ban ngày. **Đoán:** phán đoán.

Minh đoán là phán đoán một cách sáng suốt rõ ràng.

TĐ ĐPHP: Nếu chúng ta không có dorm tâm liệu mình tự xử thì có mong chi *minh đoán* cùng ai.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Minh đức - Tân dân - Chí Thiện

明德 - 新民 - 至善

Mở đầu sách Đại Học của Nho giáo là câu: **Đại Học chi Đạo, tại minh Minh Đức, tại Tân Dân, tại chí ư Chí Thiện.**

CHÚ THÍCH:

Đạo: con đường, đường lối, chủ nghĩa, học thuyết.

Đại Học: học những điều lớn, hơn hẳn cái bình thường, ảnh hưởng đến đời sống của nhơn sanh.

Đại Học chi đạo: là con đường học tập của những người đã trưởng thành, muốn trở nên bực thượng lưu trí thức có đạo

đức hơn người. Theo Triết học thì đạo đại học là cái học khôn ngoan, học làm người xứng đáng, tránh điều đau khổ, xây dựng hạnh phúc cho mình và cho người.

Trong Nho giáo, theo Trình Tử, Đại Học là sách nhập môn đạo đức, nên cần phải học trước, sau đó mới học sách Mạnh Tử và Luận Ngữ.

Sách Đại Học là sách dạy về nguyên tắc của đạo đại học, thuộc về Hình nhi thượng học. Đạo của Khổng Mạnh là đạo đại học.

Tại minh Minh Đức: Tại là ở tại, yếu tại. Minh là sáng. Đức có nghĩa thông dụng là việc thiện, nghĩa rộng là một năng lực thiên nhiên có khả năng tác động, một đức tánh chớ không phải đức hạnh.

Minh Đức là cái đức sáng, nhờ cái đức sáng này mà người ta có thể nhận thấy rõ ràng những vấn đề mù tối, nhưng không phải bằng lý luận mà bằng trực giác. Do đó, Minh Đức có nghĩa tương tự như lương tri lương năng, tức là năng lực tri thức trực giác để phán đoán nhận định những lý lẽ của sự vật.

Minh Đức của con người có thể bị lu mờ vì tiêm nhiễm thói đời vật chất, do lục dục thất tình đẩy lên xúi giục. Do đó, Minh Đức cũng có nghĩa là Lương tâm.

Minh Minh Đức là làm cho sáng cái đức sáng, tức là phải trau dồi cái Minh Đức cho được sáng tỏ luôn, để nhận định và hành động đúng theo Thiên lý.

Muốn minh cái Minh Đức thì cần phải chuyên cần tập luyện tư duy, phán đoán thế nào cho hợp với chân lý đạo đức, phải xa lánh và trừ diệt những thứ làm cho trí phán đoán tê liệt hay méo mó. Như vậy thì phải: Cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân.

Tân Dân: là người dân mới, nghĩa là phải làm cho con người mỗi ngày một trở nên mới thì mới theo kịp đà tiến hóa của vạn vật, vì vạn vật không bao giờ ngưng lại một chỗ, mà luôn luôn tiến hóa.

Sách Đại Học cũng có ghi một câu nói của vua Thang về Tân Dân: "*Cấu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân.*" Nghĩa là: Nếu mỗi ngày một nên mới thì ngày ngày phải nên mới, lại

càng ngày càng mới. (CẦU: nếu).

Đổi mới là điều rất cần thiết, vì vạn vật trong mình và ngoài mình, theo dòng thời gian, không còn như cũ nữa. Nếu mình không đổi mới thì không thể thích ứng và theo kịp hoàn cảnh cùng trào lưu chung quanh. Chậm đổi mới là bị thiệt hại và cuối cùng sẽ bị đào thải. Đó là qui luật Tiến hóa tất nhiên.

Chỉ ư Chí Thiện: chữ Chỉ có 2 nghĩa: dừng lại, đi cho đến. Hai nghĩa này dường như có vẻ mâu thuẫn, nhưng kỳ thực lại đồng hợp với nhau, bao hàm lấy nhau, vì có đi đến nơi mới dừng lại; mà dừng lại là vì đã đi đến nơi. Một bên tĩnh, một bên động, nhưng cả hai đều lấy mục đích làm trọng.

Yếu tố thứ ba của đạo Đại Học là: Chỉ ư Chí Thiện, nghĩa là dừng lại nơi Chí Thiện hay là cho đến nơi Chí Thiện mới thôi.

Chí Thiện là rất lành, hoàn toàn tốt đẹp. Chỉ có Đấng Chí Tôn Thượng Đế mới đúng nghĩa Chí Thiện. Nhưng ở đây, ta hiểu Chí Thiện là mục đích, là lý tưởng để chúng ta tiến tới.

Vậy, Chỉ ư Chí Thiện là phải lo làm sao để trở nên người Chí Thiện mới thôi.

Tóm lại, câu đầu tiên trong sách Đại Học có nghĩa là:

Đường lối Đại Học ở chỗ làm cho sáng tỏ cái đức sáng, ở chỗ làm cho con người đổi mới luôn luôn, ở chỗ lo cho đến chỗ hoàn toàn tốt lành mới thôi.

Câu đầu tiên này trong sách Đại Học chia cho con người làm hai phần việc, kể ra:

- *Minh Minh Đức là phần tri thức, hay TRI.*
- *Tân Dân, chỉ ư Chí Thiện là phần hoạt động: HÀNH.*

Minh Đức là điều kiện trước tiên và rất quan hệ vì đó là Tri. Không có Tri đúng thì không thể Hành đúng, vì nếu Minh Đức bị mờ ám, thì Tân Dân và chỉ ư Chí Thiện là cần nhưng không thể thực hiện được hay là thực hiện sai lầm, tai hại.

Vậy, Tri và Hành phải đi đôi và hợp nhất mới được.

Đạo Cao Đài Đức Chí Tôn chủ trương Nho Tông Chuyển Thế, nên lấy câu đầu tiên của sách Đại Học Nho giáo làm tôn chỉ cho Cơ Quan Phước Thiện.

Đây là Cơ quan mở ra để Lập Đức, đoạt thủ địa vị mình trong Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng. Muốn Lập Đức thì phải đi từ Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chí Thiện, v.v....

Phẩm đầu tiên trong Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng là: **Minh Đức**. Người tín đồ Cao Đài, khi nhập qua CQPT thì bắt đầu phẩm: Minh Đức, làm công quả tập rèn cho cái đức được sáng. Sau thời gian 3 năm hoàn thành bốn phận và trách nhiệm, thì được lên phẩm **Tân Dân**, để tiếp tục lập công quả và rèn luyện cho mỗi ngày một thêm tốt đẹp.

Sau đó, tín đồ làm công quả lập Đức từ từ lên 3 phẩm nữa là: **Thính Thiện** (nghe lành), **Hành Thiện** (làm lành), **Giáo Thiện** (dạy người ta làm lành), xong rồi sẽ lên phẩm **Chí Thiện**, là nhập vào hàng Thánh Thể của Đức Chí Tôn.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Minh Đường

明堂

Minh: nhà Minh bên Tàu. **Đường:** nhà.

Minh Đường là một Chi trong Ngũ Chi Minh Đạo.

Ngũ Chi Minh Đạo gồm: Minh Đường, Minh Sư, Minh Lý, Minh Thiện, Minh Tân. (Xem: **Ngũ Chi Minh Đạo, và Ng**)

TNHT: Trung, con phải cạy hai vị lão thành Minh Đường hầu trong đặng tiếp lễ Thượng đàn,....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Minh huệ

明慧

A: Brillant.

P: Brillant.

Minh: Sáng, rõ ràng, sáng suốt, ban ngày. **Huệ:** sáng suốt, thông hiểu sự lý.

Minh huệ là sáng suốt và thông hiểu sự lý.

TNHT: Khá biết thời thế, lần vào nương dựa bóng thái dương, để bước vào con đường *minh huệ*,....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Minh khí

明氣

Minh: Sáng, rõ ràng, sáng suốt, ban ngày. **Khí:** chất khí.

Minh khí là chất khí sáng, chất khí phát ra ánh sáng.

Vòng minh khí là một vòng tròn bằng chất khí sáng, tượng trưng Khí Sanh quang.

Thường khi vẽ Thiên nhãn thì vẽ một vòng (hay 3 vòng) minh khí bao tròn quanh Thiên nhãn, để chỉ rằng Đức Chí Tôn tạo ra Khí Sanh quang, và làm chủ Khí Sanh quang ấy để nuôi dưỡng sự sống trong toàn cả CKVT.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Minh Lý Đạo

明理道

Minh Lý Đạo hay Đạo Minh Lý, nói tắt là Minh Lý, là một Chi trong Ngũ Chi Minh Đạo.

Ngũ Chi Minh Đạo gồm: Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý, Minh Thiện, Minh Tân.

TNHT: Bên *Minh Lý* đây là Séminaire, là chỗ các thầy tu, ngày sau độ về phần hồn đó con. (**Séminaire: chủng viện**)

Thuở mới khai Đạo Cao Đài, các Đấng chưa ban cho Tân Kinh, Đức Chí Tôn dạy Hội Thánh đến Minh Lý Đạo để thỉnh các bài kinh sau đây về làm Kinh của ĐĐTKPĐ:

- Niệm Hương.
- Khai Kinh.
- Kinh Sám Hối (Kinh Nhơn Quả).
- Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối.
- Kinh Cầu Siêu.
- Bài Xưng Tụng Công Đức Phật, Tiên, Thánh, Thần.

Ngài Nguyễn Minh Thiện, Chủ trường Minh Lý, viết bài giới thiệu Minh Lý Đạo, đăng trong Nguyệt San Cao Đài Giáo Lý số 85, 86, 87 của CQPTGLCĐGVN, xin chép sau đây:

I. Ngày chánh thức Khai Đạo:

Đạo Minh Lý khai ngày 27-11-Giáp Tý, nhằm ngày 23-12-1924. Theo âm lịch, Đạo Minh Lý khai, chẳng những trùng vào năm Tý, mà tháng, ngày, giờ cũng đều thuộc Tý cả.

1. Năm Giáp Tý (1924).
2. Tháng Bính Tý là tháng 11.
3. Ngày Bính Tý là ngày tiết Đông chí.
4. Giờ Mậu Tý là 11 giờ khuya, đầu ngày Bính Tý.

Trụ sở của Đạo Minh Lý đặt tại chùa Tam Tông Miếu, số 82 đường Cao Thắng, Sài Gòn.

II. Mục đích và Tôn chỉ:

Đây là đôi liễn đề trước mặt tiền chùa Tam Tông Miếu nêu lên tôn chỉ của Đạo Minh Lý:

*Thống Tam giáo dĩ tôn sùng,
tân tự trúc thành hưng Chánh pháp,
Hiệp vạn nhơn nhi giảng luận,
cựu kinh đàm bải dục linh căn.*

Nghĩa là:

Gồm ba giáo để kính thờ, chùa mới cất xong, toan chấn hưng chánh pháp (nhãn tàng),

Hiệp muôn người cùng giảng luận, kinh xưa giảng dứt, dốc hàm dưỡng linh căn (huyền quan).

Lại có bài thơ nêu mục đích của Đạo Minh Lý như sau:

*Đạo là căn bản khá tâm mờ,
MINH miễn lương tâm cần xét dò.
LÝ ấy tánh chơn vô nhị thị,
Giải phân họa phước chẳng so đo.*

Bốn chữ đầu câu là: Đạo Minh Lý giải.

Đạo Minh Lý thờ Thượng Đế và Tam Giáo Đạo Chủ, tức là: Tây Phương Phật Tổ hay Phật Thích Ca Mâu Ni, Văn Tuyên Khổng Thánh hay Đức Khổng Phu Tử, Thái Thượng

Lão Quân hay Đức Lão Tử; và nghiên cứu cả ba giáo lý xưa của Thích, Đạo, Nho, để làm nền tảng cho Đạo Minh Lý.

Tại Tam Tông Miếu Sài Gòn, cách thờ phượng hết sức trang nghiêm, chỉ thờ bài vị viết chữ Nho, chớ không thờ hình và tượng chi hết.

III. Phương pháp dùng Khai Đạo:

Đạo Minh Lý khai vào thời Pháp thuộc nên không có nói cách khai đạo bằng Huyền cơ, e có nhiều người tụ tập, làm náo động tới chánh phủ, phải mất sự thanh tịnh cần yếu. Kỳ thiết, Minh Lý Đạo khai đều dùng cả hai phương pháp: Huyền cơ và Thần cơ.

Trước khi bề trên ban hiệu Đạo Minh Lý, nghĩa là khai đạo thật sự, thì trong năm 1922 và 1923, đã có một số ít người mến đạo, nhờ sự un đúc của Thần Tiên bằng cách Huyền cơ.

Từ xưa, trong nước ta cũng có nhiều đàn Thần Tiên mà sự tín ngưỡng của thiên hạ hồi còn mơ màng. Họ chỉ đến hầu đàn cầu thuốc, hay cầu hỏi việc tương lai mà thôi, chớ ít ai để tâm về mặt đạo đức. Nhờ có Huyền cơ mà số người nói trên mới bắt đầu tin chắc trong cõi thế giới vô hình, quả thật có Trời, Phật, Tiên, Thánh, không còn ngờ vực gì nữa.

Huyền cơ là gì? Huyền cơ khác với Thần cơ ra sao?

Tuy cũng là Thần Tiên giảng dạy mà phương pháp dùng chỉ truyền có khác.

Theo **Thần cơ** (Psychographie), Thần Tiên mượn tay của đồng tử người phàm, dùng điển lục mà viết ra. Có khi dùng cơ, có khi chấp bút. Đó là việc các Đạo hữu ở đây đều biết, nên khỏi phải nói thêm nữa cho dông dài.

Còn theo **Huyền cơ** (Pneumatographie), Thần Tiên tự viết ra, không cần có tay người đồng tử xen vào, cũng không có cái cơ hay là cây bút chì làm món khí cụ để viết theo cách nói trên của Thần cơ. Không biết các vị thiêng liêng viết cách nào mà tự nhiên trên giấy trắng xếp lại, ta thấy có chữ hiện ra rõ ràng đủ ý nghĩa.

Tôi có thể nói: Đây là một sự huyền diệu phi thường, chúng tôi đang trực tiếp với Thần linh bằng văn tự.

IV. Giải nghĩa hiệu ĐẠO MINH LÝ và hiệu chùa TAM TÔNG MIẾU:

1. Nghĩa chữ Minh Lý Đạo:

a) Nghĩa phổ thông:

Chữ MINH (động từ) nghĩa là làm sáng tỏ. Mà làm sáng tỏ cái chi? Là chữ LÝ nói sau đây ở trong mình người cho mỗi ngày mỗi sáng. Làm sáng tỏ cho mình được rồi, lại giúp cho mọi người, cho tất cả thiên hạ làm sáng tỏ như mình thì cũng gọi là Minh. Thế là chữ Minh có nghĩa phân biệt lành dữ, phải trái, để bỏ dữ theo lành, bỏ trái theo phải.

Chữ LÝ nghĩa là lẽ phải, tức là hai chữ Minh Đức (danh từ kép) là đức sáng suốt theo sách Đại Học, cũng gọi là Lý tánh, lương tâm, lương tri lương năng, theo các sách khác của Nho giáo.

Đó là đạo lý mà mọi người phải noi theo, mọi người phải giữ gìn và cố gắng thực hiện đạo lý đó cho được rục rở trong lòng mình và hiển lộ ra bên ngoài bằng hành vi để làm khuôn thước cho đời sống của mình và làm của chung cho tất cả quốc gia xã hội. Đó là một chơn lý bất biến, không thể nào làm người mà không có được.

Cho nên, ai cũng phải làm sáng tỏ cái Lý đó, khêu ngọn đèn thiêng liêng ấy cho tới mức thiết sáng. Nhưng Lý này còn ở trong vật chất, là Lý tương đối, tuy thuộc Tiên Thiên mà còn mắc kẹt trong Hậu Thiên, nên khó đạt trọn hảo.

Chữ ĐẠO là đường lộ, con đường phải mà ai cũng nên đi trên đó. Nếu ai đi trên con đường rộng lớn của thiên hạ thì bình yên. Bằng trái lại, bỏ con đường ấy thì sa lạc vào hố sâu vực thẳm mà đắm mình nơi nguy hiểm khổ đau. Đã sa lạc vào rừng sâu thì quanh quẩn không lối về, mà còn khủng khiếp giữa đám rần độc, cọp dữ, e chẳng toàn thân.

Đạo đây còn có nghĩa là dùng giác quan mà phân biệt, nhưng giác quan chỉ thấy bề ngoài mà thôi.

Đại ý phổ thông là như vậy.

Đây ta còn mổ xẻ thêm ra từ chi tiết để tìm lý do kết cấu cái danh từ trừu tượng đó. Nói về cơ thể, phương pháp khoa học gọi là giải phẫu, nói theo văn chương thì gọi là chiết tự.

b) Nghĩa chiết tự:

- **Giải chữ MINH:** 明 Minh là sáng, tại sao nó sáng?

Chiết tự: Chữ Minh gồm có chữ Nhật 日 và chữ Nguyệt 月 nghĩa là một bên chữ Nhật, một bên chữ Nguyệt hiệp lại mà thành sự sáng.

Dịch Hệ Từ Hạ truyện, chương 5 tiết 2 nói: *Nhật vãng tắc nguyệt lai, nguyệt vãng tắc nhật lai. Nhật nguyệt thôi nhi minh sanh diên.* Nghĩa là: Mặt nhật qua thì mặt trăng lại, mặt trăng qua thì mặt nhật lại. Mặt nhật mặt nguyệt xô đẩy nhau mà sanh ra ánh sáng. Ý nói: Nhật là mặt trời chủ về ban ngày, là khí Dương. Nguyệt là mặt trăng chủ về ban đêm, là khí Âm. Âm Dương giao hoán cùng nhau mà phát lên một sức sáng điều hòa. Tỉ như hai luồng điện gặp nhau, ở giữa có một dây tơ, làm cho sức nóng của dương hòa với sức lạnh của Âm mà nảy ra ánh sáng trên đường dây tơ vậy.

- **Giải chữ LÝ:** 理 Chữ Lý gồm có nhiều phần:

Phần thứ nhất, bên tả có chữ Vương 王. Vương là chủ là quân trị, mà cũng có một cách đọc khác là Vượng. Vượng là thịnh đạt khắp nơi. Chữ Vương viết ba ngang một sổ. Ba ngang tượng trưng Tam tài. Tam tài là: Trời, Đất, Người, hay là Tinh thần, Sinh lực và Vật chất. Một vật, bất cứ là vật nào, cũng phải có ba phần đó. Nhưng mỗi vật tiến hóa lên đến con người thì ba phần đó đặng hoàn toàn hơn nên gọi người là "tối linh ư vạn vật".

Xưa nay người ta thường nói: Duy Tâm, Duy Vật, mà ít nói về Duy Sinh (sinh khí), nên Tâm Vật hai đường đối nhau vì thiếu phần trung gian để dung hòa.

Vậy bốn phần làm người phải học Đạo để đi đúng đạo lý, là một tinh thần vừa đúng với Trời, với Đất, với nhơn quần xã hội, gọi là Tam tài hợp nhất, tức là chữ Vương nói trên vậy.

Phần thứ nhì, bên hữu là chữ Lý 里. Chữ Lý này ở trên hết ta viết chữ Điền 田, Điền là ruộng nước, kể viết chữ Thổ 土 là đất, nằm trên khô mà thành chữ Lý. Lý là làng nước, là chỗ ở. Trong đó có chữ Điền là ruộng phước để cho người gieo (canh chừng phước điền), có chữ Thổ là đất để người ta ở

(an thổ đôn nhân) hầu tương lai gặt lấy hồng phước thế gian hay là hưởng thanh phước Niết Bàn.

Ý nói: Chữ Lý gồm cả Nhơn đạo và Thiên đạo, là chấp Thiên đạo mà hành Nhơn đạo, chớ không phải chỉ lo một mặt mà thôi.... ..

- **Giải chữ Đạo:** Chữ Đạo trước đây giải là con đường lộ, đến đây nó nhảy lên một tầng cao hơn, có nghĩa là phương pháp. Như chữ Đạo trong sách Đại Học: *Sanh tài hữu Đại Đạo*, nghĩa là: làm ra tiền của có một phương pháp lớn.

Phương pháp đó là phương pháp nào? Là làm có tiền nhiều mà xài ra thì ít, lâu ngày tụ thiếu thành đa, tự mình trở nên giàu có.

Về phương pháp của Đạo cũng thế. Phải tự mình biết tự tinh thần, qui hiệp Âm Dương, đừng để nó rời rã lãng phí.

Vậy tôi xin chiết tự chữ ĐẠO 道 mà giải sau đây:

Khi viết chữ Đạo, trước chấm bên trái gọi là nhứt Dương, rồi phết một phết bên phải gọi là nhứt Âm. Châu Dịch nói: Nhứt Âm nhứt Dương chi vị Đạo, nghĩa là một Âm một Dương gọi đó là Đạo. Kế đó liền viết chữ Nhứt. Chữ Nhứt này có nghĩa là hiệp nhứt, hiệp chung lại làm một, đừng cho nó rời rã. Nếu Âm Dương rời rã thì không sao sanh hóa được. Âm Dương là cơ động tịnh, để phản về chơn tánh, chế luyện Kim đơn, là phương tu tánh mạng, để qui nhứt làm một cùng Trời. Nên chữ Nhứt đây là chủ tể của cơ vận hóa, làm then chốt cho cơ động tịnh của Âm Dương. Đó là sự mầu nhiệm khó nói ra.

Kế đó, viết chữ Tự 自. Tự nghĩa là tự nhiên mà có tánh độc lập, tự hữu nhi hằng hữu, không thể đổi thay thêm bớt, mãi mãi còn hoài. Chữ Tự là tự mình đó. Lấy nghĩa nói như trên chớ không phải chữ Tự theo nghĩa ý thức hay là bản ngã, chỉ có tánh chia rẽ ích kỷ.

Ráp lại cả trên và dưới thành chữ Thủ 首. Thủ là đầu tiên, nghĩa như chữ Nguyên trong Kinh Châu Dịch, tức là cái phát sanh ra trước hết. Ta phải nương theo đó để trở về với chơn lý duy nhứt là Trời.

Kể viết chữ Sước 𠄎 thường gọi là Quai sước. Sước nghĩa là cơ lưu hành vận chuyển, châu tuần trong Càn khôn thế giới mà hóa dục, dịch sử quần linh. Đó là máy tuần hoàn trong thân thể mà cũng là cơ điều dương dưỡng khí, làm máy châu thiên hườn đơn.

Theo nghĩa chiết tự, ráp lại hết các thành phần thì thành hình chữ Đạo. Chữ Đạo này là cơ tự động đầu tiên, là phương pháp phải tu mới mong đắc thành quả vị Phật.

c) Nghĩa huyền bí:

Trên đó là chiết tự, để cho mỗi người có thể lấy lý trí, lấy ý thức mà tìm hiểu, vì lý trí, ý thức chỉ có tài phân tích và hiệp ráp mà thôi, chớ không thể xét biết được đến cái Thiên lý hồn nhiên, hoàn toàn có một, bao la muôn vật, trải khắp mười phương mà đây tôi muốn đem ra bày giải làm nghĩa thứ ba của chữ Minh Lý.

Chữ Minh đây không phải Minh động từ là làm cho sáng tỏ như nói trên, nó cũng chẳng phải là ánh sáng đèn hay ánh sáng mặt nhật nguyệt, mà là thứ ánh sáng siêu nhiên hơn bá bội vạn bội. Nhưng vì thế gian không có tiếng nào tả đúng nên bắt đố dĩ phải mượn chữ Nhật và chữ Nguyệt mà bày giải đó thôi. Chữ Minh đây là chữ Minh Diệu hay Diệu Minh của nhà Phật.

Chữ Lý đây là chơn lý, là bản nguyên sơ thi của CKTG, không có hình tướng, màu sắc nên không thể nói vuông hay tròn, đen hay trắng, v.v.... mà nó không có đức tánh nên không thể nói lành dữ, tốt xấu. Đó là Lý tuyệt đối. Cái Lý này, Đạo giáo gọi là Đạo, Phật giáo gọi là Pháp, Nho giáo gọi là Thiên. Đến khi nó vào trong Khí thể mới có đức tánh, vì Khí mới có dài có vuông, có thanh có trọc, có nặng có nhẹ, mới có tánh phân biệt khác nhau.

Như Phật giáo có Lục Tứ cú, nghĩa là 6 chữ Tứ cú, là 6 lớp công phu như sau:

Lý	tứ cú Phật,
Danh tự	tứ cú Phật,
Quán hạnh	tứ cú Phật,
Tương tự	tứ cú Phật,

Phân chứng	tức Phật,
Cứu cánh	tức Phật.

Bước đầu là Lý tức Phật, là Lý tại triền chưa giải thoát khỏi Khí thể. Đến phần sau rốt là Cứu cánh tức Phật mới thật là Lý hoàn toàn giải thoát, là Lý cực kỳ sáng suốt, không phải mất phạm mà thấy được, nên gọi là MINH LÝ.

Chữ ĐẠO ở đây, Đức Lão Tử không biết nó tên gì nên Ngài cường đặt là Đạo. Tuy vậy, Ngài cũng giải nghĩa cho biết: Khi Đạo vô danh thì Đạo là Thiên Địa chi thủ, khi Đạo hữu danh thì Đạo là vạn vật chi mẫu. Nghĩa là: Ngài chỉ biết: Đạo sanh ra Trời Đất vạn vật mà thôi, ta hãy tìm mà hiểu lấy.

2. Nghĩa của chữ Tam Tông Miếu 三宗廟

Chữ Tam nghĩa là ba, chữ Tông nghĩa là Tông Tổ, là gốc chánh. Miếu là đền thờ. Chỗ hiệp ba tông đem về một mối gọi là qui nguyên. Nguyên là bản thể có một mà hiện tượng là trạng thái phát sanh ra ngoài, tỉ như một gốc cây có nhiều chi nhiều nhánh, mà chi nhánh đó không thể rời khỏi gốc rễ của nó mà tự sống riêng biệt được.

Vậy Tam Tông là cái tên tổng quát gồm nhiều ý nghĩa, kể ra sau này:

- Tam giáo đồng nguyên.
- Tam tài nhứt thể.
- Tam Ngũ hiệp nhứt hay Tam gia tương kiến.

Bây giờ tôi xin giải sơ mỗi ý nghĩa đó.

a) Tam giáo đồng nguyên:

Tam giáo là ba tôn giáo lớn ở Đông Nam Á, tức là: Đạo Phật, Đạo Tiên, Đạo Thánh.

Đạo Phật cũng gọi là Thích giáo, Đạo Tiên cũng gọi là Lão giáo, Đạo Thánh cũng gọi là Khổng giáo.

Tại Trung Hoa cũng như ở VN ta, ba giáo này vì gần gũi nhau, chung đưng nhau lâu ngày, nên hiện nay, về mặt giáo lý, có phần của giáo này xen lẫn giáo kia, phần của giáo kia ảnh hưởng đến giáo nọ, khó mà phân biệt mỗi giáo cho rõ ràng. Cho nên có người nói: Tam giáo đồng nguyên, như nước ba sông lớn đổ về biển cả, không thể biết nước nào thuộc sông nào.

Tuy mỗi giáo luận điệu có khác nhau mà ngoài danh từ ra, nếu chỉ xét về mặt nguyên lý thì Tam giáo đồng một căn bản duy nhất và phổ biến. Thích giáo gọi ngôi duy nhất là Pháp hay Phật, Lão giáo gọi là Đạo hay Đức, Nho giáo gọi là Thiên hay Thượng Đế....

b) Tam Tài nhất thể:

Phía trước có giải chữ Minh Lý Đạo theo cách chiết tự, bên tả là chữ Vương ba ngang một sổ, đó là tượng trưng Tam Tài nhất thể. Đây xin giải rộng một chút nữa.



Theo Châu Dịch, mỗi quẻ đôi có 6 hào, tượng trưng:

■ Vì hào thượng và hào sơ không thái quá thì bất cập, nên chẳng dùng, mà chỉ dùng có bốn hào giữa: 2, 3, 4, 5.

■ Tính theo hệ quái, quẻ dưới gồm ba hào: 2, 3, 4 thì hào 2 thuộc Địa, hào 3, 4 thuộc Nhơn. Còn quẻ trên gồm ba hào: 3, 4, 5 thì hào 3, 4 thuộc Nhơn, hào 5 thuộc Thiên.

Gồm cả hai hệ quái thì có bốn hào: một hào Địa, hai hào Nhơn, một hào Thiên.

Đó là tượng hình con người, trên đội Trời, dưới đạp đất mà biến thái ra thành chữ Nhân 仁, tự dạng tuy có khác, mà nó vẫn giữ bốn nét như trước.

Đức Khổng Tử nói: *Nhân giả nhân dã 仁者人也*

Nghĩa là: đức Nhân là tánh hoàn toàn của con người là nhân bản vậy. Cho nên đạo Nho lấy Nhân làm trụ cốt, làm mục đích chánh thuộc về Tiên Thiên bao gồm cả Tam Tài. Xin chớ làm tưởng theo nghĩa thông thường là nhân từ, thương xót mà thôi.

Hoặc cũng có thể cấu kết bốn nét thành chữ Vương 王 trên Trời dưới đất, ở giữa có chữ thập 十 là Thập tự nhai, tức là con người lý tưởng, vì trong hình chữ này, con người vừa

có nét dọc làm nội thánh, vừa có nét ngang làm ngoại vương, đề cao giá trị con người lên ngang hàng với Trời Đất, nên cả ba đồng đẳng với nhau.

Theo Nho giáo, sách Lễ Ký cũng có nói: *Nhơn giả kỳ Thiên Địa chi đức, Âm Dương chi giao, quỷ thần chi hội, Ngũ hành chi tú khí*. Nghĩa là: Con người có cái đức của Trời Đất, chỗ giao điểm của Âm Dương, nơi tụ hội của Quỷ Thần, cái tinh túy của Ngũ hành.

Cho nên, đức tánh cao siêu của con người mà dựng thành tựu là nhờ ở chữ Đức, chữ Giao, chữ Hội, chữ Tú Khí nói trên. Thử hỏi, bỏ mấy chữ đó ra, con người có thể nào nhập Thánh siêu phàm, thành quả vị Tiên Phật đặng?....

c) Tam ngũ hiệp nhưt hay Tam gia tương kiến:

Cuốn Ngộ Chơn Thiên của Đạo giáo giải thuyết này trong một bài thi bát cú sau đây: (xin lược bớt bài thi Hán văn))

Tam ngũ nhưt luôn ba chữ này,
Xưa nay hiểu đợc ít người thay!
Đông tam, Nam nhị, hiệp thành ngũ,
Bắc nhưt, Tây tư cộng cũng vậy.
Mồ Kỳ một ngôi sanh số ngũ,
Ba nhà gặp gỡ kết Tiên thai.
Tiên thai là một gồm chơn khí,
Mười tháng thai thành ngự Thánh đài.

Đây là lấy số trong Hà Đồ mà luận. Vì Kim năng sanh Thủy, hai hành này đồng chung một cung, cho nên 4 và 1 hiệp lại thành số ngũ. Đây là nói Tinh thuộc Kim, Tinh thuộc Thủy, hiệp lại thành một số ngũ, tức là Tu thân hay là Luyện Tinh.

Vì Mộc năng sanh Hỏa, hai hành này đồng một cung, nên 3 và 2 hiệp lại sanh số ngũ, tức là Tu tâm hay Luyện Khí.

Còn Mồ Kỳ ở trung ương, riêng một mình cũng đủ một số ngũ nữa. Đây là nói về chơn ý, cũng gọi là Luyện Thần.

Cho nên Tánh Mạng khuê chỉ có câu:

*Thân, Tâm, Ý, thị thùy phân tác Tam gia.
Tinh, Khí, Thần, do ngã hiệp thành nhưt cá.*

Ba con số ngũ nói trên hiệp lại một, nên gọi là Tam ngũ hiệp nhưt, tức là Tam gia tương kiến. Nếu ba nhà gặp nhau hiệp thành Thái Cực thì sẽ siêu phàm mà vào ngay cõi Thánh.

Tóm lại, Tam ngũ hiệp nhưt là phép trở về với Đạo, từ số 5 là ngũ hành trở lại số 3 là Tam gia, từ số 3 trở lại số 1 là Thái Cực. Phép này gọi là Phản bản huồn nguyên.

V. Kết luận:

Về Thế Đạo, Minh Lý lấy con người làm đích chánh. Người là đại diện của Trời Đất, giữ mối tương quan, làm cho sáng tỏ và rộng bày Đại Đạo.

Nếu Trời Đất có mà không có con người thì Trời Đất cũng không cần có để làm gì.

Con người có tài thành Thiên Địa chi Đạo, phụ tướng Thiên đạo cho nghi. Nhưng tại sao chúng ta gặp hôm nay một hoàn cảnh rất đen tối, thù ghét nhau, giết lẫn nhau. Tại sao?

Đó là con người bị ám ảnh bởi lòng tham dục mà say đắm với hoàn cảnh, nên gây ra biết bao sự đổ nát hư hại, làm cho đất bằng sóng dậy chẳng vừa. Nên đặt trúng vấn đề là một việc, còn việc quan trọng hơn là phải có con người lành mạnh tượng trưng, đủ trí tuệ, đủ từ tâm, mới có thể đặt tay vào đời mà không làm cho đời hư hại.

Muốn có con người ấy, không phải học giỏi tài cao mà ra gánh đời độ chúng được. Muốn đời hỏi cho đời đặng trở nên thanh bình thánh đức, phải có con người chơn tu, chững đạo, nội thánh ngoại vương, tự giải thoát được thân, để giải phóng loài người ra ngoài đau khổ.

Về Thiên đạo, Minh Lý nhìn nhận mỗi người đều có tánh Minh Lý tối thiêng liêng, bất sanh bất diệt, ngang cùng Trời Đất, hoặc gọi là Minh Đức, Minh tánh, Minh giác, v.v... làm căn bản cho sự tu thân. Cho nên bề trên có dạy:

*Minh Lý tánh, minh tâm kiến tánh,
Đạo Tam Tông, thọ lãnh hóa hồng.*

Nhưng khó ở chỗ nhìn rõ cái tánh Minh Lý. Chết tại đó mà sống cũng tại đó, nên gọi chỗ đó là Sanh Tử quan đầu.

Thình chừ quý vị để ý, không nên minh bằng lý trí, nếu công phu sai một ly là cách xa ngàn dặm.

Hôm nay, Tệ tăng bày giải ít điều về sở kiến của Đạo Minh Lý, ước mong chừ Đạo hữu bổ cứu thêm cho để trợ giúp bề trên hoằng hóa mối đạo Trời đương buổi Hạ Nguơn này, hầu đem lại phước lành cho đồng bào ta, cho cả thế giới nhơn loại.

(NGUYỄN MINH THIỆN)

Để hiểu thêm về Minh Lý Đạo, xin trích ra sau đây trong bài: *Lược thuật về việc tiếp kinh* của ông Âu Minh Chánh:

Tôi trước vẫn mộ xem kinh sách dạy việc tu hành, có thấy nhiều cuốn Thần Tiên giảng cơ đặt ra, sau lại thấy trong sách Pháp văn có nhiều vị cao kiến giải rành phép chấp bút thì lòng tôi càng thêm tin chắc. Tôi cũng nhờ dự định nhiều đàn thỉnh Tiên, thấy lắm điều hiển hích, nên mới hội anh em năm ba người mà tập phò cơ chấp bút. Tôi gắng chí tập gần trót năm mới là thành tựu. Từ đây mới có Thần Tiên giảng dạy, nào là cho thi tuyệt cú, nào là bài trường thiên, rất có khí tượng, rất có nghĩa lý sâu xa, song vì Thần Tiên thường dùng chữ Nho, người ít học khó hiểu cho thấu đáo.

Bởi vậy nên anh em chúng tôi thường than rằng: Nghĩa lý chữ Nho rất cao sâu, nên lời Thần Tiên để lại trong kinh sách bấy lâu nay, người đời ít ai thông hiểu những lời mầu nhiệm. Chơ chi Ngài cho kinh bằng chữ quốc âm, dầu bực nào cũng dễ hiểu mà thi hành được.

Thiệt là: *Nhơn hữu thiện nguyện, Thiên tất tòng chi*. Trước hết, Đức Thái Thượng Lão Quân giảng xuống cho một bài Tạng Thiên Đế và có dạy rằng: Chừ nhu tụng kinh chữ Nho không thông nghĩa lý, nên Ta cho kinh nôm. Kinh này vẫn tất, cũng tiện cho chừ nhu tụng đọc.... ..

Sau Đức Thái Thượng Lão Quân dạy phải lập một cảnh chùa, và có cho hai đôi liễn sau đây:

1. *MINH chánh giáo, Đạo truyền thiện hạnh,
LÝ trực đàm, đức hóa cường ngơn.*

2. *MINH* khai tường Đại Đạo
LÝ hiểu đạt thâm uyên.

và dạy rằng:

Nhứt niệm tu hành vạn sự khinh,
Tâm chuyên từ thiện chí năng MINH.
Thành tư tôn giáo cầu chơn LÝ,
Kinh tụng thường xuyên luyện tánh tình.

Ngài có dạy lấy hai chữ MINH LÝ mà làm đạo hiệu, nên từ đó về sau, cứ gọi là MINH LÝ ĐẠO.

Chúng tôi cũng lấy bốn chữ: "*Nhứt Tâm Thành Kinh*" mà làm Sắc lệnh, nên Ngài có cho thêm 2 câu liền để hai bên:

KÍNH GIÁO NẰNG TU ĐỨC
THÀNH TÂM ĐẠO KHẢ HÀNH

Chúng tôi cúng Sám Hối tại Linh Sơn Tự hơn 18 tháng, bước qua đầu năm Đinh Mão (dl 2-2-1927) mới về chùa mới.

Bởi chùa chúng tôi thờ Tam Giáo Đạo Chủ, nên Đức Diêu Trì Kim Mẫu mới ban cho ba chữ hiệu chùa là: TAM TÔNG MIẾU.

Đức Chiến Đấu Thắng Phật cũng có cho một đôi liền chùa như sau đây:

Tam giáo hiển linh ân quang phổ chiếu thông tứ hải,
Phiến tâm thanh tịnh Nho Thích Đạo tông
vốn đồng nguyên.

Người mộ đạo càng ngày càng đông, nên chúng tôi có xin phép chánh phủ lập ra một cái Hội gọi là Hội Tam Tông Miếu, đặng tiện bề tụ tập mà cúng kiếng và giúp đỡ nhau để lo tu hành.... ..

Kinh là vật quý trọng, xin chớ khá dễ duôi để nơi uế trước, và chỉ nên đọc cho nghe, hoặc là cho mượn coi, chớ khá trao luôn cho người không ham mộ, rồi bỏ rơi rớt mà mang tội với Thần Tiên.

Kinh Thần sách Thánh giải phân minh,
Có chí kính thành đọc mới linh.
Chon được người lành trao phép báu,

Uổng truyền kẻ vạ, chẳng lòng gìn.

Năm Đinh Mão, tháng 6 ngày 10 (dl 8-7-1927).

ÂU MINH CHÁNH đốn thủ.

(Xin xem tiếp: Ngũ Chi Minh Đạo, vắn Ng)

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

CQPTGLCĐGVN: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

Minh minh như dạ hành

冥冥如夜行

Minh: Tối, tối tăm, ban đêm. **Minh minh:** mờ tối. **Dạ:** đêm.
Hành: đi.

Minh minh như dạ hành là mờ tối như đi đêm.

Thái Công viết: *Nhân sinh bất học, minh minh như dạ hành.* Nghĩa là: Người sống không học, mờ tối như đi đêm.

Minh oan

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Minh oan

鳴冤

A: To exclaim against an injustice.

P: Crier à l'injustice.

Minh: Tiếng chim hót, kêu. **Oan:** oan ức, không làm mà chịu.

Minh oan là kêu oan, khiếu nại lên cấp trên sự oan ức của mình.

* Trường hợp 2: Minh oan

明冤

A: To prove clearly one's innocence.

P: Démontrer clairement son innocence.

Minh: Sáng, rõ ràng, sáng suốt, ban ngày. **Oan:** oan ức, không làm mà chịu.

Minh oan là bày tỏ một cách xác đáng sự oan ức của mình.

Minh quang

明光

A: Brillant.

P: Brillant.

] **Minh:** Sáng, rõ ràng, sáng suốt, ban ngày. **Quang:** sáng.

Minh quang là sáng sửa rõ ràng.

TNHT: Chí ư đem họa cớn con biến đổi trong gia đình mà so sánh thành tròn với đức háo sanh của Tạo Hóa, thì đường đạo đức *minh quang* thể nào trông chờ bước tới nữa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Minh quân

明君

A: A clear-sighted king.

P: Le roi clairvoyant.

Minh: Sáng, rõ ràng, sáng suốt, ban ngày. **Quân:** vua.

Minh quân là ông vua sáng suốt.

TNHT: Xưa Hớn Bái Công chưa phải là chánh đáng một vị *minh quân*,....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Minh sát (Minh xét)

明察

A: To examine clearly.

P: Examiner clairement.

Minh: Sáng, rõ ràng, sáng suốt, ban ngày. **Sát:** xem xét.

Minh sát tức là Minh xét, xem xét rõ ràng.

Minh sát đồng nghĩa: Minh tra.

ĐLMD: Sau khi thông qui cầu phong đã thành lập mà trong hàng Chức việc xét mình đủ công nghiệp, nhưng bị im ần hay là vì một duyên cơ nào khác mà bị lọt sổ thì đặng quyền kêu nài đến Tòa Đạo *minh xét* cho.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Minh sơn thệ hải

盟山誓海

A: To swear on the mount et take an oath on ocean.

P: Jurer sur le mont et prêter serment sur l'océan.

Minh: Thề, thề ước. **Sơn:** núi. **Thệ:** thề. **Hải:** biển.

Minh sơn thệ hải là thề non hẹn biển, tức là chỉ núi mà thề, chỉ biển mà thốt, tình yêu thương không bao giờ thay đổi.

Đây là sự thề nguyện của đôi trai gái thương yêu nhau.

Minh sư

明師

Minh: Sáng, rõ ràng, sáng suốt, ban ngày. **Sư:** thầy. Chữ Minh Sư có hai nghĩa:

1. *Minh sư là ông thầy sáng suốt, dạy học trò rất tốt.*

Đối lại là Manh sư: ông thầy mù quáng.

Minh sư là ông thầy đã tu luyện đắc đạo rồi, bây giờ trở lại hướng dẫn đệ tử tu luyện đắc đạo như mình.

2. *Minh Sư là một Chi trong Ngũ Chi Minh Đạo, có nguồn gốc từ thời nhà Minh bên Tàu, truyền qua VN.*

Ngũ Chi Minh Đạo gồm: Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý, Minh Thiện và Minh Tân. (Xem chi tiết: Ngũ Chi Minh đạo)

Minh tâm khắc cốt

銘心刻骨

A: To engrave in the heart and on the bone.

P: Graver dans le coeur et sur les os.

Minh: Ghi khắc, ghi tạc. **Tâm:** tim. **Khắc:** ghi vào. **Cốt:** xương.

Minh tâm khắc cốt là ghi vào tim, khắc vào xương.

Ý nói: Ghi nhớ mãi việc ấy, không bao giờ quên.

Minh tâm kiến tánh

明心見性

Minh: Sáng, rõ ràng, sáng suốt, ban ngày. **Tâm:** cái tâm của con người. **Kiến:** thấy. **Tánh:** cái bản tánh của con người. (Xem thêm: Tâm Tánh)

Minh tâm kiến tánh là tu hành thế nào cho sáng cái tâm thì sẽ thấy được cái Tánh. Như vậy là đắc đạo thành Phật.

Thành ngữ này rất thường dùng trong Thiền học (Phật giáo Thiền Tông), bởi vì Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma mang Thiền học từ Ấn Độ đến Trung Hoa với thông điệp Thiền trong bốn câu nổi tiếng sau đây làm căn bản cho cách lập giáo của Ngài:

Hán văn:

*Bất lập văn tự,
Giáo ngoại biệt truyền,
Trực chỉ nhơn tâm,
Kiến tánh thành Phật.*

Nghĩa:

Không lập văn tự,
Dạy ngoài truyền riêng,
Chỉ thẳng tâm người,
Thấy tánh thành Phật.

(Xem phần diễn giải chi tiết nơi chữ: Nhứt Tổ chí Lục Tổ, văn Nh)

(Xem chữ: Tâm - Tánh, văn T)

Minh thệ - Lập Minh thệ

盟誓 - 立盟誓

A: To take one's oath of faithfulness.

P: Faire un serment de fidélité.

Minh: Thề, thề ước. **Thệ:** thề, thề nguyện.

Minh thệ là thề giữ lòng trung thành, không thay đổi.

Lập Minh thệ là lập lời thề trong một nghi thức trang nghiêm long trọng đặc biệt của Đạo Cao Đài.

Một người muốn nhập môn vào Đạo Cao Đài, phải lập Minh thệ trước Thiên bàn thờ Đức Chí Tôn và các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Việc Lập Minh thệ này có ích lợi hai phương diện:

- Phương diện phàm trần: có Chức sắc nơi Tộc Đạo và Bàn Trị Sự Hương Đạo sở tại chứng minh lời thề của mình, quyết tâm giác ngộ, theo Đạo tu hành.

- Phương diện thiêng liêng: Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật mới nhìn nhận người này kể từ đây là môn đệ của Đức Chí Tôn, là tín đồ của Đạo Cao Đài, để các Đấng ấy sẽ hộ trì trên đường tu tiến.

Do đó, việc Lập Minh thệ rất quan trọng, bởi vì khi đã được Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật nhìn nhận là môn đệ của Đức Chí Tôn thì mới hưởng được những đặc ân trong kỳ Đại Ân Xá này. (Xin xem chữ: Đại Ân Xá, văn Đ).

Lập Minh thệ là cách để tỏ bày lòng chơn thành giác ngộ, mong muốn tu hành của mình. Có quyết tâm thì mới có thể làm tròn lời thệ nguyện và như thế mới đạt được phẩm vị.

Không phải chỉ có Đạo Cao Đài mới buộc tín đồ minh thệ, mà các tôn giáo khác cũng buộc y như vậy, duy có điều là câu minh thệ có nội dung khác đi mà thôi.

Ở đây, có một điều rất quý báu là Lời Minh thệ do Đức Chí Tôn đặt ra, chớ không phải do Hội Thánh hay một Đấng nào khác đặt ra, cho nên Lời Minh thệ này có hiệu quả thiêng liêng rất quan trọng.

Đức Chí Tôn đặt ra Lời Minh Thệ cho các tín đồ gồm 36 chữ, in rõ trong TNHT, xin chép ra sau đây:

Tên gì? Họ gì?

"Thề rằng: Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12

đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ

13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24

Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục."

25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36

TNHT: Quí Vương đến trước Bạch Ngọc Kinh xin hành xác và thử thách các con. Thầy chẳng chịu cho hành xác, chúng nó hiệp Tam thập lục Động toan hại các con, nên Thầy sai Quan Thánh và Quan Âm đến gìn giữ các con, nhưng phần đông chưa *lập Minh thệ* nên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật không muốn nhìn nhận.

Hội Thánh có ban hành một văn bản chánh thức dẫn giải LỜI MINH THỆ cho toàn bản đạo được rõ.

Xin chép nguyên văn ra sau đây:

Văn Phòng
THƯỢNG CHÁNH PS.

Số: 104/CTĐ

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
(*Nhị thập lục niên*)
TÒA THÁNH TÂY NINH

DẪN GIẢI LỜI MINH THỆ NHẬP MÔN CẦU ĐẠO

Tôi tên: tuổi:

Thề rằng: từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục.

Ý nghĩa Lời Minh thệ trên là: Lời tuân hứa nhưt quyết cùng Đấng Thượng Đế, để trọn tâm thi hành Thiên đạo và cam kết làm tròn phận sự y theo Lời Minh thệ.

Điều thứ nhưt: Biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế.

Là trọn nhìn một Đạo Cao Đài của Chí Tôn, ngoài ra không đặng xu hướng theo ngoại giáo, tà quyền, lập nên phe đảng, chia rẽ tâm lý, gây nên sự rắc rối chia ly làm mất đức tin trong cửa Đạo.

Điều thứ nhì: Hiệp đồng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài.

Tín đồ nhập môn rồi phải tuân hành luật pháp chọn truyền của Đại Đạo là: Tân Luật, Đạo Luật, Pháp Chánh Truyền, v.v...và thi hành các qui điều giáo huấn của Hội Thánh để làm

tròn phận sự mình. Ấy là phương hiệp đồng nhứt trí của toàn đạo, tín đồ, Chức việc, Chức sắc Hội Thánh để nhật gìn Luật lệ Cao Đài của Đấng Chí Tôn.

Điều thứ ba: *Như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục.*

Ăn ở hai lòng, bất trung bất chánh, dối Thầy phản bạn, và làm những việc trái với luật lệ của Đại Đạo cùng hành động vô nhân vô nghĩa, mất sự thương yêu, mất điều tín nhiệm, gieo rắc những điều ngờ vực, hiểm khích giữa tình đồng đạo và manh tâm bội nghịch cùng Hội Thánh, sẽ chịu luật công bình của Trời Đất tru diệt (giết phạt).

Minh thệ đối với luật vô vi tức là Thiên điều của Chí Tôn và các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần cầm quyền trị thế, là một ân huệ được chọn làm môn đệ của Đấng Chí Tôn.

Khi giữ tròn lời Minh thệ sẽ được các Đấng hộ trì ban ân lành, đạo tâm sáng suốt, trọn vẹn đức tin, đến ngày thành công đắc đạo, được ghi tên vào Tiên tịch (Bộ Tiên).

Minh thệ đối với luật hữu hình Hội Thánh là một giá trị uy tín đối với Đạo và Hội Thánh. Khi giữ trọn lời Minh thệ sẽ được tín nhiệm kính nể, bảo trợ hưởng mọi đặc ân với luật công bình của Hội Thánh.

Lời Minh thệ nhập môn cầu Đạo là một điều rất quan hệ của người giữ Đạo và là một lời hứa trọn vẹn tín thành với Hội Thánh cùng các Đấng thiêng liêng. Một kiếp sanh ở hiện tại và tương lai phước hay tội cũng do nơi lời Minh thệ này.

Vậy, toàn đạo nam nữ nên trân trọng gìn theo lời Minh thệ.

Chức sắc hữu quyền các cơ quan, chư vị Khâm Châu, Đầu Tộc Đạo nam nữ phải thông truyền lời dẫn giải Minh thệ này cho toàn đạo tuân hành.

Tòa Thánh, ngày 27 tháng Giêng Tân Mão

(Le 4 Mars 1951).

Q.THÁI CPS
THÁI TU THANH

(ký tên
đóng dấu)

Q.THƯỢNG
CPS

THƯỢNG SÁNG
THANH
(ký tên
đóng dấu)

Q.NGỌC CPS
NGỌC NON

THANH
(ký tên
đóng dấu)

Nữ CPS
HƯƠNGHIẾU

(ký tên
đóng dấu)

HỘ PHÁP

Chưởng quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng.

T.M. Đức Hộ Pháp

Tổng Thơ Ký Xử Lý Thường Vụ

BẢO THỂ

Lê Thiện Phước

(ký tên đóng dấu)

Số: 456/ ĐS

Kính gởi Hiền hữu Ngọc Chánh Phối Sư,
Ra lệnh cho Quyền Thượng Thống Lại Viện cho sao y nguyên văn
bản chánh tờ số: 104/CTĐ ngày 27-1-Tân Mão (dl 4-3-1951) Dẫn
Giải Lờ Minh Thệ nhập môn cầu Đạo, tái bản truyền cho toàn đạo
tuân hành. Hồ sơ nội vụ giao hoàn.

Tòa Thánh, ngày 30 tháng 4 Canh Tuất (dl 3-6-1970)

ĐẦU SƯ

Thượng Sáng Thanh

(ấn ký)

Văn Phòng

NGỌC CHÁNH PHỐI SƯ

Tư LẠI VIỆN,

Thi hành theo lời phê số 456/ĐS của Ngài Đầu Sư dạy
sao lục tờ Dẫn Giải Lờ Minh thệ nhập môn để ban hành
cho toàn đạo hiểu biết.

Khi ban hành nên gởi phần cho Ngài Tổng Thanh Tra
Đặc Nhiệm Chánh Trị Đạo kiêm Thống quản Cơ Thánh
Vệ và Bảo Thể để phát cho nhân viên Thánh Vệ,
Bảo Thể do sự nhu cầu. (Đính hậu hồ sơ 4 tờ).

Tòa Thánh ngày 2 tháng 5 Canh Tuất (dl 5-6-1970)

NGỌC CHÁNH PHỐI SƯ

(ký tên đóng dấu)

Số: 171/ SL

SAO LỤC Y NGUYÊN VĂN

Kính gởi quý Hiền huynh Khâm Thành, Khâm Trán,
Khâm Châu, Đầu Phận, Đầu Tộc Nam và Trung Tông
Đạo ban hành lời Dẫn Giải của Hội Thánh về câu
Minh thệ khi mới nhập môn cầu đạo, để cho chư tín

hữu ý thức lời hứa của mình với Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ.

Nội Chánh, ngày 6-5-Canh Tuất (dl 9-6-1970).

Q. Thượng Thống Lại Viện

Giáo Sư Ngọc Tịnh Thanh (*ấn ký*)

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo về việc lập Minh thế của tín đồ như sau:

"Bản đạo nói thật, buổi Đức Chí Tôn đến tạo Quốc Đạo cho nòi giống Rồng Tiên này, chính Ngài cầm cơ đi đến các tỉnh kêu từ nhà, gọi từ đũa con, cho không biết bao nhiêu bài khuyến dạy, tạo thành một nền tôn giáo Cao Đài là Quốc Đạo. Bản đạo tưởng chưa có người nào đem cả tinh thần tâm đức mà thi ân cho dường ấy, Đức Chí Tôn đến độ rồi, lập giáo, rồi lại bắt Minh thế.

Hỏi tại sao Ngài lại bắt Minh thế? Là buộc con cái phải hiệp đồng cùng nhau. Mỗi người có một chút đức tin. Thầy bảo qui đức tin ấy lại, phải có tâm đức tin tưởng, yêu ái lẫn nhau, phải nhìn nhận có Thầy, có đức tin nơi Thầy. Hại thay! Có nhiều đũa con của Ngài cũng nghe, cũng tìm Đạo, cũng thọ giáo, cũng Minh thế đủ phép tắc, biết bao nhiêu khi mới đến cùng Thầy, qui dưới chơn Thầy, mà hễ ra khỏi chơn Ngài rồi thì lại phản phúc Ngài và con cái của Ngài."

Tại sao vào Đạo phải Minh thế?

■ **Về phần người:** Minh thế cốt để người tín đồ dứt khoát tư tưởng mà thủ tín với lời thề, hông dám làm điều gì trái với lời thề tức là trái với luật đạo, để hết lòng lo lập công bồi đức, trau tâm luyện tánh mà đạt đến phẩm vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng.

■ **Về phần thiêng liêng:** Người có lập Minh thế thì các Đấng thiêng liêng mới nhìn nhận là môn đệ của Đức Chí Tôn, tức là tín đồ của Đại Đạo.

Khi được làm môn đệ của Đức Chí Tôn thì mới hưởng được hồng ân của Đức Chí Tôn ban cho:

- Thứ nhất, môn đệ giữ tròn luật đạo và ăn chay được 10 ngày trong một tháng thì vào hàng Đạo hữu, đối phẩm Địa Thần trong Cửu phẩm Thần Tiên.

- Thứ nhì, môn đệ giữ tròn luật đạo và ăn chay 10 ngày mỗi tháng thì khi qui liễu mới được làm Phép Xác, Phép Đoạn Căn, làm Tuần Cửu, Đại Tường và Tiểu Tường, để đưa chơn hồn đi lên qua 12 tầng Trời, bái kiến các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, bái kiến Đức Phật Mẫu và Đức Chí Tôn, sau đó mới được Tòa Tam Giáo Ngọc Hư Cung định phận.

Ngoài ra, từ xưa tới nay, muốn đạt những thành công vĩ đại thì bản thân người đó phải có chí khí kiên cường bất khuất vượt qua các trở ngại lâm nguy; còn muốn đạt đến phẩm vị Tiên, Phật thì phải có lời Đại Nguyện, giống y lời Minh thệ:

- Trước khi thành Phật A-Di-Đà, Ngài có 49 điều Đại Nguyện.
- Thái Tử Sĩ Đạt Ta lúc mới xuất gia, có phát ra 4 điều Đại Nguyện, kể ra như sau:
 1. Nguyện tế độ chúng sanh khổ ách: Nguyện cứu chúng sanh thoát khỏi khổ ách.
 2. Nguyện trừ chúng sanh hoặc chướng: Nguyện trừ những lầm lạc che bít chúng sanh.
 3. Nguyện đoạn chúng sanh tà kiến: Nguyện dứt bỏ những ý kiến tà quái của chúng sanh.
 4. Nguyện độ chúng sanh khổ luân: Nguyện cứu chúng sanh thoát vòng luân hồi khổ não.

Vậy: Việc Minh thệ là một việc làm rất có ích và rất có ý nghĩa đối với mỗi tín đồ Cao Đài, về phương diện phàm trần cũng như về phương diện thiêng liêng.

Lập Minh thệ có trái với tự do tín ngưỡng không?

Từ ngày lập đạo, Đức Chí Tôn chưa hề bắt buộc người nào theo Đạo cả. Đức Chí Tôn chỉ vạch ra cho nhơn sanh thấy con đường nào chánh, con đường nào tà, con đường nào chơn thật đưa đến giải thoát khỏi luân hồi, con đường nào quanh co đưa đến tội tình sa đọa. Nhơn sanh hiểu biết rõ như thế để giác ngộ, rồi đi con đường nào hay không đi là tùy ý

nhơn sanh lựa chọn và định đoạt, Đức Chí Tôn chưa bao giờ bắt ép một ai cả.

TNHT: *Nếu kẻ nào biết hiểu Thánh Ngôn của Thầy nơi miệng các con mà tình ngộ thì số hằng sống của nó vốn còn, còn chẳng thì thôi, để chúng nó theo Tà quai.*

Rõ ràng Đức Chí Tôn để cho nhơn sanh tự định đoạt cuộc đời mình, Chí Tôn chỉ đem lòng thương yêu hướng dẫn.

TNHT: *Đạo là quý, của quý chẳng bán nài, các con đừng thối chí.*

Như vậy nhơn sanh tự do chọn lựa tín ngưỡng của mình, hoặc không tín ngưỡng tùy ý, không bắt ép hay nài nỉ ai cả.

Nhưng Lập Minh thế là sự biểu lộ quyết tâm theo Đạo đến trọn đời. Đừng bao giờ nghĩ rằng, theo Đạo Cao Đài để thử nghiệm hay có mục đích vụ lợi, mượn danh Đạo tạo danh đời.

Theo Đạo là một đại sự trong cuộc đời mình, nhập môn cầu Đạo và Lập Minh thế là một khúc quanh vô cùng quan trọng trong cuộc đời của mình, nên cần phải cân nhắc cẩn thận, tìm hiểu cho kỹ lưỡng, xét nét thật nghiêm chỉnh các mặt.

Đạo Cao Đài không bắt buộc ai theo Đạo, nhưng khi đã theo Đạo thì buộc phải theo trọn đời bằng việc lập Minh thế, không cho người tín đồ Cao Đài thối lui trở lại đường đời, mà phải tiến mãi trên con đường Đạo, để được trúng tuyển vào Đại Hội Long Hoa trước khi xảy ra cuộc Tận Thế thay đổi cuộc diện nơi Địa cầu 68 này.

Tại sao khi ở ngoài vòng thì không buộc, mà khi đã vào cửa Đạo rồi thì lại buộc? Bởi vì thời kỳ này là mạt kiếp của Hạ Nguơn Tam Chuyển, bước qua Thượng Nguơn Tứ Chuyển lập đời Thánh đức, nhơn loại phải trải qua một cuộc Đại Phán Xét cuối cùng, để chấm dứt một chu kỳ tiến hóa cũ, bắt đầu một chu trình tiến hóa mới.

Do đó, Đức Chí Tôn đại khai ân xá cho các đảng chơn hồn, nếu ngộ kiếp một đời tu đủ trở về ngôi vị cũ. Cho nên thời này cần phải tu gấp, tu rút, không còn thời giờ để chần chờ nữa. Bởi vậy Đức Chí Tôn buộc Minh thế là thể lòng thương yêu vô lượng của Đấng Cha Lành, buộc con cái phải gấp rút tu hành để kịp trở về cùng Ngài.

Địa cầu này phải chịu một lần đổi thay nữa, hơn loại bị nạn chết chóc đủ cách sâu thẳm, 10 phần chỉ còn sống có 1 phần mà thôi. Số hơn loại sống sót là những người đủ trình độ đạo đức, đủ bác ái công bình, để các Đấng lập đời Thánh đức, tạo lập một xã hội Đại đồng.

Cho nên việc Lập Minh thế là một quyền lợi tất yếu của người tín đồ Đạo Cao Đài.

Đương nhiên luật công bình thiêng liêng mở ra có thưởng ắt có phạt. Nếu thực thi đúng theo lời Minh thế thì chắc chắn sẽ được thiêng liêng ân thưởng như đã trình bày bên trên, còn nếu không giữ đúng lời Minh thế hay làm ngược lại lời Minh thế thì ắt bị phạt.

Cho nên, theo Đạo là để chí cốt tu hành, còn nếu cảm thấy không thể giữ được lời Minh thế thì chưa nên theo Đạo.

Có một số ít người theo Đạo một thời gian, rồi vì mất quyền lợi mà bỏ Đạo, hoặc vì một thế lực mạnh mẽ nào khác đe dọa hay quyến rũ thì liền bỏ Đạo. Đó là hạng người theo Đạo để cầu danh cầu lợi chớ không phải do sự giác ngộ của tâm linh, hay không phải vì lý tưởng giải thoát khỏi các phiền não của cõi trần. Hạng người này không đáng được cứu vớt.

KCHKHH: Ăn năn sám hối tội tình,
Xét câu *Minh Thế* gọi mình cõi thẳng.

Người tín đồ thất thế thì sao?

Thất thế là mất lời thề, tức là không giữ được lời thề, không thực thi đúng lời thề, vi phạm lời thề.

Thất Nương DTC giảng giải về cõi Âm Quang cho biết như sau:

TNHT: "Chớ chi cả hơn sanh biết xét mình trước khi thoát xác thì tránh khỏi Âm Quang. Nói cho cùng, nếu trọn kiếp, dầu gây lắm tội tình mà phút chót biết ăn năn tự hối, cầu khẩn Chí Tôn độ rồi thì cũng tránh xa cõi Âm Quang, lại còn hưởng đặng nhiều ân huệ của Chí Tôn, là các chơn hồn đặng tự hối hay đặng giáo hóa mà hiểu trọn chơn truyền lập phương tự độ, hay là con cái của các chơn hồn cầu rồi.

Ôi ! Tuy vân, hồng ân của Đại Từ Phụ như thế mà vẫn thấy các chơn hồn sa đọa hằng hà, mỗi ngày chẳng ngớt, là tại thiếu kém đức tin và lòng tin cậy nơi Thầy. Đó là mấy Đạo hữu, Tín đồ bị **thất thế**. (Xem thêm: **Thất thế, vân Th**)

Em trông thấy bắt đầu lòng, Nữ phái lại phần đông hơn hết." (**Em: Thất Nương xưng Em khi nói với Đức Phạm Hộ Pháp**)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
KCHKHH: Kinh cầu hồn khi hấp hối.
DTC: Điều Trì Cung.

Minh Thiện Đàn

明善壇

Minh Thiện Đàn là một tổ chức tu chơn, do Đức Lý Giáo Tông lập ra tại làng Phú Mỹ, quận Châu Thành tỉnh Mỹ Tho, phò loan là hai ông: Đinh Công Trứ và Lê Văn Trung. Ông Trứ được Đức Lý chỉ định làm Chủ trưởng Minh Thiện Đàn.

Sau đó, Đức Lý Giáo Tông giao Minh Thiện Đàn cho Đức Hộ Pháp chưởng quản, nhập vào cửa tu chơn Phạm Môn.

Sau đây là:

LƯỢC SỬ THÀNH LẬP MINH THIỆN ĐÀN

■ Năm 1927 (Đinh Mão), Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Bảo Văn Pháp Quân vâng lệnh Đức Phật Mẫu đi xuống làng Phú Mỹ, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, tìm đất lập một Thánh Thất gọi là Thánh Thất Khổ Hiền Trang. Thánh Thất này được giao cho ông Giáo Hữu Thượng Minh Thanh làm chủ.

Đức Lý Giáo Tông giáng cơ cho bài thi khoán thủ ba chữ Khổ Hiền Trang để làm kỷ niệm:

KHỔ thà cam chịu chớ đừng than,
HIỀN hảo cùng nhau mới vẹn toàn.
TRANG điểm ngọc lành cho đáng giá,
Dồi mài chí thiện Thượng Minh Thanh.

■ Ngày 14-10-Đinh Mão (dl 8-11-1927), ông Đinh Công Trứ, nhà tại làng Phú Mỹ, chấp cơ được Đức Lý Giáo Tông giảng dạy lập Minh Thiện Đoàn tại nhà của ông.

■ Ngày 15-7-Mậu Thìn (dl 29-8-1928), ông Lê Văn Trung, nhà cũng ở tại làng Phú Mỹ, gần nhà ông Đinh Công Trứ, gia nhập Minh Thiện Đoàn.

Hai ông Đinh Công Trứ và Lê Văn Trung được Đức Lý Giáo Tông dùng làm cặp Phò loan chánh thức của Minh Thiện Đoàn, và Đức Lý Giáo Tông chỉ định ông Đinh Công Trứ làm Chủ trưởng Minh Thiện Đoàn.

■ Ngày 3-Giêng-Kỷ Tỵ (dl 12-2-1929), Đức Quan Thánh Đế Quân giảng cơ lập Đồng Nghĩa Đường tại nhà ông Lê Văn Trung, cho nhơn sanh gia nhập vào Minh Thiện Đoàn.

Đức Lý Giáo Tông dạy: Minh Thiện Đoàn tức là Qui Thiện, mà Qui Thiện là Phạm Môn, nên phải hiệp với Đức Phạm Hộ Pháp.

■ Ngày 25-2- Kỷ Tỵ (dl 4-4-1929), ông Lê Văn Trung nghe tin Đức Phạm Hộ Pháp đang ở Thủ Đức, nên ông liền đi Thủ Đức đặng rước Đức Phạm Hộ Pháp xuống Phú Mỹ, vì Đức Ngài đang lánh nạn tại đây.

Đức Lý Giáo Tông giảng cơ giao Minh Thiện Đoàn cho Đức Phạm Hộ Pháp chưởng quản.

Đức Phạm Hộ Pháp cho mời tất cả những người đã gia nhập Minh Thiện Đoàn đến Thánh Thất Khổ Hiền Trang để Đức Ngài hành pháp cân thân. Có tất cả 93 vị công quả trong Minh Thiện Đoàn, Đức Phạm Hộ Pháp cân thân lựa được 24 vị.

■ Đêm 28 rạng 29-2-Kỷ Tỵ (dl 7 rạng 8-4-1929), Đức Phạm Hộ Pháp cho gom gia đình của tất cả 24 vị mới vừa được chọn nói trên, đến Thánh Thất Khổ Hiền Trang để lập Hồng thệ thọ Đào Viên Pháp.

Sáng hôm sau, Đức Phạm Hộ Pháp đặng điện tín báo tin Đức Cao Thượng Phẩm ở Thảo Xá Hiền Cung Tây Ninh bệnh rất nặng. Đức Ngài vội trở về Tòa Thánh.

Theo tài liệu Phạm Môn Sử Lược Hồi Ký của ông Đạo Nhơn Nguyễn Đức Hòa thì danh sách lập Hồng thệ Đào Viên

Pháp của Minh Thiện Đàn kỳ nhứt chỉ có 23 vị, thiếu 1 vị, kể tên ra sau đây:

1. Phan Văn Minh,	làng Phú Mỹ,	tỉnh Mỹ Tho.
2. Lê Văn Trung,	Phú Mỹ,	Mỹ Tho.
3. Huỳnh Văn Phương,	Phú Mỹ,	Mỹ Tho.
4. Đinh Công Trứ,	Phú Mỹ,	Mỹ Tho.
5. Trần Văn Đăng,	Long Hòa,	Mỹ Tho.
6. Trần Văn Lợi,	Lương Hòa Lạc,	Mỹ Tho.
7. Nguyễn Văn Tấn,	Lương Hòa Lạc,	Mỹ Tho.
8. Lê Văn An,	Phú Mỹ,	Mỹ Tho.
9. Trần Thanh Mậu,	Phú Mỹ,	Mỹ Tho.
10. Nguyễn Văn Tưôi,	Phú Mỹ,	Mỹ Tho.
11. Lê Cảnh Phước,	Phú Mỹ,	Mỹ Tho.
12. Hồ Văn Huyện,	Phú Mỹ,	Mỹ Tho.
13. Lê Văn Ninh,	Phú Mỹ,	Mỹ Tho.
14. Nguyễn Văn Soi,	Phú Mỹ,	Mỹ Tho.
15. Dương Văn Hiệp,	Hưng Thạnh Mỹ,	Mỹ Tho.
16. Nguyễn Văn Hậu,	Lương Hòa,	Mỹ Tho.
17. Nguyễn Văn Vàng,	Đạo Ngạn,	Mỹ Tho.
18. Phan Văn Huồn,	An Hữu,	Mỹ Tho.
19. Hồ Văn Cửu,	Tân Hòa Thành,	Mỹ Tho.
20. Đỗ Văn Phò,	Tân Hòa Thành,	Mỹ Tho.
21. Ung Văn Lưng,	Tân Hòa Thành,	Mỹ Tho.
22. Nguyễn Văn Sùng,	Phú Mỹ,	Mỹ Tho.
23. Lê Văn Dương,	Tân Hòa Thành,	Mỹ Tho.
24. ?		

■ Ngày 10-6-Kỷ Ty (dl 16-7-1929), Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Quyền Giáo Tông, Giáo Sư Latapie đến Thánh Thất Khổ Hiền Trang, Phú Mỹ lần thứ nhì. Đức Phạm Hộ Pháp hành pháp liên tiếp ba đêm, cân thần cho 674 vị Minh Thiện Đàn, chọn được 48 vị, còn lại bao nhiêu, Đức Ngài dạy lo làm âm chất thêm thì mới đủ điểm cân thần.

Tổng cộng hai lần cân thần các vị Đạo hữu Minh Thiện Đàn tại Thánh Thất Khổ Hiền Trang, Đức Ngài lựa được 72 vị.

Sau ngày 15-7-Kỷ Ty, Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp chứng giầy Thông hành cho 72 vị Đạo hữu Minh Thiện Đàn này đi hành thiện, làm chức tín đồ, đi xem

công quả hành đạo ở các tỉnh: Mỹ Tho, Bạc Liêu, Rạch Giá, Sóc Trăng,.... Tờ này số 12 đề ngày 15-11-Tân Mùi (dl 23-12-1931).

Ông Đinh Công Trứ và ông Lê Văn Trung phải đi lưu hành, 70 vị còn lại thì chỉ thi hành phận sự ở địa phương mình.

Nhờ kỳ đi hành thiện này, số Đạo hữu ký tên theo về Tòa Thánh Tây Ninh (không theo Chi phái) rất đông, được 17.400 vị ở các tỉnh Miền Tây.

■ Ngày 15-Giêng-Canh Ngọ (dl 13-2-1930), Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp ban Huấn Lệnh cho Minh Thiện Đoàn 4 chữ: TRUNG - NGHĨA - TRÍ - DŨNG, và dạy 72 vị đã được chọn trong hai kỳ cân thần hãy về Tòa Thánh hiệp cùng các vị trong Phạm Môn để tạo lập cơ sở, những vị còn lại thì được khuyến khích tiếp tục ở lại địa phương mình mà lập công quả thêm.

■ Ngày 29-2-Canh Ngọ (dl 28-3-1930), Đức Phạm Hộ Pháp đến Phú Mỹ với hai vị Nữ phái và 4 vị Nam phái: Ông Tri, Chiêu, Lư và Lễ Sanh Thái Chia Thanh, để hiệp cùng quý vị trong Minh Thiện Đoàn đi lấy phép ếm Long Tuyền Kiếm của người Tàu, ếm gài Sở Thảo Đường, do Bát Nương DTC mách bảo, và Lễ Ban Sư chỉ dẫn.

■ Ngày 30-6-Tân Mùi (dl 13-8-1931), Đức Lý Giáo Tông giáng cơ lập 12 đệ tử trong Minh Thiện Đoàn có phận sự Kiểm duyệt Thánh giáo, gồm các ông:

- | | |
|----------------------|-----------------------|
| 1. Lê Cảnh Phước. | 7. Trang Văn Giao. |
| 2. Lê Văn Tiết. | 8. Trần Thạnh Mậu. |
| 3. Triệu Văn Kỳ. | 9. Đỗ Văn Phò. |
| 4. Phan Văn Dươn. | 10. Nguyễn Văn Chánh. |
| 5. Lê Văn An. | 11. Cao Văn Phú. |
| 6. Huỳnh Văn Phương. | 12. (chưa) |

(Đức Lý chỉ lựa được 11 vị, còn thiếu 1 vị sẽ lựa sau).

■ Ngày 23-4-Nhâm Thân (dl 28-5-1932), Đức Lý Giáo Tông giáng dạy lập Luật Điều Chánh Pháp cho Minh Thiện Đoàn. Đức Lý còn dạy lập 36 Ty, mỗi Ty có 12 Sở Lương điền Công nghệ trong các tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc, Mỹ Tho, Tân An,.... (Xem Bản Luật Điều Chánh Pháp phía sau)

■ Ngày 24-10-Nhâm Thân (dl 21-11-1932), Đức Lý Giáo Tông giáng cơ tuyển chọn 12 vị Đạo hữu Minh Thiện Đản lập thành Ban Kiểm Duyệt với trách nhiệm như sau:

* PHƯỚC, PHÒ, PHÚ, MẬU: cai quản phần thuyết Thánh giáo và các việc văn phòng.

* KỲ, CHƯƠNG, NINH, CHÁNH: cai quản Lương viện và Hộ viện.

* AN, PHUÔNG, GIAO, DUỖN: cai quản phần Công, Thương, Nông, Nghệ.

Trong số 12 vị trên, có 10 vị ở trong danh sách 12 người Kiểm duyệt Thánh giáo ở phần trên, còn 2 vị mới là: CHƯƠNG và NINH: Phan Văn Chương và Lê Văn Ninh.

Trong thời gian này, tại Tòa Thánh Tây Ninh, Đức Phạm Hộ Pháp khởi lập Phạm Môn vào năm Canh Ngọ (1930) mà cơ sở Phạm Môn đầu tiên là Phạm Nghiệp.

■ Ngày 3-Giêng-Nhâm Thân (dl 8-2-1932), Đức Phạm Hộ Pháp làm lễ Hồng thệ chấm thọ Đào Viên Pháp tại cơ sở Phạm Môn Trường Hòa, Đức Ngài cân thần lựa được 67 vị, ông Lê Văn Tri xin thêm 5 vị nữa cho đủ số 72 vị Phạm Môn kỳ đầu, được Đức Ngài chấp thuận.

Năm Quý Dậu (1933), nhà cầm quyền Pháp ra lệnh đóng cửa tất cả các cơ sở của Phạm Môn.

Năm Ất Hợi (1935), Đức Phạm Hộ Pháp biến tướng Phạm Môn thành trăm ngàn cơ sở Phước Thiện, đi khai mở cùng khắp trong các tỉnh miền Nam VN, hình thành bước đầu Cơ Quan Phước Thiện.

■ Ngày 15-10-Ất Hợi (dl 10-11-1935), ông Lê Văn Trung đắc phong Lễ Sanh Giáo Thiện và năm Đinh Sửu (1037), ông được Đức Phạm Hộ Pháp bổ đi làm Đầu Họ Phước Thiện ở tỉnh Gia Định.

■ Năm Bính Tý (1936), ông Đinh Công Trứ đắc phong Lễ Sanh Giáo Thiện, được Đức Phạm Hộ Pháp bổ đi làm Đầu Họ Phước Thiện ở Long Xuyên.

■ Năm Mậu Dần (1938), Cơ Quan Phước Thiện do Đức Phạm Hộ Pháp lập ra được Quyền Vạn Linh công nhận với Đạo Luật năm Mậu Dần có giá trị thi hành kể từ ngày 15-

Giêng-Mậu Dần (dl 16-2-1938) và Đạo Nghị Định số 48/PT của Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp đồng ký tên thành lập CQPT với Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng.

Do đó, kể từ đầu năm Mậu Dần (1938), Minh Thiện Đoàn ở Phú Mỹ và Phạm Môn ở Tây Ninh coi như bị giải thể để Đức Phạm Hộ Pháp dùng làm cơ sở lập Cơ Quan Phước Thiện.

Sau khi Đức Phạm Hộ Pháp bị nhà cầm quyền Pháp bắt đồ lưu hải ngoại, làng Phú Mỹ lại bị chiến tranh tàn phá, dân chúng phải tản cư, ông Đinh Công Trứ qui tụ các Đạo hữu trong Minh Thiện Đoàn lên vùng Thánh Địa Tòa Thánh Tây Ninh để lập Trường Qui Thiện vào năm 1943 làm cơ sở tiếp tục tu hành.

(Yêu cầu xem tiếp: **Qui Thiện, Phạm Môn**)

Sau đây xin chép **LUẬT ĐIỀU CHÁNH PHÁP** của Minh Thiện Đoàn hay Trường Minh Thiện.

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(Đệ thất niên)

LUẬT ĐIỀU CHÁNH PHÁP TRƯỜNG MINH THIỆN

**Vâng lệnh Đức Lý Giáo Tông
dạy ngày 23-4-Nhâm Thân.**

Vậy cả trong Trường và các Ty Kiểm đạo phải tuân y theo trách nhiệm mà hành đạo của mỗi người.

Điều thứ nhứt: Trong 12 vị Kiểm duyệt đặng xem xét các sách vở nào chẳng trọng vị đạo đức, làm rối luân thường, phá hư phong hóa, thì phải cấm trong đàn chẳng đặng coi đến. Trong 12 vị Kiểm duyệt này có phận sự khác nhau:

- **Khoản thứ nhứt:** 4 vị về phần trích lục Thánh giáo cho có trật tự phân minh.

- **Khoản thứ nhì:** 4 vị về phần thuyết đạo cho 36 Ty nghe và đạo lương phái nghe.

- *Khoản thứ ba*: 4 vị lo về phần tiếp những giấy tờ của Chủ khảo Chánh Ty hay là các nơi gửi đến, thì phải điều đình, bằng khôngặng thì phải hiệp nhau cho đủ mặt 12 vị mà nhóm nơi Đồng Nghĩa Đường đặng công nghị, như chẳng khứng nghe, phải đem cả thầy tờ giấy đến nơi Trường Minh Thiện mà giao cho kẻ phò loan thẩm xét, hoặc xin giảm luật, như 12 vị Kiểm duyệt chẳng chịu thì mới cầu Đức Giáo Tông phán đoán.

Vậy trong 12 vị Kiểm duyệt, phận sự khác nhau, mà kỳ trung như một, có việc chi thì cùng chăm nom mà hành chánh, chớ chẳng đặng bỏ qua.

Điều thứ nhì: Có một vị Chủ khảo Chánh Ty coi trong 36 Ty thì phải chăm nom săn sóc các môn đệ của Chí Tôn và có quyền dạy dỗ cùng phán đoán những kẻ tội tình. Như kẻ nào chẳng vâng theo thì phải lập tờ công đoán mà giao trong Trường. Vậy phận sự của Chủ khảo Chánh Ty phải tuân theo Luật Điều, giữ trọn phần trách nhiệm, vậy chớ nên thiếu phận.

Điều thứ ba: Trong 36 Ty, mỗi Ty 27 vị Đạo hữu, đồng công cử cho nhau mà lập một vị Chủ Ty cùng 2 vị Kiểm đạo, nhưng Chủ Ty phải tòng quyền Chủ khảo Chánh Ty mà hành đạo đặng sửa đương giúp đỡ, diu dắt Đạo hữu trong phần địa phận mình, hoặc có điều chi làm hại cho phương diện của Đạo thì phải cần kíp cho 2 vị Kiểm đạo hay đặng chung lo điều đình cho an ổn, mỗi tháng phải tiếp Thánh giáo nơi 12 người Kiểm duyệt đặng dạy dỗ 24 vị Đạo hữu và săn sóc cho tấn hóa, như kẻ nào không vâng luật lệ Hội Thánh cùng Luật Điều Chánh Pháp thì phải lấy lời đạo đức mà giảng dứt kẻ ấy trở nên người lương thiện, như đã nhiều lần mà kẻ ấy chẳng tuân thì phải giao lại cho 2 vị Kiểm đạo phân xử, cùng các việc kiện thưa cũng về phần Kiểm đạo. Như Kiểm đạo tư vị, phân xử chẳng công bình thì Chủ Ty phải tư tờ cho trong Trường hay, còn như im ẩn phải chịu lấy tội tình.

Điều thứ tư: Trong 72 vị Kiểm đạo, chia ra mỗi Ty 2 vị, giúp việc cho Chủ Ty. Vậy mỗi vị coi 12 vị Đạo hữu, phải cần dạy dỗ những điều đạo đức và xem xét, như kẻ nào giả đạo nương đàn thì lập tờ kết chứng phân minh để ra khỏi Trường, cùng mỗi tháng phải đến Chủ Ty mình mà nghe lời Thánh giáo và xem xét cử chỉ của Chủ Ty hành đạo, như chẳng có lệnh

Hội Thánh dạy, cùng trong Trường chẳng có lời dạy của Chủ khảo Chánh Ty mà thi hành, hay có mà làm quá quyền nên mất lẽ công bình thì can gián, như khôngặng thì tư tờ cho Chủ khảo Chánh Ty hay, song Chủ khảo Chánh Ty im ản thì phải tư tờ cho trong Trường hay, như tư vị thì tội về phần Kiểm đạo.

Điều thứ năm: Trong 12 vị Đạo hữu này, buộc mỗi tháng phải đến nhà Kiểm đạo mà nghe lời Thánh giáo cùng vâng lời dạy dỗ của người về phần đạo đức, còn như Kiểm đạo có làm điều chi trái đạo cùng tư quyền thì 12 vị Đạo hữu này phải can gián sửa lỗi cho người. Như khôngặng cũng có phép lập tờ kiết chứng dâng đến trong Trường hay, nhưng phải đủ 12 người ký tên, chớ khôngặng thế. Còn những người nào muốn vào đàn thì phải có Chủ Ty và Kiểm đạo tiến dẫn mới đặng.

Điều thứ sáu: Về phần phò loan, phải để tâm cho đại tịnh, cùng giữ dạ vô tư, nắm Thiên điều mà bảo tồn nền Minh Thiện, trọn vâng Thiên mạng cùng lệnh Giáo Tông mà hành chánh, chẳng đặng vị nể thường tình mà tư thân tư kỷ, làm chẳng trọn phận sự, hay là lấy tư riêng mà lập thành Tả đạo thì phải mắc tội với Ngọc Hư, còn như dưới thì có 12 vị Kiểm duyệt phải do nơi kê phò loan mà hành sự theo bổn phận./.
(Luật Điều Chánh Pháp này có dâng lên Đức Lý Giáo Tông, và được chấp thuận)

DTC: Điều Trì Cung.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Minh tra

明查

A: To examine clearly.

P: Examiner clairement.

Minh: Sáng, rõ ràng, sáng suốt, ban ngày. **Tra:** xem xét kỹ lưỡng để có nhận định đúng.

Minh tra là xem xét sự việc cho minh bạch, có chứng cứ rõ ràng, để có kết luận đánh giá chính xác.

Trong Hành Chánh Đạo thường có các cuộc minh tra công nghiệp của Chức sắc để xét việc thăng thưởng. Do đó, việc minh tra cần phải vô tư, công bình.

ĐLMD: Nếu những vị nào dưới năm năm công nghiệp mà có lập dựng đại công, toàn công chúng đều hoan nghinh và Tòa Đạo *minh tra* đủ lẽ thì sẽ dựng đệ lên Quyền Chí Tôn cầu xin thăng thưởng.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Minh triết

明哲

A: Sagacity.

P: Sagacité.

Minh: Sáng, rõ ràng, sáng suốt, ban ngày. **Triết:** sáng suốt hiểu biết đến cái lẽ tận cùng của sự vật.

Minh triết là luận giải một cách thấu suốt những lý lẽ tận cùng liên quan đến sự vật hay con người.

Người minh triết là người thông suốt lý đạo và thời thế, lại biết dụng trí dụng tâm mà phân biệt điều phải điều quấy, luôn luôn giúp đời tiến hóa theo đạo lý tự nhiên.

Người minh triết dùng lý trí để suy nghĩ hiểu biết nhưng khi phán đoán thì dùng cái chơn tâm, vì cái chơn tâm luôn luôn thuận tòng Thiên lý. Do đó, người minh triết không bao giờ dang xa nẻo đạo.

MÒN

Mòn lòng

A: Discouraged.

P: Découragé.

Mòn: mòn mỏi, hao mòn dần theo thời gian.

Mòn lòng là tấm lòng mòn mỏi, chán nản, không còn hăng hái nữa.

TNHT: Công đã nhiều, mà bước tới nửa đường như ngán bước, gặp sự gay go đã *mỏn lòng*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

MỘ

MỘ

1. **MỘ:** 慕 Mến chuộng, ưa chuộng.
Td: Mộ đạo.
2. **MỘ:** 暮 Buổi chiều tối, cuối.
Td: Mộ khang.
3. **MỘ:** 墓 Cái mả.
Td: Mộ bi, Mộ chí.

Mộ bi (mộ bia)

墓碑

A: The tombstone.

P: La pierre tumulaire.

Mộ: Cái mả. **Bi: Bia:** tấm bằng đá dựng trước mộ để ghi tên tuổi và chức phận của người chết.

Mộ bi hay Mộ bia là tấm đá đặt trước mộ, trên đó có ghi tên tuổi, chức phận của người chết để lưu truyền cho con cháu.

Mộ chí

墓誌

A: Epitaph.

P: Épitaphe.

Mộ: Cái mả. **Chí:** bài văn ký sự.

Mộ chí là bài văn ký sự ghi trên bia đặt nơi mộ, nói về quê quán, phẩm tước và công nghiệp của người chết.

Mộ cổ thần chung

暮鼓晨鍾

A: The drum of evening and the bell of morning.

P: Le tambour du soir et la cloche du matin.

Mộ: Buổi chiều tối, cuối. **Cổ:** tiếng trống. **Thần:** buổi sáng sớm. **Chung:** tiếng chuông.

Mộ cổ thần chung là tiếng trống vào buổi chiều tối và tiếng chuông vào lúc sáng sớm.

Đây là tiếng trống và tiếng chuông chùa báo hiệu giờ công phu của chư tăng, khiến cho khách trần ai nghe được thức tỉnh giấc huỳnh lương mà tìm về nẻo Đạo.

Mộ đạo

慕道

A: To love a religion.

P: Aimer une religion.

Mộ: Mến chuộng, ưa chuộng. **Đạo:** tôn giáo.

Mộ Đạo là mến chuộng đạo đức, ưa thích cảnh tu hành.

TNHT: Vậy chư nhu phải truyền bá ra, như người nào mộ Đạo thì phải cầu Đạo sớm đi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mộ khang

暮康

A: To ask the health of parents at evening.

P: Demander la santé des parents au soir.

Mộ: Buổi chiều tối, cuối. **Khang:** an ổn vui vẻ.

Mộ khang là viếng thăm cha mẹ vào buổi tối có được an ổn vui vẻ không.

PMCK: Nhứt triệu nhứt tịch kính bài mộ khang.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Mộ phần

墓墳

A: The tomb

P: Le tombeau.

Mộ: Cái mả. **Phần:** cái gò mả.

Mộ phần là cái mả đắp cao lên.

TL: Thệ Luật: Điều 15: Người làm đầu trong Họ, khi tang chủ mồi, phải đến hiệp với chư tín đồ trong Họ làm lễ Cầu siêu cho vong linh theo Tân Luật và đưa xác đến *mộ phần*.

TL: Tân Luật.

Mộ xuân

暮春

A: The end of the spring.

P: La fin du printemps.

Mộ: Buổi chiều tối, cuối. **Xuân:** mùa Xuân.

Mộ Xuân là cuối mùa Xuân.

MỘC

MỘC

1. **MỘC:** 木 Cây, gỗ, thảo mộc.
Td: Mộc bản.
2. **MỘC:** 沐 Gội đầu.
Td: Mộc ân, Mộc dục.

Mộc ân

沐恩

A: Loaded with favours.

P: Comblé de faveurs.

Mộc: Gọi đầu. **Ân:** ơn huệ.

Mộc ân là gọi ơn, nhận được ơn huệ của bề trên.

Kệ Chung bái đàn: Đàn tràng viên mãn Chúc sắc qui nguyên, *vĩnh mộc từ ân*, phong điều vô thuận.

Mộc bản thủy nguyên

木本水源

Mộc: Cây, gỗ, thảo mộc. **Bản:** gốc, cội. **Thủy:** nước.
Nguyên: nguồn.

Mộc bản thủy nguyên là cây có cội, nước có nguồn.

Ý nói: Con người ai cũng phải có nguồn gốc, tức là có Tổ Tiên Ông Bà.

Mộc dĩ thành chu

木已成舟

Mộc: Cây, gỗ, thảo mộc. **Dĩ:** đã qua, xong rồi. **Chu:** chiếc thuyền.

Mộc dĩ thành chu là ván đã đóng thuyền.

Ý nói: Người con gái đã lấy chồng rồi, không thể thay đổi số phận được nữa.

Mộc dục

沐浴

A: To wash.

P: Se baigner.

Mộc: Gọi đầu. **Dục:** Tắm rửa.

Mộc dục là tắm gội.

MÔI

Môi giới

媒介

A: Intermediary.

P: Intermédiaire.

Môi: làm mối. **Giới:** giới thiệu.

Môi giới là người đứng giữa giới thiệu và điều đình công việc cho đôi bên.

TĐ ĐPHP: Lòng mộ Đạo của Tổ Phụ ta trước kia lấy lương thiện làm căn bản, lấy nhơn nghĩa làm *môi giới*,....

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

MÔN

MÔN

MÔN: 門 Cửa, cái nhà, tông phái.

Td: Môn đồ, Môn ngoại, Môn thiên.

Môn đệ - Môn đồ

門弟 - 門徒

A: Disciple.

P: Disciple.

Môn: Cửa, cái nhà, tông phái. **Đệ:** học trò. **Đồ:** học trò.

Môn đệ, đồng nghĩa Môn đồ, là học trò cùng học một thầy về chữ nghĩa hay học về đạo đức tu hành.

Khi một người lập Minh thệ nhập môn vào Đạo Cao Đài, thì người đó trở thành môn đệ của Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn giảng cơ xưng mình là Thầy và gọi các tín đồ là môn đệ.

Môn đương hộ đối

門當戶對

A: The two families of the same rank of society.

P: Les deux familles de même rang social.

Môn: Cửa, cái nhà, tông phái. **Đương:** **Đang:** tương đương, bằng nhau. **Hộ:** nhà. **Đối:** đối xứng với nhau.

Môn đương hộ đối là nhà cửa hai bên sui gia tương xứng với nhau.

Môn ngoại

門外

A: In exterior.

P: Au dehors.

Môn: Cửa, cái nhà, tông phái. **Ngoại:** ngoài.

Môn ngoại là ở ngoài cửa, ở bên ngoài cái cửa.

Cực Lạc môn ngoại là ở bên ngoài cửa của cõi CLTG.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

Môn phái

門派

A: School, Sect.

P: L'école, Secte.

Môn: Cửa, cái nhà, tông phái. **Phái:** ngành.

Môn phái là một học phái do một thầy truyền xuống, nên có cùng chung một tư tưởng hay một đường lối triết học.

Môn sinh (Môn sanh)

門生

A: Disciple.

P: Disciple.

Môn: Cửa, cái nhà, tông phái. **Sinh:** **Sanh:** học trò.

Môn sinh là học trò, đồng nghĩa: môn đồ, môn đệ.

KTKTQV: Xin châu toàn đường hạnh *môn sinh*.

TTCĐDTKM: *Môn sanh* thiện niệm hằng ngày.

KTKTQV: Kinh tụng Khi Thầy Qui Vị.

TTCĐDTKM: Tán tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Môn thiền

門禪

A: The pagoda.

P: La pagode.

Môn: Cửa, cái nhà, tông phái. **Thiền:** Thiền tông, chỉ Đạo Phật.

Môn thiền tức là Thiền môn, là cửa Phật, cửa chùa.

Trong Đạo Cao Đài, Môn thiền là chỉ Thánh Thất, nơi thờ Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

BDH: Từ Bi giá ngự rặng *môn thiền*.

BDH: Bài Dâng Hoa.

MÔNG

Mông trần

蒙塵

A: Covered with dust.

P: Couvert de poussière.

Mông: bị che lấp. **Trần:** bụi bặm.

Mông trần, nghĩa đen là bị bụi bặm che lấp, ý nói: chịu nhiều nỗi vất vả và ô trược nơi cõi trần.

TNHT: Lão mang nặng tình nghĩa cùng một bạn thiêng liêng vì đời lãnh mạng, tạo Đạo đặng cứu chúng sanh mà phải chịu *mông trần* vào cảnh đọa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

MỘNG

MỘNG

MỘNG: 夢 Chiêm bao.

Td: Mơng ảo, Mơng điệp.

Mộng ảo bào ảnh

夢幻泡影

Mộng: Chiêm bao. **Ảo:** không thật. **Bào:** bọt nước. **Ảnh:** bóng.

Mộng ảo bào ảnh là cảnh trong mộng không thật, như cái bọt nước mới có đã tan, như bóng theo hình, có mà không thật.

Mộng ảo bào ảnh là chỉ những cái giả, không thật, chỉ thoáng qua thôi. Đó là cuộc đời, là các pháp thể gian mà người tu không nên triu mến.

Kinh Kim Cang: *Nhứt thiết hữu vi pháp, như mộng ảo bào ảnh.* Nghĩa là: Tất cả các pháp hữu hình đều là: mộng, ảo, bào, ảnh, tức là không thật.

Mộng điệp

夢蝶

A: Nice dream.

P: Beau rêve.

Mộng: Chiêm bao. **Điệp:** con bướm bướm.

Mộng điệp là giấc chiêm bao thấy mình hóa bướm.

Đó là giấc mộng của ông Trang Tử. (Xem: **Trang Tử**)

Trong văn chương, mộng điệp chỉ giấc mộng đẹp, giấc ngủ say. Trong tôn giáo, mộng điệp cũng là mộng trần.

TNHT: Mở mắt tỉnh lần cơn *mộng điệp*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mộng hồn

夢魂

A: Imagination.

P: Imagination.

Mộng: Chiêm bao. **Hồn:** chỉ cái tinh thần của con người.

Mộng hồn là trong lòng có điều nghĩ ngợi vẫn vơ nên tinh thần như lạc vào trong cảnh mộng.

Mộng huyền

夢幻

A: Illusion.

P: Illusion.

Mộng: Chiêm bao. **Huyền:** giả, không thật.

Mộng huyền, tức là Mộng ảo, là cảnh mộng không thật.

Mộng寐

夢寐

A: The dream.

P: Le rêve.

Mộng: Chiêm bao. **Mị:** ngủ say.

Mộng寐 là chiêm bao trong giấc ngủ say.

TNHT: Thế trần mộng寐 có ra chi.

Mộng trần

夢塵

A: The life in the world is like a dream.

P: La vie dans le monde est comme un rêve.

Mộng: Chiêm bao. **Trần:** cõi trần.

Mộng trần là đời sống của con người nơi cõi trần giống như là một giấc mộng. (Xem: Giấc mộng trần, vắn Gi)

Mộng triệu

夢兆

A: Presage given by dream.

P: Présage vu en rêve.

Mộng: Chiêm bao. **Triệu:** cái điềm báo trước.

Mộng triệu là nằm chiêm bao thấy một cái điềm báo trước cho biết việc sắp xảy ra.

MỤC

MỤC

1. **MỤC:** 目 Mắt, thấy, điều mục.
Td: Mục hạ vô nhân, Mục kiến.
2. **MỤC:** 牧 Chăn nuôi, nuôi dưỡng.
Td: Mục dân.

Mục bất quan phi lễ chi sắc

目不觀非禮之色

Mục: Mắt, thấy, điều mục. **Bất:** không. **Quan:** xem. **Phi lễ:** không lễ. **Chi:** tiếng hư tự. **Sắc:** vật có hình thể, sắc đẹp.

Mục bất quan phi lễ chi sắc là mắt không nhìn cái sắc mà chẳng phải lễ.

Ông Khang Thiệu Tiết có nói rằng:

Cát dã giả:

*Mục bất quan phi lễ chi sắc,
Nhĩ bất thính phi lễ chi thanh,
Khẩu bất đạo phi lễ chi ngôn,
Túc bất tiền phi lễ chi địa.*

Nghĩa là:

Tốt ấy vậy:
 Mắt không xem cái sắc phi lễ,
 Tai không nghe tiếng phi lễ,
 Khẩu không nói lời phi lễ,
 Chân không đạp lên đất phi lễ.

Mục dân

牧民

A: To conduct the people. P: Conduire le peuple.

Mục: Chăn nuôi, nuôi dưỡng. **Dân:** dân chúng.

Mục dân là chăn dân, tức là cai trị dân chúng.

Thời xưa, các quan cai trị dân gọi là Mục dân, ví dân như đàn gia súc, ví quan là người chăn.

Mục hạ vô nhân - Mục trung vô nhân

目下無人 - 目中無人

Mục: Mắt, thấy, điều mục. **Hạ:** dưới. **Vô nhân:** không người. **Trung:** trong.

Mục hạ vô nhân là dưới mắt không có người.

Mục trung vô nhân là trong mắt không có người.

Hai thành ngữ này đồng nghĩa, chỉ người có tánh tự cao tự đại quá trớn, khinh khi tất cả mọi người, không coi ai ra gì cả.

Mục kiến

目見

A: To see. P: Voir.

Mục: Mắt, thấy, điều mục. **Kiến:** thấy.

Mục kiến là chính mắt trông thấy.

Mục Sư

牧師

A: The pastor. P: Le pasteur.

Mục: Chăn nuôi, nuôi dưỡng. **Sư:** thầy.

Mục sư là người giảng đạo Tin Lành, đi truyền bá đạo Tin Lành. Mục sư được cai quản một Nhà Giảng Tin Lành.

Mục vịnh tiêu ca

牧詠樵歌

Mục: Chăn nuôi, nuôi dưỡng. **Vịnh:** ngâm thơ. **Tiêu:** kiếm củi. **Ca:** hát.

Mục vịnh tiêu ca là trẻ mục đồng ngâm thơ, chú tiêu ca hát, chỉ cảnh thanh bình, vui tươi, hạnh phúc.

MUỘI

Muội tâm

昧心

A: Dark conscience.

P: Conscience obscure.

Muội: tối tăm, mờ ám. **Tâm:** lòng dạ.

Muội tâm là lòng dạ đen tối.

Ý nói: Người độc ác, không có lương tâm.

MƯA

Mưa móc

A: Rain and dew: The royal favour.

P: Pluie et rosée: La faveur royale.

Mưa móc là mưa và sương rơi xuống . Ý nói: ơn huệ của vua ban xuống cho dân chúng nhiều như mưa và móc.

Thơ của Cao Thích: *Thánh đại tức kim đũa vũ lộ*. Nghĩa là: đời vua Thánh cho đến nay, nhiều mưa móc ban xuống.

Trong Thánh Ngôn, mưa móc là ơn huệ của Đức Chí Tôn ban xuống cho nhơn sanh.

TNHT: *Mưa móc* dân sanh gắng gội nhuần.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

MỰA

MỰA

A: No, don't

P: Non, ne . . . pas.

Mựa: chớ, không, chẳng.

Đây là từ ngữ xưa, nay ít dùng.

TNHT: Chư Đạo hữu *mựa* chớ luận bàn, để phải quấy Lão cũng ra tay sửa trị được vậy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

MỰU

MỰU

MỰU: 謀 Tính toán sắp đặt, kế hoạch, mưu kế.

Td: Mưu đồ, Mưu sự, Mưu thâm.

MỰU chước

A: The ruse.

P: La ruse.

Mưu: Tính toán sắp đặt, kế hoạch, mưu kế. **Chước:** cách thức khôn khéo.

Mưu chước là mưu kế khôn khéo để đạt được ý muốn.

TNHT: Còn ngoại trừ sự chi nghịch với chơn đạo thì là *mưu chước* Tà quái.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mưu đồ

謀圖

A: To plan.

P: Projeter.

Mưu: Tính toán sắp đặt, kế hoạch, mưu kế. **Đồ:** toan tính.

Mưu đồ là toan tính mưu kế nhằm thực hiện điều mong muốn cho được kết quả.

Mưu phản

謀反

A: To plot a rebellion.

P: Ourdir une rebellion.

Mưu: Tính toán sắp đặt, kế hoạch, mưu kế. **Phản:** chống lại, làm trái lại.

Mưu phản là sắp đặt mưu kế để làm phản.

Mưu sinh

謀生

A: To search for one's living.

P: Chercher à gagner sa vie.

Mưu: Tính toán sắp đặt, kế hoạch, mưu kế. **Sinh:** sống.

Mưu sinh là tìm cách làm ăn để sinh sống.

Mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên

謀事在人，成事在天

A: Man proposes but God disposes.

P: Homme propose mais Dieu dispose.

Mưu: Tính toán sắp đặt, kế hoạch, mưu kế. **Sự:** việc. **Tại:** ở. **Nhân:** người. **Thiên:** Trời.

Mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên là mưu tính sắp đặt công việc là ở nơi người, thành công hay không là ở nơi Trời.

Gia Cát Lượng đời Tam Quốc viết:

Mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên.

Nhân nguyện như thử như thử

Thiên lý vị nhiên vị nhiên

Nghĩa là:

Mưu việc ở người, nên việc ở Trời.

Ý người như thế như thế

Lẽ Trời chưa vậy chưa vậy

Mọi việc đều có sự sắp đặt của Trời, mình cứ lo toan làm hết sức mình, còn việc thành công hay thất bại là do nơi số mạng Trời định. Nếu thành công thì chớ nên khoe khoang tài giỏi rồi tự kiêu ngã mạn; còn nếu thất bại thì cũng không nên quá tuyệt vọng, buồn rầu thất chí.

Mưu thâm họa diệt thâm

謀深禍亦深

Mưu: Tính toán sắp đặt, kế hoạch, mưu kế. **Thâm:** sâu. **Họa:** tai họa. **Diệt:** cũng.

Mưu thâm họa diệt thâm là mưu kế sâu độc thì tai họa cũng sâu độc.

Ý nói: Mình lập kế sâu độc để hại người thì sau này mình bị hại trở lại cũng sâu độc không kém. Đó là luật Nhân quả, gieo gió thì gặt bão.

Mưu trí

謀智

A: Sagacity.

P: Sagacité.

Mưu: Tính toán sắp đặt, kế hoạch, mưu kế. **Trí:** sự khôn ngoan hiểu biết.

Mưu trí là người làm việc có kế hoạch và có sự khôn ngoan hiểu biết.

TNHT: Âm mưu thì nhiều, *mưu trí* ít,
Đường Tiên chẳng bước, đọa thì đành.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

MỸ

MỸ

MỸ: 美 Đẹp, tốt, khen ngợi.

Td: Mỹ miều, Mỹ tục, Mỹ vị.

Mỹ miều

A: Good looking.

P: Beau, joli.

Mỹ: Đẹp, tốt, khen ngợi. **Miều:** cái dáng mềm mại.

Mỹ miều là xinh đẹp.

KKĐCR: Nguyên căn đẹp về *mỹ miều* cao thẳng.

KKĐCR: Kinh Khi Đã Chết Rồi.

Mỹ cảnh lương thân

美景良辰

Mỹ: Đẹp, tốt, khen ngợi. **Cảnh:** phong cảnh, cảnh vật.

Lương: tốt.

Thần: ngày. **Mỹ cảnh:** cảnh đẹp. **Lương thần:** ngày tốt.

Mỹ cảnh lương thần là cảnh đẹp ngày tốt, ý nói: Phong cảnh và thời tiết đều đẹp, tốt.

Mỹ tục

美俗

A: Good customs.

P: Bonnes moeurs.

Mỹ: Đẹp, tốt, khen ngợi. **Tục:** Phong tục.

Mỹ tục là phong tục tốt đẹp.

Thuần phong mỹ tục: Phong tục thuần hậu tốt đẹp.

TNHT: Phật pháp khuyến nhơn qui *mỹ tục*.
Nho tông phục thể hưởng thuần phong.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Mỹ vị

美味

A: Well-flavoured.

P: Succulent.

Mỹ: Đẹp, tốt, khen ngợi. **Vị:** cảm giác nếm bằng lưỡi.

Mỹ vị là đồ ăn ngon và bổ.

Cao lương mỹ vị: gạo thơm thịt béo, đồ ăn rất ngon.

TNHT: Cao lương *mỹ vị* hại thân phạm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



卍

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục văn N

NẢ

- Nả nong

NÃI

- Nãi

NẠI

- Nại hà

NAM

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> • Nam • Nam ai - Nam xuân • Nam bang • Nam Bình Phật Tổ
(Nam Bình Vương
Phật) • Nam châu • Nam đại bất hôn • Nam giản - Đông sàng • Nam giao • Nam hoa • Nam Hoa Kinh • Nam Kha - Mộng Nam
Kha • Nam mô | <ul style="list-style-type: none"> • Nam ngoại Nữ nội • Nam nhi • Nam nữ thọ thọ bất
thân • Nam phong thử nhật
biển như phong • Nam phụ lão ấu • Nam quốc sơn hà • Nam tử - Nữ hữu • Nam Tào - Bắc Đẩu • Nam thanh nữ tú • Nam Thiệm Bộ Châu • Nam trung |
|--|---|

NAN

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Nan • Nan đào • Nan huynh nan đệ | <ul style="list-style-type: none"> • Nan phân • Nan trung chi nan • Nan y |
|--|--|

NÁO

- Náo động như tâm

NÃO

- Nảo cân

NĂM

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Năm cây hương • Năm châu | <ul style="list-style-type: none"> • Năm loạn • Năm hằng • Năm sắc hoa tươi |
|---|--|

NĂM

- Năm tâm
- Năm tâm hương

NẠP

- Nạp bất phu xuất
- Nạp thái - Nạp trưng

NĂNG

- Năng
- Năng lai năng khứ khinh khinh
- Năng du ta bà thế giới
- Năng mách bảo
- Năng giả đa lao
- Năng thuyết bất năng hành

NÂU

- Nâu sồng

NÈO

- Nẻo
- Nẻo hạnh
- Nẻo hoạn
- Nẻo phiền

NÊ

- Nê hoàn cung

NỆ

- Nệ cổ

NI

- Ni Kim Cô

NIÊM

- Niêm
- Niêm luật
- Niêm hoa vi tiểu
- Niêm yết

NIỆM

- Niệm
- Niệm niệm bất vong
- Niệm hương chú
- Niệm Phật

NIÊN

- Niên
- Niên giám
- Niên cao đức thiệu
- Niên quang tự tiễn
- Niên đại

NIẾT

- Niết Bàn

NINH

- Ninh
- Ninh thọ tử, bất ninh thọ nhục
- Ninh nhân phụ ngã, vô ngã phụ nhân

- Ninh vi kê khẩu, vật vi ngưu hậu
- NỊNH**
- Nịnh thần
- NÓI**
- Nói hành • Nói tội
- NON**
- Non bông nước nhược • Non thẳm
- Non Côn • Non Thần
- Non Kỳ reo tiếng phụng • Non xế nhành thung
- NỘ**
- Nộ khí xung Thiên
- NỘI**
- Nội
- Nội bất xuất - Ngoại bất nhập • Nội luật
- Nội dung - Ngoại dung • Nội nghi Ngoại nghi tựu vị
- Nội giáo vô vi - Ngoại giáo công truyền • Nội Ô - Ngoại Ô
- Nội khảo - Ngoại khảo • Nội ưu ngoại hoạn
- NÔNG**
- Nông trang • Nông viện
- NỮ**
- Nữ
- Nữ công - Nữ đức • Nữ Oa
- Nữ Đầu Sư • Nữ Phật - Nữ Tiên
- Nữ Đầu Sư Đương • Nữ tu
- Nữ kiệt • Nữ trung Nghiêu Thuấn
- Nữ nhi • Nữ Trung Tòng Phận
- NƯỚC**
- Nước Âm Dương • Nước Lỗ biến hình lân
- Nước đời cạn bực • Nước nguồn cây cội
- Nước nhành dương - Nước dương • Nước Phật (Phật quốc)
- NƯƠNG**
- Nương Nương

NẢ

Nả nong

A: To get impatient.

P: S'impatienter.

Nả nong hay Nong nả là nôn nóng trong lòng muốn làm ngay công việc cho sớm có kết quả.

TNHT: - Độ chúng tu nhờn chí *nả nong*.

- Mấy ai *nong nả* tìm đến cảnh thiêng liêng mà nhiều kẻ lại tìm vào vực thẳm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NÃI

Nãi

乃

A: Then, however.

P: Alors, cependant.

Nãi: Tiếng dùng để chuyển ý, có nghĩa là: bèn, rồi thì.

KNHTĐ: *Nãi* Nhựt, Nguyệt, Tinh, Thần chi quân.

KNHTĐ: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

NẠI

Nại hà

奈何

A: How? What is to be done?

P: Comment? Que faire?

Nại: Làm sao? Thế nào? **Hà:** tiếng dùng để hỏi.

Nại hà?: Làm sao? Làm thế nào?

Nại hà kiều: Cầu Nại hà, là cây cầu bắc ngang sông lớn mà người đi đến đó không biết cách nào để đi qua cầu cho khỏi té xuống sông, nên hỏi nhau: Nại hà? Làm sao?

Tương truyền, nơi cỗi Âm phủ có một cây cầu rất mỏng manh, bắc ngang một con sông lớn, ván lót gập ghình, trơn trượt, rất khó lên cầu để đi qua sông. Hơn nữa, dưới cầu là sông lớn có đủ các thứ rắn độc, cua kinh hung dữ, đợi người nào lọt xuống thì chúng xúm lại xé thịt ăn thịt.

Các chơn hồn nơi Âm phủ, khi đến cầu này, muốn lên cầu qua sông, nhìn thấy cảnh tượng như thế thì nãn lòng thối bước, không biết làm thế nào để đi qua cầu cho được an toàn. Nhiều người cố đi qua, nhưng đến giữa cầu thì bị té xuống sông, rắn rít cua kinh giành nhau phanh thịt ăn thịt, thật là ghê gớm.

KSH: Cầu *Nại hà* bắc giảng sông lớn,
Tội nhờn qua óc rờn dòn mình.
Hụt chơn, ván lại gập ghình,
Nhào đầu xuống đó, cua kinh rửa thân.
Nhiều thứ rắn mặt mày dữ tợn,
Ngóng cổ trông mắt trợn dòm người.
Gắp thịt nuốt sống ăn tươi,
Vi bày thừa kiện, móc bươi xúi lời.

KSH: Kinh Sám Hối.

NAM

NAM

1. **NAM:** 南 Phương Nam, nước VN, người VN.
Td: Nam ai, Nam bang, Nam giao.
2. **NAM:** 男 Đàn ông con trai, trái với Nữ.
Td: Nam nhi, Nam nữ bất thân.

Nam ai - Nam xuân

南哀 - 南春

A: Melancholic (gay) piece of ancient music.

P: Un air mélancolique (gai) de musique ancien.

Nam: Phương Nam, nước VN, người VN. **Ai:** Buồn. **Xuân:** mùa Xuân, vui tươi.

Cổ nhạc Việt Nam có ba bài Nam: Nam Ai, Nam Xuân và Đảo Ngũ Cung. Gọi là ba bài Nam là vì khi nhạc sĩ đờn ba bài này thì day mặt về hướng Nam.

Nam Ai thì nhạc đờn theo nhịp chậm, giọng buồn thảm bi ai. Nam Xuân thì nhạc đờn theo nhịp nhanh hơn, giọng điệu vui tươi, mát mẻ. (Xem chi tiết nơi chữ: **Cổ nhạc, văn C**)

Nam bang

南邦

A: Việtnam.

P: Việtnam.

Nam: Phương Nam, nước VN, người VN. **Bang:** nước, quốc gia.

Nam bang là nước Nam, tức là nước Việt Nam.

TNHT: Hảo *Nam bang!* Hảo *Nam bang!*
Tiểu quốc tảo khai Hội Niết Bàn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nam Bình Phật Tổ (Nam Bình Vương Phật)

南屏佛祖(南屏王佛)

Nam: Phương Nam, nước VN, người VN. **Bình:** che chở, ngăn che (bình phong). **Phật Tổ:** vị Phật lớn. **Vương Phật:** vị Phật làm vua.

Nam Bình Phật Tổ là vị Phật lớn che chở nước VN.

Nam Bình Vương Phật là vị Phật vua che chở nước VN.

Nơi Điện Thờ Phật Mẫu ở Trí Giác Cung, Địa Linh Động (khi xưa là Trường Qui Thiện), có thờ bức họa Nam Bình Phật Tổ, đặt tại vị trí góc ngay vào bửu điện thờ Đức Phật Mẫu.

Đây là nơi duy nhất thờ Nam Bình Phật Tổ. Báo Ân Từ, cũng như các Điện Thờ Phật Mẫu khác đều không có thờ Nam Bình Phật Tổ.



Nhìn bức họa Nam Bình Phật Tổ trên bàn thờ, chúng ta thấy Ngài mặc áo tràng, tay rộng, màu nâu lợt pha vàng, tay mặt cầm quạt, chân mang thảo hài, có dáng dấp như một ông Tiên; Ngài lại cầm bình bát nơi tay trái, và có vành tai dài thông xuống như tai Phật; Ngài có râu lún phún trên miệng và cằm, lại đội mào giống như mào của ông quan nơi triều đình.

Do đó, chúng ta thấy nơi Ngài như có sự phối hợp của Tam giáo: Nho giáo, Tiên giáo và Phật giáo.

Phía trên bức họa là 4 chữ Nho lớn: 南屏佛祖

(Nam Bình Phật Tổ) viết theo hàng ngang. Bên cạnh đứng của bức họa có hai hàng chữ Nho thẳng đứng, chép ra như sau:

有濟於人有濟於物誰謂其顛
錯有我佛佛其有靈馨香拜乞

*Hữu tế ư nhơn, hữu tế ư vật, thùy vị kỳ điên,
Thác hữu ngã Phật, Phật kỳ hữu linh, hình hương bái khất.*

Giải nghĩa:

Hữu tế ư nhân: có cứu giúp người. **Hữu tế ư vật:** có cứu giúp vật. **Thù:** ai. **Vị:** Bảo rằng. **Kỳ:** hư tự. **Điên:** khùng.

Thác hữu ngã Phật: làm có ta là Phật. **Thác:** làm. **Phật kỳ hữu linh:** Phật ấy có linh thiêng. **Hinh:** mùi thơm bay xa. **Hương:** cây nhang. **Bái:** lạy. **Khát:** xin.

Hai câu chữ Nho trên không phải là hai câu liền đối, nên trong bức họa viết hai hàng không bằng nhau, hàng ngoài có 16 chữ và hàng trong có 8 chữ, nghĩa là:

Có cứu giúp người, có cứu giúp vật, ai bảo ấy điên?

Làm có ta là Phật, Phật ấy có linh, đốt nhang thơm vái lạy cầu xin.

Nguồn gốc bức họa Nam Bình Phật Tổ:

Chúng tôi có hỏi một vài vị lão thành của Trường Qui Thiện về nguồn gốc bức họa Nam Bình Phật Tổ thì quý vị ấy đều trả lời rằng: "*Trong chuyến Đức Phạm Hộ Pháp Á du, sang Đài Loan, rồi qua Nhật Bản để rước xác tro của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để về nước, có người Tàu ở Đài Loan đem tặng Đức Phạm Hộ Pháp bức họa Nam Bình Phật Tổ này.*"

Chúng tôi liền kiểm tra lại bằng cách đọc trở lại rất kỹ tập "**Nhật Ký Á Du**" do ông Sĩ Tải Bùi Quang Cao ghi lại, chúng tôi không thấy có chỗ nào nói về vụ người Đài Loan tặng bức họa Nam Bình Phật Tổ cho Đức Phạm Hộ Pháp. Rất may lúc đó, ông Bùi Quang Cao (bây giờ là Giám Đạo Cao) còn sống khỏe mạnh, nên chúng tôi trực tiếp đến hỏi ông Cao.

Trong chuyến Á du này, Đức Phạm Hộ Pháp đem ông Cao theo làm thư ký, kiêm nhân viên nhiếp ảnh và quay phim, cho nên tất cả việc xảy ra, ông Cao đều hay biết để ghi nhật ký. Ông Sĩ Tải Bùi Quang Cao xác nhận một cách quả quyết với chúng tôi hai ba lần rằng, như định không có người Tàu nào đem tặng cho Đức Phạm Hộ Pháp bức họa Nam Bình Phật Tổ, bởi vì đây là sự kiện lớn tốt đẹp, đâu cần phải giấu giếm.

Mặt khác, chúng tôi lại dò hỏi về vấn đề thời gian: Đức Phạm Hộ Pháp trao cho Trường Qui Thiện bức họa Nam Bình Phật Tổ vào ngày tháng năm nào?

Chúng tôi được cho biết chắc chắn là Đức Phạm Hộ Pháp đem giao bức họa Nam Bình Phật Tổ cho Ban Giám Đốc Trường Qui Thiện vào năm Canh Dần (1950), không nhớ rõ ngày nào nhưng trước ngày làm Lễ Sinh Nhật mừng Lục tuần Đức Phạm Hộ Pháp (ngày mùng 5 tháng 5 năm Canh Dần) và Đức Ngài dạy đặt tại vị trí như chúng ta thấy hiện nay.

So sánh về thời gian, chúng ta thấy, bức họa này đã có từ năm 1950, mà Đức Phạm Hộ Pháp Á du khởi hành vào ngày 1-8-Giáp Ngọ (dl 28-8-1954) và trở về ngày 16-9-Giáp Ngọ.

Kết luận: Bức họa Nam Bình Phật Tổ có trước ngày Đức Phạm Hộ Pháp đi Đài Loan tới hơn 4 năm.

Chúng tôi may mắn gặp ông Lãnh Nhạc Huỳnh Minh Mẫn, ông thuật lại cho chúng tôi nghe, vào khoảng năm 1950, Đức Phạm Hộ Pháp sai ông đi Sài Gòn, đến nhà Ngài Tiếp Pháp Trương Văn Tràng để lấy bức họa Nam Bình Phật Tổ đem về Tòa Thánh cho Đức Ngài. Khi đến nơi, gặp Ngài Tiếp Pháp, trình bày công việc, thì Ngài Tiếp Pháp mở tủ lấy ra hai bức họa, cuốn tròn lại, gói thật kỹ, giao cho ông đem về Đức Phạm Hộ Pháp. Sau đó, Đức Ngài đem xuống giao cho Trường Qui Thiện một tấm để thờ nơi Đền Thờ Đức Phật Mẫu, còn một tấm thì giao cho Đầu phòng Trần Thái Lang thờ nơi Hộ Pháp Tịnh Đường ở Địa Linh Động.

Ngoài ra, ông Lãnh Nhạc Huỳnh Minh Mẫn còn cho chúng tôi biết, ông Nhạc Sư Lê Ngọc Hội có làm tờ giải thích về Đức Nam Bình Phật Tổ, và bảo chúng tôi đi sưu tầm tờ giải thích này để biết rõ thêm.

Nhờ sự tiết lộ của ông Lãnh Nhạc Mẫn, chúng tôi liền tìm đến nhà người con trai của Ngài Tiếp Pháp là ông Trương Minh Tánh ở Sài Gòn, chúng tôi được ông Tánh cho biết, Ngài Tiếp Pháp cũng có một bức họa Nam Bình Phật Tổ, lộng kiếng treo nơi phòng khách, nhưng màu áo tràng là màu xanh chớ không phải màu nâu vàng lợt, thời gian quá lâu nên bức họa này bị mối ăn hư hết, rất ố ng, và ông Tánh cũng cho biết, bức họa này hình như do ông Lỗ Bá Hiền đem lại tặng Ngài Tiếp Pháp.

Sau đó, chúng tôi lại đi sưu tầm bài giải thích của ông Nhạc Sư Lê Ngọc Hội về Nam Bình Phật Tổ, may mắn được

Nhạc sĩ Lê Minh Dương, tín đồ Trường Qui Thiện, lấy ra cho mượn xem. Bài của Nhạc Sư Hội đề tựa là: "**CẨM TƯỜNG** vì sao có tiểu tượng của Nam Bình Phật Tổ thờ ở Đền Thờ Phật Mẫu, cũng như có mặt Ngài ở Trí Giác Cung."

Cuối bài, đề ngày là: "Tòa Thánh Tây Ninh, lập ngày 15-4-Quý Sửu (d 17-5-1973), Nhạc Sư Lê Ngọc Hội, Trưởng quản Bộ Nhạc Trung Ương, bút hiệu Tiêu Tràng."

Nội dung, Nhạc Sư Hội viết: Nam Bình Phật Tổ chính là Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma của Phật giáo, vị Tổ Sư đời thứ 28 của Phật giáo Ấn Độ, đem y bát sang Trung hoa để mở mang Phật giáo ở Trung hoa vào thời vua Lương Võ Đế.

Chúng tôi nhận thấy lời giải thích này của Nhạc Sư Hội không phù hợp với lời giải thích của Đức Phạm Hộ Pháp, nên không chép vào đây cho thêm dong dài. (Muốn biết tiểu sử của Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma, xin quý vị xem chữ: Nhứt Tổ, văn Nh).

Ý nghĩa sự thờ Nam Bình Phật Tổ (Nam Bình Vương Phật): (do Đức Phạm Hộ Pháp giải thích)

* Vào năm Nhâm Thìn (1952), anh em thợ hồ khi xây dựng Báo Ân Từ, có bạch hỏi Đức Hộ Pháp về việc thờ Đức Nam Bình Phật Tổ.

Đức Hộ Pháp dạy như sau: - Khuôn bao hình chữ nhật ở tám vách ngoài ngó vào Điện Thờ Phật Mẫu, để trống, sau này sẽ đắp hình Nam Bình Vương Phật, cũng như Đền Thánh có hình Hộ Pháp ngự trên ngai trông vào Bát Quái Đài đó vậy.

Anh em thợ hồ bạch: - Xin Thầy cho biết hình Nam Bình Phật Tổ thế nào để sau này mấy con đắp.

Đức Hộ Pháp nói: - Chừng nào có Điện Thờ Phật Mẫu (ĐTPM) thì Thầy sẽ cho biết, không có gì lạ. Đền Thánh là Bạch Ngọc Kinh tại thế có hình Hộ Pháp mặc Thiên phục khôi giáp, thì nơi ĐTPM, lẽ dĩ nhiên hình của Ngài không mặc Thiên phục, chỉ mặc áo cà sa nhà Phật mà thôi. Nơi Trí Giác Cung, Thầy có dạy thờ Nam Bình Vương Phật trong ĐTPM rồi.

* Đàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh đêm 26-6-Nhâm Tý (dl 4-8-1972) lúc 20 giờ 15, Phò loan: Hiến Pháp - Khai Đạo.

Đức Phạm Hộ Pháp giảng cơ.

Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa bạch hỏi Đức Hộ Pháp: "Nơi Báo Ân Từ Tòa Thánh thờ Phật Mẫu, phía ngoài đối diện với bửu điện thì không có tượng chi hết, chỉ ở Địa Linh Động có tượng thờ vị Nam Bình Phật Tổ. Xin Đức Ngài chỉ giáo."

Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ đáp: "Nên đặt vào một nghi tiết riêng biệt, vì Đấng ấy có công mở Đạo tại VN."

Ngài Bảo Đạo bạch hỏi tiếp: "Nơi các Điện Thờ Phật Mẫu sau này cũng phải thờ hay không?"

Đức Phạm Hộ Pháp đáp: "Dùng riêng một chỗ cho Người mà thôi."

Qua lời giải thích của Đức Phạm Hộ Pháp: một là với anh em thợ hồ vào năm 1952 lúc Đức Ngài còn sinh tiền, hai là với Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa vào năm 1972 khi Đức Ngài đã qui Thiên giáng cơ giải đáp, chúng ta thấy có hai điểm quan trọng để thờ Nam Bình Phật Tổ:

1. Nơi Tòa Thánh thờ Đức Chí Tôn, có Hộ Pháp mặc Thiên phục với khôi giáp (vì đây triều nghi của Đức Chí Tôn) đứng ở HTĐ nhìn thẳng vào BQĐ, thì nơi Điện Thờ Phật Mẫu (ĐTĐPM) cũng tương tự như vậy, cũng phải có tượng Nam Bình Vương Phật, nhưng không được mặc khôi giáp, chỉ mặc áo cà sa (vì Đức Phật Mẫu không có triều nghi, chỉ có tình Mẹ con), đứng đối diện với bửu điện thờ Phật Mẫu.

2. Thờ Nam Bình Phật Tổ vì Đấng ấy có công mở Đạo tại nước Việt Nam.

Đức Hộ Pháp không nói đích danh Nam Bình Vương Phật là Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, nhưng tất cả chúng ta đều hiểu Nam Bình Vương Phật chính là Đức Phạm Hộ Pháp.

BQĐ: Bát Quái Đài.
HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Nam châu

南州

A: Việt Nam.

P: Việt Nam.

Nam: Phương Nam, nước VN, người VN. **Châu:** Giao châu.

Thời Hùng Vương, nước ta có tên là Văn Lang.

Thời An Dương Vương, nước ta có tên là Âu Lạc.

Thời Triệu Đà sửa tên nước là Nam Việt.

Khi nhà Hán đô hộ nước ta thì đặt tên là Giao Chỉ Bộ.

Thái Thú Sĩ Nhiếp xin sửa tên lại là Giao Châu.

Nhà Đường đô hộ nước ta đặt tên là An Nam Đô Hộ Phủ.

Khi Đinh Tiên Hoàng dựng nền độc lập thì đặt tên nước ta là Đại Cồ Việt.

Đến đời nhà Lý thì sửa tên nước ta là Đại Việt, nhưng người Tàu vẫn gọi nước ta là An Nam, gọi vua nước ta là An Nam Quốc Vương hay Nam Bình Vương.

Đến đời nhà Nguyễn, vua Gia Long lên ngôi năm 1802 mới đặt tên nước là Việt Nam, và tên này được dùng mãi đến ngày nay.

Một điều khá lý thú là ngay từ thời nhà Mạc (1527-1592), trước khi vua Gia Long lên ngôi khoảng 250 năm, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm đã ghi ngay nơi trang mở đầu thi tập: Trình Tiên Sinh Quốc Ngữ, câu đầu tiên là: "*Việt Nam khởi tổ xây nền*", như vậy là mặc nhiên Trạng Trình đã tiên đoán sau này nước ta có tên là Việt Nam.

Do đó, từ ngữ Nam Châu là chỉ nước Việt Nam.

KTKVTH: Cõi Nam Châu bồi đắp giang sơn.

KTKVTH: Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.

Nam đại bất hôn

男大不婚

Nam: Đàn ông con trai, trái với Nữ. **Đại:** lớn. **Bất:** không. **Hôn:** cưới vợ.

Nam đại bất hôn là con trai lớn không cưới vợ,

Trong sách Minh Tâm Bửu Giám, ông Hồ An Định nói:

*Nam đại bất hôn như liệt mã vô cương,
Nữ đại bất giá như tư diêm phạm thủ.*

Nghĩa là:

Trai lớn không cưới vợ như ngựa kém không cương.

Gái lớn không chồng như con tư diêm bị rờ lên đầu.

(Con tư diêm có đặc tính là ai vỗ đầu nó thì nó chịu theo ngay).

Nam giản - Đông sàng

南潤 - 東床

Nam: Phương Nam, nước VN, người VN. **Giản:** suối.

Đông: hướng Đông. **Sàng:** giường.

Nam giản là khe suối phía Nam, chỉ người con dâu hiền thảo và đảm đang, nên thường nói là: Dâu Nam giản.

Đông sàng là giường phía Đông, chỉ người rể quý, nên thường nói: rể Đông sàng.

Diễn tích:

1. Dâu Nam giản: Bài thơ Thái Tàn trong Kinh Thi khen ngợi người vợ đảm đang việc nội trợ, khi cúng bái tổ tiên, đi hái các thứ rau mọc chỗ nước trong để làm đồ ăn dâng cúng.

Vu dĩ thái tần, nam giản chi tân,

Vu dĩ thái táo, vu bỉ hàng lao.

Nghĩa là: Đi hái rau tần, ở bờ khe phía Nam.

Đi hái rau táo, bên lạch nước kia.

Theo phong tục người Tàu thì họ thường dùng rau táo và rau tần để làm giỗ cúng Tổ Tiên.

Tách riêng hai chữ *Nam giản* để chỉ người vợ đảm đang, hiếu thảo, biết lo lắng công việc gia đình.

2. Rể Đông sàng: Đòi nhà Tấn bên Tàu, có quan Thái Úy tên là Khước Giám, muốn chọn một người rể xứng đáng cho con gái của mình, nên cho người nhà đến trường học của ông Vương Đạo, để xem trong đám học trò của ông Vương Đạo có

người nào xứng đáng không?

Sau đó, người nhà trở về báo cáo với Thái Úy rằng:

- Học sinh giỏi thì đông, người nào nghe đến việc Thái Úy kén rể thì đều sửa soạn quần áo tươm tất, ganh đua nhau ra đáng nề nếp, chỉ có một chàng học trò không để ý đến việc đó, phanh áo nằm tréo chân nơi giường phía Đông.

Thái Úy Khước Giám bảo:

- Trò đó mới đáng là rể của ta.

Tên chàng học trò đó là Vương Hy Chi, học rất giỏi, có tài viết chữ đẹp, sau làm quan đến chức Hữu Quân.

Do điển tích này, người ta dùng từ ngữ *Đông sàng* để chỉ chàng rể xứng đáng, tài giỏi.

Nam giao

南郊

A: Heaven worshipping ceremony.

P: Cérémonie de sacrifice au Ciel.

Nam: Phương Nam, nước VN, người VN. **Giao:** lễ tế Trời tổ chức ở phía Nam kinh thành vào ngày đông chí, gọi là Tế Giao.

Khi vua Gia Long nhà Nguyễn thống nhất đất nước, lập kinh đô ở Huế, nhà vua cho đắp ở phía Nam kinh thành, thuộc làng Dương Xuân, một nền đất cao và rộng để làm đàn tế Trời gọi là đàn Nam giao. Đàn này có 3 phần là Thượng, Trung, Hạ.

Cứ 3 năm một lần, vào ngày đông chí, 20 hoặc 21 tháng 12 dương lịch, vua cùng triều thần đến đàn Nam giao thiết lễ tế Trời. Lễ vật gồm: trâu tơ mới mọc sừng, dê, heo, xôi, rượu, hoa quả. Hiện nay, di tích đàn Nam giao vẫn còn ở cố đô Huế.

TĐ ĐPHP: Muốn cứu vãn tình thế, tiên nho buộc cả nhà vua và triều chánh, dĩ chí toàn dân, phải ăn chay, nguyện tế, gọi là Lễ Nam giao.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Nam hoa

南花

A: The Vietnamese girls.

P: Les filles Việtnamiennes.

Nam: Phương Nam, nước VN, người VN. **Hoa:** bông hoa, chỉ người con gái.

Nam hoa là gái nước Nam, phụ nữ Việt Nam.

TNHT: Lầu soi gương hạnh rạng *Nam hoa*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nam Hoa Kinh

南華經

Nam Hoa: tên một hòn núi ở Tào Châu thuộc nước Tống thời xưa bên Tàu. **Kinh:** sách do bậc Thánh nhân viết ra để dạy về Đạo lý.

Khi Trang Tử đến ở ẩn nơi chân núi Nam Hoa, ông đem hết tinh hoa của Đạo giáo học được nơi Đức Lão Tử, viết thành bộ sách lấy tên núi Nam Hoa mà đặt, gọi là Nam Hoa Kinh, đời sau người ta gọi là sách Trang Tử.

Văn chương trong Nam Hoa Kinh rất có tiết tấu, nhiều câu dùng phép biện ngẫu, lời văn luôn luôn bóng bẩy, trôi chảy, ảnh hưởng rất lớn đến các đời sau: các thi nhân đời Lục Triều như Kê Khang, Nguyễn Tịch, Sơn Đào,... và ngay cả đời Đường như Lý Thái Bạch, đời Tống như Tô Đông Pha đều nhờ bộ kinh này mà có thêm nhiều sở đắc.

Nam Hoa Kinh (sách Trang Tử) ngày nay còn được 33 thiên, kể ra như sau đây:

■ **NỘI THIÊN:** gồm 7 thiên có tựa đề là: Tiêu dao du, Tề vật luận, Dưỡng sanh chủ, Nhơn gian thế, Đức sung phù, Đại tôn sư, Ứng đề vương.

■ **NGOẠI THIÊN:** gồm 15 thiên có tựa đề là: Biền mẫu, Mã đề, Khư kịp, Tại hựu, Thiên địa, Thiên đạo, Thiên vận, Khắc ý,

Thiện tánh, Thu thủy, Chí lạc, Đạt sanh, Sơn mộc, Điền tử phương, Tư bắc du.

■ **TẠP THIÊN:** gồm 11 thiên: Cang tang sở, Từ vô qui, Tắc dương, Ngoại vật, Ngụ ngôn, Nhược vương, Đạo Chích, Thuyết kiếm, Ngự phủ, Liệt ngự khẩu, Thiên hạ.

Có 5 nhà làm sách chú thích Nam Hoa Kinh, nhưng số thiên của mỗi nhà chú thích lại khác nhau, kể ra:

1. Bản chú thích của Tư Mã Bưu, 21 quyển, 52 thiên: Nội thiên có 7, Ngoại thiên có 28 và Tạp thiên có 14, Giải thuyết có 3 thiên. Bản chú này hiện nay đã thất lạc, chưa tìm ra.

2. Bản chú của Mạnh Thị, 18 quyển 52 thiên. Bản này cũng bị thất lạc.

3. Bản chú của Thôi Soạn, 10 quyển 27 thiên gồm: Nội thiên có 7, Ngoại thiên có 20. Quyển sách này cũng đã mất.

4. Bản chú của Hương Tú, 20 quyển 26 thiên, không có Tạp thiên. Bản này cũng đã mất.

5. Bản chú của Quách Tượng, 33 quyển 33 thiên. Nội thiên có 7, Ngoại thiên có 15, Tạp thiên có 11. Bản này hiện còn nhưng sửa lại còn 10 quyển.

Về sau có ông Tiêu Hoằng làm ra pho sách Trang Tử Dục, gom góp các lời chú giải của những người trước, từ Quách Tượng trở đi, có lối 22 người. Có thể nói đây là một pho Tạp chú rộng rãi và đầy đủ, rồi phần sau lại có phụ thêm phần Trang Tử Khuyết Ngộ, gom góp những chỗ sai biệt từ cuốn

Nam Hoa Kinh Giải của Lục Cảnh Nguơn đời Tống đến các tài liệu trong Sử Ký, sách Trang Tử Luận của Nguyễn Tịch, Vương An Thạch, sách Trang Tử Từ Đường Ký của Tô Đông Pha, . . . Tóm lại, hầu hết các sách của các học giả nghiên cứu về Trang Tử, ông đều có đọc và trích lục đầy đủ.

Căn cứ vào văn mạch của Trang Tử, chỉ có phần Nội thiên là biểu thị được cái chỗ trọng yếu của học thuyết Trang Tử, còn Ngoại thiên và Tạp thiên thì rất rời rạc, chỉ bàn đi bàn lại những tư tưởng đã phổ diễn trong Nội thiên mà thôi.

Trang Tử được xem là ông tổ của phái Văn học u mặc trào lộng của nước Tàu từ xưa đến nay. Cho nên văn của ông toàn dùng lối nghịch thuyết, tức là lối nói nghịch để bổ túc những

chân lý phiến diện của người đời. Bởi vậy, văn chương trong Nam Hoa Kinh rất ngang dọc, phóng túng, khi nói xuôi, khi nói ngược, nói Đông để đả kích phía Tây, nói phải để tỏ thêm cái quấy, nói quấy để bổ túc cho cái phải.

Đọc Nam Hoa Kinh, ta nghe toàn là một giọng cười.... cái cười vang siêu thoát của bậc Thánh nhân.

"Tư tưởng của Trang Tử thật sâu xa bao quát vô cùng. Các học giả chú giải hay nghiên cứu Trang Tử, sở dĩ có nhiều chỗ không đồng nhau là vì cái học của Trang Tử không thuộc về địa phận của lý trí, mà thuộc về khu vực Tâm linh trực giác.

Trước hết ta phải xem nó như một Tâm học (Huyền học) hơn là một Triết học suông của lý trí, nghĩa là chẳng phải chỉ học nó như ta nghiên cứu học hỏi các học thuyết khác bằng trí, mà phải dùng đến Tâm để ngộ nó, nghĩa là "sống với nó." Nếu không sống với nó thì học nó chẳng qua là một cuộc mua vui cho trí não nhất thời, không bổ ích gì cho đời sống tinh thần, mà ta không làm sao hiểu nó cho thấu đáo được nữa.

Tôi đã hết sức muốn gìn giữ địa vị khách quan, nhưng đối với một học thuyết nhất nguyên thì bảo bỏ phần chủ quan

cũng khó mà thấy đặng chỗ thâm sâu của lẽ Đạo nhiệm mầu: Ta không thể tách mình ra khỏi sự vật mà hiểu theo quan niệm nhị nguyên cho đặng.

Tôi đã nói: nó là Tâm học, cho nên chẳng những dùng trí mà phải dùng cả Tâm để đi ngay vào nó, đồng hòa với nó, hiểu nó và sống với nó. Chẳng phải kẻ đứng trên dòng sông mà xem nước chảy, mà là kẻ nhảy xuống dòng nước, bơi lội trong đó, để thí nghiệm cái chảy của nó." (Trích trong Trang Tử Tinh Hoa của Nguyễn Duy Cần).

Nam Kha - Mộng Nam Kha

南柯 - 夢南柯

A: The dream of Nam Kha.

P: Le rêve de Nam Kha.

Nam: Phương Nam, nước VN, người VN. **Kha:** cành cây.
Mộng: giấc chiêm bao.

Nam Kha là cành cây phía Nam. Mộng Nam Kha là giấc mộng khi nằm ngủ say dưới cành cây phía Nam.

Diễn tích: Theo Dị Văn Lục, Thuần Vu Phần đời Đường, ở đất Quảng Lăng, nhà có cây hòe to, sống lâu năm, cành lá sum suê rậm rạp. Nhân khi vui sinh nhật của mình, Thuần Vu Phần uống rượu say, nằm ngủ quên dưới cây hòe, mộng thấy mình bay lên không trung, vào một nơi có đề bảng: Đại Hòe An Quốc, được quốc vương nước ấy thương, gả công chúa cho, rồi được bổ đến làm Thái Thú đất Nam Kha, công danh thật hiển hách. Sau, Thuần Vu Phần cảm quân đánh giặc, chẳng may bị thua. Còn công chúa ở nhà bị đau bệnh chết. Vua nước Đại Hòe An nghi ngờ, rồi cách chức đuổi đi. Thuần Vu Phần buồn chán và uất ức, liền giật mình thức dậy, thấy mình đang nằm dưới cội cây hòe, nơi cành cây phía Nam, nhìn lên thấy một con kiến chúa đang nằm trong một tổ kiến lớn.

Thuần Vu Phần nằm suy nghĩ về giấc mộng vừa qua của mình, chợt tỉnh ngộ, hiểu rằng nước Đại Hòa An là cây hòe lớn, cành cây phía Nam là đất Nam Kha, vua nước Đại Hòa An là con kiến chúa, dân chúng là toàn ổ kiến.

Thuần Vu Phần cảm câu chuyện trong mộng, tỉnh ngộ biết cảnh đời là ngắn ngủi, không định liệu được việc gì cả, bèn dốc lòng tìm đạo tu hành.

Trong văn chương thường dùng diễn tích này với các từ ngữ: Giấc Nam Kha, giấc hòe, để chỉ cuộc đời là phù du mộng ảo; công danh phú quý như giấc chiêm bao.

KCBCTBCHĐQL: Định tâm thần giải *mộng Nam Kha*.

KCBCTBCHĐQL: Kinh cầu bà con thân bằng cố hữu đã qui liếu.

Nam mô

南無

A: Veneration to.

P: Vénération à.

Nam mô: là chữ phiên âm từ tiếng Phạn: Namah, người Tàu phiên âm là Nam vô, người Việt phiên âm là Nam mô, dịch nghĩa ra là: qui mệnh, kính lễ, cứu ngã, độ ngã.

Nam mô là câu nói của chúng sanh khi hướng về Phật, qui y tín thuận, quyết chí vâng theo lời Phật dạy, xin gởi trọn đời mình cho Phật.

Ý nghĩa chơn thật của từ ngữ Nam mô là như thế, nhưng thông thường người ta dùng tiếng Nam mô làm chữ khởi đầu cho câu cầu nguyện. Thí dụ: Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát, Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng....

Trước khi đánh lễ Đức Chí Tôn, người tín đồ Cao Đài phải lạy dẫu Phật, Pháp, Tăng và niệm: Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng.

1. Nam mô Phật: là nguyện noi theo đại đức đại từ đại bi, chí thiện chí mỹ của Đức Chí Tôn, Đấng toàn năng toàn tri, ân đức háo sanh vô biên vô lượng.

2. Nam mô Pháp: là nguyện noi theo các pháp vô vi huyền diệu của Đức Chí Tôn, tôn kính và tuân theo các lời vàng ngọc của Đức Chí Tôn truyền dạy để tu tâm sửa tánh cho trở nên thiện lương chơn chánh, lập công bồi đức giải quả tiền khiên, thoát đọa luân hồi để sớm trở về cùng Đức Chí Tôn.

3. Nam mô Tăng: là nguyện thương yêu toàn cả chúng sanh, nguyện thân cận với những vị đạo cao đức trọng để học hỏi Đạo lý và tiến hóa tâm linh.

Nam ngoại Nữ nội

男外女内

Nam: Đàn ông con trai, trái với Nữ. **Ngoại:** ngoài. **Nữ:** đàn bà. **Nội:** trong.

Nam ngoại nữ nội là đàn ông thì lo việc bên ngoài gia đình, đàn bà thì lo việc bên trong gia đình.

Đó là sự phân công phân nhiệm một cách tổng quát trong gia đình theo truyền thống của dân tộc ta.

Nam nhi

男兒

A: Men.

P: Hommes.

Nam: Đàn ông con trai, trái với Nữ. **Nhi:** con trẻ, người trẻ tuổi.

Nam nhi là chỉ chung đàn ông con trai.

Nam nhi chi khí: Khí phách của kẻ làm trai, tức là cái sức hiên ngang cứng cỏi của kẻ làm trai.

TNHT: Thanh sử từng nêu gương nữ kiệt,
Hồng ân chi kém bạn *nam nhi*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nam nữ thọ thọ bất thân

男女授受不親

Nam: Đàn ông con trai, trái với Nữ. **Nữ:** đàn bà con gái. **Thọ thọ:** trao cho và nhận lấy. Chữ THỌ 授 trước là trao cho; chữ THỌ 受 sau là nhận lấy. **Bất thân:** không gần gũi, không thân cận.

Nam nữ thọ thọ bất thân nghĩa là: con trai và con gái đưa và nhận vật gì, không được lấy tay mà trao cho nhau một cách thân cận, phải phân biệt để tránh sự khêu gợi dục vọng dâm tà. (bàn tay con trai và con gái không được đụng chạm nhau)

TNHT: *Nam nữ bất thân*, Nam ở Đông hiên, nữ ở Tây hiên.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nam phong thử nhật biến nhơn phong

南風此日變人風

Nam: Phương Nam, nước VN, người VN. **Phong:** phong hoá. **Thử:** ấy, cái ấy. **Nhật:** ngày. **Biến:** biến hoá tạo ra. **Nhơn:** người, nhơn loại. **Nam phong:** phong hóa của người Việt Nam. **Nhơn phong:** phong hóa của nhơn loại.

Nam phong thử nhật biến nhơn phong: nền phong hóa của người VN ngày ấy biến thành nền phong hóa của nhơn loại.

Câu thi vừa giải nghĩa trên nằm trong bài thi của Đức Chí Tôn giáng cơ ban cho để ông Lê Văn Hoạch trao cho vua Bảo Đại. Xin chép bài Thánh Ngôn này ra sau đây:

Phò loan: BẢO AN TỪ, đêm 11 rạng 12 tháng 12 Đ. Hợi.
Hộ Pháp (dl đêm 21 rạng 22-1-1948), 1 giờ tới 1 giờ rưỡi.
Tiếp Đạo.

THẦY, các con,

Từ ngày nay là ngày Thầy đấng vọng cho toàn cả nòi giống các con.

VĨNH và HOẠCH phải hiệp cùng VĨNH THỤY mà làm cho tròn Thánh ý Thầy đã định nghe. TẮC, con biểu TÀI viết Nho văn bài thi này cho HOẠCH đưa tận tay VĨNH THỤY.

THI:

Thượng hạ nhị Thiên xử địa hoàn,
Việt Nam nhứt quốc nhứt giang san.
Hoàng đồ toàn bảo Thiên thi định,
Đánh tộ trường lưu tổ nghiệp tồn.

**Quốc Đạo kim triều thành Đại Đạo,
Nam phong thử nhật biến nhơn phong.**

An dân liệt Thánh tưng Nghiêu Thuấn,
Văn hóa tương lai lập Đại Đồng.

Thầy lại còn muốn cho hai con HOẠCH và VĨNH hiệp cùng VĨNH THỤY hội thuyết tại Vịnh Hạ Long, nghe à.

Thầy ban ơn cho các con. Thăng.

Ghi chú:

VĨNH: Tiếp Thế Lê Thế Vinh.

HOẠCH: Bảo Sanh Quân Lê Văn Hoạch, Thủ Tướng.

VĨNH THỤY: tên của vua Bảo Đại: Nguyễn Vĩnh Thụy.

TẮC: Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

TÀI: Nguyễn Bửu Tài phái Tiên Thiên, qui hiệp Tòa Thánh Tây Ninh, được Đức Lý Giáo Tông phong chức Phối Sư phái Thượng.

Trong bài thi có chữ: **Đánh tộ.**

Đảnh: Đĩnh: cái vạc, to lớn, đang lúc. **Tộ:** vận nước nổi đời thịnh vượng. **Đảnh tộ** là vận nước đang lúc thịnh vượng.

Viết bài thi ra Hán văn:

上下二天處地環
越南一國一江山
皇圖全保天書定
鼎祚長流祖業存
國道今朝成大道
南風此日變人風
安民烈聖從堯舜
文化將來立大同

Nam phụ lão ấu

男婦老幼

A: Men, women, old men and children.

P: Hommes, femmes, vieillards et enfants.

Nam: đàn ông con trai, trái với Nữ. **Phụ:** đàn bà. **Lão:** người già. **Ấu:** trẻ nhỏ.

Nam phụ lão ấu là đàn ông, đàn bà, người già và con nít, ý nói tất cả mọi người già trẻ trong địa phương.

Nam quốc sơn hà

南國山河

Nam: Phương Nam, nước VN, người VN. **Quốc:** nước. **Sơn:** núi. **Hà:** sông.

Nam quốc sơn hà là non sông nước Việt Nam.

Ông Lý Thường Kiệt đời nhà Lý kéo quân Nam sang đánh Quảng Đông của Tàu, có làm bài thi tứ tuyệt bằng Hán văn để khích lệ tinh thần tướng sĩ, chép ra như sau:

*Nam quốc sơn hà Nam Đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại Thiên thu.*

*Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Viết ra Hán văn:

南國山河南帝居
截然定分在天書
如何逆虜來侵犯
汝等行看守敗虛

Dịch nghĩa:

Non sông nước Nam vua Nam ở,
Rõ ràng định phận tại Thiên thư.
Tại sao quân giặc kéo đến xâm phạm?
Bọn bây rời coi nhận lấy thất bại tan tành.

Nam tả - Nữ hữu

男左 - 女右

A: Man on the left - Woman on the right.

P: Homme à gauche - Femme à droite.

Nam: Đàn ông con trai, trái với Nữ. **Tả:** bên tay trái. **Hữu:** bên tay mặt.

Nam tả là đàn ông (phái Nam) ở phía tay trái.

Nữ hữu là đàn bà (phái Nữ) ở phía tay mặt.

CG PCT: "Tòa Thánh dạy mặt về hướng Tây tức là chánh cung Đoài, ấy là Cung Đạo, còn bên tay trái Thầy là cung Càn, bên tay mặt Thầy là cung Khôn. Đáng lẽ Thầy phải để 7 cái ngai của phái Nam bên tay trái Thầy tức bên cung Càn mới phải, song chúng nó vì thể Nhơn Đạo cho đủ Ngũ Chi, cho nên Thầy buộc phải để vào Cung Đạo là cung Đoài cho đủ số.

Ấy vậy, cái ngai của Đầu Sư Nữ phái phải để bên cung Khôn tức là bên tay mặt Thầy."

Như vậy, chúng ta thấy: bên tay trái của Đức Chí Tôn dành cho Nam phái (Nam tả) vì bên tả thuộc cung Càn theo Bát Quái Đồ Cao Đài, và bên tay mặt của Đức Chí Tôn dành cho

Nữ phái (Nữ hữu) vì bên hữu thuộc cung Khôn theo Bát Quái Đồ Cao Đài. (Xem: **Bát Quái, vần B**)

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Nam Tào - Bắc Đẩu

南曹 - 北斗

1. Nam Tào và Bắc Đẩu là hai vì sao ở trên trục Nam Bắc của Địa cầu. Khi Địa cầu chuyển động tự quay và quay chung quanh Mặt Trời, hai vì sao này vẫn luôn luôn ở trên trục Nam Bắc của Địa cầu.

- Đặc biệt sao Bắc đẩu là một Định tinh, ở tại trung tâm của Càn Khôn Vũ Trụ, nên tất cả các chòm sao khác đều quay quanh sao Bắc Đẩu. (Xem chữ: **Bắc Đẩu**)

- Sao Nam Tào không phải là một Định tinh, nhưng có chuyển động thế nào để luôn luôn nằm trên hướng Nam của trục Địa cầu. Cho nên các nhà hàng hải dùng sao Nam Tào để định hướng Nam của Địa cầu.

Muốn tìm sao Nam Tào, trước hết phải tìm chòm sao Chữ Thập (La Croix du Sud) gồm bốn ngôi sao khá sáng luôn luôn hiện rõ ở lưng chừng bầu Trời phía Nam. Từ sao Chữ Thập này, kéo một đường thẳng tưởng tượng theo nét sổ dài xuống chân trời thì gặp một ngôi sao hơi lu nằm gần sát chơn trời. Đó là sao Nam Tào, nên cũng gọi là sao Nam Cực.

2. Nam Tào Bắc Đẩu là hai vị Tiên coi Bộ Sanh và Bộ Tử của nhơn loại nơi cõi trần.

- Nam Tào (Nam Cực) Tiên Ông coi Bộ Sanh.
- Bắc Đẩu Tiên Ông coi Bộ Tử.

TNHT: Vạn trượng then gài ngăn *Bắc Đẩu*,
Muôn trùng nhíp khảm hiệp *Nam Tào*.

KTHĐMP: Rủi Thiên số *Nam Tào* đã định,
Giải căn sinh xa lánh trần ai.

TĐ ĐPHP: Con đường TLHS:

"Nếu khi về được rồi, thân nhân của chúng ta dắt chúng ta

đến một cung có một quyển sách Thiên Thư (Vô Tự Kinh) để trước mặt ta, dở ra xem thấy tên mình và kiếp sanh của mình đã làm gì, thì trong quyển Thiên Thư ấy nó hiện tượng ra hết, chúng ta tự xử chúng ta, mình làm tòa để xử mình, hoặc mình phải đầu kiếp hay là đoạt đến địa vị nào, mình đừng đến mức nào thì cũng do mình định đoạt lấy.

Vị Chưởng quản nơi cung ấy theo tiếng phàm của chúng ta đặt tên là Nam Tào Bắc Đẩu."

Sau đây, xin chép sự tích của hai Ông Tiên: Nam Tào và Bắc Đẩu định số kiếp sanh tử của mỗi người nơi cõi trần:

Ông Quán Lộ, tự là Công Minh, vốn người ở đất Bình Nguyên đời Tam Quốc, diện mạo xấu xí, thích uống rượu. Từ bé, Quán Lộ thích xem Thiên văn, thường đêm nằm xem trăng sao, thao thức không chợp mắt, cha mẹ ngăn cấm không được.

Vừa lớn lên, Quán Lộ lâu thông Kinh Dịch, hiểu được ý nghĩa uyên thâm, biết đoán chiều gió, tinh thông khoa lý số, và giỏi cả việc xem tướng.

Một hôm, Quán Lộ ra cánh đồng dạo chơi, thấy một gã thanh niên đang cày ruộng. Quán Lộ dừng lại bên lề đường, ngắm anh thợ cày một lúc, đoạn gọi lại hỏi:

- Này anh kia, dám hỏi quý danh và niên kỷ bao nhiêu?

- Tôi họ Triệu, tên Nhan, 19 tuổi. Còn tiên sinh là ai?

- Ta là Quán Lộ. Ta thấy trên quầng mắt của anh có tử khí, chỉ 3 ngày nữa là anh phải chết. Tiếc thay gương mặt đẹp thế kia mà sống không thọ.

Triệu Nhan nghe Quán Lộ nói thế thì lo sợ, về nhà ngay báo cho cha biết. Người cha lập tức đi tìm Quán Lộ, rồi phủ phục xuống đất kêu khóc:

- Xin tiên sinh rủ lòng thương cứu mạng con tôi.

Quán Lộ đáp: - Đó là số Trời, cầu đảo sao được.

Ông lão vẫn năn nỉ van lơn:

- Già này chỉ có một đứa con trai là Triệu Nhan, xin tiên sinh rủ lòng thương mà cứu cho.

Nói xong cả hai cha con đều sụp lạy Quán Lộ.

Quản Lộ thấy hai cha con thăm thiết quá, không nở bở, đành mách bảo:

- Anh hãy về nhà tìm một vò rượu thật tinh khiết và thật ngon, với một ít món nhắm ngon, không được dùng thịt, ngày mai đem vào núi Nam Sơn, tìm gốc cây cổ thụ, sẽ thấy trên phiến đá có hai ông già đang ngồi đánh cờ.

- Một ông mặc áo trắng, ngồi quay mặt hướng Nam, dung mạo nghiêm khắc.
- Một ông mặc áo hồng, ngồi quay mặt hướng Bắc, dung mạo hiền hòa.

Bấy giờ, thừa lúc hai vị cao hứng mãi mê đánh cờ, anh cứ bày rượu và món nhắm ra mâm dâng lên. Đợi cho hai ông lão ăn uống và đánh cờ xong thì anh lạy khóc mà van xin tuổi thọ, như thế may ra anh được hai vị sửa đổi tuổi thọ cho anh. Nhớ kỹ một điều là đừng nói ta xúi anh làm việc này nhé.

Cha của Triệu Nhan mời Quản Lộ về nhà để thắt đai và chờ xem kết quả.

Hôm sau, Triệu Nhan làm y như lời Quản Lộ dặn, đem rượu ngon, nem nướng, ly chén lên núi Nam Sơn, đi chừng năm dặm thì đến cây đại thọ, gặp hai ông Tiên đang ngồi đánh cờ trên phiến đá. Triệu Nhan đội mâm rượu sễ sễ đến gần, hai ông chăm chú đánh cờ. Triệu Nhan quì dâng mâm lên, đặt trên bàn thạch. Hai ông mãi mê đánh cờ, cao hứng, bất giác đưa tay cầm chén rượu nâng lên uống cạn, rồi vừa ăn uống vừa đánh cờ một cách hứng thú ngon lành.

Đợi hai ông đánh xong ván cờ, Triệu Nhan sụp lạy khóc òa lên, cầu xin hai Tiên Ông cho thêm tuổi thọ. Hai ông lão giục mình nhìn lại thấy Triệu Nhan như thế, đoạn ông áo đỏ bảo ông áo trắng:

- Đây chắc là gã Quản Lộ xúi nó đến đây, nhưng hai ta đã dùng của nó thì cũng nên giúp nó.

Ông áo trắng liền rút cuốn Bộ Tử trong mình ra, tìm một lúc rồi bảo Triệu Nhan:

- Năm nay nhà ngươi 19 tuổi, đáng lý phải chết, giờ đây ta thêm cho một chữ **cửu** lên trên hai chữ **thập cửu** thì ngươi sẽ sống tới **cửu thập cửu** tức là 99 tuổi. Nhưng ngươi về nhà nói

với gã Quản Lộ rằng: Từ nay phải chừa đi, chớ tiết lộ Thiên cơ nữa. Nếu không thì Trời sẽ khiển phạt nghe chưa?

Ông áo hồng cũng rút cuốn Bộ Sanh trong mình ra, rồi cũng tìm chỗ tên Triệu Nhan thêm vào một nét bút.

Một cơn gió thơm ngào ngạt thổi qua, hai Ông Tiên biến thành hai con hạc trắng bay lên mất hút.

Triệu Nhan mừng rỡ lạy tạ, rồi thu xếp ly chén trở về nhà. Khi gặp lại Quản Lộ và cha, Triệu Nhan thuật lại hết các việc, không quên thuật lại lời nhắn nhủ của hai ông Tiên cho Quản Lộ rõ. Triệu Nhan lại hỏi Quản Lộ hai ông Tiên ấy là ai?

Quản Lộ đáp:

- Ông Tiên áo hồng chính là ngôi Nam Đẩu, gọi là Nam Tào; còn ông Tiên áo trắng chính là ngôi Bắc Đẩu.

Triệu Nhan lại hỏi:

- Tôi nghe nói Bắc Đẩu có 7 vị, sao chỉ thấy có 1 ông?

Quản Lộ giải thích:

- Phân ra thì thành 7, kết hợp lại thì thành 1.

- Bắc Đẩu cầm Bộ Tử.
- Nam Tào cầm Bộ Sanh.

Nay đã sửa tuổi thọ của anh rồi thì anh còn lo chi nữa.

Từ đó, Quản Lộ lo sợ tội tiết lộ Thiên cơ nên không dám khinh suất nói hớ việc huyền bí cho ai biết nữa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KTHĐMP: Kinh Tụng Huỳnh Đệ Mãn Phần.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Nam thanh nữ tú

男清女秀

A: Good looking boy and pretty girl.

P: Beau jeune homme et charmante jeune fille.

Nam: Đàn ông con trai, trái với Nữ. **Thanh:** trong sạch.

Nữ: con gái. **Tú:** đẹp.

Nam thanh nữ tú là trai xinh gái đẹp.

Nam Thiệm Bộ Châu

南贍部洲

Nam: Phương Nam, nước VN, người VN. **Thiệm Bộ:** tên một giống cây. **Châu:** vùng đất lớn mà chung quanh là biển.

Theo Phật giáo, Nam Thiệm Bộ Châu là vùng đất lớn ở về phía Nam núi Tu Di, mà trên Châu này có mọc rất nhiều cây Thiệm bộ. Nam Thiệm Bộ Châu là châu của chúng ta đang ở, cũng có nghĩa là cõi Ấn Độ.

Theo Vũ Trụ quan của Đạo Cao Đài, Nam Thiệm Bộ Châu là tên của một Châu trong Tứ Đại Bộ Châu nơi cõi thiêng liêng, mà Thất thập nhị Địa (72 Địa cầu) nằm trong Tứ Đại Bộ Châu này. Địa cầu 68 của nhơn loại chúng ta nằm trong Nam Thiệm Bộ Châu. (Xem chi tiết nơi chữ: **Tứ Đại Bộ Châu, văn T**)

BXTCĐPTTT: Xin giải nàn *Nam Thiệm Bộ Châu*.

BXTCĐPTTT: Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần.

Nam trung

男中

A: In the men.

P: Dans les hommes.

Nam: Đàn ông con trai, trái với Nữ. **Trung:** ở giữa, ở trong.

Nam trung là trong giới đàn ông, tức là người đàn ông trong giới đàn ông.

TNHT: Gương soi hậu thế vẹn *nam trung*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NAN

NAN

NAN: 難 Khó.

Td: Nan đào, Nan phân, Nan y.

Nan đào

難逃

A: Difficult to escape.

P: Difficile à s'enfuir.

Nan: Khó. **Đào:** trốn, chạy trốn.

Nan đào là khó mà trốn thoát.

Kiếp số nan đào: không thể chạy trốn khỏi số mệnh.

Nan huynh nan đệ

難兄難弟

Nan: Khó. **Huynh:** anh. **Đệ:** em.

Nan huynh nan đệ là anh khó làm anh, em khó làm em.

Ý nói: Anh giỏi thì em khó xứng làm em, em giỏi thì anh khó xứng làm anh. Cả hai anh em đều tài giỏi.

Đời nhà Hán, hai anh em Nguyễn Phương và Quý Phương đều rất tài giỏi nên nói: "*Nguyễn Phương nan vi huynh, Quý Phương nan vi đệ.*"

Nan phân

難分

A: Difficult to distinguish.

P: Difficile à distinguer.

Nan: Khó. **Phân:** chia tách riêng ra.

Nan phân là khó phân biệt cái nào ra cái nào, vì chúng lẫn lộn vào nhau.

TNHT: Chánh Tà, Tà Chánh *nan phân*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nan trung chi nan

難中之難

A: A difficulty in several difficulties.

P: Une difficulté dans plusieurs difficultés.

Nan: Khó. **Trung:** ở trong. **Chi:** hư tự.

Nan trung chi nan là cái khó ở trong cái khó, ý nói: việc rất khó khăn, khó khăn dồn dập.

Nan y

難醫

A: Incurable.

P: Incurable.

Nan: Khó. **Y:** trị bệnh, chữa bệnh.

Nan y là bệnh khó trị, chứng bệnh rất khó chữa cho lành.

NÁO

Náo động nhơn tâm

鬧動人心

Náo: ồn ào. **Động:** làm cho rung động, lo lắng. **Nhơn tâm:** lòng người, lòng dạ của dân chúng.

Náo động nhơn tâm là làm cho lòng dạ dân chúng lo lắng không yên.

NÃO

Não cân

腦筋

A: Cerebral muscles.

P: Muscles cérébraux.

Não: Óc, não bộ. **Cân:** gân.

Não cân là hệ thần kinh của con người, là trung tâm của sự hiểu biết và cảm giác.

TNHT: Chớ nên xao động tâm trí, ngơ ngẩn theo thường tình thì *não cân* được tự mình.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Não loạn

惱亂

A: Sorrow and troubled.

P: Triste et troublé.

Não: phiền muộn. **Loạn:** bối rối.

Não loạn là phiền muộn và bối rối, chẳng được an lạc.

NĂM

Năm cây hương

A: Five sticks of incense.

P: Cinq baguettes d'encens.

Hương: cây nhang đốt cháy tỏa mùi thơm.

Khi chưa đốt gọi là Nhang, khi đốt lên thì gọi là Hương.

Phần Tiểu Dẫn: Cách thờ phượng và cúng kiếng, nơi phần đầu của Quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Hội Thánh viết như sau: "Khi cúng Thầy, phải đốt cho đủ năm cây hương, cắm hàng trong ba cây gọi là **Án Tam Tài**, thêm hàng ngoài hai cây nữa gọi là **Tượng Ngũ Khí**."

THIÊN NHÃN

2 1 3
4 5

Thứ tự cắm 5 cây hương:

Thứ tự cắm 5 cây hương này giống như khi chúng ta lấy dầu: Nam mô Phật, Pháp, Tăng. (Xem hình vẽ)

Án Tam Tài: Án là cầm giữ, đứng hàng ngang. Tam Tài là: Thiên, Địa, Nhơn. Án Tam Tài là ba ngôi Thiên Địa Nhơn đứng hàng ngang.

Tượng Ngũ Khí: tượng trưng 5 chất Khí, tức là 5 cái năng lực khởi đầu của vũ trụ. Ngũ Khí là chất khí nên không hình ảnh, thuộc thời Tiên Thiên, nhưng khi ngưng kết lại thì có hình ảnh, thuộc thời Hậu Thiên, tạo thành Ngũ Hành: Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giải thích như sau:

"Nói về 5 cây nhang, từ chữ Bàn đạo để cho các Nho gia tự do giảng giải sao thì giảng, còn Bàn đạo hiểu rõ là Ngũ Khí.

Chí Tôn dùng Ngũ Khí biến thành Ngũ Hành, vận chuyển Càn khôn thế giới, tức là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Mỗi chất đều có mỗi sắc, mỗi sắc đều có mỗi Khí. Mùi vị và sanh quang của nó, chúng ta không thể hưởng được, nghe được.

Nên chi, khi làm lễ đốt đủ Năm cây hương là đúng theo phép tín ngưỡng, là qui pháp lại, mọi vật trong Ngũ Khí dâng lễ cho Đức Chí Tôn, chỉ có Người vui hưởng qui pháp ấy mà thôi. Cốt nghĩa rõ rệt ra là Ngũ Khí đó vậy. Đúng hơn nữa là trong Bát hồn vận chuyển được phải nhờ đến Ngũ Khí, cùng một ý nghĩa với: Vạn vật đồng tinh niệm Chí Tôn."

Vậy Năm cây hương này là lễ hiến Ngũ Khí dâng lên Đức Chí Tôn.

Năm cây hương này, chữ Hán gọi là: **Ngũ hương** hay **Ngũ phần hương**. Do đó, một số vị giải thích ý nghĩa Năm cây hương theo y như Phật giáo. Điều này không phù hợp với lời giải thích của Đức Phạm Hộ Pháp, tức là không đúng theo giáo lý của Đạo Cao Đài.

Hơn nữa, Ngũ hương bên Phật giáo là *5 thứ hơi thơm*, chứ không phải là *5 cây nhang* đốt lên cắm vào lư hương khi làm lễ. Chúng ta sẽ thấy sau đây:

Theo Phật học Từ Điển của Đoàn Trung Còn, trang 397 cuốn II, giải thích Ngũ hương, chép ra:

"Ngũ hương là năm thứ hương, năm thứ hơi thơm.

Trong khi dâng các thứ hương như: trầm hương, quế hương, chiên đàn hương, v.v... cúng Phật, người ta cũng thành tâm mà dâng luôn năm thứ hương nơi mình:

1. Giải hương (Encens de la bonne conduite)
2. Định hương (Encens de la méditation)
3. Huệ hương (Encens de la sagesse)
4. Giải thoát hương (Encens de la délivrance)
5. Giải thoát tri kiến hương (Encens de la vue parfaite).

Giải hương: Hơi thơm của người có giải hạnh.

Người ấy lòng không chê bai kẻ khác, không hung dữ, không ganh hiềm ghét ngố, không tham không giận, không ép người và không gặt người.

Định hương: Hơi thơm của người tu thiền.

Người ấy giữ tâm tự nhiên, không phiền lụy vì sự thiện ác ở đời, không vui không giận, không sợ không mừng, tức là tâm chẳng loạn động.

Huệ hương: Hơi thơm của người đắc trí huệ.

Người ấy tâm được giải thoát, không chạy rượt theo danh lợi, không bị danh lợi ràng buộc mà sa vào thất tinh. Nhờ vậy, tâm được sáng suốt, phân biệt được việc thiện, ác.

Giải thoát hương: Hơi thơm của người được giải thoát.

Người ấy giữ cho tâm ý đừng có dính vào các sự ác trước, không theo bọn sư tà thuật phù chú, hùng cường mà làm việc thiện, dầu có bị hại cũng không nao.

Giải thoát tri kiến hương: Hơi thơm của người tự biết mình được giải thoát.

Người ấy được tâm tự tại, biết mình được giải thoát, thấy cái bản tánh Như Lai của mình.

Ngũ hương ấy cũng kêu là *Ngũ phần pháp thân hương*, năm sự thơm lành hiệp lại làm cái Pháp thân. Năm thứ hương ấy quý hơn tất cả các thứ hương bằng vật chất mà mình cúng dường lên Phật.

Ngũ hương lại là 5 thứ hương dùng để cúng Phật hoặc để làm thơm đồ vật:

1. Đàn hương. 2. Trầm hương. 3. Đinh hương.
4. Uất kim hương. 5. Long não hương.

Năm châu

A: Five continents.

P: Cinq continents.

Năm châu (Hán văn: Ngũ châu) là năm vùng đất lớn trên địa cầu. Năm châu gồm: Á châu, Âu châu, Mỹ châu, Phi châu, và Úc châu.

Năm châu là chỉ toàn cả thế giới, toàn cả nhơn loại.

TNHT: Độ hồn nay gọi khắp năm châu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Năm hằng

A: Five cardinal virtues.

P: Cinq vertus cardinales.

Năm hằng, chữ Hán là Ngũ thường, là năm đức tánh thường có của con người.

Năm hằng gồm: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

(Xem chi tiết nơi chữ: Tam cương - Ngũ thường, văn T)

KSH: Ba giếng nắm chặt, năm hằng chớ rời.

(Ba giếng - Năm hằng: dịch chữ Tam cương - Ngũ thường)

KSH: Kinh Sám Hối.

Năm sắc hoa tươi

A: The five fresh-coloured flowers.

P: Les fleurs fraîches de cinq couleurs.

Năm sắc hoa tươi là năm thứ hoa có năm màu tươi tốt dùng để dâng cúng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Hoa tượng trưng xác thân của chúng ta. Năm sắc hoa tươi ấy để tượng trưng Ngũ tạng hay là Ngũ quan của cơ thể chúng ta, mà Ngũ tạng hay Ngũ quan tương ứng với Ngũ

Hành (Kim, Thủy, Mộc Hỏa, Thổ), tức là tương ứng với năm màu khác nhau, kể ra:

NGŨ TẠNG:	NGŨ QUAN:	NGŨ HÀNH:
Tâm (tim)	Lưỡi	Hỏa (đỏ)
Can (gan)	Mắt	Mộc (xanh)
Tỳ (lá lách)	Miệng	Thổ (vàng)
Phế (phổi)	Mũi	Kim (trắng)
Thận (thận)	Tai	Thủy (đen)

Như thế, khi dâng năm sắc hoa tươi lên cúng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, nên chọn năm màu hoa tương ứng với Ngũ hành. Các hoa màu trắng, vàng, đỏ, xanh thì dễ có; riêng hoa màu đen không có thì thay bằng hoa màu đỏ sậm hay tím sậm.

BDH: Năm sắc hoa tươi xin kính lễ.

BDH: Bài Dâng Hoa.

NẮM

Nắm tâm

A: To keep the heart.

P: Conserver le coeur.

Nắm: Giữ chặt trong bàn tay. **Tâm:** lòng dạ, cái tâm.

Nắm tâm là giữ chặt cái tâm cho yên tĩnh, trong sạch, không cho vọng động ham muốn.

KKTD: Nắm tâm đắp vũng mặt thành Càn khôn.

KKTD: Kinh khi thức dậy.

Nắm tâm hương

A: A handful of perfumes of sincerity.

P: Une poignée de parfums de sincérité.

Nắm: một bó nhỏ vừa cầm trong bàn tay. **Tâm:** lòng dạ.

Hương: cây nhang đốt cháy tỏa mùi thơm.

Tâm hương là dùng tấm lòng thành làm nén hương dâng lên cầu nguyện.

Nắm tâm hương là lấy tấm lòng chơn thành làm bó hương dâng lên cầu nguyện.

KCTPĐQL: Nhớ nỗi hiếu khó ngăn nét thảm,
Tường nguồn ân đốt *nắm tâm hương*.

KCTPĐQL: Kinh cầu Tổ Phụ đã qui liểu.

NẠP

Nạp bất phu xuất

納不敷出

Nạp: nộp vào, thâm vào. **Bất:** không. **Phu:** đủ. **Xuất:** chi ra.
Nạp bất phu xuất là số thâm vào không đủ cho số xuất ra.

Nạp thái - Nạp trưng

(Xem: Lục lễ danh nghi, vần L)

NẶNG

NẶNG

NẶNG: 能 Khả năng, sức làm được việc, tài giỏi.
Td: Năng cứu, Năng thuyết.

Nặng cứu

能救

A: To have ability to save.

P: Être possible de sauver.

Năng: Khả năng, sức làm được việc, tài giỏi. **Cứu:** giúp cho thoát nạn.

Năng cứu là có khả năng cứu thoát.

DLCK: Năng cứu tật bệnh, *năng cứu* tam tai,....

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Năng du ta bà thế giới

能遊娑婆世界

Năng: Khả năng, sức làm được việc, tài giỏi. **Du:** đi xa. **Ta bà thế giới:** các cõi trần.

Năng du ta bà thế giới là có khả năng đi đến các cõi trần có chúng sanh sinh sống.

DLCK: *Năng du ta bà thế giới* độ tận vạn linh đấng qui Phật vị.

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Năng giả đa lao

能者多勞

Năng: Khả năng, sức làm được việc, tài giỏi. **Giả:** hư tự. **Đa:** nhiều. **Lao:** mệt.

Năng giả đa lao là tài giỏi thì mệt nhiều.

Người tài giỏi thì có nhiều việc để làm nên càng thêm mệt nhọc.

Năng lai năng khứ khinh khinh

能來能去輕輕

Năng: Khả năng, sức làm được việc, tài giỏi. **Lai:** tới. **Khứ:** đi. **Khinh khinh:** nhẹ nhàng.

Năng lai năng khứ khinh khinh: (chơn thân) có khả năng đến, có khả năng đi một cách nhẹ nhàng.

Năng mách bảo

A: To advise frequently. P: Adviser fréquemment.

Năng: (tiếng nôm) thường thường. **Mách:** báo cho biết. **Bảo:** nói cho biết điều hay lẽ phải.

Năng mách bảo là thường hay báo cho biết và dạy bảo.

KKĐN: Đáng thiêng liêng *năng mách bảo* giùm.

KKĐN: Kinh khi đi ngủ.

Năng thuyết bất năng hành

能說不能行

A: Good words and no deeds.

P: Bien dire mais non bien faire.

Năng: Khả năng, sức làm được việc, tài giỏi. **Thuyết:** nói lý lẽ nhằm làm cho người ta nghe theo. **Bất năng:** không khả năng. **Hành:** làm.

Năng thuyết bất năng hành là có khả năng nói mà không có khả năng làm, nói được mà không làm được, ý nói: người không thực tế, chỉ lý thuyết suông.

NÂU

Nâu sồng

A: Dark brown colour.

P: Couleur brune sombre.

Nâu: màu nâu. **Sồng:** màu dà, màu nâu tối.

Nâu sồng là màu nâu và màu dà. Hai màu này tối, không đẹp, được Phật giáo chọn để nhuộm quần áo cho các tăng ni mặc thường ngày, để tỏ ý không khoe đẹp, tiết kiệm, thể hiện hạnh tốt của người tu hành phế đời hành đạo.

Nâu sồng là chỉ người tu hành, hay việc tu hành.

TNHT: Nhuộm áo *nâu sồng* về Cực Lạc.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NỄO

Nễo

NỄO: (nôm) Lối đi, con đường đi.

Td: Nễo hạnh, Nễo hoạn, Nễo phiền.

Nễo hạnh

A: The path of plum-trees; the path of virtue.

P: Le chemin des pruniers; le chemin de vertu.

Nễo: Lối đi, con đường đi. **Hạnh:** cây hạnh, hay là đức hạnh.

■ *Nễo hạnh là con đường đi có trồng những cây hạnh ở hai bên đường, ý nói con đường đi đến trường học, bởi vì khi xưa, nơi Đức Khổng Tử dạy học có trồng rất nhiều cây hạnh, nên gọi nơi đó là Hạnh đàn 杏壇.*

TNHT: *Nễo hạnh* lâu soi gương nguyệt thắm,
Sân ngô rặng vẽ cảnh thu đưa.

■ *Nễo hạnh là con đường hạnh đức, tức là con đường trau dồi đức hạnh, con đường tu.*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nễo hoạn

A: Path of mandarin.

P: Chemin de mandarin.

Nễo: Lối đi, con đường đi. **Hoạn:** làm quan.

Nễo hoạn là dịch chữ: Hoạn lộ: con đường làm quan.

TNHT: *Nễo hoạn* buông khơi trí đặc tài.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nẻo phiền

A: Path of sadness.

P: Chemin de tristesse.

Nẻo: Lối đi, con đường đi. **Phiền:** buồn rầu lo lắng.

Nẻo phiền là con đường phiền não, đó là con đường đòi tranh danh đoạt lợi, giết giành quyền tước.

TNHT: Dẫn khách phồn hoa lánh *nẻo phiền*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NÊ

Nê hoàn cung

泥環宮

A: The sternum.

P: Le sternum.

Nê: bùn, vật gì giống như bùn. **Hoàn:** vòng tròn. **Cung:** một bộ phận.

Nê hoàn cung là cái mỏ ác ở đỉnh đầu.

Khi đứa bé mới sanh ra, xương mỏ ác chưa mọc đầy đủ nên nhìn thấy chỗ đó hơi lõm vào, có dạng hình tròn, mềm mềm, nhấp nhô theo nhịp tim, đó là Nê hoàn cung.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giảng giải về Nê hoàn cung như sau:

"Cái ấy định mạng sanh của con người, nó là trung tâm điểm của cả cơ thể, khôn ngoan hiển hách của kiếp sống con người, mà nó ở ngay Nê hoàn cung, tức nhiên nó ở ngay mỏ ác, cho nên con nít, đầu nó mới sơ sanh đã mềm, lớn lên mới cứng. Tại sao mềm?"

Tại ở trong khiếu ấy có ba hột tối tiểu, nó tế nhuyễn đến nỗi con mắt chúng ta không thấy được, nhưng dùng kính hiển vi mới trông thấy nó rõ ràng được. Ba hột ấy không phải là vật chất mà cũng không phải là khí chất. Ba hột tế nhuyễn như thể

hột mè, nhỏ vậy thôi, xoay chuyển bên mặt qua bên trái, một hột dương, hai hột âm, nó xoay chuyển cả với nhau mới sanh ra điện lực, mà điện lực ấy, ngay chỗ đó là cái linh hồn của chúng ta tương liên với chơn thần, nó tương liên với xác thịt ta, nó là cái khiếu khôn ngoan của con người. Do tại chỗ khiếu ấy, chơn linh của chúng ta điều khiển cả hình xác.

Trí khôn ngoan ấy nó phải đi một chiều và nó đi có mục thước, có độ lượng, hễ nó ngừng lại thì cái trí phải mờ ám (đương chạy mà vụt ngừng, kẻ đó có cái trí mờ ám, không sáng suốt, không thông minh), mà nó vận hành nhiều chừng nào, cái trí hoạt bát của con người nhiều chừng ấy, mà hễ nó đi quá độ lượng thì con người trở nên điên khùng ngay đại.

Ấy vậy, cái kẻ tài nhân khôn ngoan đáo để đó, nó gần cái mức khùng, điên đại, đi quá độ lượng tức nhiên nó phải điên phải ngậy. Chúng ta trước ngó thấy cái tình trạng các bậc học nhiều, chúng ta nghe trước ông cha chúng ta thường nói: các nhà đa văn quảng kiến hay khùng (xưa kêu là điên chữ), tình trạng nó như vậy.

Đức Chí Tôn mở khiếu cho chúng ta, mở khiếu đặng định chuẩn thẳng, đừng quá cái mức vận hành của nó.

Đạo pháp của Đức Lão Tử biểu chúng ta phải tịnh đặng nhập vào cái cảnh bất nhập, tức nhiên là hư vô, cốt yếu cho ba hột ấy chạy cho có mục thước, nó chạy dịu dàng, đừng cho loạn, đừng cho quá sức của nó. Loạn tức nhiên điên, phải để cho ba hột chạy vừa chừng, đặng cho cái chơn linh của chúng ta có phương thế điều khiển cả hình xác chúng ta trong mục thước khuôn khổ luật định của nó, không quá sức."

Khiếu Huyền Quan của con người cũng ở tại Nê hoàn cung. Nó là một khiếu quan trọng nhứt nên gọi là Tổ khiếu của các khiếu.

Trong phép Luyện đạo, Nê hoàn cung còn được gọi là Thiên môn, Côn Lôn đảnh, và cũng gọi nó là Cao Đài (Đầu thượng viết Cao Đài), vì nơi đó, chơn linh điều khiển chơn thần của con người.

Trong quyển Dưỡng Chơn Tập của ông Nguyễn Minh Thiện, trang 40 nói về Thân, chỉ rõ vị trí của Nê hoàn cung, xin chép ra sau đây để có thêm tài liệu nghiên cứu:

"Trong thân con người ở phía trước có ba cung là: Nê hoàn cung, Giáng cung và Huỳnh Đình cung, là chỗ Thần, Khí đình trú.

Nê hoàn cung cũng gọi là Thượng đơn điền, ở trong chính giữa cái đầu, phía trước là mi gian, phía sau là ả Ngọc Châm, phía hữu và phía tả là hai lỗ tai. Chớ lầm tưởng là huyết Bá hội ở trên đỉnh đầu.

Dưới cái tâm huyết có một khiếu gọi là Giáng cung, là chỗ rỗng cọt giao hội.

Từ Giáng cung xuống ngay 3 tấc 6 phân, gọi là Thổ phủ, là Huỳnh Đình, ấy là Trung đơn điền."

NỆ

Nệ cổ

泥古

A: To be infatuated with old ideas.

P: Être entiché des idées surannées.

Nệ: câu nệ, cố chấp. **Cổ:** xưa.

Nệ cổ là cố chấp theo xưa, tức là không chịu cải biến theo mới cho hợp thời.

NI

Ni Kim Cô

尼金箍

A: The hood of female bonze.

P: Le capuchon de bonzesse.

Ni: người phụ nữ xuất gia đi tu. **Kim:** vàng. **Cô:** cái vành, cái đai.

Kim Cô là một cái vành tròn bằng vàng.

Đạo phục của Nữ Đầu Sư có đội một cái Ni Kim Cô bằng hàng trắng, y như các vãi chùa, có thêu bông sen, bao quanh đầu một cái Kim Cô bằng vàng, trên Ni Kim Cô ấy phải choàng một cái mào Phương Thiên, nghĩa là một cái choàng bằng hàng cho thiệt mỏng, trên chót thêm một cái mũ bằng vàng chụp tròn đầu tóc, chính giữa, ngay trước mặt có chạm Thiên Nhân Thầy, bao quanh một vòng minh khí. Cái choàng của mào Phương Thiên phải cho thiệt dài, 3 thước 3 tấc 3 phân, vì mỗi phen lên ngự trên ngai thì phải có hai vị Lễ Sanh nữ phái theo sau, nâng đỡ chằng cho phết dưới đất.

Nữ Chánh Phối Sư, Nữ Phối Sư, Nữ Giáo Sư đều đội Ni Kim Cô bằng hàng trắng, phải cho dài từ đầu tới gót.

Ni cô: 尼姑 người phụ nữ xuất gia tu theo Phật giáo.

Ni sư: 尼師 là Ni cô tu lâu năm, có trình độ cao, làm thầy các Ni cô khác trong chùa.

NIÊM

NIÊM

1. **NIÊM:** 拈 Cầm đưa lên.
Td: Niêm hoa vi tiếu.
2. **NIÊM:** 黏 Dán cho dính vào.
Td: Niêm yết.

Niêm hoa vi tiếu

拈花微笑

Niêm: Cầm đưa lên. **Hoa:** cái bông. **Vi:** nhỏ. **Tiểu:** cười.
Niêm hoa: cầm cái hoa đưa lên. **Vi tiếu:** cười mỉm.

Niêm hoa vi tiếu: nói đầy đủ là: "Thế tôn niêm hoa, Ca Diếp vi tiếu." Nghĩa là: Đức Phật Thích Ca cầm cái hoa đưa lên, ông Ma Ha Ca Diếp mỉm cười.

Đây là một câu chuyện rất quan trọng của Phật giáo, được xem là đầu mối của Phật giáo Thiền Tông.

1. Theo sách Liên Đăng Hội Yếu, Thích Ca Mâu Ni Phật chương:

"Trong cuộc hội ở núi Linh Sơn, Đức Thế Tôn giơ cành hoa ra hiệu cho đại chúng. Mọi người đều im lặng không hiểu ý gì, chỉ có một mình ông Ma Ha Ca Diếp rạng rỡ mỉm cười. Đức Thế Tôn nói:

- Ta có Chánh pháp Nhãn tạng, Niết Bàn Diệu Tâm, Thực tướng Vô tướng, Vi diệu Pháp môn, bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trao phó cho Ma Ha Ca Diếp.

Xưa nay Thiền Tông đều coi câu nói ấy của Đức Thế Tôn là quan trọng nhất của Tông môn. Tông này lấy Tâm truyền Tâm làm chỗ dựa để khai ngộ."

Nhưng việc này chép ở kinh nào? do ai truyền thuật? Các Kinh Luận đã thu vào trong Đại Tạng đều không thấy ghi chép việc này. Các bậc Tông sư đời nhà Tùy, Đường, cũng không có nói đến.

Đến đời Tống, Vương An Thạch mới nói tới việc này.

2. Theo sách Tông môn Tạp lục:

"Vương An Thạch, tức Vương Kinh Công, hỏi Tuệ Tuyền Thiền sư:

- Thiền Tông nói Đức Phật Thích Ca giơ cành hoa lên là có xuất xứ ở kinh điển nào?

Tuệ Tuyền đáp:

- Tạng Kinh cũng không thấy chép việc này.

Vương An Thạch nói:

- Tôi vào trong Hàn Uyển, ngẫu nhiên thấy có bộ Đại Phạm Thiên Vương Vấn Phật Quyết Nghi Kinh, gồm 3 quyển, nhân đó mà đọc, thấy sách ghi chép rất tường tận việc Phạm Vương đến núi Linh Sơn, dâng Phật một cành hoa Ba-la vàng,

rồi xả thân làm sàng tọa, thỉnh Phật vì chúng sanh thuyết pháp.

Đức Thế Tôn đang tọa, giờ canh hoa lên cho đại chúng xem. Nhân thiên trăm vạn không ai hiểu ý gì, chỉ có một vị đầu đà nước da vàng ánh rạng rỡ mỉm cười. Đức Thế Tôn bèn nói:

- Ta có Chánh pháp Nhân tạng, Niết Bàn Diệu tâm, Thực tướng Vô tướng, trao lại cho Ma Ha Ca Diếp.

Kinh này nói nhiều đến việc các đế vương tôn sùng thỉnh vấn Phật, cho nên giữ làm Bí Tàng, người thế tục không được biết đến." (Theo Từ Điển Phật Học Hán Việt)

Ý NGHĨA:

Ca Diếp thấy Phật đưa cái bông lên mà không nói, Ca Diếp cũng không nói, nhưng nét mặt hơn hờ mỉm cười, là ông đã rõ thấu Chánh pháp của Phật, nó ẩn tàng sâu kín vi diệu bên trong, tuy có tướng mà không có tướng. Cái bông là biểu hiệu của Tâm, sự im lặng là biểu hiệu của Pháp. Tâm với Pháp tuy có mà không, tuy không mà có.

Ca Diếp đã biết đem Nhân với Tâm phối hiệp mà tương ứng nhau. Thần quang từ Mắt phát dụng, mà Thần quang chính là Linh quang của Tụ Tánh, nó vốn ở nơi bản Tâm. Đem Thần quang phối hiệp với bản Tâm thì Tâm được quang minh tự tại. Còn nếu đem Thần quang vọng ra ngoài, nhiễm lấy trần cảnh thì Tâm bị vọng động hôn mê. Ca Diếp đã dùng Mắt xem Tâm, thấu Thần nơi con Mắt, khiến nó trở về Tâm khiếu, gọi là phép Hồi Quang Phản Chiếu, hay là Phản Bản Hoàn Nguyên. Ấy là bí quyết về Tâm không, vô chấp vậy.

Phật đưa cái bông lên là ý Ngài đưa cái Tâm duy nhất lên cho tăng chúng thấy. Thế mà tăng chúng chỉ thấy bông chứ không thấy Tâm. Chỉ có Ca Diếp là thấy được Tâm, quán triệt được chỗ vi diệu của Chánh pháp của Phật, không bị cái tướng của cái bông che mắt, nên mới đạt được Tâm ẩn bí truyền của Phật. Vì vậy mà Đức Phật Thích Ca mới giao ngôi Nhất Tổ Phật giáo cho Ma Ha Ca Diếp.

Câu chuyện Niêm Hoa Vi Tiểu này được xem là hột giống Thiền mà Đức Phật Thích Ca đã gieo vào Phật giáo lúc Phật còn sanh tiền.

Nhưng hạt giống ấy không nảy nở được ở đất nước Ấn Độ, phải chờ đợi đến đời Tổ Sư thứ 28 là Bồ Đề Đạt Ma, Ngài mới đem hạt giống Thiền ấy gieo vào đất Trung Hoa thì nó mới nảy nở và phát triển rục rờ vào thời Lục Tổ Huệ Năng, và được truyền lại cho đến ngày nay.

Niêm luật

黏律

A: Prosodical rule.

P: Règle de la prosodie.

Niêm: Dán cho dính vào. **Luật:** phép tắc.

Niêm luật là phép dính nhau, tức là luật về âm thanh (bằng trắc) trong một bài Thơ Đường và luật gieo vần. (Xem chi tiết nơi chữ: Thơ Đường luật, vần Th).

Niêm yết

黏揭

A: To affix.

P: Afficher.

Niêm: Dán cho dính vào. **Yết:** bày tỏ ra, bảo cho biết.

Niêm yết là dán giấy lên để thông báo cho mọi người.

NIỆM

NIỆM

NIỆM: 念 Tưởng nghĩ tới, tư tưởng, đọc lên.

Td: Niệm hương chú, Niệm kinh.

Niệm hương chú

念香咒

A: The rite of the offering of incenses.

P: Le rite de l'offre des encens.

Niệm: Tưởng nghĩ tới, tư tưởng, đọc lên. **Hương:** cây nhang đốt cháy tỏa mùi thơm. **Chú:** bài cầu nguyện.

Niệm hương chú là bài kinh đọc lên khi đốt nhang dâng lên Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng để cầu nguyện.

Niệm hương chú cũng được gọi là Phần hương chú, là bài chú đốt nhang.

Câu xướng của Lễ sĩ: "*Thành kính tụng Niệm hương chú*", nghĩa là: Thành kính tụng bài kinh Niệm hương.

Niệm niệm bất vong

念念不忘

Niệm: Tưởng nghĩ tới, tư tưởng, đọc lên. **Bất:** không. **Vong:** quên.

Niệm niệm bất vong là nhớ tưởng không quên.

Niệm Phật

念佛

A: To invoke the Buddha.

P: Invoquer le Bouddha.

Niệm: Tưởng nghĩ tới, tư tưởng, đọc lên. **Phật:** Đức Phật.

Niệm Phật là đọc danh hiệu của Đức Phật, và tưởng nghĩ tới công đức, lòng từ bi của Đức Phật.

NIÊN

NIÊN

NIÊN: 年 Năm, tuổi.

Td: Niên đại, Niên giám.

Niên cao đức thiệu

年高德邵

Niên: Năm, tuổi. **Cao:** lớn. **Đức:** đạo đức. **Thiệu:** cao.

Niên cao đức thiệu là tuổi lớn, đạo đức cao.

Đôi liên Hội Thánh Hàm Phong:

聖會年高顧問九重心不倦

銜封德邵執中一貫位何憂

*Thánh Hội niên cao cố vấn Cửu Trùng tâm bất quyện,
Hàm Phong đức thiệu chấp trung quán nhất vị hà ưu.*

Nghĩa là:

Nhiều Chức sắc lão thành của Hội Thánh Hàm Phong làm cố vấn cho CTĐ, lòng không mỏi,

Những Chức sắc Hàm phong đức cao, giữ đúng theo đạo của Đức Khổng Tử, lo gì không đạt ngôi vị.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Niên đại

年代

A: Year and generation.

P: Année et génération.

Niên: Năm, tuổi. **Đại:** đời, thời đại.

Niên đại là thời đại và năm ghi lại những sự việc quan trọng trong lịch sử.

Niên giám

年鑑

A: Annuary, Year book.

P: Annuaire, Annales.

Niên: Năm, tuổi. **Giám:** chép các việc trước để làm gương soi.

Niên giám là sách ghi chép các việc quan trọng xảy ra trong một năm theo thứ tự ngày tháng để tiện việc tra xét về sau.

Niên quang tỵ tiễn

年光似箭

Niên: Năm, tuổi. **Quang:** sáng, hết. **Tỵ:** giống như. **Tiễn:** cái tên để bắn.

Niên quang tỵ tiễn là năm hết như tên bắn, ý nói thời gian qua mau như tên bắn.

NIẾT

Niết Bàn

涅槃

A: Nirvana.

P: Nirvana.

Niết Bàn: do phiên âm từ tiếng Phạn: Nirvana, hay tiếng Pali: Nibbàna. Theo nghĩa tiếng Phạn: Niết (Nir) là ra khỏi, Bàn (vana) là rừng. Niết Bàn là ra khỏi rừng mê tối, rừng phiền não, rừng sanh tử luân hồi.

Niết Bàn là cảnh giới hoàn toàn sáng suốt, thanh tịnh, tốt đẹp, là cảnh giới cuối cùng mà người tu hành theo Phật giáo mong muốn đạt được.

Niết Bàn được dịch ra Hán văn là:

- **Diệt:** dứt như quả sanh tử, dứt nghiệp luân hồi.
- **Diệt độ:** dứt như quả sanh tử, qua khỏi dòng nước mạnh.
- **Tịch diệt:** trống không lặng lẽ, dứt như quả sanh tử.
- **Bất sanh:** chẳng còn sanh ra nơi cõi trần.
- **An lạc:** an ổn khoái lạc, hết khổ.
- **Giải thoát:** lìa khỏi các phiền não.

Đối với Phật giáo Nam Tông, nhập Niết Bàn là được vào nơi nghỉ ngơi trọn vẹn, dứt hết tất cả thể chất và tinh thần.

Đối với Phật giáo Bắc Tông, nhập Niết Bàn là vào cõi cao rốt, sau khi linh hồn đã qua khỏi các cuộc từng trải và tiến bộ.

Hồi Đức Phật Thích Ca thành đạo và giáo độ chư đệ tử, pháp môn của Ngài chia ra làm hai thời kỳ: thời kỳ đầu về Tiểu thừa, thời kỳ sau là Đại thừa.

Trong thời kỳ Tiểu thừa, Ngài khuyên các đệ tử diệt phần phiền não để đắc quả La Hán, đắc Niết Bàn tại thế (Hữu Dư Niết Bàn) và đến chừng tịch thì nhập hẳn vào Niết Bàn trọn vẹn (Vô Dư Niết Bàn).

Đến thời kỳ Đại thừa, Đức Phật dạy rằng, thành La Hán và nhập Niết Bàn tạm mà thôi, phải lo đắc Đại Niết Bàn, tức là Niết Bàn của Phật Thế Tôn, Phật Như Lai.

La Hán, tuy đã đắc đạo và nhập Niết Bàn, vào nơi an nghỉ, nhưng là cảnh yên nghỉ tạm thời, rồi đây các vị La Hán ấy còn phải tu học nữa đặng về sau thành Phật Thế Tôn.

Đức Phật nói tóm tắt cảnh trí của bậc đắc Niết Bàn của Phật Thế Tôn như sau đây: Cái tâm giác ngộ, trong sạch hoàn toàn, nhà đạo thành Phật đến Niết Bàn. Người lướt tới cảnh tuyệt cao, cũng như kẻ lên tới đỉnh núi tuyết, ở trên còn mệnh mỏng một bầu trời xanh mà thôi. Thần Tiên quả vị thấp hơn, ước được như người. (Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn T. Còn)

Đối với Phật giáo, cõi Niết Bàn có nhiều từng lớp như: Hữu Dư Niết Bàn, Vô Dư Niết Bàn, Đại Bát Niết Bàn.

Trong Đạo Cao Đài, từ ngữ Niết Bàn dùng để chỉ cõi của chư Phật. CLTG là cõi của chư Phật nên được gọi là Niết Bàn, nơi đó có Niết Bàn Cảnh.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

NINH

NINH

NINH: 寧 Thà là, cam đành.

Td: Ninh nhân phụ ngã, Ninh thọ tử.

Ninh nhân phụ ngã, vô ngã phụ nhân

寧人負我,無我負人

Ninh: Thà là, cam đành. **Nhân:** người. **Phụ:** phụ phàng, phản bội. **Ngã:** ta. **Vô:** không, đừng.

Ninh nhân phụ ngã: thà là để người phụ mình.

Vô ngã phụ nhân: chớ ta đừng phụ người.

Ninh thọ tử, bất ninh thọ nhục

寧受死,不寧受辱

Ninh: Thà là, cam đành. **Thọ:** chịu, nhận lấy. **Tử:** chết. **Nhục:** ô nhục.

Ninh thọ tử: thà chịu chết.

Bất ninh thọ nhục: không đành chịu nhục.

Ninh vi kê khẩu, vật vi ngưu hậu

寧為雞口,勿為牛後

Ninh: Thà là, cam đành. **Vi:** làm. **Kê:** con gà. **Khẩu:** miệng. **Vật:** chớ. **Ngưu:** con trâu. **Hậu:** sau. **Ngưu hậu:** đuôi trâu.

Ninh vi kê khẩu: thà làm miệng con gà.

Vật vi ngưu hậu: chớ làm đuôi trâu.

Tô Tần Liệt truyện viết: Thà làm đầu gà chớ không làm đuôi trâu. Nay phía Tây gần với nước Tần mà phải thờ Tần thì có khác gì làm đuôi trâu!

Đời sau dùng câu nói này làm thành ngữ để nói lên cái ý muốn độc lập tự chủ: Thà làm vua một nước nhỏ còn hơn làm quan đại thần của một nước lớn.

NỊNH

Nịnh thần

佞臣

A: Flattering courtier.

P: Courtisan flatteur.

Nịnh: nịnh hót làm người trên vui lòng. **Thần:** bề tôi.

Nịnh thần là kẻ bề tôi gian nịnh, nên nịnh thần cũng là gian thần.

TNHT: Phát chủ quét tan lũ *nịnh thần*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NÓI

Nói hành

A: To speak ill of.

P: Médire.

Nói hành là dùng lời nói làm cho người nghe phải đau khổ tinh thần.

Nói hành cũng là một hình thức Vọng ngữ.

TL: Ngũ bát vọng ngữ: là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người, khoe mình, bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng, *nói hành* kẻ khác,....

TL: Tân Luật.

Nói tội

A: Venomous tongue.

P: Mauvaise langue.

Nói tội là nói ra lời nói tội lỗi.

Đó là lời nói ác độc, có ý đe dọa, làm người nghe lo sợ, tuy chỉ nói chớ không làm nhưng phải bị khẩu nghiệp nặng nề.

TNHT: Thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con *nói tội* mà phải mang trọng hình đồng thể.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NON

Non bồng nước nhược

A: The fairy land.

P: Le pays des immortels.

Non bồng: dịch chữ Bồng sơn, là núi Bồng Lai nơi cõi thiêng liêng. Bồng sơn ở trên một hòn đảo gọi là đảo Bồng Lai. Tương truyền, Bát Tiên ở trong 8 động trên núi Bồng Lai.

Nước nhược: dịch chữ Nhược thủy là nước yếu. Nước này không đỡ nổi một hạt cải, nghĩa là bỏ hạt cải trên nhược thủy thì hạt cải chìm xuống. Tương truyền, chung quanh đảo Bồng Lai là biển nhược thủy.

Non Bồng nước nhược là chỉ cõi Tiên, cảnh Tiên.

Non Côn

Non Côn là núi Côn lân. Theo truyện Phong Thần, Đức Lão Tử và Đức Ngươn Thủy Giáo chủ Xiển giáo ở núi Côn Lôn, còn Thông Thiên Giáo chủ Triệt giáo ở Động Bích Du.

Do đó, núi Côn lân là chỉ Xiển giáo, tức Chánh đạo; động Bích Du chỉ Triệt giáo, tức Tà đạo.

TNHT: Ngọc sáng non Côn đà gập nẻo,
Lối mòn động Bích chớ lằm đường.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Non Kỳ reo tiếng phụng

Non Kỳ: núi Kỳ sơn thuộc đất Tây Kỳ thời Phong Thần nước Tàu. **Phụng:** con chim phụng, một loài trong Tứ Linh.

Non Kỳ reo tiếng phụng là phụng gáy Kỳ sơn, là điềm lành báo cho biết có Chúa Thánh ra đời tại đất Tây Kỳ, mở ra một thời thanh bình và thịnh vượng cho dân chúng.

Điềm tích: Vào thời vua Trụ, tại đất Tây Kỳ, khi vua Châu Văn Vương ra đời thì có chim phụng đến đậu trên núi Kỳ sơn gáy reo lên. Mọi người cho đó là điềm lành, báo cho biết, vua Văn Vương là chúa Thánh. Quả thật, Văn Vương là vị minh quân, trọng hiền đãi sĩ, thương dân như con đẻ, rước Khương Thượng đang câu cá ở Bàn Khê về triều, phong làm Thừa Tướng, lấy đức cai trị muôn dân.

Thành ngữ: **Non Kỳ reo tiếng phụng, Phụng gáy Kỳ sơn**, chỉ điềm lành, có Thánh nhân ra đời, lập đời thanh bình thịnh trị.

TNHT: Kia lóng non Kỳ reo tiếng phụng,
Này xem nước Lỗ biến hình Lân.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Non thẳm

A: Distant mountain.

P: Montagne lointaine.

Non: núi. **Thẳm:** xa lắm, xa mùt tầm mắt.

Non thẳm là núi ở chỗ xa xôi hoang vắng.

TNHT: Sanh nhằm đời có một Đạo chánh chẳng phải dễ, mà bước lên con đường chông gai, lẫn vào *non thẳm* kiếm ngọc lại càng khó.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Non Thần

A: Mountain of immortals.

P: Montagne des immortels.

Non: núi. **Thần:** ý nói các vị Thần Tiên.

Non Thần là núi có các vị Thần Tiên ở, chỉ cảnh Tiên.

TNHT: Non Thần vệt ngút tới tìm phương.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Non xé hành thung

A: At the old age.

P: À la vieillesse.

Non xé: cảnh núi về chiều, ánh sáng đã xé qua đầu.

Nhành thung: cảnh cây thông.

Non xé nhành thung là cảnh núi về chiều, mặt trời đã xé bóng đến cảnh cây thông, ý nói lúc tuổi già.

TNHT: Non xé nhành thung oanh nhật thúc,
Rừng tà đảnh hạc khách trông mong.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NỘ

Nộ khí xung Thiên

怒氣衝天

A: The towering rage.

P: La colère s'élève jusqu'au ciel.

Nộ: giận. **Khí:** hơi. **Xung:** xông lên. **Thiên:** Trời.

Nộ khí xung Thiên là khí giận xông lên tới Trời, ý nói: sự tức giận dữ dội lắm.

NỘI

NỘI

NỘI: 內 Trong, bên trong, trái với Ngoại.
Td: Nội khảo, Nội luật, Nội nghi.

Nội bất xuất - Ngoại bất nhập

內不出 - 外不入

Nội: Trong, bên trong, trái với Ngoại. **Bất:** không. **Xuất:** đi ra. **Ngoại:** bên ngoài. **Nhập:** đi vào. **Bất nhập:** không đi vào.

Nội bất xuất: Cấm người ở trong đi ra ngoài.

Ngoại bất nhập: Cấm người ở ngoài đi vào trong.

Nội dung - Ngoại dung

內容 - 外容

A: Content - External aspect.

P: Contenu - Aspect extérieur.

Nội: Trong, bên trong, trái với Ngoại. **Ngoại:** ngoài. **Dung:** sức chứa, hình dáng.

- *Nội dung là những điều chứa đựng bên trong.*

- *Ngoại dung là hình thức phô diễn bên ngoài.*

Đối với một nền tôn giáo:

- Nội dung là những điều chứa đựng bên trong của tôn giáo, gọi là Nội giáo vô vị, như Bí pháp Tâm truyền.

- Ngoại dung là những hình thức bên ngoài của tôn giáo, gọi là Ngoại giáo công truyền, như: Nghi lễ, Kinh kệ, Giáo lý.

CG PCT: Mỗi phái là một vị, mà ba đạo vẫn khác nhau, *nội dung, ngoại dung* đều khác hẳn, luật lệ vốn không đồng, chỉ nhờ Tân Luật làm cơ qui nhứt.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Nội giáo vô vi - Ngoại giáo công truyền

內教無為 - 外教公傳

A: The Esoterism - The Exoterism.

P: L' Esotérisme - L' Exotérisme.

Nội: Trong, bên trong, trái với Ngoại. **Giáo:** dạy. **Vô vi:** thuộc về vô hình.

Ngoại: ngoài. **Công:** chung. **Công truyền:** truyền bá rộng rãi cho người đời.

Bất cứ một nền tôn giáo nào cũng đều phải có hai phần:

- Phần Bí pháp, còn gọi là Nội giáo Vô vi.
- Phần Thể pháp, còn gọi là Ngoại giáo Công truyền.

1. Nội giáo Vô vi: là dạy ở bên trong những Tâm pháp bí truyền để luyện đạo. Phần này được thực hiện trong Tịnh Thất. Phần Nội giáo vô vi thuộc trách nhiệm của HTĐ, mà người nắm Bí pháp của Đạo là Đức Hộ Pháp.

Nội giáo vô vi là phần Thiên đạo, dành cho bậc tu thượng thừa cầu giải thoát, sau khi đã hoàn thành phần Nhơn đạo. Người thọ Tâm pháp bí truyền luyện đạo phải ở trong Tịnh Thất, dưới quyền của một Tịnh chủ, và không được truyền pháp cho một người nào khác nếu không có phép của Tịnh chủ.

Nhờ Nội giáo vô vi, Tâm pháp bí truyền, người tu có thể luyện được Kim đơn, đắc thành Tiên, Phật tại thế.

2. Ngoại giáo Công truyền: là dạy rộng rãi cho nhơn sanh bên ngoài về đạo đức, độ người bước chân vào Đạo tu hành, để các tín đồ nương theo đó mà tu thân và lập công quả. Đó là Thể pháp nên cần có âm thanh sắc tướng, áo mũ cân đai, phô diễn ra ngoài, giục lòng sanh chúng, ưa thích tu hành, dẫn dắt vào đường đạo đức, tu phần Nhơn đạo, chuẩn bị bước đường Thiên đạo sau này.

Như vậy, Ngoại giáo Công truyền là phần phổ độ chúng sanh, thuộc về trách nhiệm của CTĐ và Cơ Quan Phước Thiện.

Ngoại giáo công truyền như là cái cửa, phải đi vào cái cửa này rồi thì mới gặp được Nội giáo Vô vi, Tâm pháp bí truyền mà luyện đạo, thành Tiên tác Phật tại thế.

"Cao Đài Đại Đạo thuộc về phần Tiên Thiên Vô vi tức là Nội giáo vô vi, Tâm pháp bí truyền, chỉ cách tu tánh luyện mạng mà phần bản hoàn nguyên, siêu phàm nhập Thánh. Cao Đài Đại Đạo chỉ rõ chơn lý căn cơ của Trời Đất để chọn lựa riêng (phần ít) những người có tánh cách nguyên nhân chán đời tầm đạo, gác vòng danh lợi, phé dẹp tình đời, không lưu luyện hồng trần, cầu bất sanh bất tử. Đó là khoa Nội giáo tâm truyền khẩu thọ, luyện đạo tu đơn.

Còn Cao Đài Tôn giáo tức là Ngoại giáo công truyền, để phổ thông đạo đức, độ người mới bước đầu tiên vào tầm chơn lý, nên chi còn dùng hình thức bề ngoài mà giục lòng sanh chúng, có áo rộng mào cao, tước phẩm Chức sắc Thiên phong làm cho vẻ vang trật tự. Thầy hay vừa lòng chúng sanh, muốn món chi Thầy cho món nấy: đưa thì ham ăn ngọt, đưa lại thích món chua. Nào ngọt nào chua, cay chát, con nào dùng món nào Thầy cũng sẵn sẵn cho các con món ấy.

Đạo là vô vi vô hình, còn tôn giáo là cái cửa. Mỗi người muốn thành Phật Tiên, phải chun qua cái cửa ấy rồi vô trong mới tới Đạo.

Nhưng Thầy thấy phần nhiều các con lấy làm ngạc nhiên về lẽ đó. Sao lại chia nhiều phái nhiều chi, chỗ lại thích vô vi, nơi thì dùng hình thức? Đó là cái cơ tấn hóa của Nhơn sanh. Thầy để chọn Thánh phàm phàm, lọc lừa sàng sảy, nhưng cũng tại lòng dục vọng của các con ham món này, muốn vật kia, ưa pháp lạ, mới chia ra Tịnh Thất, Tịnh đường, chi này phái nọ, thấp cao tranh biện.

Sự ấy là giả, bào ảnh bề ngoài, mà dầu cho thật đi nữa, các con luyện thành bửu pháp thì các con cũng không thể làm cho các con thoát khỏi luân hồi. Muốn luyện thành pháp nhiệm thần thông, trước hết phải tu thân, chánh tâm cho chí thiện chí mỹ, mà hề luyện đặng chí thiện thì mới đoạt chí linh.

Đạo Thầy là vô vi, không huyền diệu thần thông chi cả, cốt dạy người nên đạo đức hoàn toàn, thành Phật, Tiên, chớ không truyền bửu pháp như bên Tả đạo. Hễ thấy môn đệ, bắt

cứ ai cũng ban, chớ không lựa chọn người hạnh đức, hiền lương. Trao như vậy có phải là phá đời hại chúng không?" (ĐTCG)

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

Nội khảo - Ngoại khảo

內考 - 外考

Nội: Trong, bên trong, trái với Ngoại. **Ngoại:** ngoài. **Khảo:** khảo đảo, thử thách để biệt phân phạm Thánh.

- *Nội khảo là người trong nhà khảo đảo với nhau, hay người cùng một đạo khảo nhau.*

- *Ngoại khảo là người bên ngoài khảo đảo người bên trong, hay người ngoài đời khảo đảo người trong đạo.*

Sự khảo đảo này là cần thiết để xác định trình độ đạo đức của người tu. Hễ vượt qua được một lần khảo thì trình độ đạo đức tiến cao một bậc. (Xem chi tiết nơi chữ: **Ma khảo, vàn M**)

Nội luật

內律

A: Interior rules.

P: Règlements intérieurs.

Nội: Trong, bên trong, trái với Ngoại. **Luật:** luật lệ, phép tắc.

Nội luật là các phép tắc đặt ra cho một cơ quan mà mọi người trong cơ quan phải tuân theo để công việc của cơ quan tiến triển trật tự và tốt đẹp.

Luật lệ trong một cơ quan lớn thì được gọi là Nội Luật, còn trong cơ quan nhỏ thì gọi là Nội Qui. Thí dụ như: Nội Luật của Ban Thế Đạo, Nội Qui của Đạo Đức Học Đường.

Nội Luật của một cơ quan ấn định các chức vụ trong cơ quan, nhiệm vụ, quyền hạn, nhiệm kỳ của mỗi chức vụ, cách tổ chức, việc khen thưởng và trừng phạt.

Nội nghi Ngoại nghi tỵu vị

內儀外儀就位

Nội: Trong, bên trong, trái với Ngoại. **Nghi:** cái bàn dùng làm nghi thức tế lễ. **Ngoại:** ngoài. **Tỵu:** tới, đến. **Vị:** vị trí, chỗ đứng. **Tỵu vị:** đến đứng tại vị trí của mình.

Nội nghi: cái bàn đặt bên trong, làm nơi thờ phượng Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng.

Ngoại nghi: cái bàn hương án đặt bên ngoài, nhưng vẫn ở trong phần chánh điện, dùng làm mức cho Lễ sĩ điện lễ, dâng cúng phẩm từ Ngoại nghi vào Nội nghi.

Khi Lễ xướng: "Nội nghi Ngoại nghi tỵu vị" thì các Chức sắc có phận sự quì nơi Nội nghi và quì nơi Ngoại nghi đến đứng tại vị trí của mình.

Nội Ô - Ngoại Ô

內塢 - 外塢

A: Urbain areas - Outskirts.

P: Zone urbaine - Zone suburbaine.

Nội: Trong, bên trong, trái với Ngoại. **Ngoại:** ngoài. **Ô:** cũng đọc là Ồ: cái dinh có xây tường thành bao quanh.

Nội Ô là khu vực trong thành, nên còn gọi là Nội thành.

Ngoại Ô là khu vực ngoài thành, nên gọi là Ngoại thành.

Nội Ô Tòa Thánh là phần đất rộng 96 mẫu, tọa lạc tại làng Long Thành, cách Thị xã Tây Ninh chừng 5 km, nơi đó có cất Tòa Thánh và các cơ quan trung ương của Đạo Cao Đài.

Chung quanh Nội Ô Tòa Thánh có xây tường rào bao quanh chắc chắn, có 12 cửa ra vào, cất theo kiểu cửa Tam quan, bên trên có mái cong cổ kính. Các cửa được đánh số từ 1 đến 12 để gọi tên. Trong số 12 cửa này, có một cửa lớn

nhứt, theo hướng Tây trước Tòa Thánh, gọi là Chánh Môn, và cửa này cũng là nơi khởi đầu của Đại lộ Chánh Môn.

Trong Nội Ô, có những con đường thẳng tắp, rộng rãi, theo hướng Nam Bắc và Đông Tây, ngang dọc như bàn cờ. Tên của các con đường này là Thánh danh của các Chức sắc tiền bối có đại công với Đạo. Trong Nội Ô có hai Đền thờ lớn: một là Tòa Thánh để thờ Đức Chí Tôn, hai là Báo Ân Từ để thờ Đức Phật Mẫu. Ngoài ra Hội Thánh còn xây dựng rất nhiều dinh thự để làm các cơ quan trung ương điều hành nền Đạo.

Phần Ngoại Ô của Tòa Thánh là Châu Thành Thánh Địa do các tín đồ khai khẩn và cư ngụ. (Xem chi tiết phần này nơi chữ: Châu Thành Thánh Địa, văn Ch)

Nội ưu ngoại hoạn

內憂外患

Nội: Trong, bên trong, trái với Ngoại. **Ưu:** lo lắng. **Ngoại:** ngoài. **Hoạn:** lo buồn.

Nội ưu ngoại hoạn là trong thì lo lắng ngoài thì buồn rầu.

NÔNG

Nông trang

A: To urge. P: Presser.

Nông trang (tiếng nô) là nôn nóng thúc giục làm việc cho mau kết quả.

TNHT: Quý anh quý chị coi bộ ráng *nông trang* hành đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nông viện

農院

A: Institute of Agriculture. P: Institut d'Agriculture.

Nông: việc làm ruộng làm rẫy. **Viện:** tòa sở lớn.

Nông viện là một trong Cửu Viện CTĐ, có nhiệm vụ tổ chức, đôn đốc việc trồng tía các loại cây lương thực để sản xuất lúa gạo, ngũ cốc, nuôi Chức sắc và các nhân viên công quả hành đạo.

Đứng đầu Nông Viện là một Chức sắc phẩm Phối Sư, có các vị Phụ Thống, Quản Văn phòng và Thơ ký giúp việc.

Nông Viện thuộc hệ thống trực tiếp của Thượng Chánh Phối Sư.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

NỮ

NỮ

NỮ: 女 Phụ nữ, đàn bà, con gái.

Td: Nữ công, Nữ đức, Nữ trung.

Nữ công - Nữ đức

女工 - 女德

A: Feminine works - Feminine virtues.

P: Travaux féminins - Vertus de femme.

Nữ: Phụ nữ, đàn bà, con gái. **Công:** công việc. **Đức:** phẩm chất tốt đẹp.

Nữ công là các công việc dành riêng cho phụ nữ trong gia đình như: may vá, thêu thùa, bếp núc, bánh trái.

Nữ đức là những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ.

Nữ đức gồm có 4 đức, gọi là Tứ đức: Công, Dung, Ngôn, Hạnh. (Xem chi tiết nơi chữ: Tam Tùng - Tứ đức, văn T)

Nữ Đầu Sư

女頭師

A: Lady Cardinal.

P: La Cardinale.

Nữ Đầu Sư là phẩm vị cao nhất của Chức sắc nữ phái Cửu Trùng Đài. Phẩm Nữ Đầu Sư chỉ có một vị.

Không như bên CTĐ nam phái, phẩm Nữ Đầu Sư chỉ có một vị, còn bên nam phái, Đầu Sư có 3 vị phân ra theo Tam Thanh: Thái Đầu Sư, Thượng Đầu Sư và Ngọc Đầu Sư.

Quyền hành, nhiệm vụ, Đạo phục của Nữ Đầu Sư được qui định rõ trong Pháp Chánh Truyền Chú giải.

Từ ngày Khai Đạo 15-10-Bính Dần (1926) đến nay, Nữ phái CTĐ có 3 vị Nữ Đầu Sư:

- Nữ Đầu Sư Hương Thanh (Lâm Ngọc Thanh).
- Nữ Đầu Sư Hương Hiếu (Nguyễn Thị Hiếu)
- Nữ Đầu Sư Hàm phong Hương Lự (Hồ Thị Lự).

Sau đây là Tiểu sử của ba vị Nữ Đầu Sư đầu tiên này.

Nữ Đầu Sư Hương Thanh (1874-1937):

Bà Nữ Đầu Sư Hương Thanh, thế danh là Lâm Ngọc Thanh, sanh năm Giáp Tuất (1874) tại làng Trung Tín, quận Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thân mẫu là bà Trần Thị Sanh.

Bà Lâm Ngọc Thanh là vợ của ông Huyện Huỳnh Ngọc Xây, nên bà thường được người ta gọi là bà Huyện Xây, là một nghiệp chủ rất giàu có tại Vũng Liêm. Ông và bà có một người con gái tên là Huỳnh Thị Hồ.

Sau này ông Huyện Xây chết, bà gá nghĩa với ông Huyện Hàm Nguyễn Ngọc Thơ, một nghiệp chủ ở Tân Định Sài Gòn. Hai ông bà đều hâm mộ Phật giáo, nên qui y theo Phật giáo, thọ giáo với Hòa Thượng Như Nhãn, trụ trì Chùa Giác Hải ở Phú Lâm, Chợ Lớn.

Bà Lâm Ngọc Thanh rất sùng kính Đức Phật Thích Ca, nên kể bên biệt thự của bà ở Vũng Liêm có lập một ngôi chùa Phật

để gia đình bà cùng với dân chúng xung quanh có nơi chiêm bái.

Bà Lâm Ngọc Thanh được Đức Chí Tôn độ, nhập môn vào Đạo Cao Đài ngày mừng 6-6-Bính Dần (dl 16-7-1926).

Bà hiến dâng một phần sản nghiệp vĩ đại của bà để giúp Đạo trong buổi sơ khai có phương tiện hoàng hóa mỗi Đạo Trời. Bà biến ngôi chùa do bà xây dựng ở bên cạnh nhà thành một Thánh Thất, thờ Đức Chí Tôn, để những người trong vùng đến đó nhập môn cầu Đạo. Ai thiếu kinh để tụng niệm thì bà in kinh phát cho, ai thiếu Đạo phục thì bà giúp đỡ may sắm.

Với tinh thầy trò giữa Hòa Thượng Như Nhãn và ông bà Nguyễn Ngọc Thơ, Hòa Thượng Như Nhãn bằng lòng hiến ngôi chùa Từ Lâm Tự ở Gò Kén Tây Ninh cho Đạo Cao Đài dùng làm Thánh Thất tạm, tổ chức Lễ Khai Đạo, vả lại khi cất ngôi chùa này, ông bà Thơ đã đóng góp một số tiền lớn.

Trong những ngày Đại Lễ Khai Đạo tại Thánh Thất tạm Từ Lâm Tự, ngày 15-10-Bính Dần (dl 19-11-1926), bà Lâm Ngọc Thanh thọ Thiên Ân Nữ Giáo Sư, Thánh danh là Hương Thanh. (TNHT. II. 13)

Từ ấy, bà lo phổ độ Nhơn sanh khắp các tỉnh, khi khai đàn, lúc thượng tượng, giảng đạo, đọc Thánh ngôn cho Nhơn sanh thấu hiểu Đức Chí Tôn giáng trần lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là để chấn hưng Phật giáo lại cho hoàn toàn, qui nguyên Tam giáo, phục nhứt Ngũ Chi.

Trong kỳ Phong Thánh Nữ phái lần thứ I ngày 14-1-Đinh Mão (dl 15-2-1927), Đức Chí Tôn thăng bà lên phẩm Nữ Phối Sư, cầm đầu Nữ phái, và phong người con gái của bà, Cô Huỳnh Thị Hồ, vào phẩm Nữ Giáo Sư, Thánh danh Hương Hồ.

Nhờ có phương tiện xe hơi nhà của bà giúp cho Đạo nên việc đi lại phổ độ Nhơn sanh của quý Chức sắc lúc bấy giờ được mau lẹ dễ dàng.

Khai Đạo tại chùa Gò Kén được 3 tháng thì Hòa Thượng Như Nhãn đổi ý, dời chùa Từ Lâm Tự lại, không hiến cho Đạo Cao Đài nữa, bắt buộc Hội Thánh phải dời đi nơi khác hành đạo. Hội Thánh họp lại, lo đi tìm mua đất dựng cất Tòa Thánh.

Theo sự hướng dẫn của Đức Đại Tiên Lý Thái Bạch, Hội Thánh hỏi mua được một miếng đất của ông Kiểm Lâm người Pháp, tại làng Long Thành tỉnh Tây Ninh. Ông Thái Thơ Thanh và bà Lâm Hương Thanh cho Hội Thánh mượn số tiền 25.000 đồng để mua đất và khai phá rừng, cất Tòa Thánh tạm bằng cây ván, để dời cơ sở từ chùa Từ Lâm về đất mới.

Bà Hương Thanh lãnh lệnh của Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, lo giao thiệp với Chánh quyền Pháp, xin mở cửa những Thánh Thất nào bị chánh quyền áp chế đóng cửa trước đây. Bà làm đơn cam kết Đạo Cao Đài là Phật giáo chấn hưng, thuần túy tu hành, không làm điều gì sai luật của chánh phủ.

Bà Hương Thanh và Ngài Thái Thơ Thanh xuất tiền riêng ra mua thêm một miếng đất rừng nữa, từ ngã ba Ao Hồ vào giáp với miếng đất đã mua cất Tòa Thánh, để tạo cảnh Cực Lạc Thế giới, gọi là Cực Lạc Cảnh. (Xem lại Tiểu sử của Ngài Thái Đầu Sư Thái Thơ Thanh, nơi chữ Đầu Sư, văn Đ).

Ngày mùng 9-3-Kỷ Tỵ (dl 16-4-1929), bà Hương Thanh được thăng Nữ Chánh Phối Sư, chương quản các tín đồ Nữ phái.

Năm 1933, Tòa Thánh tạm cất bằng cây ván hư nát nhiều, Hội Thánh bàn tính việc xây cất Tòa Thánh bằng xi măng cốt sắt cho chắc chắn vĩnh viễn, theo họa đồ của Đức lý Giáo Tông chỉ vẽ, tốn phí giai đoạn đầu ước tính 20.000 đồng, mà Đạo lúc ấy còn nghèo, số tín đồ còn ít, nên không đủ tiền mua vật liệu. Ngài Thái Thơ Thanh và bà giúp Hội Thánh một số tiền lớn để khởi công đào móng xây dựng.

Lúc ấy, nơi Tòa Thánh, các Chức sắc cao cấp trong Hội Thánh bị nội khảo, rồi ngoại khảo, nên việc xây cất Tòa Thánh phải đình trệ hoài, sự tiến triển chẳng có gì đáng kể.

Đến năm 1936, cơn khảo đảo đã lắng yên, Đức Phạm Hộ Pháp cầm quyền Hội Thánh, quyết tâm tiến hành xây dựng Tòa Thánh, bởi vì Tòa Thánh là thể diện của Đạo, nhưng lúc đó, nơi tử của Hộ Viện cất tiền quỹ của Hội Thánh chỉ có vồn vện một đồng rưỡi.

Đức Phạm Hộ Pháp liền đi Vũng Liêm gặp bà Hương Thanh để thương lượng và sắp đặt. Bà chỉ cho Đức Hộ Pháp thấy lúa của bà trong kho còn đầy ắp, chưa bán được vì kinh tế khủng hoảng, giá lúa quá thấp, chỉ 2 cắc 1 giạ, nên Bà không có sẵn tiền mặt. Bà vào tủ sắt lấy ra một cái hộp lớn đựng đầy vàng, hột xoàn, cẩm thạch, trao cho Đức Phạm Hộ Pháp. Bà bảo Đức Ngài đem lên Sài Gòn cầm thế nơi nhà băng thì đặng lổi 100.000 đồng bạc Đông Dương, để lo xây cất Tòa Thánh.

Đức Phạm Hộ Pháp suy nghĩ, mượn thì dễ, mà làm sao Hội Thánh sau này có đủ tiền chuộc lại số vàng và hột xoàn này để trả lại cho bà, nên Đức Hộ Pháp không dám lấy. Bà mới nói với Đức Hộ Pháp trong tình thân mật như Chị với Em:

- Chị tin Em, Em cứ khởi công làm, làm thì được, từ cái không mà sẽ có tất cả.

Năm Đinh Sửu (1937), Đức Phạm Hộ Pháp cùng Hội Thánh đi Nam Vang lo Đạo sự nơi đó, giao cho bà ở nhà lo ngoại giao với nhà cầm quyền Pháp ở những nơi nào Đạo bị làm khó dễ. Bà đi hầu Tòa, rồi trở về, ké đó lâm bệnh.

Bà qui vị vào ngày mùng 8 tháng 4 năm Đinh Sửu (dl 17-5-1937) đúng vào ngày Lễ Thánh đản của Đức Phật Thích Ca, tại quê nhà ở Vũng Liêm, hưởng thọ 64 tuổi.

Đức Hộ Pháp lúc đó đang hành đạo ở Nam Vang, được tin điện, cấp tốc trở về để cùng Hội Thánh lo tang lễ cho bà.

Một điều huyền diệu là khi bà Hương Thanh còn sống thì bà lo đi ngoại giao với chánh quyền Pháp về việc Đạo, rồi khi thoát xác đấng Tiên, bà cũng lo y như vậy. Số là Đạo xin phép khai đàn, nhà cầm quyền Pháp lúc đầu thì cho, sau lại cấm. Hội Thánh chưa biết tính sao thì bà liền giáng cơ nói: Để bà lo việc đó cho và yêu cầu Hội Thánh cử người đến xin, kỳ sau thì được dễ dàng. Quả đúng y như vậy.

Sau khi bà qui vị được 17 ngày, đến ngày 25-4-Đinh Sửu (dl 3-6-1937), bà được Đức Chí Tôn ân tứ lên phẩm Nữ Đầu Sư, vì bà là người có đại công với Đạo trong buổi sơ khai và là chị cả của Nữ phái, diu dẫn đàn em Nữ phái.

Về sau, Hội Thánh đem hài cốt của bà ở Vũng Liêm về Tòa

Thánh, đặt vào Bửu tháp Nữ Đầu Sư, xây ở phía Tây Lang Tòa Thánh, và tượng của bà được tạc ở mặt tiền Tòa Thánh, phía bên Nữ phái, trên Lô Âm Cổ Đài, để nhơn sanh chiêm ngưỡng một bậc Chửc sắc đại công của Đạo.

Năm 1955, nhơn dịp Đại Lễ Khánh Thành Tòa Thánh, Báo Ân Từ và các dinh thự trong Nội Ô, Đức Phạm Hộ Pháp có thiết lễ thiêu hài cốt của 4 Chửc sắc Đại Thiên phong là: Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, Nữ Đầu Sư Hương Thanh và Ngai Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang), lấy phần tro phía trên để thờ nơi hầm BQĐ, còn phần tro từ thân trở xuống thì đem rải xuống sông Cẩm Giang, ấy là Thánh giang của Đạo Cao Đài.

Bài Thái để tế điện Bà Nữ Đầu Sư Hương Thanh:

*Đầy giỏ Hoa Lam chất ái tình,
Y theo mặt luật của khuôn linh.
Thử căn linh thể nơi phạm tục,
Mới hưởng hồng ân chốn ngọc đình.
Nam Hải là bờ ao Thất Bửu,
Tây Ninh nền tổ quán Tam Thanh.
Thuyền từ trở lái lia sông lệ,
Nhớ bạn chơn mây gọi tấc thành.*

Tại Đền Thánh, đêm mừng 7 rạng mừng 8 tháng 4 năm Kỷ Sửu (dl 5-5-1949), là ngày Vía Đại Đàn cúng Đức Phật Thích Ca, và cũng là ngày Lễ Kỷ niệm Bà Nữ Đầu Sư Hương Thanh đấng Tiên, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nói về nguyên căn của Bà, xin trích ra sau đây:

"Đêm nay là Vía Đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni mà cũng là ngày vía Chì Cả của chúng ta là Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh.

Chẳng biết ngẫu nhiên hay là tiền định mà Bà Nữ Đầu Sư qui liễu nhằm ngày Vía Đức Phật Thích Ca.

Theo Bàn đạo hiểu biết, tưởng những người ái mộ Đạo Phật nồng nàn hơn hết, chúng ta có thể nói rằng: Bà Nữ Đầu Sư cũng là người đứng đầu số của thiên hạ vậy.

Trước ngày Đức Chí Tôn mở Đạo, Bà Nữ Đầu Sư duy có biết Đạo Phật mà thôi, chính miệng Bà thuật lại với Bàn đạo

như vậy. Từ bé, Bà chỉ để tâm hâm mộ Đạo Phật. Đức Chí Tôn đứng vào Phật vị, nên Bà thương lắm, thương một cách nồng nàn. Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài, tức nhiên là Đức Chí Tôn mở Phật giáo Chấn hưng đó vậy.

Ngày nay là Lễ của Đức Phật Thích Ca và của Chị Cả chúng ta, chúng ta nên để tâm cầu nguyện Chơn linh của Ngài và của Bà, tức nhiên Long Nữ, cả thầy chúng ta đều biết cái bí mật ấy.

Bà Nữ Đầu Sư, Chơn linh là Long Nữ. Long Nữ là ai? Thật ra, là người hầu của Đức Quan Âm Bồ Tát đó vậy.

Bàn đạo hiểu về cái thuyết bí mật của Đức Quan Âm Bồ Tát, đã lãnh trách nhiệm trọng yếu, vâng lệnh Đức Di-Lạc Vương Phật, chưởng quản điều khiển Bát Nhã Thuyền.

Vì cơ cho nên Đức Quan Âm Bồ Tát không thể giáng trần được, chính mình Long Nữ là người hầu của Đức Quan Âm tình nguyện giáng trần đặng hiệp với các Chơn linh khác, các Cung các Điện và Hộ Pháp, đặng mở nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn, hầu tạo cơ giải thoát, tận độ vạn linh."

Sau đây, xin chép lại một bài giảng cơ của Bà Nữ Đầu Sư Hương Thanh tại Hộ Pháp Đường, đêm 1-1-1946, phò loan: Khai Đạo và Sĩ Tải Lợi.

Chào Trí Thanh, cùng mấy em.

LÂM tuyên đã ẩn mấy thu sang,
HƯƠNG đượm nhuần trăng đã ló màn.
THANH thủy châu về hườn kiếm báu,
 Đề danh đến buổi đất nhà an.

Khai Đạo bạch:

- Đây hết buổi phong ba đến hồi an tịnh. Vậy mà không sao. Mình muốn yên, trước phải loạn, sau mới yên. Muốn nước đang đục lóng trong thì phải quậy cho dữ mới lóng bùn được.

Đạo có khảo mới cao. Chức sắc bị khảo mà chịu nổi mới có giá trị. Học trò chịu khảo thí mới lãnh cấp bằng. Nếu từ chối thì rớt. Thế thường học nhiều đậu ít.

Còn nơi đây là Trường Công quả, vậy vị nào muốn xứng đáng môn đệ của Đức Chí Tôn thì chẳng bao giờ ngần ngại

các việc công quả, cho chung Thánh Thể Đức Chí Tôn, cũng do nơi mấy em đào tạo về mặt ngoại giao.

Vậy có câu:

Ái nhơn, nhơn hành ái chi,
 Bất ái nhơn, nhơn hành bất ái chi.
 Kính nhơn, nhơn hành kính chi,
 Bất kính nhơn, nhơn hành bất kính chi.

Có cảm mới có ứng. Nên hiểu lọc lừa, đi cho khéo, đồ cho trúng thời đắc chí sở nguyện.

Tâm vững, cảm lèo lái chạy qua bể ngạn. Tuy sóng to gió lớn, lượn sóng xuôi sẽ chạy, miễn rằng ngó phía trước thuyền, tránh cho lẹ những đồ vật ngăn cản.

Sĩ Tải Lợi bạch:

- Sợ không quen sóng gió, buồn mưa. Nếu có mưa thì uống nước chanh. Minh ăn phủ bì chúng nó mà.

- Em Thái Khý Thanh, nhờ mới để bộ râu nên vượt râu thả mồi câu chúng nó. Nó mắng nghĩ nhìn bộ râu, quên cả sự nghiệp, đành chịu phọt phe.

Ước mong sao mấy vị trong đám cầm cờ chỉ nẻo Cửu Trùng đồng phun râu, chúng nó mới kinh hãi. Qua mừng và khen tặng Chú Khách này làm gương cho kẻ Việt.

Nam Hải Prasey ấy vẫn gần,
 Hai đàng buổi trước lại đồng thân.
 Nhớ nhau khuyên nhủ đôi lời tặng,
 Cùng bạn khi xưa lúc ở trần.

THĂNG.

Phò loan:

Thừa Sứ Kiệt và
 Truyền Trọng Trấn.

Đàn cơ đêm 25-7-Kỷ Sửu
 (dl 19-8-1949) lúc 9 giờ tối.

NỮ ĐÀU SƯ LÂM HƯƠNG THANH

Chào chư Chức sắc Hiệp Thiên và Cửu Trùng Đài, cùng các em nữ phái.

Tệ Tỷ để lời cảm ơn toàn thể nam nữ chu đáo lo cho cuộc lễ hôm nay. Em Hương Hiếu và Lự, hai Em nói lại cùng tất cả Đạo hữu nữ phái, chị cảm tình. Cười

Cũng như dịp này mà chị gặp cháu, trong một thời gian ly loạn vừa qua, Tệ Tỷ xin lỗi cho Tệ Tỷ nói chuyện cùng đoàn em nữ phái.

Hương Hiếu và Lự, hai Em là chị lớn nơi đây, chị nhắn đôi lời để khuyến khích đoàn em kéo chúng quá cô quạnh tội nghiệp lắm.

Chị nhận thấy tinh thần họ đâu quá bạc nhược, vì bằng có hiển nhiên không ai có thể chối cãi được, duy còn thói tục quá mê tín ấy chẳng qua là do nguồn cội của sự đa cảm đa lo mà ra, nếu có phương thế un đúc sự khôn ngoan và học thức thì sẽ đặng hữu dụng sau này.

Vậy hai Em cố tìm phương giải rối chỗ khuyết điểm và liệu thế gây tình thiện cảm với nhau, mới có thể dung hòa làm một món bình khí quan hệ cho tương lai.

Thời thế Đạo dạy họ nên giữ lấy nghiệp mà họ đã có sẵn là sự thương yêu vô tận của Chí Tôn đã gieo trong cửa Đạo, phải nhớ luôn luôn rằng tấm gương trong sạch là nguồn rửa bớt tục trần, đừng quá ngu muội mà phải bị đọa đày, khó đoạt phẩm vị thiêng liêng, mà cũng do nơi đó họ tự đem mình vào muôn sâu ngàn thảm cho kiếp má đào.

Em nên nhớ, phụ nữ thế giới họ đã tiến theo thời cuộc mà không chuẩn thẳng nên ra rẻ rúng. Trong cửa Đạo, càng tiến triển theo thời đại thì họ lại càng ngoan đạo nhiều chừng ấy.

Ấy vậy, nơi đây là lò un đúc đoàn phụ nữ tương lai của xã hội đạo đức thì Em cố chịu nhọc nhằn gần gũi đoàn em mà giáo dạy thêm.

SUZANNE cháu, Bà hết sức hộ mạng mẹ con của cháu, nhưng quả kiếp vay trả nợ đời kể cảnh sang hèn vinh nhục, dầu bực nào cũng chẳng ai tránh khỏi. Cháu chớ tủi làm gì, cứ ngó theo nơi mọi điểm bước tiền trình, mẹ cháu dầu ở xa xuôi nhưng vẫn được vẹn phận yên thân, có ngày hội ngộ, không sao mà lo nghĩ. Cháu dầu phiêu lưu nơi tha phương mà tinh

thần vẫn hoài cố quốc thì có ngày cháu được toại nguyện, miễn cháu cố giữ nghiệp Bà đã lập ra đó.

Một bước phiêu lưu vạn bước khôn,
Ngoan vì đạo đức phước lai tồn.
Tại đây sản xuất nguồn chơn giáo,
Dạy cháu nên trau nghiệp tổ tông.

Hương Hiếu, Em đừng phiền muộn cho phận cô quạnh nữa nghe. Chi chi cũng có chị bảo hộ cho.

Tệ Tỷ xin kiếu. Thăng.

Nữ Đầu Sư Hương Hiếu (1886-1971):

BẢN TUYÊN DƯƠNG CÔNG NGHIỆP

của Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, đăng Tiên ngày 11 tháng 5 nhuận năm Tân Hợi (dl 3-7-1971), do *Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức* Quyền Chương Quản HTĐ đọc tại Đền Thánh vào lúc 9 giờ 26 phút ngày 14-5 nhuận-Tân Hợi.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.

Kính thưa Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng và P.Thiện,
Kính thưa chư Chức sắc, Chức việc và toàn đạo Nam Nữ,
Kính thưa quý vị,

Đức Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu đã qui Thiên ngày 11 tháng 5 nhuận năm Tân Hợi (dl 3-7-1971) hồi 14 giờ tại Nữ Đầu Sư Đường, Tòa Thánh Tây Ninh, hưởng thọ 85 tuổi, sau một thời gian trị bệnh tại bệnh viện Đồn Đất (Grall) Sài Gòn.

Trước khi tuyên dương công nghiệp của Đức Bà, tôi xin trân trọng lược thuật Tiểu sử của Đức Bà như sau:

Bà Nguyễn Hương Hiếu sinh năm Đinh Hợi (1886) tại đường Paulbert, Đa Kao Sài Gòn, con của Cụ Nguyễn Văn Niệm và Cụ Bà Trần Thị Huệ (đều chết).

Khi mới sanh, Bà Nội muốn tỏ dấu một nhà đạo đức nên thể theo tên của cha là Niệm, đặt tên là Nguyễn Thị Hương. Còn Bà Ngoại lại đặt tên là Hiếu. Muốn vừa lòng cả Nội Ngoại đôi bên, nên khi ở bên Nội thì gọi tên Hương, khi về bên Ngoại thì gọi tên là Hiếu.

Thân sinh quê quán tại Cần Thơ, thân mẫu ở miền Gia Định.

Khi bà vừa lên 7 tuổi, được thân mẫu cho vào học trường Bà Phước (Nhà Tráng) Sài Gòn. Đến năm 17 tuổi, thân mẫu cho bà học Nữ Công, đến năm 21 tuổi thì Bà sánh duyên cùng ông Cao Quỳnh Cư ở làng Hiệp Ninh (Tây Ninh), năm 23 tuổi, bà hạ sanh được một trai, đặt tên là Cao Quỳnh An.

Phản đạo:

Đến năm Bà 38 tuổi, gặp thời kỳ Đức Chí Tôn đến khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Một sự ngẫu nhiên của cơ huyền bí mà trước kia ba ông: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, có tánh cách xây bàn cầu vong để làm thi tiêu khiển, chẳng ngờ Đức Chí Tôn giáng khai cơ mở Đạo tại tư gia của bà trước tiên, ở đường Bourdais nhà số 134 Sài Gòn (hiện giờ là đường Calmette).

Năm 1925, mới khai đạo chưa có Thánh Thất, nên các Đấng dạy tạm dùng nhà bà để thờ Đức Chí Tôn và Phật Mẫu, dựng có nơi cầu cơ dạy đạo và diu đất nhưn sanh trong buổi đầu là năm 1925; đến năm 1926 mới mở đạo lần tới Tân Kim, Tân Định, Lộc Giang, Thủ Đức, trong buổi chưa có ngọccơ, còn xây bàn, các Đấng giáng dạy đạo cho Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Thượng Sanh thì bàn gõ từ chữ. Đức Thượng Phẩm đọc chữ nào, Bà biên chữ nấy, rồi mới ghép lại cho thành văn.

Vì thế mà lúc còn xây bàn, các Đấng giáng cho một bài thi bát cú hay tứ tuyệt hoặc dạy một việc gì, khi chép xong rồi mới ghép lại một bài thật lâu lắm, mà mỗi đêm mỗi cầu. Buổi ấy, bà làm biên tập viên (Thơ ký) cho các Đấng, chép thi văn dạy đạo rất cao kỳ mầu nhiệm, ban đêm làm Thơ ký chép Thánh giáo, ban ngày lo nấu ăn tiếp đãi khách thượng, trung, hạ lưu xa gần đến nhập môn.

Trong 2 năm 1925, 1926, chưa có người để chép Thánh giáo, nên bà được vừa làm Thơ ký cho các Đấng, vừa đón tiếp nhưn sanh, từ tháng 6 năm Ất Sửu (1925) đến năm Bính Dần (1926).

Hồi chưa có Tòa Thánh, còn trong buổi phôi thai, mỗi khi

khai đàn thượng tượng (thờ Thầy) đều có bà theo chép Thánh giáo đem về cho Đức Thượng Phẩm. Nên có Thánh giáo Thầy kêu: "*Hiếu, viết rõ con.*" Buổi ấy, bà quên gia đình và sản nghiệp, chỉ vui say theo đường đạo, do các Đấng thường giảng dạy.

Đến tháng 3 năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn giảng cơ dạy bà may Thiên phục cho ông Thượng Đâu Sư Thượng Trung Nhựt, kế tiếp may Thiên phục cho Chức sắc HTĐ và CTĐ. HTĐ từ Thập nhị Thời Quân, CTĐ từ phẩm Lễ Sanh trở lên. Bà nhớ lời Đức Chí Tôn dạy: "*Hiếu! con lo may Thiên phục cho mấy anh con cho kịp ngày Đại Hội, là ngày Khai Đạo tại Chùa Gò Kén (Từ Lâm Tự) vào ngày 14 tháng 10 năm Bính Dần.*" (dl 18-11-1926).

Do đàn cơ ngày 24 tháng 10 năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn giảng dạy bà Hiếu phải dọn đồ về Tây Ninh để chung lo việc đạo cùng Cư, Tắc. Phải chịu khổ cực cùng Thầy, vì việc đạo là trọng. Từ ấy, bà nghe theo Thánh giáo về hành đạo tại Tây Ninh.

Ngày khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nhằm ngày 14 tháng 10 năm Bính Dần tại Chùa Từ Lâm Tự, Gò Kén, Tây Ninh. Cả thầy Chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng đều về Chùa Gò Kén, bà đồng đi một lượt để làm công quả, ban ngày lo tiếp đãi Chức sắc, bôn đạo và quan khách ngoài đời, vì lúc sơ khai, không có công quả hiến thân, nên bà lo đi chợ nấu nướng đãi ăn, 5 giờ chiều là lo viết sớ cho Nữ phái nhập môn, dạy 5 câu nguyện cho thuộc, đến giờ Tý tiến dẫn nhập môn vào hầu Đức Lý Giáo Tông. Vì buổi khai đạo chưa có Đồng nhi, bà phải làm đồng nhi đọc kinh cúng Tứ thời, và đọc kinh mỗi khi cầu cơ, suốt 3 tháng, mỗi đêm đều như vậy. Bà còn may Thiên phục cho Chức sắc, Chức việc tại Chùa Gò Kén.

Qua ngày 14 tháng Giêng Đinh Mão (dl 15-2-1927), bà thọ phong Giáo Sư Nữ phái do đàn cơ Phong Thánh kỳ I.

Đến ngày 20 tháng 2 năm Đinh Mão (dl 23-3-1927), Hội Thánh trả Chùa Gò Kén lại cho ông Hòa Thượng Giác Hải, thỉnh cốt Đức Phật Thích Ca về đất mới mua là nơi Tòa Thánh ngày nay. (Buổi ấy gọi là Chùa mới).

Chỗ này, trước kia là một khu rừng rậm, chưa có nhà ai cho lán, chỉ là nơi rừng thiêng nước độc. Khi dọn về đất mới, Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm và công quả phá rừng không có nhà ở, nên tạm dùng cái nhà bò ở để nấu ăn cho công quả phá rừng mỗi ngày, cho đến ngày cất Tòa Thánh tạm xong, mới có Chức sắc tựu về đông đảo, tiếp cất Hậu Điện, Đông Lang, Tây Lang, Trù phòng, v.v.... Bà chỉ dẫn cho Trù phòng lo đi chợ mua nấu cho công quả ăn.

Năm Mậu Thìn (1928), tạo tác vừa xong, bỗng đâu bão tố bất ngờ, Đức Cao Thượng Phẩm bị bạc đãi xô đuổi, bà liền trở về Thảo Xá Hiền Cung. Trò đời gấm lại buồn cười, nhưng xét lại, xưa nay bậc Chí Thánh cũng không thoát khỏi tuồng đời khinh bạc.

Đầu năm Kỷ Tỵ (1929), Đức Cao Thượng Phẩm qui Thiên vào lúc 10 giờ ban mai ngày mùng 1 tháng 3 năm Kỷ Tỵ (1929), bà lo tuần tự cho Đức Cao Thượng Phẩm xong xuôi rồi, bà trở lại Tòa Thánh tiếp tục làm công quả nữa.

Năm Canh Ngũ (1930), Bà vâng lệnh Đức Lý Giáo Tông bắt thăm đi hành đạo giữa Bửu điện, bà bắt trúng thăm đi hành đạo tỉnh SaĐéc, sau được lệnh Hội Thánh cho kiêm luôn tỉnh Thủ Dầu Một. Hành đạo hai tỉnh được 3 năm (từ năm 1930 đến năm 1933), qua năm 1934 dạy Giáo Nhi một năm.

Năm Ất Hợi (1935), bà được thăng phẩm Phối Sư, hành đạo tại Tòa Thánh chung với Chức sắc Nữ phái, vừa tiếp tân, vừa dạy may Thiên phục cho Chức sắc Nam Nữ tại Sở may Linh Đức đến năm 1941, nền Đạo chinh nghiêng, bị nhà cầm quyền Pháp bắt Chức sắc Đại Thiên Phong đày ra hải ngoại. Tòa Thánh và các Thánh Thất bị đóng cửa. Chức sắc phần nhiều tản lạc, bà trở về Thảo Xá Hiền Cung.

Năm 1942, xuống Sài gòn hiệp tác Hãng Tàu để chung lo với anh em Chức sắc Nam Nữ về mặt đạo.

Năm 1946, nền Đạo phục hưng, Chức sắc nam và nữ tựu về Tòa Thánh. Hội Thánh phân cất Cửu Viện nam nữ. Bà vâng Sắc Huấn số 30/SH ngày 21-9-Bính Tuất (1946) lãnh chương quản ba Viện: Hòa, Lại, Lễ nữ phái (còn ở phẩm Phối Sư) cho đến ngày 16-11-Canh Dần (dl 22-12-1950).

Đến năm Mậu Thân (1968), Thánh Lịnh số 01/TL ngày 24-10-Mậu Thân (dl 13-12-1968) thăng phẩm Đầu Sư Chánh vị, Bà cầm quyền chưởng quản CTĐ nữ phái cho đến ngày nay.

Kính thưa quý vị,

Trên đây là phần Tiểu sử của Đức Bà Hương Hiếu.

Về phần biểu dương công nghiệp của Đức Bà, tôi trích lục sau đây Huấn từ của Đức Thượng Sanh đọc tại Đền Thánh ngày 18 tháng 11 Mậu Thân (1968), nhưn cuộc Lễ Tấn Phong Đức Bà lên phẩm Nữ Đầu Sư chánh vị. Thiết nghĩ bài này đầy đủ công nghiệp của Đức Bà, tôi có viết thêm cũng bằng thừa.

Kính thưa Hội Thánh Lương Đài Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Hội Thánh Phước Thiện.

"Kính thưa chư Chức sắc Lương phái,

Hôm nay là ngày Lễ Tấn Phong Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu, thọ Thiên ân Đầu Sư Chánh vị Nữ phái do Thánh giáo của Đức Lý Nhứt Trán Oai Nghiêm tại Cung Đạo đêm 20 tháng 10 Mậu Thân (dl 9-12-1968).

Lễ lập thế đã cử hành xong. Từ đây Chức sắc Nữ phái CTĐ đã có vị Đầu Sư cầm quyền điều khiển diu dắt trên đường Thánh đức để trau giồi đạo hạnh, lập chí vị tha cho xứng đáng là bậc Nữ Thánh nhưn trong cửa Đại Đạo.

Đức Lý Đại Tiên ban ân huệ cho bà Nguyễn Hương Hiếu, thật là một sự thăng thưởng công minh và một khích lệ lớn lao cho toàn thể Nữ phái.

Trên đường lập vị, bà Nguyễn Hương Hiếu là Chức sắc Nữ phái duy nhất đã đạt tới phẩm vị tối cao với một công nghiệp có thể nói là phi thường và một tinh thần phục vụ đáng kính phục. Bà là một tín đồ Cao Đài trước khi Đạo Cao Đài chính thức ra đời, một Nữ Chức sắc đầu tiên đã có mặt trong đêm ba ông: Cư, Tắc, Sang, họp nhau chơi xây bàn và tiếp xúc được với các chơn linh cõi vô hình, tức là đêm 7 tháng 6 năm Ất Sửu (dl 27-7-1925).

Từ đó về sau, đêm nào bà cũng tiếp tay với ba vị kể trên để chép thi văn hoặc những câu đàm thoại của các chơn linh. Đến sau có các Đấng Thiêng liêng giáng cơ thì bà lãnh phận sự Thơ ký chép Thánh ngôn và tiếp đãi quý khách trong hàng

trí thức tới lui ngày càng nhiều để tìm đạo hoặc chứng kiến sự mâu nhiệm của cơ bút.

Mỗi đêm bà phải thức đặng hầu bút trong đàn cơ, xong rồi thì lo lắng bữa ăn giải lao cho ba vị chủ nhân và quý khách là những bạn thân đến hầu đàn, không quân cực nhọc, không chút than phiền. Nhờ sự giúp sức về tinh thần của bà mà cuộc chơi xây bàn của ba ông: Cư, Tắc, Sang, đã đưa tới giai đoạn sáng lập nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hiện tại trong nước VN.

Đức Thượng Phẩm nhờ có người bạn đường đồng tâm nhưt trí như bà mới phần khởi bỏ cả công danh sự nghiệp lo lập công tạo thành nền tảng của Đạo lúc ban sơ.

Sau ngày Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt gởi Tờ Khai Đạo cho quan Thống Đốc Nam Kỳ, số người nhập môn ngày càng thêm đông, công việc của bà càng thêm nặng nhọc. Mỗi đêm bà phải ra công dạy mấy chục đồng nhi đọc kinh cho đúng theo nhịp và vâng theo lệnh của Đức Chí Tôn, bà lãnh may Thiên phục cho tất cả Chức sắc Hiệp Thiên và Cửu Trùng cho kịp ngày Khai Đạo tại Chùa Gò Kén.

May Thiên phục cho Chức sắc do theo Thánh giáo chỉ dạy, chẳng phải là một việc dễ dàng mà ai cũng làm được, nhưt là lúc ban sơ không có một kiểu mẫu nào sẵn, nhưng nhờ bà có khiếu thông minh, nhờ tài Nữ công tinh xảo nên áo mào của phẩm vị nào bà cũng trù nghĩ may đúng theo Thánh ý của Đức Chí Tôn.

Kể đó, vâng theo Thánh giáo đêm 24 tháng 9 Bính Dần (1926), bà phé đời cùng Đức Cao Thượng Phẩm về Chùa Từ Lâm Gò Kén, nhằm ngày rằm tháng 10 Bính Dần, là ngày thiết Lễ Khai Đạo và ở luôn nơi đó cho tới hơn 3 tháng sau, bà cùng Đức Thượng Phẩm lo dời Thánh Thất về đất mới làng Long Thành, Tây Ninh.

Bà góp sức chịu cực khổ lo việc trừ phòng nuôi công quả, tổng số hơn 300 người, do Đức Thượng Phẩm điều khiển công cuộc phá rừng và lập Thánh Thất tạm nơi vùng đất mới, tức là vùng Nội Ô Thánh địa hiện tại.

Đầu tiên, bà Nguyễn Hương Hiếu thọ phong chức Giáo Sư tại Từ Lâm Tự Gò Kén, ngày 14-Giêng-Đinh Mão (dl 15-2-

1927). Đó là đàn cơ thứ nhứt phong thường Nữ phái.

Qua năm Ất Hợi (1935), bà được thăng phẩm Phối Sư, và đến ngày 16-11-Canh Dần (1950), bà được thăng phẩm Chánh Phối Sư, chưởng quản Lại Viện, Lễ Viện và Hòa Viện Nữ phái.

Bà hành quyền Chánh Phối Sư trong 18 năm, cho tới ngày 20-10-Mậu Thân (dl 9-12-1968), Đức Lý Nhứt Trấn Oai Nghiêm ban ân huệ cho bà lên Nữ Đầu Sư chánh vị.

Một đời tận tụy vì đạo, vì chúng sanh, hơn 43 năm công nghiệp chịu bao nhiêu gian lao khổ hạnh, chết về mặt đời, sống về mặt đạo, trải qua nhiều cơn thử thách cay nghiệt, bà phải nát gan bán ruột, trong lúc người bạn đường đã qui vị, đưa con trai độc nhất lại từ trần bên Pháp quốc, kể ít lâu Cụ thân mẫu của bà lại từ giã cõi đời.

Bà chỉ còn một mảnh thân bơ vơ cô độc trong tình cảnh não nùng bi đát, để rồi khi nắng sớm mưa chiều, lúc canh tàn đêm lụn, bà không thể ngăn được giọt thảm đầm đìa để khóc chồng, khóc con, và khóc mẹ.

Đường tử biệt đã làm cho tan nát cảnh gia đình, tất cả hy vọng đều đổ vỡ thì người trong cuộc còn biết trông cậy vào đâu để sống còn trong những chuỗi ngày sầu thảm.

Nhưng may thay, nhờ bà đã thâm nhiễm mùi Đạo, tự biết muôn sự ở đời đều là giả cuộc, kiếp phù sinh như cảnh hoa sớm nở tối tàn, nhứt là nhớ lời khuyên nhủ của các vị Tiên Nữ DTC, nên bà tự an ủi lấp thảm vùi sầu, khuây khỏa với tiếng kệ kinh, lấy chữ vị tha làm mục đích, tận tâm phục vụ, dắt dìu Nữ phái, quyết lòng hiến cả tâm hồn lẫn xác thân cho nền Đại Đạo.

Vì vậy, sự ban thưởng phẩm vị Nữ Đầu Sư cho bà Nguyễn Hương Hiếu thật là đúng chỗ và xứng đáng.

Kính thưa Hiền Tỷ Đầu Sư,

Hiền Tỷ đã đạt đến cấp bậc tối cao của Nữ phái CTĐ, đó là một vinh hạnh siêu nhiên mà không có một vinh hạnh nào ở cõi trần này sánh bằng. Hiền Tỷ có quyền hưởng thụ và Hiền Tỷ nên vui mừng vì sự ban thưởng cho Hiền Tỷ là một ân huệ

thiên liêng để đền đáp lại 43 năm công nghiệp và một tấm lòng son sắt vì Đạo, thủy chung như nhứt.

Giờ đây đến lúc thi hành sứ mạng. Hễ phẩm vị càng cao thì trách nhiệm càng nặng, phận sự càng khó khăn.

Nếu không lấy Đạo làm trọng, lấy đức làm căn bản, lấy lễ công làm chuẩn thẳng, lấy cương trực làm đường lối, thì không thể thực hành đúng đắn phận sự.

Phải sợ Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu hơn sợ mích lòng người thì mới hẳn là vô tư, còn vị nể cá nhân hơn tôn trọng Luật Đạo thì chẳng phải là tư cách của người cầm quyền. Vì cán cân công bình một khi đã chệnh lệch thì đạo đức không còn tồn tại mà việc làm chỉ là tác động quá tầm thường của kẻ phạm tục.

Hiền Tỷ đã có nhiều kinh nghiệm trong trách vụ điều khiển Nữ phái, tôi tin chắc là Hiền Tỷ có đủ sáng suốt nhận định để nâng cao đời sống tinh thần của Nữ phái và giúp nên cho Đạo trong sứ mạng cao trọng mà Đức Lý Đại Tiên đã giao cho Hiền Tỷ."

(Tới chỗ này là dứt phần trích trong Bài Huấn Từ của Đức Thượng Sanh, tuyên dương công nghiệp Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu, trong buổi lễ Tấn Phong Nữ Đầu Sư tại Tòa Thánh.)

Kính thưa Quý vị,

Trước khi dứt lời, tôi xin thành tâm cầu nguyện Ông Trên Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu cùng các Đấng Thiên liêng ban phước lành cho toàn thể Hội Thánh, Chức sắc, Chức việc và toàn đạo Nam Nữ, và xin chơn thành phần ưu cùng tang quyến.

Sau nữa, xin quý vị đồng cùng tôi dành đôi phút để tưởng niệm công đức của Đức Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.
HIẾN PHÁP, Quyền Chương Quản HTĐ

Bài Thái hiến lễ Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu:

*Tu hành gắng chí lập dầy công,
Đến buổi chung qui hưởng phước hồng.*

*Cửa Đạo gay go trường khổ hạnh,
Đường Tiên nhàn rãi bước thông dong.
Lợi danh ví muốn cho đầy đủ,
Tội lỗi càng thêm nổi chất chồng.
Cuộc thế chẳng qua trò mộng ảo,
Ngày về nhắm mắt nắm tay không.*

Bài thi này, Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu viết ra lúc còn mạnh khỏe và đang ở phẩm Nữ Chánh Phối Sư, có đăng trong Quyển Đạo Sử I của bà. Khi bà đăng Tiên, Hội Thánh lấy bài thi này làm bài Thái hiến lễ.

Đối với nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu là vị Đệ nhị Nữ Đầu Sư, sau Đệ nhất Nữ Đầu Sư là Bà Hương Thanh, nhưng thực tế, thì Bà Hương Hiếu là vị Nữ Đầu Sư đầu tiên ngự nơi Nữ Đầu Sư Đường, trực tiếp chưởng quản Hội Thánh Nữ phái CTĐ, bởi vì Bà Hương Thanh khi qui vị vẫn còn ở phẩm Nữ Chánh Phối Sư, sau đó mới được truy thăng lên phẩm Nữ Đầu Sư.

Vì vậy hình ảnh của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu đã in sâu vào tâm khảm của nhiều thế hệ Chức sắc nữ phái Cửu Trùng Đài.

Bà là nữ môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn, là Thơ ký duy nhất của Đức Chí Tôn và các Đấng trong thời gian ban sơ nền đạo, từng theo quý Ngài: Đức Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, chép Thánh ngôn Thánh giáo.

Bà và Đức Cao Thượng Phẩm là hai người đầu tiên vâng lệnh Đức Chí Tôn phé đời hành đạo.

Cuộc đời của bà, Tiểu sử của bà gắn liền với 46 năm Lịch sử của Đạo Cao Đài kể từ năm 1925 đến năm 1971, tức là kể từ lúc nền Đạo còn tiềm ẩn, đến lúc sơ khai, rồi phát triển, rồi bị chinh nghiêng do những khủng bố của bạo quyền, đến lúc phát đạt vinh quang.

Bà là một nữ môn đệ được Đức Chí Tôn yêu ái nhưt. Bà có ghi lại những lời của Đức Chí Tôn ban cho bà như sau:

"Ở nhà Đức Cao Thượng Phẩm mỗi ngày đêm Đức Chí Tôn giảng dạy Đạo. Lúc nọ, Thầy sai ba ông đi trọn một tuần lễ, để tôi ở nhà, nhớ Thầy, buồn quá! Tôi cúng thời chiều,

ngược lên Thiên Bàn khóc mà nói rằng: Con biết Thầy có ngự nơi Thiên bàn, nhưng Thầy vắng một tuần rồi, con không thấy lời Thầy dạy, con nhớ quá!

Chiều Chúa nhật, ba ông về, tôi liền thắp đèn nhang cầu Thầy.

Thầy giáng nói với tôi như vậy:

Hiếu muốn cầu Thầy hơn ai hết.

Trước vốn yêu,
Nay cũng yêu,
Con gái út,
Có bao nhiêu,
Khuyên con lòng vậy mãi,
Cái mến con thương Thầy đều.

Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu có biên soạn 2 bộ sách: Nữ Trung Bá Hạnh và Đạo Sử.

- **NỮ TRUNG BÁ HẠNH**: cũng giống như sách Nữ Trung Tùng Phận của Bà Đoàn Thị Điểm, dùng để giáo dục Nữ phái, nhưng Bà viết theo thể văn xuôi, dẫn giải và rập khuôn theo Nho giáo, nên có nhiều điểm còn khó khăn, cầu kỳ và quá bó buộc đối với phụ nữ thời Tam Kỳ Phổ Độ.

- **ĐẠO SỬ**: gồm hai quyển I và II:

- Quyển I nói về thời kỳ Xây Bàn năm Ất Sửu 1925.
- Quyển II nói về giai đoạn lịch sử từ 1926 đến 1929.

Hai quyển Đạo Sử này rất quý báu, và rất được người sau tin cậy, vì nó rất chơn thật, ghi lại rất chính xác ngày tháng năm của các sự kiện quan trọng xảy ra buổi đầu tiên, khởi sự Đức Chí Tôn xây dựng nền Đại Đạo.

Nữ Đầu Sư Hàm phong Hương Lự (1878-1972):

BẢN TUYÊN DƯƠNG CÔNG NGHIỆP

của Bà Nữ Đầu Sư Hàm phong Hồ Hương Lự, đăng Tiên ngày 22-11-Nhâm Tý (dl 27-12-1972) tại Nữ Đầu Sư Đường, Tòa Thánh Tây Ninh.

Ngài Hiến Pháp, Quyền Chưởng Quản HTĐ đọc Bản

Tuyên Dương Công Nghiệp nầy trước Liên đài đặt tại Đền Thánh, vào lúc 9 giờ 17 phút ngày 24-11-Nhâm Tý (dl 29-12-1972).

Kính thưa Hội Thánh,

Kính chúc sức Thiên phong, Chúc việc và toàn đạo Nam Nữ,

Kính chúc quý Quan Khách,

Nhân danh Quyền Chương Quản HTĐ và Thống Quản Nữ phái CTĐ, tôi xin long trọng tuyên dương công trạng của Đức Bà Nữ Đầu Sư Hồ Hương Lự vừa qui Thiên vào ngày 22 tháng 11 Nhâm Tý, hưởng thọ 95 tuổi.

Về phần Đòi:

Bà Hồ Hương Lự, tức Hồ Thị Lự, sanh ngày 26-6-Mậu Dần (1878) tại Ích Thạnh, tổng Long Vĩnh Hạ (Gia Định), chồng là ông Cao Hoàng Ân, Thảm Phán đầu tiên tại VN.

Về phần Đạo:

Đắc phong phẩm Giáo Sư tại Kim Biên ngày rằm tháng 8 năm Đinh Mão (dl 10-9-1927).

Rằm tháng 10 năm Ất Hợi (dl 10-11-1935), bà được thăng phẩm Phối Sư.

Công nghiệp:

Năm Kỷ Tỵ (1929), bà về Tòa Thánh giúp việc nơi Lương Viện.

Qua năm Canh Ngọ (1930), làm Quản lý Sở may và làm công quả nơi Nhà Khách.

Năm Nhâm Thân (1932), lãnh Quản lý Lương Viện, Trù phòng và thay mặt bà Nữ Chánh Phối Sư tại Tòa Thánh. Sau đó bắt thăm đi hành đạo, làm Đầu Họ Đạo Long Xuyên.

Sau lại không người thế nơi Phòng Trù, nên Đức Quyền Giáo Tông cho phép ông Giáo Sư Thượng Sáng Thanh kiêm luôn Nữ phái.

Qua năm Bính Tý (1936), vì bệnh nên phải nghỉ một thời gian, khi bình phục sức khỏe, bà về giúp việc tại Nhà may Linh Đức.

Sau ngày Đức Phạm Hộ Pháp cùng nhiều Chức sắc phái Nam vắng mặt, bà vẫn ở tại Tòa Thánh để chung lo Đạo với Hội Thánh.

Trong lúc người Pháp chiếm Tòa Thánh, Nhà may Linh Đức phải dọn về nhà bà Giáo Sư Hương Nhiều. Sau người Pháp lấy Linh Đức làm trường học thì nhà may phải dọn về tiệm Minh Đức một thời gian rồi giải tán.

Trong lúc Đạo chinh nghiêng, chư Chức sắc cao cấp Nam phái không còn ai ở nơi đây, chỉ còn mấy vị Lễ Sanh nam nữ chung lo giúp sức với bà. Nhà cầm quyền Pháp lại chở hết tài sản của Đạo, chỉ còn lại chút ít đồ của Hội Thánh mà thôi.

Cuối năm Canh Thìn (1940), bà phải về nhà dưỡng bệnh vì kém sức khỏe, mãi đến tháng 4 năm Ất Dậu (1945), bà mới trở lại Tòa Thánh tiếp tục việc Đạo.

(Nhớ lại khi xưa:)

Lúc lưu lại Sài Gòn, bà ở tại nhà ái nữ của bà là cô Cao Thị Cường và con trai là Cao Hoài Sang (tức Đức Cao Thượng Sanh HTĐ).

Năm Bính Dần (1926), bà lên Kim Biên trú ngụ tại nhà Trưởng nam của bà là Cao Đức Trọng (tức là Thời Quân Cao Tiếp Đạo HTĐ). Sau đó, Đức Phạm Hộ Pháp lên mở đạo tại Kim Biên, độ bà vào Đạo.

Năm Ất Mão (1927), bà trở về Sài Gòn.

Bà có 3 người con: 2 Nam và 1 Nữ, đều tu theo Đạo Cao Đài. Con trưởng nam là Thời Quân Tiếp Đạo Cao Đức Trọng, thứ nữ là Giáo Sư Cao Hương Cường, còn quý tử là Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang.

Cả nhà bà đều nêu gương đạo hạnh làm vinh hiển tổ tông. Cái gương cương trực của bà cũng hiếm có. Bà dám đương đầu với bất cứ ai có manh tâm phản và chống đối Đạo, chẳng hạn như vị Cựu Thủ Tướng Nguyễn Phan Long, có lần lên Tòa Thánh, mặc âu phục vào tọa vị trên ngai tại Cung Đạo. Bà đồng dặc đứng ra phản đối và bắt buộc ông Long bằng lễ đạo, phải rời khỏi chỗ tôn thờ.

Về việc đạo, bà thường dùng lời ngay lẽ phải đối với tất cả mọi người. Phần đông trong Đạo đều mến phục cái tánh cương

trực của bà. Tánh cang trực ấy, bà áp dụng để xây dựng, chớ không hề xúc phạm ai. Ấy là sự cần ngôn cần hạnh đó vậy.

Rất tiếc thay! Bà mất đi là Đạo mất một bậc lão thành đáng thương kính. Từ đây, bà vắng bóng, bản đạo không còn được nghe lời cang trực đanh thép của một lão mẫu nữa.

Kính thưa Hội Thánh và chư quý vị,

Nổi thương tiếc không bút mực nào tả xiết!

Vậy trước khi dứt lời, tôi thành tâm cầu nguyện Ông Trên ban phước lành cho hương hồn Đức Bà Nữ Đầu Sư Hồ Hương Lự sớm tiêu diêu nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống, và xin chân thành phân ưu cùng tang quyến.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.

Hiển Pháp, Quyền Chương Quản HTĐ.

Bà Nữ Đầu Sư Hàm Phong Hương Lự được đặc phong Nữ Đầu Sư Hàm Phong cùng một lượt với Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, do đàn cơ tại Cung Đạo ngày 20-10-Mậu Thân (dl 9-12-1968), Đức Lý Nhứt Trấn Oai Nghiêm giáng cơ phong thưởng.

Sau đây là trích Bài Ai Diệu của Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh, Chương quản CTĐ Nam phái, đọc trước Liên đài của Cố Nữ Đầu Sư H.P. Hương Lự tại Bửu tháp lúc 10 giờ 30 ngày 26-11-Nhâm Tý.

"Hỡi ôi! Non Tiên ngút tỏa, biển Thánh mưa tuôn,
Cõi trần sớm hiệp rồi tan,
Kiếp sanh nào khác lá vàng ngày thu.
Đạo Trời vạch áng mây mù,
Vun bồi Tiên vị, công phu rạng ngời.
Hồng quần tích đức chiều mới,
Nêu gương liệt nữ Việt Thường soi chung.
Tuy Nữ giới, chí Nam nhi khó sánh,
Dù sức hèn, trí quân tử không đương.
Đức chánh chơn, thuật xử thể thuần lương,
Hạnh liêm khiết, ôn hòa đều khắc kỷ.
Trong cửa Đạo, dưới trên đồng kính nể,

Mặc sang hèn, yêu ái cả quần sanh.
 Nề nếp Nho phong lễ giáo chặt gìn,
 Khuôn viên Đại Đạo, Chơn truyền vẹn giữ.
 Hằng ta-bà hóa độ nhơn sanh,
 Đem Chánh giáo phổ truyền khắp chốn.

Ôn lại quãng đời hành đạo từ năm Ất Sửu (1925) đến năm Mậu Thân (1968), đặc vị Nữ Đầu Sư Hàm Phong tới giờ, 47 năm trường, trải qua biết bao phen cơ Đạo thăng trầm, cố Hiền Tỷ vẫn một lòng son sắt, trung liệt với Đạo Trời, chẳng quản gian lao, không sờn cay đắng, biết bao khổ hạnh truan chuyên, không bút mực nào tả xiết, nhưng giữ vững đức tin chung lo nghiệp đạo đến ngày thoát xác, thật đáng bậc tiền bối khả kính vậy.

Từ đây Tiên tục đôi đường, Âm Dương cách trở,
 Nỗi nùng thay! Toàn đạo thờ than,
 Thống thiết bấy, tin đồ tang chế.
 Chín mươi lăm tuổi, công viên quả mẫn,
 Bốn mươi bảy năm, cửa đạo vuông tròn.
 Niêm phong Thánh thể, an ngự Liên đài,
 Kỳ Long Mã đưa đường về Cực Lạc.
 Trên Tiên giới, Hiền Tỷ vui vầy trăng gió,
 Đạo khắp cùng cung điện cảnh tiêu dao.
 Nguyễn linh hồn an bước Tiên du,
 Châu Đê Khuyết nghìn thu toại hưởng.
 Hỡi ôi! Thương thay! Tiếc thay!
 Hiển linh xin chứng.

Sau đây là Trích đoạn bài Điều văn của Hội Thánh Phước Thiện đọc tại Bữa thắp Bà Nữ Đầu Sư Hàm Phong Hương Lự, ngày 26-11-Nhâm Tý (dl 31-12-1972).

"Trước khi chưa có Đạo Cao Đài, Đức Bà từng Đạo Minh Sư. Nhờ có căn nguyên, Đức Bà tìm thấy trong kinh điển có đề lời tiên tri về sau sẽ có một mối Đạo xuất thế:

*CAO như Bắc Khuyết nhơn chiêm ngưỡng,
 ĐÀI tại Nam phương Đạo thống truyền.*

Nên khi Đức Chí Tôn đến khai nền Đại Đạo, Đức Bà liền nhập môn tụng giáo, không chút ngờ vực, dâng hiến cả mảnh

thân cho Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu, để làm con tế vật phụng sự cho Đạo pháp và nhơn sanh.

Tuy phận liễu bồ nhược chất, nhưng tài đức và đạo hạnh của Đức Bà khó ai sánh kịp.

Lúc còn ở ngoài thế, song thân đình bề gia thất, nhưng chẳng may, nửa chừng xuân gầy gánh cang thường, Đức Bà vẹn giữ mối đạo nhơn luân, thủ tiết thờ chồng nuôi con, khổ nổi vừa quán xuyên gia đình, vừa dưỡng nuôi dạy dỗ đàn con thơ nên người nên đạo, âu đó cũng là một cơ thử thách để cho Đức Bà rạng danh một người hiền phụ và hiền mẫu nơi cõi Á Đông này.

Nhờ công ơn của Đức Bà vì nhơn sanh, tạo dựng cho nền Đại Đạo, hai tay rường cột để nâng gánh Đạo Trời, là Cổ Cao Tiếp Đạo và Đức Cao Thượng Sanh. Nếu Đức Bà không phải là bậc Thiên tài thì cũng chưa hẳn đủ trí mưu mà thi thố cho đặng.

Lần dở trang sử cũ Trung Hoa, chúng ta thấy đời ca tụng bà Mạnh Mẫu là mẹ của thầy Mạnh Tử, khéo nuôi con và khéo dạy con nên bậc Chí Thánh.

Lấy công tâm để luận, đối với bà Mạnh Mẫu, thì Đức Bà Nữ Đầu Sư đây không thua kém, mà lại có phần hơn. Cũng đồng phương pháp giáo hóa, nhưng Đức Bà đã khéo gây tạo cho con trở nên Chí Tiên và Chí Phật để phụng sự cho Đạo lẫn Đời. Còn riêng phần Đức Bà đối với Thiên triều của Đức Chí Tôn, trên đường tu học, bà cũng đạt đến tột phẩm triều nghi của nữ giới, đâu kém thua gì bậc tu mi nam tử.

Hân hạnh thay cho dân tộc Việt Nam! Hữu phước thay cho nòi giống Việt Thường! Đã có bậc anh thư làm rạng vẻ con Lạc cháu Hồng, không thẹn tuổi tên cùng quốc tế.

Một điều đặc biệt chúng ta đáng lưu ý, từ ngày xả thân hành đạo, Đức Bà được Đức Chí Tôn trọng dụng để bảo thủ Chơn truyền, điếm tô nghiệp Đạo. Biết bao lần thuyền Đạo gặp cơn giông tố bão bùng, bên ngoài cường quyền đàn áp, bên trong nội bộ kháo đảo đủ điều, mỗi phen biến cố, Đức Bà đóng vai trò giúp một cánh tay đắc lực cho Đức Hộ Pháp khử tà diệt mỹ, bảo thủ Chơn truyền.

Ngoài sứ mạng kể trên, còn một điều quan trọng mà ai là tín đồ Đạo Cao Đài cũng phải cúi đầu sùng kính ân nghĩa của Đức Bà. Để chứng minh, chúng tôi xin trích ra một đoạn văn thuyết đạo, chính Đức Phạm Hộ Pháp mô tả.

Đức Ngài nói: *"Bản đạo nhớ khi lên mở Đạo tại Kim Biên năm 1927 dựng truyền giáo. Đức Chí Tôn cho vị Phối Sư Hương Lự của chúng ta được thông công cùng Ngài, nhờ nghe nhờ thấy dựng truyền pháp cho Bản đạo."*

Quả thế, không ai dám phủ nhận chính nền Đạo Cao Đài ngày nay có đủ Chơn truyền Bí pháp siêu độ chúng sanh, phần lớn là nhờ công ơn của Đức Bà, mà hơn loại được hưởng diễm phúc hồng ân của Đức Chí Tôn ban bố.

"Khi nọ, Đức Chí Tôn biểu Bản đạo lại kể bàn viết có sắp một dãy nhựt trình dựng rút ra hai tờ, Ngài lại dạy Chị chúng ta là bà Phối Sư Bửu (Hương Lự) đứng bắt ấn, kể Bản đạo trải hai tờ nhựt trình sau lưng mà Bà Chị vẫn không hay biết. Tới lúc bắt ấn rồi, Bản đạo thưa: Đã trải rồi. Tức thì Bà Chị nhảy ngược lại, đập trên hai tờ nhựt trình. Bản đạo không hiểu nghĩa gì. Đức Chí Tôn biểu coi hai chơn có đập cái gì. Bản đạo coi chơn trước giở lên là hình Tượng Giới Thạch, đập ngay trên đầu; còn chơn sau, Bản đạo biểu giở nhón lên, coi thấy hình Roosevelt, Tổng Thống của nước Mỹ, đập ngay lên ngực và miêng. Đức Chí Tôn nói với Bản đạo rằng: Một ngày kia, Trung hoa sẽ thờ phụng Đạo đạo để, còn nước Mỹ sẽ lãnh trách nhiệm đi truyền giáo toàn cầu." (Trích thuyết đạo của Đức Hộ Pháp)

Bà Nữ Đầu Sư Hàm Phong Hương Lự đăng Tiên vào lúc 1 giờ 40 phút rạng sáng ngày 22-11-Nhâm Tý (dl 27-12-1972).

Vào lúc 20 giờ 35 đêm 22-11-Nhâm Tý, Hội Thánh thiết một đàn cơ tại Giáo Tông Đường, được Bát Nương DTC giáng cơ cho bài Thái để đồng nhi tế điện Nữ Đầu Sư Hương Lự.

Đàn cơ tại Giáo Tông Đường, đêm 22-11-Nhâm Tý (dl 27-12-1972) lúc 20 giờ 35 phút. Phò loan: Chương Ân Nguyễn Văn Hợi và Cải Trạng Nguyễn Văn Kiệt. Hầu đàn: Thời Quân Bảo Đạo, chư Chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Phước Thiện.

BÁT NƯƠNG

Em chào Hiền huynh Bảo Đạo, chư Chức sắc nam nữ Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài, cùng các em nam nữ.

Nơi Diêu Trì Cung rộn rịp đón Hương Lự Nương Nương.

Em được lệnh đến đây, có sự thông cảm của Đức Quyền Giáo Tông để trao 4 câu thái hầu Lễ Viện hành lễ cho Nữ Đầu Sư Hương Lự:

HƯƠNG thơm ngào ngạt Đạo kỳ ba,

LỰ tinh hồng quân Thánh đức ca.

NƯƠNG bóng tử bi diu chủng tộc,

NƯƠNG cơ thoát tục thức con nhà.

Cười . . . Hiền huynh Bảo Đạo nhắn lời, Em kính thăm Đại huynh Hiến Pháp.

Xin kiếu, đợt kỳ sau sẽ đàm đạo nhiều hơn. Thăng.

"Chúng tôi hầu chuyện cùng bà Quyền Nữ Chánh Phối Sư Hương Tiểu, được bà kể cho nghe về tánh đức cương nghị và nhất là lòng thương đàn em, không phân giai cấp quý tiệt.

Bà nói: Trong một đêm khuya thanh vắng, Đức Bà chạnh lòng nhớ đến quý tử là Cố Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang, bâng khuâng lo cho đại nghiệp Đạo, Đức Bà tâm sự: Chồng chết, con (là Thượng Sanh) vừa mới 9 tuổi, rón nuôi con cho ăn học thành thân, thi đậu, đi làm việc, cũng như Cao Tiếp Đạo, nay bỏ tôi, nó qui hồi Thiên cảnh hết rồi. Còn đứa con gái là Ba Cường, nay đau mai mệnh. Chớ chi Đức Chí Tôn đem tôi về thế cho Thượng Sanh ở lại lo cho nơn sanh, tôi già rồi, có sống cũng không ích chi cho Đạo." (*Trích báo Thông Tin số 68*).

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BQĐ: Bát Quái Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

DTC: Diêu Trì Cung.

Nữ Đầu Sư Đường

女頭師堂

A: Lady Cardinal Office.

P: Office de la Cardinale.

Đường: tòa nhà.

Nữ Đầu Sư Đường là toà nhà dùng làm văn phòng làm việc của vị Nữ Đầu Sư, Chủởng quản nữ phái CTĐ.

Văn phòng của Nữ Chánh Phối Sư và của Cửu Viện nữ phái cũng đặt tại nơi đây.

Do đó, Nữ Đầu Sư Đường là cơ quan trung ương của nữ phái CTĐ, điều hành toàn bộ hoạt động đạo sự của các Chức sắc, Chức việc và tín đồ nữ phái của CTĐ.

Nữ Đầu Sư Đường được xây dựng và khánh thành vào ngày 15-8-Tân Mão (1951). Trong buổi Lễ Khánh Thành, có rước Linh vị của bà Nữ Đầu Sư Hương Thanh để thờ trên lầu.

Trong buổi lễ này, Đức Phạm Hộ Pháp có nói:

"Cả thầy Hội Thánh tưởng lại coi, tạo dựng một dinh thự Nữ Đầu Sư Đường như vậy, chỉ có 250.000 đồng (hai trăm năm chục ngàn đồng). Có tay thợ nào làm được không?"

Bần đạo dám chắc không dám, bởi vì giọt mồ hôi nước mắt của sắp nhỏ (công thợ xây cất công quả) nó đổ vô trong này bằng ba lần như vậy. Đó chỉ là nhờ thiên hạ cho mớ vật liệu hoà với giọt mồ hôi đám sắp nhỏ mà nên hình tượng đó vậy.

Các em thầy để ý coi Ông Già đó (Đức Chí Tôn) Ông không chịu thiếu nợ ai hết, công nghiệp của mấy em, Ông trả nơi thế này không đặng thì về cửa Thiên liêng Hằng sống, Ông cũng trả cho được Ông mới nghe. Các em đã ngó thấy những đũa con hiếu hạnh của Ông giờ phút này nó biết định phận của nó thế nào đối với Thánh Thế.

Mấy đũa trong Quân đội bây giờ là ai? Là đám công thợ buổi trước tạo dựng nghiệp Đạo, rồi nó còn hy sinh xương máu bảo vệ đại nghiệp cho con cái của Ngài nữa, đương đầu với những trở lực oai quyền, hiện giờ nó nuôi lại em nó, chia từ miếng cơm manh áo cho mặc.

Cả đại nghiệp này nhờ đấm con chí hiếu của Ngài tạo dựng nên, chớ Bần đạo không làm gì được hết, chỉ có lo đốc thúc vô cho chúng nó làm, chớ thân này ôm viên gạch cũng không nổi.

Bần đạo chỉ mong có một điều là toàn thể con cái của Ngài, nam nữ, mỗi ngày đều tưởng tượng đến công khó nhọc của anh em nó, khó nhọc của đồng bào toàn thể nước nhà nòi giống đã tạo dựng nên nghiệp ấy, lấy cả sự nghiệp này làm môi giới, giữ đạo đức làm bùa hằng tâm, thương yêu với nhau, giữ nghĩa với nhau cho đến 700 ngàn năm sau, theo lời của Đức Chí Tôn đã định, dầu Bần đạo còn ở đây hay về cõi Hư Linh an lạc đi nữa cũng nhớ đến đại nghiệp con cái của Ngài, và Bần đạo dám đại ngôn với Ngài rằng: Con cái của Ngài giữ tâm chí hiếu với Ngài và với Phật Mẫu cũng vậy."

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Nữ kiệt

女傑

A: Heroine.

P: Héroïne.

Nữ: Phụ nữ, đàn bà, con gái. **Kiệt:** tài giỏi hơn người.

Nữ kiệt là người phụ nữ tài giỏi hơn người.

TNHT: Thanh sử từng nêu gương *nữ kiệt*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nữ nhi

女兒

A: Woman and young girl.

P: Femme et jeune fille.

Nữ: Phụ nữ, đàn bà, con gái. **Nhi:** con trẻ, người trẻ tuổi.

Nữ nhi là chỉ chung đàn bà và con gái.

TNHT: Chớ đừng sụt sè theo lối *nữ nhi*,...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nữ Oa

女媧

Nữ Oa là một vị Thần Nữ rất linh hiển, có công đội đá vá Trời. Tương truyền, bà là em gái của vua Phục Hy.

Theo truyện Thần thoại Trung hoa, thuở xưa có thần Cộng Công làm phản, bị thần Chúc Dung đánh bại, thần Cộng Công đục đầu vào vách núi Bất Chu ở hướng Tây. Núi Bất Chu vốn là một trong những cây trụ chống Trời, cây trụ Bất Chu ấy bị Thần Công Công húc làm gãy. Thế là một nửa bầu Trời phía Tây bị nghiêng sụp, có nhiều lỗ thủng, gây ra lảo đảo tai họa cho trần gian. Thần Nữ Oa lo tu bổ lại, bà chọn đá ngũ sắc bỏ vào nồi, dùng lửa đốt nóng tạo thành một thứ keo đặc biệt. Bà đem thứ keo ấy dán, vá lại những lỗ thủng trên bầu Trời. Để chống vững bầu Trời, bà chọn một con rùa lớn, chặt lấy 4 chân rồi làm phép biến thành 4 cây trụ chống đỡ bầu Trời.

Cuối cùng tai họa lớn của loài người được qua khỏi, đó đều nhờ công lao của Bà Nữ Oa. Dân chúng tôn sùng bà Nữ Oa nên đều lập đền thờ ở khắp nơi. Vào ngày rằm mỗi tháng, bà Nữ Oa thường lên Cung Hỏa Vân để chầu ba vị Thánh Vương thời thượng cổ là: Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế.

Bà Nữ Oa có cây Phướn Chiếu Yêu để triệu tập các yêu quái đến cho bà sai khiến. Phướn Chiếu Yêu đặt trong Bầu Vàng. Khi có lệnh của bà thì trong Bầu Vàng bay ra một đạo hào quang trắng như dải lụa, dài hơn 5 trượng, biến thành cây Phướn ngũ sắc tỏa hào quang khắp vùng. Các con yêu khi thấy cây Phướn này thì phải đến hầu cho bà Nữ Oa dạy việc.

Bà Nữ Oa có chế ra một loại nhạc khí gọi là Sinh hoàng, thường gọi là ống sinh để thổi, phát ra tiếng nhạc réo rất vui tai giống như tiếng phụng hát. Loại nhạc khí này làm bằng 13 ống trúc ghép lại giống như hình đuôi chim phụng.

Nữ Phật - Nữ Tiên

女佛 - 女仙

Nữ: Phụ nữ, đàn bà, con gái. **Phật:** Đức Phật. **Tiên:** bực Tiên.

- *Nữ Phật là người phụ nữ tu đắc đạo thành Phật.*

- *Nữ Tiên là người phụ nữ tu đắc đạo thành Tiên.*

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, còn được gọi là Phật Bà Quan Âm, Quan Âm Nữ Phật, là do hai sự tích:

- Quan Âm Thị Kính.
- Quan Âm Diệu Thiện.

Đó là vị Nữ Phật rất được người Á Đông sùng kính, mà trong Đạo Cao Đài, Bà là Nhị Trấn Oai Nghiêm cầm quyền Phật giáo. (Xem sự tích nơi chữ: **Quan Thế Âm Bồ Tát, văn Q**)

Trong Bát Tiên ở núi Bồng Lai nơi cõi thiêng liêng, có Hà Tiên Cô là một vị Nữ Tiên, nhờ tu hành mà đắc Tiên vị.

Trong Đạo Cao Đài, Cửu vị Tiên Nương hầu cận Đức Phật Mẫu, được thăng lên hàng Phật vị, gọi là Cửu vị Nữ Phật.

TNHT: Trên Bạch Ngọc Kinh có đủ nam nữ, các con chớ làm tướng và phân biệt. Có các Đấng *Nữ Tiên, Nữ Phật* còn lớn quyền thế hơn nam nhiều.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nữ tu

女修

A: A nun.

P: La religieuse.

Nữ: Phụ nữ, đàn bà, con gái. **Tu:** theo đạo để tu hành.

Nữ tu hay Nữ tu sĩ là người phụ nữ nhập vào một tôn giáo để lo việc tu hành.

Từ ngữ Nữ tu thường được dùng bên Thiên Chúa giáo, Nữ tu ở trong các Nữ Tu Viện. Bên Phật giáo gọi là Ni Cô, Cô Vãi, tu trong các Ni Tự (chùa Ni Cô), có một Ni Sư điều khiển.

Nữ trung Nghiêu Thuấn

女中堯舜

Nữ: Phụ nữ, đàn bà, con gái. **Trung:** ở trong. **Nghiêu Thuấn:** hai ông vua nổi tiếng là hiền minh Thánh đức vào thời thượng cổ nước Tàu.

Nữ trung là người đàn bà trong giới phụ nữ.

Nữ trung Nghiêu Thuấn là người đàn bà có tài đức sánh như vua Nghiêu vua Thuấn.

Sách Ấu Học Quỳnh Lâm có viết:

Hiền Hậu xưng Nữ trung Nghiêu Thuấn,

Liệt nữ xưng Nữ trung Trượng phu.

Nghĩa là:

Vợ vua mà hiền đức là Nghiêu Thuấn trong hàng phụ nữ,
Gái trinh liệt là Trượng phu trong hàng phụ nữ.

Bộ Tổng Thư chép:

Vua Triết Tông nhà Tống lên ngôi lúc 10 tuổi. Bà Cao Thái Hậu buông rèm nghe việc chánh, tuyệt không ớn riêng, bãi bỏ Tân pháp, trọng dụng ông Tư Mã Quang, giáng chức và khiển trách ông Lữ Huệ Khanh. Trong thiên hạ khen bà là "Nữ trung Nghiêu Thuấn."

Nữ Trung Tùng Phận

女中從分

Nữ: Phụ nữ, đàn bà, con gái. **Trung:** ở trong. **Tùng:** theo. **Phận:** bổn phận.

Nữ trung là ở trong giới phụ nữ. *Nữ Trung Tùng Phận có nghĩa là những bổn phận mà người phụ nữ phải tùng theo.*

Nữ Trung Tùng Phận là tên của một tác phẩm thi văn của Đạo Cao Đài do bà Đoàn Thị Điểm giáng cơ đề bút.

Nữ Trung Tòng Phận

- Giới thiệu tác phẩm Nữ Trung Tòng Phận
- Mục đích Giáo dục của Nữ Trung Tòng Phận

1. Giới thiệu tác phẩm Nữ Trung Tòng Phận:

Nữ Trung Tòng Phận là một tác phẩm độc nhất vô nhị trong kho tàng văn chương Việt Nam, vì nó không do một con người bằng xương bằng thịt nơi cõi phàm trần sáng tác, mà do một Đấng Nữ Tiên nơi Thượng giới dùng huyền diệu Tiên gia trong Đạo Cao Đài giảng cơ viết ra. Đấng Nữ Tiên đó là Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm mà chơn linh là một Nữ Tiên nơi DTC.

Đây là một tác phẩm giáo dục, dạy Nữ phái về Nhơn đạo và Thiên đạo. Nhơn đạo gồm Tứ Đức và Tam Tòng. Khi Nhơn đạo xong thì người phụ nữ cần tiến lên tu Thiên đạo, cầu sự giải thoát khỏi luân hồi.

Trong thời Hạ nguơn Mặt kiếp, khoa học tiến bộ vượt bực, làm cho nền văn minh vật chất lẫn át cả tinh thần, đưa nhơn loại xu hướng vào đường vật dục hơn là đạo đức tinh thần, làm cho nền tảng đạo lý suy đồi, luân thường điên đảo.

May mắn cho nhơn loại, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế giảng trần mở Đạo Cao Đài để cứu vớt nhơn sanh, lập nên năm nấc thang tiến hóa cho nhơn loại, mà khởi đầu là Nhơn đạo, tiến lên kế trên là Thần đạo, rồi Thánh đạo, Tiên đạo và nấc thang thứ năm là Phật đạo.

Trong phần Nhơn đạo, Đức Chí Tôn chủ trương "*Nho Tông Chuyển Thế*", nghĩa là lấy tinh hoa của giáo lý Nho giáo làm căn bản để giáo hóa nhơn sanh, chỉnh đốn kỷ cương xã hội, khiến cho đời dần dần trở nên thuần lương đạo đức, đưa xã hội loài người tiến đến hòa bình Đại đồng Huynh đệ.

Trong chiều hướng đó, nhiều Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, giảng cơ giảng dạy về Nhơn đạo, trong đó có Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ viết nên tác phẩm NỮ TRUNG TÒNG PHẬN có mục đích giáo hóa Nữ phái, lấy Nhơn đạo làm nền tảng. Người phụ nữ cần phải trau dồi Tứ Đức, thực hành Tam Tòng, giúp chồng làm nên sự nghiệp, dạy dỗ

con cái thành nhơn chi mỹ, hữu ích cho xã hội. Khi đã xong phần Nhơn đạo thì nương theo bóng Đức Chí Tôn tìm lên những nấc thang tiến hóa cao hơn là Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo, mà vượt qua bể khổ, thoát đọa luân hồi.

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN là một áng văn chương tuyệt tác siêu phàm, được Đoàn Tiên Nương giảng cơ viết ra gồm 1401 câu thơ song thất lục bát, cùng một thể thơ với tác phẩm *Chinh Phụ Ngâm*. Đó là một lối thơ VN rất sở trường của Bà.

Tiên Nương Đoàn Thị Điểm viết NỮ TRUNG TÙNG PHẬN với tất cả kinh nghiệm sống của Bà trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần: Làm con trong gia đình phụng dưỡng cha mẹ già, làm em giúp đỡ lo lắng cho anh chị và các cháu, rồi làm vợ, làm mẹ (mẹ nuôi), cộng với sự thông huệ của một bậc Thiên Tiên nơi cõi thiêng liêng, nên tác phẩm NỮ TRUNG TÙNG PHẬN xuất sắc hơn nhiều so với *Chinh Phụ Ngâm* về phương diện nhẹ nhàng thanh thoát, đầy lòng bác ái vị tha.

Bà Đoàn Thị Điểm giảng cơ viết NỮ TRUNG TÙNG PHẬN, khởi đầu vào đêm 26-2-Quý Dậu (dl 21-3-1933) tại Giáo Tông Đường TTTN, sau đó Bà yêu cầu hai vị Phò loan là Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh tiếp tục phò loan mỗi đêm để Bà viết cho xong tác phẩm.

Xin chép ra sau đây bài giảng cơ đầu tiên:

Phò loan

Hộ Pháp -
Tiếp Thế

Giáo Tông Đường, đêm 26-2-Quý Dậu,
(dl 21-3-1933)

Hầu đàn:

Đức Q. Giáo Tông,
Giáo Sư Ngọc Trọng Thanh,
Giáo Hữu Thượng Trí Thanh.

Hầu bút:

Sĩ Tài Võ thành Quốc.

ĐOÀN THỊ ĐIỂM
Tiên trào Nữ sĩ

Đức Quyền Giáo Tông hỏi:

- Có phải Bà viết ra quyển Chinh Phụ Ngâm chăng?

- *Phải. Tùng Thất Nương.*

Đức Quyền Giáo Tông hỏi tiếp:

- Sao trong quyển Quốc Văn Trích Diễm ghi Bà họ Nguyễn?

- *Chánh tông Đoàn, cải tông Nguyễn.*

Đức Quyền Giáo Tông nói:

- Anh em tôi rất mừng Bà và sẵn đây xin Bà cho thi đặng dạy Nữ phái.

- Xin nghe: **NỮ TRUNG TÙNG PHẬN.**

Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.
Gươm thư giúp sức gươm hùng,
Diễm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.

Bồi rẻ rúng thuyền quyen thiếu học,
Dầu chí thân tơ tóc cũng khi.
Tinh thần cao thấp nhờ thi,
Dục tài nữ sĩ sánh bì cùng nam.

Chinh phụ trước treo nên giá quý,
Áng văn làm nhuệ khí cầu vinh.
Thêm duyên chước quý giao tình,
Mỹ ngôn nương ý gia đình an vui.

Nấu kinh sử ra mùi son phấn,
Cầm bút nghiên đặng thắm má đào.
Quần xoa đỡ ngọn binh đao,
Xây hình thực nữ giặt màu nước non.

Xin phò loan kỳ sau tiếp, THĂNG.

Qua nhiều lần phò loan cho Bà viết tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận, khi thì phò loan ở Giáo Tông Đường, khi thì ở Hộ Pháp Đường, Bà viết được khoảng 1000 câu thơ thì cơ không viết được nữa. Đức Hộ Pháp biết rằng Bà đã viết xong phần Đời (Thế), bắt đầu viết sang phần Đạo, cần phải có một vị Thời Quân chi Đạo phò loan thì Bà mới viết tiếp được. Do đó, Đức Hộ Pháp hỏi Bà để đánh điện tin qua Nam Vang gọi Ngài

Cao Tiếp Đạo về Tòa Thánh phò loan cho Bà viết tiếp, thì Bà trả lời là khỏi, ngày mai Tiếp Đạo sẽ về tới Tòa Thánh.

Quả thật, chiều hôm sau, Ngài Cao Tiếp Đạo về tới Tòa Thánh, và ngay tối hôm đó, Ngài Tiếp Đạo phò loan với Đức Hộ Pháp, Bà viết tiếp Nữ Trung Tòng Phận cho đến hết, gồm tất cả 1401 câu thơ, hoàn thành tác phẩm vô cùng giá trị này.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo ngày 26-10-Tân Mão (dl 24-11-1951) có nói về Bà Đoàn Thị Điểm như sau:

"Khi Bà Đoàn Thị Điểm qui vị, bị ngồi nơi Thanh Tịnh Đại Hải Chúng, nhờ Cô Thất Nương xuống độ Bà về Lô Âm Tự, rồi nhờ Bà viết ra một cuốn Nữ Trung Tòng Phận, Bà mới siêu thoát được."

Như vậy, dù nguyên căn là một Nữ Tiên nơi DTC, Bà Đoàn Thị Điểm vì thiếu công quả cứu độ chúng sanh, nên khi qui liễu, Bà không được trở về ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng.

Bà phải chờ đợi 178 năm sau, đến khi Đức Chí Tôn mở ĐĐTKPĐ vào năm Bính Dần (1926), mở ra thời kỳ Đại Ân Xá, rồi Bà phải chờ đợi thêm 7 năm nữa, tức đến năm 1933, Bà mới có dịp lập công quả bằng cách giảng cơ viết ra tác phẩm Nữ Trung Tòng Phận để giáo hóa và cứu độ các tín đồ Nữ phái, nhờ đó, Bà mới được trở về ngôi vị cũ là một Nữ Tiên nơi DTC. (Xem tiểu sử Bà Đoàn nơi chữ: Đoàn Thị Điểm, văn Đ).

■ Trong tác phẩm Nữ Trung Tòng Phận, Bà Đoàn Thị Điểm xác nhận trong kiếp sanh của Bà, đã viết tác phẩm Chinh Phụ Ngâm qua 4 câu thơ trong phần mở đầu từ câu 9 đến 12:

9. **Chinh phụ** trước treo nên giá quý,
Âng văn làm nhuệ khí cầu vinh.
11. Thêm duyên chước quý giao tình,
12. Mỹ ngôn nương ý gia đình an vui.

■ Chúng ta còn nhận thấy rằng, trong Nữ Trung Tòng Phận (NTTP) có một vài câu thơ với những từ ngữ có ý nghĩa rất giống với các câu thơ trong Chinh Phụ Ngâm (CPN):

NTTP: Câu 224: *Phụ thân thế phận cho chàng dạy khuyên.*

Câu 228: *Thế chàng thiệp lãnh vai người hiếu nam.*

CPN: Câu 159: Ngọt bùi thiếp đã *hiếu nam*.

Câu 160: Dạy con đèn sách thiếp làm *phụ thân*.

■ Tác phẩm Chinh Phụ Ngâm chỉ có 412 câu thơ song thất lục bát, so với Nữ Trung Tùng Phận 1401 câu thơ, cũng bằng thể thơ song thất lục bát, thì Nữ Trung Tùng Phận vĩ đại hơn nhiều.

2. Mục đích Giáo dục của Nữ Trung Tùng Phận:

Nội dung của tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận là lời tự thuật của một phụ nữ có sắc đẹp, có tài năng và đức hạnh, kể từ lúc tuổi thanh xuân, rồi có chồng theo về nhà chồng, phục vụ cho chồng và gia đình nhà chồng, sanh con đẻ cái, nuôi dạy con cho khôn lớn, đến lúc tuổi già răng long đầu bạc, qui y lo việc tu hành và thoát xác về Tiên.

165. *Cầm bút ngọc đề thi tự thuật,
Một kiếp sanh của bậc văn tài.
Nêu gương tuyết giá hậu lai,*

168. *Gỡ trong muôn một những bài sanh ly.*

Tiên Nương Đoàn Thị Điểm mượn lời tự thuật này để giáo dục Nữ phái lúc tuổi trẻ phải lo cho tròn Nhơn đạo, giữ vững Tứ Đức, Tam Tùng, giúp chồng và gia đình nhà chồng, nuôi dạy con cái lớn khôn nên người. Đến lúc trung niên thì xong phần Nhơn đạo, người phụ nữ cần tiến lên tu phần Thiên đạo thì mới mong giải thoát khỏi kiếp luân hồi. (Thiên đạo là đạo tu giải thoát để lên cõi Trời. Đó là Tiên đạo và Phật đạo).

Tác phẩm này được Bà giảng cơ bắt đầu viết vào ngày 26-2-Quý Dậu (1933), nên nội dung tác phẩm cũng căn cứ vào hiện tình xã hội của nước Việt Nam ta thời đó. Đó là thời mà Nam Kỳ (miền Nam VN) là thuộc địa của nước Pháp, Trung Kỳ thì vẫn do vua quan nhà Nguyễn cai trị, nhưng đặt dưới sự bảo hộ của Pháp, xã hội vẫn còn phong kiến như thuở Bà Đoàn Thị Điểm sanh tiền, Nữ chưa được bình quyền cùng Nam.

Mở đầu tác phẩm, Tiên Nương Đoàn Thị Điểm thúc giục Nữ phái phải lo học tập văn hóa trong lúc tuổi còn niên thiếu,

vì Bà cho rằng phụ nữ chưa được bình quyền cùng nam là vì dốt nát, nên bị khinh rẻ.

1. Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
2. Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.

13. Nấu kinh sử ra mùi son phấn,
14. Cầm bút nghiên đặng thắm má đào.

Tiên Nương còn thúc đẩy Nữ phái học cả võ nghệ nữa để giúp Nam phái bảo vệ non sông tổ quốc:

3. Gươm thư giúp sức gươm hùng,
4. Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.

15. Quần xoa đỡ ngọn binh đao,
16. Xây hình thực nữ giặm màu nước non.

Người phụ nữ thời đó vẫn còn bị phái nam khinh rẻ vì dốt nát thiếu học, nên hoàn toàn lệ thuộc vào người chồng:

5. Bờn rẻ rúng thuyền xuyên thiếu học,
6. Dầu chí thân tơ tóc cũng khi.

19. Vật chơi ở chốn khuê phòng,
20. Đã cam phận vợ để chồng cầm duyên.

Nếu thời niên thiếu không lo học tập thì đến tuổi trưởng thành, có chồng con rồi thì đâu còn thì giờ và tâm trí thảnh thơi để học tập.

33. Mảng lo lắng chữ nhàn nào rõ,
Hướng để công đến ngõ Khổng Trình.
Rừng Nho biển Thánh thình thình,
36. Nữ lưu nào thấu muôn nghìn thi thơ.

Trong gia đình, người mẹ gần gũi thân cận với con nhiều hơn cha, nên việc giáo dục của mẹ đối với con lúc con còn thơ bé rất là quan trọng.

Trong phần tiếp theo là lời Mẹ dạy con trai và con gái.

*** MẸ DẠY CON TRAI: (từ câu 357 đến 592: 236 câu)**

■ *Dạy con trai phải lo thờ cúng Tổ tông:*

357. Định hương hỏa hằng bày quý tế,

Lập pháp gia tự kế phụng thờ.

Con chàng thiếp trả khi thơ,

360. Dòng chàng thiếp dạy phụng thờ tổ tông.

■ *Lựa chọn nghề nghiệp cho con học tập để lớn lên có nghề nghiệp thích hợp bảo đảm cuộc sống gia đình:*

361. Lựa cho học các công các nghệ,
Tính cho hay mọi về văn tài.

Sĩ, Nông, Công, Cổ sanh nhai,

364. Ngư, Tiều, Canh, Mục làm bài bảo thân.

■ *Dạy con đạo Nhơn luân, gồm Ngũ luân: Cách cư xử đối với quốc gia, đối với cha mẹ, đối với vợ, đối với anh em và đối với bạn bè.*

• Đối với quốc gia dân tộc, phải có lòng yêu nước và lòng trung thành (TRUNG):

381. Nếu đề đặng tinh trung hai chữ,
Vạch lưng con viết thử để dành.

Rủi cơn loạn quốc khuynh thành,

384. Tám gan liệt sĩ cũng đành độ dân.

397. Nào quốc thể người khi kẻ thị,
Nào dân đen phép qui hớp hồn.

Nấu sôi cái máu anh phong,

400. An bang tế thể một lòng lo âu.

• Dạy con phải có hiếu với cha mẹ (HIẾU):

485. Con ví biết trọng nghi phụ tử,
Hiền tông môn khá giữ nơi lòng.

Đừng làm nhục tổ hồ tông,

488. Lập thân trả hiếu nối dòng truyền hương.

• Dạy con phải biết tôn kính thầy (KÍNH):

449. Tôn kính thầy cũng bì cha trẻ,
Mới đặc truyền mọi lẽ cao sâu.

Học hay kế nhiệm mưu mầu,

452. Học nên tài đặng giải sầu quốc gia.

473. Con nhờ thầy công danh mới toại,
Như nhờ cha mới giới hình dung.

- Hai ơn ấy gấm so đồng,
 476. Nghĩa kia như hiếu, mặn nồng cả hai.
- Dạy con phải thương yêu dạy dỗ em út trong nhà:
 493. Còn em út trong nhà thơ bé,
 Trai dạy khuyên, gái để khép khuôn.
 Con đừng quen tánh luông tuồng,
 496. Các em hư nét gieo buồn song thân.
 - Dạy con phải biết chọn bạn mà chơi:
 501. Ngoài gia tộc nước non vậy bạn,
 Lựa tài danh giao cận tâm tình.
 Đời như trận giặc đua tranh,
 504. Dầu tài một ngựa một mình khó nên.

 - 517. Trong võ trụ hiệp hào là mạnh,
 Phận đồ thơ phải gánh non sông.
 Anh em bạn tác vậy đồng,
 520. Xô thành cũng ngã, lấp sông cũng bằng.
 - Dạy con trai khi lớn lên có vợ thì phải biết thương yêu giúp đỡ vợ nhà, ăn ở cho có tình nghĩa thủy chung:
 525. Tình phu phụ biết bao nghĩa trọng,
 Đạo nhơn luân gầy sống của đời.
 Dầu cho non nước đổi dời,
 528. Còn niềm chồng vợ, còn người còn ta.

 - 529. Bạn trăm tuổi thân hòa làm một,
 Dầu sang hèn xấu tốt cũng duyên.
 Cùng nhau giữ vẹn hương nguyên,
 532. Cái duyên kinh bố là duyên Châu Trần.
 - *Dạy con phải lo xây dựng nền văn hóa cho dân tộc mình và phát triển nền kinh tế cho văn minh tiến bộ:*
 393. Giang sơn bốn nghìn năm tổ nghiệp,
 Văn hóa so cũng kịp tha bang.
 Xa thơ nay gãy giữa đàng,
 396. Con tua giữ dạ cứu nàn giúp nguy.

 - 461. Học cho thấu máy linh cơ tạo,

- Học cho toàn trí xảo văn minh.
 Thân tài hay nhập nước mình,
 464. Làm cho dân hưởng thái bình giàu sang.
- *Dạy con trai không đăm mê sắc dục, ăn chơi trác táng:*
 581. Có chi trọng đàn ong xóm bướm,
 Nơi phồn ba đậm nhuộm màu gian.
 Đừng quen kết lũ vầy đoàn,
 584. Cửa thanh lâu những nhện nhàng gió trăng.

*** MẸ DẠY CON GÁI: (từ câu 593 đến 712: 120 câu).**

Con gái phải lo trau dồi Tứ Đức: Công, Dung, Ngôn, Hạnh, và giữ lấy Tam Tùng: Tùng phụ, Tùng phu, Tùng tử.

- *Mẹ dạy con gái về DUNG:*
 621. Phàm phận gái đứng hàng khuê các,
 Phải trau tria tướng hạc hình mai.
 Chín tầng cửa đóng then gài,
 624. Ra ngoài nghiêm nghị, trong bày đoan trang.
- *Mẹ dạy con gái về NGÔN:*
 625. Đối với khách đồng bàn đồng tuổi,
 Nhớ cho hay lời nói giọng cười.
 Ngôn từ ngọt dịu thanh tươi,
 628. Tiếng tiêu khải phụng, phục người mới ngoan.
- *Mẹ dạy con gái về CÔNG:*
 629. Gặp cơn rảnh nhà lan vắng khách,
 Công chỉ kim, đèn sách học hay.
 Trăm nghề dầu chẳng đủ tài,
 632. Dệt văn Tô Huệ gỡ đày chinh phu.
- *Dạy con gái về HẠNH:*
 633. Sửa từ nét ngày thân tập tánh,
 Trăm hạnh hay bởi tránh điều thô.
 Xấu xa rách rưới lỏa lồ,
 936. Đoan nghiêm tánh đức cũng cho gái lành.
- *Dạy con gái lúc chưa chồng thi ở nhà phải tùng Cha (TÙNG PHỤ) và phải hiếu thảo với cha mẹ:*
 637. Còn đương thờ tuổi xanh thơ bé,

Ráng theo cha học lễ học văn.
 Phép xưa từng phụ đã rằng,
 640. Dựa thân cội tử đọi hàng trượng phu.

641. Thánh xưa dạy từ câu nói hiểu,
 Đạo thờ thân chăm khịu nên kinh.

Tích xưa nhắc đến Đề Oanh,
 644. Thương cha nên phải bán mình kêu oan.

■ *Dạy con gái phải lựa chọn tám chồng cho xứng đáng với tài sắc của mình:*

653. Đọi nơi cửa khách tìm thức ngọc,
 Đùng đồ đường rời bóc đóa hoa.

Trông người so sánh với ta,
 656. Lường tài cân sắc hiệp hòa mới nên.

■ *Dạy con gái khi có chồng thì phải từng chồng (TÙNG PHU) và giữ lòng chung thủy với chồng:*

673. Đến lúc đã chung phòng hòa hiệp,
 Phải từng phu là phép xưa nay.

Mạnh Quang tích trước ghi tài,
 676. Tề mi vẹn đạo chẳng nài khổ thân.

701. Hễ thất nghĩa rẽ khinh kim cải,
 Khó tưới hoa trở lại thanh tươi.

Hư nên cũng có một đời,
 704. Hay chi thay đổi nhành mai sái mùa.

Hai đoạn: Mẹ dạy con trai và Mẹ dạy con gái rất quan trọng, tính theo số câu thì chiếm ¼ tác phẩm.

Người Mẹ cần lợi dụng sự thương yêu gần gũi các con để nhỏ to dạy dỗ và khuyên nhủ con. Bởi vì nuôi một đứa con thì dễ, chớ việc dạy một đứa con nên người đạo đức hữu ích cho hơn quần xã hội là một việc muôn vàn khó khăn, đòi hỏi người cha, nhất là người mẹ phải tế nhị, sâu sắc và nhẫn nại.

■ *Người phụ nữ, nếu gặp phải số phận bạc bẽo, gầy gánh giữa đường thì điều cao quý nhất vẫn là giữ lòng chung thủy với chồng, ở vậy nuôi con và dạy dỗ con, hy sinh bản thân*

mình để tạo sự nghiệp cho con, hơn là tái giá, bước thêm bước nữa (TÙNG TỬ):

777. Thôi đành gởi tâm hồn gió tuyết,
Theo nương con cho hết Tam Tùng.
Hoặc là tròn nghĩa thủy chung,

780. Hoặc là chia dạ nỡ nùng với con.

■ *Khi con đã khôn lớn nên người, người phụ nữ cần nên hướng về đường đạo đức tu hành:*

969. Tiếng U Minh tí lia gọi thảm,
Giọng kinh khua cửa Phạm dập dồn.
Câu kinh tiếng kệ gọi hồn,

972. Kêu thương khách tục, giải lòng người nhân.

997. Rón rén trước Phật ngồi cúi gật,
Mấy lạy trình mấy nấc tương tư.
Mảnh tâm xin gởi bấy chữ,

1000. Nương theo thuyền huệ vào bờ Tương giang.

■ *Nhìn lại cuộc đời đã qua, thấy rõ như là một giấc mộng, có chồng có con, mưu cầu danh lợi chỉ là chuốc thảm đeo sầu.*

1109. Ngắm thế cuộc chẳng bằng một giấc,
Kiếp phù sinh đặng thất là bao.
Nhặng là đeo thảm chác sầu,

1112. Tóc xanh cho tới bạc đầu cũng in.

■ *Người phụ nữ lúc bấy giờ nên xuất gia tu hành, tầm đường Thiên đạo thì mới mong giải khổ và thoát khổ.*

1153. Thay đạo phục bước xăng lánh thế,
Mời thì kinh, tối kệ giải lòng.
Từ bi hứng giọt lành dương,

1156. Lau thanh trái chủ, lấp đường nghiệt căn.

1233. Vẹn Nhơn đạo đi lần nẻo chánh,
Đến vô ưu đặng lánh nhơn luân.
Thuyền con mịch mịch như rừng,

1236. Đon đường Thánh đức hỏi chừng Như Lai.

■ *Tu thì nên luyện đạo và sẽ được đắc đạo tại thế:*

1249. Bể ngũ quan, không kiêng tục tánh,

- Diệt lục trần xa lánh phạm tâm.
Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,
1252. Đoạt phương tự diệt, giải phần hữu sinh.
1257. Ngũ khí thanh diệt trừ quả kiếp,
Linh quang đầy đặn tiếp hồng ân.
Xác tại thế đã nên Thần,
1260. Ba mươi sáu cõi đặng gần linh Thiên.
■ *Ráng cầm viết ghi lại những kinh nghiệm sống của đời mình để lưu lại khuyên dạy Nữ phái:*
1381. Gắng cầm viết nín hơi sống rớt,
Đề năm vắn khắc cốt nữ lưu.
Dứt tình ái, giải sầu ưu,
1384. Hễ thương thì cũng lo mưu giữ mình.
■ *Nhiệm vụ đã xong, linh hồn thoát xác về Tiên, hưởng hồng ân của Đức Chí Tôn:*
1397. Buông ngọn viết vào làn mây trắng,
Hễ có thương nhớ dạng là hơn.
Cảnh Thiên gửi tức hương hồn,
1400. Đề câu tiết nghĩa vĩnh tồn hậu lai.
1401. Đòi đời danh chói CAO ĐÀI ./.

Tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận của Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giáng cơ viết ra vào năm 1933, lúc đất nước Việt Nam ta còn phong kiến và Pháp thuộc, nên thích hợp với hoàn cảnh xã hội thời đó, nhưng so với hoàn cảnh của người phụ nữ thời nay có nhiều đổi mới thì tác phẩm có một vài chi tiết không còn thích hợp nữa.

Tuy nhiên, đứng trên bình diện tổng quát, đặt nặng phần nội dung căn bản mà xem nhẹ chi tiết, thì tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận này rất có giá trị về hai phương diện: Văn chương và Giáo dục.

- Lời thơ bóng bẩy, đầy âm điệu, ý tứ thanh cao, góp phần làm phong phú nền văn hóa Việt Nam.

- Nội dung giáo dục chủ yếu dành cho Nữ phái, nhưng không phải không có dạy Nam phái, góp phần củng cố nền

tăng đạo đức gia đình, đúng theo chủ trương Nho tông Chuyển thế của Đạo Cao Đài, để từ đó xây dựng nền phong hóa Việt Nam càng lúc càng tốt đẹp, làm gương mẫu cho toàn nhơn loại, đúng theo Thánh ngôn của Đức Chí Tôn:

"Nam phong thử nhật biến Nhơn phong."

DTC: Diêu Trì Cung.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

NƯỚC

Nước Âm Dương

A: The Holy water.

P: L'Eau bénite.

Nước Âm Dương, chữ Hán gọi là Âm Dương thủy, là nước trộn chung của hai chung nước: nước trà và nước trắng, cúng trên Thiên Bàn.

Chung nước trà đặt phía đĩa trái cây, tượng trưng Âm.

Chung nước trắng đặt phía bình bông, tượng trưng Dương

Đặt hai chung nước sát vào nhau, rồi nghiêng hai chung nước cho hai mặt nước hai bên tiếp giáp nhau, gọi là Âm Dương ký tế, rồi cùng đổ xuống một ly nước khác, cho hai thứ nước trà và trắng hoà vào nhau, gọi là nước Âm Dương.

Nếu có một Chức sắc hành pháp, luyện nước Âm Dương này thì nó trở thành một thứ nước Thánh có tính cách huyền diệu, gọi là nước Cam Lò hay Cam Lò thủy, dùng trong Phép xác hay cho bệnh nhân uống để trị bệnh. (Xem: **Cam Lò thủy**).

Nước dời cạn bực

A: The ebb-tide.

P: La marée descendante.

Nước dời cạn bực là nước thủy triều xuống thấp, làm cạn lòng sông, thuyền bị mắc cạn không đi được.

Ý nói: tình trạng trễ đồ vì đồ phải rời bến trước khi nước ròng sát xuống, hay tình trạng phải chờ đồ, đến khi nước thủy triều lên thì đồ mới đi được.

TNHT: Nếu chẳng sớm xét mình, để buổi ác xé trắng tà, *nước đời cạn bực*, thuyền Bát Nhã đã lướt qua, ngành dương liễu hết rơi giọt từ bi thì ăn năn rất muộn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nước hành dương - Nước dương

A: The Holy water.

P: L'Eau bénite.

Nước hành dương hay nói tắt là nước dương, là thứ nước rải ra từ cành cây dương liễu. Đó là nước Cam Lộ.

Trong Phép xác, vị Chức sắc hành pháp luyện Cam Lộ thủy xong, thì dùng cành dương liễu, nhúng vào nước Cam lộ, rải xung quanh quan tài, để làm phép tẩy rửa chơn thần người chết cho được trong sạch.

- TNHT:**
- *Lấy nước hành dương tưới lửa phiền.*
 - *Nước dương tưới sạch trần ai cũ.*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nước Lỗ biến hình lân

Nước Lỗ: một nước nhỏ vào thời Xuân Thu bên Tàu, nay là tỉnh Sơn Đông. **Lân:** con lân, hay gọi chung là Kỳ lân, một con vật trong Tứ Linh. Tương truyền, khi Kỳ lân xuất hiện là báo cho biết có Thánh nhân ra đời cứu nhân độ thế.

Nước Lỗ biến hình lân là ý nói nơi nước Lỗ có Kỳ lân xuất hiện, báo hiệu cho biết có bực Thánh nhân là Đức Khổng Tử ra đời, làm hưng thịnh đạo đức để cứu dân độ thế.

(Xem điển tích nơi chữ: Khổng Tử, văn Kh)

Nước nguồn cây cội

Nước nguồn cây cội là dịch nghĩa thành ngữ chữ Hán: Mộc bản thủy nguyên: Cây có cội, nước có nguồn.

Ý nói: Làm người phải biết nhớ tưởng đến nguồn gốc của mình, tức là nhớ đến cha mẹ và Ông Bà Tổ Tiên.

KSH: Lòng thành thương tưởng ông bà,
Nước nguồn cây cội mới là tu mi.

KSH: Kinh Sám Hối.

Nước Phật (Phật quốc)

佛國

A: The kingdom of Buddha.

P: Le royaume de Bouddha.

Nước Phật, chữ Hán là Phật quốc, chỉ cõi của chư Phật. Đó là cõi Cực Lạc Thế Giới và cõi Niết Bàn.

TNHT: *Nước Phật* sửa an cảnh Niết Bàn.

Nước Phật còn có nghĩa là cõi mà một vị Phật có trách nhiệm hóa độ chúng sanh trong cõi đó.

Td: Nước Thiên Trước là Phật quốc của Đức Phật Thích Ca, vì Đức Phật Thích Ca giáng sanh nơi đó, và có trách nhiệm hóa độ chúng sanh trong nước đó.

Cực Lạc Thế Giới là Phật quốc của Đức Phật A-Di-Đà.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NƯƠNG

Nương Nương

娘娘

Nương Nương là tiếng để gọi người phụ nữ tôn quý.

Nơi cõi trần, người ta gọi bà Hoàng Hậu của một nước là Nương Nương.

Nơi cõi thiêng liêng, các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật gọi Đức Phật Mẫu là Nương Nương.

TTCĐDTKM: Đê đầu khẩu bá *Nương Nương*.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



Ng

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục văn NG

NGA

- Nga mi

NGÃ

- Ngã
- Ngã chấp
- Ngã mạn
- Ngã tướng

NGẠ

- Ngạ quỷ vô thường

NGẠN

- Ngạn uyển
- Ngạn văn

NGANG

- Ngang Thiên nghịch Địa

NGAO

- Ngao du
- Ngao đầu

NGẠO

- Ngạo mạn

NGÂN

- Ngân hà
- Ngân kiều

NGÃU

- Ngẫu
- Ngẫu nhiên
- Ngẫu phát
- Ngẫu tượng

NGHỆ

- Nghệ
- Nghệ độc chúc sở
- Nghệ hương án tiền
- Nghệ hương hiến, nghệ hương tiền
- Nghệ tửu tôn sở

NGHI

- Nghi
- Nghi dung
- Nghi gia nghi thất
- Nghi hoặc
- Nghi huynh nghi đệ
- Nghi nhân vật dụng, dụng nhân vật nghi
- Nghi tâm sanh ám quĩ
- Nghi thức
- Nghi tiết Đại đàn và Tiểu đàn
- Nghi trưởng
- Nghi trượng
- Nghi văn tiêu tán

NGHĨ

- Nghĩ nghị

NGHỊ

- Nghị
- Nghị án
- Nghị định
- Nghị lực cang tâm
- Nghị nhi bất luận
- Nghị trình
- Nghị trưởng
- Nghị trường
- Nghị viên

NGHĨA

- Nghĩa
- Nghĩa địa - Nghĩa trang
- Nghĩa lý
- Nghĩa nhân
- Nghĩa phụ - Nghĩa tử
- Nghĩa thực
- Nghĩa trọng
- Nghĩa vụ

NGỊCH

- Nghịch
- Nghịch đức giả vong
- Nghịch lý
- Nghịch mạng
- Nghịch Thiên giả bại.

NGHIÊM

- Nghiêm
- Nghiêm chánh
- Nghiêm đường
- Nghiêm huấn
- Nghiêm luật
- Nghiêm nghị
- Nghiêm tịnh
- Nghiêm trừng
- Nghiêm túc
- Nghiêm tử

NGHIỆM

- Nghiệm cổ suy kim

NGHIÊN

- Nghiên
- Nghiên cứu
- Nghiên thạch thành sa

NGHIỆP

- Nghiệp
- Nghiệp
- Nghiệp cảm
- Nghiệp căn
- Nghiệp chướng
- Nghiệp hồng - Nghiệp cả
- Nghiệp lực
- Nghiệp quả

NGHIỆT

- Nghiệt
- Nghiệt báo
- Nghiệt căn
- Nghiệt cảnh đài - Tòa
nghiệt cảnh
- Nghiệt chướng
- Nghiệt trần

NGHIÊU

- Nghiêu - Thuần

NGHINH

- Nghinh
- Nghinh Phong đài
- Nghinh tân tổng cựu
- Nghinh xuân tiếp
phước

NGOA

- Ngoa truyền

NGỌA

- Ngọa tân thường đàm

NGOẠI

- Ngoại
- Ngoại bang
- Ngoại Càn Khôn
- Ngoại đạo
- Ngoại giáo
- Ngoại lệ
- Ngoại nghi
- Ngoại xưng

NGOAN

- Ngoan
- Ngoan cổ
- Ngoan đạo
- Ngoan ngạn

NGOẠN

- Ngoạn mục

NGỌC

- Ngọc
- Ngọc bất trắc bất thành
khí
- Ngọc các
- Ngọc cơ
- Ngọc cung
- Ngọc điệp kim chi
- Ngọc Đế
- Ngọc Hoàng Thượng
Đế
- Ngọc Hư Cung
- Ngọc lâu
- Ngọc nữ

NGÔ

- Ngô Văn Chiêu (1878-1932)

NGỔ

- Ngổ nghịch

NGỘ

- Ngộ biến tòng quyền
- Ngộ hóa vi chơn
- Ngộ kiếp

NGÔN

- Ngôn luận
- Ngôn bất tận ý
- Ngôn dị hành nan
- Ngôn giả bất tri
- Ngôn ngữ bất đồng
- Ngôn quá kỳ thực

NGU

- Ngu muội
- Ngu giả thiên lự tất hữu nhứt đắc
- Ngu huynh - Ngu ý
- Ngu trung
- Ngu xuẩn

NGŨ

- Ngũ huân - Ngũ uẩn
- Ngũ âm
- Ngũ Kinh
- Ngũ bá A-La-Hán
- Ngũ Lôi tru diệt
- Ngũ châu
- Ngũ luân
- Ngũ Chi Đại Đạo
- Ngũ Chi Minh Đạo
- Ngũ Chi phái Ngọc
- Ngũ Chi phục nhứt
- Ngũ nguyện
- Ngũ Nương
- Ngũ cốc
- Ngũ phúc lâm môn
- Ngũ Đế
- Ngũ phục
- Ngũ giới cấm
- Ngũ tạng - Lục phủ
- Ngũ Hành
- Ngũ thập nhi tri Thiên mệnh
- Ngũ thường

NGỰ

- Ngự ngôn
- Ngự đạo ư văn
- Ngự ý

NGUỒN

- Nguồn Thánh
- Nguồn gốc
- Nguồn đạo
- Nguồn trong

NGUƠN

- **Ngươn** (Xem: Nguyên)

NGUY

- **Nguy**
- **Nguy nga**
- **Nguy nguy**

NGỰ

- **Ngự**
- **Ngự bất yểm chân**
- **Ngự biện**

NGUYÊN (NGUƠN)

- **Nguyên**
- **Nguyên bản (Nguyên bản)**
- **Nguyên căn**
- **Nguyên chất (Nguơn chất)**
- **Nguyên (Nguơn) - Chuyển**
- **Nguyên đản - Nguyên nhựt**
- **Nguyên Hanh Lợi Trinh**
- **Nguyên hồn**
- **Nguyên khí (Nguơn khí)**
- **Nguyên lão**
- **Nguyên linh (Nguơn linh)**
- **Nguyên lý**
- **Nguyên nguyên bản bản**
- **Nguyên nhân**
- **Nguyên nhơn - Hóa nhơn - Quỷ nhơn**
- **Nguyên sanh - Hóa sanh - Quỷ sanh**
- **Nguyên niên**
- **Nguyên tánh**
- **Nguyên thể**
- **Nguyên tiêu**
- **Nguyên tội**
- **Nguyên ủy**

NGUYỆN

- **Nguyện hải**

NGUYỆT

- **Nguyệt**
- **Nguyệt chiếu minh**
- **Nguyệt cúc**
- **Nguyệt đễ**
- **Nguyệt hoa**
- **Nguyệt kị**
- **Nguyệt minh hoa biểu**
- **Nguyệt phách**
- **Nguyệt san**
- **Nguyệt Tâm Chơn Nhơn**

NGỰ

- Ngự thủy tương phùng
- Ngự tiều canh mục

NGỰ

- Ngự
- Ngự ban
- Ngự giáng
- Ngự Mã Thiên Quân
- Ngự triều

NGỰA

- Ngựa

NGỰA

- Ngựa vàng - Thỏ ngọc

NGỰNG

- Ngựng thần định trí

NGỰỞNG

- Ngựởng
- Ngựởng nghĩa
- Ngựởng nguyện
- Ngựởng vọng

NGỰU

- Ngựu đầu mã diện

NGA

Nga mi

娥眉

A: The beautiful girl.

P: La belle fille.

Nga: đẹp, con gái đẹp. **Mi:** lông mày.

Nga mi là lông mày đẹp của phụ nữ, chỉ con gái đẹp.

TNHT: Trau giồi cho xứng phận *nga mi*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NGÃ

NGÃ

NGÃ: 我 Ta, tiếng tự xưng.

Td: Ngã chấp, Ngã tướng.

Ngã chấp

我執

Ngã: Ta, tiếng tự xưng. **Chấp:** cầm giữ, cố chấp.

Ngã chấp là cố chấp cái ta của mình, cố chấp vào cái thân thể của mình.

Ngã chấp là nguồn gốc của phiền não. Người giác ngộ, không chấp vào cái ta nữa thì được an vui.

Chúng ta nên biết rằng, cái thân thể của ta chỉ là giả tạm nên mới gọi là giả thân, chỉ tồn tại nhiều lắm là trăm năm rồi phải chết, thể xác tan rã biến thành đất.

Linh hồn của ta mới là vĩnh viễn. Linh hồn này tạm mượn thể xác một thời gian để học hỏi và tiến hóa. Khi thể xác già

nua, không còn hoạt động đắc lực nữa thì phải để cho nó chết, rồi linh hồn sẽ tái kiếp, ở vào một xác thân khác để tiếp tục tiến hoá, nhà đạo gọi đó là luân hồi. Do đó, chúng ta không nên cố chấp vào cái xác thân của ta, vì nó là giả chứ không phải thật, để rồi phải chịu phiền não khổ đau.

Đức Chí Tôn ban cho chúng ta một cách phá chấp triệt để là Dâng Tam bửu lên Đức Chí Tôn. Mỗi khi cúng Đức Chí Tôn, chúng ta dâng cả thể xác, chơn thần và linh hồn lên cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng. Đây là cách vô cùng hữu hiệu để phá tan cái Ngã chấp của mỗi tín đồ, bởi vì chúng ta đã dâng hết cho Đức Chí Tôn rồi, thì đâu còn gì của chúng ta mà phải Ngã chấp. Sự dâng hiến này phải thực sự chí thành trọn vẹn thì mới đạt kết quả. Chúng ta chỉ còn có một việc là vâng theo Thánh ý của Đức Chí Tôn thực hiện đầy đủ bổn phận của một tín đồ, tức là làm đúng theo 5 câu nguyện trong bài Ngũ Nguyện mà chúng ta thường đọc trong mỗi lần cúng.

Ngã mạn

我慢

A: Proud.

P: Orgueilleux.

Ngã: Ta, tiếng tự xưng. **Mạn:** khinh lờn.

Ngã mạn là tự cho mình tài giỏi cao hơn người mà khinh lờn người khác.

Người có tánh Ngã mạn thì tự đắc, kiêu ngạo, khoe khoang và chủ quan, nên thường cô đơn và thất bại.

Ngã tướng

我相

A: The physiognomy of mine.

P: La physionomie de moi.

Ngã: Ta, tiếng tự xưng. **Tướng:** hình dạng.

Ngã tướng là hình dạng của ta.

Cái hình dạng này của ta là vật chất, là giả tạm, đừng nên cố chấp nó mà sa vào sự Chấp ngã rất tai hại.

TĐ ĐPHP: Đức Chí Tôn cho biết, trí thức và linh hồn trọng yếu, do căn nguyên của sự sanh hoạt của nó định cái *Ngã tướng* cho ta.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

NGẠ

Ngạ quỷ vô thường

餓鬼無常

Ngạ: đói. **Quỷ:** ma quỷ. **Vô:** không. **Thường:** hằng có.

Ngạ quỷ là loài quỷ đói. Vô thường là không thường có như vậy, tức là luôn luôn biến hóa.

Ngạ quỷ vô thường là loài quỷ đói có hình dạng luôn luôn biến hóa.

Theo Phật giáo, một hạng người có lòng dạ rất nhỏ nhen, keo kiệt bủn xỉn, thấy người đói khát mà không động lòng giúp đỡ, đến khi chết, linh hồn bị đọa làm ngạ quỷ, có hình dáng gầy còm xấu xí, tóc rối bù, mình đầy lông lá, đặc biệt cái bụng to như cái trống, còn cái miệng thì nhỏ như lỗ kim, không ăn uống chi được, luôn luôn chịu đói khát rất khổ sở.

Ngạ quỷ là một hạng chúng sanh bị đọa trong tam ác đạo của Lục đạo luân hồi, nhưng bị đọa làm ngạ quỷ còn khá hơn là bị đọa vào địa ngục hay súc sanh, bởi vì, ngạ quỷ nếu biết nghe lời kinh mà tỉnh ngộ, hoặc được thân nhân cầu siêu thì ngạ quỷ thoát đọa, được đi tái kiếp làm người.

Trái lại, nếu ngạ quỷ tiếp tục giữ tánh ác độc nóng giận thì họ sẽ bị đọa xuống cảnh thấp kém hơn nữa, tức là bị đọa vào địa ngục hay làm súc sanh.

TNHT: Hồn ma bóng quế cũng lên ngòi, *ngạ quỷ vô thường* cũng xấn bản, đó là phương đem đường cho Quỷ vương, chẳng một ai tránh được nghe.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NGẠN

Ngạn uyển

岸苑

A: Sacred park.

P: Parc sacré.

Ngạn: cái bờ. **Uyển:** vườn hoa. Chữ "ngạn" ở đây là chỉ Bì ngạn, là bờ bên kia của biển khổ, thuộc cõi TLHS.

Ngạn uyển là cái vườn hoa nơi cõi TLHS của Đức Phật Mẫu, do Nhứt Nương DTC cai quản.

Ngày 12-10-1934 (âm 5-9-Giáp Tuất), Phò loan: Hộ Pháp - Tiếp Đạo, Nhứt Nương DTC giảng cơ nói về vườn Ngạn Uyển như sau:

NHỨT NƯƠNG DTC

"Em khếp nép mừng mấy anh và mấy em.

Hèn lâu Em không đến đặng, khi thì nghe Lục Nương, khi thì nghe Bát Nương nói: Đạo nay thì vậy, mai thì khác, lộn xộn quá chừng. Em nghe vậy thì hay vậy, chớ phận sự Ngạn Uyển Chưởng Hồn đâu có giờ nào rảnh rang đặng đến trò chuyện cùng mấy anh cho thỏa tình hoài vọng.

Đức Hộ Pháp hỏi:

- Em cắt nghĩa Ngạn Uyển Chưởng Hồn là sao cho Qua rõ.

- Dạ, Ngạn Uyển Chưởng Hồn là vườn Ngạn Uyển trồng hoa, mỗi cái hoa là một chơn hồn của cả kẻ nguyên nhân, thanh suy, thẳng đọa, chi cũng do nơi khối sanh hoa khi ấy, định sanh mạng của mỗi người, nên phải chăm nom từ tuổi. Em không rảnh đặng là vì vậy."

Trong vườn Ngạn Uyển có trồng đủ 12 thứ hoa, tượng trưng 12 con giáp (thập nhị Địa chi) là tuổi của những người nơi cõi trần. Mỗi một sanh mạng nguyên nhân nơi cõi trần đều có tượng hình một bông hoa nở trong vườn Ngạn Uyển. Khi bông hoa ấy héo tàn thì nguyên nhân ấy chết. Nói chết là nói theo từ ngữ của cõi trần, tức là chết cái thể xác, chớ linh hồn

và chơn thần không bao giờ chết; chết ấy như thay cái áo cũ đã rách để mặc một cái áo mới, tức là linh hồn rời bỏ thể xác cũ để đầu kiếp vào một xác thân mới, thích hợp với trình độ tiến hóa mới.

Khi chơn linh tái kiếp xuống trần thì cái bông hoa ấy nơi vườn Ngạn Uyển nở ra. Khi người ấy làm điều đạo đức thì sắc hoa tươi thắm đẹp đẽ, nếu làm điều gian ác thì sắc hoa ủ dột xấu xí. Khi người ấy chết thì hoa ấy héo tàn.

Đức Phạm Hộ Pháp, thuyết đạo trong con đường TLHS, mô tả vườn Ngạn Uyển như sau:

"Trước mắt chúng ta hiện tượng hào quang chiếu diệu, một vườn hoa đẹp đẽ đủ màu. Vườn hoa ở cảnh thiêng liêng ấy không phải như vườn hoa ở cõi thế gian này đâu. Bông hoa thiêng liêng ấy sẽ sống một triệu lần, do nơi huyền năng biến hóa của nó, và nó sẽ hiện tượng biến hóa trước mặt ta vô cùng tận vậy. Bởi vì nó thay đổi màu sắc rực rỡ vô biên, cho nên mỗi phen kiếp sanh tại thế này, đường tiến hóa trên con đường trí thức tinh thần, mỗi khi nhơn loại tán triển lên thì vườn Ngạn Uyển nó sẽ đổi hình đổi tượng một cách đẹp đẽ vô ngần."

KĐ1C: *Vườn Ngạn Uyển* sanh hoa đã héo,
Khối hình hài đã chịu rã tan.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.
DTC: Diêu Trì Cung.

Ngạn vân

諺云

A: Adage.

P: Adage.

Ngạn: Câu tục ngữ do người xưa truyền lại. **Vân:** rằng.

Ngạn vân là câu tục ngữ nói rằng.

NGANG

Ngang Thiên nghịch Địa

昂天逆地

Ngang: cất cao lên, không chịu thua ai. **Nghịch:** đối kháng. **Thiên:** Trời. **Địa:** đất.

Ngang Thiên nghịch Địa là không chịu thua Trời, chống lại Đất.

Ý nói: Người bướng bỉnh, làm việc táo bạo, không sợ quỉ thần gì cả.

NGAO

Ngao du

遨遊

A: To travel as a tourist.

P: Voyager en touriste.

Ngao: đi rong chơi. **Du:** đi chơi xa.

Ngao du là đi dạo chơi xa.

KTKVQL: Bước Tiên nàng đã ngao du.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

Ngao đầu

龍頭

A: The first laureate.

P: Le premier lauréat.

Ngao: một loại rùa lớn ở biển. **Đầu:** cái đầu, đứng đầu.

Ngao đầu là cái đầu của con ngao, chỉ sự đi thi đậu đầu, tức là đỗ thủ khoa.

Do câu: *Ngao đầu trúng tuyển quý chơn quý,
Nhạn tháp đề danh vinh cánh vinh.*

Nghĩa là: Lựa chọn trúng đầu con ngao, thật là quý,
Đề tên trên tháp nhạn, thật là vinh hiển.

NGẠO

Ngạo mạn

傲慢

A: Proud.

P: Orgueilleux.

Ngạo: kiêu căng, nhìn một cách vô lễ. **Mạn:** khinh lờn.
Ngạo mạn là tỏ vẻ kiêu căng, khinh lờn mọi người.

NGÂN

Ngân hà

銀河

A: The milky way: The river of pain.

P: La voie lactée: Le fleuve de douleur.

Ngân: trắng và sáng như bạc. **Hà:** dòng sông.

Ngân hà là dòng sông có màu trắng sáng như bạc.

Khi nhìn lên bầu trời vào những đêm trong xanh, ta thấy một dải sáng bạc nằm vắt ngang bầu trời, gồm vô số vì sao lấp lánh, người xưa gọi đó là sông Ngân hà.

Theo sách Kinh Sở Tuế Thời Ký của người Tàu, ở cõi trời có Chức Nữ làm nghề dệt rất khéo léo và siêng năng, có chồng là Ngưu Lang (chàng chăn trâu). Hai vợ chồng quá âu yếm nhau, bê trễ công việc, bị Trời phạt, đày mỗi người ở một bên sông Ngân hà. Mỗi năm Trời chỉ cho phép hai vợ chồng gặp nhau một lần vào đêm thất tịch, mùng 7 tháng 7 âm lịch,

do một cái cầu được tạo thành bởi các con chim ô thước đậu sát liền nhau. Hai vợ chồng gặp nhau mừng rỡ rồi khóc than cho cảnh biệt ly, nước mắt chứa chan rơi xuống cõi trần tạo thành mưa dầm gọi là mưa Ngâu.

Dòng sông Ngân hà chia cắt tình yêu của Ngưu Lang và Chức Nữ, nên nó là dòng sông đau khổ, nó thông đồng với biển khổ.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo con đường TLHS, nói về sông Ngân hà và thuyền Bát Nhã, trích ra như sau:

"Khi dòm lại thế gian phía sau lưng, hiện ra trước mặt chúng ta dường như con sông đại hải, thấy bờ bên này người ta đứng muôn trùng thiên số, không thể đếm được. Còn phía xa mù tít bên bờ kia, số người cũng đông đảo vô cùng, nhưng họ đang khóc than đau khổ. Ở mé bên này, thiên hạ hào quang chiếu diệu đẹp đẽ vô cùng, còn mé bên kia sông thấy hình thể họ khô khan đau thảm, tiêu tụy buồn rầu. Hỏi vậy, bên này làm gì mà dòm bên kia lại khóc?

Đó là những người trước kia đã có tình yêu thương với nhau, mà khi trắc trở, họ tự tử. Người đàn ông hay người đàn bà nào đã tự tử rồi, có lòng thương yêu chơn thật, trước đã xuống Uổng Tử Thành để đầu kiếp mà trở lại căn quả, vì không trọn căn số của mình, dù niên kỷ bao nhiêu cũng phải trở lại đầu kiếp, vừa đến tuổi cặp kê nam nữ, đôi bên vừa có tình dục phát ra thì chết, làm cho chết, dầu hai đảng đứng trước mặt nhau cũng không khi nào làm chồng vợ với nhau đặng.

Chừng ấy, người trọn lòng thương yêu chơn thật thì Đức Phật Mẫu siêu độ, cầu rỗi Đức Chí Tôn đem vào cảnh TLHS, còn người nào không biết tình thương, thương bằng tình giả dối xảo trá, phải đầu kiếp trở lại làm người.

Chúng ta dòm bên kia thấy họ đau khổ, họ chỉ mong cái ước vọng của họ đoạt thành, nhưng tuyệt vọng, họ cũng đành chịu vậy. Chúng ta thấy tình trạng này làm cho kẻ ấy ngày đêm mơ mộng, họ ước mong sao qua khỏi con sông ấy.

Bần đạo tưởng là Ngân hà sông đó vậy.

Bên bờ sông kia có một chiếc thuyền Bát Nhã của Đức Quan Âm Bồ Tát đã vâng lệnh Đức Di-Lạc Vương Phật đi độ sanh, thuyền ấy thường qua qua lại lại để đưa rước những người phước đức."

Vậy dòng sông Ngân hà chỉ là một nhánh của biển khổ.

KGO: Chèo thuyền Bát Nhã *Ngân hà* độ sanh.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

KGO: Kinh Giải Oan.

Ngân kiều

銀橋

A: The bridge of the painful river.

P: Le pont du fleuve douloureux.

Ngân: sông Ngân hà. **Kiều:** cây cầu bắc qua sông.

Ngân kiều là cây cầu bắc qua sông Ngân hà.

Trên dòng sông Ngân hà có chiếc thuyền Bát Nhã của Đức Quan Âm Bồ Tát qua qua lại lại để rước người phước đức qua sông, vào cõi TLHS, thì việc này tỉ như làm một cây cầu bắc qua sông Ngân hà để người phước đức theo đó qua sông. Người không đủ phước đức mà cố lên cầu để vượt qua sông Ngân hà, thì khi đến giữa cầu sẽ bị té xuống sông, phải bị trầm luân trong biển khổ.

KĐ2C: Cởi giác thân lên đạp *Ngân kiều*.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

KĐ2C: Kinh Độ Nhị cửu.

NGÃU

NGÃU

NGÃU: 偶 Thành linh, pho tượng, số chẵn, sánh đôi.

Td: Ngẫu nhiên, Ngẫu tượng.

Ngẫu nhiên

偶然

A: Accidental.

P: Accidentel.

Ngẫu: Thình lình, pho tượng, số chẵn, sánh đôi. **Nhiên:** như thế.

Ngẫu nhiên là tình cờ xảy ra như thế.

TĐ ĐPHP: Chẳng biết *ngẫu nhiên* hay tiền định mà Bà Nữ Đầu Sư (Hương Thanh) qui liễu nhằm ngày vía Đức Phật Thích Ca.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Ngẫu phát

偶發

A: To produce spontaneously.

P: Produire spontanément.

Ngẫu: Thình lình, pho tượng, số chẵn, sánh đôi. **Phát:** phát sinh, xảy ra.

Ngẫu phát là tình cờ xảy ra.

Ngẫu tượng

偶像

A: Idol.

P: Idole.

Ngẫu: Thình lình, pho tượng, số chẵn, sánh đôi. **Tượng:** cái hình tượng làm bằng gỗ hay đất.

Ngẫu tượng là pho tượng bằng gỗ hay bằng đất để thờ.

NGHỆ

NGHỆ

NGHỆ: 詣 Tới, đến, bước tới, bước đến.

Td: Nghệ hương án tiền.

Nghệ đọc chúc sớ

詣讀祝所

Nghệ: Tới, đến, bước tới, bước đến. **Độc:** xem chữ mà đọc thành tiếng. (Chữ hán là Độc, chữ nôm là Đọc). **Chúc:** bài sớ văn. **Sớ:** nơi, chốn.

Nghệ đọc chúc sớ là đến chỗ đọc sớ.

Đây là câu xướng của Lễ sĩ trong Nghi tiết Đại đàn thờ xưa, để cặp Lễ dâng và vị đọc sớ đi lên đứng trước Nội nghi.

Nghệ hương án tiền

詣香案前

Nghệ: Tới, đến, bước tới, bước đến. **Hương án:** bàn để thắp hương. **Tiền:** trước.

Nghệ hương án tiền là bước đến đứng trước bàn hương.

Trong Thánh Thất, hương án là chỉ cái bàn Ngoại nghi.

Đây là câu xướng của Lễ sĩ để cho hai cặp Lễ sĩ dâng và đài bước vào đứng trước ở hai bên Ngoại nghi.

Nghệ hương hiến, nghệ hương tiền

詣香獻, 詣香前

Nghệ: Tới, đến, bước tới, bước đến. **Hương:** cây nhang. **Hiến:** dâng. **Tiền:** trước.

Nghệ hương hiến: bước tới để dâng hương.

Nghệ hương tiền: bước tới đứng trước bàn hương.

Bài thài hiến lễ hàng Thánh:

*Nghệ hương hiến, nghệ hương tiên,
Trăm đoàn khói tỏa năm mây.*

Nghệ tửu tôn sở

詣酒樽所

Nghệ: Tới, đến, bước tới, bước đến. **Tửu:** Rượu. **Tôn:** cái chén rượu. **Sở:** chỗ.

Nghệ tửu tôn sở là đến đứng tại chỗ đặt chung rượu.

NGHI**NGHI**

1. **NGHI:** 儀 Dáng dấp bên ngoài, phép tắc để tỏ lòng kính trọng, lễ phép.
Td: Nghi dung, Nghi lễ, Nghi tiết.
2. **NGHI:** 宜 Nên, thích đáng.
Td: Nghi gia, Nghi huynh.
3. **NGHI:** 疑 Ngờ vực, nghi ngờ.
Td: Nghi hoặc.

Nghi dung

儀容

A: Physiognomy.

P: Physionomie.

Nghi: Dáng dấp bên ngoài, phép tắc để tỏ lòng kính trọng, lễ phép. **Dung:** dung mạo, vẻ mặt.

Nghi dung là vẻ mặt và dáng dấp bên ngoài.

KTKVQL: Mạnh tàn y đường nhắc *nghi dung*.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

Nghi gia nghi thất

宜家宜室

Nghi: Nên, thích đáng. **Gia:** tiếng vợ gọi chồng. **Thất:** tiếng chồng gọi vợ. **Gia thất** là chỉ vợ chồng, việc lập gia đình.

Nghi gia nghi thất là nên vợ nên chồng, xứng hợp nhau.

Nghi hoặc

疑惑

A: To be in doubt.

P: Se douter.

Nghi: Ngờ vực, nghi ngờ. **Hoặc:** mơ hồ.

Nghi hoặc là ngờ vực vì thấy có việc mờ hồ.

TNHT: Xứ này mới tiếp Thầy lần đầu tiên nên có nhiều đũa còn để lòng *nghi hoặc*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nghi huynh nghi đệ

宜兄宜弟

Nghi: Nên, thích đáng. **Huynh:** anh. **Đệ:** em.

Nghi huynh nghi đệ là đáng anh đáng em, tức là anh thì xứng đáng làm anh, còn em thì xứng đáng làm em.

Như vậy, anh em đều xứng đáng, hòa hợp với nhau.

Nghi nhân vật dụng, dụng nhân vật nghi

疑人勿用，用人勿疑

Nghi: Ngờ vực, nghi ngờ. **Nhân:** người. **Vật:** đừng, chớ. **Dụng:** dùng.

Nghi nhân vật dụng: nghi ngờ người ta thì chớ nên dùng.

Dụng nhân vật nghi: dùng người ta thì chớ nên nghi ngờ.

Đây là lời khuyên của cổ nhân trong cách dùng người. Hễ nghi ngờ người ta thì chớ nên dùng người ta, mà đã dùng người ta thì chớ nên nghi ngờ người ta mà có hại.

Nghi tâm sanh ám quỷ

疑心生暗鬼

Nghi: Nghi ngờ, nghi ngờ. **Tâm:** lòng dạ. **Ám:** tối tăm. **Quỷ:** quỷ ma.

Nghi tâm sanh ám quỷ là lòng nghi ngờ thì sanh ra tối tăm như bị quỷ ám.

Đã có thành kiến nghi ngờ ai rồi thì mỗi việc chi xấu xa đều nghi cho người đó gây ra. Giống như người sợ ma đi đêm, thấy cái gì cũng nghi là con ma cả.

Nghi thức

儀式

A: The protocol.

P: Le protocole.

Nghi: Dáng dấp bên ngoài, phép tắc để tỏ lòng kính trọng, lễ phép. **Thức:** cách thức.

Nghi thức là cách thức làm lễ cho đúng phép.

Nghi tiết Đại đàn và Tiểu đàn

儀節大壇小壇

Nghi: Dáng dấp bên ngoài, phép tắc để tỏ lòng kính trọng, lễ phép. **Tiết:** có đoạn mạch trật tự.

- *Nghi tiết là các chi tiết thứ tự để thực hành trong một lễ cúng tế cho được trang nghiêm và long trọng.*

ĐLMD: Hội Thánh phải bổ đến mỗi Quận Đạo: Lễ sĩ, Cai Nhạc, và Giáo Nhi có cấp bằng của Hội Thánh đăng chính đốn về mặt nghi tiết nơi các Thánh Thất và các cuộc quan hôn tang tế.

Đại đàn là đàn cúng tế lớn, tức là Đại lễ.

Tiểu đàn là đàn cúng tế nhỏ, tức là Tiểu lễ.

- *Nghi tiết Đại đàn là các tiết mục trong Đại lễ cúng Đức Chí Tôn tại Tòa Thánh hay Thánh Thất, hoặc cúng Đức Phật Mẫu tại Báo Ân Từ hay Điện Thờ Phật Mẫu.*

Sau đây là các nghi tiết Đại đàn và Tiểu đàn nơi Tòa Thánh và Báo Ân Từ theo tài liệu của Bộ Nhạc Trung Ương:

Nghi tiết Đại đàn và Tiểu đàn

A. Cúng Đức Chí Tôn tại Tòa Thánh

I. Nghi tiết Đại đàn

II. Nghi tiết Tiểu Đàn

B. Nghi tiết Đại Đàn cúng Đức Phật Mẫu tại Báo Ân Từ

A. Cúng Đức Chí Tôn tại Tòa Thánh.

I. Nghi tiết Đại đàn:

Đúng 12 giờ khuya, **Lôi Âm Cổ khởi**, dứt 4 câu kệ thì vị Tả Phan Quân cầm phướn Thượng Sanh hướng dẫn Lễ Sanh và Giáo Thiện nam nữ đi vào Tòa Thánh, lên lầu, nam tả nữ hữu, đứng từ ngang Cung Đạo ra tới ngang HTĐ. Phần Văn nhạc và Võ nhạc cùng Giáo Nhi và đồng nhi nữ lên Nghinh Phong Đài; một ban Văn nhạc và đồng nhi nam lên lầu BQĐ.

Bạch Ngọc Chung minh, tức là khởi động chuông Bạch Ngọc, vị Hộ Đàn Pháp Quân cầm cờ Đạo lệnh và vị Hữu Phan Quân cầm phướn Thượng Phẩm đi ra rước các Chức sắc HTĐ, CTĐ đi vào Tòa Thánh hoá đàn, Chức việc và Đạo hữu đi nối theo sau. Khi vào Tòa Thánh thì hai tay phải bắt ấn Tý đặt nơi ngực.

Hoán đàn xong, Chức sắc HTĐ lập vị mình nơi chỗ dành cho Chức sắc HTĐ, còn các Chức sắc CTĐ, Chức việc và Đạo hữu thì lập vị mình theo phẩm cấp.

Ba vị Chánh Phối Sư nam và vị Nữ Chánh Phối Sư vào đứng trước Nội nghi (tại Cung Đạo), một vị Phối Sư nam đứng ngang chỗ Ngoại nghi. Một vị Giáo Sư phái Ngọc lên đứng ở Giảng đài nam phái để xướng lễ, vị Tiếp Lễ Nhạc Quân lên đứng trên Giảng Đài nữ để điều khiển Nhạc Lễ và đồng nhi.

1. **Nội nghi Ngoại nghi tựu vị:** ba vị Chánh phối sư nam và vị Nữ Chánh Phối Sư đồng xá đàn rồi bước vào giữa, đứng hướng mặt lên bửu điện. Vị Phối Sư ở Ngoại nghi cũng xá đàn rồi bước vào đứng trước Ngoại nghi, ngó vô bửu điện.
2. **Thiên phong dĩ hạ các tư kỳ vị:** Chức sắc, Chức việc, Đạo hữu đồng xá đàn một xá, bước vô, xoay người đứng hướng mặt vào bửu điện.
3. **Nhạc tấu Quân Thiên:** nhạc đánh trống Tiếp Giá, rồi ban nhạc đờn 7 bài (hoặc 5 bài tùy theo Đại lễ), đàn tới lớp xè, Tiếp Lễ Nhạc Quân ra hiệu, vị Giáo Sư đứng trên Giảng đài xướng:
4. **Chỉnh sát cúng phẩm:** vị Tiếp Pháp HTĐ đi lên lầu Hiệp Thiên Đài dâng trần thần Tam bửu, 3 cặp lễ ba phái và vị Ngọc Giáo Sư phò tráp Tam bửu từ lầu HTĐ đi xuống, vào đường giữa đi thẳng lên Ngoại nghi, rồi tễ ra đứng hai bên Ngoại nghi. Nhạc đờn tới bài Vạn Giá (còn đờn 5 bài thì tới nửa bài Long Đăng) thì vị Giám Đạo HTĐ lên BQĐ thỉnh hương đem xuống. 4 Lễ sĩ và Giám Đạo cầm hương đồng đến đứng hai bên Ngoại nghi chờ xướng lễ.
5. **Nghệ hương án tiền:** (đèn chóp 1): vị Tiếp Lễ Nhạc Quân ra hiệu lệnh bằng đèn chóp 1 cái cho ban nhạc trên Nghinh Phong Đài biết. Nhạc xây đờn bài Hạ.
6. **Giai qui:** (đèn chóp 3) chuông khắc 3 tiếng để mọi người xá 3 xá, nhạc đổ 3 hồi, tất cả đồng qui xuống, Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu không trách nhiệm thì ngồi xếp bằng.
7. **Phản hương:** (đèn chóp 1) nhạc gài trống thét, vị Giám Đạo đưa hương cho vị Phối Sư qui nơi Ngoại nghi đốt, cầm hương xá 3 xá rồi trao cho Lễ sĩ.
(Đèn chóp 3) nhạc đổ 3 hồi, Lễ sĩ đứng lên, lui ra hai bên, day vào Nội nghi, chuẩn bị điện hương, nhạc dứt.
8. **Điện hương:** (đèn chóp 3) nhạc gài đờn xuân để Lễ sĩ cung tay châu 4 lá, điện tới Nội nghi.
9. **Qui:** (đèn chóp 3) nhạc đổ 3 hồi, Lễ sĩ qui xuống.

10. **Nguyện hương:** (đèn chớp 1) chuông khắc thỉnh Thánh và năm câu niệm (Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng, Nam mô Cao Đài... ..)
11. **Thành kính tụng Niệm hương chú:** (đèn chớp 1) nhạc gài đờn Nam ai, Giáo Nhi và nữ đồng nhi nơi Nghinh Phong Đài tụng kinh Niệm hương, dứt bài (đèn chớp 1)
12. **Thượng hương:** (đèn chớp 3) nhạc gài thét đờ 3 hồi, Lễ sĩ đứng lên, thét luôn cho Lễ sĩ đi xuống tới Ngoại nghi (đèn chớp 1), dứt thét.
13. **Cúc cung bái:** (đèn cháy) toàn thể lạy 3 lạy 12 gật.
Nhạc đánh trống lập ban (đèn tắt)
14. **Thành kính tụng Khai kinh chú:** (đèn chớp 1) nhạc gài đờn Nam ai, Giáo Nhi và nữ đồng nhi nơi Nghinh Phong Đài tụng bài Khai kinh, hết bài (đèn chớp 1), dứt đờn.
15. **Thành kính tụng Ngọc Hoàng kinh:** (đèn chớp 1) nhạc gài đờn Nam xuân, đồng nhi nam ở lầu BQĐ tụng kinh, hết bài (đèn chớp 1), dứt.
16. **Cúc cung bái:** (đèn cháy) nhạc đánh lập ban, toàn thể lạy 3 lạy 12 gật, (đèn tắt) dứt trống.
17. **Thành kính tụng Phật giáo Tâm kinh:** (đèn chớp 1) nhạc gài đờn xuân, đồng nhi nam ở lầu BQĐ tụng kinh, hết (đèn chớp 1) dứt đờn.
18. **Cúc cung bái:** (đèn cháy) nhạc đánh lập ban, toàn thể lạy 3 lạy 9 gật (đèn tắt) dứt trống.
19. **Thành kính tụng Tiên giáo Tâm kinh:** (như số 16).
20. **Cúc cung bái:** (như số 17).
21. **Thành kính tụng Thánh giáo Tâm kinh:** (như số 16).
22. **Cúc cung bái:** (như số 17)
23. **Cung hiến Tiên hoa:** (đèn chớp 1) nhạc xây đờn bài Hạ, 4 Lễ sĩ và vị Ngọc Giáo Sư phò tá Tam Bửu bước vô Ngoại nghi.
24. **Quì:** (đèn chớp 3) nhạc đờ 3 hồi, Lễ sĩ quì xuống.

- 25. Chinh Tiên hoa:** (đèn chóp 1) nhạc đánh thét, vị Phối Sư Ngoại nghi chinh hoa quả, (đèn chóp 3) nhạc đồ 3 hồi, Lễ sĩ đứng dậy, lui ra hai bên, (đèn chóp 1) dứt thét.
- 26. Điện Tiên hoa:** (đèn chóp 1) nhạc gài đờn Đảo ngũ cung, đồ 3 hồi, Lễ cung tay, châu 8 lá, Lễ điện, Giáo Nhi và nữ đồng nhi ở Nghinh Phong Đài thái cho Lễ điện tới Nội nghi.
- 27. Quì:** (đèn chóp 3) nhạc đồ 3 hồi, Lễ quì, vị Ngọc Chánh Phối Sư thỉnh hoa đi lên bàn, xây mặt ra ngoài, trình hoa cầu nguyện, rồi trở về chỗ quì.
- 28. Thượng Tiên hoa:** (đèn chóp 3) nhạc đồ 3 hồi, Lễ đứng lên, nhạc trở bùa, Lễ xuống Ngoại nghi (đèn chóp 1), dứt. Hai tiếp lễ đem bình hoa và đĩa trái cây lên đặt trên bàn thờ.
- 29. Cúc cung bái:** (đèn cháy) nhạc đánh lập ban, toàn thể lạy 1 lạy 4 gật, (đèn tắt) dứt trống.
- 30. Cung hiến Tiên tửu:** (hành y như từng Hoa)
(Xin lưu ý: Ba từng Dâng Tam bửu, Nhạc Lễ và Thiên phong hành lễ thể thức y như từng Hoa, chỉ có ba vị Chánh Phối Sư nam mỗi vị một lần nguyện dâng Tam bửu).
- 31. Quì:** (đèn chóp 3) (hành lễ y như từng Hoa)
- 32. Chước tửu:** (đèn chóp 1) (như trên)
- 33. Điện Tiên tửu:** (đèn chóp 1) (như trên)
- 34. Quì:** (đèn chóp 3) vị Thượng Chánh Phối Sư thỉnh rượu đi lên bàn trình rượu cầu nguyện, rồi trở xuống quì.
- 35. Thượng Tiên tửu:** (đèn chóp 3) (như trên)
- 36. Cúc cung bái:** (đèn cháy) (như trên)
- 37. Cung hiến Tiên trà:** (đèn chóp 1) (y như từng Hoa)
- 38. Quì:** (đèn chóp 3) (như trên)
- 39. Diễm trà:** (đèn chóp 1) (như trên)
- 40. Điện Tiên trà:** (đèn chóp 1) (như trên)

41. **Qui:** (đèn chóp 3) vị Thái Chánh Phối Sư thỉnh trà đi lên bàn, trình trà cầu nguyện, rồi trở xuống qui.
42. **Thượng Tiên trà:** (đèn chóp 3) (như trên)
43. **Cúc cung bái:** (đèn cháy) (như trên)
44. **Sớ văn thượng tấu:** (đèn chóp 1) nhạc xây đờn bài Hạ, vị Đại Thiên phong có trách nhiệm vô dăng sớ đi trước, có hai Lễ sĩ đi theo sau.
45. **Qui:** (đèn chóp 3) nhạc đổ cho Lễ qui, vị Đại Thiên phong cầm sớ cầu nguyện, rồi trao cho người đọc sớ.
46. **Thành độc sớ văn:** (đèn chóp 1) nhạc đánh thét, (đèn chóp 1) dứt, khởi đọc sớ.
47. **Cung phần Sớ văn:** (đèn chóp 1) vị Đại Thiên phong đốt sớ, nhạc đánh lớp chày sau trống phần thét luôn cho Lễ sĩ đi xuống Ngoại nghi trở về chỗ (đèn chóp 1) mới dứt.
48. **Cúc cung bái:** (đèn cháy) nhạc đánh lập ban, toàn thể lạy 3 lạy 12 gật, (đèn tắt), dứt trống.
49. **Thành tâm tụng Ngũ Nguyện:** (đèn chóp 1) nhạc gài lớp trống xuân, Giáo Nhi và đồng nhi nữ ở Nghinh Phong Đài tụng Ngũ Nguyện, hết (đèn chóp 1) nhạc dứt.
50. **Cúc cung bái:** (đèn cháy) nhạc đánh lập ban, toàn thể lạy 3 lạy 12 gật (đèn tắt), dứt trống.
51. **Hiệp Thiên Đài Chúc sắc nhập Nội nghi:** nhạc đánh thét, khi Chúc sắc HTĐ vô tới Nội nghi, dứt thét, nhạc nghe tiếng chuông mà đánh lập ban, trở thét, dứt.
52. **Hộ Đàn Pháp Quân, Tả Hữu Phan Quân nhập Nội nghi:** nhạc hành y như lúc Chúc sắc HTĐ nhập Nội nghi. Sau khi lạy xong, nhạc vẫn trôi thét cho đến khi Chúc sắc HTĐ trở về tới vị trí cũ, nhạc dứt. Đến đây, nhạc xem chừng có Chúc sắc Đại Thiên phong lên Giảng Đài thuyết đạo hay không.

Khi xong, nhạc đánh thét rồi dứt, để nghe tiếng kiểng, đứng dậy, xá 3 xá, day ra xá chữ Khí 1 xá, phân lưỡng ban, kê chuông bãi đàn, nghe 3 tiếng chuông bãi đàn, xá đàn 1 xá,

nhạc đánh thét, qua tán điệu rồi tiền bản hậu phú, dứt tịch. Hết.

II. Nghi tiết Tiểu Đàn:

Đúng 12 giờ khuya, **Lôi Âm Cổ khởi**, dứt trống thì tiếp **Bạch Ngọc Chung minh**. Động chuông dứt một hồi thì vị Hộ Đàn PQ lãnh cờ lệnh rồi trở ra đứng trước Tòa Thánh làm hiệu lệnh cho Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu đi vào Tòa Thánh.

Các Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu nam nữ nhập đàn, đứng lưỡng ban đúng theo phẩm vị mình, Hộ Đàn PQ và chư vị Kiểm Đàn sắp đặt cho toàn thể đứng ngay hàng, xong vị Hộ Đàn PQ cầm cờ lệnh đưa lên cao làm hiệu cho vị Ngọc Giáo Sư nơi Giảng Đài khởi xướng lễ. Ban nhạc ngồi vào ghé bán nguyệt, Giáo Nhi đồng nhi đứng tại lầu HTĐ.

1. **Nội nghi tựu vị:** một Chánh Phối Sư nam và Nữ Ch. Phối Sư xá đàn rồi bước vô Cung Đạo đứng trước Nội nghi.
2. **Thiên phong dĩ hạ các tư kỳ vị:** kiểng đánh, toàn thể đồng xá đàn rồi bước vô đứng, hướng lên BQĐ.
3. **Nhạc tấu Quân Thiên:** nhạc đánh TiếpGiá, đờn 3bài.
4. **Nghệ hương án tiền:** nhạc xây tá đờn bài Hạ, 4 Lễ sĩ cầm đăng và đài đi suông lên Nội nghi.
5. **Giai quì:** người hầu chuông khắc 3 tiếng, nhạc đổ trống, tất cả đều xá 3 xá rồi quì xuống hay ngồi xuống.
6. **Phân hương:** vị Chức sắc chứng đàn đốt hương, tất cả lấy dầu thỉnh Thánh theo tiếng chuông đánh đủ năm câu niệm, dứt đờn.
7. **Thành kính tụng Niệm hương chú:** nhạc gài trống đờn Nam ai, đồng nhi tụng kinh Niệm hương, hết, dứt đờn.
8. **Thượng hương:** nhạc đánh trống thét để cho Lễ sĩ đứng lên trở xuống tới chỗ, nhạc dứt.
9. **Cúc cung bái:** nhạc đánh trống lập ban, toàn thể lạy 3 lạy 12 gặt.

10. **Thành kính tụng Khai Kinh chú:** nhạc gài trống đờn Nam ai, đồng nhi tụng kinh, dứt kinh, trống để nhẹ một hồi dót.
11. **Thành kính tụng Ngọc Hoàng kinh:** nhạc gài trống vô đờn Nam xuân, đồng nhi tụng kinh giọng xuân.
12. **Cúc cung bái:** nhạc đánh trống lập ban, toàn thể lạy 3 lạy 12 gặt.
13. **Thành kính tụng Phật giáo Tâm kinh:** nhạc gài trống vô đờn Nam xuân, đồng nhi tụng kinh giọng xuân.
14. **Cúc cung bái:** nhạc đánh trống lập ban, toàn thể lạy 3 lạy 9 gặt.
15. **Thành kính tụng Tiên giáo Tâm kinh:** (như trên)
16. **Cúc cung bái:** (như trên)
17. **Thành kính tụng Thánh giáo Tâm kinh:** (như trên)
18. **Cúc cung bái:** (như trên)
19. **Cung hiến Tiên hoa:** nhạc xây tá đờn bài Hạ, Lễ sĩ cầm đặng đài có Hoa Quả, đi xuống vào Nội nghi.
20. **Quì:** nhạc đồ trống cho Lễ quì, vị Chánh Phối Sư nam thỉnh hoa đi lên bàn, xây ra ngoài trình để toàn thể cầu nguyện dâng hoa, rồi trở về chỗ quì.
21. **Điện Tiên hoa:** nhạc gài trống vô đờn Đảo, đồng nhi thài giọng Đảo, hết bài.
22. **Thượng Tiên hoa:** nhạc đồ trống cho Lễ đứng lên, nhạc trở thúc bùa, Lễ đi trở về chỗ.
23. **Cúc cung bái:** nhạc đánh trống lập ban, toàn thể lạy 1 lạy 4 gặt.
24. **Cung hiến Tiên tửu:** (hành lễ y như tụng Hoa)
25. **Quì:** (như trên)
26. **Điện Tiên tửu:** (như trên)
27. **Thượng Tiên tửu:** (như trên)
28. **Cúc cung bái:** (như trên)
29. **Cung hiến Tiên trà:** (như trên).
30. **Quì:** (như trên)

- 31. Điện Tiên trà:** (như trên)
- 32. Thượng Tiên trà:** (như trên)
- 33. Cúc cung bái:** (như trên)
- 34. Sớ văn thượng tấu:** nhạc xây tá đờn bài Hạ, cặp đặng đi lên Nội nghi.
- 35. Qui:** nhạc đồ trống cho Lễ sĩ qui xuống, vị Chức sắc đứng sớ cầu nguyện, xong, nhạc dứt.
- 36. Thành độc Sớ văn:** nhạc đồ trống thét ngắn, dứt, vị Chức sắc có phận sự đọc sớ khởi đọc.
- 37. Cung phần Sớ văn:** nhạc đánh lớp chày, đốt sớ, qua thét, Lễ đứng lên sang tam bộ, thối quay về chỗ.
- 38. Cúc cung bái:** nhạc đánh trống lập ban, toàn thể lạy 3 lạy 12 gặt.
- 39. Thành tâm tụng Ngũ Nguyện:** nhạc gài trống vô đờn xuân, đồng nhi tụng Ngũ Nguyện.
- 40. Cúc cung bái:** nhạc đánh trống lập ban, toàn thể lạy 3 lạy 12 gặt.
- 41. Hiệp Thiên Đài Chức sắc nhập Nội nghi:** nhạc đánh trống thét, xem chừng Chức sắc HTĐ vô tới Nội nghi, xá, qui, lạy, nhạc đánh trống lập ban.
- 42. Hộ Đàn Pháp Quân, Tả Hữu Phan Quân nhập Nội nghi:** nhạc đánh trống thét cho ba vị vào Nội nghi, xá, qui, lạy, nhạc tiếp đánh lập ban.

Lạy xong, nhạc vẫn thét luôn cho các Chức sắc HTĐ trở về đứng ở vị trí cũ thì dứt.

Xem chừng có Chức sắc Đại Thiên phong thuyết đạo hay không.

Nghi lễ đánh kiểng, toàn thể đứng lên, nghe chuông xá 3 xá, day ra ngoài xá chữ Khí 1 xá, rồi phân lương ban.

Nghi lễ kệ chuông bãi đàn xong, nhạc đánh trống thét, tán điệu gài tiền bàn hậu phú, dứt tịch. Hết.

B. Nghi tiết Đại Đàn cúng Đức Phật Mẫu tại Báo Ân Từ.

Cúng Đức Phật Mẫu chỉ có một Nghi tiết Đại Đàn, không có Nghi tiết Tiểu Đàn.

Gần tới 12 giờ trưa, nam nữ sắp đàn trước.

Đúng 12 giờ, kệ chuông nhưt.

Xong, Lễ sĩ xướng:

1. **Tịnh túc thị lập:**
2. **Chấp sự giả các tự kỳ sự:** kế tiếp kệ chuông nhì.
3. **Cung thành thứ tự nam nữ nhập đàn:**
4. **Nhạc tấu Quân Thiên:** nhạc đánh TiếpGiá, đờn 5bài.
5. **Nghệ hương án tiền:** trống xây đờn bài Hạ, hai cặp Lễ sĩ dâng đài đến đứng hai bên chúng sanh qui Ngoại nghi.
6. **Giai qui:** nhạc đồ trống, Lễ qui, cả nam nữ đồng xá 3 xá rồi qui xuống.
7. **Phân hương:** một vị Chức sắc HTĐ qui ở Ngoại nghi đốt nhang rồi giao cho Lễ sĩ.
8. **Điện hương:** nhạc vô mặt trống đờn Nam xuân, châu 4 lá, Lễ điện chữ Tâm, không thài.
9. **Qui:** nhạc đồ trống, Lễ qui, vị chứng đàn cầm hương, toàn thể niệm 3 câu niệm theo tiếng chuông điểm, nhạc dứt.
10. **Thành kính tụng Niệm hương chú:** nhạc gài trống đờn Nam ai, đồng nhi tụng kinh giọng ai.
11. **Thượng hương:** nhạc dứt đờn, gài thét để Lễ sĩ lên sang về Ngoại nghi.
12. **Cúc cung bái:** nhạc đánh trống lập ban, toàn thể lạy 3 lạy 9 gật.
13. **Thành kính tụng Khai Kinh chú:** nhạc gài đờn Nam ai, đồng nhi tụng kinh giọng ai.
14. **Thành kính tụng Phật Mẫu Chơn Kinh:** nhạc gài trống đờn Nam xuân, đồng nhi tụng kinh, giọng xuân.

15. **Cúc cung bái:** (giống như mục số 12)
16. **Cung hiến Tiên hoa:** nhạc xây tá đờn bài Hạ.
17. **Quì:** nhạc đổ, Lễ quì, dứt đờn.
18. **Chỉnh Tiên hoa:** vị Chúc sắc quì Ngoại nghi chỉnh hoa và quả, nhạc đánh thét rồi đổ, Lễ đứng lên lui ra, day mặt vào bửu điện, dứt thét.
19. **Điện Tiên hoa:** nhạc gài trống vô đờn Đảo ngũ cung, đổ cho Lễ cung tay châu 8 lá, đi chữ Tâm vào Nội nghi, đồng nghi thài bài Dâng Hoa.
20. **Quì:** nhạc đổ để Lễ quì xuống nơi Nội nghi.
21. **Thượng Tiên hoa:** nhạc đổ trống cho Lễ đứng lên, nhạc thúc bùa, Lễ đi xuống.
22. **Cúc cung bái:** nhạc đánh lập ban, lạ 3 lạ 9 gặt.
23. **Cung hiến Tiên tửu:** (hành lễ y như từng Hoa)
24. **Quì:**
25. **Chước tửu:**
26. **Điện Tiên tửu:**
27. **Quì:**
28. **Thượng Tiên tửu:**
29. **Cúc cung bái:**
30. **Cung hiến Tiên trà:** (hành lễ y như từng Hoa)
31. **Quì:**
32. **Điểm trà:**
33. **Điện Tiên trà:**
34. **Quì:**
35. **Thượng Tiên trà:**
36. **Cúc cung bái:**
37. **Sớ văn thượng tấu:** nhạc xây tá đờn bài Hạ.
38. **Quì:** nhạc đổ, Lễ quì, vị chúng đàn nguyện dâng sớ.
39. **Thành đọc sớ văn:** nhạc đánh thét ngắn rồi dứt. Khởi đọc sớ, nhạc nghe theo câu sớ và tiếng điểm chuông, châu trống cúi đầu.

- 40. Cung phân Sớ văn:** nhạc đánh trống đốt sớ (lớp chày) qua thét luôn, Lễ sang đi xuống.
- 41. Cúc cung bái:** nhạc đánh lập ban, toàn thể lạy 3 lạy 9 gật.
- 42. Thành tâm tụng Ngũ Nguyên:** nhạc tệt vô đờn lớp trống xuân, đồng nhi tụng kinh Ngũ Nguyên.
- 43. Cúc cung bái:** nhạc đánh trống lập ban, toàn thể lạy 3 lạy 9 gật.
- 44. Hưng bình thân:** nhạc đánh trống thét, toàn thể đứng lên, xá 3 xá, day ra xá 1 xá, dứt.
- 45. Cung thành thứ tự phân lập tam ban:** nhạc đánh thét rồi dứt. Kệ chuông bãi đàn.
- 46. Lễ thành:** nhạc đổ trống rồi thét, đánh tán điệu rồi qua tiền bần hậu phú, dứt tịch. Hết.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

BQĐ: Bát Quái Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Nghi trưởng

儀長

Nghi: Dáng dấp bên ngoài, phép tắc để tỏ lòng kính trọng, lễ phép. **Trưởng:** lớn.

Nơi cõi thiêng liêng, Nghi trưởng là một vị Tiên Trưởng hay một vị Đại Tiên.

TNHT: Sấm nghiệp trần gian còn phải khó,
Lựa là *nghi trưởng* tại Bồng sơn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nghi trượng

儀仗

A: The cortege.

P: Le cortège.

Nghi: Dáng dấp bên ngoài, phép tắc để tỏ lòng kính trọng, lễ phép. **Trượng:** các đồ binh khí để chưng bày.

Nghi trượng là các đồ binh khí bày ra nơi chỗ thờ phượng hay trong đám rước để làm tăng thêm vẻ tôn nghiêm và oai quyền của Thần Thánh.

Các đồ Nghi trượng này còn gọi là đồ Lễ Bộ.

Nghi vân tiêu tán

疑雲消散

Nghi: Ngờ vực, nghi ngờ. **Vân:** đám mây. **Tiêu tán:** tiêu tan mất hết.

Nghi vân tiêu tán là đám mây ngờ vực tiêu tan hết.

NGHĨ

Nghĩ nghị

擬議

A: To think over.

P: Réfléchir muârement.

Nghĩ: Suy nghĩ. **Nghị:** nghị luận, bàn cãi.

Nghĩ nghị là suy nghĩ và bàn bạc với nhau cho ra lẽ.

TNHT: Cái tình cảm hóa của con người là tình thường ứng hiệp Trời Đất, cho nên khi tâm tịnh thường cảm hoài, hằng tìm nơi u huyền mà *nghĩ nghị* trong trí khôn,....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NGHỊ

NGHỊ

1. **NGHỊ:** 議 Bàn bạc, thảo luận.
Td: Nghị định, Nghị trình.
2. **NGHỊ:** 毅 Quả quyết.
Td: Nghị lực.

Nghị án

議案

A: To deliberate.

P: Délibérer sur un jugement.

Nghị: Bàn bạc, thảo luận. **Án:** một vụ thưa kiện.

Nghị án là bàn bạc, thảo luận để quyết định xử lý một vụ thưa kiện cho công bình và đúng pháp luật.

TL: Tòa Tam Giáo có Đức Giáo Tông làm đầu, ba vị Chưởng Pháp *nghị án*,....

TL: Tân Luật.

Nghị định

議定

A: To decree.

P: Décréter.

Nghị: Bàn bạc, thảo luận. **Định:** quyết chắc.

Nghị định là bàn bạc để quyết định trong một hội nghị.

Những Nghị định trong Đạo được gọi là Đạo Nghị định.

TNHT: Mỗi việc *nghị định* đều biên chép để lại dành rành, sau khi điều dị nghị.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nghị lực cương tâm

毅力剛心

Nghị: Quả quyết. **Lực:** sức. **Cương:** **Cương:** cứng rắn.

Nghị lực là cái sức quả quyết bền vững.

Cương tâm là lòng dạ cứng cõi, không yếu hèn.

TNHT: Thế tục là nét điu dặt cho mắt tánh thiêng liêng, phải lấy *nghị lực cương tâm* mà kèm chế.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nghị nhi bất luận

議而不論

Nghị: Bàn bạc, thảo luận. **Nhi:** mà. **Bất luận:** không bình luận.

Nghị nhi bất luận là bàn bạc mà không bình luận.

Nghị trình

議程

A: The order of the day.

P: L'ordre du jour.

Nghị: Bàn bạc, thảo luận. **Trình:** chương trình.

Nghị trình là chương trình hội nghị.

Nghị trưởng

議長

A: President of Parliament.

P: Président du Parlement.

Nghị: Bàn bạc, thảo luận. **Trưởng:** đứng đầu.

Nghị trưởng là người đứng đầu điều khiển hội nghị.

- Trong Hội Nhơn Sanh, Nghị trưởng là Thượng Chánh Phối Sư.

- Trong Hội Thánh, Nghị trường là Thái Chánh Phối Sự.
- Trong Thượng Hội, Nghị trường là Đức Giáo Tông.
- Trong Đại Hội Phước Thiện, Nghị trường là vị Chủ Đương quản Phước Thiện Nam phái.

Nghị trường

議場

A: Parliament.

P: Parlement.

Nghị: Bàn bạc, thảo luận. **Trường:** nơi có nhiều người tụ tập.

Nghị trường là chỗ hội họp để bàn luận.

Nghị viên

議員

A: Member of Parliament.

P: Membre de Parlement.

Nghị: Bàn bạc, thảo luận. **Viên:** người.

Nghị viên là người có chân trong hội nghị, có quyền bàn cãi và bỏ thăm quyết nghị các công việc của hội nghị.

■ **Trong Hội Nhơn Sanh,** Nghị viên là những người đại diện cho ba phẩm chức việc Bàn Trị Sự trong một Tộc Đạo.

ĐẠO LUẬT: Luật công cử Nghị viên thì phải hội hiệp tất cả chức việc trong Quận bỏ thăm để tuyển chọn: 1 vị Chánh Trị Sự, 1 vị Phó Trị Sự, và 1 vị Thông Sự. Nam nữ cũng vậy.

Như vậy, một Tộc Đạo cử ra 3 Nghị viên nam và 3 Nghị viên nữ. (Nam nữ y nhau)

- 1 Nghị viên là Chánh Trị Sự đại diện các Chánh Trị Sự.
- 1 Nghị viên là Phó Trị Sự đại diện các Phó Trị Sự.
- 1 Nghị viên là Thông Sự đại diện các Thông Sự.

■ **Trong Đại Hội Phước Thiện,** Nghị viên là người đại diện cho các vị Hành Thiện trong Tộc Đạo.

Theo Thể lệ Đại Hội Phước Thiện thì:

"Về phân công cử Nghị viên của hạng Hành Thiện, tức là hạng Chủ sở và Chức việc Bàn Cai Quản nhà Sở PT chánh.

Mỗi Quận Đạo nào có lập cơ sở Lương điền, Công nghệ, Thương mại thuộc về PT, thì cả Chủ sở nơi ấy và Chức việc Bàn Cai Quản hiệp nhau công cử Nghị viên:

- Cả Chủ sở Lương điền, Công nghệ, Thương mại thì đăng chọn cử một Nghị viên thay mặt.
- Cả Chức việc Bàn Cai Quản nhà Sở PT chánh thì đăng chọn cử một Nghị viên thay mặt."

Như vậy, mỗi Quận Đạo PT có tất cả 2 Nghị viên thay mặt để về Tòa Thánh tham dự Đại Hội PT.

PT: Phước Thiện, Cơ Quan Phước Thiện.

NGHĨA

NGHĨA

NGHĨA: 義

- Đường lối cư xử theo lẽ phải.
- Việc hào hiệp nên làm.
- Cái ý nghĩa của một từ ngữ.

Nghĩa địa - Nghĩa trang

義地 - 義莊

A: Cemetery.

P: Cimetière.

Nghĩa: Đường lối cư xử theo lẽ phải. Việc hào hiệp nên làm. **Địa:** đất. **Trang:** cơ sở lập ở ngoại thành.

Nghĩa địa, đồng nghĩa Nghĩa trang, là khu đất ở xa vùng dân cư, dành riêng dùng để chôn cất người chết.

ĐLMD: Mỗi Họ cũng nên lập một *nghĩa địa* riêng.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Nghĩa lý

義理

A: The meaning.

P: La signification.

Nghĩa: Cái ý nghĩa của một từ ngữ. **Lý:** lẽ.

Nghĩa lý là ý nghĩa và lý lẽ.

TNHT: Đạo, *nghĩa lý* rất sâu xa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nghĩa nhân

義仁

A: Loyal and affection.

P: Fidélité et affection.

Nghĩa: Đường lối cư xử theo lẽ phải. Việc hào hiệp nên làm. **Nhân:** lòng thương người mền vật.

Nghĩa nhân là điều nghĩa và điều nhân.

TNHT: *Nghĩa nhân* tích trữ để muôn đời.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nghĩa phụ - Nghĩa tử

義父 - 義子

A: Foster father - Foster son.

P: Père adoptif - Enfant adoptif.

Nghĩa phụ là cha nuôi. Nghĩa mẫu là mẹ nuôi.

Nghĩa tử là con nuôi. Nghĩa nữ là con gái nuôi.

Nghĩa huynh là người anh kết nghĩa.

Nghĩa thực

義塾

A: School free of charge.

P: École à l'enseignement gratuit.

Nghĩa: Đường lối cư xử theo lẽ phải. Việc hào hiệp nên làm. **Thực:** cái nhà để con em học, trường học.

Nghĩa thực là trường học vì việc nghĩa mà lập nên, không thu học phí.

Đạo Đức Học Đường trong Nội Ô Tòa Thánh Tây Ninh là một nghĩa thực do Đạo Cao Đài lập ra để dạy con em trong Đạo, các giáo sư và giáo viên đều dạy học công quả.

Nghĩa trọng

義重

A: The important duty.

P: Le devoir important.

Nghĩa: Đường lối cư xử theo lẽ phải. Việc hào hiệp nên làm. **Trọng:** nặng.

Nghĩa trọng là tình nghĩa nặng nề.

KTKVQL: Nói tông tổ biết bao *nghĩa trọng*.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

Nghĩa vụ

義務

A: Duty.

P: Devoir.

Nghĩa: Đường lối cư xử theo lẽ phải. Việc hào hiệp nên làm. **Vụ:** việc.

Nghĩa vụ là bổn phận phải làm tròn đúng theo đạo đức hay đúng theo luật pháp.

Nghĩa vụ và quyền lợi luôn luôn đi đôi với nhau. Nếu có nghĩa vụ thì đương nhiên phải có quyền lợi, hay ngược lại.

TNHT: Nếu các con không biết *nghĩa vụ* của Đạo thì sao cho xứng đáng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NGHỊCH

NGHỊCH

NGHỊCH: 逆 Trái ngược, chống cự, bội phản.
Td: Nghịch lý, Nghịch mạng.

Nghịch đức giả vong

逆德者亡

Nghịch: Trái ngược, chống cự, bội phản. **Đức:** đạo đức.
Giả: ấy là. **Vong:** mất.

Nghịch đức giả vong là trái đạo đức thì phải bị tiêu diệt.

Nghịch lý

逆理

A: The paradox.

P: Le paradoxe.

Nghịch: Trái ngược, chống cự, bội phản. **Lý:** lẽ thường.
Nghịch lý là trái với lẽ thường.

Nghịch mạng

逆命

A: To disobey.

P: Désobéir.

Nghịch: Trái ngược, chống cự, bội phản. **Mạng:** Mệnh: lệnh của cấp trên.

Nghịch mạng là chống lại lệnh của Hội Thánh, hoặc làm trái lệnh của Hội Thánh.

Đây là tội thứ nhất trong Thập hình của Đức Lý Giáo Tông. Vì nào phạm vào thì bị trục xuất ra khỏi Hội Thánh.

Nghịch Thiên giả bại.

逆天者敗

Nghịch: Trái ngược, chống cự, bội phản. **Thiên:** Trời. **Giả:** ấy là. **Bại:** thất bại.

Nghịch Thiên giả bại là trái với lẽ Trời thì phải thất bại.

Cũng như thành ngữ: Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong.

NGHIÊM

NGHIÊM

NGHIÊM: 嚴 dùng với hai nghĩa sau đây:

1. **NGHIÊM:** đoan trang, đúng đắn, chặt chẽ, gắt gao.
Td: Nghiêm chánh, Nghiêm trừng.
2. **NGHIÊM:** chỉ người cha.
Td: Nghiêm đường.

Nghiêm chánh

嚴正

A: Severe and righteous.

P: Sévère et droit.

Nghiêm: đoan trang, đúng đắn, chặt chẽ, gắt gao. **Chánh:** ngay thẳng.

Nghiêm chánh là đúng đắn và ngay thẳng.

TNHT: Muốn lập thành tất phải có điều *nghiêm chánh* thưởng phạt.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nghiêm đường

嚴堂

A: Father.

P: Père.

Nghiêm: chỉ người cha. **Đường:** nhà.

Nghiêm đường là cha.

Nghiêm huấn

嚴訓

A: Paternal teaching.

P: Enseignement paternel.

Nghiêm: chỉ người cha. **Huấn:** dạy dỗ.

Nghiêm huấn là lời dạy dỗ của cha.

Nghiêm luật

嚴律

A: Strict rule.

P: Règle sévère.

Nghiêm: đoan trang, đúng đắn, chặt chẽ, gắt gao. **Luật:** luật pháp.

Nghiêm luật là luật pháp chặt chẽ, gắt gao.

TĐ ĐPHP: Mấy em có cử chỉ do tâm lý không được chừng chạc và đúng theo *nghiêm luật* của Hội Thánh.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Nghiêm nghị

嚴毅

A: Austere.

P: Austère.

Nghiêm: đoan trang, đúng đắn, chặt chẽ, gắt gao. **Nghị:** quả quyết.

Nghiêm nghị là đoan trang và quả quyết.

TNHT: Đi lễ cho có vẻ *nghiêm nghị*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nghiêm tịnh

嚴淨

A: Severe and pure.

P: Sévère et pur.

Nghiêm: đoan trang, đúng đắn, chặt chẽ, gắt gao. **Tịnh:** trong sạch.

Nghiêm tịnh là nghiêm trang và trong sạch.

BĐND: Xin chỉnh đàn cho *nghiêm tịnh* dâng tiếp rước Đức Lý Giáo Tông.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nghiêm trừng

嚴懲

A: To punish severely.

P: Punir sévèrement.

Nghiêm: đoan trang, đúng đắn, chặt chẽ, gắt gao. **Trừng:** trừng phạt.

Nghiêm trừng là trừng phạt một cách nghiêm khắc.

KSH: Mà *nghiêm trừng* mấy kẻ tôi đòi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nghiêm túc

嚴肅

A: Grave and respectful.

P: Grave et respectueux.

Nghiêm: đoan trang, đúng đắn, chặt chẽ, gắt gao. **Túc:** cung kính.

Nghiêm túc là nghiêm chỉnh và cung kính.

Nghiêm từ

嚴慈

A: The severe father and kind mother.

P: Le père sévère et la mère douce.

Nghiêm: chỉ người cha. **Từ:** chỉ mẹ hiền.

Nghiêm là tánh đức của cha, từ là tánh đức của mẹ.

Nghiêm từ là chỉ sự nghiêm nghị của người cha và sự hiền từ của bà mẹ. Nghiêm từ là chỉ cha mẹ.

Đối với người ngoài, khi nói về cha mình thì dùng chữ: Gia nghiêm, khi nói về mẹ mình thì dùng chữ: Gia từ.

NGHIỆM

Nghiệm cổ suy kim

驗古推今

Nghiệm: suy xét căn cứ vào thực tế. **Suy:** đoán ra. **Cổ:** xưa. **Kim:** nay.

Nghiệm cổ suy kim là ngẫm nghĩ chuyện đời xưa mà suy đoán ra việc đời nay.

Đồng nghĩa với: Ôn cố tri tân.

NGHIÊN

NGHIÊN

A: Inkstand.

P: Encrier.

Nghiên là đồ dùng mài và đựng mực tàu hay mực son để viết chữ Nho màu đen hay màu đỏ.

Nghiên cứu

攷究

A: To examine thoroughly.

P: Examiner à fond.

Nghiên: tìm xét. **Cứu:** tra xét.

Nghiên cứu là tìm tòi tra xét để hiểu cho tường tận.

Nghiên thạch thành sa

研石成沙

Nghiên: nghiền nát ra. **Thạch:** đá. **Sa:** cát.

Nghiên thạch thành sa là nghiền đá thành cát.

NGHIỆP

NGHIỆP

NGHIỆP: 業 có hai nghĩa sau đây:

1. **NGHIỆP:** Tiếng nhà Phật, chỉ con đường đi từ Nhân tới Quả. (Xem chi tiết bên dưới).
Td: Nghiệp chướng, Nghiệp quả.
2. **NGHIỆP:** Nghề nghiệp, sự nghiệp, tài sản.
Td: Nghiệp cả, Nghiệp hồng.

Nghiệp

業

Sancrit: Karma.

A: Action considered as a cause of a previous existence.

P: Acte causé par des existences antérieures.

Nghiệp là từ ngữ rất được thường dùng trong tôn giáo, có nguồn gốc từ Phật giáo, dịch chữ Phạn: Karma, nghĩa là: tạo tác, những cái sở tác thiện ác của thân, khẩu, ý.

Nghiệp là con đường đi từ Nhân tới Quả, Nhân Quả xảy ra trong một kiếp hay trong nhiều kiếp.

Có hai thứ Nghiệp: *Thiện nghiệp và Ác nghiệp.*

■ Nếu kiếp trước mình làm nhiều việc lành, nhiều việc phước thiện thì các việc đó tạo cho mình Thiện nghiệp. Cái Thiện nghiệp này sẽ theo ủng hộ mình trong suốt kiếp sống hiện tại, nó nâng đỡ và che chở mình, tạo ra nhiều điều may mắn, hạnh phúc.

■ Nếu kiếp trước mình làm nhiều việc gian ác, thiếu đạo đức thì các việc ấy tạo thành Ác nghiệp. Cái Ác nghiệp này sẽ theo báo hại mình trong suốt kiếp sống hiện tại, bằng cách gây ra cho mình những điều rủi ro, đau bệnh hoặc tai họa khổ sở.

Những người nghèo hèn đói khổ, làm ăn thất bại liên miên, đừng nên đổ thừa cho Trời Đất đã gây ra cho mình như thế, mà phải hiểu rõ rằng đó chỉ là sự quả báo của Nghiệp ác mà mình đã tạo ra từ kiếp trước. Trời Đất chí công vô tư, không bao giờ tự nhiên đem họa hay đem phước tới cho người nào, tất cả đều do mình gây tạo, hễ mình trồng dưa thì được dưa, trồng đậu được đậu. Luật Nhân Quả là Luật công bình thiêng liêng.

Chính nhờ quan niệm về NGHIỆP mà người ta giải thích được tại sao trong xã hội loài người có người ngu kẻ khôn, người giàu kẻ nghèo, người giỏi kẻ dở, người đẹp kẻ xấu, người làm quan kẻ làm dân,... Rồi tại sao những người cùng sanh ra trong một giờ, một ngày, một nơi, lại có người làm Tổng Thống, có kẻ làm dân mà chưa tròn bổn phận? Đó chẳng qua là do cái Nghiệp khác nhau của mỗi người. Nhưng cái Nghiệp cũng chỉ là sự thể hiện của Luật Nhân Quả.

Quan niệm về Nghiệp bổ túc và làm sáng tỏ thuyết Định mệnh của Nho giáo. Thuyết Định mệnh cho rằng, bất cứ việc gì ở thế gian này cũng đều do Trời định, nên có câu nói: Nhất âm nhất trắc giai do tiền định. Nghĩa là: một cái uống, một miếng ăn cũng đều do Trời định trước.

Nhờ hiểu về Nghiệp mà ta biết không phải do Trời định. Trời chỉ cầm cây cân công bình thiêng liêng thúc đẩy Luật

Nhân Quả thị hiện, và cái Nghiệp của mỗi người sẽ định đoạt tương lai của người đó.

Như vậy thì chỉ có ta định cho ta, chứ không ai có thể định cho ta được. Những việc làm trong kiếp sống hiện tại sẽ định cho ta kiếp sống tương lai, nhưng vì nó không thị hiện ra liền, một cách nhãn tiền, mà phải trải qua từ kiếp sống này sang kiếp sống sau, nên ta vô minh không rõ nên mới nói là Trời định. Trời Đất vô tư công bình, đứng ở giữa làm chứng để không ai có thể gian dối được.

Cái nghiệp của ta do ta tạo ra, không ai tạo giùm ta, cũng không ai lãnh giùm cái nghiệp cho ta. Tự ta tạo nghiệp và chính ta phải thọ lãnh kết quả của nó, không thể chối cãi được.

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Thì đừng trách lẫn Trời gần Trời xa. (Kiều)*

Nếu chúng ta muốn cho kiếp sau của mình được giàu sang sung sướng, làm quan quyền hiển hách, thì nhứt định ta có thể thực hiện được điều đó, chắc chắn như vậy, với điều kiện là chúng ta xem nó là cái kết quả hái được của những cây lành mà chúng ta phải trồng ngay trong kiếp sống này.

Nói như thế có nghĩa là ngay trong kiếp này, chúng ta phải tích cực lo làm điều lành, làm nhiều việc phước thiện, dù việc nhỏ hay việc lớn đều làm tất cả. Công việc làm lành này sẽ có hai tác dụng: - Một là để hóa giải những Nghiệp ác còn tồn đọng trong kiếp trước. - Hai là tạo nên cái nhân lành, để gieo xuống mảnh đất lành, sẽ mọc lên cây lành, và cho chúng ta quả lành để chúng ta hưởng trong kiếp sau.

Nhờ nghiệp mà ta hoàn toàn định được tương lai của ta.

Mỗi người có ba tác nhân để tạo nghiệp. Đó là Thân, Khẩu, Ý, tạo ra ba nghiệp là: Thân nghiệp, Khẩu nghiệp và Ý nghiệp.

■ **Thân nghiệp:** nghiệp do thân tạo ra, tức là do tay, chân, thân thể tạo ra. Td: Trộm cướp, dâm dục, bổ thí, cứu người hoạn nạn, giúp kẻ tật nguyền,....

■ **Khẩu nghiệp:** nghiệp do lời nói từ miệng thốt ra.

Td: Chửi rủa, nói đâm thọc, dùng lời nói khuyên người bỏ dữ theo lành, hay an ủi người đang cơn sợ hãi, đau khổ,....

■ **Ý nghiệp:** cái ý do cái tâm khởi ra. Có ý rồi mới có hành động. Cái ý thì tạo ra Ý nghiệp. Nếu cái ý nóng giận thì tạo nghiệp nóng giận, cái ý nhờn thì tạo nghiệp nhờn từ.

Thân, Khẩu, Ý, có thể tạo ra nghiệp thiện hay nghiệp ác do việc làm của ta. Thân Khẩu Ý lành thì tạo nghiệp lành, còn Thân Khẩu Ý dữ thì tạo nghiệp dữ.

Ba cái nghiệp này sẽ định cái số kiếp tương lai của ta.

Con người cứ mãi ở trong vòng luân hồi: Sinh ra, sống lớn lên, trả nghiệp cũ, vay nghiệp mới, trả vay vay trả, cứ thế mà luân hồi mãi mãi.

Sự luân hồi có được là do nghiệp. Nếu trả hết nghiệp cũ mà không vay nghiệp mới thì dứt nghiệp, dứt luân hồi.

Muốn trả dứt các nghiệp cũ thì chúng ta phải làm sao? Mình biết mình thiếu nợ ai mà trả? vì cái nghiệp này là ở tiền kiếp tạo nên. Cái bí mật ấy không bao giờ các Đấng thiêng liêng nói cho ta biết. Do đó, ta chỉ có một cách duy nhất để trả nghiệp cũ là Phụng Sự nhờn sanh, vì chắc chắn trong số nhờn sanh này có người chủ nợ của ta. Phụng Sự nhờn sanh là cách tốt đẹp nhất và hiệu quả nhất để ta trả dứt nghiệp cũ.

Không vay nghiệp mới là không làm điều ác gây thương tổn người khác, không làm điều gì khiến người khác đau khổ phiền trách.

Đạo Cao Đài mở ra kỳ này để đón nhận những vị nào muốn trả dứt nghiệp cũ và không vay nghiệp mới, đồng thời tạo ra được một số công đức để có thể bước lên các địa vị cao thượng là Thần, Thánh, Tiên, Phật nơi cõi thiêng liêng.

Đạo Cao Đài lập ra những cơ quan để Phụng Sự nhờn sanh như: Cửu Trùng Đài, Cơ Quan Phước Thiện.

Đạo Cao Đài lập ra luật pháp tu hành để người tín đồ tuân theo đó thực hành thì không tạo ra nghiệp ác tức là không vay nghiệp mới.

Đạo Cao Đài lập ra một trường thi công quả để người tín đồ lập công bồi đức mà đạt được những phẩm vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng.

Muốn giàu có thì phải tìm cách làm ra của cải tiền bạc cho nhiều, còn muốn thành Tiên Phật thì phải làm sao cho có công quả nhiều. Không thể có cách nào khác, vì đó là chơn lý.

Nghiệp cảm

業感

A: The reaction of Karma.

P: La réaction de Karma.

Nghiệp: Tiếng nhà Phật, chỉ con đường đi từ Nhân tới Quả. **Cảm:** hiện tượng từ ngoài xâm nhập vào trong con người mình để tạo ra một hậu quả.

Nghiệp cảm là sự cảm ứng do cái nghiệp tạo ra.

Nếu là thiện nghiệp thì nó cảm ứng tạo ra sự vui vẻ, sung sướng; còn ác nghiệp thì trái lại.

Nghiệp căn

業根

A: The origin of Karma.

P: L'origine de Karma.

Nghiệp: Tiếng nhà Phật, chỉ con đường đi từ Nhân tới Quả. **Căn:** gốc rễ.

Nghiệp căn là cái gốc rễ của nghiệp, tức là những việc làm lành dữ trong kiếp trước.

Từ ngữ "Nghiệp căn" thường dùng với ý nghĩa là những việc làm hung dữ, thiếu đạo đức trong kiếp trước.

TNHT: Tiền khiên đã mẫn *nghiệp căn* xưa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nghiệp chướng

業障

A: The obstacle of Karma.

P: L'obstacle de Karma.

Nghiệp: Tiếng nhà Phật, chỉ con đường đi từ Nhân tới Quả. **Chướng:** ngăn trở.

Nghiệp chướng là sự ngăn trở của nghiệp.

Những việc làm xấu xa trong kiếp sống trước tạo thành Nghiệp ác, làm ngăn trở bước đường tiến thân của mình trong kiếp sống hiện tại, vì nó gây cho mình nhiều rủi ro hay tai nạn.

DLCK: Tri khổ *nghiệp chướng*, luân chuyển hóa sanh....

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Nghiệp hồng - Nghiệp cả

業洪

A: Great work.

P: Grande oeuvre.

Nghiệp: Nghề nghiệp, sự nghiệp, tài sản. **Hồng:** to lớn. **Cả:** lớn.

Nghiệp hồng là sự nghiệp to lớn.

Nghiệp cả là sự nghiệp lớn.

PMCK: *Nghiệp hồng* vận tử hồi môn.

TNHT: *Nghiệp cả* khuyên con lựa nhúm nhen

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Nghiệp lực

業力

A: The force of Karma.

P: La force de Karma.

Nghiệp: Tiếng nhà Phật, chỉ con đường đi từ Nhân tới Quả. **Lực:** sức.

Nghiệp lực là cái sức mạnh của nghiệp.

Nghiệp lành có sức mạnh đưa con người đến cảnh an vui hạnh phúc; nghiệp dữ có sức mạnh đưa con người đến nơi khổ não, họa nạn.

Nghiệp quả

業果

A: Consequence of Karma.

P: Conséquence de Karma.

Nghiệp: Tiếng nhà Phật, chỉ con đường đi từ Nhân tới Quả. **Quả:** kết quả.

Nghiệp quả là cái kết quả của nghiệp, là cái trái sanh ra do việc trồng cây nghiệp.

Cái nghiệp diễn tiến qua hai giai đoạn:

- Giai đoạn đầu: khi mới tạo nghiệp thì gọi là nghiệp duyên hay nghiệp nhân, tức là cái giống nghiệp.
- Giai đoạn sau: Hạt giống nghiệp được gieo mọc thành cây nghiệp, rồi có trái gọi là nghiệp quả, cũng gọi là nghiệp báo vì nó báo đáp các việc làm tạo nghiệp trước đây.

Hễ làm điều đạo đức thì tạo nghiệp lành, sanh quả lành.

Nếu làm điều hung dữ thì tạo nghiệp dữ, sanh quả dữ.

Con người được sanh ra nơi cõi trần này thì không bao giờ không có nghiệp, bởi vì con người còn trong vòng luân hồi. Sống là để trả nghiệp trước, đồng thời tạo nghiệp mới. Trả vay, vay trả, không biết bao giờ mới dứt.

Nghiệp là thể hiện của Luật Nhơn Quả, nên không ai có thể trốn thoát được.

Không trên trời dưới biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được quả các nghiệp. (Kinh Pháp Cú)

TNHT: Lọc lừa *nghiệp quả* kẻ may duyên.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NGHIỆT

NGHIỆT

NGHIỆT: 孽 Mầm ác, việc ác, nghiệp ác.

Td: Nghiệt báo, Nghiệt cảnh đài.

Nghiệt báo

孽報

A: Retribution.

P: Rétribution.

Nghiệt: Mầm ác, việc ác, nghiệp ác. **Báo:** đáp lại.

Nghiệt báo là báo đáp lại cái nghiệp ác đã tạo khi trước.

Sự báo đáp này có thể xảy ra nhân tiền hay trong một kiếp, hay phải chờ đợi đến kiếp sau.

KSH: Làm cho chồng vợ lìa xa,
Cả đời *nghiệt báo*, oan gia chẳng rời.

KSH: Kinh Sám Hối.

Nghiệt căn

孽根

Nghiệt: Mầm ác, việc ác, nghiệp ác. **Căn:** gốc rễ.

Nghiệt căn là cái gốc rễ của nghiệp ác.

KVH: Nương gương thần huệ đặng trừ *nghiệt căn*.

Nghiệt cảnh đài - Tòa nghiệt cảnh

孽鏡臺 - 座孽鏡

A: The palace of the divine Psyche (divine cheval-glass).

P: Le palais du Psyché divine.

Nghiệt: Mầm ác, việc ác, nghiệp ác. **Cảnh:** còn đọc là Kính: tám kiếng làm gương để soi. **Đài:** cái đài, tòa nhà.

Nghiệt cảnh đài hay Tòa Nghiệt cảnh là tòa án nơi cõi thiêng liêng, để định phân tội phước. Nơi đây có đặt một tấm kiếng lớn huyền diệu để làm gương soi lại cuộc đời.

Chơn hồn khi đứng trước tấm kiếng này thì trong tấm kiếng sẽ hiện ra tất cả lời nói và việc làm thiện ác của chơn hồn trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần, đứng nhìn vào như coi chiếu phim vậy, để cây Cân công bình thiêng liêng cân phân tội phước, quyết định cho thăng hay đọa.

Toà Nghiệt cảnh này cũng là nơi được lấy phước đức chuộc lại tội tình, và cũng là nơi khiếu nại hay kiện cáo những điều nào mình còn cho là oan ức.

Đức Chí Tôn dạy:

TNHT: "Ai giữ trọn bực phẩm thì đặng *Tòa Nghiệt cảnh* tương công chiết tội, để vào địa vị cao hơn địa cầu 68 này, ai chẳng trọn trách nhậm nhưn sanh, phải bị đọa vào nơi U Minh Địa, để trả cho xong tội tình căn quả, cho đến lúc trở về nẻo chánh đường ngay mà phục hồi ngôi cũ, bằng chẳng biết sửa mình thì luật Thiên điều chông chập, khổ A-Tỳ phải vướng muôn muôn đời đời mà đền tội ác. Bậc nhưn sanh vì đó mà phải chịu thiên niên chìm đắm vào số luân hồi: vay trả, trả vay, căn quả chẳng bao giờ tiêu đặng,"

Trong bài Thánh Ngôn Đức Chí Tôn dạy về Bất Tà dâm, có đoạn như sau:

TNHT: "Vì vậy một giọt máu là một khối chơn linh, như các con dâm quá độ thì sát mạng chơn linh ấy.

Khi các con thoát xác, thì nó đến *Nghiệt Cảnh đài* mà kiện các con, các con chẳng hề chối tội đặng. Phải giữ gìn giới cấm ấy cho lắm."

"*Đài Nghiệt cảnh* là nơi rọi sáng các việc lỗi lầm, bước luân hồi sẽ dẫn vào nơi u khổ cùng sâu mà đọa đày đời đời kiếp kiếp."

Trong sách *Hồi Dương Nhưn Quả*, có đoạn nói *Nghiệt cảnh đài*, nơi ấy chiếu lại tất cả việc làm của mỗi chơn hồn, nên không ai có thể chối tội được.

"Trong phiên xử 15 vị Hòa Thượng phạm tội dữ, các Hòa Thượng đều chối tội. Vua Tàn Quảng Vương ở Nhứt Điện

truyền chỉ cho Phán Quan dẫn các sãi đến Đài Nghiệt cảnh để chiếu thử. Nguyên tại Nhứt Điện là cửa Đền thứ nhứt, Tàn Quảng Vương có lập một cái Đài Nghiệt cảnh ở phía bên hữu Điện chánh. Đài ấy cao 11 thước, trên đài có treo một cái mặt kiếng Nghiệt Cảnh, lớn 10 ôm mới giáp vòng bè tròn, treo chiếu qua hướng Đông. Trên giá treo mặt kiếng có đề 7 chữ: *Nghiệt Cảnh Đài tiền vô hảo nhân*. Nghĩa là: trước Đài Nghiệt Cảnh không có người tốt.

Các hồn chổi án, quỷ sứ dẫn lên đài, ngó vô mặt kiếng, thì thấy hiện nguyên hình từ lúc nhỏ tới lúc chết, làm những việc chi đều ứng hiện hình thù như hát bóng, đủ lớp, nên chổi không đặng.

Vua Tàn Quảng Vương mới y luật mà xử, hoặc giải tội nhơn từ từ qua 9 cửa Đền khác."

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nghiệt chương

孽障

A: Obstacle of retribution.

P: Obstacle de rétribution.

Nghiệt: Mầm ác, việc ác, nghiệp ác. **Chương:** ngăn trở.

Nghiệt chương là sự ngăn trở của nghiệp ác.

KCHKHH: Dầu *nghiệt chương* số căn quả báo.

KCHKHH: Kinh cầu hồn khi hấp hối.

Nghiệt trần

孽塵

A: The retribution of world. P: La rétribution du monde.

Nghiệt: Mầm ác, việc ác, nghiệp ác. **Trần:** cõi trần.

Nghiệt trần là những nghiệp ác mà con người đã tạo ra nơi cõi trần.

TTCĐDTKM: Giờ nay gặp lỗi *nghiệt trần* giảm tiêu.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

NGHIÊU

Nghiêu - Thuấn

堯 - 舜

Nghiêu - Thuấn là vua Nghiêu và vua Thuấn, hai vị vua hiền vào thời thượng cổ nước Tàu, mà sử sách đời sau ca tụng là hai vị Thánh vương, dùng đức trị dân khiến cho dân chúng hưởng được thái bình an lạc. Cho nên có câu nói: *Nghiêu Thiên Thuấn nhật*, nghĩa là Trời Nghiêu ngày Thuấn, để chỉ đời thái bình hạnh phúc dưới hai tráo vua: Nghiêu và Thuấn.

Vua Nghiêu lên ngôi năm 2356 trước Tây lịch kỷ nguyên, làm vua được 70 năm, rồi truyền ngôi lại cho vua Thuấn năm 2255 trước Tây lịch.

I. Đường Nghiêu (-2356):

Vua Nghiêu họ Đường, làm tới chức Hầu, nên gọi là Đường Hầu, sau lên làm vua, đóng đô ở đất Đào, nên lập quốc lấy hiệu là Đào Đường.

Đức tính của vua Nghiêu thì cung kính, thông minh, văn chương rõ rệt, ý tứ sâu xa, tự nhiên mà không miễn cưỡng, lại hay kính cẩn khiêm nhường, đức trạch khắp bốn cõi, đến cả trên Trời dưới đất.

Vua Nghiêu ở ngôi được 70 năm thì một hôm vua Nghiêu gọi quan Tứ Nhạc đến bảo rằng: (Tứ Nhạc là chức quan đại thần coi tất cả chư Hầu bốn phương)

- Hỡi quan Tứ Nhạc! Trẫm ở ngôi được 70 năm, người có thể theo mệnh lệnh của Trẫm, Trẫm nhường ngôi cho.

Quan Tứ Nhạc thưa rằng:

- Hạ thần đức kém, không xứng ngôi vua.

Vua Nghiêu lại nói:

- Các người tiến cử một người đã hiển đạt hay là con nhà ti tiện, quý hồ có đức vọng là hơn.

Các quan đồng ý tâu rằng:

- Ở dân gian có người tên Ngu Thuấn.
- Phải, Trẫm cũng có nghe nói, nhưng người ấy thế nào?

Quan Tứ Nhạc thưa rằng:

- Người ấy là con của một người lòa, cha ngoan cố, mẹ ghê lắm điều, người em dị bào tên là Tượng có tánh ngạo ngược, thế mà Thuấn một lòng hiếu thảo, khiến cho họ biết hối lỗi, quay trở lại làm thiện, không xảy ra sự gian ác gì.

Vua Nghiêu nói:

- Ta thử xem sao, gả hai con gái ta cho người ấy xem cách tề gia đối với hai con gái ta thế nào?

Nói rồi sửa soạn hành trang, đưa cả hai con gái là Nga Hoàng và Nữ Anh đến sông Vị (một nhánh của sông Hoàng Hà) để làm vợ Ngu Thuấn. Vua Nghiêu răn hai con gái:

- Phải kính cẩn giữ cho trọn đạo.

Sau ba năm dò xét, vua Nghiêu kêu ông Thuấn bảo:

- Lại đây, người Thuấn, ta hỏi công việc và xét lời nói của người đều có thành tích. Đến giờ đã ba năm, người đáng lên ngôi vua thay ta.

Ông Thuấn tự khiêm là người đức kém, chưa đáng lên ngôi vua, xin nhường cho người đức tốt, nhưng vua Nghiêu không chịu.

Ngày mùng 1 tháng giêng, vua Thuấn nhận mệnh lên ngôi vua ở miếu thờ Đức Văn Tổ.

Vua Nghiêu dặn vua Thuấn:

- *Doãn chấp quyết trung* (hãy giữ cái đạo Trung).

Như vậy, vua Nghiêu lên làm vua năm 16 tuổi, ở ngôi 70 năm, thử tài đức của ông Thuấn 3 năm, tuổi già không thính chính 28 năm, thọ 117 tuổi.

II. Ngu Thuấn (- 2255):

Vua Thuấn ở đất Ngu nên lấy họ là Ngu, nối ngôi vua Nghiêu.

Vua Thuấn định lại 4 mùa, tháng ngày cho đúng nhau, đặt lại luật âm nhạc, cách đo chiều dài, cách đong, cách cân đều theo một luật, sửa lại Ngũ Lễ.

Rồi vua Thuấn đi tuần thú bốn phương, thăm viếng các nước chư Hầu, tế lễ các Thần núi. Vua Thuấn đặt ra lệ, cứ 5 năm, vua đi tuần thú bốn phương một lần.

Các vua chư Hầu ở bốn phương, lần lượt mỗi năm một nước lại châu, tâu bày việc cai trị trong nước mình. Vua Thuấn theo đó mà xét công trạng, chư Hầu nào xứng đáng thì thưởng xe lộ xa và áo huyền cổn.

Vua Thuấn lên ngôi năm 30 tuổi, nay vua được 93 tuổi, làm vua được 63 năm, nay bắt chước vua Nghiêu, muốn nhường ngôi lại cho người hiền là ông Vũ.

Ông Vũ nói:

- Tôi đức trạch không khắp, chắc dân không theo. Thầy Cao Dao gây nhiều đức vọng khắp dân gian, dân đều cảm phục. Dám xin nhà vua nghĩ lại. Tôi thường nghĩ chỉ có ông Cao Dao.

Vua Thuấn nói:

- Thầy Cao Dao! Bầy tôi và dân bây giờ không có ai phạm đến chánh trị của ta, ấy là vì có người làm quan Sĩ Sư, xử 5 tội hình rất minh xác, để giúp về sự giáo hóa trong 5 bậc thường mà mong cho được thanh trị. Xử việc hình mà vẫn mong cho dân không bị hình phạt, nên nhân dân hòa hiệp theo đạo trung. Thực là cái công của nhà người.

Vua Thuấn lại nói thêm với ông Vũ:

- Lại đây thầy Vũ! Trời ra tai nước lụt, có ý răn ta. Nay tin giữ được lời nói, làm được thành công, ấy là tài của người, chăm chỉ việc nước, tiết kiệm việc nhà, bụng không tự mãn, ấy là đức tốt của người. Người không khoe tài, không khoe công, thiên hạ ai cùng người tranh công. Ta quý các đức tốt của người, khen cái công to của người. Lịch số của Trời nay đến lượt nhà người. Người đáng lên ngôi vua.

Sáng ngày mùng 1 tháng Giêng, vua Vũ chịu mệnh ở miếu thờ Đức Thần Tông (vua Nghiêu), tổng xuất các quan, lên ngôi vua, nối ngôi vua Thuấn, mở ra nhà Hạ,

Vua Thuấn theo lời dặn dò của vua Nghiêu, dặn lại vua Vũ: *Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vị, duy tinh, duy nhứt, doãn chấp quyết trung*. Nghĩa là: Cái tâm của người thì hiểm nghèo, cái tâm của đạo thì kín nhiệm, phải giữ cái tâm mình cho tinh thuần và chuyên nhất, mới giữ được đạo Trung.

Nơi mặt ngoài của cái bao lơn tròn trước Tòa Thánh Tây Ninh, có một bức tranh tạc hình vua Nghiêu và ông Thuấn đang cày ruộng, đề tựa là: Vua Nghiêu - Vua Thuấn, lấy tích ông Thuấn cày ruộng ở Lịch Sơn, để tượng trưng chữ CANH.

Theo Nho giáo, ba vị vua: Nghiêu, Thuấn, Vũ là ba vị Thánh vương có công lao vĩ đại đối với dân chúng, nên được dân chúng tôn lên làm ba vị Đại Đế, được cúng tế rất long trọng vào ngày rằm của ba ngươn trong một năm, kể ra:

- Rằm tháng Giêng, Thượng Ngươn, tôn vua Nghiêu là: *Thượng Ngươn Tứ Phước Thiên Quan Đại Đế Thắng Hội*, gọi tắt là: **Thượng Ngươn Thiên Quan Tứ Phước**.

- Rằm tháng Bảy, Trung Ngươn, tôn vua Thuấn là: *Trung Ngươn Xá Tội Địa Quan Đại Đế Thắng Hội*, cũng gọi là: **Trung Ngươn Địa Quan Xá Tội**.

- Rằm tháng Mười, Hạ Ngươn: tôn vua Hạ Vũ là: *Hạ Ngươn Giải Ách Thủy Quan Đại Đế Thắng Hội*, cũng gọi là: **Hạ Ngươn Thủy Quan Giải Ách**.

NGHINH

NGHINH

NGHINH: 迎 Tiếp rước, tiếp đón.

Td: Nghinh phong đài, Nghinh tân.

Nghinh Phong đài

迎封臺

A: Dome of Canonisation.

P: Dôme de Canonisation.

Nghinh: Tiếp rước, tiếp đón. **Phong:** vua ban phẩm tước cho bề tôi. **Đài:** cái đài cất cao lên.

Nghinh Phong đài là cái đài để tiếp rước các Chức sắc được phong vào hàng Thánh.

Chúng ta lưu ý rằng: Nghinh Phong đài ở đây không có nghĩa là cái đài để hứng gió, bởi vì bên dưới đài này là cấp dành cho phẩm Giáo Hữu nơi CTĐ.

Nơi Tòa Thánh Tây Ninh, phần Cửu Trùng Đài, trên nóc và ngay chính giữa, có cất một kiến trúc đặc biệt, gọi là Nghinh Phong đài.

Kiến trúc Nghinh Phong đài gồm 3 phần:

- Phần dưới hình vuông, tượng trưng Đất.
- Phần giữa có hình trụ tròn, tượng trưng Trời, bởi vì người xưa quan niệm Trời tròn Đất vuông (Thiên viên Địa phương).
- Phần trên là một bán cầu úp xuống, có vẽ bản đồ các lục địa và đại dương của địa cầu, tượng trưng địa cầu của nhân loại chúng ta đang ở. Trên bán cầu này là hình một con Long Mã mà trên lưng có mang Bát Quái và cây gươm, gọi là Long Mã phụ Hà đồ, đang bỏ vó chạy về hướng Tây nhưng ngoái đầu lại nhìn về hướng Đông. (Xem ý nghĩa nơi chữ: Long Mã, vần L)

Phía dưới Nghinh Phong đài là cấp thứ năm của CTĐ, ngay hai bên cửa hông của Tòa Thánh, là cấp dành cho Chức sắc phẩm Giáo Hữu châu lễ Đức Chí Tôn. Phẩm Giáo Hữu đối phẩm Địa Thánh, đứng vào hàng Thánh Thể của Đức Chí Tôn.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Nghinh tân tổng cựu

迎新送舊

A: To welcome the something new and to see the old out.

P: Accueillir le nouveau et reconduire l'ancien.

Nghinh: Tiếp rước, tiếp đón. **Tân:** cái mới. **Tống:** tiễn đưa.
Cựu: cái cũ.

Nghinh tân tống cựu là đón tiếp cái mới, tiễn đưa cái cũ.

Thành ngữ này dùng để nói về lễ cúng trong giờ Giao thừa: Đón năm mới, tiễn năm cũ.

Nghinh xuân tiếp phước

迎春接福

A: To welcome the Spring and to receive the good luck.

P: Accueillir le Printemps et recevoir le bonheur.

Nghinh: Tiếp rước, tiếp đón. **Xuân:** mùa Xuân. **Tiếp:** rước vào.

Nghinh Xuân tiếp phước là đón mùa Xuân và rước vào nhà điều tốt lành.

NGOẠ

Ngoạ truyền

訛傳

A: To propagate the false news.

P: Propager des nouvelles fausses.

Ngoạ: bịa đặt để lừa dối. **Truyền:** chuyển đi.

Ngoạ truyền là truyền đi những tin tức thất thiệt hay những điều sai lạc để lừa dối mọi người với mục đích xấu.

NGỌA

Ngoạ tân thường đảm

臥薪嘗膽

Ngoạ: nằm. **Tân:** củi. **Thường:** nếm. **Đảm:** mật.

Ngoạ tân thường đảm là nằm trên củi và ném mật, thường dịch là: Nằm gai ném mật, hay Ăn mật nằm gai.

(Xem điển tích và ý nghĩa nơi chữ: Ăn mật nằm gai, vắn Ǻ)

NGOẠI

NGOẠI

NGOẠI: 外 Bên ngoài, ở ngoài.

Td: Ngoạ đạo, Ngoạ giáo, Ngoạ nghi.

Ngoại bang

外邦

A: Foreign country.

P: Pays étranger.

Ngoại: Bên ngoài, ở ngoài. **Bang:** nước, quốc gia.

Ngoại bang là nước ngoài, đồng nghĩa: Ngoạ quốc.

Ngoại Càn Khôn

外乾坤

A: On the out of Earth.

P: En dehors de la Terre.

Ngoại: Bên ngoài, ở ngoài. **Càn Khôn:** Trời Đất, Càn khôn Vũ trụ.

Ngoại Càn Khôn: Ngoạ Càn Khôn, tức là bên ngoài địa cầu của chúng ta đang ở, để đi vào CKVT.

KTHĐMP: Nương mây thoát tục ra ngoài Càn Khôn.

KCTPĐQL: Dầu oan gia ở ngoạ Càn khôn

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

KTHĐMP: Kinh Tụng Huỳnh Đệ Mãn Phần.

KCTPĐQL: Kinh cầu Tổ Phụ đã qui liễu.

Ngoại đạo

外道

A: On the out of my religion.

P: En dehors de ma religion.

Ngoại: Bên ngoài, ở ngoài. **Đạo:** tôn giáo.

Ngoại đạo là người ở bên ngoài tôn giáo của mình, có thể người đó không có tín ngưỡng, có thể người đó theo một tôn giáo khác hơn tôn giáo mình.

Đối nghĩa với Ngoại đạo là Bản đạo. Bản đạo là người ở trong cùng một tôn giáo với mình.

TNHT: Quanh năm cứ mang lấy thói mờ hồ nên phải thua kẻ ngoại đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ngoại giáo

外教

Ngoại: Bên ngoài, ở ngoài. **Giáo:** tôn giáo, dạy.

Có 3 trường hợp sau đây:

1. *Ngoại giáo là người hay tôn giáo ở ngoài tôn giáo của mình. Trong trường hợp này, Ngoại giáo đồng nghĩa Ngoại đạo.*

CG PCT: Chẳng phải nói các kinh điển của người trong Đạo làm ra mà thôi, dầu cho người *ngoại giáo* làm ra đi nữa, nếu có thương phong bại tục, thì buộc Hội Thánh phải vùa giúp Chưởng Pháp mà lo trừ diệt cho đặng.

2. *Ngoại giáo là giáo đạo ở ngoại quốc, tức là truyền đạo và dạy đạo cho người ngoại quốc ở các nước ngoài.*

Đó là nhiệm vụ của Hội Thánh Ngoại giáo. (Xem chi tiết nơi chữ Hội Thánh Ngoại Giáo, vần H)

3. *Ngoại giáo là phần Công Truyền, thường gọi là Ngoại giáo Công Truyền, dạy về Giáo lý, Kinh kệ, Luật pháp, và Triết lý của Đạo, cho tất cả những người nào nhập môn vào Đạo.*

Đây là phần Phổ Độ thuộc về Thể pháp của Đạo.

Đối lại với Ngoại giáo Công truyền là phần Nội giáo Vô vi, hay Tâm pháp Bí truyền, thuộc về phần Bí pháp của Đạo, chỉ dạy cho những người tu luyện trong Tinh Thất. (Xem chi tiết nơi chur: Nội giáo Vô vi)

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Ngoại lệ

外例

A: Exception

P: Exception.

Ngoại: Bên ngoài, ở ngoài. **Lệ:** luật lệ, qui tắc.

Ngoại lệ là những điều ngoài luật lệ, tức là không nằm trong luật lệ.

Ngoại nghi

外儀

A: The exterior table.

P: La table extérieure.

Ngoại: Bên ngoài, ở ngoài. **Nghi:** cái bàn hương án dùng làm nghi thức.

Ngoại nghi là nghi ngoài, tức là cái bàn hương án đặt phía ngoài của chánh điện để giới hạn phạm vi tế lễ từ ngoại nghi vô tới nội nghi mà thôi.

Nội nghi là bàn thờ đặt bên trong, trên đó thờ Thiên Nhân của Đức Chí Tôn, Tam giáo Đạo chủ, Tam Trấn Oai Nghiêm và các Đấng trong Ngũ Chi Đại Đạo.

Ngoại nghi chỉ là một cái bàn hương án, không có thờ ai hết, nhưng trên Ngoại nghi cũng chưng đủ các món: hương, đăng, hoa, quả, trà, rượu, cần nhứt là phải có một cặp chân đèn và một cái lư hương.

Nơi Thánh Thất, cặp Lễ sĩ xướng đứng ở hai bên Ngoại nghi. Ngoại nghi đặt trước bàn thờ Đức Hộ Pháp và cách bàn thờ này chừng ba hay bốn thước.

Ngoại xướng

外唱

Ngoại: Bên ngoài, ở ngoài. **Xướng:** cất tiếng hô to.

Ngoại xướng là cặp Lễ sĩ ở Ngoại nghi xướng lễ.

TNHT: Như *ngoại xướng*: Điện trà, Quì, Chức sắc đồng qui đứng trà lên khỏi đầu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NGOAN

NGOAN

1. **NGOAN:** 頑 Không biết mà làm càn, cứng đầu.

Td: Ngoan cố, Ngoan ngạnh.

2. **NGOAN:** (nôm) có nét na, dễ bảo.

Td: Ngoan đạo.

CHÚ Ý: Chữ Ngoan (nôm) trái nghĩa với chữ Ngoan (hán văn).

Ngoan cố

頑固

A: Obstinate.

P: Obstiné.

Ngoan: Không biết mà làm càn, cứng đầu. **Cố:** cố chấp.

Ngoan cố là bướng bỉnh, cứng đầu, không chịu nghe theo lời dạy dỗ của bề trên.

Ngoan đạo

A: Pious.

P: Pieux.

Ngoan: có nét na, dễ bảo. **Đạo:** tôn giáo.

Ngoan đạo là hoàn toàn tin tưởng tôn giáo, vâng theo các luật đạo một cách nghiêm chỉnh và vui vẻ.

TNHT: Thờ! Con đã *ngoan đạo*, mà sự *ngoan đạo* của con đó còn độ lắm kẻ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ngoan ngạnh

頑梗

A: Stubborn.

P: Têtu.

Ngoan: Không biết mà làm càn, cứng đầu. **Ngạnh:** có gai có ngạnh, trở ngại.

Ngoan ngạnh là cứng đầu, bướng bỉnh.

KSH: Tánh *ngoan ngạnh* không vì cô bác.

KSH: Kinh Sám Hối.

NGOẠN

Ngoạn mục

玩目

A: Pleasant to see.

P: Agréable à voir.

Ngoạn: ngắm nghĩa thường thức. **Mục:** con mắt, thấy.

Ngoạn mục là trông thấy đẹp mắt.

NGỌC

NGỌC

NGỌC: 玉 Thứ đá quý có màu rất đẹp, là vua của loài đá, chỉ sự quý báu, cao quý.

Td: Ngọc các, Ngọc cơ, Ngọc cung.

Ngọc bất trác bất thành khí

玉不琢不成器

Ngọc: Thứ đá quý có màu rất đẹp, là vua của loài đá, chỉ sự quý báu, cao quý. **Trác:** mài dũa. **Khí:** dụng cụ.

Ngọc bất trác bất thành khí: Ngọc mà chẳng mài dũa thì không thành một món trang sức đẹp quý.

Lễ Ký vân:

*Ngọc bất trác bất thành khí,
Nhân bất học bất tri Đạo.*

Sách Lễ Ký viết rằng:

Ngọc không mài không thành món đồ quý,
Người không học không biết Đạo lý.

Ngọc các

玉閣

A: Rich and noble family.

P: Famille riche et noble.

Ngọc: Thứ đá quý có màu rất đẹp, là vua của loài đá, chỉ sự quý báu, cao quý. **Các:** cái lầu.

Ngọc các là lầu ngọc, chỉ nhà giàu có sang trọng.

TNHT: Những ngở trao duyên vào ngọc các.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ngọc cơ

玉機

P: *La corbeille à bec.*

Ngọc: Thứ đá quý có màu rất đẹp, là vua của loài đá, chỉ sự quý báu, cao quý. **Cơ:** cái máy.

Ngọc cơ, nghĩa đen là cái máy quý báu, nghĩa thường dùng là dụng cụ để cầu các Đấng thiêng liêng. Nhờ Ngọc cơ, các Đấng có thể giáng viết ra bài văn dạy Đạo cho nhơn sanh.

Có hai loại Ngọc cơ:

- Tiểu Ngọc cơ: dùng để cầu các Đấng thiêng liêng.
- Đại Ngọc cơ: dùng để cầu Đức Chí Tôn.

(Xem chi tiết nơi chữ: *Cơ bút, văn C*)

Ngọc cung

玉宮

A: *Palace of Immortals.*

P: *Palais des Immortels.*

Ngọc: Thứ đá quý có màu rất đẹp, là vua của loài đá, chỉ sự quý báu, cao quý. **Cung:** cung điện.

Ngọc cung là cung điện bằng ngọc, chỉ cõi Tiên, nơi ở của các vị Tiên.

TNHT: Trước có căn duyên ở *Ngọc cung*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ngọc diệp kim chi

玉葉金枝

A: *Gold branches and jade leaves: Noble family.*

P: *Branches d'or et feuilles de jade: Famille noble.*

Ngọc: Thứ đá quý có màu rất đẹp, là vua của loài đá, chỉ sự quý báu, cao quý. **Diệp:** lá. **Kim:** vàng. **Chi:** nhánh, cành cây.

Ngọc điệp kim chi là lá ngọc cành vàng, chỉ con cháu của các vua chúa, hay của các gia đình quý tộc.

Ngọc Đế

玉帝

A: Jade Emperor. P: Empéreur de Jade.

Ngọc Đế là nói tắt của từ ngữ: Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Ngọc Đế là Đấng Tạo Hóa, tạo ra CKVT và vạn vật.

Đạo Cao Đài Ngọc Đế: Đạo Cao Đài của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế lập nên. (Lời Minh thệ)

CKVV: Càn Khôn Vạn vật.

Ngọc Hoàng Thượng Đế

玉皇上帝

A: The Jade Imperor.

P: L'Empéreur de Jade.

Ngọc: Thứ đá quý có màu rất đẹp, là vua của loài đá, chỉ sự quý báu, cao quý. **Hoàng:** vua. **Thượng:** cao. **Đế:** vua.

Nhờ hiện tượng thông linh bằng cơ bút, Đạo Cao Đài biết chắc chắn rằng, trong CKVT này, có một Đấng duy nhất tuyệt đối, tối cao tối đại, chí tôn chí linh, tạo hóa ra Càn khôn Vũ trụ và vạn vật. Đấng ấy ngày nay giáng cơ dạy Đạo, xưng là: **"Ngọc Hoàng Thượng Đế kim viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, giáo Đạo Nam phương."**

Danh xưng này có nghĩa là: Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế nay gọi là Đấng Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, dạy Đạo cho nước Việt Nam.

Đấng ấy giáng cơ dạy Đạo, xưng mình là **Thầy**, gọi các tín đồ là **môn đệ**.

Từ xưa đến nay, có rất nhiều người phủ nhận Thượng Đế, không nhìn nhận có sự hiện hữu của Đấng Thượng Đế, hay nhìn nhận có Thượng Đế nhưng họ lại hủy báng Thượng Đế,

lại cũng có nhiều người, nhiều tôn giáo tôn sùng Thượng Đế, thờ phụng Thượng Đế, nhưng tựu chung, họ không biết gì về Thượng Đế, hay có biết thì cũng chỉ biết chút ít và rất mơ hồ.

Ngày nay, nhờ hiện tượng thông linh bằng cơ bút, Đấng Thượng Đế giáng trần mở Đạo Cao Đài, nhờ đó nhơn loại mới biết được khá nhiều về Đấng Thượng Đế.

Bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế mà chúng ta thường tụng hằng ngày cho chúng ta biết một số nét chính về Đấng Thượng Đế, xin ghi ra sau đây:

- Đấng Thượng Đế còn được gọi là Đại La Thiên Đế, hay Đấng Thái Cực Thánh Hoàng.
- Đấng ấy tạo ra và nuôi dưỡng vạn vật.
- Phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, biến Tứ Tượng, hóa Bát Quái mà tạo thành CKVT và vạn vật.
- Trên thì chưởng quản 36 tầng Trời và 3000 thế giới,
- Dưới thì chưởng quản 72 Địa cầu và Tứ Đại Bộ Châu.
- Đó là Đại Từ Phụ.
- Là vua của Nhựt, Nguyệt, Tinh, và thời gian,
- Là chủ của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.
- Là Đấng Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng
- Là Đấng Đại Thiên Tôn.

Sau đây, chúng ta tìm hiểu thêm chi tiết về Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế.

- **Nguyên căn của Đấng Thượng Đế**

- **Sự Tạo hóa ra CKVT và vạn vật**

- **Bản chất của Đấng Thượng Đế**

1. Thượng Đế là chơn lý tuyệt đối, hằng hữu, bất biến.
2. Thượng Đế toàn tri toàn năng, toàn thiện toàn mỹ
3. Thượng Đế là Đại Từ phụ của Vạn linh
4. Giải đáp hai câu hỏi liên quan đến Thượng Đế

I. Nguyên căn của Đấng Thượng Đế:

TNHT: "*Khí Hư Vô sanh có một Thầy, còn mấy Đấng Thầy kể đó, ai sanh? Ấy là Đạo. Các con nên biết.*

Nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn Khôn Thế giới này, mà nếu không có Hư Vô chi Khí thì không có Thầy."

TNHT: "Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong Càn khôn Thế giới thì khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực.

Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hoá vô cùng mới lập ra Càn khôn Thế giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, gọi là chúng sanh.

Các con đủ hiểu rằng, chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra. Hễ có sống ắt có Thầy, Thầy là cha của sự sống, vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy vô cùng tận."

Với hai đoạn Thánh ngôn trên, chúng ta biết rằng: Khí Hư Vô sanh ra một Đấng duy nhất là Thượng Đế, hay Ngọc Hoàng Thượng Đế, mà ngôi của Ngài là Thái Cực. Thái Cực là khối chơn linh của Thượng Đế, được gọi là: Đại Linh quang, Đại chơn linh, Đại hồn, Thiên hồn.

Vậy nguyên căn của Đấng Thượng Đế là Khí Hư Vô.

II. Sự Tạo hóa ra CKVT và vạn vật:

TNHT: "Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy. Thầy đã nói một chơn thần mà biến Càn khôn Thế giới và cả nhơn loại.

Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy.

Các con là chư Phật, chư Phật là các con.

Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Thầy khai Bát Quái mà tác thành Càn khôn Thế giới nên mới gọi là PHÁP, Pháp có mới sanh ra Càn khôn Vạn vật, rồi mới có người, nên gọi là TĂNG.

Thầy là PHẬT chủ cả PHÁP và TĂNG lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy."

TNHT: "Bởi vậy, một chơn thần Thầy mà sanh hóa thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả nhơn loại

trong Càn khôn Thế giới, nên chi: Các con là Thầy, Thầy là các con."

Qua các đoạn Thánh ngôn trên của Đức Chí Tôn, chúng ta có một quan niệm về vũ trụ và nhân sinh như sau:

Khí Hư Vô sanh ra một Đấng duy nhất là Ngọc Hoàng Thượng Đế, mà chơn linh của Ngài là Thái Cực.

Ngài phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi: Âm quang và Dương quang, rồi Lưỡng Nghi biến ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái. Sự biến hóa đi từ đơn giản đến phức tạp, càng biến hóa càng thêm phức tạp. Từ Bát Quái mới biến hoá để tạo ra Càn khôn Thế giới gồm 3000 quả Tinh cầu và 72 Địa cầu. Ngũ khí ngưng kết tạo thành Ngũ hành (Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ), cho nên Thảo mộc là loài sanh vật được tạo ra trước hết, rồi nhờ sự tiến hóa Thảo mộc tiến hóa thành Thú cầm, Thú cầm tiến hoá lên Nhơn loại. Nhơn loại dần dần tiến hoá thành chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Đến Phật rồi, còn phải tiếp tục tiến hóa thành Thượng Đế thì mới hiệp nhập vào Thượng Đế.

Cho nên, Đức Chí Tôn mới nói:

- Có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.
- Các con là chư Phật, chư Phật là các con.
- Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy.
- Các con là Thầy, Thầy là các con.

Đây là những vấn đề triết lý rất mới mẻ mà chỉ có Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn sáng lập mới biết được mà thôi.

Đức Phạm Hộ Pháp khi xuất chơn thần lên cõi TLHS, vào Bạch Ngọc Kinh, gặp được Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, có thuật lại như sau:

"Khi Bần đạo vô trong, Đại Từ Phụ, muốn biết Ông là ai? Ông này có phải là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế? Ông có phải là một người không? Làm sao cho tôi được biết Ông với. Tôi vừa tưởng nghĩ thì xa lắm, thấy cái gì bao phủ như tấm màn che vậy, vô gặp rồi, biết Ông ở trong, có tấm màn che, ý muốn cái màn này vạch ra đặng thấy Ông, vừa muốn thì thấy cái màn ấy hé vạch ra, dường như có từng có nấc xa lắm, không thể gì tả đặng, kể đó thấy Ông bước ra, mặc áo trắng,

bị khăn trắng, cũng có một hai miếng vải lòng thòng sau lưng, râu bạc trắng, coi đẹp lắm, thấy thương làm sao đâu!

Trong bụng nói, Ông ngồi tại Linh Tiêu Điện mình ngó thấy Ông mặc bộ đồ khác, không lẽ hai người, chắc không phải Ông. Vừa nói rồi thì thấy Ông bước ra, đứng ngay chính giữa, ngó ngay Bàn đạo, dường như thể biểu con coi đây, ngó ngay lên Ông thấy đạo hào quang chiếu diệu ra, tay cầm cây gậy coi đẹp lắm, cây gậy của Ông quảy cái bầu, bên mình Ông mang một cái bị, mặc bộ đồ Ngọc Hoàng Thượng Đế, nắm ngang cây gậy trên tay, thành cây đòn cân, Ông kéo cái bầu ra thành cái giá cân, Ông kéo cái bị ra thành trái cân. Ba món báu ấy hiệp lại thành cây Cân thiêng liêng mà chính mình đã thấy Ông nơi Linh Tiêu Điện, không còn ai xa lạ nữa, cũng Đại Từ Phụ, nhưng thiên biến vạn hóa của Ông mà tạo ra CKVT."

(Xem tiếp: *Nhơn sinh quan* và *Vũ trụ quan*).

III. Bản chất của Đấng Thượng Đế:

1. Thượng Đế là chơn lý tuyệt đối, hằng hữu, bất biến.

■ *Chơn lý tuyệt đối*: vì chỉ có MỘT mà thôi. "Khí Hư Vô sanh có MỘT Thầy." Chỉ có một Đấng Thượng Đế, chỉ có một ngôi Thái Cực, nên gọi là tuyệt đối.

■ *Chơn lý hằng hữu và bất biến*: Chơn lý ấy thường có đời đời, mãi mãi là như thế, từ vô thủy đến vô chung. Càn khôn Vũ trụ có thể bị tiêu diệt nhưng Thượng Đế thì bất diệt, tức là không sinh không diệt hay nói khác hơn Ngài sinh ra ngay khi diệt. CKVT phải chịu luật Thành Trụ Hoại Diệt, và khi Vũ trụ bị diệt thì Thượng Đế sẽ tái tạo một CKVT mới tiến hóa tốt đẹp hơn. Nói là diệt chớ thật sự nó không diệt, mà chỉ thay đổi hình dạng để thích hợp với sự tiến hoá mới.

2. Thượng Đế toàn tri toàn năng, toàn thiện toàn mỹ:

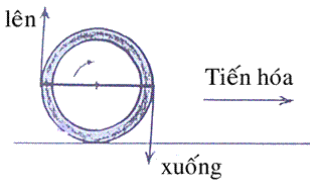
■ Toàn tri là hiểu biết tất cả, không có gì mà Thượng Đế không biết, mà lại biết đến cùng tận, khắp các phương diện.

■ Toàn năng là làm được tất cả và làm giỏi hơn tất cả.

Nếu chỉ biết thiện mà không biết ác thì có chỗ chưa biết, tức là chưa toàn tri. Nếu chỉ biết làm điều thiện mà không biết làm ác thì có chỗ chưa làm được tức là chưa toàn năng.

Thượng Đế là Đấng toàn tri toàn năng, nghĩa là biết tất cả và làm được tất cả, từ ác tới thiện, từ trước tới thanh, từ Quỷ ma đến Tiên Phật, mà lại biết làm đến chỗ cùng tốt, từ đại ác đến đại thiện, từ tối trước cho đến tối thanh, từ Quỷ vương đến Phật cao siêu. Tiên hay Phật chỉ biết làm thiện chớ không biết làm ác, cho nên chưa thể gọi Tiên Phật là toàn tri toàn năng. Còn Quỷ vương chỉ biết làm ác chớ không biết làm thiện cho nên cũng không phải là toàn tri toàn năng.

Thượng Đế sử dụng cái toàn tri toàn năng đó để thúc đẩy cơ tiến hoá của CKVT và vạn vật trong sự minh triết tối cao của Ngài, nên cái đại ác tối trước ấy trở thành đại từ bi vì nó giúp Càn khôn tiến hoá. Tiến hóa là sống, không tiến hóa là diệt.



Điều quan trọng số một của Đấng Thượng Đế là Tiến hoá, CKVT và vạn vật phải tiến hóa. Cho nên điều gì làm cho CKVT và vạn vật tiến hóa thì đó là thiện lành, là từ bi.

Muốn thúc đẩy sự tiến hóa thì phải có hai lực đối kháng nhau:

- 1 lực kéo lên và 1 lực trì xuống, tạo thành một ngẫu lực vận chuyển bánh xe tiến hóa xoay tròn lăn tới.
- Lực kéo lên là của Tiên Phật,
- Lực trì xuống là của Quỷ Ma.

Đức Thượng Đế dùng 2 thể lực này để thúc đẩy sự tiến hóa.

■ Toàn thiện toàn mỹ là hoàn toàn lành và tốt đẹp. Nếu trọn lành mà không trọn dữ thì chưa phải là toàn thiện, nếu trọn tốt mà không trọn xấu thì cũng chưa phải là toàn mỹ.

Tiên Phật do đâu mà có? Nhờ con người chí công tu hành nên mới đắc đạo thành Tiên Phật. Ma quỷ do đâu mà có? Con người hung ác, phản bội, bị đọa trở thành Ma quỷ.

Cho nên, Tiên Phật hay Ma quỷ đều do con người mà ra, mà con người là con của Thượng Đế, thì Tiên Phật hay Quỷ ma cũng đều là con của Thượng Đế, nhưng trình độ tiến hóa của mỗi phẩm cấp rất khác biệt nhau, trình độ tiến hoá của Ma quỷ thì cực thấp nên xấu xa, còn trình độ tiến hoá của Tiên Phật thì cực cao nên tốt đẹp. Hai cái thái cực này được Thượng Đế sử dụng trong minh triết của Ngài để thúc đẩy bánh xe tiến hóa của Càn khôn luôn luôn xoay chuyển, nên Thượng Đế mới là Đấng toàn thiện toàn mỹ.

Thầy là các con, các con là Thầy. Trong các con của Thầy có đủ các hạng: Thần, Thánh, Tiên, Phật và Quỷ Ma. Cho nên trong Thượng Đế có đủ các trạng thái vừa Tiên Phật vừa Quỷ ma, tức là Thượng Đế là Tiên Phật mà không phải Tiên Phật; là Quỷ ma mà không phải Quỷ ma. Các trạng thái đối ngược này đồng thể hiện ra cùng một lúc trong sự minh triết của Thượng Đế, khiến chúng dung hợp hài hòa với nhau để thúc đẩy sự tiến hóa của CKVT và vạn vật.

Nhưng tại sao, trong tôn giáo, Thượng Đế lại ca ngợi Tiên Phật, khuyến khích thiện lành, lên án nặng nề đấm Quỷ ma, hăm he trừng phạt điều ác trước? Bởi vì Đấng Thượng Đế thấy sắp đến kỳ thi cuối cùng tuyển lựa người có đủ trình độ để lập đời Thượng nguơn Thánh đức, mà số nhơn loại con cái của Ngài vẫn đang trì trệ trên đường tu tiến, chưa đủ số người có trình độ đạo đức để lập đời Thượng nguơn, nói chi đến việc dự Hội Long Hoa, nên Đấng Thượng Đế phải sử dụng khía cạnh thiện thanh là lên án điều ác trước một cách gắt gao, để giúp nhơn sanh tu tiến cấp tốc, đồng thời ban rải ơn huệ cho người tu bớt bị khảo đảo mà lui chân thối bước.

Khi con người còn ở trong chỗ ác trước vì vô minh, Đấng Thượng Đế cần phải lên án ác trước là xấu xa tội lỗi, là phiền não khổ đau, để con người sợ hãi ác trước mà sớm từ bỏ, để tiến lên thiện thanh, thuận dòng tiến hóa của Càn khôn. Trong giai đoạn này, lên án ác trước, lên án quỷ ma, hăm he trừng phạt, là điều rất cần thiết để thúc đẩy con người tiến hoá nhanh hơn. Sự lên án ấy, sự hăm he ấy nằm trong minh triết của Thượng Đế và trong tình thương yêu vô tận đối với con cái của Ngài.

3. Thượng Đế là Đại Từ phụ của Vạn linh:

Mỗi một chơn linh trong CKVT này đều là một chiết linh của khối Thái Cực tức là Đại Linh quang của Đấng Thượng Đế, nên mỗi chơn linh này được gọi là: Tiểu linh quang, Tiểu hồn, hay cũng được gọi là Tiểu Thượng Đế.

Tất cả các chơn linh trong Vạn linh đều là chiết linh của Thượng Đế, nên Thượng Đế là Đấng Cha chung của Vạn linh, tức là Đại Từ Phụ của Vạn linh.

Vạn linh đều kiếp xuống trần làm chúng sanh. Nhờ sự tiến hoá liên tục nên trong Vạn linh có đủ Bát hồn: - Kim thạch hồn, - Thảo mộc hồn, - Thú cầm hồn, - Nhơn hồn, - Thần hồn, - Thánh hồn, - Tiên hồn, - Phật hồn.

Như thế, chúng ta thấy, chẳng những nhơn loại là con cái của Thượng Đế, mà cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng đều là con của Thượng Đế, cả đến thảo mộc, côn trùng, thú cầm cũng đều là con của Thượng Đế.

Tất cả chơn linh trong CKVT này đều là con cái của Thượng Đế, nhưng trình độ tiến hóa của mỗi loài có cao thấp khác nhau: Trình độ tiến hoá thấp nhất là Kim thạch, dần dần Kim thạch tiến hóa lên Thảo mộc, Thảo mộc tiến hóa lên Thú cầm, rồi Thú cầm tiến hóa lên thành Nhơn loại; từ Nhơn loại mới tiến hóa lên thành Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Nhơn loại chúng ta ở mức tiến hoá trung bình. Chúng ta phải coi Thú cầm Côn trùng là đàn em kém tiến hoá, và coi chư Thần, Thánh, Tiên, Phật là đàn anh có mức tiến hóa cao hơn, tất cả đều là anh em một nhà mà Đấng Cha Chung thiêng liêng (Đại Từ Phụ) là Thượng Đế.

4. Giải đáp hai câu hỏi liên quan đến Thượng Đế:

1. Phật giáo cho rằng Thượng Đế là vị Phạm Thiên Vương nên nhỏ hơn Phật, không tôn kính bằng Phật.

Chúng ta biết rằng Phạm Thiên Vương là vị Thiên Đế chưởng quản địa cầu 68 của nhơn loại chúng ta. Mỗi một địa cầu hay tinh cầu đều có một vị Thiên Đế (hay Phạm Thiên Vương) chưởng quản. Có tất cả tam thiên thế giới và thất thập nhị địa nên có tất cả 3072 vị Thiên Đế chưởng quản. Các vị Thiên Đế này là những hóa thân của Thượng Đế, giúp

Thượng Đế chưởng quản toàn thể CKVT. Do đó, Thượng Đế là chủ của các vị Thiên Đế nên gọi Thượng Đế là Đại La Thiên Đế.

Giáo lý của Phật giáo còn thiếu sót ở điểm này, làm cho các tín đồ của Phật giáo mang tội thất kính đối với Thượng Đế, hay đôi khi có người lại còn hủy báng Thượng Đế nữa. Đó là một điều hết sức mê muội và sai lầm. Họ chỉ biết làm Phật tử là con của Phật chứ không biết làm con của Thượng Đế, họ chỉ biết tôn kính Phật mà không tôn kính Thượng Đế. Họ có biết đâu rằng, Phật cũng là con của Thượng Đế, nhưng người con này đã đạt được trình độ tiến hóa tâm linh rất cao. Nhơn sanh là con của Thượng Đế chứ không phải là con của Phật. Phật chỉ là người anh cả của nhơn sanh mà thôi.

Chúng ta cần phải suy nghĩ kỹ để nhận định rõ về vấn đề này, đừng mê muội sai lầm mà đắc tội cùng Đại Từ Phụ. Chúng ta không nên vướng mắc vào vấn đề nhỏ hay lớn, thấp hay cao, mà chỉ làm sáng tỏ chỗ đúng sai, chơn giả.

Chơn lý vẫn có một, Thượng Đế là Đại Từ Phụ, là Cha chung của Vạn linh, tức là Đấng Cha lành thiêng liêng của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, và của toàn cả chúng sanh.

2. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế có lúc vui, có lúc buồn, có lúc thịnh nộ. Vậy Thượng Đế chưa dứt được thất tình, nên Thượng Đế không bằng Phật.

Chúng ta suy nghĩ lại xem, Phật có diệt hết thất tình không? Phật còn muốn làm Phật, muốn giữ sự sáng suốt, nên Phật vẫn còn dục; Phật ưa thích sự thanh tịnh và an lạc nơi cõi Niết Bàn nên Phật cũng có mê; Phật thương yêu chúng sanh như mẫu ái tử nên Phật cũng còn ái; khi có chúng sanh nào chống đối hay phỉ báng Phật thì Phật cũng nổi giận bằng sự thương hại, và ban rải cho kẻ ấy một chút ân điển để giúp nó sớm giác ngộ. Như vậy, Phật cũng còn có thất tình, nhưng thất tình của Phật đã được chuyển hóa thành những tình cảm cao thượng, giúp chúng sanh tiến hoá và thoát khổ.

Nói diệt hết thất tình, ấy là cách nói đối với bậc sơ cơ. Trong thất tình có 3 tình tốt: Hỷ, Ái, Lạc, cần phải nuôi dưỡng và phát triển; 4 tình xấu là: Ố, Ai, Nộ, Dục, cần phải kèm chế

và chuyển hóa nó từ những tình cảm thấp kém xấu xa thành những tình cao thượng tốt đẹp.

Phật đã diệt hết phần xấu xa của thất tình, chỉ còn phần tốt đẹp cao thượng, chớ không phải Phật không có thất tình.

Thượng Đế bao hàm mọi trạng thái thanh trước, thiện ác, Phật ma, nên thất tình của Thượng Đế cũng bao hàm mọi trạng thái xấu tốt, thanh trước, và ở trạng thái nào Thượng Đế cũng đứng như vì Thượng Đế là chơn lý tối thượng, nếu Thượng Đế mà còn thua kém thì không thể gọi là tối thượng được.

Trong CKVT này, không ai dục bằng Thượng Đế, vì Ngài chiếm hữu hết Vũ trụ, không ai si mê bằng Thượng Đế vì Ngài si mê cả trước lẫn thanh tức là si mê làm Tiên Phật mà cũng si mê làm Quỷ ma, còn Phật chỉ biết mê làm Phật chớ không biết làm Ma; còn cái Nộ của Thượng Đế thì cũng đứng thứ nhất, vì Ngài chính là khối lửa nóng giận vô biên, thịnh nộ như Càn khôn, ở khía cạnh thanh, thấy ai làm trước thì Ngài thịnh nộ; ở khía cạnh trước, thấy ai làm thanh thì chống đối.

Sự thịnh nộ ấy, sự chống đối ấy diễn ra cùng một lúc trong Thượng Đế, khiến cho chúng dung hợp hài hòa, tạo thành cái minh triết sinh động vô cùng của Thượng Đế có tác dụng duy nhất là thúc đẩy sự tiến hóa của Càn khôn.

Phân tích như thế để chúng ta thấy rằng, Phật tuy đã tiến hóa rất cao, nhưng còn phải tiếp tục tiến hóa một giai đoạn chót nữa, để cùng một lúc đạt hai trạng thái thanh và trước giống như Thượng Đế, thì trở thành Thượng Đế, hòa nhập vào Thượng Đế, và như vậy là đi giáp một chu kỳ tiến hóa của một chơn linh.

Chu kỳ tiến hóa ấy khởi đầu từ Thượng Đế, Tiểu hồn tách ra khỏi Đại hồn, đi xuống trần làm Kim thạch, dần dần tiến hóa lên làm Thảo mộc, Thú cầm, Nhơn loại. Nhơn loại tu hành tiến hóa lên thành Thần, Thánh, Tiên, Phật. Rồi Phật còn phải tu để tiếp tục tiến hóa thành Thượng Đế, nhập vào khối Đại Linh quang của Thượng Đế. Ấy là giáp một chu kỳ tiến hóa.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Ngọc Hư Cung

玉虛宮

A: The Court of God, The Counsel of God.

P: La Cour de Dieu, Le Conseil de Dieu.

Ngọc Hư Cung hay Cung Ngọc Hư là nơi họp triều đình của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, cầm quyền cai trị toàn cả CKTG.

Ngọc Hư Cung ở tầng Trời thứ 10 là Hư Vô Thiên, ở ngay bên trên Cửa Trùng Thiên, dưới quyền Chưởng quản của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật. Trong Ngọc Hư Cung có Linh Tiêu Điện và Cung Hiệp Thiên Hành Hóa.

- Linh Tiêu Điện là nơi Đức Chí Tôn họp Thiên triều của Ngài, gồm các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, tạo định Thiên thơ, cầm quyền điều khiển CKVT.

- Cung Hiệp Thiên Hành Hóa là Tòa Tam Giáo thiêng liêng, nơi làm việc của Tam Trấn Oai Nghiêm cầm quyền Tam Giáo thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Trong đề tài Con đường TLHS, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết giảng về Ngọc Hư Cung như sau:

"Đó là một thế giới đẹp đẽ vô cùng, lầu đài nguy nga chón chỡ, làm toàn bằng ngọc, có màu như pha lê, hào quang chiếu diệu, mà màu sắc ấy biến đổi luôn, rất huyền diệu.

Khi chúng ta lên đến đó, chơn thần của chúng ta phải biến hóa theo những màu sắc ấy thì mới nhập được vào Ngọc Hư Cung, còn nếu biến đổi không được thì bị đuổi ra.

Trong Ngọc Hư Cung không dùng lời nói, chỉ nói chuyện với nhau bằng tư tưởng, nên không có vấn đề ngôn ngữ bất đồng, và nơi đó có trùng trùng điệp điệp muôn người mà không có một tiếng ồn ào.

Trong Ngọc Hư Cung có một nơi gọi là Cung Nam Tào Bắc Đẩu, đặt một quyển Thiên thơ không chữ gọi là Vô Tự Kinh. Khi ta đến đứng trước quyển kinh ấy, dỡ ra xem thì thấy tên họ của mình hiện ra, cả kiếp sanh của mình đã làm gì thì nó hiện ra đủ hết, để ta quan sát trở lại kiếp sanh của ta, tự ta làm Tòa xử lấy ta. Chẳng những nó hiện ra những việc làm trong

kiếp sanh vừa qua, mà nó còn hiện ra tất cả các kiếp sanh của chúng ta từ lúc chúng ta đầu kiếp xuống cõi trần, bao nhiêu kiếp ghi lại đủ hết. Bởi vì chính chơn thần của ta ghi lại tất cả các kiếp sanh, như là quay phim lưu giữ lại đó, mỗi một kiếp sanh là một cuộn phim, đến chừng chơn thần đến trước Vô Tự Kinh thì chơn thần chiếu trở lại các phim ấy. Cái huyền diệu của Vô Tự Kinh là ở chỗ đó."

"Cung Ngọc Hư là nơi cầm quyền chánh trị CKVT, không có một ngôi sao nào, không có một mặt trời nào đứng trong CKVT mà không chịu dưới quyền điều khiển của Ngọc Hư Cung.

Trên cung Hiệp Thiên Hành Hóa, cốt yếu chỉ cho người tội nhờn ấy làm Tòa xử lấy họ, họ biết tự tình lấy họ, đặng ngó thấy quả kiếp bớt oai quyền mà quyết định tội mình. Trái lại, người cầm quyền là để giảm bớt tội tình cho ta.

Cầm quyền chánh trị CKVT là vậy đó, cầm để tác phước giảm tội, chứ không phải để buộc tội, không phải để định án, định chắng là do nơi mình, mình làm Tòa xử lấy mình.

Cung Hiệp Thiên Hành Hóa là cung để cho mình định tội lấy mình, không qua không đặng.

Nền chánh trị của CKVT là vậy. Cho nên khi chúng ta vô tới Cung Hiệp Thiên Hành Hóa, rủi chúng ta có làm tội tình, thì dường như các Đấng ngự nơi Cung ấy hỏi hỏi lo sợ cho mình, sợ mình kêu án mình quá nặng.

Thành thử, Ngọc Hư Cung là nơi an ủi các chơn linh trong CKVT, chính nơi ấy cầm quyền cai trị CKVT để dịu dặt, bình vực chứ không phải để trị. Các chơn linh tự trị lấy mình."

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Ngọc lâu

A: The palace of fairyland.

P: Le palais du séjour des immortels.

Ngọc: Thứ đá quý có màu rất đẹp, là vua của loài đá, chỉ sự quý báu, cao quý. **Lầu:** cái lầu, lầu đài.

Ngọc lâu là lâu đài bằng ngọc, chỉ nhà cửa, cung điện nơi cõi Tiên.

KĐ1C: Ánh Hồng Quân đương chói *ngọc lâu*.

KĐ1C: Kinh Đệ Nhứt cừu.

Ngọc nữ

玉女

Ngọc: Thứ đá quý có màu rất đẹp, là vua của loài đá, chỉ sự quý báu, cao quý. **Nữ:** con gái.

Ngọc nữ là con gái nhỏ theo hầu các Tiên Nữ.

Thường nói: Kim đồng Ngọc nữ.

Kim đồng là con trai nhỏ theo hầu các Tiên Ông.

NGÔ

Ngô Văn Chiêu (1878-1932)

- **Tiểu sử**
- **Quá trình ngộ Đạo Cao Đài**
 1. Đấng Cao Đài Tiên Ông giáng cơ xưng danh lần đầu tiên
 2. Thời gian từng sự tại Hà Tiên
 3. Lúc làm Chủ Quận Phú Quốc
 - a. Đàn cơ mừng 1-1-Tân Dậu (dl 8-2-1921) tại Chùa Quan Âm, Phú Quốc
 - b. Thờ Thiên Nhãn
 - c. Cảnh Bồng Lai
 4. Thời kỳ làm việc ở Sài Gòn
 5. Đức Chí Tôn lập thêm một nhóm Phò cơ khác
 6. Sự hợp tác giữa hai nhóm
 7. Đức Chí Tôn dự bị phong Ngài Ngô Văn Chiêu vào chức Giáo Tông
 8. Ngài Ngô Văn Chiêu tách riêng
 9. Lập Cơ Tuyền Độ Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi
 10. Những cuộc du lịch

11. Liễu đạo trên sông Cửu Long Tiền Giang

12. Đám tang Ngài Ngô Minh Chiêu

- **Ngài Ngô Minh Chiêu giáng cơ**
- **Phản kết**

TIỂU SỬ

Ngài Ngô Văn Chiêu, sanh ngày 7 - Giêng - Mậu Dần (dl 8-2-1878) tại Bình Tây, Chợ Lớn, thân mẫu là bà Lâm Thị Quý và thân phụ là ông Ngô Văn Xuân thuộc dòng dõi quan Thị Lang của triều đình Huế.

Khi Ngài Chiêu được 6 tuổi, ông bà thân của Ngài tìm được việc làm ở Hà Nội nên đem Ngài gửi cho người em ruột là bà Ngô Thị Đây ở Mỹ Tho. Bà Đây có chồng là người Hoa, mở tiệm thuốc Bắc tại xã Điều Hòa, cạnh nhà việc, thuộc Mỹ Tho.

Ngài Chiêu ở với cô ruột và được cô cho đi học, đến năm 12 tuổi thì nhờ người quen cũ của cha bảo lãnh xin vào học nội trú tại Collège Mỹ Tho. Sau đó Ngài lên Sài Gòn học tại trường Chasseloup Laubat, và đậu bằng Thành Chung năm Ngài được 21 tuổi.

Ngày 23-3-1899, Ngài Ngô Văn Chiêu được nhận vào làm Thơ ký tại Sở Tân Đáo Sài Gòn.

Ngài theo sự hướng dẫn của người cô ruột, kết hôn với bà Bùi Thị Thân, người làng Thạnh Trị, đang làm nghề buôn bán tại chợ Mỹ Tho. Ông Bà sanh được cả thảy 9 người con, cả trai lẫn gái.

Ngày 1-1-1903, Ngài Ngô Văn Chiêu được đổi về tòng sự tại Dinh Thượng Thơ (Bureau du Gouvernement de Cochinchine).

Ngày 1-5-1909, Ngài được đổi xuống làm việc tại Tòa Hành Chánh tỉnh Tân An.

Ngày 1-1-1917, Ngài đậu Tri Huyện, vẫn tiếp tục làm công chức tại Tân An. Ngài mua một căn nhà lá tại thị xã Tân An, sửa lại thành ba gian lợp ngói, và đưa cả gia đình gồm vợ con về sống nơi căn nhà này.

Đầu năm 1920, Ngài Chiêu buồn rầu vì thân mẫu mới mất nên Ngài xin đổi đi Hà Tiên.

Ngày 1-3-1920, Ngài được đổi xuống Hà Tiên, làm việc tại Tòa Hành Chánh tỉnh Hà Tiên được 8 tháng thì Ngài được chuyển ra làm Chủ Quận Phú Quốc ngày 26-10-1920, và làm việc tại đây được 4 năm.

Ngày 1-1-1924, Ngài được thăng lên ngạch Tri Phủ.

Ngày 30-7-1924, Ngài được đổi về Sài Gòn, làm việc tại Phòng Thương Mại trong Dinh Thống Đốc Nam Kỳ.

Ngài Ngô Văn Chiêu mượn nhà ở nhiều nơi, nhưng sau rốt Ngài đến ở lầu 2 nhà số 110 đường Bonard (nay là đường Lê Lợi) Sài Gòn.

Năm 1931, Ngài Ngô Văn Chiêu 54 tuổi, Ngài xin nghỉ làm công chức, lui về an dưỡng ở Cần Thơ.

Trên bước đường làm quan cho nhà cầm quyền Pháp lúc bấy giờ đang cai trị Nam Kỳ, Ngài Ngô Văn Chiêu nổi tiếng là vị quan thanh liêm, chánh trực, công bình. Đối với bạn đồng liêu, Ngài rất khiêm tốn, ôn hòa. Đối với dân chúng, Ngài rất thân dân, hết lòng giúp đỡ, nhưng không bao giờ thọ lãnh lễ vật hay tiền bạc đền ơn đáp nghĩa. Lúc làm Chủ Quận, khi gặp nghi án thì Ngài chẳng nề khó nhọc, điều tra cho ra manh mối để tránh cho người dân bị hàm oan hay bị ức hiếp.

Lúc Ngài ở Phú Quốc, Ngài đã biết Đạo rồi, nên khi gặp những vụ thừa kiện, Ngài thường khuyên giải cả đôi bên giải hòa cùng nhau, khi hai bên chẳng chịu thì Ngài làm tờ giải lên tỉnh Hà Tiên.

QUÁ TRÌNH NGỘ ĐẠO CAO ĐÀI:

Khi Ngài Ngô Văn Chiêu từ Sài Gòn được đổi đến làm việc ở Tòa Hành Chánh tỉnh Tân An thì phong trào cầu cơ thỉnh Tiên cũng đang chớm nở tại đó. Ngài rất ngưỡng mộ, nên hợp tác với các bạn thân gồm quý ông: Đoàn Văn Kim (Một Kim), Lê Kiến Thọ (Bộ Thọ), Trần Phong Sắc, Nguyễn Văn Vân, tạo thành một nhóm cầu cơ, xin những bài thuốc chữa bệnh. Trong nhóm chọn ông Trần Phong Sắc làm Pháp đàn, ông Thọ làm đồng tử, Ngài Chiêu làm độc giả, ông Vân làm điển ký (ghi

chép bài cầu cơ). Nhà Ngài Chiêu có thờ Đức Quan Thánh và Quan Âm Bồ Tát, nhà ông Thọ thì thờ Bát Tiên.

Vào ngày rằm âm lịch mỗi tháng, Ngài Ngô Văn Chiêu đều tổ chức cầu cơ tại nhà của Ngài. Bài kinh cầu cơ lấy trong kinh Vạn Pháp Qui Tông, nhờ mấy đứa trẻ nhỏ, tắm rửa sạch sẽ, quần áo tươm tất, làm đồng nhi tụng kinh.

Cuối năm 1917, thân mẫu của Ngài Chiêu lâm trọng bệnh, Ngài phải xuống đàn Cái Khế ở Cần Thơ để cầu xin thuốc cho mẹ uống. Ở Trên giáng cơ cho bài thuốc, Ngài đem về cho mẹ uống thì mẹ Ngài hết bệnh, mạnh được vài năm. Sau đó thì mẹ Ngài bị bệnh trở lại, Ngài Chiêu trở xuống đàn Cái Khế cầu xin thuốc cho mẹ nữa, Ở Trên chỉ giáng dạy đạo lý chớ không cho thuốc. Ngài vì quá thương mẹ nên đi lên đàn cơ ở Thủ Dầu Một xin thuốc một lần nữa.

Ông Trần Hiển Vinh chủ đàn Minh Thiện ở Thủ Dầu Một có thuật lại rằng: Bữa ấy, Ngài Ngô Văn Chiêu cùng ông Phủ Kim đến hầu đàn. Ông Kim quì ở trong, Ngài Chiêu quì ở góc ngoài. Khi Đức Quan Thánh giáng cơ, liền gọi tên Ngài Ngô Văn Chiêu và cho 4 câu thi, đại ý nói vườn thuốc của Phật Tổ đã bị trốc gốc. Qua bài thi này, Ngài Chiêu biết số mệnh của mẹ Ngài không qua khỏi. Đến cuối năm 1919 thì Bà từ trần.

1. Đấng Cao Đài Tiên Ông giáng cơ xưng danh lần đầu tiên:

Đầu năm 1920, vài tháng trước khi Ngài Chiêu có lệnh đổi xuống Hà Tiên, Ngài được lệnh bề trên bảo chỉnh đốn việc cầu cơ thỉnh Tiên.

Ông Trần Phong Sắc vẫn làm Pháp đàn, hai đồng tử là: ông Nguyễn Văn Vân ngồi đồng dương và ông Lê Kiên Thọ (Bộ Thọ) ngồi đồng âm, Ngài Chiêu làm độc giả, ông Đoàn văn Kim làm điển ký.

Đồng nhi đọc bài kinh cầu cơ đến câu:

*Ngũ chơn bửu khí lâm triều thế,
Giá hạc đằng vân xiển tự nguyên.*

Liền có một vị Tiên Ông nhập cơ viết xưng là Cao Đài Tiên Ông, cơ gõ mạnh bảo ông Trần Phong Sắc sửa lại hai câu ấy.

Ông Sắc vốn là nhà Nho sành sỏi, liền trả lời một cách ngang ngang có vẻ bất kính: "Bài thỉnh cơ này đã có cả trăm năm nay từ Trung quốc truyền qua, ai dám cho là sai, nay Tiên Ông bảo sửa, vậy trật hay sao?"

Tiên Ông quơ cần cơ đập vào đầu ông Sắc vì tội vô lễ, ông Sắc sực lẹ xuống né khỏi, kể Cao Đài Tiên Ông kêu Ngài Chiêu bảo sửa. Ngài Chiêu liền sửa và bạch rằng:

Bửu chơn Ngũ khí làm triều thế.

Tiên Ông khen Ngài Chiêu sửa trúng.

Kể từ đó, ông Sắc không làm Pháp đàn nữa. Cả nhóm không biết Cao Đài Tiên Ông là ai, nhưng Ngài Chiêu thì đoán rằng, Đấng ấy là Thượng Đế, nên mới dám sửa kinh đời xưa.

2. Thời gian từng sự tại Hà Tiên:

Vừa làm tuần bá nhật (100 ngày) cho thân mẫu xong thì Ngài Ngô Văn Chiêu được giấy đổi đi Hà Tiên.

Lúc đó, ở Hà Tiên cũng có quý ông: Đốc phủ Sự, Lâm Tấn Đức, Nguyễn Thành Diêu, ông Phán Ngàn, lập thành nhóm cầu cơ thỉnh Tiên, nhưng năm lần bảy lượt mới có Tiên giáng. Khi Ngài Ngô Văn Chiêu xuống tới đó, Ngài liền gia nhập nhóm cầu cơ này, thì lạ thay, khi Ngài Chiêu nguyện vái, đọc bài cầu cơ, thì có Tiên giáng liền. Những buổi cầu cơ lúc đó tổ chức trên núi Thạch Động.

Một vị Tiên Cô xưng là Ngô Kim Liên giáng cho Ngài hai bài thi tứ tuyệt có ý khuyên Ngài tu hành:

*Văng vẳng nhận kêu bạn giữa thu,
Rằng Trời cùng Đất vẫn xa mù.
Non Tây ngảnh lại đường gai góc,
Gắng chí cho thành bực trượng phu.*

*Ngàn trăng tỏ rõ giữa trời thu,
Cái cảnh Tây phương vẫn mịt mù.
Mắt tục nào ai trông thấy đấy,
Lắm công trình mới đúng công phu.*

3. Lúc làm Chủ Quận Phú Quốc:

Trong thời gian làm Chủ Quận Phú Quốc, Ngài Ngô Văn Chiêu thường lên núi Dương Đông cầu cơ thỉnh Tiên.

Trước nhứt Ngài cầu ở Chùa Quan Âm. Ngài thường đi với cô Ba Lan là em bạn dì, và mấy người hầu đàn như: Hương Hào Khâu, ông giáo Mẫn, ông Hương Đa, Biện Tý, Ba Đồng, bà năm Vàng, bà phủ Phẩm, Hội Đồng Phanh, với năm ba đứa nhỏ sạch sẽ theo làm đồng tử. Độc giả thì có: Hai Huỳnh, Tư Xuân, Tư Ngưng, Ba Ngươn, Năm Nhơn, Mười Đức, v.v...

Ngài Chiêu đã cầu Tiên nhiều lần, nhưng có một vị Tiên Ông giáng cơ chẳng chịu xưng tên, biểu Ngài Chiêu làm đệ tử thì Tiên Ông sẽ dạy Đạo cho, và bảo đừng tụng kinh Minh Thánh nữa.

Bữa kia, Tiên Ông giáng bảo Ngài lo tu và ăn chay thêm cho đủ 10 ngày trong một tháng. Ngài nghĩ bụng: Mình đang làm quan, nay người này mời, mai người kia thỉnh, nếu chịu ăn chay 10 ngày rồi, sau rùi quên ăn mặn thì có tội với Trời Phật. Nhưng nếu theo lời dạy của Tiên Ông mà có kết quả thì cũng ráng ăn. Nếu ăn chay 10 ngày mà chết cũng bị luân hồi thì thà ăn chay 2 ngày trong tháng còn hơn, miễn là mình lo tu hơn tích đức, chẳng làm gì trái lương tâm thì thôi. Ngài nghĩ trong trí như vậy, định khi gặp Tiên Ông giáng cơ thì bạch rõ.

a) Đàn cơ mừng 1-1-Tân Dậu (dl 8-2-1921) tại Chùa Quan Âm, Phú Quốc.

Tiên Ông giáng cơ. Ngài Chiêu chưa kịp bạch hỏi Tiên Ông điều chi thì cơ viết: "Chiêu! tam niên trường trai."

Tiên Ông bảo như thế làm cho Ngài rất bối rối, bởi vì Ngài chưa chịu ăn chay 10 ngày, mà nay Tiên Ông bảo ăn chay trường ba năm thì lâu quá, chẳng biết có chịu nổi không. Ngài Chiêu liền bạch với Tiên Ông, xin Tiên Ông bảo lãnh, nếu đệ tử vâng theo lời dạy thì phải có ấn chứng chi mới được.

Tiên Ông bảo cứ giữ y lời dạy thì đệ tử sau sẽ hiểu rõ.

Ngài Ngô Văn Chiêu bắt đầu ăn trường chay và học đạo kể từ ngày đó: Mừng 1 Tết năm Tân Dậu (1921).

b) Thờ Thiên Nhân:

Một bữa kia, Tiên Ông dạy Ngài Ngô Văn Chiêu phải tạo ra một dấu hiệu chi để thờ. Ngài bèn chọn chữ Thập.

Tiên Ông nói: Chữ Thập cũng được, song đó là dấu hiệu riêng của một nền đạo đã có rồi. Phải suy nghĩ tìm cho ra, có Tiên Ông giúp sức.

Ngài xin hoãn lại một tuần lễ để suy nghĩ. Mãn tuần rồi mà Ngài vẫn chưa tìm ra.

Một buổi sáng lối 8 giờ, Ngài đang ngồi trên võng sau dinh quận, bỗng Ngài thấy trước mặt, cách chừng 2 thước, hiện ra một con Mắt thiệt lớn, rất tinh thần, chói ngời như mặt trời. Ngài lấy làm sợ hãi hết sức, lấy hai tay đậy mắt lại không dám nhìn, đợi chừng nửa phút, Ngài mở mắt ra thì vẫn thấy con Mắt ấy mà lại càng chói sáng hơn nữa. Ngài bèn chấp tay vái rằng:

- Bạch Tiên Ông, đệ tử biết rõ huyền diệu của Tiên Ông rồi, đệ tử xin Tiên Ông đừng làm vậy, đệ tử sợ lắm. Như phải Tiên Ông bảo thờ Thiên Nhân thì xin cho biến mất tức thì.

Vái xong thì con Mắt lu dần và biến mất.

Thấy như vậy rồi, nhưng Ngài Ngô Văn Chiêu vẫn chưa thiệt tin, nên chưa vẽ hình Thiên Nhân để thờ.

Cách vài ngày sau, Ngài Chiêu cũng thấy Thiên Nhân hiện ra y như trước. Ngài vái sẽ tạo Thiên Nhân mà thờ thì con Mắt tự nhiên biến mất.

Sau khi thấy Thiên Nhân hai lần rồi, Ngài cầu cơ xin Tiên Ông dạy cách thờ phượng. Tiên Ông dạy vẽ con Mắt như đã thấy để thờ và Tiên Ông xưng là: "CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT."

Tiên Ông dạy Ngài Chiêu gọi Tiên Ông bằng Thầy và kể từ ngày đó, Ngài Ngô Văn Chiêu chánh thức làm đệ tử đầu tiên của Đấng Thượng Đế.

Ngài nguyện với Đấng Cao Đài: *"Nếu độ cho tôi thành đạo thì tôi sẽ độ lại chúng sanh tùy theo phước đức của mỗi người."*

c) Cảnh Bồng Lai:

Lúc ấy Ngài Ngô Văn Chiêu đã tu theo Cao Đài Tiên Ông đã được 3 năm. Một bữa kia, Đấng Cao Đài Tiên Ông giáng cơ khen Ngài tu kỹ và ban cho đặc ân muốn chi thì Thầy ban cho.

Ngài Ngô Văn Chiêu bạch rằng:

- Bạch Thầy, nghe nói cảnh Bồng Lai xinh đẹp vô cùng, Thầy có thể cho đệ tử thấy cảnh ấy không?

Cơ gõ mạnh một cái chớ không viết câu trả lời.

Cách ít lâu sau, vào một buổi chiều cuối tháng Giêng năm Giáp Tý (1924), Ngài Chiêu ra hứng mát ở mé biển, Ngài trèo lên một hòn đá lớn ngoài Dinh Cậu, ngòi ngó ra biển, sóng dợn ba đào. Bỗng Ngài thấy giữa chỗ trời nước giáp nhau, lộ ra một cảnh thật là xinh đẹp, cảnh này vừa khuất thì hiện ra cảnh khác cũng xinh đẹp không kém. Sau cùng Ngài thấy một cảnh rất đặc biệt, trên có Thiên Nhân, sở ngay xuống một hàng có Nhật, Nguyệt, Tinh đẹp đẽ vô cùng. Ngài ngồi xem mê mẩn, được chừng 15 phút thì cảnh ấy mờ dần rồi biến mất.

Sau đó, Ngài Chiêu cầu cơ thì Đấng Cao Đài Tiên Ông cho biết, đó là cảnh Bồng Lai theo như lời Ngài ước nguyện muốn thấy để nung chí tu hành.

Khi Ngài Chiêu sắp đổi về Sài Gòn, Đấng Cao Đài Tiên Ông giáng cơ ban cho Ngài bài thi sau đây:

Kín ngoài rồi lại kín trong,
 Đường xa phong cảnh thương lòng để vui.
 Công đầu chịu cực đừng lui,
 Thiên tào thẳng thưởng đạo mùi ngọt ngon.
 Ba năm lòng sáng như son,
 Trèo non xuống biển vuông tròn công phu.
 Chớ phiền mỗi một lòng tu,
 Trăng kia mây vệt, Đường Ngu gặp hiền.
 Mưa toan vụ thấy Thanh Thiên,
 Các đào rõ biết mối truyền chánh tông.
Giờ này Thầy điem thâm công,
Ngày sau con sẽ cõi rỗng về nguyên.
 Ngoài trong sạch tợ bạch liên,

Khá lòng gìn giữ mối giềng chớ xao.
Chiêu chiêu nguyệt thấu thanh thao,
 Trên đầu cũng có Thiên Tào xét xem.
 Thấm mùi con biết lân nem,
 Đè hồ con uống Thầy xem ân cần.
 Đạo luyện khắc kỷ phục thân,
Chiêu con khá giữ, Thầy phân cạn lời.

Thầy lại dạy rằng: - Con đổi về Sài Gòn, đồng tử không theo con được. Vậy con phải rót một ly rượu, con uống phân nửa, còn phân nửa thì cho đồng tử uống, gọi là lễ tiễn biệt nhau.

Ngài làm y theo lời dạy. Lúc đó đồng Ngưng đang mê mà đôi hàng nước mắt chảy tuôn tỏ nỗi đau lòng kẻ ở người đi. Thấy vậy, Ngài Chiêu cũng khó cầm giọt lệ.

4. Thời kỳ làm việc ở Sài Gòn:

Ngài Ngô Văn Chiêu được lệnh đổi về Sài Gòn, Ngài rời đảo Phú Quốc ngày 29-7-1924, và Ngài về đến Sài Gòn vào chiều ngày hôm sau 30-7-1924 (âi 30-6-Giáp Tý).

Ngài thuê nhà ở lầu 2 số nhà 110 đường Bonard (nay là đường Lê Lợi) Sài Gòn. Mỗi ngày đi làm việc hai buổi tại Dinh Thống Đốc Nam Kỳ, Ngài thường lui tới Chùa Ngọc Hoàng ở Dakao, ít giao thiệp với người ngoài, dành thì giờ công phu.

Cuối năm Ất Sửu (1925), Đức Cao Đài Tiên Ông dạy Ngài Chiêu đem mối đạo truyền ra. Ngài độ được 4 vị:

- Quan Phủ Vương Quan Kỳ
- Ông Phán Nguyễn Văn Hoài
- Ông Phán Võ Văn Sang
- Đốc học Đoàn Văn Bản.

Ông Vương Quan Kỳ sau khi vào Đạo lại khuyên được 5 ông sau đây cùng vào Đạo:

- Ông Nguyễn Thành Cương
- Ông Nguyễn Thành Diêu
- Ông Nguyễn Hữu Đắc
- Ông Lê Văn Bảy, tự Tý.
- Ông Võ Văn Mân.

5. Đức Chí Tôn lập thêm một nhóm Phò cơ khác.

Trong lúc đó, vào hạ tuần tháng 7 năm Ất Sửu (1925), một nhóm công chức tại Sài Gòn, do sự thúc đẩy của thiêng liêng, đã họp nhau xây bàn thỉnh các vong linh để tìm hiểu về thể giới vô hình. Nhóm này gồm quý Ngài:

- Cao Quỳnh Cư
- Phạm Công Tắc
- Cao Hoài Sang
- Cao Quỳnh Diêu.

Quý ông khởi xây bàn tại nhà Ngài Cao Hoài Sang ở phố Hàng Dừa gần chợ Thái Bình Sài Gòn. Có nhiều Đấng vô hình giáng bàn để tạo cho quý ông niềm tin. Sau đó, Đấng Thượng Đế tá danh A Ẳ Ẳ giáng bàn độ được 4 ông vào Đạo, gọi Đấng A Ẳ Ẳ bằng Thầy và Đấng ấy gọi quý ông là môn đệ.

Thất Nương DTC giáng dạy quý ông dùng Ngọc Cơ để cầu Đức Phật Mẫu và các Đấng thiêng liêng cho được dễ dàng và mau lẹ hơn.

Đêm Trung Thu năm Ất Sửu (dl 1-10-1925) quý Ngài thiết lễ Hội Yến DTC tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, số nhà 134 đường Bourdais Sài Gòn, có Đức Phật Mẫu cùng với Cửu vị Tiên Nương DTC giáng chứng lễ, và mỗi Đấng cho một bài thi 4 câu làm kỷ niệm.

Đến ngày 16-12-1925 (âl 1-11-Ất Sửu) Đức Phật Mẫu dạy ba Ngài: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang vọng Thiên cầu Đạo. (Xem chi tiết: **Vọng Thiên cầu Đạo, vẫn V**)

Đêm Noel năm 1925 (âl 10-11-Ất Sửu) Đấng A Ẳ Ẳ mới cho biết Ngài là Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Ngày 18-1-1926 (âl 5-12-Ất Sửu) Đức Chí Tôn dạy hai Ngài Cư, Tắc đem Ngọc cơ đến nhà Ngài Cựu Hội Đồng Thượng Nghị Viện Lê Văn Trung để Thầy độ ông Trung.

Lúc bấy giờ, nhóm phò cơ này được 7 vị: *Cư, Tắc, Sang, Diêu, Ngài Lê Văn Trung, Ngài Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức*. Nhóm này chưa biết gì về nhóm của Ngài Ngô Văn Chiêu, nên chưa có liên lạc hay tiếp xúc.

6. Sự hợp tác giữa hai nhóm:

Ngày 22-1-1926 (Ât 9-12-Ất Sửu) Đức Chí Tôn dạy quý Ngài: Cư, Tắc, Sang, Trung, Hậu, Đức, phải đến chung hiệp với Quan Phủ Ngô Văn Chiêu mà lo mở Đạo. Ngài còn dạy thêm rằng: Mỗi mỗi việc chi phải do nơi Chiêu là Anh Cả.

Khi hai nhóm hợp lại thì tổng cộng được 13 vị, kể ra:

- | | |
|-----------------------|---------------------|
| 1. Ngô Văn Chiêu. | 2. Lý Trọng Quý. |
| 3. Lê Văn Giảng. | 4. Võ Văn Sang. |
| 5. Nguyễn Văn Hoài. | 6. Đoàn Văn Bản. |
| 7. Vương Quan Kỳ. | |
| 8. Lê Văn Trung. | 9. Cao Quỳnh Cư |
| 10. Phạm Công Tắc. | 11. Cao Hoài Sang. |
| 12. Nguyễn Trung Hậu. | 13. Trương Hữu Đức. |

Đêm 30-12- Ất Sửu là đêm giao thừa, sắp bước qua năm mới Bình Dần, Đức Chí Tôn khiến quý Ngài trong hai nhóm đến thăm từng tư gia của mỗi môn đệ. Tại mỗi nhà, Đức Chí Tôn giảng ban cho một bài thi, tới khuya, gần đúng giao thừa thì đến nhà Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn.

Tại nhà Ngài Lê Văn Trung, Đức Chí Tôn giảng dạy:

"Chư đệ tử nghe!

Chiêu, buổi trước hứa lời truyền Đạo cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ mới Đạo, diu dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó lập thành, chẳng nên tháo rút. Phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó.

Ông Chiêu bạch hỏi Đức Chí Tôn:

- Qua đến năm 1933 thì Đạo mới lập thành?

Đức Chí Tôn đáp: - Phải.

Trung, Kỳ, Hoài, ba con phải lo thay mặt cho Chiêu mà đi độ người. Nghe và tuân theo.

Bản, Sang, Giảng, Quý, lo dọn mình đạo đức đặng truyền bá cho chúng sanh. Nghe và tuân theo.

Đức, Hậu, tập cơ, sau theo mấy anh con mà độ người. Nghe và tuân theo."

Đó là lời Thánh giáo đầu tiên của Đức Chí Tôn tại đàn cơ nơi nhà Ngài Lê Văn Trung, kỷ niệm ngày Khai Cơ Phổ Độ của

Đạo Cao Đài. Đó là giờ Tý ngày 1-Giêng-Bính Dần [mùng 1 Tết Bính Dần] (dl 13-2-1926).

Đêm mùng 8 rạng mùng 9 tháng Giêng năm Bính Dần (đêm thứ bảy rạng Chúa nhật 21-2-1926), Lễ Vía Đức Chí Tôn được tổ chức tại nhà Ngài Vương Quan Kỳ ở đường Lagrandière, các môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn hiện diện đầy đủ, Đức Chí Tôn giáng cơ dạy Đạo.

Nhân dịp này, Ngài Ngô Văn Chiêu bạch xin Đức Chí Tôn lấy tên của mấy môn đệ mà cho một bài thi làm kỷ niệm.

Đức Chí Tôn liền cho một bài thi tứ tuyệt:

CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn **HOÀI** sanh,
BẢN đạo khai **SANG, QUI, GIẢNG**, thành.
HẬU ĐỨC TẮC CƯ Thiên Địa cảnh,
Hườn Minh Mân đáo thủ đài danh.

Đức Chí Tôn có 13 môn đệ đầu tiên nhưng Đức Chí Tôn chỉ điểm danh 12 vị, vì chữ SANG là tên của hai ông: Cao Hoài Sang và Võ Văn Sang.

7. Đức Chí Tôn dự bị phong Ngài Ngô Văn Chiêu vào chức Giáo Tông:

Thánh giáo ngày 17-4-1926 (âl 6-3-1926), Đức Chí Tôn dạy như sau:

"Thầy,

Trung, Cư, Tắc, ba con lập tức lên **Chiêu**, biểu nó phải sắm sửa liền một bộ Thiên phục màu trắng, trên đầu chẳng phải bịt khăn mà đội mũ trắng, có chữ CÀN thêu bằng chỉ vàng, dặn nó mua thứ hàng thiệt tốt. Mũ cũng vậy, áo cũng vậy.

Hiếu lại phải nhọc công nữa, Thầy giao phần may sắm cho con, con liệu cho kịp, rằm phải có nghe con.

Hiếu lấy chén nước lạnh, Thầy vẽ kiểu mũ cho con coi.

Madame Cư bạch Thầy: Mitre (mũ Giáo Tông).

Trước ngực, ngay trán phải để chữ cung CÀN chữ vàng, chữ Bát Quái, còn cái áo, con phải tái cầu Thầy trong lúc may đặt Thầy chỉ sắp may cung kia trên áo.

Nghe và tuân theo nghe con." (ĐS. I. 106)

Ngày 22-4-1926 (âm 11-3-Bính Dần), tức là 5 ngày sau khi Đức Chí Tôn ra lệnh cho Bà Hương Hiếu (hiên thê của Ông Cư, nên gọi là Madame Cư) may Thiên phục Giáo Tông cho Ngài Ngô Văn Chiêu, Bà Hương Hiếu dâng mào Giáo Tông lên cho Đức Chí Tôn xem kiểu vở may như vậy có đúng không.

Đức Chí Tôn giáng cơ nói:

"Hiếu dâng mào Giáo Tông may xong rồi cho Thầy xem. Trúng, mà ai đội, con phòng lật đặt."

Đức Chí Tôn giáng cơ nói như thế, tức nhiên chúng ta ngầm hiểu là Ngài Ngô Văn Chiêu đã mất chức Giáo Tông.

Tại sao chỉ trong vòng 5 ngày từ 17 đến 22-4-1926 mà lại có sự thay đổi nhanh chóng như vậy? Đức Chí Tôn không cho biết tại sao, làm cho nhiều người phân vân, nghĩ rằng Ngài Ngô Văn Chiêu cải lệnh Đức Chí Tôn, muốn ở nhà tu tịnh, không muốn tham gia vào cơ phổ độ đông người làm mất sự yên tịnh của Ngài, hay còn lý do nào khác nữa?

Mãi đến gần 3 tháng rưỡi sau, Đức Chí Tôn mới tiết lộ cho biết trong đàn cơ ở Tân Định, tại nhà Ngài Nguyễn Ngọc Thơ, lý do tại sao Ngài Ngô Văn Chiêu mất chức Giáo Tông.

Xin chép bài Thánh giáo quan trọng này ra sau đây:

Ngày 3-8-1926 (âm 25-6-Bính Dần).

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết CAO ĐÀI Giáo Đạo Nam Phương.

Chư môn đệ nghe dạy:

Vốn từ trước trong Thiên thư Tam Kỳ Phổ Độ này, nền Chánh giáo phải có: Nhứt Phật, Tam Tiên, Tam thập lục Thánh, Thất thập nhị Hiền, Tam thiên đồ đệ, chường quản thâu Tam giáo hiệp nhứt.

CHIẾU, thiệt là Nhứt Phật đó.

Vậy, trước ngày định lập Thiên phong đặng tôn chức Giáo Tông cho nó, thì Chúa Quĩ sai tam thập lục động địa giới kêu nài với Ta rằng: Cựu phẩm nó chẳng xứng ngôi ấy, và kiện rằng: Nó chẳng nhứt tâm thờ phượng Ta.

Ta có cũi lễ, Quan Thánh Đế và Quan Âm giúp lời, Ta nhứt định phong chức Giáo Tông cho nó.

Chúa Quỷ xin lệnh Ta mà khảo nó, và phải để cho tam thập lục động hành xác nó. Ta không nở nên cho khảo mà không cho hành xác.

Rủi thay! Đau đớn thay! **Buổi khảo nó phải bị Tà quái áp chế nên phải mất ngôi**, song Ta cũng còn thương yêu chẳng nở, nhưng mà có mặt chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thì khó bề bào chữa đặng.

Đại lụy! Ta phải dùng quyền Chí Tôn mà tha thứ, song buộc nó phải tịnh thất.

Ta vừa muốn tha nó, lại bị tam thập lục động khảo nữa thì mới liệu sao? Ta phải giáng cơ biểu nó.

Con Thơ! con phải tuân nơi lệnh Thầy đã dạy khi Thầy giáng cơ mà thôi, còn mọi sự khác thì đừng nghe. Kể bị tù còn có thể rồi ai chẳng?

Chư môn đệ khá nghe lệnh dạy, từ đây, ai còn phạm đến thì Thầy buộc trục xuất cho khỏi rối loạn nền Đạo của Thầy.

Thầy thẳng.

(Trích trong tập Thánh Ngôn chép tay của Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh, trang 237)

Qua bài Thánh Ngôn này của Đức Chí Tôn, chúng ta biết được là Ngài Ngô Văn Chiêu bị Quỷ Vương thử thách trước khi được lên ngôi Giáo Tông. Ngài bị thử thách và chỉ trong 5 ngày, Ngài không thắng nổi các thử thách của Quỷ Vương bày ra, nên đành chịu mất ngôi Giáo Tông.

Sự thử thách của Quỷ Vương là cần thiết đối với phẩm vị số 1 của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nếu thắng nổi Quỷ Vương thì bọn chúng mới chịu phục, còn không thắng nổi thì phải chịu mất ngôi.

Việc này cũng không khác chi thời Đức Chí Tôn sai Đức Chúa Jêsus mở Thiên Chúa giáo nơi nước Do Thái để cứu độ các sắc dân Âu Châu.

Sau khi Đức Chúa Jêsus thọ phép Giải oan nơi bờ sông Jourdain với Thánh Jean Baptiste, Thượng Đế đưa Đức Chúa

Jésus đến nơi đồng vắng, dâng chịu cho ma quỷ cám dỗ trong 40 ngày đêm (trong 40 ngày này Ngài kiêng ăn, sau thì đói). Quỷ Satan tìm mọi cách thử thách Chúa, cám dỗ Chúa, nhưng không lay chuyển nổi tâm ý của Chúa. Chúng ma quỷ thất bại bèn bỏ đi. Liên đó có Thiên sứ đến hầu Đức Chúa.

Chúa Jésus chiến thắng Quỷ Vương, nên Chúa trở thành Đấng Giáo chủ, đi giảng đạo và thu nhận tín đồ, mở ra Thánh đạo ngót hai ngàn năm nay.

8. Ngài Ngô Văn Chiêu tách riêng:

Sau khi Ngài Ngô Văn Chiêu không thắng nổi các thử thách của Quỷ Vương thì 2 ngày sau, tức là ngày 24- 4-1926, Ngài Chiêu tự ý tách ra khỏi nhóm.

Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, trong quyển Đại Đạo Căn Nguyên, nơi trang 18, thuật lại như sau:

"Ông Trung vẫn vâng theo Thánh ý lo thiết đàn giảng Đạo. Ông Chiêu lại ở nhà lo bề tự giác, ý ông không muốn truyền bá mối Đạo ra cho nhiều người. Ông vẫn lấy câu Ngô thân bất độ hà thân độ mà làm tôn chỉ. Vì vậy mà ông tách riêng ra kể từ ngày 14 tháng 3 năm Bính Dần (dl 24-4-1926). Đồng một ý kiến ấy thì có mấy ông: Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang, Lý Trọng Quý."

Từ đây, tuy đôi bên chủ nghĩa khác nhau, vì một đàn (Ông Lê Văn Trung) thì lo phổ thông mối Đạo, một đàn (Ông Ngô Văn Chiêu) lại chuyên bề tự giác, nhưng về phương diện tín ngưỡng thì cũng đồng thờ kính Đức Cao Đài Thượng Đế."

9. Lập Cơ Tuyển Độ Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi:

Đầu năm Đinh Mão (1927), Ngài Ngô Văn Chiêu cho những người bạn cũ của Ngài biết là Ngài đã xong nhiệm vụ trong Cơ Phổ Độ, và Ngài còn đảm đang một sứ mạng quan trọng khác là lập Cơ Tuyển Độ Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, gọi tắt là Chiếu Minh Vô Vi. Ngài đổi chữ lót trong tên Ngài thành chữ Minh, và kể từ đây gọi Ngài là Ngô Minh Chiêu.

Cách tu của Ngài Ngô Minh Chiêu thật là khổ hạnh. Ngài đi làm công chức ngày hai buổi, hết giờ làm việc thì lo công phu tứ thời, vì vậy mà Ngài không có thời giờ rảnh.

Số người tìm học Đạo Vô Vi cũng khá đông, nhưng Ngài chỉ lựa vài chục người đệ tử chánh thức thôi, bởi vì việc tu hành của Ngài rất khó, phải có can đảm và bền chí lắm mới theo nổi. Người tu phải trường chay, tuyệt dục, lập đại thế đại nguyện với Đấng Thượng Đế. Chừng nào Thượng Đế cho phép (xin keo) thì Ngài mới dạy Đạo cho. Hễ tu thì phải có gan chịu khổ (!), vô ma khổ bất thành Đại Đạo (!).

10. Những cuộc du lịch:

a) Du lịch núi Tà Lơn và Đệ Thiên Đế Thích:

Tháng 4 năm Mậu Thìn (1928), Ngài Ngô Minh Chiêu xin phép nghỉ làm việc 6 tháng. Ngài tổ chức một cuộc du lịch lên núi Tà Lơn và Đệ Thiên Đế Thích ở nước Cao Miên. Số đệ tử đi theo Ngài khá đông, chừng 30 người, có các ông: Hội Đồng Huy, Tư Huỳnh, Phán Quý,.... Trước khi đi, Ngài ghé Cần Thơ. Ngày khởi sự đi là 13-6-1928, hai ngày sau thì tới Hà Tiên, ghé chùa Tiên Sơn Tự ở Thạch Động để nghỉ ngơi.

Hôm sau Ngài đi qua núi Tà Lơn nước Cao Miên.

Ngày 18-6-1928, Ngài tới chùa Kim Cang ở Đệ Thiên Đế Thích. Đi du lịch Đệ Thiên Đế thích xong thì phái đoàn trở về Sài Gòn.

Khi hết hạn nghỉ 6 tháng, Ngài Ngô Minh Chiêu trở lại làm việc trong Dinh Thống Đốc Nam Kỳ như trước.

b) Đi du lịch Lục tỉnh:

Chuyến thứ nhất, Ngài Ngô Minh Chiêu đi qua các tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre.

Chuyến thứ nhì Ngài đi các tỉnh: Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu. Chuyến đi này có Ông Bà Tư Huỳnh, Bà Hai Ngử, Cô Ký Út, Ông Bà Hội Đồng Huy, đồng Ngưng.

c) Du lịch núi Tà Lơn lần thứ hai:

Cuối năm 1931, Ngài bị mệt nhiều nên xin phép Chánh phủ cho nghỉ ở nhà dưỡng bệnh.

Ngày 30-3-1932, Ngài đi núi Tà Lơn với ý định bỏ xác nơi đây, nên không muốn trở về. Các đệ tử đi theo hết sức khẩn khoản, Ngài mới chịu trở về.

Bạn đi về, Ngài ghé Cần Thơ vào ngày 10-4-1932 (âi 5-3-Nhâm Thân) và Ngài ở luôn tại Cần Thơ cho tới ngày liểu đạo. Tại Cần Thơ, Ngài không chịu ở nhà của ai hết, các đệ tử cất cho Ngài một thảo lư cách Châu Thành Cần Thơ chừng 3 cây số để cho Ngài ở. Ngài dạy phải làm bằng cây, lợp lá đơn sơ thôi, vì chỉ tạm dùng chừng một tuần nhật. Trong lúc cất thảo lư, Ngài tạm ở tại cái am của Bà Tư Huỳnh kế bên.

11. Liểu đạo trên sông Cửu Long Tiền Giang:

Ngài Ngô Minh Chiêu thường nói rằng, Đức Chí Tôn đã định cho Ngài bỏ xác trên sông Cửu Long, nên mới có câu:

*Giờ này Thầy điểm thâm công,
Ngày sau con sẽ cõi rồng về nguyệt.*

Ngày 18-4-1932 (âi 13-3-Nhâm Thân), sáng ra, Ngài nhắc chừng bà Tư Huỳnh lo giùm xe cộ để Ngài về Tân An, và cứ nói hoài câu: Sợ trễ giờ. Bà Tư Huỳnh (tức là bà Trần thị Hường) rất kính mến Ngài nên cứ dằn dà muốn lưu Ngài ở lại.

Thấy vậy, Ngài biểu mời ông Hội Đồng Võ Văn Thơm vô. Ngài nói với ông Thơm bằng tiếng Pháp để mấy Bà nghe lén không hiểu, chỉ thấy ông Thơm vâng dạ luôn. Đến khi ông Thơm về đem xe hơi vô thì các bà bàn tán xôn xao. Ngài nói: *Đi quanh đây rồi trở lại chớ không đi đâu xa.*

Lúc ấy cô năm Ngô Thị Nguyệt, con gái của Ngài Chiêu, hỏi Ngài:

- Cha muốn đi về Tân An phải không?

Ngài cười rồi bảo: - Cha đi bí mật.

Đúng giờ Ngọ ngày 13-3-Nhâm Thân, Ngài triệu tập tất cả đệ tử hiện diện công phu. Sau giờ công phu, anh đồng Ngưng cõng Ngài ra xe, đi theo có Bà Thơm, Bà Tư Huỳnh, Cô năm Nguyệt và anh đồng Ngưng. Ngài ngồi một mình ở giữa băng sau, Bà Tư Huỳnh và Bà Thơm ngồi sụt xuống dưới chân Ngài. Da mặt và mình mẩy của Ngài Chiêu từ từ đổi ra màu vàng như nghệ.

Xe chạy đến bến phà Cần Thơ. Qua phà, rồi chạy qua Vĩnh Long đến bến phà Mỹ Thuận. Bà Tư Huỳnh vào mua vé qua phà, xe xuống phà Mỹ Thuận xong, phà chạy ra gần đến

giữa sông thì Ngài Ngô Minh Chiêu xuất thần thoát xác một cách êm ái, các đệ tử đi cùng xe hầu Ngài không ai hay cả. Tới chùng công nhân trên phà Mỹ Thuận nhìn vào xe thấy biết, tri hô lên thì máy Bà mới hay, vội yêu cầu phà quay trở lại.

Thế là Ngài Ngô Minh Chiêu liễu đạo trên sông Cửu Long y như lời Đức Chí Tôn tiên tri, lúc 3 giờ chiều ngày 13-3-Nhâm Thân (dl 18-4-1932), hưởng được 55 tuổi.

Xe hơi chở Ngài quay trở lại, vừa lên khỏi phà thì gặp xe của ông Tư Huỳnh và Hội Đồng Huy vừa đến. Tất cả đều quay trở lại thảo lư tại Cần Thơ, đem xác Ngài đặt ngò tại thảo lư. Lúc bấy giờ da thịt của Ngài trở lại trắng và con mắt trái của Ngài bắt đầu mở to ra, có đủ tinh thần như khi còn sống, còn con mắt bên mặt thì nhắm lại như thường.

Các đệ tử mới nghiệm lại thấy rằng, Ngài Ngô Văn Chiêu biết rõ ngày giờ liễu đạo của Ngài, nên Ngài bảo cất Thảo lư tạm bằng cây lá dùng trong một tuần nhứt, rồi Ngài nói đi quanh đây rồi trở lại chớ không đi đâu xa.

12. Đám tang Ngài Ngô Minh Chiêu:

Nguyên lúc sanh tiền, Ngài Chiêu có dặn các đệ tử, khi Ngài liễu đạo rồi, phải dùng cái áo quan hình lục giác mà liệm ngò. Lục giác là theo lục tự Cao Đài: NAM MÔ CAO ĐÀI TIẾN ỒNG. Áo quan lục giác có bề kính tâm lối 8 tấc, cao lối 1 thước 2 tấc. Tất cả công việc khâm liệm đều do các đệ tử thân tín tự tay đảm nhiệm. Tháp của Ngài được xây ngay phía sau thảo lư, và miếng đất này về sau trở thành Nghĩa Địa của phái Chiếu Minh tại Cần Thơ.

Có rất đông tín đồ Cao Đài đến viếng tang. Quan khách đời đến viếng tang khá đông. Báo chí ở Sài Gòn cũng có xuống chụp hình làm phóng sự đăng báo, thông tin đại chúng.

Đám tang của Ngài Ngô Minh Chiêu rất đơn giản, an tịnh, không có nhạc lễ, cũng không đọc kinh chi hết, vì Ngài đã dạy trước rằng: "Lúc sanh tiền, mỗi ngày đều có cầu cho Ngài rồi, Ngài đã biết Ngài là ai, khi chết Ngài sẽ đi đâu, nên khỏi đọc kinh cầu nguyện cho Ngài."

NGÀI NGÔ MINH CHIÊU GIÁNG CƠ:

Sau khi Ngài Ngô Minh Chiêu thoát xác về Tiên được 17 ngày, Ngài giảng cơ tại đàn Thất Bửu Sơn ở Châu Đốc, đêm 30-3-Nhâm Thân (dl 5-5-1932).

NGÔ kỳ huỳnh liễu đắc thành công,
VĂN thượng Thiên đình lý luật đồng.
CHIÊU dất nhờn sanh cơ kiếp khổ,
GIÁNG tường cho rõ hiểu hồn vong.

Chào các hiền đệ. Hiểu ai chẳng?

Nay tôi đã từ trần, trong lúc Đạo còn đang nghịch lẫn nhau là bởi nơi đâu? Các hiền đệ có hiểu chi chẳng?

Cũng bởi vì tiền tài nó hại nhờn sanh.

Thầy có ban cho tôi làm một vị Tiên đồng độ chúng. Nay tôi vâng lệnh Thầy giảng đàn mà dạy anh em lúc khổ này.

KẸ:

Qui liễu cõi trần đặng thành thời,
Gãm trong sự thế ngán cho đời.
Kiếp này lao khổ sau chung hưởng,
Trời Đất hết lòng giảng khắp nơi.

Tôi kính lời thăm huynh Nguyễn, và Bàn đạo Lắm đặng an vui nền Chánh Lý mà hiểu rõ Thiên cơ.

Tôi mới học được bài phú vấn, nên tôi để lại cho chư Hiền hữu rõ biết:

PHÚ:

Trời xoay chuyển nên lương tâm người giục khiến,
Cho nhờn sanh thuyết diễn trần lao.
Chung trí Đạo Thầy mà giúp kẻ đồng bào,
Nay tôi đặng kết giao cùng Tiên, Thánh, Phật.
Sao chư hiền không lo bồi công âm chất,
Giúp cho Thầy, cát Thất cho Thầy,
Tôi qui liễu là bởi như vậy,
Hết kiếp trần oan dây theo ràng buộc.
Tôi tuổi này mà đi xem cõi hồng trần soi đuốc,
Dẫn nhờn sanh dất tuốt Thiên đình,
Công mở Đạo là tại tỉnh Tây Ninh,
Người bởi quấy nên nhờn tình không đầu phục.

Thương Tổ đình nên theo một lúc,
 Hại nhờn sanh cui cút tu hành.
 Kính ít lời thăm Nguyễn và Lắm,
 Gắng chí Đạo cho thành,
 Tôi dờn bước lưu danh cho anh em hậu thế.
 Tôi chào Hiền huynh, cho tôi kiếu.

THẮNG.

Sau đây là trích một đoạn trong bài giảng cơ của Ngài Ngô Minh Chiêu ngày 1-3-Bính Ngọ (dl 22-3-1966) trong quyển Thánh Giáo Sưu Tập (1966 - 1967) trang 43, của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo VN:

"Chư Hiền đệ, Hiền muội,

Thuở sanh tiền, Bần đạo quyết xuất thế để tìm đến bực siêu đẳng pháp môn, hầu giúp vào cơ Đại Đạo để cứu cánh dân tộc trong khi còn bị đô hộ. Nhưng ước vọng chẳng hoàn toàn vì Thiên số dĩ định, nên chưa đoạt đến mục đích, đã vô tình rời bỏ anh em, nên để lại một ảnh hưởng rất lớn cho phái Chiếu Minh là **kỳ thân độc thiện**.

Đó chẳng phải Bần đạo cố tâm, cũng bởi kiếp nạn chúng sanh nên chịu nhiều cảnh chia ly, từ đời tới Đạo, chớ điều xuất thế hay nhập thế của Bần đạo đều là một lòng trung kiên với Đạo, vì nước non dân tộc, vì chí hướng quảng độ quần sanh.

Đến ngày nay, những giáo lý của Bần đạo còn roi lại một công trình dở dang thiếu sót, nên hiện tình, Bần đạo cũng trông vào hướng đạo hiện tại và tương lai, nối tiếp công nghiệp của tiền bối đã qua, hầu thanh minh cho tấm lòng của đệ huynh tiền bối và Bần đạo. Điều ấy rất mong."

Phân kết:

Ngài Ngô Văn Chiêu là vị môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn, được Đức Chí Tôn yêu ái nhất. Đức Chí Tôn đã để ra một khoảng thời gian dài, suốt 5 năm, từ năm 1921 đến năm 1925 để dạy đạo cho Ngài, truyền Bí pháp luyện đạo cho Ngài. Ngài thường được Đức Chí Tôn khen là chăm chỉ công phu, rồi Đức Chí Tôn cho Ngài thấy cảnh Bồng Lai theo lời yêu cầu của Ngài để khích lệ việc tu hành.

Chưa có một môn đệ nào được Đức Chí Tôn yêu mến đến mức ấy. Mục đích của Đức Chí Tôn là rèn luyện Ngài trở nên người đạo đức hoàn toàn, đắc đạo thành Tiên, Phật tại thế, để giao chức Giáo Tông cho Ngài làm Anh Cả nhơn sanh, thay mặt Đức Chí Tôn đứng ra mở đạo và dìu dắt nhơn sanh.

Công ơn của Đức Chí Tôn đối với Ngài Ngô Văn Chiêu thật vô cùng to tát.

Thế mà kỳ vọng của Đức Chí Tôn sụp đổ, vì Ngài không vượt qua được cơ thử thách của Quỷ vương, nên Đức Chí Tôn không thể giao chức Giáo Tông cho Ngài được.

Có một điều đáng tiếc là Ngài Ngô Văn Chiêu không dám tiết lộ cho bạn Đạo biết là Ngài vượt qua không nổi các cuộc thử thách khảo đảo của Quỷ vương, khiến nên nhiều người không biết, tưởng lầm là Ngài Ngô Văn Chiêu chống lại mạng lệnh của Đức Chí Tôn, không chịu nhận chức Giáo Tông.

Đức Chí Tôn đặt trọn vẹn sự tin tưởng nơi Ngài Ngô Văn Chiêu, nên không dự bị một vị nào khác để thay thế. Do đó, khi Ngài Chiêu bị rớt trong cuộc khảo đảo của Quỷ vương, thì Đức Chí Tôn phải chuyển pháp, giao chức Giáo Tông cho Đức Lý Thái Bạch Nhứt Trần Oai Nghiêm kiêm nhiệm.

Việc mở chi phái Chiếu Minh là một lối thoát cho tinh thần của Ngài Ngô Văn Chiêu lúc đó, chắc chắn không phải là do ý muốn tiền định của Ngài, nhưng việc đó lại mở đường cho một số Chức sắc khác bất mãn Hội Thánh, tách ra lập chi phái như quý ông: Phối Sư Ca, Giáo Hữu Chính,.... Có lẽ vì những lý do đó mà Ngọc Hư Cung rút Ngài Ngô Văn Chiêu về thiêng liêng khá sớm (Ngài Chiêu qui liễu năm 1932), khiến nên Ngài giảng cơ than rằng: Giáo lý của Ngài truyền lại cho phái Chiếu Minh còn dở dang thiếu sót, làm cho tín đồ phái Chiếu Minh đi vào con đường độc thiện kỳ thân, tách rời khỏi Trường thi công quả phụng sự nhơn sanh, do Đức Chí Tôn lập ra.

Đạo Cao Đài không có một Giáo Tông mang xác phàm. Đức Chí Tôn buộc lòng giao cho Đức Lý Thái Bạch kiêm nhiệm chức Giáo Tông Đại Đạo. Do đó, sự điều hành việc Đạo của Đức Lý phải nhờ nơi cơ bút của HTĐ, nên không được nhanh chóng và kịp thời. Cho nên, Đức Lý Giáo Tông, trong Đạo Nghị Định thứ nhì ngày 3-10-Canh Ngọ (1930), ban cho

Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) cầm quyền Giáo Tông tại thế, để điều hành cơ Đạo hữu hình, còn nhiệm vụ Giáo Tông Vô Vi vẫn do Đức Lý Giáo Tông nắm giữ.

Do đó, toàn Đạo Cao Đài gọi Ngài Thượng Trung Nhựt là Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.

Kể từ đó tới nay, Đạo Cao Đài chỉ có một Giáo Tông là Đức Lý Thái Bạch và một Quyền Giáo Tông tại thế là Ngài Lê Văn Trung. Tất cả những vị nào khác xưng danh là Giáo Tông, hay Đệ nhứt Giáo Tông, Đệ nhị Giáo Tông, v.v... đều là tiếm xưng cả. Và chúng ta thấy rõ, Ngài Ngô Văn Chiêu khi về cõi thiêng liêng, trở lại giáng cơ, chỉ xưng tên họ của Ngài, chớ không bao giờ Ngài dám xưng là Giáo Tông.

DTC: Diêu Trì Cung.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

NGỠ

Ngỗ nghịch

忤逆

A: Undisciplined.

P: Indiscipliné.

Ngỗ: làm trái. **Nghịch:** chống lại.

Ngỗ nghịch là ngang ngược, làm trái lẽ phải, chống lại lời dạy bảo của bề trên.

TNHT: Ôi! Con *ngỗ nghịch!* trách sao chẳng vương Thiên điều khổ nạn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NGỘ

Ngộ biến tùng quyền

遇變從權

Ngộ: gặp. **Biến:** có việc nguy hiểm xảy tới. **Tùng:** theo. **Quyền:** cách xử sự thay đổi cho thích hợp.

Ngộ biến tùng quyền là khi gặp việc nguy hiểm tình hình xảy đến thì phải thay đổi cách xử sự cho thích hợp với tình thế, chứ không câu nệ theo lễ lối cũ.

Thường nói: *Xử thường chấp kinh, ngộ biến tùng quyền*, nghĩa là: Lúc bình thường thì giữ theo đạo thường mà xử sự, lúc biến thì tùy tình thế mà đối xử.

Ngộ hóa vi chơn

誤化為真

Ngộ: làm lẫn. **Hóa:** biến thành. **Vi:** làm. **Chơn:** thật.

Ngộ hóa vi chơn là làm lẫn mà thành ra có thật.

Ý nói: Thời vận rất tốt, gặp may.

Ngộ kiếp

悟劫

Ngộ: giác ngộ. **Kiếp:** một kiếp sống nơi cõi trần.

Ngộ kiếp là giác ngộ trong một kiếp sống.

Ngộ kiếp một đời tu là trong một kiếp tu hành mà đạt được sự giác ngộ thì đắc đạo.

Niệm trước còn mê tức là phạm phu, niệm sau được ngộ tức là Phật. Niệm trước còn mắc vào cảnh, tức là phiền não, niệm sau lìa cảnh tức là bồ đề. Chẳng ngộ thì Phật tức là chúng sanh, một niệm mà ngộ ra thì chúng sanh tức là Phật.

TNHT: Nên Thầy cho một quyền rộng rãi cho cả nhơn loại. Càn khôn thế giới, nếu biết *ngộ kiếp một đời tu*, đủ trở về cùng Thầy đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NGÔN

NGÔN

NGÔN: 言 Lời nói, nói.

Td: Ngôn luận, Ngôn ngữ.

Ngôn bất tận ý

言不盡意

Ngôn: Lời nói, nói. **Bất:** không. **Tận:** hết. **Ý:** tư tưởng.

Ngôn bất tận ý là nói không hết ý.

Ngôn dị hành nan

言易行難

Ngôn: Lời nói, nói. **Dị:** dễ. **Hành:** làm. **Nan:** khó.

Ngôn dị hành nan là nói thì dễ, làm thì khó.

Ngôn giả bất tri

言者不知

Ngôn: Lời nói, nói. **Giả:** thì, ấy là. **Bất:** không. **Tri:** biết.

Trong Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử có viết rằng:

Ngôn giả bất tri, Tri giả bất ngôn.

Nghĩa là: Nói thì không biết, biết thì không nói.

Thông thường chúng ta thấy: kẻ dốt thì hay nói chữ, bậc thức giả thì thường làm thinh, thận trọng giữ gìn lời nói, vì cái biết của mình chưa chắc là đủ, nói ra e có điều sơ sót.

Trong Sách Trang Tử, chương Trí Bắc Du, có một câu chuyện sau đây:

"Trí đi chơi phương Bắc, tới Huyền Thủy, lên núi Ấn Phần, gặp Vô Vi Vị. Trí hỏi Vô Vi Vị:

- Tôi muốn hỏi ông ba điều: - Nghĩ làm sao, lo làm sao mà biết được Đạo? - Dựa vào đâu, làm cách nào mà hiểu được Đạo? - Theo đâu và đi đường nào mà tìm được Đạo?

Vô Vi Vị làm thinh, không đáp, vì không biết đáp ra sao.

Hỏi không được, Trí trở về Bạch Thủy, lên núi Hồ Quyết gặp Cuồng Khuất. Trí đem ba câu hỏi trên ra hỏi Cuồng Khuất.

Cuồng Khuất đáp:

- Ô! tôi biết, để tôi nói cho nghe.

Nói tới đó thì Cuồng Khuất ấp úng mãi, như vừa định nói thì đã quên mất mình định nói gì.

Trí không hỏi ai được, bèn quay lại Đế cung, ra mắt Hoàng Đế, hỏi cho ra lẽ.

Hoàng Đế đáp:

- Không nghĩ, không lo mới biết Đạo. Không dựa vào đâu, không làm gì mới hiểu Đạo. Không theo đâu, không đi đường nào cả mới tìm được Đạo.

Trí lại hỏi: - Tôi và ông biết Đạo chẳng? Còn hai người kia không biết Đạo chẳng? Ai đúng? Ai sai?

Hoàng Đế đáp:

- Vô Vi Vị mới thật là đúng, Cuồng Khuất cũng vậy, chỉ có tôi và ông là chưa gần được Đạo. Và chẳng, người biết thì không nói, người nói thì không biết, nên bậc thánh nhân thực hành cách dạy không cần đến lời." (Theo Nguyễn Tôn Nhan)

Ngôn luận

言論

A: Opinion.

P: Opinion.

Ngôn: Lời nói, nói. **Luận:** bàn cãi.

Ngôn luận là phát biểu ý kiến để bàn cãi về một vấn đề có tánh cách thời sự.

Trường ngôn luận là nơi diễn ra các hoạt động sôi nổi về xã hội, chánh trị, hay tôn giáo, trong đó mọi người đều bày tỏ ý kiến phê phán, ủng hộ hay chống đối một cách công khai, tự do.

TNHT: Sự biến xảy ra đến nay đã thành một trường *ngôn luận*, có khi cũng náo nhiệt đến nền Đạo, kể gọi Tà, người nói Chánh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ngôn ngữ bất đồng

言語不同

A: No common languages.

P: Languages différents.

Ngôn: Lời nói, nói. **Ngữ:** lời nói. Nói ra là Ngôn, đáp lại là Ngữ. **Bất đồng:** không giống nhau.

Ngôn ngữ bất đồng là tiếng nói không giống nhau, nên không nói chuyện với nhau được.

Ngôn quá kỳ thực

言過其實

A: The speeches passed the reality.

P: Les paroles dépassant la réalité.

Ngôn: Lời nói, nói. **Quá:** ra ngoài định mức. **Thực:** thật.

Ngôn quá kỳ thực là nói quá sự thật, tức là nói thêm thắt quá trớn nên không đúng sự thật.

NGU

NGU

NGU: 愚 Ngu dại, ngu dốt, tiếng tự khiêm.
Td: Ngu muội, Ngu trung.

Ngu giả thiên lự tất hữu nhứt đắc

愚者千慮必有一得

Ngũ: Ngu dại, ngu dốt, tiếng tự khiêm. **Giả:** người. **Thiên:** ngàn. **Lự:** lo nghĩ. **Tất:** tất là. **Hữu:** có. **Nhứt:** một. **Đắc:** được.

Ngu giả thiên lự tất hữu nhứt đắc: Người ngu nghĩ ngàn điều ắt có một điều hay.

Trí giả thiên lự tất hữu nhứt thất: Người khôn nghĩ ngàn điều ắt có một điều dở.

Ngu huynh - Ngu ý

愚兄 - 愚意

A: Your modest elder - My humble opinion.

P: Moi, votre aîné - Mon humble avis.

Ngũ: Ngu dại, ngu dốt, tiếng tự khiêm. **Huỳnh:** anh. **Ý:** ý kiến.

Ngu huynh là tiếng tự xưng của người anh với ý khiêm tốn. Còn em thì xưng là Ngu đệ.

Ngu ý là nói về ý kiến của mình một cách tự khiêm.

Ngu muội

愚昧

A: Ignorant.

P: Ignorant.

Ngũ: Ngu dại, ngu dốt, tiếng tự khiêm. **Muội:** tối tăm.

Ngu muội là ngu dốt tối tăm.

CG PCT: Trong nhơn sanh, hạng trí thức thì ít, hạng *ngu muội* thì nhiều.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Ngu trung

愚忠

A: Stupid loyalty.

P: Fidélité stupide.

Ngu: Ngu dại, ngu dốt, tiếng tự khiêm. **Trung:** lòng trung thành.

Ngu trung là trung thành một cách mù quáng.

Ngu trung thường để chỉ lòng trung thành của kẻ bề tôi ngu muội đối với một ông vua hôn ám, vô đạo đức. Hôn quân ra lệnh làm điều gian ác mà bề tôi không can gián, cứ nhắm mắt tuân theo là ngu trung.

Ngu xuẩn

愚愬

A: Stupid.

P: Stupide.

Ngu: Ngu dại, ngu dốt, tiếng tự khiêm. **Xuẩn:** ngu si, dại dốt.

Ngu xuẩn là ngu ngốc dại dốt.

TNHT: Hễ trả lời phù hạp là dễ biết Đạo, còn *ngu xuẩn* thì cũng huờn ngu xuẩn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NGŨ

NGŨ

NGŨ: 五 Năm, thứ năm.

Td: Ngũ âm, Ngũ châu, Ngũ chi.

Ngũ âm

五音

A: Five essential notes of the oriental music.

P: Cinq notes fondamentales de la musique orientale.

Ngũ: Năm, thứ năm. **Âm:** âm thanh, cung bậc của âm thanh.

Ngũ âm là năm bậc âm thanh của âm nhạc cổ điển đông phương.

Ngũ âm gồm: Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ.

- | | | |
|------------|------------------------|--------------------|
| 1. CUNG: | tiếng thổ (đất), | tương ứng nốt FA. |
| 2. THƯƠNG: | tiếng kim (đồng, sắt), | tương ứng nốt SOL. |
| 3. GIỐC: | tiếng mộc (gỗ), | tương ứng nốt LA. |
| 4. CHỦY: | tiếng hỏa (lửa), | tương ứng nốt ĐỒ. |
| 5. VŨ: | tiếng thủy (nước), | tương ứng nốt RÉ. |

Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ là Ngũ Hành.

Âm nhạc Tây phương có 7 bậc âm thanh: Do, Ré, Mi, Fa, Sol, La, Si.

Ngũ bá A-La-Hán

五百阿羅漢

A: Five hundred Arahats

P: Cinq cent Arahats.

Ngũ: Năm, thứ năm. **Bá:** trăm. **A-La-Hán:** nói tắt là La-Hán: bậc Thánh thứ tư của Phật giáo. Khi đắc quả A-La-Hán thì có đủ Lục Thông. Bậc A-La-Hán tu lên thành Bồ Tát.

Ngũ bá A-La-Hán là 500 vị La Hán. Đây là 500 đệ tử đầu tiên của Đức Phật Thích Ca đấng quả La Hán.

Nhứt Tổ Ma Ha Ca Diếp triệu tập 500 vị La-Hán này hội lại tại động núi Tất Ba La, gần thành Vương Xá, cử hành lễ Kết Tập Kinh điển Phật giáo lần đầu tiên, chép lại thành Tam Tạng Kinh của Phật giáo.

KCK: Chư Đại Bồ Tát, *Ngũ bá A-La-Hán* cứu hộ....

KCK: Kinh Cứu Khổ.

Ngũ châu

五洲

A: Five continents.

P: Cinq continents.

Ngũ: Năm, thứ năm. **Châu:** phần đất lớn trên địa cầu, có biển bao bọc chung quanh.

Ngũ châu là năm châu lớn trên địa cầu, gồm: Á châu, Âu châu, Phi châu, Mỹ châu, Úc châu.

TNHT: Ngày nào Đạo đã truyền bá toàn trong nhơn loại, trọn khắp *ngũ châu* mới sao nữa?

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ngũ Chi Đại Đạo

五支大道

A: Five religious branches of the Great Way.

P: Cinq branches religieuses de la Grande Voie.

Ngũ: Năm, thứ năm. **Chi:** chia ra, nhánh. **Đại:** lớn. **Đạo:** tôn giáo.

Đại Đạo là một nền tôn giáo lớn, chỉ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do Đức Chí Tôn Thượng Đế mở ra vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, với tôn chỉ: Qui nguyên Tam giáo, Phục nhứt Ngũ chi, tức là bao gồm tất cả nền tôn giáo đã có từ trước đến nay.

Ngũ Chi Đại Đạo là năm nhánh của nền Đại Đạo.

Đức Chí Tôn có dạy rằng:

TNHT: "Vốn từ trước, Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo.

Tùy theo phong hóa của nhơn loại mà gây Chánh giáo, là vì khi trước Càn vô đức khán, Khôn vô đức duyệt, thì nhơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi.

Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phần nhiều đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau. Nên Thầy mới nhưt định qui nguyên phục nhưt."

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nói về Ngũ Chi Đại Đạo như sau:

"Vi năm đạo phân chia làm nhơn tâm bất nhưt, nhơn loại nghịch lẫn nhau. Chí Tôn đến đặng hiệp lại một nhà, ước cho con cái của Người biết thương yêu hòa thuận.

Khi khai Thánh giáo bên Thái Tây thì Chí Tôn đã nói trước rằng: Còn nhiều chuông chiên, Người sẽ đến đem về làm một. Lời tuyên ngôn ấy, nghĩa là còn nhiều đạo đương nuôi nấng un đúc tinh thần của con cái Chí Tôn, đặng chờ ngày Người đến hiệp chung lại một, lời ấy ngày nay đã quả.

Các chuông chiên thiêng liêng của Chí Tôn là:

- **Phật đạo** thì có Bà-La-Môn, Thích Ca Mâu Ni, Pythagore giáo.

- **Tiên đạo** thì có Lão giáo, Dương Châu, Mặc Dịch, Vạn Pháp, Bàn Môn, cho tới thầy pháp thầy phù, bóng chàng đồng cốt, vv . . .

- **Thánh đạo** thì Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Hồi giáo.

- **Thần đạo** thì Trung Huê Phong Thần, Hy Lạp Phong Thần, Ai Cập Phong Thần.

- **Nhơn đạo** thì Socrate, Esope, Platon, v.v.... ở Hy Lạp, Khổng Tử, Mạnh Tử, Nhị Trình giáo, v.v.... chung cộng cùng cả Hón Phong, Đường Thi, Tấn Tục tại Trung Huê từ trước.

Phật vì thương đời mà tìm cơ giải khổ,
 Tiên vì thương đời mà bày cơ thoát khổ,
 Thánh vì thương đời mà dạy cơ thọ khổ,
 Thần vì thương đời mà lập cơ thắng khổ,
 Hiền vì thương đời mà đạt cơ tòng khổ."

Trong Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn chọn các Đấng đại diện cho Ngũ Chi Đại Đạo có trách nhiệm trong thời ĐĐTKPĐ, có vẽ hình thờ trên Thánh Tượng Ngũ Chi, kể ra như sau:

- Đức Phật Thích Ca, đại diện Phật đạo,
- Đức Lý Thái Bạch, đại diện Tiên đạo,
- Đức Chúa Jê-sus, đại diện Thánh đạo,
- Đức Khương Thượng, đại diện Thần đạo,
- 7 cái gai (1 Giáo Tông, 3 Chưởng Pháp, 3 Đầu Sư) đại diện Nhơn đạo.

THI BÀI:

Trong Tam giáo ba ngôi như một,
 Hình thức riêng chỉ cốt bề ngoài.
 Suy ra chơn lý không hai,
 Độ người lánh dữ, lành rày nên lo.

Tôn giáo tợ con đồ rước khách,
 Ai sang qua chẳng trạch giàu nghèo.
 Miễn là chí quyết noi theo,
 Đặng xa bề khổ, lên đèo thung dung.
 Muốn Tây Thiên trùng phùng ngôi vị,
 Thì trần gian lập ý vị tha.
 Từ bi theo hạnh Di-Đà,
 Công bình, bác ái hải hà bao dung.

NHƠN ĐẠO dạy Tam tòng Tứ đức,
 Ngũ thường lo đúng mực thuần phong.
 Gia đình xã hội cũng đồng,
 Noi gương mỹ tục, giống dòng Nghiêu vương.
 THẦN ĐẠO lập con đường phải lối,
 Phận công dân sớm tối lo tròn.
 Quan trường Tể Tướng, tôi con,
 Vẹn tròn hiếu nghĩa lòng còn thanh liêm.

THÁNH ĐẠO chuộng một niềm ngay thẳng,
 Chí công bình, trong trắng tâm thành.
 Không thiên chẳng vị em anh,
 Lờn ngay lẽ phải phân rành quang minh.

TIÊN ĐẠO chỉ xử tình xử thế,
 Bác ái trau tập thể hòa thương.
 Yêu cùng nhưn loại bốn phương,
 Thanh nhàn thỏa chí, dậm trường ngao du.

PHẬT ĐẠO dụng đường tu thanh tịnh,
 Từ bi hành nhượng nhịn lẫn nhau.
 Không chê kẻ thấp người cao,
 Chẳng vì chức tước nghèo giàu phân tranh.

ĐẠI ĐẠO gồm năm nhánh tôn giáo,
 Kể trên đây đào tạo lọc lừa.
 Hợp thời độ thế tùy ưa,
 Hạ, trung, thượng, đủ đều vừa ý chung.

Giờ Bồn sư trùng phùng đồ đệ,
 Dạy đôi điều ráng để vào tâm.
 Chung lo cứu thế lạc lầm,
 Trở về đạo đức lo tầm non Tiên.

Chung sức nhau chèo thuyền Đại Đạo,
 Dầu cam go tần tảo đừng than.
 Lý chơn dậm thẳng một đường,
 Ngày thành Đại Đạo, Thiên Hoàng điểm công.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Ngũ Chi Minh Đạo

五支明道

Ngũ: Năm, thứ năm. **Chi:** chia ra, nhánh. **Minh:** sáng, cũng có nghĩa là nhà Minh bên Tàu. **Đạo:** tôn giáo.

Ngũ Chi Minh Đạo là năm nhánh Đạo có tên khởi đầu bằng chữ MINH, có nguồn gốc từ nhà Minh bên Tàu.

Ngũ Chi Minh Đạo gồm: Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý, Minh Thiện, Minh Tân.

Ngài Định Pháp Nguyễn Minh Thiện, Chủ trưởng chi Minh Lý (Tam Tông Miếu) có viết bài giới thiệu như sau:

"Trong năm chi, hai chi đầu: Minh Sư và Minh Đường đã ra đời trước năm 1924 có đến mấy trăm năm.

Chi Minh Sư xuất hiện ở Trung Hoa vào khoảng năm 1650 hoặc 1670, nghĩa là sau khi nhà Minh bị nhà Thanh (gốc Mãn Châu) lật đổ. Các cựu thần nhà Minh vì thất bại trong cuộc vận động khôi phục nhà Minh, đã từ hãn cuộc đấu tranh chánh trị, mà đi vào con đường tu hành, êm đẹp hơn, an toàn hơn, và lại hiệp với Thiên cơ hơn (nhờ phò cơ thỉnh Tiên, biết được vận số nhà Minh đã hết, nhà Thanh còn dài). Các cựu thần ấy được gọi là di thần nhà Minh, bèn khoát áo đi tu, dựng lên một mối đạo tu Tiên (tu đơn) mệnh danh là Minh Sư.

Sau khi du nhập vào Việt Nam, các vị Lão Sư đạo này, vì nhu cầu địa phương, và cũng để tránh sự nghị kỵ của nhà cầm quyền Pháp-Việt thời đó, đã lấy tên Minh Đường (có nghĩa là phái tu tại gia), phái ấy cũng được người nước ta gọi là phái Phật Đường.

Nên nhớ rằng, danh từ Minh Sư ngầm chỉ mối đạo của các di thần nhà Minh, mà mối đạo ấy, theo nhà cầm quyền Pháp-Việt thời đó là một cuộc vận động phản "Thanh phục Minh" trá hình.

Như vậy, Minh Sư có tánh cách chánh trị, khi được gọi là Minh Đường thì phái tu Tiên này khỏi bị nghi ngờ nữa và đã truyền cách thức phò cơ thỉnh Tiên cho người Việt Nam khắp ba Kỳ: Bắc, Trung, Nam.

Vậy, trước năm 1924, có gần mấy trăm năm, một thiểu số người nước ta, như là các đạo sĩ tu Tiên và các Nho sĩ, thỉnh thoảng thiết đàn phò cơ thỉnh Tiên, hoặc để học đạo, hoặc để xin thuốc trị bệnh nan y, hoặc để hỏi về tiền đồ của thí sinh trong các cuộc thi cử theo lối xưa.

Từ năm 1918-1919 trở về sau, phong trào cầu cơ đã lan tràn ra khắp nơi trong toàn quốc. Tại Sài Gòn, một số người mộ điệu thường tụ nhau lại để lập đàn cầu cơ thỉnh Tiên, hoặc ở chùa Ngọc Hoàng (Đakao) hoặc ở Miếu Nổi (Gò Vấp).

Sau vì có Cụ Lê Văn Trung, Cựu Nghị Viên Hội Đồng Quản Hạt và Hội Nghị Tư Vấn Nam Kỳ Soái Phủ dự vào phong trào này, vì thế mà có sự nghị kỵ, và nhóm cầu cơ duy

nhất nói trên đã chia làm ba: chi Minh Lý, chi Minh Thiện, và chi Minh Tân, có những sắc thái riêng biệt tùy xu hướng của mỗi chi."

Sau đây là bài sưu khảo về Ngũ Chi Minh Đạo trích trong bài nói chuyện của Huệ Nhãn tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo:

1. Minh Sư:

Vào thời vua Tự Đức, Ngài Đông Sơ Tổ Sư, từ bên Tàu sang VN, lập tại Hà Tiên một ngôi Quảng Tế Phật Đường. Ngôi chùa này do ông Ngô Cẩm Tuyên đứng ra xây dựng. Ông Tuyên tu hành đến bậc Đại Lão Sư (đạo hiệu Ngô Đạo Chương).

Năm 1905, Ngài Ngô Đạo Chương về Sài Gòn tạo dựng ngôi Ngọc Hoàng Điện (Đakao), công việc chưa hoàn tất nhưng vì lý do kinh tế nên phải sang nhượng đi.

Một vài năm sau, bôn đạo Minh Sư tại đây lập ngôi Quang Nam Phật Đường. Ngài Thái Lão Sư Trần Đạo Minh qua VN cầm mỗi đạo một thời gian, sau đó trở về La Phù Sơn (Hồng Kông). Thái Lão Sư Vương Đạo Thâm thay mặt Ngài Trần Tây Lâm Tổ Sư điều hành mỗi đạo tại đây.

Quang Nam Phật Đường (số 17 đường Trần Quang Khải, Quận I) hằng năm vẫn lấy ngày giỗ Thái Lão Sư Vương Đạo Thâm (30 tháng 4 âm) làm ngày kỷ niệm.

Ở Việt Nam hiện nay còn tồn tại 3 chi nhánh đạo Minh Sư, tạm gọi là 3 tông:

- **Tông Đức Tế:** Nhánh của Thái Lão Sư Vương Đạo Thâm, có một số chùa như: Quang Nam Phật Đường, Khánh Nam Đường (Bình Thạnh), Nam Nhã Đường (Bình Thủy, Cần Thơ), Mỹ Nam Đường (Mỹ Tho), Vận Bửu Đường (Gò Công), Nam Tôn Đường (Hội An), Hòa Nam Đường (Đà Nẵng),....

- **Tông Phổ Tế:** Nhánh của Thái Lão Sư Trần Đạo Minh, có một số chùa như: Linh Quang Đường (Hố C Môn), Long Hoa Đường (Cai Lậy), Phổ Hòa Đường (Mỹ Tho),....

- **Tông Hoàng Tế:** Nhánh của Thái Lão Sư Lâm Đạo Ngươn (thường được biết với bút danh Lâm Xương Quang),

có một số chùa như: Quan Âm Đường (Thâm Nhiên, Long An), Quang Âm Đường (Thị xã Tân An), Trọng Văn Đường (Bình Điền),....

Toàn nước Việt Nam có trên 50 ngôi chùa Minh Sư. Ngôi chùa được kể đầu tiên (bên trên) là Tổ đình của Tông ấy.

Chánh điện chùa Minh Sư thờ Đức Điều Trì Kim Mẫu, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế và chư Phật, chư Tiên (hoặc thờ tượng, hoặc bài vị, tùy nghi), tụng kinh Ngọc Hoàng Tâm Ấn, Bắc Đẩu Chơn Kinh, Địa Mẫu Chơn Kinh.

Pháp tu Minh Sư rất nghiêm mật, muốn tu tiến, hành giả phải khép mình trường trai tuyệt dục.

* *Bên phái nam* có 9 bậc tu, từ thấp lên:

- **Nhất thừa** gồm 3 bậc: Nhất, Nhị, Tam Bộ.

- **Nhị thừa** gồm 4 bậc: Thiên Ân, Chứng Ân (chữ Minh), Dẫn Ân (chữ Xương), Bảo Ân (chữ Vĩnh).

- **Tam thừa** gồm 2 phẩm: Lão Sư (chữ Vận) và Đại Lão Sư (chữ Đạo).

Tất cả các vị Lão Sư và Đại Lão Sư đồng công cử một vị làm Chưởng môn gọi là Thái Lão Sư.

* *Bên phái nữ* có 7 bậc, đạo danh được ban từ đầu không đổi. Phẩm cao nhất có chữ Thái, nhưng pháp tu chỉ cỡ bậc Bảo Ân ở phái nam.

Đệ tử Minh Sư mặc đạo phục màu đen.

GHI CHÚ:

- Quan Âm Đường ở Phú Quốc, nơi Ngài Ngô Văn Chiêu thọ giáo pháp Cao Đài thuộc Tông Hoàng Tế. Đại Lão Sư Nguyễn Đạo Ngưỡng (năm nay 83 tuổi) hiện trụ trì Quan Âm Đường (Tân An) cho biết khi ông còn nhỏ, có lần đã ra Phú Quốc hộ tịch cho Thái Lão Sư Lâm Đạo Nguơn (Lâm Xương Quang).

- Một số bài Kinh nhật tụng của Đạo Cao Đài và ngay của chi Minh Lý có gốc từ Minh Sư như: Bài Ngọc Hoàng Kinh và ba bài xưng tụng Tam Giáo Đạo Tổ, bài Niệm Hương (Đạo gốc bởi ...) và bài Khai Kinh (Biển trần khổ ...) của Minh Lý

cũng do Đức Thái Thượng và Nam Cực Chưởng Giáo tả lại quốc ngữ theo kinh Minh Sư.

2. Minh Đường:

Nhiều sách viết rằng tên Minh Đường là do viết gọn từ "Minh Sư Phổ Tế Phật Đường", nhưng chưa rõ mức chính xác của các tài liệu này. Các vị tu Minh Sư hiện nay hầu như không biết đến chi Minh Đường.

Danh hiệu Minh Đường được tìm thấy trong TNHT và sử liệu do chư tiền khai Đạo Cao Đài để lại, dùng để chỉ bốn đạo nơi Vĩnh Nguyên Tự thuở mới qui nhập Đạo Cao Đài.

Một số Thánh Ngôn và sử liệu điển hình như:

1. Trong TNHT, quyển 1 trang 29 có đoạn:

Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc) Samedì, 21 Aouât 1926.

Lịch, mời chư môn đệ Minh Đường của Thầy ra nghe dạy.....

(Lịch là Ngài Lê Văn Lịch, Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, chủ chùa Vĩnh Nguyên)

2. Trong quyển Thánh Ngôn (viết tay) do Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh lưu lại có đoạn Thánh ngôn ngày 16-3-1926:

Trung, Cư, Tắc, Thầy dặn ba con nội hạ tuần tháng 2 phải xin nghỉ một tuần lễ, xuống ở chùa Minh Đường của Lịch mà học Đạo thêm.....

3. Ngày 4-3-1926 (âi 20-1-Bính Dần) trong buổi lập đàn đầu tiên tại Vĩnh Nguyên Tự, Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long giảng diễn báo tin chư môn đệ biết, Ngài đã đặc vị: Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn. Ngài khuyên bốn đạo địa phương và gia đình qui nhập Cao Đài. Xin trích ra một đoạn Thánh giáo trên:

LÊ VĂN TIẾNG.

Lịch thính ngã, Ngã thị nữ phụ, thọ mạng Cao Đài Tiên Ông viết Cao Đài Thượng Đế giáo đạo nam phương.

Tiên nhật, Ngã thọ giáo Minh Đường. Đại Đạo thị chi nhứt dã. Ngọc Đế cảm xúc công quả thậm đả, bất lưu luân hồi tái

thế, phú Thái Ất Chơn Quân độ dẫn, thọ sắc Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn tại Tây Phương Cực Lạc.

4. Thân mẫu của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu mất phần ngày 28-8-1926, lúc này Đạo mới mở, chư tiên khai chưa rõ cách làm lễ tang Đạo hữu nên thiết lập đàn cơ cầu Ơn Trên chỉ dẫn. Hôm ấy, Thầy giảng dạy:

Trung, con tức cấp xuống Cần Giuộc biểu Tương về, và cả chư môn đệ Thầy hội lại cho đủ mặt. Phải nhớ biểu Lịch lên, nói với nó, Thầy cần 4 vị Chức sắc Minh Đường cầu kinh cho Mẹ Hậu.

Bốn Thánh giáo trên, Ơn Trên đều dùng tên Minh Đường để chỉ Vĩnh Nguyên Tự. Và do tôn chỉ, pháp tu, kinh kệ, phẩm trật,... của chư vị Lão Sư Minh Đường tại Vĩnh Nguyên Tự đều không khác Minh Sư, cho nên, không nghi ngờ gì nữa, Minh Đường là một phân nhánh của Minh Sư. Có lẽ sự khác biệt là do gốc Đạo truyền qua VN vì rằng Đức Di Minh Tử Ngô Đạo Chánh, người truyền đạo Minh Đường cho Ngài Lê Văn Tiếng (Thái Lão Sư Lê Đạo Long) năm 1876 không thấy có tên trong các tiền bối Minh Sư truyền đạo buổi đầu.

Nay Vĩnh Nguyên Tự là một ngôi Thánh Thất của Đạo Cao Đài, tên Minh Đường không còn nghe nói nữa.

3. Minh Lý:

Ngài Âu Minh Chánh (1896-1941) thế danh là Âu Kiệt Lâm, khoảng năm 1920, muốn tìm hiểu về nhân điện nên đã gởi mua tài liệu bên Pháp. Ngài nghiên cứu và học được cách chữa bệnh, giúp bá tánh địa phương. Nhiều bệnh nhân trong cơn hiểm nghèo được trị lành, lúc ấy, Ngài đang ở đường Barbier (nay là Thạch Thị Thanh), hợp tác với nhiều thân hữu làm từ thiện, dần dần chư vị phát tâm tin tưởng thiêng liêng. Ngài Âu Kiệt Lâm cùng vài người bạn tìm đến một vị cao tăng bên Tàu qua, đang giảng pháp tại chùa Minh Hương Phước An Hội Quán (đường Hùng Vương), học cách cầu Huyền cơ hầu tiếp xúc với cõi Thiên. Do cách cầu Huyền cơ đòi hỏi phải thật nghiêm cẩn nên ít thành công, chư vị chuyển sang tìm học cách cầu Đại Ngọc cơ.

Từ năm 1922, Ôn Trên hướng dẫn quý vị đi dần vào đường tu. Buổi đầu ấy, chư tiên khai Minh Lý Đạo gồm 6 vị:

Nguyễn Văn Miết	(Minh Thiện)	(1897-1972)
Nguyễn Văn Xứng	(Minh Giáo)	(1891-1957)
Lê Văn Ngọc	(Minh Truyền)	(1887-1965)
Võ Văn Thạnh	(Minh Trực)	(? - 1976)
Nguyễn Văn Đề	(Minh Đạo)	(? - 1961)
Âu Kiệt Lâm	(Minh Chánh)	(1896-1941).

Các vị luân phiên nhau tổ chức cúng tại nhà vào các kỳ sóc vọng, tạm dùng vài bài kinh Minh Sư (Niệm Hương, Khai Kinh, Ngọc Hoàng Kinh,...) bằng chữ Hán Việt. Một lần chư vị có than cùng nhau: "Nghĩa lý chữ Nho rất cao sâu, lời Thần Tiên để lại trong kinh sách bấy lâu nay, người đời ít ai thông hiểu những điều màu nhiệm. Chớ chi Ôn Trên cho kinh bằng chữ quốc âm, dầu bực nào cũng dễ hiểu và thực hành được."

Chẳng ngờ Ôn Trên chấp nhận lời cầu xin này.

Đức Thái Thượng Đạo Quân trong lần giáng cơ sau đó dạy rằng: "Chư nhu tụng kinh chữ không thông nghĩa lý, nên ta cho kinh nôm, kinh này vần tắt, cũng tiện cho chư nhu đọc."

Đêm 27-11-Giáp Tý (dl 23-12-1924) [năm, tháng, ngày, giờ đều thuộc Tý] Minh Lý Đạo khai minh.

Trước đó một ngày, vào ngày 22-12-1924, nhằm ngày Đông chí, nhứt dương sơ phục, Đức Thái Thượng giáng tả bài "Tặng Thiên Đế" (diễn nôm từ bài Đại La Thiên Đế). Nhiều bài kinh khác (gốc Minh Sư hay Kinh mới) đều được chư Thiên tiếp tục ban cho bằng quốc ngữ, thí dụ như:

- Ngày 11-1-1925, Đức Thái Thượng Đạo Tổ cho bài Thông Minh Chú (gốc là bài Cửu Thiên Đại La: Thân phi bạch y.... của Minh Sư).

- Ngày 21-6-1925, Lý Thiết Quả cho Kinh Thái Dương.

- Từ ngày 19-4-1925 đến 21-11-1925, qua nhiều buổi đàn, Đức Đạo Tổ, Phật Nhiên Đăng, Phật Quan Âm, Nam Cực Chưởng Giáo, v.v.... tả bài Kinh Sám Hối.

Sau khi Kinh Sám Hối ban xong, Đức Văn Tuyên Vương dạy chư Minh Lý môn sanh rằng, trong khi chưa tạo dựng được nơi cúng lễ riêng, cần tạm mượn một ngôi chùa để làm chỗ tụ tập lễ bái, tu học, tụng các bài kinh mà Ông Trên đã ban.

Chư vị sau đó được vị Giáo Thọ trụ trì chùa Linh Sơn Tự (đường Cô Giang) vui lòng cho mượn chùa làm nơi lễ bái Trời Phật, tụng Kinh Sám Hối. Cũng chính do mượn chùa, các Đạo hữu phải tránh các ngày Sóc Vọng, nhường cho gia chủ, nên lệ cúng hằng tháng vào các ngày 14 và 30 âm lịch.

Từ đó, Minh Lý môn sanh quyết tâm xây dựng một ngôi chùa riêng. Nhờ ông Trần Kim Ký hiến đất vùng Bàn Cờ, (lúc ấy trước chùa chỉ là con hẻm đất, sau mới mở thành đường Cao Thắng) cùng quý Bà: Ba Ngõ, Huỳnh Thị Ngôn,... giúp một phần tài chánh.

Ngày 10-8-1926, chùa đặt viên đá đầu tiên. Chùa gác đôn đông ngày 15-9-1926 và đến cuối tháng 1 năm 1927 thì việc xây dựng hoàn tất.

Ngày 2-2-1927 khai buổi cúng đầu tiên tại chùa mới.

Như vậy, Minh Lý môn sanh đã mượn chùa Linh Sơn Tự từ tháng 9-1925 đến tháng 2-1927.

Chùa cất xong, Đức Diêu Trì Kim Mẫu giáng ban hiệu chùa là **Tam Tông Miếu**. Qua hai đợt trùng tu năm 1941 và 1957, Tam Tông Miếu có dáng như ngày nay.

- **Tam:** là Tam thể đồng nhứt, Tam giáo đồng nguyên.
- **Tông:** là thừa kế, tiếp nghiệp của Tổ truyền.
- **Miếu:** là tòa ngự của các Đấng thiêng liêng tại thế.

Chánh điện của Tam Tông Miếu thờ Tam Cực:

- Vô Cực (Diêu Trì Kim Mẫu)
- Thái Cực (Ngọc Hoàng Thượng Đế)
- Hoàng Cực (Hồng Quân Lão Tổ)

Cấp thứ nhì thờ Tam Giáo Đạo Tổ.

- Cấp thứ ba thờ Tứ Đại Bồ Tát.
- Cấp thứ tư thờ Ngũ Vị Tinh Quân,
- cùng nhiều bàn thờ khác từ trong ra ngoài.

Năm 1972, bổn đạo Minh Lý phát triển thêm ngôi Bát Nhã Tịnh Đường ở Long Hải (chuyên để luyện tu).

Đến nay, chư Minh Lý môn sanh, với đạo phục màu đen truyền thống, tiếp tục hành đạo theo giáo lý và giáo pháp đã được truyền dạy từ xưa. Nhiều môn sanh mới đã gia nhập Minh Lý Thánh Hội, kế thừa mỗi đạo Tam Tông. (Xem thêm chi tiết nơi chữ: Minh Lý, văn M)

4. Minh Thiện:

Từ trước năm 1915, một nhóm nhân sĩ thường họp mặt tại chùa Quan Đế, thị xã Thủ Dầu Một (nay trên đường Hùng Vương) để cầu cơ thỉnh Tiên. Cách thức cầu cơ theo Minh Sư (phò Đại Ngọc cơ). Tại đây, chư Thiên giảng dạy về thời cuộc và cho thuốc trị bệnh, có nhiều lời tiên tri rất linh hiển.

Điều lạ là ông Nguyễn Văn Trượng làm đồng tử thường ngày không biết chữ, nhưng mỗi khi phò ngọc cơ, ông viết ra toàn chữ Nho, chữ viết rất thông thái, càng làm cho đạo tâm quanh vùng thêm tin.

Đến khoảng năm 1915, ông Trần Hiển Vinh (1884-1962) được Tổ phụ truyền lại ngôi chùa này. Do chùa đã xưa cũ, trên 100 năm, nhiều chỗ hư mục, nên ông cho tu sửa lại, mở rộng chánh điện ra phía trước, xây dãy nhà ngang, lát gạch toàn bộ nền chùa (phần gạch tàu cũ đem lót ngoài sân) và làm con ngựa Xích Thổ đặt trước cổng. Do vậy, dân chúng gọi đây là chùa Ông Ngựa.

Xen lẫn những buổi hầu cơ có luận việc đời, việc đạo, thiêng liêng thường ban ơn chữa bệnh cho bá tánh, nên tên đàn Minh Thiện có từ lúc này.

Nhiều vị đạo tâm tích cực hành đạo như các ông: Trần Phát Đạt (anh ông Vinh), Lê Văn Hơn, Trần Duy Khánh, Lê Ngọc Lăng, Phan Văn Tý (1888-1962).

Chùa Minh Thiện thờ Đức Quan Thánh Đế Quân, tụng Minh Thánh Kinh, nhưng tại đây cũng có rất nhiều tượng chư Bồ Tát, Phật Tổ,...

Sau khi đồng tử Nguyễn Văn Trượng mất, cơ bút đã bế, nhưng khách hành hương vẫn tấp nập và rất thành tín.

Tiếp đến năm 1963-1964, khi ông Trần Hiến Vinh qua đời, do đã tham gia tích cực và có nhiều uy tín, ông Trương Kế An làm quản lý chùa. Ông cho thượng Thánh Tượng Thiên Nhân và dùng kinh Cao Đài cúng thường ngày, lấy tên là Thanh An Tự. Được vài năm, ông bị bệnh và giao chùa cho bổn đạo địa phương quản lý, thờ Đức Quan Thánh lại như xưa.

Có một số sự tích liên quan giữa Minh Thiện và Cao Đài:

a) Với Ngài Ngô Minh Chiêu:

Năm 1902, Ngài Ngô còn trẻ (25 tuổi) chưa biết đạo nhưng đã có tâm thành. Nghe đồn Tiên gia linh hiển, lại muốn cầu thọ cho thân mẫu, Ngài Ngô lên hầu đàn Minh Thiện. Hôm ấy, Ngài được Ông Trên ban cho 4 câu thơ:

Thủ bôi vị lễ diệt khả thông,
Trung dung hữu đạo thị tâm không.
Đắc vọng kỳ sự giả thân du,
Minh phong khả đối dữ thành công.

Đến năm 1919, do thân mẫu lâm bệnh nặng, Ngài Ngô có lên đàn Minh Thiện cầu thuốc, nhưng Ông Trên lộ cho biết bà cụ vận số sắp hết. Ngày 15-11 năm ấy, bà cụ từ trần.

Nhờ nhiều lần hầu đàn Minh Thiện, biết rõ cách cầu cơ, nên khi thiêng liêng dạy chư vị ở Tân An thay đổi từ chấp bút qua Đại Ngọc cơ, Ngài Ngô dễ dàng chấp hành.

b) Với nhóm Xây bàn:

Buổi đầu thông công với các Đấng thiêng liêng, quý Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang dùng phương pháp xây bàn theo sách Pháp. Cũng như nhóm chấp bút của Ngài Ngô Văn Chiêu, Ông Trên đã ban lệnh cho quý Ngài chuyển qua sử dụng Đại Ngọc cơ cho được nghiêm túc và thông linh hơn.

Khiến sao ông Phan Văn Tý (một vị trong Ban Cai quản đàn Minh Thiện) là bạn Ngài Cao Quỳnh Cư, lại ở gần nhà. Ông Phan Tý đã cho mượn và hướng dẫn nhị vị Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư phò Đại Ngọc cơ thuần thực. Buổi phò cơ đầu tiên của chư vị nhằm Lễ Hội Yên Bàn Đào (rằm tháng 8 năm Ất Sửu).

c) Với chi Minh Tân:

Ông Lê Minh Khá là Xã trưởng Vĩnh Hội. Do bệnh ngặt nghèo, ông lên hầu đàn Minh Thiện, được Ông Trên ban thuốc uống lành. Sau đó, thiêng liêng hướng dẫn ông vào đường đạo đức, lập chi Minh Tân (sẽ nói rõ hơn ở phần sau).

Như vậy, có thể nói, chi Minh Thiện có nhiều căn duyên trong buổi đầu khai nền tôn giáo Cao Đài. Tuy vậy, đàn Minh Thiện (Thanh An Tự) trở lại thờ Đức Quan Thánh như nếp xưa và không còn cơ bút.

GHI CHÚ:

- Ông Trần Hiển Vinh (1884-1962) có vợ là Đặng Thị Hường (1900-1948), nhị vị có một gái là Trần Ngọc Anh. Cô Anh lập gia đình với Phan Văn Bồn, con trai của Phan Văn Tý và bà Cao Thị Nhiều. Bà Trần Ngọc Anh hiện ngụ tại Cư Xá Lữ Gia và kế tục quản lý Thanh An Tự.

- Nhiều người kể lại rằng, khoảng năm 1964-1965, khi ông Trương Kế An xây Cao Đài Tự ở núi Cẩm, có định chở tượng Ba Ông (hiện đặt trước chánh điện Thanh An Tự) về, nhưng không thể nào khiêng đi được. Thế nhưng sau này, lúc bôn đạo Minh Thiện sửa chùa, thay cột gỗ bằng cột bê tông, xê dịch tượng rất dễ dàng.

5. Minh Tân:

Trong Ngũ Chi Minh đạo, Minh Tân được lập cuối cùng, sau các Chi khác.

Nguyên khoảng năm 1917, ông Lê Minh Khá (1868-1946) làm Xã trưởng Vĩnh Hội, đồng thời là một doanh gia buôn bán gạo và phân bón khắp Nam Trung Bắc. Ông bị bệnh nặng, thuốc thang nhiều nhưng không khỏi. Nhờ thân hữu mách bảo, ông lên đàn Minh Thiện cầu xin và được Ông Trên ban cho bài thuốc uống lành bệnh.

Đến năm 1920, lại có một cơn bệnh khác, và như lần trước, ông Lê Minh Khá lên hầu đàn Minh Thiện xin thuốc. Lần này, Đức Quan Thánh Đế Quân cũng ban bài thuốc trị bệnh cho ông nhưng thêm lời khuyên lo tu hành. Năm ấy ông 52 tuổi.

Tuân lời dạy của Đức Quan Thánh, ông Lê Minh Khá lập tại tư gia, số 236 quai de la Marne (nay là Nhà Văn Hóa Quận 4) một bàn thờ chư Tiên chư Phật.

Trong thời gian này, khiến sao thỉnh thoảng những vị khuất mặt nhập điển vào mấy em nhỏ là con cháu của ông và dạy nhiều việc linh ứng, tạo niềm tin cho cả gia đình.

Qua năm sau, 1921, ông Lê Minh Khá thọ lệnh thiêng liêng, lập ngôi Cao Thâm Đàn tại sở vườn cao su rộng trên 100 mẫu tại xã Gia Lộc, Trảng Bàng, lệnh cũng giao cho hai con trai của ông là Lê Minh Sanh và Lê Văn Trân coi sóc.

Cao Thâm Đàn thờ Tam Giáo Đạo Tổ và chư Tiên, Phật. Nơi đây thường thiết lập đàn cơ (2 đồng tử âm dương phò Đại Ngọc cơ) trị bệnh và dạy đạo đức cho dân chúng địa phương.

Năm 1922, ông Lê Minh Khá nhận lệnh Ơn Trên lập Cao Minh Đàn tại tư gia (236 Bến Vân Đồn). Cách thức thờ phượng nơi đây nghiêm túc hơn, với vòng Thái Cực, bài vị Tam Giáo Đạo Tổ và chư Phật Tiên Thánh Thần. Lúc này, sự tin tưởng thiêng liêng trong toàn gia đình ông Lê Minh Khá thăng tiến rõ rệt. Hầu hết mọi người đều tham gia hầu lễ Ơn Trên.

Qua năm 1923, tiếp tục có chuyển biến: Ơn Trên khuyến khích ông Lê Minh Khá mua lô đất gần nhà (cạnh bên phải số 221 Bến Vân Đồn, chùa Minh Tân hiện tại) để chuyển Cao Thâm Đàn ở Trảng Bàng về đây, lập thành ngôi Cao Tân Đàn. Lúc này, Cao Tân Đàn thờ đủ bài vị: Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, và chư Tiên, Phật, có thêm bàn thờ Đức Lê Sơn Thánh Mẫu. Sau khi xây dựng ổn định Cao Tân Đàn thì Cao Thâm Đàn chấm dứt nhiệm vụ.

Không lâu sau đó, Ơn Trên chuyển lệnh sáp nhập hai Đàn Cao Minh và Cao Tân thành Minh Tân Đàn. Đàn Minh Tân tạm đặt tại Cao Tân Đàn. Riêng Cao Minh Đàn trở lại thành nơi thờ phụng riêng của gia tộc họ Lê.

Như vậy, đến năm 1924 qua 1925, Đàn Minh Tân đã hình thành. Nơi đây, chư thiêng liêng giáng điển qua cơ bút, dạy đạo cho tín hữu địa phương, thấu nhận rất nhiều tín đồ vùng

Khánh Hội, nhứt là người nhà và số nhân công làm việc cho gia đình ông Lê Minh Khá.

Ngày 26-9-Bính Dần (1-11-1926), tức là cận lễ Khai minh Đại Đạo ở chùa Gò Kén, Đức Thái Thượng Đạo Quân giảng tại Minh Tân Đàn dạy:

"Còn chẳng bao lâu nữa thì Tam Giáo Đạo đã ngưng lại hết, hễ ai có duyên phần thì Thầy độ lúc này. Vậy chớ nhu phải truyền bá ra, như người nào mộ đạo thì phải cầu đạo sớm đi. Nếu muộn thì đừng trách."

Tiếp đến, Tề Thiên Đại Thánh giảng dạy phái nam:

"Mấy lời Thầy dạy con, con có nhớ chẳng?... Nếu nay con hỏi đầu tỉnh ngộ, chừa bớt tánh nóng thì bệnh con lần lần thuyên giảm. Thầy định ngày mùng 6 tháng 10 phải kêu hầu cả các người cho đủ mặt." (chữ Thầy ở đây là chỉ Tề Thiên Đại Thánh)

Và như vậy, vào ngày mùng 6 tháng 10 năm Bính Dần, toàn thể nam nữ tín đồ Minh Tân qui tụ về chùa cùng làm lễ Minh Thệ nhập môn vào Đạo Cao Đài. Từ đây Minh Tân trở thành một Thánh Thất của Đạo Cao Đài.

Cũng từ đây, ông Lê Minh Khá càng tăng tiến tu hành.

Sau khi mua thêm khu đất cạnh bên tổng cộng 601 thước vuông (số 221 Bến Vân Đồn hiện nay), ông tiến hành việc xây dựng ngôi chùa kang trang hơn.

Ngày 15-12-1928, ông nhận được giấy phép, ông Lê Minh Khá cho khởi công xây dựng ngôi Tam Giáo Điện Minh Tân, đến năm 1930 thì hoàn tất, khánh thành.

Lúc này, trên chánh điện, ngoài các bàn thờ như trước, còn có thêm bàn thờ Tề Thiên Đại Thánh (bên nam phái). Xây cất xong ngôi chùa mới, Minh Tân Đàn chấm dứt nhiệm vụ. Các bài vị thờ đưa qua lưu giữ tại Tam Giáo Điện Minh Tân.

Ông Lê Minh Khá liễu đạo ngày rằm tháng Giêng năm Bính Tuất (1946) thọ 79 tuổi, mộ phần tại Linh Xuân, quận Thủ Đức, cạnh sân banh.

GHI CHÚ:

- Ông Lê Minh Khá phối ngẫu với bà Nguyễn Ngọc Tâm (1876-1937), nhị vị có 5 người con là: - Bà Lê Ngọc Ý (1895-1941), - ông Lê Văn Vị (1898- 1945), - cô Lê Ngọc Trinh (1902-1941), - ông Lê Minh Sanh (1906-1988), - ông Lê Văn Trân (1908-1966).

Với người vợ sau tên Huỳnh Thị Cẩm, có các người con là: Lê Ngọc Sương, Lê Thị Nữ, Lê Thị Liên và Lê Minh Chánh.

Riêng cô Lê Ngọc Trinh có tâm đạo từ nhỏ, không lập gia đình. Khoảng năm 1934, cô được Ông Trần chọn vào trách nhiệm Nữ Chung Hòa, liễu đạo năm 1941, thọ Thiên phong Liên Hoa Tiên Nữ.

- Ông Lê Minh Khá và Ngài Vương Quan Kỳ (một vị tiền khai Đại Đạo) là thông gia với nhau (ông Lê Văn Trân cưới cô Vương Thanh Chi) và cùng hành đạo tích cực đến cuối đời.

- Sau khi lập thành Tam Giáo Điện Minh Tân, cách thức thờ phượng vẫn giữ nguyên như trước (lúc này đã qui nhập về Cao Đài), chỉ thêm Thánh Tượng Thiên Nhân đặt phía trên cao.

Chính vì Minh Tân có thờ Tề Thiên Đại Thánh, rồi đến chuyên biến "qui nhập tràng" tại Gò Kén, nên các bản Thánh Ngôn Hiệp Tuyển ấn hành trong khoảng 1930 đến 1950 đều cắt bỏ ba bài Thánh Giáo dạy ở Minh Tân, gần đây mới in trở lại.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ngũ Chi phái Ngọc

五支派玉

A: Five branches of the Confucian Sect.

P: Cinq branches de la Secte Confucienne.

Ngũ: Năm, thứ năm. **Chi:** nhánh. **Phái Ngọc:** thuộc đạo Nho.

Ngũ Chi phái Ngọc là năm nhánh của Đạo Nho. Đó là Ngũ Chi Minh Đạo: Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý, Minh Thiện, Minh Tân.

Những Chức sắc trong Ngũ Chi Minh Đạo gia nhập vào Đạo Cao Đài, được Đức Chí Tôn Thiên phong phần lớn vào những phẩm tước Chức sắc cao cấp trong phái Ngọc:

- Ngài Trần Văn Thụ (Thái Lão Sư, Minh Đường): Ngọc Chưởng Pháp.
- Ngài Lê Văn Lịch (Dẫn Ân, Minh Đường): Ngọc Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt.
- Ngài Trần Đạo Quang (Thái Lão Sư, Minh Sư): Ngọc Chưởng Pháp.
- Ngài Nguyễn Văn Kinh (Minh Sư): Ngọc Giáo Sư.

Chỉ có Ngài Nguyễn Văn Tương (Lão Sư, Minh Sư) được Đức Chí Tôn phong là Thượng Chưởng Pháp, nhưng Ngài chỉ hành đạo có mấy tháng thì đăng Tiên.

CG PCT: Bởi cơ ấy nên Chí Tôn đã cảm *Ngũ Chi phái Ngọc* dùng cổ luật mà mê hoặc nhơn sanh nữa.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Ngũ Chi phục nhứt

五支復一

Ngũ: Năm, thứ năm. **Chi:** nhánh. **Phục:** trở lại. **Nhứt:** một.

Ngũ Chi ở đây là Ngũ Chi Đại Đạo.

Phục nhứt là trở lại hiệp làm một.

Ngũ Chi phục nhứt là đem năm nhánh gom trở lại hiệp thành một, tức là đem: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo hiệp lại làm một gọi là Đại Đạo.

Đạo Cao Đài tức là ĐĐTKPĐ do Đức Chí Tôn mở ra có nhiệm vụ: qui nguyên Tam Giáo và phục nhứt Ngũ Chi.

Đức Chí Tôn có dạy:

TNHT: "Vốn từ trước, Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Tùy theo phong hóa của nhơn loại mà gầy Chánh giáo, là vì khi trước Càn vô đức khán, Khôn vô đức duyệt, thì nhơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi. Còn nay, nhơn loại

đã hiệp đồng, Càn khôn dĩ tận thức, thì lại bị phần nhiều đạo ấy mà nhờn loại nghịch lẫn nhau, nên Thầy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt."

Theo lời Thánh ngôn trên đây của Đức Chí Tôn thì ngày nay, Đức Chí Tôn phục nhứt năm nhánh đạo, lập thành nền Đại Đạo do Đức Chí Tôn đích thân chưởng quản, vì 3 lý do sau đây:

1. Ngày xưa, nhờn loại chưa văn minh tiến bộ, sự đi lại từ nơi này đến nơi khác rất khó khăn và mất nhiều thời gian, sự thông tin liên lạc giữa dân tộc này với dân tộc khác cũng rất khó khăn. Do đó, Đức Chí Tôn mở ra cho mỗi một địa phương một mối đạo để độ rỗi nhờn sanh vùng đó. Vì vậy mà có nhiều mối đạo khác nhau trên thế giới.

2. Ngày nay, nhờn loại rất văn minh tiến bộ, chế tạo được những phương tiện đi lại rất nhanh như máy bay, xe hơi, tàu thủy, và chế tạo được một hệ thống thông tin liên lạc rất nhanh chóng, lại chế tạo được các máy điện tử có thể dịch tiếng nói của nước này sang tiếng nói của nước khác.

Cho nên Đức Chí Tôn nói rằng, ngày nay Càn Khôn dĩ tận thức, Đức Chí Tôn không cần mở nhiều mối đạo như xưa nữa, mà chỉ cần mở một nền Đại Đạo duy nhứt, bằng cách qui hiệp các đạo đã lập từ trước, thống nhứt tín ngưỡng, rồi nhờ hệ thống thông tin liên lạc của thời đại văn minh hiện nay mà truyền bá nền Đại Đạo ấy ra khắp hoàn cầu.

Đức Chí Tôn có tiên tri rằng: Ngày sau, người Trung hoa sẽ thờ phụng Đạo Cao Đài đáo để và người Mỹ sẽ truyền bá Đạo Cao Đài khắp hoàn cầu.

3. Thời xưa, mỗi một mối Đạo thì có một Giáo chủ, khi vị Giáo chủ ấy thoát xác trở về cõi thiêng liêng thì mối đạo ấy lần lần bị người phạm cạnh cải, trở nên phạm giáo. Các phạm giáo đấu tranh chống báng nhau, đạo mình chánh, đạo kia tà, gây nên nhiều cuộc chiến tranh tôn giáo tàn khốc.

Ngày nay Đức Chí Tôn qui hiệp tất cả tôn giáo trong Ngũ Chi vào một nền Đại Đạo duy nhứt, thống nhứt tín ngưỡng, do Đức Chí Tôn làm Giáo chủ, lập thành năm nấc thang tiến hóa cho nhờn sanh đắc đạo.

Năm nấc thang tiến hóa đó là: Nhơn, Thần, Thánh, Tiên, Phật. Người tu có công đức ngang bằng với nấc thang tiến hóa nào thì sẽ được Đức Chí Tôn ban cho phẩm vị tương ứng trong năm nấc ấy.

Lại nữa, kỳ này, Đức Chí Tôn không đầu thai xuống phàm để mang xác phàm, mà Đức Chí Tôn vẫn ngự trên Bạch Ngọc Kinh, dùng huyền diệu cơ bút, giáng điển xuống trần mở đạo và nắm giữ mỗi đạo. Nhờ vậy, nền Đại Đạo sẽ mãi mãi giữ được Chánh truyền, không bao giờ bị phàm hóa.

Bài Diễn văn của Đức Phạm Hộ Pháp đọc tại Tòa Thánh ngày 14-2-Mậu Thìn (dl 5-3-1928), Đức Ngài thuyết giảng về Ngũ Chi Đại Đạo phục nhứt, xin trích ra sau đây:

"Với các nguyên nhân thì Ngũ Chi tử như một cái thang năm nấc bắc cho mình leo lên một địa vị ngang bực cùng Thầy, tức là Phật phẩm đó vậy. Chưa ai nhảy một nhảy mà lên cho tới tầng lầu 5 thước bề cao, mà như ai để sẵn một cái thang năm nấc, mình có thể lần lần mà leo lên đặng.

Thầy hiệp Ngũ Chi đặng làm một trường học năm lớp cho mình tu luyện, chẳng khác một trường học phàm kia vậy, lần lần bước đến đặng đoạt thủ địa vị của mình. Hễ ngồi đặng phẩm nào thì địa vị mình nơi ấy, chẳng ai còn tranh giành ngược ngạo không nhìn nhận cho được.

- Mình là người tức có sẵn Nhơn phẩm, mình mới luyện Nhơn hồn theo gương của chư Thần mà chúng ta thờ phụng đó, thì tức nhiên cũng đoạt đặng đức tánh của chư Thần mà làm Thần vị của mình.

- Đặng Thần vị rồi, lại xem gương của các Thánh mà tu luyện Thần hồn của mình cho đặng Thánh đức, tức nhiên cũng đoạt được Thánh vị vậy.

- Đặng Thánh vị rồi, cũng luyện Thánh hồn mình theo tánh đức của chư Tiên mà đoạt đặng Tiên vị.

- Khi biết mình đã vững nơi Tiên vị rồi thì mình cũng cứ đào luyện Tiên hồn của mình theo gương chư Phật mà gắm ghé vào Phật vị.

Tưởng như có kẻ hỏi: Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật xa cách với người như Trời với Đất, khác nhau kẻ tục người

thanh thì thế nào mà người phàm mong mỏi leo lên phẩm vị ấy cho xứng đáng?

Ta lại đáp như vậy:

- Những Vật chất có một điểm Thảo mộc hồn. Như cây bông đá đó vậy.
- Thảo mộc có một điểm Thú hồn, như cây mắc cở.
- Thú hồn có một điểm Nhơn hồn, như loài cầm điều thì có: kút, cường, nhông; tẩu thú thí có: chó, ngựa, khỉ; còn ngư thú có: cá ông đó vậy.
- Nhơn hồn có Thần hồn đã đành, chẳng cần phải giải.
- Thần hồn có Thánh hồn, Thánh hồn có Tiên hồn, Tiên hồn có Phật hồn.

Ấy vậy, nơi mình chúng ta đã có sẵn một điểm Thần, Thánh, Tiên, Phật hồn. Nếu ta biết làm cho chơn hồn tăng tiến lên hoài cho tới phẩm vị Tiên, Phật thì phải tập luyện tu hành và đặc kỳ truyền mới đặng."

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Ngũ cốc

五穀

A: The five cereals.

P: Les cinq céréales.

Ngũ: Năm, thứ năm. **Cốc:** gọi chung các loại hạt dùng làm lương thực nuôi sống con người.

Ngũ cốc là 5 thứ hạt dùng làm lương thực cho con người.

Ngũ cốc gồm: - Đạo (lúa gạo), - Mạch (lúa mì), - Lương (nếp), - Tắc (kê), - Thúc (đậu).

KVẮC: Từ Bi *ngũ cốc* đã ban,
Dưỡng nuôi con trẻ châu toàn mảnh thân.

KVẮC: Kinh vào ăn cơm.

Ngũ Đế

五帝

A: The five emperors of the antique China.

P: Les cinq empéreur de la Chine antique.

Ngũ: Năm, thứ năm. **Đế:** vua.

Ngũ Đế là năm vị vua vào thời thượng cổ nước Tàu, gồm: Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế, Nghiêu, Thuấn. (Xem chi tiết nơi chữ: Tam Hoàng Ngũ Đế, văn T).

Ngũ giới cấm

五戒禁

A: Five interdictions.

P: Cinq interdictions.

Ngũ: Năm, thứ năm. **Giới:** răn cấm. **Cấm:** không cho làm.

Ngũ giới cấm là năm điều răn không cho làm.

Ngũ giới cấm gồm: - Nhứt bất sát sanh, - Nhì bất du đạo, - Tam bất tà dâm, - Tứ bất tửu nhục, - Ngũ bất vọng ngữ.

Ngũ giới cấm được ghi rõ trong Tân Luật, Chương IV.

Đức Chí Tôn cũng có giải rõ Ngũ giới cấm trong 5 bài Thánh ngôn từ bài số 140 đến 144 trong TNHT. I & II hợp nhứt.

Ngũ giới cấm tương ứng với Ngũ thường của Đạo Nho:

1. Bất Sát sanh, tức là Nhân.
2. Bất Du đạo, tức là Nghĩa.
3. Bất Tà dâm, tức là Lễ.
4. Bất Tửu nhục, tức là Trí.
5. Bất Vọng ngữ, tức là Tín.

Đối với Phật giáo, đây là năm điều răn cấm mà người cư sĩ tu tại gia phải gìn giữ.

Trong Tứ thập nhị chương kinh có nói rằng: Đem đồ ăn dâng cho một ngàn người hiền, cái phước không bằng đem đồ ăn dâng cho một người trì Ngũ giới.

Do đó, Ngũ giới cấm rất là quan trọng. Người không giữ được Ngũ giới cấm thì không thể gọi là người tu hành.

"Mà tại sao Thầy lại buộc các con luyện đạo đều phải giữ tròn Ngũ giới cấm? Tại phép luyện đơn không phải dễ. Nếu các con phạm qui điều, không giữ giới thì không bao giờ các con tu đắc quả đặng.

Sự ăn chay là bổ cho Tiên Thiên, còn ăn mặn lại bổ cho Hậu Thiên. Các con nếu ăn mặn mà luyện đạo thì chơn thần bị khí Hậu Thiên làm cho nhớ bản nặng nề, khó thể xuất ra cho khỏi vùng trung giới được.

Còn sự dâm dục là một điều quan hệ nhứt cho người tu. Thầy đã nói một nhều tinh dịch của các con tức là một khối tinh thần, nên nếu các con để nó chảy lọt ra ngoài chừng trong một nhều thì cũng đủ cho các con phải hư hại đến hình hài thể phách rồi. Hướng chi mấy nhều tinh rớt lọt ra đó là mấy điểm Tiểu linh quang. Sau, các con chết, chúng nó sẽ kéo đến Nghiệt Đài mà bắt thường Thiên mạng.

Cười . . . Các con phải biết Thiên mạng chớ không phải là Nhơn mạng đâu nghe!" (ĐTCG)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

Ngũ Hành

- Ngũ Hành
- Ngũ Hành theo Hà Đồ
- Ngũ Hành theo Lạc thư
- Định luật tương sanh tương khắc
- Phân loại sự vật và hiện tượng theo Ngũ Hành

五行

A: Five primary elements, Five elements of nature.

P: Cinq éléments primaires, Cinq éléments de la nature.

Ngũ: Năm, thứ năm. **Hành:** làm, đi, hoạt động, chuyển vận.

Ngũ Hành nghĩa đen là năm hoạt động hay năm tác nhân, người ta cũng gọi là Ngũ Đức, nghĩa là năm thế lực.

Vậy Ngũ Hành là năm thế lực hoạt động tự nhiên, có ảnh hưởng tương sanh tương khắc với nhau để giải thích về cơ cấu của CKVT và vạn vật.

Thuyết Âm Dương giải thích về nguồn gốc của CKVT, thuyết Ngũ Hành thì giải thích cơ cấu của vũ trụ.

Trời có Ngũ Khí, Đất có Ngũ Hành.

Ngũ Khí của Trời ngưng kết tạo ra Ngũ Hành:

- Khí đen tụ trên không sanh ra Nước (Thủy),
- Khí đỏ rục ở trên không, sanh ra Lửa (Hỏa),
- Khí xanh ở trên không sanh ra Cây cỏ (Mộc),
- Khí trắng ngưng ở trên không sanh ra loài Kim (Kim),
- Khí vàng rộp ở trên không sanh ra Đất (Thổ).

Ngũ Khí là năm sắc khí: Đen, Đỏ, Xanh, Trắng, Vàng.

Ngũ Hành là: Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ. Đây là năm yếu tố căn bản tạo thành vạn vật.

Theo Triết gia Đông Trọng Thư, Khí Trời Đất hợp lại chỉ là một, chia ra thành Âm Dương, tách ra thành bốn mùa, bày giảng thành Ngũ Hành. Hành có nghĩa là đi, chuyển vận. Ngũ Hành được chú thích trong các sách xưa là: Năm Khí vận hành thuận theo đạo Trời.

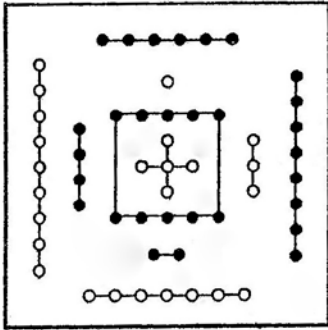
Ngũ Hành được nói rõ trong Kinh Thư, thiên Hồng Phạm Cửu Trù, tức là chín loại phép tắc lớn để cai trị, mà phép tắc lớn đầu tiên là Ngũ Hành.

Giữa Âm Dương và Ngũ Hành có sự liên hệ mật thiết với nhau. Khí Dương thịnh, gộp hành Mộc thành mùa Xuân, gộp hành Hỏa thành mùa Hạ. Khí Âm thịnh, gộp hành Kim thành mùa Thu, gộp hành Thủy thành mùa Đông.

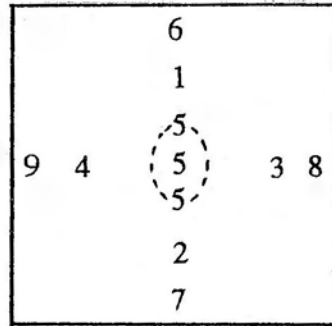
Âm Dương chuyển vận luôn luôn ảnh hưởng lên Ngũ Hành, khiến thời tiết biến đổi. Cùng với hai Khí Âm Dương, Ngũ Hành cũng biến chuyển không ngừng, trong CKVT.

I. Ngũ Hành theo Hà Đồ:

Hà đồ là bức vẽ do vua Phục Hy ghi lại khi thấy các vết chấm đen trắng trên lưng của con Long Mã xuất hiện trên sông Hoàng Hà. Hà đồ được ghi tóm tắt bằng hình vẽ dưới đây:



Hà Đồ



Hà Đồ tóm tắt bằng số

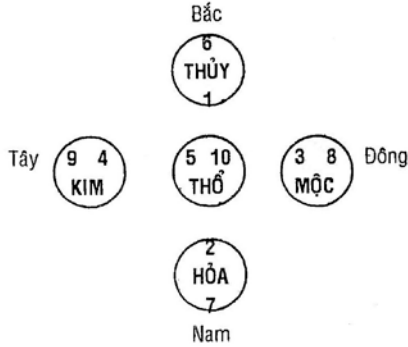
Từ Hà đồ biến ra Ngũ Hành được giải thích như sau:

- Số 1 là căn bản của muôn sự biến hóa, nên số Trời là 1 biến sanh Thủy (Nước). Tại sao?

Phàm vật chi, khi sơ sanh, hình thể là Nước. Nước là thể chất có trước nhứt của mọi vật hữu sanh. Nước sanh ở Dương và thành ở Âm. Khi Khí động thì Dương sanh, khi Khí tụ và tĩnh thì biến thành Nước. Cho nên, Trời 1 biến sanh Thủy; Đất 6 hóa thành Nước. Đó là lấy lúc đầu sanh Thủy thì 1, đến khi thành Thủy thì 6. Thủy (Nước) được Trời Đất Âm Dương sanh thành trước tiên, rồi sau mới có: Hỏa, Mộc, Kim, Thổ.

Vừa hết chu kỳ từ 1 đến 10 của Hà đồ thì Ngũ Hành thành hình. Như vậy:

- Số Trời 1 hiệp cùng số Đất 6 ở Bắc mà sanh Thủy,
- Số Đất 2 hiệp cùng số Trời 7 ở Nam mà sanh Hỏa,
- Số Trời 3 hiệp cùng số Đất 8 ở Đông mà sanh Mộc,
- Số Đất 4 hiệp cùng số Trời 9 ở Tây mà sanh Kim,
- Số Trời 5 hiệp cùng số Đất 10 ở trung ương sanh Thổ.



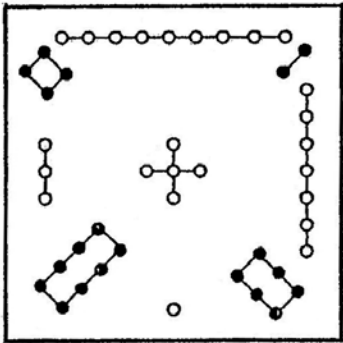
Bảng tóm tắt Hà đồ sinh Ngũ Hành

II. Ngũ Hành theo Lạc thư:

Lạc thư là sách do vua Hạ Vũ ghi lại các chấm trên lưng con Thần qui xuất hiện ở sông Lạc khi nhà vua trị thủy nơi đó.

Lạc thư mô phỏng theo hình lưng rùa nên có hình vuông, gồm 9 con số. Bố trí theo hình chữ Tịch 井

Nhờ Lạc thư mà vua Hạ Vũ đặt ra Hồng Phạm Cửu Trù.



Lạc Thư

4 KIM	9	2 HỎA
3 MỘC	5 THỔ	7
8	1 THỦY	6

Lạc Thư tóm tắt bằng số Lạc thư sinh Ngũ Hành

Hồng Phạm Cửu Trù là phép tắc lớn gồm chín Trù, mà đệ nhất Trù là Ngũ Hành.

SÁCH VIẾT:
Nhất viết Thủy,

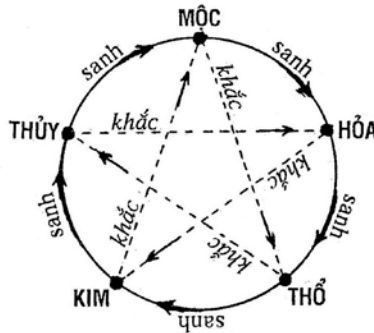
DỊCH NGHĨA:
Một là Thủy (nước),

Nhị viết Hỏa,	Hai là Hỏa (lửa),
Tam viết Mộc,	Ba là Mộc (cây),
Tứ viết Kim,	Bốn là Kim (kim loại),
Ngũ viết Thổ.	Năm là Thổ (đất).
Thủy nhuận hạ,	Nước thấm ướt đi xuống,
Hỏa viêm thượng,	Lửa cháy đi lên,
Mộc khúc trực,	Cây thì cong và thẳng,
Kim tòng cách,	Kim thì theo và đổi,
Thổ viên giá sắc.	Đất dùng gieo lúa và gặt.
Nhuận hạ tác hàm,	Nước thấm xuống tạo nên vị mặn,
Viêm thượng tác khổ,	Cháy bốc lên tạo vị đắng,
Khúc trực tác toan,	Cong và thẳng làm vị chua,
Tòng cách tác tân,	Theo và đổi tạo vị cay.
Giá sắc tác cam.	Gieo và gặt lúa tạo vị ngọt.

III. Định luật tương sanh tương khắc:

Mỗi Hành trong Ngũ Hành có tương quan mật thiết với nhau, hoặc Hành này sanh ra Hành kia, hoặc Hành này chế ngự hay phá hủy Hành kia, căn cứ theo đặc tánh thiên nhiên của mỗi Hành.

Triết gia Đông Trọng Thu đã sắp xếp thứ tự các Hành là: Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy, trên một vòng tròn. Hai Hành đứng liền nhau thì tương sanh, hai Hành đứng cách nhau thì tương khắc. Xem hình vẽ:



1. Định luật tương sanh:

Mộc sanh Hỏa. Hỏa sanh Thổ.

Thổ sanh Kim. Kim sanh Thủy.
Thủy sanh Mộc.

- Khoan gỗ thì tạo ra sức nóng biến thành lửa.
- Lửa đốt cháy mọi vật, tạo ra tro hòa vào đất.
- Đất sanh ra Kim loại, Kim loại ở trong đất.
- Kim loại nấu chảy thành chất lỏng (nước)
- Nước sanh ra cây cỏ và nuôi dưỡng cây cỏ.

2. Định luật tương khắc:

Thổ khắc Thủy. Thủy khắc Hỏa.
Hỏa khắc Kim. Kim khắc Mộc.
Mộc khắc Thổ.

- Đất thấm nước và ngăn chặn dòng nước.
- Nước thì dập tắt lửa.
- Lửa thì làm cho Kim loại biến hình.
- Kim loại làm thành dao chặt đứt gỗ.
- Cây cối làm cho đất nứt nẻ.

IV. Phân loại sự vật và hiện tượng theo Ngũ Hành:

Xem Bảng dưới đây:

	THỦY	HỎA	MỘC	KIM	THỔ
Vật chất	Nước	Lửa	Cây, gỗ	Kim loại	Đất
Hướng	Bắc	Nam	Đông	Tây	Tr. ương
Mùa	Đông	Hạ	Xuân	Thu	Tháng cuối mỗi mùa
Màu	Đen	Đỏ	Xanh	Trắng	Vàng
Mùi vị	Mặn	Đắng	Chua	Cay	Ngọt
Ngũ tạng	Thận	Tim	Gan	Phổi	Lá lách
Lục phủ	Bàng quang	Ruột non	Mật	Ruột già	Dạ dày
Ngũ quan	Tai	Lưỡi	Mắt	Mũi	Miệng
Ngũ âm	Vũ	Chũy	Giốc	Thương	Cung
Thập can	Nhâm Quý	Bính Đinh	Giáp Ất	Canh Tân	Mậu Kỷ
Loài vật	Mai cứng	Lông vũ	Có vẩy	Lông mao	Da trơn

Giữa Âm Dương và Ngũ Hành luôn luôn có sự liên hệ mật thiết với nhau. Do đó, Ngũ Hành bao gồm cả tánh cách của vật thể, các hiện tượng lẫn năng lượng, nên Ngũ Hành có mặt khắp nơi.

Người ta có thể phân loại sự vật, các hiện tượng trong vũ trụ theo Ngũ Hành. Bảng phân loại trên đây là một số trường hợp thường gặp.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Ngũ huân - Ngũ uẩn

五葷 - 五蘊

Ngũ: Năm, thứ năm. **Huân:** loài rau có mùi hôi, nồng, vị cay.

Ngũ huân là năm thứ rau có mùi hôi, vị cay, nên còn gọi là Ngũ tân hay Ngũ vị tân. (tân là cay).

Uẩn: chất chứa, tích tụ.

Ngũ uẩn là năm thứ tích tụ hòa hiệp tạo thành thân tâm của con người.

I. NGŨ HUÂN:

A: Five hot flavours.

P: Cinq saveurs bruálants.

Ngũ huân hay Ngũ vị tân gồm:

1. Hành: cách thông.
2. Hẹ: từ thông.
3. Tỏi: đại toán.
4. Kiệu: lan thông.
5. Nén: hưng cừ.

Bốn thứ: Hành, hẹ, tỏi, kiệu đều có ở Việt Nam, Trung hoa, Ấn Độ. Chỉ có nén (hưng cừ) thì không có ở VN và Trung hoa, chỉ có ở Ấn Độ.

1. Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn thì:

"Những người tu Phật, nhằm những ngày chay, không nên

ăn năm món ấy, cũng không nên gia vị vào đồ ăn, vì dùng năm món ấy thì hỏa động và bay hơi hôi hám. Ấy là những vị, những món không thanh tịnh.

Trong Bồ Tát Giải Kinh, ở khoản Giải Kinh Cấu thứ tư, có khuyên Phật tử không nên ăn Ngũ tân.

Trong Địa Tạng Kinh có dạy: Những người trì niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, trong thời kỳ trì niệm và tụng kinh, phải cữ Ngũ tân, và gìn giữ Ngũ giới cấm.

Thủ Lăng Nghiêm Kinh, quyển tám: Năm món cay nồng ấy, nếu ăn chín thì phát dâm, bằng ăn sống thì sanh nóng giận, những kẻ ăn những món ấy, dẫu có tài giảng thuyết 12 Bộ Kinh (Thập nhị Bộ Kinh) nhưng chư Thiên Tiên trong 10 phương đều xa lánh họ vì mùi hôi thúi của những món ấy. Còn những bọn quỉ đói thì nhờn họ ăn mấy món ấy, đến liếm mép họ, thành ra họ thường ở chung với quỉ, phước đức của họ càng ngày càng tiêu."

2. Theo Đại Thừa Chơn Giáo thì:

Người luyện đạo cần phải kiêng cữ Ngũ huân.

"Phải cữ Ngũ huân: Lại tu cũng cần phải cữ kiêng vật thức hàng ngày cho chính mới nên.

Đã biết ăn cho ngon miệng mới nuôi được thân phàm, song nuôi thân tuy béo mà hại đến linh hồn thì sao?

Bởi vậy, như loại Ngũ huân là loại ăn vô có thể làm cho yếu ớt linh hồn thì lẽ nào không cữ?"

3. Theo Tiên giáo thì:

Trong Đạo Sử I của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, trang 40, bài giảng cơ của ông Quý Cao ngày 16-1-1926:

"Ngũ Kỵ: Hành, Tỏi, Sắn, Ót, Tiêu.

Theo Phật giáo thì kỵ, Tiên giáo thì không.

Phật vì tích Thanh Đề Mộc Liên gọi là uế vật, là phi.

Tiên đạo cho dùng các thảo mộc, chẳng kỵ vật chi."

Trong Tân Luật, phần Tịnh Thất, không có điều nào nói về Ngũ huân hay Ngũ vị Tân.

II. NGŨ UẨN:

"Ngũ uẩn, còn được gọi là Ngũ âm (âm là tích lập).

Ngũ uẩn là 5 món tích tụ hòa hiệp làm thành thân tâm của con người. Chúng che khuất chơn lý khiến chúng sanh luân hồi, thọ khổ.

Ngũ uẩn gồm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

1. Sắc uẩn (Forme): chỉ chung mọi thứ vật chất hữu hình như năm căn, năm cảnh, v.v....

2. Thọ uẩn (Sensation): chỉ tác dụng của thọ sự vật của tâm đối với cảnh, cảm thấy buồn khổ hay vui sướng.

3. Tưởng uẩn (Perception): chỉ tác dụng tưởng tượng sự vật của tâm đối với cảnh.

4. Hành uẩn (Impression): tác dụng về mọi thứ thiện ác như: tham, sân, si,... của tâm đối với cảnh, tức là đối với cảnh vật đem lòng ham muốn hay ghét giận.

5. Thức uẩn (Conscience): bản thể hiểu biết, phân biệt sự vật của tâm đối với cảnh.

Trong Ngũ uẩn, Sắc uẩn là thân, còn 4 uẩn kia là tâm.

Kinh Tăng Nhứt Hàm: Sắc như bọt nước tụ lại, Thọ như bong bóng nổi phập phồng, Tưởng như hơi bốc vật vờ, Hành như cây chuối, Thức như huyền pháp.

Khi đã đạt được trí huệ, soi lại thì thấy Ngũ uẩn đều Không, Sắc tức là Không, mà Tưởng, Thọ, Hành, Thức cũng đều Không."

"Trong đoạn đầu bài 'Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Tâm Kinh' có nói rằng: Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, trong khi Ngài thi hành Bát Nhã Ba La Mật Đa, tức nền Trí huệ sâu xa đưa đến bờ giác, thì Ngài soi thấy rằng Ngũ uẩn đều là Không. Sự soi thấy như vậy độ thoát khỏi các sự khổ não tai ương.

Cái Sắc có khác gì cái Không, và cái Không có khác gì cái Sắc đâu? Sắc tức là Không và Không tức là Sắc vậy.

Cho đến cái Thọ, cái Tưởng, cái Hành và cái Thức cũng đều như vậy cả.

Ngũ Kinh

五經

A: The five classical books of the Confucian doctrine.

P: Les cinq livres classiques de la Doctrine confucienne.

Ngũ: Năm, thứ năm. **Kinh:** sách do các bậc Thánh Hiền viết ra để giáo hóa dân chúng.

Ngũ Kinh là năm quyển sách thời xưa làm nền tảng cho Nho giáo. **Ngũ Kinh** gồm: **Dịch, Thư, Thi, Lễ, Xuân Thu.**

Ngoài Ngũ Kinh, Nho giáo còn có Tứ Thư: bốn quyển sách, cũng rất quan trọng của Nho giáo. Tứ Thư gồm: Đại học, Luận Ngữ, Trung Dung, Mạnh Tử. (Xem: **Tứ Thư, văn T**)

Nguồn gốc của Ngũ Kinh:

"Cái đạo của Thánh Hiền đời xưa ghi chép ở cả trong những sách: **Dịch, Thư, Thi, Lễ, Nhạc.** Đức Khổng Tử, Ngài xem kỹ những sách ấy, rồi giải thích những chỗ khó hiểu, để phát minh cái nghĩa sâu xa ra, hoặc xếp đặt lại cho rõ ràng. Ngài lại làm ra bộ sách **Xuân Thu** để bày tỏ những quan niệm của Ngài về đường chánh trị. Sách của Ngài soạn ra, tất cả có 6 bộ, đời sau gọi là Lục Kinh.

Sau khi Đức Khổng Tử mất, những sách ấy đã mất mát đi ít nhiều, rồi đến đời nhà Tần, lại có việc đốt sách chôn học trò, thành thử các sách của Ngài, phần thì lâu ngày mất đi, phần thì bị đốt hại, không còn được bao nhiêu.

Đến đời nhà Hán, Đạo Nho hưng thịnh lên, vua nhà Hán sai tìm nhặt các sách, thì không tìm được quyển nào còn nguyên nữa, nhất là Kinh Nhạc thì mất gần hết, chỉ còn lại có một thiên, sau đem ghép vào bộ Lễ Ký, đặt là thiên Nhạc Ký. Kinh Lễ cũng thiếu nhiều, các vị Hán Nho mới phụ họa thêm vào, để làm ra bộ Lễ Ký.

Hiện nay, những sách ấy, tuy có sai lạc đi nhiều, nhưng Hậu Nho đã góp nhặt và phụ họa vào thành ra được Ngũ Kinh là: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch và Kinh Xuân Thu." (Nho giáo **Trần Trọng Kim**)

1. Kinh Dịch:

Dịch là sách tượng số để bói toán, xem cát hung và lại là bộ sách Lý học, giải thích lẽ biến hóa của Trời Đất và sự hành động của vạn vật.

Nguyên người Tàu thời thượng cổ tin rằng ở trong Trời Đất có lẽ Âm Dương, lúc ẩn lúc hiện, biến hóa không lường.

Vua Phục Hy, nhân có được Hà đồ, mới vạch ra thành tám quẻ gọi là Tiên Thiên Bát Quái, rồi lấy 8 quẻ ấy cho chồng lên nhau từng đôi một, tạo thành 64 quẻ, mỗi quẻ có 6 hào, và 64 quẻ có tất cả là 384 hào.

Đến đời vua Hạ Vũ, nhờ được Lạc thư, vua đặt ra Hồng Phạm Cửu Trù để làm biểu lý với Bát Quái của vua Phục Hy. Những quẻ của Phục Hy là để vẽ các tượng Âm Dương, những Trù của Hạ Vũ là để tính cái số Ngũ Hành.

Những quẻ Dịch từ đời vua Phục Hy truyền lại, chỉ vẽ thành quẻ mà chưa có văn tự giải thích.

Đến đời vua Văn Vương nhà Châu, khi Ngài bị vua Trụ bắt giam nơi Dũ Lý trong 7 năm, vua Văn Vương mới nghiên cứu diễn lại các quẻ Dịch, và đặt ra Hậu Thiên Bát Quái.

Vua Văn Vương viết ra Thoán Từ để giải thích ý nghĩa của mỗi quẻ.

Đến đời con Ngài là Ông Châu Công Đán, lại đặt ra Hào Từ để giải thích ý nghĩa của từng Hào của mỗi quẻ.

Song sự học Dịch lúc đó là sự học Tâm truyền, chỉ để người nọ truyền cho người kia mà thôi, cho nên những lời Thoán Từ của vua Văn Vương và Hào Từ của Chu Công Đán rất vắn tắt, ý nghĩa xa xôi, lơ lửng, rất khó hiểu. Ấy là Kinh Dịch trước thời Đức Khổng Tử, chỉ có bao nhiêu đó thôi.

Đến đời Đức Khổng Tử, Ngài mới theo những Thoán Từ của Văn Vương và Hào Từ của Chu Công, rồi lấy cái kinh nghiệm hiểu biết riêng của Ngài về nhân sự thiết thực, mà cắt nghĩa thêm ra cho rõ, tức là Ngài làm ra Thoán Truyện và Tượng Truyện. Giải cái tượng của mỗi quẻ gọi là Đại Tượng, giải cái tượng của mỗi Hào gọi là Tiểu Tượng.

Đức Khổng Tử sợ cắt nghĩa như thế chưa đủ, Ngài lại làm thêm những thiên: Hệ Từ Truyện, Văn Ngôn Truyện, Thuyết Quái Truyện, Tự Quái Truyện, Tạp Quái Truyện, gồm tất cả 10 thiên, gọi là Thập Dục hay là Truyện.

Đức Khổng Tử lại lấy theo ý nghĩa mà phân Kinh Dịch ra làm hai phần gọi là: Thượng Kinh và Hạ Kinh.

Thượng Kinh để quẻ CÀN quẻ KHÔN lên đầu, vì Càn Khôn là bản thủ của Âm Dương, tông tổ của vạn vật.

Hạ Kinh thì để quẻ HÀM và quẻ HẰNG lên đầu vì hai quẻ này là đầu mối của nam nữ, tạo thành đạo vợ chồng. Nhơn đạo do đó mà hưng thịnh lên.

Từ đó về sau, Kinh Dịch có hai thiên Kinh (Thượng, Hạ) và 10 thiên Truyện (Thập Dục), cộng cả thầy là 12 thiên.

Trong những thiên Truyện, Đức Khổng Tử giải thích rõ ràng các ý nghĩa sâu xa của Kinh Dịch và phát huy những tư tưởng uyên áo về Tạo Hóa, những quan niệm đặc biệt về vũ trụ và vạn vật. Ngài lập thành nền Lý học của Nho giáo.

Đức Khổng Tử học Kinh Dịch mất rất nhiều công phu. Khi Ngài đã già, Ngài còn xem Kinh Dịch đến 3 lần đứt lẽ mới làm ra được các thiên Truyện. Thế mà Ngài còn nói: Gia ngã sở niên, tốt dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hỹ. Nghĩa là: giá cho ta thêm được mấy năm nữa để ta học Dịch cho trọn vẹn thì khả dĩ không có điều làm lớn vậy.

Một bộ sách mà Thánh nhân đã phải dụng tâm đến như thế và cho là khó hiểu như thế, tất phải có bao nhiêu tư tưởng kỳ diệu trong đó, chúng ta nên biết và đừng nên khinh thường.

Vậy bộ Kinh Dịch mà chúng ta đang có hiện nay đã trải qua bốn vị Thánh nhân: vua Phục Hy, vua Văn Vương, Châu Công Đán, và Đức Khổng Tử.

2. Kinh Thư:

Kinh Thư là bộ sách chép những Điền, Mô, Huấn, Cáo, Thệ, Mệnh của vua tôi dạy bảo lẫn nhau, từ đời vua Nghiêu vua Thuấn cho đến đời Đông Châu.

Sách ấy được xem là bộ sử rất có giá trị, khiến cho hậu thế có thể biết được tư tưởng của cổ nhân về Đạo lý, chế độ,

phép tắc từ đời nọ qua đời kia, hiểu được sự tiến hóa của dân tộc Trung hoa.

Nhưng vì Kinh Thư đã bị Tần Thủy Hoàng đốt mất, đến đời nhà Hán, mới có quan Bác sĩ của đời nhà Tần tên là Phục Sinh (có sách chép là con gái của ông ấy) nhớ thuộc lòng mà đọc cho chép lại được 29 thiên. Sau ở nước Lỗ, lại tìm được trong vách nhà của Đức Khổng Tử một tập 25 thiên viết bằng chữ cổ. Những thiên của Phục Sinh đọc chép lại gọi là Kim Văn, những thiên tìm được trong vách nhà Đức Khổng Tử gọi là Cổ Văn.

Về sau, Khổng An Quốc đời Đông Hán, xếp cả Kim Văn lẫn Cổ Văn làm thành Kinh Thư, truyền đến ngày nay.

Xem Kinh Thư thì biết cái tánh chất phác và lối văn chương của cổ nhân. Những hành vi và tư tưởng chép trong Kinh Thư đều lấy hai chữ CHẤP TRUNG làm cốt.

3. Kinh Thi:

Kinh Thi là bộ sách chép những bài ca bài dao từ thời thượng cổ đến đời vua Bình Vương nhà Châu.

Ca là bài hát có điệu có vần, dùng vào lúc tế tự hay vào khi có việc hỷ việc hiếu. Dao là lời hát truyền khẩu của dân gian trong thôn dã.

Xem Kinh Thi thì biết những tánh tình, phong tục và chánh trị các đời và các nước chư Hầu của nước Tàu thời xưa. Như Mân Phong là nói về cái tục cần kiệm của người nước Mân. Vệ Phong là nói về cái tục dâm mỹ của người nước Vệ. Tần Phong thì nói về cái sự hối quá của người nước Tần. Đại Nhã và Tiểu Nhã nói về việc chánh trị thịnh suy đời nhà Châu.

Học Kinh Thi để di dưỡng tánh tình và mở rộng tri thức của con người.

Kinh Thi có nhiều ý tứ, nhưng khi xem sách ấy, phải giữ cái Tâm của mình cho chánh thì sự học mới có ích lợi.

Đức Khổng Tử nói: *Thi tam bách nhất ngôn dĩ tế chi: Tư Vô Tả*. nghĩa là: 300 bài trong Kinh Thi, lấy một lời mà nói trùm cả là: không nghĩ bậy.

4. Kinh Lễ:

Kinh Lễ là bộ sách chép những lễ nghi để hàm dưỡng những tình cảm tốt, để giữ trật tự lớn nhỏ phân minh và để tiết chế tình dục. Phàm những tình cảm của con người mà không có cái gì để bồi dưỡng luôn thì dần dần nó biến đổi hay có thể hóa dở được. Dùng Lễ là có ý gây nuôi những tình cảm tốt. Người ta ở trong xã hội có những việc quan hệ đến phong tục, tôn giáo, nếu không có phép tắc rõ ràng thì việc tế tự, việc hiếu, việc hỷ, cách ăn uống ở làng, ở nước thành ra hồ đồ hỗn độn, việc thù tiếp, cách đối đãi thành ra khó xử.

Dùng Lễ để phân biệt tôn ti, thân sơ, và để giải thích những sự hiềm nghi.

Người ở đời, ai cũng có lòng tự dục, nếu không có qui củ để phòng giữ trước thì thường nó hay khiến người ta làm những điều bất nhân phi nghĩa. Dùng Lễ là để tài chế sự hành vi cho hợp lễ phải.

Học Lễ thì phải hiểu chữ *Vô bất kính*, nghĩa là: không có điều gì là không kính. Đối với mình, cũng như đối với người, bao giờ cũng lấy sự kính làm chủ. Không có kính thì bao nhiêu lễ thành ra hư văn vô ích. (Xem thêm: **Lễ Nhạ, văn L**)

5. Kinh Xuân Thu:

Kinh Xuân Thu là bộ sách do Đức Khổng Tử làm ra. Ngài theo lối văn Sử mà chép truyện của nước Lỗ, truyện của nhà Châu và các nước chư Hầu. (Xem chi tiết nơi chữ: **Khổng Tử tác Xuân Thu, văn Kh**). [Theo Nho giáo của Trần Trọng Kim]

Ngũ Lôi tru diệt

五雷誅滅

Ngũ: Năm, thứ năm. **Lôi:** sấm sét. **Tru:** giết chết. **Diệt:** làm tiêu mất. **Tru diệt:** giết chết cho tiêu mất.

Ngũ Lôi là năm vị Lôi Thần hay năm vị Lôi Công, tức là năm vị Thần coi về sấm sét. (Xem chi tiết nơi chữ: **Lôi Công**).

Ngũ Lôi tru diệt là năm vị Thần sấm sét giết chết.

Hình phạt Ngũ Lôi tru diệt giống như hình phạt: Thiên tru Địa lục: Trời giết chết, Đất giết chết.

Đây là hình phạt rất nặng nề dành cho những người nào phạm Thiên điều một cách rất nặng nề hay phạm thế.

Khi người nào bị kết án Ngũ Lôi tru diệt thì năm vị Lôi Thần dùng sấm sét đánh chết người đó, làm cho:

- Thở xác người đó cháy đen.

- Chơn thần người đó bị đánh tiêu tan, làm cho chơn linh không còn nơi nương tựa, phải bị xiêu lạc vất vớ trong CKVT.

Chơn linh phải chịu vất vớ như thế một thời gian rất dài, chờ đến khi nào Đức Chí Tôn mở ra một cuộc Đại Ân Xá thì điểm chơn linh ấy mới được Đức Phật Mẫu tái tạo cho một chơn thần để đầu kiếp xuống trần trả quả và tiến hóa.

Hình phạt "*Ngũ Lôi tru diệt*" nặng hơn hình phạt "*Tận đọa tam đồ bất năng thoát tục*", bởi vì hình phạt sau không bị giết chết, nên vẫn còn giữ được chơn thần mà chịu hình phạt, khi xong thì tiếp tục tiến hóa. Trong khi bị đọa tam đồ, nếu gặp thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn thì được tha thứ và cho đi đầu kiếp trả quả.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Ngũ luân

五倫

A: Five cardinal relationships.

P: Cinq relations cardinales.

Ngũ: Năm, thứ năm. **Luân:** thứ bậc đối đãi, đạo thường.

Ngũ luân là năm thứ bậc đối đãi theo đạo thường của con người đối với xã hội và gia đình.

Ngũ luân gồm:

1. Quân thần: vua tôi. Vua phải minh, thần phải trung.
2. Phụ tử: cha con. Cha phải tử, con phải hiếu.
3. Phu phụ: chồng vợ. Chồng trọn nghĩa, vợ trọn trinh.
4. Huynh đệ: anh em. Anh em như thể chân tay.
5. Bằng hữu: bạn bè. Phải lấy tín thành mà đối đãi nhau.

Đức Khổng Tử cho Ngũ luân là Ngũ Đạt đạo, tức là năm con đường vĩnh hằng, không thay đổi.

Sách Mạnh Tử không nói Ngũ luân, mà nói Nhơn luân, tức là đạo cư xử của con người, gồm:

- Vua tôi có đạo nghĩa.
- Cha con có tình thân.
- Chồng vợ phân chia nhiệm vụ: phu ngoại, thê nội.
- Lớn tuổi nhỏ tuổi có trật tự.
- Bạn bè có trung tín.

Ngũ nguyện

五願

A: Five aspirations.

P: Cinq aspirations.

Ngũ: Năm, thứ năm. **Nguyện:** cầu nguyện, nguyện vọng.

Ngũ nguyện là năm câu cầu nguyện.

Ngũ Nguyện:

- *Nam mô: Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai,*
- *Nhi nguyện phổ độ chúng sanh,*
- *Tam nguyện xá tội đê tử,*
- *Tứ nguyện thiên hạ thái bình,*
- *Ngũ nguyện Thánh Thất an ninh.*

Sau mỗi thời cúng Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng, hoặc cúng Đức Phật Mẫu, chúng ta đều phải đọc Ngũ Nguyện, đó là năm điều mà chúng ta mong ước trong suốt kiếp sanh gặp Đạo tu hành.

Nếu chúng ta thực hiện được năm điều Nguyện này thì chúng ta có được Tam Lập: **Lập đức, Lập công** và **Lập ngôn**. Trong Lập công có: *Công phu, Công quả, Công trình*.

1. Muốn thực hiện Nhứt nguyện thì chúng ta phải thuyết giảng giáo lý, truyền bá kinh sách của Đạo, đó là **Lập ngôn**.

2. Muốn phổ độ chúng sanh thì chúng ta phải phụng sự chúng sanh, đưa chúng sanh về đường đạo đức, đó là **Công quả**.

3. Muốn được Đức Chí Tôn tha thứ tội tình thì chúng ta phải ăn năn sám hối tội lỗi đã qua, và lập hạnh giữ gìn giới luật tu hành để không gây ra tội mới, đó là **Công trình**.

4. Muốn cho thiên hạ được thái bình thì chúng ta hằng ngày khi cúng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, chúng ta cầu nguyện hai Đấng ấy ban ơn huệ cho chúng sanh giữ được thiện tâm để đối xử với nhau được hòa bình, đó là **Công phu**.

5. Muốn cho Thánh Thất và toàn thể thế giới được an ninh thì chúng ta phải sống và hành động thế nào cho hợp lòng người, thuận đạo Trời, để nương theo đó cùng chúng sanh tiến hóa, đó là **Lập đức**.

Đó là ý nghĩa của Ngũ Nguyện, và chúng ta xem đây là bổn phận phải làm của một tín đồ, chớ không phải Nguyện suông rồi thôi.

Ngũ Nương

五娘

A: Fifth Muse.

P: Cinquième Muse.

Ngũ: thứ năm. **Nương:** tiếng gọi người phụ nữ quý phái.

Ngũ Nương là vị Nữ Tiên đứng hàng thứ năm trong Cửu vị Tiên Nương DTC, hầu cận Đức Phật Mẫu.

Ngũ Nương cầm bửu pháp Như Ý, tiến dẫn các chơn hồn đến từng Trời thứ năm trong Cửu Trùng Thiên là từng Xích Thiên. Nơi đây, chơn hồn được hướng dẫn đến Minh Cảnh Đài để xem trở lại các hành vi thiện ác trong suốt kiếp sanh của mình vừa qua nơi cõi trần, rồi đến Cung Ngọc Diệt Hình mở quyển Vô Tự Kinh để thấy rõ quả duyên của mình.

Trong một kiếp giáng trần ở Việt Nam, Ngũ Nương có tên là LIỄU, nên bài thái hiến lễ Ngũ Nương trong Lễ Hội Yến DTC có chữ khởi đầu là Liễu:

Liễu yếu điệu còn ghen nét đẹp,
Tuyết trong ngần khó phép so thân.
Hiu hiu nhẹ gót phong trần,
Đài sen mấy lượt gió thần đưa hương.

Vài bài thi của Ngũ Nương khởi đầu bằng chữ LIỄU:

Liễu yếu ớt những lo gió dội,
 Có mảnh thân e nổi khổ thân.
 Riêng lo tài sắc hồng quần,
 Không nhớ bợn tục, nợ trần lánh chân.

Liễu dựa bên lá cành đã dượi,
 Hỏi buồn chi nên nổi xơ rơ?
 Trăng khuya dựa cửa đứng chờ,
 Tiếng tiêu tỉnh mộng bây giờ mới rao?

Ngũ Nương không thường giảng cơ dạy Đạo. Chúng tôi sưu tầm được một bài giảng cơ của Ngũ Nương sau đây:

Phò loan:
 G.H. Khai và
 Minh Liêm.

*Đêm 12-2-Giáp Ngọ (dl 6-3-1954)
 lúc 1 giờ 30 khuya.*

NGŨ NƯƠNG DTC

Mừng các em nam nữ.

Hồng trần luống buộc ràng thể chất,
 Phải trau tâm đặng cất Cao Đài.
 Thương ai ở thể sương mai,
 Vì chường tội lỗi công hoài khó nên.

Nên kiếp Thánh hằng trau tâm tánh,
 Dẹp trái oan đặng lánh bụi hồng.
 Thương ai những lúc thông dong,
 Đường Tiên xin nhớ hướng đồng qui hồi.

Hồi cảnh tỉnh chuông mời thúc giục,
 Để lánh xa hưởng phúc tạo nhà.
 Thương ai bỏ kiếp trắng hoa,
 Vì sao mới nhớ, chớ xa cội nguồn.

Nguồn đạo hạnh là bài thức tỉnh,
 Khách trần gian phải vịn nên giò.
 Thương ai ráng giữ cao ngời,
 Đò Tiên chực sẵn lần hồi kéo xô.

Xê bóng Đạo hơn xê tâm tánh,

Lánh tà tinh dục cảnh nên thuyền.
 Thương ai cho mãi truân chuyên,
 Thì ra một kiếp phụ quyền ơn sanh.

Sanh ở thế ráng gìn đạo đức,
 Khép vào nơi sánh bực cùng người.
 Thương ai để thắm sông môi,
 Làn qua ải khuyết mây phơi phủ chông.
 Chồng chất đồng mà quên Đạo cả,
 Uổng cho thân một khóa lâm trần.
 Thương ai nên giữ lấy thân,
 Rồi về Tiên cảnh non Bồng ngao du.

Công đức sớm chiều nao mới hả?
 Phép tu thân giục giã không chờ.
 Thương ai chớ có hững hờ,
 Rồi đây ân hận một giờ gió trăng.
 Thương người chỉ gởi đôi câu. Cười....

Các em xem mà tìm chơn lý, rồi sẽ bước đến đài vinh hạnh buổi sau này. Lúc nọ có một quái nhơn dám mượn danh Chị để diễn những trò mà đời cho là văn bất nhã. Đó là nhơn điển. Chúng tìm mưu mô phá rối nhơn tình, nhưng Chị không nói nhiều, ông Nhị Thiên Đường biết rồi.

Còn em Nỉ nói lại em Phấn ráng tịnh dưỡng, ráng cẩn thận, nhưng rồi mọi việc đều yên.

Chị mừng chung các em. THĂNG.

DTC: Diêu Tri Cung.

Ngũ phúc lâm môn

五福臨門

Ngũ: Năm, thứ năm. **Phúc:** phước, điều may mắn tốt lành.
Lâm: tới. **Môn:** cửa, nhà.

Ngũ phúc lâm môn là năm điều phước đến nhà.

Đây là câu chúc tụng mà người Tàu thường dùng để chúc người cất nhà mới, ăn lễ Tân gia.

Theo Kinh Thư, Ngũ phúc ở vào Trù thứ 9 trong Hồng Phạm Cửu Trù, gồm:

- Nhứt viết Thọ.
- Nhị viết Phú.
- Tam viết Khang ninh.
- Tứ viết Du hảo đức.
- Ngũ viết Khảo chung mệnh.

Nghĩa là:

- Một là Thọ (sống lâu).
- Hai là Phú (giàu).
- Ba là Khang ninh (mạnh khỏe, an vui).
- Bốn là Du hảo đức (yêu chuộng cái đức).
- Năm là Khảo chung mệnh (chết già được trọn đời).

Đó là theo Kinh Thư. Ngoài ra, người ta còn nói:

Ngũ phúc gồm: Phú, Quí, Thọ, Khang, Ninh.

Ngũ phúc

五服

A: The five kinds of mourning dress.

P: Les cinq sortes d'habillement de deuil.

Ngũ: Năm, thứ năm. **Phục:** quần áo tang.

Ngũ phục là năm loại quần áo tang dùng trong năm trường hợp để tang.

Theo Nho, Ngũ phục gồm có:

1. Trảm thôi 斬衰
2. Tư thôi 齊衰
3. Đại công 大功
4. Tiểu công 小功
5. Tư ma 緦麻

Nếu căn cứ vào thời gian để tang thì có 5 bậc:

1. Tang 3 năm: Tam niên
2. Tang 1 năm: Cơ niên 期年

3. Tang 9 tháng: Cửu nguyệt
4. Tang 5 tháng: Ngũ nguyệt
5. Tang 3 tháng: Tam nguyệt

Giải thích Ngũ phục:

1. Trảm thô: Trảm là cắt đứt, thô là áo tang. Trảm thô là áo tang bằng vải thô trắng thật xấu, gấu áo cắt mà không viền, bỏ xử xuống; quần xử lai không khâu bằng phẳng.

2. Tư thô: Tư tức là Tề: viền lại cho bằng. Tư thô là gấu áo tang có lên lai, khâu lại cho bằng phẳng; quần cũng lên lai bằng phẳng.

3. Đại công: Theo cổ lễ, tang phục đại công dùng loại vải bớt thô hơn Trảm thô. Đại công có nghĩa là vải đã dệt gia công nhưng còn thô.

4. Tiểu công: Vải dệt kỹ càng tinh vi hơn đại công.

5. Tư ma: Tư hay Ti là vải gai sợi nhỏ dùng để may đồ tang. Ma là cây gai dùng để lấy sợi dệt vải thưa. Tư ma là loại vải sợi nhỏ như tơ, tinh vi hơn Tiểu công.

Theo Cổ lễ của Nho giáo, thời gian để tang và tang phục được qui định như sau:

- Tang 3 năm và 1 năm dùng Trảm thô hay Tư thô.
- Tang 9 tháng thì dùng tang phục Đại công.
- Tang 5 tháng thì dùng tang phục Tiểu công.
- Tang 3 tháng thì dùng tang phục Tư ma (Ti ma).

Trong Đạo Cao Đài, theo TÂN KINH, thời hạn để tang được giảm bớt, đơn giản hơn cổ lễ, chỉ phân 3 thời hạn để tang:

* Để tang **81 ngày**, tới *Chung cửu* thì mãn. (tương ứng với để tang 3 tháng theo cổ lễ).

* Để tang **281 ngày**, tới *Tiểu tường* thì mãn. (tương ứng với để tang 1 năm theo cổ lễ).

* Để tang **581 ngày**, tới *Đại tường* thì mãn. (tương ứng với để tang 2 năm hoặc 3 năm theo cổ lễ).

CÁCH THỨC ĐỂ TANG

1. Tang Cha Mẹ:

- Về phần con trai:

Con thợ tang cha dùng Trảm thối và gậy trúc (gậy bằng cây trúc hay cây tre cũng được), đến đại tường là mãn.

Con thợ tang mẹ, dùng Trảm thối và gậy vòng (bằng cây vòng đồng) đến đại tường là mãn.

- Về phần con gái:

- Con gái xuất giá thợ tang cha mẹ dùng Tư thối, đến tiểu tường là mãn.
- Con gái tại gia, chưa xuất giá, dùng Trảm thối, đến đại tường là mãn.

Tang phục Trảm thối là áo bằng vải xô, cổ trụ như áo lễ, không lên tròn, đường sống lưng may lộn ra ngoài, ở phía sau lưng, trên vai may kèm một miếng vải nhỏ gọi là phụ bản, tổ dấu mang sự đau xót trên lưng, quần thì số lai, không khâu bằng phẳng. Ngang lưng quấn một sợi dây bằng rơm hay bằng bẹ chuối đánh 3 tao.

Tang cha thì con trai chống gậy trúc, tang mẹ thì chống gậy vòng. Cây gậy có bề dài bằng khoảng cách từ gót chân lên tới quả tim, gốc chống xuống đất. Tục lệ giải thích việc chống gậy là để tỏ rằng, con vì quá bi ai nên yếu sức phải chống gậy mà đi. Gậy trúc tròn tượng trưng cha, người quân tử; gậy vòng đẽo phía dưới cho có cạnh vuông, tượng trưng mẹ hiền.

Con trai thì đội bức cân bao trùm đầu tóc, làm bằng tám vải vuông 8 tấc (hay 7 tấc), cổ lễ thì có đội mũ rơm (hay dùng dây chuối thay rơm) bện thành hình tròn bọc vải thô.

Con gái thì đội mũn, cũng làm bằng vải thô gấp chéo một đầu thành hình chóp nón.

2. Kế phụ:

- **Đồng cư kế phụ:** Kế phụ và mình ở chung, để tang 1 năm đến tiểu tường là mãn. Trước có ở chung, sau không ở chung, để tang 3 tháng, đến tuần chung cửu là mãn.

- **Bất đồng cư kế phụ:** không ở chung, không thợ tang.

3. Giá mẫu, Xuất mẫu, Kế mẫu, Tử mẫu:

- **Giá mẫu:** người mẹ, sau khi cha mình mất lại tái giá, để tang 1 năm đến tiểu tường là mãn.

- **Xuất mẫu:** người mẹ, mà cha mình thôi đi, để tang 1 năm đến tiểu tường là mãn. Như người mẹ không tái giá, tang Tư thôi 2 năm đến đại tường là mãn.

- **Kế mẫu:** mẹ mình mất, cha lấy bà kế mẫu, để tang 1 năm, đến tiểu tường là mãn.

- **Tử mẫu:** mẹ mình mất sớm, mình còn bé, cha mình giao cho bà mẹ kế nuôi mình lớn khôn, gọi là tử mẫu, để tang Tư thôi 2 năm đến đại tường là mãn.

4. Bác, chú, cô:

Đồng tang 1 năm, đến tiểu tường là mãn. Như có xuất giá, tang 3 tháng đến tuần chung cửu là mãn.

5. Cậu, dì: Đồng tang 3 tháng, đến chung cửu là mãn.

6. Ông Cố, bà Cố: Tang 3 tháng, đến chung cửu là mãn

7. Ông nội, bà nội: Tang Tư thôi đến đại tường là mãn.

Cháu đích tôn thừa trọng, thay thế cha, chịu tang ông nội bà nội thì dùng Trảm thôi, đến đại tường là mãn.

8. Ông ngoại, bà ngoại: Tang đến tiểu tường là mãn.

9. Tang vợ chồng:

- Chồng thọ tang vợ, đến đại tường là mãn. Mãn tang mới được lấy vợ khác.
- Vợ thọ tang chồng đến đại tường là mãn. Mãn tang chồng mới được tái giá.

10. Anh chị ruột: Em để tang đến tiểu tường là mãn.

11. Anh chị chung mẹ khác cha: Em để tang 3 tháng đến chung cửu là mãn.

12. Tang bên chồng:

- Nàng dâu thọ tang cha mẹ chồng, dùng Tư thôi, đến đại tường là mãn.
- Ông nội bà nội của chồng: tang đến tiểu tường là mãn.

13. Tang bên vợ:

Chàng rể thọ tang cha mẹ vợ đến tiểu trường là mãn.

14. Tang người thân tộc:

Vì ân nghĩa thầy trò, vì tình bạn, trò để tang cho thầy, bạn để tang cho bạn, tùy ý, không hạn thời gian bao lâu.

Vì đại ân, kẻ thọ ân để tang người ân, không hạn kỳ.

Vì đại nghĩa, những kẻ anh hùng liệt sĩ, lập công vĩ đại, có ích cho hơn quần xã hội, cho Đạo, cho đời, dân cảm mến để tang không hạn kỳ. (Theo quyển *Quan Hôn Tang Lễ của Hội Thánh xuất bản năm 1976*).

Ngũ tạng - Lục phủ

五臟 - 六腑

A: The five visceras - The six principal organs.

P: Les cinq viscères - Les six organes principaux.

Ngũ: Năm, thứ năm. **Tạng:** bộ phận trong vùng ngực và bụng. **Lục:** sáu. **Phủ:** bộ phận trong vùng bụng.

- *Ngũ tạng là năm bộ phận quan trọng trong vùng ngực và bụng của con người. Ngũ tạng gồm: tâm, can, tỳ, phế, thận.*

Tâm là tim, can là gan, tỳ là lá lách, phế là phổi, thận là hai quả cật.

- *Lục phủ là sáu bộ phận quan trọng trong vùng bụng của cơ thể con người. Lục phủ gồm: Vị, đởm, tam tiêu, bàng quang, tiểu trường, đại trường.*

Vị là bao tử, đởm là mật, bàng quang là bọng đái, tiểu trường là ruột non, đại trường là ruột già. Tam tiêu là ba tiêu: thượng tiêu là miệng trên của bao tử, trung tiêu là khoảng giữa bao tử, hạ tiêu là miệng trên của bàng quang.

Ngũ tạng và Lục phủ của con người cũng được phân ra theo Ngũ Hành:

- | | | |
|--------|---------|-------------|
| - KIM | : Phổi, | Ruột già. |
| - THUỶ | : Thận, | Bàng quang. |
| - MỘC | : Gan, | Mật |

- HỎA : Tim, Ruột non.
- THỔ : Lá lách, Dạ dày.

TNHT: Phải hiểu rằng *ngũ tạng, lục phủ* cũng là khối sanh vật mà thành ra....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ngũ thập nhi tri Thiên mệnh

五十而知天命

Ngũ: Năm, thứ năm. **Thập:** mười. **Nhi:** tiếng dùng để chuyển ý. **Tri:** biết. **Thiên mệnh:** mệnh Trời.

Ngũ thập nhi tri Thiên mệnh nghĩa là 50 tuổi mới biết được mệnh Trời.

Từ câu nói này, trong văn chương thường sử dụng các từ ngữ sau đây để chỉ về tuổi: Tri Thiên hay Tri Thiên mệnh để chỉ tuổi 50. (Xem chi tiết nơi chữ: **Bất hoặc, văn B**).

NTTP: Thôi gần hết kiếp còn gì!
Co tay đếm tuổi quá kỳ *tri Thiên*.

NTTP: Nữ Trung Tòng Phận.

Ngũ thường

五常

A: Five cardinal virtues.

P: Cinq vertus cardinales.

Ngũ: Năm, thứ năm. **Thường:** hằng có, luôn luôn có.

Ngũ thường, dịch ra là: Năm hằng, là năm đức tốt cần phải có luôn luôn trong đạo làm người.

Ngũ thường gồm: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

(Xem chi tiết: **Tam cương - Ngũ thường, văn T**)

NGỰ

NGỰ

NGỰ: 寓 Ở nhờ, ký thác vào.

Td: Ngự đạo ư văn, Ngự ngôn.

Ngự đạo ư văn

寓道於文

Ngự: Ở nhờ, ký thác vào. **Đạo:** đạo lý. **Ư:** ở tại. **Văn:** văn chương.

Ngự đạo ư văn là gửi đạo lý vào trong văn chương, nghĩa là dùng văn chương để diễn đạt đạo lý.

Thành ngữ này đồng nghĩa với: **Văn dĩ tải đạo:** dùng văn chương để chở đạo lý.

Ngự ngôn

寓言

A: Fable.

P: Fable.

Ngự: Ở nhờ, ký thác vào. **Ngôn:** lời nói.

Ngự ngôn là lời nói mà ngoài nghĩa đen ra, tác giả còn gửi vào đó ý nghĩa sâu xa hơn nữa.

Thơ ngụ ngôn nổi tiếng nhất là của La Fontaine, một văn sĩ Pháp. Ông mượn chuyện của loài vật mà nói về tình đời.

Ở Trung hoa có Trang Tử cũng là một nhà nổi tiếng về cách nói ngụ ngôn.

Ngự ý

寓意

A: To allegorize.

P: Allégoriser.

Ngụ: Ở nhờ, ký thác vào. **Ý:** ý kiến.

Ngụ ý là gởi cái ý sâu kín của mình vào trong lời nói hay câu văn.

NGUỒN

NGUỒN

NGUỒN: Chỗ dòng nước khởi phát chảy ra, dòng suối, dòng nước.

Td: Nguồn đào, Nguồn Thánh.

Nguồn đào

A: The fairy land.

P: Le séjour des immortels.

Nguồn: Chỗ dòng nước khởi phát chảy ra, dòng suối, dòng nước. **Đào:** hoa đào.

Nguồn đào là suối hoa đào, dịch chữ Hán là Đào nguyên, chỉ cảnh Tiên hay cõi Tiên. (Xem điển tích: Đào nguyên, vắn Đ)

KTKVQL: Hay là lạc bước nguồn đào,
Để thương cho mặt anh hào đeo mang.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

Nguồn Thánh

A: The Holy source.

P: La Source sacrée.

Nguồn: Chỗ dòng nước khởi phát chảy ra, dòng suối, dòng nước. **Thánh:** thiêng liêng.

Nguồn Thánh là dòng nước thiêng liêng huyền diệu để rửa sạch các oan nghiệt tội tình của kiếp sống nơi cõi trần.

Một mối Đạo mâu nhiệm do Đức Chí Tôn mở ra trong thời kỳ này ví như một nguồn nước Thánh giúp nhơn sanh rửa

sạch các oan nghiệt tội tình của kiếp sống để được trở về cùng Đức Chí Tôn.

TNHT: Chen chơn *nguồn Thánh* bước lần vào.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nguồn trong

A: The pure source.

P: La source pure.

Nguồn: Chỗ dòng nước khởi phát chảy ra, dòng suối, dòng nước. **Trong:** trong sạch.

Nguồn trong là dòng nước trong sạch, để rửa sạch các thứ ô trược bám vào thân tâm của con người.

Nguồn trong đồng nghĩa: Nguồn Thánh.

TNHT: Đưa đến *nguồn trong* rửa bợn sàu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NGUỒN

NGUỒN

(Xem: Nguyên)

NGUY

NGUY

NGUY: 巍 Dáng núi cao lớn.

Td: Nguy nga, Nguy nguy.

Nguy nga

巍峨

A: Grandiose, splendid.

P: Grandiose, splendide.

Nguy: Dáng núi cao lớn. **Nga:** cao, dáng núi cao.

Nguy nga là cao lớn, lộng lẫy.

Nguy nguy

巍巍

A: Imposing.

P: Imposant.

Nguy: Dáng núi cao lớn.

Nguy nguy là to lớn và cao vợi vợi.

KNHTĐ: Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết,
Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh.

KNHTĐ: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

NGỤY

NGỤY

NGỤY: 偽 Giả dối, xảo trá.

Td: Ngụy bắt yếm chân, Ngụy biện.

Ngụy bắt yếm chân

偽不掩真

Ngụy: Giả dối, xảo trá. **Bắt:** không. **Yếm:** Che đậy. **Chân:** thật.

Ngụy bắt yếm chân là cái giả dối không che đậy được cái chơn thật.

Ngụy biện

偽辯

A: Sophistic.

P: Sophistique.

Ngụy: Giả dối, xảo trá. **Biện:** bàn cãi, biện luận.

Ngụy biện là dùng những lý lẽ có vẻ như đúng để dối gạt với ý đồ xuyên tạc sự thực hay bào chữa sự sai trái của mình.

NGUYÊN (NGUỒN)

NGUYÊN

1. **NGUYÊN:** 元 Khởi đầu, thứ nhất, cái đầu, to lớn.
Td: Nguyên đán, Nguyên hồn.
2. **NGUYÊN:** 原 Gốc, vốn.
Td: Nguyên bản.
3. **NGUYÊN:** 源 Nguồn nước, nguồn gốc.
Td: Nguyên nguyên, Nguyên ủy.

Nguyên bản (Nguyên bản)

原本

A: The original text.

P: Le texte original.

Nguyên: Gốc, vốn. **Bản:** Bản: gốc.

Nguyên bản là bản gốc, bản chính, gốc của sự vật.

Nguyên căn

元根

A: Primitive cause.

P: Cause primitive.

Nguyên: Khởi đầu, thứ nhất, cái đầu, to lớn. **Căn:** gốc rễ.

Nguyên căn là có gốc rễ từ buổi ban đầu.

Nguyên căn là Nguyên nhơn. (Xem: Nguyên nhơn)

KKĐCR: Nguyên căn đẹp về mỹ miều cao thẳng.

KKĐCR: Kinh Khi Đã Chết Rồi.

Nguyên chất (Nguơn chất)

元質

A: Constitutive element.

P: Élément constitutif.

Nguyên: Khởi đầu, thứ nhứt, cái đầu, to lớn. **Chất:** cái chất để tạo ra vạn vật.

Nguyên chất hay Nguơn chất là cái chất ban đầu để từ đó tạo thành muôn vật.

Theo vũ trụ quan của Đạo Cao Đài thì hai nguyên chất ban đầu để tạo thành CKVT và vạn vật là: Âm quang và Dương quang.

Việc tạo hóa ra vạn vật được Đức Chí Tôn giao cho Đức Phật Mẫu. Đức Phật Mẫu chứa các nguơn chất trong Kim Bồn (Kim Bàn) nơi DTC.

KĐ9C: Nơi Kim Bồn vản vản *nguơn chất*,
Tạo hình hài các bậc nguyên nhân.

CKVV: Càn Khôn Vạn vật.

DTC: Điều Trì Cung.

KĐ9C: Kinh Đệ Cửu cửu.

Nguyên (Nguơn) - Chuyển

元 - 轉

A: Cycle - Manvantara.

P: Cycle - Manvantara.

Nguyên hay Nguơn và Chuyển là hai từ ngữ chỉ những khoảng thời gian rất dài trong sự hình thành CKVT, vạn vật và sự tiến hóa của nhơn loại.

Mỗi Chuyển được chia thành 3 Ngươn: Thượng Ngươn, Trung Ngươn và Hạ Ngươn.

Hiện nay, nhơn loại đang ở vào thời kỳ Hạ Ngươn Tam Chuyển, sắp bước qua Thượng Ngươn Tứ Chuyển. Tam Chuyển là Chuyển thứ ba. Tứ Chuyển là Chuyển thứ tư.

Tam Chuyển {
Thượng ngươn
Trung ngươn
Hạ ngươn.

Tứ Chuyển {
Thượng ngươn
Trung ngươn
Hạ ngươn.

Như vậy, địa cầu 68 của nhơn loại chúng ta hiện nay đã trải qua 3 Chuyển: Nhứt Chuyển, Nhị Chuyển và Tam Chuyển. Khi đến Đại Hội Long Hoa và lập đời Thánh được thì bắt đầu Thượng ngươn của Tứ Chuyển.

Quả địa cầu số 67 (đứng trên quả địa cầu của chúng ta một bọc) đã trải qua 7 Chuyển nên tiến hóa hơn địa cầu của chúng ta rất nhiều, do đó, Đức Chí Tôn có nói: "Đứng bọc để nơi trái địa cầu này chưa đặt vào bọc chót của địa cầu 67."

Các Đấng thiêng liêng không cho biết một Chuyển và một Ngươn có bao nhiêu năm, cũng như không cho biết còn bao nhiêu năm nữa mới hết Tam Chuyển để khởi đầu Thượng ngươn Tứ Chuyển. Đó vẫn còn là bí mật của Thiên cơ.

Tuy nhiên, sự diễn tiến của ba Ngươn có tính cách tuần hoàn và theo một thứ tự nhứt định:

■ **Thượng ngươn:** là ngươn tạo hóa, ấy là ngươn Thánh đức, tức là ngươn vô tội. Người trong đời Thượng ngươn rất hiền lành chơn chất, giữ được Thánh chất của Trời ban.

■ **Trung ngươn:** là ngươn tấn hóa, ấy là ngươn tranh đấu, tức là ngươn tự diệt. Người trong cõi đời Trung ngươn tiến hóa cao về đường vật chất nên sanh ra nhiều dục vọng, muốn chiếm đoạt làm của riêng cho mình, gây ra trường tranh đấu quyết liệt, chém giết lẫn nhau, mạnh được yếu thua, khôn còn đại mất, để cuối cùng đi đến chỗ tận diệt.

■ **Hạ nguơn:** là nguơn bảo tồn, ấy là nguơn tái tạo, tức là nguơn qui cổ. Người trong nguơn này nhận thấy rõ sự tranh đấu quyết liệt đưa đến sự tiêu diệt tất cả, người thắng hay kẻ bại đều diệt vong. Do đó họ lo bảo tồn lẫn nhau để cùng tồn tại và cùng tiến hóa, lập đời Thượng nguơn Thánh đức cho giai đoạn tiếp theo.

CKVV: Càn Khôn Vạn vật.

Nguyên đán - Nguyên nhật

元旦 - 元日

A: The first day of the lunar year.

P: Le premier jour de l'année lunaire.

Nguyên: Khởi đầu, thứ nhất, cái đầu, to lớn. **Đán:** buổi sớm. **Nhật:** ngày.

Nguyên đán, đồng nghĩa Nguyên nhật, là ngày đầu tiên của năm âm lịch, tức là ngày mừng 1 tháng Giêng âm lịch. Đó là ngày Tết cổ truyền của các dân tộc Á Đông như: Trung hoa, Việt Nam, Nhật bản, Triều Tiên.

Thường nói: Tết Nguyên đán, để phân biệt các ngày Tết khác là: Tết Đoan ngọ, Tết Trung thu.

Nguyên Hanh Lợi Trinh

元亨利貞

Nguyên: Khởi đầu, thứ nhất, cái đầu, to lớn.

Nguyên Hanh Lợi Trinh là 4 đức của Trời.

"Đức Khổng Tử lấy bốn cái đức của Trời: Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh, ở quẻ Kiền (Càn trong kinh Dịch) mà nói rõ sự sinh thành của vạn vật. Ngài nói rằng:

*Nguyên giả thiện chi trường dã,
Hanh giả gia chi hội dã,
Lợi giả nghĩa chi hòa dã,
Trinh giả sự chi cán dã.*

Nghĩa là:

Nguyên là đầu các điều thiện,
 Hanh là hội hợp các cái tốt đẹp,
 Lợi là sự hòa hợp với điều nghĩa,
 Trinh là cái gốc của mọi sự. (Dịch: Văn ngôn truyện)

Cái đức *Nguyên* là cái khởi đầu sự sinh vạn vật,
 Cái đức *Hanh* là sự thông đạt của sự sinh vạn vật,
 Cái đức *Lợi* là sự thỏa thích của sự sinh vạn vật,
 Cái đức *Trinh* là sự thành tựu của sự sinh vạn vật.

Vậy đạo Trời Đất là chủ ở sự sinh vạn vật, mà sự sinh ấy là đầu của các điều thiện.

Đó là cái quan niệm rất trọng yếu của Khổng giáo. Mà Khổng giáo sơ dĩ không giống các tôn giáo khác cũng chỉ có cái quan niệm ấy mà thôi.

Thường thì tôn giáo nào cũng cho sự sống là một cảnh khổ, cho nên cứ phải tìm cách giải thoát, như Phật giáo thì cầu lấy sự bất sinh, Lão giáo thì cầu lấy sự vô vi tịch mịch, không thích gì đến sự đời. Duy chỉ có Khổng giáo là lấy lẽ sinh hoạt ở đời làm vui thú, hợp với lẽ Trời Đất.

Vậy hợp với đức sinh là thiện, trái với đức sinh là ác. Cái quan niệm thiện ác của Khổng giáo gốc ở sự sinh." (Trích *Nho giáo của Trần Trọng Kim*)

Trong quyển "*Kinh Dịch, đạo của người quân tử*", ông Nguyễn Hiến Lê giải thích Tứ Đức: Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh, của Trời như sau:

a)

Nguyên là đầu tiên, lớn, trùm mọi điều thiện.
Hanh là hanh thông, thuận tiện, tập hợp các điều hay.
Lợi là nên, thỏa thích, hòa hợp các điều phải.
Trinh là chính, bền chặt, gốc của mọi vật.

b) Dưới đây, ghi thêm một số ý nghĩa khác.

Xét theo đạo người thì:

Nguyên thuộc về đức Nhân,
Hanh thuộc về đức Lễ,
Lợi thuộc về đức Nghĩa,

Trinh thuộc về đức Trí.

Đó là quan niệm của nhà Nho.

c) Riêng về quẻ CÀN (Trời) thì có nhà cho rằng:

Nguyên thuộc về mùa Xuân (phát sinh vạn vật),

Hanh thuộc về mùa Hạ (vạn vật nảy nở),

Lợi thuộc về mùa Thu (vạn vật thành thục),

Trinh thuộc về mùa Đông
(vạn vật đạt tới kết thúc tốt đẹp)

Ông Phùng Hữu Lan trong Tâm Lý Học đã phát huy thêm quan niệm đó mà cho Nguyên Hanh Lợi Trinh là bốn trình tự trong sự diễn tiến của CÀN, hay là cái động lực vạn hành tạo nên sinh mệnh:

Nguyên là đầu, trở cái khởi đọan phát động của sinh mệnh, nghĩa là cái trạng thái của vật khi bắt đầu vào cuộc sống.

Hanh là hanh thông, là thông đồng. Khi sinh mệnh của vật đã hiển nhiên trong thực tế, tương thông với ngoại giới, thì trạng thái của nó lúc đó gọi là Hanh.

Lợi là thuận lợi, là trạng thái của sinh vật khi tương thông với ngoại giới, nó đã thích ứng được với hoàn cảnh.

Trinh là thành tựu hẳn hoi, tức là trạng thái của sinh vật vì thích ứng được với hoàn cảnh một cách thuận lợi mà đã hình thành một cách tốt đẹp (**Đại cương Triết học Trung quốc, thượng, trang 170, Cảo Thơm**)

d) Tào Thặng trong Chu Dịch Tân giải cũng đã giải nghĩa đại khái như vậy, nhưng cho Nguyên Hanh Lợi Trinh chẳng phải chỉ là trình tự hình thành của sinh mệnh, mà của cả vũ trụ nữa. Ông bảo:

Nguyên là hồi Càn và Khôn mới giao nhau, chưa biến hóa.

Hanh là lúc Càn Khôn đã giao nhau rồi mà thông với nhau.

Lợi là lúc Càn Khôn điều hòa nhau mà biến hóa.

Trinh là giai đọan Càn Khôn đã biến hóa xong rồi và định vị. (Càn Khôn đã có cái vị nhất định rồi, không thay đổi nữa)

e) Theo Cao Hạnh trong Chu Dịch Cổ Kinh Kim Chú thì tất cả những cách giải thích kể trên đều là của người sau cả, chứ

mới đầu, Kinh Dịch chỉ dùng để bói thì ý nghĩa của Nguyên Hanh Lợi Trinh khác hẳn:

Nguyên là lớn. Hanh 亨 tức là chữ Hưởng 享. Người xưa khi cử hành một cuộc cúng tế lớn (đại hưởng chi tế), bốc sớ gặp quẻ Càn thì chép là Nguyên Hưởng (hưởng lớn).

Lợi Trinh 貞 tức là Lợi Chiêm 占. Bốc sớ gặp quẻ Càn thì cho là làm việc tất có lợi, cho nên chép là *Lợi Trinh*.

Trong 64 quẻ của Kinh Dịch, quẻ đầu tiên là quẻ CÀN (thuần Càn) có 6 hào đều là hào dương.

Thoán từ: Càn: Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh.

Dịch: Càn có 4 đức (đặc tính): đầu tiên và lớn, hanh thông, thích đáng, chính và bền.

Giảng: Văn Vương cho rằng, bói được quẻ này thì rất tốt, hanh thông, có lợi, tất giữ vững được cho tới lúc cuối cùng.

Về sau, Đức Khổng Tử cho quẻ này một ý nghĩa về vũ trụ. Càn có 6 hào đều dương cả có nghĩa rất cương kiện, tượng trưng Trời.

Trời có đức Nguyên vì là nguồn gốc của vạn vật; có đức Hanh vì làm ra mây, mưa để vạn vật sinh trưởng đến vô cùng; có đức Lợi và Trinh vì biến hóa khiến cho vật gì cũng giữ được bản tính được nguyên khí cho thái hòa.

Càn tượng trưng người quân tử. Quân tử có 4 đức:

Nhân, đức lớn nhưt, gốc của lòng người, tức như đức Nguyên của Trời.

Lễ, là hợp đạo lý, mà hợp đạo lý thì hanh thông, tức như đức Hanh của Trời.

Nghĩa, đức này làm cho mọi người vui vẻ sung sướng, tức như đức Lợi của Trời.

Trí, là sáng suốt, biết rõ thị phi, nên nó là đức cốt cán, cũng như đức Trinh chính và bền của Trời.

Nguyên hồn

元魂

A: The original soul.

P: L'âme originelle.

Nguyên: Khởi đầu, thứ nhứt, cái đầu, to lớn. **Hồn:** linh hồn.

Nguyên hồn là linh hồn được sanh ra từ lúc Khai Thiên. Nguyên hồn đầu kiếp xuống trần là Nguyên hồn.

TNHT: Màng phước nguyên hồn chẳng chút hao.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nguyên khí (Nguơn khí)

元氣

A: The constitutive elements of the living beings.

P: Les éléments constitutifs des êtres vivants.

Nguyên: Khởi đầu, thứ nhứt, cái đầu, to lớn. **Khí:** chất khí.

Nguyên khí (Nguơn khí) đồng nghĩa Nguyên chất (Nguơn chất) là khí chất ban đầu để tạo hóa ra vạn vật.

Nguyên lão

元老

A: The notable.

P: Le notable.

Nguyên: Khởi đầu, thứ nhứt, cái đầu, to lớn. **Lão:** người già.

Nguyên lão là người già có đạo đức và địa vị cao.

Nguyên linh (Nguơn linh)

元靈

A: The original soul.

P: L'âme originelle.

Nguyên: Khởi đầu, thứ nhứt, cái đầu, to lớn. **Linh:** linh hồn.

Nguyên linh (Nguơn linh) đồng nghĩa: Nguyên hồn, là những linh hồn được sanh ra từ lúc Khai Thiên, khi đầu kiếp xuống trần là Nguyên nhơn.

PMCK: Nguơn linh hoá chủng quỷ hồn nhứt thẳng.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Nguyên lý

原理

A: Principle.

P: Principe.

Nguyên: Gốc, vốn. **Lý:** lẽ.

Nguyên lý là điều cơ bản dùng làm gốc để xây dựng lên một học thuyết.

Nguyên nguyên bản bản

源源本本

Nguyên: Nguồn nước, nguồn gốc. **Bản:** Bồn: gốc cội.

Nguyên nguyên bản bản là nguyên cho đến nguyên, bản cho đến bản, tức là tìm cho đến tận nguồn gốc.

Nguyên nhân

原因

A: The cause.

P: La cause.

Nguyên: Gốc, vốn. **Nhân:** cái cơ sanh ra cái quả (Nhân Quả).

Nguyên nhân là cái duyên cơ để sanh ra một việc gì.

Nguyên nhơn - Hóa nhơn - Quỷ nhơn

元人 - 化人 - 鬼人

A: Man of original soul - Man of impure soul - Man of perverse soul.

P: Homme de l'âme originelle - Homme de l'âme impure - Homme de l'âme perverse.

Nguyên: Khởi đầu, thứ nhất, cái đầu, to lớn. **Nhơn: Nhân:** người. **Hóa:** tiến hóa. **Quỷ:** ma quỷ, linh hồn bị đọa vào quỷ vị.

■ **Nguyên nhơn** là những người mà linh hồn được sanh ra từ lúc Khai Thiên.

■ **Hóa nhơn** là những người mà linh hồn do sự tiến hóa từ loài thú cầm đi lên.

■ **Quỷ nhân** là những người mà linh hồn đã bị đọa vào quỷ vị, nay đầu kiếp lên làm người.

Nhơn loại được chia ra làm ba hạng người theo nguồn gốc của linh hồn: Nguyên nhơn, Hóa nhơn và Quỷ nhơn.

I. Nguyên nhơn:

Nguyên nhơn là người mà chơn linh được Đức Chí Tôn sanh ra từ lúc Khai Thiên, tức là lúc mới tạo dựng Trời Đất, những linh hồn này rất trong sạch vì chưa nhiễm bụi trần.

Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, trong bài giải thích Thuyền Bát Nhã, có một đoạn nói về 100 ức Nguyên nhơn đầu kiếp xuống trần như sau:

"Đức Diêu Trì Kim Mẫu vâng lệnh Đức Thượng Đế nhóm ngự triều, đại hội nơi Kim Bàn, phòng định cho 100 ức Nguyên nhơn xuống trần, dùng Ngọc Lộ Kim Bàn trụ các Nguyên nhơn cho xuống thế.

Trước khi ấy, Đức Diêu Trì Kim Mẫu kê toàn cả linh căn chơn tánh dự Hội Yên Bàn Đào, và ban cho mỗi vị một cái túi gọi là Vạn Bửu Nang, trong đó có 8 món báu là: Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ, và căn dặn khi xuống trần thế, rũi mất một món thì không trở về cùng Mẹ đặng.

Đức Phật Mẫu dùng Bát Nhã thuyền chở toàn linh căn và 8 món báu ấy đưa xuống lập đời. Có bài Kệ rằng:

Linh căn ngày đó xuống trần ai,
Cái cái vui mừng nhập mẫu thai.
Vì mất bữa nang, mê nghiệp hải,
Làm sao tỉnh ngộ trở hồi lai?

Bên kia có Đại Tiên Cù Tán Đờm hay là Kim Quang Sứ, thấy Đức Phật Mẫu cho chơn linh xuống trần thì ông cũng xuống trần, dẫn theo năm chơn linh quý vị biến thành:

1. Kim là tiền bạc,
2. Mộc là sắc đẹp,
3. Thủy là rượu ngọt,
4. Hỏa là sự nóng giận,
5. Thổ là nha phiến.

Mỗi chơn linh quý vị đều biến ra năm mùi vị khác nhau cho các nguyên căn say mê mà quên cả Bữa nang.

Con người lớn lên, thấy tiền thì ham, thấy sắc lịch thì mê, thấy rượu ngọt thì ưa, mà nó giục cho con người nóng giận và say mê nha phiến, chước quỷ mưu tà hằng xúi giục, bày ra muôn sự khoái lạc nơi cõi trần chẳng xiết, nên chất linh căn, vì lưu luyến hồng trần, vui say mùi vị thế gian mà quên nguồn cội.

Bởi thế cho nên Thánh nhân ra đời lập Tam Giáo đạo, cũng qui tụ căn bản trong 8 món báu để tỉnh giấc.

Phật giáo dạy phải trọn Tam qui Ngũ giới,
Tiên giáo dạy phải phải vẹn Tam bữa Ngũ hành.
Thánh giáo dạy phải gìn Tam tạng Ngũ thường.

Để thức tỉnh các linh căn nhớ nguồn cội và gìn giữ 8 món báu ấy mà trở về, ai được may duyên sớm ngộ đạo mới lên thuyền Bát Nhã mà trở về cội vị, đúng như bài thi của Đức Chí Tôn đã dạy:

Khuôn thuyền Bát Nhã chẳng hề chìm.
Nổi quá như bông, nặng quá kim.
Có Đạo trăm muôn ngời cũng đủ,
Vô duyên một đũa cũng là chìm.

- Thời kỳ Thánh đức: Sơ khai Long Hoa Đại Hội, Đức Di-Lạc kiếp Tiên vị mệnh danh là Hoàng Cực chủ nhân, lãnh lĩnh đức Diêu Trì Kim Mẫu hay là Thiên Hậu buổi nọ, Ngài làm chủ thuyền Bát Nhã chở các Nguyên nhơn xuống thế, lần đầu 24 chuyến thuyền, hai lần sau, mỗi lần 6 chuyến, đứng như quyển kinh thứ nhứt và thứ nhì của Ngọc Lộ Kim Bàn.

■ Ngươn Thánh đức gọi là **Nhứt Kỳ Phổ Độ** có:

1. Giáo chủ Đạo Phật: Nhiên Đăng Cổ Phật.
2. Giáo chủ Đạo Tiên: Thái Thượng Lão Quân.
3. Giáo chủ Đạo Thánh: Văn Tuyên Đế Quân.

Các vị Giáo chủ đã sáng khai nền Đạo, lập thành qui điều luật pháp, an ninh trật tự cho nhơn loại tiến bước trên đường tu tỉnh. Đức Chí Tôn dạy khai Long Hoa Đại Hội Nhứt Kỳ, nên có câu:

"Sơ Hội Long Hoa Thanh Vương Đại Hội, Nhiên Đăng Cổ Phật Chương giáo Thiên Tôn."

Đức Nhiên Đăng làm chủ Hội, điểm đạo chỉ có 6 ức Nguyên nhơn đắc đạo.

■ **Nhị Kỳ Phổ Độ**: thời văn minh tiến hóa ấy mới nổi danh trong Tam giáo:

1. Phật giáo thì có Đức Thích Ca làm Giáo chủ.
2. Tiên giáo thì có Đức Lão Tử làm Giáo chủ.
3. Thánh giáo thì có Đức Khổng Tử làm Giáo chủ.

Sau 551 năm, Đức Chí Tôn cho Đức Chúa Jésus giáng sanh, cũng thời Nhị Kỳ. Sau khi thành lập luật pháp qui điều, Đức Chí Tôn khai Long Hoa Nhị Kỳ Phổ Độ, nên có câu:

"Nhị Hội Long Hoa Hồng Vương Đại Hội Di-Đà Cổ Phật Chương giáo Thiên Tôn,"

Đức Di-Đà làm chủ Hội, điểm Đạo được 2 ức Nguyên nhơn, đoạt pháp phần nhiều là môn đồ của Lão Tử đắc đạo.

Còn 92 ức Nguyên nhơn luống chịu đọa trần.

■ Đến thời kỳ Hạ ngươn mạt kiếp, tức là thời kỳ qui cổ, chính mình Đức Chí Tôn giáng trần dùng huyền diệu cơ bút, để Tam Trấn Oai Nghiêm thay Tam Giáo Đạo chủ, lập Đạo Vô Vi, không hình thể như trước, gọi là **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**.

1. Đức Phật Quan Âm chưởng quản Phật giáo.
2. Đức Lý Thái Bạch Đại Tiên Trưởng chưởng quản Tiên giáo.
3. Đức Quan Thánh Đế Quân chưởng quản Thánh giáo, gọi là Nho Tông chuyển Thế.

Nhơn thời Hạ nguơn này, do cơ bút mà biết được số Nguyên nhơn đắc đạo trong hai kỳ trước, những Nguyên nhơn đắc đạo đến tình nguyện nơi Ngọc Hư Cung giáng trần, chịu mạng lệnh nơi Đức Di-Lạc Vương Phật lo cứu rỗi 92 ức Nguyên nhơn còn say đắm nơi cõi trần."

Đây là thời kỳ phổ độ chót, trước khi chấm dứt một chu kỳ tiến hoá của nhơn loại, nên Đức Chí Tôn đại khai Ân Xá cho toàn cả nhơn sanh, nếu ai biết ngộ kiếp một đời tu thì đủ trở về cùng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Nói tóm lại: Đức Phật Mẫu cho 100 ức Nguyên nhơn giáng trần để khai hóa cho nhơn loại thuở nhơn loại còn sơ khai. Số 100 ức Nguyên nhơn nhiễm trần, do Quỷ vương cám dỗ nên làm mất Vạn Bửu nang, không thể trở về cõi thiêng liêng.

Đức Chí Tôn cho mở Nhứt Kỳ Phổ Độ cứu giúp được 6 ức Nguyên nhơn trở về ngôi vị cũ.

Đức Chí Tôn mở tiếp Nhị Kỳ Phổ Độ, cứu giúp được thêm 2 ức Nguyên nhơn trở về cõi thiêng liêng.

Còn lại 92 ức Nguyên nhơn đang trầm luân nơi cõi trần.

Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu lại mở lòng đại từ đại bi, khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để cứu số 92 ức Nguyên nhơn còn lại. Đây là kỳ phổ độ chót, nếu ai không chịu tu hành để trở về thì không còn kêu nài vào đâu được nữa.

II. Hoá nhơn.

Hóa nhơn là những người do sự tiến hóa của vật loại lên đến phẩm nhơn loại mà thành.

Họ bắt đầu đi từ Kim Thạch, tiến hóa dần lên Thảo mộc, rồi lên Thú cầm, rồi sau rốt tiến hóa lên phẩm Người để thành Hóa nhân, khi đó hưởng được hồng ân của Đức Chí Tôn ban cho một điểm linh hồn để dự vào Trường thi công quả.

Phần lớn nhơn loại đều là Hóa nhân.

Nguyên nhơn và Hóa nhơn khác nhau ở điểm nào?

- Nguyên nhơn có linh hồn từ lúc Khai Thiên, có sẵn ngôi vị nơi cõi thiêng liêng, trực tiếp đi từ cõi thiêng liêng giáng sanh xuống cõi phàm trần, nên Nguyên nhơn rất khôn ngoan sáng suốt, có nhiệm vụ hướng dẫn nhơn sanh (tức là hướng dẫn các Hóa nhơn) tiến hóa trên đường đạo đức và văn minh, lập được nhiều công quả hầu được trở về ngôi vị cũ và gia tăng phẩm vị nơi cõi thiêng liêng.

- Hóa nhơn là do Thú cầm tiến hóa đi lên phẩm Ngườì, nên còn rất khờ ngây, và còn ít nhiều thú tánh. Nhờ Đức Chí Tôn ban cho một điểm linh hồn nên mới dần dần được khôn ngoan, từ từ tiến hóa, sau rất nhiều kiếp thì cũng được khôn ngoan như các Nguyên nhơn, và nếu giác ngộ tu hành thì cũng đắc đạo, đạt được ngôi vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng. Khi đó, Hóa nhơn cũng giống như Nguyên nhơn, đều có ngôi vị.

Theo lời dạy của Bát Nương trong Luật Tam Thể thì:

Các Nguyên nhơn phạm Thiên điều thì bị đọa Tam Đờ Bất Năng Thóat Tục, còn Hóa nhơn phạm tội nặng thì bị đọa vào Quỷ vị.

"Kiếp Hóa nhơn thì về quỷ vị, còn kiếp Nguyên nhơn phải bị đọa đày như vậy mới sánh với quỷ vị được chớ. Đó là Luật Thiên điều đã định, dầu cho Nguyên nhơn hay Hóa nhơn cũng đồng hình phạt, lẽ công bình là đó."

III. Quỷ nhơn:

Quỷ nhơn là quỷ hồn đầu kiếp lên làm ngườì nơi cõi trần.

Quỷ hồn là các linh hồn của Hóa nhơn phạm tội nặng bị đọa vào quỷ vị. Các quỷ hồn đều chịu dưới quyền của Quỷ vương sai khiến.

Quỷ vương cho các quỷ hồn đầu kiếp làm ngườì đặng tạo thành các bài vở cho các Nguyên nhơn và Hóa nhơn học hỏi, đồng thời khảo đảo dữ dội để phân Thánh lọc phàm.

CG PCT: "Nhơn loại có: Hóa nhơn, Quỷ nhơn và Nguyên nhơn, ấy là có phân đẳng cấp, nếu Thầy dùng huyền diệu thiêng liêng mà làm cho nhơn loại cả thấy đều thấy đặng cơ

màu nhiệm của Đạo, đồng đặng đắc kiếp thì phẩm vị thiêng liêng cũng không còn trật tự."

"Vật chất hữu sanh, thảo mộc hữu sanh, cầm thú hữu sanh, nhơn loại hữu sanh, tức là chúng sanh.

Trong chúng sanh có: Nguyên sanh, Hóa sanh, và Quĩ sanh. (Nguyên sanh là gốc từ khai Thiên đã có. Hóa sanh là khai Thiên rồi mới biến hóa ra. Quĩ sanh là hai phẩm kia phạm Thiên điều bị sa đọa.)

Tỷ như Nguyên nhân, là khai Thiên rồi thì đã có chơn linh ấy, còn Hóa nhân là chơn linh vật loại đoạt đến phẩm vị nhơn loại, còn Quĩ nhân là hai chơn linh kia xu hướng ác hành mà bị đọa đày vào Quĩ vị."

"Chơn linh các Nguyên nhân bị đọa trần, Quĩ nhơn chuộc tội, hay là Hóa nhân thăng cấp đều nhờ Thượng Sanh độ rỗi (ấy là Thế độ) nên Thượng Sanh làm chủ về Thế Đạo, nắm luật Thế nơi tay mà diu dắt cả chúng sanh vào cửa Đạo."

TĐ ĐPHP: Trong Lễ Hội Yên DTC ngày 15-8-Tân Mão (dl 15-9-1951):

"Trong tám phẩm chơn hồn (Bát hồn) ấy xuất hiện nơi Kim Bàn, do theo luật thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã định, thì họ phải từ từ tăng tiến mãi. Cái luật tăng tiến ấy nó buộc ta, mỗi kiếp sanh, đều kiểm phương tu, đặng chi? đặng tạo thiêng liêng vị cho chúng ta.

Các đẳng chơn hồn ấy, khi đạt đến nhơn phẩm rồi chia ra hai phẩm hồn đặc biệt, ở trong vật loại tăng tiến lên đạt nhơn phẩm của mình gọi là Hóa nhân; các chơn hồn ở trong Kim Bàn đã xuất hiện ra với địa vị nhơn phẩm của mình thì gọi là Nguyên nhân.

Hai phẩm hồn ấy nếu không noi theo đạo đức đặng từ từ bước lên con đường Thánh đức của mình, đặng đoạt cho tới địa vị cuối cùng là Phật vị, lại làm tội lỗi thì phải sa vào Quĩ vị.

Ấy vậy, phần người có: Nguyên nhân, Hóa nhân, Quĩ nhân. Hại thay 100 ức Nguyên nhân do Đức Chí Tôn đã để lại nơi mặt thế này đặng làm bạn với các đẳng chơn hồn trong vạn linh sanh chúng của Ngài đã đào tạo thì Phật vị có 6 ức, Tiên vị có 2 ức, còn 92 ức Nguyên nhân bị đọa trần.

Từ ngày Đạo bị bế, họ có lắm công tu hành mà thành thì không thành. Tội nghiệp thay! vì 92 ức Nguyên nhân ấy à chính mình Đức Chí Tôn phải giáng trần mà lập nền chơn giáo của Ngài. Chúng ta đã ngó thấy cái Thánh ân, đặc biệt hơn hết là Đức Chí Tôn đã thấy rõ rằng: Các Nguyên nhân ấy không phương gì tự giải thoát vì quá tội tình, quá mê luyến hồng trần, hoặc đào tạo quả kiếp nặng nề quá đỗi, vì cứ cho nên tu thì có tu mà thành thì không có thành, tức nhiên từ ngày Đạo bế thì cơ siêu thoát đã mất tại mặt thế này. Chính Đức Chí Tôn biết rằng không thể gì các Nguyên nhân tự mình đạt cơ giảithoát đặng.

Hôm nay, Ngài đến lập nền chơn giáo của Ngài. Chúng ta đã thấy rõ lòng yêu ái vô tận của Ngài là thế nào? Chúng ta thử suy đoán, không ai nói cho mình nghe hơn Mẹ của mình, không ai dạy dỗ mình có oai quyền hơn Mẹ của mình. Cái tình trạng ấy đối với mặt thế chúng ta thế nào thì quyền năng nơi cõi TLHS như in, không mấy may chi khác.

Ngài lập giáo rồi, còn một nỗi là kêu nó không đến. Ngài dạy mà không biết chi. Chính mình Ngài đã nhiều lần hạ trần lập Đạo mà 92 ức Nguyên nhân vẫn đui và điếc, không biết chun vào lòng yêu ái vô tận của Ngài, đặng hưởng cái hạnh phúc vô biên của Ngài đã đào tạo.

Vì cứ cho nên, Đức Chí Tôn giao cho Đức Phật Mẫu cơ quan siêu thoát ấy, phải làm thế nào đặng tận độ 92 ức Nguyên nhân trở về cữu vị.

Muốn cho đạt đặng bí pháp siêu thoát ấy, chúng ta ngó thấy Đức Phật Mẫu đã làm gì? Đức Chí Tôn giao cho Đức Phật Mẫu nắm quyền hành để rước hết các chơn hồn khi đã đạt pháp, tức nhiên đạt cơ siêu thoát, lập vị mình đặng vào cái địa vị thiêng liêng, đạt đặng thì phải về Hội Yến cùng Phật Mẫu."

Đức Nguyệt Tam Chơn Nhơn giáng cơ ngày 20-3-1932, có in trong TNHT, nói rằng, trong thời kỳ Đại Ân Xá này của Đức Chí Tôn, dầu Nguyên nhân, Hóa nhân hay Quỷ nhân, nếu biết lo tu hành, lập công bồi đức thì nhứt định đắc đạo:

TNHT: "Bản đạo khi đắc lịnh làm Chưởng Đạo lập Hội Thánh giáo đạo tha phương thì từng lòng bác ái của Chí Tôn,

mở rộng thể cho hơn sanh dưng công đổi vị. Bản đạo chẳng kể là Nguyên nhân, Hóa nhân hay là Quỷ nhân, ví biết lập công thì thành Đạo.

Bản đạo để cho mỗi người tự do định phận, lại tùy thể khó khăn mà gây thành công quả. Ấy vậy, nếu lấy phép công bình thì tự nhiên nên thì sâu, hư thì bỏ."

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

DTC: Điều Tri Cung.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nguyên sanh - Hóa sanh - Quỷ sanh

元生 - 化生 - 鬼生

Nguyên sanh đồng nghĩa Nguyên hơn.

Hóa sanh đồng nghĩa Hóa hơn.

Quỷ sanh đồng nghĩa Quỷ hơn.

(Xem chi tiết nơi chữ: Nguyên hơn - Hóa Hơn - Quỷ hơn)

Nguyên niên

元年

A: The first year of the reign of a king.

P: La première année du règne d'un roi.

Nguyên: Khởi đầu, thứ nhất, cái đầu, to lớn. **Niên:** năm.

Nguyên niên là năm đầu tiên của một vị vua mới lên ngôi.

Nguyên tánh

元性

A: The original character.

P: Le caractère originel.

Nguyên: Khởi đầu, thứ nhất, cái đầu, to lớn. **Tánh:** cái mà Trời ban cho mỗi người.

Bên trong gọi là Tâm, thể hiện ra ngoài gọi là Tánh, nên thường nói là Tâm tánh.

Nguyên tánh là cái tánh Trời ban cho lúc ban đầu của mỗi người. Đó là cái bản tánh vốn lành do Trời ban cho nên cũng được gọi là Thiên tánh.

Nhơn chi sơ, tánh bản thiện: con người mới sanh ra thì tánh vốn lành.

Khi con người lớn lên mới tiêm nhiễm những thói hư tật xấu của cõi trần, trí não lần lần trở nên mờ ám vì Tham, Sân, Si, nên tánh lành ban đầu mất đi, thay vào đó là tánh ích kỷ xấu xa. Tu là để gọi rửa những cái ô trược của cõi trần đã nhiễm vào tâm tánh, để cái bản tánh trong sáng hiện ra, cũng như mài giũa lau chùi cục ngọc cho sạch sẽ bóng láng thì tất nhiên vẻ đẹp của ngọc hiện ra.

KCBCTBCHĐQL: Trụ *nguyên tánh* hồn linh nhàn lạc.

KCBCTBCHĐQL: Kinh cầu bà con thân bằng cố hữu đã qui liểu.

Nguyên thể

元體

A: The primitive body.

P: Le corps primitif.

Nguyên: Khởi đầu, thứ nhứt, cái đầu, to lớn. **Thể:** hình thể.

Nguyên thể là hình thể lúc ban đầu.

TNHT: Thầy muốn nó được giữ *nguyên thể* như vậy mãi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nguyên tiêu

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Nguyên tiêu

元宵

A: Night of the fifteenth day of the first lunar month.

P: Nuit du quinzième jour du premier mois lunaire.

Nguyên: Khởi đầu, thứ nhứt, cái đầu, to lớn. **Tiêu:** đêm.

Nguyên tiêu là đêm trăng sáng đầu tiên của một năm âm lịch, tức là đêm rằm tháng Giêng âm lịch, cũng tức là đêm rằm Thượng nguơn.

*** Trường hợp 2: Nguyên tiêu**

元霄

A: The first stage of Heaven.

P: Le premier étage du Ciel.

Nguyên: Khởi đầu, thứ nhứt, cái đầu, to lớn. **Tiêu:** tầng trời.

Nguyên tiêu là tầng Trời thứ nhứt trong Cửu Trùng Thiên.

KĐ2C: Đẩu tinh chiếu thấu nguyên tiêu.

KĐ2C: Kinh Độ Nhị cửa.

Nguyên tội

原罪

A: The original sin. P: Le péché originel.

Nguyên: Gốc, vốn. **Tội:** tội lỗi.

Nguyên tội là tội lỗi của thủy tổ loài người.

Theo Thiên Chúa giáo, thủy tổ loài người là Adam và Èva, vì ăn trái cấm nên phạm tội, bị Thượng Đế đày xuống trần gian, phải làm lụng khó khọc mới có cái ăn.

Tội lỗi của Adam và Èva, thủy tổ của loài người, được gọi là nguyên tội.

Nguyên ủy

源委

A: From beginning to end.

P: Commencement et fin.

Nguyên: Nguồn nước, nguồn gốc. **Ủy:** cái ngọn.

Nguyên ủy là đầu đuôi, gốc ngọn của sự việc.

NGUYỆN

Nguyện hải

願海

A: The great vow.

P: Le grand voeu.

Nguyện: mong mỏi, cầu xin. **Hải:** biển.

Nguyện hải là ý nguyện lớn như biển.

Đó là ý nguyện của bậc Bồ Tát muốn cứu độ chúng sanh.

NGUYỆT

NGUYỆT

NGUYỆT: 月 Mặt trăng, một tháng, hằng tháng.

Td: Nguyệt để, Nguyệt san.

Nguyệt chiếu minh

月照明

Nguyệt: Mặt trăng, một tháng, hằng tháng. **Chiếu:** soi rọi.

Minh: sáng.

Nguyệt chiếu minh là mặt trăng soi sáng, sáng như mặt trăng chiếu sáng.

TNHT: Gương rạng nghìn thu *nguyệt chiếu minh*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nguyệt cúc

月菊

A: The chrysanthemum of Autumn.

P: Le chrysanthème de l'Automne.

Nguyệt: Mặt trăng, một tháng, hằng tháng. **Cúc:** hoa cúc.

Hoa cúc tượng trưng mùa Thu vì vào tháng 8 Trung Thu, hoa cúc nở rộ, còn các hoa khác thì không, cho nên tháng 8 âm lịch được gọi là Cúc nguyệt.

Nguyệt cúc là ý nói bông cúc của mùa Thu.

BDT: Mai Xuân nguyệt cúc vị trà hương.

BDT: Bài Dâng Trà.

Nguyệt đề

月底

A: Monthly report.

P: Rapport mensuel.

Nguyệt: Mặt trăng, một tháng, hằng tháng. **Đề:** ở dưới đáy, cuối.

Nguyệt đề là tờ báo cáo cuối mỗi tháng của cấp dưới gửi lên cấp trên, trình báo tất cả các việc xảy ra trong một tháng để cấp trên nắm vững tình hình Đạo sự ở địa phương.

Thường thì Hội Thánh có in sẵn mẫu Tờ nguyệt đề giúp cho cấp dưới báo cáo nhanh, gọn, rõ ràng.

Có 3 mẫu Nguyệt đề:

- Nguyệt đề Hương: để cho vị Chánh Trị Sự làm tờ báo cáo gửi lên Đầu Tộc Đạo.

- Nguyệt đề Tộc: để cho vị Đầu Tộc Đạo làm tờ báo cáo gửi lên Khâm Châu Đạo.

- Nguyệt đề Châu: để cho vị Khâm Châu Đạo làm tờ báo cáo gửi lên Hội Thánh ở Tòa Thánh .

Nguyệt hoa

月花

A: Moon and flower: flirt.

P: Lune et fleur: flirt.

Nguyệt: Mặt trăng, một tháng, hằng tháng. **Hoa:** bông hoa.

Do câu: *Nguyệt hạ hoa tiền*, nghĩa là: dưới trăng trước hoa. Ý nói: việc con trai và con gái rủ nhau đi ngắm trăng xem hoa mà tình tự với nhau. Đó là tình yêu lãng mạn ngoài vòng lễ giáo, người xưa ngăn cấm.

Nguyệt hoa là ý nói việc tình tự bất chánh giữa thanh niên nam nữ.

- GTK:**
- Thói dâm phong rù quên *nguyệt hoa*.
 - Phòng *trăng hoa* hát bội khá từ.

GTK: Giới Tâm Kinh.

Nguyệt kỵ

月忌

A: The three unlucky days in a lunar month.

P: Les trois jours néfastes dans un mois lunaire.

Nguyệt: Mặt trăng, một tháng, hằng tháng. **Kỵ:** kiêng cử.

Nguyệt kỵ là những ngày kiêng cử trong một tháng.

Theo sự tín ngưỡng của dân gian (mê tín) thì mỗi tháng âm lịch có 3 ngày cần phải kiêng cử: mùng 5, 14 và 23.

Nguyệt minh hoa biểu

月明華表

Nguyệt: Mặt trăng, một tháng, hằng tháng. **Minh:** sáng.

Hoa biểu: cái trụ đá có chạm hình bông sen trên đầu trụ, trồng xuống đất ở trước mộ.

Nguyệt minh hoa biểu là trăng soi trụ hoa trước mộ.

Bài Thái hiến lễ hàngvong thường: Tuần Sơ:

Nguyệt minh hoa biểu hạc qui trì.

Nguyệt phách

月魄

Nguyệt: Mặt trăng, một tháng, hằng tháng. **Phách:** ở đây có nghĩa là: phần tối trong mặt trăng hay ánh sáng mờ mờ của mặt trăng.

Nguyệt phách là phần tối trong mặt trăng.

Nguyệt san

月刊

A: Monthly review.

P: Revue mensuelle.

Nguyệt: Mặt trăng, một tháng, hằng tháng. **San:** khắc bản in.

Nguyệt san nghĩa đen là in hằng tháng, chỉ loại báo chí hay tạp chí xuất bản mỗi tháng một kỳ.

Nguyệt san còn được gọi là: Nguyệt báo.

Nếu xuất bản nửa tháng một kỳ gọi là: Bán nguyệt san.

Nếu xuất bản mỗi tuần một lần thì gọi là: Tuần san.

Trước đây, Hội Thánh có xuất bản tờ Nguyệt san của Đạo gọi là Đại Đạo Nguyệt san.

Sau này, Cơ Quan Phát Thanh Phổ Thông Giáo lý có ra tờ Bán nguyệt san: Thông Tin, ấn hành mỗi tháng 2 kỳ.

Nguyệt Tâm Chơn Nhơn

月心真人

Nguyệt Tâm Chơn Nhơn là Đạo hiệu của một Đấng thiêng liêng ở Bạch Vân Động nơi cõi thiêng liêng.

Ngài có giảng trần một kiếp ở nước Pháp là Văn hào Victor Hugo.

Nhân ngày vía của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, tại Đền Thánh, đêm 22-5-1949 (Kỷ Sửu), Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nói về tiểu sử của Ngài như sau:

"Đức Victor Hugo, tự xưng là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, là một Đấng thiêng liêng tại Quảng Hàn Cung.

Khi tái kiếp, Ngài sanh tại thành Besancon, Pháp quốc, nhằm ngày 26-2-1802. Ngài từ trần tại Paris ngày 22-5-1885, hưởng thọ được 83 tuổi.

Từ buổi Đạo khai nơi Tần quốc, thì Ngài giảng cơ với danh hiệu là Chưởng Đạo Nguyệt Tâm, Chưởng quyền Hội Thánh Ngoại Giáo.

Ngài là một nhà thi sĩ trứ danh của nước Pháp trong thế kỷ 19. Lúc còn thiếu thời, Ngài thường châu lưu ở nước Ý, ở nước Tây Ban Nha, kế trở về Paris. Khi lên 10 tuổi thì Ngài đã sẵn có tài thi văn, đến lúc trưởng thành thì những văn từ thi phú của Ngài đều là những tác phẩm lỗi lạc, tình tứ cao thâm, nên trong trường đời, Ngài đã nổi danh là thi bá, đứng đầu các bậc kỳ nhân trong thời buổi ấy. Lần hồi tên tuổi của Ngài đã nêu danh nơi Hàn Lâm Viện và Ngài trở nên một đại công thần danh dự của Pháp triều buổi ấy.

Đến sau cuộc Cách mạng 1848 tại nước Pháp, Ngài đắc cử vào Hạ Nghị Viện để bảo tồn nền chánh trị và luật pháp trong nước. Lúc Ngài lãnh trách nhiệm trọng yếu ấy, Ngài đã lắm phen trở tài hùng biện mà bình vực quyền lợi cho dân Pháp với những lẽ công chánh, nhứt là sự tự do. Nước Pháp trong buổi ấy chưa yên, nên cách 3 năm sau, ngày 2-12-1851, lại có cuộc nội biến. Ngài phải buộc lòng từ giã Paris ra ngoại quốc, mãi đến năm 1870 ngày 4-9 Ngài mới trở lại trường chánh trị. Lúc đó Ngài đặng 68 tuổi. Từ ấy đến sau, Ngài đem hết nhiệt tâm mà chuyên lo cần mẫn vì nước vì dân cho đến ngày qui vị.

Trong kiếp sanh của Ngài rất vinh diệu cho nước Pháp, ngoài những chuyện thi văn kiệt tác đối với quê hương dân tộc Pháp, Ngài còn để dấu trong trường chánh trị một danh thể bất hủ. Vì vậy mà khi Ngài qui vị, đám táng Ngài rất long trọng, quan cửu và linh vị đặng hưởng đặc ân của nước Pháp để vào

Công Thần Miếu (Panthéon). Ấy vậy, thật là một vĩ nhân và một đại công thần nước Pháp đó vậy.

Bàn đạo cũng nên cho toàn đạo hiểu, rồi đừng làm tưởng chúng ta ngày nay đương tôn sùng lễ bái kỷ niệm một vị vĩ nhân công thần của Pháp như trên đã nói, đó là tôn sùng người Pháp.

Nghĩ vì Ngài cũng có công trình khai đạo từ sơ khai, thọ mạng lệnh Đức Chí Tôn lãnh quyền Chương Đạo cầm đầu Hội Thánh Ngoại Giáo, Ngài thường giảng cơ giáo hóa và phong Thánh cho chư Chức sắc Ngoại giáo...."

Sau đây là Tiểu sử chi tiết của Văn hào Victor Hugo:

VICTOR HUGO (1802-1885)

Victor Hugo sanh ngày 26-2-1802 tại Besancon nước Pháp. Khi mẹ cậu sanh ra, cậu rất bé nhỏ và yếu ớt, đã tưởng khó nuôi, nhưng mẹ cậu cố gắng săn sóc và cứu được cậu.

Cha của Victor Hugo là Léopold Hugo, gốc ở Loraine, làm chức Đại Tá trong quân đội dưới triều vua Napoléon.

Mẹ là Sophie Trébuchet, gốc ở Bretagne.

Victor Hugo có 2 người anh tên là: Abel Hugo và Eugène Hugo.

Ông Léopold và bà Sophie đều là người rất tốt, săn sóc các con chu đáo, nhưng tư tưởng và tánh tình lại đối nghịch nhau, ông thì có tư tưởng cộng hòa và tánh ham vui, còn bà thì bảo hoàng và nghiêm khắc.

Ông Léopold thường ở ngoài mặt trận, chỉ huy quân đội, hết đi từ Ý đến Ý Pha Nho, dắt theo một cô tình nhân là Catherine Thomas. Bà Sophie sống tại Paris với các con trong một ngôi nhà có vườn rộng, trồng nhiều hoa ở đường Feillantines.

Một Linh mục già đã hoàn tục tên là Larivière được giao phó cho việc dạy học vỡ lòng cho cậu Victor. Ông thấy cậu đã tự học lấy và đã biết đọc rồi, nên liền dạy ngay cho cậu tiếng La tinh và cậu Victor rất thích học cổ ngữ này.

Năm 1811, Léopold Hugo được thăng lên cấp tướng,

phong làm Công Tước, cai trị ba tỉnh ở Y Pha Nho. Bà Sophie dốt con qua ở với chồng, cũng mong cùng chồng hưởng cảnh phú quý. Nhưng hai ông bà lại bất bình với nhau, bà trở về Paris với hai con là Eugène và Victor, để Abel ở lại với cha.

Trở về nhà ở Feuillantines, Victor lại học với thầy cũ và đọc rất nhiều sách của J.J. Rousseau, Diderot, Voltaire,... rồi lại tự tập làm thơ. Chẳng cần biết vần, biết cước, cứ làm. Làm xong lại ngâm lên, nghe không êm tai thì sửa, dò dẫm như thế, cậu Victor đã tìm được những qui tắc của một loại thơ 12 cước (Alexandrin).

Năm 1814, cha của Victor trở về Pháp. Ông đưa các con vào trọ học ở một tư thực đường Saint Marguerite. Thế là chấm dứt thời kỳ vui vẻ của tuổi thơ.

Năm 1816, cậu theo học tại trường Trung học Louis Le Grand cùng với anh Eugène. Chương trình học rất nặng, học suốt từ sáng đến chiều, nhưng hễ rảnh lúc nào là cậu Victor làm thơ lúc ấy.

Đến cuối năm 1817, Victor 15 tuổi, cậu đã có một tập thơ đầu tiên: **Poésies diverses** gồm mấy ngàn câu thơ. Cậu cũng viết được một vở hài kịch, một vở bi kịch năm hồi, một thiên anh hùng ca.

Hàn Lâm Viện Pháp mở một cuộc thi về thơ với đề tài: Cái vui của sự học trong mọi hoàn cảnh của đời người.

Cậu Victor liền làm xong một bài thơ gồm 334 câu và nhờ một thầy Giám thị trong trường nội trú dốt học sinh đi chơi về phía Hàn Lâm Viện, rồi trong lúc các bạn đang đứng ngắm lâu đài, thì cậu và thầy Giám thị chạy vào Hàn Lâm Viện nộp bản dự thi.

Tác phẩm dự thi của cậu Victor Hugo được xếp hạng 9 và viên thư ký của Viện Hàn Lâm ghi rằng: Nên khuyến khích thi sĩ trẻ tuổi này nếu quả thực mới 15 tuổi.

Tập thơ không được giải thưởng, nhưng cậu Victor lại nổi danh. Các báo ở Paris đều viết bài khen cậu là thần đồng. Các vị giáo sư dạy cậu cũng có biệt nhãn đối với cậu.

Ít lâu sau, cậu viết được một truyện trung bình đặt tên là **Buozargal**, nói về cuộc nổi loạn ở Saint Dominique. Kỹ thuật

viết đã có đoạn già dặn không kém những truyện hay nhất của Mérimée. Cậu Victor Hugo đã sớm phát triển tài năng về hai mặt: Thơ và Văn.

Tháng 2 năm 1818, hai ông bà Léopold và Sophie ly thân nhau. Abel đã đi làm có tiền, còn Eugène và Victor được cha trợ cấp đủ tiền để học môn luật. Họ chỉ ghi tên học chứ không đến lớp mà về nhà ở với Mẹ. Bà cho hai anh em được tự do vì tin rằng con mình không thể hư và chắc chắn sẽ nổi danh sau này.

Thi đàn Académie des Jeux floraux ở Toulouse tổ chức một cuộc thi về thơ với đầu đề là: Dựng lại tượng vua Henri IV.

Victor lao vào làm một bài dự thi: Cậu dùng thể thơ 12 cước xen lẫn 8 cước, kỹ thuật đã cao, cân đối nhịp nhàng. Bài được chấm giải nhất, thắng Lamartine, lúc đó hơn cậu 10 tuổi.

Victor gặp lại cô bạn gái thuở ấu thơ tên là Adèle Foucher rất đẹp. Họ yêu nhau ngay, nhưng mẹ của Victor Hugo không đồng ý cho Victor cưới Adèle, nên hai gia đình tuyệt giao với nhau. Victor lúc ấy 17 tuổi, đã ném mùi đau khổ của ái tình. Để quên đau khổ, Victor vui đầu vào nghiên cứu sách vở rồi viết lách.

Tháng 12 năm 1819, Victor cùng với hai anh quyết định cho ra một tờ Tuần báo Văn nghệ lấy tên là **Conservateur littéraire**.

Abel viết được ít bài, Eugène góp được vài bài thơ, còn bao nhiêu Victor lãnh hết. Cậu viết đủ thứ đề tài văn học như:

Văn, Thơ, Kịch, Truyện ngắn, phê bình, giới thiệu. Cậu làm việc rất thận trọng, tra cứu tài liệu kỹ lưỡng, suy nghĩ chính xác. Tờ báo đứng được 16 tháng. Victor viết được 112 bài báo, 22 bài thơ, ký 10 bút hiệu khác nhau.

Hơn một năm gắng sức làm việc để xây dựng tờ báo, tuy không đem lại cho gia đình một nguồn lợi vật chất đáng kể nào, nhưng lại đem đến cho Victor một cái lợi rất lớn về tinh thần. Victor có dịp suy nghĩ về mọi vấn đề: Văn nghệ, chính trị, tôn giáo và tình yêu. Victor luyện tập được cây bút của mình, tăng lòng tự tin, nhất là có dịp gắng sức tối đa để phát triển tài

năng. Một cái lợi nữa là Victor có được một số bạn văn nghệ sĩ đang nổi tiếng lúc bấy giờ.

Tháng 6 năm 1821, mẹ của Victor đau nặng qua đời. Ba anh em lo chôn cất mẹ trong nỗi nhớ thương, u sầu và chán nản.

Victor tìm đến người yêu cũ là Adèle Foucher nối lại cuộc tình. Ba anh em bây giờ rất nghèo. Victor xin cha cho cưới Adèle. Ông không ngăn cản nhưng khuyên cậu hãy đợi đến lúc làm việc có nhiều tiền.

Năm 1822, Victor Hugo xuất bản tập thơ ODES (đoản thi) được trả tác quyền là 750 quan. Kế đó, triều đình Pháp ân cấp cho Victor một khoản tiền là 1200 quan mỗi năm để khuyến khích tài năng.

Có được khá nhiều tiền, chàng Victor cử hành lễ cưới Adèle tại nhà thờ Saint Sulpice ngày 22-10-1822, lúc đó Victor Hugo 20 tuổi.

Sau đêm tân hôn vui vẻ thì sáng lại, anh của Victor nổi điên, đập phá lung tung. Trong nhà ai cũng nghĩ rằng Eugène trước đây thầm yêu Adèle nên bây giờ thất vọng hóa điên. Victor phải đưa anh về ở chung với cha đang ở Blois, rồi sau đó đưa Eugène vào nhà thương điên và ở đó tới chết.

Năm 1823, Victor xuất bản tập truyện HAN D'ISLANDE gồm 4 quyển, tả những cảnh rừng rợn tàn ác phi nhân xen với một cuộc tình của một đôi nam nữ yêu nhau cuồng nhiệt. Trí tưởng tượng của Victor thật phong phú ghê gớm làm cho độc giả phải say mê và phát hoảng.

Victor Hugo lại được Bộ Trưởng Nội Vụ Chánh phủ ân cấp cho 2000 quan mỗi năm, nhập với ân cấp cũ của triều đình là 1200 quan, tổng cộng là 3200 quan mỗi năm. Rồi tác quyền của các tập thơ và truyện được 3000 quan nữa. Lúc đó, Victor Hugo đã khá phong lưu rồi.

Năm 1824, hai vợ chồng mượn một nhà riêng tại đường Vaugirard. Vợ Hugo sanh được một gái đặt tên là Léopoldine Hugo.

Năm 1825, Victor Hugo được ân tứ Bắc Đẩu Bội Tinh, cùng một lượt với Lamartine.

Dòng Bourbon đang làm vua nước Pháp, đối với Victor Hugo như vậy là ân hậu lắm, nhưng Victor lại ngưỡng mộ Bonaparte hơn. Victor vẫn làm thơ theo com-măn của triều đình: Bài ODE SUR LE SACRE DE CHARLES X, đã tả buổi lễ gia miện của vua Charles X với lời thơ thật trang nghiêm và hoa mỹ, được vua rất thích, liền ân tứ cho tác giả 2000 quan và cho phép vào bộ kiến vua.

Nghệ thuật làm thơ của Victor cũng tăng tiến. Chàng sáng tác ra những thể điệu mới: 3 cước xen lẫn 5 cước hoặc 10 cước, dùng nhiều chữ thích hợp để tạo nhạc cho thơ.

Victor Hugo xuất bản tập thơ: ODES et BALLADES (Đoàn ca và tục dao). Lamartine thân mật góp ý: Đừng lập dị, cái đó là trò tiểu xảo không hợp với anh. Saint Breuve, một nhà phê bình, viết trên tờ báo Globe một bài phân tích tỉ mỉ thơ của Victor Hugo, khen là thơ hay, tuy tác giả có tài nhưng lại khuyên là đừng nên thái quá.

Victor say mê sáng tác, Ông dự định viết một kịch về Cromwell, Ông tìm tài liệu trong cả 100 quyển sách, rồi từ tháng 8 năm 1826, Ông bắt đầu xây dựng kịch. Viết kịch CROMWELL xong, Ông đọc cho các bạn thân nghe theo tục lệ đương thời. Các bạn đều nhận xét: Kịch vừa bi vừa hài, kỹ thuật mới mẻ, ý tứ mạnh bạo. Do đó kịch không được diễn.

Victor liền viết một Bài Tựa cho vở kịch để bênh vực ý kiến của mình, là muốn mở ra một chân trời mới cho ngành kịch. Bài Tựa này rất dài, đầy đủ ý nghĩa, được xem là một bản Tuyên Ngôn khai sinh một trường phái mới trong văn học Pháp: Đó là trường phái Lãng mạn (Romantisme) mà Victor Hugo là lãnh tụ.

Trong bộ ba: Lamartine, Alfred de Vigny, Victor Hugo, thì Victor nhỏ tuổi nhất, nhưng lại uy tín nhất.

Tiếp theo, Victor Hugo cho ra đời tập thơ LES ORIENTALES, để tả cảnh những xứ phương Đông của Âu Châu như Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ.

Tập thơ này ra đời rất hợp thời vì lúc đó Hy Lạp đang chiến đấu với Thổ Nhĩ Kỳ để giành độc lập. Cả Âu Châu đang hướng về cuộc chiến đó. Tập thơ rất linh động, phong phú về

hình thức lẫn nội dung. Những đoạn viết rất hùng hồn như tiếng kèn tiếng trống thúc quân, những đoạn tả cảnh thật đẹp và nên thơ, cảnh hoàng hôn, thiếu nữ mơ mộng nằm đưa võng bên hồ.

Victor chưa bao giờ đến những nước phương Đông ấy, toàn là chuyện tưởng tượng thôi, nhưng lại rất hấp dẫn. Sức tưởng tượng của Victor Hugo thật kinh khủng.

Kịch bản Cromwell không diễn được, Victor Hugo viết tiếp kịch MARION DE LORME, đề tài lấy trong lịch sử đời vua Louis XIII: Một kỹ nữ được cải hóa nhờ một tình yêu trong sạch và nghiêm trang của một thanh niên. Kịch này cũng bị kiểm duyệt, không diễn được.

Nhưng không nản chí, Victor soạn tiếp một bi kịch lấy tên là HERMANI (1830): Một thiếu nữ đẹp là nàng Donasol có tới ba người đàn ông theo đuổi, một ông lão, một ông vua, và một thanh niên bị đầy tên Hermani. Nàng chỉ yêu Hermani. Hai người sống hoàn toàn với nhau trong một đêm rồi họ cùng tự tử để giữ mối tình chung thủy. Kịch này được phép diễn. Khán giả chia làm 2 phe: Ủng hộ và chống đối làm náo loạn cả lên.

Nhà xuất bản Mane xin trả cho Victor 5000 quan để được in kịch. Thực may cho Hugo, trong nhà chỉ còn 50 quan.

Báo chí lúc đó cũng phê bình sôi nổi, khen chê có đủ, chỉ lợi cho ông bầu rạp hát và tác giả.

Victor Hugo ký hợp đồng với nhà xuất bản Gosselin để giao tiểu thuyết NOTRE DAME DE PARIS (Nhà thờ Đức Bà Ba-Lê), Ông mới soạn xong tài liệu nhưng chưa viết vì bận viết kịch Hermani và tập luyện các vai diễn kịch.

Chỉ còn 6 tháng nữa là tới hạn hợp đồng, nếu trễ thì bị phạt. Victor quyết tâm hoàn thành tác phẩm đúng hạn hợp đồng. Ông chuẩn bị đầy đủ giấy mực, rồi khóa kín cửa lại, nhứt định không ra khỏi nhà để dành thời giờ hoàn toàn lo viết cho xong tác phẩm. Truyện được viết theo chủ đề là: Con người đều có số mạng an bày. Số mạng bám chặt con người như con diều hâu quắp lấy con gà, hay con nhện ôm lấy con ruồi. Truyện bắt đầu tả lại đời sống cơ cực của giới dân nghèo dưới triều vua Louis XI của nước Pháp. Trong đám người này,

có Cô Esméralda, sống bằng nghề phù thủy, bói tướng số. Cô còn trẻ, rất đẹp và ngây thơ, trong sạch, được nhiều người yêu mến. Cô bị ông Phó Giám Mục tên là Claude Frollo ở trong Nhà thờ Đức Bà Ba-lê yêu thầm nhớ trộm. Vị Phó Giám Mục này lòng còn phàm tục, nên cho người bắt cóc Cô Esméralda. Một người gù lưng, vừa câm vừa điếc, tên là Quasimodo có phận sự kéo chuông nhà thờ, thấy vậy mới cứu thoát cô và đem giấu kín trong giáo đường. Sau đó, Cô Esméralda cũng không thoát nạn, bị bắt và bị đem ra xét xử. Cô bị thương nặng, sắp chết, thì Quasimodo lại hiện ra cứu thoát Cô lần thứ nhì và đem giấu vào một nơi thật kín. Một thời gian sau, người ta mới tìm được xác của Cô Esméralda nằm trong tay của xác Quasimodo chết khô bên cạnh.

Tiểu thuyết này không có tính cách bài xích Giáo hội Thiên Chúa giáo mà chỉ rõ rằng Nhơn hư chứ Đạo bất hư.

Toàn truyện gần như xảy ra trong bối cảnh Nhà thờ Đức Bà Ba-lê, được mô tả rất tỉ mỉ, linh động và chính xác.

Victor Hugo vẫn dùng kỹ thuật sở trường của mình là đưa ra những cái tương phản để đập vào óc độc giả: tương phản giữa Thánh tâm và dục vọng cuồng loạn của một tu sĩ cao cấp như Claude Frollo, tương phản giữa hình dáng xấu xí và tâm hồn cao quý của Quasimodo, tương phản giữa tánh tình ngây thơ trong trắng và số phận đen tối của Cô Esméralda.

Tác phẩm NOTRE DAME DE PARIS được giao cho nhà xuất bản đúng thời hạn và độc giả mọi giới đọc say mê và hoan nghinh nhiệt liệt.

Trong gia đình, Victor Hugo rất đau buồn vì vợ là Adèle lại lên lút thư từ qua lại với Saint Breuve là bạn của Victor Hugo, nhưng vì Victor là thủ lãnh của trường phái Lãng mạn nên phải giữ thái độ kể cả, và nỗi lòng đau khổ đó được trút vào các vần thơ tuyệt tác.

Do đó, năm 1831, tập thơ FEUILLES D'AUTOMNE ra đời, rằng hay thì thật là hay, nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào! Chính Saint Breuve cũng nhìn nhận tập thơ này quá hay. Nghệ thuật của Victor Hugo đã nhờ sự đau khổ trui luyện thêm già dặn, hết bồng bột cuồng nhiệt như lúc trẻ, mà lại đắm chiêu sâu muện của người già. Lúc đó Victor 33 tuổi.

Victor Hugo trở lại viết kịch để mau có tiền nuôi gia đình đông con đã lớn rồi. Năm 1832, Ông viết bi kịch lịch sử: LE ROI S'AMUSE (Ông vua ăn chơi) tả lại đời sống trụy lạc của vua Francois I. Kịch bản này không hay và bị cấm.

Năm 1833, Victor Hugo bèn viết tiếp kịch: LUCRÈCE BORGIA, nội dung nói lên tình mẫu tử của một bà quý tộc tên Lucrece Borgia đối với đứa con riêng của bà, mặc dầu đứa con này là Đại Úy Gennaro luôn luôn oán ghét và khinh bỉ bà.

Trong thời gian diễn kịch này, Victor Hugo gặp một mối tình thứ hai: Đào hát Juliette Drouet. Tài năng của nàng không hay nhưng nhan sắc của nàng rất quyến rũ. Nàng là một kỹ nữ qua tay nhiều người đàn ông giàu có, nhưng nàng luôn luôn ao ước gặp một người thực sự yêu nàng để nàng có thể sống một đời còn lại được lương thiện để nuôi nấng và dạy dỗ đứa con gái yêu quý của nàng.

Victor Hugo và Juliette gặp nhau thì yêu nhau ngay một cách tha thiết. Nàng quyết định hy sinh tất cả và chịu đựng tất cả để xây dựng cuộc đời với Victor Hugo. Bây giờ thì Victor cảm thấy rất sung sướng. Ông không còn yêu Adele tha thiết như thuở ban đầu. Adele cứ sống cuộc đời của Adele với các bạn tâm tình lần lượt là Saint Breuve, và Théophile Gautier; còn Victor Hugo thì sống cuộc đời của Victor cùng với người tình Juliette. Những ghen ngào trong Feuilles d'automne (Lá thu) đã dứt để bắt qua những tiếng hát hoàng hôn: LES CHANTS du CRÉPUSCULE (1835). Giọng thơ trong tác phẩm này rất cảm động, nhạc thì tuyệt.

Năm 1836, Victor Hugo ứng cử vào Hàn Lâm Viện nhưng lại thua phiếu một nhà soạn kịch tầm thường là Mercier Dupaty. Victor đợi kỳ bầu cử sau, nhưng lại rớt nữa.

Trong lúc này, Victor viết vở kịch RUY BLAS (1838).

Năm 1839, hai vị trong Viện Hàn Lâm qua đời, nên bầu hai vị mới thay thế. Victor lại bị rớt hai lần nữa. Tất cả bị rớt bốn lần. Lần nào hai bậc thiên tài Chateaubriand và Lamartine đều ủng hộ và bỏ thăm cho Victor Hugo nhưng vẫn bị rớt.

Mãi đến năm 1841, Victor mới thắng cử và được vô Hàn Lâm Viện.

Năm 1843, Ông viết kịch LES BURGRAVES. Kịch này viết rất hay, tả tâm trạng của hai anh em ruột cùng yêu một cô gái đẹp, rồi hai anh em lại thù oán nhau. Kịch này có nhiều đoạn hùng tráng, nhưng khi diễn, khán giả không hoan nghinh vì họ đã chán hý khúc, họ muốn trở về với bi kịch cổ điển.

Victor Hugo buồn rầu vì kịch thất bại, lại đau buồn hơn khi hay tin con gái lớn và chàng rể đi du lịch, tắm biển cùng bị chết đuối (1843).

Nỗi buồn này được ghi lại trong tập thơ bất hủ LES CONTEMPLATIONS (Trầm tư).

Năm 1848, cách mạng Pháp bùng nổ lật đổ vua Louis Philippe và thành lập chế độ cộng hòa. Victor Hugo ủng hộ rất hăng Chính phủ Cộng hòa. Ông cùng với Lamartine và Louis Napoléon Bonaparte được bầu vào Quốc hội Lập hiến để thành lập Hiến Pháp.

Gần tới ngày bầu cử Tổng Thống, Louis Napoléon Bonaparte được dân chúng ủng hộ nồng nhiệt và sau đó đã đắc cử Tổng Thống của Chính phủ Cộng hòa.

Victor Hugo trước đây đã ủng hộ Louis Napoléon Bonaparte, nhưng lần lần thấy Napoléon lo củng cố địa vị đăng làm vua chớ không mở rộng tự do dân chủ. Victor đâm chán và trở lại chống Napoléon một cách dữ dội.

Ngày 2-12-1851 lúc 8 giờ sáng, Victor Hugo đang làm việc thì có người tới báo tin là có cuộc đảo chánh, Louis Bonaparte giải tán Quốc Hội, tự mình lên ngôi Hoàng Đế, lấy hiệu là Napoléon III.

Victor Hugo vội vàng thay quần áo, nói vắn tắt cho vợ hiểu tình hình chánh trị đang đổi thay nghiêm trọng. Ông đi tìm các bạn, tập hợp lại, hô hào tranh đấu, viết tuyên ngôn, tổ chức biểu tình lật đổ Napoléon III. Nhưng dân chúng Pháp đã chán nãn cảnh hỗn loạn đổ máu, nên phong trào xẹp dần. Các bạn lần lượt bị bắt, còn Victor Hugo thì nhờ Juliette làm giấy tờ giả mạo trốn qua được Bruxelles nước Bỉ, sống lưu vong, chỉ có Juliette đi theo Ông và nàng sung sướng tưởng rằng sẽ được chung sống với Ông, nhưng Victor Hugo gạt ngang bảo nàng phải mượn nhà ở riêng gần đó.

Ông vẫn viết và hô hào chống lại Napoléon III, đồng thời Ông viết tập HISTOIRE D'UN CRIME (Lịch sử một tội ác) để kể tội Napoléon III, nhưng vì thiếu tài liệu chính xác nên Ông đành bỏ dở, rồi viết tập sách trào phúng tựa đề NAPOLEÓN LE PETIT (Napoléon, thằng bé con) để mạt sát Napoléon III. Victor Hugo ngại rằng khi tập sách này in ra thì vợ con Ông đang sống tại Paris sẽ bị bắt giam và Chánh phủ Bỉ có thể trục xuất Ông ra khỏi Bruxelles. Do đó Ông viết thơ về bảo vợ bán hết gia sản, chuyển qua ở Saint Hélier của đảo Jersey thuộc nước Anh, gần bờ biển nước Pháp.

Tháng 8 năm 1852, cả nhà đều qua tới đảo Jersey. Ông và Juliette cũng qua đó. Juliette mượn một căn nhà gần biệt thự của Ông để ở. Xong rồi, Victor Hugo mới tung ra tập sách Napoléon Le Petit về Pháp. Dân chúng lên truyền tay nhau đọc say mê. Người ta lại dịch ra tiếng Anh và tiếng Y Pha Nho, in cả triệu bản.

Tiếp theo, Victor Hugo viết một tập thơ nhan đề LES CHÂTIMENTS (1853) cũng để mạt sát Napoléon.

Một việc lý thú xảy đến với Victor Hugo lúc ở đảo Jersey là bà bạn Delphine de Girardin từ Pháp qua thăm, bày cho Ông cầu cơ giao tiếp các chơn linh vô hình. Họ dùng một cái bàn quay và một con đồng. Cầu năm đêm liên tiếp, cơ không lên. Đến khi Victor Hugo tò mò đến xem thì cơ lên liền. Bà Girardin hỏi: Ai đó? Cái bàn trả lời: Léopoldine (tên đứa con gái lớn bị chết đuối với chồng năm 1843 khi đi du lịch). Victor Hugo rất ngạc nhiên, hỏi Léopoldine đủ thứ chuyện. Con đồng trong buổi cầu cơ đó là Vacquerie, người thân tín của gia đình Hugo.

Đêm 11-9-1853, buổi xây bàn được tổ chức, có mặt Ông Bà Victor Hugo, Cậu Charles Hugo, Cậu Francois Hugo, Cô Madelène Hugo, Đại Tá Le Flo, Bà Girardin, Ông De Tréveneuse, Ông Auguste Vacquerie. Đêm ấy, vong linh Cô Léopoldine giáng bàn thăm hỏi cha mẹ và tiết lộ nhiều điều huyền bí nơi cõi vô hình.

Đêm 13-9-1853, tiếp tục xây bàn, có vong linh xưng là Bóng Hư Linh giáng bảo Victor Hugo hãy đặt trọn đức tin vào Thượng Đế. Tiếp tục xây bàn, Victor Hugo thông công được với các Đấng như: Socrate, Luther, Mahomet, Jésus, Moïse,....

và thông công với các danh nhân như: Shakespeare, Molière, Racine,... Có nhiều vong linh ẩn danh như: Sứ giả Thượng Đế, Người trong cõi mộng, Bóng dưới mồ, Thần chết,... cũng có giảng bàn.

Đêm 11-10-1853, nhận thấy những điều tiết lộ, những lời khuyên bảo, những giáo lý và triết lý nhận được từ cõi vô hình nhờ vào việc xây bàn, rất hữu ích cho loài người, nên Victor Hugo hỏi vong linh đang giảng bàn:

- Những lời vàng ngọc mà chúng tôi nhận được từ bấy lâu nay, thật đáng xem là một chơn truyền quý báu, chúng tôi có nên in thành sách để phổ biến cho mọi người cùng học đặng chăng?

Vong linh ấy đáp:

- Không, vì chưa đến ngày giờ.

- Đến bao giờ? Chúng tôi còn sống đến ngày đó không?

- Nếu không thấy nơi này thì sẽ được thấy ở nơi khác. Chừng đến ngày giờ, sẽ có lệnh. Hiện tại, có thể phổ biến hạn chế cho những người có đức tin.

Kể từ đó, Victor Hugo rất tin tưởng những vấn đề siêu hình, sự bất diệt của linh hồn, sự hiện hữu của Thần linh. Về sau, những Thánh giáo trong các cuộc xây bàn nói trên được ông Gustave Simon in thành sách với tựa đề là: LES TABLES TOURNANTES de JERSEY chez VICTOR HUGO. Sách này được tái bản mười lần, làm chấn động dư luận nơi nước Pháp và thế giới.

Năm 1855, Nữ Hoàng Anh Victoria và vua Pháp Napoléon III giao hảo với nhau, do đó chánh phủ Anh ra lệnh di chuyển bọn lưu vong Pháp qua đảo Guernesey ở gần đó.

Hugo và gia đình cũng phải tuân lệnh. Đảo Guernesey nhỏ và hoang vu hơn đảo Jersey, nhưng Victor lại thích hơn vì ông vốn thích cảnh biển. Ông để râu, để tóc, ăn mặc như dân chài, lân la trò chuyện với họ về đời sống của họ và về biển cả.

Lúc đó, tập thơ Les Contemplations của Ông được phép xuất bản ở Pháp (1856), nhà xuất bản Hetzel gởi đến cho Ông 20.000 quan tiền tác quyền. Victor Hugo liền dùng tiền đó mua

ngay một biệt thự ở đảo Guernesey, và như vậy, theo luật nước Anh, ông khỏi bị trục xuất nữa.

Phòng làm việc của Victor Hugo trên lầu có ban công hướng về nhà của Juliette. Như lệ thường, nàng vẫn say mê chép bản thảo của Ông. Victor cảm thấy ở đây rất thanh thoi nên Ông làm việc rất hăng. Ông viết tập thơ LA LÉGENDE DES SIÈCLES (Truyện hoang đường của các thế kỷ).

Năm 1860, Victor Hugo xem lại các tài liệu để viết tiểu thuyết LES MISÉRABLES (Những người khốn khổ). Nhà xuất bản Hetzel ngại không dám in. Nhà xuất bản Albert Lacroix ở Bỉ liền nhận in ngay và mua tác quyền trong 12 năm với số tiền là 300.000 quan. Lần đầu tiên, Victor có số tiền lớn như vậy.

Năm 1862, tác phẩm in xong, phát hành, thành công rực rỡ. Lacroix lãi được 517.000 quan. Tác phẩm này như một tiếng pháo vang lên thúc đẩy tầng lớp lao động nghèo khổ đứng lên làm cách mạng.

Tiếp theo sự thành công này, Victor viết tiếp: LES TRAVAILLEURS de LA MER (Người lao động của biển), xuất bản năm 1866. Tác phẩm này ngắn hơn Les Misérables, nhưng lại thành công hơn vì Victor không nói triết lý nữa, mà dùng trí tưởng tượng quái đản để viết lôi cuốn độc giả.

Lúc này, Victor Hugo giàu rồi, nhưng Ông không cho vợ con phung phí mà dùng tiền này để giúp đỡ người nghèo và những thân hữu kém may mắn.

Tháng 8 năm 1868, Bà Adèle vợ của Victor Hugo, sau một cơn bạo bệnh, đã qua đời. Victor cho đưa linh cữu của Bà về Pháp, dặn các con ghi lên mộ của Bà hàng chữ: ADELÈ - VỢ của VICTOR HUGO.

Năm 1869, chế độ của Napoléon III bắt đầu sụp đổ.

Năm 1870, Pháp đánh thua Đức luôn 3 trận. Victor Hugo cùng với Juliette xuống tàu đi Bruxelles và từ đó đi xe lửa về Paris. Rất đông dân chúng ra tận ga đón rước Ông.

Victor Hugo trở lại hoạt động chính trị rất hăng, được bầu vào Quốc hội và làm thủ lĩnh nhóm Cộng hòa, nhưng phe quân chủ vẫn còn thắng thế hơn, thương thuyết với Đức xin đình chiến và Pháp chịu bồi thường chiến tranh.

Bao nhiêu chương trình dự định thực hiện của Ông đều không thành tựu như: Bãi bỏ án tử hình, cải thiện tư pháp, thành lập Liên bang Âu châu, giáo dục miễn phí và cưỡng bách, tăng quyền lợi cho phụ nữ. Victor Hugo quá chán nản, nên Ông quyết định rút lui khỏi Quốc hội. Ông trở về đời sống của người văn nghệ sĩ thuần túy, sáng tác thêm hai tác phẩm: L'ANNÉE TERRIBLE (Năm khủng khiếp) và QUATRE VINGT TREIZE (Chín mươi ba). Cả hai tập này đều bất hủ.

Năm 1877, Victor Hugo viết xong tập thơ L'ART D'ÊTRE GRAND PÈRE (Nghệ thuật làm Ông Nội). Độc giả cũng rất hoan nghinh tập thơ này vì nó ghi lại những cảm xúc êm đềm, những nụ cười hồn nhiên, hai mái tóc một bạc phơ một đen nhánh kề nhau. Lần đầu tiên trong thi ca, Victor Hugo đã đưa vào những nét đẹp hồn nhiên của trẻ thơ.

Hoàng đế nước Brazil là Don Pedro qua thăm nước Pháp, rồi lấy tư cách là một độc giả, nhà vua đến thăm Victor Hugo. Thật là một vinh dự cho Victor.

Năm 1882, Lễ Bát tuần của Victor Hugo được tổ chức lớn lao như Lễ Quốc Khánh. Thủ Tướng Jules Ferry, đại diện chánh phủ Pháp đến chúc thọ Ông, dân chúng và học sinh diễn hành qua trước nhà và Đại lộ trước nhà Ông mang tên Hugo. Victor Hugo đã đạt đến tột đỉnh vinh quang của người cầm bút. Chưa có văn thi sĩ nào từ xưa tới nay được như vậy.

Năm 1883, Bà Juliette bị ung thư bao tử và tử trần, thọ 77 tuổi. Victor không chánh thức cưới Bà nhưng mọi người đều xem Juliette như vợ chánh thức của Ông. Bà đã giúp Ông rất nhiều trong công việc sáng tác.

Victor Hugo tới tuổi này bắt đầu lần thân và viết di chúc: Tặng 40.000 quan cho người nghèo, liệm ông trong cỗ quan tài của hạng người nghèo, bản thảo tặng cho Thư viện Quốc gia Paris. Những lúc tỉnh táo, Ông vẫn làm thơ. Câu thơ cuối cùng, Ông viết: C'est ici le combat du jour et la nuit. (Đây là cuộc chiến đấu của ánh sáng và bóng tối).

Ngày 22-5-1885, Ông bị sưng phổi rồi mất, thọ 83 tuổi.

Khi hay tin Victor Hugo chết, cả Thượng và Hạ Nghị Viện đều ngưng họp để tưởng niệm Ông. Nước Pháp làm lễ quốc

táng cho Ông, quan tài được đặt tại Khải Hoàn Môn và được an táng trong Đền Panthéon, nơi an nghỉ của những danh nhân có công lớn với dân tộc Pháp.

PHẦN KẾT:

Victor Hugo là một Văn thi sĩ thiên tài độc đáo nhất của nước Pháp vào thế kỷ thứ 19. Ông luôn luôn chủ trương văn thi sĩ có sứ mạng chỉ đường dẫn lối cho dân chúng. Ông đã rất trung thành xứng đáng với sứ mạng đó. Chủ trương này giống như chủ trương của phương Đông: Văn dĩ tải Đạo.

Người văn nhân thi sĩ học được kinh sách của Thánh Hiền đời trước thì phải biết dùng văn chương thi phú mà truyền bá đạo lý cho mọi người.

Victor Hugo đã giải quyết được nhiều vấn đề bản khoản thắc mắc của thời đại Ông:

Vấn đề nghèo đói là nguyên nhân của tội lỗi, dốt nát là nguyên nhân của sai lầm.

Vấn đề cái tốt cái xấu, cái thiện cái ác.

Vấn đề Thượng Đế và con người, Thượng Đế và vũ trụ.

Khi Victor Hugo thoát xác thì chọn linh Ngài trở về Bạch Vân Động (Quảng Hàn Cung) nơi cõi thiên liêng, vì Ngài là một vị Thánh ở trong động đó, hiệu là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.

Khi Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài tại nước VN vào năm 1926, thì qua năm 1927, Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn sang Nam Vang, thủ đô nước Cao Miên, mở Đạo và thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo tại đó, trụ sở đặt tại Thánh Thất Kim Biên, và Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn lãnh lệnh Đức Chí Tôn làm Chủ Đạo cầm quyền Hội Thánh Ngoại Giáo.

"Bản đạo khi đắc linh làm Chủ Đạo lập Hội Thánh giáo đạo tha phương, thì từng lòng bác ái của Chí Tôn, mở rộng thế cho Nhơn sanh đáng công đối vị. Bản đạo chẳng kể là Nguyên nhân, Hóa nhân, hay là Quỷ nhân, ví biết lập công thì thành Đạo." (TNHT. II. 84)

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn thường giáng cơ điều hành Hội Thánh Ngoại Giáo và chuyện văn cùng Đức Phạm Hộ

Pháp, những điều Đức Hộ Pháp thác mắc thường được đem ra hỏi Đức Nguyệt Tâm, được Ngài giải đáp thỏa đáng.

Chính Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn vâng lệnh Đức Chí Tôn giáng cơ lập các phẩm Chức sắc HTĐ dưới Thập nhị Thời Quân để làm tay chân cho quyền Tư Pháp của Đạo. Xin chép ra sau đây bài Thánh giáo quan trọng ấy, đăng trong Đạo Sử II của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, trang 319 chót:

Tòa Thánh ngày 16 tháng 2 năm Ất Hợi (dl 20 Mars 1935)

CHƯƠNG ĐẠO NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN ou Victor Hugo

Cười khi nầy có Thượng Phẩm và Quyền Giáo Tông nơi đây, hai vị mới hộ tiếng Nữ phái ... Cười ... Quý hóa dữ ha!

Thưa Hộ Pháp, Bản đạo để lời chia vui cùng Ngài, khi hôm qua, nhờ có Thánh chỉ Chí Tôn, nên mới rộng đường xuất Thánh. Bản đạo có để lời trân trọng cầu thưởng cho học tu nên mới đăng cao phong phẩm giá.

Cười ... phẩm trật rắc rối khó nói rõ, nhưng chia ba: Pháp, Đạo, Thế, thì theo sự hiểu biết của Bản đạo như vậy:

Sĩ TÀI là Secretaire Archiviste.

Lên phẩm TRUYỀN TRẠNG là Greffier.

Rồi lên phẩm THỪA SỬ là Commissaire de la justice.

Phẩm GIÁM ĐẠO là Inspecteur.

Lên phẩm CÁI TRẠNG là Avocat.

Lên phẩm CHƯỞNG ẤN là Chancelier.

Lên phẩm ấy rồi tùy phái mà lên Đại vị Hiệp Thiên Đài, nhưng phải biết rằng: Chương Ấn phải lên Đại vị TIẾP DẪN ĐẠO NHƠN mà đặc phong phổ thông đặng một nước nào rồi mới vào Chánh vị.

Lợi và mấy vị kia là Sĩ Tài của HTĐ mà thôi. THẮNG.

Hai người con trai của Victor Hugo và Bà Adèle Foucher là: **Charles Hugo và Francois Hugo**, kỳ này đầu kiếp ở VN: Charles Hugo đầu kiếp là ông Đặng Trung Chử, Đạo hiệu Ngạn Sơn, đặc phong Giáo Sư CTĐ Thượng Chử Thanh (năm

1934); còn Francois Hugo đầu kiếp là ông Trần Quang Vinh, Đạo hiệu Hiền Trung, đặc phong Giáo Sư CTĐ Thượng Vinh Thanh (1934), về sau cả 2 vị đều được thăng Phối Sư.

Sau đây là bài giảng cơ của Bà Adèle Foucher nói chuyện với hai con trai là Charles Hugo và Francois Hugo:

Phò loan:

Hộ Pháp Nam Vang, 11 giờ đêm ngày 16-2-1933,
Tiếp Đạo tại tư gia của Cao Tiếp Đạo.

Hầu đàn:

GS Thượng Bầy Thanh
GS Thượng Chử Thanh
GS Thượng Vinh Thanh.

VICTOR HUGO

Xin chào chư Hiền Hữu và chư Hiền muội.
Charles và Francois, Mẹ của hai con đến.

Bà VICTOR HUGO, nữ danh ADÈLE FOUCHER

Các con đứng dậy, khóc!

Suốt đời Mẹ không ngăn nổi ý chí của cha các con, đặc biệt trong những hành động nhân ái của người, luôn luôn người tranh đấu chống tàn sát. Sau khi người qua đời, người vẫn không từ bỏ ý định.

Người gởi hai con tiếp tục sự nghiệp của người, giữa những kẻ đã chối bỏ hai con. Bởi bội bạc, họ chồng chất những mưu mô xấu xa, những vu khống và bắt công.

Cha hai con đã thu được kết quả gì?

Người có đủ tài năng thấu đáo trong cõi vô vi.

Không, mặc dầu Mẹ khóc, người nhưt quyết đưa các con vào thế giới khùng khiếp đó.

Vacquerie, nó cũng tái kiếp. Nó thường tự nhủ rằng địa cầu quyền rũ nó. Nó sắp làm Đại chánh khách theo dấu Léopold ở Hòa Lan.

Madelène không còn muốn đau khổ, nó từ chối đến thăm hai con. Cho rằng kỷ niệm làm đau đớn, nó không còn muốn nhìn lại cảnh trần gian. THĂNG.

(Bài giảng cơ bằng Pháp văn, Ông Nguyễn Lộc Thọ dịch ra Việt văn)

Trong Đạo Cao Đài, hằng năm đến ngày 22 tháng 5 dương lịch, tại Tòa Thánh và các Thánh Thất địa phương đều có thiết Tiểu đàn cúng Vía Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, có Chúc sắc nhắc lại tiểu sử và những lời giáo huấn của Ngài khi Ngài đắc lệnh làm Chưởng Đạo cầm quyền Hội Thánh Ngoại Giáo.

Bài Thái hiến lễ Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn mỗi khi cúng tế về phần Thế đạo:

*NGUYỆT rạng đông thiên đã sáng soi,
TÂM linh chiếu thấu bốn phương trời.
CHƠN truyền cứu thế xa tai ách,
NHƠN loại tuần hườn độ khắp nơi.*

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn có giảng cơ ban cho Đạo Cao Đài 6 Bài Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, kể ra:

1. Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối
2. Kinh Khi Đã Chết Rồi
3. Kinh Tẩn Liệm.
4. Kinh Đưa Linh cứu
5. Kinh Tắm Thánh
6. Kinh Hôn Phối.

Bài Kinh xưng tụng công đức của Đức Thanh Sơn Chơn Nhơn và Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, dùng để tụng khi cúng Vía Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, Chưởng Đạo Hội Thánh Ngoại Giáo, ngày 22 tháng 5 hằng năm tại Văn phòng Hội Thánh Ngoại Giáo:

Bạch Vân Động đèn hồng chói tỏa,
Thanh Sơn đài Diệu Võ Tiên Ông.
Bấy lâu tu luyện thành công,
Đắc thành chánh quả độ trong Tam Kỳ.

Nguyễn Bình Khiêm tầm Tiên ẩn dạng,
Trình Quốc Công là trạng nhà Nam.
Sớm khuya ẩn chốn thanh am,

Tu tâm luyện tánh chẳng ham mến trần.
 Tìm chân lý ngộ gần Tiên Thánh,
 Học vô viặng lánh phàm gian.
 Thú vui hai chữ thanh nhàn,
 Thong dong tự tại chẳng màng đai cân.
 Dạy đệ tử ân cần mỗi đạo,
 Truyền phép màu Chưởng Đạo Nguyệt Tâm.
 Ân ban trần thế giáng lâm,
 Victor là họ tên nhằm Hugo.
 Nhà văn sĩ bày phô lễ chánh,
 Nắm kinh luân nặng gánh cơ đồ.
 Nhà nhà có phúc hàm phô,
 Cũng như kinh sách Hugo dạy truyền.
 Đầu vọng báii Tiên Hiền Chưởng Đạo,
 Chứng lễ thành lòng thảo chúng sanh.
 Ban ơn nhỏ phước dân lành,
 Vun trồng cây Đạo, trở nhành đơm bông.
 Từ Bính Dần bóng hồng phổ độ,
 Chói Càn khôn cứu khổ nhơn sanh.
 Nhờ ơn các Đấng Trọn lành,
 Giáng cơ chỉ bảo mỗi manh Đạo Trời.
 Năm Đinh Mão mở nơi Tàn quốc,
 Đức Nguyệt Tâm đặc nhứt chỉ truyền.
 Lập thành Hội Thánh Kim Biên,
 Mở mang Đạo cả, ban quyền ngoại giao.
 Ơn giáo hóa đồng bào kiều Việt,
 Đức từ bi chi tiết gọi nhàn.
 Hiện nay Đạo hữu vui mừng,
 Tự do tín ngưỡng nhờ chưng Đức Ngài.
 Lễ Kỷ niệm phô bày nghiêm chỉnh,
 Dâng tấc thành cung kính Thánh linh.
 Mong nhờ lượng cả thịnh thình,
 Thi ân bố đức hóa sanh cứu đời./

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

NGƯ

Ngư thủy tương phùng

魚水相逢

Ngư: con cá. **Thủy:** nước. **Tương phùng:** gặp nhau.

Ngư thủy tương phùng là cá nước gặp nhau, ý nói người gặp vận tốt, vua tôi tương đắc.

Con cá lên bờ thì không bơi lội được, chỉ chờ chết. Khi thả vào nước, con cá gặp môi trường thuận lợi của nó thì mặc sức vẫy vùng.

Thời Tam quốc, Lưu Bị ba lần đến thảo luận cầu Khổng Minh về làm Quân Sư. Trương Phi nhiều lần phản đối.

Lưu Bị nói: "*Cô đắc Khổng Minh do ngư chi đắc thủy.*" Nghĩa là: Kê hèn này được Khổng Minh ví như con cá gặp được nước vậy.

Ngư tiều canh mục

漁樵耕牧

A: Fisherman, Woodsman, Flowman, Herdsman.

P: Pêcheur, Buâcheron, Laboureur, Pasteur.

Ngư: người câu cá. **Tiều:** ông đốn củi rừng. **Canh:** người cày ruộng. **Mục:** kẻ chăn trâu.

Ngư tiều canh mục là 4 thú vui của người ẩn sĩ, gọi là Tứ thú: Câu cá, đốn củi rừng, cày ruộng, chăn trâu.

- Ngư: như ông Khương Thượng ngồi câu ở Bàn thạch.
- Tiều: như ông Chung Tử Kỳ đi đốn củi rừng hằng ngày.
- Canh: như ông Ngu Thuấn đi cày ở Lịch Sơn.
- Mục: như ông Sào Phủ chăn trâu ở sông Dịch thủy.

Các họa sĩ thời xưa cũng thích dùng 4 cảnh này để vẽ tranh và làm thơ ngâm vịnh:

- Cảnh người câu cá ngồi trên chiếc thuyền nan giữa sông nước bao la.

- Cảnh ông tiều lên rừng đốn củi, vác bó củi trở về.
- Cảnh nông phu cày ruộng với con trâu giữa đồng.
- Cảnh các mục đồng ngồi lưng trâu thổi sáo.

NGỰ

NGỰ

NGỰ: 御 chỉ hành động của vua, cầm cương ngựa.

Td: Ngự ban, Ngự giáng, Ngự triều.

Ngự ban

御頒

A: To gratify.

P: Gratifier.

Ngự: chỉ hành động của vua, cầm cương ngựa. **Ban:** cấp cho.

Ngự ban là vua ban cho.

KĐ2C: Chén trường sanh có lệnh *ngự ban*.

KĐ2C: Kinh Đệ Nhị cửu.

Ngự giáng

御降

A: To descend.

P: Descendre.

Ngự: chỉ hành động của vua, cầm cương ngựa. **Giáng:** đi xuống.

Ngự giáng là vua đi xuống.

BXTCĐPTTT: Trên Điện ngọc vua Trời *ngự giáng*.

BXTCĐPTTT: Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần.

Ngự Mã Thiên Quân

御馬天君

Ngự: chỉ hành động của vua, cầm cương ngựa. **Mã:** ngựa. **Thiên Quân:** Phẩm tước do Đức Chí Tôn phong thưởng nơi cõi thiêng liêng.

Ngự Mã Thiên Quân là một vị Thiên Quân theo hộ vệ Đấng Thượng Đế mỗi khi Đấng Thượng Đế xuất hành.

Do đó, Đức Lý Thái Bạch mới nói với Đức Hộ Pháp rằng: *Hộ giá Chí Tôn trước đến giờ.*

Mở ĐĐTKPĐ lần này, Đấng Thượng Đế cho Ngự Mã Thiên Quân giáng trần để thay thế Thượng Đế lập Đạo. Đó là Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Chưởng quân HTĐ.

Trong một bài Thánh Ngôn, Đức Chí Tôn giáng tại Báo Ân Từ, ngày 9-1-Kỷ Mão (1939) nói: *"May thay! Nếu Thầy không viễn lự sai Hộ Pháp giáng trần thì cơ Đạo đã ra tiêu hủy."*

TNHT: Quyền cao *Ngự Mã* là vinh bầy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Ngự triều

御朝

Ngự: chỉ hành động của vua, cầm cương ngựa. **Triều:** triều đình.

Ngự triều là vua đến chỗ họp triều đình.

Ở đây ý nói Đức Chí Tôn đến Ngọc Hư Cung để họp Thiên triều của Ngài.

KTTg: Ngọc Hư đại hội *ngự triều*.

KTTg: Kinh Tiểu Tường.

NGỪA

NGỪA

A: To wait for.

P: Attendre.

Ngừa: từ ngữ xưa, có nghĩa là: chờ, chờ đón, đón rước.

Ngày nay, người ta dùng chữ Ngừa với ý nghĩa là: Phòng giữ trước. Td: Ngừa bệnh, Phòng ngừa.

Bài thái hiền lễ Tứ Nương DTC:

Đằng giao khởi phụng khó *ngừa* Tiên thi.

(**Ngừa:** chờ đợi. **Khó ngừa:** không thể chờ).

TNHT: - *Ngừa* thuyền Thầy đợi kẻ sang chơn.

- *Ngừa* thuyền ấy lúc lánh dòng sâu.

(*Ngừa* thuyền là chờ đợi chiếc thuyền Bát Nhã)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DTC: Diêu Tri Cung.

NGỰA

Ngựa vàng - Thỏ ngọc

A: The sun - The moon.

P: Le soleil - La lune.

Ngựa vàng: dịch chữ Kim mã, chỉ mặt Trời.

Thỏ ngọc: dịch chữ Ngọc thỏ, chỉ mặt trăng.

Trong văn chương, thi phú, người ta hay dùng hai từ ngữ: Ngựa vàng và Ngọc thỏ để chỉ mặt Trời và mặt trăng, vì ngựa và thỏ đều có đặc tính chạy nhanh, con này rượt con kia, hết ngày tới đêm, cũng có ý nói: thời gian đi qua rất mau.

TNHT: *Ngựa vàng* ruổi vó thoi đưa sáng,

Thỏ ngọc trau gương đậm vẻ lâu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NGƯNG

Ngưng thần định trí

凝神定智

A: To concentrate one's mind completely.

P: Concentrer tout son esprit.

Ngưng: (chữ Hán) có nghĩa là nhóm vào một chỗ, cô đọng lại. **Thần:** tinh thần. **Định:** làm cho yên ổn. **Trí:** trí não.

Ngưng thần là tập trung tinh thần lại.

Ngưng thần định trí là gom tụ cả tinh thần và trí não vào một chỗ để giữ cho yên ổn, không vọng động.

NGƯỠNG

NGƯỠNG

NGƯỠNG: 仰 Ngửa mặt nhìn lên với lòng kính mến.

Td: Ngưỡng nghĩa, Ngưỡng nguyện.

Ngưỡng nghĩa

仰義

A: To esteem.

P: Estimer.

Ngưỡng: Ngửa mặt nhìn lên với lòng kính mến. **Nghĩa:** đối xử tốt đẹp theo lễ phải.

Ngưỡng nghĩa là ngược mặt trông chờ với sự kính mến.

TNHT: Bát Nương đến cho hay rằng mấy anh đương ngưỡng nghĩa nên vội đến hầu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ngưỡng nguyện

仰願

A: To implore. P: Implorer.

Ngưỡng: Ngửa mặt nhìn lên với lòng kính mến. **Nguyện:** cầu nguyện.

Ngưỡng nguyện là ngửa mặt lên để cầu nguyện.

Sớ Văn: *Ngưỡng nguyện* Đức Từ Bi quảng bố hồng ân....

Ngưỡng vọng

仰望

A: To look up and beg for.

P: Regarder en haut et espérer.

Ngưỡng: Ngửa mặt nhìn lên với lòng kính mến. **Vọng:** trông mong.

Ngưỡng vọng là ngửa mặt trông chờ người trên chiếu cố.

BDT: *Ngưỡng vọng* Từ Bi gia tế phước.

Ngưỡng vọng Vô Trung Từ Phụ:

Vô Trung: trong cõi Hư Vô. **Từ Phụ:** Đại Từ Phụ.

Ngưỡng vọng Vô Trung Từ Phụ là ngưỡng vọng Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ ở trong cõi Hư Vô.

BDT: Bài Dâng Trà.

NGỰU

Ngưu đầu mã diện

牛頭馬面

A: The head of buffalo and the face of horse.

P: La tête de buffle et le visage de cheval.

Ngưu: con trâu. **Đầu:** cái đầu. **Mã:** ngựa. **Diện:** mặt.

Ngưu đầu mã diện là đầu trâu mặt ngựa, chỉ bọn quỷ sứ nơi cõi Âm Phủ có hình thù kỳ dị, xấu xí.

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



Nh

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục văn NH

NHÃ

- Nhã
- Nhã nhạc
- Nhã giám
- Nhã ý

NHẠC

- Nhạc
- Nhạc công
- Nhạc hành lễ
- Nhạc lễ (Xem: Lễ nhạc, văn L)
- Nhạc nhân
- Nhạc sĩ - Nhạc sư
- Nhạc sinh
- Nhạc tấu Quân Thiên
- Nhạc thiều
- Nhạc năm cung

NHAN

- Nhan Hôi (Nhan Uyên)

NHÀN

- Nhàn cư vi bất thiện

NHÃN

- Nhãn
- Nhãn huệ quang
- Nhãn tiền báo ứng
- Nhãn trung đình

NHẮM

- Nhắm mắt

NHÂM

- Nhâm đốc nhị mạch

NHẬM

- Nhậm (Xem: Nhiệm)

NHÂN

- Nhân (Xem: Nhơn)

NHẪN

- Nhẫn
- Nhẫn nhục

NHẪNG

- Nhặng

NHẬP

- Nhập
- Nhập bất phu xuất
- Nhập diệt
- Nhập diệu
- Nhập định
- Nhập gia tùy tục

- Nhập hội
- Nhập môn
- Nhập nội
- Nhập quan - Nhập liệm
- Nhập tâm
- Nhập Thánh thể
- Nhập thế - Xuất thế

NHẮT

- Nhắt (Xem: Nhứt)

NHẬT

- Nhật (Xem: Nhựt)

NHI

- Nhi nữ thường tình

NHĨ

- Nhĩ mục quan chiêm

NHỊ

- Nhị
- Nhị hữu hình đài
- Nhị nguyên luận
- Nhị Nương
- Nhị thập bát tú
- Nhị thập tứ hiếu
- Nhị thập tứ Tiết
- Nhị xác thân

NHIỄM

- Nhiễm luyện

NHIỆM (NHẬM)

- Nhiệm
- Nhiệm chức (Nhậm chức)
- Nhiệm màu (Xem: Màu nhiệm, vẫn M)
- Nhiệm phong (Nhậm phong)
- Nhiệm sở
- Nhiệm ý

NHIÊN

- Nhiên Đăng Cổ Phật
- Nhiên hậu

NHIẾP

- Nhiếp
- Nhiếp ảnh
- Nhiếp chánh
- Nhiếp hồn
- Nhiếp tâm

NHIỆT

- Nhiệt
- Nhiệt huyết
- Nhiệt tâm
- Nhiệt thành

NHIỄU

- Nhiễu điều
- Nhiễu hại

NHO

- Nho
- Nho gia
- Nho giáo
- Nho nhã
- Nho phong
- Nho Thích Đạo
- Nho Tông Chuyển Thế
- Nho tông khai hóa

NHỒI

- Nhồi quả
- Nhồi sọ

NHƠN (NHÂN)

- Nhơn
- Nhân ái
- Nhân bản
- Nhơn cách (Nhân cách)
- Nhơn cầm
- Nhơn chủng (Nhân chủng)
- Nhơn cùng trí đoản
- Nhơn dục - Nhơn dục vô nhai
- Nhơn duyên
- Nhơn đạo - Thiên đạo
- Nhơn định thắng Thiên
- Nhơn đức - Nhơn đạo
- Nhơn giả nhơn dã
- Nhơn gian
- Nhơn hậu
- Nhơn hiện tại mạo
- Nhơn hữu thiện nguyện
- Nhơn lão tâm bất lão
- Nhơn loại khởi nguyên
- Nhơn luân
- Nhơn lực
- Nhơn Nghĩa (Nhân Nghĩa)
- Nhơn nhơn thành sự
- Nhơn phẩm
- Nhơn phi nghĩa bất giao
- Nhơn quả - Luật Nhơn quả
- Nhơn quan giả bái quan
- Nhơn sanh như ký
- Nhơn sanh triều lộ
- Nhơn sanh quan
- Nhơn sĩ (Nhân sĩ)
- Nhơn sự
- Nhơn tâm bất cố
- Nhơn tâm bất khả phòng
- Nhơn tâm bất túc xà thôn tượng
- Nhơn tâm sanh nhưt niệm, Thiên Địa tất giai tri
- Nhơn thân phạm ngữ
- Nhơn thiện bị nhơn khi
- Nhơn thọ tác quả
- Nhơn Tiên
- Nhơn tình
- Nhơn tình thể thái
- Nhơn trí
- Nhơn từ (Nhân từ)
- Nhơn từ giả thọ

- Nhon tử lưu danh
- Nhon tước - Thiên tước
- Nhon vật
- Nhon vi vạn vật chí linh
- Nhon vị (Nhân vị)
- Nhon vô thập toàn

NHU

- Nhu sĩ
- Nhu thắng cương, nhược thắng cường

NHŨ

- Nhũ
- Nhũ danh
- Nhũ lịnh

NHỤC

- Nhục
- Nhục dục
- Nhục nhĩn
- Nhục thể
- Nhục tổ hồ tông

NHƯ

- Như
- Như ảnh tùy hình
- Như cổ sắt cầm
- Như Nhãn Hòa Thượng (Xem: Chương Pháp, văn Ch)
- Như thắng
- Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhon (Xem: Vĩnh Nguyên Tự, văn V)
- Như ý sở cầu
- Như đao phá thạch
- Như Lai
- Như nguyện
- Như thị

NHŨ

- Nhũ
- Nhũ đẳng tu thọ pháp
- Nhũ tri hồ?

NHƯỢC

- Nhược
- Nhược hữu
- Nhược nhon đương sanh
- Nhược thiết nhược hư
- Nhược thủy
- Nhược tiểu

NHỨT (NHẤT)

- Nhứt
- Nhứt ẩm nhứt trác sự giai tiền định
- Nhứt bốn tán vạn thù, Vạn thù qui nhứt bốn
- Nhứt bốn vạn lợi
- Nhứt cử lưỡng tiện
- Nhứt dĩ quán chi (Nhứt quán)
- Nhứt diện
- Nhứt điệp tri thu

- Nhứt đán vô thường
vạn sự hư
- Nhứt gia hữu sự bá gia
ưu
- Nhứt hô bá ứng
- Nhứt khắc thiên kim
- Nhứt lao vĩnh dật
- Nhứt môn đồng mạch
- Nhứt môn hạnh phúc
- Nhứt nghệ tinh nhứt
thân vinh
- Nhứt ngộ bất dung tái
ngộ
- Nhứt ngôn khả dĩ hưng
bang
- Nhứt ngôn ký xuất tứ
mã nan truy
- Nhứt, Nhị, Tam Kỳ Phổ
Độ
- Nhứt nguyên luận
- Nhứt nhứt
- Nhứt nhựt thanh nhàn
nhứt nhựt Tiên
- Nhứt niệm
- Nhứt Nương
- Nhứt phàm phong
thuận
- Nhứt phiến đan tâm
- Nhứt tâm thiện niệm
- Nhứt thân ức vạn
- Nhứt thần giáo
- Nhứt thiên biến
- Nhứt thiết chư Phật
- Nhứt thiết giai thành
- Nhứt thốn quang âm
nhứt thốn kim
- Nhứt thống
- Nhứt thời
- Nhứt tiễn song điều
- Nhứt tinh chi hỏa
- Nhứt toán họa phước
lập phân
- Nhứt Tổ chí Lục Tổ
- Nhứt trần bất nhiễm
- Nhứt Trần Oai Nghiêm
- Nhứt triều nhứt tịch
- Nhứt trường xuân
mộng
- Nhứt tự thiên kim
- Nhứt tự vi sự, bán tự vi
sự
- Nhứt tướng công thành
vạn cốt khô
- Nhứt vãng nhứt lai
- Nhứt vô sở hữu

NHỰT

- Nhựt
- Nhựt để
- Nhựt nguyệt
- Nhựt nguyệt chi quang
- Nhựt nguyệt mạo
- Nhựt nguyệt như thoa
- Nhựt nhu ngoạt nhiễm
- Nhựt nhựt tân
- Nhựt thượng tam can
- Nhựt trình
- Nhựt tụng
- Nhựt xuất nhi tác

NHÃ

NHÃ

NHÃ: 雅 Tao nhã, có lễ độ, lịch sự.
Td: Nhã giám, Nhã nhạc, Nhã ý.

Nhã giám

雅鑑

A: To examine with benevolence.

P: Examiner avec bienveillance.

Nhã: Tao nhã, có lễ độ, lịch sự. **Giám:** xem xét, chiếu soi.

Nhã giám là từ ngữ dùng có ý kính trọng để mời người khác xem thơ của mình hay văn của mình soạn ra.

Nhã nhạc

雅樂

A: Ceremonial music.

P: Musique de cérémonie.

Nhã: Tao nhã, có lễ độ, lịch sự. **Nhạc:** âm nhạc.

Nhã nhạc là loại âm nhạc tao nhã, chánh đáng, dùng nơi triều đình, đền miếu.

Nhã nhạc còn được gọi là Nhạc thiều. Nhạc thiều khiến cho lòng người nghe trở nên tao nhã, cao thượng.

Trái với Nhã nhạc là Nhạc kích động tà dâm.

Nhã ý

雅意

A: Good intention.

P: Bonne intention.

Nhã: Tao nhã, có lễ độ, lịch sự. **Ý:** ý kiến.

Nhã ý là có ý kiến tốt.

Từ ngữ này dùng để tôn xưng ý kiến của người khác đối với mình.

NHẠC

NHẠC

NHẠC: 樂 Âm nhạc, âm thanh có tiết tấu hòa nhau nghe êm tai, để nói lên một ý nghĩa.

Td: Nhạc hành lễ, Nhạc năm cung.

Nhạc công

樂工

A: The player.

P: L'exécutant.

Nhạc: Âm nhạc, âm thanh có tiết tấu hòa nhau nghe êm tai, để nói lên một ý nghĩa. **Công:** người thợ.

Nhạc công là người diễn tấu âm nhạc.

Nhạc công còn thấp hơn Nhạc sĩ một bậc.

TNHT: Nhạc còn chưa đủ thể cách, đờn để rước chư Tiên, Thánh, không phải vậy là đủ, người *nhạc công* phải ăn mặc tinh khiết.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhạc hành lễ

樂行禮

Nhạc: Âm nhạc, âm thanh có tiết tấu hòa nhau nghe êm tai, để nói lên một ý nghĩa. **Hành:** làm, thi hành. **Lễ:** nghi lễ.

Nhạc hành lễ là âm nhạc diễn tấu trong Đại đàn và Tiểu đàn khi cúng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Sau đây là bài của Nhạc Sư Trần Thiện Niệm, cai quản Ban Nhạc Tòa Thánh, gửi cho các Chánh Phó Trưởng Phiên Nhạc, Chức sắc và nhân viên Bộ Nhạc, để thi hành về phần âm nhạc trong Đại đàn, Tiểu đàn và Tứ thời khi cúng Đức Chí Tôn tại Đền Thánh và cúng Đức Phật Mẫu nơi Báo Ân Từ.

Nhạc hành lễ

- I. Nhạc Đại đàn và Tiểu đàn tại Đền Thánh
- II. Nhạc cúng Từ thời tại Đền Thánh
- III. Nhạc cúng Đại đàn tại Báo Ân Từ
- IV. Nhạc cúng Tứ thời tại Báo Ân Từ

Xin nhắc lại các khuôn mẫu lễ nghi của các bậc Đại Đức tiền nhân, ra công dạy dỗ Nhạc lễ, Kinh kệ buổi sơ khai, hôm nay, chúng ta phải gia tâm chỉnh đốn cho y khuôn mẫu, để khỏi phần thất lễ.

I. Nhạc Đại đàn và Tiểu đàn tại Đền Thánh:

1. Toàn thể Chức sắc Chức việc tới đàn vía phải mặc phẩm phục Chức sắc của mình. Đại đàn thì mặc Đại phục, Tiểu đàn thì mặc Tiểu phục, không có phẩm cấp thì không được ngồi vào băng bán nguyệt, khi lên lầu HTĐ đánh lễ xong là 11 giờ 35 phút.

2. Gần tới giờ hành lễ, ban nhạc phải ngồi vào băng bán nguyệt, là nơi hành lễ trước 15 phút mà lo chu đáo các món nhạc khí của mình. Đại đàn thì ở Nghinh Phong Đài và lầu Bát Quái Đài, Tiểu đàn thì tại lầu HTĐ.

3. Khi Chức sắc và toàn thể nhập đàn đến HTĐ thì Nhạc không khua động, chuyện vãn, thử kèn chi cả, do lễ đài báo hiệu.

4. Nhạc chấp sự các môn chánh phải là vị Chức sắc quan trọng hơn, nghiêm chỉnh thi hành, vì trước Đại điện Chí Tôn, Chức sắc phải trọng vọng khiêm cung đánh lễ.

5. Trống Tiếp Giá phải là vị trưởng ban y căn bản thủ vị phân minh. Các môn phụ phải tế nhị khiêm nhường, giọng kèn

oai linh không lệch tục. Tới đờn 7 bài, hay 5 bài, hay 3 bài, cần thúc lệ.

6. Từng Hương, không đờn quá lợi và không đờn lớp trống xuân, tới kinh Niệm Hương và Khai Kinh, đờn đờn cho đọc kinh lợi quá, lệch chữ kinh, cùng ảnh hưởng đến toàn thể mỗi một và giảm tinh thần tín ngưỡng. Đờn Nam xuân cho đọc Kinh Ngọc Hoàng và Tam giáo, đờn giữ mức trung bình, lệ quá mất giọng xuân, cũng không đờn lớp trống xuân, vì lớp trống xuân, Đức Chí Tôn đã tiền định rồi.

7. Trống lập ban: đồ trống nhuyển nhẹ ngấn, chờ gài thủ các môn phụ mới tiếp vào để không lấp câu xướng, cũng không trễ lay (nhứt là chờ nơi lễ đài báo hiệu).

8. Trong ba tuần Dâng Tam bửu, không đổi người nhằm thủ vĩ bất động phách. Đàn nội tôn nghiêm gìn tiền hậu luật y nhứt mẫu khiến đàn nội không bị phóng tâm.

9. Thượng Tấu Sứ Văn: câu sớ quan trọng, điểm trống tỏ ý uy linh, kính cẩn hơn; câu trung bình thì điểm trung bình. Phần sớ (đốt sớ) có uy linh, trống chuyển qua thét.

10. Trống lập ban: ba lay xong gài trống vô đờn lớp trống xuân tụng kinh Ngũ Nguyên, lay xong dứt trống lập ban.

11. Chức sắc HTĐ nhập Nội nghi và Hộ Đàn Pháp Quân, Tả Hữu Phan Quân nhập Nội nghi, bái xong dứt trống lập ban, trở thét trung bình. Chức sắc HTĐ đi về tới chỗ, tiếng kiêng đồ, toàn thể đứng lên xá, rồi bày ban đứng chờ.

12. Toàn thể nghe tiếng chuông bãi đàn, nhạc gài thái bình, tiền bản hậu phú, tiền bước Chức sắc đi ra, Nhạc dứt, tịch, ấy là đàn tràn viên mãn.

II. Nhạc cúng Từ thời tại Đền Thánh:

1. Khi lên từng lầu HTĐ thì ban nhạc đánh lễ một lượt cho rập ràng. Còn 10 phút trước khi khởi lễ thì ngồi vào băng bán nguyệt, soạn lên dây đờn nhỏ nhẹ, cần nghiêm túc thủ lễ tỏ sự tôn kính vì là trước đại điện.

2. Đúng giờ hành lễ, chuông nhứt, nhạc rao đờn, Chức sắc, Chức việc và toàn đạo tới cấp HTĐ thì nhạc đờn bài Hạ.

3. Kế tiếp chuông nhì, Chức sắc, Chức việc đồng xá, vào ngồi thì dứt bài Hạ. Nhạc liền ra Ai, chuông thỉnh Thánh vừa xong là khởi đờn Nam ai, Giáo nhì và đồng nhì tụng kinh Niệm Hương. Lạy xong, tiếp tụng bài Khai Kinh. Hai bài giọng Nam ai này, đừng đọc kinh lời quá, khiến tiếng kinh lệch lạc không đúng chữ kinh và không đúng giọng nếu đờn lời, cũng không đờn lớp mái Nam ai trong đờn kinh này.

4. Tới đờn Xuân, Giáo nhì và đồng nhì tụng bài Ngọc Hoàng Kinh và luôn trong các bài kinh giọng Xuân này, không lẹ quá mà mất phù ba của giọng xuân, cũng không xen lớp trống xuân vì lớp trống xuân thể pháp đờn cho Năm câu nguyện, đừng dứt thời cho cúng đàn mà thôi.

5. Tới đờn Dâng Tam bửu, Giáo nhì đồng nhì chờ qua nhịp mới thài, đều đúng câu đờn nào cũng vậy. (Lời dạy của Đức Phạm Hộ Pháp vì chánh pháp môn nhịp điệu).

6. Thời cúng có Dâng Sớ, khi mãn thài thì đờn bài Hạ, tùy mau chậm, dứt để đọc sớ. Khi phần sớ, nhạc rao xuân, lạy 3 lạy xong thì nhịp vô lớp trống xuân đọc Ngũ Nguyện, dứt thì trở đờn bài Hạ. Nếu có Chức sắc HTĐ lên Nội nghi lạy thì chờ, khi về tới chỗ thì đứng lên bài ban, Nhạc và Giáo nhì đồng nhì lạy. Nghi lễ kệ chuông bãi đàn.

7. Cúng thời Ngọ, Nhạc còn đờn để Giáo nhì và đồng nhì tụng kinh Tuần Cửu, khi dứt kinh đến niệm Câu chú của Đức Chí Tôn, nhạc không được đờn nhái theo mà được đờn xuân tới cho ăn nhịp mà thôi.

8. Mỗi thời cúng Đức Chí Tôn, Phật Mẫu, mỗi nơi có Chức sắc Bộ Nhạc để ứng hộ chư nhân viên trong thời cúng được nghiêm túc, tôn kính của Nhạc Thánh đường, đối với lòng tín ngưỡng trong toàn đạo trong thời cúng, ấy là gương mẫu Nhạc của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vậy.

9. Riêng về Chức sắc, Chức việc cúng thời Tý tại Đền Thánh phải mặc áo Tiểu phục cho nghiêm trang hơn.

Mong chư Chức sắc Chức việc chú ý khoảng này cho được chu toàn thiện mỹ.

III. Nhạc cúng Đại đàn tại Báo Ân Từ:

1. Tới 11 giờ 35 phút, ban nhạc lo chuẩn bị trước, nhứt là lo chỉnh soạn các môn nhạc khí và nhân viên của mình.

Còn 15 phút đến 12 giờ thì đến lễ bái mà ngồi vào băng bán nguyệt, so dây đàn nhỏ nhẹ, nhứt là kèn và trống cơm, muốn thử kêu rõ ràng thì phải tại cơ sở của mình, còn đến giờ cúng thử nhỏ cho biết ăn giọng âm thanh với đàn mà thôi.

2. Lên trước đại điện không được hút thuốc, nói chuyện ồn ào mất vẻ trang nghiêm, vì là nơi tất cả tịnh tâm đánh lễ, còn hút thuốc cũng là trực đối với thiêng liêng, hơn nữa khi đi cúng cũng đã súc miệng sạch rồi.

3. Các môn chánh của nhạc phải là người có phẩm lớn và đạo hạnh mà làm chuẩn hướng.

Nhạc Tấu Quân Thiên, trống gài đầu trung bình, bạc không phép lướt trống, vì thúc lẹ thì lớp và âm thanh không phân minh, làm giảm uy hùng của Tiếp Giá. Còn đàn 3 hay 5 bài thì cần đàn lẹ lên, nhớ tôn Thánh ý Đức Phạm Hộ Pháp, không hối thúc Tiếp Giá mà hối thúc đàn.

4. Tới từng Điện Hương: đàn xuân điện không đàn lời, cũng không đàn lớp trống xuân. Khi lễ qui, toàn thể nghe chuông thỉnh Thánh, nhạc rao đặng vô đàn Nam ai. Giáo nhi đồng nhi đọc kinh Niệm Hương, đừng đàn đọc kinh lời vì trong giọng kinh quá trầm, chữ kinh lệch lạc, bỗn đạo mỗi, giảm tín ngưỡng. Tới bài Khai Kinh cũng giọng Nam ai, hai bài này cần thúc nhịp lại.

5. Trống lập ban: trống nhỏ ngắn gọn, các môn tum bạc kèn và phụ chờ gài thủ vô sau nghe đúng pháp, còn đồ ồn lên một lượt làm lấp mất tiếng câu xướng của lễ sĩ, đồ kéo dài thời gian làm mất một lạy của tập thể.

6. Tới đàn Xuân, Giáo nhi đồng nhi đọc Phật Mẫu Chơn Kinh, giữ mức trung bình, lẹ quá mất giọng Xuân, cũng không đàn lớp trống xuân (vì như đã nêu ở phần trên), dứt, trống lập ban, lạy.

7. Lễ điện Tam bửu: qua những lớp bài Hạ và trống thét, lớp trống thét không đánh mở, bạc lẹ quá mất điệu thuần hậu trung dung, tới gài Đảo ngũ cung, giữ mực trung bình. Lễ tới

Nội nghi, tới thượng Tam bửu, Lễ sĩ đổi sang thì nhạc thúc mực trung bình mà thôi, lệ quá giảm giá nhịp điệu Nhạc Thánh đường.

8. Trống lập ban, lay, một mình trống đồ nhỏ gài thủ thì các môn phụ lập vô thủ nhịp sau, còn đồ rằm lên lấp xướng, trễ lay lụp chụp có khi lễ phải chờ vì Lễ hưng Nhạc tác.

9. Đến Thượng Tấu Sớ văn, từ xây tá đến thét ngắn. Lưu ý tới câu sớ quan trọng thì điểm trống, tôn kính uy linh hơn (đồ ro roi điểm ba), câu trung bình thì điểm trung bình (không ro mà điểm ba). Tới phần sớ, đồ trống phần sớ có vẻ tôn nghiêm dâng uy hùng, tiếp thét luôn. Lay 3 lay.

10. Đến Ngũ Nguyện, gài trống vô đờn, chừng mực hồi khởi đầu không lệ không chậm (như đờn Xuân và Tiếp Giá mới vô nhịp ban đầu) tới đây mới đờn lớp trống xuân với năm câu Nguyện, cuối cùng tận tâm cầu đảo của toàn thể đặng mãn đàn. Khi 3 lay xong, nghe chuông, toàn thể đứng lên xá và đứng lưỡn ban.

11. Nhạc còn trở đều, cho Lễ sĩ, Giáo nhi, đồng nhi, Trật tự, Kiểm đàn lay, còn Nhạc khi mãn Năm câu nguyện thì lo thi nhau mà lễ bái, đến đây đồng chờ tiếng kiểng và ba tiếng chuông.

12. Lễ sĩ xướng: Lễ thành, nhạc đồ trống gài lớp thái bình, tiền bản hậu phú rồi dứt, tịch, mãn lễ.

IV. Nhạc cúng Tứ thời tại Báo Ân Từ:

1. Còn 20 phút tới giờ cúng, Nhạc phải ứng trực sẵn, đến chừng còn 10 phút, Nhạc vô bái lễ, xong vào bằng bán nguyệt ngòi lên dây đờn nhỏ gọn và không nói chuyện ồn ào pha lẫn, thủ lễ nghiêm túc.

Tới giờ, Chuông nhứt, rao đờn vô bài Hạ. Chuông nhì, vô quì, dứt đờn bài Hạ, toàn thể nghe chuông thỉnh Thánh, nhạc rao đờn vô Nam ai, Giáo nhi đồng nhi đọc kinh Niệm Hương (đờng vô đờn và đọc kinh quá lời). Dứt bài Niệm Hương, lay 3 lay. Tiếp đọc bài Khai Kinh. Hai bài Nam ai này đọc quá lời sẽ có nhiều chữ kinh lệch lạc.

2. Dứt bài Khai Kinh, tiếp đờn Nam xuân cũng không quá lạ, Giáo nhi đồng nhi đọc Phật Mẫu Chơn Kinh, nếu lạ sẽ mất giọng phù ba của hơi xuân, nhạc cũng không đờn lớp trống xuân (như đã nêu ở phần trên), dứt bài xuân, lạy 3 lạy.

3. Nhạc rao Xuân nữ, vô đờn Xuân nữ, đờn mức trung bình, nhứt là thuần túy thung dung pháp Nhạc Thánh đường (chớ không phải cải lương sân khấu), Giáo nhi đồng nhi cũng không nên tụng bài kinh Tán Tụng Công Đức Phật Mẫu kéo dài, ngược lại vì kinh đọc cúng không phải nói lời của sân khấu mà tưởng sân khấu là phi pháp. Phi pháp là phi lễ.

4. Mãn bài kinh đờn giọng Xuân nữ, nhạc rao giọng Đảo, lạy 3 lạy xong, nhạc vô đờn bài Đảo, Giáo nhi đồng nhi chờ qua một nhịp mới khởi thái. Ấy là ý thức của Đạo nghiệp.

5. Ba lạy xong chờ gõ vô nhịp trở đờn lớp trống xuân một lớp, Giáo nhi đồng nhi tụng Ngũ Nguyên, dứt bài Ngũ Nguyên liền đờn bài Hạ, lạy 3 lạy xong, toàn thể đàn nội đứng lên. Nhạc dứt đờn. Toàn thể đứng lưỡng ban. Giáo nhi đồng nhi và Nhạc đi lạy, nghi lễ đánh chuông. Lạy xong trở về vị trí.

6. Nghi lễ kệ chuông bái đàn, bái mãn đàn. Hết.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Nhạc lễ

(Xem: Lễ nhạc, văn L)

Nhạc năm cung

A: Ancient music. P: Musique ancienne.

Nhạc: Âm nhạc, âm thanh có tiết tấu hòa nhau nghe êm tai, để nói lên một ý nghĩa. **Năm cung:** Ngũ âm, năm bậc âm thanh, gồm: cung, thương, giốc, chủy, vũ.

Nhạc năm cung là ý nói âm nhạc cổ điển có tánh cách tao nhã, làm cho người nghe cảm thấy thơ thới.

TNHT: - Non Thần đọi lóng nhạc năm cung.

- Rửa tai chờ lóng nhạc năm cung.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhạc nhân

樂人

A: Musician.

P: Musicien.

Nhạc: Âm nhạc, âm thanh có tiết tấu hòa nhau nghe êm tai, để nói lên một ý nghĩa. **Nhân:** người.

Nhạc nhân là nhạc sĩ nhà nghề.

Nhạc sĩ - Nhạc sư

樂士 - 樂師

A: Musician - Professor of music.

P: Musicien - Professeur de musique.

Nhạc: Âm nhạc, âm thanh có tiết tấu hòa nhau nghe êm tai, để nói lên một ý nghĩa. **Sĩ:** người. **Sư:** thầy.

Nhạc sĩ là người chuyên về âm nhạc.

Nhạc sư là bực thầy về âm nhạc.

Nhạc Sĩ và Nhạc Sư là hai phẩm Chức sắc trong Bộ Nhạc. Phẩm thấp nhất là Nhạc Sĩ, phẩm cao nhất là Nhạc Sư. Nhạc Sĩ đối phẩm Chánh Trị Sự, và Nhạc Sư đối phẩm Giáo Sư.

Muốn được vào phẩm Nhạc Sĩ, người học nhạc phải qua một kỳ thi do Hội Thánh tổ chức và phải đậu kỳ thi này, có cấp bằng của Hội Thánh. Khi đủ công nghiệp, Nhạc Sĩ phải thi lên Bép Nhạc.

Thẻ thức thi Nhạc Sĩ: Biết cầm một cây đờn và trọn hiểu nhạc khi có Tiêu đàn và Đại đàn, Nhạc trống Tiếp Giá.

Thẻ thức thi Bép Nhạc là: Biết trọn nghi lễ và nhạc nghệ về tài tử. (Xem chi tiết nơi chữ: Bộ Nhạc, văn B)

Nhạc sinh

樂生

A: Student of music.

P: Étudiant de music.

Nhạc: Âm nhạc, âm thanh có tiết tấu hòa nhau nghe êm tai, để nói lên một ý nghĩa. **Sinh:** học trò.

Nhạc sinh là học trò của trường dạy âm nhạc.

Nhạc tấu Quân Thiên

樂奏鈞天

Nhạc: Âm nhạc, âm thanh có tiết tấu hòa nhau nghe êm tai, để nói lên một ý nghĩa. **Tấu:** khởi lên. **Quân:** cái bàn xoay của người thợ nặn đồ gốm. **Thiên:** Trời. **Quân Thiên:** chỉ Đấng Thượng Đế tạo hóa ra CKVT và vạn vật.

Nhạc tấu Quân Thiên là những khúc nhạc tấu lên để hiến lễ Đức Chí Tôn.

Diễn tích: Quân Thiên Nhạc.

Quân Thiên nhạc hay Quân Thiên Quảng nhạc là nhạc tấu ở trên Trời, cũng chỉ nhạc tấu ở cung vua.

* Theo Sử Ký, Triệu Giản Tư mắc bệnh, năm ngày liền không nhận ra được nhiều người thân, Biễn Thước đến thăm bệnh. Thăm xong, Đổng An Vu hỏi, ông nói: không có gì lạ cả, trước kia Tần Mục Công cũng bị bệnh như thế, bảy ngày sau mới tỉnh.

Trong lúc bệnh như thế, Triệu Giản Tư thấy mình lên Trời đi chơi ở chốn Thiên đình, cùng các vị Thần Tiên, nghe tấu một điệu nhạc nghe đến xúc động tâm can, gọi là Quân Thiên nhạc. Hai ngày rưỡi sau, Triệu Giản Tư tỉnh lại, nói với quan Đại phu rằng: "*Dữ bách Thần du ư Quân Thiên, quảng nhạc cứu tấu vạn vũ, bất loại tam đại chi nhạc, kỳ thanh động nhân tâm.*" 與百神遊於鈞天廣樂九奏萬舞不類三代之樂其聲動人心

Nghĩa là: Cùng trăm Thần ruỗi chơi nơi Quân Thiên, quảng nhạc tấu 9 khúc, vạn điệu múa, không khúc nào giống khúc nào thời tam đại, tiếng nhạc làm xúc động lòng người.

* Bài phú Phan nhạc đời Tấn: "*Trần Quân Thiên chi quảng nhạc hề, triển vạn vũ chi chí hoan*" 陳鈞天之廣樂兮展萬舞之至歡

Nghĩa là: Dàn quảng nhạc chôn Quân Thiên chử, mở ra vạn điệu múa cho đến cực vui.

Trong truyện Hoa Điếu Tranh Năng có câu:

*Nhớ xưa ở chốn Đào viên,
Bà Vương Mẫu mở thọ diên vui mừng.
Quân Thiên nhạc tấu vang lừng,
Tiệc la ý mở tung bùng xôn xao.*

LƯU Ý: Chúng ta lâu nay thường viết: Nhạc tấu Huân Thiên, chữ Huân viết H, nay chúng ta phải sửa lại chữ Quân viết Q mới đúng chánh tả.

Trong quyển "*Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh*" của nhị vị Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt, in năm 1928, trang 51, Nghi lễ Đại đàn ghi: "*11. Nhạc tấu Quân Thiên.*", và trang 54 chữ nhỏ, cuối hàng dọc thứ 4 in là: 樂奏鈞天.

Trước khi cúng Đại đàn hay Tiểu đàn tại Tòa Thánh hay các Thánh Thất, sau phần: Lôi Âm Cổ khởi và Bạch Ngọc Chung minh thì tới phần: Nhạc tấu Quân Thiên.

Khi Lễ xướng câu này thì mỗi người trong đàn cúng phải đứng cho thật nghiêm trang, ban nhạc khởi đánh trống Tiếp Giá (Nghinh Thiên) để đón rước Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật giáng đàn. Mọi người trong đàn cúng phải tịnh tâm tưởng niệm, chẳng nên xao động.

Dứt trống Tiếp Giá thì xây trống mà đờn 7 bài, hoặc 5 bài hay 3 bài tùy theo lễ vía, kể ra sau đây:

- *Nhạc đờn 7 bài* trong 4 trường hợp: Đại đàn cúng vía Đức Chí Tôn ngày mừng 9 tháng giêng, Đại đàn rằm ba ngươn: rằm tháng giêng, rằm tháng 7 và rằm tháng 10 âm lịch.

- *Nhạc đờn 5 bài* trong các Đại đàn cúng Vía: Ba Đấng Giáo chủ Tam giáo, Tam Trấn Oai Nghiêm, Đức Chúa Jésus.

Nơi Báo Ân Từ, cúng Đại đàn Đức Phật Mẫu, Nhạc tấu Quân Thiên cũng đờn 5 bài.

- *Nhạc đờn 3 bài* trong các Tiểu đàn sóc vọng và kỷ niệm.

Ý nghĩa của 7 bài, 5 bài và 3 bài trong Nhạc Tấu Quân Thiên, cúng Đại đàn và Tiểu đàn: (trích tài liệu Hạnh Đường khóa Huấn Luyện Giáo Hữu)

1. Đại đàn cúng Đức Chí Tôn và rằm tam nguyên: 7 bài

1. **Xàng Xê:** nghĩa là đưa qua trộn lại không ở một chỗ, ấy là Hỗn độn sơ khai (khi nổ ra một tiếng).
2. **Ngũ Đối Thượng:** nghĩa là 5 tầng thượng, trên Trời có Ngũ khí, ấy là khí thanh nổi lên làm Trời.
3. **Ngũ Đối Hạ:** nghĩa là 5 tầng dưới, đó là Ngũ Hành, ấy là trược khí hạ xuống làm Đất.
4. **Long Đăng:** nghĩa là rồng lên, ấy là Dương.
5. **Long Ngâm:** nghĩa là rồng xuống, ấy là Âm.
6. **Vạn Giá:** nghĩa là muôn việc đã định rồi, ấy là muôn loài vật đều có tên.
7. **Tiểu khúc:** nghĩa là sự nhỏ, ngắn, ấy là nhỏ ngắn đều có định luật và có tên.

Đờn 7 bài vì Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu là cơ sanh hóa.

2. Đại đàn cúng Ba Đấng Giáo chủ Tam giáo, Tam Trấn Oai Nghiêm và Đức Chúa Jésus: 5 bài.

1. Xàng Xê.
2. Ngũ Đối Thượng.
3. Ngũ Đối Hạ.
4. Long Đăng.
5. Tiểu khúc.

Đờn 5 bài vì các Đấng còn luân chuyển trong Ngũ Khí và Ngũ Hành, rồi phải lãnh Ngũ Tạng (tức là nhập thể).

3. Tiểu đàn sóc vọng và Kỷ niệm các Đấng: 3 bài.

1. Ngũ Đối Hạ: là Âm.
2. Long Đăng: là Dương.
3. Tiểu Khúc: là nhỏ ngắn.

Ấy là Âm Dương sanh sanh hóa hóa.

Bảy bài thuộc Dương, không phải Nam, không phải Bắc.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giảng giải về Nhạc Tấu Quân Thiên trong hai kỳ thuyết đạo: Tại Đền Thánh đêm mừng 1-8-Đinh Hợi (dl 15-9-1947) và tại Báo Ân Từ thời Ngọ ngày 15-4-Mậu Tý (dl 23-5-1948), chép ra sau đây:

"Từ thử, ai cũng cho âm thanh sắc tướng là tà mị, mà căn bản của Đạo Nho là Lễ Nhạc, mà chính Đại Đạo Tam Kỳ là

Nho Tông Chuyển Thế thì phải truy tầm nguyên lý của nó mà xác nhận cho đúng nghĩa là thế nào?

Đòi phen, chúng ta không hiểu được uyên thâm khi dâng lễ cho Đức Chí Tôn lúc Nhạc Tấu Quân Thiên, hết lớp trống qua đến đờn 7 bài thì lâu quá, có khi phải chồn chân rồi năn chí, chính Bàn đạo cũng vậy, vì nghĩ rằng Chí Tôn tư vị quốc dân VN nên tiền định chi chi cũng làm gương mẫu cho toàn đại đồng thế giới, mà có lễ nhạc này luôn luôn khi dâng lễ thì ý nghĩa ắt cao trọng lắm là phải.

Bởi có nên khi mới Khai Đạo, Bàn đạo đến tại Thánh Thất Thủ Đức của ông Thơ tạo lập, Bàn đạo không tin nên hỏi Đức Lý Giáo Tông.

Ngài dạy rằng: trên Ngọc Hư Cung có hai câu liên:

- phía hữu: *Bát hồn tư mặc ca Huỳnh Lão,*
- phía tả: *Vạn vật đồng tinh niệm Chí Tôn.*

Bàn đạo cũng không hiểu là gì. Lần lần Bàn đạo hỏi nữa, Bàn đạo được dạy mà hiểu rằng:

Kể từ phiêu thai Càn Khôn vạn vật này, Chí Tôn là khối Sanh Quang, biến thành hai khối Sanh Khí, hai khí ấy trụ lại thành một khối lớn tương hiệp nhau mới nở sanh một tiếng ầm, người ta gọi là Nổ ầm, hay nghe tiếng Ni, đạo Phật sửa lại là Úm (Úm ma ni bát rị hồng). Nhờ tiếng nổ ấy, Bát hồn mới vận chuyển, biến sanh vạn vật và loài người. Tiếng ấy bay ra nghe đến đâu thì Khí Sanh Quang đến đó, tức là sự sống đến, bằng chẳng nghe được thì nơi ấy tiêu diệt, nghĩa là chết mất mà thôi.

Bởi có nên dùng đến những vật Bát âm, nó đã chết đi rồi, như cái trống chẳng hạn, tấm da trâu ấy đã chết, mà với sự khôn ngoan của loài người, làm cho nó có tiếng kêu được, tức là làm cho nó sống lại được, nghĩa là Bát hồn ấy vận chuyển sống lại mà đành lễ Đức Chí Tôn, vì có nên khi nghe Nhạc Tấu Quân Thiên là có âm thanh sắc tướng, song hiểu xác ý: Khi dâng lễ Đức Chí Tôn, qui pháp định, thấy và nghe cả Bát hồn vận chuyển dâng cái sống cho Ngài.

Nên chi, từ đây, khi Nhạc Tấu Quân Thiên, chúng ta xem quý hơn dâng Tam bửu, dầu phải lỡ đi nửa chừng trong Đền

thờ, nghe đến đó phải dừng lại, cấm không được đi lộn xộn, vì lễ ấy làm giảm điều kính trọng dâng lên Chí Tôn mà không nên. Khi ấy là vận chuyển Bát hồn đảnh lễ Đức Chí Tôn.

Vì cơ, Lễ Nhạc hiểu rõ lại thì Chí Tôn không phải là tư vị nước VN, mà chính nghĩa là làm cho sống lại Bát hồn, và Ngài vẫn vui nhận lễ ấy. Ấy vậy, mới có thể làm chủ và làm gương cho toàn nhơn loại được, thì danh dự ấy không phải là quá đáng.

Xin khuyên toàn đạo từ đây nên để trọn tâm mà kính trọng khi Nhạc Tấu Quân Thiên.

Đạo Cao Đài là nền đạo qui pháp cả cái sống của Bát hồn mà dâng lễ trả cái sống khi mới phôi thai Càn Khôn do hai khối Sanh Khí mà tạo thành, ngày nay lại dâng lễ trọng cho Chí Tôn, tức là qui pháp cho khối Sanh Khí ấy, tức là Chí Tôn vui và duy nhất là thấy sự sống trả lại cho Ngài.

Toàn đạo nên trọn tâm xét hiểu nhiệm màu đạo lý ấy mà lần lần đạt cho được chơn pháp của Chí Tôn."

Ý NGHĨA VỀ NHẠC TẤU QUÂN THIÊN:

"Có điều màu nhiệm nên nay Bàn đạo giảng về Lễ Nhạc để tránh sự thất lễ khi vô hành lễ, vì không hiểu nghĩa lý, không biết thủ lễ theo phép cho y khuôn khổ khi Nhạc Tấu Quân Thiên.

Bên Á Đông, trong Đạo Cao Đài, có trống có chuông, còn bên Âu Châu, có chuông mà không có trống, là tại sao?

Tại sao Á Đông dùng trống còn Âu Châu dùng chuông?

Trống là âm thanh của Đạo.

Thuở chưa có CKVT, đạo giáo có dạy: Hai lần ngưng khí đưng lại nổ ra khối lửa, khối lửa ấy là ngôi Thái Cực, chủ ngôi Thái Cực là Đức Chí Tôn.

Khi nào trời sét nổ, chúng ta nghe sao? Người Nam mình kêu là ẦM, còn theo đạo pháp kêu là ÒM, vì cơ phép Phật sửa lại là ÌM: Ìm ma ni bát rị hồng. Câu đọc ấy có nghĩa là nắm cả quyền năng vũ trụ quản suất trong tay.

Tiếng nổ ta nghe nó ra sao? Khi nổ rồi còn nghe tiếng bay xa, nguyên căn của tiếng nổ là tiếng trống, còn giọng ngân là tiếng chuông.

Ấy vậy, nguyên căn của đạo giáo do bên Á Đông này, có tiếng trống ngân bay qua Âu Châu, nên các đạo giáo Âu Châu đều là hưởng ứng theo Phật giáo, mà Phật giáo xuất hiện nơi Á Đông.

Vì vậy mà các nền tôn giáo phụ thuộc đều không đúng theo nguyên tắc căn bản.

Còn tại sao khi vô làm lễ, lúc Nhạc Tấu Quân Thiên, tức là **lễ hiến dâng sự sống cho Đức Chí Tôn** là Thầy của cả CKVT, Bản đạo thường nhắc nhở tất cả phải đứng ngay ngắn, nghiêm chỉnh.

Nhạc là hưởng ứng của cả khối Sanh quang của CKVT đồng thanh. Nơi Á Đông có câu: *Bào, Thổ, Cách, Mộc, Thạch, Kim, dữ Ty, Trước nữ Bát Âm*: tiếng kèn, tiếng trống đất, tiếng trống da, tiếng mõ cây, tiếng khánh đá, tiếng chuông đồng, cùng với tiếng dây đàn, tiếng sáo trúc, ấy là Tám âm.

Các vật vô năng mà nói đặng, có trật tự niêm luật hòa nhau là đạt đạo, hiệp lại với tiếng kinh mình đọc là âm thanh, nghĩa là con người cùng vạn vật đồng thanh hiến lễ.

Nơi Ngọc Hư Cung có đôi liễn:

- *Bát hồn tư mặc ca Huỳnh Lão,*
- *Vạn vật đồng thanh niệm Chí Tôn.*

Khi nhạc trỗi, cả thầy phải im lặng, hiến cả âm thanh, sự bí mật ấy gọi là Phi Tướng Lễ, chủ ý là trình tấu với Đức Chí Tôn rằng: Các con biết được màu nhiệm căn nguyên của Cha Lành, muốn cho các con nối nghiệp theo một khuôn phép trường tồn.

Lễ đó trọng hệ như dân Tam bửu vậy.

Bản đạo dặn một lần nữa, khi nào xướng: Nhạc Tấu Quân Thiên, thì phải đứng bình tịnh, người nào có vô không kịp thì đứng ngoài mà thôi."

CKVV: Càn Khôn Vạn vật.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Nhạc thiều

樂韶

Nhạc: Âm nhạc, âm thanh có tiết tấu hòa nhau nghe êm tai, để nói lên một ý nghĩa. **Thiêu:** đẹp, sáng.

Nhạc thiều là những khúc nhạc do vua Thuần đặt ra, nghe rạo rạo êm tai, khiến cho lòng người trở nên tốt đẹp.

Nhạc thiều được dùng trong cung đình.

NHAN

Nhan Hôi (Nhan Uyên)

顏回 (顏淵)

Nhan Hôi, họ Nhan, tên Hôi, tự là Tử Uyên, nên cũng gọi là Nhan Uyên, là con của ông Nhan Do, người nước Lỗ.

Nhan Hôi theo học với Đức Khổng Tử, và là học trò giỏi nhất trong số các học trò của Đức Khổng Tử.

Nhan Hôi kém hơn Đức Khổng Tử 30 tuổi, thiên tư thông minh, nhanh nhẹn, hiếu học, chuộng Lễ, làm việc gì cũng không lầm lỗi đến hai lần, nói điều gì cũng không cầu thả, khi giận người này không giận lây người kia, đứng đầu khoa đức hạnh trong cửa Khổng.

Đức Khổng Tử thường khen rằng: Ta có trò Hôi, cho nên các học trò ngày càng thân với Ta.

Nhan Hôi nhà nghèo, ở trong ngõ hẹp, giở cơm bầu nước, nếu là người khác thì không chịu được mà lo buồn, Nhan Hôi thì tự nhiên vui vẻ, học đạo. Đức Khổng Tử khen là người hiền và có nhân. Năm Nhan Hôi 29 tuổi thì tóc đã bạc trắng.

Lúc Đức Khổng Tử và các môn đệ bị nước Trần và nước Sái vây khốn ở ngoài đồng, không cho đi qua nước Sở, Khổng Tử hết lương thực. Những người đi theo đều ốm, dậy không nổi, nhưng Đức Khổng Tử vẫn dạy các môn đệ, rồi ngâm thơ, đánh đàn, ca hát, không tỏ ra suy yếu.

Tử Lộ (tên là Trọng Do) thấy thế có vẻ giận, đến hỏi:

- Người quân tử cũng có lúc cùng khốn ư?

Đức Khổng Tử đáp:

- Người quân tử trong lúc cùng khốn thì giữ vững, còn kẻ tiểu nhân trong lúc cùng khốn thì làm bậy.

Đức Khổng Tử nhìn mặt Tử Cống (tên là Đoan Mộc Tứ) thấy có vẻ giận, liền nói:

- Này anh Tứ, anh cho ta học nhiều mà biết phải không?

Tử Cống đáp:

- Dạ, đúng thế, không phải thế sao?

Đức Khổng Tử nói: - Không phải đâu! Ta lấy một điều để quán triệt tất cả. (Nhà triết học khác với người thường ở chỗ đó). Đức Khổng Tử biết các học trò còn có chỗ tức tối, bèn gọi Nhan Hồi đến hỏi:

- Này anh Hồi! Kinh Thi có nói: Chẳng phải con trủy, chẳng phải con hổ, ở ngoài đồng vắng. Đạo của ta phải hay sai? Tại sao ta gặp cảnh này?

Nhan Hồi đáp:

- Đạo của Phu Tử hết sức lớn lao, nên cả thiên hạ không ai dung nạp được. Nhưng Phu Tử cứ theo đó mà làm, người ta không dung nạp được thì có hại gì! Người ta không dung nạp, nhưng sau này người ta sẽ thấy Phu Tử là người quân tử. Đạo không được trau giồi, đó là cái điều mà ta lấy làm xấu hổ. Đạo đã được trau giồi mà vẫn không được dung nạp thì đó là điều xấu hổ của kẻ làm vua một nước. Người ta không dung nạp được Phu Tử thì có hại gì! Về sau người ta sẽ thấy Phu Tử là người quân tử.

Đức Khổng Tử hớn hở cười nói:

- Đúng lắm! Hỡi con người họ Nhan, nếu nhà ngươi làm của cải thì ta sẽ làm người quản lý của cải cho nhà ngươi.

Sau đó, Đức Khổng Tử sai Tử Cống sang nước Sở yêu cầu vua Sở Chiêu Vương đem binh đến rước, Đức Khổng Tử mới thoát được cái nạn ấy.

Bạch kỳ Nhan Uyên:

Một ngày kia, Đức Khổng Tử hỏi các môn đệ rằng:

- Thằng như trường hợp nước nọ chẳng hòa với nước kia, đến nỗi phải gây chiến với nhau, thì các môn đệ nghĩ làm sao?

Các môn đệ đều lần lượt trả lời, cũng không ngoài cái ý thường tình là ai vì chúa nấy, cất binh đánh nhau. Duy có Nhan Hồi thì có tư tưởng khác hẳn, đáp rằng:

- Nếu gặp trường hợp ấy, tôi nguyện cầm cây cờ trắng, xông ra giữa vòng binh để giải hòa hai bên, hầu ngăn chặn cuộc tương tàn tương sát.

Đức Khổng Tử nghe xong thì rất hài lòng, còn các môn đệ khác thì ngạc nhiên.

Do đó mới có từ ngữ: **Bạch kỳ Nhan Uyên**, là cây cờ trắng hòa giải của Nhan Hồi.

Đức Khổng Tử thường khen Nhan Hồi:

"Hiền tai Hồi giả! Nhất đản tự, nhứt biểu ẩm, tại lậu hang, nhân bất kham kỳ ưu, Hồi giả, bất cải kỳ lạc! Hiền tai Hồi giả!"
Nghĩa là: Hiền vậy thay Nhan Hồi! Một giỗ cơm, một bầu nước, ở chỗ ngõ hẹp, giá người khác ở vào cảnh ấy thì lo buồn không chịu được, thế mà Nhan Hồi không bao giờ đổi cái vui của mình. Hiền vậy thay Nhan Hồi!

Nhan Hồi mất lúc còn rất trẻ, mới 31 tuổi.

Đức Khổng Tử than rằng: - Trời hại ta! Trời hại ta!

Mộ của Nhan Hồi ở Khổng Lâm, có những đèn miếu mái lợp ngói trắng men, tường sơn đỏ, cửa sơn xanh, xà cột chạm vẽ. Miếu chính thờ tượng của Nhan Hồi, các miếu trong thờ bài vị song thân và phu nhân của Nhan Hồi. Đờn sau có bài thi:

KHÔNG TỬ KHÓC NHAN HỒI

*Khả tích Nhan Hồi mạng tảo vong,
Giáo nhơn tư tưởng phát như sương.
Chỉ nhơn lậu hạn đơn biểu lạc,
Lưu đặc hiền danh vạn cổ dương.*

Dịch: Khá tiếc Nhan Hồi mạng vắng đời!
Nhớ thương mái tóc bạc như vôi.
Đai cơm bầu nước vui quê hẹp,
Lưu tiếng hiền danh biết mấy đời.

Đời sau truy tặng Nhan Hồi là *Uyển Quốc Công*, phối hưởng với Đức Khổng Tử khi cúng tế và được tôn là Phục Thánh, một trong Tứ Thánh của Nho giáo, gọi là Phục Thánh Nhan Tử.

Hai vị Thánh Nhan Hồi và Tử Tư có giáng cơ nơi Chiêu Minh Đàn ở Cần Thơ giảng dạy Đạo lý, xin chép ra sau đây:

Ngày 17-1-Nhâm Thân (dl 22-2-1932).

Tiếp diễn:

THI:

NHAN sắc người tu trở đượm nhuần,
 HỒI tâm tánh tục khỏi gian truân.
 TỬ tôn nơi dấu nhà Nho giáo,
 TƯ mộ chơn truyền gặp cảnh xuân.
 NHỊ thể trau giồi nền chánh lý,
 THÁNH Tiên rồi rảnh đạo nhơn luân.
 GIÁNG khuyên người thể mau hồi tỉnh,
 CƠ tạo đổi xây khó độ chùng.

Diễn dụ: Phàm làm người ở thế phải biết Tam Cang Ngũ Thường vi bản và biết đạo.

Nếu muốn hiểu thông chơn lý và cư xử cuộc thế đạo nhà, dạy dân lễ nghĩa, cũng nhờ văn chương khai khiếu.

Kẻ học đạo mà không dùng Nho tự như thuyền thiếu lái, kẻ thương mãi mà chẳng dùng Nho thì sở bộ loạn hành, bản lợi chẳng minh. Bởi có câu: *Vạn sự tùng Nho sở xuất*.

THI rằng:

Muốn minh chơn lý phải dùng Nho,
 Máy tạo huyền vi chẳng dễ mò.
 Học đạo thiếu văn thuyền chích lái,
 Cũng nên tìm kiếm một đôi pho.

NHÀN

Nhàn cư vi bất thiện

閒居為不善

A: *Idleness is the source of all evils.*

P: *L'oisiveté est la source de tous les vices.*

Nhàn: nhàn rỗi. **Cư:** ở. **Vi:** là. **Bất thiện:** không lành.

Nhàn cư vi bất thiện là người ở không thì không lành, tức là hay làm điều ác.

NHÃN

NHÃN

NHÃN: 眼 con mắt.

Td: Nhãn huệ quang, Nhãn tiền.

Nhãn huệ quang

眼慧光

Nhãn: con mắt. **Huệ:** sáng suốt, thông hiểu sự lý. **Quang:** ánh sáng. **Huệ quang:** ánh sáng của trí huệ.

Nhãn huệ quang là con mắt của trí huệ, tức là thấy rõ và hiểu biết sâu xa rất ráo các việc.

Người có trí huệ mới có được cặp nhãn huệ quang.

TNHT: Nhưng chừng bỏ xác phàm, được *nhãn huệ quang* rồi, Em lại thấy thương đau thương đốn, dường như sợ họ sai đường lạc nẻo. (**Em:** Đức Cao Thượng Phẩm tự xưng nói với Đức Quyền Giáo Tông).

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhãn tiền báo ứng

眼前報應

A: Immediate retribution.

P: Rétribution immédiate.

Nhãn: con mắt. **Tiền:** trước. **Báo ứng:** hiện ra để đáp lại.

Nhãn tiền: ngay trước mắt, xảy ra ngay, không đợi lâu.

Nhãn tiền báo ứng là sự báo đáp ứng hiện ra ngay trước mắt, làm cho mọi người thấy liền, không phải chờ đợi lâu.

Nhãn tiền báo ứng còn được gọi là Túc báo.

TNHT: *Nhãn tiền* báo ứng dễ đâu sai.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhãn trung đình

眼中釘

Nhãn: con mắt. **Trung:** ở trong. **Đình:** cây đình.

Nhãn trung đình là cây đình trong con mắt, ý nói: vật chướng ngại cần phải diệt trừ ngay.

Nhãn trung thứ: 眼中刺 cái gai trong con mắt, đồng nghĩa Nhãn trung đình. (**Thứ** là cái gai nhọn).

NHẮM

Nhắm mắt

Có hai nghĩa sau đây tùy trường hợp:

(1):

A: To past away.

P: Trépasser.

Nhắm mắt là chết, vì người chết thì nhắm mắt vĩnh viễn.

KSH: Còn hơi hóp tranh đua bay nhảy,
Nhắm mắt rồi phải thấy lợi danh.

(2):

A: To hazard.

P: Se hasarder.

*Nhắm mắt là liều theo số mạng, để số mạng đưa đẩy.***TTCĐDTKM:** Dầu thương *nhắm mắt* đưa chơn.**KSH:** Kinh Sám Hối.**TTCĐDTKM:** Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu.

NHÂM

Nhâm đốc nhị mạch

任督二脈

Nhị mạch: hai mạch. Mạch là đường vận hành của khí huyết trong phép luyện khí công. Trong cơ thể con người có 2 mạch: mạch Nhâm và mạch Đốc.

Mạch Đốc: từ dưới đi lên cặp theo xương sống, khởi đầu từ cốc đạo (hậu môn) đi lên, qua các huyết vĩ lự, giáp tích, ngọc chẩm, lên nê hườn cung, nguơn môn, đến huyết huyền ượng ngang sớng mũi.

Mạch Nhâm: đi xuống trước ngực và bụng, khởi đi từ yết hầu, qua trung điền, đờn điền, bàng quang, đến huyết hội âm là chỗ tận cùng.

"Đạo lộ là đường Âm Dương thăng giáng, là Nhâm mạch và Đốc mạch.

Nhâm mạch là mạch quản nhậm các mạch Âm.

Đốc mạch là mạch quản nhậm các mạch Dương.

Hai mạch này rất quan hệ đến cơ sanh tử của con người.

Cơ thể của người thường, mạch Nhâm ở phía trước bụng, khởi hành từ huyết hội âm đến huyết thừa tương.

Đốc mạch ở phía sau lưng, khởi hành từ huyết thừa tương lên thiên môn rồi xuống trường cường.

Hai mạch này có hai chỗ đứt đoạn: một ở miệng, một ở cổ đạo, cho nên sự sanh hóa mất căn bản.

Công phu thiên định chủ trương nghịch chuyển hà xa: tấn dương hỏa là chiết Khảm; thối âm phù là điền Ly để trở thành Càn Khôn như thuở Tiên Thiên.

Đốc mạch có tam quan là: vĩ lư, giáp tích và ngọc chằm. Mỗi quan ải có 3 khiếu nên gọi là Cửu khiếu hay Cửu khúc minh châu.

Nhâm mạch có tam điền là: Hạ đơn điền, Trung đơn điền và Thượng đơn điền. Mỗi điền có 3 vị trí nên gọi là Cửu đảnh hườn đơn.

Công phu vận Châu thiên với mục đích:

- Khai thông hai mạch Nhâm và Đốc để chờ ngày quá quan phục thực.

- Công phu tấn dương thối âm để chiết Khảm điền Ly, điều hòa Âm Dương, chuyển cơ sanh tử thành cơ bất sanh bất tử.

Pháp Châu thiên vận khí luôn luôn đề phòng hai điểm gián đoạn ở giữa hai mạch Nhâm Đốc bằng cách dùng chót lưới chống lên chỗ trũng hàm trên để nối Nhâm Đốc nhị mạch gọi là nối Thượng thức kiêu (bắc cầu trên) cho khí thông xuống trùng lâu về Khôn cung. Nhúu hậu môn chuyển khí từ Khôn cung qua vĩ lư, gọi là nối Hạ thức kiêu (bắc cầu dưới) cho khí thông lên Càn đảnh.

Khi Nhâm Đốc đã được khai thông thì tất cả các kinh mạch trong châu thân cũng đều thông." (Tam Thừa Chơn Giáo)

NHẬM

NHẬM

(Xem: Nhiệm)

NHÂN

NHÂN

(Xem: Nhơn)

NHẪN

NHẪN

NHẪN: 忍 Nhịn, chịu đựng.

Td: Nhẫn nhục.

Nhẫn nhục

忍辱

A: To bear patiently an affront.

P: Supporter avec patience un affront.

Nhẫn: Nhịn, chịu đựng. **Nhục:** nhờ nhờ.

Nhẫn nhục là nhịn thua người ta và chấp nhận điều sỉ nhục, không có ý trả hận.

Nhẫn nhục phụ trọng: nhịn nhục được mới có thể gánh vác việc quan trọng.

Về đức tánh nhẫn nhục, Đức Khổng Tử có dạy ông Tử Trương như sau đây:

Tử Trương dục hành, từ ư Phu Tử, nguyện tứ nhưt ngôn, vi tu thân chi yếu.

Phu Tử viết: Bách hạnh chi bản, nhẫn chi vi thượng.

Tử Trương viết: Hà vi nhẫn chi?

*Phu Tử viết: Thiên tử nhẫn chi, quốc vô hại,
Chư hầu nhẫn chi, thành kỳ đại,
Quan lại nhẫn chi, tấn kỳ vị,*

*Huynh đệ nhĩn chi, gia phú quý,
Phụ phụ nhĩn chi, chung kỳ thế,
Bằng hữu nhĩn chi, danh bất phế,
Tự thân nhĩn chi, vô hoạn họa.*

Tử Trương viết: Bất nhĩn hà như?

*Phu Tử viết: Thiên tử bất nhĩn, quốc không hư;
Chư Hầu bất nhĩn, táng kỳ khu,
Quan lại bất nhĩn hình phạt tru,
Huynh đệ bất nhĩn, các phân cư;
Phụ phụ bất nhĩn, tình ý sợ,
Tự thân bất nhĩn, hoạn bất trừ.*

*Tử Trương viết: Thiện tai! Thiện tai! Nan nhĩn! Nan nhĩn!
Phi nhân bất nhĩn, bất nhĩn phi nhân.*

Nghĩa là: Ông Tử Trương (học trò của Khổng Tử) muốn đi ra hành chánh (làm quan), từ tạ Đức Khổng Tử, cầu xin ban cho một lời làm cốt yếu cho việc tu thân.

Khổng Tử nói: - Gốc của trăm hạnh, nhĩn cao hơn hết.

Tử Trương nói: - Làm sao phải nhĩn?

Đức Khổng Tử nói:

*Thiên tử mà nhĩn thì nước không sanh hại,
Chư Hầu mà nhĩn thì sẽ mạnh lớn thêm,
Quan lại mà nhĩn thì chức vị sẽ tăng tiến,
Anh em mà nhĩn thì gia đình giàu sang,
Chồng vợ mà nhĩn thì được trọn đời,
Bạn bè mà nhĩn thì tiếng tăm không mất,
Tự mình mà nhĩn thì không có hoạn họa.*

Ông Tử Trương hỏi: - Không nhĩn sẽ ra sao?

Đức Khổng Tử nói:

*Thiên tử mà không nhĩn thì nước trống không, hư hỏng,
Chư Hầu không nhĩn thì thân mình phải mất,
Quan lại không nhĩn thì sẽ bị trách cứ bằng hình phạt,
Anh em không nhĩn thì bị chia rẽ mỗi người một nơi,
Chồng vợ không nhĩn thì tình ý xa nhau,
Tự mình mà không nhĩn thì tai họa chẳng dứt.*

Ông Tử Trương nói: - Phải lắm! Phải lắm! Khó nhẫn! Khó nhẫn! Chẳng phải người không biết nhẫn, chẳng nhẫn chẳng phải người.

NHẪNG

NHẪNG

A: Only.

P: Seulement.

Những: Những: chỉ là, cứ là.

KGO: Khối trái chủ *những* lo vay trả.

KGO: Kinh Giải Oan.

NHẬP

NHẬP

NHẬP: 入 Vào, đi vào, đem vào, trái với Xuất.

Td: Nhập diệt, Nhập định, Nhập hội.

Nhập bất phu xuất

入不敷出

Nhập: Vào, đi vào, đem vào, trái với Xuất. **Bất:** không.

Phu: đủ. **Xuất:** chỉ ra.

Nhập bất phu xuất là số nhập vào không đủ để xuất ra.

Nhập diệt

入滅

A: To enter Nirvana.

P: Pénétrer au Nirvana.

Nhập: Vào, đi vào, đem vào, trái với Xuất. **Diệt:** ý nói Hư vô tịch diệt, tức Niết Bàn.

Nhập diệt là đi vào cõi Hư vô tịch diệt, tức là linh hồn đi vào cõi Niết Bàn.

Đây là từ ngữ của Phật giáo, chỉ bậc cao tăng đắc đạo, lìa bỏ xác trần, linh hồn bay lên đi vào cõi Niết Bàn.

Đạo Cao Đài thì dùng 2 từ ngữ: qui Thiên, đăng Tiên.

Nhập diệu

入妙

A: To penetrate the secrets of science.

P: Pénétrer les secrets d'une science.

Nhập: Vào, đi vào, đem vào, trái với Xuất. **Diệu:** khéo léo, tuyệt diệu.

Nhập diệu là đi vào chỗ khéo léo tuyệt diệu, ý nói: sự học đã đạt đến chỗ tinh anh, rất ráo.

Nhập định

入定

A: To enter into the contemplation.

P: Entrer dans la contemplation.

Nhập: Vào, đi vào, đem vào, trái với Xuất. **Định:** yên lặng, chỉ sự Thiên định.

Nhập định là đi vào Thiên định, tức là người tu luyện ngồi theo thế kiết già, im lặng để giữ tâm ý cho yên lặng, trong sạch, không vọng động.

TL: Tịnh Thất: Điều 1: Trong hàng tín đồ, ai đã xử tròn nhưn đạo và giữ trai giới từ 6 ngày sắp lên thì được xin vào Tịnh Thất mà nhập định.

TL: Tân Luật.

Nhập gia tùy tục

入家隨俗

Nhập: Vào, đi vào, đem vào, trái với Xuất. **Gia:** nhà. **Tùy:** theo. **Tục:** lễ lối.

Nhập gia tùy tục là vào nhà của ai thì phải tùy theo lễ lối của nhà ấy.

Thường nói: **Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục.**

Nghĩa là: Thuyền đi vào sông thì tùy theo khúc quanh của sông mà đi, vào nhà ai thì tùy theo lễ lối của nhà ấy.

Nhập hội

入會

A: To enter in the assembly (conference).

P: Entrer dans une assemblée (conférence).

Nhập: Vào, đi vào, đem vào, trái với Xuất. **Hội:** hội nghị.

Nhập hội là vào hội nghị.

Những cuộc Hội quan trọng của Đạo như: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh, Đại Hội Phước Thiện, trước khi bắt đầu hội nghị thì đọc Kinh Nhập Hội.

Nhập môn

入門

A: To adopt a religion.

P: Embrasser une religion.

Nhập: Vào, đi vào, đem vào, trái với Xuất. **Môn:** cửa, ý nói cửa Đạo.

Nhập môn là bước vào cửa Đạo, tức là theo Đạo và làm tín đồ của tôn giáo ấy.

Muốn nhập môn vào Đạo Cao Đài, người cầu Đạo phải qua một lễ đơn giản gọi là Lễ Nhập môn.

Trong Lễ Nhập môn, có hai tín đồ hướng dẫn, có vị Chánh Trị Sự nơi hương đạo của người nhập môn và vị Lễ Sanh Đầu

Tộc Đạo chứng lễ. Phần quan trọng nhất trong Lễ Nhập môn là người tân tín đồ phải lập Minh thệ trước Thiên bàn thờ Đức Chí Tôn. (Xem chữ Minh Thệ, văn M)

TNHT: Chớ các con *nhập môn* cho đồng, lãnh Thiên phong cho nhiều mà không đủ tư cách thì các con phải tự hỏi mình coi có bổ ích vào đâu chăng?

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhập nội

入内

A: To enter inside.

P: Entrer dedans.

Nhập: Vào, đi vào, đem vào, trái với Xuất. **Nội:** trong.

Nhập nội là vào trong.

BĐND: Xin mời Thái, Thượng, Ngọc Chánh phối Sư và Nữ Ngọc Chánh phối Sư *nhập nội*.

BĐND: Bát Đạo Nghị Định.

Nhập quan - Nhập liệm

入棺 - 入殮

A: To coffin a body.

P: Mettre en bière.

Nhập: Vào, đi vào, đem vào, trái với Xuất. **Quan:** cái áo quan. **Liệm:** bọc xác người chết bằng những lớp vải và bó kín lại.

Nhập quan hay Nhập liệm là bọc xác của người chết bằng những lớp vải, bó kín lại rồi đặt vào trong quan tài, đậy nắp và đóng đinh cho thật kín.

Nhập tâm

入心

A: To engrave in the heart.

P: Engraver dans le coeur.

Nhập: Vào, đi vào, đem vào, trái với Xuất. **Tâm:** tim, lòng dạ.

Nhập tâm là ghi nhớ trong lòng, không thể quên được.

Nhập Thánh thể

入聖體

Nhập: Vào, đi vào, đem vào, trái với Xuất. **Thánh thể:** hình thể của Đức Chí Tôn tại thế, tức là các Chức sắc Cửu Trùng Đài từ hàng Giáo Hữu đở lên. (Giáo Hữu đối phẩm Địa Thánh).

Nhập Thánh thể là nhập vào làm hình thể của Đức Chí Tôn tại thế, tức là cầu phong làm Chức sắc hàng Thánh của Cửu Trùng Đài.

KGO: Nhập Thánh thể dò đường cựa vạ.

KGO: Kinh Giải Oan.

Nhập thế - Xuất thế

入世 - 出世

A: To enter in the life - To become a monk.

P: Entrer dans la vie - Devenir un religieux.

Nhập: Vào, đi vào, đem vào, trái với Xuất. **Thế:** đời. **Xuất:** đi ra.

- *Nhập thế là vào đời, bước vào cuộc đời, tức là đi ra gánh vác việc đời, tham gia vào các mặt hoạt động của xã hội.*

- *Xuất thế là bước ra khỏi cuộc đời, không tham gia vào các hoạt động của xã hội nữa, tìm nơi vắng vẻ để tu hành, ẩn thân luyện đạo.*

Nhập thế là HÀNH, xuất thế là TÀNG. Trong sách Luận Ngữ có câu: *Dụng chi tắc hành, xử chi tắc tàng.* Nghĩa là: Dùng thì ra làm quan, không dùng thì ở ẩn.

Kinh Dịch cũng có câu: *Quân tử chi đạo, hoặc xuất hoặc xử.* Nghĩa là: Cái đạo của người quân tử, hoặc là ra làm quan (nếu vua cần dùng), hoặc là ở ẩn (nếu vua không dùng).

NHẮT**NHẮT**

(Xem: Nhứt)

NHẬT**NHẬT**

(Xem: Nhựt)

NHI**Nhi nữ thường tình**

兒女常情

A: The common sentiments of women.

P: Les sentiments communs des femmes.

Nhi: con trẻ. **Nữ:** phụ nữ. **Thường:** bình thường. **Tình:** tình cảm, tâm lý.

Nhi nữ là nói chung đàn bà và con gái.

Nhi nữ thường tình là tình cảm hay tâm lý chung thông thường của người phụ nữ.

Td: Tình cảm yếu mềm, nhẹ dạ dễ tin, mê tín, hay khóc lóc than kể,....

NHĨ

Nhĩ mục quan chiêm

耳目觀瞻

Nhĩ: tai, lỗ tai, nghe. **Mục:** con mắt. **Quan:** xem xét. **Chiêm:** ngửa mặt lên mà nhìn.

Nhĩ mục quan chiêm là tai mắt xem nhìn.

Ý nói: Mọi người đều chú ý nhìn vào để xem xét các cử chỉ hành động, tức là những người xung quanh rất chú ý đến việc này.

NHỊ

NHỊ

NHỊ: 二 Hai, thứ nhì.

Td: Nhị nguyên, Nhị tâm.

Nhị hữu hình đài

二有形臺

A: Two tangible palaces.

P: Deux palaces tangibles.

Nhị: Hai, thứ nhì. **Hữu hình:** có hình thể thấy được. **Đài:** toà nhà cao lớn.

Nhị hữu hình đài là hai đài có hình thể nơi mặt thể này. Đó là Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài.

Đức Chí Tôn lập Đạo Cao Đài với hình thể 3 Đài: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài.

Bát Quái Đài do Đức Chí Tôn chưởng quản.

Hiệp Thiên Đài chia ra hai phần gồm: Hữu hình và Vô hình, do Đức Hộ Pháp chưởng quản.

Cửu Trùng Đài cũng phân ra hai phần gồm: Hữu hình và Vô hình, do Đức Giáo Tông chưởng quản.

Giáo Tông của Đạo Cao Đài là Đức Lý Thái Bạch. Ngài là Đấng Đại Tiên Trưởng nơi cõi thiêng liêng, cầm quyền điều khiển nền Đạo nơi mặt hữu hình này phải thông qua cơ bút. Nếu tổ chức cơ bút chậm trễ thì sự điều khiển của Ngài cũng chậm trễ theo. Do đó, Đức Lý Thái Bạch giao quyền Giáo Tông hữu hình tại thế cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt để điều khiển phần hữu hình cho được lệ làng, đối phó kịp thời những biến chuyển của nền Đạo, còn quyền Giáo Tông Vô hình vẫn do Đức Lý nắm giữ. Do đó, toàn đạo gọi Ngài Thượng Trung Nhựt là Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung. (chữ Quyền để chỉ rằng Ngài chỉ nắm có nửa quyền Giáo Tông mà thôi.)

Khi Đức Quyền Giáo Tông đấng Tiên, Đức Lý Thái Bạch mới trao quyền Giáo Tông tại thế cho Đức Phạm Hộ Pháp nắm giữ. Do đó, Đức Phạm Hộ Pháp xưng là:

Hộ Pháp Chưởng quản nhị Hữu Hình Đài: "*Hiệp Thiên và Cửu Trùng.*" Khi Đức Phạm Hộ Pháp qui Thiên thì quyền Chưởng quản CTĐ hữu hình tại thế giao hoàn cho Đức Lý Thái Bạch.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Nhị nguyên luận

二元論

A: Dualism.

P: Dualisme.

Nhị: Hai, thứ nhì. **Nguyên:** khởi đầu. **Luận:** bàn luận với đủ lý lẽ.

Nhị nguyên là hai cái mỗi khởi đầu có bản thể khác nhau, đối lập nhưng bổ sung nhau, để từ đó giải thích sự tạo thành vạn vật và các hiện tượng trong Vũ trụ. Đối lập với Nhị nguyên là Nhất nguyên.

Một cách tổng quát, Nhị nguyên luận là học thuyết chủ trương thế giới và tất cả những gì tồn tại đều cấu thành do hai

bản thể có tính cách khác nhau, độc lập với nhau, đấu tranh với nhau nhưng không tiêu diệt nhau mà bổ sung nhau.

Thí dụ: - Con người được cấu thành bởi hai yếu tố: thể xác và linh hồn.

- Vũ trụ có 2 nguyên khởi là: Âm và Dương.

Nhị nguyên luận coi vật chất và tinh thần là hai bản nguyên như nhau. Việc tách rời tinh thần và vật chất theo quan điểm Nhị nguyên luận dẫn đến chủ nghĩa Duy tâm. Nhị nguyên luận là cơ sở của thuyết Tâm Vật song hành.

Nhị Nương

二娘

A: Second Muse.

P: Seconde Muse.

Nhị: Hai, thứ nhì. **Nương:** người phụ nữ quý phái đáng kính.

Nhị Nương là vị Tiên Nữ đứng thứ hai trong Cửu vị Tiên Nương DTC, hầu cận Đức Phật Mẫu. (Xem: **Cửu vị Tiên Nương**)

Trong một kiếp giáng trần ở Việt Nam, Nhị Nương có tên là CẨM, do đó, các bài thi giáng cơ của Nhị Nương đều khởi đầu bằng chữ CẨM.

Nhị Nương rất ít khi giáng cơ, chúng tôi sư tập được một bài Thánh Ngôn của Nhị Nương ngày 20-1-Tân Mão (dl 25-2-1951) tại Thanh Trước Đàn, xin chép ra sau đây:

NHỊ NƯƠNG DTC

Chị chào mấy em.

THI:

*CẨM tú giang san đổ máu đào,
Vi dân nước Việt chẳng thương nhau.
Càng nhìn càng thâm càng đau dạ,
Hỡi khách đơn tâm lấp lũy hào.*

VĂN:

Lũy hào ấy tay ai lập để,
 Cho dân Nam chẳng kể tình chung.
 Biết bao nhiêu mặt anh hùng,
 Sao không trở lối, ngại ngục sao nên.
 Phận nam nhi khá bền danh tiết,
 Lấy tình thương đặng diệt tàn hung.
 Kia bao giông tố bão bùng,
 Vì chung chẳng biết thương cùng với nhau.
 Đỉnh chung thế cho màu đạo đức,
 Chỉ hơn thua đâu dứt tang du.
 Dấn thân vào chốn ao tù,
 Để làm nô lệ, vinh phù lấy thân.
 Nếu là kẻ biết phân chơn giả,
 Khá đưa nhau khỏi ngã đọa đày.
 Kia gương Khương Thượng còn dai,
 Văn Vương vẫn đó, khá hay cho tròn.
 Đã biết Đạo đừng mong an hưởng,
 Cứu sanh linh giúp phước truy hồn.
 Nâu sông ngấm nẻo Côn Lô,
 Tìm phương vớt kẻ dập dồn trái căn.
 Tua giữ dạ can ngăn lối quẹo,
 Giữ chơn thần ngấm nẻo từ bi.
 Lấy phương cứu giống Nam chi,
 Bớt cơn khói lửa lập vì Lạc Long.

Lần đầu tiên chị để ít vần, mấy em ngâm cũng đủ. Tên Chị để đầu bài thi, xem thì rõ. Xin kiếu. THĂNG.

DTC: Diêu Trì Cung.

Nhị thập bát tú**二十八宿**

Nhị: Hai, thứ nhì. **Thập:** mười. **Bát:** tám. **Tú:** chòm sao.
 Nhị thập Bát tú là 28 chòm sao trên bầu Trời.

Theo Thiên Văn Học cổ của Trung quốc, các nhà chiêm tinh thời xưa đã nhận xét bầu Trời sao ở 4 phương: Đông, Tây, Nam, Bắc không giống nhau, nên họ đã chia bầu Trời sao thành 4 nhóm sao theo 4 phương Trời, mỗi nhóm sao do 7 chòm sao hợp thành. Đó là 28 chòm sao mà mỗi chòm sao có mang biểu tượng một nhân vật và một con thú, kể ra:

I. Phương Đông có nhóm sao Thanh Long (rồng xanh) gồm 7 chòm sao: 1. Giác hay Giốc (cá sấu), 2. Khương hay Cang (rồng), 3. Chi hay Đê (cu li), 4. Phòng (thỏ), 5. Tâm (cáo), 6. Vĩ (cọp), 7. Cơ (báo).

II. Phương Tây có nhóm sao Bạch Hổ (cọp trắng) gồm 7 chòm sao: 1. Khuê (sói), 2. Lôu (chó), 3. Vị (trĩ), 4. Mão (gà), 5. Tất (quạ), 6. Chủy (khỉ), 7. Sâm (vượn).

III. Phương Bắc có nhóm sao Huyền Vũ (rùa đen và rắn đen) gồm 7 chòm sao: 1. Đẩu (cua), 2. Ngưu (trâu), 3. Nữ (dơi), 4. Hư (chuột), 5. Nguy (én), 6. Thất (heo), 7. Bích (nhím)

IV. Phương Nam có nhóm sao Chu Tước (chim sẻ đỏ) gồm 7 chòm sao: 1. Tinh (cày), 2. Quỷ (dê), 3. Liễu (hoẵng), 4. Tinh (ngựa), 5. Trương (nai), 6. Dực (rắn), 7. Chẩn (giun).

Nhị thập tứ hiếu

二十四孝

A: *Twenty four examples of filial piety.*

P: *Vingt quatre récits de pitié filiale.*

Nhị: Hai, thứ nhì. **Thập:** mười. **Tứ:** bốn. **Hiếu:** hiếu thảo.

Nhị thập tứ hiếu là 24 gương hiếu thảo với cha mẹ.

Đây là 24 gương hiếu thảo của người xưa ở bên Tàu được truyền tụng. Nhà văn Quách Cự Nghiệp, một học giả đời nhà Nguyên bên Tàu sưu tập và viết ra.

Ở Việt Nam, ông Lý Văn Phức (1785-1849), đậu Cử Nhân, làm quan dưới ba triều vua nhà Nguyễn: Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, là nhà văn chủ trương đạo đức, liền dịch truyện Nhị thập tứ Hiếu của Quách Cự Nghiệp ra quốc văn theo thể thơ song thất lục bát, để dễ truyền bá mà răn dạy người đời là phải có hiếu với cha mẹ.

Nho giáo dạy rất kỹ về Nhơn đạo, lấy chữ Hiếu làm căn bản đạo đức con người (Khai nhơn tâm tất bổn ư đốc thân chi hiếu). Người không hiếu với cha mẹ thì nhứt định không có đạo đức, không dùng đượ.

Đạo Cao Đài với chủ trương Nho Tông Chuyển Thế nên luôn luôn đề cao Trung, Hiếu và Nhơn, Nghĩa. Hiếu là đức tánh làm đầu mối cho mọi đức tánh khác. Trước là phải hiếu thảo với cha mẹ phàm trần, sau đó còn phải hiếu với hai Đấng Cha Mẹ thiêng liêng là Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Do đó, nơi mặt tiền của Báo Ân Từ trong Nội Ô Tòa Thánh Tây Ninh, Hội Thánh có cho đắp nổi 24 bức tranh nhắc lại sự tích Nhị thập tứ Hiếu để nhắc nhở người tín đồ Cao Đài phải lấy chữ Hiếu làm đầu.

Quan sát các bức tranh từ bên Nam qua bên Nữ phái, kể ra theo thứ tự sau đây:

- | | |
|----------------|------------------|
| 1. Ngu Thuấn | 2. Hán Văn Đế |
| 3. Châu Thọ | 4. Vương Tường |
| 5. Ngô Mãnh | 6. Hoàng Hương |
| 7. Đường Thị | 8. Khương Thi |
| 9. Đinh Lan | 10. Lục Tích |
| 11. Vương Thôi | 12. Mạnh Tông |
| 13. Quách Cự | 14. Dương Hương |
| 15. Thái Thuận | 16. Mẫn Tử Khiên |
| 17. Tử Lộ | 18. Lão Lai Tử |
| 19. Diễm Tử | 20. Đổng Vĩnh |
| 21. Giang Cách | 22. Du Kiềm Lâu |
| 23. Hoàng Đình | 24. Tăng Tử. |

Nhị thập tứ Tiết

二十四節

A: Twenty four weathers.

P: Vingt quatre temps.

Nhị: Hai, thứ nhì. **Nhị thập tứ:** 24. **Tiết:** thời tiết, khí hậu.

Nhị thập tứ Tiết là 24 tiết khí hậu trong một năm.

Người Tàu thuở xưa nhận thấy trong 1 năm có 24 tiết khí hậu khác nhau, đặc biệt ở vùng sông Hoàng Hà, gọi là Nhị thập tứ Tiết, kể ra sau đây:

Ngày-tháng dương lịch:

1.	Tiểu hàn:	lạnh ít	5-1
2.	Đại hàn:	lạnh nhiều	20-1
3.	Lập Xuân:	đầu mùa Xuân	4-2
4.	Vũ thủy:	mưa nước	19-2
5.	Kinh trập:	sâu nở	5-3
6.	Xuân phân:	giữa mùa Xuân (ngày và đêm dài bằng nhau)	21-3
7.	Thanh minh:	trong sáng	5-4
8.	Cốc vũ:	mưa rào	20-4
9.	Lập Hạ:	đầu mùa Hạ	5-5
10.	Tiểu mãn:	hạt trướng	21-5
11.	Mang chủng:	lúa trổ	5-6
12.	Hạ chí:	giữa mùa Hạ (ngày dài nhất)	22-6
13.	Tiểu thử:	nắng ít	7-7
14.	Đại thử:	nắng nhiều	22-7
15.	Lập Thu:	đầu mùa Thu	7-8
16.	Xử thử:	nắng nhạt	23-8
17.	Bạch lộ:	sương trắng	7-9
18.	Thu phân:	giữa mùa Thu (ngày và đêm dài bằng nhau)	23-9
19.	Hàn lộ:	sương lạnh	8-10
20.	Sương giáng:	sương sa xuống	23-10
21.	Lập Đông:	đầu mùa Đông	7-11
22.	Tiểu tuyết:	tuyết ít	22-11

23.	Đại tuyết:	tuyết nhiều	7-12
24.	Đông chí:	giữa mùa Đông (đêm dài nhất)	22-12

Ngày dương lịch ghi trên theo các Tiết có thể xê dịch 1 ngày vì năm nhuận của dương lịch (tháng 2 có 29 ngày).

Trong dương lịch, người ta coi 4 Tiết: Xuân phân, Hạ chí, Thu phân, Đông chí là 4 ngày đầu mùa, nhưng trong âm lịch thì 4 ngày đó được xem là giữa mùa, còn các ngày đầu mùa thì lại bắt đầu sớm hơn 3 Tiết, vào những ngày: Lập Xuân, Lập Hạ, Lập Thu và Lập Đông.

Phân tích lịch 24 Tiết của Trung quốc, ta thấy mỗi Tiết kéo dài 15 đến 16 ngày, có nêu đặc điểm khí hậu quan hệ đến nông nghiệp.

Lịch 24 Tiết của Trung quốc có những ưu điểm sau đây:

- Một là xác định các mùa bằng ngày mặt trời.
- Hai là tính các mùa khá chi tiết.
- Ba là chỉ được sự diễn biến của thời tiết, khí hậu nóng lạnh, nắng mưa và ảnh hưởng của chúng đối với mùa màng.

Lịch 24 Tiết nói trên chỉ đúng ở vùng lưu vực sông Hoàng Hà và sông Trường giang ở Trung quốc, thuộc vùng ôn đới; còn ở nước ta thuộc vùng nhiệt đới, không có tuyết nên khí hậu ở nước ta có nhiều điểm khác biệt hơn ở Trung quốc.

Nhị xác thân

二穀身

A: The perispit, astral body.

P: Le périsprit, corps astral.

Nhị: Hai, thứ nhì. **Xác thân:** thân thể của con người.

Nhị xác thân là xác thân thứ nhì của con người.

Theo Luật Tam Thể, con người nơi cõi trần có 3 thể:

- Thể thứ nhất là xác thân phàm.
- Thể thứ nhì là xác thân thiêng liêng, hay chơn thần.
- Thể thứ ba là linh hồn, hay chơn linh.

Nhị xác thân chính là chơn thần.

Nơi cõi thiêng liêng, con người chỉ có hai thể: Chơn thần và linh hồn. Khi con người nơi cõi trần chết, thể xác phàm bị hư hủy, chơn thần và linh hồn xuất ra khỏi xác phàm, bay trở về cõi thiêng liêng.

Khi con người nơi cõi thiêng liêng (có 2 thể) đầu kiếp xuống cõi trần thì do cha mẹ phàm trần sanh ra, nên có thêm một thể thứ ba là xác phàm (3 thể). (Xem chi tiết nơi chữ: Chơn thần - Chơn linh, vần Ch)

NHIỄM

Nhiễm luyến

染戀

A: To love the world.

P: Aimer le monde.

Nhiễm: thấm sâu vào. **Luyến:** quyến quít không rời.

Nhiễm luyến là ham thích và thấm sâu vào.

TNHT: Nhưng chúng nó *nhiễm luyến* đã đầy mùi trần thế.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NHIỆM (NHẠM)

NHIỆM

NHIỆM: 任 Gánh vác, tín nhiệm, nhận, mặc kệ.

Td: Nhiệm chức, Nhiệm phong.

Nhiệm chức (Nhậm chức)

任職

A: To take up an appointment.

P: Exercer une fonction publique.

Nhiệm: Gánh vác, tín nhiệm, nhận, mặc kệ. **Chức:** chức tước, chức vụ.

Nhiệm chức hay Nhậm chức là nhận lãnh (gánh vác) một chức vụ do cấp trên giao phó.

Nhiệm mầu

(Xem: Mầu nhiệm, văn M)

Nhiệm phong (Nhậm phong)

任封

A: To receive the investiture.

P: Recevoir l'investiture.

Nhiệm: Gánh vác, tín nhiệm, nhận, mặc kệ. **Phong:** vua ban phẩm tước cho bề tôi.

Nhiệm phong hay Nhậm phong là chấp nhận phong phẩm Chức sắc cho những người có đủ công nghiệp hành đạo.

TNHT: Vậy sau này, có ai đáng thì do Tân Luật mà công cử, còn về phong tịch thì có Lý Giáo Tông tiền cử, Thầy mới *nhậm phong* nghe.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhiệm sở

任所

A: Office, bureau.

P: Service, bureau.

Nhiệm: Gánh vác, tín nhiệm, nhận, mặc kệ. **Sở:** nơi, chốn.

Nhiệm sở là cơ quan mà mình có trách nhiệm làm việc.

Nhiệm ý

任意

A: According to one's wish.

P: Selon son gré.

Nhiệm: Gánh vác, tín nhiệm, nhận, mặc kệ. **Ý:** ý muốn.
Nhiệm ý là mặc ý, tự do theo ý riêng.

NHIÊN

Nhiên Đăng Cổ Phật

燃燈古佛

A: Dipankara, Ancient Buddha.

P: Dipankara, Bouddha Ancien.

Nhiên: đốt cháy. **Đăng:** cây đèn. **Cổ Phật:** vị Phật xưa.

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, gọi theo tiếng Phạn là: Dipankara hay Dipanikara, dịch ra Hán văn là: Nhiên Đăng Phật hay Đỉnh Quang Phật. (Đỉnh là cái chân đèn).

Theo TNHT, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật giáng sanh bên nước Ấn Độ vào thời kỳ tương ứng với đời vua Hiên Viên Huỳnh Đế bên Tàu.

Còn Đức Phật Thích Ca cũng giáng sanh bên nước Ấn Độ sau đó, tương ứng đời nhà Châu (Chu) bên Tàu.

TNHT: *Như kẻ bên Phật giáo hay tặng Nhiên Đăng là Chưởng giáo, Nhiên Đăng vốn sanh ra đời Hiên Viên Huỳnh Đế.*

Người ta gọi Thích Ca Mâu Ni là Phật Tổ, Thích Ca vốn sanh ra đời nhà Châu.

Trong Kinh Trí Độ Luận: Như Nhiên Đăng Phật, khi sinh, chung quanh thân sáng như đèn, cho nên gọi là Nhiên Đăng Thái Tử. Khi thành Phật cũng gọi là Nhiên Đăng, xưa gọi tên là Đỉnh Quang Phật.

Theo Từ Điển Phật Học Việt Nam: Đức Phật Thích Ca có một tiền kiếp là Tỳ Kheo Nho Đồng. Nho Đồng từng gặp và cúng hoa cho Đức Phật Nhiên Đăng. Nho Đồng mua hoa ấy từ một cô gái bán hoa với giá rất mắc. Cô gái hỏi vì sao Nho Đồng lại chịu mua với giá mắc như vậy? Nho Đồng trả lời là mua hoa để cúng Phật Nhiên Đăng. Cô gái liền tặng không bó

hoa với lời nguyện là cô với Nho Đồng sẽ kết duyên vợ chồng trong các kiếp sau. Sa môn Nho Đồng là tiền thân của Phật Thích Ca, cô gái bán hoa là tiền thân của Công chúa Gia Du Đà La.

Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn: Trong Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, phẩm Tựa có tích nầy: Phật Nhứt Nguyệt Đăng Minh khi còn ở Hoàng Cung, có sanh ra 8 vị Vương tử: Hữu Ý, Thiện Ý, Vô Lượng Ý, Bảo Ý, Tăng Ý, Trừ Nghi Ý, Hưởng Ý, Pháp Ý.

Khi Ngài xuất gia tu hành thành Phật thì 8 vị Vương tử ấy đều theo cha mà tu trì Phạm hạnh. Tám vị ấy đều lần lượt thành Phật, và vị sau rốt thành Phật hiệu là Nhiên Đăng.

Phật Nhiên Đăng có thọ ký cho Thiện Huệ Bồ Tát, phán rằng, về sau Thiện Huệ sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Trong Vô Lượng Thọ Kinh, Phật phán với A Nan rằng: Về đời quá khứ, thuở xưa cách nay lâu xa vô lượng, chẳng có thể suy nghĩ bàn bạc được là bao nhiêu kiếp, Đức Đỉnh Quang Như Lai (Phật Nhiên Đăng) xuất hiện ở thế, giáo hóa độ thoát vô lượng chúng sanh đều cho đắc đạo, rồi Ngài mới vào diệt độ (Niết Bàn).

Theo Giáo lý và Kinh sách của Đạo Cao Đài thì:

- Thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật giáng trần mở Phật giáo ở Ấn Độ ứng với đời vua Hiên Viên Huỳnh Đế bên Tàu. Ngài làm Chưởng Giáo Sơ Hội Long Hoa Thanh Vương Đại Hội.

- Theo Di-Lạc Chơn Kinh thì, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật hiện nay chưởng quản từng Trời Hư Vô Thiên, là từng Trời thứ 10, trên đó có Ngọc Hư Cung, là nơi họp Thiên triều của Đức Chí Tôn để chư Phật tạo định Thiên Thư, tận độ chúng sanh đắc qui Phật vị.

KTTg: Tịnh niệm phép *Nhiên Đăng* tưởng tín, Hư Vô Thiên đến thánh Phật điều. Ngọc Hư Đại Hội ngự triều,....

- Trong Kinh Cúng Tứ Thời, bài Phật giáo Tâm kinh là bài xưng tụng công đức của Nhiên Đăng Cổ Phật, ý nghĩa là:

- Đức Nhiên Đăng Cổ Phật là vị thầy đáng kính, sanh ra vào thời Hỗn Độn, làm Chủ Tể CKVT.
- Gom các thế giới vào trong một khí Hư Vô, nắm giữ các cõi trần vào trong hai tay.
- Đèn trí huệ cháy hoà không tắt, soi sáng 36 tầng Trời.
- Đạo pháp như dòng nước chảy hoà không dứt.
- Khai mở tâm tánh cho 92 ức nguyên nhân đang còn mê muội nơi cõi trần.
- Đạo pháp cao siêu không cùng tận, dạy cho biết rõ cõi hư linh.
- Thổi ra một chất khí biến thành cái móng Trời, làm thành cây cột chống vũ trụ bầu Trời.
- Biến hóa cây kiếm thành cây thuốc mà ba phân nâng vũ trụ giềng Đất.
- Đức Nhiên Đăng góp công cùng Đức Chí Tôn, khai phá thông suốt Khiếu Huyền Quan, cho tánh hiệp với vô vi.
- Chưởng quản Tam tài trong ý chỉ nhiệm mầu.
- Nhiều lần ban bố ơn huệ, độ người nhiều không kể xiết
- Ngài là Đấng Đại bi, Đại nguyện, Đại Thánh, Đại từ.
- Thiên tước của Ngài là: Nhiên Đăng Cổ Phật Vô Vi Xiển Giáo Thiên Tôn.

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật ít khi giáng cơ dạy đạo.

Trong tập Thánh giáo Minh Thiện Đoàn, chúng tôi sưu tầm được 4 bài thi tứ tuyệt do Ngài ban cho trong 4 lần giáng cơ, chép ra sau đây:

Nhiên Đăng phụng lịnh Đức Cao Đài,
Thuận ý Ngọc Hoàng, ngã giáng lai.
Bồ Tát chơn truyền vô tận ý,
Ma Ha tự đắc độ hàn tai.

Nhiên Đăng thương xót kẻ trần gian,
Nên xuống Linh sanặng cứu nàn.
Khổ ách kia qua, tai trở lại,
Lòng từ chơn thật đến Thiên đàng.

Nhiên Đăng Cổ Phật giáo từ đă,
Dục đắc chơn truyền nguyện Thích Ca.
Nhứt bất ly kinh vô thể sự,

Tây phương đắc ngộ lạc như hà.

Niên Đăng Cổ Phật giáo từ đa,
Dục đáo Niết Bàn nguyện Thích Ca.
Tu khả miễn hành kỳ thiện đạo,
Văn kỳ chánh ngữ nguyện Di-Đà.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKVT: Căn Khôn Vũ Trụ.

Niên hậu

然後

A: Then.

P: Alors.

Niên: vậy, song, nhưng, rồi. **Hậu:** sau.

Niên hậu là rồi sau.

NHIẾP

NHIẾP

NHIẾP: 攝 Làm thay, thâm vào.

Td: Nhiếp ảnh, Nhiếp chánh, Nhiếp hôn.

Nhiếp ảnh

攝影

A: To photograph.

P: Photographier.

Nhiếp: Làm thay, thâm vào. **Ảnh:** hình ảnh.

Nhiếp ảnh là chụp hình.

Nhiếp chánh

攝政

A: The regency.

P: La régence.

Nhiếp: Làm thay, thâm vào. **Chánh:** việc sắp đặt trị an trong nước.

Nhiếp chánh là thay thế vua còn nhỏ tuổi mà nắm quyền trị nước.

Nhiếp hồn

攝魂

A: To invoke a soul.

P: Invoquer une âme.

Nhiếp: Làm thay, thâm vào. **Hồn:** linh hồn.

Nhiếp hồn là gọi hồn người chết về.

Nhiếp tâm

攝心

A: To keep one's heart.

P: Retenir son coeur.

Nhiếp: Làm thay, thâm vào. **Tâm:** cái tâm của mỗi người.

Nhiếp tâm là kèm giữ cái tâm không cho phóng túng, mơ tưởng việc nầy việc nọ.

Nhiếp tâm cũng còn có nghĩa là gìn giữ giới luật tu hành, vì nhờ giới luật mà gìn giữ cái tâm được tốt đẹp.

NHIỆT

NHIỆT

NHIỆT: 熱 Nóng, nóng nảy, hăng hái.

Td: Nhiệt huyết, Nhiệt thành.

Nhiệt huyết

熱血

A: Hot blood, ardour.

P: Sang chaud, ardeur.

Nhiệt: Nóng, nóng nảy, hăng hái. **Huyết:** máu.

Nhiệt huyết là bầu máu nóng. Ý nói: lòng dạ hăng hái muốn tham gia gánh vác công việc ích lợi chung.

TĐ ĐPHP: Những kẻ ấy đem tất cả *nhiệt huyết* của mình đặt cứu dân.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Nhiệt tâm

熱心

A: Enthusiasm.

P: Enthousiasme.

Nhiệt: Nóng, nóng nảy, hăng hái. **Tâm:** lòng dạ.

Nhiệt tâm là lòng dạ hăng hái sốt sắng, muốn đem tài sức ra gánh vác công việc xã hội.

Nhiệt thành

熱誠

A: Fervent.

P: Fervent.

Nhiệt: Nóng, nóng nảy, hăng hái. **Thành:** thành thật.

Nhiệt thành là lòng hăng hái chơn thật.

KXH: Phật Thánh Tiên nhờ máu *nhiệt thành*.

KXH: Kinh Xuất Hội.

NHIỄU

Nhiều điều

A: The red crape.

P: Le crêpon rouge.

Nhiều: một loại tơ lụa. **Điều:** màu đỏ.

Nhiều điều nghĩa đen là tấm lụa đỏ.

Nhiều điều có nghĩa bóng theo câu ca dao:

*Nhiều điều phủ lạy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.*

Nhiều điều là ý nói người trong một nước phải thương yêu nhau, xem nhau như anh em một nhà.

TNHT: *Nhiều điều* ví dạng phủ gương trong,
Thì mới làm cho cái nghĩa đồng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhiều hại

擾害

A: To harm.

P: Nuire.

Nhiều: làm rối loạn, khuấy rối. **Hại:** làm hao tổn.

Nhiều hại là khuấy rối và làm hại.

TNHT: Thơ, con dốt mấy em con đi Càn Giuộc vì tà mị muốn *nhiều hại* môn đệ Thầy ở dưới.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NHO

NHO

NHO: 儒 Đạo Nho, có văn vẻ nề nếp, học trò.
Td: Nho gia, Nho phong, Nho nhã.

Nho gia

儒家

A: Confucianist.

P: Confucianiste.

Nho: Đạo Nho, có văn vẻ nề nếp, học trò. **Gia:** nhà.
Nho gia là nhà nho, người có trình độ Nho học cao.

Nho giáo

儒教

A: Confucianism.

P: Confucianisme.

Nho: Đạo Nho, có văn vẻ nề nếp, học trò. **Giáo:** tôn giáo.

Nho: do chữ Nhon 亻 và chữ Nhu 需 ghép lại. Nhon là người, Nhu là cần dùng.

Nho là hạng người luôn luôn được cần dùng để giúp cho nhon quần xã hội biết cách ăn ở cư xử cho hợp với lẽ Trời.

Chữ Nhu còn có nghĩa chờ đợi, tức là người trí thức chờ đợi khi người ta cần dùng, kêu gọi thì đem tài trí ra giúp đời.

Nhu vậy, Nho là người học thông đạo lý của Thánh Hiền, biết được lẽ Trời Đất Người, để hướng dẫn người phải ăn ở và cư xử thế nào cho hợp với lòng người, hợp đạo Trời.

Sách Pháp Ngôn có câu: "Thôn Thiên Địa Nhân viết Nho."
Nghĩa là: Người biết rõ Thiên văn, Địa lý và Nhon sự mới gọi là Nho.

Phàm những người Nho học thì chuyên về mặt thực tế, ít chú trọng về mặt lý tưởng. Bởi vậy, từ xưa đến nay, họ là những người sẵn sàng nhập thế cuộc, gánh vác việc đời, làm ích nước lợi dân, khác hẳn với những người tu theo Phật giáo hay Lão giáo, chỉ biết xuất thế lo tu đạo thiện kỳ thân.

Nho giáo là một học thuyết hay một tôn giáo có hệ thống chặt chẽ và phương pháp rõ ràng, dạy về Nhơn đạo, tức là đạo làm một con người xứng đáng trong gia đình và xã hội.

Hệ thống của Nho giáo theo chủ nghĩa: *Thiên Địa vạn vật đồng nhứt thể*, nghĩa là Trời Đất và vạn vật đều đồng một thể với nhau.

Phương pháp của Nho giáo là phương pháp chứng luận, lấy Thiên lý lưu hành làm căn bản.

Như vậy, học thuyết của Nho giáo có 3 điều cốt yếu:

- Về tín ngưỡng: luôn luôn tin rằng Thiên Nhân tương dữ, nghĩa là Trời và Người tương quan với nhau.
- Về thực hành: lấy hành động thực nghiệm làm trọng.
- Về trí thức: lấy trực giác để soi rọi tìm hiểu sự vật.

Nếu ai đã hiểu tường tận tôn chỉ của Nho giáo thì đều công nhận rằng Nho giáo là một tôn giáo rất cao minh của nhơn loại, đã phát huy từ xưa tới nay. Tuy rằng khi người ta đem ra thực hành chưa được hoàn toàn, nhưng ai đã tâm đắc cái tinh thần ấy thì cũng đạt được một nhân cách cao thượng, rất đáng quý trọng vậy.

Nguồn gốc của Nho giáo:

Nho giáo không phải bắt đầu từ Đức Khổng Tử, mà Đức Khổng Tử chỉ là người phục hưng Nho giáo và Ngài có công rất lớn vì làm cho Nho giáo được hoàn toàn.

Nho giáo bắt nguồn từ thời thái cổ nước Tàu, với ba vị Thánh vương: Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế (hay Hoàng Đế), mà vua Phục Hy là vị khởi đầu.

Vua Phục Hy nhờ quan sát Long Mã, lập ra Hà đồ, vạch ra Bát Quái cất nghĩa sự hình thành và biến hóa của Trời Đất. Những vạch của Bát Quái được xem là đầu mối của văn tự sau này. Vua lại dạy dân trồng dâu nuôi tằm, lấy tơ làm quần

áo, chế ra đờn cầm đàn sắt, dạy dân lễ nghĩa, phép cưới vợ gả chồng, lập thành gia tộc.

Sau Phục Hy là vua Thần Nông chế ra cày bừa dạy dân làm ruộng, họp chợ búa để dân trao đổi hàng hóa, nếm thử các thứ cây thuốc để trị bệnh cho dân.

Tiếp nối Thần Nông là Huỳnh Đế chế ra áo mũ, lập nghi lễ triều đình, sai ông Thương Hiệt chế ra chữ viết.

Đó là khởi thủy của Nho giáo, thành hình do thực tế quan sát và nhu cầu tổ chức xã hội, kết hợp với huyền lý của Trời Đất, lấy đạo Trời làm khuôn mẫu cho các hành động của người, nếu nghịch lễ Trời thì phải bị tiêu diệt.

Nói tiếp ba vị Thánh vương kể trên là vua Nghiêu và vua Thuấn, khởi đầu đạo Trung Dung, củng cố lễ nhạc, lập ra nền tảng gia đình và xã hội với đạo Tam cương và Ngũ thường.

Đến thời vua Hạ Võ, nhờ Lạc thư, vua lập ra Hồng Phạm Cửu Trù, chế ra Ngũ Hành.

Tới đây thì Nho giáo đã có căn bản đầy đủ và vững chắc.

Nho giáo đã giúp cho nước Tàu thời thượng cổ được hòa bình, dân chúng thuận hòa, tạo ra một nền luân lý tốt đẹp.

Sau một thời gian dài, đến đời nhà Châu, vua Văn Vương nghiên cứu Bát Quái của Phục Hy (gọi là Tiên Thiên Bát Quái), đặt ra Bát Quái Hậu Thiên, tạo thành Kinh Dịch, giải nghĩa 64 quẻ. Con của Văn Vương là Châu Công Đán giải ý nghĩa 384 hào của 64 quẻ, rồi nghiên cứu lễ nhạc của các đời trước, qui định lại lập thành lễ nhạc có hệ thống chặt chẽ.

Cuối thời nhà Châu, đời vua Châu Linh Vương, năm 551 trước Tây lịch, có Đức Khổng Tử ra đời.

Đức Khổng Tử chỉnh đốn lễ nhạc, san định các kinh sách đời trước để lại như Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, diễn giải thêm Kinh Dịch, viết Kinh Xuân Thu, dạy được 3000 học trò. Nhờ Đức Khổng Tử phục hưng Nho giáo, hệ thống hóa học thuyết Nho giáo, phân Nho giáo thành hai bậc: Hình nhi Hạ học và Hình nhi Thượng học, làm cho Nho giáo được hoàn toàn, xứng đáng là một tôn giáo đứng ngang hàng với Lão giáo và Phật giáo.

Đức Khổng Tử được tôn là Giáo chủ Nho giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ, địa vị đứng ngang hàng với Đức Phật Thích Ca, (Giáo chủ Phật giáo) và Đức Lão Tử (Giáo chủ Tiên giáo).

Trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn qui hiệp và chấn hưng Tam giáo (Phật, Lão, Nho), và nhứt là chủ trương Nho Tông Chuyển Thế, dùng tinh hoa giáo lý Nho giáo làm căn bản dạy dỗ nhơn sanh, lập đời Thánh đức.

Nho nhã

儒雅

A: Decent, distinguished.

P: Décent, distingué.

Nho: Đạo Nho, có văn vẻ nề nếp, học trò. **Nhã:** tao nhã, có lễ độ.

Nho nhã là người có học thức, có lễ độ và tao nhã.

TNHT: *Nho nhã* con tua tập tánh tình.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nho phong

儒風

A: Confucian scholar's manners.

P: Manières des lettrés.

Nho: Đạo Nho, có văn vẻ nề nếp, học trò. **Phong:** phẩm cách.

Nho phong là phẩm cách của nhà nho.

Nho Thích Đạo

儒釋道

A: Confucianism - Buddhism - Taoism.

P: Confucianisme - Bouddhisme - Taoisme.

Nho: Đạo Nho, Nho giáo. **Thích:** Thích giáo, tức Phật giáo. **Đạo:** Đạo giáo tức Lão giáo hay Tiên giáo.

Nho Thích Đạo là Tam giáo tức là ba nền tôn giáo lớn nơi cõi Á Đông, mà ba Đấng Giáo chủ là: Đức Khổng Tử, Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử.

Nho Thích Đạo cũng là ba phái Chức sắc của CTĐ trong Đạo Cao Đài:

- Phái Thích tức là phái Phật mặc đạo phục màu vàng.
- Phái Lão tức là phái Tiên mặc đạo phục màu xanh.
- Phái Nho tức là phái Thánh mặc đạo phục màu đỏ.

PCT: Chưởng Pháp ba phái là: Đạo, Nho, Thích.

Về Triết lý, Tam giáo Nho Thích Đạo có cái tư tưởng đại đồng mà tiểu dị, căn do của ba học thuyết ấy đều theo một lý đơn nhất và theo một chủ nghĩa: Thiên Địa vạn vật đồng như thể. Vạn vật bởi cái lý đơn nhất tuyệt đối mà ra. Lý đơn nhất ấy là Thái Cực, là Đạo, là Trời, là Tâm, muốn đặt cho nó tên gì mà gọi cũng được, nhưng chung qui vẫn là một.

Lý ấy phát ra hai Khí tương đối gọi là Âm Dương, Âm Dương điều hòa với nhau sanh hóa vạn vật. Vạn vật bẩm thụ cái Lý ấy và cái Khí ấy nên mới có cái chiêu minh linh giác mà biết có người, có ta, có vũ trụ.

Cái chiêu minh linh giác của mỗi người với cái chiêu minh linh giác của Thái Cực đồng một thể, cho nên Nho giáo nói: *Nhứt dĩ quán chi* hay *Đạo nhứt nhi dĩ hỹ*, đều có cùng một ý nghĩa.

Lão học cũng nói thế, Phật học cũng nói thế. Bởi vậy, ta dám nói quyết rằng: Nho, Lão và Phật cũng đồng một gốc.

Nho Thích Đạo tương đồng với nhau ở chỗ Hình Nhi Thượng Học mà tương dị nhau ở chỗ Hình Nhi Hạ Học.

Phật giáo phát tích ở Ấn Độ nhưng cái tư tưởng của phái Đại Thừa không khác gì Lão học ở nước Tàu.

Còn như Nho giáo và Đạo giáo cùng đồng thời phát minh ra ở nước Tàu, song Lão thì cứ đứng trong cái phạm vi Hình Nhi Thượng mà quan sát thế sự, nào vạn tượng là ảo ảnh, không cần phải lao tâm khổ tứ, chỉ vụ lấy sự thanh tĩnh vô vi để cùng vui thú với cuộc biến đổi tự nhiên của Tạo Hóa, mà ngao du cho thỏa cái tâm ý của mình, chứ không thiết đến việc

đời, bởi vậy mới thành ra cái chủ nghĩa yếm thế và cái thuật tu luyện của các đạo sĩ.

Nho giáo thì cho vạn vật đã sanh ra là phải theo cái đạo tự nhiên mà hành động. Ai cũng phải đem cái sở tri sở năng của mình ra mà làm sự ích lợi cho nhơn sanh, lấy việc thiên hạ quốc gia làm cái nghĩa vụ của mình. Bởi vậy Nho giáo rất chú trọng đến phần Hình Nhi Hạ Học, mà thành ra cái học rất thực tế, quan thiết đến việc giáo dục và chánh trị. (Theo Nho giáo của Trần Trọng Kim)

CTĐ: Cửu Trùng Đài.
PCT: Pháp Chánh Truyền.

Nho Tông Chuyển Thế

儒宗轉世

Nho: Đạo Nho, có văn về nề nếp, học trò. **Tông:** tôn giáo. **Chuyển:** dời đổi, làm cho thay đổi. **Thế:** đời, cuộc đời.

Nho tông là Nho giáo, đạo Nho.

Chuyển thế là làm cho cuộc đời thay đổi từ xấu thành ra tốt, từ loạn ra trị, từ hung bạo thành ra hiền lương đạo đức.

Nho Tông Chuyển Thế là một chủ trương lớn của Đạo Cao Đài, đối với cuộc thế, đối với nhơn quần xã hội.

Chủ trương này dùng tinh hoa của học thuyết Nho giáo để cải tạo cuộc thế trong buổi Hạ nguơn mặt kiếp, phong hóa suy đồi, mất hết nét đạo đức, nền nếp gia đình đổ vỡ, xã hội vì danh lợi mà tranh giành sát phạt nhau dữ dội, làm cho mạnh được yếu thua, khôn còn đại mất.

Với chủ trương Nho Tông Chuyển Thế, Đức Chí Tôn lập Đạo Cao Đài thành một cơ quan chuyển thế.

Đức Phạm Hộ Pháp trong bài thuyết đạo tại Đền Thánh đêm 1-9-Đinh Hợi (1947) giải thích hai chữ Chuyển thế:

"Bản đạo nhớ buổi Chí Tôn mới đến tỏ danh hiệu Người, Người hứa với các môn đệ của Người buổi đầu tiên về Cơ

quan Chuyển thế, làm phân vân biết bao nhiêu nhà trí thức tìm hiểu hai chữ Chuyển thế nghĩa là gì?

Theo triết lý học, định nghĩa hai chữ Chuyển thế là: xoay đổi thời đại hiển nhiên ra thời đại khác, hoặc không phù hợp, hoặc quá khuôn khổ nề nếp nên quyết đoán thay đổi lập trường thiêng liêng vì thời đại này đã định.

Chuyển nghĩa là sửa đổi cũ ra mới. Lấy nghĩa lý đã định hẳn ra, tức nhiên chúng ta nhận thấy các khuôn luật đạo đức từ trước đến giờ để lại đều bị biếm cả, bởi vì đời quá hung tàn bạo ngược, vô ơn luân, tinh thần đạo đức không qui định, tâm lý loài người không tương quan cùng nhau, mất cả luật đồng sanh làm căn bản cho loài người, luật đồng sanh gần như bị hủy bỏ, bởi thấy tấn tuồng trước mắt, nào giặc giã chiến tranh giành sống mà giết hại lẫn nhau, oán kết thâm thù, loài người do nơi ấy mà biến sanh tàn ác, cái phương sanh sống đến một giai đoạn rất khó khăn và chúng ta thử xét đoán trong các kinh điển Đạo giáo đã để lại là mưa dầu nắng lửa. Trận mưa dầu nắng lửa sẽ có hiện tượng y như trong kinh đã nói. Cũng vì sự sanh hoạt khó khăn mà loài người giết hại lẫn nhau....

Đời sống đến giai đoạn khó khăn hơn nữa, những phẩm vật nuôi sống loài người càng giảm bớt thì hơn loại còn quyết liệt chiến đấu hơn nữa."

"Nền Đạo Cao Đài là Nho Tông Chuyển Thế thì tức nhiên của toàn xã hội hơn quần tại mặt địa cầu này, nhờ đạo Nho sửa đương chỉnh đốn thiên hạ lại. Chúng ta thấy xã hội tinh tú đạo đức của họ dường như đảo ngược lại, khủng hoảng tinh thần mà ra vậy."

Đạo Cao Đài chủ trương Nho Tông Chuyển thế, không có nghĩa là đem toàn cả học thuyết của Nho giáo ra áp dụng một cách máy móc khắt khe, vì xã hội hiện tại là dân chủ, nam nữ bình quyền, trình độ tiến hóa về khoa học kỹ thuật cũng như tinh thần cũng rất cao so với thời kỳ của Đức Khổng Tử cách đây hơn 2500 năm.

Hơn nữa, tại sao không dùng Phật giáo hay Lão giáo, hoặc Thiên Chúa giáo để làm căn bản chuyển thế? mà phải dùng Nho giáo? Bởi vì không có học thuyết nào dạy Nhơn đạo kỹ

bằng Nho giáo. Muốn cải tạo xã hội thì phải dạy Nhơn đạo, vì Nhơn đạo là căn bản, chứ không thể dạy Thánh đạo, Tiên đạo hay Phật đạo. Nhưng chỉ lấy những điểm tinh hoa của Nho giáo làm căn bản giáo dục mà thôi, bởi vì toàn cả giáo lý Nho giáo có nhiều điểm không còn thích hợp với xã hội ngày nay.

Những tinh hoa của giáo lý Nho giáo được áp dụng ngày nay, có thể kể ra sau đây:

■ Về phần chung:

- Thiên Địa vạn vật đồng nhứt thể.
- Nhơn Nghĩa, Trung Dung.

■ Về phần riêng:

- Nam thì Tam cương, Ngũ thường.
- Nữ thì Tứ Đức, Tam Tòng.

■ Phương pháp thực hành chủ trương Nho Tông Chuyển Thế, trước nhứt gồm ba điểm:

- Trọng Nhơn luân.
- Sùng Nhơn Nghĩa.
- Hưng Lễ Nhạc.

Nho tông khai hóa

儒宗開化

Nho: Đạo Nho, có văn về nề nếp, học trò. **Tông:** tôn giáo.
Khai: mở ra. **Hóa:** thay đổi.

Nho tông khai hóa là Đức Khổng Tử mở ra Đạo Nho để giáo hóa nhơn sanh.

NG: Nho tông khai hóa, Văn Tuyên tư lộc....

NG: Nho Giáo, Kinh Nho Giáo.

NHÔI

Nhồi quả

A: To stuff the retributions.

P: Bourrer des rétribution.

Nhôi: nhét thêm vô rồi dồi lên dập xuống nhiều lần.

Quả: cái quả báo của nghiệp, ở đây ý nói cái quả xấu báo đáp lại cái nghiệp xấu đã gây ra từ nhiều kiếp trước.

Nhôi quả là những nghiệp xấu từ nhiều kiếp trước dồn lại báo đáp trong một kiếp này mà thôi.

Đây là một đặc ân của Đức Chí Tôn trong kỳ Đại Ân Xá này, cho được nhôi quả đặng mau hết nghiệp để có thể trở về cùng Đức Chí Tôn.

Nếu Đức Chí Tôn không cho nhôi quả trong một kiếp tu thì biết đến bao giờ các môn đệ của Ngài mới trả hết nghiệp, bởi vì nếu để trả quả từ từ thì mỗi kiếp lại tạo thêm nghiệp mới, thì phải mang nghiệp trần triền miên mà chịu luân hồi mãi mãi.

Chính vì thế mà chúng ta thấy nhiều Chức sắc Thiên phong, càng tu, càng lập công quả thì bản thân và gia đình càng gặp nhiều nỗi éo le ngang trái, điều đứng khổ sở, hết đau bệnh tới tai nạn, khiến cho người đời biếm nhẽ. Nếu tâm đạo vững vàng, một lòng tin tưởng Đức Chí Tôn, cần rặng gánh chịu những quả báo tiền khiên, cầu nguyện Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu ban cho ơn huệ để đủ sức chịu đựng nghịch cảnh, thì dần dần tai nạn cũng giảm bớt, tâm tu tăng tiến và cuối cùng thì trả hết nghiệp, được đắc đạo, trở về cùng Đức Chí Tôn.

TNHT: Ví muốn tu thân *nhôi quả* trước,
Gắng công sau sẽ đến cùng Ta.

Chúng ta được biết có hai trường hợp nhôi quả sau đây:

1. Trường hợp Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương:

Đức Chí Tôn cho nhôi quả theo bài thi sau đây của Đức Chí Tôn ban cho Ngài Ca Bảo Đạo:

Thấy con gia đạo tợ tư cuồn,
 Chạnh đến lòng Thầy dạ ướm tuồn.
 Ngặt nỗi vợ nhà đau dãi dưội,
 Khặt khùng con trẻ nói luông tuồng.
 Khiến nên mai đánh khơi màu trắng,
 Cho đến tòng lâm trở sắc buồn.
 Công quả đã đành công quả đủ,
 Nay đem ba kiếp dập dòn luôn.

Qua bài Thánh ngôn trên, Đức Chí Tôn cho Ngài Ca Bảo Đạo nhờ quả ba kiếp khiến Ngài bị bệnh, vợ đau yếu, con gái khặt khùng, dồn vào một kiếp này đặng trả cho xong quả, sạch nợ tiền khiên, hầu trở về ngôi vị thiêng liêng.

2. Ông Chánh Trị Sự Miên, quê ở Phú Mỹ, Mỹ Tho.

Ông Miên làm Hương Cả ở làng Phú Mỹ, nhập môn vào Đạo Cao Đài, lập công bồi đức, lên được phẩm Chánh Trị Sự. Ông rất hiền, nhưng sau đó, ông bị điên khùng luôn, không ai chữa trị được.

Vợ của ông đưa ông về Tòa Thánh, vô Hộ Pháp Đường cầu xin Đức Phạm Hộ Pháp giải bệnh, được Đức Ngài nhận lời.

Đức Ngài hành pháp giải oan, bệnh ông Miên giảm dần, và gần như hết bệnh. Đức Phạm Hộ Pháp dặn ông Miên không được ra ngoài, chỉ ở quanh quẩn trong Hộ Pháp Đường mà thôi.

Vợ ông Miên cũng là một Nữ Chánh Trị Sự, thấy ông Miên hết bệnh, cả mừng, xin cho rước ông Miên về gia đình ở Phú Mỹ để an dưỡng và để bề săn sóc.

Đức Phạm Hộ Pháp nói:

- Coi vậy chớ ảnh chưa mạnh đâu, chị có về thì về, cứ để ảnh ở đây một thời gian nữa.

Bà vợ cứ năn nỉ hoài để rước ông Miên về, buộc lòng Đức Ngài phải cho. Bà đưa ông Miên trở về xứ.

Lạ lùng thay, về nhà ở Phú Mỹ một thời gian ngắn thì bệnh của ông Miên tái phát trầm trọng và chết, không thầy thuốc nào trị được. Gia đình báo tin cho Đức Hộ Pháp. Đức Phạm Hộ Pháp nói với các anh em Phạm Môn rằng:

- Anh Miên trả quả ba kiếp nhờ một đó. Lúc bị bệnh, ảnh thường diễn đạt ba hình thức, mỗi hình thức là một kiếp:

Kiếp thứ nhất: ông đang đi thì đứng lại, lấy thế rồi cung tay xoay người từ trái qua phải, rồi buông hai tay, giống như là quăng lưới chài cá. Đó là kiếp chài lưới.

Kiếp thứ nhì: một tay như cầm mõ, một tay như cầm dùi, miệng niệm Nam mô, tay làm bộ điệu gõ mõ. Ấy là kiếp thứ nhì làm thầy chùa.

Kiếp thứ ba: ông hay lượm lá cây, giấy, ngòi vẽ vẽ lên đó, ấy là kiếp làm đồ nho viết liễn.

Nay gặp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, may duyên làm môn đệ Đức Chí Tôn, Đức Chí Tôn cho nhờ quả để trả cho dứt nghiệp mà về, nên mừng cho ông được giải thoát. (Viết theo lời kể của ông Tám Chơn Nhơn Phạm Duy Hoai).

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhồi sọ

A: To cram someone with learnings.

P: Bourrer de caractères dans le crâne.

Nhồi: nhét thêm vào cho đầy. **Sọ:** chỉ cái đầu.

Nhồi sọ là nhồi nhét vào đầu.

■ Nói về việc học thì Nhồi sọ có nghĩa là buộc học thuộc lòng, bất kể hiểu hay không hiểu, nhét chữ vào đầu càng nhiều càng tốt, để khi đi thi, gặp đúng đề tài đó thì cứ việc tuôn ra, mà thật sự thì không hiểu ý nghĩa sâu xa của vấn đề đó.

■ Nói về sự tuyên truyền, Nhồi sọ có nghĩa là nói cho nghe nhiều lần, nói hoài cho thấm dần vào óc, ăn sâu vào óc, để rồi cho đó là đúng và mù quáng tin theo.

TĐ ĐPHP: Thảng như có kẻ nói: Cái ông đó mà biết cái gì, ông *nhồi sọ* mình cho ngu cho dại, cho điên cuồng.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

NHƠN (NHÂN)

NHƠN

1. **NHƠN:** 人 Người.
Td: Nhon đạo, Nhon luân.
2. **NHƠN:** 仁 Lòng thương người mến vật.
Td: Nhon đức, Nhon nghĩa.
3. **NHƠN:** 因 Nguyên do, cái cớ, bởi vì, do đó.
Td: Nhon danh, Nhon quả.
4. **NHƠN:** 姻 Trong cưới gả, nhà gái là Hôn, nhà trai là Nhân.
Td: Nhân gia.

Nhân ái

仁愛

A: The charity.

P: La charité.

Nhân: Lòng thương người mến vật. **Ái:** thương.

Nhân ái là lòng thương yêu, thương người thương vật, thương khắp chúng sanh.

Nhân bản

人本

A: Humanism.

P: Humanisme.

Nhân: Nhon: Người. **Bản:** Bản: gốc.

Nhân bản là lấy con người làm gốc.

Đây là một học thuyết Triết học, gọi là Nhân bản triết học, chủ trương lấy con người làm gốc, cho rằng con người là trung tâm của vũ trụ. Mọi vật đều phải qui về con người.

Nhơn cách (Nhân cách)

人格

A: Personality.

P: Personnalité.

Nhân: Nhơn: Người. **Cách:** tư cách, phẩm chất.

Nhơn cách hay Nhân cách là tư cách và phẩm chất của con người.

TNHT: Các con đừng vì tư lợi mà làm mất *nhơn cách* thì rất uổng cái điểm linh quang của Thầy để vào xác thân của các con lắm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhơn cầm

人禽

A: Mankind and birds.

P: Humanité et oiseaux.

Nhân: Nhơn: Người. **Cầm:** loài chim.

Nhơn cầm là loài người và loài chim, ý nói chúng sanh.

BXTCĐPTTT: Ra oai linh tiếp dẫn *nhơn cầm*.

BXTCĐPTTT: Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần.

Nhơn chủng (Nhân chủng)

人種

A: Human race.

P: Race humaine.

Nhân: Nhơn: Người. **Chủng:** nòi giống, chủng tộc.

Nhơn chủng nòi giống con người, các chủng tộc của loài người.

Nếu căn cứ trên màu da thì loài người hiện nay có 4 chủng tộc: Da trắng, da vàng, da đen và da đỏ.

PMCK: Đại Long Hoa *nhơn chủng* hòa ki.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Nhơn cùng trí đoản

人窮智短

Nhơn: Ngươi. **Cùng:** khôn cùng. **Trí:** sự khôn ngoan hiểu biết. **Đoản:** ngắn, kém.

Nhơn cùng trí đoản là người ở trong cảnh khôn cùng thì trí ngắn, tức là trí não không còn sáng suốt như lúc bình thường (quần trí).

Nhơn dục - Nhơn dục vô nhai

人欲 - 人欲無涯

A: Human passions - Unlimited ambition.

P: Passions humaines - Ambition illimitée.

Nhơn: Ngươi. **Dục:** ham muốn. **Vô:** không. **Nhai:** bờ.

Nhơn dục là lòng ham muốn của con người.

Nhơn dục thường được dùng với ý nghĩa là lòng ham muốn của con người về vật chất như: tiền bạc của cải, danh lợi, quyền hành thế tục.

Nhơn dục vô nhai là lòng ham muốn của con người không bờ bến, nghĩa là lòng ham muốn đó không bao giờ biết đủ, muốn cái này được rồi lại muốn cái kia.

Nhơn duyên

Có ba trường hợp:

* Trường hợp 1: Nhơn duyên

因緣

A: Cause.

P: Cause.

Nhơn: **Nhân:** Nguyên do, cái cứ, bởi vì, do đó. **Duyên:** cái hỗ trợ cho cái nhân thành cái quả.

Td: Gieo hạt lúa xuống đất, hạt lúa nảy mầm mọc lên cây lúa, ra bông, kết quả cho hạt lúa. Hạt lúa là Nhơn, tức là cái nguyên do chánh. Muốn cho hạt lúa nảy mầm thì phải có các

yếu tố phụ như: nước làm cho đất ẩm, ánh sáng mặt trời, sự chăm sóc không cho sâu rầy phá hại,... Các yếu tố phụ đó là Duyên. Có Nhơn, có Duyên mới có kết quả. Vậy: *Nhơn duyên là những yếu tố hỗ trợ cho cái Nhân thành cái Quả.*

Theo Phật giáo, Nhơn duyên là cái nguyên do chánh.

Thập nhị Nhơn duyên là 12 cái nguyên do chánh, cái này sinh ra cái kia, cái kia sanh ra cái nọ, đi giáp một vòng tròn, để giải thích về sự luân hồi chuyển kiếp.

* Trường hợp 2: Nhơn duyên

姻緣

A: **Connubial bonds.**

P: **Liens conjugaux.**

Nhơn: Trong cưới gả, nhà gái là Hôn, nhà trai là Nhân.
Duyên: mối dây ràng buộc.

Nhơn duyên là duyên phận vợ chồng.

* Trường hợp 3: Nhơn duyên

人緣

Nhơn: Người. **Duyên:** mối dây ràng buộc.

Nhơn duyên là có mối dây ràng buộc vào một người được định sẵn từ trước, ý nói người có sự ràng buộc vào việc tu hành.

TNHT: Bát Nhã từ đây vững lái thuyền,
Tuông pha khổ hải độ *nhơn duyên.*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhơn đạo - Thiên đạo

A: **Doctrine of Sages - The Holy doctrine of God.**

P: **Doctrine des Sages - La Sainte doctrine de Dieu.**

Nhơn: Người. **Thiên:** Trời. **Đạo:** con đường, tôn giáo.

- Nhơn đạo là đạo làm người, đạo ở đời, nên nó cũng được gọi là Thế đạo (Thế là đời). Đó là những nguyên tắc và bổn phận mà con người phải tuân theo trong đời sống đối với gia đình và xã hội. Nhờ Nhơn đạo mà con người mới xứng đáng

phẩm người, mới có giá trị là loài thượng đẳng chúng sanh.

Nói đến Nhơn đạo thì chúng ta nghĩ ngay đến Nho giáo, vì không có tôn giáo nào dạy về Nhơn đạo kỹ lưỡng và chi tiết bằng Nho giáo.

- Thiên đạo là đạo Trời, tức là con đường để người tu theo đó thì được trở về cõi Trời, giải thoát khỏi luân hồi để được hiệp nhập vào Thượng Đế.

Người là Tiểu linh quang, Trời hay Thượng Đế là Đại linh quang; nên con người là một phần tử nhỏ của Thượng Đế. Thượng Đế cho con người đầu kiếp xuống cõi trần là để học hỏi và tiến hóa, học hỏi mãi mãi và tiến hóa mãi mãi, tới mức cùng tột thì trở thành Thượng Đế và hiệp nhập vào Thượng Đế.

Muốn đạt được như thế, con người phải trải qua năm cấp tiến hóa:

- Cấp tiến hóa thứ nhất là Nhơn đạo lên Thần đạo,
- Cấp tiến hóa thứ nhì là Thần đạo lên Thánh đạo,
- Cấp tiến hóa thứ ba là Thánh đạo lên Tiên đạo,
- Cấp tiến hóa thứ tư là Tiên đạo lên Phật đạo,
- Cấp tiến hóa thứ năm là Phật đạo lên Thiên đạo.

Trong năm cấp tiến hóa đó, Nhơn đạo là căn bản. Không hoàn thành Nhơn đạo thì không mong chi bước lên các cấp tiến hóa cao hơn. Thánh nhơn khi xưa có nói rằng: *Dục tu Tiên đạo, tiên tu Nhơn đạo, Nhơn đạo bất tu, Tiên đạo viễn hỷ.* Nghĩa là: Muốn tu Tiên đạo, trước tu Nhơn đạo, Nhơn đạo không tu, thì Tiên đạo xa vời lắm vậy.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mở ra kỳ này là Đức Chí Tôn dựng lên một cái thang 5 nấc để cho người từ từ tu tiến mà đoạt vị. Hễ công đức tu hành đạt đến mức nào thì Đức Chí Tôn chấm cho mức ấy với những phẩm vị cao trọng tương xứng.

TNHT: Buông trôi ví chẳng tròn *Nhơn đạo*,
Còn có mong chi đến *đạo Trời*.
Rằng ở đời thì *Nhơn đạo* trọn,
Trọn rồi *Thiên đạo* mới hoàn toàn.

Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ dạy về Thế đạo (Nhơn đạo) và Thiên đạo, trích trong Luật Tam Thể, chép ra như sau:

"Hẳn mấy em đã rõ đại cương về Thế đạo (Nhơn đạo) là: Nam thì Tam cương, Ngũ thường; Nữ thì Tam tòng, Tứ đức.

Song đó chỉ là thể của Nhơn đạo hữu hình mà thôi.

Nếu mấy em hằng ngày tâm niệm có bấy nhiêu đó thôi thì làm sao trọn vẹn được.

Trong Thế đạo phải phân tách ra làm hai pháp lý: - Một là Thể pháp Thế đạo, - Hai là Bí pháp Thế đạo.

Tam cương Ngũ thường, Tam tòng Tứ đức là thể đặng làm sở hành cho mặt Thể pháp Thế đạo mà thôi, lấy đó làm chánh đề mà đi.

Bây giờ muốn giữ Tam cương Ngũ thường thì phải làm thế nào?

- **Quân Thần cương:** Vua là kẻ chăn dân. Vậy bổn phận ấy là phải lập trên những hành tàng để cứu giúp dân cho khỏi điều thống khổ. Ấy là công việc của Cơ Quan Phước Thiện bây giờ đó. Tôi thì phải tỏ dạ trung thành đặng vùa giúp vua mà làm cho bá tánh an cư lạc nghiệp, tức là bổn phận của hàng Thánh thể đó vậy.

- **Phụ tử cương:** Cha là người thay quyền Chí Tôn trong một tiểu gia đình, tức nhiên là phải biết mình có bổn phận giáo hóa, dưỡng dục, tức nhiên là một Hội Thánh nhỏ trong một gia đình. Vậy con phải trọn hiếu, tức nhiên không làm điều nhục tổ hồ tông, tức là bổn phận của một tín đồ, hay nói đúng hơn là một môn đệ xứng đáng của Đức Chí Tôn đó vậy.

- **Phu phụ cương:** Chồng là người cầm lái giữ lái đặng đưa một tiểu gia đình đến chỗ đạo đức thanh bạch, tức nhiên là bổn phận của cơ quan Hành Chánh đó vậy. Vợ là người tòng theo chồng để giúp an sự nghiệp, tạo nên hạnh phúc gia đình, tức là bổn phận của Bảo Cô đó vậy.

Về Ngũ thường thì:

- **NHƠN:** là phải biết nghĩa đồng sanh, biết tình đồng hưởng Âm Dương chi khí, chẳng để lòng oán loạn chơn truyền, tức là phải trọn vâng theo luật Công bình Bác ái.

- **NGHĨA:** là phải biết trọn phận người để tạo nên danh trọng giá cao, tức là phải giữ phẩm hạnh mà nhìn rõ của chung đồng hưởng.

- **LỄ:** là giữ hạnh nét đúng đắn để tạo nên một nhơn phẩm, biết nhường biết nhịn, tức nhiên là phải giữ trọn hạnh đạo đó vậy.

- **TRÍ:** là phải thông hiểu việc thế mà đi, không để tên tuổi phải bị lời chê tiếng nhẽ, tức nhiên là phải trọn vâng Luật pháp Chơn truyền đó vậy.

- **TÍN:** là phải đúng lời đúng hẹn, tức là phải danh chánh ngôn thuận, thuyết hành phải được giống in nhau, tức là phải trọn thế đó vậy.

Đó là mặt Thể pháp Thế đạo.

Còn mặt Bí pháp Thế đạo là phương tầm ra định hướng để vẹn giữ Tam cương Ngũ thường, tức nhiên là trọn phần Nhơn đạo. Ấy là kết quả do Thể pháp mà nên.

Nói chung về Bí pháp Thế đạo, tức nhiên là phương giúp đời an nhàn đạo đức đó vậy.

Về Tam tòng Tứ đức là phận của Nữ phái:

- **Tùng phụ:** như người con phải trọn giữ tiết trinh, cũng như kẻ tín đồ phải giữ tròn danh đạo.

- **Tùng phu:** như bóng tùy hình. Tức nhiên là phải ví mình như một trong Thánh thể, tòng Hội Thánh vậy.

- **Tùng tử:** là phải vì đám hậu sanh mà quên mình đặng tạo thành sự nghiệp tương lai cho chúng, tức nhiên là bổn phận của Chức sắc vậy.

- **Công, Dung, Ngôn, Hạnh:** tức là việc làm cho nhơn sanh thoát khổ, lời nói để đưa đường giáo hóa, hành vi cử chỉ đáng treo gương mặt thế, tức là phải biết nâng cao giá trị của Thánh thể Chí Tôn, nét na đậm thắm, giữ trọn thương yêu, tức nhiên là làm nền móng cho Đại đồng thế giới.

Đó là Thể pháp.

Kẻ đã trọn về mặt Thể pháp, tức nhiên hiểu biết Bí pháp, vì Bí pháp không chi lạ hơn là phương pháp bí yếu để nâng cao giá trị cho Thế đạo. Nói rõ hơn nữa là phương làm cho đời trở

nên tận thiện tận mỹ. Nói theo Nhơn sanh Triết lý thì Bí pháp là kế hoạch nâng cao đời sống trong Nhơn Nghĩa đó vậy."

"Trong **Thiên đạo** cũng có Thể pháp và Bí pháp như Thế đạo vậy.

- Về Thể pháp Thiên đạo tức nhiên là những nơi để học hỏi, để un đúc tinh thần trên khuôn viên chánh pháp.

Trong Thể pháp Thiên đạo chia làm 3 thời kỳ:

- Thứ nhất là thời kỳ Khai thác,
- Thứ nhì là thời kỳ Luyện tập,
- Thứ ba là thời kỳ Thi hành.

Trong thời kỳ sau này mới thường gặp những cơ khảo đảo đặng thử thách tinh thần.

Về thời kỳ thứ nhất, là những tạo tác nơi qui hợp đức tin cho con cái Chí Tôn, tức là các Đền thờ đó vậy. Khi một môn đệ đã nhập môn tụng giáo thì phải do nơi các Đền thờ đặng tự hiệp đức tin. Đó là bước đầu tiên của Thể pháp Thiên đạo. Do đó, sự cúng kiếng niệm kinh là điều trọng yếu vậy.

Qua thời kỳ thứ nhì là đem đức tin đã trụ được đặng tập luyện tâm tánh và khởi lập Công trừ Quả đặng tự giải khổ cho mình và giúp phương cứu khổ cho toàn nhơn loại. Ấy là phương tập luyện tánh thành, tâm niệm đó vậy.

Qua thời kỳ thứ ba là thi thố những đức tin hầu lấy phương giải khổ mà đem gieo truyền hột giống thương yêu, ấy là phương cứu khổ đó vậy.

Trong lúc này, tinh thần hay gặp những chướng ngại, hoặc làm cho nao núng tan rã đức tin, hoặc theo đường quỷ mị, chia phe phân phái, mà nên Tả đạo Bàng môn như đã xảy ra đó.

Trong ba thời kỳ: Thứ nhất là **Lập Ngôn**, thứ nhì là **Lập Công**, thứ ba là **Lập Đức**. Đó là Thể pháp của Thiên đạo.

Khi đã trọn phần Thể pháp rồi, liền bước qua mặt Bí pháp, là phương tu tâm sửa tánh, hầu lập thành Chơn khí thanh khiết mà hiệp với Chơn thần, đặng tiếp Chơn linh để giải phương cứu khổ thêm bề siêu lý diệu chơn. Ấy là phương tâm hiểu Chơn truyền Chánh pháp đó vậy.

Khi đã vẹn sạch Tinh, Khí, Thần thì đắc Pháp đó vậy."

TNHT: Thầy dạy Nữ phái biết trọng Tam tòng Tứ đức, Nam phái Tam cương Ngũ thường. Hễ *Nhơn đạo* thành là phù hợp *Thiên đạo*, nghe à!

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhơn định thắng Thiên

人定勝天

A: Human determination will overcome the destiny.

P: La volonté de l'humanité peut triompher de la destinée.

Nhơn: Người. **Định:** sắp đặt, quyết định. **Thắng:** được, hơn.

Nhơn định thắng Thiên là lòng người quyết định thì thắng được Trời, tức là sửa cải được mệnh Trời.

Truyện Kiều của Nguyễn Du:

Xưa nay nhân định thắng Thiên cũng nhiều.

Nhưng ở đây, chúng ta phải hiểu *Nhơn định* là thế nào?

Nhơn định có phải là một người định ra hay một nhóm người, hay một triệu người?

Nhơn định ở đây, chúng ta phải hiểu là toàn cả hơn loại quyết định, chứ không phải một người hay một nhóm người.

Nếu toàn cả hơn loại quyết định điều gì thì chắc chắn Trời sẽ chiều theo quyết định ấy, vì ý dân là ý Trời.

Điều này không có gì quá đáng, bởi vì Trời là Thượng Đế, chúng sanh là Vạn linh mà người là đại diện của chúng sanh, tức là đại diện của Vạn linh. Đáng Thượng Đế đã ban cho Vạn linh cái quyền ngang bằng quyền của Thượng Đế: *Quyền Vạn linh đối quyền Chí linh.*

TNHT: "Nếu cả thế gian này biết tu thì thế gian có lẽ cải lý Thiên đĩnh mà làm cho tiêu tai tiêu nạn đặng; huống lựa mỗi cá nhân biết tu, thì Thiên đĩnh cầm bộ Nam Tào cũng chẳng ích chi."

"Các con phải nhớ rằng, toàn thế giới Càn Khôn chín có hai quyền: trên là quyền hành Chí Tôn của Thầy, dưới là quyền hành của sanh chúng.

Thầy đã lập thành hình thể hữu vi của Thầy, nghĩa là Hội Thánh của Đại Đạo ngày nay rồi thì Thầy cũng phải ban quyền hành trọn vẹn của Thầy cho hình thể ấy, đặng đủ phương tiện độ chúng sanh, còn các con cả thầy đều đứng vào hàng sanh chúng, dưới quyền hành chuyển thế của đời, nghĩa là *toàn nhơn loại đồng quyền cùng Thầy*, mà tạo hóa vạn linh vốn là con cái của Thầy. Vậy thì vạn linh cũng có thể đoạt vị vào hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật đặng.

Thầy nói rõ: quyền Chí Tôn là Thầy, quyền Vạn linh là sanh chúng. Ngày nào quyền lực Chí Tôn đặng hiệp một cùng Vạn linh thì Đạo mới ra thiệt tướng.

Thầy đã ban quyền hành Chí Tôn của Thầy cho hai đứa làm đầu Hội Thánh là Giáo Tông cùng Hộ Pháp. Vậy thì quyền hành Chí Tôn của Thầy đặng trọn vẹn khi Giáo Tông cùng Hộ Pháp hiệp một.

Cả nhơn loại thì là quyền lực Vạn linh.

Quyền hành Chí Tôn của Thầy duy có quyền hành Vạn linh đối phó mà thôi."

Vậy thì theo lời dạy của Đức Chí Tôn, nếu toàn cả nhơn loại mà quyết định một điều gì thì đó cũng chính là quyết định của Đức Chí Tôn. Ý dân là ý Trời thật là đúng nghĩa.

Chúng ta phải hiểu "nhân định thắng Thiên" là như thế đó, mới đúng lẽ Đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhơn đức - Nhơn đạo

仁德 - 仁道

A: Charitable and virtuous.

P: Charitable et vertueux.

Nhơn: Lòng thương người mến vật. **Đức:** đạo đức. **Đạo:** đạo đức.

Nhơn đức hay Nhân đức, đồng nghĩa Nhơn đạo, là có lòng nhơn từ và đạo đức.

TNHT: Thầy được hiểu lòng *nhân đức* và tánh từ thiện của con.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhơn giả hơn dã

仁者人也

A: Who is good is man.

P: Qui est bon est homme.

Nhơn: Lòng thương người mến vật. **Giả:** người, ấy là.
Nhơn: người. **Dã:** vậy.

Nhơn giả hơn dã là hơn từ ấy là đạo làm người vậy.

Nhơn gian

人間

A: The world.

P: Le monde.

Nhơn: Người. **Gian:** khoảng rộng, cõi.

Nhơn gian là cõi của hơn loại đang ở và đang sống, còn gọi là cõi đời, cõi thế gian.

TNHT: Độ đời cổ tạo phước *nhơn gian*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhơn hậu

仁厚

A: Generous.

P: Généreux.

Nhơn: Lòng thương người mến vật. **Hậu:** dày dặn, trái với Bạc là mỏng.

Nhơn hậu hay Nhân hậu là lòng hơn từ dày dặn.

KSH: Ở cho *nhân hậu*, chế răn lòng tà.

KSH: Kinh Sám Hối.

Nhơn hiền tại mạo

人賢在貌

Nhơn: Người. **Hiền:** có đạo đức và tài năng. **Nhơn hiền** là người hiền tài.

Tại: ở tại. **Mạo:** hình dáng bề ngoài.

Nhơn hiền tại mạo là người hiền tài thì hiện ra những nét đặc biệt trên gương mặt và dáng điệu bề ngoài.

Do đó, người xưa đặt ra khoa Xem Tướng. Người giỏi xem tướng có thể đoán biết tánh tình, tài năng và vận mạng của người khác.

Nhơn hữu thiện nguyện

人有善願

Nhơn: Người. **Hữu:** có. **Thiện:** lành, tốt. **Nguyện:** ý muốn.

Nhơn hữu thiện nguyện là người có lòng nguyện lành.

Ông Tây Sơn có nói rằng:

*Trạch thiện cố chấp duy nhứt tư tư,
Nhĩ thính thiện ngôn bất đọa tam ác,
Nhơn hữu thiện nguyện, Thiên tất tùng chi.*

Nghĩa là:

Chọn điều lành, giữ chặt hằng ngày lo lắng,
Tai nghe lời lành không bị đọa vào ba đường ác,
Người có điều nguyện lành, Trời ắt theo đó.

Nhơn lão tâm bất lão

人老心不老

A: A man may be old in years, but young in heart.

P: L'homme est vieux, mais le coeur ne l'est pas.

Nhơn: Người. **Lão:** già. **Tâm:** lòng dạ. **Bất:** không.

Nhơn lão tâm bất lão là người già mà lòng chẳng già, tức là lòng còn đầy hăng hái như tuổi trẻ.

Thành ngữ này cũng có ý nói: Người già mà tâm trí chẳng già, vẫn còn sáng suốt và hăng hái làm việc.

Trong truyện Bá Lý Hề: Khi vua Tần Mục Công rước được Bá Lý Hề đến nước Tần, thấy Bá Lý Hề đã già, 72 tuổi, đầu bạc trắng thì vua Tần than rằng:

- Người già rồi, trăm rất tiếc!

Bá Lý Hề liền đáp:

- Như chúa công khiến hạ thần đi bắt chim hay giết thú chạy thì hạ thần già thiệt; còn như chúa công khiến hạ thần ngồi mà lo việc nước thì hạ thần tự biết sức thần còn trẻ lắm vậy! Xưa Khương Thượng 80 tuổi ngồi câu nơi sông Vị, Văn Vương rước về làm Tể Tướng mà giúp nên cơ nghiệp nhà Châu, sánh với hạ thần thì hạ thần gặp chúa công còn sớm hơn gần 10 năm.

Nhơn loại khởi nguyên

人類起源

Nhơn loại: loài người. **Khởi:** bắt đầu. **Nguyên:** nguồn gốc.

Nhơn loại khởi nguyên là nguồn gốc của loài người.

Từ xưa đến nay, hơn loại luôn luôn tìm biết Thủy tổ của loài người là ai? Xuất hiện từ bao giờ?

- Thần thoại Trung Hoa cho rằng Bàn Cổ là Thủy tổ của loài người, mà Bàn Cổ được sanh ra từ quả trứng vũ trụ.

- Thiên Chúa giáo thì cho rằng Thủy tổ loài người là ông Adam và bà Êva mà hai vị này là do Thượng Đế dùng bụi đất nắn hình tạo ra.

- Các nhà khoa học và khảo cổ học cố gắng đi tìm các chứng tích xác định Thủy tổ loài người và thời gian xuất hiện. Họ đã xác định được Thủy tổ loài người là loài linh trưởng (vượn-người hay giả hơn) tiến hoá mà thành.

Sau đây là các kết quả mà các nhà khoa học và khảo cổ học đã tìm biết được. (Theo Amanach những nền văn minh thế giới, bài của Giáo Sư Lê Quang Long)

Nhơn loại khởi nguyên

- I. Bối cảnh xuất hiện của con người
- II. Nguồn gốc loài người
- III. Lược sử tiến hóa của loài người
- IV. Một số dạng vượn-người và người-vượn hóa thạch tiêu biểu
- V. Các nhân tố chi phối sự hình thành loài người

I. Bối cảnh xuất hiện của con người:

Theo tính toán mới nhất, trái đất đã được hình thành từ hơn 6 tỷ năm. Khoảng thời gian này được chia làm 4 Đại, mỗi Đại gồm 12 Kỷ. Bốn Đại đó là: - Đại Thái cổ, - Đại Cổ sinh, - Đại Trung sinh, - Đại Tân sinh.

1. Đại Thái cổ: 570 triệu năm về trước, quả đất nguội dần, có một số dãy núi xuất hiện. Những mầm mống sự sống đầu tiên ra đời, bắt nguồn từ những kết hợp vô cơ và tiến hóa dần thành các vi khuẩn.

2. Đại Cổ sinh: 500 triệu năm về trước, khí hậu dịu dần, các lục địa còn bằng phẳng và phủ đầy biển cạn. Cá sụn xuất hiện, cùng với các loài không xương sống và thực vật biển. Cây lớn dần lên ở đất liền, đầu tiên là nấm và các loài cây có mạch thô sơ. Sau đó, cá có xương xuất hiện cùng với cây có mạch. Tiếp theo là loài bò sát ra đời, các loài cây thông, tùng, bách bắt đầu mọc.

3. Đại Trung sinh: 225 triệu năm về trước, loài bò sát khổng lồ và thú phát triển dần, cùng với rừng tùng bách. Sau đó loài chim xuất hiện.

Cuối Đại Trung sinh, khoảng 65 triệu năm về trước, đa số bò sát khổng lồ tuyệt chủng, thú có túi ra đời, cùng với các cây có hoa xuất hiện.

4. Đại Tân sinh: khoảng 53 triệu năm về trước, thú ăn thịt và các linh trưởng đầu tiên xuất hiện. 25 triệu năm về trước, các loài vượn có hình người ra đời, cùng lúc với các loài thú có móng vuốt và thú ở biển như cá voi.

Đến *Kỷ thứ ba*, khoảng 3 triệu năm về trước, vượn-người ra đời, cùng với loài thú ăn thịt lớn.

Sang đến *Kỷ thứ tư*, trái đất trải qua 4 thời kỳ băng hà. Đa số các loài thú lớn (như voi ma mút, gấu hang) tuyệt chủng. Loài người khôn ngoan (*Homo sapiens*) xuất hiện.

II. Nguồn gốc loài người:

Toàn bộ loài người trên trái đất hiện nay không phân biệt chủng tộc, chiều cao, trọng lượng, màu da... đều chỉ thuộc một loài *Homo sapiens* trong bộ *Peimates* (linh trưởng).

A- Người thuộc lớp thú:

Người giống thú ở một số đặc tính điển hình: có lông mao, đẻ con và nuôi con bằng sữa do vú tiết ra, bộ răng phân hóa thành răng cửa, răng nanh và răng hàm.

B- Người thuộc bộ linh trưởng:

Bộ linh trưởng có hai nhóm: Nhóm linh trưởng thấp và nhóm linh trưởng cao, gồm khỉ và vượn. Ngày nay vượn-người gồm một loài bé là vượn, và ba loài cao lớn là: đười ươi, khỉ đột, và tinh tinh.

Vượn-người rất giống người về hình dạng và cấu tạo cơ thể, cao từ 1 mét rưỡi đến 2 mét, nặng từ 70 đến 200 ký lô gram tùy loài. Vượn-người không có đuôi, có 12-13 đôi xương sườn, 5-6 đốt sống cùng, 32 răng như người. Vượn-người cũng đứng trên 2 chân sau, tuy lúc đi còn phải chống 2 tay xuống đất.

Bộ nhiễm sắc thể của người là 46, còn của vượn-người là 48, vượn-người cũng có 4 nhóm máu như người. Kích thước và hình dạng tinh trùng, cấu tạo của nhau thai cũng giống, chu kỳ kinh nguyệt 30 ngày, thời gian mang thai khoảng 9 tháng 5 ngày, thời gian tiết sữa cho bú khoảng 1 năm như ở người.

Tuy nhiên, giữa vượn-người và người vẫn có những điểm khác biệt căn bản:

1. Cột sống của vượn-người cong hình cung, chúng đứng lom khom, đầu nhô tới trước, bàn tay tỳ lên mặt đất và tay dài hơn chân. Cột sống của người cong hình chữ S, người đứng thẳng, ngực ưỡn, đầu ngẩng cao, tay người ngắn, chân dài.

2. Não vượn-người còn bé, có ít nếp nhăn hơn, bề mặt hẹp, thùy trán ít phát triển. Não tinh tinh: 460g, 600cm³,

392cm². Não người lớn hơn nhiều, bề mặt cũng rộng hơn, thùy trán lại phát triển mạnh: 1000-2000g, 1400-1600cm³, 1250cm².

Những điểm khác nhau và giống nhau của vượn-người và người kể trên chứng tỏ người có họ hàng gần với vượn-người ngày nay, nhưng người không sinh ra từ vượn-người. Cần nói rõ thêm là người hiện nay và vượn-người ngày nay có chung một tổ tiên là vượn-người cổ đại, nhưng mỗi loài đã tiến hóa theo một hướng riêng.

III. Lược sử tiến hóa của loài người:

Ít lãnh vực nghiên cứu đã gây nhiều tranh luận và nhầm lẫn như lĩnh vực tìm kiếm các di tích hóa thạch của tổ tiên loài người, có khả năng đánh dấu đoạn đường dài lâu và mờ mịt từ vượn-người cổ đại đến con người hiện đại.

Vì vượn rất giống người, nhất là tinh tinh hiện ở châu Phi, nên việc tìm kiếm tổ tiên loài người hiện nay được tập trung ở châu Phi.

Tổ tiên xa xưa nhất của loài người là nhóm vượn-người mà một vài mảnh hóa thạch đã được tìm thấy trong các lớp đất đá thời kỳ Miocene ở châu Phi (khoảng 18 triệu năm về trước). Từ các mảnh xương vượn đó, các nhà bác học đã suy đoán rằng, nhóm vượn-người này có dấu hiệu đi trên hai chân sau. Trong 15 triệu năm sau đó, ta chưa tìm thấy hóa thạch nào nữa về tổ tiên loài người.

Hóa thạch về người-vượn tái hiện vào đầu Kỷ thứ ba trong các tầng đất đá ở đầu thời kỳ Pleistocene, khoảng 3,5 triệu năm về trước, cũng tại châu Phi: Raymond Dart đã tìm thấy hóa thạch đầu tiên của mẫu người xưa này vào năm 1924 tại Bechuanaland và đặt tên là *người-vượn phương Nam ở châu Phi*. Người-vượn cổ này có bộ răng tiêu biểu của người với răng cửa và răng nanh bé, và đi đứng đã bớt lom khom hơn vượn hiện đại. Từ thời kỳ Miocene, nhiều khu rừng đã biến thành bãi trống. Người-vượn rừng vào giai đoạn này di chuyển thành bầy trên các trảng cỏ, để tự vệ và săn mồi có hiệu quả hơn. Mặc dầu vẫn còn nhiều tranh luận về nguyên nhân dẫn tới kiểu đi trên hai chân sau, nhưng kết quả rõ ràng là sự giải

phóng và tiến hóa của hai chi trước thành tay, để níu, bắt, giữ mồi và ném đá. Chế độ ăn chuyển dần từ ăn cỏ sang ăn hỗn tạp, có cả thịt động vật. Ta có thể suy đoán thêm là hình thức tự vệ và săn mồi tập thể với hiệu quả cao hơn, đã tạo điều kiện cho phương tiện trao đổi bằng điệu bộ và tiếng nói phát triển.

Những hóa thạch đầu tiên được xếp vào giống người (Genus Homo) được tìm thấy trong các tầng giữa của thời kỳ Pleistocene ở châu Phi, khoảng 2 triệu năm về trước.

Loài người đứng thẳng (Homo erectus) đã hoàn toàn đi đứng trên hai chân sau, ăn theo chế độ hỗn thực và biết dùng khí cụ (công cụ). Hóa thạch của người đứng thẳng được tìm thấy trong các hang động, xem như nơi cư trú thường xuyên, cùng với nhiều xương động vật và một số công cụ bằng đá. Nhiều hang động còn chứa củi, than, tro và xương động vật bị thui cháy, chứng tỏ người cổ đã biết dùng lửa để nướng thức ăn.

Các giải pháp chống lạnh mùa đông ở Âu châu đã giúp sự hình thành các đặc điểm của người khôn ngoan (Homo sapiens) như thay đổi lối sống di động bằng lối sống định cư, lối săn mồi cá thể bằng săn mồi tập thể. Thức ăn mùa hạ có thể là cây trái, lúc đầu hái lượm, về sau tiến tới trồng trọt. Săn mồi tập thể, trồng trọt và sống định cư đã tạo điều kiện phát triển các phương tiện thông tin liên lạc, dẫn tới sự hình thành ngôn ngữ, các tập tục xã hội và luật lệ, khoảng 20 000 năm trước.

IV. Một số dạng vượn-người và người-vượn hóa thạch tiêu biểu:

1. Các dạng vượn-người: Dạng cổ nhất là Parapithecus sống giữa Kỷ thứ ba, khoảng 30 triệu năm về trước. Đó là một loài khỉ mũi hẹp, nhỏ bằng con mèo, mặt ngắn, sọ lớn, đã biết dùng chi trước để cầm nắm thức ăn, bóc vỏ quả, hạt.

Từ Parapithecus, đã phát sanh ra vượn, đười ươi ngày nay và nhóm Driopithecus về sau sanh ra khỉ đột, tinh tinh ngày nay và vượn-người Nam châu Phi. Vượn-người này có những đặc điểm rất giống người: thể đứng thẳng với cột sống

hình chữ S, răng nanh bé, vòng cung răng hình parabol (chó không cong hình chữ U như ở khỉ, vượn).

2. Các dạng người-vượn: Một nhánh của vượn-người ở Nam châu Phi đã tiến hóa thành người-vượn Pithecanthropus khoảng 800 ngàn năm về trước. Hóa thạch người-vượn đầu tiên do Dubois tìm thấy ở đảo Java năm 1891, có nhiều đặc điểm tiến hóa gần với người hơn vượn-người Nam châu Phi, thể tích hộp sọ lớn hơn (khoảng 900 cm³), trán đã bớt bẹt, gờ lông mày còn lồi, hàm dưới bớt to, tuy vẫn lẹm cằm, các chi hóa thạch đầu tiên tìm được, cho thấy chiều cao của người-vượn này là 170 cm giống như của người khôn ngoan hiện đại.

Trong nhóm người-vượn còn có người-vượn Bắc Kinh (Sinanthropus) tìm được ở Bắc Kinh năm 1921, gồm nhiều hóa thạch có thể tích hộp sọ khoảng 1000 cm³, chiều cao 150 cm.

3. Các dạng người cổ: Homo Neanderthlensis: hóa thạch đầu tiên tìm thấy trong thung lũng Neanderthal bên Đức, dạng người cổ này cao khoảng 155 cm, hộp sọ đã phát triển hơn mặt, thể tích não từ 1450 đến 1600 cm³, tương tự như não người hiện đại, họ sống thành đàn 50 đến 100 người, chủ yếu trong các hang động. Hóa thạch dạng người cổ này được tìm thấy ở nhiều nơi khác ở châu Âu, châu Á và châu Phi, công cụ là những mảnh đá có cạnh sắc, dùng làm dao, rìu nhọn mũi.

4. Các dạng người khôn ngoan hóa thạch: Homo sapiens fossilis: tiêu biểu nhất là dạng người Cro Magnon lần đầu tiên được tìm thấy ở Pháp năm 1868. Đa số hóa thạch cao 180 cm và có hộp sọ rất giống người hiện nay (trán cao, cằm không lẹm, mặt không nhô ra trước) lại có vài đặc điểm của người da đen hiện nay (tay dài hơn chân, môi dày nhô ra trước). Hoá thạch Cro Magnon được tìm thấy ở Tây Âu và Bắc Phi.

Người Cro Magnon sống cách đây 3-5 vạn năm, đã biết sử dụng nhiều công cụ tinh xảo bằng đá, xương, sừng, như lưỡi rìu có lỗ để tra cán, lao có ngạnh, kim may, móc câu bằng xương.... Trong các hang động của họ có nhiều tranh vẽ mô tả các quá trình sản xuất và cả những cảnh tôn giáo.

Người Cro Magnon kết thúc thời đại đồ đá cũ.

Sau đó là thời đại đồ đá giữa (1,5-2 vạn năm về trước),

Rồi thời đại đồ đá mới (7-10 ngàn năm về trước).

Từ thời đại đồ đá giữa, quan hệ thị tộc được thay dần bằng chế độ công xã nguyên thủy.

Tiếp theo là thời đại đồ đồng, rồi thời đại đồ sắt,....

V. Các nhân tố chi phối sự hình thành loài người:

Có hai cách nhìn vấn đề:

1. Theo Darwin (1871), quá trình phát sinh loài người cũng được chi phối bởi các nhân tố tiến hóa của các loài thực vật và động vật nói chung, qua đấu tranh sinh tồn và chọn lọc tự nhiên. Sự chuyển từ lối sống leo trèo hái lượm trên cây sang lối sống đi đứng trên đất bằng đã tạo điều kiện cho 4 chi phân hóa thành 2 tay và 2 chân. Tay giải phóng đôi hàm khỏi nhiệm vụ giữ và tha mồi, sự phức tạp hóa và chính xác hóa lao động bằng tay làm cho não phát triển mạnh. Mặt khác miệng không phải giữ và tha mồi nữa nên mặt ngắn lại và khối kéo đầu gục xuống, tạo điều kiện cho não phát triển dễ dàng hơn.

Đồng thời, do nhu cầu trao đổi kinh nghiệm, phối hợp hành động trong đời sống và lao động tập thể để săn mồi, hái lượm trái cây, nên hình thức liên lạc bằng tiếng nói đã củng cố và phát triển, làm xuất hiện những vùng phụ trách ngôn ngữ trong não, khiến não càng phát triển hơn.

2. Theo cách nhìn khác, các nhân tố quyết định trước tiên là sự đột biến chất di truyền. Con người có bộ nhiễm sắc thể: $2n = 46$, trong khi loài tinh tinh, họ hàng gần gũi nhất của người có bộ nhiễm sắc thể: $2n = 48$

Khi so sánh hình thái các nhiễm sắc thể thì thấy có 13 đôi nhiễm sắc thể rất giống nhau giữa người và tinh tinh. Những đôi còn lại thì cũng rất giống nhau ở một số đoạn. Sự khác nhau giữa hai con số 23 đôi và 24 đôi nhiễm sắc thể có lẽ ở chỗ cặp nhiễm sắc thể của người (cặp số 2) là sự kết hợp giữa hai cặp nhiễm sắc thể tương đương của tinh tinh.

Có xu hướng cho rằng, chính các biến đổi đó trong bộ nhiễm sắc thể của vượn-người đã dẫn đến sự tiến hóa của

vượn-người cổ xưa thành người-vượn, rồi tiến hóa thành người nguyên thủy và cuối cùng thành người khôn ngoan ngày nay.

Tóm lại, các nhà khoa học và khảo cổ, với các hóa thạch đã tìm thấy được ở nhiều nơi, xác định loài người hiện nay là do sự tiến hóa của loài vượn cao cấp. Loài vượn cao cấp ấy gọi là "vượn-người" tức là vượn có hình dáng hao hao giống người.

Vượn-người tiến hóa lên thành "người-vượn" tức là con người nhưng còn hao hao giống vượn. Dần dần người-vượn tiếp tục tiến hóa thành người nguyên thủy, cởi bỏ hẳn lớp thú để thành người, và dần dần người nguyên thủy tiến hóa để thành người khôn ngoan như ngày nay.

Vượn-người xuất hiện cách nay khoảng 65 triệu năm.

Người nguyên thủy xuất hiện cách nay 2,5 đến 5 triệu năm. Người khôn ngoan xuất hiện cách nay 40 ngàn năm.

Do đó, chúng ta thấy sự tiến hóa từ vượn-người lên thành người-vượn, rồi thành người nguyên thủy xảy ra trong quá trình rất lâu dài, khoảng 60 triệu; sự tiến hóa tiếp tục để thành người khôn ngoan phải trải qua khoảng 5 triệu năm.

Nhơn luân

人倫

A: The moral laws.

P: Les lois morales.

Nhơn: Người. **Luân:** phép tắc ở đời đúng đạo lý.

Nhơn luân là những phép tắc ở đời mà con người phải tuân theo để giữ cho hơn cách và phẩm giá được cao trọng.

Nhơn luân bao gồm Ngũ luân, tức là 5 cách cư xử của con người trong quan hệ gia đình và xã hội. (Xem: Ngũ luân)

Nhơn lực

人力

A: The human force.

P: La force humaine.

Nhơn: Người. **Lực:** sức.

Nhơn lực là sức lao động của con người, sức lực lao động đóng góp của hơn sanh.

TNHT: Còn Tòa Thánh thì Thầy muốn cho có *nhơn lực* hiệp cùng Thiên ý, ấy là hạnh của Thầy, các con nên xem gương mà bắt chước.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhơn Nghĩa (Nhân Nghĩa)

仁義

A: Charity and justice.

P: Charité et justice.

Nhân Nghĩa là khái niệm đạo đức của Khổng học.

Nhân là lòng thương người, Nghĩa là việc làm chính đĩnh theo lẽ phải, theo đạo nghĩa.

Trước Đức Khổng Tử, kinh sách Nho giáo như Kinh Lễ từng nói tới Nhân gắn liền với Nghĩa như: Đạo đức Nhân nghĩa mà không có lễ thì không thực hiện được và chú thích rằng:

Nhân là đem ơn huệ cho mọi vật. Nghĩa là xét đoán thích đáng. Hay nói cách khác: Ơn huệ là Nhân, lẽ phải là Nghĩa, điều tiết là Lễ, cân nhắc là Trí. Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, khiến đạo người đầy đủ.

Nhưng giữa Nhân và Nghĩa, Nhân được coi là cơ bản, Nhân là gốc của Nghĩa. Có lẽ vì thế mà Đức Khổng Tử nói nhiều đến Nhân, ghép Nhân với Trí và Dũng, không thấy nói Nhân và Nghĩa đi liền nhau.

Nhưng đến đời Mạnh Tử thì Ông đề cập nhiều đến Nhân và Nghĩa, thường hai chữ này gắn liền nhau.

Nhân là tình thương yêu rộng lớn, thiên về tình cảm.

Nghĩa là việc làm chánh đáng theo lẽ phải, thiên về lý trí.

Hai mặt Nhân và Nghĩa cần đi liền với nhau, bổ sung cho nhau. Nhân là nơi ở yên ổn của người, Nghĩa là con đường chánh của người: ở thì theo đạo Nhân, đi thì noi đường Nghĩa.

Ngay những dòng chữ đầu tiên của sách Mạnh Tử, là lời nói nổi tiếng của Mạnh Tử khuyên vua Lương Huệ Vương, khi nhà vua hỏi:

- Có thuật gì làm lợi cho nước tôi không?

Mạnh Tử đáp:

- Vua hà tất nói lợi, chỉ có Nhân Nghĩa mà thôi.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo về Chơn tướng Nho Tông tại Đền Thánh đêm 1-3-Kỷ Mão (1939) trích ra như sau:

"Kể từ Ngũ Đế đến Võ Vương thì thường dùng 4 chữ: Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ, thực hành về phương diện trị an của đời.

Qua đến Đức Khổng Tử, Ngài chú trọng đến 4 chữ: Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa. Ngài tác Xuân Thu, bình chánh, vương hóa, ngụ bao biếm, biệt thiện ác, chỉ rõ hai điều lành dữ, khen chê để làm phương giáo dục cho con người biết gìn giữ chơn thật, thi hành hai chữ Trung và Hiếu cho được hoàn toàn thì mong vào hàng Thần, Thánh.

Qua đến Mạnh Tử, thì Ngài tuyển chọn trong điều mục Ngũ thường, lấy hai chữ Nhơn Nghĩa làm căn bản cho hành vi.

- **Nói về chữ NGHĨA:** thì hạng nào cũng phải cần yếu trọng dụng, làm tô mà biết giữ Nghĩa với vua thì mới đáng mặt tô trung thành, làm con phải biết giữ trọn Nghĩa với cha mẹ thì mới trọn Nghĩa làm con chí hiếu, anh em biết giữ Nghĩa cùng nhau thì mới có tình thương yêu thảo thuận, vợ chồng biết giữ trọn Nghĩa thì mới đặng hòa hảo miên trường tạo thành cơ sanh hóa, bầu bạn có Nghĩa cùng nhau thì mới có lòng cảm hoài tín nhiệm. Cho nên hạng nào cũng phải thi hành chữ Nghĩa thì mới đủ tư cách làm người.

- **Luận về chữ NHƠN:** Làm người phải giữ tròn nhơn đức. Đức Khổng Tử dạy: đạo Nhơn có được hoàn toàn thì mới có thể vi Hiền vi Thánh.

Chữ Nhon 仁 là nhon 1 bằng và chữ nhị 二 là hai, làm người cho trọn hai lần thì mới đủ tư cách làm người ở thế:

- Làm người đối với Trời Đất.
- Làm người đối với Người Vật.

Có câu: Tu nhon thành Thần,
Niệm nhon thành Thánh,
Hành nhon thành Tiên,
Đắc nhon thành Phật.

Tóm lại, chữ Nhon là trước hết các việc hành tàng của con người đương nhiên ở thế. Cho nên Mạnh Tử dùng hai chữ Nhon Nghĩa làm căn bản cho Nho Tông.

Thánh giáo của Đức Chí Tôn:

Nhon là đầu hết các hành tàng,
Cũng bởi vì Nhon dân hóa quan.
Dân trí có Nhon nhà nước trị,
Nước nhà Nhon thiết một cơ quan."

KSH: Làm người *Nhon Nghĩa* giữ tròn,
Muôn năm bóng khuất tiếng còn bay xa.

Nơi mặt tiền Tòa Thánh, trên lầu HTĐ có bông hai chữ 仁義 NHON NGHĨA bằng Hán văn thật lớn, để tượng trưng chủ nghĩa của Đạo Cao Đài. Có đôi liễn Nhon Nghĩa sau đây:

仁佈四方大道以仁興社稷
義頌萬代三期重義振山河

NHON bố tứ phương Đại Đạo dĩ Nhon hưng xã tắc,
NGHĨA ban vạn đại Tam Kỳ trọng Nghĩa chấn sơn hà.

Nghĩa là:

Lòng Nhon đem rải bốn phương, Đạo Cao Đài lấy Nhon làm hưng thịnh nước nhà,

Điều Nghĩa ban cho muôn đời, Đạo Cao Đài xem trọng điều Nghĩa để làm hưng khởi quốc gia.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KSH: Kinh Sám Hối.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Nhơn nhờn thành sự

因人成事

Nhơn: Nguyên do, cái cớ, bởi vì, do đó. **Nhơn:** người.
Thành: nên. **Sự:** việc.

Nhơn nhờn thành sự là nhờ người nên việc.

Sự thành công không do sức riêng của mình mà có nguyên nhân là do nhiều người giúp vào.

Nhơn phẩm

人品

A: The human dignity.

P: La dignité humaine.

Nhơn: Người. **Phẩm:** thứ bậc cao thấp.

Nhơn phẩm là bậc người, bậc nhờn loại.

Nhơn phẩm cũng có nghĩa là phẩm cách của con người.

TNHT: Đạo là con đường của các *nhơn phẩm* do theo mà lánh khỏi luân hồi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhơn phi nghĩa bất giao

人非義不交

Nhơn: Người. **Phi:** không. **Nghĩa:** tình nghĩa. **Bất giao:** không giao thiệp, không làm bạn.

Nhơn phi nghĩa bất giao là người mà không có tình nghĩa thì không nên làm bạn.

Ông Khang Thiệu Tiết có nói:

*Nhân phi nghĩa bất giao,
Vật phi nghĩa bất thủ,
Thân hiển như tỵu chi lan.*

Nghĩa là:

Người phi nghĩa chẳng nên làm bạn,

Vật phi nghĩa chẳng lấy.
Gần người hiền như đến cỏ chi cỏ lan.

Nhơn quả - Luật Nhơn quả

律因果

A: Cause and effect - Law of Causality.

P: Cause et effet - Loi de Causalité.

Nhơn: Nguyên do, cái cớ, bởi vì, do đó. **Quả:** cái trái, kết quả.

Nhơn quả là nguyên nhân nào thì tạo ra kết quả nấy.

Nhơn ví như cái hạt, quả ví như cái trái. Hễ gieo hạt dưa thì mọc lên cây dưa, cho ra trái dưa, và trong trái dưa có hạt dưa. Gieo hạt đậu thì mọc lên cây đậu chứ không thể mọc lên cây dưa, rồi cây đậu sanh ra trái đậu, trong trái đậu có hạt đậu.

Đó là: chường qua đắc qua, chường đậu đắc đậu, không bao giờ sai chạy. Đó là Luật Nhân quả.

Một cái nhân tạo ra cái quả, quả này tạo ra nhân mới, và nhân mới lại tạo ra quả mới, cứ thế tiếp diễn mãi. Còn nếu muốn không có quả thì đừng tạo nhân.

Luật Nhân quả thể hiện sự công bình của Trời Đất.

Đấng Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế chí công vô tư, không vì thương mà thưởng, không vì ghét mà phạt. Đấng ấy lập ra Luật Nhân quả, và cầm cây cân Công bình thiêng liêng để cho Luật Nhân quả tác động một cách công bình.

Trong Luật Nhân quả, thời gian đi từ Nhân tới Quả không nhất thiết phải xảy ra ngay, có thể xảy ra trong một kiếp sống hay có thể xảy ra trong nhiều kiếp, nhưng nhất định phải xảy ra, Quả phải tương xứng với Nhân, không bao giờ sai chạy.

■ Nếu Nhân và Quả xảy ra ngay trong một kiếp sống thì gọi là: *Hiện kiếp Nhơn quả*, cũng gọi Báo ứng nhân tiền.

Một người lúc trẻ làm nhiều việc gian ác, đến khi trở về già thì phải chịu cảnh khổ cùng, tủ nhục, đau đớn ê chề, rồi mới chết. Đó là Báo ứng nhân tiền xảy ra trong một kiếp.

■ Nếu Nhân ở kiếp trước mà Quả báo ứng xảy ra trong kiếp hiện tại thì gọi là *Tiền kiếp Nhân quả*.

■ Nếu Nhân trong kiếp hiện tại mà Quả báo sẽ xảy ra trong kiếp sau thì gọi là *Hậu kiếp Nhân quả*.

Có Luật Nhơn quả mới có sự Luân hồi, hay nói cách khác, Luân hồi là hệ quả của Luật Nhân quả. Vì gieo nhân trong kiếp trước mà chưa trả được nên phải chịu luân hồi, đầu kiếp trở lại để trả quả.

Nghiệp là con đường đi từ Nhân tới Quả. Duyên là cái hỗ trợ cho cái Nhân thành cái Quả.

Trong xã hội, chúng ta vẫn thường thấy có nhiều người giàu sang danh vọng, nhưng họ lại nghênh ngang hống hách, chỉ biết mưu lợi hại người, làm điều gian ác, dối trên lừa dưới, thế mà họ vẫn lên chức đều đều, giàu có thêm lên, mặc cho người đời nguyền rủa.

Đừng nghĩ rằng Luật Nhơn Quả sai! Những người đó được vậy là vì cái Quả lành của họ đã tạo ra từ kiếp trước vẫn còn để họ hưởng, nhưng họ không biết tỏ bồi cái Quả lành đó trong kiếp này, đến chừng hưởng hết Quả lành thì sẽ bắt đầu trả quả, và sự trả quả đó có thể xảy ra trong những ngày cuối đời của họ hay trong kiếp sau, nhưng nhứt định là phải trả, không trốn tránh vào đâu cho được.

KSH: Người làm phước có khi mắc nạn,
Kẻ lẳng loạn đặng mạng giàu sang.
Ấy là nợ trước còn mang,
Duyên kia chưa dứt còn đang thưởng đền.

TNHT: Ước lòng dễ tỏ đặng cùng ai!
Hiền đức mà sao chịu khổ hoài.
Lão nói tỏ tường cho đó hiểu,
Cũng là vay trả luật xưa nay.

"Các ngoại đạo tà kiến thấy người làm điều thiện mà lại sanh vào đường ác, kẻ làm ác lại sanh vào nẻo thiện, liền cho rằng Nhân Quả đều không, thậm chí còn bài bác và cho rằng tất cả đều không (Nhất thiết không).

Người làm thiện mà phải sanh vào nẻo ác là vì ác quả của đời trước vẫn còn dây dưa chưa dứt nên phải chịu nốt, Nhân

thiện hiện tại sẽ sanh Quả thiện tương lai. Đây là đạo lý Tam thế Nhân quả mà Đức Phật đã nói trong Kinh Thiện Ác Nghiệp Báo."

Trong Kinh Nhơn Quả cũng có viết rằng: Muốn biết cái Nhân đã qua, hãy xem cái Quả hiện tại; muốn biết cái Quả tương lai, hãy xem cái Nhân hiện tại.

Nhơn nào Quả nấy, chắc chắn không bao giờ sai, chỉ có thời gian báo ứng lâu hay mau mà thôi. Chúng ta là người phạm không bao giờ biết được thời gian báo ứng đó lúc nào xảy ra, cho nên đừng nên lộng ngôn mà phê phán sai lầm, than Trời trách Đất, mà mang trọng tội cùng các Đấng thiêng liêng.

KGO: *Luật Nhơn quả* để răn Thánh đức,
Cửa Luân hồi nhắc bực cao siêu.

TNHT: Giọt giành rớt cuộc cũng tay không,
Nhân quả đeo mang tội chất chồng.
Ví biết phép công cơ thưởng phạt,
Đường tu sớm bước chí thông dong.

THI BÀI: Luật Nhơn Quả - Luân hồi

Nợ nhân quả lấp vùi tánh đức,
Biết ngày nào gỡ dứt tiền khiên?
Trả vay vay trả liền liền,
Nhơn nào quả nấy, nghiệp duyên buộc mình.

Bóng cong vạy tại hình cong vạy,
Tội phước đi qua lại không chùng.
Xác phạm sung sướng vui mừng,
Linh hồn phải chịu báng khuâng não phiền.

Gieo giống chi mọc liền giống nấy,
Cầm vật nào vật ấy ứng cho.
Coi như trong cái xe bò,
Bánh xe lăn trở kịp giò bước chừn.

Bò ngừng lại, bánh ngừng đứng lại,
Chậm hay mau là tại nơi bò.
Bánh xe nó chạy theo giò,
Chạy không cũng tại con bò gây ra.

Xét lỗi người, lỗi ta ai xét,
 Sương nhà người, người quét đặng thôi.
 Muốn mau thoát kiếp luân hồi,
 Kiếp này ráng chịu quả nhồi cho mau.
 Đòi cũng có nghèo giàu cao thấp,
 Tại nơi người tạo lập nó ra.
 Rồi than oán trách Trời già,
 Không ngờ ta chác lấy ta cho nhiều.
 Lòng tham dục bao nhiêu cho đủ,
 Để thất tình làm chủ lấy tâm.
 Khiến gây tội ác lỗi lầm,
 Người chưng mắc phải vướng nhảm khổ nguy.
 Lòng quấy quá tráo chì thay bạc,
 Mọi mong lo cổ gạc của đời.
 Không dè mắc phải lưới Trời,
 Thừa mà không lọt chuyện người mảy lông.
 Luật báo ứng phép công thường phạt,
 Hành hồn rồi hành xác chẳng chơi.
 Nhơn nào quả nấy chẳng rời,
 Đòn cân công luật Phật Trời thưởng răn.
 Đặng quả ngon thì ăn lấy hột,
 Gieo lại mà mai một còn ăn.
 Nhược bằng hưởng quả hột quặng,
 Ngày sau thèm khát xin ăn của người.
 Nay đắc thế vui cười cho lắm,
 Sau suy thời bụi bặm lấp thân.
 Biết lo bố đức thi ân,
 Luân hồi trở lại hưởng phần cao sang.
 Nhược tánh ác bạo tàn gây họa,
 Kiếp sau mang nghiệp quả phạt hình.
 Sao người chẳng biết sửa mình,
 Cơ Trời báo ứng hiển linh rõ ràng.
 Người quân tử vững vàng tâm chí,
 Chọn đường ngay trực chỉ Tây phương,
 Kia là trước mắt muôn đường,

Lại qua quanh quẹo phải tường chọn đi.

Thấu lý đạo vô vi thanh tĩnh,

Thì tâm hồn an tịnh lo tu.

Thuận theo lẽ đạo ôn nhu,

Tự nhiên vô sự, vớng dù mặc ai.

Lo nhảy thoát ra ngoài khuôn khổ,

Để thất tình cám dỗ hư thân.

Mượn nhành dương quét bụi trần,

Đặng cho phát triển tinh thần cao siêu.

Đường quanh cong theo chiều mà bước,

Chỉ tâm bền thì được thành công.

Làm cho chánh lý lưu thông,

Lập tâm sửa tánh kèm lòng phá mê.

Kìa biển hẹn non thề phải dứt,

Dây buộc mình cắt đứt chớ vương.

Nhu thắng cương, nhược thắng cường,

Mềm còn, cứng bề, thấy thường xưa nay.

Họa phước ấy không sai báo ứng,

Muộn kiếp này, gieo chướng hậu lai.

Người tài gặp kẻ cao tài,

Ỡ tài phải chịu mang tai liền liền.

THI:

Liền vay liền trả, trả vay hoài,

Linh tánh lộn nhàu kiếp hậu lai.

Đầy đọa gỡ xong oan nghiệp trước,

Làm lành hưởng phước chẳng hề sai.

Sự báo ứng của Trời Đất sắp bày từ tạo Thiên lập Địa. Hễ người biết tu hành, làm lành, siêng năng đạo đức thì trở lại chỗ cội phước hưởng an. Còn những kẻ hung ác bạo tàn phải chịu dây oan cột trói.

Trời Đất rất công minh, hễ làm lành thì lành trả, gây họa thì họa lại.

Trong thế gian, tại sao có kẻ nghèo người giàu, sang hèn, khôn dại? Đó là tại người gây. Và tỉ như các quả riêng mỗi giống cây, sao lại có trái ngọt trái chua, trái cay trái đắng,....

Sự giàu nghèo cũng vậy, muốn gieo giống ngọt thì quả ngọt hưởng nhờ, gieo giống chua thì quả chua nó đậu. (ĐTCG)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KSH: Kinh Sám Hối.

KGO: Kinh Giải Oan.

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

Nhơn quan giả bái quan

堙棺者拜棺

Nhơn: **Nhân:** trong trường hợp này có nghĩa là: vùi lấp, chôn. **Quan:** cái quan tài. **Giả:** người. **Bái:** lạy.

Nhơn quan giả: người đem quan tài chôn xuống đất, ngày nay thường gọi là Đạo tỳ.

Nhơn quan giả bái quan là Đạo tỳ vào lạy quan tài, chuẩn bị khiêng quan tài lên thuyền Bát Nhã, đi vào nghĩa địa để chôn cất. Đây là câu xướng của lễ sĩ trong nghi tiết khiêng điện phát hành trong Tang lễ.

Nhơn sanh như ký

人生如寄

A: The man's life is like a place of deposit.

P: La vie humaine est comme un lieu de dépôt.

Nhơn: Người. **Sanh:** sống. **Như:** giống như. **Ký:** gởi.

Nhơn sanh như ký là người sống như ký gởi (tạm thời).

Ý nghĩa giống câu: **Sanh ký tử qui:** Sống gởi thác về.

Nhơn sanh triều lộ

人生朝露

A: The man's life is like a morning dew.

P: La vie humaine est comme une goutte de rosée matinale.

Nhơn: Người. **Sanh:** sống. **Triều:** sáng sớm. **Lộ:** hạt sương.

Nhơn sanh triêu lộ là đời sống con người như hạt sương buổi sáng sớm. Ý nói: không bền vững, như hạt sương buổi sáng sớm, khi mặt trời ló dạng thì tan mất.

Nhơn sanh quan

人生觀

A: Philosophy of life, Outlook on life.

P: Philosophie de la vie, Conception de la vie.

Nhơn: Người. **Sanh:** sống, đời sống. **Quan:** xem xét.

Nhơn sanh quan hay Nhân sinh quan là một hệ thống tư tưởng triết học xem xét về nguồn gốc của con người, sự sống và sự chết, về mục đích và ý nghĩa của đời sống con người.

Về Nhân sanh quan, Triết học phân ra 2 nhóm có tư tưởng đối lập nhau:

- Nhơn sanh quan Duy Vật do hai Triết gia Marx và Engels chủ trương, không công nhận con người có Linh hồn, đưa đến thuyết Cộng Sản Vô Thần.

- Nhân sanh quan Duy Tâm do các Triết gia Socrate, Platon, Hégel,... và nhất là các nhà tôn giáo, công nhận con người có một Linh hồn bất diệt, đưa đến thuyết Tự Bản Tự Do.

Sau đây, chúng tôi xin trình bày Nhân sanh quan của Đạo Cao Đài.

Nhân sanh quan của Đạo Cao Đài

- **Nguồn gốc của loài người**
 - a. Luật Tiến hóa của chúng sanh
 - b. Luật Tiến hóa của Bát hồn
 - c. Con người từ đâu tới? Ba hạng người
- **Con người có linh hồn không? Ba Thể của con người**
 1. Thể xác
 2. Chơn thần
 3. Chơn linh
- **Con người khi chết đi về đâu?**
 1. Đối với người không tín ngưỡng
 2. Đối với các tín đồ Cao Đài

3. Đối với tín đồ các tôn giáo khác
 - **Đầu thai và Chuyển kiếp**
 1. Sự giáng trần của các Nguyên nhơn
 2. Chuyển kiếp đầu thai
 - **Địa vị của con người trong vũ trụ**
 - **Quan niệm về Thượng Đế**
 1. Con người là một Tiểu Thượng Đế
 2. Đại Từ Phụ, Đại Từ Mẫu
 3. Sự bình đẳng giữa Nam và Nữ
 - **Thiên Đàng Địa Ngục - Cõi Âm Quang**
 - **Quan niệm đúng đắn về cuộc sống**
 - **Phản kết**

Nhân sinh quan của Đạo Cao Đài là một Nhân sinh quan triết học Duy Linh Duy Nhất, vượt lên trên hai quan niệm Duy Tâm và Duy vật vừa kể trên, mà còn dung hợp được hai khuynh hướng này. Nhân sinh quan của Đạo Cao Đài sẽ giải đáp một cách minh bạch các vấn đề sau đây:

- Nguồn gốc của loài người. Con người từ đâu tới?
- Con người có Linh hồn không? Linh hồn là gì?
- Khi thể xác chết, Linh hồn xuất ra đi về đâu?
- Con người đầu thai xuống cõi trần bằng cách nào?
- Thượng Đế là ai? Sự liên hệ giữa Thượng Đế và người.
- Mục đích của cuộc sống.
- Thiên đàng và Địa Ngục.

1. Nguồn gốc của loài người:

Đạo Cao Đài xác nhận rằng, loài người nguyên thủy có được là do sự tiến hoá của loài động vật cao cấp khi vượt mà thành. Điều này được chứng minh bằng Định luật Tiến hóa của chúng sanh và của Bát hồn.

a) Luật Tiến hóa của chúng sanh:

Chúng sanh là các loài vật có sự sống được sanh ra trên mặt Địa cầu này. Lớp chúng sanh đầu tiên chưa có loài người, gồm: Vật chất Kim thạch, Thảo mộc, Côn trùng và Thú cầm.

Khởi thủy, quả Địa cầu của chúng ta chỉ là một khối lửa văng ra từ Mặt Trời. Theo thời gian, khối lửa ấy nguội dần, tạo ra một lớp vỏ đất đá bao bọc bên ngoài. Lúc nhiệt độ hạ xuống khá thấp, lớp hơi nước bao quanh Địa cầu, gây ra những đám mưa lớn rơi xuống, tạo nên các sông ngòi và biển cả.

Nước của biển và sông làm ổn định nhiệt độ của Địa cầu, nên sinh vật bắt đầu xuất hiện trong nước.

Sanh vật đầu tiên là loài Thảo mộc đơn giản chỉ có một tế bào (đơn bào). Dần dần nó sanh sản thêm bằng cách phân bào, rồi tiến hóa lên thành các loại nấm, rong rêu, tiến hóa tiếp thành cây cỏ, và cây cối. Càng tiến hóa, Thảo mộc càng to lớn, rắn chắc và phức tạp.

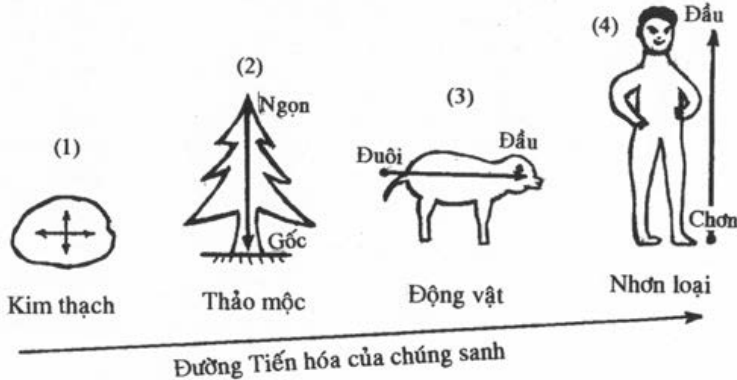
Một thời gian dài tiếp theo, loài động vật bắt đầu xuất hiện. Động vật đầu tiên xuất hiện trong nước, có cơ cấu đơn giản chỉ một tế bào. Dần dần nó sanh sản và tiến hóa lên thành các loài sứa, loài cá, rồi tiến hóa thành các loài động vật sống trên cạn có chân, tiến hóa lên nữa thành loài thú chạy, thú bay. Loài động vật có trình độ tiến hóa cao cấp là loài khỉ vượn.

Trong loài khỉ vượn, ở cấp thấp thì chúng có thân hình nhỏ và có đuôi. Chúng tiến hóa thành loài khỉ vượn cao cấp gọi là vượn-người (giả nhơn), có thân hình to lớn và không có đuôi.

Một thời gian dài tiếp theo, *vượn-người* tiến hóa thành *người-vượn*, rồi tiếp tục tiến hóa thành người nguyên thủy. *Vượn-người* còn di chuyển bằng 4 chi, tiến hóa lên thành người nguyên thủy thì đi bằng 2 chân sau, 2 chi trước trở thành 2 tay để cầm bắt và hái lượm trái cây. Hình vóc cũng lần lần biến đổi, tương đi đứng thẳng, lông trên thân thể rụng dần, đầu nở to ra, bộ óc lớn hơn. (Xem chi tiết nơi chú: **Nhơn loại khởi nguyên, văn Nh**).

Sự tiến hóa của chúng sanh tóm tắt bằng hình vẽ sau đây:

- Đầu mũi tên là gốc, là cái đầu.
- Đuôi mũi tên là ngọn, là cái đuôi, là chân.
- Vật chất kim thạch, chưa phân biệt được cái nào là gốc, cái nào là ngọn, cái nào là đầu, cái nào là đuôi.



- Thảo mộc có gốc có ngọn, gốc là đầu mũi tên, ngọn là đuôi mũi tên, tượng trưng bằng mũi tên chúc xuống thẳng đứng.
- Động vật có đầu và có đuôi ngang nhau, thân mình nằm ngang, được tượng trưng bằng mũi tên nằm ngang.
- Nhơn loại có đầu hướng lên Trời, chân đạp xuống đất, thân hình thẳng đứng, được tượng trưng bằng một mũi tên thẳng đứng hướng lên trên. Như vậy, sự tiến hóa đến phẩm nhơn loại thì đã thuận theo Thiên lý.

Sự trình bày như trên đây là trình tự Tiến hóa về mặt hình thể, thuộc về vật chất hữu hình.

Sau đây là sự Tiến hóa về mặt khôn ngoan hiểu biết.

■ Loài Kim thạch có sự sống chưa thể hiện rõ rệt, nó chỉ là sự liên kết của các tế bào tạo thành tinh thể rắn chắc. Loài kim thạch hoàn toàn không có tri giác.

■ Loài Thảo mộc, được Thượng Đế ban cho một điểm nguyên hồn để làm **Sanh hồn**, tạo nên sự sống. Điểm nguyên hồn này được Đấng Thượng Đế rút ra từ khối Đại hồn của Ngài.

Loài Thảo mộc chỉ có sự sống mà chưa có tri giác. Loài Thảo mộc ở cấp cao hơn thì lá biết khép lại khi đêm xuống hay khi bị đụng chạm, như cây so đũa, cây mắc cở; vài loại Thảo mộc có những cánh hoa tiết ra mùi thơm để dụ côn trùng bay đến rồi khép những cánh hoa ấy lại đặng bắt côn trùng mà hút

thịt và máu. Như thế, chúng đã có chút ít tri giác nhưng rất thô sơ, gần như chỉ là những phản xạ tự nhiên.

■ Tiến lên là loài Động vật, được Thượng Đế ban thêm cho một điểm nguyên hồn nữa để làm **Giác hồn**, tạo ra sự hiểu biết, như đau đớn biết rên la, sợ hãi biết chạy trốn, biết đi tìm thức ăn thích hợp, biết tìm chỗ ẩn trú an toàn, biết nuôi con, có chút ít trí nhớ nhưng rất sơ sài.

■ Tiến lên đến phẩm Nhơn loại, là đẳng cấp cao nhất của chúng sanh, được Thượng Đế ban thêm một điểm nguyên hồn nữa để làm **Linh hồn**, lúc đó sự hiểu biết mới được hoàn toàn.

Con người có được sự hiểu biết, sự suy nghĩ, sự phán đoán, biết được lẽ phải trái và có tánh linh. Đến đây, con người có đủ **Tam Hồn: Sanh hồn, Giác hồn và Linh hồn**.



TÓM TẮT: (trích ĐTCG)

"Luật Tấn hóa của Thảo mộc, Thú cầm, Nhơn loại, nó từ từ tăng tiến mãi, nhưng nó cũng có thoái hóa vậy.

Các con nghe: Như loài Thảo mộc cũng có thọ nơi Thầy một điểm nguyên hồn. Nó cũng sống, nhưng trí hóa khờ ngậy. Các con coi đó, từ Thảo mộc bắt đầu lên cho chí loài người, có 3 cái Pháp:

1. Như Thảo mộc, cái gốc trở xuống, ngọn day lên. (Gốc là đầu, ngọn là chơn).
2. Rồi nó tấn hóa lên đến bậc Thú cầm thì cái đầu với cái đuôi ngang nhau.

3. Thú cầm qua Nhơn loại thì cái đầu trở lên, cái chơn xuống dưới.

Ấy là 3 Pháp. Vậy từ Thảo mộc có một phần Hồn.

Thảo mộc tán hóa mãi, muôn vàn kiếp mới bước sang qua Thú cầm đã đặng 2 phần Hồn.

Thú cầm mới dần dần tán hóa mãi, trăm muôn ngàn kiếp, lên đặng làm Người, thiết là trăm đặng ngàn cay, muôn thâm vụn sàu, biết bao nhiêu là công phu khổ hạnh, xả thân giúp đời một cách khó khăn cực nhọc, nhưng cũng vui lòng, mãi kiếp nọ sang kiếp kia, cứ lập công quả mãi. Vạn vàn muôn muôn lần đầu thai mới qua đặng phẩm bậc loài người.

Khi tán hóa đến loài người thì đủ **Tam Hồn, Thất Phách**.

Những con thú mới qua làm người thì còn khờ khạo ngu ngây, tánh tình độc hiểm, nếu biết khôn xá thân giúp đời thì chuyển kiếp đôi ba chục lần cũng đặng minh mẫn khôn ngoan."

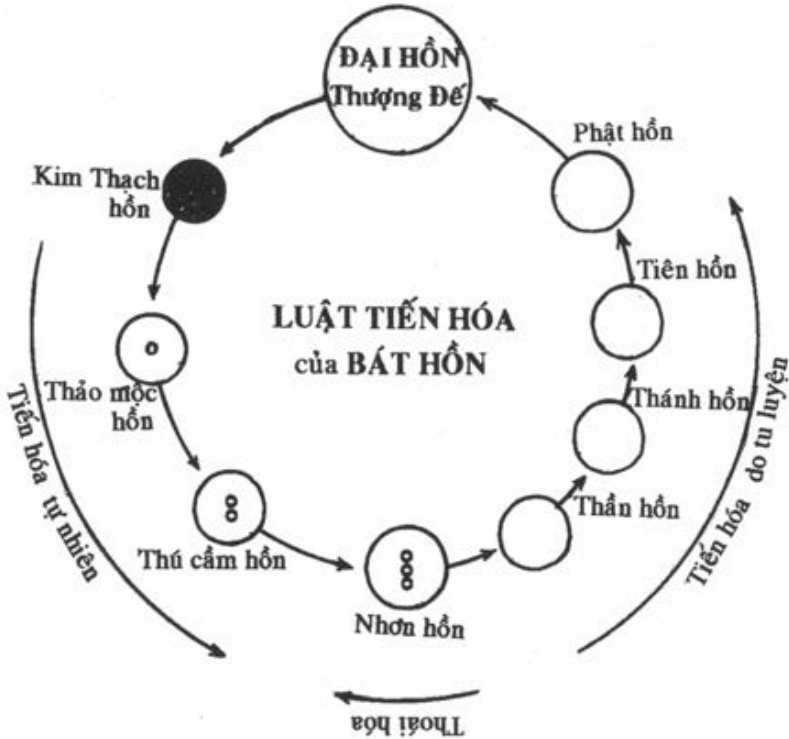
b) Luật Tiến hóa của Bát hồn:

Tất cả Chơn linh trong CKVT, gọi là Vạn linh, được chia làm 8 bậc tiến hóa cao thấp khác nhau, gọi là Bát hồn hay Bát phẩm Chơn hồn, kể từ thấp tiến hóa dần lên cao:

- | | |
|-------------------|---------------|
| 1. Kim thạch hồn. | 5. Thần hồn. |
| 2. Thảo mộc hồn. | 6. Thánh hồn. |
| 3. Thú cầm hồn. | 7. Tiên hồn. |
| 4. Nhơn hồn. | 8. Phật hồn. |

■ Sự Tiến hóa trong giai đoạn đầu từ Kim thạch hồn lên đến Nhơn hồn là sự Tiến hóa tự nhiên, do sự thúc đẩy của Luật Tiến hóa, và sự tiến hoá đi lên dần dần theo từng cấp bậc, không có sự nhảy cấp và cũng không có sự thoái cấp.

■ Sự Tiến hóa trong giai đoạn tiếp theo, từ Nhơn hồn lên đến Phật hồn là do sự tu luyện của Nhơn hồn, nên Nhơn hồn có thể tiến hóa rất nhanh, một kiếp tu có thể vượt lên 3 hay 4 cấp, để đến Phật hồn; nhưng cũng có thể thoái hóa xuống loài Cầm thú khi Nhơn hồn không tu mà lại phạm tội đại ác.



■ Con người nhờ có trí não khôn ngoan hiểu biết, phân biệt được điều hay lẽ dở, thiện ác, chánh tà, có lương tâm kèm chế, có lực dục thất tình xúi giục. Nếu biết bỏ ác theo lành, cải tà qui chánh, chế ngự lực dục thất tình và chuyển hóa chúng theo đường Thiên lý thì con người sẽ tiến hóa đi lên, tùy theo công đức nhiều ít mà đạt được các phẩm: Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn.

■ Nếu ngược lại, con người bỏ chánh theo tà, bỏ lành làm ác, đi theo vật dục thấp hèn, thì Nhơn hồn sẽ bị thoái hóa xuống loài Cầm thú, mang lông đội sừng mà đền tội lỗi.

Sự Tiến hóa đi lên của Nhơn hồn, khi đã đến Phật hồn rồi thì chưa phải là đến mức tối cao của nấc thang tiến hóa. Phật hồn còn phải tiếp tục tu luyện để tiến hóa lên mức tận cùng tối cao là Thiên hồn, tức là Đại hồn của Thượng Đế.

Tới đây mới giáp một chu trình tiến hóa của của Chơn linh, bởi vì Chơn linh xuất phát từ Thiên hồn (Đại Hồn, Đại Linh Quang, Thái Cực), đi chu du một vòng tiến hóa, trải qua Bát hồn, nay trở về hiệp nhập vào Đại hồn của Thượng Đế là đúng một chu trình tiến hóa.

Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ giảng giải về sự tiến hóa của Bát hồn, trong Luật Tam Thể, trích ra như sau:

"Từ lúc Hỗn Độn sơ khai, Âm Dương biến hóa, trong Khí Hư Vô đã sẵn các tế bào. Sau tiếng nổ, Âm Dương phân tách: Khí Dương quang là khí nhẹ nhàng bay lên trên, còn khí Âm quang là khí chất chứa các tế bào nên lóng xuống dưới.

- Sau một *Chuyển*, các chất khí trên liên đới với tế bào mà tụ lại thành chất khí và biến thành vạn vật. Khi chưa thành hình thể hữu vi, thì chất khí vẫn là một cục lửa do khí Dương quang đốt cháy, sau đó, nơi Diêu Trì Cung thâm Thập nhị Địa Chi mà biến khí Dương quang và chất khí làm Ngũ Hành. Vậy cho nên, Đất, Nước, Sắt, Đá, và Lửa được nảy sanh trước hết, đó là Kim thạch hồn.

- Sau một *Chuyển* nữa, Nước, Đất, Đá, Sắt và Lửa mới tiêu ra một chất khí và liên đới với các tế bào lại mà tạo nên cây cỏ, đó là Thảo mộc hồn.

- Sau một *Chuyển* nữa, các cây cỏ chia tế bào mà liên đới với Ngũ Hành tạo nên Bách Thú, trong đó phần ở khô gọi là Cầm thú, còn phần ở nước gọi là Ngư thú, đó là Thú cầm hồn. Cầm thú đều là Bách thú.

- Sau một *Chuyển* nữa, Ngũ hành hiệp với Thảo mộc mà nuôi Thú cầm. Trong Thú cầm, chơn hồn đã bước vào Cơ Tấn hóa, tạo nên Thi Tổ loài người là La Hầu, tức là *người khỉ* đó.

La Hầu lần lần sanh hóa và nhờ điểm Linh quang của Chí Tôn mà lần đến loài người như hiện giờ, đó là Nhơn hồn."

"Nhơn hồn nào được trọn Trung, ấy đã vào Thần vị.

Biết được nghĩa chánh, bồi bổ đạo Nhơn luân, tức là Thánh vị. Đến Thánh hồn thì tự nhiên phải thông suốt phần Thể Đạo đó vậy. Trong phần Thể Đạo mà tạo được Bí pháp đặng bước qua mặt Thể pháp Thiên Đạo, tức là Tiên vị.

Đã lập được Thể pháp Thiên Đạo mà tầm nên Bí pháp Thiên Đạo, tức là đắc pháp, ấy là Phật vị."

Như vậy, theo lời dạy của Đức Cao Thượng Phẩm, La Hầu tiến hóa lên phẩm người thành Thi Tổ loài người.

Điều này rất phù hợp với sự khám phá của các nhà khoa học và khảo cổ với chứng tích là các bộ xương hóa thạch của *vượn-người* (có hình dáng hao hao giống người), rồi *người-vượn* (có hình dáng còn hao hao giống vượn), và tiến hóa thành người nguyên thủy.

Nhiều người phủ nhận nguồn gốc con người là sự tiến hóa từ La Hầu, cho rằng như vậy là hạ thấp phẩm giá của con người, nhưng đây là sự thật đúng theo luật Tiến hóa của Càn Khôn, đúng theo Luật Tiến Hóa của Bát Hồn. Đức Phật Thích Ca, Giáo chủ Phật giáo, có thuật lại cho biết rằng Ngài có những tiền kiếp là Thú cầm như: Voi, thỏ, nhạn, rắn, nai, quạ, sư tử, khổng tước, rùa, rận, ngựa, cá ông, nhĩ hầu, v.v...

c) Con người từ đâu tới? Ba hạng người:

Nhơn loại được chia làm 3 hạng người, căn cứ theo nguồn gốc: Đó là **Hóa nhơn**, **Nguyên nhơn**, **Quỉ nhơn**.

1. Hoá nhơn: Hóa nhơn là những người do sự tiến hóa đi lên từ loài Thú cầm. Đa số trong nhơn loại đều là Hóa nhơn. Tuy Hóa nhơn có đủ Tam Hồn, nhưng ý thức còn rất ngu khờ, lại mới thoát thai từ loài Cầm thú, nên tánh tình còn hung dữ thô lỗ, hình dáng còn thô kệch xấu xí, chưa đủ khôn ngoan và kinh nghiệm để xây dựng một đời sống tiện nghi tốt đẹp.

Đó là loài người nguyên thủy, còn trong tình trạng ăn lông ở lỗ. Thời gian này kéo dài khá lâu.

Thượng Đế thấy vậy mới cho các Nguyên nhơn khôn ngoan và tốt đẹp giáng trần để khai hóa các Hóa nhơn.

2. Nguyên nhơn: Chơn linh của các Nguyên nhơn được Thượng Đế sanh ra từ lúc Khai Thiên. Thượng Đế cho các Nguyên nhơn đầu kiếp xuống trần, nhập vào bào thai của các Nữ Hóa nhơn, sanh ra làm người, gọi là Nguyên nhơn.

Các Nguyên nhơn lớn lên có hình dáng tốt đẹp, giữ được Thiên tánh, chưa nhiễm trược trần, trí não thông minh sáng

suốt, đứng ra lãnh đạo và giáo hóa các Hóa nhơn cho được hiểu biết, tiến bộ, thoát khỏi đời sống dã man, ăn lông ở lỗ, xây dựng một xã hội trật tự tiến bộ.

Theo sử sách xưa để lại, chúng ta biết:

- Hữu Sào dạy dân kết cây làm tổ để ở, tránh nguy hiểm do thú dữ gây ra.

- Toại Nhân dạy dân khoan cây lấy lửa, dùng lửa nấu chín thức ăn.

- Phục Hy dạy dân nuôi thú vật để sai khiến làm lụng, chế ra lưới để bắt cá bắt chim, chế đàn cầm đàn sắt để dạy dân lễ nghĩa, qui định phép gả cưới để tạo thành gia tộc, chế ra Bát Quái để chỉ cái lẽ Âm Dương biến hóa của Trời Đất cho dân biết thuận tùng Thiên lý.

- Thần Nông dạy dân cày bừa, phát triển nghề nông, gieo trồng Ngũ cốc, tổ chức họp chợ để dân hội họp trao đổi hàng hóa, chế ra lịch để dân biết năm tháng mà gieo cấy, ném thử các thứ cây cỏ để chế thuốc trị bệnh cho dân.

- Huỳnh Đế (Hoàng Đế) chế ra xe thuyền để đi lại và vận chuyển hàng hóa, chế ra áo mũ để phân định tôn ti trật tự, chế ra văn tự để ghi chép.

Những vị vừa kể trên chỉ là những điển hình của các Nguyên nhơn có công lao giáo hóa dân chúng, đem lại nhiều lợi ích cho nhơn sanh, nên được nhơn sanh tôn lên làm vua.

Theo Thánh giáo thì có tất cả 100 ức Nguyên nhơn giáng trần ở khắp nơi, trong đủ các sắc dân nơi cõi trần. Đã có 8 ức Nguyên nhơn làm xong nhiệm vụ, giữ được bản tánh thiên lương, nên đã trở về cùng Đức Chí Tôn, còn lại 92 ức Nguyên nhơn bị nhiễm nhiều thứ ô trược nên vẫn còn trầm luân nơi cõi trần. (1 ức = 100 ngàn; 92 ức = 9 triệu 200 ngàn)

3. Quỷ nhơn: Những Hóa nhơn và những Nguyên nhơn ác hành, vi phạm Thiên điều, linh hồn bị đọa vào Quỷ vị, thành ra các Quỷ hồn. Các Quỷ hồn đầu kiếp lên làm người nơi cõi trần để trả quả, được gọi là Quỷ nhơn.

Vậy, nhơn loại trên Địa cầu này đến với 2 nguồn gốc:

- Một là từ Thú cầm tiến hóa lên phẩm Người, gọi là Hóa nhơn, đó là người nguyên thủy, Thủy tổ của loài người.

■ Hai là từ cõi Trời, được Thượng Đế cho giáng sanh xuống làm người nơi cõi trần, gọi là Nguyên nhơn.

Phần lớn trong nhơn loại đều là Hóa nhơn. Số Nguyên nhơn hiện nay còn lại nơi cõi trần là 92 ức tức là 9.200.000 người. Số Quỷ nhơn trong nhơn loại cũng khá nhiều, vì đây là thời Mạt Kiếp sắp chấm dứt để bước vào Đại Hội Long Hoa, nên Đức Chí Tôn cho tất cả các Quỷ hồn đầu kiếp để thực hiện sự trả quả gấp rút và rất ráo.

2 Con người có linh hồn không? Ba Thể của con người:

"Cái tình cảm hóa của con người là tình thường ứng hiệp với Trời Đất, cho nên khi tâm tịnh thường cảm hoài, hằng tìm nơi u huyền mà nghĩ nghị trong trí khôn, ấy là kẻ có sẵn tình ý thiên nhiên tạo hóa.

Còn một hạng người cũng có tánh thiêng liêng ấy, nhưng không để trí thông minh vào lối cao thượng, mà cứ quen thói hung hăng, nghĩ những việc bạo tàn, làm những điều tội lỗi, ấy là những kẻ nghịch Thiên, không biết luân hồi chi cả. Chúng nó lại tưởng rằng, kiếp người là kiếp sống chỉ có giây giờ rồi tiêu mất, nên tìm những chước sâu kế độc cho được của nhiều, no lòng sướng dạ, trối kệ luân hồi.

Thầy hỏi: Vậy chớ cái trí khôn của con người biết thương ghét, vui buồn, mà toàn trong nhơn loại đều có, khi rớt cuộc thì trí khôn ấy đi đâu? Không lẽ cái trí khôn ngoan dường ấy mà cũng mất đi đặng sao các con?

Thầy hỏi như vậy đặng cho các con mỗi đứa về suy nghĩ mà trả lời cho mình. Hễ trả lời phù hợp thì để biết Đạo, còn ngu xuẩn thì cũng hườn ngu xuẩn." (TNHT. I.101)

Con người khi mới được sanh ra, hài nhi biết tìm vú mẹ để bảo tồn sự sống, khi đau biết khóc, khi đói biết la, khi khát biết uống; lớn lên một chút thì khi vui biết cười, khi giận biết la hét. Cái hiểu biết tự nhiên đó, không ai dạy mà biết, là do linh hồn của đứa bé mà Thượng Đế đã ban cho. Nếu phủ nhận linh hồn thì cái hiểu biết tự nhiên đó do đâu mà có?

Khi lớn lên hơn nữa, đứa trẻ nhờ sự thông minh sáng suốt mà biết được lẽ phải quấy, lẽ thiện ác; khi làm điều thiện thì nó vui vẻ, khi làm điều ác thì nó bị lương tâm cắn rứt. Cái lương tâm ấy do đâu mà có? Nó chính là sự thể hiện của linh hồn đứa trẻ, và cái sự thông minh sáng suốt ấy cũng là do linh hồn của nó mà ra.

Khi đứa trẻ vào trường, học những điều khôn ngoan của người xưa truyền lại, nhờ có trí nhớ, nó thu thập được các điều đó để trở nên khôn ngoan hiểu biết thêm, trí não mở mang. Cái hiểu biết do học tập mà có là của trí não, thuộc về Chơn thần, một thể trung gian giữa Thể xác và Linh hồn.

Mặt khác, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này bằng cách dùng huyền diệu cơ bút để thông công giữa Ngài và nhơn loại ở thế giới hữu hình. Ngài muốn cho nhơn loại thấy rằng, ngoài thế giới vật chất hữu hình, còn có một thế giới siêu tuyệt hơn, thuộc về vô hình của các Đấng Thần Thánh Tiên Phật.

Hiện tượng Thông Linh học đã được nhơn loại khám phá từ giữa thế kỷ 19 với việc xây bàn nói chuyện với các vong linh người chết của Văn hào Victor Hugo tại đảo Jersey của Anh.

Ở Việt Nam, trong giới bình dân, người ta biết dùng một mảnh ván hòm nhỏ để xây cơ ma, nói chuyện với các vong linh người đã chết. Việc làm này rất dễ dàng, nếu ai còn nghi ngờ không có Linh hồn, đều có thể thử nghiệm được.

Nhưng một số người vẫn ngoan cố nói rằng Linh hồn ở đâu mà họ không thấy?

Vậy, chúng ta cũng hỏi rằng: Chúng ta có thấy được nguyên tử không? Có thấy được con vi khuẩn không? Chắc là chưa ai thấy được, nhưng chúng ta tin chắc rằng có nguyên tử, có vi khuẩn, bởi vì các nhà bác học đã nghiên cứu tìm ra được nó, với những hệ quả rõ rệt của nó và công bố lên cho mọi người đều biết.

Tương tự như thế, vấn đề Linh hồn cũng không ai thấy được, nhưng các nhà khoa học về Thông Linh đã nghiên cứu phát hiện ra với các hệ quả rõ rệt, và các nhà tu luyện có huệ

nhân cũng đã nhận biết được, nên công bố lên cho mọi người đều biết, thì đương nhiên chúng ta phải tin đó là sự thật.

Trong Giáo lý của Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn dạy chúng ta biết rằng, con người có 3 Thể:

- Thể xác, thuộc về vật chất hữu hình.
- Linh hồn, thuộc về vô vi vô hình.
- Chơn thần, thuộc về bán hữu hình, làm trung gian cho Linh hồn và Thể xác.

1. Thể xác: *Đệ nhứt Xác thân, Xác thân phàm.*

Thể xác con người được gọi là Đệ nhứt Xác thân, hay Xác thân phàm, do tinh huyết của cha mẹ phàm trần tạo nên, lớn lên và được nuôi dưỡng bằng thực phẩm vật chất. Đến khi già nua, tế bào không còn hoạt động được nữa thì chết, thể xác thúi rã biến thành vật chất trở lại.

Như thế, Thể xác phàm không bền, chỉ sống được một thời gian rồi chết, nên gọi nó là Giả thân, Xác thân giả tạm.

Phật giáo cho rằng, xác thân phàm do Tứ đại giả hiệp, nên nó là huyễn, chỉ tồn tại một thời gian rồi phải rã tan để trở về cát bụi.

2. Chơn thần: *Đệ nhị Xác thân, Xác thân thiêng liêng*

"Chơn thần là gì? Là Nhị Xác thân (Périsprit), là Xác thân thiêng liêng. Khi còn ở nơi xác phàm thì rất khó xuất riêng ra đặng, bị xác phàm níu kéo.

Cái Chơn thần ấy của các Thánh, Tiên, Phật, là huyền diệu vô cùng, bất tiêu bất diệt. Bậc chơn tu, khi còn xác phàm nơi mình, như đắc đạo, có thể xuất ra trước buổi chết mà vân du Thiên ngoại. Cái Chơn thần ấy mới đặng phép đến trước mặt Thầy." (TNHT. I. 6)

"Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân: Một phàm gọi là Corporel, còn một thiêng liêng gọi là Spirituel, mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra, nên gọi nó là bán hữu hình, vì có thể thấy đặng mà cũng có thể không thấy đặng....

Khi nơi xác phàm xuất ra thì lấy hình ảnh của xác phàm như khuôn in rập." (TNHT. I. 29)

"Thầy nói: Cái Chơn thần là Nhị xác thân các con, là khí chất (Sperme évaporé), nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy, nơi trung tim của nó là óc, nơi xuất nhập của nó là lỗ ác, gọi tiếng chữ là Vi Hộ." (TNHT. I. 85)

"Nơi Ao Diêu Trì có một đài phát hiện Âm quang, đài ấy thấu lẫn Sanh quang của ngôi Thái Cực, rồi đem Dương quang hiệp với Âm quang mà tạo nên Chơn thần cho vạn linh trong CKVT." (Bát Nương giảng cơ trong Luật Tam Thể).

Cái Chơn thần của mỗi người có được là do Đức Phật Mẫu lấy hai nguyên khí Âm quang và Dương quang kết hợp tạo thành. Còn lẫn Sanh quang của Thái Cực là Điểm Linh quang do Đức Chí Tôn chiết ra ban cho.

Đức Phật Mẫu thấu Điểm Linh quang này làm Linh hồn, rồi tạo ra một Chơn thần tức là Xác thân thiêng liêng bao bọc Linh hồn, tạo thành một con người nơi cõi thiêng liêng.

Khi một người nơi cõi thiêng liêng được phép đầu kiếp xuống cõi trần thì Chơn thần và Linh hồn đi xuống nhập vào hình hài đứa bé vừa lọt khỏi lòng mẹ, làm cho đứa bé giựt mình phát ra tiếng khóc chào đời. Chơn thần sẽ làm khuôn viên cho thể xác đứa bé lớn lên, còn Linh hồn tạo ra sự hiểu biết và bảo tồn sự sống cho đứa bé.

Do đó, hình ảnh của thể xác đứa bé là hình ảnh của Chơn thần đứa bé, từ khi ấu thơ đến khi trưởng thành hay đến lúc già.

Khi Thể xác chết đi thì Chơn thần và Linh hồn xuất ra khỏi Thể xác, bay trở về cõi thiêng liêng. Chơn thần mang lấy hình ảnh của Thể xác như khuôn in rập.

Cái Chơn thần của người chết có khi hiện hình cho người sống thấy được, thường gọi đó là Ma hay Hồn Ma, khi thì biến mất, nên Chơn thần thuộc về bán hữu hình, nghĩa là có thể thấy được và có thể không thấy được.

Chơn thần được Đức Phật Mẫu tạo ra bằng hai nguyên khí Âm quang và Dương quang, nên Chơn thần có thể đi xuyên qua vật chất, không có gì cản trở được nó. Ánh sáng còn có thể bị vật chất cản trở, nhưng Chơn thần thì giống như từ trường, đi xuyên suốt qua vật chất dễ dàng.

Đối với người sống, Chơn thần ẩn trong Thể xác phàm, trung tâm của nó là óc, là não bộ, và cửa xuất nhập của nó là lỗ ác, tức là Nê Hườn Cung.

Chơn thần liên hệ với Thể xác qua 7 dòng từ điện. Chơn thần ra lệnh điều khiển thể xác qua 7 dòng từ điện này, thể xác đòi hỏi Chơn thần làm cho nó thỏa mãn cũng qua 7 dòng từ điện này, do đó mà tạo ra nhiều mối oan nghiệt, nên 7 dòng điện từ này được gọi là **7 Dây Oan Nghiệt**.

Đức Chí Tôn ban cho Phép Đoạn Căn là để cắt đứt 7 Dây Oan nghiệt này của người chết, để cho Thể xác không còn kéo níu Chơn thần thì Chơn thần mới có thể bứt ra, lìa khỏi Thể xác mà trở về cõi thiêng liêng.

3. Chơn linh: Linh hồn, Điểm Linh quang.

"Thầy đã nói ra, nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một Chơn linh gìn giữ cái Chơn mạng sanh tồn.

Thầy tưởng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng: Đấng Chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần Thánh Tiên Phật và các Đấng Trọn Lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào Tòa Phán xét. Bởi vậy, một mảy không qua, dữ lành đều có trả; lại nữa, cái Chơn linh ấy có tánh Thánh nơi mình, đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi lộn Lương tâm là đó." (TNHT. II.66)

"Các con đừng vì tư lợi mà làm mất nơn cách thì rất uổng cái *Điểm Linh quang* của Thầy để vào *Xác thân* của các con lắm. Các con nghe à!" (TNHT. I. 102)

Chơn linh, tức là Linh hồn, là Điểm Linh quang của Đức Thượng Đế chiết ra từ khối Đại Linh quang của Ngài để ban cho mỗi người, có nhiệm vụ tạo nên sự sống, gìn giữ sự sống, tạo nên sự hiểu biết và tánh linh.

Con người có đủ Tam Hồn: Sanh Hồn, Giác Hồn, Linh Hồn. Cái Linh Hồn ấy mới là quan trọng hơn cả, vì nhờ nó mà phân biệt con người với Thú cầm.

Chơn linh hay Linh hồn, ngự trong Chơn thần, Chơn thần thì ở trong Xác phàm và rập khuôn theo Xác phàm.

Đối với một người đang sống nơi cõi trần, Chơn linh ngự tại trái Tim, bởi vì trái Tim là nơi điều hành và ban phát sự sống cho toàn cơ thể. Do đó, Chơn linh được gọi là Lương tâm, Phật giáo gọi Chơn linh là Tâm, cũng do đó.

Khi Chơn linh và Chơn thần xuất ra khỏi Thể xác thì Trái tim ngưng đập, Thể xác chết.

Khi đó, Chơn thần và Chơn linh bay trở về cõi thiêng liêng, trở thành một người nơi cõi thiêng liêng.

Vậy, một người nơi cõi thiêng liêng chỉ có 2 thể:

- **Một là Chơn thần**, tức là Xác thân thiêng liêng.
- **Hai là Chơn linh**, ngự trong Chơn thần để điều khiển Chơn thần.

Còn đối với một người sống nơi cõi phàm trần thì có 3 thể, ngoài 2 thể trên, còn một thể nữa là: Xác thân phàm.

Vậy một người sống nơi cõi trần có 3 thể:

- **Thể xác phàm**, Đệ nhứt xác thân, do cha mẹ phàm trần sanh ra, được nuôi dưỡng bằng thực phẩm vật chất.
- **Chơn thần**, Đệ nhị xác thân, Xác thân thiêng liêng do Đức Phật Mẫu tạo nên. Do đó, Đức Phật Mẫu là Đại Từ Mẫu, là Mẹ Chơn thần của toàn nhơn loại.
- **Chơn linh**, Linh hồn, Đệ tam Linh quang, do Đức Chí Tôn ban cho để tạo sự sống, sự khôn ngoan hiểu biết. Do đó, Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ, là Cha Chơn linh của nhơn loại.

Chơn linh ngự trị trong Chơn thần, Chơn thần ẩn trong Thể xác và làm khuôn cho Thể xác.

Chơn linh điều khiển Chơn thần, Chơn thần điều khiển Thể xác qua 7 dòng điện từ gọi là 7 Dây Oan nghiệt. Thể xác thường hay đòi hỏi Chơn thần làm cho nó thỏa mãn, và xúi giục Chơn thần đi vào đường vật chất, cũng do theo 7 Dây Oan nghiệt này.

Chơn linh thường ngăn chặn Chơn thần không nên chiều theo các đòi hỏi của Thể xác, phải kèm chế và điều khiển Thể xác; nhưng nếu Chơn linh yếu đuối không đủ sức kèm chế Chơn thần, để Chơn thần nghe theo Thể xác, lúc đó, con người đi vào đường vật dục tội lỗi. Khi Thể xác chết, Chơn linh và Chơn thần sẽ bị đày đọa theo Luật Nhân Quả.

3. Con người khi chết đi về đâu?

Như phần 2 vừa trình bày, con người chết không phải là hết, chỉ có Thể xác chết, còn Linh hồn và Chơn thần thì bất tiêu bất diệt, xuất ra khỏi Thể xác và trở về cõi thiêng liêng, vì nơi đây là cõi chơn thật của Linh hồn.

Để giải đáp vấn đề: Con người khi chết đi về đâu? Chúng ta phân ra làm 3 trường hợp với 3 nhóm người:

- Người không có tín ngưỡng tôn giáo.
- Người tín đồ Cao Đài giữ đúng lời Minh Thệ và Luật Đạo.
- Người tín đồ của các tôn giáo khác.

1. Đối với người không tín ngưỡng:

Trong TNHT, Đức Chí Tôn dạy như sau:

TNHT.I. 74-75: "Các con đã sanh tại thế này, ở tại thế này, chịu khổ não tại thế này, rồi chết cũng tại thế này. Thầy hỏi: Các con chết rồi, các con ra thế nào? Các con đi đâu? Chẳng một đũa nào hiểu đặng cơ mầu nhiệm ấy.

Thầy dạy: Cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong Vật chất mà ra Thảo mộc, từ Thảo mộc đến Thú cầm, loài người, phải chịu chuyển kiếp ngàn ngàn năm, muôn muôn lần mới đến địa vị Nhơn phẩm.

Nhơn phẩm nơi thế này lại còn chia ra phẩm giá mỗi hạng. Đứng bậc Đế Vương nơi trái Địa cầu này, chưa đặng vào hạng chót của Địa cầu 67. Trong Địa cầu 67, nhơn loại cũng phân ra đẳng cấp dường ấy. Cái quý trọng của mỗi Địa cầu càng tăng thêm hoài, cho tới Đệ nhứt cầu, Tam thiên Thế giới thì mới đến Tứ Đại Bộ Châu, qua Tứ Đại Bộ Châu mới vào đặng Tam thập lục Thiên; vào Tam thập lục Thiên rồi phải

chuyển kiếp tu hành nữa, mới đặng đến Bạch Ngọc Kinh, là nơi đạo Phật gọi là Niết Bàn đó vậy.

Các con coi đó thì đủ hiểu, các phẩm trật của các con nó nhiều là dường nào, song ấy là phẩm trật Thiên vị....

Vậy Thầy lại dặn các con: Nếu kẻ không tu, làm đủ bổn phận người, công bình chánh trực, khi hồn xuất ra khỏi xác thì cứ theo đẳng cấp gần trên mà luân hồi lại nữa, thì biết chừng nào đặng hội hiệp cùng Thầy.

Nên Thầy cho một quyền rộng rãi cho cả nhơn loại Càn khôn Thế giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng. Mà hại thay! Mất Thầy chưa đặng hữu hạnh hoan lạc thấy đặng kẻ ấy. Vậy Thầy dặn: Đạo là nơi các con nên quý trọng đó vậy."

Những người không có tín ngưỡng tôn giáo, khi chết đi, Linh hồn và Chơn thần chưa thể xuất ra khỏi Thể xác được vì bị 7 Dây Oan nghiệt ràng buộc níu kéo, phải chờ đợi một thời gian cho thể xác tan rã, Chơn thần mới bút rời các sợi Dây Oan nghiệt, để cùng Linh hồn bay lên cõi Trung giới. Tại đây có Minh Cảnh Đài hay Đài Chiếu Giám để cho Linh hồn và Chơn thần nhìn vào tấm kiếng, xem lại tất cả các hành vi và lời nói của mình trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần, để định rõ ràng tội và phước, có cây Cân Công bình thiêng liêng và các Đấng cân phân tội phước cho mỗi Linh hồn.

■ Nếu phước nhiều tội ít thì được chuyển kiếp lần lượt theo các nấc thang tiến hóa mà Đấng Thượng Đế đã dạy trong bài Thánh ngôn nêu trên, tức là tiến hóa theo Thất thập nhị Địa, lên Tam thiên Thế giới, rồi Tam thập lục Thiên, v.v....

■ Nếu phước ít tội nhiều thì Chơn thần và Linh hồn được đưa đến cõi Âm Quang để tịnh tâm xét mình, thấy được các tội lỗi mà mình đã làm để ăn năn sám hối.

Cõi Âm Quang là cõi mới được lập ra trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, để thay thế cõi Địa ngục, bởi vì cõi Địa ngục trước đây là nơi giam giữ và hành phạt các tội hồn, nay Đức Chí Tôn thể lòng từ bi ra lệnh đóng Địa ngục, ân xá các tội hồn, không cho hành phạt các tội hồn nữa, mà được đưa đến cõi Âm Quang để học đạo. Nơi đây, Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát

giáo hóa các Nam tội hồn, và Thất Nương Diêu Trì Cung giáo hóa các Nữ tội hồn. (Xem phần sau: Cõi Âm Quang).

2. Đối với các tín đồ Cao Đài:

Đối với các tín đồ Cao Đài giữ tròn lời Minh Thệ, gìn giữ Luật Đạo, ăn chay được 10 ngày mỗi tháng, sau khi chết, Linh hồn và Chơn thần được hưởng ơn huệ của Đức Chí Tôn trong Đại Ân Xá kỳ ba này.

Linh hồn và Chơn thần hưởng được các Phép Bí tích: Phép xác, và Phép Đoạn căn cắt đứt 7 Dây Oan nghiệt. Do đó, Chơn thần và Linh hồn xuất ra khỏi Thê xác dễ dàng, được hướng dẫn đi vào Cửu Trùng Thiên, từ tầng Trời thứ nhất lên đến tầng Trời thứ 9, do Cửu vị Tiên Nương DTC hướng dẫn đưa đi, đứng y theo 9 bài kinh Tuần Cửu. Ở mỗi tầng Trời đều có các Đấng thiêng liêng đón tiếp, giảng giải Đạo lý.

Khi đến tầng Trời thứ 9 là Tạo Hóa Thiên thì được vào Diêu Trì Cung bái kiến Bà MẸ thiêng liêng, Đức Phật Mẫu.

Đến Tiểu Trường thì Chơn thần và Linh hồn được đưa lên tầng Trời thứ 10 là Hư Vô Thiên, vào Ngọc Hư Cung bái kiến Đức Chí Tôn, rồi đến Tòa Tam Giáo thiêng liêng để cây Cân Công bình thiêng liêng cân tội phước. Nếu phước đức nhiều thì được Đức Chí Tôn ban cho phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật tương xứng, nếu tội nhiều thì cầu xin Đức Chí Tôn cứu vớt để ở lại cõi thiêng liêng tu luyện thêm, hoặc cho tái kiếp xuống trần để trả cho xong nghiệp quả.

TNHT.II.92: *"Nói cho cùng, nếu trọn kiếp, dầu gây lắm tội tình mà phút chót biết ăn năn tự hối, cầu khẩn Chí Tôn độ rỗi, thì cũng lánh xa khỏi cửa Âm Quang, lại còn hưởng đặng nhiều ân huệ của Chí Tôn, là các chơn hồn đặng tự hối hay là đặng giáo hóa mà hiểu trọn chơn truyền lập phương tự độ, hay là con cái của các chơn hồn cầu rỗi."*

Những tín đồ Cao Đài thất thệ, không giữ tròn luật Đạo, hoặc những tín đồ của các tôn giáo khác mà không giữ tròn giới luật tu hành, thì cũng được đưa đến cõi Âm Quang để học đạo, tịnh tâm xét mình. Khi đã biết ăn năn sám hối, các Đấng sẽ cho đầu kiếp trở lại cõi trần để trả quả và cũng để lo tu hành, lập công bồi đức mà trừ bớt tội lỗi.

3. Đối với tín đồ các tôn giáo khác:

Đối với các tín đồ của các tôn giáo khác thuộc Nhị Kỳ Phổ Độ, con đường tiến hóa do các vị Giáo chủ thời đó đặt ra nay đã bị bẻ lại, vì đã chuyển qua thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Đối với các tín đồ này, họ sẽ đi theo con đường tiến hóa qua Thất thập nhị Địa và Tam thiên Thế giới. Công đức tu hành của họ đạt được mức nào thì họ sẽ được đưa thẳng lên đẳng cấp tiến hóa tương xứng. Vì họ có công tu luyện nên họ được vượt cấp tiến hóa, chớ không phải đi từ từ lên từng cấp bậc như những người không tín ngưỡng tu hành.

Tóm lại, dù Linh hồn đi theo con đường tiến hóa nào, qua Cửu Trùng Thiên hay qua Thất thập nhị Địa, điểm cốt yếu vẫn là công đức lập được trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần, chính cái công đức này mới định đoạt phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật cho Linh hồn. Các Linh hồn tội lỗi chất chồng, dù đi trên đường tiến hóa nào, dù có được cầu siêu bao nhiêu lần đi nữa, dù có được làm đám tang lớn lao, ngôi mộ xinh đẹp to lớn bao nhiêu đi nữa, rốt cuộc cũng phải đến cõi Âm Quang mà thôi.

Chỉ có việc tu hành, trau tâm sửa tánh, lập đức bồi công, thì mới có thể vượt đẳng cấp tiến hóa, sớm trở về cùng Đức Chí Tôn. Đặc biệt trong thời Đại Ân Xá kỳ ba này, Đức Chí Tôn cho một quyền rộng rãi cho cả nhơn loại, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Đức Chí Tôn đặng.

4. Đầu thai và Chuyển kiếp:

1. Sự giáng trần của các Nguyên nhơn:

Một điểm nguyên hồn do Đức Chí Tôn chiết ra từ khối Đại hồn của Ngài, chưa phải là một Nguyên nhơn, vì chưa có xác thân thiêng liêng (chơn thần). Điểm nguyên hồn này phải được Đức Phật Mẫu thân nhận làm Linh hồn, rồi Phật Mẫu dùng hai nguyên khí Âm quang và Dương quang tạo ra cho nó một xác thân thiêng liêng bao bọc Linh hồn thì mới trở thành một Nguyên nhơn nơi cõi thiêng liêng.

Như thế, một Nguyên nhơn nơi cõi thiêng liêng có 2 thể: Linh hồn (nguyên hồn) và Chơn thần (xác thân thiêng liêng).

Khi Nguyên nhơn được lệnh giáng sanh xuống cõi trần, Nguyên nhơn được hướng dẫn đi xuống, qua các tầng Trời thấp dần. Ở mỗi cõi, Nguyên nhơn dùng tinh khí của cõi đó làm một lớp bao bọc thêm bên ngoài Chơn thần để Chơn thần nặng hơn thì mới đi tiếp xuống các cõi thấp hơn được.

Khi đến cõi trần, Nguyên nhơn sẽ đến với một bà mẹ đang mang thai và chờ đợi ở đó. Sự đến của Nguyên nhơn với bà mẹ theo luật hấp dẫn *đồng khí tương cầu*, nghĩa là bà mẹ đạo đức thì mới hấp dẫn được các Chơn thần đạo đức.

Khi bà mẹ vừa sanh hài nhi lọt khỏi lòng mẹ, Linh hồn và Chơn thần của Nguyên nhơn liền nhập vào thể xác hài nhi, qua cái cửa là Nê Hườn Cung, làm cho hài nhi rung động mạnh, phát ra tiếng khóc và bắt đầu hít thở không khí. Chơn thần sẽ làm khuôn viên định hình hài cho đứa bé, và cùng lớn lên với hình hài ấy, còn Linh hồn thì tạo sự sống cho hài nhi, và những hiểu biết để hài nhi bảo tồn sự sống.

2. *Chuyển kiếp đầu thai:*

Một người nơi cõi trần, khi Thể xác chết thì Linh hồn và Chơn thần xuất ra, rời bỏ Thể xác, đi trở về cõi thiêng liêng, nơi đây, người ấy được xem xét tội phước và định phận.

Nếu được cho chuyển kiếp đầu thai trở lại cõi trần thì diễn tiến như sau:

Trước hết, các vị Phật nơi tầng Trời Tạo Hóa Thiên như: Quảng Sanh Phật, Dượng Dục Phật, Chưởng Hộ Phật, Thủ Luân Phật, v.v... lãnh nhiệm vụ nơi Đức Phật Mẫu, dùng huyền diệu làm cho Chơn thần của người đó biến đổi tốt hay xấu đúng theo nghiệp lực và trình độ tiến hóa của Linh hồn. Nếu Linh hồn đã tiến hóa cao thì hình ảnh của Chơn thần tốt đẹp, nếu Linh hồn kém tiến hóa thì hình ảnh của Chơn thần thô kệch xấu xí.

Chúng ta lưu ý rằng, Chơn linh hay Linh hồn chỉ là một Điểm Linh quang nên không thay đổi, còn Chơn thần thì có hình ảnh thay đổi tùy theo trình độ tiến hóa của Linh hồn.

Linh hồn và *Chơn thần mới* được đưa xuống cõi trần, đến với một bà mẹ đang mang thai theo luật hấp dẫn **đồng khí**

tương cầu. Khi hài nhi vừa được sanh ra khỏi lòng mẹ, Linh hồn và *Chơn thần mới* liền nhập vào thể xác hài nhi qua cái cửa Nê Huồn Cung, nơi mở ác, làm cho thể xác của hài nhi rung động, bật ra tiếng khóc, bắt đầu hít thở không khí, và cũng bắt đầu một kiếp sống mới nơi cõi trần. Kể từ đó, Thể xác, Chơn thần và Linh hồn đưa bé có đời sống độc lập đối với bà mẹ và lớn lên dưới sự điều khiển của Linh hồn.

Trong Thuyết đạo, Đức Phạm Hộ Pháp giảng về Bí Pháp, có nói về sự tượng hình một hài nhi trong bụng mẹ:

"Con dương trùng (tinh trùng) của cha nhập vô âm khí với âm trùng (noãn châu) của mẹ, dương trùng của cha tạo biến hình hài xương cốt chúng ta, còn âm trùng của mẹ chúng ta biến ra máu thịt của chúng ta đó vậy. Hai con vi trùng ấy âm khí lại với nhau thành tượng biến hình hài.

Hai cái tinh trùng hiệp lại khác hẳn với cái hình tượng tinh trùng đơn sơ, khi nhập vào, hai con làm thành một.

Buổi tượng hình chúng ta thì Chơn thần của chúng ta còn ở ngoài thân, ngoài cốt hài của chúng ta. Nó lơ lửng hoặc là quanh theo bà mẹ, ở dựa bên, nhứt là bà mẹ đi nơi nào, nó đều theo nơi đó. Chơn thần theo người mẹ có chừa. Nếu người mẹ có đạo đức, dám chắc đi đâu chừa có sự gì rủi ro đến thiệt hại. Bởi có cho nên đưa con theo mãi, theo cho đến khi tượng hình chúng ta ra khỏi lòng bà mẹ, Chơn thần ấy mới nhập vô ảnh hài đó, làm khuôn viên cho ảnh hài đó."

"Ngộ nghĩnh thay, nếu chúng ta ngó thấy tinh thần chúng ta đầy đủ đạo đức chừng nào thì Chơn thần ảnh hài càng ngày càng đẹp, càng tăng tiến."

Một vấn đề đặt ra là khi đưa bé lớn lên, tại sao nó không nhớ được các việc trong tiền kiếp của nó?

Việc ghi nhớ các việc đã qua trong kiếp sống là do nơi trí não thuộc về Chơn thần.

Như đã trình bày ở trên, chư Phật nơi Tạo Hóa Thiên dùng huyền diệu biến đổi cái "*Chơn thần cũ*" thành cái "*Chơn thần mới*" theo đúng nghiệp lực của nó, rồi phủ lên đó một tấm màn bí mật che lấp hết các ký ức cũ. Các ký ức cũ vẫn còn đầy đủ, không bao giờ mất, rút vào trong bộ nhớ của Chơn thần,

nhưng bị che kín bởi một màn bí mật, làm cho đứa bé không thể nhớ được tiền kiếp của nó. Chơn thần mới chỉ là biến tướng của Chơn thần cũ do phép huyền diệu của Đức Phật Mẫu để che giấu những sự việc trong tiền kiếp, đồng thời định ra hình ảnh mới cho thể xác trong kiếp sống mới cho thích hợp với trình độ tiến hóa của Linh hồn.

Khi đứa bé trưởng thành, nếu biết cách công phu tu luyện thì có thể mở được tấm màn bí mật nói trên, sẽ biết rõ tiền kiếp của mình. Được như thế gọi là đạt được trí huệ, lúc đó thì trình độ đạo đức tiến hóa rất cao, tức nhiên đắc đạo tại thế.

5. Địa vị của con người trong vũ trụ:

Thượng Đế đã tạo ra con người với một hình ảnh tốt đẹp thiêng liêng. Cho nên, mỗi một con người nơi cõi trần này đều là một Tiểu Thượng Đế.

Trời có gì thì con người có vậy. Trời là Đại Vũ trụ thì người là Tiểu Vũ trụ, Trời là Đại Thiên Địa thì người là Tiểu Thiên Địa, Trời là Đại Hồn thì người là Tiểu Hồn, Trời là Đại Linh quang thì người là Tiểu Linh quang. Cho nên, con người đứng vào hàng Tam Tài cùng với Trời Đất.

Địa vị của con người rất quan trọng trong vũ trụ. Nếu vũ trụ không có con người thì vũ trụ không hoàn toàn, bởi vì vũ trụ là một đại hòa điệu của Thiên Địa Nhơn (Tam Tài), nếu thiếu một yếu tố thì sự hòa điệu không còn.

Tam Tài là gốc của muôn vật. Trời sanh ra, Đất nuôi dưỡng, Người làm nên. Một Nhất Nguyên sinh thành là Trời, là Thượng Đế, nhưng Tam Tài đồng nhất thể. Như thế đủ thấy địa vị con người trong CKVT rất là trọng đại, rất là cao cả.

"Khai Thiên Địa là Thầy, sanh Tiên, Phật cũng Thầy. Thầy đã nói, một Chơn thần mà biến ra CKTG và cả nhơn loại.

Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy.

Các con là chư Phật, chư Phật là các con.

Có Thầy rồi mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần Thánh Tiên Phật." (TNHT. I. 52)

"Bởi vậy một Chơn thần Thầy mà sanh hóa thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả nhơn loại trong

CKTG. *Nên chi, các con là Thấy, Thấy là các con.*" (TNHT. I. 31)

Con người cần phải biết rõ địa vị quan trọng và cao cả của mình trong CKVT, để xây dựng một đời sống cao thượng, đạo đức, xứng đáng với phẩm vị mình, thuận tòng Thiên lý để được tiến hóa nhanh, sớm trở về hiệp nhập vào Thượng Đế.

6. Quan niệm về Thượng Đế:

(Yêu cầu xem chữ: Ngọc Hoàng Thượng Đế, văn Ng).

1. Con người là một Tiểu Thượng Đế:

Con người là một chiết linh của Thượng Đế, là một Tiểu Linh quang của khối Đại Linh quang. Như vậy, con người chính là một Tiểu Thượng Đế, hay nói nôm na, mỗi người chúng ta là một Ông Trời Con. Thượng Đế cho chúng ta xuống cõi trần này là để nương theo xác thân phàm mà học hỏi và tiến hóa. Nếu chúng ta tiến hóa nhanh, tức là thi đậu sớm thì sẽ trở về sớm; còn nếu chúng ta tiến hóa chậm, hoặc thoái hóa, tức là chúng ta thi rớt, phải học lại để thi lại, thì phải trở về chậm.

Như thế, con người là một Linh tử trong CKVT, có một đời sống miên viễn bất tận, luôn luôn thay đổi để tiến hóa, tức là chuyển luân qua các cõi giới để học hỏi đủ các thứ bài học mà tiến hóa, và mức tiến hóa cuối cùng là trở thành Thượng Đế để hòa nhập vào Thượng Đế.

2. Đại Từ Phụ, Đại Từ Mẫu:

Toàn cả chúng sanh đều là con cái của Chí Tôn và Phật Mẫu, nên gọi hai Đấng ấy là Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu.

Đức Chí Tôn có triều chánh uy nghi, nên khi châu lễ Đức Chí Tôn, chúng ta phải mặc phẩm phục áo mào như khi vào chốn triều đình.

Còn đối với Đức Phật Mẫu là Bà Mẹ thiêng liêng, nên tất cả con cái, dù phẩm tước lớn nhỏ thế nào, cũng đều là con của Mẹ, nên chỉ đến với Mẹ với tư cách là một đứa con mà thôi. Do đó, khi vào châu lễ Đức Phật Mẫu, tất cả Chức sắc Nam Nữ đều không mặc phẩm phục, chỉ mặc một cái áo dài

trắng bình thường, vì ai cũng như ai đều là con của Phật Mẫu, và chúng ta thấy có một sự bình đẳng hoàn toàn.

3. Sự bình đẳng giữa Nam và Nữ:

Trong Đạo Cao Đài, sự bình đẳng giữa Nam và Nữ được thể hiện rất rõ rệt mà không có một nền tôn giáo nào từ trước tới nay có được.

Đối với Cửu Trùng Đài và Cơ Quan Phước Thiện, hễ Nam phái có phẩm tước nào thì Nữ phái cũng có phẩm tước đó, quyền hạn ngang bằng nhau. Chức sắc Nữ phái chỉ điều hành tín đồ Nữ phái; Chức sắc Nam phái thì điều hành tín đồ Nam phái. Quyền hành Nam Nữ riêng biệt, không xen lẫn nhau.

"Bao nhiêu Nam tức bao nhiêu Nữ. Nam biết thành Tiên Phật, chớ Nữ lại không sao? Thầy đã nói: Bạch Ngọc Kinh có cả Nam lẫn Nữ, mà phần nhiều Nữ lấn quyền thế hơn Nam nhiều." (Lời Thánh Ngôn này trích trong Pháp Chánh Truyền)

7. Thiên Đàng Địa Ngục - Cõi Âm Quang:

■ **Thiên đàng** hay Thiên đường là cõi Trời, cõi có đầy đủ các sự tốt đẹp và an lạc, hạnh phúc, nơi đó con người sống vui vẻ đời đời, không có sự chết, không có sự lo âu phiền não, nên cũng gọi cõi đó là cõi Thiêng liêng Hằng sống.

Đây là cõi để cho các Linh hồn mà trong kiếp sống nơi cõi trần đã lập được nhiều công đức, trở về nơi đó để an nghỉ và vui hưởng.

Cõi TLHS có rất nhiều tầng lớp từ thấp lên cao, càng lên cao thì càng thanh nhẹ và tốt đẹp.

Trong cõi TLHS, bên dưới là Cửu Trùng Thiên gồm 9 tầng Trời dành cho Cửu phẩm Thần Tiên, tiếp lên trên là tầng Trời thứ 10: Hư Vô Thiên, tầng Trời thứ 11: Hội Nguơn Thiên, tầng Trời thứ 12: Hỗn Nguơn Thiên. Ba tầng Trời này gọi chung là cõi Phật hay cõi Niết Bàn. Nơi tầng trời Hư Vô Thiên có CLTG mà thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Phật A-Di-Đà làm Giáo chủ. Lên cao hơn nữa, ta thấy Tam thập lục Thiên, tức là 36 tầng Trời và cao nhất là Bạch Ngọc Kinh, nơi thường ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. (Xem chi tiết: Vũ trụ quan)

■ **Địa Ngục** là nhà ngục ở dưới đất để giam giữ và trừng phạt các tội hồn. (Tội hồn là những Linh hồn của những người mà trong kiếp sanh nơi cõi trần đã phạm nhiều tội ác). Nơi cõi Địa ngục có những hình phạt rất ghê gớm, đọc trong Kinh Sám Hối thì rõ.

Nhưng hễ có thưởng thì phải có phạt, luật công bình định vậy. Hễ có cõi Thiên đường thì phải có cõi Địa ngục. Thiên đường và Địa ngục là thể hiện sự thưởng phạt công bình trong Luật Nhân Quả.

Có công đức thiện lành thì được thưởng bằng những phẩm vị cao trọng nơi cõi Thiên đường, còn tội lỗi gian ác thì bị phạt đầy nơi cõi Địa ngục. Thiên đường và Địa ngục là hai đối trọng cần thiết trong cán cân công bình thiêng liêng của Đức Chí Tôn và cũng là những lực cần thiết để thúc đẩy sự Tiến hóa trong CKVT.

Nhưng từ khi mở Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn đại khai Ân Xá, Đức Chí Tôn ra lệnh đóng cửa Địa ngục, không cho hành phạt các tội hồn, lại mở rộng cửa Trời để đón tiếp những người đầy đủ công đức đắc đạo trở về.

Đối với các tội hồn thì Đức Chí Tôn lập ra cõi Âm Quang ở giữa Thiên đường và Địa ngục để đưa các tội hồn đến cõi Âm Quang học đạo, định tâm tịnh trí xét mình, nhìn lại những hành động sai trái lỗi lầm của mình trong lúc sống nơi cõi trần mà ăn năn sám hối.

Nơi cõi Âm Quang có các Đấng Phật Tiên đến đây để giáo hóa, an ủi các tội hồn, giảng giải cho biết rõ hai đường thiện ác, chánh tà. Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát lãnh phần giáo hóa các Nam tội hồn, và Thất Nương Diêu Trì Cung lãnh phần giáo hóa các Nữ tội hồn. Ở cõi Âm Quang chỉ có giáo hóa chứ không có trừng phạt, khác hẳn cõi Địa ngục trước đây, vì hưởng được Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn.

Thất Nương DTC giảng giải về cõi Âm Quang như sau:

"Em nên nói rõ Âm Quang là gì trước đã, rồi thì mấy chị mới hiểu đặng. (Em là tiếng tự xưng của Thất Nương).

Âm Quang là nơi Thần Linh Học gọi là Trường đình của chư hồn giải thể hay nhập thể. Đại Từ Phụ đã định nơi ấy cho

Phật gọi là Tịnh Tâm Xá, nghĩa là nơi của chư hồn đến đó đặng tịnh tâm xét mình coi trong kiếp sanh có bao nhiêu phước tội. Vậy nơi ấy là nơi xét mình. Chớ chi cả nhơn sanh biết xét mình trước khi thoát xác thì tự nhiên tránh khỏi Âm Quang.

Nói cho cùng, nếu trọn kiếp, dầu gây lắm tội tình, mà phút chót biết ăn năn tự hối, cầu khẩn Chí Tôn độ rỗi, thì cũng lánh xa khỏi cửa Âm Quang, lại còn hưởng đặng nhiều ân huệ của Chí Tôn, là các chơn hồn đặng tự hối hay là đặng giáo hóa mà hiểu trọn chơn truyền lập phương tự độ hay là con cái của các chơn hồn cầu rỗi.

Ôi! Tuy vậy, hồng ân của Đại Từ Phụ như thế mà vẫn thấy các chơn hồn sa đọa hằng hà, mỗi ngày xem chẳng ngớt, là tại thiếu kém đức tin và lòng trông cậy nơi Thầy. Đó là mấy đạo hữu tin đồ bị thất thế. Em trông thấy bắt đầu lòng, phái Nữ lại là phần đông hơn hết." (TNHT. II. 91-92)

"Nơi Diêu Trì Cung còn có cõi Âm Quang riêng biệt gọi là Phong Đô, đặng giáo hóa các chơn hồn đã bị lạc nẻo trên đường trần." (Bát Nương giảng cớ trong Luật Tam Thế)

"Thưa cùng mấy chị, Em xin nhắc nhở điều này:

Ngày Hội Ngọc Hư đặng lo tiếp pháp của Tây Phương Cực Lạc, Em đã đặng nghe thấy những lời của Địa Tạng Vương Bồ Tát than thở rằng: Ngài là Phật, nên khó gần gũi các hồn Nữ phái mà khuyến giáo cơ giải thoát mê mờ. Bởi cớ, nơi Âm Quang, Nữ hồn còn bị luyện tội nhiều hơn Nam phái bội phần. Em lại nghe Người ước rằng: Chớ chi có một Đấng Nữ Tiên dám đảm đương đến phổ tế mới mong tận độ chư vong linh của Phong Đô thoát kiếp.

Em mới để dạ lo lường, cả lòng lân ái đến đó. Em đã chán thấy nhiều tội tình chẳng trọng hệ, song có hồn chịu sâu thâm lạ thường. Em đã liệu nhiều phương thế cho từ đây mấy chơn hồn có bề dễ tránh khỏi cửa Âm Quang hãm tội." (TNHT) (Em: Thất Nương xưng Em khi nói với Đức Hộ Pháp và Đức Thượng Phẩm)

Nói tóm lại, khi Đức Chí Tôn Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào năm Bính Dần (1926) thì Đức Chí Tôn đại

khai Ân Xá, cho đóng cửa Địa ngục, giải phóng hết các tội hồn nơi đó, cho đi đầu kiếp nơi cõi trần để trả quả, đồng thời Đức Chí Tôn cho mở riêng một cõi giữa Thiên đường và Địa ngục, gọi là cõi Âm Quang, thuộc DTC để cho các Linh hồn tội lỗi đến đó định tâm định trí, xét nét lỗi lầm của mình, mà ăn năn sám hối, cầu xin Đức Chí Tôn độ rỗi. Nơi đây chỉ có giáo hóa chứ không có hình phạt, để các chơn hồn giác ngộ, thấy rõ chánh tà, thiện ác.

Nơi cõi Âm Quang có Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa các Nam tội hồn, và Thất Nương DTC giáo hóa các Nữ tội hồn. Các chơn hồn nào biết ăn năn sám hối tội tình, biết được lẽ thiện ác, chánh tà thì được cho đi đầu kiếp để trả cho xong nghiệp quả và lo tu hành để lập công trừ tội.

8. Quan niệm đúng đắn về cuộc sống:

Một con người nơi cõi thiêng liêng có một Điểm Linh quang gọi là Chơn linh hay Linh hồn do Đức Chí Tôn ban cho và một Xác thân thiêng liêng gọi là Chơn thân, do Đức Phật Mẫu tạo thành.

Do đó, nguồn gốc căn bản của con người là ở nơi cõi thiêng liêng, và cõi thiêng liêng này mới chính là cõi sống chơn thật của con người.

Khi con người được phép đầu thai xuống cõi trần thì có thêm một xác thân phàm do cha mẹ phàm trần tạo ra để có một đời sống nơi cõi phàm trần.

Như vậy, cuộc sống toàn thể của một con người trong CKVT gồm có hai giai đoạn nối tiếp, luân phiên nhau mãi với nhau cho đến bất tận:

- Thời gian đầu, con người sống nơi cõi thiêng liêng được an nhàn tự tại, tiêu điều cực lạc. Nhưng vì nhu cầu học hỏi và tiến hóa, người đó làm một chuyến du học xuống cõi phàm trần.

- Người đó sẽ được cha mẹ phàm trần tạo ra một xác thân phàm để được sống nơi cõi phàm trần mà học hỏi, làm việc, chứng nghiệm, tiến hóa.

Nơi cõi phàm trần, các nền tôn giáo là những trường Đại học đạo đức, cõi đời là Trường thi công quả, sự giải khổ và thoát khổ là đề tài luận án của Phật Tiên.

Khi xác phàm đã già nua, không hoạt động tốt được nữa, đến lúc sắp hư hoại thì người đó (Chơn thần và Linh hồn) rời bỏ xác phàm, trở về cõi thiêng liêng là nơi quê cũ, chấm dứt một chuyến đi du học xa đầy hấp dẫn.

- Linh hồn và Chơn thần trở về, đến trình diện với hai Đấng CHA MẸ thiêng liêng, để báo cáo thành quả đạt được trong chuyến du học, trình ra những cấp bằng đạt được. Đức Chí Tôn sẽ khen thưởng bằng cách ban cho những phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật tương xứng.

Còn nếu Linh hồn và Chơn thần thi rớt, không đạt được bằng cấp nào, lại còn mắc phải nhiều món nợ nơi cõi trần thì Linh hồn và Chơn thần được lưu lại cõi thiêng liêng một thời gian để quán xét, suy nghiệm những việc thất bại đã qua, rút kinh nghiệm, để rồi được trở xuống cõi trần thực hiện một chuyến du học nữa, học lại các bài học cũ để thi cho đậu, và lo trả cho xong các món nợ đã vay trong chuyến du học trước.

Như vậy, đời sống của con người nơi cõi thiêng liêng mới thật là đời sống chánh thức, thiết thực và vĩnh viễn, còn đời sống nơi cõi trần chỉ là một giai đoạn ngắn (để du học hay để công tác) trong toàn thể một cuộc sống bất tận của con người.

Đó mới thật là một quan niệm đúng đắn duy nhất về cuộc sống của con người trong CKVT, vì nó đứng trên cái nhìn toàn diện, sinh động và rất ráo.

- Đời sống nơi cõi thiêng liêng là để nghỉ ngơi, an hưởng, hay để suy nghĩ, và sắp đặt kế hoạch cho một chuyến công tác hay du học mới sắp tới.
- Đời sống nơi cõi phàm trần là để học hỏi, làm việc, kinh nghiệm, thử thách và tiến hóa.

Tại sao con người cần phải xuống cõi phàm trần này để học hỏi và tiến hóa? Không thể ở cõi thiêng liêng học hỏi và tiến hóa được sao?

Bởi vì nơi cõi phàm trần này có đủ các bài học từ trực đến thanh, từ ác đến thiện, từ tà mị gian dối đến chánh trực

chơn thật, con người sẽ được học đầy đủ và chiêm nghiệm. Và lại, nơi cõi trần, khí ô trược có đến 2 phần, còn khí thanh khiết chỉ có 1 phần, nên xu hướng vật chất mạnh gấp đôi xu hướng tinh thần, mà nếu con người biết đè nén lòng vật dục để lo phụng sự Nhơn sanh thì sẽ đoạt được công quả rất lớn, nhứt định sẽ được tiến hóa vượt bậc mau chóng.

Do đó, đời sống của con người nơi cõi phàm trần có 4 mục đích chánh yếu sau đây:

1. Học hỏi: Học sao cho thông hiểu tất cả những gì mà Đức Chí Tôn đã bày ra nơi cõi trần để làm nấc thang tiến hóa cho các đẳng chơn hồn.

2. Lập Công quả: Nhìn thấy các bạn đồng sanh đang sống lạc hướng, lặn ngụp trong sông mê bể khổ, chìm đắm trong danh lợi quyền, mãi miết đi trên đường vật dục, thì ta làm thế nào giúp cho các bạn ấy thức tỉnh và giác ngộ, hiểu biết như ta, để trở lại con đường chơn chánh, đi đúng mục tiêu tiến hóa. Ta phải đem hết khả năng của mình ra để giúp đỡ và dẫn dắt họ.

3. Trả nợ: Nếu trong các kỳ du học trước, ta đã gây ra nhiều nợ nần oan trái, thì trong kỳ du học này, nhứt định ta phải lo trả cho xong các món nợ cũ dù phải đau khổ hy sinh.

4. Không gây nợ mới: Kinh nghiệm về sự trả nợ rất đau khổ, ta không nên gây thêm một món nợ oan nghiệt nào khác. Các điều răn cấm, các giới luật tôn giáo là những rào chắn rất hiệu quả để ngăn chặn ta không gây thêm nợ.

Thực hiện được 4 điều trên đây, thì chuyến du học này chắc chắn đạt được thành công mỹ mãn. Hai Đấng CHA MẸ thiêng liêng sẽ rất hài lòng và các bạn thiêng liêng sẽ đón tiếp ngày trở về của ta thật vinh hiển huy hoàng.

9. Phần kết:

Nhơn sanh quan của Đạo Cao Đài đã giải quyết được các điểm chánh yếu mà từ xưa tới nay, các phái Triết học Duy Tâm và Duy Vật đã tốn nhiều thời giờ và giấy mực bàn cãi rất nhiều mà chưa đạt được một kết luận dứt khoát hợp lý nào thỏa mãn được các phái.

*** Về nguồn gốc của loài người, con người từ đâu tới?**

Người nguyên thủy (Thủy tổ loài người) là các Hóa nhân do loài vượn cao cấp (vượn-người) tiến hóa mà thành.

Cái nguồn gốc này không có gì để làm cho chúng ta xấu hổ, vì mọi vật từ cõi thiêng liêng đến cõi phàm trần đều nằm trong Luật Tiến Hóa của Thượng Đế. Chính Đức Phật Thích Ca mà ai ai cũng đều sùng bái, đã từng trải qua nhiều kiếp là loài cầm thú, rồi đến kiếp làm Thái Tử Sĩ Đạt Ta, nhờ công phu tu luyện mà thành Phật. (Xem truyện: Tiên Thân Đức Phật Thích Ca)

Hóa nhân xuất hiện trước, lần lần đông đảo rồi thì Thượng Đế mới cho một số Nguyên nhân đầu kiếp xuống trần, do các Nữ Hóa nhân sanh ra, để khai hóa các Hóa nhân.

Nguyên nhân là những người được Đức Thượng Đế và Đức Phật Mẫu tạo ra từ lúc Khai Thiên, được Đức Chí Tôn cho đầu kiếp xuống trần, ngoài nhiệm vụ khai hóa các Hóa nhân, Nguyên nhân còn phải lo học hỏi và tiến hóa.

*** Con người có Linh hồn không?**

Điều này không còn gì để nghi ngờ nữa, bởi vì khoa Thông Linh Học hiện nay trên thế giới đã chứng minh sự hiện hữu của Linh hồn trong mỗi con người.

Hiện tượng xây cơ ma trong giới bình dân cũng chứng tỏ được người chết không phải là hết, mà Linh hồn người chết vẫn tồn tại, nên có thể nói chuyện được với người sống qua trung gian của cây cơ.

Trong Đạo Cao Đài, hiện tượng Cơ Bút chứng tỏ rằng có Đấng Thượng Đế, có các Đấng Thần Thánh Tiên Phật, có thể giới vô hình rất huyền diệu mà trí não phàm tục của con người không thể hiểu thấu được.

Con người có 3 thể: Thể xác (hữu hình), Linh hồn (vô hình) và thể thứ ba là Chơn thần (bán hữu hình) làm trung gian cho Thể xác và Linh hồn.

Đấng Thượng Đế đã dạy cho chúng ta biết rõ về thể thứ ba này. Đây là điểm rất mới trong Giáo lý của Đạo Cao Đài, nhờ đó có thể giải rõ các hiện tượng của con người từ vật chất đến tinh thần, từ hữu hình qua vô hình.

Con người nơi cõi thiêng liêng (vô hình) chỉ có 2 thể: Linh hồn và Chơn thần (Xác thân thiêng liêng).

*** Con người khi chết đi về đâu?**

Khi Thể xác (xác thân phàm) chết, xác thân này sẽ thối rã và lâu ngày sẽ trở thành đất, còn Chơn thần và Linh hồn sẽ xuất ra khỏi thể xác đi về cõi thiêng liêng, đến trình diện với hai Đấng Phụ Mẫu thiêng liêng là Đức Chí Tôn và Phật Mẫu.

Đức Chí Tôn xem xét các việc phước đức và tội tình mà Linh hồn và Chơn thần đã gây ra trong kiếp sống nơi cõi trần để khen thưởng hay bắt đi đầu kiếp trở lại mà trả quả.

Chứng nào Linh hồn và Chơn thần làm được những việc hoàn toàn tốt đẹp nơi cõi trần, xứng đáng là một Tiểu Thượng Đế thì khi trở về, Đức Chí Tôn sẽ khen thưởng xứng đáng và được hội hiệp cùng Đức Chí Tôn.

Con người là một Linh tử trong CKVT, có một đời sống miên viễn bất tận. Đời sống này bao gồm hai giai đoạn nối tiếp luân phiên nhau mãi mãi đến vô cùng:

- Đời sống nơi cõi thiêng liêng để nghỉ ngơi, an hưởng và suy nghiệm.
- Đời sống nơi cõi phàm trần là để học hỏi, lập công quả, tu luyện, để được tiến hóa nhanh.

Như thế thì mục đích của đời sống con người là để học hỏi và tiến hóa, tiến hóa mãi không ngừng, để cho Càn khôn cùng tiến hóa mãi mãi như các sự vận chuyển của các tinh cầu trong CKVT.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

CKVV: Càn Khôn Vạn vật.

DTC: Điều Trị Cung.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Nhơn sĩ (Nhân sĩ)

人士

A: The high personality.

P: La haute personnalité.

Nhơn: Người. **Sĩ:** người có học thức.

Nhơn sĩ hay Nhân sĩ là người học cao, kiến thức rộng.

Nhơn sự

人事

A: Human affairs.

P: Affaires humaines.

Nhơn: Người. **Sự:** việc.

Nhơn sự là công việc của con người, ý nói các nhiệm vụ của con người đối với gia đình và xã hội, tức là Nhơn đạo vậy.

TNHT: Thầy nói cho các con biết, nếu công quả chưa đủ, *nhơn sự* chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhơn tâm bất cổ

人心不古

Nhơn: Người. **Tâm:** lòng dạ. **Bất cổ:** không giống như xưa.

Nhơn tâm bất cổ là lòng dạ con người ngày nay không giống thời xưa. Ý nói: Lòng dạ con người ngày nay khôn ngoan và xảo trá; còn con người thời xưa thì thuần hậu chất phác.

Nhơn tâm bất khả phòng

人心不可防

Nhơn: Người. **Tâm:** lòng dạ. **Bất khả:** không thể. **Phòng:** đề phòng, liệu lượng.

Nhân tâm bất khả phòng là lòng người không thể liệu lượng được.

Trong sách Minh Tâm Bửu Giám có viết rằng:

*Thiên khả đạc, Địa khả lượng,
Duy hữu nhơn tâm bất khả phòng.
Họa hổ họa bì nam họa cốt,
Tri nhơn tri diện bất tri tâm.*

Nghĩa là:

Trời có thể đo, đất có thể lường,
Chỉ có lòng người không thể phòng được.
Vẽ cọp vẽ da, khó vẽ xương,
Biết người biết mặt, chẳng biết lòng.

Nhơn tâm bất túc xà thôn tượng

人心不足蛇吞象

Nhơn: Người. **Bất túc:** không đủ. **Xà:** rắn. **Thôn:** nuốt.
Tượng: voi.

*Câu trên nghĩa là: Lòng người không đủ như rắn nuốt voi.
Ý nói: Lòng tham của con người không bao giờ biết đủ.*

Trong Minh Tâm Bửu Giám (MTBG) có bài thi hán văn:

*Đắc thất vinh khô tổng thị Thiên,
Cơ quan dụng tận dã đồ nhiên.
Nhơn tâm bất túc xà thôn tượng,
Thế sự đáo đầu đường bộ thiển.
Vô dục khả y khanh tướng bịnh,
Hữu tiền nan mãi tử tôn hiển.
Gia đương thủ phận tùy duyên quá,
Tiện thị tiêu diêu tự tại Tiên.*

Nghĩa là:

Được mất tươi khô tất cả bởi Trời,
Cơ quan dùng hết vậy không như thế.
Lòng người chẳng đủ như rắn muốn nuốt voi,
Việc đời đến lúc cuối cùng như châu chấu bắt ve.

Không thuốc nào chữa bịnh ham khanh tướng,
 Có tiền khó mua được con cháu hiền.
 Nhà nên giữ phận theo duyên qua,
 Quả là Tiên được tiêu diêu tự tại.

Nhơn tâm sanh nhứt niệm, Thiên Địa tất giai tri

人心生一念，天地必皆知

Nhơn: Người. **Nhơn tâm:** lòng người. **Niệm:** tư tưởng.

Thiên Địa: Trời Đất. **Giai:** đều. **Tri:** biết.

Câu trên có nghĩa là: Lòng người sanh một tưởng, Trời Đất ất đều biết. Ý nói: Trời Đất chẳng ở xa, luôn luôn kể bên mình.

Nhơn thân phạm ngữ

人身凡語

Nhơn: Người. **Thân:** thân mình. **Ngữ:** lời nói. **Phạm:** tầm thường thấp kém, chỉ cõi trần.

Nhơn thân phạm ngữ là xác thân và lời nói của người phạm.

CG PCT: Thầy cùng các Đấng thiêng liêng không *nhơn thân phạm ngữ*, thế nào mà thông công cùng cả chúng sanh?

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Nhơn thiện bị nhơn khi

人善被人欺

Nhơn: Người. **Thiện:** lành. **Bị:** tại, bị. **Khi:** khinh, ức hiếp.

Nhơn thiện bị nhơn khi là người lành thì bị người ta khinh rẻ hay ức hiếp.

Nhơn thọ tác quả

因受作果

Nhơn: Nguyên do, cái cớ, bởi vì, do đó. **Thọ:** **Thụ:** nhận lấy. **Tác:** làm.

Nhơn thọ tác quả là nhận cái Nhân để làm ra cái Quả.

Cái mà mình đang thụ hưởng hôm nay là Quả của cái Nhân mà mình tạo ra kiếp trước; những việc làm ngày nay là cái Nhân để tạo thành cái Quả cho kiếp sau hưởng thụ.

Nhơn Tiên

人仙

A: The Cherub. P: Le Chérubin.

Nhơn: Người. **Tiên:** bực Tiên.

Phẩm Tiên được chia làm 3 bực: Địa Tiên, kể trên là Nhơn Tiên, cao hơn nữa là Thiên Tiên. Thứ tự này là chia theo Tam Tài: Địa, Nhơn, Thiên: con người đứng giữa Trời Đất, đầu đội Trời chân đạp đất.

CG PCT: Trong CTĐ có Đầu Sư thì đối với phẩm Địa Tiên, Chưởng Pháp thì đối với phẩm *Nhơn Tiên*, Giáo Tông thì đối phẩm Thiên Tiên. Tam Trấn Oai Nghiêm thay quyền Phật vị tại thế này.

■ *Nhơn Tiên còn có nghĩa là: bực Tiên tại thế, vị Tiên còn ẩn náu nơi cõi trần.*

TNHT: Còn như biết khôn thì ẩn núp tại thế mà làm một bực *Nhơn Tiên* thì kiếp đọa trần cũng chưa mãn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Nhơn tình

人情

A: The human feelings.

P: Les sentiments humains.

Nhơn: Ngươi. **Tình:** tình cảm.

Nhơn tình là tình cảm của con người.

TNHT: *Nhơn tình* ví chẳng mưu thâu phục.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhơn tình thế thái

人情世態

A: The human feelings and the manners of times.

P: Les sentiments humains et les moeurs du temps.

Nhơn: Ngươi. **Tình:** tình cảm. **Thế:** đời. **Thái:** thái độ, thói.

Nhơn tình thế thái là tình người và thói đời.

Thành ngữ này dùng để than thở cho tình người thường thay đổi, còn thói đời thì đen bạc, cuộc đời đáng bi quan.

Nhơn trí

人智

A: Human mind.

P: L'esprit humain.

Nhơn: Ngươi. **Trí:** sự khôn ngoan hiểu biết.

Nhơn trí là sự khôn ngoan hiểu biết của con người.

CG PCT: Nên Thầy mới đến cho nhơn loại lập Tân Luật thế nào cho phù hợp với *nhơn trí*, hiệp tánh với *nhơn tâm*....

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Nhơn từ (Nhân từ)

仁慈

A: The universal love.

P: L'amour universel.

Nhơn: Nhân: Lòng thương người mền vật. **Từ:** lòng thương yêu của người trên đối với kẻ dưới.

Nhơn từ là lòng thương yêu bao la, thương khắp chúng sanh.

TNHT: Thầy đã sanh ra các con, sự yêu mền của một ông cha *nhân từ* thế quá lẽ làm cho đến nỗi con cái khinh khi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhơn từ giả thọ

仁慈者壽

Nhơn: Lòng thương người mền vật. **Giả:** ấy là. **Thọ:** sống lâu.

Nhơn từ giả thọ là người nhơn từ thì sống lâu.

Nhơn tử lưu danh

人死留名

Nhơn: Người. **Tử:** chết. **Lưu:** để lại. **Danh:** tiếng tăm.

Nhơn tử lưu danh là người chết lưu lại tiếng tốt hay xấu.

Nhơn tước - Thiên tước

人爵 - 天爵

A: The dignity in the world and in the Heaven.

P: La dignité dans le monde et dans le Ciel.

Nhơn: Người. **Thiên:** Trời. **Tước:** chức tước, phẩm tước.

Nhơn tước là phẩm tước của con người nơi cõi trần.

Thiên tước là phẩm tước nơi cõi Trời do Trời ban cho.

TNHT: Hàng phẩm *nhơn tước* đạo đức các con nó trùng với hàng phẩm *Thiên tước* của các con.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhơn vật

人物

Nhơn: Người. **Vật:** cái gì có hình chất trong thiên nhiên.

Có hai trường hợp sau đây:

1. *Nhân vật là người tài giỏi nổi bật, đáng chú ý.*

(A: Personality. P: Personnalité)

Nhân vật chí: bộ sách chép về các nhân tài ở trong một nước qua nhiều thời đại.

2. *Nhân vật là người và vật.*

(A: Men and living beings. P: Hommes et êtres vivants)

Nhân vật phú thứ: người giàu vật đồng.

TNHT: Kỳ Hạ nguon hầu mất, *nhơn vật* vì tai nạn mà phải tiêu tan, 10 phần còn lại có 1 mà thôi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhơn vi vạn vật chí linh

人為萬物至靈

Nhơn: Người. **Vi:** là. **Chí:** rất. **Linh:** thiêng liêng.

Nhân vi vạn vật chí linh: người là loài rất linh trong vạn vật.

Nhơn vị (Nhân vị)

人位

A: Personalism.

P: Personnalisme.

Nhơn: Người. **Vị:** phẩm vị, địa vị.

Nhơn vị hay Nhân vị là phẩm vị và tư cách của con người, tạo nên một giá trị đặc biệt cho con người.

Nhân vị là ngôi thứ của con người trong vũ trụ, và là cái gì tạo ra phẩm giá cao quý của con người để xứng đáng đứng ở ngôi vị ấy.

Chủ nghĩa Nhân vị là một trào lưu triết học, chủ trương con người có trách nhiệm (Nhân vị), là giá trị cao nhất trên các giá trị khác. Con người là những bản thể tinh thần chi phối vật chất. Toàn bộ thế giới tự nhiên và xã hội là một cộng đồng Nhân vị mà Thượng Đế là Nhân vị tối cao.

Chủ nghĩa Nhân vị đặt trên nền tảng Chủ nghĩa Duy Linh, gồm 3 nội dung cơ bản sau đây:

1. Nhân vị là một khái niệm dùng để chỉ con người, và con người ở đây gồm có Thể xác và Linh hồn, mà Linh hồn giữ vai trò quyết định đối với Thể xác, là linh thiêng, là bất tử.

2. Nhân vị nói lên thái độ của chủ nghĩa Nhân vị đối với con người. Với nghĩa này, chủ nghĩa Nhân vị là triết lý tự nhận, coi trọng con người trên cơ sở xác định vị trí cao cả của con người trong vũ trụ.

3. Chủ nghĩa Nhân vị còn bao hàm ý nghĩa mưu cầu hạnh phúc cho con người, tức là cho nhân vị, từ đó tạo hạnh phúc cho cả nhơn loại.

Tất cả hành động của con người trong mọi lãnh vực trong đời sống đều nhằm vào việc phục vụ Nhân vị, nghĩa là gây hạnh phúc cho mình và cho mọi người. Muốn đạt được mục đích ấy, ta phải trở về nội tâm để chiến thắng vị kỷ tính và ác tính của mình, xây dựng cho mình và cho người tư tưởng và hành động sau đây: Tôn trọng nhân phẩm và tạo hạnh phúc cho nhơn loại. Vì vậy, chủ nghĩa Nhân vị chú trọng cả tinh thần và vật chất, và cho rằng cả hai phần tinh thần và vật chất đều cần thiết, chớ không như thuyết Duy Vật chỉ chú trọng về vật chất và thuyết Duy Linh chỉ chú trọng phần linh hồn.

Chủ nghĩa Nhân vị gắn liền với Thần học Tân giáo, được phổ biến rộng rãi ở nước Mỹ, đại diện tiêu biểu là: E.S. Brightman, R.T. Flewelling, chịu ảnh hưởng của Leibniz.

Theo Leibniz, vũ trụ gồm những đơn tử hay monaden, là những bản thể tinh thần độc lập, vật chất chỉ là một biểu hiện của chúng, Thượng Đế là một đơn tử tối cao.

Ở nước Pháp, chủ nghĩa Nhân vị có một biến tướng khác, do Renouvier đề ra vào năm 1903, và nó được Mounier xây dựng thành một học thuyết hoàn chỉnh, chống lại chủ nghĩa quốc gia và các chế độ cực quyền. Nó tập hợp nhiều trào lưu Ki-Tô giáo cánh tả để làm cách mạng tôn giáo, kết hợp Công giáo với chủ nghĩa xã hội.

Nhơn vô thập toàn

人無十全

Nhơn: Người. **Vô:** không. **Thập:** mười. **Toàn:** hoàn toàn.

Thập toàn: trọn vẹn cả, không thiếu sót chút nào.

Nhơn vô thập toàn là con người không thể nào tròn vẹn hết cả (thể nào cũng có thiếu sót).

Chỉ có Thượng Đế mới thập toàn: Toàn tri toàn năng, toàn thiện toàn mỹ, toàn linh toàn giác.

NHU

Nhu sĩ

儒士

A: The scholar. P: Le lettré.

Nhu: Nho, Nho học. **Sĩ:** người có học thức.

Nhu sĩ hay Nho sĩ là người trí thức Nho học thời xưa.

TNHT: Nhưng mà chẳng tái kiếp thì như *nhu sĩ* trốn thi.

Nhu thắng cương, nhược thắng cường

柔勝剛，弱勝強

Nhu: mềm yếu. **Thắng:** được, hơn. **Cương:** cứng. **Nhược:** yếu. **Cường:** mạnh.

Nhu thắng cương: Mềm thắng cứng.

Nhược thắng cường: Yếu thắng mạnh.

Đức Lão Tử nói: Người ta sanh ra thì yếu mềm, khi chết thì đờ cứng. Cây cỏ vạn vật mới sanh thì mềm dịu, khi chết khô cứng. Cho nên, cứng mạnh là con đường chết, yếu mềm là con đường sống. Thế nên, binh mạnh ắt không thắng, cây cứng ắt bị đốn. Cứng mạnh ở dưới, yếu mềm ở trên.

NHŨ

NHŨ

NHŨ: 乳 Vú, sữa, cho bú.

Td: Nhũ danh.

Nhũ danh

乳名

A: A patronymic name.

P: Le nom patronymique.

Nhũ: Vú, sữa, cho bú. **Danh:** tên.

Nhũ danh là tên của một người do cha mẹ đặt lúc mới đẻ, còn bú sữa.

Nhũ lệnh

乳令

A: The order of Mother.

P: L'ordre de Mère.

Nhũ: Vú, sữa, cho bú; chỉ bà mẹ. **Lệnh:** mệnh lệnh.

Nhũ lệnh là lệnh của Mẹ.

Mỗi người nơi cõi phàm trần đều có: - cha mẹ phàm trần, và - hai Đấng Cha Mẹ thiêng liêng, gọi là Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu, tức là Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

PMCK: Chiếu *nhũ lệnh*, Từ Huyền thọ sắc.

(*Nhũ lệnh* trong câu kinh này là *lệnh* của Đức Phật Mẫu).

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

NHỤC

NHỤC

1. **NHỤC:** 肉 Thịt, chỉ về thể xác.
Td: Nhục dục, Nhục thể.
2. **NHỤC:** 辱 Nhục nhã, như nhục.
Td: Nhục tổ hồ tông.

Nhục dục

肉慾

A: Sensual desires.

P: Désires charnels.

Nhục: Thịt, chỉ về thể xác. **Dục:** ham muốn.

Nhục dục là ham muốn thú vui thể xác, tức là ham muốn thú vui xác thịt nam nữ.

Nhục nhãn

肉眼

A: Freshy eyes.

P: Oeil de chair.

Nhục: Thịt, chỉ về thể xác. **Nhãn:** con mắt.

Nhục nhãn là con mắt thịt, ý nói con mắt phàm, không thể thấy được thế giới vô hình.

Khi tu luyện đắc đạo thì nhục nhãn trở thành Huệ nhãn, nghĩa là con mắt trí huệ, thấy được các điều bí ẩn, huyền diệu nơi cõi vô hình.

Nhục thể

肉體

A: Carnal body.

P: Corps charnel.

Nhục: Thịt, chỉ về thể xác. **Thể:** thân thể.

Nhục thể là thể xác bằng xương bằng thịt của con người.

KNH: Nâng tay *nhục thể* xây hình Chí Tôn.

KNH: Kinh Nhập Hội.

Nhục tổ hổ tông

A: To bring shame on the ancestors.

P: Faire deshonneur aux ancêtres.

Nhục: Nhục nhã, như nhục. **Hổ:** xấu hổ. **Tổ tông:** tổ tiên của dòng họ.

Nhục tổ hổ tông là làm nhục nhã và xấu hổ đến tổ tiên của dòng họ.

KSH: Người quân tử chẳng thà chịu khổ,
Đâu làm điều *nhục tổ hổ tông*

KSH: Kinh Sám Hối.

NHƯ

NHƯ

NHƯ: 如 Giống như, ví như, hoặc là, không đổi.

Td: Như lai, Như nguyên, Như ý.

Như ảnh tùy hình

如影隨形

Như: Giống như, ví như, hoặc là, không đổi. **Ảnh:** cái ảnh, cái bóng. **Tùy:** theo.

Như ảnh tùy hình là như bóng theo hình, không thể tách rời ra được, hình thế nào thì ảnh thế đó (hình cong thì ảnh cong).

Như cổ sắt cầm

如鼓瑟琴

Như: Giống như, ví như, hoặc là, không đổi. **Cổ:** đánh, khảy. **Sắt:** đàn sắt. **Cầm:** đàn cầm.

Sắt cầm là hai loại đàn, khi hòa âm thì nghe rất hay.

Như cổ sắt cầm là như khảy đàn sắt và đàn cầm, chỉ sự hòa hợp giữa vợ chồng.

Như đao phá thạch

如刀破石

Như: Giống như, ví như, hoặc là, không đổi. **Đao:** cây đao. **Phá:** làm vỡ ra. **Thạch:** đá.

Như đao phá thạch là như cây đao chém vào đá. Ý nói: Lời nói cương quyết, nhưt định làm.

Như Lai

如來

A: Buddha.

P: Bouddha.

Như: Giống như, ví như, hoặc là, không đổi. **Lai:** tới, đến.

Như Lai là Phật. (từ ngữ thường dùng của Phật giáo)

Chữ Phạn là Tathâgatha, Hán văn dịch là Như Lai, có nghĩa là nương theo cái thật tánh của Chơn như mà đến, tức là đã đứng vào phẩm vị Phật.

Chơn như là thể tánh chơn thật không biến đổi, không thiện không ác, không sanh không diệt, đó là Phật tánh.

Cái Chơn như của Phật thì đầy đủ, còn Chơn như của chúng sanh thì không đầy đủ.

Kinh Kim Cang giải nghĩa chữ Như Lai như sau:

Vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ. Nghĩa là: không từ đâu đến, cũng không đi đâu. Do đó, Như Lai là Phật.

Theo sách Đạo Viện Tập, thì: Như là vốn biết, Lai là hiện biết. Như Lai là hiện biết vốn biết, tức là bậc Chánh Giác.

Như Lai còn có nhiều nghĩa khác nữa, kể ra:

- Như Lai chẳng phải là bực đoạn diệt phiền não, mà là bực chẳng hề phát sanh phiền não. Vậy, Như Lai là Niết Bàn.

- Như Lai là Phật tánh. - Như Lai là Hư không.

- Như Lai là thường trụ, thật tướng, chẳng hề biến đổi.

KTCMĐQL: Năm phan Tiếp Dẫn vào vòng *Như Lai*.

KTCMĐQL: Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu.

Như nguyện

如願

A: As one's wishes.

P: Selon la volonté.

Như: Giống như, ví như, hoặc là, không đổi. **Nguyện:** **Nguyện:** mong muốn, ước muốn.

Như nguyện, tức là Như nguyện, là đạt được những điều như đã mong ước.

KSH: Rèn lòng sửa nét khá in *như nguyện*.

KSH: Kinh Sám Hối.

Như Nhãn Hòa Thượng

(Xem: Chưởng Pháp, văn Ch)

Như thẳng

A: If, as if.

P: Si, comme si.

Như: Giống như, ví như, hoặc là, không đổi.

Như thẳng là nếu như, thoảng như, ví như.

PCT: *Như thẳng*, luật lệ nào nghịch với sự sanh hoạt của nhơn sanh thì chúng nó đặng cầu xin hủy bỏ.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Như thị

如是

A: Like this.

P: Comme ceci.

Như: Giống như, ví như, hoặc là, không đổi. **Thị:** ấy là, như thế, đúng, phải, trái với Phi.

Như thị có hai nghĩa:

- *Như thị: ấy là như thế.*

- *Như thị: lời bày tỏ rõ ràng, thừa nhận đúng như thế.*

■ **Như thị ngã văn:** Ta có nghe như vậy.

Bốn chữ này được dùng làm lời khởi đầu cho một bài kinh tụng của Phật giáo.

Ấy là điều mà Đức Phật Thích Ca dạy: Phàm những chỗ khởi đầu trong Kinh, đều theo lệ để bốn chữ ấy.

Như thị là chỉ lời Đức Phật thuyết ở trong Kinh.

Ngã văn là tự ông A-Nan đã nghe Đức Phật nói như vậy.

Trong Vô Lượng Thọ Kinh đề là: "Ngã văn như thị."

Trong Đại Bát Niết Bàn Kinh, quyển 41, phẩm Di Giáo, ông A-Nan có hỏi Đức Phật Thích Ca: Sau khi Như Lai diệt độ, chừng kết tập Pháp tạng, nên đặt để những chữ gì ở đầu tất cả các Kinh?

Phật dạy: A-Nan! Sau khi Như Lai diệt độ, đến chừng kết tập Pháp tạng, ở đầu tất cả Kinh, nên đề: *Như thị Ngã văn* (Tôi có nghe như vậy): Có một lúc, Phật trụ tại phương mỗi, xứ mỗi, với chư Tứ chúng mà thuyết kinh này... (Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn)

■ **Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật:**

Câu này thường gặp trong Di-Lạc Chơn Kinh, có nghĩa là: Như là vô số chư Phật các cấp.

Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn

(Xem: Vĩnh Nguyên Tự, văn V)

Như ý sở cầu

如意所求

Như: Giống như, ví như, hoặc là, không đổi. **Ý:** ý muốn. **Sở:** điều quan trọng của mình. **Cầu:** xin. **Như ý:** đúng như điều mong muốn. **Sở cầu:** điều quan trọng mà mình hằng cầu xin.

Như ý sở cầu là đúng như ý muốn mà mình hằng cầu xin.

NHỮ

NHỮ

NHỮ: 汝 Ngươi, các ngươi, chúng bây, mày.
Td: Nhữ đẳng, Nhữ tri hồ.

Nhữ đẳng tu thọ pháp

汝等修受法

Nhữ: Ngươi, các ngươi, chúng bây, mày. **Đẳng:** thứ bậc, bọn, lũ. **Tu:** tu luyện.

Thọ pháp: nhận lãnh bí pháp luyện đạo.

Nhữ đẳng: bọn bây, bọn các ngươi.

Nhữ đẳng tu thọ pháp: bọn các ngươi hãy thọ lãnh bí pháp tu luyện.

TNHT: *Nhữ đẳng tu thọ pháp*, tu thọ pháp. Khâm tai!

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhữ tri hồ?

汝知乎？

Nhữ: Ngươi, các ngươi, chúng bây, mày. **Tri:** biết. **Hồ:** tiếng dùng để hỏi.

Nhữ tri hồ? nghĩa là: Các ngươi biết không?

TNHT: Thích Ca Như Lai thị Ngã, dục cứu chúng sanh, tá danh Cao Đài Đại Bồ Tát. *Nhữ tri hồ?*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NHƯỢC

NHƯỢC

1. **NHƯỢC:** 若 Nếu, nếu như, ví bằng.
Td: Nhược hữu, Nhược thiệt.
2. **NHƯỢC:** 弱 Yếu, kém.
Td: Nhược thủy.

Nhược hữu

若有

A: If anything. P: S'il y a.

Nhược: Nếu, nếu như, ví bằng. **Hữu:** có.

Nhược hữu: Nếu có.

DLCK: *Nhược hữu* thiện nam tử, thiện nữ nhân....

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Nhược nhơn đương sanh

若人當生

Nhược: Nếu, nếu như, ví bằng. **Nhơn:** người. **Đương sanh:** đang sống.

Nhược hơn đương sanh: Nếu như có người đang sống.

DLCK: *Nhược hơn đương sanh, nhược hơn vị sanh,...*

Nhược hơn vị sanh: nếu như có người chưa được sanh ra.

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Nhược thiệt nhược hư

若實若虛

A: As real as unreal.

P: Comme réel comme irréel.

Nhược: Nếu, nếu như, ví bằng. **Thiệt:** thực, thật. **Hư:** trống không.

Nhược thiệt nhược hư: Như là có thật nhìn thấy được, như là trống không, nhìn không thấy gì cả.

Đó là Đạo Trời huyền diệu, biến hóa không lường, hư hư thật thật, khi có khi không, biến hóa màu nhiệm vô cùng, không thể lấy trí phàm mà xét đoán được.

Nhược thủy

弱水

A: Feeble water.

P: Eau faible.

Nhược: Yếu, kém. **Thủy:** nước.

Nhược thủy là nước yếu, chỉ cõi Tiên.

Theo điển tích về đảo Bồng Lai, chung quanh đảo ấy là biển mà nước biển này rất yếu, đỡ không nổi hạt cải, tức là bỏ hạt cải trên nước yếu này thì hạt cải chìm ngay. Chỉ có cõi Tiên mới có nhược thủy, nên Nhược thủy chỉ cõi Tiên.

Nhược tiểu

弱小

A: Small and weak.

P: Petit et faible.

Nhược: Yếu, kém. **Tiểu:** nhỏ.

Nhược tiểu là nhỏ và yếu.

Quốc gia nhược tiểu là nước nhỏ (diện tích đất đai nhỏ, dân số ít) và yếu (không có binh lực hùng mạnh). Các nước nhược tiểu thường bị các nước hùng mạnh lấn áp hay thôn tính.

NHỨT (NHẮT)

NHỨT

NHỨT: — Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát.

Td: Nhứt bổn, Nhứt luật, - quán, - thiết.

Nhứt ẩm nhứt trắc sự giai tiền định

一飲一啄事皆前定

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Ẩm:** uống. **Trắc:** chim mổ thức ăn, chỉ miếng ăn. **Sự:** việc. **Giai:** đều. **Tiền:** trước. **Định:** sắp đặt.

Câu trên có nghĩa là: *Một cái uống, một cái ăn, việc đó đều định trước.*

Đây là câu nói rất thường dùng bởi những người hoàn toàn tin tưởng thuyết Thiên mệnh, cho rằng mỗi việc chi, dù nhỏ dù lớn, cũng đều do Trời định trước cả.

Trong sách Minh Tâm Bửu Giám (MTBG) có chép:

*Nhứt ẩm nhứt trắc sự giai tiền định,
Vạn sự phạm dĩ định, phù sanh không tự mang.
Vạn sự bất do nhơn kế giáo,
Nhứt sanh đô thị mạng an bài.*

Nghĩa là:

Một uống một ăn, sự đều định trước,

Muôn sự phận đã chia định, kiếp phù sanh không tự lo.
 Muôn việc không do người so tính,
 Một đời người đều là mạng Trời an bài.

Thật ra chúng ta nên hiểu rằng, Trời đâu có bận tâm để ý đến những chuyện lật vật như cái ăn cái uống của mỗi người. Trời chỉ lập ra Luật Nhân Quả để cho mỗi người tự định đoạt số phận của mình. Nếu mình muốn được giàu sang danh vọng thì trước đó mình phải lo làm lành, làm việc phước đức; còn nếu mình không làm lành, không làm phước mà lại làm việc gian ác thì chắc chắn sau này phải bị hoạn nạn tai ương báo đáp lại. Người làm điều ác độc mà muốn hưởng quả lành thì không bao giờ có được, giống như đi tìm sừng hổ lông rùa.

Nhưng con người thì vô minh, không thấy được cái nghiệp chuyển từ cái Nhân của kiếp trước sang cái Quả của kiếp sau, nên cho rằng tất cả đều do Trời định.

Nhứt bốn tán vạn thù, Vạn thù qui nhứt bản

一本散萬殊，萬殊歸一本

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Bốn:** **Bản:** gốc. **Tán:** phân chia ra. **Thù:** khác, sai biệt. **Qui:** trở về. **Nhứt bốn:** một gốc. **Vạn thù:** muôn sai biệt.

Nhứt bốn tán vạn thù: Một gốc phân ra muôn sai biệt.

Vạn thù qui nhứt bản: Muôn sai biệt trở về một gốc.

Một gốc đây là Đạo, muôn ngàn sai biệt ấy là Đời.

Một gốc tủa ra muôn ngàn sai biệt là đi theo con đường Đời, càng xa gốc Đạo thì càng khác nhau, sai biệt nhau. Từ muôn ngàn sai biệt đi trở về gốc tức là đi theo con đường đạo đức để trở về gốc, ấy là Đạo.

Đạo khác Đời ở chỗ thuận chuyển hay nghịch chuyển.

Ai chưa giác ngộ thì cứ thuận theo con đường sai biệt mà chia rẽ nhau mãi, càng đi càng xa nhau; còn ai đã giác ngộ thì đi ngược trở lại mà trở về gốc, gặp nhau ở chỗ Đạo, mà Đạo là chơn lý, chỉ có một.

Thời Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ là nhứt bản tán vạn thù, vì một gốc Thượng Đế mà lập ra nhiều mối đạo ở khắp các nơi để cứu độ nhơn sanh. Thời Tam Kỳ Phổ Độ là vạn thù qui nhứt bản vì Đấng Thượng Đế mở Đạo Cao Đài để qui nguyên Tam giáo và phục nhứt Ngũ Chi.

Nhứt bản vạn lợi

一本萬利

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Bản:** Bản: tiền vốn. **Lợi:** tiền lời.

Nhứt bản vạn lợi là một vốn muôn lời.

Đây là câu cầu chúc những người buôn bán, nói cho đẹp lời vậ thoi chớ không thể làm được. Duy chỉ có việc tu hành mới đạt được nhứt bản vạn lợi.

TNHT: Một kiếp muối dưa muôn kiếp hưởng,
Đôi năm mệt nhọc vạn năm bường

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhứt cử lưỡng tiện

一舉兩便

A: To kill two birds with one stone.

P: Faire deux affaires en une seule fois.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Cử:** cất lên, cử động. **Lưỡng:** hai. **Tiện:** thuận tiện.

Nhứt cử lưỡng tiện là làm một việc mà được hai cái lợi.

Nhứt dĩ quán chi (Nhứt quán)

一以貫之 (一貫)

A: An only principle embraces all.

P: Un seul principe embrasse tout.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Dĩ:** lấy. **Quán:** sâu, xuyên suốt. **Chi:** hư tự.

Nhứt dĩ quán chi: một sợi dây xuyên hết số tiền.

Ý nói: Chỉ lấy gốc ở một lý mà thông suốt muôn việc.

Nhứt quán: Một xuyên suốt.

Sách Luận Ngữ chép như sau:

1.- Nhân vì Tử Cống (tên Doan Mộc Tứ) trải nhiều phen nhờ Đức Khổng Tử dạy bảo, vừa tri vừa hành, công phu đã đến lúc thành thực, nên ngày sau, Đức Khổng Tử bảo Tử Cống:

- Tứ đã! nhứt dĩ dư vi đã học nhi chí tri giả ư?

(Trò Tứ! người tưởng Ta học nhiều mà biết cả đấy ư?)

Tử Cống thưa rằng:

- Nhiên phi dư? *(Chính thế, không phải hay sao?)*

Đức Khổng Tử nói: - Phi đã, dư: Nhứt dĩ quán chi.

(Không phải, ta chỉ hệ thống vào một mối).

Ý nói: Ta lấy gốc ở một chơn lý mà quán suốt muôn lẽ.

2.- Đức Khổng Tử nói với Tăng Tử (Tăng Sâm):

- Sâm hỡi! Ngô đạo nhứt dĩ quán chi.

(Trò Sâm! đạo của Ta là Nhứt dĩ quán chi.)

Tăng Tử đáp: - Dục. *(Vâng)*

Tử xuất, môn nhân vấn viết: - Hà vị dã?

(Đức Khổng Tử đi khỏi, bạn học hỏi: - Thế là thế nào?)

Tăng Tử viết: Phu Tử chi đạo Trung Thứ nhi dĩ hỹ.

(Tăng Tử nói: Đạo của Phu Tử là Trung Thứ mà thôi).

Tất cả học trò của Đức Khổng Tử, chỉ có Tử Cống và Tăng Tử là được nghe lời nói "**Nhứt dĩ quán chi**" của Đức Khổng Tử. Nhưng lý đạo Nhứt dĩ quán chi cao xa quá, nếu nói thật cho các bạn đồng môn nghe, sợ họ không lãnh hội được thì sanh ra hoang mang không tốt, nên Tăng Tử nẩy ra ý hay mới nói trớ rằng: Đạo của Phu Tử chỉ là Trung Thứ mà thôi.

Bốn chữ "**Nhứt dĩ quán chi**" tóm hết cái đạo của Đức Khổng Tử và làm cho hệ thống Nho giáo nhứt thể sáng rõ.

Đạo Nhất quán ấy gọi là Trung Thứ hay Nhân Nghĩa cũng là một, do đạo Nhân mà ra cả.

Có Nhân thì hiểu rõ và theo đúng cái Thiên lý thuần nhiên quán thông từ tư tưởng đến hành vi, không có cái gì là không hợp với đạo nhất thể.

Cách lập giáo của Đức Khổng Tử chỉ căn cứ vào một lẽ là Thiên lý mà thôi. Từ Hình Nhi Hạ học bàn về nhơn sanh nhứt dụng, nào là phẩm cách con người, tổ chức gia đình, xã hội, nào là Nhân Nghĩa, rồi đến Hình Nhi Thượng học là triết lý bàn về Thiên đạo, Nhơn đạo, nhứt nhứt đều không ra ngoài Thiên lý. Sự giảng dạy có mạch lạc, hệ thống. Học trò nào sáng suốt thì biết mới mà tìm hiểu dễ dàng, nên nói lấy một lẽ mà xuyên suốt mọi việc trong thiên hạ là vậy.

TĐ ĐPHP: *"Đạo của Khổng Phu Tử, tuy vẫn có Thất thập nhị Hiền, mà cả thầy chưa chắc có người nào đoạt đạo đặng, duy có một người mà thôi, là ông Tăng Sâm. Bằng cơ là buổi chung qui, Ngài kêu Sâm nói: Sâm hồ! Ngô đạo Nhứt dĩ quán chi."*

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Nhứt diện

一面

A: On the one hand.

P: D'un côté.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Diện:** mặt, phương diện.

Nhứt diện là một mặt, một phương diện.

CG PCT: Khai Đạo, khi đặng tờ kêu nài cầu rỗi, thì liệu như đáng rỗi, phải *nhứt diện* tư tờ qua cho Tòa Tam Giáo CTĐ xin đình án bao lâu tùy ý, song chẳng đặng phép quá 15 ngày, nhứt diện dâng sớ cho Hộ Pháp cầu nhóm....

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Nhứt diệp tri thu

一葉知秋

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Diệp:** lá cây. **Tri:** biết. **Thu:** mùa Thu.

Nhứt diệp tri thu là một lá biết mùa Thu.

Thành ngữ trên rút ra từ hai câu Đường thi:

Ngô đồng nhứt diệp lạc, 梧桐一葉落

Thiên hạ cộng tri Thu. 天下共知秋

Nghĩa là: Một lá ngô đồng rơi, thiên hạ biết Thu sang

Nhứt đán vô thường vạn sự hưu

一旦無常萬事休

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Đán:** buổi sớm mai. **Vô thường:** không như thường, ý nói chết. **Vạn sự:** muôn sự. **Hưu:** thôi, nghỉ.

Nhứt đán vô thường, vạn sự hưu: Một mai kia chết rồi, muôn việc đều thôi.

Minh Tâm Bửu Giám:

Tam thốn khí tại thiên ban dụng,

Nhứt đán vô thường vạn sự hưu.

Vạn vật mạc đào kỳ số,

Vạn ban tường thụ bất như vô.

Nghĩa là:

Ba tấc hơi còn, ngàn việc dùng,

Một mai chết rồi, muôn sự thôi.

Muôn vật chẳng trốn khỏi số,

Muôn bậc điềm lành chẳng bằng không

Nhứt gia hữu sự bá gia ưu

一家有事百家憂

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Gia:** nhà. **Hữu sự:** có việc (quan trọng). **Bá gia:** trăm nhà. **Ưu:** lo lắng.

Nhứt gia hữu sự bá gia ưu: Một nhà có việc quan trọng, trăm nhà đều lo lắng.

Ý nói: Tinh thần đoàn kết, tương thân tương trợ của những người sống chung trong một xóm hay những người đồng đạo. Hễ một nhà có tai nạn thì mọi người đều lo lắng giúp đỡ.

Nhứt hô bá ứng

一呼百應

A: When he calls, a hundred replies.

P: Un appel cent réponses.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Hô:** kêu gọi. **Bá:** trăm. **Ứng:** đáp lại.

Nhứt hô bá ứng là một tiếng hô lên, trăm tiếng đáp lại.

Ý nói: người có uy tín, kêu gọi một lời, khiến mọi người đều hưởng ứng theo.

Nhứt khắc thiên kim

一刻千金

A: Every moment is precious.

P: Le temps est de l'argent.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Khắc:** ¼ giờ. **Thiên:** ngàn. **Kim:** vàng.

Thiên kim: ngàn vàng, rất quý báu, trị giá rất nhiều tiền.

Nhứt khắc thiên kim là một khắc giá đáng ngàn vàng.

Ý nói: Thì giờ là tiền bạc, thì giờ rất quý báu.

Nhứt lao vĩnh dật

一勞永逸

A: By one supreme effort to win eternal ease.

P: Une peine peut permettre un repos éternel.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Lao:** mệt nhọc. **Vĩnh:** lâu dài. **Dật:** an nhàn.

Nhứt lao vĩnh dật là một lần mệt nhọc, an nhàn lâu dài.

Ý nói: Cố gắng làm việc khó nhọc một lần để được sung sướng lâu dài.

Câu trên có ý tương tự như hai câu Thánh Ngôn:

Một kiếp muối dưa muôn kiếp hưởng,
Đôi năm mệt nhọc vạn năm bường.

Nhứt môn đồng mạch

一門同脈

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Môn:** cửa, ý nói cửa Đạo. **Đồng:** cùng. **Mạch:** đường nước chảy.

Nhứt môn: một nhà, một cửa Đạo.

Đồng mạch: cùng một đường nước chảy, ý nói cùng một nhịp sống, hay cùng một tín ngưỡng.

Nhứt môn đồng mạch là cùng một Đạo, cùng một tín ngưỡng.

PMCK: Hiệp vạn chủng *nhứt môn đồng mạch*.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Nhứt môn hạnh phúc

一門幸福

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Môn:** cửa, nhà. **Nhứt môn:** một nhà.

Nhứt môn hạnh phúc là một nhà hạnh phúc.

TNHT: Một nhà sau gặp gỡ, ngàn trước vẫn an vui. Ấy là *nhứt môn hạnh phúc*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhứt nghệ tinh nhứt thân vinh

一藝精一身榮

A: A useful trade is a mine of gold.

P: Quand on excelle dans l'art, on est sùr d'être honoré.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Nghệ:** nghề. **Tinh:** tinh xảo, khéo giỏi.

Thân: thân mình. **Vinh:** vẻ vang.

Nhứt nghệ tinh nhứt thân vinh: Một nghề tinh xảo thì tấm thân vẻ vang trọn đời.

Nhứt ngộ bất dung tái ngộ

一誤不容再誤

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Ngộ:** sai lầm. **Bất dung:** không để cho, không cho phép. **Tái ngộ:** sai lầm lần nữa.

Nhứt ngộ bất dung tái ngộ: Làm lỗi một lần không thể để cho tái diễn nữa.

Nhứt ngôn khả dĩ hưng bang

一言可以興邦

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Ngôn:** lời nói. **Khả dĩ:** có thể mà. **Hưng:** dấy lên, thịnh. **Bang:** nước.

Trong sách Luận Ngữ: "*Từ viết: Nhứt ngôn nhi khả dĩ hưng bang, Nhứt ngôn nhi khả dĩ táng bang.*"

Nghĩa là: Đức Khổng Tử nói rằng: *Một lời nói mà có thể làm cho nước hưng thịnh, một lời nói mà có thể làm cho nước mất.*

Nhứt ngôn ký xuất tứ mã nan truy

一言既出駟馬難追

A: A word spoken is past recalling.

P: Quand une parole nous échappe, quatre chevaux ne sauraient l'attrapper.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Ngôn:** lời nói. **Ký:** đã qua. **Xuất:** phát ra. **Tứ mã:** chiếc xe có bốn con ngựa kéo. **Nan:** khó. **Truy:** đuổi theo.

Nhứt ngôn ký xuất: Một lời nói đã phát ra.

Tứ mã nan truy: Xe bốn ngựa kéo khó đuổi theo kịp.

Ý nói: Lời nói thoát ra khỏi miệng không thu lại được, có hối cũng không kịp. Do đó, cần phải cẩn thận lời nói.

Nhứt, Nhị, Tam Kỳ Phổ Độ

一,二,三期普度

A: The first, second, third manifestation of the divine mercy.

P: La première, seconde, troisième manifestation de la miséricorde divine.

Nhứt: Thứ nhứt. **Nhị:** thứ nhì. **Tam:** thứ ba. **Kỳ:** thời kỳ. **Phổ:** bày rộng ra. **Độ:** cứu chúng sanh.

- **Nhứt Kỳ Phổ Độ:** phổ độ chúng sanh kỳ thứ nhứt.
- **Nhị Kỳ Phổ Độ:** phổ độ chúng sanh kỳ thứ nhì.
- **Tam Kỳ Phổ Độ:** phổ độ chúng sanh kỳ thứ ba.

Kể từ thời thái cổ đến nay, trên quả địa cầu này, Đức Chí Tôn Thượng Đế đã mở ra 3 thời kỳ phổ độ để cứu giúp chúng sanh, kể ra:

- Nhứt Kỳ Phổ Độ vào thời thái cổ của nhơn loại.
- Nhị Kỳ Phổ Độ vào thời thượng cổ của nhơn loại.
- Tam Kỳ Phổ Độ vào thời hiện nay.

I. NHỨT KỶ PHỔ ĐỘ:

Trong thời Thượng nguơn, ứng với thời thái cổ của nhơn loại, con người còn giữ được bốn tánh thiện lương của Thượng Đế ban cho, nên còn giữ được nếp sống thuần lương chất phác, cứ sống thuận tưng Thiên lý mà hòa hiệp với nhau, tương thân tương ái. Đó là thời thái bình Thánh đức.

Lần lần con người bị ô nhiễm trước trần, Thánh đức lu mờ, bỏ đường Thiên lý mà sa vào nhơn dục.

Vì vậy, Đấng Thượng Đế mở lòng đại từ đại bi, khai đạo phổ độ chúng sanh bỏ dữ về lành. Đó là thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, gồm các tôn giáo:

- **Đức Nhiên Đăng Cổ Phật** mở Phật giáo ở Ấn Độ tương ứng thời vua Hiên Viên Huỳnh Đế bên Tàu.
- **Đức Thái Thượng Đạo Tổ** mở Tiên giáo ở Trung hoa.
- **Vua Phục Hy** khởi đầu Nho giáo ở Trung hoa.
- **Thánh Moïse** mở Do Thái giáo ở nước Do Thái.

Nhứt Kỳ Phổ Độ thuộc thời thái cổ của nhơn loại, lúc đó chưa có chữ viết, nên không có kinh sách gì lưu lại, những điều biết được là do truyền khẩu, và đến khi các dân tộc phát minh ra chữ viết thì mới theo truyền khẩu mà ghi chép lại, cho nên có nhiều việc mờ hồ, không chính xác.

II. NHỊ KỶ PHỔ ĐỘ:

Vào thời Trung nguơn ứng với thời thượng cổ của nhơn loại, các nền tôn giáo mở ra vào Nhứt Kỳ Phổ Độ đã thất chơn truyền, và lại trình độ tiến hóa của nhơn loại đã khá cao, lại xu hướng vào đường tranh đấu giành giật lợi quyền, xa đường đạo đức, nên Đấng Thượng Đế, một lần nữa mở lòng từ bi, cho các Đấng Tiên, Phật giáng trần chấn hưng các mối đạo đã mở ra kỳ trước, để thích hợp với đà tiến hoá của nhơn sanh, hầu đủ sức kềm giữ tâm tánh của nhơn sanh, đem nhơn sanh trở về con đường đạo đức.

- **Đức Phật Thích Ca** giáng sanh ở Ấn Độ, chấn hưng Phật giáo thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, mở ra Thích giáo với một giáo lý rất phong phú, thiết thực để giải khổ nhơn sanh.

- Đức Thái Thượng Đạo Tổ giáng sanh ở Trung Hoa là **Lão Tử**, mở ra Lão giáo hay Đạo giáo để chấn hưng Tiên giáo.
- **Đức Khổng Tử** giáng sanh ở Trung Hoa, mở ra Khổng giáo để chấn hưng Nho giáo.
- **Đức Chúa Jésus Christ** giáng sanh ở nước Do Thái, mở ra Thiên Chúa giáo để chấn hưng Do Thái giáo.

Các nền tôn giáo này, sau khi các vị Giáo chủ qui Thiên, giao nền Đạo cho người phàm điều độ, dần dần sửa cái chơn truyền, trải qua hai ngàn năm, các mối Đạo đều bị qui phạm, Chánh pháp sai lạc hết cả, nên người tu bị lầm lạc, tu có công mà không đắc đạo, vì sai pháp môn.

III. TAM KỲ PHỔ ĐỘ:

Vào thời Hạ nguơn, trình độ tiến hóa về trí thức và tinh thần của nhơn sanh rất cao siêu, giáo lý của các nền tôn giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ không còn đủ sức kèm chế tâm lý của nhơn sanh trong thời Hạ nguơn nữa, nên thế gian trở thành một trường tranh đấu quyết liệt, mạnh được yếu thua, khôn còn đại mất, các loại vũ khí giết người hàng loạt được chế tạo, kẻ bạo tàn núp dưới hai chữ Nhân Nghĩa để dối gạt nhơn sanh.

Đấng Thượng Đế không nỡ ngồi yên nhìn đám con cái thương yêu của Ngài là nhơn loại chém giết lẫn nhau, đi đến cơ tận diệt, nên Đấng Thượng Đế mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để cứu độ nhơn sanh lần chót, trước khi xảy ra một cuộc Tận Thế, chuyển nhơn loại qua thời kỳ Thánh đức của Thượng nguơn Tứ Chuyển.

Tam Kỳ Phổ Độ này, Đức Thượng Đế đích thân mở Đạo. Ngài không giáng trần để mang xác phàm, mà dùng huyền diệu thiêng liêng, sử dụng cây Đại Ngọc cơ, viết ra những bài Thánh giáo, mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, với tôn chỉ: Qui nguyên Tam giáo, phục nhứt Ngũ Chi, gom tất cả các nền tôn giáo đã có từ trước đến nay vào một nền Đại Đạo duy nhứt do Thượng Đế chưởng quản.

"Vốn từ trước, Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo."

Tùy theo phong hóa của nơn loại mà gây Chánh giáo, là vì khi trước Càn vô đức khác, Khôn vô đức duyệt, thì nơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi.

Còn nay thì nơn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, thì tại phần nhiều đạo ấy mà nơn loại nghịch lẫn nhau, nên Thầy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt.

Lại nữa, trước Thầy giao Chánh giáo cho tay phàm, càng ngày càng xa Thánh giáo mà làm ra phàm giáo. Thầy lấy làm đau đớn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nơn loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chốn A-Tỳ.

Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rỗi các con, chẳng chịu giao Chánh giáo cho tay phàm nữa. Nhưng mà buộc phải lập chánh thể, có lớn có nhỏ đặng để thế cho các con diu dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng đảo." (TNHT)

Kỳ này, Đức Chí Tôn giáng điển quang lập Đạo, quy hiệp tất cả các tôn giáo lại làm một và không giao quyền Giáo chủ cho người phàm nữa. Tại sao thế? Là tại vì trước kia, năm châu bốn biển thiếu sự đi lại, phải sống lẻ loi riêng biệt. Bởi thế, Đức Chí Tôn phải phái các Đấng Giáo chủ giáng trần tại mỗi nơi, tùy theo phong hóa nơi đó mà mở Đạo cứu đời.

Ngày nay thì năm châu chung chợ, bốn biển chung nhà, trình độ của nơn loại tiến hóa rất cao, đi đến chỗ đại đồng, một tôn giáo nay mở ra phải dung hòa được tất cả các giáo lý, mới có thể thích hợp với tâm lý của nơn sanh và bước tiến hóa của nơn loại.

Sau đây, xin trích bài Thánh giáo của Đức Chí Tôn trong Kinh Tam Thừa Chơn Giáo, quyển II trang 17:

"Hôm nay Thầy chuyển lập Tam Kỳ Phổ Độ để chấn hưng chánh lý đồng nguyên, để xóa bỏ những cạnh khía ngã chấp sắc màu mà dung hiệp phần tinh ba cổ kim Âu Á trên lập trường duy nhứt, nghĩa là xóa bỏ cái DỊ mà đem lại cái ĐỒNG giữa các sắc giáo, để làm phương cứu thế độ hồn cho các đấng chúng sanh thoát vòng mê tân khổ hải.

Các con khá hiểu, tôn giáo chỉ là phương thức tổ chức, là một sự sắp đặt có đường lối, được mệnh danh theo từng thời kỳ khai lập cho lý đạo truyền thành.

Tuy nhiên, để minh định cho cơ khai triển tinh thần, danh từ tôn giáo cũng được đề cao trong sử độ, nhưng điều đáng quý nhất là tinh thần đạo đức được thực dụng rõ ràng trong mỗi hiện thân sanh chúng, mới bảo tồn cho thể thống trang nghiêm.

Giờ này, Thầy không muốn cho cả thế gian ca ngợi Thầy, hoặc xưng tụng Thầy một cách ảo huyền, mà mong sao tất cả con cái của Thầy đã nhập vào trường Đạo, đều lập trọn công tu, đầy lòng từ bi, bác ái, công bình. Không phân chi rẽ phái, không biệt dị giữa tôn giáo này và tôn giáo khác, mà quan trọng là chánh lý đồng nguyên và khắc mình trong nhiệm vụ thể Thiên hành Đạo của mỗi con có chức vụ hoặc lớn hoặc nhỏ. Như thế các con mới làm đúng tôn chỉ của Thầy.

Xét vì thời xưa, sự giao tiếp không được giao thông trên hoàn vũ, cho nên mỗi Giáo chủ thọ lãnh sắc chỉ nơi Thầy lập giáo từng nơi để dạy dỗ chúng sanh, cảm hóa tục đời trở về lý đạo. Tất nhiên, mỗi hình thức tôn giáo có mang theo một bản sắc địa phương trong quá độ. Ấy là cái dị biệt của thông quán tục truyền trong mỗi tôn giáo, nhưng trên phương diện triết lý cao siêu, với mục đích tối thượng là truyền phương định lập tinh thần thuần chơn khiết tịnh, để đem lại cuộc đời thuần đức thiện lương, thì dù trên phương diện nào cũng vẫn nằm trong yếu lý.

Ngày nay, sự đi lại giữa Đông và Tây được dễ dàng, tình đời được trao đổi, lý đạo cũng được trực tiếp cảm thông. Đáng lẽ trong trường hợp thuận tiện này, các tôn giáo đều thu nhận với nhau trên quan niệm tinh thần để hiến cho thế gian một cảm giác tinh minh và toàn diện hơn, để cùng nhau chỉnh hóa cuộc đời, đem lại hạnh phúc thanh bình cho nhơn loại.

Nhưng than ôi! Đã không được như thế, lại vấp phải căn bệnh cạnh tranh trên hình thức ngày một sôi nổi lên cao, làm cho nhơn loại tăng phần mạnh dạn đổ xô vào con đường chiến tranh mâu thuẫn, mạnh được yếu thua.

Vậy tôn chỉ lập giáo của Thầy mà là sứ mạng của mỗi con làm cho đường đạo đức được minh hiện rõ ràng trên phương diện thừa truyền thực thọ, để chỉnh đốn tất cả những gì gọi là lầm lạc tội lỗi của thế gian, để nêu cao bức tranh thần hội tổng

hợp linh huyền, cho giữa các tôn giáo nhìn lại cái huyền ngã của mình mà tầm về sự thật.

Thầy khuyên tất cả các con hãy tránh những sự tự tôn, sự công kích hẹp hòi, sự biện phân chia rẽ giữa nhau mà thu hồi cõi lòng an tịnh, thân yêu hòa ái, đặt theo hướng định Thầy truyền, nhứt là những con Chức sắc, Chức việc, cần trau luyện phẩm độ nhiều hơn, vì là biểu chánh ảnh tùy, gương trong hình sáng. Có như thế, các con mới đủ điều kiện xây dựng cho tiền đồ Đại Đạo ngày một hanh thông sáng tỏ và công tu hành của mỗi con khỏi phải phai nhạt theo thời gian kể hậu....

Ấy là ngày Đại Đạo hoằng khai, là sự kết quả của nền Chơn đạo vận hành từ chỗ HỮU đi đến chỗ VÔ vậy.

THI BÀI

.....

Kể nhơn loại đầu tiên từ thuở,
 Người sanh ra ghi nhớ thiện từ.
 Hồn nhiên một khối vô tư,
 Năm châu tản mát định cư từng vùng.

Vui lễ đạo thung dung nhàn lạc,
 Thú thiên nhiên thuần phác cõi lòng.
 Làn hôi tập nhiễm phần đông,
 Mưu cầu lẽ sống tầm trong lợi quyền.

Chinh phục nhau đặt riêng giai cấp,
 Giữa phú bần cao thấp phân tranh.
 Làm cho mất vẻ thiện thành,
 Cảnh đời mâu thuẫn biến sanh dục tình.

Thầy, Thượng Đế dưỡng sanh vạn loại,
 Thấy nhơn sanh đi sái chơn truyền.
NHỨT KỶ chuyển lập phước duyên,
 Đạo trường đem lại hương nguyên vạn linh.

Chiết Dương quang mượn hình giả thể,
 Tam Giáo đồng đại để nêu lên.
Nhiên Đăng Cổ Phật tạo nền,
 Định cơ siêu thoát vượt trên cảnh đời.

Tiếp Hư vô sáng ngời bửu phẩm,
Nếp Tiên phong sưởi ấm chơn hồn.

Thái Thượng thuyết hóa cao tôn,
Minh minh diệu diệu Càn Khôn hiệp thành.

Hoạch Bát Quái đồ sanh biến hóa,
Chường Thánh thơ giải tỏa nhơn tình.

Phục Hy khai sáng đạo huỳnh,
Truyền cơ nhân bản khai sinh giác đồ.

Miền Đông Á điểm tô ba nhánh,
Phương Tây Âu một cảnh sơn hà.

Moïse Thánh thể lập ra,
Mở đường cứu thế thông qua lý Trời.

Ba giải pháp một thời sáng tỏ,
Dạy thế gian lần bỏ tà tâm.

Cải trang từ chỗ sai lầm,
Định chơn thần huệ phương châm lưu hành.

Qua gương hội nguồn sanh dinh trường,
Cơ tiêu hao đối tượng theo ngày.

Theo đà vật dục chuyển xoay,
Lý đương mòn mỗi đổi thay giả hình.

Trước trạng thái điều linh chơn tánh,
Giữa màn trần tranh cạnh xôn xao.

Nhấp nhô biển khổ sóng gào,
Vội hồn nhơn loại bước vào sông mê.

NHỊ KỶ chuyển tiếp đề phổ hóa,
Cho kỷ gương thừa hạ minh khai.

Thích Ca chấn chỉnh Phật đài,
Lão Đam điều dưỡng thoát thai tiên hành.

Trên thực tế lưu thanh phẩm độ,
San định thành công bố thần quang.

Trọng Ni Thánh đức dẫn đường,
Jésus tiếp chuyển cứu an tục đời.

Đem giáo lý nơi nơi cảnh tỉnh,
Tùy cơ năng phân định giác đồ.

Lập thành thể thống qui mô,

Phổ thông Chánh pháp diễn phô chơn truyền.

Thầy biện giải căn nguyên con rở,
Lý Tam tông hóa độ xưa nay.

Để còn hội lãnh trong ngày,
Khỏi điều sai lạc dở hay hiểu lầm.

Tiếp Phật độ cao thâm huệ mạng,
Minh tâm rồi chánh đáng giải mê.

Tiên gia siêu việt đường về,
Tu tâm luyện tánh mở đề Hư Vô.

Phật Tiên vốn khởi hồ thượng đẳng,
Phải minh trai mới đặng kim đơn.

Mới thông hư thiết tuần hườn,
Chơn hồn trực tiếp linh sơn điểm thành.

Lòng bác ái từ sanh vạn loại,
Kịp thú cảm trang trái niềm thương.

Nuôi cơ cảm ứng thông thường,
Từ bi phổ cập âm dương vận hành.

Đường Thánh đạo phân rành xử thế,
Chỉnh phong cương lập thể đại đồng.

Chí thành dưỡng tánh tồn tâm,
Thứ trung, tinh nhứt uyên thâm phước đời.

Phần Thánh đạo sáng ngời nhân phẩm,
Định cương thường tưới tắm thiên lương.

Hiếu trung tín nghĩa lập trường,
Dựng xây nền tảng trên đường tu thân.

Sống giữa cuộc trộng phần hòa lạc,
Đức nên người thuần phác thế gian.

Chánh danh ngôn thuận đoan trang,
Công bình xử sự một đàng lối chung.

Thoáng nhận thức hình dung ranh giới,
Nhưng tinh thần tiến tới không hai.

Vì rằng Nhân đạo cao dày,
Mới mong Thiên đạo càng ngày linh thông.

Cơ nhập thể nếu không trọn cả,
Mà vội cầu điểm họa kim thân.

Khác nào lâu cát chín tầng,
Móng khơi bãi cát bao lần tổn công.

Nhưng trái lại nếu không Phật pháp,
Không đoạt cơ linh tháp Tiên gia.
Thì đâu chứng hưởng bữa tòa,
Vô vi nhi hiện vượt qua lý đời.

Bởi thế nên đồng thời sứ mạng,
Phật, Thánh, Tiên nhứt bản cơ vi.
Hể là cách vật trí tri,
Xử thông Thế đạo đúng kỳ luyện phan.

Nhưng yếu tố nay thành nan giải,
Giữa môn đồ biện giải thấp cao.
Trọng phần ngã chấp hô hào,
Không nhìn toàn diện tiếp giao tinh thần.
Thêm một nỗi chơn thân tiêu tứ,
Phương thực hành khó giữ vẹn nguyên.
Bên trong không đạt chí thiên,
Bên ngoài thủ lệ lệch thiên giả trần.

Thử xét kỹ từng phần nêu rõ,
Lời giáo truyền bày tỏ còn ghi.
Rồi nay thể hiện những gì?
Gọi rằng cứu cánh mẫu vi độ hồn.
Phật không dạy cao tôn lễ bái,
Tiên đâu bày tộ hại sát sanh.
Thánh môn sao chẳng đức thành,
Ôi! thời Mạt pháp phải đành tổn thương.

Theo màu sắc biến thường cõi tục,
Bụi trần như pha đục nguồn Thiên.
Nổi sôi vật chất kim tiền,
Làm cho hương vị đạo nguyên lạng lờ.
Thầy đau đớn con thơ có biết?
Mỗi một phen phải chiết Linh quang.
Vì con, con quá bạo tàn,
Chôn vùi ngọc thể diễn màn trái oan.

Nay giữa cuộc thương tang kỷ hạ,

Cả hoàn cầu san phả nghĩa nhân.
 Vòng quanh theo bóng hung thần,
 Dục lòng sát phạt giữ phần lợi danh.
 Danh lợi khổ rắp ranh giờ phút,
 Ác khí tăng từng khúc lên cao.
 Bên Đài Nghiệt Cảnh thét gào,
 Tiếng than đồng loại đẫm máu xương.
 Đời đã lăm tai ương dồn dập,
 Đạo còn mang tranh chấp giả hình.
 Duy nguy Đời Đạo nan minh,
 Sông mê trôi khúc sóng tình nhiều nhưong.
 Đâu tìm thấy an bường cảnh lạc,
 Hỏi này con đài các mà chi?
 Màu trần nhuộm về ai bị,
 Sầu đong càng lắc càng khi đẩy đẩy.
TAM KỶ chuyển hội này cảnh tình,
 Đưa Nhã thuyền ổn định căn duyên.
Cao Đài Thầy lập Nam miền,
 Chấn hưng thuyết hóa, khai nguyên mạch hồng.
 Vệt thành kiến Tây Đông từ thuở,
 Hiệp ngã đường rộng mở Năm Chi.
 Truyền thông đẳng cấp tu trì,
 Phục hồi lý đạo cho y thống đồ.
 Với sứ mạng thể hồ trọng đại,
 Nên trước tiên Thầy giải rõ ràng.
 Qui nguyên Tam giáo chánh đoan,
 Mở đường ái chủng nhân hoàn soi chung....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhứt nguyên luận

一元論

A: Monism.

P: Monisme.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Nguyên:** khởi đầu. **Luận:** bàn luận.

Nhứt nguyên luận là học thuyết lấy một nguyên lý duy nhứt làm cơ sở cho tất cả những gì tồn trên thế giới.

Đối lập với Nhứt nguyên luận là Nhị nguyên luận.

Có hai phái: Nhứt nguyên luận Duy Tâm và Nhứt nguyên luận Duy Vật. Những người Duy Tâm coi bản nguyên duy nhứt của mọi hiện tượng là tinh thần. Hướng triết để nhứt của Nhứt nguyên luận Duy Tâm là triết học Hégel, coi Thượng Đế là bản nguyên duy nhứt, là khởi điểm của những tồn tại.

Nhứt nguyên luận Duy Vật coi vật chất là bản nguyên, là cơ sở của thế giới.

Nhứt nhứt

一一

A: All, without exception.

P: Tout, sans exception.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát.

Nhứt nhứt là tất cả, hết thảy không trừ một ai, cái gì cũng thế, từ đầu đến cuối.

Nhứt nhựt thanh nhàn nhứt nhựt Tiên

一日清閒一日仙

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Nhựt:** ngày. **Nhứt nhựt:** một ngày. **Thanh nhàn:** thung dung nhàn hạ. **Tiên:** vị Tiên.

Câu trên: Một ngày thanh nhàn là một ngày làm Tiên.

Nhứt niệm

一念

A: An only reflection.

P: Une seule réflexion.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Niệm:** tưởng nghĩ tới, tư tưởng.

Nhứt niệm là một niệm, một lần tưởng niệm.

Nhứt niệm cũng có nghĩa là lòng chuyên nhứt chỉ tưởng nghĩ có một điều mình niệm mà thôi. Nhứt niệm thì nhứt tâm, tức là Nhứt tâm thiện niệm: một lòng niệm lành.

"Nhứt niệm vân giả, tín tâm vô nhị, cố viết nhứt niệm, thị danh vi nhứt tâm." Nghĩa là: Gọi rằng Nhứt niệm, đó là lòng tin không hai, nên nói rằng Nhứt niệm, ấy tên là Nhứt tâm.

"Nhơn tâm sanh nhứt niệm, Thiên Địa tất giai tri." Nghĩa là: lòng người sanh ra một niệm thì Trời Đất đều biết.

Bài thi Tích Đạo nữ phái:

Nhứt niệm Quan Âm thù bảo mạng.

Nhứt Nương

—娘

A: First Muse.

P: Première Muse

Nhứt: Thứ nhứt. **Nương:** người phụ nữ quý phái đáng kính.

Nhứt Nương là vị Nữ Tiên đứng hàng thứ nhứt trong Cửu vị Tiên Nương DTC, hầu cận Đức Phật Mẫu.

Nhứt Nương có bửu pháp là đàn tỳ bà, cai quản Vườn Ngạn Uyển nơi tầng Trời thứ nhứt của Cửu Trùng Thiên, xem xét các nguyên nhân đang còn sống nơi cõi trần hay đã qui vị.

Mỗi đoá hoa trong Vườn Ngạn Uyển tượng trưng một nguyên nhân. Khi nguyên nhân tái kiếp xuống trần thì đoá hoa ấy nở, khi nguyên nhân qui vị thì hoa ấy héo tàn. Khi nguyên nhân làm điều đạo đức tốt đẹp thì sắc hoa tươi thắm, khi làm điều thiếu đạo đức thì sắc hoa ử dột xấu xí.

Trong một kiếp giáng trần ở nước Việt Nam, Nhứt Nương có tên là HOA, cho nên bài thài hiến lễ Nhứt Nương trong Lễ Hội Yến DTC, có chữ HOA đứng đầu:

*HOA thu ủ như màu thẹn nguyệt,
Giữa thu ba e tuyết đông về,
Non sông trải cánh Tiên lờ,
Mượn câu thi hứng vui đề chào nhau.*

Nhứt Nương có bốn phận chường quản Vườn Ngạn Uyển nên ít khi có thời giờ để giảng cơ dạy Đạo.

Sau đây là vài bài thi của Nhứt Nương khi giảng cơ chung với Cửu vị Tiên Nương, trích riêng ra:

HOA Tiên vẽ đẹp xinh văn miếu,
Gót Tiên đưa yếu điệu chơn dung.
Cung Diêu ghé mắt thư hùng,
Reo tơ may gặp hội cùng tương tri.

HOA quỳnh nở trời thơm mấy dặm,
Lần xem thu lần ngắm qua đông.
Song mai lạc lối dặm hồng,
Đề thơ cậy lá ngô đồng rơi tin.

HOA tươi thắm sắp mừng năm mới,
Đón chào Tiên đã tới đào nguyên.
Sông Ngân sắp sẵn con thuyền,
Chờ ngày đón khách may duyên trở về.

Chúng tôi sưu tầm được hai bài giảng cơ của Nhứt Nương, xin chép ra sau đây:

1. Nhứt Nương giảng cơ nói chuyện với Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm lúc chưa mở đạo, ngày 14-1-1926 (1-12-Ât Sửu).

Em cảm ơn hai anh, Em xin hai anh gắng công học Đạo, dưỡng luyện tinh thần, ắt ngày sau đắc đạo.

Coi bữa vị làm trọng, đừng ham luyện hồng trần mà phải đọa.

Đôi lời thành thật, xin hai anh thương tình gìn giữ, mắc hàu, Em không thể nán lại lâu. Em xin kiếu, lâu lâu Em sẽ nói rõ. (ĐS I. 39)

2. Nhứt Nương giảng cơ nói chuyện với Đức Phạm Hộ Pháp, ngày 12-10-1934 (âl 5-9-Giáp Tuất), Phò loan: Hộ Pháp - Tiếp Thế.

NHỨT NƯƠNG DTC

Em khấp nép mừng mừng mấy anh và mấy em.

Hèn lâu Em không đến đặng, khi thì nghe Lục Nương, khi thì nghe Bát Nương nói: Đạo nay thì vậy, mai thì khác, lộn xộn quá chừng.

Em nghe vậy thì hay vậy, chớ phận sự Ngạn Uyển chừng hồn đâu có thì giờ rảnh rang đặng đến trò chuyện cùng mấy anh cho thỏa tình hoài vọng.

Hộ Pháp hỏi: - Em cất nghĩa Ngạn Uyển chừng hồn là sao cho Qua rõ.

- Dạ, Ngạn Uyển chừng hồn là Vườn Ngạn Uyển trồng hoa, mỗi cái hoa là một chơn hồn của kẻ nguyên nhân, thanh suy, thăng đọa, chi cũng do nơi khối sanh hoa khi ấy, định sanh mạng của mỗi người, nên phải chăm nom từ tuổi. Em không rảnh đặng là vì vậy.

Lúc nọ vào châu Ngọc Hư, lại nghe có lệnh Chí Tôn hiệp cùng Ngọc Hư đặng giao quyền chuyển thể một lúc cho HTĐ.

Từ Mẫu vốn không thuận tình theo điều ấy, nên có hỏi bởi đâu Thiên thơ chuyển pháp như vậy?

Lý Trưởng huynh nói rằng: Lập Thiên thơ do quyền của Cực Lạc Thế Giới của Phật di truyền đến buổi Đạo đã bước vào phương chuyển pháp, nên phải giao hồi lại cho CLTG. CLTG lại là HTĐ, nên cả chư Phật mới vừa lòng từng chơn linh Hộ Pháp giáng linh chuyển thể thì Đạo mới thành.

Bởi có nên Từ Mẫu chẳng lời chi cãi chối đặng, nên Người có gởi cho Hộ Pháp một bài thơ phân trần điều ấy.

Cười.... Ngày nay đã thấy lẽ Thiên cơ kết quả rõ ràng. Em rất vui mừng, ngày nay đến đặng để lời khen tặng.

Ồi! mấy người theo rộn quá, nói không hết chuyện. Em kiếu lổi đặng nhượng cơ cho họ. Thăng.

DTC: Diêu Trì Cung.

ĐS. I. 39: Đạo Sử quyển I trang 39 của NĐS Hương Hiếu.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

Nhứt phàm phong thuận

一帆風順

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Phàm:** buồm. **Phong:** gió. **Thuận:** thuận lợi.

Nhứt phàm phong thuận là một buồm xuôi gió.

Ý nói: rất thuận lợi, tiến triển tốt đẹp, không trở ngại.

Nhứt phiến đan tâm

一片丹心

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Phiến:** tấm, mảnh. **Đan:** **Đan:** màu đỏ.

Nhứt phiến đan tâm là một tấm lòng son.

Ý nói: tấm lòng thành thật tốt đẹp như son.

Nguyên cả câu: *Nhứt phiến đan tâm tồn hỏa đỉnh:* một tấm lòng son còn lại trong vạc lửa, ý nói son sắt một lòng dù trong nước sôi hay lửa đỏ.

Nhứt phiến băng tâm: một tấm lòng trong trắng như băng tuyết. Nguyên cả câu: *Nhứt phiến băng tâm tại ngọc hồ:* một tấm lòng trong trắng như băng ở trong bình ngọc.

Nhứt tâm thiện niệm

一心善念

A: A good thought of all the heart.

P: Une bonne pensée de tout coeur.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Tâm:** lòng dạ. **Thiện:** lành. **Niệm:** tưởng nghĩ.

Nhứt tâm thiện niệm là một lòng tưởng nghĩ điều lành.

DLCK: Nhược hữu nhơn thọ trì kinh ma chướng, *nhứt tâm thiện niệm:* Nam mô Di-Lạc.... (Xem: **Nhứt niệm**)

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Nhứt thân ức vạn

一身億萬

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Thân:** thân mình. **Ức:** một trăm ngàn. **Ức vạn:** trăm ngàn muôn, ý nói số lượng nhiều lắm.

Nhứt thân ức vạn là một thân mình mà biến ra thành ức vạn thân. Ý nói: phép biến hóa rất huyền diệu.

TG: *Nhứt thân ức vạn*, diệu huyền thần biến.

TG: Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.

Nhứt thần giáo

一神教

A: Monotheism.

P: Monothéisme.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Thần:** vị Thần. **Giáo:** tôn giáo.

- *Nhứt Thần giáo là tôn giáo chỉ thờ có một vị Thần. Vị Thần ấy là Thượng Đế.*

Nhứt Thần giáo còn được gọi là Độc Thần giáo, chỉ thờ duy nhứt có một vị Thần. Nhứt Thần giáo gồm các tôn giáo sau đây: Do Thái Giáo, Thiên Chúa Giáo, Hồi giáo, v.v....

- Đa Thần giáo là tôn giáo thờ nhiều vị Thần. Ở thôn quê VN, dân chúng thờ đa Thần: Thần Hoàng Bồn cảnh, Thổ Thần, Thần tài, Ngũ Phương Ngũ Thổ Long Thần, v.v....

Nhứt thiên biến

一千遍

A: To recite one thousand times.

P: Réciter une mille fois.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Thiên:** ngàn. **Biến:** một lượt kinh.

Nhứt thiên biến là tụng bài kinh một ngàn lần.

KCK: Nhược hữu nhơn tụng đắc *nhứt thiên biến*, nhứt thân ly khổ nạn,....

KCK: Kinh Cứu Khổ.

Nhứt thiết chư Phật

一切諸佛

A: All the Buddhas.

P: Tous les Bouddhas.

Nhứt thiết: tất cả, nói gộp hết cả. **Chư Phật:** các vị Phật

Nhứt thiết chư Phật là tất cả các vị Phật.

Nhứt thiết chúng sanh: tất cả chúng sanh.

DLCK: *Nhứt thiết chư Phật*, tụng lệnh Di-Lạc Vương....

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Nhứt thiết giai thành

一切皆成

A: All beings are called to become Buddhas.

P: Tous les êtres sont appelés à devenir Bouddhas.

Nhứt thiết: tất cả. **Giai:** đều. **Thành:** ý nói thành Phật.

Nói nguyên câu là: *Nhứt thiết chúng sanh giai tất thành Phật:* tất cả chúng sanh thầy đều thành Phật.

Kinh Niết Bàn: Hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh. Một mình gã Xiển-đề, tuy bán bỏ Kinh Phương Đẳng, gây ra tội ngũ nghịch, phạm bốn điều trọng cấm, nhưng ắt ngày sau cũng sẽ thành đạo Bồ-đề.

Nhứt thốn quang âm nhứt thốn kim

一寸光陰一寸金

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Thốn:** tấc. **Quang âm:** sáng tối, ngày đêm, chỉ thời gian. **Kim:** vàng.

Câu trên: *Một tấc thời gian một tấc vàng, ý nói thì giờ là vàng bạc, rất quý báu.*

Nhứt thống

一統

A: To unify.

P: Unifier.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Thống:** hợp cả lại.

Nhứt thống là thu tóm tất cả vào một mối.

CG PCT: Nếu muốn trừ cái hại ấy thì chẳng chi hay hơn là chia đôi nó ra, không cho một người *nhứt thống*.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Nhứt thời

一時

A: A time

P: Une fois.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Thời:** thời gian, lúc.

Nhứt thời là một lúc, một thời gian ngắn, tạm thời.

Nhứt tiễn song điêu

一箭雙雕

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Tiễn:** mũi tên. **Song điêu:** hai con chim điêu.

Nhứt tiễn song điếu là một phát tên bắn trúng hai con chim điếu. Ý nói: làm một lần mà kết quả được hai việc.

Thành ngữ này đồng nghĩa với: Nhứt cử lưỡng tiện, Nhứt cử lưỡng đắc.

Nhứt tinh chi hỏa

一星之火

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Tinh:** một chấm nhỏ. **Hỏa:** lửa. **Chi:** hư tự.

Nhứt tinh chi hỏa là một đốm lửa nhỏ.

Vua Cao Tông có viết rằng:

*Nhứt tinh chi hỏa năng thiêu vạn khoảnh chi tân,
Bán cú phi ngôn ngộ tổn bình sanh chi đức."*

Nghĩa là:

Một đốm nhỏ lửa có thể đốt cháy muôn làn củi,
Nửa lời nói quấy làm tổn đức bình sanh

Ý nói: Những việc lớn lao thường xảy ra do những nguyên nhân rất nhỏ.

Nhứt toán họa phước lập phân

一算禍福立分

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Toán:** tính toán. **Họa:** tai họa. **Phước:** may mắn tốt lành. **Lập:** tạo nên. **Phân:** chia ra.

Đây là câu kinh trong bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, có nghĩa là: *Chỉ một cái tính toán mà Đức Chí Tôn phân lập ra đâu là điều họa và đâu là điều phước.*

Nhứt Tổ chí Lục Tổ

一祖至六祖

A: From the First to the Sixth Patriarch of Chinese Buddhism.

P: Du Premier jusqu'au Sixième Patriarche du Bouddhisme Chinois.

Nhứt: Thứ nhứt. **Tổ:** Tổ Sư, người đứng đầu. **Chí:** đến.

Nhứt Tổ: vị Tổ Sư thứ nhứt, còn gọi là Sơ Tổ.

Lục Tổ: vị Tổ Sư thứ sáu.

Nhứt Tổ chí Lục Tổ: Đệ nhứt Tổ Sư cho đến Đệ lục Tổ Sư của Phật giáo Trung hoa.

Phật giáo Ấn Độ, Đức Phật Thích Ca truyền y bát lại cho Ma Ha Ca Diếp làm Nhứt Tổ, rồi truyền dần đến Tổ Sư thứ 28 là Bồ Đề Đạt Ma.

Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma đem Phật giáo truyền qua nước Trung Hoa, và Ngài trở thành Sơ Tổ của Phật giáo Trung Hoa.

- **Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma** truyền y bát cho Huệ Khả làm Nhị Tổ Phật giáo Trung hoa.
- **Nhị Tổ Huệ Khả** truyền y bát cho Tam Tổ Tăng Xán.
- **Tam Tổ Tăng Xán** truyền y bát cho Tứ Tổ là Đạo Tín.
- **Tứ Tổ Đạo Tín** truyền y bát cho Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn.
- **Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn** truyền y bát cho Lục Tổ Huệ Năng.
- Từ **Lục Tổ Huệ Năng** trở về sau, không truyền y bát nữa, chỉ truyền Tâm mà thôi.

Huệ Năng truyền Tâm pháp cho hai đệ tử đại danh là: Hoài Nhượng và Hạnh Tư.

Những đệ tử của hai vị Hoài Nhượng và Hạnh Tư chia làm 5 phái Thiền:

- Lâm Tế Tông.
- Tào Động Tông.
- Vĩ Ngưỡng Tông.
- Vân Môn Tông.
- Pháp Nhãn Tông.

Có hai Tông truyền qua Việt Nam là: Lâm Tế Tông và Tào Động Tông.

TNHT: Vì cứ nào, trước từ *Nhứt Tổ chí Lục Tổ* thì thờ Thầy ngồi trước, vì trước là lớn, phải vậy.

Cuốn sử Thiên mở đầu với Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma sang Trung quốc vào năm 520, mang theo một thông điệp thù thắng. Thông điệp ấy được tóm tắt bằng 16 chữ trong bài kệ sau đây:

KỆ:	Hán văn:
Bất lập văn tự,	不立文字
Giáo ngoại biệt truyền,	教外別傳
Trực chỉ nhơn tâm,	直指人心
Kiến tánh thành Phật.	見性成佛

GIẢI NGHĨA:

Không lập văn tự,
Dạy ngoài truyền riêng,
Chỉ thẳng tâm người,

Thấy tánh thành PhậtĐạo truyền riêng ngoài kinh điển, trực tiếp, không qua chữ nghĩa, nhắm thẳng vào tâm, chiếu vào tự tánh, thấy tánh thì đắc đạo thành Phật.

Hai câu đầu định cơ bản lập tông, hai câu sau định phương pháp thể nghiệm. Vì giáo ngoại biệt truyền nên không y cứ theo kinh điển; vì bất lập văn tự nên không cấu tạo tư tưởng lý luận, chỉ có kiến tánh là thành Phật, nên không gì để có thể nói được. Đó là phép trực chỉ tâm truyền vậy. (Theo Thiên Luận của Suzuki).

I. NHỨT TỔ BỒ ĐỀ ĐẠT MA (? - 528)

Ngài thuộc dòng Sát đế ly ở Nam Ấn Độ, cha là vua Hương Chí, Ngài là vương tử thứ ba, thuở nhỏ đã có chí siêu việt và đặc tài hùng biện. Nhơn dịp vua cha thỉnh Tổ Sư Bát Nhã Đa La vào cung để cúng dường, Ngài mới có dịp gặp Tổ Sư. Qua cuộc nghiệm vấn đề hạt châu, Tổ Sư biết Ngài là người siêu quần, có thể kế thừa ngôi Tổ.

Sau khi vua cha chết, Ngài xin xuất gia và cầu Tổ Sư Bát Nhã Đa La thọ làm đệ tử. Tổ Sư hoan hỷ làm lễ thế phát và truyền giới cụ túc.

Tổ Sư bảo: - Hoàng tử đối với các pháp đã thông suốt, nay nên đổi hiệu là Bồ Đề Đạt Ma.

Một hôm, Tổ Sư thấy cơ duyên đã tới nên gọi Ngài Bồ Đề Đạt Ma đến truyền pháp và dặn dò:

- Đại pháp nhãn tạng của Như Lai lần lượt truyền trao, nay ta trao lại cho ngươi, ngươi khéo truyền bá, chớ cho đoạn tuyệt. Nghe ta nói kệ:

KỆ:

Tâm địa sanh chư chủng,
Nhơn sự phục sanh lý,
Quả mãn bồ đề viên,
Hoa khai thế giới khởi.

Hán văn:

心地生諸種
人事復生理
果滿菩提圓
花開世介起

GIẢI NGHĨA:

Đất tâm sanh các giống,
Nhơn sự lại sanh lý,
Quả đầy bồ đề tròn,
Hoa nở thế giới sanh.

Ngâm kệ xong, Tổ Sư nói:

- Ngươi tạm giáo hóa ở nước này, sau sang Trung Hoa mới thật là nhơn duyên lớn, song đợi ta diệt độ khoảng 60 năm sau sẽ đi. Nếu ngươi đi sớm e có việc không tốt.

Tổ Sư dặn dò xong tất cả các việc thì Tổ Sư tịch.

Đạt Ma Tổ Sư làm đúng như lời thầy dạy bảo, rồi thấy cơ duyên sang Trung Hoa đã đến, nên vào cung thuật cho vua nghe. Vua bấy giờ là cháu ruột của Đạt Ma Tổ Sư, nên vua sắm cho Ngài một chiếc thuyền buôn, cho thủy thủ đưa Ngài sang Trung quốc. Ngài ngồi thuyền suốt 3 năm mới tới bến Quảng Châu vào năm 520, được vua Lương Võ Đế thỉnh lên kinh đô Kim Lăng. Vua Lương Võ Đế hỏi Tổ Sư:

- Trẫm từ lên ngôi đến nay, trẫm cất chùa, chép kinh, độ tăng không biết bao nhiêu mà kể, có công đức gì không?

Ngài đáp: - Điều không có công đức.

Vua nói: - Sao không có công đức?

Ngài đáp: - Bởi vì những việc ấy là nhân hữu lậu, chỉ có quả báo nhỏ ở cõi người cõi Trời, như bóng theo hình, tuy có mà chẳng phải thật.

Vua hỏi: - Thế nào là công đức chơn thật?

Ngài đáp: - Trí phải thanh tịnh, thể phải lắng không, đó là chơn công đức. Công đức ấy không thể lấy việc thế gian mà cầu được.

Vua hỏi: - Chân lý cùng tốt của đạo Thánh là gì?

Ngài đáp: - Trống rỗng hồn nhiên, không gì là Thánh.

Vua hỏi: - Trước mặt Trẫm là ai?

Ngài đáp: - Không biết.

Vua Lương Võ Đế không lãnh ngộ được, Ngài Đạt Ma lui về nghỉ, rồi mấy hôm sau, lén sang sông, qua Giang Bắc, vào nước Ngụy, đến ở ẩn tại chùa Thiếu Lâm ở Trung Sơn, trọn ngày ngồi xây mặt vào vách núi im lặng, gọi là Cửu niên diện bích: 9 năm xây mặt vào vách núi.

Ngày kia có ông tăng tên là Thần Quang, đến viếng Tổ Sư Đạt Ma, nhiệt thành cầu đạo, nhưng Tổ Sư vẫn ngồi yên như không để ý tới. Thần Quang không vì thế nãn lòng, nghĩ rằng, bậc chí Thánh chí Hiền ngày xưa phải trải qua đủ thứ thiên ma bách chiết, mới thành được bản nguyện. Đêm ấy nhằm tiết mùa Đông có tuyết rơi, Thần Quang dầm mình trong tuyết, đứng chấp tay hướng về Tổ Sư suốt đêm như vậy, tuyết ngập đến gối. Bấy giờ Tổ Sư mới quay lại hỏi:

- Người đứng suốt đêm trong tuyết, ý muốn cầu gì?

Thần Quang nói:

- Cúi mong Hòa Thượng từ bi mở cửa độ chúng con.

Tổ Sư nói:

- Diệu đạo vô thượng của chư Phật, dù nhiều kiếp tinh tấn, hay làm được việc khó làm, hay nhẫn được việc khó nhẫn, còn không thể đến thay! Huống là dùng chút công lao nhỏ này mà cầu được pháp chân thừa?

Thần Quang nghe dạy, bèn lén lấy dao chặt đứt cánh tay trái để trước Tổ Sư để tỏ lòng thiết tha cầu đạo. Tổ Sư biết gặp được pháp khí, bèn nói:

- Chư Phật lúc phát tâm cầu đạo, vì pháp bỏ thân, nay người chặt cánh tay trước mặt ta, tâm cầu đạo như vậy cũng khá.

Thần Quang nói:

- Pháp ấn của chư Phật, con có thể được nghe không?
- Pháp ấn của chư Phật không phải từ người khác mà được.

- Nhưng tâm con chưa an, xin thầy dạy pháp an tâm.

- Người đem tâm ra đây, ta an cho.

- Con kiếm mãi mà chẳng thấy tâm đâu cả.

- Thế là ta đã an cái tâm cho người rồi đó.

Thần Quang như đó mà khế ngộ.

Tổ Sư liền đổi hiệu Thần Quang ra là Huệ Khả.

Từ đây kẻ tăng người tục đua nhau đến yết kiến Tổ Sư, tiếng tăm Tổ Sư nổi lên vang dội.

Thấm thoát đã 9 năm, Tổ Sư thấy cơ duyên đã tới, bèn gọi các môn nhân đến bảo:

- Giờ ta trở về sắp đến, các người mỗi người nên nói chỗ sở đắc của mình cho ta nghe.

Ông Đạo Phó bạch:

- Theo chỗ thấy của con, chẳng chấp văn tự, chẳng liả văn tự, đây là chỗ dụng của đạo.

Tổ Sư bảo: - Ông được phần da của tôi.

Bà Ni Tổng Trì ra thưa:

- Chỗ hiểu của con, như Tổ A-Nan thấy nước Phật A Súc (bất động), chỉ thấy một lần, không còn thấy lại.

Tổ Sư bảo: - Bà được phần thịt của tôi.

Ông Đạo Dục ra bạch:

- Bốn đại vốn không, năm ấm chẳng có, chỗ thấy của con là không có gì sở đắc hết.

Tổ Sư bảo: - Ông được phần xương của tôi.

Đến Huệ Khả bước ra đánh lễ Tổ Sư, rồi lui lại đứng thẳng, yên lặng, không nói lời nào.

Tổ Sư bảo: - Ông được phần tủy của tôi.

Tổ Sư gọi Huệ Khả đến dặn dò:

- Xưa Như Lai đem đại pháp nhân tạng trao cho Tổ Ca Diếp, lần lượt truyền đến ta. Nay ta trao lại cho người, người phải truyền trao không để mất. Cùng trao cho người là Y Bát để làm pháp tín, mỗi thứ tiêu biểu một việc, người nên biết.

Huệ Khả thưa: - Xin thầy từ bi chỉ dạy mọi việc.

Tổ Sư bảo:

- Đời sau có nhiều người cạnh tranh nghi ngờ, họ nói ta là người Ấn, người là người Hoa, căn cứ vào đâu mà được pháp, lấy gì minh chứng? Người gìn giữ pháp y này, nếu gặp tai nạn, người đem ra làm biểu tín, thì sự giáo hóa không trở ngại. Hai trăm năm sau khi ta diệt độ, y bát này dừng lại không truyền, vì lúc đó Phật pháp rất thịnh hành. Chính khi ấy, người biết đạo thật nhiều, còn người hành đạo quá ít, người nói lý thì nhiều mà người ngộ lý thì ít. Tuy nhiên, người thâm thông lặng chứng đạo rất nhiều, gắng xiển dương, chớ khinh người chưa ngộ.

Nghe ta nói kệ:

KỆ:

Ngô bản lai tư độ,
Truyền pháp cứu mê tình,
Nhứt hoa khai ngũ diệp,
Kết quả tự nhiên thành.

Hán văn:

吾本來斯土
傳法救迷情
一花開五葉
結果自然成

GIẢI NGHĨA:

Ta vốn tới đất này,
Truyền pháp cứu người mê,
Một bông nở năm cánh,
Kết quả tự nhiên thành.

Câu kệ số 3: Tổ Sư cho biết trước, nói tiếp Ngài có năm vị Tổ xiển dương Phật pháp.

Câu kệ số 4: Tổ Sư cho biết thời kỳ cực thịnh của Thiền Tông Trung Hoa.

Tổ Sư ngâm kệ rồi nói tiếp:

- Ta có bộ kinh Lăng Già 4 quyển, là Phật nói tốt pháp yếu, giúp cho chúng sanh mở, bày, ngộ, nhập kho tri kiến Phật, nay ta trao luôn cho ngươi. Ta từ Nam Ấn sang đây đã năm phen bị thuốc độc mà không chết, vì thấy xứ này tuy có khí đại thừa mà chưa ứng hợp, nên ta lặng lẽ ngồi 9 năm chờ đợi. Nay ta đã truyền trao xong, đã có thủy ấn phải có chung.

Xong rồi, Tổ Sư cùng với đồ chúng đi đến Võ Môn ở chùa Thiên Thánh, ở đúng 3 hôm thì Tổ Sư an nhiên thị tịch.

Hôm ấy là ngày 9-10-Bính Thìn (528), nhằm niên hiệu Đại Thông thứ hai nhà Lương. Thể xác của Tổ Sư được đưa đến nhập bửu tháp tại chùa Định Lâm, núi Hùng Nhĩ.

Về sau, vua nhà Hậu Ngụy sai Tổng Vân đi sứ Ấn Độ, khi trở về, gặp Đạt Ma Tổ Sư tại núi Thống Lĩnh, thấy Ngài quảy một chiếc dép, đi nhanh như bay.

Tổng Vân hỏi: - Thầy đi đâu?

Tổ Sư đáp: - Ta về Ấn Độ. Chủ của ông đã chán đời rồi.

Tổng Vân ngẩn ngơ, từ giả Tổ Sư rồi trở về triều, mới hay vua Minh Đế đã băng, vua Hiếu Trang mới lên ngôi.

Tổng Vân đem việc gặp Tổ Sư tâu lại, vua ra lệnh mở cửa tháp và dỡ quan tài ra xem, thì thấy quan tài trống rỗng, chỉ có một chiếc dép. Vua sắc đưa chiếc dép ấy về thờ nơi chùa Thiếu Lâm.

II. NHỊ TÔ HUỆ KHẢ (486-593)

Ngài Huệ Khả họ Cơ tên Quang, quê ở Võ Lao, thuộc dòng tôn thất nhà Châu. Ngài rất thông minh, đọc hết sách của Lão Trang và Kinh Dịch nhưng chưa tìm ra yếu lý. Ngài viễn du tìm thầy học đạo, đến chùa Long Môn gặp Thiền Sư Bảo Tịnh, bèn xin xuất gia. Ngài ngồi thiền trên núi trái 8 năm, một hôm có một vị Thần hiện ra mách bảo: "Ngài không nên ở đây lâu, muốn được đạo quả, hãy đi về phương Nam."

Hôm sau, trên đầu của Ngài chột bị đau như kim châm, nên Ngài định đi tìm thuốc trị bệnh, chột nghe hư không có tiếng nói: "Đây là đổi xương chớ chẳng phải bệnh."

Ngài đem các việc thuật lại cho Bảo Tịnh nghe, Bảo Tịnh xem trên đầu Ngài thấy xương nổi lên như năm ngón núi.

Bảo Tịnh nói:

- Lạ thay! Người có tướng tốt, ắt tu đắc đạo. Thần lại mách bảo người đi về phương Nam, chắc là bảo đến Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma ở chùa Thiếu Lâm. Nhưn có Thần mách bảo, nên ta đổi hiệu cho người là Thần Quang.

Ngài Thần Quang liền đi về phương Nam, đến chùa Thiếu Lâm, gặp Đạt Ma Tổ Sư, và sau đó được Tổ Sư truyền Y Bát nổi ngôi Tổ, đặt hiệu cho là Huệ Khả. (Xem đoạn I)

Sau khi Đạt Ma Tổ Sư tịch, Nhị Tổ Huệ Khả sang Bắc Tề hoàng pháp. Một hôm, Nhị Tổ gặp một cư sĩ trạc 40 tuổi, đến đánh lễ và nói rằng:

- Đệ tử mang bệnh ghẻ lở đầy mình, xin thầy từ bi vì đệ tử sám tội.

Nhị Tổ bảo: - Đem tội ra, ta sẽ vì người sám hối.

Cư sĩ đứng lặng hồi lâu rồi nói:

- Đệ tử tìm tội không thể được.

- Ta đã vì người sám hối rồi. Nhưng người nên dựa nương vào Phật, Pháp, Tăng.

- Hiện giờ đệ tử đã thấy thầy nên biết được Tăng. Chẳng biết thế nào là Phật, Pháp?

- Tâm ấy là Phật, tâm ấy là Pháp. Phật Pháp không hai, người có biết đó chăng?

- Nay đệ tử mới biết tánh tội không ở trong, ngoài, chẳng giữa; như tội tâm cũng vậy, thật là Phật pháp không hai.

Nhị Tổ nghe đáp thế thì rất hoan hỷ, cho thế phát qui y, thâm nhận làm đệ tử, nói:

- Người là báu vật của ta, ta đặt cho hiệu là Tăng Xán.

Từ đó, bệnh ghẻ lở của Tăng Xán hết dần.

Nhị Tổ Huệ Khả thấy đã đến lúc truyền tâm ấn cho Tăng Xán, nên gọi Tăng Xán đến nói:

- Tổ Bồ Đề Đạt Ma chẳng ngại xa xôi, từ Ấn Độ sang, đem chánh pháp nhân tạng truyền cho ta, nay ta trao lại cho người cùng với Y Bát, người khéo giữ gìn, chớ để đoạn tuyệt.

Nghe ta nói kệ:

KỆ:

Bồn lai duyên hữu địa,
 Nhon địa chủng hoa sanh,
 Bồn lai vô hữu chủng,
 Hoa diệc bất tăng sanh.

Hán văn:

本來緣有地
 因地種花生
 本來無有種
 花亦不曾生

GIẢI NGHĨA:

Xưa nay duyên có đất,
 Bởi đất giống hoa sanh,
 Xưa nay không có giống,
 Hoa cũng chẳng từng sanh.

Nói kệ xong, Nhị Tổ Huệ Khả nói tiếp:

- Người phải tìm nơi núi sâu mà ẩn, không nên đi giáo hóa sớm, trong nước sẽ có nạn.

Tăng Xán thưa:

- Thầy biết trước mọi việc, xin thầy dạy con rành rẽ.

- Đây không phải tự ta nói, mà là lời huyền ký của Tổ Bát Nhã Đa La do Tổ Đạt Ma thuật lại cho ta nghe: Sau khi Tổ nhập Niết bàn 150 năm sẽ có những việc xảy ra như bài kệ này:

*Tâm trung tuy kiết ngoại đầu hung,
 Xuyên hạ tăng phòng danh bất trung.
 Vi ngộ độc long sanh vô tử,
 Hốt phùng tiểu thử tịch vô cùng.*

Nghĩa là:

Trong tâm tuy cát ngoài đầu hung,
 Đất xuyên phòng tăng tên chẳng trung,
 Vì gặp độc long sanh con vô,
 Chợt nghe chuột nhỏ lặng vô cùng.

Nhị Tổ Huệ Khả nói tiếp:

- Xét về niên số thì nhằm đời của người, người cố gắng gìn giữ. Ta còn cái nợ ngày trước, nay cần phải trả.

Nhị Tổ Huệ Khả truyền Y Bát cho Tăng Xán xong thì Ngài đi qua xứ Nghiệp Đô thuyết pháp độ sanh gót 34 năm.

Sau đó, Ngài thay đổi đạo phục, giả dạng người thường, len lỏi trong chốn nhân gian tùy duyên hóa độ, không ai biết được gốc tích của Ngài là Nhị Tổ.

Ngày kia, Ngài đến huyện Quán Thành, ở trước tam quan chùa Khuôn Cứu, thuyết pháp đạo vô thượng, nhằm lúc Hòa Thượng trụ trì chùa Khuôn Cứu là Biện Hòa đang giảng kinh Niết Bàn, thỉnh giả trong chùa từ từ rút lui bỏ Hoà Thượng Biện Hòa, ra tam quan nghe Ngài thuyết pháp. Biện Hoà bực tức, đi cáo gian với quan Ấp Tể tên Dịch Trọng Khản rằng: Có một ông sư đang giảng tà thuyết, làm việc phi pháp.

Dịch Trọng Khản không biết nhận xét, cứ nghe theo Biện Hòa, cho lính bắt Sư gia hình. Sư không kêu ca chi cả, mặc nhiên thừa nhận, để trả nợ trước cho xong, cuối cùng Sư thị tịch, không ai biết Sư là Nhị Tổ Huệ Khả. Năm đó là năm 593, Nhị Tổ Huệ Khả thọ 107 tuổi.

III. TAM TỔ TĂNG XÁN (? - 606)

Không ai biết gốc gác của Ngài Tăng Xán, chỉ biết Ngài với thân hình bị ghê lở đến làm lễ Nhị Tổ xin sám tội, nhưn đổi đáp với Nhị Tổ mà ngộ đạo và được Nhị Tổ đặt hiệu cho là Tăng Xán. Tăng Xán theo hầu Nhị Tổ được hai năm thì được Nhị Tổ truyền Y Bát làm Tam Tổ Phật giáo Trung hoa.

Nhị Tổ dặn Tam Tổ phải ẩn dạng lánh nạn phương xa. Tam Tổ đến ở ẩn nơi núi Hoàng Công thuộc Thư Châu.

Đời vua Châu Võ Đế ra lệnh diệt Phật pháp (561), Ngài Tăng Xán sang ở núi Tư Không huyện Thái Hồ, Ngài ít khi ở lâu một chỗ, nên hơn 10 năm mà không ai biết tông tích.

Trong thời gian ở tại núi Tư Không, một sư người Ấn tên *Tỳ Ni Đa Lưu Chi* sang Trung hoa cầu pháp, gặp Ngài xin làm đệ tử. Ngài Tăng Xán truyền cho tâm ấn và bảo đi qua phương nam mà tiếp độ nhưn sanh.

Ngài *Tỳ Ni Đa Lưu Chi* đến nước Việt Nam, mở ra phái Thiên đầu tiên ở VN, và *Tỳ Ni Đa Lưu Chi* trở thành Tổ Sư Thiên Tông Việt Nam, Ngài tịch năm 594 đời Hậu Lý Nam Đế.

Đến năm thứ 12 đời Nhà Tùy, niên hiệu Khai Hoàng, Ngài Tăng Xán mới tìm được bậc pháp khí để truyền ngôi Tổ, người đó là Đạo Tín.

Đạo Tín bạch:

- Xin Tổ Sư từ bi chỉ cho đệ tử con đường giải thoát.

Tam Tổ hỏi: - Ai trói buộc ngươi?

Đạo Tín bạch: - Không ai trói buộc hết.

Tam Tổ nói: - Vậy sao ngươi còn cầu giải thoát?

Đạo Tín nghe xong thì phát ngộ, bỏ công 9 năm khổ cầu.

Tam Tổ biết cơ duyên đã đến, bèn trao Y Bát cho Đạo Tín kế tục làm Tứ Tổ Phật giáo Trung hoa.

Tam Tổ Tăng Xán nói:

- Đại pháp nhãn tạng của Như Lai, nay ta trao lại cho ngươi cùng Y Bát, ngươi gắng công gìn giữ. Nghe ta nói kệ:

KỆ:

Hoa chủng tuy nhơn địa,
Tùng địa chủng hoa sanh,
Nhược vô nhơn hạ chủng,
Hoa địa tận vô sanh.

Hán văn:

花種雖因地
從地種花生
若無人下種
花地盡無生

GIẢI NGHĨA:

Giống hoa tuy nhơn đất,
Từ đất giống hoa sanh,
Nếu không người gieo giống,
Hoa, đất trọn không sanh

Dặn dò xong mọi việc, Tam Tổ Tăng Xán đi ngao du hai năm, rồi trở về Châu Thư, ngụ tại chùa Sơn Cốc. Dân chúng trong vùng biết được, kéo đến rất đông. Tam Tổ đăng đàn thuyết pháp cho tứ chúng nghe, rồi Ngài đứng dưới cội cây đại thọ, chấp tay thị tịch, nhằm ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần niên hiệu Đại nghiệp (602) đời nhà Tùy.

Tam Tổ Tăng Xán có đặt ra bài "*Tăng Xán Tín Tâm Minh*" là một tác phẩm trọng yếu của Thiền tông, luận giải tông chỉ đạo Thiền, rất có giá trị.

IV. TỬ TỔ ĐẠO TÍN (580-651)

Ngài Đạo Tín họ Tư Mã, tổ tiên quê ở Hà Nội, sau dời về Kỳ Châu mới sanh ra Ngài.

Năm 14 tuổi, Ngài là một Sa di, gặp Tam Tổ Tăng Xán cầu xin pháp môn giải thoát, được Tổ Sư khai ngộ cho. Ngài theo hầu Tổ trong 9 năm thì được Tam Tổ Tăng Xán truyền pháp và Y Bát, làm Tử Tổ Phật giáo Trung hoa.

Đời Đường, niên hiệu Trinh Quán thứ tư (năm 630), Tử Tổ Đạo Tín thấy nơi núi Ngưu Đầu có khí tượng, biết nơi đây có dị nhân ở, liền trèo lên núi gặp sư Pháp Dung đang ngồi thiền trên một tảng đá.

Tử Tổ đến hỏi: - Ở đây làm gì?

Pháp Dung đáp: - Quán tâm.

Tử Tổ hỏi: - Quán là người nào? Tâm là vật gì?

Pháp Dung không đáp được, bèn đứng dậy làm lễ nói:

- Đại Đức an trụ nơi nào?
- Bàn tăng không có chỗ nhứt định, hoặc đông hoặc tây.
- Ngài biết Thiền sư Đạo Tín không?
- Vì sao hỏi đến ông ấy?
- Vì nghe danh đức đã lâu, khao khát muốn đến lễ yết.
- Bàn đạo là Đạo Tín đây.
- Vì sao Ngài quang lâm đến đây?
- Vì tìm đến thăm người, có chỗ nào nghỉ ngơi chăng?
- Riêng có cái am nhỏ.

Pháp Dung liền dẫn Tử Tổ đến am, chung quanh am toàn là cọp, sói, con nầm con đứng lằng xằng. Tử Tổ khoát tay như có vẻ sợ hãi.

Pháp Dung hỏi: - Ngài vẫn còn cái đó sao?

Tử Tổ hỏi lại: - Cái đó là cái gì?

Pháp Dung không đáp được. Giây lát, Tổ Sư đến tắm đá của Pháp Dung ngồi vẽ một chữ PHẬT. Pháp Dung giựt mình.

Tổ Sư hỏi: - Vẫn còn cái đó sao?

Pháp Dung không hiểu, bèn đành lễ xin Tổ Sư chỉ dạy chỗ chân yếu. Tổ Sư bảo:

- Trăm ngàn pháp môn đồng về một tác vuông. Diệu đức như hà sa thầy ở nơi nguồn tâm. Tất cả môn: Giới, Định, Huệ, Thần thông biến hóa, thầy đều đầy đủ nơi tâm người, tất cả phiền não xưa nay đều không lặng, tất cả nhơn quả đều như mộng huyễn, không có tam giới có thể ra, không có bờ đê có thể cầu. Người, cùng chẳng phải người, tánh tướng đều bình đẳng. Đại Đạo thênh thang rộng lớn, bất suy dứt nghĩ, cái pháp như thế, nay người đã được không khiếm khuyết, thì đồng với chư Phật, ngoài ra chẳng Pháp nào khác. Ông cứ tự tại mà nhiệm tâm, đừng theo quán hạnh, cũng chớ trừng tâm, chớ nổi tham sân, chớ mang sầu lự, cứ thản nhiên vô ngại, chẳng làm lành, chẳng làm dữ, đi đứng nằm ngồi cứ tùy duyên mà cảm nghĩ, đó toàn là chỗ diệu dụng khoái lạc vô ưu của Phật, có thể mới gọi là Phật.

Pháp Dung hỏi:

- Tâm đã như vậy, cái nào là Phật? cái nào là tâm?

Tổ Sư đáp: - Chẳng phải tâm thì không hỏi Phật, hỏi Phật thì chính là tâm.

Pháp Dung hỏi: - Đã bảo chẳng tu quán hạnh thì khi cảnh khởi lên, tâm làm sao đối trị?

Tổ Sư đáp: - Cảnh duyên không tốt xấu, tốt xấu là tại nơi tâm. Tâm ví chẳng đặt ra, vọng tình theo đâu mà dậy? Vọng tình đã chẳng dậy thì chơn tâm cứ nhiệm vận mà tỏ tường. Ông chỉ nên tự tại mà tùy tâm, chẳng cần phải đối trị. Đó tức là thường trụ pháp thân, chẳng gì sai khác.

Ta thọ pháp môn Đốn giáo của Tam Tổ Tăng Xán, nay ta trao lại cho người. Người nhớ lời dặn của ta, người cứ ở núi này, sau có 5 vị đến đây nối tiếp giáo hóa.

Một hôm, Tứ Tổ đi đến huyện Huỳnh Mai, giữa đường gặp một đứa bé đáng vẻ khôi ngô, chừng 7 tuổi.

Sư hỏi bé:

- Người tên họ là gì?

Đứa bé ấy đáp:

- Họ thì có mà không phải họ thường.
- Là họ gì?
- Họ Phật.

Tổ Sư nhìn những người thị tùng nói:

- Đứa bé này không phải là hạng phàm, sau sẽ làm Phật pháp hưng thịnh.

Sư cùng thị tùng tìm đến nhà mẹ của đứa bé, thuật lại những lời đối đáp lạ thường của nó vừa qua, rồi xin mẹ đứa bé cho nó xuất gia. Mẹ của nó đồng ý và Tứ Tổ nhận đứa bé ấy làm đệ tử, đặt hiệu cho là Hoàng Nhẫn.

Về sau, Tứ Tổ Đạo Tín thấy cơ duyên đã đến nên gọi Hoàng Nhẫn để truyền Y Bát. Tứ Tổ nói:

- Xưa Như Lai truyền chánh pháp nhân tạng chuyển đến ta, nay ta trao lại cho người cùng với Y Bát. Người cố gắng truyền trao không cho đứt bật. Nghe ta nói kệ:

KỆ:

Hoa chủng hữu sanh tánh,
Nhơn địa hoa sanh sanh,
Đại duyên dữ tín hiệp,
Đương sanh sanh bất sanh.

Hán văn:

花種有生性
因地花生生
大緣與信合
當生生不生

GIẢI NGHĨA:

Giống hoa có tánh sống,
Nhơn đất hoa nảy mầm,
Duyên lớn cùng tín hiệp,
Chính sanh, sanh chẳng sanh.

Tứ Tổ lại nói:

- Trước ta có lên núi Lô Sơn nhìn về núi Phá Đầu, thấy một vàng mây tía giống như cái lọng, dưới phát ra lẫn hơi trắng chia ra 6 đường, người cho là điềm gì?

- Đó là điềm sau Hòa Thượng con cháu sẽ chia thêm một nhánh Phật pháp.

- Hay thay! Người khéo biết đó.

Đến niên hiệu Vĩnh Huy năm thứ hai (năm 651) đời Đường, ngày mùng 4 - 9 nhuận - Tân Hợi, Tứ Tổ gọi môn nhân vào dặn:

- Tất cả các pháp thầy đều giải thoát, các người phải tự gìn giữ và giáo hóa đời sau.

Nói xong, Tứ Tổ Đạo Tín ngồi an nhiên thị tịch, thọ 72 tuổi. Môn nhơn xây tháp thờ tại núi Phá Đầu.

V. NGŨ TỔ HOÀNG NHẪN (601-674)

Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn quê ở Kỳ Châu, huyện Huỳnh Mai, thuở nhỏ rất thông minh, xinh đẹp. Có ông thầy xem tướng khen rằng: "Đứa bé này có đầy đủ tướng tốt, chỉ thua Phật bảy tướng thôi."

Năm 7 tuổi, Hoàng Nhẫn gặp Tứ Tổ Đạo Tín, được Tổ Sư thân làm đệ tử, đặt pháp danh là Hoàng Nhẫn.

Theo Thiên Sử, gốc tích của Ngài Hoàng Nhẫn rất huyền diệu phi thường, xin chép ra sau đây:

Khi Tổ Sư Đạo Tín đi viếng núi Long Phong, giữa đường gặp một vị sư già trông tòng, người ta gọi ông là Tài Tòng Đạo giả. Vị sư già ấy hỏi Tứ Sư Đạo Tín:

- Đạo pháp của Như Lai có thể cho tôi nghe được chăng?

Tổ Sư đáp:

- Tuổi của ông đã già, dù có nghe được cũng không hoàng hóa kịp. Nếu có tái sanh được thì ta cũng nán chờ.

Đạo giả nghe vậy rồi từ tạ đi xuống núi, đến huyện Huỳnh Mai, thấy một cô gái đang giặt áo ở bờ sông, ông đến chào và hỏi: - Nhà cô ở gần xa, cô vui lòng cho tôi nghỉ nhờ được chăng?

Cô đáp: - Tôi còn cha mẹ, không dám tự quyền, mời sư vào nhà hỏi cha mẹ tôi thì hơn.

Đạo giả nói:

- Nhưng cô có bằng lòng không, xin cho tôi biết.

Cô đáp: - Riêng tôi thì bằng lòng.

Đạo giả nghe cô hứa chịu, bèn trở về núi, ngồi ngay thẳng viên tịch.

Cô gái kia là con út của nhà họ Châu, sau khi hứa lời với Đạo giả, thì không bao lâu tự nhiên có thai. Cha mẹ cô thấy con gái không chồng mà lại có thai, làm ô nhục gia phong, nên đuổi cô đi khỏi nhà.

Cô đang tuổi trẻ mà bỗng nhiên mang khổ, sống bơ vơ không nơi nương tựa, làm công việc kéo chỉ mướn nuôi sống qua ngày. Đến ngày khai hoa, cô sanh được một đứa bé trai rất xinh đẹp. Nhưng vì xấu hổ không chồng mà lại có con, cô đành đem đứa bé thả xuống sông. Sáng ngày cô ra xem, thấy đứa bé ngồi xếp bằng trên mặt nước mà khí sắc tươi tỉnh lạ thường. Cô lấy làm lạ, vừa xót thương, liền bồng con đem về nuôi dưỡng.

Đến năm đứa bé được 7 tuổi, nó đứng chơi giữa đường, như có ý đón đường Tổ Sư Đạo Tín, gặp Đạo Tín, đứa bé đối đáp phi thường, như đã thuật ở đoạn trên.

Tổ Sư đặt hiệu cho nó là Hoàng Nhẫn, có nghĩa là: Mẹ nhẫn nhục nuôi con, cũng có nghĩa là Tổ Sư kiên nhẫn chờ đứa bé khôn lớn để truyền pháp.

Theo truyện này, đứa bé ấy là hậu thân của Tài Tông Đạo giả.

Đạo trường của Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn lập ra tại núi Huỳnh Mai, có khoảng hơn 500 đồ chúng.

Chúng ta có thể coi Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn khởi đầu cho một khúc quanh quyết định trong Thiên tông, để cho vị Tổ Sư thứ sáu là Lục Tổ Huệ Năng mở thông hết Thiên môn.

Trước thời Ngũ Tổ, các Tổ Sư chỉ hoàng hóa trong im lặng, lánh ẩn trên núi cao, ít người biết tới. Nhưng cơ duyên đã tới để công khai cổ võ đạo Thiên, và Ngũ Tổ là người đầu tiên xuất hiện giữa đại chúng, dọn đường cho người kế vị là Lục Tổ.

VI. LỤC TỔ HUỆ NĂNG (638-713)

(Yêu cầu xem chữ: Lục Tổ Huệ Năng, văn L)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhứt trần bất nhiễm

一塵不染

A: Unstained by even a particle of dust.

P: Pas un grain de poussière ne l'atteint.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Trần:** bụi. **Bất:** không. **Nhiễm:** nhuộm vào.

Nhứt trần bất nhiễm là một hạt bụi cũng không nhuộm vào. Ý nói: Dù ở nơi cõi trần nhưng không nhiễm trần, rất thanh cao trong sạch.

Nhứt Trấn Oai Nghiêm

一鎮威嚴

A: The first of Three Spiritual Governors of Caodaism.

P: Le Premier de Trois Gouverneurs Spirituels du Caodaïsme.

Nhứt: Thứ nhứt. **Trấn:** gìn giữ cho yên. **Oai Nghiêm:** rất nghiêm trang đáng nể sợ.

Nhứt Trấn Oai Nghiêm là Đấng thứ nhứt trong Tam Trấn Oai Nghiêm của Đạo Cao Đài. Đó là Đức Đại Tiên Trưởng Lý Thái Bạch. Ngài còn kiêm nhiệm chức vụ Giáo Tông ĐĐTKPĐ.

(Xem: Tam Trấn Oai Nghiêm, văn T).

TNHT: Lão hạ mình bỏ quyền *Nhứt Trấn*, lãnh việc Giáo Tông mà lập vị cho đoàn em bước tới.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Nhứt triều nhứt tịch

一朝一夕

A: Each morning and each evening.

P: Chaque matin et chaque soir.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Triêu:** buổi sáng sớm. **Tịch:** buổi chiều tối.

Nhứt triêu nhứt tịch là mỗi buổi sáng sớm và mỗi buổi chiều tối.

PMCK: *Nhứt triêu nhứt tịch* kinh bài mộ khang.

PMCK: Phạt Mẫu Chơn Kinh.

Nhứt trường xuân mộng

一場春夢

A: A spring dream.

P: Un songe printanier.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Trường:** nơi tụ tập đông đảo nhiều người. **Xuân:** mùa xuân. **Mộng:** giấc chiêm bao.

Nhứt trường xuân mộng là một giấc mộng xuân, ý nói: sự giàu sang phú quý của con người nơi cõi trần như là một giấc mộng đẹp.

Diễn tích: Sách Hậu Tinh Lục của Triệu Kim Thời chép: Trong thời gian ông Tô Đông Pha cư ngụ tại đất Xương Hóa, ông hay đeo một cái bầu lớn sau lưng, đi rong chơi trong vùng, thỉnh thoảng lại ca hát, thật là vui vẻ an nhàn.

Bỗng Tô Đông Pha gặp một bà lão, bà ấy nói:

- Thật những ngày phú quý khi trước của ông chẳng khác chi một trường xuân mộng.

Người trong vùng nghe được chuyện này thuật lại, nhưng không biết bà lão tên gì, ở đâu, mới gọi là Xuân Mộng Bà.

Do đó, trong văn chương hay dùng chữ: Trường xuân mộng, Một tràng mộng xuân, để chỉ việc công danh phú quý như là giấc mộng đẹp.

Nhứt trường xuân mộng đồng nghĩa: Huỳnh lương mộng, Mộng Nam Kha.

Nhứt tự thiên kim

一字千金

A: One character is worth a thousand ounces of gold.

P: Un mot vaut mille onces d'or.

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Tự:** chữ. **Thiên kim:** ngàn vàng.

Nhứt tự thiên kim là một chữ đáng giá ngàn vàng.

Ý nói: văn chương trác tuyệt, không chê vào đâu được.

Điển tích: Truyện Lã Bất Vi.

Khi Tần Thủy Hoàng mới lên làm vua, Lã Bất Vi làm Tể Tướng. Trong nhà họ Lã có nuôi nhiều tân khách, trong đó có nhiều kẻ sĩ tài giỏi. Họ Lã nghe các vị này bàn về học vấn, dần dần ông nảy ra ý định tập hợp họ lại để viết ra một bộ sách có giá trị, lưu lại đời sau, dương danh ư hậu thế.

Lã Bất Vi chọn ra vài chục người có học thức uyên bác, dựa theo quan điểm của ông, làm ra bộ sách tổng hợp các tư tưởng của Nho gia, Đạo gia, Danh gia, Pháp gia, Mặc gia, Âm Dương gia, đặt tên là LÃ THỊ XUÂN THU. Bộ sách này khá vĩ đại, gồm trên 20 vạn lời, và dùng sách nầy làm kinh điển cho nước Tàu thời nhà Tần.

Lã Bất Vi vô cùng đắc ý, nên ra lệnh cho treo bộ Lã Thị Xuân Thu ngay giữa chợ kinh thành Hàm Dương, tuyên bố:

"Bỏ Hàm Dương thị môn, huyền thiên kim kỳ thượng, diên chư Hầu du sĩ tân khách hữu năng tăng tổn nhứt tự giả dư thiên kim." nghĩa là: Công bố ở chợ Hàm Dương, treo cao giải thưởng ngàn vàng, mời các du sĩ, tân khách các chư Hầu, có thể thêm hoặc bớt một chữ sẽ được thưởng ngàn lạng vàng.

Qua hơn một tháng, hàng vạn người đến thưởng lãm bộ sách Lã Thị Xuân Thu, nhưng không có người nào dám lên tiếng chỉ trích khuyết điểm của sách.

Lã Bất Vi vô cùng thích chí, cho sao chép ra mấy trăm bản để truyền đi các nước chư Hầu, nhờ đó mà tên tuổi của ông ta được cả thiên hạ biết tới.

Nhứt tự thiên kim đồng nghĩa: Nhứt tự nhứt châu, mỗi chữ là một hạt châu.

Nhứt tự vi sư, bán tự vi sư

一字為師，半字為師

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Tự:** chữ. **Vi:** là. **Sư:** thầy. **Bán:** phân nửa.

Nhứt tự vi sư: Một chữ là thầy.

Bán tự vi sư: Nửa chữ là thầy.

Ý nói: Dù học với một người nào, học được một chữ hay được nửa chữ thì cũng phải tôn trọng người đó là thầy, chớ không phải đợi học được nhiều mới tôn người ta là thầy.

Thành ngữ này nói lên tinh thần tôn sư trọng đạo của các dân tộc trong ảnh hưởng của Nho giáo.

Điển tích: Sách Ngũ Đại Sử Bỏ của Đào Nhạc đời Tống chép: Lúc Trịnh Cốc ở Viên Châu, Tề Dĩ đến yết kiến, đưa ra bài thơ nhan đề Tảo Mai (mai nở sớm) xin Trịnh Cốc chỉ giáo.

Trịnh Cốc đọc kỹ bài thơ, ông thấy trong bài Tảo Mai có hai câu:

Tiền thôn thâm tuyết lý,	前村深雪里
Tạc dạ số chi khai	昨夜數枝開

GIẢI NGHĨA:

Trước làng trong tuyết dày,
Đêm qua nở mấy nhành mai.

Trịnh Cốc nói:

- Hoa mai mà đã nở mấy nhành thì đâu gọi là sớm được nữa, chi bằng đổi chữ SỐ thành chữ NHỨT thì hay hơn.

Tề Dĩ nghe xong, cảm thấy Trịnh Cốc nói rất có lý, bèn cung kính bái một bái, biểu thị lòng thành thật kính trọng.

Người ta coi Trịnh Cốc là thầy một chữ của Tề Dĩ vậy.

Nhứt tướng công thành vạn cốt khô

一將功成萬骨枯

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Tướng:** vị tướng chỉ huy binh sĩ đánh giặc. **Công thành:** làm nên chiến công. **Cốt khô:** xương khô.

Câu trên có nghĩa là: Một ông tướng làm nên công trận thì phải có hàng vạn binh sĩ chết khô nơi mặt trận.

Nhứt vãng nhứt lai

一往一來

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Vãng:** đi qua. **Lai:** tới. **Vãng lai:** qua lại.

Nhứt vãng nhứt lai là mỗi lần đi qua, mỗi lần đi lại, tức là mỗi khi đi đầu kiếp xuống cõi trần, mỗi khi thoát xác trở về.

PMCK: Độ chơn thần *nhứt vãng nhứt lai*.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Nhứt vô sở hữu

一無所有

Nhứt: Thứ nhứt, một, mỗi một, đứng đầu, hơn hết, thống nhứt, tổng quát. **Vô:** không. **Sở:** thuộc về mình. **Hữu:** có.

Nhứt vô sở hữu là một cái cũng không có của mình, tức là không có gì thuộc về mình.

Nhứt vô sở tri: Cái gì cũng không biết.

Nhứt vô sở trường: Không có chỗ nào là giỏi cả.

NHẬT

NHẬT

NHẬT: 日 Mặt trời, ngày, ban ngày.
Td: Nhật để, Nhật nguyệt.

Nhật để

日底

A: The daily report.

P: Le rapport journalier.

Nhật: Mặt trời, ngày, ban ngày. **Để:** cái đáy, cuối hết.

Nhật để là tờ báo cáo công việc xảy ra cuối mỗi ngày.

CG PCT: Mỗi ngày phải chạy tờ *nhật để* cho Chánh Trị Sự hiểu điều động tịnh trong địa phận của mình.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Nhật nguyệt

日月

A: The sun and the moon.

P: Le soleil et la lune.

Nhật: Mặt trời, ngày, ban ngày. **Nguyệt:** mặt trăng.

Nhật nguyệt là mặt trời và mặt trăng.

Gương nhật nguyệt: Gương sáng như mặt trời mặt trăng.

TNHT: Đòi rạng lưu tồn gương *nhật nguyệt*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhật nguyệt chi quang

日月之光

A: The sunlight and the moonlight.

P: La lumière solaire et la lumière lunaire.

Nhật: Mặt trời, ngày, ban ngày. **Nguyệt:** mặt trăng.
Quang: ánh sáng.

Nhật nguyệt chi quang là ánh sáng của mặt trời và mặt trăng.

TG: Càn khôn oát vận, *Nhật nguyệt chi quang*,....

TG: Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.

Nhật nguyệt mạo

日月帽

Nhật: Mặt trời, ngày, ban ngày. **Nguyệt:** mặt trăng. **Mạo:** cái mũ.

Nhật nguyệt mạo là cái mũ có hình dáng tượng trưng mặt trời và mặt trăng. Đó là mũ của Chức sắc HTĐ.

■ Cái vòng tròn úp lên đầu là thể Nhật hình, tức là cái hình tròn giống như mặt trời.

■ Phía bên trên của mũ có hình giống như nửa hình tròn, tức là hình bán nguyệt, thể Nguyệt hình.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Nhật nguyệt như thoa

日月如梭

A: The sun and the moon go like a shuttle.

P: Le soleil et la lune vont comme la navette.

Nhật: Mặt trời, ngày, ban ngày. **Nguyệt:** mặt trăng. **Thoa:** cái thoi dệt vải.

Nhật nguyệt như thoa là mặt trời mặt trăng đi mau như cái thoa. Ý nói: ngày tháng qua mau như thoa đưa.

Nhật nguyệt trôi nhanh: Ngày tháng đầy người.

Ý nói: - Thời gian thúc giục con người làm việc.
- Thời gian đẩy con người vào quá khứ.

Nhật nhu nguyệt nhiễm

日濡月染

Nhật: Mặt trời, ngày, ban ngày. **Nhu:** thấm ướt. **Ngoạt:** **Ngoạt:** tháng. **Nhiễm:** nhuộm vào.

Nhật nhu nguyệt nhiễm là những việc làm qua ngày tháng thấm sâu vào dần dần thành thói quen.

KSH: Năng làm phải *nhật nhu nguyệt nhiễm*.

KSH: Kinh Sám Hối.

Nhật nhật tân

日日新

A: Always renewed.

P: Toujours renouvelé.

Nhật: Mặt trời, ngày, ban ngày. **Nhật nhật:** mỗi ngày một.... **Tân:** mới.

Nhật nhật tân là mỗi ngày một mới.

Trong sách Đại Học của Nho giáo, phần thích nghĩa chữ Tân Dân, có viết: "*Thang chi bàn minh viết: Cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân.*" Nghĩa là:

Cái chậu tắm của vua Thành Thang có khắc dòng chữ: Nếu ngày mới, mỗi ngày một mới, lại ngày mới. (**Cầu:** Nếu, ví dầu. **Bàn:** Bàn: cái chậu. **Minh:** chạm khắc. **Hựu:** lại nữa.)

Vua Thành Thang là vị vua sáng lập nhà Thương, đã khắc vào cái chậu tắm một câu để nhắc nhở mình hằng ngày. Nhà

vua muốn lấy việc tắm rửa mà tự giới, ngày nào cũng phải lo làm sao cho thanh sạch, tẩy trừ các thứ cũ kỹ là các thứ đồ dơ nơi mình. Những thứ của ngày hôm trước để lại hôm sau đã thành ra cũ. Mỗi ngày một mới, nếu mình không lo đổi mới thì không còn hợp thời tương xứng, không thể thích ứng nữa.

Một nguyên nhân của các thất bại là vì lạc lỏng và rời rạc, không phù hợp với khung cảnh ngoại giới và nội tâm.

Muốn được thành công, cần phải làm thế nào theo kịp không gian và thời gian, nên cần phải đổi mới. Công việc như thế không thể gián đoạn vì đương sống trong cuộc biến chuyển tuần hoàn, không có một việc gì dừng lại. Chính mình phải đổi mới luôn luôn.

Nhật tân nguyệt dị: *Nguyệt:* tháng. *Dị:* khác.

Nguyệt dị là mỗi tháng mỗi khác.

Nhật tân nguyệt dị là mỗi ngày một mới, mỗi tháng một khác. Ý nói: Ngày tháng càng đi qua, sự đời càng biến đổi.

Nhật thượng tam can

日上三竿

Nhật: Mặt trời, ngày, ban ngày. **Thượng:** lên trên. **Tam:** ba. **Can:** cây sào.

Nhật thượng tam can là mặt trời đã lên ba sào.

Ý nói: trưa trễ lắm rồi.

Nhật trình

日程

A: Daily newspaper.

P: Journal, Quotidien.

Nhật: Mặt trời, ngày, ban ngày. **Trình:** báo cho biết.

Nhật trình là báo cho biết tin tức mỗi ngày.

Thuở xưa gọi là Nhựt trình, ngày nay gọi là Nhựt báo, thường gọi là Tờ báo hay Báo, là tờ giấy in tin tức mỗi ngày.

Nhựt tụng

日誦

A: Daily breviary.

P: Le bréviaire journalier.

Nhựt: Mặt trời, ngày, ban ngày. **Tụng:** đọc có giọng điệu.

Nhựt tụng là tụng đọc hằng ngày.

Kinh nhựt tụng: những bài kinh dùng để tụng hằng ngày trong 4 thời cúng: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu, nơi Thánh Thất cúng Đức Chí Tôn hay nơi Điện Thờ cúng Đức Phật Mẫu.

Những bài Kinh nhựt tụng này còn được gọi là Kinh Cúng Tứ Thời.

Nhựt xuất nhi tác

日出而作

Nhựt: Mặt trời, ngày, ban ngày. **Xuất:** đi ra. **Nhi:** mà. **Tác:** làm.

Nhựt xuất nhi tác là mặt trời mọc thì làm việc.

Thời vua Nghiêu, thiên hạ an vui thái bình, trăm họ vô sự, có những cụ già tám chín mươi tuổi chơi trò kích nhưõng mà hát rằng: "*Nhựt xuất nhi tác, nhựt nhập nhi tức, tạc tỉnh nhi ẩm, canh điền nhi thực. Đế lực ư ngã hà hữu tai!*"

Nghĩa là: Mặt trời mọc thì làm, mặt trời lặn thì nghỉ, đào giếng mà uống, cày ruộng mà ăn. Công sức của vua nào có đối với ta!

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục vần O

OAI (UY)

- Oai
- Oai đồng
- Oai đức
- Oai linh
- Oai nghiêm
- Oai phong lẫm liệt
- Oai quyền
- Oai Thần

OAN

- Oan
- Oan cừu
- Oan gia
- Oan hồn
- Oan khiên
- Oan khuất
- Oan khúc
- Oan nghiệt
- Oan oan tương báo
- Oan trái
- Oan uổng
- Oan ưng
- Oan ương (Uyên ương)

OÁN

- Oán
- Oán chạ thù vợ
- Oán Thiên vu nhân

OANH

- Oanh liểu
- Oanh nhật thức - Oanh thừa nhật
- Oanh oanh liệt liệt

OÁT

- Oát
- Oát triển vô biên
- Oát vận

OẢN

- Oản oại

ONG

- Ong bướm
- Ong tay áo

Ô

- Ô
- Ô danh
- Ô đầu mã giác
- Ô hợp
- Ô-li-vê
- Ô nhiễm
- Ô sinh
- Ô thước
- Ô trọc (Ô trọc)
- Ô ướ

ỐC

- Ốc trần hườn ư song
- Ốc mượn hồn
- Thủ chi nội

ÔM

- Ôm bình
- Ôm cầu
- Ôm cầm

ÔN

- Ôn
- Ôn nhu
- Ôn cố tri tân
- Ôn sánh
- Ôn hòa
- Ôn Thần
- Ôn, lương, cung, khiêm, nhượng

ÔNG

- Ông Công - Ông Táo
- Ông Thiện - Ông Ác

ƠN

- Ơn huệ
- Ơn Trên

OAI (UY)

OAI

OAI: 威 **Uy:** vẻ tôn nghiêm khiến người ta nể sợ.

Td: Oai đông, Oai linh. (**Xem thêm:** UY)

Oai đông

威勇

A: Powerful.

P: Puissant.

Oai: vẻ tôn nghiêm khiến người ta nể sợ. **Đông: Dũng:** mạnh mẽ, can đảm.

Oai đông hay Uy dũng là có vẻ tôn nghiêm đáng nể sợ và có tinh thần mạnh mẽ.

TNHT: Nếu không đủ tài tình *oai đông* thì chẳng hề thắng đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Oai đức

威德

A: Severe and virtuous.

P: Sévère et vertueux.

Oai: vẻ tôn nghiêm khiến người ta nể sợ. **Đức:** đạo đức.

Oai đức là oai quyền và đạo đức.

Có oai để hàng phục kẻ tà, xử trị việc ác; có đức để hộ trợ người chánh, giúp đỡ việc thiện.

Nhờ có oai mà người ta kính sợ, nhờ có đức mà người ta yêu mến.

Oai linh

威靈

A: Majestic and sacred.

P: Majestueux et sacré.

Oai: vẻ tôn nghiêm khiến người ta nể sợ. **Linh:** thiêng liêng.

Oai linh là vẻ tôn nghiêm có tính cách thiêng liêng khiến ai cũng phải kính sợ.

Oai linh cũng có nghĩa là oai quyền thiêng liêng.

TNHT: Thương thì để dạ, dụng oai linh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Oai nghiêm

威嚴

A: Majestic and grave.

P: Majestueux et grave.

Oai: vẻ tôn nghiêm khiến người ta nể sợ. **Nghiêm:** cái vẻ trang nghiêm đáng kính.

Oai nghiêm là oai nghi và nghiêm trang đáng kính sợ.

Đạo Cao Đài có Tam Trấn Oai Nghiêm thay quyền Ba Đấng Giáo chủ cầm quyền Tam giáo trong thời Tam Kỳ Phổ Độ. Tam Trấn Oai Nghiêm gồm:

■ **Nhứt Trấn Oai Nghiêm:** Đại Tiên Trường Lý Thái Bạch, cầm quyền Tiên giáo, kiêm nhiệm Giáo Tông ĐĐTKPĐ.

■ **Nhị Trấn Oai Nghiêm:** Quan Thế Âm Bồ Tát, cầm quyền Phật giáo thời Tam Kỳ Phổ Độ.

■ **Tam Trấn Oai Nghiêm:** Quan Thánh Đế Quân, cầm quyền Nho giáo thời Tam Kỳ Phổ Độ.

KĐLC: Nam mô Tam Trấn Hư Vô,

Oai Nghiêm độ rồi Cao đồ qui nguyên.

KĐLC: Kinh đưa linh cửu.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Oai phong凛冽

威風凜冽

A: Awe-inspiring air.

P: Majesté terrible à voir.

Oai: vẻ tôn nghiêm khiến người ta nể sợ. **Phong:** dáng điệu. **Lẫm:** lạnh. **Liệt:** khí lạnh. **Oai phong:** có phong thái oai nghi đáng nể sợ. **Lẫm liệt:** lạnh rét phát sợ.

Oai phong凛冽 là cái dáng oai nghi đáng sợ.

Oai quyền

威權

A: Authority, power.

P: Autorité, pouvoir.

Oai: vẻ tôn nghiêm khiến người ta nể sợ. **Quyền:** quyền hành.

Oai quyền là có quyền thế làm người ta kính sợ.

TNHT: Hễ trách phạt đàn anh, tuy lấy *oai quyền* khuyên nhủ trừng trị lấy em mặc dầu, chớ cũng nên hiểu tâm của mỗi đũa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Oai Thần

威神

A: The majestic genius.

P: Le génie majestueux.

Oai: vẻ tôn nghiêm khiến người ta nể sợ. **Thần:** vị Thần.

Oai Thần là vị Thần có oai quyền đáng nể sợ.

KĐ5C: Dựa xe Như Ý, *Oai Thần* tiến thẳng.

KĐ5C: Kinh Đệ Ngũ cửu.

OAN

OAN

OAN: 冤 - Thù giận, thù oán. - Bị ức, không làm mà chịu.
Td: Oan cừu, Oan gia, Oan khúc.

Oan cừu

冤仇

A: Animosity.

P: Animosité.

Oan: Thù giận, thù oán. **Cừu:** thù hằn.
Oan cừu là giận ghét thù hằn.

Oan gia

冤家

A: Enemy of the anterior existence.

P: Ennemi de l'existence antérieure.

Oan: Thù giận, thù oán. **Gia:** người.

Oan gia là người có mối thù giận với mình từ kiếp trước.

Kiếp trước mình làm cho người ta thù giận mình thì kiếp này người ta là oan gia của mình, người ta sẽ tìm đến mình để đòi món nợ thù giận trước và mình có nhiệm vụ phải đền trả.

Oan gia nghi giải bất nghi kết: Việc thù hằn nên cởi bỏ ra chớ không nên cột buộc vào. (**Nghi** là nên, **giải** là cởi bỏ, **kết** là buộc).

KCHKHH: Dầu oan gia tội báo buộc ràng.

KCHKHH: Kinh cầu hồn khi hấp hối.

Oan hồn

冤魂

A: The soul of a person who died a victim of injustice.

P: L'âme d'une personne morte victime d'une injustice.

Oan: - Thù giận, thù oán. - Bị ức, không làm mà chịu. **Hồn:** linh hồn.

Oan hồn là linh hồn của người bị chết oan.

Chết oan là chưa tới số mà bị chết thành linh.

Thường thì những oan hồn rất đau khổ, tức giận, thù oán người đã gây cho họ cái chết oan ức, nên các oan hồn thường đi theo kẻ thù để chờ dịp báo oán.

Thân nhân của các oan hồn cần phải tụng kinh Cầu Siêu, kinh Di-Lạc, tụng thường xuyên để các oan hồn thức tỉnh, cởi bỏ điều thù giận, thì mới có thể siêu thoát được.

Oan khiên

冤愆

A: The hate and sin.

P: La haine et le péché.

Oan: Thù giận, thù oán. **Khiên:** tội lỗi.

Oan khiên là thù giận và tội lỗi.

TNHT: Tránh mỗi *oan khiên* chớ buộc mình.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Oan khuất

冤屈

A: Oppressed.

P: Opprimé.

Oan: Bị ức, không làm mà chịu. **Khuất:** bị che lấp, bị đè nén không tỏ ra được.

Oan khuất là bị oan ức mà không kêu ca tỏ bày ra được.

Oan khúc

冤曲

Oan: Bị ức, không làm mà chịu. **Khúc:** cong, gãy.

Oan khúc, đồng nghĩa Oan khuất, tức là bị oan ức mà không tỏ bày ra được.

CG PCT: Tiếp Đạo là người tiếp cáo trạng, án tiết, thì phải quan sát trước coi có oan khúc chi chăng,....

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Oan nghiệt

冤孽

A: Retribution for evil.

P: Rétribution par la mal.

Oan: Thù giận, thù oán. **Nghiệt:** nghiệp ác, cái mầm ác.

Oan nghiệt là những thù giận và những điều ác mà mình đã gây ra trong kiếp sống, sẽ tạo thành ác nghiệp, báo đáp lại trong kiếp sống hiện tại, gây ra hoạn nạn đau khổ, hoặc chưa báo đáp được thì nó tạo thành những sợi dây oan nghiệt ràng buộc chơn thần, không cho chơn thần xuất ra khỏi xác khi thể xác chết.

Có tất cả 7 sợi dây oan nghiệt ràng buộc chơn thần. Phép Đoạn căn là phép bí tích cắt đứt 7 dây oan nghiệt giúp cho chơn thần thoát ra khỏi xác, trở về cõi thiêng liêng.

KTL: Dây oan nghiệt đứt rời trái chủ.

KTL: Kinh Tẩn Liệm.

Oan oan tương báo

冤冤相報

Oan: Thù giận, thù oán. **Tương:** lẫn nhau. **Báo:** đáp lại.

Oan oan tương báo là lấy oán thù báo đáp oán thù.

Sự thù oán, kẻ gây ra, người báo đáp, rồi lại gây lại đáp, cứ thế thù oán kéo dài từ lớp nợ đến lớp kia, liên miên bất tận, gây ra biết bao nỗi đau khổ trong kiếp sống.

Do đó, cổ nhơn thường khuyên rằng: Oán thù nghi giải, bất nghi kết, nghĩa là việc thù oán nên cởi bỏ, không nên kết buộc, hoặc là: Dĩ ân báo oán, tức là lấy ơn đáp oán thì oán ấy mới dứt được.

Oan trái

冤債

A: The debt from the previous existence.

P: La dette de l'existence antérieure.

Oan: Thù giận, thù oán. **Trái:** món nợ.

Oan trái là món nợ về thù giận.

Mình làm cho người ta bị tổn hại, khiến người ta thù giận mình, như vậy mình đã gây ra một oan trái, mình là con nợ và người ta là chủ nợ, nợ nầy là nợ thù giận.

Bây giờ người ta kém thế, không đòi nợ được, người ta sẽ chờ một cơ hội nào đó, để đến đòi nợ, và nhứt định mình phải đền trả món nợ ấy đúng theo luật công bình thiên liêng. Ấy cũng chính là luật Nhân Quả. Trong kiếp nầy chưa trả được thì những kiếp sau cũng phải trả, không trốn chạy vào đâu cho thoát được.

TNHT: Dứt dây oan trái chớ riêng thương.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Oan uổng

冤枉

A: Injustice.

P: Injustice.

Oan: Bị ức, không làm mà chịu. **Uổng:** nhọc mà không ích lợi.

Oan uổng là bị thiệt hại mà không phải vì lỗi của mình.

Oan ưng

冤應

A: Injustice and consent.

P: Injustice et consentement.

Oan: Bị ức, không làm mà chịu. **Ưng:** bằng lòng nhận tội.

Oan ưng là hai trường hợp trái ngược nhau: - bị oan ức, không làm mà bị buộc tội; - có làm tội nên bằng lòng chịu tội.

CG PCT: Như phải đáng bào chữa thì Khai Đạo phân giải giữa Hội cho ra lẽ oan ưng.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Oan ương (Uyên ương)

鴛鴦

Oan ương hay uyên ương, là một loài chim nhỏ, con trống là oan hay uyên, con mái là ương, luôn luôn sống từng đôi, không rời nhau.

Oan ương là chỉ đôi vợ chồng thương yêu hòa hợp như đôi chim oan ương (uyên ương).

OÁN

OÁN

OÁN: 怨 Giận, hận.

Td: Oán Thiên vu nhân.

Oán chạ thù vợ

A: The nonsensical hate.

P: La haine de bêtise.

Oán: Giận, hận. **Chạ:** bậy bạ, bừa bãi. **Thù:** căm giận. **Vợ:** không căn cứ.

Oán chạ thù vợ là thù oán bậy bạ, không căn cứ, chỉ hạng tiểu nhân hèn hạ đi kiếm chuyện gây sự.

KSH: Mà gở ganh oán chạ thù vợ.

KSH: Kinh Sâm Hối.

Oán Thiên vưu nhân

怨天尤人

Oán: Giận, hận. **Thiên:** Trời. **Vưu:** trách. **Nhân:** người.

Oán Thiên: giận Trời. Vưu nhân: trách người.

Trong sách Trung Dung nói về người quân tử, viết rằng: "*Thượng bất oán Thiên, hạ bất vưu nhân, cố quân tử cư dị dĩ sĩ mệnh.*" Nghĩa là: Trên không oán Trời, dưới không trách người, cho nên người quân tử cứ ở bình dị mà đợi mệnh Trời.

"Người quân tử cứ theo địa vị mình mà ăn ở, không cầu ở ngoài. Ở địa vị giàu sang thì ăn ở theo cách giàu sang; ở địa vị nghèo hèn thì ăn ở theo cách nghèo hèn; ở địa vị mọi rợ thì ăn ở theo nơi mọi rợ; ở vào lúc hoạn nạn thì ăn ở theo cảnh hoạn nạn. Người quân tử ở vào cảnh nào cũng tự đắc cả: ở địa vị cao thì không khinh khi lấn lướt kẻ dưới; ở địa vị thấp thì không cầu cạnh người trên, chỉ giữ mình được ngay chánh mà thôi, không cầu gì ở ngoài thì không phải oán hận; trên không oán Trời, dưới không trách người, cho nên người quân tử cứ bình dị mà đợi mệnh; kẻ tiểu nhân làm sự nguy hiểm để cầu may.

Đức Thánh nói: người bắn cung cũng như người quân tử, bắn mà sai đích thì trở lại xét mình vì sao."

(Trên đây là dịch nghĩa chương thứ 14 sách Trung Dung)

OANH

Oanh liễu

鶯柳

A: The oriole in willow.

P: Le loriot dans le saule.

Oanh: chim hoàng anh, loại chim rất nhỏ, tiếng hót trong vắt. **Liễu:** cây liễu, thường được trồng quanh bờ hồ.

Oanh liễu là con chim oanh đậu trên cành liễu.

Liễu là loại cây có cành rất yếu, chỉ có con chim oanh đậu được trên cành liễu mà thôi, còn các con chim khác đều lớn hơn chim oanh, nên cành liễu chịu không nổi sức nặng nên nó oằn sát xuống đất, không đậu được. Do đó, trong vườn liễu, chỉ có chim oanh bay vào đậu mà thôi.

Trong văn chương, người ta dùng hai chữ Oanh liễu để chỉ đôi vợ chồng xứng đôi vừa lứa, phải duyên phải nợ.

Oanh nhật thức - Oanh thừa nhật

Oanh: chim oanh. **Nhật thức:** thức giục cho nhanh. **Thừa nhật:** khi chậm khi nhanh.

Oanh nhật thức là tiếng oanh hót như thúc giục nhanh lên.

Oanh thừa nhật là tiếng chim oanh hót khi mau khi chậm.

Oanh nhật thức đồng nghĩa Oanh thừa nhật, ý nói: Thời gian qua mau, đời người không mấy chốc.

TNHT: ● Non xế nhành thung *oanh nhật thức*.

● Ngày thâu bóng xế *oanh thừa nhật*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Oanh oanh liệt liệt

轟轟烈烈

A: Imposing.

P: Grandiose.

Oanh: vang lừng. **Liệt:** mạnh mẽ dữ dội.

Oanh liệt là lấy lừng vang động.

Oanh oanh liệt liệt là tiếng tãm lừng lấy khắp nơi.

OÁT

OÁT

OÁT: 斡 Chuyển xoay, quay.

Td: Oát truyền, Oát vận.

Oát triền vô biên

斡旋無邊

Oát: Chuyển xoay, quay. **Triền:** về, xoay lại. **Vô:** không.
Biên: giới hạn.

Chữ Triền 旋 còn đọc là Toàn hay Tuyền.

Td: **Triền Càn chuyển Khôn:** Xoay Trời chuyển đất.

Triền phong hay Toàn phong: gió cuốn xoay tròn như tròn ốc.

Oát triền hay Oát toàn là quay vận, xoay vận.

Oát triền vô biên là xoay chuyển rộng ra không giới hạn.

Đây là một câu trong bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, lâu nay thường được in là: **Hoát truyền vô biên.**

Nhưng theo bản kinh bằng Hán văn "Tứ Thời Nhật Tụng Kinh" của hai vị Đầu Sư Thượng Trung Nhật và Ngọc Lịch Nguyệt, in năm 1928, thì phần Hán văn in là: 斡旋無邊

Như vậy, khi phiên âm ra Việt văn, chúng ta phải viết là "**Oát triển vô biên**" thì mới đúng chánh tả.

Oát vận

幹運

A: To turn around.

P: Tourner.

Oát: Chuyển xoay, quay. **Vận:** chuyển vận.

Oát vận là vận chuyển xoay vần.

Kinh Tiên giáo có câu: *Càn Khôn oát vận.*

Lâu nay câu kinh này được in là: **Càn Khôn hoát vận.**

Nhưng theo bản kinh bằng Hán văn "Tứ Thời Nhật Tụng Kinh" của hai vị Đầu Sư Thượng Trung Nhật và Ngọc Lịch Nguyệt in năm 1928, thì phần Hán văn in là: 乾坤幹運

Như vậy, khi phiên âm ra Việt văn, chúng ta phải viết là "**Càn Khôn oát vận**" thì mới đúng chánh tả.

OẢN

Oản oại

A: To twist.

P: Se tordre.

Oản là cong xuống vì bị một sức nặng đè xuống.

Oản oại là thân mình bị cong queo do một sức quá nặng đè lên vai hay do sự đau đớn quá sức.

TNHT: Đờ thơ *oản oại* gánh nghiêng vai.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ONG

Ong bướm

A: Bee and butterfly: Licentious love.

P: Abeille et papillon: Amour licencieux.

Ong: con ong. **Bướm:** con bướm bướm.

Con ong hay con bướm khi thấy hoa nở thì đáp vào để hút lấy mật hoa trong nhụy.

Hoa tượng trưng người con gái, ong bướm tượng trưng những chàng trai phóng đãng. Khi ong bướm thấy hoa thì đáp vào, cũng như các chàng trai phóng đãng thấy đàn bà con gái thì đến gần tìm cách ve vãn, dụ dỗ.

Ong tay áo

A: The traitor.

P: Le traître.

Ong tay áo là nói tắt thành ngữ: Nuôi ong tay áo.

Nuôi con ong trong tay áo thì thế nào cũng bị ong chích.

Ong tay áo là chỉ kẻ phản bội, ăn của chủ nhà rồi trở lại hại chủ nhà.

KSH: Phải chừa thói loài *ong tay áo*.

KSH: Kinh Sám Hối.

Ô

Ô

1. **Ô:** 汙 Nơ bẩn, nơ nhớp.

Td: Ô danh. Ô sinh.

2. **Ô:** 烏 con quạ, màu đen.

Td: Ô hợp, Ô thước.

Ô danh

汗名

A: Bad reputation.

P: Mauvaise réputation.

Ô: Nơh bần, nơh nhóp. **Danh:** tiếng tăm.

Ô danh là tiếng tăm xấu xa, nơh nhóp.

Ô đầu mã giác

烏頭馬角

Ô: con quạ, màu đen. **Đầu:** cái đầu. **Mã:** ngựa. **Giác:** sừng.

Ô đầu là đầu con quạ. Mã giác là sừng ngựa.

Câu trên nói đầy đủ là: **Ô bạch đầu, mã sinh giác, nghĩa là: đầu quạ trắng, ngựa mọc sừng.** Ý nói việc không thể có được, cũng giống như câu: *Lông rùa sừng thỏ.*

Diễn tích: Cuối đời Chiến Quốc, nước Tần dần dần hùng mạnh, nước Yên phải sai Thái tử Đan sang kinh đô của Tần ở làm con tin để xin hòa với Tần. Một thời gian sau, Thái tử Đan xin vua Tần cho trở về nước. Vua Tần nói:

- Chừng nào đầu con quạ trắng, ngựa mọc sừng thì ta sẽ cho ông về nước. (Linh ô bạch đầu, mã sinh giác, nãi đắc qui.)

Thái tử Đan biết vua Tần muốn giam giữ mình mãi nơi đây, nên quá buồn bã, ngước mặt nhìn lên Trời than rằng: "Trời ơi Trời! Chẳng lẽ ta vĩnh viễn không được trở về nước Yên sao?" Đột nhiên từ xa, nghe tiếng quạ kêu quang quác, liền đó có một con quạ đầu trắng bay xuống đậu trên tay Thái tử Đan. Thái tử ôm lấy quạ, vui mừng vô hạn. Động tâm, Thái tử liền ra tàu ngựa, thấy con ngựa mình thường cỡi đã mọc lên hai cái sừng. Thái tử kinh ngạc hết sức, biết là Trời đã cứu mình, nên Thái tử vội đem hai con vật ấy ra mắt vua Tần. Vua Tần buộc phải thả Thái tử Đan trở về nước Yên.

Ô hợp

烏合

A: The jumble.

P: Le ramas.

Ô: con quạ, màu đen. **Hợp:** hợp lại.

Ô hợp là tình trạng lộn xộn vô trật tự như một bầy quạ.

Ô-li-vê

A: Mount of Olives.

P: Mont des Oliviers.

Ô-li-vê là tiếng phiên âm từ tiếng Pháp, là tên của một ngọn núi nhỏ và thấp ở ngoại thành Jerusalem nước Do Thái.

Đức Chúa Jêsus Christ cùng với 12 vị Tông đồ thường lên núi này để cầu nguyện.

Tại núi này, Chúa Jêsus dự ngôn về thành Jérusalem bị tàn phá, về cái chết của Ngài và sự phục sinh của Ngài.

Trước khi Ngài bị bắt và bị hành hình trên cây thập tự, Ngài đã lên núi Ô-li-vê cầu nguyện cho nhơn loại.

KKV: Núi Ô-li-vê để dấu chơn,
Gia Tô Giáo chủ giải phần hữu sanh.

KKV: Kinh khi về.

Ô nhiễm

污染

A: To infect.

P: Infecter.

Ô: Nơ bần, nơ nhóp. **Nhiễm:** nhuộm vào, thấm vào.

Ô nhiễm là chất dơ bần nhuộm vào.

Không khí ô nhiễm là không khí bị nhiễm các chất khí độc hại, ảnh hưởng xấu lên sức khỏe của con người.

Ô sinh

汗生

A: The sullied life.

P: La vie souillée.

Ô: Nơ bần, nơ nhớp. **Sinh:** sống, kiếp sống.

Ô sinh là kiếp sống nơ bần, ý nói kiếp sống nơi cõi trần, vì nơi đây, thanh khí có ít mà trọc khí thì có nhiều, làm cho chơn thần con người bị nhiễm trọc, nên dơ bần nặng nề.

Câu chú đề niệm khi hành pháp luyện Cam Lò Thủy:

**"Cam lò thủy năng hủy trọc kiếp ô sinh oan nghiệt tội
chương chi đọa."**

Ô thước

烏鵲

A: The crown and the magpic.

P: Le corbeau et la pie.

Ô: con quạ, màu đen. **Thước:** con chim khách.

Ô thước là con quạ và con chim khách.

Tương truyền, vào đêm thất tịch mừng 7 tháng 7 âm lịch, chim ô và chim thước kết cánh liền nhau, đầu đội đá, tạo thành cái cầu bắc ngang sông Ngân Hà để cho nàng Chức Nữ đi qua sông gặp chồng là Ngưu Lang cho thỏa niềm thương nhớ trong suốt một năm dài xa cách.

Do đó, trong tháng 7 âm lịch, chim ô và chim thước đều bị rụng lông trên đầu vì phải đội đá bắc cầu.

Người xưa thấy hiện tượng thay lông đầu của chim ô và chim thước trong tháng 7 mà đặt ra truyền thuyết này chăng?

Ô trọc (Ô trọc)

汗濁

A: Dirty and impure.

P: Sale et impure.

Ô: Nơh bắh, nơh nhóp. **Trợc:** **Trợc:** bắh thừ, dơ đực.

Ô trợc hay Ô trợc là bắh đực dơ dáy.

KGO: Chừ ô trợc chớh thầh nặng trĩu.

KGO: Kinh Giải Oan.

Ô ướ

汙穢

A: Sullied.

P: Souillé.

Ô: Nơh bắh, nơh nhóp. **Uế:** hời háh dơ bắh.

Ô ướ là nơh nhóp hời háh.

KĐ6C: Trừ tiều tàn ô ướ sinh quang.

KĐ6C: Kinh Đệ Lục cừu.

ỐC

Ốc trần huờn ư song thủ chi nội

握塵寰於雙手之內

Ốc: còn đợc là **ÁC:** nắm giữ, cầm giữ. **Trần huờn:** Trần hòan: cõi trần, cõi thể gian. **Ư:** ở tại. **Song thủ:** hai tay, hàm ý về Âm Dương. **Chi:** hư tự. **Nội:** trong, ở trong.

Đây là một câu trong bài kinh Phật Giáo nói về quyền pháp của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, có nghĩa là:

Nắm giữ các cõi trần vào trong hai tay, ý nói: Chởng quầh các cõi trần.

Ốc mượn hồn

Ốc là con ốc.

Ốc mượn hồn là loại ốc không có vỏ, nó mượn cái vỏ không của một con ốc đã chết, để ở.

Ngát ngơ như ốc mượn hồn: dáng điệu ngơ ngẩn dại dốt.

ÔM

Ôm bình

Ôm: dùng hai tay mà giữ lấy. **Bình:** tấm bình phong.

Ôm bình là giữ lấy tấm bình phong để làm kỷ niệm.

Ý nói: Cái duyên thành vợ chồng.

Điển tích: Theo Đường thư, ông Đậu Nghị, người đất Mậu Lăng, làm quan Thượng Trụ Quốc thời Nam Bắc triều, có một con gái yêu, muốn kén rể, bèn sai vẽ hai con khổng tước (con công) lên tấm bình phong, ước hẹn rằng cậu trai nào giương cung bắn hai phát, mà trúng mắt khổng tước thì sẽ được gả con gái cho.

Nhiều cậu trai đến thử tài nhưng không bắn trúng. Sau có Lý Uyên đến dự thi, chỉ bắn một phát là trúng mắt công, nên được Đậu Nghị nhận làm rể.

Về sau, Lý Uyên khởi lên và làm vua ở đất Đường, hiệu là Đường Cao Tổ và con gái của Đậu Nghị làm Hoàng Hậu, gọi là Đậu Hoàng Hậu.

Hai vợ chồng Lý Uyên giữ mãi tấm bình phong có vẽ hai con khổng tước ấy để làm kỷ niệm duyên vợ chồng.

Từ điển tích này, người ta rút ra hai chữ "*Xạ tước*", ý nói là bắn con mắt chim khổng tước, nhưng vì chữ "*tước*" còn có nghĩa là con chim se sẻ, nên chữ *Xạ tước* lại được dịch ra là "*Bắn sẻ*" và được dùng rộng rãi, cũng từ điển tích này mà ra, nên cũng có một ý nghĩa là chỉ việc thử tài kén rể và kết duyên thành vợ chồng.

KHP: *Ôm bình*, bao tóc sang hèn cũng cam.

KHP: Kinh Hôn Phối.

Ôm cầm

Ôm cầm là ôm cây đàn tỳ bà, ý nói việc phụ nữ lấy chồng, việc tái giá, hay việc bỏ chồng cũ lấy chồng mới.

Diễn tích: Theo sách Thiên Hương Tập, nàng Kiều Oanh có nói với chồng là: "*Thiếp dĩ thân hứa quân, tuy toái ngọc trầm châu, diệc bất bảo tỳ bà quá biệt thuyền dã.*"

Nghĩa là: Thiếp đã đem thân theo chàng, dầu đến nát ngọc chìm châu, cũng không ôm đàn tỳ bà qua thuyền khác vậy.

Ý nàng Kiều Oanh nói rằng: Dầu hoàn cảnh nào cũng không đi lấy chồng khác, nhứt định chung thủy với chàng.

Trong Đường Thi cũng có câu: "*Khẳng tỳ bà quá biệt thuyền.*" Nghĩa là: Ôm đàn tỳ bà chẳng nữ qua thuyền khác.

Do đó, trong văn chương thường dùng các thành ngữ: Ôm cầm, Ôm cầm thuyền ai, Ôm đàn qua thuyền, là lấy ý nghĩa theo diễn tích này.

Ôm cầu

Ôm: dùng hai tay giữ chặt vào lòng. **Cầu:** trái tú cầu làm bằng lụa nhiều màu rất đẹp, dùng để cho các công chúa kén chồng.

Diễn tích: Vua Hán Võ Đế, mỗi khi kén lựa phò mã (rể của vua, chồng của công chúa) thì thường cất một cái lầu cao, bảo công chúa lên ngồi trên đó. Các vương tôn, công tử, anh hùng, ai muốn làm rể vua thì tụ tập đứng dưới lầu. Công chúa nhìn xuống, phải lòng chàng trai nào thì ném tú cầu cho người ấy. Chàng trai nào bắt được tú cầu, ôm chặt lấy, đem vào trình vua thì được vua nhận làm rể và gả công chúa cho.

Tục lệ này cũng được các nhà quyền quý dùng để kén chồng cho các công nương và tiểu thư.

Theo diễn tích trên, *ôm cầu là ôm trái tú cầu, chỉ người chồng của công chúa.*

KTKVQL: Bước Tiên nàng đã ngao du,
Đoái tình thương kẻ *ôm cầu* khóc duyên.

Kẻ ôm cầu là chỉ người chồng.

■ Từ ngữ "ÔM CẦU" còn có thể được giải nghĩa là: **Ôm cột cầu, hay Áp cây (Hán văn: Bảo trụ) theo điển tích sau đây:**

Theo sách Trang Tử, chàng trai Vỹ Sinh, người nước Lỗ thời Xuân Thu, có hẹn với người tình là một nàng con gái đến gặp nhau dưới một cây cầu. Người con gái thất hẹn, không đến, Vỹ Sinh cứ đứng đó ôm cột cầu chờ mãi, đến nỗi nước triều dâng lên ướt cả mình mà cũng không chịu rời tay, cuối cùng nước ngập lên đến đầu, bị chết ngập.

Đây có lẽ là một câu chuyện do Trang Tử tưởng tượng viết ra với một dụng ý bỡn cợt hay châm biếm mà thôi, chớ thực tế đâu có một chàng trai nào ngu ngốc đến như thế, bỏ cả cha mẹ và cuộc đời mình vì lời ước hẹn với một cô gái thất hứa, không ra gì.

Cho nên, trong Luận Ngữ Chú Sớ Giải Kinh, lời sớ của ông Hình Bình viết rằng: Vỹ Sinh làm như vậy, tuy là có thủ tín nhưng không phải nghĩa.

Theo như điển tích này, kẻ ôm cầu là một người tình lãng mạn, chỉ là một người tình chớ chưa phải là chồng, với hành động ôm cột cầu để bị chết ngập một cách ngu xuẩn và mê muội như thế, không thể được luân lý và lễ phải chấp nhận.

Do đó, chúng ta không thể dùng điển tích Vỹ Sinh này để giải thích chữ Ôm Cầu trong bài kinh Chồng Tế Vợ khi vợ qui liễu.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

ÔN

ÔN

1. ÔN: 溫
 - Học lại bài vở.
 - Td: Ôn cố tri tân.

- Ôn là ấm, hoà nhã.
Td: Ôn hòa, Ôn sảng.
2. **ÔN:** 溫 Bệnh dịch truyền nhiễm.
Td: Ôn Thần.

Ôn cố tri tân

溫故知新

A: To recall the past and to know the present.

P: Se rappeler le passé et connaître le présent.

Ôn: Học lại bài vở. **Cố:** xưa, cũ, chuyện xưa. **Tri:** biết.
Tân: mới.

Ôn cố tri tân là xem xét lại những điều xưa cũ thì biết được nhiều điều mới.

■ Sách Luận Ngữ có viết rằng: *Ôn cố nhi tri tân, khả vi sư hỹ.* Nghĩa là: Ôn lại những điều cũ mà biết được điều mới, có thể làm thầy được vậy. Ý nói: Xem xét nghiên ngẫm các việc đời xưa, thì có thể suy đoán biết rõ việc ngày nay, và như thế là có thể làm thầy dạy kẻ khác.

■ Trong sách Trung Dung, Chương thứ 27 có viết rằng:

*Cố quân tử tôn đức tính nhi đạo vấn học,
Trí quảng đại nhi tận tinh vi,
Cực cao minh nhi đạo Trung Dung,
Ôn cố nhi tri tân, đồn hậu dĩ sùng lễ.
Thị cố cư thượng bất kiêu, vi hạ bất bội,
Quốc hữu đạo, kỳ ngôn túc dĩ hưng;
Quốc vô đạo, kỳ mặc túc dĩ dung.*

Nghĩa là:

Cho nên người quân tử tôn đức tánh mà lo học vấn,
Tìm đến chỗ rộng lớn mà xét hết những cái tinh vi,
Rất cao minh mà vẫn noi theo đạo Trung Dung,
Ôn lại việc đời xưa mà biết việc đời nay, đắp dày nền nhân
mà sùng kính lễ.

Vậy cho nên ở địa vị cao thì không kiêu, ở địa vị thấp thì không trái,

Lúc nước trị (có đạo) thì lời nói đủ làm hưng thịnh,

Lúc nước loạn (vô đạo) thì sự yên lặng đủ giữ lấy mình.

Ôn hòa

溫和

A: Moderate.

P: Modéré.

Ôn: Ôn là ấm, hoà nhã. **Hòa:** êm đềm tốt đẹp với nhau.

Ôn hòa là tánh tình hòa nhã, không nóng nảy quá khích.

TNHT: Nơi xứ này, dân tình rất thuần hậu, *ôn hòa*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ôn, lương, cung, khiêm, nhượng

溫,良,恭,謙,讓

Ôn: ôn hòa. **Lương:** tốt, lương thiện. **Cung:** kính trọng.
Khiêm: khiêm tốn. **Nhượng:** nhường nhịn.

TL: Ra giao thiệp với đời thì phải tập giữ tánh: *Ôn, lương, cung, khiêm, nhượng*.

TL: Tân Luật.

Ôn nhu

溫柔

A: Moderate.

P: Modéré.

Ôn: Ôn là ấm, hoà nhã. **Nhu:** mềm mỏng.

Ôn nhu là ôn hòa và mềm mỏng.

Ôn sảnh

溫清

A: Filial duty.

P: Devoir filial.

Ôn: Ôn là ấm, hoà nhã. **Sảnh:** mát. *Ôn sảnh là ấm và mát.*

Thành ngữ: *Đông ôn hạ sảng*, nghĩa là: mùa đông thì áp cho ấm, mùa hạ thì quạt cho mát. Dịch ra thành ngữ Việt văn là: Quạt nồng ấp lạnh, chỉ sự hiếu thảo của con đối với cha mẹ.

Diễn tích: Hoàng Hương, tự là Văn Cường, người đời Hậu Hán, mới 9 tuổi thì mẹ mất, thờ cha rất mực cung kính, thức khuya dậy sớm hầu cha, không dám xao lãng.

Vào mùa Đông, Hoàng Hương nằm ủ vào chăn chiếu để truyền hơi ấm cho cha khỏi lạnh, đến mùa hè thì quạt mùng gối cho cha được mát mẻ luôn. Nhờ vậy người cha sống thoải mái vui tươi, không biết cái lạnh mùa đông hay cái nóng mùa hè.

Quan Thái Thú Lưu Hộ ở quận biết Hoàng Hương là người con chí hiếu nên làm sớ tâu lên vua Hán xin ban thưởng để làm gương tốt cho mọi người. (Trích: *Nhị thập tứ Hiếu*)

HÁN VĂN:

*Đông nhật ôn khâm noãn,
Viêm thiên phiến chẩm lương.
Nhi đồng tri tử chức,
Thiên cổ nhứt Hoàng Hương.*

Dịch nghĩa:

Ngày đông ủ ấm chăn,
Ngày nóng quạt mát gối,
Trẻ thơ biết phận con,
Ngàn xưa một Hoàng Hương.

Ôn Thần

瘟神

A: The genius of plague.

P: Le génie de la peste.

Ôn: Bệnh dịch truyền nhiễm. **Thần:** vị Thần.

Ôn Thần là những vị Thần làm ra bệnh ôn dịch.

Theo truyện Phong Thần, Ôn Bộ gồm 7 vị Ôn Thần:

1. *Lữ Nhạc:* Chưởng Ôn Hoàng Hạo Nhiên Đại Đế.
2. *Châu Tín:* Đông phương Hành Ôn Sứ giả.
3. *Lý Kỳ:* Nam phương Hành Ôn Sứ Giả.
4. *Châu Thiên Lân:* Tây phương Hành Ôn Sứ Giả.
5. *Dương Văn Huy:* Bắc phương Hành Ôn Sứ Giả.
6. *Trần Canh:* Khuyển Thiên Đại Sứ.
7. *Lý Bình:* Hòa Ôn Đạo Sĩ.

ÔNG

Ông Công - Ông Táo

A: The genius of kitchen.

P: Le génie du foyer.

Ông Công: tiếng gọi Thổ Công, là một vị Thần trong ba vị Táo Quân.

Ông Táo: tiếng gọi Táo Quân, Táo Công, Táo Thần.

Táo Quân là chỉ chung ba vị Thần trông nom các việc trong nhà, kể ra:

1. **Thổ Công:** tức là Ông Công, trông nom việc bếp.
2. **Thổ Địa:** tức là Ông Địa, trông nom việc nhà,
3. **Thổ Kỳ:** trông coi việc chợ búa.

(Xem chi tiết nơi chữ: Táo Quân, vần T)

Ông Thiện - Ông Ác

A: The Good Genius - The Evil Genius.

P: Le Bon Génie - Le Mauvais Génie.

Trước cửa Tòa Thánh hay các Thánh Thất, có đặt hai pho tượng lớn, đầu đội kim khôi, thân mình mặc giáp.

- Một ông đứng bên nam phái, tay cầm đại đao, vẻ mặt hiền lành phúc hậu, đứng trên tòa sen, đó là Ông Thiện (Thiện Thần) tượng trưng điều thiện, điều chánh.

- Một ông đứng bên phía nữ phái, một tay cầm cái búa, một tay cầm cục ngọc tỷ, gương mặt hung dữ, đứng trên tòa lửa, đó là Ông Ác (Ác Thần) tượng trưng điều ác, điều tà.

Sự tích Ông Thiện và Ông Ác như sau:

Thời thượng cổ, vua Tỳ Kheo có hai con trai là Tỳ Văn và Tỳ Võ. Tỳ Văn thì hiền lành, trái lại Tỳ Võ rất hung dữ.

Vua Tỳ Kheo rất hâm mộ đạo đức. Lúc ấy, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật mở Phật giáo ở Ấn Độ, độ được vua Tỳ Kheo.

Vua Tỳ Kheo lo lập chùa để tu niệm và muốn nhường ngôi lại cho con trưởng là Tỳ Văn hiền lành, nhưng lại sợ Tỳ Võ hung dữ không chịu.

Vua Tỳ Kheo lập kế, sai Tỳ Võ đi các trấn vỗ an bá tánh và đến Hàng Châu chiêu mộ anh tài. Nơi triều đình, vua Tỳ Kheo nhường ngôi cho Tỳ Văn, còn ông vào chùa tu niệm.

Khi Tỳ Võ hoàn thành nhiệm vụ, trở về triều, thấy anh mình là Tỳ Văn đã lên ngôi vua rồi.

Tỳ Võ liền nói:

- Anh hiền lắm, làm vua sao được, dân không sợ đâu. Anh hãy để ngai vàng lại cho tôi. Tôi dữ là dữ với kẻ hung ác bạo tàn vô đạo chứ không dữ với người đạo đức bao giờ.

Tỳ Văn nghe em nói như vậy biết là Tỳ Võ muốn lên làm vua, sợ phải thất lời với vua cha, nên Tỳ Văn vội vàng cầm ngọc tỷ (ấn của vua bằng ngọc) chạy lên chùa để báo cáo cho vua cha sự việc. Nhưng khi Tỳ Văn chạy tới cửa chùa thì vấp té chết, linh hồn thoát xác đi lên cõi Trời.

Tỳ Võ đuổi theo tới nơi, thấy xác của anh mình nằm chết trước cửa chùa, cúi xuống lượm ngọc tỷ cầm lên, bất giác hồi hận ăn năn, thấy con người khi chết không đem theo được gì cả, bao nhiêu tiền tài, danh vọng, quyền thế, đều bỏ lại cõi đời, linh hồn chỉ ra đi với hai tay trắng. Tỳ Võ thức tỉnh, quyết bỏ hết sự đời, theo vua cha tu niệm, cuối cùng thì đắc đạo.

Một người dầu lòng dạ hung ác, nhưng khi biết ăn năn cải hối, giác ngộ tu hành, thì trong một kiếp cũng có thể đắc đạo giải thoát.

Hai pho tượng Ông Thiện và Ông Ác, tức là Thiện Thần và Ác Thần, tiêu biểu cho sự thiện và sự ác, sự chánh và sự tà, đối chiếu hai mặt trái ngược nhau của cuộc đời. Đời chỉ ra hai con đường: con đường thiện và con đường ác. Dù con người đi theo đường ác, nhưng đến phút cuối, biết ăn năn sám hối, quay đầu hướng thiện, thì cũng được Đức Chí Tôn cứu rỗi linh hồn.

Khi Đức Phạm Hộ Pháp trấn thần hai pho tượng Ông Thiện và Ông Ác này, Đức Ngài giải thích:

"Đời thường lầm lạc, làm điều ác cho là thiện, và thường lấy điều lành cho là ác. Nên từ đây, năng lực của Thiện Thần sẽ phô bày ra mặt đời thế nào là chánh, việc nào là thiện, làm thế nào là phước cho thiên hạ rõ.

Còn Ác Thần thì phô bày ra mặt đời, thế nào là tà, việc nào là ác, sao gọi là tội, cho nhơn loại rõ.

Hai Ông Thần này rất linh hiển, dùng quyền năng thiêng liêng đưa ra thiết tướng hai con đường: phước và tội, siêu và đọa, để cho con cái Đức Chí Tôn khỏi lầm lạc, hầu tránh khỏi con đường tự diệt. Đi vào con đường sanh thì nhơn loại mới mong hòa bình đặng."

Ơ'N

Ơ'n huệ

A: The favour.

P: La faveur.

Ơ'n: chữ Hán là Ân. **Huệ:** cái ơn làm cho người khác.

Ơ'n huệ, tức Ân huệ, là cái ơn do người lớn ban xuống cho kẻ nhỏ.

Ơ'n Trên

A: The divine grace.

P: La grâce divine.

Ơ'n Trên là ơn huệ của các Đấng Bề Trên nơi cõi thiêng liêng ban xuống cho dân chúng.

Từ ngữ "Ơ'n Trên" cũng được dùng để chỉ các Đấng thiêng liêng, hay để chỉ Đức Chí Tôn hoặc Đức Phật Mẫu.

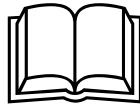
NH: Nhờ *Ơ'n Trên* bổ báo phước lành.

NH: Niệm Hương.

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



Đ

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục vần P

PHÁ

- Phá
- Phá chấp - Phá mê
- Phá cổ
- Phá gia chi tử
- Phá giới
- Phá kính trùng viên
- Phá lệ
- Phá ngu
- Phá tà hiển chánh

PHÁC

- Phác ngọc hồn kim

PHÁCH

- Phách
- Phách anh linh
- Phách lạc hồn kinh

PHÁI

- Phái vàng
- Phái viên

PHÀM

- Phàm
- Phàm chất - Thánh chất
- Phàm gian
- Phàm giáo - Thánh giáo
- Phàm lệ
- Phàm nhãn
- Phàm nhờn
- Phàm phẩm
- Phàm phu tục tánh
- Phàm tâm
- Phàm thể
- Phàm thể
- Phàm trần
- Phàm trị - Thiên trị

PHẠM

- Phạm
- Phạm giới
- Phạm Hộ Pháp
- Phạm húy
- Phạm Lãi - Tây Thi
- Phạm môn
- Phạm nghiệp
- Phạm pháp
- Phạm Phủ Từ
- Phạm Tăng
- Phạm thệ
- Phạm Thiên Vương
- Phạm thượng
- Phạm trừ

PHAN

- Phan

PHÁN

- Phán
- Phán đoán
- Phán quyết
- Phán truyền
- Phán xét cuối cùng
- Phán xử

PHẢN

- Phản
- Phản bản huờn nguyên
- Phản khắc
- Phản lão hoàn đồng
- Phản loạn chơn truyền
- Phản phúc
- Phản tiền vi hậu
- Phản tỉnh

PHẠM

- Phạm hàm
- Phạm ngữ

PHÁP

- Pháp
- Pháp bảo (Pháp bửu)
- Pháp chánh
- Pháp Chánh Truyền
- Pháp danh - Thế danh - Thánh danh
- Pháp điều
- Pháp giới
- Pháp hóa tướng tông
- Pháp khí
- Pháp luân thường chuyển
- Pháp môn
- Pháp nhân
- Pháp siêu quần Thánh
- Pháp thân
- Pháp thí
- Pháp trị
- Pháp xa

PHÁT

- Phát
- Phát chẩn
- Phát đoan
- Phát hạ hồng ân
- Phát lạc
- Phát nguyện
- Phát phu
- Phát tang
- Phát tâm
- Phát thanh phổ thông giáo lý (Cơ quan)

PHẢN

- Phẫn

PHẨM

- Phẩm
- Phẩm cũ ngôi xưa
- Phẩm cữu
- Phẩm phục
- Phẩm trật Thiên vị - Quỷ vị
- Phẩm tước

- Phẩm vật
- PHÂN**
 - Phân
 - Phân biện
 - Phân cam cộng khổ
 - Phân giải
 - Phân hóa
 - Phân phiền
 - Phân phương
 - Phân quyền
- PHẦN**
 - Phần
 - Phần chúc
 - Phần hương
- PHẤN**
 - Phấn
 - Phấn chán
- PHẬN**
 - Phận
 - Phận bạc
- PHẬT**
 - Phật chủ - Phật trần
- PHẬT**
 - Phật
 - Phật cốt
 - Phật đài
 - Phật đàn
 - Phật Mẫu (Xem: Cửu Thiên Huyền Nữ, vần C và Diêu Trì Kim Mẫu, vần D)
 - Phật môn
 - Phật pháp
 - Phật pháp bất ly thể gian pháp
 - Phật Pháp Tăng
 - Phật quốc
 - Phật tánh

 - Phẩm vị
 - Phân rành
 - Phân tánh giáng sanh
 - Phân tâm
 - Phân thân
 - Phân trần
 - Phân vân
 - Phân xử
 - Phần mộ
 - Phần phước
 - Phần thư khanh nho
 - Phấn chí
 - Phấn tâm
 - Phận Đạo
 - Phận sự
 - Phật độ
 - Phật giả vô ngôn
 - Phật giáo
 - Phật lịch
 - Phật tâm
 - Phật Tổ
 - Phật tông vô giáo
 - Phật tử
 - Phật vị
 - Phật xứ

PHÉP

- Phép
- Phép công
- Phép huyền hư
- Phép lành
- Phép linh
- Phép Tiên đạo
- Phép tu vi
- Phép xác - Phép Đoạn căn và Độ thăng

PHÊ

- Phê
- Phê chuẩn
- Phê kiến - Phê duyệt

PHẾ

- Phế
- Phế đòi hành đạo
- Phế lập
- Phế phạt
- Phế vong

PHI

- Phi
- Phi ân bạc nghĩa
- Phi cầm tẩu thú
- Phi chiến
- Phi đạ**đ** bạc vô dĩ minh chí
- Phi lộ
- Phi lý
- Phi ngã
- Phi phàm
- Phi sa tẩu thạch
- Phi thương bất phú
- Phi thường
- Phi tướng lễ
- Phi Tường Đài
- Phi Tường Thiên
- Phi vân vụ đổ thanh Thiên

PHÍ

- Phí tâm

PHIÊN

- Phiên
- Phiên hà
- Phiên mu**ộ**n
- Phiên não
- Phiên não tức Bồ đề

PHIÊU

- Phiêu linh
- Phiêu nhiên xuất trần
- Phiêu phi

PHÒ

- Phò
- Phò cơ - Phò loan - Đồng tử
- Phò hộ độ trì

PHÓ

- Phó
- Phó bản
- Phó bảng
- Phó hội
- Phó nhậm
- Phó thác
- Phó Trị Sự
- Phó yển

PHONG

- Phong
- Phong ba
- Phong bình lãng tịnh
- Phong chúc tàn niên
- Phong doanh - Phong
đăng
- Phong điều võ thuận
- Phong Đô
- Phong độ
- Phong hóa
- Phong khí ôn hòa
- Phong kiến
- Phong nguyệt
- Phong sắc
- Phong tai
- Phong Thánh
- Phong Thần
- Phong thưởng
- Phong tịch
- Phong tình huê nguyệt
- Phong trần
- Phong trung tàn chúc
- Phong văn
- Phong vân
- Phong võ
- Phong y túc thực

PHÒNG

- Phòng
- Phòng bảo
- Phòng đào
- Phòng tía
- Phòng thân
- Phòng trừ

PHÓNG

- Phóng
- Phóng đại
- Phóng hồ qui sơn
- Phóng sanh
- Phóng tâm - Giới tâm
- Phóng xá cô

PHÔ

- Phô diễn

PHỔ

- Phổ
- Phổ cáo chúng sanh
- Phổ cập
- Phổ Đà Sơn
- Phổ độ
- Phổ giáo

- Phở Hiền Bồ Tát
- Phở Tế - Cơ quan Phở Tế
- Phở thông

PHỐI

- Phối
- Phối hưởng
- Phối ngẫu

PHỒN

- Phồn
- Phồn ba - Phồn hoa

PHU

- Phu
- Phu diễn
- Phu - Phu phi

PHÙ

- Phù
- Phù ba
- Phù chú
- Phù du
- Phù đồ
- Phù hạp

PHÚ

- Phú
- Phú bẩm
- Phú bản
- Phú bất nhân, bản bất nghĩa
- Phú hữu tứ hải

PHỦ

- Phủ chính
- Phủ dụ
- Phủ phước

PHỤ

- Phụ
- Phụ ẩm
- Phụ bạc

- Phở hóa
- Phở truyền

- Phối Sư
- Phối từ
- Phối Thánh

- Phồn tục

- Phu quý phụ vinh
- Phu tử
- Phu xướng phụ tùy

- Phù hoa
- Phù phiếm
- Phù sanh
- Phù trầm
- Phù vân

- Phú quý
- Phú quý sanh lễ nghĩa
- Phú thứ
- Phú túc

- Phủ quyết
- Phủ từ
- Phủ việt

- Phụ bất ngôn tử chi ác
- Phụ chú
- Phụ đức

- Phụ giáo - Phụ huấn
- Phụ lục
- Phụ nhân nan hóa
- Phụ tá

- Phụ trái tử hoàn
- Phụ từ tử hiếu
- Phụ vong

PHÚC

- Phúc
- Phúc âm
- Phúc khảo
- Phúc sự

- Phúc thẳm
- Phúc thủy nan thu
- Phúc trình

PHỤC

- Phục
- Phục chức
- Phục cổ
- Phục dưng
- Phục hồi
- Phục hưng
- Phục mạng
- Phục quốc

- Phục quyền
- Phục sinh
- Phục sự
- Phục thiện
- Phục vị
- Phục vọng Vô Trung Từ Phụ

PHÚNG

- Phúng điếu

PHỤNG

- Phụng
- Phụng dưỡng
- Phụng gáy non Nam
- Phụng hành
- Phụng hoàng vu phi
- Phụng lãnh
- Phụng liễn

- Phụng mệnh
- Phụng minh triều dương
- Phụng sự
- Phụng Thiên thừa vận
- Phụng thừa
- Phụng tự

PHƯỚC (PHÚC)

- Phước
- Phước bất khả hưởng tận
- Phước bất trùng lai
- Phước duyên

- Phước địa
- Phước điền
- Phước hạnh
- Phước hậu
- Phước Huệ song tu

- Phước - Lộc - Thọ
- Phước Thần (Phúc Thần)
- Phước Thiện - Cơ Quan Phước Thiện
- Phước phần

PHƯỚC

- Phước
- Phước linh
- Phước Phật Mẫu
- Phước phụng
- Phước Thánh Thất - Phước Tòa Thánh
- Phước Thượng Phẩm
- Phước Thượng Sanh
- Phước Tiếp Dẫn
- Phước Tiêu Diêu - Phước Truy hồn
- Phước tử tôn

PHƯƠNG

- Phương
- Phương bá
- Phương châm
- Phương danh
- Phương dụng
- Phương hại
- Phương lược
- Phương ngôn
- Phương sĩ
- Phương Sóc
- Phương thể
- Phương thốn
- Phương trượng
- Phương Tu Đại Đạo

PHƯỜNG

- Phường phát

PHÁ

PHÁ

PHÁ: 破 Làm vỡ ra, làm tan nát hư hỏng.

Td: Phá chấp, Phá cỗ, Phá giới.

Phá chấp - Phá mê

破執-破迷

A: To destroy the stubbornness - To destroy the passion.

P: Détruire l'opiniâtreté - Détruire la passion.

Phá: Làm vỡ ra, làm tan nát hư hỏng. **Chấp:** giữ chặt lấy, không chịu buông ra. **Mê:** không tỉnh, lầm lạc. Trái với Mê là Ngộ.

Hễ chấp thì mê, hễ mê thì chấp. Chấp và mê gắn liền với nhau như hình với bóng, không thể tách rời được.

Do đó, nếu phá được chấp thì mê cũng tan, mà phá được mê thì chấp cũng hết.

Phá chấp là sự phá tan bảo thủ tà kiến, phá tan cái ý kiến thiên lệch của người học đạo, khiến cho cái hiểu biết trở nên khoáng đạt, dung thông, thấu nhập chỗ Trung đạo.

Muốn phá chấp thì phải dùng cái lương năng lương tri của mình mà cách vật trí tri, xét hết các mặt của sự việc, đâu là đúng, đâu là sai, lần lần trí não mẫn huệ, thấy rõ chỗ sai lầm.

Phá cỗ

破罣

A: To destroy the ancient laws.

P: Détruire les lois anciennes.

Phá: Làm vỡ ra, làm tan nát hư hỏng. **Cỗ:** tấm lưới pháp luật, chỉ pháp luật.

Phá cỗ là phá vỡ pháp luật cũ vì không còn thích hợp với tâm lý và trình độ tiến hóa của nhơn sanh.

TNHT: Nhưng có một điều là Ngọc Hư Cung bác luật, Lôi Âm Tự *phá cổ*, nên tu nhiều mà thành ít.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phá gia chi tử

破家之子

A: The bad son who ruins his family.

P: L'enfant qui ruine sa famille.

Phá: Làm vỡ ra, làm tan nát hư hỏng. **Gia:** nhà. **Chi:** tiếng đệm. **Tử:** con.

Phá gia chi tử là đứa con hư làm hại gia đình, phung phí tiền bạc và của cải do cha mẹ để lại.

Phá giới

破戒

A: To violate the religious rules.

P: Violer les règles religieuses.

Phá: Làm vỡ ra, làm tan nát hư hỏng. **Giới:** các điều răn cấm của tôn giáo, các giới luật tu hành.

Phá giới là phá bỏ các giới luật tu hành mà không sám hối.

Phá giới khác Phạm giới và ở mức độ nặng hơn, bởi vì người phá giới là người biết rõ các giới luật, đã gìn giữ giới luật ấy được bấy lâu mà nay bỗng bỏ đi tất cả. Còn Phạm giới là vi phạm một vài giới luật.

Trái với Phá giới là Trì giới, tức là giữ gìn giới luật.

Giữ giới luật tu hành là mức căn bản của người tu. Các con ma Lục dục, Thất tình và các con quỷ Tam độc luôn luôn rình rập để cám dỗ người tu, xúi giục người tu phạm giới hay phá giới để từ bỏ đường tu.

Người tu phải có ý chí mãnh liệt để quyết thắng các thứ ma quỷ ấy thì mới mong tiến hóa cao trên đường tu niệm.

Phá kính trùng viên

破鏡重圓

Phá: Làm vỡ ra, làm tan nát hư hỏng. **Kính:** tấm gương soi. **Trùng:** lặp lại. **Viên:** tròn, đầy đủ.

Phá kính trùng viên: Gương vỡ lại lành, ý nói: vợ chồng phân ly nay được đoàn tụ. (Xem điển tích: Gương vỡ lại lành, văn G)

Phá lệ

破例

A: To violate the ordinary rule.

P: *Violer la règle ordinaire.*

Phá: Làm vỡ ra, làm tan nát hư hỏng. **Lệ:** phép tắc đã có từ trước.

Phá lệ là phá bỏ lệ cũ, không theo lệ cũ nữa.

Phá ngu

破愚

A: To develop the mind.

P: *Dégrossir.*

Phá: Làm vỡ ra, làm tan nát hư hỏng. **Ngũ:** ngu dốt.

Phá ngu là phá vỡ cái ngu dốt để được khôn ngoan.

Phá tà hiển chánh

破邪顯正

Phá: Làm vỡ ra, làm tan nát hư hỏng. **Tà:** tà vạy, sai quấy. **Hiển:** làm lộ ra. **Chánh:** ngay thẳng, trái với Tà.

Phá tà hiển chánh là phá bỏ tà kiến sai lầm để làm sáng tỏ điều chơn chánh.

PHÁC

Phác ngọc hồn kim

璞玉渾金

Phác: ngọc chưa được mài giũa. **Ngọc:** viên ngọc. **Hồn:** ẩn ở trong chưa lộ ra. **Kim:** vàng. **Phác ngọc:** ngọc chưa qua tay người thợ mài giũa. **Hồn kim:** vàng chưa qua nung luyện.

Phác ngọc hồn kim là ngọc chưa mài, vàng chưa luyện, ý nói người có phẩm tính chất phác hồn hậu, trong sáng cao quý, chưa nhiễm nét hư.

PHÁCH

PHÁCH

魄

Phách: nghĩa thường dùng là cái vía, cái chơn thần.

Ngoài ra, Phách còn có nhiều nghĩa đặc biệt khác, kể ra:

1. Phách: chỗ không có ánh sáng.

Do đó, ngày mùng 1 âm lịch không có mặt trăng nên gọi mặt trăng ngày mùng 1 là Tử phách 死魄 và mặt trăng ngày rằm gọi là Sinh phách 生魄.

2. Phách: thể xác.

Hồn đối với phách, hai thứ hiệp lại thành người, tức là Tâm và Thân. Hồn tức là tâm thức, có sở dụng tinh anh linh diệu mà không hình ảnh, còn Phách là hình thể, là chỗ để cho hồn nương dựa.

"Thác là thể phách, còn là tinh anh." (Kiều)

TNHT: Thủ cơ hay chấp bút, phải để cho thần, tâm tịnh mới xuất chơn thần ra khỏi phách đặng đến hầu Thầy nghe dạy.

KTKCQV: Gọi hồn *phách* cho chàng định số.
(**Hồn phách:** linh hồn và thể xác).

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
KTKCQV: Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị.

Phách anh linh

魂英靈

A: The mysterious perisprit.

P: Le périsprit mystérieux.

Phách: chơn thần. **Anh linh:** cao quý thiêng liêng.

Phách anh linh là chơn thần cao quý thiêng liêng.

KĐ1C: *Phách anh linh* ắt phải anh linh.

KĐ1C: Kinh Đệ Nhứt cửu.

Phách lạc hồn kinh

魂落魄驚

A: To lose consciousness.

P: Esprit égaré et âme effrayée.

Phách: chơn thần. **Hồn:** linh hồn. **Lạc:** rơi rụng. **Kinh:** sợ hãi.

Phách lạc hồn kinh là chơn thần lạc mất, linh hồn sợ hãi.

Ý nói: Sợ hãi quá mức, hết hồn hết vía.

PHÁI

Phái vàng

A: The yellow branche.

P: La branche jaune.

Phái: dòng nước chảy chia ra nhiều nhánh.

Vàng: màu vàng, chữ Hán là Huỳnh hay Hoàng.

Phái Vàng, chữ Hán: Huỳnh Đạo. Do đôi liễn HTĐ:

*Hiệp nhập Cao Đài, bá tánh thập phương qui chánh quả,
Thiên khai Huỳnh Đạo, Ngũ Chi Tam Giáo Hội Long Hoa.*

Nghĩa là:

Hiệp vào Đạo Cao Đài, chúng sanh mười phương trở về ngôi chánh quả,

Trời khai Huỳnh Đạo, các Đấng trong Ngũ Chi và Tam Giáo tham dự Hội Long Hoa.

Do đó, Phái Vàng tức Huỳnh Đạo là chỉ Đạo Cao Đài.

TTCĐDTKM: Phái Vàng MẸ lãnh dắt dìu trẻ thơ.

Thuở ban sơ, Đức Phật Mẫu cùng Cửu vị Tiên Nương mở Đạo Cao Đài, mở xong thì giao lại cho Đức Chí Tôn.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu.

Phái viên

派員

A: The representative.

P: Le représentant.

Phái: phân phối sai khiến. **Viên:** người.

Phái viên là người được các Đạo hữu trong Tộc đạo cử ra thay mặt để đi tham dự Đại Hội Nhơn Sanh nơi Tòa Thánh .

Đạo Luật: Cứ 500 Đạo hữu trường chay đăng quyền tuyền cử lên một vị *Phái viên* thay mặt.

Nam thì cử theo nam, nữ thì cử theo nữ.

■ Bên Cơ Quan Phước Thiện, việc chọn cử Phái Viên đi dự Đại Hội Phước Thiện được qui định như sau:

Đạo Luật: Mỗi Quận Đạo nào có lập cơ sở Lương điền, Công nghệ, Thương mãi, thuộc về Phước Thiện thì từ 1 đến 500 người hiến thân công quả, đăng cử một *Phái viên* ra thay mặt; từ 501 đến 1000 người thì công cử 2 vị, y theo thể lệ chọn cử *Phái viên* của Quyền Vạn Linh.

PHÀM

PHÀM

PHÀM: 凡 - Tầm thường, chỉ cõi trần. - Gồm tất cả, đại khái.

Td: Phàm chất, Phàm nhãn, Phàm lệ.

Phàm chất - Thánh chất

凡質 - 聖質

A: The vulgar quality - The sacred quality.

P: La qualité vulgaire - La qualité sacrée.

Phàm: Tầm thường, chỉ cõi trần. **Chất:** phẩm chất, cái giá trị thực bên trong. **Thánh:** thuộc về Thánh, cao siêu, siêu phàm.

- *Phàm chất là phẩm chất tầm thường của người phàm.*
- *Thánh chất là phẩm chất cao quý của bậc Thánh.*

Trong mỗi một con người đều có đủ hai khuynh hướng đối chọi trái ngược nhau: Phàm Thánh, Phật Ma, Tà Chánh, Thiện Ác. Hai thế lực này luôn luôn tranh đấu, giành giật nhau để thúc đẩy sự tiến hóa của linh hồn con người.

Tu là sửa đổi làm tiêu tan phàm chất, để cho Thánh chất mỗi ngày thêm tỏ rạng.

TNHT: Đặt làm cho rõ *Thánh chất* mạnh mẽ hơn *phàm chất*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phàm gian

凡間

A: The world.

P: Le monde.

Phàm: Tầm thường, chỉ cõi trần. **Gian:** khoảng rộng.

Phàm gian là cõi trần, cõi của nhơn loại đang sống.

TNHT: Cao Đài tá thể xuống *phàm gian*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phàm giáo - Thánh giáo

凡教 - 聖教

A: The profane doctrine - The sacred doctrine.

P: La doctrine vulgaire - La sainte doctrine.

Phàm: Tầm thường, chỉ cõi trần. **Giáo:** tôn giáo. **Thánh:** bực Thánh.

Phàm giáo giáo lý tầm thường của người phàm.

Thánh giáo là giáo lý cao thượng của Thánh nhân.

Mỗi tôn giáo mở ra nơi cõi trần đều phải trải qua 3 thời kỳ: Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp.

- Thời kỳ đầu là Chánh pháp, tức là Thánh giáo, còn giữ y lời dạy của Đấng Giáo chủ nên giáo lý còn chơn thật và chánh đáng, nên người tu rất dễ đắc đạo.

- Thời kỳ kế là Tượng pháp, tức là Thánh giáo có pha lẫn Phàm giáo, giáo lý bị người phàm sửa đổi nên sai lạc một phần, làm người tu khó đắc đạo.

- Thời kỳ Mạt pháp, giáo lý bị người phàm sửa đổi hoàn toàn, nên trở thành Phàm giáo, người tu hoàn toàn bị lầm lạc, nên tu nhiều mà đắc đạo rất ít.

TNHT: Lại nữa, trước Thầy giao Chánh giáo cho tay phàm, càng ngày càng xa *Thánh giáo* mà làm ra *Phàm giáo*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phàm lệ

凡例

A: Summary.

P: Sommaire.

Phàm: Gồm tất cả, đại khái. **Lệ:** lệ lối qui định từ trước.

Phàm lệ là bài viết đặt ở đầu quyển sách, trình bày thể lệ biên tập và cho biết khái quát nội dung của quyển sách.

Phàm nhãn

凡眼

A: The carnal eyes.

P: Les yeux charnels.

Phàm: Tầm thường, chỉ cõi trần. **Nhãn:** con mắt.

Phàm nhãn là mắt phàm, con mắt thịt của người phàm.

Phàm nhãn đồng nghĩa Nhục nhãn, trái với Huệ Nhãn.

Con mắt phàm chỉ thấy những vật hữu hình. Muốn thấy được thế giới vô hình thì phải tu luyện để cho Phàm nhãn biến thành Thần nhãn hay Huệ nhãn.

KĐRD: Vật hữu linh *phàm nhãn* không soi.

KĐRD: Kinh đi ra đường.

Phàm nhơn

凡人

A: The vulgar person.

P: La personne vulgaire.

Phàm: Tầm thường, chỉ cõi trần. **Nhơn: Nhân:** người.

Phàm nhơn là người thường.

Trái với Phàm nhơn là Thánh nhơn.

ĐLMD: Còn một hạng nữa thì lại đang mê mẩn trong vòng vật chất, lầm tưởng nền Đạo là một cơ quan xảo kế của *phàm nhơn* sáng tạo để mê hoặc tâm lý của người đời.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Phàm phẩm

凡品

A: The vulgar grade.

P: Le grade vulgaire.

Phàm: Tầm thường, chỉ cõi trần. **Phẩm:** thứ bậc chức tước cao thấp.

Phàm phẩm là phẩm bậc thấp kém của người tầm thường, còn mê muội trong vòng vật chất.

Người tu hành, đi từ Phàm phẩm tiến hóa lên Thần phẩm, rồi Thánh phẩm, v.v....

CG PCT: Nâng đỡ, dạy dỗ cho *phàm phẩm* tấn hóa lên cho tới Thánh vị.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Phàm phu tục tánh

凡夫俗性

A: The vulgar quality.

P: La qualité vulgaire.

Phàm: Tầm thường, chỉ cõi trần. **Phu:** người. **Tục:** thấp kém. **Tánh:** tánh nét.

Phàm phu tục tánh là người tầm thường có tánh nét thấp kém, còn ở trong vòng vật dục, tranh đua danh, lợi, quyền.

TNHT: Nhưng Thiên cơ há vị *phàm phu tục tánh* mà để cho các con toại kỳ sở nguyện sao?

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phàm tâm

凡心

A: The vulgar heart.

P: Le coeur vulgaire.

Phàm: Tầm thường, chỉ cõi trần. **Tâm:** cái tâm của con người.

Phàm tâm là cái tâm thấp kém, có đủ tham sân si, luôn luôn vọng động ham muốn.

Trái với Phàm tâm là Thánh tâm, Phật tâm.

Phàm tâm thể hiện ra ngoài là Phàm tánh.

TNHT: Dọn mình cho sạch bớt *phàm tâm*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phàm thế

凡世

A: The world.

P: Le monde.

Phàm: Tầm thường, chỉ cõi trần. **Thế:** đời, cõi đời.

Phàm thế là cõi đời, cõi của hơn loại đang sống.

CG PCT: Thường thấy Thiên mạng hằng quá sức *phàm thế*, còn *phàm thế* thì hằng nghịch hẳn Thiên mạng.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Phàm thể

凡體

A: The physical body.

P: Le corps physique.

Phàm: Tầm thường, chỉ cõi trần. **Thể:** thân thể.

Phàm thể là thể xác phàm bằng xương bằng thịt.

KXH: Vẹn toàn *phàm thể* Thánh thân.

KXH: Kinh Xuất Hội.

Phàm trần

凡塵

A: The terrestrial world.

P: Le monde terrestre.

Phàm: Tầm thường, chỉ cõi trần. **Trần:** bụi bặm.

Phàm trần là cõi trần, cõi của hơn loại đang sống. Cõi này có nhiều bụi bặm ô trược.

NH: Xuống *phàm trần* vội gác xe Tiên.

NH: Niệm Hương.

Phàm trị - Thiên trị

凡治 - 天治

A: Punishment in the world - Punishment in the Heaven.

P: Puniton dans le monde - Puniton dans le Ciel.

Phàm: Tầm thường, chỉ cõi trần. **Trị:** trừng trị, trừng phạt.
Thiên: Trời.

Phàm trị là trừng phạt theo luật pháp của cõi phàm.

Thiên trị là trừng phạt theo luật Trời tức Thiên điều.

Với cùng một tội trạng, nếu đã bị phàm trị thì khỏi bị Thiên trị. Khi còn sống nơi cõi trần thì bị phàm trị, nếu phàm không trị thì khi chết, linh hồn trở về cõi thiêng liêng sẽ bị Thiên trị. Phàm trị bao giờ cũng nhẹ hơn Thiên trị.

Phàm trị để ngăn ngừa các tín đồ khỏi phạm Thiên điều, vì nếu phạm Thiên điều thì tội rất nặng.

CG PCT: Hễ có *phàm trị* mới khỏi *Thiên trị*, phải chiếu luật đạo cho toàn cả tín đồ khỏi bị Thiên điều, giữ phẩm vị thiêng liêng mỗi Chức sắc, ắt phải gìn giữ đạo đức của mỗi người. Người dùng hình phàm làm giảm tội thiêng liêng.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

PHẠM

PHẠM

1. **PHẠM:** 梵 còn đọc là PHẠN: Phật, thanh tịnh.
Td: Phạm môn, Phạm nghiệp.
2. **PHẠM:** 范 họ Phạm.
Td: Phạm Hộ Pháp.
3. **PHẠM:** 犯 đụng chạm, xâm lấn, người có tội.
Td: Phạm giới, Phạm pháp.
4. **PHẠM:** 範 Khuôn mẫu.
Td: Phạm trừ.

Phạm giới

犯戒

A: To violate an interdiction.

P: *Violer à une interdiction.*

Phạm: đụng chạm, xâm lấn, người có tội. **Giới:** điều răn cấm, giới luật tu hành.

Phạm giới là vi phạm giới luật tu hành.

Thí dụ: phạm Ngũ Giới Cấm, phạm Trai giới, v.v....

Phạm Hộ Pháp

范護法

A: His Holyness Phạm Công Tắc, Maintener of rules and laws.

P: *Sa Sainteté Phạm Công Tắc, Détenteur des règles et lois.*

Phạm: họ Phạm. **Hộ Pháp:** phẩm vị Chưởng quản HTĐ.

Phạm Hộ Pháp là Đức Hộ Pháp họ Phạm, tức là Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. (Xem: Hộ Pháp Phạm Công Tắc, văn H)

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Phạm húy

犯諱

A: To profane tabooed name.

P: *Violer un nom interdit.*

Phạm: đụng chạm, xâm lấn, người có tội. **Húy:** tên của người chết, kiêng sợ.

Phạm húy là phạm vào việc không kiêng tên các bậc tôn trưởng.

Phạm Lãi - Tây Thi

範蠡 - 西施

■ **Phạm Lãi** là vị tướng tài ba giúp vua nước Việt là Việt Câu Tiễn đánh thắng và giết chết vua Ngô Phù Sai, trả được cái nhục mất nước, vào thời Xuân Thu Chiến Quốc bên Tàu.

Sau khi thành công, Phạm Lãi bí mật rút lui khỏi quan trường (Công thành thân thoái), cùng với người đẹp Tây Thi, lên thuyền đi vào Ngũ Hồ, sống cuộc đời phóng khoáng tự do.

Sau đó, Phạm Lãi thay đổi tên họ, trở thành Đào Châu Công, chỉ huy một đoàn thương thuyền và một đoàn thương xa, chuyên đi buôn bán, mua hàng hóa từ nơi dư thừa, chở đến bán ở các nơi thiếu thốn, rất được các nước chư Hầu hoan nghinh. Đào Châu Công có một hệ thống xe, thuyền vận tải hàng hóa đi khắp các thị trấn lớn của nước Tàu thời bấy giờ.

Việc thương mại của Đào Châu Công thật là phát đạt.

■ **Tây Thi** là người con gái rất đẹp của nước Việt, giặt lụa ở Trữ La thôn.

Do đó, nơi bao lơn trước Tòa Thánh Tây Ninh, có đắp một khuôn hình Phạm Lãi - Tây Thi chèo thuyền đi buôn, tượng trưng nghề Thương mại (THƯƠNG).

Vua nước Việt là Câu Tiễn muốn đem quân sang đánh nước Ngô. Phạm Lãi can rằng:

- Không nên, tôi nghe nói việc binh là điều gờ, đánh nhau là điều trái với đức, tranh nhau bằng quân sự là việc thấp nhất. Lo âm mưu làm trái với đức là việc Thượng Đế cấm. Nếu làm tất bất lợi.

Việt Vương không nghe, đem binh đánh Ngô, bị vua Ngô Phù Sai và Tướng Quốc Ngũ Tử Tư đánh cho đại bại, bị bắt làm tù binh. Ngũ Tử Tư yêu cầu vua Ngô giết ngay Câu Tiễn để khỏi lưu hại về sau. Nhưng Văn Chủng đã dùng nhiều tiền bạc lo lót cho Thái Tể Phỉ, một đại thần của vua Ngô, tìm cách cứu mạng Câu Tiễn, nên Thái Tể Phỉ tâu với vua Ngô, không nên giết Câu Tiễn, chỉ nên giam cầm mà thôi.

Vua Ngô sắp ượng thuận thì Ngũ Tử Tư lại can nữa:

- Nếu nay mà Đại Vương không tiêu diệt nước Việt, thì sau này sẽ hối hận. Câu Tiễn là người có chí khí, lại có hai bề tôi tài giỏi là Phạm Lãi và Văn Chủng phò tá, nước Việt sẽ mau hùng cường, nhứt định sẽ đánh lại nước Ngô.

Vua Ngô không nghe, chỉ bắt Câu Tiễn giam cầm đầy đọa một thời gian rồi thả cho trở về nước.

Việt Vương Câu Tiễn được tha về nước rồi thì giấu mình, nuôi chí phục thù, nhưng ngoài mặt giả bộ an phận phục tùng vua Ngô, hằng năm triều cống.

Phạm Lãi bí mật luyện tập quân đội, tích thảo đồn lương; Văn Chủng lo sửa sang việc chánh trị và kinh tế, đồng thời tuyển lựa một đoàn mỹ nữ, huấn luyện đủ các ngón nghề mê hoặc Ngô Phù Sai, để Việt Vương dâng hiến cho vua Ngô. Trớ trêu thay, trong đoàn mỹ nữ có nàng Tây Thi đứng đầu lại là người yêu của Phạm Lãi. Nhưng cả hai người đều hy sinh tình riêng để lo báo đền ơn nước.

Ngô Phù Sai hết sức bằng lòng đoàn mỹ nữ này và đặc biệt sủng ái Tây Thi. Ngũ Tử Tư vội vào triều can vua Ngô nhiều lần, nhưng vua không nghe, lại còn có ý bực bội.

Bảy năm trôi qua, nước Việt đã khá hùng mạnh. Việt vương nóng lòng phục thù, muốn đem binh đánh Ngô, nhưng Phạm Lãi can vì chưa phải lúc.

Trong lúc đó, bên nước Ngô, Ngô Phù Sai tin dùng Thái Tề Phỉ, lại được Văn Chủng đem vàng bạc đút lót người để cố ý gièm pha hãm hại Ngũ Tử Tư. Âm mưu này dần dần thành công. Ngũ Tử Tư bị vua Ngô bức tử.

Trước khi chết, Ngũ Tử Tư bảo:

- Các người hãy móc cặp mắt của ta đặt ở cửa thành phía Đông để ta xem quân nước Việt tiến vào.

Việt Vương Câu Tiễn hay tin Ngũ Tử Tư bị bức tử chết thì rất mừng, liền vời Phạm Lãi đến thương nghị việc đánh Ngô, nhưng Phạm Lãi vẫn can, vì tuy nước Ngô mất tướng tài là Ngũ Tử Tư, nhưng thế của nước Ngô còn mạnh lắm.

Mùa Xuân năm sau, vua Ngô Phù Sai làm Bá Chủ chư Hầu ở phía Nam, đem đại quân lên phía Bắc, họp với các chư Hầu ở Hoàng Tri. Tinh binh của nước Ngô đều đi theo, chỉ

chừa lại những lính già giữ thành mà thôi. Việt Vương Câu Tiễn lại thương nghị với Phạm Lãi và Văn Chủng xem lúc này đánh Ngô được chưa. Phạm Lãi đáp:

- Đúng lúc này mà Đại vương tấn binh thì nhưt định đại thành công, giết được Ngô Phù Sai, trả cái thù thuở trước.

Việt Vương Câu Tiễn xuất toàn lực bất ngờ tấn công nước Ngô. Quả nhiên quân Ngô đại bại. Ngô Phù Sai dẫn binh trở về tiếp cứu, nhưng Ngũ Tử Tư đã chết rồi, trong triều không còn trung thần, đâu có ai chống nổi Phạm Lãi và Văn Chủng. Ngô Phù Sai đành thảm bại, che mặt ân hận nói:

- Ta không còn mặt mũi nào nhìn thấy Ngũ Tử Tư nữa.

Nói rồi, Ngô Phù Sai rút gươm tự sát. Toàn quân Ngô đều tan rã đầu hàng.

Phạm Lãi đã có kế hoạch chuẩn bị sẵn từ trước, liền chạy thẳng lên Cô Tô Thành, vào ngay cung cấm để tìm nàng Tây Thi, người yêu cũ 17 năm về trước, đưa nàng xuống ngay một chiếc thuyền lớn đã đậu chờ sẵn, rồi dùng mũi kiếm khắc vào thê trúc một mật thư gửi cho Văn Chủng (hiệu là Tử Hội):

Việt Vương có nói: Chim đã hết thì cung tốt phải cất, thỏ khôn đã chết thì chó săn bị làm thịt. Vua Việt là người cổ dài, miệng điều hâu, có thể cùng chung lo lúc hoạn nạn, nhưng không thể cùng chung hưởng với ông ta khi thành công. Sao bạn không bỏ đi? Nếu Tử Hội còn tham mền công danh, ắt ngày sau không khỏi bị tai họa.

Phạm Lãi gọi một cận thần đến dặn: Đợi ta đi khỏi Cô Tô Thành chừng nửa giờ thì người đem bức mật thư này giao cho Đại Phu Văn Chủng.

Xong, Phạm Lãi cho thuyền rời ngay Cô Tô Thành, đi về phía Ngũ Hồ. Gió thổi mạnh, thuyền lướt nhanh, Thái Hồ mênh mông nhìn thấy trước mặt. Phạm Lãi và Tây Thi cùng nhìn lại phía sau, Cô Tô Thành đang còn ngập trong biển lửa, kết thúc một triều đại trong những mối oan cừu.

Phạm Lãi thở dài: Tất cả đã kết thúc, hận cũ được tiêu tan, thì thù mới sẽ tới. Việt Vương ngày nay rồi sẽ theo vết xe đổ của Ngô vương. Văn Chủng không chịu bỏ đi hôm nay thì ngày kia cũng giống như Ngũ Tử Tư mà thôi.

Phạm Lãi nhìn Tây Thi nói:

- Ân cừu, Ngô quốc, Việt quốc, Sở quốc, có liên quan gì đến ta nữa chứ? Tây Thi, từ rày về sau, chúng ta không màng đến các chuyện ấy nữa. Sóng nước Ngũ Hồ sẽ rửa sạch tất cả, để chúng ta không còn dính đến thế sự nữa. Tây Thi, để ta giới thiệu người nhà của ta ra mắt nàng.

Phạm Lãi đưa Tây Thi vào khoang thuyền giữa. Con lớn tên là Phạm Bình 15 tuổi, con kế là Phạm An 11 tuổi. Cả hai lớn lên trong gian khổ, người hơi gầy nhưng chắc nịch.

Tây Thi nói:

- Phạm An giống hệt chàng lúc chàng cách nay 17 năm.

Phạm Lãi đưa Tây Thi đi xem khắp các nơi trên thuyền. Trên thuyền tất cả có 10 thanh niên và 10 thiếu nữ. Phạm Lãi cho họ kết làm vợ chồng với nhau. Phạm Lãi nói:

- Chúng ta sẽ đến một nơi không có khói lửa của nhân gian, 10 cặp vợ chồng này sẽ sanh con đẻ cháu không ngừng.

Rồi họ đi xem các đồ vật trong thuyền, nào nông cụ, nào hạt giống, lương thực, muối ăn, rương traps.

Tây Thi ngạc nhiên hỏi:

Chàng đã chuẩn bị sẵn hết à?

Phải, lúc rời Hội Kê đi đánh nước Ngô, ta đã chuẩn bị đầy đủ tất cả.

Nghĩa là chàng chắc chắn chiến thắng?

- Dĩ nhiên là phải chiến thắng, bởi vì Ngô quốc tuy mạnh hơn Việt quốc, nhưng họ thiếu những tướng tài giỏi cầm quân, trong triều, phần lớn là bọn dua nịnh. Ta đã chuẩn bị 17 năm rồi, vì nàng mà ta lo liệu chu toàn tất cả.

Phạm Lãi và Tây Thi rời bỏ tất cả, cắt đứt mọi quan hệ với thế giới bên ngoài. Họ vô tư ca hát vui vẻ trên thuyền, khi câu cá, lúc đọc sách, mặc thời gian trôi theo dòng nước biếc.

Một hôm, chàng cho thuyền ghé lại một bến sông, đem cá lên bờ đổi lấy muối và lương thực. Người nhà tên là A-Mang lên bờ một lúc lâu rồi trở về thuyền báo cáo với chủ nhân:

- Việt Vương treo giải thưởng lớn cho ai tìm được Phạm Đại Phu. Việt Vương và Văn Đại Phu kéo đại quân cùng 800

xe lên phía Bắc hội minh với hai nước Tề và Lỗ. Việt Vương chia nước Ngô thành quận, huyện, lấy đất ở sông Hoài cho Sở, trả cho nước Tống đất Ngô, trả cho nước Lỗ đất trăm dặm ở phía Đông sông Tứ. Việt Vương Câu Tiễn bây giờ làm Bá chủ chư Hầu ở phương Nam.

Tây Thi bảo:

- Thiếu Bá, chàng hỏi nhiều như thế để làm gì? Các việc ấy không liên quan gì đến chúng ta. Chúng ta rày đây mai đó, mọi việc trên đất liền, chúng ta không nên biết tới.

- Nhưng Thái Hồ không rộng lắm, lại rất gần nước Việt, e có hôm, chúng ta phải dời đi. Lúc Việt vương từ Trung nguyên trở về, chúng ta không dễ gì an cư trong Thái Hồ.

Phạm Lãi cho thuyền vượt biển sang Tề, tự đặt tên mới cho mình là Chi Di Tử Bì. Sau một thời gian, Phạm Lãi cảm thấy là cũng khó ở yên được nơi nước Tề, nên quyết định chuyển sang ở đất Đào, là nơi phát tích vua Nghiêu, ở phía Nam nước Tề, giờ đây trở thành một nước nhỏ, không có xung đột, lại có thể giao lưu với các nước khác rất thuận lợi.

Chàng đã sai Phạm An đến đất Đào, lựa chỗ tốt mua 1000 mẫu đất làm cơ sở. Phạm Lãi cho đóng nhiều chiếc thuyền buôn và nhiều chiếc xe chở hàng hóa. Chàng hoàn toàn chuyển sang ngành thương mại. Chàng nói với Tây Thi:

- Ta đã nghiên cứu kỹ đại thể trong thiên hạ, biết rằng chẳng bao lâu nữa sẽ có những cuộc biến động mới lớn lao, nhưng chúng ta không sợ biến động, bởi vì biến động là cách nâng cấp tiến bộ xã hội. Sau này, người làm chánh trị sẽ nhiều hơn, vì họ chọn con đường chánh trị để vinh thân. Nhưng ngoài chánh trị, ta còn phát hiện được một con đường khác rất quan trọng mà trước đây chưa biết. Đó là con đường thương mại.

Thế giới của chúng ta mỗi ngày thêm đông đúc, cuộc sống càng lúc càng phức tạp hơn. Dân chúng rồi đây sẽ cần nhà thương mại hơn nhà chánh trị. Ta sẽ dốc hết tinh lực còn lại để lo cho công việc này: Đem cá, muối dư thừa nơi nước Tề, chở qua bán nơi nước Tần vì nước Tần không có hai thứ ấy; rồi lại chở bông vải từ nước Tần về Trung nguyên. Thực phẩm

của hai nước Ngô, Sở dư thừa, trong lúc ở Tống, Trần, Trịnh lại thiếu hụt; tơ lụa của Hàn, Sở có thể chở qua Tề, Lỗ đổi lấy đồng thau. Ôi! Bao nhiêu việc cần thiết cho ta làm!

Từ đây, ta lấy tên là Đào Châu Công. Mọi người nhớ gọi ta như vậy.

Bấy giờ nước Tàu bước vào thời kỳ Chiến Quốc, các nước chỉ lo đánh nhau, loạn lạc khắp nơi, nhưng lại thấy xuất hiện những đoàn xe hay đoàn thuyền mang nhãn hiệu Đào Châu đi lại qua các nước một cách dễ dàng để chở hàng hóa cần thiết đến đổi các hàng hóa dư thừa của địa phương. Các đoàn xe, thuyền này đều xuất phát từ đất Đào. Nhờ các đoàn xe, thuyền thương mại này mà dân chúng có được nhiều hàng hóa tiêu dùng, đời sống dân chúng được khá hơn, mặt khác nó cũng đem lại lợi tức cho Đào Châu Công rất lớn.

Đào Châu Công cùng với bà vợ tuyệt đẹp đi viếng kinh đô Hàm Dương của nước Tần, được vua Tần tiếp đãi vào bực thượng khách. Trên đường về tới Hàm Đan có tin cấp báo từ đất Đào, nên cả hai người phải tức tốc trở về đất Đào.

Nguyên do, con thứ Phạm An gây chuyện ở nước Sở, tranh chấp và lỡ tay giết chết một vị công hầu. Phạm An bị bắt và bị xử tử hình.

Vợ con của Phạm An quì xuống trước mặt Phạm Lãi cầu xin cứu mạng cho chồng. Phạm Lãi rất bi thương, song thần sắc vẫn tiêu dao, bảo con dâu:

- Chuyện này rất khó, ta không nắm chắc được mười phần, nhưng chỉ biết tận lực, còn tùy số mạng của nó.

Bây giờ ta sai Tử Hòa (đứa con út) vào nước Sở để cứu An thì may ra khỏi được.

Phạm Bình lên tiếng thưa rằng:

- Con là trưởng nam, trong nhà có việc gì quan trọng là cha sai con đi, lẽ nào chuyện sống chết này lại sai em út của con đi thì thật là sỉ nhục cho con, làm mất truyền thống trưởng tử của gia đình. Xin cha cho con đi, nếu không con sẽ tự sát.

Tây Thi cũng cho lời nói của Phạm Bình là đúng.

Phạm Lãi có dụng ý riêng, khó nói ra mà trong nhà không ai để ý tìm biết, nên đành phải sai Phạm Bình đi. Âu cũng là số

mạng của Phạm An không thể cải lại được. Phạm Lãi căn dặn Phạm Bình rất kỹ lưỡng: Vào nước Sở, tìm đến Trang Tiên Sinh, dâng 1000 lượng vàng và bức thư này của ta, đợi ở chờ tại kinh đô nước Sở. Khi thấy An ra khỏi ngục thì lập tức ra thành trở về đây. Nhớ đừng làm gì khác hơn mà thất bại.

Phạm Lãi dặn đi dặn lại mấy lượt rồi mới cho Phạm Bình đi. Bình đi rồi, Phạm Lãi rất buồn, lòng trĩu xuống:

- Hy vọng cứu An rất ít. Các người chuẩn bị lo chung sự cho An đi.

Tây Thi ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao chàng lại nói như thế?

- Ta muốn sai Tử Hòa đi là vì nguyên nhân ấy.

- Thiếp chưa hiểu được ý chàng.

- Thằng Bình được sanh ra trong hoàn cảnh khó khăn, nên coi trọng tiền bạc. Tử Hòa lại lớn lên trong cảnh giàu sang, nên xem tiền bạc như cỏ rác. Đối với Bình, việc không đáng tốn 1000 lượng vàng, không phải không đáng tốn trước khi việc thành, mà là không đáng tốn sau khi việc thành.

Bởi vì theo dự liệu của ta, Trang Tiên sinh sẽ nghĩ cách nói cho vua Sở đại xá, nhân thể tha cho An luôn mà không lộ điều gì. Nhưng rồi thằng Bình sẽ nghĩ rằng, đại xá tù nhân là chủ ý của Sở vương, Trang Tiên sinh không có công lao gì, nên Bình sẽ đến đòi vàng lại. Thế là người khác nhờ đại xá mà sống, còn Phạm An vì đại xá mà chết. Ta mong dự đoán của ta sai. Nhưng Tây Thi! Mạng sống của con người đâu phải vì một hai câu dặn mà thay đổi được, có số mạng tất cả. Hãy chớ xem.

- Ôi! Chàng luôn luôn liệu việc như Thần, nhưng mong sao lần này chàng đoán sai, An được cứu sống trở về.

Chẳng bao lâu sau, Bình chở xác em trở về tới đất Đào cùng với 1000 lượng vàng lấy lại từ Trang Tiên sinh.

Đào Châu Công vô cùng bi thương, nhuộm bệnh, cả nửa năm sau mới khỏi. Từ đấy, sức khỏe của chàng cũng suy dần, và chàng cũng trầm lặng hơn trước.

Để giải buồn cho chàng, Tây Thi tổ chức một chuyến du hành sang Tây Thục. Phạm Lãi rất vui và tỏ ra rất thích xứ này.

Phạm Lãi nói: - Ta muốn chôn cuộc đời già nơi đây.

Tây Thi nói: - Không nên, chàng còn con cái ở đất Đào.

Phạm Lãi và Tây Thi cùng có chung một ước muốn là trước khi chấm dứt đời mình, cả hai muốn du hành nước Ngô và nước Việt một lần cuối.

Mùa Xuân năm sau, hai người cùng với quản gia thân tín A Mang mà nay đầu đã bạc trắng, đánh xe đi đến kinh thành nước Ngô xưa, tìm đến Cô Tô Đài. Lúc đó, Trời đã về chiều, cảnh sắc ảm đạm thê lương. Đường vào thành cũ rất khó đi, đá gập ghềnh chớ không bằng phẳng như xưa. Tây Thi nói:

- Đào Công, chúng ta hãy xuống xem.

Đào Công khó nhọc bước xuống trước, rồi dìu Tây Thi xuống theo. Hai người đi bộ lần tới, gặp một lão già đang bươi móc dưới đất, Đào Công dừng lại hỏi:

- Các ông đang tìm kiếm gì đó?

- Chúng tôi đang tìm đồ quý. Trước kia, nơi đây là Oán Oa Cung, Đại vương tôi lập ra cho Tây Thi ở, nghe nói có để trong ấy nhiều đồ quý giá.

Tây Thi liền hỏi:

- Tây Thi à! Người ấy có đẹp không? Ông có thấy Tây Thi lần nào không?

- Năm tôi 20 tuổi, tôi có thấy Tây Thi một lần, chưa có ai đẹp bằng, nhưng rất đáng tiếc!

- Tiếc gì?

- Nghe nói bà vua nước Việt giết chết Tây Thi rồi.

Vợ chồng Đào Công nhìn nhau, sau 40 năm họ còn nghe được tin tức sau cùng mới mẻ này. Đào Công mỉm cười hỏi lại:

- Ông có nghe làm chẳng?

- Tôi biết chuyện này rõ mà! Bà vua nước Việt cho Tây Thi là họa thủy làm mất nước Ngô nên giết đi. Rồi sau khi Việt

vương giết Ngô vương, Việt vương kéo quân lên Bắc và thua trận, Việt vương đổ thừa là tại không có Phạm Lãi gì đó.

Đào Công hỏi tiếp: - Ông nói Phạm Lãi làm sao?

- Cái ông ấy giỏi ghê lắm, đã giúp Việt vương đánh thắng quân Ngô rồi thì chuồn êm. Việt vương chia cho nửa nước mà ông Phạm Lãi không nhận. Bởi vậy Việt vương bại trận sau này thì cho là tại thiếu Phạm Lãi.

Đào Công từ giả ông lão, diu Tây Thi bước qua một góc hoang tàn khác. Tây Thi lấy làm áo nảo, nói nhỏ:

- Trong mắt mọi người, thiếp là họa thủy, chàng là anh hùng. Bây giờ Cô Tô Đài chỉ là một đồng gạch vụn, không biết những người bạn của thiếp ngày xưa bay giờ lưu lạc nơi đâu?

- Ai mà biết được, có lẽ họ đã chết. Không phải chúng ta đã sống quá lâu sao?

- Thoạt đầu, thiếp nghĩ Cô Tô Đài sẽ vĩnh viễn, nhưng không ngờ chúng ta còn đây mà nó đã sụp đổ trước rồi.

Vợ chồng Đào Công bồi hồi hoài cổ. Bồng A Mang thưa:

- Bẩm chủ nhân, Trời sắp tối, nghe nói ở đây ban đêm có dã thú rình mồi.

Hai người trở lại xe. Sáng hôm sau, Đào Công cho xe dạo khắp kinh thành, rồi cho xe đi về phía Nam đến nước Việt, đến kinh thành Hội Kê.

Trước cung của Việt Vương, chàng thấy một pho tượng lớn bằng đồng đúc từ thời Việt Vương Câu Tiễn. Đó là tượng Phạm Lãi, để ghi nhớ công lao vĩ đại của một công thần.

Đào Công ngắm tượng của mình mà lòng bồi hồi xúc cảm. Chàng cho xe đi đến Gia Lãm, cố đô nước Việt, cũng là nơi sanh quán của Tây Thi. Hai người mướn thuyền đi dọc theo dòng sông, đến thôn Trữ La, bồng Phạm Lãi chỉ tảng đá trắng:

- Trông kia, tảng đá trắng còn đó.

Tây Thi hỏi một người con gái đang giặt lụa nơi đó:

- Tảng đá ấy là gì?

Cô gái đáp, tỏ ý trách móc, vì nghe giọng nói của Tây Thi thì biết bà là người ở Gia Lãm, thế mà tại sao không biết sự tích của phiến đá trắng đó.

- Coi! Đó là tảng đá của người đẹp Tây Thi thuở trước. Bà là người ở Gia Lãm mà sao không biết việc này?

Rồi Tây Thi nhìn qua chồng. Đào Công nói:

- Vị mỹ nhân này bắt tử.

Hai người cảm thấy rất thú vị và thỏa mãn chuyến du hành này, nên trở về đất Đào. Kể từ đó, hai người không đi đâu nữa cả, sống trọn vẹn với nhau đến hết cuộc đời.

Phân kết:

Trong lịch sử nước Tàu thời cổ, chỉ có hai vị thành danh biết áp dụng câu: CÔNG THÀNH THÂN THOÁI.

- Người thứ nhất là **Phạm Lãi** thời Xuân Thu Chiến Quốc.

- Người thứ nhì là **Trương Lương** thời Hán Sở tranh hùng.

Giữa hai người có điều hơi khác là Trương Lương thì thân thoái để lo việc tu hành, tìm sự siêu thoát cho linh hồn; còn Phạm Lãi thì với tấm lòng yêu đời, đầy nhiệt huyết, thích dấn thân phụng sự, nên khi thân thoái rồi thì mai danh ẩn tích, thay đổi tên họ, tiếp tục làm nhiều việc giúp ích cho đời.

Phạm môn

梵門

A: The buddhist door, Buddhist School.

P: La porte bouddhique, École Bouddhique.

Phạm: còn đọc là PHẠN: Phật, thanh tịnh. **Môn:** cửa. Phạm Môn là cửa Phật.

Trong Đạo Cao Đài, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc có lập ra một cơ quan đặc biệt gọi là Phạm môn, dùng làm nơi tu hành cho những tín đồ tu chơn, lo lập công bồi đức mà không muốn có phẩm tước, không muốn có áo mão Chức sắc như bên CTĐ, HTĐ.

Việc lập ra Phạm môn là do theo Thánh Ý của Đức Chí Tôn trong bài thi sau đây của Đức Chí Tôn:

*Tỉnh ngộ xá thân tại Phạm môn,
Khuyến tu hậu nhật độ sanh hồn.
Vô lao bất phục hồi chơn mạng,
Tỉnh thế kỳ thân đắc chánh tôn.*

Hán văn:

醒悟舍身在梵門
勸修後日度生魂
無勞不復回真命
醒世其身得正尊

Đức Hộ Pháp thuyết Đạo giải nghĩa bài thi Phạm môn:

Tỉnh ngộ xá thân tại Phạm môn, nghĩa là gì?

Nghĩa là Đức Chí Tôn kêu phải thức giấc cho mau, hiến thân vào cửa Phật.

Khuyến tu hậu nhật độ sanh hồn, là khuyên chúng sanh phải ráng lo tu hành, từng khuôn viên kỷ luật thì ngày kia linh hồn đặng siêu thăng thoát hóa.

Vô lao bất phục hồi chơn mạng, nghĩa là không có công lao khổ hạnh trong cửa Đạo thì không thể nào trở về ngôi xưa cảnh cũ cho đặng.

Tỉnh thế kỳ thân đắc chánh tôn:

Nhằm thế kỷ 20 này, thời kỳ Đức Chí Tôn rộng mở cửa Đạo độ toàn con cái của Ngài, chỉ khuyên chúng ta ráng tu tỉnh ngộ, hủy cả hành vi của thế sự, đem thân vào cửa Phật, chịu nâu sông khổ hạnh cho đặng thì tự nhiên đắc đạo tại thế vậy.

Bài thi này chính mình Đức Chí Tôn đã giảng dạy trong TNHT hai mươi mấy năm trường, song ít ai để ý tìm hiểu nghĩa lý sâu xa có ẩn nhiều huyền vi mầu nhiệm của Đạo.

Đó bởi một tấm màn bí mật ấy, nên ngày nay nhơn sanh mới hưởng được giọt nước cam lồ của Đức Từ Bi rưới cho toàn sanh chúng.

Thuở Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc mới lập Phạm môn và Phạm nghiệp, nhiều người cho rằng đây là những cơ sở riêng

tư của dòng họ Phạm, vì họ lầm tưởng chữ Phạm 梵 là Phật với chữ Phạm 范 là họ Phạm của Đức Hộ Pháp.

Do đó, ngày 12-1-Ất Mùi (1955), Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo tại Văn phòng Hội Thánh Phước Thiện nói về việc này như sau:

"Vì bài thi (Phạm môn) của Đức Chí Tôn dạy đó mà Bàn đạo mới lập ra Phạm môn. Có Phạm môn rồi mới sản xuất ra Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng, nếu không, không thể nào lập thành Hội Thánh Phước Thiện được.

Bởi chữ Phạm là Phật, Phạm môn là cửa Phật, chớ không phải họ Phạm. Buổi đó cũng có nhiều tiếng phân vân nói Bàn đạo lập Phạm môn tức là lập theo họ Phạm của Bàn đạo. Bàn đạo cũng như tấm bình phong đứng giữa hứng chịu các nỗi khó khăn mà Chí Tôn lại định cho Bàn đạo, thiếu gì họ Lê, họ Nguyễn, họ Trần, mà lại để cho Bàn đạo chịu oan ức những tiếng phân vân, mà Bàn đạo cũng chẳng màng, cứ lo cho kỳ được, bởi vì sự công chánh.

Bàn đạo đứng giữa đây, Bàn đạo phải nói: Bàn đạo nói thiệt, cả sự nghiệp của Đạo còn tồn tại đây là do bàn tay của Phạm môn. Nếu không có Phạm môn thì Đạo không đứng vững. Đức Chí Tôn đã định cho Bàn đạo thâu 72 vị môn đệ, mà chỉ hành đạo có 36, 37 vị. Buổi đó, thầy trò chịu cực khổ tìm phương tạo nghiệp, mà bị chúng đánh đổ, đến nỗi vận lương thực từ tỉnh đem về Tòa Thánh mà cũng bị chúng ngăn cản, quyết bỏ đói cho chết, mà tội nghiệp thay, họ cũng không thối chí ngã lòng, cứ cương quyết theo Bàn đạo cho đến ngày lập thành Hội Thánh Phước Thiện. Thật nỗi khổ tâm của anh em Phạm môn chỉ lấy hai bàn tay trắng mà tạo nên sự nghiệp cho Đạo, họ chỉ bắt gió nắm hình, lấy không làm có. Ngày nay Cơ quan Cứu khổ đã thành tướng nơi Hội Thánh Phước Thiện. Các trách nhiệm trọng yếu phải lo, hiện trước mặt gần đây là Bảo Cô Nhi, bên kia là Khách Đình về mặt tang tế, đều phải lo mọi hình thức. Nên Bàn đạo nói mấy người mà về ở nơi Tòa Thánh liệu bề uống thuốc, mạnh thì thôi, coi bộ nhắm bề không mạnh, liệu bề không kham, họ sẽ đem bỏ đại tại Khách Đình, cho Hội Thánh chôn cất làm sao thì làm.

Đã vậy mà còn phải lo tạo hình tướng vĩ đại, Bàn đạo nói cái vĩ đại của nó chớ không nói cái nhỏ kia là Trí Huệ Cung, cũng Bảo Giá Phụ, dành cho người giá phụ là nữ phái chơn tu, tức là nhà tu của nữ phái.

Trên một hình tướng đang khởi tạo là Vạn Pháp Cung trên núi, là nhà tu của nam phái.

Cả hình tướng ngày nay đã biểu lộ trước mặt toàn cả nhơn sanh, ai ai cũng đều cảm kích, hồi trước kia, có tướng mà không có hình, ngày nay hình tướng nên được thì sự tiến hóa của Hội Thánh Phước Thiện từ đây sẽ vững chắc, không còn một trở lực nào làm cho cơ Cứu khổ của Chí Tôn phải ngưng bước, và Bàn đạo sẽ cho Hội Thánh Phước Thiện hay rằng: Từ đây Hội Thánh Phước Thiện sẽ được bảo đảm."

Tôn chỉ của Phạm môn được Đức Phạm Hộ Pháp gói gọn trong đôi liễn của Phạm môn:

梵教隨元救世度人行正法
門權定會除邪滅魅護真傳

*PHẠM giáo tùy nguơn cứu thế độ nhơn hành chánh pháp,
MÔN quyền định hội trừ tà diệt mị hộ chơn truyền.*

Nghĩa là:

Phật dạy, tùy theo thời gian mà cứu độ người đời, thực hành chánh pháp,

Quyền hành nơi cửa Đạo là định ra cái khoảng thời gian để diệt trừ tà mị yêu quái, bảo hộ chơn truyền của Đạo.

(Nguơn và Hội là hai đơn vị tính thời gian của Nho giáo thời xưa: 1 Nguơn = 12 Hội)

Đúng với câu liễn thứ nhì, các môn đệ của Phạm môn đã họp lại thành một lực lượng quyền lực mạnh mẽ để diệt trừ tà mị, bảo hộ chơn truyền nên Đạo ngày 20-1-GiápTuất (1934). (Xem phần Lịch sử Phạm môn thì rõ).

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo ngày 30-8-Quý Tỵ (1953) xin trích ra một đoạn sau đây:

"Trong thời kỳ Bàn đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống thế mở Đạo thì Đức Chí Tôn mới hỏi rằng:

- Con phục lệnh xuống thể mở Đạo, con mở Bí pháp trước hay Thể pháp trước?

Bần đạo trả lời: - Xin mở Bí pháp trước.

Đức Chí Tôn nói:

- Nếu con mở Bí pháp trước thì phải khổ đa! Đang lúc đời cạnh tranh tàn bạo, nếu mở Bí pháp trước, cả sự bí mật huyền vi của Đạo, đời thấy rõ, xúm nhau tranh giành phá hoại thì mỗi Đạo phải ra thế nào? Vì thế nên mở Thể pháp trước, dầu cho đời quá dữ, có tranh giành phá hoại cả cơ thể hữu vi hữu hủy đi nữa thì cũng vô hại, xin miễn là mặt Bí pháp còn thì Đạo còn.

Bí pháp thì Hiệp Thiên Đài giữ.

Thể pháp thì Cửu Trùng Đài cầm quyền đặng giáo hóa.

Đang khi cơ quan CTĐ mở mang bành trướng về mặt phổ thông chơn giáo thì bên HTĐ, Bần đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn mở Phạm môn, dùng tấm màn bí mật bao phủ khuất lấp cả hành vi, khó ai hiểu đặng.

Mười mấy năm khổ hạnh nâu sồng trong cửa Phạm, ần nấn tạo nên cả cơ thể hữu tướng dường ấy, hại thay! Chúa Quỷ biết rõ cơ mưu nhiệm nên mới tương liên cùng chánh phủ Pháp, tìm hiểu yếu lý huyền vi của Phạm môn, liền ra lệnh đóng cửa, thì lại nảy sanh trăm ngàn cơ sở Phước Thiện.

Từ ngày Phước Thiện ra đời đến nay thì toàn thể nhưn sanh nam nữ vào cửa Phước Thiện này đoạt vị rất nhiều, đã hiển nhiên y theo bài thi của Đại Từ Phụ vừa mới đọc ở trên đây (Tình ngộ xá thân tại Phạm môn,....)

Ấy vậy, Cơ Quan Phước Thiện, Phạm môn, là trường thi công quả của Đức Chí Tôn đã đến lập sẵn mỗi nơi. Làng nào, ấp nào, cũng có một cơ sở Phước Thiện cho toàn Đạo hữu ở thôn quê có chỗ đến đó đặng thi thố lập công bồi đức, hầu đoạt thủ địa vị thiêng liêng, Đức Chí Tôn đã dành sẵn cho mỗi con cái của Ngài.

Cơ Quan Phước Thiện, Phạm môn, là một danh từ chung của toàn nhưn loại chớ không riêng biệt cho người nào.

Ngày nay, cái màn bí mật đã vén hết lên rồi, dòm thấy rõ ràng chớ không còn ẩn vi như trước nữa.

Vậy Bần đạo xin chư Chúc sắc Thiên phong nam nữ, chư Chúc việc lưỡng phái, hãy mở hoát cửa thiêng liêng ra cho cửu nhị ức nguyên nhân lần bước vào trường thi công quả của Đức Chí Tôn.

Tóm lại, Phạm môn, Phước Thiện là trường học của linh hồn, là một cái thang thiêng liêng 12 nấc mà Đức Chí Tôn đem bắc sẵn trong Tam Kỳ Phổ Độ chuyển thế, kêu gọi tất cả con cái của Ngài hãy ráng bước, kẻ trước người sau, mà leo lên cho tốt nấc thang thiêng liêng ấy, là ngày giờ mà chúng ta được hội hiệp cùng Thầy là vui vẻ nhất hơn hết nơi cõi Hư Linh đó vậy."

Ông Đạo Nhơn Nguyễn Đức Hòa, bút hiệu Khiết Dân, một môn đệ của Phạm môn có viết tập Hồi Ký "**PHẠM MÔN SỬ LƯỢC HỒI KÝ**", chúng tôi xin chép lại để cống hiến quý bạn đạo, để có một hiểu biết tổng quát về Phạm môn và cũng để làm tài liệu cho Ban Đạo Sử.

PHẠM MÔN SỬ LƯỢC HỒI KÝ

LỜI NÓI ĐẦU

LƯỢC SỬ PHẠM MÔN Hồi Ký là cố moi óc hồi nhớ lại những việc đã qua, từ buổi Phạm môn mới phôi thai cho đến lúc biến thể thành Cơ Quan Phước Thiện và tiến đến thành hình Hội Thánh Phước Thiện trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, để ghi lại những gì chính mình mắt thấy tai nghe hoặc những người trực diện trong cuộc, tường thuật lại để anh em cùng hiểu biết với nhau trong tình chân thành, đồng thời cùng chí hướng.

Phạm môn là con đường thứ ba hay là cửa Tu chơn trong nền Đại Đạo. Mỗi mỗi việc chi đều do khẩu thuyết mật truyền của Đức Hộ Pháp chớ không có giấy tờ văn kiện chi hết. Vì thế nên muốn tìm lại một chứng minh cụ thể nào về Phạm môn đều không thể có.

Nhưng thiết nghĩ, Phạm môn cũng là một cơ quan trọng yếu trong nền Đại Đạo nên không thể thiếu trong Bộ Đạo Sử

sau này. Nếu những người đương thời không có ghi lại thì các sử gia hậu thế biết căn cứ vào đâu mà sưu khảo, hầu hoàn thành Bộ Đạo Sử được đủ đầy.

Riêng về kẻ viết bản PHẠM MÔN LƯỢC SỬ này không bao giờ dám có cao vọng sẽ chen tựa trong bậc ngưỡng cửa sử gia nền Đại Đạo, nhưng trót lỡ nhận sự phú thác của đàn anh nên không thể vì lẽ gì từ chối được.

Vẫn biết rằng: Tôi là kẻ thấy cạn hiểu gần thì dám đâu tự xứng với việc quá sức mình, nhưng nhìn kỹ lại các bậc đàn anh trong cửa Phạm môn, đã kẻ trước người sau lần lần qui vị gần như sắp hết, chỉ còn lại năm bảy anh đều là đã lưng còm tóc bạc, tai điếc mắt lờ, nên dầu cho tôi có ngậm ngừng e ngại đến đâu, buộc lòng cũng phải cố gượng gắng làm việc của đàn anh giao phó, nhưng chắc rằng không tránh khỏi những điều thiếu sót và cũng hẳn có việc làm lỗi về luật hành văn không phải ít.

Kính xin quý vị cao minh rộng tình thông cảm lượng thứ cho và bổ túc thêm những điều thiếu sót.

Nay kính.

Tòa Thánh , ngày mùng 1 tháng 9 Canh Thân.

(dl 9-10-1980)

Đạo Nhơn NGUYỄN ĐỨC HÒA, bút hiệu Khiết Dân.

LƯỢC SỬ PHẠM MÔN hồi ký

Phạm môn phiêi thai từ năm Kỷ Ty (1929). Khởi thủy do Đức Hộ Pháp sang phần đất tại xóm Trường Đua thuộc xã Hiệp Ninh, quận Châu Thành tỉnh Tây Ninh, tạo một ngôi nhà, ngôi nhà đầu tiên này do Đức Hộ Pháp đặt cho ông Lễ Sanh Thượng Nguơn Thanh lãnh khoán, khi làm xong, kéo đem tới dựng lên (nhà cột cây lợp tranh).

Trong lúc đang kiến tạo ngôi nhà này, có một số người đạo tâm tự đến xin làm giúp cho Đức Hộ Pháp. Mục đích của những người này là muốn được gần gũi Đức Hộ Pháp để học

đạo, và cứ như thế, số người đến xin làm mỗi ngày thêm đông.

Đến năm Canh Ngọ (1930), Đức Hộ Pháp mới nói với những người này rằng: Chỗ này không phải chỗ làm công quả, nếu ai muốn làm công quả thì về trong Tòa Thánh mà làm. Còn như em nào muốn theo Qua thì phải làm Tờ Hiến Thân trọn đời vào Phạm môn và phải có cha mẹ với vợ con bằng lòng ký tên cho hiến thân mới đặt, đồng thời Tờ Hiến Thân phải có Đầu Họ Đạo vi chứng.

Những anh em này họp nhau bàn tính, kết quả anh em đồng ý làm Tờ Hiến Thân. Khi làm Tờ Hiến Thân xong, đệ lên Đức Hộ Pháp. Ngài xem xong rồi, đệ luôn qua cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt.

Từ ngày anh em làm Tờ Hiến Thân rồi, Đức thầy buộc làm công mỗi tháng phải đủ 27 ngày, nghỉ 3 ngày là mùng 10, 20 và 30, nếu tháng thiếu nghỉ ngày 29.

Đến đây nhận thấy số người khá đông, phần ăn uống có moi thiếu thốn. Một số người lớn tuổi có phần hiểu biết hơn, mới phân ra một số đi cửa cây làm cửa để trang trí ngôi nhà mới cất, còn một số lo đi kiếm ruộng dựng làm. Khi bàn tính xong thì trình lên cho Đức thầy hay, được Đức thầy chấp thuận và Đức thầy hỏi mượn sở ruộng của Bà Nữ Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh, tọa lạc tại Bến Sỏi, Tây Ninh. Vụ làm ruộng do ông Võ Văn Lèo làm chủ sở và nhờ anh em ở xã Ninh Điền và Trà Xiêm giúp trâu cày ruộng và lúa giống.

Khi ngôi nhà được trang trí kín đáo, xây hai cây cột trụ cửa ngõ xong, Đức thầy mới dạy làm một tấm bảng đề hai chữ PHẠM NGHIỆP và đôi liễn như vậy:

*PHẠM NGHIỆP thừa nhàn lợi lộc công danh vô sở dụng,
MỒN quan tích đạo tinh thần pháp bửu hữu cơ cầu.*

Đồng thời Đức thầy dạy anh em về Tòa Thánh tạo sở KHÁCH ĐÌNH, kế lộ Phước Đức Cù, sau hậu nhà sở Khách Đình sát với rừng cấm (hướng Nam Tòa Thánh). Nhà sở này do ông Nguyễn Văn Lư làm Chủ sở.

Trong lúc tạo cơ sở này, cơm gạo rất thiếu thốn, mỗi bữa ăn đều là khoai mì với lá đậu rồng, lá cây búng chấm nước

muối. Lúc đó ông Phạm Văn Út là người nhỏ tuổi hơn hết (lối 20 tuổi) tới bữa ăn vô thấy toàn là khoai mì với nước muối, liền khóc ròng, vì kéo dài đến cả tháng mà chưa được bữa cơm nào.

Lạ một điều là trong sổ anh em này, khi có ai về thăm nhà, cha mẹ hoặc vợ con hỏi thăm lên trên chùa làm công quả là làm việc gì? Trả lời: Làm nhà, học kinh, học đạo và trồng tía, chớ không bao giờ cho biết sự khổ hạnh đói khát, vì sợ cha mẹ, vợ con buồn, rồi không cho đi nữa. Mãi đến sau hỏi lại mới biết mỗi người trả lời với gia đình đều giống như nhau.

Lúc làm cây tạo dựng nhà sở Khách Đình, gần đến ngày dựng mà còn thiếu cây đòn dông, anh em mới bạo gan vô rừng cấm đốn cây dầu nước, rồi mượn mấy anh em người Miên phụ khiêng đem về cửa ra dựng làm cây đòn dông. Khi vừa cửa xong, chưa kịp dọn dẹp, kể có ông Đội Ngự là Đội Kiểm Lâm vô tới thấy cây mới cửa, nên đi vòng theo mé rừng, thấy dấu đường khiêng cây về, liền trở vô bắt và lập biên bản. Anh em liền đến trình với Đức thầy hay. Đức thầy nói: Nó muốn kiếm tiền đó, mấy em về năn nỉ và cho tiền nó là xong.

Anh em về năn nỉ và cho nó 5 đồng bạc. Thầy Đội Ngự nói: Thôi tôi vui lòng tha cho, nhưng từ nay đừng ăn cắp cây của nhà nước nữa. Nói rồi xé hủy biên bản ra về.

Đến cuối năm Canh Ngọ (1930), Đức thầy cho anh em xuống mở sở Phạm môn tại Tâm Lạch thuộc xã Trường Hòa (Tây Ninh) do ông Lê Văn Lưu làm Chủ sở sắp đặt việc nhà cửa và canh tác ruộng rẫy.

Ông Phạm Văn Màng nhiệm vụ coi anh em người Miên làm hằng ngày, vì sở này có lối 40 người Miên kể cả nam nữ, còn người Việt lối 20 người.

Ông Lại Văn Sắc lo về lương thực và ngoại giao. Khi mới đến tạm ở nơi nhà của ông Út Giáp (Phạm Văn Giáp) vì nhà của ông Giáp gần chỗ tạo nhà sở, phần lớn trong nội vụ kiến tạo nhà sở này đều nhờ sự giúp đỡ của anh em ông Giáp. Nguyên bởi ông Phạm Văn Giáp lúc này đương giúp việc cho Đức thầy tại Hộ Pháp Đường.

Khi khởi sự khai mở ruộng rẫy, lúc đem trâu ra máng cày vô rồi, chính Đức thầy cầm cày, anh em dắt trâu, cày đủ 3 vòng, Đức thầy trao lại cho anh em ở sở tiếp tục cày.

Cũng trong năm này, Đức thầy dạy anh em Phạm môn học tập Thập Điều Giới Răn, phải học cho thuộc lòng, đặng khi thầy biểu đọc lại là phải đọc cho thuộc.

Thập Điều Giới Răn như dưới đây:

1. Phải tuân y Luật pháp Chơn truyền của Chí Tôn.
2. Phải trọn hiếu với tông đường phụ mẫu, trọn nghĩa vợ chồng, vẹn phận làm cha.
3. Phải trọn giữ trai giới.
4. Phải xa lánh các đảng phái.
5. Phải thật hành phước thiện, nuôi người già, dưỡng trẻ nhỏ.
6. Không đặng thù của chúng sanh.
7. Coi anh em đồng đạo như ruột thịt.
8. Không được bội sự phản bậy.
9. Phải ở như các Thánh Hiền, đừng phạm tội vong công bội đức.
10. Phải thương yêu loài người và loài vật, kính trọng mạng sanh vừa theo tánh chất của Chí Tôn là chúa sự sống.

Đến năm Tân Mùi (1931), Đức thầy dạy ông Trịnh Phong Cương ra tạo sở Giang Tân, kế mé sông Vàm Cỏ Đông, thuộc xã Trường Hòa, sát ranh với xã Long Thành.

Sở Nam Công nghệ gần ngã ba đi Suối đá và đi Chà là, tại nách đường đi vô Thái Bình Thánh Địa (Nghĩa Địa), do ông Võ Văn Đợi tự Đại làm Chủ sở.

Sở Nữ Công nghệ ở gần ngã tư Ao hồ, kế bên cửa số 7 Ngõ ô Thánh địa, do ông Đinh Văn Tiết làm Chủ sở.

Sở Dưỡng Lão Đường cũng gần ngã tư Ao hồ. Nền nhà sở Dưỡng Lão là Điện Thờ Phật Mẫu Đệ Tam ngày nay (Canh Thân 1980) do ông Lê Văn Tri làm Chủ sở.

Đến cuối năm Tân Mùi (1931), Đức thầy cho hay đến ngày mồng 3 tháng giêng Nhâm Thân (1932) sẽ làm lễ Hồng Thệ (Đào Viên Pháp) tại Sở Trường Hòa.

Trước khi hồi ký lại nội vụ Hồng Thệ, tôi xin ghi lại 23 vị Minh Thiện Đoàn thuộc Thánh Thất Khổ Hiền Trang xã Phú Mỹ quận Châu Thành tỉnh Mỹ Tho, đã Hồng Thệ từ ngày 15-2-Canh Ngọ (1930) tại Thánh Thất Khổ Hiền Trang.

Chiếu theo niên lịch thì 23 vị Minh Thiện Đoàn hồng thệ trước, nên xin ghi trước vào đây, hơn nữa Minh Thiện Đoàn cũng là Phạm môn, cũng như Trí Huệ Cung, Trí Giác Cung và Vạn Pháp Cung, tựu chung cũng là Phạm môn.

Danh sách 23 vị Minh Thiện Đoàn hồng thệ ngày 15-2-Canh Ngọ, kể tên dưới đây:

1.	Phan Văn Minh	Xã Phú Mỹ, tỉnh Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ.
2.	Lê Văn Trung	Phú Mỹ, Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ.
3.	Huỳnh Văn Phương	Phú Mỹ Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
4.	Đình Công Trứ	Phú Mỹ Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
5.	Trần Văn Đăng	Long Hòa, Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
6.	Trần Văn Lợi	Lương H.Lạc Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
7.	Nguyễn Văn Tấn	Lương H.Lạc Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
8.	Lê Văn An	Phú Mỹ Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
9.	Trần Thạnh Mậu	Phú Mỹ Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
10.	Nguyễn Văn Tươi	Phú Mỹ Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
11.	Lê Cảnh Phước	Phú Mỹ Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
12.	Hồ Văn Huyện	Phú Mỹ Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
13.	Lê Văn Ninh	Phú Mỹ Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
14.	Nguyễn Văn Soi	Phú Mỹ Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
15.	Dương Văn Hiệp	Hưng Th.Mỹ Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
16.	Nguyễn Văn Hậu	Lương Hòa Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
17.	Nguyễn Văn Vàng	Đạo Ngạn Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
18.	Phan Văn Huồn	An Hữu Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
19.	Hồ Văn Cửu	Tân H.Thành Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
20.	Đỗ Văn Phò	Tân H.Thành Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
21.	Ung Văn Lung	Tân H.Thành Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
22.	Nguyễn Văn Sùng	Phú Mỹ Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ
23.	Lê Văn Dương	Tân H.Thành Mỹ Tho.	15-2-C.Ngọ

Đúng ngày mùng 3 tháng giêng Nhâm Thân (1932), cả anh em Phạm môn nam nữ và luôn cả cha mẹ, vợ con của anh em đều tựu đến Sở Trường Hòa rất đông, phỏng lối ngàn người.

Đúng 7 giờ tối, Đức thầy dạy lấy một cái thau rửa thật sạch, đem để trước Thiên Bàn. Đức thầy nói: Đáng lẽ mỗi người có tên hồng thệ hôm nay tự mình cắt tay lấy máu đựng chung trong thau này rồi mỗi người uống một hớp, nhưng mấy em là người đạo, mỗi người đều giữ trường chay, không thể làm như vậy được, nên phải dùng rượu chất đỏ thay thế, đổ rượu vào thau này cho nhiều, vì mấy em đông lắm, lại thêm cha mẹ, vợ con của mấy em nữa.

Khi đổ rượu vào thau xong, Đức thầy làm lễ Chí Tôn và hành pháp vào thau rượu, rồi kêu từng người theo danh bộ đã chọn sẵn và cả cha mẹ, vợ con của người được hồng thệ vô.

Người chánh danh Phạm môn được hồng thệ qui trước Thiên Bàn nguyện như vậy:

" Tôi là: Tuổi

Từ nay tôi coi anh em Phạm môn như ruột thịt, sanh tử bất ly, thoảng có điều chi hoạn nạn thì tôi liều mình với anh em. Nếu ngày sau tôi thất nguyện, quyền thiêng liêng hành pháp tận đọa tam đồ bất năng thoát tục và thầy tôi không nhìn nhận tôi nữa."

Lạy 3 lạy, đứng dậy, rồi thọc ngón tay giữa của bàn tay mặt vô rượu chất đỏ nói rằng: "Đây là huyết thệ của tôi." Rồi uống mỗi người một hớp, cha mẹ, vợ con của người chánh danh cũng uống mỗi người một hớp như vậy. Kế người sau đó cũng làm y như vậy, tiếp theo mãi cho đến hết.

Những người **hồng thệ kỳ mông 3 tháng giêng Nhâm Thân (dl 7-2-1932)**, Đức thầy chọn được 67 vị. Ông Lê Văn Tri xin thêm 5 vị nữa ở Gò Chai Long Vĩnh, Đức thầy cho nhưng Đức thầy nói: *"Mấy người em xin thêm đó, nếu sau này có nên được, em vanh tay Qua đi."*

Thật vậy, khoảng lối năm Nhâm Tý (1972), chính tác giả hồi ký Lược Sử này có dịp tọa đàm với ông Đỗ Văn Viện, Trưởng Tộc Phạm môn và đôi ba anh em nữa, nhắc lại lời của Đức thầy nói hồi lễ Hồng thệ của Phạm môn tại xã Trường Hòa, và kiểm điểm lại thì đúng như lời Đức thầy buổi nọ.

Cộng chung 67 vị của Đức thầy chọn và 5 vị do ông Lê Văn Tri xin thêm là 72 vị, danh sách như dưới đây:

TT.	Họ và Tên	Xã	Quận.	Tỉnh
1.	Phạm Văn Huân	Hiệp Thạnh	Trảng Bàng	Tây Ninh
2.	Lê Văn Tri	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
3.	Nguyễn Văn Thế	Thạnh Đức	Trảng Bàng	Tây Ninh
4.	Võ Văn Lẽo	Thanh Phước	Trảng Bàng	Tây Ninh
5.	Bùi Văn Trực tự Nguyệt	Bình Phú		Long Xuyên
6.	Võ Văn Đợi tự Đại	Gia Lộc	Trảng Bàng	Trảng Bàng
7.	Phạm Văn Tuấn	Hiệp Thạnh	Trảng Bàng	Tây Ninh
8.	Lê Văn Lưu	An Hòa	Trảng Bàng	Tây Ninh
9.	Trịnh Phong Cương	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
10.	Đình Văn Tiết	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
11.	Lý Văn Lâm	Mỹ Phong		Mỹ Tho
12.	Trịnh Văn Phận	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
13.	Đỗ Văn Viện	Phước Thạnh	Trảng Bàng	Tây Ninh
14.	Phạm Công Đăng	Thanh Phước	Trảng Bàng	Tây Ninh
15.	Nguyễn Văn Sĩ tự Đại	Thạnh Đức	Trảng Bàng	Tây Ninh
16.	Lê Văn Gắm	Thái Mỹ	Hốc Môn	Gia Định
17.	Nguyễn Văn Lư	Bình Đăng		Mỹ Tho
18.	Phạm Văn Út	Thanh Phước	Trảng Bàng	Tây Ninh
19.	Trần Văn Như	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
20.	Nguyễn Văn Lịnh	Long Hiệp	Trung Quận	Chợ Lớn
21.	Trần Văn Nhượng	Long Cang	Trung Quận	Chợ Lớn
22.	Lại Văn Sắc	Thạnh Đức	Trảng Bàng	Tây Ninh
23.	Võ Văn Chở	Thanh Phước	Trảng Bàng	Tây Ninh
24.	Nguyễn Văn Yên	Thạnh Đức	Trảng Bàng	Tây Ninh
25.	Lê Văn Bội	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
26.	Phạm Văn Màng	Thanh Phước	Trảng Bàng	Tây Ninh
27.	Võ Văn Hoàn	Thanh Phước	Trảng Bàng	Tây Ninh
28.	Lại Văn Ngà	Thạnh Đức	Trảng Bàng	Tây Ninh

29.	Ngô Văn Hố	Gia Lộc	Trảng Bàng	Tây Ninh
30.	Nguyễn Văn Tiền tự Dần	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
31.	Bùi Văn Trang	Bình Phú		Long Xuyên
32.	Đình Văn Giao	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
33.	Đỗ Văn Thơ	PhướcThạnh	Trảng Bàng	Tây Ninh
34.	Phạm Văn Hạp	Thạnh Đức	Trảng Bàng	Tây Ninh
35.	Lê Văn Hoa	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
36.	Nguyễn Văn Vọng	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
37.	Nguyễn Văn Tiến	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
38.	Lương Văn Dậu	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
39.	Lê Văn Bờ	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
40.	Nguyễn Văn Thông	CẩmGiang	Trảng Bàng	Tây Ninh
41.	Trần Văn Ấu	CẩmGiang	Trảng Bàng	Tây Ninh
42.	Đặng Văn Thứ	Long Cang	Trung Quận	Chợ Lớn
43.	Nguyễn Văn Thiết	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
44.	Lê Văn Sửu	PhướcThạnh	Trảng Bàng	Tây Ninh
45.	Phạm Văn Lễ	PhướcThạnh	Trảng Bàng	Tây Ninh
46.	Hồ Văn Lung	CẩmGiang	Trảng Bàng	Tây Ninh
47.	Phạm Văn Chì	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
48.	Lê Văn Huấn	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
49.	Nguyễn Văn Sang			Châu Đốc
50.	Hồ Văn Tự	Phước Vân	Trung Quận	Chợ Lớn
51.	Nguyễn Văn Hạp	Thanh Hà		Chợ Lớn
52.	Võ Văn Trọng	Định Thành	Bến Cát	Thủ Dầu Một
53.	Đặng Văn Phụng	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
54.	Đình Văn Nghiêm	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
55.	Hồ Văn Giảng	Thạnh Đức	Trảng Bàng	Tây Ninh
56.	Trần Văn Bùng	CẩmGiang	Trảng Bàng	Tây Ninh
57.	Đình Văn Huỳnh	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
58.	Lê Văn Biện	ThanhPhước	Trảng Bàng	Tây Ninh
59.	Ngô Văn Mươi	ThanhPhước	Trảng Bàng	Tây Ninh
60.	Nguyễn Văn Bường	Thạnh Đức	Trảng Bàng	Tây Ninh
61.	Lê Văn Lâu	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
62.	Nguyễn Văn Cho	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
63.	Trịnh Vinh Quý	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
64.	Nguyễn Văn Sen	ThanhPhước	Trảng Bàng	Tây Ninh

65.	Lê Văn Duyên	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
66.	Phạm Văn Voi	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
67.	Phạm Văn Dụng	Cẩm Giang	Trảng Bàng	Tây Ninh
68.	Nguyễn Văn Bo	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
69.	Trần Văn Sanh	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
70.	Tô Văn Bao tự É	Thanh Phước	Trảng Bàng	Tây Ninh
71.	Lê Văn Ong	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh
72.	Võ Văn Hội	Ninh Điền	Châu Thành	Tây Ninh

Khi hành lễ Hồng Thệ (Đào Viên Pháp) xong, Đức thầy và cả anh em nghỉ đêm tại đó, đến sáng mừng 4 tháng giêng năm Nhâm Thân mới lần lượt ra về.

Liên trong tháng giêng Nhâm Thân (1932), ông Bùi Văn Trục xin với Đức thầy đi làm ruộng ở núi Sập tỉnh Long Xuyên để có lúa đem về cần dùng nơi Phạm môn, được Đức thầy chấp thuận, liền phân công, kẻ lo kêu gọi anh em đi làm ruộng và kiếm thêm trâu đem đi làm ruộng, người lo làm trạnh cày (trạnh cày bằng cây vì lúc đó chưa có trạnh cày bằng sắt), bấp cày, ách cày và nài ống, tức là các dụng cụ để đi cày làm ruộng.

Phần ông Đinh Văn Tiết lo làm trạnh cày, tổ chức hai ba người đi vô phía Trảng Dài ăn cấp cây rừng cấm, khoảng giữa chừng Tây Ninh vô Tòa Thánh, từ chỗ làm trạnh cày ra tới lộ đá phồng chừng lối hơn ngàn thước.

Khi làm xong, mượn xe bò đặng kéo đem đến sở Giang Tân để ghe chở đi Long Xuyên. Vụ đi kéo trạnh cày đó, ông Đinh Văn Tiết và Nguyễn Văn Bàu cùng đi. Đợi quá 6 giờ tối ngày (quên) tháng giêng Nhâm Thân (1932), hai ông mới đánh chiếc xe bò đi đến chỗ, chắt trạnh cày lên xe xong, quay trở về.

Khi còn cách lộ đá lối trăm thước, ông Tiết nói với ông Bàu: Anh kèm bò lại đây, để tôi ra lộ đá quan sát trước, đi đại ra gặp lính Kiểm lâm thì nguy lắm, anh lưu ý hề thấy tôi bật lửa hộp quẹt sẽ đánh xe ra, bằng chưa thấy ánh lửa thì đừng ra bắt tử.

Ông Bàu đợi khá lâu mới thấy ánh lửa chớp chóa thì rất mừng, liền đánh xe bò ra và định ninh rằng đã gặp dịp may rồi.

Nào ngờ khi vừa lên tới lộ đá thì hai người lính Kiểm lâm chạy tới đón đầu bò lại, đồng thời hô lớn lên: *Xe ăn cắp cây rừng cấm của nhà nước*. Ông Tiết và ông Bàu hoảng hồn, liền chạy lại mở bò, còn hai người lính Kiểm lâm chụp dây bò giành lại, hai đảng dằng co xô đẩy với nhau khá lâu, lần lượt ông Tiết và ông Bàu mở được hai con bò khỏi xe, kể một hồi lâu nữa, thừa dịp hai người lính Kiểm lâm xô đẩy với ông Bàu, ông Tiết đánh hai con bò nhảy tuốt về Tòa Thánh, còn ông Bàu cố gắng giữ hai người lính ở lại không cho rượt theo ông Tiết, đến lúc nghe tiếng bò nhảy đã xa, mới xô hai người lính Kiểm lâm dang xa rồi phát chạy theo ông Tiết. Thế là cả hai người và hai con bò đều thoát khỏi, còn bỏ lại chiếc xe thùng và 24 trạnh cày bằng cây dừng. Chiếc xe kéo trạnh cày bị lính Kiểm lâm tịch thu luôn, nên Phạm môn phải mua xe khác thường cho chủ.

Kể từ đây, Đức thầy thường đến thăm anh em nơi các sở Phạm môn, đi bằng cách cỡi ngựa, vì thời này đa số đều là rừng rậm, chớ không có đường lưu thông rộng rãi như ngày nay, chỉ đi theo đường xe bò, nên dầu có xe đạp cũng khó đi lắm. Có khi Đức thầy đi một mình, có khi một hoặc hai người đi theo.

Có một lần độ chừng tháng 6 hay tháng 7 âm lịch Nhâm Thân, Đức thầy xuống Sở Trường Hòa ở lại ngủ đêm. Vì rừng rậm tranh sắt giáp vòng nên muỗi quá nhiều, khổ nỗi là anh em tại đây không ai có mùng, cả thầy đều ngủ bằng chiếc nóp. Còn Đức thầy không quen ngủ nóp, nên không ngủ được, bằng nằm ra ngoài thì muỗi cắn đập liên tay. Vì vậy anh em đốt đồng un rồi luân phiên quạt khói mịt mù để tan bớt muỗi, nhưng cũng tạm đỡ phần nào chớ suốt đêm Đức thầy không ngủ được.

Cũng vì lẽ ấy nên ông Phạm Văn Giáp mới sắm riêng một ghé bố và mùng mền chiếu gối để tại nhà của ông dành để đặc biệt khi Đức thầy đến thì ăn và nghỉ tại nhà ông Giáp, vì nhà ông Giáp ở gần Sở Trường Hòa.

Cũng trong khoảng thời gian này, khi đến thăm các Sở, hề gặp người bệnh thì Đức thầy kêu Chủ sở dặn phải tận tâm lo thuốc men cho người bệnh, không nên vì việc làm mà bỏ người bệnh. Vì lúc này, Sở nào cũng đều là đất rừng mới khai phá ra

nên bị bệnh chói nước, nóng lạnh rất nhiều, hay nói cách khác là bệnh rét rùng, như tại Sở Phạm môn Trường Hòa kể từ tháng 10 đến tháng 4 âm lịch, hễ buổi moi đi làm lối 20 người thì buổi chiều còn lối 7 hoặc 10 người là nhiều, còn những người kia đều bị làm cũ rét nằm trùm mền hết.

Mỗi lần Đức thầy đi thăm đều thấy như vậy, hơn nữa càng ngày số người bệnh lại càng đông hơn trước.

Nhận thấy không thể đành như vậy được, nên đến tháng giêng năm Quý Dậu (1933), Đức thầy mới kêu anh em sửa soạn ngôi nhà sau hậu Hộ Pháp Đường, tức là nền nhà Tịnh Tâm Hiên, chỗ Cô Phối Sư Hương Tranh ở ngày nay, lót ván sạp dài thành hai dãy dọc hai bên để cho người bệnh ở các sở Phạm môn về nằm trị bệnh (nam tả nữ hữu). Khi sắp sửa chỗ nơi xong, Đức thầy cho các vị Chủ sở hay, kể từ nay các sở Phạm môn hễ có người bệnh, dầu nam hay nữ đều đem hết về giao cho Đức thầy chăm sóc điều trị.

Phần trị bệnh chia ra hai khoa:

1. Đông y do ông Bùi Văn Hưng (ông Tư Hưng) làm Bảo Bình, điều trị bằng đông y.

2. Tây y do Đức thầy bản thân chăm sóc chích thuốc và cho uống tây y.

Vì trong thời gian này (1933), những người hiện làm công quả tại Tòa Thánh và các sở Phạm môn, không người nào biết chích thuốc và điều trị bằng thuốc tây, chỉ có Sài Gòn mới có một tiệm bán thuốc tây mà thôi.

Về việc Đức thầy chích thuốc Tây trị bệnh cho anh em rất kết quả, vì đa số là bị bệnh chói nước, rét rùng nên chích thuốc ký nin (Quinine) rất công hiệu, nhưng rất tiếc là công việc trị bệnh đang tiến hành, kể bị nhóm người chi phái đối lập với Tòa Thánh Tây Ninh tố cáo với chánh quyền Pháp tại Tây Ninh, nên ông Trưởng Tâm (Xếp Mật vụ Pháp tại Tây Ninh) đi với 4 người lính Cảnh sát vô tại Hộ Pháp Đường khám xét lấy kim chích thuốc và cả dụng cụ chích thuốc, lập biên bản, lấy hết những món này đem về Tây Ninh, rồi đưa ra tòa về tội chích thuốc trị bệnh mà không có giấy chứng nhận của Bác sĩ. Nhưng cũng may, cách đó đôi ba ngày có thầy Hai Để là Y Tá

Trường tại bệnh viện Tây Ninh vô thăm Đức thầy, sau khi nghe Đức thầy thuật lại vụ ông Trường Tâm bắt về vụ chích thuốc, thầy Hai ĐỂ nói: Ngài đừng lo chi hết, đến khi ra tòa Ngài nói những dụng cụ chích thuốc đó là của tôi, vì tôi vô chích thuốc mấy người bệnh rét rùng, bởi mỗi ngày tôi đều vô chích nên tôi gởi đồ lại đó. Thế nào tòa cũng đình vụ xử lại để kỳ sau Tòa mời tôi. Khi tòa mời tôi thì tôi nhận những dụng cụ chích thuốc đó là của tôi thì êm chuyện, chớ không sao đâu.

Thật quả như lời thầy Hai ĐỂ, đến phiên tòa sau, ông ĐỂ nhìn nhận những y cụ chích thuốc và sổ thuốc chích mà hôm nọ nhà chức trách khám xét lấy tại Hộ Pháp Đường trong Tòa Thánh là của ông, vì mỗi ngày ông vô chích thuốc cho mấy người bệnh nên ông gởi lại đó. Tòa xử trắng án.

Mặc dầu được trắng án nhưng cũng không thể tiếp tục vụ chích thuốc nữa được. Từ đây những người bệnh chói nước ra ở tại nhà Cô Tư (chị ruột của Đức thầy) tại chợ cũ Tây Ninh, đặn mỗi bữa sáng đến nhà thương Tây Ninh chích thuốc.

Đến ngày 16 tháng 10 Quý Dậu (dl 3-11-1933), dựng nhà lớn tại Sở Trường Hòa để làm nhà thờ. Vụ dựng nhà này có những người thân quyến của anh em Phạm môn đến tham dự rất đông, phỏng chừng 5 hoặc 6 trăm người. Lúc 7 giờ sáng ngày 16-10-Quý Dậu (1933) khởi sự. Khi vừa kéo lên xong, thợ mộc đang chỉnh đốn lại đặn đóng đòn tay thì bỗng đâu có ông Phủ SỬ, quan Chủ Quận Châu Thành Tây Ninh đi với 5 người lính và Hương Thân Hương ở Chà Là vô tới. Những anh em thấy có lính thì rất lo sợ mặc dầu không biết là lính Quận có ông Quận đi chung vô đây. Khi ông Quận vô vừa tới, Đức thầy thấy biết là ông Quận SỬ, liền bước ra bắt tay chào hỏi.

Ông Quận SỬ hỏi: - Ông làm gì đây?

Đức thầy trả lời: - Dựng nhà.

Ông Quận SỬ: - Dựng nhà sao đông quá như vậy?

Đức thầy: - Vì bốn đạo nghe dựng nhà nên đến phụ.

Ông Quận SỬ: - Đây là cuộc họp hội chi chớ dựng nhà sao đông quá vậy? Có lệnh của quan lớn chánh (Tỉnh Trường) nếu có đám tiệc chi, hễ quá 10 người là phải xin phép, còn vụ

này đông đến bốn năm trăm người mà không xin phép, nên tôi phải lập biên bản, đồng thời ông Quận biểu mấy người lính kêu hết những người đang ở ngoài chỗ dựng nhà vô đây và biểu thầy Đội lập biên bản. Nhờ lúc ông Quận nói chuyện với Đức thầy, anh em rút vô đám rừng phía sau chỗ dựng nhà, lại thêm hai bên hông chỗ dựng nhà là hai đám mía lau rất tốt, cao khỏi đầu nên anh em chun vô đó cũng đông, đến khi mấy người lính kêu ra thì còn không tới 30 người. Ông Quận Sừ giận dữ nói lớn: Cho mấy người giỏi trốn, rồi đây sẽ biết, nói rồi biểu Đức thầy ký biên bản rồi ra về liền.

Ông Quận đi xe hơi từ Tây Ninh đến Chà Là rồi đi xe bò ra Sở Phạm môn Trường Hòa.

Đến cuối năm Quý Dậu (1933), gần Tết Nguyên đán, ông Trường Tâm (Xếp lính kín Tây Ninh) đi với bốn năm người nữa mặc đồ thường (không biết chức vụ) đến tại Hộ Pháp Đường trình giấy chứng của quan Chánh Tham Biện (Tỉnh Trường) Tây Ninh cho lệnh khám xét Hộ Pháp Đường, lấy rất nhiều giấy tờ quan trọng như:

- Tờ Hiến Thân của anh em Phạm môn.
- Văn thơ của bọn đạo có, ngoại đạo có nói về tôn giáo, hoặc nói về quốc sự cũng có, đáng kể nhất là thơ của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để ở Nhựt và Nguyễn Hải Thần ở Trung quốc, cùng nhiều nhà cách mạng khác.

Nội vụ tài liệu này lấy đem hết về Tây Ninh nạp cho Tỉnh Trường. Tỉnh Trường Tây Ninh đem nạp cho Toàn Quyền Nam Việt tại Sài Gòn (Pierre Pasquier).

Sau đó lối hai tháng thì có lệnh đóng cửa các sở Phạm môn do chánh quyền làm sẵn đem đến dựng trước cửa mỗi nhà sở một tấm bảng như vậy: "*Niêm cửa lại vì lập Hộ Ín không xin phép trước*".

Mặc dầu đã có lệnh của chánh quyền đóng cửa như vậy nhưng anh em cũng âm thầm ở tại nhà sở như trước, chỉ đóng cửa trước và giảm sự tụ tập đông đảo mà thôi.

Vì làng xã địa phương thấy anh em nơi đây đều lo làm ăn tu hành và cả thầy đều trường chay, chớ không có điều chi khả nghi làm cách mạng nên họ ngó lơ cho anh em ở đó.

Vụ khám xét lấy giấy tờ tại Hộ Pháp Đường và đóng cửa các cơ sở Phạm môn, nhưng cũng còn bị đưa ra Tòa. Đức Hộ Pháp mời Đức Quyền Giáo Tông (Thượng Trung Nhựt) cùng đi với Đức Hộ Pháp và những anh em Phạm môn có trát đòi.

Đến giờ xử, Tòa kêu Đức thầy ra buộc tội là lập Hội riêng mà không xin phép trước. Đức Quyền Giáo Tông xác nhận các sở này là của chung của Đạo Cao Đài chứ không phải của riêng ai, chỉ tạo ra cơ sở để làm ăn sanh sống, nhưng Tòa vẫn kêu phạt mỗi vị Chủ sở là 18 quan (lỗi 20 \$ hồi thời đó), còn Đạo sở mỗi người phạt 16 quan. Đức thầy dạy anh em ký tên chống án lên Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn.

Đến ngày được trát Tòa Sài Gòn đòi hầu Tòa, anh em mượn ghe rồi đem gạo theo ăn. Đến giờ xử, Tòa kêu án y như Tòa Tây Ninh. Ông Luật Sư Dương Văn Giáo (Bảo Cô Quân) biểu anh em chống án qua Pháp và sau đó được Tòa Án tối cao bên Pháp xử trắng án.

Còn vụ cả giấy tờ lấy nơi Hộ Pháp Đường hôm nọ, Tỉnh Trưởng Tây Ninh chuyển nộp về Sài Gòn. Quan Toàn Quyền Nam Việt Pierre Pasquier bốn thân chở bằng máy bay về chánh quốc Pháp, cố ý diệt Đạo, nhưng đi nửa chừng, máy bay phát hỏa, cả người và đồ đạc đều bị thiêu hủy hết.

Cũng trong năm Quý Dậu (1933), cơ Đạo biến động, Chức sắc Đại Thiên phong nghịch lẫn nhau, rồi lần lần đi đến chỗ chia phe phân phái, đại ý như phái của ông Đầu Sư Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương) và Đầu Sư Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang) lập một phái mệnh danh là "BAN CHÍNH ĐẠO", địa điểm tại Bến Tre, tức Tòa Thánh An Hội Bến Tre.

Ông Lê Kim Tỵ và Giáo Hữu Chính lập một phái gọi là phái TIÊN THIÊN, địa điểm là bìa Sân Cu giáp ranh với Bàu Để và sau này dời về Sóc Sãi Bến Tre.

Ông Phối Sư Thái Ca Thanh (Đốc Phủ Ca) lập một phái gọi là CHƠN MINH LÝ, địa điểm tại Mỹ Tho.

Ông Ngô Đức Nhuận và Nguyễn Ngọc Điền (Chín Ruộng) lập một phái gọi là Phái TUYỆT CỐC, không có địa điểm chánh thức, và còn nhiều phái khác nữa.....

Từ đây, những nhóm người tách rời Tòa Thánh thường đánh đổ Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật và Đức Hộ Pháp, thậm chí có phần tử dựa vào quyền đời để hạ kẻ đối lập với họ. Những việc quá đau lòng, xin miễn chỉ đích danh, vì dầu sao cũng là bậc đàn anh trong cửa Đạo và đã hữu công với Đạo từ buổi phôi thai.

Đến tháng giêng năm Giáp Tuất (1934), khi cúng đàn rằm tháng giêng vừa xong, liền được tin ngày 20 tháng giêng này có Chi phái về Tòa Thánh đăng điện, tức là lên ngôi Giáo Tông và sẽ đui Đức Quyền Giáo Tông ra khỏi Tòa Thánh.

Đức Quyền Giáo Tông lấy làm lo lắng nên cho Đức thầy hay nhờ Đức thầy liệu cách bảo vệ sự an toàn cho Tòa Thánh.

Đức thầy nói: - Xin anh cả yên tâm, để mặc em lo liệu.

Và liền kể, Đức thầy ra lệnh cho Thủ Bồn Phạm môn là ông Nguyễn Văn Gia khẩn cấp kêu hết anh em Chủ sở và đạo sở nơi các sở Phạm môn phải có mặt tại Tòa Thánh trước 5 giờ sáng ngày 20 tháng giêng Giáp Tuất (1934) để Đức thầy dạy việc, mỗi cơ sở chỉ chừa lại một người giữ nhà mà thôi.

Vừa rạng chơn trời ngày 20 tháng giêng Giáp Tuất (1934), cả anh em lớn nhỏ nơi các sở Phạm môn đều tụ đến đủ mặt tại Hiệp Thiên Đài. Đức thầy giao cho ông Giáo Sư Thượng Minh Thanh lãnh trách nhiệm điều động thống nhất, ông liền phân ra giữ các cửa ra vào Nội ô Tòa Thánh .

Đúng như ngày đã định, lúc 7 giờ sáng ngày 20 tháng giêng năm Giáp Tuất (dl 5-3-1934) nhóm người Chi phái kéo về Tòa Thánh rất đông, vừa đến cửa Hòa Viện (cửa số 1) thì ngưng lại, rồi phân ra. Một nhóm thì kéo vào cửa số 1, còn một nhóm thì kéo đến cửa số 2, cũng đồng xông vào Nội ô.

Những người giữ cửa được lệnh của người làm đầu bảo ngăn lại, không cho vô và nói rằng: Các Hiền huynh nán đợi chúng tôi báo cáo với Đức Quyền Giáo Tông và đợi có lệnh của Anh Cả cho mời, các Hiền huynh sẽ vô cũng không muộn. Nhưng nhóm người này không chịu chờ đợi, mà vẫn ngang nhiên xông đại vào. Những người giữ cửa thì cố ngăn lại, khiến nên kẻ lấn vào, người xô ra. Cuộc xô lấn ồn ào như vậy khá lâu, rốt cuộc lại dùng xen võ lực để giành phần thắng với

nhau, và diễn tiến mãi đến lúc 9 giờ mới kết thúc là: nhóm người Chi phái cam đành thất bại, đồng thui thui trở về trên về mặt mỗi người đều đầy khí sắc căm hờn giận dữ.

Sau cuộc biến động ngày 20 tháng giêng vừa kể trên, Đức Quyền Giáo Tông mời anh em Phạm môn dự bữa tiệc thân mật, có Đức thầy (Đức Hộ Pháp) tham dự.

Trước khi nhập tiệc, Đức Quyền Giáo Tông nói:

- Lúc trước Đức Hộ Pháp mở Phạm môn có một phần Chức sắc lớn trong Hội Thánh đánh đổ, chớ ít ai nhìn nhận là đúng. Hễ ai nói sao Qua nghe vậy, chớ thật ra Qua cũng không biết Đức Hộ Pháp mở Phạm môn có ích lợi gì. Đến nay, Qua mới biết, nhờ có mấy em dám hy sinh để bảo tồn nghiệp Đạo.

Cũng trong bữa tiệc này, Đức Quyền Giáo Tông ngỏ ý yêu cầu Đức Hộ Pháp cho Hội Thánh CTĐ mượn người Phạm môn để bỏ đi các tỉnh, hầu trấn an tinh thần bổn đạo đang rất hoang mang, và Đức thầy hứa chịu.

Qua cơn biến cố trong cửa Đạo, người làm đầu một Chi phái (xin miễn chỉ danh vì cũng là bậc Thiên phong có đại công trong buổi đầu tiên Khai Đạo) lại mượn tay chánh quyền để trả thù trận thất bại vừa rồi. Nên sau vụ sóng gió trong cửa Đạo hôm ngày 20 tháng giêng Giáp Tuất (1934) thì một số đồng anh em Phạm môn bị bắt giam tại khám đường Tây Ninh, buộc tội vu vơ đủ thứ. Mục đích chính là bảo khai cho Đức Quyền Giáo Tông chủ mưu xúi các anh em này đánh đuổi người Chi phái, không cho vô Tòa Thánh bái lễ. Nhưng những người này không chịu khai như vậy, nên bị tra tấn rất tàn nhẫn, mấy ngày sau mới lần lượt thả về, chỉ còn lại 6 người.

Sáu người còn lại bị dùng cực hình tra tấn, nhưng 6 anh này cương quyết thà là chịu chết chớ không khai như lời của họ hướng dẫn, và mãi như vậy đến sau mới thả về thì có người không đi được. (Yêu cầu xem bài giảng cơ của Hương Bảo Toàn, chép ở phần sau nói về 6 vị Phạm môn này).

Cơ Đạo đang gặp cơn thử thách quá nặng nề, Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp đồng tâm hợp sức leo lái Đạo thuyền cổ vượt qua cơn bão tố, nhưng khổ nổi lại gặp cảnh

họa vô đơn chí là: ngày 13-10-Giáp Tuất (dl 7-11-1934), Đức Quyền Giáo Tông đấng Tiên, làm cho cả Hội Thánh, Chức sắc, Chức việc và toàn đạo đều ngậm ngùi thương tiếc. Toàn đạo đều thọ tang và tận tâm chung lo cuộc tang lễ rất long trọng.

Sau cuộc tang lễ Đức Quyền Giáo Tông, Hội Thánh liền triệu tập một phiên Đại Hội để chọn người lãnh đạo. Hội Thánh CTĐ sau nhiều lần bàn giải sôi nổi và sâu rộng, toàn Hội đều đồng thanh quyết nghị Đức Hộ Pháp Chưởng quản HTĐ kiêm Chưởng quản CTĐ, tức là Hộ Pháp Chưởng quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng.

Qua năm Ất Hợi (1935), Đức thầy nhớ lời hứa với Đức Quyền Giáo Tông nên Đức thầy đưa anh em Phạm môn ra cầu phong do đàn cơ tại Cung Đạo Đền Thánh đêm rằm tháng 2 năm Ất Hợi (dl 19-3-1935), Đức Lý Đại Tiên kiêm Giáo Tông ĐĐTKPĐ giảng cơ phong ông Trịnh Phong Cương (Lễ Sanh Thượng Cương Thanh) lên Giáo Hữu, còn những vị có danh sách dưới đây đều là Lễ Sanh phái Thượng:

NAM PHÁI:

1. Trịnh Phong Cương	Giáo Hữu-phái Thượng.
2. Lê Văn Tri	Lễ Sanh-phái Thượng
3. Nguyễn Văn Thế	Lễ Sanh-phái Thượng
4. Võ Văn Lẽo	Lễ Sanh-phái Thượng
5. Bùi Văn Trực tự Nguyệt	Lễ Sanh-phái Thượng
6. Võ Văn Đợi tự Đại	Lễ Sanh-phái Thượng
7. Đinh Văn Tiết	Lễ Sanh-phái Thượng
8. Trịnh Văn Phận	Lễ Sanh-phái Thượng
9. Đỗ Văn Viện	Lễ Sanh-phái Thượng
10. Phạm Công Đăng	Lễ Sanh-phái Thượng
11. Nguyễn Văn Sĩ tự Đại	Lễ Sanh-phái Thượng
12. Lê Văn Gám	Lễ Sanh-phái Thượng
13. Nguyễn Văn Lư	Lễ Sanh-phái Thượng
14. Phạm Văn Út	Lễ Sanh-phái Thượng

15. Trần Văn Như	Lễ Sanh-phái Thượng
16. Nguyễn Văn Lịnh	Lễ Sanh-phái Thượng
17. Trần Văn Nhuận	Lễ Sanh-phái Thượng
18. Lại Văn Sắc	Lễ Sanh-phái Thượng
19. Võ Văn Chở	Lễ Sanh-phái Thượng
20. Nguyễn Văn Yên	Lễ Sanh-phái Thượng
21. Trần Văn Lợi	Lễ Sanh-phái Thượng
22. Phạm Văn Lễ	Lễ Sanh-phái Thượng
23. Phan Văn Đức	Lễ Sanh-phái Thượng
24. Võ Văn Dân	Lễ Sanh-phái Thượng
25. Nguyễn Văn Thông	Lễ Sanh-phái Thượng
26. Nguyễn Văn Ráng tự Châu	Lễ Sanh-phái Thượng
27. Đặng Văn Cận	Lễ Sanh-phái Thượng

NỮ PHÁI:

1. Trịnh Thị Bền,	Lễ Sanh-Giáo Thiện
2. Lê Thị Rồi	Lễ Sanh-Giáo Thiện
3. Võ Thị Bông	Lễ Sanh-Giáo Thiện
4. Võ Thị Toàn	Lễ Sanh-Giáo Thiện
5. Đinh Thị Kiêm	Lễ Sanh-Giáo Thiện
6. Lưu Thị Sen	Lễ Sanh-Giáo Thiện
7. Trần Thị Ôn	Lễ Sanh-Giáo Thiện
8. Đinh Thị Tiết	Lễ Sanh-Giáo Thiện
9. Nguyễn Thị Gạo	Lễ Sanh-Giáo Thiện
10. Lý Thị Yếu	Lễ Sanh-Giáo Thiện
11. Lê Thị Ngợi	Lễ Sanh-Giáo Thiện
12. Lê Thị Lợi	Lễ Sanh-Giáo Thiện
13. Lâm Thị Nền	Lễ Sanh-Giáo Thiện
14. Đinh Thị Chén	Lễ Sanh-Giáo Thiện

Và Đức Lý Giáo Tông cho chung một bài thi tứ tuyệt:

*Một trường vinh hiển buổi sau đây,
 Danh thế khá tua trả nghĩa thầy.
 Năm giữ mối giềng nền Đạo cả,
 Lão đương lừa lọc trận rồng mây.*

Sau khi cầu phong rồi, Đức thầy định bổ mỗi vị lãnh trách nhiệm làm Đầu Họ Phước Thiện một tỉnh, nghĩa là chánh thức khai mở Cơ Quan Phước Thiện kể từ nay và cũng là Phạm môn đã bị chánh quyền Pháp đóng cửa nên biến thành Cơ Quan Phước Thiện khắp cả các địa phương.

Đức thầy chọn 20 vị để bổ đi 20 tỉnh trong Nam phần Việt Nam, rồi dạy bắt thăm, hễ ai trúng đầu thì đi đó. Đức thầy lại ban cho những anh được cầu phong kỳ này (15-2-Ất Hợi 1935) mỗi vị một Đạo hiệu đặc biệt.

Đạo hiệu của mỗi vị và ai trúng thăm lãnh trách nhiệm Đầu Họ Phước Thiện tỉnh nào, kể ra dưới đây:

(Theo số thứ tự của mỗi tỉnh hồi thời đó)

Viết tắt: LS-GT: Lễ Sanh - Giáo Thiện.
ĐHPT: Đầu Họ Phước Thiện.

TT.	Họ và Tên	Đạo hiệu	Phẩm tước	Trách nhiệm
1.	Đình Văn Tiết	Chí Khiết	LS-GT	ĐHPT Gia Định
2.	Nguyễn Văn Thế	Kế Thiềm	LS-GT	ĐHPT Châu Đốc
3.	Lại Văn Sắc	Trường Đức	LS-GT	ĐHPT Hà Tiên
4.	Võ Văn Đợi tự Đại	Linh Đoán	LS-GT	ĐHPT Rạch Giá
5.	Võ Văn Lẽo	Trì Hoán	LS-GT	ĐHPT Trà Vinh
6.	Võ Văn Dần	Hậu Hối	LS-GT	ĐHPT Sa Đéc
7.	Nguyễn Văn Lịnh	Huyền Sinh	LS-GT	ĐHPT Bến Tre
8.	Trần Văn Như	Tín Thành	LS-GT	ĐHPT Long Xuyên
9.	Bùi Văn Trực tự Nguyệt	Nhật Diệu	LS-GT	ĐHPT Tân An
10.	Đỗ Văn Viện	Điền Quân	LS-GT	ĐHPT Sóc Trăng
11.	Nguyễn Văn Ráng tự Châu	Hiệp Phố	LS-GT	ĐHPT Thủ Dầu Một
12.	Trịnh Văn Phận	Nhơn Ái	LS-GT	ĐHPT Tây Ninh
13.	Nguyễn Văn Sĩ tự Đại	Trạch Thiện	LS-GT	ĐHPT Biên Hòa
14.	Lê Văn Tri	Triết Hóa	LS-GT	ĐHPT Mỹ Tho
15.	Phan Văn Đức	Thượng Chiêu	LS-GT	ĐHPT Bà Rịa
16.	Phạm Công Đăng	Thượng Đạt	LS-GT	ĐHPT Chợ Lớn

17.	Trần Văn Lợi	Chuyên Đại	LS-GT	ĐHPT VĩnhLong
18.	Phạm Văn Lễ	Thừa Hậu	LS-GT	ĐHPT Gò Công
19.	Nguyễn Văn Thông		LS-GT	ĐHPT Cần Thơ
20.	Nguyễn Văn Yên	Hướng Nhân	LS-GT	ĐHPT Bạc Liêu
21.	Trịnh Phong Cương	Trọng Phương	Thượng Giáo Hữu	Đầu Họ Hành Chánh Bạc Liêu.
22.	Lê Văn Gấm	Điều Âm	LS-GT	thế ông Dàn ở SaĐéc
23.	Nguyễn Văn Lự	Quảng Lự	LS-GT	Cai Quản Thọ Mộc tạo tác Tòa Thánh
24.	Phạm Văn Út	Lưu Thiện	LS-GT	tài xế cho Đức thầy
25.	Trần Văn Nhượng	Tường Thị	LS-GT	sau khi cầu phong bị bệnh nặng
26.	Võ Văn Chở	Trường Tải	Đốc Nhạc	Chưởng quản Bộ Nhạc
27.	Đặng Văn Cận	Viễn Kiến	LS phái Thượng	

NỮ PHÁI: Đầu Họ Đạo Phước Thiện Nữ.

TT.	Họ và Tên	Đạo hiệu	Phẩm tước	Trách nhiệm
1.	Trịnh Thị Bền		LS-GT	ĐHPT Nữ Bạc Liêu
2.	Lê Thị Rồi		LS-GT	ĐHPT Nữ Chợ Lớn
3.	Võ Thị Bông		LS-GT	ĐHPT Nữ Rạch Giá
4.	Võ Thị Hoàn		LS-GT	ĐHPT Nữ Mỹ Tho
5.	Đình Thị Kiên		LS-GT	ĐHPT Nữ Tân An
6.	Lưu Thị Sen		LS-GT	ĐHPT Nữ Tây Ninh
7.	Trần Thị Ơn		LS-GT	ĐHPT Nữ Vĩnh Long
8.	Đình Thị Tiết		LS-GT	ĐHPT Nữ Sa Đéc
9.	Nguyễn Thị Gạo		LS-GT	ĐHPT Nữ Gia Định

Những tỉnh không có ĐHPT Nữ thì Nam phái kiêm luôn.

Riêng phần Nữ phái cũng có một số người kể dưới đây được Đức thầy cho mỗi người một Đạo hiệu:

1.	Từ Thị Kế,	Thừa Thiện
2.	Lê Thị Lợi,	Hồng Huệ
3.	Đình Thị Chén,	Hàm Đức
4.	Phạm Thị Hoành,	Giác Thành
5.	Lê Thị Chinh,	Thiền Tín

6. Trần Thị Ôn, Quang Ái
7. Lưu Thị Sen, Duy Từ
8. Lâm Thị Nhiếp, Ngọc Căn.

Đức thầy mời Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa trở về HTĐ lãnh trách nhiệm Chưởng quản Phước Thiện vì Ngài Khai Pháp đang làm Quyền Ngọc Chánh Phối Sư bên CTĐ và đưa ông Phối Sư Ngọc Trọng Thanh làm Q. Ngọc Chánh Phối Sư.

Khi cuộc bắt thăm, anh em Phạm môn mới cầu phong, mỗi người đi hành đạo một tỉnh trong Nam phần VN, Đức thầy dạy những anh này phải ở thường trực tại Tòa Thánh để học về cách thức Hành Chánh Đạo, nghi lễ, ngoại giao, đi lễ, nhứt là phải thuộc lòng hết Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, cùng giọng đọc kinh, mỗi đêm đều tụng đến Hộ Pháp Đường để học từ 6 giờ đến 10 giờ, bổn thân Đức thầy chỉ dạy. Hộ Pháp Đường thời này còn là nhà cột cây, lợp tranh, nền đất, ba căn không chái, nên không rộng lắm, khi anh em tụng đến đông thì hơi chật.

Trước nhứt, Đức thầy dạy các anh đi lễ và học Kinh Thiên Đạo Thế Đạo. Vì Tân Kinh lúc đó, các Đấng mới cho nên chép lại bằng chữ viết, chớ chưa có in ra và cũng chưa có máy đánh chữ. Mỗi người chép một bản kinh để học thuộc lòng, khổ nhứt là những người không biết chữ, phải nhờ người khác đọc dùm đặng đọc theo học thuộc lòng, người sáng dạ còn đỡ khổ, bằng tối dạ học tới ba bốn ngày cũng chưa thuộc bài nào. Hễ người nào không thuộc thì đương nhiên bị rày.

Về đi lễ, mỗi hiệp đi 4 hoặc 6 người, khởi đầu Đức thầy đi trước, các người này đi sau, đi lối đôi ba lần thì Đức thầy đứng riêng ra ngoài xem, hễ ai đi trật thì Đức thầy sửa lại và tập mãi như vậy cho đến cả tuần lễ mà có người vẫn còn đi trật, nhứt là lối đi Lương nghi, Tứ tượng và Bát quái.

Thỉnh thoảng Đức thầy dạy về tư cách khi đến quan viên, nhân sĩ, các tôn giáo bạn, nhà thờ, chùa, miếu, phải như thế nào. Thậm chí đến cách lạy, lạy theo mỗi tôn giáo, lạy Ông Bà, Đức thầy đều dạy đầy đủ chi tiết mỗi cách lạy. Đức thầy cũng lạy trước, anh em tập lạy theo sau. Cách lạy thường sự nhứt mà lại khó nhứt là lạy Ông Bà theo cổ lệ VN, có người lạy cả chục lần cũng chưa đúng như Đức thầy lạy để anh em xem mà tập theo.

Đức thầy nói: Qua vẫn biết mấy em mấy con từ trước đến giờ chỉ lo bề ruộng rẫy, nên nay phải học những việc này là lượng khựng, nhưng nay mấy em đã lãnh trọng trách trong cơ cứu khổ là đi khai mở Cơ Quan Phước Thiện, làm đàn anh của nhơn sanh, diu dẫn nhơn sanh trên đường tạo công lập vị nơi cảnh thiêng liêng mà không học sao được, dầu có khó khăn bao nhiêu cũng phải ráng học.

Đặc biệt về văn kiện nhờ Ngài Khai Pháp HTĐ Chưởng quản Phước Thiện tận tâm nghiên cứu lập thành 24 kiểu công văn, rồi in bột cho mỗi vị Đầu Họ Phước Thiện một bản.

Về việc học tập đã tạm xong, nên mấy anh lãnh nhiệm vụ đi hành đạo địa phương xin phép đi làm mượn hoặc ai có thể mua bán chi tùy ý để kiếm tiền sắm áo mao Lễ Sanh một bộ Đại phục và hai bộ Tiểu phục cùng quần áo thường dùng để đem theo, nhứt là áo Tiểu phục hai bộ mới được, vì hồi đó, hể ra khỏi nhà là mặc áo Tiểu phục, hơn nữa là tiền xe đi đến tỉnh nhiệm của mình.

Đầu tháng 8 năm Ất Hợi (1935), Đức thầy cho ông Nguyễn Văn Gia Thủ Bản Phạm môn hay đến ngày 18-8-Ất Hợi (dl 15-9-1935) sẽ làm lễ Hồng Thệ cho những vị Phạm môn chưa hồng thệ kỳ trước. Ông Thủ Bản Phạm môn liền gởi thơ cho các sở hay. Đúng ngày đã định, anh chị em đều tựu về Hộ Pháp Đường (chỗ Tịnh Tâm Hiên, Cô Phối Sư Hương Tranh ở hiện nay, nhưng hồi đó nhà cột cây lợp tranh).

Việc hồng thệ (Đào Viên Pháp) kỳ này cũng thi hành y như kỳ mừng 3 tháng giêng Nhâm Thân (1932), và kỳ này kết quả được 52 nam và 27 nữ:

Những người hồng thệ ngày 18-8-Ất Hợi (dl 15-9-1935), danh sách như dưới đây:

TT.	Họ và Tên	Xã	Quận.	Tỉnh
1.	Võ Văn Sáng	Cẩm Giang	Trảng Bàng	Tây Ninh
2.	Nguyễn Văn Hưng	Gia Lộc	Trảng Bàng	Tây Ninh
3.	Trần Văn Định	Long Cang		Chợ Lớn
4.	Lê Phước Đặng	Long Cang		Chợ Lớn
5.	Văn Tấn Bảo	Lương H.Lạc	ChâuThành	Mỹ Tho
6.	Lê Văn Khả	Gia Lộc	Trảng Bàng	Tây Ninh

7.	Trịnh Văn Tiết	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
8.	Võ Văn Đành	ThanhPhước	Trảng Bàng	Tây Ninh
9.	Lê Văn Quốc	Thái Mỹ	Hốc Môn	Gia Định
10.	Trịnh Văn Thu	Gia Bình	Trảng Bàng	Gia Bình
11.	Lê Văn Tuấn tự Tân	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
12.	Trần Văn Rỡ	Thái Mỹ	Hốc Môn	Gia Định
13.	Trịnh Văn Bân	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
14.	Nguyễn Văn Bồng	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
15.	Lê Văn Càn	Gia Lộc	Trảng Bàng	Tây Ninh
16.	Huỳnh Văn Ngữ	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
17.	Trần Văn Ân	Long Hiệp		Chợ Lớn
18.	Đặng Văn Khê	Gia Lộc	Trảng Bàng	Tây Ninh
19.	Trần Văn Thạnh	Long Hiệp		Chợ Lớn
20.	Cao Văn Thành	HiệpNinh	ChâuThành	Tây Ninh
21.	Nguyễn Văn Niên	LongCang		Chợ Lớn
22.	Huỳnh Văn Hiếu	Gia Lộc	Trảng Bàng	Tây Ninh
23.	Lâm Văn Nhân	ThanhPhước	Trảng Bàng	Tây Ninh
24.	Lâm Văn Đứa	ThanhPhước	Trảng Bàng	Tây Ninh
25.	Nguyễn Văn Gia	LongCang		Chợ Lớn
26.	Hà Minh Lý	LongThành	ChâuThành	Tây Ninh
27.	Cao Văn Thọ	HiệpNinh	ChâuThành	Tây Ninh
28.	Trương Công Thống	Bình Chánh		Tân An
29.	Phạm Văn Hường	Bình Nhựt		Tân An
30.	Nguyễn Văn Thìn	ThạnhĐức	Trảng Bàng	Tây Ninh
31.	Võ Văn Chi			Gia Định
32.	Nguyễn Văn Quận	Bình Chánh		Tân An
33.	Trần Văn Dậu	Tân Bửu		Chợ Lớn
34.	Dương Văn Thai	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
35.	Đào Văn Mễ	Tân Lập		Chợ Lớn
36.	Trà Văn Phiến	ThạnhĐức	Trảng Bàng	Tây Ninh
37.	Lê Văn Hay	MỹLạcThanh		Tân An
38.	Nguyễn Văn Biểu	Gia Lộc	Trảng Bàng	Tây Ninh
39.	Nguyễn Văn Tư	ThanhPhước	Trảng Bàng	Tây Ninh
40.	Cao Văn Giai	Hưng Mỹ	Châu Thành	Trà Vinh
41.	Lê Văn Lưu	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
42.	Nguyễn Văn Muội		Mộc Hóa	Tân An

43.	Lê Văn Giáp	LongThành	ChâuThành	Tây Ninh
44.	Võ Văn Dần	Thanh Mỹ	Châu Thành	Trà Vinh
45.	Phan Văn Đức			
46.	Phạm Văn Liêng	ThạnhPhú	Cai Lậy	Mỹ Tho
47.	Phạm Văn Sậy	ThạnhPhú	Cai Lậy	Mỹ Tho
48.	Trần Duy Nghĩa	Tòa Thánh Tây Ninh - Khai Pháp		
49.	Trần Quang Thế	Tòa Thánh Tây Ninh - Tiếp Lễ Nh.Q.		
50.	Thượng Trí Thanh	Tòa Thánh Tây Ninh - Phối Sư		
51.	Thái Gấm Thanh	Tòa Thánh Tây Ninh - Giáo Sư		
52.	Trang Văn Giáo	Tòa Thánh Tây Ninh Tả - Phan Quân		

NỮ PHÁI:

TT.	Họ và Tên	Xã	Quận.	Tỉnh
1.	Ngô Thị Giềng	Gia Lộc	Trảng Bàng	Tây Ninh
2.	Lê Thị Hàm	LongThành	ChâuThành	Tây Ninh
3.	Lê Thị Hơ	LongThành	ChâuThành	Tây Ninh
4.	Phan Thị Tư	Trường Hòa	Trảng Bàng	Tây Ninh
5.	Nguyễn Thị Ninh		Mộc Hóa	Tân An
6.	Đình Thị Chén	Gia Bình	Trảng Bàng	Tây Ninh
7.	Từ Thị Kế	Gia Lộc	Trảng Bàng	Tây Ninh
8.	Lê Thị Yếu	LongThành	ChâuThành	Tây Ninh
9.	Lê Thị Ngời	Gia Lộc	Trảng Bàng	Tây Ninh
10.	Đỗ Thị Chắc	LongThành	ChâuThành	Tây Ninh
11.	Huỳnh Thị Khoa	Bình Nhựt	Thủ Thừa	Tân An
12.	Võ Thị Hoàn	Gia Lộc	Trảng Bàng	Tây Ninh
13.	Lâm Thị Mèn	Gia Lộc	Trảng Bàng	Tây Ninh
14.	Tô Thị Bằng	Lộc Hưng	Trảng Bàng	Tây Ninh
15.	Võ Thị Thêu	Lộc Hưng	Trảng Bàng	Tây Ninh
16.	Lê Thị Lợi	Gia Lộc	Trảng Bàng	Tây Ninh
17.	Phạm Thị Hoảnh	Gia Lộc	Trảng Bàng	Tây Ninh
18.	Lê Thị Nừng			Nam Vang
19.	Lê Thị Chinh	Bình Nhựt	Thủ Thừa	Tân An
20.	Lưu Thị Sen	Bình Nhựt	Thủ Thừa	Tân An
21.	Trần Thị Ơn	Trường Hòa	Trảng Bàng	Tây Ninh
22.	Văn Kim Giai	Trường Hòa	Trảng Bàng	Tây Ninh
23.	Trần Thị Giồng	Gia Lộc	Trảng Bàng	Tây Ninh
24.	Trần Thị Nữ	LongThành	ChâuThành	Tây Ninh
25.	Lý Thị Gân	LongThành	ChâuThành	Tây Ninh

26. Lâm Thị Nhiệp LongThành ChâuThành Tây Ninh

Bước qua đầu tháng 9-Ất Hợi (1935), Đức thầy cho hay, người nào lãnh lĩnh đi hành đạo, hãy sắp đặt đặng sáng 12 là đi.

Đến ngày 11-9-Ất Hợi (1935), mấy anh em được lệnh bỏ đi hành đạo đều tựu đến HTĐ, đặng sáng ngày 12 lên xe đi. Hơn nữa, một số đồng anh chị em Phạm môn, mặc dầu không có lệnh bỏ đi hành đạo trong kỳ này cũng tựu về đây để đưa thân hữu của mình đi tha phương hành đạo. Vì thế cuộc tiễn đưa này rất đông.

Lối 4 giờ sáng ngày 12-9-Ất Hợi (dl 9-10-1935), mấy chị dọn cơm lên xong hết vì đã nấu sẵn từ khuya, cả anh em ăn cơm xong rồi, vừa 6 giờ sáng, anh em đồng kéo nhau vô Hộ Pháp Đường làm lễ từ giã Đức thầy, rồi đến Đền Thánh cầu nguyện, đánh lễ Đức Chí Tôn. Đức thầy cũng đến Đền Thánh cầu nguyện và căn dặn lần chót. Đức thầy nói:

- Nay mấy em đi hành đạo, thầy không có món gì để tặng, vậy thầy tặng chung cho mấy em một bài thi để hằng tâm kỷ niệm:

*Buồn chưa đạt được phép thần thông,
Dụng thể phân thân hiệp đại đồng.
Ước tóm địa cầu làm một cửa,
Mong gom thiên hạ lại đồng tông.
Đưa gương diệu lý diu Âu chủng,
Cầm kiếng thiêng liêng chiếu Á đông.
Bước tục từng quen nơi cửa Đạo,
Đường vẫn gặp bạn cũng vui lòng.*

Khi tiễn ra xe, vì xe đã dặn trước nên đến đậu tại cửa số 1 Nội ô Tòa Thánh (Cửa Hòa Viện). Đức thầy dạy thêm:

- Mấy em khi tới địa phương, hễ gặp Chùa Phật, Nhà thờ, hoặc Đình Thần nơi các xã, thì xin phép người ở đó vào làm lễ ra mắt với các Đấng ấy. Và vừa rồi có lệnh của Hội Thánh mới ban cho các địa phương, hễ có Chức sắc đến vào bái lễ Chí Tôn thì phải tiếp rước có chuông trống tùy theo phẩm tước, nhưng mấy em bên PhướcThiện nên khước từ điều ấy.

Lúc từ giã lên xe, Đức thầy và cả anh em Phạm môn lớn nhỏ đều đổ lệ bịn rịn với nhau, nên mãi đến 8 giờ, xe mới bắt đầu lăn bánh. Khi xe xuống tới Gò Dầu thuộc xã Thanh Phước, là quê hương của ông Phạm Công Đăng, anh em nơi đó đón xe ngừng lại để tiễn đưa một lần nữa. Vì sự tiễn đưa và bịn rịn như vậy, đến gần 12 giờ trưa xe mới tới Chợ Lớn. Anh em đều vào Thánh Thất Chợ Lớn nghỉ và dùng cơm trưa tại đây, vì Hội Thánh cho hay trước nên vụ cơm nước đã chuẩn bị sẵn sàng.

Dùng cơm xong liền kéo ra bến xe Lục Tỉnh kiểm xe đi về tỉnh của mình đặc lệnh bổ nhiệm.

Đặc biệt là Đạo Nghị Định tuyên bổ Đầu Họ Phước Thiện kỳ này do Ngọc Chánh Phối Sư và Ngài Khai Pháp HTĐ Chương quản PT đồng ký tên và Đức Hộ Pháp phê chuẩn.

Những vị Đầu Họ Phước Thiện buổi đầu tiên khi đến địa phương đều ở tại các Thánh Thất chung với Đầu Họ Hành Chánh Đạo, nhưng việc ai nấy lo, nếu gặp việc cần thì chung lo giúp đỡ lẫn nhau.

■ Đầu Họ Hành Chánh lo phổ độ nhơn sanh.

■ Đầu Họ Phước Thiện lo cho người hiến thân vào Phước Thiện, khai mở cơ sở Lương điền, Công nghệ và Thương mãi. Việc Đạo sự lúc này tiến triển khả quan, nhứt là việc người hiến thân vào Phước Thiện và vụ khai mở sở Lương điền.

Đến ngày 27 tháng chạp Ất Hợi (1936), các vị Đầu Họ Phước Thiện tiếp được điện tín của Ngài Khai Pháp Chương quản Phước Thiện cho phép về nhà ăn Tết, mỗi người được về thăm gia đình, đến ngày mùng 8 tháng giêng năm Bính Tý (1936), phải có mặt tại Tòa Thánh để cúng vía Đức Chí Tôn và đãi lịnh Hội Thánh.

Qua đến ngày mùng 9, Đức thầy cho kêu hết những vị Đầu Họ Phước Thiện họp đủ mặt tại Hộ Pháp Đường, Đức thầy ban cho mỗi vị bốn Phép Bí tích là:

1. Phép Giải Oan.
2. Phép Tắm Thánh.
3. Phép Đoạn Căn (Phép Xác).
4. Phép Hôn Phối.

Đức thầy trực thân, khai khiếu, truyền dạy cách thức hành pháp cho từ người. Đức thầy lại ban cho mỗi vị một cây bạch đằng (đèn cây trắng) và dặn khi nào gặp việc khó khăn không giải quyết được, đợi lúc 12 giờ khuya đổ lên, đốt cây đèn này và thành tâm cầu nguyện thì thầy sẽ giúp cho.

Khi các việc xong, Đức thầy dặn, cúng lễ rằm tháng giêng rồi trở xuống địa phương lo phận sự của mình. Còn về bản chỉ dẫn hành pháp, thầy sẽ gửi xuống sau. Việc hành pháp, mấy em phải ráng tập luyện, khi nhận thấy được sẽ thực hành, và khi hành pháp, kết quả thế nào, nhớ phúc trình cho thầy biết.

Nhờ Đức thầy truyền thần, khai khiếu và truyền pháp nên việc hành pháp rất kết quả, khả quan nhất là Phép Giải Oan và Giải bệnh, sự hiệu lực thấy hiển hiện trước mắt, nên mỗi kỳ đàn, bốn đạo tụ đến Thánh Thất cúng rất đông để được giải oan luôn thể.

Về việc huyền diệu hiển hiện trong Phép Giải Oan, Giải bệnh, xin đơn cử đôi việc như sau:

■ Hồi năm Bính Tý (1936), ông Lễ Sanh - Giáo Thiện Võ Văn Dần, đạo hiệu là Hậu Hối, được lệnh đổi về trách nhiệm Đầu Họ Phước Thiện tỉnh Hà Tiên, nơi đây có Đạo Cao Đài rất ít nên người hiến thân vào Phước Thiện lại càng ít hơn các tỉnh khác, chỉ tạo độc nhất một nhà sở Phước Thiện, còn đạo sở nơi nhà sở Phước Thiện này chỉ có 2 người, mà cả 2 người đều quá nghèo, hằng ngày phải đi làm củi mượn để mua gạo cho vợ con sống qua ngày. Chính ông Đầu Họ buổi đầu cũng phải đi làm mượn để kiếm tiền mua gạo tự sống chứ không ai cung cấp hết.

Một hôm nọ, sở làm củi cho hay bắt đầu từ ngày mai ngưng hoạt động, ông Đầu Họ Võ Văn Dần kiểm điểm lại số gạo chỉ còn dùng đôi ba ngày là hết, nên ông mượn chiếc ghe nhỏ của người bốn đạo ở gần nhà sở Phước Thiện, rồi tự chèo đi xuống quận Giồng Riềng thuộc tỉnh Rạch Giá, trước là thăm ông Đầu Họ Phước Thiện tại đây là ông Lễ Sanh Võ Văn Đại. Khi ghe đến Thánh Thất Giồng Riềng là chỗ ông Đầu Họ Tộc Hành Chánh Lễ Sanh Thượng Vinh Thanh đóng văn phòng. Vừa bước lên bờ, chưa kịp vô nhà thì nghe có tiếng la ồn lên rằng: Nó đến đó, nó xách cái phân rượt chém người ta đó.

Ông Giáo Thiện Dàn nghe tiếng la liền ngó lên phía trước, thấy một người đàn ông độ 30 đến 35 tuổi, tay xách cái phản, đang rượt ông Đầu Tộc Đạo tại đây (LS Thượng Vinh Thanh) trong nhà hậu Thánh Thất chạy ra, vừa thấy ông Giáo Thiện Dàn thì mừng, liền nói: May quá có ông Đầu Họ Phước Thiện đây, nhờ anh lớn giải bịnh dùm cho thằng này, nó điên dữ quá, tôi có giải bịnh cho nó mà không hết, bị nó giựt đứt dải áo của tôi.

Ông Dàn nói: Hết gạo mấy bữa nay, nhịn đói đến anh xin ít gạo lúa, chớ ai biết giải bịnh gì đâu.

Ông Đầu Tộc Vinh: Anh giúp dùm vụ này đi, rồi muốn mấy gạo cũng có, vừa nói vừa kéo tay ông Đầu Họ đi, kể người điên chạy tới.

Ông Dàn đứng ngay thẳng lại, tay chỉ ngay mặt người điên hô lớn: - Đứng lại.

Người điên liền đứng khựng lại, mặt có vẻ sợ hãi.

Ông Dàn nói: - Bỏ cái phản xuống đất.

Người bịnh điên buông nhẹ cái phản xuống đất.

Ông Dàn đưa tay ngoắt và nói: - Lại đây.

Người bịnh điên vẫn đứng yên và ngó qua phía khác như có ý muốn chạy.

Ông Dàn nói: - Sao không lại đây, còn muốn chạy trở lại hả? Chư Thần trói nó lại dùm tôi.

Người điên tự tréo tay qua như người bị trói.

Ông Dàn: - Chư Thần lôi nó lại đây cho tôi.

Người bịnh điên tự đi ngay lại chỗ ông Dàn.

Ông Dàn nói: - Ông Đầu Tộc vô Thánh Thất biểu Lễ vụ sắp đặt nhang đèn đặng tôi giải bịnh cho người này, rồi dạy lại ngó ngay người bịnh điên nói: - Chư Thần dắt nó theo tôi vô Thánh Thất.

Khi vô đến Thánh Thất, ông Đầu Họ Dàn lấy áo mao Lễ Sanh mặc vào, lấy 9 cây nhang bó lại đốt cháy rồi đến trước Thiên Bàn làm lễ và thỉnh pháp xong, dạy lại người bịnh biểu quỳ xuống. Khi ông Đầu Họ vừa họa phù xong là người bịnh té nằm dài bất tỉnh, không cựa quậy chi hết, những người hiện diện tại đây kinh sợ nói, rui nó chết luôn thì bị ở tù cả đám.

Ông Đầu Họ nói: - Không sao đâu, tôi truyền Thần thì nó tỉnh lại.

Qua một lúc, ông Đầu Họ liền đến truyền Thần cho người bệnh. Người bệnh lần lần tỉnh lại và ngồi dậy ngó dớn dác có vẻ hoảng hốt.

Ông Đầu Họ hỏi: - Ai nhập vào xác đây?

Người bệnh đáp: - Tôi là (quên tên)

Ông Đầu Họ: - Tại sao thời kỳ Đức Chí Tôn ân xá khai Đạo để độ các bậc chơn hồn tu hành lập công bồi đức hầu được siêu thoát mà ngươi không lo tu hành lại đi phá thiên hạ vậy?

Người bệnh: - Tôi cũng muốn tu mà không sao tu được.

Ông Đầu Họ: - Bây giờ ngươi chịu nhập môn vào Đạo làm môn đệ Đức Chí Tôn không?

Người bệnh tỏ vẻ hân hoan nói: - Nếu ông cho tôi nhập môn, tôi đội ơn lắm.

Ông Đầu Họ Phước Thiện liền kêu ông Đầu Tộc Đạo, biểu mượn người đi kêu ông Chánh Trị Sự đến đặt cho người này nhập môn. Cũng may là ông Chánh Trị Sự ở gần đây nên đến liền và cho vị này nhập môn. Khi biên Sớ Cầu Đạo xong rồi liền đọc cho nghe.

Ông Đầu Họ nói: - Tôi có ý kiến là ông Chánh Trị Sự nên cử vị Đạo hữu mới này làm chức Tuần đạo để có phận sự lập công với Đạo.

Ông Chánh Trị Sự và ông Đầu Tộc Đạo đồng ý nên viết tờ cử liền, ký tên đóng dấu xong, liền đọc cho ông đạo mới nghe và hỏi Đạo hữu bằng lòng không?

Vị này tỏ vẻ rất mừng và cảm ơn các ông này, đồng thời xin phép kiếu lui. Từ nay, người này hết bệnh luôn.

■ Luôn dịp kể tiếp một việc huyền diệu nữa, là vụ xảy ra tại Chợ Lách Vĩnh Long.

Nguyên ông Đầu Họ Phước Thiện đầu tiên tại Vĩnh Long là ông Lễ Sanh - Giáo Thiện Trần Văn Lợi, năm Bính Tý (1936) được một số anh em hiến thân vào Phước Thiện nhưng không có cây để tạo nhà thờ Phước Thiện. Có người hướng dẫn đến ông chủ điền để xin cây vườn của ông.

Ông chủ điền nói: - Cây trong vườn của tôi hết cây lớn, hiện còn một cây rất to và suông tốt lắm ở dựa mé sông, nếu ông đốn được thì tôi cho.

Ông Đầu Họ Phước Thiện Vĩnh Long: - Nếu ông chủ điền vui lòng cho thì tôi đốn được.

Ông chủ điền bằng lòng và dắt ông Đầu Họ ra chỉ cây. Người Đạo sở cùng đi với ông Đầu Họ thừa dịp ông chủ điền đi cách xa liền nói nhỏ với ông Đầu Họ rằng: Cây này có ông bà khuất mặt ở đây linh lắm, không ai dám đến đây chặt cây quơ củi chi hết, nếu ai động đến cây thì bị nhức đầu, đau bụng hoặc ói mửa hay nóng sảng chẳng hạn, phải cúng gà, vịt, có người phải cúng tới heo quay mới mạnh.

Ông Đầu Họ nói: - Mình làm nhà sở Phước Thiện tức là của Đạo chứ phải làm nhà riêng cho mình đâu mà sợ. Hễ ông chủ điền cho thì tôi đốn được, chứ không sao đâu mà sợ.

Đồng thời ông Đầu Họ đến bên cây mà ông chủ điền vừa chỉ cho, đứng thẳng người, ngó ngay vô thân cây và ngọn cây nói rằng:

- Tôi xin thưa cho ông bà, vị nào ở nơi cây đại thọ này hay, xin quý ông bà vui lòng dời đến nơi khác ở, vì ông bà kiếm nơi khác rất dễ, còn tôi đang cần tạo nhà sở Lương điền Phước Thiện để cho nhơn sanh có phương lập công bồi đức và cũng để làm ra lúa gạo đem về Tòa Thánh Tây Ninh cho nhơn công tạo tác Tổ Đình dùng, vì Phước Thiện mới phơi thai, không có tiền mua cây, nay nhờ ông chủ điền hứa cho tôi cây này để làm nhà sở Phước Thiện và tôi định ngày mai tôi đến đốn cây này, xin ông bà ở nơi cây này linh thiêng chứng giám chấp thuận cho.

Khẩn xong, ông Đầu Họ cho ông chủ điền hay, ngày mai lên đốn cây, và kiếu ra về.

Qua ngày sau, ông Đầu Họ Phước Thiện mượn một chiếc ghe với 4 người đạo sở Phước Thiện, đem theo riu búa, cưa, đòn gác. Khi đến nơi, ông Đầu Họ vô nhà cho ông chủ điền hay, rồi trở ra tại gốc cây sắp đốn, ngó ngay lên ngọn cây, cũng nói y như hôm qua, rồi bốn thân ông Đầu Họ cầm riu đốn một hơi, rồi trao lại cho anh em tiếp tục đốn cho đến ngã, rồi

dứt ra làm hai, tùy theo việc cần dùng và lăn nó xuống sông, kiềng vô ghe. Khi làm xong thì mặt trời cũng vừa lặn khuất.

Anh em bắt đầu chống ghe ra vừa đến giữa sông, bỗng có một ánh lửa sáng như đèn pin lớn xẹt tới, rồi cứ đảo qua quanh lại vòng theo chiếc ghe đang chờ cây, khiến anh em trên ghe hoảng kinh lo ngại nên nói: - Thưa ông Đầu Họ, chắc ông bà không cho mình đi nên giáng hạ theo mình đó.

Ông Đầu Họ nói: - Mấy em cứ việc lo chèo ghe đi, có tôi đây không sao đâu. Nói rồi ông Đầu Họ ngược mặt ngó lên ánh lửa sáng và nói: - Ông bà nào giáng xuống đó, xin nghe tôi nói đây: Tôi là Lễ Sanh Giáo Thiện Trần Văn Lợi vâng lệnh thầy tôi là Đức Hộ Pháp và Hội Thánh ĐĐTKPĐ Tòa Thánh Tây Ninh truyền bổ tôi xuống đây lãnh trách nhiệm Đầu Họ Phước Thiện tỉnh Vĩnh Long để lo khai mở cơ sở Phước Thiện, nhưng vì mới phôi thai, Đạo quá nghèo, không có tiền mua cây cát nhà sở nên phải xin cây này của ông chủ điền đem về dùng làm nhà sở và tôi cũng đã thừa với ông bà ngày hôm qua rồi, sao ông bà hôm nay lại còn theo hoài như vậy.

Nói rồi hồi anh em dưới ghe chèo đi, mặt dầu ánh lửa sáng không còn bay đến trước đầu ghe và cặp sát hai bên ghe, nhưng vẫn bay theo ghe. Ánh lửa sáng không lúc nào dứt, có lúc lại sáng rực lên như đèn, rọi sáng cả hai bên mé sông, làm những người có nhà dọc theo bờ sông cả thủy đều kinh ngạc, sợ không biết là ứng hiệu gì? Những hiện tượng ánh sáng này vẫn theo ghe mãi như vậy đến lối hai ngàn thước mới thôi.

Cách lối một tuần lễ sau ngày đón cây nọ, có người ở gần nhà ông chủ điền đến cho ông Đầu Họ hay là từ ngày ông đón cây đó đến nay, những người đến đó chặt mót nhánh đem về làm củ bị ông bà quở đều bịnh hết, đã nguyện vái lạy xin hết sức mà cũng không hết, nên nhờ ông Đầu Họ có phương chi giúp dùm kéo họ chết vì bị hành dữ lắm.

Ông Đầu Họ nói: - Ngày mai tôi lên.

Liên ngày sau, ông Đầu Họ cùng đi với mấy vị đạo sở đến tận nhà ông chủ điền cho cây hôm trước và nhờ ông chủ điền cho người nhà của mấy người bịnh hay dùm, nói với họ đến

đây, như người nào bịnh nhiều đi không được thì người thân trong nhà đi thế. Khi tụ đến đầy đủ, ông Đầu Họ nói:

- Tại anh chị em lấy củi mà không xin, và tôi cũng chưa hứa cho nên ông bà mới quờ. Vậy hãy đem hết số củi đã lấy lại đây, rồi tôi giúp cho là yên chớ không sao đâu.

Khi anh chị em đã đem đủ số củi lấy nơi đây hôm nọ, của ai nấy để riêng đó. Ông Đầu Họ bước ra sân, ngó ngay về phía cội cây đốn hôm trước nói rằng:

- Thừa ông bà ở chỗ cây đại thọ, vừa rồi ông chủ điền đã cho tôi trợn cây này, và ông bà đã cho tôi đem về làm nhà sở Phước Thiện, còn cái tàng cây luôn cả nhánh lớn nhỏ, xin ông bà cũng cho luôn anh em lối xóm đây đem về nấu cơm ăn chớ ông bà để lại cũng không dùng vào việc chi được.

Tiếp theo mỗi người có phần củi bước đến hỏi xin và ông Đầu Họ đồng ý cho. Thế là những người bịnh vì lấy củi nơi đây đều hết bịnh.

Nhờ những huyền diệu các Đấng thiêng liêng ban cho hộ trì nên bốn đạo hiền thân vào Phước Thiện tấp nập và đồng thời các tỉnh khác trong miền Nam VN cũng tương tự như vậy, nghĩa là nhờ huyền diệu việc Giải Oan, giải bịnh của các ông Đầu Họ Phước Thiện mà người hiền thân vào Phước Thiện như lượng sóng tràn bờ.

Cũng trong năm Bính Tý (1936), có lệnh của Ngài Khai Pháp Chương quản Phước Thiện dạy các vị Đầu Họ Phước Thiện chọn người đã hiến thân trọn đời vào Phước Thiện, đưa về Tòa Thánh đăng nhập vào công thợ tạo tác Tổ Đình liền nội trong năm này, số người Phước Thiện nhập vào công thợ tạo tác Tổ Đình lối 400 người kể cả nam nữ.

Đức thầy dạy nếu ai bằng lòng hy sinh làm Tổ Đình thì phải minh thệ thủ trình trong thời gian tạo tác Tòa Thánh, khi làm xong mới lập gia đình, dầu nam hay nữ cũng phải như vậy.

Ngày mùng 1 tháng 11 năm Bính Tý (dl 14-12-1936) khởi công tạo tác Tòa Thánh.

Các Họ Đạo Phước Thiện trong miền Nam VN đều tổ chức sở Lương điền để sản xuất lương thực cần dùng nơi cơ sở và

giúp đỡ cho những người bệnh tật, khốn khổ tai nạn và dành ra một phần đặc biệt đem về Tòa Thánh cho công thợ tạo tác Tổ Đình dùng hằng ngày nơi Trai Đường, kể cả thợ hồ, thợ mộc, thợ cửa, thợ sắt, thợ đắp vẽ, thợ lò gạch, thợ đào đá, v.v....

Về ngân quỹ tạo tác do Hộ Viện là ông Giáo Sư Thượng Chất Thanh giữ, Chức sắc các địa phương dầu Hành Chánh hay Phước Thiện cũng đăng tiền nơi Hộ Viện này. Nhưng các Đầu Hộ Phước Thiện, sau khi Ngài Khai Pháp Chưởng quản Phước Thiện, duyệt chứng xong mới đem qua đăng cho Hộ Viện.

Còn về lương thực thì dầu Hành Chánh hay Phước Thiện đều đăng cho Thủ Bồn Phạm môn và Phước Thiện do ông Lễ Sanh Giáo Thiện Nguyễn Văn Gia đảm trách.... ..

(Yêu cầu xem tiếp Lược sử Phạm môn về phần Phước Thiện nơi chữ: Phước Thiện, vần P này)

Đại Hội Phạm môn ngày 28-11-Nhâm Tý (dl 2-1-1973) tại Hậu Điện Báo Ân Từ:

Chủ Tọa: Ngài Hiến Đạo HTĐ kiêm Thống Quản
Cơ Quan Phước Thiện và Tịnh Thất.

Mục đích: Chọn cử:

- Trưởng Tộc Phạm môn.
- Phó Trưởng Tộc Phạm môn.
- Chưởng Gia.
- Chưởng Thổ.
- Chưởng Điền.

Chọn Nhon Đỗ Văn Viện, Hội Trưởng Ban Kỳ Lão Phạm môn trình bày:

- Danh sách quý vị Phạm môn được hồng thệ kỳ nhứt hiện tại còn được 22 vị, và 10 vị được chọn ra ứng cử. Trong 10 vị này lại có 4 vị rút ra hoặc vắng mặt, chỉ còn lại 6 vị tham dự cuộc bắt thăm chọn cử trước Đức Phật Mẫu. Sự chọn cử này là do Đức Phật Mẫu quyết định. Đây là tiền lệ mà trước kia Đức Hộ Pháp đã thực thi.

Toàn thể quý Chức sắc đến dự và tất cả các đệ tử Phạm môn đều cầu nguyện Đức Phật Mẫu và các Đấng thiêng liêng.

Cuộc rút thăm bắt đầu. Kết quả:

1. Chơn Nhơn Đỗ Văn Viện, Trưởng Tộc Phạm môn.
2. Chơn Nhơn Lâm Văn Đưa, Phó Trưởng Tộc Phạm môn.
3. Ông Huỳnh Văn Ngữ, Chưởng Gia Phạm môn.
4. Ông Lê Văn Gấm, Chưởng Thổ.
5. Ông Trà Văn Phiên, Chưởng Điền.

Sau đó, Đại Hội bế mạc.

■ Sáu vị Đạo hữu công quả Phạm môn ở tù tại khám đường Tây Ninh, do vụ bảo vệ Tòa Thánh không cho Chi Phái dùng bạo lực vào chiếm Tòa Thánh, được chánh quyền tỉnh trả tự do, trở về Tòa Thánh, vào trình diện Đức Phạm Hộ Pháp.

Tối hôm đó, Đức Hộ Pháp phò loan với Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh tại Giáo Tông Đường, ông Thần Võ Văn Thoàn giảng cơ nói chuyện với Đức Hộ Pháp và an ủi 6 bạn vừa mãn tù về.

Xin chép bài giảng cơ ấy sau đây:

Phò loan: Giáo Tông Đường, ngày 14-3-1934
Hộ Pháp - Tiếp Thế. (âl 29-1-Giáp Tuất).

(6 vị Đạo hữu Phạm môn ở tù mới về vào hầu)

HƯƠNG BẢO THOÀN

Con chào mấy Đại Sư Lụy

Mấy hôm nay, con biết đặng nhiều việc Thiên thơ tiền định làm nên danh thê Phạm môn.

Em chào mấy anh. Em cam thất lễ. Em có đến tại ngục đường thăm viếng mấy anh nhiều phen. Đau lòng quá đổi, song Em xin mấy anh nhớ rằng, Nhan Hồi chết tại ngục thất mới đắc Thánh vị, Chúa Jésus chết treo nơi thập tự mới lập Đạo Trời.

Cõi thế vẫn khác cõi Thiên, đời chề mới nên về Đạo. Em xin mấy anh tự hỏi lấy mình rằng, chịu khổ hạnh cùng Đức Chí Tôn thì phước hay là tội?

Em cũng tiếc cho Em khi còn xác phàm, Em không hữu hạnh làm Đạo gặp may duyên như mấy anh vậy. Chớ chi Em đặng hồng ân như mấy anh ngày nay thì chắc Em còn phẩm cao hơn phẩm Thần vị này. Thật là khối ngọc của mấy anh chưa dùng, còn Em thì thềm quá đổi.

Xin đọc lại cho mấy anh em nghe, rồi con sẽ tiếp. Kiểu lỗi cùng Đức Quyền Giáo Tông. Cười....

Sư phụ hằng nhắc mà cười rằng, Em làm Đạo ít oi hơn hết, chớ chi đặng bằng Anh Ba (Phạm Văn Màng) thì ngày nay đâu có ngồi dưới thấp thỏ, ngó cao sang Thánh vị của người mà phải thẹn hơn.

Hôm mấy anh mới bị nạn thì Đức Trần Văn Xương đến địa giới Linh Thần, cầm nơi tay một tờ ý chỉ nói cùng các Trấn Tôn Thần rằng có Thánh Lịnh dạy phải chăm nom gìn giữ mấy anh cho toàn tánh mạng.

Em coi lại là lịnh của Anh Ba, thẹn thường quá đổi, vì các Trấn biết Em là bạn của người, mà ngày nay tứ thầy khác bậc. Xin đọc lại....

May rủi một kiếp sanh mà muôn năm không thể đổi là vậy.

Thưa cùng Sư phụ,

Anh Ba dặn con nói lại dùm rằng: Người đương lo cùng Tam Trấn đặng kiện với Ngọc Hư, đuổi những kẻ tà tâm ra khỏi Đạo. Xin Sư phụ ẩn nhẫn, muôn sự có Chí Tôn, xin đừng sầu muộn nữa, hao mòn thân thể.

Anh Ba thấy Sư phụ rầu thì người khóc lóc cùng con nhiều lúc.

Sư phụ nói lại với Chị Ba rằng anh gởi lời thăm. Thăng.

(Trích trong Thánh Ngôn Sư Tập, Quyển I)

Hương Bảo Toàn: ông Võ Văn Toàn làm công quả nơi Phạm môn, được lập Hồng thệ (Đào viên pháp) lần thứ nhất nơi Sở Trường Hòa ngày mừng 3-1-NhâmThân (1932) cùng một lượt với ông Phạm Văn Màng. Ông Màng và ông Toàn là

hai anh em bạn rể, quê quán tại xã Thanh Phước, quận Trảng Bàng. Khi qui liễu, ông Hoàn đắc Thần vị vì công quả ít; ông Màng đắc Thánh vị (Phối Thánh) vì công quả nhiều hơn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Phạm nghiệp

梵業

Phạm: còn đọc là PHẠN: Phật, thanh tịnh. **Nghiệp:** cơ nghiệp, sự nghiệp.

Phạm nghiệp là cơ nghiệp của nhà Phật.

Nhiều người hiểu lầm Phạm nghiệp là cơ nghiệp của dòng họ Phạm của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Đây là một sự hiểu lầm rất tai hại do những kẻ xấu miệng gây ra, có ý đồ hạ uy tín Đức Hộ Pháp đối với bốn đạo Cao Đài.

Đức Hộ Pháp tạo lập Phạm nghiệp vào năm Kỷ Tỵ (1929) trên phần đất tại xóm Trường Đua, xã Hiệp Ninh, Quận Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, nằm trên quốc lộ 22, cách Thị xã Tây Ninh chừng 5 cây số.

Mục đích và sở dụng của Phạm nghiệp được Đức Hộ Pháp gói ghém trong đôi liễn nơi cổng Phạm nghiệp:

梵業承聞利祿功名無所用

門關積道精神法寶有箕裘

*PHẠM nghiệp thừa nhàn lợi lộc công danh vô sở dụng,
MÔN quan tích Đạo tinh thần pháp bảo hữu cơ cầu.*

Nghĩa là:

Phạm nghiệp lúc nhàn, lợi lộc công danh không chỗ dùng,
Cơ quan chứa Đạo, tinh thần và pháp bảo có người sau
nơi theo.

(**Quan:** cơ quan. **Tích:** chứa. **Cơ cấu:** con cháu nối theo nghề nghiệp của ông cha truyền lại).

Trong đôi liễn này chúng ta thấy hai chữ đầu hai câu là PHẠM MÔN, cho nên PHẠM NGHIỆP cũng chính là Phạm môn, mà Phạm môn cũng chính là Phạm nghiệp.

Phạm pháp

犯法

A: To violate the law.

P: Violer la loi.

Phạm: đụng chạm, xâm lấn, người có tội. **Pháp:** pháp luật.

Phạm pháp là làm điều sai quấy, vi phạm luật pháp của Đạo (hay của Trời).

CG PCT: Mà hễ *phạm pháp* thì dầu cho bực nào cũng khó tránh qua khỏi luật Tòa Tam Giáo.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Phạm Phủ Từ

范府祠

Phạm: họ Phạm. **Phủ:** ngôi nhà lớn. **Từ:** nhà thờ.

Phủ Từ là ngôi nhà lớn dùng làm nơi thờ phượng tổ tiên của một dòng họ.

Phạm Phủ Từ là ngôi nhà lớn dùng làm nơi thờ phượng tổ tiên của dòng họ Phạm.

Nơi Châu Thành Thánh Địa Tòa Thánh Tây Ninh, Hội Thánh khuyến khích những người có cùng chung một Họ, cả nam và nữ, xúm nhau cất một ngôi nhà chung làm nơi thờ phượng tổ tiên của dòng họ mình.

Họ Phạm thì có Phạm Phủ Từ. Họ Lê thì có Lê Phủ Từ. Họ Bùi thì có Bùi Phủ Từ. Họ Huỳnh có Huỳnh Phủ Từ. v.v...

Phạm Phủ Từ được xây dựng ở gần Trí Giác Cung.

Nơi công của Phạm Phủ Từ có đặt đôi liễn:

順和迎入室
反亂禁來門

*Thuận hòa nghinh nhập thất,
Phản loạn cấm lai môn.*

Nghĩa là:

Người thuận hòa thì đón tiếp vào nhà,
Kẻ phản loạn thì cấm đến cửa.

*** Đôi liên bên bàn thờ Nội Tông Phạm phủ:**

范府恩深千古在
祠堂義重百年存

*Phạm phủ ân thâm thiên cổ tại,
Từ đường nghĩa trọng bách niên tồn.*

Nghĩa là:

Ơn sâu của nhà họ Phạm ngàn xưa tại đây,
Nhà thờ Tổ tiên nghĩa nặng trăm năm còn.

*** Đôi liên bên bàn thờ Ngoại Tông Phạm phủ:**

萬代留傳恩似海
千年香火義高山

*Vạn đại lưu truyền ân tựa hải,
Thiên niên hương hỏa nghĩa cao sơn.*

Nghĩa là:

Muôn đời lưu truyền cái ơn lớn như biển,
Ngàn năm thờ cúng cái nghĩa cao như núi.

Lời phê của Đức Hộ Pháp ngày 14-9-Mậu Tý (1948):

"Mấy em trong cửa Phạm môn là tông tộc của Phật, tức là tông tộc thiêng liêng.

Qua tạo làm kiểu mẫu cho mấy em tạo tông tộc phàm trần, nghĩa là gồm chung bá tánh, chung hiệp mỗi Hộ hầu lo bảo trọng đạo đức và sanh sống cùng nhau. Ấy là quyền sở hữu của mấy em về phần đời, không liên can chi đến Đạo, phòng định luật pháp.

*Phải tạo Tổ Đường của mỗi Họ, rồi cầu nguyện bắt thăm
đặng định trật tự lớn nhỏ của các gia đình.*

*Tổ Đình là hương hỏa của Chí Tôn, gắng sức làm cho
thành tựu đặng nương nhau mà sống và duy trì kính Họ."*

Phạm Tăng

范增

Phạm: họ Phạm. Phạm Tăng là Quân Sư của Hạng Võ trong thời Hán Sở tranh hùng.

Khi Hạng Lương, chú của Hạng Võ, chiêu tập binh mã để mưu đồ nổi lên tiêu diệt nhà Tần bạo ngược, Quý Bố dâng ý kiến lên Hạng Lương, nên đến cầu Phạm Tăng ra giúp thì việc lớn ắt thành. Hạng Lương nghe theo, sai Quý Bố đem lễ vật trọng hậu đến cầu Phạm Tăng.

Quý Bố tìm đến thôn Cư Sào, hỏi thăm nhà họ Phạm, người chủ trọ cho biết Phạm Tăng không thích cánh rộn rịp phồn hoa, nên vào núi Kỳ Cổ, cất một mái tranh, sống ẩn dật.

Quý Bố sợ Phạm Tăng không chịu tiếp, nên giả làm khách thương, đến gặp người nhà của Phạm Tăng nói rằng:

- Chúng tôi là người ở phương xa mới đến Cư Sào buôn bán, chẳng may gặp vận rủi, bị lỗ lỗ rất nhiều. Nay nghe đồn tiên sinh là bậc kỳ mưu, đến xin chỉ giáo vài lời.

Nghe người nhà cho biết như thế, Phạm Tăng cho mời vào. Quý Bố và người tùy tùng vào, đem các lễ vật bày ra, thấy Phạm Tăng tóc bạc da mồi, khăn nâu áo vải, diện mạo đường bệ, dáng vẻ Tiên phong đạo cốt. Quý Bố cúi chào cung kính.

Quý Bố dâng các lễ vật lên, quì thưa rằng:

- Tiện nhân không phải là người xa lạ, cũng chưa từng buôn bán ở Cư Sào, nhưng vì không biết Tiên sinh có chịu tiếp hay không nên phải mượn lời nói vậy. Hiện thời vua Tần Nhị Thế vô đạo, lòng dân oán hận, người hào kiệt khắp nơi nổi lên đều muốn tiêu diệt nhà Tần. Hạng Lương Tướng quân là dòng dõi Hạng Yên nước Sở, tài kiêm văn võ, lòng sẵn hiếu trung, vừa phát cờ khởi nghĩa ở Cối Kê, muôn người hưởng ứng.

Được biết Tiên sinh tài trí hơn người, mưu sánh Tôn Ngô, nên người sai tôi đem lễ vật đến dâng mong nhờ Tiên sinh vùa giúp cho nên nghiệp cả. Vì đại nghĩa mà cũng để cứu dân, mong Tiên sinh góp sức chung để mưu đồ việc lớn.

Phạm Tăng đỡ Quý Bô dậy, chỉ ghé mời ngồi, cho biết không thể trong một chốc mà quyết định được việc định bá đồ vương, và mời Quý Bô tạm nghỉ để sáng ngày mai bàn lại.

Quý Bô cứ quì mãi dưới đất, nói:

- Hạng Tướng quân tôi mong Tiên sinh như trời hạn trông mưa, nóng lòng như lửa đốt, nay mong Tiên sinh vì cảnh điều linh của muôn dân mà đem tài trí ra giúp an thiên hạ.

Thấy Quý Bô thiết tha cầu khẩn, Phạm Tăng đành phải nhận lời. Tối hôm ấy, Phạm Tăng bấm độn xem vận mạng nước Sở, thấy nước Sở không phải chơn mạng đế vương, khó giúp nên công, nhưng kẻ trượng phu nói ra không thể nuốt lời đặng.

Hôm sau, Phạm Tăng sắp đặt hành lý rồi theo Quý Bô đến giúp Hạng Lương. Hạng Lương hay tin, liền sửa sang áo mũ, ra ngoài năm dặm, đón rước Phạm Tăng vào trại, rồi nói:

- Lương này nghe danh tiên sinh đã lâu, lòng ngưỡng mộ như hạn trông mưa, nhưng quá bận quân vụ, nên chưa đến yết kiến. Nay tiên sinh không nỡ bỏ kẻ hèn này, đến đây dạy bảo, thật Lương này sung sướng thỏa chí bình sanh.

Phạm Tăng vội đứng lên thưa:

- Dòng dõi tướng quân mấy đời thờ nước Sở, nay vì dân khởi nghĩa, thiên hạ ai cũng nức lòng. Tăng này dầu tuổi già sức yếu, trí mưu nông cạn, được Tướng quân hết lòng đoái tưởng, quyết vận tâm mưu tính nghiệp vương để đáp đền ơn tri ngộ.

Từ đó, Hạng Lương và Phạm Tăng bàn định việc quân cơ rất tương đắc. Một hôm quân thám thính về báo Trần Thắng bị tướng Tần là Chương Hàm đánh bại, chạy về đất Nhữ Âm, bị Trang Giả giết chết, chư Hầu giải tán, hiện quân của Chương Hàm còn đóng ở Nam Dương. Hạng Lương lo sợ cho mời Phạm Tăng đến thương nghị.

Phạm Tăng cho rằng Trần Thắng là hạng tầm thường, ham lợi nhỏ mà không thấy đại cuộc, dẫu có sống cũng không làm nên đại cuộc. Hạng Lương làm lạ hỏi thế nào là đại cuộc.

Phạm Tăng đáp:

- Phàm kẻ mưu đại cuộc, trước hết phải chinh phục lòng dân. Giữa lúc lòng dân ly tán, không phân định được chơn giả, lẽ ra Trần Thắng phải tìm dòng dõi vua Sở trước kia để lập nên, chứng tỏ mình vì đại nghĩa, đặng này Trần Thắng tự lập làm vua, mọi người đều nghi ngờ, như vậy là bất trí.

Nghe Phạm Tăng nói, Hạng Lương ngẩn ngơ, liền hỏi sự thất bại của Trần Thắng có ảnh hưởng gì đến quân của mình không. Phạm Tăng đáp:

- Đó là bài học đáng giá! Cứ như việc Tướng quân khởi nghĩa phen này, dân chúng đều hưởng ứng vì tin rằng Tướng quân là dòng dõi tôi thần nước Sở, tất sẵn sàng lập con cháu vua Sở lên ngôi. Như thế là chánh nghĩa. Danh chánh ngôn thuận là sức mạnh tuyệt đối thắng cường quyền và bạo lực.

Nghe lời nói phải, Hạng Lương dùng Phạm Tăng làm Quân Sư, rồi cho người tìm kiếm con cháu vua Sở lập làm vua.

Hạng Lương sai Chung Ly Muội đi tìm, gặp được đứa bé tên Mễ Tâm, là cháu đích tôn của vua Sở Hoài Vương, nên rước hai mẹ con về, tôn Mễ Tâm lên làm Sở Hoài Vương và mẹ là Vệ Thị lên làm Vương Thái Hậu.

Sở Hoài Vương phong Hạng Lương làm Võ Tín Hầu, Hạng Võ làm Đại Tư Mã, Phạm Tăng làm Quân Sư, Quý Bố và Chung Ly Muội làm Đô Kỳ, Anh Bố làm Thiên Tướng quân,...

Sở Hoài Vương chiêu dụ được Trần Anh, lấy đất Vu Thai, nên dời đô đến Vu Thai. Anh hùng các nơi lần lượt theo về rất đông.

Bấy giờ Hàn Tín cũng đến đầu quân. Hạng Lương thấy Tín gầy gò ốm yếu, không muốn dùng. Phạm Tăng nói:

- Người này tuy gầy yếu nhưng có tiềm ẩn một trí não phi thường, tất có tài thao lược hơn người, Ngài không nên bỏ. Và lại, đang lúc chúng ta chiêu hiền đãi sĩ, bỏ rơi một người là phật ý trăm người hào kiệt.

Nể lời Phạm Tăng, Hạng Lương thân nhận Hàn Tín dưới trướng, cho làm chức Chấp Kích Lang.

Hạng Lương về sau ý tài khinh địch, bị tướng Tần đánh bại, giết chết. Hạng Võ lên thay Hạng Lương điều khiển ba quân. Phạm Tăng theo giúp Hạng Võ.

Nhờ có Phạm Tăng bày mưu, Hạng Võ lập nhiều chiến công, được phong chức Lỗ Công. Phạm Tăng đề nghị Hạng Võ nên diệt Lưu Bang trước hết vì đó là mối nguy rất lớn về sau.

Hạng Võ rất phân vân, vì Lưu Bang không làm điều chi nên tội, làm sao có cơ giết được. Phạm Tăng nói:

- Muốn mưu tính đại cuộc, nhiều lúc kẻ có tội vẫn phải khoan hồng, ngược lại kẻ vô tội mà phải trừ bỏ để tránh cái nguy hại về sau. Tôi khuyên Minh công giết Lưu Bang vì sau này chính Lưu Bang sẽ tranh giành ngôi vị với Minh công. Nếu hôm nay không trừ bỏ thì ngày sau có hối cũng không kịp.

Hạng Võ vẫn do dự, vì bản chất anh hùng, không muốn vô cơ giết Lưu Bang. Phạm Tăng nói:

- Tôi xin hiến ba kế giết Lưu Bang. Điều cốt yếu là Minh công phải cương quyết thi hành. Tôi biết Minh công có tánh anh hùng, nóng nảy mà trực, tánh ấy có hại cho nghiệp lớn.

Hạng Võ yêu cầu Phạm Tăng cho biết ba kế ấy thế nào.

- Minh công phải nhận thấy Lưu Bang là kẻ quan trọng đối với Minh công, không thể cùng Lưu Bang đội Trời. Thế thì diệt Lưu Bang rất cần cho sự nghiệp đế vương của Minh công sau này. Tôi có ba kế để giết Lưu Bang:

* Một là mời Lưu Bang đến Hồng Môn hội yến. Giữa tiệc Minh công đem việc Lưu Bang ngăn trở không cho Minh công vào thành trước kia là có ý làm nhục Minh công, Minh công bắt tội rồi giết phứt Lưu Bang đi.

* Hai là sai quân đao phủ phục trong trướng, chờ lúc Lưu Bang vào tiệc thì hô quân đao phủ ủa ra giết Lưu Bang. Đó là trung sách.

* Ba là chuốc rượu cho Lưu Bang say, khiêu khích cho Lưu Bang thất lễ, rồi bắt tội giết đi. Đó là hạ sách.

Hạng Võ chấp thuận y theo kế hoạch của Phạm Tăng, gửi thư mời Lưu Bang sang dự Hồng Môn hội yến.

Chú của Hạng Võ là Hạng Bá, rất cảm tình với Trương Lương và Lưu Bang, nên mật báo cho Trương Lương biết mưu kế sâu độc của Phạm Tăng. Lưu Bang và Trương Lương vẫn phải đến dự Hồng Môn hội yến, rồi tùy cơ ứng biến.

Trương Lương xin với Lưu Bang cho mình vào trước để thuyết phục Hạng Võ. Trương Lương xưng là Tá Sĩ của Lưu Bang, Phạm Tăng yêu cầu Hạng Võ giết ngay Trương Lương vì đó là mưu thần tài giỏi của Lưu Bang.

Hạng Bá vội can ngăn Hạng Võ, vì Trương Lương là người ơn của ông. Hạng Võ không nỡ vì bản chất anh hùng, không thể giết người vô cớ. Trương Lương có tài ứng biến rất khôn ngoan nên ba kế của Phạm Tăng đều không thi hành được.

Hạng Võ về sau xưng là Sở Bá Vương, phong Lưu Bang làm Hán Vương đày vào đất Ba Thục, lại sai Chương Hàm, Tư Mã Hân, Đổng E làm vua đất Tam Tần, chặn đường hiểm yếu, không cho Lưu Bang ra khỏi đất Ba Thục.

Phạm Tăng suy nghĩ lại thấy Lưu Bang mạng Hỏa, tất cả đồ dùng đều màu đỏ, nay lại vào Ba Thục ở hướng Tây, thuộc Kim. Nếu Kim mà gặp Hỏa ắt thành đại khí. Do đó, Phạm Tăng vào triều nói cho Hạng Võ biết, và yêu cầu tìm cách giết chết Lưu Bang trước khi để Lưu Bang vào Ba Thục, nhưng Hạng Võ vẫn không nỡ vô cớ giết chết Lưu Bang.

Hạng Võ muốn đóng đồn ở Bành Thành. Phạm Tăng khuyên can và yêu cầu Hạng Vương ba điều:

- Thứ nhất, bệ hạ không nên rời khỏi Hàm Dương, vì xưa nay nơi đây là chỗ đất rộng, dân đông, trù phú không đâu bằng. Thứ nhì, nên trọng dụng Hàn Tín, vì Hàn Tín là người tài giỏi thao lược, có thể làm chức Nguyên Nhung, còn nếu không dùng Hàn Tín thì nên giết đi, chớ không nên để Hàn Tín theo phò người khác. Thứ ba, chớ nên cho Lưu Bang vào Ba Thục vội, chờ tôi đi Bành Thành về sẽ thu xếp sau. Ba điều này rất trọng yếu, xin bệ hạ chớ quên.

Hạng Vương hứa giữ y theo kế hoạch của Quân Sư. Nhưng khi Phạm Tăng đi Bành Thành rồi thì lại làm hoàn toàn

khác, không nghe lời Phạm Tăng, để Lưu Bang vào Tây Thục, để Trương Lương mua chuộc Hàn Tín bỏ sở theo Hán, rồi Hạng Võ ngầm cho người giết vua Nghĩa Đế, kéo quân về đóng đô ở Bành Thành.

Trần Bình bày kế cho Hán Vương Lưu Bang làm kế ly gián giữa Phạm Tăng và Hạng Võ, khiến Hạng Võ mắc kế đuổi Phạm Tăng đi. Phạm Tăng than thở: "Ta đã hết lòng thờ Sở mà Hạng Vương lại đem lòng ngờ vực ta. Ta không buồn giận hay thương hại cho ta mà ta lấy làm thương hại cho Hạng Vương, vì sắp đến hồi mặt vận."

Phạm Tăng quá đau buồn và ân hận vì đã đem hết sở học mà thờ kẻ hữu dõng vô mưu, khiến nên danh phận lỡ làng. Phạm Tăng lâm bệnh nặng, sau lưng lại nổi lên một cái nốt lớn, chết trong nỗi thất vọng ê chề, thọ 71 tuổi.

Phạm Tăng là một người rất bướng bỉnh và cũng rất gàn, đem thân phò Sở, biết Sở không phải là chơn mạng đế vương, nhưng vẫn cố cãi Trời, dùng hết nhơn lực để mong thắng Thiên mạng, nhưng chỉ là làm lếu mà thôi. Lưu Bang là chơn chúa, thống nhất nước Tàu, mở ra nhà Hán kéo dài được 400 năm.

TNHT: Người Hàn Tín xưa, nếu chẳng trở lòng nạp bạn, thì chẳng bị thác vô cớ. Còn người Trương Tử Phòng, nếu chẳng *Phạm Tăng* cãi Trời làm lếu, thì ân oán đền trả chẳng mấy hồi. (Xem tiếp chữ: **Trọng Tương vấn Hớn, vấn Tr**)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phạm thệ

犯誓

A: To violate the oath.

P: Violier le serment.

Phạm: đụng chạm, xâm lấn, người có tội. **Thệ:** lời thề.

Phạm thệ là vi phạm lời thề, tức là không giữ đúng lời Minh Thệ lúc nhập môn cầu đạo.

Mỗi lần Minh Thệ thì có các Đấng thiêng liêng ghi tên vào Bộ Thệ nơi cõi thiêng liêng. Nếu làm đúng lời Minh Thệ thì

được tưởng thưởng xứng đáng; ngược lại không làm đúng lời Minh Thệ thì bị tội tình y như lời thề.

Phạm thệ đồng nghĩa: **Thất thệ**.

Phạm Thiên Vương

梵天王

Phạm: còn đọc là PHẠN: Phật, thanh tịnh. **Thiên:** Trời.
Vương: vua.

Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn thì giải thích về Phạm Thiên Vương như sau đây:

"Phạm Thiên Vương tức là Đại Phạm Thiên Vương, cũng kêu: Phạm vương, Phạm Thiên, Đại Phạm Thiên.

Phạm Thiên Vương là vua cảnh trời Đại Phạm, Ngài có quyền luôn ở ba cõi: Phạm thân Thiên, Phạm chúng Thiên, Phạm phụ Thiên. Ngài là chúa tể Tam thiên đại thiên thế giới tức cõi Ta bà này.

Người ta cũng gọi Ngài là Ngọc Hoàng Thượng Đế, Ngọc Hoàng Đại Đế. Đạo Bà la môn tôn Ngài là vị Thần chúa tể. Đạo Phật cũng công nhận Ngài là chủ Ta bà thế giới. Biểu hiện của Ngài là hoa sen.

Ngài có khuyên Đức Thích Ca xuất gia. Khi Đức Thích Ca thành Phật, Ngài có hiện đến cầu Đức Thích Ca đi truyền đạo cứu đời. Ngài cũng có cầu thỉnh Đức Phật Thích Ca thuyết pháp nhiều lần. Trong những dịp đưa và rước Phật một cách long trọng như lúc Phật từ cảnh Tiên Đạo Ly mà trở về cõi người, thì Phạm Thiên Vương và Đế Thích thường theo châu Phật, Đế Thích cầm bạch phát đuổi ruồi cho Phật, Phạm Thiên Vương cầm bảo cái (lọng báu) che cho Phật. Khi Phật giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa để truyền cái Phật quả cho chư Bồ Tát, Phạm Thiên Vương có hiện đến với một vạn hai ngàn chư Thiên trong Phạm giới mà dự nghe một cách cung kính.

Và đến khi Phật nhập Niết Bàn, Phạm Thiên Vương cũng có hiện lại mà tỏ lời thương tiếc.

Tùng theo Phạm Thiên Vương có những hàng Tiên kêu là Phạm Thiên Nhơn và có những hàng Tiên mới sanh lên, kêu là Phạm Thiên tử."

Trong phần trích dẫn ở trên, chúng ta thấy: Phật giáo cho biết những nét đại cương về Thượng Đế là như thế đó, khiến cho các tín đồ Phật giáo xem thường Thượng Đế, không kính trọng Thượng Đế bằng Phật.

Ngày nay, Đấng Thượng Đế giáng điển quang xuống trần mở Đạo Cao Đài, qua cơ bút, Thượng Đế cho nhơn loại biết chính xác về quyền năng của Ngài. Nhờ vậy, chúng ta thấy rõ sự hiểu biết của Phật giáo về Thượng Đế có nhiều điểm thiếu sót và sai lầm rất tai hại. (**Yêu cầu độc giả xem chi tiết nơi chữ: Ngọc Hoàng Thượng Đế, văn Ng**)

Phạm thượng

犯上

A: To offend a superior.

P: Offenser un supérieur.

Phạm: đụng chạm, xâm lấn, người có tội. **Thượng:** trên, người bề trên, cấp trên.

Phạm thượng là làm tổn thương danh dự của Chức sắc bề trên.

Phạm thượng là một tội thuộc đệ tứ hình trong Thập hình của Đức Lý Giáo Tông. Ai phạm vào điều này thì bị phạt ngưng quyền từ 3 năm tới 5 năm.

Phạm trù

範疇

A: The category.

P: La catégorie.

Phạm: Khuôn mẫu. **Trù:** khoảng ruộng cao, các thứ đồng một loại.

Theo triết học, phạm trù là khuôn mẫu để tư tưởng hay để hoạt động, hay là hình thức căn bản để tư tưởng.

Thí dụ như: Tư tưởng theo thuyết Âm Dương là một phạm trù tư tưởng trong Nho giáo và Lão giáo.

Theo triết gia Kant, phạm trù tiên thiên là những khuôn mẫu của tư tưởng không do kinh nghiệm mà có.

PHAN

PHAN

幡

A: Banner, Oriflamme.

P: Bannière, Oriflamme.

Phan là lá phướn, tức là lá cờ dùng riêng trong tôn giáo, có công dụng là để dẫn đường.

Có nhiều loại Phan, tùy theo công dụng. (Xem: Phướn)

KCHKHH: Diu đường thoát tục nắm *phan*.

- **Tả Phan Quân:** Vị Chức sắc cầm cây Phướn Thượng Sanh, đứng bên trái Đức Thượng Sanh.

- **Hữu Phan Quân:** Vị Chức sắc cầm cây Phướn Thượng Phẩm, đứng bên mặt Đức Thượng Phẩm.

KCHKHH: Kinh cầu hồn khi hấp hối.

PHÁN

PHÁN

PHÁN: 判 Phân xử, xử đoán, tuyên bố sự quyết định về việc gì, sai bảo người dưới.

Td: Phán đoán, Phán xét cuối cùng.

Phán đoán

判斷

A: To judge.

P: Juger.

Phán: Phân xử, xử đoán, tuyên bố sự quyết định về việc gì, sai bảo người dưới. **Đoán:** xem xét.

Phán đoán là xem xét để quyết định.

TNHT: Con liệu đưa nên dùng đẹp lòng con, kêu tên cho Thầy *phán đoán*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phán quyết

判決

A: To pass a verdict.

P: Prononcer un verdict.

Phán: Phân xử, xử đoán, tuyên bố sự quyết định về việc gì, sai bảo người dưới. **Quyết:** định chắc.

Phán quyết là quyết định của quan tòa.

Phán truyền

判傳

A: To order.

P: Ordonner.

Phán: Phân xử, xử đoán, tuyên bố sự quyết định về việc gì, sai bảo người dưới. **Truyền:** nói cho mọi người biết.

Phán truyền là nói cho mọi người biết sự quyết định về một việc gì, và bảo thi hành quyết định đó.

Phán xét cuối cùng

A: The last general judgment.

P: Le dernier jugement général.

Phán: Phân xử, xử đoán, tuyên bố sự quyết định về việc gì, sai bảo người dưới. **Xét:** xem xét. **Cuối cùng:** lần sau chót.

Phán xét cuối cùng là sự xem xét về tội phước của nhơn loại để ban thưởng hay trừng phạt lần cuối cùng trước khi xảy ra cuộc Tận Thế, để lập đời Thánh đức.

Đây là từ ngữ thường dùng của Thiên Chúa giáo, mà Phật giáo gọi là Đại Hội Long Hoa, Di-Lạc Phật Vương ra đời.

Trong kỳ Phán xét cuối cùng này, Đức Di-Lạc Vương Phật làm Chánh Chủ Khảo chấm thi đậu rớt toàn cả nhơn loại căn cứ trên công đức đã lập được.

Tùy theo công đức nhiều ít của mỗi người mà Đức Phật sẽ ban cho các phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật tương xứng. Những người ít công đức hơn nữa sẽ được làm một Tân Dân để lập đời mới gọi là đời Thượng nguơn Thánh đức. Còn những người làm nhiều điều tội lỗi, không đáng làm một Tân Dân thì sẽ bị đọa, chờ đợi để nhập vào một thế giới tiến hóa thấp hơn.

(Xem thêm chữ: Tận Thế - Hội Long Hoa)

Phán xử

判處

A: To judge.

P: Juger.

Phán: Phân xử, xử đoán, tuyên bố sự quyết định về việc gì, sai bảo người dưới. **Xử:** xem xét phải quấy.

Phán xử là xem xét để quyết định ai phải ai quấy.

CG PCT: Những sự kiện thừa, những điều sai luật đạo, đã đặng tin quả quyết thì chẳng đặng yêm ân, ngó lơ, buộc phải giao cho Thông Sự *phán xử*.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

PHẢN

PHẢN

1. **PHẢN:** 反 Nghịch lại.
Td: Phản khắc.
2. **PHẢN:** 返 Trở về, đi ngược trở lại.
Td: Phản bản huờn nguyên.

Phản bản huờn nguyên

返本還原

A: To return to the origin.

P: Retourner à l'origine.

Phản: Trở về, đi ngược trở lại. **Bản:** Bản: gốc. **Huờn:** **Hoàn:** trở lại. **Nguyên:** cái gốc khởi đầu. **Phản bản:** trở lại cái gốc. **Hoàn nguyên:** trở về cái gốc khởi đầu.

Phản bản huờn nguyên là trở về cái gốc khởi đầu của con người nơi cõi TLHS. Ý nói: đắc đạo trở về ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng.

"Bởi vì mỗi con, Thầy đã ban cho cái linh tánh giáng trần để mượn xác thân đặng dùng nguơn Tinh mà bảo tồn nguơn Khí, hiệp với nguơn Thần, tức là luyện Tinh hoá Khí, luyện Khí hóa Thần, đặng thành Tiên tác Phật mà *phản bản huờn nguyên*, hầu có thuở hưởng sự thanh nhàn nơi cõi Niết Bàn, là chốn thế giới thiêng liêng bất tiêu bất diệt." (ĐTCG)

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

Phản khắc

反剋

A: Opposition.

P: Opposition.

Phản: Nghịch lại. **Khắc:** không hợp.

Phản khắc là chống lại, làm ngược lại.

BĐND: Nghĩ vì PCT, Lão đã dạy Hộ Pháp chú giải, chẳng thi hành từ thử, làm cho CTĐ và HTĐ *phản khắc* Đạo quyền, gây nên rối loạn chánh giáo Chí Tôn.

BĐND: Bát Đạo Nghị Định.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Phản lão hoàn đồng

返老還童

A: To renew one's youth.

P: Rajeunir.

Phản: Trở về, đi ngược trở lại. **Lão:** già. **Hoàn:** trở lại. **Đồng:** trẻ nhỏ.

Phản lão hoàn đồng là đi ngược tuổi già, trở lại thành trẻ nhỏ.

Thành ngữ này cũng được nói là: **Cải lão hoàn đồng.**

Sách Thần Tiên truyện của Cát Hồng đời nhà Tấn bên Tàu, có chép một chuyện như sau:

Đời nhà Hán có Hoài Nam Vương Lưu An, thường mộng tưởng làm thế nào cho được trường sanh bất tử. Vương nghiên cứu học phép tu Tiên. Một hôm, có 8 ông già tới, tự xưng là Thần Tiên, nói đến thăm Vương. Người gác cổng đón lại hỏi:

- Người ta nói Thần Tiên thì trẻ mãi không già, cơ sao 8 ông già nua thế này mà tự nhận là Thần Tiên?

Tám ông già nghe vậy thì cười ha hả, bảo:

- Người không thích nhìn thấy chúng ta già à? Để chúng ta phản lão hoàn đồng cho người xem.

Nói xong, tám ông già quay mặt đi, liền biến thành tám đứa trẻ con. Người gác cổng thấy vậy sợ quá, vội chạy vào báo cho Vương hay.

Phản loạn chơn truyền

反亂真傳

A: To revolt against the true teaching.

P: Se révolter contre le vrai enseignement.

Phản: Nghịch lại. **Loạn:** làm rối ren trật tự. **Chơn:** thật. **Truyền:** trao lại. **Phản loạn:** gây rối loạn để làm phản. **Chơn truyền** là giáo lý chơn thật được truyền trao lại.

Phản loạn chơn truyền là gây rối loạn trong Đạo để chống lại chơn truyền của Đạo.

Đây là tội phạm pháp rất nặng, thuộc đệ nhứt hình của Tòa Đạo. Ai phạm vào tội này thì bị Tòa Đạo trục xuất.

Phản phúc

反覆

A: To be tray.

P: Trahir.

Phản: Nghịch lại. **Phúc:** lật lại, tráo trở.

Phản phúc là phản lại người đã tin cậy mình, hay người có ơn nghĩa với mình.

TĐ ĐPHP: Ngoài thì kẻ nghịch đang trù hoạch phương châm mà tàn hại, trong lại bị người *phản phúc*, vu oan làm cho đến đổi nhớ nhớ danh Đạo.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Phản tiền vi hậu

反前為後

Phản: Nghịch lại. **Tiền:** trước. **Vi:** làm. **Hậu:** sau.

Phản tiền vi hậu là trở ngược cái trước làm cái sau, và như vậy thì cái sau thành cái trước.

TNHT: Thầy lập Phật giáo vừa khi khai Thiên lập Địa, nên Phật giáo là trước, kế Tiên giáo, rồi mới tới Nho giáo. Nay là

Hạ ngưng hầu mãi, phải phục lại như buổi đầu, nên phải *phản tiền vi hậu*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phản tỉnh

返省

A: Introspection.

P: Introspection.

Phản: Trở về, đi ngược trở lại. **Tỉnh:** coi xét, giác ngộ.

Phản tỉnh là trở lại xem xét chính mình, tự xét, nghĩ lại.

PHẠM

Phạm hàm

飯銜

Phạm: cơm, gạo. **Hàm:** ngậm

Phạm hàm là bỏ gạo vào miệng người chết trước khi liệm.

Phạm ngữ

梵語

A: The sanskrit.

P: Le sanscrit.

Phạm: tức là Phạm: Phật. **Ngữ:** chữ viết.

Phạm ngữ hay Phạm ngữ là tiếng Phạm, tức là ngôn ngữ của xứ Phật, ngôn ngữ của nước Thiên Trúc ở miền bắc Ấn Độ.

Nước Ấn Độ có rất nhiều ngôn ngữ, nhưng Đạo Bà La Môn và Đạo Phật chỉ dùng tiếng Phạm để thuyết pháp và chép kinh sách.

Tiếng Phạm cũng phân ra làm hai loại:

- Bắc Phạm là tiếng Sanscrit.

- Nam Phạn là tiếng Pali.

Phật giáo Bắc Tông tức là Phật giáo Đại Thừa chép kinh bằng tiếng Sanscrit, thường gọi là tiếng Phạn.

Phật giáo Nam tông tức là Phật giáo Tiểu Thừa chép kinh bằng tiếng Pali.

Người học Phật muốn thấu triệt giáo lý của Phật thì phải học tiếng Phạn để trực tiếp nghiên cứu kinh sách của Phật giáo, còn những bản dịch Kinh Phật ra tiếng nước ngoài thường không diễn đạt hết ý nghĩa của lời kinh.

Do đó, tiếng Phạn là chánh tự của Phật giáo.

Cũng như Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn mở Đạo tại Việt Nam, chọn tiếng Việt Nam làm chánh tự. Do đó, sau này, ai muốn thấu đáo giáo lý và triết lý của Đạo Cao Đài thì phải học thông thạo ngôn ngữ Việt Nam. Những bản dịch ra tiếng nước ngoài, tuy có dịch sát nghĩa cách nào đi nữa, cũng không thể diễn đạt hết ý nghĩa như bản chánh tự.

PHÁP

PHÁP

法

Chữ PHÁP có rất nhiều nghĩa, tùy theo trường hợp mà giải thích.

Nghĩa thông thường thì Pháp là Pháp luật, khuôn phép đặt ra để mọi người tuân theo cho có trật tự và ổn định, an toàn trong cuộc sống trong quốc gia xã hội.

Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn, chữ Pháp có nghĩa rất rộng. Tiếng Phạn là DHARMA dịch ra Hán văn là PHÁP:

"Bất kỳ việc chi, dầu nhỏ dầu lớn, dầu hữu hình hay vô hình, tốt hoặc xấu, chơn thật hay hư vọng, đều có thể gọi là Pháp. Từ những nguyên tắc, những lẽ thường, lý nhỏ cho đến tôn giáo, cái luật chung bao gồm vũ trụ làm một với hư không,

cũng gọi là Pháp. Song, người ta thường dùng chữ Pháp để chỉ về Đạo lý của Phật."

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật có dạy chư Tỳ Kheo:

"Đối với cái Pháp, chớ nên chấp có, mà cũng chớ nên chấp không. Hãy giữ cho tự nhiên. Cái Pháp mà Đức Phật thuyết để độ chúng sanh, chẳng khác chiếc bè. Hễ giác ngộ rồi thì chẳng còn nương vào pháp nữa."

Trong Trí Độ Luận có chép rằng:

"Tất cả Pháp phân ra làm ba món: Hữu vi pháp, Vô vi pháp, Bất khả thuyết pháp. Ai có đủ ba món pháp ấy thì có tất cả Pháp."

Trong Vô Lượng Thọ Kinh có nói:

"Bồ Tát giác ngộ và hiểu rõ ràng các Pháp, mọi sự vật như mộng (giấc chiêm bao), ảo (trò biến hóa), huyễn (tiếng dội), lại biết rằng Pháp như điện (lần điện chớp), ảnh (cái bóng của thân hình). Rốt cuộc thì được đạo Bồ Tát, có đủ các công đức căn bản, được thọ ký thành Phật. Các Ngài đều thông đạt cái tánh của các Pháp, tất cả đều không, vô ngã,"

Trong Kinh Du Già có biên năm thứ Pháp:

1. Giáo pháp (pháp dạy).
2. Hạnh pháp (pháp thi hành).
3. Nhiếp pháp (pháp giữ lấy).
4. Thọ pháp (pháp lãnh thọ)
5. Chứng pháp (pháp tu đắc)."

Theo Từ Điển Phật Học Hán Việt của Giáo Hội PG VN:

"Pháp là từ chỉ chung hết thảy mọi sự vật, hiện tượng, dù là to nhỏ, hữu hình vô hình, chân thực hư vọng. Sự vật cũng là vật, đạo lý cũng là vật, tất cả đều là Pháp cả."

Tóm lại, chữ Pháp có nghĩa rất rộng, sau đây là 6 nghĩa thường dùng như:

1. PHÁP: Pháp luật, các Luật đặt ra để quản lý việc Đời hay việc Đạo. Td: Hiến pháp. Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp, Pháp chánh, Pháp nhân, Pháp lý, v.v....

2. PHÁP: Cách thức giải quyết công việc. Td: Phương pháp, Giải pháp,....

3. PHÁP: Giáo lý, giáo thuyết của một nền tôn giáo. Td: Giáo pháp, Thuyết pháp, Hoàng pháp, Pháp môn, Pháp thí, Bí pháp, Thể pháp,....

4. PHÁP: Phép thuật, các phép bí tích. Td: Hành pháp Giải oan, Hành pháp Đoạn căn,....

5. PHÁP: Một bảo trong Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng.

Pháp là quyền năng biến hóa vô đối của Đức Chí Tôn Thượng Đế. Đức Chí Tôn là Phật, Đức Chí Tôn khai Bát quái mà tác thành CKTG nên mới gọi là Pháp, Pháp có mới sanh CKVV rồi mới có người nên gọi là Tăng. Đức Chí Tôn là Phật chủ cả Pháp và Tăng. (Xem chữ: **Pháp bảo, bên dưới**)

6. PHÁP: Nghĩa tổng quát: Pháp là tất cả các sự, các việc, các vật, các hiện tượng, dù nhỏ dù lớn, dù thấy được hay còn ẩn kín không thấy được, dù hữu hình hay vô hình, tốt hay xấu, thiện hay ác, chơn hay giả, đơn giản hay phức tạp.

Td: Tự nhiên pháp là tất cả hiện tượng xảy ra trong thiên nhiên như: Gió, mưa, bão, thủy triều,.... Các pháp này chẳng tạo ra mà chẳng mất đi, chỉ là sự biến hóa từ trạng thái này sang trạng thái khác.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

CKVV: Càn Khôn Vạn vật.

Pháp bảo (Pháp bửu)

法寶

Bảo hay Bửu là quý báu. Pháp bảo hay Pháp bửu có 4 nghĩa sau đây:

1. Pháp: (5), là một trong Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng.

Pháp bảo là ngôi Pháp quý báu. Đó là ngôi thứ nhì trong Thượng Đế ba ngôi: Phật, Pháp, Tăng. Ngôi thứ nhì ấy chính là Đức Phật Mẫu.

"Đức Chí Tôn là Phật, Phật chiết tánh biến ra Pháp, là ngôi thứ nhì thuộc Âm, là Phật Mẫu. Nhưng chúng ta không biết cái bí mật ấy, là khí Âm Dương phối hiệp biến hình, mà Phật Mẫu dùng gì để tạo nên cơ quan hữu vi này, vì bởi Phật Mẫu dùng khối Sanh quang có năng lực vận hành trong không khí, chúng

ta không thể thấy được. Khi biến ra hữu tướng là nước, lửa, gió, rồi nước lửa gió vận hành biến ra vạn vật, đi từ Hỗ Nguơn Khí, Hư Vô Khí, đến Huyền Ảnh Khí, rồi mới biến ra vạn vật, tức là Huyền Ảnh Khí biến ra như hình vậy, ấy là Tăng." (TĐ ĐPHP)

Vậy trong CKVT có ba ngôi gọi là Tam Bảo:

- Ngôi thứ nhất là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, tức là Phật bảo: Ngôi Dương.
- Ngôi thứ nhì là Đức Phật Mẫu, tức Pháp bảo: Ngôi Âm
- Ngôi thứ ba là Tăng, tức là Vạn linh trong CKVT.

2. Pháp: (4) là phép thuật huyền diệu.

Pháp bảo (Pháp bửu) hay Bửu pháp là những vật có phép thuật huyền diệu của các Đấng thiêng liêng.

- Đức Hộ Pháp có 2 pháp bửu là: Giáng Ma Xử và Kim Tiên.
- Đức Thượng Phẩm có 2 pháp bửu: Long Tu Phiến và Phát chủ
- Đức Thượng Sanh có 2 pháp bửu: Thư Hùng Kiếm và Phát chủ
- Đức Quyền Giáo Tông tức Lý Thiết Quả có hai pháp bửu là: Hồ Lô và Gậy sắt.
- Tám món pháp bửu của Bát Tiên được gọi là Bát bửu.

Pháp xa: chiếc xe huyền diệu, tức là chiếc xe Tiên.

3. Pháp: (3) Giáo lý. Pháp bửu là giáo lý quý báu.

Khi Đức Phật Thích Ca còn sanh tiền, Đức Phật thường nhắc nhở các đệ tử rằng: Khi Ta tịch rồi, Ta để cái Pháp lại. Hãy coi nó như Ta. Tôn kính Ta thế nào thì sùng thượng cái Pháp cũng thế ấy....

Cái Pháp của Phật, tức là giáo lý của Phật để lại cho như loại, cứ đúng theo đó mà tu thì được giải thoát luân hồi.

Giáo lý ấy quý báu hơn tất cả vàng bạc châu báu nên mới được gọi là Pháp bảo.

4. Pháp: (6) là những món cần dùng.

Trong các chùa Phật, các vị sư xem các món sau đây rất quý báu như: Tượng Phật, Kinh điển, Chuông mõ, áo cà sa,

cây tích trượng, bình bát, nên gọi các thứ ấy là pháp bảo của chùa.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Pháp chánh

法政

Pháp: Pháp luật, các Luật đặt ra để quản lý việc Đời hay việc Đạo. Td: Hiến pháp. Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp, Pháp chánh, Pháp nhân, Pháp lý, v.v.... **Chánh:** việc sắp đặt cho yên ổn.

Pháp chánh là pháp luật qui định việc hành chánh đạo.

Bộ Pháp Chánh là cơ quan tư pháp của Đạo, trực thuộc HTĐ, có nhiệm vụ trông coi, gìn giữ pháp luật của Đạo, không cho Chức sắc, Chức việc và tín đồ phạm đến. (**Xem chi tiết nơi chữ: Bộ Pháp Chánh, văn B**)

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Pháp Chánh Truyền

法正傳

A: The religious constitutional laws of Caodaism.

P: Lois constitutionnelles religieuses du Caodaïsme.

Pháp: Pháp luật, các Luật đặt ra để quản lý việc Đời hay việc Đạo. Td: Hiến pháp. Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp, Pháp chánh, Pháp nhân, Pháp lý, v.v.... **Chánh:** ngay thẳng. **Truyền:** trao lại.

Pháp Chánh Truyền là pháp luật chơn chánh mà Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế truyền dạy để làm căn bản lập giáo, tổ chức và điều hành nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Pháp Chánh Truyền được Đức Chí Tôn giáng cơ ban cho ngay sau khi làm Lễ Khai Đạo tại Thánh Thất tạm đặt tại Từ Lâm Tự (chùa Gò Kén) Tây Ninh. Đó là đêm 15 rạng 16 tháng 10 năm Bính Dần (dl 20-11-1926), phò loan: Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư.

Theo lời thuật lại của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu thì đêm đó, Đức Chí Tôn giáng cơ viết rất nhanh, điển ký là ông Giáo Hữu Sơn chép không kịp, Đức Chí Tôn bảo ông Hậu chép tiếp.

Bản văn Pháp Chánh Truyền này rất quan trọng, nên Đức Lý Giáo Tông dạy Đức Phạm Hộ Pháp chú giải Pháp Chánh Truyền ra từng chi tiết cho thật rõ ràng để dễ thi hành, và dâng lên cho Đức Lý Giáo Tông duyệt lại rồi mới ban hành.

Ngày nay, Đạo Cao Đài có quyền Pháp Chánh Truyền Chú Giải làm cơ sở tổ chức điều hành nền Đạo, và có thể gọi đây là Hiến pháp của Đạo, do Đức Chí Tôn qui định, nên có tính cách cố định, bất di bất dịch trong thất ức niên.

Các luật pháp khác của Đạo, Đức Chí Tôn giao cho Vạn linh mà nhơn sanh làm đại diện, tự lập luật tu hành cho vừa trình độ của nhơn sanh. Sự lập pháp này được tổ chức qua ba hội, được gọi là Ba Hội Lập Quyền Vạn Linh.

PCT qui định các phẩm Chức sắc nam nữ của CTĐ và HTĐ, quyền hành và đạo phục của mỗi phẩm cấp và việc thăng thưởng Chức sắc.

Đức Chí Tôn lập PCT có tính cách vô cùng mới mẻ và tiến bộ so với các tôn giáo khác của thời Nhị Kỳ Phổ Độ, vì nó bao gồm cả hai khuynh hướng quân chủ và dân chủ, dùng hai khuynh hướng ấy để kèm chế nhau và buộc phải dung hòa cùng nhau, để cho sự tiến hóa của nhơn sanh được nhanh chóng trên con đường đạo đức trung dung, chí thiện chí mỹ.

Đức Chí Tôn có dạy: *"Thầy tưởng chẳng cần nói, nếu ai là đạo đức, đọc đến cách lập pháp của Thầy mà chẳng mừng giùm cho nhơn loại."* (TNHT)

Hội Thánh viết lời tựa của quyển PCT, xin trích ra vài đoạn như sau:

"Nghĩ vì cơ huyền vi mầu nhiệm của Đạo có Thiên điều, cũng như cơ Trời có luật pháp chơn truyền để chế ngự những dục vọng bất chánh, mà ở cõi nào và đời nào cũng có, nếu không có gì chế ngự thì sự điều hòa tốt đẹp của cơ Tạo Hóa sắp đặt có thể mất đi mà chớ, nên khi mở ĐĐTKPĐ, Đức Chí Tôn đã lập ngay một Pháp Chánh Truyền và Tân Luật, để điều

hành guồng máy Hành Chánh Đạo, hầu bảo thủ chơn truyền và công bình Thiên đạo, kèm theo luật pháp còn có Thánh ngôn và giáo điều dạy bảo.

Muốn lập một nền Đạo lớn như ĐĐTKPĐ, có khả năng truyền giáo đến thất ức niên mà không lập pháp thì làm sao điều độ được một số giáo đồ quá đông gồm toàn thể hơn loại."

"Mặc dầu không luật pháp nào được gọi là hoàn bị cả, nhưng luật pháp nào cũng đều phải ấn định ít nhất những đại cương và nguyên tắc. Chẳng hạn luật công bình giữa người với người thì phải có nguyên tắc bất di bất dịch là: Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân (Cái gì mình không muốn thì đừng làm cho người). Ví dụ: Nếu mình muốn được tự do thì đừng làm mất tự do của người khác. Tuy nghe rất đơn giản nhưng không còn cách giải thích nào đúng hơn nữa.

Luật pháp rất cần ích cho sự điều hòa trật tự trong xã hội. Nó lại còn cần ích hơn nữa cho Đạo vì nếu thiếu luật pháp thì khó tránh sự hỗn loạn, mà nếu trong Đạo có sự hỗn loạn thì còn gì là đạo lý.

Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh cho Đạo tức là lập chủ quyền cho Đạo đó vậy. Nếu ai có tinh thần xây dựng nền Đạo thì tất nhiên phải tôn trọng chủ quyền đó.

Cũng nhờ chủ quyền đó mà Hội Thánh là hình thể Đức Chí Tôn tại thế mới có đủ quyền hành để thể Thiên hành hóa.

Tuy nhiên, quyền Đạo có khác hơn quyền Đời, là vì nó do sự thương yêu mà có chứ không phải dùng áp lực để chế ngự người ta.

Luật pháp đã do Thiên lý và Công lý mà lập ra, thì tự nhiên phải tuyệt đối công bình, không còn sự chênh lệch nào đối với toàn thể bốn đạo. Vì trong Đạo, từ trên xuống dưới, từ nhỏ tới lớn, đều có qui luật định phân, lớn không giành quyền nhỏ, nhỏ không lấn quyền lớn. Nếu cứ chiếu luật thì hành thì toàn đạo được điều hòa êm ái, và guồng máy Hành Chánh Đạo cứ tiến hành theo luật định thiên nhiên không còn gì trở ngại."

Trong công việc lập Pháp Chánh Truyền, có 3 giai đoạn đáng ghi nhớ:

■ Ngày 16-10-Bính Dần (dl 20-11-1926), ngay sau Lễ Khai Đạo, Đức Chí Tôn giáng cơ lập Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài nam phái trước tiên.

■ Ngày mùng 9-1-Đinh Mão (dl 10-2-1927), Đức Lý Thái Bạch, Nhứt Trần Oai Nghiêm giáng cơ lập Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài nữ phái.

■ Ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn giáng cơ lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài.

Vấn đề 1: Tại sao Đức Chí Tôn không lập PCT nữ phái mà lại giao cho Đức Lý Thái Bạch lập?

Đức Phạm Hộ Pháp có giải thích như sau:

"Hộ Pháp nhắc lại lời Thầy nói cùng Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh rằng: Muốn phé nữ phái, song con cũng đồng con, hễ bao nhiêu nam tức cũng bao nhiêu nữ; nam nữ vốn như nhau, nên Thầy đến phong cho nữ phái buổi lập Pháp Chánh Truyền, chẳng hiểu có điều chi huyền bí với Thầy cùng Ngọc Hư Cung, nên Thầy mới đành lòng nói ra lời ấy, rồi lại cam lòng để cho Đức Lý Giáo Tông đứng lập đặng tránh cho khỏi luật lệ Thiên điều hay chẳng?

Hễ càng suy nghĩ thì lại càng thêm sợ hằng ngày.

Xem lại, nữ phái không biết trau dồi trí thức đặng làm trách nhiệm cho xứng vị mình, thì lại càng lo âu thêm nữa!

Chính mình Cao Thượng Phẩm mới giáng cơ nói rằng nhờ Ngài cầu xin tha thứ cho nữ phái nơi Ngọc Hư, bằng chẳng thì đã bị phé, xin chớ đạo tỳ để dạ lo lấy phận mình." (PC TCG)

Vấn đề 2: Tại sao Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ sau CTĐ, mà không lập cùng một lượt hay trước CTĐ?

Đức Phạm Hộ Pháp có giải đáp như sau:

"Thầy đã dạy rằng: Từ khi có Thầy rồi dựng nên CKTG, hóa sanh hơn loại, thì Thầy chưa hề biết hành phạt chúng ta bao giờ, vì lòng quá yêu, nên Thầy không nở nào hành phạt.

Thầy lại nói, dầu Thiên điều thì cũng do nơi chư Thần, Thánh, Tiên, Phật hội lại lập để định tội của nhau, hầu giữ gìn lẫn nhau đó thôi, chớ Thầy chưa hề biết đến. Mà hễ lập rồi

đem dâng cho Thầy thì chính mình Thầy cũng không quyền sửa cải.

Như Tân Luật ngày nọ, thì Lý Giáo Tông hội cùng chư Thánh mà lập thành, chớ Thầy chưa hề biết đến, chỉ ngày nào đã dâng lên cho Thầy thì đã thành Thiên luật mà thôi. (Theo TNHT, Tân Luật được Hội Thánh lập thành dâng lên cho Đức Lý Giáo Tông ngày 13-12-Bính Dần, dl 16-1-1927).

Hễ Thiên luật thì phải vô tư, tỉ như Thiên điều, dầu cho chính mình Thầy là Chí Tôn cũng chẳng vị tình.

Bởi có ấy mà lập PCT, Thầy không lập HTĐ một lượt với CTĐ, e cho cả Chức sắc HTĐ ra ngoại luật.

Thầy lại để các Chức sắc ấy dự hội lập luật cùng chư Chức sắc CTĐ thì phàm thân họ cũng phải dưới quyền luật lệ như mọi người vậy.

Hội Thánh hiệp nhau lập Tân Luật, cũng như cả Thập nhị Khai Thiên lập luật. Thập nhị Khai Thiên lập luật giao cho Thầy, còn Hội Thánh lập luật cũng giao cho Thầy.

Vậy thì Tân Luật với Thiên điều cũng đồng giá trị.

Dầu cho Hộ Pháp phạm luật cũng bị đòi đến Tòa Tam Giáo bên CTĐ, thì Thiên phẩm mình dường như không có, kể như một người Đạo hữu kia vậy.

Còn Giáo Tông, nếu phạm tội cũng bị đòi đến Tòa HTĐ thì cũng chẳng khác chi một người tín đồ kia vậy.

Luật Đạo thành ra Thiên điều, thì Hội Thánh là Ngọc Hư Cung tại thế.

Hội Thánh hiệp nhau lập Luật Đạo thì cũng như chư Thần, Thánh, Tiên, Phật hội lại lập Thiên điều.

Vậy thì Hội Thánh và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng đồng một thể. (Trích Diễn văn của Đức Hộ Pháp đọc tại Tòa Thánh ngày 14-2-Mậu Thìn, 1928)

PCT: Pháp Chánh Truyền.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

Pháp danh - Thế danh - Thánh danh

法名 - 世名 - 聖名

A: Religious name - Temporal name - Holy name.

P: Nom religieux - Nom temporel - Nom sacré.

Pháp: Giáo lý, giáo thuyết của một nền tôn giáo. **Thế:** đời.
Danh: tên.

1.- Pháp danh, bên Phật giáo, là tên do vị Hòa Thượng trụ trì đặt cho đệ tử khi mới qui y vào Phật đạo.

Đối với Đạo Cao Đài, Pháp danh là tên hiệu do một Đấng thiêng liêng ban cho, do đó còn được gọi là Đạo hiệu.

Thí dụ:

■ Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn ban Đạo hiệu cho quý vị sau đây:

- Giáo Sư Thượng Bửu Thanh, Đạo hiệu Phong Chí.
- Phối Sư Thượng Vinh Thanh, Đạo hiệu Hiên Trung.
- Phối Sư Thượng Chử Thanh, Đạo hiệu Ngạn Sơn.
- Phối Sư Thượng Tuy Thanh, Đạo hiệu Từ Huệ.

■ Đức Hộ Pháp ban Đạo hiệu cho những đệ tử Phạm môn hồng thế kỷ đầu ngày 3-1-Nhâm Thân (1932):

- Ông Võ Văn Đợi (Đại), Đạo hiệu là Linh Đoán.
- Ông Phạm Văn Út Đạo hiệu Lưu Thiện.
- Ông Võ Văn Chở Đạo hiệu Trường Tải... ..
- Bà Từ Thị Kế Đạo hiệu Thừa Thiện.
- Bà Lê Thị Lợi Đạo hiệu Hồng Huệ.
- Bà Lưu Thị Sen Đạo hiệu Duy Từ... ..

2.- Thế danh là tên lúc còn ở ngoài đời, chưa nhập môn vào Đạo. Đó là tên trong khai sanh hay trong các giấy tờ.

Td: Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương: Chương là Thế danh, Ca là họ.

3.- Thánh danh là tên Thánh.

Những tín đồ nam nữ, khi đắc phong vào hàng Lễ Sanh mới bắt đầu có Thánh danh.

■ Tất cả Chức sắc nữ phái CTĐ có Thánh danh khởi đầu là chữ HƯƠNG. Thánh danh của Chức sắc nữ phái CTĐ gồm 2 chữ: chữ đầu là Hương (Tịch đạo), chữ sau là thế danh.

Td: Bà Lâm Thị Thanh, đặc phong Nữ Đầu Sư, Thánh danh là Hương Thanh.

■ Các Chức sắc nam phái CTĐ được phân 3 phái: Thái, Thượng, Ngọc, Thánh danh đều có chữ THANH ở sau cùng.

Thánh danh của Chức sắc CTĐ nam phái gồm 3 chữ: chữ đầu là chỉ phái (Thái, Thượng, Ngọc), chữ thứ nhì là thế danh, chữ sau cùng là Thanh (Tịch đạo).

Td: Ông Lê Văn X đặc phong Lễ Sanh, được Đức Lý Giáo Tông chấm cho phái Ngọc, Thánh danh của ông Lễ Sanh X là: NGỌC X THANH.

Thánh danh của Chức sắc CTĐ nam phái có chữ Thanh, của nữ phái có chữ Hương. THANH HƯƠNG là tịch đạo của Chức sắc trong đời Giáo Tông thứ nhất là Đức Lý Thái Bạch.

Qua đời Giáo Tông thứ hai thì tịch đạo là ĐẠO TÂM, nam lấy chữ Đạo, nữ lấy chữ Tâm. (Xem: Tịch Đạo, văn T)

Chức sắc HTĐ và Cơ Quan Phước Thiện không có Thánh danh theo Tịch Đạo.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Pháp điều

法條

A: Articles of laws.

P: Articles de lois.

Pháp: Pháp luật, các Luật đặt ra để quản lý việc Đòi hay việc Đạo. Td: Hiến pháp. Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp, Pháp chánh, Pháp nhân, Pháp lý, v.v.... **Điều:** khoản, mục.

Pháp điều là những điều khoản về pháp luật.

Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ là các pháp luật của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gồm: Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, các Đạo Nghị Định, và các Đạo luật.

DLCK: Tùng thị *pháp điều* Tam Kỳ Phổ Độ tất đắc....

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Pháp giới

法界

Pháp: Nghĩa tổng quát: Pháp là tất cả các sự, các việc, các vật, các hiện tượng, dù nhỏ dù lớn, dù thấy được hay còn ẩn kín không thấy được, dù hữu hình hay vô hình, tốt hay xấu, thiện hay ác, chơn hay giả, đơn giản hay phức tạp. **Giới:** cảnh giới, cõi, phạm vi.

Đây là từ ngữ thường dùng bên Phật giáo, do tiếng Phạn là DHARMA-DHATU, dịch ra Hán văn là: PHÁP GIỚI, PHẬT TÁNH, THỰC TƯỚNG. Cho nên 3 từ ngữ này đều đồng nghĩa.

Theo Từ Điển Phật Học Hán Việt của Giáo Hội PG VN, định nghĩa hai chữ Pháp giới như sau:

" Pháp giới có nhiều nghĩa, sau đây là hai nghĩa chánh:

1. Nói về sự: Pháp tức là các pháp, giới là phạm giới.

Các pháp đều có tự thể, nhưng phạm giới (giới hạn riêng của nó) thì không giống nhau, cho nên gọi là Pháp giới.

Thế nhưng nói Pháp giới thì mỗi pháp đều gọi là Pháp giới, mà nói chung cả vạn pháp thì cũng chỉ một từ Pháp giới.

Do đó, **Sự Pháp giới**, một trong 4 Pháp giới do các nhà Hoa Nghiêm đã nêu lên, các nhà Thiên Thai chú giải. **Thập Pháp giới** của Tục Đế cũng dựa theo nghĩa vừa nói trên.

Giới cũng có nghĩa là cõi, Pháp giới có nghĩa là cõi cùng cực của Pháp, dù rộng lớn, sâu xa đến đâu cũng không vượt qua cõi đó.

Tứ Giáo Nghi Tập Chú: cùng tận giới hạn gọi là Pháp giới.

2. Nói về lý: Pháp Tướng, Hoa Nghiêm chủ trương lý tính chân như gọi là Pháp giới, cũng gọi là chân như pháp tính, Thực tướng, Thực tế.

Tuy tên gọi khác nhau, nhưng lý thể của nó chỉ là một.

Giới có nghĩa là Nhân (nhân duyên), nương dựa vào nó mà các Thánh đạo sinh ra, cho nên gọi là Pháp giới.

Giới cũng có nghĩa là Tính, vì đó là Tính mà các pháp nương dựa vào, lại cũng vì các pháp có cùng một Tính cho nên gọi là Pháp giới.

Duy Thức Thuật Ký: Vì là Thực tướng mà diệu pháp Tam Thừa nương dựa vào, cho nên gọi là Pháp giới.

Thám Huyền Ký: Giới có 3 nghĩa: **Một** là Nhân (nhân duyên) vì Thánh đạo dựa vào đó mà sinh ra. Pháp giới là hết thảy mọi nhân pháp. **Hai** là Tính, có nghĩa này là vì các pháp phải dựa vào Tính, đoạn trên đã nói Pháp giới tức là Pháp tính. **Ba** là Vạn pháp đều có tướng bình đẳng như nhau, các duyên khởi không xen tạp. Đó là Lý Pháp giới, một trong 4 Pháp giới.

Các nhà Hoa Nghiêm và Thiên Thai cùng chỉ ra ý nghĩa tổng hợp đầy đủ hết thảy các pháp, gọi là Pháp giới.

Đại Thừa Chỉ Quán: Pháp có nghĩa là tự nhiên, giới có nghĩa là sự phân biệt về tính, do cái tâm thể tự nhiên ấy có đầy đủ hết thảy các pháp nên gọi là Pháp giới.

Đó là Sự Sự Vô Ngại Pháp giới, gọi tắt là Sự Pháp giới.

Pháp giới cũng có nghĩa là phạm vi pháp tướng chi phối lý nhân quả. Phật là bậc siêu thoát ra ngoài phạm vi đó, cho nên *chỉ có một mình Phật đứng sừng sững ở ngoài Pháp giới.*

"Vi phân biệt nghĩa tướng viên dung vô ngại mà các nhà Hoa Nghiêm lập Tứ Pháp giới. Trái lại, các nhà Thiên Thai vi diễn tả các sự tướng muôn vàn sai biệt mà lập Thập Pháp giới.

*** Tứ Pháp giới** hay Tứ chủng Pháp giới gồm:

1. **Sự Pháp giới:** tức là các pháp sắc và tâm của chúng sanh, mỗi cái đều sai khác, mỗi cái đều có giới hạn phân tẻ.

2. **Lý Pháp giới:** tức là các pháp sắc và tâm của chúng sanh tuy có sai khác nhưng có cùng chung một thể tính.
3. **Lý Sự vô ngại Pháp giới:** tức là Lý do Sự mà hiển bày, sự nhờ lý mà thành tựu, lý sự dung thông nhau.
4. **Sự Sự vô ngại Pháp giới:** tức là hết thảy các sự kiện có giới hạn phân tẻ đều dung thông nhau một cách xướng tính.

* **Thập Pháp giới** là 10 Pháp giới:

1. **Phật Pháp giới:** tức là cái cảnh giới tự giác giác tha, giáo hành đầy đủ.
2. **Bồ Tát Pháp giới:** tức là cảnh giới vô thượng bồ đề, tu lục độ, vạn hạnh.
3. **Duyên Giác Pháp giới:** tức là cảnh giới nhập Niết Bàn, tu 12 nhân duyên quán.
4. **Thanh Văn Pháp giới:** tức là cảnh giới nhập Niết Bàn, y vào thanh giáo của Phật mà tu phép quán Tứ Đế.
5. **Thiện Pháp giới:** tức là cảnh giới tu thượng phẩm thập thiện, kiêm tu thiền định, được sanh lên cõi Trời, thụ hưởng thú vui thanh tịnh vi diệu.
6. **Nhân Pháp giới:** tức là cảnh giới tu năm giới và trung phẩm thập thiện, hưởng thụ niềm vui, nỗi khổ ở cõi người.
7. **A-tu-la Pháp giới:** tức là cảnh giới thịnh hành lục phẩm thập thiện, làm loài phi nhân, có thông lực tự tại.
8. **Quỷ Pháp giới:** tức là cảnh giới phạm vào hạ phẩm ngũ nghịch, thập ác, làm loài ác quỷ thần, chịu nỗi khổ đói khát.
9. **Súc sinh Pháp giới:** tức là cảnh giới phạm vào trung phẩm ngũ nghịch thập ác, làm loài súc sinh chịu nỗi khổ bị giết và ăn thịt.
10. **Địa ngục Pháp giới:** là cảnh giới thấp nhất vì phạm vào thượng phẩm ngũ nghịch thập ác, phải chịu nỗi khổ rét, nóng, kêu la.

Về các việc Thập Pháp giới, không kinh luận nào là không nói rõ, bởi vậy Thiên Thai Đại Sư mới dựa theo ý trong các

kinh luận mà lập nên thành một loại Pháp môn thâm tóm hết thủy cội hữu tình."

Pháp giới có nhiều nghĩa rất rộng như thế, nhưng nghĩa thường dùng thì có 5 trường hợp sau đây:

1. *Pháp giới là cảnh giới của pháp, nói vắn tắt là: cõi.*
Cõi trần, cõi thiên liêng, cõi địa ngục đều là Pháp giới.
2. *Pháp giới là phạm vi của Pháp, bao gồm các Pháp hữu vi và vô vi. Pháp hữu vi là Thế pháp, Pháp vô vi là Bí pháp.*

TĐ ĐPHP: Không có một điều chi Chí Tôn để trong Pháp giới của Ngài trong cửa Đạo này mà không có nghĩa lý.

3. *Pháp giới là cơ quan tạo hóa ra vạn vật trong CKVT.*

TĐ ĐPHP: CTĐ là chơn tướng của Cửu Thiên Khai Hóa, tức là cơ hữu vi của CKVT, do Cửu Thiên Khai Hóa tạo thành. Còn HTĐ là *Pháp giới* tạo ra vạn linh, nó là Đạo, rõ rệt như vậy.

4. *Pháp giới là bí pháp huyền diệu, pháp thuật màu nhiệm.*

TĐ ĐPHP: Hộ Pháp đến kỳ Long Hoa này cốt để rước Cửu Nhị ức nguyên nhân là bạn chí thân của người đã bị đọa lạc nơi hồng trần không phương giải thoát. Muốn rước các bạn chí thân của Bản đạo, Đức Chí Tôn buộc phải lấy *Pháp giới* tận độ chúng sanh.

KỆ CHUÔNG BÃI ĐÀN: Thiên phong hải chúng quốc thối dân an hồi hướng đàn trường tận thâm *Pháp giới*.

5. *Pháp giới là phạm vi pháp luật, nói tắt là: pháp luật.*

TĐ ĐPHP: Đáng cảm quyền trong *Pháp giới* là Hư Vô Cao Thiên vâng mạng lệnh Hạo Nhiên Pháp Thiên làm cho vũ trụ khởi tương tàn với nhau.... Hư Vô Cao Thiên thuộc về *Pháp giới* cảm cả luật Thiên điều.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Pháp hóa tướng tông

法化相宗

Pháp: Giáo lý, giáo thuyết của một nền tôn giáo. **Hóa:** biến thành. **Tướng:** có hình dạng cụ thể. **Tông:** **Tôn:** tôn giáo.

Pháp hóa tướng tông là cái giáo lý biến thành một nền tôn giáo có hình tướng cụ thể.

Đây là một câu kinh trong bài kinh Tiên Giáo, nhắc lại sự tích Đức Lão Tử ngồi trên xe trắng trâu xanh đến ải Hàm Cốc, nhận quan giữ ải là Doãn Hỷ làm đồ đệ, truyền cho Doãn Hỷ quyển sách Đạo Đức Kinh, cứ tu theo sách này thì đắc đạo thành Tiên.

Từ trước đến giờ, Đức Lão Tử chưa truyền kinh sách cho ai, nay mới truyền Đạo Đức Kinh cho Doãn Hỷ. Đây là quyển sách dùng làm căn bản cho Tiên giáo, để Doãn Hỷ lập đạo, truyền bá đạo Tiên, và bắt đầu từ đây, đạo Tiên mới có hình tướng rõ rệt.

Pháp khí

法器

Pháp: Giáo lý, giáo thuyết của một nền tôn giáo. **Khí:** đồ dùng, tài năng.

Pháp khí, nghĩa đen là đồ dùng để chứa pháp, nghĩa bóng là người có khả năng tiếp thu giáo lý của Phật, gìn giữ và truyền bá Phật pháp.

Ông A-Nan là Pháp khí của Đức Phật Thích Ca, vì ông thọ lấy và nhớ tất cả những điều Phật dạy.

Huệ Khả theo hầu Đạt Ma Tổ Sư là Pháp khí, được Tổ Sư truyền y bát cho Huệ Khả làm Nhị Tổ Phật giáo Trung hoa.

Pháp luân thường chuyển

法輪常轉

A: The wheel of the Holy doctrine turns ordinarily.

P: La roue de la Sainte doctrine tourne ordinairement.

Pháp: Giáo lý, giáo thuyết của một nền tôn giáo. **Luân:** cái bánh xe. **Thường:** luôn luôn. **Thường chuyển:** chuyển động luôn luôn.

Pháp luân là bánh xe pháp, bánh xe giáo lý của Phật.

Bánh xe tượng trưng giáo lý, cũng như hoa sen tượng trưng ngôi vị của Phật.

Giáo lý của Phật như cái bánh xe, lăn tới trước mãi, đưa chúng sanh tiến hóa mãi trên đường giải thoát.

Bánh xe khi lăn tới đâu thì cán nát các loại gai cỏ, cũng như Giáo pháp của Phật truyền tới đâu thì nơi đó hết vô minh và phiền não.

Sau khi Đức Phật Thích Ca thành đạo, Ngài thuyết pháp lần đầu tiên tại thành Bénarès với đề tài Tứ Diệu Đế để độ nhóm 5 anh em ông Kiều Trần Như. Đó là Đức Phật chuyển Pháp luân, tức là Đức Phật bắt đầu vận chuyển bánh xe Pháp cho lăn tới, nhờ thế mà 5 vị này giác ngộ, qui y theo Phật, đắc quả A-La-Hán. Đó là Phật chuyển Pháp luân lần thứ nhất.

Đức Phật chuyển Pháp luân lần sau cùng, trước khi Phật nhập Niết Bàn, tại Hội Pháp Hoa, thuyết giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, giáo pháp thượng thừa của Phật, độ vô số chúng sanh vào Đại thừa, đắc Phật huệ.

Pháp luân thường chuyển là đạo lý luôn luôn chuyển động đi tới như một bánh xe, để cứu độ chúng sanh, đưa chúng sanh lên đường tấn hóa đến bờ giải thoát.

Việc đi Hoán đàn trước khi cúng Đại đàn nơi Tòa Thánh tượng trưng Pháp Luân thường chuyển. Chúng ta phải đi từ cấp 1 CTĐ (Địa Thần) lên cấp 9 CTĐ (Thiên Tiên), lên Cung Đạo (Phật vị), rồi trở xuống cấp 1 CTĐ, lại vòng lên trên rồi mới đứng vào vị trí của mình. Khi đi lên là Phàm nhập Thánh, khi đi xuống là Thánh lâm Phàm, rồi đi vòng trở lên là Phàm nhập Thánh. Đi như vậy là Pháp luân thường chuyển tức là đắc đạo.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giải thích Hoán đàn:

"Đó là bùa Pháp luân thường chuyển. Tại sao Chí Tôn để bùa Pháp luân thường chuyển tại thế này? Đặng chi vậy?"

Hiện đã mãn Hạ ngươn Tam Chuyển, bắt đầu Thượng ngươn Tứ Chuyển, nên phải để cho Pháp luân chuyển.

Ta đã biết thời Tiên Thiên Khí và Hậu Thiên Khí chuyển làm một mới đạt đạo đặng.

Cả thầy đều biết CTĐ này là Cửu Thiên Khai Hóa, còn cung trên kia là Cung Đạo. Từ trước tới nay, mỗi người mãi miết tìm Đạo mà Chí Tôn để giữa đó, trước mắt mà không biết.

Đi chín từng Trời để phần hồn đi cho cùng tột cửu phẩm Thần, Thánh, Tiên, đến Phật, rồi Phật xuống phàm, rồi phàm trở lên Phật, chuyển luân như vậy, Bí pháp gọi là đạt đạo."

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Pháp môn

法門

A: The ways of improvement.

P: Les voies de perfectionnement.

Pháp: Giáo lý, giáo thuyết của một nền tôn giáo. **Môn:** cửa.

Pháp môn là giáo lý của một nền tôn giáo giống như là cái cửa dẫn vào tòa nhà đắc đạo giải thoát.

Như thế, Pháp môn là cách tu, là phương pháp tu hành.

Một nền tôn giáo có thể mở ra nhiều Pháp môn, để tùy căn cơ của nhơn sanh, thích hợp Pháp môn nào thì theo đó mà tu hành, nhưng cứu cánh thì chỉ có một, đó là đắc đạo thành Tiên, Phật, thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

"Đạo lý pháp môn vô lượng, chúng sanh căn trí vô lượng."
Nghĩa là: Các pháp môn tu hành nhiều không kể hết, trình độ chúng sanh và duyên nghiệp của họ cũng nhiều không kể hết.

Các Đấng Tiên Phật giáng trần mở nhiều pháp môn tu hành, từ thấp đến cao, chúng sanh có căn trí bậc nào thích hợp với pháp môn nào thì theo đó mà tu hành. Nếu không tu là tại mình còn ham mê vật chất, chớ không phải không có pháp môn thích hợp. Đạo Cao Đài mở ra 4 pháp môn tu hành:

1. Con đường tu theo Cửu phẩm Thần Tiên, tức là lập công quả nơi CTĐ.
2. Con đường tu lập công quả nơi Bộ Pháp Chánh HTĐ.
3. Con đường tu theo Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng, tức là lập công đức nơi Cơ Quan Phước Thiện.
4. Con đường tu chơn, luyện đạo nơi Tịnh Thất.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Pháp nhân

- **PHÁP NHÂN** theo Sắc Luật số 003/65 ngày 12-7-1965.
- **PHÁP NHÂN** theo Quyết Định số 10 QĐ/TGCP ngày 9-5-1997

法人

A: Juridical personality.

P: Personnalité juridique.

Pháp: Pháp luật, các Luật đặt ra để quản lý việc Đời hay việc Đạo. **Nhân:** người.

Pháp nhân là một tổ chức, một đoàn thể, hay một tôn giáo, được pháp luật quốc gia công nhận như một cá nhân, tức là có tư cách pháp lý, nghĩa vụ và quyền lợi như một cá nhân.

Không phải đoàn thể nào cũng có Pháp nhân.

Một đoàn thể muốn được công nhận Pháp nhân thì phải có các điều kiện sau đây:

1. Có những quyền lợi chánh đáng cần được bảo vệ.
2. Những quyền lợi đó có thể được qui tụ vào một trung tâm đại diện.
3. Có một hệ thống tổ chức rõ ràng, có người đại diện hợp pháp.

Việc công nhận một đoàn thể, tổ chức, tôn giáo phải được thực hiện bằng một Sắc Lệnh của chánh phủ.

Căn cứ vào Sắc Lệnh đó, kể từ ngày ký, đoàn thể ấy mới có tư cách pháp nhân, mới được đứng tên làm chủ các bất động sản hay động sản, cũng như các quyền lợi khác.

Đạo Cao Đài từ trước tới nay, có 2 lần được chánh phủ ban cho tư cách pháp nhân:

- Ngày 12-7-1965, Đạo Cao Đài TTTN được Chánh phủ VNCH ra Sắc Luật số 003/65 công nhận Hội Thánh ĐĐTKPĐ có tư cách pháp nhân.

- Ngày 9-5-1997, Đạo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh được Ban Tôn Giáo Chánh phủ Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban cho pháp nhân theo Quyết Định số 10 QĐ/TGCP.

Sau đây, chúng tôi chép lại bản Hiến Chương của Đạo Cao Đài kỳ ban Pháp nhân thứ 1 và kỳ ban Pháp nhân thứ 2.

Phần thứ nhứt: PHÁP NHÂN theo Sắc Luật số 003/65 ngày 12-7-1965.

- Bài dạy Hạnh Đường khóa Lễ Sanh 1973
- Bài Thuyết trình của Giáo Sư Nguyễn Lương Hưng
- Sắc Luật Số 003/65 ngày 12-7-1965
- Hiến Chương Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ 1965

• Bài dạy Hạnh Đường khóa Lễ Sanh 1973:

"Kể từ Sắc Luật 003/65 ngày 12-7-1965 của chánh phủ được ban hành thì ĐĐTKPĐ tức là Đạo Cao Đài được công nhận có tư cách pháp nhân.

Nhưng phần lớn trong bốn đạo chưa nhận thức rõ Pháp nhân là thế nào và quyền hạn tư cách ấy đến mực nào?

Đa số vẫn lầm tưởng rằng, một khi Đạo có tư cách pháp nhân thì quyền hạn rộng lớn lắm, muốn gìặng nấy và không ai làm gìặng mình, rồi sanh ra tự cao tự đại.

Nhưng sự thật lại là một lẽ khác.

Theo Công Pháp Quốc Tế thì mỗi công dân của một nước Tự do Dân chủ, tức là mỗi cá nhân, hay nói cách khác, mỗi thể

nhân đều được hưởng các quyền Tự do Dân chủ căn bản như: Quyền tự do hội họp, tự do đi lại, tự do ngôn luận, tự do sinh hoạt về kinh tế, thương mại và các quyền phụ thuộc như: quyền mua bán, ký kết, lập hoặc hủy bỏ các khế ước, làm chủ, nhận hoặc cho các tài vật về động sản, cũng như bất động sản, v.v...

Đó là nói về mỗi cá nhân hay là mỗi thể nhân; còn các đoàn thể hoặc hiệp hội do đông người hiệp ý với nhau làm một việc gì, như các tôn giáo, các đoàn thể đảng phái, các công ty, hoặc những hiệp hội nhỏ hơn như các hội thể thao, hội tương tế, v.v... thì sao?

Các tổ chức ấy, muốn hưởng các quyền hạn như một cá nhân hay thể nhân thì phải lập một bản Điều lệ hoặc Nội qui dâng lên cho chánh quyền xin được công nhận là một pháp nhân, tức là một người về mặt pháp lý và hưởng các quyền tự do dân chủ y như một thể nhân.

Pháp nhân ấy, chánh quyền ban ra thì lẽ dĩ nhiên có quyền thu lại khi nhận thấy đủ bằng cứ rằng đoàn thể ấy có những hoạt động phi pháp, phạm pháp hay là có phương hại cho nền an ninh quốc gia.

Các thể nhân cũng như các pháp nhân, mặc dù được hưởng các quyền tự do dân chủ căn bản, nhưng lúc nào cũng phải ở trong vòng khuôn viên luật pháp hiện hành của quốc gia mình đang sống.

Pháp nhân, tóm tắt có ý nghĩa là một NHÂN (một người) về mặt pháp lý chứ chẳng phải được pháp nhân là một quyền gì to lớn bất khả xâm phạm rồi sanh ra tự cao có thể di hại cho tôn giáo hoặc đoàn thể đó vậy."

* Ngày 21-1-1965 (âi 19-12-Giáp Thìn), Hội Thánh ĐĐTKPĐ Tòa Thánh Tây Ninh gửi đơn lên chánh phủ đương thời thỉnh cầu chánh phủ công nhận Đạo Cao Đài có tư cách pháp nhân, kèm theo đơn là bản Hiến Chương ĐĐTKPĐ.

* Ngày 8-6-1965, Giáo sư Nguyễn Lương Hưng, Hội viên Hội Đồng Quốc gia Lập pháp được chỉ định đọc một bài thuyết trình về Đạo Cao Đài để Hội Đồng Quốc gia Lập pháp tường lãm và quyết nghị về pháp nhân của Đạo Cao Đài.

Sau đây chúng tôi xin chép lại nguyên văn 2 phần trên:

• *Bài Thuyết trình của Giáo Sư Nguyễn Lương Hưng*

Bài Thuyết trình của Giáo Sư Nguyễn Lương Hưng, Hội viên Hội Đồng Quốc gia Lập pháp, thuyết trình trước Đại Hội Hội Đồng Quốc gia Lập pháp ngày 8-6-1965:

Do đơn ngày 21-1-1965 gửi cho Thủ Tướng Chính phủ có đính kèm một bản Hiến Chương ĐĐTKPĐ (Cao Đài giáo), Hội Thánh ĐĐTKPĐ thỉnh cầu Thủ Tướng Chính phủ ban bố một Đạo Luật công nhận Hội Thánh ĐĐTKPĐ có đủ tư cách pháp nhân.

Nay đơn và hồ sơ đề ngày 21-1-1965 trên đây đã được Thủ Tướng Chính phủ gửi cho ông Chủ Tịch Hội Đồng Quốc gia Lập pháp ngày 2-6-1965 và ông Chủ Tịch Ủy Ban Chánh Trị đề cử chúng tôi làm thuyết trình viên ngày 4-6-1965.

Sau đây là những yếu điểm về Cao Đài giáo mà chúng tôi xin trình bày để Hội Đồng tường lãm và thảo quyết.

Trước hết, chúng tôi xin trình bày sơ lược lịch sử của tôn giáo này.

I. LƯỢC SỬ CAO ĐÀI GIÁO:

ĐĐTKPĐ hay gọi tắt là Cao Đài giáo là một tôn giáo xuất hiện tại Miền Nam Việt Nam, được thành lập chánh thức từ năm 1926.

Cao Đài giáo phát xuất từ hiện tượng Thông linh (Spiritisme) tức là một lối giáng cơ đề bút rất thông dụng ở VN. Ban đầu hiện tượng giáng cơ này xảy ra lẻ tẻ tại nhiều nơi trong các vùng Sài Gòn, Chợ Lớn và Lục tỉnh, và sở dĩ hiện tượng này đã hấp dẫn mạnh mẽ nhiều tín đồ, ấy là vì nội dung kỳ diệu trong những ngôn từ mà đàn cơ phổ hiện ra. Đó là cái mà về sau, người ta gọi là Thánh giáo hay Thánh huấn (Messages Spirites). Bởi vậy, trong thời kỳ đó, người ta thấy xuất hiện nhiều chi phái (Sectes) rải rác khắp cả Miền Nam. Sau đó, theo những lời mật truyền trong một số Thánh giáo

mà các chi phái kể trên lần lượt qui tụ lại để rồi tạo dựng một nền tôn giáo duy nhất mang tên là ĐĐTKPĐ (Cao Đài giáo), sau khi đã chánh thức thành lập Tòa Thánh tại Thánh địa Tây Ninh.

Kể từ đó, Cao Đài giáo đã thu hút rất nhiều tín đồ, trong đó, đa số là những vị quan chức thời Pháp thuộc và nhiều nhà trí thức lỗi lạc danh tiếng. Xét như vậy, Cao Đài giáo là một tôn giáo hoàn toàn đặt trên nền tảng của Thông Linh học. Do đó, Thông Linh học đóng góp một vai trò rất quan trọng trong vấn đề phát triển cơ cấu của Đại Đạo.

II. Ý NGHĨA VÀ ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẠI ĐẠO:

Sự xuất hiện của Cao Đài giáo là nhằm mục đích phục hồi những giá trị đạo lý cổ xưa đã được phổ truyền do các Đấng Giáo chủ chính yếu như: Thích Ca, Khổng Tử, Lão Tử, Jésus Christ, và phối hợp tất cả giáo lý giáo nghĩa của các tôn giáo cựu truyền đó, để đúc kết thành một hệ thống giáo lý tổng hợp duy nhất theo như tôn chỉ mà một Thánh giáo đã vạch ra là: Qui nguyên Tam giáo (Nho, Thích, Đạo) và Phục nhất Ngũ chi (Nhân đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo).

Cũng theo Thánh giáo, Đấng Thượng Đế phán truyền rằng: "Các tôn giáo kể trên, trải qua những biến chuyển thăng trầm của lịch sử, đã càng ngày bị biến đổi, sai lệch đối với các giáo lý nguyên sơ."

Thế nên sứ mệnh của Cao Đài giáo chính là tìm cách tu sửa các giáo nghĩa, sắp xếp lại thành một hệ thống thích nghi với trình độ tiến hóa của nhơn loại ngày nay. Mặt khác, sự tu sửa đó cũng là nói lên sự cần thiết của một nền văn hóa tổng hợp, xét như một điều kiện cần thiết cho công cuộc tụ tập nhơn loại thành một khối duy nhất, hầu xây dựng một cộng đồng chung thanh bình an lạc.

Với mục phiêu lý tưởng đó, Cao Đài giáo chủ trương một đường lối hòa đồng rộng lớn trong mọi phương diện hoạt động của xã hội loài người, đặt trên nền tảng của tình huynh đệ bình đẳng và nâng cao phát triển tinh thần đạo lý, mở rộng ý thức về tôn giáo, xóa bỏ những dị kiến chấp nê sai lầm giữa các tín đồ thuộc các tôn giáo khác nhau.

Trong viễn tượng đó, Cao Đài giáo chỉ thờ một hình ảnh duy nhất là Thiên Nhân (Oeil de Dieu) biểu trưng Đấng Thượng Đế tối cao, nguồn cứu rỗi vô biên đã gián tiếp hiện thân qua các phàm thể: Thích Ca, Jésus Christ, Khổng Tử, Lão Tử, v.v...

Sự hình thành của Cao Đài giáo qua hiện tượng Thông linh, chứng tỏ Đấng Thượng Đế không muốn giáng thế bằng cách nhập vào một phàm thể như đã được thể hiện trong các tôn giáo khác. Điều đó, có lẽ là Đấng Thượng Đế muốn loài người ý thức đúng đắn hơn cái mà người ta gọi là Thượng Đế. Nói rõ ra, tôn giáo Cao Đài chính là cái linh hồn bất biến của tôn giáo. Do đó nên có thể nói, ít ra là trên bình diện lý thuyết, Cao Đài giáo chính là một tôn giáo của tất cả tôn giáo. Và cũng bởi lẽ đó mà Cao Đài giáo chỉ là một tên gọi tất thông thường, trong khi đó, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mới chính là tên gọi đích thực và đúng nghĩa của cái mà người ta gọi là Cao Đài giáo vậy.

Một điều quan trọng là khi nói đến tôn giáo, người ta thường quan niệm rằng phải có một Đấng Giáo chủ, điều kiện duy nhất cho sự hình thành của một tín ngưỡng.

Như đã nói ở trên, Đấng Giáo chủ của Cao Đài giáo không phải bằng xương bằng thịt, nhưng là vô hình, và Đấng Giáo chủ đó không ai khác hơn là chính Đấng Thượng Đế tối cao toàn năng.

Bởi thế, chúng tôi thiết nghĩ cũng nên làm sáng tỏ thêm vấn đề tế nhị ở đây là, với một trường hợp như thế, Cao Đài giáo liệu có thể được công nhận như là một đạo giáo không?

Có người quan niệm rằng Cao Đài giáo chỉ là một tổng hợp của các tôn giáo khác. Những hình thức lễ nghi, tế tự, cũng như những nội dung giáo lý, tín điều trong Cao Đài giáo đều chỉ là những chấp nối của các tôn giáo khác mà thôi.

Nhận xét như vậy tức là bỏ quên một điều tối hệ được coi như một căn nguồn cho một đức tin mới trong Cao Đài giáo. Đó là nội dung của Thánh huấn. Ở đây chúng tôi không thể đi sâu hơn vào một vấn đề chuyên môn mà thực ra nó chẳng giản dị chút nào đối với ngay cả những nhà tôn giáo.

Tuy nhiên, theo sự nhận định thô thiển của chúng tôi, chúng tôi nghĩ rằng, như đã nói ở trên, Cao Đài giáo là một tôn giáo đặt căn bản trên Thông Linh học, và điều mà người ta có thể coi hiển nhiên, Thông Linh học chỉ là một môn học thuật hơn là một khoa học, nghĩa là trong lãnh vực nghiên cứu đó, sự khảo sát và thêm vào đó những kết quả của loại suy (Analogie) thường được minh định một cách dễ dàng hơn là những công trình kiểm chứng trong việc xác định giá trị của nó.

Thật vậy, người ta khó lòng mà cắt nghĩa những nguyên động lực nào đã tác động trên những đồng tử và tác động theo cách nào để có thể tạo ra một bản Thánh huấn. Lại nữa, người ta có thể hoài nghi về những thần lực vô hình, vì cũng như trong thế giới hữu hình của chúng ta, trong thế giới vô hình vẫn có những thần lực chính đạo và những thần lực tà đạo.

Tuy nhiên, với những kết quả đã thu lượm được trong sự giáng cơ đề bút, người ta vẫn có thể phần nào giải quyết được vấn nạn đó sau khi đã khảo sát và nghiên cứu nội dung của Thánh huấn để tìm một sự xúng hợp thích đáng và hữu lý giữa nội dung của Thánh huấn và óc suy nghĩ của con người.

Chẳng cần phải nói dông dài, tất cả những công trình Cao Đài giáo, từ những chứng kiện cụ thể, như cơ cấu kiến trúc kỳ diệu của Tòa Thánh Tây Ninh cùng với hệ thống các cơ sở của nó, cho đến những bộ giáo lý, giáo lễ, giáo luật, cùng với hệ thống tổ chức chặt chẽ thành phần các Chức sắc trong nền Đạo, thấy đều tuân rập theo những phán truyền trong các Thánh huấn mà lập thành.

Điều đó chứng minh sự thật kỳ diệu của các Đấng Chơn linh trong việc thành lập một tôn giáo mới cho nhơn loại, và nó cũng chứng minh hùng hồn một tôn giáo thành lập theo một tính cách như thế, quả thật là hợp lý và siêu việt.

Với tất cả những công trình cụ thể trên, với một quá trình 40 năm hoạt động theo tôn chỉ hòa đồng nhơn loại trong tinh thần huynh đệ bình đẳng, nâng cao, phát triển tinh thần đạo lý rộng lớn trong xã hội cộng đồng, và đặc biệt cách mạng hóa tinh thần quan niệm về tôn giáo trong việc thờ phượng và tế tự. Cao Đài giáo khai mở một đường lối dung hợp rộng lớn

các tôn giáo trên căn bản duy tồn những giá trị tinh túy và gạt bỏ những sai lệch méo mó gần như không thể tránh được mà thời gian lịch sử loài người đã mang đến cho các tôn giáo đó.

Trong đường lối đó, Cao Đài giáo chỉ trong một thời gian chưa đầy 40 năm đã thu hút hàng triệu (hơn hai triệu rưỡi tín đồ trong nước) tín đồ trong nước và ngoài nước.

Cao Đài giáo là một tôn giáo mới và đang tiến triển trong cái mới, và cái mới đó chẳng gì hơn là cái mới phát xuất từ những cái rất cũ trong các tôn giáo chính thống. Bởi thế, Cao Đài giáo, dưới sự hướng dẫn trực tiếp vô hình của Đấng Thượng Đế toàn năng, cùng các Đấng Chọn sự, mặc nhiên và minh nhiên liên hệ mật thiết với các tôn giáo chính thống kia. Do đấy, một cách cụ thể nhất, Cao Đài giáo chính là một dạng thức chung của các tôn giáo chính thống. Và cũng do đấy mà sự hợp lý và hợp pháp nếu có trong công cuộc hoạt động trong quốc gia xã hội của các tôn giáo kể trên cũng là sự hợp lý và hợp pháp của chính Cao Đài giáo vậy.

III. NHẬN ĐỊNH HIẾN CHƯƠNG:

Bản Hiến chương của ĐĐTKPĐ gồm 12 chương. Xuyên qua tất cả 12 Chương này, chúng tôi nhận thấy quả thật là một Hiến Chương thuần túy tôn giáo, không hàm chứa một tính chất chánh trị hay thương mại.

- **Về phương diện Lễ nghi thờ phượng**, ĐĐTKPĐ là một tôn giáo đặc biệt thờ Thiên Nhân, biểu tượng Đức Thượng Đế tối cao duy nhất đúng theo tôn chỉ: Qui nguyên Tam giáo, Phục nhứt Ngũ chi, thờ phượng các Đấng Giáo chủ Tam giáo và Ngũ chi cùng các Đấng Linh Thần đã siêu hóa.

- **Về phương diện tổ chức** cơ cấu tôn giáo, chúng tôi thấy ĐĐTKPĐ quả thật là một tôn giáo có một tổ chức hệ thống đặc biệt. Điều này được ghi rõ trong Chương 3.

Cơ cấu ĐĐTKPĐ đại khái chia làm ba cơ cấu: HTĐ, CTĐ và BQĐ.

Một đặc điểm cốt yếu làm cho ĐĐTKPĐ khác hẳn các tôn giáo khác là sự liên thông thường xuyên giữa Thiên đạo và Thế đạo qua hiện tượng giáng cơ đề bút, và đây chính là phần hoạt động của HTĐ, lập pháp của Đại Đạo.

Kế tiếp HTĐ là CTĐ tức là cơ quan hành pháp. Những vị Chức sắc phục vụ trong cơ quan này có nhiệm vụ nghiên cứu luật pháp đạo, phổ truyền giáo lý và thực hiện những mục tiêu cứu rỗi nhơn sanh trong các hoạt động từ thiện.

Sau hết là BQĐ, cơ quan này yếu nhiệm trong việc thờ phụng Đấng Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát và các Đấng Giáo chủ Tam giáo và các Đấng thiêng liêng trong Ngũ Chi Đại Đạo.

Hệ thống Chức sắc trong cả ba cơ quan trên được tổ chức chu đáo, liên hệ chặt chẽ với nhau. Tất cả những Chức sắc này được gọi là Thiên phong, nghĩa là do Đức Thượng Đế giáng cơ phong chức. Riêng trong CTĐ, Chức sắc được chia làm hai phái: Nam và Nữ.

Nữ phái có nhiệm vụ giúp đỡ các sinh hoạt của Đạo, săn sóc các Đạo hữu như anh lớn trong gia tộc.

Cũng như các tôn giáo khác, Hội Thánh Cao Đài Trung ương đặt tại Thánh địa Tòa Thánh Tây Ninh. ĐĐTKPĐ còn thiết lập nhiều Thánh Thất ở khắp các địa phương để tín đồ đến lễ bái.

Chương VI ghi rõ, hễ nơi nào có trên 500 tín đồ thì được lập một Họ Đạo hay Tộc Đạo, đặt riêng một Thánh Thất và có một Chức sắc làm đầu cai trị. Các Họ Đạo hay Tộc Đạo này hiệp lại thành một Châu Đạo, đứng đầu bởi một Chức sắc cao cấp hơn.

ĐĐTKPĐ, ngoài việc tổ chức hệ thống các cơ sở thờ phượng và tu hành để cho các Chức sắc trong Đạo có nơi ăn chỗ ở, thăng tiến công cuộc tu chứng, Đại Đạo còn chú trọng sâu xa đến các công cuộc từ thiện trong cộng đồng xã hội bằng cách thiết lập nhiều cơ sở quan trọng như Viện Cô Nhi, Dưỡng Lão, các trường sở miễn phí, để cụ thể hóa tinh thần hy sinh cao cả, lòng từ bi bác ái của Chức sắc.

Xét bản Hiến Chương này, chúng tôi thấy ĐĐTKPĐ tuy là một tôn giáo mới mà lại có một hệ thống tổ chức thật hoàn bị và chặt chẽ. Song song với công việc nghiên cứu Thánh huấn cùng tầm khảo các kho tàng đạo lý cổ xưa để thiết lập một nền

Đại Đạo vững chắc thích ứng với trình độ tiến hóa của xã hội ngày nay.

ĐĐTKPĐ còn đặt nặng vấn đề hoạt động từ thiện trong cộng đồng xã hội, mục tiêu cụ thể và thiết thực của một đạo giáo là để giảm bớt nỗi thống khổ của con người trong thời đại gạo châu củi quế này.

Với những nhận định sơ lược trên, chúng tôi thiên nghĩ bản Hiến Chương của Đại Đạo quả thực đã biểu lộ được một tinh thần hoạt động thuần túy tôn giáo, một đường lối chủ trương và tổ chức hoàn toàn có tính cách khuynh tôn, nâng cao tinh thần phục vụ cho tín ngưỡng cao diệu và giải độ cứu rỗi chúng sanh.

Như vậy, bản Hiến Chương chứng tỏ Đại Đạo có một đường lối hoạt động của một tôn giáo thuần túy chứ không phải của một hiệp hội có tính cách thương mại hay chánh trị.

Qua những nhận xét trên, chúng tôi nhận thấy đây là một tôn giáo mới, mới trong một trường hợp hiện hữu kỳ diệu, dưới sự dẫn hướng trực tiếp của Đấng Thượng Đế, mới trong tinh thần hòa đồng rộng lớn và mới phát xuất từ những gì rất cũ của các tôn giáo khác.

Tất cả những điều đó diễn tả một sự hãnh diện của chính dân tộc VN, một dân tộc đã và đang bị một thứ "*chiến tranh chủ nghĩa*" vây xéo.

Cao Đài giáo là một tôn giáo xuất hiện trên dãy đất của chúng ta, nhưng là một tôn giáo của toàn thể hơn loại. Với một tinh thần hòa đồng rộng lớn, chúng tôi thiết nghĩ chỉ có Cao Đài giáo trong sứ mệnh thiêng liêng của nó, và cũng là trong sự cần thiết duy nhất của VN và của toàn hơn loại ngày nay, mới có thể, ít ra là trên mặt trận văn hóa, giải quyết được những tranh chấp bi đát hiện tại cho đất nước.

Bởi lẽ đó, đứng trên cả hai quan điểm tôn giáo và chánh trị, chúng tôi nhận thấy việc xác nhận và công nhận ĐĐTKPĐ có đủ tư cách pháp nhân là một điều hợp lý và chính đáng vậy.

Thuyết trình viên: NGUYỄN LƯƠNG HUNG.

• **Sắc Luật Số 003/65 ngày 12-7-1965**

**SẮC LUẬT SỐ 003/65 ngày 12-7-1965
cho phép Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hoạt động theo
Hiến Chương ngày 21-1-1965.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN LÃNH ĐẠO QUỐC GIA

Chiếu Ước Pháp ngày 19 tháng 6 năm 1965.

Chiếu Quyết Định số 3-QLVNCH/QĐ ngày 14-6-1965 của Đại Hội Đồng các Tướng lãnh Quân lực VNCH thành lập và ấn định thành phần Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia.

Chiếu Sắc Lệnh số 001-a CT/LĐQG/SL ngày 19-6-1965 ấn định thành phần Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương.

Chiếu Dụ số 10 ngày 6-8-1950 sửa đổi bởi Dụ số 24 ngày 19-11-1952 và Dụ số 6 ngày 3-4-1954, ấn định qui chế Hiệp hội.

Chiếu đề nghị của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia thảo luận và biểu quyết,

SẮC LUẬT

Điều thứ 1: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được phép hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam theo Hiến Chương ngày 21-1-1965 đính theo Sắc Luật này.

Điều thứ 2: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có tư cách pháp nhân, được quyền sở hữu, thủ đắc, tạo mãi hoặc chuyển nhượng những động sản và bất động sản cần thiết để đạt mục đích của Giáo Hội.

Những bất động sản đó gồm có Tòa Thánh và những Thánh Thất, Tịnh Thất, trụ sở và các cơ sở hoạt động văn hóa xã hội.

Điều thứ 3: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được quyền thu nhận những tài sản do các thể nhân hay pháp nhân sinh tặng hoặc di tặng.

Điều thứ 4: Dự số 10 ngày 6-8-1950 ấn định qui chế Hiệp hội và các luật lệ trái với Sắc Luật này, không áp dụng cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Sắc Luật này sẽ đăng vào Công báo Việt Nam Cộng Hòa.

Sài Gòn, ngày 12 tháng 7 năm 1965.

(ấn ký)

• Hiến Chương Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ 1965

HIẾN CHƯƠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ (Hội Thánh Cao Đài)

Chương I: DANH HIỆU - HUY HIỆU - ĐẠO KỲ

Điều thứ 1: Danh hiệu là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nói tắt là Đạo Cao Đài.

Điều thứ 2: Hội Thánh Cao Đài đặt địa điểm trung ương tại Tòa Thánh Tây Ninh.

Điều thứ 3: Huy hiệu tượng trưng cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là hình 3 cổ pháp:

- Bình Bát vu (biểu tượng Thích giáo)
- Cây Phất chủ (biểu tượng Lão giáo)
- Quyển Xuân Thu (biểu tượng Nho giáo)

Điều thứ 4: Đạo kỳ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Tam Thanh:

- Màu vàng biểu hiệu Thái Thanh, tượng trưng Phật giáo.
- Màu xanh (xanh da trời) biểu hiệu Thượng Thanh, tượng trưng Tiên giáo.
- Màu đỏ biểu hiệu Ngọc Thanh, tượng trưng Thánh giáo.

Điều thứ 5: Cách thờ phượng và cúng kiếng:

Thờ: Thiên Nhân.

Cúng: Bông chỉ về Tinh,

Rượu chỉ về Khí,
Trà chỉ về Thần.

Tinh, Khí, Thần là tam bửu của các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Chương II: GIÁO LÝ - TÔN CHỈ và MỤC ĐÍCH

Điều thứ 6:

- a) Giáo lý của Đại Đạo là tinh ba của giáo lý Tam giáo (*Thích, Đạo, Nho*) và của Ngũ chi (*Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo*) để hoàng dương chánh pháp.
- b) Tôn chỉ là cầu xin cứu rỗi các chơn linh khỏi sa đọa hồng trần.
- c) Mục đích là giáo hóa nhơn sanh, lập đại đồng huynh đệ.

Chương III: HỆ THỐNG TỔ CHỨC HỘI THÁNH

Điều thứ 7: ĐĐTKPĐ gồm có 3 Đài tượng trưng hình thể Đại Đạo tại thế.

- Hiệp Thiên Đài: thể hiện chơn thần thuộc Khí.
- Cửu Trùng Đài: thể hiện cơ thể thuộc Tinh.
- Bát Quái Đài: thể hiện linh hồn thuộc Thần.

Điều thứ 8: Hiệp Thiên Đài.

HTĐ là cơ quan lập pháp của Đạo, là nơi để thông công cùng Đức Thượng Đế và các Đấng thiêng liêng bằng cơ bút do Chức sắc HTĐ phò loan để tiếp các Thánh ngôn và luật pháp đạo của các Đấng thiêng liêng giảng dạy.

Hội Thánh HTĐ gồm các Chức sắc Thiên phong theo phẩm trật sau đây:

- 1 phẩm Hộ Pháp chưởng quản HTĐ và bảo hộ luật đời và luật Đạo.
- 1 vị Thượng Phẩm lo về mấy Thánh Thất và Tịnh Thất.
- 1 vị Thượng Sanh lo về phần đời.
- 12 vị Thờì Quân thuộc 3 Chi: Pháp, Đạo, Thế, đặt dưới quyền hành sự của Hộ Pháp, Thượng Phẩm và Thượng Sanh.

Điều thứ 9: Cửu Trùng Đài.

CTĐ là cơ quan Hành chính của Đạo.

Hội Thánh CTĐ gồm các Chức sắc Thiên phong theo các phẩm trật sau đây:

NAM PHÁI

- 1 phẩm Giáo Tông, lãnh đạo tối cao toàn đạo, có phận sự diu dắt Đạo hữu trong đường Đạo và đường đời.
- 3 vị Chưởng Pháp, lãnh nhiệm vụ nghiên cứu luật pháp Đạo trước khi ban hành cho toàn đạo.
- 3 vị Đầu Sư, cầm quyền chánh trị đạo, ban hành luật pháp đạo.
- 36 vị Phối Sư, có 3 vị Chánh Phối Sư làm đầu, dưới quyền 3 vị Đầu Sư cai trị Đạo.
- 72 vị Giáo Sư, có phận sự dạy dỗ Đạo hữu trong đường Đạo và đường đời, được quyền dâng sớ cầu nài về luật lệ làm hại Nhơn sanh hay là cầu xin chế giảm luật lệ ấy.
- 3000 Giáo Hữu chia đều mỗi phái 1000 vị, chẳng tăng thêm hay là giảm bớt, lãnh phận sự phổ thông Chơn đạo.
- Lễ Sanh, không hạn định số. Lễ Sanh là người có hạnh kiểm tốt, được quyền đi khai đàn cho mỗi tín đồ.

NỮ PHÁI

Chức sắc nữ phái khởi từ phẩm Đầu Sư trở xuống Lễ Sanh.

Điều thứ 10: Bàn Trị Sự. Bàn Trị Sự là cơ quan hành đạo trong thôn xã gồm những Chức việc sau đây: 1 Chánh Trị Sự, 1 Phó Trị Sự, 1 Thông Sự, có nhiệm vụ giúp đỡ các sinh hoạt của đạo và săn sóc các Đạo hữu như anh lớn trong gia tộc.

Điều thứ 11: Bát Quái Đài.

BQĐ là ngôi thờ phụng Đức Thượng Đế, tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, và các Đấng Giáo chủ Tam giáo cùng các Đấng thiêng liêng trong Ngũ Chi Đại Đạo: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo.

Chương IV: CHỨC SẮC và TÍN ĐỒ.

Điều thứ 12: Đạo hữu thọ phong các phẩm từ Giáo Hữu sắp lên tới Giáo Tông đều là Chức sắc, lựa chọn trong hàng thượng thừa mà thôi.

Điều thứ 13: Những người nam hay nữ, không phân biệt quốc tịch, màu da, tuổi tác, giai cấp, nghề nghiệp, đảng phái, đến thọ lễ Nhập môn đều được nhìn nhận là tín đồ ĐĐTKPĐ.

Chương V: ĐẠO PHỤC.

Điều thứ 14: Đạo phục của Hội Thánh nam phái CTĐ là

- Màu vàng của Chức sắc thuộc Thái Thanh.
- Màu xanh da trời của Chức sắc thuộc Thượng Thanh.
- Màu đỏ của Chức sắc thuộc Ngọc Thanh.

Có mũ riêng từng cấp bậc.

Điều thứ 15: Đạo phục của Nữ Chức sắc CTĐ là toàn trắng (có ni-cô riêng từng cấp bậc).

Điều thứ 16: Đạo phục của Chức sắc HTĐ là toàn trắng (có mũ riêng từng cấp bậc).

Điều thứ 17: Đạo phục của thiện nam tín nữ là áo dài trắng, khăn đóng đen.

Chương VI: HỌ ĐẠO.

Điều thứ 18: Nơi nào có trên 500 tín đồ thì được lập riêng một Họ Đạo hay Tộc Đạo, đặt riêng một Thánh Thất, có một Chức sắc làm đầu cai trị.

Các Họ Đạo hay Tộc Đạo trong một tỉnh hiệp lại thành một Châu Đạo, có vị Chức sắc cao cấp hơn cai quản.

Chương VII: TÒA THÁNH - THÁNH THẤT - TỊNH THẤT

Điều thứ 19: Tòa Thánh Trung Ương (Âm Ninh) là nguồn gốc khai sáng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Điều thứ 20: Các ngôi thờ Đức Chí Tôn ở các địa phương trong nước hay ngoài nước đều gọi là Thánh Thất và Tịnh Thất.

Chương VIII: PHƯỚC THIỆN

Điều thứ 21: Phước Thiện là cơ quan lo về xã hội, tế độ người tật nguyền cô độc, kẻ gặp tai ương thống khổ.

Điều thứ 22: Trong Cơ Quan Phước Thiện cũng có Chức sắc làm âm chất thuộc Thập nhị Đẳng cấp thiêng liêng, không dựa vào Hành chánh đạo, được lập cơ sở lương điền công nghệ thâu huê lợi tạo nền nhân cội nghĩa.

Chương IX: HỘI QUYỀN VẠN LINH

Điều thứ 23: Đại Hội ĐĐTKPĐ là Hội Quyền Vạn Linh, mỗi năm họp một lần tại Tòa Thánh Tây Ninh.

Chương X: TÀI SẢN

Điều thứ 24: Tài sản của ĐĐTKPĐ gồm có:

- Động sản và bất động sản do nhơn sanh hiến cúng hoặc chuyển nhượng.
- Động sản và bất động sản do ĐĐTKPĐ tự tạo.

Chương XI: PHƯƠNG PHÁP ÁP DỤNG

Điều thứ 25: Để áp dụng Hiến Chương này, bản Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Đạo Luật và Kinh Lễ được coi là qui chế có tánh cách Nội qui.

Điều thứ 26: Hiến Chương này có thể sửa đổi do Hội Thánh lập Hiến Chương này bằng đa số 2/3 tổng số Chức sắc Hội Thánh và sau khi được Đức Chí Tôn phê chuẩn.

Chương XII: THÔNG NHẤT

Điều thứ 27: Hiến Chương này sẽ là luật căn bản thống nhất đối với tất cả Chi phái nào ngày sau chấp nhận và ký tên.

Làm tại Tòa Thánh Trung Ương,
ngày 19 tháng 2 Giáp Thìn (21-1-1965 dl).
T.M. Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh:

Q. Chương quản HTĐ
Bảo Thế LÊ THIÊN PHƯỚC
(ấn ký)

Đầu Sư CTĐ
THƯỢNG SÁNG THANH
(ấn ký)

DUYỆT Y
Đính theo Sắc Luật số 003/65

Ngày 12 tháng 7 năm 1965.
Sài Gòn, ngày 12 tháng 7 năm 1965.
CHỦ TỊCH ỦY BAN LÃNH ĐẠO QUỐC GIA
(ấn ký)

**Phần thứ nhì: PHÁP NHÂN theo Quyết Định số 10
QĐ/TGCP ngày 9-5-1997**

Ngày 9-5-1997, Đạo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh được Ban Tôn Giáo Chính Phủ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban cho Pháp nhân hoạt động y theo bản Hiến Chương được Đại Hội Đại Biểu Cao Đài Tây Ninh họp tại Tòa Thánh Tây Ninh ngày 5-4-1997 biểu quyết nhất trí thông qua.

Sau đây xin chép lại nguyên văn:

- **QUYẾT ĐỊNH** công nhận tư cách Pháp nhân tổ chức Giáo hội ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh ngày 9-5-1997.
- **HIẾN CHƯƠNG** ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh ngày 5-4-1997.
- **ĐIỀU LỆ** cầu phong cầu thăng theo luật công cử.
- **DANH SÁCH CHỨC SẮC** cơ quan thường trực Hội Thánh ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh.

• **Quyết Định công nhận tư cách Pháp nhân tổ chức Giáo hội ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh ngày 9-5-1997.**

BAN TÔN GIÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
của chánh phủ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10
QĐ/TGCP

Hà Nội, ngày 9 tháng 5 năm 1997.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tư cách pháp nhân tổ chức
Giáo Hội Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Cao Đài Tây Ninh.

TRƯỞNG BAN TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ

- Căn cứ Nghị Định số 69/HĐBT ngày 21-3-1991 của Hội Đồng Bộ Trưởng (nay là Chính phủ) qui định về hoạt động tôn giáo.
- Căn cứ Nghị Định số 37/CP ngày 4-6-1993 của Chính phủ về quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Tôn Giáo của Chính phủ;
- Xét về kết quả Đại hội Đại biểu Cao Đài Tây Ninh ngày 5-4-1997 (tại Văn thư số 80/72 HĐCQ-VT ngày 8-4-1997 của Ban Tổ chức Đại hội Đại biểu Cao Đài Tây Ninh);
- Theo đề nghị của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Tây Ninh (tại Công văn số 64/CV-UB ngày 22-4-1997);
- Thừa ủy quyền của Thủ Tướng Chính phủ (tại Thông báo số 68/NC ngày 30-3-1996 của Văn phòng Chính phủ).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chấp thuận Giáo hội Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Cao Đài Tây Ninh hoạt động trong khuôn khổ pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam theo Hiến Chương và Điều lệ cầu phong cầu thăng theo luật công cử đã được thông qua tại Đại hội Đại biểu Cao Đài Tây Ninh ngày 5-4-1997 (có Hiến Chương và Điều lệ cầu phong cầu thăng theo luật công cử kèm theo).

Điều 2: Chấp thuận nhân sự Chức sắc và các chức vụ của cơ quan thường trực Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Cao Đài Tây Ninh (gọi là Hội Đồng Chưởng Quản) gồm 52 người (có danh sách kèm theo).

Điều 3: Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi có tín đồ Chức sắc Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Cao Đài Tây Ninh và Chức sắc cơ quan thường trực Hội Thánh ĐĐTKPD Cao Đài Tây Ninh (gọi là Hội Đồng Chưởng Quản) chịu trách nhiệm thi hành Quyết Định này.

Điều 4: Quyết Định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Q. TRƯỞNG BAN
Vũ Gia Tham
(ký tên và đóng dấu)

• *Hiến Chương Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Cao Đài Tây Ninh*

HIẾN CHƯƠNG
Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Cao Đài Tây Ninh

(Đính kèm Quyết Định số 10 QĐ/TGCP ngày 9-5-1997
của Ban Tôn Giáo Chính Phủ)

LỜI NÓI ĐẦU

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài, là một tôn giáo được sáng lập vào năm Bính Dần (1926) tại nước Việt Nam, chọn Tây Ninh làm Thánh địa.

Đạo Cao Đài lấy sự thương yêu làm nền tảng, lấy nhân nghĩa làm phương châm, lấy phụng sự chúng sanh làm hành động, lấy sự cứu rỗi các chơn linh làm cứu cánh, phấn đấu cho nền hòa bình và công bằng xã hội nhằm mục đích phục vụ dân tộc, tổ quốc, Nhơn loại và chúng sanh.

Giáo lý Cao Đài tổng hợp có sáng tạo tinh ba giáo lý Tam giáo (Nho, Lão, Thích) và Ngũ Chi (Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo), trên cơ sở đó đã xây dựng Tân Luật - Pháp Chánh Truyền là giới luật và các qui định căn bản về phẩm tước Chức sắc, đạo phục, chức năng và luật công cử Chức sắc, cùng Kinh Lễ để dùng trong nghi lễ của Giáo hội.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Cao Đài Tây Ninh là tổ chức Giáo hội duy nhất lãnh đạo tinh thần Chức sắc, Chức việc, tín đồ Cao Đài Tây Ninh và chịu trách nhiệm trước pháp luật nhà nước về mọi mặt quan hệ với các pháp nhân.

Chương I: DANH HIỆU - HUY HIỆU - ĐẠO KỶ - TRỤ SỞ

Điều 1: Danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Cao Đài Tây Ninh, gọi tắt là Đạo Cao Đài Tây Ninh.

Điều 2: Huy hiệu của ĐĐTKPD Cao Đài Tây Ninh là hình 3 Cổ pháp:

- Bình Bát vu (biểu tượng Thích giáo),
- Cây Phát chủ (biểu tượng Lão giáo),
- Quyển Xuân Thu (biểu tượng Nho giáo).

Điều 3: Đạo kỳ ĐĐTKPD Cao Đài Tây Ninh là cờ Tam Thanh (vàng, xanh, đỏ).

- Màu vàng biểu hiện Thái Thanh tượng trưng Phật giáo.
- Màu xanh da trời biểu hiện Thượng Thanh tượng trưng Tiên giáo.
- Màu đỏ biểu hiện Ngọc Thanh tượng trưng Thánh giáo.

Điều 4: Trụ sở của ĐĐTKPD Cao Đài Tây Ninh đặt tại Tòa Thánh Tây Ninh.

Điều 5: Cách thờ cúng:

- | | |
|--------------------|------------------------------|
| Thờ Đức Thượng Đế: | hình Thiên Nhân. |
| Thờ Đức Phật Mẫu: | Linh vị " Diêu Trì Kim Mẫu " |
| | bằng chữ Nho. |
| Cúng: | Bông (chỉ về Tinh) |
| | Rượu (chỉ về Khí) |
| | Trà (chỉ về Thần) |

Chương II: GIÁO LÝ - TÔN CHỈ - MỤC ĐÍCH - ĐƯỜNG HƯỚNG HÀNH ĐẠO - THÀNH PHẦN.

Điều 6: Giáo lý của ĐĐTKPD Cao Đài Tây Ninh là tinh ba của giáo lý Tam giáo (Thích, Lão, Nho) và Ngũ Chi (Phật đạo, Tiên đạo, Thánh đạo, Thần đạo, Nhơn đạo).

Điều 7: Tôn chỉ mục đích là cầu xin cứu rỗi các chơn linh khỏi sa đọa trong đăm mê trần tục, cầu xin mang lại hòa bình cho nhơn sanh, hòa hợp hạnh phúc cho dân tộc, giáo hóa nhơn sanh vun bồi phát huy tính thiện và sự thương yêu chơn thật, tôn trọng sự công bằng, để loài người nơi trần thế được sống trong cảnh thái bình an lạc và tình huynh đệ tương thân tương ái đại đồng.

Điều 8: Giáo hội Cao Đài Tây Ninh hành đạo trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, đoàn kết hòa hợp dân tộc, bình đẳng và tôn trọng giữa các phái Cao Đài và các tôn giáo.

Điều 9: Thành phần của Giáo hội Cao Đài gồm: Chức sắc, Chức việc, Tín đồ.

- Tín đồ là những người nam hay nữ, không phân biệt dân tộc, giai cấp, nghề nghiệp, từ 18 tuổi trở lên, đã tự nguyện thọ lễ Nhập môn đều được nhìn nhận là tín đồ ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh, được cấp Sớ Cầu Đạo để sử dụng trong phạm vi tôn giáo.

- Chức việc: Thông Sự, Phó Trị Sự, Chánh Trị Sự, nam hay nữ là những tín đồ tiêu biểu, tự nguyện tham gia vào đạo sự tại cơ sở, được đồng đạo nơi địa phương đó tín nhiệm bầu lên.

- Chức sắc: là những Chức việc hoặc tín đồ có công nghiệp với đạo pháp theo qui định, hoặc tốt nghiệp nơi trường đào tạo Chức sắc do Giáo hội tổ chức, được đặc phong từ phẩm Lễ Sanh và tương đương đến phẩm cao nhất.

Điều 10: Thành viên của Giáo hội có quyền được đề cử, ứng cử, bầu cử, đề cử cầu phong, cầu thăng vào các cấp phẩm của Giáo hội, có quyền thảo luận và biểu quyết các công việc trong các kỳ hội nghị hay đại hội từng cấp của Giáo hội, có nhiệm vụ chấp hành Hiến Chương, Nội qui và các Quyết nghị của Giáo hội, tự nguyện hiến cúng vào các sinh hoạt phí của Giáo hội.

Chương II: HỆ THỐNG TỔ CHỨC.

Điều 11: Giáo hội Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Cao Đài Tây Ninh có cơ cấu tổ chức hai cấp:

1. Cấp Trung ương tại Tòa Thánh Tây Ninh là Hội Thánh.
2. Cấp cơ sở tại các Thánh Thất, Tịnh Thất, Điện Thờ Phật Mẫu là các Họ Đạo.

Điều 12: Hội Thánh ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh.

- Hội Thánh ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh gồm có tất cả Chức sắc nam nữ từ phẩm Giáo Hữu và các phẩm tương

đương trở lên của hai Đài hữu hình là HTĐ và CTĐ hợp lại thành Hội Thánh duy nhất, hành đạo trong niềm tin tuyệt đối nơi thiêng liêng vô vi là BQĐ.

- Bát Quái Đài là ngôi thờ Đức Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát và các Đấng Giáo chủ Tam giáo, cùng các Đấng thiêng liêng trong Ngũ Chi Đại Đạo. BQĐ là linh hồn của Đạo.

- Hiệp Thiên Đài là cơ quan bảo thủ giáo pháp chơn truyền của Đạo. HTĐ là chơn thần của Đạo.

- Cửu Trùng Đài là cơ quan phổ thông chơn đạo, có nhiệm vụ giáo hóa và phổ độ nhơn sanh trên đường đạo và đường đời. CTĐ là chơn thể của Đạo.

Điều 13: Chức sắc của HTĐ do cơ bút Thiên phong từ buổi khai đạo gồm 15 vị:

- 1 phẩm Hộ Pháp, Chưởng quản HTĐ, chủ chi Pháp.
- 1 vị Thượng Phẩm chủ chi Đạo lo về phần Thánh Thất và Tịnh Thất.
- 1 vị Thượng Sanh chủ chi Thế.
- 12 vị Thời Quân thuộc ba chi: Pháp, Đạo, Thế, đặt dưới quyền hành sự của Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh.

Chi Pháp có 4 vị: Tiếp Pháp, Khai Pháp, Hiến Pháp và Bảo Pháp.

Chi Đạo có 4 vị: Tiếp Đạo, Khai Đạo, Hiến Đạo và Bảo Đạo.

Chi Thế có 4 vị: Tiếp Thế, Khai Thế, Hiến Thế và Bảo Thế.

Các Chức sắc cấp dưới Thập nhị Thời Quân đồ xuống gồm các phẩm như sau: Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, Chưởng Ấn, Cải Trạng, Giám Đạo, Thừa Sử, Truyền Trạng, Sĩ Tải, Luật Sự. (Luật Sự được đào tạo do khoa mục và được thăng phẩm theo Luật công cử như Chức sắc các cấp khác).

Điều 14: Chức sắc Cửu Trùng Đài gồm:

A.- NAM PHÁI

- 1 phẩm Giáo Tông là Anh Cả lãnh đạo chung nền Đạo.

- 3 vị Chưởng Pháp: nghiên cứu luật pháp đạo trước khi ban hành.
- 3 vị Đầu Sư: ban hành luật pháp đạo, điều định cơ phổ độ.
- 36 vị Phối Sư: có 3 vị Chánh Phối Sư làm đầu, dưới quyền 3 vị Đầu Sư, thi hành các luật pháp đạo do 3 vị Đầu Sư ban xuống.
- 72 vị Giáo Sư: dạy dỗ tín đồ trong đường Đạo và đường Đời.
- 3000 vị Giáo Hữu: lãnh phổ thông chơn đạo.
- Lễ Sanh không hạn định số, là người có hạnh kiểm tốt, được quyền đi khai đàn thượng tượng cho mỗi tín đồ.

B.- NỮ PHÁI

Chức sắc CTĐ nữ phái chỉ từ phẩm Đầu Sư đổ xuống Lễ Sanh, không hạn định số theo từng phẩm cấp.

Nữ phái tùng theo Nam phái mà hành đạo.

Điều 15: Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh là cơ quan chủ quản những hoạt động tín ngưỡng và đạo pháp, giới luật, lễ nghi của ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh, xây dựng Thánh thể hữu hình của Đức Chí Tôn đời này qua đời khác, hướng dẫn giám sát việc hành đạo của Hội Đồng Chưởng Quản và toàn đạo.

Hội Thánh ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh có các Ban trực thuộc:

- | | |
|-------------------------|-----------------------------|
| 1. Ban Nhân sự | 6. Ban Tài chánh - Thủ quỹ. |
| 2. Ban Nghi lễ. | 7. Ban Lương thực. |
| 3. Ban Giáo dục tu sĩ. | 8. Ban Công vụ. |
| 4. Ban Trật tự nghi lễ. | 9. Ban Kiểm soát. |
| 5. Ban Sản xuất. | |

Điều 16: Hội Đồng Chưởng Quản (HĐCQ).

Hội Đồng Chưởng Quản là cơ quan thường trực của Hội Thánh ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh, chịu trách nhiệm trước Hội Thánh và toàn đạo về việc quản lý nền đạo về mặt tín ngưỡng từ Tòa Thánh đến các Thánh Thất, Tịnh Thất, Điện Thờ Phật Mẫu địa phương, chăm lo sự nghiệp tu hành cho Chức sắc, Chức việc và toàn đạo, thay mặt Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh

trước pháp lý nhà nước và trong các mối quan hệ của Giáo hội Cao Đài Tây Ninh với các pháp nhân.

Điều 17: HĐCQ do Đại Hội Hội Thánh ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh bầu ra. Thành viên HĐCQ được chọn trong hàng Chức sắc từ phẩm Giáo Hữu và các phẩm tương đương trở lên, nhiệm kỳ 5 năm. HĐCQ ấn định chương trình hoạt động hằng năm theo đúng quyết nghị của Hội Thánh, đôn đốc và kiểm soát việc thực hiện chương trình đó.

Điều 18:

A.- Thành phần HĐCQ không quá 72 vị:

- 1 Hội Trưởng
- 3 Phó Hội Trưởng
- 1 Từ Hàn
- 3 Phó Từ Hàn
- Các Hội viên bố trí vào các Ban trực thuộc Hội Thánh.

B.- Hội Trưởng, các Phó Hội Trưởng HĐCQ cùng Từ Hàn là Ban thường trực của HĐCQ để xử lý công việc đạo theo chương trình hành đạo của HĐCQ đề ra ở giữa hai kỳ hội nghị toàn thể của HĐCQ.

C.- Hội Trưởng cùng ba vị Phó Hội Trưởng và Từ Hàn của HĐCQ là thành viên của HĐCQ do hội nghị toàn thể của HĐCQ bầu lên.

D.- Hội Trưởng HĐCQ là người đứng đầu và chịu trách nhiệm chung các việc hành đạo của HĐCQ.

E. Phó Hội Trưởng Thường trực thay thế Hội Trưởng khi vị này vắng mặt và ba Phó Hội Trưởng giải quyết các việc được Hội Trưởng phân công

Điều 19: Hộ Đạo, Ban Cai Quản Hộ Đạo.

- Nơi có 500 tín đồ trở lên trong phạm vi một xã hoặc liên xã thì được thành lập một Hộ Đạo. Mỗi Hộ Đạo có Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu là nơi thờ tự của Hộ Đạo.

- Ban Cai Quản đứng đầu Hộ Đạo có phận sự cai quản Thánh Thất, Điện Thờ tại Hộ Đạo.

- Ban Cai Quản có 5 thành viên, gồm:

- 1 Cai Quản

- 2 Phó Cai Quản
- 1 Thư Ký
- 1 Thủ Quỹ
- Ngoài ra còn có các Chức việc trực thuộc giúp việc.

- Cai Quản Họ Đạo phải từ phẩm Lễ Sanh hoặc tương đương trở lên do HĐCQ chọn bổ nhiệm. Các Phó Cai Quản Họ Đạo, Thư Ký, Thủ Quỹ, do trong Họ Đạo tín nhiệm công cử, được HĐCQ phê chuẩn.

- Nhiệm kỳ của Ban Cai Quản Họ Đạo là 3 năm.

- Các thành viên Chức việc phải do tín đồ tín nhiệm công cử, được Ban Cai Quản Họ Đạo đồng ý, HĐCQ phê chuẩn.

- Chức năng của Chức việc là lo việc hướng dẫn các mặt nghi lễ cho tín đồ trong phạm vi phụ trách.

Điều 20: Ngoài hai cấp: Hội Thánh Trung ương, Họ Đạo cơ sở, còn có đại diện của HĐCQ Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh:

- Ở tỉnh, Thành phố, có nhiều Họ Đạo thì HĐCQ cử từ một đến hai Chức sắc hàng phẩm Giáo Hữu và tương đương trở lên làm đại diện tỉnh, Thành phố.

Đại diện của HĐCQ do HĐCQ chọn.

Đại diện của HĐCQ là người làm phận sự truyền đạt và hướng dẫn các Ban Cai Quản Họ Đạo thông hiểu và thực hiện đúng các Đạo Lệnh, Thông Tri về Đạo sự của Hội Thánh và HĐCQ ở Họ Đạo, đồng thời phản ảnh tình hình đạo sự ở Họ Đạo và thỉnh nguyện của Chức sắc, Chức việc, tín đồ lên HĐCQ và Hội Thánh, quan hệ với chánh quyền, Mặt trận Tổ quốc và các pháp nhân khác ngoài Giáo hội, ở tỉnh, Thành phố, để giải quyết những việc đạo sự cần thiết theo sự ủy nhiệm của HĐCQ.

Nơi làm việc của Đại diện HĐCQ là văn phòng của Ban Cai Quản của Họ Đạo thích hợp tại tỉnh, Thành phố.

Điều 21: HĐCQ và Ban Cai Quản Họ Đạo có một khuôn dấu pháp lý dùng để ấn ký các văn bản ban hành.

Chương IV: CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN.

Điều 22: Cơ Quan Phước Thiện có nhiệm vụ làm âm chất, tạo nền nhân cội nghĩa của Đạo, chuyên lo về mặt sản xuất lương điền, công nghệ, kinh doanh thu huê lợi để hỗ trợ phương tiện vật chất cho việc từ thiện, xã hội và cho việc hành đạo của các Họ Đạo và Hội Thánh, tham gia các mặt hoạt động từ thiện, xã hội, hợp pháp để tế độ người tật nguyên cô độc, kẻ gặp tai ương thống khổ.

Điều 23: Cơ Quan Phước Thiện có Thập nhị phẩm cấp từ trên đổ xuống gồm: Phật Tử, Tiên Tử, Thánh Nhơn, Hiền Nhơn, Chơn Nhơn, Đạo Nhơn, Chí Thiện, Giáo Thiện, Hành Thiện, Thính Thiện, Tân Dân, Minh Đức.

Chương V: ĐẠI HỘI - HỘI NGHỊ.

Điều 24: Đại Hội Hội Thánh ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh họp 5 năm một kỳ sau Đại lễ Đức Chí Tôn (mùng 9 tháng giêng âm lịch) do HĐCQ triệu tập để:

- Kiểm soát việc hành đạo của Giáo hội trong 5 năm qua
- Ấn định chương trình hành đạo trong 5 năm tới.
- Bầu cử HĐCQ.
- Thông qua hồ sơ danh sách cầu thăng, cầu phong của Chức sắc, Chức việc và tín hữu theo luật công cử và hồ sơ Chức sắc vi phạm luật đạo, luật nước.
- Sửa đổi Hiến Chương nếu cần và thông qua Hiến Chương sửa đổi.

Điều 25: Thành phần Đại biểu Đại Hội Hội Thánh gồm:

- Đại biểu các Chức sắc từ phẩm Giáo Hữu và phẩm tương đương trở lên.
- Đại biểu các Ban Cai Quản Họ Đạo cơ sở của Đạo Cao Đài Tây Ninh và Đại biểu là đại diện HĐCQ tại các tỉnh, thành phố.

Điều 26: Đại biểu Chức sắc từ phẩm Giáo Hữu và các phẩm tương đương trở lên có quyền biểu quyết trong Đại Hội Hội Thánh.

Điều 27: Hội nghị Hội Thánh một năm họp một kỳ sau rằm tháng mười âm lịch để:

- Xem xét việc điều hành đạo sự năm qua và chương trình năm tới của HĐCQ.
- Xem xét việc công cử, khen thưởng và kỷ luật trong đạo.

Điều 28: Đại Hội Nhơn Sanh 5 năm họp một kỳ sau Đại lễ Hội Yến Diêu Trì Cung (rằm tháng 8 âm lịch) do HĐCQ triệu tập để ghi nhận nguyện vọng của nhơn sanh đóng góp ý kiến cho Đại Hội Hội Thánh nhằm phát huy mỗi Đạo.

Đại biểu dự Đại Hội Nhơn Sanh gồm có:

- Phẩm Lễ Sanh và các phẩm tương đương.
- Chức việc và tín đồ tiêu biểu đại diện cho Chức việc và tín đồ ở Họ Đạo, do hội nghị Họ Đạo cử hoặc Ban Cai Quản Họ Đạo giới thiệu.

Điều 29: Hội nghị HĐCQ do Hội Trưởng HĐCQ triệu tập mỗi năm một kỳ sau Đại lễ Đức Chí Tôn để:

- Kiểm điểm việc hành đạo trong năm qua.
- Ấn định việc hành đạo trong năm tới.

Thành phần dự Hội nghị HĐCQ gồm có:

- Toàn thể thành viên của HĐCQ.
- Đại diện HĐCQ Cao Đài Tây Ninh tại các tỉnh, thành phố.

Ngoài ra, HĐCQ mở hội nghị không định kỳ gồm toàn thể thành viên của HĐCQ để giải quyết các việc cần thiết của đạo.

Điều 30: Hội nghị Họ Đạo mỗi năm tổ chức họp một lần vào tháng 8 âm lịch để thông qua kế hoạch hành đạo và chọn cử đại biểu đi dự Đại hội Nhơn Sanh (nếu trùng với Đại hội Nhơn Sanh ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh), công cử các chức vụ: Phó Cai Quản, Thủ Quỹ (nếu trùng với năm mãn nhiệm kỳ của Ban Cai Quản Họ Đạo).

Chương VI: TUYÊN DƯƠNG - KỶ LUẬT.

Điều 31: - Chức sắc, Chức việc và tín đồ có công đức với đạo pháp, có thành tích tham gia vào các việc ích nước, lợi dân, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, góp phần củng cố mối quan hệ đạo đời tương đắc thì sẽ được Hội Thánh tuyên dương theo luật đạo.

- Chức sắc, Chức việc và tín đồ nào có phạm luật đạo, làm thương tổn đến thanh danh của đạo thì sẽ bị xử lý nghiêm minh theo luật đạo.

- Chức sắc, Chức việc và tín đồ nào có hoạt động vi phạm luật nước, làm phương hại đến đại đoàn kết dân tộc và hòa bình, độc lập, thống nhất tổ quốc thì sau khi nhà nước xử phạt theo pháp luật, Hội Thánh sẽ xử lý nghiêm theo luật đạo.

- Hội Thánh khoan hồng cho Chức sắc, Chức việc và tín đồ phạm lỗi biết ăn năn tỉnh ngộ, lập đức để chuộc tội với đạo và chuộc tội với đời.

Điều 32: Chức sắc, Chức việc nào bị mất quyền công dân thì đương nhiên bị mất tư cách Chức sắc, Chức việc. Khi được phục hồi quyền công dân thì sẽ được Hội Thánh xét cho phục hồi tư cách Chức sắc, Chức việc nếu có yêu cầu.

Chương VII: TÀI SẢN.

Điều 33: Tài sản của Giáo hội ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh gồm có:

- Động sản và bất động sản do nhơn sanh hiến cúng hoặc chuyển nhượng hợp pháp cho Hội Thánh, HĐCQ và các Ban Cai Quản Họ Đạo.
- Động sản và bất động sản do Hội Thánh ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh và Ban Cai Quản Họ Đạo cơ sở tự tạo hợp pháp.

Chương VIII: NỘI QUI.

Điều 34: Để áp dụng Hiến Chương này, Hội Thánh và HĐCQ sẽ ban hành các văn bản qui chế hành đạo của các Ban trực thuộc Hội Thánh, của đại diện HĐCQ và của Ban Cai Quản Họ Đạo cùng với bản Tân Luật - Pháp Chánh Truyền - Đạo Luật - Kinh Lễ và Điều Lệ công cử Chức sắc ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh là các văn bản có tính cách nội qui, nội luật điều hành đạo sự của Giáo hội ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh và Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh.

Chương IX: SỬA ĐỔI HIẾN CHƯƠNG.

Điều 35: Hiến Chương được sửa đổi khi có ý kiến thỉnh nguyện của Đại Hội Nhơn Sanh và phải được 2/3 tổng số Chức sắc Đại biểu Đại Hội Hội Thánh biểu quyết.

Điều 36: Dự án sửa đổi Hiến Chương do HĐCQ đề nghị lên Đại Hội Hội Thánh.

Hiến Chương này gồm: Lời Nói Đầu, 9 Chương và 36 Điều, được Đại Hội Đại biểu Cao Đài Tây Ninh họp tại Tòa Thánh Tây Ninh ngày 5-4-1997 biểu quyết nhất trí thông qua.

HỘI THÁNH ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
CAO ĐÀI TÂY NINH
HỘI ĐỒNG CHƯƠNG QUẢN

• Điều Lệ Cầu Phong Cầu Thăng

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
CAO ĐÀI TÂY NINH
(Thất thập nhị niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

ĐIỀU LỆ CẦU PHONG CẦU THĂNG
THEO LUẬT CÔNG CỬ
Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Cao Đài Tây Ninh

- Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,
- Căn cứ Hiến Chương ĐĐTKPD Cao Đài Tây Ninh qui định chức năng và quyền hạn của HĐCQ cũng như việc thăng thưởng Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu hữu công cùng Đạo đã được nhà nước công nhận.
- Căn cứ Nghị Định số 69/HĐBT ngày 21-3-1991 của Hội Đồng Bộ Trưởng qui định về các hoạt động tôn giáo.

Nay Hội Thánh ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh qui định Điều Lệ cầu phong cầu thăng theo luật công cử cho Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu nam nữ hữu công cùng Đạo như sau:

Chương I: NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG.

Điều 1: Nay áp dụng Luật Công cử để thực hiện việc thăng thưởng hoặc phong thưởng cho Chức sắc Thiên phong, Chức việc và Đạo hữu công quả nam nữ đã hội đủ điều kiện thăng thưởng.

Điều 2: Chức sắc, Chức việc hoặc Đạo hữu công quả vi phạm luật đạo hoặc vi phạm luật pháp nhà nước bị xét xử, đang thọ hình phạt hoặc đang mất quyền công dân thì đương nhiên mất quyền cầu phong cầu thăng.

Điều 3: Chức sắc, Chức việc, Đạo hữu công quả nam nữ hội đủ điều kiện theo qui định về công nghiệp liên hệ đến việc thăng thưởng phẩm cấp của mình thì được đệ đơn về HĐCQ xin dự sổ cầu phong hay cầu thăng.

Điều 4: Hồ sơ xin cầu phong hay cầu thăng đều phải nộp tại Ban Cai Quản Họ Đạo nơi giáo phận mình thường trú và phục vụ đạo sự. Chức sắc, Chức việc công quả hành đạo thuộc các cơ sở trực thuộc HĐCQ xác nhận công nghiệp rồi nộp hồ sơ tại Ban Cai Quản Họ Đạo nơi thường trú.

Ban Cai Quản Họ Đạo tập hợp hồ sơ cầu phong, kiểm tra và chứng nhận công hạnh cho Chức việc công quả cầu phong, định ngày mở hội nghị Chức sắc, Chức việc và đồng đạo trong Giáo phận để góp ý và giới thiệu danh sách Chức việc, Đạo hữu công quả dự sổ cầu phong.

Trường hợp Chức sắc trở về hành đạo tại gia nộp hồ sơ cầu thăng thì Ban Cai Quản Họ Đạo sau khi xác minh đủ lẽ và chứng vào hồ sơ. Ban Cai Quản Họ Đạo lập phúc trình danh sách giới thiệu Chức sắc, Chức việc, Đạo hữu công quả trong Họ Đạo đủ điều kiện dự sổ cầu thăng cầu phong về HĐCQ kèm theo biên bản Hội nghị.

HĐCQ thành lập một Ban cứu xét hồ sơ cầu phong cầu thăng. Ban này sẽ thẩm tra công nghiệp hành đạo và đề nghị lên HĐCQ. HĐCQ duyệt xét lần sau cùng, lập danh sách thống

nhứt các vị đã hội đủ điều kiện thăng thưởng, sau đó quyết định cho tổ chức công cử.

Tất cả hồ sơ xin cầu phong cầu thăng đều phải được Chính quyền xác nhận theo quy định của pháp luật.

Điều 5: Căn cứ Điều 8, chương I của Tân Luật:

- Đầu Sư muốn lên Chương Pháp thì nhờ 3 vị công cử nhau.
- Phối Sư muốn lên Đầu Sư thì 36 vị công cử lên.
- Giáo Sư muốn lên Phối Sư thì nhờ 72 vị công cử nhau.
- Giáo Hữu muốn lên Giáo Sư thì nhờ 3000 vị xúm nhau công cử.
- Lễ Sanh muốn lên Giáo Hữu thì nhờ cả Lễ Sanh xúm nhau công cử.

* Ngôi Giáo Tông thì hai phẩm Chương Pháp và Đầu Sư tranh đăng, song phải chịu toàn tín đồ công cử mới đăng.

Điều 6: Nguyên tắc bỏ phiếu công cử theo lối phổ thông, trực tiếp và kín.

Thành phần đắc cử được tính theo thứ tự từ số phiếu cao nhất đến số phiếu đủ qui định cho mỗi phẩm cấp, song số phiếu đắc cử phải quá bán so với số Chức sắc dự bầu. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì vị nào có công nghiệp cao hơn thì đắc cử.

Điều 7: Hiện tại, Chức sắc các phẩm cấp chưa đủ số qui định nên Chức sắc hiện có cấp phẩm nào xúm nhau công cử theo cấp phẩm đó, rồi thông qua danh sách cho Đại Hội Hội Thánh biểu quyết.

Điều 8: Trường hợp quý vị nam phái đắc phong Lễ Sanh thì HĐCQ sẽ tổ chức lễ cầu nguyện lãnh thể định phái cho những vị này tại Cung Đạo Đền Thánh.

Chương II: THẺ LỆ CHỨC VIỆC, ĐẠO HỮU CÔNG QUẢ CẦU PHONG.

Điều 9: Chức việc cùng các phẩm tương đương và Đạo hữu công quả có thâm niên công nghiệp theo qui định dưới đây làm tròn trách nhiệm thì được lập thủ tục dự sổ cầu phong Lễ Sanh và phẩm tương đương. Các điều kiện là:

- Không vi phạm luật pháp đạo, đời.
- Giữ thập trai đến trường trai.
- Viết và đọc thông tiếng Việt.
- Hạnh kiểm tốt, siêng năng, trung thành với Đạo, với Tổ quốc.
- Ký từ tình nguyện trọn đời hành đạo.
- Có đủ thâm niên công nghiệp như sau:
 - Chánh Trị Sự: 5 năm công nghiệp.
 - Phó Trị Sự, Thông Sự: 10 năm công nghiệp.
 - Nhân viên bảo vệ trật tự nghi lễ: 10 năm công nghiệp.
 - Nhân viên Ban Trật tự Nội ô: 10 năm công nghiệp.
 - Đầu Phòng Văn, Lễ Sĩ, Giáo Nhi có cấp bằng khoa mục: 5 năm công nghiệp không gián đoạn (căn cứ vào Tờ bổ dụng)
 - Công quả các ngành: 10 năm công nghiệp từ 28 tuổi trở lên.
 - Giáo viên Đạo Đức Học Đường: 5 năm công nghiệp.
 - Đạo hữu đảm nhiệm Cai Quản, Phó Cai Quản Thánh Thất, Điện Thờ Phật Mẫu: 5 năm công nghiệp.
 - Thánh vệ viên: 10 năm công nghiệp.
 - Chánh Bảo thể: 5 năm công nghiệp.
 - Bảo thể viên: 8 năm công nghiệp.

Chương III: THỂ LỆ CHỨC SẮC CẦU THĂNG.

Điều 10: Phẩm Lễ Sanh và các phẩm tương đương trở lên hành đạo tại Tòa Thánh hay địa phương được dự sổ cầu thăng nhưt cấp nếu hội đủ điều kiện công nghiệp sau đây:

- Phương diện hạnh đức.
- Trình độ văn hóa.
- Tinh thần phục vụ đạo, phục vụ nhân dân.
- Khả năng giáo hóa nhơn sanh.
- Năm năm công nghiệp không gián đoạn.
- Lãnh trách nhiệm hành đạo địa phương từ 30 tháng trở lên.

- Giữ trường trai.
- Có cấp bằng tốt nghiệp Hạnh đường.
- Không vi phạm luật đạo, luật đời.
- Tự viết Tờ Khai lai lịch hành đạo.

Lễ Sanh, Giáo Hữu hoặc Giáo Sư được miễn hành đạo địa phương nếu đã đảm nhiệm những chức vụ chuyên môn do Hội Thánh qui định từ trước.

Chương IV: THI HÀNH QUYẾT NGHỊ của THƯỢNG HỘI SƠ BỘ (năm Đinh Ty 1977)

Điều 11: Thượng Hội Sơ bộ năm Đinh Ty (1977) đã quyết nghị xong phần cầu phong cầu thăng do Đại Hội Nhơn Sanh và Đại Hội Hội Thánh năm Giáp Dần (1974) đệ trình nhưng Hội Thánh chưa có điều kiện thi hành, nay HĐCQ sẽ xem xét và thi hành các quyết nghị về cầu phong cầu thăng nơi Vi bằng này, nhưng trước đó sẽ ra lệnh cho Ban Cai Quản Họ Đạo kiểm điểm lại các vị có tên trong Vi bằng.

- Vị nào từ năm 1977 đến nay còn giữ được phẩm chất của vị Chức sắc, có sự xác minh của Chức việc, Ban Cai Quản Họ Đạo và chính quyền địa phương xác nhận thì được HĐCQ cứu xét tấn phong theo quyết nghị của Thượng Hội Sơ bộ.
- Vị nào đã tự làm mất phẩm chất, thoái hóa về tư cách tác phong đạo đức thì đình lại.
- Vị nào đã qui vị thì do quyền thiêng liêng phong thưởng.

Chương V: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.

Điều 12: Điều lệ cầu phong cầu thăng áp dụng theo luật công cử này vì chiếu theo Tân Luật và Pháp Chánh Truyền mà lập thành và phù hợp với luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Sau này, tùy theo trình độ tiến hóa của nhơn sanh, Hội Thánh sẽ sửa đổi cho thích hợp.

Điều lệ cầu phong cầu thăng theo luật công cử này đã được Đại hội Đại biểu Cao Đài Tây Ninh họp tại Tòa Thánh Tây Ninh ngày 5-4-1997 (âl 28-2-Đinh Sửu) biểu quyết nhất trí thông qua.

HỘI THÁNH ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
CAO ĐÀI TÂY NINH
HỘI ĐỒNG CHƯƠNG QUẢN

• *Danh Sách Chức Sắc Cơ Quan Thường Trực Hội Thánh*

BAN TÔN GIÁO của CHÍNH PHỦ

**DANH SÁCH CHỨC SẮC
CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC HỘI THÁNH
ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ CAO ĐÀI TÂY NINH**

(Đính kèm Quyết Định số 10 QĐ/TGCP ngày 9-5-1997 của
Ban Tôn Giáo Chính Phủ)

TT. (1)	HỌ và TÊN (2)	CHỖ Ở (3)	CHỨC SẮC (4)	CHỨC VỤ (5)
1.	Hồ Ngọc Thơ (Thượng Thơ Thanh)	TâyNinh	Phối Sư	HộiTrưởng
2.	Nguyễn Thành Tám (Thượng Tám Thanh)	TâyNinh	Giáo Sư	Phó Hội T.
3.	Lê Minh Khuyên	TâyNinh	Cải Trạng	Phó Hội T.
4.	Phạm Thị Ngộ (Hương Ngộ)	TâyNinh	Phối Sư	Phó Hội T.
5.	Bùi Nguơn Y (Thái Y Thanh)	TâyNinh	Giáo Sư	Hội viên
6.	Phạm Văn Thiên (Thái Thiên Thanh)	TâyNinh	Giáo Sư	Hội viên
7.	Hồ Văn Tấn (Ngọc Tấn Thanh)	TâyNinh	Giáo Sư	Hội viên
8.	Nguyễn Khương Cá (Thái Cá Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên
9.	Huỳnh Công Bầy (Thượng Bầy Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên
10.	Dương Thành Nguyên (Thượng Nguyên Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên
11.	Nguyễn Văn Có (Ngọc Có Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên

12. Võ Văn Thường (Ngọc Thường Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên
13. Lê Phát Hương (Ngọc Hương Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên
14. Huỳnh Thị Nhìn (Hương Nhìn)	TâyNinh	Giáo Sư	Hội viên
15. Biên Thị Lai (Hương Lai)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên
16. Phạm Thị Hân (Hương Hân)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên
17. Nguyễn Thị Lân (Hương Lân)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên
18. Mai Thị Điều (Hương Điều)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên
19. Lê Tâm Chí	TâyNinh	ChơnNhơn	Hội viên
20. Tạ Thị Thế	TâyNinh	ChơnNhơn	Hội viên
21. Nguyễn Thị Khéo	TâyNinh	ChơnNhơn	Hội viên
22. Nguyễn Thị Trục	TâyNinh	ChơnNhơn	Hội viên
23. Võ Thị Hoàn	TâyNinh	ChíThiện	Hội viên
24. Huỳnh Thị Tước	TâyNinh	ChíThiện	Hội viên
25. Trần Thiện Niệm	TâyNinh	Nhạc Sư	Hội viên
26. Lương Văn Hoàng	TâyNinh	Lãnh Nh	Hội viên
27. Huỳnh Minh Mẫn	TâyNinh	Lãnh Nh	Hội viên
28. Lê Minh Thơ	TâyNinh	Tr.Trạng	Hội viên
29. Dương Liên Thanh	TâyNinh	Tr.Trạng	Hội viên
30. Trần Anh Dũng	TâyNinh	Tr.Trạng	Hội viên
31. Phạm Văn Truyện (Thượng Truyện Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên
32. Bàn Văn Sáu (Thượng Sáu Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên
33. Hà Thanh Vân (Thái Vân Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên
34. Lê Văn Đồng (Thái Đồng Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên
35. Đặng Minh Lý (Thượng Lý Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên
36. Nguyễn Ngọc Tánh (Thượng Tánh Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên
37. Mai Văn Tư	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên

(Thượng Tư Thanh)				
38. Huỳnh Kim Mên (Thượng Mên Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên	
39. Phan Văn Đề (Ngọc Đề Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên	
40. Chung Hưởng Lộc (Ngọc Lộc Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên	
41. Nguyễn Văn Thiếu (Ngọc Thiếu Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên	
42. Lê Văn Xã (Ngọc Xã Thanh)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên	
43. Nguyễn Thị Trụ (Hương Trụ)	TâyNinh	GiáoHữu	Hội viên	
44. Lê Thị Nghè	TâyNinh	Ch.Nhơn	Hội viên	
45. Trương Thị Miều	TâyNinh	Đ. Nhơn	Hội viên	
46. Lê Kim Danh	TâyNinh	ChiThiện	Hội viên	
47. Phan Trung Chắm	TâyNinh	ChiThiện	Hội viên	
48. Trần Trí Huệ	TâyNinh	ĐộiNhạc	Hội viên	
49. Lê Thị Liêm	TâyNinh	Giám Đạo	Hội viên	
50. Nguyễn Thị Tấn (Hương Tấn)	ĐồngTháp	GiáoHữu	Hội viên	
51. Trương Văn Cảnh	LongAn	Tr.Trạng	Hội viên	
52. Nguyễn Văn Thép	LongAn	Tr.Trạng	Hội viên	

Tổng số 52 vị.

* Ngày 5-4-1997 (âl 28-2-Đinh Sửu), Hội Đồng Chương Quản (HDCQ) và Mặt Trận Tổ Quốc tỉnh Tây Ninh tổ chức Đại Hội Đại Biểu Đạo Cao Đài Tây Ninh tại Tòa Thánh Tây Ninh gồm: 737 Đại biểu nhơn sanh và 71 vị Chức sắc từ phẩm Lễ Sanh và tương đương đến phẩm Phối Sư.

Đại Hội đã biểu quyết nhất trí thông qua hai văn kiện quan trọng:

- Hiến Chương ĐĐTKPĐ Cao Đài Tây Ninh.
- Điều Lệ cầu phong cầu thăng theo Luật Công cử.

(Số liệu thống kê do Phòng Lưu trữ Hồ sơ Chức sắc cho biết, tính đến ngày 5-4-1997, tổng số Chức sắc còn sống từ phẩm Lễ Sanh và tương trở lên là 1876 vị).

* Ngày 3-6-1997 (âm 28-4-Đinh Sửu), Hội Đồng Chương Quản tổ chức long trọng Lễ Tiếp Nhận Pháp Nhân Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Cao Đài Tây Ninh, và đồng thời làm lễ Khánh Thành Chánh Môn phía trước Tòa Thánh.

Được biết, Chánh Môn này đã được Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước chủ trương xây dựng theo họa đồ của Ty Kiến Thiết tỉnh Tây Ninh, làm xong từ cuối năm 1965, nay mới có cơ hội để HĐCQ làm Lễ Khánh Thành.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

VNCH: Việt Nam Cộng Hòa.

BQĐ: Bát Quái Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Pháp siêu quần Thánh

法超群聖

A: His miracle pass the whole of Saints.

P: Son miracle dépasse l'ensemble des Saints.

Pháp: Phép thuật, các phép bí tích. phép thuật. **Siêu:** vượt lên trên. **Quần:** nhiều người tụ tập đông đảo. **Thánh:** chỉ chung các vị Tiên, Thánh.

Đây là một câu trong bài kinh Tiên giáo nói về quyền pháp và công đức của Đức Thái Thượng Đạo Tổ.

Pháp siêu quần Thánh là các phép thuật của Đức Thái Thượng vượt lên trên các bậc Tiên, Thánh.

Pháp thân

法身

A: Etheral (astral) body.

P: Corps éthéré (astral).

Pháp: Phép thuật, các phép bí tích. phép thuật. **Thân:** xác thân.

Pháp thân là xác thân thiêng liêng huyền diệu, đó là chơn thần của mỗi người.

Mỗi người nơi cõi phàm trần đều có hai xác thân:

- Một xác thân phàm bằng xương thịt do cha mẹ phàm trần sanh ra, được nuôi dưỡng và lớn lên, đến lúc già thì chết.

- Một xác thân thiêng liêng ẩn trong xác thân phàm do Đức Phật Mẫu dùng các nguyên khí nơi DTC tạo nên. Khi xác thân phàm chết, xác thân thiêng liêng xuất ra khỏi xác phàm, bay trở về cõi thiêng liêng.

Những người đắc đạo thì xác thân thiêng liêng này rất huyền diệu, có thể biến hóa tùy ý mà đi lên các cõi Trời.

Xác thân thiêng liêng còn được gọi là: chơn thần, chơn thân, pháp thân.....

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo con đường TLHS, lúc Đức Hộ Pháp vắng lịnh Đức Chí Tôn đi qua mở cửa CLTG, bị Kim Quang Sứ đón đường, ngăn chặn lại không cho đi:

"Bần đạo vừa nghĩ như vậy thì *pháp thân* của Bần đạo hiện ra một người nữa. Hỡi Bần đạo ngồi trên vân xa mặc cái áo trắng, bịt khăn trắng, y như cái đạo phục của Bần đạo đi cúng thường ngày đây, làm bằng gì không biết, mà mặc vào mình rồi nghe trong mình nhẹ nhàng sung sướng làm sao đâu! Tới chừng xuất pháp thân của Bần đạo ra, Bần đạo ngó thấy mặc đồ đại phục, mà Bần đạo đương nhái theo, làm theo kiểu đó mà cũng chưa thiệt trúng.

Mặc đại phục rồi, tay cầm Giáng Ma Xử với cây Kim Tiên, bay giữa không trung ở trên đầu, có người ngồi dưới vân xa, có một điều là người ngồi dưới, người trên, mà hiểu biết như một người vậy...."

DTC: Diêu Trì Cung.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Pháp thí

法施

A: Donation of doctrine.

P: La donation de la doctrine.

Pháp: Giáo lý, giáo thuyết của một nền tôn giáo. **Thí:** bố thí, đem cho.

Pháp thí là bố thí giáo lý, tức là dùng lời nói giảng giải giáo lý, để người nghe hiểu Đạo mà thức tỉnh, thấy cuộc đời chẳng khác chi một giấc mộng mà công danh phú quý là những sợi dây ràng buộc con người vào vòng tội lỗi, để từ đó lo việc tu tâm dưỡng tánh, thoát khỏi những nỗi phiền não của cuộc đời.

Bố thí thực phẩm cho người đói lòng là một nghĩa cử từ thiện có phước đức, nhưng bố thí lời đạo đức để giác ngộ người mê đắm vật chất phàm trần thì lại càng có phước đức nhiều hơn, công quả trọng đại hơn. (Xem: **Bố thí, văn B**)

Pháp trị

法治

A: To rule by law.

P: Politique basée sur le droit.

Pháp: Pháp luật, các Luật đặt ra để quản lý việc Đời hay việc Đạo. **Trị:** cai trị.

Pháp trị là cai trị bằng luật pháp, trái với Nhân trị.

Pháp trị quốc là quốc gia dùng pháp luật mà trị dân, không theo cách chuyên chế thuở xưa, do một vị vua cai trị.

Pháp xa

法車

A: Mysterious cart.

P: Char mystérieux.

Pháp: Giáo lý, giáo thuyết của một nền tôn giáo. **Xa:** chiếc xe.

Pháp xa là chiếc xe huyền diệu, do các Đấng Tiên, Phật sử dụng. Người ngồi trên xe muốn đi đâu thì xe đưa ngay đến đó, nên còn được gọi là xe Như Ý, hay xe Tiên.

PHÁT

PHÁT

1. **PHÁT:** 發 Khởi đầu, mở ra, nổi lên, phân phối.
Td: Phát chẩn, Phát đoan, Phát tâm.
2. **PHÁT:** 髮 Tóc.
Td: Phát phu.

Phát chẩn

發賑

A: To distribute alms.

P: Distribuer des aumônes.

Phát: Khởi đầu, mở ra, nổi lên, phân phối. **Chẩn:** cấp tiền bạc, thuốc men, lương thực cho người nghèo khổ hoạn nạn.

Phát chẩn là đem tiền bạc, lương thực, thuốc men, quần áo, phát cho người nghèo khổ đang lúc bị hoạn nạn.

Phát đoan

發端

A: To begin.

P: Commencer.

Phát: Khởi đầu, mở ra, nổi lên, phân phối. **Đoan:** đầu mối.

Phát đoan là bắt đầu mở mối ra.

Mở đầu quyển sách, tác giả thường đặt lời "*Phát đoan*" để dẫn dắt độc giả đi vào nội dung quyển sách, tức là đặt ra một đầu mối làm tiền đề, sau đó gỡ lần đầu mối ấy ra, tức là giải đề.

Phát hạ hồng ân

發下洪恩

Phát: Khởi đầu, mở ra, nổi lên, phân phối. **Hạ:** dưới, xuống dưới. **Hồng ân:** ơn huệ của Đức Chí Tôn hay của Đức Phật Mẫu.

Phát hạ hồng ân là Đức Chí Tôn (hay Đức Phật Mẫu) ban ơn huệ xuống cho nhơn sanh. (Số vẫn)

Phát lạc

發落

A: To exile.

P: Exiler.

Phát: Khởi đầu, mở ra, nổi lên, phân phối. **Lạc:** rơi rụng.

Phát lạc là đày đi xa, đồng nghĩa Phát lưu.

TNHT: Điểm chơn thần của nó còn phải đến hầu Tòa Tam Giáo mà đọi lệnh *phát lạc* tùy theo công quả, tội tình của nó bấy nay.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phát nguyện

發願

A: To make a vow.

P: Faire un vœu.

Phát: Khởi đầu, mở ra, nổi lên, phân phối. **Nguyện:** mong ước.

Phát nguyện là phát ra lời nguyện ước.

DLCK: Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, tín Ngã ưng đương *phát nguyện:* Nam mô Từ Hàng Bồ Tát....

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Phát phu

髮膚

A: Hair and skin.

P: Cheveux et peau.

Phát: Tóc. **Phu:** Da. *Phát phu là tóc da.*

Thân thể phát phu thọ chi phụ mẫu: Thân thể tóc da, thọ nhận nơi cha mẹ.

Phát tang

發喪

A: Death announcement.

P: Avis de funérailles.

Phát: Khởi đầu, mở ra, nổi lên, phân phối. **Tang:** cái lễ đối với người chết.

Phát tang là báo tang cho mọi người đều biết.

Phát tâm

發心

Phát: Khởi đầu, mở ra, nổi lên, phân phối. **Tâm:** lòng dạ.

Phát tâm là mở ra cái tâm lành, mở ra cái tâm tu hành.

Phát tâm bố thí là mở ra tấm lòng muốn làm công việc bố thí, cứu giúp người hoạn nạn.

DLCK: Thính đắc Ngã ngôn, *phát tâm* thiện niệm....

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Phát thanh phổ thông giáo lý (Cơ quan)

發聲普通教理 (機關)

Phát: Khởi đầu, mở ra, nổi lên, phân phối. **Thanh:** tiếng nói. **Phổ thông:** truyền đi khắp nơi. **Giáo lý:** học thuyết của một nền tôn giáo.

Hội Thánh Đạo Cao Đài có thành lập một Cơ quan gọi là: Cơ Quan Phát thanh Phổ thông Giáo lý Đại Đạo (viết tắt CQPTPTGLĐĐ) có nhiệm vụ dùng các phương tiện truyền thanh và phát thanh trên làn sóng điện để phổ biến giáo lý của ĐĐTKPĐ đến các tầng lớp dân chúng khắp nơi.

Sau đây xin chép Bức Thư Xuân của Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi, Giám Đốc CQPTPTGLĐĐ, thuật lại quá trình thành lập và nhiệm vụ của Cơ Quan, đăng trong Bán Nguyệt San Thông Tin Xuân Quý Sửu (1973).

"Kính gửi toàn đạo nam nữ,

Bảy năm về trước, trong một phiên khoáng đại hội giữa Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện, do Ngài Bảo Thế thừa quyền Thượng Sanh chủ tọa ngày 23-11-Ất Tỵ (dl 15-12-1965), toàn hội đã đồng thanh quyết nghị giao cho tôi, Khai Đạo HTĐ, trách nhiệm thành lập Cơ quan Ngôn luận và Phát thanh Đại Đạo.

Tôi thiết tưởng cần nên nhắc lại công việc này đối với Hội Thánh lúc bấy giờ gần như là một việc làm hoàn toàn mới mẻ, xa lạ, nếu không muốn nói là khó khăn, vì nó thuộc lãnh vực chuyên môn, đòi hỏi nhiều về tài chánh, dụng cụ cũng như kỹ thuật và chuyên viên. Nhưng tại sao tôi đã mạnh dạn đứng ra lãnh lấy vai tưởng khó khăn ấy?

Cũng bởi các lý do sau đây thúc đẩy:

1. Việc ngôn luận và phát thanh vốn là ý đồ của Đức Hộ Pháp khi còn tại thế.

2. Thiện tâm thiện chí của toàn đạo đã và đang sẵn sàng hỗ trợ trên mọi mặt, công cũng như của, để vun bồi sự nghiệp tinh thần của Đạo.

3. Đức tin mãnh liệt nơi các Đấng thiêng liêng.

Quả thật vậy, đức tin đầy đủ đã được thiêng liêng đáp ứng và đem lại nhiều kết quả cụ thể như sau:

a.- Sau 3 tháng đã thành lập xong Ban Giám Đốc.

b.- Và 4 tháng kế, Cơ Quan Phát Thanh Giáo Lý chánh thức thành hình với đầy đủ chuyên viên và dụng cụ máy móc. Buổi phát thanh đầu tiên tại HTĐ để cho Hội Thánh và Đức

Thượng Sanh nghe trước, đã được Đức Thượng Sanh và Hội Thánh ban cho nhiều khích lệ.

c.- Những tháng kế tiếp, sau nhiều lần tiếp xúc và được Bộ Thông Tin chấp thuận chương trình, tiếng nói của Hội Thánh ĐĐTKPĐ đã được truyền thanh hằng tuần trên Đài Phát Thanh Sài Gòn, gọi đến bốn phương vào ngày 5-5-Đinh Mùi (dl 12-6-1967) và liên tục cho đến ngày nay.

Trong những năm đầu, Cơ Quan Phát Thanh tạm đặt văn phòng nơi HTĐ. Sau đó, tuân theo lời phê của Đức Hộ Pháp trong bản đồ Nội Ô, Hội Thánh đã cho phép tự túc xây cất Cơ Quan Phát Thanh và nó thành hình như quý vị đồng đạo đã thấy hiện tại.

Quên nói một điều là khi Văn phòng Cơ Quan Phát Thanh vừa xây cất xong từng dưới, thì gặp biến cố Tết Mậu Thân, kết quả văn phòng này bị oanh tạc 3 trái bom hư hại 100%, cả kho vật liệu đều bị cháy tiêu, nhưng riêng Tờ Cẩm Tạ của Hội Thánh treo trong kho này vẫn còn nguyên vẹn. Đó là một điều lạ và cũng nhờ đó mà đức tin của bốn đạo lại càng vững chắc hơn.

Giờ đây đã 6 mùa Xuân qua, kiểm điểm lại buổi phát thanh của Hội Thánh gồm 3 tiết mục:

- Phần Giáo lý.
- Phần Tin tức.
- Phần Văn nghệ cổ nhạc.

* Phần Giáo lý thuần túy về mặt tôn giáo đạo đức, hướng dẫn con người trở về bản thiện, tuyệt đối không đề cập đến chánh trị đời.

* Phần Tin tức loan tin xác thực sự sanh hoạt diễn tiến hằng ngày nơi vùng Thánh địa Tòa Thánh Tây Ninh.

* Phần Văn nghệ cổ nhạc cốt yếu là văn hồi và làm sống lại quốc nhạc cổ truyền trước sức lấn áp ồ ạt lời cuốn của loại nhạc ngoại lai.

Người xưa thường nói: Làm ruộng tính việc một năm, lập vườn tính việc 10 năm, cải hóa con người tính việc 100 năm.

Thật vậy, giữa thời buổi văn minh vật chất, mạnh được yếu thua, trí hiếp ngu, giàu hiếp nghèo, kẻ có thế lực áp đảo người

cô thế, con người đã mất hết bản thiện, nhà đạo giáo có bản phận văn hồi nền phong hóa, mỗi cang thường luân lý, hướng dẫn con người đến chỗ chân thiện mỹ.

Cảm hóa một thế giới giết chóc thành an bình không phải là việc làm một ngày một bữa, cho nên Hội Thánh đôi khi bị xem là mục phiêu để cho kẻ tà tâm tham vọng lợi quyền phản kháng. Nếu mọi người trong Đại Đạo để ý xa hơn điều khôn ngoan đạo đức, xem vật chất là của phù du, sớm nổi danh chiều đã mất dạng, thì đâu còn ai làm nha trảo tội tớ cho danh lợi quyền.

Ngoài việc phát thanh nơi Đài Sài Gòn, còn phải phát thanh nơi các vùng trong Thánh địa.

Hằng tháng hai kỳ, lại còn ra bản Thông Tin, góp nhặt lời Thánh huấn của các vị tiền bối, cũng như tin tức để làm Sử liệu cho thế hệ sau nghiên cứu sưu tầm. Tờ Thông Tin đến nay đã gần 3 tuổi.

Ngoài ra, các lớp Huấn nghệ còn được mở ra để dạy cho con em nghèo hiếu học, không đủ phương tiện học chữ, mà mục đích là để giúp cho các em có một hay hai nghề để sống với đời. Các lớp ấy thu thập kết quả khả quan từ hai năm qua.

Nói tóm lại, Cơ Quan Phát Thanh là một trong Ba-la-mật của Đức Phật Thích Ca và gồm trong ba phép Tam Lập của Đức Lý đã dạy Đức Hộ Pháp tuyển người vào Tịnh Thất vậy.

Trước thêm năm mới, tôi xin quý vị nhận nơi đây lời biết ơn của tôi nói riêng và của Ban Giám Đốc nói chung, sau nữa tôi thành tâm cầu xin Đức Chí Tôn, Phật Mẫu ban nhiều ân lành và hạnh phúc cho toàn thể gia đình quý vị được vui tươi mãi mãi trước mùa Xuân hy vọng của năm Quý Sửu này."

Nhân dịp kỷ niệm Đệ ngũ Chu niên thành lập CQPT PTGLĐĐ ngày 5-5-Nhâm Tý (dl 15-6-1972), Phó Giám Đốc Cơ Quan Phát Thanh là ông Hữu Phan Quân Lê Văn Thoại có đọc một bài diễn văn nhắc lại quá trình thành lập Cơ Quan, xin chép ra sau đây:

"Kính thưa quý Ngài và quý vị,

Năm mùa hoa sen trở là tiếng nói của Hội Thánh qua hệ thống của Đài Phát Thanh Sài Gòn được truyền ra bốn

phương cũng vừa tròn 5 tuổi. Tiếng nói này chỉ đơn thuần trên mặt đạo đức cốt để kêu gọi và thức tỉnh thể nhân trở về bản thiện. Còn việc tranh cạnh hơn thua, phải trái trước cơ tận diệt ngày nay chỉ là việc làm của thể tình.

Ngành lại đoạn đường đã trải qua, mới thoát đó, đã 5 năm dài dằng dẳng. Ôn lại dĩ vãng, chúng tôi không khỏi ngậm ngùi tưởng nhớ các bậc tiền nhân trong Đại Đạo, như là Đức Hộ Pháp, Đức Quyền Giáo Tông và Đức Cao Thượng Sanh, v.v.... Đó là bản phận của đoàn hậu tấn biết ơn những bậc đàn anh đã từng lao tâm tiêu tứ vượt thặng mọi gian khổ cam go, gầy nên đại nghiệp để cho các thế hệ tiếp nối sau này thụ hưởng.

Đối với Đức Quyền Giáo Tông, vị Anh Cả khả kính của Đại Đạo xưa kia, đã từng sử dụng bút Tiên tranh đấu bảo vệ và phát triển nền Đạo, nhiều phen đã làm cho nhà cầm quyền Pháp nể mặt, nhưng tiếc thay!.... vào thời kỳ đó, ngành phát thanh và truyền thanh chưa có, hay nói đúng hơn là chưa được tiến bộ về kỹ thuật, cho nên sự tranh đấu bằng văn tự của Đức Ngài chỉ được in hoặc quay ronéo thành bản để phổ biến đến nơi này hay nơi khác mà thôi. Do đó, tác dụng và thành quả vẫn phải chiều theo giới hạn và hoàn cảnh.

Tuy nhiên trước đờm lược vô biên và chí đại hùng bát khuất của Anh Cả Đức Quyền Giáo Tông trên hai phương diện đối nội cũng như đối ngoại, cũng đã gieo rắc vào tâm tư của Đức Hộ Pháp nhiều hoài bão lớn lao mà giờ đây mọi người vẫn còn in sâu trong trí não.

Hoài bão của Đức Hộ Pháp như thế nào?

Chúng tôi xin mạn phép nêu ra đây một vài khía cạnh thuộc về hoài bão của Đức Hộ Pháp đối với việc phát thanh.

Thứ nhất: Khi tạo Đền Thánh, lúc làm đến Nghinh Phong Đài, Đức Hộ Pháp cho lệnh chữa mấy cái lỗ để sau này đặt loa hay máy phát thanh vào đó để có thể phát đi khắp bốn phương trời tiếng nói của Hội Thánh. Điều này Đức Hộ Pháp đã nghĩ ý với Ngài Khai Đạo.

Thứ hai: Lúc Đức Hộ Pháp hạ bút ghi vào họa đồ của Nội ô Thánh địa để qui định nơi nào phải cất cơ sở gì, Đức Hộ

Pháp có ghi rành hai mẫu đất tọa lạc gần cửa số 8 là để cất Đài Phát Thanh, tức nhiên là Cơ Quan Phát Thanh ngày nay, trước mặt quí Ngài và quí vị đây.

Cơ Quan này thành hình và được phát thanh lần đầu tiên vào ngày mùng 5-5-Đinh Mùi (dl 12-6-1967), tính đến nay đã được 5 năm chẵn, nhưng tiếc thay!.... Đức Hộ Pháp, Đấng đã từng lao tâm khổ trí, từng chịu lưu đày nơi hải đảo xa xôi vì nghiệp Đạo, nặng mang nhiều hoài bão, lại không còn tại thế để dạy dỗ hay ban bố những lời vàng tiếng ngọc, đặng đem ra phát thanh cho toàn thể tín hữu học hỏi. Thế mới biết, người ao ước như vậy nhưng Trời kia đã định vậy.

Tuy nhiên với đức tin cố hữu, chúng tôi vẫn đinh ninh và quả quyết rằng, hoài bão của Đức Hộ Pháp giờ đây mặc dầu chưa được thực hiện trọn vẹn trên phương diện phát thanh, nhưng chắc chắn nơi cõi TLHS kia, Đức Hộ Pháp vẫn thường hộ trì cho nó ngày càng thêm bền vững và tiến bộ. Nói một cách khẳng định, Đức Hộ Pháp không bao giờ bỏ quên những kẻ từng tưởng nhớ đến Đức Ngài.

Năm nay cũng như các năm qua, ngày mùng 5 tháng 5 vẫn là ngày kỷ niệm của Cơ Quan chúng tôi. Cuốn băng đầu tiên hoàn thành 5 năm về trước đúng vào ngày này, tức là ngày lễ Giáng sinh của Đức Hộ Pháp và được chuyển tới Đài Phát Thanh Sài Gòn, tuy nói là ngẫu nhiên, nhưng phải chăng đây là trường hợp mà Thiên ý chư Thần, Thánh, Tiên, Phật tiền định?

Chúng tôi còn nhớ, trong một phiên họp trước kia của Hội Thánh Lương Đài và Phước Thiện, quyết nghị giao cho Ngài Khai Đạo trách vụ thành lập Cơ Quan Phát Thanh, mọi việc đều không, nhưng nhờ Đức Hộ Pháp giáng cơ xác nhận và khích lệ, lại nữa, Đức Thượng Sanh ra công diu dẫn trên mọi mặt, nhứt là về văn nghệ, Đức Ngài đã từng chịu khó thức đêm thức hôm để dạy dỗ và chỉ điểm rành rẽ cho các anh chị em nghệ sĩ cổ nhạc. Ngoài ra Đức Thượng Sanh và quí vị Thời Quân lại còn chuyên tâm nghiên cứu soạn thảo những bài Giáo lý phát thanh, cốt để phát huy triệt để cơ Pháp thí của Đại Đạo.

Từ cái không làm ra cái có, từ mảnh đất trống đã biến thành cơ quan đồ sộ như ngày nay, đó là nhờ thiêng liêng ám trợ, nhờ Hội Thánh dắt dìu và nhờ nơi công lao của toàn thể quý đồng đạo ân nhân hộ trợ mới được như vậy.

Chúng tôi tuy là những người tài sơ trí thiếu, chỉ biết đem tấm thân hèn làm con tể vật cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và Hội Thánh sử dụng, nhưng cũng cố gắng đem hết cái khả năng hoàn toàn không có trình độ của mình để phụng sự cho Đại Đạo. Có lẽ nhờ thế mà hơn 2 năm qua, tờ Thông Tin đã được ấn hành liên tục không ngừng nghỉ để cho Hội Thánh CTĐ và Phước Thiện phát hành đến các Châu, Tộc đạo trên toàn quốc. Ngoài ra, để thi hành Thánh Lệnh của Đức Hộ Pháp nhằm đào tạo cho con em trong Đạo có nghề nghiệp hoặc chứng chỉ trước khi muốn tạo lập gia đình, cho nên Cơ Quan chúng tôi, trên phương diện chuyên môn, đã mở ra nhiều lớp huấn nghệ như: Vô tuyến điện, Sửa máy móc, động cơ, dạy nghề làm mộc, nghề in gạch và nay mai, còn các lớp khác sẽ được mở ra để dạy về kế toán và đánh máy chữ, v.v.... Riêng về khóa Vô tuyến điện, mà lát nữa các khóa sinh khóa 4 đã tốt nghiệp, chắc chắn sẽ vô cùng hân hoan khi nhận được ân đức của Hội Thánh cấp phát chứng chỉ cho họ.

Nói đến ân huệ của Hội Thánh đối với Cơ Quan chúng tôi thật vô cùng vĩ đại. Bên HTĐ thì quý vị Thời Quân dạy dỗ từ lời, chỉ bảo từ việc. Bên CTĐ thì có Ngài Đầu Sư và ba vị Chánh Phối Sư cũng hết lòng tán trợ trên phương diện tinh thần. Riêng về Ngài Đầu Sư Chưởng quản CTĐ nam phái đã có đến viếng an Cơ Quan chúng tôi và Ngài đã ban ân huệ tượng trưng 100 đồng bạc, hiện Cơ Quan chúng tôi còn giữ và sẽ giữ mãi mãi làm kỷ niệm Thánh tâm ưu ái đặc biệt của Ngài.

Cả đến Hội Thánh Phước Thiện cũng vậy, đã hộ trợ rất nhiều cho chúng tôi trên phương diện vật chất lẫn tinh thần.

Sau rốt là quý vị ân nhân gồm đủ thành phần như: Chức sắc, Chức việc, Đạo hữu nam nữ và công thương kỹ nghệ gia cũng đã tích cực góp phần hộ trợ suốt 5 năm qua với mục đích phát triển mạnh tiếng nói của Hội Thánh, tiếng nói kêu gọi tình thương đồng loại, tiếng nói trung thực cốt để làm đẹp lòng Đức

Chí Tôn và Đức Phật Mẫu giữa lúc khách trần đang mãi mê say đắm trong biển vật dục, đầy khổ hải và sát phạt.

Nghĩa cử của quý Ngài và quý vị, chúng tôi xin khắc ghi vào tâm khảm, tâm khảm sắt son của con người hành đạo, chỉ biết tiến theo tôn chỉ của Đạo và nhứt quyết không hề thối bước ngã lòng trước trở ngại hay những cơ thử thách đã hoặc đang chực chờ khảo đảo nhà tu giữa trường khảo thí.

Hành động giúp đỡ của quý vị làm cho chúng tôi nhớ đến lời giảng của Đức Hộ Pháp có câu như vậy: " Nếu mỗi người đều có một đức tin bằng hạt cát cũng đủ dời non lấp bể." Có nhắc lại câu này mới đủ lý lẽ chứng minh rằng, hành động và nghĩa cử cao đẹp của toàn thể quý vị ân nhân là cốt đem của cái phù du giả tạm để đổi lấy của báu thiêng liêng mà trường cứu đó vậy."

Cũng trong dịp Kỷ niệm Đệ ngũ Chu niên của CQPT PTGLĐĐ này, Ngài Quyền Thượng Chánh Phối Sư Thượng Nhã Thanh, thay mặt Hội Thánh CTĐ phát biểu cảm tưởng, xin trích ra sau đây:

"Kính thưa quý Ngài và quý vị,

Hôm nay, tôi được hân hạnh đến dự lễ Kỷ niệm Đệ ngũ Chu niên CQPTPTGL được truyền thanh tiếng nói Đại Đạo qua hệ thống của Đài Phát Thanh Sài Gòn, tôi thay mặt Hội Thánh CTĐ xin phép quý Ngài cho tôi có vài lời phát biểu cảm tưởng.

CQPTPTGL thực hiện được là nhờ huyền diệu thiêng liêng của Đức Hộ Pháp phò trợ vì lúc Đức Ngài còn sanh tiền đã có ý định lập Cơ Quan Phát Thanh để phổ thông truyền bá mỗi Đạo, vì việc cao cả đó nên Đức Ngài đã dự trù tại vị trí này sau sẽ lập Đài Phát thanh.

Ngày qua tháng lại, việc gì đến sẽ đến, nhớ lại 5 năm trước, Hội Thánh lưỡng Đài đã nhờ Ngài Khai Đạo đứng ra đảm trách việc thành lập CQPTPTGL. Từ cái không tạo thành cái có, từ chỗ sơ sển đơn giản đến chỗ uy nghi tốt đẹp như ngày hôm nay, đó cũng nhờ trên thiêng liêng có Đức Hộ Pháp và các Đấng, dưới hữu hình nhờ sự điều khiển của Ngài Khai Đạo HTĐ kiêm Giám Đốc Cơ Quan Phát Thanh, quý vị trong

Ban Giám Đốc, các Ban Bộ chuyên môn và toàn đạo nhiệt tâm hỗ trợ tích cực làm việc để đến ngày nay từ dinh thự văn phòng, phòng thu âm, đến máy móc kỹ thuật và nhân sự tương đối đầy đủ khả quan.

Nhờ tiếng nói Cơ Quan Phát Thanh truyền qua hệ thống Đài Sài Gòn vào chiều thứ tư mỗi tuần từ 18 giờ 30 đến 19 giờ, đã được nhiều thính giả đón nghe hiểu biết về giáo lý Đạo Cao Đài và cũng nhờ đó mà du khách đến viếng Đền Thánh mỗi lúc càng đông, để chiêm ngưỡng Đức Chí Tôn và các Đấng, cùng tìm hiểu Đạo.

Ngoài phần phát thanh chánh ở Đài Sài Gòn, cơ quan này còn thực hiện những buổi phát thanh hằng ngày tại Long Hoa Thị, cửa số 7 và lưu động hằng tuần để cho thính giả các nơi thấm nhuần giáo lý Đạo. Chẳng những thế, Ban Giám Đốc còn thực hiện những cuốn phim chiếu bóng các ngày lễ, cũng như hình ảnh dinh thự Đạo và yểm trợ máy móc, tài liệu giáo lý Đạo, xướng ngôn viên phụ trách các cuộc lễ Khánh Thành Thánh Thất, Điện Thờ Phật Mẫu, cùng truyền bá mỗi Đạo đến địa phương, nào còn đào tạo những khóa huấn nghệ máy móc vô tuyến, máy sửa xe hơi, trại mộc, gạch bông, nhiếp ảnh và những công tác xã hội để giúp cho các em có nghề trước giúp Đạo sau hộ thân là điều rất quý báu.

Một phần quan trọng hơn là Ban Giám Đốc thực hiện tờ Thông Tin Bán nguyệt san biểu không, nay đã đến số 53, là món ăn tinh thần cho toàn Đạo.

Thành quả của 5 năm qua là sự thành công tốt đẹp cho Đạo nói chung và Cơ Quan Phát Thanh nói riêng, đó là nhờ sự tích cực làm việc không ngừng của quý Ban Bộ và nhân viên các cấp dưới sự điều hành của Ngài Khai Đạo Giám Đốc và Hữu Phan Quân Phó Giám Đốc. Mong rằng Cơ Quan Phát Thanh càng ngày được phát huy tiến bộ hơn nữa, vì đây là tiếng nói trung thực của Đạo được phát thanh trên Đài Sài Gòn và phóng thanh ở vùng Thánh địa, là điều cao đẹp nhất về việc truyền bá mỗi Đạo Cao Đài đến nhơn sanh. Hội Thánh ước mong rằng nhơn sanh nên vì đại nghiệp Đạo mà tô điểm thêm cho Cơ Quan Phát Thanh, cần phải hỗ trợ mãi cho được trường tồn, vì nào phải sắm mua máy móc thô âm tối tân hơn

để thay máy cũ đã xài lâu ngày, nào mua băng nhựa, vv . . . để khuếch trương hiệu năng thêm mãi. Hội Thánh đề lời kêu gọi toàn đạo, quý ân nhân nên tích cực liên tục hỗ trợ tài vật để cho Ban Giám Đốc có đủ ngân quỹ thực hiện những công ích Đạo sự về việc phát thanh lâu bền sau này." (Trích BNS Thông Tin số 54)

Đôi liễn của CQPTPTGLĐĐ:

機關傳信總合五湖天下事
發聲教理共和四海世間情

*Cơ Quan truyền tín tổng hợp ngũ hồ thiên hạ sự,
Phát Thanh Giáo Lý cộng hòa tứ hải thế gian tình.*

Nghĩa là:

Cơ quan để truyền bá các tin tức đủ loại, đủ các sự việc của con người khắp nơi,

Phát thanh ra những bài Giáo lý làm cho tình cảm con người trên khắp thế gian chung hiệp và hòa thuận cùng nhau.

Đôi liễn này do ông Hữu Phan Quân Lê Văn Thoại đặt ra, dâng lên Ngài Khai Đạo, chuyển qua Ngài Hiến Pháp, được Ngài Hiến Pháp chấp thuận, cho cần nơi cổng trước Cơ Quan.

Ghi lại mấy ngày quan trọng:

■ Ngày **23-11-Ất Ty (dl 15-12-1965)**: Phiên họp của Hội Thánh Lương Đài quyết nghị giao cho Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi thành lập CQPTPTGL.

■ Ngày **Thứ hai 5-5-Đinh Mùi (dl 12-6-1967)**: CQPTPTGL gửi cuốn băng ghi âm đầu tiên cho Đài Phát Thanh Sài Gòn để xem xét, đến chiều ngày **Thứ tư 14-6-1967** thì cho phát thanh lúc 6 giờ 30 phút đến 7 giờ. Kể từ ngày này, trên Đài Phát Thanh Sài Gòn đều có phát thanh Giáo lý Cao Đài vào mỗi chiều Thứ tư trong giờ nói trên.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

PHẪN

PHẪN

A: To hold the clue.

P: Tenir le bout du fil.

Phẫn là lần dò để tìm đầu mối mở ra.

Xưa viết là **Phẫn**, nay viết là **Phẫn**, cả hai đều đúng.

TNHT: Mỗi Đạo Thầy đưa cho các con *phẫn* đầu hết.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

PHẨM

PHẨM

PHẨM: 品 Tính chất tốt xấu, thứ bậc chức sắc, tư cách, từng cái hay từng loại.

Td: Phẩm cũ, Phẩm tước, Phẩm vật.

Phẩm cũ ngôi xưa

A: The ancient grade.

P: Le grade ancien.

Phẩm: Tính chất tốt xấu, thứ bậc chức sắc, tư cách, từng cái hay từng loại. **Ngôi:** chỗ ngồi của người có chức vị.

Phẩm cũ ngôi xưa là phẩm tước và ngôi vị nơi cõi thiêng liêng có được trước khi đầu kiếp xuống cõi trần.

TNHT: Căn xưa quả cũ đã trả vẹn thì con đường đạo đức tất là nấc thang đi đến *phẩm cũ ngôi xưa*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phẩm cữu

品舊

Phẩm: Tính chất tốt xấu, thứ bậc chức sắc, tư cách, từng cái hay từng loại. **Cữu:** xưa cũ.

Phẩm cữu là phẩm bực cũ nơi cõi thiêng liêng.

TNHT: TƯƠNG đây, công cán chẳng chi mà còn đặng địa vị này, hưởng lựa là mấy anh độ rồi toàn cả cứu nhĩ nguyên nhơn thì *phẩm cữu* sẽ đặng trở thêm thế nào.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phẩm phục

品服

A: Uniform of dignitaries.

P: Uniforme des dignitaires.

Phẩm: Tính chất tốt xấu, thứ bậc chức sắc, tư cách, từng cái hay từng loại. **Phục:** y phục, quần áo.

Phẩm phục là y phục của Chức sắc tùy theo phẩm cấp.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phẩm trật Thiên vị - Quỷ vị

品秩天位

A: The heavenly classes - The hierarchy of Satan.

P: Les classes célestes - La hiérarchie de Satan.

Phẩm: Tính chất tốt xấu, thứ bậc chức sắc, tư cách, từng cái hay từng loại. **Trật:** thứ tự, trật tự. **Vị:** ngôi vị, địa vị.

Phẩm trật: phẩm tước cao thấp.

Thiên vị: ngôi vị nơi cõi Trời, tức là ngôi vị Thần, Thánh, Tiên, Phật nơi cõi TLHS.

Quỷ vị: các tước vị nơi cõi của Chúa quỷ.

TNHT: Các con coi đó thì đủ hiểu, các *phẩm trật* của các con nó nhiều là dường nào, song ấy là phẩm trật Thiên vị.

Còn *phẩm trật Quý vị* cũng như thế đấy, nó cũng noi....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Phẩm tước

品爵

A: The classes of dignity.

P: Les classes de dignité.

Phẩm: Tính chất tốt xấu, thứ bậc chức sắc, tư cách, từng cái hay từng loại. **Tước:** danh vị cao quý được vua phong thưởng cho bề tôi có công với quốc gia.

Phẩm tước là thứ bậc các chức tước do vua phong thưởng cho những bề tôi có công lao đối với dân với nước.

TNHT: *Phẩm tước* là sự tổng hợp các chức tước đã bày ra để quyền răn người, hoặc ít hoặc nhiều.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phẩm vật

品物

A: Article.

P: Article.

Phẩm: Tính chất tốt xấu, thứ bậc chức sắc, tư cách, từng cái hay từng loại. **Vật:** đồ vật.

Phẩm vật là các thứ đồ vật.

Phẩm vật để dâng cúng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng thiêng liêng trong Đạo Cao Đài gồm các thứ như sau: Nhang, Đèn, Hoa, Rượu, Trà, Trái cây, nước thiên nhiên.

Phẩm vị

品位

A: The dignity.

P: La dignité.

Phẩm: Tính chất tốt xấu, thứ bậc chức sắc, tư cách, từng cái hay từng loại. **Vị:** địa vị.

Phẩm vị là phẩm tước và địa vị.

TNHT: Cái *phẩm vị* của các con buộc phải tái sinh nhiều kiếp mới đến địa vị tối thượng mình là nơi Niết Bàn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

PHÂN

PHÂN

1. **PHÂN:** 分 Chia ra, một phần, bày tỏ tách bạch.
Td: Phân biện, Phân giải, Phân tâm.
2. **PHÂN:** 芬 Mùi thơm.
Td: Phân phương.
3. **PHÂN:** 紛 Bối rối.
Td: Phân vân.

Phân biện

分辯

A: To discern.

P: Discerner.

Phân: Chia ra, một phần, bày tỏ tách bạch. **Biện:** tranh luận điều phải trái.

Phân biện là chia riêng ra mà bàn luận cho rõ ràng.

Phân cam cộng khổ

分甘共苦

A: To divide sweetness and bitterness.

P: Partager douceur et amertume.

Phân: Chia ra, một phần, bày tỏ tách bạch. **Cam:** ngọt.
Cộng: cùng chung. **Khổ:** đắng.

Phân cam cộng khổ là chia ngọt và cùng chung chịu đắng.

Ý nói: thương yêu đoàn kết gắn bó với nhau, sướng khổ đều cùng chung chia sẻ.

Phân giải

分解

A: To make clear. P: Éclaircir.

Phân: Chia ra, một phần, bày tỏ tách bạch. **Giải:** trình bày cho rõ ra.

Phân giải là nói rõ từng phần của vấn đề cho sáng tỏ.

TNHT: Nên Thầy không giảng cơ mà *phân giải* lại nữa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phân hóa

分化

A: To analyse. P: Analyser.

Phân: Chia ra, một phần, bày tỏ tách bạch. **Hóa:** biến hóa, thay đổi.

Phân hóa là phân chia ra và biến hóa nên không còn giữ được nguyên thể.

Phân phiền

分煩

A: To complain.

P: Se plaindre.

Phân: Chia ra, một phần, bày tỏ tách bạch. **Phiền:** buồn bực.

Phân phiền là bày tỏ sự buồn phiền.

CG PCT: Hộ Pháp có đề lời *phân phiền* cùng Thầy....

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Phân phương

芬芳

A: Perfumed.

P: Parfumé.

Phân: Mùi thơm. **Phương:** thơm.

Phân phương là thơm tho.

Phân quyền

分權

A: Decentralisation of powers.

P: Décentralisation des pouvoirs.

Phân: Chia ra, một phần, bày tỏ tách bạch. **Quyền:** quyền hành.

Phân quyền là phân chia quyền hành cho rõ ràng và hợp lý để khi làm việc khỏi dẫm chân lên nhau.

BĐND: Chánh Phối Sư nam phái hành chánh riêng nam, Chánh Phối Sư nữ phái hành chánh về nữ, nam nữ *phân quyền*.

BĐND: Bát Đạo Nghị Định.

Phân rành

A: To explain clearly.

P: Expliquer clairement.

Phân: Chia ra, một phần, bày tỏ tách bạch. **Rành:** rành rẽ rõ ràng.

Phân rành là giải thích rõ ràng tách bạch.

TNHT: Lão muốn Hiền hữu phải chịu nhọc mà *phân rành* về việc ấy cho chư Đạo hữu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phân tánh giáng sanh

分性降生

Phân: Chia ra, một phần, bày tỏ tách bạch. **Tánh:** Tánh là thể hiện của Tâm. Tâm là chơn linh thì Tánh là chơn thần. **Giáng sanh:** đi xuống cõi trần để đầu thai, sanh ra làm một người nơi cõi trần.

Phân tánh giáng sanh là chiết chơn thần giáng sanh xuống cõi trần.

Khi chiết chơn thần thì cũng phải chiết chơn linh, bởi vì chơn linh và chơn thần không thể tách rời được, mà nếu tách rời thì phải bị tiêu diệt.

Kinh Tiên giáo: *Nhị nguyệt thập ngũ, phân tánh giáng sanh.* Nghĩa là: Tháng hai ngày 15, chiết chơn linh và chơn thần giáng sanh xuống cõi trần. Đó là Đức Thái Thượng Đạo Tổ chiết chơn linh giáng sanh xuống cõi trần là Đức Lão Tử.

Phân tâm

分心

A: The divided spirit.

P: L'esprit partagé.

Phân: Chia ra, một phần, bày tỏ tách bạch. **Tâm:** lòng dạ.

Phân tâm là lòng dạ bị chia cắt, không tập trung được vì lo nghĩ nhiều việc dồn dập cùng một lúc.

Khi bị phân tâm thì mất sáng suốt, hay lưỡng lự.

■ **Phân tâm** còn có nghĩa là phân tích các hiện tượng tâm lý để chữa các chứng bệnh Nhiều tâm. Khoa này gọi là Phân tâm học (Psychanalyse). Phân tâm học là một học thuyết do Freud đề xướng, hệ thống hóa một số khái niệm lý giải cơ cấu cơ chế tâm lý của con người. Các đồ đệ của Freud phát triển thêm thành một số trường phái, nhưng hệ thống khái niệm cơ

bản vẫn giữ nguyên. Từ những khái niệm tâm lý ấy, Freud và đồ đệ suy rộng ra tìm cách lý giải các hiện tượng xã hội.

Phân thân

分身

Phân: Chia ra, một phần, bày tỏ tách bạch. **Thân:** thân mình.

Phân thân là chia thân mình ra thành hai người.

Đối với người phạm thì việc phân thân không thể xảy ra được, đây chỉ là nói ví dụ mà thôi.

TNHT: *Phân thân* đâuặng hưởng hai bên.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phân trần

分陳

A: To expose.

P: Exposer.

Phân: Chia ra, một phần, bày tỏ tách bạch. **Trần:** bày tỏ, trình bày.

Phân trần là phân tích và trình bày mọi nỗi để mọi người biết rõ mà thanh minh cho mình.

Phân vân

紛紜

A: Undecided.

P: Indécis.

Phân: Bối rối. **Vân:** rối loạn.

Phân vân là bối rối, nghi ngờ, không thể quyết định.

TNHT: *Đòi lúc phân vân, đòi vẫn thế.*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phân xử

分處

A: To judge.

P: Juger.

Phân: Chia ra, một phần, bày tỏ tách bạch. **Xử:** quyết đoán.

Phân xử là phân tách và quyết đoán một vụ phạm pháp hay một vụ tranh chấp.

TL: Điều 29: Chư Chức sắc, ai có phạm luật pháp trong Đạo thì đem trước Tòa Tam Giáo *phân xử*.

TL: Tân Luật.

PHẦN

PHẦN

1. **PHẦN:** 分 Số phận.
Td: Phần phước.
2. **PHẦN:** 焚 Đốt cháy.
Td: Phần chúc, - hương.
3. **PHẦN:** 墳 Cái gò mả.
Td: Phần mộ.

Phần chúc

焚祝

A: To burn the petition.

P: Brûler la pétition.

Phân: Đốt cháy. **Chúc:** bài văn tế, ở đây chỉ bài văn sớ.

Phần chúc là đốt sớ văn.

Đây là câu xướng của Lễ sĩ sau khi đọc xong sớ văn, để cho vị Chức sắc chứng đàn đốt sớ.

Lúc trước câu xướng này là: **Phản số** (đốt số), sau đổi lại là: **Phản chúc**, và ngày nay đổi lại là: **Cung phần số văn**: cung kính đốt bài văn số.

Phản hương

焚香

A: To burn incenses.

P: Brûler les encens.

Phản: Đốt cháy. **Hương:** cây nhang.

Phản hương là đốt nhang.

Đây là câu xướng của Lễ sĩ để cho vị Chức sắc qui ở ngoại nghi đốt nhang và đốt trầm, rồi trao cho Lễ sĩ điện dâng vào nội nghi.

Phản mộ

墳墓

A: The tomb.

P: Le tombeau.

Phản: Cái gò mả. **Mộ:** cái mả.

Phản mộ hay mộ phản là mồ mả.

Phản phước

分福

A: The destiny.

P: La destinée.

Phản: Số phận. **Phước:** điều may mắn tốt lành.

Phản phước là số phận của mỗi người do phước đức của người đó định đoạt.

TNHT: Cân công quả sẽ vì *phản phước* mà định buổi chung qui cho mỗi đấng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phần thư khanh nho

焚書坑儒

A: To burn the classics and to bury the scholars.

P: Brûler les classiques et enterrer les lettrés.

Phần: Đốt cháy. **Thư:** kinh sách. **Khanh:** chôn xuống đất.
Nho: nho sĩ, người học thức theo đạo Nho.

Phần thư khanh nho là đốt sách chôn nho sĩ.

Thành ngữ này dùng để chỉ thời đại vua Tần Thủy Hoàng đã gây một tội ác ghê gớm là ra lệnh đốt tất cả kinh sách của Thánh Hiền đời trước và bắt các nhà nho không theo nhà Tần đem chôn sống.

Tần Thủy Hoàng thấy những nho sĩ đương thời còn mền chế độ cũ, bất bình chế độ mới của nhà Tần, nên ra lệnh tịch thu tất cả các sách và kinh điển của các đời trước đem đốt hết. Sau đó, Tần Thủy Hoàng bị các nhà nho ở Hàm Dương phê bình, nên Thủy Hoàng bắt 460 nhà nho chôn sống để răn chúng.

PHẤN

PHẤN

PHẤN: 奮 Gắng sức, hăng hái tiến lên.

Td: Phấn chấn, Phấn tâm.

Phấn chấn

奮震

A: To feel enthusiastic.

P: S'enthousiasmer.

Phấn: Gắng sức, hăng hái tiến lên. **Chấn:** rung động.

Phấn chấn là hăng hái, hứng khởi.

TNHT: Lo lắng phải ra tươi cười, mỗi mồn thành *phấn* *chấn*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phấn chí

奮志

A: The enthusiasm.

P: L'enthousiasme.

Phấn: Gắng sức, hăng hái tiến lên. **Chí:** ý chí, lòng mong muốn.

Phấn chí là ý chí hăng hái, phấn khởi.

TNHT: Nếu các con *phấn chí* về Đạo thì ngày đạt....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phấn tâm

奮心

A: To be ardent.

P: Être ardent.

Phấn: Gắng sức, hăng hái tiến lên. **Tâm:** lòng dạ.

Phấn tâm là lòng dạ hăng hái phấn khởi.

ĐLMD: Hầu nâng đỡ cho nhau đặng *phấn tâm* lo Đạo.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

PHẬN

PHẬN

PHẬN: 分 Số phận của mỗi người, một phần.

Td: Phận bạc, Phận Đạo, Phận sự.

Phận bạc

分薄

A: Unhappy lot.

P: Sort malheureux.

Phận: Số phận của mỗi người, một phần. **Bạc:** mỏng.

Phận bạc là số phận mỏng manh, bạc bẽo.

Thường nói: **Phận sao phận bạc như vôi:** số phận của người phụ nữ gặp cảnh éo le, gian truân vất vả.

KTCMĐQL: Thon von *phận bạc* không vừa hiếu thân.

KTCMĐQL: Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu.

Phận Đạo

分道

A: The parish.

P: La paroisse.

Phận: Số phận của mỗi người, một phần. **Đạo:** tôn giáo.

Phận Đạo là một khu vực đất đai thuộc Châu Thành Thánh Địa, có số tín đồ tương đương với một Tộc Đạo.

Chỉ có Châu Thành Thánh Địa Tòa Thánh Tây Ninh mới được chia ra thành Phận Đạo, còn các nơi khác thì gọi là Tộc Đạo hay Họ Đạo.

Về phương diện Hành Chánh Đạo, Phận Đạo tương đương với một Tộc Đạo, có một vị Lễ Sanh đứng đầu gọi là Đầu Phận Đạo. (Xem: **Châu Thành Thánh Địa, vàn Ch**)

Phận sự

分事

A: Duty.

P: Devoir.

Phận: Số phận của mỗi người, một phần. **Sự:** việc.

Phận sự là phần việc của mỗi người phải làm.

PHẤT

Phất chủ - Phất trần

拂塵 - 拂塵

A: The dust-brush of the immortals.

P: L' époussette des immortels.

Phất: quét. **Chủ:** con chủ, giống như con nai. **Trần:** bụi.

Phất chủ là cây chổi quét bụi, làm bằng lông đuôi con chủ.

Phất trần là cây chổi để quét bụi.

Phất chủ hay Phất trần, đều đồng nghĩa, là cây chổi quét bụi của các vị Tiên, được làm bằng lông đuôi con chủ.

Con chủ là một con thú thuộc loài nai, hình dáng giống như con hươu mà lớn hơn. Con chủ có lông đuôi rất dài, phết đất, khi đi thì cái đuôi phẩy qua phẩy lại để quét bụi.

Thông thường thì con chủ đi trước, đàn hươu nai đi sau, đuôi con chủ đi đến đâu thì quét sạch bụi đến đó.

Do đó, người xưa dùng đuôi con chủ làm cây chổi quét bụi, nên gọi là Phất chủ hay Phất trần.

Trong Truyện Tam Quốc, sau khi Quan Vân Trường bị Tôn Quyền ra lệnh xử trảm, lấy đầu đựng vào hộp gởi qua Tào Tháo, hồn Vân Trường bay phưởng phất trên đỉnh núi Ngọc Tuyền, đòi trả đầu lại.

Phổ Tịnh Thiền Sư lấy *đuôi chủ* gõ vào cửa để gọi hồn Vân Trường. Hồn Vân Trường liền đáp xuống, đến ra mắt.

Phổ Tịnh nói: - Ai trả đầu cho ông thợ rèn cây Thanh Long đao? Ai trả đầu cho Nhan Lương, Văn Xú? Ai trả đầu cho lục tướng ở ngũ quan? Mà ngày nay Vân Trường đòi đầu?

Quan Vân Trường liền tỉnh ngộ, và sau đó hiển Thánh.

Các vị Tiên thường dùng Phất chủ hay Phất trần để quét bụi, nhưng đây là cây chổi Tiên có phép huyền diệu (Chổi Tiên quét sạch nợ nần oan gia) dùng quét sạch các thứ bụi trần bám vào che lấp cái Tâm, để Tâm được trong sạch sáng tỏ.

Do đó, Phát chủ là một bửu bối của Tiên gia. Đức Thái Thượng Đạo Tổ là Tổ Sư của Đạo Tiên, lúc nào cũng cầm cây Phát chủ.

Đạo Cao Đài chọn cây Phát chủ làm cổ pháp tượng trưng Tiên giáo.

Theo Bí pháp, Phát chủ kết tụ điển khí của thất bảo DTC, dùng để trau sửa chơn thần cho tinh khiết.

PMCK: Xuân Thu, *Phát chủ*, Bát vu,
Hiệp qui Tam giáo hữu cầu chí chơn.

KCBCTBCHĐQL: Tiên phong phỉ ngọn *Phát trần*,
Liên đài đỡ gót đến gần Tây phương.

DTC: Diêu Trì Cung.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

KCBCTBCHĐQL: Kinh cầu bà con thân bằng cố hữu đã qui liễu.

PHẬT

PHẬT

佛

A: Buddha.

P: Bouddha.

Tiếng Phạn là Buddha, phiên âm ra là: *Phật-đà, Phù-đồ,...*, gọi tắt là Phật, dịch nghĩa ra Hán văn là: Giác, Trí.

Chữ Giác có 2 trường hợp: Giác sát và Giác ngộ.

Hiểu biết suy xét về sự phiền não khiến nó không gây ra tác hại nữa, như đời biết nó là giấc, nên gọi là Giác sát. Đó cũng gọi là *Nhất thiết trí*.

Hiểu rõ sự lý của chư pháp, rõ ràng rành mạch như người tỉnh giấc mơ thì gọi là Giác ngộ. Đó là *Nhất thiết chủng trí*.

Tự giác rồi mới có thể giác tha, tự giác và giác tha cùng viên mãn thì gọi là Phật. Người biết tự giác là đã khác với phàm phu, người đã biết giác tha là đã hơn được nhị thừa, người mà tự giác giác tha viên mãn thì đã hơn bậc Bồ Tát. Vì

sao vậy? Vì rằng phàm phu không biết tự giác, nhị thừa tuy tự giác nhưng chưa tu hành giác tha, Bồ Tát thì đủ cả tự giác giác tha nhưng tu hành chưa viên mãn. Lại nữa, Phật là người có đủ 2 trí, nắm biết được tất cả chư pháp, hiểu rõ phân minh. (Theo Từ Điển Phật Học Hán Việt của Giáo Hội Phật giáo VN)

Phật cốt

佛骨

A: The buddhic trait.

P: L'ossature bouddhique.

Cốt: cốt cách, dáng điệu.

Phật cốt là cốt cách như Phật, tức là hình thể vóc dáng thanh thoát như Phật.

KHH: Rõ ràng *Phật cốt* Tiên duyên.

KHH: Kinh Hạ Huyệt.

Phật đài

佛臺

A: Buddhist altar.

P: Autel de Bouddha.

Đài: nơi xây cất cao lên.

Phật đài là cái đài cao trên đó có đặt tượng Phật.

Phật đài cũng là bàn thờ Phật, có đặt tượng Phật để thờ.

Phật đản

佛誕

A: Buddha 's birthday.

P: Jour de la naissance du Bouddha.

Đản: nuôi, nay gọi ngày sanh là Đản nhật.

Phật đản là ngày sinh của Đức Phật.

Lễ Phật đản là lễ kỷ niệm ngày sanh của Đức Phật.

Khi xưa, Lễ Phật đản của Đức Phật Thích Ca là ngày mùng 8 tháng 4 âm lịch, nhưng về sau, Đại hội Phật giáo Thế giới lần 2 họp tại Đông Kinh (Nhật Bản) năm 1952, đổi lại là ngày trăng tròn: ngày 15 tháng 4 âm lịch. Giáo hội Phật giáo VN nay làm lễ Phật đản vào ngày 15 tháng 4 này. Năm giáng sanh ấy của Đức Phật ứng với năm 644 trước Chúa Giáng sinh.

Đạo Cao Đài vẫn giữ theo xưa, cử hành Đại lễ Vía Đức Phật Thích Ca vào giờ Tý ngày mùng 8 tháng 4 âm lịch.

Phật độ

佛土

A: Land of Buddha. P: Terre de Bouddha.

Độ: Thổ: đất. Trong Phật giáo, khi chữ THỔ có nghĩa là cõi đất thì đọc là ĐỘ.

Phật độ là cõi Phật, là cõi mà Phật lãnh trách nhiệm giáo hóa chúng sanh, nên cũng kêu là: Phật quốc, Phật địa,....

Phật độ có hai thứ: Uế độ và Tịnh độ.

- **Uế độ** 穢土: là cõi thế có đủ 5 thứ ô trược. Cõi Ta bà thế giới của Đức Phật Thích Ca giáo hóa là một Uế độ.

- **Tịnh độ** 淨土: hay Thanh tịnh độ là cõi Phật rất trong sạch, nơi ấy dùng tài thuyết pháp và sức linh mà giáo hóa những nhà tu hành thanh tịnh. Cõi Cực Lạc Thế Giới của Đức Phật A-Di-Đà là một Tịnh độ.

Phật giả vô ngôn

佛者無言

Giả: ấy là. **Vô:** không. **Ngôn:** nói, lời nói.

Phật giả vô ngôn: Phật không có nói.

TNHT: Ta hằng nghe chúng sanh nói: "*Phật giả vô ngôn!*" Nay nhưt định lấy huyền diệu mà giáo đạo chớ không giảng sanh nữa, đặng chuyển Phật giáo lại cho hoàn toàn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phật giáo

佛教

A: Buddhism.

P: Bouddhisme.

Giáo: dạy, tôn giáo.

Phật giáo là những điều dạy bảo của Phật tạo thành một giáo pháp có hệ thống để dạy dỗ nhơn sanh. Đó là một nền triết học về đạo đức rất cao siêu, dạy nhơn sanh tự tỉnh, tự ngộ, tự giác, để cuối cùng thì thành Phật.

Hiện nay, khi nói đến Phật giáo, người ta nghĩ ngay là một tôn giáo do Đức Phật Thích Ca mở ra và làm giáo chủ.

Trước thời Đức Phật Thích Ca thì đã có Phật giáo rồi. Đó là Phật giáo thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, do Đức Nhiên Đăng Cổ Phật giáng trần mở đạo. Đến thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Thái Tử Sĩ Đạt Ta tu thiên định dưới cội Bồ đề, đắc thành Phật, xưng hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài khởi thuyết pháp dạy dỗ chư môn đệ, mở ra Phật giáo, truyền đến ngày nay.

Phật giáo là tôn giáo lớn có số tín đồ rất đông đảo trên thế giới, truyền bá ở các nước Á Đông như: Ấn Độ, Trung Hoa, Mông Cổ, Triều Tiên, Nhật Bản, Tây Tạng, Miến Điện, Thái Lan, Ai Lao, Cao Miên, Việt Nam,.... Tổng số tín đồ Phật giáo trên thế giới ước lượng 300 triệu người.

Phật lịch

佛曆

A: Buddhist calendar.

P: Le calendrier bouddhique.

Lịch: phương pháp tính năm, tháng, ngày.

Phật lịch là niên lịch của Phật giáo.

Theo qui ước của Tổng Hội Phật giáo Thế giới thì Phật lịch không căn cứ trên năm giáng sanh của Đức Phật Thích Ca, mà căn cứ trên năm Đức Phật Thích Ca nhập Niết bàn, lấy năm ấy khởi đầu cho Phật lịch, tức là lấy năm Đức Phật Thích Ca nhập Niết Bàn làm kỷ nguyên Phật lịch.

Khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Đức Phật thọ 80 tuổi.

Năm Đức Phật Thích Ca giáng sanh là năm 644 trước Chúa Giáng sanh, như vậy năm Đức Phật Thích Ca nhập Niết Bàn ứng với năm: $644 - 80 = 544$ trước Chúa Giáng sanh.

Năm 544 trước Chúa Giáng Sanh được lấy làm kỷ nguyên Phật lịch. Vậy công thức tính Phật lịch là:

Phật lịch = Tây lịch + 544

Td: Năm 1926 tương ứng với Phật lịch: 2470

Năm 1974 tương ứng với Phật lịch: 2518

Năm 2001 tương ứng với Phật lịch: 2545

Phật Mẫu

(Xem: Cửu Thiên Huyền Nữ, văn C
và Diêu Trì Kim Mẫu, văn D)

Phật môn

佛門

A: The pagoda.

P: La pagode.

Phật môn là cửa Phật, tức cửa chùa, chùa Phật.

Phật pháp

佛法

A: The doctrine of Buddha.

P: La doctrine de Bouddha.

Pháp: giáo lý của một nền tôn giáo.

Theo Hán tự, chữ Pháp 法 gồm bộ Thủy 氵 và chữ Khứ 去. Chữ Thủy là nước, hợp với chữ Khứ là đi, ý nói dòng nước cứ mãi mãi trôi đi từ nơi này đến nơi khác, trong thời gian vô tận. Do đó, chữ Pháp có tánh chất biến đổi không ngừng, theo không gian và thời gian.

Phật pháp là giáo lý của Đức Phật Thích Ca.

Giáo lý này gồm: Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Thập nhị Nhân duyên, cùng với những Giới luật, được ghi chép đầy đủ trong Tam Tạng Kinh.

Tam Tạng Kinh không do Đức Phật Thích Ca viết ra, mà do 500 vị A-La-Hán, đệ tử của Đức Phật, kết tập giáo pháp của Phật dưới sự chủ tọa của Nhứt Tổ Ma Ha Ca Diếp, lập thành ba tạng kinh, gọi là Tam Tạng Kinh:

- Kinh Tạng ghi chép lại những lời Phật thuyết.
- Kinh Luật ghi chép những giới luật do Đức Phật chế định làm khuôn phép tu học và sanh hoạt cho tăng chúng.
- Tạng Luận ghi chép tất cả những bài do các Luận sư trình bày, giải thích giáo lý của Phật một cách có hệ thống.

Phật pháp bất ly thế gian pháp

佛法不離世間法

Phật pháp: (đã giải thích bên trên).

Thế gian pháp: Các pháp của thế gian. (chữ Pháp này nằm trong nghĩa tổng quát). Đó là những sự nghiệp giả tạm nơi cõi thế gian như: sự nghiệp làm quan, sự nghiệp kinh doanh, để mưu cầu đời sống vật chất được đầy đủ.

Thế gian pháp cũng là các ý thức và dục vọng của con người. Do đó, thế gian pháp có mục đích đưa con người xu hướng theo vật chất, để cuối cùng bị sa đọa vào vòng luân hồi.

Phật pháp thì có mục đích ngược lại, đưa con người thoát khỏi vòng luân hồi, lên cõi Cực Lạc Niết Bàn.

Cho nên, Phật pháp luôn luôn kèm giữ Thế gian pháp, để vạn pháp thế gian biến đổi và diễn tiến theo chiều hướng tấn hóa đi lên, thuận theo dòng tiến hóa của CKVT.

Phật pháp và Thế gian pháp không thể tách rời nhau. Phật pháp mà tách khỏi Thế gian pháp thì Phật pháp mất mục đích và không còn ý nghĩa chi cả. Còn Thế gian pháp mà tách rời

khỏi Phật pháp, không có Phật pháp hướng dẫn thì nó đi đến chỗ diệt vong.

Nhờ Phật pháp mà các sự nghiệp vật chất được tạo nên bởi Chánh nghiệp, Chánh ngôn, để vừa lo cho mình, vừa phụng sự nhơn sanh. Ý thức dục vọng của con người nhờ nương theo Phật pháp mà trở nên Thánh thiện, làm cho Đời trở nên an lạc.

Như vậy, Phật pháp phải dung hòa cùng Thế gian pháp để tạo thành lễ Trung Nhứt trong Đạo Trời.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Phật Pháp Tăng

佛法僧

A: Buddha - Doctrine - Community of monks.

P: Bouddha - Doctrine - Communauté des bonzes.

1. Giải thích theo Phật giáo:

Phật là chỉ Đức Phật Thích Ca.

Pháp là giáo lý của Phật, Đức Phật Thích Ca thuyết giảng giáo lý này để cứu độ chúng sanh.

Tăng là những người tin theo giáo lý của Phật và qui y theo Phật, chuyên tâm lo việc tu hành.

Phật Pháp Tăng là Tam bảo của Phật giáo. Ba ngôi này có công đức rất to lớn, vì có thể độ cho chúng sanh dứt khổ, giải thoát khỏi phiền não và luân hồi.

Người tu học đạo Phật, xuất gia hay tại gia, trọn đời phải tôn kính và tin tưởng Tam bảo: Phật Pháp Tăng.

2. Giải thích theo Đạo Cao Đài:

Khi cúng Đức Chí Tôn, trước hết chúng ta phải chấp tay bắt ấn Tý, đặt lên trán, lấy dấu niệm: Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng, rồi mới đặt ấn Tý xuống ngực niệm: Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Ý nghĩa của việc niệm: Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng được Đức Chí Tôn giảng dạy trong TNHT như sau đây:

TNHT: "Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy. Thầy đã nói, một chơn thần mà biến CKTG và cả hơn loại.

Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy.

Các con là chư Phật, chư Phật là các con.

Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Thầy khai Bát quái mà tác thành CKTG nên mới gọi là PHÁP. Pháp có mới sanh ra CKVV rồi mới có người nên gọi là TĂNG.

Thầy là PHẬT, chủ cả PHÁP và TĂNG lập thành các đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy."

Qua bài Thánh ngôn trên của Đức Chí Tôn, chúng ta hiểu rằng:

- Phật là Đức Chí Tôn. (Thầy là Phật)
- Pháp là các phép biến hóa huyền diệu của Đức Chí Tôn để tạo thành CKVT và vạn vật.
- Tăng là chỉ toàn thể hơn loại là con cái của Chí Tôn.

Như vậy, niệm Phật Pháp Tăng là niệm Đức Chí Tôn, trong sự minh triết: Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ, là Đấng Tạo hóa CKVT và vạn vật.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

CKVV: Càn Khôn Vạn vật.

Phật quốc

佛國

A: **Buddhic kingdom.**

P: **Royaume Bouddhique.**

Phật: Đức Phật. **Quốc:** nước, xứ.

Phật quốc có hai nghĩa:

1. Phật quốc là xứ mà Đức Phật cư ngụ và giáo hóa dân chúng nơi xứ ấy. Nước Thiên Trước (ở phía bắc Ấn Độ) là Phật quốc của Đức Phật Thích Ca.

2. Phật quốc là cõi mà một vị Phật có nhiệm vụ cai quản và giáo hóa. Cõi CLTG là Phật quốc của Đức Phật A-Di-Đà. Cõi Ta bà thế giới là Phật quốc của Đức Phật Thích Ca.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

Phật tánh

佛性

A: The nature of Buddha.

P: La nature de Bouddha.

Phật: tượng trưng sự giác ngộ, sự lành. **Tánh:** tánh chất.

Phật tánh là cái tánh giác ngộ, cái bản tánh lành, cái mầm lương thiện ở trong mọi người và mọi vật.

Phật tánh cũng được gọi là Như Lai tánh.

Trái với Phật tánh là chúng sanh tánh, Phàm tánh.

Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh: tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Nhờ cái Tánh giác ngộ ấy, cái bản tánh lành ấy, chúng sanh công nhận và thấu đạt luật Nhân quả, hiểu cái thể tự nhiên của mình đồng với Phật.

Cái Phật tánh ở nơi ta là tấn chớ không phải thối, tích chớ không phải tiêu. Nó lướt tới mãi, nó làm cho cảnh trần càng đẹp càng thuần, nó đưa lần mọi vật đến gần cái tuyệt đẹp tuyệt cao, tuyệt diệu tuyệt sáng.

Mỗi vật đều có chứa nơi mình cái Phật tánh, dầu cho vật nào đê hạ tới đâu cũng có hy vọng thành Phật được. Không bỏ mạng nào, không đầy ai, không một vật nào bị sa thải hết.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh:

- Huệ Năng nói với Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn: Con người tuy có phân Nam Bắc, chớ Phật tánh vốn không Nam Bắc. Cái thân đã man nầy đối với Tổ sư, tuy chẳng giống nhau chớ cái Tánh Phật nào có khác.

- Dầu kẻ ngu, dầu người trí, cũng đều có Phật tánh như nhau, chỉ tại sự mê và ngộ chẳng đồng đó thôi. Cho nên mới có kẻ ngu người trí.

Phật tánh cũng tức là Chơn như, cái tánh chơn thật hằng có, không biến cải, chẳng sanh chẳng diệt. Song với kẻ ngu, vì bị nhiều sở dục và bị nhiều nghiệp chướng ngăn bít nên cái Phật tánh phải lu mờ. Còn đối với người trí, ít tham ít dục, mộ việc tu hành, nên cái Phật tánh tỏ rạng, biết cái quấy mà tránh, biết lẽ phải mà theo. (Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn T. Còn)

Nho giáo gọi Phật tánh là cái tánh bản thiện: Nhơn chi sơ, tánh bản thiện. Đó chính là cái Thiên lương hay Thiên tánh, cũng gọi là Lương tri Lương năng, mà ai ai cũng đều có như nhau. Quân tử hay Tiểu nhân đều có cái tánh bản thiện như nhau. Cái tánh bản thiện ấy cũng được gọi là Minh đức.

Cho nên trong sách Đại học dạy câu đầu tiên là: *Đại học chi đạo tại minh Minh đức*, nghĩa là: cái đạo đại học là ở nơi làm sáng cái Minh đức. Cái Minh đức mà tỏ rạng là bậc quân tử, cái Minh đức mà bị ngăn bít tối tăm là kẻ tiểu nhân.

Nhờ có Phật tánh hay Minh đức là mọi người đều có thể trở thành bậc Thánh nhân nếu biết lập công tu luyện.

PMCK: Phục nguyên nhơn huồn tồn *Phật tánh*.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Phật tâm

佛心

A: The buddhic heart.

P: Le coeur bouddhique.

Phật tâm là cái tâm giống như Phật, tức là tâm lòng từ bi giống như Phật.

Phật tâm đồng nghĩa Thánh tâm, trái lại là Phàm tâm.

Phàm tâm là cái tâm u mê tham dục của người phàm.

TNHT: Con phải lấy *Phật tâm* con mà dòm ngó đám sanh linh bị phạt luân hồi chưa dứt.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phật Tổ

佛祖

A: The founder of Buddhism.

P: Le fondateur du Bouddhisme.

Phật: chỉ Đức Phật Thích Ca. **Tổ:** người sáng lập một tôn giáo hay một học thuyết, một ngành nghề.

Phật Tổ là Đức Phật Thích Ca sáng lập ra Phật giáo, và làm Giáo chủ Phật giáo.

Khi Đức Phật Thích Ca nhập Niết Bàn, các vị nối tiếp Đức Phật cầm quyền điều khiển Giáo hội Phật giáo được gọi là Tổ Sư, mà vị Đệ Nhứt Tổ Sư là Ma Ha Ca Diếp. Vị Tổ Sư thứ 28 đem Phật giáo Ấn Độ truyền sang Trung hoa là Bồ Đề Đạt Ma, và Ngài trở thành Sơ Tổ của Phật giáo Trung hoa.

Phật tông vô giáo

佛宗無教

Tông: cũng đọc là Tôn: tôn giáo. **Phật tông** là đạo Phật, Phật giáo. **Vô:** không. **Giáo:** dạy.

Phật tông vô giáo là đạo Phật không có dạy.

TNHT: Đường này, từ đây, chư chúng sanh chẳng tu, bị đọa A-Tỳ thì hết nói rằng: *Phật tông vô giáo*, mà chối tội nữa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phật tử

佛子

Có hai trường hợp sau đây:

1. Phật tử: A: Buddhist. P: Bouddhiste.

Phật: Đức Phật. **Tử:** con, đệ tử .

Phật tử là đệ tử của Phật. Nói đầy đủ là: Phật môn đệ tử, là học trò của nhà Phật.

Vậy, Phật tử là những tín đồ nam nữ của Phật giáo.

Trong Tứ thập nhị chương kinh, có lời Phật dạy:

"Những Phật tử, tuy cách xa Ta hằng ngàn dặm mà nhớ giữ những Giới luật của Ta, chắc là tu đắc đạo. Còn những người thường ở với Ta, theo bên tả bên hữu, tuy thường thấy Ta mà không thuận theo Giới luật của Ta thì không đắc đạo."

2. Phật Tử:

Phật Tử là thầy Phật, tương tự như: Không Tử là thầy Không, Mạnh Tử là thầy Mạnh.

Trong Đạo Cao Đài, Phật Tử là phẩm vị Chức sắc cao nhất trong Thập nhị Đẳng cấp thiêng liêng của Cơ Quan Phước Thiện, thuộc hàng Phật vị, đối phẩm với Hộ Pháp của HTĐ.

Dưới phẩm Phật Tử là Tiên Tử, dưới Tiên Tử là Thánh Nhơn, dưới Thánh Nhơn là Hiền Nhơn, v.v....

Đức Chí Tôn có nói: Kỳ ba này, Đức Chí Tôn đến độ rồi con cái của Ngài lên đến ngang bậc cùng Ngài. Đó là ngôi Phật Tử đó vậy.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Phật vị

佛位

A: The rank of Buddha.

P: Le rang de Bouddha.

Vị: ngôi vị, đẳng cấp.

Phật vị là ngôi vị Phật, đẳng cấp Phật.

DLCK: năng du ta bà thế giới độ tận vạn linh đắc qui Phật vị.

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Phật xứ

佛處

A: The Buddhist kingdom.

P: Le royaume Bouddhique.

Xứ: cõi, miền, vùng đất. **Phật:** Đức Phật.

Phật xứ là xứ Phật, đất Phật, cõi Phật, là nơi hoàn toàn an vui hạnh phúc. Đó là cõi Cực Lạc Thế Giới.

PMCK: Tiên cung, *Phật xứ*, Cao Đài xướng danh.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

PHÉP

PHÉP

1. **PHÉP:** Luật pháp.
Td: Phép công.
2. **PHÉP:** Phép thuật huyền diệu, vẽ bùa bắt án.
Td: Phép lành, Phép linh, Phép xác.
3. **PHÉP:** Phương pháp, cách thức.
Td: Phép tu vi.

Phép công

A: The laws of justice. **P:** Lois de justice.

Phép: Luật pháp. **Công:** công bình.

Phép công là pháp luật công bình.

TNHT: Ví biết *phép công* cơ thường phạt.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phép huyền hư

A: Mysterious method.
P: Méthode mystérieuse.

Phép: Phương pháp, cách thức. **Huyền:** huyền diệu. **Hư:** trống không nhưng rất màu nhiệm. **Huyền hư** là màu nhiệm.

Phép huyền hư là phương pháp tu luyện màu nhiệm.

GTK: Xin xót thương con người ngây dại,
Phép *huyền hư* truyền dạy thế gian.

GTK: Giới Tâm Kinh.

Phép lành

A: Sacrament of benediction.

P: Sacrement de bénédiction.

Phép: Phép thuật huyền diệu, vẽ bùa bắt ấn. **Lành:** ý nói điển lành (thanh điển).

Phép lành là phép bí tích ban điển lành cho những môn đệ của Đức Chí Tôn.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo tại Kim Biên, có thuật lại bí tích Ban Phép lành mà Đức Ngài học hỏi nơi Đức Chí Tôn, trích trong Bán Nguyệt San Thông Tin Xuân Quý Sửu (1973):

"Đêm nay là khởi đầu Tết, tức nhiên cả thầy chúng ta đều thêm một tuổi, gọi là năm mới, Bàn đạo giảng có chuyện vui lắm, nghe tức cười lắm, nên dặn đi cho đông đảng nghe việc Bàn đạo học Bí pháp của Đức Chí Tôn truyền năm Bính Dần.

Rằm tháng 10 năm Bính Dần là năm mà Đức Chí Tôn đến dựng khai đạo tại Từ Lâm Tự, tức là chùa Gò Kén, rằm tháng 10 Bính Dần mở đạo đến Tết Đinh Mão, đêm 30, có lẽ khi cũng giờ này, cúng đàn rồi, thì Đức Chí Tôn giáng cơ.

Bàn đạo và anh Cao Thượng Phẩm phò loan cho Đức Chí Tôn đến. Đến rồi, vừa ký tên của Ngài (ký đặc biệt) cho chúng tôi hiểu. Ngài xách hai đĩa đứng dậy hết, không biết làm gì, xô ra chính giữa, rồi viết trên không vậy, đoạn biểu cả con cái của Ngài đều chun ngang dưới cơ đó hết đảng Ngài ban Phép lành. Khi xong, hai đĩa đứng dậy, mỗi người đều chun dưới cơ vậy hết. Hễ chun qua, Ngài vẽ gì đó không biết trên đầu mỗi người. Đó là cái huyền bí của Đại Từ Phụ, mình không hiểu gì hết. Tới chừng rồi lại kêu: "**TẮC, con coi đó đảng bắt chước Thầy nghe.**"

Thiệt, Bàn đạo không hiểu gì hết, bắt chước nhưng làm sao giáng cơ như Ngài, rồi cũng vẽ như vậy sao? Không biết mà không dám hỏi. Lâu quá rồi khi đó giáng cơ nữa, dạy nữa. Bàn đạo hỏi:

- Dạ thưa Thầy, hôm Tết Thầy ban Phép lành cho cả con cái của Thầy mà Thầy biểu con coi đó đảng bắt chước, nhưng

bất chước làm sao mới được chớ? Con có thể giáng cơ như Thầy được đâu mà bất chước?

Đức Chí Tôn cười Ngài mới chỉ cái bí pháp ban Phép lành là làm như vậy, và giải nghĩa. Ngài nói: cái ấn tạo CKVT là cái ấn Thái Cực với Lương Nghi, nó thuộc về vô hình thể, tức nhiên về khí chất nên không hữu hình tướng, duy có cái ấn Tứ Tượng với Bát Quái, hễ hiển xuất ra rồi thì vạn linh mới xuất hiện ra. Ấy vậy, con đưa cái ấn Tứ Tượng với Bát Quái ra, con trụ cả cái nguyên khí của CKVT rồi con phân phát lên đầu mỗi đứa, vậy là ban Phép lành đó.

Nếu không nói rằng: Hễ con đưa nó lên đó, rồi ngươn pháp của con đó nó hiệp lại với huyền khí tối linh của Thầy tức nhiên là cái quyền Chí Tôn của Thầy đó, thì cả con cái của Thầy mới được hưởng cái hồng ân đặc biệt về hồn về phách và xác thịt của nó.

Nghe nói vậy, Bàn đạo mới hỏi:

- Bây giờ ấn Tứ Tượng ra sao? ấn Bát Quái ra sao?

Thầy trả lời: Tay này để trên tay kia thành chữ thập là Tứ Tượng, rồi cái này có 8 cái cung của nó, tức nhiên là Bát Quái đó vậy. (Đức Hộ Pháp đưa hai tay ra làm kiểu mẫu) Rồi biểu để vậy đưa ra.

Bàn đạo cũng đưa ra mà không hiểu biết, nên đưa tay ra trợ trợ mà không làm gì trong đó hết.

Ngài nói cái pháp thủ để như vậy, nhưng Bàn đạo không biết làm sao. Vì tự thuở trước, Bàn đạo theo đạo Thiên chúa, đâu có tin gì thứ đó. Đạo Gia Tô mà tin thứ đó đâu có được, từ nhỏ chí lớn là đại kỵ đó mà. Ngài bắt làm cái vụ này, Bàn đạo cũng đưa ra, rồi không làm gì hết.

Sau bữa đó, Ngài thấy mỗi khi làm trật rồi Ngài lại rầy, Ngài nói: Con đưa ra cũng như không, cũng như khúc củi thôi.

- Dạ thưa Thầy, vậy chớ làm sao, con có biết đâu.

Ngài nói: Ờ, Thầy dạy con để pháp thủ như vậy.

- Đưa ra thì con cũng đưa ra chớ biết sao giờ.

Ngài nói: Con không trụ cái điển lực của con vô trong đó, trong pháp thủ của con, tức nhiên truyền thần vô đó, thì nó làm

sao huy động trong CKVT đặng? Không hành chơn pháp thì có gì hy vọng đâu? Giả tử như máy truyền thanh thanh của con hát đó chớ gì, hễ đưa nó ra, nó phải rung động mới được, là xao động cả CKVT chớ. Đàng này con đưa ra như khúc củi, có làm gì đâu?

Bần đạo hỏi: Truyền thần có phải như thế con phò loan phò loan hôm nọ, phải truyền thần, cơ mới lên phải không?

Ngài nói: Thì vậy chớ sao!

Hôm trước Thầy không có nói, Thầy nói chỉ có một lần thôi, dặn ban phép tới kẻ cùng đình.

Bần đạo mới tò mò hỏi: Cái đó là sao?

Ngài nói: Không có gì. Con ngó thấy máy truyền thanh, máy thanh âm bây giờ trước mắt đó là cho mấy con dễ hiểu. Con nói tiếng là nó có thể thanh được. Bây giờ con có thể đứng ra huy động thì cả Càn Khôn này nó linh động chớ gì, mà khi nào cái pháp thủ của con nó linh động thì cái chơn pháp của Thầy thiệt hiện cho cái pháp thủ của con, rồi cả khối sanh lực CKVT trụ lại đó, rồi mới đưa tay ra như vậy, con rải trên đầu của mỗi đứa thì mỗi đứa hưởng, chớ có gì đâu.

Tại Bần đạo chưa hiểu tới chỗ đó, khi hiểu được điều đó mới có làm bây giờ đây, không thôi đâu có biết đâu mà làm. Hạng nhứt là những ẩn khuyết thì lúc đó là đại kỳ với Bần đạo, vì Bần đạo không ưa thứ đó. Bần đạo đâu có phải thầy phù thầy pháp gì mà ưa. Gốc là Gia Tô giáo nên Bần đạo đâu có ưa thứ đó, nhưng biểu làm thì làm.

Nhưng cái ẩn mà Đức Chí Tôn đưa cho đặng ban Phép lành cho con cái của Ngài đến nay là trọng yếu hơn hết mà mai sáng đây, thì mấy người sẽ đến mừng tuổi, Bần đạo sẽ ban Phép lành cho, để tề tựu lại cho đồng thiên hạ. Không biết chừng có người ngoài họ đi đâu lối đó, rồi làm bất tử, họ cũng hưởng được, cũng đỡ lắm chớ. Mình làm chuyện phước đức bất ngờ phải vậy không?

Thôi để mai rồi ban Phép lành, đêm nay nghỉ, sáng mai tựu lại cho có mặt đầy đủ rồi sẽ ban Phép lành. Nhớ à! Ai không có mặt không được hưởng thì chịu à!"

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Phép linh

A: The mysterious power. P: Le pouvoir mystérieux.

Phép: Phép thuật huyền diệu, vẽ bùa bắt ắn. **Linh:** thiêng liêng huyền diệu.

Phép linh là phép thuật huyền diệu.

TNHT: Trước mắt ngỡ ngỡ thấy *phép linh*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phép Tiên đạo

A: The method of Taoist practises.

P: La méthode des pratiques Taoistes.

Phép: Phương pháp, cách thức. **Tiên đạo:** đạo Tiên, Tiên giáo, tôn giáo dạy tu luyện thành Tiên. Đó là tôn giáo của Đức Lão Tử, nên còn gọi là Lão giáo.

Phép Tiên đạo là phương pháp tu luyện của đạo Tiên.

Phép Tiên đạo cũng chính là Tâm pháp tu luyện của đạo Tiên.

KK: Phép *Tiên đạo* tu chơn dưỡng tánh.

KK: Khai Kinh.

Phép tu vi

Phép: Phương pháp, cách thức. **Tu:** sửa đổi cho tốt đẹp. **Vi:** phần rất nhỏ.

Phép tu vi là phương pháp sửa đổi cho tốt đẹp từ những việc rất nhỏ nhặt.

Lưu Bị, một vị vua thời Tam Quốc, hiệu là Hớn Chiêu Liệt, đã dạy con là Thái tử Lưu Thiện một câu rất nổi tiếng:

Vật dĩ ác tiểu nhi vi chi,

Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi.

Viết ra Hán văn:

勿以惡小而為之

勿以善小而不為

Giải nghĩa:

Đừng cho việc ác nhỏ mà làm,
 Đừng cho việc thiện nhỏ mà không làm.
 (Xem chi tiết nơi chữ: Tu vi, văn T)

Phép xác - Phép Đoạn căn và Độ thăng

A: *Mystery of deliverance.*

P: *Mystère de la délivrance.*

Phép: Phép thuật huyền diệu, vẽ bùa bắt án. **Xác:** thể xác của người chết. **Đoạn:** cắt đứt. **Căn:** rễ cây, chỉ các sợi dây oan nghiệt ràng buộc chơn thần người chết không cho xuất ra khỏi xác. Có tất cả 7 sợi dây oan nghiệt ràng buộc chơn thần. **Đoạn căn** là cắt đứt 7 dây oan nghiệt này. **Độ:** cứu giúp. **Thăng:** bay lên, siêu thăng. **Độ thăng** là giúp cho siêu thăng.

Phép Đoạn căn là phép bí tích dùng để Chức sắc hành pháp cắt đứt 7 dây oan nghiệt, làm cho chơn thần của người chết thoát ra khỏi thể xác, trở về cõi thiêng liêng.

Phép xác là phép bí tích để Chức sắc hành pháp, dùng nước Cam Lộ tẩy rửa chơn thần người chết cho chơn thần được trong sạch nhẹ nhàng.

Phép Độ thăng là phép bí tích giúp cho chơn thần người chết siêu thăng lên cõi thiêng liêng.

Chú giải Phép Xác: (của Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh)

Sự sống của con người do nơi Khí Sanh quang nuôi nấng. Khí Sanh quang nơi mình chúng ta tụ tại 7 khiếu làm nên điển lực. Hễ còn điển lực thì thi hài còn vận chuyển sanh hoạt, dứt điển lực thì thi hài phải bất động tử kỳ.

Ai cũng hiểu rằng: khi tử kỳ đã chí thì thi hài phải chịu một phen đau đớn thảm khổ quá chừng, vì Phật Thích Ca biết cái sự đau đớn ấy dường nào nên Ngài gọi là Tử khổ.

Sự đau đớn khởi ra từ ngày điển lực đã giảm hao tiêu tụy, thi hài phải bệnh hoạn mòn mỏi, vì điển lực đã yếu hấp thụ

Sanh quang thì cái sanh mạng của con người không còn phương bảo tồn đặng nữa.

Kể từ lúc năng lực mòn mỏi cho đến ngày tuyệt khí Sanh quang là một thời gian dài ngắn tùy theo quả kiếp của con người, chẳng một vị tu hành nào đã đạt pháp mà định đặng cái thời gian ấy nổi.

Có nhiều kẻ đã chết mà cái năng lực Sanh quang ấy hãy còn, chỉ còn mây mùn mà thôi, nhưng cái mây mùn ấy nó làm cho cái dây điện lực truyền sự đau đớn của thi hài lại với tâm hồn. Sự đau đớn ấy đã quá sức phạm tình để hiểu. Ấy là một quả kiếp đáng ghê sợ.

Có kẻ hiểu rằng: Thi hài đã bị nứt vỡ tiêu hủy, vùi ăn, hôi thúi mà tinh thần thoát ra không khỏi, rồi chịu sự đau đớn ấy cho đến xương tàn cốt rụi mới thôi, ấy là một cái hình phạt thiêng liêng oai nghiêm hơn hết.

Hễ còn biết đau thì còn tưởng đến mình, tưởng đến mình thì còn nhớ sự đời, nhớ sự đời thì còn thương kiếp sống, thương kiếp sống thì còn chuyển kiếp luân hồi.

Vì Chí Tôn biết lẽ ấy là một lẽ đày đọa cả con cái của Người, nên Người nhứt định dùng diệu pháp cắt 7 cái mỗi năng lực gọi là Thất khiểu Sanh quang, phạm gọi là 7 dây oan nghiệt, đặng cho chơn thần xa lìa xác tục, rồi cũng dùng diệu pháp mà đưa vào cõi hư linh, mới rõ ràng là cơ tận độ.

Ấy vậy, làm Phép xác cốt yếu là tắm gội xác tục và hồn với giọt nước Cam lồ, cắt đứt 7 dây oan nghiệt cho chơn thần lìa khỏi xác, rồi đưa chơn thần vào cõi Hư linh.

Trước khi làm phép, biểu sắm sẵn một cái chén, một nhánh dương, một cái kéo, và 9 cây nhang để trên một cái đĩa, rồi để sẵn trên Thiên bàn. (Dùng chén ấy đựng nước Cam lồ)

1. Luyện Cam lồ thủy:

Người hành pháp đến trước Thiên bàn, xông hương hai bàn tay và mặt mày mình, đoạn xông hương mấy món sắm để hành pháp. Trong lúc xông hương phải niệm câu: "*Vạn trược tiêu tan, sanh khí phục hồi.*"

Xong rồi, lấy cái chén không để ngay Thiên bàn, lấy nhánh dương gác ngang miệng chén, rồi thỉnh hai chung nước Âm Dương cúng trên Thiên bàn đặt hai bên cái chén không.

Đoạn người hành pháp đứng ngay trước Thiên bàn, định thần, ngó ngay Thiên Nhãn, tay trái bắt ấn Hộ Pháp để ngay ngực, lấy con mắt vẽ trong con người Thiên Nhãn chữ (.), lấy chơn trái vẽ dưới đất chữ (.), chơn trái đứng trên chữ ấy, chơn mặt ký chữ (.) vào chơn trái, gọi là đạp Đỉnh Giáp.

Hai tay cầm hai chung nước Âm Dương kê xấp lại nhau cho Âm Dương ký tế, hai mặt nước hiệp nhau, rồi đổ ngay giọt nước xuống chén không, vừa niệm câu: "*Cam lồ thủy năng hủy trước kiếp ô sinh oan nghiệt tội chướng chi đọa.*" Hễ dứt câu niệm thì phải ngưng giọt nước.

Đoạn tay trái bắt ấn Hộ Pháp, lấy chén nước Cam lồ để lên trên ấn, tay mặt cũng bắt ấn Hộ Pháp để lên trên miệng chén, niệm danh hiệu Hộ Pháp, co ngón tay giữa vẽ lên mặt nước bùa (.). Trong lúc vẽ bùa thì khi viết 3 chữ (.) thì niệm: "Nam mô Cao Đài Tiên Ông" và khi vẽ 3 vòng vô vi thì niệm tiếp: "Đại Bồ Tát Ma Ha Tát." Vẽ xong thì buông ngón tay và xòe bàn tay úp trên miệng chén, nhắm con mắt lại truyền thần xuống mặt nước. Khi thấy Thiên Nhãn giáng ngay mặt nước thì tức cấp rút tay ra, đừng để tiêu Thiên Nhãn mà thất pháp. (Nhớ vẽ 3 chữ (.) liên tục nối đuôi liền nhau.)

Nước Cam lồ thủy đã luyện thành.

(Muốn luyện con mắt thấy Thiên Nhãn thì hằng ngày phải tập ngó ngay Thiên Nhãn cho lâu, trụ thần vào đó, rồi nhắm mắt lại mà vẫn còn thấy Thiên Nhãn).

2. TẠO BỮU pháp Đọan căn:

Đốt 9 cây nhang, kiểm điểm coi cháy đủ 9 cây đều hết, cho đủ Cửu tiêu, tượng trưng Cửu Thiên Khai Hóa. (Hễ thiếu 1 cây là thất pháp).

Cầm 9 cây nhang ở tay mặt, tay trái lấy cái kéo, ngón tay cái và ngón giữa xỏ vô hai lỗ kéo, xòe miệng kéo đưa đứng lên, ngón tay trở để ngay chỗ miệng kéo, cho đủ 3 chấm: Phật, Pháp, Tăng. Hai chơn vẫn đạp Đỉnh Giáp trên chữ (.). Đưa cái kéo lên ngay Thiên Nhãn, nhắm cho Thiên Nhãn lợt ngay kẽ

miệng kéo. Định thần, cầm 9 cây nhang vẽ chữ (.) ngay con người Thiên Nhân. Bửu pháp đoạn căn (cái kéo) đã tạo thành.

3. Hành phép xác:

Phải có một người phụ lễ bưng các món Bửu pháp đã tạo thành đứng gần.

Người hành pháp đến đứng trước đầu quan tài, định thần, lấy con mắt vẽ chữ (.) ngay trên đầu kẻ chết.

Khởi xương đọc kinh Cầu Siêu. Khi đồng nhi tiếp đọc kinh thì người hành pháp, tay trái bắt ấn Hộ Pháp, lấy chén nước Cam lồ để ngay trên ấn, tay mặt lấy nhánh dương cầm chỉ Thiên. Đứng định thần thể nào cho không còn thấy cái hòm, mà là thấy ngay cái thân của kẻ chết. Nhúng nhánh dương vào chén nước Cam lồ, rải lên khắp mình người chết. Khi đi giáp vòng trở lại chính giữa ngay đầu quan tài, đứng tiếp tụng kinh với đồng nhi cho tới mãn hiệp kinh lần thứ nhất.

4. Hành phép Đoạn căn:

Người hành pháp đứng ngay đầu quan tài, khởi tụng kinh Cầu Siêu lần thứ nhì. Khi đồng nhi tiếp đọc thì lấy cái kéo cầm đưa ngay đầu quan tài. Đứng định thần cho không còn thấy cái hòm mà thấy thân người chết. Đi vòng quanh cắt hết 7 sợi dây oan nghiệt nơi: (1) trên đầu ngay mỏ ác (nê hườn cung), (2) ngay trán, (3) ngay cổ, (4) ngay tim, (5) ngay hông bên trái, (6) ngay dạ dưới, (7) ngay xương khu.

Trong lúc cắt, phải tưởng cái cắt mà thôi, chớ đừng tưởng cái kéo. Cắt xong thì trở lại chỗ cũ, đứng trước đầu quan tài, trao cái kéo cho người phụ lễ, rồi tiếp tụng kinh với đồng nhi cho đến mãn hiệp kinh thứ nhì.

5. Hành pháp Độ thẳng:

Người hành pháp đứng ngay đầu quan tài, khởi tụng kinh Cầu Siêu hiệp ba. Khi đồng nhi tiếp tụng kinh thì người hành pháp, tay trái bắt ấn Hộ Pháp để ngay ngực, tay mặt cầm 9 cây nhang đưa ngọn lửa ngay đầu quan tài. Định thần cho thấy thân người chết, hoặc nằm hoặc ngồi.

Cầm 9 cây nhang vẽ bùa chữ (.) ngay trên thân kẻ chết hoặc nằm hoặc ngồi. Truyền thần vô 9 cây nhang, cầm đưa

ngay nguyệt cung (cái kiếng gắn trước đầu quan tài), định thần, kêu tên họ người chết một cách oai quyền, triệu chơn thần biểu lên ngòai trên 9 mũi nhang mà đưa lên hư không. Hễ thăng thì lên, còn trầm thì đọa.

Xong rồi giao 9 cây nhang cho người phụ lễ và đứng tiếp tụng kinh với đồng nhi cho đến mãn hiệp ba. Dứt kinh thì niệm Câu chú của Thầy ba hiệp. Hết.

PHÊ

PHÊ

PHÊ: 批 Xác định và ghi ý kiến đúng sai, thuận hay bác, khen hay chê.

Td: Phê chuẩn, Phê kiến.

Phê chuẩn

批准

A: To ratify.

P: Ratifier.

Phê: Xác định và ghi ý kiến đúng sai, thuận hay bác, khen hay chê. **Chuẩn:** chấp thuận.

Phê chuẩn là chấp thuận cho thi hành như giấy tờ đã ghi.

Phê chuẩn là trường hợp giấy tờ đã dâng lên đến tột phẩm rồi để vị đứng đầu xét nét quyết đoán.

Bên CTĐ có Đức Giáo Tông, bên HTĐ có Đức Hộ Pháp.

Khi giấy tờ đã được phê chuẩn rồi thì cứ ban ra mà theo đó thi hành, không còn ai có thể phản kháng được.

PCT: Giáo Tông buộc phải giao cho Chưởng Pháp xét nét trước khi *phê chuẩn*.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Phê kiến - Phê duyệt

批見 - 批閱

A: To approve.

P: Approver.

Phê: Xác định và ghi ý kiến đúng sai, thuận hay bác, khen hay chê. **Kiến:** thấy. **Duyệt:** Xem.

Phê kiến, đồng nghĩa Phê duyệt, nghĩa là có thấy đúng, không có điều gì sai.

Giấy tờ đã được phê kiến rồi, có khi còn phải dâng lên bậc tối cao để được phê chuẩn, có khi phê kiến là đủ, trả xuống mà ban hành ra.

PHẾ

PHẾ

PHẾ: 廢 Bỏ đi, hư hại, đình lại.

Td: Phế đời, Phế phận.

Phế đời hành đạo

A: The abolishment of the lay life for the religious life.

P: L' abandon de la vie laïque pour la vie religieuse.

Phế: Bỏ đi, hư hại, đình lại. **Đời:** việc đời, việc kinh doanh mưu cầu danh lợi. **Hành:** làm. **Đạo:** việc đạo, việc tu hành.

Phế đời là từ bỏ việc kinh doanh mưu cầu danh lợi trong trường đời, hay từ bỏ các chức vụ trong chốn quan trường.

Hành đạo là làm các công việc trong Đạo mà Hội Thánh giao phó để lập công quả, phụng sự nhơn sanh, với mục đích là cầu cho linh hồn được giải thoát khỏi luân hồi, trở về cõi TLHS.

Người tín đồ Cao Đài muốn cầu phong đứng vào hàng Chức sắc thì phải trọn hiến thân cho Đạo suốt đời, tức là là phế đời hành đạo.

- *Đối với gia đình*: Phải ly gia cắt ái, không còn lo lắng đến các sanh hoạt của gia đình, nén đau thương mà tách khỏi gia đình để đến ở và làm việc hoàn toàn cho Đạo.

- *Đối với xã hội*: Từ bỏ các công việc kinh doanh mua bán, sản xuất hoa lợi, từ bỏ những chức vụ đang nắm giữ nơi bộ máy của quyền đời, để hoàn toàn được rảnh rang, đem hết khả năng phục vụ cho Đạo, phụng sự nhưn sanh.

BĐND: Đạo Nghị Định thứ 5: Điều thứ 1: Buộc cả Chức sắc đã thọ phong phải *phế đời hành đạo*.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

BĐND: Bát Đạo Nghị Định.

Phế lập

廢立

A: To depose one king and replace him by another.

P: Détrôner un roi et élever un autre.

Phé: Bỏ đi, hư hại, đình lại. **Lập:** dựng lên.

Phé lập là ý nói một kẻ nắm hết quyền thế trong triều đình, có quyền truất phế vị vua đương thời để lập người khác lên làm vua.

Phế phận

廢分

A: To be neglectful in one's duties.

P: Être négligent dans ses fonctions.

Phé: Bỏ đi, hư hại, đình lại. **Phận:** phận sự, bổn phận.

Phé phận là bỏ bê bổn phận, không làm tròn bổn phận và nhiệm vụ của mình.

Chức sắc phế phận là vị Chức sắc tự ý rời bỏ nhiệm vụ, không thi hành bổn phận và nhiệm vụ mà Hội Thánh giao phó.

Phế vong

廢亡

A: To abolish.

P: Abandonner.

Phế: Bỏ đi, hư hại, đình lại. **Vong:** mất.

Phế vong là bỏ mất.

Phế vong phạm sự là bỏ mất phạm sự, đồng nghĩa: Phế phạm.

ĐLMD: Phổ Tế là cơ quan để cứu vớt hoặc độ rỗi những người lạc bước thối tâm, cùng an ủi khuyên lơn những kẻ đã bị luật pháp buộc ràng mà *phế vong* phạm sự.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

PHI

PHI

1. **PHI:** 非 Không, chẳng phải, sai quấy.
Td: Phi ân, Phi phạm, Phi tương lễ.
2. **PHI:** 飛 Bay, bay nhanh.
Td: Phi cầm tẩu thú.
3. **PHI:** 披 Mở ra, khoát ra.
Td: Phi lộ.

Phi ân bạc nghĩa

非恩薄義

A: Ungrateful..

P: Ingrat.

Phi: Không, chẳng phải, sai quấy. **Ân:** ơn. **Bạc:** mỏng, phụ bạc. **Nghĩa:** ơn nghĩa, cách đối xử tốt đẹp, hợp đạo lý.

Phi ân bạc nghĩa là không nhớ đến ơn huệ đã hưởng nhờ mà lại còn đối xử tệ bạc.

Thành ngữ này còn nói là: Vong ân bội nghĩa.

TĐ ĐPHP: Kể nào *phi ân bạc nghĩa*, bất hiếu bất trung là chơn linh hạ tiện,....

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Phi cầm tẩu thú

飛禽走獸

A: The winged animals and the quadrupeds.

P: Les volatiles et les quadrupèdes.

Phi: Bay, bay nhanh. **Cầm:** loài chim. **Tẩu:** chạy. **Thú:** thú vật.

Phi cầm tẩu thú là loài chim bay và loài thú chạy.

KỆ U MINH CHUNG: *Phi cầm tẩu thú*, la võng bắt phùng.

Phi chiến

非戰

A: Demilitarized.

P: Démilitarisé.

Phi: Không, chẳng phải, sai quấy. **Chiến:** đánh nhau, chiến tranh.

Phi chiến là không có chiến tranh.

Khu phi chiến là vùng đất được các bên đối nghịch đặt ra ngoài vòng chiến tranh.

Phi chiến còn có nghĩa là: phản đối việc chiến tranh.

Phi đạm bạc vô dĩ minh chí

非淡泊無以明志

Phi: Không, chẳng phải, sai quấy. **Đạm bạc:** lạng bặt không hành động gì. **Vô:** không. **Dĩ:** lấy. **Minh:** sáng. **Chí:** ý chí.

Câu nói của Gia Cát Võ Hầu:

*Phi đạm bạc vô dĩ minh chí,
Phi ninh tịnh vô dĩ trí viễn.*

Nghĩa là:

Không lặng bật thì không sáng được ý chí,
Không yên lặng thì không nghĩ được việc xa.

Phi lộ

披露

A: Preface.

P: Préface.

Phi: Mở ra, khoát ra. **Lộ:** bày ra ngoài.

Phi lộ là mở ra để trình bày về mục đích, nội dung, phương hướng của những việc mà mình sẽ tiến hành để cho mọi người đều biết.

Phi lý

非理

A: Irrational.

P: Irrationnel.

Phi: Không, chẳng phải, sai quấy. **Lý:** lý lẽ, lẽ phải.

Phi lý là không có lý, không hợp lý, trái lẽ thường.

TĐ ĐPHP: Nếu có kẻ nói mắc lo gia đình, không thể lo Đạo được, là *phi lý*.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Phi ngã

非我

A: Non-ego.

P: Non-moi.

Phi: Không, chẳng phải, sai quấy. **Ngã:** ta.

Phi ngã là cái ngoại tại, không phải ta, tức là sự vật ngoại giới, đối lập với Bản ngã.

Td: Tri giác một vật là biết phân biệt đâu là Bản ngã, đâu là Phi ngã.

Phi ngã đồng nghĩa: Vô ngã. (Xem: Vô ngã, văn V)

Phi phàm

非凡

A: Extraordinary.

P: Extraordinaire.

Phi: Không, chẳng phải, sai quấy. **Phàm:** tầm thường, phàm tục.

Phi phàm là không phải tầm thường, tức là vượt lên khỏi sự phàm tục, đồng nghĩa Phi thường.

TNHT: Nên các con phải có trí độ *phi phàm* thì mới có đủ tư cách làm người.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phi sa tẩu thạch

飛沙走石

A: Flying sand and running stone.

P: Sable volant et pierre courante.

Phi: Bay, bay nhanh. **Sa:** cát. **Tẩu:** chạy. **Thạch:** đá.

Phi sa tẩu thạch là cát bay đá chạy, chỉ một sự náo động dữ dội như cuồng phong hay một biến cố lớn.

Phi thương bất phú

非商不富

Phi: Không, chẳng phải, sai quấy. **Thương:** buôn bán. **Bất:** không. **Phú:** giàu.

Phi thương bất phú là không buôn bán thì không giàu.

Ý nói: Muốn được giàu có thì phải làm nghề buôn bán.

Phi thường

非常

A: Extraordinary.

P: Extraordinaire.

Phi: Không, chẳng phải, sai quấy. **Thường:** bình thường.

Phi thường là không phải bình thường, tức là vượt lên mức bình thường, khiến người ta phải khâm phục.

TTCĐDTKM: Ngồi trông con đặng *phi thường*.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu.

Phi tướng lễ

非相禮

Phi: Không, chẳng phải, sai quấy. **Tướng:** hình dạng thấy được. **Lễ:** dâng cúng.

Phi tướng lễ là sự dâng cúng phẩm vật không hình tướng.

TĐ ĐPHP: Khi Nhạc Tấu Quân Thiên trở, cả thầy phải im lặng, hiến cả âm thanh. Sự bí mật ấy gọi là *Phi tướng lễ*.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Phi Tượng Đài

非想臺

Phi: Không, chẳng phải, sai quấy. **Tượng:** nghĩ. **Đài:** cái đài xây cao.

Nơi Tòa Thánh Tây Ninh, giữa hai lầu chuông trống có một kiến trúc cao gọi là Hiệp Thiên Đài, gồm 3 tầng:

■ Tầng trệt gọi là Tịnh Tâm Điện.

■ Lầu 1 gọi là Lầu Hiệp Thiên Đài, vì nơi đây có lập bàn thờ Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Thượng Sanh và Thập nhị Thời Quân.

■ Lầu 2 gọi là *Phi Tượng Đài* hay *Thông Thiên Đài*, nơi đây bên trong có đắp nổi hình Thiên Nhân rất lớn, là nơi để Đức Giáo Tông và Đức Hộ Pháp lên thông công với Đức Chí Tôn. Phía trước Phi Tượng Đài cũng có đắp hình Thiên Nhân, hướng ra trước.

Trong buổi Lễ Trấn Thần Tòa Thánh, Đức Phạm Hộ Pháp đến đứng trước Tòa Thánh, trấn Thần Thiên Nhân trước *Phi Tượng Đài* đầu tiên hơn hết.

Ngài Truyền Trạng Phạm Ngọc Trấn thuật lại:

"Đức Ngài ra đi thẳng lại Đền Thánh là 9 giờ 28 phút. Ngài đứng ngay trước Đền Thánh, ngó ngay Thiên Nhân trước *Phi Tượng Đài*, rải Cam lồ thủy và cầm bó hương hành pháp trấn Thần. Ý nghĩa là từ đây, Đức Chí Tôn hằng để mắt diu dẫn con cái của Ngài và mong mỗi được vui thấy con cái của Ngài về châu nơi Bạch Ngọc Kinh, sau khi làm tròn nhiệm vụ thiêng liêng của Ngài phú thác.

Đoạn tiếp hành pháp trấn Thần như thế, lần lượt đến tượng Đức Phật Di-Lạc trên nóc *Phi Tượng Đài*.

Đức Hộ Pháp nói: Đức Phật Di-Lạc đã ngự vào tượng, ngòi thị chứng cho nhơn loại thập phương thế giới day hướng về Đền Thánh mà cầu nguyện Ngài ban ơn huệ cho toàn sanh chúng."

Phi Tượng Thiên

非想天

Phi: Không, chẳng phải, sai quấy. **Tượng:** nghĩ. **Thiên:** tầng Trời.

Phi Tượng Thiên là tầng Trời thứ 8 trong Cửu Trùng Thiên. Tầng Trời này rất huyền diệu nên cũng được gọi là: *Phi Tượng Diệu Thiên*.

Phi Tượng Thiên do Đức Từ Hàng Bồ Tát chưởng quản.

Làm Tuần Cửu thứ 8 là đưa chơn hồn lên đến tầng Trời này, bái kiến Đức Từ Hàng Bồ Tát, được uống rượu Tiên, và được nước Cam lồ rửa sạch ai bi kiếp người.

Phi vân vụ đồ thanh Thiên

披雲霧睹青天

Phi: Mở ra, khoát ra. **Vân vụ:** vân là mây, vụ là sương mù. Xa đất là mây, gần đất là mù. **Đồ:** trông thấy. **Thanh Thiên:** trời xanh.

Phi vân vụ đồ thanh Thiên là vén mây mù ra thì thấy Trời xanh. Ý nói: Sự khó khăn đã qua rồi thì được thanh nhàn.

PHÍ

Phí tâm

費心

A: To waste one's heart.

P: Dépenser son coeur.

Phí: hao tổn. **Tâm:** tâm trí.

Phí tâm là hao tổn tâm trí, vì dụng tâm trí làm việc nhiều.

Phí tâm, đồng nghĩa Phí thần: hao tổn tinh thần.

PHIÊN

PHIÊN

PHIÊN: 煩 Việc nhiều và phức tạp, buồn rầu.

Td: Phiên hà, Phiên não.

Phiên hà

煩荷

A: To trouble.

P: Ennuyer.

Phiên: Việc nhiều và phức tạp, buồn rầu. **Hà:** khắc nghiệt.

Phiền hà là bực bội, khó chịu.

TNHT: Các con chó nên *phiền hà* chuyện Thánh Thất xảy ra, ấy cũng là một bước trắc trở trong đường đạo của Thầy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phiền muộn

煩悶

A: Sorry.

P: Triste.

Phiền: Việc nhiều và phức tạp, buồn rầu. **Muộn:** buồn rầu.

Phiền muộn là bực bội buồn rầu.

Phiền não

煩惱

A: Sorrow, Passions.

P: Tristesse, Passions.

Phiền: Việc nhiều và phức tạp, buồn rầu. **Não:** buồn rầu.

Nghĩa thông thường: *Phiền não là buồn rầu bực bội. Tâm lo buồn vọng động, thân xao xuyến bất an, gọi là Phiền não.*

TNHT: Mong trau rạng mảnh gương để soi chung bước đường sau mà lần đến cảnh tự tại thung dung, tránh bớt muôn điều *phiền não*.

Nghĩa theo Phật giáo: *Phiền não là các mê dục, lầm lạc, xao xuyến, gây ra bởi ba mối chướng là: Tham, Sân, Si, khiến cho thân, khẩu, ý làm việc bậy bạ, gây ra tội tình mà phải chịu đau khổ về sau.*

Như thế, ba mối chướng là: Tham, Sân, Si, đã gây ra những Phiền não lớn nhất của chúng sanh.

Theo lời Phật giảng trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phiền não là giặc nghịch làm hại chúng sanh.

Muốn tránh khỏi sự hại của nó, cần phải tu thanh tịnh nghiệp, tức là ba nền phước để đưa về cõi Tịnh độ:

1. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, lòng lành chẳng giết hại sanh mạng, tu mười nghiệp lành (Thập thiện).

2. Thọ Tam qui, trì Ngũ giới cho tới Cụ túc giới, chẳng phạm oai đức và nghi thức lúc ngồi, đứng, tới, lui.

3. Phát tâm Bồ đề, tin sâu lý Nhơn Quả, đọc tụng kinh Đại thừa, khuyến tấn kẻ tu hành đạo Phật.

Người ta khi chưa minh tâm kiến tánh, còn ở trong vòng tham, sân, si, thì bị phiền não sai khiến. Tới chừng thấu đạo, giác ngộ, liền dứt phiền não.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Đức Lục Tổ Huệ Năng có giải rằng:

*"Phàm phu tức là Phật,
Phiền não tức là Bồ đề.
Niệm trước còn mê tức là phàm phu,
Niệm sau lại tỉnh tức là Phật.
Niệm trước còn mắc vào cảnh tức là Phiền não,
Niệm sau bèn lìa khỏi cảnh tức là Bồ đề."*

Tùy theo kinh luận, ta thấy Phiền não có nhiều thứ:

1. Tứ Phiền não: cũng kêu là Tứ Hoặc.

1. Ngã si: tánh ngu si, vô minh.
2. Ngã kiến: ý kiến chấp có mình, chỉ thấy mình.
3. Ngã mạn: tánh khi lớn, cho mình hơn người.
4. Ngã ái: tánh tự ái, lòng tham dục cho mình.

2. Lục đại Phiền não: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác kiến (ganh, ghét, tin bậy, tưởng quấy).

3. Thập Phiền não: - Tham dục, - Sân nhuế, - Vô minh (ngu si), - Mạn, - Nghi, - Thân kiến (Ngã kiến), - Biên kiến, - Tà kiến, - Kiến thủ kiến, - Giải thủ kiến.

Trong 10 phiền não trên, 5 phiền não trước là của hạng người chậm lụt, 5 phiền não sau là của hạng người lanh lẹ.

Thực ra, Tứ Phiền não, Lục Phiền não hay Thập Phiền não cũng chỉ là sự mở rộng của 3 mối Phiền não chánh là: Tham, Sân, Si mà thôi. (Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn T. Còn)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phiền não tức Bồ đề

煩惱即菩提

Phiền não: (đã giải ở trên). **Tức:** tức là.

Bồ đề: giác ngộ đạo lý. Đắc Bồ đề là diệt hết phiền não, chứng Niết bàn. Đắc Bồ đề đầy đủ thì thành Phật.

Phiền não tức Bồ đề, Sanh tử tức Niết bàn, đó là lời bàn chỉ cực của Đại thừa, dựa theo pháp môn nông sâu mà mục đích khác nhau.

Phiền não tức Bồ đề là câu nói của Thiên Tông, cho rằng: Phiền não là huyễn, không có thật, chỉ có Bồ đề là có thật. Bồ đề hay Giác ngộ không ở đâu xa cả, nó ở ngay trong phiền não. Như nước chứa trong ly vốn trong suốt, vì có chất bẩn tan vào nước nên nước trở thành đục. Khi ta lọc hết chất bẩn thì nước trở lại trong suốt.

Cũng thế, tánh con người là bản thiện, vì bị vô minh che lấp nên thành ra ác. Khi ta gội bỏ hết vô minh thì tự nhiên cái ác biến mất, cái bản thiện hiện ra, tốt đẹp, sáng suốt.

Tánh của con người vốn tự nhiên trong sạch, giác ngộ, sáng suốt, nhưng vì phiền não (do Tham, Sân, Si) che lấp cái bản tánh của con người. Khi diệt hết phiền não thì tự nhiên cái bản tánh sáng suốt hiện ra tỏ rạng.

Như vậy, phiền não chỉ là cái vỏ ngoài bao bọc bản tánh, khi lột bỏ cái lớp vỏ ấy thì bản tánh giác ngộ hiện ra. Cái tánh giác ngộ không phải từ nơi khác đến, mà nó ở ngay trong phiền não. Do đó nói: Phiền não tức là Bồ đề. Dứt phiền não thì Bồ đề hiện ra.

Cũng như câu nói: *Sanh tử tức Niết bàn*, nghĩa là: còn sanh tử là còn ở trong vòng luân hồi, dứt sanh tử thì mới thoát khỏi luân hồi, mà thoát khỏi luân hồi thì tới Niết bàn. Cho nên có thể nói rằng: Niết bàn ở trong sanh tử, dứt sanh tử thì thấy Niết bàn.

PHIÊU

Phiêu linh

飄零

A: To wander.

P: Balloter.

Phiêu: trôi nổi lênh đênh. **Linh:** rơi rụng.

Phiêu linh là trôi nổi rơi rụng.

TNHT: Vì vậy, thế cuộc phải tuần hoàn, bầu nhơn sự phải luân chuyển vắn xây, *phiêu linh* cho đến buổi nhơn loại được vẹn toàn,....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phiêu nhiên xuất trần

票然出塵

Phiêu: còn đợc là Phiếu: nhẹ nhàng nhanh nhẹn. **Nhiên:** như thế. **Xuất:** đi ra. **Trần:** cõi trần.

Phiêu nhiên là cách cử đợng nhẹ nhàng lanh lẹ.

Phiêu nhiên xuất trần là thoát ra ngoài cõi trần một cách lanh lẹ nhẹ nhàng.

Phiêu phi

飄飛

A: To flutter.

P: Flotter.

Phiêu: gió thổi phát phớ. **Phi:** bay.

Phiêu phi là bay phát phớ.

TĐ ĐPHP: Hễ cầm cây đàn thì *phiêu phi* ở giữa lừng trời, nhiều khi tiếng đàn hợp với tinh thần....

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

PHÒ

PHÒ

PHÒ: 扶 Còn đọc là PHÙ: nâng đỡ, giúp đỡ.

Td: Phò cơ, Phò hộ, Phò trì.

Phò cơ - Phò loan - Đồng tử

扶機 - 扶鸞 - 童子

A: To hold up an apparatus in a spiritual seance - Mediums.

P: Soutenir un appareil dans une séance spirituelle - Médiums.

Phò: Còn đọc là PHÙ: nâng đỡ, giúp đỡ. **Cơ:** cái máy, ở đây là cây ngọc cơ dùng để cầu Tiên. **Loan:** con chim loan, trên đầu cần cơ có chạm hình đầu con chim loan. **Đồng:** trẻ nhỏ. **Đồng tử:** đưa trẻ nhỏ chừng 15 tuổi trở lại.

Phò cơ là hai người ngồi hai bên cây ngọc cơ, trong một đàn cầu cơ thỉnh Tiên, mỗi người dùng hai tay cầm miệng giỏ cơ nâng lên, sẵn sàng để các Đấng thiêng liêng giáng điển vào cơ, làm cho cơ chuyển động, cây cơ nơi đầu cần cơ tí nhẹ trên mặt bàn để viết ra chữ bóng, tạo thành một bài văn dạy Đạo.

Phò cơ thường được gọi là Phò loan, vì nơi đầu cần cơ có chạm hình đầu chim loan. Cho nên, hai vị Phò cơ cũng được gọi là hai vị Phò loan.

Khi xưa, việc cầu cơ thỉnh Tiên phải dùng hai đứa trẻ nhỏ làm đồng tử phò cơ, vì tư tưởng của trẻ nhỏ còn hồn nhiên trong sạch, nên có được thanh điển, mới dễ tiếp điển của các Đấng thiêng liêng. Do đó, hai vị Phò cơ được gọi là Đồng tử.

Ngày nay, người ta không dùng Đồng tử là những trẻ nhỏ phò cơ nữa, mà dùng người lớn tuổi, nhưng phải trường chay, tâm thanh tịnh, tinh thần tinh tấn, thì mới có thể tiếp điển của các Đấng thiêng liêng mà diễn ra trung thực.

Trong Đạo Cao Đài, nhiệm vụ Phò cơ hay Phò loan dành riêng cho Thập nhị Thời Quân của HTĐ.

Cách giáng điện vào Đồng tử:

Tư tưởng của các Đấng thiêng liêng ở cõi Hư linh phát ra, theo lần điện quang truyền đến các đồng tử, giống như tiếng nói của xưởng ngôn viên đài phát thanh truyền đi theo lần sóng điện đến các máy thu thanh (Radio).

Tùy theo đặc khiếu của đồng tử phò loan mà các Đấng sẽ giáng vào tâm hay giáng vào tay của đồng tử. Nếu giáng vào tâm thì gọi là Giáng tâm, nếu giáng vào tay thì gọi là Giáng thủ.

- Nếu giáng vào tâm của đồng tử, thì người phò loan chưa viết ra nhưng thần trí dường như biết trước những điều sắp viết ra, tựa hồ như mình đặt đề ra vậy.

- Nếu giáng thủ thì người phò loan như một cái máy, tay cứ chiều theo điện lực của các Đấng mà viết ra, chớ không hay biết điều gì hết.

Mỗi đàn cầu cơ phải có đủ 2 vị phò loan: một Âm một Dương, Âm Dương hiệp nhứt mới thấu đáo Càn Khôn. Người phò loan bên hữu thuộc Âm, tiếp điện tư tưởng của các Đấng, rồi truyền qua người phò loan bên tả thuộc Dương mà viết ra.

Điều kiện để trở thành một người phò loan:

Thánh ngôn của Đức Chí Tôn có dạy như sau:

TNHT: *"Trước khi thủ cơ hay chấp bút thì phải thay y phục cho sạch sẽ, trang hoàng, tắm gội cho tinh khiết, rồi mới đứng đến trước bửu điện mà hành sự, chớ nên thiếu sót mà thất lễ.*

Nếu chấp cơ thì phải để ý thanh bạch, không đứng tư tưởng đến việc phàm. Tay chấp cơ phải xông hương khử trừ, tịnh tâm một lát, rồi phải để tinh thần tinh tấn mà xuất ngoại xác đến hầu dạy việc. Phải có một chơn linh tinh tấn mẫu nhiệm, huyền diệu, phải trường trai mới đứng linh hồn tinh tấn, phải tập tành chí Thánh, Tiên, Phật mới phò cơ dạy đạo cả chúng sanh.

Kẻ phò cơ chấp bút cũng như tướng soái của Thầy, để truyền đạo cho thiên hạ. Các con đừng tưởng việc bút cơ là việc tầm thường.

Còn việc truyền thần lấy điện quang thì ai ai cũng có diễn trong mình, nó tiếp điện ngoài rồi thần của nó viết ra, có khi

trúng có khi trật. Vậy khi nào chấp cơ thì phải đợi lệnh Thầy rồi sẽ thi hành."

"Cơ bút là việc tối quan trọng. Nếu không có chơn linh quý trọng thủ cơ thì Tà quái xen vào khuấy rối các con, làm cho phải thất nhơn tâm."

"Thầy nói cho các con biết, bực Chơn Thánh mà phải đọa trần, nếu không đủ tánh chất diu dẫn nhơn sanh, cũng chưa đáng cầm bút cho Thầy truyền đạo."

Người phò loan hay đồng tử, cũng như cái máy Radio, muốn thu được điển của các Đấng thiêng liêng thì phải đồng điển cùng các Đấng, tức là thuận điển.

Theo lời dạy của Đức Chí Tôn ở trên, người đồng tử hay phò loan phải có các điều kiện sau đây:

1.- Thể xác và chơn thần phải thanh khiết.

- Muốn cho thể xác thanh khiết thì phải tắm rửa sạch sẽ, quần áo sạch sẽ, phải xông hương khử trừợc hai tay trước khi phò loan.

- Muốn cho chơn thần thanh khiết và tinh tấn thì phải ăn chay trường, giữ tư tưởng cho trong sạch, tinh thần cao thượng, không mơ tưởng hay suy nghĩ bậy bạ.

2.- Tâm thanh tịnh.

Muốn cho tâm được thanh tịnh thì phải: giữ tâm cho yên ổn, không không, dứt hết dục vọng, diệt hết tư tưởng thấp hèn.

Nếu tâm còn dục vọng, thì dục vọng ấy vì chưa thoả mãn nên nó vẫn chất chứa trong chơn thần, đến khi người đó phò cơ, mặc dầu ráng kèm giữ cái tâm cho thanh tịnh, nhưng cái dục vọng ấy chất chứa trong chơn thần, sẽ phát tiết ra, mạnh hơn điển lực của các Đấng, cũng tạo thành một bài cơ, nhưng đó là Nhơn cơ chứ không phải Tiên cơ. Trong trường hợp này người phò loan bị tư tưởng mình ám thị mình, nên gọi là tự kỷ ám thị.

Ngoài ra, những người hầu đàn cơ, nếu họ tập trung được tư tưởng mạnh thì tư tưởng này cũng sẽ chuyển dịch đến chơn thần của người phò cơ, ảnh hưởng lên tư tưởng của người phò cơ, làm phò cơ viết ra cũng là Nhơn cơ.

3.- Hai vị phò loan phải hạp điển với nhau, và thuận điển với các Đấng thiêng liêng.

Đây là khả năng đặc biệt Thiên phú của người phò loan, không phải ai cũng có được, và cũng không phải do luyện tập mà có được.

Nếu hai người phò cơ mà không hạp điển nhau thì đương nhiên không thể tiếp thu tư tưởng của nhau được.

Hai vị phò loan này còn phải thuận điển với điển quang của các Đấng thiêng liêng thì mới tiếp nhận được tư tưởng của các Đấng thiêng liêng.

Trường hợp đặc biệt: Phò loan tiền định.

Đó là những chơn linh rất cao trọng, lãnh lĩnh Đức Chí Tôn giáng trần để phò cơ cho Đức Chí Tôn khai đạo. Đó là 15 Chức sắc cao cấp nhất của HTĐ gồm: Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Thượng Sanh và 12 vị Thời Quân.

Ngày nay, 15 vị ấy đã làm xong phận sự nên đã qui Thiên tất cả.

Nhưng vấn đề cơ bút trong Đạo Cao Đài không thể thiếu được, bởi vì Giáo chủ của Đạo Cao Đài là Đức Chí Tôn vô hình, Giáo Tông là Đức Lý Thái Bạch vô hình, Đức Hộ Pháp cũng vô hình, nếu không cơ bút thì làm sao các Đấng ấy điều đình nền Đạo. Mà cơ bút là phần nhiệm đặc biệt của HTĐ, cho nên chúng ta nghĩ rằng trong tương lai, Đức Chí Tôn sẽ lập một số Chức sắc mới, tiếp nối nhiệm vụ làm phận sự cơ bút HTĐ.

Trong Thánh Giáo Minh Thiện Đàn ở Phú Mỹ (Mỹ Tho), ngày 24-10-Nhâm Thân (dl 21-11-1932), Đức Lý Giáo Tông có giảng dạy về người phò loan:

"Vậy Lão nói cho khá nghe, câu 31 (trang 8 TNHT) nói về phận sự của kẻ phò loan là Tướng soái của Thầy. Vậy chư Hiền hữu luận coi phần Tướng soái làm sao cho phải phép mà điều độ tam quân?"

Khá luận cho Lão nghe, Lão bãi đàn, chờ chư nhu đáp rồi Lão sẽ cắt phận sự cho. Lão thắng điện.

TÁI CẦU: LÝ GIÁO TÔNG

Này chư nhu, luận ấy hiệp nhằm đề, nhưng không đủ lý.

Nghe Lão phân cho rõ:

Phần Tướng soái có đủ 8 đức là: HẠNH, ĐỨC, TRÍ, LỰC, OAI, NGHIÊM, MINH, CHÁNH, mới là đủ phận.

Những Tướng soái mà không oai lệnh thì ba quân sợ giặc mà không phục, thì tất nhiên loạn hàng thất thủ; còn hiệu lệnh chẳng nghiêm thì ba quân sợ giặc mà không kiêng Tướng soái thì trăm trận trăm thua."....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Phò hộ độ trì

扶護度持

A: To aid and to protect.

P: Aider et protéger.

Phò: Còn đọc là PHÙ: nâng đỡ, giúp đỡ. **Hộ:** che chở. **Độ:** cứu giúp. **Trì:** gìn giữ.

Phò hộ hay Phù hộ là giúp đỡ và che chở.

Độ trì là gìn giữ và cứu giúp.

Thành ngữ: **Phò hộ độ trì**, nói tắt là **Phò trì**, thường được các thiện nam tín nữ dùng để cầu nguyện với các Đấng Thần, Thánh phò hộ và cứu giúp cho họ và gia đình họ.

KCTPĐQL: Nay *phò trì* con cháu tu tâm.

KCTPĐQL: Kính cầu Tổ Phụ đã qui liễu.

PHÓ

PHÓ

1. **PHÓ:** 付 Đưa cho, giao cho.
Td: Phó thác.
2. **PHÓ:** 副 Bực thứ, dưới bực chánh.
Td: Phó bảng, Phó Trị Sự.
3. **PHÓ:** 赴 Đi đến nơi hội họp hay nhậm chức.
Td: Phó hội, Phó nhậm.

Phó bản

副本

A: Duplicate.

P: Le duplicata.

Phó: Bực thứ, dưới bực chánh. **Bản:** bản sách, bản vẽ.
Phó bản là bản sao, còn bản gốc gọi là bản chánh.

Phó bảng

副榜

A: Second board. P: Second tableau.

Phó: Bực thứ, dưới bực chánh. **Bảng:** tờ yết thị cho dân chúng biết.

Phó bảng là người đi thi đình đậu ở bảng phụ.

Người thi đình đậu ở Chánh bảng là Tiến Sĩ, Hoàng Giáp, những người được lấy thêm cho đậu gọi là Phó bảng.

Phó hội

赴會

A: To attend a meeting.

P: Aller à une réunion.

Phó: Đi đến nơi hội họp hay nhậm chức. **Hội:** hội nghị.
Phó hội là đi đến tham dự một hội nghị.

Phó nhậm

赴任

A: To take up a post.

P: Se rendre à son poste.

Phó: Đi đến nơi hội họp hay nhậm chức. **Nhậm:** Nhiệm: nhiệm vụ.

Phó nhậm hay Phó nhiệm là đến nhận nhiệm vụ mà cấp trên giao phó.

Phó thác

付托

A: To entrust.

P: Confier.

Phó: Đưa cho, giao cho. **Thác:** gửi gắm, nhờ người làm cho việc ấy.

Phó thác hay Phú thác là giao công việc của mình cho người tin cậy để họ trọn quyền làm giúp.

KSH: Đừng gặp việc câu mâu biếng nhác,
 Mà quên lời *phú thác* dặn dò.

KSH: Kinh Sám Hối.

Phó Trị Sự

副治事

Phó: Bực thứ, dưới bực chánh. **Trị:** sắp đặt cho yên. **Sự:** việc.

Phó Trị Sự là người giúp việc cho Chánh Trị Sự, điều hành việc đạo trong một ấp đạo. (Xem chữ: Chánh Trị Sự, văn Ch)

Phó yến

赴宴

A: To take up a feast.

P: Se rendre à un festin.

Phó: Đi đến nơi hội họp hay nhậm chức. **Yến:** tiệc rượu.

Phó yến là đi dự tiệc.

PHONG

PHONG

1. **PHONG:** 風 Gió, phẩm cách, thói quen lâu đời.
Td: Phong ba, Phong hóa, Phong độ.
2. **PHONG:** 封 Vua ban phẩm tước cho bề tôi.
Td: Phong sắc, Phong tịch.
3. **PHONG:** 豐 Thịnh, giàu, nhiều, được mùa.
Td: Phong đăng, Phong y túc thực.

Phong ba

風波

A: Wind and waves.

P: Vent et vagues.

Phong: Gió, phẩm cách, thói quen lâu đời. **Ba:** làn sóng.

Phong ba là sóng gió, chỉ sự vất vả hiểm nguy giống như chiếc thuyền bị sóng dồi gió dập giữa biển khơi.

TNHT: *Phong ba* mấy độ đà qua khỏi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phong bình lãng tịch

風平浪靜

Phong: Gió, phẩm cách, thói quen lâu đời. **Bình:** an.

Lãng: sóng. **Tịch:** im lặng.

Phong bình lặng tịnh là gió yên sóng lặng.

Ý nói: Qua cơn loạn lạc trở lại bình an.

Phong chúc tàn niên

風燭殘年

Phong: Gió, phẩm cách, thói quen lâu đời. **Chúc:** cây đuốc. **Tàn:** hết. **Niên:** năm. **Tàn niên:** ý nói tuổi già.

Phong chúc tàn niên là tuổi già như cây đuốc trước gió.

Phong doanh - Phong đăng

豐盈 - 豐登

A: Abundance.

P: Abondance.

Phong: Thịnh, giàu, nhiều, được mùa. **Doanh:** đầy đủ. **Đăng:** được mùa.

Phong doanh, đồng nghĩa Phong đăng, là thịnh vượng, được mùa.

Phong điều vũ thuận

風調雨順

A: The regular wind and favourable rain.

P: Le vent régulier et la pluie favorable.

Phong: Gió, phẩm cách, thói quen lâu đời. **Điều:** đều hòa. **Vũ:** mưa. **Thuận:** êm xuôi.

Phong điều vũ thuận là gió hòa mưa thuận.

Ý nói thời tiết đúng lúc làm cho việc gieo trồng thuận lợi, mùa màng tốt đẹp, thâu hoạch nhiều, dân chúng ấm no, nhà nhà sung túc vui vẻ.

Kệ chuông bãi đàn: Đàn tràng viên mãn chức sắc qui nguyên vĩnh mộc từ ân phong điều vũ thuận.

Phong Đô

豐都

A: The Hell.

P: L'Enfer.

Phong là tên đất. Đô là kinh đô.

Vua Văn Vương nhà Châu ngày xưa chọn đất Phong để đóng đô, nên nơi ấy gọi là Phong Đô, thuộc tỉnh Thiểm Tây.

Phong Đô cũng là tên một huyện ở Tứ Xuyên, ở đó có cái đền Phong Đô, là chỗ Am Tràng (sinh đời nhà Hán) tu đắc Đạo, do đó tục mới tin lầm gọi cõi Âm Ty là Phong Đô thành.

Phong Đô là cõi Địa ngục, cõi Âm phủ, cõi để giam giữ linh hồn người chết. Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát làm Giáo chủ cõi Phong Đô nên Ngài được gọi là Phong Đô Đại Đế.

Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn ra lệnh đóng Địa ngục, mở tầng Thiên, phóng thích tất cả các tội hồn cho đi đầu thai trả quả. Những "tội hồn mới" thì sẽ bị đưa đến một cõi mới thiết lập gọi là cõi Âm Quang để học đạo, khi đã thức tỉnh, biết tự xét mình thì sẽ cho tái kiếp trả quả và tu hành.

KGO: Cảnh thẳng ngơ ngẩn lạc làm *Phong đô*.

KGO: Kinh Giải Oan.

Phong độ

風度

A: Bearing.

P: Maintien.

Phong: Gió, phẩm cách, thói quen lâu đời. **Độ:** dáng dấp.

Phong độ là phong cách và thái độ.

Phong hóa

風化

A: Public morals.

P: Bonnes moeurs.

Phong: Gió, phẩm cách, thói quen lâu đời. **Hóa:** thay đổi.

Phong hóa là phong tục và văn hóa, tức là nói chung những phong tục có sẵn từ lâu đời của một dân tộc làm cho đời sống trong xã hội được trật tự tốt đẹp.

TNHT: Tùy theo *phong hóa* của nhơn loại mà gây chánh giáo.

Phong hóa suy vi: Nền phong hóa sút kém hư hèn.

TNHT: Cang thường điền đảo, *phong hóa suy vi*,....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phong khí ôn hòa

風氣溫和

Phong: Gió, phẩm cách, thói quen lâu đời. **Khí:** khí hậu.

Ôn hòa: êm dịu, không nóng quá mà cũng không lạnh quá.

Phong khí ôn hòa là phong thổ và khí hậu ôn hòa, nhờ vậy mà con người được mạnh khỏe tốt đẹp và vạn vật tươi tốt.

Phong kiến

封建

A: Feudality.

P: Féodalité.

Phong: Vua ban phẩm tước cho bề tôi. **Kiến:** dựng lên.

Phong kiến là chế độ phong tước và kiến địa, tức là nhà vua (Hoàng đế) phong tước chư Hầu và cắt đất giao chư Hầu quản lãnh. Chư Hầu chia đất phong cho các quan và gia thần.

Xã hội phong kiến phân ra nhiều giai cấp mà giai cấp thấp nhất là nông dân. Nông dân làm ra của cải phải cung phụng các giai cấp trên, khiến nông dân sống rất nghèo khổ.

Phong nguyệt

風月

Phong: Gió, phẩm cách, thói quen lâu đời. **Nguyệt:** mặt trăng.

Phong nguyệt là gió trăng, ý nói sự tình tự hẹn hò của trai gái đi chơi, hóng gió xem trăng.

Phong nguyệt đồng nghĩa: Nguyệt hoa: trăng hoa.

NTTP: Liếc mắt ngó vào trường *phong nguyệt*,
Mua trận cười nào tiếc ngàn vàng.

NTTP: Nữ Trung Tòng Phận.

Phong sắc

封敕

A: To nominate by the imperial decree.

P: Nommer par le décret impérial.

Phong: Vua ban phẩm tước cho bề tôi. **Sắc:** tờ giấy viết lệnh của vua: Sắc lệnh.

Phong sắc hay Sắc phong là Đức Chí Tôn ra lệnh phong chức cho những người có công với Đạo.

TNHT: Còn cả chư ái nữ, Thầy sẽ lập đại hội cho đủ mấy vị rồi sẽ *phong sắc* một lần.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phong tai

風災

A: Calamity of storm.

P: La calamité de vent.

Phong: Gió, phẩm cách, thói quen lâu đời. **Tai:** tai họa.

Phong tai là tai họa gây ra bởi gió như: cuồng phong, bão tố, lốc xoáy, v.v....

Phong Thánh

封聖

A: To canonize.

P: Canoniser.

Phong: Vua ban phẩm tước cho bề tôi. **Thánh:** bực Thánh.

Phong Thánh là phong phẩm Chức sắc vào hàng Thánh.

TNHT: Thái Bạch đã hứa cùng Thầy rằng, qua ngày Tòa Tam Giáo nữ phái rồi thì nó sẽ *phong Thánh* thêm nữa.

CẶP CƠ PHONG THÁNH:

Cặp cơ Phong Thánh là hai vị phò loan đặc biệt có nhiệm vụ chấp cơ cho Đức Chí Tôn hoặc Đức Lý Giáo Tông giáng cơ phong tước Chức sắc vào hàng Thánh cho các vị hữu công cùng đạo.

Thuở mới khai đạo, Đức Chí Tôn chỉ định cặp cơ Phong Thánh là Đức Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm.

Năm 1929, Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên, cặp cơ Phong Thánh gãy một bên. Ngài Cao Tiếp Đạo được chỉ định ngồi phò cơ thay thế Đức Cao Thượng Phẩm, nhưng mỗi lần lập đàn cơ Phong Thánh tại Cung Đạo Tòa Thánh thì luôn luôn có Đức Cao Thượng Phẩm đến trợ diễn nâng loan cho Ngài Cao Tiếp Đạo. Lúc đó, Đức Cao Thượng Phẩm giáng trước, nói với Ngài Cao Tiếp Đạo: "Cao Tiếp Đạo, em ráng nâng loan, có Qua trợ lực."

Đức Cao Thượng Phẩm tuy đã bỏ xác phàm, trở về thiêng liêng vị, nhưng luôn luôn hiện diện trong các đàn cơ Phong Thánh để trợ lực nâng loan, cho cặp cơ Phong Thánh vẫn đầy đủ như thuở ban đầu, nhưng một người hữu hình (Đức Phạm Hộ Pháp) và một người vô hình (Đức Cao Thượng Phẩm).

Năm 1959, Đức Phạm Hộ Pháp qui Thiên. Như vậy, cả hai vị tạo thành cặp cơ Phong Thánh đều đã bỏ xác phàm.

Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ sắp đặt cặp cơ Phong Thánh như sau:

Phò loan:

Thượng Sanh -
Hiển Pháp.

Đàn cơ tại Giáo Tông Đường,
đêm 11-10-Ất Ty (dl 5-11-1965).

HỘ PHÁP

Bần đạo còn cho Thượng Sanh, mấy bạn biết về việc thăng thưởng, thì Anh Cao Thượng Phẩm có quan điểm là: hiện giờ Bần đạo đã về thiêng liêng vị, thì khi thăng thưởng,

hai vị Thời Quân chi Pháp và chi Đạo phải chấp cơ Phong Thánh. Anh Thượng Phẩm giúp bên chi Đạo nâng loan, còn Bàn đạo giúp bên chi Pháp, thì mới đúng theo Chơn pháp.

Lẽ dĩ nhiên là khi Phong Thánh, phải có tay Thượng Phẩm, mà Thượng Phẩm chỉ giúp sức cho những vị Thời Quân dưới quyền mình.

Đã chiếu theo Chơn pháp về sự Phong Thánh, Đức Lý Đại Tiên cũng đồng ý về quan điểm này.

Bàn đạo lại còn cho biết thêm là ngày nào cặp cơ Phong Thánh hiện hữu chích một bên, hoặc chi Đạo, hoặc chi Pháp, thì Phong Thánh sẽ hết thực hành bằng cơ bút, mà sẽ thực hành bằng phương pháp khác. THẮNG.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phong Thần

封神

A: Apotheosis.

P: Apothéose.

Phong: Vua ban phẩm tước cho bề tôi. **Thần:** bực Thần.

Phong Thần là phong vào bực Thần những người có công đức và tài năng xứng với bực Thần.

Ở Trung Hoa thời thượng cổ có một thời kỳ gọi là Trung Hoa Phong Thần. Ở nước Ai Cập và Hy Lạp thượng cổ có: Ai Cập Phong Thần và Hy Lạp Phong Thần.

Tại nước Trung Hoa, thời PhongThần là thời kỳ diệt Trụ hưng Châu, Đức Khương Thượng Tử Nha, thay mặt Đức Nguơn Thi Thiên Tôn, Giáo chủ Xiển giáo, cầm Bàng Phong Thần.

Sau khi phá tan các trận chiến do đệ tử Triệt giáo của Thông Thiên Giáo chủ lập nên, và sau khi đánh tan các đạo quân của vua Trụ, vua Châu Võ Vương thống nhất nước Tàu, mở ra nhà Châu, Đức Khương Thượng Tử Nha lập đàn nơi núi Kỳ Sơn để đọc sắc của Đức Nguơn Thi, phong Thần các tướng tử trận mà chơn hồn của họ không đủ công đức vào trường Phong Thánh, phải chịu ở vào phẩm Thiên Thần.

Các hồn được phong Thần kỳ này phần lớn là đệ tử của Triệt giáo. Có tất cả 365 vị được phong Thần, đứng vào 8 Bộ mà Thanh Phước Thần Bá Dám đứng đầu các Thần.

Thời Phong Thần ở Trung Hoa thuộc Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Khương Thượng cầm Bằng Phong Thần, nên Ngài tượng trưng cho Thần đạo trong Ngũ Chi Đại Đạo.

TNHT: *Phong Thần* đừng tưởng chuyện mờ hồ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phong thưởng

封賞

A: Investiture.

P: Investiture.

Phong: Vua ban phẩm tước cho bề tôi. **Thưởng:** khen ngợi người có công.

Phong thưởng là đem phẩm tước ban thưởng cho người lập được nhiều công quả với Đạo.

TNHT: Nhiều đũa khác nữa, ngày mùng 9, Thầy biểu đòi về cho Thái Bạch *phong thưởng*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phong tịch

封籍

A: To confer a dignity.

P: Confier une dignité.

Phong: Vua ban phẩm tước cho bề tôi. **Tịch:** sổ bộ. (**Tiên tịch:** bộ Tiên).

Phong tịch là phong tước Chức sắc và ghi vào Bộ Chức sắc của Đạo.

TNHT: Thầy lấy từ bi *phong tịch*, nhưng các Chức sắc nếu vì áo mão hơn đạo đức thì tội chất bằng hai.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phong tình huê nguyệt

風情花月

Phong: Gió, phẩm cách, thói quen lâu đời. **Tình:** tình cảm.
Huê: Hoa: bông. **Nguyệt:** mặt trăng. **Huê nguyệt** tức là Hoa nguyệt hay Nguyệt hoa là trăng hoa, chỉ trai gái tình tự hẹn hò nhau ngắm trăng xem hoa, ngoài vòng lễ giáo.

Phong tình là tình cảm lãng mạn giữa trai và gái.

Phong tình huê nguyệt là tình cảm lãng mạn giữa thanh niên nam nữ, ngoài vòng lễ giáo, mà người xưa ngăn cấm.

TL: Chẳng được soạn hay là ẩn hành những truyện *phong tình huê nguyệt*.

TL: Tân Luật.

Phong trần

風塵

A: Wind and dust.

P: Vent et poussière.

Phong: Gió, phẩm cách, thói quen lâu đời. **Trần:** bụi.

Phong trần là gió bụi, chỉ những nỗi vất vả ở đời.

TNHT: *Phong trần* thương kẻ mang thân đọa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phong trung tàn chúc

風中殘燭

Phong: Gió, phẩm cách, thói quen lâu đời. **Trung:** ở giữa.
Tàn: hết. **Chúc:** cây đuốc.

Phong trung tàn chúc là trong gió đuốc tàn, ý nói: người già sắp chết.

Phong văn

風聞

A: To hear say. P: Entendre dire.

Phong: Vua ban phẩm tước cho bề tôi. **Văn:** nghe.

Phong văn là nghe đồn, nghe người ta nói.

Phong vân

風雲

A: Wind and clouds. P: Vent et nuages.

Phong: Gió, phẩm cách, thói quen lâu đời. **Vân:** mây.

Phong vân là gió mây.

1. *Phong vân là chỉ thời vận tốt đẹp, công danh sẽ đạt đến chỗ hiển hách hoặc là có Thánh nhân ra đời.*

Kinh Dịch viết: "Vân tòng long, Phong tòng hổ, Thánh nhân tác nhi vận vật đồ." Nghĩa là: Mây theo rồng, gió theo cọp, bậc Thánh nhân nổi lên, vận vật đều thấy rõ.

Mây theo rồng, gió theo cọp là nói những vật đồng khí thì cảm ứng mà tìm đến nhau.

TNHT: Mở đường quốc thể định *phong vân*.

2. *Phong vân là chỉ sự đổi thay không lường trước được, hoặc chỉ sự biến hóa kỳ lạ như mây, như gió.*

Văn của Thảm Ước đời nhà Lương viết: "Ly ly tiếp kỳ quang cảnh, phong vân ích hồ duy tịch." Nghĩa là: Sờ sờ quang cảnh trước mắt, gió mây bỗng chốc tràn đầy màn chiếu.

Khẩn rằng Thái Thượng Lão Quân,
Cỡi trâu hóa phép *phong vân* chớ chầy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phong vũ

風雨

A: Wind and rain.

P: Vent et pluie.

Phong: Gió, phẩm cách, thói quen lâu đời. **Vỗ: Vũ:** mưa.

Phong vũ hay Phong vũ là gió mưa, chỉ những khó khăn nguy hiểm trong cuộc sống hay những biến cố xảy đến.

TNHT: Gầy dựng một cái nhà chung để ngày *phong vũ* nương dựa được thung dung.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phong y túc thực

豐衣足食

A: Numerous clothes and sufficient food.

P: Habits nombreux et nourriture suffisante.

Phong: Thịnh, giàu, nhiều, được mùa. **Y:** quần áo. **Túc:** đủ. **Thực:** ăn, đồ ăn.

Phong y túc thực là quần áo dồi dào, thức ăn đầy đủ.

Ý nói: dân chúng ấm no và giàu có.

PHÒNG

PHÒNG

1. **PHÒNG:** 防 Ngăn ngừa, giữ gìn, đề phòng.

Td: Phòng bảo, Phòng thân.

2. **PHÒNG:** 房 Cái buồng, cái phòng.

Td: Phòng đào, Phòng trừ.

Phòng bảo

防保

Phòng: Ngăn ngừa, giữ gìn, đề phòng. **Bảo:** gìn giữ, bảo vệ.

Phòng bảo là phòng ngừa và bảo vệ.

Ban Phòng Bảo là cơ quan do Hội Thánh lập ra có trách nhiệm phòng ngừa những vụ vi phạm luật pháp đạo và bảo vệ đạo quyền của Hội Thánh.

Thánh giáo của Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ ngày 12-11-Ất Ty (dl 04-12-1965) dạy Hộ Đoàn Pháp Quân tổ chức Ban Phòng Bảo trong Nội Ô và Ngoại Ô Châu Thành Thánh Địa.

Do đó, Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước, thừa quyền Thượng Sanh, ra chỉ thị số: 326/TQ/TS ngày 2-2-Bính Ngọ (dl 21-2-1966) và Vi bằng số 003/VB/ĐS ngày 28-3-Bính Ngọ (dl 18-4-1966) của Ngài Đầu Sư chấp thuận cho vị Hộ Đoàn Pháp Quân Đỗ Công Khanh tổ chức Ban Phòng Bảo trong Châu Thành Thánh Địa.

Thông Tri số 97/TT ngày 26-5-Bính Ngọ (dl 15-7-1966) của Quyền Ngọc Chánh Phối Sư gửi Khâm Thành Thánh Địa, Đầu Phận Đạo, Bàn Trị Sự để thông truyền cho toàn đạo biết sự tổ chức Ban Phòng Bảo.

Mỗi Phận Đạo có một Chi Phòng Bảo, do một vị Lễ Sanh đứng đầu và nhiều nhân viên phụ trách.

Ban Phòng Bảo có nhiệm vụ giúp Hành Chánh Đạo ngăn ngừa các tệ nạn xã hội xảy ra trong Châu Thành Thánh Địa như: Cờ bạc, mại dâm, trộm cướp, du đảng,... cũng như ngăn ngừa các mê tín dị đoan như: ông Tướng, bà hồng bà cốt, bóng chàng,....

Ban Phòng Bảo cũng có nhiệm vụ bảo vệ Đạo quyền, nhứt là hướng dẫn, sát cánh với Hành Chánh Đạo giải thích với đồng đạo giữ gìn lời Minh Thệ, để có một tinh thần hiếu kính Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, cùng trung thành với Hội Thánh, nhắc nhở đồng đạo tránh khỏi vi phạm luật đạo cùng là pháp luật quốc gia.

Phòng đào

房桃

A: The room of the wife.

P: La chambre de la femme.

Phòng: Cái buồng, cái phòng. **Đào:** hoa đào, chỉ người phụ nữ.

Phòng đào là phòng ở của phụ nữ, chỉ phòng của người vợ trong gia đình.

KTKVQL: Khi để bước phòng đào lạnh ngắt.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

Phòng tía

A: Room of the girl.

P: Chambre de la fille.

Phòng: Cái buồng, cái phòng. **Tía:** màu đỏ tím.

Phòng tía là cái phòng sơn màu đỏ tím, do chữ Hồng lâu, dịch ra là lầu hồng, lầu sơn, chỉ nhà giàu có con gái đẹp ở.

Do đó, phòng tía là phòng của con gái đẹp ở.

TNHT: Phòng tía cất thành hình thổ võ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phòng thân

防身

A: To preserve oneself.

P: Se préserver.

Phòng: Ngăn ngừa, giữ gìn, đề phòng. **Thân:** thân mình.

Phòng thân là giữ mình, phòng ngừa những sự rủi ro có thể xảy đến cho mình.

Phòng trù

房廚

A: The kitchen.

P: La cuisine.

Phòng: Cái buồng, cái phòng. **Trù:** cái bếp.

Phòng trù hay Trù phòng là nhà bếp để nấu ăn.

TNHT: *Phòng trừ*, dầu phải chung lộn với nhau buổi nấu nướng, khi dọn ăn, chẳng đặng lộn xộn cùng nhau. (Nam Nữ phân biệt).

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

PHÓNG

PHÓNG

PHÓNG: 放 Thả ra, buông lỏng, phát ra.

Td: Phóng đại, Phóng sanh.

Phóng đại

放大

A: To enlarge.

P: Agrandir.

Phóng: Thả ra, buông lỏng, phát ra. **Đại:** lớn.

Phóng đại là làm cho lớn ra: đem ảnh nhỏ phóng lớn ra, bìa đặt hay khoe khoang chuyển nhỏ thành lớn, ít hóa nhiều.

Phóng hổ qui sơn

放虎歸山

Phóng: Thả ra, buông lỏng, phát ra. **Hổ:** cọp. **Qui:** trở về.
Sơn: núi.

Phóng hổ qui sơn là thả cọp về núi.

Ý nói: Hiểm họa vẫn còn.

Phóng sanh

放生

A: To liberate the living beings.

P: Libérer les êtres vivants.

Phóng: Thả ra, buông lỏng, phát ra. **Sanh:** sự sống.

Phóng sanh là thả ra các loài sanh vật, không giết hại nó.

Trái với Phóng sanh là Sát sanh.

Vào các ngày rằm lớn như rằm Thượng nguyên, Trung nguyên, Hạ nguyên, và các ngày vía lớn như: Vía Đức Chí Tôn (Vía Trời), Vía Đức Phật Thích Ca, người có tín ngưỡng Trời Phật thường có tục phóng sanh, như thả chim trong lồng ra cho bay đi sống tự do, thả cá xuống sông, thả ếch nhái cho trở về đồng ruộng, v.v... thể hiện lòng nhân từ không muốn sát hại các loài sanh vật, thuận theo đức hạo sanh của Thượng Đế.

Phóng tâm - Giới tâm

放心 - 戒心

A: To liberate the heart - To preserve the heart.

P: Libérer le coeur - Préserver le coeur.

Phóng: Thả ra, buông lỏng, phát ra. **Tâm:** cái tâm của con người. **Giới:** ngăn cấm.

Phóng tâm là buông lỏng cái tâm, tức là để cho nó tự do, hết nghĩ ngợi điều này lại tới điều khác, nhảy vào nhảy ra liên tục như con khỉ hay con ngựa, nên gọi là tâm viên ý mã.

Trái với Phóng tâm là Giới tâm.

Giới tâm là gìn giữ cái tâm, ngăn cấm cái tâm không cho tư tưởng bậy bạ, mà phải tập trung vào một điều nhứt định.

Khi chúng ta cúng Đức Chí Tôn hay Đức Phật Mẫu và các Đấng thiêng liêng, chúng ta cần phải giữ cái tâm, gìn cái ý, đừng cho phóng tâm, kèm giữ nó để tập trung tất cả tinh thần vào lời kinh tiếng kệ, hiển dâng trọn vẹn cả thể xác, trí não tinh thần lên Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu. Như vậy thời cúng của chúng ta mới có giá trị.

Còn nếu như qui cúng Đức Chí Tôn hay Đức Phật Mẫu mà ta không kèm giữ cái Tâm, cứ để nó phóng ra hoài, hết nghĩ điều này lại nhớ điều khác, thì thời cúng của chúng ta đạt hiệu quả rất thấp, chỉ hơn người không cúng một chút mà thôi.

Nói thì dễ, chớ khi thực hành kèm giữ cái Tâm thì mới thấy rất khó, càng kèm giữ thì nó càng phóng ra mạnh mẽ. Nhưng

nếu chúng ta cương quyết, với sự nhẫn nại luyện tập thì dần dần chúng ta sẽ giữ được cái Tâm như ý muốn.

Kinh nghiệm của các Chức sắc tiền bối truyền lại hai phương pháp Giới tâm có hiệu quả, giúp chúng ta không bị phóng tâm trong các thời cúng Đức Chí Tôn hay Đức Phật Mẫu.

Hai phương pháp này tương ứng với hai trình độ, đã được thực hành và chứng nghiệm kết quả tốt đẹp.

1. Đánh vần từng chữ của câu kinh:

Khi nghe đồng nhi tụng kinh, chúng ta dùng tư tưởng theo dõi từng tiếng một, đánh vần thầm trong trí từ chữ một như lúc mới tập đọc. Như vậy, tư tưởng của chúng ta bị buộc ràng vào công việc này nên nó không có phút nào rảnh rang xao lãng mà phóng đi.

Trong thời cúng, chúng ta mắc lo nghe tiếng kinh, lo đánh vần cho kịp tiếng tụng kinh, thì tư tưởng của ta cũng theo lời kinh tiếng kệ mà không phóng ra ngoài.

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải tập luyện nhiều lần, thì mới đạt được kết quả mong muốn. Mỗi lần luyện tập, chúng ta thấy tiến bộ hơn một chút, còn có phóng tâm, nhưng lần hồi số lần phóng tâm giảm bớt và cuối cùng thì dứt hẳn.

2. Chú trọng từng ý nghĩa của câu kinh:

Nếu chúng ta nghiên cứu hiểu được ý nghĩa của từng câu kinh thì điều này giúp hay cho chúng ta hơn nữa.

Chúng ta lắng nghe đồng nhi tụng kinh, tập trung tư tưởng theo dõi ý nghĩa của từng tiếng kinh, mắt chăm chú nhìn Thiên Nhãn, gìn giữ như vậy trong suốt thời gian tụng kinh.

Lúc mới tập, chúng ta có thể đọc kinh nho nhỏ theo đồng nhi và tưởng nhớ tới ý nghĩa của mỗi lời kinh.

Như vậy thì: Mắt lo nhìn Thiên Nhãn, tai lo nghe, miệng lo đọc, trí não lo theo dõi ý nghĩa lời kinh, thì chúng ta kèm giữ được cái Tâm, không cho nó có thời giờ để phóng túng ra ngoài.

Nếu chúng ta kiên trì luyện tập, và với lòng tín ngưỡng mạnh mẽ nơi Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, luồng điện lực

của chúng ta lần lần mạnh mẽ, vượt lên không gian, đến được với các Đấng thiêng liêng. Các Đấng mới cảm được các lời cầu nguyện của chúng ta thì lời cầu nguyện mới có thể ứng nghiệm được. Đó là chúng ta đạt được bí pháp trong thể pháp cúng kiếng đó vậy.

Phóng xá cô

放赦辜

Phóng: Thả ra, buông lỏng, phát ra. **Xá:** rộng lòng tha thứ.
Cô: tội lỗi.

Phóng xá cô là rộng lòng tha thứ và thả ra kẻ có tội.

Kệ chuông: Địa Tạng khai môn *phóng xá cô*.

PHÔ

Phô diễn

鋪演

A: To expose.

P: Exposer.

Phô: bày ra cho mọi người thấy. **Diễn:** xảy ra trước mắt.

Phô diễn là bày ra trước mắt mọi người.

TNHT: Muốn an tâm tĩnh trí và đè nén lửa lòng, cần phải có một nghị lực vô biên, một tâm trung quảng đại, thì mới khỏi bực tức với những trò đã vì mạng linh thiêng liêng *phô diễn* nơi thâm hiểm nặng nề này.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

PHỔ

PHỔ

PHỔ: 普 Rộng lớn, bày ra khắp cả, đều cả.

Td: Phổ cáo chúng sanh, Phổ giáo.

Phổ cáo chúng sanh

普告眾生

A: Public notice.

P: Notification publique.

Phổ: Rộng lớn, bày ra khắp cả, đều cả. **Cáo:** báo cho biết.
Chúng sanh: ý nói nhưn sanh, dân chúng, tất cả mọi người trong xã hội.

Phổ cáo chúng sanh là thông báo cho toàn thể mọi người đều biết.

Vào năm Bính Dần (1926), sau khi Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung (lúc đó còn là Đầu Sư Thượng Trung Nhật) đem Tờ Khai Đạo lên nạm cho Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol, được ông Le Fol tiếp nhận vui vẻ, thì theo pháp luật thời bấy giờ, Đạo Cao Đài được truyền bá trong nước.

Do đó, Đức Quyền Giáo Tông có ra một tờ Phổ Cáo Chúng Sanh để báo cho dân chúng biết rõ, việc Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được khai mở và bắt đầu truyền bá.

Sau khi quý vị tiền khai Đại Đạo soạn xong tờ Phổ Cáo Chúng Sanh, quý Ngài lập đàn cơ dâng lên Đức Chí Tôn duyệt xét. Sau đây xin chép lại bài giảng cơ của Đức Chí Tôn:

Ngày 13-10-1926 (âi 7-9-Bính Dần).

THẦY

Các con,

Mấy đứa nhỏ bỏ thói kiêu ngạo nghe!

Vĩnh! Đọc **Phổ Cáo Chúng Sanh**, đợi Thầy sửa nghe. Hễ Thầy hạ cơ thì ngưng đọc....

Các con nghe,

Thầy chẳng buổi nào mà đành lòng cho các con hạ mình trước mặt ai hết, song ngày nay buộc phải vậy. Các con tức cấp lo phổ độ.

Kể từ ngày mùng 10 tháng này, mấy đứa phò loan phải xin phép nghỉ 29 ngày hết nghe. Thầy dặn các con phải phân nhau mà đi cho khắp.

Đạo Quang, ngày thứ bảy, Thầy sẽ phân việc. Thầy trông cho mau lập Tân Luật.

Con *Trung*, con phải nói với Le Fol cho con giấy chứng Khai Đạo. Mai con lên nó, có Thầy. Con phải nhớ viết một cái thơ cho em con là *Lâm thị*, nó đương sâu thẳm, giờ này nó đương ngồi nơi phòng mà khóc. Con phải khuyên lơn nó, nhắc nó nhớ lời Thầy dặn.

Trang! con nếu biết thương em con, con cũng nên đi Vũng Liêm, con đi mới hữu ích nghe. Thầy nói ít, con hiểu nhiều. Từ đây hai con lại để ý gìn giữ hai đứa nó kéo nó ngã lòng mà tổn bớt công quả của chúng nó tội nghiệp. Thầy giao cho hai con chăm nom cả em út, các con nghe à!

Thầy còn dạy nhiều việc, nhưng hai đứa nhỏ đã mệt. Thầy dặn các con đừng dùng tiếng "đồng" mà kêu mấy đứa nhỏ, nó giận không muốn phò loan là tại vậy.

Thơ, biểu nó viết chữ tựa lớn hơn một chút, còn tờ **Phổ Cáo Chúng Sanh** và **Tờ Khai Đạo**, con cứ làm, Thầy cho phép. Có vậy mới nhẹ bớt công phổ độ. Còn tờ nhứt trình thỉnh thoảng sẽ tính.

Thầy ban ơn cho các con.

Đặng nhiều càng tốt. Chữ quốc âm mà thôi. THĂNG.

(Trích trong Tập Thánh Ngôn chép tay của Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh, trang 76-77)

Trong tờ **Phổ Cáo Chúng Sanh** này, phần đầu, xin chép ra sau đây:

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Thuở Hỗn Độn sơ khai, nhứt khí Hư Vô sanh duy có một Đấng Tạo Hóa, người phương đông gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế, người Âu Tây gọi là DIEU, Đức Chúa Trời, người An Nam gọi là Ông Trời, là Đấng dựng nên Trời Đất và muôn vật.

Có Thánh Ngôn Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cơ ngày 13 tháng 6 năm Bính Dần, rằng:

"Bậc chơn tu, tử như hột giống tốt, hễ gieo xuống thì cây lên, cây lên thì trở bông, trở bông rồi sanh trái, mà biến biến sanh sanh càng thêm tăng số, vì vậy mà các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng liêng các con sanh hóa chơn thần, chơn thần lại biến hóa hằng muôn, thêm tăng lên hoài. Ấy là Đạo.... .."

Phần cuối của tờ Phổ Cáo Chúng Sanh là nói về việc Khai Đạo với chánh phủ:

KHAI ĐẠO NƠI CHÁNH PHỦ

Ngày 7 Octobre 1926, nhằm mồng 1 tháng 9 năm Bính Dần, có môn đệ Thiên phong của Đức Cao Đài là Cựu Hội Đồng Thượng Nghị Viện Lê Văn Trung, tỵ Thiên ân là Thượng Trung Nhựt, vưng lệnh Thánh ngôn đến khai đạo nơi chánh phủ.

Trong Tờ Khai Đạo ấy có ký tên 247 chư môn đệ, phần nhiều đều là Chức sắc viên quan và có Nữ phái nhiều người danh dự. Quan Nguyên Soái Nam Kỳ hoan nghinh và khen rằng vì chữ thiện mà khuyến dân, ấy là chủ nghĩa cao thượng.

Chúng tôi xin phô đôi lời thành thật thô sơ, chư Hòa Thượng, chư Lão thành, chư sơn, chư Chức sắc trong Tam Giáo và chư thiện nam tín nữ xin lưu ý.

Chầy kíp đây, chúng tôi sẽ có dịp hiệp mặt mà luận đạo kỹ thêm nữa.

Phổ cập

普及

A: To vulgarize.

P: Vulgariser.

Phổ: Rộng lớn, bày ra khắp cả, đều cả. **Cập:** kíp, đạt đến.

Phổ cập là đạt đến khắp mọi nơi.

Kệ U Minh Chung: Càn khôn đại thống *phổ cập* ngũ châu.

Phổ Đà Sơn

普陀山

Phổ Đà Sơn là núi Phổ Đà, ở biển Nam Hải, thuộc cõi TLHS, là nơi mà công chúa Diệu Thiện tu đắc đạo thành Bồ Tát Quan Thế Âm. (Xem sự tích nơi chữ: **Quan Thế Âm**, và **Q**)

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Phổ độ

普度

A: To perform the universal salvation.

P: Exécuter la salvation universelle.

Phổ: Rộng lớn, bày ra khắp cả, đều cả. **Độ:** cứu giúp.

Phổ độ là cứu giúp chúng sanh.

Muốn cứu giúp chúng sanh thì phải mở ra một mối đạo cho nhơn sanh tu hành.

Từ khi có nhơn loại đến nay, Đấng Thượng Đế đã mở ra ba thời kỳ phổ độ chúng sanh:

■ **Nhứt Kỳ Phổ Độ:** vào thời thái cổ của nhơn loại, có các tôn giáo như: Đạo Phật với Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, Đạo Tiên với Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Đạo Bà La Môn, Đạo Do Thái với Moïse, Đạo Nho với Phục Hy,....

■ **Nhị Kỳ Phổ Độ:** vào thời thượng cổ của nhơn loại, có các tôn giáo như: Phật giáo với Đức Phật Thích Ca, Lão giáo với Đức Lão Tử, Nho giáo với Đức Khổng Tử, Thiên Chúa giáo với Đức Chúa Jesus Christ,....

■ **Tam Kỳ Phổ Độ:** vào thời kỳ hiện nay có Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, do Đấng Thượng Đế khai đạo để cứu vớt toàn cả nhơn loại trên địa cầu này trước khi xảy ra một cuộc Tận Thế để lập đời Thánh đức.

TNHT: Có công *phổ độ* giải tiền khiên.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phổ giáo

普教

A: To teach generally.

P: Enseigner généralement.

Phổ: Rộng lớn, bày ra khắp cả, đều cả. **Giáo:** dạy.

Phổ giáo là dạy khắp cả.

TNHT: Đại Từ Phụ *phổ giáo* rằng: Hay! Hay! không lẽ để phạn hèn, ngày sau sẽ rõ Thánh ý Người quyết liệu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phổ Hiền Bồ Tát

普賢菩薩

Đức Phổ Hiền Bồ Tát và Đức Chuẩn Đề Bồ Tát là hai vị Phật cao siêu nhưng vẫn còn mang danh Bồ Tát vì còn nhiệm vụ cứu độ chúng sanh. Hai Đức Phật này hiện đang chưởng quản từng Trời Hạo Nhiên Thiên coi về pháp luật trong toàn cả CKVT, nên từng Trời này được gọi là: Hạo Nhiên Pháp Thiên.

Theo quyển Văn Khố Từ Bi Âm, khi Đức Phổ Hiền Bồ Tát chưa xuất gia, Ngài là con thứ tư của vua Vô Tránh Niệm, tên là Năng Đà Nô. Nhờ phụ vương khuyên bảo, hoàng tử Năng Đà Nô phát tâm cúng dường Đức Phật Bảo Tạng và chúng sanh trong 3 tháng. Lúc ấy có quan đại thần Bảo Hải thấy vậy khuyên rằng:

- Nay Điện hạ có lòng làm công đức rất tốt như thế, xin hãy hồi hướng về đạo vô thượng bồ đề mà cầu đặng thành Phật thì hơn là cầu phước báo hữu lậu nơi cõi nhơn Thiên, vì cõi ấy vẫn còn trong vòng sanh tử.

Hoàng tử Năng Đà Nô nghe khuyên như vậy thì phát tâm bồ đề, liền nói với Đức Phật Bảo Tạng:

- Bạch Đức Thế Tôn, nay tôi có món công đức cúng dường Ngài và đại chúng trong 3 tháng, xin hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh giác, nguyện tu hạnh Bồ Tát mà giáo hóa chúng sanh đặng thành Phật đạo, nguyện đặng cõi Phật rất thanh tịnh trang nghiêm, bao nhiêu những sự tốt đẹp và sự

giáo hóa chúng sanh đều y như thế giới của Đức Phổ Hiền Như Lai.

Đức Phật Bảo Tạng nghe hoàng tử phát nguyện như thế thì liền thọ ký, nói rằng:

- Hay thay! Người phát thệ nguyện rất lớn, muốn độ hết chúng sanh đều thành Phật đạo. Trong khi tu Bồ Tát đạo thì dùng trí kim cương mà phá nát các núi phiền não của mọi loài chúng sanh. Vì vậy, ta đặt hiệu cho người là: Kim Cang Trí Huệ Quang Minh Công Đức, trải hằng hà sa số kiếp làm nhiều Phật sự rất lớn, rồi sẽ đến thế giới Bất huyển ở phương đông mà thành Phật hiệu là Phổ Hiền Như Lai. Chừng đó, những sự tốt đẹp trang nghiêm của người đã cầu nguyện thấy đều thỏa mãn.

Khi Đức Bảo Tạng Như Lai thọ ký rồi, tự nhiên giữa hư không, có nhiều vị vua ở các cõi Trời đem đủ các thứ hoa thơm đến cúng dường và đồng thanh khen ngợi.

Hoàng tử Năng Đà Nô nói với Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, nếu những ao ước của tôi ngày sau quả đặng như lời Ngài thọ ký thì nay tôi kính lễ Ngài và chư Phật mà xin làm sao hằng hà sa số thế giới có đủ món hương mùi rất thơm bay khắp cõi, và mọi loài chúng sanh nếu đặng ngửi mùi thơm ấy tức thì được hết khổ và an vui.

Hoàng tử Năng Đà Nô vừa dứt lời, đang cúi đầu lễ Phật, thì trong mười phương thế giới đều có mùi thơm bay khắp cả.

Lúc đó, mọi loài chúng sanh ngửi đặng mùi thơm ấy thì lòng dạ hớn hở và hết phiền não.

Hoàng tử Năng Đà Nô được Phật thọ ký rồi thì thân tâm vui mừng, bèn đảnh lễ Phật rồi ngồi xuống nghe thuyết pháp.

Nhờ công đức đó, sau khi Hoàng tử mạng chung, sanh ra các thân khác, kiếp nào cũng nhớ lời thệ nguyện mà chăm lo việc Phật, hóa độ chúng sanh, đặng cầu cho mau viên mãn điều ước nguyện.

Bởi Ngài có lòng tu hành tinh tấn như vậy, nên nay Ngài đã thành Phật, nhưng Ngài vẫn mang danh hiệu Bồ Tát để hóa độ chúng sanh trong các thế giới.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, Bồ Tát Phổ Hiền có nêu ra 10 hạnh nguyện lớn:

1. Nguyện kính lễ chư Phật.
2. Nguyện xưng tán Như Lai.
3. Nguyện quảng tu cúng dường.
4. Nguyện sám hối nghiệp chướng.
5. Nguyện tùy hỷ công đức.
6. Nguyện thỉnh Phật chuyển pháp luân.
7. Nguyện thỉnh Phật trụ thế, giáo hóa chúng sanh.
8. Nguyện thường học theo Phật.
9. Nguyện hằng thuận chúng sanh.
10. Nguyện phổ giai hồi hướng công đức.

Trong kinh đều nói rằng, ai mà trình bày 10 hạnh nguyện lớn này, làm sáng tỏ công đức vô lượng này, thì khi lâm chung, được vị nguyện vương đó tiếp dẫn sang CLTG của Đức Phật A-Di-Đà. Mười hạnh nguyện lớn đó cũng là tiêu biểu chung cho các vị Bồ Tát, nên gọi là Phổ Hiền nguyện hải. Vì làm theo hạnh nguyện to lớn của vị Bồ Tát đó, nên thường được gọi là Đại hành Phổ Hiền Bồ Tát.

Trong nhiều chùa Phật, tượng của Đức Phổ Hiền Bồ Tát cỡi voi trắng 6 ngà đứng bên phải Đức Phật Thích Ca, còn tượng Văn Thù Bồ Tát thì cỡi sư tử xanh đặt bên trái Đức Thích Ca.

Về phương diện tượng trưng thì Văn Thù Bồ Tát tượng trưng Trí, Huệ, Chứng; còn Phổ Hiền Bồ Tát tượng trưng Lý, Định, Hành, cùng giải thích Lý Trí, Định Huệ, Hành Chứng hoàn bị viên mãn của Đức Như Lai.

Đức Phổ Hiền Bồ Tát phát minh tánh nghe chơn thật của bản tâm thanh tịnh, không theo cái nghe hư vọng của nhĩ căn, nên không bị điều chi cách ngại. Hễ có một chúng sanh nào cách xa nhiều thế giới mà phát tâm tu hạnh Phổ Hiền, Ngài liền quán rõ, phân thân cỡi voi trắng 6 ngà đến nơi an ủi, tán thán, gia hộ, khiến chúng sanh ấy mau thành tựu đạo quả như Ngài.

Trong Kinh Tam Nguơn Giác Thế, trang 105, Phổ Hiền Bồ Tát giảng cơ cho thi Luận về Tam Giáo, xin chép ra sau đây:

Trước hết là Văn Xương Đế Quân giáng:

... ..

Than ôi! Ít kẻ chí công tìm,
 Chiếc thòan Bát Nhã đã chìm bấy lâu.
 Trăm năm trong cuộc bể dâu,
 Công danh phú quý đứng đầu nhơn gian.
 Thấy như thế, thở rồi than,
 Thương người thiếu phước làm đàng mê tân.
 Ai người rõ thấu nguồn ân,
 Lo tu cho sớm bảo thân khỏi lằm.
 Non cao cây có ngàn năm,
 Người trong dương thế trăm năm mấy lần?
 Muốn cho rảnh cuộc toan tân,
 Lo tu cho kịp hưởng phần thanh thoi.
 Thần Tiên dạy đã cạn lời,
 Ai người biết đạo Phật Trời thưởng ban.
 Luận qua Tam Giáo một đàng,

*Còn phần luận Tam Giáo qui nhứt, ta nhường cho Phật
 Phổ Hiền Bồ Tát; tha dạ tái cầu.*

* * * * *

PHỔ HIỀN BỒ TÁT

Bàn đạo đến giúp cho Văn Xương Đế Quân thêm bài
 trường thiên cho đủ một trăm câu theo lời cầu xin của bản
 đạo.

Thích Nho Đại Đạo người bàn phải riêng.
 Nhắc từ sơ khởi Tiên Thiên,
 Tam Chi xưa cũng đồng nguyên một nhà.
 Người sau canh cải chia ba,
 Đặt làm Tam Giáo để mà độ dân.
 Đạo Quân giáng thế ân cần,
 Tiên Châu khai đạo từ phân khuyên đời.
 Chỉ rành mấy nẻo lạng vơi,
 Giữ bền Đại Đạo chẳng rời phái tôn.
 Tam thiên lục bá Bàng môn,
 Bảy hai Tả đạo cũng dồn một nơi.
 Thế gian làm tưởng nhiều đời,

Giữ riêng ba nhánh đua tài dở hay.
 Phật Trời thương chúng chẳng may,
 Tam Chi qui nhứt như ngày Tiên Thiên.
 Chí Tôn nắm trọn chủ quyền,
 Thích Nho Đại Đạo hườn nguyên một nhà.
 Thần Tiên phụng chỉ ta bà,
 Độ toàn dân chúng cải tà qui chơn.
 Bàng môn Tả đạo qui nguơn,
 Tam Chi nhị điệp cũng hườn cựu ngôi.
 Muốn cho khỏi chốn luân hồi,
 Bền công tu luyện đắp bồi nền nhơn.
 Cạn lời dạy bảo thiệt hơn,
 Khuyên người dương thế mau chơn tu hành./

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

Phổ hóa

普化

A: To teach the people.

P: Enseigner le peuple.

Phổ: Rộng lớn, bày ra khắp cả, đều cả. **Hóa:** giáo hóa cho thay đổi từ xấu ra tốt.

Phổ hóa là giáo hóa chúng sanh khắp nơi.

TĐ ĐPHP: Trong năm Bính Dần, Đức Chí Tôn giáng trần khai đạo *phổ hóa* chúng sanh làm lành lánh dữ.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Phổ Tế - Cơ quan Phổ Tế

機關普濟

A: Public assistance - The body of Public assistance.

P: Assistance publique - Corps de l'Assistance publique.

Phổ: Rộng lớn, bày ra khắp cả, đều cả. **Tế:** giúp đỡ.

Phổ tế là cứu giúp nhơn sanh khắp nơi.

Cơ quan Phổ Tế là một cơ quan của Hội Thánh CTĐ có nhiệm vụ cứu giúp hoặc độ rỗi những người lạc bước thối tâm, cùng an ủi khuyên lơn những kẻ đã bị luật pháp buộc ràng mà phé vong phận sự, hay là độ rỗi những kẻ hữu tâm tầm đạo.

Đôi liễn đặt nơi cổng của Cơ quan Phổ Tế:

普化眾生改惡從良歸大道
濟危萬類去邪尊正合三期

*Phổ hóa chúng sanh cải ác từ lương qui Đại Đạo,
Tế nguy vạn loại khử tà tôn chánh hiệp Tam Kỳ.*

Nghĩa là:

Giáo hóa chúng sanh khắp nơi, sửa điều dữ theo điều lành, trở về nền Đại Đạo,

Giúp đỡ sự nguy khốn của muôn loài, trừ điều tà, kính điều chánh, hiệp vào Đạo Cao Đài.

Hoạt động của Cơ Quan Phổ Tế được định rõ trong Đạo Luật Mậu Dần (1938), chép ra sau đây:

* Phần đông con cái của Đức Chí Tôn, có một hạng biết rõ mối đạo là một cơ bí mật của Trời sáng tạo, đặng cứu vớt sanh linh khỏi trầm luân khổ hải, song vì còn yếu ớt đức tin nên hãy còn đứng ngoài vòng để mắt xem chừng vào cửa đạo; còn một hạng nữa thì lại đang mê mẩn trong vòng vật chất, lầm tưởng cho nền đạo là một cơ quan xảo kế của phàm nhưn sáng tạo để mê hoặc tâm lý người đời mà xem rẻ rúng; thành thử con cái của Đức Chí Tôn vẫn còn mịt mờ trong màn hắc ám.

Vậy phương diện phổ tế nhưn sanh là một hành vi cần cấp để dẫn dắt người đời vào trường học đạo của Trời cho mau chóng, đặng sớm tầm con đường siêu rỗi cho nhưn loại.

* Hội Thánh phải tuyển chọn những Chức sắc Thiên phong đủ tài đủ đức đặng thuyên bố qua Cơ quan Phổ Tế.

* Chư vị Chức sắc lãnh phần Phổ Tế phải kể mình như các vị quan Phương Bá nhà Châu buổi nọ, nghĩa là mảnh thân gánh nặng nghĩa vụ nơi vai, phải châu lưu cùng khắp trong chốn thôn quê sẵn dã, vào tận nơi nào có lấp loáng bóng người, đặng đem chơn lý đạo màu thức tỉnh thể gian hồi tâm

giác ngộ, kéo một ngày trễ là một ngày hại cho nhơn sanh chưa biết Đạo.

* Ngoài ra, các vị Phổ Tế, nếu có chức việc hoặc Đạo hữu nào độ đặng 500 tới 1000 người ngoại đạo nhập môn thì vị ấy sẽ đặng Hội Thánh đem ra Quyền Vạn Linh cầu xin phong thưởng vào phẩm Lễ Sanh; độ đặng từ 1000 tới 3000 người thì đặng vào phẩm Giáo Hữu; độ đặng từ 3000 người tới 10000 người thì đặng vào phẩm Giáo Sư.

* Chức sắc Phổ Tế, khi gặp những điều bất hợp pháp cùng việc bất hòa xảy ra giữa các cơ quan, có đủ bằng cứ, hoặc bên Hành Chánh, bên Phước Thiện, Tòa Đạo, thì đặng quyền dâng sớ kêu ca ngay cho mỗi vị Chưởng quản ba cơ quan ấy.

Tổ chức của Cơ quan Phổ Tế Trung ương:

Theo báo cáo đọc trước Hội Nhơn Sanh năm Giáp Dần (1974), Cơ quan Phổ Tế Trung ương gồm có:

- Chủ Trưởng: 1 vị Phối Sư.
- Phó Chủ Trưởng: 1 vị Giáo Sư.
- Trưởng Văn phòng: 1 vị Giáo Hữu.
- Nhân viên Văn phòng: 3 vị Lễ Sanh.

Số Khâm Châu và Đầu Tộc Phổ Tế được Hội Thánh bổ nhiệm, gồm có:

- Nam Tông Đạo: bổ được 25 Khâm Châu Phổ Tế.
- Trung Tông Đạo: bổ được 9 Khâm Châu Phổ Tế.
- Phần Tộc Đạo: bổ được 13 Đầu Tộc Phổ Tế.

Đó là tổ chức Cơ quan Phổ Tế bên Nam phái.

Bên Nữ phái, số Chức sắc Nữ phái CTĐ quá thiếu thốn, nên Hội Thánh chưa tổ chức được Cơ quan Phổ Tế Nữ phái.

Tóm lại, Cơ quan Phổ Tế là cơ quan truyền bá Đạo Cao Đài để phổ độ chúng sanh một cách rộng rãi và nhanh chóng, thể theo lời dạy của Đức Chí Tôn: "Đạo phát trễ một ngày là hại nhơn sanh một ngày."

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Phổ thông

普通

A: Popularisation.

P: Vulgarisation.

Phổ: Rộng lớn, bày ra khắp cả, đều cả. **Thông:** truyền đạt.

Phổ thông là truyền đạt đến khắp nơi.

PCT: Vậy chúng nó có quyền xem xét kinh điển trước lúc *phổ thông*. (**Chúng nó:** Đức Chí Tôn gọi 3 vị Chưởng Pháp)

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Phổ truyền

普傳

A: General propagation.

P: Propagation générale.

Phổ: Rộng lớn, bày ra khắp cả, đều cả. **Truyền:** trao lại cho người khác.

Phổ truyền là truyền ra khắp nơi.

TĐ ĐPHP: Nhưng nhờ Đức Chí Tôn đến *phổ truyền* nền chơn giáo của Ngài nơi đất VN này....

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

PHỐI

PHỐI

PHỐI: 配 có mấy nghĩa sau đây:

1. **PHỐI:** đôi lứa.
Td: Phối ngẫu.
2. **PHỐI:** đem người khác mà cúng phụ với người vẫn thờ.
Td: Phối hưởng, Phối từ.
3. **PHỐI:** xứng đáng, sánh ngang.
Td: Phối Sư, Phối Thánh.

Phối hưởng

配享

Phối: đem người khác mà cúng phụ với người vẫn thờ.
Hưởng: hưởng thụ.

Phối hưởng là mời các chơn linh khác đến hưởng lễ cúng tế cùng với vị chánh đưọc tế lễ nơi đây.

Đồng lai phối hưởng: cùng đến và cùng hưởng lễ.

Phối ngẫu

配偶

A: To marry.

P: Marier.

Phối: đôi lứa. **Ngẫu:** thành đôi.

Phối ngẫu là thành một cặp vợ chồng.

Phối Sư

配師

A: Archbishop.

P: Archevêque.

Phối: xứng đáng, sánh ngang. **Sư:** thầy.

Phối Sư là một phẩm Chức sắc cao cấp CTĐ, đứng trên Giáo Sư, đối phẩm với Thiên Thánh trong Cửu phẩm Thần Tiên.

■ **Bên CTĐ nam phái,** có tất cả 36 vị Phối Sư chia làm 3 phái, mỗi phái 12 vị. Trong số 12 vị của mỗi phái, Đức Giáo Tông chọn ra một vị làm đầu gọi là Chánh Phối Sư. Cho nên có 3 vị Chánh Phối Sư, từng lĩnh trực tiếp 3 vị Đầu Sư.

Quyền hành và Đạo phục của Phối Sư và Chánh Phối Sư được qui định rõ trong Pháp Chánh Truyền.

■ **Bên CTĐ nữ phái:** Số lượng Nữ Phối Sư không hạn định như bên nam phái, nghĩa là nhiều bao nhiêu cũng được.

Trong số Nữ Phối Sư, Đức Giáo Tông chọn một vị làm đầu gọi là Nữ Chánh Phối Sư, từng lĩnh trực tiếp Nữ Đầu Sư.

Quyền hành và Đạo phục của Nữ Chánh Phối Sư và Nữ Phối Sư được qui định rõ trong Pháp Chánh Truyền.

■ Số lượng Chức sắc nữ phái CTĐ:

Đàn cơ tại Cung Đạo Đền Thánh, đêm 15-11-Tân Hợi (dl 1-1-1972) lúc 20 giờ. Phò loan: Hiến Pháp - Khai Đạo. Hầu đàn: Bảo Đạo, Hiến Đạo, các Chức sắc CTĐ, HTĐ, PT.

Ngài Hiến Đạo bạch hỏi Đức Lý Giáo Tông:

- Cầu xin Đức Ngài từ bi chỉ giáo, số Chức sắc Nữ phái CTĐ từ phẩm Phối Sư xuống đến Giáo Hữu, mỗi phẩm có bao nhiêu?

Đức Lý Giáo Tông giáng cơ đáp: - Vô định.

Như vậy, số Chức sắc Nữ phái CTĐ trong 3 phẩm: Giáo Hữu, Giáo Sư, Phối Sư không bị giới hạn về số lượng như Chức sắc nam phái CTĐ, nghĩa là số lượng nhiều bao nhiêu cũng được, vô hạn định. Đây là một đặc ân hết sức quý báu mà Đức Lý Giáo Tông ban cho Nữ phái.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

PT: Phước Thiện.

Phối từ

配祠

Phối: đem người khác mà cúng phụ với người vẫn thờ.

Từ: thờ cúng, nhà thờ.

Phối từ là thờ phụ vào với các vị Thần chánh.

Phối Thánh

配聖

A: The Saint.

P: Le Saint.

Phối: xứng đáng, sánh ngang. **Thánh:** bực Thánh.

Phối Thánh là phẩm tước ngang hàng bực Thánh.

Câu hỏi: Phối Thánh có phải là Phối Sư không?

Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, trong quyển Chánh Trị Đạo, trang 49, phần chú thích phía dưới, giải đáp như sau:

"Theo chữ Nho thì chữ Phối có nghĩa là so sánh, nên phẩm Phối Thánh là so sánh ngang bằng với phẩm Thánh; nên Phối Sư là Phối Sư, còn Phối Thánh là Phối Thánh, chứ Phối Thánh không phải là Phối Sư."

Theo Nho giáo, có 4 phẩm Thánh kể từ trên xuống là: Tôn Thánh, Thuật Thánh, Á Thánh và Phối Thánh."

Theo quyển Khổng Môn Liệt Truyện của Hội Khổng Học Việt Nam, thì Tứ Phối hay Tứ Phối Thánh là 4 vị Thánh được thờ phụng ở trong Văn Miếu thờ Đức Khổng Tử.

Tứ Phối gồm:

1. Phục Thánh Nhan Tử (Nhan Hài).
2. Tông Thánh Tăng Tử (Tăng Sâm).
3. Thuật Thánh Tử Tư (Khổng Cấp).
4. Á Thánh Mạnh Tử (Mạnh Kha).

(Xem Tiểu sử của Tứ Phối nơi chữ: Tứ Phối, văn T)

Vậy Phối Thánh là phẩm tước thuộc hàng Thánh vị, được Đức Phạm Hộ Pháp xếp vào phẩm Thánh Nhơn trong Thập nhị Đẳng cấp thiêng liêng của Cơ Quan Phước Thiện. **(Xem tiểu sử của Ngài Phối Thánh Phạm Văn Màng)**

Trong Phạm Môn mà hậu thân là Cơ Quan Phước Thiện do Đức Phạm Hộ Pháp lập nên, có rất nhiều vị công quả Phạm Môn khi qui liễu đắc Thần vị, chỉ có hai ông vượt khỏi Thần vị, đắc Thánh vị là:

- Phối Thánh PHẠM VĂN MÀNG (1888-1933)
- Phối Thánh BÙI ÁI THOẠI (1909-1946)

Phối Thánh Phạm Văn Màng (1888 - 1933):

Ngài Phạm Văn Màng, sanh năm Mậu Tý (1888) tại làng Thanh Phước, quận Gò Dầu Hạ, tỉnh Tây Ninh. Thân phụ là Cụ Phạm Văn Nhơn, thân mẫu là Bà Trần Thị Tư, gia đình lễ giáo Nho gia.

Thuở nhỏ, ông Màng được cha mẹ cho đi học chữ Nho độ 4 năm, sau đó theo học chữ quốc ngữ và chữ Pháp.

Năm 18 tuổi, ông cưới vợ, cô Trịnh Thị Bền, người cùng làng. Hai vợ chồng sanh đặng tất cả 7 người con, nhưng chỉ nuôi được 1 trai và 3 gái: Một trai tên là Phạm Văn Xanh (về sau đắc phong phẩm Chơn Nhơn, chết), 3 gái tên là: Phạm Thị Xia (Giáo Thiện, chết), Phạm Thị Hối (Giáo Thiện, chết), Phạm Thị Xong (Giáo Thiện, hiện được 73 tuổi tính đến năm 1996, có chồng là Lê Ngọc Lượm).

Ông Màng được Ban Hội Tề trong làng cử làm Phó Hương Quán.

Ngày 21-12-Bính Dần, ông Màng đến Thánh Thất tại chùa Gò Kén để tìm hiểu sự huyền diệu của Đức Chí Tôn và ông thành tâm xin nhập môn vào Đạo Cao Đài ngay hôm đó.

Khi quý Chức sắc Thiên phong vâng lệnh Đức Lý Giáo Tông đi mua đất rừng tại làng Long Thành để cất Tòa Thánh làm nền tảng cho Đạo, ông Màng liền xin từ chức Phó Hương Quán để trọn hiến thân làm công quả cho Đạo.

Ông được Đức Cao Thượng Phẩm và Phối Sư Thái Bính Thanh cho phép về quê mộ nhân viên công quả lên tiếp sức khai phá rừng, tạo tác xe bò để chuyên chở và làm những lâm cụ cần thiết. Ông đã hoàn thành công tác và cùng với anh em công quả cất một dãy nhà ở Đông Lang bằng cây lợp tranh để Chức sắc và khách thập phương có nơi tạm nghỉ.

Ngài Phối Sư Thái Bính Thanh dạy ông về làng mộ thêm công quả nữa để tiếp tục khai phá rừng làm những con đường trong Nội Ô, ông Màng đều hoàn thành tốt đẹp.

Dưới sự chỉ dạy của Đức Cao Thượng Phẩm, ông Màng đã góp phần đắc lực vào những công việc quan trọng như cất Tòa Thánh tạm, Hậu Điện, Đông Lang, Tây Lang, Phòng Trù, Nhà Khách.

Năm 1928, cơ khảo Đạo xảy ra, Đức Cao Thượng Phẩm bị một nhóm người dùng bạo lực đuổi ra khỏi Tòa Thánh, ông Màng cùng với Lễ Sanh Trịnh Phong Cương phò tá Đức Cao Thượng Phẩm về khu đất của gia đình Đức Ngài ở gần Giếng Mạch Tây Ninh, rồi cùng với một số bạn đạo tạo dựng nơi đây

một ngôi nhà, được Đức Cao Thượng Phẩm đặt tên là Thảo Xá Hiền Cung để làm nơi dưỡng tu cho Đức Ngài.

Năm 1929, Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên. Sau khi lo việc đám táng cho Đức Ngài xong thì hai ông Màng và Cương lui về quê nhà. Ông Màng nhận chức Phó Trị Sự để tiếp tục lập công quả.

Đầu năm Canh Ngọ (1930), Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn lập Phạm Môn để tận độ nhơn sanh. Ông Màng vội thu xếp công việc gia đình, từ chức Phó Trị Sự, trở lên Tòa Thánh hội hiệp cùng các bạn đạo trung kiên buổi trước xin hiến thân trọn đời vào Phạm Môn để lập công quả.

Đức Hộ Pháp giao cho ông Màng trách nhiệm Cai quản Sở Trường Hòa, điều động 50 anh em công quả, trong đó có một số người Tàn (người Miên) khuếch trương Lương điền Công nghệ, tạo nguồn sống khá dồi dào cho Đạo. Ông Màng về điều độ gia đình gồm vợ (Trần Thị Bền) và 4 đứa con cùng theo ông lên Tòa Thánh, cùng làm công quả nơi Sở Trường Hòa, và hiến thân trọn đời vào Phạm Môn.

Trong thời gian ông Màng làm Cai Sở Trường Hoà, ông bị một số người đứng đơn vu oan ông gồm 36 khoản tố cáo lên Đức Hộ Pháp.

Đức Hộ Pháp gọi ông lên để xét hỏi ông có phạm vào các tội đó không?

Ông Màng nói: Bạch Thầy, con có các tội đó, con xin nhận chịu và cúi đầu tạ tội.

Đức Hộ Pháp hỏi: Sao em dám phạm tội như vậy?

Ông Màng cung kính đáp: Bạch Thầy, các anh lớn con, mấy em con, không thương con, nói con như vậy, nếu mà con nói không có thì thành ra mấy anh em con nói không thật với Thầy. Thầy quả phạt anh em con tội nghiệp.

Đức Phạm Hộ Pháp vốn đã rõ oan khúc của ông, nhưng hỏi thử để xem ông đối đáp như thế nào, nay nghe ông Màng nói như vậy thì Đức Ngài ghen ngào đổ lụy. Đức Ngài an ủi ông với một tình cảm thấm thiết giữa thầy và trò, và khuyến khích ông cứ chí quyết quên mình để phụng sự Đạo pháp.

Ngày mùng 3-Giêng-Nhâm Thân (dl 7-2-1932), Đức Phạm Hộ Pháp lập hồng thệ cho 72 vị công quả Phạm Môn kỳ nhứt tại Sở Trường Hòa, ông Màng đứng tên trong danh sách với số thứ tự 26, vợ ông là Trần thị Bền cùng 4 con cũng được lập hồng thệ cùng với ông. Về sau, cô Trần Thị Bền được Đức Lý Giáo Tông giảng cơ phong vào phẩm Lễ Sanh Giáo Thiện Nữ phái đêm 15-2-Ât Hợi (dl 19-3-1935), sau này, cô được thăng lên phẩm Chí Thiện.

Sau ba năm cai quản ổn định Sở Trường Hòa, Đức Phạm Hộ Pháp bổ ông Màng qua làm Cai Sở Bàu Sen để khuếch trương thêm.

Làm Cai Sở Bàu Sen được gần một năm thì ông Màng lâm bệnh nặng. Đức Hộ Pháp thường đến thăm và tặng thuốc cho ông uống.

Ngày 27-9-Quý Dậu (dl 14-11-1933), ông Thần Võ Văn Thoàn (một vị công quả trong Phạm Môn đã qui vị trước đây và đắc Thần vị), giảng cơ bạch với Đức Phạm Hộ Pháp rằng: Đắc lệnh Trần Văn Xương (Thần Hoàng Long Thành), chư Địa Thần lo nghinh tiếp Phối Thánh Phạm Văn Màng.

Đúng 12 giờ khuya, tức 00 giờ ngày 1-10-Quý Dậu (dl 18-11-1933) ông Phạm Văn Màng nhẹ nhàng thoát xác tại Sở Quảng Nghệ, hưởng được 46 tuổi.

Linh cứu được quán tại Sở Quảng Nghệ ba ngày, Đức Hộ Pháp đứng chủ sự đám táng, hành pháp độ thặng và có thuyết minh cho toàn thể tín đồ tham dự đám táng biết rằng, ông Phạm Văn Màng đã đắc Thánh vị, phẩm Phối Thánh.

13 ngày sau, tại đàn cơ nơi Phạm Nghiệp, Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Bảo Văn Pháp Quân phò loan, vị Thần Võ Văn Thoàn về cơ bạch với Đức Phạm Hộ Pháp: Phạm Văn Màng đã đắc Thánh vị, và xin tái kiếp hành đạo vì ông chưa thỏa nguyện công nghiệp hành đạo.

Đức Phạm Hộ Pháp không cho ông Màng tái kiếp vì e không kịp với cơ Chuyển thế của Đức Chí Tôn.

Sự đắc Thánh của ông Phạm Văn Màng tỏ ra một cách rõ ràng rằng: dù phẩm vị tại thế gian thấp kém, nhưng công hạnh và tâm đức đầy đủ, trọn vẹn phước đời hành đạo, trọn tâm trọn

chí lập công bồi đức thì nhứt định sẽ đạt được phẩm vị cao trọng xứng đáng nơi cõi thiêng liêng.

Đức Chí Tôn đã từng dạy rằng: *Thầy lập cho các con một trường thi công quả, các con muốn đến đặng Cực Lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi.*

Ngày 15-3-1938, Đức Phạm Hộ Pháp Chưởng quản Nhị Hữu hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng, đã ký Đạo Nghị Định số 7/PT truy phong Ngài Phối Thánh Phạm Văn Màng vào phẩm THÁNH NHƠN của Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của Hội Thánh Phước Thiện, cùng với một số Chức sắc Phước Thiện hữu công khác đã qui liễu, cũng được truy phong lên các phẩm Đạo Nhơn, Chí Thiện, v.v...

Văn Phòng
PHẠM HỘ PHÁP

Số: 7 / PT

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
(Thập nhị niên)
TÒA THÀNH TÂY NINH

ĐẠO NGHỊ ĐỊNH

Chiếu y Pháp Chánh Truyền ban quyền hành cho Giáo Tông và Hộ Pháp,

Chiếu y Tờ Vi bằng của Đại Hội Phước Thiện ngày mùng 9 tháng giêng năm Mậu Dần (1938) công cử những vị hữu công cùng Cơ Quan Phước Thiện vào hàng truy phong Nam phái theo kỷ luật Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng.

Chiếu theo hồ sơ công nghiệp của mỗi vị,

Nghĩ vì những vị kể tên dưới đây tận tâm cùng Cơ Quan Phước Thiện từ buổi ban sơ cho đến ngày qui liễu, nên:

NGHỊ ĐỊNH

Điều thứ nhứt: Ban hành cho toàn đạo đều rõ, những vị dưới đây đặng truy phong vào hàng Chức sắc Phước Thiện:

I. THÁNH NHƠN:

1. Phạm Văn Màng, 46 tuổi, ở làng Thanh Phước, Tổng Mỹ Ninh, Tây Ninh.

II. ĐẠO NHƠN:

2.

Điều thứ nhì: Trần Khai Pháp HTĐ Chưởng quản Cơ Quan Phước Thiện ĐĐTKPĐ và Quyền Ngọc Chánh Phối Sư, mỗi vị tùy phận sự của mình, lãnh thi hành Đạo Nghị Định này.

Lập tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 14-2-Mậu Dần (dl 15-3-1938)

HỘ PHÁP

Chưởng quản Nhị Hữu hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng
PHẠM CÔNG TẮC (ấn ký)

Ngày 14-11-Mậu Tý (dl 14-12-1948), Đức Phạm Hộ Pháp Chưởng quản Nhị Hữu hình Đài ký Thánh Lệnh cho Hội Thánh hằng năm cử hành Lễ Vía Kỷ niệm hai vị Phối Thánh Phạm Văn Màng và Bùi Ái Thoại, vì công nghiệp của hai vị Phối Thánh từ buổi ban sơ đã được Ngọc Hư Cung nhìn nhận, cùng đặc ân của Quyền Chí Tôn ân tứ.

GHI CHÚ: Vị Thần Võ Văn Toàn và Phối Thánh Phạm Văn Màng, lúc ở thế là hai anh em bạn rể, Ông Toàn vai anh. Cả hai vị đều là đệ tử của Phạm Môn, được Đức Phạm Hộ Pháp điểm đạo cho lập Hồng Thệ thọ Đào Viên Pháp cùng một lượt tại Sở Trường Hòa ngày 3-Giêng-Nhâm Thân. Ông Toàn qui liễu trước và đắc Thần vị.

Đức Phạm Hộ Pháp có cho đôi liễn đặt trên Bàn đưa:

VỖ phong trần khổ thoát,
THOÀN pháp cảnh Tiên du.

BÀI THÀI

Hiến lễ Phối Thánh Phạm Văn Màng:

1. May sanh trọn kiếp vốn hiền lương,
Nẻo Thánh từ xưa giữ một đường.
Đoạt đạo nhờ Thầy dìu bước tục,
Thiên ân hạnh hưởng phước thuần dương.
2. Dương trần chạnh nhớ bạn đồng môn,
Khổ nhọc lao lung chịu dập dồn.
Độ thế Thầy nêu cờ cứu khổ,
Chỉ phiến thế tục đốt tâm chơn.

3. Tầm chơn đã có mặt chơn sư,
Hưởng phước ban cho lại chối từ.
Quyền lợi đổi trao nền hạnh phúc,
Mà ra khổ hải chịu đồ lưu.

Theo sự giải thích của ông Nhạc Sư Trần Thiện Niệm, khi tế lễ Ngài Phối Thánh Phạm Văn Màng, trước hết đồng nhi thài bài Tuần Hương: "Nghệ hương hiến, nghệ hương tiền."

Đến Tuần Hoa thì đồng nhi thài Bài 1.

Đến Tuần Tửu thì đồng nhi thài Bài 2.

Đến Tuần Trà thì đồng nhi thài Bài 3.

Ngài Phối Thánh Phạm Văn Màng rất thường giáng cơ.

Năm 1935, Ngài giáng cơ nói chuyện với 20 vị Lễ Sanh Giáo Thiện đầu tiên, có cho bài thi:

THI:

Trường công thấy bạn những xô xao,
Nhớ đến tình xưa bắt nghẹn ngào.
Dặm thảm thương ai đang để bước,
Cõi Thiên ôm dạ chịu riêng đau.

Phò loan:

Hộ Pháp –
Khai Pháp

Báo Ân Từ, đêm 7-11-Mậu Tý (dl 7-12-1948),

PHỐI THÁNH PHẠM VĂN MÀNG

Bạch Sư phụ, con là Màng đây.

Hễ thấy nhau thêm tủi.

Xin chào mấy vị Sư thúc, mấy bạn, mấy em.

- Bạch Sư phụ, khi Sư phụ bị đồ lưu thì con và "*Nhượng*" vẫn gần bên, *Nhượng* và con đã chán thấy điều phản phúc của nhiều người. Nếu chẳng quả Thiên Thơ định trần Thánh thì mấy kẻ ấy đã bị hai con tàn hại. Lễ định là sanh Thánh chớ không phải tử Thánh. Nhưng Thiên Thơ biến chuyển, ngày nay họ vẫn còn ra vào Ngọc Hư Cung đợi án. Tiếc thay cho một kiếp sanh, đã gặp Phật mà không thấy Phật thì Thiên vị lấy đâu mà định đặng?

Các bạn Phạm Môn! Khá để ý cho lắm nghe! Một lời quở cũng đủ sa đọa, đừng gây tội tình mà khổ đa.

Thưa các bạn, Anh "*Linh*" ngày giờ này đã ra thân phận một người phụ nữ, hại nổi lại tái sinh nơi cửa cướp đảng côn đồ, biết có nhớ thân mà tâm đọa.

Thưa cùng Sư Mẫu rằng: Cô "*Bền*" đã an phận nơi Bạch Thiên Cung. Còn mấy bạn kia cũng có phần đoạt vị mà cũng có tái kiếp. Chị "*Yến*" đương hành đạo tại Trung Huê, vì sanh tiền chị đã đại nguyện độ rỗi Đường nhơn. Nói với anh "*Tiểu*" rằng: Con nhỏ đã theo má nó.

Thường thường các bạn tuy không thấy chớ chúng tôi hằng về thăm viếng.

Anh "*Thế*" còn hầu ở Cung Hiệp Thiên Hành Hóa, có mấy mún lỗi làm chẳng chi trọng hệ mà phòng ngại.

Các anh em đã qui liễu thì về chung một chỗ với nhau hết. Mấy anh em đừng lo ngại, chỉ lo TU và theo chơn Sư phụ là đủ. Em nương cơ cho Phối Thánh Thoại. Thăng.

Phối Thánh Bùi Ái Thoại (1909 - 1946):

Ngài Bùi Ái Thoại, tên thật là Bùi Văn Dậu, sanh năm Kỷ Dậu (1909) (1) tại làng Hậu Thành, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho. Nghề nghiệp: thợ vẽ.

Thân phụ là Bùi Văn Hên (Đội Trưởng của Nam triều), thân mẫu là Huỳnh Thị Ngà (có chỗ chép là Nguyễn Thị Ngà).

Ngài Bùi Ái Thoại nhập môn vào Đạo Cao Đài ngày mùng 7-10-Đinh Mão (dl 1-11-1927) tại Hậu Thành, Cái Bè, và cũng từ ngày này, ông hiến thân làm công quả nơi Sở Lương điền Công nghệ Tộc đạo Cái Bè.

Thân phụ của Ngài Bùi Ái Thoại xuất thân từ võ quan của triều đình Huế, người miền Trung, vì sanh kế phải vào Nam lập nghiệp, gặp thân mẫu của Ngài ở Cái Bè, nên nếp sống gia đình chịu ảnh hưởng Nho phong. Ông Bà sanh con đông, nhưng không nuôi được vẹn toàn, chỉ còn nuôi được Bùi Ái Thoại là con độc nhất, nhưng Ông Bà lại mất sớm lúc Ngài Bùi Ái Thoại còn niên thiếu.

(1) Theo lời thuật lại của ông Văn Hiếu Liêm ở Phạm Nghiệp, khi Ngài Bùi Văn Dậu nhập môn cầu đạo thì Ngài đổi tên là Bùi Ái Thoại, (Ái là yêu, Thoại là tiếng nói) ý nghĩa là Ngài yêu tiếng gọi của Hội Thánh nên nhập môn và hiến thân làm công quả cho Hội Thánh. Nhưng Sớ Cầu Đạo của Ngài thì ghi tên là: Bùi Ái Thại, sinh năm 1913 (Quý Sửu).

Hiện ngôi mộ của Ngài tọa lạc tại Nghĩa địa Cục Lạc cũ, bên cạnh Thánh Thất Phận đạo Đệ tứ, và trên mộ bia lại ghi năm sinh của Ngài là 1908 (Mậu Thân).

Tuy còn nhỏ tuổi, nhưng nhờ hấp thụ sự giáo hóa của gia đình nên Ngài Thoại được bà con chòm xóm thương mến, nhất là tánh chất của Ngài rất hiền hòa chơn thật.

Khi Đạo Cao Đài vừa truyền đến quê của Ngài thì Ngài liền nhập môn cầu đạo, rồi làm tờ hiến thân vào sở Lương điền Công nghệ tại Quận đạo Cái Bè. Năm ấy, Ngài được 19 tuổi.

Năm 1933, Ngài Thoại được 25 tuổi, Ngài lập gia đình, vợ của Ngài cũng ở Cái Bè, sanh được một đứa con gái, rồi chẳng may, vợ của Ngài đau bệnh qua đời, để lại gà trống nuôi con. Chẳng bao lâu sau, đứa con gái thân yêu cũng bị bệnh chết. Ngài trở nên bơ vơ một mình, nhưng vẫn đối xử với cha mẹ vợ rất hiếu kính như đối với cha mẹ ruột, hòa mục cùng anh em trong nhà, khiến mọi người đều thương mến, đồng đạo nể vì.

Năm Ất Hợi (1935), có lệnh của Hội Thánh mộ công quả lên Tây Ninh xây cất Tòa Thánh, Ngài liền xin phép cha mẹ vợ để đi lên Tây Ninh hiến thân làm công quả.

Ngài có tức cảnh làm bài thi:

Xót cảnh cuồng phong chiết cội ngô,
Khách trần sống sót bại cơ đồ.
Hai năm thê phụng người tròn tiết,
Thảm đạm hài nhi xót cụm mồ.
Thệ hải lời vàng cam lổi hẹn,
Than ôi! Ai lỡ nhịp cầu ô.
Thủ trình cùng nghĩa duyên trăm nguyện,
Toan tránh đường ba niệm Nắng-Mô.

Ngài Thoại lên Tây Ninh trình diện Đức Phạm Hộ Pháp, được bổ vào Sở Bò Cạp lập công năm 1936 (Bính Tý).

Đức Phạm Hộ Pháp định khởi công cất Tòa Thánh, nên ra Châu Tri kêu mộ nhơn công của các cơ sở, ai có biệt tài gì thì ra giúp Hội Thánh dựng tạo tác Tổ Đình. Ngài Thoại đến trình diện, và được giao trách nhiệm Tá Lý Sở Đắp Vẽ.

Nhờ được sự chỉ dạy của Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Bùi Ái Thoại trở nên là một nhơn tài trong nghề đắp vẽ, trên được yêu mến tín nhiệm, dưới được em út kính vì.

Công việc tạo tác Tòa Thánh mới được chừng 80 % thì có lệnh nhà cầm quyền Pháp bắt đình chỉ.

Ngày mùng 4-6-Tân Tỵ (dl 28-6-1941) nhà cầm quyền Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Phạm Hộ Pháp, mặc dầu trước đó, Đức Ngài đã bày tỏ lập trường và tôn chỉ của Đạo Cao Đài qua Tờ Phúc Trình gửi quan Chủ trưởng Ủy Ban Điều Tra các thuộc địa ngày 12-12-1937, và khi Thế Chiến thứ hai bùng nổ, Đức Ngài kêu gọi Đạo hữu từng quân giúp vào đội công binh của Pháp. Nghĩa cử xem thù là bạn, lấy ơn đáp oán, trong thế kỷ 20 này, chỉ có hai vị siêu nhân của nhơn loại là Thánh Gandhi ở Ấn Độ và Đức Phạm Hộ Pháp ở VN mà thôi. (ông Gandhi kêu gọi dân Ấn Độ giúp quân đội Anh trong đội Hồng Thập Tự)

Sau khi nhà cầm quyền Pháp bắt Đức Phạm Hộ Pháp và 5 vị Chức sắc cao cấp của Đạo, chúng đe dọa và xua đuổi các Chức sắc, chức việc, và các công quả trong Nội Ô buộc phải trở về nguyên quán.

Ông Tá Lý Bùi Ái Thoại, một dạ trung thành với Đạo, không chịu trở về nguyên quán, mà ở lại tạm trú với anh em trong vùng Thánh địa, chờ ngày yên ổn để trở lại tiếp tục làm công quả nữa.

Ông Bùi Ái Thoại ra hiệp với ông Chí Thiện Lê Văn Gấm tạo lập lò chén thuộc Sở Công nghệ Giang Tân, trước có phương thế lo cho sự sống, sau là dạy nghề cho các công quả hầu đùm bọc nhau trong buổi nền Đạo chính nghiêng.

Ngày 25-Giêng-Ất Dậu (dl 9-3-1945), quân đội Nhật đảo chánh Pháp tại Sài Gòn, Pháp đầu hàng. Quân đội Pháp phải

rút khỏi Tòa Thánh Tây Ninh, Hội Thánh hoạt động trở lại. Ông Bùi Ái Thoại liền vào trình diện với Hội Thánh, xin tái thủ phận sự Tá Lý Sở Đắp Vẽ để tiếp tục tái thiết Tòa Thánh.

Trong thời gian quân Pháp chiếm đóng Nội Ô, chúng dùng Tòa Thánh làm nơi để xe, dùng Báo Ân Từ làm câu lạc bộ, phá phách các dinh thự tan hoang, hư hao nhiều chỗ, nên công việc tái thiết rất vất vả và đòi hỏi nhiều công phu.

Mặc dầu Đức Phạm Hộ Pháp vẫn còn bị đờ lưu nơi Mã đảo, chưa trở về Tổ Đình, nhưng ông Tá Lý Bùi Ái Thoại vẫn nhớ rất kỹ những lời chỉ dạy của Đức Phạm Hộ Pháp, những phát họa của Đức Ngài, nên khi ông Thoại trở lại làm việc thì ông đều làm đúng như lời Đức Phạm Hộ Pháp, không hề sai chạp. Ông hăng say làm việc ngày đêm, đồn đốc và khuyến khích anh em trong sở đem hết khả năng tô điểm lịch xinh ngôi Tổ Đình, là khối Đức tin của toàn đạo, trước trả hiếu Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, sau trọn nghĩa với thầy là Đức Phạm Hộ Pháp, để khởi uổng phí một kiếp sanh may duyên gặp Đạo.

Ông Tá Lý Bùi Ái Thoại, như được Ông Trên bố hóa tâm trí minh mẫn, tay nghề khéo léo, nên ông đắp vẽ tượng cốt các Đấng Giáo Chủ Tam Giáo, Tam Trấn Oai Nghiêm, Đức Chúa Jésus, Đức Khương Thượng, các tượng của Bát Tiên và Thất Thánh trên tấm diềm nơi BQĐ, còn trước mặt tiền Tòa Thánh là tượng Đức Quyền Giáo Tông, Bà Nữ Đầu Sư Hương Thanh, tượng Đức Phật Di-Lạc trên nóc HTĐ, và sau cùng là tượng Tam Thế Phật trên nóc BQĐ.

Qua bàn tay khéo léo của ông Bùi Ái Thoại, hình tượng của các Đấng như sống động, uy nghi, vô cùng đẹp đẽ.

Ông Tá Lý Bùi Ái Thoại có làm bài thi bày tỏ cảm xúc của mình trước cảnh tang thương của cuộc đời:

Hè chí thu sang tiết trở đông,
 Ướm xuân thoát nợ tang bồng.
 Quanh năm ngẫm lại buồn cho phận,
 Chất tuổi càng thêm thẹn với lòng.
 Ông nước trót đời mang khó trả,
 Nợ nhà mẫn kiếp tính chưa xong.
 Ngùi trông trăm họ vùi chung đỉnh,
 Giành giựt giết nhau chẳng tưởng dòng.

Ông Bùi Ái Thoại đem hết tâm trí và sức lực vào công cuộc đắp vẽ các pho tượng và trang trí Tòa Thánh, làm việc ngày đêm, nên cuối cùng ông kiệt sức và lâm bệnh nặng.

Ngày 29-Giêng-Bính Tuất (dl 2-3-1946), ông cỗi xác trần trở về cõi thiêng liêng, sống được 38 tuổi, trong có 19 năm phụng sự cho Đạo. Nhiều người thương tiếc than rằng: Phải chi ông ráng sống thêm mấy tháng nữa thì thấy được ngày Đức Phạm Hộ Pháp hồi loan, để thầy trò sum hiệp vui vầy. (Đức Hộ Pháp được đưa trở về Tòa Thánh ngày 30-8-1946).

Năm Đinh Hợi (1947), Bát Nương giảng cơ cho Hội Thánh biết ông Bùi Ái Thoại đã đắc quả Phối Thánh, và nên ghi vào lịch Đạo ngày mất mà thiết lễ kỷ niệm hằng năm, giống như trường hợp Phối Thánh Phạm Văn Màng, để nêu gương cho hậu thế.

Thật vậy, người ở thế, nếu Tam Lập (Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn) được hoàn toàn, thì dù ở phẩm bậc nào nơi cõi trần, cũng đắc được phẩm vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng. Căn công bình thiêng liêng rất vô tư, hữu công tất đắc.

Trong TNHT, Đức Chí Tôn nhiều lần nói rằng:

"Thầy đến độ rồi các con là thành lập một Trường Công Đức cho các con nên Đạo. Vậy đắc đạo cùng chăng là tại nơi các con muốn cùng chăng muốn."

Ngài Phối Thánh Bùi Ái Thoại thỉnh thoảng có giảng cơ tại Báo Ân Từ, không thường xuyên bằng Ngài Phối Thánh Phạm Văn Màng.

Sau đây là bài giảng cơ của Phối Thánh Bùi Ái Thoại, Ngài Phối Thánh Màng giảng trước, tái cầu thì Ngài Phối Thánh Thoại giảng tiếp theo.

Tái cầu:

PHỐI THÁNH BÙI ÁI THOẠI

- Bạch sự phụ, con là Thoại.

Thưa chào chư vị Sư thúc, Sư huynh.

Hèn lâu, con nhớ Sư phụ lắm, mà không biết làm sao!

Khi Sư phụ bị đày, con rầu buồn quá đỗi, thêm lo lắng Đền Thánh chưa rồi. Làm ngày làm đêm, mang bệnh nan y nên qui liễu.

Nhờ Chí Tôn thương nên ban lệnh Ngọc Hư Cung cho vào hàng Phối Thánh.

Bạch Sư phụ, làm ơn nói với "Năm Sỏi" và "Sáu Út" rằng "Kính" bị án sa đọa Phong Đô, nhưng nhờ công nghiệp tạo tác Tòa Thánh, Đức Chí Tôn ân xá cho chuyển kiếp luân hồi, mà chưa đi, còn đương kiện ông "Chử".

Con gặp "Quân" và "Ngư" lẫn quần nơi Thánh địa đặng đời dịp trả oán theo Ngọc Hư Cung cho phép. Nhưng Phạm Phối Thánh và con khuyên lơn họ, để cho kẻ tội nhờn phụng sự quốc gia, và nghĩ Thánh tâm, oan gia nên giải bất nghi kết, nên họ cũng an lòng, đặng xem hành tàng của kẻ tội nhờn, hoặc tha hoặc trị.

Con mới dắt Anh "Thiết" kiến diện Sư thúc Thượng Phẩm đặng người điều độ.

Con nhớ mấy anh em con quá! Khi thấy thờ phượng con, con đau lòng quá! Sư phụ nói lại giùm, con để lời cảm ơn họ.

Nếu con có phước giáng cơ đặng thường, con có nhiều điều nói với họ.

Con kính lạy Sư phụ, con xin kiếu. Thăng.

BÀI THI HOÀI NIỆM đề nơi mộ của Ngài Phối Thánh Bùi Ái Thoại:

HOÀI NIỆM

Kính bút truyền ghi bậc đức tài,
 Đã dày công buổi Đạo hồng khai.
 Dem thân hiến trọn về cửa Phạm,
 Tạo nghiệp Tam Kỳ tiếng hậu lai.
 Bởi ý thức đời là giả tạm,
 Nên tìm bến Đạo bỏ đờng hai.
 Quả mẫn công viên hồi cựu vị,
 Phối Thánh Thiên phong bậc đức tài.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BQĐ: Bát Quái Đài. **HTĐ:** Hiệp Thiên Đài. **CTĐ:** Cửu Trùng Đài.
CQPT: Cơ Quan Phước Thiện. **ĐĐTKPĐ:** Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

PHỒN

PHỒN

PHỒN: 蕃 Còn đọc Phiên: nhiều, cỏ cây tươi tốt.

Td: Phồn ba, Phồn hoa, Phồn tục.

Phồn ba - Phồn hoa

蕃葩 - 蕃華

A: The nosy and gaudy urban area.

P: La cité animée et fastueuse.

Phồn: Còn đọc Phiên: nhiều, cỏ cây tươi tốt. **Ba:** bông hoa của cây, đẹp đẽ. **Hoa:** **Huê:** tốt, thịnh, náo nhiệt.

Phồn ba, đồng nghĩa Phồn hoa, (còn nói là Phiên hoa) là chỉ nơi thành thị náo nhiệt, mua bán đông đúc, xe cộ dập dìu. Đó là trường đua chen danh lợi.

Đức Chí Tôn, lúc còn tá danh A Ẵ Ầ, có dạy về chữ Phồn hoa theo phương diện tôn giáo:

"Phồn nghĩa là trong vòng, Hoa nghĩa là sắc dục. Phồn hoa là trong vòng sắc dục. Giấc phồn hoa là giấc phàm."

TNHT: Mơ màng chưa khỏi lụy *phồn hoa*.

KHH: Tiếng *phồn ba* hết thoảng bên tai.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KHH: Kinh Hạ Huyệt.

Phồn tục

蕃俗

Phồn: Còn đọc Phiên: nhiều, cỏ cây tươi tốt. **Tục:** thấp kém, chỉ cõi trần, cõi phàm tục.

Phồn tục là cảnh phồn hoa nơi cõi trần.

TNHT: *Phồn tục* theo hoài quên trở gót.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

PHU

PHU

1. **PHU:** 夫 Người chồng, người đàn ông trọng tuổi đáng kính, người đàn ông làm việc nặng.
Td: Phu phụ, Phu tử, Phu quý phụ vinh.
2. **PHU:** 敷 Đầy đủ, bày ra.
Td: Phu diễn, Phu phí.

Phu diễn

敷衍

A: To develop.

P: Développer.

Phu: Đầy đủ, bày ra. **Diễn:** giảng rộng ra.

Phu diễn là bày cho rộng ra, chỉ sự phô trương ra bề ngoài mà không có thực chất bên trong.

Phu - Phu phí

敷

Phu: Đầy đủ, bày ra. **Phi:** đầy đủ, no đủ.

Phu là đủ. Cho phu là cho đủ. Bất phu là không đủ.

Phu phí là đầy đủ, không thiếu thốn.

GTK: Ai ai bèn chí mà tu,
Phước đem đổi tội cho *phu* để gì.

Thánh Ngôn Sư Tập: Vì vậy, Lão phong thêm Chức sắc Hội Thánh cho *phu phí* việc làm.

GTK: Giới Tâm Kinh.

Phu quý phụ vinh

夫貴婦榮

Phu: Người chồng, người đàn ông trọng tuổi đáng kính, người đàn ông làm việc nặng. **Phụ:** vợ. **Quý:** sang trọng. **Vinh:** vẻ vang.

Phu quý phụ vinh là chồng làm quan, vợ được vinh hiển.

Phu tử

夫子

A: Master.

P: Maître.

Phu: Người chồng, người đàn ông trọng tuổi đáng kính, người đàn ông làm việc nặng. **Tử:** thầy. Phu tử có 2 nghĩa sau đây:

1.- *Phu tử là tiếng học trò gọi thầy với lòng tôn kính.*

Các nhà nho gọi Đức Khổng Tử là Phu Tử hay Khổng Phu Tử. Ở VN người ta gọi Nguyễn Thiếp là La Sơn Phu Tử.

2.- *Phu Tử là một phẩm Chức sắc cao cấp nhất của Ban Thế Đạo.* Phu Tử có phẩm bực dưới Đầu Sư, trên Chánh Phối Sư. (Xem chi tiết nơi chữ: Ban Thế Đạo, văn B)

Phu xướng phụ tùy

夫唱婦隨

A: The husband begins, the wife follows.

P: Le mari commence, la femme suit.

Phu: Người chồng, người đàn ông trọng tuổi đáng kính, người đàn ông làm việc nặng. **Xướng:** cất tiếng hô lên. **Phụ:** vợ. **Tùy:** theo.

Phu xướng phụ tùy là chồng xướng vợ theo, chồng đề ra, vợ sẵn sàng hỗ trợ theo. Ý nói: Vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc.

PHÙ

PHÙ

1. **PHÙ:** 浮 Nổi trên mặt nước, nổi lên, hư không.
Td: Phù ba, Phù sanh, Phù vân.
2. **PHÙ:** 符 Hợp nhau, bùa phép, cái thẻ làm tin.
Td: Phù chú, Phù hạp.
3. **PHÙ:** 扶 thường đọc là PHỒ, Xem: Phò.

Phù ba

浮波

A: Floating wave: Unstable.

P: Vague flottante: Instable.

Phù: Nổi trên mặt nước, nổi lên, hư không. **Ba:** làn sóng.

Phù ba là làn sóng nổi, chỉ sự không bền vững, mau đổi thay, như làn sóng trên mặt nước.

KTT: Cảnh *phù ba* may rủi cũng duyên.

KTT: Kinh Tắm Thánh.

Phù chú

符咒

A: Incantation.

P: Incantation.

Phù: Hợp nhau, bùa phép, cái thẻ làm tin. **Chú:** câu thần chú.

Phù chú là bùa phép và thần chú của thầy pháp.

Phù du

蜉蝣

A: Ephemera.

P: Éphémère.

Phù du là loại côn trùng nhỏ, sanh ra từ nước, có cánh bay được, ban ngày bay gần mặt nước, ban đêm khi thấy ánh đèn thì bay đến vòng quanh bóng đèn một lát rồi chết.

Phù du là chỉ kiếp sống ngắn ngủi, chỉ kéo dài trong một thời gian ngắn rồi chết.

Phù đồ

浮屠

A: Buddhist tower. P: Tour bouddhique.

Phù đồ: do phiên âm từ tiếng Phạn: Stûpa, nghĩa là tháp Phật, tháp thờ Phật hoặc tháp thờ xá lợi của Phật.

Dầu xây chín đọt phù đồ,
Sao bằng làm phước cứu cho một người. (Kiều)

Phù hợp

符合

A: To be in accord.

P: Concorder.

Phù: Hợp nhau, bùa phép, cái thẻ làm tin. **Hạp:** **Hợp:** hợp lại.

Thuở xưa, người ta viết chữ lên cái thẻ tre, rồi chẻ hai thẻ tre, mỗi người cầm một nửa để làm bằng, sau đó đem ráp hai thẻ tre lại thì phải y như cũ.

Phù hợp hay Phù hợp là vừa vặn với nhau.

CG PCT: Biết đâu Tân Luật ngày nay Thầy đã đến dạy chúng ta lập thành, trong thời gian tới nữa đây, nó sẽ phải thay đổi cho *phù hợp* với nhơn trí đạo đời tương đắc.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Phù hoa

浮華

A: Pompous.

P: Pompeux.

Phù: Nổi trên mặt nước, nổi lên, hư không. **Hoa:** tốt, thịnh, đẹp mắt.

Phù hoa là màu mè bề ngoài mà ở trong không thực.

Phù phiếm

浮泛

A: Unreal. P: Irréel.

Phù: Nổi trên mặt nước, nổi lên, hư không. **Phiếm:** không thiết thực.

Phù phiếm là không thiết thực.

Phù sanh

浮生

A: The ephemeral life.

P: La vie éphémère.

Phù: Nổi trên mặt nước, nổi lên, hư không. **Sanh:** sống, kiếp sống.

Phù sanh là kiếp sống nổi, ý nói đời sống ngắn ngủi.

Sách Nho có câu: *Kỳ sanh nhược phù hê, tử nhược hưu:* Sống thì chịu cảnh trôi nổi, chết được nghỉ ngơi.

Phù sinh nhược mộng: Kiếp sống ngắn ngủi như giấc chiêm bao.

TNHT: Kiếp *phù sanh* không mấy chốc, đời mộng ảo chẳng là bao.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phù trầm

浮沈

A: To float and sink.

P: Flotter et sombrer

Phù: Nổi trên mặt nước, nổi lên, hư không. **Trầm:** chìm.

Phù trầm là chìm nổi, lên xuống, thịnh suy.

Phù vân

浮雲

A: Floating clouds.

P: Nuages flottants.

Phù: Nổi trên mặt nước, nổi lên, hư không. **Vân:** mây. Phù vân là đám mây nổi.

Phù vân là chỉ việc gì chóng tụt mau tan như đám mây.

Phú quý như phù vân: Sự giàu sang như đám mây nổi.

Sách Luận Ngữ: *Bất nghĩa nhi phú thả quý, ư ngã như phù vân.* Nghĩa là: Làm việc bất nghĩa mà được giàu sang, đối với ta như đám mây nổi.

PHÚ

PHÚ

1. **PHÚ:** 富 Giàu, đầy đủ.
Td: Phú hữu, Phú túc.
2. **PHÚ:** 賦 Trừu ban cho.
Td: Phú bẩm.

Phú bẩm

賦稟

A: Innate.

P: Inné.

Phú: Trừu ban cho. **Bẩm:** Trừu ban cho.

Phú bẩm là Trừu ban cho.

Cái tài do Trừu phú bẩm cho gọi là Thiên tài.

Cái bổn thiện đều có nơi mỗi người là do Trừu phú bẩm.

Phú bần

富貧

A: The riches and the poverty.

P: La richesse et la pauvreté.

Phú: Giàu, đầy đủ. **Bần:** nghèo.

Phú bần là giàu nghèo.

Phú bần là hai hoàn cảnh sống trái ngược nhau trong xã hội: Kẻ thì giàu có dư ăn dư để, kẻ thì nghèo khó thiếu thốn mọi thứ. Cái giàu nghèo này là do cái Nghiệp của mỗi người tạo ra từ kiếp trước. Cho nên, người nghèo chớ oán Trời trách người, mà phải ráng lo làm phước đức để giải Nghiệp xấu.

KSH: Người làm phước có khi mắc nạn,
Kẻ lẳng lơanặng mạng giàu sang.
Ấy là nợ trước còn mang,
Duyên kia chưa dứt còn đang thưởng đền.

Sách Nho:

*Bần cư náo thị vô nhơn vấn,
Phú tại thâm sơn hữu khách tầm.*

Nghĩa là:

Người nghèo ở nơi chợ búa náo nhiệt, không ai thăm,
Người giàu ở nơi núi sâu cũng có khách đến tìm.

Đó là thói đời. Nghèo thì bị coi thường, không ai đến thăm;
giàu thì có kẻ tìm đến đặng nhờ cậy.

TNHT: Đùng quá so đo việc *phú bần*,
Bần hàn trong sạch mới nên thân.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KSH: Kinh Sám Hối.

Phú bất nhân, bần bất nghĩa

富不仁貧不義

Phú: Giàu, đầy đủ. **Bất nhân:** không có lòng thương người mền vật. **Bất nghĩa:** không xử sự đúng theo đạo lý.

Phú bất nhân: Giàu thì không có nhân đức.

Bần bất nghĩa: Nghèo thì không có lễ nghĩa.

Thành ngữ trên nói về hạng người tiểu nhân, thiếu đạo đức: Họ xây dựng sự giàu có trên sự bất nhân. (Vi phú bất nhân); còn nếu họ nghèo hèn thì họ xử sự không lễ nghĩa.

Phú hữu tứ hải

富有四海

A: Extremely wealthy.

P: Extrêmement riche.

Phú: Giàu, đầy đủ. **Hữu:** có. **Tứ hải:** bốn biển.

Phú hữu tứ hải là giàu có bốn biển.

Ý nói: Sự giàu có tột bậc, có đủ các thứ của cải quý báu trong khắp năm châu bốn biển. Đó là sự giàu có của các vị hoàng đế của các đế quốc thời xưa.

TĐ ĐPHP: Âu Châu buổi nọ, có thể nói Ngài (vua Louis 14 của nước Pháp) là một vị bá chủ của thiên hạ, không có gì mà ông ta không có, *phú hữu tứ hải*, sang trọng vô biên.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Phú quý

富貴

A: Riches and honours.

P: Richesse et honneur.

Phú: Giàu, đầy đủ. **Quý:** sang, địa vị cao.

Phú quý là giàu sang.

TNHT: *Phú quý* lớn là giành với giặc,
Lợi danh cao bởi mượn và xin.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phú quý sanh lễ nghĩa

富貴生禮義

Phú: Giàu, đầy đủ. **Lễ nghĩa:** cách xử sự đúng theo phép tắc.

Phú quý sanh lễ nghĩa là người giàu sang thường bày biện ra lễ nghi phép tắc rườm rà để phô trương sự giàu sang của mình, và tỏ ra là người học thức đạo đức.

Phú thứ

富庶

A: Rich and populous.

P: Riche et populeux.

Phú: Giàu, đầy đủ. **Thứ:** đông đúc.

Phú thứ là giàu có và đông đúc dân chúng.

Phú túc

富足

A: Rich.

P: Riche.

Phú: Giàu, đầy đủ. **Túc:** đủ, đầy đủ.

Phú túc là giàu có và đầy đủ về vật chất.

KSH: Người *phú túc* vun nền âm chất.

KSH: Kinh Sâm Hối.

PHỦ

Phủ chính

斧政

A: To correct.

P: Corriger.

Phủ: cái rìu. **Chính:** sửa cho đúng.

Phủ chính là dùng rìu mà đẽo gọt sửa chữa cho đúng.

Đây là lời khiêm tốn khi nhờ người khác sửa chữa văn của mình.

Phủ dụ

撫誘

A: To exhort.

P: Exhorter.

Phủ: vỗ về an ủi. **Dụ:** vỗ về dạy bảo.

Phủ dụ là vỗ về, an ủi và dạy bảo đối với kẻ dưới quyền.

Phủ phước

A: To grant a happiness.

P: Accorder un bonheur.

Phủ: (nôm) bao trùm xuống. **Phước:** điều tốt lành.

Phủ phước là bao phủ xuống bằng những phước lành.

Ý nói: ban xuống nhiều phước lành.

KKĐCR: Trên hồng quang phủ phước tiêu diêu.

KKĐCR: Kinh Khi Đã Chết Rồi.

Phủ quyết

否決

A: To vote against.

P: Voter contre.

Phủ: không, chẳng. **Quyết:** xét định.

Phủ quyết là biểu quyết phản đối, quyết định không thuận.

Phủ từ

府祠

A: House of worship.

P: Maison de culte.

Phủ: dinh thự. **Từ:** nhà thờ tổ tiên.

Phủ từ là nhà thờ tổ tiên của một dòng họ.

Lê phủ từ là nhà thờ tổ tiên của dòng họ Lê.

Lời phê của Đức Phạm Hộ Pháp:

"Mấy em trong cửa Phạm Môn là tông tộc của Phật, tức là tông tộc thiêng liêng. Qua tạo làm kiêu mẫu cho mấy em tạo tông tộc phạm trần, nghĩa là gồm chung bá tánh chung hiệp mỗi họ, hầu lo bảo trọng đạo đức và sanh sống cùng nhau, ấy là quyền sở hữu của mấy em về phần đời, không liên can gì đến Đạo, phòng định luật pháp.

Phải lo tạo Tổ đường của mỗi họ, rồi tình nguyện bắt thăm, đặt định trật tự lớn nhỏ của các gia đình.

Tổ Đình là hương hỏa của Chí Tôn, gắng sức làm cho thành tựu đặng nương nhau mà sống và duy trì kiếng họ."

Ngày 14-9-Mậu Tý (dl 16-10-1948)

HỌ PHÁP (ấn ký)

Nơi Châu Thành Thánh Địa, những người cùng một họ, họp nhau lại, chung góp để mua một khoảnh đất, cất lên một Phủ từ để làm nhà thờ Tổ Tiên của dòng họ mình.

Do đó, có nhiều Phủ từ: Lê Phủ từ, Phạm Phủ từ, Bùi Phủ từ, Huỳnh Phủ từ, Võ Phủ từ, Hồ Phủ từ, Phan Phủ từ,....

Phủ việt

斧鉞

A: Heavy punishment.

P: Punition sévère.

Phủ: cái rìu. **Việt:** cái búa.

Phủ việt là rìu búa, chỉ hình phạt rất nặng.

PHỤ

PHỤ

1. **PHỤ:** 父 Cha.

Td: Phụ âm, Phụ giáo, Phụ tử.

2. **PHỤ:** 婦 Vợ, đàn bà.

Td: Phụ đức, Phụ nhân.

3. **PHỤ:** 負 Đối xử tệ bạc.
Td: Phụ vong.
4. **PHỤ:** 附 Thêm vào, gởi cho.
Td: Phụ chú.

Phụ âm

父蔭

A: Inheritance.

P: Héritage.

Phụ: Cha. **Âm:** tài sản của cha để lại cho con.

Phụ âm là tài sản của cha để lại cho con thừa hưởng.

Phụ bạc

負薄

A: Ingrateful.

P: Ingrat.

Phụ: Đối xử tệ bạc. **Bạc:** mỏng, bạc bẽo.

Phụ bạc là phụ ân và bạc tình.

Phụ bất ngôn tử chi ác

父不言子之惡

Phụ: Cha. **Bất ngôn:** không nói. **Tử:** con. **Ác:** xấu, ác. **Tử chi ác:** cái xấu của con.

Ông Thái Công có nói rằng:

Phụ bất ngôn tử chi ác, Tử bất ngôn phụ chi quá.

Nghĩa là: Cha không nói cái xấu của con, con không nói cái lỗi của cha.

Phụ chú

附註

A: To annotate.

P: Annoter.

Phụ: Thêm vào, gởi cho. **Chú:** chú giải, giải thích.

Phụ chú là giải thích thêm, chú giải thêm.

Phụ đức

婦德

A: The feminine virtue.

P: La vertu féminine.

Phụ: Vợ, đàn bà. **Đức:** đức hạnh.

Phụ đức là đức hạnh của phụ nữ, đức hạnh của đàn bà.

Người phụ nữ cần phải có 4 đức tốt gọi là Tứ Đức, gồm: Công, Dung, Ngôn, Hạnh. (Xem: **Tứ đức, văn T**)

Phụ giáo - Phụ huấn

父教 - 父訓

A: The teaching of father.

P: L'enseignement du père.

Phụ: Cha. **Giáo:** dạy. **Huấn:** dạy bảo.

Phụ giáo, đồng nghĩa Phụ huấn, là sự dạy bảo của người cha đối với con cái trong gia đình.

TĐ ĐPHP: Bản đạo văn quả quyết rằng cái *phụ giáo* và mẫu giáo đó không mất.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Phụ lục

附錄

A: Appendix.

P: Appendice.

Phụ: Thêm vào, gởi cho. **Lục:** ghi chép, sổ sách.

Phụ lục là phần chép thêm vào phía sau quyển sách để làm sáng tỏ thêm nội dung chánh của quyển sách.

Phụ nhân nan hóa

婦人難化

A: The women are difficult to educate.

P: Les femmes sont difficiles à éduquer.

Phụ: Vợ, đàn bà. **Nhân:** người. **Nan:** khó. **Hóa:** giáo hóa.

Phụ nhân nan hóa là đàn bà khó dạy, cũng có nghĩa là: đàn bà khó làm cho họ thay đổi.

NTTP: Con đừng thấy *phụ nhân nan hóa*,
Cầm hồn hoa vầy vẽ thân hoa.

NTTP: Nữ Trung Tòng Phận.

Phụ tá

輔佐

A: To assist.

P: Assister.

Phụ: giúp đỡ. **Tá:** giúp.

Phụ tá là giúp đỡ.

Người phụ tá là người có phận sự giúp đỡ vị trưởng cơ quan những công việc về phần chuyên môn.

Phụ trái tử hoàn

父債子還

A: The son must pay the debts of his father.

P: Le fils doit payer les dettes de son père.

Phụ: Cha. **Trái:** món nợ. **Tử:** con. **Hoàn:** trả.

Phụ trái tử hoàn là nợ của cha thì con phải trả.

Phụ tử từ hiếu

父慈子孝

A: The kind father makes the filial sons.

P: Le bon père produit les fils pieux.

Phụ: Cha. **Tử:** hiền lành. **Tử:** con. **Hiếu:** hiếu thảo.
Phụ tử tử hiếu là cha hiền thì con thảo.

Phụ vong

負忘

A: Ungrateful.

P: Ingrat.

Phụ: Đối xử tệ bạc. **Vong:** quên.

Phụ vong là phụ nghĩa vong ân, đối xử tệ bạc, quên hết ơn nghĩa.

KSH: Tai qua rồi lại dạ đành *phụ vong*.

KSH: Kinh Sám Hối.

PHÚC

PHÚC

1. **PHÚC:** 覆 Trả lời, xét kỹ, đối trá tráo trở, đổ.
 Td: Phúc khảo, Phúc thẩm.
2. **PHÚC:** 福 thường đọc là PHƯỚC, xem: **Phước**.

Phúc âm

福音

A: Evangel.

P: Évangile.

Phúc: thường đọc là PHƯỚC: Điều may mắn tốt lành.

Âm: tiếng, tin tức.

Phúc âm là tin tức tốt lành. Đó là tin mừng.

Sách Phúc Âm là cuốn sách trong bộ kinh điển của Thiên Chúa Giáo, cũng gọi là Kinh Thánh Tân Ước nói về Tin Mừng tốt lành (Tin lành) là việc Chúa Cứu Thế Jésus Christ giáng

trần giảng đạo và chịu chết trên Thánh giá để chuộc tội cho loài người, giải thoát con người khỏi tội lỗi, và đem con người trở về với Thiên Chúa.

Sách Phúc Âm (tức là Kinh Thánh Tân Ước) chép lại cuộc đời của Đức Chúa Jêsus từ lúc mới sanh cho đến lúc trưởng thành, truyền đạo, chết và phục sinh trở lại; những hành vi, ngôn ngữ, giáo điều, giáo huấn, v.v... của Chúa và các môn đệ đầu tiên của Chúa. Gọi là Tân Ước là vì Chúa Jêsus xuất hiện để lập Tờ Giao Ước mới giữa Thiên Chúa và nhơn loại, bổ túc cho Tờ Giao Ước cũ (Cựu Ước) thiết lập giữa Thiên Chúa và Moïse trong Do Thái Giáo.

Phúc khảo

覆考

A: To reexamine.

P: Examiner de nouveau.

Phúc: Trả lời, xét kỹ, đối trá trá trở, đổ. **Khảo:** thi chọn lấy người giỏi.

Phúc khảo là chấm lại những bài thi trong kỳ thi hương mà các quan sơ khảo đã chấm rồi.

Phúc sự

覆事

A: To make a report.

P: Faire un rapport.

Phúc: Trả lời, xét kỹ, đối trá trá trở, đổ. **Sự:** việc.

Phúc sự là báo cáo công việc đạo cho cấp trên biết trong địa phận của mình diễn tiến như thế nào.

ĐLMD: Mỗi kỳ hạn 6 tháng, chư Đầu Tỉnh Đạo phải *phúc sự* về cho Ngọc Chánh Phối Sự biết rõ cả hành động của mỗi vị Chức sắc trong phần tỉnh của mình.

"Viết *Phúc sự* dâng lên Hội Thánh hay là Chức sắc cấp trên của mình thì nên hiểu ba vị Chánh Phối Sự: Thái, Thượng, Ngọc, chường quản Cửu Viện, quyền hành phân

biệt, những vấn đề phức sự thuộc về trách nhiệm của Chánh Phối Sự phái nào thì ta dâng lên ngay cho vị ấy, tường trình gọn gàng và cho rõ từng việc, không nên nói bao la mà làm cho bề trên bận trí và mất ngày giờ quý báu của Hội Thánh.

Nếu có việc cần yếu thì ta nên viết Phúc sự, nói đặc biệt một câu chuyện mà thôi. Như vậy, bề trên mới giải quyết mau lẹ, và tiện việc đặt để vào hồ sơ, chẳng nên viết ba bốn chuyện gồm vào trong một tờ phúc, hay là việc của phái Thái để chung với phái Thượng, phái Ngọc, thì bất tiện cho sở hành." (Trích tài liệu Hạnh Đường, Khóa Lễ Sanh)

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Phúc thẩm

覆審

A: To revise a judgment.

P: Reviser un jugement.

Phúc: Trả lời, xét kỹ, đối trá trá trở, đổ. **Thẩm:** khảo xét kỹ càng, xử đoán thưa kiện.

Phúc thẩm là xét lại những vụ án do tòa án dưới đưa lên.

Phúc thủy nan thu

覆水難收

Phúc: Trả lời, xét kỹ, đối trá trá trở, đổ. **Thủy:** nước. **Nan:** khó. **Thu:** thu.

Phúc thủy nan thu là đổ nước khó hốt lại được.

Ý nói: Làm việc sai lầm, hối hận không được nữa.

(Xem điển tích: Châu Mãi Thần, văn Ch)

Phúc trình

覆呈

A: A report.

P: Un rapport.

Phúc: Trả lời, xét kỹ, đối trá trá trở, đổ. **Trình:** bày tỏ cho cấp trên rõ.

Phúc trình là báo cáo cho cấp trên rõ về đạo sự trong địa phương trách nhiệm của mình.

Có nhiều kỳ phúc trình trong một năm:

- **Phúc trình Nguyệt đê:** Tờ phúc trình cuối mỗi tháng.
- **Phúc trình Lục nguyệt kỳ:** Tờ phúc cuối kỳ 6 tháng.
- **Phúc trình Chung niên:** Tờ phúc trình hết năm.

PHỤC

PHỤC

1. **PHỤC:** 復 Trở lại, báo đáp.
Td: Phục chức, Phục hồi, Phục sinh.
2. **PHỤC:** 服 - Quần áo. - Quần áo tang. - chịu theo - chịu thuộc quyền. - Quen. - Uống.
Td: Phục mạng, Phục dục, Phục vọng.

Phục chức

復職

A: To restore s.o. to his position.

P: Être réintégré dans sa fonction.

Phục: Trở lại, báo đáp. **Chức:** chức vụ.

Phục chức là trở lại chức vụ cũ.

Một Chức sắc bị ngưng chức vì làm lỗi, nay được phục chức trở lại.

Phục cổ

復古

A: To return to the past.

P: Revenir au passé.

Phục: Trở lại, báo đáp. **Cổ:** xưa.

Phục cổ là trở lại như đời xưa.

TNHT: Thầy lập Phật giáo vừa khi khai Thiên lập Địa, nên Phật giáo là trước, kế Tiên giáo, rồi mới tới Nho giáo. Nay là Hạ nguơn hầu mẫn, phải *phục lại như buổi đầu*, nên phải phần tiền vi hậu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phục dược

服藥

A: To take the medicaments.

P: Prendre des médicaments.

Phục: Uống. **Dược:** thuốc.

Phục dược là uống thuốc.

Phục hồi

復回

A: To restore.

P: Rétablir.

Phục: Trở lại, báo đáp. **Hồi:** trở về.

Phục hồi là trở lại tình trạng cũ, trở về nguồn gốc.

KTL: Xác đất sanh đến lịnh *phục hồi*.

KTL: Kinh Tẩn Liệm.

Phục hưng

復興

A: To revivify.

P: Restaurer.

Phục: Trở lại, báo đáp. **Hưng:** thanh vượng.

Phục hưng là làm cho hưng thịnh trở lại.

Phục mạng

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Phục mạng

服命

A: To obey orders.

P: Se soumettre aux ordres.

Phục: chịu theo - chịu thuộc quyền. **Mạng:** mệnh lệnh của cấp trên.

Phục mạng là phục tùng mệnh lệnh của cấp trên, không được phép cãi lại.

CG PCT: Cả Chức sắc CTĐ và HTĐ phải *phục mạng*, dầu cho Giáo Tông và Hộ Pháp cũng phải vậy.

* Trường hợp 2: Phục mạng

復命

A: To report on execution of order.

P: Rendre compte de l'exécution d'un ordre.

Phục: Trở lại, báo đáp. **Mạng:** mệnh lệnh của cấp trên.

Phục mạng là vâng lệnh cấp trên đi làm việc xong rồi, trở về báo cáo lại.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Phục quốc

復國

A: To reconquer one's country.

P: Reconquérir son pays.

Phục: Trở lại, báo đáp. **Quốc:** nước, quốc gia.

Phục quốc là dựng nước trở lại sau khi đã bị mất nước.

TĐ ĐPHP: Ngày nay, Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài thì dân Do Thái *phục quốc* lại.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phục quyền

復權

A: To recover one's rights.

P: Rentrer dans ses droits.

Phục: Trở lại, báo đáp. **Quyền:** quyền hành.

Phục quyền là nắm giữ quyền hành trở lại.

Phục sinh

復生

A: Resurrection.

P: Résurrection.

Phục: Trở lại, báo đáp. **Sinh:** sống.

Phục sinh là sống trở lại.

KĐ8C: *Phục sinh* đào hạnh rượu hồng thưởng ban.

KĐ8C: Kinh Đệ Bát cửu.

Phục sự

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Phục sự

復事

A: To give an account of one's mission.

P: Rendre compte de sa mission.

Phục: Trở lại, báo đáp. **Sự:** việc.

Phục sự là trở về báo cáo công việc.

TNHT: Sự thác chưởng qua là sự mong mỏi của kẻ hành trình đã xong trách nhiệm, trở về *phục sự* dâng lãnh phần thưởng xứng đáng mà thôi.

* Trường hợp 2: Phục sự

服事

A: To serve.

P: Servir.

Phục: chịu theo - chịu thuộc quyền. **Sự:** việc.

Phục sự là chịu thuộc quyền sai khiến để làm việc.

ĐLMD: Những vị đã phạm tội mất phẩm vị thiêng liêng của mình, phải có luật ân xá của Quyền Vạn Linh và Quyền Chí Tôn mới đăng,..., khi những vị ấy biết ăn năn, lập nên công nghiệp phi thường, toàn công chúng hoan nghinh và Tòa Đạo minh tra đủ lẽ, thì đăng phép *phục sự* với một vị Chức sắc Thiên phong nào của kẻ phạm lựa chọn, hầu phục quyền đái công chuộc tội, thì mới đăng cầu xin phục chức.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Phục thiện

服善

A: To listen to the reason.

P: Se rendre à la raison.

Phục: chịu theo. **Thiện:** điều lành.

Phục thiện là chịu nghe theo điều lành.

TNHT: Con đến đây với tấm lòng thành thật để làm việc phải cho giống dân biết *phục thiện*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phục vị

復位

A: To restore to his position.

P: Être réintégré dans sa position.

Phục: Trở lại, báo đáp. **Vị:** địa vị, ngôi vị.

Phục vị là trở lại ngôi trên ngôi vị của mình.

PMCK: Trùng huân *phục vị* Thiên môn.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Phục vọng Vô Trung Từ Phụ

服望無中慈父

A: We serve and wait for the Merciful Father in Nothingness.

P: Nous servons et attendons le Père Miséricordieux dans le Néant.

Phục: chịu theo. **Vọng:** mong mỏi. **Vô:** không, chỉ cõi Hư Vô. **Trung:** trong. **Từ Phụ:** tức là Đại Từ Phụ, Đấng Cha chung của toàn thể vạn linh. Đó là Đức Chí Tôn.

Phục vọng Vô trung Từ Phụ: chúng con chịu nghe theo và mong mỏi Đại Từ Phụ trong cõi Hư Vô. (Sớ văn)

PHÚNG

Phúng điếu

贈弔

A: To make a visit of condolence with offering gifts.

P: Faire une visite de condoléance avec offrandes.

Phúng: đem tiền bạc hay phẩm vật tới cúng người chết.

Điếu: viếng thăm và hỏi han gia đình người chết.

Phúng điếu là đem tiền bạc hay phẩm vật (nhang, đèn, bánh, trái, trâng hoa, vãng, liễn,...) đến cúng tế người chết để tỏ lòng thương tiếc và thăm hỏi, chia buồn với tang quyến.

Tân Luật của Đạo Cao Đài buộc phải làm toàn chay trong đáng tang, nên không được đem đồ mặn (heo quay, gà quay, thịt luộc,...) tới cúng tế người chết.

PHỤNG

PHỤNG

1. **PHỤNG:** 鳳 Con chim phụng (phượng), một loài trong Tứ linh.
Td: Phụng gáy, Phụng lãnh.
2. **PHỤNG:** 奉 Vâng theo, thờ phụng, dâng hiến.
Td: Phụng dưỡng, Phụng hành.

Phụng dưỡng

奉養

A: To take care of one's parents.

P: Entretenir avec soin ses parents.

Phụng: Vâng theo, thờ phụng, dâng hiến. **Dưỡng:** nuôi nấng.

Phụng dưỡng là hầu hạ và nuôi nấng cha mẹ.

Phụng gáy non Nam

A: The phoenix crows at the southern mountain.

P: Le phénix chante au mont sud.

Phụng: Con chim phụng (phượng), một loài trong Tứ linh.
Gáy: cất tiếng hót. **Non Nam:** ngọn núi phía Nam, chỉ nước Việt Nam.

Thành ngữ này lấy ý nghĩa theo điển tích: Phụng minh Kỳ sơn (Phụng gáy non Kỳ), chỉ điềm lành, có Thánh nhân ra đời, lập đời Thánh đức. (Xem: Non Kỳ reo tiếng phụng, văn N)

Phụng gáy non Nam là ý nói điềm lành cho biết nước Việt Nam có Thánh nhân ra đời, lập đời Thánh đức.

TNHT: *Phụng gáy non Nam* Đạo trở mòi,
Trở mòi nhân vật bốn phương trời.

Trời Âu biển Á chờ thay sắc,
Sắc trắng mây lành phủ khắp nơi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phụng hành

奉行

A: To execute the orders of a supérieur.

P: Exécuter les ordres d' un supérieur.

Phụng: Vâng theo, thờ phụng, dâng hiến. **Hành:** làm, thi hành.

Phụng hành là vâng lệnh thi hành.

Tín thọ phụng hành là tin theo, thọ lãnh giáo pháp mà mình đã nghe, và vâng lệnh thi hành.

KCK: Tín thọ *phụng hành* tức thuyết, chơn ngôn viết....

KCK: Kinh Cứu Khổ.

Phụng hoàng vu phi

鳳凰于飛

Phụng: Con chim phụng (phượng), một loài trong Tứ linh.
Hoàng: con chim phượng mái, Phụng là con chim phượng trống. **Phụng hoàng** là chỉ một cặp vợ chồng. **Vu:** đi, trợ ngữ.
Phi: bay.

Phụng hoàng vu phi là đôi chim phụng cùng bay với nhau.

Ý nói: Đôi vợ chồng hòa hợp.

Phụng lãnh

鳳嶺

A: Phoenix on mountain.

P: Phénix sur le mont.

Phụng: Con chim phụng (phượng), một loài trong Tứ linh.
Lãnh: đỉnh núi.

Phụng lãnh là con chim phụng đậu trên đỉnh núi.

Ý nói: Điềm lành báo cho biết có Thánh nhân ra đời. (lấy theo điển tích: Phụng gáy Kỳ sơn).

NG: Linh ư *phụng lãnh*, chí như ý từ.

NG: Nho Giáo, Kinh Nho Giáo.

Phụng liễn

鳳輦

A: The imperial carriage.

P: La voiture impériale.

Phụng: Con chim phụng (phượng), một loài trong Tứ linh.

Liễn: chiếc xe dành cho vua đi.

Phụng liễn là chiếc xe có gắn hình con chim phụng ở phía trước, dành riêng cho Nữ Vương hay Hoàng Hậu đi.

Nơi cõi thiêng liêng, *Phụng liễn* là chiếc xe Tiên để đưa các chơn hồn siêu thăng lên cõi TLHS.

PMCK: Siêu thăng *phụng liễn* qui khai.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Phụng mệnh

奉命

A: To obey an order.

P: Obéir à un ordre.

Phụng: Vâng theo, thờ phụng, dâng hiến. **Mệnh:** lệnh của cấp trên.

Phụng mệnh là vâng lệnh cấp trên.

Phụng minh triều dương

鳳鳴朝陽

Phụng: Con chim phụng (phượng), một loài trong Tứ linh.

Minh: hót. **Triều:** châu. **Dương:** mặt trời.

Phụng minh triều dương là con chim phụng hót châu mặt Trời. Ý nói: điềm lành hiếm có.

Phụng sự

奉事

A: To serve.

P: Servir.

Phụng: Vâng theo, thờ phụng, dâng hiến. **Sự:** việc.

Phụng sự là phục vụ hết lòng cho người trên, hay cho một mục đích cao cả tốt đẹp.

Phụng sự vạn linh: Phụng sự tất cả chơn linh trong CKVT, tức là phụng sự chúng sanh, vì vạn linh đều kiếp xuống cõi trần thành chúng sanh.

Phụng sự chúng sanh theo nghĩa hẹp là phụng sự nhơn sanh. Phụng sự nhơn sanh là mục tiêu quan trọng nhất của Đạo Cao Đài về mặt thể pháp.

TĐ ĐPHP: Bây giờ Đức Chí Tôn *phụng sự vạn linh* toàn cả trong CKVT, Ngài dùng cái gì? Ngài dùng phương pháp lấy vạn linh phụng sự vạn linh.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Phụng Thiên thừa vận

奉天承運

Phụng: Vâng theo, thờ phụng, dâng hiến. **Thiên:** Trời.
Thừa: vâng theo. **Vận:** vận số.

Phụng Thiên thừa vận là vâng theo mệnh Trời và vâng theo thời vận.

Đây là bốn chữ khởi đầu trong tờ chiếu của vua nhà Thanh bên Tàu. Các vua của nước ta, khi ra chiếu thường dùng bốn chữ: **Thừa Thiên hưng vận.**

Phụng thừa

奉承

A: To comply to.

P: Obtempérer.

Phụng: Vâng theo, thờ phụng, dâng hiến. **Thừa:** vâng theo.

Phụng thừa là vâng theo.

Phụng tự

奉祀

A: To worship the ancestors.

P: Adorer les ancêtres.

Phụng: Vâng theo, thờ phụng, dâng hiến. **Tự:** thờ cúng.

Phụng tự là thờ cúng tổ tiên.

TĐ ĐPHP: Từ lập quốc đến giờ, trong phong hóa nhà Nam không thấy lúc nào sơ thất sự *phụng tự*.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

PHƯỚC (PHÚC)

PHƯỚC

PHƯỚC: 福 Điều may mắn tốt lành.

Td: Phước địa, Phước huệ.

Phước bất khả hưởng tận

福不可享盡

Phước: Điều may mắn tốt lành. **Bất khả:** không nên. **Tận:** hết.

Phước bất khả hưởng tận là phước chẳng nên hưởng hết.

Ông Trương Vô Tận có nói rằng:

Sự bất khả sử tận, thế bất khả ỷ tận,

Ngôn bất khả đạo tận, phước bất khả hưởng tận.

Hữu phước mạc hưởng tận, phước tận thân bản cùng,

Hữu thế mạc sử tận, thế tận oan tương phùng.

Phước hệ thường tự tích, thế hệ thường tự cung,

Nhân sinh kiêu dữ xỉ, hữu thủy đa vô chung.

Nghĩa là:

Việc không nên dùng hết, thế không nên dựa hết,
Lời không nên nói hết, phước không nên hưởng hết.
Có phước đừng hưởng hết, phước hết thân nghèo khổ,
Có thế đừng dựa hết, thế hết thì gặp oan nghiệt.
Mình có phúc thì thường tự tiếc, có thế thường tự nhún,
Người kiêu căng và xa xỉ thì có thủy mà phần nhiều không
có chung.

Phước bất trùng lai

福不重來

A: The happiness never comes twice over.

P: Le bonheur ne vient jamais à deux.

Phước: Điều may mắn tốt lành. **Bất:** không. **Trùng:** nhiều lần. **Lai:** tới.

Phước bất trùng lai là điều phước không tới nhiều lần.

Câu nho thường nói: *Phước bất trùng lai, Họa vô đơn chí.*
Nghĩa là: Điều phước không tới nhiều lần, điều họa không tới một lần. (Phước thì ít tới mà Họa thì gặp hoài).

Thành ngữ này thường dùng để an ủi những người có số phận bạc bẽo, tai họa cứ đến dồn dập.

Phước duyên

福緣

Phước: Điều may mắn tốt lành. **Duyên:** sức hỗ trợ cho cái nhân thành quả.

Phước duyên là cái phước có được do việc làm lành báo đáp lại, tức là cái phước do duyên lành từ kiếp trước tạo ra.

KSH: Làm lành đặng hưởng *phước duyên*.

BKNKSH: Đương sanh hạnh hưởng *phước duyên*.

KSH: Kinh Sám Hối.

BKNKSH: Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối.

Phước địa

福地

A: The land of happiness.

P: La terre de bonheur.

Phước: Điều may mắn tốt lành. **Địa:** đất.

Phước địa là đất phước, đất lành, chỉ cõi Thần Tiên.

Trong dân gian, nơi nào sống sung sướng, an lành vui vẻ, khí hậu tốt đẹp thì cũng gọi là phước địa.

KCS: Nơi *phước địa* ở yên tu luyện.

Phật giáo gọi cảnh chùa, nơi tu hành là phước địa, là cõi phước, vì nơi đây sanh ra phước đức.

KCS: Kinh Cầu Siêu.

Phước điền

福田

A: The field of happiness.

P: La rizière de bonheur.

Phước: Điều may mắn tốt lành. **Điền:** ruộng.

Phước điền là ruộng phước, ruộng sanh ra phước đức.

Như nhà nông gieo hạt lúa giống xuống ruộng tốt thì sẽ thu hoạch được nhiều lúa thóc. Do đó, Phật giáo xem những người xuất gia, tu hành giữ giới trong sạch, là phước điền đối với chúng sanh, vì chúng sanh đem những thứ đồ vật đến cúng dường cho các vị này thì chúng sanh được nhiều phước lớn.

Phước hạnh

福幸

A: The good luck.

P: La bonne chance.

Phước: Điều may mắn tốt lành. **Hạnh:** may mắn.

Phước hạnh là may mắn tốt lành.

TNHT: Há chẳng phải là một điều *phước hạnh* lớn lao hơn mọi sự sao?

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phước hậu

福厚

A: Great happiness.

P: Grand bonheur.

Phước: Điều may mắn tốt lành. **Hậu:** dày dặn, trái với Bạc là mỏng.

Phước hậu là phước đức dày dặn.

TNHT: *Phước hậu* Trời ban để cháu con.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phước Huệ song tu

福慧雙修

Phước: Điều may mắn tốt lành. **Huệ:** trí huệ, sự sáng suốt thông hiểu đạo lý. **Song:** hai cái song song với nhau. **Tu:** tu hành.

Phước huệ song tu là việc tu phước và việc tu huệ phải thực hành song song với nhau.

1. Tu phước: là làm những việc phước thiện, giúp đời giúp người, phụng sự nhơn sanh. Đó là việc phổ độ nhơn sanh, đem nhơn sanh vào đường đạo đức.

Tu phước chính là làm công quả, với tinh thần cứu khổ ban vui, cầu sự giải thoát chứ không phải để cầu phước báo. Mục đích của công quả là giải nợ tiền khiên, mở vòng oan trái, để khi linh hồn thoát xác thì không còn bị nợ nần kéo níu, oan nghiệt buộc ràng, linh hồn thanh thoi nhẹ nhàng bay trở về cõi thiêng liêng.

2. Tu huệ: là tinh tấn công phu, hành pháp tịnh luyện khai mở Thiên môn, bằng pháp môn Giới, Định, Huệ của Phật giáo, hay luyện Tam bửu Tinh Khí Thần hiệp nhứt của Tiên giáo, để

cho trí huệ hoá khai, và chơn thân có thể xuất ra khỏi thể xác tùy ý, giao tiếp được với các Đấng thiêng liêng.

Tu phước và tu huệ phải đi liền với nhau để cùng một lượt đạt đến mục đích. Nếu tu Phước mà thiếu phần tu Huệ thì linh hồn cũng chưa thể giải thoát được vì thiếu phần sáng suốt; còn nếu tu được Huệ mà thiếu Phước thì vẫn chưa thể giải thoát được vì thiếu phần công quả, và phải trở lại cõi trần, dùng cái sáng suốt có được giúp nhơn sanh tiến hóa cho đến khi công quả viên mãn thì mới được giải thoát, đạt được ngôi vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng.

Đạo Cao Đài mở ra đầy đủ pháp môn tu phước và tu huệ, tức là đầy đủ Thể pháp và Bí pháp.

Thể pháp là để tu phước, lập công quả nơi CTĐ, HTĐ hay Cơ Quan Phước Thiện.

Bí pháp là để tu Huệ, luyện đạo trong Tịnh Thất, luyện Tam bửu Tinh Khí Thần hiệp nhưt, đạt được trí huệ, và chơn thân có thể xuất khỏi thể xác, giao tiếp các Đấng thiêng liêng.

Nhưng trong thời kỳ đầu tiên Khai Đạo, Đức Chí Tôn đại khai ân xá, miễn cho nhơn sanh phần tu Huệ, nghĩa là trong thời kỳ Đại ân xá này, nhơn sanh chỉ cần tu phước, lập được nhiều công quả thì Đức Chí Tôn cho đắc đạo.

TNHT: "Trong các con, có nhiều đứa làm tưởng, hể vào Đạo thì phải phé hết nhơn sự, nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng có một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u nhàn mà ẩn thân luyện đạo.

Thầy nói cho các con biết, nếu công quả chưa đủ, nhơn sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đầu mà mong. Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều *phổ độ chúng sanh* mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm *âm chất*, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao." (TNHT. I. 102)

"Vi vậy mà Thầy hằng nói cùng các con rằng: một *trường thi công quả*, các con muốn đến đặng nơi Cực Lạc thì phải đi tạt cửa này mà thôi." (TNHT. I.34)

"Ấy vậy, Đại Đạo Tam Kỳ chẳng khác chi một *trường thi công quả*. Nếu biết ăn năn trở bước lại nơi đường sáng sửa,

giỏi tâm, trau đức đặng đến hội diện cùng Thầy thì mới đạt đặng địa vị thanh cao trong buổi chung qui đó." (TNHT. II.13)

Tóm lại, trong thời kỳ tận cùng của đời Hạ nguơn, Đức Chí Tôn nhận thấy con cái của Ngài không còn đủ ngày giờ để Phước Huệ song tu, tức là vừa lo tu phước (công quả) vừa lo tu huệ (luyện đạo), nên Đức Chí Tôn đại khai ân xá cho toàn cả nhơn loại, chỉ cần tu phước, tức là lập công quả cho trọn vẹn thì đủ đắc đạo trong một kiếp sanh này.

Do đó, dầu ai tu Huệ (luyện đạo) đạt được trí huệ đi nữa mà thiếu công quả thì vẫn không thể đoạt thủ địa vị thiêng liêng, mà phải tái kiếp xuống trần lập cho đủ công quả thì e lúc đó trễ hội Long Hoa chẳng?

TNHT: "Người dưới thế này, muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật, muốn cho đắc đạo phải có công quả."

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Phước - Lộc - Thọ

福 - 祿 - 壽

A: Happiness - Wealth - Longevity.

P: Bonheur - Richesse - Longévité.

Phước - Lộc - Thọ là ba vị Thiên Quân tượng trưng:

- *Phước tượng trưng sự hạnh phúc, con cháu đông đảo.*
- *Lộc tượng trưng sự giàu có và có quan tước.*
- *Thọ tượng trưng sự sống lâu và an nhàn.*

Thờ Phước Lộc Thọ là thờ Cửu Huyền Thất Tổ chung của mọi người, tức là thờ Ông Bà chung.

Sự tích của Tam vị Thiên Quân Phước Lộc Thọ như sau:

Phước Lộc Thọ là tên của ba ông: ông Phước, ông Lộc, ông Thọ, vào đời nhà Đường bên Tàu.

- Ông PHƯỚC có đức Trời ban, có con đông, nhưng nhà nghèo, lòng dạ chơn thật, tự lực cánh sinh, không chịu nhờ vả

ai, tin tưởng vận mạng của mỗi người do Trời định, nên giữ lòng thanh bạch, không tham vọng.

- Ông LỘC có đức Đất cho, làm quan lớn tại triều đình, nhà giàu có lớn, tiền của đầy đầy, có kẻ hầu người hạ, tánh tình hòa nhã, thanh liêm, một lòng vì nước vì dân, giàu lòng nghĩa hiệp, hay trợ khó giúp nghèo, mến hiền trọng đạo.

- Ông THỌ có đức do Người tạo, độc thân, sống lâu hơn mọi người, có lòng nghĩa hiệp, hay giúp đỡ người nghèo khổ, chỉ sống bằng nghề ăn trộm, một năm chỉ ăn trộm một lần để nuôi thân suốt năm, không ham lấy thêm, gặp người quá nghèo khổ thì đi ăn trộm của nhà giàu, đem tiền đến cứu giúp.

Sự tích ba ông Phước, Lộc, Thọ được Đức Phạm Hộ Pháp giảng giải trong đêm giao tòa nhà mới vừa xây cất xong vào năm 1947 dành cho Hiệp Thiên Đài làm Văn phòng của chư vị Thời Quân Hiệp Thiên Đài, có đông đảo Chức sắc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài tham dự.

"Ba ông Phước, Lộc, Thọ cùng ở một thôn.

Hoàn cảnh của ba ông khá đặc biệt:

- Ông Phước thì nghèo khổ mà đông con.

- Ông Lộc thì làm quan, giàu có mà không con.

- Ông Thọ thì có nghề sở trường là ăn trộm, đi làm việc một đêm đủ tiền chi dụng một năm, ngoài ra chẳng làm gì khác.

Một hôm, ông Thọ khởi sự hành nghề ăn trộm, đang đêm đi ngang qua nhà ông Phước, thấy đèn còn thấp leo lét, ghé vào đứng bên ngoài xem, nghe vợ của Phước than thở nghèo khổ, con cái quần áo tả tơi. Ông Thọ thấy vậy cảm động đem lòng thương xót thâm, nghĩ rằng: đêm nay, mình đi ăn trộm chuyến này để giúp Anh Phước đỡ nghèo, có tiền mua gạo ăn và sắm quần áo cho đàn con đông đảo.

Nghĩ vậy rồi liền thực hành, đi đến nhà ông Lộc, rình cho đến khuya, đợi tới giờ trong nhà ngủ say, mới đánh gạch vào nhà, mở tủ lấy trộm được một số vàng bạc khá nhiều, bọc vào một cái khăn, rút lui êm tịnh, không ai trong nhà hay biết.

Ông Thọ liền đi ngay đến nhà Anh Phước, trời vẫn còn khuya, kêu Anh Phước dậy mở cửa, đốt đèn lên. Phước hỏi ông Thọ, nửa đêm kêu cửa có việc chi cần gấp?

Ông Thọ nói:

- Tôi đem giúp Anh một gói vàng bạc đây để Anh chi dụng trong nhà, mua gạo và sắm quần áo cho sắp nhỏ.

Ông Phước hỏi:

- Vàng bạc ở đâu mà Anh có nhiều như vậy?

Ông Thọ đáp:

- Cửa tôi đem đến giúp Anh thì Anh cứ nhận mà dùng, hơi nào hỏi lòng vòng lôi thôi.

Ông Phước nói:

- Xin Anh cho biết rõ của này do đâu mà có thì tôi mới dám nhận sự giúp đỡ của Anh, chớ tôi thấy Anh đâu có giàu gì!

Ông Thọ túng thế phải nói thiệt:

- Số vàng bạc này do tôi lấy trộm của nhà giàu để đem lại giúp Anh cho đỡ nghèo.

Ông Phước nói:

- Tưởng đâu Anh làm ăn khá giả, dư tiền dư bạc mà giúp tôi, nào dè Anh đi ăn trộm, thì vàng bạc này là của phi nghĩa, là của gian, tôi không dám nhận đâu, Anh hãy đem về đi.

Hai đảng nói qua nói lại một hồi, ông Phước nhứt định không nhận và có vẻ giận, rồi mời Anh Thọ ra khỏi nhà, đóng cửa đi ngủ trở lại.

Ông Thọ lấy làm lạ cho Anh Phước này, nhà nghèo rớt mồng tơi, đói nheo nhóc mà lại không chịu nhận vàng bạc bất nghĩa. Mình chẳng lẽ lấy số vàng bạc này về xài thì tỏ ra kém hơn Anh ta nhiều quá, nên quyết liều đem lại trả cho ông Lộc.

Ông Thọ suy nghĩ như thế, liền trở lại nhà ông Lộc, kêu mở cửa, rồi vào nhà nói rõ cho ông Lộc biết:

- Hồi đêm hôm, tôi có lén đào ngạch vào nhà ông ăn trộm một số vàng bạc để đem lại giúp cho Anh Phước, vì thấy Anh Phước nhà quá nghèo mà lại đông con, nhưng Anh Phước nhứt định không chịu nhận vì cho rằng của này là của ăn trộm,

của phi nghĩa, nên tôi chẳng biết làm sao, đành liều đem lại trả cho ông, xin ông đừng bắt tội.

Ông Lộc nói:

- Tiền bạc ở trong tủ nhà của tôi thì nó mới là của tôi, nay nó đã ở trong tay ông thì nó là của ông, không phải của tôi nữa. Ông hãy mang về đi, tôi không biết tới nó nữa. Ông Thọ nài nỉ: - Tôi nói thiệt với ông là số vàng bạc này là của ông, ông không tin thì vào mở tủ ra xem lại đi, tôi mới lấy trộm ra đó. Xin ông tha tội cho tôi và cất nó trở lại vào tủ.

Ông Lộc nhứt định không chịu nhận và mời ông Thọ ra khỏi nhà. Ông Thọ đành phải ôm gói vàng bạc đi ra, trở về nhà, lòng nặng trĩu ưu tư, thầm nghĩ hai thằng cha Phước và Lộc là hai tay thật kỳ cục, phi thường khác tục. Ông suy nghĩ mãi và cảm thấy lương tâm ray rứt, kể trời hừng sáng. Ông quyết định là mình cũng không xài số vàng bạc này làm gì, mất giá trị lắm, chẳng lẽ mình thua Anh Phước sao, thôi mình nên đem đổ xuống sông cho rảnh.

Ông Thọ liền đem tất cả số vàng bạc ấy đến đứng giữa cầu, đổ trút xuống dòng sông nước đang chảy mạnh. Đúng lúc đó, có một đám người cờ bạc vừa tan sòng đi ra đến đầu cầu nhìn thấy, họ la hoăng lên vì động lòng tham, liền nhảy xuống sông để lặn mò lấy vàng bạc. Chẳng may nước chảy xiết quá, có một người ham lặn, hụt hơi chết đuối.

Linh hồn chàng cờ bạc bị Quỷ sứ dẫn xuống Địa ngục phạt tội, liền tố cáo với Diêm Vương là tại ông Thọ nên anh ta mới bị chết chìm một cách oan uổng và đòi Diêm Vương bắt ông Thọ đền mạng.

Diêm Vương liền kêu Quỷ sứ lên bắt hồn của ông Thọ dẫn xuống. Diêm Vương hỏi ông Thọ:

- Tại sao nhà ngươi làm cho tên này chết đuối oan mạng như thế?

Hồn ông Thọ đáp:

- Tâu Diêm Vương, tại tên này quá tham lam thấy tôi đổ vàng bạc xuống sông nên lặn mò quyết lấy, chẳng may bị hụt hơi chết đuối thì đáng kiếp lắm, chớ tôi đâu có xô nó xuống sông mà bắt tội tôi.

- Vàng bạc ở đâu? Mà tại sao người đổ xuống sông?
- Vàng bạc này là của tôi, tôi không dùng thì tôi đổ xuống sông, ấy là quyền của tôi, tên này quá tham lam nên chết ráng chịu.

Diêm Vương lại phán:

- Mặc dầu là tiền bạc của người, nhưng lúc sắp đổ xuống sông, người phải lựa lúc vắng người, không ai nhìn thấy mà khêu gợi lòng tham của kẻ xấu. Vậy người chẳng chối tội ặng.

- Nếu Diêm Vương xét như vậy thì tội này là của Anh Phước mới đáng, chớ không phải tội của tôi, bởi vì số vàng bạc này, tôi đem cho Anh Phước giúp ảnh đỡ nghèo, mà Anh Phước không chịu lấy, nên tôi tức mình đem đổ xuống sông như thế.

Diêm Vương lại sai Quỷ sứ lên bắt hồn của ông Phước xuống đây đối chất. Diêm Vương hỏi ông Phước:

- Số vàng bạc của Thọ đem đến giúp cho nhà người, sao nhà người không chịu lấy, để nó tức giận đem đổ xuống sông, làm cho tên cờ bạc này nổi lòng tham, lặn mò đến chết đuối? Vậy nhà người phải đền mạng cho tên cờ bạc này.

Ông Phước biện bạch thưa rằng:

- Bẩm Diêm Vương, nhà tôi nghèo thật, nhưng vàng bạc của Anh Thọ giúp tôi là của gian, của ăn trộm, nên tôi nhứt định không nhận. Vậy tôi có tội gì?

Diêm Vương quay qua quở ông Thọ, Thọ liền thưa:

- Nếu như Anh Phước vô tội thì tội này phải là của ông Lộc, bởi vì số vàng bạc này là của ông Lộc do tôi lén lấy trộm đem về giúp Anh Phước, nhưng Anh Phước cho là của gian nên không nhận, tôi đành đem trả lại ông Lộc và xin tha tội ăn trộm của tôi. Ông Lộc rất kỳ cục, không chịu chấp thủ, đuổi tôi ra khỏi nhà, nên tôi tức giận đem đổ xuống sông. Vậy tội này là của ông Lộc.

Diêm Vương lại cho Quỷ sứ đi bắt hồn của ông Lộc xuống tra hỏi.

Ông Lộc biện bạch rằng:

- Số vàng bạc này của tôi bị mất đã đành, nhưng ông Thọ đã lấy đem ra khỏi nhà tôi mà tôi không hay biết, thế là của đó không còn là của tôi nữa, nên dầu cho ông Thọ có năn nỉ trả lại, tôi nhất định không chịu nhận. Kể ra của đó cũng bất nghĩa, tôi đành chịu ngu dại chớ không nhận lại của đó. Nhận lại hay không là quyền chọn lựa của tôi, tôi đâu có phạm tội gì.

Diêm Vương thẩm án, xét thấy ba ông Phước, Lộc, Thọ đều là người có nghĩa khí. Phước và Lộc đều trong sạch. Thọ có tội ăn trộm nhưng biết giác ngộ và làm việc phải, giúp người nghèo khó. Vậy cả ba người này đều vô tội, chỉ có tên cờ bạc gian tham lặn mò cho đến đổi chết đuối là đáng kiếp, không thể khiêu nại gì được nữa.

Diêm Vương phán rồi, liền sai Quỷ sứ dẫn hồn tên cờ bạc chết oan đem giam vào Địa ngục hành hình và truyền đưa ba hồn Phước, Lộc, Thọ trở về dương gian nhập xác.

Khi ba hồn về tới dương gian thì ba xác của ba ông đã được thân nhân mai táng, sinh thúi hư hỏng hết rồi, vì vụ thừa kiện này lòng vòng mất nhiều ngày giờ. Do đó, ba chơn hồn được đưa trở lại Địa phủ.

Diêm Vương làm tờ số trình bày tỉ mỉ sự việc, dâng lên Thiên Tào phán định. Thượng Đế xem xong, phán rằng:

- Phước nghèo, đông con, giữ được lòng thanh bạch. Thọ thì độc thân, không tham, có nghĩa, nhân từ.

Lộc thì có lòng độ lượng.

Cho nên, Phước Lộc Thọ là ba tánh đức của Trời, Đất, Người. Người mà có được ba đức ấy để hưởng là một phúc hạnh lớn. Nay phong cho ba vị làm Tam Thiên Quân, và truyền cho thế gian tôn thờ ba Đấng Thiên Quân này để làm gương.

Đạo Nho lấy sự tích Phước Lộc Thọ này làm biểu tượng thờ Cửu Huyền Thất Tổ, thế sánh Tổ Phụ Ông Bà thuở xưa cũng đã từng hưởng được ba đức ấy."

Đức Phạm Hộ Pháp cho lập tại Hậu Điện Báo Ân Từ và nơi Khách Đình, thờ ba chữ PHƯỚC LỘC THỌ bằng chữ Nho đại tự, để làm Bàn thờ Ông Bà chung.

Trong truyện Tây Du Ký có chép chuyện Tôn Hành Giả đi ra đảo Bồng Lai gặp ba ông Phước, Lộc, Thọ, gọi là Thọ Tinh, Phước Tinh, Lộc Tinh. Chuyện ấy tóm tắt như sau:

"Sau khi Tôn Hành Giả nổi giận quật ngã cây Nhơn Sâm của Trấn Nguyên Đại Tiên ở Ngũ Trang Quán núi Vạn Thọ, bị Trấn Nguyên dùng phép bắt hết bốn thầy trò Tam Tạng để bắt đền cây Nhơn Sâm. Tôn Hành Giả hứa đi tìm thuốc cứu cây Nhơn Sâm ấy cho sống lại, hẹn trong ba ngày trở lại, để Tam Tạng, Trư Bát Giới cùng với Sa Tăng ở lại làm tin.

Tôn Hành Giả thót lên mây, cân đầu vùn thẳng đến Đông Dương Đại Hải, tới nơi, Hành Giả đi thẳng đến đảo Bồng Lai, thấy ngoài cửa động Bạch Vân, dưới bóng tùng, có ba ông già đang ngồi đánh cờ. Người ngồi xem là Thọ Tinh, còn hai người đang đánh cờ là Lộc Tinh và Phước Tinh. Hành Giả bước tới chào hỏi:

- Kính chào ba Ông Em.

Ba người bỏ ván cờ, đồng hỏi:

- Đại Thánh có việc chi tới đây?

- Chẳng giấu gì các Ngài, Lão Tôn nhận bảo hộ Đường tăng đi Tây phương thỉnh kinh, giữa đường gặp một chút trở ngại, có tí việc muốn nhờ đến các Ngài giúp đây.

Phước Tinh hỏi:

- Trở ngại gì, Đại Thánh nói ra để chúng tôi còn liệu.

- Trở ngại ở Ngũ Trang Quán, núi Vạn Thọ.

Ba vị Phước, Lộc, Thọ kinh ngạc hỏi:

- Quán Ngũ Trang là Cung Tiên của Trấn Nguyên Đại Tiên. Đại Thánh vào đây ăn trộm nhơn sâm của ông ấy chớ gì?

- Ăn trộm thì đáng là bao, Lão Tôn đã quật nó ngã chổng gọng chết rồi. Lão ấy bắt đền. Ta hứa đi tìm thuốc chữa cho cây Nhơn sâm ấy sống lại. Nó bắt thầy ta ở lại làm tin, hẹn trong ba ngày phải có thuốc. Ba Ngài có phương thuốc nào chữa cho cây Nhơn sâm ấy sống lại không?

Ba ông Phước, Lộc, Thọ buồn rầu đáp:

- Con khỉ này chẳng biết gì hết. Trấn Nguyên Đại Tiên là Ông Tổ của dòng Địa Tiên. Chúng tôi đây thuộc dòng Thần

Tiên, nhưng vẫn thuộc Thái Ất tán số, chưa phải là dòng chân truyền, nên thoát khỏi tay người ta làm sao được. Tưởng như Đại Thánh giết chết loài thú chạy chim bay thì dùng viên đơn lúa mạch của chúng tôi đây là có thể cứu sống được. Đàng này cây Nhơn sâm là giống cây Tiên, thì cứu làm sao được. Không có thuốc đâu!

Tôn Hành Giả nghe nói không có thuốc thì châu mày trợn mắt. Phước Tinh nói:

- Đại Thánh ạ! Ở đây chúng tôi không có thuốc thật mà. Biết đâu nơi khác có thì sao, hơi đâu mà buồn phiền.

- Dù đi khắp chơn trời góc biển, việc đó có khó gì đối với Lão Tôn, ngật sư phụ của Lão Tôn phép nghiêm lượng hẹp, hạn cho có ba ngày. Quá hạn ba ngày không về thì ổng niệm chú Cẩn Cô khổ lắm.

- Đúng! Đúng! Không có phép ấy để trói buộc Đại Thánh thì Đại Thánh lại chọc trời mắt!

Thọ Tinh nói:

- Đại Thánh yên tâm, chớ phiền não. Vị Đại Tiên ấy, tuy là bậc trên của chúng tôi, nhưng cũng là chỗ quen biết. Để ba chúng tôi đến đó thăm Ngài và nói giùm cho Đại Thánh, bảo Đường Tăng đừng đọc chú Cẩn Cô, đợi khi nào Đại Thánh mang thuốc về, chúng tôi mới từ biệt. Đại Thánh an lòng lo đi tìm thuốc.

- Cám ơn ba Ngài. Lão Tôn xin ba Ngài đi ngay cho."

(Sau đó Hành Giả đến cầu được Đức Quan Âm Bồ Tát, Bồ Tát đến dùng nước Cam lồ trong Tịnh bình, cứu sống được cây Nhơn sâm. Trấn Nguyên Đại Tiên mới vui lòng để cho bốn thầy trò Đường Tăng lên đường thỉnh kinh).

Phước phần

福分

A: Happy lot.

P: Sort heureux.

Phước: Điều may mắn tốt lành. **Phần:** số phận của mỗi người.

Phước phần là số phận hưởng được điều phước lành.

Phước Thần (Phúc Thần)

福神

A: Good Genius. P: Bon Génie.

Phước: Điều may mắn tốt lành. **Thần:** vị Thần.

Phước Thần (Phúc Thần) là vị Thần ban phước. Đó cũng là Thiên Thần.

Trái với Phước Thần là Hung Thần, Ác Thần.

Phước Thiện - Cơ Quan Phước Thiện

Quá trình thành lập CQPT

1. Tiền thân của CQPT là Phạm Môn
2. Cơ Quan Phước Thiện: (Nối tiếp Phạm Môn)
3. Đạo Luật năm Mậu Dần (1938) nhìn nhận CQPT
4. Tổ chức Cơ Quan Phước Thiện
 - Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp khi Khai mạc Đại Hội Phước Thiện ngày 30-8-Tân Mão (dl 30-9-1951)
 - Thánh giáo của Thất Nương về Phước Thiện
 - Hai đời liên của Cơ Quan Phước Thiện
 - Phần kết

福善 - 機關福善

A: The charity - Body of Charity.

P: La charité - Corps de Charité.

Phước: Điều may mắn tốt lành. **Thiện:** lành. **Cơ:** máy. **Quan:** then cửa.

Phước thiện (PT) là làm những điều lành, làm những điều may mắn tốt đẹp cho mọi người.

Cơ Quan Phước Thiện (CQPT) là một tổ chức của Đạo Cao Đài, có nhiệm vụ làm những việc phước và những việc thiện để giúp ích những người đang bị khổ đau trong cuộc sống.

"Phước Thiện là cơ quan bảo tồn sanh chúng trên đường sanh hoạt nuôi sống thi hài, tức là cơ quan giải khổ cho chúng

sanh, tâm phương bảo bọc những kẻ tật nguyên, cô độc, dốt nát, ít oi, hoặc giúp tay cho bên Hành Chánh thi hành luật pháp cho đặng dễ dàng trọn vẹn."

"Chơn truyền của PT là thay thế cho Chí Tôn và Phật Mẫu thực hành cơ cứu khổ bằng phương pháp là: Làm cha những kẻ không cha, làm mẹ những kẻ không mẹ, làm anh những kẻ không anh, làm bạn những kẻ thiếu bạn, làm chồng làm vợ những kẻ không vợ không chồng, trong sự thương yêu cao quý và trong sự giúp đỡ chơn thành.

Có vậy mới có thể thực hành cơ quan cứu khổ của Đức Chí Tôn để nơi mặt thế này." (Trích Thánh giáo của Đức Cao Thượng Phẩm tại Qui Thiện Đường ngày 26-10-Canh Dần 1950)

"Phương pháp ấy rất đơn giản và cũng rất dễ làm, nếu ai có thiện tâm thương yêu hơn loại, dầu cho kẻ yếu hay tật nguyên cũng có thể làm được, đừng nói chi kẻ trí thức là phải thực hành chương trình xã hội thuần túy này.

Phải cho cơm những kẻ thiếu cơm, cho thuốc những kẻ bệnh thiếu thuốc, cho hàn những kẻ không hàn chôn, chở che những kẻ bị đàn áp bất công, binh vực những kẻ bị chúng hiếp, an ủi những kẻ buồn rầu, khuyến khích những kẻ toan thối bước, độ những kẻ khổ tâm, lau nước mắt những kẻ cô độc đang khóc trước mặt mình.

Tóm lại là phải tự hiến mình thân làm con tế vật cho Đức Chí Tôn để làm tôi đòi cho con cái của Người sử dụng, trong việc đem hạnh phúc đến cho họ, để thực hành trọn vẹn cơ quan giải khổ của Đại Từ Phụ." (Trích Thánh giáo của Bát Nương tại Qui Thiện Đường ngày 26-10-Canh Dần 1950).

Quá trình thành lập CQPT

1. Tiền thân của CQPT là Phạm Môn:

(Yêu cầu độc giả xem lại chữ: Phạm Môn, phần PHẠM MÔN SỬ LƯỢC HỒI KÝ của ông Đạo Nhơn Nguyễn Đức Hòa, phần đầu nói về Phạm Môn, phần sau nói về Phước Thiện. Nay xin chép tiếp Hồi Ký này, phần Cơ Quan Phước Thiện).

2. Cơ Quan Phước Thiện: (Nối tiếp Phạm Môn)

"Phước Thiện chịu trách nhiệm gồm luôn cả về hành lý cho Chức sắc các địa phương về Quan, Hôn, Tang, Tế, dầu cho Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu Hành Chánh hay PT thì PT cũng phải đài thọ tất cả. Hơn nữa, về Chức sắc hay bổn đạo có bệnh hoạn tổn phí về thuốc men thì PT phải hoàn toàn chịu hết. Vì thế nên từ đó tại tỉnh thành Tây Ninh có thầy chín Khai (Đỗ Bá Khai) là đông y sĩ nổi tiếng giỏi nhứt nên đa số bệnh nhân đều uống thuốc nơi đây. Lúc trước, phần Chức sắc và công thợ có bệnh, hết thuốc tại đây, đều do ông Thủ bổn Giáo Thiện Nguyễn Văn Gia trả tiền, đến sau thấy bận rộn quá mất thời giờ, nên ông Thủ bổn nói với thầy chín Khai rằng: "Hễ những người trong Tòa Thánh ra hết thuốc mà có thơ giới thiệu của tôi thì thầy biểu mấy em ghi sổ để đó, cứ cuối tháng tôi ra tính tiền trả mọt lần."

Về việc tạo tác Tòa Thánh và cả mọi việc về đạo sự mãi tiến như vậy cho đến năm Mậu Dần (1938), có cuộc Đại Hội Nhơn Sanh, PT mới được chính thức khai sanh do Đạo Nghị Định số 48/PT ngày 19-10-Mậu Dần (dl 10-12-1938), tức là Quyền Vạn Linh công nhận. Đạo Nghị Định này do Đức Hộ Pháp và Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch đồng ký tên.

Nguyên văn Đạo Nghị Định như sau:

Văn Phòng
HỘ PHÁP

Số: 48/PT

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
(Thập tam niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

ĐẠO NGHỊ ĐỊNH

Chiếu y Pháp Chánh Truyền ban quyền hành cho Giáo Tông và Hộ Pháp,

Chiếu theo Đạo Nghị Định số 4/60 phân định quyền hành cho CTĐ và HTĐ ngày 4-11-Ất Hợi (dl 29-11-1935),

Nghĩ vì Hội Thánh duy có một mà quyền đạo có bốn phương là: Hành Chánh, Tòa Đạo, Phước Thiện và Phổ Tế.

Nghĩ vì CQPT cốt để mở đường Thánh đức cho toàn sanh chúng có đủ phương thể nhập vào Thánh thể, người ngoại giáo có thể nhờ cửa PT mà hiệp một cùng Hội Thánh, nên:

NGHỊ ĐỊNH:

Điều thứ nhất: Hội Thánh sẽ tuyển chọn trong hàng Chức sắc Thiên phong đủ hạnh đức, đủ công nghiệp đặng chiết ra lo khai hóa, giáo hóa cả CQPT đặng cứu thế độ đời.

Điều thứ nhì: Chức sắc PT chú trọng nhập vào Thập nhị Đẳng cấp thiêng liêng, kể ra dưới đây:

- | | |
|----------------|----------------|
| 1. Minh Đức | 2. Tân Dân |
| 3. Thính Thiện | 4. Hành Thiện |
| 5. Giáo Thiện | 6. Chí Thiện |
| 7. Đạo Nhơn | 8. Chơn Nhơn |
| 9. Hiền Nhơn | 10. Thánh Nhơn |
| 11. Tiên Tử | 12. Phật Tử. |

Điều thứ ba: Những người ngoại giáo hay chư vị đạo nhơn các nền tôn giáo khác, muốn nhập vào cửa Đạo, thì Hội Thánh sẽ do nơi công nghiệp PT của họ mà định vị, tùy theo công nghiệp nhỏ lớn đặng định phẩm từ bực Minh Đức tới Chơn Nhơn mà thôi.

Còn bực Hiền Nhơn đỡ lên thì giúp Hội Thánh giữ gìn chơn pháp, nên các phẩm vị này phải có cơ bút giáng phong mới đặng.

Điều thứ tư: Cả CQPT đều giao cho HTĐ chưởng quản.

Điều thứ năm: Chức sắc PT không có đạo phục riêng, duy đặng Hội Thánh ân tứ Lịnh bài và Sắc Lịnh, kể ra sau này:

- Minh Đức và Tân Dân, duy có lãnh Cấp bằng, mặc áo đạo phục trắng trơn mà thôi, không có dấu hiệu chi ngoại thể.
- Bực Chức sắc Thiên phong hay là Chức việc thì mặc đồ đạo phục của mình, những người ngoại giáo thì phải mặc khăn đen áo dài theo quốc phục.
- Thính Thiện, Hành Thiện và Giáo Thiện thì lãnh Sắc Lịnh phái Ngọc, có Lịnh bài của mỗi phẩm vị ấy gắn giữa dây Sắc Lịnh ngay ngực.

- Chí Thiện, Đạo Nhơn và Chơn Nhơn mang dây Sắc Lịnh phái Thượng, có gắn Lịnh bài mỗi phẩm vị của họ ngay ngực.
- Hiền Nhơn, Thánh Nhơn và Tiên Tử thì mang dây Sắc Lịnh phái Thái, có gắn Lịnh bài mỗi phẩm vị của họ ngay ngực.
- Phẩm Phật Tử thì do nơi cơ bút của Chí Tôn định và mặc sắc phục chi thì tự nơi Người định đoạt.

Điều thứ sáu: Sắc Lịnh và Lịnh bài của PT duy mặc nơi Thánh Thất và Tòa Thánh để chào lễ Đức Chí Tôn mà thôi, không được phép dùng theo đồ thường thế.

Điều thứ bảy: Cả Hội Thánh CTĐ và HTĐ tùy phận sự mình thi hành Đạo Nghị Định này.

Lập tại Tòa Thánh, ngày 19 tháng 10 năm Mậu Dần.
(dl 10-12-1938)

GIÁO TÔNG

(ký tên)

LÝ THÁI BẠCH

HỘ PHÁP

Chưởng quản Nhị Hữu Hình Đài

(ấn ký)

PHẠM CÔNG TẮC

Vâng lịnh ban hành cho toàn Phước Thiện.

KHAI PHÁP HTĐ

Chưởng Quản Phước Thiện

TRẦN DUY NGHĨA

Từ ngày PT được chính thức là một trong bốn cơ quan của nền Chánh Trị Đạo và phân định rõ phẩm tước, hơn nữa Đạo Luật năm Mậu Dần (1938) lại định rõ nhiệm vụ, quyền hạn phân minh thì lại càng tiến triển khả quan hơn trước, nhất là về tạo tác Tổ Đình, phần công thợ hầu hết là người PT, còn về lương thực công thợ dùng hằng ngày là do toàn đạo, các địa phương hợp sức chung lo, nhưng phần lớn là nhờ các Sở Lương điền PT ở các tỉnh miền Tây, có tỉnh đem về Tòa Thánh một năm tới gần hai ngàn gạ lúa, điển hình như tại Sở Lương điền PT Hồng Ngự năm Kỷ Mão (1939) đem về Tòa Thánh tới hai ngàn gạ lúa, khoai lang và bí rợ chở bằng ghe đem về tới bến tạo tác (ngang ngã ba Mít Một đi xuống) rồi xe bò chở về kho lương thực của Tòa Thánh.

Cũng trong năm Kỷ Mão (1939), cơ đạo đang tiến triển thì bỗng nhiên, đùng một cái Chánh quyền Pháp ra lệnh đóng cửa các Thánh Thất và cơ sở PT trong toàn quốc, nhưng những vị Đầu Họ và Đầu Quận PT vẫn len lỏi ở lại lo trách nhiệm của mình để tiếp tục việc kiến thiết Tòa Thánh.

Tới kỳ lễ Hạ nguơn, rằm tháng 10 năm Canh Thìn (1940), các vị Đầu Họ và Đầu Quận PT về Tòa Thánh châu lễ Đức Chí Tôn, sáng ngày 16, Đức thầy kêu hết qua Hộ Pháp Đường, rồi Đức thầy dạy anh em đến thưa cho Ngài Khai Pháp Chưởng quản PT hay là: Thầy tôi dạy đến thưa cho Sư Thúc hay rằng thầy tôi không cho chúng tôi đi hành nhiệm Đầu Họ, Đầu Quận PT nữa.

Lúc đó, Tòa Thánh mới vừa làm kín chớ chưa được hoàn tất. Rồi Đức thầy cho anh em Phạm Môn phân ra, kẻ lo tạo sở mới, người trở về sở cũ, lo tìm phương sanh sống hầu bảo bọc lẫn nhau trong cơn khốn khổ.

Bỗng dưng sét đánh ngang mày, khiến toàn đạo như gà mất mẹ, là ngày 4-6-Tân Tỵ (dl 28-6-1941), Mật Thám Pháp ở Sài Gòn đến tại Tòa Thánh bắt Đức thầy (Đức Hộ Pháp) đem về Sài Gòn, cách ít ngày sau đó tiếp tục bắt thêm ông Khai Pháp và nhiều ông khác nữa, kể chung dưới đây:

1. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc.
2. Khai Pháp Trần Duy Nghĩa.
3. Ngọc Chánh Phối Sư Ngọc Trọng Thanh.
4. Q. Thái Chánh Phối Sư Thái Phần Thanh.
5. Giáo Sư (Công Viện) Thái Gấm Thanh.
6. Sĩ Tải Đỗ Quang Hiển.

Cả sáu vị Đại Thiên phong này đều bị lưu đày sang hải đảo Madagascar thuộc Phi Châu. Cả toàn đạo đều chịu cảnh như con mất cha, trò mất thầy, nhôn nhao lổ nhố.

Tòa Thánh thì bị quân đội Pháp chiếm lấy làm "Thành mới". Riêng về anh em Phạm Môn còn ở nơi đây, người thì về gia đình lo bề nhơn đạo, nhưng lòng trung nghĩa đối với Đạo với thầy và với cả anh em không bao giờ phai lợt, anh em thường tới lui thăm viếng nhau và bàn bạc nhắc nhở nhau về Đạo, về thầy và về anh em, để đợi ngày Đức thầy trở về cố quốc hầu tiếp nối bước đường lập công bồi đức.

Sau khi Pháp bắt Đức Hộ Pháp và Chức sắc Đại Thiên phong đày sang Madagascar, lại thỉnh thoảng bắt thêm một số Chức sắc, chức việc đày đi nhiều chỗ khác nhau, đại lược như:

- Ông Giáo Sư Thượng Sáng Thanh (sau là Đầu Sư) đày ra Côn Đảo.
- Ông Giáo Sư Thượng Đứa Thanh đày ra Bà Rá.
- Ông Luật Sư Phan Hữu Phước (sau là Thừa Sứ) đày đi Sơn La.
- Chánh Trị Sự Lê Văn Ngà ở xã Gia Lộc quận Trảng Bàng Tây Ninh, đày ra Côn Đảo.
- Ông Chánh Trị Sự Gạo (Hương Cả Gạo) ở xã Vĩnh Kim quận Châu Thành (Mỹ Tho), đày ra Côn Đảo.

Còn một số Chức sắc CTĐ thì hợp tác với Nhật bản và kêu gọi một số bọn đạo đến hăng tàu Nitinan, kể cầu chữ Y, Sài Gòn, núp dưới danh nghĩa thợ đóng tàu để được sự che chở của quân đội Nhật bản, kỳ thật là liên hiệp với Nhật để mưu đồ bành trướng kế hoạch lật đổ chánh quyền Pháp tại Việt Nam, giành lại chủ quyền của dân tộc.

Sự hợp tác giữa Chức sắc Cao Đài và quân đội Nhật mỗi ngày thêm chặt chẽ và tín hữu Cao Đài gia nhập vào đây mỗi ngày càng đông thêm. Khi cấp lãnh đạo nhận thấy lòng yêu nước và thương thầy đã thực sự nồng nàn, liền tổ chức thành đội ngũ như quân đội, rồi luyện tập thể thức như quân đội và bành trướng kế hoạch.

Đến đêm 24 rạng mặt 25 tháng giêng năm Ất Dậu, nhằm ngày 9-3-1945, tín hữu Cao Đài tổ chức thành nội ứng nghĩa binh, hợp với quân đội Nhật, lật đổ chánh quyền Pháp tại miền Nam VN, chưa kịp tổ chức nên hành chánh và quân đội được vững chắc, kể Nhật bị Đồng minh đánh bại và Đồng minh lại giúp Pháp giành lại chánh quyền tại miền Nam, người Pháp trở lại cố đặt nền hành chánh như trước để cai trị miền Nam, nhưng vì lòng yêu nước của dân tộc VN quá bùng bột nên mặt trận du kích chống Pháp nổi dậy tứ tung, nhứt là khối Cao Đài, một là quyết cố ách nô lệ giành lại quyền tự chủ, hai là dốc chí chống lại kẻ thù đã bắt mất người thân yêu tôn kính của họ là Đức Hộ Pháp.

Khi hiểu được mục đích tại sao khối Cao Đài chống Pháp, nên Pháp muốn xoa dịu lòng căm hận, mới đưa Đức Hộ Pháp trở về VN và trả lại quyền tự do hành đạo. Đức thầy về tới Sài Gòn ngày 26-7-Bính Tuất (dl 22-8-1946) và về đến Tòa Thánh ngày 4-8-Bính Tuất (dl 30-8-1946).

Vừa về tới Tòa Thánh, Đức Hộ Pháp liền tái thủ đạo quyền, chấn chỉnh lại các cơ cấu Hành Chánh Đạo.

Đến tháng 10 năm Bính Tuất (1946) Đức Hộ Pháp ra lệnh phục hồi Quyền Vạn Linh, tức là tổ chức Đại Hội Nhơn Sanh và Đại Hội Phước Thiện. Kỳ hội này là kỳ hội ân xá, nên việc cầu phong cầu thăng có phần chêm chế, nhờ vậy mà sự kết quả về vụ cầu phong được ân phong vào phẩm Lễ Sanh và Giáo Thiện khá nhiều.

Đến cuối năm Bính Tuất (1946), khi Đại Hội bế mạc xong, Đức thầy liền thành lập Hội Thánh Phước Thiện.

Đầu tiên lập trước bốn Viện là: Lễ Viện, Lương Viện, Công Viện, Hộ Viện.

Sau đó, lối trên nửa tháng mới tổ chức công cử thêm cho đủ số Cử Viện. Những vị lãnh trách nhiệm trong Hội Thánh PT kỳ đầu tiên kể như dưới đây:

- **Ngài Hiến Đạo Phạm Văn Tươi Chưởng quản PT.**
- 1. **Thượng Thống Hòa Viện PT:** Chí Thiện Võ Văn Léo.
 - *Phụ Thống Hòa Viện PT:* Giáo Thiện Phạm Văn Hương.
- 2. **Thượng Thống Lại Viện PT:** Chí Thiện Lê Văn Tri.
 - *Phụ Thống:* chưa có.
- 3. **Thượng Thống Lễ Viện PT:** Đạo Nhơn Trịnh Phong Cương.
 - Quan Sự: Chí Thiện Huỳnh Văn Phương.
 - Hôn Sự: Chí Thiện Trần Văn Lợi.
 - Tang Sự: Chí Thiện Phạm Công Đăng.
 - Tế Sự: Chí Thiện Phạm Văn Lễ.
- 4. **Thượng Thống Học Viện PT:** Chí Thiện Nguyễn Văn Gia.
 - *Phụ Thống:* chưa có.
- 5. **Q. Thượng Thống Y Viện PT:** Giáo Thiện Lê Văn Thiệt.

- *Phụ Thống Y Viện PT: Giáo Thiện Nguyễn Văn Sáng.*
- 6. Thượng Thống Nông Viện PT:** Chí Thiện Lê Văn Gám.
 - *Phụ Thống Nông Viện PT: Chí Thiện Phạm Duy Hoai.*
- 7. Thượng Thống Lương Viện PT:** Chí Thiện Trịnh Văn Phận.
- 8. Thượng Thống Công Viện PT:** Chí Thiện Nguyễn Văn Lự.
 - *Phụ Thống Công Viện PT: Chí Thiện Phạm Văn Út.*
- 9. Thượng Thống Hộ Viện PT:** Chí Thiện Đỗ Văn Viện.
 - *Phụ Thống Hộ Viện PT: Chí Thiện Lê Văn Giờ.*

Kể đến Tết Nguyên đán Đinh Hợi (1947), Ngài Hiến Đạo Phạm Văn TƯƠI về quê nhà ở Cần Giuộc ăn Tết rồi bị kẹt luôn không trở lên Tòa Thánh hành đạo được nữa, nên Đức thầy chỉ định ông Đạo Nhơn Nguyễn Tự Thế làm Chưởng quản Phước Thiện và PT vẫn mạnh tiến trên bước đường hành đạo, cơ cứu khổ lần lần khai mở thêm như: Cô Nhi Viện, Dưỡng Đường, Bảo Sanh, Trại Hàn cấp tế, các Sở hốt thuốc nam miễn phí, để giúp nhơn sanh khi bệnh hoạn.

Đến ngày 14 tháng giêng năm Đinh Hợi (1947), Đức thầy ban ra Phương Luyện Kỳ đặng vào con đường thứ ba Đại Đạo, Phương pháp Trị tâm, Luyện thân Luyện trí.

Từ ngày thành lập Hội Thánh Phước Thiện thì việc tiến triển từ Trung ương đến các địa phương đều rất khả quan. Người hiến thân vào Phước Thiện mỗi ngày thêm đông, nhưng không may là Phước Thiện chịu lấy tang chung là ông Chưởng quản Phước Thiện: *Đạo Nhơn Nguyễn Tự Thế qui vị vào ngày 9-11-Đinh Hợi (dl 20-12-1947).*

Cách lối tuần lễ sau, anh em đệ tử lên Đức thầy cầu xin định người kế nhiệm Chưởng quản Phước Thiện và được Đức thầy chỉ định ông *Đạo Nhơn Trịnh Phong Cương* cầm quyền Chưởng quản Phước Thiện và cứ noi theo luật lệ của Đạo từ trước mà tiếp nối./.

Viết xong cuối Thu năm Canh Thân (1980).

NGUYỄN ĐỨC HÒA

3. Đạo Luật năm Mậu Dần (1938) nhìn nhận CQPT là của Hội Thánh:

Ngày 16-giêng-Mậu Dần (dl 15-2-1938), Đại Hội Hội Thánh tại Tòa Thánh Tây Ninh lập ra Đạo Luật năm Mậu Dần, nhìn nhận CQPT là của Hội Thánh và là một cơ quan trong bốn cơ quan của nền Chánh Trị Đạo Cao Đài.

Đạo Luật Mậu Dần (1938), chương thứ hai nói về Phước Thiện, chép ra như sau đây:

" Chương thứ hai: PHƯỚC THIỆN

Điều thứ 10: Gầy dựng cơ thể Phước Thiện các nơi và những phương hay đặng châu cấp cho những kẻ tật nguyên cô độc.

LUẬT

Kỷ luật Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của Chức sắc Phước Thiện định y như dưới đây:

- | | |
|----------------|----------------|
| 1. Minh Đức | 2. Tân Dân |
| 3. Thỉnh Thiện | 4. Hành Thiện |
| 5. Giáo Thiện | 6. Chí Thiện |
| 7. Đạo Nhơn | 8. Chơn Nhơn |
| 9. Hiền Nhơn | 10. Thánh Nhơn |
| 11. Tiên Tử | 12. Phật Tử. |

I. LUẬT TUYỂN CHỌN:

1. Bất luận nam hay nữ, ai ai cũng đặng dưới quyền tuyển chọn vào PhướcThiện của Đạo, hoặc người có Đạo, hoặc người chưa có Đạo, muốn vào Phước Thiện thì phải lập Tờ Hiến thân trọn đời, xin làm công quả cho cơ sở Phước Thiện.

2. Những Chức sắc hay là Chức việc đương quyền hành chánh mà muốn hiến thân làm công quả vào cơ sở Phước Thiện thì phải có giấy chứng nhận do đẳng cấp trật tự mình mới đặng. Còn tín đồ thì phải có giấy chứng tánh hạnh tốt của Bàn Trị Sự cho thì bên Phước Thiện mới thu nhận.

3. Người nào mới nhập vào Phước Thiện cũng phải khởi đầu làm công quả theo hạng Minh Đức.

II. CẦU PHONG:

4. Chức sắc Phước Thiện nam nữ phải chịu dưới quyền công nhận của toàn Hội Phước Thiện mới được thăng chức hay là buộc tội mà bị sa thải.

5. Bạc Minh Đức muốn lên bậc Tân Dân thì phải có ba năm công nghiệp đầy đủ với chức trách, phải có Tờ Kiết chứng công nghiệp, Tờ khai tánh đức tốt, trường trai, và tư cách xứng đáng mới được dự vào sổ cầu phong.

6. Sổ cầu phong ấy phải đệ về Tòa Thánh (Văn phòng PT tại Tòa Thánh) trước ngày 30 tháng 8 thường niên.

7. Người nào nhập vào Phước Thiện đều phải do đẳng cấp y trên đây mà hành sự, phải có đủ ba năm công nghiệp Minh Đức mới được cầu thăng thưởng lên bậc Tân Dân. Tân Dân phải có đủ ba năm công nghiệp mới được lên Thính Thiện, vân vân....

8. Bạc Hành Thiện muốn lên Giáo Thiện, ngoài luật ba năm công nghiệp, còn phải nuôi dưỡng đủ 12 gia tộc mới được.

9. Mỗi đẳng cấp phải có đủ ba năm hành thiện mới mong bước qua đẳng cấp khác.

10. Ngoại trừ ra ai có đại công mà có đủ bằng cứ và chiếm được lòng tin nhiệm của sanh chúng dâng lên thì cũng được dự Sổ cầu phong. Những vị nào để hết tâm vì Đạo mà phải chịu khổ hạnh hoặc bị tù tội ngục hình thì cũng được dự vào Sổ cầu phong ngoài luật đã định.

III. HÀM PHONG PHƯỚC THIỆN:

11. Hạng Hàm phong cũng vậy, những vị nào đủ công nghiệp mà quá lục tuần cũng được dự vào Sổ cầu phong hàm phẩm, nhưng phải chịu y theo điều kiện như hạng ân phong vậy.

IV. TRUY PHONG:

12. Hạng Truy phong công nghiệp những người đã quá vãng mà có đủ bằng cứ được công chúng hoan nghinh và Tòa Đạo minh xét rồi thì được đem vào Sổ cầu phong cho toàn Hội Phước Thiện công nhận.

13. Những vị đắc phong hàm phẩm, lúc còn sanh tiền đã lập thêm công nghiệp xứng đáng mà liễu đạo trước ngày cầu phong thăng cấp thì cũng đặng đem vào sổ cầu truy phong vậy.

V. QUYỀN PHONG THƯỜNG:

14. Quyền phong thường Chức sắc Phước Thiện hay là buộc tội Chức sắc ấy thì về quyền đặc biệt của Đức Hộ Pháp mà thôi.

VI. THỂ LỆ HỘI PHƯỚC THIỆN:

(Phần này từ mục số 15 đến mục số 23, xin xem nơi chữ: Đại Hội Phước Thiện, văn Đ)

VII. PHẦN TẠO CƠ SỞ:

24. Mỗi Quận Đạo phải lập ra một Nhà Sở Phước Thiện chánh thức, nơi Nhà Sở ấy mới đặng phép hội hiệp lo thương lượng làm ăn thuộc về Phước Thiện.

25. Mỗi làng đạo phải khai mở nhiều sở lương điền, công nghệ, thương mại. Các sở lương điền, công nghệ, thương mại ấy phải chịu dưới quyền của Nhà Sở Phước Thiện chánh.

26. Nơi mỗi Nhà Sở Phước Thiện chánh phải lập một cơ quan thiết dụng như là:

- a) Bảo Sanh Viện.
- b) Y Viện.
- c) Ấu Trĩ Viện.
- d) Dưỡng Lão đường.
- e) Học Viện.

27. Mỗi sở lương điền, công nghệ, phải có một vị Chủ sở làm đầu. Vị nào muốn đặng chọn cử làm Chủ sở thì phải là hạng Hành Thiện mới đặng.

28. Mỗi Nhà Sở Phước Thiện trong Quận Đạo phải cử ra một Bàn Cai Quản để lãnh trách nhiệm Chủ Trưởng Nhà Sở ấy.

Mỗi Bàn Cai Quản phải có ít nữa là 12 người Chức việc:

- 1 Chủ Trưởng
- 1 Phó Chủ Trưởng

- 1 Thủ Bồn
- 1 Phó Thủ Bồn
- 1 Từ Hàn
- 1 Phó Từ Hàn
- 6 Nghị viên.

PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH:

(Từ mục 1 đến mục số 22 về phận sự của mỗi chức vụ, xin xem chữ: Bàn Cai Quản PT, văn B)

23. Trước khi xướng lập cơ sở lương điền, công nghệ, thì chỉ nhờ lòng từ thiện của toàn đạo hữu trợ giúp. Ngoài ra những vị nào hảo tâm dâng hiến tài vật chi xứng đáng thì đăng nêu tên vào Bảng Danh dự để làm kỷ niệm nơi cơ sở.

24. Những vị nào hảo tâm hiến nhà hiến đất hoặc các tài vật khác thì phải làm giấy tờ cho rành rẽ, đóng bách phần cải bộ đăng giao trọn quyền cho Phước Thiện làm chủ.

25. Những vị đã trọn hiến thân vào sở thì Chủ sở phải bảo toàn gia tộc của vị hiến thân ấy như chồng, vợ, con, cha, mẹ ruột, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng và cắt phận sự cho mỗi người. Mỗi sở Hành Thiện phải bảo toàn cho đủ 12 gia tộc mới đúng phép hành thiện theo luật Phước Thiện.

26. Chư Chức việc bên Hành Chánh cũng phải để tâm giúp ích cho bên Phước Thiện đăng mau kết quả mỹ mãn.

27. Nếu trong sở có xảy ra điều chi bất hòa mà điều đình không được thì phải lập Hội Công Đồng y như bên Hành Chánh mà trừng trị. Kỳ dư xảy ra với các cơ quan trong nền Chánh Trị Đạo thì buộc phải giải ra Tòa Đạo phân xử.

28. Phải tìm phương châu cấp những gia đình nghèo nàn của chư Chức sắc đắc lệnh Hội Thánh tuyên bố đi hành đạo phương xa.

29. Khi các cơ sở đã thành lập, mỗi năm phải tùy theo huê lợi trong sở đăng giúp lương thực trong các Thánh Thất hoặc mỗi văn phòng trong nền Chánh Trị Đạo và phải định riêng ra một phần để châu cấp cho những kẻ tậtnguyên cô độc.

30. Về khoản cấp tế của Phước Thiện, chẳng nên phân biệt người trong Đạo hay là ngoài đời, nghĩa là mỗi phen nơi

nào bị tai nạn khổ tâm khổ trí thì lẽ cố nhiên người hành thiện chẳng thể nào bỏ qua cho đặng, chẳng những trợ giúp về mặt vật chất hình thức bên ngoài mà thôi, mà đến tinh thần bên trong cũng phải có sự an ủi tâm hồn cho người được an vui bình tâm định trí.

31. Nếu một ai vì cảnh bi thương trong gia đình hoặc vì đau thảm về phần xác thịt mà đến nhà Phước Thiện cầu xin cứu giúp, hay một tấn kịch khốc hại đã phô bày trước mắt mà người hành thiện lại nở đành làm ngơ để người khốn khổ ấy phải cam tâm tui phạm, chẳng nhờ nơi lòng ái tuất của nhà lương thiện đoái đến mà có đủ bằng cứ thì vị Hành Thiện ấy phải bị lỗi nặng với danh giá nhà Phước Thiện và phải chịu phần trách cứ.

4. Tổ chức Cơ Quan Phước Thiện:

Theo Đạo Nghị Định số 48/PT của Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp thành lập Cơ Quan Phước Thiện làm cơ quan cứu khổ của ĐĐTKPĐ thì Thập nhị Đẳng cấp thiêng liêng của Hội Thánh Phước Thiện chia làm hai bậc:

- Bậc từ Minh Đức tới Chơn Nhơn thì ở trong Cơ Quan Phước Thiện, lo về phước thiện, cứu khổ ban vui.
- Bậc từ Hiền Nhơn trở lên thì qua Hiệp Thiên Đài để bảo tồn chơn pháp.

Hội Thánh Phước Thiện trực thuộc Chi Đạo HTĐ, do một vị Thời Quân chi Đạo làm Thống Quản cả nam và nữ phái.

Hội Thánh Phước Thiện tổ chức riêng biệt theo hai phái: nam và nữ. Mỗi phái có một vị Chương quản phẩm Chơn Nhơn đứng đầu.

Dưới vị Chương quản có hai vị Phó Chương quản: Đệ nhất và Đệ nhị Phó Chương quản.

Dưới kế đó là Cửu Viện PT. Bên nam phái có Cửu Viện PT nam phái, bên nữ phái có Cửu Viện PT nữ phái, tổ chức hai bên giống nhau, quyền hành riêng biệt. Tổ chức này giống y như tổ chức Cửu Viện của CTĐ, chức năng của mỗi Viện cũng giống hệt như CTĐ nhưng chỉ lo về CQPT mà thôi. Mỗi Viện

có một vị Thượng Thống đứng đầu. (Xem sơ đồ Tổ chức nơi trang 15)

1. Hòa Viện: Hòa giải các vụ thừa kiện hay tranh chấp nhỏ trong CQPT.
2. Lại Viện: Công văn giấy tờ, quản lý hồ sơ Chức sắc PT, tuyên bố Chức sắc PT đi hành đạo.
3. Lễ Viện: Nghi lễ, cúng kiếng, tế tự.
4. Học Viện: Lo về giáo dục, huấn luyện, đào tạo.
5. Y Viện: Y tế, trị bệnh, thuốc men, đông y và tây y.
6. Nông Viện: Làm ruộng rẫy, lập đồn điền.
7. Hộ Viện: Thu xuất tiền bạc, quản lý tài sản của PT.
8. Lương Viện: Lo lương thực nuôi công quả và cứu tế.
9. Công Viện: Tạo tác các Điện Thờ PM, dinh thự.

Đó là tổ chức CQPT tại trung ương.

Nơi các địa phương, hệ thống tổ chức của CQPT giống y như bên Hành Chánh Đạo CTĐ, nhưng chỉ coi về PT mà thôi.

Hành Chánh Đạo CTĐ cai quản các Thánh Thất, còn bên Phước Thiện thì cai quản các Điện Thờ Phật Mẫu.

Dưới Cửu Viện PT là các Trấn Đạo PT, Châu Đạo PT, Tộc Đạo PT. Mỗi Tộc Đạo PT có một Nhà Sở PT chánh với một Bàn Cai Quản gồm 12 thành viên, có một vị đứng đầu gọi là Chủ Trưởng. Bàn Cai Quản PT dưới quyền của vị Giáo Thiện Quản Tộc Đạo PT, do Hội Thánh PT bổ đến hành đạo nơi Tộc Đạo PT này.

Dưới Bàn Cai Quản PT là các Sở PT về Lương điền, Công nghệ, Thương mại, trong các Hương đạo.

Mỗi Sở PT có một vị Chủ sở, phẩm Hành Thiện đứng đầu, có nhiều nhân viên công quả gọi là các Đạo sở.

Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp khi Khai mạc Đại Hội Phước Thiện ngày 30-8-Tân Mão (dl 30-9-1951):

"Trước khi mở hội, Bần đạo lược giải cái chánh tâm của Đạo đã từ 5 năm nay, tức là kể từ Hội Nhơn Sanh kỳ trước.

Mơ vọng của toàn thể Thánh thể Đức Chí Tôn, dầu cho Hành Chánh hay Phước Thiện cũng thế, chúng ta trông mong gì hơn hết? Đương nhiên thiên hạ đương sống khó khăn trong

thời buổi loạn ly. Bàn đạo tưởng cả toàn con cái Đức Chí Tôn đều có hai sở vọng: sở vọng đầu tiên hơn hết là làm sao bảo vệ sanh mạng và tài sản cho khỏi bị tiêu diệt; sở vọng thứ hai là tìm phương làm cho thiên hạ bớt khổ.

Hai cơ quan ấy chúng ta có sẵn trong cửa Đạo:

- Hành Chánh thì giữ mực thước cho nền chơn giáo của Đức Chí Tôn. Bàn đạo cho toàn thể con cái của Đức Chí Tôn nam nữ đều biết rằng, Đạo phải giữ nền văn hiến của nòi giống chúng ta bốn ngàn năm sẵn có từ thử đến giờ ở trong khuôn khổ đạo đức tinh thần của Tổ Phụ chủng tộc nước nhà cho còn tồn tại. Ấy là phận sự của Hành Chánh.

- Bây giờ cơ quan cứu khổ, dầu không nói mấy em cũng đã biết, ấy là trách vụ của người Phước Thiện đó vậy.

Đức Chí Tôn đến, có điều thiết yếu hơn hết, Ngài đến là vì con cái của Ngài quá khổ, Ngài đến với cái sở định của Ngài là đến cứu khổ cho toàn thể con cái của Ngài. Cơ cứu khổ ấy trong lúc ban sơ, Đức Chí Tôn đã đưa trong tay HTĐ. Bàn đạo không biết làm sao thực hành ra được. Hồi đó, Hội Thánh Phước Thiện chưa thành lập, giao cơ cứu khổ, Bàn đạo không biết phải làm thế nào, nhưng chẳng bao lâu Ngài lập thành Hội Thánh PT, chừng đó, Bàn đạo mới biết cơ cứu khổ là đây.

Ấy vậy, Hội Thánh CTĐ là Hội Thánh của Giáo Tông, còn Hội Thánh Phước Thiện là của Hộ Pháp.

Hội Thánh bên kia bảo vệ văn hiến tôn giáo; Hội Thánh bên này cứu khổ. Còn có chỗ nào hay hơn nữa!

Ấy vậy, phận sự của Hội Thánh Phước Thiện là phận sự tượng trưng hình ảnh Đức Chí Tôn đặng cứu khổ cho con cái của Ngài. Thử nghĩ coi trách vụ đơn sơ mà nặng nề làm sao! Hiểu nghĩa lý sâu xa của nó, chúng ta sợ không bao giờ thực hiện trách vụ nặng nề đó được.

Bao giờ cũng vậy, nền tôn giáo từ hai ngàn năm nay là Thiên Chúa giáo hay là đạo Gia Tô mà về Phước Thiện họ còn sơ sót, chưa mỹ mãn, hưởng chi mình. Bàn đạo không trách nhưng chỉ có một điều là trong Thánh thể Đức Chí Tôn gánh vác cái khổ cho con cái của Ngài rất nên yếu ớt. Không đủ tâm lực, không đủ phương chước, chỉ ước mong Đức Chí Tôn ban

ân riêng đặc biệt vì trách vụ nặng nề ấy, đặng cầm cơ cứu khổ của Đức Chí Tôn mạnh mẽ và cương quyết, nhưng ta cũng nên biết thêm rằng: an ủi cho được một người thống khổ không phải dễ, đem cơ cứu khổ ấy thiệt hiện ra đặng cho cả thiên hạ được hưởng hồng ân của Đức Chí Tôn, chúng ta thấy lại càng thêm khó. Phải cố gắng đã đành, song nên chăng là do quyền thiêng liêng giúp sức.

Những yếu nhân đương quyền về Phước Thiện, Bàn đạo thấy giờ phút này, tin là mấy em kỳ lão Phạm Môn, nhưng họ lại có đặc quyền khác, họ còn ở Phước Thiện là bởi Phước Thiện thiếu người cầm quyền, không phải là phận sự của họ. Đức Chí Tôn định mở Phạm Môn là mở cửa tu chơn, thi hành Bí pháp chớ không phải Thể pháp. Giờ phút này, những phần tử Phạm Môn còn cầm quyền Phước Thiện là do Hội Thánh Phước Thiện thiếu người. Chủ quyền của họ là ở nơi Tịnh Thất trong cửa tu chơn, là đặc điểm của họ. Đã hai mươi mấy năm họ chịu khổ nhọc đã nhiều, hy sinh từ tóc xanh đến bạc đầu, lao tâm lao lực. Bàn đạo tưởng đến càng làm thêm ra nữa, là càng thêm khổ cho họ. Hai mươi mấy năm lập Phước Thiện, đoàn tiền bối qui liễu lần hồi, chỉ đám thanh niên lúc họ còn đặng năm bảy người, họ cũng đã da mồi tóc bạc.

Mấy em đã biết sở yếu của mình là thiếu Chức sắc Thiên phong thì do nơi mấy em định vị cho họ, xúm đưa họ lên, cầu nguyện cùng Đức Chí Tôn, cho có các chơn linh hiệu hạnh cùng Ngài và Phật Mẫu, đem vô làm Thánh thể của Ngài cho cường liệt mạnh mẽ.

Bàn đạo nói gánh khổ của đời nặng nề lắm, đã nghe nói nặng nề lắm thì không tâm lực không đủ quyền hành gánh gồng chi nổi. Đặc phận ấy, muốn làm cho trọn vẹn, phải cố gắng cho lắm mới được, xem đàn anh họ đã hy sinh thể nào rồi, đàn em bắt chước theo. Họ dám hy sinh cả tánh mạng tài sản, cả kiếp sanh của họ, không biết gì là gia đình, không biết gì là danh vọng, không biết gì tới thân hình. Có nhiều người phải lao lực mà chết biết bao nhiêu kể, mấy em hiển nhiên ngó thấy.

Về phương pháp hành thiện, Bàn đạo nói: Chơn pháp bên Phước Thiện có điều này trọng yếu hơn hết, từ bực Hành

Thiện muốn lên Giáo Thiện, phải tạo nghiệp cho đủ 12 gia đình theo Chơn pháp.

Giáo Nhi từ trước cho lên Giáo Thiện là thể theo lòng từ bi bác ái của Đức Chí Tôn mà ân tứ, nhưng từ đây Giáo Nhi có thể lên Lễ Sanh chớ không được lên Giáo Thiện, vì thiếu luật tạo nghiệp cho 12 gia đình. Nếu thiếu một người trong số 12 người ấy thì phải dừng lại ở bậc Hành Thiện mà thôi, chớ không được thăng lên Giáo Thiện. Tạo nghiệp cho 12 gia đình không phải đem bà con vào đó mà được, tạo nghiệp cho mỗi gia đình phải có bằng chứng là ngoại nhân, chớ không phải đưa bà con cật ruột, bởi vì bậc Hành Thiện phải làm thiện, nhưng nếu làm cho thân bằng mình, anh em mình, gia đình mình thì không kể cho là hành thiện.

Ấy vậy, cơ quan cứu khổ, Hội Thánh phải chọn người tâm đức, biết hy sinh mình để thực hiện cơ quan cứu khổ ấy. Phải tuyển chọn người tâm đức hiền lương, từ bi bác ái vị tha vô vị kỷ mới đáng giá của phẩm vị mình.

Nên nhớ Hội Thánh Phước Thiện không có hàm chức như Hành Chánh, phải đi lên cho tới tột phẩm Phật Tử. Những Chức sắc hàm chức ngày nay, Bản đạo sẽ kiểm thể đưa qua Ban Kỳ Lão hết. Tiếp tục đây rồi, Bản đạo sẽ rút hết cả Chức sắc Thiên phong ở Phạm Môn để mở con đường tu chơn, nam cũng vậy, nữ cũng vậy.

Phải cố gắng, Hội Thánh Phước Thiện phải cố gắng, mấy vị Giáo Thiện, mấy bạn kỳ lão. Bản đạo cho hay trước, cả Chức sắc bên Phạm Môn, Bản đạo sẽ rút hết và sẽ giao quyền Phước Thiện cho mấy vị tân phong điều khiển."

Thánh giáo của Thái Nương về Phước Thiện:

Đàn cơ tại Hộ Pháp Đường, ngày 3-2-Đình Hợi (1947).

Nhơn đạo rày đã suy vi,
Chạy lạt đời đời còn chi tu hành.
Mang câu thất hiếu đã đành,
Bao nhiêu công quả biển gành rã tan.
Làm cho thau nọ nên vàng,

Chi kia lộn bạc lại mang tiếng đời.
 Càng ngày xa lánh đạo Trời,
 Đem thân vùi lấp vào nơi bụi trần.
 Chơn linh lắm chịu mê tân.
 Sanh tiền khó hưởng phước lành Trời ban.
 Rồi đây giặc giã khắp tràn,
 Khiếm đường đạo đức, chịu đàng thiên tai.
 Cả kêu thức tỉnh hỡi ai,
 Thành tâm hối ngộ, Cao Đài cứu nguy.
 Nếu mà dụ dự diên trì,
 Phải cam chịu lấy nạn nguy buổi này.
 Phước Thiện Trời bày ra đây,
 Đặng mà cứu khổ họa tai buổi này.
 Nhứt Đức lại với Tàu Tây,
 Gây trường huyết chiến tại đây bây giờ.
 Binh Dương lập trận sờ sờ,
 Cả chư vạn quốc dựng cờ chiến tranh.
 Đánh nhau đổ nước nghiêng thành,
 Lưu hồng một trận tan tành nhân gian.
 Thân phơi chạt đất đầy đàng,
 Cao Đài xuất hiện cứu an dân Trời.
 Kỳ Ba mở Đạo cứu đời,
 Chiêu an thế giới khắp nơi hòa bình.
 Người tu thì được khương ninh,
 Kẻ vô đạo đức chôn mình vực sâu.
 Khá mau thức tỉnh hồi đầu,
 Ăn chay chuộc tội khỏi hầu Phong đô.
 Phước Thiện cứu cấp đơn cô,
 Phước Thiện lựa những tặng đồ Chí Tôn.
 Phước Thiện là cửa Phạm Môn,
 Phước Thiện để rước chơn hồn nguyên nhơn.
 Phước Thiện chứa thuốc kim đơn,
 Phước Thiện cứu thế khỏi cơn thảm sầu.
 Phước Thiện độ cả hoàn cầu,
 Phước Thiện có thể gồm thâu lợi quyền.
 Phước Thiện của chung chẳng riêng,

Phước Thiện để rước bậc hiền chơn tu.
 Phước Thiện cải ác phá ngu,
 Phước Thiện giải khổ tội tù Phong đô.
 Phước Thiện là vốn Phạm Môn,
 Phước Thiện là cửa vĩnh tồn Phật Tiên.
 Phước Thiện thống nhứt qui nguyên,
 Phước Thiện là vốn chuồng chiên của Trời.
 Phước Thiện bảo dưỡng khắp nơi,
 Phước Thiện lập để cứu đời chúng sanh.
 Phước Thiện là phước Trời dành,
 Để cho nhơn loại tu hành trường an.
 Phước Thiện để độ ngoại bang,
 Phước Thiện sản nghiệp bảo toàn thế gian.
 Phước Thiện gây dựng giang san,
 Cả chư vạn quốc đồng sang phục tùng.
 Phước Thiện bảo hộ người cùng,
 Việt Nam là chủ vậy vùng tự do.
 Phước Thiện nuôi nấng ấm no,
 Phước Thiện vào đặng khỏi lo rách lành.
 Phước Thiện công quả đắc thành,
 Về nơi Cực Lạc trường sanh đời đời.
 Phước Thiện là chốn thành thời,
 Trở nên Thánh đức lập đời Tân Dân.
 Phước Thiện nuôi nấng tinh thần,
 Phước Thiện cứu kẻ lạc gần Bàn môn.
 Phước Thiện quý báu Càn Khôn,
 Độ các chi phái nhập môn hồi đầu.
 Phước Thiện huyền diệu cao sâu,
 Lập công chuộc tội mới hầu khỏi oan.
 Phước Thiện cứu kẻ ngổ ngang,
 Độ chi phái nghịch dễ dàng cảnh tu.
 Phước Thiện giải tán nghịch thù,
 Lấy câu hòa thuận vận trù lập công.
 Phước Thiện nay chuyển đại đồng,
 Phá tan giặc giả giao thông toàn cầu.
 Phước Thiện là phép nhiệm màu,

Tóm thâu thiên hạ hồi đầu cửa tu.
THĂNG

Hai đôi liên của Cơ Quan Phước Thiện:

福德天頒萬物眾生離苦劫
善緣地貯十方諸佛合元人

*Phước đức Thiên ban vạn vật chúng sanh ly khổ kiếp,
Thiện duyên địa trữ thập phương chư Phật
hiệp nguyên nhân.*

Nghĩa là:

Trời ban phước đức cho vạn vật và chúng sanh thoát khỏi kiếp sống khổ nhục,
Đất chứa duyên lành, chư Phật mười phương độ các nguyên nhân hiệp trở về.

福德修心樂道和人尋地利
善慈定性安貧合眾識天時

*Phước đức tu tâm lạc đạo hòa nhơn tâm địa lợi,
Thiện từ định tánh an bần hiệp chúng thức Thiên thời.*

Nghĩa là:

Tu tâm để tạo phước đức, vui vẻ trong việc tu hành, thuận hòa cùng mọi người, rồi tìm địa lợi,
Giữ tánh cho lương thiện nhơn từ, an phận trong cảnh nghèo, hiệp hòa cùng mọi người, biết đợc thời Trời.

Phản kết:

Đức Phạm Hộ Pháp thể theo Thánh ý của Đức Chí Tôn lập ra CQPT là mở con đường tu thứ hai để cho nhơn sanh trở về cựa vịn nơi cõi thiêng liêng.

- *Con đường tu thứ nhất* là đi theo hàng phẩm Cửu Thiên Khai Hóa, tức là lập công nơi CTĐ, đi lên dần dần theo các phẩm trật của CTĐ, từ Đạo hữu (đối phẩm Địa Thần) lên tới Giáo Tông (đối phẩm Thiên Tiên hay Phật vị).

- *Con đường tu thứ hai* là đi theo Thập nhị Đẳng cấp thiêng liêng, tức là lập công trong CQPT, đi lên dần dần từ phẩm Minh Đức (đối phẩm Địa Thần) lên tới Phật Tử (Phật vị).

Con đường tu thứ hai rộng rãi thênh thang hơn con đường tu thứ nhất, dành cho tất cả các hạng nhơn sanh, từ bậc dốt nát đến bậc trí thức thượng lưu, và số lượng Chức sắc ở mỗi phẩm cấp không bị giới hạn như bên CTĐ.

Đạo Cao Đài còn có *con đường tu thứ ba* nữa là Luyện đạo trong Tịnh Thất, dành cho bậc thượng thừa đã lập được đầy đủ công quả nơi CTĐ hay trong CQPT. Ba Tịnh Thất dùng trong việc Luyện đạo là: Trí Huệ Cung dành cho Nữ phái, Vạn Pháp Cung dành cho nam phái, và Trí Giác Cung.

Điểm đặc biệt của Đạo Cao Đài khác hẳn với Phật giáo là: các tu sĩ Phật giáo sống nhờ vào sự cúng dường của nhơn sanh và sự khát thực của các khát sĩ; các tu sĩ của Đạo Cao Đài chủ trương tự làm ra lương thực và của cải để tự nuôi sống sanh mạng mà lo tu hành, đồng thời có dư ra để làm các công việc từ thiện, cứu khổ nhơn sanh. CQPT đảm nhận nhiệm vụ quan trọng này, nên được gọi là cơ quan bảo tồn. Cho nên, những cơ sở phước thiện như: Cô Nhi Viện, Dưỡng Lão Viện, Bảo Sanh Viện, Y Viện, Nghĩa thực,... là thuộc phần trách nhiệm của Cơ Quan Phước Thiện.

Cơ Quan Phước Thiện, với tôn chỉ cứu kẻ nguy, giúp kẻ khổ, diu dắt cho có phương sanh sống, không sang giàu mà được thung dung, nâng đỡ mọi người để được sống an ổn vui tươi, hưởng cảnh thiên nhiên của Tạo hóa, mới đáng được gọi là cơ quan cứu khổ và bảo tồn nơi mặt thế.

CQPT thực hiện được đầy đủ hai nhiệm vụ: Cứu khổ và Bảo tồn như đã nói ở trên thì ơn đức của Đại Đạo đối với nhơn sanh thật vô cùng to lớn, làm cho đời đau khổ trở nên hạnh phúc, làm cho đời loạn lạc trở nên an bình, và nền hòa bình thế giới trong Đại đồng huynh đệ mới mong thành tựu được.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

PHƯỚC

PHƯỚC

A: Banner, oriflamme.

P: Bannière, oriflamme.

Chữ Hán là Phan 幡, chữ nôm là Phước, là lá cờ hẹp mà dài, dùng riêng trong tôn giáo.

Lá phước có bề ngang nhỏ, bề dài khá dài, thường được treo thẳng đứng, đuôi phước có hình nhọn, hay hình đuôi cá, hay bằng ngang mà có gắn thẻ nhỏ, tùy theo loại.

Trong Đạo Cao Đài có nhiều loại Phước, kể ra:

- Phước Tòa Thánh hay phước Thánh Thất,
- Phước Phật Mẫu hay phước Điện Thờ,
- Phước Thượng Phẩm, - Phước Thượng Sanh,
- Phước Tiêu Diêu, Phước Truy hồn,
- Phước Tiếp Dẫn,

Các lá Phước trong Đạo Cao Đài thường có hình chữ nhật, đuôi phước bằng ngang, có nhiều thẻ nhỏ thông xuống. Bề dài, bề ngang, số thẻ thường rơi vào các con số: 3, 9, 12, hay các bội số của chúng.

Bên Phật giáo, Phước là món đồ trang nghiêm của Tam bảo để biểu dương oai đức của Phật, cũng như cờ xí để biểu dương oai đức của một vị đại tướng.

Lá phước treo lên là tỏ cái ý nghĩa cầu đảo phước đức.

Ở Việt Nam, trên mặt lá phước thường có đề hàng chữ Lục tự Di Đà: **NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT**. Ở Tây Tạng thì lại đề Lục tự Thần chú: **ÚM MA NI BÁT MÊ HỒNG**.

Phía trước sân chùa, nơi khoảng đất trống, trong dịp lễ lớn như lễ Phật đản, lễ Vu lan, đều có dựng cột phước cao và treo lên một lá phước lớn và dài, phát phơ trước gió trông rất đẹp mắt, có ý nghĩa là cầu đảo phước đức cho các Phật tử và dân chúng trong vùng.

Trong nhà chùa, các thứ như: Tràng (cờ), Phan (phước), Bảo cái (lọng quý) là những món trang nghiêm được gìn giữ

cẩn thận, cũng như gìn giữ Tam bảo: Tượng Phật, Kinh Phật, y bát và tích trượng.

Hồi Đức Phật hiện ra ở thế, chư Thiên thường dùng ba món: Cờ, phướn, lọng mà hầu hạ Đức Phật: Cờ và phướn để biểu dương công đức của Phật, lọng để che hầu Phật là bực đáng tôn kính hơn hết.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh có chép chuyện Phướn động: Khi Lục Tổ Huệ Năng ra đến chùa Pháp Tánh tại Quảng Châu gặp Ấn Tông Pháp Sư giảng Kinh Niết Bàn, lúc ấy có gió thổi, lá phướn trước chùa lay động. Một sư nói: Gió động. Một sư khác cãi: Phướn động. Hai sư cãi hoài không ai chịu thua ai. Huệ Năng bước đến nói: Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, ấy là tâm của hai vị động.

Phướn linh

A: *The mysterious banner.*

P: *La bannière mystérieuse.*

Linh: thiêng liêng.

Phướn linh là cây phướn huyền diệu.

KCHKHH: Tây phương Tiếp Dẫn Đạo Nhơn,
Phướn linh khai mở nẻo đường Lô Âm.

KCHKHH: Kinh cầu hồn khi hấp hối.

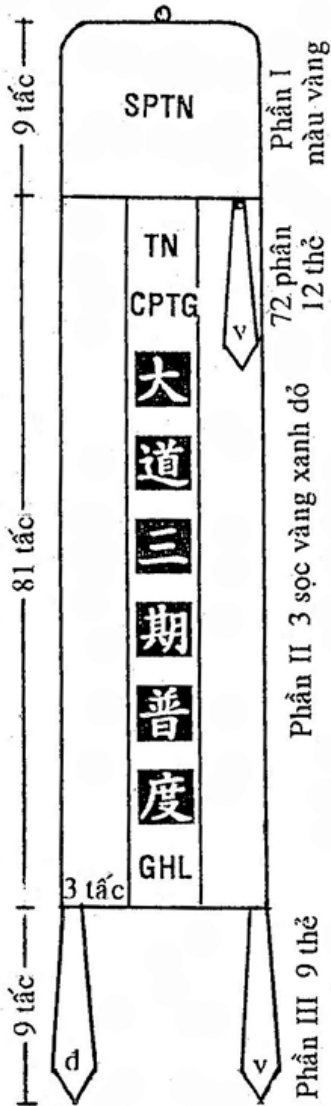
Phướn Phật Mẫu

A: *The banner of Buddha-Mother.*

P: *La bannière de Bouddha-Mère.*

Phướn Phật Mẫu là lá phướn treo trước Điện Thờ Phật Mẫu, cho biết đây là nơi ngự của Đức Phật Mẫu.

Phướn Phật Mẫu có bề ngang 9 tấc, bề dài 9 thước, phía dưới có 9 thẻ, mỗi thẻ dài 9 tấc, cho nên bề dài lá phướn kể cả các thẻ phía dưới là 9 thước 9 tấc.



MÔ TẢ: Phướn Phật Mẫu có 3 phần:

Phần I: Phần trên hết, màu vàng, bề dài 9 tấc, trên đó có thêu 2 con phụng châu mặt trắng, gọi là **Song phụng triều nguyệt** (SPTN).

Phần II: Phần giữa bề dài 8 thước 1 tấc (81 tấc), có 3 sọc dài màu vàng, xanh, đỏ, bề ngang mỗi sọc là 3 tấc, sọc vàng ở phía tả của người quan sát, sọc xanh ở giữa, sọc đỏ bên hữu. Trên sọc xanh từ trên xuống dưới có thêu:

- Thiên Nhân (TN).
- Cổ pháp Tam giáo (CPTG): Xuân Thu, Phật chủ, Bát vu.
- 6 chữ Hán màu vàng theo chiều dọc: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
- Dưới cùng là Giỏ Hoa lam (GHL)

Hai bên bia lá phướn có gắn những thẻ nhỏ, mỗi bên 12 thẻ, mỗi thẻ dài 72 phân, trên lớn dưới nhỏ, đuôi nhọn. Các màu của thẻ theo thứ tự từ trên xuống dưới lần lượt là: vàng, xanh, đỏ, vàng, xanh,....

Phần III: là phần đuôi phướn, gồm 9 thẻ kết vào theo bề ngang

của phướn, mỗi thẻ dài 9 tấc, trên nhỏ dưới lớn, đuôi nhọn. Thẻ thứ nhất màu vàng, thẻ thứ 2 màu xanh, thẻ thứ 3 màu đỏ, thẻ thứ 4 trở lại màu vàng, rồi xanh,....

Bề dài tổng cộng của Phướn Phật Mẫu gồm ba phần là 9 thước 9 tấc. Mặt sau lá phướn là toàn màu vàng.

Muốn treo lá phướn Phật Mẫu, cột phướn phải cao từ 12 thước trở lên.

Đặc biệt cột phướn treo Phướn Phật Mẫu trước Báo Ân Từ có hình tròn; còn cột phướn trước Tòa Thánh để treo Phướn Tòa Thánh có hình vuông.

Phướn Phật Mẫu được treo vào 3 tháng của ba ngun: tháng giêng, tháng 7, tháng 10 âm lịch, và đặc biệt phải treo vào hai ngày Đại Lễ: Vía Đức Phật Mẫu và Hội Yến DTC: ngày 14 và ngày 15 tháng 8 âm lịch.

Trong dịp Đại Lễ Vía Đức Phật Mẫu và Hội Yến DTC rằm tháng 8 năm Tân Sửu (24-9-1961), Hội Thánh xây dựng và khánh thành cột Phướn trước Báo Ân Từ để treo Phướn Phật Mẫu, Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước có đọc một bài diễn văn nói về lá Phướn Phật Mẫu, xin chép ra sau đây:

Kính Hội Thánh,

Kính chư Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu nam nữ.

Hân hạnh được Hội Thánh Lương Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng cùng quý Chức sắc cao cấp Cơ Quan Phước Thiện ủy nhiệm cho tôi trọng trách thiêng liêng làm đầu Ban Tổ chức cuộc Lễ Hội Yến DTC năm Tân Sửu (1961), tôi xin để lời cảm tạ Hội Thánh.

Hôm nay cuộc tổ chức đã hoàn thành từ nội diện cho tới ngoại diện, ấy là nhờ sự tận lực phụ trách của toàn thể Cửu Viện Hành Chánh và Phước Thiện với tất cả anh em từ công quả tới thợ các ngành, ở trại mộc, sở hồ và cơ xưởng, kể luôn chư vị Tá Lý và Chức sắc thiện nghệ triển lãm làm cho ngoạn mục, các giới đến xem không ngớt trầm trồ khen ngợi. Tôi ghi tẩm nhiệt thành của mấy anh em và quý Chức sắc đã góp phần trọng yếu trong việc vĩ đại này làm cho tôi hãnh diện tuyên dương công trạng của quý bạn.

Kính Hội Thánh,

Cái may duyên lớn nhất trong cuộc Lễ Hội Yến DTC năm nay mà Hội Thánh đạt được là dựng nên *một trụ phướn* giữa

thập mục sở thị trước Đền thờ Đức Phật Mẫu mà từ bấy lâu chúng tôi hằng hoài vọng cho nó thành hình nên vóc. Giờ phút này nó vừa biểu hiệu cả khối tinh thần của chư thiện tín đóng góp vào sự điếm tô nghiệp cả, vừa phô trương ý chí của Hội Thánh trong việc phát triển cơ năng truyền giáo.

Lá phướn thượng lên rồi, nhìn nó nhẹ nhàng phất phới qua lại giữa không trung, chúng ta không khỏi kích thích vui mừng sẽ được ân huệ Đức Thiên Hậu ám độ kẻ hữu duyên, nhưng lại chẳng khỏi âu lo cho kẻ thiếu đức bị lụy vì trần, khó thoát mê tân mà Đức Ngài phải riêng than thầm khóc, nhìn xem họ lỡ bước trên khoa trường, lập Tiên ngôi Phật vị, trong Tam Kỳ Hội này. Huyền vi pháp của lá phướn ấy thuộc quyền của Bà Lục Nương DTC lấy đó độ dẫn chơn hồn về nguyên thổ.

Vậy thì hương về Đạo là nguồn sanh quang của Đức Phật Mẫu bủa khắp trần gian đặng giữ vẹn mảnh thân phàm của con cái Đức Ngài, về nhập môn cầu đạo, nhưn sanh sẽ nhờ nước nhành dương gội rửa chơn thần đặng hiệp với chơn linh trở về cùng Thượng Đế.

Nhắc lại cái duyên may mắn của Hội Thánh đạt được, tôi xin thêm rằng, chúng ta nên lưu tâm như đã tiên tri trong Kinh Xưng Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu, cái pháp linh của Bà Lục Nương là càng phát phướn truy hồn về lối cũ, Bà càng làm cho giảm bớt thảm trạng thương hải biền vi tang điền, ngõ hầu hộ trì những kẻ hữu duyên chịu làm con tể vật để tạo đời Thánh đức. Còn trái lại thì rất vô phước cho kẻ vô căn, chừng ấy sẽ do Đại Hội Long Hoa định phận.

Thiết tưởng Đại Đạo còn trong thời kỳ mở rộng cửa tiếp đón thiện lương, thoảng như nhưn loại tự xoay hướng đổi chiều theo đuổi chủ nghĩa duy tâm, thay vì cố chấp nhau trên đường tranh đấu so gươm thư hùng, thì rất nhẹ gánh cho Hội Thánh, còn nếu chẳng đặng vậy thì chốn A-Tỳ là mồ của kẻ bạo tàn mà rồi kẻ hiền nhưn không tránh khỏi bị lôi cuốn vào vòng tự diệt, chừng ấy cái gánh nặng của Hội Thánh càng thêm nặng gánh, nhưng chẳng vì vậy mà chúng ta lại bán đồ nhi phế.

Sau 36 năm khai đạo, ngày nay lá Phướn Truy hồn được trương lên dưới Trời Nam có ảnh hưởng khắp hoàn cầu, nhưn

loại cần lo tự giác cho kịp thì, rồi Đạo sẽ giúp sức cho thoát chốn khổ đau, tái tạo hòa bình.

Cho hay luật tương đối, cái may hằng đi kèm cái rủi, mà cái rủi thường đến cho những kẻ không thức thời, nên mục đích của Đại Đạo là chuyển họa vi phước, cứu độ cho đủ 92 ức nguyên nhơn thì ai kia nên tỉnh giấc Nam Kha trở về Thiên lý.

Nhơn Lễ Hội Yến Diêu Trì kỳ này, chúng tôi cầu nguyện Đức Phật Mẫu ban phước lành cho chúng sanh thì cái may mắn hôm nay sẽ đầy đầy thâm thúy.

Nam Mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.
Nay kính.

BẢO THỂ Lê Thiện Phước (ấn ký)

DTC: Diêu Trì Cung.

Phước phụng

A: Tail of phoenix.

P: La queue du phénix.

Phụng: con chim phụng (phượng), một loài trong Tứ Linh (Long, Lân, Qui, Phụng).

Phước phụng là cái đuôi của con chim phụng có sở dụng giống như lá phước dẫn đường.

TNHT: Nằm đuôi *phước phụng* đến dương bờ.

Câu thi trên lấy ý từ câu Hán văn:

Phụng hàm đơn chiếu đề dương bạn. Nghĩa là: con chim phụng ngậm tờ chiếu của vua tiến lên bờ dương, mà bờ dương là bờ đạo đức, bờ giải thoát.

Câu *nằm đuôi phước phụng đến dương bờ* là ý nói: Nhìn cái đuôi con chim phụng (xem như là lá phước dẫn đường) mà đi theo nó thì sẽ đến được bờ đạo đức, đi vào cõi TLHS.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Phướn Thánh Thất - Phướn Tòa Thánh

A: The banner of Holy House - The banner of Holy See.

P: La bannière de Saint Maison - La bannière de Saint Siège.

Phướn Tòa Thánh là lá phướn treo nơi cột phướn trước Tòa Thánh trong 3 tháng của 3 nguơn: Thượng nguơn, Trung nguơn, Hạ nguơn, tức là tháng giêng, tháng 7 và tháng 10 âm.

Phướn Thánh Thất giống hệt phướn Tòa Thánh, nhưng treo trước Thánh Thất và thường thì phướn Thánh Thất nhỏ hơn.

Phướn Tòa Thánh có hình dạng và màu sắc giống như Phướn Phật Mẫu, nhưng kích thước lớn hơn một chút và có vài chi tiết khác hơn Phướn Phật Mẫu.

MÔ TẢ: Phướn Tòa Thánh có bề ngang 1 thước 2 tấc, tức 12 tấc, bề dài 12 thước chưa kể những cái thẻ bên dưới. Bên dưới có 12 thẻ, mỗi thẻ dài 1 thước 2 tấc. Lấy con số 12 là vì số 12 là số đặc biệt của Đức Chí Tôn.

Phướn Tòa Thánh được chia làm ba phần từ trên xuống dưới, kể ra như sau:

Phần I: Phần trên hết màu vàng, bề dài 1 thước 2 tấc, trên đó có thêu hình hai con rồng nhìn vào một quả cầu gọi là: **Lưỡng long triều nhật**, nghĩa là hai con rồng chầu mặt Trời.

Phần II: Phần tiếp theo có bề dài 10 thước 8 tấc, có ba sọc vàng, xanh, đỏ dọc theo bề dài lá phướn, mỗi sọc có bề ngang 4 tấc. Sọc màu xanh da trời ở chính giữa, hai sọc vàng và đỏ hai bên. Hai bên bì lá phướn có gắn các thẻ, mỗi bên gắn 12 thẻ, mỗi thẻ dài 9 tấc, đuôi nhọn. Thẻ vàng gắn trên hết, kế dưới là thẻ màu xanh, kế dưới nữa là thẻ màu đỏ, thẻ thứ tư thì trở lại màu vàng, rồi xanh, rồi đỏ, cứ thế tiếp tục, đến thẻ chót là màu đỏ.

Trên sọc giữa màu xanh da trời của lá phướn có thêu lần lượt từ trên xuống dưới là:

- Thiên Nhãn với đường nét màu đen.
- Kế dưới là Cổ Pháp Tam Giáo: Xuân Thu, Phật chủ, Bát vu, tượng trưng tôn chỉ của Đạo Cao Đài là qui nguyên Tam giáo: Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo.

- Kế dưới là 6 chữ Hán thật lớn, màu vàng, đặt theo chiều dọc là: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Khoảng trống giữa các chữ Hán có gắn những cái hoa vải ba màu: vàng, xanh, đỏ.
- Phía dưới cùng là cái bình bông.

Mặt sau lá phướn Tòa Thánh là toàn một màu vàng.

Phần III: là phần đuôi phướn, gồm có 12 thẻ, mỗi thẻ dài 1 thước 2 tấc, trên nhỏ dưới lớn, đuôi nhọn. Các thẻ này (lớn và dài hơn các thẻ nơi bìa phướn) kết liên tiếp theo bề ngang của lá phướn, thẻ thứ nhất màu vàng, thẻ thứ 2 màu xanh, thẻ thứ 3 màu đỏ, thẻ thứ 4 trở lại màu vàng,....

Ba phần I, II, III của lá Phướn Tòa Thánh có bề dài tổng cộng là 13 thước 2 tấc. Do đó, cột phướn để treo lá phướn này phải cao từ 15 thước trở lên.

Nơi các Thánh Thất địa phương, thường thì cột phướn không cao như tại Tòa Thánh, nên khi làm lá Phướn Thánh Thất phải thu nhỏ kích thước lại một chút, tức là chỉ bằng kích thước của lá Phướn Phật Mẫu, dài 9 thước 9 tấc.

Phướn Thượng Phẩm

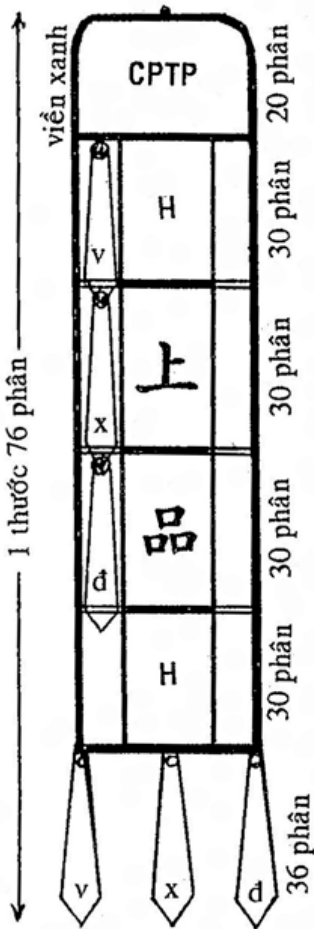
Phướn Thượng Phẩm là lá phướn trên đó có đề hai chữ Thượng Phẩm 上品 bằng Hán tự, và có thêm Cổ pháp Thượng Phẩm (Long Tu Phiến và Phát chủ).

Tại Tòa Thánh, phướn Thượng Phẩm được treo phía sau chỗ đứng của Đức Thượng Phẩm khi chào lễ Đức Chí Tôn.

Khi có Đại lễ cúng Đại đàn nơi Tòa Thánh, vị Hữu Phan Quân cầm phướn Thượng Phẩm hướng dẫn các Chức sắc từ phẩm Giáo Hữu và tượng đương thuộc hàng Thánh đồ lên đi vào Tòa Thánh hoá đàn.

Những Chức sắc qui vị từ phẩm Giáo Hữu hay tượng đương đồ lên, phải có một cây phướn Thượng Phẩm dựng trước bàn vong, và khi đưa linh cữu đi chôn, phướn Thượng Phẩm đi trước dẫn đường.

Nơi cỡi thiêng liêng, phướn Thượng Phẩm dùng để hướng dẫn các chơn hồn đặc đạo đi qua Cửu Trùng Thiên và đến Cực Lạc Thế Giới.



Phướn Thượng Phẩm nơi Tòa Thánh có bề dài khoảng 1 thước 8 tấc, bề ngang khoảng 36 phân, nền màu vàng, phần trên viền xanh, dưới viền đỏ, hai bên hông mỗi bên có 6 thẻ, thẻ vàng ở trên, kế dưới là thẻ xanh, dưới nữa là thẻ đỏ, cứ theo thứ tự như thế. Phần đuôi phướn có 6 thẻ kết ngang nhau. Mỗi thẻ có bề ngang hẹp và dài, đuôi nhọn, có kết một cái hoa nhỏ bên dưới. Nền phướn toàn màu vàng, phần giữa của phướn có những đường xanh chia thành 4 ô, hai ô giữa có hai chữ Hán Thượng Phẩm màu xanh, hai ô hai đầu có kết 2 cái hoa vải lớn.

Tại các Thánh Thất, phướn Thượng Phẩm có kích thước nhỏ hơn và kiểu vờ cũng hơi khác hơn một chút. Hình dạng và kích thước phướn Thượng Phẩm treo nơi Thánh Thất như sau:

Phướn có bề ngang 30 phân, bề dài kể cả đuôi phướn là 1 thước 76 phân.

Nền phướn màu vàng, chung quanh viền xanh dương, có 4

đường viền ngang chia lá phướn làm 5 ô:

- Ô thứ 1 dài 20 phân, thêu Cổ pháp Thượng Phẩm (CPTP): Long Tu phiến và Phát chữ.
- Ô thứ 2 dài 30 phân, có kết một hoa vải lớn màu tam sắc đạo (H).

- Ô thứ 3 dài 30 phân, có chữ Thượng bằng hán tự màu xanh.
- Ô thứ 4 dài 30 phân có chữ Phẩm bằng hán tự màu xanh.
- Ô thứ 5 dài 30 phân, có kết một hoa vải lớn màu tam sắc đạo (H).

Ở hai bên bìa có kết mỗi bên 3 thẻ, thẻ vàng ở trên, kế là thẻ xanh, dưới là thẻ đỏ, mỗi thẻ dài 36 phân, trên lớn dưới nhỏ, đuôi nhọn.

Phần đuôi phước gồm có 3 thẻ kết hàng ngang, mỗi thẻ dài 36 phân.

Phước Thượng Sanh

Phước Thượng Sanh là lá phước trên đó có đề hai chữ Thượng Sanh bằng 上生 Hán tự, và có thêu Cổ pháp Thượng Sanh (Phất chủ và Thư Hùng kiếm).

Tại Tòa Thánh, phước Thượng Sanh được treo phía sau chỗ đứng của Đức Thượng Sanh khi châu lễ Đức Chí Tôn.

Khi có Đại lễ cúng Đại đàn nơi Tòa Thánh, vị Tả Phan Quân cầm phước Thượng Sanh hướng dẫn các vị Lễ Sanh, Chức việc, Đạo hữu và các phẩm tượng đương thuộc hàng Thần vị đi vào Tòa Thánh hoá đàn.

Những Chức sắc qui vị từ phẩm Lễ Sanh hay tương đương trở xuống đến tín đồ, phải có một cây phước Thượng Sanh dựng trước bàn vong, và khi đưa linh cữu đi chôn, phước Thượng Sanh đi trước dẫn đường.

Vậy Phước Thượng Sanh chỉ hướng dẫn các chơn hồn thuộc Thần vị tức là thuộc ba phẩm: Đạo hữu, Chức việc Bàn Trị Sự, Lễ Sanh và các phẩm tượng đương, đối phẩm với: Địa Thần, Nhơn Thần và Thiên Thần. (Còn hàng Thánh vị trở lên thì phước Thượng Phẩm dẫn đường).

Trong truyện Phong Thần, cây phước mà Bá Dám cầm là cây phước Thượng Sanh, hướng dẫn các chơn hồn Thần vị lên đài Phong Thần nghe ban sắc.

Phướn Thượng Sanh có kích thước và màu sắc y như phướn Thượng Phẩm, chỉ đổi chữ Phẩm thành chữ Sanh, và Cổ pháp Thượng Phẩm thành Cổ pháp Thượng Sanh.

Phướn Tiếp Dẫn

Phướn Tiếp Dẫn là phướn của vị Phật gọi là Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, hướng dẫn các chơn hồn đặc đạo đi vào cõi CLTG.

KCHKHH: Tây phương Tiếp Dẫn Đạo Nhơn,
Phướn linh khai mở nẻo đường Lôi Âm.

KTCMĐQL: Nắm *phan Tiếp Dẫn* vào vòng Như Lai.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

KCHKHH: Kinh cầu hồn khi hấp hối.

KTCMĐQL: Kinh tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu.

Phướn Tiêu Diêu - Phướn Truy hồn

Phướn Tiêu Diêu, cũng gọi là Phướn Truy hồn, là cây Phướn của Lục Nương DTC, dùng để hướng dẫn các chơn hồn đến DTC báii kiến Đức Phật Mẫu.

Phướn Tiêu Diêu chỉ hướng dẫn các chơn hồn đến DTC là hết phận sự. Từ DTC đi đến cõi CLTG, hay đến Lôi Âm Tự ở kinh đô CLTG thì phải dùng Phướn Tiếp Dẫn hay Phướn Thượng Phẩm.

TTCĐDTKM: Lục Nương phát *phướn Truy hồn*,
Tang thương nay lúc bảo tồn chúng sanh.

Bài Thái hiển lễ Lục Nương trong HYDTC:

Nương mây như thả cánh hồng,
Tiêu Diêu phát phướn cõi tòng đưa Tiên.

KCTPĐQL: *Tiêu Diêu* định tánh nắm phan,
Dò theo Cực Lạc đon đàng siêu thăng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HYDTC: Hội Yên Diêu Trì Cung.

Phướn tử tôn

Tử: con. **Tôn:** cháu.

Phướn tử tôn được dùng khi đưa quan tài người chết đi an táng, có ý nghĩa là để cho các chơn hồn con cháu của người chết, nương theo lá phướn đó, đến đưa tiễn thể xác người chết đến nơi an nghỉ cuối cùng cho trọn tình nghĩa.

Thông thường thì phướn tử tôn được làm 6 lá, chia ra bên nam phái 3 lá và bên nữ phái 3 lá, do các em đồng nhi cầm, đi cặp hai bên và phía sau linh vị. Những người đưa đám thì đi sau linh cữu. Có bài thi:

THI:

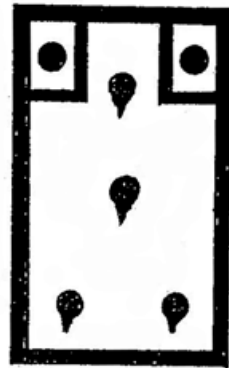
Phát phướn tử tôn đã tử trần,
Cũng vì hiếu nghĩa với người thân.
Xúm nhau đưa đón về ngôi vị,
Vọng tưởng Thiên cung rước khách trần.

Hình thức và màu sắc của lá phướn tử tôn như sau:

Phướn làm bằng vải đen, phía dưới hình đuôi cá, viền chung quanh bằng vải trắng, bề ngang chừng 30 phân, bề dài chừng 60 phân, trên phướn có kết vào những đốm trắng hình giọt lệ để tượng trưng sự thương tiếc.

Ba lá phướn tử tôn bên nam phái, mỗi lá kết 7 giọt lệ, ba lá phướn bên nữ phái kết vào 9 giọt lệ (nam thất nữ cửu). (Theo tài liệu của **Lễ Sanh Ngọc Sảnh Thanh**)

Phướn tử tôn thường được gọi là cờ tang.



Trong tang lễ của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, các cây cờ tang được may kiểu vở khác hơn và màu sắc cũng khác hơn.

Bán Nguyệt San Thông Tin số 33, bài Tường Thuật Thánh lễ Đạo táng Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, trang 30 có thuật lại như sau:

"Trong dịp cung nghinh liên đài kỵ long mã này, thấy nam nữ đồng nhi đã cắm 12 cây cờ tang, nam 6, nữ 6. Được biết, đây là 12 cây cờ tang do Bà Giáo Sư Hương Cúc may. Bà đã căn cứ theo lời dạy của Đức Hộ Pháp chỉ dạy về cách thức may cờ tang mà may thành kiểu cờ này.

Cờ tang hình chữ nhật, chiều dài khoảng 8 tấc, rộng khoảng 4 tấc, nền trắng, xung quanh viền màu xanh da trời, hai góc trên, mỗi góc viền một hình chữ nhật, cạnh dài xuôi xuống khoảng 2 tấc, rộng 1 tấc. Ngay trung tâm hai hình chữ nhật nhỏ này là hai chấm tròn đen, mỗi chấm có đường kính khoảng 2 phân. Khoảng cách còn lại giữa hai hình chữ nhật nhỏ, cũng ngay khoảng giữa, có một dấu lệ xanh.

Ngay trung tâm của cờ tang là một dấu lệ xanh, hai góc dưới cờ tang, mỗi góc một giọt lệ xanh, cộng chung trong cờ tang có 4 dấu lệ màu xanh da trời."

Cây cờ tang này có ý nghĩa giống như phướn tử tôn đã nói bên trên, nhưng hình thức và màu sắc đối khác.

PHƯƠNG

PHƯƠNG

1. **PHƯƠNG:** 方 Hướng, phía, cách thức, vuông, địa phương, ngay thẳng, nơi chốn.
Td: Phương châm, Phương thốn.
2. **PHƯƠNG:** 芳 Thơm, đức hạnh.
Td: Phương danh.
3. **PHƯƠNG:** 妨 Làm hại.
Td: Phương hại.

Phương bá

方伯

A: Suzerain.

P: Le suzerain.

Phương: Hướng, phía, cách thức, vương, địa phương, ngay thẳng, nơi chốn. **Bá:** tước Bá, đứng trên tước Hầu.

Phương bá là làm Bá chủ các nước chư Hầu ở một phương. (Xem chi tiết nơi chữ: Quan Phương bá, văn Q)

Phương châm

方針

A: Precept.

P: P: Le précepte.

Phương: Hướng, phía, cách thức, vương, địa phương, ngay thẳng, nơi chốn. **Châm:** cây kim.

Phương châm, nghĩa đen là cây kim chỉ hướng, nghĩa bóng là cái hướng phải theo để làm công việc đạt kết quả tốt đẹp.

TNHT: Mỗi đạo đức trau thân là *phương châm* thoát tục.

Phương châm hành đạo:

Đây là tên của một tập sách mỏng do Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung soạn ra (lúc Ngài còn là Đầu Sư Thượng Trung Nhựt) trong đó nêu ra những qui tắc chuẩn thẳng để cho các Chức sắc và Chức việc khi đi hành đạo noi theo đó mà thi hành thì sẽ đạt được nhiều kết quả tốt đẹp.

Sau đây xin chép Lời Tựa của tập sách này:

LỜI TỰA

Thiết tưởng, Đạo nào cũng dạy lánh dữ làm lành. Chủ nghĩa của mỗi tôn giáo thầy đều cao thượng nhưng nếu người hành đạo không noi theo một phương châm nào cho chánh đáng, tức nhiên Đạo cao thượng cũng hóa ra hư hèn, rồi lâu đời mỗi chánh truyền phải mất.

Tôi vốn không từng viết văn, lẽ không nên làm sách, song nghĩ vì trách nhiệm nặng nề, sở dĩ phải lược lục quyển sách "PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐẠO" này mong rằng chư Đạo hữu lưỡng phái nam nữ nhứt tâm hành sự theo qui tắc chuẩn thẳng, thì rất may mắn cho nền Đạo, mà lại cũng là một điều hân hạnh cho tôi lắm đó.

Mỗi lần thuyết đạo, chư vị Thiên phong cũng nên đem quyển sách này ra đọc cho chư tín đồ nghe rồi giải rành thêm cho mọi người dễ hiểu.

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 29 tháng 2 Mậu Thìn (1928)

Thượng Đâu Sư LÊ VĂN TRUNG

Phương Châm Hành Đạo của Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung gồm các mục sau đây:

1. **Giữ Đạo:** - Làm lành lánh dữ, - Trau dồi đức hạnh: Khiêm nhường, Nhẫn nại, Thuận hòa, Kiên tâm, Thanh liêm.
2. **Người trong Đạo phải đối đãi nhau thế nào?** - Tín đồ, - Chức sắc.
3. **Đối với người ngoại giáo:** - Đối với quan viên chức sắc, - Đối với người khác Đạo, - Đối với người nghịch Đạo.
4. **Phổ thông Thiên Đạo:** - Thuyết đạo, - Khai đàn.
5. **Phải năng hầu đàn.**
6. **Điều lệ hầu đàn:** Khi nhập đàn.
7. **Phải xem sách kinh, luật lệ.**
8. **Phải xem kinh sách thế nào? (Hết)**

Phương danh

芳名

A: Good reputation.

P: Bonne réputation.

Phương: Thơm, đức hạnh. **Danh:** tên, tiếng tăm.

Phương danh là tiếng thơm, tiếng tốt.

Phương dụng

方用

A: Method of use.

P: Mode d'emploi.

Phương: Hướng, phía, cách thức, vuông, địa phương, ngay thẳng, nơi chốn. **Dụng:** dùng.

Phương dụng là cách dùng, cách thức sử dụng.

Phương dụng cũng có nghĩa là tùy theo phương diện mà sử dụng cho thích hợp.

TNHT: Bởi có mà luật pháp vẫn nhiều mặt đặc biệt cùng nhau, tùy theo *phương dụng*,....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phương hại

妨害

A: Damage.

P: Dommage.

Phương: Làm hại. **Hại:** hao tổn.

Phương hại là gây thiệt hại, làm hao tổn.

Phương lược

方略

A: The stratagem.

P: Le stratagème.

Phương: Hướng, phía, cách thức, vuông, địa phương, ngay thẳng, nơi chốn. **Lược:** tính toán sắp đặt kế hoạch.

Phương lược là đường lối sắp đặt kế hoạch làm việc.

TNHT: Tòa Thánh là gốc cội của Đạo, nếu muốn lập công nơi đó vì Thầy đã dạy thì nên làm đi, cách xây đổi *phương lược* tùy cơ ứng biến, ấy là cơ nghiệp riêng của mỗi Đạo hữu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phương ngôn

方言

A: Idiom.

P: Idiome.

Phương: Hướng, phía, cách thức, vuông, địa phương, ngay thẳng, nơi chốn. **Ngôn:** lời nói, ngôn ngữ.

Phương ngôn là ngôn ngữ của từng địa phương.

Phương sĩ

方士

A: Magician.

P: Magicien.

Phương: Hướng, phía, cách thức, vuông, địa phương, ngay thẳng, nơi chốn. **Sĩ:** người học thức.

Phương sĩ là người học phép thuật của đạo Tiên để trừ tà, tróc quỷ.

Phương Sóc

方朔

Phương Sóc là ông Đông Phương Sóc, tu đắc đạo thành Tiên, làm Tổ Sư Tán Tiên. (Xem sự tích nơi chữ: Đông Phương Sóc, văn Đ)

TG: Sản Tất Viên, *Phương Sóc* chi bối.

TG: Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.

Phương thế

方勢

A: Manner.

P: Manière.

Phương: Hướng, phía, cách thức, vuông, địa phương, ngay thẳng, nơi chốn. **Thế:** cách cuộc bày ra.

Phương thế là cách thức giải quyết công việc.

TNHT: Thầy đã gầy *phương thế* cho các con đủ quyền hành lập Đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phương thốn

方寸

A: Heart.

P: Le coeur.

Phương: Hướng, phía, cách thức, vuông, địa phương, ngay thẳng, nơi chốn. **Thốn:** một tấc.

Phương thốn là một tấc vuông, ý nói tấc lòng, tấm lòng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Phương trượng

方丈

A: The cell of the chief of bonzes.

P: La cellule du chef des bonzes.

Phương: Hướng, phía, cách thức, vuông, địa phương, ngay thẳng, nơi chốn. **Trượng:** một trượng bằng 10 thước Tàu.

Phương trượng, nghĩa đen là một trượng vuông, nghĩa thường dùng là cái phòng ở của vị Hòa Thượng trụ trì trong một ngôi chùa Phật.

Ngày xưa, thất của ông Tịnh Danh (Duy Ma Cật) vuông vức một trượng mà chứa đựng ba ngàn ngôi sư tử. Văn Thủ Bồ Tát có đến hỏi Pháp nơi Tịnh Danh tại phương trượng ấy.

Vì vậy, về sau người ta gọi chỗ hỏi Pháp, nơi tăng phòng của vị Hòa Thượng trụ trì là Phương trượng.

Phương Tu Đại Đạo

方修大道

Phương: Hướng, phía, cách thức, vuông, địa phương, ngay thẳng, nơi chốn. **Tu:** tu hành. **Đại Đạo:** ý nói Đạo Cao Đài.

Phương Tu Đại Đạo là phương pháp tu hành của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là của Đạo Cao Đài.

Phương Tu Đại Đạo là tên của một tác phẩm thi văn do Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc trước tác, in được 2 tập, dạy về Nhơn đạo, tức là đạo làm người.

Đây là một đề tài rất lớn và cũng rất khó khăn, Đức Hộ Pháp mới viết được phần Nhơn đạo thì ngưng.

Đức Phạm Hộ Pháp viết Phương Tu Đại Đạo theo lối thơ tự do, lời thơ thật bình dị để mọi người đọc đều hiểu được, và khi hiểu được thì mới thực hành được.

Mở đầu, Đức Phạm Hộ Pháp viết như sau:

"Phương tu của anh em bốn đạo mình, nếu tùy theo tôn chỉ của Tam giáo thì phải làm thế nào cho gồm trọn cả tinh thần của ba đạo: Nho, Đạo, Thích mới phải, nhưng xét sự khó khăn thì chẳng thế nào làm ba đạo một lượt cho đặng hoàn toàn.

Vậy, chúng ta cứ lần lượt luyện tinh thần rồi tập buộc mình hằng ngày sửa tánh tu thân, từ từ lần bước đến cho tận nẻo đạo của Thầy đã khai ra quảng đại, đẹp đẽ, quang minh, trước mắt chúng ta đó.

Tục ngữ nói: Tu hành. Tu là trau giồi lấy tinh thần mình. Hành là luyện tập thân mình phải biết từng phục tinh thần sai khiến mà làm đạo.

Ấy vậy, phép tu chẳng phải luyện nội tinh thần mình theo đạo hạnh mà thôi, mà cái thân thể mình đây phải tùy từng phù hợp với đạo tâm, thể đạo chơn chánh bởi gương mình, hễ chúng sanh ngó đạo nói mình, xem mình cho là đạo mới phải.

Đạo chẳng phải nơi lời nói, mà lại nơi kết quả sự mình làm; chẳng phải nói câu kệ câu kinh mà tại cuộc hành vi người giữ đạo. Cái khó khăn của đạo chẳng ở nơi sự giảng dạy mà ở tại

sự thực hành. Cái hay của đạo chẳng phải ở tại nơi yếu lý mà ở nơi cuộc kết quả sự giáo truyền.

Lạ chi, mình muốn nhủ người bắt rông, cột phụng, nghĩ có khó chi tiếng biểu, song cốt yếu là biết người ta có phương bắt hay là cột đặng cùng chẳng? Hễ muốn điều chi nói ra mà thế gian làm không đặng thì đành cho là mị mộng, hướng chi anh em đồng đạo của mình ngày nay chẳng khác nào như người đi đường trên nẻo lạ, tốt hơn nên khuyên nhủ họ mỗi ngã khá ghi vôi, để dấu bước lần hỏi khi khởi lạ.

Trừ ra các kinh điển Hán văn, hay là Pháp văn cùng của các nước khác, xưa để lại, rõ hữu ích cho đạo lược dịch ra, thì tôi chẳng luận chi, chớ tôi thấy phần nhiều sách vở của nhiều Đạo hữu viết ra, chẳng dùng văn từ lý lẽ giản dị, lại dùng văn mắc mỏ, ý tứ rất cao kỳ, làm cho phần đông coi không hiểu thấu nên không bỏ ích chi cho đạo hết.

Rất đổi là Thầy còn phải dùng tiếng nói dễ dàng rẻ rúng mà làm thi dạy đạo thay. Nhờ vậy mà văn từ của Thầy ai coi cũng hiểu. Tôi xin chư Đạo hữu coi cách hành văn của Thầy, đọc lại mấy bài thi Thầy dạy đạo thì sẽ thấy rõ, ý tứ dầu cao kỳ mà câu văn ai cũng hiểu. Tôi dám chắc rằng tuy vậy mặc dầu mà cái ngòi văn tuyệt bút rõ ràng, hễ càng thấu tứ lại càng thâm thúy nơi lòng.

Tôi nhớ có một phen kể nghịch đạo để lời gièm pha biếm nhẽ rằng văn từ của Thầy xem rất thương tình. Tôi chấp bút phân phiên cùng Thầy. Thầy dạy rằng: Con ôi! trong anh em của con, phần dốt nhiều hơn phần hay chữ, đũa ám muội đông hơn đũa thông minh. Thầy đến chăm nom dạy dỗ đũa ngu dốt hơn là đũa hay giỏi, thà là đũa sáng khôn quá hiểu mà chê Thầy hơn là đũa dốt nghe đạo Thầy không rõ lý. Thầy cười rồi tiếp nữa rằng: Thầy muốn đạo của Thầy làm thế nào cho trẻ lên ba tuổi cũng hiểu đặng. Con nghĩ sao con? Lại cười nữa....

Tôi hiểu lòng nhơn từ quá lẽ của Thầy, cũng bắt tức cười theo.

Tôi chủ ý tỏ Thánh tứ ra đây cho chư Đạo hữu làng văn hiểu, đặng từ đây, tùy ý muốn của Thầy, dầu gặp phải vấn đề khó khăn, cũng gắng chí luận bàn cho giản dị.

Ồi! Phương tu lại cũng là một vấn đề khó giải lắm chút, nhưng may tôi nhờ ơn Đại Từ Phụ thương dạy dỗ nên mượn điệu văn thô kịch mà viết ra đây, ước giúp ích công tu chư Đạo hữu đôi chút là thỏa nguyện. Luận lý dầu thô sơ, xin chư Đạo hữu nam nữ nghĩ tình tha lời dị nghị.

Tôi chỉ luận hình thể trước đã, rồi sau sẽ luận đến tinh thần. Bồn phận người tu đối với đời, đối với đạo, đối với Trời ra thế nào? Ai ai mang mảnh xác phàm này rồi thì cũng từng theo ba cái luật thiên nhiên là: Luật đời, luật đạo và luật Trời.

Ba luật ấy tương tự như phù hợp với luật điều Tam giáo."

Nội dung hai quyển Phương Tu Đại Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp gồm các mục sau đây: - Luật đời, - Phận anh, - Phận chị, - Làm em trai, - Phận em gái, - Phận chồng, - Làm rể, - Làm vợ, - Làm dâu, - Phận làm cha. (Hết)

PHƯỜNG

Phường phát

彷彿

1. *Phường phát hay Phảng phát là lơ mờ không rõ ràng, lang thang đây đó, khó nhận biết được.*

TNHT: Than ôi! Có hình thể xương thịt mà chơn hồn *phường phát* nơi xa, thì cái thân vô dụng ấy trơ trơ như khối đá dựa đường, như khúc cây bên trũng.

2. *Phường phát là thoang thoảng ở xung quanh.*

TNHT: Vô Thánh điện mà hơi tà còn *phường phát*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



2

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục văn Q

QUA

- Qua
- Qua phân
- Qua điền lý hạ

QUÁ

- Quá
- Quá bất yểm công
- Quá cố
- Quá công
- Quá độ
- Quá khích
- Quá khứ vị lai
- Quá kiêu chiết kiêu
- Quá nhi bất cải, thị vị quá hỹ
- Quá trình
- Quá vãng

QUẢ

- Quả
- Quả báo
- Quả cảm
- Quả Càn Khôn
- Quả căn
- Quả dục
- Quả duyên
- Quả kiến thiếu văn
- Quả kiếp
- Quả nhân
- Quả nhiên
- Quả phẩm
- Quả phụ
- Quả phúc
- Quả tang
- Quả vị

QUÁCH

- Quách

QUÁI

- Quái
- Quái đản
- Quái gỡ
- Quái khí
- Quái kiệt
- Quái thai

QUAN

- Quan
- Quan ải
- Quan Âm Như Lai
- Quan Âm Các
- Quan điểm
- Quan hệ
- Quan Hôn Tang Tế
- Quan kiến
- Quan lại
- Quan liêu
- Quan niệm
- Quan pháp vô thân
- Quan phụ (Xem: Quan quả cô độc)

- Quan Phương Bá
- Quan quả cô độc
- Quan quách
- Quan sự
- Quan tài
- Quan tâm
- Quan Thánh Đế Quân
- Quan Thế Âm Bồ Tát
- Quan Trung
- Quan trường
- Quan viên

QUÁN

- Quán
- Quán chúng
- Quán cổ tri kim
- Quán tẩy
- Quán triệt
- Quán tướng

QUẢN

- Quản
- Quản Châu Đạo - Quản Tộc Đạo
- Quản Châu Thành Thánh Địa - Quản Phận Đạo
- Quản lý
- Quản suất
- Quản trị
- Quản Văn phòng

QUANG

- Quang
- Quang âm
- Quang lâm
- Quang minh chánh đại
- Quang tiền dụ hậu
- Quang tông diệu tổ

QUẢNG

- Quảng
- Quảng đại
- Quảng Hàn Cung
- Quảng khai
- Quảng thi đại đức
- Quảng truyền Đạo Đức

QUẠNH

- Quạnh quẽ

QUẠT

- Quạt nồng ấp lạnh

QUÂN

- Quân
- Quân Sư Phụ
- Quân thánh thần trung
- Quân Thiên nhạc
- Quân tử - Tiểu nhân

QUẦN

- Quần
- Quần chơn
- Quần hồng
- Quần linh
- Quần nhi
- Quần sanh

- Quần Thánh
- QUẬT**
- Quật hạ
- QUẾ**
- Quế
- Quế hòe
- Quế Hương nội điện
- QUI (QUY)**
- Qui
- Qui căn
- Qui chánh cải tà
- Qui cổ
- Qui củ chuẩn thẳng
- Qui điền
- Qui điều
- Qui hội
- Qui liễu
- Qui linh
- Qui mạng (Qui mệnh)
- Qui mao
- Qui mô
- Qui nguyên phục nhứt
- Qui nhứt
- Qui phạm
- Qui Thiên
- Qui Thiên lương
- Qui Thiện - Trường Qui Thiện
- Qui tịch
- Qui Tiên
- Qui ư Cực Lạc
- Qui vị
- Qui y
- QUÍ (QUỶ)**
- Quý
- Quý danh
- Quý hóa
- Quý hồ tinh, bất quý hồ đa
- Quý màu
- Quý nam - Quý nữ
- Quý nhân phò trợ
- Quý xuân - Quý thu
- QUỖ (QUỠ)**
- Quỉ
- Quỉ Dạ xoa
- Quỉ hồn - Quỉ nhân
- Quỉ khí
- Quỉ ma
- Quỉ mị
- Quỉ quái tinh ma
- Quỉ quyền
- Quỉ quyết
- Quỉ sứ
- Quỉ tai
- Quỉ vị
- Quỉ vô thường
- Quỉ vương

QUI (QUY)

- Qui lự

QUỐC

- Quốc
- Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách
- Quốc hồn
- Quốc mạch
- Quốc sĩ
- Quốc sự
- Quốc đạo - Quốc giáo
- Quốc thể
- Quốc túy
- Quốc tự

QUY

- Quy (Xem: Qui)

QUỶ

- Quỷ (Xem: Quỷ)

QUYÊN

- Quyên sinh
- Quyên trợ

QUYỀN

- Quyền
- Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung
- Quyền huynh thế phụ
- Quyền năng
- Quyền biến
- Quyền Thống Nhất
- Quyền Vạn linh

QUYẾN

- Quyến luyện hồng trần

QUYẾT

- Quyết
- Quyết đoán
- Quyết nghị
- Quyết sách vận trù
- Quyết thắng

QUYỆT

- Quyệt ngữ

QUA

QUA

QUA: 瓜 Dưa, trái dưa, như dưa hấu, dưa leo.
Td: Qua điền lý hạ, Qua phân.

Qua điền lý hạ

瓜田李下

Qua: Dưa, trái dưa, như dưa hấu, dưa leo. **Điền:** ruộng.
Lý: cây lý, cây mận. **Hạ:** dưới. **Qua điền:** ruộng dưa. **Lý hạ:** dưới cây lý.

Thành ngữ trên nói đầy đủ là: *Qua điền bất nạp lý, lý hạ bất chính quan*. Nghĩa là: Nơi ruộng dưa thì không nên xỏ giày, dưới cây lý thì không nên sửa nón.

Bởi vì với hai hành động trên, người ta có thể nghi ngờ mình muốn hái trộm dưa nên đi qua ruộng dưa mà làm bộ cúi xuống xỏ giày; hay muốn hái trộm trái lý (mận) mà đứng dưới cây mận làm bộ sửa nón trên đầu.

Sách Nho trong phần Chánh Kỹ, khuyên người quân tử phải cẩn thận về hành vi của mình, không nên để người ta nghi ngờ mình có ý làm điều xấu:

*Quân tử phòng vị nhiên, bất xử hàm nghi gian,
Qua điền bất nạp lý, lý hạ bất chính quan,
Thúc tẩu bất thân thọ, trường ấu bất tử kiên.*

Nghĩa là:

Người quân tử nên đề phòng khi chưa xảy ra, không ở trong chỗ hiểm nghi. Nơi ruộng dưa không xỏ giày, dưới cây lý không sửa nón, em chồng (em trai) và chị dâu không chung đụng, già trẻ không sánh vai.

Ý nói: Người quân tử ở trong những hoàn cảnh khó khăn tế nhị thì phải cẩn thận giữ mình, đừng để sanh ra điều nghi ngờ không tốt.

Qua phân

瓜分

A: To divide.

P: Diviser.

Qua: Dưa, trái dưa, như dưa hấu, dưa leo. **Phân:** chia ra.

Qua phân, nghĩa đen là xẻ trái dưa ra nhiều mảnh, ý nói: Chia cắt đất đai làm nhiều phần như xẻ trái dưa trái dưa.

QUÁ

QUÁ

QUÁ: 過 - đã qua, trải qua, - vượt khỏi mức bình thường, - lỗi lầm.

Td: Quá cố, Quá độ, Quá công.

Quá bất yểm công

過不掩功

Quá: lỗi lầm. **Bất:** không. **Yểm:** che đậy.

Quá bất yểm công là cái lỗi không che lấp được cái công, ý nói: Công nhiều lỗi ít.

Quá cố

過故

A: Deceased.

P: Décédé.

Quá: đã qua, trải qua. **Cố:** chết.

Quá cố là đã chết.

Người quá cố là người đã chết.

TĐ ĐPHP: Dường như người *quá cố* nhắc nhở ta điều gì.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Quá công

過功

A: Fault and merit.

P: Faute et mérite.

Quá: lỗi lầm. **Công:** nổi vất vả làm việc, công cán, công quả.

Quá công là tội lỗi và công quả.

Tội lỗi và công quả là hai thứ mà linh hồn người chết mang theo khi thoát xác trở về cõi thiêng liêng, để cân công bình thiêng liêng định phân thăng hay đọa.

Nếu công nhiều tội ít thì linh hồn được siêu thăng.

Nếu công và tội bằng nhau thì coi như trắng tay, một kiếp sanh nơi cõi trần không làm được điều gì hữu ích cho linh hồn, nên phải tái kiếp lập công nữa.

Nếu công ít mà tội nhiều thì bị đọa, phải đầu kiếp xuống trần mà đền tội theo Luật Nhân quả.

KSH: *Quá công* xem xét đền bồi,
Lành siêu dữ đọa thêm nhồi tội căn.

KSH: Kinh Sám Hối.

Quá độ

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Quá độ

過度

A: Exaggerated.

P: Exagéré.

Quá: vượt khỏi mức bình thường. **Độ:** chừng mực.

Quá độ là vượt qua mức bình thường, quá chừng mực.

Quá độ đồng nghĩa Quá đáng.

* Trường hợp 2: Quá độ

過渡

A: Transition.

P: Transition.

Quá: đã qua, trải qua. **Độ:** đưa qua sông.

Quá độ nghĩa đen là thuyền đưa qua sông. Ý nói: Giữa chừng của sự thay đổi từ trạng thái cũ chuyển sang trạng thái mới, như lúc thuyền qua sông, rời bến cũ đến bến mới.

Thời kỳ quá độ là khoảng giữa, từ thời kỳ cũ sang thời kỳ mới, tức là buổi giao thời giữa thời kỳ cũ và thời kỳ mới.

Quá khích

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Quá khích

過隙

Quá: đã qua, trải qua. **Khích:** khe hở trên vách.

Quá khích là đi qua khe hở, chỉ thời gian rất nhanh.

Bạch câu quá khích: ngựa trắng đi qua khe cửa, ý nói một khoảng thời gian rất ngắn, hay thời gian đi qua rất mau.

* Trường hợp 2: Quá khích

過激

A: Extremist.

P: Extrémiste.

Quá: vượt khỏi mức bình thường. **Khích:** cũng đọc là Kịch: nước vọt lên.

Quá khích là mạnh mẽ và quyết liệt quá mức thường, nghiêng hẳn về phía cực đoan.

Quá khứ vị lai

過去未來

A: Past and future.

P: Le passé et le futur.

Quá: đã qua, trải qua. **Khứ:** đi. **Vị:** chưa. **Lai:** tới.

Quá khứ là đã đi qua, chỉ thời gian đã qua.

Vị lai là chưa đến, chỉ thời gian sắp tới.

Quá kiều chiết kiều

過橋折橋

Quá: đã qua, trải qua. **Kiều:** cây cầu. **Chiết:** bẻ gãy.

Quá kiều chiết kiều là qua cầu rồi phá gãy cầu.

Ý nói: Khi mình đã tiến lên được rồi thì sanh lòng ích kỷ, không muốn cho kẻ khác tiến lên như mình.

Thành ngữ này đồng nghĩa: Qua cầu rút ván, Qua sông phá thuyền.

Quá nhi bất cải, thị vị quá hỹ

過而不改是謂過矣

Quá: lỗi lầm. **Nhi:** mà. **Cải:** sửa. **Bất cải:** không sửa đổi.

Thị: ấy là. **Vị:** gọi là. **Hỹ:** vậy.

Quá nhi bất cải: lỗi mà không sửa.

Thị vị quá hỹ: ấy gọi là lỗi vậy.

Cả câu hán văn trên có nghĩa là: *Lỗi mà không sửa, ấy gọi là lỗi vậy.*

Quá nhi năng cải thiện mạc đại nhiên: Có lỗi mà mà biết sửa thì tốt hơn cả.

Quá trình

過程

A: The process.

P: Le chemin parcouru.

Quá: đã qua, trải qua. **Trình:** đường đi.

Quá trình là con đường đã trải qua. Ý nói: bước diễn tiến của sự việc trong một khoảng thời gian nào đó.

Quá vãng

過往

A: To pass away.

P: Trépasser.

Quá: đã qua, trải qua. **Vãng:** đi qua.

Quá vãng là đã đi qua cõi đời. Ý nói: chết.

ĐLMD: Hạng truy phong công nghiệp, những người đã *quá vãng* mà có đủ bằng cứ đặng công chúng hoan nghinh.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

QUẢ

QUẢ

1. **QUẢ:** 果 Trái cây, kết quả, hẳn, chắc, thật ra.
Td: Quả báo, Quả căn, Quả cảm.
2. **QUẢ:** 寡 Ít, goá chồng.
Td: Quả dục, Quả phụ.

Quả báo

果報

A: Retribution.

P: Rétribution.

Quả: Trái cây, kết quả, hẳn, chắc, thật ra. **Báo:** đáp lại.

Quả báo là cái kết quả báo đáp lại những việc làm thiện hay ác của mình lúc trước.

Theo Luật Nhân Quả, hễ người làm lành tức là gieo nhân lành, ắt hưởng được quả lành báo đáp lại bằng sự an vui, hạnh phúc, thanh vượng; còn người làm ác tức là gieo nhân ác, ắt phải chịu cái quả ác báo đáp lại bằng sự khổ não, tai ương.

Luật Nhân Quả là một sự thực hiện nhiên, không ai có thể chối cãi được, tượng trưng cho sự công bình tuyệt đối của Thượng Đế.

Câu thường nói về Luật Nhân Quả: *Chường qua đắc qua, chường đậu đắc đậu*. Nghĩa là: Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Đó là một chơn lý.

Nếu quả báo xảy ra trong một thời gian ngắn, mọi người thấy rõ trước mắt thì gọi là: *Quả báo nhân tiền* hay **Tốc báo**.

Nếu quả báo xảy ra trong một kiếp thì gọi là **Hiện báo**.

Nếu quả báo xảy ra trong kiếp sau thì gọi là **Sanh báo**.

Nếu quả báo xảy ra trong nhiều kiếp sau gọi là **Hậu báo**.

Quả cảm

果敢

A: Audacious.

P: Audacieux.

Quả: Trái cây, kết quả, hẳn, chắc, thật ra. **Cảm:** không sợ gì hết.

Quả cảm là quyết chắc không sợ gì hết, quyết chí tiến hành công việc không sợ khó khăn.

Quả Càn Khôn

果乾坤

A: The heavenly globe.

P: Le globe céleste.

Quả: Trái cây, kết quả, hẳn, chắc, thật ra. **Càn Khôn:** Trời Đất, CKVT.

Quả Càn Khôn là trái Càn Khôn tượng trưng CKVT của Đức Chí Tôn, được thờ nơi BQĐ. (Xem chữ: Càn Khôn, vân C)

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

BQĐ: Bát Quái Đài.

Quả căn

果根

A: The consequences of the actions in the previous life.

P: Les conséquences des actions dans l'existence antérieure.

Quả: Trái cây, kết quả, hẳn, chắc, thật ra. **Căn:** rễ cây, gốc rễ.

Quả căn là cái kết quả tốt hay xấu của kiếp sống hiện tại là do cái gốc rễ từ kiếp trước. Cái gốc rễ ấy chính là những việc làm thiện hay ác trong kiếp sống trước.

Nếu kiếp hiện tại gặp nhiều hoạn nạn tai ương là do cái gốc rễ không lành (xấu), tức là cái căn xưa không lành.

PMCK: Vô siêu đọa quả căn hữu pháp.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Quả dục

寡慾

A: To have few desires.

P: Désirer peu.

Quả: Ít, goá chồng. **Dục:** ham muốn.

Quả dục là ít ham muốn, tức là kèm giữ lòng ham muốn không cho bùng lung.

Sách Minh Tâm Bửu Giám:

Cảnh Hành Lục vân:

Quả ngôn tắc tỉnh báng, quả dục tắc bảo thân,

Bảo thân giả quả dục, bảo thân giả tị danh,

Vô dục dị, vô danh nan,

Vụ danh giả sát kỳ thân, đa tài giả sát kỳ hậu.

Nghĩa là:

Sách Cảnh Hành Lục rằng:

Ít nói thì bớt kẻ chê bai, ít muốn thì giữ được mình,

Giữ mình ấy là ít lòng dục, giữ mình ấy là lánh tiếng,

Không lòng dục thì dễ, không danh tiếng thì khó,

Ham danh ấy là tự giết mình, nhiều của cải ấy là giết chết đời sau (con cháu).

Quả duyên

果緣

A: The divine position.

P: La position divine.

Quả: Trái cây, kết quả, hẳn, chắc, thật ra. **Duyên:** sức hỗ trợ cho cái Nhân thành Quả.

Quả duyên là cái kết quả do sự tu hành tạo ra. Đó là ngôi vị nơi cõi thiêng liêng.

KĐLC: Chơn linh an ngự cho vừa quả duyên.

KĐLC: Kinh đưa linh cửu.

Quả kiến thiếu văn

寡見少聞

Quả: Ít, quá chông. **Kiến:** thấy. **Thiếu:** ít. **Văn:** nghe.

Kiến văn là những điều nghe thấy, tức là sự hiểu biết.

Quả kiến thiếu văn là ít thấy ít nghe, chỉ người dốt nát, kiến thức ít ỏi.

Quả kiếp

果劫

A: The results of the previous life.

P: Les résultats de la vie antérieure.

Quả: Trái cây, kết quả, hẳn, chắc, thật ra. **Kiếp:** một kiếp sống.

Quả kiếp: kiếp sống hiện tại là cái kết quả của kiếp sống trước, tức là những việc làm thiện ác trong kiếp sống trước báo đáp lại trong kiếp sống này.

Quả kiếp nhân duyên: Cái nhân duyên kiếp trước đưa đến quả báo hiện tại.

KTCMĐQL: Dầu căn xưa *quả kiếp* đường bao.

KTCMĐQL: Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liều.

Quả nhân

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Quả nhân

果因

A: Cause and effect.

P: Cause et effet.

Quả: Trái cây, kết quả, hẳn, chắc, thật ra. **Nhân:** nguyên nhân.

Quả nhân tức là Nhân quả, có quả tức có nhân, có nhân thì phải có quả, nhân nào quả nấy; không nhân thì không quả, không quả thì không nhân. (Xem: Nhân quả, văn Nh)

TNHT: Diu độ quần sanh diệt *quả nhân*.

* Trường hợp 2: Quả nhân

寡人

Quả: Ít, goá chồng. **Nhân:** người.

- *Quả nhân là đàn bà goá chồng, đồng nghĩa Quả nữ.*
- *Quả nhân là người ít đức, tiếng vua xưng tự khiêm mình.*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quả nhiên

果然

A: Evidently.

P: Evidemment.

Quả: Trái cây, kết quả, hẳn, chắc, thật ra. **Nhiên:** như thế.

Quả nhiên là thật vậy, đúng như thế.

Quả phẩm

果品

A: The fruits.

P: Les fruits.

Quả: Trái cây, kết quả, hẳn, chắc, thật ra. **Phẩm:** các thứ, các loại.

Quả phẩm là các thứ trái cây.

Quả phụ

寡婦

A: The widow.

P: La veuve.

Quả: Ít, goá chồng. **Phụ:** người đàn bà.

Quả phụ là người đàn bà có chồng chết (goá chồng).

Thường nói: **Cô nhi quả phụ:** Trẻ mồ côi và đàn bà góa.

Quả phúc

果福

A: The divine position.

P: La position divine.

Quả: Trái cây, kết quả, hẳn, chắc, thật ra. **Phúc:** phước đức.

Quả phúc là kết quả của việc làm phước đức. Đó là ngôi vị cao trọng nơi cõi thiên liêng.

KTTg: Ngôi liên đài *quả phúc* Đà Lam.

KTTg: Kinh Tiểu Tường.

Quả tang

果贓

A: Evident proof.

P: Preuve évidente.

Quả: Trái cây, kết quả, hẳn, chắc, thật ra. **Tang:** chứng cứ.
Quả tang là bị bắt đang lúc phạm pháp.

Quả vị

果位

A: The divine position.

P: La position divine.

Quả: Trái cây, kết quả, hẳn, chắc, thật ra. **Vị:** ngôi vị, địa vị.

Quả vị là ngôi vị thành tựu hay kết quả thành tựu được của người tu hành. Đó là ngôi vị Thánh, Tiên, Phật nơi cõi thiêng liêng.

QUÁCH

QUÁCH

QUÁCH: 擲

■ Quách, thuở xưa có nghĩa là: *cái áo quan bọc bên ngoài cái quan tài*. Thường nói: **Trong quan ngoài quách**.

Đây là trường hợp nhà giàu hay nhà quan quyền, bọc xác người chết hai lớp: bên trong là quan tài, bên ngoài là quách. Ngày nay, người ta không còn dùng cách này nữa.

■ Nghĩa thường dùng ngày nay là: *Quách là cái áo quan nhỏ dùng để liệm xác con nít chết, hay cái áo quan nhỏ dùng để đựng cốt người chết khi lấy cốt cải táng lại hay đem thiêu*.

QUÁI

QUÁI

QUÁI: 怪 Lạ lùng kỳ dị, yêu quái, rất lắm.

Td: Quái gỡ, Quái khí, Quái kiệt.

Quái đản

怪誕

A: Fantastic.

P: Fantastique.

Quái: Lạ lùng kỳ dị, yêu quái, rất lảm. **Đản:** bịa chuyện ra, to lớn.

Quái đản là kỳ lạ, không thường thấy.

Quái gở

A: Monstruous.

P: Monstrueux.

Quái: Lạ lùng kỳ dị, yêu quái, rất lảm. **Gở:** xấu, đềm chằng lảnh.

Quái gở là kỳ quặc lạ lùng, không tốt.

Quái khí

怪氣

A: Foul air.

P: Air vicié.

Quái: Lạ lùng kỳ dị, yêu quái, rất lảm. **Khí:** chất hơi.

Quái khí là khí độc, khí ô trược.

Quái khí đồng nghĩa: Tà khí, Trược khí.

KĐ4C: Trừ *quái khí* roi thần chớp nhoáng.

KĐ4C: Kinh Độ Tứ cửu.

Quái kiệt

怪傑

A: Extraordinary man.

P: Homme extraordinaire.

Quái: Lạ lùng kỳ dị, yêu quái, rất lảm. **Kiệt:** tài giỏi hơn người.

Quái kiệt là người tài trí lạ lùng.

Quái thai

怪胎

A: Monster.

P: Monstre.

Quái: Lạ lùng kỳ dị, yêu quái, rất lắm. **Thai:** cái thai trong bụng mẹ.

Quái thai là cái thai kỳ lạ, thí dụ như có hai đầu, hay thai không giống hình người.

Quái thai còn chỉ người quái gở, sự vật kỳ quặc.

QUAN

QUAN

1. **QUAN:** 官 Chức quan, của công.
Td: Quan lại, Quan liêu.
2. **QUAN:** 關 Cửa ải, then cửa, đóng, quan hệ, họ.
Td: Quan ải, Quan hệ, Quan tâm.
3. **QUAN:** 觀 Nhìn xem, hình tượng đã xem, ý thức.
Td: Quan điểm, Quan kiến.
4. **QUAN:** 冠 Cái mũ (nón), lễ đội mũ.
Td: Quan Hôn Tang Tế.
5. **QUAN:** 棺 Cái hòm để liệm xác chết.
Td: Quan tài.
6. **QUAN:** 鰥 Người đàn ông góa vợ.
Td: Quan phu, Quan quả cô độc.

Quan ải

關隘

A: Frontier post.

P: Poste frontière.

Quan: Cửa ải, then cửa, đóng, quan hệ, họ. **Ái:** nơi hiểm trở.

Quan ải là nơi hiểm yếu tại biên giới, có đường thông vào nội địa.

TNHT: Ấy là một cái *quan ải*, các chơn hồn khi qui Thiên phải đi ngang qua đó.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quan Âm Như Lai

觀音如來

Quan: Nhìn xem, hình tượng đã xem, ý thức. **Âm:** tiếng nói, âm thanh. **Như Lai:** Phật.

Quan Âm Như Lai, cũng gọi là Quan Thế Âm Bồ Tát, là vị Nữ Phật, nhưng mang danh hiệu Bồ Tát, nghe biết được tiếng kêu cứu của nhơn sanh nơi cõi trần để hiện thân đến cứu giúp.

Trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài đảm nhiệm chức vụ Nhị Trấn Oai Nghiêm, thay mặt Đức Phật Thích Ca cầm quyền Phật giáo. (Xem chi tiết: [Quan Thế Âm Bồ Tát](#))

Quan Âm Các

觀音閣

Quan Âm: Quan Âm Bồ Tát. **Các:** cái gác.

Quan Âm Các là cái gác để thờ Đức Quan Âm Bồ Tát.

Quan điểm

觀點

A: The point of view.

P: Le point de vue.

Quan: Nhìn xem, hình tượng đã xem, ý thức. **Điểm:** xét nét, chỗ đứng.

Quan điểm là chỗ người ta đứng để quan sát sự vật, giải quyết các vấn đề theo cái nhìn từ vị trí của mình.

Quan điểm của nhà tu hành thường khác với quan điểm của người đời, bởi vì một đẳng thì phé đời, một đẳng thì vì đời.

Quan hệ

關係

Quan: Cửa ải, then cửa, đóng, quan hệ, họ. **Hệ:** liên hệ, buộc vào nhau.

- *Quan hệ là có sự ràng buộc chặt chẽ với nhau.*
- *Quan hệ là quan trọng.*

TNHT: Mặc dầu lời thỉnh nguyện có *quan hệ* cách mấy đi nữa cũng không đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quan Hôn Tang Tế

冠婚喪祭

Quan: Cái mũ (nón), lễ đội mũ. Lễ đội mũ cho con trai khi lớn lên vừa tròn 20 tuổi, gọi là Lễ Gia Quan, theo cổ tục của người Tàu, và người Việt Nam ta thời xưa cũng bắt chước theo, ngày nay đã bỏ.

Do đó, chữ Quan trong trường hợp này để chỉ phép tắc cư xử giữa những người trong họ và trong xã hội.

Hôn: việc hôn nhân, tức là việc cưới vợ cho con trai hay việc gả chồng cho con gái khi đến tuổi trưởng thành.

Tang: việc để tang, cúng tế và chôn cất người chết.

Tế: việc tế lễ, tổ chức cúng tế Trời Đất và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật nơi Đình, Miếu, Chùa, Thất.

CG PCT: *Quan, Hôn, Tang, Tế* là điều cần nhứt của kiếp sống đời người.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Quan kiến

觀見

A: To observe.

P: Observer.

Quan: Nhìn xem, hình tượng đã xem, ý thức. **Kiến:** thấy.

Quan kiến là quan sát nhìn thấy.

TNHT: Em an dạ, từ đây đã *quan kiến* sự kết cuộc của Chí Tôn đã định trước. (**Em:** Bát Nương nói với Đức Hộ Pháp)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quan lại

官吏

A: Mandarins.

P: Mandarins.

Quan: Chức quan, của công. **Lại:** người làm việc công, chức quan nhỏ ở văn phòng.

Quan lại là chỉ chung những người có chức vụ trong các cơ quan công quyền.

KSH: Tờ phản thầy, *quan lại* bất trung.

KSH: Kinh Sám Hối.

Quan liêu

官僚

A: Bureaucratic, Authoritative attitude.

P: Bureaucratique, L'attitude autoritaire.

Quan: Chức quan, của công. **Liêu:** bạn bè cùng làm quan với nhau.

Quan liêu thường được dùng theo nghĩa: Có thái độ hống hách, kênh kiêu đối với dân chúng, cho rằng ta đây là người quan trọng mà dân chúng phải cầu cạnh hay xin xỏ.

Quan niệm

觀念

A: Conception.

P: Conception.

Quan: Nhìn xem, hình tượng đã xem, ý thức. **Niệm:** nghĩ nhớ.

Quan niệm là nhận thức của mình về một vấn đề hay về một hệ thống gồm nhiều ý tưởng liên quan đến một vấn đề.

Quan pháp vô thân

官法無親

Quan: Chức quan, của công. **Pháp:** pháp luật. **Thân:** thân thích, gần gũi.

Quan pháp là pháp luật của nhà nước đặt ra mà các quan có nhiệm vụ thi hành.

Quan pháp vô thân là pháp luật của nhà nước không thân thiết với ai cả, cứ giữ mực công bình mà làm việc, không thiên vị những người thân yếu của mình như cha mẹ hay vợ con.

Thành ngữ trên còn nói: Quan pháp bất vị thân.

Quan phu

(Xem: Quan quả cô độc)

Quan Phương Bá

Quan Phương Bá là người thuộc thời nhà Châu bên Tàu, có chí thương đời trọng Đạo, lại đầy lòng nghĩa hiệp, lấy sự hiền đức dạy dỗ dân chúng, lấy nhân nghĩa đối đãi cùng mọi người. Ông thường mang bầu quặng gậy đi khắp đó đây, tận các nơi thôn quê hẻo lánh để thi ân bố đức và giáo hóa dân chúng; không giống như các quan lại địa phương, dùng quyền uy thế lực để hiếp bức dân chúng và hà lạm của dân.

Đàn cơ tại Phạm Nghiệp ngày 28-12-Ất Hợi (dl 22-1-1936), Phò loan: Đức Hộ Pháp - Tiếp Thế, Ngài Phối Thánh Phạm Văn Màng giảng cơ khuyên các bạn trong Phạm Môn, có câu:

"Em chỉ để lời căn dặn mấy anh nhớ lời Sư phụ dặn rằng: Dầu chi chi cũng làm Quan Phương Bá cho nhà Châu mà thôi, chớ đừng làm quan nha cho thế sự đa nghe."

Làm Quan Phương Bá nhà Châu thì không cần chức tước, cứ đi hành thiện khắp nơi tự do thoải mái; còn làm quan nha thì có áo mão, phẩm tước, nên bị buộc ràng vào chốn danh lợi quyền, với lòng tham dục sẵn có của mỗi người nên dễ gây ra tội tình oan nghiệt.

Trong Đạo Luật năm Mậu Dần, phần Phở Tế, qui định về Chức sắc Phở Tế:

"Chư vị Chức sắc lãnh phần Phở Tế phải kể mình như các vị Quan Phương Bá nhà Châu buổi nọ, nghĩa là mảnh thân gánh nặng nghĩa vụ nơi vai thì phải châu lưu cùng khắp trong chốn thôn quê sẵn dãi, vào tận nơi nào có lấp loáng bóng người đừng đem chơn lý Đạo mẫu thức tỉnh cho thế gian hồi tâm giác ngộ, kẻo một ngày trễ là một ngày hại cho nhơn sanh chưa biết Đạo."

Quan quả cô độc

鰥寡孤獨

A: Widower, widow, orphan and heirless.

P: Veuf, veuve, orphelin et sans héritier.

Quan: Người đàn ông góa vợ. **Quả:** người phụ nữ góa chồng. **Cô:** con mồ côi. **Độc:** người già mà không có con truyền kế.

Người đàn ông góa vợ gọi là Quan phu 鰥夫

Người đàn bà góa chồng gọi là Quả phụ 寡婦

Quan, quả, cô, độc là bốn hạng người kém may mắn nhứt trong xã hội, cần được các tổ chức từ thiện của nhà nước hay của tôn giáo quan tâm giúp đỡ về mặt vật chất và an ủi về phương diện tinh thần.

Quan quách

棺槨

A: The exterior and interior coffin.

P: Le cercueil extérieur et intérieur.

Quan: Cái hòm để liệm xác chết. **Quách:** cái hòm lớn bọc bên ngoài quan tài.

Quan quách là cái hòm thuở xưa có hai lớp: trong quan ngoài quách để liệm xác chết của những người mà gia đình giàu có, vì cái quan quách rất mắc tiền so với cái áo quan thường.

Ngày nay, người ta chỉ dùng một lớp áo quan mà thôi, và danh từ Quan quách cũng có nghĩa đổi khác một chút:

- Quan là cái áo quan để liệm xác người chết.
- Quách là cái áo quan nhỏ để liệm xác chết của trẻ em, hoặc để lấy cốt người chết đã lâu đem cải táng chỗ khác.

Quan sự

官事

A: The lawsuit.

P: Le procès civil.

Quan: Chức quan, của công. **Sự:** việc.

Quan sự là việc thưa kiện nơi cửa quan.

KCK: *Quan sự* đặc tán, tụng sự đặc hưu,....

Quan tài

棺材

A: The coffin with a dead body in it.

P: Le cercueil renfermant le corps du mort.

Quan: Cái hòm để liệm xác chết. **Tài:** gỗ để làm đồ vật.

Quan tài là cái hòm trong đó có liệm xác người chết.

Cái quan tài khi được đưa đi chôn thì gọi là Linh cửu.

Quan tâm

關心

A: To concern oneself with.

P: S'intéresser à.

Quan: Cửa ải, then cửa, đóng, quan hệ, họ. **Tâm:** lòng dạ.

Quan tâm là chú ý đến, để tâm đến.

TNHT: Ngày giáng sanh của Chúa Cứu Thế là việc đã có lời sấm tiên tri rồi mà các con không chịu *quan tâm* đến.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quan Thánh Đế Quân

關聖帝君

Quan Thánh: vị Thánh họ Quan.

Đức Quan Thánh Đế Quân, hay gọi đầy đủ là: Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân, là Đệ Tam Trấn Oai Nghiêm, đại diện Đức Khổng Tử, cầm quyền Nho giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Trên tấm diềm trước Bát Quái Đài Tòa Thánh, tượng của Đức Quan Thánh Đế Quân với tư thế đang ngồi xem sách Xuân Thu, ở bên dưới tượng của Đức Khổng Tử, gần bìa phía trái thuộc bên Nam phái.

Trên Thánh Tượng Ngũ Chi thờ tại tư gia, hình Đức Quan Thánh Đế Quân ở về phía trái của Thiên Nhân, dưới hình Đức Khổng Tử. Ngài mặt đỏ, râu đen năm chòm, đầu đội mũ có ngù đỏ, tay mặt vuốt râu, tay trái cầm Kinh Xuân Thu.

Ngài có nhiều danh hiệu, xin kể ra sau đây các danh hiệu thường gặp: Quan Công, Quan Thánh, Quan Đế, Nhân Đức Thánh Quân, Phục Ma Đại Đế, Thần Oai Viễn Trấn, Phật Già Lam, Cái Thiên Cổ Phật,....

Ngài giáng trần nơi nước Trung Hoa vào cuối thời nhà Hán, họ Quan, tên Võ (hay Vũ), tự là Thọ Trường, sau đổi lại là Văn Trường, người đất Giải Lương, tỉnh Hà Đông (có sách chép Ngài sinh tại Bồ Châu).

Theo Trung quốc Sử lược, Ngài bị giết chết năm 219 sau Tây lịch, và theo truyện Tam Quốc Chí, Ngài bị Tôn Quyền xử trảm, năm đó là năm Kiến An thứ 24, hưởng được 58 tuổi. Do đó, ta có thể suy ngược ra năm sinh của Đức Quan Thánh là: $219 - 57 = 162$ sau Tây lịch.

Vậy, Đức Quan Thánh sinh năm 162 và mất năm 219 sau Tây lịch, hưởng thọ 58 tuổi.

Theo sách Minh Thánh Kinh, thân phụ của Quan Võ là Quan Nghị, tự là Đạo Viễn, ông nội là Quan Thẩm tự là Vân Chi, và ông cố là Quan Long Phùng.

Theo truyện Tam Quốc Chí, Quan Võ đi đến Trác Quận, thì gặp Lưu Bị và Trương Phi. Lưu Bị nhìn Quan Võ thấy Quan Võ mình cao 9 thước, mặt đỏ như thoa son, mắt phượng mày ngài, tướng mạo đường đường, oai phong lẫm lẫm, liền mời nói chuyện để làm quen.

Quan Võ tự giới thiệu: Tôi họ Quan, tên Võ, tự là Vân Trường, người đất Giải Lương, tỉnh Hà Đông. Nhân vì vùng tôi có một tên thổ hào ỷ thế hiếp đáp dân lành, tôi nổi giận giết nó, rồi bỏ đi lánh nạn. Tôi phiêu bạt giang hồ đã hơn 5 năm, nay nghe có giặc Khăn Vàng (Huỳnh Cân) nổi lên quá nhiều, nên muốn đầu quân trừ giặc, cứu an bá tánh.

Lưu Bị và Trương Phi cũng đem chí nguyện của mình tỏ bày, thì ba người rất hợp chí hướng, đồng kéo nhau về nhà Trương Phi gần đó. Trương Phi nói:

- Muốn làm nên việc lớn, cốt phải hiệp sức đồng tâm. Sau nhà tôi có một Vườn Đào đang tiết nở hoa rất nhiều, ngày mai chúng ta đến đó tế cáo Trời Đất, kết nghĩa làm anh em (Đào viên kết nghĩa).

Lưu Bị (Lưu Huyền Đức) và Quan Võ (Quan Vân Trường) đều cho lời nói của Trương Phi (Trương Dục Đức) là phải. Ngày hôm sau, Trương Phi sai gia nhân mổ trâu đen, ngựa trắng, bày đủ lễ nơi Đào Viên, ba người đứng trước hương án, vái mỗi người hai vái, rồi cùng nhau thề rằng:

"Ba chúng tôi là Lưu Bị, Quan Võ, Trương Phi, tuy khác họ, nhưng kết làm anh em, quyết đồng tâm hiệp lực cứu khổ phò nguy, trên báo đáp quốc gia, dưới giúp yên bá tánh. Chúng tôi

không mong được sanh cùng năm cùng tháng cùng ngày, chỉ nguyện chết cùng ngày cùng tháng cùng năm. Hoàng Thiên Hậu Thổ chứng giám lời thề này, ai bội nghĩa có Trời Đất tru diệt."

Thề xong, ba người so tuổi nhau, Lưu Bị lớn tuổi nhất nên làm anh cả, Vân Trường làm thứ và Trương Phi làm em út.

Trương Phi sai gia nhân bắt trâu dê trong chuồng làm thịt đãi tiệc lớn tại Vườn Đào, tập trung tất cả các tráng sĩ trong vùng đến ăn uống. Các tráng sĩ tề tựu có tới 300 người, vui say một bữa no nê. Hôm sau, mọi người chia nhau đi thu thập khí giới. Mọi việc tạm yên, chỉ hiềm còn thiếu ngựa trận để cỡi.

Trong lúc lo tính, bỗng có người chạy vào báo: Có hai người khách thương cùng đoàn tùy tùng dẫn theo bầy ngựa khá đông đang đi về hướng trang trại này.

Lưu Bị nói: Đây là Trời giúp ta.

Ba anh em vội ra khỏi trại. Hai vị khách thương này chính là thương gia lớn ở đất Trung Sơn, một người tên là Trương Kế Bình, một người tên là Tô Song, hàng năm thường lên mạn Bắc mua giống ngựa khỏe đem về bán ở Trường An. Nay vì miền này có giặc, nên không thể đem ngựa đi được.

Lưu Bị hỏi dọn tiệc đãi đoàn khách thương, rồi đem ý muốn chống giặc cứu dân của mình ra bày tỏ. Hai vị khách thương vui lòng hiến cho 50 con ngựa khỏe, lại tặng thêm 500 lượng vàng bạc, và 1000 cân thép tốt để rèn binh khí và làm giáp trụ. Khách cáo từ. Lưu Bị tạ ơn, và tiễn chân khách đến mấy dặm đường mới trở về.

Sau đó, Lưu Bị cậy thợ rèn giỏi chế tạo một đôi Song Cổ kiếm; Quan Võ thì một cây đại đao Thanh Long Yển Nguyệt, còn gọi là Lân Diệm Cử nặng 82 cân (Thanh Long là Rồng xanh, Yển nguyệt là trăng khuyết nửa vành), Trương Phi rèn một cây Xà Mâu gọi là Bát Điểm Cương Mâu.

Ai nấy đều trang bị cương giáp, rồi kéo hơn 300 quân dũng sĩ đến ra mắt Thái Thú Lưu Yên. Lưu Yên hỏi danh tánh, ba anh em đều xưng rõ tên họ, riêng Lưu Bị còn nói cho Lưu Yên biết rằng mình là tông phái Hoàng gia. Lưu Yên mừng rỡ, nhận Lưu Bị tức là Lưu Huyền Đức làm cháu.

Vào thành được vài hôm thì có tin quân thám thính về báo: Tướng giặc Khăn Vàng là Trình Viễn Chí thống lãnh 5 vạn quân kéo đến quấy nhiễu Trác Quận.

Lưu Yên liền sai Châu Tinh dẫn ba anh em Lưu Bị cùng 300 quân dũng sĩ đi trước phá giặc. Anh em Lưu Bị không hề ngần ngại, lãnh quân đi tiên đạo trực chỉ đến chân núi Đại Hưng, vì vừa thấy quân giặc kéo tới đó.

Lưu Bị thúc ngựa ra trận, bên tả có Quan Võ, bên hữu có Trương Phi yểm hộ. Lưu Bị giơ roi mắng giặc: Đồ phản loạn, đừng hòng múa rối, hãy xuống ngựa đầu hàng cho sớm.

Tướng giặc Khăn Vàng Trình Viễn Chí nổi giận, sai Phó tướng ra đánh. Phó tướng Đặng Mậu vừa xông ra thì Trương Phi thành linh lướt tới, đâm cho một xà mâu trúng ngay ngực, ngã lăn xuống ngựa chết liền.

Thấy Phó tướng của mình chưa ra tay đã bị hại, Trình Viễn Chí liền múa đao xông tới đánh Trương Phi. Quan Võ liền vung đao cản lại. Uy lực của Quan Võ rất mạnh khiến Trình Viễn Chí sợ hãi, trở tay không kịp, bị Quan Võ vớt một đao đứt làm hai đoạn.

Đó là lần đầu tiên ba anh em Lưu Bị, Quan Võ và Trương Phi ra trận chiến thắng vẻ vang.

Nhờ công tham gia dẹp giặc Khăn Vàng, vua Hán Hiến Đế triệu ba anh em vào cung khen thưởng, nhận Lưu Bị là chú họ của vua, và phong chức là Tả Tướng Quân, còn Quan Võ và Trương Phi thì không kể đến. Do đó, nhiều người gọi Lưu Bị là Lưu Hoàng Thúc.

Bấy giờ, nơi triều đình, Đồng Trác chuyên quyền, phé vua Hán Thiếu Đế, lập Trần Lưu Vương lên làm Hán Hiến Đế lúc mới 9 tuổi, Đồng Trác làm Tướng Quốc, nắm hết binh quyền. Các trấn chư Hầu không phục. Tào Tháo nhân cơ hội này, phát hịch kêu gọi các trấn chư Hầu đến họp binh tại Đức Châu, bàn việc trừ Đồng Trác. Các chư Hầu đồng tôn Viên Thiệu lên làm Minh Chủ.

Đồng Trác sai một dũng tướng là Hoa Hùng cất quân đánh chư Hầu. Các tướng của chư Hầu không ai đánh lại Hoa

Hùng, còn đang lúng túng, thì bỗng có tiếng nói: Kẻ bắt tài này xin lấy đầu của Hoa Hùng về dâng dưới trướng.

Mọi người nhìn lại thấy người mới nói đó là Quan Võ, em của Lưu Bị, đang đứng hiên ngang chờ lệnh.

Tào Tháo sai quân rót một chén rượu nóng thưởng Quan Võ trước khi lên ngựa ra trận.

Quan Võ nói: Xin cứ rót rượu, tôi sẽ trở về ngay.

Dứt lời, Quan Võ bước ra ngoài, cầm Thanh Long đao phi thân lên ngựa bay ra mặt trận.

Các trấn chư Hầu ngồi trong trướng, nghe bên ngoài trống trận vang rền, quân sĩ hò hét như sấm dậy. Các quan đều lo sợ định cho người ra thám thính xem sao thì bỗng nghe tiếng nhạc ngựa trở về reo lên trước trướng. Quan Võ hiện ra uy phong lẫm liệt, tay cầm thủ cấp Hoa Hùng ném xuống đất, rồi đưa tay cầm lấy chén rượu còn nóng hổi, uống một hơi.

Tào Tháo mừng rỡ vô cùng, liền bàn kế tấn binh.

Đổng Trác hay tin Hoa Hùng tử trận, liền cử đại binh tiếp ứng đánh các chư Hầu, Lữ Bố dẫn binh đi tiên phong nhằm nơi Thái Thú Công Tôn Toàn đóng binh khiêu chiến.

Công Tôn Toàn buộc phải thúc ngựa ra đánh với Lữ Bố, nhưng chỉ được vài hiệp là Công Tôn Toàn đuối sức, sắp nguy đến nơi, Trương Phi thúc ngựa chạy ra tiếp cứu.

Trương Phi cùng Lữ Bố đánh nhau được 50 hiệp vẫn chưa phân thắng bại, Quan Võ liền giục ngựa xông ra tiếp chiến. Lữ Bố vẫn không nao núng, ba người đánh vùi. Lưu Bị nóng lòng múa cặp song cổ kiếm xông ra trợ chiến với hai em. Ba người vây đánh Lữ Bố, xoay tròn như đèn kéo quân.

Lữ Bố biết sức mình không cự nổi ba người nên hoành kích nhắm Lưu Bị đâm một nhát, Lưu Bị né tránh thì Lữ Bố liền giục ngựa Xích thố nhảy vọt khỏi vòng chiến, chạy trở về thành cố thủ.

Cuối cùng Tào Tháo cũng diệt được phe Đổng Trác, Tào Tháo lên làm Thừa Tướng và cũng chuyên quyền y như Đổng Trác. Ba anh em Lưu, Quan, Trương, rất bất bình, kéo quân đến chiếm Từ Châu, chống lại Tào Tháo. Lưu Bị sai Quan Võ

giữ thành Hạ Bì, Tôn Càng, Giản Ung, My Trúc giữ Từ Châu, còn Lưu Bị và Trương Phi đóng binh ở Tiểu Bái.

Tào Tháo đem binh đánh Tiểu Bái, Lưu Bị thua chạy sang nương náu với Viên Thiệu, Trương Phi chạy lạc đến Cổ Thành, giết chết quan Huyện, thu lấy ấn tín, chiếm đóng thành trì làm chỗ an thân.

Quan Võ ở Hạ Bì cũng chịu thất thủ, bỏ chạy lên đỉnh núi Thổ San đóng binh. Trương Liêu, tướng của Tào Tháo, đến gặp Quan Võ tỏ bày hơn thiệt. Trương Liêu nói:

- Tôi vì cảm nghĩa ngày trước anh cứu tôi, nay tôi đến đây đem tin cho anh rõ: Lưu Bị hiện lưu lạc ở đâu chưa rõ, còn Trương Phi chẳng biết mất còn. Hôm qua, Tào Tháo đã chiếm thành Hạ Bì, dân chúng trong thành đều không bị hại, gia quyến của Lưu Bị được Tào Tháo bảo vệ tử tế.

Quan Võ nổi giận hét lớn:

- Trương Liêu dám đến đây dụ ta hay sao? Ta thà chết chứ không đầu hàng ai cả. Hãy về đi, nếu không ta chém đầu bây giờ.

- Anh nói thế không sợ người ta chê cười anh sao? Tôi vì sợ thiên hạ chê cười anh nên mới đến đây nói cho anh rõ, chứ đâu dám đến dụ hàng.

- Người nói thiên hạ cười ta việc gì?

- Tôi biết anh dũng lực có thừa, song hiện nay thế binh của anh tan vỡ, nếu liều chết thật là có tội.

- Ta bình sanh không chịu nhục, nay ta ra trận quyết sống thác với địch, nay chẳng may thất cơ thì liều chết mà đền nợ nước, sao lại có tội?

- Nếu anh liều chết, anh sẽ phạm 3 tội. Anh thử nghĩ xem, Lưu Bị hiện nay thất lạc, nhưng chí cả chưa đoạt, thế nào cũng cần người nghĩa dũng, nếu sau này Lưu Bị cần đến anh mà không có anh tức là anh có tội thứ nhất. Lưu Bị lại phó thác gia quyến cho anh mà anh chết rồi thì ai bảo vệ gia quyến ấy, đó là tội thứ nhì. Anh là kẻ võ nghệ siêu quần, há lại không khuông phò nhà Hán để danh muôn thuở, lại liều chết như thế phỏng có ích gì, đó là tội thứ ba.

Quan Võ nghe Trương Liêu phân tách như thế thì dụi xuống, thở dài nói:

- Người nói ta ba tội, vậy người bảo ta bây giờ phải làm thế nào?

- Nay bốn phía đều có binh của Tào Tháo, nếu chống cự cũng không thoát khỏi, chi bằng hãy tạm đầu hàng để nghe ngóng tin tức của Lưu Bị. Nếu người còn ở nơi nào thì anh sẽ đến đó tìm. Như vậy, một là anh bảo vệ được hai vị phu nhân của Lưu Bị, hai là chẳng phụ lời ước thệ ngày xưa, ba là để dành cái thân hữu dụng ngày sau giúp cho nhà Hán. Ba điều ấy, anh nên suy nghĩ.

Quan Võ nói:

- Người nói ba điều ấy, ta lại có ba điều ước: nếu Tào Thừa Tướng bằng lòng khứng chịu, ta sẽ cởi giáp hàng đầu, còn thiếu một điều ta quyết liều chết mà thôi.

Một là ta với Lưu Bị có thể với nhau một lòng giúp nhà Hán, nay ta đầu là đầu Hán Đế chứ không phải đầu Tào.

Hai là xin lấy lương bổng của Lưu Hoàng Thúc cấp cho nhị tẩu của ta, lại không một ai được bén mảng đến chỗ ở của nhị tẩu của ta.

Ba là khi nào hay tin anh ta ở đâu thì ta lập tức đến đó, dù đường xa ngàn dặm.

Trương Liêu ưng chịu trở về ra mắt Tào Tháo và nói rõ ba điều ước của Quan Vân Trường. Tào Thừa Tướng đành chấp nhận vì rất mến nghĩa khí của Quan Võ.

Hôm sau, Tào Tháo truyền lệnh thân binh về Hứa Xương. Quan Võ thỉnh nhị tẩu lên xe, tự mình đi theo hộ vệ. Khi quân đến trạm dịch, Tào Tháo truyền quân đóng lại nghỉ ngơi, lại truyền Quan Võ ở chung một nhà với nhị tẩu: Cam Phu nhân và My Phu nhân, hai bà vợ của Lưu Bị, tức là hai chị dâu của Quan Võ.

Đêm ấy, Quan Võ cầm đuốc đứng trước cửa nhà suốt đêm để canh cho hai chị dâu an giấc, đồng thời lấy Thanh Long đao chém sạt một góc tường để người ngoài nhìn vào thấy rõ lòng quang minh chánh đại của Quan Võ. Tào Tháo biết được đem lòng kính phục vô cùng.

Tào Tháo dắt Quan Võ vào triều yết kiến vua Hán Hiến Đế, được vua phong cho chức Thiên Tướng Quân.

Quan Võ có bộ râu 5 chòm rất đẹp, được vua khen là Mỹ Nhiệm Công (Mỹ là đẹp, Nhiệm là râu mọc, Công là Ông).

Kể từ đó, Quan Võ và hai chị dâu nương nhờ nơi dinh của Tào Tháo. Tào Tháo hết sức trọng đãi để chiêu dụ Quan Công, ba ngày đãi một tiệc nhỏ, bảy ngày đãi một tiệc lớn, lên ngựa thưởng vàng, xuống ngựa thưởng bạc.

Tào Tháo lại đem ngựa Xích thố bắt được của Lữ Bố tặng cho Quan Công. Quan Công phục xuống lạy tạ ơn. Tào Tháo ngạc nhiên hỏi:

- Ta đã bao phen trao tặng nào mỹ nữ, nào vàng bạc, nào gấm vóc, sao chẳng thấy Vân Trường vui, nay tặng cho con ngựa này Vân Trường lại tạ ơn hậu như vậy?

Quan Công nói:

- Tôi biết con ngựa quý này ngày đi ngàn dặm. Nay được Thừa Tướng ban ơn, nếu biết anh tôi ở đâu thì tôi có thể đi một ngày là gặp, nên tôi cảm ơn Thừa Tướng rất nhiều.

Tào Tháo nghe nói như vậy thì hối hận, nhưng đành thôi.

Lúc đó Viên Thiệu hưng binh đánh Tào Tháo. Tướng Tiên phong của Viên Thiệu là Nhan Lương rất tài giỏi, các tướng của Tào Tháo không ai cự nổi. Tào Tháo phải vời Quan Công đến cự địch. Tào Tháo nói:

- Nhan Lương giết luôn hai tướng của ta, chẳng ai dám ra đánh nên phải mời Vân Trường đến đây bàn định.

Quan Công liền nói:

- Tuy tôi bất tài, song cũng xin ra trận lấy đầu Nhan Lương đem về nạp cho Thừa Tướng.

- Giữa chốn ba quân không nên nói đùa.

Quan Công hăng hái nhảy phóc lên ngựa xích thố, chạy bay đến chỗ Nhan Lương, vệt quân Nhan Lương ra hai bên, thấy Nhan Lương đang đứng dưới cây lọng. Nhan Lương thấy Quan Công vừa muốn hỏi thì ngựa xích thố đã đến trước mặt rồi, Nhan Lương chưa kịp trở tay, bị Quan Công vớt một đao, Nhan Lương ngã lã xuống ngựa. Quan Công nhảy xuống cật

lấy thủ cấp, rồi phi thân lên yên, vung đao lướt ra khỏi trận. Binh Tướng của Nhan Lương nhón nháo cả lên, thừa dịp binh Tào tràn sang chém giết toi bời.

Quan Công phi ngựa đến trước Tào Tháo dâng nạp thủ cấp của Nhan Lương. Tào Tháo hết sức khen ngợi:

- Tướng quân là Thần nhân đó.

Tào Tháo làm biểu tâu với Hán Đế, phong thưởng cho Quan Công làm chức Hán Thọ Đình Hầu, sai đúc ấn ban cho Quan Công.

Sau đó, Viên Thiệu sai Đại Tướng Văn Xũ lên thay cầm quân đánh Tào Tháo.

Tướng Tào là Trương Liêu chống cự không nổi phải bỏ chạy, Quan Công lướt tới, Văn Xũ mắng:

- Mi đã giết Nhan Lương là bạn của ta, lẽ nào ta không trả thù được hay sao?

Nói rồi cầm thương xốc ngựa đến đánh Quan Công. Hai bên cự địch được ba hiệp, Quan Công giục ngựa Xích thố bay đến bắt ngờ chém Văn Xũ rơi đầu xuống đất.

Trần Chấn đem tin đến cho Quan Công biết, hiện Lưu Bị đang ở Hà Bắc. Quan Công vào cho hai chị hay để chuẩn bị ra đi tìm Lưu Bị. Quan Công sai gia nhân thu thập hành trang, sửa soạn xe ngựa. Tất cả những thứ gì mà Tào Tháo đã ban cho phải để lại hết, vàng bạc thì niêm phong cất vào kho, còn cái ấn Hán Thọ Đình Hầu thì buộc treo lơ lửng nơi xà nhà. Quan Công đến dinh Tào Tháo từ biệt, ba lần mà không gặp mặt, liền viết một bức thư để lại từ tạ Tào Tháo, đại lược như sau:

"Võ này tự thiếu thời thờ Lưu Huyền Đức, thế sống chết có nhau, lẽ đâu dám phụ. Trước đây, thành Hạ Bì thất thủ, có ước hẹn với Thừa Tướng ba điều. Nay được biết chủ cũ hiện đang ở nơi Hà Bắc. Hồi tưởng lời thề năm xưa, lòng này há dám phụ phàng. Vậy xin dâng thư này cáo biệt Thừa Tướng. Còn ơn nào thiếu sót chưa đền, xin đợi ngày mai báo đáp."

Quan Công sai niêm phong kho tàng cẩn mật, rồi mời nhị tẩu lên xe, Quan Công cỡi ngựa Xích thố, cầm Thanh long đao, dẫn vài mươi đứa tùy tùng, nhắm hướng Hà Bắc tiến tới.

Quá Ngũ quan trăm Lục tướng:

. Quan Công đến ải Đông Lĩnh, tướng giữ ải là *Khổng Tú* không cho qua. Quan Công đành phải giết chết *Khổng Tú* mới qua ải được.

. Đến ải Lạc Dương, Thái Thú *Hàn Phúc* và tướng *Mạnh Thấn* ngăn chặn, 2 người đều bị chết dưới ngọn Thanh long đao.

. Quan Công tiếp tục bảo hộ hai chị dâu đi đến ải Nghi Thủy. Tướng giữ ải là *Biện Hỷ* cho quân đao phủ mai phục nơi Trán Quốc Tự, rồi dụ Quan Công đến nghỉ ở đó. Trong Chùa Trán Quốc này có Đại Sư *Phổ Tịnh*, người cùng quê với Quan Công, báo cho Quan Công biết âm mưu của *Biện Hỷ*. Quan Công kịp thời đối phó, giết chết *Biện Hỷ*, quân đao phủ chạy tán loạn. Quan Công tạ ơn *Phổ Tịnh*:

- Nếu không nhờ Đại sư, chắc tôi bị hại rồi.

- Bây giờ tôi cũng không thể ở chùa này được nữa, phải đi vân du để tránh bè đảng của chúng, xin Tướng quân rón giữ mình, ngày sau chúng ta còn dịp gặp gỡ.

Quan Công từ giã *Phổ Tịnh*, rồi hộ tống xe của hai chị dâu đi thẳng đến ải Huỳnh Dương.

. Tại ải Huỳnh Dương, quan Thái Thú giữ ải là *Vương Thực*, sui gia với *Hàn Phúc*, nên lập kế giết Quan Công trả thù cho *Hàn Phúc*.

Vương Thực chuẩn bị hỏa công đốt quán dịch, nơi Quan Công và hai chị dâu tạm nghỉ. Nhờ có *Hồ Bang* báo cho biết, Quan Công vội phò nhị tẩu thoát đi. *Vương Thực* dẫn quân rượt theo, bị Quan Công vớt cho một đao bay đầu.

. Đến ải Hoàng Hà, *Tần Kỳ* xông đến ngăn lại, đánh với Quan Công được vài hiệp rồi cũng bay đầu.

Quan Công vội lấy thuyền đưa nhị tẩu qua sông Hoàng Hà, tới địa phận Hà Bắc. Tôn Càng đón Quan Công, báo tin Lưu Hoàng Thúc đã qua Nhữ Nam, nên Quan Công bỏ đường đi Hà Bắc, rẽ qua Nhữ Nam.

Khi đi ngang qua Ngọa Ngưu Sơn thì thuyền phục được một bộ tướng là *Châu Thương*.

Châu Thương, quê ở Quan Tây, hai tay xách nổi ngàn cân, râu quai nón, hình dung dữ tợn, trước đây theo giặc Khăn Vàng. Khi giặc Khăn Vàng tan rã thì Châu Thương ẩn nơi núi rừng làm thảo khấu, nhưng rất hâm mộ uy danh của Quan Công, nên khi gặp được Quan Công thì cải tà qui chánh, theo hầu Quan Công. Nhưng Quan Công bảo Châu Thương hãy tạm ở lại đây, chờ sau sẽ đến rước.

Châu Thương nói với Quan Công:

- Trước mặt có một Cổ Thành rất kiên cố. Cách đây không bao lâu, có một người tên là Trương Phi đến chiếm cứ, tập hợp được hơn 4000 binh mã, bốn phía không ai dám cự địch.

Quan Công đưa nhị tẩu vào Cổ Thành giao cho Trương Phi bảo vệ, rồi cùng với Tôn Càng đi Nhữ Nam tìm Lưu Bị.

Dọc đường, Quan Công đến một túp lều tranh xin trọ đỡ, gặp một Cụ già chống gậy bước ra, xưng danh là Quan Định, cùng họ với Vân Trường. Quan Định có đưa con trai tên là Quan Bình mới vừa 10 tuổi, cho theo hầu Quan Công, được Quan Công nhận làm con nuôi.

Tôn Càng đến gặp Lưu Bị, rồi lập kế ra đi thoát khỏi tay Viên Thiệu, thẳng đến Ngọa Ngưu Sơn, để hiệp với binh của Châu Thương ở đó, nhưng khi đến nơi thì binh của Châu Thương đã bị Triệu Tử Long đánh tan và chiếm cứ nơi đó.

Thế là một nhà xum hiệp, trở lại Cổ Thành, lại có thêm được Triệu Tử Long; Quan Công thì có thêm được Châu Thương và Quan Bình. Anh em mừng rỡ, mở tiệc ăn mừng.

Trải qua một thời gian, thế nước chia ba, Lưu Bị liên kết với Ngô Tôn Quyền chống lại Tào Tháo.

Tào Tháo đem đại binh 83 vạn quân xuống đóng dọc theo sông Trường giang, tập luyện binh sĩ thủy chiến, chuẩn bị đánh Đông Ngô. Khổng Minh, Quân sư của Lưu Bị, sang Đông Ngô bày kế giúp Chu Du, Đại Đô Đốc của Ngô Tôn Quyền, lập trận Xích Bích, dùng hỏa công đánh tan 83 vạn quân Tào. Tào Tháo thảm bại, dắt tàn quân chạy qua Hoa Dung Đạp để về Hứa Đô. Khổng Minh toán quẻ biết trước việc đó, nên sai Quan Công đem binh đón bắt Tào Tháo.

Khổng Minh nói với Lưu Bị:

- Sở dĩ tôi sai Vân Trường đón bắt Tào Tháo nơi Hoa Dung Đạo là để Vân Trường trả nghĩa Tào Tháo, vì tôi xem Thiên văn biết mạng Tào Tháo lớn lắm, chưa chết được.

Đúng như lời của Khổng Minh, Tào Tháo đại bại ở trận Xích Bích, kéo tàn quân chạy qua Hoa Dung Đạo về Hứa Đô

Giữa đường bị Vân Trường chặn đường, Tào Tháo chết đứng, hối các tướng xuống ngựa năn nỉ:

- Tôi đã bị bại binh, thế nguy đến đây cùng đường. Xin Quan Hầu nghĩ tình tôi ngày trước mà tha cho.

Quan Vân Trường đáp:

- Ngày trước, tôi tuy mang ơn Thừa Tướng rất hậu, song công tôi chém Nhan Lương và Văn Xú cũng đủ trả rồi. Hôm nay Thừa Tướng lại lấy việc tư mà bỏ việc công sao?

Tào Tháo năn nỉ tiếp:

- Thế lúc Quan Hầu qua năm ải, chém chết sáu tướng, Quan Hầu còn nhớ không? Hễ là đại trượng phu thì phải lấy ơn làm trọng. Quan Hầu đã từng đọc Kinh Xuân Thu há chẳng nhớ việc Du Công Chi Tư đuổi theo Tử Trạc Nhu Tử đó sao? Hôm nay, với mấy tên tàn quân ở bước đường cùng, đã xuống ngựa để cầu an mà Quan Hầu không niệm tình thì đâu phải là đại trượng phu.

Vân Trường nhìn thấy Tào Tháo xác xơ, quân sĩ tả tơi như muốn khóc, bất động lòng, không nở ra tay, liền quay ngựa bảo quân tránh ra mở đường sanh lộ cho Tào Tháo.

Tào Tháo hối quân sĩ chạy thoát qua chỗ ấy. Vân Trường ngó theo, hét lên một tiếng, bao nhiêu quân Tào đều khóc lạy dưới ngựa. Vân Trường thấy vậy càng thêm bất nhẫn. Lại thấy Trương Liêu giục ngựa chạy đến, tình cố cự động tâm, Vân Trường than dài rồi tha cho cả bọn đi hết.

Sau đó, Vân Trường được lệnh đi đánh Trường Sa. Thái Thú Trường Sa là Hàn Huyền bất tài nhưng có Lão tướng Hoàng Trung tài giỏi phò tá.

Hoàng Trung ra đánh với Quan Vĩ cả trăm hiệp mà sức cầm đồng, bỗng con ngựa của Hoàng Trung quy hai chân trước làm ông ta té ngã xuống đất. Quan Vĩ dừng đao hét: Ta

tha chết cho người, mau trở về thay ngựa khác ra đây đánh với Ta."

Nhờ nghĩa khí đó mà Hoàng Trung tâm phục Quan Võ. Ngụy Diên nổi lên chém chết Hàn Huyền rồi cả hai mở thành rước Quan Võ vào chiêu an bá tánh. Thế là bên cánh Lưu Bị có thêm được hai đại tướng nữa là Hoàng Trung và Ngụy Diên.

Lưu Bị và Khổng Minh đem đại binh đi đánh Tây Thục, giao Kinh Châu cho Quan Võ gìn giữ.

Phía Đông Ngô, Lỗ Túc bàn kế với Tôn Quyền: Nay tôi ra đóng binh ở Lục Khẩu, sai người qua mời Quan Võ phó hội. Nếu hấn chịu đến, tôi sẽ dùng lời lẽ phải chăng mà bảo hấn trả đất Kinh Châu cho ta, nếu hấn không nghe thì tôi hô quân đao phủ ủa ra giết hấn.

Tôn Quyền bằng lòng kế ấy, liền cho sứ giả qua Kinh Châu mời Quan Võ qua Đông Ngô phó hội. Quan Võ nhận lời

Quan Bình can nghĩa phụ:

- Sao nghĩa phụ xem thường tám thân muôn trượng, dẫn thân vào hang hùm ổ sói, nếu rủi ro có bề nào có phải phụ lòng bá phụ không?

Quan Võ nói:

- Ta từng xông pha nơi rừng tên mũi giáo, một đao một ngựa tung hoành, có sá gì lũ chuột Giang Đông. Đời Chiến Quốc có Lạn Tương Như nước Triệu, tay trói gà không chặt, mà giữa Hội Dân Trì, còn coi vua nước Tần như cỏ rác, huống chi ta là người có sức địch nổi muôn người. Một lời đã hứa không thể thất tín.

Bên Đông Ngô, Lỗ Túc bàn với Lữ Mông: Lữ Mông và Cam Ninh lãnh vài ngàn quân chia nhau phục nơi bờ sông, nếu thấy Quan Võ đem binh đội theo thì đổ ra chặn đánh. Còn Quan Võ không đem quân theo thì cho phục sẵn 50 quân đao phủ sau đình, hễ nghe hiệu lệnh thì nhảy ra giữa tiệc giết chết Quan Võ.

Đến giờ ước hẹn, Lỗ Túc thấy Vân Trường ngồi trên thuyền nhỏ, có Châu Thương cầm đao đứng hầu, có 10 đại hán đất Quan Tây đeo mã tấu đứng hầu hai bên, trên thuyền

có một lá cờ đỏ đề chữ Quan rất lớn. Vân Trường mặc áo bào lục, đầu đội khăn xanh, ngồi oai vệ giữa thuyền.

Lỗ Túc ra bến đón Vân Trường vào dự tiệc nơi Thủy Đình. Vân Trường nét mặt như hoa, nói cười sang sảng, không chút sợ sệt. Sau một hồi dự tiệc, Lỗ Túc đem chuyện đòi đất Kinh Châu nói với Vân Trường. Vân Trường đáp:

- Việc đó của anh tôi, tôi không tự ý quyết định được.

Châu Thương đứng hầu phía sau xen vào nói lớn:

- Đất đai của thiên hạ, ai có tài đức thì chiếm cứ, đâu phải của riêng Đông Ngô mà các ông đòi.

Vân Trường sa sầm nét mặt, đứng phất dậy, bước tới giật lấy cây đao trong tay Châu Thương nạt:

- Đó là việc quốc gia đại sự, sao mày dám xen vào. Hãy rút đi mau lên.

Châu Thương hiểu ý, lập tức lui ra bờ sông, phất cờ đỏ ra hiệu. Quan Bình thấy cờ hiệu, vội lướt thuyền như bay qua sông, đến bờ bên Đông Ngô để tiếp ứng.

Bấy giờ Vân Trường đang ở trong Đình, tay mặt cầm đao, tay trái nắm chặt Lỗ Túc, giả bộ say lè nhè nói:

- Hôm nay Ngài mời tôi sang đây dự tiệc, xin đừng nhắc chuyện Kinh Châu làm mất vui. Tôi say rồi, nếu xảy ra điều gì sẽ tổn thương đến tình cố cựu. Để hôm nào tôi rảnh, tôi sẽ cho người sang mời Ngài qua Kinh Châu họp mặt.

Lỗ Túc bị Vân Trường nắm chặt cánh tay, hồn phi phách tán, không còn biết xoay sở thế nào được. Vân Trường giả say, nắm chặt Lỗ Túc từ từ đi xuống bờ sông. Lữ Mông cùng với Cam Ninh phục sẵn nơi bờ sông, nhưng chẳng dám động thủ vì Vân Trường đang kèm chế Lỗ Túc.

Vân Trường bước lên thuyền, buông tay Lỗ Túc, nói lời từ biệt. Lỗ Túc lúc này như người mất vía, đứng trân nhìn đoàn thuyền của Vân Trường rẽ sóng lướt nhanh trở về Kinh Châu.

Từ khi Lưu Bị sai Vân Trường trấn thủ Kinh Châu, Lưu Bị có cưới vợ cho Vân Trường, sanh được một trai đặt tên là Quan Hưng, và một gái đặt tên là Quan Ngân Bình.

Gia Cát Cẩn bàn kế với Tôn Quyền là đi cầu hôn con gái của Vân Trường cho Thế tử của Đông Ngô. Vân Trường nặng lời từ chối và đuổi Gia Cát Cẩn trở về.

Vân Trường được lệnh đi đánh Phàn Thành, chém chết Bàng Đức, bắt sống Vu Cấm, oai danh lừng lẫy. Trong khi đánh phá Phàn Thành, Vân Trường bị Tào Nhơn bắn một mũi tên có tẩm thuốc độc, trúng vào cánh tay mặt. Quan Bình điều binh rút về trại để chữa trị vết thương cho Vân Trường. Thần y Hoa Đà nghe tin liền tìm đến nơi để điều trị vết thương.

Vân Trường cởi áo bào ra, đưa cánh tay bị tên cho Hoa Đà xem vết thương. Hoa Đà xem kỹ rồi nói:

- Ấy là tên ná, có tẩm thuốc độc, chất độc đã thấm tới xương, nếu không trị sớm thì cánh tay này sẽ trở nên vô dụng. Bây giờ phải lựa một chỗ vắng vẻ, trồng một cây trụ cho thật chắc, đóng vào đó một cái khoen. Tôi phải cột tay tướng quân vào đó, bịt mắt tướng quân lại, rồi tôi mổ vết thương ra, lóc thịt đã thấm chất độc bỏ đi, cạo bỏ chất độc đã thấm vô xương, rồi rịt thuốc may lại, để tướng quân trông thấy chắc không chịu nổi.

Vân Trường cười nói:

- Như vậy có chi mà không chịu nổi.

Liền bày tiệc rượu thết đãi. Vân Trường uống mấy chén, rồi bày cờ ra đánh với Mã Lương, tay trái đánh cờ, tay mặt đưa ra cho Hoa Đà mổ.

Hoa Đà cầm dao mổ lên nói:

- Nào, tôi xin bắt đầu, Ngài chớ giựt mình.

- Ta không phải là kẻ phàm phu nhút nhát đâu.

Mọi người thấy Hoa Đà làm mà rùn mình, nhưng Vân Trường vẫn thản nhiên ngồi đánh cờ. Hoa Đà làm xong, rịt thuốc may lại, nói:

- Tôi chưa bao giờ thấy một người khí phách như thế này, tiếng đồn thật chẳng sai.

Quan Vân Trường đứng dậy nói:

- Cánh tay này bây giờ hết đau nhức rồi, co giãn được như thường. Tiên sinh là Thần y đó.

Quan Công sai đem 100 lượng vàng thưởng công cho Hoa Đà, nhưng Hoa Đà từ chối, nói:

- Tôi nghe Vân Trường là người trung nghĩa, nên đến trị bệnh, chớ đâu phải để lấy tiền. Xin Ngài chớ nhọc lòng.

Nói xong từ giã Vân Trường ra về.

Một hôm, Vân Trường vào trướng phủ ngủ trưa, bỗng chiêm bao thấy một con heo lớn đen thui chạy đến cắn nơi chân mình. Vân Trường thét lên định rút gươm ra chém, liền giật mình tỉnh dậy. Vân Trường trong lòng nghi ngại không yên, nói với Quan Bình:

- Ta nay đã gần 60 tuổi rồi, làm tướng xông pha trong ba quân đã lâu, giá như nay chết đi cũng không ân hận gì nữa.

Sau đó, Quan Vân Trường làm mưu của Lữ Mông và Lục Tồn để mất Kinh Châu, lại bị quân Tào phía Bắc đánh xuống, lưỡng đầu thọ địch, nên thua trận chạy về Mạch Thành chống giữ. Quan Công lại sai Liêu Hóa vượt vòng vây chạy đến Thương Dung kêu Lưu Phong (con nuôi của Lưu Bị) và Mạnh Đạt đem binh tới giúp, nhưng Lưu Phong và Mạnh Đạt sợ chết nên từ chối.

Liêu Hóa thấy không xong, liền nhắm Thành đô chạy riết để cầu cứu với Hán Trung Vương Lưu Bị.

Tôn Quyền cho Gia Cát Cẩn qua dụ hàng Quan Công, nhưng lòng Quan Công như sắt đá, không thể dụ được.

Lữ Mông dâng kế:

Quan Công cố thủ Mạch Thành, không chịu hàng đầu, chẳng bao lâu lương thực hết thì phải bỏ thành tìm đường trốn về Tây Thục. Phía Bắc Mạch Thành có một con đường nhỏ rất hiểm trở, nếu Vân Trường bỏ thành ắt phải theo con đường đó mà đi. Phải sai Chu Nhiên đem quân đến phía Bắc Mạch Thành mai phục, gặp Vân Trường kéo quân đi ra thì chớ đánh vội, cứ phía sau rượt nà, để hấn chạy qua ngã Lâm Thụ. Lại sai Phan Chương dẫn 500 binh hùng phục nơi đường Lâm Thụ, chỗ núi non chật hẹp, dùng dây giăng ngang đường và câu móc mà giật thì các ngựa chiến té quỵ, binh tủa ra bắt sống Quan Công.

Quan Công trông mãi không thấy binh cứu viện, kiểm điểm binh mã chỉ còn được 300, lương thực hết sạch, ba mặt thành Đông, Tây, Nam, đều bị quân Đông Ngô công phá rất ngặt, chỉ còn mặt Bắc là ít hơn.

Quan Công truyền Châu Thương và Vương Phủ ở lại thủ thành, còn Quan Bình với Triệu Luy và vài chục quân đi theo Quan Công vượt trùng vây để đi Tây Thục theo cửa Bắc Mạch Thành tiến ra.

Đi được vài dặm thì gặp phục binh, Triệu Luy tử trận. Quan Công đi trúng vào mưu kế của Lữ Mông, ngựa Xích thố bị vấp chân ngã nhào, Quan Công té xuống đất, bộ tướng của Phan Chương là Mã Trung bắt sống được Quan Công cùng với Quan Bình và toàn bộ mấy chục tên quân đi theo.

Phan Chương giải Quan Công và Quan Bình đến Tôn Quyền. Tôn Quyền chiêu dụ nhiều lần nhưng Quan Công nhứt định không chịu đầu hàng. Tôn Quyền ra lệnh đem cha con Quan Công ra pháp trường xử trảm. Quan Công thọ 58 tuổi.

Quân Đông Ngô đem thủ cấp của Quan Công và Quan Bình đến Mạch Thành để gọi Châu Thương và Vương Phủ đầu hàng. Châu Thương thấy chủ tướng đã chết, nên khóc lóc rồi tự vận chết theo, Vương Phủ thì nhào đầu xuống chơn thành tự tử.

Còn con ngựa Xích thố của Quan Công được Tôn Quyền thưởng công cho Mã Trung, nhưng ngựa bỏ ăn và vài ngày sau thì chết, linh hồn bay theo chủ.

Tôn Quyền mở tiệc khao thưởng các tướng và quân sĩ. Tôn Quyền nói:

- Nay nhờ mưu của Lữ Mông mới bắt được Quan Công và giết đi, lấy được đất Kinh Châu, công ấy rất lớn.

Nói rồi rót một chén rượu, bưng đến thưởng Lữ Mông. Lữ Mông tiếp lấy chén rượu toan uống, bỗng dưng ném chén rượu xuống đất, nhảy lại thộp ngực Tôn Quyền, mắng lớn:

- Thằng mặt xanh râu đỏ và bọn chuột kia có biết ta là ai không?

Chư tướng thất kinh, vừa muốn bước lại gỡ Tôn Quyền và xô Lữ Mông ra thì Lữ Mông đã xô Tôn Quyền té nhào xuống

đất, rồi nhảy vọt lên ghế của Tôn Quyền ngồi, trợn đôi mắt tròn vo, hét lớn:

- Hán Thọ Đình Hầu Quan Vân Trường là ta đây.

Tôn Quyền và các tướng hoảng sợ, quì lạy lia lịa. Bổng Lữ Mông té nhào xuống đất, học máu chết tươi.

Tôn Quyền và các tướng Đông Ngô phải một phen hoảng vía trước sự hiển linh báo thù của Quan Công.

Mưu thần của Tôn Quyền nói:

- Quan Công chết rồi, thế nào Lưu Bị và Khổng Minh cũng kéo đại binh đến đánh Đông Ngô báo thù. Bây giờ ta phải đem thủ cấp của Vân Trường gửi qua Tào Tháo, để cho Lưu Bị nghĩ rằng Tào Tháo chủ mưu trong vụ này. Như vậy, Lưu Bị sẽ căm giận Tào Tháo, giải được mối nguy cho Đông Ngô.

Tôn Quyền nghe theo, đóng một cái thùng đựng thủ cấp của Quan Công, rồi sai sứ đem dâng cho Tào Tháo.

Tư Mã Ý nói với Tào Tháo:

- Quan Công cùng Lưu Bị và Trương Phi kết nghĩa anh em với nhau. Nay Quan Công đã chết, thế nào Lưu Bị và Trương Phi cũng đem binh báo thù. Đông Ngô lo sợ cái họa ấy nên đem đầu của Quan Công đến đây gieo họa cho ta.

Tào Tháo hỏi:

- Như thế ta phải làm sao?

- Đại Vương nên hết lòng tử tế, sai quân tạc một hình gỗ trầm hương, đem đầu Quan Công chắp vào, rồi tẩm liệm, làm lễ an táng theo hàng vương hầu. Lưu Bị hay được ắt cho Đại Vương là người ơn, còn Đông Ngô chính là kẻ tử thù.

Tào Tháo mừng rỡ làm y theo kế ấy, lại nhìn thủ cấp của Quan Công nói đùa một câu:

- Quan Hầu mạnh giỏi đấy chứ?

Bỗng cái đầu của Quan Công trợn mắt tròn vo, tóc râu dựng ngược. Tào Tháo thất kinh té nhào xuống đất. Chư tướng đỡ lên. Sứ giả Đông Ngô lại đem chuyện Lữ Mông bị Quan Công bắt học máu chết kể lại cho Tào Tháo nghe nữa.

Tào Tháo khiếp vía, làm y theo lời Tư Mã Ý, dùng Vương lễ an táng Quan Công. Tào Tháo bôn thân quì tế, đặt quan giữ mộ và cúng tế 4 mùa.

Về phần linh hồn của Quan Công, uất khí chưa tan, linh hồn bay lơ lửng về phía núi Ngọc Tuyền, trên núi có một ngôi chùa mà Đại Sư Phổ Tịnh đang tu tại đó.

Đêm ấy trăng sáng, vừa mãn canh ba, bỗng nghe trên không có tiếng kêu lớn: Trả đầu cho ta. Phổ Tịnh ngược mặt nhìn lên mây, thấy một người cỡi ngựa Xích thố, cầm cây Thanh long đao, bên tả có một tướng mặt trắng khô ngô, bên hữu có một tướng mặt đen râu quai nón, theo hầu.

Phổ Tịnh lấy đuôi chủ gõ vào cửa nói:

- Vân Trường ở đâu?

Hồn Vân Trường liền đáp xuống trước chùa, hỏi:

- Sư Cụ là ai? Xin cho biết pháp hiệu.

Phổ Tịnh đáp:

- Lão Tăng là Phổ Tịnh, khi trước nơi chùa Trấn Quốc, Quan Hầu quên rồi sao?

- Trước kia tôi nhờ ơn Ngài cứu cho, nay tôi đã thác, xin Ngài chỉ đường mê muội cho tôi.

- Nay Quan Hầu bị Lữ Mông làm hại, kêu lên: Trả đầu cho ta, thế còn Nhan Lương, Văn Xú, sáu tướng qua năm ải, và biết bao nhiêu cái đầu khác nữa, họ đòi vào đâu?

Quan Công nghe Đại Sư Phổ Tịnh nói câu ấy thì chợt tỉnh ngộ, liền biến mất. Phổ Tịnh biết Quan Công hiển Thánh. *(Viết theo truyện Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa)*

Khi Quan Công đã hiển Thánh rồi, Ngài trừ tà diệt quỷ, cứu độ sanh linh, và từ đó đến nay, Ngài không tái kiếp, mà dùng quyền hành thiêng liêng để lập công, đạt được Phật vị, gọi là Cái Thiên Cổ Phật.

Trong Đạo Cao Đài, Hội Thánh lấy ngày 24 tháng 6 âm lịch hằng năm làm ngày Đại lễ Vía Đức Quan Thánh. Khi đến ngày này, tại Tòa Thánh và các Thánh Thất địa phương đều thiết lễ Đại đàn cúng Vía Đức Quan Thánh Đế Quân, có Chức sắc thuyết đạo nhắc lại công đức của Ngài.

Để bổ túc cho phần Tiểu sử trên của Đức Quan Thánh, xin chép ra sau đây bài Thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp vào thời Tý ngày 24-6-Mậu Tý (dl 30-7-1948) tại Đền Thánh nhân Lễ Vía Đức Quan Thánh:

"Hôm nay là ngày Vía Đức Cái Thiên Cổ Phật Quan Thánh Đế Quân, tức là Hớn Thọ Đình Hầu Quan Vân Trường nhà Hớn, đời Tam Quốc. Một vị hiền Thánh đời Hớn thời Tam Quốc, ngày nay đạt phẩm vị đến Tam Trấn Oai Nghiêm trong nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn, sự vinh hiển cao trọng đó, ta thấy giá trị vô đối.

Với một Đấng thiêng liêng mà lập vị mình một cách oai quyền vinh hiển, ta thường thấy rất ít, chẳng có chẳng trong nước Việt Nam ta, Đức Trần Hưng Đạo gọi là có thể đương đầu với Ngài được mấy may chút ít mà thôi, chớ phần đông từ thử đến giờ, kể cả các nước Á Đông này hiếm có.

Vậy ta nên khảo cứu coi Ngài làm thế nào đạt được Thiên vị vinh diệu đặc biệt dường ấy.

Hớn Thọ Đình Hầu Quan Vân Trường buổi nọ là một vị tướng của Thục, tức Lưu Bị. Ta thấy đại nghĩa của Ngài, trung can nghĩa khí của Ngài, nhứt là về bằng hữu chi giao, tình nghĩa đối với bạn hữu của Ngài, dám chắc dầu chúng ta, dân tộc Việt Nam hằng chịu ảnh hưởng văn hóa Nho Tông, chưa có được người nào giống như Ngài vậy. Tâm trung nghĩa, chẳng vì sang mà theo Tào, chỉ chuộng Hớn, nghĩa chẳng vì bạn buổi khổ não truân chuyên mà phụ rẫy tình nhau. Trung và nghĩa ấy hy hữu.

Nói đến chí khí của Ngài, Bản đạo tường luận không hết: Ngài bắt sát hạ mã chi nhơn. Truyện sách lưu lại rằng Ngài suýt bị Hạ Hầu Đôn giết vì nó biết cái sở yếu của Ngài mà lợi dụng, nếu không có Trương Liêu đến cứu. Mỗi khi Ngài trở cây Yển Nguyệt Thanh long đao định vớt nhà nớ thì nhà nớ nhảy xuống ngựa. Chí khí đó, thế gian hy hữu. Ngài lập chí với bộ sách Xuân Thu mà thôi.

Người sau có tặng Ngài đôi liễn:

*Chí tại Xuân Thu, công tại Hớn,
Trung đồng nhựt nguyệt, nghĩa đồng Thiên.*

(Chí hướng lập ở Kinh Xuân Thu của Đức Khổng Tử, công lao lập với nhà Hán. Lòng trung sáng như vầng mặt trời mặt trăng, cái nghĩa cao như trời.)

Trọn đời Ngài không lúc nào rời bộ sách Xuân Thu này, đọc để lấy tinh thần của sách, suy luận làm tinh thần của mình.

Kể từ Đào Viên kết tình bằng hữu cùng nhau, từ thuở bần hàn cho đến khi vinh hoa phú quý sang trọng, Ngài vẫn một mực không hề thay đổi tâm đức bao giờ.

Tinh thần của người ấy là tinh thần đứng riêng biệt một mình, một cảnh giới mà thôi. Thế gian khó tìm thấy một kiểu vở thứ hai nữa đặng. Tinh thần của Ngài có oai quyền đặc sắc. Ta thử tìm coi Ngài làm sao mà đặng như vậy?

Ngươn linh của Ngài là **Xích Long Tinh**. Buổi nọ dân Bắc Hớn phạm Thiên điều, bị Ngọc Hư Cung phạt, hạn không cho mưa, đặng cho dân ấy phải đói. Dân làng biết mà cầu nguyện nơi Ngài cứu nạn.

Ngài cũng thừa biết dân ấy bị Thiên điều hành pháp, nhưng vì lòng ái tuất thương sanh, không nỡ để dân chết đói, nên Ngài làm mưa. Ngọc Hư Cung bắt tội, sai Ngũ Lôi tru diệt. Ngài chạy trốn vào một cái chùa, nhờ ông thầy chùa lấy chuông úp lại. Vị sư căn dặn bốn đạo trong chùa đừng ai dỡ chuông cho đến ngày nào Ngài hết nạn. Chư Đạo trong chùa tọc mạch dỡ chuông ra xem coi vật gì. Thành thử Ngài phải chịu đầu kiếp, kiếp ấy là **Hạng Võ**. Hạng Võ thì ai cũng biết.

Nếu ta quan sát trong **Trọng Tương vấn Hớn**, thì rõ tiền căn **Hạng Võ**, hậu kiếp **Quan Công**.

Bởi Hớn Bái Công khi lập quốc rồi, nghe lời Lã Hậu, diệt công thân, giết Hàn Tín. Án ấy nằm dưới Phong Đô mấy đời mà không ai xử đặng.

Buổi ấy có thầy Trọng Tương là học trò khó, nhà nghèo nhưng rất hiếu hạnh. Cha chết, Trọng Tương cất nhà mồ thờ cha mà ở. Thường hay buồn than thân trách phận, biết mình hữu tài mà vô dụng, nên viết một bài thi có ý than rằng: Thiên địa hữu tư, Thần minh bất công. (Trời Đất có lòng riêng, Thần minh không công bình), dụng ý trích điểm cái án nhà Hớn mà dưới Phong đô xử chưa có nổi. Vì vậy mà mắc tội phạm

thượng, bị bắt hồn dẫn đến Phong đô, đem cho Thập Điện Diêm Vương vấn tội.

Trọng Tương bình tĩnh trả lời rằng: Nếu cho tôi ngồi làm Thập Điện Diêm Vương, tôi sẽ xử án ấy cho mà coi.

Thập Điện Diêm Vương bằng lòng.

Ngài xử: Tiên căn báo hậu kiếp:

Như Bành Việt, cho đi đầu thai làm Lưu Bị,

Anh Bố làm Ngô Tôn Quyền,

Hàn Tín làm Tào Tháo,

Hạng Sư làm Nhan Lương, Hạng Bá làm Văn Xú,

Hạng Võ làm Quan Công . . .

Ta thấy 6 tướng của Hạng Võ đem lòng phản bội, đầu nhà Hớn, rượt Hạng Võ đến bến Ô Giang, phải cắt đầu trao cho Đình trường. Chú của Hạng Võ là Hạng Bá, trở lại phản cháu, đã đầu lụy Hớn Bái Công, còn trở lại phạt Sở.

Tiền căn hậu kiếp vay trả, quả báo y nhiên.

Có một điều lạ là với Lữ Mông, oan nghiệt có khác.

Tiền kiếp của Lữ Mông là ông thợ rèn, Quan Vân Trường đến mượn rèn Thanh long đao với một kiểu đặc biệt. Khi rèn xong, Ngài cảm ra sắc thử đao, chẳng ngờ vô tình làm chết oan ông thợ rèn.(1)

Ông thợ rèn sau đầu kiếp làm Lữ Mông. Cho nên buổi Ngài xuất thân qui vị, là trả cái ngày làm chết ông thợ rèn là Lữ Mông đầu kiếp, trả báo giết lại Ngài.

Khi chơn linh của Ngài xuất ngoại, Châu Thương và Quan Bình cùng tự tử chết theo, ba người ấy bay giữa không trung, đi ngang ngôi chùa, kêu ông thầy chùa là Phổ Tịnh, đòi ông nọ trả đầu, ông bèn lấy cái quạt gỗ trên cửa, tung ba biển Vãng Sanh. Ngài hạ xuống tiếp đòi đầu nữa. Ông nọ nói rằng: Nhan Lương, Văn Xú kia mới đòi đầu với ai? Ấy là tiền căn báo hậu kiếp thôi chớ.

Đức Quan Thánh tình ngộ, xin ông Phổ Tịnh cho Ngài ở đó đặng tu. Chơn linh Ngài ở nơi chùa đó mà hiển Thánh.

Khi hiển Thánh rồi, Ngài trừ tà diệt quỷ, cứu độ sanh linh, và từ đó đến bây giờ, Ngài không tái kiếp lần nào nữa, duy dụng cái quyền hành thiêng liêng hành đạo mà thôi. Với quyền thiêng liêng ấy mà Ngài lập được Phật vị là Cái Thiên Cổ Phật, nhờ Vạn linh tôn trọng Ngài lên.

Bần đạo dám quả quyết Ngài không phải là Thiên phong mà chính là người của Vạn linh bầu cử.

Cho nên Đức Chí Tôn mở Đạo là cơ quan hiệp nhứt Vạn linh, để Đấng ấy là Tam Trấn Oai Nghiêm đặng làm quan Trạng sư cho Vạn linh đạt kiếp."

(1) Theo Tam Quốc Ngoại Truyện, cái chết của ông thợ rèn xảy ra như sau: Khi Quan Võ ra sân múa thử đường đao, ông thợ rèn biết cây Thanh long đao này oai lực rất mạnh nên chạy núp trong bóng của một cây đại thụ gần đó. Quan Võ thử đao, muốn chém một vật nào đó xem đao thế nào, thấy có cây đại thụ ở gần liền múa đao chém thử, thân cây đại thụ bị đứt ngang ngã nhào, ông thợ rèn núp trong đó cũng bị đứt đầu chết theo.

Đức Quan Thánh không thường giáng cơ dạy Đạo như Đức Lý Đại Tiên, thỉnh thoảng Ngài mới giáng cho một bài.

Sau đây, chúng tôi xin chép lại bài giáng cơ của Ngài tại Minh Thiện Đàn, làng Phú Mỹ, Mỹ Tho, ngày 19-6-Tân Mùi (1931) với 4 câu thi đầu, khoản thủ là: CÁI THIÊN CỔ PHẬT:

CÁI thể công danh thể quý oai,
 THIÊN tào kim phụng lịnh Cao Đài.
 CỔ kim độ chúng lao hà nại,
 PHẬT Thánh đạo tông tạo thể lai.

Ta chào Giáo Hữu, cùng chư Nhu. Biết Lão không?

- Quan Thánh Đại Đế. Nay chư Nhu cầu chi?

Bạch:

- Việc ấy chẳng cần nói.

Chư nhu nhẹ tánh lắm âu lo,
 Lo vậy càng xa Thánh ý trò.
 Trò cứ một lòng vâng thừa lịnh,
 Lịnh trên nào để dễ gì cho.

Vậy chư Nhu tuân mạng nghe! Giáo Hữu khá nghe, bởi

tiên tri của Lý Đại Tiên dạy trước rằng, phải coi chừng Quỷ vương chen lẫn vào mà thử thách chư Chức sắc Thiên ân, cùng cả Đạo lương phái.

Ta nói vậy khá kiểng hiểu, chớ chẳng khá trọn phận.

THI:

Huấn vì việc Đạo ở nơi nào?
 Nhưng cũng tại lòng chẳng phải cao.
 Sung sướng càng quen càng giả dối,
 Gây nên oan nghiệt, tội dường bao!

Nay Lão cũng vì cơ chuyển phục cũng cần, nên còn chưa tỏ cho cùng Thánh ý đặng. Vậy Lão xin chư Nhu ráng lo cùng Lão mà chấn hưng Minh Thiện chuyển phục các nơi nghe!

Lão mong cho chư Nhu trọn lời phú thác.

Lão mừng chư Nhu. Lão thăng.

TNHT: Hai bài thi của Đức Quan Thánh trong TNHT:

HỚN THỌ ĐÌNH HẦU

Tiết nghĩa trung can Hớn đánh xây,
 Phò lưu dựng Thục một lòng ngay.
 Kinh Châu Thất thủ nơi Thiên định,
 Khiến Hớn vận suy phải đổi thay.

QUAN thành tái hiệp Hớn triều phong,
 THÁNH đức mạc vong hám thể trần.
 ĐỂ thất nhứt tâm trung khí đống,
 Thanh y xích diện hảo vinh phong.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quan Thế Âm Bồ Tát

觀世音菩薩

Quan: Nhìn xem, hình tượng đã xem, ý thức. **Thế:** đời.
Âm: tiếng nói, âm thanh.

Quan Thế Âm Bồ Tát là một vị Bồ Tát nhận biết được tiếng kêu cứu của chúng sanh nơi cõi trần, Ngài liền hiện đến để cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh.

Do đó, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát còn được gọi là: *Tâm Thinh Cứu Khổ Cứu Nạn Quan Thế Âm Bồ Tát, Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Quan Thế Âm Bồ Tát, hay gọi tắt là: Quan Âm Bồ Tát hay Quan Âm Như Lai.*

Ngài là một vị Nữ Phật, nhưng còn mang danh hiệu Bồ Tát là vì Ngài còn nhiệm vụ cứu độ chúng sanh.

Phật giáo Tây Tạng gọi Ngài là Quán Thế Âm Phật, là vị Phật Nam, hộ trợ xứ Tây Tạng. Người Tây Tạng đều tin rằng, chính Ngài chuyển hóa vào thân Đức vua Đạt-Lai-Lạt-Ma cai trị xứ Tây Tạng, nên dân Tây Tạng xem Đức Đạt-Lai-Lạt-Ma là vị Phật sống của họ.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có một hiện thân gồm 11 cái mặt, 1000 cánh tay, 1000 con mắt, có 108 hồng danh. Ngài ngự tại Đền Potala nơi kinh đô xứ Lhasa, Tây Tạng.

Ở Trung Hoa và Việt nam, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là vị Nữ Phật do hai truyện tích: Quan Âm Thị Kính và Quan Âm Diệu Thiện.

Bất cứ hạng người nào trong chúng sanh, khi bị lâm nguy tánh mạng, như gặp phải tai nạn lửa cháy, tai nạn chìm tàu, bị cướp hãm hại, bị tra khảo, tù đầy oan ức, v.v.... nếu thành tâm niệm danh hiệu của Ngài để cầu cứu thì Ngài liền hiện đến mà cứu giúp cho tai qua nạn khỏi.

Trong Đạo Cao Đài, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là vị Nữ Phật, đại diện Đức Phật Thích Ca, lãnh lĩnh Đức Chí Tôn làm Đệ Nhị Trấn Oai Nghiêm, cầm quyền Phật giáo thời ĐĐTKPĐ.

Trên tấm diềm phía trước Bát Quái Đài Tòa Thánh, tượng của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát ngự trên tòa sen, gần bia phía tay mặt của Đức Lão Tử, thuộc bên Nữ phái.

Nơi Thánh Tượng Thiên Nhân thờ tại tư gia, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát ngự trên tòa sen, hình Ngài ở phía mặt của Thiên Nhân, dưới hình Đức Thái Thượng Lão Quân.

Trong LUẬT TAM THẾ, Bát Nương có giảng cơ dạy rằng: *"Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về Cơ Giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hằng hà sa số Phật trông nom về Cơ Phổ độ mà Quan Thế Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu. Quan Thế Âm Bồ Tát ngự tại Cung Nam Hải, ở An*

Nhàn Động, còn Cung Diêu Trì thì ở tại Tọa Hóa Thiên."

Trong Truyện Tây Du Ký, hình ảnh của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát được mô tả như sau:

" Bốn đức tròn viên mãn, Thân vàng tỏa sáng thông,
 Chuỗi ngọc biếc rủ cạnh, Vòng thơm đeo bên mình.
 Tóc mây uốn đen lánh, Đài thù thất ngang lưng,
 Bào trắng khuy ngọc bích, Mây lành che quần quanh.
 Quần gấm dây vàng óng, Khí đẹp phủ quanh thân,
 Lông mày vàng trắng khuyết, Mắt vì sao long lanh.
 Mặt ngọc tươi roi rói, Môi đỏ thắm tuyệt trần,
 Bình Cam lồ đầy ắp, Cầm cành dương liễu xanh,
 Độ chúng sanh thoát nạn, Rất từ bi hiền lành.
Vậy nên: Giữ núi Thái sơn, Coi miền Nam hải,
 Độ người khổ ải, Nghìn Thánh nghìn thiêng,
 Muôn kêu muôn ứng.
 Lòng lan vui khóm trúc, Tánh huệ quý mây thơm.
 Đó là vị Chúa Từ bi ở Phổ Đà Sơn,
 Chính là Đức Quan Âm nơi An Nhàn Động."

Theo các kinh sách truyền lại, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có 33 kiếp giáng trần, khi thì làm nam nhi, khi thì làm thiếu nữ, khi thì giáng sanh vào nơi cao sang quyền quý, khi thì vào nơi bần cùng nghèo khổ, khi thì làm Đạo sĩ, khi thì làm Tỳ Kheo, v.v....

Có hai kiếp giáng trần làm phụ nữ của Ngài được người đời truyền tụng:

- Đó là kiếp thứ 10: Ngài giáng trần làm nàng Thị Kính ở nước Cao Ly, tu hành đắc đạo, gọi là Quan Âm Thị Kính.

- Kiếp giáng trần sau chót ở nước Ấn Độ là Công Chúa Diêu Thiện, cũng tu hành đắc đạo tại Phổ Đà Sơn ở Nam Hải, nên gọi là Quan Âm Diêu Thiện.

Sau đây xin chép lại hai sự tích nổi tiếng này:

Sự tích 1: QUAN ÂM THỊ KÍNH

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đã đầu thai xuống trần tu hành được 9 kiếp rồi, đến kiếp thứ 10, Ngài giáng sanh vào nhà họ Mãng ở nước Cao Ly (Triều Tiên). Hai ông bà họ Mãng đã lớn tuổi rồi, nhà lại giàu có, nhưng chưa có con. Ngày kia, hai vợ

chồng lên chùa cầu tự, sau đó có thai và sanh được một gái, dung nghi đẹp đẽ, tướng mạo đoan trang, đặt tên là Thị Kính.

Khi nàng Thị Kính đến tuổi cập kê, gần đó có chàng Thiện Sĩ, con nhà họ Sùng, cậy mai mối đến hỏi cưới Thị Kính. Vợ chồng Mãng Ông thấy phải đôi lứa nên bằng lòng gả Thị Kính cho Thiện Sĩ.

Nàng Thị Kính rất buồn bã vì phải về ở nơi nhà chồng, không ai săn sóc cha mẹ. Cha mẹ nàng an ủi: Cha mẹ sanh con gái đến tuổi khôn lớn gả chồng, làm đẹp mày đẹp mặt cho cha mẹ là đủ rồi. Và lại, nhà bên chồng của con cũng ở gần đây thì sự thăm viếng cũng thuận tiện.

Từ khi về nhà chồng, Thị Kính giữ một mực tôn kính, phụng sự nhà chồng, trong ấm ngoài êm, ai nấy đều khen ngợi.

Một ngày kia, nàng đang ngồi may vá, chàng Thiện Sĩ đọc sách mỏi mệt, đến gần chỗ nàng ngồi may nằm nghỉ và ngủ quên. Nàng thấy nơi càm chồng có mọc sợi râu bất lợi, nên sẵn cầm dao nhíp nơi tay, nàng đưa dao cắt đứt. Bỗng chàng Thiện Sĩ giật mình thức dậy, thấy vợ đang cầm dao đưa ngay vào cổ mình, vụt la hoảng: Vợ tôi muốn giết tôi.

Trong nhà vỡ lở, cha mẹ chồng chạy ra gạn hỏi, nàng cứ tình thật trình bày. Không ngờ cha mẹ chồng quá nghiêm khắc, bắt tội nàng mưu giết chồng, buộc Thiện Sĩ phải làm tờ thôi vợ, rồi cho mời Mãng Ông tới để lãnh con gái về.

Nàng Thị Kính phải mang mối hàm oan, đành lạy từ cha mẹ chồng, theo Mãng Ông trở về nhà. Nàng buồn bã muôn phần, một là buồn cho số phận xui xẻo, hai là buồn cho cha mẹ phải mang điều phiến não. Nàng than rằng: Nếu nàng có anh em đồng thì nàng đành quyên sinh để khỏi mang tiếng như thế. Nhưng vì nàng là con một, nên nàng không dám hủy mình, sợ mang tội bất hiếu, mà ở như thế này thì cũng rất khổ tâm, cho nên nàng quyết định xuất gia, lo tu hành cho đắc đạo, rồi sẽ trở về độ cha mẹ.

Nàng lén cải trang thành một nam tử, rồi bỏ nhà trốn đi, đến một ngôi chùa nọ thì gặp Sư cụ đang thuyết pháp. Nàng thấy Sư cụ là bậc chơn tu, nên xin Sư cụ cho thọ pháp qui y.

Sư cụ gạn hỏi nhiều lần, vì Sư cụ thấy trang thiếu niên này còn trẻ quá mà sao lòng chán đời, đến nương nhờ cửa Phật, gột rửa lòng phàm. Sư cụ thấy lòng thành và chí quả quyết của người thiếu niên, nên cho thọ pháp qui y, đặt Pháp danh là Kính Tâm, và nhận Kính Tâm làm đệ tử.

Sãi Kính Tâm là gái giả trai, nên dung mạo đẹp đẽ, làm cho hàng tín nữ trầm trồ, nhứt là nàng Thị Mầu, con của một vị trưởng giả giàu có ở vùng ấy. Thị Mầu nhiều lần trêu ghẹo Sãi Kính Tâm, đưa lời ong bướm, nhưng Kính Tâm vẫn trơ trơ như không hay biết. Thị Mầu quá si mê Kính Tâm, trong một lúc quá bồng bột, không kèm giữ được lòng dục, nàng tư thông với đứa tớ trai của nàng, khiến nàng có thai.

Làng xã thấy nàng Thị Mầu không chồng mà có chửa, nên gọi nàng và cha mẹ nàng đến tra hỏi. Nàng khai rằng, nàng có tư tình với Sãi Kính Tâm nên mới ra cơ sự, và xin làng rộng tình cho Kính Tâm hoàn tục kết duyên với nàng.

Trống mõ inh ỏi, cửa Thiền xưa nay êm lặng, phút chốc trở nên huyền ảo, người làng đến đòi Sư Ông và Sãi Kính Tâm ra làng dạy việc. Thầy trò không biết việc gì, cùng dất nhau đi, đến nơi mới hay tự sự.

Tá hỏa tâm thần, thầy hỏi trò có sao cứ khai thiệt. Kính Tâm một mực kêu oan, chớ không dám nói điều chi khác nữa.

Kính Tâm bị làng đem ra tra tấn, đòn bộng, máu đổ thịt rơi, mấy lần bất tỉnh, nhưng Kính Tâm vẫn một mực kêu oan. Sư Cụ động mỗi từ tâm, đứng ra xin bảo lãnh cho trò để đem về khuyên nhủ dạy răn.

Thấy thế, Hương chức làng cũng niệm tình ưng thuận.

Sau đó Sư Cụ bảo Kính Tâm phải ra ngoài cổng Tam quan của chùa mà ở để tránh tiếng không tốt cho chùa.

Thời gian trôi qua, Thị Mầu sanh được một đứa con trai, nàng liền bồng đứa hài nhi đến cổng chùa giao cho Sãi Kính Tâm, nói rằng: Con của người thì đem trả cho người.

Sãi Kính Tâm đang tụng kinh, đứa hài nhi bị bỏ dưới đất, giãy giụa khóc la. Kính Tâm nghe tiếng trẻ khóc, động mỗi từ tâm, chẳng cần dư luận, bèn ra ẵm đứa bé đem vào nuôi dưỡng.

Sư Cụ trách Kinh Tâm: Trước kia, con nói con bị hàm oan, mà nay con lại nuôi đứa bé này, chính thầy đây cũng phải nghi ngờ nữa, huống chi là ai.

Kinh Tâm bạch rằng: Bạch Sư phụ, khi xưa Sư phụ có dạy đệ tử rằng, cứu mạng một người thì phước đức hà sa. Đệ tử vâng theo lời thầy nên mới cứu mạng đứa bé này, chớ kỳ thật con không có ý chi hết.

Đứa trẻ càng lớn càng giống Kinh Tâm như hệt, lại có vẻ thông minh. Khi đứa bé được 3 tuổi thì Kinh Tâm lâm trọng bệnh, biết mình sắp lìa trần theo Phật, nên Kinh Tâm ráng ngồi dậy viết hai bức thơ: một gửi cho Sư Cụ, hai gửi cha mẹ ruột, ông bà họ Mãng, rồi dặn kỹ hài nhi làm đúng theo lời dặn.

Khi Sãi Kinh Tâm tắt hơi, đứa bé kêu cha khóc lóc một hồi, rồi nhớ lời cha dặn, liền đem thư vào đưa cho Sư Cụ.

Sư Cụ mở thư ra, xem xong trong lòng rất buồn thương tiếc, sai vài vị Ni cô ra khám xét thi thể của Kinh Tâm, thì rõ ràng Kinh Tâm là gái giả trai.

Tin Sãi Kinh Tâm là gái giả trai được truyền đi mau lẹ trong làng, làm mọi người hết sức ngạc nhiên.

Hương Chúc trong làng đòi Thị Mầu tới, buộc tội cáo gian, phạt phải chịu tổn phí về các cuộc tống táng và làm ma chay cho Kinh Tâm.

Thị Mầu quá xấu hổ, bèn liều mình quyên sinh.

Đến ngày an táng Sãi Kinh Tâm, tức là nàng Thị Kính, mọi người đều nhìn thấy Đức Phật ngự tòa sen hiện ra ở trên mây, rước hồn của nàng Thị Kính về cõi Tây phương.

Chàng Thiện Sĩ rất ăn năn hối lỗi, nên phát nguyện tu hành. Tục truyền rằng, Đức Quan Âm Bồ Tát nhận thấy chàng Thiện Sĩ thật tâm hối lỗi và quyết chí tu hành, nên hiện đến cứu độ, đem về Nam Hải, hóa thành một con chim đậu một bên Đức Quan Âm Bồ Tát, mổ ngậm râu chuỗi bồ đề.

Quan Âm Bồ Tát cũng cứu độ đứa con nuôi, con ruột của Thị Mầu, đem về Nam Hải, đứng hầu bên Ngài.

Do đó, người ta họa hình Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đội mũ ni xanh, mặc áo trắng, ngự trên tòa sen, bên tay mặt

có con chim mỏ ngậm râu chuối bỏ đề, bên dưới có đũa trẻ bện khô giáp chấp tay đứng hầu.

Đó là lấy theo sự tích Quan Âm Thị Kính.

Sự tích 2: QUAN ÂM DIỆU THIỆN hay QUAN ÂM NAM HẢI.

Theo sự khảo cứu của học giả De Groot, người Hòa Lan, kiếp chót của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là Công Chúa Diệu Thiện, con của vua Linh Ưu nước Hưng Lâm, một Tiểu quốc của Ấn Độ, ở về phía Đông Ấn Độ.

Từ ngày nhà vua lên ngôi đến nay đã 40 năm mà Hoàng Hậu Bửu Đức không hạ sanh được một vị Hoàng tử nào. Nhà vua cùng Hoàng Hậu đi lên núi Huê sơn cầu tự. Trên núi Huê sơn có một vị Thần rất linh hiển, ai cầu chi được nấy. Cầu tự xong, ít lâu sau, Hoàng hậu có thai, sanh đặng một Công Chúa, đặt tên là Diệu Thanh. Sau đó lại tiếp tục có thai sanh thêm hai nàng Công Chúa nữa là: Diệu Âm và Diệu Thiện; không sanh được một Hoàng Tử nào.

Ba nàng Công Chúa lớn lên, nhà vua định hôn cho hai chị của Diệu Thiện là Diệu Thanh và Diệu Âm, với hai vị quan trẻ tuổi và tài giỏi trong triều đình; còn nàng con gái út Diệu Thiện thì nhứt định không chịu lấy chồng, mà lại còn có ý xin phép vua cha và mẫu hậu xuất gia tu hành.

Vua Linh Ưu tức giận, đày Diệu Thiện vào trong Hoa Viên lo việc gán nước tưới hoa, làm các công việc cực khổ; đồng thời cho người khuyến dụ nàng bỏ ý định đi tu, nhưng nàng nhứt định cam chịu khổ chớ không từ bỏ ý định tu hành.

Thấy vậy, Hoàng Hậu rất đau lòng, liền xin với vua Linh Ưu cho Diệu Thiện vào chùa Bạch Tuyết tu hành. Nhà vua chấp thuận, và ngầm ra lệnh cho các tăng ni trong chùa bắt Diệu Thiện làm các công việc nặng nhọc vất vả, để nàng không chịu nổi mà sớm trở về Cung nội.

Diệu Thiện, tâm vẫn cương quyết, làm đầy đủ các bổn phận, dầu rất cực khổ, nhưng không một tiếng than, và luôn luôn lo việc tu hành.

Nhà vua thấy cách này thất bại, nên nghĩ ra cách sai lính đốt chùa, để Diệu Thiện không còn nơi tu hành, phải trở về Cung nội. Quân lính phóng hỏa khắp bốn mặt, các tăng ni hốt

hoảng lo chạy thoát thân, riêng DiệuThiện vẫn điềm tĩnh, nàng lâm râm cầu nguyện, rồi lấy cây trâm chích vào lưỡi, ngược mặt phun máu lên không, tức thì mây đen hiện ra, mưa tuôn xối xả, dập tắt hết các ngọn lửa. Quân lính đều hết sức kinh ngạc.

Nhà vua không vì sự màu nhiệm đó mà hối hận, lại bắt Diệu Thiện về triều, tổ chức các cuộc đàn hát vui chơi, để làm cho Diệu Thiện say mê, bỏ việc tu hành. Nhưng vua cha vẫn thất bại bởi Đạo tâm vững chắc của nàng con gái út.

Nhà vua quá tức giận vì không thực hiện được ý mình, nên ra lệnh tối hậu cho nàng Diệu Thiện chọn một trong hai điều: một là phé việc tu hành, lo bề gia thất; hai là chịu xử trảm vì cãi lệnh vua cha.

Nàng Diệu Thiện nhứt quyết chịu chết chứ không chịu bỏ việc tu hành.

Thần Hoàng Bồn Cảnh vội vã bay về Trời tâu trình Thượng Đế, và Đức Thượng Đế ra lệnh cho Thần mau trở về bảo hộ nàng Diệu Thiện.

Diệu Thiện bị đưa ra pháp trường hành quyết. Khi đao phủ đưa đao lên định chém xuống thì đao liền gãy nát; lại lấy cung tên đặt bắn cho chết thì khi mũi tên gần tới Diệu Thiện thì mũi tên bị gãy nát. Thấy không giết được Diệu Thiện bằng hai cách trên, kẻ hành quyết liền dùng hai bàn tay đến siết cổ Diệu Thiện.

Bống đầu cuồng phong nổi lên, cát bay đá chạy, thiên ám địa hôn, một đạo hào quang bay đến bao phủ nàng Diệu Thiện, rồi Thần Hoàng hóa thành một con hổ lớn công Công Chúa Diệu Thiện chạy bay vào rừng. Các quan giám sát cuộc hành quyết bị một phen hoảng vía, trở về triều báo cáo lại với vua Linh Ưu tất cả các việc.

Nhà vua không chút nao núng phán rằng: Công Chúa mang tội bất hiếu nên bị cọp tha mất xác cho đáng kiếp.

Công Chúa Diệu Thiện bất tỉnh, hồn Công Chúa thấy một vị Sứ giả mặc áo xanh, tay cầm tờ giấy nói rằng: Diêm Vương mời nàng xuống Diêm Cung để xem các cảnh khổ não và

những hình phạt nặng nề những linh hồn mà trong kiếp sanh đã làm nhiều điều ác độc.

Thập Điện Diêm Vương cũng muốn nghe nàng thuyết pháp. Công Chúa vâng lệnh, dùng tâm từ bi và sức thần thông thuyết pháp cho 10 vua nghe, các tội hồn trong ngục cũng được nghe và liền giác ngộ. Trong phút chốc, chốn U Minh thành Lạc Cảnh, và các tội hồn đều được thoát ra khỏi ngục, đầu kiếp trở lại cõi trần.

Thấy các cửa ngục đều trống trơn, Thập Điện Diêm Vương vội đưa hồn Diệu Thiện trở lại dương thế và cho nhập vào xác. Nàng tỉnh dậy, thấy mình đang nằm giữa rừng vắng vẻ, không biết phải làm sao và đi phương nào.

Đức Phật Nhiên Đăng hiện ra trên mây, bảo nàng hãy đi ra biển Nam Hải, đến núi Phổ Đà, tu hành thêm một thời gian nữa thì sẽ đắc đạo, đạt vị Như Lai. Muốn đi đến đó, phải trải qua 3000 dặm đường. Đức Phật Nhiên Đăng lại tặng cho nàng một trái Đào Tiên, ăn vào không biết đói khát trọn năm mà còn được trường sanh bất lão.

Nàng Diệu Thiện nhận lãnh và bái tạ Đức Phật, đoạn nàng tìm đường đi đến Nam Hải. Thái Bạch Kim Tinh hiện xuống, truyền cho Thần Hoàng biển ra Thần hổ, cõng Diệu Thiện đến Phổ Đà Sơn cho mau lẹ.

Tại Phổ Đà Sơn, nàng Diệu Thiện tu thiền định trong 9 năm, đạo pháp đạt được cao siêu.

Ngày 19 tháng 2 năm ấy, là ngày thành đạo của Công Chúa Diệu Thiện. Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, đến chúc mừng và xưng tụng vị Bồ Tát mới đắc đạo. Công Chúa ngự trên tòa sen, hào quang sáng lòa, xưng là Quan Thế Âm Bồ Tát.

Lúc ấy chư Thánh muốn lựa một đồng tử để theo hầu Ngài, thì may đâu lúc đó có một vị tên là Hoàn Thiện Tài, mồ côi cha mẹ, phát nguyện tu hành, qui y Phật pháp, nhưng chưa chứng quả, nay nghe nơi Phổ Đà Sơn có một vị Bồ Tát mới đắc đạo, nên xin đến hầu Ngài.

Trước khi chấp thuận lời thỉnh cầu ấy, Đức Quan Âm muốn thử xem tâm chí của Thiện Tài ra sao. Ngài truyền cho Sơn

Thần Thổ Địa hóa làm ăn cướp đến bắt Ngài, Ngài giả bộ sợ sệt kêu la cầu cứu và ngã té xuống hố sâu. Thiện Tài chạy đến cứu thầy, và nhảy theo xuống hố. Thiện Tài thiệt mạng, chơ hồn liền xuất ra khỏi xác, đến hầu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và được thân làm đệ tử.

Về sau, Đức Quan Âm Bồ Tát thân thêm Long Nữ, con gái của Đệ Tam Thái Tử của Long Vương Nam Hải, làm đệ tử.

Nguyên ngày kia, Long Nữ hóa làm con cá đi dạo chơi trên mặt biển, chẳng may bị một ông chài bắt được. Ông đem cá ấy ra chợ bán. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát biết được, sai Thiện Tài đồng tử hóa ra một người thường, đi ra chợ hỏi mua con cá ấy, rồi đem ra biển Nam thả xuống.

Nam Hải Long Vương nhớ ơn cứu tử cháu nội của mình, nên dạy Long Nữ đem một cục ngọc quý Dạ Minh Châu đến dâng Bồ Tát để Bồ Tát đọc sách ban đêm mà không cần đèn.

Long Nữ đến dâng ngọc xong, lòng hết sức cảm phục Bồ Tát, nên xin qui y và được Bồ Tát thân làm đệ tử.

Từ ấy, Thiện Tài đồng Tử và Long Nữ luôn luôn theo bên cạnh để lo phụng sự Bồ Tát.

Nhắc lại, từ khi vua Linh Ưu ra lệnh giết chết Diệu Thiện, và Diệu Thiện được Thần Hoàng cứu thoát, nhà vua mắc một chứng bệnh nan y vô cùng khổ sở, thân thể nhà vua bị lở loét ngoài da cùng mình, mùi hôi thối xông ra nồng nặc, nhức nhối đau đớn vô cùng. Nhiều danh y tới điều trị mà bệnh vẫn không thuyên giảm chút nào.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát ở Nam Hải hay biết việc đó, nên Ngài hóa ra một vị sư già, đi đến kinh thành xin vào trị bệnh cho vua Linh Ưu.

Sau khi xem mạch vua, vị sư già tâu: Bệnh của Bệ hạ do oan nghiệt nhập với chất độc cao lương mỹ vị và tầu nhục hằng ngày, nên phát sanh ra ngoài da thành bệnh nan y. Nếu muốn chữa lành thì phải có đôi mắt và đôi cánh tay của một người con thì mới chế thuốc được.

Nghe vậy, nhà vua cho đòi hai Công chúa Diệu Thanh, Diệu Âm và hai Phò mã đến, rồi nhà vua lập lại lời nói của vị

sư già, hỏi xem có đứa con nào dám hy sinh để trị bệnh cho vua cha không?

Hai Công chúa cùng tâu: Xin Phụ vương đừng nghe lời ông sãi mồm này, bởi vì một người bị khoét đôi mắt và bị chặt hết hai tay thì dù có sống cũng chẳng ra chi. Chẳng lẽ cứu bệnh một người mà lại hủy hoại một người khác hay sao?

Vua Linh Ưu chợt nhớ tới Công chúa út là Diệu Thiện, liền than: Nếu Diệu Thiện còn sống thì Trẫm ắt lành bệnh, vì Diệu Thiện sẽ hy sinh cho Trẫm.

Vị Sư già liền tâu: Tâu Bệ hạ, Bần tăng biết rõ Công chúa Diệu Thiện hiện vẫn còn sống, ở tại núi Phổ Đà, biển Nam Hải. Xin Bệ hạ cho người đi đến đó, tìm Công chúa thì may ra chế được thuốc cho nhà vua. Bần tăng xin để thuốc lại đây, khi nào có đôi mắt và đôi tay của Diệu Thiện đem về thì nhập với thuốc này, nấu chung lại, rồi trong uống, ngoài thoa, bệnh của Bệ hạ sẽ hết ngay.

Vị Sư già nói xong thì từ giã nhà vua trở về núi.

Vua Linh Ưu rất mừng, liền cho sứ giả sắp đặt hành trang lên đường đi Nam Hải, tìm Công chúa Diệu Thiện. Khi sứ giả đến được Phổ Đà Sơn thì gặp một đồng tử bưng ra một cái mâm phủ vải trắng còn thấm máu tươi, trong đó có đôi mắt và đôi tay của Diệu Thiện, đem ra trao cho sứ giả và nói:

Đây là đôi mắt và hai cánh tay của Công chúa Diệu Thiện, sứ giả hãy mau đem về chế thuốc trị bệnh cho vua.

Hoàng Hậu khi nhìn thấy sứ giả đem đôi mắt và đôi tay của Diệu Thiện về, còn dính máu tươi thì òa lên khóc mướt. Thị vệ liền đem nấu với thuốc do vị Sư già để lại, cho nhà vua uống phân nửa, còn phân nửa để thoa lên khắp mình mẩy, phút chốc, thân thể nhà vua lành lặn như xưa, hết đau nhức, mà lại còn cảm thấy khỏe khoắn hơn trước.

Vua Linh Ưu và Hoàng Hậu cảm mến ơn nghĩa của Diệu Thiện, nên quyết định đi ra Phổ Đà Sơn một chuyến để tạ ơn. Xa giá đặng trình, gặp không biết bao nhiêu nguy hiểm, nhưng đều được Quan Âm Bồ Tát dùng thần thông cứu khỏi.

Đến nơi, vua Linh Ưu và Hoàng Hậu thấy một vị Bồ Tát đang ngự trên tòa sen, nhưng mất cả hai cánh tay và hai con

mất. Vua biết đó là Công chúa Diệu Thiện, con của mình, nên vô cùng xúc động, nhớ lại mà ăn năn sám hối lỗi lầm, rồi đồng qui xuống cầu nguyện cùng Trời Phật xin cho Công chúa được lành lặn như xưa.

Sự thành tâm cầu nguyện của vua và Hoàng Hậu có kết quả, Bồ Tát Diệu Thiện liền hiện hào quang với đầy đủ hai tay và hai mắt như lúc trước.

Lúc ấy, vua và Hoàng Hậu đều giác ngộ, quyết rời bỏ điện ngọc ngai vàng, đem mình vào chốn Thiền môn, lo tu hành cầu giải thoát.

Nguyên căn của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát:

Đức Chí Tôn giảng cơ cho biết, nguyên căn của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là do Đức Từ Hàng Bồ Tát biến thân.

TNHT. I. 31: "*Người ta gọi Quan Âm là Nữ Phật Tông, mà Quan Âm vốn là Từ Hàng Đạo Nhơn biến thân. Từ Hàng lại sanh ra lúc Phong Thần đời nhà Thương.*" (Nhà Thương bên Tàu khởi đầu từ năm 1766 và dứt vào năm 1122 trước TL).

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nhân ngày Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, tại Đền Thánh, thời Tý ngày 19-2-Kỷ Sửu (1949), cũng có nói như sau:

"Hôm nay là ngày vía của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Bản đạo đã thường nói, nơi cửa Thiêng liêng Hằng sống, Đức Quan Âm Bồ Tát là một Đấng ở trong gia tộc sang trọng và oai quyền hơn hết.

Cái nguyên căn của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là do nơi pháp thân của Từ Hàng sản xuất...."

Do đó, trong Kinh Đệ Bát Cửu có câu:

*Cung Tận Thức thần thông biến hóa,
Phổ Đà Sơn giải quả Từ Hàng.*

Như vậy, chúng ta có thể hiểu rằng, Đức Từ Hàng Bồ Tát chiết chơn linh giáng trần, tu hành nhiều kiếp, cuối cùng đắc đạo tại Phổ Đà Sơn, hiệu là Quan Thế Âm Bồ Tát.

Trong con đường TLHS, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo cho biết, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát vâng lệnh Đức Phật Vương Di-Lạc "*chèo thuyền Bát Nhã Ngân hà độ sanh.*"

"Bần đạo chỉ nói nơi xa xăm của chúng ta đi qua, chúng ta thấy hình trạng Bát Quái Đài, dưới chân có Thất Đầu Xà, và dưới mình của Thất Đầu Xà là Khổ hải, tức là cảnh trần của chúng ta đó vậy.

Bên kia, có liên tiếp mật thiết vô một nẻo sông Ngân hà, rồi Bần đạo chỉ cho hiểu rằng, từ Khổ hải về cảnh Thiêng liêng Hằng sống phải đi ngang qua Ngân hà, có một chiếc Thuyền Bát Nhã của Đức Quan Âm Bồ Tát, vâng lệnh Đức Di-Lạc Vương Phật, chèo qua lại sông Ngân hà và Khổ hải đặng độ sanh thiên hạ."

Hội Thánh của Đạo Cao Đài chọn ngày 19 tháng 2 âm lịch là ngày thành đạo của Công Chúa Diệu Thiện làm ngày Vía Kỷ niệm Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Hằng năm, khi đến ngày này, tại Tòa Thánh và các Thánh Thất địa phương đều thiết lễ Đại Đàn cúng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, có Chức sắc thuyết đạo nhắc lại công đức và nhiệm vụ của Ngài trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

KINH CỨU KHỔ là bài kinh đặc biệt cầu nguyện Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn chúng sanh.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có giáng cơ ban cho hai bài Kinh Thiên đạo là:

- Kinh Hạ Huyệt
- Kinh Khai Cứu, Đại Tường và Tiểu Tường.

Trong TNHT, có đăng nhiều bài Thánh giáo của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Mặt khác, trong Kinh Tam Nguyên Giác Thế, cũng có một bài Thánh giáo của Ngài, xin trích ra sau đây:

Đêm mừng 2 tháng 11 năm Tân Mùi (1931).

THI:

Nhựt hoành nhị thập kiến giai thì,
 Lục nhựt đạo thành hiệp nhứt chi.
 Thứ kỷ thương nhơn tâm bất tại,
 Nhị nhơn thê mộc diệt nguyên qui.

Giải rõ thi chiết tự:

Nghe ta giải, khá chép mỗi hàng là 12 chữ:

Hai mươi, chữ Nhứt, chữ Giai hiệp chữ Kiến là chữ: QUAN
觀

Chữ Lục hiệp với chữ Nhứt và chữ Nhứt là chữ: ÂM 音

Chữ Thứ mà bỏ bớt chữ Tâm còn lại chữ: NHƯ 如

Chữ Mộc mà thêm vô 2 chữ Nhơn gọi là chữ: LAI 來

DIỄN DỤ:

Phàm làm người ở thế gian, một kiếp phù sanh, nghĩ lại chẳng bao lâu, tuy số định trăm năm chớ ít người bảy chục, còn e hai nẻo rủi may: Đường may là người nhờ kiếp làm quan trung quân ái quốc, giữ tánh thanh liêm, dạy dân lễ nghĩa, hồi đầu tỉnh ngộ lo tu, đời sau hưởng phước; còn gặp đường rủi là: làm quan chẳng dạ ngay vua, mạnh thế lộng quyền, hữu hoài oán nghịch chi tâm, chẳng giữ thanh liêm, hiếp dân, thâm hối lộ làm giàu, bức hiếp kẻ nghèo mà làm cự phú, chác sự oan gia trái chủ, thời phải bị sanh liểu hựu tử, tử liểu hựu sanh, luân hồi chẳng dứt.

Nay gặp Trời ân xá lần ba, khuyên thiện nam tín nữ lo tu bồi đạo đức mà hưởng phước ngày sau, còn người mộ việc tu hành cũng thành Chánh quả.

Nếu tu thời bỏ hết cuộc giàu sang vui sướng ở thế gian. Hãy biết thế gian, muôn việc đều giả, trăm kế cũng không.

THI rằng:

Khán đắc phù sanh nhứt thế KHÔNG,
Điền viên sản nghiệp diệc giai KHÔNG.
Thê nhi phụ tử chung ly biệt,
Phú quý công danh tổng thị KHÔNG.
Cổ ngữ vạn ban đô thị giả,
Kim ngôn bá kế nhứt trường KHÔNG.
Tiền tài thâm thập đa tân khổ,
Lộ thượng huỳnh tuyền lưỡng thủ KHÔNG.

Quan Âm Như Lai

Sau đây, xin chép lại một bài Thánh Ngôn của Đức Quan Âm Bồ Tát dạy Đạo cho nữ phái, giảng cơ đêm 3-8-Nhâm Thìn (dl 21-9-1952), trích trong Thánh Ngôn Sưu Tập:

THI:

QUAN nam diện duợt chí từ bi,
 ÂM đức cứu dân mới đắc thì.
 BỒ đạo giềng ba thân nữ độ,
 TÁT giang đức cảnh thế nên ghi.

Hôm nay về cùng chư tín hữu phân ưu đạo hạnh, cũng nơi lòng ham mộ cửa từ bi, để mong sao thoát kiếp oan khiên nghiệp chướng, do bởi thế trần tạo nhiều khổ cảnh, mà chúng ta mãi vướng cuộc trầm luân, thì bao giờ rời được cái thân nhi nữ thường tình, nếu không sớm lo giải cứu thì sau này hối hận, đừng nói sao trễ bước.

Công bầy nhiều thì quả bầy nhiều, chỉ có tâm nhiệt thành đạo hạnh thì cơ siêu thoát mới mong hưởng đặng.

Còn một điểm luyến trần, khó mong cứu độ, chừng ấy ăn năn quá muộn, quý nhưt là sớm ngộ Tam Kỳ mà không lo tròn phận sự thì uổng một kiếp sanh vô lối. Dầu khổ dầu cực, cứ lần lóc theo cơ Đạo để tạo nghiệp cảnh Hư Vô chi vị.

Nếu Bần đạo nói tận cùng, thiện tín phải kinh tâm mà chớ. Thật sự cõi trần là nơi giam hãm con người vào vòng trụ lạc, lại là kiếp khổ tái sanh.

Nếu không ngộ Tam Kỳ, ở Thiên cảnh ngó nơi trần thế, bắt ngậm ngùi cho thế. Chung quanh đều là ô trược để gạt và quyến rũ con người vào vòng tội lỗi, rồi phải chịu đọa luân hồi, khó mong nhìn thượng giới. Mãi bôn xu danh cùng lợi là điều buộc chặt linh hồn đó.

Dưới thế gian mượn nước gội sầu, chớ toàn đều như ướ. Cả Thần Tiên rất sợ cảnh trần này lắm, chỉ mượn cơ để giác ngộ, nếu hữu duyên thì tránh được, hầu bước qua cảnh mới, tức là siêu linh đó.

Bần đạo cám ơn và ban ơn cho. **THĂNG.**

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Quan Trung

關中

Quan Trung là tên của một phần đất ở bên Tàu, giữa hai ải: phía Đông là ải Hàm Cốc, phía Tây là ải Lũng quan.

Khi Hán Vương Lưu Bang tiêu diệt được Hạng Vũ, thống nhất nước Tàu, lên ngôi Hoàng Đế, lấy hiệu là Hán Cao Tổ, mở ra nhà Hán, đang còn phân vân chưa biết nên chọn Lạc Dương hay Quan Trung để đóng đô.

Lưu Hầu Trương Lương tâu rằng:

- Lạc Dương có những ưu thế hiểm trở nhưng đất hẹp không quá vài trăm dặm, ruộng xấu, lại phải đương đầu với kẻ địch bốn mặt, nên không phải là đất dụng võ tốt. Trái lại, Quan Trung, bên trái có Hào Sơn, Hàm Cốc quan, bên phải có đất Lũng, đất Thục, đồng ruộng phì nhiêu ngàn dặm, phía Nam có cửa ải đất Ba, đất Thục, phía Bắc có cái lợi là đồng cỏ đất Hồ, cả ba mặt đều có thiên nhiên hiểm trở phòng giữ, chỉ dùng mặt phía đông mà không chế chư Hầu. Khi chư Hầu an ổn thì sông Hoàng Hà, Vị Thủy có thể dùng để chuyên chở của cải của thiên hạ đem về cấp cho kinh đô. Nếu chư Hầu có biến thì cứ thuận dòng sông đi xuống mà chinh phạt. Đó mới là thành vàng ngàn dặm, một kho báu Trời cho vậy.

Hán Cao Tổ nghe Trương Lương nói như vậy thì hạp ý, chuẩn bị ngựa xe ngay hôm ấy đến Quan Trung lập kinh đô.

TNHT: Yên Tử Hà xưa lúc vận cùng,
Còn mang dệp rách đến *Quan Trung*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quan trường

官場

A: Mandarinate.

P: Mandarinat.

Quan: Chức quan, của công. **Trường:** nơi đông người đua chen danh lợi.

Quan trường là giới quan lại, chỉ chung những người đang làm quan.

Quan viên

官員

A: Mandarin.

P: Mandarin.

Quan: Chức quan, của công. **Viên:** người, nhân viên.

Quan viên là những người làm quan.

TNHT: Chưa hết *quan viên* há hết *châu*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

QUÁN

QUÁN

1. **QUÁN:** 貫 Thông suốt, xuyên tiền.
Td: Quán triệt.
2. **QUÁN:** 冠 Đứng đầu, cao hơn hết.
Td: Quán chúng.
3. **QUÁN:** 盥 Rửa tay hay rửa mặt.
Td: Quán tẩy.
4. **QUÁN:** 觀 còn đọc QUAN: xem xét.
Td: Quán tưởng.

Quán chúng

冠眾

A: Eminent.

P: Éminent.

Quán: Đứng đầu, cao hơn hết. **Chúng:** nhiều người.

Quán chúng là đứng đầu nhiều người, tài giỏi vượt lên trên nhiều người.

Quán cổ tri kim

貫古知今

Quán: Thông suốt, sâu tiền. **Cổ:** xưa. **Tri:** biết. **Kim:** đời nay.

Quán cổ tri kim là thông suốt việc đời xưa, biết rõ các việc đời nay. Đó là nhà bác học.

Quán tẩy

盥洗

A: To wash oneself.

P: Se laver.

Quán: Rửa tay hay rửa mặt. **Tẩy:** làm cho sạch.

Quán tẩy là rửa tay hay rửa mặt cho sạch sẽ.

Đây là câu xướng của Lễ sĩ trong nghi thức Tế Thần. Khi Lễ sĩ xướng "Quán tẩy", những vị đứng tế đến chỗ xối nước rửa tay hay rửa mặt cho thật sạch sẽ.

Quán triệt

貫徹

A: To penetrate.

P: Pénétrer.

Quán: Thông suốt, sâu tiền. **Triệt:** suốt tới.

Quán triệt là thông suốt từ đầu đến cuối, hiểu rõ mọi lẽ.

Quán tưởng

觀想

Quán: xem xét. **Tưởng:** tư tưởng, tưởng nghĩ.

Quán tưởng là dùng trí mà xem xét và tưởng niệm.

Quán tưởng cũng là xem xét tư tưởng của mình, nó chánh hay tà, do đâu mà sanh ra và cái quả báo của nó thế nào.

Tư tưởng của chúng sanh thì đảo điên. Tư tưởng của Phật thì chẳng còn điên đảo, hoàn toàn trong sạch, giải thoát.

Quán tưởng niệm Phật: là ngồi im lặng một chỗ mà tưởng nghĩ đến công đức của Phật.

QUẢN

QUẢN

QUẢN: 管 Coi sóc công việc, ống sáo, ống tròn.

Td: Quản lý, Quản suất, Quản trị.

Quản Châu Đạo - Quản Tộc Đạo

管洲道 - 管族道

Quản: Coi sóc công việc, ống sáo, ống tròn. **Châu Đạo:** một tỉnh đạo, gồm các tín đồ cư ngụ trong một tỉnh. **Tộc Đạo:** một quận đạo, gồm các tín đồ cư ngụ trong một quận.

Trong hệ thống tổ chức của Cơ Quan Phước Thiện, vị Chức sắc đứng đầu một Châu Đạo Phước Thiện thì gọi là Quản Châu Đạo Phước Thiện, vị Chức sắc đứng đầu một Tộc Đạo Phước Thiện thì gọi là Quản Tộc Đạo Phước Thiện.

Bên Hành Chánh Đạo thì gọi: Khâm Châu Đạo và Đầu Tộc Đạo. Bên CQPT dùng chữ Quản để chỉ người đứng đầu, tránh trùng chữ với bên Hành Chánh Đạo.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Quản Châu Thành Thánh Địa - Quản Phận Đạo

Quản: Coi sóc công việc, ống sáo, ống tròn. **Châu Thành Thánh địa:** vùng đất ngoại ô Tòa Thánh Tây Ninh được Hội

Thánh thành lập để cho các tín đồ Cao Đài từ khắp nơi về cư ngụ và làm ăn sinh sống.

Châu Thành Thánh địa được chia ra nhiều Phận Đạo, mỗi Phận Đạo có số tín đồ tương đương một Tộc Đạo.

Vị Chức sắc đứng đầu Châu Thành Thánh địa về PT là một vị Đạo Nhơn gọi là Quản Châu Thành Thánh địa PT.

Vị Chức sắc đứng đầu một Phận Đạo PT là một vị Giáo Thiện gọi là Quản Phận Đạo PT.

Bên Hành Chánh Đạo thì gọi là: Khâm Thành Thánh địa và Đầu Phận Đạo.

PT: Phước Thiện.

Quản lý

管理

A: To manage.

P: Administrer.

Quản: Coi sóc công việc, ống sáo, ống tròn. **Lý:** sắp đặt công việc.

Quản lý là điều khiển và sắp đặt công việc trong một cơ quan, hay một tổ chức nhiều người.

Quản suất

管率

A: To direct.

P: Diriger.

Quản: Coi sóc công việc, ống sáo, ống tròn. **Suất:** cai quản toàn thể.

Quản suất là cai quản toàn thể.

Thánh ngôn: *Quản suất càn khôn định cõi bờ.*

Quản suất tài chánh: cai quản về tiền bạc, quản lý việc thu và xuất tiền bạc của một cơ quan.

ĐLMD: Mỗi kỳ nhóm thường lệ, Thủ bản phải lược thuật sự *quản suất tài chánh* cho rõ ràng.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Quản trị

管治

A: To administer.

P: Administrer.

Quản: Coi sóc công việc, ống sáo, ống tròn. **Trị:** sắp đặt cho yên.

Quản trị là công việc sắp đặt công việc trong một cơ quan hay một tổ chức gồm nhiều người.

Hội Đồng Quản Trị hay Ban Quản Trị là một nhóm người có trách nhiệm sắp đặt công việc và nhân sự trong một cơ quan hay một tổ chức kinh doanh.

Quản Văn phòng

管文房

A: General secretary.

P: Secretaire général.

Quản: Coi sóc công việc, ống sáo, ống tròn. **Văn phòng:** phòng làm việc về giấy tờ, phụ trách sổ sách, công văn.

Quản Văn phòng là một Chức sắc có nhiệm vụ quản lý các việc giấy tờ nơi Văn phòng của một cơ quan lớn trong Đạo.

Dưới Quản Văn phòng là các Thơ ký và Đầu phòng văn khoa mục giúp việc.

Trong Đạo dùng chữ Quản Văn phòng tương ứng với ngoài đời dùng chữ Chánh Văn phòng.

QUANG

QUANG

QUANG: 光 Sáng, rực rỡ, vẻ vang.

Td: Quang âm, Quang lâm.

Quang âm

光陰

A: Light and shadow.

P: Lumière et ombre: Temps.

Quang: Sáng, rực rỡ, vẻ vang. **Âm:** bóng tối.

Quang âm là sáng và tối, tức là ngày và đêm, chỉ thời gian trôi qua.

TNHT: Nhật thức *quang âm* Xuân đã lụn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quang lâm

光臨

Quang: Sáng, rực rỡ, vẻ vang. **Lâm:** tới.

Quang lâm là tiếng dùng để tôn xưng người khách mà mình mời tới nhà mình.

Quang minh chánh đại

光明正大

A: Open and straightforward.

P: Clair et droit.

Quang: Sáng, rực rỡ, vẻ vang. **Minh:** sáng. **Chánh:** ngay thẳng. **Đại:** lớn.

Quang minh chánh đại là rõ ràng ngay thẳng, không có gì lén lút hay mờ ám.

Quang tiền dụ hậu

光前裕後

Quang: Sáng, rực rỡ, vẻ vang. **Tiền:** trước. **Dụ:** giàu có, đầy đủ. **Hậu:** sau.

Quang tiền dụ hậu là vẻ vang đời trước, giàu có đời sau.

Ý nói: Làm cho vẻ vang sự nghiệp của ông cha đời trước, dành để phúc ảm lại cho con cháu đời sau được giàu có.

Thành ngữ trên còn được nói là: **Quang tiền thùy hậu:** 光前垂後 **Thùy:** rủ xuống. Thùy ảm là phúc ảm để lại cho con cháu.

Sách Luận Ngữ có viết rằng: "*Quang tiền dụ hậu, kính kỳ sở tôn, ái kỳ sở thân, sự tử như sự sanh, sự vong như sự tồn, hiếu chi chí dã.*" Nghĩa là: Vẻ vang đời trước, giàu có đời sau, kính trọng người già, thương mến cha mẹ mình, thờ người chết như thờ người sống, thờ người mất cũng như thờ người còn, hiếu ấy rất mực vậy.

TĐ ĐPHP: Mình phải *quang tiền dụ hậu*, lấy kim suy cổ, suy tầm những lý lẽ cao sâu.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Quang tông diệu tổ

光宗耀祖

Quang: Sáng, rực rỡ, vẻ vang. **Tông:** dòng họ. **Diệu:** rực rỡ. **Tổ:** tổ tiên.

Quang tông diệu tổ là làm rạng rỡ tổ tiên của dòng họ.

QUẢNG

QUẢNG

QUẢNG: 廣 Lớn, rộng, mở rộng, cái điện lớn.

Td: Quảng đại, Quảng truyền.

Quảng đại

廣大

A: Vast, generous.

P: Vaste, généreux.

Quảng: Lớn, rộng, mở rộng, cái điện lớn. **Đại:** lớn.

Quảng đại là rộng lớn, lòng dạ rộng rãi bao dung.

KCS: Ôn Đông Nhạc Đế Quân *quảng đại*.

KSH: Kinh Sám Hối.

Quảng Hàn Cung

廣寒宮

A: Palace of the moon.

P: Palais de la lune.

Quảng: Lớn, rộng, mở rộng, cái điện lớn. **Hàn:** lạnh.
Cung: cung điện.

Quảng Hàn Cung là cung điện của vị Thái Âm Tinh Quân ở trên mặt trăng.

Quảng khai

廣開

A: To enlarge.

P: Élargir.

Quảng: Lớn, rộng, mở rộng, cái điện lớn. **Khai:** mở ra.

Quảng khai là mở rộng ra.

PMCK: *Quảng khai* Thiên thượng tạo quyền Chí Công.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Quảng thi đại đức

廣施大德

Quảng: Lớn, rộng, mở rộng, cái điện lớn. **Thi:** thi hành, cũng đọc là Thí: giúp cho, bố thí. **Bác thí:** rộng giúp mọi người.
Đại đức: cái đức lớn.

Quảng thi, đồng nghĩa Bác thí: rộng giúp mọi người.

Quảng thi đại đức là ban bố ơn đức lớn cho mọi người.

SỐ VĂN: Ngưỡng nguyện Vô Trung Từ Phụ phát hạ hồng ân, *quảng thi đại đức*, bồ hóa chư đệ tử trí não....

Quảng truyền Đạo Đức

廣傳道德

A: To propagate the book of Đạo Đức.

P: Propager le livre de Đạo Đức.

Quảng: Lớn, rộng, mở rộng, cái điện lớn. **Truyền:** trao lại cho người khác.

Đạo Đức: sách Đạo Đức Kinh, là quyển sách do Đức Lão Tử viết ra, truyền lại cho Doãn Hỷ, dùng làm căn bản cho giáo lý của đạo Tiên.

Quảng truyền Đạo Đức là truyền bá rộng rãi sách Đạo Đức Kinh của Đức Lão Tử.

TG: Tử khí đông lai, *quảng truyền Đạo Đức.*

TG: Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.

QUẠNH

Quạnh quẽ

A: Desert, solitary.

P: Désert, solitaire.

Quạnh quẽ là vắng vẻ và yên lặng, gây cảm giác cô đơn, trống trải, buồn bã.

Quạnh quẽ đồng nghĩa: Quạnh hiu.

KTKVQL: Ngồi *quạnh quẽ* đèn tàn một bóng.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

QUẠT

Quạt nồng ấp lạnh

A: Filial piety.

P: Piété filiale.

Quạt nồng: quạt cho hết nóng nực. **Ấp lạnh:** nằm úm cho hết lạnh.

Quạt nồng ấp lạnh là khi nóng nực thì quạt cho mát, khi lạnh lẽo thì ấp cho ấm. Ý nói: con hiếu thảo chăm sóc cha mẹ.

Trong Nhị thập tứ Hiếu, gương hiếu thảo thứ 6, Hoàng Hương thức khuya dậy sớm hầu cha rất hiếu thảo. Vào mùa đông, Hoàng Hương nằm ủ chăn chiếu để truyền hơi ấm cho cha khỏi lạnh, đến mùa hè thì quạt mùng gối cho cha được mát mẻ luôn. Nhờ vậy mà người cha sống thoải mái vui tươi, không biết có mùa đông hay mùa hè.

Trong sách Lễ Ký có câu: *Phàm vi nhân tử chi lễ, đông ôn nhi hạ sảng, hôn định nhi thần tĩnh.* Nghĩa là: Phàm theo lễ của kẻ làm con, mùa đông lo cho cha mẹ được ấm áp, mùa hè lo cho cha mẹ được mát mẻ, buổi tối chăm sóc cho cha mẹ ngủ yên, buổi sáng hỏi thăm cha mẹ có được khỏe không.

Do đó, rút ra các thành ngữ: *Đông ôn hạ sảng, Hôn định thần tĩnh, Thần hôn*, để chỉ con hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ.

QUÂN

QUÂN

QUÂN: 君 Vua, người tài đức, anh với ý tôn kính.

Td: Quân sự phụ, Quân tử.

Quân Sư Phụ

君師父

A: King, Teacher, Father.

P: Roi, Maître, Père.

Quân: Vua, người tài đức, anh với ý tôn kính. **Sư:** thầy dạy học. **Phụ:** cha.

Quân, Sư, Phụ là ba bậc mà người ta phải cung kính theo luân lý của Nho giáo.

Trên hết là vua tượng trưng cho đất nước, kế đó là thầy dạy học, sau mới đến cha. Thời xưa, đặt sự quý trọng thầy hơn

cha một bực. Cha mẹ thì sanh ra con, thầy thì dạy cho con hiểu biết đạo lý, khôn ngoan tài giỏi hơn người.

Ông Loan Cung Tử có viết rằng:

Dân sanh ư tam sự chi như nhưt: Phụ sanh chi, Sư giáo chi, Quân tự chi. Phi phụ bất sanh, phi tự bất trưởng, phi giáo bất tri. Nghĩa là: Người ta sanh ra, có ba người phải thờ kính như một là: Cha sanh, thầy dạy, vua nuôi. Không cha thì không sanh, không nuôi thì không lớn, không dạy thì không biết.

Do đó, Tam Cang của đạo Nho được giải là: Trung, Kính, Hiếu: Trung với nước, Kính bậc thầy, Hiếu với cha mẹ.

Quân thánh thần trung

君聖臣忠

Quân: Vua, người tài đức, anh với ý tôn kính. **Thánh:** sáng suốt như bực Thánh. **Thần:** bề tôi. **Trung:** ngay thẳng, trung thành.

Quân thánh thần trung là vua sáng thì bề tôi trung.

Ông Vương Lương nói: *Quân thánh thần trung, Phụ từ tử hiếu. Gia bản tri hiếu tử, thế loạn thức trung thần.*

Nghĩa là: Vua sáng thì bề tôi trung, cha hiền thì con hiếu. Nhà nghèo mới biết con hiếu, đời loạn mới biết tôi trung.

Quân Thiên nhạc

鈞天樂

Quân: Cái bàn xoay của người thợ nặn đồ gốm, chỉ Đấng Tạo hóa. **Thiên:** Trời. **Nhạc:** khúc nhạc.

Quân Thiên nhạc là khúc nhạc tấu ở cõi Trời. (Xem chi tiết nơi chữ: Nhạc tấu Quân Thiên, văn Nh).

Quân tử - Tiểu nhân

君子 - 小人

A: Superior man - Inferior man; Gentleman - Mean person.

P: Homme supérieur - Homme inférieur; Bonnes gens - Petites gens.

Quân: Vua, người tài đức, anh với ý tôn kính. **Tử:** người. **Tiểu:** thấp kém. **Nhân:** người.

Quân tử là người có tài đức hơn người, có chí khí cao, có nhân cách và phẩm hạnh tốt đẹp.

Tiểu nhân là người tầm thường thấp kém, thiếu đức thiếu tài, tâm tánh hẹp hòi, tham lam ích kỷ.

Nho giáo luận rất kỹ về Quân tử và Tiểu nhân trong phần Hình Nhi Hạ Học.

"Đã nói rằng, đạo của Khổng Tử là đạo người quân tử, cốt dạy người ta cho thành người có đức hạnh hoàn toàn và có nhân phẩm tôn quý, cho nên bao nhiêu sự dạy dỗ học tập của Khổng giáo đều chú cả vào sự gây thành người quân tử.

Khổng giáo chia người trong xã hội ra hai hạng: Quân tử và Tiểu nhân. Quân tử là quý là hay; Tiểu nhân là tiện là dở.

Vậy trước khi bàn đến các mục khác, thiết tưởng nên nói rõ tư cách của người quân tử và kẻ tiểu nhân khác nhau thế nào, thì sau mới hiểu rõ mọi ý nghĩa.

Người ta sinh ra ở đời bao giờ cũng tựa như người hành khách, lúc nào cũng thấy có hai con đường giao nhau trước mắt. Có người biết chọn con đường thẳng mà đi thì được ung dung mà chóng đến nơi; có người thì đi con đường cong queo thành ra vất vả mà không đến nơi được. Con đường thẳng là con đường đạo đức nhân nghĩa, con đường cong queo là con đường gian ác quỷ quyệt. Đi con đường thẳng là người quân tử, có nhân cách hoàn toàn; đi con đường cong là kẻ tiểu nhân hèn hạ.

Lúc đầu, chữ quân tử là nói người có địa vị tôn quý, mà chữ tiểu nhân là nói người thường, không có địa vị trong xã hội.

Về sau dùng rộng nghĩa ra, gọi quân tử là người có đức hạnh tôn quý, và gọi tiểu nhân là người có chí khí hèn hạ.

Vậy theo nghĩa rộng, quân tử thì dầu bản cùng khổ sở cũng là quân tử; mà tiểu nhân tuy có quyền tước giàu có cũng vẫn là tiểu nhân. Người đi học nho cũng vậy, có người là nho quân tử, có người là nho tiểu nhân. Khổng Tử bảo Tử Hạ: "*Nhữ vi quân tử nho, vô vi tiểu nhân nho.*" Người làm nho quân tử, không làm nho tiểu nhân.

Nho quân tử là người học đạo Thánh hiền để sửa mình cho thành người có phẩm giá tôn quý, dầu bản cùng cũng không làm điều trái đạo; nho tiểu nhân là người mượn tiếng học đạo Thánh hiền để cầu danh cầu lợi, miệng nói đạo đức mà bụng nghĩ điều bất chánh bất nghĩa.

Đức Khổng Tử phân biệt thái độ thế nào là quân tử, thế nào là tiểu nhân. Ngài nói:

"*Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt.*" Quân tử đạt về cái lý cao minh, tiểu nhân đạt về cái lý đê hạ. Quân tử bao giờ cũng theo Thiên lý, cho nên tâm tánh quang minh, biết điều gì càng ngày càng tinh thâm, làm việc gì càng ngày càng thuần thực, bởi vậy mới tiến lên chỗ cao minh. Tiểu nhân bao giờ cũng theo nhân dục, chí khí mờ tối, cứ bị vật dục sai khiến, biết cái gì thì càng ngày càng sai lầm, làm điều gì càng ngày càng càn rỡ, bởi vậy mới trụ lạc về đường đê hạ.

"*Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi.*" Quân tử hiểu rõ điều nghĩa, tiểu nhân hiểu rõ điều lợi. Nghĩa là cái chánh đáng của Thiên lý; còn lợi là cái ham mê của nhân dục. Người quân tử hiểu sâu việc nghĩa nên dốc lòng làm việc nghĩa, kẻ tiểu nhân hiểu sâu điều lợi nên dốc lòng làm việc lợi mà quên việc nghĩa là trái lẽ.

"*Quân tử trung dung, tiểu nhân phản trung dung.*" Quân tử thì trung dung, tiểu nhân thì trái với trung dung. Quân tử hiểu suốt đến cái lẽ cao xa, rồi chọn cái vừa phải mà theo nên mới được trung dung; tiểu nhân chỉ biết cái tư lợi mà không biết cái lý cao xa nên chỉ làm những việc tầm thường, thành ra trái với trung dung.

"*Quân tử thái nhi bất kiêu, tiểu nhân kiêu nhi bất thái.*" Quân tử thư thái mà không kiêu căng, tiểu nhân kiêu căng mà không thư thái. Cái bụng của người quân tử thì chỉ theo cái lý tự nhiên nên lúc nào cũng an nhàn tự đắc, không có gì là căng kỹ ngạo vật. Cái bụng của kẻ tiểu nhân chỉ thích cái muốn của mình, nên khi đắc chí thì khoe khoang kiêu ngạo, không có thái độ thung dung như người quân tử.

Quân tử theo Thiên lý nên lúc nào cũng thư thái, tiểu nhân bị vật dục sai khiến nên lúc nào cũng lo nghĩ để cầu danh cầu lợi nên suốt đời luôn luôn lo lắng.

"*Quân tử cố cùng, tiểu nhân cùng tư lạm hỷ.*" Quân tử cố giữ mình lúc khốn cùng, tiểu nhân lúc khốn cùng thì làm bậy.

"*Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác, tiểu nhân phản thị.*" Quân tử gây thành cái hay cho người, không gây thành cái ác cho người, tiểu nhân không thế.

Lòng người quân tử vốn hậu, mà cái sở hiếu chỉ ở sự thiện, cho nên thấy ai làm điều hay thì khuyến khích cho người ta làm hay hơn nữa, hoặc thấy ai làm điều ác thì can ngăn, không để cho người ta làm thành điều ác được. Lòng kẻ tiểu nhân vốn bạc, mà cái sở hiếu chỉ ở điều ác, cho nên thấy ai làm điều ác thì xui khiến để thành ra ác, hoặc thấy ai làm điều thiện thì ghen ghét, tìm cách ngăn trở.

Đức Khổng Tử chia nhơn loại ra làm hai hạng như thế: quân tử và tiểu nhân. Quân tử chủ ở sự theo Thiên lý để làm điều công chánh; tiểu nhân chủ ở sự theo tư dục để làm những điều tà khúc. Một đường thì làm cho tôn phẩm giá của mình lên, một đường thì làm cho hạ phẩm giá của mình xuống. Ai muốn theo đường nào, cũng tùy ở cái chí của mình cả.

"*Quân tử ưu đạo bất ưu bản.*" Quân tử lo đạo, không lo nghèo. Người quân tử lấy sự học đạo làm gốc, cho nên chỉ lo đạt tới đạo chứ không lo cho có lợi lộc hay không có lợi lộc.

"*Quân tử kiến cơ nhi tác.*" Quân tử xem cơ màu mà động tác. Cơ là phần tinh vi nảy ra lúc sắp động. Người quân tử phải xem xét suy nghĩ cho cẩn thận để lúc làm việc gì thì biết rõ cái cơ có làm được hay không. Có cái cơ làm được mà

không làm là đại đột, chưa có cái cơ làm được mà làm cũng là đại đột, không phải là người quân tử.

Học làm quân tử thì phải thành thật, không bao giờ tự dối mình mà làm hại cái biết của mình.

Muốn là quân tử thì phải giữ đủ cả phần chất phác ở trong và phần văn hoa ở ngoài, đừng để chênh lệch phần nào. Chất phác mà quá hơn văn vẻ là thô lỗ, văn vẻ mà quá hơn chất phác là hào nháng bề ngoài, trong không có gì là thực. Bởi vậy, văn và chất phải đều nhau, đừng để bên nọ hơn bên kia thì mới thật là người quân tử.

Cái phẩm giá của bậc quân tử hoàn toàn cao quý như thế, sự học rộng như thế, không thể lấy cái tư cách của hạng người tầm thường chỉ bo bo những việc thiện cận mà ví được. Vậy người đi học, muốn theo đạo của người quân tử thì cần phải cố gắng nhiều lắm vậy." (Theo Nho giáo của Trần Trọng Kim)

Trong ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO có giải về Quân tử và Tiểu nhân, chép ra như sau:

"Quân tử là người tài đức xuất chúng, phẩm hạnh nhân cách hoàn toàn, tánh tình cao thượng. Người quân tử bao giờ cũng ung dung thư thái, ưa làm sự phải điều hay, thuận Thiên lý lưu hành, đem chơn đạo mà khuyên đời từng lượng cải ác, tấm lòng bao giờ cũng quảng đại, vô vi thanh tịnh, không phóng túng bồn chồn, mà để lòng dục khiến sai, uốn bẻ đến phải bước làm vào nẻo quấy. Mỗi việc đều xét suy đáo để, tính trước lo xa, thương người ích chúng, ham nghĩa ưa nhân, chuộng trung mền chánh, bao giờ cũng vẫn tùy thời quyền biến mà giữ cho được hai chữ Trung Dung, chớ không thái quá không bất cập, dầu gặp cảnh ngộ nào thì tâm chí cũng cứ an vui, không để thất tình loạn động, vì người quân tử là thực vô cầu bảo, cư bất cầu an, kia mà.

Cái đức của người quân tử thường như nước vậy, nghĩa là châu lưu chảy khắp tứ phương, gặp tròn gặp méo, gặp dài gặp vuông, nước cũng chiều theo được hết, lại nước cứ từ cao chảy xuôi xuống thấp, nên người quân tử luống chịu hạ mình cho vừa lòng tất cả hơn sanh. Tuy nước cứ tìm chỗ thấp, cứ chiều theo khuôn, cứ mềm với chúng, mà đến chừng ai muốn

cho nó tiêu mòn sút mẻ là chẳng làm sao hề hấn đến được lấy chút mảy may gì nó bao giờ.

Người quân tử theo đời mà chẳng nhiễm đời, chiều người mà chẳng bỏ người, tùy tục mà không đắm tục, cứ giữ tánh tình thanh bạch, tâm chí cao siêu, dầu ai dẫm cũng chẳng phai, ai giũa cũng chẳng mòn, nên bã lợi danh mỗi chung đỉnh có bao giờ trêu nhử được!

Còn đưa tiểu nhân lại bỏ nghĩa theo lợi, lấy vạy cầu danh, tâm tà tánh độc, nét kiêu, chí hèn, nói tắt một lời là mỗi mỗi đều trái hẳn với người quân tử như trắng với đen, như trời với vực.

Tuy nhiên, người quân tử càng trốn cái danh mà danh càng rạng tỏ, càng chiều với thế mà thế vẫn tôn sùng; còn đưa tiểu nơn lại càng chuộng cái danh mà danh càng nơ như nhóp, càng kiêu với thế mà thế vẫn thị khinh.

Như vậy mà sao hạnh quân tử ít người làm, còn thói tiểu nơn lại nhiều kẻ học? Thiệt rất buồn cho nơn loại biết bao!"

"Chán đời tìm chốn tịnh an,
 Học theo quân tử, lánh đàng tiểu nơn.
 Khó khăn chí vẫn đầu sòn,
 Hữu duyên nghe lọt tiếng đờn vô vi."

QUẦN

QUẦN

1. **QUẦN:** 群 Nhiều người tụ họp đông đảo.
 Td: Quần linh, Quần sanh.
2. **QUẦN:** 裙 Cái quần để mặc.
 Td: Quần hồng, Quần thoa.

Quần chơn

群真

A: All the Saints.

P: Tous les Saints.

Quần: Nhiều người tụ họp đông đảo. **Chơn:** **Chân:** những vị tu hành đắc đạo thành bực Thánh hay bực Tiên, gọi là Chơn nhơn.

Quần chơn là các vị Thánh, Tiên.

TG: Hữu thi siêu *quần chơn* chi thượng.

TG: Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.

Quần hồng

裙紅

A: Rose trousers.

P: Pantalon rouge.

Quần: Cái quần để mặc. **Hồng:** màu đỏ.

Quần hồng là cái quần màu đỏ, chỉ đàn bà con gái.

Khi xưa, ở bên Tàu, những nhà giàu thường cho con gái mặc quần màu đỏ.

NTPP: Lấy kinh luân thúc thách *quần hồng*.

NTPP: Nữ Trung Tòng Phận.

Quần linh

群靈

A: All the spirits.

P: Tous les esprits.

Quần: Nhiều người tụ họp đông đảo. **Linh:** chơn linh, linh hồn.

Quần linh là tất cả các chơn linh trong CKVT, đồng nghĩa: Vạn linh.

KNHTĐ: Vô vi nhi dịch sử *quần linh*.

KNHTĐ: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Quần nhi

群兒

A: All the children.

P: Tous les enfants.

Quần: Nhiều người tụ họp đông đảo. **Nhi:** con trẻ.

Quần nhi là đám con trẻ.

Toàn thể nhóm loại đều là con trẻ của Đức Phật Mẫu.

PMCK: Sanh quang dưỡng dục *quần nhi*.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Quần sanh

群生

A: All the living beings.

P: Tous les êtres vivants.

Quần: Nhiều người tụ họp đông đảo. **Sanh:** sống.

Quần sanh tất cả các loài sanh vật, đồng nghĩa: Chúng sanh. Quần sanh gồm: Thảo mộc, Thú cầm, Nhơn loại.

Thông thường, Quần sanh hay Chúng sanh có nghĩa hẹp là nhóm loại, nhóm sanh.

KNHTĐ: Hóa dục *quần sanh*, thống ngự vạn vật.

KNHTĐ: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Quần Thánh

群聖

A: All the Saints.

P: Tous les Saints.

Quần: Nhiều người tụ họp đông đảo. **Thánh:** các Đấng thiêng liêng từ bậc Thánh đở lên, tức là các vị Thánh, Tiên, Phật.

Quần Thánh là tất cả các vị: Thánh, Tiên, Phật.

TG: Đức hoán Hư linh, pháp siêu *quần Thánh*.

TG: Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.

Quần thoa (Quần xoa)

裙釵

A: Trousers and brooch: Woman.

P: Jupe et épingle à cheveux: Femme.

Quần: Cái quần để mặc. **Thoa:** còn đọc Xoa: trâm cài tóc của phụ nữ.

Quần thoa hay Quần xoa là cái quần và cây trâm cài tóc, chỉ đàn bà con gái, giới phụ nữ.

TNHT: và cho nở mày khách *quần thoa*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

QUẬT

Quật hạ

A: To stoop.

P: S' abaisser.

Quật: co xấp lại. **Hạ:** thấp xuống.

Quật hạ là chịu lòn, hạ mình xuống. (Từ ngữ xưa)

CG PCT: Nên phải có hạnh đức mới biết an phận mình mà chịu phần lòn cúi, *quật hạ* đặng.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

QUẾ

QUẾ

QUẾ: 桂 Cây quế, loại cây quí, có mùi thơm nồng, dùng làm thuốc.

Td: Quế hòe, Quế hương, Quế thọ.

Quế hòe

桂槐

Quế: Cây quế, loại cây quí, có mùi thơm nồng, dùng làm thuốc. **Hòe:** cây hòe.

Quế hòe là cây quế và cây hòe, chỉ đứa con tài giỏi nói chỉ ông cha làm nên danh phận rỡ ràng.

Diễn tích: 1. Đậu Võ Quân đời Tống, làm quan đến chức Giám Nghị Đại phu, gia pháp nhà ông có một thời làm mẫu mực cho dân chúng. Trong khi ông làm quan, hiền sĩ khắp nơi được ông cất nhắc và bổ nhiệm rất nhiều. Ông có năm người con trai đều học rất giỏi, thi đậu và đều được vua trọng dụng, bổ làm quan. Người đời khen là *Yên Sơn Ngũ quế*: Đất Yên Sơn có năm cây quế.

Do đó, Tống Sử có chép rằng: *"Tống Đậu quân hữu tế nơn âm công, sinh ngũ tử câu chiết quế."* Nghĩa là: đời Tống có ông họ Đậu, có lòng cứu giúp người, tạo được âm đức và công đức, nên sanh năm người con đều bề cành quế.

Ông Phùng Đạo làm bài thơ mừng Đậu Võ Quân, có câu: *"Linh xuân nhất châu lão, đan quế ngũ chi phương."* Nghĩa là: Linh xuân một gốc cây già, năm cành quế đỏ thơm.

Diễn tích: 2. Ông Vương Hộ, người đời Tống, ra làm quan, văn chương nổi tiếng một thời. Ông có trồng ba cây hòe trước sân nhà, nói: "Con cháu ta tất có người làm đến Tam Công, ba cây hòe này là nêu chí của ta." Về sau, con thứ của ông tên là Vương Đán làm quan đến chức Tể Tướng, nên dân chúng gọi là *"Tam hòe Vương thị"* (ba cây hòe nhà họ Vương).

Quế Hương nội điện

桂香內殿

Quế: Cây quế, loại cây quí, có mùi thơm nồng, dùng làm thuốc. **Hương:** thơm. **Nội điện:** ở trong cung điện.

Quế Hương nội điện là ở trong điện Quế Hương nơi cõi thiêng liêng, là nơi ngự của Đức Khổng Thánh Tiên Sư.

Quế thọ

桂樹

A: Cinnamon tree.

P: Le cannellier.

Quế: Cây quế, loại cây quý, có mùi thơm nồng, dùng làm thuốc. **Thọ:** Thọ: cây.

Quế thọ hay Quế thụ là cây quế, chỉ người học thức tài giỏi, có đức hạnh, làm quan hiển đạt. (Xem chữ: Quế hòe).

NG: Bồi quế thọ 卮, âm chất chi điền.

NG: Nho Giáo, Kinh Nho Giáo.

Quế tử lan tôn

桂子蘭孫

Quế: Cây quế, loại cây quý, có mùi thơm nồng, dùng làm thuốc. **Tử:** con. **Lan:** hoa lan rất đẹp và rất thơm, chỉ người hiền lương đạo đức. **Tôn:** cháu.

Quế tử là con như cây quế, ý nói con cái học hành đỗ đạt, làm quan vinh hiển.

Lan tôn là cháu thì như hoa lan, hiền lương đạo đức.

Quế tử lan tôn là nói con cháu đều hiển đạt và cao quý.

QUI (QUY)

QUI

1. **QUI:** 歸 Trở về, chịu về theo.
Td: Qui căn, Qui hồi, Qui Thiên.
2. **QUI:** 規 Cây thước tròn, khuôn phép, mưu tính.
Td: Qui điều, Qui củ, Qui mô.
3. **QUI:** 龜 Con rùa.
Td: Qui linh, Qui mao.

Qui căn

歸根

A: To return to the origin.

P: Retourner à l'origine.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Căn:** gốc rễ.

Qui căn là trở về nguồn cội.

KTL: Đất biến hình tự thử *qui căn*.

KTL: Kinh Tẩn Liệm.

Qui chánh cải tà

歸正改邪

A: To return to the right and to give up wrong way.

P: Revenir au bien et quitter la voie du mal.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Chánh:** ngay thẳng. **Cải:** sửa đổi. **Tà:** cong vạy.

Qui chánh cải tà là trở lại đường ngay, sửa đổi điều tà vạy, tức là từ bỏ con đường tà để trở về con đường chánh.

TNHT: Thầy vì đức háo sanh nên thấu thập nhiều đũa lương tâm chưa chánh đáng là Thánh ý để cho chúng nó *qui chánh cải tà*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Qui cổ

歸古

A: To return to the antiquity.

P: Retourner à l'antiquité.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Cổ:** xưa.

Qui cổ là trở lại thời xưa, tức là trở lại thời kỳ Thánh đức mà con người còn giữ được bản tánh thuần lương.

Qui củ chuẩn thẳng

規矩準繩

A: The norm.

P: La norme.

Qui: Cây thước tròn, khuôn phép, mưu tính. **Củ:** cây thước để vẽ hình vuông. **Chuẩn:** mực thước. **Thẳng:** sợi dây.

Qui củ là cây thước tròn và cây thước vuông, chỉ cách thức làm việc có kế hoạch, chương trình.

Chuẩn thẳng là sợi dây dùng làm mực chuẩn.

Qui củ chuẩn thẳng là cái mực thước và cách thức để theo đó mà làm cho khỏi sai phạm.

Qui điền

歸田

A: To return to the field.

P: Retourner à la rizière.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Điền:** ruộng.

Qui điền là trở về đồng ruộng.

Ý nói: Thôi làm quan, trở về với đồng ruộng, sống nhàn tản với gió mát trăng thanh mà tu dưỡng tinh thần.

Qui điều

規條

A: The rule.

P: Le règlement.

Qui: Cây thước tròn, khuôn phép, mưu tính. **Điều:** cảnh nhỏ.

Qui điều là những điều khoản lập ra để tổ chức một cơ quan, làm khuôn phép buộc mọi người trong một cơ quan tuân theo, để cho cơ quan làm việc điều hòa, tiến triển tốt đẹp.

Qui Điều của Ban Thế Đạo là một bản văn do Hội Thánh HTĐ lập ra qui định việc thành lập Ban Thế Đạo, các phẩm

Chức sắc, hệ thống tổ chức, nhiệm vụ, lễ phục, việc cầu phong, thăng thưởng, và kỷ luật. Bản Quy Điều này được dâng lên Đức Hộ Pháp và Đức Lý Giáo Tông phê chuẩn.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Qui hồi

歸回

A: To return to. P: Retourner à.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Hồi:** trở về.

Qui hồi là trở về chốn cũ.

Qui hồi cố quốc: Trở về nước cũ sau thời gian lưu lạc nơi nước ngoài.

Qui hồi cựu vị: Trở về ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng.

Qui liễu

歸了

A: To die. P: Mourir.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Liễu:** xong việc.

Qui liễu là xong việc thì trở về.

Ý nói: chết (nơi cõi trần).

Đạo Cao Đài quan niệm nguồn gốc của con người là nơi cõi thiêng liêng. Khi con người đầu kiếp xuống cõi trần là để thi hành một nhiệm vụ do các Đấng giao phó. Khi làm xong nhiệm vụ thì linh hồn rời bỏ thể xác trở về cõi thiêng liêng phục lệnh.

Cho nên, qui liễu là chỉ sự chết nơi cõi trần, linh hồn xuất ra khỏi thể xác để trở về cõi thiêng liêng.

Qui linh

龜齡

A: Longevity.

P: Longévité.

Qui: Con rùa. **Linh:** tuổi. (không có nghĩa là linh thiêng)

Qui linh là tuổi rùa, ý nói sống lâu, trường thọ, bởi vì rùa là con vật sống rất lâu năm.

Qui mạng (Qui mệnh)

歸命(皈命)

Qui: Trở về, chịu về theo. **Mạng: Mệnh:** lệnh của cấp trên.

Chữ Qui 皈, cùng nghĩa với chữ Qui 歸, nhưng được thông dụng trong Phật giáo nhiều hơn.

Qui mạng hay Qui mệnh là đem mình về vâng chịu nghe theo mệnh lệnh của Phật.

Chí tâm qui mạng lễ là cúng lạy với tất cả ý chí và tâm hồn, đem mình về vâng chịu nghe theo.

Qui mao

龜毛

Qui: Con rùa. **Mao:** lông.

Qui mao là lông rùa.

Thường nói: **Thổ giác qui mao:** sừng thỏ lông rùa, để chỉ những việc không thể có hay không thể xảy ra, giống như không bao giờ thỏ có sừng hay rùa có lông.

Qui mô

規模

A: Norm, grandiose.

P: Norme, grandiose.

Qui: Cây thước tròn, khuôn phép, mưu tính. **Mô:** cái khuôn.

Qui mô là cây thước và cái khuôn để theo, tức là phép tắc và mẫu mực.

Qui mô có một nghĩa thông dụng là: lớn lao, kích thước, độ lớn, trình độ phát triển.

Qui nguyên phục nhứt

歸原復一

A: To return to the origin and to unify.

P: Retourner à l'origine et unifier.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Nguyên:** gốc. **Phục:** trở lại. **Nhứt:** một.

Qui nguyên: trở về gốc. Phục nhứt: hiệp trở lại làm một.

Qui nguyên là nói tắt thành ngữ: *Tam giáo qui nguyên*, nghĩa là đem ba nền tôn giáo (Phật, Lão, Nho) trở về gốc, gốc đó là Thượng Đế, trở về gốc là trở về cùng Thượng Đế. (Xem: **Tam giáo qui nguyên, văn T**)

Phục nhứt là nói tắt thành ngữ: *Ngũ Chi phục nhứt*, nghĩa là đem Ngũ Chi Đại Đạo (Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo) hiệp lại làm một, một đó là Thiên đạo (đạo Trời), tức là Đạo Cao Đài. (Xem: **Ngũ Chi phục nhứt, văn Ng**)

TNHT: Nên Thầy mới nhứt định *qui nguyên phục nhứt*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Qui nhứt

歸一

A: The unification. P: L' unification.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Nhứt:** một.

Qui nhứt là đem trở về một mối.

Nhứt bản tán vạn thù, Vạn thù qui nhứt bản: Một gốc phân ra muôn hình khác nhau, muôn hình khác nhau hiệp trở về một gốc.

Cơ qui nhứt là cơ quan có nhiệm vụ qui hiệp tất cả về một mối. Cơ qui nhứt ở đây cũng có nghĩa là cơ quan qui nguyên Tam giáo và Phục nhứt Ngũ chi.

CG PCT: Mà ba đạo vẫn khác nhau, nội dung ngoại dung đều khác hẳn, luật lệ vốn không đồng, chỉ nhờ Tân Luật làm cơ *qui nhứt*.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Qui phàm

歸凡

A: To materialize.

P: Matérialiser.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Phàm:** thấp kém, chỉ cõi trần.

Qui phàm là trở nên tầm thường thấp kém, không còn cao siêu như trước nữa.

PCT: Thầy đã nói Ngũ Chi Đại Đạo bị *qui phàm* là vì khi trước Thầy giao Chánh giáo cho tay phàm, càng ngày càng xa Thánh giáo mà làm ra phàm giáo.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Qui Thiên

歸天

A: To return to the Heaven.

P: Retourner au Ciel.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Thiên:** Trời.

Qui Thiên là trở về Trời, ý nói sự chết của thể xác nơi cõi trần, linh hồn xuất ra trở về cùng Đức Chí Tôn.

Trong Đạo Cao Đài ít khi dùng chữ CHẾT, bởi vì sự chết chỉ có đối với thể xác, chứ linh hồn không bao giờ chết, và thường dùng chữ QUI: trở về, với triết lý là nguồn gốc của con người ở cõi Trời, cõi trần chỉ là cõi tạm để con người đến đây học hỏi và tiến hóa một thời gian, rồi phải trở về cõi Trời.

Do đó, Đạo Cao Đài thường dùng các từ ngữ sau đây để chỉ sự chết: Qui liễu, Qui Thiên, Qui vị, Qui Tiên, nhưng khi dùng có sự phân biệt theo phẩm cấp Chức sắc:

- Đối với Đức Giáo Tông và Đức Hộ Pháp chết thì dùng chữ Qui Thiên.

- Đối với Chức sắc hàng Tiên vị (Chưởng Pháp, Đầu Sư, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, Thập nhị Thời Quân) thì dùng chữ: Qui Tiên hay Đăng Tiên.

■ Đối với Chức sắc hàng Thánh trở xuống đến tín đồ thì dùng chữ: Qui vị hay Qui liễu.

Qui Thiên lương

歸天良

Qui: Trở về, chịu về theo. **Thiên:** Trời. **Lương:** tốt lành.

Thiên lương là cái phần tốt đẹp và lành mà Trời ban cho mỗi người để con người biết được điều hay lẽ phải. Cái Thiên lương ấy chính là cái tánh bổn thiện, cái Lương tri Lương năng, mà Phật giáo gọi là Phật tánh.

Cái Thiên lương ấy vốn lành và sáng suốt, nhưng vì Lục dục Thất tình che lấp làm cho nó lu mờ, khiến cho con người làm nhiều điều sai quấy, gian ác, trái với Thiên lý.

Qui Thiên lương là đem cái Thiên lương ấy trở về làm chủ con người, làm chủ Lục dục Thất tình, để con người từ bỏ đường ác, trở lại đường lành, làm điều hay sự phải, hợp với Thiên lý.

PMCK: *Qui Thiên lương* quyết sách vận trù.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Qui Thiện - Trường Qui Thiện

Trường Qui Thiện

1. Quá trình thành lập Trường Qui Thiện
2. Nội luật của Trường Qui Thiện
3. Vấn đề treo Bạch Kỳ
4. Rước Long Vị Đức Phật Mẫu tại Qui Thiện Đường về thờ nơi Báo Ân Từ trong Nội Ô Tòa Thánh
5. Tờ cung chiếu
6. Cát Đền Thờ Phật Mẫu tại Trường Qui Thiện
7. Hội Yến Diêu Trì Cung lần đầu tiên tại Trường Qui Thiện
8. Thánh Lịnh minh định Trường Qui Thiện
9. Ông Đinh Công Trứ bị ám sát chết
10. Ranh giới ruộng đất của Trường Qui Thiện

11. Chuyển Trường Qui Thiện thành Địa Linh Động - Trí Giác Cung
Tóm tắt về Trường Qui Thiện
12. Tiểu sử Ông Đình Công Trứ (1903-1949)

歸善 - 場歸善

A: To return to the good - The school of Qui Thiện.

P: Retourner au bien - L' école de Qui Thiện.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Thiện:** lành. **Trường:** trường học.

Qui Thiện là trở về điều lành, từ bỏ con đường ác để trở về con đường lành.

Trường Qui Thiện là một cơ sở đạo do ông Giáo Thiện Đình Công Trứ lập ra trong Châu Thành Thánh địa, qui tụ một số tín đồ về đây để học lành và làm lành.

Ngày 26-10-Canh Dần (1950), Đức Cao Thượng Phẩm giáng cơ tại Qui Thiện Đường của Trường Qui Thiện, Phò loan: Luật Sự Hưởng và Nhung, dạy về Qui Thiện, chép ra sau đây:

"Đây là lần thứ nhứt, Bần đạo mới được dịp để đôi lời chỉ giáo cùng các em nam nữ nơi Trường Qui Thiện.

Bần đạo chẳng cần luận chi cao xa hơn nữa, chỉ nhắc cho các em nhớ đến hai chữ QUI THIỆN thì đủ.

Qui tức là họp lại thành đoàn thể, **Thiện** là những kẻ biết ham chuộng sự hiền lương, hoặc những người thức thời biết chê đời mền đạo. Vậy thì **Qui Thiện Đường** là nơi qui tụ những người đã nhận thức sự thật về giá trị và sở hành của mình, đã có sẵn một tâm hồn cao thượng, nên biết rõ cái mất cái còn, hoặc biết cân phân điều hơn lẽ thiệt. Bần đạo cũng khen các em đó.

Ở đời mọi sự đều giả, cho đến mảnh thân của chúng ta đây cũng không tồn tại. Nếu ai đã mê theo đường danh bẽ hoạn hiện thời, thì tất nhiên họ chuốc lấy sự mất ở ngày mai. Chỉ những kẻ đi tìm sự mất ở đời mà sớm dắt mình vào khuôn

khổ vị tha, bản tâm luôn luôn sẵn sàng phụng sự cho người đời: kẻ nghèo, kẻ đau, kẻ yếu, mới còn được mảy may mà thôi.

Giá trị cùng chắng, quý trọng cùng chắng là do nơi hành động phi phạm cùng không phi phạm đó thôi."....

Đức Cao Thượng Phẩm lại giảng cơ tại Qui Thiện Đường ngày 25-1-Tân Mão 1951, trích ra sau đây:

"Toàn trong nước Sở chỉ có dùng người lành mà làm của quý báu trong nước, hưởng chi chứ Hiền hữu qui tỵ cả chúng sanh đem về một mối lành thì còn ai là người tàn bạo, gian tham xảo trá.

Nội một danh từ ấy mà thực hành cho chu đáo thì không còn phương nào hay hơn trong buổi tạo thời cải thế này."

Đức Phạm Hộ Pháp, trong buổi lễ Khánh Thành Tân Dân Thị ngày 29-11-Giáp Ngọ (dl 23-12-1954), có bài Phủ Dụ, xin trích ra một đoạn sau đây:

"Buổi sơ sinh Đạo yếu ớt bạc nhược, ngu dại dốt nát thế nào, các quý quyền giục cho thiên hạ dùng cả năng lực quyền hành của mình toan tiêu diệt cho kỳ được Đạo. Họ đồ mưu chia rẽ làm cho Thánh thể của Đức Chí Tôn phải ly tán, anh nghịch em, em bất hòa với anh, cả nền đạo chính nghiêng đảo ngược.

Gánh một chức vụ Hộ Pháp, cầm cả luật pháp của Đạo, không lẽ Qua ngồi ngó đặng chịu tội cùng Đức Chí Tôn. Qua phải tìm phương giải quyết, đem chữ Hòa của Đức Chí Tôn để làm căn bản. Bởi cơ mới sản xuất ra Phạm Môn và Qui Thiện.

Thiên hạ nói Qua lấy tộc của Qua là Phạm lập cái đảng phái cho họ Phạm. Thiên hạ đã tuyên truyền dối trá ấy đặng đánh đổ uy tín của Qua như thế nào, Qua chưa hề trả lời cho ai biết hết, dầu cho quyền hành buổi nọ rất mạnh mẽ, đòi phen đem đến luật hình, mà chính mình Qua cũng chưa nói cho hoàn toàn biết nghĩa lý Phạm Môn là gì?

Hôm nay mấy em biết chưa? Có lẽ phần nhiều mấy em biết: Phạm là Phật. Phạm môn là cửa Phật. Nói rõ hơn hết là cửa tu chơn của Đạo, cửa bảo thủ chơn truyền của Đức Chí Tôn.

Còn Qui Thiện là thế nào? Qua chưa nói rõ cho thiệt tướng. Thiên hạ đều hung bạo, vì lẽ hung bạo làm cho anh nghịch em, em hận anh, trong cửa Đạo không có vẻ chi là đạo hết. Lập Trường Qui Thiện là cốt yếu đem lòng lành của toàn thể con cái Đức Chí Tôn hiệp nhứt cùng nhau làm một đặng bảo thủ chơn truyền của Đạo.

Buổi đầu tiên, nó sản xuất tại Mỹ Tho, Qua lập Khổ Hiền Trang. Máy em biết hai chữ Khổ Hiền ý định của Qua như thế nào không?

Trong 72 anh em chung sức cùng nhau mà làm đầu Trường Minh Thiện lúc ấy là Đinh Công Trứ, vẫn là một trong đó vậy. Nhờ cả sự giáo hóa của Qua, cái nghĩa lý tối yếu tối trọng của chơn pháp Đức Chí Tôn, Qua giao lại cho nó để làm thế nào cho thiên hạ hết thống khổ về tinh thần lẫn vật chất. Sự biết Đạo của Đinh Công Trứ là vậy.

Tỷ cũng như Qua, đã bị các nạn nhân lực lượng các quyền đạo lẫn quyền đời buổi nọ tuyên truyền dối trá thế nào thì Đinh Công Trứ cũng bị nạn ấy. Thiên hạ nói nó cũng như Qua, lo đời lo Đạo.

Máy em ôi! Trong buổi phong ba bão táp, nhưn loại ở trong sông mê bể khổ, một con thuyền Bát Nhã chưa tạo thành đặng độ rồi họ. Ít nữa máy em cùng Qua cố gắng tạo cho thành đặng cứu vớt khổ não của họ đặng bấy nhiêu thì hay bấy nhiêu. Thiên hạ thấy máy em khổ não, cái khổ ấy nó đã làm cho Qua đổ biết bao giọt huyết lệ từ khi mới biết Đạo."

Tôn chỉ, mục đích của Trường Qui Thiện được gói ghém trong hai đôi liên do ông Đinh Công Trứ đặt ra, cần nơi công chánh và nơi Đền Thờ Phật Mẫu trong Trường Qui Thiện:

Đôi liên thứ nhứt:

歸良生行正教守秘法執中貫一

善給孤能養老保真傳大道期三

Qui lương sanh hành chánh giáo thủ bí pháp

chấp trung quán nhứt,

Thiện cấp cô năng dưỡng lão bảo chơn truyền

Đại Đạo Kỳ Tam.

Nghĩa là:

Qui tụ những người lành, tu hành theo Chánh giáo, bảo thủ bí pháp Chấn trung Quán nhưt của Nho giáo,
 Làm việc phước thiện, cấp dưỡng trẻ mồ côi, nuôi người già, bảo thủ chơn truyền của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đôi liên thứ nhì:

歸聖德住天良敬重賢人親孤獨

善存心行正道掃除怪教解冤愆

Qui Thánh đức trụ Thiên lương

kính trọng hiền nhơn thân cô độc,

Thiện tồn tâm hành Chánh đạo

tảo trừ quái giáo giải oan khiên.

Nghĩa là:

Qui tụ Thánh đức, giữ vững Thiên lương, kính trọng người hiền và gần gũi người cô độc,

Giữ cái tâm lành, tu hành theo Chánh đạo, diệt trừ cho sạch hết các tà giáo, cởi bỏ hết các oan khiên.

I. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP TRƯỜNG QUI THIỆN:

Trong buổi lễ an vị Đức Phật Mẫu tại Điện Thờ Phật Mẫu nơi Địa Linh Động Trí Giác Cung, ngày 19-12-Bính Ngọ (dl 29-1-1967), Ngài Hiền Nhơn Lê Văn Trung (lúc đó còn ở phẩm Chơn Nhơn) Chủ tọa, đọc bài Phủ Dụ, trong đó có lược thuật lại về nguyên thủy của Trường Qui Thiện mà chính Ngài và ông Đình Công Trứ là hai người được Đức Lý Giáo Tông chọn làm hướng đạo trong buổi đầu tiên.

Xin chép Bài Phủ Dụ này ra sau đây:

" Kính bạch Hội Thánh Lương Đài,

Kính

Hôm nay buổi Lễ An Vị Đức Phật Mẫu tại Đền Thờ Địa Linh Động, được đồng đủ Hội Thánh Lương Đài và toàn đạo dự chứng. Trước sự trang nghiêm, long trọng khiến tâm tư tôi phần khởi hân hoan pha lẫn với sự bùi ngùi cảm xúc.

Tôi xin mạn phép được lược thuật lại về nguyên thủy của Trường Qui Thiện.

Hồi tưởng lại hơn 40 năm qua, khi Đức Hộ Pháp và Ngài Bảo Văn Pháp Quân vâng lệnh Đức Phật Mẫu đến làng Phú Mỹ (MỹTho) để tìm nơi lập Thánh Thất đặt danh là Khổ Hiền Trang.

Thánh Thất này do ông Giáo Sư Thượng Minh Thanh làm chủ, nên Đức Lý giảng cơ cho bài thi như vầy:

KHỔ thà cam chịu chớ *ĐỪNG* than,
HIỀN hảo cùng nhau mới vẹn toàn.
TRANG điểm ngọc lành cho đáng giá,
ĐỒI mài chí thiện Thượng Minh Thanh.

Cũng trong năm này (Đinh Mão 1927), vào ngày 14 tháng 10, ông Đinh Công Trứ chấp cơ, các Đấng giảng dạy lập Minh Thiện Đàn tại tư gia của ông.

Lúc ấy tôi còn mơ hồ, chưa quyết đoán, đến ngày 15 tháng 7 năm Mậu Thìn (1928) mới gia nhập.

Từ đây tôi hiệp với ông Đinh Công Trứ là cố Giám Đốc Trường Qui Thiện lập một đàn cơ dưới sự dạy bảo của Đức Lý. Ông Đinh Công Trứ được Đức Ngài chỉ định lãnh phận sự Chủ Trường.

Qua năm Kỷ Ty (1929) ngày 3 tháng giêng, Đức Quan Thánh Đế Quân giảng dạy lập thêm Đồng Nghĩa Đường tại tư gia của tôi và nơi đây để cho nhơn sanh nhập vào Minh Thiện, không bao lâu, tổng số lên đến 3400 vị.

Ngày 15-2-1929, Đức Lý giảng lập Luật Điều Chánh Pháp, về Nội Luật có 12 vị Kiểm duyệt, tôi xin lập lại danh sách y như Đức Lý đã tuyên chọn 12 vị như sau:

Phước, Phò, Phú, Mậu, Chì, Chương,
 Ninh, Chánh, An, Phương, Giao, Dươn.

Hiệp với những vị Phò loan và dạy lập 36 Ty. Mỗi Ty 12 Sở Lương điền và Công nghệ, trong các tỉnh: Long Xuyên, Châu Đốc, Mỹ Tho, Tân An, v.v....

Sau do đàn cơ ngày 15-2-1929, Đức Lý giảng dạy, tôi xin trích đại ý như sau: "*Minh Thiện tức là Qui Thiện, mà Qui Thiện là Phạm Môn, và dạy phải hiệp với Đức Hộ Pháp.*"

Thừa hành lệnh dạy, khi tôi về Tòa Thánh tạo ngôi nhà Phú Mỹ 7 căn 2 chái, lại nghe Đức Hộ Pháp vì sự nội biến tại Tòa Thánh, Đức Ngài xuống ở Thủ Đức.

Theo lời Đức Hộ Pháp tường thuật lại, khi Ngài ở đó chấp bút, Bát Nương về mách bảo rằng: Nơi Phú Mỹ có Long Tuyền Kiếm và xin Đức Ngài đến lấy phép ếm ấy tại Thảo Đường thì dân tộc Việt Nam mới phát triển đặng.

Vì năm 1914 giặc Âu Châu bùng nổ, Tàu còn sai một người Tiều Châu độ 65 tuổi qua ếm một lần nữa. (Chuyện trên đây ở địa phương này hàng lão thành nhiều người hiểu biết).

Khi Đức Ngài định đi có cảm tác một bài thi, tôi xin đọc lại nguyên văn:

*Thắng khổ người tu vẫn để lòng,
Vi thua, Thủ Đức phải đành đồng.
Buồn chưa đứng đặng trên đầu rắn,
Vui đến phân minh chí khí rồng.
Nào kể vịt gà ché tiếng phụng,
Chỉ phiền hồng học ghét đuôi công.
Mở kho giúp đói đây trẻ miệng,
Ta quảy hồng ân rải giáp vòng.*

Kể tôi đến rước Đức Ngài xuống ở Thánh Thất Phú Mỹ nhằm ngày 25-2-1929, Đức Lý giảng cơ giao Minh Thiện Đàn cho Đức Ngài. Đức Ngài cho mời những người nhập Minh Thiện Đàn lại Thánh Thất, hành pháp cân thần kỳ này là 93 vị nhưng chỉ lựa đặng 24 vị.

Đức Ngài cho gom tất cả gia đình của những người được chấm thọ Đào viên pháp, nhằm đêm 28 rạng 29 tháng 2 năm Kỷ Ty (1929), kể được tin Đức Cao Thượng Phẩm bệnh nặng nên Đức Ngài về lúc 11 giờ trưa ngày 29, qua mừng 1 tháng 3 thì Đức Cao Thượng Phẩm đặng Tiên.

Khi an táng xong, sau một thời gian là ngày 10-6-Kỷ Ty, Đức Hộ Pháp, Đức Quyền Giáo Tông và ông Giáo Sư Latapie đến Khổ Hiền Trang kỳ nhì, hành pháp trục thần liên tiếp ba đêm cho 647 vị và chọn được 48 vị, còn bao nhiêu Đức Ngài dạy làm âm chất thêm, cộng hai lần là 72 vị.

Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp trở về Tòa Thánh, sau một thời gian lưu lại để chứng Giấy Thông Hành cho đi hành thiện làm chức tín đồ, xem công quả hành đạo các tỉnh: Mỹ Tho, Bạc Liêu, Rạch Giá, Sóc Trăng, tờ này số 12 đề ngày 13-11-1931.

Tôi và cố Giám Đốc Trường Đình Công Trứ phải lưu hành, còn 70 vị kia chỉ thi hành phận sự ở địa phương mình.

Nhờ kỳ đi hành thiện này mà số người đạo ký tên theo về Tòa Thánh được 17 400 vị ở các tỉnh miền Tây.

Theo Thánh ý của Đức Ngài, còn định hành pháp cân thân kỳ ba, nhưng đến ngày 28-3-1930, Ngài đến có hai vị nữ phái (vì lâu nên không nhớ tên) và 4 vị nam phái là quý ông:

Tri, Chiêu, Lư, với Lễ Sanh Thái Chia Thanh, hiện là Giáo Sư Tân Nhơn, Ngài đến lần này là để đi tìm Long Tuyền Kiếm, do Bát Nương mách bảo với Đức Ngài khi trước.

Đức Ngài chấp bút được Đức Lỗ Ban giảng dạy hãy đến Thảo Đường (Thảo Đường này là chỗ do Đức Phật Mẫu chỉ dạy khấn một lô đất hoang 60 mẫu và khai một con kinh, về các năm trước là năm 1928, theo bài thi của Đức Phật Mẫu, nguyên văn như sau:

*Thảo Đường phước địa ngộ tông hoa,
Lục ức dư niên võ trụ hòa.
Cộng hưởng phạm gian an lạc nghiệp,
Thế đặng Bồng đảo định âu ca.*

Khi đến con kinh mà ông Đình Công Trứ và tôi với bốn đạo khai thác, có tạo một ngôi nhà tạm bằng cây lá thờ Đức Chí Tôn. Đức Lỗ Ban dạy: bước về phía Tây Nam 280 bước thì lấy được cái ếm.

Lấy xong, Đức Ngài giải nghĩa liền rằng: Long Tuyền kiếm này là do đời Tàu cai trị Việt Nam ếm để sát hại nhơn tài, dầu có Trọng ra đời cũng bị vớt đứt (là yếu mạng). Đức Lỗ Ban cho Bần đạo biết có hai vị Thần ở giữ đây, chỉ dành riêng cho kẻ mạng Trời đến lấy món ếm này mà thôi.

Năm 1943, tôi hợp tác ở Sài Gòn để lo cơ chuyển thế thì nơi đây ông Đình Công Trứ lập Qui Thiện Đường, dựng lên cây cờ trắng.

Tạo nên sự nghiệp này, ông đã phải trải qua bao nỗi truân chuyên gian khổ. Khi ông qui Tiên, Đức Hộ Pháp phán dạy tôi đến lãnh trách nhiệm Chưởng quản do Thánh Linh số 84/HPĐ ngày 18 tháng 8 năm Kỷ Sửu (1949).

Tôi được thấy Thánh Linh số 139 của Đức Hộ Pháp cho nơi đây giữ phận tín đồ lo việc tu chơn mà thôi.

Trong lúc thi hành phận sự, có lệnh Đức Hộ Pháp dạy mở một phiên họp có đông đủ Chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Phước Thiện và Quân Đội để mở rộng ra Phận Đạo Đệ bát và phân ra một vùng đất 1040 mẫu tây, bao trùm luôn đất tư chủ, để khai mở cơ sở cho Qui Thiện. Vi Bằng này do Ngài Ngọc Chánh Phối Sư Ngọc Non Thanh chủ tọa và đề ngày 12-11-Canh Dần (1950).

Trải một thời gian qua, anh chị em nơi đây lắng dịu âm thầm, tu dưỡng trí lực, kiện toàn một động lực hòa ái tương liên theo Thập điều Giới răn, để gìn giữ một di sản của bậc tiền bối dày công xây dựng. Với sự tu chỉnh lại đẹp đẽ nguy nga như ngày hôm nay, anh chị em đã phải gánh chịu biết bao sự thăng trầm lao nhọc mới đoạt được một kết quả hiện tại.

Với Thánh ý của Đức Hộ Pháp do đàn cơ đêm 10-12-Bính Ngọ, tôi cầu mong được sự nâng đỡ diu dặt của Hội Thánh Lương Đài cho anh chị em nơi đây đi đến chí thiện chí mỹ, làm rạng danh Thầy, sáng danh Hội Thánh, thì sự quý hóa này không lấy chi để cập cho bằng.

Nay nhân ngày Lễ An Vị Đức Phật Mẫu, tôi nhận thấy có bổn phận thuyết minh những điều mà tôi được hân hạnh hiểu biết ít nhiều về lai lịch của Minh Thiện Đàn, mà Minh Thiện Đàn chính là căn cội của sự sáng lập Trường Qui Thiện hôm nay.

Vậy nếu có điều cho sơ sót, nhờ lượng trên Hội Thánh cùng quý vị cao minh niệm tình chỉ giáo.

Trước khi dứt lời, tôi xin thành thật bái tạ Hội Thánh Lương Đài đã đến chứng giám, làm cho cuộc lễ tăng thêm phần tôn nghiêm long trọng, và một lần nữa, ngưỡng mong Hội Thánh từ bi diu dặt cho toàn thể anh chị em tín đồ nơi đây lập công bồi đức cho xứng phận đến ngày về thiêng liêng vị đứng theo

tin thần Thánh Lịnh số 139 do Đức Hộ Pháp ban cho Trường Qui Thiện trong buổi Đức Ngài còn tại tiền.

Nay kính.

Chưởng quản Phước Thiện
Chơn Nhơn Lê Văn Trung.

Trước khi Đức Phạm Hộ Pháp bị nhà cầm quyền Pháp bắt đem đi đày, Đức Ngài biết trước đây là Thánh ý của Đức Chí Tôn muốn cho Ngài bị nạn để trả cho bớt oan khiên nghiệp chướng của dân tộc VN, nên Đức Ngài cam chịu, không né tránh. Đức Ngài sắp đặt hai việc: Việc thứ nhất là giao cầm nang cho ông Giáo Sư Thái Khí Thanh (người Tàu) để ông này bảo thủ Tòa Thánh, Việc thứ nhì là giao cho ông Giáo Thiện Đình Công Trứ ở nhà lo xây dựng Đền Thờ Đức Phật Mẫu, cúng kiếng đầy đủ các lễ vía trong năm, bảo tồn Luật pháp Chơn truyền của Đạo, và thực hành 10 điều Cấm răn mà Đức Ngài ban cho Phạm Môn.

Ngày 28-6-1941, Mật thám Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Phạm Hộ Pháp.

Ông Giáo Sư Trần Quang Vinh cùng với Giáo Sư Thượng Minh Thanh qui tụ một số Chức sắc khác (gọi là Hội Thánh Sài Gòn) hợp tác với Nhật Bản ở Sài Gòn để chống Pháp và đòi hỏi Pháp phải trả tự do cho Đức Hộ Pháp.

Ông Giáo Thiện TRỨ cùng hai vị Lễ Sanh: TRỪU và GIẢI chống lại việc lập quân đội và làm chánh trị của ông Giáo Sư Trần Quang Vinh, cho là sai với Luật pháp Chơn truyền của Đạo, nên bị quân Nhật bắt ngày 3-1-Quý Mùi (dl 7-2-1943).

Ngày 12-6-Quý Mùi (dl 13-7-1943), quân Nhật thả ba ông: Trứ, Trừu, Giải trở về. Ông Trứ phải nằm dưỡng bệnh và thuốc thang trong hai tháng mới mạnh trở lại vì ông đã bị Nhật Bản tra tấn quá nhiều.

Khi sức khỏe bình phục, ông Đình Công Trứ qui tụ một số anh em trong Minh Thiện Đoàn ở Phú Mỹ, đi xuống Bàu Sen thuộc xã Trường Hòa, Tây Ninh, mua đất để lập cơ sở làm ăn sinh sống mà lo tu hành.

Ông khởi cất Qui Thiện Đường ngày 26-9-Quý Mùi (dl 24-10-1943), khai khẩn thêm đất để trồng tía, và đặc biệt ông cùng với các thế hữu lập một ngôi thờ Đức Phật Mẫu trong Qui Thiện Đường, như lời Đức Hộ Pháp dặn dò trước khi Đức Ngài bị nạn đồ lưu. Đây là ngôi thờ Phật Mẫu đầu tiên của Đạo Cao Đài. Đáng lẽ ngôi thờ này phải cất ở Phú Mỹ (Mỹ Tho) nơi Sở Thảo Đường trong khuôn viên đất 60 mẫu mà Đức Phật Mẫu trước kia giáng cơ dạy Minh Thiện Đàn khẩn đất và lập nên, nhưng vì thời cuộc biến thiên, nơi Phú Mỹ xảy ra chiến tranh, nên ông Trứ và các thế hữu Minh Thiện Đàn phải rút về Tòa Thánh Tây Ninh, lập Trường Qui Thiện và thờ Phật Mẫu nơi đây. Đạo nơi đây còn rất nghèo nên chỉ làm Qui Thiện Đường với cột cây, vách đất, lợp tranh. Sau này sẽ cất Điện Thờ Phật Mẫu khang trang và rộng rãi hơn.

II. NỘI LUẬT CỦA TRƯỜNG QUI THIỆN:

Ngày 4-4-Mậu Tý (dl 12-5-1948), ông Chủ Trường Qui Thiện Đình Công Trứ cho mời các đạo hữu nam nữ trong Trường nhóm họp tại Văn phòng Tứ Dân, ông trình bày về Đạo pháp chánh tâm, thể dụng thực hành và sắp ra 6 luật:

Đạo Pháp Chánh Tâm thể dụng thật hành

Thừa chư Chức sắc, Chức việc và toàn đạo hữu Tứ Dân, nội dung ngoại giao Trường Qui Thiện,

Tuân y Pháp Chánh Truyền của Chí Tôn thật hành Thiên đạo, kính trọng mạng sanh mạng vừa theo tánh chất của Trời, nên lập ra Sở Dưỡng Lão, Bảo Sanh, Trí Ấu, Cấp Cô, Học Đường và Phước Y Viện, đặng cứu thế độ nhơn, trọn giữ Chơn truyền nên Đạo Trường Qui Thiện mới xứng phận người tu, giáo dân chí thiện chí chánh, chí thành chí chơn, chí mỹ.

Điều thứ nhất: Buộc phải trọng lời Sư Phụ, phê cho Trường Qui Thiện là nhà tu chơn tạo trước, nên phải trau mình hằng bữa, chẳng cho ngũ trược nhiễm thân, trọn giữ trai giới đặng sáng suốt tinh thần, khỏi phạm Sắc Tài Tửu Khí, không hệ lụy chữ tu, gìn lòng chơn chánh, quên mình làm nên cho người, muôn việc đều chẳng dối mới rõ chữ chơn, trọn giữ thập điều, làm ra mặt đạo.

Điều thứ nhì: Buộc cả Chức sắc, Chức việc và đạo hữu Tứ Dân Trường Qui Thiện phải diệt tận phạm tâm, chẳng đặng tư thân tư kỷ, riêng của cải trọng vợ con, phải coi đồng đạo như anh em ruột thịt, trọn đức tin, biết Chí Tôn là cha cả, vạn loại là con chung, bằng chẳng vậy là kẻ âm mưu giục nghịch muốn phân thây xé thịt con cái Chí Tôn thật là đắc tội, nếu chẳng biết ăn năn sẽ chịu quyền thiêng liêng hành pháp.

Điều thứ ba: Đạo Pháp Chánh Tâm, nội dung và ngoại giao, đồng nhưt luật, ái vật kính nhơn, làm cho thương hòa hạ mực, lấy nhơn nghĩa quảng giao, dụng từ bi độ chúng, rải bác ái đại đồng, giữ luật công bình làm cho dân an cư lạc nghiệp, nếu có điều chi phản trắc mất sự tín nhiệm của chúng sanh, tức là làm hư cả danh đạo thì mất quyền công dụng của Tứ Dân, chung thân khép mình vào Pháp giới Tịnh đường, chuộc tội với Đức Chí Tôn.

Điều thứ tư: Cả thầy cơ quan Ban Hộ Giáo ủng hộ người cô thế, binh vực quyền lợi cho Tứ Dân, khai mở thêm Sĩ, Nông, Công, Cổ, bày điều lành dẹp chỗ quấy, chỉ rõ điều họa phước, dạy người lánh dữ về lành, diu dắt người về chánh đạo.

Cả thầy phương pháp ấy đều giúp hay cho Trường Qui Thiện, định nhơn tài, khai thông đường kinh tế, mới có đủ thể chẩn cấp cho các cơ quan: Dưỡng Lão, Bảo Sanh, Trí Ấu, Cấp Cô, Học Đường, và Phước Y Viện, nêu cao danh Nhơn Nghĩa.

Điều thứ năm: Tài chánh mỗi tháng thu xuất phân minh, lục ngoạt với chung niên phải phúc sự, nếu sơ thất phải chịu trọng trách, nếu phạm tài chánh, lấy danh nhơn nghĩa đặng lợi dụng thu góp của chúng sanh, thì khép vào Pháp Chánh, rút về Pháp giới Tịnh đường đặng traу mình ăn năn chuộc tội và phải bị giáng cấp.

Điều thứ sáu: Những vị có tờ bỏ hay là xin ra lập sở, sáu tháng phải lập tờ tài sản gửi về và xin người đến kiểm soát, đem về nhập kho làm của chung cho đạo. Trong 3 năm đắc thành sẽ được thăng thưởng hay là bỏ đi nơi khác, nếu không kết quả là bất lực thì phải rút về Pháp giới Tịnh đường đặng xét mình tầm phương tự giác, như chẳng tuân thì làm tờ xin

ngủ và giao tất cả tài sản lại cho đạo. Nhược bằng nghịch pháp thì trục ngoại đũa ra và chẳng đặng dựa vào cơ quan Ban Hộ Giáo của Trường Qui Thiện.

Ôi! *Luật điều Cổ Phật không chừa tội,
Hình phạt Chí Tôn chẳng vị tình.*

Vậy nên Tiểu tăng chẳng nỡ làm thình, khép mình ra 6 luật, cầu rồi Đức Chí Tôn tha tội thiêng liêng lập luật hình để răn Thánh chất. Như Chí Tôn rưới giọt hồng ân cho chơn thần sáng suốt, tự biết lỗi mình, ăn năn sám hối. Nếu chẳng tuân luật hữu hình thì vô vi trừng trị, ai bình đặng nữa.

Kính toàn đạo các cơ quan Trường Qui Thiện hãy để trọn đức tin khi thi hành Đạo Pháp Chánh Tâm này, tôi rất mong thay cho đời khỏi phạm.

Thành lập tại Trường Qui Thiện, ngày 17-4-Mậu Tý (1948)

CHỦ TRƯỞNG Đinh Công Trứ.

III. VẤN ĐỀ TREO BẠCH KỶ:

Ông Đinh Công Trứ dựng tại Trường Qui Thiện một cây cột cờ để treo một lá cờ trắng gọi là Bạch kỳ Nhan Uyên. Ông Trứ nói đó là theo ý của Ngài Phối Thánh Phạm Văn Màng.

Ngày 28-11-Ất Dậu (dl 1-1-1946) Ngài Phối Thánh Màng giảng cơ thanh minh với Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi, trích ra như sau:

"Mấy bạn tôi dựng Cờ trắng rồi đổ thừa cho tôi là Mạnh Tử dạy cầm Bạch kỳ chiêu an thiên hạ, ấy là nói về tâm lý, chứ chẳng phải dựng cây cờ lên để đủ thứ pháp lằng nhằng, không khác nào khách Sơn Đông treo cờ làm quảng cáo mãi võ hổ rãng, mà xưng hô là Mạnh Tử chiêu an thiên hạ.

Cây cờ phải cho thiết trắng, không chút bợn nhơ, chẳng cho dính bợn trần thì chiêu an mới được. Chớ cờ ngó vào thấy đủ thứ đốm, ấy là tâm mình cũng chắc vậy. Treo cờ lên chẳng hổ với lương tâm, và cũng khoe mình dốt cho người ta biết.

Vậy Sư Thúc Khai Đạo cùng quý Chức sắc HTĐ cho bạn tôi hay nên dẹp nó đi."

Đức Hộ Pháp có lời trách cứ về việc treo Bạch kỳ:

"Qua hỏi em thượng phước Bạch kỳ ý nghĩa gì? Nghĩa lý gì? Một điều em đã trái Thánh ý. Em biết cây cờ Nhan Uyên để dùng nó lúc nào không? Mà nay em đem ra để thực hành điều ấy, ai biểu?

Ông Đinh Công Trứ bạch:

- Bạch thầy, vâng theo Thánh giáo của anh Thánh Ba.

- Phải! Qua cũng nhờ Thánh Màng mách với Qua, Qua mới biết điều ấy.... Ngày nào Thượng Sanh ra đời là cây cờ Cứu Thế, còn Thượng Phẩm là cây cờ Cứu Khổ. Qua chỉ dìu dắt mấy em đi trong đường Cứu khổ, Qua thay cho Thượng Phẩm gây dựng đào tạo, chịu cực để khai phá rừng xanh, ít người lai vãng mà nay trở thành đô thị tôn giáo.

Cây cờ trắng dùng để khi nào dân tộc xô sát, cốt nhục tương tàn khốc liệt, vô phương cứu chữa, thì ngày ấy là ngày giá trị của nó. Màng là người của Qua chọn lựa, nhưng Màng đã đạt Thánh vị nơi cõi thiêng liêng, lại gởi Thánh giáo cho mấy em học, người đã nói rằng: Trong phương pháp cứu khổ, chỉ có cầm cờ trắng của Mạnh Tử đăng giải hòa, phòng duy trì cơ nghiệp nhà Châu nguy biến....

Qua nói: Cây cờ Cứu khổ của Đức Chí Tôn ngày sau phải trải trên mặt địa cầu này, chỉ có Cơ quan Cứu khổ của Hội Thánh Phước Thiện thay cho Qua đăng làm điều ấy. Qua chỉ nói CQPT mà thôi, ngoài ra không em nào đứng riêng ra mà làm được....."

IV. RƯỚC LONG VỊ ĐỨC PHẬT MẪU TẠI QUI THIỆN ĐƯỜNG về thờ nơi Báo Ân Từ trong Nội Ô Tòa Thánh.

Đức Hộ Pháp cho sửa chữa Khách Thiện Đường trong Nội Ô Tòa Thánh để lập thành Báo Ân Từ thờ Đức Phật Mẫu. Đức Ngài ra lệnh cho Hội Thánh PT trình qua cho Chức sắc Lương Đài biết, lập nghi lễ tiếp rước long trọng để rước long vị Đức Phật Mẫu tại Qui Thiện Đường về thờ nơi Báo Ân Từ.

Nghi lễ rước phải có bàn Hương án, Long mã, Lễ Nhạc, và Chức sắc lương đài, Phước Thiện.

Ngày làm lễ rước Long vị Đức Phật Mẫu là ngày 14 tháng 8 năm Bính Tuất (dl 9-9-1946), khởi đi từ Qui Thiện lúc 9 giờ, về tới Báo Ân Từ lúc 11 giờ.

V. TỜ CUNG CHIÊU:

Ông Đinh Công Trứ làm Tờ Cung Chiêu gửi lên Đức Hộ Pháp tường thuật tất cả việc làm của ông và nhóm của ông trong suốt thời gian Đức Hộ Pháp bị đồ lưu nơi hải ngoại.

Nguyên văn Tờ Cung Chiêu như sau:

TỜ CUNG CHIÊU

Bạch Sư phụ,

Trong khi thầy vắng mặt thì anh em có chung đậu số tiền cộng hết thầy là 1.539\$70 dâng kiếm thầy và cây người hộ luật, nhưng tìm không được tin tức. Khi trở lại Thánh Thất Chợ Lớn, con có đưa cho ông Giáo Sư Chử và Luật Sư Kinh 220\$, ở lại cả tháng mà cũng bật tin. Kế có người của ông Cao Tiếp Đạo sai xuống cho Hội Thánh và con hay dâng chung lo, thì con gửi 300\$. Sau thơ gửi dạy việc, thì con đến tại Thánh Thất Kim Biên nghe ông dạy, rồi đưa cho ông 500\$, cộng hai lần là 800\$ dâng gửi ra thầy.

Con vì trông tin vắng bật một thời gian thì Cô Ba tiếp dâng dây thép, nên con đưa Cô Ba 300\$ dâng gửi ra cho thầy thử coi có nhận được chẳng, thì chẳng thấy hồi âm, còn dư tiền thì con mới đóng các sắc thuế của thầy (44\$50) và Cô Hương Kiệm xuất 25\$00, hiện còn 15\$00 con giao cho Đạo.

Đến tháng 8, chánh phủ Pháp vào mượn Tòa Thánh và tất cả dinh thự cho đến Khách Thiện Đường, kỳ trong 24 giờ phải ra cho khỏi. Vì vậy mà con đành thất phận, kéo đồ ra tạm nhà ngoài, thì có 5 vị Đạo hữu nam là: Tông, Kiên, Khanh, Thăng, Huyền; nữ phái là Hàu và Đáng chung lo làm ăn giữ cửa ấy. Đến tháng 10, khi con vắng mặt, bị Pháp chớ nên còn chút ít, nhằm đời gặt gổ, việc đạo phải ngưng chức 3 năm cưới vợ.

Qua năm 1942 (Nhâm Ngọ) tháng 10, đạo bị biến thiên, lòng người trở theo Nhật Bản dâng đả đảo chánh quyền của

Pháp. Vậy hễ người làm việc ở trong Nippon bảo hộ, còn kẻ không làm, ở ngoài sẽ bị Pháp hiểm nghi mà khắc phạt.

Con thấy tình trạng khó khăn, nên con với Giải và Trừu hiệp nhau soạn "Luật Pháp Chơn Truyền và Đạo Nghị Định số 8 của thầy và Đức Lý Giáo Tông phê chuẩn" rồi lần lượt viết 9 bức thư gửi xuống Văn phòng số 4 mà công kích ông Đại Biểu (Giáo Sư Thượng Vinh Thanh, Trần Quang Vinh) và sau gửi luôn cho Đạo hay rằng: Ông làm sai chơn truyền nên định quyết là Bàng Môn Tả Đạo. Ấy là sự buộc lòng phải làm cho Pháp hồi tâm suy nghĩ đặng chữa bên ngoài, vì có ấy mà con đem Luật pháp Chơn truyền ra nói thẳng, nên chạnh đến lòng ông, thật là có lỗi.

Nên ngày 3 tháng giêng năm Quý Mùi (dl 7-2-1943) bị Nhựt Bổn bắt gia hình đến ngày 12 tháng 6 (dl 13-7-1943) mới trả về.

Khi con về dưỡng bệnh hết 2 tháng, vừa mạnh, con xuống làng Trường Hòa mua đất cất nhà gọi là Qui Thiện tu thân, gom những người cô thế chung lưng đấu cật, gầy sự thương yêu, làm lành lánh dữ, không tuân mạng lệnh Hội Thánh Sài Gòn, nhằm buổi Đạo Đòi tương khắc.

Thì thầy Cai Tổng Tui đòi ra, ông dạy rằng: "Người Đạo Cao Đài theo Nhựt Bổn mà làm rối, nên người Pháp định sẽ bắt hết mà làm khó, qua thì thương nên cho em hay trước, hãy cuốn tượng và thâu xếp như công, sắp đặt việc làm ăn bớt lại."

Thì con bẩm với ông: "Chúng tôi thật sự tu hành, theo luật pháp và tờ cam kết, từng mạng lệnh của Pháp triều cho đến ngày Đạo phục hưng, chớ ngoài vạn quốc các nước liệt cường thế mấy, chúng tôi cũng không từng lệnh, vì vậy mà phải bị bắt 6 tháng, chánh phủ Pháp đủ hiểu, nhưng nay dầu có liên can thì cũng vui lòng vì Đạo cam chịu, chớ cuốn tượng rồi Chánh phủ buộc tội lại càng thêm hối hận. Vậy, những lời thầy, tôi đâu dám chằng vưng, nhưng xin thầy rộng xét cho thờ."

Ông nói rằng: "Thầy là bạn thiết của thầy nên thấy việc khổ phải cho con hay, đặng sau khi thầy về khỏi trách và cho con tự hiểu lấy, chớ ông không ép."

Thì con để lời cảm ơn ông mà về. Vì vậy mà khỏi phép tình nghi, cũng nhờ ơn ông trong đó.

Còn sau này con lấy hai chữ Nhơn Nghĩa mà thiết hành, nên đối với quyền đời, đôi bên đều hảo hiệp, mới tạo được cơ nghiệp khả quan, những là Nhà Minh Thiện, hai là Khách Thiện, ba là Học Đường, bốn là Y Tế, năm là Bảo Sanh, sáu là Dưỡng Đường, bảy là Trai Đường, tám là cơ sở Nông Tang, chín là Công Nghệ, mười là Thương Mãi, mười một là khai mở Thuật nghiệp của Tứ Dân, nên có lập Bàn Cai Quản nam nữ, mỗi bên có Chủ Trường và 4 vị Nghị viên Sĩ Nông Công Thương, và Từ hàn, Thủ bổn, Kiểm soát, đặng chăm nom các phương diện mà không sao lục án tòa, chẳng đệ lên Chức sắc bề trên, còn ngoài thì có Ban Hộ Giáo, ấy là tự mình lập phái thì có tội.

Còn các việc sáng tạo trên đây là công nghiệp của anh em con.

Đến lúc ở Lục tỉnh bị Pháp khủng bố dân lành, thì con quyết hy sinh vì Đạo, nên cầu nguyện Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng. Khi cúng Vía Đức Thái Thượng Đạo Tổ rồi, đến ngày 17 tháng 2 khởi hành, trong khi đi có Bảng Đạo và Cờ "Vạn Pháp qui nhứt" và Cờ Trắng hai cây cắm vào Bảng Đạo dựng trước mui ghe và 8 vị Đạo hữu tình nguyện đi theo:

- 1) Lê Quang Đức. 2) Nguyễn Văn An.
- 3) Lê Bá Kỳ. 4) Trương Vạn Chung.
- 5) Nguyễn Hữu Ngân. 6) Nguyễn Văn Chiêu.
- 7) Nguyễn Hữu Thoại. 8) Nguyễn Hữu Vạn.

Chèo xuống Cẩm Giang, Chef Poste xét rồi cho đi, tới Vên Vên thì Đội Dương bắt lại, hỏi và buộc tội: Bảng đạo là Việt Minh, Cờ đạo là Nội ứng nghĩa binh, Cờ trắng là theo Nhứt Bồn há?

Thì con nói: Không, Bảng đạo và Cờ đạo này tùng Tòa Thánh Tây Ninh, buổi trước giữ theo Tờ cam kết của ông Giáo Chủ tôi và hứa tùng mạng lệnh của Pháp triều cho đến ngày Đạo phục hưng, ngoài vạn quốc dầu có liệt cường thế mấy cũng không tùng lệnh, cây cờ trắng là tỏ lòng thanh bạch không theo Nhứt Bồn, và không theo Việt Minh, chúng tôi chỉ biết tu

hành, khuyên người lánh dữ. Nhưng họ cứ dọa nạt hăm he đủ thứ.

Rồi rốt cuộc giải xuống Gò Dầu, giam 5 ngày, gặp ngày bạo động nó dẫn ra bắn. Nhờ hồng phước Chí Tôn xây chuyển nên có người đến cứu, đem lại khám giam 2 ngày rồi tha bổng cho phép trở về.

Vậy các việc con làm từ thử, dầu không có mạng lệnh của thầy và quyền Hội Thánh ban cho, vì trong khi vắng mặt mà con làm quá phận sự, thật có lỗi nhiều.

Nay Sư phụ về chấn hưng tôn giáo và lập Hội Thánh hoàn toàn thì con cúi đầu chịu tội, nên cách chức Lễ Sanh, mất quyền hành chánh trị, xin cho về cửa Đạo dưỡng tánh tu chơn.

Mong Sư phụ và Hội Thánh ban ơn cho con nhờ phước.

Khấu bái Tôn sư.

Ngày 6 tháng 9 năm Bính Tuất (dl 30-9-1946)

Lập tại Qui Thiện Đường.

ĐINH CÔNG TRÚ (ký tên)

(Tài liệu của Nhạc sĩ Lê Minh Dương, đệ tử Trường Qui Thiện)

VI. CẤT ĐỀN THỜ PHẬT MẪU tại TRƯỜNG QUI THIỆN.

Chủ Trường Qui Thiện Đinh Công Trứ dâng Tờ Cung Chiếu lên Đức Phạm Hộ Pháp xong thì Đức Hộ Pháp gọi ông Trứ lên Hộ Pháp Đường, hỏi:

- Cả công trình mà Bản đạo giao phó cho em ở nhà xây cất xong chưa?

Ông Trứ đáp:

- Con cúi đầu chịu lỗi với thầy. Trong khoảng thời gian thầy vắng mặt, con không chịu hợp tác với Hội Thánh Sài Gòn nên bị Nhật Bản bắt giam con 5 tháng 10 ngày, khi Nhật thả con ra, con dưỡng bệnh hết 2 tháng. Đến khi con mạnh rồi, con kêu gọi anh chị em vì Thầy vì Đạo về hiệp sức với con lo xây cất Đền Thờ Phật Mẫu và dinh thự theo lời thầy chỉ giáo cho con. Vì thời buổi khó khăn thiếu cơm ăn áo mặc và thiếu vật liệu

kiến tạo, con phải chịu chậm trễ, con cúi đầu chịu tội với thầy, xin thầy chỉ giáo thêm cho con.

Đức Hộ Pháp nói:

- Nay Bàn đạo mãn nạn rồi, trở lại lái chiếc thuyền Đại Đạo. Em gấp lo xây cất Đền Thờ, khi xong cho Bàn đạo hay để sắp đặt cho em làm lễ Khánh Thành.

Ông Đinh Công Trứ dạ vâng lệnh.

Khoảng giữa năm 1948, Đền Thờ Phật Mẫu ở Trường Qui Thiện xây cất vừa xong. Ông Chủ Trường Đinh Công Trứ lên Hộ Pháp Đường báo cáo với Đức Hộ Pháp.

Đức Hộ Pháp nói:

- Em sắp đặt chương trình, định ngày, rồi viết thư mời Hội Thánh Lương Đài và Phước Thiện, các cơ quan đều đủ. Đến giờ, Bàn đạo xuống khai mạc Lễ Khánh Thành, Bàn đạo chững đàn, dâng sớ lên Đức Phật Mẫu, Bàn đạo nhờ Bảo Thế quì Ngoại nghi; còn cúng Đức Chí Tôn trên lầu thì Ngọc Chánh Phối Sư Ngọc Non Thanh quì Nội nghi dâng Sớ lên Đức Chí Tôn, Chúc sắc CTĐ đủ 3 phái, dùng 2 dàn nhạc, 2 bộ lễ, có đủ Lô Âm Cổ và Bạch Ngọc Chung.

Ông Đinh Công Trứ dạ lãnh lệnh thi hành.

Lễ Khánh Thành Đền Thờ Phật Mẫu tại Trường Qui Thiện tổ chức vào 2 ngày: 16 và 17 tháng 7 năm Mậu Tý (dl 20 và 21 -8-1948).

Trong dịp lễ này, trước mặt các Chúc sắc của Hội Thánh Lương Đài và Phước Thiện, Đức Hộ Pháp nói:

"Cơ quan này thuộc về Phước Thiện, nhưng đào tạo ra đây riêng biệt do những người ở Phạm Môn ngày trước, bởi muốn giữ cho trọn vẹn đường tu trong lúc loạn động mà không căn bản, có Thảo Đường mà lập không xong, nên khiến cho Trứ về đây dựng tiếp tục lập cho thành.

Nguyên gốc của nó tại Phú Mỹ. Hồi lập Trường Qui Thiện, tâm thần của Đạo bị anh Đốc Phủ Ca làm náo động loạn thần, không phân biệt được con đường phải đi, nhứt là tội nghiệp cho Nữ phái, cần độ rỗi họ trở lại. Cho nên Trường Qui Thiện cốt yếu qui tu cả nữ phái lại đừng gìn giữ nguyên bản chơn truyền của mình.

Rồi cùng nhau về Thảo Đường lập căn cứ nữa mà không xong, vì Hội Thánh Phước Thiện rút về Tòa Thánh, kể Bàn đạo bị đồ lưu. Đến khi Trứ về đây qui tụ trở lại cũng chưa được. Trường Qui Thiện ngày nay còn tồn tại là chịu ơn của Hội Thánh và quân đội rất nhiều.

Ở nhà, trong thời kỳ Nhứt Bồn, Trứ làm một mình, chẳng tòng ai hết, kể Bàn đạo về, nhà đương quyền quân sự Pháp viết giấy hỏi Qui Thiện có phải của Đạo hay không mà chứa chấp Việt Minh, và họ nhứt định đốt. Sự thật cũng có chứa bọn ấy, mà vụ này phát giác là do nhân viên mật thám biết rõ mà điềm chỉ. Chứng Bàn đạo gởi thơ trở lại nói Trường Qui Thiện là của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và dưới quyền chỉ huy của Bàn đạo thì họ mới buông tha cho, khỏi tàn phá. Tới sau, mình dùng chức giảng hòa với Pháp, Việt Minh tưởng rằng mình theo Pháp nên đòi thiêu hủy nữa, Bàn đạo bảo Đại Tá Phương chiết ra một Bộ đội gìn giữ.

Bàn đạo nói nhờ ơn Hội Thánh và quân đội là vậy.

Đức Hộ Pháp gọi: Trứ!

Ông Trứ: - Dạ.

Đức Hộ Pháp nói tiếp: - Thánh thể của Đức Chí Tôn duy có một, không hai, nếu chia ra là Tả đạo Bàng môn, mà Tả đạo đó trước mắt em thấy biết bao nhiêu, họ chia rẽ ra, hỏi ngày nay họ làm nên trò gì đâu? Họ chia rẽ họ sẽ chết, không chết cũng tiêu hủy.

Hội Thánh duy có một, dầu biến ra trăm hình ngàn trạng cũng luôn luôn chỉ có một. Chủ quyền là Thánh thể của Đức Chí Tôn đó thôi. Hễ tâm lý muốn tạo ra đây đặng phân chia, sẽ bị tiêu diệt, nghe không?

Ngọn lửa hai lần muốn thiêu hủy Trường Qui Thiện là do nguyên căn Trứ muốn chia rẽ, cái hại ấy do tinh thần của Trứ. Đây không phải Qua nói, Thánh Màng về nói những điều em dự định làm, những ý nghĩ em dự định thực hành.

- Trứ! Qua hiểu em hơn ai hết, thầy em hiểu em, mà không lẽ Phối Thánh Màng cáo gian cho em? Nó nói hết công chuyện với Qua, ở nhà em làm gì và còn muốn làm gì nữa. Qua dặn một lần nữa: Vì đạo của Chí Tôn có một, ai muốn phân chia

lực lượng Thánh thể của Ngài sẽ bị tiêu diệt mà thôi. Chẳng những bị tiêu diệt mà còn phải xuống Phong Đô đền tội nữa. Đạo biến ra trăm hình ngàn tướng vẫn dưới một chủ quyền của Chí Tôn.

Vậy Trường Qui Thiện này đặt dưới quyền của Hội Thánh PT. Trừ từ đây lãnh chức Đốc Trường, không còn kêu là Chủ Trường nữa. Làm chủ trường này là cả Bàn Cai Quản, làm đầu Bàn Cai Quản là Đốc Trường, tất cả tùng quyền Hội Thánh PT, cũng như Hội Thánh PT chưa hề rời Hội Thánh CTĐ vậy.

Thật ra quyền Hội Thánh PT thuộc về HTĐ. HTĐ chia đôi ra: - Pháp Chánh giữ gìn Chơn truyền, Phước Thiện lo cứu khổ nhơn sanh; còn CTĐ có Hành Chánh Đạo giáo hóa, tuyên truyền, giữ tài sản của Đạo.

Vậy Phước Thiện, Trường Qui Thiện này duy để lo làm ra của cải mà thôi, chẳng đặng thù của cải một ai, làm ra đặng bao nhiêu thì dùng bấy nhiêu, kỳ dư có ai thật hảo tâm hỷ cúng mới thù vào sổ của Trường, rồi phải phúc sự cho Hội Thánh PT biết liền. Từ đây về sau, sở phí, huê lợi gì của Trường Qui Thiện cũng phải chạy tở Phước cho Hội Thánh PT biết rõ. Sổ Bộ của Trường tuy riêng biệt nhưng phải do Hội Thánh cầm. Qua lập lại: Cấm đi tở tiền thiên hạ, làm được thì làm, làm không được thì thôi, nghe chưa?

Ngày kia Qua về nhà Tịnh rồi, Qua còn lập ra cơ quan Tịnh Thất cho nam nữ nữa, mà lập rồi, cũng để dưới quyền của Hội Thánh. Mấy em thấy từ thử, thầy của mấy em làm nô lệ cho Đạo, tạo ra bao nhiêu của cải mà vẫn cúi đầu trước Hội Thánh, bởi quyền Hội Thánh là quyền thiêng liêng của Chí Tôn để tại mặt thể. Phân chia sẽ bị tiêu diệt mà còn xuống Phong Đô ngồi đó nữa.

Lập lại một lần nữa, cả thầy phải nhớ đa nghe! Trừ! lần này là lần chót Qua nói với em, em không nghe lời thì chịu lấy. Trước mặt Bàn Cai Quản, trước mặt Hội Thánh Phước Thiện làm chứng: Từ đây kêu là Đốc Trường. Chủ là mấy em đây, chúng nó làm đồ mờ hôi, nước mắt, tồn tại đặng đây. Em trung thành với Qua, em thương Qua thể nào Qua biết lắm, nhưng đầu óc em dị hợm lắm! Qua đây còn phục Hội Thánh, mà em chống lại thì tiêu hủy đa!

Ông Trứ nói: - Bạch thầy, khi thầy về, con có làm tờ thú tội với thầy rằng: Con không tòng Hội Thánh Sài Gòn vì lòng con nghi ngờ đó thôi.

- Tại sao em nghi ngờ sự chơn giả? Qua biết rằng trong mười phần giả đó cũng có hai phần thiệt. Dầu trong đám đó đều là kẻ lạ hết, mà có một vị Giáo Hữu hay Giáo Sư trong đó, Qua cũng không dám nói là giả. Thoảng như họ làm không nên, thì vị Giáo Sư hay vị Giáo Hữu đó sẽ chịu tội trước Tòa Tam Giáo BQĐ. Em nên nhớ, ở đây không ai đầu cáo em đâu, HTĐ, CTĐ, PT cũng vậy, người đầu cáo em là Phối Thánh Màng.

Chúng em biết tại sao họ lập cơ quan ở Sài Gòn không? - Là vì Qua bị bị Pháp bắt nên họ đòi thầy họ về. Cái khối oán dầy dầy, kêu gọi toàn thể đứng dậy đó, mà Qua làm chứng rằng họ làm có kết quả đó vậy.

Ông Trứ: - Bạch thầy, vì thầy ở bên có một mình, bên này làm, sợ có hại cho thầy chẳng, nên con không tán thành.

- Nếu vậy thì em không biết quyền năng của Chí Tôn ra thế nào sao? Qua biết chúng bắt mà ngồi đây cho nó bắt, nếu quả có gì hại thì đừng tu.

Đức Hộ Pháp bảo Bàn Cai Quản ra mời Hội Thánh CTĐ vào đây. Hội Thánh CTĐ vào.

- Thừa cùng chư Chức sắc CTĐ, Trường Qui Thiện của HTĐ ngày nay đã hoàn thành đặng có nơi cho phụ nữ tu chơn và đặt dưới quyền của Hội Thánh PT, nhưng vì với Trường Qui Thiện, Hội Thánh có nhiều công giúp đỡ bảo bọc nên Hội Thánh HTĐ trình ra cho Hội Thánh CTĐ được biết. Về chánh qui của Đạo, cơ quan này không phải tư riêng, phải tòng y luật lệ của Hội Thánh CTĐ, HTĐ. Thoảng ngày kia nó đi ngoài chơn truyền Pháp chánh thì hai Đài có quyền giải tán.

Ngày nay, Bàn đạo trình nó ra mặt công khai của Đạo, thuộc quyền PT, tức là thuộc HTĐ Chương quản. Thoảng ngày kia nó phạm pháp luật, hoặc chẳng nơi theo chơn truyền của Đại Đạo, tự lập tôn chỉ khác, chúng ta có quyền giải tán."

VII. HỘI YẾN DTC LẦN ĐẦU TIÊN TẠI TRƯỜNG QT.

Qua cuộc lễ Khánh Thành Đền Thờ Đức Phật Mẫu tại Trường Qui Thiện, Đức Hộ Pháp bảo ông Nhạc Sư Võ Văn Chở xuống Trường QT họp với ông Đề Nhạc Trần Văn Ân tập duyệt đồng nghi thái cúng Lễ Hội Yến DTC tại Đền Thờ Phật Mẫu Trường QT. Trong buổi tập duyệt, Ban nhạc 6 người chia hai nhóm, mỗi nhóm một đêm luân phiên tập duyệt.

Nhóm 1 có: *Huỳnh Văn Lễ, Nguyễn Văn Cầu, Nguyễn Vĩnh Viễn.*

Nhóm 2 có: *Lê Minh Dương, Nguyễn Thành Phúc, Nguyễn Thanh Liêm.*

Phần Giáo Nhi có bốn Cô: *Xinh, Tâm, Nhung, Liên*, luân phiên một đêm hai Cô tập duyệt.

Đề Nhạc *Trần Văn Ân* liên tiếp thường trực.

Ngày 10-8-Mậu Tý (dl 12-9-1948) nhằm Chúa nhật, khoảng gần 8 giờ sáng, Đức Hộ Pháp đến Hộ Pháp Tịnh Đường tại Trường QT bảo ông Nhạc Sư Võ Văn Chở và Đề Nhạc Trần Văn Ân, kêu ban nhạc và đồng nghi, Giáo nhi đến Hộ Pháp Tịnh Đường để đờn và thái cho Đức Hộ Pháp nghe.

Đức Hộ Pháp nghe rồi khen hay, nói:

- Hồi trước tới bây giờ, mấy đứa nhỏ này đâu có biết thái cúng Hội Yến, mới tập hơn một tuần mà nó thái, Bần đạo nghe đâu có thua đồng nghi trên Tòa Thánh.

Đốc Trường Đinh Công Trứ bạch:

- Bạch Sư Phụ, nơi Báo Ân Từ cúng Hội Yến DTC có quý Thời Quân bồi yến, còn tại nơi đây, thầy bảo mấy con tập duyệt cúng Hội Yến DTC, vậy thầy dạy mấy con cúng thời nào? và ai đứng bồi yến? đặng chúng con lo sắp đặt.

Đức Hộ Pháp đáp:

- Thời Tý cúng Đại lễ Đức Phật Mẫu xong rồi, tiếp cúng Hội Yến luân. Còn phần bồi tửu thì Đốc Trường và lựa thêm mấy đứa trường chạy cho đủ số 12, đứng bồi yến. Chừng nào Chúc sắc Thời Quân HTĐ biết nhìn đến cúng thì mấy đứa bây nhường cho HTĐ cúng. Mấy đứa bây cứ làm theo lệnh Bần đạo dạy là đủ phận, ai canh cãi điều gì thì họ chịu trách nhiệm.

Đức Hộ Pháp ra xe trở về Hộ Pháp Đường lúc 11 giờ 30 sáng cùng ngày. (Tài liệu của Nhạc sĩ Lê Minh Dương)

Do theo sự cho phép của Đức Hộ Pháp, lễ Hội Yến DTC hằng năm từ đây về sau được tổ chức tại Đền Thờ Phật Mẫu trong Trường QT vào đêm 14 tháng 8, sau khi cúng Đại Lễ Đức Phật Mẫu xong. Còn nơi Báo Ân Từ thì cúng Hội Yến DTC vào đêm 15 tháng 8 và khởi lễ lúc 10 giờ khuya.

VIII. THÁNH LỆNH MINH ĐỊNH TRƯỜNG QUI THIỆN.

Sau khi Đức Hộ Pháp đem Trường Qui Thiện (QT) ra trình với Hội Thánh Lương Đài và Hội Thánh PT trong dịp Lễ Khánh Thành Đền Thờ Phật Mẫu Trường QT, Đức Ngài ra Thánh Lệnh số 139 qui định về hoạt động của Trường QT.

HỘ PHÁP ĐƯỜNG

Văn Phòng

Số: 139

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(*Nhị thập tứ niên*)

TÒA THÁNH TÂY NINH

**THÁNH LỆNH
HỘ PHÁP**

**Chương Quán Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng**

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,

Chiếu y Đạo luật ngày 16 tháng giêng năm Mậu Dần (dl 15-2-1938) giao quyền Thống nhất Chánh Trị Đạo cho Hộ Pháp nắm giữ cho tới ngày có Đầu Sư chánh vị.

Nghĩ vì Trường Qui Thiện là nơi đào tạo hiền nhơn để chung lo cùng Cơ Quan Phước Thiện cứu trợ sanh linh khỏi cơn đồ thán,

Nghĩ vì công quả này thiên về phần âm chất vô vi hơn là về mặt chánh trị hữu hình,

THÁNH LỆNH:

Điều thứ nhất: Chư vị hảo tâm hiến công quả tại Trường Qui Thiện không nhận lãnh tước phẩm chi hết. Cả thầy công

quả nam phụ lão ấu chỉ giữ bốn phận tín đồ, tùng lệnh Hội Thánh mà thi hành chủ nghĩa cao khiết trên đây cho tới ngày về thiêng liêng vị mà thôi.

Điều thứ nhì: Có Bộ Đạo riêng của Trường Qui Thiện do Giám Đốc Trường này giữ và cho đặt đứng vào Bộ Đạo, trước phải trọn hiến thân cho Hội Thánh Phước Thiện tại Tòa Thánh. Trong Tờ Hiến thân phải khai rõ muốn lập công nghiệp tại Trường Qui Thiện đặt Hội Thánh định cho.

Điều thứ ba: Vị Bảo Thế thừa quyền Hộ Pháp, vị Khai Pháp Chương Quản Bộ Pháp Chánh, vị Chương Quản Phước Thiện và vị Giám Đốc Trường Qui Thiện các tư kỳ phận, lãnh thi hành Thánh Lệnh này.

Tòa Thánh ngày 16 tháng giêng năm Kỷ Sửu.
(13 Février 1949)
HỘ PHÁP (ấn ký)

IX. ÔNG ĐÌNH CÔNG TRÚ BỊ ÁM SÁT CHẾT.

Vào đêm 25-5-Kỷ Sửu (dl 21-6-1949), một vị công quả của Trường QT là ông Lê Minh Dương thấy bóng ông Đốc Trường xách cái đèn đi về phía nhà Minh Thiện, bỗng nghe có 3 tiếng súng nổ về phía đó, ông Dương liền chạy đến thì thấy ông Đốc Trường Đình Công Trứ nằm chết tại cửa hông mé phải của nhà Minh Thiện và trên mặt có vết máu. Ông Dương liền la lên cho mọi người trong Trường biết, chạy tới, liền khiên xác ông Đốc Trường để nằm trên giường. Lúc đó xem đồng hồ là 10 giờ 35 phút tối. Lau vết máu trên mặt thì thấy có 3 vết đạn bắn trúng vào mặt trở ra sau, làm ông chết liền tại chỗ.

Sáng hôm sau, Ban Tẩn liệm trung ương xuống lo tẩn liệm xác ông Đốc Trường, rồi di quan về Báo Ân Từ trong Nội Ô Tòa Thánh làm lễ tế điện, cầu siêu, chèo thuyền và sau đó đưa linh cữu an táng nơi đất Cực Lạc mới.

Đám tang cử hành rất trọng thể, trang nghiêm và cảm động. Rất đông Chức sắc, tín đồ, và học sinh đưa tiễn đến đất Cực Lạc.

Cái chết thành linh của ông Đốc Trường Đình Công Trứ làm cho các tín đồ của Trường QT rất hoang mang và rất oán

giận những kẻ tổ chức ám sát ông, và cũng làm cho các Chức sắc cảm thấy xao xuyến bất an.

Đức Phạm Hộ Pháp liền cử ông Chí Thiện Lê Văn Trung (sau này lên phẩm Hiền Nhơn) xuống Trường Qui Thiện trấn an nhơn tâm và sắp đặt công việc nơi đó.

Ngày 2-6-Kỷ Sửu (dl 27-6-1949), tức là 7 ngày sau khi ông Đinh Công Trứ chết, vào lúc 2 giờ trưa, có đám mưa giông lớn, sấm sét đánh cây Bạch kỳ đứt dây rớt xuống.

Bàn Cai Quản Trường QT báo cáo lên Đức Hộ Pháp, được Đức Ngài phê:

"Qui Thiện, không phải toàn đạo, phải đủ trí phân biệt, đừng mê tín mà ra loạn tâm.

Bần đạo định cho Chí Thiện Trung đến thay thế cho Trứ đứng chính đốn Qui Thiện lại cho thuận Thiên điều. Cả thầy phải van vái và phải tụng mạng lệnh Chí Thiện Trung.

Cây bạch kỳ nó là cây cờ tang của thuyết Nhan Hồi, bất đắc kỳ tử của Nhan Hồi thế nào thì Trứ thế ấy, thấy chưa."

X. RANH GIỚI RUỘNG ĐẤT CỦA TRƯỜNG QUI THIỆN:

Phiên họp ngày 12-11-Canh Dần (dl 20-12-1950) gồm Đại diện các cơ quan Hành Chánh, Phước Thiện, Bàn Cai Quản QT, Cơ Thánh Vệ và quân đội, để ấn định ranh giới ruộng đất dành cho các công quả của Trường Qui Thiện canh tác.

Ranh giới ấy được các cơ quan trong phiên họp thống nhất quyết định như sau:

- Từ con lộ Kiểm đi ra Bến Kéo trở xuống Qui Thiện, bề dài con lộ này tại lộ Khải Hòa đến ngã tư Trảng Nổ, thuộc lô rừng số 48, đo đạc 2600 mét.

- Lộ Kiểm dưới đi ra Giang Tân, tại lộ Khải Hòa đến ranh mới trong lô rừng 48 và 56, đo đạc 2600 mét.

- Cặp theo đường lộ Trung Hòa, từ lộ Kiểm đi Bến Kéo, đến cầu suối Qui Thiện qua Cây Chò, đo đạc 2900 mét.

- Trước Đền Thờ Phật Mẫu qua Suối Trảng Thỏ lớn, Trảng Thỏ nhỏ, tới đồn số 14 của Cơ Thánh Vệ đóng.

XI. CHUYỂN TRƯỜNG QUI THIỆN THÀNH ĐỊA LINH ĐỘNG - TRÍ GIÁC CUNG.

- Ngày 12-6-Tân Mão (dl 15-7-1951), Hội Thánh PT rút ông Chí Thiện Lê Văn Trung về Văn phòng Hội Thánh PT.

- Ngày 14-10-Tân Mão (dl 12-11-1951), Hội Thánh PT bổ 3 vị Giáo Thiện lãnh nhiệm vụ cai quản ở Trường QT gồm:

- Giáo Thiện Trần văn Ninh, coi Lễ Vụ.
- Giáo Thiện Trần Văn Liễu, coi Công Vụ.
- Giáo Thiện Lại Văn Phú, coi Hộ Vụ.

- Ngày 14-10-Nhâm Thìn (dl 30-11-1952), Đức Hộ Pháp ra khẩu lệnh cho ông Đạo Nhơn Dương Văn Khuê xuống cai quản Trường Qui Thiện.

"Do Thánh ý của Đức Hộ Pháp dạy ông Đạo Nhơn Dương Văn Khuê triệu tập Đại Hội toàn thể tín đồ Trường QT tại Hậu Điện Báo Ân Đường ngày 11-11-Giáp Ngọ (dl 5-12-1954). Bảng Phúc trình và Vi Bằng Hội Nhóm được dâng lên Đức Hộ Pháp. Đức Ngài điều chỉnh danh từ và thành phần Ban Trị Sự và các cơ sở (có bút tích sửa chữa).

Ông Tổng Quản và Ban Trị Sự Địa Linh Động vâng lệnh thật hành kể từ ngày 5-12-Giáp Ngọ (dl 29-12-1954) do Huấn Lệnh số 285/VP-HP." (Trích trong Tài Liệu để Tu Học của Trường QT, in năm Quý Sửu - 1973, trang 15)

Như vậy, chúng ta thấy rằng Đức Hộ Pháp đã chính thức chuyển đổi "Trường Qui Thiện" thành một cơ sở Tịnh Thất là "Địa Linh Động - Trí Giác Cung" vào ngày 5-12-Giáp Ngọ (dl 29-12-1954) do Huấn Lệnh số 285/VP-HP.

Phận sự của Trường Qui Thiện đến đây chấm dứt.

Vị Tổng Quản Ban Trị Sự đầu tiên của Địa Linh Động Trí Giác Cung là ông Đạo Nhơn Dương Văn Khuê. (Yêu cầu xem tiếp: Trí Giác Cung, văn Tr)

TÓM TẮT về TRƯỜNG QUI THIỆN:

Trong thời gian Đức Phạm Hộ Pháp bị đồ lưu hải ngoại, ông Giáo Thiện Đình Công Trứ qui tụ các thế hữu Minh Thiện

Đàn ở Phú Mỹ lên Tây Ninh mua đất ở Bàu Sen xã Trường Hòa thành lập cơ sở tu hành, gọi là Trường Qui Thiện.

Ngày khởi lập Trường Qui Thiện là ngày khởi công cất Qui Thiện Đường, là ngày 26-9-Quý Dậu (dl 24-10-1943).

Sau đó cất thêm các cơ sở phước thiện như: Nhà Minh Thiện, Khách Thiện đường, Học đường, Y tế, Bảo Sanh, Dưỡng đường, cơ sở Nông Tang, Công nghệ, Thương mại.

Đặc biệt ông Trứ cất trong Trường QT một Đền Thờ Phật Mẫu, thờ Đức Phật Mẫu, Cửu vị Tiên Nương và Bạch Vân Động chư Thánh. Đền thờ này tuy còn bằng cây lợp lá, nhưng đây là Đền Thờ Phật Mẫu đầu tiên của Đạo Cao Đài.

Đức Hộ Pháp cho phép làm lễ Khánh Thành Đền Thờ Phật Mẫu tại Trường Qui Thiện vào ngày 16-7-Mậu Tý (1948).

Một tháng sau, Đức Hộ Pháp cho phép Trường QT tổ chức cúng lễ Hội Yến DTC tại Đền Thờ Phật Mẫu này lần đầu tiên vào đêm 14-8-Mậu Tý, sau khi cúng xong Đại lễ Đức Phật Mẫu, và lễ cúng Hội Yến DTC này tại Đền Thờ Phật Mẫu Trường QT được duy trì hằng năm từ năm 1948 đến nay.

Ông Đốc Trường QT Đinh Công Trứ bị tử nạn ngày 25-5-Kỷ Sửu (dl 21-6-1949).

Sau đó, Trường Qui Thiện được Đức Hộ Pháp ban Huấn Lệnh chuyển đổi thành Địa Linh Động - Trí Giác Cung vào ngày 5-12-Giáp Ngọ (dl 29-12-1954).

XII. TIỂU SỬ ÔNG ĐÌNH CÔNG TRỨ (1903-1949)

Ông Đình Công Trứ sanh năm Quý Mão (1903) tại làng Phú Mỹ, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Ngày rằm Trung nguơn 17-7-Đinh Mão (dl 17-6-1927), ông Trứ nhập môn vào Đạo Cao Đài. Giấy nhập môn còn lưu lại cấp ngày 11-11-Ất Hợi (dl 6-12-1935) do Giáo Sư Thượng Minh Thanh, chủ Thánh Thất Khổ Hiên Trang ký tên.

Ngày 14-10-Đinh Mão (dl 8-11-1927), ông Trứ chấp cơ tại tư gia của ông ở làng Phú Mỹ, được Đức Lý Giáo Tông giảng dạy lập Minh Thiện Đàn tại nhà ông.

Sau đó, ông Đình Công Trứ và ông Lê Văn Trung (nhà

cũng ở gần đó) được Đức Lý Giáo Tông sử dụng làm cặp phò loan chánh thức tiếp nhận các Thánh giáo của các Đấng thiêng liêng tại Minh Thiện Đàn. (Xem chi tiết: Minh Thiện Đàn, văn M)

Ngày 28-2-Kỷ Tỵ (dl 7-4-1929), ông Đinh Công Trứ được Đức Phạm Hộ Pháp chấm thọ Đào Viên Pháp tại Thánh Thất Khổ Hiền Trang, Phú Mỹ, cùng một lượt với 23 vị Đạo hữu khác của Minh Thiện Đàn.

Ngày 13-11-1931 (âl 4-10-Tân Mùi), Ông Trứ và ông Lê Văn Trung được Đức Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông chứng giấy Thông Hành đi hành đạo nơi các tỉnh: Mỹ Tho, Bạc Liêu, Rạch Giá, Long Xuyên và Sóc Trăng.

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
GIẤY THÔNG HÀNH CHO ĐI LO VIỆC ĐẠO
 (Feuille de route)

Số: 12

Đạo hữu: ĐINH CÔNG TRỨ làm chức Tín đồ.

Phải đến tại làng Khổ Hiền Trang, Phú Mỹ tỉnh Mỹ Tho mà công quả xem xét cách hành đạo tại: Mỹ Tho, Bạc Liêu, Rạch Giá, Long Xuyên, Sóc Trăng.

Mỗi khi đến làng nào thì Chánh hay Phó Trị Sự và Thông Sự sở tại phải ký tên giấy này chứng ngày đến nơi và ngày ra đi về hay là đi qua nơi khác.

Tòa Thánh, le 13 Novembre 1931.

QUYỀN GIÁO TÔNG
(ấn ký)

Thượng Trung Nhựt

HỘ PHÁP
(ấn ký)

Phạm Công Tắc

Chứng kiến hồi đi:
 Phú Mỹ, le 10-10-Tân Mùi (1931)
 (ký tên đóng dấu)

Thượng Minh Thanh

Năm 1936 (Bính Tý), ông Trứ đặc phong Lễ Sanh Giáo Thiện, được Đức Hộ Pháp bổ đi làm Đầu Họ Phước Thiện tỉnh Long Xuyên.

Năm 1938 (Mậu Dần), ông được đổi về làm Đầu Họ PT tỉnh Tây Ninh.

Năm 1939 (Kỷ Mão), ông lãnh lệnh tạm quyền Thủ Bồn Phạm Môn.

Năm 1940 (Canh Thìn), ông lãnh phận sự coi Khách Thiện Đường tại Tòa Thánh.

Ngày 3-1-Quý Mùi (dl 7-2-1943), ông Trứ cùng với hai vị Lễ Sanh Trừu và Giải bị quân đội Nhật Bồn bắt đem về Sài Gòn tra khảo vì có người tố cáo ba ông chống Nhật.

Ngày 12-6-Quý Mùi (dl 13-7-1943), Nhật Bồn thả ba ông ra. Thời gian ba ông bị Nhật giam cầm là 5 tháng 10 ngày.

Ngày 26-9-Quý Mùi (dl 24-10-1943) ông Đình Công Trứ qui tụ một số thế hữu trong Minh Thiện Đoàn lên Tây Ninh mua đất ở Bàu Sen xã Trường Hòa, khởi lập Trường QT để làm cơ sở phước thiện và tu hành. Ông Trứ trở thành Chủ Trường QT.

Ngày 19-2-Bính Tuất (dl 22-3-1946), giữa lúc Việt Minh kháng chiến chống Pháp, ông cùng với 8 thế hữu dùng thuyền đi qui tụ các bạn đạo về Trường Qui Thiện dưới ngọn Bạch Kỳ Nhan Uyên, ông và các bạn ông bị quân đội Pháp bắt vì nghi ông theo Việt Minh, định đem xử bắn, nhưng nhờ hồng phước của Đức Chí Tôn khiến có người đến cứu nên thoát chết.

Ông trở về Trường QT lo xây dựng thêm cơ sở, và đặc biệt tạo được một Đền Thờ Phật Mẫu. Đây là Đền Thờ Phật Mẫu đầu tiên của Đạo Cao Đài, được Khánh Thành ngày 16-7-Mậu Tý (dl 20-8-1948) và sau đó Đức Hộ Pháp cho phép Đền Thờ này tổ chức cúng Lễ Hội Yến DTC vào đêm 14-8-Mậu Tý.

Đêm 25-5-Kỷ Sửu (dl 21-6-1949), lúc 10 giờ 35 tối, ông Đốc Trường Đình Công Trứ bị ám sát chết, ông hưởng 47 tuổi.

Khi còn ở Minh Thiện Đoàn Phú Mỹ, Đức Lý Giáo Tông ban Đạo hiệu cho ông Trứ là: Hoằng Nhật Tăng Đạo Sĩ.

Khi ông Trứ qui vị, Đức Hộ Pháp ban tặng cho ông là: Hoằng Thông Tăng Đạo Sĩ.

BÀI GIẢNG CƠ của ÔNG ĐÌNH CÔNG TRỨ:

Phò loan: Đản cơ tại Qui Thiện Đường đêm 26-10-
Luật Sự Nhung và Canh Dần (dl 5-12-1950), lúc 20 giờ 45.
Hưởng.

Hầu bút:
Luật Sự Khỏe.

ĐÌNH CÔNG TRỨ

Con cúi đầu chào mẫu thân.

Xin chào Em Đào và các bạn nam nữ.

Xin nhờ Em bạch giùm với Sư Phụ, Anh xin kính lời bái tạ ơn Người đã cho phép Anh về giảng cơ.

Thưa mẫu thân, con rất đau lòng cảnh mặng tàn mà tre còn tươi tốt, nhưng biết sao, thiêng liêng đã định, vậy cũng đừng trách kẻ vô lương. Sự sanh ly tử biệt không ai thoát khỏi, chỉ khác nhau ở chỗ tử bệnh hay tử nạn mà thôi. Xin thân mẫu chớ vì con mà hao tổn tinh thần.

Em Đào! Em ráng phụng dưỡng mẹ già, cô cùng 3 con thay thế anh. Phải, gánh nặng anh để lại cho Em, anh rất khổ, nhưng cũng đành ngậm tử mà thôi. Còn Em có hỏi điềm mộng, phải, chính anh đó Em à! Trong thời gian anh vắng bóng, anh vẫn lai vãng cùng thân mẫu, Em, mấy con cùng các bạn.

Chị hai Hậu, chính tôi đó chị ạ.

Em Đào, Em hãy nung chí, đừng vì chút khổ sầu mà phai lảng đó nghe Em. Luôn luôn anh giúp đỡ Em từng bước. Ráng dạy dỗ mấy con cho chúng nên người. Để anh họa mấy bài thi:

HỌA:**Bài thứ 1**

Bước Đạo khuyên em phải ráng dò,
Đừng vì bận bịu để buồn xo.
Sử kinh nổi chí khươi đèn huệ,
Đạo đức trông gương nhúm lửa lò.
Nợ thế phải tay chi có sợ,
Bụi trần dính áo khá nên lo.
Dẫn dìu con dại, Em nung chí,

Hiền mẫu từ đây cố gắng mò.

Bài thứ 2

Gái hạnh tiết trinh để đứng đầu,
 Đêm đông đầu kẻ mảnh hàn bầu.
 Lửa hương thay trọn khuấy niềm nhớ,
 Tình nghĩa gắng sâu bỏ nổi sầu.
 Thương bạn tưởng bày lòng nhắc nhở,
 Theo Thầy vì Đạo trí không đầu.
 Thế tình ơ hỡi lo chi mệt,
 Hãy để tâm trung đến đạo màu.

Bài thứ 3

Thâu gồm hơn loại vẫn là đây,
 Biến dữ nên lành cũng chốn này.
 Khuyên chớ ưu sầu xa trí cảnh,
 Xin đừng bận bịu tưởng vân đài.
 Thơm tho khí tiết lên chiều gió,
 Rõ rõ danh hiền đến bóng mây.
 Hãy ráng quên đời khuấy nổi nhớ,
 Đôi lời ly biệt tả nên đây.
 Em coi lại trúng vẫn chăng?

Đào nói: Dạ trúng.

Khóc! . . . Khanh, Lộc, Thọ, ba con ôi! Tình máu thịt phải phân chia! Ba con lại đây cha hôn. (Đưa cần cơ lại đựng đầu hai đứa con). Còn Thọ đâu? Đào đáp: Dạ nó ngủ.

Anh gởi hôn nó, Em trao lại giùm.

Để cha họa lại Bài thi của ba con:

HỌA:

Đau trẻ nay đà cách biệt cha,
 Để chân cảnh trí, lệ chan hòa.
 Ngập ngừng muốn gọi không nên giọng,
 Vận kiếp âu đành phải thở ra.

Khóc . . . Em muốn xin tên cho Em, ba con, cùng Bấy, Bạch, chị Ca. Được, tên đây là danh hiệu thôi, chớ không phải là đạo hiệu:

Em là ANH ĐÀO, con Khanh là THỤY KHANH, con Lộc là

THỤY ĐỨC, con Thọ là THỤY HƯƠNG, Bấy là MỘC LAN, Bạch là THỤY NHÂN, chị Ca là THANH TÂM.

Cháu Xinh, muốn xin thi về vận mạng, chú không thể cho.

Bây giờ, xin các bạn nam nữ yên lặng, tôi xin có đôi lời cùng quý bạn:

Quý Bạn cũng vẫn biết sự hành thiện là căn bản để đưa chúng sanh trở về cùng Thầy và Đức Mẹ. Sự đau khổ của đời do đâu mà hàn gắn, cũng chỉ do nơi lòng từ thiện của các bạn mà nên. Đời khổ não vì nạn chiến tranh, chỉ vì miếng đỉnh chung mà đành quên xương máu, còn chúng ta đây là những kẻ vì đời mà hy sinh tâm chí, cho đến miếng ăn thức mặc cũng bỏ một bên. Có vậy mới mong kêu gọi nhơn sanh từng lương cải ác. Thân của chúng ta đây là thân của con vật để sai khiến, bởi Đức Chí Tôn và Phật Mẫu càng đổ lụy bao nhiêu thì thân chúng ta lại càng phải quên nhọc nhằn bấy nhiêu. Có vậy mới mong trả trọn hiếu cùng Đại Từ Phụ, cùng Đại Từ Mẫu đặng.

Chúng ta đã lãnh trách nhiệm bồi đắp đời sống của nhơn sanh thì chúng ta phải nhớ công quả là gốc. Đây là Trường Qui Thiện tức là nơi để qui tụ các vị thiện lương.

Vậy thì chúng ta nơi đây phải tỏ rõ sự thiện lương trước nhất. Các bạn nên nhớ rằng có công mới có đức, có đức mới đắc vị. Muốn cho đức được bền, các bạn khá nên trau dồi tinh thần cho thanh cao. Phải luôn luôn nhớ rằng mình đây là kẻ tội đời để cho nhơn sanh ứng dụng, chớ vì chút hao mòn về thể phách mà nỡ quên đường đi trong sáng của chúng ta.

Các bạn hãy đặt trọn đức tin nơi Sư phụ, thì ngày về vang cũng chẳng ở đâu xa.

Xin nhắc lời cùng bạn Trung rằng, bạn hãy khá lưu tâm mà diu dắt các bạn cho ra thiết tướng. Còn có những bạn đã phải chí hy sinh, đó cũng do mạng lý, vì nơi đây là Qui Thiện, nếu không thiện ắt chẳng qui, các bạn ráng nhớ.

Tôi chỉ có bấy nhiêu lời nhắc nhở cùng quý bạn nam nữ. Xin nhớ quý bạn chuyển lời tôi kính bái Sư phụ, Sư bá, Sư cô.

Tôi xin kiếu. THẮNG.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài. CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Qui tịch

歸寂

A: To die.

P: Mourir.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Tịch:** yên lặng.

Qui tịch là trở về cõi yên lặng, ý nói chết, linh hồn trở về cõi thiêng liêng.

Đây là từ ngữ thường dùng bên Phật giáo: chữ TỊCH dùng để chỉ sự chết của một nhà sư.

Qui Tiên

歸仙

A: To return to the paradise.

P: Retourner au Paradis.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Tiên:** cõi Tiên, cảnh Tiên.

Qui Tiên là trở về cõi Tiên, ý nói chết, linh hồn lên cõi Tiên.

Qui ư Cực Lạc

歸於極樂

A: To return to the Nirvana.

P: Retourner au Nirvana.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Ư:** tại, nơi. Cực Lạc: nơi hoàn toàn an vui hạnh phúc. Đó là cõi Cực Lạc Niết Bàn hay CLTG.

Qui ư Cực Lạc là trở về nơi cõi Niết Bàn, tức là đắc đạo, rời bỏ xác trần, linh hồn lên cõi Niết Bàn.

DLCK: Năng độ chúng sanh qui ư Cực Lạc, tất đắc giải thoát.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Qui vị

歸位

A: To die.

P: Mourir.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Vị:** ngôi vị.

Qui vị trở về ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng, ý nói chết, linh hồn trở lại ngự trên ngôi vị cũ.

Qui y

歸依

A: To follow Buddhism.

P: Suivre le Bouddhisme.

Qui: Trở về, chịu về theo. **Y:** nương theo.

Qui y là đem mình nương theo Phật đạo.

Nghĩa tổng quát của Qui y là theo đạo tu hành.

Người đời, muốn theo đạo Phật thì đến chùa cho vị Hòa Thượng trụ trì làm lễ thọ " Tam qui, Ngũ giới"

Tam qui là Qui y Tam bảo, nghĩa là: Qui y Phật, Qui y Pháp, Qui y Tăng. Ngũ giới là Ngũ giới cấm.

Trong Kinh GiácThế của Minh Lý Đạo có giải Tam qui:

Qui y Phật:

Phải giác ngộ học theo hạnh Phật,

Bằng muội mê súc vật trần gian.

Được về vui thiết nẻo Thiên đàng,

Chác phiền não là hàng Địa ngục.

Qui y Pháp:

Làm việc chánh gọi là Pháp vậy,

Theo Bàn môn nẻo ấy là tà.

Đạo vô vi thiết Pháp cao xa,

Hữu vi ấy sanh ra dối giả.

Qui y Tăng:

Tánh ở chơn ấy gọi là Tăng,

Lòng thanh tịnh mới rằng tu niệm.

Còn mê muội chưa tường lý nhiệm,
Lóng sạch lòng thúc liễm tu hành.

Theo Chánh pháp của Phật, chỉ căn cứ ở công đức bề trong tức ở chỗ minh tâm kiến tánh. Phật Pháp Tăng vốn ở nơi bản tánh mình, chớ không phải ở nơi ngoài:

- Giữ lòng giác ngộ tức là qui y Phật,
- Giữ lòng chơn chánh tức là qui y Pháp,
- Giữ lòng thanh tịnh tức là qui y Tăng.

Nếu trái với Tâm pháp này, ấy là qui y (nương theo) Bàng môn ngoại đạo.

TNHT: Tuổi ấy *qui y* nhầm đã vừa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

QUÍ (QUÝ)

QUÍ

1. **QUÍ:** 貴 Sang trọng, có giá trị cao, gọi tôn người khác.
Td: Quý danh, Quý hóa, Quý nhân.
2. **QUÍ:** 季 Cuối, út.
Td: Quý nam, Quý thu.

Quý danh

貴名

A: Your honorable name.

P: Votre nom honorable.

QUÍ: Sang trọng, có giá trị cao, gọi tôn người khác. **Danh:** tên.

Quý danh hỏi tên người đang nói chuyện với mình với ý lịch sự và tôn trọng.

Td: Xin ông cho biết *quí danh*.

Quý hóa

貴貨

A: Precious, kind. P: Précieux, bon.

Quý: Sang trọng, có giá trị cao, gọi tôn người khác. **Hóa:** hàng hóa, đồ vật.

Quý hóa là đồ vật quý báu.

TNHT: Đấng Chí Tôn đã gieo giống *quý hóa* rồi thì cần phải vun trồng cho cội sown sỡ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quý hồ tinh, bất quý hồ đa

貴乎精，不貴乎多

A: Not quantity, but quality.

P: Non quantité, mais qualité.

Quý: Sang trọng, có giá trị cao, gọi tôn người khác. **Hồ:** trợ từ. **Tinh:** phần tốt đẹp nhất, chỉ về phẩm chất. **Đa:** nhiều, chỉ về số lượng.

Quý hồ tinh: Cái quý ở chỗ phẩm chất.

Bất quý hồ đa: Không quý về số lượng nhiều.

Ý nói: Quý trọng về phẩm chất chứ không quý trọng về số lượng. Nói về thực phẩm: Một chén mà ngon còn hơn một nồi mà dở.

Quý mầu

A: Precious and mysterious.

P: Précieux et mystérieux.

Quý: Sang trọng, có giá trị cao, gọi tôn người khác. **Mầu:** mầu nhiệm, huyền diệu.

Quý mầu là quý báu và mầu nhiệm.

TNHT: Gieo giống *quý mầu* thì công ấy chẳng chi sánh được.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quý nam - Quý nữ

季男 - 季女

A: The youngest son - The youngest daughter.

P: Le dernier fils - La fille dernière-née.

Quý: Cuối, út. **Nam:** con trai. **Nữ:** con gái.

Quý nam là con trai út. Quý nữ là con gái út.

Quý nhân phò trợ

貴人扶助

Quý: Sang trọng, có giá trị cao, gọi tôn người khác. **Nhân:** người. **Phò trợ:** giúp đỡ.

Quý nhân, hay Quới nhân, là người tôn quý.

Quý nhân phò trợ là người tôn quý giúp đỡ mỗi khi gặp phải điều thất ngật.

Quý xuân - Quý thu

季春 - 季秋

A: The last month of Spring - The last month of Autumn.

P: Le dernier mois du Printemps - Le de l'Automne.

Quý: Cuối, út. **Xuân:** mùa xuân. **Thu:** mùa thu.

Mỗi mùa có 3 tháng, mỗi tháng được gọi tên theo thứ tự là: mạnh, trọng, quý. Mạnh là tháng đầu, Trọng là tháng giữa, Quý là tháng cuối.

Mùa xuân có 3 tháng: giêng, hai, ba.

- Tháng giêng đầu mùa xuân được gọi là Mạnh xuân.
- Tháng hai giữa mùa xuân được gọi là Trọng xuân.
- Tháng ba cuối mùa xuân được gọi là Quý xuân.

Vậy: *Quý xuân* là tháng cuối mùa xuân: tháng ba.

Quý thu là tháng cuối mùa thu: tháng chín.

QUI (QUỶ)

QUI

1. **QUI:** 鬼 Ma qui.
Td: Quỷ Dạ xoa, Quỷ khí.
2. **QUI:** 詭 Dối trá, lừa dối.
Td: Quỷ quyệt, Quỷ kế.

Quỷ Dạ xoa

鬼夜叉

Qui: Ma qui. **Dạ xoa:** do phiên âm từ tiếng Phạn: Yakchas.

Quỷ Dạ xoa là loài quỷ hung ác, có hình thù kỳ dị, hoặc nhiều tay, nhiều mắt, hoặc nhiều chơn, có nanh dài chìa ra bên nhọn như đao. Chúng thích hãm hại người.

Ở cõi Địa ngục, quỷ Dạ xoa cầm các thứ khí giới để hành hình tội nhân.

KSH: *Quỷ Dạ xoa* đánh, vạ, kẹp, cưa.

KSH: Kinh Sám Hối.

Quỷ hồn - Quỷ nhân

鬼魂 - 鬼人

Qui: Ma qui. **Hồn:** linh hồn. **Nhân:** người.

Quỷ hồn là những linh hồn thuộc loài quỷ.

Quỷ nhân là người do quỷ hồn đầu kiếp lên làm người.

Những người sống nơi cõi trần có tính tình ác độc, làm nhiều việc gian ác hại người, phạm Thiên điều, khi chết, linh hồn bị đọa vào quỷ vị, thuộc loài quỷ.

PMCK: Ngươi linh hóa chúng *quỷ hồn* nhứt thẳng.

TNHT: Bàn đạo chẳng kể là nguyên nhân, hóa nhân hay là *quỉ nhân*, ví biết lập công thì thành đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Quỉ khí

鬼氣

A: The evil spirit. P: L'esprit errant.

Quỉ: Ma quỉ. **Khí:** phần vô hình, ý nói: chơn thần, linh hồn.

Quỉ khí đồng nghĩa với Quỉ hồn, là linh hồn của quỉ.

PMCK: Trụ căn quỉ khí cửu tuyền.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Quỉ ma

鬼魔

A: The demons. P: Les démons.

Quỉ: Ma quỉ. **Ma:** cùng loài với Quỉ.

Những linh hồn mà trong kiếp sanh nơi cõi trần đã làm nhiều điều ác độc, phạm Thiên điều, bị đọa làm quỉ ma.

Đám quỉ ma rất ghét người tu, chúng luôn luôn tìm cách dụ dỗ người tu cho sa ngã để làm quỉ ma như chúng nó, hoặc nó phá phách, đe dọa cho sợ hãi mà bỏ đường tu.

Phải có một nghị lực vô biên, một tâm trung chơn chánh và sự sáng suốt thì mới có thể vượt qua những chạm bẫy do bọn quỉ ma tạo ra, mới có thể vượt lên trên mà đắc đạo.

Hễ làm ác thì thành quỉ ma, còn làm lành thì trở thành Tiên Phật. Như thế, Quỉ ma là lực lượng đối kháng với Tiên Phật. Hai lực lượng ấy rất cần thiết trong CKVT, tạo thành hai thế lực đối kháng nhau, thúc đẩy sự tiến hóa của Càn Khôn, làm cho Càn Khôn luôn luôn tiến hóa.

KGO: Noi chơn truyền *khử quỉ trừ ma*.

KGO: Kinh Giải Oan.

CKVV: Càn Khôn Vạn vật.

Quỉ mị

鬼媚

A: The evil spirits.

P: Les esprits mauvais.

Quỉ: Ma quỉ. **Mị:** quyến rũ, mê hoặc người để làm hại người.

Quỉ mị là loài quỉ làm mê hoặc người để hại người.

TNHT: Thầy đã nói bày hổ lang, lũ *quỉ mị* đã sẵn bên mình của mỗi đứa, mà con lớn nhỏ gì cũng chẳng để ý đến.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quỉ quái tinh ma

鬼怪精魔

A: The demons, devils.

P: Les démons, les diables.

Quỉ: Ma quỉ. **Quái:** yêu quái. **Tinh:** yêu tinh.

Quỉ quái tinh ma là chỉ chung loài quỉ ma, tà tinh yêu quái, luôn luôn tìm cách phá phách hay làm hại người.

TNHT: Còn mưu chước của *quỉ quái tinh ma* là mưu kế của Lão để phân biệt chơn giả, vàng thau, cho phẩm giá....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quỉ quyền

鬼權

A: The power of the demons.

P: Le pouvoir des démons.

Quỉ: Ma quỉ. **Quyền:** quyền hành.

Quỉ là quyền hành của loài quỉ.

Cái quyền hành đó có được là do Đức Chí Tôn ban cho nó để nó thử thách người tu, khảo duợt người tu để xem chơn giả. Nếu người tu nào vượt qua được thì mới xứng đáng đắc quả.

BĐND: Ngày nay Lão định trừ diệt *quỉ quyền*, không cho rối loạn nền Đạo mà thử thách Thiên phong nữa.

BĐND: Bát Đạo Nghị Định.

Quỉ quyết

詭譎

A: Crafty. P: Astucieux.

Quỉ: Dối trá, lừa dối. **Quyết:** xảo trá.

Quỉ quyết là xảo trá, biến trá không lường.

TNHT: Dùng hết mưu chước *quỉ quyết* thâm đoạt cho đặng lợi lộc quyền thế cho nhiều.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quỉ sứ

鬼使

A: Demon of Hell. P: Démon de l'Enfer.

Quỉ: Ma quỉ. **Sứ:** kẻ dùng để sai khiến.

Quỉ sứ là đám quỉ ở Âm phủ dùng làm quân lính để sai khiến.

Quỉ tai

鬼災

Quỉ: Ma quỉ. **Tai:** tai họa.

Quỉ tai là tai họa do quỉ gây ra.

DLCK: Năng trừ ma chướng *quỉ tai*, năng cứu khổ ách....

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Quỉ vị

鬼位

A: Hierarchy of Satan.

P: Hiérarchie de Satan.

Quỉ: Ma quỉ. **Vị:** địa vị, chức vị.

Quỉ vị là các chức vị trong hệ thống tổ chức của loài quỉ.

TNHT: Còn phẩm trật *quỉ vị*, cũng như thế ấy, nó noi chước Thiên cung mà lập thành quỉ vị, cũng đủ các ngôi, các phẩm, đặng đầy đọa các con, hành hài các con, xử trị các con.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quỉ vô thường

鬼無常

A: The changeful demon.

P: Le démon changeant.

Quỉ: Ma quỉ. **Vô thường:** không luôn luôn như vậy, tức là biến đổi luôn luôn.

Quỉ vô thường là loài quỉ có hình thù biến đổi luôn luôn.

KSH: Lúc chung mạng đứt hơi hồn xuất,
Quỉ vô thường sẵn chực đem đi.

KSH: Kinh Sám Hối.

Quỉ vương

鬼王

A: King of demons, Satan.

P: Roi des démons, Satan.

Quỉ: Ma quỉ. **Vương:** vua, chúa.

Quỉ vương là vua loài quỉ, là chúa quỉ.

Quỉ vương còn được gọi là Kim Quang Sứ. (Xem chữ này)

TNHT: *Quỉ vương* đến trước Bạch Ngọc Kinh xin hành xác và thử thách các con. Thầy chẳng cho hành xác....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

QUI (QUY)

Qui lụy

跪累

Qui: quì xuống. **Lụy:** lòn cúi chiều chuộng.

Qui lụy là hạ mình để làm vừa lòng người khác với ý cầu cạnh hay van xin một điều gì.

TNHT: Đồng với nhau cả quốc dân mà *qui lụy* khẩn cầu coi Trời đoái tưởng đến chăng?

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

QUỐC

QUỐC

QUỐC: 國 Nước, quốc gia.

Td: Quốc đạo, Quốc sĩ.

Quốc đạo - Quốc giáo

國道 - 國教

A: The national religion.

P: La religion nationale.

Quốc: Nước, quốc gia. **Đạo:** tôn giáo. **Giáo:** tôn giáo.

Quốc đạo tức là Quốc giáo, là nền tôn giáo chánh thức của một nước.

Td: Đạo Phật là quốc đạo của nước Cao Miên.

Đạo Cao Đài là quốc đạo của dân tộc Việt Nam, vì Đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn mở ra trên đất nước Việt Nam và cho dân tộc VN.

TNHT: Từ thử nước Nam chẳng đạo nhà,
Nên Ta gầy dựng lập nên ra.

Đó là lời xác nhận của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Trên đất nước VN hiện nay có rất nhiều tôn giáo như: Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, đạo Tin Lành, đạo Bà La Môn, v.v... Những tôn giáo này đều mở ra ở các nước ngoại quốc và được truyền vào VN, được người VN chấp nhận và tôn sùng.

Nhưng, riêng nước VN, kể từ khi lập quốc đến nay, chưa có một tôn giáo được khai mở trên đất nước VN, cho dân tộc VN. Ngày nay, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế đến ban thưởng cho dân tộc VN, bằng cách mở ra trên đất nước VN, cho người VN một nền Đại Đạo gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hay nói vắn tắt là Đạo Cao Đài, do Đấng Thượng Đế tá danh Cao Đài làm Giáo Chủ.

Thật là vinh hạnh cho dân tộc Việt Nam!

TNHT: "Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này là cốt để ban thưởng một nước từ thử đến giờ hăng bị lăm cơn thanh nộ của Thầy. Thầy lại tha thứ, lại còn đến ban thưởng một cách vinh diệu. Từ tạo Thiên lập Địa, chưa nước nào dưới quả địa cầu 68 này đặng vậy. Cốt để ban thưởng các con thì các con hưởng phần hơn đã đáng, lẽ nào Thầy đã để phần nhiều cho các nước khác sao?"

"Thầy có hội chư Tiên Phật lại mà thương nghị về sự lập Đạo tại Đại Nam Việt quốc. Các con khá nghe lời Thầy dạy, chớ khá nghịch lẫn nhau, phải đồng một lòng một dạ mà lo chấn hưng đạo đức."

"Vốn Thầy tạo lập nền Chánh giáo cho dân Nam Việt chẳng phải là việc nhỏ đâu. Các con ví biết Đạo là quý thì phải ân cần thận trọng, đợi đến ngày thành tựu các con mới thấy rõ Thiên cơ thì chừng ấy các con muốn lập công bằng buổi này sao đặng, vì mỗi việc khó khăn trắc trở là lúc sơ khai."

"Từ đây trong nước Nam duy có một Đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con, gọi là Quốc Đạo, hiểu à!"

Trong bài thi Đức Chí Tôn giáng, Đức Chí Tôn bảo chép lại

bằng Hán văn gửi cho vua Bảo Đại lúc đó, có hai câu: (Xem chữ: **Nam phong, vẫn N**)

"Quốc Đạo kim triều thành Đại Đạo,
Nam phong thử nhật biến Nhơn phong."

Nghĩa là:

Nền Quốc Đạo Cao Đài ngày nay biến thành một nền Đại Đạo cho cả hoàn cầu,

Nền phong hóa của nước Việt Nam ngày ấy sẽ biến thành nền phong hóa của nhơn loại.

"Nơi dẫy đất VN chúng ta đã tám mươi mấy năm khổ nạn, dân sanh sống dưới quyền lệ thuộc, hầu hết đã gần quên tinh thần cổ truyền của tổ phụ để lại.

May thay cho nòi giống Lạc Hồng, là không đến nỗi phải chịu mất tinh thần cố hữu ấy, nên được Đức Chí Tôn dùng dẫy đất này làm Thánh Địa và định cho dân tộc Việt Thường hưởng hồng ân của Ngài trước nhứt, rồi mới cho nhơn loại trên mặt địa cầu này hưởng sau.

Theo Thánh ý của Đức Chí Tôn là muốn dùng dân tộc VN làm gương mẫu cho toàn cầu, là chỗ mà thiên hạ cho là thấp hèn, bạc nhược, lại được Đức Chí Tôn đem lên ngang hàng cùng vạn bang, mà còn cho trở hơn mặt tinh thần, do đó mới kêu là Quốc Đạo." (Trích Thánh giáo của Đức Cao Thượng Phẩm tại Báo Ân Từ ngày 1-10-Canh Dần, phò loan: Luật Sự Nhung - Hưởng)

TĐ ĐPHP: (tại Đền Thánh đêm 30-9-Đinh Hợi, 1947)

"Hai chữ Quốc Đạo lần đầu, Chí Tôn viết ra làm cho Bàn đạo mờ mịt. Cũng vì hai chữ Quốc Đạo mà Phạm Công Tắc chết năm 35 tuổi, thí thân đeo đuổi làm cho ra thiệt tướng.

Ôi! Hai chữ Quốc Đạo là một vật mà Bàn đạo tiếm tàng rồi mới hiểu. Khởi điểm biết thương nòi giống, biết thương tổ quốc, đeo đuổi mất còn với cái điều khát khao từ buổi thanh xuân đó vậy. Tự biết khôn dĩ chí gặp Đạo năm 35 tuổi, Bàn đạo thấy sao mà phải khao khát thêm lạt, tại làm sao Chí Tôn biết thiếu thốn nơi tinh thần điều ấy mà cho Bàn đạo.

Bàn đạo ban sơ nghi hoặc, có lẽ một Đấng có quyền năng thiêng liêng biết tâm lý đang nồng nàn ao ước, đương thêm lạt

khao khát, đương tiềm tàng mà đem ra cám dỗ. Hại thay! Yếu ớt đức tin, ngày nay Bần đạo ăn năn quá lẽ, 15 năm đã đặng thấy gì?

Cả toàn thiên hạ nói rằng: Nòi giống VN không có Đạo. Lạ lùng thay! chúng ta tự hỏi có thật vậy chăng? Thật quả có chớ, có nhiều Đạo quá mà thành ra không Đạo, mượn Đạo, xin Đạo của thiên hạ mà thôi....

Thành thử VN có nhiều Đạo quá nên thành không Đạo.

Ngày Chí Tôn tình cờ đến, vì ham thi văn nên ban sơ DTC đến dự bằng thi văn tuyệt bút làm cho mê mẩn tinh thần. Hại thay! Nếu chẳng phải là nhà thi sĩ, ắt chưa bị bắt một cách dễ dàng như thế. Vì ham văn chương thi phú nên Ngài ráng dạy. Chí Tôn đến ban đầu làm bạn thân, rồi dạy đạo, kể bảo Vọng Thiên cầu Đạo, rồi Ngài dạy lập Đạo.

Khi ấy, Bần đạo chưa tin ngưỡng, bởi lẽ nòi giống nước Nam còn tin ngưỡng tạp nhạp lắm, không chun đúng, không căn bản, nói rõ là không tin ngưỡng gì hết. Bần đạo mới trả lời với Đức Chí Tôn, ngày nay Bần đạo nghĩ lại rất sợ sệt. Nếu không phải gặp Đấng Đại Từ Bi thì tội tình biết chừng nào mà kể.

"Thưa Thầy, Thầy biểu con làm Lão Tử hay Jésus, con làm cũng không đặng; Thích Ca, con làm cũng không đặng, con chỉ làm đặng Phạm Công Tắc thôi. Con lại nghĩ con bắt tài vô đạo đức này quyết theo Thầy không bỏ, nhưng tưởng cũng chẳng ích chi cho Thầy."

Đấng ấy trả lời: - Tắc, thằng Thầy lấy tánh đức Phạm Công Tắc mà lập giáo, con mới nghĩ sao?

Bần đạo liền trả lời: - Nếu đặng vậy....

Ngài liền nói: - Thầy đến lập cho nước Việt Nam này một nền Quốc Đạo.

Nghe xong, Bần đạo từ đấy hình như phiêu phiêu lên giữa không trung, mơ màng như giấc mộng. Được nghe nói cái điều mà mình thềm ước nên Bần đạo không từ chối đặng.

Ôi! Quốc Đạo là thế nào? Quốc là nước, vậy nòi giống tín ngưỡng lập Quốc Đạo, Bần đạo theo tới cùng coi lập nó ra thế nào, hình tướng nào cho biết. Vì đó mà lần mò theo đuổi đến

ngày nay, thấy hiện hữu cái hình trạng là Đạo Cao Đài, rồi lại đoán xét coi nó biến hình Quốc Đạo Việt Nam ra sao?

Ngài cho một bài thi, dám chắc không ai thấu đáo nổi, người coi cái gốc thì không thấy ngọn, người coi cái ngọn thì không thấy gốc, tứ vấn thiết thà hay ho cho tới các đảng phái quốc sự ngày nay cũng lợi dụng.

Từ đây nòi giống chẳng chia ba.

Tức nhiên không chia 3 Đạo, chớ không phải chia 3 Kỳ à!

Thầy hiệp các con lại một nhà.

Thầy nắm chủ quyền hiệp Tam giáo, nếu nói riêng nòi giống hiệp Nam, Trung, Bắc thì vô vị lắm.

Nam, Bắc cùng rồi ra ngoại quốc.

Tức nhiên nền chơn giáo Quốc Đạo không phải của ta thôi, mà lại của toàn nhơn loại, là truyền giáo Nam Bắc thành tướng rồi ra ngoại quốc, tức là tôn giáo toàn cầu vậy.

Chủ quyền chơn đạo một mình Ta.

Tam giáo, Ngài vi chủ năm châu tín ngưỡng lại qui nhứt mà thôi. Nắm cả tín ngưỡng của loài người, chính Đức Chí Tôn là Chúa tể CKTG, làm chúa nền Chánh giáo tại nước Nam, vi chủ tinh thần loài người, tức đủ quyền năng lập Quốc Đạo.

Ngài đến đem đại nghiệp cho quốc dân này, hình thể lựa chọn ai? Chọn Tạo đoan vạn vật tức là Phật Mẫu. Tinh thần của Đức Chí Tôn, hình thể của Đức Phật Mẫu; trí não của Cha, hình hài của Mẹ. Cả thầy đều thấy, hể vô Đại điện Đại Từ Phụ, nào chức này chức kia, mào cao áo rộng; còn vô Điện Thờ Phật Mẫu thì trắng hết, không ai hơn ai cả.

Nếu hiểu biết thấy bí pháp của Chí Tôn cao kỳ quá lẽ.

Chí Tôn nói rằng: Quốc Đạo này, Ngài qui tụ tinh thần đạo đức trí thức toàn nhơn loại cho đặc biệt, có cao có thấp, có hàng ngũ có phẩm giá; còn về phần xác thịt của loài người, mạng sống trước mặt Ngài không ai hơn ai, cả thầy sống đồng sống, chết đồng chết, đặng đem Quốc Đạo làm môi giới cả đại đồng đặng tạo tương lai loài người cho có địa vị oai quyền cao thượng.

Nếu hiểu đặng thì Thánh thể cũng vậy, Hội Thánh chư Chức sắc Thiên phong nam nữ hay toàn thể tín đồ cũng vậy, lãnh Thiên mạng đảm nhiệm trách vụ thiêng liêng Chí Tôn phú thác lập giáo, tức nhiên phải có phẩm giá, trật tự đẳng cấp. Nếu hiểu thêm ý của Ngài, khi cổ áo này ra khỏi đại điện rồi hết thầy đồng là anh em, không ai hơn ai, không ai thua ai, không khinh không trọng, đầy đủ tình yêu ái trong lòng Mẹ đem ra mà thôi. Nam nữ cũng thế. Ngày giờ nào hơn loại cả thế gian ở mặt địa cầu này hiểu được lý lẽ chí hướng cao thượng ấy là ngày Đạo Cao Đài sẽ ra thiết tướng."

Nước VN trong buổi Hạ nguơn, được hồng ân của Đức Chí Tôn ban cho một nền Quốc Đạo Cao Đài. Người VN không nên ích kỷ, bo bo giữ lấy mối Đạo cao thượng của mình, mà phải truyền bá rộng rãi ra khắp năm châu bốn biển để toàn cả hơn loại đều được hưởng ân điển của Đấng Chí Tôn, Đại Từ Phụ của toàn hơn loại, làm cho nền Quốc Đạo VN trở thành nền Đại Đạo của toàn hơn loại.

*"Lo lường thấu đáo đạo huyền vi,
Ngàn tuổi chưa ai dám sánh bì.
Một nước nhỏ nhen trong vạn quốc,
Ngày sau làm chủ mới là kỳ!"*

(Đức Chí Tôn)

Nhờ nền Quốc Đạo Cao Đài mà dân tộc VN sẽ làm chủ tinh thần của hơn loại.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

DTC: Điều Trị Cung.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách

國家興亡,匹夫有責

Quốc: Nước, quốc gia. **Gia:** nhà. **Hưng vong:** hưng thịnh hay suy vong. **Thất phu:** một người đàn ông thường. **Hữu:** có. **Trách:** trách nhiệm.

Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách, nghĩa là: nước nhà lúc hưng thịnh hay lúc suy vong, một người dân thường cũng phải có trách nhiệm lo lắng.

Quốc hồn

國魂

A: The national spirit.

P: L'esprit national.

Quốc: Nước, quốc gia. **Hồn:** linh hồn, tinh thần.

Quốc hồn là hồn nước, ý nói cái tinh thần đặc biệt của một dân tộc, được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài, khiến dân tộc ấy có những đặc điểm khác với dân tộc khác.

KTKVTH: Trụ tâm nâng đỡ quốc hồn.

KTKVTH: Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.

Quốc mạch

國脈

A: The economical life of a country.

P: La vie économique d'un pays.

Quốc: Nước, quốc gia. **Mạch:** ống dẫn máu để đem dưỡng khí nuôi sống các tế bào trong cơ thể.

Quốc mạch là mạch sống của một nước, tức là những sinh hoạt của tất cả ngành nghề trong nước làm cho đời sống vật chất và tinh thần của người dân được đầy đủ và tốt đẹp.

NG: Thọ quốc mạch tất tiên ư trí chúa chi trung.

NG: Nho Giáo, Kinh Nho Giáo.

Quốc sĩ

國士

A: Eminent scholar of a country.

P: Lettré éminent d'un pays.

Quốc: Nước, quốc gia. **Sĩ:** người trí thức.

1. Quốc sĩ là người trí thức tài giỏi danh tiếng trong nước.
2. Trong Đạo Cao Đài, Quốc Sĩ là một phẩm Chức sắc trong Ban Thế Đạo, đứng trên phẩm Hiền Tài, nhưng dưới Đại Phu và Phu Tử. (Xem: Ban Thế Đạo, vần B)

Phẩm Quốc Sĩ được cầu phong vào phẩm Giáo Sư CTĐ.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Quốc sự

國事

A: The state affairs. P: Affaires de l'état.

Quốc: Nước, quốc gia. **Sự:** việc.

Quốc sự là việc nước, tức là việc chánh trị trong nước.

Làm quốc sự là làm chánh trị, tức là tham gia các hoạt động cách mạng lật đổ nhà cầm quyền Pháp đang đô hộ VN, với ý muốn lập chủ quyền độc lập cho dân tộc VN.

TNHT: Trung, mặc kệ nó, chúng nghị các con lo *quốc sự*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quốc thể

國體

Quốc: Nước, quốc gia. **Thể:** thể diện (danh dự), thể chế (chế độ).

1. *Quốc thể là thể diện, là cái danh dự của một nước.*

2. *Quốc thể là thể chế, là chế độ cai trị của một nước, như thể chế dân chủ, quân chủ,....*

TNHT: Mở đường *quốc thể*, định phong vận.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quốc túy

國粹

A: Characteristic of a country.

P: Le caractéristique d' un pays.

Quốc: Nước, quốc gia. **Túy:** tinh túy, thuần nhất không tạp nhạp.

Quốc túy là cái tinh hoa đặc sắc về vật chất hay tinh thần của một nước.

Td: Quốc túy của nước Nhật là cái tinh thần võ sĩ đạo.

Quốc túy của nước VN có thể kể ra hai thứ tượng trưng: về tinh thần là sự thờ phụng tổ tiên, về vật chất là bánh chưng bánh dày.

TNHT: Ấy là kế bảo tồn *quốc túy*, lại là phương thoát tục.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quốc tự

國字

A: The national character.

P: Le caractère national.

Quốc: Nước, quốc gia. **Tự:** chữ viết.

Quốc tự là chữ viết của một nước, ở đây ý nói chữ viết của dân tộc VN.

Quốc tự của người VN được Đức Chí Tôn dùng làm chánh tự để mở đạo và truyền đạo ra khắp thế giới.

QUY

QUY

(Xem: Qui)

QUỶ

QUỶ

(Xem: Qui)

QUYÊN

Quyên sinh

捐生

A: To suicide oneself.

P: Se suicider.

Quyên: liều bỏ. **Sinh:** sống, mạng sống.

Quyên sinh là liều bỏ mạng sống, tức là tự tử.

Quyên trợ

捐助

A: To subscribe money.

P: Souscrire de l'argent.

Quyên: cổ động mọi người bỏ tiền ra để dùng vào việc nghĩa việc thiện. **Trợ:** giúp đỡ.

Quyên trợ là đi quyên tiền để giúp đỡ người hoạn nạn.

QUYỀN

QUYỀN

QUYỀN: 權 - quyền hành, - quyền biến, - tạm làm, - sung vào chức vụ mà chưa chánh vị.

Quyền biến

權變

A: To be adaptable to circumstances.

P: S' adapter aux circonstances.

Quyên: thay đổi cách làm việc khi gặp hoàn cảnh khó khăn khác hơn lúc bình thường. **Biến:** thay đổi.

Quyền biến là thay đổi cách thức làm việc cho kịp thời để đối phó với sự biến chuyển mau lẹ của tình thế.

TNHT: *Quyền biến* dầu dùng khi buổi ngặt,
Dần lòng nhớ tránh kế mưu gian.

Quyền bất thất kinh: Quyền biến để làm việc cho kết quả nhưng không bỏ mất đạo thường. (*Thất là mất. Kinh là đạo thường, đạo lý thường phải theo*).

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung

權教宗黎文忠

A: Interim Pope Lê Văn Trung.

P: Pape intérimaire. . .

Quyền: sung vào chức vụ mà chưa được chánh vị.

Quyền Giáo Tông là cầm quyền Giáo Tông hữu hình, mà không nắm quyền Giáo Tông vô hình.

Ngày 3-10-Canh Ngọ (dl 22-11-1930), Đức Lý Giáo Tông giáng cơ hiệp với Đức Phạm Hộ Pháp ra Đạo Nghị Định thứ hai, ban quyền Giáo Tông hữu hình tại thế cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật, còn quyền Giáo Tông thiêng liêng vẫn do Đức Lý nắm giữ. Kể từ ngày đó, Hội Thánh gọi Ngài là Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.

Như vậy, chúng ta thấy trong Đạo Cao Đài, quyền hành của Đức Giáo Tông và Đức Hộ Pháp có hai phần: phần hữu hình và phần vô hình.

Đức Lý Giáo Tông nhường phân nửa quyền hành Giáo Tông cho Ngài Lê Văn Trung điều khiển phần hữu hình, còn quyền hành Giáo Tông thiêng liêng vẫn do Đức Lý nắm giữ.

Khi Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung qui Thiên, Đức Lý đem nửa quyền hành Giáo Tông hữu hình ấy giao cho Đức Hộ Pháp, nên Đức Phạm Hộ Pháp lúc đó: Chưởng quản Nhị Hữu Hình Đài: Hiệp Thiên và Cửu Trùng.

Ngài Lê Văn Trung là một trong 12 môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn, đã có đại công khai mở, xây dựng và truyền bá Đạo Cao Đài.

Khi còn ở ngoài đời, Ngài là một nhân vật chánh trị nổi tiếng bình vực quyền lợi của dân chúng, làm đến chức Nghị Viên Hội Đồng Thượng Nghị Viện Đông Dương.

Ngày 11-3-Bính Dần (dl 22-4-1926), Đức Chí Tôn phong Ngài Lê Văn Trung vào phẩm Đầu Sư phái Thượng, Thánh danh là Thượng Trung Nhựt.

Ngày 3-10-Canh Ngọ (dl 22-11-1930), Đức Lý Giáo Tông giáng cơ ra Đạo Nghị Định thứ 2, ban quyền Giáo Tông hữu hình tại thế cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, còn quyền Giáo Tông vô vi vẫn do Đức Lý nắm giữ.

Để ghi nhớ công nghiệp lớn lao của Ngài, ngôi trường Trung Học do Hội Thánh lập ra ở gần Cửa số 7 ngoại ô được đặt tên là *Trường Trung Học Lê Văn Trung*; và con đường cặp hông Giáo Tông Đường trong Nội Ô Tòa Thánh được Hội Thánh đặt tên là *đường Thượng Trung Nhựt*.

Sau đây là phần Tiểu Sử chi tiết:

Ngài Lê Văn Trung sanh năm Bính Tý (1876) tại làng Phước Lâm tổng Phước Điền Trung (Chợ Lớn).

Thuở Ngài được 3 tuổi thì thân phụ là ông *Lê Văn Thanh* (1845-1878) đau bệnh từ trần, thân mẫu là bà *Văn Thị Xuân* (1849- 1912) lúc đó mới 30 tuổi, cư tang thờ chồng, thủ phận ở vậy nuôi con cho đến ngày khôn lớn.

Ngài Lê Văn Trung lớn lên có hình dáng đẹp đẽ, cân đối, tánh tình hòa nhã nhưng rất cương quyết, phụng sự mẫu thân rất có hiếu, cư xử tốt đẹp với bà con anh em, và Ngài rất ái mộ Nho học.

Ngài thi vào học tại trường Lycée Chasseloup Laubat Sài Gòn, và tốt nghiệp trường này vào năm 1894, lúc đó Ngài được 19 tuổi. (Tuổi tây là 18 tuổi).

Cũng trong năm này, ngày 14-7-1894, Ngài Lê Văn Trung được thân nhận vào làm Thơ Ký tại Dinh Thống Đốc Nam Kỳ. Ngài làm việc Thơ Ký cho đến năm 1906, tổng cộng được 12

năm. Sau đó, Ngài xin thôi việc và được chấp thuận ngày 6-3-1906.

Ngài Lê Văn Trung ra ứng cử và được dân chúng bầu vào Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ (Conseil Colonial de Cochinchine), đại diện cho các tỉnh: Sài Gòn, Gia Định, Chợ Lớn, Gò Công, Tây Ninh, được liên tiếp 2 khóa, tổng cộng 8 năm. (Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ có 10 Hội Viên người Pháp và 6 Hội Viên người Việt. Hội Viên người Việt do đại diện các Hương chức Nam Kỳ bầu lên).

Lúc làm Hội Viên Hội Đồng Quản Hạt, mỗi khi nhóm họp nơi Soái Phủ Nam Kỳ, Ngài Lê Văn Trung thẳng thắn bàn cãi những sự ích nước lợi dân. Ngài rất lưu tâm đến việc mở mang các trường dạy học và công việc thương mại. Trong những sự bàn cãi, đôi khi làm trái ý quan trên, nhưng Ngài vẫn cam tâm vì nhiệm vụ đại biểu của dân, chẳng đoái đến phận mình bị trừ dập. Cho nên, xa gần, quan dân đều ngợi khen Ngài là người khảng khái cương trực.

Điển hình là vụ Lục Hạng điền, Chánh phủ Pháp phân 6 hạng ruộng để đánh thuế. Ông Outrey, quyền Thống Đốc Nam Kỳ dự thảo luật thuế về Lục Hạng điền, trình ra cho Hội Đồng Quản Hạt thừa nhận để đem ra áp dụng thi hành.

Ngài Lê Văn Trung cùng với ông Diệp Văn Cương, Hội Đồng Quản Hạt Bến Tre đứng ra làm đầu 6 vị Hội Đồng Quản Hạt người Việt, đồng phản kháng dự thảo luật nói trên, nhưng khi biểu quyết, số thăm của Hội Đồng người Việt chỉ có 6, còn của người Pháp thì 10, nên bị thua thăm, và như thế thì dự luật được thông qua với đa số 10/6.

Dù thua thăm, nhưng 6 ông cương quyết chống lại luật thuế Lục Hạng điền, nên tất cả 6 ông đều gửi đơn từ chức để phản đối. Dưới thời Pháp thuộc mà 6 ông làm được một việc như thế phải kể là một hành động táo bạo và rất can đảm.

Từ chức xong, 6 ông đều ứng cử trở lại, và 5 ông được tái đắc cử, chỉ có ông Hội Đồng Hoài là bị thất cử, do ông Bùi Quang Chiêu theo phe ông Outrey phá.

Nhờ vụ Lục Hạng điền mà tiếng tăm và uy tín của Ngài Lê Văn Trung lên rất cao, khiến cho người Pháp rất chú ý Ngài, chẳng dám xem thường.

Năm 1911, Ngài Lê Văn Trung đề xuất một việc làm rất mới mẻ tại Sài Gòn, nơi đang chịu sự thống trị nặng nề của Pháp, là việc xây dựng một Nữ Học Đường để giáo dục con gái, thực hiện Nam Nữ bình quyền.

Chánh phủ Pháp ngoài mặt không dám phản đối, nhưng không ủng hộ việc mở mang dân trí này. Ngài Lê Văn Trung đi vận động với bà Tổng Đốc Đỗ Hữu Phương, và một số trí thức ủng hộ, quyên góp tiền bạc, xây dựng được một ngôi trường Nữ đầu tiên tại Sài Gòn, gọi là Collège des Jeunes filles, về sau đặt tên là Trường Nữ Trung Học Gia Long. Hiện nay, trường này vẫn còn tấm bia kỷ niệm ghi tên hai vị sáng lập là bà Tổng Đốc Đỗ Hữu Phương và Hội Đồng Quản Hạt Lê Văn Trung.

Ngày 18-5-1912, Ngài Lê Văn Trung được Chánh phủ Pháp thưởng cho Bắc Đẩu Bội Tinh Đệ Ngũ Đẳng (Chevalier de la Légion d'Honneur).

Mấy năm đó, Ngài có mở cửa hàng Hạnh Hoa Thôn, giúp đỡ người VN bốn xứ có nề nếp hưởng nhờ bề thanh lợi, sanh ý ngày càng phấn tắn, dần dần nên cuộc đại thương, không nhượng ngoại quốc.

Ngày 10-12-1914, Ngài Lê Văn Trung được Pháp cử lên làm Nghị viên Hội Đồng Soái Phủ Đông Dương (Conseil du Gouvernement de l'Indochine), thường gọi là Hội Đồng Thượng Nghị Viện Đông Dương.

Nhà cầm quyền Pháp mở hội Thượng Nghị Viện tại Bắc Kỳ, Ngài đi với Nguyên Soái Gourbeil ra bàn việc nước. Quan Thống Soái Bắc Kỳ, Trung Kỳ, với quan Đại Thần An Nam là ông Hoàng Cao Khải, ông Trương Như Cường, đều ngợi khen Ngài là người có khoa ngôn ngữ và rất lễ nghĩa.

Em của Ngài Lê Văn Trung là Lê Văn Diêu, thưở trước làm Giáo Thọ chữ Pháp, sau được ban chức Huyện Hàm, tánh tình hiếu thuận, nổi đường hướng của Ngài, mà gầy dựng được cuộc buôn bán phát đạt.

Chánh thất phu nhân của Ngài Lê Văn Trung là bà Đãi thị Huệ, cũng người tỉnh Chợ Lớn, hiền đức, trọng nghĩa, siêng năng buôn bán, lại khéo bề nội trợ tề gia, giúp thêm tiếng tốt cho Ngài. (Sau này, bà Đãi Thị Huệ nhập môn vào Đạo Cao Đài, được Đức Chí Tôn phong chức Nữ Giáo Sư, thánh danh Hương Huệ, trong kỳ Phong Thánh Nữ phái kỳ I ngày 14-1-Đinh Mão, dl 15-2-1927, tại Chùa Gò Kén Tây Ninh).

THI RẰNG:

Ra tài Quản Hạt bấy thu chầy,
 Quan chuộng dân yêu hội hiệp vầy.
 Lòng dạ thẳng ngay, gương vặc vặc,
 Tiếng tăm khen ngợi, tiết hây hây.
 Thương trường mở cuộc buồm xuôi gió,
 Thương Viện gặp thời chí lướt mây.
 Nhờ đức thung huyên vun quén sẵn,
 Lộc Trời ơn nước, phước gồm may.

(Viết theo tài liệu trong quyển **Điều Cổ Hạ Kim Thi Tập** của ông Nguyễn Liên Phong soạn, Sài Gòn, năm 1915)

Kể từ năm 1920 trở đi, công việc kinh doanh của Ngài Trung gặp khó khăn, đến cuối năm 1924 thì bế tắc, hoàn toàn bị lỗ lã. Ngài đau buồn, sanh ra hút thuốc phiện và sau đó, thị lực của đôi mắt yếu đi rất nhiều, chỉ thấy mọi vật lơ mờ.

Người bà con với Ngài là ông Hội Đồng Nguyễn Hữu Đắc, tu theo Minh Lý, thường vào hầu đàn Chợ Gạo. Nguyên mấy tháng trước đây, tại nhà ông Nguyễn Bá Vạn ở ngã ba Bà Kế thuộc Chợ Gạo, Chợ Lớn, nay là Bến Phú Lâm, Quận 6 Chợ Lớn, có lập một đàn thính Tiên rất linh hiển, thường cho thuốc trị bệnh rất hay. Ông Đắc hướng dẫn ông Trung đến hầu đàn này. Tại đây, Đức Lý Thái Bạch giảng khuyên Ngài Lê Văn Trung nên tỉnh giấc mộng trần mà lo việc tu hành. Ngài Lê Văn Trung tỉnh ngộ, bắt đầu ăn chay, bỏ hút thuốc phiện, và lần lần đôi mắt của Ngài hết lòa, sáng trở lại.

Sau khi đàn Chợ Gạo độ được Ngài Lê Văn Trung rồi thì chư Tiên dạy bé đàn, làm cho nhiều người hầu đàn ngạc nhiên, không rõ cố chi.

Theo tài liệu của Ban Đạo Sử:

- Ngày 23-11-Ất Sửu (dl 7-1-1926), Đức Cao Đài Thượng Đế dạy quý ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đem Đại Ngọc cơ đến nhà ông Lê Văn Trung ở Chợ Lớn cho Đức Chí Tôn dạy việc. Quý ông ngần ngại nhưng không dám cãi lệnh. Khi đến nhà ông Trung, quý ông trình bày tự sự. Ông Trung vui vẻ chấp thuận và cùng nhau thiết lập đàn cơ. Trong lúc chuẩn bị cầu cơ, nhiều phép lạ hiện ra. Trong đàn cơ này, Đức Thượng Đế dạy ông Trung phải hiệp với hai ông Cư và Tắc lo việc mở Đạo.

Đức Chí Tôn Thượng Đế dạy:

"Trung! Nhứt tâm nghe con. Sống cũng nơi Thầy, thành cũng nơi Thầy mà đọa cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng của con mà suy lấy.

*Một Trời một Đất một nhà riêng,
Dạy dỗ nhơn sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối Thiên thơ lo cứu chúng,
Đạo người vẹn vẻ mới thành Tiên."*

Từ đây, ông Trung được Đức Chí Tôn thân làm môn đệ. Ông vâng Thánh ý, thu xếp việc nhà, một dạ xả thân hành đạo.

- Ngày 27-11-Ất Sửu (dl 11-1-1926), ông Lê Văn Trung đến viếng xã giao ba ông: Cư, Tắc, Sang. Bốn ông hiệp lại cầu cơ. Đức Chí Tôn giáng dạy ông Trung nhiều việc.

- Ngày 14-12-Ất Sửu (dl 27-1-1926), quý ông bạch hỏi Đức Thượng Đế về cách thờ phượng. Đức Thượng Đế dạy các ông đến gặp ông Đốc Phủ Ngô Văn Chiêu để xem cách thức, vì ông Chiêu đã được Đức Thượng Đế dạy đạo từ lâu, và bảo xem ông Chiêu là Anh Cả.

- Ngày 15-12-Ất Sửu (dl 28-1-1926), cuộc họp mặt và dự tiệc do ông Lê Văn Trung tổ chức gồm 12 vị môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn và 14 vị khác đã có hầu đàn cơ nhiều lần nhưng chưa được chính thức thân nhận làm môn đệ.

- Ngày 17-12-Ất Sửu (dl 30-1-1926), ông Lê Văn Trung thượng tượng thờ Thầy trọng thể hơn các vị khác. Đức Thượng Đế giáng cơ dạy và chỉ cách đặt vị trí thờ Đức Quan Thánh, Đức Quan Âm Bồ Tát và Đức Lý Thái Bạch.

- Đêm 12-3-Bính Dần (dl 23-4-1926), Đức Chí Tôn sắp đặt cuộc Thiên phong tại nhà Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn, ân phong cho Ngài là Thượng Đầu Sư, Thánh danh Thượng Trung Nhựt, cùng một lượt với Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt.

- Ngày 23-8-Bính Dần (dl 29-9-1926), Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, vâng theo Thánh ý của Đức Chí Tôn, hiệp cùng chư Chức sắc Thiên phong và chư Đạo hữu, tổng cộng 247 người, họp tại nhà ông Nguyễn Văn Tường ở đường Galiéni, nay là đường Trần Hưng Đạo, quận 1 Sài Gòn, để thảo ra TỜ KHAI ĐẠO, gửi lên Chánh phủ Pháp. Tờ Khai Đạo này được dâng lên Đức Chí Tôn xem xét trước.

- Ngày 1-9-Bính Dần (dl 7-10-1926), Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt đích thân đem Tờ Khai Đạo đến gửi cho quan Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol, được ông vui vẻ tiếp nhận.

- Ngày 15-10-Bính Dần (dl 19-11-1926), ngày rằm Hạ nguơn năm Bính Dần, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt hiệp cùng Đức Hộ Pháp và chư Chức sắc Đại Thiên phong, vâng lệnh Đức Chí Tôn mượn chùa Từ Lâm Tự ở Gò Kén Tây Ninh làm Thánh Thất tạm để tổ chức Đại lễ Khai Đạo Cao Đài, có đủ các quan chức các cấp của Chánh quyền Pháp thời đó và đại diện các tôn giáo khác đến dự.

- Ngày 3-10-Canh Ngọ (dl 22-11-1930), Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt được Đức Lý Giáo Tông giáng cơ ban cho quyền Giáo Tông hữu hình, theo Đạo Nghị Định thứ nhì.

Xin chép ra sau đây nguyên văn Đạo Nghị Định này:

Đạo Nghị Định thứ 2

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ ngũ niên)

Chiếu theo Pháp Chánh Truyền ban quyền hành cho Giáo Tông và Hộ Pháp,

Nghĩ vì chư Chức sắc Thiên phong có quyền đặc biệt ngoài luật đã định, còn quyền hành Hội Thánh nữa,

Nghĩ vì thiếu luật Hội Thánh nên quyền hành chánh chẳng đặng vẹn toàn,

NGHỊ ĐỊNH

Điều thứ nhất: Ban quyền hành cho Thượng Đầu Sư thay mặt cho Lão mà thi hành các phận sự Giáo Tông về phần xác, còn phần thiêng liêng có Lão.

Điều thứ nhì: Chức sắc CTĐ, duy bậc Chánh Phối Sư phải tùng quyền mà hành chánh về phần Chánh trị của Đạo, song đặng thế mặt cho Đầu Sư, đương buổi người cầm quyền Giáo Tông của Lão.

Điều thứ ba: Mọi việc chi thuộc về quyền Chánh trị đều giao cho Chánh Phối Sư.

Điều thứ tư: Chánh Phối Sư đặng trọn quyền thông công cùng Chánh phủ và nhơn sanh, nhưng buộc phải có Hội viên Nhơn sanh và Hội Thánh chăm nom cơ hành động.

Điều thứ năm: Nghị Định này sẽ ban hành vào ngày 15-10-Canh Ngọ.

Làm tại TTTN ngày mùng 3 tháng 10 năm Canh Ngọ.

GIÁO TÔNG
Phạm công Tắc

HỘ PHÁP
Phạm công Tắc

Một số ít Chức sắc Thiên phong sanh lòng đố kỵ Đức Quyền Giáo Tông, nên họ tìm đủ cách để công kích và buộc tội Ngài. Họ thiết lập Hội Vạn Linh để buộc tội Ngài, và viết Tờ Châu Tri để mạ lỵ, xúi giục tín đồ đem nhiều việc phi lý kiện Ngài nơi Tòa Án tỉnh Tây Ninh, đồng thời vu cáo Ngài làm cách mạng chống Chánh quyền Pháp.

Không ngày nào mà Đức Quyền Giáo Tông không bị các viên Thẩm phán Tòa Án đòi ra hỏi cung.

Đang lúc bị khủng bố nguy nan như thế, Đức Ngài vẫn điềm tĩnh đối phó, một mặt hiệp với bà Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh sắp đặt Nữ phái trong Đạo.

Đức Ngài nói: "*Lúc trước tôi đã giúp bà Cụ Tổng Đốc Đỗ Hữu Phương lập trường Nữ học, bây giờ tôi hiệp với bà Nữ Chánh Phối Sư tổ chức các Nữ Viện, cũng đồng một nghĩa.*"

Tôi chỉ ao ước cho Nam Nữ bất bình đẳng ở ngoài Đờn chẳng còn trong Đạo nữa."

Kết cuộc các vụ thừa kiện Đức Ngài ở Tòa Án tỉnh Tây Ninh, họ kết tội Ngài: Đã cho công quả đánh xe bò ban đêm không thắp đèn hiệu, bò thiếu dây buộc ách, 34 người Đạo công quả thiếu thuế, và họ phạt Ngài 2 ngày tù.

Thật là khôi hài đối với một vị Cựu Thượng Nghị viên thường thọ Bắc Đẩu Bội Tinh của Chánh phủ Pháp. Họ biết Ngài vô tội, nhưng cũng cố buộc tội để làm nhục Ngài.

Bọn lính sen đầm đem hai án tòa vào Giáo Tông Đường đặng bắt Ngài ra ngồi tù ở khám đường Tây Ninh. Ngài chậm rãi khấn áo chỉnh tề, mang Bắc Đẩu Bội Tinh vào, rồi đi theo sai nha. Đó là buổi sáng ngày mừng 7-Giêng-Giáp Tuất (dl 20-2-1934), trước lễ Vía Đức Chí Tôn hai ngày. Đức Ngài ngồi tù tại khám đường Tây Ninh 2 ngày rưỡi mới được thả về.

Sau khi cúng vía Đức Chí Tôn và lễ rằm Thượng ngươn xong, Đức Ngài liền viết một văn thư đề ngày 4-3-1934 (âl 19-1-Giáp Tuất), gửi cho Chánh phủ Pháp giao trả Bắc Đẩu Bội Tinh, vì nó không còn ý nghĩa gì nữa.

Bức văn thư này viết bằng Pháp ngữ, trong đó có nhiều chi tiết lịch sử quan trọng, xin chép nguyên văn ra đây và có bài dịch ra Việt bản.

Tây Ninh, le 4 Mars 1934.

**A Monsieur le Président de la République Française.
P A R I S.**

Monsieur le Président de la République,

J'ai l'honneur de venir très respectueusement remettre entre vos mains la Décoration de Chevalier de l'ordre national de la Légion d'Honneur que ma conférée la République Française par Décret du 18 Mai 1912.

Fonctionnaire apprécié et estimé pendant douze ans, Conseiller Colonial ensuite pendant huit ans, enfin Membre du Conseil du Gouvernement de l'Indochine pendant douze ans, telles sont les trente-deux années de vie mises loyalement au service de la France, qui m'ont valu cette haute récompense de la République.

Après ma vie publique, je m'apprêtais à finir mes vieux jours dans un coin oublié de terre en Cochinchine, quand soudain (1926) je fus appelé par L'Invisible à reprendre ma tâche pour l'unification de toutes les religions existantes, pour semer parmi les peuples l'Amour du Bien et des créatures de Dieu, la pratique de la Vertu, apprendre à aimer la Justice et la résignation: Relever aux humains les conséquences posthumes de leurs actes, tout en assainissant leur âme.

Depuis huit ans, je me consacre entièrement à cette oeuvre de fraternisation des races, convaincu que la Nouvelle Religion constitue un des puissants facteurs indispensables à la réalisation d'une collaboration loyale et sincère de tous les peuples, d'une paix mondiale durable.

Le Caodaïsme comprend aujourd'hui plus d'un million de fidèles composé d'Annamites en très grande partie, et de Français, Cambodgiens, Laotiens, Moïs et Chinois.

Nous ne sommes pas compris peut-être par le Gouvernement colonial?

Toujours est-il que le Caodaïsme est sans cesse injustement frappé?

À nos doléances et à nos réclamations, on répond par des actes arbitraires et des persécutions religieuses.

À l'heure qu'il est en fait tout pour atteindre le promoteur de cette nouvelle église dans son honneur.

Dans de nombreux documents, je me permets d'extraire les passages édifiants ci-après d'une lettre que j'ai écrite récemment à Monsieur l'Administrateur Vilmomt, Chef de la province de TâyNinh, Cochinchine.

En ce qui concerne vos récentes instructions, je vous serais très obligé de bien vouloir me faire connaître jusqu'à quand est applicable cette nouvelle réglementation des cultes.

Quant aux événements dont vous avez fait allusion dans votre lettre, je me permets de vous faire remarquer que si vous aviez bien voulu tenir compte de mes requêtes et de mes droits, sinon de Chef du Sacerdoce Caodaïsme, du moins de Chef du Temple de LongThành (TâyNinh) ces désordres

n'auraient jamais au lieu. Mieux que tout autre vous saviez que les désordres que vous signalez aujourd'hui ne venaient pas de nous.

La réunion du 24 Novembre dernier, autorisée par vous à se tenir dans mon Temple, à des personnes tout à fait étrangères à la religion et malgré ma lettre No 394 du 22 Novembre 1933, est un véritable défi, sinon une insulte, jeté sans motif à la face qu'un vieux et loyal serviteur de la France doublé d'un décoré de la Légion d'Honneur.

Il m'est vraiment pénible de constater ces choses à l'heure où tous mes efforts et tout mon dévouement sont mis sincèrement au service de la cause commune des deux peuples. c'est-à-dire à l'entente cordiale et sincère les deux races appelées par la volonté du tout puissant à vivre en communauté de vie et d'intérêts.

Naturellement ces doléances sont restées sans réponse, par contre les persécutions se sont de plus belle.

La dernière en date fut mon emprisonnement, le 22 Février dernier, pour dette due au fisc par trente-quatre de mes coreligionnaires, prétexte tout à fait fallacieux.

Le Chevalier de Légion d'Honneur, à l'aurore de sa soixantième d'année, fut jeté en prison sans qu'aucune formalité prescrite par la loi ne fut observée.

J'ai séjourné deux jours et demi dans une cellule de la prison de Tây Ninh avec mon ruban arboré et la carte de Chevalier sur moi.

Ainsi, aux yeux du Gouvernement colonial, la Légion d'Honneur ne signifie rien, l'infâmie peut atteindre.

Tout le tort revient-il à la République qui ne devait pas conférer cet insigne honneur à un pauvre indigène?

J'accomplis mon geste avec d'amers regrets, mais je préfère ne plus porter une très haute distinction à laquelle le Gouvernement colonial n'a aucun égard et qui ne peut même plus devenir un éclatant témoignage de mon attachement à la France.

Cependant, confiant en la justice de cette France douce et généreuse que j'ai toujours aimée, je poursuivrai jusqu'au bout ma tâche sans passion et sans haine, espérant qu'on voudra bien un jour se rendre compte des erreurs commises et rendre justice à une religion qui n'a d'autre prétention que celle d'apporter au monde la paix et la concorde.

Veillez agréer, Monsieur le Président de la République, l'expression de mon plus profond respect.

LÊ VĂN TRUNG

*Lê Văn Trung, Pape Intérimaire
du Bouddhisme Renové ou Caodaisme,
Ancien Conseiller Colonial de Cochinchine,
Ancien Membre du Conseil du Gouvernement de l'Indochine.
Long Thành, Tây Ninh, Cochinchine.
Pièce jointe: Un Certificat de Monsieur le Grand Chancelier de
l'ordre national de la Légion d'Honneur.*

Bài dịch ra Việt văn:

Tây Ninh, ngày 4 tháng 3 năm 1934.

**Kính gửi Tổng Thống nước Cộng Hòa Pháp,
Thủ đô Ba-lê.**

Thưa Tổng Thống,

Tôi hân hạnh hoàn trả vào đôi tay của Ngài với lòng tôn kính, cái huy chương Bắc Đẩu Bội Tinh mà nước Pháp đã ban cho tôi do Sắc lệnh ngày 18-5-1912.

Là một công chức được yêu mến và khen ngợi trong 12 năm, tiếp theo là làm Hội viên Hội Đồng Quản Hạt trong 8 năm, cuối cùng làm Nghị viên Hội Đồng Soái Phủ Đông Dương trong 12 năm, cả thảy là 32 năm làm việc trung thành với nước Pháp, nên nước Pháp mới ban cho tôi phần thưởng cao quý như thế.

Sau đời sống công chức của tôi, tôi chuẩn bị sống hết tuổi già trong một nơi vắng vẻ nào đó của đất Nam Kỳ. Khi bỗng năm 1926, tôi được Đấng Vô hình gọi đến giao cho phận sự qui nhứt tất cả các nền tôn giáo hiện hữu, để gieo rắc giữa các dân tộc, lòng thương yêu điều thiện và thương yêu chúng

sanh, sự thực hành đức hạnh, học tập thương yêu công lý và sự an phận: tiết lộ cho nhơn loại biết về Quả báo, tất cả để thanh khiết hóa linh hồn.

Từ 8 năm nay, tôi hoàn toàn chú tâm vào công cuộc kết tình huynh đệ của các chủng tộc loài người, tin chắc rằng nền Tân Tôn giáo thiết lập được một trong những yếu tố mạnh mẽ và cần thiết để thực hiện một sự hợp tác chân thành của tất cả các dân tộc, của một nền hoà bình thế giới lâu dài.

Đạo Cao Đài hôm nay có hơn một triệu tín đồ, gồm phần lớn là người Việt Nam, kế đó là người Pháp, người Miên, người thiểu số, và Hoa kiều.

Có lẽ Chánh quyền thuộc địa không hiểu chúng tôi chăng?

Phải chăng Đạo Cao Đài luôn luôn bị áp bức bất công?

Với những kêu ca và thỉnh nguyện của chúng tôi, họ trả lời bằng những hành động chuyên chế và sự ngược đãi tôn giáo.

Ngay thời buổi này, họ đang làm đủ cách để hãm hại người đứng đầu của Tân Giáo hội trong danh vọng của họ.

Trong nhiều tài liệu, tôi xin trích ra đây những đoạn điển hình trong một cái thư mà tôi đã viết mới đây gửi cho ông Vilmont, Tỉnh trưởng tỉnh Tây Ninh, Nam Kỳ.

Thuộc về những chỉ thị mới đây của Ngài, tôi rất muốn biết đến bao giờ các qui tắc mới về sự thờ cúng mới được áp dụng.

Về phần những sự việc mà Ngài đã ám chỉ trong văn thư của Ngài, tôi mạn phép xin Ngài chú ý rằng, nếu Ngài xét đến những thỉnh nguyện và quyền lợi của tôi, nếu không là Chủ của Hội Thánh Đạo Cao Đài, ít ra cũng là chủ của Thánh Thất Long Thành (Tây Ninh) thì những vụ lộn xộn này không bao giờ xảy ra.

Hơn nữa, Ngài biết rằng những vụ lộn xộn mà Ngài đã báo hiệu, nó không xuất phát từ chúng tôi.

Cuộc họp ngày 24 tháng 11 năm ngoái, được Ngài cho phép, tại Thánh Thất của chúng tôi, với những người xa lạ đối với tôn giáo chúng tôi, và mặc dầu văn thư của tôi số 394 ngày 22-11-1933 là một thách đố thật sự, nếu không, một điều sỉ

nhục ném vào một cách vô cớ, mặt của một công bộc già nua và trung thành của nước Pháp đã được đeo huy chương Bắc Đẩu Bội Tinh.

Thật là khó khăn mới nhận định được những sự việc lúc đó, mà tất cả những cố gắng và nhiệt tâm của tôi, quả thật đã phụng sự cho lợi ích chung của hai dân tộc, nghĩa là với sự hòa hợp tốt đẹp và thành thật, hai sắc dân được kêu gọi bởi ý chí mạnh mẽ muốn sống trong cộng đồng đời sống và quyền lợi.

Đương nhiên, những thỉnh nguyện ấy bị xếp lại, không trả lời, trái lại, những sự ngược đãi lại càng thêm nữa.

Mới đây, ngày 22 tháng 2 vừa qua, bởi 34 người đồng đạo của tôi thiếu thuế nhà nước, mà tôi bị bắt bỏ tù, lý do hoàn toàn giả dối.

Cái Bắc Đẩu Bội Tinh của tôi, ở vào năm bình minh của tuổi 60, đã bị ném vào tù, tuyệt đối không có một hình thức nào được qui định bởi pháp luật, được tuân thủ.

Tôi bị giam 2 ngày rưỡi trong một phòng giam nhỏ tại khám đường Tây Ninh với cái huy chương đeo trên mình và cái thẻ Bắc Đẩu Bội Tinh.

Như thế, dưới con mắt nhà cầm quyền thuộc địa, cái Bắc Đẩu Bội Tinh chẳng có nghĩa lý gì cả, một sự ô nhục có thể đạt tới.

Tất cả làm lỗi đó, phải chăng do nước Pháp không nên trao cái dấu hiệu danh dự ấy cho một người bồn xức khôn khổ?

Tôi thực hiện cái cử chỉ ấy với sự luyện tiếc cay đắng, nhưng tôi không thích mang cái huy chương ấy nữa, vì nó bị nhà cầm quyền thuộc địa không một chút tôn trọng, và nó cũng không trở thành một bằng chứng rõ ràng của lòng ái mộ của tôi đối với nước Pháp.

Tuy nhiên, tin tưởng vào công lý của nước Pháp hiền hòa và độ lượng mà tôi hằng yêu mến, tôi sẽ theo đuổi đến cùng phận sự của tôi, không hờn giận, không hận thù, hy vọng một ngày nào đó, họ sẽ biết rõ những làm lỗi đã vấp phạm và trả lại công lý cho một tôn giáo mà nó không có ý muốn nào khác hơn là đem lại cho thế giới một nền hòa bình và hòa hợp.

Kính xin Tổng Thống nhận nơi đây lòng tôn kính sâu xa của tôi.

LÊ VĂN TRUNG

Lê Văn Trung, Quyền Giáo Tông, của Phật giáo Canh tân, hay Đạo Cao Đài. Cựu Nghị viên Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ, Cựu Nghị viên Thượng Nghị Viện Đông Dương. Long Thành, Tây Ninh, Nam Kỳ.

Giấy đính kèm: Một Chứng thư của Cục Trưởng Cục Bắc Đẩu Bội Tinh.

Ngày 13-10-Giáp Tuất (dl 19-11-1934), Đức Quyền Giáo Tông (QGT) lâm bệnh và nhẹ nhàng thoát xác qui Thiên tại Giáo Tông Đường, lúc 3 giờ chiều, hưởng thọ 59 tuổi.

Hội Thánh thông báo cho toàn đạo để tang: Chức sắc CTĐ và HTĐ từ phẩm Giáo Hữu hay tương đương trở lên, để tang một năm, còn Lễ Sanh và tín đồ thì tùy ý.

Thi hài của Đức QGT được liệm vào Liên đài, mỗi khi di chuyển thì đặt lên lưng Long mã, gọi là Liên đài kỵ Long mã.

Tang lễ được cử hành rất long trọng với chương trình:

Ngày 15-10-Giáp Tuất: Lễ Thành phục.

Ngày 15 đến 24-10-Giáp Tuất: Liên đài quàn tại Giáo Tông đường.

Ngày 24-10 Giáp Tuất: Di Liên đài đến Tòa Thánh.

Ngày 25-10-Giáp Tuất: Di Liên đài ra Cửu Trùng Thiên tại Đại Đồng Xã trước Tòa Thánh.

Ngày 26-10-Giáp Tuất: Liên đài nhập bửu tháp.

Bửu tháp của Đức Ngài được xây ngay phía sau BQĐ của Tòa Thánh.

Mượn lời của ký giả Diệp Văn Kỳ nhận xét về cái chết của Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, được đăng lên báo lúc bấy giờ, để làm phần kết:

"Chúng tôi chỉ biết rằng, từ hôm ông chết đến nay, ở Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh, số người mỗi ngày đến chịu tang, lấy

muôn mà kể. Già trẻ, bé lớn, đàn ông đàn bà ở Lục tỉnh, ở Nam Vang, ở Lào, thấy đều thương tiếc khóc than, chẳng khác nào như con mất cha mẹ.

Nếu có thể lấy những Chuông vải trắng bịt trên đầu để làm thước đặng đo sự nghiệp, công đức của người quá vãng, thì ta có thể nói rằng: sự nghiệp, công đức của Ông Lê Văn Trung là lớn nhất ở Nam Kỳ này vậy."

Nếu kể từ ngày Khai Đạo tại Thánh Thất Từ Lâm Tự Gò Kén 15-10-Bình Dân (dl 19-11-1926) cho đến ngày Đức Quyền Giáo Tông qui Thiên 13-10-Giáp Tuất (dl 19-11-1934) thì đúng 8 năm tròn. Nếu tính từ ngày Đức Chí Tôn thân nhận Ngài làm môn đệ 23-11-Ất Sửu (dl 7-1-1926), thì Đức Ngài hành đạo được 9 năm.

Đức Phạm Hộ Pháp lấy bài thi sau đây của Đức Quyền Giáo Tông làm bài tài hiển lễ Đức Ngài:

*Cần khôn quen thú phước Linh Tiêu,
Thấy khổ trần gian nghịch Thánh điều.
Mượn xác phàm riêu cây Phất Chủ,
Nương cơ tạo xử phước Tiêu Diêu.
Bầu linh khổ hải đưa thiêu cạn,
Gậy sắt nhọn sanh chống dất diu.
Muôn dặm cửa Tiên chờ bước tục,
Cởi lau trở gót ruột trăm chiều.*

Nguyên căn của Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung:

Nguyên căn của Đức QGT Lê Văn Trung là Đại Tiên Lý Thiết Quả, tức là Lý Ngưng Dương, đứng đầu Bát Tiên.

Trong con đường TLHS, Đức Phạm Hộ Pháp có mô tả trận đánh giữa Đức QGT trong pháp thân Lý Thiết Quả với Kim Quang Sứ để mở đường đi từ Ngọc Hư Cung đến CLTG:

Buổi ấy, Bần đạo đi với cái pháp bửu bằng vân xa, đi ngang qua từ Ngọc Hư Cung đến CLTG. Khi vân xa đi qua đó, bị Kim Quang Sứ đón đường không cho đi. Bần đạo đương bối rối không biết tính làm sao, liền khi ấy ngó thấy Đức Lý Ngưng Dương trong pháp thân của Đức QGT Thượng Trung Nhựt, cầm cây gậy cà thọt nhảy ra chiến đấu với Kim Quang

Sứ. Bần đạo ngó thấy cà ạch cà đuội, chơn cụt chơn dài, nhảy cà quơ cà quơ.

Bần đạo ngồi trên vân xa suy nghĩ, Đức Lý Ngưng Dương có một mình làm sao đánh lại người ta, thấy ban đầu có một mình Đức QGT, bên kia Kim Quang Sứ, hai đảng đánh nhau không phân thắng bại, bữa bối không biết bao nhiêu mà bắt phân thắng bại. Hồi lâu ngó thấy Đức Lý Ngưng Dương đập Kim Quang Sứ một gậy, đập văng hào quang ra như lọ nổi, như đập vào bình mực văng tủa xua ra vậy. Đập thấy biến ra người thứ nhì nữa. Đảng này cả trong Thánh Thể của Đức Chí Tôn có một vị Chức sắc Thiên phong mà Bần đạo không nói tên ra, cản đánh người thứ nhì đó. Kim Quang Sứ biến ra bao nhiêu thì bên này cũng hiện ra bấy nhiêu. Một trận đại chiến náo nhiệt. Bần đạo ngồi trên vân xa cũng như người ta ngồi trên máy bay mà khán trận vậy. Dòm riết mỗi mòm buồn ngủ, ngủ đã rồi thức dậy thấy cũng còn đánh, ngồi lâu lắm gục xuống ngủ nữa, làm 3 lần như vậy, tới chừng lần thứ 3 tỉnh lại thấy mặt trận đầy CKVT, lớn quá, bên mình không biết làm thế nào chiến đấu cho lại, không lẽ ngồi trên vân xa này hoài, phải có phương pháp gì giúp tay mớiặng....

Đến chừng bay giữa không trung, thấy mình mông không biết làm sao gom lại được, để vậy khó đánh lắm, ai ngờ Bần đạo cầm cây Kim tiên, định vẽ vòng gom lại, thì chẳng khác nào vãi cái chài vậy. Bần đạo cầm cây Kim tiên định gom lại, vừa gom thì nó thúc nhặt mặt trận ấy lại nhỏ lần lần, thấy đảng ta đã thắng Kim Quang Sứ.

Bần đạo của ta là Đức Lý Ngưng Dương đã diệt được bên Kim Quang Sứ, tới chừng rớt cuộc chỉ còn Đức Lý Ngưng Dương đánh với Kim Quang Sứ mà thôi. Đánh nhau một hồi, Đức Lý Ngưng Dương đập Kim Quang Sứ một gậy thì Kim Quang Sứ hóa hào quang đảng vân bay mất. (Trích Con đường TLHS trang 145-146).

Những mẩu chuyện liên quan đến Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung:

* Thuở sơ khai nền Đạo, Đức Chí Tôn giảng cơ cho Đức Quyền Giáo Tông (QGT) các bài thi:

*Già trí đừng lo trí chẳng già,
Lương tâm mình biết, hỏi chi xa.
Thềm đầu Trời ngó lòng nhơn đạo,
Hư thiệt rồi đây cũng biết mà.*

(11-1-1926)

*Đã thấy ven mây lối mặt dương,
Cùng nhau xúm xít dẫn lên đường.
Đạo Cao phó có tay cao độ,
Gần gũi sau ra vạn dặm trường.*

(12-2-1926)

Đức Lý Thái Bạch giảng cơ cho Đức QGT 4 câu thi:

*Có công phải biết gắng nên công,
Tu tánh đã xong tới luyện lòng.
Kinh sách đầy đầu chưa thoát tục,
Đơn tâm khó định lấy chi mong.*

((27-1-1926))

* Cũng trong ngày này (27-1-1926), có Thất Nương DTC giảng cơ. Đức Quyền Giáo Tông hỏi:

- Có duyên luyện đạo cùng chẳng, xin Em mách giùm.

- Đã gặp Đạo ắt có duyên phần. Ráng tu luyện, siêng thì thành, biếng thì đạo, liệu lấy mà răn mình. Phải sớm tính, một ngày qua là một ngày chết. Đừng dụ dụ. Em xin kiếu.

* Trong một đàn cơ khác, nhân có Bát Nương DTC giảng đàn, Đức QGT hỏi thăm Bát Nương về linh hồn của thân phụ và thân mẫu của Ngài có được siêu thăng cùng chẳng.

Đức Ngài hỏi Bát Nương:

Thân phụ và thân mẫu của Qua có được siêu thăng không? Giờ đây đang ở đâu?

Bát Nương giảng cơ đáp:

Em chỉ nói bằng thơ, nếu Anh giảng trúng thì nói nữa, trật thì lui.

Đức Quyền Giáo Tông năn nỉ:

Nếu Qua nói trật thì nhờ Em thương tình mà chỉ dẫn để cho Qua học thêm với.

Bạch Y Quan nay sanh Cực Lạc.

Bá phụ cùng Bá mẫu đặng an.

Như vậy là thân phụ và thân mẫu của Qua trước ở cõi Bạch Y Quan, nay đã sang ở nơi cõi Cực Lạc?

Đúng đó, ấy là nhờ công tu luyện của Anh nên Bá phụ và Bá mẫu được siêu thăng nơi Cực Lạc.

THI VĂN CỦA ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG:

Đức Phạm Hộ Pháp xướng bài thi:

NHÃN BẠN QUYỀN GIÁO TÔNG

Hồ lô ai để ở nơi đâu?

Aí quốc Việt Nam nhét bể bầu.

Cứu thế hồng ân chưa rải khắp,

Nâng thuyền lòng nước vốn còn sâu.

Nhơn tài nấy nở tuy trăm bụng,

Dân trí biển sanh bởi một đầu.

Ví nhượng mắt Tiên xem rõ trận,

Cuộc cờ thắng bại tận phao câu.

(11-9-Bính Tuất 1946)

1. Đức QGT giảng cơ họa vận, ngày 19-9-B.Tuất 1946:

Tách trần tính lại đã là đầu,

Thế giới vân du chín một bầu.

Nguồn đạo bấy chừ bao sức lớn,

Tinh thần từ trước đã gần sâu.

Nhơn tâm gây khối đều nên mặt,

Tình thế trau nên kiêu vỡ đầu.

Lừa lọc nên hư do phép Tạo,

Hưng suy chỉ định bởi đôi câu.

2. Đức QGT giảng cơ họa tiếp, ngày 28-4-Mậu Tý 1948:

Đường trần hạnh phúc đã là đầu?

Chi bằng Càn khôn quây một bầu.

Đủ hiểu tâm phàm lòng lạt lẽo,

Dự xem bước tục chí cao sâu.

Thiên Quân ví chẳng ra tiền đạo,

Tướng soái khó toan chiếm địa đầu.

Vạn pháp đem khoe tài Hộ Pháp,

Cũng như đực rựa sánh kim câu.

3. Đêm mừng 10 tháng 10 Canh Dần (dl 19-11-1950).

QUYỀN GIÁO TÔNG

Mừng các em,

Mỗi năm đến kỳ Lễ Hạ Nguơn, kỷ niệm Khai Đạo, thì các em không quên ngày Thánh đán của anh, và mỗi em đều để tâm lo lắng, nhứt là Hộ Pháp cư xử trọn nghĩa đệ huynh, đến như thi hài của anh đối về phần Đạo thì cũng chẳng trọng hệ chi, nhưng đó là một phần trong Thánh Thể của Chí Tôn, các em lo cho anh được châu toàn, anh có lời cảm ơn trước là Hộ Pháp, sau là tất cả các em.

Một điều anh ước mong sao hành trình của mỗi em làm thế nào cho đoàn hậu tấn để tâm kính mến lo cho các em, cũng như các em lo cho anh từ thử. Còn cơ Đạo của Chí Tôn, bước qua năm 26 sẽ phát triển lên cao thượng một cách phi thường, làm cho dân tộc VN đều ngạc nhiên và chủ tâm hưởng ứng.

Nền Đạo cao lên bao nhiêu thì danh thể của các em tăng tiến lên trọng yếu, và trách nhiệm phải thế nào? Các em cần lo trau dồi cho đáng giá, để làm gương mẫu hướng dẫn quần chúng noi bước theo con đường đạo đức và lập quốc buổi tương lai đã đến đây.

Trong phương diện hành đạo, có 3 điều nên chú ý như sau này, các em khá nhớ: - **Một là Quyền.** - **Hai là Luật,** - **Ba là Pháp,** đều của Đức Chí Tôn vậy.

- Quyền là giáo hóa, dìu dẫn chúng sanh vào khuôn linh của Đạo.
- Luật là thương yêu, rộng dung, tha thứ cho kẻ lỗi biết ăn năn.
- Pháp là giữ công bình chánh trực.

Nếu có kẻ không nghe lời giáo hóa, cố tâm phạm luật, thì người cầm quyền cai trị lấy Thánh đức mà định hình phạt là cốt yếu cạo gọt cho nên hình người, chớ không phải kẻ cầm quyền mà để phạm vào tội ác bất nhơn, bởi Đạo quyền là Thánh trị, chớ không phải Phàm trị, các em nên nhớ.

Còn Cơ đời sẽ biến chuyển cho đến ngày liễu kết cuộc chiến tranh hầu có lập lại đời Thánh đức. Đạo và Đời, Quốc và Cộng, như sau này:

THI:

Họa lại bài thi của Hộ Pháp, đảo vận:

*Lưỡi liềm chi để sánh Kim câu,
Gây sự bởi ai tạo buổi đầu?
Đồng hải mệnh mông còn phải cạn,
Tây hồ chạt hẹp độ bao sâu?
Tài ba Động Bích bao nhiêu sức,
Quyền phép Côn Lôn sẵn mấy bầu.
Quyết đoán cuộc cờ, ai thắng bại,
Chín xem Tiên Phật hưởng về đâu?*

Anh mừng các em, xin nhắn lời cảm ơn Hộ Pháp. THĂNG.

BQĐ: Bát Quái Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

DTC: Điều Trì Cung.

Quyền huynh thế phụ

權兄替父

Quyền: quyền hành. **Huynh:** anh. **Thế:** thay thế. **Phụ:** cha.

Quyền huynh thế phụ là cái quyền hành của anh là thay thế cho cha khi cha mất để lo cho các em.

Quyền năng

權能

A: Power.

P: Pouvoir.

Quyền: quyền hành. **Năng:** cái khả năng làm được công việc.

1. *Quyền năng là khả năng thi hành quyền lực của mình.*

TNHT: Con sẽ trọng đại và đủ *quyền năng* do Thiên ý.

2. *Quyền năng là những phép thần thông do tu luyện mà có được.*

Chư Thánh, Tiên, Phật đều có những quyền năng đặc biệt như: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, v.v... nhưng các Đấng ấy tránh phô trương vì sợ dân chúng bị mê hoặc.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Quyền Thống Nhất

權統一

A: The unified power.

P: Le pouvoir unifié.

Quyền: quyền hành. **Thống nhất:** gom vào một mối.

Quyền Thống Nhất là hai quyền Hành chánh và Tư pháp gom về một mối do một người nắm giữ.

Trong Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn lập CTĐ cầm quyền Hành Chánh Đạo do Đức Giáo Tông chưởng quản và lập HTĐ cầm quyền Tư Pháp Đạo do Đức Hộ Pháp chưởng quản. Trong trường hợp đặc biệt, hai quyền này tập trung vào một người nắm giữ thì gọi là Quyền Thống Nhất.

Như vậy, Quyền Thống Nhất là Quyền Chí Tôn tại thế.

Bởi vì Quyền Thống Nhất là quyền của Đức Chí Tôn. Đức Chí Tôn phân quyền ấy ra làm hai: một nửa giao cho Đức Giáo Tông CTĐ, một nửa giao cho Đức Hộ Pháp HTĐ. Cho nên Đức Giáo Tông và Đức Hộ Pháp hiệp lại ra lệnh chi, thì lệnh đó có giá trị như là lệnh của Đức Chí Tôn.

Sau khi Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung qui Thiên, nền Đạo chinh nghiêng. Ở bên ngoài thì nhà cầm quyền Pháp tìm cách đàn áp, bên trong nội bộ thì các Chức sắc bất hòa, công kích nhau, rồi tách riêng ra lập Chi phái, chống đối Tòa Thánh. Để đối phó với tình thế khó khăn này, Đức Lý Giáo

Tông giao quyền Giáo Tông tại thế cho Đức Phạm Hộ Pháp, để Đức Hộ Pháp có đủ oai quyền điều khiển toàn Hội Thánh CTĐ, HTĐ và Phước Thiện.

Trong Đạo Luật năm Mậu Dần (1938), Đại Hội Hội Thánh họp giao quyền Thống Nhứt cho Đức Phạm Hộ Pháp, xin trích ra sau đây:

LUẬT: *Toàn đạo nam nữ đồng công nhận và tín nhiệm Quyền Thống Nhứt của Đức Hộ Pháp cho đến ngày có Giáo Tông ra mặt.*

PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH:

1. Trong mấy năm vừa qua, nền đạo nhờ nương dưới Quyền Thống Nhứt của Đức Hộ Pháp mà đặng thịnh hành phát đạt một cách mau chóng, trên Hội Thánh đủ oai quyền vững đạt, dưới chúng sanh đặng đầy đủ tinh thần nghị lực mà thật hành chủ nghĩa cao thượng của Đức Chí Tôn

Vậy từ đây, toàn đạo nam nữ nên để cả đức tin nơi Ngài hầu đủ phương pháp tạo đời sửa thế.

LUẬT: *Toàn đạo nam nữ giao quyền Chánh Trị Đạo cho Quyền Thống Nhứt cầm cho đến ngày có Đầu Sư nam nữ chánh vị.*

PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH:

1. Theo Pháp Chánh Truyền thì quyền Chánh Trị Đạo là đặc quyền của Đầu Sư, nhưng hiện thời bên CTĐ phẩm vị Đầu Sư không có, còn Quyền Vạn Linh thì không đủ sức, vì thiếu bậc tài ba đạo đức, nên để cho Quyền Thống Nhứt đủ năng lực đặng lập thành quyền đạo đối với quyền đời, đương nhiên cùng các nền tôn giáo. Ấy là cái hay làm cho Đạo ra thiệt tướng.

Ngày 1-12-Quý Ty (dl 5-1-1954), Đức Lý giảng cơ nói với Đức Phạm Hộ Pháp:

" - Hiền hữu có nghĩ tại sao Lão phải dâng quyền Giáo Tông cho Hiền hữu đặng có trọn quyền Chí Tôn hữu hình tại thế chăng?

Hộ Pháp bạch: - Xin Ngài dạy rõ.

- Thì cũng do lòng từ bi vô tận của Đại Từ Phụ. Người sợ oai của Lão vì cầm quyền thiêng liêng mỗi đạo quá chấp nê phạm tánh, không dung thứ tội tình cho con cái của Người, nên giao cho Hiền hữu, là bạn đồng sanh, biết đau đớn, biết khổ cực với mảnh thi phạm mà rộng dung cho họ. Cười...

Quyền Chí Tôn trong tay Hiền hữu thì cứ tự dụng, định vị cho Thánh thể của Người. Lão chẳng nên can thiệp vào đó.

Này Hiền hữu, Lão nói thử, Hiền hữu nghĩ coi có lẽ nào Lão cầm cơ thăng vị cho những người như: Kiên, Chấn, Thạch, Dược. Cười... Hiền hữu tự mình định liệu lấy, nếu cần thì phò loan nơi Giáo Tông Đường, Lão sẽ đến bàn luận. Lão xin kiếu."

Theo Pháp Chánh Truyền, Quyền Thống Nhứt giao cho 3 vị Đầu Sư khi nền Đạo gặp cơn nguy biến. (Phải có đủ 3 vị Đầu Sư ba phái mới lãnh được Quyền Thống Nhứt, thiếu một vị cũng không được).

"QUYỀN THỐNG NHỨT: Khi Minh Thệ rồi, Đầu Sư dâng cầm quyền luôn cả Chánh trị và Luật lệ.

Nhờ quyền lớn lao này, Đầu Sư sẽ có đủ thế lực mà ngăn ngừa Tà quyền hại đạo. Thăng gặp cơn nguy biến mà cả ba Chánh Phối Sư không đủ sức chống ngăn, thì Đầu Sư dâng dùng Quyền Thống Nhứt ấy mà điều khiển Hội Thánh. Cả Chức sắc CTĐ và HTĐ phải phục mạng, dầu cho Giáo Tông và Hộ Pháp cũng phải vậy." (Hay!)

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Quyền Vạn linh

權萬靈

Vạn linh: toàn thể các chơn linh trong CKVT, gồm đủ Bát phẩm chơn hồn: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn.

Đức Chí Tôn sanh ra vạn vật, nên có nói: "Thầy là các con, các con là Thầy."

Các con của Thầy là Vạn linh, nên Đức Chí Tôn ban cho Vạn linh đồng quyền cùng Thầy.

Muốn lập Quyền Vạn linh thì phải lập 3 Hội:

- Hội Nhơn Sanh: đại diện 4 phẩm chơn hồn: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn và Nhơn hồn.
- Hội Thánh: đại diện Thánh hồn.
- Thượng Hội: đại diện cho Tiên Hồn và Phật hồn.

Những quyết nghị của Hội Nhơn Sanh được dâng lên Hội Thánh, quyết nghị của Hội Thánh được dâng lên Thượng Hội. Khi Thượng Hội đồng ý thì quyết nghị đó là của Vạn linh, trở thành Quyền Vạn linh. (Xem chi tiết nơi chữ: **Hội Quyền Vạn linh, văn H**)

QUYỀN

Quyền luyện hồng trần

眷戀紅塵

Quyền: yêu mến. **Luyện:** vắn vương. **Hồng:** đỏ. **Trần:** bụi. **Hồng trần** là bụi đỏ, chỉ cõi trần.

Quyền luyện là thương yêu quán quít, không chịu rời.

Quyền luyện hồng trần là yêu mến, không muốn rời cõi trần.

TNHT: Nếu các con biết đạo thì hiệp nhau về Tòa Thánh mà chung lo cho xong, đừng *quyền luyện hồng trần* nữa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

QUYẾT

QUYẾT

QUYẾT: 決 Xét đoán, nhứt định, dứt khoát.

Td: Quyết đoán, Quyết nghị.

Quyết đoán

決斷

A: To decide.

P: Décider.

Quyết: Xét đoán, nhứt định, dứt khoát. **Đoán:** định chắc.

Quyết đoán là phán xét một cách chắc chắn.

CG PCT: Thằng có một người trong ba mà tuân mạng lệnh đặng thì cũng chưa *quyết đoán* rằng luật lệ ấy đã nghịch hẳn hơn sanh.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Quyết nghị

決議

A: To take a deliberation.

P: Prendre une délibération.

Quyết: Xét đoán, nhứt định, dứt khoát. **Nghị:** bàn luận, bàn cãi.

Quyết nghị là bàn luận đưa ra nhiều ý kiến rồi bỏ thăm để chọn ý kiến nào được đa số đồng ý.

Quyết sách vận trù

決策運籌

Quyết: Xét đoán, nhứt định, dứt khoát. **Sách:** kế hoạch, sách lược. **Vận:** vận động. **Trù:** tính toán sắp đặt. **Vận trù** là vận động sắp đặt.

Quyết sách vận trù là quyết định kế hoạch và sắp đặt các việc.

PMCK: Qui Thiên lương quyết sách vận trù.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Quyết thắng

決勝

A: To be determined to win.

P: Décider à vaincre.

Quyết: Xét đoán, nhứt định, dứt khoát. **Thắng:** được phần hơn.

Quyết thắng là nhứt định phải thắng, không để thua.

TNHT: Đặng *quyết thắng* chúng sanh trong kỳ khai đạo này.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

QUYẾT

Quyết ngữ

譎語

A: The cunning speech.

P: La parole fourbe.

Quyết: dối trá, giở thay đổi. **Ngữ:** lời nói.

Quyết ngữ là lời nói gian dối để lừa gạt người.

KSH: Chớ *quyết ngữ* mà khinh kẻ dại.

KSH: Kinh Sám Hối.

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



𠄎

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục văn R

RẠC

- Rạc tù

RẦM

- Rầm Thượng, Trung, Hạ nguồn

RĂN

- Răn he

ROI

- Roi
- Roi đầu
- Roi vàng đường hạc

RÔNG

- Rông

RUỒI

- Ruổi dong

RỬA

- Rửa tai

RỪNG

- Rừng
- Rừng chiều ác xé
- Rừng nhu biển Thánh
- Rừng thiền
- Rừng thung - Rừng tòng
- Rừng tía

RƯỚI

- Rưới
- Rưới ân Thiên
- Rưới khổ
- Rưới lửa phiền

RẠC

Rạc tù

A: The prison.

P: Le prison.

Rạc: nhà giam. Thường nói: ở tù ở rạc.

Rạc tù là nhà tù, nơi giam giữ người có tội.

KSH: Nét xéo xiên gặp chỗ rạc tù.

KSH: Kinh Sâm Hối.

RẪM

Rằm Thượng, Trung, Hạ nguyệt

A: The fifteenth day of the first (7th, 10th) lunar month.

P: Le quinzième jour du premier (7è, 10è) mois lunaire.

Rằm: ngày trăng tròn, tức là ngày 15 mỗi tháng âm lịch.

Ngày rằm, chữ hán là Vọng nguyệt. Ngày mùng 1 âm lịch là Sóc nguyệt. Mỗi năm có 3 ngày rằm lớn:

- **Rằm Thượng nguyệt** là ngày 15 tháng giêng âm lịch.
- **Rằm Trung nguyệt** là ngày 15 tháng 7 âm lịch.
- **Rằm Hạ nguyệt** là ngày 15 tháng 10 âm lịch.

I. Rằm Thượng nguyệt:

Theo Nho giáo, ngày rằm Thượng nguyệt là lễ: "*Thượng nguyệt tứ phước Thiên Quan Đại Đế Thắng Hội*", hay cũng gọi là: Thượng nguyệt Thiên Quan Thánh Đản.

Tương truyền, Thiên Quan là vua Nghiêu.

Nho giáo chọn ngày rằm tháng giêng làm ngày kỷ niệm Thánh đản của vua Nghiêu.

Vua Nghiêu là vị Thánh vương thời thượng cổ của nước Tàu, lấy đức trị dân, làm cho dân được an cư lạc nghiệp, ấm

no hạnh phúc, để lại tấm gương sáng làm mẫu mực cho các vua chúa đời sau.

Do đó, đời sau tặng vua Nghiêu danh hiệu: Thiên Quan Tứ Phước 天官賜福. Thiên Quan là ý nói cái đức của vua Nghiêu sánh như Trời, che trùm thiên hạ. Tứ Phước là ban phước cho dân. Thiên Quan Tứ Phước là vua Nghiêu ban phước cho dân.

Thời xưa, nhiều nhà lập bàn thờ vua Nghiêu bằng một cái khánh nhỏ đặt ngoài trời, trong đó có viết 4 chữ Hán "Thiên Quan Tứ Phước".

■ Đối với **Đạo Cao Đài**, ngày rằm Thượng nguơn là ngày cầu nguyện Cửu Huyền Thất Tổ được ân xá tội tình và cầu nguyện chư chiến sĩ trận vong cùng các đẳng chơn hồn được siêu thăng tịnh độ.

Do đó, lòng sợ dâng lên Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật trong Đại Lễ Rằm Thượng nguơn, chép ra như sau đây:

"Kim vì vận hội Thượng nguơn, Ngọc Hư Cung Linh Tiêu Điện đại khai ân xá các đẳng linh hồn.

Chư Thiên phong nghiêm thiết đàn tràng, hương đăng hoa trà quả, thanh chúc chi nghi, thành tâm hiến lễ.

Ngưỡng nguyện VÔ TRUNG TỪ PHỤ phát hạ hồng ân, hóa sanh đại đức, tùy nguơn vận hội, ân xá chư linh hữu công hành đạo, tế độ nhơn sanh, cấp tiền vãng Thất Tổ, hậu vãng Cửu Huyền, do tử tôn lập thân hành đạo dĩ hiến phụ mẫu hiếu nghĩa vi tiên, chư chiến sĩ trung thành đồng cảm vị quốc vong thân, dĩ chí toàn thể lê dân thống khổ chiến tranh đồng thời tử nạn.

Nguyện cầu các đẳng linh hồn, cấp chư chiến sĩ vị quốc vong thân tảo đắc siêu thăng tịnh độ.

Chư đệ tử đồng thành tâm khấu bái cẩn sơ thượng tấu. Dĩ vãn."

Dịch nghĩa ra Việt văn:

"Nay vì vận hội Thượng nguơn, Ngọc Hư Cung và Linh Tiêu Điện đại khai ân xá các cấp linh hồn.

Các Chức sắc Thiên phong trang nghiêm thiết lập đàn cúng tế, nhang, đèn, bông, trà, trái cây, rượu tinh khiết, làm thành nghi tiết, thành tâm dâng lễ.

Ngưỡng nguyện Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ trong cõi Hư Vô ban xuống hồng ân, hóa sanh đức lớn, tùy theo nguơn vận hội, ban ơn xá tội cho các chơn linh có công hành đạo, cứu giúp nhơn sanh, và Thất Tổ đã qua trước, Cửu Huyền đã qua sau, do con cháu lập thân hành đạo để hiển dương lên cha mẹ vì hiếu nghĩa làm đầu, các chiến sĩ trung thành đứng cảm vì nước quên mình, đến toàn thể dân chúng đau khổ vì chiến tranh đồng thời tử nạn.

Cầu nguyện các đẳng linh hồn và các chiến sĩ vì nước quên mình sớm được siêu thăng lên miền tịnh độ.

Các đệ tử đồng thành tâm cúi lạy kính cẩn dâng sớ tâu lên. Kính trình."

Cũng trong dịp rằm Thượng nguơn này, Hội Thánh tổ chức cúng tế Cửu Huyền Thất Tổ và Chiến sĩ trận vong nơi Trai đường, sau đó là cúng tế và Cầu Siêu Hội các đẳng vong linh nơi Khách Đình.

Tám phan lễ Cầu Siêu Hội là cây phướn chiêu hồn, kêu gọi các đẳng vong hồn đến hưởng lễ tế điện và cầu siêu.

Tám phan đó được viết như sau:

THIÊN VẬN THƯƠNG NGUƠN ĐẠI KHAI ÂN XÁ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Luc thập bát niên)

Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt.

Thiên vận Quý Dậu niên, Chánh ngoạ, thập lục nhựt, ngo thời, Thiên ân xá tội.

Hội Thánh thiết lễ Tế Điện Cầu Siêu Hội.

Cẩn thỉnh:

- *Đẳng đẳng chư vong linh nam nữ quá vãng sanh bất phùng thời,*
- *Chư chiến sĩ trận vong,*
- *Hoặc sĩ, nông, công, thương vô can tử nạn,*

- *Cập thập loại cô hồn yếu tử,
Cấp cấp đáo lai Khách Đình đàn nội,
Thọ hưởng hồng ân đồng đẳng bị nạn.*

Dịch nghĩa ra Việt văn:

VẬN TRỜI RẪM THƯƠNG NGUƠN ĐẠI KHAI ÂN XÁ ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(Năm đạo thứ 68)

Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhưt.

Vận Trời năm Quý Dậu, tháng giêng, ngày 16, giờ Ngọ, ơn Trời xá tội.

Hội Thánh thiết lễ Tế Điện và Cầu Siêu Hội.

Kính mời:

- Các cấp chư vong linh nam nữ đã chết, sanh không gặp thời,
- Chư chiến sĩ chết nơi mặt trận,
- Hoặc các vị trong Sĩ, Nông, Công, Thương, vô can chết vì tai nạn,
- Và mười loại cô hồn chết yếu,

Mau mau đến Khách Đình, vào trong đàn tế,
Thọ hưởng ơn Trời, cùng qua bờ giác.

II. Rằm Trung nguơn:

Ngày rằm Trung nguơn là lễ "*Trung nguơn Địa Quan Thánh Đản*" hay cũng gọi là Trung nguơn Địa Quan Xá Tội.

Tương truyền Địa Quan là vua Thuấn.

Nho giáo chọn ngày rằm tháng 7 âm lịch làm ngày kỷ niệm Thánh đản của vua Thuấn.

Vua Thuấn là một vị Thánh vương của nước Tàu thời thượng cổ, Ngài nổi tiếng là người con hiếu thảo, đứng đầu Nhị thập tứ Hiếu.

Vua Nghiêu nghe ông Thuấn là trang hiếu thảo đệ nhưt nên tìm đến gặp ông Thuấn, rồi đem hai con gái là Nga Hoàng và Nữ Anh gả hết cho ông Thuấn, xem xét cách ăn ở của ông

Thuần trong 3 năm, thấy quả thật Thuần là người hiền nên vua Nghiêu quyết định truyền ngôi vua cho ông Thuần.

Đức của vua Thuần cũng ban rải khắp thiên hạ, nên dân chúng đều được thái bình an lạc.

Trong sách Trung Dung, Đức Khổng Tử rất khen ngợi vua Thuần: "Hạnh hiếu của vua Thuần lớn lắm vậy! Luận về đức, Ngài là bậc Thánh hơn; luận về sang thì Ngài ở ngôi Thiên tử; luận về giàu thì gồm bốn biển, ông bà cha mẹ được hưởng cúng tế trong tông miếu (đó là quang ư tiền), con cháu được triều đình ban cho phước lộc (đó là dụ ư hậu)."

Vì hiếu của Ngài rất lớn nên đời sau tặng cho Ngài là Địa Quan Xá Tội 地官赦罪.

Do đó, trong ngày rằm tháng 7, người nào nhớ tưởng đến ông bà cha mẹ quá vãng mà thực lòng cầu khẩn cho ông bà cha mẹ được siêu thăng thì được vua Thuần cảm ứng, xem xét lòng hiếu thảo của người con mà xá tội cho ông bà cha mẹ khỏi chịu hình phạt nơi cõi Âm phủ.

Đức của vua Thuần rộng lớn như Đất (Địa), nghĩa là gánh chở tất cả thiên hạ, bao dung không phân biệt hạng người nào, nên mới tôn Ngài là Địa Quan.

Như vậy, theo **Nho giáo**, ngày rằm Trung nguơn là ngày kỷ niệm Thánh đản của vua Thuần. Ngài là Địa Quan Xá Tội, cảm ứng với những người nào có lòng thành cầu khẩn cho ông bà cha mẹ quá vãng bị đọa đày nơi cõi Âm được siêu thăng.

■ Bên **Phật giáo**, ngày rằm Trung nguơn là ngày rất quan trọng vì Phật dạy thiết lễ **Vu Lan Bồn**.

Vu Lan Bồn là tiếng phiên âm từ tiếng Phạn: Ullambana, Ullam là Vu Lan, Bana là Bồn, người Tàu dịch nghĩa là: Giải đảo huyền, tức là cởi trói người bị treo ngược, ý nói cứu vớt những kẻ đau khổ nặng nề.

Ngài Mục Kiều Liên, đệ tử của Đức Phật Thích Ca, tu hành chứng được quả A-La-Hán, đạt được Lục Thông (6 phép Thần thông), tưởng nhớ đến công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ, Ngài liền dùng thần nhãn thấy được mẹ đang bị đọa làm Ngạ quỷ nơi Âm phủ, thân thể ốm gầy tiêu tụy, bụng lớn

đầu to, cổ nhỏ như ống chỉ, không ăn uống gì được nên suốt năm chịu đói khát luôn luôn. Ngài Mục Kiều Liên thương xót mẹ quá nên Ngài vận thần thông đem bát cơm đến dâng cho mẹ. Bà mẹ vì quá khao khát nên khi cầm được chén cơm thì lòng ích kỷ nổi lên, sợ người khác cướp giật, lấy tay trái che giấu chén cơm, tay mặt bốc ăn. Bởi lòng tham lam độc ác trong tiền kiếp nổi bừng lên nên khi đưa cơm vào miệng, thì cơm hóa thành lửa, bà chẳng ăn được, vẫn phải chịu đói khát.

Ngài Mục Kiều Liên thấy thế thì hết sức đau buồn, kêu khóc thảm thiết. Ngài đến bạch hỏi Đức Phật Thích Ca, cầu xin Đức Phật dạy cách cứu độ thân mẫu.

Đức Phật Thích Ca dạy rằng:

- Nay Mục Kiều Liên, mẹ của ông do lòng tham lam độc ác, tạo ra tội lỗi nặng nề, trải qua nhiều kiếp, nay bị đọa vào ác đạo làm loài ngựa quỷ, nên không thể một mình ông cứu độ được. Mặc dầu lòng hiếu thảo của ông lớn lao nhưng không làm sao chuyển được hoàn cảnh, chẳng khác gì một chiếc thuyền con không thể chở nổi một tảng đá lớn.

Vậy ông phải nhờ oai thần của chúng tăng trong mười phương, đức lớn như biển, mới cứu độ mẹ ông được giải thoát.

Ta nay vì ông, chỉ dạy phương pháp cứu độ cha mẹ ông thoát khỏi các điều đầy đọa khổ sở nơi cõi Âm phủ.

Này Mục Kiều Liên! Ngày rằm tháng 7 là ngày tự tứ của chư tăng trong mười phương, sau 3 tháng an cư kết hạ, tinh tấn tu hành. Ngày ấy cũng là ngày hoan hỷ của chư Phật vì thấy chư tăng tiến bộ rất nhiều trên đường tu học, các nghiệp được thanh tịnh, ba món vô lậu học được tăng trưởng, công đức thêm nhiều và đến ngày viên mãn. Vậy ông nên nhân ngày ấy làm lễ Vu Lan Bồn để báo hiếu cho cha mẹ ông, và cầu xin cho mẹ ông được giải thoát khỏi nơi ác đạo.

Ông hãy sắm đủ các món hương trầm mùi, năm thứ trái cây, cùng nhang dầu đèn nến, giường chiếu, mùng mền, quần áo, thau rửa mặt, khăn lau tay, tóm lại là đủ bốn món cúng dường quý báu trong đời, rồi ông phải thân hành đi rước các vị đại đức cao tăng trong mười phương, hoặc những vị thiền

định trong núi rừng chứng được bốn quả Thánh, các vị kinh hành dưới cội cây được sáu phép thần thông tự tại như hàng Thanh văn, Duyên giác, các vị Thánh tăng, hoặc Thập Địa Bồ Tát thị hiện làm Tỳ Kheo, v.v....Ông phải thành tâm kính lễ trai tăng, cúng dường và thỉnh cầu chư tăng chú nguyện cho linh hồn mẹ ông được thoát khổ. Nhờ công đức chí thành chú nguyện, linh hồn của mẹ ông sẽ được siêu thoát, cũng như tảng đá dù nặng ngàn cân, song nhiều người khiêng thì dời nó đi đâu cũng được.

Ngài Mục Kiều Liên vâng theo lời Phật dạy, đến ngày rằm tháng 7 làm lễ Vu Lan, nhờ đó mà thân mẫu của ông được thoát kiếp nạ quỷ, siêu thăng về cõi giới lành.

Sau khi thấy phép Vu Lan có kết quả tốt đẹp, Ngài Mục Kiều Liên hết sức vui mừng, bạch hỏi Đức Phật Thích Ca:

- Bạch Thế Tôn, thân mẫu của đệ tử nhờ công đức Tam bảo và oai thần của chư tăng, nên được thoát kiếp nạ quỷ khổ não. Vậy về đời sau, trong hàng Phật tử, nếu có người muốn làm lễ Vu Lan Bồn này để cứu độ cha mẹ của họ trong hiện tại hay trong nhiều kiếp trước, chẳng biết có được không?

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Quý lắm! Nay Mục Kiều Liên, đời sau nếu có được các Tỳ Kheo, vua, thái tử, các quan, hàng tam công cho đến thứ dân, vì lòng hiếu thảo, muốn đền đáp công ơn cha mẹ hiện tại hay quá khứ, thì cứ ngày rằm tháng 7 mỗi năm, là ngày Phật hoan hỷ, làm lễ Vu Lan này, để cúng dường trai tăng. Nhờ công đức của chư tăng chú nguyện, cha mẹ hiện tại được tăng long phước thọ, khỏi những điều tai họa khổ não, còn cha mẹ đời trước thì khỏi khổ nạ quỷ, được sanh vào cõi Nhơn Thiên, hưởng phước vui vẻ không cùng.

Khi đó Ngài Mục Kiều Liên và bốn chúng đệ tử đều hoan hỷ vâng làm.

Và từ đó về sau, mỗi năm cứ đến ngày rằm tháng 7 âm lịch, các hàng Phật tử có hiếu đều làm lễ Vu Lan để đền đáp công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ.

Chú thích vài từ ngữ của Phật giáo:

Tự tứ: tùy ý, tức là tự mình khai tội ra trước Giáo hội mà sám hối. Ngày tự tứ được Giáo hội qui định là ngày rằm tháng 7 âm lịch.

An cư kết hạ: ở yên kết lại với nhau trong mùa hạ lo tu học. Thời gian an cư kết hạ gồm 3 tháng: từ rằm tháng 4 đến rằm tháng 7.

Vô lậu là dứt phiền não. Phiền não do 3 thứ: Tham, Sân, Si.

Trai tăng: đãi các nhà sư ăn tiệc chay.

Tóm lại, ngày rằm tháng 7 tức là rằm Trung ngươn, Nho giáo và Phật giáo đều định cho là ngày con báo hiếu cha mẹ.

- Nho giáo thì khuyên chư nhu cúng lễ: Địa Quan Xá Tội, Ngũ Thuần Đại Đế, tức là cúng và cầu nguyện vua Thuần xá tội cho cha mẹ, để cha mẹ được thoát khỏi các cảnh khổ não nơi cõi Âm phủ.

- Phật giáo thì Đức Phật Thích Ca dạy các Phật tử làm lễ Vu Lan Bồn, trai tăng cúng dường chư Đại Đức, Tỳ Kheo, tăng ni, để nhờ chư tăng ni chú nguyện cho cha mẹ được thoát khỏi các cảnh đày đọa khổ não nơi cõi Địa ngục.

■ Đối với **Đạo Cao Đài**, ngày rằm Trung ngươn không có cầu nguyện cho Cửu Huyền Thất Tổ (vì đã cầu nguyện trong rằm Thượng ngươn), chỉ cầu nguyện các chiến sĩ trận vong và các đấng vong hồn vừa qui liễu từ rằm tháng giêng đến rằm tháng 7 âm lịch.

Lòng sơ cúng Đại lễ rằm Trung ngươn chép ra như sau:

"Kim vì vận hội Trung ngươn, Ngọc Hư Cung đại khai ân xá các đấng linh hồn.

Chư Thiên phong nghiêm thiết đàn tràng, hương đăng hoa trà quả, thanh chước chi nghi, thành tâm hiến lễ.

Ngưỡng vọng VÔ TRUNG TỬ PHỤ phát hạ hồng ân, hóa sanh đại đức, tùy ngươn hội ân xá chư linh hữu công hành đạo, thọ khổ tế độ nhơn sanh, dĩ vong tánh mạng, cập chư chiến sĩ trung thành đồng cảm vị quốc vong thân, chí toàn thể

lê dân thống khổ chiến tranh đồng thời tử nạn, nguyện cầu các đẳng linh hồn tảo đăc siêu thăng tịnh độ.

Chư đê tử đồng thành tâm khấu bái căn sở thượng tấu. Dĩ văn."

Dịch nghĩa ra Việt văn:

Nay vì vận hội Trung nguơn, Ngọc Hư Cung đại khai ân xá các cấp linh hồn.

Các Chưc sắc Thiên phong trang nghiêm thiết lập đàn cúng tế, nhang, đèn, bông, trà, trái cây, rượu tinh khiết, làm thành nghi tiết, thành tâm dâng lễ.

Ngưỡng nguyện Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ trong cõi Hư Vô ban xuống hồng ân, hóa sanh đức lớn, tùy theo nguơn vận hội, ban ơn xá tội cho các chơn linh có công hành đạo, chịu nhiều khổ nhọc, cứu giúp nhơn sanh, đã mất tánh mạng, cùng các chiến sĩ trung thành dũng cảm vì nước quên mình, đến toàn thể dân chúng đau khổ vì chiến tranh đồng thời tử nạn.

Cầu nguyện các đẳng linh hồn sớm được siêu thăng tịnh độ.

Các đê tử đồng thành tâm cúi lạy kính căn dâng sở tâm lên. Kính trình.

Và sau đó thì cúng tế và Cầu Siêu Hội các đẳng chơn hồn nơi Khách Đình, cũng giống y như kỳ rằm Thượng nguơn.

III. Rằm Hạ nguơn:

■ Theo **Nho giáo**, ngày rằm Hạ nguơn là lễ: *Thủy Quan Giải Ách* 水官解厄, hay nói đầy đủ là: *Hạ nguơn Giải Ách Thủy Quan Đại Đế Thăng Hộ*.

Tương truyền, Thủy Quan là vua Hạ Võ, vị vua có công lớn với dân chúng vào thời thượng cổ nước Tàu, vì vua Hạ Võ trị thủy thành công, hết nạn nước lụt hằng năm. Nhờ công lớn này, vua Thuấn nhường ngôi cho Hạ Võ, mở ra nhà Hạ.

Đời sau chọn ngày rằm Hạ nguơn làm ngày Thánh đản của vua Hạ Võ, và dân chúng tặng Ngài danh hiệu Thủy Quan Đại Đế để nhắc lại công đức trị thủy của Ngài, và cũng có ý nói

rằng: công đức của vua Hạ Võ nhiều như nước, làm lợi rất lớn cho cả thiên hạ.

Đến ngày rằm Hạ nguơn, dân chúng cúng tế và cầu nguyện vua Hạ Võ cởi bỏ hết các tai ách cho dân chúng nhờ.

■ Đối với **Đạo Cao Đài** thì rằm Hạ nguơn là ngày kỷ niệm Đại lễ KHAI ĐẠO, có tổ chức cúng Đại đàn Đức Chí Tôn và các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Lòng sợ cầu nguyện Đức Chí Tôn y như lòng sợ cúng rằm Trung nguơn.

Sau đó thì tổ chức cúng tế và Cầu Siêu Hội cho các đấng vong linh và các chiến sĩ trận vong nơi Khách Đình, tám phan làm phướn chiêu hồn y như kỳ rằm Thượng nguơn.

Tóm lại:

■ Theo Nho giáo:

Ba ngày rằm lớn trong năm là 3 ngày đại lễ kỷ niệm Thánh đàn của 3 vị Thánh vương thời thượng cổ nước Tàu, có nhiều công đức đối với dân chúng:

- Rằm Thượng nguơn, cúng tế vua Nghiêu với tôn hiệu là: *Thiên Quan Tứ Phước*.
- Rằm Trung nguơn, cúng tế vua Thuấn với tôn hiệu là: *Địa Quan Xá Tội*.
- Rằm Hạ nguơn, cúng tế vua Hạ Võ (Hạ Vũ) với tôn hiệu là: *Thủy Quan Giải Ách*.

■ Theo Phật giáo:

Chỉ có ngày rằm Trung nguơn là làm lễ Vu Lan nơi các chùa, cúng dường chư tăng ni, đại đức, để cầu xin chư tăng ni chú nguyện, giải thoát cha mẹ đã chết khỏi các khổ hình nơi cõi Âm phủ và được siêu thăng, hoặc cầu cho cha mẹ còn sống được tăng long phước thọ.

■ Theo Đạo Cao Đài:

Ba ngày rằm Thượng nguơn, Trung nguơn và Hạ nguơn đều thiết đại lễ cúng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật nơi Tòa Thánh, Thánh Thất, Báo Ân Từ và các Điện Thờ Phật Mẫu, để dâng sớ cầu nguyện cho các đấng chơn hồn vừa mới qui liễu vì đau bệnh hay vì tai nạn,

cùng với các chiến sĩ vị quốc vong thân vừa tử trận, tất cả đều được siêu thăng lên miền tịnh độ. Việc Cầu Siêu Hội được tổ chức nơi Khách Đình.

Đặc biệt trong ngày rằm Thượng nguơn, các tín đồ của Đạo Cao Đài lập sớ dâng lên Đức Chí Tôn, lấy công quả hành đạo để cầu nguyện cho Cửu Huyền Thất Tổ và phụ mẫu được siêu thăng lên miền Cực Lạc.

RĂN

Răn he

A: To admonish.

P: Avertir.

Răn: chỉ bảo cho biết điều sai trái mà chữa.

Răn he là bảo cho biết điều sai trái và hãm he trừng phạt nếu phạm vào.

CG PCT: Người tín đồ phạm vào luật đạo thì Chánh Trị Sự phải khuyên nhủ *răn he* ít nữa là đôi lần.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

ROI

ROI

ROI: để lại, lưu lại.

Td: Roi dấu.

Roi dấu

A: To leave a vestige.

P: Laisser un vestige.

Roi: để lại, lưu lại. **Dấu:** vết tích.

Roi dẫu là lưu lại dẫu tích.

Bài thái hiền lễ hàng Thánh, Thần:

Thoát trần *roi dẫu* tiếng anh phong.

Roi vàng đường hạc

Roi: để lại, lưu lại. **Vàng:** màu vàng. **Đường hạc:** đường bay của con chim hạc.

Roi vàng đường hạc là lưu lại cái ánh sáng màu vàng theo đường bay của con chim hạc.

KĐ4C: Sắc huỳnh chiếu *roi vàng đường hạc*.

KĐ4C: Kinh Đệ Tứ cứu.

RỒNG

RỒNG

A: The dragon.

P: Le dragon.

Rồng, chữ hán là Long, chữ Phạn là Nâga, là một loài sinh vật thuộc thế giới vô hình, và cũng là một loài trong Tứ Linh: Long, Lân, Qui, Phụng (Rồng, Lân, Rùa, Phượng)

Theo thần thoại, rồng có hình dạng rất lạ kỳ: đầu rồng giống như đầu đà, sừng giống như sừng nai, cổ giống như cổ rắn, bụng giống như bụng con giao, mắt giống mắt thỏ, tai giống tai bò, chân giống chân cọp, móng giống móng chim ưng, vảy rồng giống như vảy cá ly.

Rồng là vua của loài có vảy, có tài biến hóa, làm tối được, làm sáng được, làm lớn được, làm nhỏ được, nhằm tiết xuân phân thì lên trời, nhằm tiết thu phân thì xuống biển hay xuống đất. Kinh Phật nói: "Long thường tại định, vô hữu bất định thì." Nghĩa là: Rồng thường ở vào thiên định, không có lúc nào chẳng thiên định.

Có rất nhiều loại rồng, được phân ra tùy theo màu sắc, tùy theo hình dáng đầu rồng hoặc tùy theo phận sự của nó:

I. Phân loại theo màu sắc: Có 5 loại:

- **Rồng trắng:** Bạch long, toàn thân màu trắng, chúng ta thấy trong BQĐ Tòa Thánh Tây Ninh có 8 con bạch long nằm dưới Quả Càn Khôn, đầu hướng ra ngoài như để bảo vệ Quả Càn Khôn.
- **Rồng vàng:** Huỳnh long, toàn thân màu vàng, chúng ta thấy 8 rồng vàng quấn trên 8 cột chung quanh Quả Càn khôn tại BQĐ, và 2 cây cột tại Cung Đạo.
- **Rồng xanh:** Thanh long, toàn thân màu xanh sậm, chúng ta thấy 18 con rồng xanh quấn trên 18 cây cột nơi CTĐ.
- **Rồng đỏ:** Xích long, toàn thân màu đỏ, quấn trên hai cây cột dưới bao lơn trước Tòa Thánh.
- **Rồng đen:** Hắc long, toàn thân màu đen.

II. Phân chia theo hình dáng: 3 loại:

- Rồng trẻ, đầu không có sừng, gọi là **Ly long**.
- Rồng sống được 500 năm thì mọc sừng, gọi là **Cù Long**.
- Rồng sống được 1000 năm trở lên thì có sừng dài và mọc thêm cánh, gọi là **Ứng long**.

III. Phân chia theo nhiệm vụ: có 4 loại:

- **Thủ Thiên cung long:** Rồng ở cõi Trời, gìn giữ Thiên cung.
- **Hành vũ long:** Rồng làm mưa (Hành là làm, vũ hay vũ là mưa). Rồng này có hai hạng:
 - **Thiện long** thì làm cho mưa thuận gió hòa.
 - **Ác long** thì làm cho mưa to, gây lũ lụt,
- **Địa long:** Rồng ở dưới đất sâu, làm hầm khoét hang, làm thành sông, hồ, biển.
- **Phục tạng long:** Rồng gìn giữ kho tàng của vua Chuyển Luân Thánh vương và các nhà phước đức lớn.
 - Tương truyền, rồng ở đáy biển, có lầu đài cung điện, có tổ chức vua, quan, quân lính. Rồng làm vua gọi là Long vương, cung điện của Long vương là Long cung, các quan của vua rồng là loài cá lớn, quân lính là các loài cá nhỏ.

Theo Truyện Phong Thần và Tây Du Ký, có Tứ Hải Long vương là 4 vị Long vương ở bốn biển:

- Đông Hải Long vương: ở biển Đông tên Ngao Quảng.
- Nam Hải Long vương: ở biển Nam tên Ngao Thuận.
- Tây Hải Long vương: ở biển Tây tên Ngao Khâm.
- Bắc Hải Long vương: ở biển Bắc tên Ngao Nhuận.

■ Cũng trong truyện Tây Du, con Bạch mã (ngựa trắng) mà Tam Tạng cỡi đi Tây phương thỉnh kinh là do một con tiểu long (rồng nhỏ) biến thành. Con tiểu long này vốn là Thái tử con của Bắc Hải Long vương Ngao Nhuận, phạm tội nặng, bị bắt treo lên chờ xử trảm. May nhờ Đức Quan Âm Bồ Tát đi ngang, tiểu long van xin cứu mạng. Đức Quan Âm Bồ Tát thương tình, tâu xin Thượng Đế tha chết cho tiểu long để sau này bắt tiểu long biến thành bạch mã, đỡ gót cho Tam Tạng thỉnh kinh. Nhờ công lao chuộc tội này, sau khi thỉnh kinh xong, bạch mã được biến trở lại thành rồng, trở về Long cung.

■ Long Nữ là con gái của Đệ tam Thái Tử của Nam Hải Long vương Ngao Thuận, ngày kia hóa thành con cá dạo chơi nơi mé biển, bị một ông chài bắt được, đem ra chợ bán. Đức Quan Âm Bồ Tát biết được, sai Thiện Tài đồng tử hóa ra một người thường, đi đến chợ mua con cá ấy, rồi đem xuống biển Nam thả xuống.

Nam Hải Long vương nhớ ơn Bồ Tát cứu tử cháu nội gái của mình, nên dạy Long Nữ đem cục ngọc Dạ Minh Châu đến dâng tặng Bồ Tát để Bồ Tát đọc sách ban đêm không cần đèn.

Long Nữ đến dâng ngọc xong, lòng hết sức cảm phục Bồ Tát nên xin quy y và được Bồ Tát thu làm đệ tử.

Từ ấy, Thiện Tài đồng tử và Long Nữ luôn luôn theo bên cạnh để phụng sự Bồ Tát.

Trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Long Nữ thay mặt Đức Quan Âm Bồ Tát giáng trần để làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai đạo, cứu độ các tín đồ nữ phái. Đó là bà Nữ Đầu Sư Hương Thanh (1874-1937).

■ Trong lịch sử Việt Nam, lúc Lý Công Uẩn lên ngôi Hoàng đế, hiệu là Lý Thái Tổ, thấy đất Hoa Lư chật hẹp không phải là nơi đóng đô, muốn dời đến La Thành. Khi nhà vua đến La

Thành xem xét, vua thấy một con rồng vàng xuất hiện, từ La Thành bay thẳng lên Trời. Lý Thái Tổ cho đó là điềm lành, nên chọn La Thành làm nơi đóng đô, đổi tên lại là Thăng Long (Rồng bay lên) để kỷ niệm ngày thấy rồng vàng bay lên trời. Nhà Lý đóng đô tại Thăng Long, truyền ngôi được 9 đời, kéo dài 215 năm.

■ Trong bài kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế có câu: "*Thời thừa lục long*" nghĩa là thường cỡi sáu rồng. Đây là nói tượng của quẻ CÀN, Càn là Trời, gồm 6 vạch dương (vạch liền), tượng trưng bằng 6 con rồng, vì rồng thuộc dương.

Do đó, trên plafond dù của Tòa Thánh Tây Ninh có bông hình 6 con rồng đao nhau theo ba màu đạo để tượng trưng 6 vạch dương của quẻ CÀN là Trời: 2 con rồng màu vàng, 2 con rồng màu xanh và 2 con rồng màu đỏ.

BQĐ: Bát Quái Đài.
CTĐ: Cửu Trùng Đài.

RUỒI

Ruổi dong

A: To run quickly.

P: Courir rapidement.

Ruổi: chạy mau. **Dong:** đi thẳng một mạch.

Ruổi dong hay Dong ruổi là đi mau và đi thẳng một mạch tới nơi.

NH: Xin Thần Thánh *ruổi dong* cỡi hạc.

KCHKHH: Ngọc Hư Cực Lạc đơn đường *ruổi dong*.

NH: Niệm Hương.
KCHKHH: Kinh cầu hồn khi hấp hối.

RỬA

Rửa tai

A: To clean the ears.

P: Laver les oreilles.

Rửa: dùng nước rửa cho sạch, hết chất dơ. **Tai:** lỗ tai.

Rửa tai là dùng nước rửa cho sạch hai lỗ tai, vì hai lỗ tai vừa nghe được những điều trái đạo lý.

Đây là lời nói ẩn dụ để biểu lộ cái ý chí thanh cao trong sạch của người ẩn sĩ phé đời, lo tu tâm dưỡng tánh.

Từ ngữ Rửa tai có điển tích là Sào Phủ và Hứa Do. (Xem: Sào Phủ - Hứa Do, văn S)

TNHT: Rửa tai chờ lóng nhọc năm cung.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

RỪNG

RỪNG

RỪNG: chữ Hán là Lâm, là vùng đất rộng có nhiều cây cối mọc lâu năm.

Td: Rừng thiên, Rừng thung, Rừng tòng.

Rừng chiều ác xế

Rừng: chữ Hán là Lâm, là vùng đất rộng có nhiều cây cối mọc lâu năm. **Ác:** con quạ, chỉ mặt trời. **Xế:** lệch qua khỏi đầu. **Ác xế:** mặt trời lệch qua khỏi đầu, ý nói trời đã về chiều.

Rừng chiều ác xế là tả cảnh buổi chiều, mặt trời đã xế qua đầu, rừng rậm trải dài mờ tối. Ý nói: Cảnh người già, sự chết gần đến, như mặt trời sắp lặn.

TNHT: Nơi trường thi công quả, nên cân lấy phước phần, chẳng sớm trau thân, rừng chiều ác xế.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Rừng nhu biển Thánh

A: The forest of books and the ocean of wisdoms.

P: La forêt des livres et l'océan des sagesse.

Rừng: chữ Hán là Lâm, là vùng đất rộng có nhiều cây cối mọc lâu năm. **Nhu:** Nho: ý nói chữ nho trong các kinh sách. **Thánh:** bực sáng suốt hiểu biết các lẽ.

Rừng nhu là chữ nghĩa và kinh sách của người xưa truyền lại nhiều như cây trong rừng.

Biển Thánh là sự khôn ngoan sáng suốt hiểu biết của người xưa nhiều như nước biển.

Rừng nhu biển Thánh là chỉ về kinh sách và sự sáng suốt hiểu biết của người xưa nhiều như cây trong rừng, như nước trong biển, người sau học hoài học mãi không bao giờ hết được.

Ca dao: Rừng nhu biển Thánh không dò,
Nhỏ mà không học lớn mò sao ra?

Rừng thiền

A: The pagoda.

P: La pagode.

Rừng thiền là dịch chữ Thiền lâm 禪林

Rừng: chữ Hán là Lâm, là vùng đất rộng có nhiều cây cối mọc lâu năm. **Thiền:** ngồi yên lặng suy tưởng.

Rừng thiền, tức là Thiền lâm, chỉ cảnh chùa, nơi tu hành, vì nơi đó tịch mịch vắng vẻ như ở trong rừng để các nhà tu ngồi thiền định.

TNHT: Rừng thiền nhật thức tiếng chuông trưa.
Mau chân ráng lướt tới rừng thiền.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Rừng thung - Rừng tòng

Rừng thung, hay Rừng tòng, do chữ hán là Tùng lâm 叢林 dịch ra; chữ 叢 đọc theo âm hán việt là: Tùng, Tòng, Thung, nên chữ Tùng lâm có thể dịch ra là: rừng tùng, rừng tòng, rừng thung, ý nghĩa là rừng cây rậm rạp, nơi các tu sĩ Phật giáo chọn để cất chùa làm nơi tu hành. (Xem: **Tùng lâm, văn T**)

Rừng thung, đồng nghĩa Rừng tòng, chỉ cảnh chùa, nơi thanh tịnh để tu hành.

TNHT: Dìu nhau đưa bước lại *rừng thung*.

Rừng tòng thoát tục sớm đưa chân.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Rừng tía

A: The country of Buddha.

P: Le pays du Bouddha.

Rừng: chữ Hán là Lâm, là vùng đất rộng có nhiều cây cối mọc lâu năm. **Tía:** màu tím đỏ, chữ hán là Tử.

Rừng tía, dịch chữ hán: Tử trúc lâm: rừng cây trúc tía.

Tử trúc lâm ở tại Phổ Đà Sơn, biển Nam Hải, là nơi thường ngự của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Do đó, *Rừng tía* là để chỉ cảnh Phật, cõi Phật.

RƯỚI

RƯỚI

RƯỚI: Tươi nhè nhẹ lên cho thâm ướt đều.

Td: Rưới ân Thiên, Rưới lửa phiền.

Rưới ân Thiên

A: To bestow the divine favours.

P: Accorder des faveurs divines.

Rưới: Tưới nhẹ nhẹ lên cho thắm ướt đều. **Ân Thiên:** ơn của Trời.

Rưới ân Thiên là ơn của Trời ban xuống.

BDH: Cúi mong Thượng Đế rưới ân Thiên.

BDH: Bài Dâng Hoa.

Rưới khổ

A: To sprinkle the holy water on the misfortune.

P: Asperger l' eau bénite sur le malheur.

Rưới: Tưới nhẹ nhẹ lên cho thắm ướt đều. **Khổ:** đau đớn khổ sở.

Rưới khổ là dùng nước Cam lồ tưới lên nỗi đau khổ để làm cho nỗi đau khổ tiêu tan mất hết.

Nước Cam lồ, tức Cam lồ thủy, là thứ nước huyền diệu do các Đấng Tiên Phật chế thành, có năng lực rất mầu nhiệm, có thể cải tử hườn sanh, hay rửa sạch các thứ ô trược trong kiếp sống bám vào chơn thần, v.v....

TNHT: Nếu chẳng biết thế thời, giọt nước lành dương hết chờ khi rưới khổ đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Rưới lửa giận

A: To sprinkle on the fire of anger.

P: Asperger sur le feu de colère.

Rưới: Tưới nhẹ nhẹ lên cho thắm ướt đều. **Lửa:** ngọn lửa, chỉ sự nóng giận. **Phiền:** buồn rầu bực bội, phiền não.

Rưới lửa phiền là tưới nước làm cho tắt ngọn lửa phiền giận, tức là làm cho các nỗi phiền não giận hờn tiêu mất hết.

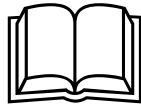
TNHT: Tiên nguồn Thánh ngọn dò chơn đến,
Đến đặng là phương *rưới lửa phiền*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



S

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục văn S

SA

- Sa di - Sa môn
- Sa diệp
- Sa đọa
- Sa đài
- Sa thái

SÁCH

- Sách phụ

SAI

- Sai
- Sai lạc
- Sai suyễn

SÀM

- Sàm
- Sàm biện
- Sàm tấu
- Sàm thần

SÁM

- Sám hồi - Kinh Sám hồi

SAN

- San định

SẢN

- Sản nghiệp
- Sản Tắt Viên

SANG

- Sang cả

SÁNG

- Sáng
- Sáng lạn
- Sáng lập
- Sáng tác
- Sáng tạo thuyết

SANH (SINH)

- Sanh
- Sanh biến
- Sanh diệt
- Sanh hóa
- Sanh khí
- Sanh ký tử qui
- Sanh linh
- Sanh ly tử biệt
- Sanh nhai
- Sanh phần
- Sanh quang
- Sanh sanh hóa hóa
- Sanh sự sự sanh
- Sanh tiền
- Sanh tử bất kỳ

SÁNH

- Sánh tài (Sính tài)

SÀO

- Sào Phủ - Hứa Do

SÁO

- Sáo ngữ

SÁT

- Sát
- Sát mạng
- Sát ngôn quan sắc
- Sát nhân giả tử
- Sát sanh
- Sát thân thành nhân

SẮC

- Sắc
- Sắc bất ba đào dị nịch nhân
- Sắc huấn
- Sắc lệnh
- Sắc mạng
- Sắc phái
- Sắc phục
- Sắc sảo
- Sắc tức thị không (Sắc không)

SẦN

- Sần dã

SẮT

- Sắt cầm hảo hợp
- Sắt son

SÂM

- Sâm thương

SẨM

- Sẩm
- Sẩm ký
- Sẩm tiên tri

SÂN

- Sân
- Sân hỏa
- Sân hoạn
- Sân ngô
- Sân Trinh

SẤP

- Sấp mình

SÀU

- Sầu bi

SE

- Se sua

SEN

- Sen tàn cúc nở

SỈ

- Sỉ nhục

SĨ

- Sĩ
- Sĩ diện
- Sĩ khả lực bất khả nhục
- Sĩ khí
- Sĩ phi vị bản
- Sĩ quân tử
- Sĩ tài

SIỂM

- Siểm nịnh

SIÊU

- Siêu
- Siêu đọa
- Siêu độ
- Siêu hình
- Siêu phạm nhập thánh
- Siêu quần chơn chi thượng
- Siêu rồi
- Siêu sanh
- Siêu thăng tịnh độ
- Siêu thoát

SINH

- Sinh (Xem: Sanh)

SÍNH

- Sính lễ

SÓC

- Sóc nhật - Sóc vọng
- Sóc phương

SONG

- Song
- Song bằng
- Song hỷ
- Song thân - Song đường
- Song thu
- Song thủ

SÓNG

- Sóng
- Sóng sắc
- Sóng trần

SỐ

- Số
- Số căn
- Số mạng

SỞ

- Sở bộ

SÔNG

- Sông hương
- Sông lệ
- Sông mê
- Sông Ngân
- Sông Vị

SƠ

- Sơ
- Sơ giao
- Sơ hiến lễ
- Sơ khai
- Sơ lược
- Sơ nhứt nhứt
- Sơ thăm
- Sơ thất

SỚ

- Sớ cầu đạo
- Sớ văn thượng tấu

SỞ

- Sở
- Sở bức
- Sở cầu - Sở nguyện - Sở vọng
- Sở cậy
- Sở dĩ
- Sở dụng
- Sở đắc - Sở kiến
- Sở định
- Sở Hạng
- Sở hữu
- Sở tại
- Sở trường - Sở đoản

SƠN

- Sơn
- Sơn chúng - Sơn môn
- Sơn hà
- Sơn minh hải thệ
- Sơn trần hải vị

SỜN

- Sờn sơ

SUNG

- Sung túc

SÙNG

- Sùng
- Sùng bái
- Sùng đạo - Sùng nho
- Sùng đức báo công
- Sùng thượng
- Sùng tín
- Sùng tu

SUY

- Suy
- Suy diễn - Suy đoán
- Suy đòi - Suy đón
- Suy kỹ cập nhân

- Suy lý - Suy luận
- Suy nghiệm
- Suy thịnh tồn vong
- Suy tiểu tri đại

SƯ

- Sư
- Sư đệ - Sư đồ
- Sư hư vô

SỬ

- Sử
- Sử cương
- Sử dụng
- Sử liệu

SỰ

- Sự
- Sự cố
- Sự lý
- Sự nghiệp

SỬA

- Sửa áo nâng khăn
- Sửa cái
- Sửa dài
- Sửa dếp vườn dưa -
Sửa mũ dưới đào

SỪNG

- Sùng đội lông mang
- Sùng sùng (Sùng
sững)

SƯU

- Sưu khảo
- Sưu tập

- Suy tòi
- Suy vi
- Suy vong

- Sư phó
- Sư phụ - Sư mẫu

- Sử nhọn
- Sử quán
- Sử thi
- Sử xanh

- Sự thân
- Sự thế
- Sự tử như sự sanh

- Sửa đương
- Sửa lòng
- Sửa trị

- Sùng tỏ lông rùa

- Sưu thuế

SA

Sa di - Sa môn

沙彌 - 沙門

A: The novice - The monk.

P: Le novice - Le moine

■ **Sa-di:** là tiếng phiên âm từ chữ Phạn: Sramanera, có nghĩa là dứt việc ô nhiễm của thế gian.

Sa-di là hạng thiếu niên xuất gia vào chùa thọ pháp qui y tu hành, tuổi từ 7 tuổi đến 19 tuổi, thường được gọi là Chú tiểu.

Hạng thiếu nữ xuất gia thọ giới tu hành gọi là **Sa-di ni** (A: The feminine novice. P: La novice féminine).

Sa-di có hai bậc:

1. Khu ô Sa di: từ 7 tuổi đến 12 tuổi, có phạm sự trông coi đừng để cho chim quạ bay tới ăn phá lúa gạo, hoa quả của chùa. Sa di này bắt đầu thọ giới, được giữ Ngũ giới.

2. Ứng pháp Sa di: từ 13 trước đến 19 tuổi, phải biết phụng sự các sư, phục dịch các công việc ở nhà chùa. Sa di này thọ đủ thập giới. Đến chừng đúng 20 tuổi thì được thọ giới cụ túc để làm Sa môn, tức Tỳ kheo.

Thập giới của Sa di là:

1. Không sát sanh.
2. Không trộm cắp.
3. Không dâm dục.
4. Không uống rượu.
5. Không láo xược. (Năm giới đầu là Ngũ giới cấm).
6. Không đòi phần xức dầu.
7. Không ca hát, không khiêu vũ.
8. Không ngồi ghế cao, không nằm giường rộng.
9. Không ăn quá ngọ.
10. Không rờ tới vàng, bạc, tiền xài.

■ **Sa-môn:** là tiếng phiên âm từ chữ Phạn: Sramana, phiên âm đầy đủ là: Sa-môn-na, nói tắt là Sa-môn.

Sa-môn là thầy tu xuất gia theo đạo Phật, cũng gọi là Tỳ kheo, Đại Sa-môn.

- Sa môn Nam tông chỉ giữ cụ túc giới (250 giới) là đủ, và tu thành bực La-Hán là đạt rồi.
- Sa môn Bắc tông, ngoài cụ túc giới còn phải giữ thêm Bồ Tát giới, tu thành Bồ Tát và sau đó thì tu thành Phật.

Sa đà

蹉跎

A: To make a false step.

P: Faire un faux pas.

Sa: còn đọc là Tha: sẩy chân. **Đà:** lỡ thời.

Sa đà là sẩy chân vấp ngã.

TĐ ĐPHP: Thân thể cho mạnh mẽ tinh vi, đừng để sa đà vào lục dục thì là thuận cùng trí lự khôn ngoan.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Sa đọa

A: To fall into the darkness.

P: Tomber dans les ténèbres.

Sa: rơi xuống. **Đọa:** bị phạt đưa vào chỗ tối tăm khổ sở.

Sa đọa là bị phạt rơi xuống chỗ tối tăm khổ sở.

TNHT: Thất Nương ở đó đặng dạy dỗ, nâng đỡ các chơn hồn dầu sa đọa luân hồi cũng có người dạy dỗ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sa thải

沙汰

A: To discharge.

P: Congédier.

Sa: cát. **Thải:** gạn bỏ.

Sa thái, nghĩa đen là gạn bỏ cát xấu, lấy cát tốt để dùng, nghĩa thường dùng là bỏ ra, không dùng nữa.

ĐLMD: Chức sắc Thiên phong nam nữ toàn đạo phải chịu dưới quyền công nhận của Vạn linh mới đăng thăng chức hay là Vạn linh buộc tội mà *sa thái*.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

SÁCH

Sách phụ

策輔

A: To offer the strategies for help.

P: Offrir les stratégies pour aider.

Sách: kế hoạch, mưu chước. **Phụ:** giúp.

Sách phụ là giúp cho kế hoạch trị nước an dân, hay phát triển đất nước cho mau giàu mạnh.

NG: Vương tôn sách phụ, Nho tông khai hóa.

NG: Nho Giáo, Kinh Nho Giáo.

SAI

SAI

SAI: 差 Sai khiến, bảo làm, làm, không đúng.

Td: Sai lạc, Sai suyễn.

Sai lạc

A: To get lost.

P: Se tromper.

Sai: Sai khiến, bảo làm, làm, không đúng. **Lạc:** làm đường, mất.

Sai lạc là không còn giữ đúng như lúc đầu.

TNHT: Các con làm *sai lạc* bản chất, tôn chỉ của nền Thánh giáo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sai suyễn

差舛

A: To be wrong.

P: Être dans l'erreur.

Sai: Sai khiến, bảo làm, làm, không đúng. **Suyễn:** sai trái, lẫn lộn.

Sai suyễn là sai lầm, không đúng.

TĐ ĐPHP: Không hề *sai suyễn* một mảy may nào cả.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

SÀM

SÀM

SÀM: 讒 Gièm pha, nói xấu, phao vu.

Td: Sàm biện, Sàm tấu, Sàm thần.

Sàm biện

讒辯

A: To calumniate. P: Calomnier.

Sàm: Gièm pha, nói xấu, phao vu. **Biện:** biện luận, bàn cãi.

Sàm biện là bàn tán bậy bạ.

TNHT: Nhưng Thầy buồn vì nỗi có nhiều đũa *sàm biện* về việc ấy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sàm tấu

讒奏

A: To calumniate before king.

P: Calomnier devant le roi.

Sàm: Gièm pha, nói xấu, phao vu. **Tấu:** tâu, trình bày với vua.

Sàm tấu là lời tâu cáo của đấng gian thần nói xấu người trung lương chánh trực để hãm hại.

TNHT: Nào tạt đồ hiền tài, hữu thi vô chung, nghe lời sàm tấu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sàm thần

讒臣

A: The calumnious mandarin.

P: Le mandarin calomnieux.

Sàm: Gièm pha, nói xấu, phao vu. **Thần:** bề tôi của vua, quan lại.

Sàm thần là bề tôi gian nịnh sàm tấu, hãm hại trung thần.

Ông Thái Công có nói rằng:

Trị quốc bất dụng nịnh thần,

Trị gia bất dụng nịnh phụ.

Sàm thần loạn quốc,

Đố phụ loạn gia.

Nghĩa là:

Trị nước chẳng dùng tâu nịnh,

Sửa nhà chẳng dùng vợ nịnh.

Bề tôi gièm siểm thì làm rối phép nước,

Người vợ ghen tương thì làm rối việc nhà.

SÁM

Sám hối - Kinh Sám hối

懺悔經

A: To confess sin - The prayer of confession.

P: Se répentir - La prière de confession.

Sám: ăn năn những lỗi lầm đã qua và thật lòng muốn sửa đổi, quyết không tái phạm nữa. **Hối:** tự giận mình vì đã làm điều sai quấy.

Sám hối là ăn năn và tự giận mình về những lỗi lầm do mình gây ra, tự nguyện sửa đổi và quyết không tái phạm nữa.

Trong sách Nho, định nghĩa Sám Hối là: "Sám giả sám kỳ tiền khiên, Hối giả hối kỳ hậu quá." Nghĩa là: Sám là ăn năn lỗi trước, Hối là chữa bỏ lỗi sau.

"Sám nghĩa là ăn năn các tội trước của mình. Những tội do các nghiệp ác ngu mê, ngạo dối, ghen ghét đã tạo ra từ trước, tất cả đều ăn năn, hằng chẳng gây lại nữa. Ấy gọi là Sám.

Hối nghĩa là ăn năn các lỗi sau của mình. Những tội do các nghiệp ác ngu mê, ngạo dối, ghen ghét tạo ra, nay đã giác ngộ rồi, tất cả đều dứt bỏ đời đời, ngày sau chẳng gây ra nữa. Ấy gọi là Hối.

Các người phạm phu ngu muội chỉ biết ăn năn tội trước của mình mà chẳng biết ăn năn lỗi sau. Bởi chẳng ăn năn nên tội trước chẳng dứt, lỗi sau lại sanh. Tội trước đã chẳng dứt, lỗi sau lại sanh, thì sao gọi là Sám Hối được." (Pháp Bảo Đàn Kinh)

Sám Hối là điều rất quý báu và cần thiết trong việc tu thân, sửa mình cho càng ngày càng thêm tốt đẹp.

Kinh Sám Hối là bài kinh diễn tả những lỗi lầm của con người thường mắc phải và những hình phạt chờ sẵn nơi cõi Địa ngục để hành hình những người làm các điều lầm lỗi ấy, để con người biết mà chữa lỗi.

Hội Thánh có dặn rằng: "*Kinh Sám Hối để tụng vào ngày Sóc Vọng, còn ngày thường lỡ có lầm lỗi điều chi thì tụng mà xin tội.*" Kinh Sám Hối khi xưa được gọi là Kinh Nhơn Quả.

Kinh Sám Hối gồm 444 câu thơ song thất lục bát, được các Đấng Tiên, Phật giảng cơ ban cho Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu). Hội Thánh thỉnh kinh này về làm kinh của ĐĐTKPĐ.

Ông Âu Minh Chánh, Đạo trưởng của Minh Lý Đạo, thuật lại việc tiếp Kinh Sám Hối như sau:

"Một khi kia, đến cầu kinh giùm một người bằng hữu thọ bệnh tại Thủ Thiêm, có Đức Thái Thượng Lão Quân giảng xuống mà cho một khoản đầu Kinh Sám Hối.

Sau đó lần lần, mỗi khi cúng, có Tam giáo Đạo chủ hoặc là chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần, hoặc là Thập Điện Minh Vương giảng đàn cho tiếp Kinh Sám Hối.

Cũng tưởng rằng Thần Tiên cho Kinh đóặng làm phước giúp người mà thôi, không dè Đức Văn Tuyên Vương giảng dạy chúng tôi phải kiếm một cảnh chùa đặng ngày Sóc Vọng đến đó dâng hương và Sám Hối."

Ông Thơ ký thất của Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu) cho biết chi tiết việc tiếp Kinh như sau:

"Các Đấng giảng cho Kinh Sám Hối (KSH):

- bắt đầu từ ngày Chúa nhật 27-3-Ất Sửu (dl 19-4-1925)
- cho đến ngày Thứ bảy 6-10-Ất Sửu (dl 21-11-1925).

Lịch trình các Đấng giảng cơ cho Kinh như sau:

■ Chúa nhật 19-4-1925 (âl 27-3-Ất Sửu), Đức Thái Thượng Lão Quân giảng cho 24 câu đầu, từ Câu 1 đến Câu 24:

C.1: *Cuộc danh lợi là phần thường quý.*

C.24: *Duyên kia chưa dứt còn đang thường đến.*

■ Ngày 22-4-1925, Đức Thái Thượng Lão Quân giảng cho tiếp từ Câu 25 đến Câu 52:

C.25: *Nếu vội trách người trên thì đọa.*

C.52: *Nước nguồn cây cội mới là tu mi.*

■ Ngày 26-4-1925, Đức Quan Âm Bồ Tát giảng cho tiếp, từ Câu 53 đến Câu 64:

C.53: *Giá trong sạch nữ nhi trượng tiết.*

C.64: *Gông kèm khảo kệp ích gì rên la.*

■ Ngày 5-5-1925, Đức Nam Cực Chưởng Giáo giảng cho kinh tiếp, từ Câu 65 đến Câu 72:

C.65: *Người tai mắt đạo nhà khá giữ.*

C.72: *Gồm bao nâng đỡ ruột rà thương nhau.*

■ Ngày 22-5-1925, Đức Quan Thánh Đế Quân giảng cho tiếp, từ Câu 73 đến Câu 88:

C.73: *Người trung trực lo âu việc nước,*

C.88: *Nói năng minh chánh lời ra phải nhìn.*

■ Tiếp theo là Đức Nhiên Đăng Cổ Phật giảng cho tiếp từ Câu 89 đến Câu 100:

C.89: *Chớ quyệt ngữ mà khinh kẻ dại.*

C.100: *Rèn lòng sửa nét khá in như nguyệt.*

■ Tiếp theo là Đức Quan Âm Bồ Tát giảng cho tiếp, từ Câu 101 đến Câu 124:

C.101: *Chừa thói xấu đảo điên trong dạ.*

C.124: *Ra tay tế độ, ấy thì lòng nhơn.*

■ Ngày 2-6-1925, Đức Tây Ba Đế Quân giảng cho kinh tiếp, từ Câu 125 đến Câu 148:

C.125: *Thương đồng loại cũng hơn thí bạc.*

C.148: *Rủi cho gặp lúc long đong chẳng sòn.*

■ Ngày 24-6-1925, Đức Quan Âm Bồ Tát giảng cho kinh tiếp, từ Câu 149 đến Câu 160:

C.149: *Hễ biết nghĩa thọ ân chẳng bội.*

C.160: *Lường cân tráo đấu, dối tu cúng chùa.*

■ Ngày 4-7-1925, Đức Địa Tạng Bồ Tát cho tiếp từ Câu 161 đến Câu 212:

C.161: *Còn hơi hóp tranh đua bay nhảy.*

C.212: *Vô can sát mạng thiệt thời rất oan.*

■ Ngày 20-7-1925, Đức Khổng Phu Tử giảng cơ cho tiếp Kinh Sám Hối từ Câu 213 đến Câu 284:

C.213: *Chớ kiếm thế gọi ngoan xảo trá.*

C.284: *Khai ra bán mắc, Trời nào dung cho.*

■ Ngày 8-8-1925, Đức Địa Tạng Bồ Tát giảng cho tiếp, từ Câu 285 đến Câu 308:

C.285: *Ơn trợ giúp khá lo đèn báo.*

C.308: *Hành hình khổ não chẳng hề nói tay.*

■ Ngày 25-8-1925, Tề Thiên Đại Thánh giảng cơ cho kinh tiếp từ Câu 309 đến Câu 356:

C.309: *Miền âm cảnh nhiều thay hình lạ.*

C.356: *Đo gian đong thiếu, Thánh Thần chẳng kiêng.*

■ Ngày 29-8-1925, Thập Điện Minh Vương giảng cơ cho kinh tiếp từ Câu 357 đến Câu 376:

C.357: *Bầy chó dữ mang xiềng chạy đại.*

C.376: *Vì chung hung bạo đốt nhà bán sắn.*

■ Ngày 1-9-1925, Đức Lữ Tổ giảng cơ cho tiếp từ Câu 377 đến Câu 392:

C.377: *Có cọp dữ nhả răng đưa vấu.*

C.392: *Lâu mau nặng nhẹ chịu mang tội nầy.*

■ Ngày 21-9-1925, Đức Alfred Aya giảng cho tiếp Kinh Sám Hối từ Câu 393 đến Câu 424:

C.393: *Ao rộng sâu chứa đầy gòi từa.*

C.424: *Bày ra thuộc độc phá thai tuyệt loài.*

■ Ngày 21-10-1925, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát giảng cho tiếp từ Câu 425 đến 440:

C.425: *Người ở thế mấy ai khỏi lỗi.*

C.440: *E không hiểu thấu diễn ra ích gì.*

■ Ngày thứ bảy 21-11-1925 (âl 6-10-Ất Sửu), Đức Văn Trung Tử giảng cơ cho 4 câu chót, dứt Kinh Sám Hối:

C.441: *Chớ buông tiếng thị phi khinh dễ,
Ráng làm lành phước để cháu con.
Làm người nhơn nghĩa giữ tròn,*

C.444: *Muôn năm bóng khuất tiếng còn bay xa.*

Ngay sau khi hết Kinh Sám Hối, Đức Đông Phương Lão Tổ (một biệt hiệu của Đức Thái Thượng Lão Quân) giáng cơ tiếp cho **Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối**. Ấy là trọn vẹn.

Tính từ ngày khởi cho Kinh Sám Hối (19-4-1925) cho đến ngày cho dứt Kinh Sám Hối (21-11-1925), chúng ta thấy thời gian kéo dài hơn 7 tháng.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

SAN

San định

刪定

A: To correct and fix.

P: Corriger et fixer.

San: dọn cho gọn lại, lọc bỏ phần dư thừa. **Định:** sắp đặt.

San định là dọn lại cho gọn và định lại cho đúng.

San định Ngũ Kinh: Ngũ Kinh đã có trước đời Đức Khổng Tử, nhưng còn rườm rà và lộn xộn. Đức Khổng Tử mới nghiên cứu Ngũ Kinh, đem ra dọn lại cho gọn, bỏ bớt chỗ thừa và trùng lặp, sắp đặt lại cho có thứ tự, giảng thêm chỗ tối nghĩa.

Nhờ Đức Khổng Tử san định Ngũ Kinh mà bộ Ngũ Kinh trở nên dễ học và được truyền lại đến ngày nay.

Ngũ Kinh mà Đức Khổng Tử san định là: Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ, Kinh Nhạc và Kinh Dịch.

SẢN

Sản nghiệp

產業

A: The goods.

P: Les biens.

Sản: của cải. **Nghiệp:** tài sản, ruộng đất, nhà cửa.

Sản nghiệp là chỉ chung tài sản, nhà cửa, ruộng đất của một gia đình được truyền từ đời trước cho đời sau.

Sản Tắt Viên

產漆園

Sản: sanh ra, tạo ra. **Tắt Viên:** hiệu của ông Trang Tử.

Sản Tắt Viên là sản xuất ra ông Trang Tử. (Xem tiểu sử nơi chữ Trang Tử, vần Tr)

SANG

Sang cả

A: Noble.

P: Noble.

Sang: quý, trái với hèn. **Cả:** lớn.

Sang cả là sang trọng lắm, quý phái lắm.

KSH: Người *sang cả* là vì duyên trước.

KSH: Kinh Sám Hối.

SÁNG

SÁNG

SÁNG: 創 Làm ra đầu tiên, xây dựng nên.

Td: Sáng lập, Sáng tạo.

Sáng lạn

A: Dazzling.

P: Brilliant.

Sáng: tỏ rõ, trái với Tối. **Lạn:** sáng sủa.

Sáng lạn là rực rỡ, sáng sủa.

Sáng lạn đồng nghĩa: Xán lạn.

TNHT: Một là cho đủ yếng sáng, hai là rọi chơn thần của quý anh chị cho *sáng lạn* mình mãi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sáng lập

創立

A: To found.

P: Fonder.

Sáng: Làm ra đầu tiên, xây dựng nên. **Lập:** dựng nên.

Sáng lập là dựng nên lần đầu tiên.

TNHT: Thiên cơ dĩ định nền đạo *sáng lập* đặng cứu vớt sanh linh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sáng tác

創作

A: To create.

P: Créer.

Sáng: Làm ra đầu tiên, xây dựng nên. **Tác:** làm ra.

Sáng tác là làm ra một tác phẩm văn học hay nghệ thuật.

Sáng tạo thuyết

創造說

A: The creationism.

P: Le créationisme.

Sáng: Làm ra đầu tiên, xây dựng nên. **Tạo:** làm ra.
Thuyết: học thuyết.

Sáng tạo là làm ra cái mới lần đầu tiên.

Sáng tạo thuyết là học thuyết về sự sáng tạo CKVT và vạn vật.

Theo Sáng tạo thuyết, Thượng Đế là Đấng đã sáng tạo ra CKVT và vạn vật, tạo ra con người có linh hồn bất diệt.

Hầu hết các tôn giáo trên thế giới đều nhìn nhận Sáng tạo thuyết, tức là nhìn nhận có Thượng Đế, như các tôn giáo: Thiên Chúa giáo, Do Thái giáo, Hồi giáo, Bà La Môn, v.v..., chỉ duy có Phật giáo là không nhìn nhận Sáng tạo thuyết, mà lại đưa ra thuyết Thập nhị nhân duyên.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

SANH (SINH)

SANH

SANH: 生 Sanh ra, sống.

Td: Sanh hóa, Sanh linh, Sanh quang.

Sanh biến

生變

A: To transform and create.

P: Transformer et créer.

Sanh: Sanh ra, sống. **Biến:** thay đổi.

Sanh biến tức là Biến sanh: Biến hóa sanh ra.

KĐ9C: Tạo Hóa Thiên sanh biến vô cùng.

KĐ9C: Kinh Độ Cứu cửu.

Sanh diệt

生滅

A: To be born and annihilate.

P: Être né et anéantir.

Sanh: Sanh ra, sống. **Diệt:** tiêu mất.

Sanh diệt là sanh ra và tiêu mất, sanh ra và hủy diệt.

Sanh diệt đồng nghĩa với Sanh tử.

Hễ có sanh ắt phải có diệt, diệt rồi lại được sanh ra với một hình thể khác. Sanh diệt cứ thế luân chuyển trong vòng vật chất nơi cõi trần, nên gọi là luân hồi.

Khi nào không sanh thì đương nhiên không có diệt, như thế là thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Sanh hóa

生化

A: To create.

P: Créer.

Sanh: Sanh ra, sống. **Hóa:** Trời Đất sanh ra muôn vật.

Sanh hóa là Trời Đất sanh ra CKVT và vạn vật.

KHP: Cơ sanh hóa Càn Khôn đào tạo.

KHP: Kinh Hôn Phối.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Sanh khí

生氣

A: Vital breath.

P: Souffle vital.

Sanh: Sanh ra, sống. **Khí:** chất hơi.

Sanh khí là chất khí nuôi dưỡng sự sống, nên cũng gọi là dưỡng khí. Đó là khí Oxygène có nhiều trong không khí.

TNHT: Mà làm cho *sanh khí* nơi phổi chẳng đủ ngày giờ nhuận huyết tinh sạch cho đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sanh ký tử qui

生寄死歸

Sanh: Sanh ra, sống. **Ký:** gửi. **Tử:** chết, thác. **Qui:** trở về.

Sanh ký tử qui là sống gửi thác về.

Đây là quan niệm về triết lý nhân sinh rất phổ biến ở Á Đông, cho rằng đời sống của con người nơi cõi trần chỉ là một giai đoạn ngắn tạm thời trong suốt một cuộc sống bất tận thiệt thọ của con người nơi cõi TLHS. Con người đầu kiếp xuống cõi trần chỉ tạm trong thời gian nhiều lắm là trăm năm để công tác hoặc học hỏi thêm và tiến hóa.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Sanh linh

生靈

A: Living beings.

P: Êtres vivants.

Sanh: Sanh ra, sống. **Linh:** linh hồn.

Sanh linh là tất cả những linh hồn đang sống nơi cõi trần, tức là những người đang sống nơi cõi trần.

Sanh linh đồ thân: dân chúng làm than khổ sở.

TNHT: *Sanh linh* độ dẫn hưởng ân Thiên.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sanh ly tử biệt

生離死別

A: Separation in life and separation in death.

P: Séparation du vivant et séparation de la mort.

Sanh: Sanh ra, sống. **Ly:** chia lìa. **Tử:** chết. **Biệt:** xa cách.

Sanh ly tử biệt là sống mà chia lìa nhau, chết là xa cách vĩnh viễn. Đó là hai cảnh đau khổ của con người nơi cõi trần.

TNHT: Sự thác vô tình sẽ đến mà vẽ cuộc *sanh ly* pha màu *tử biệt*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sanh nhai

生涯

A: The mean of existence.

P: Le moyen de l' existence.

Sanh: Sanh ra, sống. **Nhai:** cái bờ nước.

Sanh nhai là phương cách để kiếm sống.

Sách Trang Tử có câu: *Ngô sinh giả hữu nhai*. Nghĩa là: đời sống của ta có bờ, ý nói: đời sống của con người có giới hạn, không thể trường sanh bất tử được. Nhưng về sau, người ta dùng chữ Sinh nhai để chỉ việc mưu sinh.

Sanh phần

生墳

A: Pre-death tomb.

P: Tombeau fait du vivant.

Sanh: Sanh ra, sống. **Phần:** cái mộ, cái mả.

Sanh phần là cái mộ làm sẵn, dành cho người già đang còn sống.

Sanh phần đồng nghĩa: Sanh khoáng.

Sanh quang

生光

A: The vital fluid.

P: Le fluide vital.

Sanh: Sanh ra, sống. **Quang:** ánh sáng, nguồn năng lượng.

Sanh quang là nguồn năng lượng để nuôi dưỡng sự sống.

■ Nơi cõi trần, sanh quang là ánh sáng mặt Trời và khí Oxygène (dưỡng khí). Dưỡng khí có nhiều trong không khí.

Các sinh vật phải hít thở không khí để hấp thụ dưỡng khí thì mới sống được.

Còn ánh sáng mặt trời là để sưởi ấm địa cầu và tạo ra các phản ứng sinh học trong cơ thể sinh vật.

■ Nơi cõi thiên liêng, khí sanh quang là năng lượng phát ra từ Thái Cực. Các chơn thần nhờ hấp thụ năng lượng này mà hằng sống nơi cõi thiên liêng. Đức Phật Mẫu trụ khí sanh quang làm thành những quả Đào tiên để ban thưởng cho các chơn linh đắc đạo trở về. Ai hưởng được quả đào tiên thì sẽ hằng sống và hình vóc trở nên rất xinh đẹp.

Khí Sanh quang còn được gọi là: Khí Thái Cực, Hồn nguyên khí, Thoại khí.

Phía sau ngai Hộ Pháp nơi Tòa Thánh, Đức Lý Giáo Tông có vẽ bùa chữ KHÍ, là để chỉ khí sanh quang. Vạn vật nhờ khí sanh quang mà sống và tiến hóa.

Sanh sanh hóa hóa

生生化化

A: To create and to multiply.

P: Créer et multiplier.

Sanh: Sanh ra, sống. **Hóa:** Trời Đất tạo hóa ra vạn vật. **Sanh sanh** là sống và sanh sản thêm ra. **Hóa hóa** là Trời Đất tạo hóa thêm ra mãi.

Sanh sanh hóa hóa là Trời Đất tạo hóa ra vạn vật. Vạn vật sống và sanh sản thêm ra càng lúc càng nhiều.

Sanh sanh là phận: bỗn phận là sống và sanh sản thêm ra.

KTT: *Sanh sanh là phận, hiền hiền là công.*

KTT: Kinh Tắm Thánh.

Sanh sự sự sanh

生事事生

Sanh: Sanh ra, sống. **Sự:** việc. **Sanh sự:** gây ra việc rắc rối.

Sanh sự sự sanh là gây ra việc rắc rối cho người thì người ta sẽ gây việc rắc rối lại cho mình.

Sanh sự là Nhân, sự sanh là Quả. Mình không muốn gặp rắc rối thì đừng gây rắc rối cho ai cả. Đó là: Kỷ sở bất dục, vật thị ư nhân.

*Sanh sự sự sanh hà nhựt liễu?
Hại hơn hơn hại kỷ thời hư?*

Nghĩa là:

Sanh việc việc sanh, ngày nào mới xong?
Hại người người hại, mấy thuở mới thôi?

Sanh tiền

生前

A: In the life time.

P: De son vivant.

Sanh: Sanh ra, sống. **Tiền:** trước.

Sanh tiền là buổi trước lúc người đó còn sống.

Sanh tiền đồng nghĩa: Sanh thời.

TNHT: Nếu buổi *sanh tiền*, dầu cho một kẻ phạm tục....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sanh tử bất kỳ

生死不期

A: The birth and death come unexpectedly.

P: La naissance et la mort arrivent inopinément.

Sanh: Sanh ra, sống. **Tử:** chết. **Bất:** không. **Kỳ:** hẹn, hạn định.

Sanh tử bất kỳ là sự sanh ra và sự chết của con người không thể kỳ hẹn được.

Ngày sanh và ngày tử đều do Trời định đoạt, chứ con người không thể tự định đoạt cho mình được. Không thể nói: Hôm nay ngày xấu lắm, đừng có đẻ, chờ ngày tốt đại lợi hãy sanh cho đứa bé ngày sau sẽ giàu có sung sướng!

SÁNH

Sánh tài (Sính tài)

逞才

Sánh: **Sính:** mặc sức làm, thích ý. **Tài:** tài năng.

Sánh tài hay Sính tài là mặc sức trở tài làm việc.

PMCK: Càn khôn tạo hóa *sánh tài*.

Đức Phật Mẫu mặc sức trở tài tạo hóa ra CKVT và vạn vật, vì Đức Chí Tôn đã giao quyền tạo hóa cho Đức Phật Mẫu.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

CKVV: Càn Khôn Vạn vật.

SÀO

Sào Phủ - Hứa Do

巢父 - 許由

Sào Phủ và Hứa Do là hai ẩn sĩ nổi tiếng thanh bạch vào thời vua Nghiêu nước Tàu.

Vua Nghiêu là vị vua hiền đức, sanh được 9 người con trai và 2 con gái, nhưng 9 người con trai này không có ai hiền đức như Ngài, nên Ngài không dám truyền ngôi cho con, mà muốn đi tìm người hiền để truyền ngôi vua.

Vua Nghiêu giả trang thường dân, đi đến chơn núi Trung Nhạc, phía Nam sông Dịch Thủy, thấy một người đang cầm cái bầu nhỏ múc nước dưới khe. Đó là Hứa Do. Vua Nghiêu hỏi:

- Người làm gì đó vậy?

Hứa Do cười rằng:

- Tôi ngán cuộc đời, không ham danh lợi, lánh mình một cõi, vui thú thanh nhàn, đói ăn trái cây, khát uống nước suối, giữ mình trong sạch cho mãi kiếp thì thôi.

Vua Nghiêu nghe nói thì mừng thầm trong bụng, nghĩ rằng: Người này hiền đức, không tham phú quý, chẳng chác thị phi, đáng được truyền ngôi, chắc là trị nước thái bình.

Nghĩ vậy rồi, vua Nghiêu nói rằng:

- Ta đây thiệt là vua Nghiêu giả dân mà đi tìm người hiền đức, đến đây mới gặp, xin mời hiền sĩ về trào để ta truyền ngôi cho mà trị vì thiên hạ cho an ổn thái bình.

Hứa Do nghe vua Nghiêu nói thế, lòng thiệt khó ưa, vì mình chỉ muốn thanh nhàn mà vua Nghiêu đem buộc vào danh lợi, lòng đã cương quyết, liền đập bể cái bầu nước và đáp rằng:

- Con chim tiêu liêu làm ổ không quá một nhánh cây, con yến thử uống nước dòng sông chẳng quá đầy bụng. Kẻ què mùa nầy đã quen cảnh thanh nhàn, cách sống riêng biệt, Bệ hạ muốn nhường ngôi cho cũng vô ích.

Hứa Do nói xong, liền bịt chặt hai lỗ tai, chạy riết xuống bờ sông Dịch Thủy, khoát nước sông rửa lỗ tai lia lịa.

Vừa đâu Sào Phủ dắt trâu đến đó, thấy Hứa Do liền nói:

- Anh rửa lỗ tai mau mau rồi bước lên cho trống chỗ để tôi dắt trâu xuống uống nước.

Hứa Do không đáp lại, cứ rửa tai hoài. Sào Phủ hỏi:

- Lỗ tai anh dơ lắm sao mà rửa hoài không sạch?

- Hồi nãy gặp vua Nghiêu, kêu tôi về triều truyền ngôi cho tôi. Tôi nghe điều danh lợi dơ bẩn cả hai lỗ tai, nay xuống đây rửa nãy giờ đã lâu, nhưng tiếng ấy vẫn còn văng vẳng trong tai, tôi ráng rửa thêm cho hết, trể việc trâu của anh uống nước.

- Anh đã làm gì để cho vua Nghiêu biết anh là người hiền đức mà muốn truyền ngôi cho anh? Nếu người ta biết anh hiền đức, tức là anh đã muốn cho người ta biết anh như thế, chắc chắn hơn nữa là tại anh tỏ cho người ta biết anh là hiền đức. Nếu anh đừng tỏ cho người ta biết anh là hiền đức thì ai biết anh mà truyền ngôi cho, cần chi phải rửa tai.

Sào Phủ nói xong, liền dắt trâu lên phía trên dòng nước chảy rồi mới cho trâu xuống uống nước.

Hứa Do lấy làm kỳ, hỏi:

- Sao anh không cho trâu uống nước tại bên này mà lại dắt trâu đi đâu vậy cho mất công?

- Đồ dơ trong tai anh rửa ra, uống dơ miệng trâu của tôi, nên tôi phải dắt trâu lên phía trên dòng nước.

Theo lời người ta kể lại thì hiện nay trên núi Cơ Sơn, ở huyện Đăng Phong tỉnh Hà Nam, còn ngôi mộ của Hứa Do. Ở chân núi ấy có gò Khiên Ngưu Khư (Gò đất trâu). Ở bên bờ sông Dĩnh thủy có một dòng suối tên là Độc Tuyên (Suối trâu uống), trên một hòn đá có vết chơn trâu. Đó là nơi mà khi xưa Sào Phủ dắt trâu đến đó uống nước.

Qua câu chuyện Sào Phủ - Hứa Do, chúng ta nhận thấy hai vị ấy là bậc danh sĩ chê bai danh lợi là gông cùm ràng buộc con người, nên quyết chí lánh vòng danh lợi, tìm chỗ thanh nhàn, thoát vòng phiền não mà trau tâm luyện tánh.

TNHT: Sánh vai Sào Phủ ẩn danh xưa,
Vì nẻo lợi danh cũng đã thừa.

Chung quanh bao lơn trước Tòa Thánh Tây Ninh có đắp 8 khuôn hình, trong đó có một khuôn hình đắp sự tích Sào Phủ - Hứa Do để tượng trưng chữ MỤC là chăn nuôi súc vật.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

SÁO

Sáo ngữ

套語

A: Conventional phrase.

P: Le cliché.

Sáo: bắt chước, theo khuôn mẫu sẵn có. **Ngữ:** lời nói.

Sáo ngữ là lời nói hay câu văn rập theo khuôn mẫu cũ làm cho người nghe hay người đọc nhàm chán, vì được dùng đi dùng lại nhiều lần.

SÁT

SÁT

1. **SÁT:** 殺 Giết chết.
Td: Sát mạng, Sát sanh.
2. **SÁT:** 察 Xét, quan sát.
Td: Sát ngôn quan sắc.

Sát mạng

殺命

A: To assassinate.

P: Assassinier.

Sát: Giết chết. **Mạng: Mệnh:** mạng sống.

Sát mạng là giết chết mạng sống.

KĐRĐ: Gót chơn đưa rũi như *sát mạng*.

KĐRĐ: Kinh đi ra đường.

Sát ngôn quan sắc

察言觀色

Sát: Xét, quan sát. **Ngôn:** lời nói. **Quan:** xem xét. **Sắc:** sắc mặt.

Sát ngôn quan sắc là xét lời nói và xem sắc mặt thì có thể biết được tâm ý của người.

Sát nhân giả tử

殺人者死

A: Who kills must be killed.

P: Qui tue doit être tué.

Sát: Giết chết. **Nhân:** người. **Giả:** ấy là. **Tử:** chết.

Sát nhân giả tử: Giết người thì phải bị tử hình.

Thường nói: Giết người đền mạng.

Sát sanh

殺生

A: To kill the living beings.

P: Tuer les êtres vivants.

Sát: Giết chết. **Sanh:** sống, sự sống.

Sát sanh là giết chết sự sống.

Sát sanh là giới cấm rất quan trọng, đứng đầu Ngũ giới cấm: Nhứt bất sát sanh. Đức Chí Tôn dạy như sau:

TNHT: Chi chi hữu sanh cũng bởi chơn linh Thầy mà ra. Hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là cha của sự sống. Vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy vô cùng tận. Cái sống của cả chúng sanh, Thầy phân phát khắp CKTG, chẳng khác nào như một nhánh hoa trong cội, nó phải đủ ngày giờ Thầy nhứt định mới trở bông và sanh trái đặng trồng nữa, biến hóa ra thêm. Nếu như ai bẻ hoa ấy nửa chừng thì là sát một kiếp sanh, không cho biến hóa. Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, dầu

nguyên sanh hay hóa sanh cũng vậy, đến thế này lâu hay mau, đều định trước. Nếu ai sát mạng sống ấy đều phải chịu quả báo không sai, biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên Phật bị đọa luân hồi mà ra đến đời ấy. Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ, các con gắng dạy nhưn sanh điều ấy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

Sát thân thành nhân

殺身成仁

Sát: Giết chết. **Thân:** thân mình. **Thành:** làm nên. **Nhân:** lòng thương người mền vật, nhân nghĩa.

Sát thân thành nhân là hy sinh bản thân mình để làm nên điều nhân nghĩa, tức là vì điều nhân nghĩa mà liều mình.

Trong sách Luận Ngữ, Đức Khổng Tử có nói rằng: *Chí sĩ nhân nhưn, vô cầu sinh dĩ hại nhưn, hữu sát thân dĩ thành nhân.* Nghĩa là: Kẻ sĩ mà có chí, người nhân đức, không ai cầu sống để hại người, có kẻ liều mình chết để làm nên điều nhân.

SẮC

SẮC

1. **SẮC:** 色 - Màu sắc, - vẻ đẹp của phụ nữ, - vật có hình tướng thấy được.
Td: Sắc phái, Sắc dục, Sắc không.
2. **SẮC:** 敕 Tờ giấy viết lệnh của vua ban ra.
Td: Sắc lệnh, Sắc mạng.

Sắc bất ba đào dị nịch nhân

色不波濤易溺人

Sắc: vẻ đẹp của phụ nữ. **Bất:** không. **Ba:** sóng nước. **Đào:** làn sóng. **Dị:** dễ. **Nịch:** chìm, chết đuối. **Nhân:** người.

Câu trên có nghĩa là: *Cái sắc đẹp của phụ nữ, không phải là làn sóng nổi, nhưng dễ nhận chìm người.*

Giai thoại văn chương: Ông Nguyễn Giản Thanh, người làng Ông Mặc (tục gọi là làng Me) huyện Đông Ngàn (nay là Từ Sơn), tỉnh Bắc Ninh, sinh năm 1482, con của Tiến Sĩ Nguyễn Giản Liêm, có hình dung tuấn tú, học rất thông minh, thi đỗ Trạng nguyên, nên thường được gọi là Trạng Me.

Lúc còn đi học, thầy học là Đàm Thuận Huy, thấy học trò sắp ra về thì trời đổ mưa to, học trò không về được, thầy bèn ra về đổi đề thử tài học trò: *Vũ vô kiểm tòa năng lưu khách.* Nghĩa là: Mưa không có then khóa mà có thể giữ được khách.

Nguyễn Giản Thanh liền đối lại là: *Sắc bất ba đào dị nịch nhân.* Thầy Đàm Thuận Huy nói: - Câu đối này thật hay và thật chỉnh, văn khí này có thể đậu Trạng nguyên, nhưng về sau coi chừng việc sắc dục làm hại sự nghiệp.

Sắc huấn

敕訓

Sắc: Tờ giấy viết lệnh của vua ban ra. **Huấn:** dạy dỗ.

Sắc huấn là lời dạy dỗ của Đức Giáo Tông hay của Đức Hộ Pháp về một vấn đề đạo sự quan trọng cho toàn đạo hiểu rõ mà thi hành cho khỏi có điều sai sót.

Sắc lệnh

敕令

A: The decree.

P: Le décret.

Sắc: Tờ giấy viết lệnh của vua ban ra. **Lệnh: Lệnh:** mệnh lệnh.

Sắc lệnh hay Sắc lệnh là tờ giấy viết lệnh của vua ban ra, hay của vị đứng đầu quốc gia ban ra.

Trong Đạo Cao Đài, Sắc lệnh là lệnh của Đức Giáo Tông hay Đức Hộ Pháp ban ra cho toàn đạo thi hành.

■ **Dây Sắc lệnh của HTĐ:** là một cái băng bằng vải có 3 sọc là 3 màu: vàng, xanh, đỏ, buộc ngang bụng bên ngoài đạo phục của Thập nhị Thời Quân, Thượng Sanh, Thượng Phẩm và Đức Hộ Pháp. (Xem chi tiết: **Dây Sắc lệnh, vắn D**)

■ **Dây Sắc lệnh của CQPT:** là cái băng vải một màu (hoặc vàng, hoặc xanh, hoặc đỏ tùy theo phẩm cấp), trên đó có gắn khuê bài hàng phẩm, choàng trên áo đại phục từ vai trái xuống hông mặt.

- Thỉnh Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện thì Dây Sắc lệnh đỏ;
- Chí Thiện, Đạo Nhơn, Chơn Nhơn thì Dây Sắc lệnh xanh.
- Hiền Nhơn thì Dây Sắc Linh vàng.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Sắc mạng

救命

A: The decree.

P: Le décret.

Sắc: Tờ giấy viết lệnh của vua ban ra. **Mạng: Mệnh:** mệnh lệnh.

Sắc mạng là lệnh của vua ban ra, đồng nghĩa: Sắc lệnh.

Mệnh lệnh của Đức Chí Tôn cũng gọi là Sắc mạng.

TNHT: Trung, Lịch, đã thọ sắc, cử tước vị mà theo Sắc mạng Ta. (**Ta:** tiếng tự xưng của Đức Chí Tôn).

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sắc phái

色派

A: The colour of every branch.

P: La couleur de chaque branche.

Sắc: Màu sắc. **Phái:** ngành, nhánh.

Sắc phái là màu đạo phục của mỗi phái.

Chức sắc CTĐ chia làm 3 phái: Thái, Thượng, Ngọc.

- Phái Thái là phái Phật, mặc đạo phục màu vàng.
- Phái Thượng là phái Tiên, mặc đạo phục xanh dương.
- Phái Ngọc là phái Nho, mặc đạo phục màu đỏ.

CG PCT: Tiểu phục (của Giáo Sư) đều không đội mũ mà bịt khăn tùy theo sắc phái mình, 7 lớp chữ Nho.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Sắc phục

色服

A: The full dress.

P: La grande tenue.

Sắc: Màu sắc. **Phục:** quần áo.

Sắc phục là đạo phục có màu sắc và kiểu vờ tùy theo phẩm trật Chức sắc.

TNHT: Hội Thánh nghe Lão ban sắc phục cho nữ phái, nghe và từ đây xem sắc tốt ấy mà hành lễ theo đẳng cấp.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sắc sảo

A: Beautiful.

P: Beau.

Sắc sảo là xinh tốt, đẹp khéo; nói về người là thông minh, lanh lợi.

TNHT: Cội sỡn sơ mới đâm chồi trở tược, nhánh lá sum sê, hoa đơm sắc sảo, rồi mới đến trái oằn sai mà thành kết quả xứng đáng. (*Sỡn sơ: nở nang tươi tốt. Sum sê: rậm rạp xanh tốt*)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sắc tức thị không (Sắc không)

色即是空

A: The appearances are not real.

P: Les apparences n' ont rien de réel.

Sắc: vật có hình tướng thấy được. **Tức thị:** ấy là, tức là. **Không:** không có gì cả.

Sắc và Không là hai trạng thái của các vật nơi cõi trần: Sắc là có hình tướng hiện ra thấy được; Không là không hình tướng, không thấy được. Sắc và Không ấy là nói tương đối với con mắt phàm của chúng ta: có hình tướng mà mắt thấy được gọi là Sắc, còn mắt phàm không thấy gì cả thì gọi là Không.

Kinh Bát Nhã của Phật giáo có câu:

Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc;

Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc.

Nghĩa là:

Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc,

Sắc tức là Không, Không tức là Sắc.

Theo quan niệm về nhân sinh của Phật giáo, muôn vật do sự biến đổi mà sanh ra, vốn không có thiệt. Thân thể của chúng ta hay của vạn vật là Sắc, chỉ có tạm trong một thời gian sống, sau đó chết đi, xác thân rã tan biến trở lại thành Không. Rồi từ chỗ Không lại biến hóa thành hình tướng tức là Sắc.

Ai nhận biết được chơn lý Sắc Không này thì không còn chấp cái Sắc tướng, tức là chấp cái xác thân nơi cõi trần này, thì người đó dứt được phiền não.

Các vật sống trên cõi trần không bền bỉ, thấy có đó (Sắc) rồi lại mất đó (Không). Sự có không ấy rất dễ dàng và mau lẹ như bọt nước trôi sông, như sương đeo ngọn cỏ.

Hơn nữa, cõi trần thuộc Dục giới, con người ham muốn tham lam, ưa vật này thích vật nọ và muốn gom về mình càng nhiều càng tốt. Cái túi tham không đáy chứa mãi chẳng đầy.

Lòng tham dục khiến con người đăm đuổi mãi trong Tứ Đố tường: Tửu, Sắc, Tài, Khí, sa mê vào bả lợi danh, cứ quanh quẩn trong trường mộng ảo, không xét kỹ cuộc đời này là giả tạm. Các vật sắp bày trên mặt đất đều phải bị hư hoại, mà cứ tham lam bo bo giữ lấy, bỏ chỗ thật mà đi tìm cái giả. Cả cái xác thân này cũng là giả tạm, khi xác thân hư hoại thì linh hồn sẽ rời bỏ xác thân để trở về chỗ Hư Không.

Chúng ta cũng nên nhớ rằng, cái Hư Không đó không phải là hoàn toàn trống rỗng, không có gì, mà cái Hư Không ấy là một khối sinh động mãnh liệt vô biên, bao gồm đủ mọi cảnh giới, mọi trạng thái, đủ các pháp, mà từ đó sanh ra tất cả.

Không sanh ra Sắc, rồi Sắc trở lại thành Không. Vạn vật cứ thế biến đổi một cách tuần hoàn trong vòng sanh tử luân hồi.

Sắc không là chỉ giáo lý của Phật giáo, hay chỉ sự tu hành.

TNHT: • Gặp hội đàn vui chữ *sắc không*.

- Đừng sợ khó, khó nên công,
Công khó may gìn chữ *sắc không*.
Không sắc, sắc không vui đành hạc,
Hạc về chốn cũ dựa rừng tòng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

SẢN

Sản dã

A: The deserted field.

P: La campagne déserte.

Sản dã là nơi thôn quê vắng vẻ, ít người lui tới.

CG PCT: Vây Lão xin Hiền hữu ban quyền cho Chánh Trị Sự đặng phép xử trị, hầu có thể dạy dỗ sửa răn, thay quyền cho chúng ta trong chốn thôn quê *sản dã*.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

SẮT

Sắt cầm hảo hợp

瑟琴好合

A: The conjugal harmony. P: L' harmonie conjugale.

Sắt: cây đàn sắt, xưa có 50 dây, sau sửa lại còn 25 dây.

Cầm: cây đàn cầm, xưa có 5 dây, sau thêm 2 dây thành 7 dây. **Hảo:** tốt đẹp. **Hợp:** hòa hợp.

Sắt cầm hảo hợp là đàn sắt và đàn cầm hòa âm với nhau thì tốt đẹp, nghe rất êm tai. Ý nói đôi vợ chồng hòa hợp nhau.

Thường nói: *Loan phụng hòa minh, sắt cầm hảo hợp.*
Nghĩa là: chim loan và chim phụng hòa tiếng hát, đàn sắt đàn cầm hợp âm, là chỉ đôi vợ chồng hòa hợp với nhau.

Đây là câu cầu chúc đôi vợ chồng mới cưới.

Sắt son

A: Constant, faithful. P: Constant, fidèle.

Sắt: kim loại sắt, có tính cứng và bền. **Son:** bột đá màu đỏ không phai, mài làm mực đỏ để viết.

Sắt son hay Son sắt là chỉ lòng trung nghĩa, thành thật, vững bền như sắt, đẹp đẽ như son.

Thường nói: Lòng son dạ sắt.

TNHT: Nhơn nghĩa gắng gìn dạ sắt son.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

SÂM

Sâm thương

參商

Sâm: sao Sâm, thường gọi là sao Hâm, tên chữ là Kim Tinh, mọc khi mặt trời lặn. **Thương:** sao Thương, thường gọi

là sao Mai, mọc khi trời sắp sáng. Hai sao này ở cách nhau gần 180 độ nên khi sao này mọc thì sao kia lặn.

Do đó, trong văn chương dùng chữ Sâm thương để chỉ sự cách biệt, không bao giờ gặp nhau.

Thường nói: Sâm thương đôi ngả.

Thơ Đỗ Phủ: *Nhân sinh bất tương kiến,
Động như sâm dữ thương.*

Nghĩa là:

Người ta ở đời không gặp nhau,
Sự chuyển động của sao Sâm với sao Thương.

SÂM

SÂM

SÂM: 讖 Lời đoán trước có tính cách bí ẩn cho biết những việc sẽ xảy ra.

Td: Sâm ký, Sâm tiên tri.

Sâm ký

讖記

A: *The book of oracles.*

P: *Le livre des oracles.*

Sâm: Lời đoán trước có tính cách bí ẩn cho biết những việc sẽ xảy ra. **Ký:** ghi chép.

Sâm ký là sách ghi chép những câu tiên tri các việc sẽ xảy ra trong tương lai, nhưng viết dưới dạng ẩn dụ, nghĩa lý sâu xa khó hiểu, ít người biết được, chỉ thấy rõ khi việc đã xảy ra.

Nước Việt Nam có Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm là một nhà Lý học nổi tiếng, vang danh tận bên Tàu, có viết một quyển Sâm Ký gọi là Sâm Trạng Trình, để tiên đoán vận mệnh nước VN và các việc xảy ra từ đó trở về sau.

Lời sấm bình dị, nhưng chứa đựng bí mật vô cùng khó hiểu, đến chừng việc xảy ra rồi, nghiệm lại câu sấm thì mới thấy rõ là rất đúng:

Thí dụ như câu sấm:

*Giữa năm hai bảy mươi ba,
Lửa đâu mà đốt tám gà trên mây.*

Tám gà, chữ Hán là Bát Kê, mà Bát kê là tiếng phiên âm từ tiếng Pháp: Pasquier, tên của viên Toàn quyền Pháp tại Đông Dương. Toàn quyền Pasquier rất ác độc, muốn tiêu diệt Đạo Cao Đài, giả tạo các tài liệu để đem về Pháp chứng tỏ Đạo Cao Đài là một tổ chức chánh trị chống Pháp, cần phải tiêu diệt.

Khi Pasquier đi phi cơ về tới nước Pháp, bỗng máy bay phát hỏa, Pasquier và toàn bộ tài liệu giả tạo đều bị đốt cháy trên không trung. Năm ấy là năm âm lịch nhuận hai tháng 7, nên có 13 tháng. Đó là sự hành phạt của Thiên điều đối với những kẻ muốn tiêu diệt Đạo Cao Đài.

Sấm tiên tri

識先知

A: Predictions, Oracles.

P: Prédications, Oracles.

Sấm: Lời đoán trước có tính cách bí ẩn cho biết những việc sẽ xảy ra. **Tiên:** trước. **Tri:** biết. **Tiên tri:** biết trước.

Sấm tiên tri là lời sấm cho biết trước các việc sẽ xảy ra.

TNHT: Ngày giáng sinh của Chúa Cứu Thế là việc đã có lời sấm tiên tri rồi mà các con không chịu quan tâm đến.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

SÂN

SÂN

1. **SÂN:** 嗔 Giận.
Td: Sân hòa.
2. **SÂN:** (Nôm) Cái sân, khoảng đất rộng.
Td: Sân họn, Sân ngô.

Sân hỏa

嗔火

A: The fire of anger.

P: Le feu de colère.

Sân: Giận. **Hỏa:** lửa.

Sân hỏa là lửa giận.

Sự giận dữ phát ra mạnh mẽ như ngọn lửa, đốt cháy hết sự khôn ngoan sáng suốt, nên nó cũng đốt tiêu luôn công đức đã khó nhọc tạo ra trước đó.

Sân là một trong Tam độc: Tham, Sân, Si.

Sân họn

A: The mandarinat.

P: Le mandarinat.

Sân: Cái sân, khoảng đất rộng. **Họn:** quan lại, làm quan.

Sân họn là trường quan lại, đồng nghĩa: Quan trường, chỉ chung về giới quan lại, nơi đua chen danh vọng.

TNHT: Sân họn cùng đường gương ngọc rạng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sân ngô

A: The yard of sterculias.

P: La cour de sterculiers.

Sân: Cái sân, khoảng đất rộng. **Ngô:** cây ngô đồng.

Sân ngô là cái sân có trồng cây ngô đồng.

Có hai trường hợp:

1. Cây ngô đồng ở bên Tàu có đặc tính là khi mùa thu đến, lá ngô đồng biến thành màu vàng rơi xuống.

Thơ cổ: *Ngô đồng nhất điệp lạc, thiên hạ cộng tri thu.*

(Cây ngô đồng một chiếc lá rơi, thiên hạ đều biết mùa thu tới).

TNHT: *Sân ngô* rặng về cảnh thu đưa.

2. Cây ngô đồng tượng trưng người khoa bảng hiển đạt.

Họ Hàn có 8 anh em đều học giỏi và thi đậu làm quan về vang, được người đời truyền tụng là: *Hàn thị bát đồng*: Tám cây ngô đồng nhà họ Hàn.

Do đó, nơi sân trường thời xưa, thường có trồng cây ngô đồng, ngụ ý trường này sẽ sản xuất nhiều người tài giỏi.

Sân ngô là chỉ trường học.

NTTP: Thăm chàng đang học nơi trường *sân ngô*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

NTTP: Nữ Trung Tung Phận.

Sân Trình

A: Ancient school.

P: École ancienne.

Sân: Cái sân, khoảng đất rộng. **Trình:** Trình Di tức là Trình Y Xuyên (1033-1107), một danh nho đời Tống bên Tàu. Ông chú thích nhiều kinh sách của Nho giáo và cùng với anh là Trình Hạo (Trình Minh Đạo) phát huy cái học về Tâm và Tính của Nho giáo.

Sân Trình là chỉ trường đào tạo nho sĩ thời xưa.

Thường nói: cửa Khổng sân Trình, cùng ý nghĩa trên.

SẤP

Sấp mình

A: To prostrate oneself.

P: Se prosterner.

Sấp: nằm úp xuống. **Minh:** thân mình.

Sấp mình là cúi mình lạy xuống.

KKĐN: *Sấp mình* cúi lạy Từ Bi.

KKĐN: Kinh khi đi ngủ.

SẦU

Sầu bi

愁悲

A: Sad.

P: Tristesse.

Sầu: buồn rầu. **Bi:** đau xót.

Sầu bi là buồn rầu đau xót.

TNHT: Bá tước công khanh ý vị gì?
Mà đời đem đổi kiếp *sầu bi*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

SE

Se sua

A: To make a parade.

P: Faire ostentation.

Se sua là mặc quần áo lòe loẹt và đeo đồ trang sức đắt tiền để khoe mình giàu sang.

TNHT: Như sự lãng phí se sua ở đời này, Thầy cũng cho là một việc tổn đức vậy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

SEN

Sen tàn cúc nở

Hoa sen nở trong mùa Hạ, nên hoa sen tượng trưng mùa Hạ. Hoa cúc nở vào mùa Thu, nên tượng trưng mùa Thu.

Sen tàn là mùa Hạ đã qua. Cúc nở là đang lúc mùa Thu.

Sen tàn cúc nở là mùa Hạ đã qua và đang lúc mùa Thu.

TNHT: *Sen tàn cúc nở* qua ngày tháng.

Sen tàn cúc rủ: Hoa sen đã tàn, hoa cúc đã héo rủ, ý nói mùa Hạ đã qua, mùa Thu cũng hết.

TNHT: Thấm thoát ngày tháng trôi đưa, bóng thiều quang nhật thúc, *sen tàn cúc rủ*, Đông mãn Xuân về....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

SỈ

Sỉ nhục

恥辱

A: To dishonour.

P: Déshonorer.

Sỉ: xấu hổ. **Nhục:** nhơ nhuốc.

Sỉ nhục là xấu hổ vì nhơ nhuốc.

Sĩ

Sĩ

1. **Sĩ:** 士 Học trò, người học thức, trí thức.
Td: Sĩ diện, Sĩ khí, Sĩ Tài.
2. **Sĩ:** 仕 Ra làm quan.
Td: Sĩ phi vi bần.

Sĩ diện

士面

A: The dignity of a lettered man. P: La dignité d' un lettré.

Sĩ: Học trò, người học thức, trí thức. **Diện:** cái mặt.

Sĩ diện, nghĩa đen là cái mặt của người trí thức, nghĩa bóng là chỉ cái giá trị bề ngoài của mỗi người trong giao thiệp.

Sĩ khả lục bất khả nhục

士可戮不可辱

Sĩ: Học trò, người học thức, trí thức. **Khả:** có thể. **Lục:** giết chết. **Nhục:** nhờ nhục.

Sĩ khả lục bất khả nhục: Kẻ sĩ, có thể giết chết họ được chứ không thể làm nhục họ được.

Đó là cái khí tiết bất khuất của người quân tử thấm nhuần đạo lý của Nho giáo.

Sĩ khí

士氣

A: Scholar's virtue. P: La vertu du lettré.

Sĩ: Học trò, người học thức, trí thức. **Khí:** khí tiết, đức hạnh, tinh thần.

Sĩ khí là khí tiết của nhà nho thời xưa.

Sĩ phi vị bản

仕非為貧

Sĩ: Ra làm quan. **Phi:** chẳng phải. **Vị:** vì. **Bản:** nghèo.

Sĩ phi vị bản là ra làm quan không phải vì nghèo.

Ra làm quan là để thi hành cái đạo Thánh hiền chớ không phải vì nhà nghèo để hưởng bổng lộc.

Sĩ quân tử

士君子

Sĩ: Học trò, người học thức, trí thức. **Quân tử:** người có tài đức hơn người.

Sĩ quân tử là chỉ những người trí thức khôn ngoan thuộc giới thượng lưu.

Sĩ tải

士載

A: Archivist.

P: Archiviste.

Sĩ: Học trò, người học thức, trí thức. **Tải:** ghi chép các việc.

Sĩ tải là người giữ công văn giấy tờ nơi văn phòng.

Trong Đạo Cao Đài, *Sĩ Tải* là một phẩm Chức sắc HTĐ dưới Thập nhị Thời Quân, đứng trên phẩm Luật Sự, dưới phẩm Truyền Trạng.

Sĩ Tải đối phẩm với Lễ Sanh của CTĐ.

Nhiệm vụ, quyền hành, thăng thưởng và Đạo phục của Sĩ Tải được qui định trong Hiến Pháp Chức sắc Hiệp Thiên Đài. (Xem chữ: Hiệp Thiên Đài, phần Hiến Pháp).

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

SIỀM

Siềm nịnh

諂佞

A: To flatter.

P: Flatter.

Siềm: nịnh hót. **Nịnh:** khen ngợi người trên một cách quá đáng để cầu lợi.

Siềm nịnh là nịnh hót, bợ đỡ để cầu lợi.

Siềm nịnh đồng nghĩa Siềm mị.

SIÊU

SIÊU

SIÊU: 超 Vượt lên trên, vượt qua.

Td: Siêu đọa, Siêu độ, Siêu sanh.

Siêu đọa

超墮

A: The ascension and the fall.

P: Ascension et la chute.

Siêu: Vượt lên trên, vượt qua. **Đọa:** đầy xuống cõi thấp kém khổ sở.

Có hai trường hợp sau đây:

1. *Siêu đọa là siêu và đọa, tức là siêu thăng và đầy đọa.*

Một linh hồn khi thoát xác trở về cõi thiên liêng, Tòa Tam Giáo nơi Ngọc Hư Cung sẽ định phạt: siêu hay đọa.

Nếu công đức nhiều mà tội ít thì được siêu thăng.

Nếu công đức ít mà tội nhiều thì phải bị đọa luân hồi, trở lại cõi trần để trả cho xong nghiệp quả.

KSH: Quá, công xem xét đền bồi,
Lành siêu, dữ đọa, thêm nhồi tội căn.

2. Siêu đọa là đọa đầy quá mức qui định.

Siêu là vượt khỏi mức qui định hay mức bình thường.

Vô siêu đọa là không đọa đầy quá mức.

PMCK: Vô *siêu đọa* quả căn hữu pháp.

Không bị đọa đầy quá mức, căn quả của mỗi người đều có luật pháp qui định rõ ràng.

KSH: Kinh Sám Hối.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Siêu độ

超度

A: The salvation of the soul.

P: La salvation de l' âme.

Siêu: Vượt lên trên, vượt qua. **Độ:** cứu giúp.

Siêu độ là cứu giúp cho được siêu thăng về cõi TLHS.

TĐ ĐPHP: Người trọn lòng thương yêu chơn thật thì Đức Phật Mẫu *siêu độ*, cầu rỗi Chí Tôn đem vào cảnh TLHS.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Siêu hình

超形

A: Metaphysical.

P: Métaphysique.

Siêu: Vượt lên trên, vượt qua. **Hình:** hình tượng bày ra trước mắt.

Siêu hình là vượt lên trên hình tượng, tức là không còn hình tượng nữa, thường gọi là vô hình.

Đồng nghĩa với Siêu hình là: Vô hình, vô vi.

Siêu hình học là môn học nghiên cứu về những hiện tượng vô hình.

Siêu phàm nhập thánh

超凡入聖

Siêu: Vượt lên trên, vượt qua. **Phàm:** cõi trần. **Nhập:** vào. **Thánh:** cõi Thánh.

Siêu phàm nhập Thánh là vượt lên khỏi cõi phàm để đi vào cõi Thánh, tức là đắc đạo, thành bực Thánh.

TNHT: Tinh Khí Thần hiệp nhứt thì mới *siêu phàm nhập Thánh*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Siêu quần chơn chi thượng

超群真之上

A: To surpass all the Saints.

P: Dépasser tous les Saints.

Siêu: Vượt lên trên, vượt qua. **Quần:** nhiều người tụ họp đông đảo. **Chơn:** bực Thánh và bực Tiên được gọi là Chơn hơn. **Thượng:** trên. **Chi:** hư tự.

Siêu quần chơn chi thượng: Vượt lên trên các bực Thánh, Tiên.

TG: Hữu thi *siêu quần chơn chi thượng*.

TG: Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.

Siêu rỗi

A: To save the soul.

P: Sauver l' âme.

Siêu: Vượt lên trên, vượt qua. **Rỗi:** cứu vớt bằng cách binh vực cho khỏi bị đọa đày.

Siêu rỗi là cứu vớt các linh hồn cho được siêu thăng.

TNHT: Gặp TKPD này mà không tu thì không còn trông mong *siêu rồi*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TKPD: Tam Kỳ Phổ Độ.

Siêu sanh

超生

A: To ascend to Heaven.

P: Monter au Ciel.

Siêu: Vượt lên trên, vượt qua. **Sanh:** sống.

Siêu sanh là vượt lên sống trên cõi Trời, tức là được siêu thăng lên cõi TLHS.

KCBCTBCHĐQL: May duyên nay đã gặp ngày *siêu sanh*.

KCBCTBCHĐQL: Kinh cầu bà con thân bằng cố hữu đã qui liễu.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Siêu thăng tịnh độ

超升淨土

Siêu: Vượt lên trên, vượt qua. **Thăng:** bay lên. **Tịnh:** trong sạch. **Độ:** còn đọc là Thổ: đất, cõi. **Tịnh độ:** cõi trong sạch, Phật giáo gọi Tịnh độ là cõi CLTG, hay nói chung, Tịnh độ là cõi TLHS.

Siêu thăng là bay vượt lên Trời.

Siêu thăng tịnh độ là bay vượt lên Trời, đến cõi TLHS.

KTL: Lánh nơi trược khí hưởng mùi *siêu thăng*.

KTL: Kinh Tẩn Liệm.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Siêu thoát

超脫

A: The deliverance.

P: La délivrance.

Siêu: Vượt lên trên, vượt qua. **Thoát:** đi ra khỏi vòng ràng buộc.

Siêu thoát là bay lên thoát khỏi cõi trần, tức là thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử.

TĐ ĐPHP: Nhà Phật tìm phương chước đặng diệt quả kiếp của mình, đặng đạt cơ *siêu thoát*.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

SINH

SINH

(Xem: Sanh)

SÍNH

Sính lễ

聘禮

A: Wedding presents.

P: *Présents de mariage.*

Sính: đem lễ vật đi cưới vợ. **Lễ:** cách bày tỏ kính ý.

Sính lễ là những phẩm vật mà nhà trai đem đến nạp cho nhà gái để xin làm lễ cưới vợ.

SÓC

Sóc nhật - Sóc vọng

朔日 - 朔望

A: The first day and the fifteenth day of lunar month.

P: *Le premier jour et le quinzième jour du mois lunaire.*

Sóc: khởi đầu, ngày đầu tháng. **Nhựt:** ngày. **Vọng:** ngày rằm âm lịch có trăng tròn.

Sóc nhựt là ngày mùng 1, đầu tháng âm lịch.

Vọng nhựt là ngày rằm âm lịch.

Sóc vọng là ngày mùng 1 và ngày 15 âm lịch.

TL: Điều 19: Mỗi tháng, hai ngày sóc vọng, bổn đạo phải tựu lại Thánh Thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy.

TL: Tân Luật.

Sóc phương

朔方

A: The north.

P: Le nord.

Sóc: hướng Bắc. **Phương:** hướng.

Sóc phương là hướng Bắc.

Sóc phong là gió bắc, tức là gió hướng Bắc thổi về.

SONG

SONG

1. **SONG:** 雙 Hai cái, một đôi.

Td: Song bằng, Song hỷ.

2. **SONG:** 窗 Cái cửa sổ.

Td: Song thu.

Song bằng

雙平

A: Horizontal and equal.

P: Horizontal et égal.

Song: Hai cái, một đôi. **Bằng: Bình:** bằng nhau, không chênh lệch.

Song bằng là hai bên ngang bằng nhau.

TNHT: Thầy đã thường nói: Hai đầu cân không song bằng thì tiếng cân chưa đúng lý.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Song hỷ

雙喜

A: Double joy.

P: Joie double.

Song: Hai cái, một đôi. **Hỷ:** mừng.

Song hỷ là hai điều vui mừng đến một lượt.

Song hỷ còn có nghĩa là hai việc vui mừng song song với nhau: nhà trai cưới được vợ cho con trai, nhà gái gả được chồng cho con gái.

Diễn tích: Vương An Thạch đời nhà Tống bên Tàu, năm 20 tuổi đi lên kinh đô để thi Trạng nguyên, dọc đường dừng chân nghỉ tại một thị trấn có trang viện của Mã Viên ngoại. Vương An Thạch thấy trước nhà có treo một cái đèn kéo quân, trên đó có dán một vé câu đối:

Tẩu mã đặng, đặng tẩu mã, đặng tức mã đình bộ.

Nghĩa là: Đèn kéo quân, quân kéo đèn, đèn tắt quân ngừng đi.

Vé đối còn chờ người. Vương An Thạch xem xong nói:

- Câu này dễ đối thôi.

Nói rồi liền bỏ đi. Người nhà của Mã Viên ngoại nghe được, chưa kịp vào trình với Viên ngoại thì cậu thiếu niên Vương An Thạch đã lên đường lên kinh đô.

Nơi trường thi, Vương An Thạch làm bài thi xong, đem nộp quyển trước tiên. Quan Chủ khảo lật ra xem, tấm tắc khen tài, rồi bảo Vương qua thi vấn đáp.

Quan Chủ khảo thấy lá cờ vẽ hình con cọp đang bay phát phơ trước gió, liền nghĩ ra vé đối:

飛虎旗, 旗飛虎, 旗卷虎藏身

Phi hổ kỳ, kỳ phi hổ, kỳ quyển hổ tàng thân.

Nghĩa là: Cờ bay hổ, hổ bay cờ, cờ cuộn hổ ẩn mình.

Vương An Thạch chợt nhớ về đối trên đèn kéo quân trước nhà Mã Viên ngoại, nếu đem đối vào đây thì rất hay và rất chỉnh, liền ứng khẩu đọc về đối cho quan giám khảo nghe:

走馬燈, 燈走馬, 燈熄馬停步

Tẩu mã đặng, đặng tẩu mã, đặng tức mã đình bộ.

Quan Chủ khảo không ngờ Vương An Thạch có tài ứng đối mau lẹ như vậy, câu đối rất chỉnh, nghĩa lý xuất sắc.

Thế là Vương An Thạch coi như đã thi đậu đầu trong kỳ thi ấy, chỉ chờ chánh thức đăng tên lên bảng vàng và giấy báo mà thôi.

Vương An Thạch trở về quê nhà, đi ngang qua nhà Mã Viên ngoại, người nhà của Mã Viên ngoại nhận biết Vương là người mà trước đây đã nói rằng về đối dán trên đèn kéo quân để đối thôi, nên mời Vương vào nhà trình với Mã Viên ngoại.

Mã Viên ngoại yêu cầu Vương đọc về đối. Vương liền lấy về đối của quan Chủ khảo đọc lên:

Phi hổ kỳ, kỳ phi hổ, kỳ quyển hổ tàng thân.

Mã Viên ngoại vô cùng mừng rỡ, thấy về đối rất chỉnh rất khéo, nên nói với Vương An Thạch rằng:

- Về đối dán trên đèn kéo quân là của con gái lão, nó kén chồng nên thách đối như thế, nếu ai đối được nó mới chịu ưng làm chồng. Để lão gọi con gái lão ra cho hai đàng giáp mặt.

Thế là đám cưới được tổ chức linh đình tại Mã gia trang.

Vương An Thạch cưới được vợ tài giỏi và giàu có, và ở luôn tại nhà Mã Viên ngoại.

Cũng ngay trong ngày đám cưới đó, triều đình đăng bảng, Vương An Thạch được chấm đậu Trạng nguyên, được triều đình đổi lên kinh đô lãnh chức.

Thế là chàng họ Vương nhờ may mắn mà đạt được một lượt hai điều vui mừng: một là cưới được vợ tài giỏi giàu có, hai là được chấm đậu Trạng nguyên.

Vương An Thách rất hứng chí, lấy giấy viết lớn hai chữ SONG HỠ dán trước nhà và ngâm:

*Vận may đôi đáp thành song hỷ,
Cờ hổ, đèn quân kết vợ chồng.*

Vậy, gốc tích của chữ SONG HỠ là do điển tích này, tức là vừa cưới được vợ, vừa thi đậu Trạng nguyên.

*Khéo đối thành ra khúc hỷ ca,
Ngựa phi hùm chạy thực giao hòa.
Động phòng hoa chúc, tên đề bảng,
Tiểu đẳng khoa lại Đại đẳng khoa.*

Nhưng về sau, chữ SONG HỠ được dùng với ý nghĩa khác hơn một chút: là hai việc vui mừng song song nhau: nhà trai vui mừng có dâu mới, nhà gái vui mừng có rể mới.

Song thân - Song đường

雙親 - 雙堂

A: The parents.

P: Les parents.

Song: Hai cái, một đôi. **Thân:** gần gũi thương yêu, chỉ cha mẹ. **Đường:** chỉ thung đường và huyền đường, tức cha mẹ.

Song thân, đồng nghĩa Song đường, chỉ cha và mẹ.

Song thu

窗秋

Song: Cái cửa sổ. **Thu:** mùa thu, từ gợi lên sự buồn bã biệt ly, có mưa buồn, có lá vàng lìa cành rơi xuống.

Song thu là chỉ người chồng góa vợ, có vợ mới chết.

Cũng như từ ngữ: **Phòng thu**, để chỉ người đàn bà góa chồng, hay người phụ nữ đã luống tuổi.

KTKVQL: Chịu góa thân tuyệt đống song thu.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

Song thủ

雙手

A: Two hands.

P: Deux mains.

Song: Hai cái, một đôi. **Thủ:** bàn tay.

Song thủ là hai bàn tay.

Hai bàn tay tượng trưng Âm Dương: tay trái Dương, tay mặt Âm (nên cũng nói: Nam tả nữ hữu).

PG: Ốc trần hườn ư *song thủ* chi nội.

PG: Phật Giáo (Kinh Phật Giáo).

SÓNG

SÓNG

SÓNG: Làn sóng dợn trên mặt nước.

Td: Sóng sắc, Sóng trần.

Sóng sắc

A: The waves of beauty.

P: Les vagues de beauté.

Sóng: Làn sóng dợn trên mặt nước. **Sắc:** sắc đẹp của phụ nữ.

Sóng sắc là sắc đẹp của phụ nữ như những làn sóng có thể nhận chìm các hạng đàn ông háo sắc.

Sắc bất ba đào dị nịch nhân: cái sắc đẹp của phụ nữ không phải là làn sóng nhưng dễ nhận chìm nhiều người.

TNHT: Vui còn sóng sắc hại mình thôi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sóng trần

A: The miseries of world.

P: Les misères du monde.

Sóng: Làn sóng dợn trên mặt nước. **Trần:** cõi trần.

Cõi trần được ví như biển khổ. Biển trần khổ vui vui trời nước. Sóng trần là làn sóng trên biển khổ, nó vùi dập biết bao nhiêu người đang ngập lặn trong biển khổ ấy.

Sóng trần là chỉ những nỗi đau khổ phiền não nơi cõi trần.

TTCĐDTKM: Trầm luân khổ hải chơi vui sóng trần.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

SỐ

SỐ

SỐ: 數 Vận mạng, số kiếp.

Td: Số căn, Số mạng.

Số căn

數根

A: The destiny.

P: La destinée.

Số: Vận mạng, số kiếp. **Căn:** gốc rễ, chỉ các việc làm trong kiếp trước.

Số căn là vận mạng của một người được định bởi những việc làm thiện hay ác trong kiếp sống trước.

KCHKHH: Dầu nghiệt chướng số căn quả báo.

KCHKHH: Kinh cầu hồn khi hấp hối.

Số mạng

數命

A: The destiny.

P: La destinée.

Số: Vận mạng, số kiếp. **Mạng: Mệnh:** cái mạng sống.

Số mạng là cái vận mạng của mỗi người được định sẵn.

TNHT: Tôn chỉ để vớt những kẻ hữu phần vào nơi địa vị cao thượng, để tránh khỏi số mạng luân hồi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

SỔ

Sổ bộ

A: The registers.

P: Les registres.

Sổ: tập giấy để biên chép những thứ cùng một loại. **Bộ:** cuốn sổ lớn và dày để ghi được nhiều và đầy đủ.

Sổ bộ là tất cả những tập giấy lớn nhỏ dùng để ghi chép những thứ cùng loại để thống kê và lưu trữ.

Sổ bộ của Đạo gồm các thứ sau đây:

1. **SỔ NHẬP MÔN:** ghi chép tên tuổi và sơ yếu lý lịch những người mới làm lễ Minh Thệ nhập môn vào đạo. Sau đó mới biên chánh thức vào Bộ Đạo.
2. **BỘ ĐẠO:** cuốn sổ lớn ghi tên tuổi và sơ yếu lý lịch những người chánh thức là tín đồ của Đạo. Bộ Đạo lập ra theo từng Hương Đạo.
3. **BỘ SANH TỬ:** gồm Bộ Sanh và Bộ Tử để ghi chép những trẻ con nhà Đạo mới sanh ra có chịu phép Tắm Thánh, và những tín đồ đã chết.
4. **BỘ HÔN PHỐI:** ghi chép tên tuổi, ngày tháng những cặp vợ chồng làm Lễ Hôn Phối tại Tòa Thánh hay Thánh Thất.

5. **BỘ CHỨC SẮC:** ghi chép tên tuổi và sơ yếu lý lịch của các Chức sắc. Có bộ Chức sắc namphái CTĐ, Bộ Chức sắc nữ phái CTĐ, bên CQPT và HTĐ cũng lập tương tự như vậy.
6. **SỔ TRỤC XUẤT:** ghi tên tuổi những vị phạm luật đạo bị Tòa Tam giáo định án trục xuất ra khỏi đạo.
7. **BỘ TỪ KHÍ:** cuốn sổ lớn ghi chép tất cả vật dụng của mỗi Thánh Thất, hay Điện Thờ.

PCT: Chúng nó (các Giáo Sư) cầm sổ *bộ* của cả tín đồ.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

SÔNG

Sông hương

A: The perfumed river.

P: Le fleuve parfumé.

Hương là thơm. *Sông hương* là dòng sông thơm.

Mùi thơm dùng để khử các mùi ô trọc hôi hám.

Do đó, sông hương được ví với con đường đạo, dùng đạo đức để khử trừ quỷ mị.

Cũng giống như chữ: *Nhà lan*, tức *Lan thất*, là nhà có mùi thơm của hoa lan, để chỉ nhà có đạo đức.

TNHT: Mạch sầu nay rửa bên sông hương.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sông lệ

A: The river of tears.

P: Le fleuve de larmes.

Lệ là nước mắt.

Sông lệ là sông nước mắt, chỉ những nỗi sầu khổ của con người nơi cõi trần nhiều đến nỗi nước mắt chảy thành sông.

Sông lệ đồng nghĩa: Biển khổ, khổ hải, sông Ngân.

TNHT: Buồm trương lái vững chờ *sông lệ*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sông mê

A: The river of passions.

P: Le fleuve des passions.

Mê: tối tăm lảm lạc. Sự mê muội lảm lạc của con người nơi cõi trần nhiều như nước sông, nên gọi là Sông mê.

Do đó, sông mê là chỉ cõi trần.

TNHT: Tách bến *sông mê* sóng tạt thuyền.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sông Ngân

A: The milky way: the river of pains.

P: La voie lactée: le fleuve de douleurs.

Sông Ngân, dịch chữ Ngân hà, là một con sông nơi cõi thiêng liêng có màu sáng bạc, nối liền với biển khổ.

Do đó, sông Ngân được xem là biển khổ. (Xem chi tiết nơi chữ: Ngân hà, văn Ng)

TNHT: Cõi thọ *sông Ngân* tiếp đảnh Tàn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sông Vị

A: Place of the recluse.

P: Place de la retraite.

Sông Vị, chữ Hán là Vị thủy, là con sông mà Khương Thượng Tử Nha ngồi câu trên bàn thạch cạnh bờ sông.

Đó là nơi ẩn dật của người quân tử chờ thời.

Tương truyền, nước sông Vị rất trong, chảy đến huyện Cao Lăng thì gặp sông Kinh có nước đục ngầu, nhưng nước sông Vị vẫn giữ màu trong xanh, không hòa lẫn vào nước đục.

Sông Vị là chỉ nơi ẩn dật của bậc cao nhân, lòng trong sạch thanh cao, không chịu hòa chung với thói đời đen bạc.

TNHT: Tranh khoe nguyệt rọi lầu sông Vị.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

SƠ

SƠ

1. **SƠ:** 初 Bắt đầu, đầu tiên, mới, ngày mừng.
Td: Sơ giao, Sơ khai, Sơ nhứt nhựt.
2. **SƠ:** 疏 Thừa, ít, không thân, sơ sót.
Td: Sơ lược, Sơ thất.

Sơ giao

初交

A: The new acquaintances.

P: Premières relations.

Sơ: Bắt đầu, đầu tiên, mới, ngày mừng. **Giao:** kết giao, làm bạn với nhau.

Sơ giao là mới quen biết nhau, mới làm bạn với nhau.

KTKCQV: Nghĩa sơ giao khắc cốt ghi xương.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

Sơ hiến lễ

初獻禮

A: To offer at first time.

P: Offrir pour la première fois.

Sơ: Bắt đầu, đầu tiên, mới, ngày mừng. **Hiến:** dâng. **Lễ:** làm lễ, nghi thức cúng tế.

Sơ hiến lễ là lễ dâng phẩm vật lần đầu (lần thứ nhứt).

Trong Tang lễ, phần nghi tiết cúng tế hàng vong thường, không có dâng bông, mà chỉ dâng 3 tuần rượu và dâng trà.

- Dâng rượu lần đầu gọi là: Sơ hiến lễ.
- Dâng rượu lần kế thì gọi là: Á hiến lễ.
- Dâng rượu lần chót gọi là: Chung hiến lễ.

Sơ khai

初開

A: The beginning. P: Le commencement.

Sơ: Bắt đầu, đầu tiên, mới, ngày mừng. **Khai:** mở ra.

Sơ khai là mới mở ra, lúc ban đầu.

TNHT: Vì mỗi việc khó khăn trắc trở là lúc *sơ khai*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sơ lược

疏略

A: Summary. P: Sommaire.

Sơ: Thừa, ít, không thân, sơ sót. **Lược:** lọc ra những nét chánh.

Sơ lược là chỉ đưa ra những nét chánh, bỏ những chi tiết không quan trọng.

TNHT: Con nên đọc *sơ lược* Thánh ngôn mấy lần chót cho chúng sanh và phải biểu ăn năn hỏi mình trước khi cầu Thầy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sơ nhứt nhựt

初一日

Sơ: Bắt đầu, đầu tiên, mới, ngày mừng. Mười ngày đầu của tháng từ 1 đến 10 gọi là *Sơ*; dịch là mừng. **Sơ nhứt:** mừng 1. **Sơ thập:** mừng 10. **Nhựt:** ngày

Sơ nhứt nhựt là ngày mừng 1.

Sơ thẩm

初審

A: First instance.

P: Première instance.

Sơ: Bắt đầu, đầu tiên, mới, ngày mùng. **Thẩm:** xử đoán việc thưa kiện.

Sơ thẩm là xử đoán lần thứ nhất.

Tòa sơ thẩm là tòa án để xử lần thứ nhất.

Sơ thất

疏失

A: To neglect.

P: Négliger.

Sơ: Thưa, ít, không thân, sơ sót. **Thất:** mất.

Sơ thất là không cẩn thận để mất mát, thất bại.

TNHT: Mỗi mỗi đều ghé mắt đến mà cải sửa cho kịp giờ mới khỏi *sơ thất* lớn lao.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

SỚ

Sớ cầu đạo

疏求道

A: Certificate of admission to Caodaism.

P: Certificat d' admission au Caodaïsme.

Sớ: tờ giấy. **Cầu:** xin. **Đạo:** chỉ Đạo Cao Đài.

Sớ Cầu Đạo là tờ giấy mà Hội Thánh cấp cho người đã nhập môn vào Đạo Cao Đài, nhìn nhận vị này là tín đồ của Đạo.

Người mới nhập môn vào Đạo Cao Đài được cấp cho một Sớ Cầu Đạo Tạm, hạn lệ sáu tháng (Certificat provisoire de conversion au Caodaïsme, valable pour six mois).

Sau thời gian 6 tháng, vị tín đồ đó phải học thuộc kinh kệ và Tân luật, học tập lễ nghi cúng kiếng và bắt đầu ăn chay mỗi tháng 6 ngày, rồi lên 10 ngày, thì được đổi giấy Sớ Cầu Đạo Tạm bằng Sớ Cầu Đạo Thiết Thọ (Certificat définitif de conversion au Caodaïsme), chứng nhận đây là tín đồ thiết thọ của Đạo Cao Đài. (Conversion là cải tôn, tức là bỏ tôn giáo cũ để theo tôn giáo mới)

Người tín đồ Cao Đài phải giữ Sớ Cầu Đạo thiết thọ này suốt đời, khi chết phải đốt để đem theo cho linh hồn.

Sớ Cầu Đạo phải được vị Chánh Trị Sự Đầu Hương Đạo chứng thật, ký tên đóng dấu, Đầu Tộc Đạo chứng kiến và Khâm Châu Đạo vi chứng.

Sớ văn thượng tấu

疏文上奏

A: The petition to the throne.

P: Le placet au trône.

Sớ: tờ giấy viết lời điều trần dâng lên vua. **Văn:** bài văn. **Thượng:** lên trên. **Tấu:** trình bày với vua.

Sớ văn thượng tấu là bài văn viết lên giấy để tấu trình các việc hay để cầu nguyện, dâng lên Đức Chí Tôn, hay Đức Phật Mẫu và các Đấng thiêng liêng.

Trong các lễ cúng Đại đàn hay Tiểu đàn tại Thánh Thất hay tại Điện Thờ Phật Mẫu, sau khi dâng Tam bửu (Bông, Rượu, Trà) thì tới phần dâng sớ.

Lễ sĩ xướng: "Sớ văn thượng tấu", vị Chức sắc chứng đàn cầm bao sớ (trong có tờ sớ) đưa lên trán cầu nguyện, xong rồi lấy tờ sớ ra, trao cho vị đọc sớ.

Lễ sĩ xướng: "Thành đọc sớ văn", vị có phận sự đọc sớ cất cao giọng đọc sớ, vị Chức sắc chứng đàn hai tay cầm bao sớ

đặt lên trán, mặt bao sớ hướng lên Thiên bàn, đặt hết tinh thần vào lời văn trong sớ. Trên bao sớ có đề hàng chữ nhỏ:

南無玉皇上帝玉虛宮靈霄殿。

"*Nam mô Ngọc Hoàng Thượng Đế Ngọc Hư Cung Linh Tiêu Điện*".

Khi đọc đến danh hiệu của các Đấng thì hầu chuông điểm một tiếng để mọi người cúi đầu tôn kính.

Khi đọc xong sớ, Lễ sĩ xướng: "*Cung phần sớ văn*", vị chúng đàn lấy tờ sớ đặt trở lại vào bao sớ, rồi đưa lên hai ngọn đèn chụm lại của hai Lễ sĩ quì hai bên, đốt cả sớ và bao sớ.

Có nhiều loại Sớ văn: Sớ văn dâng Đức Chí Tôn, Sớ văn dâng Đức Phật Mẫu, Sớ văn cúng Thượng ngươn, Trung ngươn, Hạ ngươn, cúng sóc vọng thường lệ, đưa chư Thánh, rước chư Thánh, Sớ Tân Cổ, Sớ Cầu siêu, Sớ Tuần cửu, v.v....

Các Sớ văn đều giống nhau ở phần đầu, chỉ khác ở phần lòng sớ, vì tùy trường hợp mà lòng sớ có nội dung thích ứng.

Sớ văn được viết bằng Hán Việt.

Sau đây xin chép hai bài Sớ văn: một dâng lên Đức Chí Tôn tại Thánh Thất, và một dâng lên Đức Phật Mẫu tại Điện Thờ Phật Mẫu, vào các ngày Sóc Vọng thường lệ.

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(*Tứ thập cửu niên*)

Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt.

Thời duy,

Thiên vận Giáp Dần niên, cửu nguyệt, sơ nhứt nhứt, ngo thời, hiện tại Việt Nam quốc, Long Hồ trấn, Vĩnh Long châu, Châu Thành tộc, Long Châu hương, cư trụ Thánh Thất chi trung.

Kim hữu đệ tử thọ Thiên ân Lễ Sanh Ngọc X Thanh, Đầu Tộc Đạo Châu Thành, công đồng chư Chức sắc, hiệp dữ Chức việc, Đạo hữu nam nữ đẳng, qui tại điện tiền, thành tâm trình tấu:

HUYỀN KIM KHUYẾT nội:

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn,
 Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

TAM TÔNG CHƠN GIÁO:

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn,
 Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.
 Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.

TAM KỶ PHỔ ĐỘ TAM TRẦN OAI NGHIÊM:

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai,
 Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông ĐĐTKPĐ,
 Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.
 Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn,
 Thái Công Tướng Phụ Quảng Pháp Thiên Tôn,
 Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn,
 Thập phương chư Phật, vạn chưông chư Tiên, liên đài chi hạ.

Kim vì sóc nhật lương thần, chư Thiên phong hiệp dữ
 thiện nam tín nữ đấng, nghiêm thiết đàn tràng, hương hoa trà
 quả, thanh chước chi nghi, thành tâm hiến lễ.

Ngưỡng nguyện Đức Từ Bi quảng bố hồng ân, xá tội
 chúng sanh thoát ly nghiệp chướng, qui hiệp đại đồng, hòa
 bình thế giới, Đại Đạo hoàng khai, phổ hóa quần linh, hồi đầu
 hướng thiện, nhập vi môn đệ, vĩnh sùng chánh giáo, tòng thị
 Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, lập công bồi đức, giải quả tiền
 khiên, hậu hưởng thái bình, Nghiêu thiên Thuần nhật, phong
 điều vũ thuận, quốc thới dân khương, an cư lạc nghiệp.

Phục vọng VÔ TRUNG TỪ PHỤ, phát hạ Thiên ân, chuyển
 họa vi phước, tập kiết nghinh tường, độ tận các đấng chơn
 hồn đồng đấng bĩ nạn.

Chư đệ tử đồng thành tâm khẩn đảo, cúc cung bá bái, cẩn
 sớ thượng tấu. Dĩ văn.

Đệ tử: Lễ Sanh Ngọc X Thanh
 Đầu Tộc Đạo Châu Thành
 (ấn ký)

Ghi chú: Các chữ gạch dưới có thể thay đổi cho thích hợp
 với ngày tháng năm, tên địa phương và chức phận của vị
 Chức sắc chứng đàn.

Diễn nôm bài Sớ Văn ở trên:

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(Năm Đạo thứ 49)

Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt.

Nay thời chỉ vì,

Vận Trời năm Giáp Dần, tháng 9, ngày mùng 1, giờ Ngọ, hiện tại nước VN, Trấn đạo Long Hồ, Châu đạo Vĩnh Long, Tộc đạo Châu Thành, Hương đạo Long Châu, đang ở trong Thánh Thất.

Nay có đệ tử thọ Thiên ân Lễ Sanh Ngọc X Thanh, Đầu Tộc Đạo Châu Thành, cùng chung các Chức sắc, hiệp với Chức việc, Đạo hữu nam nữ các cấp, qui tại trước điện, thành tâm tâu trình:

Trong HUỖNH KIM KHUYẾT:

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên tôn,
Đieu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

Ba Đấng GIÁO CHỦ TAM GIÁO:

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn,
Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.
Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.

Ba TRẦN OAI NGHIÊM của ĐĐTKPĐ:

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai,
Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông ĐĐTKPĐ,
Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.
Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn,
Thái Công Tướng Phụ Quảng Pháp Thiên Tôn,
Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn,
Mười phương chư Phật, muôn hạng chư Tiên,
chư Thánh chư Thần.

Nay vì ngày mùng 1, giờ tốt, chư Chức sắc Thiên phong hiệp với các tín đồ nam nữ, nghiêm trang thiết lễ nơi đàn cúng tế, nhang, bông, trà, trái cây, rượu tinh khiết, lập thành nghi thức, thành tâm làm lễ dâng lên.

Ngưỡng mong Đức Chí Tôn ban bố rộng rãi ơn huệ lớn lao, tha tội cho nhơn sanh, thoát khỏi nghiệp chướng, trở về hiệp lại trong cảnh đại đồng, thế giới hòa bình, hoàng khai nền

Đại Đạo, bày ra khắp nơi để dạy dỗ chúng sanh, quay đầu hướng thiện, nhập vào làm môn đệ của Đức Chí Tôn, vĩnh viễn sùng bái nền chánh giáo, tùng theo và tin tưởng là đúng pháp luật của ĐĐTKPĐ, lập công bồi đức, giải quả tiền khiên, sau hưởng được thái bình Trời Nghiêu ngày Thuần, gió hòa mưa thuận, nước thanh dân yên, an cư lạc nghiệp.

Vâng chịu nghe theo và mong mỗi Đức Chí Tôn trong cõi Hư Vô, ban xuống ơn Trời, chuyển họa thành phước, góp tốt đón lành, độ tận các đảng chơn hồn cùng qua đến bờ giác ngộ.

Các đệ tử cùng thành tâm cầu khẩn cúng tế, cúi mình trăm lạy, kính cẩn dâng sớ tâu lên. Kính trình.

Đệ tử:.... ..

Sớ văn dâng Đức Phật Mẫu vào ngày sóc vọng thường lệ tại Điện Thờ Phật Mẫu:

Phần trên giống như Sớ dâng Đức Chí Tôn, phần kế là lòng sớ có khác, xin chép ra sau đây:

"Kim vì sóc nhứt lương thần, chư thiện nam tín nữ đẳng nghiêm thiết đàn tràng, hương đăng hoa trà quả, thanh chước chi nghi, thành tâm hiến lễ.

Ngưỡng vọng Kim Bàn Phật Mẫu, phát hạ hồng ân, hoàng khai Đại Đạo, độ tận chúng sanh, hiệp trí hòa tâm, tinh thần qui nhứt, vĩnh sùng chánh giáo, giải thoát tiền khiên, triêm ngưỡng Mẫu ân tứ phước.

Ngưỡng vọng Kim Bàn Phật Mẫu cứu độ các đảng chơn linh quá vãng, tảo đắc siêu thăng, an nhàn Cực Lạc.

Chư đệ tử đồng thành tâm khẩn nguyện, cúc cung khấu bái thượng tấu. Dĩ văn.

Đệ tử:

Diễn nôm:

Nay vì ngày mừng 1, giờ tốt, các tín đồ nam nữ nghiêm trang thiết lễ nơi đàn cúng tế, nhang đèn bông trà, trái cây, rượu tinh khiết, lập nên nghi thức, thành tâm làm lễ dâng lên.

Ngưỡng mong Đức Phật Mẫu ban xuống hồng ân, hoàng khai Đại Đạo, độ tận nhơn sanh, chung hiệp tâm trí, qui nhứt tinh thần, vĩnh viễn sùng bái nền chánh giáo, giải thoát khỏi các tội lỗi trong kiếp trước, chiêm ngưỡng ơn phước của Đức Mẹ ban cho.

Ngưỡng mong Đức Phật Mẫu cứu độ các cấp chơn linh quá vãng, sớm được siêu thăng, an nhàn nơi cõi Cực Lạc.

Các đệ tử đồng thành tâm cầu khẩn, cúi mình lạy xuống, dâng sớ tâu lên. Kính trình.

Đệ tử:

Ghi chú: Trong Sớ văn dâng lên Đức Phật Mẫu, vị Chức sắc chứng đàn không được xưng phẩm tước và Thánh danh, chỉ xưng thể danh của mình mà thôi.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

SỞ

SỞ

SỞ: 所 - Nơi, chỗ, xứ sở, - Tiếng dùng chỉ vật gì của mình hay của người.

Td: Sở cầu, Sở cậy, Sở đắc, Sở trường.

Sở bức

所逼

A: That which one oppress.

P: Ce que l'on opprime.

SỞ: Tiếng dùng chỉ vật gì của mình hay của người. **BỨC:** áp bức, ép buộc.

Sở bức là điều mà một người nào đó bị bức hiếp.

TNHT: Máy Thiên cơ buổi nọ, nếu phải chiều chuộng một ít vị công thần bị khệp vào vòng những kẻ đã chịu *sở bức* thì phải thay đổi, bôi xóa sự nghiệp non sông của những...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sở cầu - Sở nguyện - Sở vọng

所求 - 所願 - 所望

A: That which one wishes.

P: Ce que l'on désire.

Sở: Tiếng dùng chỉ vật gì của mình hay của người. **Cầu:** xin. **Nguyện:** mong. **Vọng:** ước muốn.

Sở cầu là cái mà mình đang tìm kiếm, cầu xin.

Như ý sở cầu: tìm cái gì thì được như ý muốn.

Sở nguyện là điều mà mình hằng mong mỏi.

Sở vọng là điều mà mình thường ước muốn.

KTKTQV: Dầu hoạn lộ chưa vừa sở nguyện.

NH: Lòng sở vọng gắng ghi đảo cáo.

KTKTQV: Kinh Tụng Khi Thầy Qui Vị.

NH: Niệm Hương.

Sở cậy

A: That which one relies on.

P: Ce qu'on se confie.

Sở: Tiếng dùng chỉ vật gì của mình hay của người. **Cậy:** nhờ vả.

Sở cậy là điều mà cần phải nhờ cậy người khác.

TNHT: Thầy là Đấng Chí Tôn cầm quyền thưởng phạt, há lại không quyền hành mà làm mọi việc một mình Thầy đặng sao, lại phải sở cậy tay phàm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sở dĩ

所以

A: That 's why, therefore. P: Ce pourquoi.

Sở: Tiếng dùng chỉ vật gì của mình hay của người. **Dĩ:** nhân vì.

Sở dĩ là nhân vì chỗ ấy, vì thế, có như thế là vì.

Sở dụng

所用

A: What one uses.

P: Ce qu'on use.

Sở: Tiếng dùng chỉ vật gì của mình hay của người. **Dụng:** dùng, công dụng.

Sở dụng là cái công dụng quan trọng của nó.

PCT: Thầy đã nói cái sở dụng thiêng liêng. Thầy cũng nên nói cái sở dụng phàm trần của nó nữa.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Sở đắc - Sở kiến

所得 - 所見

A: What one knows. P: Ce qu'on sait.

Sở: Tiếng dùng chỉ vật gì của mình hay của người. **Đắc:** được. **Kiến:** thấy biết.

Sở đắc là điều mà mình đạt được, điều quan trọng mà mình biết được.

Cái sở đắc của mỗi người thường là cái sở trường của người ấy.

Sở kiến là cái mà mình thấy và biết được.

Sở định

所定

A: What one determines.

P: Ce qu'on détermine.

Sở: Tiếng dùng chỉ vật gì của mình hay của người. **Định:** sắp đặt, quyết định.

Sở định là điều quan trọng mà mình định ra.

CG PCT: Ấy vậy, lẽ cúng tế chẳng phải trọn quyền của người mà là của Hội Thánh sở định.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Sở Hạng

楚項

Sở: nước Sở. **Hạng:** họ Hạng, chỉ Hạng Vũ (Hạng Vũ).

Sở Hạng là Hạng Vũ nước Sở, làm Sở Bá Vương, tranh hùng với Hán Lưu Bang, bị Hán Lưu Bang diệt.

TNHT: Tùy Dương Đế lỗi đạo muôn phần, khi *Sở Hạng* bạo ngược vô biên, Tần Thủy Hoàng hôn quân cực điểm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sở hữu

所有

A: That which one possesses.

P: Ce qu'on possède.

Sở: Tiếng dùng chỉ vật gì của mình hay của người. **Hữu:** có.

Sở hữu là cái mà mình đang có được.

Sở tại

所在

A: Local.

P: Local.

Sở: Tiếng dùng chỉ vật gì của mình hay của người. **Tại:** nơi đây.

Sở tại là ở ngay chỗ mình đang đứng hay ở ngay chỗ mình đang cư ngụ.

Thánh Thất sở tại là Thánh Thất ở trong địa phương của mình đang cư ngụ.

CG PCT: Trước khi lãnh trách nhiệm, buộc Chánh Trị Sự phải đến *Thánh Thất sở tại* mà lập minh thệ.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Sở trường - Sở đoản

所長 - 所短

A: The someone 's strong side - The someone 's weak side.

P: Le fort de qqn - Le faible de qqn.

Sở: Tiếng dùng chỉ vật gì của mình hay của người.
Trường: dài. **Đoản:** ngắn.

Sở trường là cái mà mình chuyên giỏi. Đó là thế mạnh của mình. Trái với Sở trường là Sở đoản.

Sở đoản là cái mà mình yếu kém. Đó là thế yếu của mình, cái mặt kém cỏi của mình.

SƠN**SƠN**

SƠN: 山 Núi, còn đọc là SAN.

Td: Sơn chúng, Sơn hà, Sơn minh.

Sơn chúng - Sơn môn

山眾 - 山門

A: The bonzes - Pagoda.

P: Les bonzes - La pagode.

Sơn: Núi, còn đọc là SAN. **Chúng:** nhiều người. **Môn:** cửa.

Phật giáo thường cất chùa ở trên núi để được thanh tịnh làm nơi tu hành.

Do đó, người ta gọi:

Sơn môn là ngôi chùa cất trên núi.

Sơn chúng hay chư Sơn là các tu sĩ Phật giáo.

Sơn hà

山河

A: The country.

P: La patrie.

Sơn: Núi, còn đọc là SAN. **Hà:** sông.

Sơn hà là núi sông, non sông, chỉ quê hương đất nước.

Thường nói: Sơn hà Xã tắc, đồng nghĩa: Giang sơn.

TNHT: Đạo thành vạn đại chiếu *sơn hà*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sơn minh hải thệ

山盟海誓

A: To swear by the mountain and the sea: Solemn oath of loyalty.

P: Jurer sur le mont et la mer: Prêter serment de fidélité.

Sơn: Núi, còn đọc là SAN. **Minh:** thề. **Hải:** biển. **Thệ:** thề nguyện.

Sơn minh hải thệ là chỉ núi mà thề, chỉ biển mà nguyện.

Ý nói: Đôi trai gái yêu nhau, thề thốt không bao giờ phụ bạc nhau, có núi có biển làm chứng lời thề.

Sơn trân hải vị

山珍海味

A: Delicacies from the hills and seas.

P: Mets exquis tirés des montagnes et mers.

Sơn: Núi, còn đọc là SAN. **Trân:** quý báu. **Hải:** biển. **Vị:** Mùi, thức ăn.

Sơn trân hải vị là những thức ăn ngon và quý tìm được nơi núi và ngoài biển.

Đồng nghĩa: Sơn hào hải vị. (Hào là thức ăn bằng thịt cá).

SỞ'N

Sởn sơ

A: Fresh.

P: Frais.

Sởn sơ, hay Sởn mớn, là tươi tắn, nở nang xinh tốt.

TNHT: Đấng Chí Tôn đã gieo giống quý hóa rồi, thì cần phải vun trồng cho cội *sởn sơ*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

SUNG

Sung túc

充足

A: Abundant.

P: Abondant.

Sung: đầy đủ. **Túc:** đủ.

Sung túc là đầy đủ, dồi dào, đồng nghĩa: Sung mãn.

TNHT: Các con dòm nền đạo, bề ngoài coi diềm dà *sung túc*, mà chẳng thấy cái mạch bịnh trong tâm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

SÙNG

SÙNG

SÙNG: 崇 Kính trọng, chuộng, ngưỡng mộ.

Td: Sùng bái, Sùng đạo, Sùng tín.

Sùng bái

崇拜

A: To worship.

P: Adorer.

Sùng: Kính trọng, chuộng, ngưỡng mộ. **Bái:** lạy.

Sùng bái là tôn sùng kính lạy.

TNHT: Nếu chẳng nhờ lấy công ấy thì ngày nay đâu có tên tuổi của nhiều tôn giáo mà cả nhơn sanh chia ra *sùng bái*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sùng đạo - Sùng nho

崇道 - 崇儒

Sùng: Kính trọng, chuộng, ngưỡng mộ. **Đạo:** tôn giáo.

Nho: Nho giáo, đạo Nho.

Sùng đạo là tôn trọng và tín ngưỡng tôn giáo.

Sùng nho là tôn sùng đạo Nho.

Sùng đức báo công

崇德報功

Sùng: Kính trọng, chuộng, ngưỡng mộ. **Đức:** đạo đức.

Báo: đáp lại. **Công:** công lao.

Sùng đức là quý trọng người có đạo đức.

Báo công là báo đáp người có nhiều công lao.

Sùng đức báo công là hai điều quan trọng cần thiết của một vị minh quân, hay của nhà lãnh đạo minh chánh.

Sùng thượng

崇尚

A: To esteem.

P: Estimer.

Sùng: Kính trọng, chuộng, ngưỡng mộ. **Thượng:** ưa chuộng.

Sùng thượng là tôn trọng và ưa chuộng.

Sùng thượng đạo đức: tôn sùng và mến chuộng đạo đức.

TĐ ĐPHP: Sự *sùng thượng* ấy còn tồn tại trong tâm hồn mãi mãi.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Sùng tín

崇信

A: To believe in.

P: Croire en.

Sùng: Kính trọng, chuộng, ngưỡng mộ. **Tín:** tín ngưỡng, tin tưởng.

Sùng tín là tôn sùng và tín ngưỡng.

Sùng tu

崇修

A: To repair respectfully.

P: Réparer respectueusement.

Sùng: Kính trọng, chuộng, ngưỡng mộ. **Tu:** sửa chữa.

Sùng tu là sửa chữa Thánh Thất hay chùa miếu, tượng Phật với lòng tôn kính.

TNHT: Chẳng cần chi con lo lập Thánh Thất của Thầy và *sùng tu* Phật tượng chi hết.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

SUY

SUY

1. **SUY:** 推 Suy nghĩ, suy xét, tìm ra mối.
Td: Suy đoán, Suy nghiệm.
2. **SUY:** 衰 Sút kém, không thịnh.
Td: Suy tồi.

Suy diễn - Suy đoán

推演 - 推斷

A: To deduce - To guess.

P: Déduire - Déviner.

Suy: Suy nghĩ, suy xét, tìm ra mối. **Diễn:** dùng ý tứ suy rộng ra. **Đoán:** phán đoán.

Suy diễn là suy rộng mà diễn giải ra.

Suy đoán là suy nghĩ mà phán đoán về một việc chưa xảy ra..

Suy đồi - Suy đốn

衰頹 - 衰頓

A: To decline.

P: Tomber en décadence.

Suy: Sút kém, không thịnh. **Đồi:** hư hỏng, đổ xuống. **Đốn:** khốn khó.

Suy đồi là sút kém hư hỏng.

Suy đốn là sút kém khốn đốn.

Suy kỹ cập nhân

推己及人

Suy: Suy nghĩ, suy xét, tìm ra mối. **Kỹ:** mình, ta. **Cập:** kịp, cùng. **Nhân:** người.

Suy kỹ cập nhân là suy bụng ta ra bụng người.

Suy lý - Suy luận

推理 - 推論

A: To reason, to deduce.

P: Raisonner, déduire.

Suy: Suy nghĩ, suy xét, tìm ra mối. **Lý:** lẽ phải, lẽ thật. **Luận:** bàn luận.

Suy lý là từ một lẽ thật mà suy ra những điều chưa biết.

Suy luận là từ một vấn đề mà bàn rộng ra.

Suy nghiệm

推驗

A: To experiment.

P: Expérimenter.

Suy: Suy nghĩ, suy xét, tìm ra mối. **Nghiệm:** xem xét.

Suy nghiệm là suy nghĩ tìm xét lại coi đúng hay sai.

Suy cổ nghiệm kim: Suy nghĩ việc đời xưa để xem xét việc đời nay.

Suy thịnh tồn vong

衰盛存亡

Suy: Sút kém, không thịnh. **Thịnh:** thịnh vượng. **Tồn:** còn. **Vong:** mất.

Suy thịnh tồn vong là lúc suy kém, lúc hưng thịnh, lúc còn, lúc mất. Đó là những trạng thái thường thấy trong cuộc sống, luôn luôn biến đổi, hết suy tới thịnh, hết còn tới mất.

Suy tiểu tri đại

推小知大

Suy: Suy nghĩ, suy xét, tìm ra mối. **Tiểu:** nhỏ. **Tri:** biết.
Đại: lớn.

Suy tiểu tri đại là suy nghĩ việc nhỏ thì biết việc lớn.

Suy tồi

衰摧

A: To degenerate. P: Dégénérer.

Suy: Sút kém, không thịnh. **Tồi:** hư tệ.

Suy tồi là sút kém hư hỏng.

TNHT: Phong hóa khiến suy tồi, luân thường càng....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Suy vi

衰微

A: To decline.

P: Tomber en décadence.

Suy: Sút kém, không thịnh. **Vi:** hèn.

Suy vi là sút kém thấp hèn.

KSH: Khi vận thối lung lẳng chẳng kể,
Lúc suy vi bầy lễ khẩn cầu.

KSH: Kinh Sám Hối.

Suy vong

衰亡

A: Lost. P: Perdu.

Suy: Sút kém, không thịnh. **Vong:** mất.

Suy vong là sút kém dần rồi mất hẳn.

SƯ

SƯ

SƯ: 師 Thầy dạy học.

Td: Sư đệ, Sư phó.

Sư đệ - Sư đồ

師弟 - 師徒

A: The master and pupil.

P: Maître et élève.

SƯ: Thầy dạy học. **ĐỆ:** học trò. **ĐỒ:** học trò.

Sư đệ, đồng nghĩa Sư đồ, là thầy trò, tình nghĩa giữa thầy và trò.

Thời xưa, với quan niệm: Quân, Sư, Phụ, thì tình nghĩa giữa thầy và trò rất nặng, cái công giáo hóa của thầy cũng bằng cái công sinh dưỡng của cha mẹ.

Sư hư vô

師虛無

A: Master in the nothingness.

P: Maître dans le néant.

SƯ: Thầy dạy học. **HƯ VÔ:** cõi mà mắt phàm thấy trống không nhưng rất huyền diệu, vì cõi ấy sanh ra tất cả các pháp.

Sư hư vô là vị Thầy ở cõi hư vô, đó là Đức Chí Tôn.

Trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cơ xưng mình là Thầy và gọi các tín đồ mà môn đệ.

KXH: Đạo hư vô, *Sư hư vô.*

KXH: Kinh Xuất Hội.

Sư phó

師傅

A: The master of king or of crown-prince.

P: Le maître du roi ou du prince héritier.

Sư: Thầy dạy học. **Phó:** phụ, giúp.

Sư Phó là thầy dạy vua khi vua còn nhỏ tuổi, hay là thầy dạy thái tử. Thái tử là người sẽ nối ngôi vua.

(Chữ Phó 傅 ở đây không có nghĩa là chức Phó 副 phụ tá cho chức Chánh như Chánh Trị Sự và Phó Trị Sự).

Nơi cõi thiêng liêng, Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ (Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm) là Sư Phó của Bạch Vân Động. Đó là vị thầy của tất cả các vị Thánh trong Bạch Vân Động, đứng đầu và cầm quyền điều khiển Bạch Vân Động.

Sư phụ - Sư mẫu

師父 - 師母

A: Master - Master 's wife.

P: Maître - Femme du maître.

Sư: Thầy dạy học. **Phụ:** Cha. **Mẫu:** mẹ.

Sư phụ là tiếng gọi tôn xưng thầy học của mình, xem thầy như cha của mình.

KTKTQV: Vái cùng *sư phụ* linh thiêng.

Quý vị tu sĩ trong Phạm Môn đều gọi Đức Phạm Hộ Pháp là Sư phụ, nên gọi chư vị Thời Quân là Sư thúc.

- Học trò gọi vợ của sư phụ mình là *Sư mẫu*.
- Học trò gọi anh của Sư phụ là *Sư bá*.
- Học trò gọi em của Sư phụ là *Sư thúc*.
- *Sư huynh, Sư tỷ* là anh hay chị cùng học một thầy.
- *Sư đệ, Sư muội* là em trai hay em gái cùng học một thầy.

KTKTQV: Kinh Tụng Khi Thầy Qui Vị.

SỬ

SỬ

1. **SỬ:** 史 Lịch sử.
Td: Sử cương, Sử quán.
2. **SỬ:** 使 Sai khiến, làm cho.
Td: Sử nhơn.

Sử cương

史綱

A: The general history.

P: Histoire générale.

Sử: Lịch sử. **Cương:** những nét chính, đại cương.

Sử cương là đại cương về lịch sử, tức là chỉ trình bày những nét chánh của lịch sử.

Sử dụng

使用

A: To employ.

P: Employer.

Sử: Sai khiến, làm cho. **Dụng:** dùng.

Sử dụng là dùng trong một công việc.

Sử liệu

史料

A: Historical documents.

P: Documents historiques.

Sử: Lịch sử. **Liệu:** tài liệu.

Sử liệu là những tài liệu để nghiên cứu lịch sử.

Sử nơn

使人

Sử: Sai khiến, làm cho. **Nơn:** người.

Sử nơn là làm cho người, khiến cho người...

KCK: *Sử nơn vô ác tâm.* (Làm cho người không còn ác tâm)

KCK: Kinh Cứu Khổ.

Sử quán

史館

A: The historical archives, Service of historians.

P: Archives historiques, Service des historiens.

Sử: Lịch sử. **Quán:** nhà, sở để làm việc công.

Sử quán là nhà tàng trữ tài liệu lịch sử, là cơ quan làm việc của những người viết sử.

Sử thi

史詩

A: Epic poem.

P: Poème épique.

Sử: Lịch sử. **Thi:** thơ ca.

Sử thi là thơ ca về lịch sử, tức là những bản anh hùng ca nói về lịch sử của một dân tộc.

Sử xanh

A: History book.

P: Livre d'histoire.

Sử: Lịch sử. **Xanh:** màu xanh.

Sử xanh là dịch chữ Thanh sử. Thời xưa, người ta dùng những miếng tre xanh để khắc chữ trên đó mà chép sử. Cho nên sách sử thời xưa gọi là Thanh sử.

Sử xanh là sách lịch sử.

SỰ

SỰ

SỰ: 事 - Việc. - Tai biến. - Thờ phụng.

Td: Sự cố, Sự lý, Sự thân.

Sự cố

事故

A: Incident.

P: Incident.

SỰ: Tai biến. **CỐ:** việc, cái cố.

Sự cố là việc bất ngờ xảy đến có tầm quan trọng.

Sự lý

事理

A: The things and the reason of things.

P: Les choses et la raison des choses.

SỰ: Việc. **LÝ:** cái lẽ, cái lý do.

Sự lý là sự việc và cái lý lẽ của nó.

Sự lý là cái lý do phát sanh ra việc đó.

Sự nghiệp

事業

A: The work.

P: L'oeuvre.

SỰ: Việc. **Nghiệp:** việc lớn.

Sự nghiệp là toàn thể việc làm của một cá nhân hay của một đoàn thể, có ích lợi lớn và lâu dài cho đời.

Sự thân

事親

A: To serve one's parents.

P: Servir ses parents.

Sự: Thờ phụng. **Thân:** gần gũi thương yêu, chỉ cha mẹ.
Sự thân là phụng dưỡng cha mẹ, thờ phụng cha mẹ.

Sự thế

事世

A: The affairs of life.

P: Les affaires de la vie.

Sự: Việc. **Thế:** đời.

Sự thế là việc đời.

KKCĐTTT: Dứt tan sự thế nợ trần từ đây.

KKCĐTTT: Kinh Khai Cứu, Đại Tường, Tiểu Tường.

Sự tử như sự sanh

事死如事生

Sự: Thờ phụng. **Tử:** chết. **Sanh:** sống. **Sự tử:** thờ phụng người chết. **Sự sanh:** thờ phụng người sống.

Sự tử như sự sanh là thờ phụng người chết tưởng như thờ phụng người sống, việc kính trọng phải như nhau.

Đức Khổng Tử có nói: "Sự tử như sự sanh, sự vong như sự tồn, hiếu chí chí dã." Nghĩa là: Thờ người chết tưởng như thờ người sống, thờ người mất tưởng như thờ người còn, ấy mới là chí hiếu vậy.

SỬA

Sửa áo nâng khăn

A: The obligations of wife.

P: Les obligations de femme.

Do thành ngữ Hán văn: *Thị phụng cân trát*: dịch ra là: Sửa áo nâng khăn, hay Nâng khăn sửa túi, là để chỉ công việc của người vợ săn sóc chồng.

KTKVQL: Theo từng phu *sửa áo nâng khăn*.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

Sửa cải

A: To modify.

P: Modifier.

Cải: sửa đổi. *Sửa cải là sửa đổi thêm bớt cho vừa ý.*

CG PCT: Giáo Hữu đặng phép hành lễ y như thức lệ Giáo Sư sở định, không đặng phép *sửa cải*, nhứt nhứt phải đợi lệnh Giáo Sư.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Sửa dải

Dải: cái dải áo hay cái dải mũ bằng vải hay lụa, cột cho thòng xuống, trong bộ y phục của các quan đi châu vua.

Sửa dải là người vợ sửa lại cái dải áo hay dải mũ cho chồng, khi chồng mặc triều phục vào châu vua, ý nói: vợ chăm sóc chồng.

Diễn tích: Vợ Châu Công sửa dải.

Châu Công Đán, thường gọi là Châu Công, là con thứ tư của Châu Văn Vương, phò anh là Võ Vương. Khi Châu Công vào triều châu vua thì vợ Châu Công thường cột dải áo và dải mũ cho chồng, sửa cho ngay ngắn tươm tất. Khi chồng trở về,

Bà tháo dải áo và dải mũ ra, xếp cất cẩn thận. Bà còn tề gia nội trợ, lo việc canh củi, làm gương cần kiệm cho dân, chớ không ý mình là một mệnh phụ của triều đình mà xa hoa kiêu hãnh.

- NTP:** Vợ Châu Công đình thần mệnh phụ,
 Ở thôn quê lam lũ làm ăn.
 Chồng thì triều nội cao sang,
 Vợ lo canh củi cơ hàn khổ thân.
 Giúp chồng đặng ân cần nhiếp chánh,
 Cho nên trang chúa thánh tôi hiền.
 Vợ không tham những bạc tiền,
 Chồng lo trọn đạo nắm quyền chấn dân.
- KHP:** Tua đút cơm, *sửa dải* làm duyên.

NTP: Nữ Trung Tòng Phận.

KHP: Kinh Hôn Phối.

Sửa dép vườn dưa - Sửa mũ dưới đào

Do câu hán văn: *Qua điền bát nạp lý, lý hạ bát chỉnh quan*, nghĩa là: Đi qua ruộng dưa không cúi sửa dép, đi dưới cây lý (đào, mận) không sửa mũ (nón).

(Xem ý nghĩa nơi chữ: *Qua điền lý hạ, vắn Q*)

Sửa đương

A: To correct.

P: Corriger.

Sửa đương là ra sức sửa chữa.

CG PCT: Đặng phép *sửa đương*, giúp đỡ, dìu dắt, dạy dỗ chư tín đồ trong địa phận trấn nhậm.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Sửa lòng

A: To correct oneself.

P: Se corriger.

Sửa lòng, chữ hán là Tu tâm, tức là sửa đổi cái tâm của mình cho được trong sạch, ngay chánh.

KK: Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh kinh.

KK: Khai Kinh.

Sửa trị

A: To administer.

P: Administrer.

Sửa trị là sửa lại cho đúng và trừng trị kẻ phạm tội.

TNHT: Chư Đạo hữu mưa chớ luận bàn, để phải quấy Lão cũng ra tay *sửa trị* được vậy. (**Lão:** Đức Lý Giáo Tông)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

SỪNG

Sùng đội lông mang

Sùng đội: đầu đội sùng. **Lông mang:** mình có lông.

Sùng đội lông mang là nói loài thú như: trâu, bò, dê,....

Sùng đội lông mang là chỉ kiếp sống của loài thú vật.

Theo Thuyết luân hồi nhân quả, một người làm nhiều điều ác độc, khi chết linh hồn bị trừng phạt nặng nơi Địa ngục, rồi bị đầu thai làm thú vật mang lông đội sùng mà đền tội lỗi.

KSH: Lương tâm biết hổ người chừa lỗi,
Mới biệt phân sùng đội lông mang.

KSH: Kinh Sám Hối.

Sùng sượng (Sùng sửng)

A: To be standing motionless.

P: Se tenir debout et immobile.

Sùng sượng hay Sùng sửng là chỉ một vật to lớn đứng trơ ra không nhúc nhích, vững chắc như chôn chặt một chỗ.

TNHT: Tọa Thánh là cội nguồn, ngày nào được *sùng sượng* đứng vững, nêu trên miền Tây vức này, ấy là ngày họ cầu thỉnh các Đạo hữu đó.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sùng thờ lông rùa

Do thành ngữ hán văn: *Thổ giác qui mao*: Sùng con thỏ, lông con rùa, chỉ những việc không thể xảy ra, không có thật, vì thỏ không thể có sùng, rùa không thể có lông.

SƯU

Sưu khảo

搜考

A: To search and to study.

P: Rechercher et étudier.

Sưu: sưu tầm, tìm kiếm. **Khảo:** khảo cứu, tìm tòi nghiên cứu.

Sưu khảo là sưu tầm và khảo cứu.

TNHT: Chỉ sau nhiều cuộc *khảo cứu và sưu tầm* về Thần Linh Học,....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sưu tập

蒐集

A: To assemble.

P: Rassembler.

Sưu: gom góp lại. **Tập:** họp lại.

Sưu tập là gom góp tất cả lại, sắp xếp cho có hệ thống, làm thành một tập sách để lưu lại và truyền bá.

Thánh Ngôn Sưu Tập là tìm kiếm và gom góp lại tất cả các bài Thánh Ngôn (ngoài Thánh Ngôn Hiệp Tuyển), sắp xếp lại theo thứ tự ngày giáng cơ, làm thành sách để lưu truyền.

Thánh Ngôn Sưu Tập sẽ là phần nối tiếp và bổ sung cho hai quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển mà Hội Thánh đã xuất bản.

Sưu thuế

搜稅

A: Taxes, Contributions.

P: Impôts, Contributions.

Sưu: công việc mà người dân phải làm cho nhà nước, theo từng đầu người. **Thuế:** tiền mà người dân phải nộp cho nhà nước khi có lợi tức.

CG PCT: Đòi có *sưu thuế* mà đặng tha đi là có tặc nguyên, không phương nào bảo thân cho vẹn.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

